Table of Contents

tamhoc.org 12

Một cuộc đời Một vầng Nhật Nguyệt 1 13

Lời giới thiệu 15

Vƣơng Quốc Cổ Xƣa 17

Tại Cung Trời Tusita 30

Đại Bồ-Tát Đản Sanh 34

Lời Tiên Tri Của Đạo Sĩ Asita 40

Lễ Quán Đính 49

Lễ Hạ Điền(1) 54

Con Đƣờng Học Vấn 60

Tuổi ThơVà Tình Thƣơng Của Thái Tử 73

Ngục Vàng 85

Thi Tài Võ Nghệ 95

Trong Cung Vui Và Những Dự Thảo Phát Triển Đất Nƣớc 111

Đêm Khuya Nghe Gió Thở Dài 129

Tấm Lòng Với Cuộc Đời 140

Ba Giấc Mộng Của Nàng Yasodharā 148

Ý Nghĩa Và Giá TrịCuộc Sống 158

Bốn Vị Sứ Giả 166

Giấc Mộng Của Đức Vua Suddhodāna 196

Ra Đi Lúc Hoàng Thành Say Ngủ 208

Gót Khất Sĩ Lang Thang 229

Vị Đạo Sƣ Đầu Tiên 242

Gặp Gỡ Đức Vua Seniya Bimbisāra 255

Vị Đạo Sƣ Thứ Hai 271

Rừng Khổ Hạnh 280

Tấm Nệm Cỏ Kusa 297

Một Vầng Nhật Nguyệt 313

Bốn Mƣơi Chín Ngày Sau Khi Thành Đạo 323

Gióng Trống Pháp Bất Tử 341

Giáo HoáNăm Ngƣời Bạn Đồng Tu 345

Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkappa-Vattana Sutta) 349

Kinh Vô Ngã Tƣớng (Anattalakkhana Sutta) 376
MÙA AN CƢ ĐẦU TIÊN(Năm 587 trƣớc TL) 385
Hoá Độ Công TửYasa Cùng Với Bạn Hữu 386
Những Bài Pháp Quan Trọng Tại Lộc Uyển Dành Cho Thành Phần Ƣu Tú 403
Hãy Ra Đi Nhƣ Những Cánh Chim Trời Tự Do 410
Hóa ĐộNhóm Vƣơng Tử Ham Chơ 415
Về Thăm Lại Cội Cây Giác NgộVà Dòng Sông Linh Thiêng 423
Nhiếp Hóa Anh Em Đạo Sĩ Kassapa 427
Tập II 467
Lời giới thiệu 469
Về Thăm Lại Đức Vua Seniya Bimbisāra 471
Veḷuvana (Trúc Lâm Tịnh Xá) 491
Hai Vị Đại Đệ Tử 500
Thâu Nhiếp Mahā Kassapa 531
MÙA AN CƢ THỨ HAI(Năm 586 trƣớc TL) 539
Bài Đồng Dao Biếm Nhẽ 540
Về Thăm Quê Hƣơng 551
Hóa Độ Quyến Thuộc 567
Các Ông Hoàng Quý Tộc Ra Đi 587
MÙA AN CƢ THỨ BA(Năm 585 trƣớc TL) 595
Ôi! Hạnh Phúc Quá! 596
Thần YJīvaka Komārabhacca 600
Đức Tin Phát Sáng 626
Lấy Vàng Đổi Đất 638
Ngũ Minh(1)Cũng Chƣa Đủ 646
Viếng Thăm Kỳ Viên Đại Tịnh Xá 652
Tại Rừng Mahāvana 662
Dạy Dỗ Bậc Đại Trí Thức 666
MÙA AN CƢ THỨ TƢ(Năm 584 trƣớc TL) 692
Tứ Đại Thiên Vƣơng 693
Chuyện Tình Của Chàng Nhạc Sĩ Càn-Thát-Bà 702
Vesāli Thiên Tai, Dịch Hoạ 712
Chậu Nƣớc Bẩn,Thau Nƣớc Sạch Và Cái Vòi Voi 725

Máu Quý Hơn Nƣớc 733
Thăm Phụ Vƣơng Lần Cuối 737
Câu Chuyện Về Bộ Tam Y Quý GiáVà Đức Phật Metteyya (Di Lặc) Vị Lai 740
Lúc Nào Thì Đức Phật Metteyya Xuất Hiện 747
Những Bàn Tay Kỳ Diệu Và Lời Cuối Bên Những Ngƣời Thân 750
Lễ Hỏa Táng Đức Vua 755
Thành Lập Giáo Hội Bhikkhunī 760
MÙA AN CƢ THỨ NĂM(Năm 583 trƣớc TL) 772
Ổn Định Ni Chúng 773
Hóa Độ Kỹ NữAmbapālī 778
Cảm Hóa Thủ Lãnh Tƣớng Quân Sīha 792
MÙA AN CƢ THỨ SÁU(Năm 582 trƣớc TL) 805
Bát Gỗ Đàn Hƣơng 806
Tiếp Chuyện Đức Vua Seniya Bimbisāra 818
Bà Quý Phi Xinh Đẹp 823
Duyên Xƣa, Lối Cũ 830
Thần Thông Cảm Hóa Ngoại Đạo 837
MÙA AN CƢ THỨ BẢY(Năm 581 trƣớc TL) 846
Đền Ơn Huyết Sữa 847
Với Đức Vua Pāsenadi 856
Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh 868
Với Chàng Thanh Niên Nô Lệ 894
Thêm Một Vị Đại Đệ Tử 901
Về Sợi Dây Luyến Ái 908
Tập III 925
Lời giới thiệu 927
Con Chó Khôn Ngoan 929
MÙA AN CƢ THỨ TÁM(Năm 580 trƣớc TL) 941
Chánh Hậu Của Đức Vua Udena 942
Một Số Giới Điều Cần Thiết 952
Hiện Tại Pháp Lạc 960
Về Hơi Thở 976
Chỉ Việc Thở Thôi 984

Hóa Độ Du SĩMagandiya	987
Ôi! Chàng Gọi Chúng Em Là Những Bà Chị!	996
Cô Bé Visākhā	1003
Thế Nào Là Một Bà-La-Môn Chân Chính?	1008
Bà Phu Nhân Xinh Đẹp	1024
Bài Học Về Vƣờn	1035
Bậc Chƣ Thiên Ái Kính	1040
Bài Học Về Rừng	1051
Đại Thần Chú	1061
Thêm Một Gia Chủ Hữu Danh	1066
Khúc Thán Ca Vô Thƣờng Bất Hủ	1086
Chiếc Lá Đắng	1097
Hạt Giống Hy Hữu	1103
Tu Hạnh Chó Và Hạnh Bò	1109
Vị Thánh Bảy Năm Trong Bình Máu	1115
Những Ngƣời Bạn Cũ	1125
Chiếc Phao Phƣớc Báu	1132
Sa-Môn Đầu Trọc	1138
Hoá Độ Bà-La-Môn	1147
Lại Nhiếp Hóa Bà-La-Môn Nữa	1164
Chuyện Tỳ-Khƣu Nanda	1175
Sắc Đẹp Hoa Sen	1181
Cảm Hóa Cô Dâu Hƣ!	1195
Bậc Chiến Thắng Bất Diệt,Bạn Của Ta Giờ Ở Đâu?	1201
Đặc Tính Của Biển Lớn	1212
Ngƣời Đàn Tín Hộ Trì Tối Thƣợng	1221
Một Doanh Gia Thành Đạt	1229
Đức Hạnh Nhẫn Nhục Của Tỳ-Khƣu Puṇṇa (Phú-Lâu-Na)	1234
Một Nghệ Sĩ Kỳ Lạ	1237
Vị Thánh Trong Bụng Cá	1243
Những Câu Hỏi Vớ Vẩn!	1249
Rāhula Ngủ Trong Nhà Xí	1256
Voi, Lừa Và Đa Đa	1261

Tấm Gương Học Tập Của Rāhula 1266
Bài Học Của Nai Tơ 1273
Cô Thị Nữ Lạng Gù 1278
MÙA AN CƯ THỨ CHÍN(Năm 579 trước TL) 1285
Cúng Dường Bằng Tâm Ý 1286
Nhạ Thớt Voi Giữa Trận Tiền 1290
Gà Sống, Gà Chết 1295
Mũi Tên “Phản Nghịch” 1300
Giẻ Rách Cũng Hữu Dụng 1307
Ngọn Lửa Hận Thù 1313
Báo Ứng 1317
Nghiệp Nhân Từ Quá Khứ 1325
Giọt Nước Cặn Trong Gáo Vệ Sinh 1332
Chuyện Đàn Chim Cun Cút 1337
Không Hận Thù(1)Mới Dập Tắt Được Hận Thù 1343
An Lạc Của Hạnh Độc Cư 1361
Nhạ Nước Với Sữa 1364
Tập IV 1375
Lời giới thiệu 1377
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI(Năm 578 trước TL) 1379
Sáu Nguyên Tắc Sống Hoà Hợp 1380
Hiền Giả Voi Và Khỉ (1) 1387
Tình Trạng Tại Ghositārāma 1393
Đi Tìm Đức Phật 1397
Voi Chúa Sanh Thiên 1401
Thế Nào Là Pháp,Thế Nào Là Phi Pháp 1409
Xét Xử Chạ Tỳ-Khạu Ghositārāma 1415
Bảy Phương Pháp Dập Tắt Các Cuộc Tranh Chấp (Satta-adhikaraṇa-samatha)(1) 1422
Những Ông Tỳ-Khạu Hạ Hỏng 1428
Thêm Một Vị Đại A-La-Hán 1433
Bánh Mè! Bánh Mè! 1442
Kinh Hiền Ngu (Bālapaṇḍitasuttaṃ)(1) 1449
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI MỘT(Năm 577 trước TL) 1468

Với Đại Đức Nanda Và Sa-Di Rāhula	1469
Thế Gian Thanh Tịnh	1476
Nhƣ Lai Là Một Nông Dân	1481
Cho Xin Một Chiếc Lông	1486
Nhất Chỉ Thần Thông (1)	1494
Mấy Ông Sƣ Quậy Phá	1498
Tám Trƣờng Hợp “Öp Bát”	1505
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI HAI(Năm 576 trƣớc TL)	1510
Kệ Thơ Cảm Xúc Của Một Thi Sĩ	1511
Lại Ra Đi,Đến Khu Rừng Nimba	1518
Quả Là Vô Vị,Vô Ích, Vô Dụng!	1523
Nạn Đói Tại Verañjā	1528
Thỉnh ThịMột Bộ Luật Hoàn Hảo	1532
Chuyện Chim Cút,Chuyện Khỉ Vƣợn	1537
Ngƣời Cận Sự NữDâng Thịt Đùi	1542
Sự Tích Cõi Trời Ba Mƣơi Ba	1548
Cuộc Chiến Với A-Tu-La Thiên	1562
Mối Tình Keo Sơn Chung Thuỷ	1570
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI BA(Năm 575 trƣớc TL)	1579
Tiếp ĐộCon Trai Nhà Đại Phú	1580
Trên Ngọn Đồi Đá Trắng	1583
Những Pháp Cần CóCủa Một Hành Giả	1588
Màu Y Vàng Trên Núi Đá Trắng	1592
Đóa Hoa Vƣơng Quốc	1594
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI BỐN(Năm 574 trƣớc TL)	1616
Các Loại Cỏ	1617
Ngƣời Chăn Bò Khéo Giỏi	1622
Đàn Bò Sang Sông	1627
Khúc Gỗ Trôi Sông	1632
Trao Gia Tài	1637
Chỉ Có Pháp Hiện Tại	1643
Tuệ Quán Ở Đây Và Bây Giờ	1650
Ngƣời Ngu	1655

Cái Cán Cày! 1668
Hóa Độ Phạm Thiên Baka 1673
Chuyện Hối Lộ! 1687
Chuyện Cô Nữ Tu Xinh Đẹp 1692
Chuyện Kỹ NữCiñcā-Māṇavikā 1697
Nhân Duyên Đẹp, Xấu,Quý, Tiện Của Ngƣời Nữ 1722
Trong Rừng Cây Xiêm Gai 1729
Cây Quạt Thốt Nốt 1746
Ngọn Lửa Trong Chiếc Ghè! 1751
Bỏ Đao, Ôm Bát! 1761
Những Hạt Đậu Ván 1775
Bữa Cơm Ngàn Vàng 1779
Bát Cháo,Mảnh Vải Thù Thắng 1792
Căn Nhà Năm Lỗ Hổng 1802
Chuyện Thánh Nữ Visākhā 1808
Tập V 1840
Lời giới thiệu 1842
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI LĂM(Năm 573 trƣớc TL) 1844
Chuyện Ở Sākya 1845
Kinh Đại Không(1) 1853
Lửa Địa Ngục Trong Phòng 1864
Đất Rút 1867
Nhƣ Lai Không Tranh Luận Với Đời 1873
Giảng Sƣ Rāhula 1881
Tỳ-Khƣu Rāhula Vô Dƣ Niết-Bàn 1887
Tâm Hộ Pháp Của Hai Vị Đại Thí Chủ 1897
Cậu Công Tử Hƣ Hỏng 1900
Thƣơng Nhiều Khổ Nhiều 1908
Ta Thƣơng Yêu Bản Thân Ta Nhất 1914
Bốn Câu Hỏi Của Trời Đế Thích 1920
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI SÁU(Năm 572 trƣớc TL) 1926
Hóa Độ Dạ-Xoa Āḷavaka 1927
Chấn Chỉnh Chƣ Tăng Āḷavakā 1948

Độ Ngƣời Nông Dân Nghèo	1953
Tu Tập Niệm Chết	1957
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI BẢY(Năm 571 trƣớc TL)	1970
Cái Lõi Cây	1971
Đất Hoá Vàng	1974
Tấm Lòng Của Cô Gái Uttarā	1984
Đần Độn Quá Trời!	1994
“ Làm Bậy! Làm Bậy!”	2004
Ai Mua Mỹ Nhân?	2017
Tên Đồ Tể	2026
Về Vải Dơ Quăng Bỏ	2030
Ngỗng Trời Cất Cánh Thênh Thang	2037
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI TÁM(Năm 570 trƣớc TL)	2042
Cô Gái Con Ngƣời Thợ Dệt	2043
Trên Đỉnh Cao Linh Thứu (Gijjhakūṭa)	2049
Ruộng Phƣớc	2059
Tuệ Phân Tích Của Tôn Giả Sāriputta	2066
MÙA AN CƢ THỨ MƢỜI CHÍN(Năm 569 trƣớc TL)	2073
Móc Cho Con Mắt Đẹp	2074
Ngạ Quỷ Mình Trăn	2091
Cùng Một Nguyên Lý	2101
“Hớt” Phƣớc Của Ngƣời Nghèo!	2105
MÙA AN CƢ THỨ HAI MƢƠI(Năm 568 trƣớc TL)	2115
Phƣớc Cho Quả Hiện Tại	2116
Bảy Thánh Sản	2126
Chuyện Kể Về Cõi Trời	2132
Hóa Độ Gia Đình Thợ Săn	2137
Nhân Duyên Quá Khứ	2143
MÙA AN CƢ THỨ HAI MƢƠI MỐT(Năm 567 trƣớc TL)	2147
Tối Thƣợng Trân Bảo	2148
Tôn Giả Ānanda Làm Thị Giả	2162
Đông Phƣơng Lộc Mẫu	2173
Cảm Hóa Aṅgulimāla	2179

“Cái Một”	2207
Nam Hóa Nữ,Nữ Hóa Nam	2222
TỪ HẠ THỨ HAI MƢƠI HAIĐẾN HẠ THỨ BỐN MƢƠI BỐN(566 đến 544 trƣớc TL)	2234
Chính Thức Ban BốGiới Luật Căn Bản Thanh Tịnh (Pātimokkha)	2235
Bà MẹHộ Độ Tuyệt Vời	2247
Từ Ngũ Giới Đến Bát Quan Trai Giới	2260
Thu Phục Rồng Chúa Nandopananda(1)	2286
Tập VI	2304
Lời giới thiệu	2306
Cô Gái Hạ Tiện Yêu Tôn Giả Ānanda(1)	2308
Nguyên Nhân Đức Phật Cho Thọ Y Kaṭhina	2330
Cây Bồ Đề Ānanda	2334
Ngƣời Đàn Bà Đau Khổ	2339
Vị Tỳ Khƣu Mắt Mù	2352
Con Ngỗng Oan Nghiệt	2373
Cho Xin Hạt Cải	2380
Triệu Phú Keo Kiệt	2386
Cô Gái Nô Lệ Đội Nƣớc (1)	2394
Ni Trƣởng Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn	2408
Miếng Giẻ Chùi Chân	2422
Tên Thợ Săn Độc Ác	2429
Vị Tỳ Khƣu Ni Sinh Con	2442
Đổi Chiếc Xe Mới	2454
Con Số Đen Bất Hạnh	2461
Devadatta Muốn Chƣởng Quản Tăng Đoàn	2472
Thái Tử Ajātasattu Hành Thích Vua Cha	2479
Đức Phật Tẩy Chay Lễ Đăng Quang	2483
Giết Phật Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá	2486
An Tịnh Trong Ngục Tối	2490
Giết Phật Bằng Voi Dữ Nālāgiri	2494
Chiêu Bài Cuối Cùng Của Devadatta	2505
Trƣởng GiảCấp Cô Độc Ra Đi	2510
Củng Cố Pháp Và Luật	2527

Binh Lửa	2536
Tôn Giả Mahā Moggallāna Báo Hiếu Mẹ	2543
Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pāsenadi	2549
Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi	2558
Tình Phụ Tử Thiêng Liêng	2564
Cái Gốc Của Ghẻ Lở, Mụn Nhọt	2568
Đêm Thanh, Trăng Sáng	2571
Tiễn Chƣ Trƣởng Lão Lần Lƣợt Ra Đi	2604
“Pháp Truyền Thống”Của Đức Vua Pāsenadi	2611
“Cái Thấy Sự Thực”Hóa Giải Hận Thù	2621
Ngọn Lửa Thù	2627
Lời Của Bậc Trí	2631
Quả Báo Của Devadatta	2634
Dòng Sākya Tiêu Vong	2638
Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch	2646
Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn	2682
Nhân Quả Công Minh	2690
Hạ Thứ 45 Của Đức Thế Tôn	2695
Có Đủ Bảy Pháp Này,(1)Đất Nƣớc Không Thể Bại Vong!	2696
Bảy pháp bất thối khác	2702
Lại Lên Đƣờng, Lại Ra Đi!	2706
Phật Hứa Với Ma Vƣơng	2711
Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ	2725
Bụi Tan Thành Ngọc	2741
CẢM BẠTMột Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt	2755

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

Sách được Tâm Học gộp 6 tập làm 1 " Một cuộc đời Một vầng Nhật Nguyệt"
của HT Giới Đức: bản 2014 tái bản lần 1 từ thuvienhoasen.org
+ Gộp nội dung 6 in 1
+ Thêm Bookmark
+ Thêm link phụ lục mới
+ Không chỉnh sửa nội dung nào so với bản gốc

tamhoc.org 8/5/2022

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

1

`(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Vương Quốc Cổ Xưa

Truyền thuyết kể rằng, vào một thuở rất xa xưa, từ miền tây bắc Ấn, có một giống dòng dân tộc cao quý, thành lập một quốc độ hùng mạnh. Vị vua đầu tiên chính là tiền thân Phật Sākya Gotama. Trải qua hằng trăm đời vua, họ sống trong cảnh thanh bình, hạnh phúc.

Đến triều đại Okkāka đệ tam thì bắt đầu nảy sinh biến cố. Số là đức vua này có một hoàng hậu là bà Bhattā và bốn hoàng phi là Cittā, Jantū, Jātinī và Visākhā[1]. Bà chánh hậu Bhattā sanh được năm công chúa là Piyā, Suppiyā, Ānanda, Vijitā, Vijitasena và bốn hoàng tử là Okkāmukha, Karakaṇḍa, Hattthinika, Sīnipura[2]. Sau khi bà chánh hậu mất, đức vua Okkāka đệ tam lập bà hoàng phi Jantū lên ngôi vị chánh cung. Bà này sanh hạ được một hoàng tử, đức vua vô cùng yêu mến bèn cho bà thực hiện một sở nguyện. Bà này lại chẳng mong ước ngọc ngà, châu báu, chỉ muốn con mình được kế vị ngôi vương mà thôi.

Đức vua Okkāka đệ tam vô cùng khó nghĩ, vì đã hứa thì không thể nuốt lời, vả, nhân cách và trí tài của các hoàng tử

---

(1) Theo Dictionnary of Pāli Proper Names, Vol-1 trang 461- by G.P. Malalasekera - Motilal Banarsidass Publishers Private Limited - Delhi.
(2) Như chú thích trên.

đều vô song, lại chẳng có một khuyết điểm nào về đức hạnh. Lập con nhỏ mà bỏ con lớn là mầm mống của tranh chấp, cốt nhục tương tàn còn lưu lại vệt máu ô nhục trong các triều đại.

Chẳng biết trả lời sao với bà hoàng hậu được cưng chiều, đức vua bèn họp bàn cùng với các con. Sau khi nghe rõ mọi chuyện, vị công chúa lớn tuổi nhất là Piyā, thành thật góp ý:

- Phụ hoàng làm vua một nước, không thể thất tín để thiên hạ chê cười.

Hoàng tử Okkāmukha - người mà đức vua đã nhắm là sẽ cho kế vị trong tương lai - cũng đồng ý với chị, nhưng tiếp lời:

- Nói ra xin vương phụ đừng buồn. Người mà vương phụ sủng ái, có tâm địa sâu xa khó lường. Tuy nhiên, xin vương phụ an tâm, chúng con đã có chủ định.

Đức vua Okkāka đệ tam ngạc nhiên:

- Thế ra các con đã biết rõ cả, và các con đã họp bàn cùng nhau rồi?

Năm công chúa và bốn hoàng tử lặng lẽ gật đầu, nhìn vua cha với những tia mắt buồn rười rượi.

Hoàng tử Okkāmukha vòng tay, cúi đầu, cất giọng điềm đạm:

- Chúng con đều đã lớn mà chưa gánh vác được chuyện sơn hà xã tắc, lẽ nào còn để cho vương phụ canh cánh thêm mối ưu tư bên lòng? Vương phụ hãy hứa khả cho hoàng đệ làm thái tử, chúng con chẳng có mối tị hiềm nào. Tuy nhiên, tất cả chúng con sẽ ra đi để xây dựng một vương quốc mới. Chúng con đã quyết chí và chúng con sẽ làm được việc đó.

Công chúa trưởng Piyā cũng đứng dậy tâu:

- Phụ hoàng chớ khá lo lắng. Tổ tiên, dòng họ chúng ta đều là những bậc anh hùng, và dân tộc chúng ta đã từng lập quốc từ những hiểm nguy và gian khổ. Vậy, ngay ngày mai,

chúng con sẽ lên đường; phụ hoàng hãy đổi cái sầu thương mà lấy lại niềm vui của tuổi già mới phải.

Nói vậy chứ trước cuộc chia ly không ai giấu được cảm xúc nên nước mắt họ tuôn chảy dầm dề. Năm vị công chúa và bốn vị hoàng tử anh hùng ra đi khi trời đất còn mờ sương, với xe ngựa, binh lính, kẻ hầu người hạ, lương thực, áo quần, tư trang, tư dụng... như là một cuộc thiên di vĩ đại; gần suốt buổi sáng mà toán quân cuối cùng mới khuất cổng hoàng thành.

Đức vua Okkāka đệ tam đứng trên lầu cao, đôi mắt đỏ lệ nhìn theo những vết bụi cuối chân trời xa...

Dưới chân núi Himalaya có khu rừng tên là Hemabāma thâm u, kỳ bí, nổi tiếng là nhiều sư tử, cọp, beo cùng các thú rừng hoang dã khác. Đạo sĩ Kapila dựng một thảo am và ẩn cư ở đây.

Đạo sĩ Kapila đắc bát định và có thần thông. Cả một vùng rừng rộng lớn xanh tươi đầy hoa trái, nước ngọt, cây lành này đều được ngài bảo vệ. Cứ mỗi buổi sáng, trú định..., đi lên, đi xuống từ sơ thiền đến bát thiền, trở lại tứ thiền, xuống tam thiền, nhị thiền, sơ thiền; giữ cận định sơ thiền, ngài phát triển tâm từ vô lượng, như một làn khí mát mẻ, an lành, đổ đầy tràn ra không gian, bao trùm mọi vật. Các loài thú dữ, lúc rượt đuổi các con thú hiền lành, vào đến ranh giới này, chợt dưng, chúng từ từ dừng lại. Những bản tính hung hăng, dữ tợn, khát máu... bỗng lắng dịu xuống và chúng trở nên hiền lành, thuần hậu. Thế là thời gian sau, khu rừng Hemabāma trở thành một vương quốc an lạc và thanh bình.

Hôm kia, ngồi thiền định trên một tảng đá bằng và cao tại một sườn non, giữa sương mù và khí núi bồng bềnh; lúc đạo sĩ Kapila xả thiền thì sao Mai vừa mọc, vầng trăng hạ tuần lấp ló sau màn mây trắng đục màu sữa; ngài cảm nghe hạnh phúc tuôn tràn thấm đẫm từng chân tơ kẽ tóc, tràn ra cả

không gian yên tĩnh. Những cánh chim đêm bình yên qua lại. Một làn gió mát thổi qua, tóc bạc như tuyết trắng của đạo sĩ rung rinh, bay phơ phất. Dường như có cái gì khác lạ. Đạo sĩ Kapila đứng lên, đôi mắt tinh anh, sáng quắc của ngài nhìn xuyên qua sương mù và thấy từ dưới xa chập chờn những ánh lửa. Ánh lửa đứng yên và ánh lửa di động. Chắc là của một đám dân du mục nào? Không phải! Lửa nhiều quá! Lại còn cả những bó đuốc cháy đỏ rực xung quanh những lều vải!

Bỗng, đạo sĩ Kapila ngồi xuống và định tâm. Lát sau, ngài mỉm cười: "Hóa ra là vậy". Rồi không quản đêm tối, đạo sĩ rời tảng đá, hướng đến phía những đốm lửa, thoăn thoắt bước đi...

Nhắc đến chuyện năm công chúa và bốn hoàng tử cương quyết ra đi lập quốc. Theo lệnh của đại công chúa và hoàng tử Okkāmukkha, họ cứ nhắm ngọn Himalaya mà tiến. Đêm hạ trại, ngày nhổ lều, hơn tháng ròng rã, họ dừng chân nơi một khu rừng xanh thắm, tươi đẹp.

Suốt quãng đường xa xôi, tuy vẫn nghe theo lời chị và anh, nhưng các hoàng tử trẻ không ngớt càu nhàu. Họ nói:

- Với cái trí và cái tài của chín đầu óc chúng ta, với mười tám cánh tay trẻ trung, sức lực, với số quân tình nguyện mấy ngàn nhân mã thiện chiến, với những viên kiện tướng và dũng tướng vô địch như thế này thì đánh bất kỳ quốc độ nào trong cõi Diêm-phù-đề, chúng ta cũng thắng cả! Vậy tội gì không chiếm một nước giàu mạnh nào mà sinh sống, mà phát triển bản lãnh tài cao; lại đi vào non sâu, tuyết lãnh để đuổi thỏ, bắt chồn?

Đại công chúa Piyā ôn tồn nói:

- Này em! Chúng ta chưa mất giang sơn mà đã đau khổ như thế này, huống hồ là kẻ bị đánh chiếm sơn hà xã tắc? Hãy đặt mình trong hoàn cảnh của họ, thì em sẽ hiểu tại sao không nên làm việc thất nhân đức ấy.

Hoàng tử Okkāmukha tiếp ý chị, cười cười nói:

- Các em có biết người anh hùng là thế nào chăng?

Hoàng tử trẻ nhất đáp:

- Anh hùng phải là người có chí lấp biển vá trời, với hai bàn tay không mà làm nên sự nghiệp.

Hoàng tử Okkāmukha gật đầu tán đồng:

- Đúng thế! Các em đều là những bậc anh hùng. Lẽ nào bậc anh hùng lại đi đánh cướp của người khác? Bậc anh hùng lại ngồi trên đống sự nghiệp mà người ta đã gầy dựng sẵn cho mình hay sao?

Các hoàng tử trẻ hiếu thắng, hiếu chiến nín lặng, nghẹn họng! Bây giờ thì họ hoàn toàn tín phục sự hiểu biết của chị và của anh rồi.

Hôm ấy, vừa hạ trại xong, họ cảm thấy như đã trút hết mọi mệt mỏi đường xa, vì nơi họ tìm được, cảnh trí xinh đẹp quá, tốt tươi quá.

Hoàng tử Okkāmukha lấy gươm xắn một miếng đất, nếm, ngửi rồi nói:

- Đất đai như tươm rỉ mật và chất béo. Còn khắp nơi thì trái cây đủ loại chín mọng, lủng lẳng trên cành. Vậy sự sống của chúng ta khỏi phải lo rồi.

Ai cũng hớn hở vui cười.

Đêm xuống, cả chín người quây quần bên đống lửa trại, vừa ăn uống vừa chuyện trò say sưa cho đến gần sáng, không ngủ được. Cái chí lập quốc như nung chín bầu máu nóng của họ. Sau rốt, hoàng tử Okkāmukha kết luận:

- Chắc chắn chúng ta sẽ khai sinh được một quốc độ hùng cường và giàu mạnh ở tại đây, ngay tại khu rừng mênh mông và trù mật này.

Chợt một tiếng nói vẳng lại sau lưng họ:

- Đúng vậy! Nhất định các cháu sẽ làm được điều kỳ diệu và phi thường ấy.

Mọi người quay lại. Một đạo sĩ già như núi tuyết, gầy guộc, xương kính như lão mai; rắn chắc và vững chãi như tòng bách; y áo kết bằng vỏ và lá cây; đôi mắt sáng lấp lánh như hai vì sao; dung nghi tiêu sái, thoát trần dường như đã đứng đó từ lâu lắm, đang nhìn họ, tủm tỉm cười. Không hẹn mà cả bọn cùng cúi đầu, chấp tay:

- Chúng con kính chào tiên nhơn lão trượng!

Người ấy là đạo sĩ Kapila. Ngài thân mật ngồi xuống bên đống lửa trại, vui vẻ nói:

- Ừ! Các cháu gọi ta bằng tiên nhơn là đúng, vì sau khi từ bỏ xác phàm ở đây, ta sẽ hóa sanh lên một tầng trời cao nhất, cao hơn hết thảy mọi loài trong tam giới. Thế không là tối thắng tiên nhơn là gì!

Mọi người không hiểu, lộ vẻ ngơ ngác. Đạo sĩ Kapila không giải thích, lại nói sang chuyện khác:

- Còn một việc rất lạ lùng. Ta chính là tằng tổ của hằng chục, hằng trăm tằng tằng tổ tổ của các cháu. Ta là vị vua đầu tiên, lập ra quốc độ đầu tiên, truyền thừa cho đến những đứa cháu chắt không biết bao nhiêu đời mới đến vua Okkāka[1] đệ tam, là phụ hoàng của các cháu bây giờ đấy!

Ai cũng mở lớn đôi mắt. Thương hại, đạo sĩ Kapila bèn kể cho bọn công chúa và hoàng tử nghe kết quả của khả năng thần thông có thể thấy biết rõ ràng các kiếp sống quá khứ ra sao. Lại còn kể sơ các tiền kiếp của chính đạo sĩ nữa. Ngài mở hé cánh cửa bí mật về các kiếp sống của chúng sanh trong vòng trôi lăn sinh tử nghiệp báo giữa ba cõi sáu đường. Ôi, biết ra thì thật là đáng hổ thẹn. Trong vòng trầm luân sinh tử ấy, chúng sanh đã từng làm chồng, làm cha, làm vợ, làm anh, làm em... của nhau, rồi lại tái đi, diễn lại mãi mãi như thế! Ôi! Cái dòng sinh tử ấy thật là vô luân, bậy bạ

---

[1] Theo Mahāvaṃsa - thì hậu duệ của vua Okkāka là Nipuṇa, Candamukha, Sivisañjaya, Vessantara, Jāli, Sīhavāhana và Sīhasena...

hết sức. Ai không đủ định tâm, định lực, chắc sẽ vì hổ thẹn phải tá hỏa tam tinh mà chết mất thôi!

Bọn công chúa, hoàng tử kính cẩn cúi đầu lắng nghe. Ôi! Quả là những điều quá mới lạ. Họ rùng mình, lạnh gáy. Họ cảm thấy chán nản sự sống, chán nản mọi chuyện được mất, hơn thua, thành bại trong cuộc đời. Chúng chỉ là những cuộc chơi ảo mộng và bi tráng! Lại mang kịch tính dở khóc dở cười...

Vị hoàng tử lớn tuổi nhất, là Okkāmukha chợt quỳ xuống:

- Thưa tiên nhơn! Hãy cho cháu xuất gia làm đạo sĩ. Hãy cho cháu bước ra khỏi vòng tử sinh vô luân kinh khiếp ấy.

Đạo sĩ ái ngại, lắc đầu:

- Vô ích thôi, cháu ạ!

- Tại sao?

- Tại sao ư? Tại vì xuất gia đạo sĩ như ta cũng chưa được kết quả như ý nguyện. Nhờ công phu thiền định, hết kiếp này, ta sẽ hóa sanh lên cõi trời cao nhất. Nhưng khi hết phước báu thiền định rồi, ta cũng phải rơi xuống trở lại thôi. Vẫn còn bị sinh tử, sinh tử mãi mãi. Ta chưa tìm ra con đường thoát ra luân hồi sinh tử, các cháu ạ!

Hoàng tử Okkāmukha ngạc nhiên:

- Vậy ai là người đã vượt thoát ra được?

- Ồ, ta cũng không biết. Vả chăng, đấy cũng là con đường mà ta đang thao thức, trăn trở. Ta đã tìm kiếm rất lâu, đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sống. Nhưng khó khăn như mò kim đáy biển, xem ra, còn dễ dàng hơn là tìm kiếm con đường thoát khổ, các cháu có biết thế không?

Họ lắc đầu thiểu não. Rồi họ thở dài. Chợt đạo sĩ Kapila cười lớn:

- Nhưng đấy là bổn phận của ta, chứ không phải là trách nhiệm của các cháu. Công việc trước mắt của các cháu là phải hăng say mà lập quốc, các cháu có hiểu thế không?

Hoàng tử Okkāmukha nhíu mày:

- Dạ thưa, không hiểu ạ!

Đạo sĩ Kapila lại phải ân cần giải thích:

- Thật khó cho các cháu hiểu ngọn ngành, nhân quả được. Nhưng mà này, không biết các cháu có tin không, ta biết rõ dòng tâm và dòng nghiệp của các cháu. Ta còn biết, các cháu chưa xuất gia được, nhưng các cháu sẽ tạo nên được một dòng tộc anh hùng, mãi còn lưu thanh danh trong lịch sử, ngay tại đây, tại mảnh đất này. Các cháu không thể làm khác được.

Vì tin tưởng đạo sĩ, mọi người quyết tâm cùng xây dựng quốc độ. Tuy nhiên, đạo sĩ lưu ý rằng:

- Nơi đây rất nhiều thú dữ. Ta sẽ cố gắng bảo vệ an toàn cho các cháu, nhưng các cháu phải hứa khả với ta một điều.

- Xin cho nghe!

- Các cháu không được giết bất cứ một con thú nào trong khu rừng Hemabāma này. Chỉ một niệm sát khởi lên trong tâm các cháu, là các cháu đã tự giết hại mình rồi.

Họ không hiểu. Đạo sĩ Kapila, chính là tiền thân Phật Sākya Gotama, bèn bảo mọi người hãy yên lặng, kể cả quân lính, cả những thuộc hạ tùy tùng, phục dịch. Rồi đạo sĩ nhắm mắt, ngồi kiết già, nhiếp tâm, trú định từ vô lượng. Lát sau, một làn khí sung mãn do từ vô lượng định tỏa ra, tràn đầy châu thân, tràn đầy ra bên ngoài, bao trùm cả không gian lớn rộng. Thế rồi, làn khí tâm từ ấy còn len lỏi, thấm nhập cả từng mảy chân lông, tế bào của mọi người; lan đến cả đầu cây, ngọn cỏ, sinh vật muôn loài...

Lâu lắm, đạo sĩ xả định, mở mắt nhìn mọi người, tủm tỉm cười:

- Các cháu cảm nhận được điều gì đó chứ?

Họ đáp:

- Thưa, có cái gì đó rất mát mẻ, rất an lành, tẩm mát khắp mọi nơi, mọi chỗ.

Đạo sĩ gật đầu:

- Đúng vậy! Cái đó là định của tâm từ. Cái làn khí mát mẻ, an lành ấy là do tâm từ tỏa ra. Ta đã tu tập rất lâu cái tâm từ vô lượng định ấy, các cháu ạ! Bây giờ các cháu hãy lắng nghe ta hỏi đây.

- Thưa vâng!

- Khi nào làn khí từ tâm mát mẻ, an lành ấy len thấm vào trong tâm các cháu rồi thì những trạng thái như nóng nảy, bứt rứt, khó chịu, hung dữ, độc ác... có khởi lên ở trong tâm các cháu không?

- Thưa không!

Đạo sĩ đưa mắt nhìn ra xa:

- Trước đây, khu rừng này nổi tiếng là nhiều thú dữ, nên ta phải tu tập định tâm từ, làm cho tâm từ ấy sung mãn, bao trùm mọi loài, mọi vật. Các loài thú dữ ấy sống ở đây lần hồi được làn khí mát mẻ, an lành ấy nhiếp phục, cảm hóa mà trở nên hiền lành, không còn khởi tâm giết hại nhau nữa. Vì đói quá nên chúng phải đi thật xa nơi này, các cháu có hiểu điều đó không?

- Thưa hiểu ạ!

- Vậy thì khi mà các cháu khởi niệm sân, niệm sát... có phải là các cháu đã làm dấy động niệm sân, niệm sát ở trong tâm các loài thú dữ không?

- Đúng vậy!

- Các cháu giết chúng thì chúng sẽ giết các cháu lại, có đúng thế không?

- Hoàn toàn đúng.

- Vậy thì muốn cho thú dữ đừng giết hại mình, các cháu phải làm sao? Làm sao để các cháu có thể tự bảo vệ mình?

Hoàng tử Okkāmukha nói:

- Thưa, thứ nhất là đừng khởi tâm giết hại, thứ hai là phải tu tập từ tâm như tiên nhơn đạo sĩ đã từng tu tập.

Đạo sĩ Kapila mỉm cười:

- Đúng vậy! Rồi ngài giải thích thêm - Chính sự không giết hại đã là thành trì thứ nhất bảo vệ sanh mạng cho các cháu. Tuy nhiên, thành trì thứ nhất ấy chưa được an toàn, các cháu phải xây dựng thêm thành lũy thứ hai: ấy là tu tập định của tâm từ rồi ban rải làn khí an lành, mát mẻ ấy ra xung quanh! Nếu mọi người ai cũng không giết hại, ai cũng tu tập định từ tâm, ai cũng làm cho lan tỏa sự an lành, mát mẻ... thì nó sẽ tạo nên một cộng lực vĩ đại, một năng lực vĩ đại bao trùm mọi loài, mọi vật. Và chính đấy mới là thành trì kiên cố, vững chắc nhất bảo vệ sanh mạng an toàn cho tất thảy mọi người.

Đám đông quan và lính ở xung quanh lao nhao:

- Khó quá! Khó quá!

- Thế là không được ăn thịt rừng rồi!

- Cả gia súc nữa!

- Cả lươn, chạch, cua, cá... cũng cấm luôn!

Đại công chúa Piyā và hoàng tử Okkāmukha cảm thấy rất khó xử. Lời của tiên nhơn đạo sĩ là sự thật, mà ý kiến phần đông cũng là sự thật. Tất cả họ không phải đạo sĩ xuất gia mà là những chiến sĩ can trường nơi trận mạc, vừa quen đời sống chém giết vừa quen ăn thịt, uống rượu...

Đạo sĩ Kapila dĩ nhiên hiểu tâm sự ấy, nên ngài mở lối thoát:

- Ở đây sẽ có một số ít người thọ trì được điều ấy, còn phần đông thì không thọ trì được. Ta hiểu vậy. Nhưng có còn hơn không! Nếu một số ít trong chư vị kiên trì tu tập thì năng lực ấy từ từ sẽ lan tỏa ra xung quanh...

Hoàng tử Okkāmukha gật đầu:

- Vâng! Cháu sẽ là người thứ nhất ấy!

Đại công chúa Piyā cũng đáp:

- Và cháu sẽ là người thứ hai!

Rồi lần lượt có một vài công chúa và hoàng tử khác tự nguyện noi gương anh và chị. Một thanh niên dũng tướng to cao, cất giọng ồm ồm:

- Tôi có một đề nghị. Tất cả tướng lãnh quân sĩ nếu muốn săn thịt thú rừng thì hãy đi cho thật xa khu rừng Hemabāma này. Ấy cũng là một biện pháp nhỏ đóng góp vào sự bảo vệ an toàn sanh mạng chung cho mọi người.

Đạo sĩ Kapila mỉm cười:

- Được vậy là tốt! Được vậy cũng là quý rồi!

Mấy ngày hôm sau, đạo sĩ Kapila tận tình dẫn bọn công chúa, hoàng tử đi xem một vòng khắp các khu rừng. Do khả năng trí nhớ tiền kiếp, đạo sĩ chỉ bày, giảng nói cặn kẽ cho họ nghe về từng thế núi, từng cuộc đất. Nơi nào nên làm ruộng, làm rẫy, lập vườn. Nơi nào nên xây dựng nhà cửa, làng mạc. Nơi nào nên thiết lập các công xưởng, kho, trạm... Nơi nào hợp phong thủy để xây dựng kinh đô. Ngài lại còn chỉ cách lấy các nguồn nước để ăn uống, sinh hoạt, tăng gia sản xuất... Nguồn thức ăn vô tận của họ là trái cây nên các khu rừng được giữ gìn và bảo vệ chu đáo.

Lương thực của hằng ngàn người mang theo được sử dụng trong sáu tháng, lại có trái cây và thịt thú rừng săn bắt các miền xa nên thời hạn này được kéo dài hơn. Nhờ đất đai màu mỡ, nguồn nước tưới tiêu vô tận... nên mùa màng bội thu; các loại nông sản, thực phẩm, rau trái... sung mãn, dư thừa. Chỉ cần làm một vụ là ăn trọn năm.

Thế rồi, từng xóm nhà, từng thôn làng cứ lần lượt hiện ra. Các cánh đồng, những khu vườn, những con đường, những cây cầu... được tiếp nối từ thung lũng này sang bình nguyên nọ.

Hoàng tử Okkāmukha và đại công chúa đúng là những tay lãnh đạo tài ba, thông suốt và quán xuyến nhiều lãnh vực. Họ bắt đầu lên bản vẽ để xây dựng kinh đô. Ba hoàng tử và bốn công chúa còn lại dẫn tướng sĩ, quân lính thuộc hạ

và người thân tín của mình đi xa hơn, thành lập bảy ấp tụ lạc bao quanh kinh đô, tạo nên thế liên hoàn rất thuận lợi trong việc phòng thủ, ứng cứu lẫn nhau.

Hôm kia, vào lúc rảnh rỗi, khi mà các công việc đã đi vào nề nếp, đại công chúa nói chuyện với hoàng tử Okkāmukha:

- Huyết thống anh hùng của chúng ta cần phải được gìn giữ. Chị là chị trưởng nên có quyền hành quyết định như cha, như mẹ. Các em, nam nữ tám người phải kết hôn với nhau, thành lập gia đình để bảo vệ dòng máu. Chị phải tuyên triệu một cuộc họp để thông báo về điều ấy. Chị nói trước cho em hay để chuẩn bị tâm lý!

Hoàng tử Okkāmukha phản đối:

- Anh em cô cậu lấy nhau thì em đã có nghe, có thấy, nhưng anh em ruột thì ai mà làm thế được? Em nhất định chống đối đến cùng!

Đại công chúa Piyā cảm thấy rất khó xử. Nhưng huyết thống anh hùng không thể để cho chảy loãng sang dòng họ khác; nên đại công chúa đến hỏi ý kiến đạo sĩ Kapila.

Ngài nói:

- Việc này ta không xen vào được.

Đại công chúa Piyā hỏi khó đạo sĩ:

- Nhưng tiên nhơn có bảo, là trong vòng trôi lăn sinh tử, chúng sanh khi làm chồng, làm cha, làm mẹ, làm vợ, hoặc làm con cái của nhau... chẳng có tuân theo một thứ luân lý nào cả?

Đạo sĩ đáp:

- Đúng vậy!

Đại công chúa Piyā bèn họp các em lại nói chuyện rồi cao giọng kết luận:

- Có nghe sự thật ấy không? Luân lý thế gian chỉ là trò áp đặt của con người. Vậy từ rày về sau, ở quốc độ này, chúng ta đưa ra một thứ luân lý mới, cho anh em ruột, được

quyền lấy nhau để bảo vệ huyết thống. Chúng ta sống, làm việc, lập gia đình không phải cho cá nhân mình mà là cho cả dòng họ. Tổ tiên chúng ta quyết định điều ấy chứ không phải chúng ta lựa chọn.

Lý luận lạ đời của đại công chúa không ai cãi lại được. Đại công chúa làm những quẻ thăm để tác hợp tám em trai và gái thành bốn cặp vợ chồng. Uy quyền của đại công chúa như uy quyền của một bà mẹ độc đoán, nên mọi người đành phải cúi đầu tuân thủ.

Thế rồi, mấy chục năm sau, một vương quốc mới được thành lập dưới chân núi Himalaya, lấy tên là Kapilavatthu để nhớ ơn đạo sĩ Kapila! Quốc độ ấy càng ngày càng lớn mạnh, danh tiếng lan xa đến các nước xung quanh. Đức vua Okkāka đệ tam nghe tin như thế, hoan hỷ quá, thốt lên:

- Đúng là những đứa trẻ anh hùng! Các con của ta quả thật là dòng dõi anh hùng![1]

"Dòng dõi anh hùng" do nghĩa Phạn ngữ là "Sākya", nên về sau, chủng tộc ấy được lấy tên là Sākya rồi được truyền ngôi từ đời này sang đời khác. Nếu tính từ đời Okkāmukha đến đời vua Jayasena là trải qua nhiều hậu duệ truyền ngôi. Sau đức vua Jayasena là đức vua Sīhahanu, rồi đến Suddhodana là phụ vương của hoàng tử Siddhattha vậy.

---

[1] Nguyên văn: "Sakyā vata bho kumārā, paramasakyā vata bho rājakumārā!"

Tại Cung Trời Tusita

Đạo sĩ Kapila sau kiếp ấy, hóa sanh vào cõi trời sắc giới. Trước đấy, xuống lên chìm nổi không biết bao nhiêu kiếp rồi như cát của con sông Gaṅgā, sự tìm kiếm con đường vô thượng quả là xa hút không thấy mé bờ. Từ thời ngài phát nguyện rộng lớn làm bậc đại giác ngộ đến nay đã trải qua gần hai mươi a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp. Bảy a-tăng-kỳ phát nguyện ở trong tâm, chín a-tăng-kỳ phát nguyện thành lời, bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp được sự thọ ký của hai mươi bốn vị Phật.

Thuở xa xưa ấy, khi đức Chánh Đẳng Giác Dīpaṅkara ra đời, ngài làm một vị đạo sĩ tên là Sumedha, nhờ nằm trải đường, lót thân cho đức Phật Dīpaṅkara mà được thọ ký, rằng là trải qua hai mươi bốn vị Phật, ngài sẽ là vị Phật tổ thứ hai mươi lăm, hiệu là Sākya Gotama.

Thế rồi, biết bao nhiêu ba-la-mật, bậc hạ, bậc trung và bậc thượng ngài đã hành trì rốt ráo, viên mãn công hạnh. Kiếp chót ở cõi người, ngài làm thái tử Vessantara, đã thực hiện hạnh bố thí ba-la-mật đến cho vô lượng kẻ đói nghèo, khốn khổ. Với bảy trăm đại thí, ngài làm cho đại địa phải chấn động. Ngài đã bố thí cả linh hồn của quốc độ là con bạch tượng oai hùng. Ngài bố thí luôn cả vợ và con với đại

nguyện vô thượng. Sau kiếp ấy, ngài hóa sinh làm vị thiên tử ở cõi trời Tusita, hiệu là Setaketu; ở đây, ngài chờ đợi nhân duyên đầy đủ hạ sanh xuống cõi người để tu hành thành bậc Chánh Đẳng Giác...

...Đã bốn ngàn năm trôi qua, thiên tử Setaketu thọ hưởng hạnh phúc thiên đường, không một bợn nhơ phiền não. Thiên tử ngồi nhớ từ kiếp này sang kiếp kia, thấy mối nhân duyên chằng chịt không có kẻ hở. Ngay tuổi thọ của ngài sắp chấm dứt ở đây nó cũng nằm trong vòng nhân duyên ấy. Và có lẽ không bao lâu nữa, ngài sẽ bỏ đây mà ra đi! Điều này càng ngày càng nhận rõ vì thời gian gần đây có năm hiện tượng phát sanh ở nơi ngài. Thứ nhất là tràng hoa mà thiên nữ đã công phu trang điểm cho ngài chỉ mới buổi sáng là nó bắt đầu khô héo. Ngạc nhiên, thiên nữ kết tràng hoa khác, đến chiều thì nó cũng ủ rủ. Thứ hai là dù mặc bất kỳ chiếc thiên bào nào, dù tơ lụa hay gấm vóc của cõi trời, được một lát là nó biến mất màu sắc, nhợt nhạt trông đến dị kỳ. Thứ ba là mồ hôi bắt đầu tươm rỉ rất khó chịu, điều mà các vì thiên tử với sắc thân vi tế, tinh sạch và chí mỹ cảm nhận rất rõ ràng. Thứ tư là sự suy nhược của cơ thể; mỗi bước đi, mỗi cử động chân tay, ngài đều cảm thấy không còn tí hơi sức nào. Và sau rốt, điều thứ năm, điều này quan trọng quyết định nhất, là tâm ngài không còn an lạc nữa, đã bắt đầu thấy chán nản những thú vui khoái lạc của ngũ dục.

Nhưng mà hết thọ mạng ở đây thì ngài sẽ giáng sinh ở phương nào, xứ nào? Một vị đại bồ-tát như ngài đâu phải bất kỳ chỗ nào cũng gá thân vào được? Phải giáng sinh ở đâu, mà ở đó tuổi thọ của chúng sinh tối thiểu khoảng chừng một trăm tuổi. Nếu tuổi thọ hằng vạn tuổi thì chúng sanh đâu thấy rõ rệt lý vô thường và khổ não? Nếu tuổi thọ quá ít thì chúng sinh ở đấy nhiều ác căn, ít phước báu, nghiệp dày làm sao giáo hóa được? Thứ đến, địa xứ mà đại bồ-tát chọn chỗ giáng sinh phải là nơi hội tụ tất cả khí linh thiêng của trời

đất. Dòng họ ngài chọn lựa giáng sinh thì phải là vua chúa (hoặc là bà-la-môn có địa vị quốc sư), nhưng phải là người có gieo duyên quyến thuộc từ quá khứ; lại phải có nhiều căn cơ trí tuệ, biết sống đời đạo đức và hiền thiện. Điều kiện thứ năm nữa, đại bồ-tát phải còn biết chọn mẹ. Mẹ mà đại bồ-tát mượn thai bào phải là người đã nhiều kiếp phát lời nguyện làm Phật mẫu, sống đời trong sáng, đức hạnh và giàu tình thương...

Thế đấy, như một đóa kỳ hoa muôn triệu năm mới nở một lần, khi đóa hoa nở, sắc màu kỳ diệu và tỏa hương thơm tối thượng thì nó đã kết tụ trong tự thân mọi tinh hoa của trời đất. Cũng vậy, sự xuất trần của một vị đại bồ-tát phải hội đủ năm điều kiện hy hữu nêu trên; thiếu một điều kiện là thiếu tất cả.

Sau khi dùng thần thông quan sát bốn châu thiên hạ, thiên tử Setaketu thấy rõ chỉ có cõi Nam thiện bộ châu, dưới dãy núi Himalaya, có một vương quốc Kapilavatthu nhỏ bé, thuộc dòng tộc Sākya, có một vị vua là Suddhodana và hoàng hậu Mahāmāyā là hội đủ năm điều kiện nêu trên:

- Châu: Nam thiện bộ châu.
- Tuổi thọ: Trăm tuổi.
- Quốc độ: Bắc Trung Ấn Độ - vương quốc Kapilavatthu
- Dòng dõi: Hoàng tộc Sākya
- Phật mẫu: Hoàng hậu Mahāmāyā

Quan sát và thấy rõ điều đó xong, thiên tử Setaketu chợt mỉm cười. Ngài biết rõ, chính một tiền kiếp xa xôi, ngài đã thành lập vương quốc ấy. Còn nữa, chính vào thời làm đạo sĩ Kapila, ngài đã giúp đỡ năm công chúa và bốn hoàng tử lập nên kinh đô Kapilavatthu này. Lại nghĩ đến câu nói "Tằng tằng tổ tổ" xưa của đạo sĩ Kapila... mà lắc đầu chán ngán, quả thật ta đã sinh tới sinh lui mãi trên cái quả đất chật chội dưới kia!

Trong khi đang suy nghĩ như vậy thì hằng hà sa số chư thiên vương, chư thiên trong rất nhiều thế giới đồng quy hội về, đứng dày đặc cả không gian, xung quanh bảo điện của ngài, đồng thanh cất lời thỉnh nguyện:

"- Thời đã đến! Thời đã đến! Trong tam thiên đại thiên thế giới, chỉ có đại bồ-tát, thiên tử Setaketu là chúng hữu tình duy nhất đã thực hành tròn đủ ba mươi pháp ba-la-mật[1]. Nay vì sự lợi ích, sự an vui, vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, chúng tôi thỉnh nguyện thiên tử hãy xuất trần giáng thế để thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề..."

Thiên tử Setaketu cũng biết vậy, thời đã đến rồi, nên ngài nhẹ nhàng gật đầu.

- Thôi được rồi, các vị hãy lui về đi. Ta biết rõ là ta sẽ làm những gì!

Hằng ngàn, hằng ngàn đám mây lành ngũ sắc ở xung quanh rực sáng niềm hoan hỷ; vô số chư thiên vương, chư thiên bay lượn ba vòng về phía hữu, biểu hiện sự tôn kính mà cũng biểu hiện niềm vui và lời từ giã. Thiên tử Setaketu đăm đăm nhìn theo, ngài biết rằng chúng sinh đang chờ đợi ở nơi ngài phương thuốc diệt khổ mà ngài thì đã lặn lội kiếm tìm bằng thời gian của vô lượng hạt vi trần trên thế gian này.

---

[1] Ba mươi pháp ba-la-mật: Ba-la-mật, Tàu âm từ chữ Pāramī, nghĩa là "đến bờ kia". Pāramī có bực thượng, bực trung và bực hạ, nên 10 Pāramī gồm: bố thí, trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, từ, xả trở thành 30 Pāramī.

- 10 Pāramī bực hạ: Tức là nếu hành 10 Pāramī nói trên ở cấp độ thấp nhất thì qua được bờ kia.
- 10 Pāramī bực trung: Tức là nếu hành 10 Pāramī nói trên ở cấp độ cao hơn thì qua được bờ trên (Upapāramī – Thượng Pāramī).
- 10 Pāramī bực thượng: Nếu hành trì 10 Pāramī ở cấp độ tối thắng, viên mãn thì qua được bờ cao thượng (Paramatthapāramī – Thắng Pāramī).

Đại Bồ-Tát Đản Sanh

Dưới chân ngọn Himalaya có vương quốc Kapilavatthu nhỏ bé nhưng núi sông xinh tươi, hùng vĩ, chính là quê hương từ ngàn xưa của dòng giống Sākya anh hùng đã đến đây lập quốc. Đức vua hiện tại là Suddhodana, hoàng hậu là Mahāmāyā. Mahāmāyā là em ruột của đức vua Suppabuddha ở vương quốc Koliya kế cận, cách nhau bởi con sông Rohini. Đức vua Suppabuddha lại kết duyên với bà Amitā Pamitā, là em út của đức vua Suddhodana. Vì vậy tình thân của hai vương quốc này như môi với răng, thiết cốt vô cùng.

Mahāmāyā kết tóc se tơ với vua Suddhodana năm vừa mười sáu tuổi. Bà có năm vẻ đẹp và sáu mươi bốn tướng tốt của người phụ nữ do sự tích lũy công hạnh lâu đời; tính tình mềm mỏng, dịu dàng, đoan trang, phúc hậu lại giàu lòng nhân ái nữa. Em ruột của bà là Pajāpati Gotamī cũng cùng chung mối lương duyên này, làm hoàng phi của vua Suddhodana. Thế nhưng, đã lớn tuổi mà hai bà vẫn không có con, đức vua trông người nối dõi đã mỏi mòn con mắt.

Ngày ấy, theo lệ thường vào mỗi buổi sáng, đức Mahāmāyā thức dậy thật sớm, tắm rửa sạch sẽ, nếu đúng kỳ

đầu và giữa tháng thì bà thọ bát quan trai giới[1]. Khi tiếng trống từ lâu thành đã điểm tàn canh ba[2] là lệnh bà đã chuẩn bị sẵn sàng cùng với thị nữ thắng kiệu ra ngoại thành, các phường ấp xa xôi để làm việc từ thiện. Đây là niềm vui của lệnh bà, mà chính đức vua Suddhodana cũng khuyến khích điều ấy. Nhà vua còn thầm nguyện rằng, biết đâu nhờ vậy mà các vị thượng đẳng thần trên đầu trên cổ thương xót mà ban cho họ một mụn con trai?

Lệnh bà Mahāmāyā bố thí rất nhiều; lúc rau trái, lúc y áo, lúc chăn nệm, lúc thuốc men, lúc lương thực gạo bắp, sắn khoai hoặc tiền bạc... Với tâm bi mẫn, lệnh bà bố thí có đến bốn ức[3] đồng tiền vàng vào mỗi ngày như thế. Những giọt sương nhân ái kia dẫu không thấm đẫm được sa mạc cuộc đời nhưng cũng mát dạ những loài lau cỏ thân phận thấp hèn, bé mọn!

Hôm kia, sau khi trao tặng hết đồng tiền cuối cùng, như có mối giao cảm linh thiêng nào đó, lệnh bà cảm thấy tâm hồn an vui, khoan khoái lạ lùng, niềm hỷ lạc lâng lâng no đầy suốt cả ngày. Đêm ấy, lệnh bà đi vào giấc ngủ an lành rồi từ từ chìm vào giấc mộng huy hoàng, mát mẻ. Tứ đại Thiên vương cao sang, chói sáng từ hư không hiện xuống, phò long sàng của lệnh bà đi vào những ngọn núi cao trên tuyết lãnh. Với cử chỉ nghiêm cẩn và đầy trân trọng, Tứ đại Thiên vương đặt lệnh bà trên tảng đá cao sáu mươi do-tuần[4], dưới gốc cây sāla cao một trăm do-tuần, gần ao lưu ly Anotattā, đoạn thỉnh lệnh bà xuống tắm. Các vì thiên nữ

---

(1) Bát quan trai giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không hành dâm, không nói dối, không dùng các chất say, không ăn quá ngọ, không múa ca hát xướng, trang điểm, phấn son và không nằm chỗ cao đẹp, sang trọng.

(2) Canh ba: Đêm Ấn Độ chia làm ba canh.

(3) Ức: 100.000

(4) Do-tuần (yojana): Đơn vị đo chiều dài – chừng 16 km.

kiều diễm đến nghinh tiếp lệnh bà bước xuống trên vùng hoa sen trắng tỏa hương ngào ngạt. Xong đâu đó, họ mang trân châu, bảo ngọc và hương hoa của cõi trời trang điểm cho lệnh bà rồi thỉnh lệnh bà vào nghỉ trong một tòa lầu bằng bạc.

Phía Bắc có một quả núi bằng vàng long lanh chóa mắt, đủng đỉnh bước ra một con voi trắng to lớn, sáu chiếc ngà như sáu cánh tay trân trọng ôm một đài sen trắng tươi thắm còn đọng sương mai. Bạch tượng đi quành về hướng Đông, tiến xuống phía Nam, rống một tiếng to, nhiễu ba vòng về phía hữu quanh long sàng rồi chui vào hông phải của hoàng hậu.

Đại bồ-tát, thiên tử Setaketu từ cung trời Tusita, thế là đã giáng sanh vào lòng Phật mẫu Mahāmāyā.

Sáng ngày, trong không gian còn tỏa nức mùi hương, lệnh bà cảm thấy tinh thần phơi phới và tâm hồn thanh khiết một cách kỳ lạ. Đức vua Suddhodana được nghe lệnh bà kể lại, lập tức lâm triều, cho vời sáu mươi bốn vị bà-la-môn tinh thông điềm triệu đến bàn về giấc mộng ấy.

Nghe xong, tất cả các thầy bà-la-môn đều phủ phục lạy mừng. Một vị cất giọng sang sảng:

- Quả thật là giấc mộng đại cát tường, tâu đại vương! Thế là hoàng hậu đã thọ thai một nhân cách phi phàm, cao cả; là linh khí kết tụ của núi sông, nhật nguyệt muôn triệu năm mới có một lần. Đây chính là một ân sủng thiêng liêng mà đức Brāhman đã ưu ái ban tặng cho đại vương.

Đức vua Suddhodana vô cùng đẹp dạ, ban thưởng trọng hậu cho các thầy bà-la-môn rồi truyền ngự y túc trực sẵn sàng để săn sóc sức khỏe cho hoàng hậu.

Tứ đại Thiên vương nhận được lệnh từ thiên chủ Sakka; thay nhau cầm bửu kiếm hộ trì lệnh bà luôn suốt mười tháng như thế.

Đại bồ-tát từ khi vào lòng Phật mẫu, gá thai bào, lần lần lớn lên, không hề làm cho lệnh bà khó chịu; trái lại, được sức khỏe, an vui và mát mẻ hơn. Thai nhi ngồi an nhiên ở trong bụng như một bức tượng vàng trong động báu, chân xếp kiết già, hướng mặt ra phía trước rất khác với phàm nhân.

Thế rồi... tháng ngày chim ca hoa nở, lá nẩy hương, chồi xanh nẩy ngọc, trăng thanh gió mát, phơi phới mây lành... khắp nơi cung tía lầu son, nhạc vui thanh thoát, tiếng cười nói dịu dàng... bao quanh hoàng hậu như tạo thêm duyên lành cho đấng Siêu Việt sẽ ra đời.

Đến ngày trăng tròn tháng Vesākha, theo phong tục thời bấy giờ, hoàng hậu xin được phép về kinh đô Devadaha, nước Koliya, là quê của lệnh bà để chờ ngày mãn nhụy khai hoa. Thế rồi, một toán phi mã cấp tốc mang thông điệp của đức vua Suddhodana sang đức vua Suppabuddha đưa tin ngày lệnh bà lên đường. Dân chúng cả hai nước hớn hở chào đón ngày vui, họ tự động sửa sang đường sá, cầu cống, khe rạch; nhà nhà treo đèn kết hoa, cờ ngũ sắc... rực rỡ, náo nhiệt, tưng bừng...

Hôm ấy, trời thanh, gió nhẹ; lệnh bà bước lên kiệu hoa có cung nga dìu hai bên. Hoàng phi Pajāpati Gotamī cùng thị nữ thân tín bước lên những chiếc kiệu sang trọng khác. Đoàn người rầm rộ lên đường, trước sau có hai đội quân danh dự của hoàng gia nai nịt, yên cương, quân phục, khí giới, giáp bào sáng chói, uy nghi trên thân chiến mã cẩn trọng hộ giá. Ra khỏi cổng thành kinh đô hoa lệ, đoàn xa giá lần ra ngoại ô. Hai bên đường, dân chúng hò reo, tung hoa, rảy nước. Khi tới một rừng cây sāla, thuộc lâm viên Lumbinī, giáp ranh biên địa hai nước, thấy phong cảnh xinh đẹp lạ thường, hoàng hậu Mahāmāyā truyền lệnh dừng lại. Lúc ấy cả rừng hoa sāla trổ hoa trái mùa, rực rỡ phô sắc giữa những mảng màu xanh biếc. Hoàng hậu Mahāmāyā thấy

lòng khoan khoái, thanh thản dạo chơi. Sao lạ? Không khí như ướp hương, muôn chim như trỗi nhạc; trời đất, cây lá, cỏ hoa... tất thảy đều xanh trong, mịn màng như nhung, như ngọc... Đến một gốc cây sāla đại thụ, hoa nở từ gốc tới ngọn, kết dệt như một tấm thảm gấm, Hoàng hậu ngước nhìn. Có một vòi hoa vươn dài ra, hoa to và đậm sắc - Hoàng hậu đưa tay định níu. Bất chợt, vòi hoa ấy đột nhiên oằn xuống rồi đặt nhẹ lên lòng bàn tay của lệnh bà. Ngay lúc ấy, hoàng hậu Mahāmāyā trở dạ, cung nga thể nữ hối hả giăng màn. Đại bồ-tát đản sanh trong giờ phút thiêng liêng này. Ngài ra khỏi lòng mẹ nhẹ nhàng như vị pháp sư duỗi chân bước xuống pháp tòa.

Và đồng thời, như va đập vào cánh cửa huyền mật, siêu nhiên; ba tầng trời thảy đều rúng động, đại địa chao đảo, nước biển trong bốn đại dương dâng cao, ầm ào vỗ giữa hư không. Thiên nhạc trỗi lên, thiên hoa tung bay; phạm thiên, chư thiên trong ba ngàn cõi mở hội vui mừng. Hai con rồng vàng trong mây xanh bay sà xuống, tuôn hai vòi nước nóng và lạnh ngào ngạt hương, tắm cho đại bồ-tát. Bốn vị đại phạm thiên ở cõi trời Tịnh Cư đứng bốn góc, giăng tấm lưới bằng vàng mịn đỡ thân đại bồ-tát không cho rơi xuống đất. Họ nói thoảng vào tai lệnh bà Mahāmāyā rằng:

- Xin hoan hỷ chúc mừng hoàng hậu. Vị ấu nhi này sẽ là một bậc thiên hạ vô song, trí tài và đức hạnh khắp cả ba cõi, sáu đường không ai dám sánh. Ngài chính là một bậc Vô thượng Chí tôn. Lời vừa dứt, Tứ đại Thiên vương đã che chiếc lọng báu và đưa tấm nhung mịn tiếp bồng ngài, rồi trao qua cho cung nữ ẵm ngài trên tấm lụa Dukala.

Bỗng, đại bồ-tát vùng đứng dậy, đi về hướng Đông bảy bước, dưới đất trồi lên bảy hoa sen đỡ bước chân ngài, có hai vị thiên bưng năm món triều phục của Chuyển luân Thánh vương đi hầu hai bên. Đại bồ-tát một tay chỉ thượng, một tay chỉ hạ, nói lên câu kệ:

"- Aggohamasmi lokasmiṃ
Seṭṭho jeṭṭho anuttaro
Ayamantimāme jāti
Natthi dāni punabbhavoti."

Nghĩa là: "Ta là chúng hữu tình cao quý và lớn hơn tất cả các loài trong tam giới. Đây là kiếp cuối cùng của ta. Ta sẽ không còn luân hồi tái sanh nữa."

Kinh kể rằng, ngay khi đại bồ-tát đản sanh, vì do túc duyên ba-la-mật từ nhiều a-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy cùng có bảy nhân vật đồng sanh để trợ duyên cho quả vị Chánh Đẳng Giác:

- Công chúa Yasodharā
- Ānanda, con hoàng thân Amitodana, em ruột đức vua Suddhodana.
- Channa - người hầu ngựa
- Kāḷudāyi - con một lão thần lương đống, sau này thỉnh đức Đại Giác về thăm Kapilavatthu.
- Ngựa Kaṇṭhaka
- Cây Bodhi - nơi Phật ngồi thành đạo.
- Bốn hầm châu ngọc.

Như vậy là nhằm ngày trăng tròn tháng Vesākha, năm sáu trăm hăm ba trước Tây lịch kỷ nguyên, tại kinh thành Kapilavatthu thuộc vương quốc Sākya cổ kính, bên ranh giới tây bắc Ấn Độ thuộc xứ Népal ngày nay, dưới chân ngọn Himalaya hùng vĩ, trong vườn Lumbinī, đã giáng sinh một hoàng tử mà sau này trở thành giáo chủ của những giáo chủ, đạo sư của những đạo sư vĩ đại nhất trên thế gian, trong lịch sử loài người, đó là đức Siddhattha, họ là Gotama, vua cha là Suddhodana, mẫu hậu là Mahāmāyā.

Lời Tiên Tri
Của Đạo Sĩ Asita

Toán phi mã cấp tốc mang tin lành về cung, đức vua truyền xa giá cùng toán quân hộ vệ thân tín rước hoàng hậu và hoàng nhi về triều. Tứ đại Thiên vương thâu hào quang, biến thành phàm phu cùng theo đoàn nghinh giá. Nhạc trời bay bổng, du dương và mưa hoa phấp phới tung bay suốt trên lộ trình. Chư thiên dùng phép ẩn thân xuống trần chung vui cùng trăm họ.

Thuở ấy, ở đỉnh cao Himalaya phủ tuyết trắng, có đạo sĩ Asita còn được gọi là Kāḷadevila đang ẩn cư. Ngài là bậc chân tu, đã đắc bát thiền và ngũ thông, tuổi cao, đức trọng; là bậc thầy của vương triều Sākya, thường được đức vua Suddhodana thỉnh đặt bát. Thỉnh thoảng, sau khi độ ngọ, ngài bay lên cung trời Đao-lợi để nghỉ trưa.

Sớm mai kia, vừa xuất định, đạo sĩ Asita chợt nghe trong hư không, tiếng gió rì rào, trong hương ngàn thoang thoảng... niềm hân hoan vui mừng của chư thiên. Đạo sĩ nhiếp tâm lắng nghe. Quả đất rung rinh dao động. Khắp mấy tầng trời nhã nhạc tưng bừng. Như viên lực sĩ với thời gian co tay vào hay duỗi tay ra, đạo sĩ Asita ngay tức khắc đã có mặt ở cõi trời Ba Mươi Ba! Thiên chủ Sakka cùng chư thiên

hôm nay phục sức đẹp lộng lẫy chưa hề có; chư thiên nữ kết tràng hoa tươi thắm, vũ ca xướng hát nhí nhảnh và vui tươi như những khúc trường xuân.

Thấy đạo sĩ xuất hiện, đoàn vũ ca ngưng bặt. Thiên chủ Sakka cung tay chào.

- Hôm nay đạo sĩ lại quá bộ lên chơi!

Đạo sĩ Asita cười đáp:

- Vâng! Không biết hôm nay có chuyện gì mà cả thiên đình có vẻ vui tươi hớn hở đến thế?[1]

- Đức đại bồ-tát vừa giáng sanh trên trần thế, sau này nhất định sẽ thành bậc Chánh Đẳng Giác không là điều đại hỷ sao, thưa đạo sĩ?

- Vâng! Nhất định vậy rồi, nếu đấy là sự thật!

Nói xong, khẽ cúi chào vua trời Sakka (Đế Thích), trong nháy mắt, đạo sĩ đã có mặt ở nhân gian. Thân gầy như hạc, tóc trắng như tuyết, đạo sĩ bước xuống từ đỉnh mây, chống hờ chiếc gậy trúc, thanh thản theo điềm báo triệu hỷ hoan của gió ngàn mà đi. Trước mắt đạo sĩ, đất trời như đổi khác. Nước biếc non xanh như phủ một làn khí nhẹ thanh bình. Vầng thái dương tuôn chảy ấm áp, hắt một thứ ánh sáng dịu dàng, mềm mại. Muôn chim ca hát líu lo, gõ hồi, điểm nhịp, réo rắt một khúc hợp tấu tươi mát lòng người. Đạo sĩ già nua cũng vui lây với vạn vật, máu huyết trong người ông chợt chộn rộn, nôn nao như được tiếp truyền thêm sinh lực. Hai chân của đạo sĩ nhẹ nhàng như sóng gợn trên đầu cỏ, trôi chảy thoăn thoắt dường như không một chút dụng sức nào...

Đến một xóm làng thấy nhân dân mở hội vui chơi, đạo sĩ dừng lại. Ai ai, mặt mày cũng hân hoan, đeo vòng hoa, mặc áo đẹp, nói cười nô nức...

Đạo sĩ hỏi:

---

[1] Có lẽ đạo sĩ không muốn dùng thần thông để thấy biết mọi chuyện, ngài chỉ muốn nghe sự cảm nhận của người khác.

- Có chuyện gì mà bà con mở hội vui tươi, hí hửng như thế?

Thấy một cụ già tiên phong đạo cốt, mọi người rất kính trọng, trả lời:

- Tiên nhơn không biết sao? Lệnh bà, hoàng hậu của đức vua Suddhodana vừa hạ sanh một quí tử. Tin truyền là đức vua sẽ ân xá tội tù, giảm thuế má, xuất của công cho trăm họ tiệc tùng vui chơi trong nửa tuần trăng!

Đạo sĩ gật đầu, tủm tỉm cười:

- Vậy là tốt! Vậy là điều đáng hoan hỷ!

Càng gần đến kinh thành Kapilavatthu, khung cảnh khắp nơi dường như càng tưng bừng náo nhiệt hơn. Lần này đạo sĩ không hỏi, mà xen vào đứng trong một đám đông người. Một chàng trai sát-đế-lỵ, có lẽ là dòng dõi Sākya đang say sưa, ba hoa nói:

- Lúc thọ thai, hoàng hậu tôn quí và nhân đức của chúng ta có một giấc mộng rất lạ lùng, quí bà con cô bác không biết đâu! Và bây giờ sinh ra cũng vậy, lạ lùng lắm! Đúng là con của thần linh!

- Lạ lùng như thế nào, thưa tướng công? Một người cất tiếng hỏi.

Chàng trai sát-đế-lỵ cười xòa rồi sau đó lủi mất. Một đám đông kế cạnh lại có người đang nói lên tấm lòng nhân ái của hoàng hậu Mahāmāyā đã hằng chục năm rộng tay bố thí và cứu vớt những người nghèo khổ. Bà lại tịnh tu trai giới. Quý hơn nữa, bà còn cứu tế thuốc men và tận tụy chăm sóc cho người bệnh neo đơn, cô độc!

- Đúng là vị bồ-tát!

- Chứ sao? Người khác cướp lời, cao giọng tiếp - Vì vậy cho nên thượng đế Indra mới cho người con trai yêu quí của mình giáng phàm, sinh ra đã biết nói, đi bảy bước nở bảy hoa sen? Thế gian này, từ xưa, từ thuở mặt trời, mặt trăng xuất hiện đến nay - có ai được như vậy, phải không?

Người khác phụ họa:

- Đúng vậy! Nghe nói ấu hoàng tuấn mỹ phi phàm, thanh cao, tú lệ...! Rõ không phải là người trần!

Vừa đến ngang đây thì bên kia đường phố có tiếng loa truyền của quân lính hoàng gia:

- Nghe đây! Nghe đây! Đức vua của chúng ta vừa hạ sanh một quí tử nên muốn chia vui cùng với trăm họ. Vậy ngày mai, tất cả tội tù đều được ân xá, các loại thuế má đều được giảm khinh. Riêng thuế nông nghiệp thì hoàn toàn được bãi miễn suốt ba mùa vụ. Khắp nơi, tại các công đường, lệnh đức vua là cho xuất công quỹ để dân chúng mở hội vui chơi! Nghe đây! Nghe đây...!

Đạo sĩ Asita lại gật đầu, tủm tỉm cười lần nữa!

Lát sau, ngài đã đứng trước cổng hoàng thành, nói với lính canh:

- Bần đạo là Kāḷadevila ở Tuyết Sơn, muốn được vào cung để chiêm ngưỡng dung nhan của hoàng tử!

Nghe tin, đức vua Suddhodana cả kinh, hối hả cho người ra nghinh tiếp, cung kính mời ngồi, sai dâng nước rửa chân tay và nước uống.

Đạo sĩ nói:

- Nhân dân cả nước đang nô nức vui mừng đấy, tâu bệ hạ!

- Trẫm vẫn cầu mong được như vậy! Hạnh phúc của họ chính là hạnh phúc của trẫm!

- Hoàng hậu vốn có tấm lòng nhân đức từ lâu nhưng bệ hạ nào có kém gì!

Đức vua Suddhodana vòng tay khiêm tốn:

- Trẫm không dám!

- Xem ra, vị ấu hoàng này không phải là người thường! Bần đạo muốn chiêm ngưỡng ngài một lát!

Đức vua Suddhodana rất đỗi vui mừng, vội truyền cho thị nữ bồng hoàng tử ra đảnh lễ đạo sĩ. Trước sự kinh ngạc

của đức vua, hoàng hậu, các vị lão thần, cung nga thể nữ; hoàng tử bỗng nhiên quay về phía đạo sĩ và đặt trọn cả hai chân lên mái đầu bạc phơ của ông!

Đang ngồi trên ghế, vị đạo sĩ già vội vã trỗi dậy, rất lấy làm kinh sợ, nghĩ rằng: "Vị ấu hoàng này oai đức lớn quá, vậy ta không nên tự làm hại mình!"; rồi lật đật bò sập xuống đất, hết sức thành kính cúi đầu đỡ hai chân của đại bồ-tát. Đức vua Suddhodana thấy vị chân tu, đạo cao, đức trọng làm vậy, cũng đâm ra sợ hãi, quỳ xuống lạy theo[1].

Đạo sĩ Asita vốn là bậc lão thông điềm triệu, tướng pháp, lại có cả bát định và ngũ thông. Riêng túc mạng thông thì ngài có khả năng thấy biết về quá khứ bốn mươi kiếp, thấy biết về vị lai hai mươi kiếp. Nên sau khi chăm chú quan sát bồ-tát một hồi, đạo sĩ khẳng định rằng: "Đức ấu nhi này, ba mươi lăm năm sau sẽ đắc quả vị Chánh Đẳng Giác không sai!"

Nghĩ vậy, đạo sĩ mỉm cười, niềm vui bừng bừng như một làn nắng hồng ửng trên khuôn mặt già nua. Ông cảm thấy mừng cho chư thiên và nhân loại. Bậc Đại Giác mà ra đời là kết tụ tất cả tinh hoa và linh khí của trời đất, kết tụ của vô lượng a-tăng-kỳ công đức và phước báu. Thế gian này sẽ nhờ trí tuệ của đức Đại Giác mà thoát được cảnh tối tăm của đêm đen sinh tử. Còn bản thân ông, đạo sĩ biết rõ rằng, sau khi thân hoại mạng chung ở đây, ông sẽ hóa sanh tức khắc vào cõi trời phạm thiên Vô Sắc[2]. Ở đấy thì cả ngàn đức Đại Giác ra đời cũng không cứu độ ông được. Nếu như thế thì thật là đau thương, vô phúc và bất hạnh cho ông! Chẳng thể nào ông có được duyên lành để nghe chánh pháp từ kim khẩu của đức Đại Giác Vô thượng Chí tôn này! Nghĩ đến

---

[1] Đây là lần thứ nhất vua cha Suddhodana lạy Bồ-tát.

[2] Đạo sĩ Asita đắc định "Phi tưởng phi phi tưởng" - tức là tầng định cao nhất của Vô sắc giới, có tuổi thọ 84 ngàn đại a-tăng-kỳ.

ngang đây, vô cùng thương cảm cho chính bản thân mình, đạo sĩ không thể làm chủ được cảm xúc, òa khóc nức nở!

Đức vua Suddhodana thấy vậy, lo sợ hỏi:

- Thưa đạo sĩ quý kính! Chẳng hay ngài xem tướng của hoàng nhi như thế nào mà thần sắc thay đổi đột ngột đến vậy? Trước thì ngài mỉm cười, vui sướng; sau thì ngài khóc lóc, sầu tủi! Có điểm bất tường nào về tướng mạo của hoàng nhi chăng?

Đạo sĩ Asita ngước mắt lên, cất giọng điềm đạm:

- Không phải thế đâu, bệ hạ! Tất cả mọi quý cách của cổ thư tướng pháp đều hội tụ đầy đủ nơi vị hoàng [1]nhi phi phàm này. Sở dĩ có buồn vui lẫn lộn, cười rồi lại khóc của bần đạo, nguyên do là vì như thế này đây: "Bệ hạ và mọi người hãy nhìn mà xem. Dung nhan và thần sắc của ấu hoàng vừa sáng tỏ vừa dịu dàng như mặt trời và mặt trăng cùng hòa hợp. Ánh mắt của ấu hoàng vừa nghiêm vừa dung, vừa bao la như biển lớn, vừa mát mẻ vừa xanh trong như nước hồ thu... Nói tóm lại, toàn thân ngài đầy đủ toàn bích ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của bậc Tối Thượng Nhân(1) không biết mấy chục quả đất sinh diệt mới

---

(1) 32 tướng quý của bậc Đại nhân (trích từ Mahāvagga,Mahāpadānasutta, Pātikavagga lakkhaṇasutta):

1- Lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn.

2- Hai lòng bàn chân có hình bánh xe, mỗi bánh có 108 ô, mỗi ô có 1000 hình ảnh tượng trưng khác nhau

3- Gót chân thon dài

4- Ngón tay, ngón chân dài

5- Tay chân mềm mại

6- Giữa các ngón chân có màng da lưới như chân vịt; 5 ngón chân dài bằng nhau; 2 bàn tay, trừ 2 ngón cái, 4 ngón còn lại dài bằng nhau

7- Mắt cá tròn như con sò và nằm cao

8- Hai ống chân có thịt đầy đặn như ống chân con sơn dương

9- Hai cánh tay dài quá đầu gối

10- Tướng mã âm tàng

hình thành nên được một ưu vật cổ kim hy hữu như vậy. Tướng cách của ấu hoàng vượt xa tướng cách của các bậc Đế vương, vượt xa cả Chuyển luân Thánh vương. Là đóa hoa Ưu Đàm kỳ diệu muôn triệu năm mới nở một lần, và thảy cả vũ trụ này đều được thơm hương!

Tâu bệ hạ! Trong tương lai, ấu hoàng sẽ đắc thành quả Phật, một vị đại A-la-hán toàn bích. Chúng sanh vạn loài sẽ nương nhờ giáo pháp của đức Đại Giác ấy mà thoát khổ được vui, được đến cõi miền chân phúc và tự do!

Tâu bệ hạ! Bần đạo cười vui là cười vui cho chúng sanh như vậy đó!"

11- Màu da vàng sáng như màu vàng ròng
12- Da mịn màng, trơn mượt, bụi không thể dính
13- Mỗi lỗ chân lông chỉ có 1 sợi lông
14- Lông mọc xoáy tròn 3 vòng về phía phải, màu xanh đen mượt
15- Có thân hình cao thẳng
16- Bảy chỗ tròn đầy, không lộ gân và xương: 2 sống bàn tay, 2 sống bàn chân, 2 đầu bả vai và cổ
17- Nửa mình trước đầy đặn như thân sư tử chúa
18- Giữa 2 vai không lõm khuyết
19-Thân cao cân đối như cây bàng, bề cao của thân bằng bề dài 1 sải tay
20- Cổ tròn đầy đặn
21- Cằm và quai hàm đầy đặn như cằm và quai hàm của sư tử chúa
22- Có nhiều dây thần kinh lưỡi nên vị giác hết sức bén nhạy
23- Có 40 cái răng
24- Răng đều đặn
25- Răng không khuyết hở
26- Có 4 răng nhọn phát hào quang sáng ngời. Răng trơn láng, bóng loáng, sạch sẽ, thơm tho
27- Lưỡi mềm mại, rộng dài – le đến 2 lỗ mũi, 2 lỗ tai và lên đến vầng trán
28- Giọng nói êm ả như giọng phạm thiên, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già
29- Mắt xanh đen lánh
30- Lông mi mềm và đẹp như lông mi con bò con
31- Có sợi lông trắng cong vòng bên phải như hình bán nguyệt mọc giữa hai chân mày
32- Có tướng nhục kế trên đầu

Đạo sĩ Asita ngừng một lát, đưa đôi mắt mờ đục, mệt mỏi nhìn ra xa rồi nói tiếp:

- Còn bần đạo khóc là khóc cho tự thân, sầu tủi, thương cảm cho bản thân mình. Bần đạo tiếc cho mình sẽ không kéo dài tuổi thọ chừng nửa thế kỷ nữa để được nghe chân lý từ kim khẩu của đấng Pháp vương. Vì khi ngài thành đạo, ba mươi lăm năm sau, và chuyển bánh xe pháp thì bần đạo đã lìa bỏ cõi đời này mà hóa sanh vào cõi trời Vô sắc bát định mất rồi! Thảm thương thay cho bần đạo phải sống ở đó quá lâu, nếu có trở lại trần gian thì đức Đại Giác đã an nghỉ trong cõi Niết-bàn thường tịch; và giáo pháp chơn chánh ấy đã theo mấy lần quả đất mà thành tro tàn hủy diệt còn đâu!

Tất cả mọi người có mặt như cùng chìm sâu với tâm sự, với nỗi niềm bi thương của vị đạo sĩ già nua. Lâu lắm, đạo sĩ mới quay qua hoàng hậu Mahāmāyādevī:

- Tâu lệnh bà! Chư thiên và nhân loại rất cảm kích và tri ân lệnh bà đã cưu mang một bậc Vĩ Nhân, một hiện thân Siêu Phàm. Lệnh bà sẽ trở thành một vị Phật mẫu đúng theo đại nguyện của lệnh bà nhiều kiếp trước. Ân đức và phước báu của lệnh bà quá lớn, hàm tàng một năng lực quá mạnh, sợ rằng thân thể nặng nề của thế gian tứ đại kia không đủ sức chở mang được nữa. Bảy ngày sau, lệnh bà sẽ từ bỏ nhục thân ấy, hóa sanh làm một vị thiên nam ở cung trời Tusita (Đẩu-suất)! Hơn bốn mươi năm sau, khi nhân duyên tròn đủ, chính đức Chánh Đẳng Giác - con trai vĩ đại của lệnh bà, sẽ lên cõi trời Ba Mươi Ba thuyết pháp để trả nợ ân huyết sữa; và lệnh bà sẽ đắc quả Thánh ở đấy, vĩnh viễn sẽ không còn trở lại chốn trần gian đầy thống khổ này nữa!

Thật quả như lời tiên tri của đạo sĩ Asita, bảy ngày sau, hoàng hậu Mahāmāyādevī không bệnh, mỉm cười lìa trần, tức khắc hóa sanh vào cung trời Tusita. Hoàng phi Mahā Pajāpati Gotamī, em ruột của lệnh bà, cùng kết duyên với đức vua Suddhodana, thay thế chị để săn sóc cho hoàng tử

với vô vàn tình cảm thiết tha và trìu mến. Mấy năm sau, bà được đức vua Suddhodana phong làm hoàng hậu, sanh được một con trai là hoàng tử Nanda, một gái là công chúa Sundarī Nandā nhưng bà cũng giao hai con mình cho mấy người nhũ mẫu chăm sóc. Bà muốn dành trọn vẹn tâm huyết và thì giờ để lo lắng cho người con sớm mất mẹ. Bà thương quý trẻ còn hơn cả hai đứa con được sinh ra từ núm ruột của mình!

Lễ Quán Đính

Khi hoàng tử chào đời được năm ngày, đức vua Suddhodana truyền làm lễ Quán đính[1] tức là lễ rưới nước lên đỉnh đầu và đặt tên, đồng thời phong hoàng tử làm Đông cung thái tử. Muốn bố cáo cho mọi người trong hoàng tộc, bên ngoại cùng toàn dân biết cuộc lễ trọng đại này, đức vua Suddhodana phát thiệp mời đức vua Suppabuddha, hoàng hậu Amitā Pamitā, các vị thân vương, lão thần quốc độ Koliya; các vị hoàng thân và phu nhân dòng tộc Sākya, các quan đại thần, các vị bô lão, thương gia, triệu phú... đại diện toàn dân cùng tham dự. Đặc biệt, đức vua cho mời thỉnh một trăm lẻ tám vị bà-la-môn hữu danh, trưởng lão và vai vế ở trong kinh đô để thiết lễ cúng dường.

Hoàng tử được đặt ngồi trên chiếc ngai nhỏ, được tắm bằng khăn tẩm nước thơm của trăm hoa, khoác hoàng bào được dệt bởi những sợi chỉ vàng, lấp lánh từng hạt trân châu. Sau đó, đức vua làm lễ đăng quang, phong ngôi thái tử. Một chiếc bình bằng vàng được một cung nữ quỳ dâng, đức vua Suddhodana cầm lên, đổ nước xuống đầu hoàng tử, lấy khăn

---

[1] Đổ nước lên đầu, theo tục lệ thời bấy giờ để làm để đăng quang phong thái tử hoặc phong vương

lau sạch rồi đội lên một chiếc mũ ngũ long đính kim cương và bảo ngọc. Cuộc lễ tắm rửa và đăng quang đã xong, giữa tiếng vỗ tay hoan hô vang rền của mọi người, thái tử vẫn ngồi điềm nhiên, bất động, trông uy nghi như một bức tượng vàng chói lọi.

Đến lễ xem tướng và đặt tên, một trăm lẻ tám vị bà-la-môn tiến cử lên đức vua tám người đại diện[1]: đấy là tám vị bà-la-môn thông thái, đức hạnh và nổi danh nhất. Người ta rất ngạc nhiên là giữa các bậc bà-la-môn trưởng thượng, bệ vệ, đỉnh đạc, râu tóc bạc phơ có lẫn một vị bà-la-môn rất trẻ[2], nước da trong sáng, dáng dấp quý phái, thần sắc quang minh chính đại.

Bảy vị trưởng lão bà-la-môn lần lượt được phép bước lên xem. Họ quỳ xuống bên cạnh thái tử, cẩn trọng nhìn ngắm rất lâu, vạch chân, vạch hoàng bào, xem lưng, xem bụng... Rồi họ đứng dậy, lùi ra xa, ngắm phải, ngắm trái, ngắm sau lưng... Ai cũng có vẻ thành kính, trang nghiêm và trân trọng.

Đến lượt vị bà-la-môn trẻ nhất, bước lên, chỉ chăm chú nhìn xem một vài điểm rồi lặng lẽ bước xuống, thần sắc vừa trang trọng, vừa hân hoan.

Đức vua Suddhodana và mọi người lặng lẽ theo dõi, quan sát thần sắc của từng vị. Thấy chẳng ai nói gì, đức vua bèn hỏi:

- Thưa chư vị bà-la-môn đáng kính! Tướng mạo của hoàng nhi như thế nào, có đủ trí tài để bảo vệ non sông xinh tươi giàu đẹp của các vì tiên đế không?

---

[1] Tên 8 vị bà-la-môn: Rāma, Yanna, Bhoja, Suyāma, Lakkhana, Dhoja, Sudatta, Koṇḍañña.

[2] Bà-la-môn trẻ là Koṇḍañña (Kiều-trần-như), sau này tu theo giáo pháp của Đức Thế Tôn, là người đắc quả đầu tiên trong giáo pháp của Đức Tôn Sư (trong nhóm 5 ông Kiều-trần-như).

Bất chợt, cả bảy vị bà-la-môn già đồng đưa lên hai ngón tay. Đức vua ngạc nhiên hỏi:

- Thế là sao?

Vị bà-la-môn lão niên, quắc thước nhất trả lời:

- Tâu đại vương! Chúng tôi đồng đưa lên hai ngón tay, như vậy chứng tỏ chúng tôi đã cùng một quan điểm về tướng pháp học, đều cùng một tiên đoán về vận mệnh tương lai của thái tử.

Tâu đại vương! Thái tử sau này chỉ có hai con đường. Nếu ở tại gia, thái tử sẽ trở thành một vị hoàng đế vĩ đại nhất trên thế gian; một vị Chuyển luân Thánh vương vô tiền khoáng hậu. Còn nếu xuất gia, thái tử sẽ đắc quả Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, cứu độ muôn loài chúng sanh đang chìm đắm, khổ đau nơi ba cõi, sáu đường.

Đến phiên vị bà-la-môn trẻ tuổi nhất, ông ta chỉ đưa lên một ngón tay, rồi nói:

- Tâu đại vương! Theo thiển ý của tiện thần, không có hai con đường ấy đâu, chỉ có một con đường duy nhất mà thôi! Với ba mươi hai tướng quý và tám mươi vẻ đẹp của thái tử, sẽ xác định chắc chắn một điều: Ngài không muốn trị vì thiên hạ, mà ngài sẽ sống đời xuất gia thoát tục, sẽ đắc thành quả Phật!

Lời tâu với giọng lời tự tin, vang ngân trầm hùng như tiếng chuông đồng của bà-la-môn trẻ làm cho cả cung triều lặng ngắt.

Một lo lắng xôn xao mơ hồ gợn lên trong tâm trí của đức vua Suddhodana, ngài quay sang bà-la-môn trẻ:

- Thưa đạo trưởng kính mến! Vậy sau này có điềm triệu gì, nguyên do gì mà con trai của trẫm sẽ từ bỏ ngai vàng điện ngọc để ra đi?

Vị bà-la-môn trẻ, tên là Koṇḍañña cung kính đáp:

- Khi nào có bốn vị sứ giả lần lượt xuất hiện!

- Cái gì là bốn sứ giả ấy?

- Già là sứ giả thứ nhất, bệnh là sứ giả thứ hai, chết là sứ giả thứ ba, và người xuất gia là sứ giả thứ tư đấy, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana trầm ngâm một hồi rồi hỏi tiếp:

- Ở đâu cũng có thể gặp bốn sứ giả ấy, đâu phải đợi đến lúc nào, thưa đạo trưởng?

Bà-la-môn Koṇḍañña đáp:

- Có cái già, cái bệnh, cái chết và người xuất gia rất bình thường, không làm ra ấn tượng nào, chẳng tạo nên cảm xúc gì! Nhưng có cái già, cái bệnh, cái chết và người xuất gia gây ra những xúc động rất mãnh liệt, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana chợt hiểu. Vậy thì sau này những người già nua tiều tụy, hình dong quá kinh khiếp thì đừng nên cho thái tử tiếp xúc. Những căn bệnh vật vã đau đớn, phong hủi gớm ghiếc, lở loét hôi hám thì phải cho về ở một nơi ngoại ô xa xôi nào đó. Và cái chết? Cái chết nào tạo ấn tượng và cái chết nào trông có vẻ bình thường? Có lẽ là những cái chết nhắm mắt, lặng lẽ xuôi tay, như một giấc ngủ là bình thường; còn những cái chết do đau đớn quằn quại, rên la, thất khiếu chảy máu, thân thể đứt khúc là những cái chết tạo nên sự xúc động cho con người. Còn người xuất gia? Đức vua Suddhodana không hiểu nên hỏi:

- Cả ba sứ giả trên thì trẫm biết, nhưng trẫm không hiểu về vị sứ giả thứ tư. Chẳng lẽ nào trẫm sẽ đuổi tất cả những người xuất gia dù là sa-môn, bà-la-môn... ra khỏi kinh thành, để sau này thái tử khỏi tiếp xúc với họ?

Bà-la-môn Koṇḍañña chợt mỉm cười:

- Chẳng phải người xuất gia nào cũng có được hình dong, tướng mạo, phong thái thanh cao, thoát tục đâu, tâu đại vương!

Vậy là đức vua Suddhodana đã hiểu tất cả. Sau này, ngài sẽ có biện pháp ngăn chặn bốn vị sứ giả kia là xong. Thái tử sẽ nối ngôi thiên hạ, sẽ trở thành một vị minh quân. Thái tử

không còn là niềm vui của ta, của hoàng tộc Sākya nữa, mà còn là niềm vui của cả nước.

Một ý nghĩ vừa nảy sanh, đức vua đảo mắt một vòng khắp cả triều thần và quan khách, hớn hở nói:

- Bây giờ đây, trẫm xin được trân trọng đặt tên cho thái tử. Vì sự xuất hiện của thái tử là Niềm Vui, là sự Toại Nguyện cho cả nước nên tên của thái tử là Siddhattha, họ là Gotama!

Mọi người thấy đức vua đặt tên quá hay nên đều vui mừng.

Một vị bà-la-môn già gật gù, lẩm bẩm:

- Siddhattha còn có nghĩa là Vạn sự Như ý, vị thái tử này phước báu sang cả, sau này ngài muốn gì thì được nấy!

Chợt một tiếng nói ở đâu đó vẳng ra, ai cũng nghe rõ mồn một:

- Siddhattha là Niềm Vui, đúng thế! Nhưng là Niềm Vui chung của chư thiên và loài người!

Lễ Hạ Điền[1]

Sākya là dòng họ cai trị một vương quốc cổ xưa, nhỏ bé, tuy không hùng cường giàu mạnh bằng các nước kế cận như Kosala, xa hơn là Māgadha nhưng nếp sống của người dân tương đối tươi đẹp và ổn định. Kapilavatthu là một kinh đô chính trị, văn hóa, thương mãi, kinh tế... phát triển đủ mọi ngành nghề, nhưng nông nghiệp vẫn là huyết mạch của xã hội.

Xa phía Bắc là những đỉnh núi quanh năm tuyết phủ, xuống phía Nam là những cánh rừng trù mật, rất nhiều lâm sản quí hiếm. Ở đây là miền ôn đới, khí hậu điều hòa. Con sông Rohini trước khi về biển đã để lại những cánh đồng mênh mông bát ngát giàu phù sa và khoáng chất. Bình nguyên này chính là vựa lúa nuôi sống mọi người, nên nghề nông được sự khuyến khích của nhiều triều đại.

Đức vua Suddhodana từ khi lên ngôi kế vị vua cha là Sīhahanu đã có con mắt nhìn xa trông rộng; chính đức vua Sīhahanu đã khai mở kiến thức cho con trai, liên kết với vương quốc Koliya, tạo thế "môi không hở thì răng không

---

[1] Lễ Hạ điền: Lễ xuống ruộng. Đây dường như là tập tục của tất cả các nước Đông phương, các xứ sở lấy nông nghiệp làm trọng.

lạnh", để đương đầu với đế quốc Kosala to lớn bên cạnh. Vị vua này lấy em gái của vị vua kia, kết nên mối thân thiết để tương trợ lẫn nhau. Vỗ yên về mặt chính trị, vua quay sang phát triển kinh tế, dân có giàu thì nước mới mạnh. Chính sách khuyến nông hiệu quả nhất là giảm thuế nông nghiệp, cấp phân giống và người cày thì phải có ruộng! Thế vẫn chưa đủ, hằng năm đức vua cao cả chí tôn còn cho tổ chức lễ "hạ điền" để đức vua, bá quan xuống ruộng cùng cày với dân! Chính hành động tế nhị và khôn khéo này mà nhân dân rất tri ân và thương kính đức vua hết mực!

Những cuộc lễ "hạ điền" ban đầu chỉ mang ý nghĩa khuyến nông mà thôi, nhưng dần dà nó biến thành ngày lễ vui của toàn xã hội. Bây giờ đã trở thành thông lệ cổ truyền...

Hằng năm, cứ vào tiết xuân bắt đầu có nắng ấm, đuổi đi cơn rét lạnh đông dài, là toàn dân xôn xao, nô nức chuẩn bị nông vụ. Trước đó ba ngày, đức vua cho dân chúng vui chơi. Đây là cơ hội cho tất cả mọi người, già trẻ, sang hèn, giàu nghèo đều được ăn mặc tươm tất, chưng diện tốt đẹp, đi đến những bãi vui chơi công cộng do triều đình đứng ra tổ chức.

Dịp này, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī dẫn thái tử Siddhattha cùng vài người tùy tùng lên chiếc xe tứ mã đi ngoạn du đây đó. Toàn thể kinh đô được trang thiết cực kỳ mỹ lệ, dân chúng ăn mặc đẹp đẽ, rực rỡ trăm màu như đàn bướm ngày xuân. Đức vua vén rèm cho thái tử, lúc ấy mới bảy tuổi xem quang cảnh rồi nói:

- Con thấy không! Kinh đô hoa lệ này mai sau là của con đấy! Muôn dân hạnh phúc ấm no, ăn mặc cao sang, tươi thắm kia chính là thần dân trung thành của con đấy!

Thái tử Siddhattha hân hoan, vỗ tay reo rồi quay sang bá cổ hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī:

- Mẹ! Mẹ! Hãy cho con ra vui chơi với họ!

Lệnh bà Gotamī mỉm cười, âu yếm:

- Chúng ta còn phải đi xem nhiều nơi nữa con ạ, sợ không đủ thì giờ đâu!

Chiếc xe tứ mã từ từ đi ra phía ngoại ô, đường sá phong quang, sạch sẽ, nhà nhà tỏa khói bình yên. Đức vua bảo xa phu ngừng lại, ngài dẫn thái tử leo lên một ngọn đồi nhỏ, đưa tay chỉ ra xa:

- Con thấy không! Từ những dãy núi trùng điệp, xanh thẳm kia cho đến những bình nguyên chạy dài xa hút đến tận phía chân trời này là giang sơn cẩm tú trù mật do tiên đế để lại. Mai này cũng là của con tất cả.

Cùng ngồi xuống thấp cho vừa tầm với thái tử, đức vua nhẹ vỗ vai con, giảng giải:

- Những vùng rừng xanh biếc dưới chân những dãy núi kia cho ta biết bao loại gỗ quí để làm cung điện, làm nhà cửa, bàn ghế, vật dụng cùng các loại hương liệu. Nó cũng hào phóng ban phát cho ta những lâm sản có giá trị khác như ngà voi, nhung, cao hổ cốt, trầm, quế... Bình nguyên này là kho gạo, nếp vĩ đại. Còn trong lòng đất này có biết bao nhiêu là vàng, ngọc... trân châu cùng các kim loại có giá trị khác. Sau này, con tha hồ mà sống một đời vinh hoa phú quí trong một quốc độ hùng cường và giàu đẹp.

Đến sáng ngày thứ ba, đức vua cùng quần thần, ngựa xe tấp nập, áo mão chỉnh tề ngự ra nơi đám ruộng thượng đẳng điền để cử hành cuộc lễ. Đoàn quân hộ giá dàn chào. Tốp lính nghi lễ và khánh tiết trần thiết bàn thờ và cử hành nhạc lễ. Một đoàn các thầy bà-la-môn ăn mặc sang trọng nhiễu quanh khu đất, khai kinh cầu thần linh phò hộ cho quốc thái, dân an. Đức vua Suddhodana quỳ bái vọng, cầu nguyện cho triều đại được trường tồn, muôn dân bá tánh cơm no, áo ấm.

Xa xa, dân chúng chen nhau lớp lớp, đứng đầy đặc, tung hoa, rảy nước...

Lễ hạ điền bắt đầu. Trống, kiền chùy, thanh la, não bạt... rộn ràng theo mỗi bước chân của đức vua lần lần đi xuống

ruộng. Vị quan phụ trách nông nghiệp chầu sẵn, nghiêng mình trao cho vua một cái cày. Con trâu to lớn, ngoan hiền, thuần thục nhất đã được chuẩn bị. Thế rồi, vài nhát roi nhẹ nhàng của bậc vương giả, con trâu đủng đỉnh kéo những đường cày, xẻ từng luống đất ngọt mềm.

Sau khi cày xong ba đường tượng trưng, các vị trọng thần kế tục cày thêm mỗi vị chín đường. Thế là, nhân dân các đám ruộng kế cận, và nhân dân cả nước, noi gương đức vua, bắt đầu nông vụ.

Trong khi ấy, rải rác khắp nơi, các bãi đất trống, dưới những tàn cổ thụ, dân chúng tổ chức những cuộc vui chơi như hát kịch, diễn trò, hò đố, xúc xắc, đô vật... Thật là cảnh thái bình, thịnh trị.

Thái tử Siddhattha cũng được phép vua và hoàng hậu, theo thị nữ đi chơi trên cái kiệu vàng, rèm che, sáo phủ. Đến nơi, họ khiêng kiệu thái tử để trong bóng mát cây hồng táo bên cạnh bờ ruộng, rồi rủ nhau đi chơi đây đó.

Thái tử Siddhattha không mấy khi mà được ở một mình tự do như thế. Ngài sung sướng bước xuống kiệu, cởi đôi hài vương giả, thò hai bàn chân đặt xuống đám cỏ mềm, mát lạnh. Nắng nhẹ long lanh trải tấm lụa vàng, gió thoảng hiu hiu, xôn xao, vui tươi cành lá. Thái tử ngồi xuống, tâm hồn yên ả, đưa mắt ngây thơ, trong sáng, nhìn gần rồi lại nhìn xa... Những luống đất mới cày phơi dưới ánh nắng mặt trời, lộ ra những thân giun quằn quại, đứt lìa. Một đàn chim nhỏ tự trời cao sà xuống, cắn mổ nhau chí chóe rồi cắp những thân giun đầm đìa máu, bay đi...

Thái tử Siddhattha cảm xúc mạnh. Một va động mơ hồ như gõ lên vùng tâm thức tuổi thơ; những liên tưởng với những hình ảnh không biết từ đâu lần lượt hiện về. Thế rồi, trong đầu óc non trẻ tiềm tàng trí tuệ siêu đẳng ấy hằn lên nét suy tư về sự tranh sống tàn khốc của muôn loài... Lũ chim nhỏ kia, sau khi tha những con giun bay đi, nó có được

bình yên chăng? Một con chồn rình sẵn ở đâu đó sẽ nhảy ra vồ chụp, cắn xé rồi nhai nuốt ngấu nghiến. Rồi con chồn kia có được bình yên chăng? Một con beo, con cọp... sẽ nuốt tươi xác chúng. Rồi một gã thợ săn thiện xảo sẽ bắn hạ cọp, beo bằng những mũi tên tẩm độc... cũng vì sự sống của mình. Đôi bò, đôi trâu kia oằn lưng kéo cày dưới cơn nắng thiêu đốt, dưới làn roi vọt mới có được nắm cỏ, nắm rơm! Những bác nông phu kia, vắt kiệt sức lực, mồ hôi nhễ nhại may ra mới đổi được bát cháo, bát cơm! Con vật này ăn thịt con vật kia để duy trì mạng sống; và ngay mạng sống của chúng cũng đang bị đe dọa xé xác bởi những con vật lớn hơn. Rồi con vật lớn hơn kia cũng chỉ làm tấm bia thịt cho những cánh cung đang giương sẵn! Ôi! Lẽ sinh tồn mạnh được yếu thua là một cái gì thật tàn khốc và nghiệt ngã. Chẳng lẽ muôn đời, mọi loài, mọi vật cứ tương tàn, tương sát như vậy sao?

Đối với thái tử, vậy là vạn vật với khung cảnh êm đềm không còn nữa. Một đám mây xám đã bay qua vòm trời xanh biếc. Thái tử ngồi bắt tréo chân theo thế hoa sen, nhắm mắt lại, trầm ngâm, lặng lẽ. Trái tim xao xuyến. Da thịt rung nhẹ. Lát sau, những âm thanh lao xao ở xung quanh chìm vào cõi mơ hồ, xa vắng. Thái tử để tâm thư thái, hồn nhiên của trẻ thơ - lắng nghe hơi thở, khí an tĩnh dần dần tỏa ra, ngoại giới vong bặt. Thái tử đạt được tâm phỉ, tâm an rồi dễ dàng trú vào định sơ thiền[(1).]

Cung nga thị nữ có bổn phận trông nom thái tử, lén chạy đi xem cuộc vui, rất lâu sực nhớ lại, hốt hoảng chạy về nơi để kiệu. Kỳ lạ làm sao, mặc dầu mặt trời đã ngả xế, bóng đại thụ của cội hồng táo vẫn đứng yên, phủ bóng mát bao trùm thái tử như một tàn lọng vĩ đại. Thấy thái tử ngồi nhắm mắt

---

[(1)] Sơ thiền: Là định có tầm, tứ, phỉ, lạc, nhất tâm. (Định ngàn xưa của bà-la-môn.)

bình lặng, cốt cách uy nghi như một tiểu đạo sĩ, cung nga thị nữ vội vã đến tâu lại tự sự cho đức vua Suddhodana hay.

Đức vua hối hả tới nơi, thấy thái tử thần sắc an nhiên tự tại, ngồi tham thiền vững chắc như một ngọn núi, sinh lòng kính trọng, quỳ xuống chắp tay xá rồi nói:

- Hỡi này con yêu quí! Đây là lần thứ nhì, phụ vương đảnh lễ con đây!

Con Đường Học Vấn

Hôm kia, đức vua Suddhodana nói chuyện với hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī:

- Hậu có thấy không! Trẫm cảm thấy rất lo ngại vì trẻ Siddhattha không giống với mọi trẻ con khác. Nó lúc nào cũng lặng lẽ, ít nói. Giữa cuộc vui không bao giờ nó cười nói quá lớn tiếng. Nó thích ngồi một mình. Khó ai có thể biết được trong đầu óc nhỏ bé, xinh xắn ấy đang suy nghĩ chuyện gì?

Hoàng hậu Gotamī góp ý:

- Siddhattha đã tám tuổi mà hoàng thượng vẫn không cho nó gặp gỡ, chơi đùa với bọn trẻ con các vị hoàng thân. Nó cô độc, nó buồn là phải.

Đức vua Suddhodana lắc đầu:

- Ta lại nghĩ khác. Giữa bọn trẻ cùng lứa, nó như là một con phượng hoàng. Cốt cách của nó quí phái và cao sang quá. Nó sau này xứng đáng làm một vị Chuyển luân Thánh vương; và đấy cũng là mơ ước của các vì tiên đế dòng Sākya hùng mạnh.

Hoàng hậu Gotamī cất giọng nhu thuận:

- Siddhattha đã đến tuổi học vỡ lòng.

- Đúng vậy! Đức vua gật đầu - Ta đang nghĩ đến một sự giáo dục riêng biệt, độc lập! Nó phải được một sự giáo dục đặc biệt để chuyển hóa nhân cách, thăng hoa phẩm chất. Giáo dục cũng có thể thay tâm đổi tánh, thay đổi cả định mạng con người, hà huống một vài cá tính lặng lẽ, trầm mặc không đáng kể?

Hẳn nhiên, khi nói như vậy là đức vua đang bị ám ảnh bởi lời tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña. Nền giáo dục mà theo đức vua nghĩ, là làm sao cho thái tử biết mến trọng ngôi cao, biết yêu quý sơn hà xã tắc để từ bỏ ý định ngông cuồng xuất gia tìm đạo. Bà Gotamī lại nghĩ khác. Thái tử còn thơ nên phải cho sống như tuổi thơ. Phải cho thái tử cùng đi chơi đùa với bọn trẻ, cho thái tử được sống đời hồn nhiên nô đùa, chạy nhảy, ca hát, cười reo. Chính ghép mình vào đời sống không giao tiếp với ai thì Siddhattha càng hun đúc thêm cá tính trầm mặc, càng thu rút mình lại; vừa đánh mất sự hồn nhiên của tuổi thơ, vừa đẩy Siddhattha xa rời ngai vàng hơn nữa. Nhưng bà không dám nói. Ý của vua là vô thượng chí tôn!

Sáng ngày, trong buổi thiết triều, đức vua Suddhodana nói với bá quan:

- Nay Siddhattha đã lên tám, quả nhân muốn chọn một vị phụ đạo để chăm lo giáo dục cho thái tử, vậy chư khanh hãy tiến cử cho quả nhân một vị bác học hiền tài.

Sau một hồi thảo luận, bá quan đồng thanh kết luận:

- Tâu đại vương! Trong quốc độ chỉ có bà-la-môn Svāmitta mới xứng đáng nhận lãnh trọng trách này. Vị ấy tài cao bác học, văn võ tinh thông, kinh điển nằm lòng, còn là nhà ngôn ngữ, đo lường, thiên văn, địa lý, y thuật... nữa. Điều đáng quí hơn, vị ấy đạo đức nghiêm minh, sống đời không nhiễm thế tục, khiêm nhu, hiền thiện... mà danh thơm, tiếng tốt như hoa mạn-đà-la dịu dàng lan tỏa ra khắp muôn phương.

Đức vua Suddhodana gật đầu hài lòng:

- Được rồi, thật là quí báu. Hoàng nhi của trẫm phải có được bậc thầy lỗi lạc như vậy. Cả đức và tài phải bao trùm thiên hạ như vậy.

Một vị lão thần chợt đứng dậy tâu:

- Bà-la-môn Svāmitta là bác học của những nhà bác học. Nhưng giáo dục cho thái tử tôn quí sau này trở thành một đấng Minh vương thì phải cần có một hội đồng giáo sư, đại vương mới yên tâm được.

- Đúng thế! Đức Suddhodana tỏ lời khen ngợi - khanh thật là chu đáo, quả là kiến thức của một bề tôi lương đống. Thôi, các khanh hãy cứ thế mà làm!

Sớm mai kia, một bà-la-môn quắc thước, tinh anh, tóc bồng như mây, ăn mặc giản dị, tươm tất xuất hiện trước vương cung. Đức vua Suddhodana cho người cung đón vào triều, nói rõ mục đích của học vấn và những yêu cầu nghiêm túc khác. Bà-la-môn kính cẩn lắng nghe rồi khẽ cúi đầu khiêm tốn:

- Hạ thần sẽ cố gắng hết sức mình, tâu đại vương!

- Còn việc bổng lộc thì khanh chớ lo. Trẫm cũng khá chu đáo và rộng rãi về điều ấy, miễn là thái tử trở nên người xuất chúng về mọi lãnh vực.

- Hạ thần không dám!

Ngay lúc ấy, thân vương Amitodana dẫn vào ra mắt tám thầy bà-la-môn khác, trình với đức vua đây là những phụ tá, mỗi vị uyên bác, sở trường từng môn học khác nhau.

Ngắm nhìn các thầy bà-la-môn, vị nào trán cũng rộng phẳng, mắt sáng có thần, phong thái, cử chỉ đều thanh nhã, cái nhìn vững chắc và trầm lặng, biểu hiện một học vấn uyên thâm; đức vua vô cùng đẹp dạ. Ngài phán lệnh truyền cho làm ngay một bữa tiệc nhẹ để thết đãi hội đồng giáo sư rồi phó thác thái tử Siddhattha cho các thầy trông nom. Đức vua

gọi thị nữ thỉnh lệnh bà Gotamī mang thái tử ra mắt các thầy dạy học.

Svāmitta và tám thầy bà-la-môn mấy năm gần đây đã nghe tin đồn như sấm dội bên tai về vị thái tử này, họ đã nắm những thông tin rất đầy đủ về sự xuất hiện của một nhân cách phi phàm nhưng chưa được diện kiến. Bây giờ tha hồ cho họ chiêm ngưỡng dung nhan vị thái tử nhỏ bé. Đây là lần thứ nhất trong đời, họ thấy được một người, như là một cái gì toàn bích, chí thiện và chí mỹ mà tạo hóa đã dày công kiến tạo nên! Dường như là mọi tinh hoa cao quý, mọi phẩm chất tối thượng của vũ trụ đều đã được chắt lọc để kết dệt nên một con người!

Svāmitta thấy rõ điều ấy mà tám thầy bà-la-môn cũng thấy được điều ấy, nên sau buổi ra mắt, họ đã cùng ngồi với nhau soạn thảo một chương trình giáo dục không phải để cho những đứa trẻ thông minh, lanh lợi - mà chỉ để dành cho những trẻ thần đồng, thiên tài bẩm sinh!

Đức vua Suddhodana, các vị thân vương như đức Dhotodana, đức Sakkedana, đức Sakkodana, đức Amitodana, đều là anh em ruột của vua, sau khi xem chương trình giáo dục mà các thầy bà-la-môn đệ trình, họ thảng thốt kêu lên rồi nói:

- Chưa một đứa trẻ nào trên thế gian này mà có thể theo đuổi được một chương trình nặng nề như vậy.

Svāmitta kính cẩn tâu:

- Xin đại vương hãy an tâm, chúng hạ thần đã được hân hạnh xem tướng mạo thái tử, đúng là một nhân cách ưu việt, muôn triệu năm mới có được một người! Chương trình này được soạn thảo sau khi chúng hạ thần đã thảo luận, bàn bạc, nghiên cứu rất kỹ càng. Trong buổi khai giảng đầu tiên, xin mời đức vua, các đức thân vương cùng các vị lão thần đến chứng minh ngày khai giảng buổi học.

Đức vua vô cùng hồ hởi chọn ngày lành tháng tốt để thái tử học lớp khai tâm.

Sáng hôm ấy, thái tử áo mão chỉnh tề, ngồi ngay ngắn, trước mặt là tấm bảng gỗ hồng đàn hương cẩn ngọc quý trên rải lớp cát trắng mịn. Thái tử tay cầm cây cọ nhỏ ngước mắt ngây thơ, thản nhiên nhìn mọi người xung quanh.

Svāmitta cung bẩm đức vua là giờ học bắt đầu. Ông ta ngắm nghía thái tử như ước lượng sự thông minh của ngài rồi trầm ngâm, lặng lẽ. Đức vua và mọi người hồi hộp chờ đợi.

Bất đồ, Svāmitta cất giọng ngâm lớn:

"- Án,
Nhập định tham thiền quán thái dương
Linh quang rỡ rỡ chiếu muôn phương
Thành tâm khẩn nguyện ơn trên xuống
Mở thức, nghe kinh hiểu tỏ tường".

Rồi ông ta đột ngột nói:

- Tâu thái tử! Xin ngài hãy đọc lại bốn câu kệ ấy xem thử thế nào?

Đức vua và mọi người đưa mắt nhìn thái tử ra chiều lo lắng. Thái tử khẽ đứng dậy, vòng tay kính cẩn nói:

- Thưa vâng, bạch thầy A-đồ-lê![1]

Rồi thái tử đọc bốn câu kệ ấy một cách lưu loát, dễ dàng. Bất giác mọi người vỗ tay hoan hô, tán thán vui mừng.

Svāmitta dáng điệu nghiêm cẩn, thò tay cầm cây cọ viết rất nhanh và đẹp bốn câu ấy lên bảng cát trắng, rồi khẽ cúi đầu:

- Điện hạ hãy xem qua cho kỹ, sau đó hạ thần sẽ xóa đi. Và bốn câu kệ ấy, hy vọng rằng điện hạ sẽ viết lại được!

---

[1] Ācariya: Đọc âm là A-xà-lê hay A-đồ-lê - thầy giáo, giáo thọ.

- Thưa vâng! Bạch thầy A-đồ-lê! Xin thầy hãy an tâm, đệ tử sẽ tuân lệnh và cố gắng làm như vậy.

Xong, thái tử mỉm cười, cây cọ chợt bay loang loáng trên bảng cát đã bị xóa, nét chữ vui tươi, nhí nhảnh, nhảy nhót rất linh động, thoáng là xong ngay.

Đức vua và mọi người tròn mắt, sững sờ trước trí nhớ phi thường của thái tử. Riêng Svāmitta không có vẻ ngạc nhiên gì lắm, ông khải tấu:

- Tâu đại vương! Đấy là điều mà hạ thần tiên lường được khi trông thấy dung mạo của thái tử. Vậy thì chương trình học như vậy, xin đại vương hãy chuẩn y cho!

Đức Suddhodana mỉm cười:

- Ta đồng ý. Vậy xin các khanh hãy chăm lo phận sự của mình, đừng phụ lòng trẫm.

Svāmitta và tám vị bà-la-môn đồng đứng dậy, cúi đầu. Đức vua, các vị thân vương, các vị lão thần rời phòng học với sự hân hoan chưa từng có: rằng là đất nước Sākya anh hùng đúng là vừa sanh ra được một đấng minh quân. Trong tương lai không xa, hy vọng rằng, Kapilavatthu sẽ thoát khỏi thân phận của một nước chư hầu, biết bao đời nay đã chịu lệ thuộc đế quốc Kosala hùng mạnh ở bên cạnh.

Thái tử Siddhattha thế là bắt đầu ghép mình vào một chương trình học vấn đầy khó khăn và nghiêm túc. Bà-la-môn Svāmitta phân chia môn học cho tám thầy bà-la-môn đảm trách, còn mình thì phụ trách tổng quát, theo dõi, hướng dẫn và hầu hạ thái tử trong sinh hoạt hằng ngày.

Mỗi ngày, khi trống hoàng thành vừa báo hiệu hết canh ba là thái tử đã được Svāmitta lễ độ đứng bên cửa rung chuông thức dậy. Việc đầu tiên là Svāmitta hướng dẫn nghi thức làm vệ sinh buổi sớm theo cung cách của một "tiểu hoàng đế". Svāmitta hướng dẫn cách ngồi, cách chà răng và lưỡi, súc miệng bằng nước thơm soma. Hai thị nữ được lệnh bà Gotamī khiêng thùng nước ấm tẩm hương tắm cho thái

tử, lau sạch thân thể, rỏ thuốc vào mắt. Thái tử được thay áo mới, hài và mũ mới, trang điểm bằng trân bảo và những đóa hoa tươi. Bà-la-môn Svāmitta thỉnh thái tử sang phòng tĩnh tâm, học cách điều tâm điều tức, học hattha-yoga...

Đến giờ điểm tâm, hai người thị nữ khác mời thái tử sang phòng ăn được trang trí vui tươi, mát mẻ. Những thức ăn thượng vị bày trên những đĩa vàng, đĩa bạc, hương thơm ngát và màu sắc rất gợi cảm. Svāmitta vừa định hướng dẫn cách ngồi, cách ăn của bậc vương giả thì thái tử đã chậm rãi ngồi xuống thảm, xếp bằng thế liên hoa, hai tay chắp lại. Rồi với cử chỉ từ tốn, chậm rãi, thái tử ăn từng chút một, ăn cẩn trọng, nhai nuốt cũng rất cẩn trọng. Svāmitta cảm phục quá, thốt lên:

- Cách ngồi, cách ăn của điện hạ còn linh động hơn, nghiêm túc hơn cả kinh sách từ ngàn xưa để lại!

Hoàng hậu Gotamī mỉm cười, hãnh diện:

- Tất cả đều như có sẵn từ bẩm sinh, hoàng nhi dường như không cần ai chỉ dạy điều gì cả, từ việc ngủ nghỉ, nằm, ngồi, đi, đứng...

Svāmitta nói:

- Đúng thế, thưa lệnh bà! Ngay chính những nghi thức được hướng dẫn sáng nay, thái tử cũng nắm rất rõ, thực hành rất thuần thục. Vậy, từ nay, chỉ xin lệnh bà cho thị nữ rung chuông nhắc nhở về giờ giấc mà thôi. Đúng giờ, các thầy bà-la-môn sẽ gặp thái tử ở phòng học.

Svāmitta cung kính chào lệnh bà Gotamī và thái tử rồi lui ra.

Khi ánh bình minh vừa ló dạng ở chân trời là thái tử bước vào phòng học, theo một chương trình học vấn rất nặng nề. Thời gian đầu, thái tử được học về văn chương, ngôn ngữ cùng văn phạm, cú pháp. Xen kẽ giữa chúng là các bộ môn về nghệ thuật: Thi ca, hội họa, cách sử dụng các loại đàn, xướng âm, thẩm âm... Nhưng nhận thấy sự tiếp thu dễ

dàng của thái tử, Svāmitta mở rộng một chương trình thăm dò thiên tài bẩm sinh của thái tử, bằng cách cho học thêm, khái quát về các bộ môn lịch sử, tư tưởng triết học Vệ-đà, thiên văn, địa lý, y thuật, toán học, đo lường, võ học...

Thấy thầy dạy như thế nào, thái tử học chừng đó, rất thoải mái, không quên điều gì, không hỏi điều gì; lạ lùng quá, bà-la-môn Svāmitta bèn hỏi:

- Điện hạ có thấy khó khăn không?

- Dạ không, thưa thầy A-đồ-lê!

- Đêm về, điện hạ có học lại bài không?

- Dạ không, thưa thầy A-đồ-lê!

Nhăn mày khó hiểu, Svāmitta hỏi tiếp:

- Vậy thì điện hạ học xong là thuộc ngay ư?

- Thưa đúng vậy!

Svāmitta nhìn người học trò bé nhỏ lúc nào trả lời cũng vòng tay, cúi đầu, thưa gởi rất lễ độ - mà không hiểu ra làm sao cả!

Chợt thái tử hỏi:

- Tại sao các thầy A-đồ-lê lại dạy một chương trình quá ít ỏi mà không dạy cho nhiều hơn?

- Ý điện hạ muốn nói về môn học nào?

- Dạ thưa, về tất cả các môn! Dường như các thầy còn muốn giấu tài, không muốn dạy hết cho đệ tử!

- Điện hạ có thể lấy ví dụ được không?

- Dạ được - Thái tử gật đầu rồi nói tiếp - Ngay bài kệ đầu tiên mà thầy A-đồ-lê đọc, thầy A-đồ-lê chỉ đọc một bài, trong khi đó, còn không biết bao nhiêu bài kệ nổi tiếng khác ở trong cổ thư, cổ kinh... tại sao các thầy không đọc hết cho đệ tử nghe?

Nói xong, trước đôi mắt kinh dị của Svāmitta, thái tử cầm cọ viết lên bảng cát từ bài kệ này sang bài kệ khác. Viết xong lại xóa, xóa xong lại viết, liên miên bất tận trước đôi mắt càng ngày càng mở lớn của Svāmitta. Chừng năm bảy

bài đầu tiên, Svāmitta còn biết, còn nhớ... nhưng càng về sau, Svāmitta càng mơ hồ và mù tịt.

Svāmitta đứng sững như trời trồng. Thái tử Siddhattha hồn nhiên nói tiếp:

- Ngay chữ viết cũng vậy, các thầy A-đồ-lê cũng giấu tài! Còn nhiều thứ chữ, cách viết rất lạ lùng nữa kia, sao các thầy không dạy?

Nói xong, thái tử thò tay lên bảng cát. Rồi lần lượt các thứ chữ Nāgari, Daksina, Nī, Maṅgola, Parusā, Yava, Tirthi, Ūka, Tarat, Sikhayanī, Manā, Madhayācārā... lần lượt hiện ra... Không dừng tay lại được, thái tử còn viết các thứ chữ như ký hiệu, chữ của cổ nhân còn lưu trong các thạch động; chữ của thổ dân miền duyên hải, miền núi; thứ chữ của những người thờ thần lửa, thần rắn, thần mặt trời; chữ của những chiêm tinh gia ở những lâu đài cổ kính trên sa mạc...

Như trên đà hưng phấn, tiếp nối được kiến thức uyên thâm từ nhiều đời kiếp, thái tử lần lượt viết lên bảng cát tất cả cổ ngữ, ngâm nga các mật kệ của rất nhiều chân sư trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề!

Svāmitta quỳ mọp xuống, chắp tay kính cẩn thốt lên:

- Kính lạy thái tử! Ngài chính là vị Thánh Tổ của ngôn ngữ và văn học. Hạ thần dù có thụ giáo suốt đời cũng chưa hết, thì đâu còn dám dạy thái tử về môn học này?

Thái tử Siddhattha nâng vị thầy già đứng dậy:

- Nhưng mà các ngôn ngữ hiện nay của các nước, của các bộ tộc, các thổ dân thì đệ tử đâu có biết? Xin thầy A-đồ-lê đừng tự hạ mình như thế. Đệ tử còn phải học nhiều mà!

Kinh nghiệm về môn ngôn ngữ và văn học, tức tốc, Svāmitta cho triệu tập ngay hội đồng giáo sư, nói rằng:

- Trong thời gian các ngài phụ trách về môn học của mình, có ai phát hiện điều gì lạ lùng về sở học của thái tử không?

Tất cả như đồng thanh đáp: "Thưa có". Rồi một vị bà-la-môn đứng dậy nói:

- Tôi phụ trách toán học và đo lường. Mới đây tôi mới phát hiện được rằng, về môn học này, thái tử đúng là một vị Thánh Tổ!

Hồi hộp, Svāmitta bèn nhướng mắt hỏi:

- Ngài hãy kể lại những chi tiết cụ thể để hội đồng cùng thẩm định.

- Đầu tiên, tôi dạy thái tử cách đếm từ một, hai, ba. Tôi đếm trước, thái tử đếm sau. Tôi đếm đến mười ngàn, thái tử đọc lại một cách vanh vách. Tôi dừng lại ngang đó rồi bảo rằng, phải đọc đi đọc lại mãi cho thuộc chớ đừng ỷ y trí nhớ phi thường của mình. Thái tử vâng dạ rất lễ độ. Những giờ tiếp theo tôi dò bài rồi học tiếp, cũng là cách đếm, cho đến một trăm ngàn (một lakh).

Hôm kia, chợt thái tử nói:

-"Sao thầy A-đồ-lê không dạy cách đếm đến một koti (một triệu), mười koti, trăm koti, ngàn koti, trăm ngàn koti, triệu koti, triệu triệu koti?"

Ngạc nhiên quá, tôi hỏi:

-"Vậy thái tử đếm được chừng nào?"

Thái tử nói:

- "Đệ tử sẽ đếm, nhưng có chỗ nào sai, xin thầy A-đồ-lê chỉ giáo cho!"

Vị giáo sư bà-la-môn toán học và đo lường ngưng nói, mọi người đổ dồn đôi mắt, chăm chú... Ông chậm rãi tiếp:

- Thật là không thể tưởng tượng được. Thái tử đếm. Thái tử đã tự đếm đến con số tỷ tỷ. Thái tử đếm tới con số dùng tính các phân tử của quả địa cầu, đếm đến các con số dùng tính các vì sao, đếm đến các con số dùng tính những giọt nước trong biển cả, đếm đến các con số dùng tính các loại vòng, đếm các con số để tính những hạt cát sông Gaṅgā, đếm đến con số mười triệu hạt cát sông Gaṅgā làm một đơn

vị để từ đó tính đếm con số a-tăng-kỳ (asaṅkheyya), lấy con số a-tăng-kỳ làm đơn vị để tính những giọt mưa trên thế giới rơi luôn luôn đêm ngày không ngớt trong mười ngàn năm! Sau cùng là tính đếm con số một đại kiếp (Mahākappa), đếm đến con số của các vì linh thần dùng để tính quá khứ, vị lai...

Hội đồng giáo sư ngồi im phăng phắc. Tiếng con thằn lằn chắt lưỡi thở dài ở đâu đó. Mọi người đều lạnh mình.

Vị giáo sư nói tiếp:

- Chưa hết. Về đo lường, thái tử có thể có những con số tính toán lạ lùng như sau: mười pa-ra-ma-nút bằng một pa-ra-xúc-ma. Mười pa-ra-xúc-ma bằng một tờ-ra-xa-ren. Bảy tờ-ra-xa-ren bằng một vi trần trôi theo ánh sáng mặt trời. Bảy vi trần bằng một lông mép của con chuột nhắt. Mười sợi lông mép của con chuột nhắt bằng một li-khi-a. Mười li-khi-a bằng một duka. Mười duka bằng một ngòi của hột lúa mạch. Bảy ngòi của hột lúa mạch bằng một hạt mè. Mười hột mè bằng một đốt tay. Chín đốt tay bằng một gang tay. Hai gang tay bằng một thước mộc. Năm thước mộc bằng chiều dài ngọn giáo. Mười chiều dài ngọn giáo bằng một hơi thở. Bốn mươi hơi thở bằng một "gao". Bốn mươi "gao" bằng một do-tuần (yojana).

Ngoài ra, thái tử còn tính được tổng số vi trần trong một do-tuần vuông vức!

Vị giáo sư nói xong, lẳng lặng ngồi xuống. Thế rồi, sau đó, các thầy bà-la-môn khác cũng đứng dậy trình bày kiến thức bẩm sinh của thái tử về các bộ môn Lịch sử dân tộc, Lịch sử châu Diêm-phù-đề, các tư tưởng triết học tiền Vệ-đà và Vệ-đà, Thiên văn, Địa lý, Y thuật, Võ học, Binh pháp, Hội họa, Thi ca, Tự nhiên học... Có môn thì thái tử hiểu biết rất sâu rộng. Có môn thì thái tử học một mà biết mười.

Bà-la-môn Svāmitta cũng trình bày cho cả hội đồng nghe về khả năng văn chương, ngôn ngữ của thái tử. Đến đây thì họ đồng một quan điểm: "Chỉ những môn học nào

hiện đang có mặt trên thế gian, có tính hiện đại, hoặc kế thừa quá khứ với những phát kiến mới mẻ thì may ra thái tử chưa biết mà thôi." Thế rồi, họ cùng bàn bạc để thảo luận một chương trình học khác, vừa ôn lại kiến thức quá khứ, vừa kịp thời bổ sung kiến thức hiện đại.

Hội đồng A-đồ-lê, một lần nữa, đến gặp đức vua Suddhodana, trình bày tự sự cho ngài nghe rồi nói:

- Thái tử là một thần đồng bác học. Không có môn học nào mà thái tử không tỏ ra ưu việt và thông thái, là bậc thầy của những bậc thầy; sợ rằng chúng hạ thần chưa xứng đáng làm học trò của thái tử nữa. Sở học thì như vậy nhưng chính đức hạnh, nết khiêm cung của thái tử càng làm cho chúng hạ thần kính trọng và ngưỡng mộ hơn. Thái tử chính là hiện thân cho cái gì cao quý và tốt đẹp nhất trên đời này.

Đức Suddhodana vốn đã biết thái tử là một người khác thường nhưng ngài cũng không ngờ thái tử còn hơn cái gọi là khác thường kia nữa. Quả đúng là một siêu nhân vô tiền khoáng hậu trên đời này. Thái tử phải là chân mệnh của một vị Chuyển luân Thánh vương mà đức vua chỉ mới được nghe qua sử sách, qua những lời truyền thuyết. Vậy qua lời của các thầy bà-la-môn uyên bác này thì thái tử chỉ thiếu sót về những kiến thức hiện đại. Thái tử chỉ "bác cổ" chứ chưa "thông kim". Chương trình mà các vị bà-la-môn vừa đệ trình đúng là đã đáp ứng yêu cầu ấy.

Nghĩ thế, đức Suddhodana phủ dụ, trấn an:

- Các khanh vậy là đã suy nghĩ thật chu đáo và đã làm việc hết mình. Trẫm sẽ trọng thưởng. Sở học của thái tử còn thiếu sót nhiều, mong các khanh đừng tự hạ mình nữa, hãy tiếp tục công việc theo chương trình mà các khanh đã vạch. Trẫm hoàn toàn tin tưởng vào sự nghiêm túc và lỗi lạc của chư khanh!

Thế là từ tám tuổi đến mười lăm tuổi, thái tử lo trau dồi con đường học vấn mà từ cổ chí kim chưa có ai học nổi:

Tóm thâu sở học của thiên hạ về tất cả các bộ môn, từ xưa đến nay, mà không có một môn học nào không là bậc thầy của loài người!

Tuổi Thơ
Và Tình Thương Của Thái Tử

Rừng cây ở nơi vườn Ngự đã mấy mùa thay lá, thái tử lớn lên như nụ măng, như sắc hoa ngày càng mũm mĩm và tươi thắm. Lệnh bà Gotamī vô cùng dấu yêu, cưng chiều hơn ngọc hơn ngà. Thấy thái tử từ lúc sáng tinh mơ, ngày này sang ngày khác, chuyên cần, đều đặn bước vào phòng tịnh tâm, vào phòng học... lòng lệnh bà dậy lên mối thương cảm vô hạn. Ngoài kia bướm bay, chim hót, hoa nở. Bên kia tường thành, chốc chốc vẳng lại tiếng reo cười nô đùa của bọn trẻ. Lệnh bà Gotamī chạnh nghĩ đến thái tử, lại thở dài.

Hôm kia, không dằn lòng được, bà thưa với đức vua Suddhodana:

- Có lẽ bệ hạ nên cho trẻ học ít lại, thỉnh thoảng cho nó vui chơi chút đỉnh. Nó là trẻ con mà!

Thấy thái tử suốt bao nhiêu năm chăm chuyên vào sự học, chưa có lúc nào cần phải nhắc nhở; lại nữa, tư cách và phẩm chất của thái tử càng lúc càng hiển lộ như viên ngọc mạni không tì vết, không dễ dàng nhiễm được tính tình của một ai khác nên đức vua mỉm cười bằng lòng:

- Ừ! Cũng được! Con cái của các đức thân vương, con cái của các đại thần đồng trang lứa với nó cũng nhiều đấy!

Thế là bắt đầu từ hôm ấy, con trai của các đức thân vương, của các lão thần được phép cùng chơi với thái tử.

Trong số ấy có ba trẻ là thái tử thân thiết nhất, đó là Ānanda, Mahānāma và Kāḷudāyi.

Ānanda là con trai của đức thân vương Amitodana, sinh cùng một năm, một tháng, một ngày, một giờ với thái tử, tướng mạo xinh đẹp và có một trí nhớ phi thường. Khi làm lễ tắm rửa và đặt tên, các thầy bà-la-môn rành thông tướng pháp khen ngợi, tán dương không hết lời. Họ nói rằng, vương tử có một đầu óc siêu phàm, bất cứ môn học nào, chỉ cần liếc mắt qua hoặc thoáng nghe qua là nhớ, là thuộc lòng tức khắc. Ngoài ra, vương tử còn có sức khỏe không ai bì nổi; theo tướng số thì ngài suốt đời không bệnh tật, và tuổi thọ có thể vượt quá giới hạn trăm năm của đời người. Tuy nhiên, có điều rất kỳ lạ mà các thầy bà-la-môn không hiểu, là Ānanda không có số làm vua, không có số lập gia đình, tướng đại phú quí mà không hưởng, chỉ thành công xán lạn ở địa vị của người phụ tá!

Mahānāma là con trai của đức thân vương Sukkodana, cũng là hòn ngọc quí của hoàng gia. Khi sinh ra, các thầy bà-la-môn nói nhỏ với đức thân vương Sukkodana là Mahānāma có số làm vua! Chính bí mật này làm cho đức thân vương nuôi tham vọng ngôi vị chí tôn của Kapilavatthu sau này! Mahānāma có người em là Anuruddha, dáng người nho nhã, thông minh, phúc hậu; cũng thường hay theo anh dự cuộc vui chung với thái tử.

Kāḷudāyi là con một lão thần lương đống, tướng uy nghi đường bệ, chững chạc, trung hậu; tính tình lúc cứng rắn, lúc dịu dàng, tương lai có thể là một vị đại thần mẫu mực cho triều đình.

Người nhỏ tuổi nhất là Nanda, con của hoàng hậu Gotamī, em cùng cha khác mẹ với thái tử, tướng mạo cũng rất đẹp, đại phú quí nhưng cũng không có số làm vua... Đức Suddhodana rất lấy làm lo lắng về những lời tiên tri, trước đây là thái tử và sau này là Nanda! Nếu ai cũng xuất gia làm

sa-môn cả thì sơn hà xã tắc này để lại cho ai? Vì lo sợ chuyện bốn sứ giả một lúc nào đó đến báo triệu nên nhà vua đã ra lệnh âm thầm cho những người già lão, lọm khọm, xấu xí; những người mắc bệnh trông lở loét, hôi hám, ghê tởm lần hồi ra khỏi kinh thành; an trí cho họ ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Vẫn chưa yên tâm, đức vua còn cho người theo dõi những người thái tử tiếp xúc ở những nơi chốn thái tử thường hay lui tới vui chơi.

Thời gian sau, đức vua Suddhodana cảm thấy yên tâm. Thái tử thường cùng với Ānanda, Mahānāma, Kāḷudāyi dạo chơi loanh quanh trong vườn Ngự, bao giờ cũng có Nanda chập chững theo sau. Và những trò vui chơi của bọn trẻ thảy đều hồn nhiên và vô hại. Đấy là những trò chơi thông dụng thời bấy giờ: làm người bù nhìn, đấu gậy, chơi xe ngựa và các cung tên tí hon; đấu trí với nhau trên tấm ván chia tám hay mười ô vuông (Cờ tướng hay cờ vua thuở xưa?) Khi mệt, chúng nằm dài trên cỏ xanh rồi líu lo nói chuyện với nhau. Thái tử lấy cái kèn nhỏ thường mang theo bên mình để thổi một khúc nhạc cổ xưa, man mác buồn. Kāḷudāyi và Mahānāma thảo luận vài điểm về văn chương hay triết học Vệ-đà, sau đó họ nhờ thái tử giảng rộng thêm. Kiến thức của thái tử quá uyên bác. Ānanda say sưa lắng nghe. Nanda đùa nghịch với tràng hoa trên cổ mình, sau đó lén mang tràng hoa ấy quàng cho thái tử.

Thái tử nói với cả bọn:

- Lần sau, các bạn đừng nên kết tràng hoa như vậy nữa. Hoa để tự nhiên trên cây, trên cành trông tươi thắm và đẹp đẽ hơn.

Lệnh bà Gotamī từ sau lùm cây bước ra cùng với hai người thị nữ mang bánh trái trên tay.

- Cây, cỏ, hoa, lá đều có sự sống đấy các bạn! Thái tử tiếp lời - Hãy thương yêu chúng như chúng ta đã từng

thương yêu chim, cá, dế mèn, châu chấu, bướm, ong... trong khu vườn này vậy.

Ānanda mỉm cười:

- Chưa có điểm nào, điều gì mà thái tử nói sai cả, phải không các bạn?

- Đúng vậy! Mahānāma gật đầu - Tràng hoa trên cổ thái tử giờ trông xấu xí một cách thảm hại, nó mất sự sống rồi đấy!

Lệnh bà Gotamī góp lời:

- Nhận xét ấy thật là chính xác. Các con hãy cùng nhau ăn bánh trái rồi xem chuyện lạ lùng này.

Nói xong, bà lấy tràng hoa khỏi cổ thái tử rồi thay vào một chuỗi bích ngọc. Cả bọn chăm chú quan sát. Chợt Ānanda phát biểu:

- Xâu bích ngọc trên cổ thái tử, trông hoài vẫn không thấy đẹp, ấy mới kỳ!

Lệnh bà Gotamī tiếp tục thay bằng chuỗi hồng ngọc, chuỗi ngọc trai, chuỗi kim cương... Ānanda thì vẫn tiếp tục chê xấu, không đẹp!

- Chưa có một loại trang sức nào tôn thêm vẻ đẹp cho thái tử cả, điều ấy làm ta ngạc nhiên từ lâu lắm rồi! Bà Gotamī nói rồi tiếp tục ngắm nghía - nước da của thái tử sáng và trong quá, tất thảy trân châu, bảo ngọc trên thế gian đều phải bị lu mờ.

Thái tử mỉm cười:

- Mẹ! Cái gì nếu để tự nhiên đều đẹp cả, chẳng riêng gì trường hợp của con đâu! Vả, khi trang điểm thêm cái gì đó, con cảm thấy vướng víu khó chịu thế nào!

Mọi người cùng cười xòa khi thấy thái tử nhíu mày! Ôi! Ngay chính cái nhíu mày của thái tử cũng làm cho biết bao nhiêu người phải yêu mến!

Hôm kia, thái tử cùng với bọn trẻ đi chơi xa, sau khi thoát khỏi những đôi mắt giám sát của thị nữ, họ lạc vào một

trại nuôi ngựa rộng mênh mông. Những chuồng ngựa nối tiếp những chuồng ngựa chạy dài đến hút mắt. Hằng trăm người đang làm việc trong chuồng ngựa và trên những bãi chăn. Ôi! Ngựa quá nhiều và quá nhiều loại ngựa màu sắc và hình dáng khác nhau. Cả bọn chui hàng rào lẻn vào một chuồng ngựa gần nhất.

Một đứa trẻ ăn mặc dơ dáy vừa từ trong cỏ chui ra, thấy "những người sang trọng" ở đâu chợt hiện đến, hắn sợ hãi quỳ mọp xuống. Thái tử bước tới, dịu dàng nắm tay, cất giọng nhỏ nhẹ:

- Đừng sợ! Không ai làm gì đâu mà sợ! Chúng ta là bạn mà!

Đứa trẻ vẫn không dám ngước đầu lên.

Thái tử lấy tay phủi những cọng rơm trên đầu, lấy khăn lau những cáu bẩn trên mặt, vuốt lại mái tóc bù xù của trẻ rồi ân cần nói:

- Bạn tên chi? Đã mấy tuổi rồi? Hiện làm gì, ở đâu?

Đứa trẻ như cảm nhận được tấm lòng dịu dàng, nhân hậu của thái tử qua cử chỉ thân thiện, qua giọng nói ấm áp của chàng nên đã mạnh dạn ngước đầu nhìn lên. Trước mắt hắn chợt sáng rực. Đúng là trước mặt hắn xuất hiện những vị con trời, quí phái quá, cao sang quá, đẹp đẽ quá!

- Ta là Siddhattha, đây là Mahānāma, đây là Kāḷudāyi, đây là Ānanda, còn đây là Nanda. Chúng ta đều là bạn tốt. Hãy đứng dậy chơi, ông bạn!

Ôi! Cái giọng nói và nụ cười của họ! Đứa trẻ như mê đi!

Sau đó, nó cho biết nó tên là Channa, đã mười lăm tuổi, con của một vị tướng sát-đế-lỵ, bị thất sủng của triều đình, trông coi trại ngựa. Từ khi cha mẹ Channa mất, không còn ai nuôi nấng nên nó sống lang thang ở trại ngựa này. Những người chăn coi trại ngựa vì biết rõ gốc tích của Channa, lại đã từng kính trọng vị tướng - nên họ để cho Channa sống tự do, muốn làm gì thì làm. Phần vật thực hằng ngày thì ai

cũng có thể cho nó ăn no. Ngoài ra, Channa có tài đặc biệt về trị ngựa và xem tướng ngựa nên cả trại rất nể trọng, ưu ái nó.

Thấy tình cảnh và bộ dạng của Channa rất đáng thương, thái tử hỏi:

- Bạn không có đủ áo quần để mặc sao? Và chui rúc làm gì nơi đống cỏ khô ấy?

Channa cười bẽn lẽn:

- Em có một ngôi nhà do cha mẹ để lại, nhà đã cũ xưa, đổ nát rồi nhưng còn ở được. Sở dĩ em đến sống đây là vì em "mê" một con ngựa! Nó đây...!

Channa dẫn thái tử đến xem con ngựa ở phía trái chuồng. Dáng ngựa thon thả, mảnh khảnh, dọc sống lưng và sống chân chạy dài một đường chỉ đỏ nổi bật giữa sắc lông màu ngà, trông rất cao sang, quí phái. Thái tử tò mò xem mắt, xem chân, sờ bụng chú ngựa ấy, bất giác thốt lên:

- Đúng là vua của loài ngựa.

Channa hớn hở nói như reo:

- Đúng vậy! Và hơn cả vua của loài ngựa nữa vì nó nghe được cả tiếng người, ngoan ngoãn, dễ dạy - rồi Channa tới vuốt ve bờm ngựa, nói - nằm xuống đi, bạn thân mến!

Ngựa ngoan ngoãn nằm xuống, gối đầu trên chân Channa ra chiều thân thiết.

- Nó bao nhiêu tuổi rồi hở Channa?

- Nó cùng tuổi với em, ba em bảo thế. Ba em lại còn nói rằng, nó sinh ra cùng một ngày, một giờ với em!

Thái tử chợt nhíu mày:

- Bạn sinh ngày nào, giờ nào hở Channa?

- Thưa, ngày trăng tròn tháng Vesākha, khi mặt trời lên chừng mấy cái đòn gánh!

Bất giác, thái tử đưa mắt nhìn Ānanda. Ānanda đưa mắt nhìn thái tử. Ānanda nói:

- Thật kỳ diệu. Thế là tất cả chúng ta: Hoàng huynh, đệ, Channa và con ngựa này cùng một tuổi, cùng sinh một ngày, một giờ!

Rất lấy làm thú vị, thái tử hỏi:

- Nó tên gì hở Channa?

- Tên nó là Kaṇṭhaka!

Bắt đầu từ hôm ấy, thái tử và Ānanda thường lui tới thăm viếng Channa và ngựa Kaṇṭhaka. Channa đã biết người đến thăm mình chính là hai ông hoàng cao sang của vương quốc Kapilavatthu nên càng sinh tâm kính trọng.

Thái tử và Ānanda mang cho Channa y phục, vật dụng, tiền bạc; ngược lại Channa chỉ cho hai người cách chăm sóc ngựa, cách cỡi ngựa, điều phục ngựa. Không lâu sau, thái tử rất giỏi cỡi ngựa và rất thân thiết với Channa. Còn Channa thì rất mực trung thành, hết lòng hầu hạ thái tử.

Lệnh bà Gotamī, qua những người thị nữ, biết việc ấy nên bà đã tâu lại cho đức vua hay. Nghĩ cũng không có hại gì, vả, thái tử cũng đã là một thiếu niên trưởng thành, cần những thú vui lành mạnh, đức Suddhodana bèn cho Channa vào ở cạnh ngôi vườn gần cung điện, làm riêng cho một cái chuồng đẹp đẽ cho ngựa Kaṇṭhaka ở để làm vui lòng thái tử.

Phía tây hoàng thành có một tòa lâu đài, nơi mà đức vua Suddhodana để dành nghinh tiếp đức vua Suppabuddha cùng hoàng hậu Amitā Pamitā - là em ruột của ngài. Tháp tùng đức vua và hoàng hậu nước Koliya bao giờ cũng có thái tử Devadatta, công chúa Yasodharā cùng khá nhiều vương tôn, công tử trong hoàng tộc.

Thế là, bọn thiếu niên, thiếu nữ cành vàng lá ngọc của hai quốc độ có dịp gặp gỡ, chuyện trò, trao đổi kiến thức lẫn những cuộc du ngoạn, vui chơi đây đó.

Yasodharā (sau này còn có những tên khác: Bhaddakaccāna, Bimbadevī, Gopā, Rāhulamātā) mang sắc đẹp cao sang, quý phái và e ấp, kín đáo của một đóa cúc

trắng trên đầu núi. Chính lệnh bà Gotamī đặc biệt để ý đến vị công nương diễm kiều có cá tính dịu dàng trầm mặc này. Cả hai lại rất hợp chuyện với nhau.

Devadatta kiến thức uyên bác nhiều lãnh vực. Trong những cuộc luận đàm về triết học, văn chương... với chúng bạn, bao giờ Devadatta cũng nổi trội hẳn lên. Riêng thái tử thì chỉ biết ngồi nghe, lắng nghe chăm chú, nhưng sau rốt lại mỉm cười yên lặng.

- Hoàng huynh - Devadatta nói - Đệ nghe danh về sở học uyên bác của hoàng huynh, nhưng tại sao hoàng huynh không tham dự để cho chúng đệ được mở rộng kiến văn?

Thái tử đặt nhẹ tay lên vai Devadatta:

- Chính hoàng đệ đã là bậc đệ nhất, xứng đáng cầm cây cọ danh dự trên các chiếu tranh luận. Ai còn dám so tài với hoàng đệ nữa?

Devadatta nắm tay thái tử hất ra:

- Đệ không dám tin như thế. Chính hoàng huynh là người khôn ngoan nhất: Chỉ muốn đứng ngoài mọi cuộc tranh luận để hưởng phần "ngư ông đắc lợi!"

Thái tử rất mực nhũn nhặn:

- Ta nào có dám thế. Chỉ có điều ta biết rất rõ: mọi cuộc tranh luận rồi không đưa đến đâu cả. Nó vô nghĩa và phù phiếm thế nào!

Devadatta phất tay bỏ đi, cười lạt:

- Thấy chưa! Hoàng huynh bao giờ cũng là bậc minh triết giữa đám nhân loại tép riu này!

Thái tử tự nghĩ:

"- Cái hiếu chiến hiếu thắng ẩn chứa nét hung dữ của Devadatta là yếu tố bất lợi cho cuộc đời của y sau này!"

Ngày kia, vào mùa xuân, một đàn hạc lông trắng như tuyết, đầu và chân đỏ như son (sếu đầu đỏ) từ phương nam, bay ngang qua bầu trời Thượng Uyển để về Himalaya. Devadatta trông thấy liền giương cung nhắm bắn. Mũi tên

hung tàn xé gió bay vút lên không trung. Cả đàn chim chợt rối loạn. Một cánh chim nhỏ lảo đảo sa xuống đất, máu đào nơi vết thương nhuộm thắm cả lông.

Thái tử Siddhattha lúc ấy đang ngồi chơi nơi vườn hoa, trông thấy, vội vàng chạy đến, đưa nhẹ tay nâng chim trời thọ nạn. Ngài ngồi xếp bằng, ôm sát chim vào lòng, sửa tỉ mỉ lông cánh lại cho thẳng thớm, mơn trớn cho quả tim hạc bớt đập mạnh. Thái tử sè bàn tay mịn màng như đọt chuối non vừa hé lá, vuốt ve chim âu yếm bằng tình thương dịu dàng của người mẹ. Tay trái ngài ôm chim với cử chỉ trấn an, tay mặt nhè nhẹ rút mũi tên ác nghiệt, đoạn hái lá cây tươi hòa với mật ong đắp lên vết thương.

Từ thuở nhỏ đến giờ, thái tử chưa hề biết đau đớn là gì! Vô tình bàn tay mềm dịu của ngài chạm phải đầu mũi tên bén nhọn làm cho ngài cảm thấy nhức buốt, khó chịu vô cùng. Do vậy, thái tử cảm thông sâu sắc vết thương trầm trọng của chim nên hết lòng tự tay chăm sóc không chút nề hà!

Một lát sau, tốp thị vệ của Devadatta từ bên ngoài chạy đến, kính cẩn tâu:

- Thưa thái tử điện hạ! Thái tử vương quốc Koliya là Devadatta vừa mới bắn được một con chim hạc, rơi vào vườn này. Kính lạy thái tử! Xin ngài vui lòng trao con chim hạc ấy cho thái tử chúng con!

Thái tử Siddhattha đáp:

- Không thể được! Các ngươi hãy về nói lại với hoàng đệ rằng: Nếu chim hạc chết rồi thì ta có thể trao cho, nhưng nay nó còn sống thì ta phải giữ lại để săn sóc vết thương!

Devadatta nóng nảy phi ngựa đến, chống tay sừng sộ:

- Hạc bay lượn trên trời là vô chủ, nhưng khi ta đã bắn rơi, dầu sống hay chết, nó thuộc quyền sở hữu của ta. Hoàng huynh phải trao chim hạc lại cho ta mới hợp lý!

Thái tử Siddhattha áp cổ hạc vào má, thốt lời ôn tồn nhưng nghiêm nghị:

- Này hoàng đệ! Chẳng những con chim hạc bị thương tội nghiệp này thuộc về ta, cần ta che chở, bảo bọc; mà tất cả những loài vật yếu đuối thiếu khả năng tự vệ, ta đều có bổn phận phải đùm bọc, nâng đỡ. Ta ước nguyện rằng, tình thương của ta phải được san sớt đồng đều đến cho tất cả chúng sanh. Ta còn muốn rằng, lòng từ tâm ấy phải là tiếng nói mát mẻ, êm dịu giữa thế giới xấu xa, độc ác của loài người. Phải làm thế nào để lòng từ tâm kia xoa dịu, an ủi được mọi niềm bi thương, thống khổ trên trần thế. Ý nghĩ ấy là ước nguyện khôn nguôi của ta. Hoàng đệ phải hiểu như vậy!

Devadatta lắc đầu, cười lạt:

- Thưa hoàng huynh kính mến! Chẳng ai hiểu được lý luận "người vật đồng đẳng" đạo đức giả ấy cả!

Thái tử Siddhattha ôm chim rất trìu mến, đứng dậy:

- Chẳng có giả trá nào ở đây khi ta thương mến con chim tội nghiệp này. Nhược bằng hoàng đệ không thể hiểu, hoặc không muốn hiểu - thì chúng ta hãy đem việc này ra giữa hội đồng dòng tộc, nhờ các bậc hiền lão, trưởng thượng phân xử.

Thế là câu chuyện được đem ra giải quyết giữa triều đình có hội đồng trưởng lão dòng họ đại diện cho cả hai quốc độ Kapilavtthu và Koliya. Rất nhiều lý lẽ được đem ra bàn cãi, mổ xẻ khá khách quan, không ai thiên vị ai. Tuy nhiên, giữa thái tử Siddhattha và Devadatta ai cũng có lý. Rốt lại, phải trái không biết thuộc phần ai!

Trong lúc mọi người đang phân vân khó xử, bỗng một giọng nói hùng hồn từ phía sau vẳng lại:

- Từ xưa đến nay, thiên lý vạn lý trên đời không ra ngoài "sự sống". Nếu tại vương quốc này, sự sống còn có chút giá trị thì người "bảo vệ sự sống" được quyền giữ chim hơn là

người "hủy diệt sự sống". Kẻ hủy diệt sự sống thì hung dữ, ác độc, đồng nghĩa với bạo tàn và phá hoại. Người bảo vệ sự sống thì hiền hòa, thiện lương, đồng nghĩa với bảo tồn và xây dựng. Một bên là hận thù và bóng tối, một bên là tình thương và ánh sáng. Cả hai có hai ý nghĩa tương biệt rất minh bạch, sáng rỡ như nhật nguyệt, ai phải ai trái không cần phải bàn cãi nữa. Hãy giao con chim hạc đáng thương cho vị thái tử nhân đức!

Cả triều thần và hội đồng trưởng lão như trút được gánh nặng, thở dài nhẹ nhõm. Họ hoan hỷ nhìn nhận sự phân xử ấy là sáng suốt, cao minh, công bằng, hợp lý, hợp với đạo sống muôn đời.

Đức vua Suddhodana rất lấy làm cảm kích, quay nhìn người phát biểu thông minh, sâu sắc, nhưng lạ lùng làm sao, đằng sau ấy không có một ai! Một quan đại thần bảo là thấy một tu sĩ lạ mặt hiện đến, nói những điều cần nói rồi biến đi như phép lạ!

Thế là thái tử Siddhattha được cuộc, hớn hở mang chim về, sau đó bỏ công chăm sóc chim một cách rất tận tình, với tất cả tấm lòng. Không lâu sau, chim hạc lành hẳn vết thương. Giữa người và chim như có một mối giao cảm vô hình, nên thái tử đi đâu, hạc đi liền bên hoặc nép dựa mình vào ngài với tất cả sự an tâm và lòng tín cẩn.

Vào mùa thu, khi đàn hạc di trú, trốn lạnh, rời Himalaya tìm nắng ấm phương Nam, chúng lại vầy đoàn từ bỏ phương Bắc. Thái tử mang chim ra Thượng Uyển, vuốt ve âu yếm hạc, nhìn đàn chim trên trời rồi nói rằng:

- Hỡi con! Có hội ngộ tất có biệt ly. Tháng ngày nương náu bên ta, con đã có đủ sức khỏe để hôm nay trở về với bầy bạn. Tình thương của ta thì chắc con đã hiểu, nhưng ta không thể nào vì tình thương ấy mà buộc ràng con ở nơi khu vườn chật chội này. Ta sẽ trả cho con về với bầu trời cao

rộng, trả con lại với tháng ngày tự do, với quyến thuộc xa cách bấy lâu!

Thái tử tung chim lên không. Hạc chớp chớp đôi mắt, lượn quanh ba vòng, kêu to lời từ biệt rồi vỗ cánh theo đàn bay về phương trời xa tít.

Thái tử đăm đăm nhìn theo chim cho đến khi mất dạng; vừa sung sướng, vừa bùi ngùi: Một nỗi niềm khôn tả!

Ngục Vàng

Đức Suddhodana trầm ngâm suy nghĩ, trán ngài cau lại thành những vết hằn rất sâu. Bao nhiêu năm mơ ước mới có được một mụn con trai, một thái tử dung nghi, cốt cách phi phàm, có căn cơ sở học sâu dày từ tiền kiếp. Nó tài cao mà nhũn nhặn, khiêm tốn. Nó trang nghiêm mà đôn hậu, từ hòa. Nơi cái vóc dáng trẻ thơ ấy - có trái tim nhân ái và khối óc tinh minh - còn ẩn chứa biết bao tư tưởng thanh khiết, bao đức tính cao cả chưa lộ diện? Tình thương của con ta nó dịu dàng, êm ái và mông mênh như biển cả. Nó thương người, thương vật, thương cả những sinh thể li ti bé mọn; và thương cả những cánh hoa rụng, những chiếc lá rơi... Nó thương yêu sự sống của muôn loài như thương yêu chính bản thân mình. Nó dường như muốn tìm sự đồng đẳng giữa con người và vạn vật ở xung quanh. Cá tính lại ít nói, trầm mặc, lúc nào cũng như đang chìm sâu vào thế giới tâm tư ẩn mật, chẳng hiểu trong cái đầu óc xinh xinh nhỏ bé kia suy nghĩ điều gì?

Ôi! Con phượng hoàng kia đã trổ lông, sắc màu rực rỡ vương giả, quý phái. Nó đang đứng giữa, đứng cao hơn nhân quần và đồng loại rất nhiều cái đầu. Những đứa trẻ con em hoàng tộc thường thân cận với nó như Mahānāma, Bhaddiya, Devadatta, Kimbila, Kāḷudāyi, Anuruddha, Ānanda... đâu phải không tài cao học rộng; nhưng so với nó thì còn cách một trời, một vực. Trong các cuộc tranh luận,

gia dĩ bắt buộc phải góp ý thì nhận thức của nó bao giờ cũng có vẻ thâm trầm, lạ đời, khác thường. Nó hoài nghi cả trí khôn của cổ nhân, của thánh thư Vệ-đà và Áo-nghĩa-thư. Trong vài lần được dự bàn hội nghị ở triều đình, mọi người tích cực đưa ra những biện pháp cải tạo xã hội, hoạch định chính sách về giáo dục, phát triển kinh tế, tăng cường võ bị hoặc tìm cho ra đường hướng ngoại giao đúng đắn, khôn ngoan... thì lúc nào nó cũng im lặng như cái tịnh bình! Lúc bãi triều, nếu có gặng hỏi thì bao giờ nó cũng có vẻ bi quan, bảo rằng, tất cả ý kiến của các đức thân vương, lão thần... chỉ là biện pháp nửa vời. Chúng chỉ đáp ứng tình thế nhất thời, giải quyết phần ngọn chứ chưa phải là phần gốc. Lại nữa, chính quyền lợi của hoàng tộc, tham muốn, danh vọng riêng tư của các quan là những trở ngại lớn - là bức bình phong ngăn bít, là cánh cửa đóng chặt - khó thể đem đến hạnh phúc, an bình thật sự cho muôn dân đói khổ. Nó đòi hỏi phải chấm dứt sự bất công, bất bình đẳng trong toàn xã hội. Nó muốn tước bỏ cả lợi quyền của cả chính nó. Thật là hão huyền, hư tưởng làm sao!

Chẳng lẽ nào lời tiên tri năm xưa của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña sẽ trở thành hiện thực? Con đường đi và chí hướng của nó không ai hiểu thấu. Nếu mà con ta nối được chí ta và chí của tổ tiên, biết tôn trọng, giữ gìn tông miếu, xã tắc - thì với sức học ấy, sức tài ấy, trí thông minh xuất chúng ấy, không mấy lúc sẽ trở thành một hoàng đế vĩ đại nhất trên thế gian. Có lẽ nó cũng hiểu rằng, Kapilavatthu là một vương quốc nhỏ bé, bao đời nay đã chịu sự khống chế và lệ thuộc đế quốc Kosala ở bên cạnh. Rồi còn cường quốc Māgadha nữa, bao giờ cũng với ý đồ xâm lấn các tiểu quốc lân bang, tạo thế mạnh để tranh hùng, xưng bá với Kosala? Ta nay tuổi đã già, sức đã kiệt, tài trí đã hao mòn thì mong gì bảo vệ được non sông gấm vóc, nói gì đến phát triển, giàu mạnh, hùng cường!

Ôi! Chẳng lẽ nào nó sẽ từ bỏ tất cả để xuất gia sống đời đạo sĩ? Và như thế thì vương quốc này sẽ ra sao? Biết bao máu xương của tiền liệt tổ tông, con cháu của thần Thái Dương bao đời sẽ trở nên uổng phí hay sao? Và ngay chính niềm vui nhỏ bé nhưng chính đáng là có cháu chắt để nâng niu, trìu mến bế bồng cũng không được nữa hay sao?

Càng suy nghĩ, càng sầu não. Phải tìm cách ngăn chặn hiểm họa từ bốn vị sứ giả, đừng để cho con ta gặp mặt. Phải nhốt con chim phượng hoàng kia trong chốn cung điện hoa lệ với những thú vui ngũ dục của cõi trời, may ra mới cùm chân và cột cánh nó được.

Thế rồi, lệnh được ban ra. Một tốp quan và lính thân tín, lại một lần nữa, âm thầm đi lùng sục các sứ giả già, bệnh, chết... đi an trí ở nơi xa, có phụ cấp chỗ ở, lương thực và thuốc men. Đó là những người già lão với thân hình xương xẩu khó coi, những người nhăn nheo, lụm cụm, run rẩy với gậy chống, với lưng cong gập hình cái đòn xoay... Đó là những kẻ tật nguyền đui què mẻ sứt...; các bệnh phong hủi, lở loét gớm ghiếc... mà đôi khi trước đây đã bỏ sót. Và ngay chính những kẻ lang thang ăn xin lôi thôi lếch thếch cũng được mời ra khỏi kinh đô. Nhà vua còn khuyến khích nhà nhà trồng cây xanh, nhà nhà trồng hoa cảnh và nhà nhà sống lịch sự, văn hóa, văn minh... Cứ một cụm dân cư mười ngàn người phải có một vườn hoa công cộng, một hí trường lộ thiên và một căn nhà để tổ chức các lễ hội, ca vũ nhạc... cho mọi người có chỗ giải trí, vui chơi...

Riêng các tu sĩ, đạo sĩ có dung mạo trang nghiêm, phong cách thoát tục... thì đức vua khỏi lo; vì tìm khắp Kapilavatthu, họ đều xấu xí, tóc râu bù xù, ăn mặc dơ bẩn... chỉ hơn hạng ăn xin chút đỉnh mà thôi!

Song song với việc trang hoàng, tô điểm cho kinh đô được xanh, sạch, đẹp... nhà vua cho mời những kiến trúc sư tài danh khắp các nước, những họa sĩ tầm cỡ, những thợ

thầy lão thành và kinh nghiệm... để kiến tạo ba tòa cung điện hiện đại, sang trọng và tiện nghi nhất châu Diêm-phù-đề. Đấy là cung điện Ramma, cao chín tầng, dành cho mùa đông; cung điện Subha, cao bảy tầng, dành cho mùa mưa; cung điện Suramma, cao năm tầng, dành cho mùa hè. Điểm đặc biệt của ba tòa cung điện này là tuy bố cục, cấu trúc, hình dáng khác nhau; nhưng bề dài, bề rộng và bề cao phải bằng nhau![1] Về mùa đông, các căn phòng đều có lò sưởi được đốt bằng củi thơm, các bức bích họa trên tường, trần là những ngọn lửa ấm hoặc được phối hòa bởi những màu sắc ấm cúng, rực rỡ. Y phục và trang sức của các nhạc công, ca nhi, vũ nữ... đều là màu hồng, đỏ, da cam, vàng sáng... Thức ăn, thức uống không những ngon lành, bổ dưỡng mà còn phải đẹp tươi, vui mắt; chú trọng các loại gia vị cay, nóng, ấm... để chống lạnh.

Về mùa hè, nơi nào cũng mát mẻ, tươi xanh, gợi cảm. Nội thất được thiết kế đặc biệt: Các cửa sổ có rèm và lưới che bằng sợi vàng, sợi bạc mềm mượt có chức năng thoáng gió lại ngăn được gió lộng; các bức tường vẽ cây cỏ hoa lá với các tông màu xanh trong, xanh da trời, xanh ngọc non, xanh nước biển... trông tựa mùa xuân và thiên nhiên tươi thắm, trong lành. Y phục và trang điểm của các ca nhi, vũ nữ, nhạc công, kẻ hầu hạ... cũng phải lấy tông màu xanh làm chủ đạo. Những ngày nóng bức trong năm, mái diềm xung quanh được thiết kế rất lạ lùng: Nước từ hồ được bơm lên, rỉ xuống, phun sương tỏa mát; lúc cần thiết có thể tạo nên những cơn mưa nhỏ, âm thanh rơi tí tách hoặc phát ra tiếng đàn, khúc nhạc diệu kỳ. Cạnh những cửa sổ lớn, những chiếc chậu vàng, bạc, pha lê đựng đầy nước hòa với bùn và

---

[1] Ba tòa cung điện tráng lệ, nguy nga hy hữu này, được mô tả chi tiết trong các kinh Sukhumāla sutta, Māgandiya sutta... và những bộ chú giải, phụ chú giải...

bột thơm để trồng năm loại sen, luôn luôn nở hoa năm sắc. Chim đủ loại, nhiều giọng, nhiều sắc màu ca hót líu lo, vui tươi, nhí nhảnh. Những bình hương liệu được giấu kín từ trong cánh, bụng phượng, loan, công, sư tử, rồng... nhân tạo tỏa mùi thơm kỳ thú. Những ngày có gió, hằng trăm kiểu đàn gió lanh canh, long cong điểm nhịp, hòa tấu với âm thanh trong trẻo như những khúc nhạc thần tiên... Ngoài vườn, bốn hồ nước bốn phía trong xanh màu lục bảo, nở sen năm sắc; cá lớn, cá nhỏ đủ màu bơi lội yên ả, thanh bình. Rồi nào là cầu kiều, đình tạ, cây cảnh quý hiếm, giả sơn, thảm cỏ, đèn đá, tượng mỹ thuật... được phối trí hài hòa, công phu, mỹ lệ. Nhìn đâu cũng đẹp mắt, nhìn đâu cũng giống như hoa viên của cõi trời... Thức ăn, thức uống luôn luôn dự bị sẵn, mang từ các nơi xa xôi đến; sơn hào, hải vị... phải bảo đảm tươi ngon, bổ mát, nhuận trường; trái cây và rau cải đều phải được khử trùng, rửa bằng nước tinh khiết...

Còn đặc trưng của cung điện mùa mưa là làm sao tạo cảm giác thanh sạch, khô ráo; nên nó có đủ tính chất của hai cung điện mùa đông và mùa hè.

Sau khi thiết lập ba tòa cung điện, đức vua cho tuyển chọn ca nhi, vũ nữ, nhạc công cùng thị nữ lo việc hầu hạ, chăm sóc thái tử. Thế rồi, ngày cũng như đêm, nơi đây là mùa xuân bất tận, thiên cung bất tận. Đức vua cũng cho phép con em trong hoàng tộc như Mahānāma, Devadatta, Ānanda, Anuruddha... được lui tới vui chơi và cùng tham dự các buổi thảo luận về văn chương, triết học, chính trị... Về các sinh hoạt dân gian - nói chung là về cuộc sống bên ngoài cung điện - các vương tử, các ông hoàng này rất ngây thơ, nhưng về kiến thức kinh điển, từ chương... họ lại rất uyên bác. Họ có thể không biết hạt cơm từ đâu có, nhưng lại biết rất rõ bao nhiêu hóa thân của thần bảo tồn Viṣṇu và thần hủy diệt Śiva. Họ có thể không hiểu tại sao con người lại bị phong cùi lở loét, dịch tả, dịch hạch... nhưng lại rất am

tường các thể thức cúng tế, lễ nghi phức tạp của những giáo phái truyền thống bà-la-môn. Và các cuộc thảo luận lúc đề cập đến lãnh vực siêu hình, đến thượng đế, đến định mạng con người, đến sống chết... thì họ chỉ việc dẫn chứng kinh điển. Một vài vị hoài nghi thực thể tối cao điều hành vũ trụ. Một vài vị muốn tước bỏ cho kỳ hết quyền lợi của giới cấp tu sĩ bà-la-môn bao đời nay đã ăn trên ngồi trốc và bóc lột dân đen trong các buổi tế đàn, lễ cúng, quan hôn tang tế... Sôi nổi nhất là khi nói về đạo đức con người; có con người tốt quản lý và điều hành xã hội thì muôn dân mới được hạnh phúc, ấm no... Dường như thái tử vui vẻ nhất khi thấy các vương tử, các ông hoàng biết nghĩ đến người khác, đến các tầng lớp dân chúng mà họ sẽ lãnh đạo sau này. Những khi như vậy, thái tử sai thị nữ châm thêm trà, lấy thêm bánh trái, gầy thêm mấy lò trầm đã lụn...

Cuộc vui nào rồi cũng sẽ tàn. Lúc kẻ hầu người hạ yên ngủ cả, thái tử lại ra ngồi bên hiên, lặng ngắm trăng sao, đăm đăm như nhìn vào vô tận. Ở đấy như còn những bí mật trùng trùng. Ở đấy như là những câu hỏi chìm khuất giữa hư vô mà thái tử đã vô phương giải đáp. Thế rồi, tiếng tiêu thay cho nỗi lòng, thái tử lại đắm chìm trong thế giới âm thanh mênh mông và man mác buồn...

Đức vua âm thầm cho người theo dõi, biết được những gì xẩy ra trong ba tòa Cung Vui. Hóa ra, thái tử cũng không để tâm đến những mỹ nữ xinh như mộng, yêu kiều, tha thướt, lả lướt ở xung quanh. Yến tiệc lớn, yến tiệc nhỏ, đám ca công này, tốp vũ nữ khác... chỉ tạo cho thái tử sự ngạc nhiên, thích thú vào buổi đầu, sau đó, thái tử cho nghỉ dần. Thái tử chỉ thường xuyên duy trì các buổi tiệc trà nhẹ, mời thêm đám thiếu niên nội ngoại dòng Sākya đến tham dự hội thảo.

Đức vua Suddhodana cảm thấy lo lắng. Hôm kia, vào lúc lâm triều, ngài đem điều ấy ra bàn với đình thần:

- Này chư khanh! Thái tử quả thật là đóa kỳ hoa giữa nhân thế; nếu mà thái tử khứng chịu, chấp nhận trị vì vương quốc thì sau này chẳng có cường quốc nào phải làm cho chúng ta sợ hãi. Nhưng ba tòa cung điện diễm lệ kia với ca nhi, mỹ nữ, với thức ăn, thức uống mỹ vị hiếm có trên đời... vẫn không đem đến kết quả như trẫm mong đợi. Con kình ngư kia dường như vẫn không chịu dính câu. Con phượng hoàng kia vẫn lặng lẽ dạo gót ở ngoài lồng. Quả thật là trẫm rất lấy làm lo ngại lời tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña. Vậy chư khanh có kế gì hay góp ý cùng trẫm xem sao.

Một lão thần tâu:

- Thưa đại vương! Anh hùng xưa nay không ai qua khỏi ải mỹ nhân. Thái tử năm nay tuổi vừa mười sáu, là một trang thiếu niên anh tuấn, huyết khí phương cương; sao đại vương không dùng sợi tóc của mỹ nhân mà buộc chân thái tử lại? Chỉ có kế ấy là thượng sách.

Đức vua Suddhodana thở dài:

- Nơi ba tòa Cung Vui có biết bao nhiêu mỹ nữ tuổi độ trăng tròn, xuân xanh hơ hớ mà thái tử có thèm để mắt đến đâu! Cái sợi tóc của khanh xem chừng vô dụng rồi!

- Thưa, đấy là mỹ nhân do hoàng cung tuyển chọn. Phải có một cuộc tuyển lựa mỹ nhân do chính thái tử đứng ra làm chủ trì mới là đắc sách. Phải là một trang giai nhân tuyệt thế, mang vẻ đẹp thanh khiết, cao nhã may ra mới cầm chân thái tử ở lại được nơi cung vàng hoa lệ ấy. Trái tim của mỗi người có ngôn ngữ riêng của nó, tâu đại vương!

Đức vua Suddhodana nghe có lý quá, vuốt râu cười, hài lòng.

Thế rồi, một cuộc bố cáo rộng rãi được truyền đi khắp trong dân gian, đặc biệt ưu tiên cho giới giàu sang, quý tộc, con cái các đại thần và quan lại trong triều đình. Với loa truyền, trống đánh, phi mã đưa tin, thông điệp trao tay đến

các phố phường, thị trấn... Không mấy chốc, cả nước xôn xao, bàn tán về việc thái tử đứng ra lựa chọn mỹ nhân. Ai rồi cũng được trọng thưởng, riêng người đẹp nhất thiên hạ, lọt vào mắt xanh của thái tử sẽ được dành tặng phần thưởng quý báu nhất của thành Kapilavatthu. Phần thưởng quý nhất quốc độ, ấy là gì? Các cô gái trong thiên hạ đều ngầm hiểu đấy chính là làm kẻ sửa túi nâng khăn cho chàng trai được tiếng là tuấn mỹ, phi phàm nhất thành Kapilavatthu! Những cô gái dầu đẹp nhưng thân phận thấp hèn thì không dám mơ tưởng đến; nhưng những công nương danh gia vọng tộc thì trái tim lại rung động, bồi hồi... Những đôi má của họ chợt ửng hồng như màu phấn nhan; những đôi mắt e lệ, bẽn lẽn núp sau rèm lụa với những ước mơ thơ mộng nhất; những cái nhìn mơ màng, bần thần vào cõi lầu son, gác tía xa xăm...

Ngày mở cuộc thi tuyển đã đến. Kinh đô Kapilavatthu như bừng sáng lên, rực rỡ thêm lên với hằng trăm mỹ nữ yểu điệu, thướt tha trên những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa bước xuống. Những đóa hoa vương giả, quý phái; những cô gái tuổi độ trăng tròn, má xuân phơi phới, trang điểm lộng lẫy, dặt dìu gót ngọc bước vào vương cung. Những cô gái các gia đình danh giá, giàu sang tuổi vừa hàm tiếu, e ấp, nõn nà... theo tiếng gọi con tim mà tìm đến...

Người con trai ưu tú của thành Kapilavatthu ngồi làm chủ tọa kiêm giám khảo cho cuộc thi hoa hậu này - theo sự sắp xếp của đức vua và hoàng hậu - mà chàng thì không dám để cho hai vị phiền lòng.

Mỹ nữ lần lượt chậm rãi, nhẹ nhàng đi qua, lướt qua. Những gót sen ngập ngừng, xao xuyến... Những tấm khăn lụa kāsi quý giá, thơm ngào ngạt, đủ loại sắc màu rực rỡ như hoa mùa xuân, như làn sóng gợn dập dìu, uyển chuyển... Tất cả trôi qua, lướt qua... Người con trai anh tuấn với đôi mắt xanh trong như mặt nước hồ thu không gợn. Ngài nhìn từng

mỹ nữ một, khẽ cúi đầu, khẽ mỉm cười, cung cách nhã nhặn và lịch thiệp rồi trang trọng trao những phần thưởng châu báu cho mỗi nàng...

Tiếng nhạc đệm dặt dìu, hương muôn hoa tỏa ngát. Làn sóng người đẹp tuần tự chảy qua. Những đôi mắt tròn to đen láy liếc nhìn thái tử với nỗi sợ hãi mơ hồ. Họ cảm thấy mình bé nhỏ và tầm thường quá. Có một cái gì tôn nghiêm, uy nghi và sang trọng quá toát ra nơi con người tuấn tú kia. Trước khi tới đây, họ đã xây dựng trong trí tưởng bao nhiêu mộng đẹp; nhưng khi chờ đợi đến lượt mình, nhiều tình cảm xen lộn phức tạp, nửa muốn bước tới, nửa muốn thối lui. Và rõ ràng, khó có một hình bóng mỹ nhân nào khả dĩ mở được cửa để bước vào trái tim của người vương giả!

Đức Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, các đức thân vương, các lão thần... ngồi sau những tấm rèm kín đáo đưa mắt theo dõi. Những mâm vàng, mâm bạc chất đầy châu báu, ngọc ngà cứ vơi dần, vơi dần... nhưng dường như trái tim thái tử vẫn chưa hề rung động. Đôi mắt trong xanh tĩnh lặng kia chưa một lần dừng lại có vẻ chăm chú, có vẻ ngạc nhiên trước một mỹ nữ nào...

Khi viên trân châu cuối cùng vừa theo người đẹp cuối cùng rời đi, sau những bức rèm vừa buông tiếng thở dài chưa dứt thì cung điện chợt như rực sáng lên. Những tiếng trầm trồ xung quanh, không hẹn mà cùng thốt lên, ca ngợi, xuýt xoa... Thái tử lặng người, nghe trái tim mình rung lên nhè nhẹ, đưa mắt nhìn người mỹ nữ vừa bước đến. Nàng đẹp quá! Đúng là mỹ nhân của những mỹ nhân! Dường như tất cả nét yêu kiều, diễm lệ, cao sang, quý phái, dịu dàng, thanh khiết của mỹ nữ trên thế gian đã kết dệt nên nàng: một tạo phẩm giai nhân tuyệt tác của hóa công! Đến trước thái tử, nàng khẽ cúi đầu đài các, nở nụ cười tự tin, hàm răng như hạt lựu nẩy mầm, sáng như ngọc chuốt, cất giọng thanh tao như tiếng chim Ca-lăng-tần-già:

- Hỡi thái tử anh tuấn! Chẳng hay thái tử còn có vật gì để dành tặng cho thiếp chăng?

- Có, có! Thái tử đáp rồi mỉm cười, chậm rãi nói - Nhưng tất cả những châu báu kia thì đâu có xứng đáng với trang tuyệt thế giai nhân? Ta còn một vật quý hộ thân đây!

Nói thế xong, thái tử thò tay lần vào bên trong cổ áo, lấy chuỗi trân châu quý giá nhất mà chàng không mấy khi để lộ ra ngoài, trịnh trọng đeo cho người đẹp trước hằng trăm đôi mắt đăm đăm ngưỡng mộ.

Mỹ nữ mỉm cười, nhỏ nhẹ lên tiếng cảm ơn, lời trong như con oanh thỏ thẻ, như hạt pha lê reo. Thái tử cảm thấy người nhẹ nhàng, lâng lâng; một cái gì rất lạ lùng, rất kỳ diệu lần đầu tiên nó len lén đi vào tâm hồn chàng, rất êm ái và rất ấm áp...

Ngày hôm sau, kết quả cuộc tuyển lựa mỹ nhân, như một tin lành lan truyền khắp quốc độ. Đức Suddhodana thấy lòng hồ hởi, vui sướng vô cùng, nói với lệnh bà Gotamī rằng:

- Hậu ơi! Chúng ta đã nhốt được con chim phượng hoàng ấy ở trong lồng rồi!

Thi Tài Võ Nghệ

Mỹ nhân đoạt giải hoa khôi ấy, chinh phục được trái tim của thái tử Siddhattha chính là nàng Yasodharā, công chúa cưng của vua Suppabuddha và hoàng hậu Amitā Pamitā. Đức Suddhodana đã vài lần thấy cô bé xinh đẹp ấy khi theo mẹ đến trình diện ông. Hoàng hậu Mahā Pajāpati Gotamī, từ lâu đã đặc biệt yêu mến cô cháu gái đoan trang, nhân hậu rất hợp với tính cách của bà.

Dòng Sākya từ thuở xa xưa lập quốc, do muốn gìn giữ huyết thống anh hùng nên anh em ruột được phép lấy nhau. Đấy là điều biệt lệ. Sau đấy, dòng nối dòng, để cho huyết thống khỏi nhạt phai, anh em con cô cậu còn được phép kết hôn. Trường hợp hai trẻ bây giờ là như vậy nên đức vua Suddhodana tức tốc cử đoàn sứ giả do đức thân vương Amitodana làm trưởng đoàn; với những cỗ xe sang trọng mang phẩm vật quý giá sang Koliya cầu thân.

Mấy hôm sau, phái đoàn trở về với khuôn mặt rầu rĩ, cúi đầu, lặng lẽ thở dài. Đức vua Suddhodana ngạc nhiên, nóng nảy hỏi:

- Sao thế? Con trai ta không xứng đáng chăng?

- Tâu đại vương! Amitodana nói - Đức vua Suppabuddha khen thái tử của chúng ta cốt cách phi phàm.

- Thế sao các người lại âu sầu, ủ rũ như vậy.

- Đức Suppabuddha gần như thách thức, phán rằng: "Tiền liệt tổ tông ta đâu kém gì Sākya, đều lập quốc trên yên ngựa, trải qua nhiều đời vẫn lấy võ công làm trọng. Con gái ta tài sắc vẹn toàn, biết bao nhiêu là vương tôn công tử đưa mắt dòm ngó. Ta không dám chê thái tử của các ngươi một điểm nào cả. Nhưng để khỏi mất lòng với anh hùng trong thiên hạ, ta phải giữ lẽ công bằng, không thiên vị bằng một cuộc thi tài võ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung, đô vật, cử tạ, đao kiếm, quyền thuật... Tất cả thái tử, hoàng tử, vương tôn, công tử... trong các nước lân bang kể cả cháu ta là Siddhattha tuổi vừa niên thiếu đều có thể ghi danh tham dự. Ai là người trổ tài vô địch trong đám quần hùng, phần thưởng quý giá nhất, ấy là con gái cưng của ta. Các phần thưởng thứ đệ khác cũng đều là vật trân quý..."

Nghe thế xong, đức Suddhodana lấy làm buồn lòng, tự nghĩ: "Siddhattha dáng người nho nhã, văn nhược. Nếu thi tất cả các môn như văn chương, từ khúc, thiên văn, địa lý, thuật số, tự nhiên học, y dược, ngôn ngữ, triết học, luận lý, toán học, đo lường... thì vị tất trên thế gian này có người sánh được. Nhưng còn võ công thì..." Đức vua lắc đầu như cố xua đi một sự thật đau lòng. Nước Koliya, ngài biết rằng, có rất nhiều trang dũng sĩ, từ nhỏ đã khổ luyện bắn cung, cỡi ngựa, đao kiếm, quyền thuật... Mà vượt trội nhất là Devadatta. Nhưng Devadatta với Yasodharā là anh em khác mẹ, tuy nó không dự thi chính thức, nhưng ai cấm nó ra oai trấn áp quần hùng, nhất là làm nhụt chí thiếu niên dòng Sākya? Tính khí ương bướng với bộ dạng kiêu hùng của Devadatta không hứa hẹn một sự khả toàn nào cả. Chắc chắn là nhóm vương tôn, công tử Koliya sẽ bảo vệ đóa hoa quốc sắc thiên hương của mình... Riêng Kapilavatthu thì có những ai nào? Bọn thiếu niên vương tử dòng Sākya cùng con cháu các lão thần... đứa nào cũng vạm vỡ, khỏe mạnh; võ nghệ của chúng đều xứng tài làm tướng cả...; nhưng nổi trội nhất,

có lẽ là Kāḷudāyi, Mahānāma, Bhaddiya, Bhagu, Kimbila... Với tình hình như vậy thì con trai ta sẽ thua, và sợi dây tơ hồng ràng buộc con ta ở lại với vương vị, với cuộc đời nhung gấm cũng đứt khúc theo...

Sự ưu tư và lo nghĩ của đức vua Suddhodana lộ rõ trên nét mặt. Hôm kia, sau khi quan sát thần sắc nhợt nhạt của đức vua, biết được sự bất an của người, thái tử tâu:

- Xin vương phụ hãy an tâm. Người hãy chấp nhận lời thử thách của quốc vương Koliya. Vả chăng, sự công bằng ấy cũng hợp lý. Về các môn võ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung, đao kiếm... thì hoàng nhi dẫu bất tài, nhưng Devadatta chưa phải là tay thần tiễn, Kāḷudāyi chưa phải là tay kiếm thần, Mahānāma, Kimbila chưa phải là những kỵ sĩ ưu hạng...

Đức vua Suddhodana tưởng tai mình nghe lầm:

- Con nói sao? Con cũng tài giỏi về võ nghệ à? Con học từ bao giờ?

- Thưa, từ lúc tám tuổi do các giáo sư dạy chương trình ngoại khóa. Đặc biệt, môn cỡi ngựa, điều phục huấn luyện ngựa, con học được từ Channa. Bao nhiêu năm qua, con vẫn thường xuyên luyện tập; nhưng thấy những môn học ấy dễ đem đến sự đắc chí của kẻ vũ phu nên con chẳng dám múa may cho mọi người biết đấy thôi.

Thấy thần sắc, ngôn ngữ, thái độ của thái tử rất an nhiên, tự tin, đức vua thở phào, nhẹ nhõm, vững dạ vô cùng. Sau đó, vua tức tốc cho sứ giả với sức phi mã đến báo tin cho vua Suppabuddha, chấp nhận một cuộc thi tài võ nghệ, được thông tin rộng rãi cho cả hai quốc độ.

Đức vua Suppabuddha vuốt râu cười ha hả:

- Được. Được. Tốt lắm. Vậy một tuần sau, hãy tổ chức cuộc thi tại đại võ trường kinh đô Kapilavatthu, chính ta sẽ làm giám khảo. Hãy bố cáo tin này ra khắp bàng dân thiên hạ. Các vương tôn công tử, con cháu các danh gia vọng tộc

tuổi vừa niên thiếu cả hai quốc độ, đều có quyền tham dự một cách bình đẳng.

Đến ngày, kinh đô Kapilavatthu như thay khuôn mặt mới để bước vào ngày hội lớn. Khắp các đường phố, cổng ngõ, nhà nhà... đèn treo, cờ bay, hoa kết... rực rỡ, rộn ràng. Bốn cổng thành Đông, Tây, Nam, Bắc đều được mở rộng để cho muôn dân đến xem cuộc thi thố tài năng lần đầu tiên trong lịch sử. Có người thì muốn xem cho mãn nhãn tài nghệ siêu quần bạt tụy của giới quý tộc, các ông hoàng. Có người thì tò mò pha lẫn ngưỡng mộ muốn thấy tận mắt vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành của công chúa Yasodharā...

Tại kinh đô Devadeha nước Koliya, sự náo nức cũng không kém gì. Nhóm thiếu niên hoàng gia, quý tộc ở đây cũng đã tấp nập xe ngựa đến Kapilavatthu từ mấy hôm trước. Trước khi lên đường, Devadatta tâu với vua cha:

- Thưa vương phụ! Hai con trai tài giỏi của hai đức hoàng thân là Anudāma và Viruḷhāka đã xe ngựa đi rồi, vì từ lâu, họ cũng gắm ghé Yasodharā. Với bản lãnh của chúng, tuy rất vững vàng, nhưng con vẫn cảm thấy e ngại...

Đức Suppabuddha chăm chăm nhìn con trai, lạnh lùng nói:

- Ý ngươi là thế nào?

- Thưa, cha hãy cho con được tham dự để bảo vệ uy tín cho Koliya. Bên Sākya, thái tử Siddhattha không biết thế nào, hắn như con rồng thần luôn giấu cái đầu cái đuôi rất kỹ, một đối thủ vô danh mà con luôn luôn cảm thấy lo ngại mơ hồ. Ngoài ra, Kāḷudāyi, Mahānāma... đều là những địch thủ đáng gờm; Anudāma và Viruḷhāka của chúng ta tuy võ nghệ sáng giá nhất trong đám thiếu niên hoàng tộc, nhưng vị tất đã tranh nổi võ khôi nguyên lưỡng quốc.

Trầm ngâm một lát, Suppabuddha dịu dàng nói:

- Con ạ! Ta rất mến Siddhattha, nhất là cái nhũn nhặn, lễ độ, từ hòa của y. Đức tính ấy con kém xa. Lại nữa, ta dẫu

tuyên bố hùng hổ nhưng cả hai nước đều là người một nhà. Cuộc biểu dương võ nghệ lần này, bên ngoài thì chọn rể mà bên trong là sự liên kết, thắt chặt sức mạnh võ lực theo chiến lược lâu dài, đã trở thành quốc sách để tránh sự dòm ngó, xâm lược của các cường quốc. Con hãy hiểu như vậy để xử sự cho đúng đắn. Con đã là thái tử rồi, việc nước trong mai hậu, con sẽ lo toan, đảm nhận đấy!

- Con hiểu, thưa vương phụ! Nhưng ý con chỉ muốn làm nhụt bớt sự kiêu căng, ngã mạn của dòng Sākya, từ lâu, họ coi thường chúng ta lắm. Con chỉ xin được tham dự như góp vui vậy mà!

- Con hiếu thắng cũng không thua kém ai đâu. Ta cho con tham dự, nhưng mà phải biết điều, lịch sự đấy! Quyết định cuối cùng là do ta, tự ta!

Số người ghi danh rất đông, nhưng khi nghe tin nước Devadaha có Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka...; nước Kapilavatthu có Siddhattha Mahānāma, Kāḷudāyi, Bhaddiya, Kimbila... nhiều người đã tự động rút lui, vì họ biết chẳng thể nào tranh nổi với những thiếu niên kỳ danh ấy.

Trên khán đài danh dự đầy đủ các đức vua, các hoàng hậu, hoàng phi, các hoàng thân, vương tử, công nương, các vị lão thần, đại thần của hai quốc độ. Hai khán đài cánh gà hai bên dành cho các danh gia vọng tộc, những khách mời danh dự đại diện các nghiệp đoàn uy tín như ngân khố (chủ cho vay), vàng bạc, thợ thủ công, các thương gia đồng sắt, hương liệu, áo quần, lúa gạo, gia vị, bánh kẹo... Còn dân chúng thì đầy đặc khắp nơi...

Công chúa Yasodharā ngồi sau lưng hoàng hậu Amīta Pamitā đưa mắt đăm chiêu không nhìn vào đâu cả vì nàng đang lo lắng, sợ rằng Siddhattha sẽ thua cuộc trước những trang nam nhi lực lưỡng, tướng mạo oai hùng dưới võ trường.

Devadatta oai vệ trong bộ võ phục gọn ghẽ, giáp bào, mũ, hia, đai... cẩn ngọc, nạm vàng; thân cao lớn, bó cung tên vàng đeo sau lưng, trên thân con chiến mã cũng oai hùng không khác gì chủ tướng. Bên cạnh Devadatta là Viruḷhāka và Anudāma là hai vị vương tử rất có tiền đồ của Koliya; võ phục sang trọng và sáng ngời châu báu không kém gì Devadatta...

Mahānāma phục sức nho nhã, thanh lịch; nhưng thanh bảo đao nạm ngọc vắt chéo qua lưng, ngồi trên lưng chú ngựa hung đỏ, trông thần uy hiên ngang lẫm lẫm. Kāḷudāyi trong bộ võ phục hoàng kim sáng ngời, đao kiếm cung tên đầy đủ cả; ngồi trên con ngựa ô nhàn nhã nước kiệu đi tới. Kimbila với bộ võ phục nâu đỏ như mặt trời chiều, cao lớn trên lưng con ngựa nòi, cung tên, bảo đao... đều đã sẵn sàng xuất trận!

Ngoài ra, còn có năm trang dũng sĩ, con cháu của các lão thần và các đại thần khác, võ phục và võ khí cũng sáng ngời ngời, cũng quyết so tài một phen, không được phần thưởng này thì được phần thưởng khác.

- Thế thái tử Siddhattha đâu?

Công chúa Yasodharā hỏi thầm. Đức vua Suddhodana cũng đưa mắt tìm kiếm; mà những người đã từng hâm mộ thái tử cũng có vẻ nóng lòng mong đợi.

Lúc ấy, từ vòm cửa đông, một bóng ngựa nhàn nhã, chậm rãi bước nước kiệu đi tới, nhẹ như hơi gió, không một chút bụi cuốn theo... Trên lưng ngựa, một chàng trai thanh lịch, trang sức dị giản trong bộ võ phục màu trắng, thần sắc an tĩnh đến trước khán đài, dừng cương, nhẹ nhàng bước xuống. Thái tử khẽ nghiêng mình cúi chào hàng ghế danh dự, mà ở đấy là các bậc trưởng thượng, cha chú của hai dòng tộc. Và cũng ở đấy, có một công nương đang hồi hộp, thẹn thùa nép sau lưng mẹ...

Giữa đại võ trường, một viên võ tướng xuất hiện, với loa phóng thanh trên tay, cất giọng lớn tuyên bố thể lệ cuộc thi, tuần tự từng môn thi như thế nào, có đức vua Suppabuddha làm chủ khảo. Các vị giám quan cũng được đề cử nhanh chóng, mỗi nước bốn người.

Đức vua Suppabuddha bước xuống ngồi ở bàn giám khảo, tuyên bố vài lời, lấy tinh thần thượng võ làm trọng, giao đấu thân hữu, vũ khí không đụng nhau... Có ba môn thi chính là bắn cung, múa đao và cỡi ngựa... Mọi người vỗ tay hoan hô như sấm dội... Cuộc thi bắt đầu...

Môn bắn cung. Mười hai xạ thủ đứng hàng ngang, cầm sẵn cung tên. Mười hai cái trống có vẽ hồng tâm đậm nét đặt sẵn ở xạ trường. Mốc đầu tiên, trống đặt xa sáu govo (chừng 434m). Đã sẵn sàng, cờ phất; như đồng loạt, mười hai mũi tên vàng lao đi. Giám quan tuyên bố: tất cả đều trúng hồng tâm. Tiếng vỗ tay rào rạt như sóng dội. Tầm thứ hai, bảy govo, mười xạ thủ bắn trúng hồng tâm, hai bị loại. Tầm thứ ba, tám govo, ba xạ thủ rớt đài. Tầm thứ tư, chín govo, cả bảy xạ thủ đều bắn trúng hồng tâm, đó là Siddhattha, Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka, Kimbila, Mahānāma, Kāḷudāyi. Đến đây thì ai nấy đều rõ tài của con cháu hoàng gia, có danh có thực vậy. Khi thị vệ di chuyển trống đến tầm mười govo thì các khán đài xôn xao vì nó xa quá. Thế rồi năm người bắn trúng. Anudāma và Viruḷhāka bắn lệch. Dòng Sākya còn bốn và Koliya chỉ còn một. Khi trống chuyển đến tầm mười một govo thì ba người nữa bỏ cuộc, chỉ còn Siddhattha và Devadatta. Cả hai đức vua khẽ đưa mắt nhìn nhau, mỉm cười mãn nguyện.

Devadatta nhìn Siddhattha, ngạc nhiên nói:

- Đệ không ngờ hoàng huynh cũng là tay cự phách.

- Hoàng đệ cũng chẳng kém gì. Thôi, chúng ta huề nhé?

- Không, không! Đệ phải chứng tỏ là Koliya cũng có kẻ anh hùng...

Nói xong, Devadatta hô thị vệ đặt trống xa mười bốn govo, tức là hồng tâm chỉ còn như đầu cây nhang cháy đỏ; nói giọng thách thức:

- Hoàng huynh có dám bắn không?

- Hoàng đệ hãy bắn đi!

Devadatta nghiêng mình đảo cánh cung, từ từ kéo dây, nhắm mục tiêu, thả dây... Mũi tên xé gió, lao vút đi, ghim đúng hồng tâm không sai lệch một ly nào. Tiếng hoan hô như làm vỡ cả võ trường.

Siddhattha vui mừng vỗ vai Devadatta:

- Với cung ấy, tên ấy, mục tiêu ấy thì trên thế gian này chẳng có ai bắn giỏi hơn hoàng đệ.

- Vậy hoàng huynh bỏ cuộc sao? Devadatta hí hửng nói.

- Không phải vậy! Thái tử sai thị vệ đặt trống xa hai mươi govo, tức là không còn thấy mục tiêu nữa, rồi tiếp - Ta muốn hỏi ngược lại, đệ có dám bắn mục tiêu ấy không?

- Hoang đường! Devadatta nói như quát - Không thấy mục tiêu mà bắn được ư?

- Phải! Siddhattha cất giọng chậm rãi - Đệ bắn bằng mắt, ta thì bắn bằng tâm!

Sự việc xẩy ra làm cho võ trường im lặng như tờ.

Thái tử Siddhattha cất giọng dõng dạc:

- Ta xin thử dây cung.

Nói xong, thái tử giương cung, kéo mạnh, cung gãy. Thị vệ mang đến cung khác, gãy nữa; cái cung khác, bằng đồng, lại gãy nữa do sức tay của thái tử quá mạnh.

Quăng cung, thái tử nói với viên võ tướng:

- Tại đền thiêng Simhābanu có một cây cung thần, thờ đã tự nghìn xưa. Nó bằng đồng, nặng lắm. Vậy cảm phiền cho mười lực sĩ mang đến đây cho ta.

Lát sau, mười lực sĩ dòng Sākya hì hục mang cung đến. Nó đen tuyền, bóng loáng. Thái tử một tay đỡ cây cung đưa thẳng tới trước, tay kia kéo thử dây đồng rồi thả ra. Một

tiếng ngân trầm hùng lan dần, lan ra xa như tiếng chuông đồng vang động trong không gian không ngớt.

Trên các khán đài, mọi người đứng cả dậy, dân chúng xôn xao ùn ùn xô đẩy về phía trước, thần lực của thái tử đã áp đảo quần hùng, đã làm cho mọi người sửng sốt, kinh hãi. Trong lúc ấy, thái tử bình tĩnh, lắp một mũi tên đồng, đứng bất động như nhập định, nhè nhẹ kéo dây, mắt nhắm, nín thở... Mũi tên vàng vọt khỏi dây cung, chỉ thấy lằn chớp cháy không gian... rồi mất tích... Các vị giám quan chạy đến mục tiêu. Mũi tên thần không những xuyên đúng hồng tâm, đi qua hai mặt trống, mà còn chưa hết đà, bay xa chừng một phần hai govo nữa rồi ghim vào một gốc cây đại thọ, chuôi tên không ngớt rung rinh... Bốn tên lực sĩ, nhanh như chim cắt, chạy bưng chiếc trống, đem đặt trước khán đài cho đức vua Suppabuddha nhìn ngắm. Ngài bước xuống, săm soi nhìn, đưa tay sờ... Lát sau, ngài khẽ thốt:

- Cung thần nơi đền thiêng Simhābanu không phải là hoang truyền. Mà tài thần tiễn của thái tử Siddhattha, ta vẫn không dám tin là chuyện có thật.

Cả đại võ trường như vỡ ra với tiếng la, tiếng hét, tiếng hoan hô ca tụng tài thần tiễn của thái tử Siddhattha...

Ngày thứ hai, thi đao kiếm. Thể lệ cuộc thi về đao hay kiếm là phải nhanh, bén và chuẩn xác. Múa kiếm nhanh nhưng còn thấy kiếm là bậc hạ. Múa kiếm nhanh, không thấy kiếm, nhưng chỉ ngăn được ba phần nước bên ngoài phun vào, là bậc trung. Kiếm nhanh đến độ nước phun không dính võ phục, mới là bậc thượng.

Phần thi kiếm nhanh, tám võ sinh còn thấy kiếm, đạt bậc hạ. Qua bậc trung, chỉ còn sáu người múa kiếm quanh mình mà không thấy kiếm, đấy là Siddhattha, Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka, Bhaddiya, Kāḷudāyi; nhưng khi múa nhanh, chỉ có Siddhattha và Devadatta là không dính nước; đạt bậc thượng.

Phần thi đao bén và chuẩn, đối tượng là những khúc gỗ được dựng sẵn trước mặt, đường kính chừng một gang tay, có kẻ chỉ đỏ mười hàng đều đặn. Sau một bài quyền múa đao, mỗi võ sinh phải ra đao bổ dọc, lấy đi một thanh gỗ mà khúc gỗ vẫn đứng yên. Đề thi quá khó, nó đòi hỏi cả ba yếu tố: nhanh, bén và chuẩn. Thế là có kẻ qua được nhát thứ ba, nhát thứ tư... là khúc gỗ ngã đổ. Devadatta, Viruḷhāka, Bhaddiya qua được nhát thứ sáu...

Thái tử Siddhattha đứng quan sát, chưa ra tay vội, nói với các bạn:

- Qua nhát thứ sáu, mặt bằng chân đế quá nhỏ, sẽ không giữ yên được trọng khối còn lại. Sáu nhát quá nhanh lấy ra sáu thanh gỗ, vậy là các bạn đã khá giỏi...

Devadatta hãnh diện cướp lời:

- Vậy là hoàng huynh bỏ cuộc rồi!

Thái tử Siddhattha mỉm cười:

- Không phải vậy! Hãy xem đây!

Nói xong, Thái tử định thần giây lát, hít một hơi chân khí, ánh sáng trắng nháng lên, mười lằn chớp như mười con giao long lượn xuống khúc gỗ. Mười thanh gỗ trước sau nằm ngã xuống mà tưởng như đồng loạt sắp xếp đều đặn... vì thái tử đã xuống đao nhanh quá, quá sức tưởng tượng của mọi người. Devadatta khâm phục quá, thốt lên:

- Đúng là tay đao đệ nhất thiên hạ, thật là không ai chịu nổi, xin bái phục!

Thái tử nói với các bạn:

- Với thanh bảo đao, chém sắt như cắt bùn, việc ấy không khó. Dùng thanh bảo đao, đoạn lìa hai ba thân cây cùng một lúc mà cành lá không rung động, lại khó hơn; nhưng ta cũng có thể làm được.

Họ đến rừng cây. Thái tử đứng nhắm hai thân cây đứng song song cách nhau chừng một đòn gánh, chàng yên lặng như trú định; thế rồi, một chiếc bóng nháng lên như cánh

chim ưng, bảo đao nằm ngang với thân mình, một luồng ánh sáng xẹt qua... Mọi người chưa thấy thái tử ra tay như thế nào, đã hoành thân trở về chỗ cũ, thần sắc tươi tỉnh. Hai thân cây không đổ, cành lá vẫn bất động... Thái tử tủm tỉm cười.

Mọi người nhao nhao, tiếng lời bàn luận chưa dứt thì một ngọn gió thổi qua, "rắc rắc", hai thân cây đồng ngã xuống một lượt. Như vậy là vì thế đao đi quá nhanh, nhát cắt quá phẳng, chuyện tưởng không thể mà thành có thể. Tất cả võ sinh đều tâm phục, khẩu phục...

Cả đại võ trường rào rào vỗ tay, trống đánh, kèn thổi, thùng đập... âm thanh dậy lên như một cơn địa chấn; khi viên võ tướng tuyên bố kết quả thi đao kiếm: Thái tử Siddhattha giải đặc biệt, ngoại hạng; Devadatta, Bhaddiya, Viruḷhāka giải nhất đồng hạng.

Thái tử thế là đã thắng vượt xa hai trận, lý ra không cần phải thi nữa; nhưng theo yêu cầu của mọi người, cuộc hội thao nên tiếp diễn để cho ngày vui của hai quốc độ được trọn vẹn. Cả hai vị quốc vương đều đồng ý. Thế là cuộc thi cỡi ngựa được tổ chức vào ngày hôm sau.

Đêm vừa rồi, kinh thành Kapilavatthu như thức ngủ, đèn đuốc sáng choang phố này, phường kia... để ăn uống, chuyện trò, bàn luận về tài kiếm đao của các vương tử, các ông hoàng... quả thật là chưa từng thấy. Lác đác đây đó nơi các góc phố, đám đông tụ lại, há miệng lắng nghe những gã lang thang kể chuyện với cử chỉ, điệu bộ, thêu dệt hay ho như diễn trò... Tại các cung điện hoàng gia cũng thế, được vui chơi tiệc tùng cho đến khuya. Đêm đó, có lẽ đức vua Suddhodana và công chúa Yasodharā là vui nhất.

Sáng ngày, mây lành, gió nhẹ, nắng vàng như lụa mỏng nhẹ phủ khắp kinh thành. Mọi người đầy đặc võ trường hớn hở chờ đợi cuộc thi cỡi ngựa...

Người và chiến mã đã sẵn sàng ở điểm xuất phát. Ai ai cũng đăm đăm nhìn Kāḷudāyi vì chàng có nước da đen lại

ngồi trên lưng chú ngựa ô! Mahānāma oai vệ và nhàn nhã trên lưng con ngựa hung hung đỏ, ai cũng tin chắc chàng sẽ thắng. Kimbila với võ phục màu sáng, nước da trắng trẻo, lại ngồi trên lưng con bạch mã, trông đẹp vô cùng. Bhaddiya thì có vẻ tự tin, chủ nhân con ngựa hoàng kim nổi tiếng bấy lâu nay. Devadatta tướng người cao lớn, phương phi, hùng dũng với chú chiến mã lai giống Sindhu uy danh vô địch. Siddhattha, võ phục màu trắng thanh lịch, lúc nào cũng với chú ngựa Kaṇṭhaka màu ngà voi, mảnh mai, thon nhỏ... hiền lành và ngoan ngoãn hết mực...

Trống đánh, cờ phất... đoàn ngựa vọt đi. Cái bóng ngựa cao lớn của Devadatta không mấy chốc đã dễ dàng dẫn đầu. Cái bóng đen của Kāḷudāyi bám riết theo sau... Nhưng mà ô kìa, cái vệt trắng của Kimbila đã bứt lên, bứt lên; và chỉ vài hơi thở sau là Kimbila đã cho các bạn hít bụi... Cái vệt hung hung đỏ của Mahānāma cũng không dễ dàng bỏ cuộc, đang cùng với Viruḷhāka, Anudāma, Bhaddiya... phi bên nhau như đang còn giữ sức ngựa. Còn thái tử Siddhattha và ngựa Kaṇṭhaka đâu rồi? A, con ngựa Kaṇṭhaka đang nhàn nhã gõ vó ở sau cùng, nhưng khi mà Kimbila đã vượt khỏi Devadatta chừng mươi đầu ngựa thì Kaṇṭhaka mới bắt đầu ra oai. Nó bất chợt dựng bờm, hí một tràng dài rồi lao đi như ánh sao băng. Nó lần lượt bỏ năm bảy chú ngựa sau cùng, bỏ vệt hoàng kim, bỏ vệt hung đỏ... rồi nó bỏ luôn vệt trắng! Chưa thôi, đến ngang đây, Kaṇṭhaka mới bắt đầu trổ uy thần mã, nó không chạy nữa, mà nó bay. Nó bay nhẹ nhàng, chập chờn, như mây, như sóng... Nó lướt êm ru như lướt trên một tấm thảm nhung... Khi Kimbila, Mahānāma, Devadatta, Kāḷudāyi, Viruḷhāka, Bhaddiya, Anudāma... trước sau vừa qua khỏi vòng đua thứ nhất, thì nó đã ở cuối vòng đua thứ hai! Từ đây, biết chắc mình đã thắng rồi, Kaṇṭhaka bắt đầu biểu diễn. Nó phi kiểu lượn sóng, người ta chỉ thấy những lượn sóng trắng ngà nhấp nhô, nhấp nhô đều đặn, mềm mại,

uyển chuyển... Nó phi kiểu lằn chớp, cả người và ngựa chỉ còn thấy một luồng ánh sáng bay ngang... Cả võ trường đồng lúc như đứng cả dậy, dường như họ không còn thấy chú ngựa nào nữa cả, chỉ có Kaṇṭhaka... với những pha biểu diễn ngoạn mục! Tiếng hoan hô, ca ngợi, vỗ tay, đập trống, gõ chiêng... như trời long, đất lở...

Kaṇṭhaka đã dựng đứng hai chân, tại đích đến, cuối vòng thứ ba; nó hí một tràng rất dài như tự thưởng cho mình đã chiến thắng một cách oanh liệt! Channa, người hầu ngựa, la hét đã khản giọng, bây giờ đến bên Kaṇṭhaka, vuốt ve, âu yếm, sung sướng nói lớn:

- Đối với Kaṇṭhaka, tất thảy ngựa trên thế gian đều là ngựa què!

Kimbila thật lâu sau đó mới về nhì, tiếp đến Mahānāma, Kāḷudāyi, Viruḷhāka, Anudāma, Bhaddiya, Devadatta... về ba, tư, năm, sáu, bảy, tám... còn các ngựa khác thì có vẻ uể oải bỏ cuộc. Devadatta lững thững dắt ngựa đến khiếu nại với giám quan và giám khảo:

- Nếu có con ngựa Kaṇṭhaka thì ai cũng có thể thắng trận một cách dễ dàng! Cuộc thi này không công bằng. Ngựa giỏi chứ không phải người giỏi. Ai có gan cỡi con Ngựa Sư Tử trong hoàng cung mới là tay bản lãnh!

Vua Suppabuddha tận mắt chứng kiến các cuộc thi, ngài thấy rõ ở bộ môn nào, thái tử Siddhattha cũng vượt trội. Vượt trội trên cả sự tưởng tượng của mọi người. Vị thế vô địch ấy có khoảng cách trời vực, không thể so sánh nổi... Devadatta, con ta, có quá đáng không, còn gì nữa mà không phục? Tuy nhiên, cha nào mà không thương con, không có chút thiên vị? Siddhattha thắng thì đã thắng rồi, nhưng hãy cho chúng thử xem, để cho con ta gỡ gạc một chút thể diện, đức Suppabuddha bèn nói với vua Suddhodana:

- Phiền hoàng huynh hãy ra lệnh cho mang con Ngựa Sư Tử ấy ra đây!

- Nó dữ lắm! Đức Suddhodana dè dặt nói - Nó là một con ngựa chướng, thường khóa mấy vòng xích sắc mà cột nó lại!

Vì cuộc vui đang trên đà hưng phấn, nên ai cũng khẩn cầu cho mang Ngựa Sư Tử ra. Đức vua Suddhodana ngần ngại, nhưng thái tử Siddhattha đã mỉm cười nói:

- Xin vương phụ hãy an tâm. Hãy để cho tất cả mọi người được mãn nguyện.

Thế rồi, bốn lực sĩ đã dẫn Ngựa Sư Tử đến. Nó có sắc màu đỏ nâu vàng, vằn vện và cao lớn dị thường. Nó đưa mắt khinh thị nhìn mọi người và đồng loại. Một vài chú ngựa thấy oai của nó, vội thụt lui... Mahānāma, Kāḷudāyi, Bhaddiya... đồng đến ngăn cản:

- Không được đâu, hãy bãi bỏ cuộc so tài này. Thái tử Siddhattha đã mười phần thắng cuộc, mà chúng ta, giỏi lắm cũng mới chỉ hai, ba là cùng!

Thái tử đến vỗ vai các bạn, trấn an. Devadatta ỷ sức mạnh, hô quân hầu dạt ra rồi hăm hở bước tới, nhảy vút lên. Con ngựa đứng im. Nhưng khi Devadatta vừa kéo cương, là nó đã gầm lên một tiếng, rồi nó nhảy sóng, nó hất sóng, nó dựng bờm, nó dựng đứng hai chân... bất chợt, nó lao nhanh... dừng phắt lại! Devadatta đã giữ cương, nắm bờm, ôm cổ... rất chắc, rất vững, rất giỏi... nhưng với thủ đoạn quá quắt như thế, Devadatta đã bị bắn về phía trước như bao giẻ rách, may mắn là chưa gãy tay, gãy chân... Đến phiên Kimbila, chàng rất tự tin, hai chân quặp vào lưng ngựa như hai móc sắt. Tha hồ cho ngựa dồn tới, hất lui, dợn sóng... chàng vẫn trụ vững. Nhưng sau đó, một cú nhảy ngược, phi, đạp, lắc... bất ngờ của chú ngựa hoang dại, Kimbila phải té nằm chỏng gọng... Con ngựa bất trị, hung dữ có lẽ tức giận người đã ở lâu trên lưng mình, quay lui định giẫm đạp Kimbila; nhưng bốn tên lực sĩ vốn dày dạn kinh nghiệm, đã kịp thời chạy đến ứng cứu...

Ở các khán đài danh dự, mọi người cả kinh, thất sắc. Vua Suddhodana hô lớn:

- Quân bây đâu! Hãy nhốt nó vào chuồng!

Thái tử bình tĩnh bước ra, nói lớn:

- Xin vương phụ chuẩn tấu! Hoàng nhi cũng phải cỡi con ngựa ấy mới công bằng!

Channa chợt mỉm cười, đến nói nhỏ gì đấy với thái tử, người ta chỉ thấy thái tử gật gật đầu. Xong, chàng an nhiên với nụ cười bước đến, dịu dàng đặt tay lên bờm ngựa, vuốt ve ra chiều thân thiết. Lát sau, thái tử ôm đầu ngựa, cúi sát vào tai nó, nói những lời từ ái, không ai nghe cả:

"- Con thân mến! Ta không có làm hại con đâu! Ta đến với con không phải để hống hách, để làm ông chủ; mà ta đến với con như đến với một người bạn, một người bạn thân ấy mà!"

Nói xong, rất tự tin, ngài thò tay tháo gỡ mấy sợi xích sắt còn buộc trên cổ, chân và bụng nó. Con Ngựa Sư Tử đứng im như lặng lẽ quan sát "địch thủ" làm gì! Đôi mắt của nó thường đỏ như máu, thường ửng lên sòng sọc... đã bắt đầu dịu lại. Nó nhìn thái tử. Thái tử nhìn nó. Bốn con mắt gặp nhau. Một năng lượng từ hòa, mát mẻ... từ thái tử như được tuôn tràn qua "tâm hồn" con ngựa dữ. Chợt nó đưa cái đầu "gạ gạ" nhẹ vào tay thái tử như quen thân nhau đã lâu rồi! Đưa tay đặt nhẹ lên lưng ngựa, thái tử nhảy lên. Bây giờ, con Ngựa Sư Tử đã trở nên ngoan ngoãn, thuần thục, hiền lành; nó cất từng bước nhịp nhàng, chậm rãi... trước những tiếng reo hò của muôn vạn người ngưỡng mộ...

Devadatta cùng các vị vương tôn, công tử... cả hai quốc độ, đồng chạy lại, khoanh chéo hai tay trước ngực, cúi đầu xuống trước thái tử:

- Chúng đệ hoàn toàn tâm phục, khẩu phục. Chúng đệ vô cùng vinh hạnh được thất bại trước bậc đại anh hùng "Thần võ khôi nguyên lưỡng quốc"

Đức vua Suppabuddha hớn hở bước đến vỗ vai thái tử, nói lớn:

- Con đã trổ tài vô địch một cách rất oanh liệt, rất từ tốn mà cũng rất khiêm cung. Ta thật rất sung sướng mà ban viên trân châu vô giá này cho con đây!

Yasodharā đã nép mình sau lưng cha. Vua Suppabuddha cười ha hả, nắm bàn tay của con gái mình, đặt vào bàn tay của thái tử Siddhattha trước sự chứng kiến của hai dòng tộc, trước sự hò reo như động đất, như vỡ núi của muôn người...

Trong Cung Vui
Và Những Dự Thảo
Phát Triển Đất Nước

Tìm được ngày lành tháng tốt, hai vị quốc vương cử hành hôn lễ cho con trai và con gái yêu quý của mình. Và đây cũng là dịp để đức vua Suddhodana bố cáo với muôn dân, trao quyền phụ tá vương quốc cho thái tử Siddhattha để chàng có trách nhiệm với sơn hà xã tắc.

Thật là những ngày tháng đáng ghi nhớ của muôn dân dòng tộc Sākya và Koliya. Cả hai vị vua đều ra lệnh ân xá tội tù và giảm thuế má cho dân. Các cuộc lễ hội, giải trí được mở ra khắp nơi. Dân chúng quanh năm lam lũ vì cái ăn, cái mặc, bây giờ được vui chơi, ăn uống, tiệc tùng, đàn ca, xướng hát để cùng chung vui với thái tử và công chúa yêu quý của mình.

Kinh đô Kapilavatthu được trần thiết huy hoàng, tráng lệ, xa hoa hết mực. Đèn kết, phướng bay, cờ treo như sao sa. Dân chúng lũ lượt chảy thành dòng trên các đường lớn. Màu sắc áo quần rực rỡ như dạ hội bướm trăm màu. Hoa và hương phô thắm và thơm ngào ngạt trên những tràng hoa trên cổ, kết trên mũ, đính trên áo của các vương tôn, công tử, mỹ nữ, giai nhân... Tại cung điện thì được trang hoàng mỹ lệ, cao sang như thiên đường hạ giới. Vua Suddhodana rộng tay mở kho tàng chi phí cho cuộc lễ không tiếc tiền, vì ngài

nghĩ rằng phải mang đến một niềm vui lớn để xóa tan những nếp gợn ưu tư trên vầng trán của người con trai.

Ngày đón dâu đã đến. Từ cổng thành, đèn cờ và hoa vui mắt, hai hàng quân cấm vệ ngồi trên những chú ngựa sắc hung đỏ chuẩn bị xuất phát. Họ đội mũ sắt, áo giáp sắt, yên nhung đỏ lộng lẫy, cương mạ bạc lóng lánh... chậm rãi ra khỏi hoàng thành nhắm hướng Đông nam thẳng tiến. Theo sau họ là những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa kéo theo những kiệu hoa vương giả. Đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, các đức thân vương, các trưởng lão dòng tộc Sākya, các vị lão thần, đại thần cùng cung nga thể nữ... đại diện cho nhà trai đi sang nước Koliya. Thái tử được ngồi riêng nơi cỗ xe hai ngựa màu trắng sang trọng và thanh lịch, khẽ vén rèm nhung nhìn sang vệ đường. Thấy dân chúng hớn hở mừng vui chào đón, chàng mỉm cười, nghe tâm hồn nhẹ lâng lâng... Từ khi gặp được công nương Yasodharā, thái tử thấy rõ rằng đây là mối duyên tiền kiếp, một tâm hồn đồng điệu, có thể trao gởi tâm sự cùng chia sẻ những niềm vui nỗi buồn trên cuộc đời này... Chàng chưa biết gì nhiều về bên ngoài cung điện, nên nhân dịp này đã cố ý quan sát tất cả, ghi nhận tất cả cái gì lọt vào tầm mắt... Càng ra xa thành phố, xóm làng càng thưa thớt, những đám đất xanh và vàng, những bóng người lom khom trên rẫy, dưới đồng. Đâu đâu cũng núi rừng xanh hút mắt... Sông và suối, những trâu và bò gặm cỏ, những đàn cò bay lượn nhởn nhơ...

Đến Devadaha, các trưởng lão hoàng gia, trọng thần, lão thần, binh lính... nghinh đón ở cổng thành. Họ đi giữa tiếng trống, tiếng kèn, cờ xí rợp trời... Đức vua Suppabuddha tiếp đón nhà trai rất mực trân trọng... Rồi những cuộc lễ, những cuộc lễ... theo phong tục tập quán... cứ trôi đi, cứ chảy đi... Cô dâu, chú rể mệt lả người. Những lời chúc tụng, mừng vui... luôn luôn đãi bôi, khách sáo... cũng phải nghe, phải cười, phải vâng, phải dạ, phải đứng lên, quỳ xuống...

Trở về nhà trai, lễ lượt lại tái diễn... Cuối buổi lễ, đức vua Suddhodana nắm tay thái tử đến cạnh ngai vàng, trịnh trọng tuyên bố trước đại diện hai nước cộng hòa:

- Siddhattha tuổi tuy còn trẻ nhưng có trí, có đức, có tài; từ nay, sẽ phụ tá vương vị, chính thức được nghị bàn quốc sự, thay mặt ta trách nhiệm trước hội đồng trưởng lão về mọi chính sách của nước cộng hòa dòng tộc Sākya...

Mọi cuộc lễ rồi cũng qua đi... Bây giờ, họ đang sống trong Cung điện mùa hè, được quyền vui chơi trong tổ ấm của mình trước khi tập sự việc nước. Thật ra, thái tử không còn cảm thấy thích thú những buổi yến tiệc linh đình, những cuộc rượu chè thâu đêm suốt sáng của bạn bè nữa. Có Yasodharā và một số ít ca nhi, vũ nữ, nhạc công là đã đầy đủ cho tháng ngày hạnh phúc, an lạc. Càng sống với Yasodharā, thái tử càng thấy nàng hiển lộ nhiều đức tính quý báu khác. Trong các buổi tiệc tùng, ca vũ... chàng vui vẻ chừng mực thì nàng cũng vậy. Khi thân hữu trong hoàng tộc như Mahānāma, Bhaddiya, Kāḷudāyi... ép chàng với những tách rượu say, chàng mỉm cười, cạn vài chung lấy lệ... thì nàng cũng thế. Ôi! Đóa hoa ấy sao mà e ấp và dịu dàng đến vậy. Thái tử nao nao lòng khi nàng nhìn chàng với đôi mắt trong xanh vời vợi, biểu hiện cả một trời thương yêu và tin cậy. Bên những chùm đèn cầy, chùm đèn dầu lạc thắp sáng mơ màng, huyền ảo; khi đã vắng lặng tiếng đàn hát vui cười, Cung Vui mùa hè chìm trong giấc ngủ thanh bình - họ trân trọng nhau, thương yêu nhau và cùng nhau tâm sự. Hương chiên-đàn, hương trăm hoa, hương xiêm y mỹ nữ như còn đọng giữa loan phòng... Thái tử thở dài rất nhẹ... đêm sâu cũng dường như xao xuyến theo:

- Gopā yêu quý! Nàng cảm nhận như thế nào về những cuộc vui này? Nhất là sau những tiệc vắng, canh tàn?

Yasodharā trầm ngâm giây lát:

- Có cái gì đó trông như một đóa hoa đã tàn. Có cái gì đó như mùa của lá vàng rụng rơi lả tả! Có cái gì đó như nhạt nhẽo, trống không, vô vị! Thiếp không thích lắm! Ở bên chàng, được nói chuyện với chàng, thiếp thấy bình yên và hạnh phúc hơn!

- Ta cũng thế đó, này Gopā! Ta chưa biết gì hết ở cuộc đời bên ngoài, nhưng ta cũng có thể suy luận một vài điều từ kinh điển hoặc từ lời giảng của các thầy phụ đạo. Rằng là mùa xuân rồi sẽ qua đi, mái tóc xanh của chúng ta sẽ không còn xanh nữa. Có cái gì đó không trọn vẹn trên thế gian hữu hạn này. Sự bất lực của số phận con người. Có lẽ nào tất cả đã được định đoạt bởi một đấng vô hình nào đó? Rồi còn những giới hạn của khoái lạc, của niềm vui? Và đâu là sự an bình thật sự của con người? Ôi! Ta có quá nhiều ưu tư và trăn trở. Nàng hãy thông cảm cho ta về điều đó nhé!

- Thiếp biết! Yasodharā cất giọng nhu thuận - Vả chăng thiếp cũng có một vài ưu tư và trăn trở! Rồi nàng đưa mắt nhìn ra xa - Bên kia, bên ngoài xa kia, thiếp đã một vài lần đi theo di mẫu để đến những xóm nhà nghèo khổ. Đám bần dân ở đấy họ có đời sống gần như súc vật. Họ không có được tấm vải che thân lành lặn, kể cả những ngày đông giá. Họ bệnh tật, ghẻ lở, hôi hám. Họ sống trong những ổ chuột với gián, với muỗi mòng, nơi những ao, những vũng bùn tù đọng. Trẻ con thì trần truồng, đen đìu như củ súng. Những người già là những bộ xương khô nhích tới, bước lui... Siddhattha ạ! Thiếp đã chảy nước mắt. Di mẫu cũng chảy nước mắt. Chúng ta không làm được gì cho họ cả!

Yasodharā gục khóc. Thái tử khẽ ôm bờ vai của nàng, chia sẻ với trái tim quá mẫn cảm của nàng:

- Ta hiểu. Ta biết.

- Những cỗ xe chở đầy thực phẩm, áo quần, thuốc men... của di mẫu chỉ như xoa dịu những vết thương đã quá trầm trọng. Không ý nghĩa gì cả, không đủ thiếu vào đâu cả...

- Ta hiểu. Ta biết.

- Chỉ như muối bỏ biển mà thôi, Siddhattha!

- Ta hiểu. Ta biết.

Yasodharā ngạc nhiên:

- Thái tử làm sao hiểu được khi chàng ở trong ba tòa cung điện nguy nga, tráng lệ nầy?

Thái tử mỉm cười:

- Mặc dầu phụ hoàng muốn che giấu ta về mọi thứ, nhưng ta cũng biết được do đời sống của hoàng gia, của giới quý tộc quá xa xỉ. Lại nữa, kinh thành Kapilavatthu được trang hoàng, trần thiết có cái gì đó như kiểu cách và phô trương quá... Càng đi xa các thành phố, thị trấn thì thôn làng càng tiêu điều, xác xơ; nhà cửa với mái lá, vách đất nghiêng lệch, chỏng chơ... Rất ít ruộng xanh mà chỉ thấy những đám đất vàng với trâu bò lang thang giữa đồng cỏ hoang vu... Dường như dân chúng đói rách, nghèo khổ ở hai bên vệ đường, phụ hoàng cũng "an trí" họ ở một nơi nào đó! Do suy luận từ những điều ấy mà ta hiểu, mà ta biết, này Gopā!

Họ không nói gì với nhau nữa. Yasodharā nằm xuống, khẽ kéo tấm chăn lụa mỏng đắp cho thái tử, đưa cánh tay phải cho chàng gối đầu, còn tay trái của nàng thì đặt nhẹ vào trái tim chàng! Ôi! Cái đầu ấy sao mà sắc bén, tinh minh đến thể; còn trái tim này, dường như bao giờ cũng cùng một nhịp đập với nàng!

Đêm kinh thành Kapilavatthu và không gian bên ngoài Cung Vui trăng trong như dát bạc, vài cánh hoa rơi khẽ, vài ngọn gió xao xuyến rung nhẹ... rồi thì thào ở rất xa...

Thời gian trăng mật rồi cũng qua đi. Câu chuyện đêm khuya giữa chàng và Yasodharā về sự đói khổ của dân chúng cứ canh cánh mãi bên lòng. Hết dự hội nghị ở triều đình, thái tử lại đi thăm viếng các đức thân vương, các vị trọng thần. Cỗ xe hai ngựa màu trắng sang trọng với Channa

cứ đi đi, về về, phía này, phía kia trong thành, chưa được phép ra khỏi thành, luôn luôn phủ đầy bụi...

Trời đã trưa, thái tử cũng chưa về. Cây kadamba với những chùm hoa màu vàng nghệ rực rỡ kia không biết khoe sắc với ai? Mùi hương nồng nàn dịu ngọt tỏa ra từ cây hoa campaka, cũng thế! Bên kia hồ, cây hoa hình lồng đèn màu xanh nhạt nằm chen giữa cây hoa san hô đỏ thắm, lấp lánh dưới hồ nước trong vắt... trông cũng vô duyên làm sao! Yasodharā chợt mỉm cười, nhủ thầm: Thái tử ở đâu là dường như có linh hồn và sự sống ở đấy!

Bóng hai chú ngựa trắng xuất hiện ở cổng xanh. Hai thị nữ cầm ô chạy ra. Thái tử khoác tay, chàng muốn đi một mình. Yasodharā đợi chàng ở bên hiên.

- Cây hoa saraca hình cầu đổi màu đã nở hoa chưa, Gopā! Chàng nói rồi ôm nhẹ bờ vai Yasodharā - Thôi vào đi, trời bắt đầu có nắng hanh...

Tiếng nhạc nhẹ trỗi lên theo bước chân của hai người. Mấy con chim trên lan can cất tiếng hót vang rân. Thái tử nói với Yasodharā:

- Trưa nay ta có khách đấy, Gopā! Buổi chiều và đêm nay, chúng ta sẽ vui chơi với mấy ông hoàng. Bhaddiya có mời được đám nhạc công và vũ nữ chuyên nghiệp từ Kosala sang giúp vui!

Yasodharā chợt nhíu cặp mày xinh xinh, quay lại nhìn Thái tử:

- Chàng có chuyện gì trọng đại phải không? Tiệc rượu và cuộc vui, chỉ là cái cớ, có phải thế không, Siddhattha?

Biết là không thể giấu được sự cảm nhận tinh tế của Yasodharā, đến bên cửa sổ, nhìn ngắm hoa cảnh một lát, chàng tâm sự:

- Ta đã nắm rõ và nắm vững toàn bộ tình hình đất nước về ngoại giao, chính trị, quân sự, kinh tế... Ta cũng đã phác thảo một chương trình cải cách khá quy mô, và theo đó,

dường như mọi chính sách từ trước đến nay của triều đình, đều phải thay đổi hết... Nhưng qua nhiều lần đàm đạo, có tính thăm dò với các đức thân vương, các trọng thần, các quan tổng trấn, ta thấy họ trịch thượng, bảo thủ và kiêu căng quá! Nhiệt huyết của ta chợt như giọt nước trượt trên lá sen! Khó quá, Gopā! Sẽ không thay đổi được gì hết!...

- Thiếp hiểu! Yasodharā gật đầu - Và bây giờ chàng muốn liên minh với các ông hoàng trẻ tuổi, trí tài; họ sẽ nắm vận mệnh Sākya và Koliya trong mai hậu?

- Phải! Sau này họ đều là các trọng thần, các quan tổng trấn. Họ trẻ tuổi, thông thoáng, có đầu óc và có nhiệt huyết... Cũng như ta, đa phần, các ông hoàng đều không được phép đi ra khỏi thành, không được phép tiếp xúc với dân chúng; do vậy, cái biết của họ rất giới hạn. Tuy nhiên, ta sẽ thảo luận với họ từng điểm một, tìm cách bổ sung kiến thức cho họ từng điểm một...

Niềm vui của thái tử cũng chính là niềm vui của nàng, Yasodharā đứng dậy, sai bảo những chuyên gia bếp núc, thị nữ... chuẩn bị mấy bàn tiệc lớn. Nơi Cung Vui mùa hè có hầm lạnh dự trữ đủ loại thức ăn, đủ loại thực phẩm rau trái hạt củ tươi xanh, đủ loại rượu hảo hạng của những thương gia biếu tặng... Chén bát, ly tách được mang về từ Trung Hoa, Ba Tư, Ả Rập...

Lát sau, các rèm cửa sổ được kéo xuống, những chùm đèn cầy, dầu lạc tỏa ánh sáng mơ màng... Yasodharā không quên cho vận hành cỗ máy bơm nước, bánh xe gỗ, phun sương ở bên ngoài cho không gian được mát mẻ... Dẫu là mùa hè, nhưng ở đây lại như mùa xuân của thiên đường...

Xe ngựa xôn xao ở bên ngoài. Lần lượt trước sau các ông hoàng, các công tử hào hoa của Sākya và Koliya xuất hiện, theo sau họ là gánh hát chuyên nghiệp với các cô nàng lộng lẫy, cao sang hết mực. Bhaddiya cất giọng oang oang:

- Hôm nay chúng tôi đến quậy phá một trận cái tổ uyên ương của quý vị đây!

Thái tử mỉm cười vui vẻ. Họ đã đến đủ cả: Bhaddiya, Mahānāma, Kāḷudāyi, Anuruddha, Kimbila, Ānanda, Bhagu, Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka... Và ngạc nhiên làm sao có cả lệnh bà Gotamī, cậu bé Nanda và cô bé Sundarī Nandā nữa!...

Buổi tiệc và các mục biểu diễn của nghệ nhân kéo dài cho đến chiều tối. Đêm, các ông hoàng bên cỗ tiệc nhẹ, họ sôi nổi thảo luận cho đến khuya... Yasodharā như chiếc bóng diễm kiều nhẹ nhàng lui tới, sai bảo chăm sóc trà bánh, khơi thêm lò trầm rồi sau đó đến vui chuyện, tâm sự với lệnh bà Gotamī và cô bé Sundarī Nandā...

Devadatta đã tâm phục khẩu phục thái tử sau lần thi tài võ nghệ nên đồng thuận liên minh với Sākya. Viruḷhāka và Anudāma cũng kính trọng và mến yêu thái tử không khác gì, góp ý là nên cải cách cả hai nước, làm thế nào cho hùng cường và giàu mạnh, thoát khỏi cái ách lệ thuộc Kosala. Đại hội kín này, trên nguyên tắc, họ đã nhất trí với nhau, nhưng các chi tiết đề cương còn cần nghiên cứu sâu rộng mới có biện pháp thích hợp. Cuối buổi họp, thái tử đề nghị Devadatta về Koliya tập hợp lực lượng trẻ tuổi, lấy nội dung cuộc họp hôm nay để thảo luận. Riêng tại Sākya, thái tử phân công từng người với những trách nhiệm cụ thể như sau:

- Về ngoại giao: Mahānāma nghiên cứu một chính sách đối ngoại ưu thắng đối với Kosala, tránh bớt sự lệ thuộc chính trị và giảm bớt số tiền thuế triều cống hằng năm. Giao hảo thân thiện với các nước cộng hòa Malla và Vajjī, lôi kéo họ về với mình, tạo thế mạnh liên minh mai hậu...

- Về đất đai, lãnh thổ: Ānanda điều tra, nghiên cứu trong diện tích một ngàn rưỡi dặm vuông của lãnh địa Sākya, có bao nhiêu đất đai đã được canh tác, bao nhiêu đất đai bị bỏ

hoang, bao nhiêu rừng, bình nguyên, sông ngòi... bao nhiêu diện tích các cổ thành, thị trấn và các làng mạc...

- Về tài nguyên, môi trường: Kāḷudāyi nghiên cứu các sản vật rừng như các loại gỗ quý, trầm... có thể khai thác được. Các loại thảo dược có thể chế biến để phục vụ y dược. Trong lòng đất, ở đâu có thể khai thác các quặng mỏ để lấy vàng, bạc, đồng, chì, kẽm, sắt... Tình trạng rừng nào cần bảo vệ, chăm sóc; rừng nào đã quá hoang hóa, cần trồng lại. Cũng nên nghiên cứu loại cây nông nghiệp nào hợp thổ nhưỡng, có năng suất cao để chống đói nghèo...

- Về quân sự, võ bị: Bhaddiya nghiên cứu xem trong mười ngàn chiến sĩ tại Kapilavatthu cùng chín cổ thành, thị trấn... có thể chia hai, thay phiên nhau, một nửa ở quân ngũ, một nửa về làm ruộng được chăng? Tình trạng khí giới, quân nhu, lương thực... mỗi năm tiêu tốn hết bao nhiêu? Quân, cốt yếu là phải tinh nhuệ, khổ luyện chứ không phải là số lượng. Cũng nên xem lại tình trạng các trại nuôi voi, ngựa; mã xa, mũ sắt, giáp sắt, đao kiếm, cung tên... đã hoàn bị chưa hay cần nên trang bị thêm cho được hùng mạnh và hiện đại...

- Về dân số và thành phần các giai cấp: Kimbila điều nghiên số dân hai trăm ngàn của chúng ta có chính xác không? Trong đó, bao nhiêu là hoàng gia, quý tộc? Bao nhiêu dân ở trong các thành phố, thị trấn, bao nhiêu dân ở các thôn làng? Còn nữa, có bao nhiêu nghiệp đoàn thương mãi, kinh tế; theo đó, giới thợ thuyền phụ trách các ngành nghề là bao nhiêu? Ngoại trừ người già lão, ốm đau, tật nguyền, trẻ em... thì cả nước có chừng bao nhiêu nông dân lao động chính, tạo ra của cải?

- Về tín ngưỡng, tôn giáo: Anuruddha nghiên cứu xem trong giới bà-la-môn, tu sĩ, đạo sĩ các giáo phái... chừng bao nhiêu người thật sự sống đời sa-môn, y bát khổ hạnh lang thang tầm cầu Phạm Thể? Bao nhiêu người trong họ, có gia

đình, sống đời thế tục, tài giỏi, đang làm thầy giáo, y sĩ, thiên văn, toán học... Cũng phải tìm hiểu cho rõ, giới bà-la-môn phụ trách tư tế ở các đền miếu, các người phúng tụng, bùa chú... giữ độc quyền liên hệ với thần linh; họ đã bóc lột dân đen trong các buổi tế đàn, quan hôn tang tế, cầu phúc, cầu thọ... cụ thể là hiện vật hay tiền bạc như thế nào?

- Về y tế, từ thiện xã hội: Bhagu phụ trách, xem thử...

Thái tử nói ngang đây, lệnh bà Gotamī xen lời:

- Cái đó để phần ta, ta biết rất rõ con à!

Thái tử ngạc nhiên quay lại, hóa ra không những lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā... mà còn rất nhiều người khác nữa cũng đang lặng lẽ ngồi đầy đặc ở xung quanh... Thái tử đâu có biết rằng, chương trình phác thảo, phân công công tác của thái tử không những làm cho các ông hoàng kinh sợ, thán phục cái tầm vĩ mô, toàn diện vấn đề của đại sự quốc gia - mà còn làm cho các nhạc công, thị nữ kính trọng, ngạc nhiên vô cùng. Từ lâu, họ cứ tưởng rằng, thái tử và các ông hoàng chỉ biết ăn chơi, tiệc tùng xa xỉ... làm gì biết đến đời sống của muôn dân, trong đó có thân phận của họ! Lệnh bà Gotamī và Yasodharā cũng thế, kế hoạch của thái tử đưa ra quả là cao xa và sâu rộng, tuy mới chỉ là điều tra và nghiên cứu nhưng đã vượt tầm hiểu biết của họ; chỉ riêng vấn đề y tế và từ thiện xã hội là họ hiểu và rất phù hợp với ước muốn của hai người mà thôi. Hóa ra ai cũng có tấm lòng, ai cũng dễ dàng đồng cảm nếu có người biết khơi gợi, biết quy tụ sức mạnh, "chung lưng đâu cật" với nhau... Thái tử đưa ánh mắt trìu mến nhìn các ông hoàng huynh đệ, cất giọng dè dặt:

- Các bạn phải thật khôn khéo khi tìm hiểu các số liệu nơi các trọng thần, nơi các hàng trưởng lão. Đừng để cho họ nghi ngờ chúng ta xen sâu vào công việc của triều đình... Ta tin là các bạn đủ thận trọng và đủ tế nhị khi làm công việc

khó khăn này... Tương lai cả hai quốc độ, sau này ở trong tay chúng ta!

Đêm đã khuya mọi người mới từ giã ra về, họ ôm chặt vai nhau và hứa hẹn bắt tay hành động, từng bước một, sau khi đã nắm vững những con số cần thiết. Các ông hoàng, từ đây, đã bắt đầu từ bỏ đời sống hưởng thụ vị kỷ, hướng tâm và trí đến những công việc có ý nghĩa hơn.

Thái tử rất vui sướng, người nhẹ lâng lâng, nói với Yasodharā:

- Cái điều canh cánh bên lòng của chúng ta đã được các ông hoàng chia nhau gánh vác. Ôi, họ dễ thương làm sao!

- Cái chuyện đói khổ ấy à?

- Phải! Cái việc làm cao đẹp của nàng và mẫu hậu như kéo một tấm chăn mà đi đắp chỗ này và chỗ kia. Vấn đề là ai cũng phải có tấm chăn ấy, Yasodharā!

- Thiếp chưa hiểu rõ lắm!

- Tài sản, của cải xã hội có được rất hữu hạn, và là do các giới lao động nông dân, thợ thuyền làm ra... mà phi lý thay, họ lại nghèo đói! Còn chúng ta, giới hoàng gia, quý tộc không làm gì, thì lại giàu sang, sống đời hưởng thụ. Cũng ví như cái chăn này, ta kéo về phần mình nhiều thì bên nàng lại thiếu, có phải thế không? Xã hội phải được phân công trách nhiệm. Phải có một biện pháp toàn diện chứ không phải sớt chỗ này chia cho chỗ kia! Chúng ta phải giải quyết nhân chứ không phải chữa trị quả, Gopā!

Sáng nào họ cũng ngồi uống trà ở hiên sương. Khi những cây hoa vàng nghệ, đỏ rực đã tàn thì cây hoa hình cầu đổi màu lại nở. Nó chuyển từ màu cam sang màu đỏ, cho đến lúc nào hương sắc nhạt phai là báo hiệu sự thay tiết, đổi mùa..

Tiếp sau cảnh sắc rực rỡ là nắng nóng đến khô người, cây lá sẽ không còn sương đêm, mặt đất sẽ nứt nẻ, xám ngắt dưới bầu trời chói chang, không một gợn mây. Đôi nơi, khi

khí nóng nở ra, cuộn lên, tạo thành luồng gió xoáy, hình dáng giống như cái phễu, la đà, quằn quại, nghễu nghện hút tất cả lá rác, bụi bặm tung thả lên không... Cuối mùa hè, tất cả cỏ hoa đều tàn tạ, những cành cây khẳng khiu rụng lá, như những bộ xương khô, chơ vơ giữa nền trời xanh ngắt. Khi có những dấu hiệu như vậy, thái tử lại chuyển qua cung điện mùa mưa; vì ít hôm nữa thôi, trên bầu trời, những đàn quạ, chim ưng lượn bay táo tác, tìm ẩn trốn nơi nào đó thích hợp; chúng biết những cơn bão lớn sắp bùng qua nơi đây... Rồi sau những cơn bão phá hại nhà cửa trốc nóc trốc mái, cây cối gãy đổ ngổn ngang, ruộng vườn xơ xác... là mùa mưa sẽ bắt đầu...

Mấy lúc này, thái tử của chúng ta chăm chuyên đọc sách, những quyển cổ thư bụi bặm trong đền thiêng Simhābanu và trên bàn thờ của hoàng gia có thể là đã lâu lắm chưa ai sờ tới. Tất cả đều được khắc chạm trên những thẻ gỗ, thẻ đồng những hình tượng, những ký hiệu rất khó hiểu. Chàng triệu thỉnh các thầy phụ đạo cũ đến nghiên cứu giúp nhưng không ai đọc được. Bà-la-môn Svāmitta suy đoán, có thể là di huấn của các hoàng triều từ thuở lập quốc đến nay; mà cũng có thể là những kinh văn ngàn xưa thuộc nền văn minh Mohenjo-Daro cách đây trên dưới vài ngàn năm đã mất tích hẳn. Thái tử đã hỏi phụ hoàng cùng các trưởng lão trong dòng tộc, nhưng không ai biết, chỉ xem như vật thờ cúng kế thế các hoàng triều. Nhờ có kiến thức ngôn ngữ sâu rộng tiếp nối từ tiền kiếp, thái tử đã đọc được, nội dung ở đây là tập đại thành khôn ngoan nhiều ngàn năm trước của dòng giống Aryan lúc họ từ miền Tây bắc tràn xuống xâm lăng Ấn độ. Tổ tiên của thái tử, hóa ra là Aryan? Một dân tộc thông minh thượng đẳng? Tuy nhiên, chẳng ai hiểu rõ, nguồn gốc họ là nông dân, họ sử dụng vũ lực xâm lăng Ấn Độ vì họ cần ruộng đất để canh tác, cần bình nguyên để nuôi cho thật nhiều bò! Bồi hồi, vui sướng, thái

tử nghiền ngẫm thấu đáo từng thẻ gỗ, từng thẻ đồng một. Ôi! Lại còn kinh Vệ-đà khởi từ nguyên thủy của Aryan nữa, nó mới hay, mới đẹp làm sao; bây giờ nó đã thoái hóa, mất gốc quá nhiều, pha trộn hình thức tế lễ, bùa chú... để ru ngủ tín đồ cũng quá nhiều! Còn nữa, Áo-nghĩa-thư với những luận giải bác học là sự ngụy tạo của các thời đi sau! Và đây nữa là các công nghệ, những môn học thiết thực, cụ thể để phát triển xã hội... Sau nhiều đêm, nhiều ngày tư duy, chiêm nghiệm, thái tử thấy rằng, ở trong đống thẻ này, có nhiều kiến thức đã lỗi thời, chúng chỉ giúp được cho thái tử cái phổ quát, còn để đáp ứng cụ thể cho nhu cầu xã hội hiện nay... thì cần phải... bổ sung và đổi mới nhiều hơn nữa!

Hôm kia, đang ở trong cung điện mùa mưa thì vài ông hoàng tìm đến, đó là Ānanda và Kāḷudāyi. Trông hình dong, biết họ khá vất vả trong công việc của mình, thái tử ân cần tiếp đón, sai thị nữ hầu khăn, nước, dọn tiệc rượu nhẹ để tẩy trần... Ānanda vẫn giữ nụ cười tươi đẹp như hoa, nhưng giọng nói đã nhuốm vẻ ưu tư:

- Đệ đã khôn khéo xin được đi thăm các quan tổng trấn, thế rồi đệ xuôi ngược đó đây như đi ngoạn du nên không ai để ý. Và đây là những con số đệ đã nghiên cứu cặn kẽ, ôi, những con số khá bi quan! Hóa ra, trong một ngàn rưỡi do-tuần vuông của Sākya: Năm phần mười là rừng, hai phần mười là sông ngòi, bình nguyên, thị trấn, làng mạc, hai phần mười bị bỏ hoang và chỉ có một phần mười là canh tác ruộng rẫy cùng các cây ăn trái... Ānanda thở dài - Tuy đệ không hiểu gì nhiều, ruộng lúa và nương rẫy làm ăn ra sao, nhưng dường như chúng ta còn bỏ hoang phế quá nhiều.

Thái tử mỉm cười, trấn an:

- Đệ nhận xét rất đúng. Chúng ta mới chỉ đang nghiên cứu những con số, chừng ấy thôi đã tốt lắm rồi.

Kāḷudāyi tiếp lời:

- Ở lãnh vực của đệ không những bi quan mà còn sinh ra lắm điều rắc rối. Các số liệu về tài nguyên đệ đã có, nhờ các lão thần và các quan tổng trấn cung cấp. Nhưng ta lại thiếu các người am tường công việc. Ai là người giỏi về rừng để nghiên cứu thấu đáo về lâm sản? Ai là người giỏi về y dược để biết các loại cây cỏ có công năng dược liệu? Ai là người giỏi về đất, nhìn ngắm trong đất để biết nơi nào có vàng, đồng, sắt...? Còn kiến thức về cây trồng trong nông, lâm... đất đai, thổ nhưỡng, năng suất, lợi ích... cũng cần có những người rất chuyên môn mới làm được! Nói tóm lại, Kāḷudāyi thở ra - Có biết đấy, nhưng biết cũng bằng không, phức tạp và nhiêu khê lắm!

Thái tử cười nhẹ, nắm chặt tay cả hai bạn, giải thích:

- Hoàn toàn đúng! Đây là vấn đề mới mẻ đối với tất cả chúng ta. Từ từ chúng ta sẽ học hỏi. Ví như người am tường công việc của mình thì gọi là người chuyên môn. Người chuyên môn ấy nghiên cứu về lãnh vực chuyên biệt ấy một cách cặn kẽ, thấu đáo, có số liệu cụ thể chứng minh thì họ được gọi là chuyên gia. Về rừng, về y dược, về đất đai, về nông nghiệp... tất thảy đều phải cần có chuyên gia cả. Các nền văn minh xưa và các đế quốc giàu mạnh họ đều có kế hoạch để đào tạo chuyên gia. Xa về phía Tây bắc, cách nước ta chừng hơn trăm do-tuần, có nước Gandhāra có trường đại học bách khoa Takkasilā là đào tạo chuyên gia, nhân tài cho cả châu Diêm-phù-đề.

Thấy Ānanda và Kāḷudāyi chưa hiểu lắm, thái tử tiếp lời:

- Chúng ta nắm số liệu chắc chắn mới có thể phác thảo đề cương về một chính sách toàn diện... Sau công trình của các bạn, chúng ta mới biết cụ thể rằng, chúng ta cần đào tạo chuyên gia về mọi lãnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, y học, dược thảo, khoáng sản, địa chất... cùng đầu tư về phương tiện, công cụ sản xuất... Nói ngắn gọn, chúng ta phải

có một trường đại học bách khoa... tương tợ như trường đại học nổi tiếng ở Takkasilā, may ra mới nói đến sự phát triển đất nước, may ra mới nói đến manh áo chén cơm cho lê dân đói khổ...

Một tháng, hai tháng sau, lần lượt các ông hoàng khÁc Mang đến cho thái tử những kết quả của họ. Thái tử mừng vui, khuyến khích, sau đó, góp ý với từng trường hợp một.

- Này bạn Bhaddiya! Bạn hãy nói đi! Trường hợp bạn là một viên đại tướng, thống lãnh quân đội, bạn có kế hoạch nào để tự trang bị khí giới, quân nhu, lương hướng... mà không cần sự tài trợ của hoàng gia, tức là thuế má của quốc dân?

- Được chứ! Bhaddiya tự tin nói - Như thái tử đã gợi ý, ta sẽ cho năm ngàn lính thay nhau lao động sản xuất. Họ không những làm ruộng, mà còn khai thác gỗ, làm thợ cưa xẻ, thợ mộc cùng các nghề khác thích hợp. Nếu quân đội chưa tự nuôi sống được mình thì cũng đỡ được một kinh phí khổng lồ. Từ lâu, họ là tập cấp chiến sĩ nên đã hưởng thụ quá nhiều ưu đãi...

- Cụ thể là thế nào hở Bhaddiya?

- Một người lính tiêu tốn bằng mười người nông dân, bằng ba thị dân trung lưu, bằng một người khá giả...

Kimbila tiếp lời:

- Thưa thái tử! Nhưng giới hoàng gia và quý tộc có ba ngàn người nhưng họ tiêu tốn sản phẩm còn gấp mấy lần quân đội. Nói là dân số cả nước có hai trăm ngàn, nhưng chúng ta chỉ thật sự có bốn mươi mốt ngàn nông dân và mười bảy ngàn thợ thuyền trực tiếp lao động, tạo ra của cải xã hội mà thôi!

Thái tử nhíu mày:

- Thế số còn lại?

- Bi quan lắm, thái tử! Chừng năm sáu mươi ngàn lao động gián tiếp ở các thị trấn, thành phố gồm các nghề

nghiệp và những dịch vụ khác nhau trong các nghiệp đoàn kinh tế và thương mại. Chừng hai ba ngàn người là các ông chủ lớn, ông chủ nhỏ các tiệm vàng, bạc, bánh kẹo, vải vóc, lúa gạo, nhuộm, dao kéo, mỹ phẩm, ăn uống... Giới bà-la-môn tu sĩ và tại gia các loại cũng trên mười ngàn. Chừng ba bốn mươi ngàn không lao động được, gồm những người già lão, ốm đau, tật nguyền, trẻ em...

Anuruddha tiếp lời sau cái thở dài thườn thượt:

- Hiện có ba bốn giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà đang sinh hoạt. Số bà-la-môn thật sự sống đời sa-môn, đạo sĩ xuất gia chưa tới một ngàn. Trong số chừng chín ngàn còn lại, có khoảng năm ngàn người làm ruộng cùng với gia đình của họ trong những điền trang lớn và nhỏ, giàu có, nghèo có. Khoảng một trăm bà-la-môn học thức, họ mở lớp dạy riêng, làm gia sư hoặc cố vấn cho các quan tổng trấn. Chừng hơn hai trăm bà-la-môn tư tế tại các đền miếu và lác đác trong các thôn làng. Dân chúng cần lễ lượt gì phải nhờ vả đến họ, phí tổn rất lớn...

Sau khi tiếp thu các công trình nghiên cứu tỉ mỉ của các ông hoàng, thái tử kết luận:

- Nước ta nghèo đói là phải, do người làm ít mà người ăn thì nhiều. Chúng ta sẽ có biện pháp chấn chỉnh...

- Còn điều này nữa! Kimbila xen lời - Ở kinh thành và các thị trấn các ông chủ cho vay quá nặng lãi. Vay bình thường là mười lăm đến mười tám phần trăm, nếu vay nợ lâu chừng một năm là sáu mươi phần trăm, vay buôn đường dài là một trăm hai mươi, vay buôn đường biển là hai trăm bốn mươi! Lợi tức của ông chủ nghiệp đoàn bằng một trăm lần người lao động. Lợi tức của ông thống đốc nghiệp đoàn còn thêm mấy lần nhiều hơn... Vậy thái tử làm thế nào ngăn bớt sự bóc lột ấy nữa!

- Cảm ơn, Kimbila! Ta sẽ cố gắng!

Mahānāma bây giờ mới trình bày công việc của mình:

- Đầu tiên nói về Kosala! Đức vua Pāsenadi hiện nay tuổi trẻ, tài cao và rất nhân hậu, chí ít trong thời gian ngài tại ngôi, chúng ta sẽ rất yên ổn, không ngại có chuyện hạch sách về vấn đề triều cống đâu. Ngài không cần lắm tiền bạc của chúng ta, cái ngài cần là sự thuần phục, tuân phục...

- Đúng! Đúng! Thái tử gật đầu - Bạn tiếp đi!

- Vậy ta nên giữ lễ, biết kính trọng và biết nghe lời đại vương Pāsenadi là yên. Hằng năm, chỉ nên dâng biếu những sản vật mà Kosala cần, khan hiếm; đó là sừng tê giác, trầm chiên đàn, mật ong và xạ chồn hương!

Thái tử lại gật đầu nữa:

- Thật là giỏi! Bạn sẽ là một vị vua giỏi, này Mahānāma quý mến! Vậy tình hình các nước cộng hòa ra sao?

- Cộng hòa Malla với đệ có chỗ thâm tình, dễ thuyết phục, không lo gì, nhưng các cộng hòa kia thì đang có sự cố... Nó như thế này: Cộng hòa Licchavī, thủ đô là Vesāli, cộng hòa Videha, thủ đô là Mithilā cùng một số bộ tộc khác, trước đây liên minh với nhau, trở thành liên bang Vajjī. Sau khi thống nhất một thời gian, họ muốn lấy tên một thủ đô chung cho liên bang; nhưng cả ba bên cùng kiêu ngạo như nhau, ai cũng muốn dành cái tên thủ đô về phần mình... Hiện họ đang xục xịch, chưa yên... Các nước cộng hòa này có luật pháp nghiêm minh, quân đội trật tự, kỷ cương... Hội đồng tướng lãnh ở đây, họ rất giỏi nhưng cứng đầu và kiêu ngạo. Thuyết phục được họ, thật không thể ngày một, ngày hai. Đệ sẽ tìm hiểu thêm để tìm ra biện pháp ngoại giao khả toàn. Đôi khi Sākya và Koliya của chúng ta liên minh thành một liên bang, may ra mới giữ được thế quân bình trong khu vực...

- Đệ rất có tầm nhìn, thật may mắn cho vương quốc chúng ta. Chuyện liên minh là một ý tưởng tốt, một thái độ chính trị khôn ngoan. Chúng ta sẽ học hỏi ở họ! Thái tử nói

rồi quay qua nhìn Bhagu - Còn việc y tế và từ thiện xã hội thì thế nào rồi hở bạn?

- Cũng đa đoan lắm! Bhagu nói- Nhưng lệnh bà Gotamī bảo là sẽ nghiên cứu kỹ biện pháp khả thi rồi sẽ trình bày sau...

- Thế là tốt! Cảm ơn tất cả các bạn. Ai cũng đã vất vả quá nhiều... Chỉ với tâm huyết này thôi đã rất xứng đáng làm một thanh niên trí thức trên cuộc đời này rồi...

- Chúng ta sẽ đệ trình tất cả điều ấy lên đức vua và hội đồng trưởng lão chứ? Anuruddha nóng lòng hỏi.

- Khoan đã! Thái tử trả lời - Chỉ khi nào chúng ta tìm ra biện pháp chấn chỉnh hoặc cải cách từng điểm một, cụ thể, có tính thuyết phục cao... bằng không...

Thái tử chợt im lặng, đăm chiêu... Thấy mọi người chưa hiểu câu nói bỏ lửng ấy, Mahānāma và Kāḷudāyi như đồng nói lên một lúc:

- Đụng chạm quá nhiều đến quyền lợi của hoàng gia đấy, các bạn!

Đêm Khuya
Nghe Gió Thở Dài

Mưa cuồng, gió quật, sấm chớp đùng đùng... Từng đám mây qua mùa nắng nóng dường như được rang cho khô quánh lại, bây giờ thấm ướt, nở phình ra, no ứ nước rồi đổ tràn trề, đổ xối xả xuống núi rừng, thảo nguyên, đồng ruộng, làng mạc...miền trung bắc Ấn. Những cơn mưa này mọi người chờ đợi đã lâu, từ sau tháng Vesākha, cây cối chỏng chơ, đất đai khô nẻ... đang muốn được hồi sinh! Từ từ, chầm chậm, không vội vã gì, từng cơn gió mùa xào xạc thổi qua, rồi từng cơn mưa chợt như nhẹ nhàng hơn, đều đặn hơn rơi xuống liên tục từ ngày này sang ngày khác...

Những tháng ngày khô nóng như rang người đã qua rồi. Cũng qua rồi thời kỳ mọi người chỉ muốn ngồi yên một chỗ, không động đậy, không nhích chân, nhích tay hằng giờ liền: họ muốn tiết kiệm năng lượng! Trước các sân nhà, ngoài đường, mưa đọng thành vũng, trẻ con trần truồng chạy nhảy, nghịch té nước, cười vang, nô đùa hồn nhiên. Các cụ già, bà lão, vươn vai, đứng bên ngưỡng cửa hoặc chường ra hiên chốc lát, nhìn ngắm mưa, hít thở bầu không khí trong lành, mát rượi...

Phong cảnh, sau đó, không mấy chốc thay đổi mau chóng, lạ thường. Như tay họa sĩ đại tài hoặc như tên phù thủy nhiều bùa phép, chúng biến những dòng sông lờ đờ, uể

oải, nhác nhớm... thành những dòng chảy màu nâu, đỏ đục, lầu ngầu rác rưởi thành những chàng thanh niên mạnh khỏe, lao như điên, tràn sông, tràn bờ, tràn ao hồ... ồ ạt đe dọa làng mạc, cư dân, ruộng vườn... Mưa vùng này thì ít mà nước thì dâng rất nhanh, do các sườn núi từ Himalaya tràn xuống. Biết bao nhiêu là nhà cửa và đường sá bị ngập chìm. Ở đâu cũng bùn lầy, rác rến lều phều, cành củi lềnh phềnh, cây gãy, giậu đổ, nhà xiêu... Mọi người không đi đâu được. Thế giới loài vật bắt đầu lộng hành vì thiên nhiên tự do đã được trả lại. Một cảnh tượng hoang dã đổ tràn ra các ngả đường: Tha hồ là rắn, rít, bò cạp... bò ra khỏi những nơi ngập nước, lổn ngổn trườn trên những đám đất cao ráo; những chú ếch, nhái, ễnh ương... nhảy lóc chóc, kêu ồm ộp, oàm oạp bát nháo... bất kỳ chỗ nào, bất kể nơi đâu thuận lợi. Dường như chúng không còn sợ con người nữa. Ngay trong các tường nhà, thiên hô vạn hát là tắc kè, thạch sùng đua nhau chắt lưỡi, kêu réo, ngang dọc vô tư, ăn muỗi mòng, sâu kiến đến căng cả da bụng... Còn chuột đồng, chuột cống, chuột nhà... thản nhiên kiếm ăn bất kỳ đâu có củ thối, xác sình...

Theo chu kỳ thời gian, mùa tiết diễn ra đều đặn. Trong Cung Vui, thái tử chẳng đi đâu được. Và trong Cung Vui, chàng có hay biết gì chuyện mưa gió quấy nhiễu đất trời. Những bức tường dày ngăn cách âm thanh. Một lò sưởi lớn được thiết kế chỉnh chu, dẫn hơi ấm qua những ống đồng nhỏ len lỏi qua các phòng nên nơi đâu cũng khô ráo dễ chịu. Những bức tường là các họa phẩm thiên tài, màu sắc mùa xuân và mùa hạ đan xen hài hòa, cây lá, cỏ hoa... trông thật dịu dàng và mát mẻ. Âm thanh cuồng nộ của đất trời ở bên ngoài không lấn át được giai điệu nhẹ nhàng, yên tĩnh của nhạc công, ca nhi ở bên trong...

Thái tử của chúng ta bước lui, bước tới, bước ngắn, bước dài... Các ông hoàng đang chăm lo mọi công việc, chắc cũng kẹt ở đâu đó giữa mùa mưa của miền Trung bắc Ấn

quỷ quái này. Thỉnh thoảng, Ānanda, Anuruddha, cậu bé Nanda... trùm mưa vượt ngựa sang chơi. Họ lại vầy những cuộc vui tao nhã, thanh lịch với trà bánh dị giản... Nhưng thái tử cũng không được vui, tâm trí của chàng dường như để ở đâu đâu.

Yasodharā từ đâu đó bước ra, khẽ khoát tay, đàn sáo ca ngưng bặt; nàng nói nhỏ với ba vị hoàng đệ:

- Hôm thái tử vào cung gặp phụ hoàng cùng các đức thân vương, bàn thử hai việc: Thứ nhất là mở trường đại học bách khoa tương tự như ở Takkasilā để đào tạo chuyên gia... Thứ hai là giảm một nửa lực lượng chiến sĩ, thay nhau làm ruộng cùng các ngành nghề khác... thì gặp sự im lặng đáng sợ...

- Rồi sau đó thì sao? Anuruddha vội hỏi.

- Đức thân vương Dhotodana, thân phụ của Bhaddiya nói là mở trường đại học, con cháu hoàng gia đâu có mấy người; chẳng lẽ cho cả thứ dân vào học ư? Lại nữa, nó sẽ rút cạn kiệt ngân khố của vương quốc! Thật là hoang tưởng!

Thái tử bước đến bàn sách, lựa lấy mấy tấm thẻ đồng rồi lặng lẽ ngồi xuống một bên, chàng nói:

- Kể nữa đi, Gopā! Nàng kể đúng y như nguyên văn vậy!

- Đức thân vương Sakkodana, thân phụ của Kimbila thì nói giọng hững hờ nhưng khá cay độc: Đây đúng là thời kỳ tiến bộ của dòng Sākya anh hùng, tập cấp chiến sĩ suy thoái xuống hai bậc, tình nguyện đứng sau cả bọn thương buôn! Đúng là một trang sử huy hoàng!

- Thôi, hết! Anuruddha thở hắt ra rồi quay sang thái tử - Còn thân phụ của đệ có ý kiến gì không?

- Thúc vương thì dè dặt, thận trọng hơn, ngài lặng lẽ rất lâu rồi mới phát biểu: Đào tạo chuyên gia là điều kiện tất yếu để phát triển đất nước. Đó là con đường duy nhất. Chúng ta nên hỏi ý hội đồng trưởng lão trong nay mai, chờ các ngài biểu quyết. Gia dĩ không mở trường đại học được

thì tại sao chúng ta không thể cho con em hoàng gia đi du học ở Takkasilā?

- Tuyệt vời! Ānanda vỗ tay tán thưởng rồi hỏi tiếp - Thế còn thân phụ của đệ, có một câu góp ý nào nghe lọt lỗ tai không?

Thái tử mỉm cười:

- Thúc vương cũng tuyệt lắm, ngài nói rằng: Chúng ta đã từng phá lệ, mời ông chủ ngân hàng và mời thống đốc nghiệp đoàn làm quan đại thần để cố vấn kinh tế cho triều đình. Vậy tại sao thứ dân không thể trở thành người tài? Tập cấp chiến sĩ mà biết tiết kiệm ngân sách quốc gia, tự mưu sinh... thì quả là điều đáng mừng cho triều đại... Ồ! Đúng là tư tưởng của một vị Chuyển luân Thánh vương!

Ānanda sung sướng quá:

- Đệ phải chạy về ôm hôn thân phụ mới được...

Nandā hồi nãy giờ cũng lắng nghe câu chuyện của người lớn, đến đây, cậu nhướng mắt hỏi thái tử:

- Thế còn phụ hoàng của chúng ta?

- Vương phụ không quyết định được...

- Có phải là do hai thuận, hai chống?

- Ừ! Hoàng đệ giỏi lắm! Phải đợi hôm nào hội đồng trưởng lão cho ý kiến...

- Nhưng sao hoàng huynh lại buồn? Phần thắng sẽ về với chúng ta đấy!

- Không đâu, Nanda tiểu thúc! Yasodharā nói - Thái tử biết rõ chín phần mười là mình thua... Bảo vệ quyền lợi của tập cấp Sát-đế-lỵ là chiến lược hàng đầu của đa phần chư vị trong hội đồng trưởng lão!

Mọi người đều có vẻ đăm chiêu, nghĩ ngợi... Thái tử đưa những thẻ đồng đến cạnh ánh đèn, đọc cho mọi người nghe vài đoạn rồi nói rằng:

- Trí khôn của người xưa phối hợp uyển chuyển với những điều nghiên, nghị bàn của chúng ta bấy lâu nay, ắt sẽ

có một chính sách khả toàn; tuy nhiên, có một cái gì đó ta linh cảm sẽ bị trở ngại...

Đêm. Không gian chìm vào yên lặng. Có tiếng gió nào đó thở dài từ rất xa... Chỉ có thái tử là nghe được âm thanh vô hình ấy:

- Ta đã bay đi từ muôn trùng hư ảo
để đến với muôn trùng hư ảo
Ta đã bay đi từ những đổ vỡ bất toàn
Để đến với những đổ vỡ bất toàn
Hỡi trăng! Hỡi sao!
Sự lấp lánh chiếu soi của ngươi
Hư vô không hề biết
Mà người mẹ đất cũng không hề biết
Rồi mây đen lại ùn ùn kéo tới
Rồi ngã mạn, kiêu căng ùn ùn kéo tới
Rồi thời gian sẽ nghiền nát ngươi
Rồi thời gian cũng sẽ chẻ vụn đôi cánh của ta
Có những cổ thành đã đi vào hoang phế
Có những lịch sử liệt oanh
được xây dựng bởi xương trắng và sọ người
Bởi sự ngu si, bạo tàn và hủy diệt
Ta không có vinh quang
Mà ngươi cũng không có vinh quang
Đều là sự hiện hữu rỗng không
Có đó và mất đó
Đều là trò chơi ảo hóa
Của thần sinh và thần tử
Chúng hý lộng và cười cợt
Sự khôn ngoan của đất trời từ sơ thủy
Rồi hang thẳm Rāgu nuốt chửng
Rồi nhiệt huyết của nắng ấm và mưa lành
Cũng bị bất toàn nuốt chửng
Cũng bị đổ vỡ nuốt chửng

Cũng bị hư vô nuốt chửng
Còn lại những ký hiệu vô nghĩa
Còn lại những ẩn số tối tăm và khó hiểu
Còn lại hạt bụi, sương hay giọt lệ
Nó lăn tròn và tan đi
Ta tan đi và ngươi cũng tan đi
Vô tăm vô tích...
Đêm ấy.

- Hãy ngủ đi, Gopā! Hãy ngủ một giấc cho ngon! Đừng thấy gì cả, đừng nghe gì cả! Đêm đã sâu lắm rồi!

Thái tử lẩm nhẩm không rõ mình đang chiêm bao mơ màng hay là đang tỉnh thức!

Hôm nay là một hội nghị đột xuất, đặc biệt. Mặc dầu mưa gió, sự đi lại khó khăn, nhưng đức vua Suddhodana vẫn triệu tập các đức thân vương và hội đồng trưởng lão để lắng nghe ý kiến của thái tử và các ông hoàng trẻ tuổi về kế hoạch phát triển đất nước. Chỉ một số ít vắng mặt không đáng kể, những nhân vật quan trọng đều hiện diện tương đối đầy đủ.

Với những chứng liệu cụ thể, xác thực, thái tử trình bày những nguyên nhân làm cho vương quốc không thể thịnh cường. Khái quát là bởi những lý do chính:

- Đất đai mười phần mà diện tích canh tác chỉ một phần, đa phần đã bị bỏ hoang.

- Rừng chiếm một nửa đất nước nhưng khai thác củi gỗ than một cách bừa bãi làm cho hoang hóa nhiều.

- Bốn mươi mốt ngàn nông dân và mười bảy ngàn thợ thuyền trực tiếp tạo ra của cải xã hội với kỹ thuật lạc hậu, dụng cụ thô sơ không đủ sức nuôi hơn một trăm ngàn dân mà mức sống cao hơn họ một lần, hai lần, mười lần cho chí một trăm lần! Ngoài ra, người già cả, ốm đau, bệnh hoạn, tật nguyền, trẻ em là gánh nặng xã hội lại chiếm đến hơn ba mươi ngàn!

- Các buổi lễ tế đàn, súc vật như cừu, dê... bị giết để lấy máu tế thần, mỗi năm có đến năm bảy trăm ngàn con. Nhân dân tiêu tốn cho các thầy bà-la-môn tư tế ở các đền miếu, thị trấn, làng xã... về hàng chục loại lễ khác nhau có thể lên đến cả từng thúng vàng, thúng bạc...

- Chi phí hằng năm cho mười ngàn chiến sĩ Sát-đế-lỵ về lương hướng, khí giới, quân nhu... chiếm dụng hết một phần năm tài sản quốc gia.

- Các ông chủ ngân hàng cho vay quá nặng lãi. Các chủ nghiệp đoàn vắt kiệt sức lao động của thợ thuyền nhưng cho họ hưởng một đồng lương quá thê thảm để tồn tại chứ không phải để sống!

- Không có trường học nào cho con em các giai cấp. Chỉ có hoàng gia, quý tộc, các gia đình giàu có mới nuôi nổi các thầy bà-la-môn học thức làm gia sư. Tình trạng này làm cho đất nước ta thiếu nhân tài để phục vụ dân sinh...

Thái tử trình bày xong, khiêm cung cúi chào các bậc trưởng thượng rồi ngồi xuống. Các ông hoàng, bạn bè thân hữu của thái tử, những đồng chí, đồng sự cùng một tâm cổ vũ, tán thưởng, vỗ tay bôm bốp... Riêng hội đồng trưởng lão thì ngồi yên, im, lặng ngắt. Họ thấy rõ thái tử đã chẩn đúng căn bệnh. Đã ngạc nhiên đến lạnh người khi thái tử chỉ ngồi một chỗ mà thấy được toàn cục của quốc gia... Ồ, nó đúng như vậy thì phải làm sao? Ồ, nguy hiểm đến thế, nhưng từ lâu, tại sao không ai hay biết? Hằng chục, hằng trăm cuộc họp của hội đồng, bấy lâu chỉ bàn việc tế trời, tế đất, tế thần; chỉ để phân chia quyền lợi cho dòng trưởng, dòng thứ...; chuyện quan hôn, tang tế... hoặc chuyện tranh chấp đất đai của hoàng gia, quý tộc... Cho chí việc nhỏ mọn như con chim hạc thuở xưa hội đồng trưởng lão cũng phải họp bàn...

Một vị trưởng lão quắc thước đứng lên:

- Thái tử đã đưa ngón tay chỉ đúng vào huyệt đạo của sự đói nghèo, hội đồng nguyên lão rất cảm ơn. Nhưng biện

pháp? Tức là đơn thuốc để chữa trị căn bệnh ấy? Hội đồng rất muốn được nghe qua.

Thái tử và các ông hoàng đã họp bàn từ trước. Chính thái tử đã đưa ra từng biện pháp, đã hướng dẫn cách phát biểu và đã phân công trách nhiệm cho từng người. Nên sau khi được hội đồng trưởng lão chất vấn, các ông hoàng, thay mặt thái tử, lần lượt đứng lên, trình bày từng điểm một.

Ānanda phụ trách ruộng đất, đã trình bày rất rõ ràng toàn bộ diện tích đất đai trong lãnh thổ; về rừng, về sông ngòi, thành phố, thị trấn, làng mạc, ruộng vườn... chiếm bao nhiêu diện tích; bao nhiêu đất hiện đang canh tác và bao nhiêu đất hoang phế, cỗi cằn... rồi kết luận:

- Xin thưa, là phải canh tác cho hết trên dưới chín trăm do-tuần vuông (mỗi bề ba mươi do-tuần) ruộng đất bị bỏ hoang. Nhà nước phải cung cấp dụng cụ sản xuất, phân giống; ngoài ra phải tuyển cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cho nông dân cách ươm trồng, chăm sóc, gieo gặt... bảo đảm năng suất cho được cao hơn. Phải cần có chuyên gia phụ trách nông nghiệp... Đấy là điều quan trọng nhất cần đưa lên chính sách ưu tiên một để cải thiện dân sinh!

Ānanda có biết gì về lãnh vực ruộng đất? Hội đồng trưởng lão đã đưa mắt nhìn nhau... ngạc nhiên! Rồi còn kỹ thuật, chuyên gia? Cái gì thế? Họ đâu có biết rằng, các ông hoàng ham chơi của họ, nhờ sống gần thái tử, họ không còn ngây thơ nữa, đã có tâm nghĩ đến người khác rồi. Và những hiểu biết về nhiều lãnh vực, chúng nằm trong những ký tự khó hiểu thuộc truyền thừa của dòng giống Aryan, thái tử học được rồi trao truyền cho huynh đệ kiến thức ấy.

Vì hội đồng muốn nghe tất cả nên đến phiên Kāḷudāyi, phụ trách về tài nguyên, môi trường; chàng nói những điểm chính yếu nhất.

- Rừng chúng ta hiện có hơn bảy trăm do-tuần vuông, nhưng đã hơn hai trăm do-tuần vuông mọi người khai thác

củi gỗ và săn bắn bừa bãi. Phải đầu tư trồng rừng mới, phải nghiên cứu cây trồng thích hợp, lãnh vực này cần có chuyên gia... Các loại gỗ quý phải biết cách khai thác, sử dụng. Các loại trầm chiên-đàn là tài nguyên phong phú của đất nước, phải cần có một bộ phận chuyên môn nghiên cứu khai thác và tiêu thụ. Rừng chúng ta cũng hàm tàng những dược thảo quý hiếm, vừa khai thác, chế biến để chữa bệnh cho hoàng gia, dân chúng, đồng thời còn có khả năng bán sang các nước lân cận. Việc này cần nhiều nhà chuyên môn, lương y. Săn bắt động vật rừng cũng phải có kế hoạch, phải có giấy phép của hoàng gia. Ngoài ra, cần đào tạo chuyên gia nông nghiệp, chuyên gia khai thác khoáng sản như vàng, bạc, đồng, chì, sắt...; chuyên gia về đất đai, thổ nhưỡng... tất tần tật. Nói tóm lại là phải cần có trường đại học bách khoa... mới mong nói đến việc dân giàu, nước mạnh...

Kāḷudāyi ngưng nói đã lâu mà hội đồng trưởng lão vẫn im lặng. Họ không biết tại sao bọn trẻ lại biết rõ ràng nhiều lãnh vực mà từ lâu tuy họ quan tâm nhưng đã không giải quyết được... Chưa thôi, bây giờ lại đến phiên Bhaddiya, Kimbila, Anuruddha, Bhagu, Mahānāma; họ lần lượt trình bày về vấn đề giải thể bớt một phần hai quân số chiến sĩ để giảm bớt gánh nặng ngân sách; quan đại thần phụ trách kinh tế, thương mãi phải nắm các ngân hàng tư nhân để ấn định, chế tài giá cả cho vay, điều chỉnh lương hướng thợ thuyền cho hợp lý tại tất cả các nghiệp đoàn; nâng đỡ nông dân bằng cách giảm thuế má nông nghiệp nhưng lại cung cấp phân, giống, dụng cụ sản xuất... Muốn có người tài giúp nước phải khuyến khích con em các giới theo học các trường học của vương quốc - bắt buộc phải mở trong tương lai; con em hoàng gia, quý tộc phải tự túc để đi học đại học Takkasilā. Hoàng gia, quý tộc phải tiết kiệm trong ăn tiêu, chi dùng... Phải kiểm soát các cuộc tế đàn, lễ lạt tốn kém sức người, sức của... Phải ra lệnh cấm giết hại súc vật để tế thần

lửa và các vị thần mơ hồ chẳng ích dụng gì cho cuộc đời... Phải thẳng tay trừng trị bọn bùa phép ru ngủ ngu dân... Giảm thiểu chi phí ngân sách quân đội mà tăng cường ngoại giao hòa bình mới là khôn ngoan. Nên có chính sách liên minh với Koliya tương tợ sự liên minh của liên bang Vajjī để tạo sức mạnh và ổn định lâu dài... Bỏ bớt các cuộc họp vô ích, phù phiếm giải quyết các công việc nhỏ nhen hoặc sự tranh tụng, kiện cáo của hoàng gia. Phải giải phóng nô lệ, cho họ một số quyền lợi để họ tăng gia sản xuất. Khuyến khích tất cả các giới lao động sản xuất, làm ruộng để tăng thêm của cải cho xã hội. Phải có bệnh viện miễn phí để chăm sóc sức khỏe cho lê dân. Phải có chính sách hợp lý để săn sóc người khuyết tật, già cả, trẻ em... Nói tóm lại là tất cả giới lãnh đạo phải biết hy sinh quyền lợi của mình, đồng cam, cộng khổ để đưa đất nước đi lên... Phải dũng cảm đứng thẳng dậy, phải thức tỉnh... tất cả chúng ta đã ngủ gục quá lâu, ngủ gục trên vinh hoa, tự mãn và biếng nhác - thì làm sao thoát khỏi thân phận đói nghèo, lệ thuộc...!

Các ông hoàng trẻ say sưa nói, nhiệt huyết bừng bừng mà không hề để ý phản ứng của hội đồng trưởng lão. Thái tử không ngăn được. Lúc nói xong thì nghị trường đã trống vắng hơn một nửa... Thái tử biết mình đã thất bại. Đức vua Suddhodana trìu mến nhìn các ông hoàng, thở dài, nói:

- Chính sách hay, rất thuyết phục... nhưng do nóng vội thành ra hỏng cả. Quyền hạn của ông vua bộ tộc rất nhỏ, các con ạ! Trong lúc này, ta mà theo các con thì ít hôm nữa sẽ có người trình tấu lên đại vương Kosala, chưa chừng, ngay ta cũng bị bãi nhiệm!

Đêm về, đã khuya, thái tử trằn trọc không ngủ được, lại nghe tiếng gió thì thào ở bên tai:

Ta đã đi qua bao cuộc phế hưng

Ta đã lang thang qua biết bao nhiêu thời đại và lòng người tối tăm và vị kỷ.

Ánh sáng không thể đến được hang sâu
Chân lý không giải quyết bằng miếng cơm và manh áo
Thế gian quay cuồng ngược xuôi, tự mãn bởi kiêu căng và dục vọng.
Ai cắn xé nhau cứ mặc
Ai điên cuồng cướp giật lẽ công bằng và sự sống thì kẻ đó là anh hùng.
Có quỷ ma cài vương miện
Có ngu si đồng lõa
Và ngục tù tối đen khóa chặt trái tim người.
Ta là lang thang gió
Ta đã đi qua sa mạc, đồng bằng, núi lửa.
Ta đã cùng với hư vô đào huyệt thế gian này
Khá thương cho những ai loay hoay với kế hoạch đại toàn.
Thành công cũng rỗng không
Mà thất bại cũng rỗng không
Nước mắt, niềm vui cũng chỉ là cuộc đánh đố của con xúc xắc.
Rồi ai cũng cháy túi ra về
Rồi tử ma đợi chờ bên ngưỡng cửa
Rồi thống khổ điêu tàn
Rồi tàn tro đốm lửa
Cháy bập bùng.
Và ta quạt gió lên
Đã muôn triệu kiếp rồi
Ngươi có nghe chăng?

Tấm Lòng Với Cuộc Đời

Tuyết băng và mây mù như trùm lấp những dãy núi phương bắc, chẳng còn nhìn thấy Himalaya là đâu. Nơi nào cũng là tuyết, nơi nào cũng từng trận gió rét buốt thổi tràn qua các vương quốc nhỏ bé nằm nép mình bất an đã mấy ngàn đời dưới cái khắc nghiệt của thiên nhiên. Ánh nắng mặt trời trốn lạnh trong đám mây đùng đục màu sữa. Không có một tiếng chim hót. Không có một màu xanh. Không còn nhìn thấy một con đường. Tuyết, tuyết tràn lấp tất thảy. Sông suối đều bị đóng băng. Vạn vật như chìm trong cái chết vĩnh cửu. Những bộ xương khô của cây cối đứng trơ mình khổ hạnh, thi gan với trời đất... Chừng mươi ngày, nửa tháng sau, trời ấm lên một chút, một vài ánh nắng nhợt nhạt như da người bệnh, hắt cái vàng ủng lên đầu cây. Băng tan từng phân tử nhỏ, tuyết lại nhẹ nhàng bay như mưa hoa. Vạn vật cựa mình he hé mở mắt. Vài bóng người trùm kín áo bông, áo da xuất hiện đó đây... Sự sống dần dần cử tay, động chân...

Trong Cung Vui mùa đông, mọi người không biết cái lạnh là gì. Từng bức tường với màu sắc rực lửa, đỏ ngọn. Khí ấm của củi thơm len lỏi khắp mọi nơi. Nhạc ca vẫn dặt dìu. Các buổi tiệc nhẹ vẫn tiếp diễn. Các ông hoàng vẫn đạp tuyết sang chuyện trò, vui chơi cùng thái tử. Có họ thì Cung Vui đỡ hiu quạnh. Họ thảo luận nhiều vấn đề. Thái tử bàn

với họ rằng, cải cách toàn diện thì thất bại, tại sao chúng ta không đánh từng điểm một, nghĩa là triển khai lãnh vực nào mà không đụng chạm đến hoàng gia? Điểm nào dễ thực hiện nhất trong tầm tay của mình? Kết quả cuộc hội thảo nhất trí bắt tay việc tương tế, các ông hoàng tình nguyện hùn góp tài sản của mình; và công việc này phải cậy nhờ lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā và một số thị nữ trong Cung Vui đảm trách. Việc này nên tiến hành lặng lẽ, không phải xin phép. Việc thứ hai quy mô hơn một tí, tức là vận động mở trường, mời các giáo sư bà-la-môn trong nước và cả nước ngoài dạy dỗ con em sát-đế-lỵ, ra tay đào tạo nhân tài...

Hôm ấy trời còn lạnh căm căm, tuyết đã tan, đất trời khô ráo, thái tử và những ông hoàng, con các đức thân vương, vào cung, xin đức Suddhodana cho họ được thực hiện ước muốn của mình, bảo đảm không sử dụng chi phí ngân sách của vương quốc. Đức vua ngạc nhiên hỏi:

- Việc này không đụng chạm đến ai, có thể thực hiện được; nhưng ngân sách lấy ở đâu ra?

Mahānāma cười đáp:

- Thưa, cho chúng con được giữ bí mật!

- Được! Đức vua cười hỷ xả - Có công việc làm hữu ích, các con sẽ vui mà trẫm cũng vui!

Thái tử và các ông hoàng rất phấn khích. Thời tiết bắt đầu dễ chịu vào cỡ tháng giêng, ban ngày khí hậu lạnh mát là họ bắt tay vào việc.

Lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Sundarī Nandā sau nhiều đêm, nhiều ngày thảo luận với nhau, và đã trình bày trước ban chỉ huy một kế hoạch như sau:

- Đã cho người đi nghiên cứu để xác định những nơi nào là trọng điểm cần ưu tiên một.

- Thứ tự tương tế là đói, bệnh sau đó mới đến nghèo.

- Cấp vốn liếng, thuê thợ thầy dạy công ăn việc làm cho họ.

Các ông hoàng vui vẻ vỗ tay. Ānanda nói:

- Con xin góp vốn từ thiện là một ngàn đồng tiền vàng kahāpana (khoảng chừng 100 con bò sữa).

Sau đó, Mahānāma, Bhaddiya, Kāḷudāyi... cũng đều ủng hộ mỗi người một ngàn đồng tiền vàng. Mọi người đều nhất trí con số khởi đầu đó. Thái tử chợt nhíu mày, hỏi mọi người:

- Trong chúng ta, ai biết, một ngày của người dân nghèo, chi phí ăn uống hết bao nhiêu māsaka?

- Chừng hai māsaka! Lệnh bà Gotamī trả lời.

- Vậy thì, Thái tử tính nhẩm - Một đồng tiền vàng ăn được bốn đồng pāda, một đồng pāda ăn được năm đồng māsaka; nói cách khác, một đồng kahāpana nuôi được mười người trong một ngày.

Nanda sung sướng xen vào:

- Vậy thì em cũng xin nuôi mười ngàn người trong một ngày.

- Đúng, chính xác! Thái tử nói - Vậy thì chúng ta hãy vận động trong hoàng tộc, thân hữu... mọi người hãy cùng hào phóng biếu tặng một ngàn đồng tiền vàng kahāpana; chừng năm mươi người, ta sẽ có số tiền năm trăm ngàn, đủ chi phí cho bước đầu về tất cả các khoản từ ưu tiên một đến ưu tiên ba của mẫu hậu rồi! Thái tử nhìn Bhagu - Còn đệ lo giúp những việc khó khăn bên ngoài, sẽ phối hợp để tổ chức, sắp xếp trình tự các công đoạn cho chu đáo. Việc chi phí cho công ăn việc làm, chúng ta sẽ tính sau.

Thấy mọi người ai cũng hoan hỷ, thái tử rất sung sướng.

- Còn việc trường học, chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu? Bhaddiya lo lắng hỏi - Hay chỉ việc góp gió thành bão?

- Chúng ta sẽ quyên góp rộng rãi, có chiến lược hơn. Này nhé! Thái tử nói - Chúng ta hãy đi du thuyết các quan

tổng trấn, nói rằng sẽ có chương trình đào tạo con em giai cấp chiến sĩ thành tài, sau đó sẽ trở về địa phương, ra tay góp sức cho thành phố, thị trấn của mình. Chúng ta hãy thuyết phục họ rằng, muốn cho xứ sở bản hạt có một tương lai sáng sủa thì phải biết đầu tư nhân tài ngay từ bây giờ!

- Hay lắm! Thuyết phục lắm! Bhaddiya nói - Theo đệ biết, chúng ta có chín thành phố, thị trấn; thành phần chiến sĩ mỗi nơi có từ năm đến tám trăm người; tối thiểu mỗi trấn thành, chúng ta chiêu sinh được con em có khả năng theo học cũng từ hai đến ba mươi người. Cái trường học của chúng ta trong tương lai có thể lên đến hai trăm năm mươi sinh viên đấy.

- Nói tóm lại, Thái tử lạc quan nói - Trấn thành nào thì tự lo cho trấn thành nấy, từ việc đóng góp cơ sở vật chất cho đến chi phí học hành. Còn riêng tại kinh thành Kapilavatthu thì chúng ta phải tự lo.

Mahānāma chợt nói:

- Chúng ta tự lo, nhưng chỉ bao chót. Đệ có kế hoạch là đi quyên tài các ông chủ ngân hàng, ông chủ các nghiệp đoàn; nói tóm gọn là sẽ nói như thế nào để cho các ông nhà giàu phải mở hầu bao!

Kāḷudāyi thủng thỉnh mở lời, phân nhiệm vụ:

- Đệ, Kimbila... sẽ cùng làm nhà du thuyết các ông nhà giàu. Huynh, Bhaddiya đều là người có uy tín lớn với các trấn thành, hãy đi thuyết phục các quan tổng trấn!

- Hay lắm! Có vẻ thuận buồm xuôi gió rồi! Thái tử bèn phân công thêm - Bây giờ, Ānanda và Anuruddha tìm kiếm địa điểm xây dựng; còn ta phụ trách phác thảo ngôi trường cùng dự toán ngân khoản. Nếu không có gì trở ngại, một tháng nữa, thời tiết thuận lợi, chúng ta sẽ khởi công...

Mọi người chia tay, từ ngày mai ai cũng có công việc. Niềm hy vọng lóe sáng trong từng ánh mắt...

Mùa xuân, tháng giêng, thời tiết Kapilavatthu rất đẹp. Khắp nơi, cây lá ươm lộc xanh, trăm hoa khoe nụ búp, gió phơi phới mát lành. Sự sống rì rào, xôn xao trong làn nắng nhẹ, trong từng tế bào non của người và vật...

Yasodharā mấy lúc này má đỏ hây hây, dáng dấp nhanh nhẹn, gót sen thoăn thoắt đi về; mọi công việc tương tế rất thuận lợi. Tuy nhiên, tối về, lúc nào nàng cũng có tâm sự. Lúc thì, "Thái tử ạ! Đa phần họ không cần phân biệt nước sạch, nước dơ; khe rãnh hang hố nào cũng múc nước ăn uống, tắm giặt được. Họ không có một ý niệm nào về vệ sinh! Lần khác, thì, thái tử ơi! Họ biếng nhác quá. Họ lười thành tinh rồi. Họ thích ngồi một chỗ. Họ thích đưa cái ăn tới tận miệng. Họ ưa nhịn ăn hơn là làm việc. Chẳng biết giáo dục họ ra làm sao nữa!" Chưa thôi, nàng còn có những nhận xét rất tinh tế khác nữa, "Thái tử à! Cái nguy hiểm nhất là cái tâm của họ. Dường như mọi tính xấu như ham ăn, mê ngủ, ích kỷ, tham lam, cộc cằn, thô lỗ... là bản chất cố hữu, đã thành tật, đã mọc rễ ở trong họ từ đời não đời nao rồi! Thiếp có cảm giác cái việc làm từ thiện này không mang đến hiệu quả như chúng ta mong đợi..."

- Này Gopā! Thái tử nói - Ta hiểu, ta biết. Nàng đã có tấm lòng. Nàng đã vất vả nhiều!

- Thái tử đâu có tiếp xúc với họ mà nói biết?

- Hằng đêm, ta nghe tiếng gió. Gió nó nói rất nhiều bên tai ta. Nó nói những điều như nàng vừa tâm sự. Nó còn nói rất nhiều nữa, rất nhiều nữa...

- Rất nhiều nữa ư? Là gì vậy, thái tử?

- Từ từ thôi mà, Gopā! Vả chăng, ta cũng còn đang suy tư về những điều ấy. Là những cơn gió hư vô rất lạnh lùng, Gopā! Một lúc nào đó, ta sẽ nói! Hãy ngủ đi! Hãy ngủ đi nào...

Đêm nào cũng vậy. Lúc Yasodharā dần dần chìm vào giấc ngủ là lúc thái tử gác tay lên trán, trăn trở, thao thức...

"Cái ăn, cái mặc, cái đói, cái nghèo... kể cả tham lam, biếng nhác, ích kỷ... chúng từ đâu có? Dẫu cho ăn, cho mặc thì tham lam, ích kỷ... có vì vậy mà giảm đi? Ồ, không thể nữa rồi! Những người giàu sang, ăn sung mặc sướng dường như tâm tham lam, ích kỷ lại nhiều hơn... Bằng chứng là dòng tộc Sākya của chúng ta đấy!" Thái tử lại thở dài... "Nếu chưa tìm ra lời giải này, thì ta cứ hãy làm việc gì nghĩ là có ích cho đời!"

Hôm ấy, Ānanda và Anuruddha tìm đến nói là đã chọn lựa được hai khu đất rất đẹp, đẹp vô cùng, tùy nghi thái tử chọn lựa. Thái tử nhìn sắc mặt hí hửng của hai người, cười cười nói:

- Vậy là khu đất ấy chắc không ở xa điền trang của quý đệ chứ?

Cả hai ngạc nhiên, đồng nói một lượt:

- Sao hoàng huynh biết?

- Chỉ là suy đoán thôi mà! Quý đệ có tài ngoại giao nên đã thuyết phục chư vị thúc vương hiến tặng đất, có phải không?

- Đúng thế! Họ mở tròn mắt chăm nhìn thái tử.

- Còn nữa! Thái tử chậm rãi nói tiếp - Biết đâu, quý đệ còn vận động được hơn cả trăm ngàn đồng tiền vàng ấy chứ!

- Đúng thế! Đúng là trăm ngàn, không trật một xu! Tài thiệt! Hoàng huynh có thần thông rồi!

Thái tử mỉm cười, giải thích:

- Thật ra, cũng dễ thôi! Cả hai vị thúc vương đều có ý ủng hộ kế hoạch cải cách của chúng ta ngay từ đầu. Tấm lòng của hai vị lại rộng rãi nữa, nên con số một trăm ngàn, đoán đại mà lại trúng!

Cả hai cười xòa. Thái tử trải tấm giấy ép vỏ cây, trên đó vẽ phác thảo ngôi trường, chàng nói:

- Hai trăm rưỡi học viên thì chỉ cần hai dãy lầu khá dài và rộng, cỡ bằng kích thước gấp đôi hội trường của hoàng

gia. Nhưng cơ sở nội trú thì lớn hơn, phải đầy đủ tiện nghi ăn ở, sinh hoạt, các công trình vệ sinh. Phía bên phải này là dãy lầu dành cho giáo sư ăn ở. Căn nhà trệt rộng lớn này là nơi phục vụ bếp núc cùng nhà ăn cho học viên. Ngôi nhà nhỏ xinh xinh này là nơi tiếp khách, cũng là chỗ cho các giáo sư lui tới bàn bạc công việc... Công trình này khá quy mô, chúng ta còn cần gặp gỡ các thầy bà-la-môn đã từng du học ở Takkasilā để nhờ bổ túc thêm ý kiến. Bản vẽ này chỉ là phác thảo sơ bộ, còn cần kỹ sư chuyên môn thiết kế, điều chỉnh lại. Tuy vậy, theo chiết tính ban đầu, tốn kém sẽ rất lớn, ước chừng bốn triệu đồng tiền vàng kahāpana cơ đấy!

Ai nấy đều cả kinh, thất sắc. Thái tử còn tiếp:

- Chi phí trang bị nội thất, học cụ, học liệu... cũng mất khoảng một triệu. Tốn kém trồng cây, vườn cảnh cho đẹp cũng phải mất hết hơn nửa triệu. Nhưng đáng ngại nhất là chi phí lương hướng hằng năm cho chừng hai mươi giáo sư tài giỏi. Bộ phận phục vụ bếp núc, một số nhân viên phụ tá chúng ta cũng phải thuê mướn. Vậy thì khi nào chúng ta có chừng khoảng sáu triệu đồng tiền vàng mới dám bắt đầu khởi công! Sau đó, phải chuẩn bị chừng bốn triệu đồng nữa cho chi phí điều hành, quản lý...

Con số tiền vàng ấy không phải nhỏ, không biết các ông hoàng đi du thuyết có mang lại kết quả nào không? Họ đã biết rõ không phải công việc hay đẹp nào cũng có người ủng hộ, nhất là những người lớn tuổi, có danh vọng, địa vị và nhiều tham vọng; trường hợp hai đức thân vương vừa rồi là một biệt lệ...

Đúng như nỗi lo của thái tử, ít hôm sau, Kāḷudāyi, Kimbila mặt mày ủ rũ, đến thông báo là kế hoạch vận động thất bại; cả kinh đô mà chỉ được năm ngàn đồng tiền vàng thì làm được gì! Rồi lần lượt Mahānāma, Bhaddiya với những cỗ xe ngựa lấm bụi, từ xa về, buồn bã nói, là đã khô nước bọt nhưng cũng chỉ thuyết phục được ba vị tổng trấn.

Trong lúc mọi người nhìn nhau thở vắn than dài thì lệnh bà Gotamī cho thị nữ tìm đến, báo một tin vui là đức vua Suddhodana ủng hộ một triệu đồng tiền vàng...

Niềm vui nhỏ không khỏa lấp nổi nỗi buồn lớn. Lâu lắm, thái tử chợt hỏi Mahānāma và Bhaddiya:

- Thế còn việc chiêu sinh?

- Không lạc quan lắm! Mahānāma nói - Bình quân mỗi trấn thành có chừng sáu trăm người thuộc tập cấp chiến sĩ; gia đình nào con cháu cũng đông từ tám đến mười hai người. Vậy chúng ta chỉ nhẩm tính, sẽ biết rằng, trong tám mươi gia đình có được mấy người con trai có khả năng theo học đại học? Ngay kinh thành Kapilavatthu cũng chỉ có chừng mười chàng trai thuộc gia đình chiến sĩ giàu có hoặc con các vị tướng sát-đế-lỵ là có khả năng, vì họ đều thuê các thầy giáo bà-la-môn dạy học từ nhỏ.

Bhaddiya tiếp lời:

- Nếu tập trung hết, nhiều nhất cũng chỉ có chừng ba bốn chục học viên! Vậy thì không gọi là trường mà gọi là lớp!

- Là lớp, cũng được chứ sao! Thái tử gật đầu - Chúng ta không có quyền bỏ cuộc! Đừng nản chí, đừng đầu hàng, các bạn! Hãy nỗ lực hết sức mình, "không thành công thì cũng thành người"! Các ông hoàng đều nhất trí, xem câu nói ấy là châm ngôn hành động.

Ba Giấc Mộng
Của Nàng Yasodharā

Những chùm hoa vàng nghệ đã mấy lần nở, mấy lần tàn? Cây hoa hình cầu đổi màu đã bao mùa thay sắc, thay lá? Thời gian trôi đi, chảy đi... Những đám mây trên trời vẫn cứ tiếp tục lang thang vô định... Còn ta? Thái tử nghĩ, lang thang từ tư tưởng này sang tư tưởng khác. Những tư tưởng đứt khúc, gãy vụn... Tư tưởng nào cũng trùng trùng câu hỏi. Mọi dự định tươi mới, thoáng khắc sau là cũ kỹ, ít hôm sau là đối diện với cái bất toàn! Lời gió còn nói với ta rằng, những việc làm từ thiện dẫu cho với bàn tay dịu dàng và tấm lòng nhân ái cũng không làm dịu mát được lòng người, cũng không làm cho nhẹ bớt sự tham lam và ích kỷ của thế gian... Di mẫu và Yasodharā đã nhiều năm miệt mài công việc tương tế giúp đời bằng trái tim của người mẹ, rốt lại cũng vô ích mà thôi. Lòng tham của lớp người bất hạnh ấy nó lớn quá. Biếng nhác và ích kỷ nữa. Lúc nào cũng chờ đợi của bố thí. Lúc nào cũng khát thèm. Lúc nào cũng không biết đủ. Điều nguy hiểm hơn, là họ không chịu thay đổi hoàn cảnh, không chịu thay đổi nguyên nhân. Họ ngồi mà nhẫn chịu, mà im lặng như triết nhân hoặc than van số phận, định mệnh đã an bài! Bát cơm và manh áo phải từ bàn tay làm ra chứ? Ngôi nhà, các tiện nghi sinh sống... phải sửa sang, dọn dẹp, vá víu chỗ này, chỗ kia chứ! Thế mà họ không làm!

Yasodharā nói rằng, dầu nhẫn nại vô cùng, dẫu lòng bi mẫn cũng lớn lắm, nhưng đến một lúc nào đó cũng phải thui chột đi... Người ta giúp đỡ thì cũng có hạn. Ai dường như cũng mệt mỏi cả rồi! Thuở xưa, mẹ ta thuở sinh tiền, cứ đến kỳ đầu và giữa tháng là bố thí bốn ức đồng tiền vàng (bốn trăm ngàn), cuối đời cũng cạn kiệt, phụ vương bực lắm nhưng cũng phải mỉm cười. Bây giờ, tiền bạc dành dụm của ai cũng hết sạch cả mà họ vẫn không chịu khó rèn tập các công việc làm ăn... Ngôi trường, à lớp học, lớp học của ta cũng thất bại từ lâu rồi! Bao nhiêu tâm huyết bỏ ra, lớp học hình thành, mời thầy giáo giỏi khắp nơi về giảng dạy. Đầu niên khóa hai bảy người, cuối niên khóa chỉ còn mười! Vẫn dạy, vẫn học, vẫn duy trì, vẫn lương hướng hậu hĩ cho giáo sư, nhưng qua năm hai chỉ còn bốn! Rồi cứ thế nó tan dần, tan dần như hạt tuyết dưới ánh mặt trời. Thế nhưng ta vẫn chưa chịu thua, ta quy tụ con em trong hoàng gia, quý tộc để giúp họ một căn bản tri thức vững vàng, nhưng rồi cũng lụi tàn. Người chịu khó học hỏi như thắp đuốc ban ngày để đi tìm trăng sao! Con người không chịu tiến hóa, không chịu động não để tầm cầu kiến thức, hiểu biết... Thôi, đành vậy, chứ biết sao! Ta học được hai bài học làm người. Thứ nhất, có cái gì đó như đã mọc rêu lưu niên, lưu cữu trong tâm địa của chúng sanh; cả một hầm thói hư tật xấu, không thể trong một sớm một chiều mà cải hóa được. Thứ hai, có cái gì đó như lực cản, như ngăn bít trí óc nên chúng không chịu thăng hoa, hướng đến các giá trị cao hơn; chúng luôn bằng lòng với đời sống thụ hưởng nhờ tập cấp truyền đời trao lại. Nói tóm lại, tuổi thanh niên của ta và của các ông hoàng bạn hữu đã hoang phí sức lực để đi theo một lộ trình vô vọng. Vả, nếu có thành công thì thành công ấy cũng chỉ là cơ hội tốt cho giới cấp lãnh đạo tăng trưởng lòng tham, tăng trưởng sự hưởng thụ, tăng trưởng sự tranh giành địa vị và quyền lợi mà thôi!

Không có một ánh sáng nào, không có một lối thoát nào trong các giá trị tại thế... trên con đường xuôi theo dòng đời!

Buồn quá, thái tử muốn đi du ngoạn đây đó nhưng phụ vương không cho. Ngài chỉ nói nhẹ nhàng rằng:

-"Một vương tử Sākya, theo truyền thống, không được phép phiêu bạt giang hồ như một khất sĩ, như một gã chăn cừu lang thang, hoặc như một thương nhân với đoàn lạc đà lếch thếch, ì ạch từ phương này sang xứ khác"

Thái tử hỏi lại:

-"Vậy bổn phận và trách nhiệm của hoàng nhi phải là như thế nào hở phụ vương?"

-"Là luyện tập võ nghệ, coi binh pháp, tập điều hành và quản lý bộ máy vương quốc để cai trị muôn dân như trẫm vậy"

-"Võ nghệ, binh pháp hoàng nhi không biết còn ai là thầy nữa, không biết tầm học ở đâu nữa gần mười năm qua rồi. Còn điều hành và quản lý bộ máy, hoàng nhi cũng đã từng tập sự, nhưng sự cải cách, đổi mới dầu tốt đẹp thế nào cũng bị cản trở - thì hoàng nhi biết làm gì nữa?"

Đức vua Suddhodana nín lặng, không mở lời được, ngài cũng bất lực. Tất cả họ đều là con người cũ, tư duy cũ, truyền thống cũ; đã an toàn, đã định vị trên tập cấp thượng đẳng... thì dại gì đi theo cái mới, khi biết rõ cái mới ấy sẽ dần dần tước mất uy thế và lợi quyền của họ! Hóa ra họ cũng không sai! Họ không sai thì tư duy, việc làm của thái tử chưa chắc đã đúng!? Ôi! Cái đúng, cái sai trên cuộc đời này quả là lạ lùng!?

Từng buổi sáng, từng buổi sáng... Thái tử ngồi lặng ở hiên sau nhìn lên đỉnh Himalaya; tâm trí chàng thường lìa cái giới hạn chật hẹp của cung đình để phiêu diêu vào những thế giới xa xăm chưa hề thấy, chưa hề biết. Học lịch sử dân tộc, chàng biết rằng, dòng dõi huyết thống của chàng khởi nguyên từ hướng Tây bắc xa xôi, điệp trùng sông núi mà

tràn xuống đây, chiếm lấy những bình nguyên màu mỡ để làm ruộng và chăn bò. Nơi ấy là đâu? Rồi dòng giống Aryan của chúng ta còn tìm đến những phương trời nào khác nữa? Còn từ đây đến đỉnh tuyết trắng ấy là xa hay gần? Theo sách học địa lý thì từ Kapilavatthu đến đó chỉ có vài trăm yojana (do-tuần) nhưng rất khó đến. Vì sao vậy? Vì sau lưng kinh thành có xóm làng, đi mãi sẽ đến một cổ trấn; nếu đi nữa thì sẽ gặp những cánh rừng bạt ngàn lau sậy, rừng nguyên sinh thâm u; và ở đây vô vàn là hổ, báo, voi, tê giác, rắn vua, rắn chúa đủ loại... Nhiều người mạo hiểm đến đấy đã bỏ mạng bởi thú dữ và sốt rét. Nếu ai may mắn đi qua hết những chướng ngại ấy thì sẽ bắt gặp một đồng cỏ bằng phẳng, cây cối thưa thớt... Cứ đi nữa thì sẽ gặp những ngọn đồi, những thung lũng xinh tươi hoa cỏ. Bây giờ, ngước mắt lên sẽ bắt gặp rặng núi Mahābhārata hùng vĩ như cắt ngang chân trời... Đứng từ đây, thái tử nghĩ, sách bảo là có thể nhìn thấy nó; nhưng chàng không thấy. Có lẽ là do khí đá và sương mù. Sau dãy núi ấy còn trùng trùng dãy núi, lên cao dần, lên cao dần... và cái đỉnh cao nhất kia chính là Himalaya mà ai cũng nhìn thấy được! Kinh sách ngàn xưa nói rằng, nơi ấy, lúc nào cũng có những vị tiên ẩn tu đắc đạo! Đắc đạo là trở về với Phạm Thể? Và con đường ấy chỉ có cách là tìm trốn giữa rừng sâu, giữa non cao tuyết lãnh? Ôi, kiến thức của ta quá hữu hạn, ta không biết gì đến đời sống cũng như cứu cánh của những ẩn sĩ ấy!

Những hôm khác, thái tử lại ngồi tư lự nhìn về hướng Đông. Chàng đã một lần sang quê ngoại. Nhưng xa tít từ Devadaha trở đi, chỉ cần vài ba ngày đường thì có thể đến bao nhiêu quốc độ ở phương mặt trời mọc? Nhưng chênh về hướng Đông bắc thì nguy hiểm lắm, nên dừng lại, không nên đi. Vì đấy là rừng rậm tiếp rừng rậm. Đây lại là quê hương của một loại thổ dân da đen, rất hung dữ, chuyên nghề săn bắn để giết thịt, và họ cũng đã từng giết bộ hành lai

vãng để nướng thui! Ngôn ngữ của họ không ai phiên dịch được, có lẽ là một bộ lạc cổ sơ còn sót lại!

Hướng Tây và Tây bắc, Thái tử cũng đã từng ngồi đăm chiêu. Từ lãnh thổ của Sākya có một con đường lớn, theo ngựa hoặc theo lạc đà đi mãi, chừng năm, sáu ngày đường là đến trấn thành đầu tiên của đế quốc Kosala tên là Setaya. Từ đó, làng mạc tiếp làng mạc, đi mãi, xa khá nhiều ngày đường nữa sẽ đến kinh đô Sāvatthi, có vị đại vương oai hùng mà ai cũng phải cúi đầu kể cả đức vua Suddhodana. Đây là xứ sở của quân hùng tướng mạnh. Khắp các nẻo đường từ thành thị đến thôn quê, quân đội nhà vua thay phiên nhau canh phòng cẩn mật tại các điểm gác. Đồng thời, còn có những chiến sĩ trên lưng những chiến mã oai hùng, giáp bào, vũ khí cùng mình, tuần hành ngày đêm trên các con lộ huyết mạch. Họ cẩn trọng giữ gìn an ninh cho các đoàn xe thương mãi lữ hành, kĩu kịt hàng hóa vào kinh thành cũng như rải ra các thị trấn. Bọn đạo tặc vũ trang thường không dám đụng độ với đội quân chuyên nghiệp thiện chiến này. Cũng từ đây, đoàn xe thương buôn khởi hành đi xa, ít khi họ dừng lại Kapilavatthu, mà đi mãi, đi mãi nhiều chục ngày đường để đến Kusinārā, đến Vesāli. Hàng hóa được trao đổi ở nơi này. Nhưng có đoàn lại theo phà vượt qua sông Gaṇgā, đến Pāṭaligāma... rồi tiếp tục hành trình thiên lý đến kinh đô Rājagaha - để trao đổi hàng hóa với một đế quốc giàu mạnh khác, là Māgadha. Tại Pāṭaligāma, học địa lý ta còn biết được rằng, mọi người có thể theo thuyền, dong buồm lên hướng thượng lưu sông Gaṅgā, chỉ vài ba ngày là đến hai thành phố lớn là Bārāṇasī và Payāga trù phú, thạnh mậu và sầm uất...

-"Ôi, là những đất nước mênh mông, chỉ với trí tưởng thôi, ta đã không thể đi cho hết. Ngay bốn bức tường thành nơi này mà ta cũng chưa được phép bước ra, dạo chơi để

thấy, để nghe và để tư duy, để chiêm nghiệm về bí mật của cuộc sống!”

Đôi khi, Yasodharā muốn cùng chia sẻ trầm tư với thái tử, lặng lẽ như cánh bướm, đến gần bên, hỏi:

- Bên kia những phương trời có cái gì, thái tử học hỏi nhiều, kiến văn cũng lắm, có thể cho thiếp hiểu một phần nhỏ, được chăng?

Thái tử lắc đầu, mỉm cười:

- Thật ra, có thấy tận mắt mới biết được. Lịch sử châu Diêm-phù-đề đầy những huyền thoại và truyền thuyết không vội tin mà cũng không vội phủ nhận. Lịch sử dòng tộc ta có một khoảng trống về tổ tiên phát nguyên từ vùng Tây bắc. Họ là những ai? Họ ở đâu? Các quốc độ ở phía sa mạc, ở phía chân trời mù mịt với những đoàn lạc đà lầm lũi cõng hàng... để đi về những đâu nữa? Rồi trước đó nữa, bao nhiêu nền văn minh mà nay đã hủy diệt? Con người tồn tại để làm gì? Hay là xây dựng để rồi hủy nát, vô căn nguyên, vô mục đích? Cứu cánh của cuộc đời là gì? Tại sao ai cũng lo lắng, bất an và sợ hãi? Có nụ cười và có nước mắt thật, nhưng thế gian có hạnh phúc không? Hạnh phúc ấy nằm ở đâu? Gopā! Ở nơi ta lúc nào cũng trùng trùng câu hỏi như vậy đó. Tâm trí ta cứ lang thang mãi, không được yên, hãy thông cảm cho ta nhé! Tâm trí ta cứ bay lượn tận đâu đâu ngoài bốn hướng mây trời chưa được thấy, chưa được biết, hãy hiểu cho lòng ta nhé, Gopā!

Hôm kia, như đã quyết định, thái tử tìm gặp đức vua, lại xin:

- Hoàng nhi buồn quá, phụ vương! Hãy cho hoàng nhi đi chơi đâu đó một thời gian cho khuây khỏa!

Đức Suddhodana trầm ngâm giây lát:

- Con năm nay đã bao nhiêu xuân thu rồi, Siddhattha?

- Dạ, đã hai mươi lăm tuổi, thưa vương phụ!

- Ta già rồi, Siddhattha, ta muốn có đứa cháu trai mà trông đã mỏi mòn con mắt. Vợ chồng con đang còn tuổi thanh xuân, con không thể để cho Yasodharā ở cung một mình mà đi đây đi đó được. Vả lại, dòng tộc Sākya của chúng ta chưa có kẻ ngao du lang thang!

Thái tử cúi đầu, nghĩ thầm: "Phụ hoàng mong ta có đứa con trai, điều ấy cũng có cái lý của người! Nhưng kiếp sống của chính ta cũng bế tắc, tăm tối; không biết mục đích của đời người là gì? Hạnh phúc ở đâu? Ta sao đành tạo thêm một sinh linh trôi nổi giữa biển khổ này nữa! Vả, Yasodharā cũng chưa muốn có con! Như vậy, nếu chưa có con thì ta không thể đi đâu được cả."

Tối về, thái tử đem chuyện ấy tâm sự với Yasodharā, nàng nói xa xôi:

- Thời gian gần đây, thiếp đều nằm mộng thấy những điềm triệu bất tường...

- Hãy kể đi, Gopā! Xem thử ta có thể chia sẻ với nàng được chăng?

- Vâng! Thiếp nằm mộng thấy một con voi trắng với hai chiếc ngà vàng chói lọi, trên lưng là một chiếc ngai được trang trí châu báu sáng ngời... Chiếc ngai trống không! Con voi lừng lững, khoan thai bước ra khỏi cổng thành hướng Đông nam, nó đi không ngoảnh lại. Trong lúc ấy, giữa hư không hiện ra những vị thiên thần, phục sức giống thiên binh, thiên tướng, cất tiếng hớt hãi: "Hãy giữ con voi thần ấy lại! Nó là linh hồn của quốc độ. Nó mà bỏ đi thì kinh thành Kapilavatthu sẽ trống không!" Trong lúc ấy, thiếp chới với, chạy theo, vấp té rồi tỉnh dậy, trán đổ mồ hôi, tim đập như trống chầu... Thái tử ơi! Thiếp sợ quá! Con voi kiêu hùng ấy là chàng chăng?

Thái tử an ủi:

- Ồ, hoàn toàn là do nàng tưởng tượng! Ta có đi đâu, ta vẫn ở bên nàng hằng đêm, hằng ngày đây mà!

Yasodharā kể tiếp:

- Giấc mộng thứ hai. Thiếp thấy bốn vị trời, thân thể to lớn, đứng chật cả hư không, oai hùng hết mực; họ thò tay nhấc bốn cổng thành quăng ra biển xa. Lát sau mây trắng vần vũ, hiện ra một con đường lên cao, lên cao mãi giữa trời xanh. Con đường càng lên cao thì ngọc ngà, châu báu, ngai vàng, vương miện, mỹ nữ... rơi xuống... Trên đỉnh của con đường, có một chiếc bóng, trông rất giống thái tử... cứ lướt cao, lướt cao mãi... mờ dần, mờ dần rồi tan nhòa giữa trăng sao... Thái tử ơi, khi trông lại, mỹ nữ ấy chính là thiếp, một mình, cô đơn, hiu quạnh... Thái tử đừng bỏ thiếp bơ vơ giữa cuộc đời mà ra đi nhé!

- Chiếc bóng mờ dần giữa trăng sao, đẹp đấy chứ, Gopā!

Yasodharā giận dỗi:

- Đẹp! Đẹp! Thiếp quạnh quẽ ngồi khóc một mình mà đẹp à?

- Vì nàng mộng mị đó thôi! Nào, còn giấc mộng nào nữa không? Cứ kể đi rồi ta sẽ đoán cho!

- Lần thứ ba! Yasodharā sụt sùi kể tiếp - Lần này thì đẹp thật, có hai con chim hạc màu hoàng kim, tha một bông sen trắng từ trên mây xanh bay xuống; chúng bay, bay chập chờn giữa trăm hoa, trăm sắc, giữa hàng chục tiếng đàn, tiếng sáo âm thanh trầm bổng, du dương... Hai con chim hạc càng bay xuống gần thiếp chừng nào thì chúng càng lớn lên chừng ấy. Bông sen cũng vậy, nó cứ to lớn, lừng lững... nó phủ trùm thiếp rồi tan mất, chỉ còn lại hương thơm ngào ngạt... Trong cơn mơ, thiếp nhìn lại chỗ chàng nằm, không thấy chàng đâu, ở đấy chỉ có một vầng trăng!

Thái tử chợt cau mày:

- Những giấc mộng của nàng đều kỳ lạ lắm, Gopā! Bông sen trắng tan mất, chỉ còn một vầng trăng! Đẹp lắm nhưng cũng kỳ lạ lắm. Ta không nói là điềm triệu ấy vui hay buồn, mà nó thật là kỳ lạ! Trong một lúc, ta chưa đoán nổi đâu....

Có điều, ta thấy rất rõ, biết rất rõ, nó liên hệ thiết cốt đến rất nhiều kiếp sống trước đây của chúng ta. Gopā biết không, từ tám tuổi, ta đã đọc những câu kệ của nhiều chân sư trên thế giới, ta biết cả cách tính toán những phân tử của quả địa cầu, ta rất rành về ngôn ngữ của rất nhiều bộ tộc hiện đã mất tích trên thế giới... Các thầy phụ đạo của ta dầu thông kim, bác cổ nhưng họ cũng đành chịu vì cái biết của ta thuộc về thế giới khác, những thế giới đã khuất chìm vào quá khứ xa xăm. Vậy, cái biết ấy từ đâu ra? Lại nữa, giữa hằng trăm mỹ nữ đẹp đến chim sa cá lặn mà ta vẫn thờ ơ; nhưng khi gặp nàng, trái tim ta lại rung động? Đấy không là điều kỳ diệu sao? Đấy không là điều làm ta ngạc nhiên sao? Ta và nàng, có lẽ đã có nhân duyên từ nhiều đời kiếp trước, chúng ta đến với nhau, xây dựng gia đình, vui vầy tổ ấm có lẽ là cùng chí hướng, cùng tâm nguyện để thực hiện một cái gì đó rất cao cả - mà ta chưa nhớ đấy thôi, Gopā!

- Điều đó thì đúng! Yasodharā gật đầu - Vì thiếp cũng có cảm nhận tương tự. Thiếp không phải gặp chàng lần đầu trong cuộc thi sắc đẹp, mà trước đó nữa, năm thiếp mười hai tuổi, lần đầu theo mẫu hậu sang thăm Kapilavatthu! Hôm đó, thiếp thấy chàng đang từ hoàng cung đi ra! Thoáng thấy gương mặt của chàng, dáng dấp của chàng... thì trái tim thiếp nó nhảy loạn trong lồng ngực... Quả thật là đáng xấu hổ! Một cô bé mười hai tuổi mà đỏ mặt bởi một chàng trai đồng lứa, không biết dấu mặt đâu cho đỡ thẹn!

Thái tử cười vui:

- Thú vị lắm, rồi sau đó ra sao?

- Còn ra sao nữa! Thấy thiếp như vậy, mẫu hậu quay lại, ân cần hỏi: Sao vậy, Gopā! Con cảm nắng à? Sao mặt con lại đỏ au như thế? Có sao không con?

- Chuyện kỳ diệu đấy, Gopā! Vậy thì ta quả quyết rằng, ta với nàng kết duyên phu thê trải qua rất nhiều kiếp sống rồi. Gặp nàng, ta cảm giác một mối thân quen lạ lùng. Lại

nữa, sống với nàng, những cử chỉ, thái độ ta vừa khởi ý là nàng đã hiểu rồi, đã biết rồi. Đấy chính là dòng tâm quen thuộc từ quá khứ, chứ không thể là kiếp này, Gopā! Có một cái gì đó vô danh, ẩn mật đã khuất chìm... ta phải có bổn phận phải tìm cho ra, Gopā!

Yasodharā có vẻ lo lắng:

- Đó có thể là cái gì, thái tử!

- Ta chưa rõ lắm, nhưng mà này, Gopā! Chắc nàng cũng rõ, các thú vui ngũ dục, ta không mê luyến; đời sống đế vương ta cũng cảm thấy tầm thường; danh vọng và quyền lực ta cũng không tham muốn. Tất cả cái vị ngọt ấy, thế gian khát khao, mơ ước mà sinh ra tranh giành, thủ đoạn, chiến tranh... Còn ta thì lại muốn đi tìm cái gì khác, mà cái khác đó hiện nó chưa hề có mặt trên cuộc đời này...! Trong ta đang có ý tưởng mơ hồ như vậy đó!

Yasodharā tròn mắt:

- Chưa hề có mặt trên cuộc đời?

- Đúng vậy, Gopā! Vì trên cuộc đời, cái gì ta cũng cảm giác bất toàn, đổ vỡ, bất toại nguyện!

Cả hai chìm vào yên lặng. Cuộc đối thoại không biết bao nhiêu lần tương tợ như thế đã đi vào chỗ bế tắc.

Yasodharā thầm nghĩ: "Chính những ý nghĩ như thế, một lúc nào đó, thái tử sẽ đi tìm một thế giới khác chăng? Rồi chàng sẽ rời xa ta chăng? Ba giấc mộng, ta đã lo sợ, đã cảm giác là những điềm bất tường! Biết đâu có một đứa con, nó sẽ ràng buộc được chàng ở lại với ta mãi?"

Ý Nghĩa
Và Giá Trị
Cuộc Sống

Thấy thái tử lúc nào cũng chìm ngập vào những suy tư không lối thoát, Yasodharā cùng với lệnh bà Gotamī đến xin phép đức vua hãy để cho thái tử dạo chơi ngoài thành cho khuây khỏa.

Đức Suddhodana nhíu mày:

- Ta chỉ sợ thái tử sinh ra động tâm...

Bà Gotamī mỉm cười:

- Nhiều năm nay tuy ngồi một chỗ mà dường như không chuyện gì ngoài thế gian mà thái tử không hiểu, không biết! Sự lo ngại của đại vương không có cơ sở nữa rồi!

Yasodharā còn thuyết minh thêm:

- Nhìn mái tóc của phụ vương, mỗi năm lấm tấm thêm nhiều sợi bạc; nhìn đuôi mắt của phụ vương, mỗi năm lại xuất hiện thêm vài nếp nhăn; rồi từng bước đi của phụ vương không còn nhanh nhẹn như hồi thanh xuân nữa, chẳng lẽ nào thái tử lại không hiểu là rồi mình cũng sẽ nhuốm màu thời gian như thế? Chẳng lẽ nào thái tử ngây thơ đến độ không thấy sứ giả già ở khắp mọi nơi?

- Con nói có lý! Đức vua gật đầu, mỉm cười rộng lượng.

- Còn bệnh? Ai mà không bệnh? Ngay chính con trong mười mấy năm nay đã từng có vài lần bị bệnh thống phong

hành hạ; vài lần như vậy, con bị những cơn đau đớn không chịu đựng nổi, phải quằn quại, phải rên la trước mặt thái tử. Vậy thưa vương phụ, sứ giả bệnh cũng không còn là cái gì làm cho thái tử động tâm nữa rồi, vì thái tử cũng đã biết rồi!

Đức vua lại một lần nữa mỉm cười rồi chậm rãi nói:

- Hay lắm, con thuyết phục hay lắm đấy! Còn sứ giả chết thì sao? Có lẽ con sẽ nói với ta rằng, thái tử là người am tường các tư tưởng triết học Vệ-đà và tiền Vệ-đà, chắc thái tử không ngây thơ đến nỗi, tưởng mình sẽ sống hoài không chết? Nếu sống hoài không chết sao lại có thần Sáng Tạo Brāhmā, thần Bảo Tồn Viṣṇu và thần Hủy Diệt Śiva? Còn nữa, khi nghiên cứu một chính sách toàn diện để cải cách đất nước, lẽ nào thái tử không nắm tình hình dân số, lẽ nào không biết đến số sinh và số tử mỗi năm? Vậy, tất cả chúng ta rồi ai cũng phải chết, đó là điều bình thường; lẽ nào một bậc trí tuệ như thái tử lại không hiểu một điều bình thường giản dị như thế?

Lệnh bà Gotamī và công nương Yasodharā mới nghe tưởng mình đã thuyết phục được đức vua, nào ngờ, ngài thở dài nói tiếp:

- Có cái gì đó dường như vô hình, bí mật mà nó không chịu lộ diện. Biết bao nhiêu năm qua ta đã từng tư duy, trăn trở về sự có mặt của bốn vị sứ giả này. Ta đã ngăn chặn đủ mọi cách. Cái già, sẽ có đấy, cái già nào đó, với hình thái thế nào đó mà ai nhìn thấy cũng phải bàng hoàng, lo lắng, ấy mới thật là sứ giả! Cái bệnh, sẽ có đấy, cái bệnh thế nào đó, với hình thù gớm ghiếc thế nào đó mà ai nhìn thấy cũng phải rùng mình, sợ hãi - ấy mới thật là sứ giả! Cái chết cũng tương tợ vậy, phải là cái chết kinh khiếp, vật vã, quằn quại, thống khổ cùng cực... mới xứng đáng gọi tên là sứ giả! Còn về sứ giả sa-môn phạm hạnh thanh tịnh, biết đâu một lúc nào đó sẽ xuất hiện trước mắt thái tử? Ai bảo đảm điều ấy là

không? Cho nên, hai người là người ta yêu mến; dẫu trái tim ta gật đầu, nhưng khối óc ta vẫn từ chối như thường. Thái tử chưa được phép ta thì chưa thể dạo chơi đâu hết, kể cả bên ngoài các cổng thành.

Cuộc thuyết phục thất bại, thái tử biết được, nói với Yasodharā rằng:

- Phụ hoàng chỉ muốn chúng ta có con để nối dõi dòng tộc, ấy là việc thứ nhất. Muốn ta đăng quang lên ngôi vua để cai trị quốc độ, chăm lo cho bá tánh, ấy là việc thứ hai. Bao giờ ta làm được hai yêu cầu đó, phụ hoàng mới an tâm, còn bây giờ, nói gì cũng vô ích. Người kiên định lắm!

- Vậy ý thái tử thế nào?

- Bây giờ chưa phải lúc. Hiện tại ta muốn gặp gỡ các ông hoàng để nghe ý kiến của họ.

Yasodharā ngạc nhiên:

-Việc gì thế, thái tử?

-Về cuộc đời thôi mà, Gopā!

Bây giờ họ đang ở cung điện mùa xuân, trời đang còn se lạnh. Thái tử đã có chủ ý, định lưu giữ các ông hoàng ở lại vui chơi nhiều ngày nên đã bàn với Yasodharā và lệnh bà Gotamī là phải tổ chức tiệc tùng chu đáo để cho họ được thanh thản vui chơi... Để tạo niềm vui mới, Yasodharā chịu khó cho người lặn lội đến tận nước Māgadha để mời cho bằng được một gánh hát nổi danh gồm những nhạc công, ca nhi, vũ nữ đang là ngôi sao tại kinh đô Rājagaha hoa lệ ấy.

Đến ngày, các ông hoàng tề tựu đủ cả, không sót một ai. Devadatta, Anudāma, Viruḷhāka từ Koliya nghe tin cũng xe ngựa tìm sang... Lâu quá, họ mới được gặp gỡ nhau đông đủ như thế nầy, kể từ độ thiếu niên với ước mơ cháy bỏng cải cách đất nước. Cũng vì đang băn khoăn trước ý nghĩa của cuộc sống nên chưa ai lập gia đình. Họ đã thất bại trước kế hoạch này sang kế hoạch khác. Một số bị cha mẹ ràng buộc, chỉ cho vui chơi trong điền trang của mình hoặc làm một

tiểu chủ để kiểm tra, đôn đốc các công việc. Một số phụ tá với cha tập sự vai trò, chức năng của một quan đại thần hay quan tổng trấn...

Devadatta hăng say trình bày sự thất bại trước công cuộc cải cách do đụng phải một lực cản vô hình tương tợ Sākya vậy. Ai cũng hiểu lực cản vô hình ấy là những tham vọng, địa vị, danh lợi và quyền lực. Devadatta có tham dự một số phiên tòa như trại chủ đánh chết nông nô; các ông chủ ngân hàng xiết nợ, bắt luôn cả vợ con người ta mà đánh đập, hãm hiếp rồi cho sống đời nô lệ... Đấy là những tội lỗi đặc trưng của bất công xã hội cần phải trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, cán cân của công lý không phải lúc nào cũng trung chính, nghiêm minh vì đằng sau bao giờ cũng có nhiều bóng tối khuất lấp, che phủ! Tất cả các ông hoàng dường như ai cũng đã nếm trải ít nhiều kinh nghiệm đắng cay về điều ấy!

Các cuộc tiệc tùng, ca nhạc vũ... dù mới mẻ, hấp dẫn... nhưng ai cũng giữ niềm vui chừng mực, vì thật ra, các ông hoàng đâu có thiếu thốn món dục lạc nào. Giờ đây, tâm trí của họ đang hướng đến cái gì khác, cái gì khác đó làm cho mục đích cuộc sống này có ý nghĩa hơn, có giá trị hơn!

Thái tử Siddhattha rất vui mừng khi thấy các bạn đã chững chạc, đã trưởng thành trong nhận thức, bèn thân thiết nói:

- Đấy cũng là trăn trở của ta đấy, các bạn! Muốn tìm cho ra ý nghĩa cuộc sống, giá trị cuộc sống - thì đó có thể là chủ đề để cho chúng ta cùng thảo luận hôm nay, được chăng?

Mọi người vỗ tay tán đồng. Devadatta chợt đưa mắt nhìn mọi người rồi dừng lại nơi thái tử, chậm rãi nói:

- Khi thấy mình bất lực trong việc cải cách đất nước, bất lực khi tham dự việc xử án ở pháp đình... hoàng huynh có biết đệ đã làm việc gì sau đó không?

Thái tử mỉm cười lắc đầu, Devadatta nói tiếp:

- Đệ đã cùng với thân hữu tìm niềm vui trong việc xây dựng các trại tế bần, các trạm xá công cộng, làm đường sá, cầu cống, trồng cây xanh và khuyến khích mọi người chôn lấp xác súc vật, rác rưởi ô uế, nạo vét các mương cống tù đọng... Khi làm các công việc ấy, chúng đệ bị hoàng gia, quý tộc la rầy, trách mắng thậm tệ; họ bảo đấy là công việc của bọn thủ-đà-la và chiên-đà-la. Nhưng chúng đệ bất cần. Thấy nhân dân vui vẻ, sung sướng, chúng đệ cảm thấy việc làm của mình dù sao cũng có chút ý nghĩa, cũng có chút giá trị!

- Hay lắm! Lệnh bà Gotamī và Yasodharā khi làm các công việc tương tế, chẩn bần, lúc trở về cũng có chung một ý nghĩa như vương đệ vậy.

Ānanda chợt nói:

- Vậy ý nghĩa và giá trị cuộc sống là hãy làm cho mọi người được vui vẻ, được sung sướng?

- Chưa chắc đâu, hoàng đệ! Devadatta nói - những việc làm ấy giống như đi vá lại những tấm áo đã rách nát; rồi người ta lại sử dụng một cách cẩu thả, một vài ngày sau đã rách nát, hư mục... mà thôi!

- Đúng thế! Anudāma nói tiếp - Bên Koliya, thật ít người hưởng ứng việc làm có ý nghĩa ấy, họ dè bỉu, ỉ ôi; người trí thức thì họ nói một câu đáng cho ta suy gẫm hơn: Lại muốn dùng bàn tay không mà múc cạn nước sông Gaṅgā!

Viruḷhāka thở dài:

- Nói tóm lại, những việc làm ấy rất là tốt, các bạn, nhưng nó là cái tạm thời, rất tạm thời...

Mahānāma cất giọng dõng dạc:

- Cả hai nước chúng ta đều trì trệ, bảo thủ, tình trạng dân trí lại thấp; đa phần mọi người sống đời cầu an, tiêu cực; việc làm dẫu tốt, đúng, có ý nghĩa, có giá trị, nhưng nếu không có một cuộc chuyển hóa từ trong lòng của mọi người

- một cuộc chuyển hóa lương thiện và tích cực - thì tất cả sẽ trở nên vô nghĩa, vô ích. Là dã tràng xe cát biển Đông mà thôi!

Kāḷudāyi bỗng thở dài rồi nói:

- Chúng ta lại trở lại với vấn đề giáo dục, vấn đề con người... đã thất bại hơn mười năm rồi, các bạn!

Bhaddiya xin được phát biểu:

- Tất cả những ý kiến của các bạn đều rất quý báu, nhưng chưa đi sít sao với chủ đề nên sinh ra tản mạn, càng lúc càng đi xa, sẽ rơi vào mông lung. Trọng tâm thảo luận của chúng ta hôm nay xoay quanh cụm từ: Ý nghĩa cuộc sống, giá trị cuộc sống! Thế nhưng, chúng ta chưa định danh thế nào là ý nghĩa? Thế nào là giá trị? Thế nào là cuộc sống? Mượn ngôn ngữ pháp đình, muốn xử tội, xử án, trước tiên phải nêu ra tội danh, tội chứng trước đã. Nếu chúng ta chưa đồng quan điểm, ý nghĩa là ý nghĩa gì? Giá trị là giá trị gì, vật chất hay tinh thần? Cuộc sống là gì, cuộc sống của ai, của tôi, của anh, của giai cấp nào hay của tất thảy mọi người? Phải đả thông, phải định danh tiền đề trước đã, các bạn!

Đúng là khẩu khí của một vị chánh án pháp đình tương lai nên phát biểu của Bhaddiya rất có trọng lượng, đã điểm đúng huyệt đạo của vấn đề. Và tầm vóc của vấn đề chợt trở nên rõ ràng nhưng cũng lớn lao hơn nhiều. Mọi người yên lặng khá lâu.

Devadatta chậm rãi nói:

- Đúng! Hoàn toàn đúng! Và nếu vậy, chúng ta đụng đến lãnh vực triết học rồi!

- Cả tôn giáo nữa! Kimbila xen lời - Rồi nào là ý nghĩa, giá trị của cuộc sống phù du này hay là ý nghĩa, giá trị linh thiêng, vĩnh cửu?

Thái tử thở dài, cất giọng buồn buồn:

- Đã hết đâu, Kimbila! Vấn đề của chúng ta bây giờ đã trở nên mênh mông như biển cả! Đã từ khởi thủy, khi có con người trên trái đất, người ta đã đi tìm rồi. Các bộ tộc thời còn săn bắt hái lượm, qua các thời đại lấy đá, lửa, sắt; họ đã tìm cách phục vụ cho nhu cầu đời sống. Và bây giờ, các bộ lạc có tộc trưởng, các nước cộng hòa có luật pháp, có hội đồng nguyên lão... tất thảy đều hướng đến phục vụ nhân sinh, đều đáp ứng ý nghĩa và giá trị cuộc sống. Song song với mục đích tại thế ấy, đã nhiều ngàn năm nay, tôn giáo, triết học đều đã đi tìm ý nghĩa, giá trị thiêng liêng hơn; họ đã để lại biết bao kinh văn cổ thư đã ám khói, mà ngôn ngữ ấy bây giờ không còn ai đọc được. Tuy nhiên, từ thời tiền Vệ-đà đến Vệ-đà, hiện giờ người ta vẫn còn đi tìm đấy thôi! Họ đi tìm qua các cuộc tế lễ, cầu nguyện, bùa chú, nước thánh, trầm tư, khất sĩ lang thang, tu khổ hạnh ép xác... Như vậy, vấn đề của chúng ta đặt ra cũng không mới mẻ gì!

Cuộc thảo luận chợt rơi vào hố thẳm.

Devadatta lâu lắm mới thốt lên:

- Rồi mỗi người mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi gia đình mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi tập cấp mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị. Rồi mỗi bộ tộc mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Rồi mỗi tôn giáo mỗi ý nghĩa, mỗi giá trị! Có ai đồng ý với ai? Rồi chuyện gì sẽ xẩy ra, hoàng huynh?

- Chuyện đã xẩy ra rồi, vương đệ! Đó là giật giành, tranh chấp, xung đột, chiến tranh; ở tất cả mọi nơi, ở bên trong lòng người, ở trên tất cả mọi sinh hoạt xã hội, ở trong lịch sử ngàn năm trước đến ngàn năm sau... cho đến vô tận!

Nhìn sự im lặng của mọi người, thái tử kết luận:

- Toàn bộ ý kiến, ý tưởng của các bạn, nó như ngọn gió lạnh đã đi qua, đã thổi buốt qua tâm não ta bao năm, bao tháng, bao ngày... mà ta không thể giải đáp. Ta như đang đối diện với bóng đêm trùng trùng. Có lẽ lời giải đáp tối hậu, rốt

ráo, tận căn của vấn đề... nó chưa thật sự có mặt trên cuộc đời này. Vậy chúng ta có nên đi tìm không, các bạn?

Ai cũng đáp là "nên lắm", nhưng nhìn trên sắc mặt của mọi người, dường như lại nổi bật lên câu hỏi khác: "Đi tìm ở đâu bây giờ, nếu nó không có mặt trên cuộc đời?" Bế tắc!

Bốn Vị Sứ Giả

Theo truyền thống tôn nghiêm của các gia đình bà-la-môn cổ xưa, người con trai ưu tú của tập cấp này lúc nhỏ phải chăm lo học hành, rành thông Vệ-đà, ngữ ngôn, văn phạm, võ nghệ, binh pháp, căn bản các học nghệ... Giai đoạn hai là phải lập gia đình; nếu chưa có gia đình, chưa có con trai nối dõi thì vẫn chưa được gọi là trưởng thành; từ đây phải chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục con cái; đồng thời phục vụ xã hội theo khả năng và trí tài của mình. Giai đoạn ba của đời người, lúc đã già là rút lui, về vườn để tu tâm dưỡng tánh. Có thể có thêm giai đoạn bốn đối với một số người, là vào rừng sống đời đạo sĩ xuất thế. Thái tử thuộc giai cấp sát-đế-lỵ nhưng toàn bộ nếp sống, nếp nghĩ đều sử dụng văn hóa bà-la-môn từ nhiều đời. Bốn giai đoạn ấy, như là sản phẩm văn hóa tốt đẹp, cần thiết phải duy trì để đem đến các giá trị đạo đức tại thế, tạo nền tảng tâm linh cho thế gian nương tựa. Nhưng đối với thái tử, sự tu tập mà để dành cho tuổi già là không thích hợp. Sự tu tập, muốn thành tựu, đòi hỏi khả năng, ý chí và sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần của tuổi thanh xuân. Chàng nghi ngờ bốn giai đoạn của người con trai bà-la-môn hiện nay chỉ còn là công thức, nhãn hiệu không còn sức sống.

Bắt đầu từ hôm thảo luận với các huynh đệ về ý nghĩa và giá trị cuộc sống, thái tử tự nguyện với lòng mình là phải tìm

cho ra lời giải. Thế rồi, thời gian sau, chàng cùng Channa giả trang làm người khách thương tìm đến những công viên có bóng mát rải rác trong kinh thành tìm gặp những sa-môn, đạo sĩ, du sĩ lang thang... Thái tử muốn học hỏi ở nơi họ những tri kiến mà chàng chưa được biết. Tuy nhiên, chàng hoàn toàn thất vọng. Ngay cả triết lý Vệ-đà mà họ cũng mù mờ. Có kẻ khá hơn một tí thì nói "muốn thể nhập với Thượng Đế chí tôn thì có ba con đường: một là cúng tế, cầu nguyện; hai là khổ hạnh diệt dục; ba là trầm tư và thiền định". Nói như thế cũng bằng không, vì các điểm đó, chàng còn biết nhiều hơn họ nữa. Phải là cái gì khác kia. Đa phần, thái tử chỉ gặp những khất sĩ lang thang dơ dáy, dường như kiếm ăn là chính mà hình thức bên ngoài có vẻ rất khổ hạnh. Chưa có ai toát ra sự sắc sảo của một tri thức đáng kính.

Hôm nào nghe Channa báo tin có một đoàn đạo sĩ lạ mặt xuất hiện là thái tử lại giả trang tìm đến. Lúc thì các vị du sĩ từ nước Kosala, khi thì đoàn khất sĩ từ Kosambī; từ Vesāli, từ Rājagaha hoặc từ Bārāṇasī (Ba-la-nại) và ấn tượng nhất là nhóm đạo sĩ đến từ Himalaya, có tướng mạo rất uy nghi, đường bệ; cử chỉ, thái độ, nói năng rất điềm đạm, trầm tĩnh. Họ đều có vẻ sở đắc thiền định. Thái tử đã đặt những câu hỏi mà chàng đã thắc mắc bấy lâu:

- Xin đạo sĩ cho biết mục đích của đời sống xuất gia thoát tục?

- Là trở về với Brāhman, đạo hữu!

- Nghĩa là bằng cách thiền định để thể nhập với ngài, phải vậy không thưa đạo sĩ?

- Đúng vậy!

- Thưa, đấy là cái biết của kiến thức! Học nhân chỉ muốn ngài chỉ bày cho là khi thể nhập như vậy thì cái hữu thức của Atman này nó tồn tại hay không tồn tại?

- Tồn tại và không tồn tại đều không thể là lập ngôn chính xác để nói về Đấng Ấy, đạo hữu!

- Vậy Đấng Ấy là gì? Là ai?

- Là Chân Phúc, đạo hữu!

- Lúc hữu thức của Atman đã thể nhập vào Brāhman, nghĩa là không còn cảm thọ, tri giác, ý thức - thì lấy cái gì để cảm nhận Chân Phúc, thưa đạo sĩ?

Thấy vị đạo sĩ già nua, quắc thước có vẻ lúng túng trước câu hỏi ấy, chàng bèn mở một hướng khác:

- Ý học nhân muốn nói là: Cái ấy, cái Chân Phúc ấy có phải là ý nghĩa và giá trị vĩnh cửu của cuộc sống không, thưa đạo sĩ?

- Đúng vậy, nó Bất Tử, đạo hữu!

Thái tử trân trọng đảnh lễ vị đạo sĩ già. Sau đó, như thường lệ, Channa mang đến vải vóc, dầu, muối, các loại thực phẩm, cơm bánh, rau trái, thuốc trị bệnh... để thái tử tự tay dâng cúng đến tất cả các bậc xuất gia có mặt hôm ấy. Ra về, thái tử cứ mang mãi niềm vui trong lòng. Tuy chưa được thỏa mãn, nhưng thái tử đã xác định được một điều: Các đạo sĩ tại Tuyết Sơn, quả thật là họ đã có tu, có chứng được cái gì đó; họ toát ra sự trầm tĩnh, ổn định đáng trọng!

Hôm ấy, thái tử khoe với Yasodharā:

- Không phải là hoàn toàn bế tắc đâu, Gopā! Có những đạo sĩ từ Himalaya xuống, họ đã tìm thấy một vài ý nghĩa và giá trị nào đó trong đời sống khổ hạnh ở sơn lâm!

Yasodharā chẳng lẽ không chia vui, nhưng nàng nói một câu hàm tàng nhiều ý nghĩa:

- Thái tử vui thì thiếp cũng vui, nhưng ý nghĩa và giá trị cuộc sống nó ở xa quá, ở đâu tận Tuyết Sơn nhỉ, chàng nhỉ?

- Thôi mà, Gopā!

Lúc này, thái tử vẫn thường xuyên vào triều, kề cạnh phụ vương, tham mưu nhiều việc mà không để lộ một dấu hiệu nào về chuyện gặp gỡ các đạo sĩ. Nhờ để tâm theo dõi,

biết lắng nghe, biết cách nói, thái tử đã thuyết phục hội đồng trưởng lão, ít nhất cũng được ba việc làm chàng hài lòng:

- Các ông chủ nghiệp đoàn, tiểu chủ các nhóm thợ trên từng dãy phố đã chịu nâng mức lương cho các nghề thủ công, buôn bán nhỏ... như thợ mộc, ráp cửa, đóng xe, khắc gỗ, làm dụng cụ, đúc kim khí, nề, vải vóc, dệt, nhuộm, may, gốm, thuộc da, vẽ, bán hoa, làm vòng hoa, bán gia súc, đồ tể, đánh cá, bán cá, đầu bếp, cắt tóc, tắm rửa, giặt giũ, người đi ở làm nô tì hay gia nhân... Tùy theo giá trị của công việc, nghề nặng nhẹ khác nhau mà lương họ được tăng từ hai đến năm māsaka mỗi ngày.

- Các ông chủ ngân hàng lớn và nhỏ đã chịu giảm lãi suất, từ mười lăm, mười tám phần trăm xuống còn mười hai, mười lăm phần trăm để khuyến khích mọi giới kinh doanh buôn bán làm ăn. Buôn đường dài giảm xuống còn tám mươi, buôn đường biển giảm xuống còn một trăm tám mươi. Đây là một thành công lớn. Chàng còn đề nghị một nghiệp đoàn lớn mở một cách làm ăn mới: nghề bảo hiểm rủi ro!

- Đã mời được một số bà-la-môn chuyên gia nông lâm nghiệp từ Kosala sang, đã tốt nghiệp đại học Takkasilā, mở lớp huấn luyện cán bộ chuyên môn. Song song với lãnh vực đào tạo, các trấn, thành phải có chính sách khuyến nông cụ thể như giảm tô, thuế, cung cấp phân, giống và dụng cụ sản xuất. Các giống cây trồng và khai thác lâm, khoáng sản cũng đang được nghiên cứu...

Thái tử còn nhận thêm hai tin vui nữa:

- Bhagu phụ tá công việc cho lệnh bà Gotamī và Yasodharā đã hoàn tất bốn trại phước xá ở ngoài bốn cổng thành làm nơi phát chẩn cho những kẻ đói nghèo vào các kỳ đầu và giữa tháng.

- Các ông hoàng đã tự nguyện hùn góp công sức và tiền của, kiến tạo bốn hoa viên, cũng ở ngoại thành để dân chúng

có nơi vui chơi, giải trí. Nơi này cũng là nơi sinh hoạt văn hóa cổ truyền, tổ chức các lễ hội dân gian...

Không báo với ai, hôm kia, thái tử sai Channa thắng ngựa; chàng muốn xem tận mắt các công trình ở ngoại thành có đẹp như lời các ông hoàng tô vẽ không. Đầu tiên, thái tử dạo chơi cửa thành Đông...

Đấy là một ngày nắng nhẹ, vạn vật tràn trề sức sống. Hai bên đường, nhà cửa và các hoa viên đều xanh sạch đẹp; chàng biết đấy là công sức của phụ vương và các ông hoàng. Bộ mặt kinh thành hiện lên rất sáng sủa, tươi mới; những cửa hàng đầy ắp hàng hóa, người người ăn bận tươm tất tới lui tấp nập... Có vài người khẽ cúi đầu hoặc đứng nép ra xa khi thấy cỗ xe sang trọng của thái tử chậm rãi đi qua...

Đây là cửa thành Đông với vòm gạch cao dày mà thái tử chỉ mới một lần bước qua; chàng cũng chỉ mới thấy thấp thoáng sinh hoạt và quang cảnh ngoại thành, chưa thật sự biết rõ phía ngoài kia dân gian sinh sống ra sao. Channa khẽ nói:

- Đời sống ngoại thành nó không giàu có, sung túc giống như trong nội thành đâu, thái tử!

- Ừ, ta biết! Thái tử khẽ gật.

Cỗ xe hai ngựa trắng đang nhàn nhã, thì trước mặt, một đoàn người ăn vận lam lũ, đầu đội những thúng, những bịch, những bao, những ghè... có vẻ rất nặng nề... bước đi hàng một bên vệ đường. Thái tử cho dừng xe lại, bước xuống. Chàng biết đấy là những người dân quê mang hàng ra bán ở thành phố.

- Cho ta được nói chuyện một lát! Chàng nói với người đàn ông đi đầu - Đừng ngại ngùng gì cả.

Người đàn ông da ngăm đen, râu rậm, quàng tấm áo màu xám tro... ngước mắt nhìn thái tử; nhận ra là một ông hoàng sang trọng nên sợ hãi dừng lại, thúng hàng vẫn để yên trên

đầu. Channa tinh ý, bảo mọi người đặt hàng xuống, nghỉ ngơi một lát.

- Ông bán hàng gì đấy?

Người đàn ông trả lời rất lưu loát:

- Đa phần là nông sản như gạo, bắp, sắn, khoai; số khác là cây nhà lá vườn như chuối, đu đủ, các loại rau - Người đàn ông nhìn về cuối hàng - Sau rốt là đinh hương, hồi hương, quế, tiêu... cùng một số củ, cây thuốc chữa bệnh, thưa ngài!

Thái tử gật đầu mỉm cười:

- Những nông sản này, bà con ta ở quê sao không để dùng mà lại đem bán?

- Thưa, chỉ khi có phương việc như tế lễ, cưới hỏi... hoặc cần mua sắm vật dụng gia đình... mới để dành đem bán lấy tiền; còn thường thường thì chỉ trao qua đổi lại loanh quanh trong xóm làng mà thôi.

- Vậy đời sống của bà con, những người đói khổ có nhiều lắm không?

- Thưa, chúng tôi không đói, nhưng các tháng rét thì khá cơ cực. Hễ ai có làm thì có ăn. Mấy năm nay nhờ đức vua nhân từ biết thương dân nên kẻ làm nông cũng đỡ khổ ít nhiều...

Thái tử mỉm cười, mở lời cảm ơn, sau đó sai Channa biếu tặng cả đoàn người, chừng hai mươi người, mỗi người mười māsaka, rồi lên xe tiếp tục lộ trình. Có lẽ do Channa tiết lộ thân phận của thái tử, nên khi cỗ song mã vừa chuyển bánh, đoàn dân quê đồng hô lớn:

- Cảm ân thái tử nhân đức!

Thái tử trừng mắt cảnh cáo Channa: "Lần sau đừng có lắm chuyện". Lát sau, cỗ xe dừng lại ở trại phước xá. Bên ngoài cây cảnh xanh tươi, mát mẻ; những cây cao có bóng mát, điểm lơ thơ những chùm hoa đỏ, hoa trắng, hoa tím

trông rất thơ mộng. Chàng trầm trồ khen. Vào bên trong, tường gạch kết hợp với gỗ ván tạo một không gian thoáng đãng... Thái tử đang dợm bước lên bục, sàn gỗ làm nơi phát chẩn, ăn thông một nhà kho trữ hàng thì phía trước, xe ngựa xôn xao: Các ông hoàng hay tin thái tử xuất cung đi xem công trình nên lũ lượt tìm đến! Và thôi thì rôm rả chuyện trò, rôm rả quảng cáo công trình của lệnh bà Gotamī, Yasodharā, Bhagu... Thái tử thấy lòng mình vui lâng lâng... Bất chợt, trước tầm mắt thái tử, ngay sát bên cửa, một bộ xương còm cõi, đen đúa từ mép đường lảo đảo bước qua. Đấy là một người già, quàng khố bằng tấm giẻ rách, tóc tai bù xù rối bời nửa đen nửa trắng xám, chiếc lưng cong gập như cái giàn xay, tựa trên cây gậy, lắc lư chao qua đảo lại. Đôi mắt đục sâu như một chiếc hố đọng nước...[1]

- Cái gì vậy? Thái tử bàng hoàng hỏi - Một con người à? Sao y lại ra nông nổi?

- Là một người già, đã quá già, thưa thái tử!

- Vâng, ta biết, ta biết rồi ai cũng phải già. Nhưng già như vừa rồi thì kinh khiếp quá!

- Cũng thường thôi, thái tử! Nếu ai mà sống quá lâu thì đều tương tợ như vậy cả. Nhất là những người quá đói khổ, neo đơn!

Thái tử im lặng, trầm ngâm. Rồi ra ta, Yasodharā... nếu mà trường thọ thì đều có cái hình thù kỳ dị, gớm ghiếc trông như quái vật kia! Chàng thở dài, nhìn các ông hoàng, nhìn Channa... rồi liên tưởng tất thảy, mai này, đều như vậy cả. Thái tử lại rùng mình, đưa mắt nhìn người già, nhưng không ai còn thấy bóng dáng ông ta ở đâu! Thái tử không còn

---

[1] Theo chú giải và phụ chú giải, tướng người già này - như là vị sứ giả đầu tiên đến báo hiệu cho thái tử - là do chư thiên hóa hình nên xuất hiện đột ngột và biến mất cũng đột ngột như thế.

muốn xem hoa viên nữa, tất tả lên ngựa bảo Channa đánh xe ra về, chỉ kịp gật đầu chào vội mấy ông hoàng.

Từ khi nhìn thấy người già sứ giả, nỗi buồn của thái tử càng sâu sắc hơn. Tuổi trẻ, sinh lực, mái tóc thanh xuân chẳng có gì để tự hào nữa. Bây giờ, thái tử mới cảm nghe buốt lạnh lời gió nói hôm nào: "Đổ vỡ, bất toàn, thời gian; hư vô nuốt chửng, hư vô đào huyệt thế gian này!" Ôi! Con người, dù danh vọng, quyền lực đầy mình cũng bị đoanh vây trong hữu hạn. Mọi người sống làm gì, ta sống làm gì khi cuối đời chỉ còn một nắm xương nhăn nhúm, cái lưng cong gập như cái giàn xay? Thời gian tàn phá và hủy diệt không chừa một ai cả.

Thấy thái tử chỉ dùng chừng một nửa nắm cơm rồi đứng dậy, Yasodharā ân cần hỏi:

- Từ khi đi ngoại thành về đến giờ, dường như thái tử buồn lắm?

- Ừ, ta gặp một người già, Gopā! Hình dong người già này kinh khiếp lắm! Ta nghĩ, rồi ta cũng như thế, nàng cũng như thế, quả thật ta rất sợ hãi. Tuổi thanh xuân rồi chóng qua đi, mọi niềm vui đều chóng tàn; bây giờ ta mới cảm nghiệm thấm thía hơn cái điều mà trước đây ta với nàng thường hay tâm sự.

Đêm đó, thái tử lại nằm mộng. Thấy mình nằm trên đám mây trắng, cứ trôi đi, cứ lướt đi... qua núi đồi, thung lũng, sông suối, biển hồ. Từng quốc độ, từng quốc độ... trải dài dưới lưng; rồi bất chợt, đám mây rơi xuống một vực sâu hun hút, vô tận... Một đám lửa hừng hực tự lòng đất bốc lên, nóng quá, tan chảy tất cả. Thái tử lắng nghe sự tan chảy. Lâu lắm, lâu lắm, đám mây trắng chợt hiện thành một đóa sen hồng, đỡ lưng thái tử. Một làn khí mát lạnh phủ trùm cả châu thân. Thái tử được nâng bổng lên, ngồi tọa thị điềm nhiên trong miền hư tĩnh, an lạc tuyệt đối. Lúc ấy, giữa thinh

không, có vô số chư thiên hiện ra. Hoa trời rơi xuống như mưa tuyết. Đàn sáo ca đâu đó trỗi lên, vang cả hư không, tấu lên một khúc hát, lời rằng:

-" Giờ đã đến rồi, vị bồ-tát tối thắng!
Hãy lên đường đi thôi, vị bồ-tát tròn đầy ba-la-mật!
Hãy ra đi đi thôi, hãy lựa chọn con đường bất tử!
Hãy đi theo lộ trình mà ngài đã chọn tự ngàn xưa!
Giờ đã đến rồi, hãy tỉnh thức đi thôi, Thái tử!
Một **sứ giả già nua** đã hiện ra rồi đấy, thái tử!"

Ngơ ngác, thái tử ngồi dậy, âm thanh kia dường như còn văng vẳng bên tai. Mùi hương của hoa trời như còn ngây ngất ở xung quanh! Giờ đã đến rồi sao? Thiên thần đã nhắc nhở ta sao? Tự ngồi, tự gẫm một mình, thái tử không muốn làm kinh động Yasodharā, dù sao, trái tim kia cũng rất mềm yếu!

Tin thái tử kinh cảm khi thấy một người già đến tai đức vua Suddhodana làm ngài cũng xúc động theo! Thế là một sứ giả đã xuất hiện rồi sao? Đức vua cặn kẽ hỏi tả hữu, sau đó, triệu mấy ông hoàng có mặt lúc đó vào triều. Anuruddha và Ānanda tức tốc đến ngay.

- Hình dong, tướng mạo người già ấy như thế nào, tả lại cho trẫm nghe? Vua gấp gáp hỏi.

- Kinh khiếp lắm! Anuruddha nói - Người già này già tận cùng của cái già, ghê gớm, xấu xí như quỷ, tâu đại vương!

- Nói thế cũng bằng không! Đức vua gắt - Hãy tả cho rõ kìa?

- Tâu đại vương! Ānanda rành rẽ tả - Người già này rất là đặc biệt. Dường như tất cả cái xấu xí, lụi tàn, già úa... của tất thảy mọi cái già đều hội tụ lại nơi một con người. Để hoàng nhi tả từng chi tiết một. Về bộ xương già thì đen điu, cong gập như cái giàn xay, bước đi chao đảo, lắc lư, như dồn hết sức tàn để dềnh tới, hắt lui, tựa mình trên cái gậy.

Làn da không còn là làn da nữa, mà như người ta lột da con gà cháy thui rồi đem phơi năm bảy nắng; nó nhăn nheo như miếng cau khô, từng tấm, từng mảng, cảm giác như đụng đến là nó sẽ rơi ra! Tóc râu không biết có phải là tóc râu không, hay là tổ chim, tổ quạ vô trật tự; màu tóc, không biết là màu gì; cảm giác như phân gà, phân bồ câu, ỉa từng đống lâu ngày nửa đen, nửa trắng, bốc mùi tanh tưởi của xác thối.. Hai hốc mắt thì là hai cái hố đen, sâu, đọng nước phèn...

- Thôi, thôi! Đức vua khoát tay - Đủ rồi, trẫm hiểu rồi!

Nhưng mà từ trước đến nay! Đức vua nghĩ - Những người già nua xấu xí như thế ta đã tẩn xuất đi xa rồi còn gì? Cũng lạ! Rồi nghe nói người đó biến đi đâu mất như phép lạ? Như cái thuở phân xử con chim hạc đầu đỏ? Hay có vị thần nhân nào xen dự vào chuyện này? Người già, già như kiểu Ānanda đặc tả thì có lẽ cũng kinh khiếp thật. Nhưng có lẽ do thái tử mới ra cửa thành lần đầu nên cảm xúc đang còn mới mẻ, lâu ngày chắc cũng trơ lì đi. Và khi đã quen mắt thì cái gì cũng trở nên bình thường!

Hôm sau, gọi thái tử vào, đức vua hỏi:

- Con kinh cảm lắm sao, khi thấy người già ấy?

- Vâng, thưa vương phụ! Nó đã tác động khôn cùng đến tâm não của hoàng nhi. Cuộc sống của con người rất là bi thảm, ai rồi cũng như thế, thì tích lũy, thu góp, giật giành, chiến tranh để mà làm gì, thưa vương phụ?

- Cái già nó bình thường thôi con! Xúc cảm cũng vô ích thôi con! Từ rày ta cho phép con được đi đây đi đó cho khuây khỏa!

Nói thì nói thế, nhưng khi thái tử vừa rời khỏi cung, đức vua ngầm lệnh cho mấy trăm quân cấm vệ đi tảo thanh cả ba cửa Nam, Tây, Bắc để ngăn chặn người bệnh, người chết. Đồng thời ra lệnh cho đội nhân công tạp dịch, vệ sinh thành

phố... đi làm xanh, sạch, đẹp những lộ trình mà thái tử sẽ đi qua...

Nhưng mờ sáng hôm sau, thái tử không đi ngựa, mà lầm lũi cùng với Channa trong vóc dáng một khách thương buôn đi ra cửa thành Nam...

Thái tử nói với Channa:

- Chúng ta giả vờ không biết đến việc làm của vương phụ! Ta chỉ muốn quan sát dân tình. Ta chỉ muốn tìm hiểu đời sống thật sự của muôn dân đằng sau cái gì mà phụ vương muốn che lấp!

Thế rồi, thái tử tìm đến một khu lao động nghèo nàn. Đây là xóm cư dân thủ-đà-la. Họ chuyên nghề tạp dịch nặng nhọc và dơ uế như khuân đá, đào đất, đắp đường, nạo vét ống cống, dọn rửa các công trình vệ sinh, dọn xác sinh vật thối, người chết vất vơ trong thành phố...

Đã từng nghe Yasodharā nói về số người bất hạnh này, nhưng thái tử cũng không ngờ sự đói nghèo và cơ cực của họ vượt quá sức tưởng tượng của chàng. Thái tử đứng bàng hoàng trước những cái lều rách nát, tối tăm còn tệ hơn cả những chuồng ngựa, chuông bò của cư dân thành phố...Thái tử đứng nhìn những bóng người vật vờ vào ra; người lớn thì đóng khố và ở trần, đen điu, xương xẩu; trẻ nhỏ thì trần truồng, bụng ỏng, da chì, ghẻ lở... Và đâu đâu cũng rác bẩn và ruồi nhặng...

Channa nói nhỏ bên tai thái tử:

- Đa phần, người mạnh khỏe họ được làm việc trong những đội phu tạp dịch, dầu sao cũng có cái ăn. Nhưng còn có những người chiên-đà-la, đời sống của họ còn tệ hơn; họ không có chỗ ở, không có việc làm, họ sống trong những ống cống, những am miếu bỏ hoang... Mọi người đều xa lánh họ. Và họ cũng không dám đến gần một ai, người giai cấp khác.

- Thế họ làm sao để sống, Channa?

- Khi nào công việc quá dơ uế, quá nặng nhọc mà người thủ-đà-la khinh chê hoặc làm không nổi thì mới đến phiên họ, thái tử!

Có tiếng rên la từ trong một chiếc lều vọng lại. Tiếng rên la có vẻ rất đau đớn. Một người đàn ông đóng khố trần vòng tay đứng nhìn thái tử không biểu lộ một cảm xúc nào. Một em bé ngồi dựa vách đất đưa mắt tho lõ nhìn khách lạ. Thái tử mở lời thân thiện:

- Ta không có ý gì xấu! Tiếng ai rên la như thế?

Người đàn ông đưa tay chỉ vào đống chăn nơi xó vách, cũng không nói gì. Thái tử cúi đầu bước vào, một mùi hôi thối xộc vào mũi. Trên tấm ván trần, một tấm chăn rách nát vắt hờ hững trên một xác người queo quắp; người ấy không ngớt co giật và rên la như một con thú bị tử thương! Thái tử động lòng, bước nhanh lại. Người bệnh tròng mắt trắng dã, cái miệng méo xệch, sủi bọt nhờn; từng giọt mồ hôi tươm ra trên làn da vàng ủng, meo mốc. Thái tử khẽ nâng đầu người ấy đặt nhẹ lên cánh tay mình, cất tiếng hỏi, vô cùng quan tâm:

- Ngươi đau làm sao, đau chỗ nào, cần ta giúp đỡ gì thì cứ nói!

Chợt một giọng nói ồm ồm cất lên phía bên sau:

- Bệnh dịch hạch đó, cứu chi được, đợi chết thôi!

Giọng Channa đầy vẻ sợ hãi:

- Bệnh này lây nhiễm đó, thái tử! Hãy tránh cho xa! Hãy đi thôi, thái tử!

Thái tử thảng thốt nhìn người bệnh. Y khoảng chừng trên dưới ba mươi tuổi, hai tay run rẩy cứ bíu chặt tấm áo bào của chàng, hơi thở càng lúc càng gấp gáp, mồ hôi tuôn đổ, bọt mép lại trào ra. Thái tử nhẹ nhàng lấy khăn sạch lau khuôn mặt cho người bệnh, thẫn thờ nói:

- Không thể cứu được sao, Channa?

- Không thể, bệnh này vô phương cứu chữa, tất cả mọi thầy thuốc đều bất lực!

- Y còn trẻ quá, Channa!

Người bệnh trên tay thái tử chợt co giật một hồi, kêu la không ngớt rồi ngoẹo đầu, tắt thở...

Bệnh rồi chết, nhanh thế sao? Thái tử như không tin vào mắt mình? Ta rồi cũng vậy sao, cái bệnh và cái chết sẽ lôi kéo ta đi, thình lình, đột ngột, chẳng biết là lúc nào? Ôi! Con người, con người, hoàn toàn bất lực trước cái già, cái bệnh, cái chết; chẳng thể trốn đâu cho thoát!

Thái tử đứng dậy, thẫn thờ. Lát sau, thăm hỏi người đàn ông gia chủ mới biết rằng, người bệnh là con trai của ông và đứa bé kia là cháu. Vợ người bệnh và mấy người con lớn đã đi làm tạp dịch ở thành phố từ lúc mờ sương... Thái tử đưa mắt nhìn quanh, căn nhà tuềnh toàng, xơ xác, trống rỗng, không có gì cả; và có lẽ họ cũng không có cái ăn, cái mặc... Thái tử sai Channa biếu tặng gia đình một khoản tiền đủ để chi dụng trong một thời gian, đồng thời, lo cho người chết.

Người đàn ông chợt quỳ xuống, lắp bắp:

- Con không biết là ngài, con không biết đây là thái tử nhân đức, hãy bỏ lỗi cho con!

Nói xong, y khóc, những giọt nước mắt sụt sùi, lặng lẽ... Thái tử dịu dàng nâng tay người đàn ông đứng dậy, ân cần nói:

- Ta không giúp được gì nhiều đâu! Cái đói, cái nghèo của muôn dân là lỗi ở nơi ta, lỗi ở nơi các giới cấp lãnh đạo. Ta vô cùng xin lỗi. Hãy chuẩn bị lo hậu sự cho người chết, ta đi đây!

Lúc rời khỏi căn nhà một khoảng đường, thái tử mới nói:

- Đúng là những giọt nước không thể cứu khổ cả sa mạc! Lệnh bà Gotamī đã mỏi mòn mà Yasodharā cũng đã có dấu hiệu mệt mỏi. Tuy nhiên, họ vẫn còn đủ tâm, đủ trí để hoàn thành thêm bốn trại phước xá thì quả thật là đáng phục!

Tối về, thái tử kể lại mọi chuyện cho Yasodharā nghe mà lòng còn kinh cảm, chàng cũng không quên thốt lời kính phục về bốn trại phước xá.

- Thiếp thì đã quen với điều ấy, chuyện ấy, cảnh ấy! Còn có những cái bệnh trông còn kinh khủng hơn là bệnh dịch hạch. Đấy là bệnh phong cùi. Có người chỉ còn hai cái hốc mắt hoặc hốc miệng sâu hoắm. Họ rụng ngón tay, rụng ngón chân, rụng đến cả cái cùi tay. Cơ thể chỗ nào cũng lở loét, mủ máu bầy nhầy, hôi hám, trông vô cùng kinh tởm. Mọi người đều tìm cách tránh xa. Họ như là một động vật quái dị sống vất vưởng bên lề xã hội. Vậy mà chàng biết không, khi lòng bi mẫn khởi lên thì nó chiến thắng cả cái sợ; đã vài lần thiếp gần họ, an ủi họ, không những phân phát cơm bánh, vật thực, áo quần... mà còn đút cho họ ăn nữa đấy, vì có kẻ không còn một ngón tay nào!

- Vô cùng kính phục! Thái tử thốt lên tiếng nói tận đáy lòng, đưa mắt âu yếm nhìn Yasodharā rồi tiếp - Hóa ra nàng biết nhiều quá mà từ lâu đã giấu ta!

- Phải rồi, phải giấu chứ! Nàng buồn bã nói - Ai ở quốc độ này mà không biết chuyện tiên tri của đạo sĩ Asita và bà-la-môn Koṇḍañña? Nếu chàng kinh cảm bốn vị sứ giả thì chàng bỏ thiếp mà đi làm đạo sĩ xuất gia rồi!

Thái tử chợt đứng dậy bước ra hiên, đêm, trăng sáng nhờ nhợ, mông lung; chàng tỳ tay lên lan can ngắm nhìn một vài vì sao xa nhập nhòa không ánh sáng. Ôi, lòng ta cũng nhờ nhợ, mông lung, không có một ánh sáng nào! Cái già, cái bệnh, cái chết chi phối đời người một cách tất định! Làm sao để thoát ra? Mà thoát ra là thoát ra đâu? Kinh điển Vệ-đà cũng nói sinh tử, luân hồi, nghiệp báo... nhưng hơi mơ hồ; đặc biệt, con đường thể nhập là đáng lưu ý: Trở về với ngài, với Đấng Ấy là hết sinh tử, hết trầm luân?

Sương đêm xuống lạnh, Yasodharā dịu dàng quàng cho thái tử một tấm nhung mỏng và mịn để choàng vai. Thái tử nghiêng người, nắm cả hai tay Yasodharā rồi nói:

- Những bàn tay của chúng ta thì quá nhỏ mà sự đau khổ của cuộc đời thì vô tận, biết làm sao bây giờ hở Gopā!

Đêm kia, thái tử thấy mình chìm vào một giấc mộng khác nữa. Chàng thấy mình vùng vẫy giữa dòng nước xoáy rồi bị hắt ra, va đập vào một vách đá cao sừng sững. Giữa vùng đen ngòm, bọt tung trắng xóa, dòng nước lại cuộn đi, trôi phăng, trôi xuống một vực sâu hun hút, tấp vào một bãi cát, gờn gợn lân tinh của xương cốt và sọ người. Ôi! Một biển cả mênh mông không một bóng người, không một chiếc thuyền, không một tiếng sóng vỗ, không một âm thanh của sự sống. Không gian quạnh vắng, hoang vu đến ghê rợn. Bỗng nhiên, mặt biển bị tách rời làm đôi, vạt nước hai bên cuộn lên như cuộn tấm thảm, dạt về hai hướng khác nhau; chính giữa hiện ra một con đường bằng phẳng, phong quang. Những giọt nước lấm tấm đột ngột nở thành hoa, bung xòe ra như nấm, trải dài đến vô tận. Thái tử bước đi, nhẹ nhàng, không trọng lượng, như không dính vào đâu cả.

Từ hư không, tiếng nói của thiên thần vọng rõ ràng, mồn một vào tai chàng:

"- Giờ đã đến rồi! Giờ đã đến rồi!
Hãy ra đi thôi, Bồ-tát!
Ngài hãy ra đi, hãy lướt đi
Hãy lướt qua si mê, bóng đêm, lầm than và khổ nạn.
Hãy lướt đi như chiếc bóng giữa hư không
Hãy khinh bỉ quyền lực của ma vương
Và khinh bỉ ngũ dục tầm thường
Ấy là con đường "xuất trần thượng sĩ"
Hãy từ bỏ vinh quang của vương vị
Vinh quang của ánh nắng sớm
Của làn mây chiều

Chỉ khoảnh khắc là thoáng mất
Vinh quang ấy chính là giấc mộng của Māyā
Là trò ảo thuật quỷ quyệt của Yakka
Là lưới võng, là xích xiềng
Là nỗi khổ, là niềm đau vô tận
Thế giới ba ngàn lửa cháy và hủy diệt
Lửa cháy và hủy diệt ở trong lòng người
Hãy ra đi tìm phương thuốc cứu độ
Hãy gỡ thoát đêm đen sinh tử
Đêm đen mịt mùng
Của cái già, cái bệnh, cái chết
Hãy dũng cảm như con mãnh sư
Hãy cất cánh thênh thang như chúa thiên nga
Đừng dễ dãi cúi đầu
Và an phận trong cái dung tục, bình phàm
Hãy tầm cầu vô thượng
Hãy treo cao ngọn cờ chiến thắng trên đỉnh Sineru
Hãy mang khối óc mặt trời và trái tim mặt trăng
Bởi trí tuệ kiêu hùng và tình yêu dịu dàng rộng lớn
Không thể dừng lại
Không thể chần chừ
Không thể lưỡng lự
Hãy ra đi
Hãy chảy trôi
Hãy ca lên bài ca tự do
Bài ca giải thoát tối thắng
Giờ đã đến rồi
Giờ đã đến rồi, Bồ-tát!

"Giờ đã đến rồi!" Thái tử bàng hoàng, trán tươm rỉ mồ hôi, chàng lẩm bẩm... Phải! Phải ra đi thôi! Ôi! Tiếng gọi kia sao mà thống thiết, giục giã đến thế! Ta đã hứa với các bạn là sẽ ra đi tìm "cái gì chưa thật sự có mặt trên cuộc đời". Cái

ấy mới thật sự có ý nghĩa, là giá trị vĩnh cửu cho cuộc sống này! Lạ lùng làm sao! Tiếng gọi kêu ấy là của thiên thần hay là của chính ta - được trào vọt ra từ vô thức?

Chiêm nghiệm về giấc mộng và ý nghĩa của lời ca, thái tử thẩn thờ suốt mấy ngày. Nhai cơm như nhai những cọng rơm, uống nước như uống chén thuốc đắng. Hoa không còn hương và kể cả những lò trầm chiên-đàn cũng thoảng mùi khói bụi. Tiếng nhạc lời ca của vũ nữ, ca nhi, nhạc công là những âm thanh the thé, khó chịu đâm sâu vào màng nhĩ... Ngày vật vờ, đêm mộng mị.

Yasodharā cảm thấy sợ hãi, đến bên, ân cần xoa lưng, han hỏi. Thái tử trầm ngâm một lát rồi nói:

- Không sao đâu, Gopā! Và khoan đã! Ta chưa thể nói vội. Có cái gì đó ở nơi ta chưa yên, chưa định hình. Lúc nào cảm thấy điều đó là rõ ràng, là cụ thể, là hiện thực... ta sẽ nói. Đợi chúng chín muồi đã.

Mấy hôm sau, thái tử lại cùng với Channa trong dáng thương buôn tầm thường, bộ hành ra cửa thành Tây.

Đây là con lộ rộng rãi, thái tử biết là nếu cứ đi mãi sẽ bắt gặp một xa lộ thênh thang dẫn đến nước Kosala giàu mạnh. Và nếu cứ theo chân những đoàn ngựa thồ, đoàn lạc đà ngồn ngộn hàng hóa... sẽ đến Takkasilā và những vương quốc nào đó ở phương mặt trời lặn.

Lối đi về cửa thành Tây rất nhộn nhịp. Thái tử và Channa cùng chen chúc với đám bộ hành. Hai bên đường, hàng quán la liệt tràn ra tận đường cái. Xe hai ngựa, xe bốn ngựa của các vị tướng sát-đế-lỵ, của các tiểu thư con nhà quyền quý hoặc của các nhà thương buôn giàu có rộn ràng tới lui. Những cỗ xe bò cồng kềnh hàng hóa ì ạch hướng về Kapilavatthu hoặc hướng về Kosala xa xăm. Lòng thái tử cảm thấy vui vẻ trước cảnh sinh hoạt rộn rịp, đông vui ấy. Có vài gánh kiệu đặc biệt đi ngang, hai bên kiệu có kẻ thổi sáo, có kẻ hát lên một âm khúc hoan lạc, thanh bình. Hai chú

lạc đà to lớn với những kiện hàng cao nghễu nghện có hai chú nài quấn khăn rằn trên đầu, râu ria um tùm... kẻ gõ trống, người đánh chiêng, miệng la hét mọi người tránh chỗ...

Thái tử và Channa dừng lại nơi một đám đất bằng. Một nhóm người chen chúc quanh một người đàn ông xiếc rắn. Hai con rắn hổ mang to lớn, dựng đứng thân trước, hai cái mang to phành ra, thè lưỡi đỏ rất ghê sợ. Người đàn ông đóng khố, mình trần, phết trên mặt, ngực, lưng, bụng những sắc màu kỳ dị. Đấy là màu vàng tươi của nghệ, màu vàng sậm của thổ hoàng, màu đỏ của son và màu trắng của vôi trầu: trông giống như một lá bùa trấn ma, yểm quỷ. Chợt... y hô "aum, aum", một hồi, mắt lim dim, miệng lâm râm như đọc bùa chú... rồi hai tay nâng cái kèn đồng lên miệng, phồng má, trợn mắt thổi một bản nhạc nghe rất hoang dã, rất rừng rú... Hai con rắn đứng yên, lắng nghe, lắc đầu bên này, lắc đầu bên kia... Lát sau, chúng nhảy một vũ điệu rắn, trườn tới, trườn lui, uốn qua, uốn lại rất nhịp nhàng, điêu luyện. Sau đó, người đàn ông ngồi chồm hổm, vừa thổi vừa nhảy; sau lưng hai con rắn nhảy theo. Người nhảy thì rắn nhảy. Người dừng thì rắn dừng... Mọi người vỗ tay tán thưởng rồi quăng những đồng tiền xu, bạc cắc xuống cái khay của người xiếc rắn. Thái tử mỉm cười, đưa mắt nhìn Channa. Channa hiểu ý, bốc một nắm tiền trong đãy, thưởng hậu hĩ cho người làm xiếc.

Họ bước đến một đám đông khác. Ở đây có một người đàn ông vận khố đỏ, đầu quấn khăn đỏ... đang đi chân không qua đám than lửa cháy hừng hực. Người ta lại cho tiền. Một đám khác, một người đàn ông to lớn, lực lưỡng, tấm thân loang loáng màu đen nâu đang nằm trên một bàn chông sắt, phơi ngực trần được ngăn bằng một tấm đá dày cỡ ba lóng tay. Một người đàn ông cao, to hơn nữa, cầm búa sắt rất lớn,

gồng mình, cơ bắp cuồn cuộn, trụ tấn rồi nện cật lực xuống tấm đá. Đá vỡ mà người vô sự. Người ta lại cho tiền rào rào... Một đám đông, chỗ khác nữa. Một người đàn ông gầy guộc, dáng dấp như một đạo sĩ khổ hạnh... đang ngồi tọa thiền trên một bàn chông tua tủa những lưỡi dao nhọn hoắt. Ông ngồi kiết già, lưng dựng thẳng, hai tay bỏ lên bắp vế... đã an nhiên, tự tại suốt mấy canh giờ... Trước mặt cũng là cái khay đã khá nhiều tiền xu!

- Người kia làm thế nào lại ngồi lâu trên dao nhọn thế, Channa?

- Chưa ăn thua gì đâu, thái tử! Có kẻ cũng ngồi trên dao nhọn như thế... nhưng thỉnh thoảng còn bay bổng lên cao nữa kìa!

- Ồ! Thật lạ lùng!

- Có đạo sĩ trông giống như bộ xương khô, nằm trong thùng đồng, thùng sắt... rồi khóa lại. Lát sau, mở ra... không thấy gì cả. Hóa ra ông ta đang đứng vòng tay, mỉm cười ở phía sau!

- Lạ lùng!

- Chỉ kiếm tiền ăn thôi, thái tử! Là nghề sinh sống của họ. Nhẹ nhàng hơn cuốc đất, làm ruộng...

Đang nói chuyện với Channa, thái tử chợt nghe bên tai thoảng tiếng trống, tiếng kèn... dặt dìu, rộn rã... cùng với lời ca, tiếng hát vui tươi. Một đoàn người sắc phục lòe loẹt đi bên cạnh hai chiếc kiệu được trang hoàng đẹp đẽ bằng vải, lụa và hoa tươi. Hóa ra là một đám rước dâu về nhà chồng...

Thái tử mỉm cười nhìn theo như thầm chúc phúc cho đôi tân lang, tân nương... thì bên tai, đâu đó vọng lại tiếng kinh của các thầy bà-la-môn. Bốn người đàn ông khiêng một giàn tre, bên trên có một xác người. Đến gần thì thấy một thanh nữ, mái tóc xanh đen, khuôn mặt vàng võ, hốc hác, mắt khép lại. Một tấm chăn bông đắp ngang qua bụng, hai chân trắng xanh, gầy thò ra ngoài. Trước là hai thầy bà-la-môn đi chân

đất, vận tấm y trắng đã ngả màu, tụng những lời kinh cầu nguyện. Thái tử lắng nghe, biết là từ kinh Rig-veda, nhưng đã được biến cải, thay đổi chút ít trong nhân gian.

"- Hỡi đấng Hằng Sinh
Hỡi đấng Rāma linh thiêng, cao cả
Người là chúa tể của thiên giới
Là cha sinh của muôn loài
Đôi mắt của người là mặt trời và mặt trăng
Linh hồn của Người là muôn sao rạng rỡ
Cánh tay của Người là núi là sông
Thân thể của người là bình nguyên và biển cả
Người là sức sống của vạn vật
Là vinh quang và chân phúc
Hãy thương xót chúng con
Những hạt cải, hạt mè
Với linh hồn bụi bặm
Hãy tiếp độ chúng con
Hỡi đức Rāma tối thắng!"

Giọng tụng đọc đều đều, ngôn từ có vẻ tha thiết nhưng nghe sao chẳng xúc động chút nào. Đi phía bên sau có lẽ là thân nhân, bà con, quyến thuộc. Họ bước đi, cũng lặng lẽ, không một lời than, không một tiếng khóc...

Thái tử ra dấu, cùng với Channa tháp tùng, đi sau cùng, theo đám tang đến sườn đồi. Ở đây là nghĩa địa lộ thiên. Mùi xú uế bốc lên nồng nặc. La liệt đây đó là xương trắng, là sọ người... và còn những xác chết quăng bỏ bừa bộn trông không còn nhân dạng. Những chú quạ, ó, kền kền, diều hâu... thấy người nên bay lượn táo tác...

Một giàn củi cao được chất sẵn, xác cô gái được đặt lên trên. Các thầy bà-la-môn lại tụng kinh, rảy nước thiêng soma. Một bó đuốc to được châm vào đống củi. Nhờ có bùi nhùi và gỗ dẫn cháy nên lửa táp nhanh, bốc rần rật. Lát sau,

lửa liếm quanh, rực lên, khói tỏa mịt mù lẫn mùi khen khét của thịt cháy...

Nhìn ngọn lửa bốc cao, các thầy bà-la-môn lại tụng kinh cầu nguyện thần lửa, thần Agni để thiêu cái xác bất tịnh:

"- Hỡi đấng thần Agni uy nghi, hiển hách
Ngài là linh hồn của vũ trụ
Nhờ ngài mà mọi loài được sinh ra
Được lớn lên và tăng trưởng
Nhờ ngài mà những sinh linh được hóa thân
Nhờ ngài mà xác thân trần tục được thiêu hủy
Được lọc sạch nhiễm ô và bụi bặm
Nhờ ngài mà năng lượng thiêng liêng
Được nhen nhúm giữa trần gian
Nhờ ngài mà ngu si và bất tịnh không còn nữa
Lửa thần sẽ cháy mãi, sáng mãi
Giữa đêm tối xấu xa
Chúng con cầu nguyện ngài
Quy kính và tín thành
Xin ngài hãy tiếp độ sinh linh này
Và đưa hồn lên thiên giới
Cháy mãi, sáng mãi
Hỡi thần Agni vinh hiển!
Hỡi thần Agni bất tử!"

Lời kinh dứt. Thái tử nói nhỏ, thoảng bên tay Channa:

- Hay lắm! Ý nghĩa lắm, Channa! Thật ra, có một vài đoạn còn hay hơn thế nhiều, có lẽ những ông thầy tụng tư tế này chưa được học chăng?

- Thái tử thật là thông kim bác cổ... Thái tử có thể đọc nhỏ cho kẻ nô tì ngu si này nghe với không?

- Ồ! Được chứ! Rồi thái tử đọc:

"- Ôi! tàn tro, cháy hết chỉ còn tàn tro!

Nào sầu muộn, nào khổ đau, nào niềm vui, nước mắt... hãy cháy hết, chỉ còn tàn tro!

Hỡi thần Agni!
Xác thân này đã hủy diệt
Đã đi qua lằn mức cuối cùng
Bên này tử, bên kia sinh!
Hỡi tàn tro! Cháy hết chỉ còn tàn tro!
Đời người bi thương, hoạn nạn quá nhiều!
Hãy cháy đi! Hãy đốt đi!
Hỡi thần Agni!
Mọi vinh nhục, được thua, khen chê, khổ lạc...
Chỉ còn tàn tro!
Rồi tan vào mây xanh vô tận!
Hỡi thần Agni bất tử!"

- Hay lắm! Ý nghĩa lắm! Thật không uổng phí một đời khi được hầu cận một bậc thầy vĩ đại!

- Bẻm mép! Thái tử gắt.

Channa chợt băn khoăn:

- Nhưng mà thần Agni có đưa linh hồn lên thiên giới được không, thái tử?

Thái tử chợt trầm ngâm:

- Quả thật, ta cũng không biết, Channa! Người chết có kẻ xấu, người tốt. Chẳng lẽ thần Agni không biết phân biệt trắng đen, tốt xấu, cứ hễ ai cầu nguyện, dâng lễ phẩm cho ngài thì ngài đưa lên thiên giới cả hay sao? Ta nghi ngờ lắm!

Channa gật đầu:

- Đúng vậy! Thái tử còn sáng suốt hơn cả thần Agni!

Thái tử cất giọng buồn:

- Ta chưa sáng suốt đâu, Channa! Ta còn tối tăm lắm! Ta đang bất lực. Rồi ta, rồi ngươi, rồi phụ hoàng, rồi di mẫu, rồi Yasodharā cuối cùng thì số phận cũng nằm trên giàn hỏa... Rồi tất cả chỉ còn tàn tro... thì cuộc đời này phỏng có ý nghĩa gì, giá trị gì? Rốt lại chỉ còn tàn tro thôi sao?

Channa im lặng, thở dài. Thái tử cũng im lặng, thở dài.

Lát sau, thái tử lại hỏi:

- Channa, ngươi đã thấy nhiều người chết chưa?

- Dạ, thấy nhiều. Mà nghe cũng nhiều.

- Kinh Vệ-đà còn nói đến "không táng" và "thủy táng" nữa. Nó ra sao?

Channa đưa tay chỉ một giàn giá cao, đứng chỏng chơ phía sườn đồi, cạnh mấy gốc cổ thụ, giải thích:

- Cái giàn cây kia trước đây người ta từng đặt xác chết, đặt như vậy chứ không hỏa thiêu. Họ cứ để như vậy cho quạ, kên kên, ó, diều hâu... tự do cắn mổ, tự do rỉa rúc, tranh giành; và như thế vài ba hôm là xác chết chỉ còn là bộ xương trơ ra...

- Ừ, ta hiểu! Thái tử nói - Đấy là "không táng", còn được gọi là "điểu táng", vì kinh cổ xưa nói là để bố thí cho những loài có cánh.

- Có đôi lúc, đôi nơi có những xác chết không biết là... cái gì táng! Channa tiếp lời - Khi người chết đã được mang đến nghĩa địa, đợi tang quyến ra về hết, người đồ tể ở lại, lấy đao chặt từng khúc tay, khúc chân, từng khúc xương... rồi quăng cho các loài chim... Và lúc ấy đúng là mùa hội chim, chúng mở một cuộc đại tiệc.

- Thật là kinh khiếp! Đấy là "đoạn nhục táng". Vậy còn "thủy táng", ngươi đã thấy chưa?

Channa có vẻ rành rõi:

- Ở tại sông Banganan phía Tây bắc kinh thành và sông Rohini nằm giữa biên địa, giáp giới Koliya thì thỉnh thoảng có "thủy táng". Tại sông Gaṅgā thuộc địa phận Bārāṇasī thì "thủy táng" xảy ra hằng ngày. Người giàu có thì mới đủ tiền mua củi để hỏa thiêu, sau đó, tàn tro được rải xuống sông. Nếu củi ít, tử thi không cháy hết thì cũng cứ để vậy mà quăng cho thần nước... Riêng người nghèo không có tiền mua củi thì cứ thảy tử thi xuống sông là xong. Đa phần họ là

giai cấp thủ-đà-la cùng bọn chiên-đà-la hạ liệt. Lâu lâu lại có xác một vị thánh.

- Vị thánh?

- Phải! Nhất là đoạn sông Gaṅgā đi qua sông Ba-la-nại. Đấy là xứ sở của đạo bà-la-môn truyền thống, đã lập căn cứ địa ở đây rất lâu đời. Lâu lâu xuất hiện một vị đạo sĩ khổ hạnh hoặc một đạo sĩ tu lõa thể có công phu đặc dị được mọi người kính ngưỡng, suy tôn, xem như là một vị thánh. Trường hợp này, họ làm lễ rất lớn nơi bờ sông, sau đó kết một bè chuối, bè cây rồi thả trôi lềnh bềnh trên sông nước, hoa tươi phủ đầy, lời cầu nguyện lan đến mây xanh...

Thái tử nhíu mày:

- Sao ngươi biết nhiều thế, Channa?

- Dạ thưa, con nghe người ta kể. Những chuyện ấy thì ai cũng biết, thái tử.

Thái tử tự nghĩ:"Ừ, những chuyện ấy thì ai cũng biết, cũng thấy còn riêng ta thì không. Rồi còn biết bao nhiêu chuyện xảy ra ở ngoài cổng kinh thành này nữa, từ lâu ta đã như người mù, người điếc..."

- Thôi, ta hãy về, Channa!

Thái tử trầm ngâm cất bước. Do thói quen sống nhiều với nội tâm, đêm ấy thái tử cứ trăn trở, thao thức không ngủ được. Khuya, quá mệt mỏi, thái tử thiếp đi, lại chìm vào một giấc mộng khác. Thái tử thấy mình nằm trên một tấm thảm được dệt từ mọi loại tơ tằm mịn, cực mỏng và cực nhẹ, đính hằng hà sa số châu ngọc li ti. Rồi hằng hà sa số châu ngọc li ti ấy chợt nhúc nhích rồi hiện thành rắn mẹ, rắn con trơn láng trườn tới trườn lui, thò nọc độc châm chích da thịt đến tê nhức, đau điếng. Lát sau, bốn phía xuất hiện bốn con quỷ mặt xanh, nanh vàng, lưỡi đỏ, đầu đội sừng trâu, sừng nai, sừng hươu, sừng tê giác. Hai con quỷ nắm hai tay, hai con quỷ nắm hai chân, chúng lôi kéo về bốn phía khác nhau.

Chàng đau đớn, vẫy vùng hoài cũng không thoát được những bàn tay như những móc sắt của chúng. Chúng cười hô hố, hích hích có vẻ thích thú. Bỗng một tiếng nổ tự lưng chừng trời, vũ trụ đang tối đen chợt sáng bừng. Bốn con quỷ buông tay, sợ hãi, đứng sững. Giữa hư không, mặt trời từ hướng đông, mặt trăng từ hướng tây từ từ chuyển động, lừng lững xích lại gần nhau rồi khép lại thành một. Ánh sáng vừa rực rỡ vừa dịu dàng đổ tràn ra không gian yên tĩnh, ấm mát. Thái tử cảm nghe một sự an lạc lạ lùng chưa từng có ở trong đời. Lát sau, khối mặt trời mặt trăng đứng yên, chỉ mấy chớp mắt rồi rơi xuống, to dần, to dần rồi phủ chùm xuống chàng. Bây giờ, thái tử lại thấy mình ngồi trong lòng mặt trời, mặt trăng như một quả cầu trong suốt, như bọt bóng xà-phòng vĩ đại bay lơ lửng, bay cao, bay xa, bay lên mãi cho đến tận miền thượng giới nào đó. Rồi mây lại hiện thành hoa, sương mù tấu nhạc và gió chuyển vi vu một lời ca rộn rã, hối thúc, dập dồn:

"**Giờ đã đến rồi,** thái tử!
Giờ đã đến rồi, hỡi bồ-tát vô thượng!
Ngài đã phát nguyện trong tâm
Suốt bảy a-tăng-kỳ
Ngài đã phát nguyện thành lời
Suốt chín a-tăng-kỳ
Ngài đã tựu thành ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đẳng Giác
Suốt bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp
Vậy còn chờ gì nữa
Mà chưa lên đường
Vậy còn nuối tiếc gì
Mà chưa đi theo con đường vô thượng
Sanh lão bệnh tử lôi kéo chúng sanh vào hang thẳm
Quẳng chúng sanh vào bánh xe luân hồi vô tận
Chỉ có bồ-tát thượng đẳng

Mới có đủ sức uy dũng của trí tuệ
Để xé toang màn đêm ngu si tối ám
Để thức tỉnh chúng sanh
Ngồi dậy giữa bóng đêm trường mộng
Giờ đã đến rồi, bồ-tát!
Hãy ra đi theo tiếng gọi thiêng liêng
Hãy mở ra lộ trình bất tử!"

Sáng ngày, tuy đang còn mệt, nhưng thái tử lại cùng Channa bộ hành theo cửa Bắc. Có cái gì đó trong thái tử gần như đã chín muồi.

Phố xá, nhà cửa lối ra cửa thành này càng lúc càng thưa thớt. Xe ngựa và bộ hành cũng chỉ lác đác. Và đây cũng là lối đi về của những đạo sĩ từ Himalaya. Thái tử kinh cảm sẽ gặp cái gì đó, một báo triệu gì đó chưa hiện rõ nét.

Channa nói:

- Phía này buồn lắm, thái tử! Chẳng có cái gì để xem đâu.

- Ừ, ta biết! Thái tử đáp - Đi là cơ hội để thấy, để nghe và để chiêm nghiệm. Không ở đâu là "không có cái gì", Channa!

Channa nhăn mày, không hiểu. Khi họ ra khỏi cổng thành Bắc chừng nửa do-tuần thì gặp một người. Đấy là một sa-môn mặc y vàng màu sáng, mắt thì nhìn xuống, tĩnh lặng, bình bát trên tay đang nhàn nhã, thong dong trên từng bước đi...

Thái tử lặng người. Chàng chưa bao giờ gặp một tu sĩ có tướng mạo uy nghi thoát phàm như thế. Từ khuôn mặt, sắc áo, bước đi... như tỏa hào quang. Sự yên ổn, vắng lặng của vị sa-môn như thể tràn ra không gian ở xung quanh.

Thái tử đứng lại. Đợi cho đạo sĩ đến vừa tầm, chàng khẽ lên tiếng:

- Xin ngài cho học nhân được thưa hỏi một đôi điều.

Vị sa-môn dừng chân, cất giọng dịu dàng:

- Cứ hỏi, cứ hỏi... người vương giả!

Thái tử lạnh người. Lát sau mới ấp úng hỏi:

- Thưa, có phải ngài từ Tuyết Sơn xuống?

- Phải! Vị sa-môn gật - Cứ hỏi những câu hỏi chính, người trẻ tuổi!

- Dạ thưa, học nhân khá tò mò, xin người miễn chấp. Học nhân muốn biết lý do sự xuất gia của ngài?

Vị sa-môn khẽ ngước đầu lên, tròng mắt xanh đen phản chiếu cả một khoảng trời bình lặng, nhẹ nhàng nói:

- Đạo hữu! Ta cảm nhận cái già, cái bệnh, cái chết thúc bách, xiềng xích, trói chặt trong vòng vây của hữu hạn. Trong cái tất hữu nghiệt ngã ấy, biết bao nhiêu là khổ đau, phiền não chi phối sinh mệnh bé nhỏ của muôn loài. Mà, con người là chúng hữu tình duy nhất cảm nhận được sự thống khổ của thân phận. Lửa từ đâu mà thiêu đốt mãi trong lòng ta, trong lòng người, đạo hữu? Tất cả đấy là lý do để ta đi tìm con đường giải thoát, toàn diện và viên mãn, thưa đạo hữu!

Thái tử rùng mình, lại hỏi tiếp:

- Vậy mục đích ấy, ngài đã gặp chưa? Hay là ngài đang tìm con đường đến với Phạm Thể?

- Không! Vị sa-môn lắc đầu, mỉm cười - Ta không tầm cầu Phạm Thể như truyền thống tu sĩ bà-la-môn. Vả chăng, nếu có Đấng Ấy thì Đấng Ấy cũng bị sinh tử chi phối, thưa đạo hữu! Ta đi theo con đường của ta, con đường soi rọi vô minh tăm tối của kiếp người. Và ta cũng phải tìm cho ra phương thuốc cứu độ thế gian đang trùng trùng khổ nạn này nữa, đạo hữu!

Những tiếng, những ý lời, những ngữ nghĩa của vị sa-môn... như được tuôn phát ra từ trí não của chàng, từ tiềm thức của chàng. Những ý tưởng ấy đã cựa quậy từ lâu trong

lớp vỏ trứng, bây giờ đã trở thành chú gà con tinh khôi mở mắt chào đời. Thái tử bàng hoàng. Lát sau, chàng hỏi tiếp:

- Thưa, học nhân hiểu. Và ngài cảm thấy ra sao trong đời sống khổ hạnh khước từ ấy?

- Ta an bình, đạo hữu. Và ta không còn một câu hỏi nào nữa về cuộc đời, về tử sinh và phiền não, đạo hữu! Ta hoàn toàn minh nhiên và vắng lặng...

Vị sa-môn bước đi đã lâu mà thái tử còn chôn chân tại chỗ. Con đường này, phải rồi, chỉ có con đường này là con đường duy nhất và tối thượng. Những gì chưa rõ ràng, chưa định hình bấy lâu nay đã bắt đầu lộ diện...

- Thái tử! Thái tử!

Thấy thái tử đứng bất động quá lâu, Channa cất tiếng gọi rồi đưa tay lay tỉnh.

- Gì? Gì thế?

Channa đưa tay chỉ cuối đường mòn... ngạc nhiên, hớt hãi nói:

- Vị sa-môn ấy...

- Sao?

- Ông ấy... ông ấy đi cuối con đường mòn xa dần, mờ dần rồi mất hẳn! Rõ ràng là ông ấy biến, ông biến mất, thái tử![1]

- Ồ!

Đêm ấy, sau khi đã quyết định, thái tử tâm sự với Yasodharā:

- Trước sau gì ta cũng ra đi, Gopā ạ! Đấy là điều mà ta đã xác định. Chúng đã định hình dần dần ở trong ta qua các giấc mộng gần đây. Biết bao đêm trường, tiếng gọi ra đi ấy cứ giục giã, thúc hối bên tai ta... như lời nguyện từ muôn

---

[1] Cũng như các sứ giả khác, sa-môn sứ giả này do chư thiên hóa hiện ra để nhắc nhở Thái tử.

thuở... Rồi mấy tuần nay, cái già, cái bệnh, cái chết và ngài sa-môn là bốn vị sứ giả đã hiện ra đúng như lời tiên tri của các đạo sĩ năm xưa. Chí ta đã quyết, hãy thông cảm cho ta, Gopā!

Yasodharā với nước mắt tuôn chảy lặng lẽ:

- Thiếp biết! Thiếp biết trước sau gì chàng cũng ra đi. Cái giọt máu, cái thai nhi, là đứa trẻ sắp chào đời này - chẳng thể giữ chân chàng được đâu. Nhưng ra đi trong lúc này thì thiếp chưa chuẩn bị đủ tâm lý để chịu đựng một sự ly cách. Hiện nay, thiếp rất cần chàng.

Thái tử vỗ về, an ủi:

- Cảm ơn Gopā! Ta biết! Và ta cũng hiểu là nàng phải tránh sự xúc động thái quá trước thời gian lâm bồn. Nàng là người đã linh thông với tư tưởng của ta. Và có lẽ nàng cũng đã từng tương trợ cho chí nguyện của ta trong nhiều kiếp quá khứ. Ta đọc được điều ấy trong mắt nàng, trong trái tim nhân hậu, dịu dàng và cả trong vầng trán thanh mảnh, cao sáng và rạng ngời kia nữa. Ta chưa ra đi lúc này đâu. Tuy thế, cũng không còn bao lâu nữa. Ta ra đi nhưng ta sẽ trở về, chừng nào chấm dứt mọi trăn trở của đời người...

Yasodharā thở ra:

- Kể từ khi mà chàng thảo luận với chúng bạn về ý nghĩa và giá trị cuộc sống: Thế nào là phù du, thế nào là vĩnh cửu...; và cũng từ khi ba giấc mộng kia đến với thiếp, thiếp biết là vòng tay và tình yêu thương của thiếp quá nhỏ bé, chẳng thể nào níu giữ cánh chim hồng. Con voi trắng trước sau gì nó cũng ra đi không ngoảnh đầu lại. Vậy nên thiếp trân trọng đứa bé này - có nghĩa là linh hồn, là sự sống, là hơi thở của chàng luôn ở bên cạnh thiếp...

Im lặng giây lâu cho nỗi niềm tâm sự của Yasodharā lắng xuống, thái tử mới nói:

- Thế giới vật chất phù du, bọt bèo... kể cả những vị ngọt của chúng đến một lúc nào đó sẽ làm tê đầu lưỡi, làm khô

cạn mọi giá trị cao vời. Nỗi khổ của nàng, của ta, của cuộc đời, của chúng sanh là vô tận. Phải tìm cho ra phương thuốc diệt khổ toàn diện, ở tận căn nguồn mới được, Gopā ạ!

Thái tử dịu dàng đặt Yasodharā xuống gối, cố ý nâng niu giấc ngủ cho nàng.

- Hãy ngủ đi, Gopā ạ!

- Sau này, thiếp thương con, chăm lo cho con là niềm vui sau cùng, là hạnh phúc duy nhất của thiếp đấy, thái tử!

Chợt thái tử hỏi:

- Đứa trẻ có vùng vẫy, có giẫm đạp làm cho nàng phải đau đớn không, Gopā?

- Không nhiều lắm, chỉ thỉnh thoảng thôi. Có lẽ nó là đứa con trai ngoan hiền và hiếu thảo.

- Con trai?

- Phải, di mẫu xem thai rồi đoán. Thai nhỏ, gọn gàng là con trai; to lớn, dềnh dàng là con gái.

Thái tử mỉm cười, nói:

- Vậy nàng thích con trai hay con gái?

- Con trai, thiếp thích một đứa con trai y đúc như chàng vậy.

Thái tử thấy lòng lâng lâng, nhẹ nhàng. Chàng không ngờ chuyện khó nói nhất đã nói ra được. Yasodharā quả thật là một kỳ nữ thế gian hiếm có, tâm và trí đều tuyệt vời vậy!

Giấc Mộng
Của Đức Vua Suddhodāna

Cuộc sống cứ vẫn diễn ra đều đặn với những sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, trong Cung Vui không còn những cuộc vui rộn rã như thuở nào. Các ông hoàng sau khi buồn chán các công việc cải cách, họ cũng lắng xuống các buổi thảo luận sôi nổi với nhiệt huyết của tuổi thanh xuân. Nếu có gặp nhau trong một vài tiệc vui nho nhỏ thì ai cũng có vẻ trầm ngâm. Họ đang bế tắc trước ý nghĩa và giá trị cuộc sống.

Thái tử đã nhiều lần vào xin phép đức vua Suddhodana để đi xuất gia tầm đạo nhưng lần nào cũng bị từ chối. Thái tử lại thất thểu trở về, cố giấu giếm tâm sự trước lệnh bà Mahā Pajāpati Gotamī hoặc Amitā Pamitā - cả hai thường thay phiên nhau đến săn sóc Yasodharā.

Đức vua Suddhodana thì rất đau lòng khi thấy lời tiên tri năm xưa đã trở thành hiện thực. Bao nhiêu biện pháp ngăn cản đều vô ích. Tâm và trí của thái tử cao vời quá. Những chương trình, kế hoạch cải tạo đất nước của thái tử và các ông hoàng thì táo bạo quá, công minh, liêm khiết và chính trực quá... làm sao mà khế hợp được với tâm địa tham lam, ích kỷ của bọn quý tộc lãnh đạo ở đất nước này... và cả Koliya nữa!

Tuy ngăn cản quyết liệt như thế nhưng tự thâm tâm, đức vua biết, chẳng còn lý do nào nữa để lưu giữ con phượng

hoàng ở trong lồng son, gác tía. Thái tử đã từng phụ tá đắc lực cho đức vua các công việc triều chính không chê vào đâu được. Việc gì cũng đâu ra đó, phân minh, khúc chiết, rạch ròi bởi trí tuệ quán thông và trái tim mẫn cảm. Thái tử đã lần dò tận cùng nguyên nhân của đói nghèo và lạc hậu để tìm ra kế sách tuyệt hảo cho sự thịnh cường đất nước. Một bức tranh toàn thiện, toàn mỹ chỉ mới phác thảo mà ai cũng có thể hình dung, thấy rõ trước mắt; nhưng hội đồng trưởng lão đa phiếu chống thì biết làm thế nào? Họ chống nhưng chẳng có lời phản vấn nào là có thực chất, có trọng lượng. Khôn ngoan hơn thì họ im lặng bỏ về. Có đau lòng không chứ? Đau lòng cho cái tâm địa con người. Trách thái tử ở điểm nào? Đức vua Suddhodana rất tiếc, là biết đâu nhờ đam mê vào công cuộc cải cách, thái tử phải ở lại vương vị để lo cho dân cho nước. Ôi! Người tính không bằng Thượng đế tính... Còn một lý do sau cùng nữa, là đức vua muốn có một đứa cháu trai nối dõi - thì nay cũng đã vô hiệu hóa mất rồi: Yasodharā sắp sinh, mà bà Gotamī tiên đoán là con trai! Vậy ta còn hy vọng gì mà níu kéo thái tử ở lại với cuộc đời này nữa. Đức vua Suddhodana vô cùng sầu não...

Đêm ấy, đức vua chìm vào một giấc mộng dài; trong giấc mộng ấy, bảy hiện tượng lạ lùng, cái nọ tiếp cái kia xảy ra như một dòng chảy không gián đoạn.

Hiện tượng thứ nhất, vua trông thấy một lá cờ to lớn, sắc màu chói sáng, treo trên cái cột cao tại hoàng cung. Hào quang của trời Sakka từ thiên cung rọi xuống, sáng lấp lánh... Chợt có một cơn gió thổi qua, lá cờ bị cuốn phăng, rơi ra xa. Lát sau, có một vị thiên bay đến, lượm lá cờ ấy lên đem treo ở cửa thành Đông.

Hiện tượng thứ hai, vua trông thấy mười thớt tượng to lớn, uy nghi, đĩnh đạc từ phía Nam đi đến làm rung động, chao đảo cả mặt đất. Trên thớt tượng đi đầu có bóng một người ngồi: Ấy là thái tử Siddhattha!

Hiện tượng thứ ba, vua trông thấy một cỗ xe dát châu báu, sáng ngời hào quang, thắng bốn con ngựa trắng đẹp đẽ, sang trọng; mũi ngựa thở ra lửa và khói. Người ngự trên cỗ xe ấy là thái tử Siddhattha!

Hiện tượng thứ tư, vua thấy có một bánh xe rất to, nạm ngọc, nạm vàng tỏa ngời hào quang. Bánh xe lăn không ngừng, vừa lăn vừa nháng lửa.

Hiện tượng thứ năm, vua thấy một chiếc trống rất to đặt giữa con đường từ hoàng cung lên núi. Thái tử Siddhattha nắm cái dùi sắt để đánh trống. Tiếng trống vang như sấm động, vang cả chín tầng mây.

Hiện tượng thứ sáu, vua thấy một pháo đài uy nghi vừa cổ kính vừa mới mẻ đột ngột từ đất mọc lên. Rồi nó cao lên, vươn cao lên mãi tận hư không, có mây lành ngũ sắc bao phủ xung quanh. Thái tử Siddhattha đứng trên pháo đài ấy, hào quang xung quanh như mặt trời, mặt trăng; chàng rải hoa Biruṇa và ngọc lựu, hương thơm ngào ngạt. Muôn triệu bóng người lô nhô, chen chúc nhau để lượm hoa... và ai cũng hát ca, tươi vui, sung sướng...

Hiện tượng thứ bảy, vua nghe tiếng người khóc la thảm thiết, nhìn lại thì thấy sáu người trong phục sức đạo sĩ - đang khóc nức nở, vừa khóc vừa đưa hai tay bụm miệng lại.

Đức vua Suddhodana rất lo sợ. Bình thường, những giấc mộng trong đêm, sáng ngày đã quên hay chỉ còn nhớ mường tượng; nhưng bảy hiện tượng của giấc mộng dài đêm qua, đức vua lại nhớ rõ mồn một, nhớ rõ từng chi tiết. Năm nay, đức vua đã tám mươi sáu tuổi rồi, có chết cũng phải lẽ. Mọi vinh quang, hạnh phúc hay niềm đau, nỗi khổ của đời người, đức vua cũng đã từng nếm trải - có ra đi trong lúc này cũng vừa đủ, chẳng còn chi phải ân hận, tiếc nuối. Nhưng còn thái tử? Đức vua lại lo sợ có điềm triệu nào chẳng lành xảy đến cho chàng chăng?

Bình minh vừa rạng, đức vua đã cho bố cáo khắp kinh thành, ai là người đoán mộng giỏi, hãy vào cung đoán mộng cho đức vua, sẽ được trọng thưởng. Có một số thầy bà-la-môn tìm đến. Vua kể lại giấc mộng, họ đăm chiêu suy nghĩ, sau đó cúi đầu lặng lẽ xin rút lui. Họ không đoán được những hiện tượng lạ lùng ấy, chúng chưa hề có trong sách vở. Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa có một số thầy bà-la-môn lác đác tìm đến; nhưng nghe xong họ cũng cung kính lắc đầu, từ giã... Đức vua cảm thấy bất an, càng ngày như càng nghe lửa cháy thiêu đốt ở trong lòng. Chợt, linh cảm mách bảo, đức vua đến điện thờ Simhābanu, đốt đèn, xông trầm rồi quỳ xuống, chắp tay khấn nguyện:

"- Đây có lẽ là những điềm triệu phi thường mà người trần mắt thịt không thể nào đoán được. Vậy xin thiên thần tiên tổ ở trên cao rủ lòng thương xót, hiện xuống để giải giấc mộng này cho trẫm. Dù sự thật có thế nào chăng nữa, trẫm hoàn toàn chấp nhận..."

Lời nguyện vừa dứt thì ở ngoài cung xuất hiện một đạo sĩ cao lớn, râu tóc như tuyết, mặc áo da cọp oai phong lẫm lẫm... không biết từ đâu đến, chẳng xưng tên họ, nói với thị vệ:

- Hãy đưa ta vào cung triệu kiến đức vua, ta sẽ giải cho ngài nghe bảy hiện tượng của giấc mộng.

Đức vua Suddhodana vừa thoáng thấy vóc dáng oai phong, đĩnh đạc nhưng toát ra vẻ thanh cao, thoát phàm, đoán là thần nhân - nên vội bước ra, ân cần mời ngồi... rồi kể tự sự từng chi tiết một cho đạo sĩ nghe.

Chuyện vừa chấm dứt, đạo sĩ cung tay xá rồi thốt lên:

- Bần đạo xin có lời chúc mừng đến đại vương! Giấc mộng với bảy hiện tượng kia đều là điềm lành tất thảy!

Đức vua thở ra, nhẹ nhõm.

Đạo sĩ tiếp lời:

- Điềm thứ nhất. Lá cờ hào quang chiếu sáng của trời Sakka tượng trưng cho lý tưởng tôn giáo mấy ngàn năm nay ở quốc độ này - mà, vị chúa chư thiên của chúng ta hằng kính ngưỡng, tôn thờ; nhân gian hằng cung kính, lễ bái, cầu nguyện... Nói rõ hơn, đấy là kinh điển Vệ-đà, đạo bà-la-môn với tín ngưỡng Phạm thiên. Lá cờ thiêng liêng ấy lại rơi đi, có nghĩa là mai này, lý tưởng tôn giáo cũ sẽ mất hết giá trị, mất hết mọi uy lực. Lá cờ rơi đi, lại được chư thiên đem cắm vào một nơi khác - ý nghĩa biểu tượng muốn nói rằng, sẽ có một lý tưởng khác, tín ngưỡng khác, tôn giáo khác... thay cho truyền thống cũ. Người mà làm được việc ấy phải có trí tuệ vô song, cao viễn; muôn triệu năm mới xuất hiện một lần. Người ấy đang ở tại quốc độ này, kinh thành này. Và chính là thái tử Siddhattha, chứ không phải ai khác.

Điềm thứ hai. Mười thớt tượng cao sang, đẹp đẽ, tỏa rạng hào quang, với từng bước đi làm rung động cả quả đất - là tượng trưng cho mười pháp ba-la-mật mà thái tử đã tu tập từ vô lượng kiếp trước đến nay đã hoàn tất, đã viên mãn. Thái tử ngồi trên thớt tượng đi đầu, uy nghi, hùng dũng... chứng tỏ là nhờ năng lượng mười ba-la-mật ấy, ngài sẽ đắc quả Vô thượng Chánh Đẳng Giác; không những quả địa cầu rung động mà rung động cả ba ngàn thế giới...

Điềm thứ ba. Thái tử trấn ngự trên cỗ xe đẹp đẽ, có bốn thớt ngựa kéo, mũi chúng phun lửa và khói: Đây tượng trưng cho giáo pháp Tứ Diệu Đế mà thái tử sẽ chứng ngộ sau này. Sự chứng ngộ ấy không phải đơn giản, phải trải qua trường kỳ khổ hạnh, nếm mật, nằm gai, cam go, nghiệt ngã... mới thành tựu được (Mũi phun lửa và khói).

Điềm thứ tư. Một bánh xe lớn có hào quang, lăn đi, xẹt lửa: Đấy là tượng trưng cho giới luật được đức Phật vị lai chế định. Giới luật ấy, tùy lúc, tùy nghi, tùy từng giới phạm, tùy từng quốc độ... trên bước đường hoằng hóa mà thiết lập ra nhằm đối trị những hiện tượng xấu ác (lăn đi, xẹt lửa) xảy

ra trong Tăng chúng. Bánh xe có hào quang hàm chỉ giới luật ấy sáng rỡ, nghiêm minh... để cho muôn phương tứ chúng y chỉ, nương nhờ...

Điềm thứ năm. Thái tử lấy cái dùi sắt đánh cái trống lớn - tượng trưng cho đức Phật sau này sẽ dóng tiếng trống Chánh pháp vang động khắp các cõi.

Điềm thứ sáu. Pháo đài từ lòng đất mọc ra rồi cao lớn, lừng lững giữa hư không - tượng trưng cho tính chất vừa tại thế vừa xuất thế của tòa nhà giác ngộ. Sự giác ngộ ấy phải được mọc từ đất, từ lòng người, từ thế gian, từ khổ đế của trần gian mà vươn lên... như hoa sen mọc từ đáy bùn nhơ. Tòa tháp giác ngộ vươn thẳng lên giữa hư không, lồng lộng giữa mây trời... tượng trưng cho sự chứng ngộ của đức Phật đã vượt khỏi trời người, là thầy của họ. Tại chỗ ấy, trên đỉnh tháp ấy, đức Phật sẽ tuyên giảng giáo pháp, ban bố châu ngọc đến cho tất cả chúng sanh (Thái tử rải hoa thơm đến cho muôn triệu người).

Điềm thứ bảy. Sáu người khóc la và bụm miệng lại - đó chính là lục sư ngoại đạo. Khi giáo pháp đã được đức Phật tuyên thuyết rồi, như mặt trời soi rọi vô minh đêm tối thì mọi tà giáo trên thế gian sẽ không còn có đất dụng võ nữa...

Giải mộng cho đức vua xong, đạo sĩ tủm tỉm cười, cất giọng ôn nhu, điềm đạm:

- Tâu đại vương! Như dòng nước tự nguồn cao đổ về, chúng là sự kết tụ của biết bao nhiêu là giọt nước từ khắp các khe rãnh, hang hốc, suối ngàn... Dòng tâm của thái tử từ vô lượng kiếp trước đã kết tụ mười năng lực ba-la-mật vĩ đại... nên sẽ không có một sức mạnh nào trên thế gian có thể ngăn chặn được. Nước sẽ tìm về biển lớn, ấy là điều chắc thật. Dòng tâm kết tụ mười năng lực ba-la-mật sẽ trôi chảy về biển giác, ấy là điều chắc thật. Thái tử của chúng ta, mai sau, sẽ là đức Chánh Đẳng Giác cứu độ muôn loài. Đại vương nên vui đi mới phải!

Nói xong những điều cần nói, đạo sĩ từ từ thụt lùi, cái bóng của ông ta nhòa dần rồi mất hẳn.

Đức vua Suddhodana chợt dụi mắt, rùng mình. Không biết điều vừa xảy ra là thật hay chiêm bao? Nghĩ lại lời giải mộng, đức vua lẩm bẩm: "Ông đạo sĩ đã nói rất đúng. Nếu quả thật dòng tâm với mười sức mạnh ba-la-mật ấy thì chẳng ai có khả năng ngăn cản được. Nó sẽ về biển giác! Ôi, trước sau gì con ta cũng sẽ ra đi thôi!"

Tuy nhiên, lát sau, đức vua lại nghĩ: "Hơn nửa thế kỷ làm vua, ta chưa hề đầu hàng, bỏ cuộc, chưa hề yếu đuối trước bất kỳ ý chí của một ai khác. Chính hoàng đế Kosala cũng phải nể trọng ta về điều ấy. Điềm triệu chứ chưa phải là hiện thực. Vậy ta phải phản kháng điềm triệu ấy, đánh bại ý chí xuất gia của thái tử dù sức cùng, lực tận."

Về phần thái tử, suốt thời gian ấy, chàng luôn kề cận, chăm sóc Yasodharā cho nàng yên tâm dưỡng thai. Có lẽ đây là những ngày tháng cuối cùng chàng biểu lộ thâm tình với một người - mà chàng biết đã cùng kết tóc se tơ, cùng chung niềm vui, nước mắt, đã cùng thương yêu dìu dắt nhau qua bao kiếp luân hồi, sinh tử. Cái đẹp tuyệt vời ở nơi nàng không chỉ ở ngoại hình tuyệt mỹ mà còn ở nơi tâm hồn, cá tính và cả hiểu biết nữa. Nhưng trước sau gì cũng phải từ giã. Tiếng gọi sâu thẳm từ kiếp nào đã hiện về trong ba giấc mộng của chàng. Chúng như lời cảnh tỉnh, bảo với chàng rằng là đừng có chần chờ, lần lữa mãi trong vòng vây của hữu hạn, của sinh già bệnh chết nữa....

Trong tháng cuối, trước khi sinh, theo phong tục truyền thống thì Yasodharā phải về quê mẹ; nhưng bà Amitā Pamitā nói là đường xa sợ động thai nên thuyết phục hai đức vua là nên phá bỏ cổ lệ ấy. Quyết định đúng đắn đó được hoàng tộc hai bên tán thành. Thế là bà Amitā Pamitā yên tâm ở hẳn Kapilavatthu để chăm sóc con gái. Cả hai bà mẹ bấy giờ dường như ở hẳn trong Cung Vui; hằng ngày hướng

dẫn thị nữ chăm lo thức ăn, vật uống tránh những gì quá cay, quá nóng hoặc quá mát lạnh ảnh hưởng thai nhi. Đặc biệt là giữ không khí tươi vui, yên bình; không để cho bất kỳ chuyện trái ý, nghịch lòng nào xảy đến cho Yasodharā.

Mấy ngày trước lúc lâm bồn, hai viên ngự y tài giỏi được đức vua Suddhodana cử sang cũng phải túc trực ở bên cạnh. Một bà mụ mát tay nhất của cung đình cũng nhận nhiệm vụ như vậy.

Yasodharā rất tươi tỉnh, không biểu hiện một lo lắng, sợ hãi nào làm ai cũng yên tâm. Đức vua Suddhodana cũng không ngồi yên được, đi tới đi lui mãi. Cái cảm giác sẽ có một đứa cháu nội, niềm mơ ước bấy lâu, làm cho lòng đức vua bồi hồi, bồi hồi. Không đừng được, vua bảo quân hầu cho thắng xe để ngài sang thăm cô con dâu.

Thái tử ân cần đón đức vua từ ngoài sân. Đức vua cao lớn, phương phi, mạnh khỏe - nhưng thái tử còn cao hơn cả nửa cái đầu. Dấu ấn của dòng giống Aryan hiện rõ nơi vóc dáng, nước da, sống mũi, màu mắt xanh của thái tử đậm nét hơn đức vua.

Sau khi ghé thăm Yasodharā một lát, quan sát thấy mọi sự được chuẩn bị chu đáo, đức vua hài lòng, tỏ ra khen ngợi hai bà mẹ không hết lời.

Khi chuẩn bị về cung, đức vua nói với thái tử:

- Con sắp có một bổn phận mới, bổn phận làm cha; ấy là bổn phận thiêng liêng nhất, con nhớ đấy!

- Dạ, con hiểu.

- Là dòng giống thượng đẳng, nó cần có một chương trình giáo dục tốt, xứng đáng - để khỏi hổ thẹn với tổ tông.

- Dạ, con hiểu.

Trầm ngâm một lát, như đã quyết định, đức vua lại phán:

- Sau khi đứa trẻ ra đời, ta sẽ chọn ngày giờ hoàng đạo để con chính chức đăng quang vương vị, không thể chậm trễ hơn nữa... - Giọng ngài như chợt chùng xuống - Ta đã già

quá rồi, lực đã suy, trí đã giảm. Con phải biết thương yêu gia đình, vợ con, cha mẹ, huyết thống và cả giang sơn này nữa chứ!

Đức vua không tỏ ra quyết liệt đề cập đến chuyện xuất gia của thái tử là "chuyện trái đạo", là "ý tưởng lãng mạn siêu hình" như vài hôm trước đây; mà ngài đã khôn khéo sử dụng tình cảm! Thái tử cũng biết giấc mộng của đức vua và lời giải của vị đạo sĩ lạ mặt. Như vậy, sử dụng tình cảm là biện pháp cuối cùng, đức vua muốn làm mềm yếu ý chí của chàng đây!

Hôm ấy, một bầu không khí yên lặng bao phủ Cung Vui. Mọi người đi vào đi ra đều cẩn trọng, nhẹ nhàng. Yasodharā vừa kêu bụng đau dữ dội thì viên quan ngự y liền xem mạch và thông báo giờ sanh...

Bà mụ, hai bà mẹ và mấy thị nữ ở phòng trong. Hai viên ngự y và một số thị nữ khác túc trực ở phòng ngoài. Thái tử ngồi cách xa mấy liếp cửa, tuy không nghe gì nhưng cũng cảm thấy nôn nao khó tả. Trái tim chàng như chùng xuống. Thái tử đi lui đi tới nghe lòng mình như lửa đốt. Một sự lo lắng, bất an mơ hồ nào đó như từng lớp sóng trào lên, trào xuống, không chịu ở yên. Ôi, mẹ chàng, bà Mahāmāyā, lúc sinh chàng, nghe nói là nhẹ nhàng lắm. Tuy nhiên, sinh đẻ, đẻ sinh là cửa ải mà bất cứ chúng sanh nào cũng phải bước qua. Riêng người mẹ thì phải vượt biển một mình với biết bao nhiêu là phong ba, bão táp. Vượt qua được là sống, không vượt qua được thì đành giao phó sinh mạng cho tử thần. Lắm lúc được mẹ lại mất con. Nhiều khi được con thì mất mẹ. Có trường hợp thì mất cả mẹ lẫn con. Ôi! Thật kinh khiếp thay là sự sinh! Sự sinh này cũng là một sứ giả mang đến sự kinh hoàng cho nhân thế. Cũng là động lực cuối cùng giúp ta xuất gia, giúp ta dũng mãnh thực hiện con đường vô thượng. Ta phải tìm cho ra lộ trình bất tử...

Lúc thái tử cố điều hòa hơi thở để trấn áp cảm xúc thì phía bên trong chợt im lặng dị kỳ. Yasodharā ra sao rồi? Nàng có mệnh hệ gì không? Chàng lắng tai nghe, vừa lo lắng vừa sợ hãi xen lẫn. Bỗng nghe tiếng khóc của em bé vọng lại...

Lệnh bà Gotamī mở cửa bước ra, nhìn chàng mỉm cười:

- Mẹ tròn con vuông đấy, hoàng nhi! Nó bước ra chỉ như duỗi tay, duỗi chân vậy đó! Một cậu con trai thật kháu khỉnh.

Thái tử lau mồ trán, thở dài, nhẹ nhõm:

- Con rất cảm ơn mẹ!

Thái tử cúi đầu tưởng tượng hình bóng đứa con trai trong tâm tưởng. Chàng không biết mình có vui hay không, nhưng đây là cả một việc trọng đại. Nhất là đối với chàng, có một đứa con sẽ có một ràng buộc. Có một đứa con, phụ hoàng sẽ làm lễ đăng quang cho chàng lên ngôi vua, sẽ là sự ràng buộc thứ hai... Bất chợt, thái tử thốt lên: "Rāhulo jāto bandhanaṃ jātan ti āha"[1] (Con trai ra đời, sự ràng buộc cũng sanh đến cho ta).

Tiếng của lệnh bà Gotamī thoảng bên tai thái tử:

- Hoàng nhi sẽ đặt tên cho nó chứ?

- Phải, thưa mẹ! Hoàng nhi sẽ hội ý với Gopā.

Lát sau, thái tử được phép vào thăm hai mẹ con. Niềm vui nào đó sáng ngời trong đôi mắt của Yasodharā. Đứa bé nằm một bên, được bọc trong tấm lụa màu hồng điều trông xinh xắn, bụ bẫm, đôi mắt tròn to, xanh đen, đẹp như một tiểu thiên thần.

Thái tử bước đến, mỉm cười nhìn Yasodharā rồi cúi xuống, đưa tay vuốt nhẹ lên má đứa con của mình với một tình cảm dạt dào.

---

[1] Buddhavaṃsaṭṭhakathā - trang 280

- Nàng có khỏe không, Gopā?

- Vâng, thiếp khỏe. Và thiếp sung sướng lắm!

- Ta cũng vậy. Có cái gì đó lâng lâng ở trong ta. Đây là cảm giác lạ lùng đầu tiên trong đời, Gopā.

Thái tử nhè nhẹ bế đứa trẻ vào trong vòng tay của mình với cả sự nâng niu và trân trọng. Ôi, cái sự sống này sao mà mong manh quá! Một mầm sống đang nứt lên, nẩy mầm và hiện thành một chúng sanh. Đằng sau mầm sống này là gì? Nó ở đâu mà đến cuộc đời này? Rồi phải chịu già, bệnh, chết... niềm vui, nước mắt... để lại ra đi nữa? Trong cuộc tử sinh chìm nổi vô định ấy bao giờ khổ cũng nhiều hơn vui? Rồi còn những thống khổ, đọa đày khi lỡ tạo những ác nghiệp rồi chịu đựng quả báo khốc liệt trong các con đường dữ? Nhưng mà, dẫu thế nào chăng nữa, tình cảm huyết thống thiêng liêng này, quả thật, nó như là sợi giây cột buộc, trói chặt ta ở lại mãi trong cuộc luân hồi tử sinh vô tận này hay sao? Ôi! Thế là những đám mây ưu tư lại u ám, nặng trĩu trong lòng chàng.

- Có thể đặt tên cho nó là Rāhula được không, Gopā?

- Rāhula? Yasodharā mở lớn mắt - Rāhula! Ồ được lắm chứ! Nàng im lặng một lát - Chàng đặt tên cho con trai là "Ràng buộc" nhưng thiếp biết chẳng có gì trên đời này ràng buộc chàng được cả!

Nghe giọng của Yasodharā có vẻ hờn dỗi, thái tử dịu dàng:

- Thôi mà, Gopā! Nàng hiểu ta quá mà.

Im lặng khá lâu giữa hai người. Yasodharā nín hơi nhẹ, thở dài:

- Thái tử yên trí, thiếp đã chuẩn bị tâm lý rồi. Có Rāhula, thiếp không còn sợ cô đơn nữa đâu.

- Nàng rất tuyệt vời, rất kỳ diệu, Gopā! Ta biết nàng đã thông cảm cho ta từ lâu rồi mà.

Thái tử đã quyết định xuất gia. Năm ấy chàng vừa đúng hai mươi chín tuổi.

Ra Đi
Lúc Hoàng Thành Say Ngủ

Cổ thành Kapilavatthu đêm nay thật là huy hoàng, tráng lệ. Để mừng cho mình đã có một đứa cháu nội, một hoàng tôn đẹp đẽ, đức vua cho cả kinh thành yến tiệc trong ba ngày. Sau ba ngày, đức vua sẽ bố cáo rộng rãi ngày lễ đăng quang cho thái tử chính thức trị vì ngôi báu. Dịp này không những muôn dân được giảm thuế mà tội tử tù sẽ được giảm khinh, tội nhẹ thì được tha bổng. Cả nước được vui chơi thêm bảy ngày, có ngân quỹ của hoàng gia và các trấn thành đài thọ...

Hằng đêm như thế, tòa thành cung điện sáng lung linh diễm ảo như một viên kim cương vĩ đại. Trên tường thành, các tháp canh cao lớn được trang điểm như một cây hoa đăng, ngoài ra, cách khoảng đều đặn chừng vài chục sải tay còn dựng những bó đuốc khổng lồ rực sáng giữa nền trời. Khắp các đường phố, vua cũng ra lệnh trang hoàng như các ngày lễ hội; các loại đèn nhựa thông, dầu mù u, dầu lạc... được quân canh thay nhau canh lửa suốt đêm.

Tại công viên của Cung Vui, thái tử đã cho chuẩn bị đâu đó xong xuôi một buổi dạ tiệc. Chàng muốn chung vui với các ông hoàng - như là sự gặp mặt cuối cùng trước khi âm thầm ra đi, sống cuộc đời lang thang sương gió. Yasodharā chỉ mấy ngày đã lấy lại được sức khỏe bình thường nhờ thuốc quý của hoàng gia và sự tận tình chăm sóc của hai

viên quan ngự y; nhưng thái tử khuyên nàng nên nghỉ ngơi, lại còn tiếp chuyện với hai bà mẹ cùng cô em Sundarī Nandā nữa. Họ đến từ sớm. Có lẽ mải chuyện vui nên chốc chốc tiếng cười khe khẽ vẳng ra. Thái tử cảm thấy yên tâm. Đứa bé đã cho họ niềm vui quý hiếm.

Khi tòa thành phía Tây che giấu những vạt nắng cuối cùng thì hoàng hôn cũng vừa buông xuống, nhường chỗ cho ánh sáng lửa bừng lên. Những chùm đèn sáng rực đó đây giữa lối đi, giữa các hàng cây, vườn cảnh... soi tỏ những chiếc bàn sang trọng đã được thị nữ chuẩn bị chu đáo thức ăn, vật uống. Đêm nay, thị nữ, vũ nữ, ca nhi được phục sức và trang điểm như ngọc nữ. Nhạc công, vũ công... thì trông tựa như tiên đồng. Tất cả xà-rông, xiêm y, khăn, đai... của họ đều lấy màu xanh làm nền: Xanh da trời, xanh nước biển, xanh lá cây, xanh nõn chuối... nên trông dịu dàng mát mẻ như một bài thơ mùa xuân của thi sĩ thiên nhiên.

Một khán đài lộ thiên được dựng công phu giữa hai cội hồng táo cũng được trang điểm gấm lụa nhiều màu sắc, điểm hoa thêu. Hoa sứ, hoa lài, hoa cúc, hoa vạn thọ, hoa kadamba, hoa campaka, hoa saraca... được kết thành từng tràng, từng chuỗi từ diềm cao rủ xuống trông vô cùng duyên dáng và gợi cảm. Không gian thơm nức mùi hương.

Thái tử ngồi trầm ngâm bên lò trầm, đưa mắt nhìn lên nền trời xanh có mảnh trăng như dát bạc. Vô vàn vì sao mờ tỏ lấp láy. Phương Nam sao mờ. Chùm sao ở phương Bắc như từng hạt kim cương đứt nối kết chuỗi. Ồ! Chúng treo ở đâu giữa nền trời xanh thẳm và vô tận ấy?

Ngựa hí, những tiếng nhạc ngựa leng keng, những bánh xe dừng lại ken két ở ngoài ngõ. Các ông hoàng, trước sau, lần lượt xuất hiện. Đầy đủ cả. Đầy đủ tất cả những nhân vật tài hoa của cả hai cổ thành. Thái tử mỉm cười ôm vai nhau vui mừng với từng người một, trong thâm tâm lại nghĩ, họ sẽ

là những phụ tá đắc lực mai hậu cho chàng khi tìm ra được đạo lớn - con đường bất tử.

Đêm ấy thật là đặc biệt. Đã quá lâu họ mới có cuộc gặp mặt đông vui như thế này. Từ độ hợp tác cải cách, canh tân đất nước thất bại, họ xa nhau, ai cũng trở về với bổn phận và trách nhiệm của mình. Đa phần họ được thay thế lớp già lão để làm các quan tổng trấn, đại thần hoặc phụ tá các các vị trong hội đồng nguyên lão. Con đường làm quan thì giàu sang, vinh hiển. Có kẻ bệ vệ, chững chạc nhưng cũng có kẻ đã có vài nếp nhăn nơi đuôi mắt, vầng trán. Thái tử quan sát từng người và chàng cảm nhận một cách minh nhiên rằng là, chẳng có ai hạnh phúc cả! Họ cười nói ha hả, hào sảng, vô tư... nhưng ai cũng muốn giấu đằng sau những lo nghĩ, phiền muộn. Nhất là Mahānāma, người đã có gia đình, lúc nhúc vợ con. Kế đến là Bhaddiya, một vị minh quan được triều đình nể trọng. Chỉ còn có Ānanda và Anuruddha, cả hai đều một mực từ chối làm quan, từ chối lập gia đình... là còn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng.

Trên khán đài lộ thiên, tốp vũ nữ và đám ca nhi thay nhau những tiết mục đặc sắc. Họ vào tiệc, ăn uống, chúc vui, chúc mừng nhau... mạnh khỏe, sống lâu, công thành, danh toại... Ai nấy đều học rộng, biết nhiều, có đời sống tinh thần vững mạnh, có chiều sâu tâm hồn; họ đều biết những lời chúc tụng đẩy đưa ấy là khách sáo, nhưng nếu không có những lời đầu môi chót lưỡi ấy thì họ không biết nói gì! Họ bất lực trước cái hữu hạn, trước cái ràng buộc của ngôn lời, của xã giao đời thường mà chẳng biết làm sao!

Họ ăn uống chừng mực. Nghe xem cũng chừng mực. Thái tử sai thị nữ mang thêm thức ăn, thức uống rồi muốn phá vỡ không khí im lặng ấy, chàng nói:

- Công việc tại các trấn thành như thế nào, các bạn?

Bhaddiya nói oang oang:

- Đệ không muốn làm quan tổng trấn, chỉ xin chức phụ tá để xem công việc như thế nào, xem mình sẽ làm được những gì cho mọi người... Nhưng rốt lại, vô ích thôi, thái tử ạ!

- Đệ hãy nói cụ thể hơn. Ở đây sẽ có được ý kiến của nhiều người - Thái tử quan tâm hỏi.

Bhaddiya thở dài:

- Chưa nói đến bảy mươi ba ngàn dân lao động cực nhọc, khốn khổ, nghèo nàn... trong một trấn thành một trăm mười ngàn dân, như ở Kapilavatthu này, là khó giải quyết! Chưa nói đến tệ nạn quan liêu, tham nhũng, hối lộ... của các quan chức điều hành các cơ sở nghiệp vụ chuyên môn... tại thị trấn, làng xã, phường xóm...là những căn bệnh lâu ngày khó chữa trị. Chỉ mới một việc nhỏ thôi, tại trấn thành của đệ, chỉ có mấy chục ngàn dân, muốn đưa số dân nghèo ra khỏi đời sống của động vật, sống cho ra con người mà cũng không làm được!

Thái tử hiểu Bhaddiya muốn nói gì. Chàng đã từng đi quan sát nhiều ngôi làng của cư dân thủ-đà-la. Họ chưa có một ngôi nhà đúng nghĩa là một ngôi nhà: Tất cả chỉ là những cái chòi, những cái hang, những mái che tạm bợ, sơ sài. Chỗ ngủ nghỉ của họ là những sạp cây, sạp nứa đóng ghép cẩu thả, đềnh đoảng, ọp ẹp, hư mục... Đôi nơi họ nằm cả trên nền đất bẩn. Chưa thôi. Trước cửa ra vào xiêu vẹo, bên trái là năm bảy con dê, bên phải là vài ba con bò...; máng ăn cho súc vật quăng bỏ bừa bãi trên đống rác xả thải đủ loại... Phân dê, phân bò cùng nước tiểu của chúng, lâu ngày tẩm lên đất một mùi xú uế nồng nặc, đứng xa hai mươi sải vẫn ngật ngầy mùi hôi đến lợm giọng, nôn mửa. Thế nhưng, đám dân thủ-đà-la ấy cùng sống chung, sống với dê, bò, với hôi hám bẩn thỉu ấy một cách an nhiên, tự tại! Sự rách rưới, đói nghèo, bệnh tật, ghẻ lở... của họ quả là không

còn thuốc trị, quả không còn khả năng để cứu giúp nữa... Ôi! Thái tử hiểu rất rõ, rất rõ...

Kimbila xen lời có vẻ vừa mỉa mai vừa tâm sự:

- Cứ cải cách đi, cứ canh tân đi! Rồi biện pháp này lại đụng đến người này, biện pháp kia thì đụng đến người khác. Nuốt chén cơm quý tộc mà nghe đắng chát như trái bồ hòn.

Anuruddha cười ha hả:

- Cái vỏ đao chặt quá! Dụng sức rút hoài chưa ra khỏi vỏ thì nói gì đến chuyện rút đao tương trợ, cứu khốn, phò nguy, giúp dân, giúp nước...

Ānanda đồng tình nhưng lại nói nhạo:

- Vậy thì hoàng huynh bỏ vũ khí ra! Xem đệ đây, không có đao mà cũng chẳng có kiếm!

Mọi người đồng cười rộ.

Mahānāma cất giọng điềm đạm:

- Tâm sự của Bhaddiya là của tất cả chúng ta. Ở trấn của đệ cũng tương tợ thế, là bài toán ngàn đời nan giải... Ông cúi đầu xuống, im lặng một lát rồi nói tiếp - Anuruddha và Ānanda thế mà sướng, thế mà khôn... vừa thoát được cái tròng hoạn lộ, vừa thoát được cái tròng vợ con! Xin chúc mừng, chúc mừng...

Mahānāma cầm ly rượu chanh chưa kịp cụng ly với mọi người thì Anuruddha đã chọc ghẹo:

- Khôn thì nhất định chúng đệ khôn rồi. Nhưng sung sướng thì còn cần phải xét lại! Huynh hai vợ, bốn con, chưa đủ; còn đào hoa gánh thêm một kiều nữ kiều diễm nữa. Kết quả mối tình mặn nồng thơ mộng này cho huynh thêm cô bé Vāsabha-khattiyā xinh đẹp như tiểu tiên nữ không là món quà hạnh phúc là gì!

Mahānāma cúi đầu rầu rĩ.

Anuruddha cụng ly với Ānanda:

- Chúng mình một phe, chúc mừng! Đồng thời ủng hộ cuộc nhân duyên lai huyết thống mà ai cũng phản đối ấy!

Thái tử biết chuyện ấy, cả hội đồng trưởng lão Sākya lên án, làm cho ưu tư của Mahānāma càng thêm ngổn ngang, rối bời nên mở lời chia sẻ, thông cảm:

- Máu thì ai cũng đỏ. Mồ hôi, nước mắt thì ai cũng mặn. Phân biệt huyết thống mà làm gì! Tất cả chúng ta đều ủng hộ phải không?

Mọi người đồng vỗ tay tán thành:

- Vương huynh nói phải!

Devadatta bây giờ mới từ từ cất tiếng:

- Đệ quyết liệt từ chối lập gia đình nhưng phụ tá vương vị thì không thể giao phó cho ai. Tình trạng Koliya chẳng khác gì Sākya. Cũng như Bhaddiya, Mahānāma đã nói, là không làm được việc gì ra trò, ra trống cả. Việc gì cũng nửa vời. Việc gì cũng đắp đổi tình thế đầu ngọn, ngoài da cả. Ý nghĩa và giá trị cuộc sống càng ngày càng mù mịt. Tâm không yên. Trí không yên. Sau những cuộc vui chốc lát như thế này, bên huynh đệ tâm sự như thế này; có lẽ là những kỷ niệm đáng nhớ nhất, hạnh phúc nhất của đệ đấy! Rồi khi trở về, lại với công việc bộn bề, phía này thì va đụng phải bức tường thành truyền thống, phía kia thì húc phải hư vô, rỗng không cùng với những tri kiến rối bời! Đệ biết sống để làm gì? Niềm vui ngũ dục thì tầm thường quá mà khát vọng tâm linh thì chỉ có nỗi đau và vực thẳm. Ở đâu cũng nỗi đau và vực thẳm cả...

Sau lời tâm sự của Devadatta, không khí cuộc vui như chùng xuống. Dường như đấy cũng là nỗi niềm chung của các ông hoàng nên ai cũng trầm ngâm, lặng lẽ. Các chương trình, tiết mục biểu diễn trên sân khấu lộ thiên ai cũng hững hờ. Trời về khuya trăng càng sáng tỏ. Đêm mênh mông và yên tĩnh. Vài cơn gió mát lạnh từ phương Bắc tràn xuống. Cây cỏ lao xao. Chợt tiếng nói bên hiên vọng ra:

- Con đừng tiễn nữa, Gopā! Hơi sương đêm không tốt đâu đấy.

Thái tử đứng dậy, bước nhanh lại:

- Để hoàng nhi tiễn hai mẹ về nhé!

- Không! Lệnh bà Gotamī nhìn về phía các ông hoàng - Con hãy chung vui với các bạn một lúc nữa.

Lát sau, ca nhi, vũ nữ được cho nghỉ ngơi. Các ông hoàng cũng lần lượt từ giã. Trong lúc thị nữ và gia nhân thu dọn bữa tiệc tàn thì thái tử chậm rãi tản bộ đến phía cuối vườn. Đèn đuốc vẫn sáng lung linh. Thái tử ngồi bất động trên một tảng đá, rất lâu, không để ý lúc ấy sương xuống đã nặng hạt.

Yasodharā liếc nhìn bóng dáng thái tử khuất sau hàng cây, nàng đội khăn, trùm đầu, đi quành ra phía góc vườn đối diện, tằng hắng, gõ cửa căn lều nhỏ:

- Channa... Channa...

Ngọn đèn được vặn sáng lên. Hóa ra Channa còn thức. Thấy lệnh bà Yasodharā, Channa nói lắp bắp:

- Thưa lệnh bà... chẳng hay...

- "Suỵt!" Công chúa khẽ nói - Đừng cho thái tử biết. Con hãy chuẩn bị yên cương, áo mão dạ hành, kể cả thức ăn ngon cho ngựa. Đêm nay, thái tử rất cần con với Kaṇṭhaka đấy!

Yasodharā đi rồi mà Channa còn há hốc nhìn theo...

Và quả thật đúng như vậy, đêm ấy thái tử quyết định ra đi. Đợi lúc mọi người yên ngủ cả, chàng dạo một vòng quanh công viên, nhìn những hồ nước, những cây cảnh, những ngọn đèn đá, những bồn hoa, những đường đi lối lại... suốt bao nhiêu năm qua đã trở nên quen thuộc. Chàng nói thầm trong tâm rằng: "Cảm ơn các bạn, những người bạn cỏ hoa vô tình đã cho ta những phút giây an bình, thư thái. Hôm nay, ta chào từ giã các bạn."

Sau đó, thái tử rảo bước một vòng quanh hành lang cung điện mùa hè. Đâu đó đều vắng lặng như tờ, thỉnh thoảng, tiếng nghiến răng, tiếng ngáy của gia nhân, người hầu vọng

lại. Trăng sáng vằng vặc dọi chiếu vào các cửa sổ mở rộng. Những chùm đèn vẫn còn sáng tỏ lác đác đó đây. Thái tử muốn vào nhìn mặt Yasodharā và Rāhula lần cuối cùng. Khi đi ngang qua căn phòng sang trọng dành cho ca nhi, vũ nữ, bất giác chàng dừng lại. Sau buổi biểu diễn mệt mỏi, các cô nàng nằm ngủ la liệt, buông lơi, trễ tràng... Họ là những mỹ nữ đã được tuyển chọn, đẹp như tiên nữ nhà trời mà bây giờ trông như những xác chết. Có cô trốc váy, hở hang, nằm soải dài, thản nhiên cất tiếng ngáy. Có cô phấn son nhòe nhoẹt, da trắng bệch, miệng há ra, nước bọt sùi ra bên mép. Có mấy cô nằm gác chân lên nhau ngang dọc, để lộ trơ trẽn những bộ phận cơ thể lõa lồ. Mùi phấn, mùi son, mùi nước dãi, mùi mồ hôi, mùi hơi thở, mùi da thịt... quyện lẫn trong nhau tỏa ra cái mùi tổng hợp ngây ngấy, lợm giọng... Ồ! Hóa ra đây là sự thật đằng sau cái gọi là sắc đẹp, âm thanh, hương vị mỹ diệu của cuộc đời mà vô lượng kiếp, chúng đã đưa ta và chúng sanh vào các cõi dục đắm say. Quả đúng là một bãi tha ma, mộ địa bốc mùi xú uế, là cái mà chúng đã quyến rũ ta và chúng sanh quẩn quanh hoài trong sinh tử rồi trầm luân vạn kiếp?

Thái tử đứng bất động.

"- Ta đã thấy ngươi rồi, sắc đẹp! Ta đã thấy rồi những tô vẽ diễm lệ ở bên ngoài cái xác thân hôi hám kia! Rồi lại còn âm thanh du dương, trầm bổng? Mùi hương thơm tho, quyến rũ? Mỹ vị ngon béo ngọt ngào? Xúc chạm mịn màng, êm ái...? Tất cả, chúng cám dỗ thế gian đến say mê điên đảo. Nhưng sự thật, bản chất của chúng là rỗng không, ghê tởm."

Trước mắt thái tử chợt hiện ra những ý nghĩ so sánh với những hình ảnh, kế tục những hình ảnh:

"- Sự cám dỗ ấy ví như như cục xương khô mà đàn chó nhà đang nhe nanh vuốt cấu xé, giành giật lẫn nhau. Chúng bán sống bán chết để tranh cho được cục xương. Nhưng rồi

chúng có làm được gì?! Chúng chỉ nuốt được bọt nước miếng của mình thôi!"

"- Sự cám dỗ ấy giống như miếng thịt thối mà diều, quạ, kên kên... đồng lao xuống cướp giật. Con này cắn được, mang đi, con khác rượt theo, mổ, tranh chí chóe. Cuối cùng, có con nào được cái gì đâu! Chỉ có trầy da, trốc lông, tươm máu là có thật!"

"- Sự cám dỗ ấy ví như người cầm bó đuốc cỏ khô đang cháy, đi ngược chiều gió. Ngọn lửa táp vào tay... cũng không chịu vứt bỏ! Cuối cùng bị cháy bỏng, đau đớn đến gần như chết."

"- Sự cám dỗ ấy giống như hầm than hồng, ngầm cháy, bên trên có lớp tro trắng che phủ. Trên ấy, có người vẫn vô tư, hồn nhiên đi lui đi tới, vui tươi hí hửng, nhảy múa, hát ca... Đùng một cái, bị rớt xuống hầm, bị thiêu đốt quằn quại, đau đớn..."

"- Sự cám dỗ ấy ví như có người nằm mộng thấy phú quý, vinh hoa tột bực, thọ hưởng dục lạc trăm phần thỏa mãn. Khi tỉnh lại, hóa ra không có gì cả. Chỉ có xương cốt rã rời, thân tâm mệt mỏi là có thật!"

"- Sự cám dỗ ấy giống như đồ mượn dùng trong chốc lát! Chốc lát thôi - vì không thể thọ hưởng được lâu dài. Khi trả lại cho vô thường thì hóa ra tay trắng vẫn hoàn tay trắng! Chỉ có tiếc rẻ, ngẩn ngơ, sầu muộn là còn lại."

"- Sự cám dỗ ấy giống như trái cây chín có thuốc độc. Thấy trái cây chín có màu da đẹp, láng lẩy, mịn màng, mọng đỏ, thơm lừng lựng... bèn hái ăn! Ôi, quả là tuyệt vời... trái chín ngọt tươm mật, tươm hương. Nhưng khi ăn xong, chất độc ngấm vào bao tử, ngấm vào ruột non, ngấm vào máu... người ấy quằn quại la hét, mắt trợn ngược, trắng dã, da tím tái, mồ hôi nhờn tuôn đổ... là dấu hiệu của tử vong."

"- Những sự cám dỗ ấy chúng không chỉ mê hoặc một người, vài người... mà chúng đầu độc cả thế gian. Vợ chồng,

con cái, anh em, bạn bè, quyến thuộc... cũng vì chúng mà sinh ra không biết bao nhiêu cảnh huống thương tâm, ly tán, đoạn trường. Rồi nào là dòng họ, tập cấp, làng xã, bộ tộc... cũng vì chúng mà sinh ra xung đột, bạo lực, thù hận, chiến tranh... tương tàn tương sát, máu chảy thành sông, xương chất cao như núi...!"

Thái tử thở dài một lượt nữa. Ý chí xuất gia thêm một lần nữa, càng trở nên kiên định...

Thái tử vén rèm, nhìn vào phòng Yasodharā. Nàng và con đang yên giấc. Thái tử bước gần lại. Qua ánh đèn, thái tử thấy khuôn mặt của Rāhula bị che khuất sau mảnh vải lụa từ cánh tay trái của nàng Yasodharā. Thái tử muốn ôm con, muốn thấy mặt con lần cuối cùng. Vừa thò tay xuống, thái tử chợt dừng lại, chàng sợ lay động giấc ngủ của công chúa. Nàng thường ngủ rất tỉnh. Và như vậy thì sự ra đi của chàng càng trở nên khó khăn. Thái tử sợ giọt nước mắt của nàng. Giọt nước mắt của người nữ có thể làm tê liệt, làm cho bủn rủn ý chí của tất cả các trang nam nhi! Thái tử đứng nhìn ngắm Yasodharā. Nàng đúng là một người đàn bà vẹn toàn năm vẻ đẹp, chưa kể vẻ đẹp tâm hồn thế gian khó tìm. Cho chí trong giấc ngủ vẫn tỏa ra nét đoan trang, kín đáo... như một nụ hoa hàm tiếu! Dáng nằm nghiêng về bên phải, chân co, chân duỗi - đúng là cách nằm của bậc mẫu nghi thiên hạ! Ôi, nàng đã cùng ta đi suốt một chặng đường dài, ngoại trừ bản chất mềm yếu đương nhiên của nữ tính, thái tử thấy nàng như một viên ngọc mạni không tỳ vết, chẳng khiếm khuyết nào về mỹ dung cũng như đức hạnh... Mà thôi! Dù sao thì mọi chuyện, thái tử đã nói hết rồi. Đừng nên quyến luyến, bịn rịn nữa. Ngay cả sự cám dỗ ngọt ngào này... ta cũng phải cắt đứt.

Chàng bước ra, nhè nhẹ, sau đó lại trở vô, vén rèm nhìn hai mẹ con một lượt nữa. Cuối cùng, thái tử quay lưng, cất

bước đi nhanh. Trăng sáng vằng vặc. Sương đêm lấp lánh. Thái tử đến cuối vườn. Channa còn thức.

- Channa! Thái tử gọi - Đem ngựa Kaṇṭhaka với đầy đủ yên cương cho ta!

Tuy đã được Yasodharā báo trước, nhưng Channa cũng hỏi:

- Thái tử đi đâu khuya vậy?

Không đáp thẳng vào câu hỏi của Channa, thái tử nói:

- Nhớ kiểm tra lại vó ngựa. Cho nó ăn uống đầy đủ trước khi lên đường.

Sau khi đã thực hiện đâu đó xong xuôi, Channa dẫn Kaṇṭhaka với đầy đủ yên cương, áo dạ hành, kể cả nước uống, thức ăn cho người và ngựa. Thái tử hơi ngạc nhiên trước sự mau mắn, nhậm lẹ của Channa; sợ không còn thời giờ, chàng đến bên ngựa vuốt ve, vỗ về:

- Đây là một chuyến đi xa, Kaṇṭhaka! Chuyến đi rất quan trọng với ta! Chuyến đi quyết định cả một đời người! Con hãy ra sức hết lòng nhé!

Kaṇṭhaka dậm chân, hí một tràng dài như vui mừng, như sung sướng. Sợ mọi người thức dậy, nhất là sợ Yasodharā tỉnh ngủ, Thái tử vuốt ve đầu ngựa... Channa nói:

- Con có đi cùng không, thái tử?

Chàng gật đầu rồi hỏi:

- Nó có đủ sức chở hai người không, Channa?

- Dư sức, thái tử! Một ngày đi ngàn dặm mà còn dẻo dai, sung sức.

Thái tử leo lên ngựa. Channa cũng nhẹ nhàng nhảy lên ngồi ở phía sau. Ra khỏi cổng Cung Vui, nhắm cửa thành Đông Nam, thái tử cho ngựa đi nước kiệu, thong dong, nhàn nhã. Kinh thành đang say ngủ, đèn đuốc vẫn còn cháy đỏ bập bùng ở nơi này, nơi khác.

Cổng thành Đông Nam mọi khi đóng chặt, nhưng hôm nay sao được mở rộng? Quân canh mọi lúc canh gác nghiêm

ngặt nhưng bây giờ họ đi đâu vắng cả, có lẽ yến tiệc say sưa ngủ mê mệt hết rồi chăng? Ngửng nhìn trời sáng rực hào quang, thái tử biết sự ra đi của mình hôm nay được thiên thần hỗ trợ, nên ý chí xuất gia như được tiếp thêm sức mạnh.

Ra khỏi cổng, ngựa Kaṇṭhaka như muốn khoe tài, nó hí một tràng dài rồi tung vó, lướt đi nhẹ nhàng như làn gió mát. Chừng hơn nửa dặm đường, thái tử dừng ngựa, quay lại nhìn kinh thành lần cuối cùng. Kapilavatthu nằm im lìm giữa trời trăng và giữa những đốm lửa bập bùng. Những tháp hoa đăng và những bó đuốc khổng lồ trên bốn bức tường thành như vạch giữa đêm đen một hình chữ nhật lửa vĩ đại. Thái tử mang một cảm giác kỳ lạ, bồi hồi khó tả. Nơi đấy, nơi cổ thành hoa lệ ấy, chàng đã được sinh ra, được lớn lên, được học hành, được nuông chìu trong ba tòa Cung Vui. Cũng tại đấy, một tuổi thơ hồn nhiên, vô tư vui chơi cùng chúng bạn... Và rồi cũng từ đó mà cùng thao thức và trở trăn. Nơi ấy có người vợ dấu yêu từ nhiều kiếp trước, đã hiểu chàng, đã thông cảm cho chàng, đã biết chàng từ chân tơ kẽ tóc của ý tình và tâm sự. Có đứa con thơ với mầm sống bé nhỏ vừa ra đời được mấy ngày. Rồi phụ hoàng, một người cha vừa nghiêm khắc vừa nhân từ, tuy già lão mà còn cứng cáp như tùng, như bách. Rồi di mẫu Gotamī nữa, người đã thương yêu chàng như mẹ thương con, quan tâm và lo lắng cho chàng còn hơn cả Nanda và Sundarī Nandā - là con ruột của người. Rồi còn các ông hoàng huynh đệ nữa. Đã hằng chục buổi hội thảo lớn, hằng trăm cuộc đàm đạo nhỏ... vẫn không thể tìm ra kế sách đem đến hạnh phúc, an vui cho nhiều người. Vẫn bế tắc, vẫn mịt mù trước ý nghĩa cuộc sống.

Tất cả họ, có phải thế chăng, hiện giờ đều đang say ngủ? Có phải thế chăng, họ không biết gì đến cái vòng quay nghiệt ngã của luân hồi tử sanh tất định? Có phải thế chăng, họ đang an phận muôn đời trong cái giới hạn vô lượng của đau thương và khổ nạn? Thái tử tự hứa với lòng là phải tìm

cho ra con đường bất tử, nếu không, quyết không trở lại kinh thành Kapilavatthu nữa.

Khi thái tử quay ngựa dớm bước đi thì trên hư không, trước mặt, xuất hiện một đài mây sáng. Một vị thiên thần phục sức cao sang, mỹ lệ hiện ra, có vẻ chặn đường.

- Ngài là ai? Thái tử hỏi.

- Ta là vua cõi trời Tha hóa tự tại, thưa thái tử!

- Ngài đến đây có việc gì?

Vị ấy là thiên vương cõi trời Vassavati, chúa cõi trời Dục giới thứ sáu, thế gian thường gọi là Ma ba tuần. Nó chính là vị Đại ma vương nhiều phước báu và nhiều quyền lực. Tất cả mọi chúng sanh, trừ phạm thiên giới đều ở trong sự chi phối của y. Ngay cả Đao-lợi, Đẩu-xuất cũng không biệt lệ. Thời gian gần đây, Đại ma vương nghe tất cả các cõi thiên giới đều xôn xao; nhất là từ khi chúng chư thiên, phạm thiên đến thỉnh bồ-tát Setaketu giáng sanh cõi trần để tiếp nối con đường bất tử của mình, sẽ đắc quả Chánh Đẳng Giác để cứu độ chúng sanh. Mới vừa rồi, chư thiên hiện ra trong cung điện kinh thành Kapilavatthu để phân xử con chim hạc, Đại ma vương cũng có nghe. Rồi chư thiên hiện thân sứ giả người già, người bệnh, người chết, vị sa-môn... để kinh cảm đến thái tử cũng không thoát khỏi được đôi mắt thiên nhãn của Đại ma vương. Đặc biệt, đêm nay, giữa hư không, thiên chúng mừng vui, tấu nhạc trời, mở hội hoan ca để cung tiễn thái tử xuất gia tầm đạo. Kinh thành Kapilavatthu sáng rỡ hào quang. Cổng thành Đông nam chư thiên mở rộng ra, cho quân binh say ngủ, để tạo sự thuận lợi cho thái tử xuất hành. Đại ma vương biết cả, thấy cả. Ông ta mang nỗi niềm khó tả, vừa tự ái vừa lo sợ. Đại ma vương vốn là chúa của bóng tối và vô minh, quyền lực của nó chỉ có giá trị khi thế gian sống say mê trong dục lạc ngũ trần. Những chúng sanh tu tập thiền định để lên cõi trời Sắc và Vô sắc, viễn ly dục lạc vật chất là đã thoát khỏi quyền lực của Đại ma vương rồi.

Nhưng nó không lo, khi hết phước báu và năng lực thiền định thì cũng phải rơi trở vào tròng như cũ. Đại ma vương lo ngại nhất là vị thái tử này. Vì dục lạc tối thượng tại ba tòa Cung Vui cũng không giữ chân chàng được. Thái tử muốn thoát khỏi quyền lực của Đại ma vương. Thái tử dám đi tìm ánh sáng và con đường bất tử sao? Quyết không thể được!

Do vậy, khi được thái tử hỏi, Đại ma vương cất giọng ngọt ngào:

- Ta đến đây hoàn toàn với thiện ý. Ta báo cho thái tử một tin mừng là trong vòng bảy ngày nữa, thì bảy báu[1] sẽ xuất hiện. Và như vậy thái tử sẽ là vị Chuyển luân Thánh vương, cai trị bốn châu thiên hạ, giàu sang tột bực, phú quý vô cùng và quyền uy tối thượng.

Thái tử mỉm cười:

- Ngươi dụ dỗ ta ấy à?

- Không, không phải dụ dỗ. Mà đó là sự thật. Ta chỉ nói sự thật. Với thần lực biết quá khứ, vị lai - ta chỉ mách cho thái tử hay đó thôi.

- Thế à! Thái tử thản nhiên nói - Vậy thì ta xin cảm ơn hảo ý của ngươi. Bây giờ thì hãy tránh đường cho ta đi.

- Thái tử đi đâu? Sao không ở lại hoàng thành để đợi chờ bảy báu của Chuyển luân Thánh vương xuất hiện?

- Này, ta báo cho ngươi hay. Ta từ chối mọi vinh quang của thế gian. Ta khước từ mọi cạm bẫy ngọt ngào của ngũ dục. Ta sẽ bước ra khỏi quyền lực của ngươi, này ma vương! Rồi ta sẽ xóa tan bóng tối của vô minh. Ta sẽ không cam chịu đời sống thấp hèn, si mê và nô lệ. Ta sẽ tìm cho ra ánh sáng của đạo bất tử. Ta sẽ lặn lội kiếm phương thuốc cứu khổ cho muôn triệu sanh linh. Dù chông gai, trở ngại cũng không làm cho gót chân ta lùi bước. Dù bão cuồng, gió

---

[1] Xa luân báu, ngọc báu (maṇi), hoàng hậu báu, bá hộ báu (triệu phú), voi báu, ngựa báu, tướng quân báu (đại thần).

giật cũng không lay động được ý chí của ta. Hỏa diệm sơn hoặc hố than hồng hừng hực cũng không đốt cháy được quyết định của ta. Lựa chọn con đường xuất gia là một lựa chọn bất thối. Chẳng ai trên thế gian này cản trở được ta đâu. Ngươi hãy đi đi thôi! Đừng hòng giở trò dối lừa, phỉnh gạt quỷ quyệt nữa. Ngươi là bóng tối thì hãy tan theo bóng tối. Tức khắc tan ngay!

Đại ma vương biết không dễ gì lung lạc thái tử được nữa, một chúng sanh vĩ đại đã từng tu tập ba-la-mật trong vô lượng kiếp, nhưng rồi y sẽ chờ đợi. Thái tử, khi đang còn thân xác trần tục của một con người, chắc một lúc nào đó ông ta sẽ có một vài lỗi lầm, sẽ có một vài tư tưởng xấu, sẽ có một vài khoảnh khắc mềm yếu; và những khi như vậy, ta sẽ tức khắc xuất hiện, tìm cách cám dỗ trở lại trong vòng quyền lực của ta... Nghĩ thế xong, Đại ma vương biến mất giữa hư không... Và cũng từ giây phút đó, Đại ma vương theo dõi từng bước chân, từng tâm niệm của thái tử... dường như suốt cả cuộc đời!

Channa cứ há hốc mồm... mà nghe thái tử nói giữa hư không! Y ngạc nhiên là phải vì cuộc đối thoại vừa rồi chỉ xảy ra trong một không gian riêng giữa Đại ma vương và thái tử. Chỉ có thái tử thấy và nghe - còn ai khác đều không thể.

Đuổi ma vương đi rồi, thái tử thản nhiên như không có chuyện gì, cúi xuống khẽ vuốt ve bờm ngựa:

- Bắt đầu từ đây, con sẽ ra oai, con nhé! Con sẽ cố gắng hết sức mình. Với sức thần mã vô địch, trong vòng nửa đêm, con sẽ đưa ta vượt Sākya, vượt Koliya để đến bên kia quốc độ Malla con nhé!

Kaṇṭhaka như hiểu được tiếng người, dựng bờm, dậm vó, hí vang rồi lao đi. Từ nước kiệu, đổi sang phi nước đại; sau đó Kaṇṭhaka trổ uy thần mã trên dặm dài thiên lý. Thế rồi, nhà cửa, cây cối, ruộng vườn, núi đồi... chợt lùi ra phía

sau, lùi xa ra mãi. Kaṇṭhaka phi nhẹ nhàng như một lằn sáng trắng, nhưng ngồi trên yên, thái tử vẫn cứ cảm giác như ngồi trên tấm thảm nhung, êm ái, không lay xóc. Theo mãi hướng Đông Nam, một đỗi sau, bắt gặp một xa lộ rộng rãi là con đường giao thông huyết mạch của thương nhân từ phía Kosala đến Sākya, Koliya, Malla, Vajjī, Licchavī... tiếp giáp sông Gaṅgā... và qua bên kia là quốc độ Māgadha rộng lớn. Thái tử nhẩm tính từ kiến thức địa lý đã học được. Từ Kapilavatthu đến Lumbinī, nơi chàng chào đời, khoảng chừng sáu do-tuần (khoảng bảy mươi hai km). Từ Lumbinī đến Koliya chỉ vài ba do-tuần, nhưng có con sông Rohini phải vượt qua, mới vào được kinh đô Devadaha của nước Koliya. Từ đây, chỉ bốn năm do-tuần nữa là đến quốc độ Malla rồi. Nơi nào có con sông rộng ấy là sông Anomā... Như vậy, tổng cộng lộ trình trên dưới mười bốn do-tuần (trên một trăm sáu mươi km) với sức ngựa như thế này, ta sẽ vượt qua được bên kia Anomā lúc trời rạng sáng, gặp khu rừng dự định.

Đúng như thái tử phỏng đoán, đầu canh ba, ngựa Kaṇṭhaka đã vượt qua sông Rohini, khúc sông cạn, sau đó, tiếp tục đến Koliya. Không theo lối vào kinh thành Devadaha, theo xa lộ của thương buôn, ngựa vẫn phi nhẹ nhàng, lâu lâu hứng thú, nó hí lên một tiếng, âm thanh như phá vỡ sự yên lặng của đêm sâu.

Có lẽ là bắt đầu ra khỏi địa giới Koliya, thái tử cho ngựa dừng chân bên một hồ nước ven đường để nghỉ sức. Sao mai sáng trong lấp lánh như một hạt kim cương. Gió mát thổi rì rào. Thái tử bước xuống. Kaṇṭhaka rịn mồ hôi. Channa cho ngựa uống nước, cho ăn đậu xanh, đường và mật... đã cụ bị đầy đủ trong tay nải.

Họ lại lên đường. Lúc sao mai mờ, trời rựng sáng, họ đã đến được một dòng sông khá rộng. Nhìn dãy núi và khu rừng bên kia bờ, thái tử biết mình đã đến nơi. Như vậy, con

thần câu vô địch chỉ trong thời gian một canh rưỡi đã đưa thái tử và Channa vượt một chặng đường dài trên mười mấy do-tuần mà dường như nó vẫn còn sung sức.

Dòng sông Anomā nước xanh trong, mênh mông. Đưa mắt nhìn phía thượng lưu đến hạ lưu, thấy khó hy vọng gặp đoạn sông cạn, thái tử phân vân... Thường ở đây có những chiếc bè lớn cho thương buôn và khách bộ hành sang sông, nhưng nhìn quanh chẳng thấy.

Thái tử nói:

- Có lần, Bhaddiya kể rằng, ở đây có ba hay bốn bến sông do nhu cầu của thương buôn từ nhiều hướng khác nhau. Vậy, ở đâu đó sẽ có bè, ta đi trật lối rồi, Channa, phải tìm bến mới có bè sang sông được.

- Hóa ra là chuyện qua sông! Channa hăm hở nói - Chẳng cần thế, thái tử. Kaṇṭhaka dư sức bay qua khúc sông này mà!

- Chẳng lẽ nào? Ngươi nói chắc đấy chứ?

- Chắc chắn! Channa gật - Thuở nhỏ, ở trại nuôi ngựa, con đã từng huấn luyện cho Kaṇṭhaka bay qua một cái đầm rộng, có lẽ còn rộng hơn đoạn sông trước mặt. Nó khoái lắm! Phải vậy không, Kaṇṭhaka?

Như hiểu ý, Kaṇṭhaka lại dựng bờm, dậm chân lịch bịch, hí vang.

Thái tử và Channa lại lên ngựa, đi trở lui một khoảng xa để lấy trớn. Thái tử tin lời của Channa và còn tin vào khả năng thần kỳ của Kaṇṭhaka nữa. Vì suốt quãng đường dài, nhiều khi Kaṇṭhaka phi rất nhanh mà bốn vó dường như không dính đất. Và quả thật như vậy, sau khi lấy đà, Kaṇṭhaka bay nhanh đến gần mép sông, nó uốn mình tạo lực đẩy; rồi như một mũi tên thoát khỏi dây cung, nó băng băng bay qua dòng sông như một luồng sáng. Kaṇṭhaka bay nhanh quá, thái tử nằm xuống ôm sát cổ ngựa, bám chặt thân mình để tránh sức cản của gió. Channa cũng thế, nhưng do

đà lao nhanh, hai tay ôm chặt hông ngựa nhưng hai chân phải soải dài ra sau... trông như bám vào đuôi ngựa vậy...

Gió thổi lồng lộng bên tai. Bờ đất hiện ra. Kaṇthaka hết đà, dừng chân hí vang vì nó biết rằng nó đã chiến thắng. Channa rơi, té sấp. Thái tử bước xuống, chậm rãi đến bên Kaṇthaka, ôm đầu nó rồi nói rằng:

- Ta vô cùng cảm ơn con, Kaṇthaka! Con đã đưa ta qua sông một cách uy dũng và ngoạn mục. Còn cả chuyến đi nữa. Đấy là chuyến đi hệ trọng, chuyến đi định hướng cuộc đời của ta đó. Con đã nhiệt tình giúp ta trong bước đầu trên lộ trình bất tử. Một lần nữa, ta cảm ơn con! Phước báu và công đức của con cao thượng lắm, con biết không?

Kaṇthaka dường như nó hiểu. Nó đưa đôi mắt buồn buồn nhìn thái tử, rồi nó lại đưa lưỡi liếm liếm vào bàn tay chàng.

Thái tử quay sang nói với Channa:

- Ta ra đi, ta xuất gia, lìa khỏi tất cả, Channa ạ! Ta cũng rất cảm ơn con đã hết lòng hầu hạ ta bấy lâu mà lúc nào cũng nhiệt tình, vui vẻ. Cái đức tính ấy rất quý hiếm đấy, Channa!

Channa chỉ biết nhỏ lệ, nghẹn ngào.

Thái tử quay lại nhìn dòng sông, nói tiếp:

- Sở dĩ ta chọn con sông này là có lý do! Nếu kiến thức về địa lý của ta không lầm thì nó đúng là sông Anomā, không thể là con sông khác được. Anomā với nghĩa cổ xưa là cao thượng, cao quý tột cùng. Từ đây, từ Anomā, ta sẽ đi theo lộ trình cao thượng, cao quý tột cùng: Ấy là lộ trình xuất thế vậy.

Lại quay nhìn trước mặt, núi tiếp núi, rừng tiếp rừng, cây xanh phơi phới, những cụm đá trầm mặc mà lòng dâng lên một cảm giác rất kỳ lạ, một cảm giác chưa hề có trong đời!

Giọng bùi ngùi của Channa thoảng bên tai thái tử:

- Thái tử đi hẳn, không trở về sao?

- Ta sẽ trở về khi nào tìm ra Đạo lớn, Channa!

Channa xót xa:

- Mọi người sẽ buồn lắm, thái tử! Ngài là ngôi sao sáng, là linh hồn của Kapilavatthu. Ngài còn là mặt trời, mặt trăng của muôn dân bá tánh nữa! Ôi, công chúa Yasodharā sẽ sầu khổ biết bao nhiêu! Rồi còn đức vua, lệnh bà Gotamī cùng các ông hoàng cũng vậy nữa. Ai cũng nhớ thương thái tử như trái tim của mình!

- Ta biết, Channa! Thái tử nói như phân trần - Ta phải hy sinh tình thương nhỏ hẹp để hướng đến tình thương cao cả, rộng lớn hơn, Channa! Ta phải tìm cho ra con đường cứu khổ tất cả chúng sanh.

Channa cúi đầu, những giọt lệ tuôn chảy lặng lẽ. Kaṇṭhaka đưa đôi mắt đỏ lệ nhìn thái tử. Nó cũng đứng im, bất động.

Thái tử chợt cất những bước dài, đến đứng trên một tảng đá tại một mô đất cao. Với một cử chỉ dứt khoát, cạo bộ râu lún phún, sau đó, tay trái nắm búi tóc, tay phải đưa cao gươm báu, đoạn lìa mái tóc xanh. Thái tử ngước nhìn lên hư không, phát lời đại nguyện:

"- Nếu quả thật, ta tu hành đắc quả Chánh Đẳng Giác - thì nắm tóc này xin nằm lại giữa hư không. Nếu không phải thế, nghĩa là chẳng thành tựu Phật quả - thì cho nắm tóc này rơi trở lại xuống đất".

Nói xong, thái tử quăng nắm tóc lên hư không... rồi nó cứ lên cao mãi, lên cao mãi rồi biến mất giữa mây xanh. Lý do là, lời phát nguyện vô thượng của thái tử làm cho ngai vàng của Đế-thích (Sakka) chợt trở nên nóng bỏng. Ông ta hối hả dùng oai lực hút nắm tóc lên tận cõi trời Ba Mươi Ba, hứng bằng chiếc khay vàng, sau đó đem tôn thờ tại bảo tháp

Cūḷāmāṇi[1].Channa thấy hiện tượng lạ lùng quá, chắp hai tay lên trời vái mãi. Thái tử biết là mình sẽ thành Phật, hoan hỷ trong lòng, lấy kiếm, xâu chuỗi ngọc, cái đai bào đính bảo ngọc lưu ly... ân cần trao cho Channa rồi nói rằng:

- Bảo kiếm, đai bào lưu ly này là vật hộ thân của ta, luôn ở bên ta chưa hề rời xa; ngươi hãy mang chúng về trình lên phụ vương, nói rõ chí nguyện bất thối của ta, đảnh lễ người giùm ta và nói rằng: "Siddhattha bất hiếu, chưa báo đáp ân sâu, chưa xin phép người mà đã ra đi xuất gia tầm đạo. Nguyện đắc thành Phật quả, Siddhattha sẽ về tạ tội với phụ hoàng sau".

Channa tay nắm di vật, đỏ lệ, gật đầu.

Thái tử tiếp:

- Còn chuỗi ngọc này chính là chuỗi ngọc ân tình, trong cuộc thi sắc đẹp năm xưa, ta đã ưu ái ban tặng cho Yasodharā... Nhưng năm sau, Yasodharā lại đeo lại cho ta, nói rằng:"Thiếp ở bên chàng nhưng không bao giờ gần chàng được, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Trí óc và tâm hồn thái tử luôn ở cảnh giới nào đó rất xa xăm. Vậy chàng hãy mang lại xâu chuỗi ngọc này để thiếp cảm thấy ấm áp vì nó luôn tiếp xúc với hơi ấm và sự sống của chàng". Vậy, này Channa, hãy mang xâu chuỗi ngọc này về giao tận tay công nương Yasodharā, và nói rằng:"Thái tử luôn yêu thương công chúa cùng đứa con trai bé bỏng. Công chúa là người nữ duy nhất trên thế gian đã cảm thông, đã âm thầm nâng đỡ cho chí nguyện tối thượng của ta. Bao giờ thành đạo, ta sẽ trở về gặp lại hai mẹ con nàng".

---

[1] Kinh sử nói rằng, sau khi cạo râu và cắt tóc xong, cho đến trọn đời, râu của ngài không bao giờ mọc nữa. Còn tóc, sau khi cắt xong, chừa khoảng hai lóng tay - thì tất cả chúng đồng xoăn lại về phía bên phải như hình xoắn ốc; và giữ nguyên hình dáng ấy cho đến lúc Nhập diệt. Đức Phật suốt đời không cạo râu tóc lần nào nữa.

Thái tử chợt vỗ vai Channa:

- Ta biết, Channa! Chỉ cần để tâm một chút là ta biết Yasodharā đã tiên liệu giờ giấc ra đi của ta. Có phải nàng đã lén gặp ngươi, bảo ngươi chuẩn bị yên cương, nước uống, kể cả đậu xanh, đường, mật cho Kaṇṭhaka?

- Dạ... dạ phải!

Thái tử lại thở ra:

- Thôi, ngươi đừng bịn rịn nữa! Sự giác ngộ của ta sau này có công đức của ngươi dự phần!

- Dạ... Dạ!

Channa nước mắt rơi lã chã. Hai con mắt của Kaṇṭhaka cũng đẫm ướt như chủ của nó. Thái tử bước tới lại một lần nữa vuốt ve, vỗ về. Nó cúi xuống, liếm tay thái tử và với nước mắt tuôn chảy thành dòng.

Thái tử cảm động, cất giọng dịu dàng:

- Con cũng vậy, hãy về đi, Kaṇṭhaka! Công đức của con cũng không thua gì Channa đâu. Sau này ta cũng sẽ cứu độ cho con!

Channa nghẹn ngào không nói được một lời nào, cúi đầu, nắm cương Kaṇṭhaka, kéo đi... Cuộc chia tay nào cũng bịn rịn, xót xa...

(Kinh và chú giải kể rằng, ngựa Kaṇṭhaka quay lưng đi vừa được bảy bước, nó liền đứt ruột, vỡ tim mà chết. Chỗ khác giải thích, do tận dụng toàn vẹn sức lực để bay qua sông - nên ruột nó đã đứt từng đoạn rồi - tuy nhiên, đợi giã từ thái tử xong, nó mới chết; sau đó, Kaṇṭhaka tức khắc hóa sanh lên cõi trời Tāvatiṃsa, làm một vị thiên nam, có tên là Kaṇḍaka. Một nơi khác, bảo Kaṇṭhaka đưa Channa về đến khu vườn cũ, nó nhịn ăn suốt một tuần lễ ở trong chuồng, sau đó mới thanh thản chấm dứt hơi thở. Kaṇṭhaka cũng hóa sanh lên cõi trời Tāvatiṃsa, làm vị thiên nam có tên là Kaṇḍaka như trên).

Gót Khất Sĩ Lang Thang

Mặt trời đã lên cao, nắng vàng long lanh như ánh mật. Chim bay lượn nhởn nhơ giữa hư không thoáng rạng. Chim ca hót râm ran trên những tàn cây rậm. Gió mát thổi rì rào. Dòng sông xanh in bóng mây trời thênh thang, nhẹ hẫng. Thiên nhiên cây cỏ yên ổn, vắng lặng làm cho bao mối ưu tư, phiền não của Siddhattha chợt như tan biến mất cả.

Siddhattha quay lưng lại bờ sông, nhìn vào khu rừng già trước mặt. Từ đây, không cửa không nhà, không hành trang, tư lương, sở hữu... Hốc đá, cội cây, non cao, động vắng... là quê hương! Trăng sao khói mây, gió sương... là bạn lữ. Phải lấy nỗi khổ chung của sanh loại làm mục đích kiếm tìm. Phải đào bới tận nguyên nhân, gốc rễ của tử sanh và luân hồi vô tận. Từ đây, ta không còn thao thức, trăn trở... chuyện tế thế an bang; chuyện quốc gia chủng tộc; chuyện miếng cơm manh áo đời thường. Hãy để cho các ông vua làm việc ấy. Hãy để cho kẻ chạy theo danh lợi thế phàm quẩn quanh với đủ mọi danh nghĩa hay ho "sặc mùi chân lý" tha hồ cho họ dựng cờ múa kiếm. Ta đã chán mứa mọi thứ vinh quang mà bên sau ngầy ngật xú khí hão huyền, rỗng không và hạ liệt. Ta đi. Phải xé bức màn hư vô ngàn đời để tìm cho ra sự thật...

Một tiếng động. Hóa ra một chú nai tơ làm gãy cành khô đang đưa mắt trẻ con nhìn chàng. Siddhattha ngồi xuống. Ôi! Chú nai có đôi mắt tròn xanh, ngây thơ, hồn nhiên, đáng

yêu vô cùng. Chàng nhìn quanh, có bẫy sập hoặc chú thợ săn nào độc ác ở đây chăng? Quạnh vắng. Chàng cảm giác như mình vừa được thoát nạn, được bình yên chứ không phải là chú nai con dại khờ này. Sột soạt. Hai chú sóc rượt đuổi nhau chạy lên vòm cây cổ thụ, cái đuôi xòe nở ra trông giống cái chổi lông! Ồ! Thiên nhiên bình yên quá. Sự sống yên bình đang diễn khắp mọi nơi! Ừ! Siddhattha ngẫm nghĩ, bạn bè ta còn nhiều lắm, còn biết bao nhiêu là động vật hiền lành...

Siddhattha đứng dậy, nhắm hướng Đông Nam, đi theo mé rừng cây cối thưa thớt. Hoa nở từng lùm, từng khóm đủ sắc màu rực rỡ. Hương rừng thơm quá, cái thơm tĩnh lặng, dịu dàng, lan tỏa... mà không phô trương, kiêu kì, gượng gạo... như tại chốn cung đình...

Đây là khu rừng Anupiyāvara, chàng biết, thế là đã đi vào địa phận của vương quốc Malla trù phú. Khu rừng này chạy dài nhiều dặm, sau đó là đồng bằng và thảo nguyên. Anupiyāvara không có nhiều lâm sản quý hiếm nhưng có nhiều voi, báo, sư tử, cọp, nai, hươu, linh dương, ngựa vằn... Có lẽ có ít người khai thác gỗ nên còn nét nguyên sinh, nhưng thợ săn thì chắc nhiều.

Vừa đi, vừa suy nghĩ miên man, lúc ngửng lên thì Siddhattha trông thấy một đạo sĩ! Ồ! đạo sĩ mà tay sao lại cầm cung và sau lưng đeo một bó tên sắt? Chàng dừng lại.

- Xin hỏi, ông là thợ săn, phải không?

Người đàn ông tóc râu xồm xoàm, gật đầu "phải phải", rồi tò mò nhìn ngắm Siddhattha từ đầu đến chân.

- Đúng là một bậc vương giả, quý tộc! Mà sao lại đi lang thang nơi xó rừng hẻo lánh này? Ác thú nhiều lắm đó nghe!

Siddhattha lại chăm chú nhìn tấm áo màu vàng đất của người thợ săn, ngạc nhiên, nói:

- Ừ! Ta từ chốn kinh thành đến đây, muốn tập tành đời sống sa-môn, đạo sĩ. Nhưng còn ông, là thợ săn sao lại khoác chiếc áo của kẻ tu hành?

Người đàn ông cười ha hả, vô tư nói:

- Khu rừng này nhiều ông sa-môn, đạo sĩ mặc tấm áo như thế này; không biết sao mà họ không sợ thú rừng và thú rừng không hề sợ họ. Đôi khi lại có những chú hươu, chú nai, thỏ, linh dương... thản nhiên lui tới gần bên họ nữa mới kì chứ!

Siddhattha nhíu mày:

- Vậy là ông đã giả trang làm đạo sĩ để giết chúng?

- Ồ! Đúng vậy! Kiếm cái ăn thôi mà, công tử! Khổ quá, đói quá mà!

Siddhattha cởi chiếc hoàng bào có đính kim cương, có dệt những sợi chỉ vàng lóng lánh rồi trao cho người thợ săn:

- Thôi! Ông đổi cái áo ấy cho ta. Ta cần có nó hơn là ông. Còn chiếc hoàng bào này cũng khá đắt giá, cỡ mấy trăm đồng tiền vàng đấy. Ông có thể bán nó, lấy tiền để mở một cửa tiệm nhỏ hoặc làm vốn liếng mưu sinh. Hãy kiếm một nghề nghiệp chơn chánh, lương thiện. Là thợ săn, nghiệp sát đã nặng rồi mà ông còn cái nghiệp giả mạo làm đạo sĩ để giết vật nữa, tội càng lớn hơn, ông biết không?

Người đàn ông mừng quá, lắp bắp:

- Đổi thật à? Công tử có giỡn không đấy?

Siddhattha không nói gì, cúi xuống cởi luôn đôi giày vương giả, cũng đính trân châu, bảo ngọc rồi nói:

- Đôi giày này cũng vậy. Nó cũng là nửa gia tài của ông đấy. Ta đổi luôn đôi dép da trâu của ông. Nhớ nghe lời ta, hãy sống một đời hiền lương, vô hại!

Người đàn ông "dạ dạ" rối rít, cứ tưởng mình nằm mơ! Trong một lúc mà được đổi đời, sung sướng quá, ông hối hả bước đi như sợ chàng đổi ý.

Siddhattha nhìn lại mình. Ồ! Trông giống một sa-môn thật sự rồi! Chàng ngồi lại dưới bóng cây mát mẻ, lắng dứt mọi ý nghĩ, lắng nghe hơi thở để nghỉ ngơi... lần đầu tiên sống đời lang thang không cửa không nhà.

Lúc Siddhattha mở mắt ra, không biết thời gian trải qua bao lâu, chàng đã chìm sâu vào cảnh giới nào đó, thâm sâu lạ lùng, yên tĩnh lạ lùng. Siddhattha cảm nghe cả thân tâm đều khỏe khoắn, no đầy. Từng chân tơ kẽ tóc dường như cũng an lạc. Nửa cuộc đời vương giả, với ngũ dục tối thượng, chàng chưa bao giờ hưởng được cảm giác an lạc, thanh thoát, êm đềm như thế này. Sau các cuộc hưởng thụ ngũ dục là chán nản, mệt mỏi, ngao ngán. Nhưng sau sự phúc lạc, an bình của nội tâm thì nó còn lan tỏa năng lượng mát mẻ, vui tươi, dịu dàng và yên ổn.

Siddhattha đứng dậy, khẽ vươn vai rồi bước đi. Nắng chảy tràn trên thung lũng xanh, trên đọt cây, đầu lá. Đến một gốc cổ thụ, thấy trái chín rơi rụng đầy do chim chóc ăn rơi vãi, chàng cảm thấy đói bụng, bèn cúi xuống lượm ăn. Trái ngọt như mật ong. Cũng thú vị, chàng nghĩ. Từ đây, ta không còn sơn hào hải vị, chẳng còn thực phẩm cứng mềm thượng vị nữa. Các sa-môn, đạo sĩ ở Tuyết Sơn, lâu lâu về thành, họ chỉ cần dầu và muối; còn thức ăn có lẽ chỉ có lá, rễ, củ và trái cây. Bắt đầu từ nay, ta cũng phải sống như vậy. Ồ! Nhưng ta nào biết là rễ, củ, lá, trái nào ăn được và thứ nào không ăn được? Vậy phải học hỏi từ từ. Học hỏi trên con đường từ đây...

Đến một vũng nước nhỏ, trong như mắt mèo, Siddhattha đứng lại, nhìn mình trong vùng nước lặng.

Chàng nhìn không ra, đúng là của một sa-môn nào! Chàng chăm chú nhìn kỹ, lại có một vị đạo sĩ lạ mặt đứng sau lưng chàng nữa. Siddhattha quay lại. Khuôn mặt vị đạo sĩ gầy gò, khắc khổ, da sạm đen phong trần, tấm áo vá nhiều

mảnh, một bình bát nhỏ bên hông, một ấm nước, tay cầm chiếc gậy trúc.

- Hiền hữu! Vị đạo sĩ gọi chàng - Hiền hữu vừa mới xuất gia làm đạo sĩ phải chăng?

Siddhattha chấp tay xá chào rồi đáp:

- Phải, thế còn tôn huynh? Trông dáng dấp phong sương, y áo bạc màu thời gian; chắc xuất gia đã lâu lắm rồi nhỉ?

Đôi mắt vị đạo sĩ sâu hoắm, tóc râu xanh, đậm, thân thiện nói:

- Cũng chưa lâu lắm! Nhưng đời lang thang sương gió nó như vậy đấy!

Họ cùng ngồi xuống bên một tảng đá, đàm đạo.

- Tôn huynh tu học theo ai? Siddhattha hỏi - Và pháp môn tu đó ra sao?

- Trước đây, tôi ở đạo tràng của đạo sư Ālāra, dòng dõi Kālāma. Pháp môn tu là các tầng thiền định cổ truyền. Nhưng tôi tu hoài cũng không chứng đắc được gì cả, bèn tìm đến ngôi rừng vắng lặng này cùng mấy bạn đồng tu - Vị đạo sĩ chỉ tay ra phía sau góc rừng - Ở trong đó, trong đó có nhiều hang động mát mẻ và thanh tịnh.

Siddhattha nói:

- Trước đây, tôi có nghe danh đạo sư Ālāra Kālāma từ các phái đoàn khất sĩ. Họ coi vị ấy như một vị thánh sống. Tôi có thể đến đó để học hỏi được không, hả tôn huynh?

- Được thôi! Đạo sư Ālāra bây giờ đang ở trong một ngôi rừng phía bắc thành phố Vesāli, hiền hữu! Vượt qua khu rừng Anupiyāvara này, cứ nhắm hướng Đông nam mà tiến. Đi hết mấy cánh đồng, mấy thôn làng sẽ gặp một xa lộ của khách thương, khoảng chừng trên mười do-tuần (trên một trăm hai mươi km) là đến thành phố Vesāli trù phú và thạnh mậu. Nếu đi chậm, mất trên mươi ngày, tức là vừa đi vừa khất thực, nghỉ ngơi, tọa thiền... Có thể dừng chân ở thành phố ấy mấy ngày nếu hiền hữu thích. Tại đây có nhiều

giáo phái trong và ngoài truyền thống. Một kinh thành nổi tiếng có thành phần giai cấp chiến sĩ phục sức và khí giới chói lòa, đẹp như thiên binh nhà trời. Sa-môn, đạo sĩ được tự do hành đạo. Quần chúng hoan hỉ cúng dường và khoái thích các cuộc luận tranh, đấu khẩu của các luận sư, lang thang sư, ngụy biện sư! Thật là hoạt náo, ồn ỉ và yên bình của tự do tư tưởng! Tuy nhiên, đấy là mặt nổi của hiện tượng, còn các nhóm tu hành chân chính đều rút vào rừng sâu cả. Từ Vesāli, đạp về hướng Đông nam, chừng hơn ba do-tuần sẽ gặp những quả đồi và những cánh rừng già. Đạo tràng của đạo sư Ālāra ở đấy. Là địa chỉ mà hiền hữu muốn tìm. Hỏi bất cứ ai, người ta đều biết và sẵn sàng chỉ đường! Ngài có năm trăm đệ tử ở lác đác các vùng đồi và những ngọn núi kế cận... Hiền hữu nên đi ngay, vì nghe nói đạo tràng của đạo sư Ālāra sắp dời về Māgadha, phía Tây ngoại thành Rājagaha!

Đạo sĩ say sưa nói, rõ ràng, phân minh từng chi tiết một. Tuy chỉ là bản phác thảo sơ lược nhưng đã giúp cho Siddhattha khái quát toàn bộ những điều cần biết. Vị này tiềm tàng học vấn thâm sâu, quảng bác chứ không đơn giản đâu, Siddhattha thầm nghĩ.

- Thật vô cùng cảm ơn tôn huynh! Siddhattha nói.

Vị đạo sĩ quan sát chàng một hồi rồi nói:

- Hiền hữu có nước da sáng như mạ vàng ròng, tướng mạo uy nghi như chúa sư tử. Đôi mắt của hiền hữu xanh trong như mặt nước hồ thu không gợn. Vừng trán của hiền hữu nhẵn bóng như vách đá cẩm thạch. Hiền hữu lại cao lớn, phương phi, cốt cách cao nhã như quý tộc của giống dòng Aryan thượng đẳng từ ngàn xưa còn lại. Tôi không dám hỏi gốc gác của hiền hữu, nhưng rõ ràng hiền hữu không phải kẻ tầm thường. Cả hiện tại cũng như tương lai, hiền hữu là bậc phi phàm không ai dám sánh. Nhưng mà nắng gió, tuyết

sương, giường cây, gối đất... cỏ lá, rễ, củ, trái cây... lót dạ qua ngày... ngại rằng hiền hữu chịu đựng không nổi chăng?

Siddhattha thầm nghĩ rằng: "Anh chàng đạo sĩ này nhìn ta rất kỹ, nói năng giống y nhà nhân tướng học. Tuy nhiên, ngôn ngữ lưu loát, lời ý chí tình... thật đáng trân trọng vậy thay!" Bèn cung tay, lễ độ:

- Rất cảm ơn tôn huynh những lời chỉ dạy quý báu. Tôi sẽ chịu đựng được, thưa tôn huynh!

Vị đạo sĩ cười ha hả, gật đầu:

- Đúng vậy! Đôi mắt, vừng trán, cặp chân mày của hiền hữu đã nói lên điều ấy. Tôi đọc được. Có một cái gì đó bất khuất, kiên định và dũng cảm tột bực ở đấy.

Nói xong, đạo sĩ tháo dây buộc vai, trao cho Siddhattha chiếc bình bát:

- Áo nhuộm màu vàng đất kia là đôi cánh, còn chiếc bình bát tầm thường này là chiếc mỏ của con chim. Tôi tặng hiền hữu như một món quà tri ngộ. Cầu nguyện cho hiền hữu bay qua biển rộng, sông dài, bay qua muôn dặm trường gian lao, khổ ải trước mặt...

- Thế còn...?

- Không sao! Vị đạo sĩ cất tiếng cười hào sảng - Tôi có người bạn đồng tu, bị bệnh thương hàn chết tháng trước, sau khi hỏa thiêu, còn thừa một chiếc bát ở trong hang động.

Khi từ giã, vị đạo sĩ còn quay lại dặn dò thêm:

- Hãy kiếm thêm một cây gậy, hiền hữu, khi đi trong núi rừng hoặc qua miền cỏ rậm! Là sa-môn thì không đao, không gậy[1] nhưng qua suối thì ngại đá trơn, qua lau lách thì có nhiều rắn độc. Gót chân sa-môn thì vô hại nhưng da thịt thì mềm yếu lắm... phải tập qua lần lần, từ từ... rồi hiền hữu sẽ vượt qua tất cả.

---

[1] Cây, gậy thuở đó được xem như khí giới.

- Một lần nữa tôi rất cảm ơn. Tôn huynh tên là gì, để tôi còn ghi khắc vào lòng.

- Thật không đáng gì! Tôi là Vappa, dòng dõi bà-la-môn, còn tôn huynh?

- Tôi là Siddhattha, dòng dõi sát-đế-lỵ!

Chợt Vappa reo lên:

- Ồ, đúng rồi, tôi đã ngờ ngợ. Đúng là vị thái tử tài đức, văn võ song toàn ở kinh thành cổ kính của dòng dõi Sākya anh hùng mà chúng tôi đã nghe danh thơm tràn qua tai, tràn qua cả trong những giấc ngủ! Ôi! Thật là nhiệm mầu! Nhưng mà thôi, hiền hữu nên đi theo con đường của mình. Chúng ta còn gặp lại, chắc chắn là vậy, bắt buộc, nhất định là vậy!

Siddhattha ngơ ngẩn một lúc. Tuy nhiên sau giây phút ngẫm ngợi, thái tử đã đoán ra. Chàng nhớ, lúc chàng vừa sinh được năm ngày, đạo sĩ Asita tiên đoán quả quyết, sau này, chàng sẽ đắc quả Phật. Trong tám thầy bà-la-môn thì có bảy người đưa lên hai ngón tay, ý nói, một, ở tại vương vị thì làm Chuyển luân Thánh vương, hai, nếu xuất gia thì đắc quả Phật. Riêng bà-la-môn Koṇḍañña, rất trẻ, chỉ đưa lên một ngón tay, khẳng định thái tử chỉ chọn một con đường và chắc chắn đắc quả Chánh Đẳng Giác. Mấy năm trước đây, trong giới bà-la-môn ở kinh thành, có tin đồn, Koṇḍañña đã rủ bốn người con của bảy vị bà-la-môn năm xưa đi xuất gia, tập sống đời phong sương khổ hạnh để sau này gặp lại thái tử. Như vậy, họ có cả thảy năm người. Koṇḍañña bây giờ có lẽ đã lớn tuổi, tối thiểu là đã gần sáu mươi, bốn vị còn lại có thể đều trên dưới năm mươi tuổi cả. Đạo sĩ Vappa là một trong bốn vị còn lại.

Đội sương, đội nắng, đạp núi, đạp rừng, dẫm qua suối khe, triền non, vực thẳm... lòng thái tử vô cùng thanh thản, cứ nhàn hạ bước đi, không nôn nóng, không vội vã. Lâu lâu, Siddhattha gặp một đạo sĩ. Có vài đạo sĩ mình gầy trơ xương

ngồi dưới gốc cây hoặc cạnh một hang đá. Một vài vị khác đang kiếm trái cây rừng qua bữa. Siddhattha đến làm quen, học cách quan sát màu sắc thân, lá, trái... Loại này ăn được, loại kia thì không. Có đạo sĩ ân cần chỉ cho chàng các loại củ ăn vào sẽ tăng thêm sức lực. Loại lá này ăn vào sẽ nhuận trường, khí huyết mát mẻ. Lại còn có loại chống tháo dạ, giải độc hoặc tiêu trừ nhức đầu, cảm sốt. Đến đây thì kho tàng kiến thức y học cổ truyền mà Siddhattha đã học từ nhỏ, được dịp khai thông. Siddhattha vô cùng sung sướng. Có lẽ đây là bài học thú vị nhất trong cuộc đời chàng: Bài học tự mưu sinh để tồn tại!

Siddhattha cứ đi mãi. Chàng còn học được trên đường những loại cây có nước ngọt. Có những đọt cây có chất béo bổ. Có những thân cây, bẻ ra, nước nhỏ giọt, có tính năng giải khát, tăng năng lực. Có những dây leo bền chắc có thể kết thành võng nằm, làm dây buộc lều, dây đi qua vực thẳm. Các loại lá có thể kết lại, che mưa đỡ nắng nhiều tháng dài mà không hư mục! Ồ! Là cả một thế giới đang trùng trùng bí mật, với thời gian, chúng hé lộ dần dần. Dường như khởi nguyên của các bộ tộc, người ta sống như thế này đây, chẳng ai tranh chấp ai. Thiên nhiên hào phóng đã ban tặng cho con người tất cả. Nhưng từ khi khám phá ra sắt và đá lửa thì đời sống đã khác đi. Có vũ khí, người ta làm tên, giáo mác... để săn bắn và cũng để giết nhau, tranh rừng, tranh đất. Có lửa để nấu chín thịt, để chống cơn lạnh giá mùa đông và cũng để tế thần! Các bộ lạc phát triển, sinh sôi các nhu cầu về tư hữu, của cải tài sản, đòi hỏi họ phân chia nhiệm vụ lao động, sản xuất. Nhu cầu vật chất cùng nhiều thứ tham muốn càng tăng... và thế là, càng văn minh, tiến bộ... thì nhu cầu thỏa mãn dục lạc càng là cái mục đích hướng đến của con người.Từ đấy mà sinh ra cướp bóc, giật giành, bạo lực, đàn áp, bóc lột, chiến tranh, đau khổ, phiền não! Sắc tộc Aryan, dòng dõi của Siddhattha đã không từ miền Tây Bắc xa xôi,

xâm chiếm bình nguyên xứ này để chăn thả cừu, dê, bò đó sao? Chúng đẻ ra các giai cấp, ưu đãi giới cầm quyền có học, để áp bức đám tiện dân nô lệ cùng khổ đó sao?

Siddhattha trầm tư nhiều đêm vì lẽ công bằng trên trần thế, cũng không có lời giải. Có một đêm nọ, trời đổ cơn mưa rừng lạnh lẽo, Siddhattha tìm ẩn tại một hang động có một đạo sĩ tu khổ hạnh. Tấm áo của chàng mong manh, ướt át... cộng thêm khí đá khiến chàng lạnh quá, run cầm cập. Lại nữa, nhiều ngày ăn trái, lá, chưa quen... đã nhiều lần bị tháo dạ... nên sức khỏe sa sút rất nhanh. Vị đạo sĩ thấy vậy, bước đến vách đá, lấy hai viên đá lửa cọ xát vào một chất dẫn cháy. Góc động có sẵn củi, đạo sĩ lấy từng thanh dựng lên. Lát sau lửa tỏa bập bùng, ấm nóng, reo vui tí tách... Siddhattha học thêm cách lấy lửa.

Bên lửa ấm, chàng hỏi đạo sĩ cách tu. Đạo sĩ hỏi chàng lý do xuất gia, xuất thân, dòng dõi. Siddhattha kể thật, và rồi chàng nói ra luôn tình trạng sức khỏe sau mấy ngày ăn cây trái chưa quen của mình. Đạo sĩ mỉm cười, có vẻ thông cảm, sau đó chỉ chàng một số cách thức bấm huyệt trên cơ thể, nhất là xoa ấm vùng bụng dưới, xoa thật lâu, một trăm lẻ tám lần.

Siddhattha thấy người khỏe hẳn.

Đạo sĩ nói:

- Đi khất thực ở các thôn làng thì tương đối đủ chất nuôi cơ thể, nhưng ở rừng thì thường thiếu tinh bột, đường, chất béo, muối... Ta tu khổ hạnh, lại có thiền định nên dễ dàng vượt qua. Lại nữa, cái cơ thể chúng ta nó cũng sống bằng thói quen. Cái gì cũng tập cả. Từ từ mà tập. Lâu dần thì nó tự thích ứng lấy.

Đạo sĩ thò tay vào hốc đá, lấy ra một nắm củ, củ tròn, dài cỡ bằng ngón chân cái, khều một đống than, bỏ vào... Lát sau, củ chín, thơm lừng lựng. Đạo sĩ nói:

- Đây là củ thuốc (hoài sơn) có tính năng tăng lực và điều hòa khí huyết cơ thể. Hiền hữu bị tháo dạ, nên dùng chúng để mai có sức mà lên đường...

Khẽ tri tạ tấm lòng tốt của đạo sĩ, Siddhattha ăn từng củ một. Ngon, thơm, bùi béo quá! Còn hơn tất cả thượng vị trên đời... Siddhattha hỏi tên củ, đạo sĩ đáp:

- Ta không biết tên, mà cũng chẳng ai biết tên cả! Các đạo sĩ ở rừng đều gọi là "củ thuốc" vậy thôi!

Một đêm yên tĩnh trôi qua. Siddhattha cảm thấy cơ thể khỏe khoắn như vừa được uống một liều thần dược. Khi từ giã, đạo sĩ tặng chàng hai viên đá lửa, một ít chất dẫn cháy. Chàng cũng không khách sáo gì, thọ nhận bằng đôi mắt biết ơn, thầm lặng.

Đi thêm nhiều ngày qua những đồng ruộng những làng mạc đến biên địa Malla; lại thêm chín mười ngày đường nữa thì thành phố Vesāli đã hiện ra. Trên đường, đều thấy những đạo sĩ đi chân không, không có gậy nên Siddhattha cũng bắt chước y như thế. Chàng cũng tập sự đi khất thực khi đi qua những xóm nhà, nhận được cơm vắt, cơm sữa, xôi, ca-ri, khoai, chuối... vật thực đủ dùng. Lựa một gốc cây, một lùm cây hoặc một cái hang nào đó, bất kỳ, chàng ngồi xuống, quán tưởng rồi chánh niệm, bốc ăn ngon lành. Từ lúc rời vương cung đến nay, ngoại trừ mấy củ thuốc kỳ diệu thì những ngày qua xóm làng mới thật sự có được bữa ăn đúng nghĩa, của nhân gian. Đêm, chàng ngồi thiền chừng một canh, sau đó, nằm nghiêng đi vào giấc ngủ. Tuy nhiên có đêm ngủ được, có đêm thao thức, trằn trọc. Vì chưa quen nằm đất, gối sương... nên sức khỏe sa sút, đã thế, cơ thể rất nóng, tấm áo tẩm mồ hôi, nhớp nháp khó chịu. Vài ba hôm, Siddhattha trốn vào một góc suối, mương nào đó vắng người để tắm giặt, phơi khô rồi mặc lại. Chỉ với hai manh áo, tấm trong và tấm ngoài, cứ thế đắp đổi qua ngày... cũng là vấn đề lớn mà chàng tâm niệm phải vượt qua, phải chịu đựng. Và

quả thật, "cơ thể cũng có thói quen thích ứng của nó", gần một tháng sau, chàng mới thấy quen, mới thấy tạm thời dễ chịu!

Đúng như lời tả của Vappa, Vesāli đông đúc, thạnh mậu quá, nhưng tươm tất và sạch sẽ thì không bằng Kapilavatthu của chàng. Vài ngôi làng gần Vesāli, đời sống no đủ nhưng ở đâu cũng thấy dê, bò và nước tiểu, phân của chúng. Súc vật sống cùng người, ở luôn với người, tương tự các thôn xóm nghèo nàn của Sākya. Ở đâu cũng rác và xú khí. Tại thành phố thì khá hơn nhưng bụi rác dơ bẩn thì còn nhiều. Ở đâu, đường nào, góc nào, phố nào cũng gặp đạo sĩ... nhưng trông chẳng ra hồn, ra dạng. Chỉ thấy tóc râu và lếch thếch, dơ dáy... Nhìn họ, chàng chưa dám đi chung. Họ giống với kẻ lang thang, hành khất xin ăn hơn là một đạo sĩ chân chánh. Các vị đạo sĩ gặp ở các hang động thì có cốt cách, phong thái chững chạc, thanh cao hoàn toàn khác biệt nơi này.

Ở Vesāli chỉ hai hôm là Siddhattha lại lên đường. Buổi cuối cùng, chàng nhận được thực phẩm thượng vị của hai vị chiến sĩ xuống ngựa đặt bát. Đúng là như thiên binh, thiên tướng với quân bào, nai nịt, gươm giáo chói lòa. Họ tò mò, nhìn ngắm rồi cúng dường cho chàng. Họ thưa:

- Đạo sĩ có phải từ phương Bắc xuống?

- Vâng!

- Ngài đẹp quá! Ngài khác xa đạo sĩ ở xứ này! Chẳng hay đạo sĩ thường lưu trú ở đâu để chúng tôi còn có dịp cúng dường?

Siddhattha mỉm cười, từ tốn đáp:

- Tôi chỉ mới là kẻ sơ tu, đang lang thang tầm đạo; mai tôi đã xuôi về Đông nam, đến đạo tràng của đạo sư Ālāra. Xin cảm ơn lòng tốt của quý vị.

Hôm ấy, ngay lúc ấy, lại có thêm một kỹ nữ từ kiệu bước xuống, đẹp lộng lẫy, phục sức sang trọng, xa hoa,

trang điểm sáng ngời châu báu... Cô ta cũng muốn đặt bát, nhìn Siddhattha rất lâu, thỏ thẻ nói:

- Tiện thiếp cũng muốn cúng dường!

Hai vị chiến sĩ sát-đế-lỵ bước lui, vòng tay mỉm cười.

Siddhattha lấy tay ngăn bình bát, đầu cúi xuống, nghiêm trang:

- Hôm nay vật thực tôi đã đủ dùng, xin cảm ơn thí chủ.

Người kỹ nữ nói tiếp:

- Thỉnh đạo sĩ một tháng đặt bát cúng dường tại biệt điện tư gia, xin ngài chấp nhận cho!

Siddhattha nghĩ là nên nói vài lời, không những với nàng kỹ nữ xinh đẹp mà còn với hai chiến sĩ sát-đế-lỵ:

- Tôi đã từ phú quý, vinh hoa mà từ bỏ. Tôi đã từ ngũ dục tối thượng mà từ bỏ... Vậy chẳng lẽ nào, hôm nay, ở đây, tôi lại loanh quanh, luẩn quẩn với những chuyện tương tợ như thế này. Xin cảm ơn sự chân tình của quý vị.

Nói xong, chàng chậm rãi bước đi. Mọi người tò mò trông theo. Chàng suy nghĩ suốt mấy hôm. Cạm bẫy, chông gai trên đường trường, trên từng bước chân thì dễ; nhưng cạm bẫy chông gai nơi sự cung kính, trọng vọng, mến thích... thì nguy hiểm hơn nhiều. Siddhattha hiểu thêm điều đó, và chàng biết mình chỉ cần tỉnh niệm, trực thức là có thể dễ dàng vượt qua được...

Siddhattha với gót chân khất sĩ còn phải lang thang nhiều giữa gió sương và cát bụi...

Vị Đạo Sư Đầu Tiên

Vẫn nhắm hướng đông nam, theo con đường của khách thương, bộ hành đầy bụi bặm, Siddhattha đi mãi. Cứ khoảng xế trưa là chàng đi khất thực ở những xóm nhà. Lại thấy dê và bò. Ở đâu cũng dê và bò, phân và rác. Ngoài những cánh đồng lúa bạt ngàn, ngoại ô Vesāli còn có nhiều khu vườn trồng ớt, rau cải, xoài cùng các loại cây ăn trái khác. Đời sống muôn dân tương đối no ấm. Thực phẩm họ cúng dường cũng đa dạng, đầy đủ chất, bảo đảm dinh dưỡng cho các sa-môn, đạo sĩ. Tuy nhiên, giới cấp lao động vẫn đầu tắt mặt tối, còn giới quý tộc, thương gia lại phởn phơ, sung mãn, lợi dưỡng. Ấy là hai cực đoan mà Siddhattha thấy rất rõ. Còn quần chúng chung chung thì thất học, nghèo nàn và cuồng tín. Chỉ thấy lạ một điều: Ai cũng vui vẻ, rộng rãi, cung kính các bậc tu hành! Quả thật là một điểm son đáng tự hào!

Theo chân các đạo sĩ, ba hôm sau, Siddhattha tìm được ngôi rừng như dự kiến. Đây là khu rừng trấn ngự phía bắc thành phố Vesāli, có ba hướng đến, từ những thôn làng nhà cửa san sát có vẻ sầm uất, thịnh vượng. Sự thuận lợi ấy có lẽ là điều kiện mà đạo sư Ālāra chọn lựa để thiết lập đạo tràng: Các đệ tử của ông dễ dàng trong việc khất thực.

Len lỏi trong rừng cây rậm rạp, qua mấy ngọn đồi, lơ thơ đá tảng xanh rêu, vài ba con suối nước trong vắt, Siddhattha thấy hiện ra một thung lũng tươi mát, khí hậu trong lành. Chòi lá của đạo sĩ Ālāra nằm trên một ngọn đồi

thoai thoải, dưới mấy cội cây cổ thụ tàn lá che phủ sum sê. Ông chừng trên bảy mươi tuổi, rắn rỏi, quắc thước, đang ngồi trên tấm nệm cỏ. Xung quanh ông, ước chừng mấy chục đạo sĩ đang nghe pháp. Yên lặng như tờ. Chỉ có giọng trầm ấm của đạo sư là vang vang giữa núi rừng.

Buổi giảng pháp chấm dứt. Các vị đạo sĩ đảnh lễ thầy rồi chậm rãi đứng dậy, tản mác ra các hướng ở trong khu rừng để tu tập.

Siddhattha bước lại, cung kính lễ bái theo cung cách của một môn sinh đến yết kiến bậc thầy rồi chàng nói:

- Thưa đức đạo sư! Xin cho phép đệ tử gia nhập hội chúng để tu tập dưới sự dìu dắt của ngài.

Lặng lẽ nhìn vị sa-môn trẻ, thật ra không còn trẻ nữa, có tướng mạo đàng hoàng, ăn nói lễ độ, toát ra một cái gì rất thoát tục, đạo sĩ Ālāra cất giọng đầm ấm, chan hòa, thân thiện:

- Ừ, con cứ tu! Ta chấp nhận con. Nhưng con tên gì? Đã từng tu học với ai chưa?

- Thưa, con tên Siddhattha, họ Gotama. Con chưa tu tập dưới sự lãnh đạo của ai cả.

Đạo sư Ālāra vui vẻ gật gật:

- Ừ! Tốt, tốt lắm! Vậy hãy cố gắng tu tập nhé! Pháp và luật của ta cũng khá nghiêm túc đấy. Tuy nhiên ai chịu khó hành trì đều có chỗ an trú cả.

Siddhattha thành kính đảnh lễ rồi lui ra. Lúc ấy trời đã xế chiều, im mát, gió thổi hiu hiu, chàng lần đến một cội cây, kiếm tạm lá cỏ làm chỗ ngồi. Thế là bây giờ Siddhattha mới tìm ra chỗ dừng chân cho mình trên bước lang thang tìm đạo. Vị đạo sư này nổi danh nhiều phương; và chỉ cần nhìn thần thái, phong cách, giọng nói tự tin, chàng biết đấy là bậc chân tu có sở đắc. Siddhattha cảm thấy yên trí. Chàng ngồi thiền một thời như lệ thường, sau đó đi vào một giấc ngủ khá sâu.

Sáng ngày, chim hót râm ran bên tai. Siddhattha mở bừng mắt dậy thì mọi người đã đi đến các thôn làng để khất thực cả rồi. Có một đạo sĩ từ chiếc lều bên kia con suối bước sang, nhìn chàng, tỏ mối quan tâm:

- Mới đến tu hả? Vậy hiền hữu hãy ôm bát đi theo tôi. Ở đây thì không lo cái ăn. Các thôn làng quanh đây đa phần đều là đệ tử của đạo sư chúng ta cả. Chỉ cần gắng tu cho tốt thôi.

Họ đi vào làng. Siddhattha cũng đã khá quen việc trì bình khất thực nên cách ôm bát, cách đi đứng... có vẻ thuần thục.

Vị đạo sĩ bắt chuyện:

- Có vẻ hiền hữu xuất gia đã nhiều năm. Vậy chẳng hay đạo hữu đã từ đạo tràng nào mà đến đây?

Siddhattha thật tình kể lại một vài chi tiết cần thiết, vừa đủ. Vị đạo sĩ có vẻ mến chàng nên tận tình hướng dẫn. Ông ta vui vẻ cho biết, nếu cần các loại trái cây thì nên đến miền nào, thôn nào. Các loại chất ngọt như đường cục, mật ong, mật mía, đường thốt nốt thì ghé chỗ nào, làng nào. Quả là lời chỉ dẫn quý báu. Tuy nhiên Siddhattha lại nghĩ khác, chàng chỉ muốn đi xin ăn bình đẳng và không chọn lựa. Chàng chỉ thầm cảm ơn người bạn có bụng tốt...

Lúc ôm bát vật thực vừa đủ dùng trở về rừng thì mặt trời đã gần đỉnh đầu. Mọi người đang lặng lẽ ngồi thọ thực nơi này nơi khác. Siddhattha trở về cội cây của mình, ngồi xuống, nghĩ tưởng ân đức của thí chủ, cầu nguyện cho họ; đồng thời, tự khuyên mình đừng nên mê đắm cái ăn, chỉ nên xem đây là năng lượng vật chất để duy trì mạng sống mà thôi. Độ thực xong, chàng đến bên suối, rửa bát rồi tìm đổ nước nơi không có cỏ xanh. Điều này chàng làm tự nhiên thôi, nghĩ là phải làm như thế chứ chưa có ai chỉ dạy cả. Vị đạo sĩ bên kia suối quan sát việc làm của chàng, gật gật đầu, mỉm cười.

Sau khi đi tản bộ kinh hành năm bảy vòng, Siddhattha trở lại gốc cây ngồi thiền định. Khi xả thiền thì đúng vào giờ đạo sư Ālāra giảng pháp và dạy cặn kẽ pháp môn tu cho từng người.

Đến bên đạo sư, chàng được ông ta dạy:

- Này, người bạn trẻ! Thứ nhất là phải có lòng tin đối với thầy, lòng tin đối với bạn đạo, lòng tin đối với các giá trị tinh thần thiêng liêng. Thứ hai là phải hành trì học giới. Học giới có nhiều lắm. Cuối mỗi nửa tháng sẽ có một vị luật sư tuyên đọc cho hội chúng nghe. Nhưng có những học giới quan trọng, có lẽ người bạn trẻ cũng hiểu rồi, đó là không được giết hại sinh mạng chúng hữu tình, không được dâm dục, không được trộm cắp và không được tà mạng... Thứ ba là cách đi đứng, ăn nói khi giao tiếp với bạn đạo, khi vào trong các xóm làng... Và cuối cùng là phải nghiêm túc trong hành trì, tu tập thiền định ngày đêm không được lơ là, ngoại trừ lúc đi khất thực, tắm giặt, vệ sinh thân thể và ngủ nghỉ. Nên ngủ rất ít. Đêm ba canh chỉ nên ngủ một, hai canh... Sau đó, đạo sư Ālāra ân cần hướng dẫn cách theo dõi hơi thở, chú niệm vào hơi thở như thế nào...

Siddhattha kính cẩn lui ra. Việc trước nhất là phải làm một cái chòi lá. Chàng đi vào rừng, lát sau mang về một vác nặng. Nhờ đã học hỏi trên đường nên Siddhattha dễ dàng tìm cây và lá cần thiết. Rồi vác thứ hai, vác thứ ba. Siddhattha thú vị, say mê công việc mới của mình. Đến chiều tối thì mái vòm lá của chàng khá đẹp, khá tiện nghi. Ông bạn đạo sĩ bên kia suối đứng ngắm nhìn, cứ tấm tắc khen ngợi mãi.

Việc tọa thiền điều hòa hơi thở, chú niệm vào hơi thở thì Siddhattha đã quen. Khuya, chàng xả thiền và nằm nghiêng lưng trên đám lá. Ngày mai phải làm một sạp cây ngăn khí đất để giữ gìn sức khỏe, chàng thầm nghĩ.

Khoảng đầu canh ba, Siddhattha thức dậy, tọa thiền rồi đi kinh hành, chú niệm vào từng bước chân, trời sáng hồi nào không hay. Buổi sáng, Siddhattha đi khất thực rồi với những công việc như lệ thường. Buổi chiều, Siddhattha lại vào rừng, lấy cây kết làm giường nằm, cùng vài đồ dùng cần thiết khác. Lúc tắm giặt, người bạn đạo sĩ tặng chàng một tấm vải cũ, có lẽ là tấm vải bó tử thi đã giặt sạch. Siddhattha hoan hỷ, cảm ơn - vì quả thật, chàng cần một tấm để mặc trong mỗi khi giặt giũ. Và cứ thế, Siddhattha quen dần với đời sống tại nơi này. Vài ba ngày, chàng tìm đến đạo sư trình pháp một lần.

Đạo tràng của đạo sư Ālāra vào các ngày giữa và cuối tháng, cư sĩ nam nữ các thôn làng đến rất đông. Những khi như vậy thì đạo sư Ālāra thuyết pháp, giảng đạo suốt ngày. Thỉnh thoảng, có vài vị đệ tử lớn tuổi thay thầy vài thời pháp. Họ nói nhân quả, thiện ác, nghiệp báo, luân hồi tử sanh, phước báu, các cảnh trời... Nói tóm lại Siddhattha nghe rất thuận tai. Có điều chàng thấy giáo lý tuy đúng nhưng có nhiều kẽ hở, nhiều chỗ còn mù mờ, chưa được rõ ràng, chưa được sâu sắc. Nó không được minh nhiên cho lắm. Siddhattha chỉ thầm nghĩ như thế, chẳng dám nói với ai. Mỗi tháng có hai buổi tối, mấy trăm đạo sĩ tập trung lại, dưới trăng, những bó đuốc cháy bập bùng nghe các vị luật sư thay phiên nhau tuyên đọc học giới. Ồ! Hóa ra cũng hay lắm. Cách đi đứng, ăn nói, ngủ nghỉ, nằm ngồi... đều có học giới cả. Rồi còn cách giao tiếp, ứng xử đối với mọi người, từ vua chúa, quý tộc, các giới cấp xã hội phải như thế nào cũng có những chế định. Khá toàn hảo, chàng nghĩ, nhưng dường như muốn cho toàn thiện, toàn mỹ hơn thì còn cần nhiều và nhiều nữa. Như cách mặc y, mang bát, cách giữ tâm bình đẳng, mắt phải cúi xuống nhìn phía trước một đòn gánh, hai đòn gánh. Bạn đạo thì phải sống với nhau như thế nào, ví dụ như thân cần phải hòa hợp, lời nói cần phải hòa hợp, ý nghĩ

cần phải hòa hợp, tri kiến cần phải hòa hợp... Nếu đi sâu hơn nữa, muốn giáo pháp được hưng thịnh thì phải như thế nào nữa; cả thầy và trò còn cần phải có những quy định cho người sống ở rừng, ở thành phố, làng xã nữa. Mà thôi, chàng nghĩ, tìm được một đạo tràng chân chính như thế này là quý lắm rồi.

Hôm kia, Siddhattha đến gặp đạo sư Ālāra để trình pháp:

- Đệ tử theo sự chỉ dạy của thầy để điều tức. Ban đầu, đệ tử theo dõi hơi thở, sau đó, bám sát, dính chặt vào hơi thở một cách liên tục, không gián đoạn. Khi đã an trú được rồi thì tất cả mọi tạp niệm lao xao đều lắng dứt. Theo đó, hơi thở của đệ tử càng lúc càng nhẹ nhàng, chỉ còn như làn khí mỏng manh tới lui. Kiên định theo dõi làn khí ấy thì thấy nó càng lúc càng trong và sáng ra. Cứ chú mục mãi vào cái trong và cái sáng ấy thì lát sau, ngoại giới vong bặt, cái "tướng sáng" của hơi thở càng lúc càng trong. Trú tâm, an trú tâm vào cái tướng sáng trong ấy, giây khắc sau, đệ tử cảm nhận một trạng thái tịnh định với phúc lạc chưa từng có trong đời. Đệ tử có thể ngồi một canh, hai canh với niềm tịnh định, phúc lạc ấy. Đó là cái gì, thưa đạo sư?

- Hoàn toàn đúng, này người bạn trẻ! Đấy là tầng thiền thứ nhất. Bây giờ con vẫn cứ vào ra tầng thiền ấy cho thuần thục. Vài ba hôm nữa, con hãy đến trình ta, thử xem thế nào!

Y lời thầy, Siddhattha đi vào, đi ra thiền ấy. Hôm sau, chỉ cần chú tâm vào hơi thở là chàng đi vào định với thời gian rất ngắn. Rồi chàng muốn trú vào phúc lạc, tức khắc có ngay phúc lạc và giữ nguyên trạng thái an tĩnh thâm sâu ấy đôi khi cả đêm. Sáng ngày, tinh thần phơi phới, an lành, như qua một giấc ngủ ngon không mộng mị.

- Con đã qua tầng thiền thứ hai, tầng thứ ba của thiền định. Tuy nhiên, này người bạn trẻ, trạng thái phúc lạc của định tam thiền, đã rất thâm sâu, nhưng vẫn còn thô tháo; con hãy bỏ nó để bước lên một cảnh giới cao hơn: ấy là thấm sâu

vào trạng thái thanh tịnh, yên ổn, trầm lặng cùng sự quân bình tâm hồn một cách tuyệt hảo. Con đã tiến bộ vượt bậc chưa từng thấy, nhưng còn phải nỗ lực tinh cần nữa.

Chỉ một hôm sau là Siddhattha đến trình pháp và đây thiền chứng thứ tư.

Đạo sư Ālāra nói:

- Thật là tuyệt vời, người bạn trẻ! Bây giờ, con hãy từ bỏ hơi thở, chỉ chú tâm vào cái tướng sáng tròn lặng ban đầu. Chỉ chú tâm miên tục vào nó thôi, đến lúc nào con thấy mọi vật chất, mọi hình sắc đều tan biến, chỉ duy trì cái tưởng hư không rộng lớn, mênh mông, vô biên. Tất cả con, vũ trụ, vạn hữu không còn nữa. Tất cả chỉ còn "hư không vô biên" mà thôi.

Chỉ ít hôm sau là Siddhattha đạt được tầng thiền ấy. Ở đây mọi cảm giác không còn nữa, mọi ý niệm khổ và lạc trong tâm cũng vắng bóng, chỉ còn hư không vô biên, vô hạn là tồn tại. Càng chú mục vào thêm nữa thì nội tâm và ngoại giới càng vong bặt, không còn ý thức ngã và ngã sở, chúng chìm mất vào miền hư tĩnh của "hư không vô biên" ấy. Lúc xả thiền, cái "tưởng" ấy vẫn còn mạnh, mọi hiện tượng xung quanh như người, vật, cây cối... thảy đều mơ hồ. Siddhattha lắng nghe hơi thở, nhịp đập của tim... thì mọi cảm giác, ý thức mới bắt đầu hoạt động trở lại. Lúc đi vào xóm làng khất thực, Siddhattha lắng nghe mình có thay đổi gì không, qua mắt nhìn, qua tai nghe... Rồi mọi ký ức, hồi tưởng, suy nghĩ có sự chuyển hóa nào chăng? Chúng vẫn vậy. Chúng vẫn lăng xăng, lao xao qua lại, tuy có yên lắng, trong sáng hơn - nhưng tâm trí vẫn còn nguyên những câu hỏi, những khát vọng gì đó chưa thỏa mãn... Trên lối mòn về rừng, Siddhattha chợt đứng lại, chú tâm vào tưởng định đã đạt, một lát "hư không vô biên" lại hiện ra, chàng và mọi hiện hữu không còn nữa. Xả thiền, Siddhattha chậm rãi bước đi, lắng nghe... thì cảm giác, ý thức, tâm trí trở lại như cũ...

Giờ trình pháp, Siddhattha nói ra tất cả mọi cảm nhận của mình, kể cả hoài nghi các ý thức thường nghiệm:

"- Không ai có sự cảm nhận sâu sắc, diễn đạt trạng thái trong định, ngoài định rõ ràng, chân xác, như chàng trẻ tuổi này." Đạo sư Ālāra thầm nghĩ. Tuy thế, ông nói:

- Không sao đâu con. Đấy là tầng thiền vượt qua mọi sắc tưởng. Khi ở trong định ấy thì thế gian, vạn hữu, tất cả mọi sắc pháp không tồn tại. Con đã tiến bộ một cách phi thường. Nhưng bây giờ, con phải rời "tưởng hư không" ấy. Đúng, con nói đúng. Hư không ấy có được là do "tưởng" của ta cảm nhận, do "tưởng" của ta biến hiện ra. Tầng thiền cao hơn mà con phải bước lên là chỉ có thức, chỉ có ý thức. Thức vẫn là nền tảng của mọi hiện tượng, đồng với vạn hữu. Thức tràn ngập, châu biến, không có ngăn mé...

Lại chỉ vào hôm sau, Siddhattha đạt tầng thiền "thức vô biên" ấy. Chỉ có thức, thức vô biên, vô tận. Vậy nó là kinh nghiệm, là trạng thái? Nếu rời bỏ kinh nghiệm và trạng thái ấy, toàn bộ cảm giác và tri giác của ta ra sao? Siddhattha suy nghĩ. Lúc xả thiền, chàng lại tập nhìn, lắng nghe. Do năng lực của thiền còn được duy trì, Siddhattha tiếp đối ngoại cảnh, chàng thấy rằng ở đâu cũng có thức, do thức, không có thức thì không có gì cả. Một hạt cát, một làn gió, một tiếng chim, một chiếc lá rơi, một giọt sương... cũng do thức cảm nhận. Một ý tưởng nhỏ nhiệm, vi tế... cũng như vậy. Cả sơn hà, đại địa, nhật nguyệt, thiên hà... cũng bởi thức mà hiện hữu. Tuy nhiên, nếu thức là vô biên, nền tảng như thế, thì vui buồn, khổ lạc, tham sân, những vướng kẹt tri kiến của ta ra sao? Ồ, chúng có thay đổi do tâm và trí được trong sáng, thanh lặng hơn; nhưng ta vẫn là con người cũ, mọi căn để phiền não vẫn chưa được xa lìa. Có thể nó yên lắng nhưng chưa thật sự đoạn trừ được.

Siddhattha lại đến trình pháp với những cảm nhận riêng tư cùng thắc mắc của mình. Đạo sư Ālāra vô cùng khen

ngợi, gật đầu lia lịa. Rồi bậc thầy khả kính ấy lại hướng dẫn chàng một loại định cao hơn. Ông nói:

- Khi nghĩ là "không vô biên" thì chỉ có "không vô biên" là nền tảng của vạn hữu. Khi nghĩ "thức vô biên" thì "thức vô biên" là nền tảng của mọi hiện tượng. Con biết sao không? Định trước thì ta vướng "đối tượng không vô biên ngoại giới", định sau thì ta kẹt "năng tri thức vô biên nội tâm". Vậy thì phải xả bỏ đối tượng, xả bỏ năng tri, lìa "không vô biên" bên ngoài, "thức vô biên" bên trong để bước đến một cảnh giới cao hơn: "Không có gì cả". "Không có gì cả" là không còn năng sở, chủ khách, trong ngoài, đối tượng và nhận thức.

Thật là quá rõ ràng, Siddhattha nghĩ, chàng bái tạ đạo sư. Ālāra rộng mở thêm cho chàng một chân trời mới. Và lộ trình tu tập từ bước đầu cho đến bây giờ, chàng thấy thật là chặt chẽ, minh nhiên; là sự viễn ly từng bước một, từ cạn vào sâu, từ trạng thái thô tháo đến vi tế, từ cảm giác, tri giác... nó lộ ra từng nấc, từng nấc trên chiếc thang bước đến giải thoát... Siddhattha có lòng tin đối với đạo sư, trở về góc lều của mình, chàng lại công phu tinh cần, miên mật.

Trong thời gian tu tập ở đây, lần hồi có khá nhiều đạo sĩ tìm đến làm quen với chàng. Nhìn vóc dáng cao lớn, uy nghi, đường bệ của Siddhattha thì ai cũng ngần ngại, nhưng khi trao đổi chuyện, họ không ngờ chàng vui vẻ, hòa nhã, lịch thiệp... rất dễ thân cận. Nhất là ông bạn ở bên kia suối. Thấy chàng tiến bộ quá nhanh chóng; và sự ổn định, trầm tĩnh thanh thoát ở nơi chàng, cuốn hút mãnh liệt nên ông ta thường tìm đến học hỏi. Siddhattha ngoài thời gian công phu tọa thiền hay kinh hành, hễ rảnh rỗi là chàng tận tình hướng dẫn người bạn đồng tu. Nhờ kiến thức uyên bác từ quá khứ, nhờ lộ trình, bước đi thật sự vững chắc, nhờ nghiêm túc hành trì lẫn chiêm nghiệm cá nhân, Siddhattha đã cặn kẽ hướng dẫn với lối giải thích rõ ràng, khúc chiết... dễ nghe,

dễ hiểu, dễ hành trì. Vị đạo sĩ sung sướng, hân hoan vô cùng. Đúng là "học thầy không tày học bạn". Siddhattha có kiến thức như biển rộng, trời cao; lại có cách nói bằng lời, bằng ánh mắt, bằng nụ cười, bằng cử chỉ... giúp cho đạo sĩ lãnh hội rất nhanh chóng hơn cả đạo sư Ālāra của ông. Nhờ vậy, đạo sĩ hành trì có hiệu quả trông thấy.

Chỉ non tuần lễ, Siddhattha đã đi vào định "vô sở hữu xứ" là định không còn dính mắc bên trong, bên ngoài khi khởi lên tưởng "không có gì cả". Siddhattha chưa đến trình pháp vội, chàng cần có thời gian đi vào, đi ra định ấy cho thuần thục, đồng thời chiêm nghiệm nó, giác tri nó ra sao. Vị đạo sĩ bạn đã vào được tầng thiền thứ hai, hoan hỷ lắm, lúc này thường cận kề Siddhattha, tìm cách giúp đỡ việc này việc kia, tự coi mình như đệ tử, phải quan tâm hầu hạ "thầy".

- Tôi là Pukkusa. Hôm kia, đạo sĩ nói - Đạo sư Ālāra Kālāma đạt được sở đắc rất cao. Một lần nọ, ngài ngồi dưới gốc cây bên cạnh đường, lúc ấy có mấy trăm cỗ xe bò đi ngang mà đạo sư không hề nghe biết. Thật là hy hữu! Thật là vĩ đại!

Siddhattha mỉm cười:

- Ừ, đúng vậy, ông bạn. Đạo sư của chúng ta trú định rất sâu nên mới làm được vậy. Cả tôi, cả bạn, ai cũng có thể bước vào cảnh giới mà bạn gọi là hy hữu, là vĩ đại ấy!

Pukkusa tròn mắt:

- Thật thế sao?

Siddhattha giải thích:

- Đấy là định "vô sở hữu xứ". Tôi đã kinh qua định ấy. Và khi trú thâm sâu thì có lẽ năm trăm cỗ xe đi qua vẫn không hay biết - là chuyện bình thường. Vào định ấy, ta dường như đóng cửa tất thảy mọi cảm giác, tri giác, tâm hành, ông bạn ạ!

Vị đạo sĩ há hốc miệng.

Siddhattha lại thở dài:

- Tôi đã rà soát, xem xét, chiêm nghiệm định ấy và thấy rõ rằng: Khi ở trong định ấy thì ta an ổn, vắng lặng, trong sáng, vô nhiễm; nhưng khi rời nó, trong tôi, vẫn ray rứt những câu hỏi, những nhức đau về lẽ tử sinh, về sự giới hạn của đời người. Trong ta, xung quanh ta, vạn hữu vẫn tồn tại sự bất toàn, đổ vỡ, trống không... chẳng có cách gì vượt qua, giải thoát chúng được, ông bạn thân mến ạ!

Vị đạo sĩ sững sờ. Quả thật ông ta không ngờ vị sa-môn dáng dấp rồng phượng, quý tộc, vương giả ấy, trong thời gian chỉ hơn tháng đã có những sở đắc ngang với đạo sư của y. Và bây giờ lại còn tỏ vẻ hoài nghi, còn tìm cách vượt qua đạo sư Ālāra nữa chứ!

Hôm ấy là đêm rằm, trăng trong vằng vặc, sau khi hàng cư sĩ đến cúng dường, thính pháp ra về hết, Siddhattha vào gặp đạo sư Ālāra Kālāma, trình bày thiền chứng của mình, rồi mong ngài hướng dẫn cho một sự tu tập cao hơn.

Nỗi vui mừng rạng rỡ trên khuôn mặt già nua, đạo sư tán thán:

- Thật là hy hữu thay, Siddhattha! Thật là vĩ đại thay, Siddhattha! Cái mà ta tu tập một đời, hành trì một đời, người bạn trẻ chỉ hơn một tháng công phu! Trong số đệ tử của ta, chưa ai được như thế!

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin thầy mở lượng quảng đại đưa đệ tử bước lên một cảnh giới quang rạng hơn nữa. Thiền định "vô sở hữu xứ" này tuy tròn trặn, sáng trong như lưu ly nhưng lúc trở về với cảm thức thường niệm thì mọi lợn cợn, vẩn đục, mọi thao thức, trăn trở về chuyện sống chết, nguyên nhân tối hậu của trầm luân... trong đệ tử vẫn còn y như cũ.

Đạo sư Ālāra Kālāma nhìn Siddhattha, trầm ngâm giây lâu rồi với giọng rất chân tình:

- Này Siddhattha! Nói thật, ta cũng chỉ có chừng ấy. Ta cũng chỉ có được chừng ấy. Ta chẳng có gì phải giấu giếm người bạn trẻ. Cái mà ta chứng đạt thì Siddhattha cũng đã chứng đạt, không hơn ta mà cũng không thua ta.

Chợt ông hỏi han, thân mật:

- Vậy xuất thân, dòng dõi thế nào, hở Siddhattha?

- Đệ tử thuộc giòng dõi sát-đế-lỵ, vương triều Sākya, là thái tử con vua Suddhodana, mẹ là hoàng hậu Mahāmāyā. Sắp đến ngày đăng quang vương vị, đệ tử từ bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo, thưa đức đạo sư!

- Ồ, thật là đáng kính phục! Đạo sư Ālāra tấm tắc khen ngợi - Tất cả những gì toát ra nơi người bạn trẻ đều phi phàm. Muôn triệu năm may ra mới có một. Bây giờ, cái gì ta thành tựu thì Siddhattha cũng đã thành tựu rồi. Vậy, hãy ở lại đây, Siddhattha, con rồng vương giả! Hãy ở lại đây để cùng ta chăm sóc hội chúng này. Ta sẽ xem Siddhattha như một người bạn vong niên. Ta già rồi. Và dưới ta, kể cả đệ tử lâu năm, chẳng ai có thể ngang bằng Siddhattha để có thể kế thừa sự nghiệp được cả.

Siddhattha chưa dám trả lời thẳng thắn, là không thể, sợ đạo sư Ālāra buồn. Chàng cúi đầu, lặng lẽ. Nhưng khi thấy đạo sư muốn triệu tập hội chúng để tuyên bố sở đắc của chàng, cùng tư cách kế thừa bậc đạo sư, chàng nghĩ là nên nói thật, tốt hơn. Nghĩa là chàng đã từ chối rất lễ độ:

- Rất tri ân đạo sư! Siddhattha nói - Đệ tử không thể kế thừa sự nghiệp vinh quang mà đạo sư đã hứa khả. Đệ tử chưa đủ đức, đủ trí, đủ tuổi tác, đủ kinh nghiệm, đủ kiến thức, đủ sở hành để hướng dẫn hội chúng đông đúc này. Đệ tử còn trẻ quá về mọi phương diện. Lại nữa, đệ tử còn cần phải hành trì, phải tu tập, phải tìm cho ra lộ trình bất tử, giải thoát toàn vẹn và toàn mãn mọi khổ đau sinh tử và của rối bời tri kiến. Đệ tử còn cần phải lên đường. Xin đảnh lễ từ tạ

đức đạo sư, người đã quan tâm, ưu ái, chiếu cố đệ tử bấy lâu nay.

Tuy rất buồn vì sự ra đi của người học trò ưu tú nhưng đạo sĩ Ālāra biết là sự chứng đắc của mình còn nhỏ bé, trí tuệ của mình còn giới hạn, quả thật không thể giữ cánh chim bằng đang khao khát tuyệt đối.

Cả đạo tràng hay tin, ai cũng bàng hoàng, sững sờ: Hóa ra Siddhattha mới đó mà sở đắc đã bằng đạo sư Ālāra nổi danh, lại còn hướng đến chân trời khác nữa. Bốn, năm mươi năm nay mới có một người, một nhân cách siêu việt.

Trăng đã về khuya, cả mấy cánh rừng dường như không ngủ: Mấy trăm đạo sĩ còn thầm thỉ nói chuyện về một sự kiện hy hữu, phi thường cùng nhân cách cao diệu của Siddhattha khi chàng từ chối chức vị lãnh đạo hội chúng.

Gặp Gỡ Đức Vua Seniya Bimbisāra

Mờ sáng hôm sau, Siddhattha lên đường. Các đạo sĩ đã đứng lố nhố nơi này, nơi khác. Một vài vị đứng xa, lặng lẽ nhìn. Những đôi mắt thân thiện. Vài đạo sĩ khác quyến luyến đến gần, ôm vai, buồn bã. Đạo sĩ Pukkusa cụ bị y bát muốn đi theo nhưng Siddhattha bảo không nên, hẹn lúc nào tìm được đạo lớn, giải thoát trọn vẹn sinh tử khổ đau, lúc ấy hãy hay.

Len lỏi giữa mấy khu rừng, Siddhattha nhắm hướng đông nam. Sương mai lành lạnh bờ vai. Nắng nhẹ, mỏng đã hừng lên từ phương đông. Lâu sau, Siddhattha đã bước vào xa lộ, bỏ bắc Vesāli đạp xuống sông Gaṅgā. Nhìn xóm làng, sinh hoạt, người và cảnh, Siddhattha thấy đây đúng là một quốc độ giàu mạnh. Chốc chốc, Siddhattha bắt gặp một vài đoàn thương buôn, hoặc xe ngựa, xe bò hoặc lạc đà... chất đầy hàng hóa đổ xuống Māgadha. Chốc chốc có vài toán kỵ mã lướt qua, phục sức giáp bào, đai hia, mũ miện, vũ khí chói ngời, Siddhattha biết rằng đấy là giai cấp chiến sĩ oai hùng của dòng dõi Licchavī. Họ có từng toán mặc toàn xanh, toàn đỏ, toàn vàng... trông đẹp đẽ, quy củ... và nghe đâu quân đội của họ rất nghiêm minh, kỷ cương.

Trưa, Siddhattha đi bát ven một xóm chợ. Dân chúng đặt bát rất tôn kính và thân thiện. Một, có lẽ là nhờ đức cảm hóa

của đạo sư Ālāra, hai là nhờ truyền thống giáo dục tâm linh của vương triều. Lúc dừng chân độ thực hoặc nghỉ ngơi tại các lùm cây mát mẻ bên vệ đường, Siddhattha gặp các đạo sĩ khổ hạnh. Họ vẫn có bát xin ăn nhưng chỉ cần một vá, một muỗng... mà thôi! Với hình hài khô gầy, đôi mắt sâu hoắm, râu ria xồm xoàm, tóc tai như tổ quạ, với tấm y dơ dáy, rách nát, họ dường như chỉ chú trọng vào việc làm cho khô kiệt nhu cầu thân xác. Một vài góc rừng, Siddhattha gặp mấy đạo sĩ lõa thể, họ cố tránh nơi làng xóm hoặc có người qua lại, chỉ dùng củ, trái, lá cây qua ngày... để tu hành ép xác, hành thân hoại thể.

Một vài lần đàm đạo xảy ra trên đường. Siddhattha biết rằng, dân chúng các nơi rất kính trọng các bậc tu khổ hạnh. Và quan điểm chung chung của các đạo sĩ này tương tợ nhau. Thân xác nhiều tham muốn quá cho nên khổ. Vậy muốn chấm dứt khổ thì phải triệt tiêu nhu cầu của thân xác, làm cho mọi cảm giác đều phải trơ lì, yên ngủ. Khi mà tinh thần con người không còn nô lệ thân xác nữa, nó sẽ thăng hoa, nó sẽ giải thoát, nó sẽ thể nhập làm một với đấng Tuyệt đối, với Phạm Thể vô biên! Siddhattha không góp ý, không tranh luận, chàng chỉ lắng nghe, học hỏi, chiêm nghiệm. Có rất nhiều pháp môn lạ lùng, Siddhattha đã gặp gỡ trên đường, nói không hết, kể không hết; chàng tự nghĩ, chưa vội tin mà cũng chưa vội bỏ, phải nghiên cứu toàn bộ, sau này.

Do chẳng có gì phải vội vã nên chỉ sáu do-tuần mà Siddhattha đi mất mười hôm mới đến được bên này sông Gaṅgā. Tại một bến thuyền, Siddhattha chứng kiến một cảnh tượng huyên náo, lạ lùng chưa hề thấy ở trong đời. Không biết bao nhiêu là đạo sĩ, tu sĩ phục sức, y áo khác nhau, với những sinh hoạt khác nhau. Có nhóm đứng bên sông lầm thầm chắp tay cầu nguyện. Có nhóm xuống tắm nước sông thiêng để rửa sạch cho kỳ hết bao nhiêu tội lỗi, nghiệp chướng tiền khiên. Có nhóm người nhập định, phơi xác trần

dưới sự nung nấu của mặt trời. Siddhattha thanh thản dạo gót ven bờ nước đục đỏ ngầu, trên bãi cát vàng mênh mông, vô tận... Đâu cũng là người, đủ mọi màu da, mọi giai cấp, mọi tuổi tác. Tất cả là đàn ông. Đàn bà chỉ lác đác một vài. Ai nấy đều thản nhiên. Dường như chẳng ai chú ý đến ai. Ai có công việc nấy. Một số đàn ông đang sắp xếp một giàn hỏa thiêu. Vài ba đám ma đang đặt xác tử thi trên một bãi đất trống. Từng đàn bò, ngựa, lạc đà xuống sông uống nước. Những sạp hàng lớn, nghễu nghện hàng hóa đang rục rịch chuẩn bị xuống thuyền sang sông. Có năm, bảy người đàn ông phục sức y áo lòe loẹt, diện mạo lạ hoắc... đang cân đo đong đếm bên những kiện hàng. Họ có thể là từ các xứ Ba Tư, Ả Rập sang đây giao thương, buôn bán làm ăn.

Đây đúng là một xứ sở năng động, phồn vinh với những sinh hoạt phong phú, đa diện, còn Kapilavatthu chỉ như là một quận huyện nhỏ bé. Siddhattha nhờ một thuyền buôn sang sông. Ôi, sông rộng mênh mông, lềnh bềnh xác tử thi và rác rưởi. Thuyền qua, thuyền về tấp nập. Có những chiếc thuyền lớn chở luôn cả cừu, dê, bò, ngựa, lạc đà... cùng với hàng hóa nặng trĩu...

Phía Nam sông Gaṅgā trông nhộn nhịp, tấp nập hơn cả bờ Bắc. Siddhattha dừng chân giây lát nơi bến sông để chứng kiến một cảnh hỏa thiêu, chứng kiến một xác người chưa cháy hết được thả trôi. Cũng giống như ở Kapilavatthu, chẳng ai khóc lóc, tiếc thương những người thân thuộc. Ai cũng quen với sự sống, sự chết. Là lẽ thường. Thần Agni sẽ đưa linh hồn lên mây xanh. Thần Rāma sẽ cho hóa sanh một kiếp khác hay cho về ở với người. Niềm tin ấy cho họ sự bình thản, an nhiên. Chết đi, nghĩa là từ bỏ thân xác bệnh tật, già nua, hủy hoại, tan rã... để mượn lại một thân xác mới trẻ trung hơn, tràn trề sinh lực và sự sống hơn. Quan niệm chung của tôn giáo ngàn đời hóa ra cũng giải tỏa được nỗi khổ trước lưỡi hái của tử thần.

Dừng chân tại thị trấn Pāṭaligāma thương mãi phồn vinh vài hôm, Siddhattha quan sát, ngắm nhìn, lắng nghe mọi sự. Nhất là dân tình, quan niệm sống của họ cùng sinh hoạt các tôn giáo. Qua tiếp xúc với một số đạo sĩ, Siddhattha biết rằng, tại quốc độ Māgadha tồn tại nhiều giáo phái, cả trong và ngoài truyền thống. Hóa ra đạo sư Ālāra thuộc một phái nhỏ, Saṅkhya, một trong sáu phái bà-la-môn hưng thịnh ở đây. Có một số giáo phái không chấp nhận quyền uy của thánh kinh Vệ-đà, của Áo-nghĩa-thư, họ tự lập ra từng nhóm riêng, có quan niệm và cách thức tu tập riêng. Tuy nhiên, bất kể sa-môn, bà-la-môn, đạo sĩ nào thì dân chúng đều ủng hộ, đều đặt bát cúng dường. Đây là xứ sở tự do tôn giáo, tín ngưỡng đúng nghĩa; nhờ mưa thuận gió hòa dân chúng an cư lạc nghiệp, theo đó, các giáo phái phát triển khắp mọi nơi.

Vật thực của cư dân mộ đạo xứ này còn phong phú hơn cả Vesāli. Cứ vừa khất thực vừa nghỉ ngơi, Siddhattha lại xuôi theo xa lộ thương mãi về thủ đô Rājagaha (Vương Xá). Chàng nghe đồn phương Nam Rājagaha có đạo tràng của đạo sư Uddaka Rāmaputta nổi danh nhiều phương. Ông ta có bảy trăm đồ chúng đoanh vây tu học. Chàng phải đến đấy để chiêm bái và học hỏi.

Bảy, tám hôm sau, Siddhattha đã đi vào thủ đô của nước Māgadha (Ma-kiệt-đà), một kinh đô hoa lệ, giàu sang, cực thịnh nhất thời bấy giờ. Dù kiến thức địa lý của Siddhattha có sâu rộng cũng không hình dung được thế núi, thế sông hùng vĩ như thế này. Hóa ra kinh thành Rājagaha nằm giữa một thung lũng mênh mông được bao quanh bởi nhiều dãy núi. Kéo chênh từ hướng tây nam lên hướng đông bắc là hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla như một bức tường thành. Phía cuối của núi Virgāla lại mọc ra dãy núi Rāma đâm thẳng góc xuống hướng nam. Sau đó, dãy núi Chattha lại đâm thẳng góc với Rāma rồi đổ về hướng đông. Xa về phía nam là dãy núi Udāya, đổ xuôi về tây nam lại bắt gặp núi Sona hùng vĩ.

Cả hai dãy núi này dường như song song với hai dãy núi Vaibhāra và Virgāla - nghĩa là kéo dài từ đông bắc xuống tây nam.

Vậy là kinh thành Rājagaha nằm trong một thung lũng hình chữ Z, được bao bọc bởi hai bức tường thành. Bức tường ngoại thành là vành đai khổng lồ, đá dựng lô nhô cùng với rừng xanh mát mẻ. Với sức người, sức của, thời gian, công phu xây dựng bức tường đá vĩ đại như thế quả thật chỉ có ý chí của một đế quốc mới làm nổi. Nó bạo liệt cắt ngang núi Sona, chạy dài qua sông suối, bình nguyên, vượt lên núi Vaibhāra, chạy theo đường "dông" của núi này, đến hết núi Virgāla. Từ đây, đổ về nam, nó xuôi mãi, trượt lên núi Udāya, rồi theo đường "dông" của núi này xuôi về tây nam. Chu vi bức tường ngoại thành nghe đâu không lớn lắm, chỉ độ chừng ba bốn do-tuần nhưng có lẽ là công trình vĩ đại thời bấy giờ.

Bức tường nội thành bao quanh cổ thành Giribbāya, là nơi biệt lập của hoàng cung, kế đó là dinh cơ của hoàng gia, quý tộc, các đại thần, quan lại, võ tướng... Từ đó, các con đường lát đá, xa rộng ra là phố phường sầm uất của giai cấp Vệ-xá, quý tộc làm thương mãi, thị dân giàu có với hàng trăm, hàng ngàn tiệm tạp hóa. Rồi còn xưởng rèn đúc vũ khí, dinh xưởng quân trang, quân dụng của hoàng gia, chiến sĩ. Cung vua được xây dựng bằng nền đá, tường đá; nhưng kết cấu các tòa nhà, dinh thự, lâu đài lại bằng gỗ quý.

Vùng thung lũng trải rộng giữa nội ngoại thành là làng xóm, nhà cửa của giới trung lưu, gồm tất cả mọi ngành nghề khác. Đây là vựa lúa, vựa trái cây, rau cải... cũng là nơi chăn thả gia súc như dê, bò, cừu... Có cả những trại nuôi ngựa, voi cho hoàng gia và chiến sĩ. Điểm xuyết giữa thung lũng này là trang trại lớn của một số đại thần, quý tộc, kỹ nữ, võ tướng... Nhiều nhất là những vườn xoài, vườn cây thuốc, vườn đinh hương, hồi hương, chà là, các loại đậu, củ...

Riêng cây thốt nốt làm đường, mật thì ở đâu cũng có, hàng hàng lớp lớp bao quanh xóm nhà, quanh công viên, dọc theo xa lộ thương mại...

Giữa khoảng hở của các ngọn núi là những cổng thành cao lớn, kiên cố. Cổng đi lên phía bắc được gọi là Cổng Bắc. Tương tợ thế, Cổng Đông, Cổng Nam...

Như vậy, địa thế của Rājagaha được phòng thủ một cách kiên cố và vững mạnh, không có quân đội nước nào xâm nhập nổi nên tạo được thế hùng cường và giàu mạnh dài lâu[1].

Nhờ giàu sang và thịnh vượng như vậy nên đất nước này là nơi hội tụ nhiều sắc màu của các giáo phái khác nhau. Cứ hễ nghe đâu có các nhóm tu tập là Siddhattha tìm đến. Quả thật là nơi này quyền uy của thánh kinh Vệ-đà và Áo-nghĩa-thư đã bị lung lay. Có những phong trào muốn đi tìm những giá trị tâm linh mới, con đường mới. Một số đã đi quá đà, rơi vào duy vật luận thô thiển, ngụy biện, hý luận, đoạn diệt kiến trở thành tà đạo nhưng vẫn tồn tại, vẫn được rao giảng đó đây. Ai nghe thì nghe. Ai tin thì tin. Ai không nghe, không tin thì thôi, chẳng đụng chạm đến ai cả. Đúng là trăm hoa đua nở, nên kinh thành này, thời này được xem là đỉnh cao của triết đạo học.

Siddhattha đã đến nhiều nơi để nghe các đạo sĩ trong truyền thống rao giảng. Gọi là truyền thống nhưng họ đã giảng giải lại Vệ-đà nên được gọi là Vedantā cho phù hợp với thời đại mới. Một số trong các vị này muốn giữ lại một ít "mật truyền" có lợi cho các tế sư để họ độc quyền liên hệ với thần linh. Nói chung, họ cũng tìm về Nhất thể nhưng do lý luận dài dòng, úp mở, mâu thuẫn, nhiều kẽ hở... nên chẳng giúp gì thêm cho kiến thức của chàng cả. Vả lại, kể cả

---

[1] Chừng 168 - 180 năm sau Phật nhập diệt, quân đội A-lịch-sơn đại đế ba lần tấn công ba lần bị đẩy lui, thất bại, phải rút về.

Vệ-đà, kể cả những quyển kinh cổ xưa của dòng dõi Aryan, Siddhattha đã thông thuộc nên chàng thấy kiến thức của bọn họ chắp vá, đứt nối, nghèo nàn... chẳng có giá trị gì. Nếu nghe ai nói đến Brāhman, Ātman... những cái ngã thường tại, bất tử... đồng với hư không, đồng một với hạt cải, hạt sung, hạt mè gì gì đó thì chàng không muốn nghe nữa. Siddhattha đã đầy mứa, no ứ loại kiến thức cũ xưa ấy. Một vài nơi nói về nghiệp, tham dục, vô minh... là công của các nhà luận giải đi sau Vệ-đà, thì nghe được, nhưng vẫn còn nông cạn, mù mờ.

Siddhattha chán nản nhất là miệng lưỡi của một số đạo sĩ duy vật luận, đoạn kiến, hư vô chủ nghĩa... Họ phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế, linh hồn, chủ trương không có thiện ác, khi thân xác thiêu rồi thì chẳng còn gì nữa. Vậy hãy hưởng thụ dục lạc cho sung sướng. Họ chỉ trích các đạo sĩ khổ hạnh diệt dục: "Này bạn! Bạn muốn quăng bỏ cả hạt thóc vì bên ngoài bao bọc vỏ trấu chăng? Hành hạ thân xác quả là đồ khùng, đồ điên!" Lạ lùng làm sao, là với chủ trương như vậy họ vẫn không được mọi người xem là đối kháng xã hội, hoặc "phi đạo đức", có hại cho nhân sinh. Một số khác tuyên bố xanh rờn về học thuyết "hoài nghi chủ nghĩa". Họ hoài nghi linh hồn, Thượng Đế, thánh thần, thiện ác, các giá trị đức lý, định mạng... Họ hoài nghi tất tần tật. Chúng nhung nhúc, nhan nhản, mọc lên tươi tốt như nấm sau vài trận mưa cuối mùa hè. Họ đi từng đoàn, từng lũ, đả phá giáo phái truyền thống, đền miếu, tập cấp bà-la-môn và các tế sư. Nhưng quả lạ lùng làm sao, dân chúng lại thích nghe họ nói, khoái chí cúng dường, cung cấp tứ sự đầy đủ. Có lẽ đây là phản ứng nghịch để tạo sự quân bình cho xã hội. Các ông bà-la-môn trịnh trọng, đạo mạo, nghiêm trang từ lâu đã bóc lột họ quá nhiều trong các cuộc tế lễ, ma chay; chủ ruộng đất, chủ các trang trại của các bà-la-môn lại sử

dụng sức lao động của nông nô với giá chết đói, cũng tương tự thế.

Còn ta-bà khổ hạnh sư thì quá nhiều, từ khổ hạnh thô tháo đến khổ hạnh cực đoan nhất. Và nói chung, mọi hình thức khổ hạnh đều được dân chúng trọng vọng, sùng mộ. Dấu hiệu chung của các đạo sĩ khổ hạnh là từ bỏ gia đình, vợ con, tài sản, tự do để râu tóc, tự do mặc nhiều kiểu y áo khác nhau, hoặc tự do chỉ che chút ít cho có lệ! Tùy. Riêng có nhóm cứ để trần truồng, lõa thể, thì họ thường ẩn dật trong rừng rậm hoặc nơi xa xóm làng để khỏi quấy rầy mọi người, nhất là đàn bà, con gái. Vị nào khổ hạnh kỳ quái nhất, dị hợm nhất thì được mọi người nể trọng nhất. Làng xóm sẽ tự hào về họ, xem họ như bậc thánh.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích chẳng tốt đẹp gì: Chỉ để cho oai, cho ghê gớm một cách hiếu danh, một cách phô trương bản ngã.

Có vị tu khổ hạnh với mục đích mong cầu đánh đổi phúc lạc ở đời sau, sung sướng gấp trăm ngàn lần bây giờ.

Có vị tu khổ hạnh thiền định để sau này bay được như chim, qua sông không cần đò, thuyền. Hoặc đi xuyên tường, độn thổ, biết rõ chuyện quá khứ, vị lai.

Có những vị cao thượng hơn, là khổ hạnh để diệt dục, để giải thoát kiếp người, mong sau này cộng trú với chư thiên, phạm thiên hay thể nhập với Thượng Đế.

Tất cả họ có nhiều cách hành hạ thân xác thật khủng khiếp. Khổ hạnh như bò thì làm hai cái sừng bò trên đầu, cột đuôi bò phía sau, sống giữa bầy bò, ăn như bò, đi như bò, ngủ như bò. Khổ hạnh như chó thì sống như chó, đi như chó, ăn dưới đất, sủa hâu hâu và nằm ngủ cũng cuộn mình như chó. Khổ hạnh kiểu nhịn ăn thì nhịn ăn cho tới chết. Có vị nửa tuần trăng mới ăn một lần. Có vị chỉ ăn một lần vào cuối mùa trăng. Có vị ngâm dưới nước suốt ngày. Có vị tự treo chân, treo tay lên trên cây cho đến khi teo chân, teo tay luôn!

Có người cột mình lên cây bằng một sợi dây, mỗi ngày vài khắc như thế. Có vị luôn luôn ngồi chồm hổm và chỉ ăn cái gì rơi vãi xung quanh. Có kẻ đứng một chân, đứng mãi đứng hoài mặc cho cây leo mọc xung quanh, chim làm tổ trên đầu. Có kẻ suốt đời không ngủ. Có người nằm trên giường đinh hoặc nằm trên đống gai tua tủa. Có vị tự cắt bớt một tay, cắt bớt một chân. Có kẻ bẻ gãy nó rồi lấy dây cột lại mặc cho nó thối rửa với dòi bọ đục khoét... Tuy nhiên, đa phần các khổ hạnh sư này có tu tập thiền định, họ có tự chủ - nên sự đau đớn về thể xác họ chịu đựng được. Người ta nể sợ họ về khả năng đó.

Khắp xứ Māgadha, các đạo sĩ lang thang với cái bát xin ăn đã trở thành hình ảnh quen thuộc. Thỉnh thoảng, vì tranh danh, đoạt lợi lại có vài ba cuộc đụng độ. Hãy lắng nghe họ nói, họ ngụy biện, họ bài bác, xách mé người khác mà chẳng đưa ra một ý tưởng khả dĩ là có kiến thức. Có kẻ say sưa nói về định mệnh thuyết. Theo đó, cái ăn, cái mặc, ngủ nghỉ, tư duy, vui khổ... không thể cải biến, không thể thay đổi được. Tuy nhiên, chẳng ai trung thành với ai cả. Họ tùy nghi gia nhập nhóm này, một thời gian lại chạy sang nhóm khác. Họ thay đổi "guru" (bậc thầy) như thay đổi món ăn. Tại kinh thành Rājagaha và các thị trấn thường có những căn nhà hội, là tụ điểm để cho muôn phương du sĩ, khất sĩ lang thang trú mưa nắng. Và thường là nơi xảy ra các cuộc tranh luận. Ai nói hay, thắng cuộc thì được vua chúa, các triệu phú gia, chủ ngân hàng, đại thương gia tặng nhiều vàng bạc, gia súc...

Siddhattha lắc đầu, vừa ngao ngán vừa mỉm cười. Quả là "đi một ngày đàng học một sàng khôn". Chỉ mới non nửa tháng ở đây, kinh thành tâm linh này mà Siddhattha đã có thể khái quát, hình dung toàn bộ sinh hoạt tôn giáo, chí hướng, mục đích, con đường của giới xuất gia đạo sĩ.

Hôm kia, nghỉ ngơi trên núi Paṇḍavā, không xa kinh thành Rājagaha bao nhiêu, Siddhattha ngồi thiền nhưng tâm

không an trú. Do kinh thành Rājagaha với những sinh hoạt của nó nên hình ảnh Kapilavatthu hiện ra. Rồi hình sương bóng khói quê nhà, phụ vương, di mẫu, Yasodharā, Rāhula... từ chập chờn đi đến rõ nét. Một dòng xúc cảm khởi sanh làm cho Siddhattha lao chao, không yên lắng được... Đã suốt đêm như thế.

Nắng sớm đã lên. Siddhattha ôm bát, thong thả đi theo con đường ruột dê xuống chân núi. Vừa đi chàng vừa trú niệm hơi thở để tìm lại sự thanh thản tâm hồn. Phải đi con đường mới, tức là con đường dẫn đến cổ thành Giribbāja có hoàng thành, cung điện của đức vua Seniya Bimbisāra nổi danh. Ở đây, dinh thự tiếp dinh thự, lâu đài tiếp lâu đài. Hình ảnh mấy tòa Cung Vui lại hiện ra nhưng Siddhattha an trú niệm được ngay.

Dáng dấp Siddhattha cao to, sang trọng, nước da như mạ vàng ròng, lại với bước đi trầm tĩnh, uy nghi... làm cho ai cũng phải chú ý, ngước đầu lên nhìn. Ở kinh thành này chưa có bóng dáng vị đạo sĩ nào khả dĩ thu hút mọi người đến thế! Là một vị xuất gia với giống dòng thượng đẳng, với bước đi khoan thai, ổn định, kiêu hùng như chúa sơn lâm... thế kia thì mọi người mới thấy lần đầu.

Siddhattha dừng lại, tầm mắt nhìn xuống, nghiêng người, đứng trước một ngôi nhà, không phân biệt họ giàu nghèo ra sao. Chàng trú niệm, không gian xung quanh bỗng yên lặng. Dường như những giọng nói, tiếng cười từ đâu đó cũng ngưng dứt. Một người, hai người, ba người rồi bốn người lặng lẽ ra đặt bát. Có lẽ là những món thượng vị đầy trân trọng. Thấy đã vừa đủ, Siddhattha lấy tay ngăn lại, thầm đọc vài ba lời quán tưởng và chú nguyện rồi quay lưng, bước đi, trở về bằng lối khác.

Siddhattha thoáng nghe từ sau gáy, từ bên tai... những cái nhìn, những lời bàn tán, xầm xì nho nhỏ: "Vị sa-môn này có lẽ không phải người mà là thiên thần."

Đúng vậy! Cỗ xe bốn ngựa trắng đang chậm rãi đi ngang, đức vua Seniya Bimbisāra vén rèm, chăm chú nhìn tướng mạo, phong thái, bước đi của Siddhattha cũng tưởng là vị thiên thần nào. Ông ngẩn ngơ. Sao trên đời lại có vị đạo sĩ đẹp đến thế! Như sực tỉnh, đức vua Seniya Bimbisāra sai một tên quân hầu bí mật theo dõi Siddhattha xem chàng về đâu, nghỉ ở đền miếu, quán xá nào... rồi về tâu lại cho đức vua hay.

Xế chiều hôm đó, đức vua Seniya Bimbisāra thắng cỗ xe bốn ngựa trắng, dừng lại dưới chân đồi Paṇḍavā. Đức vua chậm rãi leo lên núi cùng với một tên thị vệ.

Siddhattha đang ngồi thiền trong bóng râm, hào quang như tỏa sáng từ khuôn mặt. Có một cái gì tôn nghiêm, tĩnh lặng tỏa ra xung quanh làm cho đức vua không dám cất tiếng. Ông đứng vòng tay tỏ vẻ kính cẩn. Lát sau, như có con mắt thứ ba, Siddhattha biết có khách nên chàng xả thiền. Nhìn vóc dáng bệ vệ, oai nghiêm, trang phục sáng ngời châu báu như... mình thuở nào, Siddhattha biết đấy là đức vua Seniya Bimbisāra nổi tiếng châu Diêm-phù-đề.

Rất tự nhiên, Siddhattha gật đầu chào, mỉm cười, chỉ cho đức vua chỗ ngồi trên phiến đá phẳng, còn chàng thì tìm chỗ ngồi đối diện.

Siddhattha điềm đạm nói:

- Phải chăng điện hạ là quốc vương Māgadha nổi danh đương đại? Xin ngài bỏ lỗi, là sa-môn nên tôi không thể làm lễ ra mắt như kiểu quần thần.

Đức vua gật đầu:

- Phải vậy. Trẫm là Seniya Bimbisāra, hôm nay đến đây rất lấy làm vinh hạnh được thăm viếng ngài sa-môn. Chẳng hay, ngài là ai? Là thọ thần? Là chư thiên? Là phạm thiên? Tướng mạo của ngài rất phi phàm, rất khác tục vậy.

Siddhattha cười nhẹ:

- Tôi là người phàm tục, tâu đại vương. Lại nữa, lộ trình tầm đạo còn nhiêu khê, tối tăm, đâu xứng đáng để đức vua oai hùng coi trọng đến thế!

Thấy lời lẽ thanh cao, ngôn ngữ lưu loát, lịch thiệp, đức vua đoán đây không phải là kẻ tầm thường, bèn tâm sự:

- Ôi! Trẫm lên ngôi từ tấm bé, lúc phụ hoàng của trẫm mất. Mới mười bốn tuổi mà phải làm người lớn, phải chính đính, trang nghiêm, mẫu mực để cầm quyền trị nước. Năm nay trẫm hai mươi bốn tuổi. Vậy là đã suốt mười năm, trẫm không có tuổi thơ, không có sự hồn nhiên; lúc nào cũng phải lo nghĩ, tính toan trăm việc, không có niềm vui, không có nụ cười! Bao nhiêu năm qua, trẫm không hề có một người bạn để hàn huyên tâm sự. Xung quanh hàng trăm người, lúc nào cũng khúm núm, chào thưa, tuân phục, bách tuế, vạn tuế... Cũng chẳng trách họ được vì đó là luật lệ của triều đình, vì quyền uy của trẫm là tuyệt đối. Nhưng mà kỳ lạ làm sao, sáng nay, vừa thoáng thấy sa-môn, trẫm liền có cảm giác như là một người bạn thân lưu lạc từ kiếp nào. Trẫm ước ao rằng, sa-môn hãy cùng về với trẫm, làm bạn với trẫm. Với vừng trán, đôi mắt, ngôn ngữ, nụ cười... ở nơi sa-môn - trẫm biết chắc sa-môn là người ưu việt, thông tuệ, trí tài, đức hạnh đều vượt bậc, vượt xa con người. Nếu có sa-môn bên cạnh tham mưu, cố vấn, trẫm biết chắc nước nhà sẽ hùng cường và muôn dân sẽ ấm no, hạnh phúc hơn nữa.

Siddhattha quan sát đức vua, thấy ông ta có vẻ chí tình, lại có phong độ của bậc minh quân, chàng dịu dàng nói:

- Cảm ơn những lời vàng ngọc của đại vương! Nhưng tôi đã quen đời sống độc cư, thích chỗ hoang vu, u tĩnh của núi rừng mất rồi. Chốn hoàng thành hoa lệ không còn thích hợp với tôi nữa đâu.

- Đời sống sa-môn không cửa, không nhà cực khổ quá. Vật thực xin ăn tùy thí chủ, đâu có đủ dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Mặc thì chỉ có một manh áo mỏng. Nằm ngủ thì

chẳng có giường chiếu, chăn màn. Thôi, hãy về thành với trẫm đi, trẫm sẽ tặng một cung điện cao sang và tiện nghi nhất. Trẫm lại còn lựa chọn cho vài chục mỹ nữ xinh đẹp nhất thành Rājagaha làm kẻ hầu người hạ xung quanh. Họ sẽ nâng khăn, sửa túi, xếp gối, giăng màn...

Siddhattha cúi đầu, nhũn nhặn:

- Xin trân trọng tấm lòng và thiện ý của đại vương. Quả thật đấy là đặc ân tối thượng của đại vương. Nhưng tôi không quen với đời sống ấy. Tôi đang đi tìm ý nghĩa và giá trị vĩnh hằng của đời sống con người. Tôi sẽ tìm cho ra đạo lộ bất tử để cứu khổ cho muôn sinh. Đấy mới là mục đích của tôi, tâu đại vương!

Đức vua Seniya Bimbisāra vẫn chưa chịu thua, muốn thuyết phục nữa, nhưng chậm rãi hỏi:

- Sa-môn năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Thưa, hai mươi chín tuổi.

- Ồ, vậy là còn trẻ quá. Chỉ lớn hơn trẫm có năm tuổi. Thôi, thế này vậy. Cùng về với trẫm đi, trẫm sẽ chia cho sa-môn một nửa giang sơn, cả hai ta sẽ cùng nhau cai trị và hưởng phúc. Ít chục năm sau, khi tuổi già, sức yếu, mọi lạc thú trên đời đều đã nhàm chán thì cứ giao lại hết cho trẫm, rồi đi xuất gia cũng chưa muộn gì.

Siddhattha mỉm cười nụ, phê bình nhẹ nhàng:

- Đại vương nói không được đúng rồi! Con đường tu tập không đơn giản. Là lộ trình của chông gai, khổ luyện. Cần phải có sức vóc, ý chí, nghị lực... mới đi được tới nơi, tới chốn. Vậy đi xuất gia phải cần có nhiệt huyết và sức thanh xuân của tuổi trẻ. Nếu để già mới đi xuất gia, sẽ không thành tựu được gì, chỉ tìm được chút nhàn cư và bình an, tĩnh tại bên ngoài mà thôi. Còn khó khăn hơn nữa là hiện nay, sự tìm kiếm của tôi: Mục đích, con đường chưa hề có trên thế gian này, nên hành trang, tư lương lên đường cần có ý chí và nghị lực bất thối. Còn khó khăn vạn trùng. Và chỉ có tuổi trẻ

mới làm được. Xin bệ hạ hãy tha thứ cho tôi, hãy cho tôi đi theo con đường mà mình đã chọn.

Đức vua Seniya Bimbisāra gật gù:

- Quả là hùng biện! Quả là hay! Thật là ngôn lời kiên định như đá tảng! Trẫm mới nghe lần thứ nhất trong đời. Và cũng là lần thứ nhất trong đời, có người được chia cho nửa giang sơn, cung điện, mỹ nữ, quyền uy mà không hề động tâm.

Nghĩ ngợi một lát, đức vua tiếp:

- Với con người như sa-môn, lập luận đanh thép, ý chí đanh thép, vừng trán cao phẳng, đôi mắt xanh trong thế kia thì chẳng có khó khăn nào mà sa-môn không thành tựu được kể cả là làm Chuyển luân Thánh vương toàn cõi châu Diêm-phù-đề này. Trẫm không bắt lỗi đâu, trẫm kính trọng và sự ngưỡng mộ được nhân lên nhiều lần nữa là khác.

Nhìn thần sắc an nhiên, trầm tĩnh của Siddhattha, đức vua chợt hỏi:

- Trẫm hơi tò mò, vậy chẳng hay sa-môn là người xứ nào, xuất thân, dòng dõi như thế nào, có thể cho trẫm biết với chăng?

- Dạ được, không sao! Siddhattha nói - Xa về hướng tây bắc, dưới chân Himalaya hùng vĩ, có một gia tộc Sākya cổ kính, dòng dõi Thái Dương anh hùng, kinh thành Kapilavatthu nhỏ bé, hiền hòa, là quê hương của tôi đấy!

- Ồ!

- Tên tôi là Siddhattha, họ Gotama, là thái tử con vua Suddhodana còn tại tiền, mẹ là hoàng hậu Mahāmāyā đã mất sớm. Tôi lập gia đình lúc mười sáu tuổi, có được một con trai nối dõi...

- Cứ kể tiếp đi, sa-môn, trẫm muốn nghe!

- Từ lâu, tôi đã chán nản xa hoa ngũ dục ở ba tòa Cung Vui; lại còn sợ buộc ràng lúc phụ hoàng chọn ngày đăng quang vương vị nên đã trốn mọi người, rời khỏi kinh thành,

xuất gia tầm đạo lúc nửa đêm, cách đây non vài tháng thôi, tâu đại vương!

Vua ngạc nhiên quá, thốt lên:

- Hóa ra sa-môn là một vị vua! Một vị vua đã khẳng khái phất tay từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh! Vậy là trẫm đã thất lễ. Trẫm đã lấy lợi danh, quyền uy, ngũ dục để quyến rũ người đã từ bỏ ngũ dục, danh lợi và quyền uy.

Đức vua lại xuống giọng, thân thiện:

- Vương quốc Sākya hiền hòa với Māgadha của trẫm là chỗ thân quen từ nhiều đời. Từ đây đến đó chừng sáu bảy mươi do-tuần, không xa lắm. Vị đại vương Kosala oai hùng kế cạnh, đức vua Pāsenadi, cũng là chỗ thâm giao. Không giấu gì sa-môn, hoàng hậu của trẫm là em ruột của đức vua Pāsenadi. Lại nữa, trẫm sẽ có một chính sách ngoại giao với Kosala để cho Kapilavatthu được yên bình. Sa-môn đừng ngại gì cả. Hãy đi theo con đường của mình. Nhưng trẫm mong rằng, sa-môn hãy xem trẫm là bạn. Sau này, lúc nào tìm ra đạo lớn, sa-môn hãy ghé thăm quốc độ của trẫm, thăm trẫm và để cho trẫm được cúng dường tứ sự. Trẫm sẵn sàng cất lời hứa thiêng liêng, là sẽ ở bên cạnh, làm cánh tay phải, hộ trì "cái đạo bất tử" của sa-môn, được phát triển mạnh mẽ trong quốc độ này.

Siddhattha thấy vị vua trẻ tuổi, đầy quyền uy hiển hách mà hạ mình như vậy, bèn vô cùng trân trọng hứa khả, sau này đắc đạo sẽ trở lại xứ sở phồn vinh này.

Đức vua Seniya Bimbisāra cúi chào, từ giã, xuống núi. Siddhattha cũng chuẩn bị rời chỗ, chàng không muốn nhận thêm một ân sủng nào nữa của đức vua cũng như hoàng gia của xứ sở này. Biết chỗ, họ sẽ thăm viếng, tới lui. Rồi phải nói chuyện, chào hỏi, lắng nghe... làm mất của chàng biết bao thì giờ quý báu.

Chàng bước đi, lại theo đường mòn ruột dê, đến cổng thành phía đông nam, từ giã Rājagaha, đến núi khác: Có một đạo sư ở không xa đây lắm, chàng phải tìm đến.

Vị Đạo Sư Thứ Hai

Khu rừng của đạo sư Uddaka Rāmaputta trải dài ở sườn núi phía nam thuộc dãy núi Udāya, nằm ngoài bức tường thành thứ hai của kinh đô Rājagaha. Rừng cây với những gốc cổ thụ to lớn, mật độ thưa thớt, có vẻ nóng bức, vì thời tiết đang đi vào cuối hạ. Thỉnh thoảng, có vài cơn gió mang hơi lửa từ phương nam thổi tràn lên, lá vàng rụng xào xạc. Vài con suối đã cạn khô, nước chảy róc rách len lỏi giữa các lèn đá, tụ thành từng vũng xanh trong đủ nước dùng cho người và vật. Đây đó từng cốc lá che dựng tạm thời lấp ló sau các hàng cây. Vài bóng đạo sĩ tới lui, tọa thiền hoặc kinh hành trông thanh bình và yên ổn.

Đạo sư Uddaka năm nay chừng tám mươi tuổi, quắc thước, rắn rỏi, vầng trán cao rộng. Đặc biệt có đôi mắt sâu hoắm, nhãn quan lóng lánh có thần, biểu hiện một sức sống nội tâm có tu chứng, có sở đắc. Giáo pháp của đạo sư ảnh hưởng một vùng lớn rộng. Hội chúng có chừng bảy tám trăm người, kể cả xuất gia và tại gia.

Ông tiếp Siddhattha như một người học đạo bình thường, không hỏi xứ sở, gốc gác, dòng họ; chỉ hướng dẫn những pháp sơ cơ. Siddhattha chưa muốn đi sâu, nghĩ là thời gian còn nhiều, chàng dự định xem xét một vài vấn đề nội tâm đang còn máy động, lao xao. Cũng giống như ở khu rừng của đạo sư Ālāra, Siddhattha phải tự mình làm một lều

cây để che sương, đỡ gió. Sau đó, nhìn quanh bạn đồng đạo, ai làm gì thì chàng làm nấy, tìm cách hòa nhập với học chúng. Siddhattha lúc này đã thuần thục mọi sự nên thấy cái gì cũng dễ dàng thông thuận, khế hợp.

Đạo sư Uddaka Rāmaputta, nghe nói không phải tự tu, tự chứng như đạo sư Ālāra Kālāma mà được học hỏi từ cố đạo sư Rāma các thiền phi tưởng, phi phi tưởng, là định cao nhất, lôi cuốn rất nhiều đạo sĩ tìm đến tu học.

Chương trình trong ngày, Siddhattha sử dụng giờ giấc tương tự trước đây. Đêm, hành thiền hai canh, nghỉ một canh. Ngày, theo bạn đạo đi khất thực các thôn làng ngoại ô Rājagaha; chiều, nếu rảnh rỗi chút ít, tìm khe suối xa vắng để tắm giặt, nằm nhìn ngắm mây trời, lắng nghe sự va động, các cảm giác tương giao phát sanh. Tất cả đều bình hòa, lắng trong, yên tĩnh. Đôi khi, sự an lạc kéo dài, thấm đẫm từ chân tơ kẽ tóc. Nhưng thỉnh thoảng, những câu hỏi, lẽ tử sinh, giá trị nền tảng của cuộc sống lại trở về như một đám mây u ám đi qua vùng trời tâm thức. Dù trú các định, xuống lên các định khá thuần thục nhưng khi trở lại với ý thức thường nghiệm, Siddhattha thấy mình vẫn còn bất an, vẫn còn những phiền não vi tế.

Nửa tháng trôi qua lặng lẽ, hôm kia Siddhattha tìm gặp đạo sư Uddaka, chàng cặn kẽ trình bày lộ trình tu tập bấy lâu của mình, các tầng thiền, an trú và chứng nghiệm những mong sự chỉ dẫn đúng đắn và cao minh hơn.

- Sao? Đạo sư Uddaka ngạc nhiên - Trong vòng nửa tháng mà chàng trai trẻ đã đã lên đến thiền "vô sở hữu" à?

- Dạ thưa không! Siddhattha đáp - Tất cả các tầng thiền ấy, đệ tử đã học được từ đạo tràng của đạo sư Ālāra; và đệ tử đã đi xuống, đi lên, vào ra khá thuần thục.

Vị đạo sư già nua bây giờ mới chăm chú quan sát tướng mạo của chàng trai đối diện. Ồ, tướng mạo đẹp đẽ, tỏa ra sự trang nghiêm, chững chạc. Lại nữa, chàng ta có giọng trầm

ấm, có ngôn ngữ trôi chảy lưu loát, có cách diễn đạt ý tưởng chân xác, sâu sắc. Đây là người có học vấn uyên bác, thâm sâu, không phải là kẻ tầm thường.

Thế là đạo sư ân cần trao đổi:

- Này, người bạn trẻ! Cái định "vô sở hữu" mà bạn chứng đạt từ đạo sư Ālāra khả kính là một loại định bậc cao. Tuy nhiên, cái "vô sở hữu" ấy là một loại tri giác, một loại tưởng, chính xác là "tưởng không" đấy thôi. Lúc nào còn "tri giác", còn "tưởng" thì vẫn còn năng tri và sở tri. Muốn bước lên một loại định cao hơn thế nữa thì người bạn trẻ cần phải rời luôn cái tưởng ấy, cái tri giác ấy.

Siddhattha nhíu mày:

- Phải rời luôn? Phải rời luôn, phải lìa bỏ tri giác - nghĩa là "không còn tri giác" thì có đồng nghĩa với gỗ đá không, thưa đức đạo sư?

- Hay, câu hỏi hay! Lìa tri giác, lìa tưởng nhưng không phải là "không có tri giác", "không có tưởng" như gỗ đá vô tri!

Siddhattha nói:

- Nhưng có một đạo sư khá nổi danh nói rằng: Gỗ đá vô tri cũng không phải là không có tri giác, vẫn là tri giác! Điều ấy phải được hiểu như thế nào?

- Đừng có tin vào những phát ngôn ngốc nghếch! Đấy là hý luận. Là mép rìa của duy tâm, duy vật cực đoan. Ngay cõi "vô tưởng" của chúng sanh "không có tưởng", chỉ còn sự diễn tiến của sắc uẩn, vẫn không đồng với gỗ đá vô tri vì bên trong nó vẫn tiềm miên danh uẩn.

- Nhưng lìa tri giác, lìa "tưởng không" mà "không phải vô tưởng", không phải gỗ đá vô tri, thì nó là cái gì, thưa đức đạo sư?

- Điều ấy không nói được, này người bạn trẻ! Ngôn ngữ bất lực. Phải cần sự thực nghiệm, chứng nghiệm, nóng lạnh khắc biết!

Siddhattha lĩnh ý, rút về lều của mình. Vậy là phải lìa "vô sở hữu", phải lìa "ý niệm không có gì cả".

Chỉ mươi hôm sau, Siddhattha đến trình pháp:

- Để tử đã viễn ly được "tưởng không" ấy. Bây giờ đệ tử đã an trú vào một trạng thái mà không biết nó là cái gì. Nói "có tưởng", không đúng; nói "không tưởng", cũng không đúng. Cả hữu lẫn vô đều bất xác. Cũng không phải phủ định hay xác lập hai mặt nhị nguyên "có - không" của tưởng... mà là cái gì đó, đệ tử không nhìn rõ mặt!

Đạo sư Uddaka chăm chú hỏi:

- Vậy, người bạn trẻ đã trú vào cái gì?

- Thưa, có lẽ cũng là "tri giác", cũng là "tưởng" thôi. Nhưng cái này nó vi tế quá, chẳng xác định được là nó có hay không.

- Đúng vậy! Đạo sư Uddaka gật đầu - Vì đấy là định phi tưởng, phi phi tưởng (nevasaññānāsaññā), là bậc thiền cuối cùng trên lộ trình tu tập. Ở châu Diêm-phù-đề này, đó là thành tựu cao nhất, xứng đáng cho những ai cần cầu xuất gia phạm hạnh.

Siddhattha cúi đầu.

Đạo sư Uddaka chợt đứng dậy, ưu ái nắm tay Siddhattha, bảo chàng ngồi vào bồ đoàn bên cạnh, rồi mở lời khen ngợi:

- Người bạn trẻ đã tiến bộ phi thường, vượt bậc, không thể có người thứ hai trên đời này. Công phu tu tập hơn nửa thế kỷ của ta cũng chỉ có chừng ấy, chỉ có định ấy. Ta có tín, tấn, niệm, định, tuệ như vậy thì người bạn trẻ cũng có tín, tấn, niệm, định, tuệ như vậy. Không hơn, không khác.

Siddhattha lắng tai nghe, nghiêm cẩn.

Đạo sư Uddaka chăm chú quan sát Siddhattha một hồi nữa rồi cặn cặn kẽ hỏi tên họ, dòng dõi, quê quán, xuất thân... Siddhattha tình thật trả lời, ngắn gọn nhưng đầy đủ. Nghe xong, đạo sư có vẻ vui mừng:

- Ồ, có thế chứ! Phải là dòng dõi thượng đẳng mới xuất sanh được một nhân cách phi phàm như thế chứ! Đúng là rồng phượng giữa loài người!

Chợt đạo sư Uddaka xuống giọng:

- Này người bạn trẻ, này Siddhattha! Ta đã già rồi. Sự sống của ta chỉ còn đếm trên từng hơi thở. Đệ tử dưới trướng, kể cả người cao niên, hạ lạp lớn - kiến thức thì nông cạn, sở chứng thì giới hạn, nhân cách thì tầm thường. Chẳng có ai để sở cậy cả. Chẳng có ai có đủ khả năng, bản lãnh, trí tài, sở học, sở tu... để ta có thể giao phó kế thừa sự nghiệp. Vậy, bắt đầu hôm nay, Siddhattha hãy ở lại đây, hãy ngồi ở chỗ này để dẫn dắt hội chúng. Đạo tràng này là của bạn, này Siddhattha! Hãy vì ta mà phát triển giáo pháp cao thượng để lợi lạc cho phần đông...

Lúc hai người nói chuyện, ban đầu, chỉ vài người nghe, lát sau, cả hội chúng đều hay tin. Thế rồi, miệng truyền miệng, tai truyền tai, bây giờ, các đạo sĩ đã đứng lố nhố vòng trong, vòng ngoài để chứng kiến sự việc hy hữu. Họ yên lặng như tờ. Hình ảnh một đức đạo sư, tám mươi tuổi, đáng kính của họ - mà lại ân cần nắm tay một người trai trẻ, xem là bạn, lại giao phó toàn bộ đạo tràng cho chàng nữa - làm cho hội chúng bàng hoàng. Trình độ tu tập của chàng đã ngang hàng với sư phụ họ. Nhân cách, kiến thức và trí tài cũng được đạo sư trân trọng, ưu ái đặc biệt như thế kia...

Chợt, Siddhattha bái tạ đạo sư Uddaka, rồi thành khẩn nói:

- Tri ân sự tin cậy đầy nồng hậu của đức đạo sư. Đệ tử dù được đức đạo sư dẫn dắt tu tập đến định cao nhất - nhưng sau khi rời định, tâm đệ tử vẫn có cái gì đó còn lao xao, bất an. Dường như mọi tham sân, phiền não tế vi vẫn còn nằm ở đâu đấy, lúc duyên cảnh, chúng sẽ phát sanh trở lại...

Nghỉ hơi một lát, chàng tiếp:

- Thưa đức đạo sư tôn kính! Được đức đạo sư giao phó trọng trách hướng dẫn đạo tràng là một đặc ân, một nghĩa cử thiêng liêng, đệ tử xin ghi khắc tận đáy lòng, nhưng không thể thọ lãnh. Đệ tử còn cần phải ra đi, còn cần phải tìm kiếm. Cứu cánh của lộ trình phải là bất tử, phải bước ra khỏi vòng trầm luân, sinh diệt; phải đoạn tận tham sân si ở ẩn trong vô thức tối tăm. Dù còn hơi thở cuối cùng, đệ tử quyết không thối thất con đường mà mình đã chọn lựa.

Sau vài lần thuyết phục nữa, Siddhattha vẫn một mực lễ độ từ chối, đạo sư Uddaka biết là không thể giữ chân được chàng trai trẻ, một nhân cách siêu việt, ông thở dài. Hơn ai hết, đạo sư Uddaka biết là Siddhattha nói đúng, cái gì gọi là lộ trình bất tử vẫn nằm đâu đó ở phía trước, chàng ta ra đi là phải. Chính ông, ông vẫn còn nhiều hoài nghi và nhiều câu hỏi. Sau này, Siddhattha chắc hẳn sẽ tìm ra lời giải cuối cùng, sẽ thành tựu cái gì đó rất phi thường, chưa hề có trên thế gian. Riêng hội chúng của đạo sư Uddaka đã kính trọng lại tỏ ra càng kính trọng Siddhattha hơn khi chàng từ chối chức vụ lãnh đạo, kế thừa sự nghiệp. Rõ ràng người bạn trẻ này đã không màng địa vị, quyền uy và danh vọng. Một vài vị phàm tâm nổi lên, lấy bụng ta suy bụng người, bây giờ mới vỡ lẽ ra Siddhattha không tranh giành với ai cái gì cả, họ lại càng kính yêu và ngưỡng mộ chàng hơn.

Lúc trở về lều, người này người kia nắm tay chàng ra chiều bịn rịn. Nhiều đạo sĩ đến ngồi quanh lều của Siddhattha, họ muốn hiểu sự hoài nghi của chàng và lộ trình mai sau. Chàng tâm sự:

- Này các bạn! Siddhattha ôn tồn nói - Tôi không tỏ vẻ cao đạo khi từ bỏ sự kế thừa một gia sản tinh thần cao quý ấy. Quả thật, tâm tôi chưa yên, trí tôi chưa thông dù đã đắc được định cao nhất. Tôi phải ra đi. Đấy là tiếng gọi thiêng liêng và vô thượng của đời mình. Tôi phải gỡ thoát tuyệt đối và trọn vẹn mọi ràng buộc ngoại giới cũng như nội tâm. Tôi

phải tìm cho ra đáp số chung cùng của mọi định phận tất hữu. Sự giải thoát tối hậu mới là mục đích rốt ráo của tôi, thưa các bạn!

Khi Siddhattha thu xếp y bát và một vài dụng cụ lặt vặt, chuẩn bị lên đường thì đạo sĩ Vappa tìm đến, đi theo sau còn bốn đạo sĩ khác nữa. Có một đạo sĩ lớn tuổi, tuy gầy gò nhưng dáng dấp nhanh nhẹn bước tới, chăm chú quan sát Siddhattha từ đầu đến chân rồi mừng rỡ thốt lên:

- Đúng rồi! Đúng là thái tử Siddhattha của chúng ta rồi! Ôi! Lạy đức Rāma! Chúng ta đã gặp, chúng ta đã gặp người xưa ở đây rồi!

Họ cùng ngồi xuống, hàn huyên tâm sự.

Hóa ra Siddhattha đã nghĩ đúng. Đạo sĩ lớn tuổi chính là Koṇḍañña, vị bà-la-môn trẻ tuổi thông thái thuở nào. Người đã quyết chắc chàng sẽ trở thành Phật Chánh Đẳng Giác. Bốn vị còn lại là Bhaddiya, Vappa, Mahānāma[1] và Assaji chính là con của các thầy bà-la-môn tướng pháp. Họ đã cùng rủ nhau xuất gia làm đạo sĩ, hy vọng sẽ gặp được Siddhattha trên lộ trình này khi nhân duyên chín muồi. Và họ đã nghĩ đúng.

Đạo sĩ Vappa sau khi gặp Siddhattha tại khu rừng Anupiyāvara, về sơn động, kể chuyện lại. Cả nhóm rất vui nhưng họ chưa lên đường được vì Bhaddiya đang cảm sốt. Hơn nửa tháng sau, cả năm người lại tìm đến đạo tràng của đạo sư Ālāra thì Siddhattha đã rời khỏi đấy nhiều ngày trước. Qua đàm đạo, đạo sĩ Koṇḍañña được nghe thầy và bạn tán thán, khen ngợi Siddhattha không hết lời. Ngoài thời gian ngắn nhất, Siddhattha đã chứng thiền ngang bằng với đạo sư Ālāra, chàng lại còn biểu hiện rạng rỡ về tư cách,

---

[1] Bhaddiya và Mahānāma này không phải là bạn từ nhỏ của Siddhattha.

phẩm hạnh và trí tuệ nữa. Việc từ chối kế thừa lãnh đạo không phải ai cũng làm được.

Koṇḍañña rất hân hoan, rạng rỡ:

- Này chư hiền giả! Ông nói với bốn đạo sĩ đồng tu - Thuở xưa ta đã không sai lầm, và bây giờ ta cũng không sai lầm! Chỉ nhìn thấy dấu chân to lớn của Siddhattha ở nơi này, ở nơi kia, ta biết rằng đấy là dấu chân voi của đức Chánh Đẳng Giác.

Đội nắng, dầm sương, năm vị đạo sĩ tìm đến khu rừng Udāya thì hay tin Siddhattha đã đắc định cao nhất, lại vừa từ chối kế nghiệp đạo sư Uddaka. Danh thơm của Siddhattha tràn qua tai mọi người, thơm ngát cả khu rừng tĩnh mịch.

Vì biết cả năm vị đạo sĩ đều đặt để lòng tin nơi mình nên Siddhattha đã không quản ngại nói chuyện lâu; trình bày hết những sở đắc, sở kiến, những câu hỏi, những hoài nghi; sau rốt là dự định khai mở con đường của chính mình như thế nào. Phải tự bước đi bằng đôi chân đất rướm máu, hằn đau hữu hạn của chính mình như thế nào. Phải kinh nghiệm chúng, phải cùng với nhịp đập, hơi thở và trái tim trên từng bước đi sáng tạo của đời mình.

Các đạo sĩ há hốc lắng nghe. Tất cả đều là những điều họ chưa biết. Kinh điển và tôn giáo truyền thống chưa ai nói như vậy. Có cái gì rất mới mẻ, rất sáng sủa - dù lộ trình chưa được phong quang.

Đạo sĩ Koṇḍañña dè dặt hỏi:

- Tôi hiểu. Ồ, không phải hiểu mà mơ hồ tôi cảm nhận được. Nhưng bây giờ, ngài sẽ đi đâu?

Siddhattha thở dài:

- Chính tôi, tôi cũng chưa biết, chưa rõ. Nhưng tôi sẽ đi, thưa chư tôn giả!

Đạo sĩ Koṇḍañña chợt cất tiếng to:

- Đừng, đừng nên như thế! Đừng gọi chúng tôi là chư tôn giả! Ngay cả một vài tầng thiền thấp nhất của đạo sư

Ālāra mà chúng tôi, do ngu muội, vẫn đang còn lẩm ca lẩm cẩm. Rõ ràng, chúng tôi tu tập vài năm vẫn không bằng ngài tu tập mấy ngày. Rồi còn thiền định bậc cao của đạo sư Uddaka nữa, cả một thế giới mênh mông ấy, chúng tôi chưa héo lánh tới nơi mà ngài đã vượt qua rồi. Trong tương lai không xa lắm, ngài sẽ đắc quả Phật, chắc chắn như thế. Vậy từ nay chúng tôi nguyện đi theo ngài như là những đệ tử, như là những người hầu cận. Xin sa-môn Siddhattha Gotama chấp thuận cho!

Siddhattha nhăn mày nói:

- Tôi biết con đường của tôi còn nhiều chông gai, gian khổ lắm. Sợ rằng tôi chưa xứng đáng với sự mong mỏi của quý vị, sự kỳ vọng của quý vị; và ngay chính tôi, tôi cũng chưa rõ lộ trình mai sau ấy nó sẽ như thế nào! Còn rất mơ hồ và vô định vậy.

Đạo sĩ Koṇḍañña đáp:

- Không sao! Sa-môn Siddhattha Gotama đừng quá tự khiêm như thế. Ngài đi đâu cứ mặc, chúng tôi đi theo mà không hề nghi hoặc, đắn đo. Chúng tôi phó thác toàn bộ đời sống tâm linh này cho sa-môn Gotama định đoạt. Ôi, chỉ riêng cái bóng của sa-môn Siddhattha Gotama thôi là chúng tôi đã có đủ niềm tin, an tâm và mát mẻ rồi! Chúng tôi không ngại bất cứ một khó khăn, gian khổ nào.

Siddhattha vui vẻ nói:

- Ồ, vậy thì tốt! Vậy thì chúng ta sẽ cùng ra đi!

Họ từ giã khu rừng Udāya. Và lên đường.

Mùa mưa cay nghiệt lại sắp đến rồi.

Rừng Khổ Hạnh

Từ ngoại ô Rājagaha, đi chênh về hướng tây nam, sáu bảy hôm sau là họ gặp dòng sông Nerañjarā. Đây là cả vùng đồng ruộng, ao hồ, đầm lầy nên sự bộ hành khá vất vả. Lác đác đó đây là xóm làng, cư dân khá đông đúc mà đời sống có vẻ no đủ hơn miền quê bên ngoài Kapilavatthu của chàng.

Siddhattha đã đi tham vấn nhiều nơi, đại biểu cho nhiều học phái, nhóm tu khác nhau; nhất là vừa bước qua hai thiền chứng cao nhất đương thời - thế mà vẫn chưa giải quyết được những vấn đề sâu thẳm nhất của nội tâm. Có lẽ học hỏi ở đâu cũng thế thôi, sao không tự tìm kiếm nơi chính mình, khai phá con đường bằng nỗ lực của chính mình?

Chỉ thời gian mấy ngày, như chiếc bóng theo chân Siddhattha Gotama, năm người bạn đồng tu cảm thấy bị cuốn hút mãnh liệt bởi ngôn ngữ, cử chỉ, phong thái của chàng. Chỉ riêng Koṇḍañña đã an trú được nấc thiền thứ ba, bốn người còn lại mới đi vào được nấc thiền một, hai nên họ muốn chàng dẫn lên những cấp độ cao hơn. Siddhattha hoan hỷ chỉ bày.

Thế là cứ mỗi độ đêm về, trong miếu hoang, dưới những lùm cây, Siddhattha Gotama hướng dẫn bạn hữu một cách tận tình, lại còn giảng giải rất chi li, khúc chiết, còn dễ dàng nắm bắt hơn các bậc thầy của họ.

Tìm một đoạn sông cạn, họ vượt qua sông Nerañjarā, đi một đỗi đường nữa, họ đến một dãy núi thuộc tụ lạc Uruvelā. Phía xa dưới chân núi là một thị trấn sầm uất có thành lũy của quân đội thuộc đế quốc Māgadha, trấn giữ phía tây nam kinh đô. Đưa mắt nhìn tổng quát địa thế sông núi, những sườn đá chớn chở, có lẽ là có nhiều hang động thiên nhiên, Siddhattha Gotama nói với các bạn:

- Sắp đến thời kỳ gió mùa, mưa bão. Có lẽ đây là nơi thuận lợi nhất cho chúng ta dừng chân. Vừa có thể tu tập vừa có thể đi khất thực để nuôi mạng.

Chỉ một ngày sau là mọi người đã thu xếp ổn định chỗ ở tu của mình. Ai cũng có hang động riêng không xa nhau lắm. Riêng Siddhattha Gotama thì được Koṇḍañña nhường cho một cái hang tốt nhất. Nó có một mái vòm dây leo hoa nở, trong động là một tảng đá bằng. Vất vả một chút là phải lo quét dọn phân dơi.

Ngày thứ nhất họ đi khất thực. Thấy thức ăn nhiều quá, nào cơm, bánh, chuối, xôi, nước sốt cà-ri... ăn không hết, phải đặt trên tảng đá ngoài sơn động để bố thí cho khỉ, sóc, chim... Siddhattha đề nghị ăn ít lại; từ nay, thay phiên nhau, chỉ đi khất thực hai người là có thể tạm thời đủ cho sáu miệng ăn. Nên tiết kiệm thì giờ để tu tập. Ai cũng đồng ý như thế. Họ coi Siddhattha như bậc thầy nên muốn chàng chỉ việc ngồi mà tu thôi.

Thế là ngồi tĩnh lặng trong sơn cốc tương đối mát mẻ, suốt mấy ngày đêm liên tiếp, Siddhattha Gotama ôn lại tất cả mọi kiến thức cũng như rà soát toàn bộ sự thực nghiệm tâm linh. Chàng thấy rằng, tư tưởng Vệ-đà, thành tựu cao nhất là ở bộ Vệ-đàn-đà vẫn còn nhiều thiếu sót ở lãnh vực tu chứng bản thân. Áo-nghĩa-thư rõ ràng là sự bổ túc của người sau nên hệ thống triết lý có vẻ hoàn chỉnh hơn. Các giáo phái thuộc truyền thống bị quy định bởi một Atman bất tử nên không thể giải thích cho rốt ráo những thiện ác, phải trái, tốt

xấu... trên đời này. Riêng sự lập luận từ hệ thống tư tưởng của các học phái con đẻ của Vệ-đà thì tương tự những người mù sờ voi, chúng chỉ là sự manh mún, chắp vá của thực tại chứ chưa phải là thực tại. Đôi nơi cục bộ, áp đặt, một chiều. Ngoài truyền thống, do phản ứng cực đoan nên nảy sinh quá nhiều biện thuyết ngông cuồng. Chỉ có những kẻ ngu si mới tin vào các thuyết bất khả tri, hoài nghi, định mệnh, hư vô, ngụy biện của họ. Và tệ nhất là anh chàng duy vật luận thô thiển, máy móc... nhan nhản ở kinh thành Rājagaha.

Riêng sự thực nghiệm, Siddhattha thấy rõ một điều: Tư tưởng, nhận thức là cái dòng chảy trùng trùng, kế tục trùng trùng giọt nước sinh và diệt. Từ chúng mà khởi sinh bất an, xao xuyến, lo âu, phiền não, sợ hãi... Lúc đi vào các tầng thiền là các dòng nước cảm giác, tri giác, tư tưởng lần hồi được yên lắng, yên lắng rồi ngưng dứt. Do ngưng dứt nên được thanh tĩnh và phúc lạc. Nhưng khi rời thiền chứng thì các dòng nước kia lại trôi chảy trở lại, chúng phan duyên với các đối tượng ngoại giới... rồi tình trạng vẫn y hệt như cũ. Có lắng, có trong thật sự, nhưng cáu bợn vẫn còn dưới đáy sâu tâm hồn.

Thế rồi Siddhattha Gotama vào ra, lên xuống các tầng thiền để ngắm xem, một lượt, hai lượt nữa. Do khá thuần thục nên bây giờ, chàng chỉ cần khởi tâm rồi trú tâm là có thể đi vào định dễ dàng. Tại đây, chàng rút ra một kết luận: "Đây chỉ là trạng thái an định tạm thời chứ chưa phải là cái rốt ráo, toàn diện. Ta phải thực tập nhiều cách khác nhau để chiêm nghiệm xem thử cái gì là đúng, cái gì là sai, cái nào giải quyết nội tâm rốt ráo và cái nào không rốt ráo?"

Siddhattha tiếp tục suy nghĩ: "Pháp môn khổ hạnh chắc phải có một giá trị nào đó chứ? Nếu không có giá trị gì, tại sao nó lại được duy trì, tồn tại, phổ biến trên thế gian như thế? Nó có dựa trên một sự thực khả dĩ nào chăng?" Trong

đầu óc Siddhattha Gotama chợt hiện lên ba hình ảnh như ba tỷ dụ:

"-Thứ nhất là, như một cây còn tươi xanh, ngâm trong nước thì ta không thể nào cọ xát, để phát sinh ra lửa được. Tương tự thế, người nào tự ngâm mình trong nước của dục lạc ngũ trần thì tinh thần người ấy không thể thăng hoa, nói gì chứng đắc những pháp cao thượng.

Thứ hai là, như một cái cây còn tươi xanh, nằm trên bờ nước thì cũng đừng hy vọng, đừng nỗ lực vô ích muốn cọ xát để lấy lửa. Tương tự thế, có những sa-môn, bà-la-môn xuất gia, muốn thoát ly thế tục; nhưng lại thường hay nằm gần dục lạc ngũ trần, khao khát dục lạc ngũ trần thì khó có thể đạt được những cảnh giới cao thượng.

Thứ ba là, như một thân cây khô, hoàn toàn không còn nhựa, lại ở cao xa trên bờ nước; nếu muốn có lửa, người ta có thể cọ xát mà mất rất ít công sức, chẳng mấy khó khăn. Cũng vậy, những sa-môn, bà-la-môn đã lìa xa dục lạc ngũ trần, không còn bị chi phối của dục lạc ngũ trần, lại còn muốn làm cho khô cạn nước dục lạc ngũ trần thì người ấy sẽ chứng đắc những pháp tối thắng, giải thoát toàn mãn."

Sau rốt, Siddhattha Gotama lại nghĩ: "Ta đã lìa xa dục lạc ngũ trần rồi. Xa nhưng chưa diệt. Vậy ta hãy thử công phu tu tập rút cho cạn kiệt nước dục lạc ngũ trần xem sao! Phải thực tập ngay chính nơi bản thân mình, sau đó mới biết là nó đúng hay sai!"

Siddhattha Gotama bèn tìm gặp các bạn, trình bày mọi lý lẽ, nhận thức cùng kinh nghiệm tu chứng của mình, rồi kết luận:

- Ta muốn thực tập con đường điều phục thân xác, chế ngự toàn vẹn mọi cảm giác theo truyền thống khổ hạnh tự ngàn xưa. Các bạn nghĩ thế nào?

Vì tin tưởng vào thầy của mình nên những người bạn đồng tu đều gật đầu đồng ý.

Là khu rừng nhiệt đới vào cuối mùa khô hạn nên cây cối bắt đầu rụng lá. Đây đó, từng cụm, từng vùng là những thân cây sāla cao lớn sừng sững là còn hiên ngang xanh lá. Ven khu rừng thưa, áp sát chân đồi ra tận bờ sông Nerañjarā là những thảm thực vật lỗ chỗ xanh vàng. Những cụm cây thân thảo, cây hoa... còn thưa thớt lá. Riêng các loại tre trúc thì sâm si rậm rạp, mọc tràn lan, vô trật tự nhưng chúng lại rất xanh mát ở ven sông.

Khái quát rừng cảnh như thế thì cũng chẳng có gì là đẹp đẽ, hữu tình cho lắm; còn sự yên tĩnh thì cũng tương đối vì động vật các loại lui tới, thăm viếng khá nhiều. Trên các hang động, trên các kẽ đá, vòm cây... các chú dơi treo lủng lẳng như những túi đen nhung, tối tối là chúng bay tản mác, bay rần rật giữa không gian để săn mồi, chụp bọ, ăn trái... Thỉnh thoảng các loại chồn bay, bay từ cây này sang cây khác. Sóc thì đủ loại, đủ sắc nhởn nhơ chạy nhảy, leo chuyền hoặc túc tắc ăn hạt, cắn củ. Lâu lâu lại xuất hiện một bầy khỉ đen, bầy khỉ nâu đỏ, bầy khỉ vàng xám đến phá phách, la hét chí chóe... Chúng cõng con, dắt cái đùa giỡn khắp nơi. Chúng đến như một cơn bão và ra đi, trả lại sự yên tĩnh cho rừng lặng. Trên đám đất bằng, cỏ vàng úa, bầy linh dương ghé ngang, màu sắc rất đẹp, thanh thản gặm những chòm lá còn sót lại. Mấy đàn nai cũng thế, hồn nhiên rảo qua, thân hình gầy khô vì khan hiếm cái ăn. Chim chóc thì muôn loại, hót lưu liên, tấu nhạc từng khúc, từng hồi; một vài giọng lanh lảnh, cao vút, réo rắt... rồi bay về phương khác.

Siddhattha Gotama ở riết trong hang suốt thời gian gió bão và những trận mưa đầu mùa. Ngoại cảnh không dao động được chàng. Lúc này, chỉ còn một người đi khất thực, họ giới hạn thức ăn nên khẩu phần của mỗi người chỉ bằng nắm tay.

Mặc cho mưa gió gầm gào, Siddhattha tiếp tục kiên trì cách điều phục xác thân. Chàng ngậm cứng hai hàm răng lại, chận lưỡi trên nóc họng, để đè nén tâm. Ví như một lực sĩ dùng toàn bộ sức mạnh đè đầu đè cổ một người yếu đuối, không cho vẫy vùng, không cho nhúc nhích. Cũng vậy, chàng đè tâm, nén tâm, không cho bất cứ một tư tưởng lao xao nào khởi lên. Khi làm như thế, do tổn hao quá nhiều sức lực nên cơ thể nóng ran lên, mồ hôi tuôn chảy ra hai bên nách. Tuy nhiên, dù quyết chí có dũng mãnh, nghị lực có phi thường nhưng tâm niệm lao xao vẫn không lắng dứt, sự an tĩnh tâm hồn cũng không tìm thấy.

Siddhattha Gotama lại chuyển qua cách điều phục xác thân bằng cách nín thở, nín thở càng lâu càng tốt. Khi thực tập như thế, chàng nghe cơn đau khủng khiếp từ trong đầu, vì âm thanh của tiếng gió thoát qua hai lỗ tai, giống như ống bệ thợ rèn thụt lên thụt xuống...

Lại nín thở nữa, trong đầu chàng, một cơn gió hung dữ thốc lên, đâm sâu, khoét sâu vào óc như ai đó lấy lưỡi búa bửa cái đầu ra làm nhiều mảnh. Và hai lỗ tai máu rỉ ra, khốc liệt đau đớn! Tuy nhiên, kiên trì, tăng thêm sức mạnh ý chí, chàng nín thở với thời gian lâu hơn nữa. Và cái đầu của chàng nhức nhối như bị người ta lấy cái niềng sắt nung đỏ niềng lại, siết chặt.

Tuy nhiên, Siddhattha Gotama vẫn kiên cường chịu đựng, tìm cách nín thở lâu hơn thế nữa. Bây giờ, có lẽ cái đầu đã tê liệt cảm giác, cơn đau chợt thọc sâu vào bụng. Như một tay đồ tể thiện xảo mổ bò, y thọc lưỡi dao bén vào bụng, sau đó lách lưỡi dao đi sang hai mạng sườn. Sự đau đớn tưởng như cùng độ rồi. Lại nín thở thêm nữa, từ bụng, cơn đau kinh khiếp lan truyền ra cả toàn thân; y hệt như người ta túm lấy cái thân của chàng, đem đặt trên một lò than hồng, quay lui quay tới để nướng trui. Mọi cảm giác ở nơi thân, có lẽ đã quá sức chịu đựng của nó. Siddhattha thấy mình vẫn

còn bất khuất, nhưng chàng chỉ buồn là sự an tịnh tâm hồn vẫn không tìm thấy.

Sau hơn bốn tháng thực hành hạnh nín thở, Siddhattha ngồi trơ bất động như tượng đá. Có một số chư thiên ở gần đấy nói chuyện với nhau:

- Có lẽ sa-môn Gotama chết rồi chăng?

- Không phải là chết rồi mà là đang chết.

- Chẳng phải chết rồi, chẳng phải đang chết; là pháp hành của bậc A-la-hán đấy!

Riêng năm người bạn đồng tu, cũng thực hành nín thở như vậy nhưng rất giới hạn, họ không thể đi đến tận cùng như Siddhattha Gotama; do vậy sự kính trọng chàng trong lòng họ lại được tăng thêm một bậc.

Thấy thực hành phép nín thở không mang lại hiệu quả mong muốn, chàng từ bỏ hang động, tìm đến những chỗ hoang vắng, heo hút trong rừng sâu. Bây giờ mùa mưa qua rồi, qua thật nhanh do chàng trú sâu trong phép tu, không có ý niệm về thời gian nên chàng muốn ngồi ở ngoài trời, dưới cái lạnh đã gần đóng băng! Siddhattha Gotama nghĩ rằng, giữa quạnh hiu của rừng già có cái gì đó làm người ta khiếp đảm, dựng cả tóc gáy. Phải đến ngồi tại đó để xem sự sợ hãi nó đến như thế nào, nó đe dọa như thế nào, nó khủng bố như thế nào. Phải vượt thoát tất cả mọi sự sợ hãi bất cứ từ đâu đến, khi ấy mới nói đến chuyện tu tập để đạt được những thành tựu cao hơn.

Thế rồi chàng ngồi, trong đêm sâu mù mịt, không trăng không sao, chỉ có những tiếng gió thổi rì rào và hơi lạnh càng khuya càng buốt giá.

Một cành cây gãy lắc cắc... chàng lại tưởng một con dạ-xoa hung dữ khua hai hàm răng đang từ từ, rón rén bước đến sau lưng chàng. Sự sợ hãi ùa đến, lạnh buốt sống lưng rồi rần rần chạy khắp cơ thể, lên đến đỉnh đầu, và hai hàm răng chàng tự dưng cứng lại. Siddhattha ngồi yên, ý chí kiên

định, vững vàng, nhất tâm ngồi yên... để lắng nghe sự sợ hãi ấy... Lát sau, sự sợ hãi tan dần, nóng ấm trở lại với cơ thể, sự sợ hãi đã ra đi...

Trong đêm tối đen, bóng con gì trườn xào xạc trong lau lách! Con trăn chăng? Phải rồi, một con trăn to lớn làm cho những cành cây, bóng lá lung lay... định đến nuốt chàng đây. Thế rồi một mùi nồng nặc tanh tưởi lan tỏa... Sự sợ hãi ập đến chàng như cơn gió thốc mạnh, lát sau làm cho chàng bủn rủn, tê liệt cả người. Bủn rủn, tê liệt... chàng kiên định lắng nghe, sự sợ hãi đã đồng hóa cả thân tâm, chỉ còn một khối duy nhất. Lắng nghe, lắng nghe, bất động, kiên trì... lát sau, sự sợ hãi giãn ra, như tự cởi nút thắt buộc... từ giã chàng và ra đi không dấu tích.

Thế rồi, đêm này sang đêm khác, có những đêm nhợt nhạt ánh sao trời... tiếng cú rúc, bóng một con nai đi ngang qua, tiếng một con dơi vút qua đầu, tiếng hú của vượn, tiếng cọp "bép bép" đâu đó bên tai...; chúng đều đem đến sự sợ hãi cho chàng. Lúc thì thót bụng. Lúc thì quả tim đập thình thịch. Lúc thì toát mồ hôi. Lúc thì cứng như đá cả toàn thân. Siddhattha Gotama ghi nhận hết, cảm giác toàn bộ chúng; và dẫu sự sợ hãi có đến tột cùng, chàng vẫn ngồi yên lặng, không nhúc nhích.

"- Ồ - Chàng nghĩ - Khi sợ hãi tác động tâm lý, nếu tâm lý yếu đuối, bạc nhược... thì thân thể sẽ bị cuốn theo. Như vậy, thân tâm nằm trong định luật tương quan. Trường hợp khác, tuy thân tâm tương quan, tâm sợ, thân ảnh hưởng; nhưng nếu ý chí kiên định thì sự sợ hãi sẽ được giải tỏa; cả thân và tâm đều được giải thoát xích xiềng. Như vậy, có cái gì đó ở trong tương quan mà nhìn ngắm tương quan?"

Một chút tư duy lóe sáng lạ lùng ấy đã làm cho Siddhattha mỉm cười. Quả thật, núi rừng quạnh hiu thật khó kham nhẫn, thật khó chịu đựng... nhưng nó cũng là nơi tối

thắng để trầm tư, chiêm nghiệm những máy động ẩn mật, sâu hút trong lòng ta.

Mùa lạnh đã đến rồi, chỉ một manh áo mỏng, Siddhattha Gotama vẫn dễ dàng duy trì khổ hạnh. Năm người bạn đồng tu đôi khi bất kham, phải đốt một đống lửa. Họ thú nhận là không thể tinh tấn kiên định như chàng được. Siddhattha Gotama nói với họ rằng, thật là may mắn cho chúng ta tìm được một khu rừng thuộc Trung Bắc Ấn Độ, nếu lên phương Bắc, các đạo sĩ ở Tuyết Sơn còn phải chịu đựng cái rét cay nghiệt hơn nhiều.

Ngày tháng qua đi, thân thể của sáu người chỉ còn là bộ xương còm cõi lui tới. Khi vật thực mỗi ngày chỉ còn bằng quả cam, quả ổi thì năm người bạn, đều đã kiệt sức, lả đi. Riêng Siddhattha Gotama khuyên các bạn, đừng chia phần cho chàng nữa, và chàng muốn chỉ ăn cái gì kiếm được như vài nắm lá, rau hoặc củ trái đâu đó...

Chưa hết mùa lạnh, tấm áo năm xưa của Siddhattha đã rách te tua và cái bát đất của chàng cũng đã bị lũ khỉ quăng vỡ. Hôm kia, từ khu rừng đi ra gần tận mép sông, Siddhattha muốn ngồi thiền giữa bãi nghĩa địa xương trắng, chợt chàng nhìn thấy một tấm vải bó tử thi. Quan sát, đấy là xác của một người nữ không còn nhìn rõ khuôn mặt. Xác đã thối rửa. Chàng kéo tấm vải ra, tấm vải còn tốt. Chàng xuống sông tắm, giặt tấm vải, tạm thời vắt cho ráo rồi phơi trên khóm cây. Chỉ với một ít động tác mà chàng đã run rẩy, quờ quạng, nằm lả bên mép bờ... Lúc nắng hanh lên, Siddhattha tỉnh lại, quàng tấm vải vào người rồi thất thểu bước đến một khu rừng xa hơn nữa.

Mùa xuân qua đi, mùa hạ đến... ngày ngày Siddhattha chỉ ăn uống rất ít và ngồi ngoài trời mặc cho nắng nung đốt. Cái lạnh qua được thì cái nóng cũng phải qua được. Chàng thử nghiệm. Bây giờ chỉ duy trì chút nước để xem thử cái đói, cái không ăn nó hành hạ xác thân như thế nào.

Thế rồi, cái thân khô đi, quắt lại. Cơ thể do ăn quá ít nên đưa tay sờ bụng thì đụng lưng. Thò tay đến đâu thì lông rụng từng đám. Tuy nhiên, Siddhattha còn thử nằm trên gai nhọn, còn thử không ngồi mà chỉ đứng, còn thử ngồi chồm hổm trên gót chân nhiều ngày mà không thay đổi oai nghi...

Đến năm ngày sau thì Siddhattha không còn tắm rửa, nhưng có nguyện ăn vật gì trong tầm tay lượm được. Vải bó tử thi đã rách, chàng lấy da cây, rơm, cỏ khô, lá... để kết quanh người. Đôi khi chàng ngồi một đống, một hòn nơi nghĩa địa thiêu xác hay tại bãi cỏ chăn bò. Bọn trẻ nghịch ngợm đến khạc nhổ trên người, tiểu tiện nơi mình chàng hoặc đứng xa để ném đất, ném đá... Thấy hành hạ kiểu gì cái "ông người kia" vẫn bất động, chẳng nói, chẳng la, chẳng phản ứng gì; chúng lại đến gần, lân la lấy cọng cỏ ngoáy vào hai lỗ tai chàng...

Lại có lúc, chàng trốn vào rừng sâu, không còn nghe, không còn muốn thấy bóng dáng của con người. Năm người bạn đồng tu còn duy trì chút ít vật thực nên còn thấy một chút máy động của sự sống. Còn chàng, qua nhiều năm đã khổ hạnh tận cùng, họ không còn nhìn ra Siddhattha năm xưa nữa. Tay và chân của chàng là các lóng tre đen đỉu, khúc khuỷu nối kết với nhau. Hai bàn tọa của chàng trông giống như hai cái móng trâu. Xương sống và cột tủy của chàng lồi ra trông giống như một cái chuỗi hạt. Xương sườn của chàng lồi ra, lộ rõ như những hanh rui của một ngôi nhà đổ nát. Đồng tử của chàng thụt sâu vào bên trong hố mắt như cái giếng sâu. Da đầu thì nhăn nheo như trái mướp đắng phơi khô. Lưng và bụng dính làm một. Nếu muốn đại tiện hoặc tiểu tiện thì chàng phải ngã úp mặt xuống đất, lâu lắm mới gượng dậy nổi.

Lúc này, năm người bạn đồng tu đã thán phục tận cùng. Còn chư thiên thì bàn luận với nhau:

- Nước da của sa-môn Gotama màu gì nhỉ?

- Màu xanh!
- Không, màu chàm!
- Không đúng, màu chàm đất!
- Không phải, cả màu đen, màu xanh, màu xám và cả màu chàm đất hòa trộn với nhau!
- Còn thân thể thì sao?
- Là bộ xương khô!
- Bộ xương khô sao lại còn sống?
- Gọi là bộ xương khô sống!

Có một vị thiên lớn hơn, oai đức hơn thì nói:

- Các bạn đừng hý ngôn nữa. Hãy xem ý chí và nghị lực tối thượng của Người. Mai sau, chắc chắn Người sẽ thành tựu Con đường Bất tử.

Từ khi dùng miếng mồi Chuyển luân Thánh vương vẫn không quyến rũ được Siddhattha Gotama ở ngoài cổng thành Kapilavatthu, Ma vương theo dõi ngài từng bước chân, từng hơi thở, từng tâm niệm. Gần suốt sáu năm ròng rã, Ma vương thấy người con trai bất khuất, kiên cường ấy chưa hề có một giây phút ngã lòng hay mềm yếu. Như một cội cây mà bộ rễ đã cắm quá sâu vào lòng đất, khó có cơn gió bão nào lay động được. Rồi thời gian qua, dường như ý chí kiên định, kiêu dũng ấy càng được củng cố chắc khỏe hơn... Hãy nhìn kìa! Ma vương tự nói với mình, ngay khi khổ hạnh đã đến giai đoạn cuối cùng, chỉ còn bộ xương khô, chư thiên bàn tán với nhau không biết sống hay chết mà ông ta vẫn khư khư bất động như đỉnh Sineru. Thế là ông ta sẽ thành Phật mất thôi! Bây giờ ta phải lựa lời ngon ngọt để ông từ bỏ khổ hạnh mới được.

- Này ông sa-môn! Ma vương nói - Hãy nhìn xem thân hình tiều tụy, bạc nhược, còm cõi, xấu xí của ông kìa! Ở đấy, chỉ một phần sống lắt leo trong một ngàn phần chết. Hãy tỉnh thức mà đứng lên, này ông sa-môn. Sự sống quý báu vô cùng. Một cọng cỏ cũng muốn sống. Một cái kiến

cũng muốn sống. Có sống thì ta mới làm được việc này việc kia có ích cho mình và có ích cho đời. Ông sa-môn có thể cứ sống đời đạo sĩ, bồi bổ lại thân xác và cúng tế thần lửa. Cúng tế thần lửa là một hành động tín ngưỡng tối thượng đem lại nhiều phúc lạc cao quý cho mai sau...

Chỉ nghe miệng lưỡi, không nhìn, không hướng tâm, Siddhattha Gotama cũng biết đấy là Ma vương; ngài muốn dạy cho nó một bài học:

"- Này, Namuci[1], ngươi là kẻ xấu xa, quỷ quyệt mà còn bày trò giở giọng tốt lành, thân thiện. Ngươi là đại biểu cho bóng tối, ngu si, độc ác, gian trá và tội lỗi. Ngươi đến đây không phải vì lợi ích cho ta, mà chính vì dục vọng đê hèn và tham vọng quyền lực tối tăm của ngươi. Đừng nói chuyện công đức và phước báu với ta. Ta tu hành như thế nào thì ta tự biết. Đấng thần lửa là trò mê tín của thế gian do các ông thầy tư tế ngụy tạo ra. Đừng bày trò linh thiêng để mê hoặc quần chúng ngu si. Ta có một đức tin rất vững chắc (saddhā), ta có một sự nỗ lực, tinh cần rất quyết liệt (viriya), ta có một năng lực kiểm soát, chú tâm, theo dõi tâm rất cẩn mật (sati), ta có một bình tĩnh, định tĩnh khó gì có thể xao động nổi (samādhi), ta có một sự tỉnh thức, tỉnh táo, thông tỏ toàn bộ vận hành của thân tâm (paññā). Với năm sức mạnh như vậy mà ngươi còn đến đây muốn lung lạc, đường mật với ta sao?

Có một điều ngươi nói đúng, Ma vương ạ! Gió thổi mãi hoặc lửa đốt mãi thì tứ đại sẽ bất hòa. Gió ngưng thổi, lửa tắt ngúm thì tứ đại sẽ tiêu vong. Hiện tại, ta biết rõ lửa trong ta đã nguội, nước trong ta đã khô. Nước khô, lửa nguội thì máu

---

[1] Tên khác của Ma vương. Có 5 loại Ma vương: Chư thiên ma vương (devaputta), phiền não ma vương (kilesa), pháp hành ma vương (saṅkhāra), ngũ uẩn ma vương (pañcakhandha), tử thần ma vương (maccu).

ta sẽ cạn. Máu cạn thì mật cũng cạn và thịt cũng theo đó mà teo tóp, nhăn nheo như trái mướp khô. Điều ấy đúng với định luật khi chẳng có gì nuôi dưỡng sắc chất. Tuy nhiên, thể xác được triệt tiêu tham muốn thì tinh thần không còn bị ngục tù, nô lệ nữa. Và như vậy, tinh thần sẽ được thăng hoa, nhẹ nhàng, thanh tịnh, vô nhiễm. Tâm càng thanh tịnh thì định càng an trụ. Định càng an trụ thì tuệ càng sáng suốt. Chắc ngươi cũng biết thế chứ? Ta là một hữu tình bằng xương, bằng thịt, ta cũng biết đau đớn, vật vã, quằn quại khi cái đói giày vò, hành hạ. Tuy nhiên, ta sẽ chiến thắng! Ta treo lên ngọn cờ ý chí một chùm cỏ Munja! Ta thà chết giữa chiến trường tâm linh vinh quang còn hơn sống nhục nhã trong thất bại! Ngươi hãy đi đi thôi!"

Thế là Ma vương, một lần nữa, thua cuộc, thất thểu bỏ đi.

Như được rèn thêm ý chí, con người kiên nghị, bất khuất ấy không chịu bỏ cuộc; đôi khi chàng ngồi một chỗ để cho nắng, mưa, gió, sương... hành hạ; chỉ lượm được cái gì trong tầm tay để ăn, kể cả phân bò non. Nếu xung quanh không có gì thì chàng nhịn ăn từ ngày này sang ngày khác.

Siddhattha không ăn không uống gì trong nhiều ngày thì có tiếng nói vọng rõ ràng bên tai:

- Nếu sa-môn Siddhattha không dùng gì thì chư thiên sẽ cho thấm vật thực vào các lỗ chân lông.

- Như thế là không được! Siddhattha đáp - Như thế chẳng khác gì ta là kẻ dối trá.

- Thế thì sa-môn Gotama hãy thọ thực trở lại, nếu không, ba ngày nữa sẽ chết.

- Ta đâu có sợ chết.

- Sa-môn Gotama quả thật không sợ chết, nhưng Con đường Bất tử thì sao? Sa-môn đã chứng đắc quả vị Vô thượng như lời nguyện thuở xưa chưa?

Siddhattha rùng mình, người như tỉnh táo trở lại, một ý nghĩ khởi sanh nơi chàng: "Sự khổ hạnh, ta cũng đã khổ hạnh tận cùng. Ta cũng đã vắt kiệt nước dục lạc ngũ trần ở nơi ta để cho cái thân không còn một chút cảm giác nào - thế nhưng nội tâm ta cũng không an ổn. Trong quá khứ, hiện tại hay vị lai - các sa-môn, bà-la-môn nếu có hành khổ hạnh, chịu mọi sự đau đớn, quằn quại, khốc liệt, kinh khủng - thì có lẽ cũng không hơn ta được. Ta đã cảm nghiệm sự tương quan giữa thân và tâm; nó là cái gì không thể tách rời. Hành hạ xác thân, như vậy cũng có nghĩa là hành hạ tâm trí. Khổ hạnh, theo sự thấy biết lẫn sự chiêm nghiệm sâu sắc của ta là một pháp môn sai lầm."

Như đọc được ý nghĩ của Siddhattha, trời Sakka muốn củng cố nhận thức đúng đắn cho chàng, nên như viên lực sĩ co duỗi cánh tay, đã hiện xuống khu rừng Uruvelā trong dáng dấp một gã chăn bò lang thang ôm cây đàn ba dây.

Chàng nhạc sĩ lang thang như vô tình ngồi nơi tảng đá dưới gốc cây, bắt đầu thử dây đàn. Sợi thứ nhất, quá "chùng" nên âm thanh "bùng bình... bùng bình" không ra gì cả. Chàng nhạc sĩ mỉm cười, qua sợi dây thứ hai, hắn vặn "căng" lên, căng mãi nên sợi dây đứt phựt! Đến sợi dây thứ ba, hắn cẩn thận, từ từ, căng ra nhưng căng từ từ, đến độ chừng mực, vừa phải... rồi hắn gảy một khúc nhạc. Ôi chao! Âm thanh như từng hạt bảo châu thanh trong va động giữa không gian; sau đó, lại du dương, trầm bổng, thánh thót như giọng chim hòa tấu.. như cung đàn muôn điệu của mùa xuân. Thế rồi, gã nhạc sĩ lang thang rời tảng đá, vừa đi vừa gảy vừa hát. Ôi, tiếng đàn, khúc nhạc, lời ca... như quyện lẫn, chan hòa, vui tươi, hoan hỷ... chảy tràn ra, len thấm vào mây trời, len thấm vào từng đầu cây, cọng cỏ... xa dần rồi biến mất.

Siddhattha ngồi lặng. Nắng loãng nhẹ và mỏng, hiu hiu, mơn man, vuốt nhẹ lên làn da khô gầy, đen đỉu. Một cảm

giác dễ chịu, an bình đi sâu vào tâm hồn. "Chùng quá thì không gảy được. Căng quá thì đứt. Khi nào sợi dây đàn căng đúng độ, chừng mực... thì âm thanh mới tuyệt hảo."

Siddhattha lại nhớ rằng, thuở ấu thơ, lúc đi dự lễ hạ điền với vương phụ, chỉ cần ngồi hít thở thanh thản là đi được vào định sơ thiền. Trong tháng năm thực tập thiền bốn nấc của đạo sư Ālāra, đôi khi chàng trú thâm sâu vào hỷ lạc. Do thân an vui, tươi mát nên tâm cũng được an vui, tươi mát. Như vậy là có một loại thực phẩm, đó là hỷ lạc, nó nuôi dưỡng tâm nên thân cũng được khỏe khoắn, nhẹ nhàng, dễ chịu.

Và kể từ khi đi lên các tầng thiền vô sắc là ta đã từ bỏ hỷ lạc, chỉ còn cảm giác xả quân bình, và sống trong thế giới của không, của thức, của tưởng vi tế.

Rồi chàng nghĩ tiếp: "Đời sống, cái được gọi là đời sống là cái gì nhỉ? Nếu được gọi là đời sống thì phải là toàn bộ thực tại, toàn bộ thân và tâm, nghĩa là toàn bộ thân sắc, cảm giác, tri giác, ý chí và nhận thức. Vậy tại sao ta muốn từ bỏ cái này, tìm kiếm cái kia? Tại sao ta đã có thời gian muốn từ bỏ cảm giác - chỉ sống với cái "tưởng" mà thôi? Còn khổ hạnh là gì? Triệt tiêu thân xác chăng? Ta muốn diệt cái thân xác chăng? Và dẫu ta đã tận trừ cảm giác và thân xác cho đến hồi gần như chết thì ta có được gì? Dây đàn căng thì nó sẽ đứt."

Như tìm ra đáp số. Chàng chậm rãi đứng dậy, dịu dàng đưa mắt nhìn quanh. Hít một hơi thở đầy, chàng chợt nghe hương rừng thơm ngát. Nhiều sắc hoa nở đẹp mà từ lâu chàng đã không thấy. Một chú sóc vàng chợt xù đuôi trong hốc cây, thò lõ mắt nhìn chàng. Siddhattha cúi xuống nhìn mình. Thật là không còn nhân dạng gì. Tấm áo vỏ cây, lá cây... đều rách nát tả tơi. Chỉ còn bộ xương khô lủng lẳng đeo dính các đốt xương lại với nhau. Nước da vàng ròng mỹ diệu với sắc tướng phi phàm, bây giờ rõ là bóng ma một con

quỷ đói. "Ta phải tìm một tấm vải bó tử thi nào còn lành lặn, xuống sông tắm rửa sạch sẽ rồi ta sẽ bắt đầu đời sống tu tập theo lời mách bảo của gã nhạc sĩ lang thang, nghĩa là không "chùng"quá mà cũng không "căng" quá!"

Kiếm một cây gậy, chàng chống từ từ và chậm rãi lê từng bước qua bên kia nghĩa địa. Đi năm bảy bước, chàng phải dừng lại để thở. Riết rồi cũng đến nơi. Tìm là có. Ồ, một tấm vải màu vàng đất bó gọn một tử thi chẳng rõ nam nữ quăng bỏ đây đã lâu. Chàng nói nhỏ: "Hãy cho ta tấm vải mà ngươi đã không còn sử dụng nữa. Ít hôm nữa thôi là thân xác ngươi cũng trả về cho tứ đại." Chàng rút tấm vải, phải dùng sức mạnh, thở gấp mới lấy tấm vải ra được. Tấm vải dính máu, dính mủ đã khô.

Siddhattha lần đến bờ sông, dựa bên mép sông có mấy tảng đá, chàng giặt sạch tấm y, phơi trên đá, sau đó tắm rửa, kì cọ rất lâu. Dừng lại, thở một hồi rồi chà xát cho kỳ hết bụi đất, cáu ghét, lớp da chết trên người. Sau đó, do mệt quá, Siddhattha nằm ngủ một giấc vô tư, vô lự. Khi tỉnh dậy, chàng nghe tinh thần sảng khoái, lấy tấm y vàng đất đã khô ráo, quàng vào người rồi cất bước lên hướng rừng. Do sức lực dường như đã sử dụng hết năng lượng cuối cùng, chàng nằm gục trên đám cỏ. Nằm bất tỉnh như thế không biết bao lâu - thì có một bé gái, theo lệ thường mang sữa đề-hồ, bánh, hoa trái đến cúng cho thần linh tại gốc cây gần đó. Trông thấy một vị sa-môn gầy khô, nằm thoi thóp thở, cô bé biết nhà tu khổ hạnh này do đói đã quá lâu ngày nên kiệt lực. Động mối từ tâm, cô bé đã tự ý quỳ xuống bên cạnh, lấy ngọn lá làm thìa, đổ chút ít sữa vào miệng. Khi những giọt sữa đầu tiên đi từ môi, chàng nhắp nhắp, qua lưỡi, thấm xuống cổ họng rồi đi vào dạ dày; cảm giác dễ chịu từ từ lan thấm cả châu thân. Cô bé mỉm cười, trao nguyên hũ sữa có nắp đậy cho chàng. Chỉ lát sau là chàng uống hết hũ sữa, người tỉnh táo trở lại.

Chàng nói:

- Cảm ơn cháu gái. Cháu ở đâu? Đến đây có việc gì, mà cho ta một bát sữa kỳ diệu đến thế?

Cô bé mỉm cười, rạng rỡ niềm vui:

- Cháu ở trong làng. Chủ của cháu, một bà chủ tốt bụng thường sai bảo cháu đến gốc cây gần bờ sông để cúng sữa, bánh trái cho vị thần linh.

Siddhattha mỉm cười:

- Rồi cháu thấy ta sắp chết nên đã tự ý dâng hũ sữa cho ta, vậy không sợ bà chủ rầy la sao?

- Không! Cô bé mở tròn mắt đen láy - Bà chủ cháu tốt bụng lắm. Bà chủ không rầy la đâu, mà còn khen ngợi nữa. Bà chủ thường dạy: Giúp một người đói khổ, cứu một người sắp chết là sẽ được phước đức nhiều lắm.

- Ồ, tốt lắm! Giỏi lắm! Cháu tên gì thế?

- Dạ, cháu tên Puṇṇā. Bà chủ của cháu là Sujātā, con gái của ông triệu phú Senānī, ở tại làng Sena cũng gần đây thôi.

Thế rồi, tất cả đề-hồ, bánh trái còn lại, cô bé dâng hết cho Siddhattha Gotama; và nhờ thế mà chàng khôi phục sức khỏe rất nhanh.

Ngày hôm sau, Siddhattha Gotama từ bỏ hang động, xuống sống ở cội cây có tàn xanh bóng mát cạnh bờ sông. Chàng đã quyết định từ bỏ khổ hạnh, sẽ đi theo lộ trình trung đạo.

Tấm Nệm Cỏ Kusa

Đêm rồi, Siddhattha Gotama trải qua một giấc ngủ ngon, sáng ngày chàng thấy sinh lực dồi dào chảy tràn trong cơ thể.

Nắng sớm vàng trong, gió nhẹ lay động cành lá. Với tinh thần phơi phới, chàng đi kinh hành lui tới ven sông. Xế trưa, cô bé Puṇṇā lại tìm tới với sữa, đề hồ và bánh trái.

- Cháu lại đến cúng thần linh nữa à?

- Dạ vâng! Rồi cô bé kể - Bà cháu lúc còn là con gái, thấy cội cây Assattha to lớn, uy nghiêm này, nghĩ chắc là có thần linh nên thường đến đây cầu nguyện "xin cho tôi có được một tấm chồng cùng dòng dõi huyết thống, vừa giàu sang vừa đẹp tính, đẹp người; sau đó cho tôi sinh được một bé trai khôi ngô, kháu khỉnh, dễ dạy, dễ bảo. Tôi sẽ lễ tạ thần linh bằng cơm, sữa, bánh trái trọng hậu nhất". Thế rồi, nguyện ước xưa giờ đã thành tựu.

Siddhatha Gotama ngồi xuống cho vừa tầm bé gái, mỉm cười. Cô bé Puṇṇā đều đều tiếp:

- Cái cội cây Assattha có thần linh này đã cho bà chủ cháu một tấm chồng như ý, lại còn ban một bé trai đẹp đẽ như con trời. Ngày rằm tháng Vesākha này, bà chủ cháu sẽ đến đây tạ lễ chính. Còn trước ba ngày, cháu đến đây để cúng những lễ phụ.

- À ra là vậy.

- Ngài sa-môn biết không! Để chuẩn bị cho vật thực cúng dường đầy trân trọng và đầy thành kính vào ngày trăng tròn này, bà cháu đã vô cùng công phu...

- Ừ cháu kể, ta nghe!

- Bà chủ cháu giàu lắm. Ông chủ cháu lại rất tốt bụng. Ông cười hiền lành khi thấy bà chủ chuẩn bị sữa để cúng tạ thần linh. Bà nuôi mấy chục con bò sữa cao lớn, sung sức nhất; lấy sữa của mấy chục con bò này để nuôi tám con bò sữa mập ú; lấy sữa của tám con bò sữa mập ú này chỉ để nuôi hai con bò sữa đang tơ. Và sữa của hai con bò này chỉ dành riêng để cúng thần. Sữa hôm qua sa-môn dùng là sữa tuyệt vời kia đấy!

Nghe đến đây, Siddhattha Gotama không còn ngạc nhiên nữa. Sữa hôm qua đúng là dược phẩm, là thuốc bổ hồi sinh thật sự. Siddhatha Gotama cười nói:

- Nó không những là thuốc bổ, nó còn là thần dược.

- Đúng vậy! Cô bé gật - Bà chủ cháu còn hòa vào trong biết bao nhiêu là thuốc quý đấy!

Bé Puṇṇā lại nói tiếp:

- Đúng ngày lễ chính, bà chủ cháu sẽ lấy sữa kia làm nước để nấu một mâm cơm đặc biệt; và ngay chính hạt gạo để nấu cơm cũng không phải là gạo thường... Triệu phú mới có đấy!

Bé Puṇṇā cười vô tư lự. Nó thấy mình kính mến ông sa-môn hiền từ này. Sớm hôm ấy, bé Puṇṇā đã bẻ cây làm chổi, quét dọn sạch sẽ từ trong ra ngoài, sạch từ kẽ đá, từng hang hốc rễ cây cho đến tận bờ sông...

Thế rồi, qua mấy ngày được tẩm bổ, Siddhattha Gotama đã có da, có thịt trở lại; ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp lần lần hiện ra.

Trong lúc ấy, năm người bạn đồng tu lặng lẽ bỏ đi mất. Họ rất thất vọng khi thấy Siddhattha Gotama thọ thực đầy đủ, lại còn trò chuyện vui vẻ với một cô bé gái.

"- Ông ta đã từ bỏ con đường tối thượng rồi! Koṇḍañña buồn bã nói với các bạn - Chúng ta không còn trông cậy, tin tưởng gì nơi ông ta được nữa. Siddhattha Gotama của chúng ta đã trở về với đời sống lợi dưỡng, tẩm bổ xác thân một cách dung tục. Chúng ta đi thôi."

Nhận thấy sự hiểu lầm của họ, nhưng Siddhattha Gotama chưa vội đính chính. Trong những ngày này, chàng đang có cuộc chuyển hóa quan trọng về nhận thức, đã có cái gì đó đang xảy ra trong nội tâm. Siddhattha Gotama đang dần dần hình thành lộ trình tu tập rất mới mẻ. Chàng từ bỏ khổ hạnh, nghĩa là từ bỏ con đường truyền thống. Và chàng sẽ nương tựa các nấc thiền hữu sắc, ở đó có pháp lạc, thanh tịnh, thuần thục và nhu nhuyến của tâm. Nương tựa vào chúng để bắt đầu nhìn ngắm diễn tiến, vận hành của sự sống. Và sự sống là gì? Sự sống là cái đang diễn ra, tương quan giữa toàn bộ con người mình, thân tâm này cùng với ngoại giới. Đau khổ, phiền não, sầu muộn, tham sân gì gì cũng phát sanh từ đấy, thì sự tu tập của ta cũng phải được ngắm nhìn từ đấy!

Đêm mười bốn tháng tư Âm lịch (Vesākha), dưới cội cây Assattha hùng vĩ, Siddhattha an trú các định hữu sắc, nuôi dưỡng phỉ lạc, khuya, canh hai, chàng nằm nghỉ. Khoảng giữa canh ba, chàng nằm mộng...

Siddhattha Gotama thấy mình nằm trên mặt đất, đầu gối đỉnh núi Himalaya, tay trái đặt vắt qua phía đông đại dương, tay phải đặt vắt qua phía tây đại dương, hai chân duỗi thẳng, gác qua châu Diêm-phù-đề, thòng xuống phía nam đại dương.

Siddhattha Gotama thấy có một cây cỏ, tên gọi tiriyā mọc từ lỗ rún và lớn lên. Nó to dần, cao dần lên một gang, một cùi, một sải... một do-tuần đến trăm do-tuần... rồi đứng chật cả hư không, tỏa tám cành ra tám hướng... xanh um, mát mẻ.

Siddhattha Gotama thấy một đám dòi đầu đen, mình trắng, lũ lượt bò từ đầu đến chân, đến đầu gối rồi bao phủ đầy đặc cả ống chân.

Siddhattha Gotama thấy bốn loài chim có bốn màu xanh, đỏ, vàng, đen từ bốn hướng cùng bay đậu nơi chân mình; bỗng nhiên, chúng hóa thành màu trắng hết.

Siddhattha Gotama thấy mình đi qua đi lại, đi lên đi xuống trên đống phẩn cao to như ngọn núi; nhưng hai chân không hề dính một chút dơ bẩn, không lây một chút xú uế nào cả.

Lúc sao mai vừa mọc, Siddhattha Gotama tỉnh dậy, giấc mộng đang còn mới mẻ, chàng tự đoán ngay rằng:

"- Điềm triệu thứ nhất: Ta sẽ thành bậc Chánh Đẳng Giác, trở thành vị Phật trên quả đất này.

Điềm triệu thứ hai: Có một giáo pháp "trung đạo" (vì cây mọc chính giữa lỗ rún), có tám nhánh - để giáo hóa chư thiên và nhân loại (Bát chánh đạo).

Điềm triệu thứ ba: Hội chúng cư sĩ (tóc đen mặc áo trắng) sẽ đến quy y, nương nhờ dưới chân ta, để tu tập.

Điềm triệu thứ tư: Những người có đức tin, đủ thành phần trong bốn giai cấp sẽ đến xuất gia tu tập; rồi cả bốn giai cấp đều được hòa tan, tẩy sạch trong biển pháp (màu trắng), chấm dứt kỳ thị.

Điềm triệu thứ năm: Nhiều người đến bố thí, cúng dường; nhưng khi thọ dụng bốn món vật dụng, ta sẽ không say mê, không dính mắc nó.

Sau khi giải minh năm điềm triệu, Siddhattha Gotama thấy lòng hân hoan, phỉ lạc. Vệ sinh cá nhân xong, chàng đi kinh hành một lát rồi xuống sông tắm.

Dòng nước ban mai mát lạnh, Siddhattha Gotama tiếp nhận từ làn da, từ lỗ chân lông cảm giác dễ chịu ấy. Tai chàng nghe được cả âm thanh lao xao của từng làn sóng nước... Mũi chàng ngửi được cả mùi hương của rong rêu,

của cả thiên nhiên hoang sơ... Ngũ quan và nhận thức đã trở nên tinh tế. Không thể rời bỏ thế giới hiện tượng, sự sống mà phải lắng nghe, cảm nhận hiện tượng, sự sống một cách trọn vẹn, sâu sắc... Từ cơ sở ấy, cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức cũng phải được lắng nghe một cách chân thực. Như dòng sông này, các giọt nước kế tục trôi chảy như thế nào thì cảm giác, tri giác, tâm hành và nhận thức của ta cũng trôi chảy như thế...

Lúc ngồi thiền dưới gốc cây, Siddhattha Gotama duy trì, tăng cường sự chú tâm và tỉnh giác để lắng nghe toàn thể thân, tâm cùng các đối tượng của chúng. Tất cả đều trôi chảy, tụ rồi tan, đến rồi đi liên tục, không gián cách. Không một cảm thọ, tri giác, tâm hành, nhận thức nào có thực tính, ngã tính... Cái mà Vệ-đà bảo là tiểu ngã (Atman, atta), là linh hồn thường tại đồng một thể với đại ngã vũ trụ (Mahātman) chợt rã tan như bong bóng nước... Tất cả chúng đều là vô ngã (anatta)... Sự thấy rõ bằng thực chứng, bằng quán chiếu tự thân này cho Siddhattha Gotama một phỉ lạc chưa từng thấy...

Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā mang lễ vật đến gốc cây cúng thần linh thì họ thấy một vị thần hào quang sáng rực đang tĩnh tại tọa thiền. Ngay cả cô bé Puṇṇā cũng cảm nhận khác lạ. Đây đúng là vị sa-môn gầy khô sắp chết đói mấy bữa trước - nhưng dường như đã hóa sanh thành một con người khác. Đúng là có thần linh rồi! Đúng là thần linh mới có dung sắc và hào quang như vậy.

Nàng Sujātā sai Puṇṇā sắp đặt lễ phẩm trên chiếc mâm vàng gồm cơm sữa và bánh trái khác, quỳ xuống, đội lên đầu rồi thành kính nói:

- Thưa ngài, thưa vị thọ thần uy linh! Con là Sujātā, ngài đã theo lời ước nguyện của con, ban cho con một tấm chồng đẹp đẽ, giàu sang và tốt bụng; lại còn ban cho con một bé trai có tướng mạo, dung sắc như một tiểu thiên thần. Vậy là

con đã hoàn toàn mãn nguyện. Hôm nay, con đến đây để tạ lễ, mong ngài chứng giám cho lòng thành của con...

Siddhattha Gotama xả thiền, mỉm cười nói:

- Ta chỉ là một sa-môn đang tầm đạo thôi, có phải là thần linh gì đâu, cô bé Puṇṇā biết kìa!

Cô bé Puṇṇā vẫn đang quỳ mọp bên chủ, bây giờ mới ngước đầu lên:

- Không, hôm nay ngài sa-môn đúng là thần linh. Bà chủ con và con đều thấy rõ như vậy.

Riêng nàng Sujātā thì vô cùng tri ân và xúc động, tự nghĩ: "Thần linh đã cảm ứng cho lòng thành của ta nên đã hóa thân nơi vị sa-môn thân tướng cao sang, quý phái này."

Siddhattha Gotama tự nghĩ: "Tất cả đều có nhân và duyên. Ta hãy thọ nhận vì lợi ích cho nàng và cũng lợi ích cho cuộc chuyển hóa vĩ đại đang ở nơi ta". Khi nàng Sujātā và cô bé Puṇṇā dâng nguyên cả mâm bằng vàng[1] cho trọn lễ ra về rồi, Siddhattha Gotama đứng trầm tư, quán tưởng giây lát... rồi chậm rãi từng bước một, ra bờ sông. Lựa một đám cỏ sạch, Siddhattha ngồi xếp bằng, vo tròn cơm sữa thành bốn mươi chín vắt to bằng trái thốt nốt. Chánh niệm, tỉnh giác, Siddhattha chú nguyện rồi độ thực hết bốn mươi chín vắt cơm ấy. Cầm mâm vàng, đứng lên, Siddhattha phát nguyện rằng:

"- Nếu dưới cội cây Assattha kia mà ta đắc thành quả vị Chánh Đẳng Giác thì xin mâm vàng này trôi ngược dòng sông. Bằng không thể đắc quả Phật thì mâm vàng này sẽ trôi xuôi."

Nguyện xong, Siddhattha Gotama thảy mâm vàng ra giữa sông. Lạ lùng thay, chiếc mâm vàng như tấm thia lia

---

[1] Có tư liệu nói là vào năm 1972 có một phái đoàn khảo cổ đã đào bới ngôi nhà cũ của nàng Sujātā, phát hiện rất nhiều mâm vàng, mâm bạc, chén vàng, chén bạc...

băng băng trôi ngược nguồn, lên phía thượng lưu, khoảng chừng tám mươi hắc tay thì chìm xuống.

Ngay lúc ấy, trên thế gian thì không có chuyện gì, nhưng dưới thủy cung có chuyện lạ. Nguyên dưới cung điện của Long vương đã có ba chiếc mâm vàng của ba vị Phật quá khứ, đó là đức Phật Kakusandha, đức Phật Koṇāgamana, đức Phật Kassapa. Khi chiếc mâm vàng của Siddhattha Gotama chìm xuống, trôi về thủy cung, đụng phải ba chiếc mâm vàng trước, tiếng ngân vang lên. Long vương Kāḷānaga lúc ấy đang ngủ, nghe âm thanh của mâm vàng chạm nhau, thức dậy, mỉm cười nói rằng: "Chà! Mới hôm qua một vị Phật xuất hiện, hôm nay lại một vị Phật khác nữa ra đời!"

Siddhattha Gotama biết nguyện mình sẽ đạt, lòng hân hoan, thư thái; và còn biết rõ rằng: Sự chuyển hóa của mình, cái nhìn mới mẻ của mình về sự tu tập là chính xác, đúng đắn! Bước về cội cây Assattha, Siddhattha Gotama rất tự tin khi thấy mình đã chuẩn bị đầy đủ cho một cuộc hạ thủ công phu mà không còn sợ phải lầm lạc nữa.

Bắt chước cô bé Puṇṇā, Siddhattha Gotama đi bẻ lá quét dọn rồi ôm một ôm lá khác sắp xếp lên nhau để làm một chỗ ngồi. Khi đang hí hoáy với công việc, một cậu bé chăn bò đội một bó cỏ lớn đi ngang. Cậu ta dừng lại, tò mò nhìn một lát rồi nói:

- Này ông sa-môn! Đám lá ấy không thể trải chỗ ngồi được đâu, chỉ vài ba hôm là bầm dập, hư nát. Phải là cỏ này. Cỏ kusa này để lâu nó sẽ khô và bốc mùi thơm dễ chịu. Con biếu tặng ông sa-môn đây.

Nói xong, cậu bé chăn bò đặt bó cỏ xuống. Nó gồm có tám bó nhỏ đều đặn mà bề dài lại vừa khít, vuông vức một chỗ ngồi. Một lát, cậu bé chăn bò đã làm xong, trông rất đẹp đẽ. Siddhattha Gotama cất giọng thiện cảm:

- Cảm ơn bạn nhiều lắm!

- Dạ, không có chi.

- Bạn tên gì? Ở có xa đây không?

- Dạ, con tên là Sotthiya. Con thuộc giai cấp Sudra, ở cũng gần đây thôi!

- Sotthiya biếu cho ta bó cỏ quý này thì lấy gì để mang về nhà?

- Dạ, không sao, con sẽ kiếm bó khác. Chỉ có một con bò sữa què chân thôi mà!

Tuy chỉ là tấm nệm cỏ tầm thường làm tọa cụ, nhưng dưới con mắt nghiệp cảm của phi nhơn, chư thiên, ma vương thì đấy là cả một bồ đoàn quý báu, tên là Ratanapallaṇka, cao mười bốn cùi tay, xung quanh đều được chạm khắc công phu, đính bảy báu - là phước báu trang nghiêm của ngài được tích lũy Pāramī từ vô lượng kiếp.

Lúc Sotthiya vừa đi khỏi, Siddhattha Gotama lên ngồi trên nệm cỏ, thấy êm ái và thoáng mát; ngài quay mặt về hướng đông, thấy khí và lực của mình thuận hợp với khí và lực của vũ trụ. Toàn thể tế bào, máu huyết như được tiếp thêm năng lượng. Nhiếp tâm thanh tĩnh, điều hòa hơi thở, Siddhattha Gotama phát lời đại nguyện:

"- Dù máu huyết khô cạn, dù chỉ còn gân, xương và da; ta quyết không rời khỏi nệm cỏ này nếu ta chưa đắc thành quả Phật".

Sidddhattha Gotama vừa phát nguyện xong thì không gian như chao đảo, quả địa cầu rung chuyển dữ dội. Tấm nệm cỏ tầm thường bây giờ đã biến thành bồ đoàn chiến thắng (aparājata panllaṅka) sừng sững, bất động như thách thức muôn ngàn bóng đêm của vô minh và si mê.

Vua trời Sakka, trong khi ấy, phải tức tốc rời khỏi ngai vàng, sai vị thiên Pañcasikha mang đàn beḷuva xuống nhân gian tấu nhạc cúng dường. Vua trời Suyāma ở cõi Yama và vua trời Santusita ở cõi Tusita hối hả bay xuống cầm quạt đứng hầu hai bên. Phạm thiên Sāhampati là bạn của ngài từ thời đức Phật Kassapa thì cầm chiếc lọng trắng, đứng trang

nghiêm, bất động... che mát cho Siddhattha Gotama. Còn Long vương Kāḷānaga thì dẫn nguyên một đoàn mỹ nữ, tưng bừng, rộn rã hát lên một ca khúc chưa từng được nghe:

"- Hỡi người con ưu tú, tinh anh của vũ trụ
Hỡi đấng vương giả cao sang, quyền quý
Mà ngũ dục tối thượng của cuộc đời
Cũng không thể ràng buộc được.
Hỡi bậc bồ-tát vô tỉ!
Mà sức mạnh và ý chí kiên cường
Thắng xa một ngàn con chiến mã Sindhu vô địch
Thắng xa một ngàn con voi trắng thuần chủng, oai hùng.
Người đã tự mình vạch ra một lộ trình
Chưa hề có trên thế gian
Đã bắt đầu tìm kiếm, khám phá
Ý nghĩa và giá trị vĩnh cửu của cuộc sống
Lợi dưỡng - người đã từng lợi dưỡng tối thắng
Khổ hạnh - người đã từng khổ hạnh tối thượng
Người là sự kết tụ ánh sáng rực rỡ
Nóng ấm của mặt trời
Và ánh sáng dịu dàng, mát mẻ của mặt trăng
Người sẽ tìm ra con đường bất tử
Người sẽ tìm ra phương thuốc nhiệm mầu cứu khổ cho muôn triệu sinh linh
Hãy rọi ánh sáng trí tuệ, giải thoát
Cho chúng sanh trong đêm đen trường mộng
Muôn ngàn cõi đang rung động, hân hoan
Muôn triệu chúng sanh đang khao khát ánh đạo vàng"

Lúc tiếng hát lời ca của chúng long nữ vừa dứt thì tại cõi trời Vasavatti, Chúa ma vương hoảng hốt, dựng tóc gáy. Đúng là điềm triệu bất tường rồi. Cái ông Siddhattha Gotama sắp bước ra khỏi uy lực của ta. Ông ta đang muốn dùng ánh sáng bé mọn ấy để thách thức ta, muốn xuyên

thủng bóng đêm sâu thẳm mà ta đã từng tung rải trên thế gian từ vô thỉ đến nay!?

Ác Ma thiên tự nghĩ:

"- Lợi dưỡng tối thượng không quyến rũ được ông ta. Chuyển luân Thánh vương ông ta cũng không màng. Tế thần lửa ông ta xem là mê tín. Khổ hạnh tối thượng ông ta cũng từ bỏ. Bây giờ, Siddhattha Gotama đang ngồi tĩnh tọa trên chiếc bồ đoàn quý báu kia và phát lời đại nguyện bất thối. Ông ta muốn thoát khỏi quyền lực của ta thật rồi! Vậy hôm nay, ta phải dùng uy lực tối thắng, sức mạnh tối thắng để chiếm lấy cái bồ đoàn, hoặc đẩy bật ông ta ra khỏi bồ đoàn - thì đại nguyện kia sẽ không thành tựu".

Thế rồi, Ác Ma thiên huy động toàn bộ thiên binh, thiên tướng, trang bị tất cả mọi loại vũ khí hình thù quái dị có tính năng kinh khiếp nhất, rầm rộ rời Tha hóa tự tại thiên, trực chỉ cõi trần, xuống khu rừng Uruvelā.

Ác Ma thiên đi đầu, cỡi voi Girimekhala, hóa ra ngàn cánh tay đều cầm khí giới, với khuôn mặt dữ tợn cùng với mười đạo binh, vây quanh cội cây Assattha kéo dài mười hai do-tuần, bên trên hư không dày đặc chín do-tuần. Chúng la hét vang rền, chấn động khắp các cõi[1].

Phạm thiên, Long vương, các vị thiên vương Sakka, thiên vương Suyāma, thiên vương Santusita đang đứng hầu xung quanh bồ đoàn, thoáng thấy Ác Ma thiên với thiên binh, thiên tướng, vũ khí hình thù quái dị, đằng đằng sát khí... bèn hội ý với nhau rất nhanh:

---

[1] 10 loại vũ khí của 10 đạo binh ma là tượng trưng cho 10 loại phiền não sau đây: Tham dục (kama), bất mãn (arati), đói khát (khupipasa), ái dục (taṇhā), hôn trầm - thụy miên (thīna, middha), sợ hãi (bhayā), hoài nghi (viccikicha), phỉ báng, cố chấp (kukkha – thambha), lợi lộc, khen tặng, vinh dự, danh vọng (labha, siloka, sakkara, yasa), tự tán, hỷ tha (attukkamsanaparavambhana).

- Cả nội ma và ngoại ma đều ào ạt tấn công Siddhattha Gotama, chúng ta phải làm sao?

- Bậc vĩ đại phải chiến đấu đơn độc là lẽ tất nhiên. Chúng ta đi thôi!

Thế là họ trở về trú xứ của mình. Trong lúc ấy Ác Ma thiên dặn bảo thuộc hạ của mình: "Oai lực của Siddhattha Gotama rất phi thường, thế gian không có ai sánh được, các ngươi chớ khá xem thường. Vậy đừng có dại dột chiến đấu trực diện. Phải đánh lén hoặc đánh vào hướng sau lưng".

Siddhattha Gotama suy nghĩ: "Những đạo quân ma vương phiền não sẽ tấn công ta. Nó sẽ tấn công toàn diện bằng những vũ khí cực kỳ lợi hại. Tại đây, ta chẳng có cha mẹ, bằng hữu hoặc bà con quyến thuộc. Tuy nhiên, các toán binh ma đâu biết rằng, cuộc chiến này ta không hề đơn độc. Ta đã có sẵn ba mươi pháp hành Pāramī. Chúng sẽ là những thuộc hạ thân tín mà ta đã dày công nuôi dưỡng trải qua vô số kiếp. Chúng chính là đội quân thiện chiến, bất khả chiến bại. Chúng sẽ bảo vệ ta một cách an toàn. Chúng sẽ vô hiệu hóa tức khắc các cuộc tấn công của ma quân."

Nghĩ thế xong, Siddhattha Gotama trú định, huy động sức mạnh cuồn cuộn của năng lực Pāramī tạo nên sự kiên định, vững vàng như đỉnh núi chúa Sineru, chờ đợi sự tấn công của Ác Ma thiên.

Đầu tiên, Ác Ma thiên dùng vũ khí cuồng phong, mà sức mạnh của nó hung tợn hơn cả ngàn con tuấn mã... đồng loạt lao tới bồ đoàn. Dù trận cuồng phong thật là kinh thiên động địa nhưng nó chợt tan biến, không hề lay động chéo y của Siddhattha Gotama.

Ác Ma thiên sững sờ, kinh ngạc; tức giận quá, bèn sử dụng vũ khí nước lũ. Nó hóa phép làm một trận mưa lớn như thác đổ, xối xả xuống cội cây Assattha. Nhờ oai lực Pāramī, chẳng có một hạt nước nào rơi trúng vào ngài.

Ác Ma thiên phùng mang trợn mắt đến tóe máu, sử dụng vũ khí mưa đá than hồng, từng cục đá cháy đỏ hừng hực rơi liên miên bất tận xuống bồ đoàn. Và rồi, ô kìa! Những viên đá cháy đỏ chợt biến thành những đóa hồng hoa tươi thắm, nhẹ nhàng kết thành từng xâu, từng chuỗi... trông đẹp xiết bao!

Nộ khí xung thiên, Ác Ma thiên hóa hiện trận mưa vũ khí. Đấy là những khí giới có răng cưa, có móc nhọn, có lưỡi bén, có tua tủa móc... trăm trăm, ngàn ngàn như thế... dội xuống đầu Siddhattha Gotama! Ồ! Kỳ lạ không, tất cả vũ khí quái dị ấy chợt biến thành những đóa hoa kim loại với hình tướng, sắc vẻ lạ lùng!

Bốc giận tợ thiên lôi giáng, Ác Ma thiên, hai mắt đỏ rực như hai chậu máu, sử dụng vũ khí mưa lửa. Thế là từng dòng mưa lửa đỏ rực cả vùng trời, đốt cháy cả không gian rồi ồ ạt tuôn đổ xuống cội cây Assattha. Ồ! Mưa lửa lại hóa thành những chùm hoa lửa đẹp vô cùng!

Ác Ma thiên dường như đã hóa cuồng, sử dụng luôn đồng loạt vũ khí mưa tro nóng, mưa cát cháy, vũ khí mưa bùn, vũ khí không gian tối đen mù mịt... nhưng rồi cũng vô ích. Tro nóng biến thành bột thơm. Cát cháy biến thành vật thơm. Bùn biến thành nước thơm. Còn không gian dẫu có tối đen mù mịt - cội Assattha, bồ đoàn chiến thắng và Siddhattha Gotama vẫn sáng rỡ như ánh trăng rằm.

Đã sử dụng hết chín loại vũ khí hung dữ, bạo tàn nhưng vẫn thất bại chua cay, vẫn không lay động Siddhattha Gotama, Ác Ma thiên tức giận quá, ra oai la mắng thuộc hạ:

- Các ngươi sao đứng im sững như thế? Sao không cùng xông vào một lượt để đâm, chém, chặt, móc, cưa, xẻ ông ta ra? Sao không đuổi ông ta ra khỏi cái bồ đoàn bất trị ấy?

Ác Ma thiên hò hét đã khô hơi, rát cổ nhưng chẳng có ma nào dám xông đến gần vì oai lực của Siddhattha Gotama đã tạo nên một vòng đai vô hình, một tường thành Pāramī

kiên cố toát ra một năng lực làm cho chúng sợ hãi co rúm lại.

Chẳng biết sao hơn, Ác Ma thiên cưỡi voi Girimekhala, đến gần cội cây Assattha, mở lời tranh đoạt:

- Siddhattha Gotama! Ngươi hãy mau mau rời khỏi cái bồ đoàn kia vì nó là của ta!

Siddhattha Gotama bây giờ mới tạm rời xa năm sức mạnh nội tâm - tín, tấn, niệm, định, tuệ - chậm rãi nói:

- Này Ác Ma thiên! Trên đời này ta chưa thấy ai ngu si, cuồng vọng và dai dẳng như ngươi, cứ bám sát theo ta mãi! Và bây giờ, ta cũng chưa thấy ai trên đời nói ra lời cưỡng từ, đoạt lý như ngươi; loạn danh, loạn thực như ngươi! Chiếc nệm cỏ này có được là do nhờ tám bó cỏ cúng dường của cậu bé chăn bò Sotthiya; sau đó nó trở thành chiếc bồ đoàn trang nghiêm, kỳ vĩ là do nhờ phước báu Pāramī sinh ra. Từ vô số kiếp, ta đã dày công tu tập các công hạnh, nhất là bố thí bậc thượng, bậc trung và bậc hạ - nên mới có được chiếc bồ đoàn thù thắng này. Còn ngươi, do tham vọng mù quáng, do muốn củng cố địa vị, quyền lực và hư danh mà đến đây muốn tranh đoạt với ta sao? Thật là ngông cuồng, xấc láo! Hãy biến đi! Hãy tan vào bóng tối muôn đời vô tận ngu si và kiêu ngạo của ngươi!

Ác Ma thiên lầm lì không nói nữa, giận dữ rút vũ khí vòng sắt cực kỳ nguy hiểm ra. Đây là vũ khí thứ mười, vũ khí tối hậu, có năng lực khủng khiếp mà Ác Ma thiên chưa bao giờ dùng tới. Nếu chiếc vòng sắt này ném xuống đất thì mặt đất sẽ bị thiêu cháy, suốt mười hai năm không cây cỏ nào mọc được. Nếu vòng sắt này ném lên hư không thì suốt mười hai năm không có một giọt mưa nào rơi xuống. Nếu chiếc vòng sắt ném vào núi Sineru thì núi chúa sẽ bị cắt làm hai phần!

Với ý chí quyết thắng, vì muốn tiêu diệt Siddhattha Gotama và chiếc bồ đoàn, Ác Ma thiên phủ đòn tối hậu,

quăng chiếc vòng sắt đến cội cây. Chiếc vòng sắt phát ra tiếng sấm sét vang rền giữa không gian...

Một số phạm thiên, chư thiên lo ngại cho sự an toàn sanh mạng của Siddhattha Gotama. Một số khác, tin vào phước báu và oai lực Pāramī của ngài, sẽ không có một loại vũ khí nào xâm hại được; và cuối cùng ngài sẽ chứng đạo quả Phật.

Quả thật vậy, niềm tin ấy là đúng. Siddhattha Gotama trú định, huy động toàn bộ sức mạnh Pāramī để đón nhận cơn phẫn nộ địa ngục của Ác Ma. Cuối cùng, chiếc vòng sắt đe dọa khủng khiếp kia chợt biến thành chiếc khăn hoa, bay lượn phất phới, như đến lau chùi chiếc bồ đoàn!

Vậy là Ác Ma thiên hoàn toàn thua cuộc, tuy nhiên, nó chẳng sượng sùng gì, vẫn tỏ ra ngang bướng, cứng đầu:

- Siddhattha Gotama! Hãy trả bồ đoàn ấy cho ta?

Do cảm ứng tâm linh và cũng do đức tin bất thối, Siddhattha Gotama chợt nói:

- Ta muốn ngươi thua cuộc một cách tâm phục, khẩu phục. Nghe ta hỏi đây. Bồ đoàn này là của ngươi thì lấy gì làm bằng chứng?

Ác Ma thiên đắc chí, cười ha hả:

- Tất cả thiên binh, thiên tướng này họ sẽ làm chứng cho ta.

Bọn ma quân nhao nhao lên:

- Đúng vậy, tất cả chúng tôi đồng làm chứng, chiếc bồ đoàn kia là sở hữu của thiên chúa chúng tôi.

Ác Ma thiên thấy mình thắng thế, cười to lên:

- Siddhattha Gotama nói là có ba mươi Pāramī... gì gì đó... nên bồ đoàn kia là sở hữu phước báu của mình. Vậy thì bây giờ, ai là kẻ làm chứng cho ngài đây?

Siddhattha Gotama vẫn an nhiên, trầm lặng, bởi ngài tin vào năng lực Pāramī của mình, tự nghĩ: "Trong thời gian gần đây, ta phát sanh niềm tin chắc thật là từ vô số kiếp, ta

đã tu tập tròn đủ Pāramī. Ta biết ta đã có sẵn năm đại thí và ba pháp hành."[1] Nghĩ thế xong, Siddhattha Gotama bèn chỉ tay xuống đất, tuyên bố bằng lời chân thật:

- Ta có ba mươi Pāramī, đó là điều chắc thật. Riêng bố thí thì ta cũng đã tròn đủ năm đại thí. Tuy ở đây chẳng có chúng hữu tình nào làm chứng cho ta điều ấy. Nhưng còn có quả đất. Quả đất dẫu không có tâm thức, nhưng nó cũng có thể chấn động, rung động bảy lần để làm chứng cho lời nói chân thật của ta!

Lạ lùng thay, Siddhattha Gotama vừa dứt lời, lập tức quả đất chuyển mình dữ dội, rung động bảy lần, phát ra âm thanh đì đùng như bão nổi tự trong lòng địa cầu. Nước biển đột ngột như long vương quẫy mình, sùng sục, ì ầm dâng lên cao, hất tung những quả núi sóng lên không gian. Mưa ào ào như trút, nước đổ xuống, nước tràn lên, tràn lên mãi...

Ác Ma thiên ngồi trên lưng voi Girimekhala cao to như ngọn đồi cũng phải chao đảo, ngả nghiêng... rồi dần dần bị ngập sâu trong nước, bị nước cuốn trôi phăng. Đến đây, mọi pháp lực của ma vương đã trở nên vô dụng; nó hoang mang, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, ném bỏ tất cả vũ khí, huy động tàn lực, thúc hối voi Girimekhala vọt khỏi dòng nước dữ, hớt hải bay về cung trời Tha hóa tự tại không dám ngoảnh mặt nhìn lui. Quần ma khiếp đảm, vội vã quăng bỏ vũ khí, mặt nạ... hỗn loạn chạy trốn theo chân chủ soái.

Mười ngàn thế giới vui mừng, đồng thanh reo vang, âm thanh như hải triều âm, vang vọng khắp cả mấy tầng trời để tán thán, ca ngợi oai lực Pāramī bất khả chiến bại của Siddhattha Gotama.

---

[1] 5 đại bố thí là: Bố thí vợ, con, của cải, tứ chi, sanh mạng. 3 pháp hành là: Hành đem lại lợi ích cho thế gian, lợi ích cho quyến thuộc và lợi ích cho sau này thành tựu quả vị Phật.

Cuộc chiến đấu lạ lùng ở trên, chỉ có một mình Siddhattha Gotama, ở cõi người cùng thế giới chư thiên, phạm thiên hay biết. Cội cây Assattha vẫn an tĩnh. Trời đã ngả bóng về chiều. Chiếc bồ đoàn vẫn điềm nhiên, bất động. Siddhattha Gotama suốt hai khắc giờ thiền định, lưu giữ cận định, soi chiếu nội tâm, thấy rõ toàn bộ ma quân phiền não ngủ ngầm từ vô lượng kiếp đến nay. Đã điểm mặt, chỉ tên từng phiền não một, thô tháo có, vi tế có. Như mặt trời rọi đến đâu thì sương tan đến đấy, cũng vậy, lúc trí tuệ bừng sáng, những kiết sử, tùy miên đều hiện rõ mặt mày. Chúng chẳng thể đeo mặt nạ, ngụy trang, đánh lừa ai được nữa.

Mặt trời sắp lặn. Siddhattha Gotama ngắm nhìn quang cảnh một lát rồi trở lại lắng nghe dòng tâm đang trôi chảy an nhiên, tĩnh tại, trong sáng - Siddhattha biết mình sẽ đi trọn đêm nay để thực nghiệm bài toán tâm linh đã có cách giải. Lúc ấy là đêm mười bốn tháng tư Vesākha, Ấn Độ.

Một Vầng Nhật Nguyệt

Đêm. Dòng sông Nerañjarā lấp lánh ánh trăng. Gió thổi rì rào xuyên qua rừng cây trầm mặc. Hương hoa cỏ dịu dàng, thoang thoảng giữa không gian. Siddhattha Gotama sau khi chiến thắng nội ngoại ma, ngài ngồi yên tĩnh theo dõi hơi thở với tâm và trí hoàn toàn tỉnh thức và thanh khiết...

Bây giờ, cả một khối thân tâm đã trở nên thuần nhất, được giác niệm lung linh soi chiếu; không thấy trong, không thấy ngoài, không thấy ngã, không thấy ngã sở; ngài chỉ thấy hơi gió vào ra, càng lúc càng nhẹ, càng mỏng... Rồi dần dần, làn gió ấy chợt trở nên trong vắt, sáng như ánh trăng rằm vừa ra khỏi sương mù... Siddhattha Gotama lần lượt đi vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền một cách dễ dàng, không có một gắng sức nào... Với năng lực của tâm định hoàn toàn vững chắc, kiên cố, Siddhattha Gotama xuống cận hành, sử dụng tầm và tứ hướng tâm đến tiền kiếp... Chỉ một sát-na sau, ngài lần lượt thấy rõ các kiếp sống quá khứ của mình. Từ một kiếp, hai kiếp... mười kiếp, hai mươi kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, kiếp quả đất, nhiều đại kiếp quả đất vô giới hạn... Ngài thấy rõ mỗi kiếp, với hình ảnh rõ ràng, với vóc dáng như vậy, dòng họ như vậy, tuổi

tên như vậy, y báo, chánh báo như vậy, khổ vui như vậy, nghiệp đến đây như vậy, nghiệp ra đi như vậy... Nhờ định tĩnh sâu xa, và cũng nhờ nội tâm đã lắng dứt mọi tùy miên kiết sử nên Siddhattha Gotama không hề khởi lên kinh cảm khi thấy mình từng mang lốt nhiều kiếp thú như chó, ngựa, voi, chim, chuột... Còn làm cả dạ-xoa, a-tu-la, thọ thần, chư thiên, phạm thiên... cũng rất nhiều kiếp nữa. Nhưng nhiều nhất là làm người: thương gia, triệu phú, nông dân, tiều phu, giáo sư, vua chúa, quan đại thần, quốc sư... Và vô lượng kiếp tu tập, xuất gia, hành các pháp ba-la-mật... Trong vô lượng vô biên kiếp sống ấy, ngài không tìm thấy đâu là con người thực của mình. Tất cả chúng đều do dòng nghiệp vẽ ra, tạo nên. Sự sinh, sự diệt trùng trùng, hóa thân trùng trùng, sầu bi khổ ưu não cũng trùng trùng... Tất cả chúng đều như từ sương khói mà hiện ra, từ sương khói mà diệt mất, dường như vô căn, vô cội nhưng chỉ có một dòng chảy, dòng chảy của sinh mệnh, nghiệp lực là liên lỉ từ vô thỉ đến vô chung... Tuy liên lỉ nhưng không phải hằng hữu. Chúng chuyển biến, dịch hóa, thay đổi liên tục, mới mẻ liên tục... Chẳng có gì mất đi mà cũng chẳng có gì thường tại...

Siddhattha Gotama xả thiền, lúc ấy chỉ vừa qua canh một. Thế là ngài đã chứng đắc Túc mạng minh (Pubbenivāsānussatiññāṇa) khi mặt trăng từ hướng Đông mới lên đến đầu tàn cây Assattha. Mỉm nụ cười vi diệu như nụ hoa hàm tiếu ở trong tâm, rồi không để uổng phí một sát-na nào, Siddhattha Gotama lại nhiếp niệm đi vào tứ thiền sắc giới, kiên trú định; trở lại cận hành, dùng tầm và tứ, hướng tâm đến sự sanh tử của chúng sanh. Thế rồi, như cuốn phim quay nhân quả hiển hiện rõ ràng trong nội tâm, ngài thấy sự đi về, tới lui, thấp hèn, cao thượng, xấu đẹp, khổ vui của tất cả chúng sanh từ quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nếu thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác thì rơi vào bốn cảnh khổ. Ngược lại, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện thì được

sanh thú cõi người, cõi trời nào đó tương ứng với hành nghiệp ấy. Tiếp tục đi sâu, đi xa, theo dõi dòng nghiệp của chúng sanh, Siddhattha Gotama còn thấy được tâm hướng của từng chúng sanh một, với quả báo vị lai xa xăm cho đến hằng sa sinh diệt của quả địa cầu! Vậy là tất cả tác nhân, quả báo tạo nên sanh thú của tất cả chúng sanh đều được ngài nhìn thấy rõ như các đường chỉ trong lòng bàn tay của mình. Như thế là vào cuối canh hai, khi mặt trăng vừa chênh xế cội cây Assattha, Siddhattha Gotama chứng đắc Thiên nhãn minh (Dibbacakkhuññāṇa).

Trở lại tứ thiền, nuôi dưỡng phỉ lạc thâm sâu, vào an chỉ định, trở lại cận hành, dùng tuệ minh sát quán chiếu tự thân; ngài thấy rõ rằng, chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến ngũ trần (kāmasavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những chấp thủ ta, của ta, người và chúng sanh (diṭṭhāsavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến những dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu (bhavāsavakilesa), chẳng còn một phiền não nào liên hệ đến si mê, vô minh (avijjāsavakilesa). Khởi chánh tư duy, Siddhattha Gotama tự nghĩ: Tất cả những phiền não ngủ ngầm, vi tế ấy chẳng có ai hay biết dẫu loài người thông tuệ hoặc chư thiên, phạm thiên có nhiều năng lực. Cho chí những đạo sĩ tuyệt luân đắc bát thiền và ngũ thông như Kāḷadevila cũng đành chịu. Hai vị đạo sư nổi danh về chứng đắc cùng với sự chấp thủ của họ cũng chỉ làm duyên nối dài cho sự sanh tử, luân hồi vô tận mà thôi!

Thế rồi, với tuệ giác vô nhiễm, rạng ngời, trong sáng như pha lê, Siddhattha Gotama thấy rõ gốc nguồn căn cội của mọi khổ đau, phiền não là vô minh và ái dục. Nó tạo ra tất thảy thế gian sinh tử. Vì vô minh, si mê, lầm lạc nên chúng sanh tạo tác các nghiệp trắng, nghiệp đen, nghiệp không trắng không đen. Duyên các nghiệp ấy, và cũng do năng lực của nghiệp ấy, một thức tâm tái sanh đi tìm kiếm

cảnh giới tương thích. Nó nương gá tinh cha và huyết mẹ để tượng thành một thai bào, ở đấy có sự sống và ẩn tiềm dòng nghiệp riêng biệt của chính mình. Khổ vui, hèn sang, giàu nghèo, trí ngu, thọ yểu... kể cả di truyền, cá tính, thói quen, văn hóa, tín ngưỡng... đều được hạt giống ấy mang theo, bất ly, bất hoại để hình thành một chúng sanh mới, đời sống mới. Những danh tâm và sắc tướng với đầy đủ chủng nghiệp sẽ tượng hình nên mắt tai mũi lưỡi thân ý. Rồi, với thời gian, trong tương quan xúc đối với ngoại giới, chúng sẽ xuất hiện cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức. Cái gì vừa lòng, thích thú thì ôm nắm, níu giữ; cái gì không vừa ý, bất toại nguyện thì ghét bỏ, chối từ, phủ nhận. Tham sân khởi sanh để tạo tác những nghiệp hữu trong ba cõi, sáu đường. Rồi sanh, rồi già, rồi chết, rồi sầu, bi, khổ, ưu, não... như một vòng quay tất định không bao giờ ra khỏi. Vòng luân hồi luẩn quẩn loanh quanh ấy được kết nối với nhau bởi những chiếc khoen trong sợi xích sắt vĩ đại... Vào giữa canh ba, Siddhattha Gotama đã thấy rõ chúng. Muốn chấm dứt luân hồi sinh tử, khổ đau, phiền não thì phải biết tháo gỡ những chiếc khoen- mà chiếc khoen vô minh, si mê, lầm lạc là quan trọng nhất. Nếu sáng suốt, tỉnh giác, tỉnh thức, tuệ minh chiếu soi thì sẽ không có hành nghiệp, tạo tác nhân để mai sau gặt quả. Thức tìm kiếm tái sanh không còn thì ước vọng trở thành sẽ không có cơ hội nẩy mầm. Và nếu không tham đắm, mê say các cảm thọ thì các chấp thủ làm sao hiện hữu được? Thủ không có thì hữu, tái sanh, già lão, sầu bi khổ ưu não sẽ rã tan như những hạt sương treo trên đầu nắng...

Khi thấy rõ toàn bộ sự vận hành duyên khởi ấy- tâm và tuệ của Siddhattha Gotama sáng trong như viên ngọc mạni không tì vết. Ngài trú vào miền tĩnh lặng thâm sâu với sự hỷ hoan, lạc phúc như tràn đầy nội tâm và cả hư không giới. Như ai ăn người ấy no, như uống nước, nóng lạnh tự biết,

Siddhattha Gotama chứng nghiệm được điều mà thế gian chưa từng ai chứng nghiệm. Sự sinh, sự diệt của từng sát-na duyên khởi vô ngã tính giải thích toàn bộ khối khổ đau, nguyên nhân của nó, và con đường dập tắt mọi ảo tưởng, ảo giác của chúng hữu tình. Khi ảo tưởng, ảo giác không còn thì những sanh niệm trôi lăn sẽ tự động chấm dứt. Sự chấp thủ các uẩn, các hữu chợt rã tan như những đốm hoa, không thực hữu - khi có tuệ nhãn, trí thông, trí minh chiếu soi. Mọi tham muốn lầm lạc, sái với các định luật của nhiên giới, tâm giới, pháp giới sẽ không còn ảo ảnh để đeo níu, mê đắm nữa. Tất cả đều được trả về nguyên trạng khi nó chưa từ biệt cố hương. Chưa bị vấy bẩn bởi bụi đỏ, bùn đen và cát tía. Trăng sáng. Hoa nở. Chim hót. Sương mù. Lá rơi. Suối chảy. Nhận biết. Lắng nghe. Cảm giác... Tất thảy chúng đều hiện ra như chân như thực. Không cái gì bị che kín. Không cái gì bị mất đi. Không cái gì thường còn. Bất tử là vậy. Giá trị hằng cửu và ý nghĩa tối thắng của cuộc đời này phải được lập cước từ cái thấy biết toàn diện và chơn chánh ấy. Và đó là chánh kiến. Có cái thấy đúng ấy mới có cái suy nghĩ đúng - chánh tư duy. Có cái suy nghĩ đúng mới có nói năng đúng - chánh ngữ. Có nói năng đúng mới có hành động đúng - chánh nghiệp. Có hành động đúng mới có nuôi mạng đúng - chánh mạng. Có nuôi mạng đúng mới có nhiệt tâm, nỗ lực, tinh cần đúng - chánh tinh tấn. Có nỗ lực, tinh cần đúng mới có chú tâm, ghi nhận đúng - chánh niệm. Có chú tâm, ghi nhận đúng mới có được yên tĩnh, bình tĩnh, định tĩnh, trạm nhiên bất động trước mọi cơn gió bão của nội ngoại ma - chánh định. Đấy là con đường. Là đạo lộ diệt tận khổ đau, phiền não. Là yếu chỉ, bí quyết giải thoát tất cả mọi bộc, mọi lưu, mọi triền, mọi phược, mọi kiết, mọi sử... ngủ ngầm trong hố thẳm vô thức từ vô lượng kiếp. Là giáo pháp vô năng thắng. Là cái mà từ quá khứ, hiện tại, vị lai chưa có mặt trên cuộc đời...

Như vậy là cái thấy của Siddhattha Gotama đã ở ngoài sinh tử, đã vượt thoát sinh tử. Chẳng còn cái lưới nào bủa vây, nhốt kín tuệ giác của ngài được nữa. Sáng trong vằng vặc. Ngài mỉm cười như nụ hoa sen hàm tiếu. Hào quang từ nơi vầng trán của ngài chợt tỏa ra, vừa rực rỡ, ấm áp như tia nắng mặt trời, vừa dịu dàng mát mẻ như ánh sáng mặt trăng...

Thế là vào canh cuối, trăng sắp lặn, sao mai vừa mọc, tháng Vesākha, dưới cội cây Assattha, bên sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Siddhattha Gotama đã chứng đắc quả vị Đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; lúc ấy ngài vừa đúng ba mươi lăm tuổi...

Mười ngàn thế giới ngay sát-na ấy rung động dữ dội, quả đất dày bốn mươi do-tuần chao qua đảo lại như địa chấn. Giờ phút ấy đi vào vĩnh cửu. Chư thiên, phạm thiên hoan ca, vui mừng vì một đấng Toàn Giác đã xuất hiện trên thế gian. Giữa hư không, hoa trời tung bay và nhạc trỗi để cúng dường thời khắc linh thiêng và trọng đại này. Nếu ai có thiên nhĩ, sẽ nghe những lời đồng vọng tự lưng chừng trời:

- Sādhu! Sādhu! Buddho uppanno! Sādhu! Sādhu! Buddho uppanno! (Lành thay! Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian rồi!)

Và cũng nhiệm mầu thay là những hiện tượng phi thường ở ngoài mọi định luật tâm giới và nhiên giới, chưa từng có trên thế gian, lại đồng lúc phát sanh một cách diệu kỳ. Đó là:

- Dẫu trái tiết, trái mùa nhưng muôn hoa đua nhau nở rộ và tỏa sắc, tỏa hương...

Mọi quả trái dù đắng, dù chua, dù chát chợt trở nên ngon, ngọt, thơm...

Những kẻ mù lòa, thong manh bẩm sinh, vui mừng vì đôi mắt bỗng trở nên sáng quắc, thấy rõ mọi vật xung quanh mình.

Những kẻ điếc lãng từ lúc chào đời chợt nghe được mọi âm thanh..

Những kẻ bại liệt, từ nay có thể đi lại một cách dễ dàng...

Đặc biệt là tại địa ngục Lokantarika - cõi giới có từ quả báo của những chúng sanh dày sâu tà kiến, dù bảy mặt trời cũng không bao giờ rọi tới - hôm ấy, hào quang của đức Phật từ cội Assattha xuyên qua những lớp bóng tối để chiếu soi tận ngục sâu âm u lạnh lẽo. Những chúng sanh này bỗng thấy được lẫn nhau.

Đức Phật Gotama, bây giờ chúng ta gọi ngài là thế, đang rọi ánh sáng để nhìn ngắm tự tâm nhưng đồng thời, ngài thấy biết luôn toàn bộ thế gian, thế giới. Thật bi mẫn, thương xót thay chúng sanh ngu muội. Chúng đã tạo tác những nhà tù thể xác rồi tự nhốt mình vào đấy, rồi khóc lóc, rồi sầu bi khổ ưu não. Ta cũng đã lang thang muôn triệu kiếp mới tìm ra khuôn mặt của kẻ tạo tác ấy. Nó chính là vô minh và ái dục. Chính nó đã tạo nên các uẩn, chồng chất từ lớp này đến lớp kia. Nói rõ và chi tiết hơn, người thợ, tên kiến trúc sư sinh tử xây cái nhà tù chính là ái dục (taṇhā - rāga), cái đòn dông chính là vô minh (vijjā). Còn toàn bộ cái sườn nhà là những ô nhiễm, phiền não (kilesa) như: Tham (lobha), sân (dosa), si (moha), ngã mạn (māna), tà kiến (micchādiṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā), tật (issā), hối (kukkucca), xan (macchariya), hôn trầm (thīna), thụy miên (middha), phóng dật (uddhacca), không biết hổ thẹn tội lỗi (ahirika), không biết ghê sợ tội lỗi (anottappa); rồi còn phỉ báng, cố chấp (mukkha-thambha), sợ hãi (bhaya), bạc ơn, phản phúc... Khi có định lực sung mãn, tuệ giác vằng vặc chiếu soi thì chúng hoàn toàn rã tan, rỗng không, vô tự tánh... Bất giác, đức Phật Gotama thốt lên một cảm hứng ngữ nội tâm trầm hùng, siêu thoát, có thể vang xa đến tận cùng vô lượng, vô biên thế giới:

"- Lang thang muôn kiếp luân hồi
Tìm không gặp kẻ xây ngôi nhà tù
Não phiền, đau khổ mịt mù
Vòng xoay, dòng chuyển thiên thu nhọc nhằn
Hỡi này anh thợ làm nhà!
Rui, mè, kèo, cột tiêu ma hết rồi
Đòn dông ái dục gãy đôi
Vô minh tạo tác muôn đời hoài công
Như Lai giải thoát sạch không
Niết-bàn vô lậu thong dong vĩnh hằng"[1]

Đạo lớn đã tìm ra. Con đường bất tử đã được khai quang. Đức Phật Gotama xả thiền, rời cội cây Assattha, bây giờ được gọi là cây bồ-đề hoặc cây tuệ giác (bodhirukkha) lúc ấy phương đông trời vừa hửng sáng. Tràn đầy, sung mãn trạng thái giải thoát, ngài đi tới đi lui thọ hưởng hạnh phúc siêu thế. Gió ban mai nhè nhẹ thổi, mát lạnh mang theo rất nhiều mùi thơm hương rừng cỏ nội. Ngài cảm nhận rất vẹn toàn, sâu sắc và tinh tế ngay cả những âm thanh cao thấp, gần xa của chim, của giun dế, của từng chiếc lá rơi khẽ. Mù sương bàng bạc lan kín cả mặt sông. Hoa đủ màu, đủ sắc từng chùm li ti chợt lay động, loang loáng nước. Dường như vạn vật xung quanh đều hiển hiện những niềm vui thầm lặng, nhiệm mầu. Tất cả đều nhiệm mầu dưới một ánh sáng khác lạ, mới mẻ. Có cái gì đổi mới, khoác lên cảnh vật một chiếc áo phiêu diêu, nhẹ nhàng, thanh khiết. Khổ đau không có mặt. Phiền não không có mặt. Nhưng cảm giác, tri giác, tâm hành, nhận thức đều trôi chảy hòa bình, an lạc, trong

---

[1] Anekajāti saṃsāraṃ. Sandhāvissaṃ anibbisaṃ. Gahakārakaṃ gavesanto. Dukkhā jāti punappunaṃ. Gahakāraka! Diṭṭho' si. Puna gehaṃ na kāhasi. Sabbā te phāsukā bhaggā. Gahakūṭaṃ visaṅkhitaṃ. Visaṅkhāra gataṃ cittaṃ. Taṇhānaṃ khayam ajjhagā"

lành và vô nhiễm. Sự sống bây giờ được vận hành trong dòng chảy tinh khôi, trong lành và vô nhiễm ấy…

Suốt tuổi vị thành niên ưu tư, trăn trở, đến tuổi lập gia đình thấy mọi niềm vui, khoái lạc đều phù du, trống rỗng; tháng năm dài tìm cách giúp vua, cứu nước, đức Phật Gotama luôn cảm thấy mình làm cái việc của con dã tràng xe cát vì không giải mã được hố thẳm của lòng người. Với ý chí kiên định, ngài thoát ly gia đình, vợ con, vương vị, quyết tìm ra con đường thoát khổ, giải trình giá trị và ý nghĩa vĩnh cửu cho nhân sinh. Suốt sáu năm dài đằng đẵng, nếm mật, nằm gai, chịu đựng sự khổ hạnh tối thượng, với nỗ lực siêu phàm, bây giờ lộ trình bất tử mở toang cánh cửa, đã được khai thông. Chưa có ai vĩ đại như ngài, chưa có ai kiêu dũng như ngài, và cũng chưa có ai cô độc như ngài. Cho chí những giây khắc khó khăn nhất, bên mình ngài cũng chẳng có ai, may nhờ những giọt sữa vi diệu của cô bé Puṇṇā. Có thể nói rằng, ngài đã nỗ lực tự mình, không nương nhờ ai mà cũng không có bất kỳ một vị thầy nào trên lộ trình khám phá sự thật[1] Tuy thế, chẳng phải ngài sáng tạo con đường, mà ngài chỉ tìm ra con đường xưa cũ, đã bị mù sương của vô lượng thời gian che khuất. Ngài chỉ là một con người, sinh ra và lớn lên như một con người, với xương thịt, ngũ quan, tình cảm, tinh thần cũng chỉ là một con người; nhưng nhờ tư duy có chiều sâu, biết giữ cảm xúc chừng mực, biết tra vấn và học hỏi, biết hoài nghi và biết trung thực; không dễ dàng chấp nhận những chân lý có sẵn, những lối mòn sơn son thếp vàng; dám đơn độc chiến đấu với cám dỗ, với truyền thống, với bản ngã cho đến lúc đứng trên đỉnh đầu sinh tử để ca khúc khải hoàn. Vậy ngài đúng là một vị Toàn Giác, một bậc Chánh Đẳng Giác do sự thấy biết chơn chánh và toàn

---

[1] Na me ācariyo atthi - một đạo sư, ta không có - ngài đã từng nói vậy..

diện. Ngài còn có khả năng truyền bá giáo pháp nên người ta tôn xưng ngài là bậc Chánh Biến Tri, là người phi thường (Acchariya manussa), là bậc làm chủ giáo pháp (Dhammassāmi - Pháp vương), là người ban bố pháp bất tử (Amatassa dātā), là người cho vật báu (Varado- vật báu chính là tâm từ bi thanh khiết nhất, trí tuệ sâu xa nhất và chân lý vi diệu nhất). Ngài còn được gọi Như Lai (Tathāgata - bậc đến như vậy), Ứng Cúng (Arahaṃ - xứng đáng được cung kính, tôn trọng, cúng dường), Minh Hạnh Túc (Vijjā-carana-sampanno - Trí vô thượng, Đức vô thượng), bậc Thiện Thệ (Sugato - khéo đi ra khỏi luân hồi), bậc Thế Gian Giải (Lokavidū - bậc thông suốt tam giới), Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu (Anuttaro Purisadammasārathi - bậc trượng phu vô thượng có khả năng chế ngự, nhiếp phục thân, khẩu ý mình và chúng sanh), Thiên Nhân Sư (Satthādevamanussānaṃ - bậc thầy của chư thiên và nhân loại), Thế Tôn (Bhagavā - xứng đáng được xưng tán, tôn vinh), Phật (Buddho - bậc tỉnh giác, sáng suốt, tỉnh thức).

Thế là một vầng nhật nguyệt vừa xuất hiện trên thế gian. Lừng lững. Vằng vặc. Trí tuệ và từ bi. Còn soi sáng đêm ngày cho đến hết năm ngàn năm cùng nhân duyên với chúng sanh hữu trí.

Bốn Mươi Chín Ngày
Sau Khi Thành Đạo

Giáo pháp vi diệu, sâu mầu vừa chứng đạt còn cần phải chiêm nghiệm nên đức Phật Gotama chưa vội đi đâu, ngài còn cần phải rà soát lại toàn bộ sự thấy biết ấy. Đây chính là thời gian mà ngài vừa thọ hưởng hạnh phúc siêu thế vừa làm cho hệ thống lại, chi tiết thêm cái kho tàng nội tâm vừa mới khám phá.

Tuần lễ thứ nhất, tại cội cây tuệ giác (Bodhirukkha), đức Phật Gotama trú tâm vào hơi thở và lát sau, ngài nhẹ nhàng đi vào tứ thiền; rời tứ thiền, ngài lên bốn tầng thiền vô sắc; rời phi tưởng, phi phi tưởng, hai sát na sau, ngài đi vào diệt thọ tưởng định, yên lắng cảm giác và tri giác để nghỉ ngơi, tịnh dưỡng trong cõi Niết-bàn, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế (Vimuttisukha). Bảy ngày qua đi nhưng thời gian chỉ như cái chớp mắt, đức Phật Gotama xả định Diệt thọ tưởng, lần lượt xuống Phi tưởng phi phi tưởng, xuống Vô sở hữu... rồi trở lại sơ thiền... lên lại tứ thiền, xuống cận hành để chiếu soi, xem xét lại giáo pháp duyên khởi. Đây là một loại giáo pháp tế vi, sâu nhiệm, phải cần được khám phá một cách toàn diện và triệt để. Giáo pháp này rất mới mẻ, đi ngược với truyền thống ngàn xưa từ suối nguồn kinh điển Vệ-đà. Vậy muốn truyền bá cho nhân gian dễ thấy, dễ biết, dễ thuyết phục thì phải tỏ tường tận chân tơ kẽ tóc mỗi sát-

na tư tưởng, tâm niệm, trạng thái, cái tạo nên dòng chảy duyên khởi phức tạp ấy. Vô thường, vô ngã và dukkha cũng từ đây mà dấy sanh, mà nhận biết, mà chứng nghiệm. Thế là trong minh nhiên vắng lặng và trong suốt, đức Phật Gotama thấy rõ từng vòng khoen, dính trong nhau, tiếp lực cho nhau, tan hòa trong nhau; và, quá khứ, hiện tại, vị lai dường như không có gián cách, chẳng có kẽ hở nào. Tùy thuộc vô minh, hành sinh khởi. Tùy thuộc hành, thức sanh khởi. Tùy thuộc thức, danh sắc sanh khởi. Tùy thuộc danh sắc, lục nhập sanh khởi. Tùy thuộc lục nhập, xúc sanh khởi. Tùy thuộc xúc, các cảm thọ sanh khởi. Tùy thuộc cảm thọ, ái sanh khởi. Tùy thuộc ái, các thủ sanh khởi. Tùy thuộc thủ, các hữu sanh khởi. Rồi sanh, rồi già, rồi chết, rồi sầu bi khổ ưu não chi phối toàn bộ chúng hữu tình. Vòng luân hồi thế là đã lập định. Muốn chấm dứt vòng tái sanh luân chuyển rối mù và kiên cố ấy, ngài đã tìm ra. Cứ gỡ một khoen là chúng sẽ đứt lìa, nhất là cái khoen vô minh. Chấm dứt vô minh thì hành chấm dứt. Chấm dứt hành thì thức chấm dứt. Chấm dứt thức thì danh sắc không thể sanh khởi. Không có danh sắc thì sẽ không có lục nhập. Chấm dứt lục nhập thì xúc chạm vào đâu. Không có xúc thì làm sao có ái. Không có ái thì thọ đoạn trừ. Không có thọ thì không có thủ. Không có thủ thì không có hữu. Không có hữu thì không có sanh. Với sự chấm dứt sanh thì già bệnh chết, và toàn bộ khối đau khổ-sầu bi khổ ưu não - sẽ chấm dứt. Muốn tỏ tường hơn nữa, ngài quán sát chiều xuôi và chiều ngược vòng duyên khởi ấy nhiều lần. Chẳng có chỗ nào là không hiện ra một cách thông tỏ, minh bạch. "Khi nhân này có thì có quả này. Có sự phát sanh của nhân này thì có quả này phát sanh. Khi nhân này không có thì quả này không thể có mặt. Nếu nhân này chấm dứt thì quả này chấm dứt." Đức Phật Gotama vào đêm cuối của tuần lễ thứ nhất ấy, ngài thốt lên câu kệ cảm hứng ngữ như một khúc ca khải hoàn:

"- Quả thật là như vậy, chân lý đã hiển hiện minh nhiên trước tuệ nhãn thâm sâu của ta. Bao nhiêu hoài nghi, tối tăm đã được vén mở, phủi sạch. Toàn bộ khối đau khổ ta đã tìm thấy nguyên nhân và ta đã tận diệt chúng không còn dư tàn."

Tuần lễ thứ hai, lúc vầng dương vừa ló dạng, đức Phật Gotama xả thiền, bước ra xa chừng hai mươi tầm thốt nốt, hướng đông bắc, đứng nhìn cội cây ân nghĩa đã che sương đỡ nắng cho ngài suốt thời gian qua. Ngài biết là rồi ngài sẽ ra đi, giã biệt người bạn vô tình này. Một cọng cỏ, một chiếc lá ở nơi đây đã cùng với ngài mà hiện hữu, đã cùng với ngài mà nói lên sự sống vô cùng; huống gì cội bồ-đề, cây tuệ giác này, là người bạn, là chứng nhân cho sự giác ngộ viên mãn và rốt ráo của ngài. Thế rồi, đức Phật Gotama đứng nhìn đăm đăm và bất động cội Bodhirukkha, không đổi oai nghi. Bảy lần nắng, bảy lần sương, bảy lần mặt trời mọc và lặn, bảy lần mặt trăng lên và xuống… ngài không chớp mắt, liên tục nuôi dưỡng những sát-na tâm tĩnh lặng, thanh bình. Ngài muốn để lại cho thế gian một bài học về hạnh tri ân.

Tuần lễ thứ ba, suốt nửa tháng, thấy đức Phật Gotama cứ luẩn quẩn loanh quanh tại cội bồ-đề, một số chư thiên hoài nghi không biết ngài đã thật sự chứng đắc đạo quả hay chưa? Và pháp giác ngộ của một bậc Chánh Đẳng Giác được nhiều vị trời có nhiều oai lực ca tụng, tán thán ấy ra sao? Thấy rõ tâm ý ấy, đức Phật Gotama đã dùng thần thông, tạo một con đường bằng ngọc (ratana camkamana) giữa hư không, từ chỗ ngài đứng đến cội bồ-đề, rồi đi kinh hành lui tới suốt cả bảy ngày trên ấy. Chưa thôi, ngài còn vận dụng một loại thần thông trao truyền tư tưởng cho số chư thiên ấy biết rằng, ngài còn có chín đức tánh vô thượng, mười tuệ lực viên mãn, bốn pháp vô úy siêu việt, bốn năng lực chở che bất hại, bốn trí biện thông vô ngại, bốn vô lượng tâm với chúng sanh, Ba Mươi Ba-la-mật tối thắng, tròn đủ sáu thông, tám minh, mười lăm hạnh và còn nhiều hơn thế nữa. Hiểu

xong, biết xong, thấy xong, số chư thiên ấy hoan hỷ tán thán không hết lời. Hoa mạn-thù tung bay phất phới.

Tuần lễ thứ tư, đức Phật Gotama dùng thần thông, kiến tạo một ngôi lầu bằng ngọc (ratanaghara) ở hướng Tây Bắc, tượng trưng cho ngôi lầu giáo pháp rồi ngài ngự ở trong ấy, quán chiếu, soi tỏ những trạng thái sanh diệt của những sát-na tâm. Những dòng tâm đi qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Những dòng tâm dục giới, sắc giới, vô sắc giới và siêu thế giới. Sự diễn tiến, vận hành của danh sắc từ thô đến tế. Tuệ soi đến đâu là ngài thấy rõ đến đấy. Chỉ cần hướng tâm, là ngài thấy rõ dòng tâm của cả con kiến, con ruồi, chim, thú dữ, kẻ đui mù, người điếc lãng, ngạ quỷ, chư thiên, địa tiên, a-tu-la. Ôi, quả thật là vi diệu, sâu nhiệm, ngại rằng có giảng nói cũng chẳng ai biết, ai thấy, ai tin! Các danh pháp sinh diệt nhanh quá, ngay một sát-na đã có ba tiểu sát-na sanh, trụ và diệt. Ngay một sắc pháp, có cái còn tế vi tợ hư không. Thế mà chính chúng, cái nhỏ nhiệm tưởng như không thấy ấy, nó là nhân, là duyên, tương hệ duyên phức tạp để tạo nên thế gian, thế giới, nhân sinh, hữu tình, vô lượng vô biên dòng chảy, những rừng thống khổ, những biển nước mắt! Thế là suốt bảy ngày, đức Phật Gotama đã phác thảo bố cục, nội dung, chi tiết toàn bộ tạng Abhidhamma. Thế rồi, ngài hình dung, sau này, tòa nhà lầu giáo pháp, phải lấy bốn niệm xứ làm nền móng, bốn cây cột vững chắc chính là bốn thần túc, vách tường phải được dựng lên, ngăn chặn bất thiện pháp - chính là Luật giới. Rui, mè, đòn tay, các chi tiết phụ khác chính là tạng Kinh. Abhidhamma chính là nóc lầu. Trong khi tuệ đi sâu vào tâm để thấy những vi tế, phức tạp của những sát-na nhân duyên và duyên hệ (sau này là bộ Paṭṭhāna - tinh hoa của tạng Abhidhamma) cả thân và tâm đức Phật Gotama trở nên sáng trong và tinh khiết, tỏa ra vòng hào quang sáu màu, đó là xanh dương (nīla), vàng

(pīta), đỏ (lohita), trắng (odāta), cam (majeṭṭha) và trộn lẫn năm màu thành màu thứ sáu (pabhassara).

Tuần lễ thứ năm, đức Phật Gotama bước qua hướng Đông của cội bồ-đề, tọa thiền dưới bóng cây Ajapālanigrodha, thọ hưởng hạnh phúc vô vi, giải thoát. Vào ngày cuối, có một người bà-la-môn ngã mạn (hukumkajātika) đi ngang, dừng lại hỏi:

- Này sa-môn! Ông hạ thủ công phu tu hành như vậy, nhưng có biết, đứng ở phương diện nào ta có thể trở thành thánh nhơn? Nói cách khác, có những điều kiện, nguyên nhân nào để trở thành bậc thánh nhơn?

Đức Phật Gotama đã trả lời bằng bài kệ:

"- Xa lánh mọi điều xấu xa, tội lỗi, không còn ngã mạn (hukumka), đã tịnh hóa mọi ô nhiễm, chế phục, điều ngự lục căn, thông suốt pháp học và chơn chánh, sống đời phạm hạnh thiêng liêng - người ấy được gọi là thánh nhơn. Vị ấy không còn tham sân, phóng dật dù ở đâu trên thế gian này!"[1]

Nội dung pháp thoại như đọc được tâm hành của mình, sợ hãi quá, người bà-la-môn lủi mất.

Sau đó, còn một biến cố khác: Ba người con gái của Ma vương là Taṇhā (tham ái), Arati (tật đố) và Rāga (dục ái) đã dùng đủ mọi cách để quyến rũ đức Phật Gotama nhưng thất bại.

Chuyện là, sau khi dẫn thiên binh, thiên tướng thảm bại trở về, Ma vương rầu rĩ. Siddhattha Gotama đã chiến thắng, có nghĩa là danh vọng, tiếng tăm, quyền uy của Ma vương từ nay sẽ bị suy giảm. Thấy Ma vương cứ thở vắn, than dài, không thiết gì đến những thú vui ngũ dục tối thượng của cõi

---

[1] Udāna

trời, ba người con gái tìm hỏi đầu đuôi tự sự. Sau khi hiểu rõ, họ đồng thanh cười phá lên. Nói rằng:

- Trên thế gian này, chẳng ai có thể thoát khỏi quyền uy của nữ giới; trái tim người đàn ông dẫu sắt đá, dẫu như làm chủ được mình, nhưng sẽ ngã gục bởi sắc đẹp thiên kiều bá mị, bởi tiếng nói hoa cười ngọc thốt, bởi mùi hương nữ tính quyến rũ. Phụ vương hãy giao nhiệm vụ ấy cho chúng con.

Ma vương dẫu không còn tin tưởng gì lắm, do nghĩ đến ngũ dục tối thượng ở ba tòa Cung Vui, thái tử cũng không mê đắm nhưng chẳng có kế sách nào khác, đành phải gật đầu đồng thuận. Thế là ba cô thiên nữ, vốn đã sẵn có sắc đẹp mỹ diệu, vóc ngọc, dáng ngà, đào tơ, sen ngó chợt biến hóa thành ba nữ vương sắc đẹp xứng đáng đội vương miện hoa hậu tam giới, dẫn theo một đoàn ca nữ, nhạc nữ, vũ nữ cùng những nhạc khí tối thượng, trong nháy mắt đã dập dờn xung quanh cội cây Ajapālanigrodha. Thế rồi đàn, sáo, kèn du dương trầm bổng trỗi lên. Tiếng hát lời ca ma mị, cuốn hút, đam mê, đắm say tán dương ái tình, dục vọng thể xác đồng một loạt như những mũi tên hoa dịu dàng, tẩm độc, phóng thẳng vào tim đức Phật Gotama. Chưa thôi, hòa theo tiếng nhạc là những vũ điệu mềm mại, uyển chuyển, lướt trôi, phơi phới, nhẹ bay những tấm xiêm lụa mỏng như mây, ẩn hiện những tòa thiên nhiên bồng đảo lẳng lơ, khêu gợi. Tuy nhiên, đức Phật Gotama vẫn an nhiên, trạm nhiên, thanh tịnh, bất động. Thấy bọn thiên nữ không lay chuyển, rung động được người đàn ông trác việt, phi phàm, ba cô con gái nháy mắt với nhau đồng ra tay. Họ dùng thần lực biến hóa ra từng khung cảnh, từng kỷ niệm, từng giai đoạn tình tự và ân ái mặn nồng trước đây giữa thái tử và Yasodharā. Từ xiêm áo, màu sắc, nước da, suối tóc, khuôn mặt, vóc dáng, giọng nói, ánh mắt, gót sen, búp tay; tất cả đều y hệt công nương Yasodharā. Và ba đoạn, ba cảnh là ba Yasodharā thuở xưa: Tại cuộc thi hoa hậu, thi võ nghệ và tuần trăng mật. Lại còn

từng giọng bướm ong, lời chăn gối, cứ thủ thỉ thù thì như rót đường, rót mật vào tai. Ôi, biết bao nhiêu là mặn nồng, xao xuyến do hương hoa, hương xiêm y, hương da, hương tóc, hương kỷ niệm, hương cả một cuộc đời thanh xuân, tươi trẻ như cơn mưa tình xối xả đổ xuống tâm trí, gợi nhắc những hoài niệm ngọt ngào hầu quyến rũ đức Phật Gotama. Ồ, thật kinh khiếp thay là quyền lực vô địch của sắc thanh hương cõi trời! Tuy nhiên, chỉ như làn gió nhẹ xao qua cành lá, mặt phẳng tâm hồ của ngài chẳng gợn lên một tí nào, chẳng thể làm xao động được những sát na thâm sâu của đại định. Đức Phật Gotama mở mắt ra, mỉm nụ cười như đóa sen xanh rồi nói với các nữ ma:

- Vô lượng sắc đẹp mỹ miều, âm thanh khả ái, hương vị khả lạc, Như Lai đã chiến thắng, đã bước qua, đã giải thoát tất cả chúng rồi. Chẳng còn quyền lực nào trong tam giới có thể chỉ huy, sai khiến hoặc quyến rũ Như Lai được nữa. Khêu gợi bản năng tính dục là đòn phép tối thượng mà các ngươi vừa biến hóa, chưng bày, trình diễn cũng không thể chinh phục được Như Lai. Đằng sau chúng là vị đắng, chua, chát, gai máu, dơ bẩn, độc dược, nước mắt, hận thù, địa ngục và ngạ quỷ. Chúng sanh cứ hối hả, hớt hải, triền miên nhảy vào chiếc lưới quỷ quái, xảo quyệt của các ngươi, bị các ngươi trói chặt từ vô lượng kiếp rồi. Thôi, các ngươi hãy tự tan biến đi! Hãy trở về với cái bầu bóng tối si mê và dục vọng vô tận, vô độ của các ngươi, của ma chúa các ngươi!

Lời nói chân thật có uy lực bất khả tỉ của đức Phật Gotama, nhiệm mầu thay, chúng ma nữ, tức khắc tan vào bóng tối, trả lại khung cảnh thanh bình, trời quang, mây rạng. Lũ chim quanh rừng chợt cất tiếng hót líu lo, ríu rít. Mấy chú nai con không biết ở đâu đến, nằm yên lặng gần bên, đưa những đôi mắt tròn, đen lay láy nhìn ngài với vô vàn sự trìu mến và tin cậy.

Tuần lễ thứ sáu, đức Phật Gotama bước qua hướng Đông của cây Ajapālanigrodha, tọa thiền dưới bóng cây Muccalinda để chiêm cảm niềm vui siêu thế. Bất chợt, gió lạ thổi tới, càng lúc càng mạnh, mây đen vần vũ kéo đến, sấm chớp đì đùng nổi lên, rồi một trận mưa xối xả tối trời, tối đất phủ dập núi rừng. Có chú rồng rất lớn ở một cái hồ sâu gần đấy, hằng đêm trông thấy hào quang lóng lánh sáu màu kỳ lạ của đức Phật Gotama, tò mò, ngạc nhiên tìm đến. Sau khi quan sát một hồi, chú rồng tự nghĩ: Vị này là ai mà tướng mạo oai phong, tươi đẹp, cao sang, quý phái tột bực như thế nầy? Chắc không phải là người! Vậy là thần, là chư thiên, phạm thiên chăng? Đức Phật Gotama biết được ý nghĩ của rồng, dùng thần thông, chỉ trong một vài niệm là trao gởi thông tin, cho rồng biết rõ ngài là Phật, đã tận diệt mọi khổ đau, phiền não, đã ở ngoài tam giới, hiện tại, luôn có những vị trời, quân của Tứ đại thiên vương (Cātummahārāja) túc trực, hầu hạ bên cạnh. Sung sướng, hạnh phúc quá, rồng tự nghĩ: Vậy đây là phước báu hy hữu của ta, ta phải dùng thần thông, chở che cho ngài trong suốt thời gian mưa to gió lớn này. Nghĩ thế xong, rồng quấn quanh kim thân đức Phật Gotama bảy vòng, hóa ra bảy cái đầu như bảy cái tàn lọng vĩ đại, che kín, không để cho bất kỳ một hạt mưa nào xâm phạm, rơi đụng chéo y của ngài. Trận mưa thật là kinh hoàng và dai dẳng, suốt gần một tuần lễ mới dứt. Sau khi trời trong, mây tan, gió lặng, rồng gỡ mình ra, hóa thành một thanh niên, cung kính, năm vóc sát đất đảnh lễ ngài. Đức Phật Gotama tán thán công đức của rồng, sau đó, nói một bài kệ:

"- Đã nghe, đã thấy chân lý, sống tri túc, ẩn dật là hạnh phúc. Biết thu thúc, có tâm lành tốt đối với mọi chúng sanh là hạnh phúc. Không luyến ái, vượt lên khỏi dục vọng tầm

thường là hạnh phúc. Phá được ngã chấp, ngã ái là hạnh phúc tối thượng”[1].

Tuần lễ thứ bảy, đức Phật Gotama bước đến phía bên phải cội cây Muccalinda, ngồi dưới tàn cây Rājāyatana, an nhập diệt thọ tưởng định…

Thế là suốt bốn mươi chín ngày, đức Phật Gotama không ăn; ngài duy trì mạng sống, sức khỏe nhờ vào mâm vàng cơm sữa kỳ diệu bốn mươi chín vắt, bằng trái thốt nốt, của nàng Sujātā, con gái của triệu phú Senānī. Cơ thể của ngài tuy có gầy ốm nhưng thần sắc vẫn tươi rạng, thần khí vẫn sung mãn do được nuôi dưỡng bởi pháp lạc của thiền, pháp lạc của quả, pháp lạc của giải thoát. Thời gian này, đức Phật Gotama đã chiêm nghiệm, rà soát lại toàn bộ giáo pháp mà ngài đã kiếm tìm được, chứng ngộ được. Chúng vẹn toàn, châu biến, mỹ mãn chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối.

Tại nhân gian là vậy, nhưng ở thế giới tưởng như vô hình, chư thiên, phạm thiên vẫn theo dõi ngài, nhất là những vị có căn cơ sâu dày với thiện pháp, những vị đã từng tạo ba-la-mật cùng với ngài trong nhiều tiền kiếp xa xăm. Sốt sắng, nhiệt tình và nhiều tín tâm nhất chính là Tứ đại thiên vương và vua trời Sakka. Trong không gian thanh lặng, họ bảo vệ ngài rất chặt chẽ, nghiêm cẩn, chu đáo. Bởi vậy, thấy đức Phật Gotama xả thiền sau khi nhịn ăn suốt bốn mươi chín ngày, trời Sakka hóa thân thành một người chăn bò, tình cờ đi ngang, nghêu ngao ca hát, rồi biếu tặng ngài một nắm trái ca-na chín vàng, bảo là sa-môn hãy ăn cho vui miệng. Đức Phật Gotama mỉm cười thọ nhận, ngài biết đấy là trời Sakka; lại càng biết trong những trái ca-na kia, ông ta

---

[1] Từ Udāna: “ Sukho viveko tuṭṭhassa sutadhammassa passato. Abyāpajjhaṃ sukhaṃ loke pānabhūtesu samyamo. Sukhā virāgalā loke kāmānaṃ samatikkamo. Asmimānassa yo vinayo etaṃ veparama sukho”.

đã thành tâm, cẩn trọng tẩm đầy thực phẩm tinh tế, vi diệu của cõi trời để cúng dường. Ngài nói:

- Như Lai chúc phúc cho ngươi. Thiện pháp càng gieo trồng thì quả trái mai hậu càng thịnh mãn, ngạt ngào hương sắc. Như Lai và ngươi còn nhiều nhân duyên gặp gỡ.

Hôm sau, có hai vị thương gia, tên là Tapussa và Bhallika; họ là hai anh em ruột, với năm trăm cỗ xe hàng hóa, từ Ukkala trên đường đến sông Gaṅgā, theo lộ trình thiên lý trở lại quê nhà, đang dừng nghỉ dưới một cội cây gần đó. Có một vị thiên, kiếp trước là quyến thuộc của hai người ấy, nghĩ rằng: "Con đường thương mãi, con đường kiếm tiền làm giàu là niềm đam mê của họ. Giàu rồi thì muốn giàu thêm. Đấy là cái hố tham không đáy. Miệt mài tích lũy của cải, bạc vàng là nấm mồ chôn biết bao tâm địa si ác của con người. Càng tích lũy thì càng ích kỷ, càng sa lầy vào những hành nghiệp xấu ác. Ta rất xót thương họ. Ta muốn giúp đỡ họ. Ta phải tạo duyên cho họ biết làm phước, cúng dường, biết gieo trồng thiện pháp - nhất là gieo vào đám ruộng đệ nhất thượng đẳng điền."

Nghĩ là làm, vị thiên dùng thần lực làm cho cả năm trăm cỗ xe, mặc dầu được cột rịt kiên cố bởi năm trăm con bò kéo, tự dưng một ngàn bánh xe bị quay tròn, trong lúc xe vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Lạ lùng quá, ngạc nhiên quá, hai vị thương gia cùng những người giúp việc, chạy đến níu giữ xe lại. Vẫn không ăn thua, những bánh xe vẫn thản nhiên quay! Kinh dị, sợ hãi, tái mặt... họ đồng quỳ xuống lạy như tế sao, van vái thần trời, thần đất, thần cây xin tha cho họ, xin đừng trừng phạt họ nữa. Lúc này, vị thiên mới hiện thân ra với thần sắc cao sang, chói sáng, đứng giữa hư không, uy nghi, lẫm lẫm, đẹp một ngàn lần hơn vua chúa của cõi người. Vị thiên nói:

- Ta không làm hại hai vị đâu. Trong quá khứ, ta và hai vị có một lần là cùng chung huyết thống. Hiện tại, do chút

phước kiếp trước, ta sanh làm một vị trời nho nhỏ. Ta muốn giúp hai vị biết hướng thiện quay đầu, trở về với thiện pháp để được lợi ích lâu dài...

Nói thế xong, vị thiên đưa tay chỉ về hướng cội cây Rājāyatana, nói rằng:

- Cách đây không bao xa, chỉ chừng một tầm cây cung, có một vị Phật, một bậc Chánh Đẳng Giác vừa ra đời. Đấy là một bậc vô thượng mà chư thiên, Tứ đại thiên vương, Chúa chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, Phạm thiên... đều phải quy ngưỡng, cung kính, cúng dường. Thật là duyên lành hy hữu cho hai vị. Ngay bây giờ, hãy chuẩn bị bánh bột rang và mật ong[1] để đến dâng cúng cho ngài. Đã bốn mươi chín ngày, ngài không ăn. Vậy cúng dường vào lúc này là phước quả sẽ trổ sanh như rừng, như biển...

Nói xong, vị thiên biến mất. Hai vị thương gia rùng mình, kinh cảm. Một vị trời nho nhỏ mà năng lực, phước tướng như thế ấy, huống hồ... Với sự kính trọng vô biên và niềm hoan hỷ dạt dào, họ mang bánh sattu và madhu tìm đến cội cây vị thiên đã chỉ. Thấy vị sa-môn với tướng hảo quang minh, oai nghiêm mà dịu hiền, như mặt trăng và mặt trời cùng giao hòa với nhau mà lung linh tỏa rạng; cả hai cùng quỳ xuống, rồi thưa:

- Chúng con từ xa đến, nhờ có một vị thiên quyến thuộc chỉ bày; xin được thành kính cúng dường ngài chút vật thực mọn mảy; mong ngài hoan hỷ và bi mẫn thọ dụng để cho chúng con được lợi lạc dài lâu.

Đức Phật Gotama tự nghĩ: "Bây giờ ta không có bát, chẳng rõ các vị Phật quá khứ có khi nào thọ nhận vật thực bằng tay không?" Ngay khi ấy, đọc được tâm ý của ngài, Tứ đại thiên vương tức khắc vân tập, hiện nguyên hình, dâng

---

[1] Sattu và madhu - là lương thực mà khách lữ hành thường mang theo bên mình, thời bấy giờ.

cho ngài bốn cái bát bằng đá của cõi trời. Ngài nhận cả bốn cái bát, sau đó, dùng thần thông, nhập bốn cái làm một rồi thọ lãnh bánh bột rang và mật ong của hai vị thương gia.

Ngài độ thực xong, họ dâng nước và tăm xỉa răng. Với vài lời ngắn gọn, đức Phật Gotama phúc chúc đến họ rồi giảng cho họ nghe biết Phật là gì, giác ngộ, giải thoát là gì; giáo pháp, tức là con đường thoát khổ ấy ra sao.

Hoan hỷ quá, hai người thương gia quỳ mọp xuống, năm vóc sát đất, đồng thốt lên:

- Xin ngài cho chúng con được nương tựa, được gieo duyên với ngài cùng với giáo pháp thoát khổ ấy!

Đức Phật Gotama mỉm cười:

- Ừ, hai ông là hai người đầu tiên trong giáo pháp của Như Lai đấy; vậy thì phải nói như thế này cho được đúng hơn: "Buddhaṃ, saranaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi" (Tôi đi đến nương tựa nơi đức Phật. Tôi đi đến nương tựa nơi giáo pháp.)

Hai người thương gia y lời vập đầu đọc lại ba lần.

- Thế là hai ông trở thành đệ tử đầu tiên của Như Lai trên thế gian này đấy.

Tapussa và Bhallika vòng tay, cúi đầu rồi thưa:

- Chúng con ở rất xa, là người nước ngoài, lần này về, không biết lúc nào trở lại Māgadha. Vậy xin ngài cho chúng con một vật gì đó để chúng con tưởng niệm, để hằng nhớ đến ngài và giáo pháp.

Đức Phật Gotama tiện tay đưa lên đầu, lấy mấy sợi tóc rồi trao cho hai người khách thương - có tám sợi - rồi nói:

- Các ông vậy là có đại nhân duyên. Mấy sợi tóc của Như Lai không phải đơn giản. Sau này, lúc Như Lai nhập

diệt rồi, ở xứ các ông sẽ thịnh hành giáo pháp diệt khổ nhiều ngàn năm[1].

Hai người thương gia vừa đi một lát, đức Phật Gotama ngồi suy nghiệm, có một số ý nghĩ nảy sanh:

- "Giới đức, hạnh đức ở nới ta đã chu toàn, viên mãn. Định thế gian và thánh quả định, ta cũng chu toàn, viên mãn. Tuệ ba cõi và tuệ siêu thế, ta cũng đã tròn đầy và châu biến. Pháp giải thoát từ cạn vào sâu, từ trong ra ngoài ta đều cởi bỏ toàn diện, rỗng không, chẳng có gì dính mắc. Vậy trên thế gian này có ai tối thượng hơn để ta có thể đến thân cận, học hỏi, lễ bái, cung kỉnh và tôn trọng?"

Sau đó, đức Phật Gotama hướng tâm đưa tuệ vô biên nhìn khắp ba cõi bốn loài, mười phương thế giới, cảm thán, ngài thốt lên:

-"Thật cô độc làm sao! Ta đã nhìn khắp thế gian, thế giới mà ta không thấy ai trong cõi người và trời, sa-môn, bà-la-môn, ma vương, chư thiên hay phạm thiên có giới đức, giới hạnh, giới tạng (sīkhakkhanda) hơn ta để ta có thể đến để thân cận, học hỏi, để tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ!

Và ta cũng đã nhìn khắp thế gian, thế giới, khắp các cõi trời và người, nhưng không tìm thấy một sa-môn, bà-la-môn, ma vương, chư thiên, phạm thiên nào có định đức, định hạnh, định tạng (samādhikkhanda), có tuệ đức,tuệ hạnh, tuệ tạng (paññākkhanda), có giải thoát đức, giải thoát hạnh, giải thoát tạng (vimuttikkhanda) hơn ta để ta có thể đến để thân cận, học hỏi, để tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ!"

Rồi tư tưởng sau đây phát sanh đến ngài:

"- Vậy, giáo pháp, pháp báu, pháp tạng này (dhammakkhanda) là tối thượng tôn, là vô năng thắng - hay

---

[1] Hai thương gia này là người Myanmar, 8 sợi tóc sau này được thờ tại đại tháp Shwedagon, hiện nay là bảo vật, là niềm hãnh diện và vinh quang của người Myanmar.

ta hãy tỏ lòng tôn kính, lễ bái, sùng mộ cái giáo pháp mà ta vừa chứng ngộ?"

Lúc ấy, phạm thiên Sāhampati, bạn thân của ngài từ thời đức Phật Kassapa, với thời gian chớp mắt, sử dụng thần thông, như viên lực sĩ duỗi cánh tay đã hiển hiện bên cội cây Rājāyatana, cung kính chấp tay rồi nói rằng:

- Quả thật vậy, thưa đức đạo sư vô song (satthā anuttaro), bậc thượng nhơn vô tỉ, những bậc Ứng Cúng, những đức Chánh Đẳng Giác trong quá khứ đều tỏ ra tôn kính và sùng mộ giáo pháp này.

Những bậc Ứng Cúng, những đức Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai cũng tôn kính và sùng mộ giáo pháp này.

Vậy bạch đức Thế Tôn, cầu xin ngài cũng là bậc Ứng Cúng, đức Chánh Đẳng Giác trong thời hiện tại, hãy tôn kính và sùng mộ giáo pháp ấy.

Phạm thiên Sāhampati còn nói thêm rằng: Những bậc Chánh Biến Tri trong quá khứ, vị lai và hiện tại, đã, đang và sẽ giúp cho nhiều người được thoát khổ, tất cả những vị ấy, đã đang và sẽ tôn kính giáo pháp cao thượng. Đó vốn là đặc tánh, là phẩm hạnh, là diệu dụng của chư Phật ba đời. Vậy, sau này, ai muốn tìm lợi lạc cho mình và với ước nguyện được trưởng thành trong đời sống cao đẹp, tầm cầu giác ngộ, giải thoát, họ phải biết tôn kính giáo pháp vô song ấy.

Nói xong, thưa thỉnh xong những điều cần thiết, phạm thiên Sāhampati nhiễu ba vòng về phía hữu, quanh đức Phật Gotama, tỏ lòng tôn kính rồi biến mất giữa hư không.

Rời cội cây Rājāyatana, đức Phật Gotama kinh hành trở lại cội cây Ajapālanigrodha, an tịnh và ngồi xuống, những ý nghĩ khác lại dấy khởi:

- "Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ, quả thật là thậm thâm vi diệu, vắng lặng, cao siêu, tế nhị; lại ở ngoài phạm vi của lý luận, suy đoán, kiến thức và hiểu biết thường phàm nên rất khó thấy, khó biết, khó lãnh hội, ngoại trừ

những bậc thiện trí may ra mới thấu hiểu. Lại nữa, thế gian quen sống trong luyến ái, đam mê nhục dục ngũ trần thì làm sao nắm bắt được lý nhân quả tương quan, pháp tùy thuộc phát sanh, duyên hệ, duyên hệ duyên, vốn là giáo pháp cốt tủy, tinh yếu thường không thể để dành cho những đầu óc nông cạn, hời hợt, lười biếng, phóng dật, tối tăm và nhiều vọng tưởng. Và Niết-bàn nơi chấm dứt mọi hiện tượng phát sanh có điều kiện, hữu lậu, nơi từ bỏ mọi khát vọng, chỗ tiêu diệt mọi tham ái, luyến ái buộc ràng, cũng là một vấn đề ở ngoài thẩm quyền của trí năng thường nghiệm, khó khăn vô cùng. Nếu Như Lai truyền dạy giáo pháp ấy thì chúng sanh sẽ không lãnh hội được. Thật là phí công vô ích! Thật là phí công vô ích!"

Lát sau, những tư tưởng sau đây lại phát sanh đến ngài, như là sự đúc kết của mọi băn khoăn, do dự:

"- Quả vậy, Như Lai đã khó khăn, gian lao vất vả lắm mới chứng ngộ được giáo pháp này. Nhưng giáo pháp ấy sâu kín quá, tế nhị quá, người còn mang nặng tham ái và sân hận thật không dễ gì thấu triệt. Chúng sanh bị bao trùm trong si mê và ái dục, tâm trí bị che phủ bởi đám mây đen kịt thì làm sao thấy được ánh sáng chân lý? Giáo pháp này lại đi ngược dòng đời nữa thì làm sao mà phổ biến giữa cuộc đời? Vậy ta chưa thể lên đường truyền bá trong lúc này!"

Đọc được ý nghĩ của đức Thế Tôn, phạm thiên Sāhampati sợ rằng, nếu đức Phật quyết định không đi truyền bá giáo pháp, và, vì chúng sanh không nghe được pháp diệt khổ thì thế gian sẽ bị tiêu vong nên một lần nữa, xuất hiện, và thỉnh nguyện rằng:

- Xin thưa với đức Thế Tôn! Kính thỉnh nguyện ngài hãy lên đường truyền giáo. Cầu xin đức Đại Bi hãy gióng trống pháp bất tử! Nếu giáo pháp nhiệm mầu không được tuyên dương thì tam giới sẽ bị bốc cháy, thế gian sẽ bị diệt vong. Có những chúng sanh dính ít nhiều bụi cát trong mắt,

nếu không nghe được giáo pháp sẽ phải bị trầm luân, sa đọa. Giáo pháp được thuyết giảng, người còn ít bụi cát sẽ dễ dàng thấu hiểu, sẽ chứng ngộ được chân lý cao siêu, vô thượng ấy.

Thấy đức Phật vẫn trầm ngâm, yên lặng, phạm thiên Sāhampati lại cung kính vập đầu, tha thiết, khẩn khoản:

- Xin đức Thế Tôn hãy vén tay mở rộng cửa vô sanh bất tử! Giáo pháp vô song được tuyên thuyết bởi một đấng hoàn toàn trong sạch; giáo pháp cao thượng được diễn giảng bởi một bậc có trí tuệ thâm viễn sẽ đánh bại hằng trăm, hằng ngàn tà thuyết hý luận, hý ngôn do những giáo chủ, tà sư huênh hoang múa môi, múa lưỡi khắp cõi châu Diêm-phù-đề.

Hỡi bậc đại thiện trí! Hỡi đấng Toàn Giác! Xin đức Thiện Thệ hãy cho phép chúng sanh được nghe một loại giáo pháp tinh thuần, vô nhiễm mà ngài đã chứng ngộ được trải qua vô lượng kiếp với vô lượng ý chí huân tu công hạnh. Hiện ngài đang đứng trên đỉnh tối cao của tòa lâu đài pháp bảo siêu việt và huy hoàng ấy. Xin đấng Thoát Khổ hãy nhìn xuống chúng sanh đang chìm đắm trong đêm đen mộng trường tăm tối, đang ngập chìm trong biển khổ, đang bị cuốn lôi triền miên trong dòng bộc lưu của hoạn nạn, tai ương, tật nguyền, máu lệ của vòng trầm luân tử sinh bi thống.

Ngài là bậc trí nhân, là đấng hiền nhân, là người minh triết; ngài còn là bậc chiến thắng vĩ đại, là người đã ở ngoài, ở cao và ở trên mọi quyền lực của ma vương, đã hoàn toàn tháo gỡ mọi trói buộc, mọi xích xiềng, lưới võng của dục, của triền, của phược. Xin ngài hãy hoan hỷ đứng lên và châu du hoằng pháp khắp thế gian. Xin ngài hãy gióng trống pháp bất tử! Xin đức Thế Tôn bi mẫn ban rải cam lồ pháp vũ!

Đức Phật Gotama chậm rãi, điềm đạm nói với vị phạm thiên nhiều trí tuệ và giàu tâm lượng, hiểu rằng: "Giáo pháp quá sâu mầu, vi diệu, tinh tế; lại thuộc phạm trù trực giác

thâm chứng - nên thật khó cho chúng sanh lãnh hội bằng trí năng suy lý. Còn nữa, giáo pháp lại đi ngược dòng đời, ngược dòng tham ái - thì làm sao thuyết giảng lọt tai, lọt trí thế gian, khi chúng sanh vốn xem hạnh phúc là sự thỏa mãn dục trần. Như lai quyết định chưa truyền bá!".

Thấy đức Đại Giác vẫn giữ tâm đại định không lay chuyển, phạm thiên Sāhampati lại vập đầu cung thỉnh lần thứ hai, lần thứ ba. Đức Phật Gotama mỉm nụ tiếu sanh tâm, tự nghĩ: "Tín ngưỡng bà-la-môn xem vị phạm thiên là thượng đế, là bậc hóa sanh chủ, là đấng tối thượng tôn, vô năng thắng; bây giờ, vị phạm thiên này, bạn cũ của ta, đã vì giáo pháp, vì chúng sanh mà thưa thỉnh ba lần đúng với truyền thống chư Phật ba đời, làm cho ta cũng phải xúc động chánh pháp!"

Lặng lẽ, tịnh định dùng thiên nhãn quan sát thế gian, đức Phật Gotama thấy rõ rằng: "Chúng sanh có rất nhiều giống loại, nhiều căn cơ, nhiều tâm trí, nhiều trình độ dị đồng, sai khác. Có chúng sanh nhiều bụi cát trong mắt, có chúng sanh ít bụi cát trong mắt. Có kẻ thông minh, sáng suốt, có kẻ ngu tối, u mê. Bẩm tánh người này tốt, hiền; cá tính người kia xấu, ác. Loại người này sáng dạ, dễ dạy; loại người kia cứng đầu, ương bướng khó dạy. Còn một số khác, có lẽ là thành phần tốt nhất, do họ đã thấy hiểm họa của tham dục và sân ác trong dòng chảy của ô uế ngũ trần nên đã tìm cách tu tập bằng cách này hay cách khác, bằng tín ngưỡng này hay tôn giáo kia. Ngược lại, có rất đông chúng sanh đầy đặc vô minh, ngu si và tà kiến thì quả thật không thể dù một triệu mặt trời chân lý cũng khó có thể dọi sáng đến tâm trí dày sâu, đầy đặc tối tăm của họ." Cũng tự nhiên và đúng với lẽ thường tình thôi - Đức Thế Tôn nghĩ tiếp - Hãy nhìn cái đầm sen kia! Biết bao nhiêu là sen xanh, sen đỏ, sen trắng, sen vàng, sen hồng, sen tía nằm xen kẽ nhau, lẫn lộn trong nhau. Cây nào cũng mọc từ bùn, vươn ra khỏi

bùn, vượt lên khỏi mặt nước rồi cho hoa hữu sắc hữu hương. Tuy nhiên, có cây đang còn ở trong bùn, chui rúc trong bùn; có cây vừa ra khỏi bùn, vươn mầm ở đáy hồ, sống thầm lặng dưới đáy hồ; có cây đang ở trong nước, cố vươn lên khỏi mặt nước để đón nhận ánh sáng mặt trời;có cây đã ở trên mặt nước, bung những tàn lá to, xanh biếc, dập dờn trên mặt nước, đón nắng đón sương rồi bung những đóa hoa tinh khôi, kiều diễm phụng hiến hương sắc cho thế gian mà chẳng dính một chút bùn nhơ."

Chiêm nghiệm như thế xong, liên tưởng như thế xong, đức Phật Gotama tuyên bố như giọng sư vương giữa bình minh của kỷ nguyên mới:

- Cửa vô sanh bất diệt đã mở cho muôn loại chúng sanh. Ai có tai để nghe, có mắt để thấy, có trí để thấu hiểu - hãy đặt trọn vẹn niềm tin tưởng.

Thế là đức Phật Gotama quyết định lên đường chuyển bánh xe pháp. Lúc ấy đã gần cuối mùa hạ, sắp đến mùa mưa, ngày mồng năm tháng sáu, năm năm trăm tám mươi tám (năm Dậu) trước Tây lịch kỷ nguyên.

Gióng Trống Pháp Bất Tử

Khắp nơi nắng hạn, khí trời hanh hao. Những cơn lốc khô xả lá rác và tung bụi mịt mù…Chỉ còn non tháng nữa là mùa mưa đến, sông suối sẽ tràn bờ, những con đường đất sẽ lầy lội, ngập lụt trở ngại cho việc bộ hành từ phương này sang phương khác. Thời gian thuận tiện cho việc đi lại cũng chẳng còn mấy ngày nữa; ngài phải lên đường chuyển bánh xe pháp. Đức Phật hướng mặt về phía đông nam kinh thành Rājagaha, tự nghĩ: "Ai là người đầu tiên khả dĩ có trí tuệ để nghe Như Lai giảng nói giáo pháp thậm thâm vi diệu này? Ai là người có thể lãnh hội mau chóng một loại giáo pháp đi ngược dòng đời? Có thể là Ālāra Kālāma chăng? Vị đạo sư đã cặn kẽ chỉ dẫn cho ta những nấc thiền đầu tiên này là bậc thiện trí thức, nhiều kiến văn, căn cơ thông tuệ, đã lâu rồi sống không nhiễm bụi đời, chỉ còn rất ít bụi cát trong mắt…Hay là ta sẽ tuyên giảng giáo pháp hy hữu, sâu mầu nầy cho đạo sư, là người đầu tiên, nghe được và tức khắc thấu hiểu giáo pháp bất tử của Như Lai?"

Một vị trời có năng lực đọc được ý nghĩ của đức Phật, hiện ra, chấp tay thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn, đạo sư Ālāra Kālāma đã từ bỏ cõi đời cách nay vừa đúng bảy ngày". Đức Phật liền hướng tâm đến, ngài xác nhận đúng là như vậy rồi nghĩ đến đạo sư Uddaka Rāmaputta. Vị trời cũng cho ngài biết là đấng đạo sư ấy cũng đã từ trần đêm

hôm trước. Sau khi đức Phật hướng tâm để biết rõ sự thật, ngài lại nghĩ đến năm người bạn đồng tu. Là những đạo sĩ rất mực tinh tấn, đã từng theo sát bên ngài, ưu ái, quan tâm săn sóc hầu hạ ngài rất chu đáo. Họ là những người có trí, ít bụi cát trong mắt, lại đã khổ công và tha thiết tầm cầu con đường thoát khổ. Chỉ vì tưởng ngài trở lại đời sống lợi dưỡng nên họ đã bỏ đi với sự hiểu lầm đáng tiếc. Đức Phật liền hướng tâm và biết họ đang ở tại Vườn Nai (Migadāya) - Isipatana - cách Bārāṇasī chừng một do-tuần; thế là ngài lại chuẩn bị một cuộc bộ hành quay ngược về hướng Tây Bắc khá gian lao vất vả.

Đến Bārāṇasī có hai con đường. Một là hướng lên phía bắc đi dọc theo sông Gaṅgā mãi về phía tây, theo đường giao thông thương mãi, dễ đi, nhưng rất xa, ước chừng hai mươi lăm do tuần. Lối thứ hai, đi dọc theo dãy núi Gayā, qua các đồng ruộng, thôn làng, ao chuôm, đầm lầy… thì ước chừng chỉ mười lăm do-tuần (bây giờ thực tế là 230 km), phải mất trên mười ngày bộ hành. Đức Phật chọn lộ trình gần. Do đã quá quen thuộc với đời sống khổ hạnh, lại nữa, ngài thường trú cận định để nuôi dưỡng phỉ lạc nên thân tâm thường mát mẻ, dễ dàng chịu đựng cái nắng nóng khắc nghiệt lúc thời tiết giao mùa.

Khi đang chậm rãi bước đi ven theo dãy núi Gayā thì đức Phật gặp một du sĩ thuộc phái Ājivika, tên là Upaka trên đường ngược chiều. Gặp ngài, Upaka nhìn sững, tự nghĩ: Ông sa-môn này rất cao lớn, phương phi, chẳng phải gầy, chẳng phải mập, mà đầy đặn. Y áo chẳng phải cũ, chẳng phải mới nhưng sạch sẽ, thanh sáng và dịu hòa. Tất cả cái gì ở nơi ông ta đều toát ra cái vừa phải, cái chừng mực nhưng đẹp, uy nghi và gợi cảm một cách lạ lùng! Thế rồi, Upaka bước tới, bước lui nhìn ngắm mê mải. Có một thứ ánh sáng sáu màu khi đậm, khi nhạt, khi loang rộng như hòa lẫn giữa hư không, lúc thì thu nhỏ lại; rồi chợt rực rỡ, tỏa hắt ra, lung

linh, chập chờn, chập chờn một lát thì yên lặng, phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng. Đến gần hơn tí nữa thì Upaka hoàn toàn bị nhiếp phục bởi sự trầm tĩnh, ổn định, an lạc toát ra từ đôi mắt, từ bước đi. Có một sự khôn ngoan vượt ngoài thế giới, sự minh triết sáng ngời, một trí tuệ siêu đẳng ở ẩn đâu đó, không chỉ nơi vừng trán bát ngát thông minh, mà còn có thể ở cả nơi từng sợi tóc, lông mi, từng ngón tay, lóng tay và cả ngón chân nữa… Người này, đấng này, vị sa-môn trẻ tuổi đẹp trai này chắc chắn không phải là người, là… phạm thiên chăng? Nghĩ vậy nên Upaka bước gần lại, cất tiếng chào:

- Chào bạn thân mến! Bạn đẹp quá, đẹp lạ lùng – Upaka mở lời tán thưởng rồi tiếp - Lục căn của bạn an ổn và thanh tịnh làm sao! Ồ, không phải, nói vậy cũng chưa đúng! Nó làm cho sự an ổn và thanh tịnh cũng bị nhiếp phục! Hào quang sáu màu từ nơi bạn làm cho một vị đại phạm thiên cũng phải ganh tỵ. Nước da của bạn chói ngời như mạ vàng ròng. Chắc sức khỏe của bạn dồi dào lắm? Chẳng hay bạn tên chi? Bạn ở đâu? Xuất gia với ai? Đấng đạo sư của bạn là vị nào? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Đức Phật hướng tâm, biết vị du sĩ này chưa có duyên bây giờ nhưng lại có duyên mai sau, nên ngài muốn gieo một hạt giống:

- Này Upakājivika! Đức Phật gọi đích danh chàng và kèm theo cả tên giáo phái làm cho Upaka lạnh người – Như Lai là kẻ đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tịnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp trước ở bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng tam giới, chứng đạo quả Vô thượng Bồ-đề thì còn ai là thầy của Như Lai nữa? Giữa chúng nhân loại, chư thiên, phạm thiên, Như Lai đứng một mình, là thầy của họ. Nay Như Lai đang trên đường về Vườn Nai, tại Isipatana, gần Bārāṇasī để quay bánh xe pháp, gióng tiếng trống bất tử cho chúng sanh tỉnh

giấc mộng trường.

Upaka nghĩ rằng: Vị đạo sĩ này ăn nói dễ nghe, dễ thương đến vậy? Chà, cái óc và cái lỗ tai của ta nó được hỷ lạc làm sao! Bèn nói:

- Mong rằng sự việc sẽ như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến thắng bất diệt!

- Này Upaka! Kẻ giải thoát ra khỏi mọi trói buộc trần gian xứng đáng được gọi như vậy. Kẻ mà ma quân, phiền não không còn tìm thấy dấu vết, xứng đáng được gọi như vậy. Các đấng Như Lai thường được danh xưng là Tối thượng tôn, Vô năng thắng, là bậc Chiến thắng bất tử, Chiến thắng vô tận, vô hạn định!

Upaka gật đầu lia lịa:

- Thật đúng như vậy! Thật đúng như vậy! Thôi, này bạn của ta, chào bạn sức khỏe!

Sau khi tán thán và chào hỏi như vậy xong, Upaka không dừng lại nơi giáo pháp của đức Tôn Sư, ông ta cúi đầu, quay lưng, rẽ sang một lối khác, đi thẳng!

(*Ai thoáng nghe câu chuyện này sẽ tưởng đây là sự thất bại đầu tiên trên đường hoằng pháp của đức Phật Gotama; nhưng chỉ riêng ngài mới biết rằng, ngài đã gieo một hạt giống, và hạt giống này sáu bảy năm sau mới trổ quả! Hiện Upaka đang mê đắm cô con gái của người thợ săn, sau, nên vợ chồng, có một đứa con. Do đời sống gia đình bị khổ vì ràng buộc, khổ vì cơm áo, khổ vì tủi nhục; Upaka nhớ đến người bạn Chiến thắng bất diệt của mình, lặn lội tìm đến Kỳ viên tịnh xá, xuất gia, đắc quả A-la-hán. Và vợ của chàng cũng xuất gia, đắc thánh quả).*

Hoàn toàn thản nhiên, như không có chuyện gì, đức Phật chậm rãi tiếp tục lộ trình. Thế rồi, ngài đã đến khu Vườn Nai tươi xanh mát mẻ sau hơn mười lăm ngày dầm sương dãi nắng.

Giáo Hoá
Năm Người Bạn Đồng Tu

Sau khi từ bỏ người bạn lớn, đức Gotama, năm anh em đạo sĩ Koṇḍañña về Vườn Nai tại Isipatana, tiếp tục duy trì đời sống khổ hạnh nhưng họ vẫn không quên ngài. Họ rất tiếc là đức Gotama, thần tượng của họ đã trở về đời sống lợi dưỡng, thiếu kiên trì, thiếu quyết tâm đi trọn con đường. Thiếu vắng đức Gotama, mất niềm tin nơi đức Gotama, họ quả thật là bơ vơ, không biết tìm ai trên cuộc đời này để nương tựa nữa.

Hôm kia, một người đi khất thực chút ít rồi sớt thành năm phần, mỗi phần chỉ bằng nửa nắm tay; họ thanh thản thọ dụng dưới cội cây, sau đó xuống ao tắm rửa, nghỉ ngơi một lát cho khô ráo rồi ngồi thiền định thường lệ vào buổi chiều. Lúc đang chuẩn bị tản mác mỗi người mỗi nơi thì Koṇḍañña thoáng thấy một hình dáng quen thuộc đang chậm rãi đi vào khu vườn. Màu y vàng nổi bật giữa rừng cây xanh càng lúc càng hiện rõ. Và với dáng đi thong dong, tự tại, trầm tĩnh như chúa sơn lâm kia thì còn ai xa lạ nữa! Ông đã nhận ra ngài. Koṇḍañña khẽ nói với các đạo sĩ:

- Này các bạn! Ông Gotama đang đi đến chỗ chúng ta. Kẻ thiếu cố gắng, không chịu bền chí con đường khổ hạnh, bỏ cuộc nửa chừng vì ham muốn lợi dưỡng kia thật không xứng đáng để cho chúng ta niềm nở đón tiếp hoặc cung kính

chào hỏi. Chẳng nên rước bát và y. Cũng chẳng cần phải mời nước uống. Nếu ông ta có đến thì chỉ nên dọn một chỗ ngồi, vậy là lịch sự lắm rồi!

Nói thì nói thế với khuôn mặt lạnh tanh, nhưng mà khi đức Phật Gotama đến, với phong thái, uy nghi và cốt cách thoát tục của ngài toát ra một năng lực phi phàm khiến cho họ không còn tự chủ được. Tất cả như đồng loạt: người tiếp bát và y, người múc nước rửa chân, người dọn chỗ ngồi nơi sạch sẽ, cao ráo... Một vài đạo sĩ cất lời chào hỏi xen lẫn trong nhau:

- Hiền giả bấy lâu nay có mạnh khỏe không?

- Thầy Gotama đi đường xa có mệt lắm không?

- Hiền hữu Siddhattha khất thực có dễ dàng chăng?

Đức Phật nghĩ là nên mở lời khuyến cáo:

- Nầy các vị, từ rày về sau không nên gọi Như Lai bằng họ, bằng tên hay bằng những danh từ như hiền giả, hiền hữu (Āvuso) nữa. Như Lai hiện nay đã đắc quả Chánh Đẳng Giác; là một vị Phật, là một đức Thế Tôn, là một bậc Toàn Giác. Như Lai đến đây là để tuyên giảng giáo pháp bất tử đến cho các vị. Với những người có trí thì họ có thể chứng ngộ bằng trí tuệ trực giác ngay chính trong kiếp sống hiện tại này; và họ sẽ thọ hưởng được hạnh phúc siêu thế, thiêng liêng và trong sạch.

Đạo sĩ Koṇḍaññа không tin điều đó, ông nói:

- Quả vị Phật, quả vị Chánh Đẳng Giác là cao quý tột cùng cho những thiện gia nam tử cần cầu xuất ly gia đình thế tục. Nó là cái gì vô cùng thánh hạnh và vô cùng thiêng liêng. Do thế, quả vị ấy không có phần cho người thiếu tinh tấn, yếu đuối, bị ma vương cám dỗ để rơi vào đời sống lợi dưỡng thấp hèn.

Đức Phật lại cố gắng giải minh sự hiểu lầm trước đây:

- Này các vị! Như Lai chưa bao giờ trở lại đời sống lợi dưỡng. Như Lai chỉ độ thực một cách chừng mực, trung đạo.

Và Như Lai đã không ngừng cố gắng, tinh tấn, quyết tâm sau khi các vị ra đi. Nhờ vậy, hiện nay, Như Lai đã đắc quả vị Phật, quả vị Chánh Đẳng Giác, đấy là sự thật. Như Lai là người đã tìm ra một loại giáo pháp không đi qua con đường của lý trí nhận thức hoặc suy luận, mà bằng chính trực giác của kinh nghiệm tâm linh tu chứng. Vì nghĩ rằng, giáo pháp bất tử thiêng liêng ấy, nếu được tuyên giảng thì kẻ trí sau khi chú tâm, lắng nghe cũng có thể chứng ngộ được nên Như Lai mới đến đây.

Bốn đạo sĩ khác cũng không tin:

- Trước đây, thầy Gotama có một đời sống khổ hạnh vô cùng nghiêm túc, có một kỷ luật bền gan sắt thép, có một sự tinh tấn tối thượng, có một ý chí và quyết tâm như kim cương chẻ đá; vậy mà không thành tựu được trí tuệ siêu phàm, chưa đạt được cái gì xứng đáng là cao cả. Sau này, trở về với những bát sữa với lợi dưỡng tối thượng, những mâm quả trái cây đầy ắp, những giấc ngủ ngon, những cuộc trò chuyện vô bổ... lại tuyên bố đắc đạo quả Vô Thượng, ngang hàng với chư Phật hay sao?

Đức Phật Gotama đã nhẫn nại trình bày sự thật lần thứ hai, lần thứ ba nhưng năm người bạn đồng tu vẫn giữ nguyên thành kiến và sự cố chấp cố hữu, ngài bèn nghiêm nghị hỏi:

- Nầy các vị! Từ trước đến nay, các vị đã từng nghe Như Lai nói điều không đúng sự thật lần nào chưa?

Họ đều gật đầu đáp:

- Điều ấy thì đúng, thầy Gotama nói điều gì thì điều ấy đều y cứ vào sự thật.

- Và các vị đã có lần nào nghe Như Lai nói về sự chứng đắc, nói về quả vị Phật, nói về sự tuyên giảng giáo pháp Vô sanh Bất tử như hôm nay hay chưa?

- Quả thật là chưa hề!

Sau khi xác nhận điều ấy, họ bất giác nhìn ngắm dung

mạo, thái độ cử chỉ của đức Thế Tôn; ở đấy dường như có sự định tĩnh của núi Tu-di, sự trầm lặng khôn dò của đáy biển sâu toát ra năng lượng sung mãn, đầy tràn của bậc giác ngộ. Lại còn hào quang sáu màu từng đôi một lung linh chập chờn như thực như hư, rồi trong suốt, tỏa ra một thứ ánh sáng vừa rực rỡ vừa dịu dàng như mẹ của mặt trời, mặt trăng vậy! Thấy tướng có thể biết được tâm, đạo sĩ Koṇḍaññа vốn là nhà tướng pháp thông tuệ biết rõ điều ấy hơn ai hết, ông giật mình, quỳ xuống và sụp lạy:

- Chúng tôi quả thật là ngu muội, xin ngài bi mẫn xá tội và ngài hãy tuyên giảng giáo pháp sâu mầu ấy!

Cả bốn đạo sĩ cùng quỳ xuống với năm vóc sát đất vô cùng tôn kính và nhu thuận.

Kinh Chuyển Pháp Luân
(Dhammacakkappa-Vattana Sutta)

Để cho năm vị đạo sĩ thay đổi oai nghi, lựa thế ngồi cho thoải mái, đức Phật cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, bắt đầu thời pháp đầu tiên:

- Này các vị! Có hai cực đoan (antā) mà người cần cầu xuất ly vô thượng (pabbajitana) cần phải xa lánh, không nên hành trì. Đấy là hai cực đoan gì? Một là đắm mình vào dục lạc thế gian, sống đời lợi dưỡng, ái luyến, mê si nhục dục ngũ trần (kāmasukha-llinuyoga) Nó là cái thấp hèn, hạ liệt (anariya), thô lậu, phàm tục; không xứng với phẩm hạnh của bậc thánh nhân. Hai là kiên trì, nỗ lực tu tập khổ hạnh ép xác (attakilamathānuyoga); đấy là sự hành trì vô ích, vô bổ, chỉ chuốc lấy đau khổ, chỉ mang lại sự chết mà không đem đến giải thoát, chấm dứt phiền não được.

Này các vị! Như Lai đã tránh xa hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh ấy; vì lợi dưỡng làm cho thân trơ lì, tâm si độn; nó chính là lực kéo, là vật cản sự tiến bộ và thăng hoa tinh thần; còn khổ hạnh thì tự bào mòn sự sống, làm cho tinh thần và trí lực đều giảm suy! Từ bỏ hai cực đoan sai lầm ấy, Như Lai đã tìm ra con đường giữa, trung đạo (majjhimā paṭipāda). Đây mới chính là con đường xứng đáng của bậc thánh nhân; nó phát sanh tuệ nhãn (cakkhukaraṇī), phát sanh tuệ trí (ñāṇakaraṇī), dẫn đến sự an tịnh phiền não (upasamāya), dẫn đến thắng trí (abhiññāya), dẫn đến Niết-

bàn.

Này các vị! Có một con đường không đi theo sự khích động của dục vọng thân xác (lợi dưỡng), không đi theo sự triệt tiêu những nhu cầu bình thường, tự nhiên, cần yếu của thân xác (khổ hạnh); đấy là trung đạo. Còn được gọi là bát chánh đạo, con đường có tám nhánh: Chánh kiến (sammādiṭṭhi), chánh tư duy (sammāsaṅkappa), chánh ngữ (sammāvācā), chánh nghiệp (sammākammanta), chánh mạng (sammā-ājīva), chánh tinh tấn (sammāvāyāma), chánh niệm (sammāsati), chánh định (sammā samādhi). Lộ trình trung đạo này sẽ vén mở cho ta thấu triệt Bốn Sự Thật vĩnh cửu của đời sống, là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh đế dẫn đến Bốn Thánh đạo, Bốn Thánh quả, chứng ngộ mục đích rốt ráo, tối hậu của sa-môn hạnh là giải thoát, Niết-bàn.

Đức Phật vừa mới nhập đề bằng giọng nói trầm ấm vi diệu, bằng lời, tiếng, câu cú trong sáng, chuẩn xác, bằng những ý tưởng và danh từ hoàn toàn mới lạ; cả năm vị đạo sĩ vốn có căn cơ sắc bén, thông tuệ nên biết rõ đây đúng là ngôn ngữ của bậc đạt ngộ, của người đã tìm ra sự thật; chúng chưa hề có trong bất kỳ một hệ thống tư tưởng triết học, tôn giáo nào xưa cũng như nay!

Thấy cả năm đạo sĩ đều chăm chú, nhất tâm vào thời pháp, đức Phật đi vào nội dung trọng yếu:

- Nầy các vị! Tứ Thánh đế, Tứ Diệu Đế, Bốn Sự Thật vi diệu ấy là gì mà chúng ta cần phải thấu triệt? Thấu triệt chính là thấy rõ, liễu thông, giác hiểu cái chân lý rốt ráo, cái sự thật tột cùng, cái chân đế cao diệu (ariya-sacca) mà nếu hành trì nghiêm túc, đúng đắn sẽ thành tựu được mục đích xuất trần ly cấu, vô cùng xứng đáng với phẩm hạnh cao cả của những thiện gia nam tử ở trên đời này.

Nầy các vị! Thứ nhất là chân lý cao diệu về sự khổ (dukkha-ariya-sacca, Khổ thánh đế). Khái quát là có tám cái khổ phủ trùm lên toàn thể thế gian, chi phối toàn bộ đời sống

của chúng hữu tình; đấy là: Khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ vì bất toại nguyện, khổ vì sống chung với những người mình ghét hoặc không ưa thích, khổ vì phải sống xa lìa những người mình yêu thương; và cuối cùng là khổ bởi vì chấp ngã, thủ trước, mê đắm cái thân tâm ngũ uẩn này!

Nầy các vị! Thứ hai là chân lý cao diệu về nguyên nhân, nguồn gốc của sự khổ (dukkha-samudaya-ariya-sacca, Khổ Tập thánh đế). Như Lai đã tìm ra gốc nguồn của vô vàn khổ đau sai khác ấy chính là ái (taṅhā); do ái chủ mưu, do ái chủ động, do ái dẫn dắt, do ái sai sử, do ái kết buộc, do ái điều hành. Ái là nguyên nhân dẫn dắt tái sanh (ponobbhavika). Ái kết hợp với tâm tham muốn, khao khát, bám víu, thỏa thích, say đắm hoan lạc nơi các đối tượng chiếm hữu hoặc thỏa mãn các mục đích hư tiếu, phù phiếm trong đời sống. Nói rộng hơn, khi ái đeo níu, tham đắm dục lạc vật chất trong sáu cảnh trần thì được gọi là dục ái (kāma-taṅhā). Khi ái cảm thấy dục lạc lục trần ấy cũng chưa đủ, muốn nó thường còn mãi với mình, đi đôi với thường kiến hoặc tham đắm thiền hữu sắc, trời sắc giới thì được gọi là hữu ái (bhava-taṅhā). Khi ái thỏa mãn lục trần với tâm lý muốn hưởng mau, hưởng vội, sợ chết là hết, đi đôi với đoạn kiến, hoặc tham đắm thiền vô sắc, cõi trời vô sắc thì được gọi là phi hữu ái (vibhava-taṅhā).

Nầy các vị! Thứ ba là chân lý cao diệu về sự diệt khổ (dukkha-nirodha-ariya-sacca, Khổ Diệt thánh đế). Là nơi làm cho yên lặng, chấm dứt, tận diệt các ái, tận diệt mọi nguyên nhân sanh khổ, đoạn tuyệt các khổ; nơi mà mọi ái tham, ái luyến, ái chấp phát sanh chìm đắm, trói buộc, trầm luân không còn dư tàn; nơi mà ngôi nhà ngũ uẩn đã được tháo rời; ngã ái, ngã kiến, ngã chấp, ngã thủ không còn bản ngã kiên cố để sở y; nơi không còn gì để luyến ái, dính mắc nữa; và đó chính là giải thoát, Niết-bàn: Mục tiêu tối hậu của

sa-môn hạnh.

Nầy các vị! Pháp hành dẫn đến giải thoát, dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn; chân lý cao diệu về con đường dẫn đến sự diệt khổ (dukkha-nirodha-gāminī-paṭipadā-ariya-sacca, khổ diệt đạo thánh đế) này chính là thánh đạo hợp đủ tám chi phần: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bát thánh đạo ấy là sự thật vi diệu mà chư vị thánh nhân đã chứng ngộ, còn được gọi là Đạo thánh đế, hôm nay, Như Lai sẽ tuyên thuyết cho các vị nghe!

Nầy các vị! Tuệ nhãn (paññā-cakkhu) thấy rõ khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; tuệ trí (ñāṇa) thấy rõ thực tánh Khổ Thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; tuệ giác (paññā) thấy rõ tất cả khổ đã phát sanh trong Như Lai; tuệ minh (vijjā) thấy rõ, thấu suốt toàn bộ khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai; ánh sáng trí tuệ (āloka) xua vẹt bóng tối của màn vô minh che ám khổ thánh đế đã phát sanh trong Như Lai. Tất cả pháp thuộc Khổ Thánh đế ấy, trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã phát sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Tất cả các pháp ở trong tam giới, cái được cấu tạo, kết hợp, hữu vi dầu sắc pháp hay danh pháp, ngoại trừ tham ái; chúng đều là Khổ Thánh đế. Và Khổ Thánh đế ấy cần phải hiểu biết, cần phải nhận thức, cần phải liễu tri một cách rốt ráo.

Nầy các vị! Tuệ nhãn thấy rõ ái là nhân sanh khổ là Khổ Tập thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ thực tánh ba loại ái đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ giác thấy rõ một trăm lẻ tám loại ái đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt mọi nhân sanh khổ thánh đế đã khởi sanh trong Như lai; ánh sáng trí tuệ xua vẹt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ Tập thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả các loại ái thuộc Khổ Tập thánh đế ấy, trước đây, khi

chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân như thật tuyên bố rằng: Tất cả các loại ái trong tam giới đều là nhân sanh khổ, là Khổ Tập thánh đế. Và Khổ Tập thánh đế ấy cần phải chiêm nghiệm, cần phải thấy rõ, cần phải hiện quán, cần phải minh sát.

Nầy các vị! Tuệ nhãn thấy rõ Niết-bàn là nơi diệt tận tất cả các khổ, là Khổ Diệt thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ Niết-bàn là nơi an vui, tịnh lạc vượt ngoài tương đối, tương đãi, nhị nguyên; tuệ giác thấy rõ hữu dư Niết-bàn, vô dư Niết-bàn đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt Niết-bàn là nơi Khổ Diệt thánh đế đã khởi sanh đến Như Lai; ánh sáng trí tuệ xua vẹt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ diệt thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả đức tánh, đặc tánh, thực tánh của Niết-bàn ấy, trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Khổ Diệt thánh đế là Niết-bàn, là an vui tuyệt đối, là thực tại như thực, ở ngoài thời gian… Và Khổ Diệt thánh đế ấy cần phải có trực giác liễu tri, chứng nghiệm, chứng đạt không qua ngữ ngôn, khái niệm và lý trí suy luận.

Nầy các vị! Tuệ nhãn thấy rõ Bát thánh đạo là pháp hành, là pháp tu tập dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn, là Khổ Diệt Đạo thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ trí thấy rõ thực tánh Bát thánh đạo đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ giác thấy rõ mỗi chi pháp trong bát thánh đạo một cách chi li, mạch lạc đã khởi sanh trong Như Lai; tuệ minh thấu suốt Bát thánh đạo một cách tỏ tường, minh nhiên đã khởi sanh trong Như Lai; ánh sáng trí tuệ xua vẹt bóng tối của màn vô minh che ám Khổ Diệt Đạo thánh đế đã khởi sanh trong Như Lai. Tất cả tám chi phần, tám nhánh của con đường dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn ấy là Trung đạo, là Bát chánh đạo,

trước đây, khi chưa thành Phật, Như Lai chưa từng được biết, chưa từng được nghe; hiện nay, chúng đã khởi sanh trong Như Lai rồi. Nhờ vậy, Như Lai như chân, như thật tuyên bố rằng: Khổ Diệt Đạo thánh đế chính là Bát thánh đạo, là con đường Trung đạo có tám nhánh; là lộ trình dẫn đến sự chấm dứt tái sanh, luân hồi, đoạn tận tất cả khổ đau trong ba cõi, sáu đường. Và Khổ Diệt Đạo thánh đế không phải để mà trang điểm kiến thức, không phải để mà tích lũy hiểu biết, không phải để mà huyên thuyên giảng nói; nó phải được liễu tri để tu tập, miên mật hành trì, tinh cần, công phu, tỉnh niệm, giác niệm trong từng oai nghi, trong mỗi hơi thở.

Nầy các vị! Như Lai đã thấy rõ tất cả chúng, đã thấu suốt tất cả chúng, đã tu tập, đã thực hành để liễu triệt tất cả pháp cần phải liễu triệt, đã chứng đắc tất cả pháp cần phải chứng đắc. Như Lai như thực liễu tri rằng, khi nào trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh, chân thật tánh của các pháp một cách hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh, vô nhiễm theo ba cấp bậc, ba giác độ tuệ luân, có nghĩa là tuệ học, tuệ hành và tuệ thành trong Tứ thánh đế thành mười hai thể loại trí tuệ, hợp thành một thấy biết toàn diện và chơn chánh, chưa khởi sanh trong Như Lai, thì cho đến lúc ấy, Như Lai chưa dám xác nhận, chưa dám tuyên bố rằng là Như Lai đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác (anuttaro-sammāsambuddho) trước các hàng sa-môn, bà-la-môn, nhân loại, chư thiên, ma vương và phạm thiên trong thế gian, thế giới này!

Thấy cả năm vị đạo sĩ chú tâm cao độ nghe pháp, nghe từng lời pháp như sợ rơi mất những giọt cam lồ tịnh thủy, đức Phật biết vậy nên ngài đã kết luận thời pháp bằng giọng nói trầm hùng, mạnh mẽ, khí và lực tuôn chảy dạt dào như hải triều âm va đập giữa ghềnh đá:

- Nầy các vị! Nhưng nay thì tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh, ánh sáng trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh các pháp một cách hoàn toàn trong sáng, vô nhiễm, thanh tịnh bởi tri

kiến tuyệt đối như thực theo ba bậc tuệ luân trong Tứ Thánh đế thành mười hai thể loại trí tuệ đã khởi sanh trong Như Lai rồi, Như Lai mới mạnh dạn xác nhận và tuyên bố rằng: Như Lai đã chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác trước các hàng sa-môn, bà-la-môn, nhân loại, chư thiên, ma vương, phạm thiên trong thế gian, thế giới này! Và như thế là do trí tuệ hiện quán, minh sát, thấy rõ, biết rõ A-la-hán thánh đạo quả đã phát sanh đến Như Lai; tâm của Như Lai đã hoàn toàn giải thoát tất cả mọi phiền não một cách vững chắc, bất động, chẳng có gì lay chuyển được, chẳng có gì có thể làm cho hư mất. Và đây là kiếp chót, là kiếp cuối cùng của Như Lai, không còn tái sanh luân hồi nữa.

Đức Phật thuyết xong bài pháp Chuyển pháp luân (dhammacakkappavattana, vận chuyển bánh xe chân lý) này xong, năm vị đạo sĩ khổ hạnh vô cùng hoan hỷ một loại giáo pháp chưa từng được nghe. Riêng đạo sĩ Koṇḍañña chứng được Pháp nhãn (dhammacakkhu) xuất trần ly cấu, tức là đã đoạn lìa được một số bụi bặm phiền não, an trú quả vị Tu-đà-hoàn, ông đã thấy chánh chơn, như chân như thật rằng: Pháp hành nào có sanh thì pháp hành ấy có diệt (yaṃkiñcisamudaya dhammaṃsabbaṃtaṃniroddhadhammaṃ).

Chư thiên trên địa cầu nghe được thời pháp vô thượng, đồng thanh tán dương ca ngợi rằng: Hôm nay, trong Vườn Nai, tại Isipatana, gần thành Bārāṇasī, đức Thế Tôn đã gióng trống chuyển một bài pháp vô cùng vi diệu; chưa từng có một sa-môn, bà-la-môn, thiên thần, ma vương, phạm thiên hay bất kỳ ai trên thế gian này có thể tuyên giảng được. Nghe như vậy, chư thiên cõi Tứ đại thiên vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đẩu-xuất, Hóa Lạc cũng đồng tán dương, ca ngợi không hết lời. Chư vị phạm thiên ở các cảnh trời sắc giới cùng một lòng xưng tán như vậy. Ngay lúc ấy, ngay sát-na ấy, lời tán dương ca tụng xuyên thấu cõi Sắc cứu cánh thiên;

mười ngàn thế giới đều rung chuyển, rung động. Ánh hào quang của đức Chánh Đẳng Giác thù thắng và oai lực hơn hào quang của chư thiên, phạm thiên cộng lại, tỏa rộng vô biên, chiếu diệu, sáng soi ngời ngời cùng khắp thế gian, thế giới.

Đạo sĩ Koṇḍañña đã thấu suốt, thấy rõ, biết rõ căn bản Tứ Thánh đế, diệt tận mọi hoài nghi, chỉ còn tin Phật, tin Pháp chứ không còn tin tưởng vào nơi nào khác nữa.

Vô cùng tri ân và vô cùng xúc động, đạo sĩ Koṇḍañña quỳ năm vóc sát đất:

- Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được thọ giới tỳ-khưu và cho đệ tử được nương tựa.

Đức Phật mỉm nụ cười chánh pháp:

- Hãy lại đây, này tỳ-khưu! Như Lai xác nhận là ông đã trở thành tỳ-khưu! Giáo pháp mà Như Lai đã khéo tuyên giảng, ông hãy cố gắng thọ trì, tinh tấn thực hành, hãy sống đời phạm hạnh thanh tịnh để đoạn tận khổ đau, chấm dứt sinh tử luân hồi (Ehi bhikkhu! Svākkhāto dhammo cara brāhmacariyaṃ sammā dukkhassa antaki riyāya).

Thế là đạo sĩ Koṇḍañña từ đây được gọi là Aññāsi Koṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như, Kiều-trần-như đã chứng ngộ), là vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo hội của đức Tôn Sư. Hôm đó là đúng vào chiều tối rằm tháng sáu, năm Dậu, được hai tháng kể từ sau khi đức Phật thành đạo dưới cội bồ-đề.

Đêm ấy, trăng sáng vằng vặc, không khí mát lành, đức Phật ngồi trên một tảng đá giữa Vườn Nai, trú định Diệt thọ tưởng để nghỉ ngơi sau nhiều ngày bộ hành lao nhọc và suốt cả buổi chiều tổn hơi, tổn khí giảng pháp cho năm ông đạo sĩ. Khuya, đức Phật trở lại cận định, khởi tầm và tứ, suy nghĩ như sau:

"- Chúng sanh ít bụi cát có thể thấu hiểu được giáo pháp này. Ông Koṇḍañña đã thấy pháp, dòng tâm sẽ từ từ, thuận thứ mà đi vào đạo lộ nhờ ông là kẻ có trí, chỉ cần cái đại

cương, khái quát là ông có thể nắm bắt được. Nhưng các vị kia thì cần phải giảng giải nhiều lần, với nhiều ví dụ cụ thể họ mới lần tìm được ngữ nghĩa sâu rộng, hiểu pháp và thấy pháp được".

Hôm kia, sau khi Koṇḍañña, Mahānāma và Assaji đi khất thực để cung cấp thực phẩm cho mọi người, đức Phật cặn kẽ giảng giải rộng rãi thời pháp cho Vappa và Bhaddiya. Cuối buổi giảng, cả hai vị đạo sĩ đắc Pháp nhãn, Nhập lưu, được đức Phật xác nhận họ đã là tỳ-khưu. Hôm sau nữa, lúc Koṇḍañña, Vappa và Bhaddiya đi khất thực thì đức Phật lại giảng sâu rộng cho Mahānāma và Assaji nghe. Xế trưa thì cả hai đạo sĩ đều đắc quả Tu-đà-hoàn, đức Phật lại chứng nhận thụ giới thêm cho hai vị tỳ-khưu nữa.

Thế đến ngày hai mươi tháng Āsāḷha, cả năm vị tỳ-khưu đã mặc y áo tươm tất, tóc râu sạch sẽ bởi họ đã từ bỏ sự hành trì khổ hạnh và cả hình thức khổ hạnh. Họ đều đã có đức tin bất thối, và đang lần hồi bước những bước vững chắc trên đạo lộ bất tử.

Từ ngày hai mươi cho đến cuối tháng, thời tiết bắt đầu chuyển mưa, vì bây giờ đã là mùa Vassāna, họ bận rộn làm cho mình những cốc lá và đặc biệt làm cho đức Thế Tôn một cốc lá tương đối tốt, tươm tất và ấm cúng. Những khi trời quang mây tạnh, trước đầy đủ năm vị tỳ-khưu đầu tiên, là những hạt giống bất hoại để gieo trồng chánh pháp trên toàn cõi Diêm-phù-đề, đức Phật lại dùng tuệ phân tích, triển khai rộng rãi và chi li một số tư tưởng giáo pháp dường như đang còn quá mới mẻ đối với họ. Ngài đã chịu khó đi lại từ khổ đế, sự thật, chân lý về khổ, tuy nó đơn giản chỉ có bát khổ là sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, thủ ngũ uẩn nhưng đâu phải ai cũng dễ dàng thông suốt. Sự thật về khổ này không phải chỉ hiểu qua danh từ, ngữ nghĩa mà còn cần phải thấy rõ cụ thể ở chính nơi thân tâm mình, sự sống của mình trong tương quan xúc

đối và trải nghiệm. Sanh, cái khổ sanh (jāti-dukkha), đầu tiên là chỉ cái khổ trong thai bào, khổ từ lúc tượng hình, khổ phải chịu đựng tối tăm, dơ uế; khổ vì cay, vì nồng, vì nóng, vì lạnh, vì nhầy nhụa, vì hôi hám, vì các cử động, vì sự biến đổi thất thường của tâm lý người mẹ. Khổ sanh, ngay chỉ niệm tái sanh, tìm kiếm cảnh giới, tìm cách đầu thai vào cái quen thuộc, vào cái mà mình ái luyến, mình thích, mình say đắm đã là khổ rồi! Chính khởi từ cái sanh niệm này mà nó dẫn dắt chúng sanh trôi lăn khắp ba cõi, sáu đường rồi chịu đựng vô lượng hoạn nạn, nghịch cảnh, máu, nước mắt, tai ương và thống khổ!..

- Xin đức Thế Tôn, vì lòng bi mẫn – Koṇḍañña thưa bạch - giảng nói rộng rãi và chi tiết về khổ sanh cho chúng đệ tử được hiểu một cách thấu đáo, tận tường mọi ngõ ngách chi ly của nó?

- Nầy chư tỳ-khưu, hãy nghe đây, Như Lai sẽ giảng theo yêu cầu ấy. Sanh, ở đây chỉ giới hạn kể từ khi các sắc chất được sinh ra từ sát-na kiết sanh thức (danh) kết hợp với tinh cha huyết mẹ (sắc). Nó là cái hạt mầm, cái chủng tử trong bất kỳ cảnh giới hữu tình nào. Cái thực thể chúng sanh đầu tiên ấy ở trong thai bào không phải đẹp đẽ như ở trong hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen trắng mà phải được hiểu như con dòi sinh ra trong xác cá ươn, trong đống phân thối. Thực thể ấy nó nằm ở phía dưới chỗ chứa đồ ăn (bao tử), phía trên chỗ sẽ xuất chất thải (hậu môn), nằm kẹt giữa bụng và cột sống, rất chật chội, tối tăm, bẩn thỉu; phải chịu đựng các luồng gió hôi hám đủ thứ mùi đáng tởm. Suốt chín tháng mười ngày, cái thực thể chúng sanh ấy phải trải qua vô lượng thống khổ, bị sức nóng như lửa đốt bởi chất hỏa trong bụng mẹ mà không co duỗi, nhúc nhích được. Ngoài ra, khi bà mẹ di chuyển tới lui, nằm ngồi đi đứng, nhất là lúc bị vấp té thì nó chịu đựng vô cùng đau đớn như bị kéo giật, tung ngược tung xuôi, đảo qua đảo lại như con rắn ở trong tay

người xiếc rắn. Khi bà mẹ uống nước lạnh, nó cảm thấy tê buốt như ở trong địa ngục băng giá. Khi bà mẹ ăn uống vật nóng, nó như bị chìm ngập trong trận mưa than lửa. Khi bà mẹ ăn uống chất mặn, chất chua thì nó như bị ngâm chìm trong nước muối dấm! Đấy là những nỗi khổ cùng cực khi trú trong thai bào mà chúng thai sinh nào cũng phải bị gánh chịu.

Nầy chư tỳ-khưu! Khổ trong thai bào là vậy. Khi ra khỏi thai bào, nó phải chịu cái khổ chúc đầu ngược xuống bởi sức mạnh của gió nghiệp; bị tống ra khỏi cái hang tối tăm chật hẹp, thật là kinh khiếp như phải chui qua cái lỗ nhỏ rồi bị nghiền nghiến giữa hai ngách đá, đau đớn tột cùng. Thế rồi, hài nhi vừa ra khỏi bụng mẹ, cái thân thể của nó mỏng manh, nhạy cảm nên khi được bồng ẵm, được tắm rửa lau chùi, nó cảm thấy đau đớn như bị kim đâm, dao cắt…

Một vị tỳ-khưu bất giác thốt lên: "Ồ, sự thật này thật là kinh khiếp"

Đức Thế Tôn kết luận:

-Ừ, khổ sanh là vậy, nầy chư tỳ-khưu! Từ khổ sanh ấy nó đi suốt quá trình cái được gọi là sự sống. Rồi vô lượng nỗi khổ trên cuộc đời cũng từ cái khổ sanh ấy mà ra. Nó là căn để của mọi nỗi khổ nên Như Lai khi tuyên giảng về Khổ đế, Như Lai đặt khổ sanh lên đầu tiên như là điều kiện quyết định duyên sanh các khổ.

Rồi khổ già (jarā-dukkha)? Đức Thế Tôn tiếp tục - Già, hàm chỉ làn da nhăn nheo, co rúm lại như quả mướp đắng phơi khô; mái tóc xanh mơn thuở nào bây giờ như tro than lấm tấm hoặc bạc phếch; đôi mắt biếc thắm thời trai trẻ chỉ còn là cái hố ghèn, lờ mờ đục trắng không thấy gì. Rồi còn hàm răng chỉ còn như tro xỉ, đau nhức, sâu đục mà rơi rụng lần lần. Tai thì bắt đầu điếc lãng, nghễnh ngãng. Chiếc lưng bây giờ cong gập như cái đòn giàn xay. Chân tay lập cập, run rẩy, đau cốt, nhức xương, ăn ngủ không được, lú lẫn, nói

trước quên sau. Nói cách khác già lão là đặc tính của hữu vi, nó chỉ cho các căn bị suy yếu, hư hoại, sức lực giảm mòn, tuổi trẻ biến tan, trí nhớ bị phá sản, trí tuệ sút kém. Khái quát, nó là toàn bộ sự lụi tàn, hủy hoại, già úa của từng phân tử, nguyên tử, tế bào; vô thường, lão suy từng sắc chất, huyết tố, từng năng lực, khí lực của chúng hữu tình. Khi cái thân già, kéo theo cái tâm già; đôi khi không chỉ khổ ở nơi thân mà còn duyên sanh khổ ở nơi tâm là sầu, bi, ưu, não nữa.

Về bệnh, về khổ bệnh (byādhi-dukkha) chúng là cả hằng trăm loại bệnh, hằng ngàn loại bệnh khi mang thân xác hữu vi. Chúng có từ ngũ cốc, hoa quả, rau trái, các loài động vật trong vườn nhà, trong rừng, trên trời, dưới sông biển ao hồ; chúng đến từ trong nước, trong không khí; chúng đồng sanh, duyên khởi với các cư dân, cộng đồng tại các thị tứ đang phát triển; chúng còn do ăn nhiều, ngủ nhiều, làm việc nhiều, suy nghĩ nhiều; chúng còn do thời tiết nắng mưa, nóng lạnh thất thường; và cuối cùng, chỉ cần khí huyết đảo lộn, tứ đại bất hòa cũng đủ cho ta thấy rõ cái khổ bệnh của thân. Trong tứ đại, chỉ cần một đại thịnh, hay một đại suy đã sinh bệnh rồi. Bệnh có từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Ở nơi thân thì có bệnh ở nơi da, nơi răng, nơi thịt, nơi gân, nơi xương, nơi tủy, nơi thận, nơi tim, nơi gan, nơi hoành cách mô, nơi lá lách, nơi phổi, nơi ruột non, ruột già, bao tử. Cũng có bệnh do não, do mật, do đàm, do nước tiểu, do máu, do mỡ, trong khớp xương, trong tủy sống. Có bệnh chữa được, có bệnh không thể chữa được. Và dường như cứ mỗi mười năm, mỗi trăm năm, con người phải đối diện với những căn bệnh mới; nó tăng trưởng theo sự sinh hoạt vật chất thịnh mãn của con người. Nói tóm lại, có thân là bị chi phối bởi các định luật của vũ trụ; đó là phải chịu ảnh hưởng của ngày đêm, nắng mưa, nóng lạnh, mặt trời, mặt trăng, các lực, các khí, các nghiệp tương tác trong vạn hữu. Có thân là

có bệnh, và bệnh nào cũng khó chịu, đau đớn, thống khổ cả.

Còn chết, về khổ chết (maraṇa-dukkha) cũng tương tự vậy, trăm cái chết, ngàn cách chết sẽ chờ đợi để tước đi sanh mạng của chúng sinh. Chết do đói quá, chết do no quá, chết do nước, do lửa, do lũ, do bão, do tai nạn, do ốm đau, do vũ khí, do độc chất; chết do thiếu máu, do dư máu, do mật, do đàm, do khí, do tim, do gan, do thận. Tóm lại là chết do hết tuổi thọ, chết do nghiệp, chết do bởi hằng trăm loại nghiệp, chết do hết phước báo hoặc do hằng trăm lý do khác nhau. Chúng đến từ bên ngoài hay tự bên trong thân thể, và sớm trưa chiều tối, ngày đêm lúc nào bóng dáng của tử thần cũng lãng vãng với lưỡi hái trên tay. Nói cách khác, chết là đặc tính tự nhiên của pháp hữu vi. Nó cắt đứt mạng căn. Nó biểu hiện sự vắng mặt trong các sanh thú. Nó làm rơi rụng khỏi kiếp sống; ung thối, rữa nát mọi sinh mệnh.

Tất cả khổ chết ấy, quả thật là đáng sợ, nhưng chúng chỉ là cái khổ thô tháo, khổ thuộc về vật chất; chúng hữu tình từ giai đoạn sanh đến tử còn bị chi phối bởi những nỗi khổ thuộc về tinh thần nữa, đó sầu, bi, ưu, não.

Rồi đức Thế Tôn còn chịu khó, cặn kẽ nói về sầu, về khổ sầu (soka-dukkha), đặc tính của sầu, tác dụng của sầu lên toàn bộ thân tâm. Sầu được hiện ra bên ngoài là cái buồn bã, là cái rầu rĩ, là cái sầu muộn, là cái héo úa, xanh tái của làn da mặt; nhưng bên trong là sự mệt mỏi, chán chường của các tâm sở. Nó còn là sự đốt cháy âm ỉ, liên lỉ; tuy không bốc thành lửa ngọn nhưng làm cho con tim héo úa, gan ruột như bị xào nấu trong chảo với lửa riu riu ở bên dưới.

Bi, khổ bi (parideva-dukkha) được biểu lộ bên ngoài là khóc than, rên rỉ, kể lể... Là cái khổ cao hơn sầu một bậc. Lửa bị nung đốt bên trong cũng mạnh hơn nên nó làm cho tim gan khô cháy, làm cho môi khô, cổ rát, lưỡi đắng.

Ưu, khổ ưu (domanassa-dukkha), là cái khổ đã len sâu, thấm đẫm ở trong tâm hồn. Là sự bức bách, thống khổ đã

cao hơn bi một bậc. Nó làm cho sự lo buồn, lo nghĩ cứ như là thốn đau, nhức nhối tận tâm can. Ai bị nanh vuốt của ưu tóm lấy do bị lửa nung đốt bên trong thì kẻ đó than khóc, bứt tóc bứt tai, đấm ngực, lăn qua lộn lại, vật vã, đớn đau ê chề không kiểm soát mình được nữa.

Não, khổ não (upāyāsa-dukkha), đây là sự khổ đã đến chỗ cao độ, đã đến chỗ thất vọng, tuyệt vọng hoàn toàn. Tuy không còn biểu hiện lộ liễu ở bên ngoài như ưu, bi nhưng nó tương tự như sau khi xào nấu, tim gan ruột đã teo tóp, khô quắp lại. Nếu sầu, bi, ưu, não đi chung với nhau, kết hợp với nhau hoặc đồng sanh thì dễ dẫn đến uống thuốc độc, treo cổ, cắt mạch máu hoặc tự sát với con dao!

Sầu bi ưu não ở trên đôi khi còn do kết hợp với cầu bất đắc khổ (yampicchaṃ na labhati tampi dukhaṃ), tức là mong muốn, mong cầu (icchaṃ), ước nguyện cái gì đó mà không được, không thành (na labhati) nên sinh ra khổ. Càng sống, càng lớn khôn, càng trải nghiệm cho đến khi kề bên nấm mồ, con người mới thấm thía rằng: Cuộc đời là cái gì chung thân bất nghịch ý, bất như ý, bất toại nguyện! Không có một nhu cầu thỏa mãn nào, qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể làm cho con người vừa lòng, toại nguyện; chúng luôn luôn cảm thấy thiếu thốn, không được vừa ý; do vậy thúc hối chúng đi tìm để thỏa mãn nữa. Nhục dục ngũ trần thì càng uống, càng khát và rồi càng tầm cầu thỏa mãn càng đối diện với hư vô, bị hư vô nuốt chửng hay bị hư vô thiêu cháy! Ngay chính các mục tiêu, ước mơ, lý tưởng khởi từ tình yêu, sự nghiệp, tiền bạc, danh vọng, địa vị... chúng chỉ là cái rỗng không, bất toàn; ngay cả khi có nó, lúc thành tựu được, lúc nắm bắt được thì chúng không phải thế, chúng là cái khác, chúng còn ở trước mặt, còn ở truớc tầm tay với! Điều này là sự thực, là chân lý nên bất toại nguyện khổ chi phối toàn bộ nhân loại, chư thiên, phạm thiên không chừa một ai! Ái biệt ly khổ (piye hi vippayogo dukkho), tức là người và vật mà

mình thương yêu, vừa lòng (piya) thì phải bị chia biệt, lìa xa (vippayoga), sinh ra loại khổ này. Thế là biết bao nhiêu yêu thương, trìu mến, luyến ái bị chặn bít, bị cắt đứt, bị ngại duyên làm cho ta bị tổn thương, sầu muộn, đau khổ. Nó còn có nghĩa là bị tách rời, đoạn tuyệt cái gì đáng thích, đáng ưa. Nó làm ta mất liên lạc với thế giới và môi trường thương yêu quen thuộc. Nó còn là sự mất cha, mất mẹ, mất vợ, mất chồng, mất con, mất cháu, mất thầy, mất bạn, mất tài sản, mất sự nghiệp.

Oán tăng hội khổ (appiyehi sampayogo dukkho), tức là người mà mình thù oán, mình ghét, mình không ưa, không vừa lòng (appiya) thì phải thường gần gũi, tiếp xúc, thân cận (sampayoga) mà sinh ra khổ này. Thế là biết bao nhiêu là bực bội, khó chịu, oán ghét có thể đưa đến hận thù cứ đốt lửa âm ỉ trong lòng.

Nói tóm lại, thủ ngũ uẩn khổ (pañcupādānak khandhā-dukkhā) là khi có sắc thân này, có cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức; và nhất là bám víu vào nó, chấp thủ nó, ái luyến nó, nhận nó là ta, là của ta thì vô lượng thống khổ sẽ duyên sinh, khởi sinh đến trùng trùng, bất khả hủy diệt. Toàn bộ ấy là sự thật về khổ, là Khổ đế, chi phối các chúng hữu tình.

Như vị lương y siêu việt, sau khi xem bệnh chứng, muốn chẩn trị có hiệu quả phải tìm cho ra căn do, nguyên nhân, nguồn gốc của bệnh; cũng vậy, đức Phật lại cặn kẽ trình bày về gốc nguồn phát sanh Khổ đế chính là ái!

Đức Phật dạy:

- Nầy chư tỳ-khưu! Ái chính là Khổ Tập đế! Ở đâu, lúc nào, phạm vị nào, hoạt dụng nào cũng có ái. Nó có từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nó có từ sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nó có từ quá khứ, hiện tại, vị lai. Nó có từ cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Nó có cái thô, có cái tế, có cái thanh, có cái trược, có cái gần, có cái xa, có cái thấy được, có cái không

thấy được. Ở đâu, lúc nào, phạm vi nào, hoạt dụng nào mà có phát sanh vừa lòng, ưa thích, thích thú, yêu mến, yêu thương, thích khoái rồi đưa đến mê say, chìm đắm, mong được thỏa mãn, hỷ đắc thì nơi ấy có ái! Lại còn có ái ít người thấy là mong mình trẻ mãi, xuân mãi, sức khỏe mãi; những sở hữu cả vật chất và tinh thần của mình đều được thường tồn, kiên cố, bất hoại; rồi còn mong linh hồn của mình được trường cửu! Đôi khi cảm thấy hạnh phúc trần gian phù du, bọt bèo quá, họ muốn tu hành để sống đời trường xuân, bất lão ở các cõi trời có dục vật chất được phóng đại tột cùng! Có trường hợp ngược lại, là sợ mình chết là hết nên tìm cách hưởng mau, hưởng vội, tìm đủ mọi cách để thỏa mãn tận cùng không kể đến lẽ phải, đạo đức, tình người và tình sanh loại! Ôi, ái tràn ngập ba cõi, bốn loài! Ái là đầu mối, là cộng sinh với tham lam, sân hận, si mê. Ái được thì tham; ái không được thì sân rồi từ đó phát sanh cả một rừng tâm lý hỗn mang, sâm si gai chông lùm bụi của tật của đố, của bất mãn, của phản bội, vô ơn, bạc bẽo, chán chường, kiêu ngạo, hống hách, máu lửa, chiến tranh, hận thù phủ trùm lên hoàn vũ, lên sinh mệnh các giống hữu tình.

Và rồi nầy chư tỳ-khưu! Ái diệt là Niết-bàn. Niết-bàn là Khổ Diệt đế! Ái diệt là nguội tắt tham sân. Ái diệt là sự chấp thủ ngũ uẩn không còn nữa. Ái diệt là căn nhà bản ngã được công phu xây dựng từ vô lượng kiếp bị phá tan; bao nhiêu cột, kèo, rui, mèn, đòn tay, đòn dông, tường vách, mái lợp... bị trí tuệ giải thoát đốt cháy không còn dư tàn. Thế rồi, niềm vui siêu thế hiện ra. Vô lượng bệnh khổ không còn nữa. Sinh tử trầm luân trong ba cõi, sáu đường không còn nữa. Tuy nhiên, Niết-bàn không nằm trong lý trí, tư duy, suy luận, ngữ ngôn, khái niệm; nó phải được thực chứng; nó phải được thấy ngay, thấy thẳng bởi tuệ giác vô vi, vô nhiễm. Đây là chân lý tối hậu, là sự thực tối hậu không còn bị chi

phối bởi thế giới hữu vi hạn cuộc, không còn bị quy định bởi thời gian và các phạm trù ước lệ nữa. Nó siêu xuất ba cõi. Tạm gọi nó là cái phúc lạc thâm sâu, tuyệt đối, không thể nghĩ bàn!

Thời pháp giảng đến ngang đây thì hôm đó trời đã quá khuya, năm vị tân tỳ-khưu thưa thỉnh đức Phật nghỉ ngơi. Thời pháp đã được đức Thế Tôn phân tích chi ly, cặn kẽ như thế nhưng cứ vẫn tồn đọng trong tâm trí các vị tân tỳ-khưu nhiều câu hỏi, nhất là Niết-bàn. Đêm đó dường như cả năm vị không ngủ nghỉ, cứ mải lầm thầm trò chuyện. Và đây là những câu hỏi tồn nghi:

- Niết-bàn không nghĩ suy được, không lý giải được thì nó có phải là phi hữu như lông rùa, sừng thỏ?

- Niết-bàn vắng mặt ngũ uẩn, như vậy thì nó còn gì, hư vô chăng?

- Đặc tính của Niết-bàn là sự hủy diệt chăng? Nó hủy diệt cấu uế, hủy diệt tham sân si, hủy diệt các sanh thú vì nó không còn tái sanh?

- Niết-bàn không phải hữu vi nên nó là phi sở tạo?

- Niết-bàn không do tạo tác, không có già chết, vậy nó thường trụ chăng?

Koṇḍañña nói nhỏ với các bạn:

- Những câu hỏi ấy hay lắm, nhưng bài pháp đức Thế Tôn chưa giảng xong, chúng ta đừng làm phiền đến ngài. Hãy kham nhẫn chờ đợi!

Những ngày sau đó, lúc thì ngoài trời, lúc thì trong am cốc, đức Phật lại tiếp tục triển khai rộng rãi bài pháp Tứ Thánh đế:

- Niết-bàn như đã trình bày, chắc chắn là còn điểm chưa được sáng tỏ. Chưa được sáng tỏ nên có sự nghi ngờ, nghi hoặc là lẽ dĩ nhiên. Chỗ đến là như vậy, mục đích của sa-môn hạnh là như vậy; nhưng còn lộ trình đi đến đó nữa, con đường hành trì tức là đạo lộ dẫn đến Niết-bàn.

Sau đó, đức Phật đưa ra bản đồ tâm linh, lộ trình trung đạo như đã khái quát dẫn lược, là Đạo đế! Lại một lần nữa, đức Phật chi ly trình bày ngữ nghĩa từng danh từ một. Con đường Bát chánh khởi đầu bằng chánh kiến, cái thấy chơn chánh, cái thấy viên dung, tròn trặn, trong suốt, như chân, như thực: Cái thấy Tứ Thánh đế. Nói cách khác, chánh kiến là cái thấy chưa bị méo mó, sai lệch hay bị khúc xạ bởi lý trí, tư duy, các trạng thái tâm lý hay tình cảm chủ quan: cái thấy đúng như thực tướng! Chánh kiến ấy là chánh kiến siêu thế, vô lậu và không có sanh y dành cho bậc vô học. Cũng có một loại chánh kiến khác nữa. Đấy là thấy rõ thiện, bất thiện, khổ báo, phước báo, nhân quả, kiếp này, kiếp kia, luân hồi tử sanh... Nó thuộc tại thế, hữu lậu, còn sanh y dành cho bậc hữu học. Cả hai loại chánh kiến trên đều loại trừ tà kiến, loại trừ thường kiến, đoạn kiến; loại trừ kiến kiết phược, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến điên đảo của tất thảy sáu mươi hai tà kiến trên thế gian! Khi có được cái chánh kiến ấy rồi mới có được chánh tư duy tức là suy nghĩ đúng, suy nghĩ chơn chánh! Đây là do nhờ cái thấy đúng dẫn đến suy nghĩ đúng chứ không phải có một cái chánh để suy nghĩ! Và, nếu có một cái chánh để hành trì thì cái chánh ấy cũng trở thành cái bị chấp thủ, trở thành cái bóng của ái, của ngã, của kiến. Chánh tư duy phải cần được hiểu là nó thuộc phạm trù đức lý, đạo hạnh. Muốn biết cái chánh ấy là gì thì chỉ cần xa lìa dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy. Xa lìa dục tư duy có nghĩa là đừng suy nghĩ về sắc thanh hương vị xúc, phải hướng đến sự khước từ, xa lánh, xuất ly chúng (nekkhamma-saṅkappa); nhờ vậy, vị ngã, tham dục, tham ái không có cơ hội nẩy mầm! Xa lìa sân tư duy cũng có nghĩa tương tự, là đừng có suy nghĩ đến chuyện nóng nảy, ganh ghét, bực tức; khi mà các thuộc tính của sân này được làm cho dịu, cho mát đi thì ta có được trạng thái tâm vô sân (avyāpada-saṅkappa, tư duy vô sân) rất gần gũi với tâm từ.

Cái tư duy thứ ba, xa lìa hại tư duy tức là đừng có nghĩ đến chuyện ác ý hại người hoặc nuôi dưỡng niệm hung bạo. Nói cách khác, khi ấy là ta đã có được vô hại tư duy (avihimsā-saṅkappa), hỗ trợ thêm cho vô sân ở trên để có được một đầu óc minh mẫn, sáng suốt, một cái tâm trong trẻo, mát lành. Từ cái tâm ấy, cái trí ấy mà tư duy thì tư duy nào cũng thiện, cũng lành, cũng tốt, cũng đẹp, cũng thanh lương, cũng cao thượng, cũng ưu thắng cả! Chánh tư duy dẫn đến chánh ngữ, lời nói chơn chánh, lời nói đúng với sự thực, như thực! Chánh ngữ còn nội hàm: lời nói ấy phải y cứ trên cái thật, cái sự thật (chân); lời nói ấy phải lành, tốt, thiện ích (thiện); lời nói ấy phải dễ nghe, dễ hoan hỷ cái lỗ tai (mỹ). Ba yếu tố ấy mà thiếu một thì xem như chánh ngữ còn bất toàn, chưa trọn vẹn. Với nội dung tốt đẹp, tuyệt bích của chánh ngữ, như vậy thì lời nói nào cũng đem đến lợi ích cho mình và cho người. Nói lời đầy đủ như vậy thì vô hình trung, đã loại trừ lời nói dối, nói sai sự thật, nói vu oan, vu cáo, nói lời độc ác, hung dữ, phỉ báng, nhiếc móc, nhục mạ; cũng tránh nói lời hai lưỡi, đâm thọc, dệt gấm thêu hoa, nói trơn như mỡ, nói ngọt như đường hoặc thêm mắm, thêm muối, thêm gia vị cho bùi tai; phải tránh nói lời cộc cằn, thô lỗ, nói lời đâm bị thóc, thọc bị gạo; cần tránh nói lời tục tĩu vô duyên, nói lời phù phiếm, rỗng tuếch làm kẻ trí nhàm tai. Tóm tắt là cấm dối vọng, ác khẩu, ỷ ngữ, phù phiếm. Chánh ngữ dẫn đến chánh nghiệp, tức là nghiệp hành chơn chánh, thân chơn chánh. Thân chơn chánh hoặc thiện thân hành tức là thân không làm điều tà vạy, bất chánh, điều ác, điều mà thế gian chê trách; tức là cấm sát, đạo và dâm. Thứ nhất là không sát sanh hại người, hại vật, biết tôn trọng sự sống của các loài hữu tình, ngay cả vô tình như cây cỏ cũng không nên chặt phá, đốt bỏ một cách bừa bãi. Thứ hai là chẳng nên trộm cắp, khoét tường, nạy tủ lấy tài sản, của cải, vật có giá trị hay không có giá trị thuộc sở hữu của người khác. Thứ ba là

cấm tuyệt tà dâm, tà hạnh, rủ rê, dụ dỗ chung chạ với vợ con người; riêng bậc xuất gia thì phải sống đời phạm hạnh thanh tịnh. Còn nữa, chánh nghiệp dẫn đến chánh mạng, nuôi mạng chơn chánh, tức là tránh xa cách nuôi sống tà mạng do thân và khẩu. Có cái thân là phải nuôi dưỡng nó; cho nó ăn cơm, mặc áo, cho nó uống thuốc khi bệnh, cho nó cái chỗ để nó ngủ nghỉ, tránh nắng mưa, nóng lạnh, rắn rít, muỗi mòng… Đời sống các tộc người thuộc các bộ lạc sơ khai, nhu cầu ít nên các phương tiện vật chất để sinh sống khá đơn giản. Khi các thôn ấp, làng xóm được thành lập thì những đòi hỏi về tiện ích, tiện nghi cứ tăng lên mãi; và đời sống với những nhu cầu về ăn, mặc, ở, thuốc men càng phức tạp, càng rối rắm. Con người do những tầm cầu, săn tìm vật chất, của cải đã bắt đầu nhúng tay vào cái ác, nhu cầu ngày càng nhiều thì cái ác càng tăng. Cái ác càng tăng thì những thói hư, tật xấu, gian tham, ích kỷ, lường gạt, xảo quyệt, sân độc, hung bạo... cứ thế mà tự do mọc rễ, đâm chồi. Tại các thành phố, thị tứ phát triển thì vấn đề nuôi mạng đã trở nên đa dạng, phong phú, nhiều chiều. Nhu cầu vật chất, phương tiện ăn ở, sinh hoạt càng đòi hỏi đáp ứng thì các nghề nghiệp bất chánh thi nhau mọc lên như nấm. Do vậy, những bậc thiện trí, những kẻ hiền đức xưa và nay, trước hiện trạng xã hội và con người sa lầy, mê đắm dục vật chất như thế đã biết tự ngăn giữ mình, khuyến hóa mình phải tránh xa các nghề nghiệp được xem là tà mạng như sau: nghề sát sanh hại vật, nghề buôn bán vũ khí, nghề dao thớt, bán mua các loài động vật, nghề bán mua các loại độc dược, nghề chưng cất, bán mua rượu men, rượu nấu... Nuôi dưỡng cái thân, cưng chiều cái thân, ái luyến cái thân càng nhiều thì ác nghiệp càng lớn. Một thiện gia nam tử sống giữa cuộc đời thật khó giữ cho bàn tay mình thanh sạch; ít nhiều phải bị dính bùn, nhuốm bụi. Riêng bậc xuất gia do nhu cầu đơn giản, chỉ có chiếc mỏ (bình bát), đôi cánh (tam y), mà thong dong biển rộng

sông dài. Họ ăn vừa đủ, mặc vừa đủ, ngủ đâu cũng được, thuốc men thì có nước tiểu, phân bò, rễ củ đó đây. Tứ sự càng dị giản thì đời sa-môn hạnh càng thanh nhàn, vô sự. Nghề nghiệp nuôi mạng chơn chánh của sa-môn là ăn vật thực người ta cho, người ta cúng dường; mặc y áo do vải lượm, do người ta quăng bỏ ở nghĩa địa, giữa rừng, góc chợ, ven đường. Thuốc men hoặc chỗ ngủ nghỉ cũng tương tợ vậy, cái gì người ta chưa cho, chưa trao tận tay với thành ý mà mình tự ý lấy dùng, sử dụng, chiếm hữu hoặc nói ướm, nói lời gợi ý thì đấy chính là tà mạng!

Khi mà đã có kiến, tư duy như ngọn đèn thắp sáng tâm và trí rồi thì ngữ, nghiệp, mạng là giai đoạn hoàn thiện thân, khẩu, hoàn thiện đức hạnh bản thân. Khi bản thân đã chính đính, nghiêm túc, mẫu mực rồi, ta còn cần phải cố gắng, tích cực nuôi dưỡng tâm ý thiện lương, lánh xa ác niệm, và đấy là chánh tinh tấn, nỗ lực chơn chánh. Trong tâm ta có cái mầm ác và có cái mầm thiện. Mầm ác thì đừng cho nó nhú lên, nếu đã nhú lên rồi thì quyết tâm cắt bỏ, đào bứng nó đi. Mầm thiện thì chăm chăm, khéo léo, cố gắng làm cho nó nhú ra, nếu đã nhú ra rồi thì nâng niu, săn sóc, tích cực thêm phân thêm nước cho nó mau phát triển tỏa thành cây xanh, bóng mát! Nói cách khác, chánh tinh tấn là một công phu quyết liệt để loại trừ những trạng thái tâm lý xấu, ác; và nuôi dưỡng, trưởng dưỡng những trạng thái tâm lý lành, tốt! Đơn giản chỉ có vậy nhưng mà nhiêu khê, vất vả vô cùng nên đi trước nó đã có kiến, tư duy, ngữ nghiệp, mạng hỗ trợ, thêm sức mạnh, tạo môi trường thuận lợi. Và, có lẽ, như vậy cũng chưa đủ nên sau chánh tinh tấn là chánh niệm, chú tâm chơn chánh, chú tâm theo dõi bốn chỗ thường duyên sanh các pháp bên trong lẫn bên ngoài: Ấy là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp, tức là Tứ niệm xứ! Phiền não, khổ đau cũng ở đấy, mà an tịnh, Niết-bàn cũng ở đấy! Công phu thanh lọc mọi bụi bặm, mọi ô nhiễm thân tâm, thấy rõ thực

tướng các pháp phải được bắt đầu từ đây, chánh niệm, tức là chú tâm theo dõi, ghi nhận mọi động tịnh, mọi tác động đến từ sắc thân, các cảm thọ, các trạng thái tâm cùng với đối tượng danh pháp, sắc pháp. Chánh niệm giúp ta không lơ là, không quên, không thất niệm, làm cho tâm được an lập, kiên trú để hỗ trợ cho chánh định...

Đức Phật giảng đến đây, lúc đang nghỉ hơi, tỳ-khưu Bhaddiya hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Niệm thân chính là niệm cái sắc thân này, từ hơi thở vô ra, các oai nghi đi đứng nằm ngồi và cả ba mươi hai thể trược hay còn gì khác nữa?

- Đúng vậy, này Bhaddiya, nhưng còn nữa - Đức Phật nói - kể cả tứ đại cấu thành, kể cả khi quán tưởng các hình dạng tử thi tan rã dần dần nơi nghĩa địa.

Tỳ-khưu Assaji hỏi:

- Xin đức Thế Tôn giảng rõ thêm về niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp cho chúng đệ tử dễ lãnh hội?

- Niệm thọ tức là tất cả mọi cảm thọ khổ lạc xả hỷ ưu đều phải chú tâm ghi nhận một cách trung thực. Một cảm giác nẩy sinh, nó sẽ tác động toàn bộ tâm sinh lý, cảm giác ấy nó khó chịu (khổ), dễ chịu (lạc), trung tính (xả), hân hoan (hỷ) hay bực bội (ưu) đều được ghi nhận một cách như thực, đừng giảm trừ nó, đừng khống chế nó mà cũng đừng thỏa hiệp. Nó đến như thế nào, nó an trú như thế nào, nó ra đi như thế nào đúng với định luật sinh diệt, đừng bị xác lập hay bị quy định bởi các tâm lý chủ quan! Phải lấy như chân như thực, như thực tánh mà quán niệm! Niệm tâm thì chú tâm ghi nhận tất cả mọi trạng thái tâm lý xảy ra nơi tâm: tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si; kể cả tâm dục giới, sắc giới, vô sắc giới; kể cả tâm có giải thoát phiền não hay tâm chưa được giải thoát phiền não. Niệm pháp thì phức tạp hơn, vì nội hàm pháp rất lớn rộng. Tuy nhiên, ta chỉ khu biệt, giới hạn những pháp thuộc đối tượng của tâm trên lộ trình tu tập.

Khi tu tập, ta sẽ thấy rõ những pháp che lấp, chướng ngại như sự mệt mỏi, bải hoải của các tâm sở (thīna, hôn trầm), sự dã dượi, buồn ngủ của thân (middha, thụy miên), nghi nan, ngờ vực về thiện pháp, pháp hành (nghi, vicikicchā); nóng nảy, bực bội, khó chịu (sân, vyāpada), lay động, phóng dật (trạo cử, uddhacca) hoặc ăn năn hối hận (hối quá, kukkucca); và tham muốn nhục dục (dục lạc, kāmachanda). Lúc tu thiền định thì năm pháp che lấp, chướng ngại ấy sẽ được đối trị, làm cho yên lặng do nhờ sự xuất hiện của năm thiền chi; ấy là tầm (vitakka), tứ (vicāra), phỉ (pīti), lạc (sukha) và nhất tâm (ekaggatā). Đấy là những pháp cần được ghi nhận. Ngoài ra, năm uẩn, mười hai nhân duyên, bảy giác chi... đều là pháp phải quán niệm, ghi nhận một cách trung thực.

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy là trong niệm có định? Mahānāma hỏi.

- Niệm hỗ trợ cho định, niệm dẫn đến định, trong niệm có định; và niệm như thực tánh còn dẫn đến tuệ nữa - Đức Phật lại ân cần giải thích – Tuy nhiên, điều ấy Như Lai lại để dành một dịp khác. Còn rất nhiều pháp ẩn tiềm trong bài giảng cô đọng ở trên, muốn hiểu cho tận tường, thấu đáo, thông tỏ, Như Lai phải liễu giải nhiều ngày, nhiều tháng, nhiều năm, thậm chí cả trăm năm, ngại rằng cũng không nói hết!

Nghe vậy cả năm vị tân tỳ-khưu lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Họ thấy rằng, đức Phật dường như có cả một kho tàng; càng giảng càng thấy rộng và sâu, càng giảng, họ càng nghe những điều mới lạ; và quan trọng nhất là tâm họ càng an tịnh, trí họ càng sáng tỏ. Đúng là pháp mầu vi diệu, đúng là pháp mầu bất tử. Họ nghe mà như uống từng chữ, từng lời: ngọt, thanh, thù thắng, mênh mông và sâu nhiệm!

- Nầy chư tỳ-khưu! Còn chánh định nữa! Định thì các vị đã từng tu tập, từng chứng đắc, dù thấp hay cao theo tôn

giáo truyền thống, các vị đã biết rõ rồi. Định tối thượng nhất trong tam giới là định vô sở hữu và định phi phi tưởng từ hai bậc đạo sư Ālāra Kālāmagotta và Uddaka Rāmaputta thì Như Lai cũng đã từng chứng đắc, nhưng tại sao Như Lai lại bỏ đi? Như Lai bỏ đi vì chúng không đưa đến tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh, giác ngộ, giải thoát. Các định ấy còn ở trong sinh tử. Cả hai vị đạo sư còn dính mắc, không chịu lìa bỏ, còn chấp thủ, còn sở hữu xả và nhất tâm, còn an trú trạng thái phúc lạc thâm sâu của xả và nhất tâm ấy nên Như Lai bảo đấy không phải là chánh định. Còn kiến chấp và ngã chấp, còn thỏa hiệp với sinh tử thì không phải chánh định. Trước các vị là những vị tỳ-khưu đầu tiên trong giáo pháp bất tử này, Như Lai tuyên bố rằng: Chỉ có định xuất thế, chỉ có định của các vị đắc tứ thánh, tứ quả có đối tượng là Niết-bàn thì định ấy mới là định chơn chánh, là chánh định!

Cả năm vị tỳ-khưu đều ớn lạnh, rùng mình, nổi gai ốc! Hóa ra các định mà họ an trú bấy lâu nay không phải là chánh định, vậy là tà định chăng? Một sự đảo lộn tri kiến như thế đã làm cho họ bàng hoàng, run sợ!

Chợt Koṇḍañña hỏi một câu rất xác đáng:

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy thì có một định khác, định giải thoát mà ngài đã an trú từng đêm?

Đức Phật mỉm nụ tiếu sanh tâm, đáp rằng:

- Không có cái gọi là định giải thoát ấy, này Koṇḍañña! Thấy cả năm vị đều rơi vào sự bối rối, ngơ ngác, đức Phật bèn mở nút – Khi tâm giải thoát, khi tuệ giải thoát trú vào định nào thì định ấy đều được gọi là định giải thoát, các vị cứ như thế mà lập tri!

Cả năm vị đồng thở phào, nhẹ nhõm. Họ quá tâm đắc vào thời pháp, quá tri ân về sự giảng giải tận tình của đức Thế Tôn nên họ đồng sụp quỳ xuống lạy tạ và rơm rớm nước mắt.

Tối hôm kia, tỳ-khưu Koṇḍañña có lẽ do nhiều suy nghĩ

bởi thời pháp nên đã đặt câu hỏi:

- Trong khi giảng về Tứ thánh đế, đức Thế Tôn nhấn mạnh tuệ nhãn, tuệ trí, tuệ giác, tuệ minh; nhưng đạo lộ dẫn đến Niết-bàn, là Bát thánh đạo, Bát chánh đạo, con đường Trung đạo để tu tập, không thấy nói đến chánh tuệ, không thấy một tuệ nào được đề cập? Chỉ có niệm đưa đến định?

Đức Phật vừa lòng với câu hỏi vô cùng:

- Koṇḍañña, ông là bậc trí, đặt câu hỏi như ngón trỏ chỉ thẳng vào cái cơ yếu, cái căn để. Đúng vậy, câu hỏi của ông chính là những vấn đề mà Như Lai định tuyên thuyết hôm nay.

Nầy chư tỳ-khưu! Sau khi trình bày về khổ, Như Lai nói nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ và con đường dẫn đến sự diệt khổ. Con đường ấy, lộ trình Bát chánh, Như Lai cũng đã giảng giải khái quát và chi tiết, nhưng không có chánh tuệ! Các thời pháp hôm trước, Như Lai đề cập chánh kiến như là yếu tố đầu tiên rồi cuối cùng mới dẫn đến chánh định. Thứ tự ấy là đúng, vì thấy đúng thì tất cả đều đúng, nếu thấy sai thì tất cả đều sai! Tuy nhiên, đấy chỉ là phương pháp giả lập. Nếu có người hỏi rằng, làm sao, mới nghe giáo pháp, mới tu tập mà có được chánh kiến cao cả, vô thượng, trong sáng và vô nhiễm ấy? Câu hỏi rất hay, rất xác đáng. Muốn có chánh kiến ấy thì phải có chánh định, định tâm chân chánh, giải thoát! Muốn có định tâm chơn chánh, giải thoát thì phải có chánh niệm, ghi nhận các pháp đúng như thực tướng. Muốn có chánh niệm như thực ấy thì phải có ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh. Và muốn có ngữ, nghiệp, mạng chơn chánh như thế thì phải cần có kiến và tư duy chơn chánh dẫn dắt. Hóa ra là nó đi vòng tròn. Vòng tròn cũng không chính xác, phải nói là tương quan, tương tác. Tương quan, tương tác cũng không chính xác mà nó đồng sinh. Nếu có tuệ minh sát nhìn ngắm thì ngay trong sát-na của đạo lộ thì tâm tuệ viên dung, có chánh kiến soi chiếu, tuệ tâm sở thì tất cả mọi chánh kia

đều có mặt. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ tại thế thì tạm thời có giả lập thứ tự trước sau.

Nầy chư tỳ-khưu! Vì giả lập nên nói có tám nhánh, tám đạo chi. Vì khi nói kiến và tư duy là để mà tu tập trí - tuệ. Nói ngữ, nghiệp, mạng là để mà tu tập thân, khẩu - giới. Nói niệm, định là để mà tu tập tâm - định. Còn chánh tinh tấn thì tùy lúc, tùy khi nó hỗ trợ cho kiến, tư duy, hỗ trợ cho ngữ, nghiệp, mạng, hỗ trợ cho niệm, định. Thân, tâm, trí có giới, định, tuệ an lập và đều cần sự nỗ lực chơn chánh của tấn. Nhưng thân, tâm, trí là vận hành tương tác, bất ly; giới, định, tuệ cũng như thế. Có cái này tất có cái kia, nó duyên khởi. Gọi Bát thánh đạo là chỉ cái viên dung, tròn đầy trong tâm của bậc thánh. Gọi Bát chánh đạo là chỉ cho những sa-môn đang trên đường, đang trong từng giây khắc hoàn thiện bản thân, đang tu tập giới, tu tập định, tu tập tuệ.

Nầy chư tỳ-khưu! Như Lai từng nói là niệm dẫn đến định mà niệm cũng dẫn đến tuệ vì Tứ niệm xứ vừa thành tựu các định sắc giới vừa có khả năng dẫn đến tuệ giải thoát. Tứ niệm xứ viên mãn, chánh niệm viên mãn thì cần định có định, cần tuệ có tuệ. Khi ấy, chánh định lại dẫn đến chánh kiến, chánh kiến chính là chánh tuệ vậy. Và chánh tuệ nầy, tùy lúc, tùy khi, tùy công năng, cấp độ, tùy hoạt dụng còn được gọi là trạch pháp giác chi, tuệ như ý túc, tuệ căn, tuệ lực, tuệ tâm sở. Chánh tư duy chính là tầm tâm sở trong thiền chi; khi còn thuộc thế gian thì nó gồm ba loại tầm viễn ly là tầm ly dục, tầm ly sân, tầm ly hại sẽ thành tựu được ba tâm riêng biệt là vô tham, từ và bi; nhưng ở trong đạo lộ xuất thế, chúng chỉ là một do đoạn tận dục tham, sân và hại. Chánh ngữ bao gồm bốn thiện ngữ nghiệp là đủ rồi. Chánh nghiệp bao gồm ba thiện thân hành là đủ rồi. Chánh mạng được hiển lộ một đời sống thiểu dục, tri túc là đủ rồi. Ngữ, nghiệp, mạng còn được gọi là ba tiết chế tâm sở là giới hạnh được bậc trí ưa thích, tán dương, nó thường được củng cố

nhờ tín căn và tín lực. Chánh tinh tấn hỗ trợ cho bất cứ đâu cần đến, như đã nói, nó gồm tứ chánh cần, tấn tâm sở, tấn căn, tấn lực và tinh tấn giác chi. Chánh niệm bao gồm tứ niệm xứ, niệm tâm sở, niệm căn, niệm lực và niệm giác chi. Chánh định bao gồm các định có tầm, có tứ vì còn sử dụng để quán, nhất tâm tâm sở, định căn, định lực, còn kể chung luôn hỷ, an, định, xả của giác chi.

Và nầy chư tỳ-khưu! Nếu Bát chánh đạo, Bát đạo chi không được hiểu rõ, không được thấy rõ, không được hành trì đúng như Như Lai đã giảng giải thì có thể bị rơi vào bát tà đạo: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; rồi chúng sẽ đưa đến tà tuệ và tà giải thoát!

Đến ngang đây, các vị tỳ-khưu dường như đồng thanh nói:

- Chúng đệ tử rợn ngợp về giáo pháp này. Kể về chi tiết, mạch lạc thì chúng riêng lẻ như từng cái cá biệt; nhưng chúng lại lẫn trong nhau, tan hòa trong nhau khó phân ra biên giới một cách rạch ròi! Bạch đức Thế Tôn, như vậy là đủ rồi, như vậy là quá dư thừa để cho chúng đệ tử có thể có thời gian lãnh hội thấu đáo. Chúng đệ tử còn cần phải suy gẫm, chiêm nghiệm từ trong mỗi động thái, cử chỉ, oai nghi, từng hơi thở, từng khởi sanh của tâm niệm. Giáo pháp này, quả thật, không phải tìm sự hợp lý trong suy luận mà phải hiện quán để chứng thực, chứng nghiệm, bạch đức Thế Tôn!

- Lành thay, các ông đã hiểu, đã thấy một phần nào. Như Lai hy vọng rằng, chỉ ít hôm nữa thôi, các ông không những thông tỏ toàn vẹn đạo lộ xuất thế, mà còn chấm dứt tất thảy mọi nghi nan về chuyện Niết-bàn là phi hữu, hư vô, thường trụ hay phi sở tạo!

Cả năm vị tỳ-khưu đồng giật mình, lông tóc dựng ngược: Đúng là sự thấy biết bất khả tư nghì của bậc Chánh Đẳng Giác!

Kinh Vô Ngã Tướng
(Anattalakkhana Sutta)

Lộc Uyển, Vườn Nai, địa thế xinh tươi, mát mẻ, trong lành như một ốc đảo thanh bình. Có những tàn me cổ thụ, có những gốc cây Sāla sừng sững, có những cội Assattha uy nghi, đường bệ, có những hàng xoài rậm rạp, chúng vừa tỏa bóng mát vừa thanh lọc môi trường nên lúc nào cũng cảm giác không khí trong trẻo, không một hạt bụi. Miền tụ lạc thạnh mậu nầy, Isipatana (Chư tiên đọa xứ) cách thành phố Bārāṇasī chỉ non một do-tuần (bây giờ là 11 km), là nơi cư dân đông đúc, sinh hoạt bán mua và cả sinh hoạt tôn giáo rất là sầm uất và rộn rịp.

Cứ mỗi buổi sáng, vệ sinh, thiền định, kinh hành xong, đợi mặt trời vừa rạng ở chân trời là những vị tỳ-khưu thay phiên nhau để đi trì bình khất thực; riêng đức Phật thì họ cúc cung, tận tụy cúng dường. Do đã hiểu con đường trung đạo, tri túc thiểu dục là chính, họ không còn ăn vật thực cỡ bằng nắm tay nữa, phải đủ chất để nuôi dưỡng cái thân mà tu tập. Bước chân thong dong, nhàn nhã đã đưa họ đến những thôn làng trù phú, đôi khi đi vào thành phố. Vật thực luôn đầy đủ, đủ cả lượng, đủ cả chất. Tuy nhiên, theo ý của vị trưởng lão, tỳ-khưu Koṇḍañña thì tránh đi vào thành phố, vì đấy là thành phố của bà-la-môn giáo. Tín đồ của bà-la-môn giáo ở

đây khá cực đoan, nếu họ thấy một loại tu sĩ áo vàng, tóc râu sạch sẽ, khác tu sĩ của họ thì họ thường tỏ thái độ khinh ghét, miệt thị, nói lời bất nhã, đôi khi lại trở ngại cho việc khất thực. Chẳng phải sợ hãi gì, nhưng tránh sự va chạm hoặc hiểu lầm không cần thiết khi đang ở giai đoạn chiêm nghiệm giáo pháp bất tử, còn mới mẻ đối với họ quá. Niềm tin thì ai cũng đã vững vàng; nhưng khi chưa trang bị đủ kiến văn thì lúc ăn nói, giao tiếp, xúc đối khó tránh khỏi những phát ngôn bất cập, thiển cận có hại cho uy tín của đức Tôn Sư.

Qua chỉ hơn mười ngày sau khi ăn uống, sinh hoạt trung đạo trở lại, họ đều đã có da có thịt, trông đã khá hơn những năm tháng khổ hạnh. Nhờ tiết độ, nhờ hỷ lạc, vị nào trông cũng có khí sắc với những cặp mắt đều long lanh sáng. Khi dừng chân nghỉ ngơi, tránh mưa hoặc tránh bụi bùn do cả đoàn xe ngựa, xe bò thồ hàng tấp nập trên đường, họ thảo luận với nhau.

Mahānāma nói:

- Đức Phật khi còn là thái tử nổi tiếng về sở học, ba tập phệ-đà và mười tám môn học nghệ chẳng có gì là không uyên bác. Y dược cũng vậy. Ngài trình bày Tứ Diệu Đế như cách nói của một vị lương y. Bệnh này, nguyên nhân của bệnh này, muốn cho lành, muốn chấm dứt bệnh này thì phải uống thuốc như thế này!

Vappa phụ họa:

- Đúng thế! Có nhiều cách lập luận rút ra từ đó cũng hay lắm! Này nhé, đói nè, nguyên nhân của đói là do mất mùa nè, muốn sung túc, đầy đủ, khỏi đói là phải biết cần mẫn, chăm lo nông vụ và mưa nắng thuận hòa nè!

Bhaddiya tỏ ra biết triển khai vấn đề:

- Tuyệt! Nhưng cũng còn rất nhiều cách nói khác nữa. Ngu si này, nguyên nhân của ngu si là do không nghe, không học hỏi; muốn sáng suốt, thông tuệ thì phải biết học

hỏi, thực hành giáo pháp!

Ngoài ra, đôi lúc họ thảo luận đến những điểm trong bài kinh Chuyển pháp luân, những chỗ khó lãnh hội ở Diệt đế và Đạo đế. Chiều tối đến, nếu Koṇḍañña không trả lời được thì họ hỏi đức Phật, và lúc nào thì ngài cũng sẵn sàng. Đức Phật đã chuẩn bị, sẵn sàng để giảng một thời pháp quan trọng nữa. Thời pháp này hoàn toàn ngược lại truyền thống tôn giáo cũ. Và từ xưa đến nay, chưa hề có một ý tưởng, một luận điểm nào như thế được nêu lên. Dường như sau khi chứng ngộ dưới cội bồ-đề, từ trung tâm điểm của tuệ giác, giáo pháp cứ từ đó mà tỏa ra, không nói theo ai, không lập lại những kiến thức cũ mòn, đức Phật biết rõ như vậy.

Hôm kia, một buổi chiều tạnh ráo, đúng vào ngày ba mươi tháng Āsāḷha, biết là cả năm vị tỳ-khưu đã chuẩn bị sẵn sàng tâm và trí, đức Phật gọi họ đến, quây quần dưới cội cây Assattha to lớn nhất trong vườn, rồi bắt đầu buổi thuyết pháp:

- Nầy chư vị tỳ-khưu! Đây là thời pháp vô cùng quan trọng, được Như Lai gọi là Vô ngã tướng. Mấy hôm trước, Như Lai có nói khái quát về Tứ niệm xứ, tức là niệm thân, thọ, tâm, pháp; nay Như Lai muốn triển khai đề tài ấy theo một chiều hướng khác, cách nói khác, cũng xoay quanh những chi tiết như thực liên hệ đến thân và tâm này. Với những người có trí, nghe xong tức thấu hiểu, nghe xong tất có thể giải thoát mọi triền, mọi phược, mọi bộc, mọi lưu, mọi cấu, mọi uế... Chư vị hãy cố gắng lắng nghe!

- Dạ, thưa vâng, bạch đức Tôn Sư!

- Cái tạo nên thân tâm chúng ta, nếu nhìn ngắm, minh sát cho kỹ thì thân ấy là sắc thân (rūpa, sắc) này; còn cái gọi là tâm, hay danh thì gồm có cảm giác (vedanā, thọ), tri giác (saññā, tưởng), tâm hành (saṅkhāra, hành) và nhận thức (viññāṇa).

Đầu tiên hãy quan sát cái sắc (rūpa), tức là cái thân có

da, có thịt này; có khi nào chư vị đặt vấn đề, nó chính là ta (atta, ngã) hay không phải ta (anatta, vô ngã)?

Koṇḍañña đáp:

- Theo thói quen thì thân này, cái sắc này là tôi, là của tôi, trong ấy nó có một cái ngã, bạch đức Thế Tôn!

- Thói quen ấy có đúng không, này Koṇḍañña? Nếu sắc này là tôi, là của tôi, là tự ngã của tôi thì tôi hoàn toàn có quyền làm chủ nó, sở hữu nó?

- Đúng vậy, thưa đức Tôn Sư!

- Có phải như một vị vua, sở hữu quốc độ, sở hữu thần dân; và có quyền bắt mọi người, từ quan lại đến thứ dân phải làm như thế này, phải làm như thế kia; nếu không làm thì vua sẽ răn đe, trừng phạt theo nặng, nhẹ tội chứng?

- Bạch, đúng vậy, là quan niệm của phần đông!

- Nầy Koṇḍañña! Nếu sắc thân này là ta, là của ta như ông vua sở hữu thần dân và quốc độ, thì giả dụ như khi cái thân này ốm bệnh, đau nhức; và vì ta có quyền nên ta có thể bảo cái thân này đừng ốm bệnh, đừng đau nhức, có được không, hở Koṇḍañña?

Koṇḍañña im lặng, lúng túng không trả lời được.

- Khi cái thân này suy yếu, già lão; vì nó là ta, là của ta nên ta có quyền bảo: "Cái thân, mày đừng suy yếu, đừng già lão" được không, hở Koṇḍañña?

- Chẳng có quyền, chẳng chỉ bảo gì được, bạch đức Thế Tôn!

- Vì ta là chủ, nên ta có quyền bảo rằng, sắc thân của ta phải như thế này, sắc thân của ta đừng như thế kia?

- Chịu! Bạch đức Tôn Sư!

Im lặng giây lát, đức Phật nói:

- Vậy thì ta không có quyền gì cả đối với sắc thân này? Nó già, nó yếu, nó bệnh gì ta cũng chịu thôi?

- Thưa, đúng! Ta chịu thôi!

- Vậy thì tại sao mọi người thường lập ngôn: Sắc này là

ta, là của ta, là tự ngã của ta?

- Lập ngôn ấy không đúng với sự thật rồi!

- Vậy, phải nói đúng với sự thật, với như thật là: Sắc không phải ta, chẳng phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta?

- Thưa, đúng như vậy!

Đức Phật chợt cao giọng:

- Nầy chư tỳ-khưu! Không những chỉ có sắc này, mà bất cứ sắc nào trong quá khứ, hiện tại, vị lai, sắc bên trong hay bên ngoài, sắc thô tháo hay vi tế, sắc hạ liệt hay cao sang, sắc gần hay sắc xa, tất cả sắc ấy đều không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Điều này quả là mới mẻ đối với cả năm vị tỳ-khưu nên họ chỉ cúi đầu lắng nghe rất chăm chú và nghiêm túc.

Đức Phật giảng tiếp:

- Các cảm giác, cảm thọ cũng tương tự thế, nầy chư tỳ-khưu! Khi ta khó chịu, tê ngứa hoặc đau nhức (khổ) ta cũng không làm chủ được, ta cũng không thể bảo nó đừng ngứa, đừng tê, đừng đau nhức! Khi có những cảm thọ dễ chịu, hân hoan, thích thú (lạc) ta cũng không thể bảo: Mày cứ ở lại đây, đừng có ra đi, đừng có diệt mất, vì thật ra, nó ở hay đi là tùy theo nó, ta chẳng có quyền gì cả!

- Chúng đệ tử hiểu rồi, vì các cảm thọ cũng không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta!

- Cho chí cảm thọ quá khứ, hiện tại, vị lai; cảm thọ thô tháo hay vi tế, cảm thọ bên trong hay bên ngoài, gần hay xa, hạ liệt hay cao sang; tất cả chúng đều không là ta, là của ta, là tự ngã của ta!

Koṇḍañña chợt nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử hiểu rồi! Nếu sắc, thọ là vậy thì tưởng (tri giác), hành (tâm hành) và thức (nhận thức) cũng đều phải được minh sát cho phù hợp với chân lý như thế. Nghĩa là tất thảy chúng, ngũ uẩn đều không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta (etaṃ mama, eso'haṃ'asmi, eso

me attā'ti)!

- Đúng vậy! Đức Phật nhè nhẹ gật đầu – Cái mà ta tri giác, cảm biết vật này, vật kia, màu sắc ra sao, hình dáng như thế nào hoặc khi ta tưởng tượng cái này, chuyện nọ ở hiện tại, quá khứ hay vị lai; tất thảy chúng đều đến rồi đi theo định luật duyên khởi, tri giác ấy, quả thật không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta. Các trạng thái tâm, tâm hành cũng tương tự như dòng sông, chúng có được do các giọt nước kế tục trôi chảy; tâm này diệt thì tâm kia sinh. Tham, sân, si, mạn, nghi, tật, xan, hối... hoặc niệm, bi, hỷ, tư, tuệ... thương, ghét, hổ thẹn, không hổ thẹn, lúc tốt lúc xấu, lúc nóng, lúc mát, lúc nhẹ nhàng... cứ kế tục nhau, chẳng có cái ta nào, cái ngã nào ở đấy cả! Rồi cho chí cái biết của con mắt, lỗ tai... cái biết, cái nhận thức của ý thức, ghi nhận, kinh nghiệm, so sánh, phân biệt, lưu giữ sự việc, khái niệm, thiện hay bất thiện chúng đến rồi đi, duyên sanh rồi diệt, quá khứ, hiện tại, vị lai, xa hay gần, cao hay thấp, hèn hay sang, thô hay tế, cõi này hay cõi kia đều không có ngã, không có ngã sở!

Vậy nầy chư tỳ-khưu! Khi mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấy là không phải ta, là của ta, là tự ngã của ta thì có hợp lý không, đúng với sự thật không khi chúng ta thường nói rằng: Thân tôi già, tôi đau nhức, tôi tri giác, tôi quyết định, tôi nhận thức?

- Quả thật là không có cái tôi ấy, bạch đức Tôn Sư!

- Nầy chư tỳ-khưu! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức chỉ là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chúng là năm bộ phận riêng lẻ, năm dòng sông trôi chảy, kết hợp nên cái gọi là chúng sanh, một hữu tình, chẳng có cái ta nào, cái ngã nào (atta, atman) ở đấy cả, có phải thế chăng? Còn nữa, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều trôi chảy, thay đổi, biến dịch; vậy thì chúng là thường (nicca) hay vô thường (anicca)?

- Thưa, rõ ràng là chúng vô thường!

- Đã là vô thường thì tất thảy chúng đều là dukkha,

dukkha không chỉ là khổ theo nghĩa thông tục mà còn bao hàm tất cả khổ, khi chúng: Có đó rồi không đó, bất toàn, rỗng không, chẳng an lập được, không nắm bắt được mà cũng chẳng thể thủ đắc dù một sắc tướng, một bóng hình, một cảm giác, một trạng thái tâm, một ý nghĩ, một tư tưởng, một ước mơ, một mục đích, một lý tưởng! Chúng như ảo ảnh giữa sa mạc, như bọt nước, như ảo giác, như giấc mộng đêm qua, như trò huyễn thuật...

Lại nữa, trên sự thiết lập, định vị tạm thời giữa không gian, vì chẳng có cái ngã nào, cái tự tính, cái thực thể nào nên gọi là vô ngã; trong sự trôi chảy miên tồn không gián cách của thời gian, cái gì cũng thay đổi, biến dịch, không giữ được bất di, bất động, một trạng thái dù qua một sát-na nên gọi chúng là vô thường. Vì vô ngã, vô thường nên chúng là dukkha; đây là sự thật, là chân lý khi chúng ta tu tập nội quán để thấy rõ thực tướng của ngũ uẩn, của sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Koṇḍañña chợt hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Khi giảng Chuyển pháp luân, nói về Tứ thánh đế, đầu tiên là Khổ đế, ngài có nói đến Bát khổ; và ngũ thủ uẩn khổ là cái bao hàm, cái rốt ráo gói gọn nơi cái thân tâm này. Hôm nay, đức Thế Tôn cũng dẫn đến sự tu tập nội quán để thấy rõ thực tướng của ngũ uẩn ấy: Tất thảy chúng là vô ngã, vô thường nên chúng là dukkha! Vậy thì tất cả các pháp, nội và ngoại, nhỏ như vi trần, lớn như sơn hà đại địa, chúng có nằm trong hệ luận ấy chăng?

- Hệ luận ấy không thiết lập! Phải có ngoại trừ, giới hạn, này Koṇḍañña! Tại sao vậy? Thiên nhiên ngoại vật, sông núi, nắng mưa, ngày đêm, xuân hạ thu đông, chúng cũng không có tự tính, không có thực tính, là vô ngã tính, chúng cũng thay đổi, cũng biến dịch, là vô thường nhưng chúng không phải dukkha. Lá xanh, lá vàng; trăng mọc, trăng lặn; hoa nở, hoa tàn; khói thành mây, mây thành mưa; tất cả

chúng đều vô ngã, vô thường nhưng không phải dukkha. Vô ngã, vô thường của thiên nhiên ngoại vật, của vạn hữu ấy là chân lý tất yếu, không có nó thì một hạt vi trần cũng không tồn tại, nhưng ở đấy dukkha không hiện khởi.

Nầy chư tỳ-khưu! Giáo pháp vô ngã tướng của Như Lai được thiết lập là để mà tu tập, để nhìn vào bên trong, nội quán, minh sát để chấm dứt dukkha. Từ lâu, các tư tưởng truyền thống cũng như quan niệm của phần đông đều cho rằng, có một cái ngã, một thực hữu, một tự tánh, một linh hồn ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức này, nơi ngũ uẩn này. Từ nhận thức sai lầm ấy, biết bao nhiêu là đau thương, thống khổ, trầm luân, tử sinh cũng khởi từ cái ngã và ngã sở ấy cả.

Nầy chư tỳ-khưu! Hãy nội quán mà xem! Một cảm thọ dễ chịu, khó chịu; một đối tượng mình thương, ghét, yêu, hận... các trạng thái thay đổi tâm lý thất thường, vô ngã tính, biến dịch ấy, vô ngã, vô thường mới đưa đến dukkha. Nguyên nhân của tất thảy dukkha ấy là do Ái. Ái diệt là Niết-bàn. Tu tập theo Bát chánh, nhìn thấy rõ ngũ uẩn như thực tướng thì toàn bộ dukkha không tồn tại, gọi là khổ diệt đạo thánh đế!

- Bạch đức Thế Tôn! Thấy rõ sắc như thực tướng, thọ như thực tướng... hay là thấy rõ sắc uẩn như thực tướng, thọ uẩn như thực tướng? Nó giống nhau ra sao, khác nhau ra sao? Koṇḍañña hỏi.

- Ừ, câu hỏi này trỏ thẳng vào vấn đề - Đức Phật khen ngợi - Sắc như thực tướng là sắc không có uẩn, thọ như thực tướng là thọ không có uẩn. Chính uẩn là cái che lấp, chất chồng lên sắc mà thành sắc uẩn. Chính uẩn là cái che lấp, chất chồng lên thọ mà thành thọ uẩn…

- Xin đức Thế Tôn đưa ví dụ để cho chúng đệ tử có thể lãnh hội được điểm trọng yếu này - Vappa nói.

- Một đối tượng, một sắc tướng, ví dụ một người khi mình thương hay ghét (ái) họ thì mình đã che lấp (uẩn) cái

thực tướng ấy rồi, đã biến thành sắc uẩn rồi! Nghe một tiếng nói, khi mình thương thì âm thanh đó hay, dễ chịu; nhưng khi mình ghét người ấy thì âm thanh kia trở nên khó chịu, bực bội. Tại sao vậy? Vì các cảm thọ ấy đã bị che lấp (uẩn) do thương hay ghét (ái), đã biến thành thọ uẩn rồi!

Nầy chư tỳ-khưu! Chính do uẩn, do ái ấy mà sinh các khổ. Đã vậy còn chưa đủ, còn chấp rằng sắc uẩn ấy là ta, là của ta, thọ uẩn ấy là ta, là của ta... Và chính ngũ thủ uẩn ấy là nguyên nhân bao hàm tất thảy khổ mà những người tu tập nội quán, minh sát cần phải thấy rõ!

Nầy chư tỳ-khưu! Với tuệ quán, tuệ minh, tuệ như thực, Như Lai đã nhìn ra chân tướng, thấy rõ ngũ uẩn ấy không phải ta, không phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta. Nay thì các bậc thánh Thinh Văn, đệ tử của Như Lai cũng phải biết nhàm chán sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Khi nhàm chán như vậy thì tâm không còn đam mê, tham muốn, ái luyến trong ngũ uẩn ấy nữa. Và khi mà không còn dục, ái, tham thì thoát ly mọi ràng buộc, trói buộc, dính mắc. Tâm được trạm nhiên giải thoát. Khi đã giải thoát thì vị ấy biết mình đã giải thoát, dòng sinh tử chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã được thành tựu, mọi phận sự đã được làm xong, biết rõ từ nay không còn tái sanh luân hồi nữa!

Đức Phật thuyết giáo pháp vô ngã tướng xong, năm vị tỳ-khưu đồng quỳ xuống sụp lạy, vô cùng hoan hỷ. Tâm và trí họ đã trở nên sáng suốt, thanh tịnh, đã viễn ly mọi nhiễm ô, đã lìa thoát mọi chấp thủ ngũ uẩn. Họ đã đắc quả vị A-la-hán, đã giải thoát, đã thấy rõ Niết-bàn!

Ngay giây phút ấy, quả địa cầu rung động; và chư thiên, phạm thiên các cõi đã tán thán, ca tụng; làm chứng nhân cho rằng là đã có năm vị tỳ-khưu, năm bậc thánh A-la-hán đã xuất sinh trên châu Diêm-phù-đề nầy! Là những Thánh đệ tử, được xem là nền tảng vững chắc cho giáo hội đầu tiên của đức Tôn Sư vậy.

MÙA AN CƯ ĐẦU TIÊN
(Năm 587 trước TL)

Hoá Độ Công Tử
Yasa Cùng Với Bạn Hữu

Mới một vài trận mưa đầu mùa mà đây đó đã trở nên lầy lội, ướt át. Đức Phật bàn tính với năm vị tỳ-khưu là phải sửa sang, tu bổ cốc liêu, đường kinh hành để có thể an cư ở đây khi chưa tìm ra địa điểm thích hợp hơn. Nhờ đã quen với đời sống khổ hạnh nên họ xem những công việc này chỉ như sự nghỉ ngơi, tịnh dưỡng. Họ đi kiếm cây, kiếm lá. Và cũng may là nhờ có bọn trẻ chăn bò vui vẻ đến giúp sức. Mấy hôm sau, các mái lá và vách lá đã được ken dày có thể ngăn được mưa lớn và gió lớn; ngoài ra, họ còn bện được một số tọa cụ bằng cỏ, và làm thêm giường cây... Trong am lá của đức Phật, bây giờ đã khá rộng rãi, đã có đầy đủ giường, tọa cụ, nền đất được lót cây khá sạch sẽ. Khi đang làm thì mấy đứa trẻ mang đến những ghè đất nung đựng nước, to có, nhỏ có đem tặng cho mấy vị sa-môn. Thế là, bên chái hiên trái, họ hì hục lấy đá lót nền, đặt ghè nước để làm chỗ rửa chân cho đức Thế Tôn. Họ còn làm những đường kinh hành khá rộng rãi giữa các hàng cây. Có những tảng đá tự nhiên chỗ này chỗ kia thì họ sửa sang, quét dọn để làm chỗ hành thiền giữa trời. Tất cả trông đã có dáng vẻ tiện nghi của một khu rừng an cư lý tưởng. Khung cảnh càng có vẻ yên ổn và thanh bình hơn khi những chú nai lớn nhỏ đủ sắc màu nhởn nhơ gặm cỏ hoặc tò mò đưa mắt tròn to nhìn những những

con người vô hại.

Ngày tháng từ từ trôi qua. Các vị tân tỳ-khưu, các bậc thánh A-la-hán vẫn thay phiên nhau đi trì bình khất thực, sống, chiêm nghiệm giáo pháp đã được học, đồng thời an trú lạc về thiền, lạc về quả. Vài ba hôm, các vị lại mang về những tấm vải tương đối còn tốt. Họ giặt phơi, kiếm rễ và củ để nhuộm trở thành màu hoại sắc. Cái nào trông có vẻ tốt nhất, họ dâng đến đức Phật. Họ còn chịu khó cắt, nhuộm những tấm vải nhỏ khác để quàng vào người những khi muốn tắm giữa trời mưa.

Koṇḍañña nói với các bạn đồng tu:

- Chúng ta như được thoát xác, trở thành những con người mới. Đạo lớn đã thấy rồi, việc cần làm đã làm xong rồi. Giáo pháp của đức Thế Tôn như một mặt trời, chiếu rọi vào mấy ngàn năm u tối của các giáo phái truyền thống. Mai này, một số kẻ trí trên thế gian sẽ tìm đến tu học, đấy là sự thật không cần phải tiên tri. Vậy thì những y cũ, bát cũ đã xả ra, chúng ta phải giặt giũ, xông khói, nhuộm lại để dành cho bạn hữu đến sau!

Thế là họ tất bật công việc khi đang còn một số ngày nắng ráo.

Đức Phật dường như để dành hết thì giờ cho việc ngồi thiền và kinh hành. Tuy nhiên, ít ai biết rằng, ngài thường trở lại cận định, sử dụng tầm và tứ, hướng tâm, sắp đặt lại nền tảng của giáo pháp, chia làm ba thời kỳ: Sơ thiện, trung thiện và hậu thiện. Sơ thiện là căn cơ ban đầu dành cho tất thảy những người đang tu tập, không kể người hay trời. Trung thiện để dành cho những căn cơ đã thấy pháp, đã Nhập lưu. Và hậu thiện dành cho những vị thánh đã đắc quả A-la-hán. Đức Phật đã dùng tuệ phương tiện để thiết lập một số bài giáo pháp thích hợp với ba giai đoạn ấy. Đối với sơ thiện thì nói về bố thí, trì giới, phước báu các cảnh trời; nuôi dưỡng đức tin và các bổn phận tại thế, các đức lý trần gian,

tùy thuộc các vai trò, chỗ đứng trong xã hội. Đối với trung thiện, ngoài các bài pháp nền tảng ở sơ thiện, căn cơ này còn cần phải học hỏi và tu tập về thiền định và tuệ quán để làm cho yên lặng hoặc cắt đứt thêm một số kiết sử buộc ràng. Hậu thiện là bậc vô học, không còn học cách thức để đoạn trừ phiền não nữa nhưng họ sẽ là những cánh chim trời tự do, sau này bay lượn khắp nơi để tùy duyên hóa độ chúng sanh. Vậy cái mà họ cần học, là phải thuần thục, rành rẽ cách thức đi đứng, nói năng, cách thọ dụng tứ sự, cách nói pháp, giảng đạo... Nói cách khác, hậu thiện phải thể hiện được đời sống thiểu dục, tri túc và các trí phương tiện khác. Còn có một sự thực là, không phải ai cũng giảng pháp, thuyết pháp được. Và như vậy, mỗi vị vô học sẽ giáo hóa chúng sanh bằng chính đời sống giải thoát, bằng chính giới hạnh, thiền định, đức độ, tứ vô lượng tâm hoặc bằng chính cái học pháp mà họ đã thành tựu. Tuy nhiên, các cái gọi là phương tiện trí này rất nguy hiểm. Cái gì cũng phương tiện cả, và, các giáo phái chủ, giáo phái sư thường vận dụng phương tiện để mưu cầu danh vọng và lợi dưỡng cho bản thân họ. Cứu cánh biện minh cho phương tiện, và do vậy, các phương tiện được thực hiện khó phân biệt chính tà, thiện ác. Biên giới này rất mong manh. Các đệ tử của Như Lai, sau này xuống đời, Như Lai phải thiết lập tiêu chuẩn cho ranh vực này khi vận dụng trí phương tiện độ sinh. Đó là: Các phương tiện phải lợi mình, lợi người; lợi mình là làm cho mình muội lược tham sân si, hướng đến giác ngộ, giải thoát; và lợi người cũng phải đặt mục tiêu như thế.

Đức Phật còn cần phải trải qua thời gian dài nữa, dùng trí phân tích để triển khai từng điểm một, từng chữ, từng câu một từ hai bài pháp quan trọng là Chuyển pháp luân và Vô ngã tướng. Cả năm vị đạo sĩ tân tỳ-khưu đều là dòng dõi danh gia bà-la-môn, sở văn, sở học đều vững chắc, thế mà đã phải rất nhiều ngày mới lãnh hội được giáo pháp, huống

gì đại chúng có trình độ giới hạn, thấp thỏi, đôi khi lại thiểu trí, ít học hoặc chẳng có chút sở học nào! Giai cấp sát-đế-lỵ như vua chúa, hoàng gia, quý tộc, tướng lãnh, chiến sĩ thường có học, có trình độ kiến thức dễ tiếp thu, dễ giáo hóa; nhưng chiến sĩ thì cũng như người dân bình thường mà thôi. Giai cấp bà-la-môn thì bây giờ đã sa sút, ngoại trừ các giáo chủ, giáo sĩ xuất gia, các danh gia vọng tộc, các gia đình bà-la-môn làm chủ những trang trại rộng lớn, giàu có thì con em họ được học hành chu đáo; còn đa phần giáo dân thuộc tập cấp này cũng nghèo khổ, cũng thất học. Giai cấp vệ-xá gồm thương gia, các ngành nghề trong xã hội thì bây giờ họ đã vươn lên: Làm chủ ngân khố, làm chủ tịch các nghiệp đoàn, làm chủ một ngành nghề, những đại thương gia nắm huyết mạch kinh tế xã hội. Họ đã nghiễm nhiên bước chân vào giới quý tộc để làm quan đại thần, cố vấn kinh tế cho các tổng, các trấn và cả triều đình. Một số gia đình giàu có thuộc thành phần giai cấp này đều có thuê các gia sư bà-la-môn dạy học tại tư gia nên kiến thức, sở học của con em họ cũng tương đương giới sát-đế-lỵ. Giới lao động thợ thuyền các ngành nghề khác thì đa phần nghèo đói và thất học. Giai cấp thủ-đà-la làm các công việc lao động chân tay vất vả, nặng nhọc thì hoàn toàn tối tăm. Còn giới chiên-đà-la, nô lệ, không thuộc giai cấp nào thì ở ngoài rìa xã hội, đời sống của họ được xem như chung thân khổ sai, làm những công việc dơ uế rồi còn bị xã hội coi khinh, phỉ nhổ, chà đạp còn tệ hơn súc vật. Thành phần này, mặc dầu họ thua các giai cấp trên về mọi phương diện, nhưng nếu hữu duyên, có căn cơ từ kiếp trước cũng có thể giúp một số người nào đó uống được những giọt nước trong lành của giáo pháp. Nói tóm lại, bất kể thành phần nào, nếu hữu duyên thì có thể tế độ trước, bằng vô duyên thì không thể. Vậy, cương yếu giáo pháp thì không thay đổi, nhưng tùy theo trình độ, căn cơ của chúng sanh để vận dụng giáo pháp cho thích hợp.

Bārāṇasī trước đây vốn là một giang cảng, là nơi tàu thuyền buôn bán từ phía bắc và phía tây sông Gaṅgā đổ vào; lại là nơi hợp lưu của hai con sông Varuṇā và Asī sau trở thành tên của thành phố. Kể từ thời cổ đại, Bārāṇasī đã là một thành phố kinh tế và thương mãi sầm uất, thịnh vượng. Nơi đây vốn nổi tiếng các loại gỗ tốt, vải vóc phong phú, tơ lụa tinh xảo, hàng gấm dày dệt chen những sợi chỉ vàng, vàng thật, được giới sang trọng, giàu có trong và ngoài lục địa ưa chuộng. Khi đời sống của lớp thị dân trở nên có của ăn của để thì nó kéo theo sự phát triển của tôn giáo, xuất hiện một số ngành nghề kỹ nghệ và những mặt hàng kinh doanh khác. Các giáo phái bà-la-môn chọn đất thịnh vượng này làm thủ phủ; thế là điện đài, đền miếu, am thất mọc lên như nấm. Các cơ sở kinh doanh liên hệ đến tôn giáo được dịp phát triển. Các thợ gốm, thợ đúc đồng sản xuất các loại bình lớn nhỏ để đựng nước thiêng soma dùng trong các lễ thánh tẩy, rảy nước. Việc buôn bán các loại trầm hương (chiên-đàn), hương nhu, hương hồi cùng một số nhiên liệu tương thích để đáp ứng cho việc tế thần lửa, thần sông, thần núi, thần gốc đa cùng mấy triệu vị thần khác đua nhau phát triển rất là thuận lợi, vui vẻ. Các lễ hiến tế súc vật, trái quả, hỏa thiêu bên bờ sông Gaṅgā không thể thiếu hoa; và thợ làm tràng hoa bắt đầu được xem như một nghề có thu nhập cao! Những người làm củi, chất đốt để hỏa thiêu lại có công ăn việc làm! Và ôi thôi, nào là các dịch vụ liên hệ đến các tế sư, tế đàn, hỏa táng, khách hành hương kéo theo xe ngựa, tàu thuyền đưa đón, các nhà nghỉ, nhà trọ, người hướng dẫn, ăn uống... có dịp đua nhau phục vụ! Có tiền, có bạc, có khách lữ hành làm ăn lui tới, có tiểu gia, có đại gia, tất là có tửu điếm, thanh lâu, có rượu chè bài bạc, có gái làng chơi và có hưởng thụ xa hoa, trụy lạc.

Bối cảnh hiện thực khái quát Bārāṇasī là như thế. Ở đây có một đại thương gia hào phú. Có lẽ ông là chủ của một

nghiệp đoàn buôn bán tơ lụa có mối giao thương rộng rãi với những đoàn lạc đà, theo con đường thương mãi đến tận Ai Cập, Ả Rập, Hy Lạp, các xứ Tây Vực và sang cả tận Trung Hoa. Công tử Yasa là con trai duy nhất của vị cự phú, được gia đình xem như ngọc, như ngà, được cưng chiều từ thuở ấu thơ. Biết bao nhiêu là thầy giáo bà-la-môn làm gia sư chăm lo rèn cặp cho công tử được nên người. Công tử muốn gì được nấy. Đến tuổi trưởng thành, Yasa được người cha cự phú thương yêu, kiến lập cho ba tòa cung điện thích hợp với ba mùa tương tợ thái tử Siddhattha vậy. Ngoài người vợ chính môn đăng hộ đối, giàu có, đẹp người, đẹp tính, Yasa luôn được đoanh vây quanh mình hàng chục hầu thiếp trẻ trung, sen ngó, hàng chục ca nhi mỹ nữ phục vụ giải trí, rượu trà, đàn ca hát xướng, vũ điệu nghê thường, yến tiệc linh đình...

Sống đời hưởng thụ đế vương như thế nhưng Yasa thường không được vui, chàng luôn ưu tư và sầu muộn. Hôm kia, nửa đêm thức giấc, sau cuộc truy hoan mệt mỏi, nhìn đám hầu thiếp và vũ công, ca nhi xiêm áo trễ tràng, phấn hương nhễ nhại, nằm ngủ li bì, thở ngáy, nước dãi... trông như một đống thịt ươn thật đáng ghê tởm. Sợ hãi, chán ngán và kinh tởm tột cùng, Yasa không kịp thay áo ngủ, chỉ xỏ vội chân vào đôi hài nhung thêu chỉ vàng, mở cửa trốn đi như trốn một ám ảnh xấu xa, một ngục tù hôi tanh, bẩn thỉu. Yasa bước đi như bước trong cơn mê, miệng không ngớt lảm nhảm: "Ôi! khốn nạn thay cho tôi! Bi khổ thay cho tôi! Đọa đày thay cho tôi! Ghê sợ thay cho tôi! Bẩn thỉu thay cho tôi!" Yasa cứ mải miết lảm nhảm và cứ bước đi không định hướng. Đêm ấy, trời âm u nhưng khô ráo, sao tỏ mờ mờ, bước chân vô định của Yasa dẫn chàng đến Lộc Uyển khi vừa rạng sáng.

Hạnh phúc và duyên lành thay cho Yasa, vào cuối canh ba, tâm trạng rối ren, chán chường và những bước chân lang

thang của Yasa lọt vào tầm võng lưới hướng tâm của Đức Phật; và ngài còn thấy rõ, chàng là một duyên lành không những cho bản thân mình mà còn trợ duyên cho những bước đi của giáo pháp vào buổi đầu.

Đức Phật, lúc ấy, đang ở cuối con đường kinh hành, nghe tiếng ta thán lảm nhảm của Yasa, thấy rõ tâm lý thống khổ cùng cực của Yasa, ngài dùng thần thông, khẽ đưa âm thanh của tiếng nói, xuyên thẳng vào tâm vào trí của Yasa như một luồng sáng giữa đêm sâu đen kịt, như một giọt nước trong veo và ngọt lành giữa sa mạc; lại còn như lời mẹ nói với con đầy bao dung và từ ái:

- Này Yasa! Này con! Ở nơi này không có khốn nạn, không có bi khổ, không có đọa đày, không có điều gì đáng phải ghê sợ và điều gì bẩn thỉu phải xa lánh! Này Yasa! Này con! Hãy đến đây, và hãy ngồi xuống đây, Như Lai sẽ nói chuyện với con!

Như một hồi chuông tỉnh thức, Yasa bàng hoàng như vừa rời khỏi một giấc mê dài. Ra khỏi rừng cây, xa xa thấp thoáng bóng một vị sa-môn giữa sương mù. Yasa nhè nhẹ cởi đôi hài, quăng bỏ bên vệ đường rồi đi chân đất, dè dặt lần bước tới... Đức Phật mỉm cười chỉ tay vào một tảng đá:

- Hãy ngồi xuống đây, Yasa, rồi con sẽ được nếm thưởng hương vị của sự an lành, thanh tịnh và những niềm vui vô nhiễm.

Rồi bằng giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, với trí tuệ phương tiện dịu dàng, phong phú, quảng bác và sâu nhiệm, đức Phật từ từ, từng câu, từng chữ, từng ngữ nghĩa dìu dắt tâm và trí Yasa bước vào cõi pháp xán lạn và quang vinh. Ban đầu, ngài nói về sự nguy hiểm của đời sống trác táng, chúng sẽ làm cho cơ thể bị hủy hoại, sinh lực tiêu mòn, và tâm trí, theo đó cũng trở nên đần độn, mất dần sự nhạy bén, linh hoạt. Đắm mình trong đời sống dục lạc chỉ đem đến sự nhàm chán, ghê tởm; nhưng may mắn cho ai đã thoát ra khỏi

vũng lầy dơ uế ấy. Bản chất của đời sống là dukkha, nó có hai mặt: Khổ đau và lạc thú, xấu và tốt, nước mắt và nụ cười. Nhưng chúng thường lẫn trong nhau, ở trong nhau, tan hòa trong nhau; và đôi khi là hai phạm trù đối lập. Nếu ta nỗ lực săn tìm lạc thú qua mắt tai mũi lưỡi thân ý thì ta sẽ đối diện với đau khổ trùng trùng. Có một đôi mắt xanh, trong suốt nó nhìn ngắm mọi sự mọi vật vượt xa và vượt trên khổ lạc, hai mặt của bản chất đời sống ấy. Nó thanh bình và vô nhiễm. Hãy để tâm và trí tỉnh thức để giao đối, tiếp xúc với vạn hữu thì thực tại mới mẻ, mầu nhiệm ấy hiện ra. Và rồi hãy nhìn xem: trời đất, sương mù, sông núi, cỏ cây... tất cả đều an bình và vô sự. Tất cả chúng đều trọn vẹn như chúng đang là. Chim ca, hoa nở, lá vàng, lá xanh, trăng mọc, trăng lặn... đều tuyệt bích và đại toàn. Khi tâm hồn ta u ám và buồn chán thì mọi sự mọi vật đều u ám và buồn chán. Khi tâm hồn ta trong lành và vui vẻ thì mọi sự mọi vật đều trong lành và vui vẻ. Tâm và cảnh ấy tương duyên, tương tác. Tùy thuộc cách nhìn mà thực tại như thị sẽ biến thành mặt này hay mặt kia. Đừng chìm đắm hoặc chán nản ở bên này mà cùng đừng thao thức, mơ ước phía bên kia. Bên nào cũng là sự thay đổi, biến dịch, hóa trang của dukkha cả. Là kẻ trí, là bậc thức giả thì phải đứng trên đỉnh cao ngàn tầm cây thốt nốt, bước ra khỏi sự cương tỏa bít bùng, mê hồn trận của võng lưới māyā ấy. Khi sống trong thế giới tương quan, đi bằng đôi chân đất hữu hạn của mình, bao giờ sự duyên sanh khổ, lạc vẫn là điều tất yếu. Rồi khổ đến, ta bị khổ cuốn đi; lạc đến, ta bị lạc cuốn đi. Và đấy là tử sanh, là ma vương, là sầu bi ưu não. Như Lai có một tấm bản đồ, có một con đường để thoát ra khỏi mê hồn trận ấy, ra khỏi lưới māyā ấy, ra khỏi nơi thống khổ điêu linh ấy, này con, này Yasa! Con có muốn nghe không?

Là bậc trí, nghe xong tức khắc hiểu, Yasa tin chắc là có con đường ấy, bèn quỳ xuống, vui mừng, rưng rưng, sụp lạy;

chàng ôm bàn chân bụi của đức Thế Tôn, cất lời khẩn thiết, muốn nghe con đường bất tử...

Lúc ấy, trời lắc rắc mưa, đức Phật dẫn Yasa đi về hương thất của ngài. Cả năm vị thánh tỳ-khưu hay chuyện cũng đến hầu xung quanh và để nghe pháp. Đức Phật thấy tâm hồn của Yasa đã ổn định nên ngài từ từ, ân cần từng bước một, sử dụng phương tiện thuận thứ, giảng nói về bố thí, trì giới... là lộ trình sơ tu cho những cư sĩ tại gia để ly thoát bốn cảnh giới bất hạnh...

Hôm nay có thêm một vị khách nên bốn vị thánh tăng, đúng lúc, đảnh lễ đức Phật, rời hương phòng, lên đường trì bình khất thực. Đức Phật lại giảng tiếp về thời pháp. Khi biết tâm và trí của Yasa đã sẵn sàng, đức Phật nói tóm tắt Tứ Diệu Đế, chỉ nhấn mạnh Đạo đế, con đường ly thoát mọi khổ ách.

Thế là, như hằng triệu đêm hư vô, tăm tối được vén mở, Yasa dường như thật sự được mở mắt. Một bầu trời quang rạng, tinh khôi, trong lành chợt được trải rộng ra từ sau cánh cửa vô minh. Trong đống bùn dơ uế, hôi hám và bẩn chật của cõi đời tục lụy, đang từ từ, khiêm tốn, e ấp nở ra một đóa sen vô nhiễm. Yasa đã đắc Pháp nhãn, đã có lòng tịnh tín, bất động với con đường, đã xuôi vào dòng chảy thanh bình, an lạc. Vừa tri ân, vừa xúc động, Yasa quỳ mọp ôm bàn chân của đức Phật, nghẹn ngào không nói nên lời.

Trưa đến, bốn vị thánh đi bát về, lựa chọn những vật thực ngon nhất, họ mang đến, dâng cúng cho đức Thế Tôn. Sau khi giữ lại phần mình, họ cũng trân trọng dâng cúng cho vị trưởng lão tôn kính, ngài Koṇḍañña, và một phần phải lẽ cho ông công tử giàu sang quý phái. Yasa cảm động quá, đồng thời có một niềm vui mới mẻ tràn ngập tâm hồn làm cho chàng chỉ biết trào nước mắt. Lạ lùng quá là những thức ăn này! Đây là thức ăn của các bậc thánh nhân, thức ăn có được bởi những gót chân trần vô nhiễm, bởi sự tinh lọc của

những năm tháng dài tu tập đã ưu ái chia sẻ cho, nên chàng thọ dụng rất cẩn trọng. Mấy mươi năm sống trong giàu sang nhung lụa, mọi thức ăn, thức uống cầu kỳ, quý hiếm trên rừng, dưới biển đầy đủ dưỡng chất và mỹ vị, không có gì Yasa chưa từng thọ dụng, thế nhưng, chàng đã chán ngán chúng. Còn ở đây, chỉ với những thức ăn tầm thường này mà sao nó ngon thế! Và khi nhìn đức Phật và các vị sa-môn ngồi kiết già, với bình bát trước mặt, đầu hơi cúi xuống, mấy ngón tay của bàn tay phải vo tròn thức ăn, cẩn trọng, nhịp nhàng, uyển chuyển như những ngón tay của nhạc công nắn vuốt điêu luyện trên những sợi dây đàn, chẳng có động tác nào là thiếu, thừa, chẳng có cử chỉ nào là không giác niệm, Yasa mới hiểu biết và cảm nhận được thêm rằng, giáo pháp và con người là một. Đức Phật và các vị thánh sa-môn này đã thể hiện được lý tưởng rốt ráo của Vệ-đà, là điều mà chưa vị thánh bà-la-môn nào làm được: Hòa đồng tiểu ngã vào đại ngã! Tuy nhiên, đại ngã ở đây không phải là vũ trụ nhất thể siêu hình, không phải là thượng đế hữu ngã toàn năng, không phải là năng lực huyền bí siêu linh mà nó hiện thực, cụ thể và có sự sống nhân văn hơn thế! Ở nơi các ngài: Hiểu và thấy, trí và giác, tri và hành, thân và tâm... đều được thắp sáng trong một niệm hiện tiền tỉnh thức, viên dung và nhất thể! Là một thanh niên có sở học vững chắc, Yasa chỉ nhìn ngắm, tư duy là có thể hiểu thêm, thấy thêm một tầng nữa của giáo pháp: Cái tiềm ẩn bên trong mà hiển bật ra bên ngoài!

Trong lúc ấy, tại tòa trang viện giàu sang bậc nhất ở thành phố Bārāṇasī, cha mẹ Yasa hốt hoảng khi thấy Yasa mất tích. Bà mẹ là người phát hiện đầu tiên khi lên lầu thăm con trai, bà đau khổ tột cùng, đầu bù tóc rối, hớt hải chạy tới chạy lui, nước mắt nước mũi dầm dề. Người cha hay tin cũng bàng hoàng cả người, nhưng ông đã sớm tỉnh táo, suy nghĩ rằng: Mỹ nữ, tiệc tùng, tửu sắc, ca vũ... đối với con trai

ta, từ lâu, dường như nó nhàm chán rồi. Ta thấy trong đôi mắt nó là sự mệt mỏi, lờ đờ. Ta không thấy nó có được một nụ cười thật sự vui vẻ. Nó hay thở dài. Dáng đi của nó không còn nhanh nhẹn, toát ra cái sức sống thanh xuân nữa. Và nó cũng hay nhìn ra xa đâu đó ở cuối chân trời...

Ông bảo với gia nhân, hằng chục người đang chầu chực xung quanh đợi ông sai bảo:

- Các ngươi hãy tản mác ra xa thành phố, đi tìm kiếm trong các khu rừng ở ngoại ô, chắc chắn công tử của các ngươi đang lang thang đâu đó giữa núi đồi, giữa thiên nhiên tịch lặng...

Nói xong, các gia nhân lên những con ngựa khỏe lao vụt đi; và chính ông cũng tất tả lên đường. Do linh tính mách bảo, ông leo xe hai ngựa tiến lần về phía Isipatana. Tại chỗ ngựa không còn đi được, ông đi bộ lần theo con đường mòn để đến Lộc Uyển. Khá trưa, người quản gia lanh lẹn, phi ngựa ngược chiều, trên tay cầm đôi hài nhung thêu chỉ vàng:

- Là đôi hài của công tử, thưa chủ, con đã tìm thấy trong rừng tu của các sa-môn khổ hạnh!

Người quản gia dẫn đường. Buổi trưa, khu rừng tĩnh lặng, chỉ nghe tiếng lá xào xạc, mấy chú nai hồn nhiên gặm cỏ, thỉnh thoảng rơi xuống vài tràng chim hót líu lo. Ông trưởng giả cảm nghe tâm hồn mình yên ổn trở lại. Theo con đường mòn, họ lần đến chiếc cốc lá có vẻ lớn rộng nhất, nằm giữa hai cội Assattha cổ thụ tàn lá xanh um, mát mẻ. Đức Phật đã đứng bên cửa, thân phụ Yasa cúi chào ngài, đưa đôi hài ra và thăm hỏi tin tức về con trai của mình. Đức Phật đã biết chuyện này và ngài đang có ý chờ đợi. Yasa đang ngồi bên cạnh, nhưng đức Phật đã sử dụng thần thông che giấu đi rồi nói rằng:

- Hãy bình tĩnh và hãy ngồi xuống đây, ông trưởng giả! Rồi ông sẽ tìm thấy con trai yêu quý của mình!

Xiết đổi vui mừng, ông trưởng giả cung kính chấp tay xá

chào rồi lặng lẽ ngồi xuống. Đức Phật bắt đầu vào chuyện. Ngài nói rằng, không ai là không đau khổ, không ai là không sầu muộn. Ông trưởng giả giàu sang tột đỉnh, ngồi trên đống châu ngọc, bạc vàng, của cải, tài sản nhưng dễ gì có được giây phút thanh bình, hạnh phúc, có phải thế không? Đêm ngày ông sống trong lo sợ. Lo sợ bị mất cắp, lo sợ nạn nước lửa, lo sợ kẻ phản bội, lo sợ và nghi kỵ cả kẻ ăn người ở, lo sợ thuế má và các tâm lý thất thường của vua quan, không biết họ sẽ bị vu oan, vu cáo, vu chụp và tịch thu gia sản lúc nào! Bây giờ, đứa con trai duy nhất, cưng chiều, thương yêu, cưng chiều như trứng để đầu đẳng lại làm cho ông hụt hẫng, sầu muộn... là tại vì sao, nguyên nhân bởi đâu hở ông trưởng giả?

Đức Phật, như một vầng trăng sáng, từ từ nói, và ông trưởng giả thì chăm chú lắng nghe. Thỉnh thoảng, ông lại ngước nhìn đức Phật: Ồ, vị này, không phải là người đâu, lại càng không phải những du sĩ lang thang khất thực nhan nhản trong thành phố. Từ cách phục sức y áo, râu tóc đến cung cách, cử chỉ, ngôn ngữ đều toát ra cái thanh sáng, cao đẹp và an bình một cách lạ lùng! Lại nữa, ông ta như nhìn xuyên thấu, thấy rõ cả những tâm sự, ý niềm lao xao của ta nữa! Ồ, ông ta đã nói đúng làm sao! Ta không có hạnh phúc, ấy là điều chắc thật, nhưng ngay chính cả vợ con, ta cũng không dám nói điều ấy! Ta đối diện với cô đơn và hư vô của chính mình.

Đức Phật đọc được ý nghĩ của ông trưởng giả, nên ngài từ từ khai mở. Khởi từ những dukkha hiện tại, đức Phật giảng nói đến con đường khả dĩ được thanh bình và an lạc hơn, cái gì tạo nên những trạng thái tâm lý thanh lương, nhẹ nhàng và mát mẻ. Thế là đức Phật chỉ nói sơ một chút về Khổ đế, sau đó giảng thêm những pháp thuận thứ, nhưng đã triển khai cách khác, hợp với căn cơ, trình độ và hoàn cảnh cụ thể của ông trưởng giả hơn!

Nghe xong thời pháp, nhờ có trí, ông trưởng giả đắc quả Tu-đà-hoàn, Pháp nhãn, ông sung sướng quá. Lần đầu tiên trong đời, ông cảm nghiệm sâu sắc sự biến chuyển lạ lùng của con người ông, từ cách nhìn về bản thân và cuộc đời, cho đến các quan niệm vui khổ giữa thế gian. Quả thật ông đã được chuyển hóa. Ý nghĩa về thời pháp của đức Thế Tôn như cơn mưa rào mát mẻ đã xối sạch một phần đau khổ và phiền muộn ở trong ông.

- Như Lai là người tỉnh thức, là người giác ngộ - Đức Phật chậm rãi nói - Là người mà không phải người, cũng chẳng phải thuộc nhóm những du sĩ lang thang, ta bà khắp thành phố quê hương của ông. Giáo pháp mà Như Lai giảng nói không ở trong truyền thống tôn giáo quen thuộc. Là con đường mà Như Lai đã tự tìm ra. Như Lai đã giải thoát tất thảy mọi phiền não; đã thông tỏ, thấu suốt tất thảy mọi tâm, mọi cảnh, mọi nhân, mọi quả, mọi tánh, mọi tướng, mọi duyên, mọi báo của tất thảy chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Như Lai là Phật, phải hiểu đúng như thế!

Ông trưởng giả lạnh người khi thấy đức Phật đọc được tâm ý của mình, bèn tỏ ra quy thuận:

- Bạch đức Tôn Sư! Nhờ hồng ân của ngài cùng với thời pháp vi diệu, con đã rất mát mẻ tâm hồn và đã thấy đường để đi. Ngài đã dựng lại ngay ngắn các đồ vật đã bị lật đổ. Ngài đã chỉ trỏ cho con thấy những cái gì đã bị giấu kín. Ngài đã chỉ lối đưa đường cho những người lạc bước. Ngài đã cầm ngọn đèn rọi sáng trong đêm tối để cho ai có mắt có thể trông thấy. Xin cho con được nương tựa nơi đức Thế Tôn và nương tựa nơi Giáo pháp ấy!

- Còn nữa, này ông trưởng giả - Đức Phật nói – Ông phải còn cần nương tựa nơi Tăng đoàn thánh hạnh của Như Lai nữa!

Cả năm vị thánh A-la-hán không biết từ đâu đã ngồi oai nghi, trang nghiêm, thanh tịnh xung quanh đức Phật. Sợ hãi

quá, ông quỳ xuống, sụp lạy. Đức Phật bèn hướng dẫn cho ông trưởng giả cách đọc quy y. Và ông đã trở thành vị thiện nam thứ ba[1], và là cận sự nam (upāsaka) đầu tiên quy y Tam Bảo trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Bây giờ, ông trưởng giả mới sực nhớ là ông đến đây để tìm tông tích của người con trai! Đức Phật biết điều ấy, ngài thâu lại thần thông thì công tử Yasa đang ngồi bên cạnh! Gặp lại con, ông mừng mừng tủi tủi. Mà sao lạ, tâm hồn ông đã thay đổi. Và nhìn nét mặt an lành, thanh thản của Yasa, ông chợt hiểu là con trai ông còn thay đổi sâu sắc hơn cả ông. Và chỉ có đức Phật và chư vị thánh tăng mới biết rõ là vị công tử kia đã đắc quả A-la-hán sau khi nghe thời pháp mà đức Phật giảng nói cặn kẽ cho ông trưởng giả.

- Này con! Ông trưởng giả nói - Mẹ con đang đau khổ lắm. Con hãy trở về "để cho mẹ con đời sống"!

Yasa chợt đưa mắt nhìn đức Phật, hiểu ý Yasa muốn xuất gia nên ngài đỡ lời:

- Này ông trưởng giả! Ông là người đã thấy pháp, đã quy y Tam Bảo, đã trở thành một cận sự nam, bây giờ ông hãy suy nghĩ đi! Yasa, con trai ông, bây giờ đã là một vị thánh, một bậc A-la-hán, một người đã vĩnh viễn cắt lìa mọi ô nhiễm, phiền não, sống đời giải thoát, viễn ly các dục, các hữu. Một con người như vậy thì có thể nào trở lại với đời sống đoanh vây bởi dục lạc của trần thế? Như một con chim đã sổ lồng, có khi nào nó muốn chui trở lại vào trong cái lồng! Như kẻ đã ra khỏi tù, có bao giờ muốn trở lại chốn lao tù? Như con thú đã vùng vẫy ra khỏi cái bẫy của người thợ săn lại muốn trở lại nằm trong cái bẫy? Hãy trả lời đi và Yasa sẽ vâng theo tri kiến và chủ ý của ông!

Đưa mắt lặng lẽ nhìn đức Phật, năm vị thánh tăng và

---

[1] Hai vị thương gia Miến Điện là hai cư sĩ đầu tiên quy y Nhị Bảo!

Yasa nữa, ông trưởng giả cảm nhận được cả một không gian an bình, thanh tịnh và siêu thoát; lại nữa, giáo pháp ông vừa được thọ hưởng mà dư vị của nó còn tràn đầy, thấm đẫm tâm và trí, ông hiểu rất sâu sắc rằng là Yasa đã chọn lựa đúng, bèn cúi gập đầu xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Con trai của đệ tử đã bước vào đạo lộ trong sạch rồi, không thể nào thích thú trở lại trong vũng bùn dơ uế nữa. Đệ tử đã thấy. Vậy thì ngay ngày mai, xin cung thỉnh đức Thế Tôn, có chư Tăng và Yasa theo hầu đến nhà đệ tử để cho đệ tử có dịp đặt bát cúng dường buổi ngọ trai!

Đức Phật nhận lời trong im lặng. Đám gia nhân của ông trưởng giả ngồi đứng lố nhố đầy đặc ở bên ngoài. Họ dìu ông trưởng giả, có vẻ không còn sầu muộn nữa trở về nhà, còn Yasa thì ở lại với nhóm sa-môn khổ hạnh, họ không hiểu tại sao, nhưng không dám hỏi.

Đợi mọi người đi khuất, Yasa quỳ năm vóc sát đất, dưới chân đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hãy cho con được sống trong Tăng đoàn thánh hạnh!

Ngồi lại trong tư thế kiết-già, đức Phật chứng minh rằng là Yasa đã là vị tỳ-khưu, rồi ân cần nhắc nhở rằng: Bây giờ con hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng trong sạch vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người! Quay qua Koṇḍañña, đức Phật nói:

- Phẩm mạo, tăng tướng, y bát, cách mặc y, mang bát, tứ oai nghi, cách trì bình khất thực của Yasa, bây giờ là phần việc của ông, do ông và huynh đệ sắp đặt, hướng dẫn!

Thế rồi, sáng hôm sau, sáu vị tỳ-khưu thánh tăng A-la-hán tháp tùng đức Phật, thong dong, nhàn nhã đi đến Bārāṇasī, vào trang viện gia đình của Yasa, tại trung tâm thành phố. Tướng mạo, phong cách của đức Phật cùng sáu vị thánh tăng, Yasa theo sau đều thuộc thành phần trí thức, tóc

râu sạch sẽ, y áo tươm tất, lại còn được thu thúc thanh tịnh, trang nghiêm nữa, là hình ảnh mới lạ, lần đầu tiên tại thủ phủ của tôn giáo bà-la-môn này! Người ta không ngớt xôn xao, bàn tán. Người ta tụ họp từng nhóm nhỏ, lặng lẽ nhìn, tò mò hoặc đưa tay chỉ trỏ. Có lẽ là họ phát hiện Yasa, vị công tử giàu sang, con nhà cự phú nổi tiếng ăn chơi cũng ở trong đoàn sa-môn!

Những tấm thảm nhung đỏ được trải từ ngoài cửa, có nước rửa chân. Gia nhân đứng hầu ăn mặc đồng phục màu mè như lễ hội. Vào nhà, chỗ ngồi đâu đó được thu xếp chu đáo, cẩn trọng, sang trọng. Cha mẹ của Yasa và bà vợ chính của Yasa đích thân quỳ lạy, nghênh tiếp, sắp đặt, hầu soạn lễ phẩm, thực phẩm. Thỉnh thoảng, họ lại ngừng tay, chăm chú nhìn Yasa với tình cảm buồn vui xen trộn phức tạp.

Nước rửa tay đựng trong những chiếc bình bằng vàng. Khăn lau tay là gấm lụa thượng hạng tẩm hương chiên-đàn. Thực phẩm cứng mềm thượng vị công phu và cầu kỳ. Họ dâng vào bát cho đức Phật và chư vị tỳ-khưu. Các ngài thọ dụng trong lặng lẽ.

Quán cơ duyên, thời pháp sau đó của đức Phật cũng đưa hai vị phu nhân vào quả vị Nhập lưu, tịnh tín bất động tâm nên việc xuất gia của công tử Yasa lại trở thành hỷ sự trong gia đình. Và hai bà cũng xin được quy y Tam Bảo, trở thành hai cận sự nữ (upāsikā) đầu tiên trong giáo hội của đức Phật.

Ít hôm sau, sự kiện Yasa xuất gia, đi theo đoàn sa-môn một tôn giáo lạ, có một vị Phật vừa mới ra đời, xuất thân là một thái tử tạo nên một chấn động lớn làm cho cả thành phố Bārāṇasī xôn xao, dư luận bàn tán sâu rộng nhất là trong thành phần trí thức. Một thanh niên có một gia sản cự phú, sống trong giàu sang nhung lụa, có cả ba tòa biệt điện, kẻ hầu người hạ, hưởng thọ dục lạc như một vị tiểu vương thế mà phất tay bỏ đi sống đời không cửa, không nhà! Giáo lý ấy chắc hẳn có một sức thu hút mãnh liệt? Giáo lý ấy chắc

hẳn có một tư tưởng phi thường? Giáo lý ấy ở trong truyền thống hay ở ngoài truyền thống? Những nghi vấn ấy tạo nên sự tò mò, cuốn hút bốn vị công tử các gia đình thương gia danh giá, giàu sang khác: Đó là Vimāla, Subāhu, Puṇṇāji và Gavampati là bạn thân của Yasa tìm đến Lộc Uyển để hỏi đạo. Rồi sau thời pháp vi diệu, cả bốn công tử đều đắc quả A-la-hán, thọ giới tỳ-khưu, theo chân đoàn sa-môn khất sĩ không trở về thăm gia đình nữa! Chưa hết, năm mươi thân hữu khác của năm vị đều là thành phần ưu tú, trí thức ở rải rác trong thành phố và các vùng phụ cận, nghe tin lạ lùng, kẻ sau, người trước tìm đến, rồi họ cũng đắc quả A-la-hán, trở thành tỳ-khưu chẳng màng đời sống ngũ dục, gia đình và sự nghiệp thế gian!

Những Bài Pháp Quan Trọng
Tại Lộc Uyển
Dành Cho Thành Phần Ưu Tú

Có lẽ duyên ở Bārāṇasī vậy là vừa đủ. Bây giờ còn là mùa mưa, nước sông Gaṅgā dâng cao, tràn bờ, việc đi khất thực bắt đầu khó khăn, lều xá tạm cư cần phải làm thêm cho đủ chỗ sáu mươi người, đức Phật bàn tính với năm vị trưởng lão để sắp xếp, cắt đặt công việc ăn ở. Tuy nhiên, chỉ ít hôm sau là mọi công việc lại trở nên dễ dàng. Các gia đình thương gia, thân quyến và gia nhân của các vị công tử tìm đến. Sau khi thấy không thuyết phục được con em của mình, chủ của mình, mà ngược lại, họ bị thuyết phục nên đã tự động cho người mua vật liệu, ra tay làm cốc liêu chỗ này, chỗ kia cho các ngài! Rồi vấn đề thiếu y, thiếu bát và những vật dụng cần thiết, các gia đình dâng cúng đầy đủ cả.

Thời gian ở đây, những lúc trời tạnh ráo, đức Phật cho Koṇḍañña triệu tập Tăng chúng để giảng những thời pháp quan trọng. Mặc dầu các vị, hội chúng độc thân trí thức và quý phái, thành phần tinh ba của xã hội đã là bậc A-la-hán cả; nhưng những chi tiết pháp và luật áp dụng vào đời sống thì họ còn cần phải học hỏi nhiều.

Đức Phật giảng một bài pháp liên hệ đến việc hướng tâm đúng, tức là như lý tác ý (yoniso-manasikāra) ở trong mọi thời, ở trong mọi lúc. Hướng tâm giống như bánh lái của

một con thuyền, bánh lái hướng về phương nào thì con thuyền sẽ đi theo hướng ấy. Cũng vậy, hướng tâm sai lệch, phi như lý tác ý (ayonisa-manasikāra) thì toàn bộ thân tâm sẽ sai lệch, mọi cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức đều phải bị lệch lạc. Như Lai cũng nhờ vào sự hướng tâm đúng đắn, chân thực này, là yếu tố quyết định để đắc quả Chánh Đẳng Giác. Sau này, lúc du hành giữa cõi ta-bà, lúc thuyết pháp độ sinh, các thầy tỳ-khưu phải thường tỉnh thức, giác niệm điều ấy và cũng thường chỉ giáo cho mọi người như thế.

Bài pháp thứ hai, đức Phật tuyên bố, hiện nay, ngài và hội chúng tỳ-khưu ở đây đều đã thoát khỏi mọi kiết sử buộc ràng ở cõi người cũng như cõi trời; đã không còn dính mắc bất kỳ một lưới võng nào của dục hữu, dục tham, dục ái dù thô tháo hay tế vi. Cuối thời pháp, có một số câu hỏi liên hệ về nhân và quả, tâm và cảnh của các cõi, đức Phật đã cặn kẽ mở rộng nhãn quan và kiến văn cho chư đệ tử bằng cách sử dụng thần thông cho họ thấy ngay trước mắt các cảnh giới từ Địa ngục cho đến Tha hóa tự tại thiên cùng nhân quả nghiệp báo của chúng. Riêng các cảnh giới thuộc thiền định, sắc và vô sắc, đức Phật dạy nên tu thiền định, năm vị trưởng lão sẽ hướng dẫn cho họ, sẽ tức khắc thấy ngay các cảnh giới ấy trong tâm của mình.

Bài pháp thứ ba, đức Phật kể câu chuyện về một người thợ đóng bánh xe, làm hai bánh xe cho đức vua Pacetana thời xưa. Một bánh xe, người thợ cẩn thận, chú tâm, công phu làm trong sáu tháng ròng rã. Qua bánh xe thứ hai, do sự đốc thúc của nhà vua nên ông đã nóng nảy, vội vã chỉ làm trong sáu ngày thì xong. Khi chiếc xe được cẩn ngọc, dát vàng, rèm châu, sáo bạc lấp lánh sang trọng, do đôi ngựa thuần chủng kéo đi, chưa được nửa do-tuần, chiếc xe đã gãy ngã, sụp đổ. Khi quan sát, bánh xe thứ nhất vẫn kiên cố, vững chắc; bánh xe thứ hai có nhiều khuyết điểm ở vành,

nan, trục nên bị đứt lìa hoặc gãy vụn. Cũng vậy, này các thầy tỳ-khưu! Các thầy tuy đã đoạn lìa phiền não, nhưng những tiền khiên tật, nghiệp, thói quen xấu được huân tập lâu đời vẫn còn hiển lộ đâu đó qua thân, khẩu, ý chưa được kiểm soát một cách chặt chẽ. Những khuyết điểm, những khuyết tật này cũng cần phải chỉnh sửa trong thời gian dài mới ổn cố và toàn vẹn được. Nếu không, các thầy sẽ bị ngã nhào, không phải ngã nhào trên hành trình giải thoát mà ngã nhào ra khỏi phẩm mạo tăng tướng phạm hạnh vốn với thân khẩu ý toàn bích, không có một khiếm khuyết nào! Thế là đức Phật phải giảng nói rất kỹ về ngữ, nghiệp, mạng, ba tiết chế tâm sở cùng một số luật nghi, tế hạnh như là đời sống bất ly của một sa-môn trong giáo đoàn tỉnh thức, làm mẫu mực cho tứ chúng sau này y chỉ.

Cuối thời pháp thứ ba, có những câu hỏi liên hệ đến truyền thống tôn giáo cũ, hiện đang đóng đô và phát triển rầm rộ ở thành phố Bārāṇasī, quê hương của họ.

Về lãnh vực này, Yasa và bạn hữu, những người ở trong lòng hiện tượng và vụ việc đã trình tự, thay phiên nhau phác họa bối cảnh vừa khái quát vừa chi tiết rất là rõ ràng, mạch lạc. Họ nói rằng, Bārāṇasī là lãnh địa, là linh địa của tri thức Vệ-đà và Upanishad, tư tưởng nhân quả, tái sanh, luân hồi có đề cập thông qua nhưng bị chìm mất bởi bàn tay của các vị thần linh với sự thưởng phạt bất minh, tùy tiện. Ai cầu nguyện nhiều, tế lễ trâu, bò, cừu, dê hậu hĩ thì sớm được lên hầu hạ bên chân của các thần. Ai không tin, phỉ báng thánh thần hoặc lễ lạt có vẻ coi thường thì xem chừng bị đày xuống hỏa ngục! Cả một tập đoàn bà-la-môn chuyên nghiệp nắm độc quyền thần linh ở trong tay nên tha hồ bày ra các loại tế đàn: tiểu tế, trung tế, đại tế! Chưa thôi, việc gì cũng phát sanh lễ cả. Từ việc sinh đẻ, cưới hỏi, hỏa táng, cuộc đất, hướng nhà, ốm bệnh, bán buôn, đi buôn, đi xa, lên thuyền, lên ngựa, làm nhà, lạc thành, đầu tháng, cuối tháng,

giữa tháng... tất tần tật đều có lễ, có các thầy bà-la-môn chủ trì, phán lệnh, truyền lệnh, rảy nước thiêng, đọc thần chú, bùa chú, pháp thuật... Rồi hiến tế thần nước, thần lửa và hằng trăm vị thần khác biết bao nhiêu là của cải, tài sản, đầu súc vật! Vì ai cũng muốn lên thiên đàng nên các thầy bà-la-môn bày ra việc bán mua ấy để kiếm lợi nhuận béo bở, sống vinh thân phì gia, vợ con đùm đề, hưởng thọ dục lạc mà ít đổ mồ hôi lại còn được ăn trên ngồi trước nữa! Thành phố Bārāṇasī, chưa có một nghề nào khỏe khoắn nhưng sang trọng, thịnh vượng và phát đạt bằng nghề thầy tu!

Thế rồi, đức Phật trình bày những tri kiến của đạo giải thoát: Như Lai không bao giờ muốn thành lập một tôn giáo mới. Ở trong truyền thống hoặc ở ngoài truyền thống, Như Lai đều không quan tâm. Vấn đề của Như Lai là con người, sự nhận chân như thực về con người cùng những tồn tại đau khổ của nó. Như Lai không bàn về tư tưởng, nhân tình, nhân văn, nhân bản đi liền với các nấc thang giá trị đã được con người định giá, xác lập, thiết lập có tính ước lệ từ ngàn xưa đến nay. Cái con người bằng xương bằng thịt cùng với cảm xúc, tư tưởng, tâm hồn, nhận thức ấy, tại sao lại lúc vui, lúc buồn, lúc hỷ, lúc lạc, lúc khát vọng, lúc bạo tàn... rồi đem đến đau khổ cho mình và cho người khác. Như Lai khảo sát con người ấy, thấy sầu bi khổ ưu não nơi con người ấy rồi tìm cách tốt nhất để pha chế một phương thuốc thoát khổ. Sự diệt khổ đã được tìm thấy. Giác ngộ, giải thoát đã được tìm thấy. Nay Như Lai đi khắp nơi để giảng nói về đạo lộ bất tử ấy. Chỉ đơn giản như vậy thôi. Giáo pháp của Như Lai không có một vị thần linh nào, không có tế lễ, tắm nước sông Gaṅgā để tẩy sạch tội lỗi, hay rảy nước phép, nước thánh để tiêu trừ tai ương, hoạn nạn; không có bùa thuật huyền bí, không giết hằng trăm ngàn súc vật tế thần lửa, thần Kālī hoặc tế vị thượng đẳng thần nào để xin xỏ một cái gì. Không có giáng tội, ban phúc, không có bán mua, hứa

hẹn kiếp này và kiếp kia. Lại càng không thành lập một đẳng cấp hoặc một tổ chức quyền uy linh thiêng hoặc thế tục nào cả. Chẳng tuyên truyền quảng bá cho một lý tưởng nào. Giáo pháp của Như Lai và các sa-môn của Như Lai thực hành theo trung đạo, thiểu dục và tri túc, đi xin ăn cửa mọi nhà, hoàn toàn vô sản và bần hàn, sống đời yểm ly và giải thoát tất cả những hệ lụy, phiền não của cuộc đời. Vô ngã, khiêm nhu, vắng lặng và trong sạch là đời sống của Như Lai và giáo hội của Như Lai.

Hội chúng trí thức lãnh hội rất nhanh nội dung tinh tủy của bài pháp. Tuy nhiên, có vị muốn hỏi cho rõ ràng hơn:

- Bạch đức Thế Tôn! Tắm nước sông Gaṅgā chỉ rửa sạch bụi bẩn, chứ không thể tẩy sạch các tội lỗi, các bà-la-môn thông thái cũng nói như vậy; nhưng họ còn nói rằng: Chỉ có lễ "thánh tẩy thiêng liêng" với những nghi lễ nghiêm túc, đúng đắn, kính thành mới mang đến hiệu quả rửa sạch tội lỗi do con người phạm tội gây nên!

Đức Phật bác bỏ quan niệm ấy, nói rằng, ác nghiệp và tội lỗi do chính ta tạo bằng thân, khẩu hay ý; vậy thì muốn hết tội, hết nghiệp để có được đời sống trong sạch, thì phải biết thanh tịnh hóa thân khẩu và ý! Chẳng có thần linh nào tham dự ở đấy cả!

Vị khác lại nói:

- Còn tục thờ thần lửa nữa, bạch đức Tôn Sư! Tập tục tế đàn lửa thiêng có từ kinh Vệ-đà, các bà-la-môn chuyên nghiệp tuân thủ và thực hành rất bài bản. Họ nói rằng, lễ nghi thờ cúng càng nhiều đầu và máu súc vật thì thần Agni mới mang phước quả ấy lên thiên giới để chứng minh cho lòng thành của gia chủ. Một số khác, nhất là quần chúng giáo đồ ngu muội lại tin tưởng ngây ngô rằng, lửa thiêng sẽ đốt cháy hết tội lỗi đối với ai thành kính thờ thần lửa; còn những lễ hỏa thiêu bên bờ sông linh thánh, có chủ tế, có tế vật, có cầu nguyện thì linh hồn người chết mới được siêu

sanh! Nay nhờ đức Thế Tôn vén mở, chúng đệ tử mới hiểu đấy là trò ma mị của tập cấp tu sĩ chủ tế bà-la-môn buôn thần bán thánh!

Một vị khác nữa:

- Bạch đức Thế Tôn! Tắm rửa tội ở sông Gaṅgā, chúng ta chỉ thương xót cho đám dân cuồng tín dại khờ, dẫu sao họ cũng chưa làm hại ai! Thờ thần lửa cũng vậy, ít ra là họ cũng biết sợ hãi tội lỗi mà ngăn ngừa được một số việc ác. Cả hai hình thức tín ngưỡng trên có thể châm chước. Nhưng một đôi nơi tế người sống, và nơi nào cũng giết hại hàng ngàn, hằng vạn súc vật thì quả là tổn thương đến lòng trắc ẩn và lẽ công bằng của sự sống!

Đức Phật nhè nhẹ gật đầu:

- Các thầy đã hiểu đúng giáo pháp của Như Lai! Không ai có thể mua chuộc hoặc hối lộ vị thần linh nào để tẩy rửa ác nghiệp của mình; cũng không thể dùng sanh mạng của sinh linh vô tội để hiến tế cho mục đích tín ngưỡng mù quáng của mình. Động vật, súc vật các loại, bò bay máy cựa đều là chúng sanh, do nghiệp, do hậu quả của ác nghiệp mà noãn thai thấp hóa vào thân xác chúng sinh hạ đẳng. Mai này, trả xong nghiệp quả, chúng cũng có thể trở lại thân người hoặc tái sanh vào các cảnh giới khác. Giáo pháp của Như Lai xem sự sống là bình đẳng, phải có lòng thương yêu, bi mẫn đối với tất cả chúng sanh, không phân biệt.

Đức Phật kết luận:

- Tất cả cái gọi hình thức, lễ nghi, cầu khấn, tế tự cùng mọi cấm giới theo tập tục, phong tục, tập quán của truyền thống, của xã hội, của tín ngưỡng tôn giáo... chỉ có tính cách ràng buộc nhau trong những trật tự ngây ngô và niềm tin quy ước cuồng tín, thường tạo thêm gánh nặng và đau khổ cho nhau trong vô minh, kéo dài luân hồi sinh tử không bao giờ đưa đến giác ngộ, giải thoát. Đối với Như Lai, đấy là kiết sử, là giới cấm thủ, ngăn bít sự thăng hoa tinh thần, tiến bộ tâm

linh. Một bậc thánh Tu-đà-hoàn, một vị Nhập lưu cũng đã cắt đứt được ba sợi dây trói buộc, đó là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ, các thầy biết rõ như vậy chứ?

Không có gì minh nhiên, minh triết hơn thế nữa. Ngoài tâm giải thoát, tuệ giải thoát, đức Phật còn tuần tự khai mở nhãn quan và kiến văn phong phú, đa diện cho chư vị thánh tăng dần dần biết vận dụng phương tiện trí trên con đường hoằng pháp lợi sinh.

Giáo pháp được giảng nói kỹ càng như thế mà đức Phật vẫn chưa yên tâm, ngài còn cắt đặt thành từng nhóm nhỏ, bảo Koṇḍañña phân công cho Bhaddiya, Mahānāma, Vappa và Assajī hướng dẫn cặn kẽ để cho định của họ càng thâm sâu và tuệ càng sắc bén thêm nữa. Trong lúc đó, đức Phật lại còn bận rộn vì những phái đoàn học chúng cư sĩ: Họ đến vì đủ mọi lý do, nhưng phần đông, sau khi nghe pháp, đã trở thành hai hàng cận sự nam nữ.

Hãy Ra Đi Như Những Cánh Chim Trời Tự Do

Những lều tre, mái lá lau sậy cũng chống đỡ nổi qua suốt mùa mưa khắc nghiệt. Cuối tháng chín, mực nước các sông hồ đã rút xuống, các lối đi đây đó đã tạm thời khô ráo. Nhờ thời tiết chuyển mùa mà không gian trở nên xanh sạch đẹp, trong lành và mát mẻ. Hội chúng trí thức của đức Phật nhờ thấm nhuần giáo pháp, tẩm mát, sung mãn niềm vui siêu thế nên tâm hồn phơi phới, thanh thoát, đôi vị thốt lên những cảm hứng ngữ xuất thần, những câu kệ thơ thanh bình, vi diệu.

Biết đã đến thời củng cố thêm phương tiện trí trên con đường hoằng pháp nhiêu khê mai hậu; đức Phật lại cho tụ họp hội chúng, thuyết thêm hai thời pháp quan trọng nữa, nội dung nhắm đến bổn phận và trách nhiệm của mỗi thành viên. Nhờ đều là thành phần ưu tú, thông minh cả nên họ nắm bắt rất nhanh. Đoạn tóm tắt, đức Phật cất giọng hùng hồn, mạnh mẽ như tiếng sấm gióng giữa trời mưa:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Như Lai và các thầy đã thoát khỏi tất thảy mọi trói buộc, dầu ở cảnh người, cảnh trời dục, sắc hay vô sắc. Bây giờ, tất cả chúng ta hãy ra đi như những cánh chim trời tự do!

Hãy ra đi! Hãy bay qua sông dài biển rộng! Hãy lên đường vì lợi ích vì sự an lạc cho phần đông! Vì lòng từ bi,

hãy mang lại sự tốt đẹp, sự lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi mỗi ngã, đừng đi chung một đường! Hãy tùy duyên mà hoằng dương, truyền bá chánh pháp! Hãy tùy căn cơ mà thuyết giáo độ sinh. Giáo pháp của Như Lai các thầy đã uống được giọt nước đầu nguồn rồi. Giáo pháp ấy toàn hảo ở đoạn đầu (sơ thiện), toàn hảo ở đoạn giữa (trung thiện), toàn hảo ở đoạn cuối (hậu thiện) và toàn hảo cả ý nghĩa và văn cú nữa. Hãy công bố đời sống phạm hạnh thiêng liêng vừa toàn thiện vừa trong sạch. Có những chúng sanh còn vướng ít bụi cát trong mắt, nếu không nghe được giáo pháp sẽ bị đọa lạc một cách đáng thương xót; nhưng nếu họ nghe được, họ sẽ thấu hiểu, thấy rõ và sẽ được giải thoát.

Nầy các thầy tỳ-khưu! Khi các thầy ra đi mỗi người mỗi phương thì Như Lai cũng ra đi. Như Lai sẽ đi về hướng Uruvelā, đến làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, lại có duyên hóa độ cho nhiều người, sau đó sẽ đến Māgadha, thủ đô Rājagaha thăm đức vua Bimbisāra như lời hứa thuở trước.

Hãy ra đi! Nầy các thầy tỳ-khưu! Hãy phất lên ngọn cờ của bậc thiện trí! Hãy truyền dạy giáo pháp nhiệm mầu và bất tử! Hãy mang lại sự tốt đẹp và mùa xuân an lành cho nhân thế. Làm được như vậy là các thầy đã hoàn tất bổn phận và nhiệm vụ của những Như Lai sứ giả trên cõi đời nhiều khổ ít vui nầy!

Như vậy là đức Phật đã gởi đi bốn phương sáu mươi vị thánh tăng A-la-hán, như là những sứ giả đầu tiên với tâm với tuệ giải thoát toàn bích nhất, không chừa lại bên mình một ai cả. Hội chúng bây giờ mới thấy rõ thêm là từ rày họ phải tự lực, đơn thân độc mã trên lộ trình vô định. Họ phải chiêm nghiệm đời sống thánh thiện của những sa-môn khất sĩ, đầu chần chân đất, không hành lý, tư lương, tứ cố vô thân, hoàn toàn chỉ biết nương tự nơi chính mình.

Trưởng lão Koṇḍañña chợt nêu một câu hỏi rất xác đáng:

- Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp trong sáng, lành mạnh và thiết thực nầy sẽ chuyển hóa và biến cải rất nhiều người thuộc nhiều giai cấp khác nhau. Vậy khi hóa độ được họ, đức Thế Tôn thì ở xa, chúng đệ tử phải làm như thế nào để cho hai hàng cận sự nam nữ quy y? Lại có trường hợp thọ giới xuất gia sa-di, xuất gia tỳ-khưu thì chúng đệ tử phải làm sao?

Đức Phật mỉm cười:

- Khi khuyên các thầy ra đi khắp bốn phương trời để hoằng hóa là Như Lai đã âm thầm để cho mỗi người được toàn quyền quyết định về điều ấy. Như Lai được tự do mà các thầy cũng được tự do kia mà!

Koṇḍañña cúi đầu lĩnh ý rồi thưa bạch:

- Đệ tử hiểu! Nhưng ở đây sẽ có nghi thức nào để phân biệt cách thọ trì của hai hàng cư sĩ áo trắng, tiểu giới xuất gia sa-di (pabbajā) và đại giới xuất gia tỳ-khưu (upasampadā)?

- Chẳng cần thiết đưa ra các nghi thức khác nhau, nhất là vào lúc này! Chỉ cần họ có tịnh tín (hoặc có thêm giới, thí) đối với hai hàng cận sự, vào buổi đầu. Chỉ cần có tịnh tín (hoặc có thêm giới, trí) đối với hàng xuất gia, vào buổi đầu. Phải quán căn duyên của họ mà tùy nghi, này Koṇḍañña!

- Vậy thì chúng đệ tử sẽ thực hiện như thế này: Đối với cư sĩ, đối với ai có lòng tin trong sạch vào giáo pháp này, chúng đệ tử sẽ cho họ chấp tay và quỳ bên chân vị tỳ-khưu truyền giới, đọc ba lần: Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi! Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi! Sanghaṃ saranaṃ gacchāmi!

Đức Phật gật đầu. Koṇḍañña thưa tiếp:

- Đối với lễ xuất gia sa-di, tỳ-khưu, chúng đệ tử sẽ cho họ cạo sạch râu tóc, mang bát (đất nung hoặc gỗ), đắp y nội và ngoại màu vàng hoại sắc, chừa vai trái, đảnh lễ, chấp tay

cung kính trước vị tỳ-khưu truyền giới rồi cũng đọc ba lần Tam quy như trên!

Đức Phật lại gật. Koṇḍañña có vẻ suy nghĩ một lát:

- Khắp nơi, đâu cũng là đất, là lãnh cư của sáu phái bà-la-môn truyền thống; và nghe đâu, bây giờ cũng thịnh hành sáu phái khác ở ngoài truyền thống nữa. Sẽ có những cuộc chống đối, nhục mạ, thách thức hay tranh luận xẩy ra trên lộ trình hành hóa gian nan. Chúng đệ tử học vấn ít ỏi, kiến văn hẹp hòi, lại chưa trang bị môn học lý luận, nếu gặp những tay biện sĩ lang thang, những luận sư học vấn sâu rộng, miệng lưỡi khéo giỏi, xảo ngôn thì chúng đệ tử phải làm sao để đối phó?

Điều quan tâm của Koṇḍañña rất là thiết thực. Đức Phật chợt một hai sát-na vào đại định, một hai sát-na sau, xuất định, trở lại cận định, phóng hào quang sáu màu từng đôi một phủ quanh người, quanh cội cây Assattha rồi tỏa rộng ra không gian. Cả sáu mươi vị A-la-hán cũng ngồi yên lặng như đại định, chiêm ngưỡng vẻ đẹp tướng dụng của một bậc Chánh Đẳng Giác. Một lát, thâu lại hào quang, đức Phật nhìn khắp chúng đệ tử một vòng, rồi cất giọng điềm đạm, nghiêm từ dạy bảo:

- Người và pháp là Một. Các thầy ai cũng có hào quang tỏa ra bên ngoài cả. Ấy là sự thực chứng bên trong, tỏ lộ ra ngoài bằng ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh, bằng oai nghi, luật giới, bằng thiểu dục, tri túc, bằng vô sản bần hàn, bằng không dính mắc bất kỳ ô nhiễm nào từ ngoại giới cũng như nội tâm. Vậy đối với những ai phỉ báng, nhục mạ, các thầy đã có áo giáp nhẫn nhục và từ bi! Đối với ai muốn tranh luận thì hãy nói với họ rằng: Thế gian tranh luận với Như Lai, với đệ tử Như Lai; Như Lai và đệ tử của Như Lai không tranh luận với thế gian. Và nếu họ cứ muốn miệng lưỡi đấu khẩu thì nói với họ rằng: Giáo pháp của Như Lai là để học hỏi, tu tập, thực hành; là để dành cho tuệ giác, trực giác tâm linh

chứng nghiệm ở bên trong, chứ không phải là ở bên ngoài kiến thức, miệng lưỡi, trí thức, lý trí và luận thức đa biện! Nếu những khi cần nói, các thầy cứ nói, không ngại ngùng gì cả! Vì sao vậy? Vì chúng ta có thể biết tất cả hoặc biết một, hai phần giáo pháp, tư tưởng của họ; nhưng giáo pháp, tư tưởng, đạo lộ tu tập của Như Lai hiện có trong tâm và tuệ của các thầy thì họ không biết gì cả!

Hội chúng thánh tăng thế là đã thông suốt. Họ đã biết phải làm gì, đã biết phải đối phó ra sao trên bước đường đời đầy chông gai và bụi bặm.

Đức Phật chợt phóng một hào quang sáng trắng từ đỉnh trán, nói một câu cuối để tiễn đưa chúng đệ tử lên đường:

- Các thầy phải ghi nhớ ý tưởng cẩm nang này mà xử sự: "Hãy im lặng như Chánh pháp! Hãy nói năng như Chánh pháp".

Đấy là vào năm năm trăm tám mươi bảy trước Kỷ nguyên, nhằm ngày mười sáu tháng mười Âm lịch, đức Phật đã an cư mùa mưa đầu tiên, sau đó ngài cùng với sáu mươi vị thánh tăng tuần tự trước sau rời Lộc Uyển, tụ lạc Isipatana rồi tản mác khắp bốn phương trời vì sứ mạng thiêng liêng, cao cả. Có ai biết rằng, những dấu chân đầu tiên này, là những dấu chân vĩ đại nhất trong lịch sử tôn giáo, tư tưởng, lịch sử văn hóa và văn minh của nhân loại.

Hóa Độ
Nhóm Vương Tử Ham Chơi

Đứng trước chiếc cốc lá xinh xắn do các vị tỳ-khưu dày công dựng lợp, đức Phật đưa mắt nhìn quanh. Suốt bốn tháng an cư mùa mưa ở đây, với rừng cây này, với những chú nai này, con đường kinh hành này đã trở nên thân thuộc. Sa-môn sống đời không cửa, không nhà, nếu ở lâu dưới một gốc cây quá ba đêm cũng có thể phát sanh quyến luyến ngoại trừ các vị đã chấm dứt lậu hoặc. Giới luật mai hậu cho tăng chúng chắc phải chế định học giới này!

Lộc Uyển đã vắng lặng, chỉ còn một số ít vị rời chân muộn. Đức Phật nhắm hướng đông nam cất bước. Ra khỏi khu rừng, không gian thoáng đãng, ánh nắng trong lành, gió mát rung rinh đầu cây ngọn cỏ. Con đường đất đỏ dài xa hút tầm mắt đã khô ráo, tấp nập bộ hành, xe ngựa lui tới. Sau mùa mưa, nước sông hồ còn đầy, rừng núi tươi xanh và ruộng đồng mạ non phới phới. Đây là khoảng thời gian dễ chịu nhất trong năm, một hai tháng tới tiết trời còn ấm áp, rất thuận lợi cho chư vị sa môn ta-bà đây đó.

Xế trưa, đức Phật bước qua chiếc cầu ván chông chênh, nhắm hướng một xóm nhà nằm khuất sau lùm tre để trì bình khất thực. Đã lâu quá, đức Phật mới đi xin ăn vì tại Lộc Uyển, các vị tỳ-khưu thay nhau dâng cúng. Điều này cũng hợp pháp và luật vì ngài quá bận rộn giảng pháp, dạy pháp

cho chúng đệ tử. Xóm cư dân ở nơi đây cũng thuần thành; và có lẽ họ đã nghe danh các vị sa-môn ở Vườn Nai nên họ đặt bát rất hậu hĩ và rất kính thành. Ngoài ra, chính đức Phật đôi khi không biết: Dong mạo của ngài đẹp quá, khí sắc của ngài tươi rạng quá; ai cúng dường đến ngài cũng cảm thấy niềm hoan hỷ lâng lâng có đến nửa ngày!

Cũng lâu quá mới được ở một mình, đức Phật bỏ đường lớn, đi vào con đường nhỏ dẫn đến khu rừng Kappāsīya bây giờ là cả một rừng hoa: Từng chùm, từng chùm hoa Kadamba màu cam nghệ rực rỡ như ửng lên nền trời. Vào bên trong, khu rừng rất thoáng đãng, xác hoa như dệt thảm; và kìa, mấy con suối trong vắt giao nhau như mấy con rắn lượn từ thác nước trắng xóa trườn qua những tảng đá xanh đen ngoạn mục. Đức Phật ngồi nghỉ một lát, hít thở khí trời trong lành, thơm hương rồi thanh thản độ thực. Trong ngoài đều vắng lặng, thanh bình.

Rửa bát, úp bát vào trên một tảng đá cạnh suối, đức Phật đi kinh hành một lát rồi ngồi thiền định nghỉ ngơi. Chợt một bầy chim cất cánh rần rật rồi một toán người ồn ả bên kia cánh rừng đi sang. Họ đều là thanh niên trẻ trung, phục sức sang trọng, quý phái cả nam lẫn nữ, có cả một số trẻ em, bọn gia nhân hầu hạ, mang theo lều trại, các loại nhạc cụ cùng thức ăn vật uống.

Thấy một sa-môn tĩnh tại ngồi dưới gốc cây, một thanh niên tách đoàn bước tới, lễ độ chấp tay hỏi:

- Thưa ngài sa-môn! Ngài có thấy một cô gái, một kỹ nữ, đi ngang qua đây không?

Đức Phật ngồi đây là ngài cố ý chờ đợi nhân duyên này. Họ là ba mươi vị vương tử, là hoàng thân là con của các bà thứ phi của đức vua Mahākosala, đều là hoàng đệ của đức vua Pāsenadi nước Kosala, thủ đô là Sāvatthi. Đức vua Pāsenadi xuất thân xuất sắc tại đại học Takkasilā, có tài, có đức; sau khi lên ngôi đã đối xử với các hoàng đệ rất tốt, ai

cũng có lãnh địa, tài sản, chức vị tại triều đình hay các tổng trấn. Ông vua anh của họ không có chỗ nào để chê! Cả đức và tài của ông ta trùm lấp tất cả nên sinh ra độc đoán, chuyên quyền. Các vị hoàng thân cảm thấy sở tài, sở học của mình không biết dùng vào đâu nên sinh ra buồn chán. Thỉnh thoảng, họ lại gặp nhau, ngoạn du sông núi, rong chơi đây đó, tìm vui nơi khách điếm, lữ đình, tửu quán, lời ca tiếng nhạc để giải khuây. Thế là những cỗ xe sang trọng rời Sāvatthi, theo con đường bộ hành thương mãi ghé thăm những nơi nổi tiếng. Lần này, đã cùng với vợ con chơi chán ở Bārāṇasī, thành phố ăn chơi xa xỉ, họ ghé thăm khu rừng này. Trong bọn, có một vị hoàng thân còn trẻ, chưa có vợ nên dẫn theo một cô kỹ nữ. Trưa nay, lúc mọi người đang nghỉ ngơi đây đó giữa rừng hoa, cô kỹ nữ cuỗm tất cả vàng bạc, tư trang rồi trốn đi mất... Họ chia nhau đi tìm, đến ngang đây thì gặp đức Phật.

Quán nhân duyên những vị vương tử này có trình độ học thức, ít bụi cát trong mắt, có thể thấu hiểu giáo pháp nhanh chóng; lại nữa, họ là những nhân tố, những hạt giống quan trọng để sau này dễ dàng đến hoằng pháp tại đế quốc này, cảm hóa đức vua Pāsenadi, triều đình và nhân dân của ông ta. Giáo pháp nếu muốn vững mạnh để phát triển thì cần những ông vua có quyền lực ủng hộ, tốt nhất là trở thành một cận sự nam!

Vì nhân là vậy, duyên là vậy, nên khi vị hoàng thân hỏi tìm tông tích người kỹ nữ, đức Phật bèn sử dụng tâm từ bao phủ tất thảy mọi người rồi chậm rãi, ung dung, mỉm cười nói:

- Này hỡi chư vị vương tử lá ngọc cành vàng! Chư vị nghĩ thế nào? Hãy trả lời cho Như Lai xem nào? Đi tìm một cô con gái có tâm địa xấu xa là tốt hơn, hay đi tìm chính mình, tìm cho ra con người thực của mình tốt hơn?

Nhìn tướng mạo như rồng, như phượng của vị sa-môn

trẻ, ngài mới ba mươi sáu tuổi, nụ cười tỏa sáng, thế ngồi tự tại, phong cách điềm đạm, ngôn lời có cánh có lửa; lại dường như còn bị thu hút bởi một từ lực mát mẻ nữa nên họ từ từ, lặng lẽ, bất giác đưa mắt nhìn nhau rồi ngồi xuống ở xung quanh, cũng rất lặng lẽ! Cả đời, họ chưa nghe ở đâu, học hỏi ở đâu một câu nói lạ lùng như thế: Đi tìm con người thực của mình!

Một vị hoàng thân có vẻ niên trưởng, có kiến thức sâu rộng, từ tốn thưa rằng:

- Triết học Vệ-đà và cả Upanishad đều xem thế giới này là māyā, là huyễn hóa, chẳng có cái gì là thực cả! Vậy thì xin dám thưa ngài đại sa-môn! Có thể tìm ra cái thực, cái con người thực của mình được chăng?

Đức Phật từ ái đưa mắt một vòng, biết với câu hỏi như vậy, mọi người theo dõi yên lặng và chăm chú như vậy thì hội chúng này đã sẵn sàng, sẵn sàng có tai để nghe, sẵn sàng có trí để thấu hiểu, ngài bèn thả thêm một câu hỏi nữa:

- Quả thật là chư vị có biết chắc, có nắm rõ về tư tưởng māyā ấy, cái huyễn hóa, không thực ấy? Hãy giảng giải cho Như Lai được mở rộng kiến văn xem nào?

Cái cách nhìn, cách nói, cách hỏi của đức Phật tuy rất khiêm tốn, nhưng biểu lộ sự chững chạc, toát ra phong cách của một bậc thầy uyên bác, già dặn trên học trường lý luận như đang đối thoại với học trò của mình! Hội chúng này đều trí thức và đa văn nên họ hiểu, họ mỉm cười nhẹ. Một vị hoàng thân chợt cởi chiếc hoàng bào lót chỗ ngồi, cất giọng sang sảng:

- Biết rõ chứ, biết chắc chứ, thưa ngài sa-môn! Ở đây, chúng tôi hơn một nửa đều xuất thân từ đại học Takkasilā, dẫu bộ môn chuyên ngành là trị quốc, an dân nhưng cũng trang bị chu đáo tất thảy mọi triết học cổ đại và đương thời; và māyā là tư tưởng xuyên suốt, là sợi chỉ đỏ nối liền mọi giáo phái truyền thống; nó cũng là nhận thức luận của mọi tư

biện chính quy nhất!

Vị khác tiếp lời:

- Xin cho tôi được bổ túc có tính kinh viện thêm một chút. Māyā là thực tại toàn bộ nhưng nó không phải nhất nguyên, không phải nhị nguyên. Mặc dầu cái trò biến ảo của nó phân làm hai mặt, nửa thực nửa hư, nửa có nửa không, nhưng không xác lập được cái gì là thực, cái gì là hư, cái gì là có, cái gì là không! Và, Upanishad, tập đại thành của những tư tưởng đi sau đã từ cái māyā quái gở này mà lập ra triết học bất nhị!

Đức Phật lắng nghe, rất chăm chú lắng nghe. Đến ngang đây, ngài lại hỏi nữa:

- Chư vị đã có được một nền tảng giáo dục vững chắc, sở học vững chắc, trình bày và lập ngôn đều rất chính xác và rõ ràng. Cảm ơn chư vị, Như Lai đã lãnh hội rồi. Tuy nhiên, Như Lai còn thắc mắc. Vậy thì khi tiếp thu rất là chính thống tư tưởng māyā ấy, triết học bất nhị ấy thì chư vị sẽ sống ra sao? Nghĩa là sẽ thu xếp đời mình như thế nào? Ý Như Lai nói là nó có giúp cho đời sống của chư vị có ý nghĩa? An lành và hạnh phúc hơn?

Đức Phật nghe xào xạc đâu đó vài hơi thở dài. Cả hội chúng chợt im lặng, im lặng như đối diện với hư vô, như một đêm đông băng giá, không một tiếng thở của đất, không một nách lá, một hạt vỏ nào cựa mình... Giữa không gian thinh lặng ấy, ngài lại còn đưa thêm câu hỏi nữa, như cố ý đẩy tư duy của những chàng trai trẻ này vào chỗ bế tắc:

- Hoặc nói cách khác, sau nhận thức luận là triết lý hành động! Như Lai còn chưa hiểu một điều: Không biết Vệ-đà và Upanishad có đưa ra một con đường nào, một lộ trình tu tập nào để bước ra khỏi cái māyā ấy, cái bất nhị ấy?

- Có đấy, thưa ngài đại sa-môn! Một vị khác có vẻ ưu tư đáp – Ôi! Có quá nhiều con đường: thánh ca, tán tụng, tế lễ, cầu nguyện, thần chú, pháp thuật; rồi còn cách thức tẩy uế

tâm hồn, các giai đoạn Yoga, điều tức, điều khí; tụng đọc "aum, aum" linh thiêng, trống rỗng tâm ý để thể nhập vào đấng Ishvāra, đấng Rāma, đấng Brāhman... Nghĩa là càng học hỏi càng rối rắm, tối tăm làm cho mụ mị tâm trí đi, thôi thì tất thảy xin giao phó cho thượng đế, giao phó cho các thượng đẳng thần...

Đức Phật lại hỏi tiếp:

- Hóa ra vẫn không giải quyết được vấn đề của con người, với những tồn tại của hiện thực: Lo âu, ưu tư, khát vọng, sợ sệt, ganh ghét, thất vọng, buồn chán, sầu muộn...?

Một người đáp:

- Không giải quyết được vì đấy là chân lý, là māyā! Tất thảy thế giới này là bất toàn, rỗng không, nước mắt, niềm vui, khổ lạc, già chết! Không có một ước mơ, một lý tưởng nào có thể thực hiện và nắm bắt được ở trong tay. Vì chúng thực mà hư, chúng hiện rồi mất. Thế giới xung quanh ta cũng thế: Ruồi muỗi, sâu bọ, cỏ cây... chúng sinh rồi để mà diệt, chúng diệt rồi để mà sinh! Ảo hóa cả. Kiếp người, vạn kiếp người, cho chí quả đất, trăng sao, sông núi cũng bị bào mòn, hư sụp, rồi cũng bị chìm mất vô tăm trong sự vận hành của đại hóa. Con người có ý nghĩa gì với những ưu tư, sầu muộn, thao thức trăn trở của hắn, có ích gì? Vô nghĩa thôi!

Đức Phật nghĩ thầm: "Họ ở chỗ cao sang. Trí thức, kiến văn của họ còn hơn cả Yasa! Danh vọng, quyền uy, tập cấp, địa vị, gia sản, dục lạc... đều đứng đầu xã hội, thế nhưng họ chỉ muốn rong chơi cho qua ngày đoạn tháng do nỗi buồn tâm linh và bất lực trước thế giới māyā nghiệt ngã. Họ đã thấy rõ dukkha một cách rất sâu sắc nên ta rất dễ đưa họ bước vào dòng..."

- Nầy chư vị vương tử! Đức Phật bắt đầu thời pháp mà giống như tâm sự - Không dấu gì chư vị, Như Lai trước đây là thái tử Siddhattha, dòng tộc Sākya, thành phố Kapilavatthu, một nước nhỏ bên cạnh Kosala, là chư hầu của

quý quốc đấy! Như Lai cũng từng có ba tòa cung điện, có một đời sống vương giả như chư vị vậy. Nhưng suốt tuổi thanh xuân, Như Lai không tìm thấy niềm vui chân thực, không ngớt thao thức, ưu tư và trăn trở. Chính những tư duy màu xám của chư vị vừa rồi cũng là tư duy bi quan của Như Lai một thời! Chúng ta bị lưới māyā ấy bủa vây. Chúng ta bị thế giới māyā ấy nuốt chửng! Tuy nhiên, chính cái ngày có con trai đầu lòng, cái ngày đăng quang vương vị, Như Lai đã từ bỏ tất cả để lên đường, xuất gia làm một lang thang khất sĩ du phương tầm đạo. Như Lai không đầu hàng māyā! Thế rồi, suốt sáu năm tầm thầy học đạo, lang thang khổ hạnh, và khổ hạnh đến tận cùng, Như Lai vẫn chưa tìm ra chìa khóa để mở cánh cửa māyā. Chính khi gần chết, chính giây phút kề bên lưới hái của tử thần, tại dãy núi Gayā, Như Lai đã tỉnh thức, đã tìm ra được lộ trình Trung đạo. Rồi đêm ấy, đêm trăng tròn tháng Vesākha, cách đây chừng nửa năm, tại cội cây Assattha, bên sông Nerañjarā, gần tụ lạc Uruvelā, Như Lai đã chiến thắng nội giới cũng như ngoại giới, cởi bỏ tất cả mọi xiềng xích của māyā, lưới buộc của māyā, bước ra khỏi tử sinh: Giác ngộ và giải thoát trọn vẹn! Như Lai biết mình đã đắc quả Chánh Đẳng Giác, đã trở thành một vị Phật...

Vì muốn cảm hóa hội chúng trí thức này, nên nói đến ngang đây, đức Phật lại sử dùng thần thông, một loại hào quang sáng trắng bao phủ khắp thân mình, như ngồi trong mặt trời, mặt trăng rồi nói tiếp:

- Cái mà tư tưởng truyền thống rút ra hệ luận được gọi là māyā ấy thì Như Lai gọi là dukkha! Và Như Lai đã có một công thức sau đây: Māyā, nguyên nhân của māyā, sự chấm dứt māyā, và con đường dẫn đến sự chấm dứt māyā! Nếu chư vị vương tử muốn nghe thì Như Lai sẽ giảng nói!

Bằng cách như vậy, xảo diệu như vậy, thiện thuyết như vậy, đức Phật từ từ, chậm rãi giảng nói Tứ Diệu Đế một

cách khác làm cho ba mươi vị hoàng thân thấm đẫm hương vị của pháp mầu, hỷ lạc dâng đầy từng chân tơ kẽ tóc, len tận từng ngõ ngách của tế bào, tâm niệm. Họ đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Nhập lưu, mọi nghi nan tiêu sạch, một chân trời rộng mở, thanh sáng và cao đẹp.

Suốt buổi chiều, đức Phật lại thuyết thêm, cặn kẽ về con đường, cặn kẽ cả những chi tiết. Ngài cũng mở rộng cho họ thấy rõ các cõi cùng nhân quả nghiệp báo của chúng sanh ở đấy. Càng nghe, càng thấy, họ càng thâm tín đức Phật và giáo pháp. Vị niên trưởng đắc quả A-na-hàm, thêm hai mươi tám vị nữa đắc quả Tư-đà-hàm; riêng vị trẻ nhất cặp bồ cô kỹ nữ không tiến bộ thêm!

Khi cả ba mươi vị vương tử đồng xin xuất gia, đức Phật chấp thuận, nhưng ngài bảo là phải giải quyết cho ổn thỏa vấn đề vợ con. Họ đồng ý. Rồi suốt đêm, không biết họ đã thuyết phục như thế nào, cắt đặt công việc như thế nào, mà sáng ngày, những người hầu đã mang xe ngựa đến, đưa vợ con họ về Sāvatthi - đồng thời, họ chuẩn bị y bát đâu đó đầy đủ cả!

Với râu tóc sạch sẽ, với chiếc bát sắt đen tuyền, với màu y vàng đất, cả ba mươi vị vương tử dường như đã thoát xác, đã biến thành ba mươi vị sa-môn với phẩm mạo, tăng tướng đẹp đẽ, tươi sáng. Quỳ bên chân Phật, sau khi đọc xong ba lần Tam quy, cả ba mươi vị đồng đắc quả A-la-hán.

Ở lại khu rừng Kappāsīya thêm mấy hôm nữa, đức đức Phật lại ân cần tứ giáo các vị thánh tăng bốn bài pháp quan trọng nữa, sau đó, khuyên họ ra đi, đến miền Pāvāya, thuộc lãnh thổ Kosala để hoằng hóa lợi sanh. Ba mươi vị sa-môn này, sau được gọi là nhóm tỳ-khưu Pāvāya. Thế là giáo hội độc thân của đức Tôn Sư lại có thêm ba mươi nhân tố ưu tú nữa, thành chín mươi vị sứ giả truyền giáo lỗi lạc.

Về Thăm Lại
Cội Cây Giác Ngộ
Và Dòng Sông Linh Thiêng

Chừng mười hôm sau, đức Phật đã về đến rừng khổ hạnh. Ngài nhàn nhã nhìn ngắm cảnh vật. Cây cối sau mùa mưa nó xanh thắm, tươi đẹp lạ thường. Con đường đi qua cội cây Bodhirukkha (Assattha cũ) bị một dòng nước từ núi Gayā đổ xuống, xé rách một đoạn lớn, đức Phật đành phải đi tắt qua ngả xóm làng. Hương lộ này, ngài đã đi lại lắm lần, nhà cửa, người vật vẫn như cũ. Bò, dê vẫn lác đác đây đó giữa đồng ruộng, bên nương vườn, ven lộ và cả trong sân, sát bên cửa mọi nhà! Thanh bình, yên ổn, lam lũ và đói nghèo xen lẫn trong nhau!

Đến một điền trang to lớn, có lẽ là giàu sang nhất ở trong thôn, đức Phật dừng chân lại: Phải ghé thăm gia chủ triệu phú Senānī, bà Sujātā và cô bé Puṇṇā, những vị ân nhân với những bát sữa kỳ diệu giúp ta sống lại để thành tựu đạo giác ngộ.

Đức Phật được cả nhà ra đón tiếp nồng hậu. Ông triệu phú người đẫy đà, cao lớn, da đỏ hây hây, có nụ cười hào sảng và rộng mở, đích thân chuẩn bị chỗ ngồi và tiếp trà nước. Bà Sujātā bế chú bé trai hồng hào, bụ bẫm, ngồi nơi chiếc ghế thấp, nụ cười tươi rạng, xởi lởi:

- Chú chó nhỏ đây, thưa ngài sa-môn! Nhờ ngài mà gia

đình chúng con được hạnh phúc như nguyện. Xin ngài sa-môn ban phúc lành cho cháu!

Cô bé Puṇṇā từ nhà trong, chạy ra, mang cho cháu bé một bình sữa; nó nhìn đức Phật không chớp mắt! Nó vô tư, dí dỏm:

- Ông sa-môn bây giờ trông còn đẹp hơn vị thần linh thuở trước nữa. Nhưng hôm nay, nghe người trong làng đồn với nhau, bảo ông sa-môn đã thành Phật rồi! Phật là cái gì nhỉ? Có bằng thần, bằng thánh không?

Mọi người cười xòa. Gia nhân nam nữ mấy chục người ở trong điền trang ít khi thấy được một khất sĩ quý phái, từ hòa như vậy cũng xúm xít ở xung quanh. Cậu bé chăn bò Sotthiya, người tặng tám bó cỏ cùng với ba bốn đứa bạn, không biết hay tin từ lúc nào, cũng đứng thập thò ở ngoài cổng trước. Ông triệu phú Senānī hiểu ý, vẫy tay rồi bảo gia nhân mở cổng, cho phép các chú bé vào chơi! Đức Phật không biết, vì ngài không hướng tâm, chứ tin đồn về ngài, về thần thông, về pháp lực, về hào quang trong đêm thành đạo, cả về sau này ở Lộc Uyển, ở Bārāṇasī được mọi người truyền tụng, ca ngợi khắp nơi, tràn qua xóm, qua làng, qua khắp các thị trấn, thành phố, nước này sang nước khác. Và nhất là: Một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác đã ra đời!

Sử dụng làn khí mát mẻ của tâm từ, đức Phật ban rải đến mọi người, sau đó, ngài thuyết một thời pháp, nói về bố thí, trì giới, hạnh phúc các cảnh trời, an trí họ nơi Tam quy rồi trở về cội cây Bodhirukkha lúc trời nhá nhem tối. Sotthiya và ba chú bé đi theo, nói là ông Phật nói hay quá, chúng muốn nghe thêm nữa! Và đức Phật lại hoan hỷ kể cho chúng nghe những câu chuyện cổ xưa, truyện tích Jataka, nói về nhân quả nghiệp báo, làm cho chúng rất thỏa thích. Niềm tin phát khởi, chúng muốn đi theo ngài, để được hầu hạ và được nghe pháp! Đức Phật có hứa khả, nhưng ngài bảo là bây giờ chưa phải lúc, đợi một thời gian nữa, ngài sẽ cho đi theo

giáo đoàn!

Đêm ấy vào những ngày cuối tháng mười, trời không trăng, đức Phật ngồi quang định suốt đêm, lấy hào quang tự thân soi sáng cả một vùng. Chư thiên, địa tiên, thọ thần ở xung quanh, tìm đến chiêm ngưỡng, tỏ lòng tôn kính và xin được nghe pháp. Đức Phật thấy giáo pháp của ngài có duyên, không những với cõi người, mà còn với cõi rồng, dạ-xoa, a-tu-la, các cõi trời dục giới, cõi trời phạm thiên sắc giới nữa. Chỉ có cõi trời Vô tưởng hữu tình, cõi Vô sắc giới, cõi Địa ngục vô gián là không có duyên mà thôi! Vì nghĩ vậy nên ngài đã ưu ái ban cho họ một thời pháp, nội dung nói rằng, cảnh giới mà chư vị đang sống, là quả phước rất nhỏ từ quá khứ, hết sức mạnh của phước bảo trì, quý vị cũng phải bị đọa lạc vào các cảnh giới đau khổ. Lại nữa, phước của chư vị tuy hơn cõi người, nhưng về trí, về tuệ, về các lãnh vực ba-la-mật khác, coi chừng, chư vị khó có thể so bì! Vậy hãy tu tập. Cõi của các vị không thuận lợi bằng cõi người để tu tập các công đức, nhưng quý vị cũng có thể dùng năng lực của mình để hộ trì cho giáo pháp, hộ trì cho những người hiền lương, hộ trì cho làng mạc thôn xóm, hộ trì cho những người cận sự nam nữ hai hàng. Đấy là những việc làm hiện nay lợi lạc cho chư vị vậy!

Bọn trẻ hóa ra không chịu về, suốt đêm chúng thỏa thích, sung sướng nằm dưới chân đức Phật, nằm trong ánh sáng hào quang yên ổn và ấm cúng của ngài!

Sáng ngày, chim cất giọng hót líu lo, râm ran, đức Phật đi kinh hành dọc bên sông Nerañjarā, đến chỗ đám cỏ độ cơm sữa và quăng mâm vàng, ngài ngồi xuống, nghĩ đến công hạnh của chư Phật quá khứ. "Vùng đất này, con sông linh thiêng này đã có ba vị Phật xuất hiện, rồi theo định luật sinh diệt, tất cả đều tàn rụi, chỉ có những chúng sanh hữu duyên với giáo pháp mới nếm được hương vị bất tử. Nay Như Lai là vị Phật thứ tư, cũng miền đất này, cũng con sông

này, cũng có duyên rất lớn với giáo pháp của Như Lai!”

Đức Phật đứng dậy, ngước nhìn trời, nhìn mây, lắng nghe gió, ngài biết sẽ còn một vài trận mưa lớn nữa, sau đó, thời tiết sẽ chuyển mùa, sang đông, nhưng vài tháng tới còn dễ chịu. Bọn trẻ lại xúm xít sau lưng, chúng nói:

- Bạch ngài sa-môn, bạch Phật...

- Ừ, các con cứ gọi Như Lai là Phật như mọi người trong làng vậy!

- Bên kia sông, lác đác trong mấy khu rừng ở Uruvelā, ba bốn tháng nay có rất đông đạo sĩ đến dựng lều trại để ở. Nhưng họ không giống với ngài. Họ bện tóc, đa phần mặc áo vỏ cây và tu hạnh rất khắc khổ!

Đức Phật mỉm cười:

- Họ ngâm mình dưới nước sông lạnh và họ còn tế thần lửa nữa, phải không?

Bọn trẻ ngạc nhiên, trố mắt nhìn. Đức Phật trở lại cội cây, lấy y bát rồi đi vào làng. Hôm nay, gia đình triệu phú Senānī có thỉnh mời đặt bát nhưng đức Phật đã từ chối, vì ngài muốn đi hóa duyên khắp cả mấy thôn làng. Rồi từng buổi sáng, từng buổi sáng, hình bóng trang nghiêm và thanh tịnh của đức Phật đã gieo vào lòng dân chúng một sự tín mộ sâu xa. Từng buổi chiều, đôi khi cả đêm đến, bên từng bó đuốc bập bùng, đức Phật lại thuyết pháp, giảng đạo cho từng nhóm người, đặt họ vào Tam quy, trở thành hai hàng cận sự nam nữ. Bây giờ họ đã biết, đây đúng là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác!

Hôm kia, biết là đúng thời, đức Phật rời cội cây Bodhirukkha, lên bè vượt sông, đạp qua hướng bắc, chênh đông đi vào địa giới của các vị đạo sĩ bện tóc.

Nhiếp Hóa
Anh Em Đạo Sĩ Kassapa

Dòng họ Kassapa có ba anh em cùng xuất gia theo giáo phái truyền thống. Họ để tóc dài, thắt lại thành bím, tu khổ hạnh (jaṭila) và thờ thần lửa (thần Agni). Đều là trí thức, tu tập nghiêm túc được nhiều người kỉnh mộ nên họ được nổi tiếng nhiều phương, ai cũng có nhiều học chúng đệ tử. Người anh trưởng vì ở trong khu rừng thuộc tụ lạc Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa) nên gọi là Uruvelā-Kassapa, ông có năm trăm đệ tử. Vị kế dựng đạo tràng ở ven sông (nadī) nên gọi là Nadī-Kassapa, ông có ba trăm đệ tử. Người em út thì chọn sườn núi Gayā, thiết lập cơ sở học tu nên gọi Gayā-Kassapa, ông có hai trăm đệ tử. Uruvelā-Kassapa rất uy tín, được hai em hết lòng quy thuận; và chúng đệ tử, tín đồ sùng mộ như mộ vị thần! Từ khi họ đến đây, chưa được nửa năm mà quần chúng trong vùng, kể cả các thôn làng phụ cận thủ đô Rājagaha lũ lượt tìm đến để nghe giảng pháp và tổ chức nhiều cuộc tế lễ. Thế là hàng quán, lều trại, các dịch vụ liên hệ lễ nghi tôn giáo được dịp dựng lên lố nhố ven đường, trông đông vui, ồn ả, phức tạp.

Đức Phật hỏi thăm đường, tìm đến am thất của đạo sĩ trưởng Uruvelā-Kassapa khi trời vừa tối. Đạo sĩ trưởng tuổi đã già nhưng trông quắc thước và rắn rỏi; ông quàng một tấm y da thú được vá bằng nhiều mảnh, râu lấm tấm bạc và bím tóc được cột lại suôn sẻ thả dài phía sau. Thấy một vị

sa-môn khí sắc sáng rực, dong mạo quý phái, cốt cách uy nghiêm, biết không phải là một đạo sĩ du phương tầm thường nên trong lòng vừa nể ngại, vừa kính mến, vừa nghĩ cách làm thế nào để tiếp đón cho lịch thiệp, trước khi chưa hiểu lý do!

Đức Phật biểu tỏ phong cách của một bậc đạo sư nên chào hỏi lễ độ, vừa phải đối với một người lớn tuổi hơn. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa ân cần chỉ cho chàng sa-môn trẻ tuổi rửa chân nơi ghè nước rồi mời vào liêu thất, bên cạnh đống lửa ấm để đàm đạo. Đã hơn canh giờ, ngồi trên hai tấm nệm cỏ, trong không gian ấm cúng và tịch lặng, câu chuyện vẫn còn tiếp diễn giữa hai bậc thức giả. Ba vị đệ tử lớn của đạo sĩ trưởng, ngồi hầu bên sau, cũng say sưa lắng nghe!

Đức Phật khá ngạc nhiên về tầm kiến văn sâu rộng của vị đạo sĩ trưởng về ba tập Vệ-đà, về sáu phái trong truyền thống và một số giáo phái khác ngoài truyền thống vừa khai đàn lập thuyết mới đây! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa lại càng ngạc nhiên hơn nữa về kiến thức thông tuệ, trí năng uyên bác của người trẻ tuổi: Những điều đạo sĩ biết thì ông ta cũng biết, mà lại biết sâu biết rộng hơn nữa kìa! Và còn biết bao nhiêu là kiến thức được rút ra từ cái kho kinh viện, hàn lâm vừa được giải mã qua cái ngôn ngữ trí năng, biện tài, người trẻ tuổi đã làm cho ông rợn ngợp! Mà dường như vị sa-môn kia còn chưa nói hết, còn tìm cách giữ thể diện cho ông trước mấy người đệ tử nữa! Vậy là, sau cuộc đàm đạo, ông bàng hoàng cả người, tâm và trí dường như mất hết khí lực. Ông vừa tiếp chuyện với một người có kiến thức bậc thầy!

Thấy đã khuya, đức Phật xin cáo lui, nói rằng:

- Phia bên bìa rừng, có một hỏa viện, nơi tế thần lửa, xin tôn giả cho phép tôi được tá túc ở đấy một đêm!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đáp rất thành thật:

- Xin hiền giả cứ ở lại đây. Bên trong hỏa viện hiện có

một con rắn cực lớn (rồng), rất nguy hiểm, không ai dám vào. Mấy ngày hôm nay, chúng tôi phải làm lễ tế thần ở ngoài trời!

Đức Phật mỉm cười, bảo là không sao, vì đã có cách làm cho rắn thần không thể làm hại được! Đạo sĩ trưởng đành phải chấp thuận nhưng cứ dặn đi dặn lại rất kỹ càng.

Tiễn khách đi xong, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tọa thiền một lúc, nhưng ông đã không trú tâm được; nằm nghỉ nghiêng lưng một lát, tâm trí ông cứ mải lao xao: Cuộc đối thoại vừa rồi với đức Phật đã làm cho ông bối rối! Tự nghĩ. Người này không biết xuất thân từ đâu mà làm cho ta mười phần e ngại. Sự hiểu biết bấy nay của ta, cứ tưởng là trùm lấp thiên hạ. Hóa ra, tri thức của ta còn khá nhiều chỗ khuyết tật. Ngay kinh Vệ-đà, một số chương mục trong Rig-veda, Yaju-veda, Samā-veda, Attha-veda, chàng tuổi trẻ còn chỉ rõ cho ta những ý nghĩa nằm trong thánh ca ẩn tiềm những tư tưởng thâm uyên. Đáng thẹn nhất là những Mantra ở trong Samā-veda (gồm 1549 bài thánh ca, hiến tế thần Agni) mà ta thường sử dụng đọc tụng trong các buổi cầu nguyện, các buổi tế lễ lớn nhỏ là sở trường, sở đắc bấy lâu của ta, vị sa môn kia cũng chỉ ra những chỗ nghi là ngụy tạo hoặc trước tác thêu dệt nhằm mục đích lợi quyền thế tục của người đi sau, mà ta cũng không phản biện được, vì nó đúng quá! Ôi! Rồi nào là triết hệ Navāya, môn luận lý học phát nguyên từ đâu để cho sáng tổ Gotama lập thuyết? Người tuổi trẻ nói rằng, nó chỉ là sự kế thừa mấy ngàn năm trước của thời tiền Vệ-đà, muốn sử dụng phương pháp lý luận qua năm giai đoạn: Sự thực, nhân, đại tiền đề, tiểu tiền đề, kết như là công cụ chính đáng để mang đến sự lợi ích thực tiễn cho tri thức và tư tưởng hoạt dụng. Nhưng ngày nay thì sao? Ngày nay thì tiện ích của nó là để cho người ta đấu khẩu với nhau, chỉ trích những lỗi lầm lập thuyết của nhau, hạ bệ nhau để gây tiếng vang, tạo địa vị độc tôn trên luận trường! Và ngay

chính Navāya nguyên thủy, dù lý luận hay cách mấy, giá trị tri thức và tư tưởng có được xác lập thì để mà làm gì? Trái đất vẫn quay, tham sân si vẫn còn đấy, và sầu bi khổ ưu vẫn tồn tại hiện thực trong lòng người! Ồ, cái vị sa-môn ưu tú, đáng mến kia đã nói đúng quá! Còn triết hệ Vivesikā, thắng luận, người sáng lập là Kanada, người trẻ tuổi cũng chỉ ra được những sai lầm khá nghiêm trọng, nhất là cái cực vi nguyên tử và chân không, là hai yếu tố tạo nên vạn hữu. Người trẻ tuổi này đã nói rất dí dỏm rằng: Cái năng lực mù quáng, vô tri của một phần triệu hạt bụi cộng với cái chân không mà nó có thể tạo ra cuộc đàm đạo của chúng ta hôm nay nhỉ? Rồi khi không giải thích được sự trật tự của thế giới này, ông sáng tổ lại viện dẫn đến thượng đế siêu năng điều hành! Triết hệ Samkhyā, số luận, do Kapila lập thuyết, có thể nói là đặc đầy tri thức, chủ trương chấm dứt mọi đau khổ nhân sinh, rất ư là ngon lành; nhưng lý luận của ông ta lại rơi vào siêu hình mù mờ, duy tâm, duy vật, duy linh lẫn lộn với nhau. Tuy nhiên, hệ thống tư tưởng của ông rất uyên bác, có lẽ là uyên bác nhất trong các trào lưu triết học đương thời. Nhưng càng giải thích, càng thấy rõ cái māyā huyễn hóa; và rồi, con đường, lối thoát cũng chỉ biết hòa tan vào bản thể siêu hình, cái nhất thể thường tại, bất biến! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nhớ lại, chợt mỉm cười rồi hồi ức tiếp. Khi đề cập đến triết hệ Mīmaṃsā, nhĩ-mạn-sai, người trẻ tuổi đã khẳng định rằng: Jāmiṇī, vị giáo chủ đã không bàn đến triết lý vớ vẩn, chỉ chú trọng và tuân thủ nghiêm nhặt các hình thức tế lễ, cầu nguyện, bùa chú, bí thuật mà thôi! Điều này thì ông cũng biết rồi, nhưng vị sa-môn này đã kết luận về học thuyết ấy rất ấn tượng: Nó không phải là một hệ tư tưởng. Nó chỉ phản kháng lý trí, đầu óc con người chật hẹp, giới hạn mà hay kiêu căng tự mãn; cái bầu tham dục, bản năng động vật vô độ của con người, không tự biết mà thường hay huênh hoang mở miệng là chân lý và thánh đức!

Ông Jāmiṇī dạy như thế rồi khuyên chúng đồ tế lễ, tế lễ và cầu nguyện đi thôi! Còn hai triết hệ sau cùng là Yoga (Du-già) và Vedantā (Vệ-đàn-đà) thì người trẻ tuổi hẹn dịp khác, có lẽ là ngại đụng chạm đến một vài quan điểm tu tập của phái khổ hạnh bện tóc của ta! Vị sa-môn này thông minh, tế nhị và sâu sắc lắm! Tuy nhiên, vị sa-môn trí thức này cũng đã cùng với ta, mỉm cười cho cái bọn chủ trương vô hành kiến (Akiriyādiṭṭhi), vô nhân kiến (Ahetukadiṭṭhi), hư vô kiến (Natthikadiṭṭhi), hoặc ngụy biện, duy vật, vô thần ngây thơ và thô thiển đang nhan nhản khắp Rājagaha, Vesāli, Bārāṇasī... Mà thôi, dầu sao, ông ta cũng quá trẻ, còn ta thì đã đắc quả A-la-hán rồi, tranh luận làm gì, chấp kiến để làm gì!

Về đến hỏa viện, khẽ đưa mắt nhìn vào bên trong, đức Phật thấy chính giữa thờ một vị thần biểu tượng với những họa tiết không rõ hình thù. Xung quanh và trước mặt hỏa thần là những chùm đèn, bó đèn to nhỏ đủ kiểu đủ dáng không biết bằng chất đốt gì mà cháy sáng nghi ngút. Nhiều cái kệ lớn và nhỏ, chưng nhiều loại quả phẩm còn tươi; những tấm vải sặc sỡ đủ màu, viết vẽ nguệch ngoạc bằng mực than các mẫu bùa chú, có lẽ ở trong Attha-veda, một loại mật ngữ, chơn ngôn gì đấy treo la liệt ở khắp nơi! Những chùm đèn, bó đèn hắt ra một khoảng sáng. Đức Phật cảm nhận mùi tanh từ trong các kệ thờ thoảng ra, chắc chú rắn lớn nằm trong đó cho ấm áp! Bình tĩnh như không, đức Phật xếp y ngoại làm bốn, trải ra giữa chỗ thoáng, ngồi xuống rồi trú định tâm từ.

Một lát, quả nhiên, con rắn rất lớn bò ra, phun phè phè cái nọc đỏ hỏn về phía đức Phật, chưa thôi, nó lại còn phun lửa và khói mù mịt! Đức Phật vẫn ngồi yên, làn khí tâm từ như một bức tường thành pha-lê bao quanh ngài như một quả cầu, bất khả xâm phạm. Khói, lửa, nọc độc và sự hung tợn của rắn càng lúc càng yếu đi, nó thấy năng lực của nó bị

chìm hút vào chỗ rỗng không; và cơ thể nó càng lúc càng rã rời. Bây giờ đức Phật mới nói chuyện:

- Này con! Trước đây do nghiệp ác nên con bị đọa làm thân súc sanh, tanh tưởi và dơ dáy. Mang thân súc sanh, thống khổ, đọa đày như thế mà con cũng không tự biết, lại còn sử dụng khói lửa, nọc độc muốn làm hại cả Như Lai nữa! Như Lai là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác, trên thế gian này, người, trời, phạm thiên, ma vương, chẳng ai có năng lực làm hại Như Lai được cả! Hãy quay đầu hướng thiện đi con, và hãy sống đời vô hại, Như Lai sẽ làm chứng cho!

Rắn lặng lẽ gục đầu xuống, có vẻ quy phục, đức Phật đưa tay xoa đầu rắn, sử dụng thần thông, biến chú rắn lớn thành con rắn nhỏ, bỏ vào bình bát rồi ngài ngồi tịnh dưỡng trong an lạc của thiền định. Canh ba, đức Phật nằm nghiêng lưng một lát, sau đó ngồi quán căn duyên của đạo sĩ, ngài nở nụ tiếu sanh tâm lặng lẽ: Bụi cát trong mắt, trong tâm trí còn rất ít nên ông ta cứ tưởng mình đã đắc quả A-la-hán! Muốn hóa độ thầy trò họ, chỉ cần nhiếp phục Uruvelā-Kassapa là đủ, nhưng phải mất nhiều ngày, phải sử dụng khá nhiều sở tri, sở học, giáo pháp và cả thần thông!

Sáng ngày, vừa bước ra khỏi hỏa viện, đức Phật thấy đạo sĩ Uruvelā-Kassapa và nhóm chúng đồ đứng đầy cả sân trước. Họ ái ngại, lo sợ ngài đã bị rắn thần giết hại rồi! Khi thấy vị sa-môn trẻ vô sự, họ mỉm cười, thờ phào nhẹ nhõm!

Đức Phật tỏ vẻ cảm kích:

- Cảm ơn chư vị đã quan tâm! Chú rồng ấy khá hung dữ nhưng bây giờ đã hiền lành rồi, đã vô hại rồi! Chư vị hãy xem đây!

Nói xong, đức Phật thò tay vào bình bát, bắt con rắn nhỏ bỏ xuống bên chân, thâu lại thần thông. Mọi người trố mắt nhìn. Con rắn nhỏ từ từ lớn ra, hoàn lại thân cũ, to bằng hai cột nhà, dài hơn cả năm đòn gánh, cúi đầu xuống và nằm

khoanh tròn lễ độ dưới chân đức Phật. Ngài nói với rắn:

- Thôi! Quê nhà ở đâu thì con hãy trở về đấy, nơi này không phải chỗ của con. Sống đời vô hại thì kiếp sau thoát lốt súc sanh. Bây giờ hãy đi đi!

Con rồng ngoan ngoãn lặng lẽ bò vào rừng, lát sau, mất hút. Mọi người nín thở chứng kiến sự việc hy hữu và thần lực kinh dị của vị sa-môn. Riêng đạo sĩ Uruvelā-Kassapa cũng cảm phục lắm, cũng tán thán không hết lời, nhưng trong bụng lại nghĩ: Dầu sao, người tuổi trẻ này cũng chưa đắc quả A-la-hán!

Một vị Chánh Đẳng Giác, qua vô lượng ba-la-mật dày sâu, nếu hướng tâm thì việc gì cũng biết cả; nhưng ngài độ lượng, kham nhẫn và từ bi quyết sẽ đưa ông ta vào chánh pháp.

Mặc dầu được đạo sĩ tha thiết mời thọ thực vào buổi trưa những đức Phật tìm cách từ chối, nói rằng, ngài chỉ muốn đi bát gieo duyên ở trong làng, sau đó xin được nghỉ ngơi ở khu rừng bên cạnh.

Đúng như dự đoán của đức Phật, buổi trưa sau khi độ thực, đang đi kinh hành thì đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tìm đến. Rồi họ ngồi đàm đạo dưới cội cây.

Uruvelā-Kassapa nói:

- Tối hôm qua, tôi biết là hiền giả có ngại ngùng cái gì đó, nên đã không đề cập hai triết hệ Yoga và Vedantā! Phải chăng hiền giả sợ đụng chạm đến pháp môn tu tập hiện nay của chúng tôi?

Đức Phật im lặng.

- Quả thật, chúng tôi thờ thần Agni, các thánh ca, tế ca đều được rút từ Attha-veda; nền tảng tư tưởng thì trung thành với Vedantā; còn lộ trình tu tập thì dựa theo tám giai đoạn của Yoga. Chúng tôi đã sống đời khổ hạnh theo từng cấp độ vừa phải, chỉ thọ nhận một chút ít cần thiết về y áo, thuốc men; chỗ ngủ nghỉ, ngồi nằm thì tự làm lấy; vật thực

thì đôi khi thọ nhận sự cúng dường khiêm tốn, đi trì bình khất thực là chính. Chúng tôi không đi đến chỗ giàu sang, vương giả. Chúng tôi không nhận bất kỳ tiền bạc, đất đai, ruộng vườn, gia súc của kẻ thế dâng cúng...

Đức Phật vẫn im lặng.

- Chúng tôi biết nguồn gốc của mọi đau khổ là do dục vọng. Vậy nên mỗi hành giả yogi phải khép mình nghiêm túc trong giới luật để tẩy uế thân khẩu ý. Có người giữ giới luật bậc thánh, ngoài bất tổn hại đến con kiến, cọng cỏ, còn triệt tiêu một phần, hai phần nhu cầu của thân xác, nhằm khống chế dục vọng hay triệt tiêu cả dục vọng. Một số khác, sử dụng một số thế hatha-yoga để cho khí huyết điều hòa, thân tâm mạnh khỏe; sau đó, chú trọng điều tức, theo dõi hơi thở, kiểm soát hơi thở, đến lúc, nếu cần, ngưng dứt luôn cả hơi thở. Cũng có thể, chúng tôi niệm "aum" để đi vào định, ly thoát mọi cảm giác, tư tưởng để đạt được trạng thái vong ngã, nếm thưởng hương vị giải thoát khi tiểu ngã hòa đồng, hợp nhất, nhất thể với đại ngã! Bây giờ, tôi với vũ trụ đã là một. Tôi đã làm xong những việc cần làm, thưa hiền giả!

Đức Phật biết là đạo sĩ ám chỉ mình đã đắc quả A-la-hán, nên chỉ nhè nhẹ gật đầu:

- Vâng! Tôi biết tôn giả có một đời sống tu hành nghiêm túc như thế. Tôi rất kính trọng!

- Thế còn phương diện khác?

Đức Phật nghĩ, bây giờ là phải thời nên nói:

- Các phương diện khác thì còn cần phải bàn lại, thưa tôn giả! Thứ nhất là tế thần lửa, thứ hai là giới luật của bậc thánh, thứ ba là định giải thoát, hòa đồng tiểu ngã vào đại ngã!

- Hóa ra các điểm quan trọng như thế, kinh viện chính thống như thế mà còn cần phải bàn lại ư? Đạo sĩ chợt cất cao giọng, có vẻ ngạc nhiên lắm - Vậy xin hiền giả được cho nghe tôn ý?

Đức Phật vẫn điềm đạm, hỏi lại:

- Tôn giả quan niệm như thế nào về lửa, rồi còn nghĩ rằng, lửa có thể giúp linh hồn được siêu thoát?

Rồi đức Phật lắng nghe, rất chăm chú lắng nghe. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đã tuần tự nói, lửa là sự sống, nguyên ủy của sự sống, gốc nguồn của sự sống. Con người thường tự hào là khám phá ra lửa mà họ không biết rằng đức Brāhman đã cho thần Agni xuống trần gian, từ đó, con người mới dùng lửa để sưởi ấm, để thắp sáng, để nấu ăn, để nung chảy sắt thép làm vật dụng trong sinh hoạt, để đời sống càng sinh sôi nẩy nở, càng trở nên tiện nghi, văn minh. Lúc chết đi, thần Agni còn ưu ái thiêu cháy cái xác thân dơ uế, tẩy rửa mọi tội lỗi để đưa linh hồn trong sạch trở lại với thiên giới. Điều ấy là tín ngưỡng thiêng liêng có từ ngàn xưa, không phải là quan niệm của tôi, hiền giả phải rõ như thế!

Đức Phật không thừa nhận cũng không phủ nhận, chỉ đưa ra tri kiến của mình:

- Thưa, tôi biết rất rõ. Tuy nhiên, giả dụ như tôi nói rằng, không chỉ có lửa, mà đất, nước, gió cũng đều là nguyên ủy của sự sống, bản chất của vạn hữu cả! Lửa không thể tự có một mình, và lửa cũng không phải là cái duy nhất đầu tiên. Tôn giả hãy xem: hai thanh củi khô, chà xát lên nhau, sinh lửa; hai viên đá cứng đánh mãi vào nhau, sinh lửa. Nếu không có củi khô, không có viên đá, không có ý niệm của người tạo lửa thì không thể có lửa! Tôn giả hãy nhìn rộng, nhìn sâu, suy lý chút nữa xem, rồi ta sẽ rùng mình bởi mối nhân duyên chằng chịt của nó. Thanh củi kia cũng không tự có nếu không có rừng cây, nắng mưa, ngày đêm, sự hủy hoại của thời gian và sự nung nóng của mặt trời. Rừng cây từ đâu có, nếu nó không có đất, nước, lửa (sức nóng) và gió (sự rung chuyển, chuyển động). Còn viên đá kia cũng tương tự thế, nó là đất, là thời gian, là sức ép, sự vỡ ra của nham thạch, nó là xác động, thực vật cả triệu năm. Minh triết hơn:

Trong hạt bụi, trong làn sương, trong giọt nước, trong đốm lửa, trong chiếc lá, trong cành hoa... chúng đều đầy đủ đất, nước, lửa, gió, thưa tôn giả, chúng lẫn trong nhau, tan trong nhau, hòa trong nhau nhưng yếu tố nào giữ nguyên cá biệt tính của yếu tố nấy.

- Nhưng rõ ràng là lửa bốc lên và linh hồn của con người cũng được bốc lên bởi lửa! Đạo sĩ chăm chú hỏi.

Đức Phật, mỉm cười:

- Không chỉ lửa bốc lên mà đất, nước, gió gặp duyên bốc lên thì chúng cũng bốc lên!

- Hiền giả nói sao nghe lạ kỳ!

- Không lạ kỳ đâu, mà nó là sự thật. Hãy quan sát một làn khói mà xem! Trong làn lửa khói bốc lên ấy, có lẫn lộn bụi, tàn tro, ấy là đất! Trong ấy có sự chuyển động, rung động, ấy là gió! Trong ấy có hơi nước, bụi nước, ấy là nước!

- Cái chuyện ấy rất lạ lùng mà đúng là như vậy - Đạo sĩ ngẫm ngợi một lát - Vậy thì cho xin được nghe về cá biệt tính của chúng?

- Vâng! Đức Phật phân tích - Đất có đặc tính cứng và mềm, nó chiếm chỗ trong không gian; nước có đặc tính ướt và liên kết, làm cho dính liền các sắc tố lại với nhau; lửa có đặc tính nóng và lạnh làm nhuần nhuyễn mọi vật; gió có đặc tính rung động, chuyển động tạo sự lưu thông, vận động cho vạn hữu.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa là bậc trí, nghe xong, nín lặng, nhưng cũng còn cố vớt vát bởi định tín sâu dày trong ông:

- Cả một nghìn năm trăm bốn mươi chín bài tế ca, thánh ca tế thần lửa đều có nội dung chung nhất, đấy là thần lửa đốt cháy tất thảy mọi dơ uế để cho linh hồn được siêu sanh, chẳng lẽ lại sai?

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy thì tôn giả khổ hạnh diệt dục, giữ giới luật thượng, trung, hạ của bậc thánh, trang bị vững chắc tư tưởng

Vedantā và niệm "aum" linh thánh để đạt giải thoát làm gì nhỉ? Chỉ cần "một mồi lửa" là xong ngay!

Đạo sĩ rùng mình lạnh gáy.

Trời đã chạng vạng tối, cả hai đứng dậy. Đạo sĩ cố ý mời đức Phật ngủ tại am thất của mình, nhưng ngài lại từ chối nữa, chỉ xin được tá túc tại hỏa viện như đêm trước. Một đêm lặng lẽ suy nghĩ, chắc đạo sĩ sẽ thấy nền tảng tu tập của mình đã bị lung lay!

Đêm thứ hai, tại hỏa viện, như lệ thường, đức Phật trú an lạc về thiền, an lạc về quả. Khuya, Tứ đại thiên vương đến đảnh lễ Phật, nghe pháp, sau đó đứng hầu bốn góc, hào quang sáng rực xung quanh hỏa viện. Họ muốn đóng góp một chút uy lực, như là một công đức nhỏ bé để đức Phật dễ dàng thâu phục nhóm đạo sĩ tóc bện!

Quả nhiên, cả rừng đạo sĩ lao xao, bàn tán; họ không biết ánh sáng kỳ lạ từ đâu có, lại ở từ hỏa viện tỏa ra, nơi vị sa-môn trẻ đang tạm cư! Trời vừa sáng, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa cùng với những vị đệ tử lớn lại đến vấn an, tỏ vẻ thắc mắc hào quang đêm qua.

Đức Phật nói thật:

- Đấy là bốn ông trời bốn cõi xuống thăm, hỏi đạo, sau đó họ chơi trò trẻ con là hý lộng thần oai đấy mà!

Họ thất kinh. Họ biết vị sa-môn này không nói dối. Tuy nhiên, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa vẫn thản nhiên, tự nghĩ: Ông ta oai lực thật đấy, nhưng dẫu sao vẫn chưa đắc quả A-la-hán!

Hôm ấy, đức Phật cũng không nhận lời mời ngọ trai, ngài lại đi khất thực trong làng, trưa về nơi một chiếc hồ bên sườn núi có phong cảnh rất đẹp để nghỉ ngơi. Đức Phật ở đâu cũng không thoát khỏi tầm mắt của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa, ông ta lại tìm đến. Bây giờ, họ lại ngồi đàm đạo trên một tảng đá ven hồ có hoa sen, hoa súng.

Đạo sĩ tiếp tục câu chuyện hôm qua:

- Thú thật, đêm qua tôi trằn trọc mãi về chuyện lửa. Hiền giả nói rất đúng. Đức tin của tôi về thần Agni đã bị bào mòn, xơ cứng, bây giờ chỉ còn là vật chất, làm tôi liên tưởng đến ý nghĩa biểu tượng của triết học. Chợt nhớ lại hôm đầu tiên, hiền giả đã đặt vấn đề khả nghi của một số tế ca, thánh ca ở trong Attha-veda là ngụy tạo của các tế sư bà-la-môn do lợi quyền thế tục. Và tôi chợt hiểu. Khắp nơi nhan nhản bọn buôn thần bán thánh, hàng ngàn súc vật bị hy sinh một cách đau xót; tiền bạc, sản vật chạy vào túi bọn tà sư bóc lột nhân danh thần thánh, có thần thánh chở che! Ôi! Cái hiện thực trần trụi, duy vật và duy linh đánh tráo phương tiện thật là đáng khinh bỉ! Chúng sống vinh hoa dục lạc trên sự cuồng tín ngu dại của đám dân đen. Tôi đã rất thấm thía bài học này, xin cảm ơn hiền giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tỏ vẻ rất xúc động. Đức Phật ân cần nắm tay ông:

- Tôi có may mắn đọc được một số kinh văn thời tiền Vệ-đà từ một ngôn ngữ cổ xưa. Tập tục thờ thần lửa ở đó như tri tạ các đấng thiêng liêng cho họ lửa để qua được các mùa đông băng giá khởi từ các giống dân miền bắc địa cầu. Một trong số các sắc tộc ấy có giống dân Aryan, không chỉ họ tràn xuống xứ sở chúng ta, mà còn tràn qua Hy Lạp, Ba Tư, Ả Rập. Trong cuộc thiên di và xáo trộn văn hóa và tín ngưỡng ấy, tục thờ thần lửa của Vệ-đà xen lẫn với Bái hỏa giáo của Ba Tư, tục thờ ma quỷ thánh thần của các tộc sơ khai làm cho chúng ta ngày nay không còn biết đâu chân đâu ngụy! Chúng lại còn đẻ thêm bùa chú, bí thuật, pháp thuật, huyền thuật để giải ách trừ tà, tiêu nạn, tiêu bệnh, tiêu tật, tiêu chướng, tiêu tai, buôn may, bán đắt, con cháu sum suê, bổng lộc hoạnh tài; rồi tiểu tế, trung tế, đại tế; rồi tung hứng trên các điện đài linh thiêng! Không những tôn giả mà toàn thể châu Diêm-phù-đề bị đầu độc một cách tai hại! Hãy bước ra khỏi ngay cái đám mê hồn trận ma quỷ ấy thôi, thưa

tôn giả!

Đạo sĩ xiết bao cảm kích! Chẳng có gì rõ ràng hơn thế nữa!

Biết đầu óc của đạo sĩ với nhiều ý nghĩ đang lao xao, đức Phật dìu ông mấy bước đến cạnh mép hồ.

- Tôn giả hãy nhìn xem! Đức Phật đưa tay chỉ - Những bông sen bông súng kia chúng đẹp dường bao! Chúng mọc từ bùn nhơ cả đấy, lại còn tỏa sắc hương, phụng hiến cho cảnh vật, cho nhân gian mà chẳng cần lợi quyền nào, một đền đáp nào, một nhân danh nào! Một cành sen, một nhụy sen, chúng gồm đủ đất nước lửa gió! Ồ, nói vậy cũng chưa đủ! Phải nói là hàm tàng ở trong, chúng có đầy đủ: Thiên hà, mặt trời, mặt trăng, các vì tinh tú, nắng mưa, ngày đêm, sáng chiều, quá khứ, hiện tại, vị lai, mây mù, khói sương, các từ, các lực giữa vạn hữu... cộng thêm cái thấy, cái suy nghĩ của tôi và tôn giả nữa! Thiếu một hạt bụi, một giọt sương, một ý niệm của chúng ta về chúng, chúng không hiện hữu!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa rúng động cả toàn thân.

Đức Phật biết, ngài nói:

- Trời đã chiều rồi, tôn giả hãy về đi. Tối nay, tôi cũng xin nghỉ tại hỏa viện!

Đêm thứ ba ở hỏa viện, Thiên chủ Sakka xuống đảnh lễ đức Phật, nghe pháp rồi lại đứng hầu trọn đêm. Hơn ai hết, nhờ thiên nhãn, Đế-Thích biết là bổn phận mình phải biểu tỏ uy lực để đức Đạo Sư nhiếp phục cho kỳ được đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nên đã phóng hào quang sáng hơn, lớn rộng hơn hào quang của Tứ thiên vương cộng lại!

Đêm ấy, cả khoảng rừng sáng rực, ánh sáng vừa trong vừa dịu làm cho cả mấy trăm đạo sĩ không ngủ được, họ thao thức bàn tán. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đăm đăm đưa mắt nhìn, quan sát rất kỹ, tự nghĩ: "Nếu hôm qua là Tứ đại thiên vương thì hôm nay, vị này oai lực còn lớn hơn nhiều. Vậy vị sa-môn trẻ, quý khách của ta, quả thật đã chứng được

cái gì chăng? Chiều hôm vừa rồi, cái hiểu biết của ông ta, quả thật là siêu đẳng, nếu là người thì ông ta học ở đâu? Hơn năm mươi năm học hỏi, tu tập, kiến thức của ta, đối với ông, chỉ như trò con trẻ!" Đạo sĩ thở dài.

Sáng ngày, khi được hỏi, đức Phật bảo, đấy là oai lực của thiên chủ Sakka, chúa cõi trời Ba Mươi Ba như không có chuyện gì xảy ra. Sau đó, nhận lời mời trưa nay sẽ ghé am thất của đạo sĩ, nhưng ngài vẫn ôm bát ra đi.

Dọc theo bờ bắc sông Nerañjarā, chừng một do-tuần, sát sườn núi có những cốc liêu của nhóm đạo sĩ, đều là đệ tử của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa, nghe nói họ giữ giới luật bậc trung và khổ hạnh bậc trung! Đức Phật tìm một chỗ ngồi thuận lợi. Dưới sông, có khoảng chừng mươi đạo sĩ đang ngâm mình dưới nước lạnh, hai tay chắp lại và lâm râm cầu nguyện. Có lẽ họ ngâm mình từ hừng đông, khi mặt trời vừa rạng ở chân trời. Đức Phật khởi tâm bi mẫn, muốn cứu thoát họ ra khỏi sự hành hạ thân xác một cách vô ích như thế, nên cứ nhẫn nại ngồi chờ đến gần trưa!

Khi họ lập cập, run rẩy bước lên bờ rồi quây quần bên đống lửa ấm, đức Phật bước lại rồi ngồi xuống một bên. Nhóm đạo sĩ này đã nghe danh tràn tai về vị sa-môn trẻ. Chính thầy họ đã tiếp đón như một thượng khách. Và suốt mấy đêm nay, họ chiêm ngưỡng ánh sáng hào quang linh thiêng tỏa ra nơi góc rừng hỏa viện. Để tỏ lòng kính trọng, họ dạt ra và chừa một chỗ cho ngài.

Đức Phật nói:

- Tôi chỉ ghé thăm, và hơi tò mò không biết chư vị ngâm mình dưới nước như vậy là để làm gì?

- Để tẩy uế tội lỗi! Một vị đáp - Chắc hiền giả cũng biết như vậy mà!

- Quả thật là có biết nhưng chưa thật biết! Đức Phật mỉm cười - Vì rằng, trước đây tôi cũng đã từng tắm sông, nhưng cảm thấy tham sân, phiền não, khổ ưu ở trong lòng có rửa

sạch được chút nào đâu!

Nhóm đạo sĩ đưa mắt nhìn nhau. Chợt có một vị nói:

- Có lẽ là do hiền giả chưa cầu nguyện!

- Chư vị cầu nguyện như thế nào?

Họ đáp như thuộc bài:

- Cầu nguyện các thượng đẳng thần Brāhmā, Vishnu hoặc các vị cao hơn như Rāma, Brāhman; nếu không thì chỉ cần đọc thánh âm "aum, aum" một cách chí thành và khẩn thiết!

- Tôi hiểu! Đức Phật gật đầu - Vậy thì đến nay, chắc chư vị đã sạch hết tội lỗi rồi cả chứ?

Nhìn họ cúi đầu và im lặng, đức Phật biết họ có đức tính thành thật, rất dễ khai hóa.

- Này chư vị! Đức Phật tiện tay nắm một viên đá - Với viên đá này, tôi sẽ đặt lên mặt nước, và tôi nhờ chư vị cầu nguyện các vị thần thượng đẳng để cho viên đá này được nổi, không thể chìm nhé?

Nói xong, đức Phật nhớm đứng dậy. Các vị đạo sĩ ngăn lại:

- Hiền giả không cần phải thí nghiệm. Viên đá nặng, bỏ xuống nước là chìm, đấy là sự thật, chẳng có sự cầu nguyện nào có thể thay đổi được tính chất ấy. Các thượng đẳng thần không có liên hệ gì đến chuyện này!

- Cũng vậy, này chư vị! Tội lỗi trong tâm chúng ta cũng như viên đá ấy, nó trọc, nó đục, nó nặng, mệnh chung, cái nặng ấy lôi chúng ta đi xuống các cảnh giới đau khổ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la, chẳng có vị thần nào có khả năng làm cho tội lỗi chúng ta được nhẹ đi cả!

- Hoàn toàn đúng! Một vị chợt nói lớn - Hèn gì bao nhiêu năm qua, cái nóng nảy, cái ngu si tham ăn tham ngủ của tôi có bớt được chút nào đâu!

Đức Phật lại tiện tay cầm chiếc lá, với ánh mắt từ bi, với giọng nói hiền hòa:

- Chiếc lá này, hoặc bông gòn hoặc dầu thắp cũng tương tự vậy! Bản chất nó nhẹ, sẽ nổi trên mặt nước. Cho dù một trăm đạo sĩ, một ngàn đạo sĩ, cầu nguyện trăm năm, cầu nguyện ngàn năm thì chúng cũng không thể chìm xuống mặt nước được, có phải thế không? Đức Phật đưa mắt có vẻ quan tâm, rồi nói tiếp với giọng lớn nhưng vẫn từ ái, ôn nhu - Sống trên cõi đời này, nếu ta có tâm hướng thiện, biết xa điều ác, biết làm việc lành thì tâm của ta sẽ không có hối hận, bứt rứt, ăn năn; do vậy sẽ trong sáng, thanh thản, nhẹ nhàng. Cái tâm trong sáng, thanh thản, nhẹ nhàng ấy, vì trong, vì thanh, vì nhẹ nên nó sẽ bay lên, đưa ta đến những cảnh giới an lành, mát mẻ: Cõi người và các cảnh trời là điều tất yếu thôi, đúng với định luật tự nhiên thôi, có phải vậy không chư vị? Dẫu có cả triệu đạo sĩ cầu nguyện cho ta đi xuống, ta cũng không thể đi xuống được, có phải thế chăng?

- Hiểu rồi, thấy rồi! Ôi! Kỳ diệu làm sao là trí tuệ của hiền giả! Chúng tôi đã được vén lớp mây mù, đã có con mắt để nhìn thấy ánh sáng! Hạnh phúc làm sao! Xin vô cùng tri ân và xin được cúi đầu đảnh lễ gót chân bụi của đức Đạo Sư!

Họ đồng quỳ sụp xuống, năm vóc sát đất. Khi họ ngửng đầu lên thì đức Phật đã không còn ở đấy nữa, ngài đã dùng thần thông, và đã có mặt ở vùng núi Himalaya đang ở trong sương mù và khí đá buốt lạnh. Chừng hơn tháng nữa, tuyết băng mới phủ dày những cánh rừng này nên một số trái cây lạ lùng vẫn còn tìm được. Đức Phật nhàn tản dạo bộ đến một gốc sung, trái chín ngọt như mật ong, chim dơi ăn xả đầy. Sau khi dùng vừa đủ no để thay đổi khẩu vị, đức Phật đi kiếm một số trái cây lạ, bỏ đầy bát, rồi ngài cũng dùng thần thông, có mặt ngay ở am thất của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa như lời hứa.

Đạo sĩ ân cần nắm tay đức Phật mời vào chỗ ngồi đã

được soạn sẵn. Người đệ tử lớn dâng cho đức Phật một bát vật thực. Đức Phật thọ nhận xong, để bên chân, đưa bát trái cây của mình, rồi nói chuyện với đạo sĩ Uruvelā-Kassapa:

- Tôi cũng có một ít trái cây, tôn giả hãy dùng thử cho vui!

Nhìn trái cây có hình dáng và màu sắc lạ, đạo sĩ Uruvelā- Kassapa ngạc nhiên hỏi:

- Mấy quốc độ xung quanh đây không có loại trái cây này! Hiền giả đi khất thực ở đâu? Rồi ngần ngừ một lát – Có phải ở Tuyết sơn chăng?

Đức Phật mỉm cười rồi nhè nhẹ gật đầu.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa tán thán:

- Oai lực của hiền giả thật là kinh sợ! Đi và về Himalaya chỉ bằng cái nháy mắt!

- Hơn cả nháy mắt nữa, bạch đức thầy khả kính! Một người chợt tiếp lời – Ngài sa-môn đây suốt cả buổi sáng đã nhẫn nại, từ bi thuyết pháp, dạy đạo cho chúng đệ tử ở bờ sông! Vừa tức khắc chia tay, chúng đệ tử cũng tức khắc đến đây, muốn kể chuyện lại với đức thầy nhưng ngài sa-môn đã hiển lộng thần oai, biến mất giữa hư không, lên khất thực tận Himalaya cách xa vạn trùng mây, lại về đây trước cả chúng đệ tử, có kỳ lạ không chứ? Đúng là thần thánh chứ không phải người nữa!

Một lát, kẻ trước người sau tìm đến đông đủ. Họ lao xao một lúc rồi yên lặng.

Đức Phật chỉ dùng một chút vật thực lấy lệ rồi tránh lên rừng để thầy trò họ nói chuyện với nhau cho tự nhiên.

Đi kinh hành giữa rừng cây chừng nửa khắc, đức Phật ngồi lại nơi tảng đá ven đường mòn, nghĩ đến căn và duyên của đạo sĩ Uruvelā-Kassapa! Căn thì căn trí và tín, ta đã khơi mở cho ông một phần nào, nhưng duyên thì chưa đủ. Chính đời sống đạo đức, trong sạch của ông ta dễ phát sanh ảo tưởng mình đã đắc quả A-la-hán! "Ảo tưởng" ấy quá mạnh

thì khó đối trị! Trí có công năng vén mở. Tuệ soi sáng và cắt đứt. Chỉ khi nào ông ta có đủ tuệ minh, toàn vẹn vấn đề mới được giải quyết! Tuy nhiên, ta sẽ từ từ phân tích sự sai lầm trong quan niệm giới luật bậc thánh của ông, sự sai lầm trong định giải thoát của ông; ta phải phá vỡ cả hai triết hệ Yoga và Vedantā đã ăn sâu trong xương tủy vị đạo sư khả kính này!

Thế rồi, cuộc đàm đạo buổi chiều, đức Phật bắt đầu quyền biến, rất nhu, được gọi là văn pháp:

- Các hành giả Yogi thường có một trí thức khả kính, có một đời sống giới luật nghiêm túc, có một lộ trình tu tập mạch lạc, rõ ràng! Trong sáu phái truyền thống, nếu giữ lại một thì tôi chọn Yoga!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa rất hồ hởi, nhưng dè dặt chưa biết vị sa-môn uyên bác, biện tài này sẽ dẫn đi đến đâu, chỉ hỏi:

- Vậy còn Vedantā? Nó vừa là tập đại thành của Vedā và Upanishad, lai còn phát triển nó nữa? Cả một rừng tư tưởng!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Tuy cả rừng tư tưởng, nhưng chỉ cần tóm tắt trong ba chữ: Māyā, Atman (Atta), Brāhman là đủ!

Đạo sĩ yên lặng hồi lâu rồi chợt gật đầu: "Đúng vậy! Thật là chính xác!" Đức Phật nói tiếp:

- Yoga thu nhận rừng tư tưởng của Vedantā rồi lập ra tám con đường để dành cho nhiều căn cơ khác nhau mà chính tôn giả đã tiếp thu được ba trong tám con đường ấy!

- Xin cho được nghe!

- Một là Hattha-yoga, điều vận cơ bắp. Ban đầu là vậy, nhưng càng về sau lại muốn điều tức, vận khí, khai mở các huyệt đạo để hy vọng linh thông với bản ngã vũ trụ, có phải vậy không, thưa tôn giả?

- Vâng! Đạo sĩ gật đầu – Tôi và một số đệ tử của tôi đã thực nghiệm con đường này!

- Hai là trầm tư về thượng đế, về bản thể siêu linh; và cũng nhờ nhất tâm nên đôi khi có ảo tưởng rất hiện thực: Mình và thượng đế đã là một rồi!

- Con đường này chẳng khác bao nhiêu con đường chiêm ngưỡng và thờ phượng. Nếu chỉ trầm tư, tưởng tượng mà không có định thì chỉ là ảo tưởng và ảo giác! Tôi biết rất rõ!

- Thứ ba là khổ hạnh, triệt tiêu nhu cầu thân xác! Tôn giả và chúng đệ tử chỉ áp dụng một nửa của khổ hạnh cực đoan này, có phải vậy chăng?

- Đúng vậy! Đạo sĩ nhè nhẹ gật đầu – Chúng tôi chỉ thực hành một chừng mực nào đó để ngăn giữ nhưng ham muốn dục lạc!

- Thứ tư là tọa thị bất động, giữ yên thân, khẩu (cùm chân, cột tay, tịnh khẩu) không cho nó có cơ hội tạo nghiệp; còn ý thì chịu đựng muỗi mòng, nắng mưa, sương gió... nhẫn nại tất cả ngoại cảnh trái ý, nghịch lòng (ngồi suốt đêm suốt ngày giữa trời nắng, gió, mưa, tuyết) - Đức Phật nói tiếp – Tôn giả không đi con đường này! Cả thứ năm là giảm thiểu hơi thở, nín thở (thở qua lỗ tai, qua lỗ chân lông) tôn giả khinh chê cách nín thở này! Thứ sáu là bế tỏa tất cả mọi giác quan, làm cho chúng mù đi, tê liệt đi, không còn khả năng khả ý, khả lạc các đối tượng ngoại giới, tôn giả đã không đi theo khổ hạnh cực đoan này! Thứ bảy là niệm các đề mục, niệm tên các vị thần, niệm "aum" linh thánh, chỉ chừng hai phần ba học trò của tôn giả là có chú niệm! Thứ tám là tịnh hóa nội tâm bằng các nấc thiền cổ truyền rồi thể nhập vào bản thể vũ trụ, atman hòa tan vào brāhman; và dường như ai ở đây cũng đang thực hành con đường này!

- Đúng là có tám con đường ấy! Đạo sĩ nói – Và cũng chính xác là tôi đã đúc kết, cô đọng lại chỉ còn ba, là đủ! Hiền giả đã có tuệ tổng hợp và tuệ phân tích rất sắc bén, không ai bì được! Tuy nhiên, hiền giả hãy nói luôn những

điểm còn ngần ngại?

- Vâng, tôi sẽ bắt đầu đây, thưa tôn giả - Đức Phật nói – Tôn giả đã đúc gom tất cả mọi loại khổ hạnh, tất cả mọi kỷ luật ép xác, kiểm soát thân, khẩu, ý bằng cái gọi là giới luật của bậc thánh qua ba cấp độ thượng, trung, hạ. Xin thưa rằng, cả ba cấp độ giới luật ấy có thể ngăn bớt nghiệp ác, làm cho ta có thể tốt hơn - chứ không thể trở thành bậc thánh được. Bậc thánh thứ nhất, mới vào dòng, cũng cần phải có tuệ giác để cắt đứt ba sợi dây ràng buộc là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ! Giới luật của chư vị nếu cần cầu nghiêm túc, chính ý, chính tâm thì chỉ có khả năng đưa đến định, không thể phát sanh tuệ được, huống nữa, mọi hình thức tế tự, lễ nghi, tụng ca, tế ca, thánh ca, giới cấm của chư vị lại rơi vào giới cấm thủ, là một trong ba trở ngại ngăn chư vị bước vào dòng thì làm thế nào có định chơn chính, có tuệ chơn chính được! Còn nữa, ảo kiến về cái ngã, thân kiến và mọi hoài nghi về pháp, về con đường ở nơi tôn giả vẫn còn y nguyên, có nghĩa là chưa sợi dây nào bị cắt đứt cả! Đấy là sai lầm về cái gọi là giới luật bậc thánh của tôn giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa nín lặng. Trời lạnh mà ông toát mồ hôi!

Đức Phật biết cái gì xẩy ra trong tâm và trí của ông ta, nhưng ngài hẹn vào dịp khác.

Đêm thứ tư tại hỏa viện, phạm thiên Sahampati xuống hầu thăm, đảnh lễ đức Phật; rồi dùng oai lực của mình làm cho hào quang vi diệu tỏa sáng cả một vùng trời. Hào quang này, của ai mà oai lực còn lớn hơn cả thiên chủ Sakka? Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa đã rúng động thật sự. Vị sa-môn này là ai, đã đắc quả bậc thánh nào, đã đắc quả A-la-hán chưa? Nếu không, tại sao ông ta chỉ ra từng sợi dây ràng buộc rõ ràng như thế?

Cuộc đàm đạo vào buổi chiều lai được tiếp tục.

- Giới luật của tôn giả là tốt, tâm định của tôn giả là tốt –

Đức Phật mở đầu - nhưng chúng trở nên sai lầm, sẽ không đưa đến giác ngộ, giải thoát là vì kinh điển, vì truyền thống; nói rõ hơn là sai lầm bởi Veda, Vedantā và Upanishad! Cái mà tôi đã tóm tắt từ hôm qua: Là māyā, atta, brāhman!

- Xin cho được nghe! Đạo sĩ có vẻ thành khẩn - Điều này có thể làm bủn rủn kinh điển và làm cho các tượng thần toát mồ hôi. Nhưng gẫm lại, hiền giả chưa nói một câu nào, một lời nào để tôi có thể phản bác được, trái lại, đã khai thông cho tôi nhiều vấn đề lắm!

- Xin cảm ơn tôn giả đã thật lòng - Đức Phật nói – Bây giờ chúng ta hãy tiếp tục về chuyện đất, nước, lửa, gió ngày hôm kia! Như vậy là một giọt nước cũng đầy đủ yếu tính của vũ trụ, một hạt bụi cũng hàm tàng vạn hữu ở bên trong! Một vật tự có, chúng ta không thể quan niệm được, có phải vậy không, thưa tôn giả?

Đạo sĩ có vẻ ngần ngừ:

- Vậy thì nguyên lý của trời đất, thực thể tuyệt đối Brāhman, không phải ngài đã tự có rồi sinh thành vạn hữu hay sao?

- Brāhman là có thực nhưng không phải là thực thể tuyệt đối, ngài cũng chỉ là một chúng sanh! Hào quang đêm qua là oai lực của vị ấy, là Đại Brāhman Sahampati, bạn cũ của tôi từ thời đức Phật Kassapa, trùng họ với tôn giả đấy!

Đạo sĩ sửng sốt một hồi rồi hỏi tiếp:

- Vậy thì các vị thượng đẳng thần: Brāhmā - thần sáng tạo, Viṣṇu - thần bảo tồn và Śiva - thần hủy diệt cũng không có nữa hay sao?

- Vẫn có đấy! Đức Phật mỉm cười – Nhưng không phải hiểu theo nghĩa tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn toàn phải được hiểu theo nghĩa triết học! Khi mà hiểu theo nghĩa triết học thì thần sáng tạo chính là sự sinh khởi, thần bảo tồn chính là sự an trú, thần hủy diệt chính là sự tàn rụi, diệt mất. Ba giai đoạn sinh, trụ, diệt là định luật chung của vạn hữu, là cái gì

tất yếu! Một mầm cỏ, một chiếc lá, một nụ măng... cũng sinh, trụ và diệt! Một quả đất, một tinh cầu, một thiên hà... cũng sinh trụ và diệt! Nhưng chúng ta phải cảm ơn ân sủng của thượng đế đã cho thế gian thế giới các vị thần ấy!

- Tại sao? Đạo sĩ chợt hỏi.

- Vì nhờ các vị thần ấy mà đám cỏ sinh trưởng, lớn lên xanh biếc để cho trâu, bò, dê sinh sống, cho sữa đến mọi nhà. Nụ măng lớn lên thành tre, thành rừng tre để chúng ta làm nhà cửa, vật dụng sinh hoạt. Nhờ sinh, nhờ diệt của vạn hữu mà có thời gian, nắng mưa, ngày đêm, xuân hạ thu đông; núi sông và cả cơm bánh trần gian cho mọi người nữa... Vậy, sinh, trụ, diệt là định luật trường cửu, là luật tắc chi phối, tương tác để duyên sinh trùng trùng thế gian vạn tượng! Như thế, một vật tự có, tự tồn tại, tự sinh rồi sinh thành, sinh hóa muôn vật là cái gì không thể quan niệm được, có phải vậy không, thưa tôn giả?

Im lặng một lát, đức Phật chỉ tay ra dòng sông:

- Nước cuồn cuộn trôi chảy này, nó có từ đâu, tôn giả? Suốt bốn tháng nắng nóng, biết bao nhiêu lượng nước ở sông hồ, đất đai, cây cối bị mặt trời thiêu đốt; nước ấy bị diệt, bốc hơi thành khói, thành mây; mây ấy gặp lạnh, nó diệt, nó đông lại thành nước trở lại! Định luật sinh trụ diệt, như vậy là còn kéo theo sự luân hồi tất yếu của vạn hữu nữa, thưa tôn giả!

- Nó tất yếu, tất nó là định mệnh, vậy chúng ta không thể thoát ra? Đạo sĩ hỏi, đăm chiêu.

- Ta không cần thoát ra - Đức Phật nói – Sinh diệt và luân hồi của vạn hữu là sự vận hành tự nhiên của pháp giới, nó không đưa đến dukkha; chính sự sinh diệt, luân hồi của tư tưởng, của tâm niệm chúng ta mới biến thế giới ấy thành māyā, thành dukkha rồi trở thành vấn đề attā, brāhman của Vedantā đấy, thưa tôn giả!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa bàng hoàng. Có cái gì như lóe

sáng. Ông định cất tiếng hỏi nhưng đức Phật đã đứng dậy, ngài nói:

- Chính tôn giả phải tự tìm kiếm câu trả lời!

Đêm đó, hỏa viện bốc cháy, không biết lý do tại sao. Mọi người tỏ ý thương xót vị sa-môn có nhiều oai lực. Trong nhóm đạo sĩ khổ hạnh ngâm mình dưới nước, có người bật khóc. Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa hớt hải cho người chữa lửa và tìm kiếm thử thi hài của người tuổi trẻ đáng kính, nhưng tìm hoài không thấy. Có người thấy bóng dáng của đức Phật trên rừng, ngài có nhắn lại là ngài vô sự, khỏi lo cho ngài; và hôm nay ngài sẽ đi khất thực ở một miền xa.

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa thở phào, chợt một ý nghĩ lóe lên trong ông: "Hôm nay là ngày tế lễ lớn của đạo thần lửa. Các tín đồ khắp nơi, không những quanh vùng mà cả Māgadha và Aṅgā cũng sẽ đổ xô về đây! Ta lại còn có buổi giảng pháp. Mấy hôm nay ta cảm thấy lo ngại, một là do ta đã thấy được việc tế thần lửa là vô ích; hai là kiến thức của ta rất giới hạn, nhiều khuyết lõm, ông ta sẽ cười chê! Vậy, có lẽ vị sa-môn ngại ta cấn cái, khó xử nên đã tìm cách tránh đi? Ông ta quả thật đã đọc được sự khó xử của ta! Chắc chắn ông ta đã đắc tha tâm thông, và lối xử sự ấy tế nhị vô cùng vậy!"

Hôm ấy, đức Phật đi trì bình khất thực ở Bắc cu-lu châu, nghỉ ngơi tại ao lưu ly Anotatta, phạm vi lãnh thổ của Tứ đại thiên vương, suy nghĩ đến lộ trình hoằng hóa sắp tới, cần nhiều phương tiện trí như thế nào. Riêng đạo sĩ già thì tâm trí đã sắp chín muồi, chỉ cần một vài tác động nữa là sẽ nhiếp phục được; và cả ba anh em cùng với giáo chung của họ là lực lượng quan trọng cho chánh pháp, cho sự phát triển mai hậu.

Nghĩ thế xong, đức Phật sử dụng thần thông bay qua đảo Sư Tử. Và tại Đại long lâm viên (Mahānāga), ngài đã hoá độ cho rất nhiều Dạ-xoa thọ trì quy giới.

Cuộc tế lễ hằng năm với hằng ngàn tín đồ, với lễ vật, lễ phẩm cao như núi của đạo thần lửa chấm dứt, trời mưa tầm tã, gió bão dữ dội, nước sông dâng lên rất nhanh, tràn bờ, ngập lụt cả mấy cánh đồng. Một số cốc liêu của các đạo sĩ ở gần bờ bị nước cuốn trôi; một số khác thì xiêu vẹo, sụp đổ. Đức Phật ở trong một hang đá suốt hai ngày, ngài không ăn, chỉ ngồi hưởng lạc về thiền, lạc về quả. Mưa bão dứt, đức Phật đi quanh một vòng, thăm các thôn làng, thấy họ không hư hại gì nhiều, biết họ đã quen với bão lũ, biết họ đã chuẩn bị trong khi thời tiết thay đổi đột ngột cuối mùa. Các đạo sĩ thì có vẻ tự tại, ai dựng lại am cốc thì dựng, ai không dựng lại thì thôi. Đức Phật ghé thăm đạo sĩ Uruvelā-Kassapa khi trời đã chiều tối. Am thất của ông, chúng đệ tử đã sửa sang lại.

Đạo sĩ ngắm nhìn phong thái tự tại và sắc mặt quang rạng của đức Phật, ngạc nhiên hỏi:

- Hiền giả đi đâu mấy hôm nay, ai cũng lo lắng cho ngài cả! Mà sao trông hiền giả như từ ở cõi trời nào mà trở về?

- Một bữa, tôi vui chân đi khất thực ở Bắc cu-lu châu, nghỉ ở ao trời Anotatta; qua chơi đảo Sư Tử; còn hai hôm tôi ở trong hang đá gần đây thôi!

Đạo sĩ mời vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn, bắt đầu vấn đạo:

- Tôi đã thấy rõ sự vô ích của việc tế thần lửa, tôi đã thấy sự giới hạn của các giới luật và khổ hạnh đang thọ trì, tôi cũng đã nhìn ra ý nghĩa triết học của các thượng đẳng thần, sự sinh diệt và luân hồi tất yếu của vạn hữu; nhưng mà những từ māyā, dukkha, atta, brāhman liên hệ với nhau như thế nào, quả thật là tôi chưa nắm vững!

Đức Phật biết đây là cuộc đàm đạo cuối cùng để đưa đạo sĩ vào dòng chánh pháp nên ngài chuyển lên một cung bậc thang âm vi diệu:

- Này tôn giả! Hỏa thịnh cục bộ ở một nơi, làm cho hỏa

viện bốc cháy! Phong và thủy thịnh ở một miền, làm cho bão lụt xẩy ra. Trong tứ đại của đất trời, nếu chúng bất hòa là sinh ra nạn đất, nạn nước, nạn gió, nạn lửa, điều đó thì chắc tôn giả đã thấu hiểu rồi! Con người cũng tương tợ vậy. Nếu tổng cộng có một ngàn một trăm hai mươi thứ bệnh như Veda nói thì trong đó có một ngàn bệnh là do đất thịnh, nước thịnh, lửa thịnh, gió thịnh. Số còn lại là do bệnh nghiệp, nghiệp do từ kiếp trước còn dư sót. Như vậy là già, bệnh, tử của chúng sanh muôn loài là định luật tự nhiên của pháp giới, không loại trừ một ai, một vi sinh vật, một chúng sanh nào trong ba cõi, bốn loài dù là một phạm thiên, một đại Brāhman! Tôn giả hãy chiêm nghiệm xem tôi nói thế có đúng với sự thật không?

- Thưa, hoàn toàn đúng với chân lý!

- Như thế, vấn đề đã được giới hạn lại, chỉ còn bệnh nghiệp! Nghiệp ở nơi thân thì có từ thân khẩu. Thân ác hạnh, khẩu ác hạnh thì bệnh tật, ốm đau, ngũ quan khuyết tật, yểu thọ, chết dữ; thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh thì thiểu bệnh, thiểu tật, mạnh khỏe, ngũ quan kiện toàn, tốt đẹp và trường thọ! Vậy muốn tu tập thì phải sử dụng ngữ, nghiệp, mạng thanh tịnh; nói cách khác là phải giữ gìn, thu thúc thân khẩu và trì bình khất thực nuôi mạng chân chánh, có một đời sống thiểu dục, tri túc là đủ, chứ cần gì khổ hạnh này, khổ hạnh kia, có phải vậy không tôn giả?

- Đúng vậy, có một đời sống chừng mực, tiết độ trong tứ sự thì nó không những hỗ trợ cho ngữ nghiệp mạng trở nên trong lành, thiện lương, cao cả, phạm hạnh, mà còn làm cho khí huyết lưu thông, tứ đại điều hòa, an ổn. Tôi cũng từng biết như thế và từng sống như thế mấy chục năm nay, thưa hiền giả!

- Vậy vấn đề còn lại của chúng ta là bệnh tâm, là sầu bi khổ ưu não, cái mà tôi gọi là dukkha đấy, thưa tôn giả!

- Cái mà Vedantā nói là māyā thì nó có liên quan gì đến

dukkha?

- Thế giới vạn hữu xung quanh ta, vũ trụ, trăng sao, núi sông, xuân hạ thu đông, nắng mưa, ngày đêm, muôn đời vẫn vậy, nó luôn bất toàn, không có thực tính, rỗng không, vô thường biến dịch! Con người vì không thấy rõ như thực ấy, do vô minh, do khát vọng, do dục vọng tầm cầu nên cứ muốn đi tìm cái đại toàn, cái bản thể tự tại, cái nhất nguyên tuyệt đối, cái chân ngã thường trụ, cái chân thường bất diệt nên đã biến cái thế giới như thực ấy thành māyā, thành dukkha! Đây là nói đến các tôn giáo, tín ngưỡng trên châu Diêm-phù-đề, nói đến những sứ giả tâm linh, những hành giả lên đường hướng thiện và hướng thượng! Riêng đối với chúng sanh thấp thỏi, hạ liệt, do muốn thỏa mãn các dục nên đã chạy bắt những lý tưởng, những ước mơ sái với định luật, nhân quả nghiệp báo; tìm kiếm danh vọng, địa vị, quyền lực, lợi dưỡng sái với định luật nhân quả nghiệp báo rồi tạo nên muôn trùng khổ đau tại thế, lôi kéo theo chiến tranh, máu lửa, hận thù, thủ đoạn, giật giành, gian xảo, oan trái, lầm than, đố kỵ, ganh ghét, phản bội, bạc tình, vong ân bội nghĩa...

- Tôi hiểu rồi, tôi hiểu rồi hiền giả! Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa gật đầu liên tục - Chúng muốn biến thế gian bên ngoài sao cho hợp với bầu vô minh và dục vọng vô độ của chúng, nên cái như thực, định luật tự nhiên của nhiên giới, chợt trở thành māyā huyễn hóa, phản ánh thành dukkha ở bên trong, cái mà hiền giả gọi là bệnh tâm: Sầu bi khổ ưu não!

- Chính thị! Đức Phật rất hoan hỷ sự lãnh hội của đạo sĩ, nói tiếp – Cái hoa đẹp, muốn nó thường tồn, đẹp mãi; muốn không được trở thành dukkha! Tuổi trẻ thanh xuân chóng qua, tiếc rẻ; đã già rồi mà vẫn còn muốn trẻ, muốn đẹp mãi; muốn không được trở thành dukkha! Một lý tưởng, một ước mơ, một hoàn cảnh, một hiện tượng từ lục căn với lục trần

tương quan phát sanh nó đưa đến bất như ý, bất toại nguyện cũng đều là thuộc tính của dukkha cả!

Và gốc nguồn của tất thảy dukkha chính là ngũ uẩn, chính là chấp thủ ngũ uẩn; nghĩa là chấp thủ sai lầm sắc thân, chấp thủ sai lầm cảm thọ, chấp thủ sai lầm tâm hành, chấp thủ sai lầm về thức tri!

Và thế rồi, đức Phật cặn kẽ, tận tình bảo đạo sĩ nhắm mắt lại, quán chiếu nội tâm, lắng nghe thử sự trôi chảy, sinh, trụ, diệt của mỗi sắc, của mỗi cảm thọ, của mỗi tri giác, của mỗi trạng thái tâm lý, của mỗi thức tri! Rồi đức Phật tự để cho đạo sĩ thấy rõ rằng: Thân và tâm chúng vận hành tương quan, tác động duyên khởi; mỗi cảm thọ, mỗi tri giác, mỗi tâm lý, mỗi thức tri đều trôi chảy liên lỉ, kế tiếp nhau như những giọt nước kế tục tạo cho ta ảo giác có một dòng sông! Ở đó không có một thực tính, một tự thể, một ngã tính nào cả! Vì vô thường nên vô ngã, đấy là sự thực có thể chứng nghiệm ngay chính trong lòng mình, chứ không phải cạn cợt trên bề mặt của nhận thức! Ai thấy rõ vô thường vô ngã thì bước ra khỏi thế giới māyā, chấm dứt dukkha, nghĩa là chấm dứt toàn bộ phiền não, khổ đau trên đời này!

Đạo sĩ Uruvelā-Kassapa chợt mỉm cười:

- Quả thật chẳng có cái ngã tính nào ở nơi thân tâm này; cho đến sự tập hợp của sắc thọ tưởng hành thức nó cũng trôi chảy trong dòng trôi chảy, sinh diệt, tương quan, tương tác; có cái này thì có cái kia, không có cái này thì không có cái kia, chẳng có đâu là cái chủ tể, cái yoni như trong thức giác Upanishad đã nói! Chẳng có một linh hồn, một tiểu ngã (atta) nào tồn tại, thưa hiền giả!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy còn đức Brāhman chí tôn, đấng hóa sinh muôn loài? Cấp độ cuối cùng của thiền định là hòa tan tiểu ngã vào đại ngã thì sao nhỉ?

- Tiểu ngã không thực hữu, không tự tính còn đại ngã

chính là các luật tắc của vũ trụ, hòa tan vào đấy mà làm gì! Thưa hiền giả, vấn đề còn lại là dukkha, là sầu bi khổ ưu não mà thôi!

- Hãy nhìn xem, hãy quán chiếu mà xem! Khi tuệ như thực - chánh kiến, chánh tư duy - nhìn ngắm sắc thọ tưởng hành thức như thực, đừng cho uẩn nào chồng chất lên đấy cả thì sầu bi khổ ưu não có có mặt không, tôn giả?

- Thưa không! Đạo sĩ đáp – Nhưng nếu chúng có mặt?

- Hãy dùng chánh niệm, chánh định ghi nhận chúng, nó sẽ yên lặng, sầu bi khổ ưu não sẽ không quấy nhiễu nữa; và sau đó sẽ phát sanh kiến và tư duy chơn chánh. Định như thực năng sinh tuệ như thực là vậy!

Thế là đức Phật đã giảng nói Tứ Diệu Đế theo kiểu khác, ban đầu là tháo gỡ những tri kiến cũ, sau đó là hé lộ cho đạo sĩ thấy rõ dukkha, nguyên nhân của dukkha, cuối cùng là phô bày đạo lộ Bát chánh một cách rất thiện xảo vậy.

Tâm, tuệ bừng sáng, vô minh diệt, minh hiện, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa như thức tỉnh sau một triệu kiếp đặc đầy hư vô, chỉ trong mấy sát-na, ông đắc luôn quả vị A-la-hán và các thần thông; ông quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ đức Phật với sự tri ân dạt dào:

- Với kiến thức siêu quần bạt tụy, với biện giải minh nhiên vô ngại, với trí tuệ quảng bác vô tỉ, với thần thông vô biên siêu thế, ngài đúng là một vị Phật, một đức Như Lai Thế Tôn, một bậc Chánh Đẳng Giác muôn triệu năm mới có một lần! Đệ tử bây giờ mới biết rõ, thấy rõ như vậy! Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được sám hối bởi những mạo phạm vô ý hoặc do ngu si không thấy, không biết trước đây!

Đức Phật cứ để tự nhiên cho đạo sĩ Uruvelā-Kassapa quỳ lạy; ngài mỉm nụ tiếu sinh tâm rồi sử dụng liên tiếp ba loại hào quang để nhiếp phục luôn hội chúng quanh đây. Đầu tiên là hào quang sáng dịu, thanh trong như phạm thiên Sahampati nhưng lớn rộng hơn nhiều, bao trùm cả khu rừng.

Tiếp theo, hào quang kia chợt chuyển màu, lung linh sáu sắc, chập chờn chuyển động, uốn lượn như sáu con giao long. Cuối cùng, hào quang thu nhỏ lại dần dần, rút lui về am thất, bao tròn xung quanh ngài như một quả cầu pha-lê rồi nằm yên mãi như thế.

- Này Kassapa-Uruvelā! Như Lai là Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác, điều đó ông đã biết rồi; và ông cũng đã là một vị A-la-hán có thần thông! Vậy thì hãy hướng tâm để biết một số kiếp trước đây của Như Lai, biết về cuộc đời và hành trạng của Như Lai trong kiếp này, sau này sẽ có lợi cho giáo pháp trên đường hoằng hóa!

Vâng mệnh, đạo sĩ bèn hướng tâm (đức Phật hỗ trợ thêm năng lực) quả là thấy rõ từ thời đức Phật Dīpaṅkara, đạo sĩ Sumedha được thọ ký ra sao, tu tập công hạnh ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đẳng Giác thế nào. Kiếp cuối cùng làm người với năm đại thí, lên cõi trời Tusita, giáng sanh cõi người làm thái tử con vua Suddhodana, hoàng hậu Mahāmāyā. Lớn lên, sở học, sở tài, kết hôn với công chúa Yasodharā, hài nhi mới sinh Rāhula, xuất gia tầm đạo, sáu năm khổ hạnh rồi giác ngộ giải thoát nhờ pháp hành trung đạo tại cội cây Assattha bên kia bờ nam con sông Nerañjarā; thứ đến, suốt bốn mươi chín ngày ngài không ăn, quanh quẩn bên cội Bodhirukha để hoàn thiện giáo pháp, phạm thiên Sahampati thỉnh ngài lên đường chuyển pháp, độ cho năm bạn đồng tu Koṇḍañña, Yasa cùng năm mươi lăm thân hữu tại Lộc Uyển... mỗi mỗi đều hiện rõ như trong lòng bàn tay của ông!

Thấy xong, đạo sĩ Uruvelā-Kassapa xin xuất gia tỳ-khưu. Đức Phật bảo ông đọc ba lần Tam quy như là nghi thức, sau đó nói rằng, ông đã là một vị tỳ-khưu chơn chính, giáo pháp trong tâm ông đã có đủ, hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng để đem đến hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Khi đức Phật và vị tân A-la-hán bước ra hiên thì đèn đuốc sáng rực cả một rừng, mấy trăm đạo sĩ đứng ngồi lố nhố. Chính oai lực thần thông phóng ba loại hào quang của đức Phật đã hấp dẫn họ đến đây. Ba vị đệ tử lớn còn kể thầm cho họ nghe rằng, thầy của họ, hôm nay mới biết vị sa-môn kia là một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác; thầy đã quỳ lạy sát chân ngài, xin quy y, thọ tỳ-khưu giới, xưng mình là đệ tử... Và dường như không ai ngạc nhiên cả: Người mà Tứ đại thiên vương, Đế-thích thiên chủ, Đại phạm thiên xuống hầu suốt đêm thì nhất định là bậc tối cao hơn rồi! Hơn nữa, từ lâu, họ kính ngưỡng, xem thầy họ như vị thần; thầy họ mà cải giáo theo thì dĩ nhiên việc làm ấy là đúng rồi!

Biết ý thầy và trò họ sẽ còn nói chuyện với nhau, đức Phật đi lên hang đá nghỉ đêm. Trưa, khất thực ở một làng xa, độ ngọ xong, đức Phật xuống am thất của đạo sĩ, ông ta cho biết là đồ chúng đã sẵn sàng, đã chuẩn bị quy y và thọ giới tỳ-khưu theo chánh pháp. Đức Phật tỏ vẻ khen ngợi rồi bàn với đạo sĩ về việc cạo sạch râu tóc và chuẩn bị y bát cho hội chúng; làm thế nào để chư vị tỳ-khưu sơ tu toát ra một tăng tướng trang nghiêm, thanh tịnh, biểu tượng trung đạo chứ không thể để họ lôi thôi, lếch thếch như những hình ảnh các đạo sĩ khổ hạnh trước đây!

Tôn giả Uruvelā-Kassapa nói:

- Đệ tử hiểu và đã chuẩn bị một phần theo tinh thần mà đức Thế Tôn vừa giáo giới. Trong cuộc lễ tế thần vừa rồi, mấy ngàn giáo đồ dâng cúng lễ phẩm, trong đó có khá nhiều vải dành cho hội chúng vào mùa rét lạnh sắp tới. Đệ tử đã cho chia phần, cho nhuộm màu vàng hoại sắc giống như chín mươi vị A-la-hán đang đi hoằng hóa bốn phương vậy!

Đức Phật gật đầu:

- Tốt, ông rất chu đáo, đã biết được ý của Như Lai; vậy lúc nào xong xuôi, hãy cho tụ hội một nơi rộng rãi, thoáng đãng, Như Lai sẽ làm lễ thọ giới cho họ!

Thế là một cuộc thay đổi vĩ đại, một sự chuyển hóa vĩ đại, một cuộc thọ giới tỳ-khưu vĩ đại xẩy ra ở bờ bắc sông Nerañjarā: Năm trăm đạo sĩ râu tóc sạch sẽ, mặc y màu vàng hoại sắc được đức Phật cho làm lễ xuất gia tỳ-khưu. Họ đồng quỳ xuống bên sau tân tỳ-khưu Uruvelā-Kassapa đọc ba lần câu Tam quy vang động cả một vùng sông nước, khí thế bốc chín tầng mây:

"-Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi. Saṅghaṃ saranaṃ gacchāmi".

(Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Pháp. Đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Tăng).

Chỉ có đức Phật và Uruvelā-Kassapa mới nghe thấy được chư thiên trong vùng hoan hỷ ca ngợi và tung rải hoa trời phất phới...

Đức Phật bàn với Uruvelā-Kassapa lựa chọn chừng vài mươi tỳ-khưu có trình độ để ngài giảng những giáo pháp căn bản, những hành trì căn bản cũng như những luật nghi cần thiết của đời sống sa-môn hạnh. Hội chúng tuân lệnh răm rắp. Uruvelā-Kassapa và ba người đệ tử trưởng quả là những người có khả năng lãnh đạo và khả năng tổ chức. Họ đã tự động chia nhóm, phân tổ rồi truyền đạt có hiệu quả những lời dạy của đức Phật về đời sống trung đạo, hướng đến giác ngộ, giải thoát như thế nào.

Đạo tràng của đạo sĩ Nadī-Kassapa và đồ chúng ở về phía hạ lưu, một hôm trông thấy những chùm tóc bện, y áo bằng vỏ cây, da thú, một số vật dụng tế thần lửa trôi bồng bềnh trên sông - tưởng đạo tràng của ông anh của mình gặp nạn nên hối hả, bươn bả lên xem. Ngạc nhiên xiết bao: Cả rừng người đều đã đổi khác! Cuộc đàm đạo sau đó xẩy ra giữa hai anh em, và Nadī-Kassapa cùng ba trăm chúng đệ tử đồng thuận cải giáo. Ông em thứ ba là Gayā-Kassapa cùng với hai trăm đồ chúng, sự việc cũng tương tợ như thế. Vậy là

chỉ sau mấy hôm, đức Phật đã nhiếp hóa trọn vẹn ba anh em nhà Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ trở thành một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu!

Hôm kia, dẫn đầu là đức Phật, ba anh em Kassapa, sau đó là một ngàn vị tỳ-khưu mặc y màu lõi mít lẫn lộn với màu vàng đất, râu tóc sạch sẽ, thứ tự, trang nghiêm tản mạn khắp các thôn làng để trì bình khất thực. Hình ảnh ấy tạo một ấn tượng rất mạnh, rất đẹp trong lòng quần chúng. Trưa, tất cả thanh tịnh, lặng lẽ ngồi độ thực tại vùng đồi Gayāsīsa (Tượng Đầu sơn).

Hôm ấy, trời trong, mây nhẹ, đức Phật lựa ngồi trên một tảng đá cao có thể bao quát hội chúng, có ba anh em Kassapa ngồi hầu bên cạnh, ngài đã hiển uy sư vương để thuyết pháp với âm giọng trầm hùng như tiếng hải triều, như sấm gióng giữa trời mưa:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Các thầy có thấy chăng, tất cả đều đang bị bốc cháy, tất cả đều đang bị thiêu đốt! Cái gì đang bị thiêu đốt, cái gì đang bị bốc cháy, các thầy có biết không? Hãy nghe đây! Mắt đang nằm trong lửa, mắt đang bị bốc cháy! Tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đang nằm trong lửa, chúng cũng bị bốc cháy! Nghĩa là cả sáu loại giác quan đều đang bị bốc cháy! Các đối tượng của chúng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Rồi cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc chạm, cái suy nghĩ đang nằm trong lửa, cũng bị bốc cháy! Lục căn, lục trần, lục thức đều ở trong lửa, đều đang bị thiêu đốt và bốc cháy! Vậy thì lửa ấy ở đâu, do từ đâu có?

Nầy các thầy tỳ-khưu! Chúng bị bốc cháy bởi lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê; rồi chúng bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng!

Nầy các thầy tỳ-khưu! Tất cả mọi cảm thọ đều đang bị bốc cháy! Các cảm thọ đi qua mắt, qua tai, qua mũi, qua

lưỡi, qua thân, qua ý cũng đều bị bốc cháy. Dù là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ hay cảm thọ xả, chúng cũng đang bị bốc cháy! Lửa cháy bởi đâu? Cũng tương tợ vậy! Chúng bốc cháy bởi lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê; rồi chúng bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng!

Nầy các thầy tỳ-khưu! Là đệ tử thuần thành của bậc thánh nhân, là sa-môn đi theo giáo đoàn thanh tịnh, các thầy đừng để bị bốc cháy theo với các ngọn lửa tham dục, sân hận, si mê trong lòng mình; đừng để bị bốc cháy theo với sinh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, ta thán, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng! Vậy thì phải làm như thế nào, tu tập như thế nào, hành trì như thế nào để khỏi bị bốc cháy?

Nầy các thầy tỳ-khưu! Hãy nhận rõ như thực như chân điều này: Khi lục căn tiếp xúc với lục trần liền phát sanh các cảm thọ! Khi có các cảm thọ là các ngọn lửa bắt đầu âm ỉ để bốc cháy! Vậy phải tự hiểu, tự chiêm nghiệm, tự thức tri để nhàm chán, viễn ly các ái lúc xúc đối với ngoại cảnh, với lục trần. Nói cách khác, phải nhàm chán, viễn ly sắc thanh hương vị xúc pháp do khả ái, khả ý, khả lạc bởi chúng sẽ làm cho toàn bộ thân tâm bị bốc cháy. Và khi làm như thế, các thầy sẽ vắng lặng, buông xả, cắt lìa mọi tham dục, mọi sân hận, mọi si mê kéo theo sự chấm dứt sanh, già, bệnh, chết, đau thương, phiền muộn, âu sầu, lo lắng, sợ hãi, ưu não, thất vọng và tuyệt vọng. Tâm và trí của các thầy một khi đã tận diệt mọi ô nhiễm, sẽ nếm thưởng hương vị của giáo pháp bất tử, của niềm vui siêu thế. Như vậy là các thầy đã viên mãn đời sống thiêng liêng phạm hạnh của bậc thánh nhân, đã làm xong những việc cần phải làm, không còn trở lại cuộc luân hồi tái sanh thống khổ nữa!

Đức Phật thuyết xong thời pháp "Tất cả đều bị bốc

cháy" (Āditta-pariyāya) thì cả hội chúng một ngàn lẻ hai vị tỳ-khưu đều đắc quả A-la-hán! Cả vùng sông nước, núi đồi miền Gayāsīsa hôm ấy cũng chợt trở nên vắng lặng, thiêng liêng và thanh khiết một cách lạ lùng!

Suốt mấy tháng liên tiếp sau thời pháp lịch sử ấy, đức Phật ở lại Gayāsīsa, khi ở hang động nầy, khi sang hang động khác để tĩnh cư; thời gian còn lại, ngài tuần tự giảng nói các giai đoạn sơ thiện, trung thiện và hậu thiện để giáo huấn hội chúng. Cả chân trời giáo pháp sâu và rộng được tuần tự mở ra trước tầm mắt họ, thuận lợi cho việc tuyên dương hoằng hóa sau này!

MỤC LỤC

Vương Quốc Cổ Xưa 7
Tại Cung Trời Tusita.....20
Đại Bồ-Tát Đản Sanh.....24
Lời Tiên Tri Của Đạo Sĩ Asita.....30
Lễ Quán Đính.....39
Lễ Hạ Điền[0] 44
Con Đường Học Vấn 50
Tuổi Thơ Và Tình Thương Của Thái Tử 63
Ngục Vàng 75
Thi Tài Võ Nghệ 85
Trong Cung Vui Và Những Dự Thảo 101
Đêm Khuya Nghe Gió Thở Dài 119
Tấm Lòng Với Cuộc Đời 130
Ba Giấc Mộng Của Nàng Yasodharā.....138
Ý Nghĩa Và Giá Trị Cuộc Sống.....148
Bốn Vị Sứ Giả.....156
Giấc Mộng Của Đức Vua Suddhodana.....186
Ra Đi Lúc Hoàng Thành Say Ngủ 198
Gót Khất Sĩ Lang Thang 219
Vị Đạo Sư Đầu Tiên.....232
Gặp Gỡ Đức Vua Seniya Bimbisāra 245
Vị Đạo Sư Thứ Hai 261
Rừng Khổ Hạnh 270
Tấm Nệm Cỏ Kusa.....287
Một Vầng Nhật Nguyệt.....303
Bốn Mươi Chín Ngày Sau Khi Thành Đạo.....313
Gióng Trống Pháp Bất Tử.....331
Giáo Hoá Năm Người Bạn Đồng Tu 335
Kinh Chuyển Pháp Luân.....339
Kinh Vô Ngã Tướng 366
MÙA AN CƯ ĐẦU TIÊN..... 375

Hoá Độ Công Tử Yasa Cùng Với Bạn Hữu 376
Những Bài Pháp Quan Trọng Tại Lộc Uyển..... 393
Hãy Ra Đi Như Những Cánh Chim Trời Tự Do 400
Hoá Độ Nhóm Vương Tử Ham Chơi 405
Về Thăm Lại Cội Cây Giác Ngộ 413
Nhiếp Hoá Anh Em Đạo Sĩ Kassapa 417

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu ……

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

2

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể truyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Về Thăm Lại Đức Vua Seniya Bimbisāra

Sau khi sinh hoạt của hội chúng đã tạm thời đi vào quy củ, nền nếp; đức Phật thấy thời tiết có nắng nhẹ, trời không lạnh lắm, thuận lợi cho việc du hành nên quyết định rời Gayāsīsa, đến kinh đô Rājagaha, đường xa chừng sáu do-tuần. Thấy đoàn sa-môn quá đông, khó khăn cho việc khất thực, đức Phật gợi ý với ba anh em Kassapa cho chúng đệ tử phân thành từng nhóm, mỗi nhóm chừng vài ba mươi người để đi độ thực rải rác các thôn làng. Vì đều là các bậc thánh nhân, ai cũng tỉnh giác, chánh niệm nên việc đến, việc đi, tá túc qua đêm chỗ này, chỗ kia đều sạch sẽ, tươm tất, không làm phiền đến ai, không làm tổn hại đến cả gốc cây ngọn cỏ. Tuy nhiên, đến ngày thứ năm, lúc gặp nhau tại một thung lũng, cách kinh thành chừng một do tuần, đức Phật còn giáo giới thêm rằng:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Chúng ta sắp đi vào kinh đô của một vương quốc giàu mạnh. Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ và tuyên thuyết các thầy đã thấu hiểu, đã chứng nghiệm; và bây giờ, giáo pháp ấy đang và sẽ bắt đầu đi vào cuộc đời, đi vào lòng người. Nhân dân kinh thành Rājagaha và đức vua Seniya Bimbisāra cảm nhận về giáo pháp ấy như

thế nào là tùy thuộc vào các thầy, tùy thuộc vào ngôn ngữ, khẩu giáo, tùy thuộc vào uy nghi, cốt cách, phong thái của các thầy! Như Lai nói ít nhưng các thầy sẽ hiểu nhiều! Hãy trân trọng!

Thế rồi, các nhóm tuần tự lên đường. Họ thâm hiểu lời dạy của đức Thế Tôn. Tôn giả Uruvelā-Kassapa có kiến thức khá thấu đáo về tình hình địa lý cũng như tình hình xã hội kinh thành Rājagaha, đã bàn với hai em và các đệ tử trưởng là nên tụ họp ở khu Rừng Kè có đền thờ Suppatittha cho đức Phật nghỉ ngơi tại phía tây nam kinh thành; là nơi rộng rãi, mát mẻ, không gần mà cũng không xa thành phố, ban đêm và ban ngày đều không bị sự ồn ào quấy nhiễu.

Hôm sau, cả kinh thành như bừng sáng lên, và xôn xao bàn tán về một ngàn vị khất sĩ áo vàng trang nghiêm, thanh tịnh đi qua cửa mọi nhà không phân biệt giai cấp, quý tiện, giàu nghèo. Khi nhận được chút ít vật thực, họ chỉ mỉm cười rất kín đáo rồi đọc nhỏ một lời kinh phúc chúc, không gật đầu và cũng chẳng cảm ơn ai cả! Họ cũng không nhận vàng, bạc, chỉ thọ những vật nấu chín... Thế rồi, đức vua Seniya Bimbisāra được các quan trình tấu rằng: "Sa-môn Gotama, nam tử dòng Sākya, sau sáu năm khổ hạnh, bây giờ tự xưng mình là Phật, là bậc Chánh Đẳng Giác hiện lãnh đạo một giáo đoàn có cả ngàn khất sĩ áo vàng đang tràn ngập kinh đô Rājagaha!" Nghe tin, đức vua Seniya Bimbisāra chợt nghe một niềm vui lạ lùng bừng bừng trong huyết quản; và ông biết ngay đấy là ai! " Đúng rồi! Đức vua nghĩ - Chỉ có người ấy, vị ấy, chàng trai anh tuấn, đẹp đẽ, quý phái ấy, sau nhiều năm lang thang tầm đạo, bây giờ đã chứng đạt được cái gì đó rất tối thượng, hiện đang đến kinh thành của ta đúng như lời hứa thuở trước!" Tức tốc, đức vua tụ họp ngay một số quan đại thần kỳ lão thân tín, hằng trăm bà-la-môn và nhân sĩ trí thức uyên bác, các gia chủ danh gia vọng tộc cùng với đông đảo tùy tùng, vệ binh... rầm rộ lên xe ngựa đến khu

Rừng Kè để thăm viếng cố nhân!

Tại chỗ phải lẽ, đức vua cho xe ngựa dừng lại rồi cùng với tùy tùng đi bộ vào, là thái độ kính trọng cần thiết, đã trở thành mỹ tục của quốc độ khi đức vua đi đến tham yết một vị đạo sư, một bậc giáo chủ uy danh! Biết tin đức vua đến, một người được xem là bạn cũ, một nhân vật quan trọng cho sự phát triển của giáo pháp sau này, đức Phật đã chuẩn bị sự đón tiếp: Một ngàn lẻ hai vị tỳ-khưu tự động ngồi trang nghiêm, lặng lẽ thành nhiều vòng bán nguyệt trên một khu đất rộng, còn đích thân ngài cùng với tôn giả Uruvelā-Kassapa đi bộ ra bìa rừng.

Khi thấy đức Phật và tôn giả Uruvelā-Kassapa đi gần đến nơi, đức vua đã nhận ra ngay ngài cùng một vị sa-môn già lão, đạo mạo khả kính; nhưng lại chợt đâm ra hồ nghi, chẳng rõ ai là người lãnh đạo giáo đoàn? Các quan đại thần và rất đông nhân sĩ trí thức đã nhận ra vị giáo chủ thờ thần lửa nổi tiếng bấy lâu nay bây giờ đã đổi phục sức, tướng mạo; chắc vị trưởng lão này là thầy của vị sa-môn trẻ trung kia!

Nhờ tha tâm thông, đức Phật đọc được sự suy nghĩ của đức vua và tùy tùng nên ngài quay sang hỏi tôn giả Uruvelā-Kassapa:

- Nầy hiền giả Uruvelā-Kassapa! Trước đây ông là giáo chủ thờ thần lửa, nay vì lý do gì mà ông lại từ bỏ sự thờ cúng ấy?

Biết được dụng ý câu hỏi của đức Phật và cũng muốn giải tan sự nghi ngờ của mọi người, tôn giả Uruvelā-Kassapa chấp tay cung kính trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi loại tế đàn đều vô ích và phù phiếm! Tất cả mọi loại tế đàn đều đưa đến dục lạc và phiền não chứ không thể đưa đến an vui và thanh tịnh! Vì biết rõ, thấy rõ như vậy nên đệ tử đã từ bỏ việc tế thần lửa!

- Vậy sau khi từ bỏ các loại tế đàn, ông tìm kiếm an vui

và thanh tịnh ở đâu?

- Chính là nhờ vào giáo pháp của đức Thế Tôn! Chính nhờ giáo pháp bất tử ấy mà đệ tử đã thoát ly tất cả mọi chấp thủ ở bên trong hay bên ngoài, ở nhân giới cũng như thiên giới. Hiện giờ, tâm trí đệ tử đã đạt được sự an vui và thanh tịnh của Niết-bàn!

Nói như thế xong, tôn giả Uruvelā-Kassapa quỳ xuống và đảnh lễ ba lần sát chân đức Phật rồi tuyên bố ba lần: "Đức Thế Tôn là đạo sư của con! Con là đệ tử của ngài!" Dường như thấy vậy cũng chưa đủ để tuyên dương về đức Phật và đức Pháp; tôn giả còn hiển lộng thần thông, bay lên hư không cao một tầm cây thốt nốt rồi trở xuống quỳ lạy y chỗ cũ; lần thứ hai bay lên hư không cao hai tầm cây thốt nốt... đến lần thứ bảy cao bảy tầm cây thốt nốt đều được lặp lại như vậy...

Cách đảnh lễ ngoạn mục và sự quy ngưỡng vô cùng tôn kính của tôn giả Uruvelā-Kassapa đối với đức Phật - không những xóa tan mọi nghi ngờ, không những xác định vị trí lãnh đạo tinh thần tối thắng của đức Phật - mà còn tạo một ấn tượng sâu đậm trong tâm trí của đức vua và tùy tùng: Cái vị được gọi là Phật ấy phải là người có trí tuệ và uy đức như thế nào; cái giáo pháp mà vị ấy chứng ngộ là giáo pháp ra sao mà làm cho vị tôn túc trưởng lão kia, là giáo chủ có địa vị lớn, có danh vọng lớn phải thần phục, quy phục và quỳ lạy như thế?

Bây giờ mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía đức Phật. Họ thầm lặng chiêm ngưỡng. Họ giữ gìn sự yên lặng trong mỗi bước chân đi. Khi vào đến nơi, giữa Rừng Kè, nhìn cả ngàn vị sa-môn như một rừng đại định, họ cảm nhận một uy lực vô hình bắt họ phải thu thúc, giữ gìn thân khẩu ý!

Đức Phật mời đức vua và tùy tùng ngồi vào những nơi phải lẽ, rồi ngài chậm rãi, đoan nghi ngồi xuống trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Ba tôn giả Kassapa ngồi hầu sau

lưng như ba trưởng lão hộ pháp!

Đức Phật nói vài lời thăm hỏi sức khỏe của đức vua, cảm kích sự viếng thăm của đức vua và quần thần, sau đó giới thiệu ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn đồ chúng của họ, bây giờ đều là bậc thánh nhân vô lậu đang ở trong giáo pháp của ngài!

Đức vua Seniya Bimbisāra như chìm ngợp trong không gian tịnh định, bây giờ mới tỉnh lại, nói lời tri ân đức Phật đã nhớ lời hứa xưa đến thăm quốc độ của ông; và cả kinh thành này sẽ cung nghinh đức Phật và giáo đoàn như đón tiếp những bậc quốc khách! Đức vua cũng không quên giới thiệu các vị lão thần, các quan đại thần, các nhân sĩ trí thức đều là thành phần chủ chốt, cốt cán, quan trọng đang phụ tá, tham mưu triều chính về mọi lãnh vực tương thuộc cho ông. Và cuối cùng, đức vua có ước nguyện rằng, giáo pháp mà đức Phật đã chứng ngộ sẽ đem đến sự hạnh phúc và an vui cho chúng sanh, cho nhiều người trong quốc độ xinh đẹp nầy...

Biết là thời khắc phải lẽ, đức Phật thuyết một thời pháp, ngài nói về những pháp tuần tự (thuận thứ). Đầu tiên, ngài nói về những tạo tác sai lầm từ thân khẩu ý sẽ đưa đến những quả báo đau khổ như thế nào. Ngài hướng dẫn một đời sống trong sáng và lành mạnh bằng cách giữ gìn thân khẩu ý qua những giới điều cần phải thọ trì, những phương pháp định tâm cần phải tu tập. Hạnh phúc và an vui ở cõi người được quyết định bởi sự chu toàn các bổn phận tại thế. Ai cũng phải có những nghĩa vụ cần phải hoàn thành, những trách nhiệm liên đới cần phải gánh vác. Về vua tôi, cha con, chồng vợ, thân bằng quyến thuộc, bạn hữu, làng xóm, quốc độ... đều có những khu xử phải lẽ, nhất định của đạo làm người. Phải biết tin tưởng vào các giá trị tinh thần thiêng liêng, vào Như Lai, giáo pháp của Như Lai cùng tăng đoàn thánh hạnh của Như Lai (tín); phải sống đời có giới hạnh (giới), phải biết nghe những điều hay, lẽ phải, nhất là biết

học hỏi giáo pháp của đạo giác ngộ nơi các bậc sa-môn chân chính (văn); phải biết cung kính, cúng dường Tam Bảo; tế độ, giúp đỡ những kẻ đói nghèo, hoạn nạn, tai ương, hoàn cảnh bất hạnh (thí); phải có trí tuệ biết lánh xa điều ác, làm các việc lành; phải thường trực sáng suốt và tỉnh thức trên lộ trình hướng thiện và hướng thượng (tuệ)... Đức Phật còn nói khá nhiều về bản chất của cuộc đời như những sự thật phổ quát cần phải được thấy đúng, hiểu đúng. Dukkha chính là sự thật phổ quát ấy! Đừng vì dục lạc, sân si và tham vọng mù quáng mà đánh mất những tỉnh niệm, giác niệm hằng ngày! Đấy là sự sai lầm. Và chính sự sai lầm này làm cho dukkha chồng chất lên dukkha mà tạo nên khổ đau vô cùng tận. Đạo của Như Lai là đạo tỉnh thức, đạo giác ngộ - nên đạo ấy cần phải được thức tri, liễu tri, giác tri, minh tri tất thảy nguyên nhân của dukkha để tìm cách làm cho yên lặng chúng, chấm dứt chúng, đoạn diệt chúng! Tất cả nỗi khổ của trần gian, đời này và đời kia đều do con người tạo tác, tạo tác bởi sai lầm thì chính con người phải tìm cách xử lý, giải quyết lấy bằng sự đúng đắn của thân khẩu ý để điều chỉnh nó, hoàn thiện nó; không có vị thần linh, thượng đế nào xen dự vào đấy cả. Thấy đúng đưa đến suy nghĩ đúng, hành động đúng! Và đạo lộ ấy, Bát chánh đạo, Như Lai đã tìm ra, đã chứng ngộ; và giáo đoàn của Như Lai cũng đang trên con đường ấy mà tìm thấy niềm hạnh phúc siêu thế... Tuy nhiên, hạnh phúc siêu thế ấy không ở đâu xa, không ở ngoài trái đất, không ở trên hư vô! Đừng đi ra ngoài thế gian, mà cũng đừng tìm kiếm lông rùa, sừng thỏ! Nó ở đây và bây giờ, nơi Như Lai và ở nơi hội chúng của Như Lai, đang ở đây, trước mặt chư vị! Nó như mặt trời lên thì bóng đêm tự lui! Nó như ánh nắng dọi đến thì mù sương tan! Nó như mây vẹt thì trăng tỏ! Nó như mắt lành thì hoa đốm hết! Minh nhiên! Tự nhiên! Rỗng lặng! Chẳng có cái gì bớt mà cũng chẳng có cái gì thêm! Chỉ cần chúng ta thấy đúng như chân lý và sống

đúng như chân lý trong từng bước đi, trong từng hơi thở, trong từng khởi niệm - thì chúng ta đã tự giải quyết được bài toán sinh tử trần ai, luân hồi khổ đau muôn vạn kiếp...

Từng lời, từng chữ của đức Thế Tôn như thấm vào tâm trí và tim gan của hội chúng. Đức vua Seniya Bimbisāra càng nghe thì trí càng bừng sáng, tâm càng rộng mở. Sự điều chỉnh bản thân đã có câu trả lời. Sự hạnh phúc và an vui cho mọi người đã có lời giải. Lộ trình hướng thiện và hướng thượng đã chợt trở nên thênh thang trước tầm mắt. Sung sướng quá, đức vua quỳ xuống, năm vóc sát đất, đảnh lễ đôi chân trần có một ngàn căm bánh xe của đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn! Thuở trước, hồi còn là một tiểu vương tử, đệ tử có năm điều nguyện ước. Ước nguyện thứ nhất là được kế vị ngôi vua! Ước nguyện thứ hai là được một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác đến viếng thăm quốc độ của mình! Ước nguyện thứ ba là được có duyên lành diện kiến, kính ngưỡng, đón tiếp đức Chánh Đẳng Giác ấy! Ước nguyện thứ tư là được đức Giác Ngộ ấy giảng dạy chánh pháp! Ước nguyện thứ năm là có thể thông hiểu được giáo pháp mà vị ấy đã tuyên thuyết! Kính bạch đức Thế Tôn, mầu nhiệm làm sao, hiện nay cả năm điều nguyện ước xưa kia đều đã được thành tựu viên mãn. Ôi! Giáo pháp bất tử đã được đức Thế Tôn khéo giảng nói bằng nhiều cách khác nhau, rất là sáng tỏ, rất là thiêng liêng! Ví như Người đã dựng lên cái gì đã bị quăng ngã xuống! Ví như Người đã ân cần chỉ đường cho kẻ lạc lối! Ví như Người đã đem một ngọn đèn vào nơi tối tăm để ai có mắt có thể trông thấy hình sắc mọi vật! Cũng vậy, đức Thế Tôn đã thuyết giảng chánh pháp với nhiều phương tiện thiện xảo, với nhiều ví dụ, hình ảnh sống động, cụ thể, với nhiều ẩn dụ sâu nhiệm dành cho kẻ trí nghe, tức khắc được chuyển hóa! Bạch đức Thế Tôn! Nay đệ tử xin nương tựa nơi đức Thế Tôn, nương tựa nơi Giáo pháp, nương tựa nơi Tăng đoàn thánh hạnh này! Xin

đức Thế Tôn nhận cho đệ tử được làm một cận sự nam từ nay cho đến trọn đời!

Đức vua Seniya Bimbisāra vừa tác bạch xong tâm nguyện thì cả phái đoàn tùy tùng đồng quỳ xuống và đều xin được quy y, xin được làm đệ tử. Đức Phật mỉm cười, ngài biết là họ đã có bất động tâm, đã bước chân vào đạo lộ an vui (Nhập lưu) nên bảo tôn giả Uruvelā-Kassapa hướng dẫn cho nhà vua, quần thần và tùy tùng đọc ba lần tam quy. Lời phát nguyện đồng tâm, đồng trí của mấy trăm người như rúng động cả rừng cây, vang vang giữa hư không! Sau đó, nhà vua thỉnh cầu đức Phật và tăng chúng quang lâm đến thọ trai ở hoàng cung vào ngày hôm sau. Đức Phật nhận lời bằng cách im lặng.

Sáng ngày, lúc bình minh rạng, với y bát trang nghiêm, đức Phật dẫn đầu, sau lưng là ba anh em tôn giả Kassapa cùng một ngàn vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận từ từ, chậm rãi bộ hành hướng đến hoàng cung của đức vua Seniya Bimbisāra. Vì là đi hàng một nên đoàn sa-môn như một con rồng vàng khổng lồ uốn lượn dài cả một phần mười do-tuần. Các thôn làng ngoại ô vừa khuất sau lưng, qua khỏi cổng thành nam thì đường phố đã hiện ra. Có lẽ sự nghinh đón đức Phật và giáo đoàn sa-môn của đức vua tối cao đã được thông báo từ chiều qua nên cả kinh thành như vào ngày hội lớn. Đường sá đã được dọn dẹp sạch sẽ, quang đãng. Đèn treo hoa kết khắp mọi nơi. Hương trầm, hương chiên-đàn thơm thoảng giữa không gian. Người người chầu chực trước cửa mọi nhà. Rồi chỉ trong chốc lát, hàng ngàn, hàng ngàn người lũ lượt từ đâu đó đổ về đông nghẹt các lối đi! Có lẽ thông tin về đức Phật có tướng hảo quang minh và cả ngàn vị sa-môn trang nghiêm thánh hạnh đã tràn qua tai nhân dân thủ đô nên ai ai cũng tò mò, ai ai cũng muốn chiêm ngưỡng! Đến một ngã tư đường, lối rẽ phải đi vào hoàng cung thì đức Phật phải dừng lại vì đoàn người đã chặn bít...

Đúng lúc ấy thì một thanh niên xuất hiện. Với phục sức y mão cao sang vương giả. Với dung nhan cực kỳ tuấn tú, mỹ lệ. Như một vị thiên thần. Như vua của các vì vua. Thanh niên cúi đầu nghiêm cung đảnh lễ đức Phật, cầm trên tay cây đàn Balūva nhiều dây rồi bắt đầu cất tiếng hát. Ôi! tiếng hát của chàng! Ôi! những ngón tay kỳ diệu của chàng! Âm nhạc và lời ca đâu tự cung trời thánh thót rơi xuống, đổ tràn khắp cả hư không! Cả rừng người bỗng yên lặng! Cả rừng người không một máy động. Cả rừng người như chìm ngập trong thanh điệu, cung bậc lạ lùng! Tất cả như mê man. Tất cả chỉ còn tiếng hát và ca từ phiếu diễu, mênh mang, vô tận...

"- Hôm nay giữa đất trời thanh hương tú lệ
Tại kinh thành của đức vua hiền thiện, anh minh
Chuẩn bị hoa hương và lễ phẩm cung nghinh
Đức Giác Ngộ và một ngàn sa-môn thánh chúng
Đức Phật ấy có hào quang xán lạn
Có ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp
Hãy hát lên, hãy tụng ca đạo lộ vô thượng của Người
Hãy hát lên, hãy tụng ca công đức sáng ngời
Trong tam giới không có ai bì được
Người đã giải thoát luân hồi sinh tử
Người đã lên đường với chân trần, gót bụi độ sinh
Người với bi mẫn, từ tâm giáo hóa chúng hữu tình..."

Chàng thanh niên bước đi, chậm rãi, thong dong, vô sự. Vừa đi vừa gảy đàn vừa hát. Cả rừng người chợt chuyển động. Thanh niên bước sang một lối khác. Cả rừng người như bị hấp lực tự phát bị cuốn hút theo! Chàng thanh niên ấy, chính là thiên chủ Sakka hóa thân đang còn hát nữa. Chàng hát:

"- Thật là duyên lành hy hữu
Chúng ta mới làm được đệ tử của Người!
Thật là hạnh phúc làm sao

Khi chúng ta bước theo dấu chân của đức Tự Tại
Bước theo con đường xuân thắm hoa hương
Bước theo con đường trí tuệ và tình thương
Vô cùng vinh quang và vô cùng chiếu diệu..."

Khi đã tách được rừng người đi ra xa, khi đức Phật và Tăng chúng đã bước vào cổng hoàng cung, thiên chủ Sakka mới ngưng hát, ôm đàn biến mất, tức khắc xuất hiện ngay trước mặt đức Phật, cung kính đảnh lễ ngài rồi trở về thiên giới.

Đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi (Kosaladevi, em vua Kosala), quý phi Khemā, hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) và cả hằng ngàn quần thần, nhân sĩ... đồng đi chân đất một cách trân trọng ra tận ngọ môn để cung nghinh đức Phật và giáo đoàn.

Cuộc đón tiếp cực kỳ trân trọng được thiết trí tại điện chầu rộng thênh thang. Toàn bộ mặt bằng sân đá đều được lót thảm nhung đỏ viền kim tuyến. Chỗ ngồi đều được sắp đặt dưới những căn lều vải, gấm vóc, lụa là màu sắc rực rỡ. Đèn, cờ, phướn đủ loại mắc võng, giăng hàng đầy khắp hoa viên, các lối đi. Những thảm hoa, những chậu hoa, những cây hoa chỉ trong một đêm mà được quy tụ về, trần thiết để đón tiếp bậc Vô Thượng.

Bảo tọa của đức Tôn Sư được tôn trí ở điểm trung ương, ba bảo tọa của ba tôn giả Kassapa cạnh sau lưng đức Phật, sau nữa là cả ngàn bảo tọa thấp hơn, mấy chục hàng kế tục dành cho một ngàn sa-môn tăng đoàn. Trước mặt là sân lộ thiên dành cho những nhân vật, quan khách của hoàng cung...

Đức Phật dừng lại cho người hầu dâng nước rửa chân, rửa tay trong cái thau bằng vàng rồi lau sạch bằng khăn thơm. Cả một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu đều được đón tiếp quý trọng như thế. Khi đức Phật và tăng chúng an tọa, nhà vua quỳ lạy ba lần rồi tác bạch lý do cuộc đặt bát cúng dường, là

hạnh phúc của đức vua và hoàng gia, hạnh phúc cho quần thần và nhân dân cả nước. Quốc độ Māgadha giàu mạnh, tài sản lúa gạo sung túc, đời sống nhân dân no đủ... nhưng muốn có được hạnh phúc an vui thì phải biết sống theo chánh pháp, nương tựa vào chánh pháp. Vậy xin đức Thế Tôn và tăng chúng hoan hỷ chứng minh cho lòng thành của chúng đệ tử...

Sau lời thưa trình xong, tự thân đức vua bưng mâm vật thực trong cái khay bằng ngọc, sớt thức ăn loại cứng loại mềm thượng vị vào bát cho đức Tôn Sư. Hoàng hậu, quý phi, các vị công nương, hoàng thân quốc thích, cung nga thể nữ, tỳ nữ, người hầu... lần lượt bưng những mâm vàng, mâm bạc vật thực dâng cúng đến chư vị tỳ-khưu tăng.

Đức Phật và tăng chúng đọc lời kinh ngắn có ý nghĩa quán tưởng và phúc chúc sau đó thọ thực trong lặng lẽ. Đức vua, hoàng gia, bá quan triều thần... ai cũng có phần của mình, họ cũng đều thọ thực trong lặng lẽ. Đây là lần thứ nhất trong đời, ai cũng cảm nhận được một cái gì rất an tịnh, siêu thoát và rất thiêng liêng toát ra nơi uy lực của đức Phật và Thánh chúng.

Thọ thực xong, nước và tăm xỉa răng đã dùng rồi, bát đã được người hầu mang đi rửa sạch, lau chùi khô ráo, dâng trả lại; đức Phật bắt đầu cất giọng phạm âm như tiếng chuông đồng vang xa nhiếp phục cả hội chúng mấy ngàn người. Ngài chỉ nói về tam quy và ngũ giới là điều kiện căn bản, tất yếu, cần yếu để ngăn việc ác, hoàn thiện bản thân và đem thanh bình, an vui cho mọi người, mọi nhà và cho cả quốc độ.

- Nầy chư vị thức giả! Như Lai đã từ trong truyền thống và kinh điển Vedā mà bước ra, đã tự mày mò con đường, đã tự lực tu tập và chứng ngộ. Hiện nay, chư thiên, phạm thiên trong các cõi đã tôn xưng Như lai là vị A-la-hán, là Chánh Biến Tri, là Minh Hạnh Túc, là Thiện Thệ, là Thế Gian Giải,

là Vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Phật, là Thế Tôn... Những tôn xưng, những danh xưng ấy nhằm nói đến công hạnh và trí tuệ của chư Phật ba đời – là những bậc đáng cho chúng ta nương tựa, quy kỉnh để hướng đến những giá trị tinh thần cao đẹp và thiêng liêng nhất trên đời này. Tất cả các đức Chánh Đẳng Giác đều không còn những sanh niệm trôi lăn trong vô minh, ái dục nữa (Vô Sanh). Các ngài đã phá tan tất cả mọi thứ giặc phiền não ở nội tâm cũng như ngoại giới (Sát Tặc). Những bậc như vậy thật xứng đáng cho chư thiên và nhân loại xưng tán, tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường (Ứng Cúng). Các vị Phật đều có cái thấy biết chơn chánh và toàn diện, giác ngộ chân lý và suốt thông tất cả (Chánh Biến Tri). Các ngài đều có trí vô thượng và có đức vô thượng nên luôn luôn minh mẫn, sáng suốt, luôn luôn có đức hạnh trong lành hoàn toàn (Minh Hạnh Túc). Lại nữa, các ngài không còn trở lại chỗ sinh tử khổ đau, đã khéo xuất ly luân hồi, các ngài ra đi mãi đến chỗ chí chân, chí mỹ, chí thiện mà không dính mắc; ra đi một cách an toàn, không chấp trước, vọng cầu (Thiện Thệ). Các ngài thấy rõ con đường đi đến ba cõi và đồng thời, thông suốt con đường xuất ly ba cõi (Thế Gian Giải). Những đức Chánh Biến Tri đều có thân khẩu ý trọn lành, tự mình điều phục và biết cách điều phục chúng sanh. Các ngài thông suốt nhân đạo là phải tu ngũ giới, thập thiện; thông suốt thiên đạo là phải tu bố thí, trì giới, tham thiền; thông suốt giải thoát đạo là phải tu giới định tuệ (Thiên Nhân Sư). Được tôn xưng là Phật vì các ngài hằng sáng suốt, tỉnh thức bất luận ngày hay đêm; các ngài giác ngộ Tứ Diệu đế rồi giảng nói cho chúng sanh (Phật).Và cuối cùng, được xem là xứng đáng được tôn vinh nhất trên thế gian (Thế Tôn).

Nầy chư vị thức giả! Vậy một người được gọi cư sĩ, khi họ quy y Phật thì đâu phải quy y một vị thần nào, một vị thượng đế mù sương bóng khói nào – mà chính họ đã tự trở

về nương tựa nơi những giá trị cao đẹp có sẵn trong lòng mình, trong tâm trí mình. Nó xem nhẹ các hình thức tôn giáo tín ngưỡng mà xem trọng sự tu tập, sự tỉnh thức, sự giác niệm trong mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi hành động của chúng ta!

Nầy chư vị thức giả! Quy y Pháp là gì? Trở về nương tựa Pháp là gì? Pháp là chân lý, là sự thật! Chẳng lẽ nào một người cư sĩ lại không nương tựa nơi chân lý, nơi sự thật? Và đấy cũng là chân lý, là sự thật mà Như Lai đã chứng ngộ và đang tuyên thuyết đến cho chư vị đây! Pháp ấy ai cũng có thể thành tựu được cả nếu được lắng nghe một cách nghiêm túc, thọ trì một cách nghiêm túc và tu tập một cách nghiêm túc. Pháp ấy cụ thể, thiết thực, hiện tiền, chư vị có thể thấy ngay lập tức, ngay chính nơi sự sống đang diễn ra hằng ngày. Pháp ấy không bị quy định bởi thời gian và nhân quả. Pháp ấy để dành cho trực thị, nội quán, nó ở ngay chính nơi thân tâm này mà bậc trí có thể tự mình chiêm nghiệm, nóng lạnh khắc biết...Vậy ai là người muốn được tiến hóa, muốn được thăng hoa các giá trị tinh thần cao đẹp đều phải trở về quy y nơi Pháp ấy cả...

Nầy chư vị thức giả! Còn quy y Tăng là trở về nương tựa nơi tập thể Saṅghā (Tăng-già)! Tập thể ấy không chỉ giới hạn ở số lượng một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sống đời phạm hạnh, lậu hoặc đã tận ở đây, sau lưng của Như Lai! Tập thể ấy rộng lớn hơn nhiều; nó bao gồm chư thánh phàm tăng quá khứ, hiện tại và vị lai. Tập thể ấy gồm những người đã đắc đạo, đắc quả, đang đắc đạo đắc quả, sẽ đắc đạo, đắc quả. Và ai trong họ cũng đã, đang và sẽ hoàn thiện thân khẩu ý, sống lợi mình, lợi người; họ ngay thẳng, chính trực, sống hợp lễ nghi, khuôn phép, quy củ xứng đáng mô phạm cho đời. Và cuối cùng, họ sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch, thánh thiện vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Nầy chư vị thức giả! Nếu giá trị Tam Bảo là như vậy thì có xứng đáng cho chư vị trở về quy kỉnh và nương tựa hay chăng?

Câu hỏi của đức Phật vừa cất lên thì hằng ngàn người như một đều đồng thanh, đồng tâm, đồng trí thốt lên " Sādhu, sādhu - thật xứng đáng để quy y!"

Đức vua Seniya Bimbisāra khuôn mặt rạng rỡ khi thấy hoàng hậu Videhi, quý phi Khemā, hai người hai bên nắm hai tay hoàng tử Ajātasattu, bảy tuổi, đi đến chỗ đức Phật, dạy cách thức cho trẻ chấp tay búp sen quỳ lạy ngài rồi hai bà cùng nghiêm cẩn quỳ lạy theo. Và khi hai bà xin được làm lễ quy y Tam Bảo thì gần bốn ngàn người ở hiện trường đồng xin được quy y theo.

Cả không gian hoàng triều như nứt vỡ khi họ đồng quỳ lạy rồi đọc ba lần tam quy theo sự khởi xướng của tôn giả Uruvelā-Kassapa...

- Nầy chư vị thức giả! Đức Phật tiếp tục khóa giảng sau khi đã đặt để hội chúng nơi tam quy - Muốn làm một thiện nam tử, một thiện nữ nhân thì tam quy không, chưa đủ, chư vị còn cần phải thọ trì ngũ giới nữa, tức là những giới điều để ngăn điều ác, phát triển những hạnh lành.

Giới là gì, chư vị có biết không? Giới là cái hàng rào để bảo vệ thân và khẩu; nó ngăn ngừa những nói năng và hành động xấu ác để cho mình có được một đời sống tốt lành hơn, hiền thiện hơn. Giới của Như Lai và của đệ tử của Như Lai không phải là tín điều mặc khải, bắt buộc; chẳng phải áp đặt người khác phải tin, phải thực hành theo. Giới của Như Lai được tự do trong nhận thức và tự do để phát nguyện, thọ trì khi thấy nó đúng, nó hợp với lẽ phải, đúng với đạo đức, mỹ tục ở trên đời, trong tương giao xã hội. Giới của Như Lai là những bài học để chiêm nghiệm, để tu trì và cuối cùng là để mà giác ngộ chứ không phải chỉ đọc tụng, thọ trì suông hoặc có tính cách nghi lễ, máy móc!

Nầy chư vị thức giả! Giới thứ nhất, phải thọ trì điều học, là kiêng cữ, tránh xa hành động giết hại các loài hữu tình! Loài hữu tình là những chúng sanh có hơi thở, có thức tánh, có sự sống, chúng ta không nên xâm phạm, không nên giết hại! Tất cả chúng sanh bò, bay, máy, cựa dù nhỏ như muỗi mòng, kiến ruồi, lớn như chim muông, cầm thú đều ham sống, sợ chết, đều biết khổ, biết đau như tất cả chúng ta. Không lý gì mình biết quý trọng mạng sống của mình, mà mình lại đang tâm tiêu diệt, tước đoạt mạng sống của chúng sanh khác. Chẳng công bằng chút nào, có phải thế không? Là đệ tử của Như Lai, là người con của đạo giác ngộ, chư vị phải biết tôn trọng, quý trọng sự sống của muôn loài. Không những chỉ biết sống hòa bình với muôn người mà còn phải biết sống hòa bình với muôn vật. Phải thương yêu chúng, bảo vệ chúng! Và ngay cả quả đất vô tri, sông núi vô tình, không gian mây trời, thiên nhiên cỏ cây hoang dã cũng phải được đối xử phải lẽ, đừng quá thô bạo, tàn ác! Khi làm được như vậy là chư vị đã nuôi dưỡng được từ tâm, đem đến sự an vui cho chúng sanh muôn loại! Và chỉ cần giữ được một giới này thôi thì quốc độ này sẽ tốt đẹp biết bao nhiêu? Nó sẽ không có chiến tranh, hận thù! Nó làm cho mọi người biết yêu thương, đoàn kết, đùm bọc nhau. Các quốc gia khác giữ được giới này thì đâu còn xâm lăng, can qua, chém giết? Quân đội sẽ được giải thể để trở về làm ruộng, làm các ngành nghề khác để phát triển dựng xây đất nước! Các xưởng rèn đúc vũ khí giáo mác cung tên, các xưởng sản xuất quân nhu, quân dụng, các nhà tù sẽ biến thành trường học, bệnh xá, hoa viên để phục vụ cho an sinh xã hội! Quốc độ sẽ thanh bình an lạc như thời của các đức Chuyển luân Thánh vương vậy!

Nầy chư vị! Giới thứ hai là phải biết kiêng cữ, tránh xa hành động trộm cắp, lấy cắp của người! Vật gì dù lớn, dù nhỏ, dù có giá tri hay không có giá trị, khi người ta chưa

cho, chưa bằng lòng cho thì không nên lấy cắp mang về sử dụng. Bất cứ thời đại nào, xã hội nào cũng tôn trọng quyền sở hữu và quyền có tài sản của mọi người được làm ra, được tạo nên một cách chơn chánh. Tài sản nào cũng do mồ hôi, nước mắt. Tài sản nào cũng nhờ thức hôm dậy sớm chăm lo công việc, nghề nghiệp. Tài sản nào cũng phải hao tâm tổn trí mới có được. Vậy thì lẽ nào, chúng ta lại bẻ khóa, nạy tủ, khoét tường để lấy cắp tài sản của người khác? Người có chút liêm khiết, có chút đạo đức, hiểu một ít công bằng đều không thể làm cái việc thất đức, bất nhân ấy được. Nếu vì nghèo đói, quá túng thiếu, vợ con đau ốm, thiếu cơm cháo, thuốc thang mà trộm cắp thì người có tấm lòng đại lượng có thể châm chước, thông cảm, khả dung; nhưng luật pháp vẫn không tha, định luật nhân quả nghiệp báo vẫn làm việc như thường! Trái lại, có những người giàu có, ăn sung mặc sướng, có của dư của để mà vẫn lường gạt của người, mưu mô thủ đoạn để ăn chặn, cướp giật của người; sống trên mồ hôi nước mắt của kẻ đói nghèo thì tội ấy thật không thể dung tha, quả báo trả quả bất nhân ấy quả thật sẽ rất nặng nề vậy. Giới thứ hai này là một nguyên tắc đạo lý, là quyền sở hữu bình đẳng mà một bậc được gọi là thức giả phải biết tôn trọng, một người được gọi là thiện trí, hiền lương phải biết thọ trì nghiêm nghiêm, cẩn cẩn. Nó nuôi dưỡng lòng trắc ẩn, tâm bi mẫn đối với sự đau khổ mất của cải, tài sản của người khác... Nếu ai cũng giữ được giới này thì xã hội sẽ công bằng, tạo sự tin yêu và vui sống; nhà nhà không cần phải kín cổng cao tường, xích khóa lớp trong, lớp ngoài; của rơi ngoài đường không ai thèm lượm, nếu nhặt được cũng tìm cách trả về cho khổ chủ! Nầy chư vị, trên quả đất này đã từng có những quốc độ được thanh bình và an lạc như vậy, không phải chỉ một, hai, mà là hằng trăm, hằng ngàn... Chỉ sợ chư vị thiếu nhiệt tình hộ pháp, an dân mà thôi!

Giới thứ ba là phải biết kiêng cữ, tránh xa hành động tà

dâm, tà hạnh, xâm phạm tiết hạnh vợ con người khác. Hôn nhân một vợ một chồng sẽ tạo được sự bình ổn, an vui và hạnh phúc gia đình! Thủy chung và đức hạnh là nét đẹp truyền thống mà chúng ta nên giữ gìn và tôn trọng. Vợ chồng được cưới hỏi đủ lễ thì được gọi là chơn chánh. Sự lang chạ phi lễ được gọi là bất chánh. Được gọi là người trí thức trong giáo pháp của Như Lai thì chư vị phải biết điều tiết, chừng mực trong các mối quan hệ tình ái, vì chúng dễ đưa đến sa đọa và phá hoại hạnh phúc của gia đình người khác. Ngay cả lời nói sàm sỡ, tục tĩu, chọc ghẹo thiếu đứng đắn cũng nên tránh. Ngay cả ăn nói hoa tình, mắt liếc mày đưa, ưỡn ẹo vô duyên cũng đã đánh mất sự đoan chính rồi!

Giới thứ tư là phải biết kiêng cữ, tránh xa nói dối, nói sai với sự thật, nói không đúng với sự thật hoặc có lại nói không, không lại nói có! Ngay chính những cách đặt điều, thêm thắt, dựng đứng câu chuyện mà nói lại càng tệ hại hơn. Có trường hợp nói độc ác, hung dữ hoặc vu oan vu cáo đưa đến bất hòa, chia rẽ hoặc có thể đưa người khác vào tội tù, tán gia bại sản thì thật là bất nhân, nghiệp báo sẽ rất nghiêm trọng. Cũng có những lời nói gây ra ngộ nhận, bất mãn, oan trái, oán thù thì cũng nên dè chừng, cẩn trọng. Là những thiện nam tử, thiện nữ nhân trong giáo pháp của Như Lai thì tất thảy những cách nói trơn như mỡ, ngọt như đường, rỗng không, khách sáo, phù phiếm, cay chua, nhạt nhẽo, tục tĩu, vô duyên... đều phải được tránh xa... Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp như thật, tôn trọng sự thật nên phải lấy như thật, sự thật làm đầu. Được như vậy chúng ta bảo vệ được sự trung tín, tạo sự tin tưởng giữa nhau trong cộng đồng, xã hội. Giữa cuộc đời có quá nhiều sự lừa phỉnh, dối trá, vọng ngôn, vọng ngữ, ác khẩu, gạ gẫm, láo lường, bất tín thì giới thứ tư này sẽ như một đóa hoa tươi thắm, hương thơm tỏa ngát giữa thế gian và trong lòng người...

Giới thứ năm là nên kiêng cữ, tránh xa các loại rượu

men, rượu nấu, các chất kích thích, say nghiện từ chất liệu này hay chất liệu khác. Chúng làm rối loạn thần kinh, lú lẫn tâm trí; sẽ không còn làm chủ được mình, đánh mất tư cách, nhân phẩm, hủy diệt tác phong đạo đức. Và khi mà đã nghiện say, sa đọa rồi thì không một hành động hung dữ, bạo tàn, xấu xa, hèn hạ, bỉ ổi nào mà không dám làm. Là nguyên nhân của nhà tan, cửa nát, vợ chồng bất hòa, đổ vỡ, phân ly; con cái bơ vơ không có nơi nương tựa. Là nguyên nhân để từ đó, coi thường, phạm luôn mọi giới điều khác, phá hoại nền nếp, kỷ cương an sinh xã hội. Những chất say còn nguy hại hơn độc dược. Độc dược chỉ giết chết một người, một đời nhưng chất say với những hậu quả của nó sẽ giết chết nhiều người, nhiều đời; và nghiệp báo đau khổ sẽ trả quả liên tục, kế tục mãi hoài nơi những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Chúng giết chết các mầm giống lành tốt. Chúng giết chết đức tin, thiền định, trí tuệ. Chúng tạo thêm vô minh, bóng tối, địa ngục, phiền não và đau khổ cho mình, cho người, cho cuộc đời vốn đã quá nhiều bất an và bất hạnh nầy!

Hỡi chư vị thức giả! Như vậy, ngũ giới không những để kiện toàn nhân cách, hoàn thiện bản thân, nuôi dưỡng và phát triển những thiện pháp mà chúng còn là nền tảng an vui và hạnh phúc cho gia đình, làng xóm và quốc độ. Chúng cũng là điều kiện tất yếu để tạo nếp sống trong lành, cao đẹp cho đời sống văn hóa, văn minh trong xã hội loài người. Cuối cùng, chúng còn là nấc thang tiến bộ tinh thần trên lộ trình hướng đến giác ngộ, giải thoát là mục tiêu rốt ráo trong giáo pháp của Như Lai!

Đức Phật thuyết xong thời pháp thì cả rừng người rùng rùng chuyển động. Họ đồng quỳ lạy, tán thán và xin được nghiêm túc thọ trì vì lợi ích tối thượng của Tam quy, Ngũ giới. Đức vua Seniya Bimbisāra với khuôn mặt tươi sáng như trăng rằm, dường như đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng,

cùng với hai quan hầu đi hai bên bưng khay ngọc, bình ngọc đến bên chân Phật, quỳ lạy:

- Bạch đức Thế Tôn! Những lời giáo giới của đức Thế Tôn làm cho đệ tử rất an lành và hạnh phúc. Pháp bảo từ kim khẩu của đức Thế Tôn càng nghe càng minh mẫn, càng thấy rõ, biết rõ; một vị vua tốt thì nên làm cái gì và cái gì không nên làm! Từ nay, đức Thế Tôn và hình ảnh của thánh chúng, đệ tử phải được thấy hằng ngày để tự sách tấn mình; và khi nào đệ tử muốn nghe pháp để phát triển trí tuệ thì có thể đến hầu đức Thế Tôn một cách dễ dàng!

Bạch đức Thế Tôn! Nhà vua lại quỳ lạy – Phía bắc thủ đô, cách đây chỉ nửa do-tuần có một khu Rừng Trúc (Veḷuvana) rất tươi đẹp; ở đấy rộng rãi, cây xanh mát mẻ, có suối, có hồ, nhiều thỏ, nhiều sóc, nhiều hoa thơm cỏ lạ, lại có nhiều hang động... Nơi này thuận lợi cho việc lui tới của đệ tử và triều đình, thuận lợi cho khách hành hương, thương mãi từ phương bắc đến, phương tây sang; nó lại còn yên tĩnh cả đêm lẫn ngày, khá gần kinh thành mà lại không quá xa xóm làng. Đức Phật và Tăng chúng còn thuận lợi cho việc tĩnh cư, lại còn thuận lợi cho việc trì bình khất thực trong kinh thành hoặc quanh các ấp tụ lạc; riêng đệ tử lúc nào nhớ Pháp, nhớ Đức Thế Tôn thì có thể đến lúc chiều tối hoặc đêm khuya lúc việc triều chính rảnh rỗi. Còn ở Rừng Kè thì xa quá.

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có tín tâm và lòng thành, xin dâng cúng đức Thế Tôn và Tăng chúng khu rừng Veḷuvana ấy, xin Người hoan hỷ dụng nạp vì hạnh phúc cho đệ tử, cho triều đình và cho cả vương quốc Māgadha nữa!

Đức Phật thọ nhận bằng cách chỉ mỉm cười. Đức vua Seniya Bimbisāra quỳ thẳng dậy thực hành nghi thức dâng cúng bất động sản theo phong tục. Một vị quan hầu bưng khay ngọc hứng ở dưới, một quan hầu trao cho vua một bình ngọc – trong đựng nước thiêng Soma - để đức vua đổ nước

ấy lên tay đức Phật. Ngài ôm vốc nước, giữ lại một chút trên tay rồi lâm râm chú nguyện quả phước hy hữu đến cho nhà vua: Các con đường nước này sẽ chảy tràn khắp mọi nơi mọi chỗ, chảy qua nhiều quốc độ và chảy vào lòng người, ai ai cũng được tẩm mát, no đầy, sung mãn những giọt nước trong lành vi diệu của pháp bảo! Một cái gì rất là trang trọng, thiêng liêng đang diễn ra. Hằng ngàn đôi mắt chú mục vào một lễ nghi có từ ngàn xưa, tuy đơn giản mà trang trọng đã được đức Phật và một đức minh quân thể hiện rất là trân trọng và rất sống động. Ngay giây khắc ấy, chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời không ngớt hoan hỷ, tán thán; quả địa cầu rung chuyển mấy lượt, dường như cả chúng hữu tình, vô tình ấy đều cảm nhận và chứng kiến một biến cố, một sự kiện trọng đại: Giáo pháp bất tử đã đặt được nền móng đầu tiên tại một vương quốc giàu mạnh, do một vị vua có niềm tin bất động, là một vị thánh cư sĩ sẵn sàng hộ pháp đắc lực cho sự phát triển, hoằng hóa sau này!

Hôm ấy là vào một ngày đầu tháng năm, năm năm trăm tám mươi sáu trước Tây lịch, chừng vài tháng nữa là đến mùa mưa, đức Phật và một ngàn lẻ ba vị tỳ-khưu sa-môn đoàn đã có một cơ sở, một căn cứ địa lý tưởng tại Veḷuvana để tuyên dương giáo pháp.

Veḷuvana
(Trúc Lâm Tịnh Xá)

Bước qua cổng thành bắc, theo con đường uốn lượn giữa hai dãy núi Vaibhāra và Virgūḷa, không bao lâu là đã đến Trúc Lâm: Cả một khu rừng trù mật trải rộng cả mấy chục dặm, không những lắm tre trúc mà còn rất nhiều loại cây thân mộc, thân thảo xanh lam lục biếc. Lại có hồ nước Kālaṅdaka lớn rộng, trong xanh đủ loại súng sen ngoạn mục.

Đức Thế Tôn tản bộ cùng với ba tôn giả Kassapa đi thăm thú các nơi. Ở đâu cũng gặp sóc và thỏ. Ở đâu cũng thơm ngát hương hoa, hương lá, hương thiên nhiên trong lành dễ chịu. Một số hang động có thể ở được nhưng không thể chứa nhiều người. Vấn đề là phải dựng lợp cả ngàn cốc liêu rải rác, các công trình vệ sinh, ăn ở, sinh hoạt cho chư tăng vào mùa mưa sắp đến...

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Uruvelā-Kassapa thưa – Tuy công việc thật là bộn bề nhưng không phải là không làm được. Dù sao, chúng đệ tử đã quen thuộc với đời sống khổ hạnh; và hiện tại, ở đâu, làm gì cũng thanh tịnh và an vui cả!

- Ừ, ông nói đúng! Đức Phật mỉm cười – Như Lai rất hài lòng về tâm, về trí mà các ông đã thành tựu! Tuy nhiên, từ rày về sau, các ông hãy chịu khó chăm chuyên hướng dẫn

hội chúng tu tập, để cho các khả năng về định, về tuệ nhất là trí phương tiện của họ được sâu và rộng hơn nữa. Cái ấy cần cho giáo pháp. Vấn đề cốc liêu và mọi tiện nghi sinh hoạt liên hệ, từ rày về sau là bổn phận của cư sĩ, là trách nhiệm của cư sĩ, các ông khỏi phải quan tâm!

Buổi chiều, đức vua Seniya Bimbisāra và tùy tùng lại đến, ông thưa trình một việc quan trọng:

- Bạch đức Tôn Sư! Đêm qua, đệ tử nằm mơ, nằm mơ mà y như thật, có một bầy ma quỷ, đông lúc nhúc, hiện đến bên giường, ỉ ôi, tỉ tê than khóc, chúng la to những tiếng rất kỳ dị, đệ tử không hiểu ngôn ngữ ấy! Âm thanh lắp bắp không được rõ ràng cho lắm, dường như là: Mayamassu dukkhita peta...” thì phải! Nghe xong, đệ tử bèn hỏi: “ Quý vị là ai? Đến khóc lóc với ta như vậy là có ý gì?” Thế rồi, chúng hiện hình cho đệ tử thấy. Thật là ghê sợ. Thân hình của chúng chỉ là những bộ xương khô được bao bên ngoài một lớp da mỏng màu xám, màu xanh đen, màu tím bầm trông rất quái dị. Đứa cao thì cao như cây thốt nốt, như cây tre gai; thấp thì như đứa trẻ lên ba, như cây xương rồng không gai. Đầu của chúng như những trái bầu non phơi khô, mắt của chúng thụt sâu vào bên trong như những cái hố đầy máu, đầy ghèn; cổ nhỏ và dài như cây kim, như cọng rơm; tóc dài như chùm cỏ dính bùn gớm ghiếc thả xuống tận lưng, tận bụng, bụng là những cái trống cơm, trống chầu... Chúng không có áo quần, và có lẽ đã không có gì ăn từ muôn triệu kiếp rồi. Thật là kinh khiếp, ghê sợ nhưng cũng thật là đáng thương hại!

Bạch đức Thế Tôn! Chúng là ai? Và bây giờ chúng đệ tử phải làm gì?

- Như Lai biết! Đức Phật mỉm cười – Và còn biết nhiều hơn thế nữa! Cái câu mà đại vương nghe không rõ, có nghĩa là chúng ngạ quỷ than khổ, than đói! Việc này không những liên quan đến đại vương mà còn nhân duyên với ba thầy

Kassapa cùng một ngàn vị tỳ-khưu ở đây nữa!

Nói thế xong, đức Phật cho tụ họp Tăng chúng rồi kể lại chuyện tiền thân của họ: "Vào một thời lâu xa trong quá khứ, cách đây đã vô lượng kiếp rồi, có một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, ngài hiệu là Phussa. Hôm ấy, đức Phật ngự về kinh đô để độ cho phụ vương ngài tên là Seyyasena. Đức vua có đức tin rất vững mạnh và cũng vô cùng kỳ lạ: Ngài chỉ muốn độc quyền cúng dường tứ sự hằng ngày, chỉ muốn hưởng phước một mình chứ không cho ai xen dự vào cả! Thế là từ hoàng cung đến khuôn viên rừng cây xanh đẹp nơi đức Phật và chư tăng tạm cư, nhà vua cho làm hai bức bình phong bằng cây và bằng vải ngăn bít hai bên, giữa là để làm lối đi về của đức vua và hằng ngàn người phục vụ việc trai phạn cúng dường!

Nhà vua còn có ba vị hoàng tử, em đức Phật, được nhận trọng trách dẹp loạn ở biên cương. Họ đều là kẻ trí tài, võ dõng nên trong tay chỉ có một ngàn dũng sĩ, với thời gian ngắn đã bình định được cõi bờ, cư dân xa xôi được yên ổn. Vua cha tỏ lời khen ngợi và muốn thưởng một phần thưởng xứng đáng cho công lao của họ, nghĩa là tùy ý họ lựa chọn, muốn gì được nấy!

Hoàng tử thứ nhất có năm trăm thuộc hạ, hoàng tử thứ hai có ba trăm thuộc hạ, hoàng tử thứ ba có hai trăm thuộc hạ, trong một thoáng đã hội ý với nhau: Chúng con không xin ngai vàng, đất đai, châu ngọc, mỹ nữ mà chỉ xin được thay nhau cúng dường đức Phật và chư tăng trong bảy mùa an cư! Đức vua giật thót mình như đỉa phải vôi, cương quyết không cho, yêu cầu xin cái khác. Các vị hoàng tử cũng cương quyết giữ ý mình, nói xa nói gần, một vị minh quân phải xem trọng chữ tín, không thể thất hứa được. Thế rồi, mỗi bên rút lui mỗi ít, và muôn đời, chỉ phải biết luồn trôn kim: Cả ba vị hoàng tử được cúng dường trong một mùa an cư!"

"Thời ấy, thuộc nhiều đại kiếp quả đất trước - Đức Phật kể tiếp - tuổi thọ của loài người có nhiều muôn tuổi, dân chúng đông đúc chứ không ít ỏi như bây giờ. Thánh chúng của đức Phật Phussa luôn đoanh vây mấy chục ngàn vị. Hãy thử tưởng tượng cả núi thực phẩm hằng ngày, hãy thử tưởng tượng hằng chục ngàn người phục vụ hằng ngày! Ba vị hoàng tử giải quyết khá thuận lợi và chóng vánh. Tất cả gia đình của các hoàng tử, gia đình của mọi chiến sĩ phải đảm đang việc phục vụ bên ngoài. Còn nữa, tài sản của ba hoàng tử được giao cho một vị trọng thần liêm khiết và uy tín nhất để trông coi sổ sách thu chi hằng ngày; rồi tất cả bà con, quyến thuộc, kẻ ăn, người ở của vị ấy cùng đảm nhận việc chợ búa mua sắm vật thực, bếp núc... Riêng ba hoàng tử và một ngàn chiến sĩ tùy tùng thì xin được vào tịnh xá, kề bên Phật, thọ bát quan trai giới, nghe pháp và tu tập thiền định!

Tất cả mọi công việc đều xuôi chèo, mát mái, tiến triển thuận lợi; chỉ duy có một việc phát sanh. Ấy là con, là cháu của những người phục vụ bếp núc, khi thấy những món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm chúng đòi ăn, khóc la om sòm! Thấy vật thực quá nhiều, lại thương con thương cháu nên lén lấy cho chúng ăn. Ngày này sang ngày khác, chẳng ai để ý, họ lại đem về nhà để cả nhà cùng ăn! Đúng ra, đấy là vật thực đã có tác ý cúng dường đến đức Phật và chư vị thánh tăng; khi các ngài chưa thọ dụng mà tự ý lấy ăn trước thì tội rất trọng! Cái tội rất trọng này là do nhân quả nghiệp báo nó làm việc; là do không có phước mà thọ dụng phước lớn, thọ phước không phải của mình, được xem như trộm cắp phước! Do cái quả báo ấy mà rất nhiều thân nhân, quyến thuộc, kẻ ăn, người ở của vị lão thần thuở xưa bị đọa làm thân ngạ quỷ chịu khổ, chịu đói, chịu lạnh trải qua mấy kiếp quả địa cầu rồi! Vào thời đức Phật Kassapa, vị Phật có trước Như Lai, thấy rõ nhân duyên tội báo của chúng ngạ quỷ ấy, đã có nói với chúng rằng:"Khi nào trên địa cầu nầy xuất hiện

một vị Chánh Đẳng Giác hiệu là Sākya Gotama thì ba hoàng tử thuở xưa cùng một ngàn chiến sĩ sẽ đắc quả A-la-hán trong giáo pháp ấy; vị lão thần thuở trước do đức liêm khiết, trong sạch, công chính sẽ làm vua nước Māgadha, tên là Seniya Bimbisāra. Các ngươi vốn là quyến thuộc của đức vua anh minh ấy; và chỉ có oai lực công đức của đức vua ấy mới có khả năng cứu các ngươi khỏi khổ, khỏi đói, khỏi rét lạnh của kiếp ngạ quỷ mà thôi!"

Đức Phật kể chuyện xong, ai cũng lạnh cả người. Trong hội chúng thánh nhân chưa ai có khả năng túc mạng thông nhớ đến nhiều kiếp quả địa cầu như đức Phật nên bây giờ họ mới thấy rõ nhân duyên từ quá khứ như thế nào!

Đức vua Seniya Bimbisāra bàng hoàng, im lặng giây lâu:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đâu có biết mình có oai lực công đức gì mà cứu họ?

- Có đấy! Đức Phật mỉm cười – Chúng ngạ quỷ không ăn được vật thực của loài người, không mặc được những tấm sārī gấm vóc, tơ lụa của nhân gian! Chúng chỉ ăn và mặc được cái phước mà thân nhân quyến thuộc hồi hướng đến cho họ! Đại vương có khả năng thiết lễ đặt bát vật thực, cúng dường vải vóc đến Tăng chúng rồi sau khi thọ nhận, Tăng chúng sẽ chú nguyện, hồi hướng phước báu ấy đến cho chúng ngạ quỷ! Cúng dường vật thực thì chúng ngạ quỷ sẽ được ăn no, cúng dường vải vóc thì chúng ngạ quỷ sẽ được mặc ấm! Chúng ngạ quỷ ấy vốn là quyến thuộc của đại vương, thì chỉ có oai lực đại vương mới cứu họ được; Như Lai và Thánh chúng chỉ làm phận sự của người đưa thư, nhận phước và trao phước mà thôi vậy!

Quỳ lạy năm vóc sát đất, đức vua Seniya Bimbisāra thốt lên:

- Ôi! Kỳ diệu làm sao, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử sẽ hoan hỷ phát tâm thiết lễ đặt bát vật thực, cúng dường vải vóc,

nhiều loại lễ phẩm phụ tùy khác đến đức Tôn Sư cùng Tăng chúng thánh hạnh suốt một tuần lễ tại hoàng cung. Ngoài ra, đệ tử cũng xin phát nguyện kiến thiết xây dựng toàn bộ khu Trúc Lâm nầy. Đệ tử sẽ cho làm ngay vài ngàn cốc liêu, đại giảng đường, thiền đường, nhà khách, nhà ăn, các công trình phụ về vệ sinh, nhà tắm, sân bãi, vườn cảnh, lối đi kinh hành, nhà kho, trạm xá... đâu đấy đều chu đáo và hoàn chỉnh để dâng cúng đến đức Tôn Sư và giáo đoàn, hy vọng sẽ phát triển lớn mạnh trong nay mai nữa! Hạnh phúc thay khi được làm người hộ pháp cho giáo pháp bất tử!

Đức Phật mở lời tán thán công đức vĩ đại của nhà vua, đồng thời khợi khen mô hình phác thảo tịnh xá Trúc Lâm như là công trình tôn giáo có giá trị thế kỷ tại đất nước này vậy.

Sau chỉ một ngày làm phước, cúng dường đức Phật và Thánh chúng như ý muốn, đêm ấy nhà vua nằm mộng thấy các vị trời rất cao sang và xinh đẹp, đồng hiện đến để tri ân và báo tin cho ông hay là họ đã no đủ, đã sung sướng, đã thoát kiếp ngạ quỷ, sinh làm chư thiên ở trong sự cai quản của Tứ đại thiên vương. Ngày hôm sau, với tâm trạng lâng lâng, nhà vua đến bạch Phật kể lại câu chuyện; nhân tiện, suốt cả sáu ngày liên tiếp, đức Phật thuyết về các cảnh giới, lần lượt trình bày về nhân về quả từ Địa ngục cho đến cõi trời Phi phi tưởng. Sau thời pháp, lệnh bà Videhi và hằng trăm người khác đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đức vua ngày nào cũng hỷ lạc, khuôn mặt rạng rỡ; tức tốc truyền cho các vị đại thần có khả năng chuyên môn về thiết kế đã hoàn thiện bản vẽ đúng theo ý tưởng phác thảo của ông; sau đó, dự toán nhân công, vật liệu để xây dựng Trúc Lâm tịnh xá (Veḷuvanārāma) kịp thời cho đức Phật và thánh chúng an cư mùa mưa! Công việc được tiến hành ngay tức khắc...

Riêng đức Phật chiều nào cũng bận rộn nói đạo, thuyết

pháp cho con em các gia đình quý tộc, quan lại, các giới cấp nhân sĩ; sau đó lại đến gia đình các thương gia, phú thương, và một số trí thức, học giả bà-la-môn. Giáo pháp mới lạ được mọi giới tiếp thu. Nhà vua đã được đức Phật và giáo pháp cảm hóa một cách sâu sắc và mầu nhiệm. Với số tuổi ba mươi mốt, đức vua đã đủ chững chạc để nhận chân giá trị luồng tư tưởng mới, vừa rọi sáng tâm trí, vừa đưa vào cuộc sống, cải cách chính sách, phổ cập cái hay cái đẹp đến cho mọi nhà. Hằng ngàn, hằng ngàn quan lại, chiến sĩ, thị dân noi gương nhà vua để theo đạo mới. Có lẽ trong số ấy cũng có một số xu thời, nhưng đa phần là sự tín thành hoặc bị thu nhiếp bởi nhân cách sáng rỡ, bởi đời sống thanh tịnh của đức Phật và chư vị thánh nhân. Giới hoàng gia, quý tộc, võ tướng (sát-đế-lỵ) bị thu hút vì tính cách cao thượng của các giá trị tinh thần, có thể đem ra áp dụng để phục vụ nhân quần, xã hội. Giới bà-la-môn nhân sĩ trí thức bị thuyết phục bởi sự chính xác, minh bạch, khúc chiết, sâu rộng của những tư tưởng triết học hàm tàng trong các buổi thuyết giảng của đức Thế Tôn. Giai cấp thương gia, phú thương, chủ ngân hàng, chủ nghiệp đoàn (vệ-xá) thì vô cùng ủng hộ giáo pháp vô thần trong sáng, chơn chánh ấy; vì rằng họ đã từng tốn kém, đứt ruột bỏ ra cả núi của cải tài sản, lễ phẩm, hằng trăm hằng ngàn cừu dê... để lo tiểu tế, trung tế, đại tế đến đủ mọi loại thánh thần huyễn hoặc mong được mua may bán đắt, hoạnh phát hoạnh tài! Rồi nuôi không cho bọn bà-la-môn ăn trắng, mặc trơn đú đởn với vợ con tì thiếp đùm đề từ trang trại bóc lột sức lao động tốp nô lệ nầy sang điền trang cướp giật không công nhóm nô lệ khác! Các giai cấp dưới như thợ thuyền, kẻ làm công, tiện dân lao dịch nặng nề, bần thỉu (thủ-đà-la, chiên-đà-la) thì vô cùng sung sướng được thấy mình có giá trị, đồng đẳng với các ông hoàng, bà chúa; ngay chính đức Phật, trước là một vị vua, một bậc tối thượng như vậy mà cũng ôm bát xin ăn trước cửa mọi nhà không

phân biệt giàu nghèo, quý tiện! Quả thật, trong một thời gian rất ngắn mà đức Phật đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng, mà, hào quang của ngài đã làm lu mờ tất cả các vị thánh thần trong truyền thống tôn giáo cổ xưa. Sự thành công này thật đáng kinh ngạc vậy!

Sự hoằng hóa thuận lợi là vậy, nhưng hôm kia, đức Phật nói chuyện với ba tôn giả Kassapa rằng, một giáo hội được gọi là hoàn toàn thì không chỉ có bấy nhiêu, nó còn cần phải hội đủ nhiều điều kiện, cần nhiều yếu tố nhân duyên khác hỗ trợ nữa! Mai này chúng ta còn cần nhiều đức vua hộ pháp, cần nhiều hoàng hậu, quý phi, thứ phi, công chúa, cần nhiều thánh đệ tử nam nữ cự phú hộ pháp... Về phía Tăng đoàn, chúng ta còn cần nhiều vương tử, hoàng thân, đại thần, võ tướng, tổng trấn, quý tộc, học giả, nhân sĩ, bà-la-môn, thương gia, thợ thuyền, kẻ cùng đinh, gã thợ săn, người nuôi thú, người đánh cá... của nhiều tiểu quốc xuất gia; cần những sa môn đệ nhất về trí tuệ, đệ nhất về thần thông, đệ nhất về đầu-đà, đệ nhất về thuyết pháp, đệ nhất vể thiền định, đệ nhất về đa văn, đệ nhất về luật, đệ nhất về pháp, đệ nhất về độc cư, đệ nhất về mật hạnh, đệ nhất về phước báu... quy tụ nhiều tinh hoa phong phú, đa dạng như thế mới mong phát triển xa rộng được!

Nghe đức Phật phác thảo chương trình hành động có tầm chiến lược như thế, cả ba vị tôn giả mới thấy rõ trí tuệ vượt bậc, tầm nhìn vượt bậc của ngài!

Lúc nhà vua cho các quan đại thần mang nhân công và vật liệu đến công trình, tôn giả Uruvelā-Kassapa hỏi đức Phật, là chư tăng có được phép giúp sức một tay trong việc xây dựng hay không?

Đức Phật đáp:

- Làm được nhiều việc lắm, này Uruvelā-Kassapa! Ngoài thì giờ đi trì bình khất thực, vào mỗi buổi chiều nên rút ngắn lại một ít thời gian học tập, công phu để phụ giúp

việc này việc kia. Hội chúng bây giờ đều là bậc thanh tịnh, chưa có vấn đề; nhưng sau này sẽ đông đảo hơn thế; và khi mà có nhiều phàm tăng thì sẽ có những phức nhiễu, phức tạp nẩy sinh. Lúc ấy, Như Lai sẽ tùy nghi chế định những học giới...

Thế rồi, công trình xây dựng rộn ràng bắt đầu. Nadī-Kassapa và Gayā-Kassapa chiều nào cũng có mặt ở công trường để đốc thúc các vị Tăng trẻ trong mọi công việc. Trong lúc ấy thì lác đác những vị tỳ-khưu trong nhóm năm ngài Koṇḍañña, năm mươi vị của nhóm Yasa và bạn hữu, đang hoằng hóa ở các vùng lân cận đều trở về thăm và đảnh lễ đức Tôn Sư. Họ trình bày với đức Phật những khó khăn cùng những thuận lợi trên con đường hoằng hóa... Trong không khí ấy thì hai ngôi sao xuất hiện, trở thành cánh tay mặt, cánh tay phải của đức Tôn Sư để đẩy mạnh thêm bánh xe chánh pháp, đó là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên)!

Hai Vị Đại Đệ Tử

Tại một ngôi làng Nālakagāma cổ xưa (sau này thành lập trường đại học Nālanda), cách thủ đô Rājagaha chừng một do-tuần, có gia đình dòng tộc Upatissa là nơi xuất sinh của tôn giả Sāriputta. Thân phụ ngài tên là Vangaṅta, làm trưởng giáo bà-la-môn, thân mẫu ngài là bà Rūpasārī. Ngài được gọi tên theo mẹ: Sāriputta (Xá-lợi-phất hay Xá-lợi Tử) con trai của bà Sārī; đôi khi gọi theo tên dòng tộc: Upatissa! Ngài là con trai trưởng, sau ngài còn có ba anh em trai là Cunda, Upasena và Revata; ba chị em gái là Cālā, Upacālā và Susipacālā (sau này đều đắc quả A-la-hán).

Ngôi làng Kolitagāma bên cạnh là nơi sinh trưởng của tôn giả Moggallāna. Thân phụ ngài làm lý trưởng (trưởng thôn), thuộc giai cấp sát-đế-lỵ, được xem là giới thượng lưu; thân mẫu ngài thuộc giai cấp bà-la-môn, tên là Moggallānī. Ngài được đặt tên theo mẹ: Moggallāna; đôi khi gọi theo tên làng là Kolita!

Tôn giả Sāriputta và tôn giả Moggallāna đều có tướng mạo đẹp đẽ, thông minh đĩnh ngộ; ra đời cùng năm, cùng tháng, cùng ngày, cùng giờ; đều thuộc gia đình cự phú trong làng, kế truyền dòng dõi trí thức và đều là con cầu tự!

Thuở nhỏ, hai vị đã là bạn hữu thâm tình với nhau; cả

hai đều được trang bị một sở học căn bản, chu đáo, vững chắc. Sáu tuổi đã được các thầy bà-la-môn uyên bác dạy các môn vệ sinh thường thức, văn phạm, cú pháp, học thuộc lòng một số thánh ca, kệ thơ được rút ra từ Upanishad; một số phương pháp hít thở, điều thân, điều khí dựa theo Hatha-yoga. Bảy tuổi, trẻ bắt đầu học thêm các môn ngữ pháp, thi, văn phức tạp, tán tụng, thẩm âm, xướng âm; đạo đức và luân lý phổ thông dựa theo luật Manu. Thấy sức học của trẻ như thần đồng nên tám tuổi lại được học thêm số học, hình học, đo lường, tự nhiên học! Chín tuổi học thêm về kiến thức thiên văn, địa lý, y dược; tập đọc kinh, đọc chú, tế lễ, cầu nguyện. Mười tuổi đến mười bốn tuổi đi sâu, đi xa hơn các môn đã học. Mười lăm đến mười bảy tuổi - bắt đầu học môn luận lý, chiêm tinh, thuật số; lần vào tư tưởng triết học Vedā, Vedantā, Upanishad; học thuộc lòng các trường ca Bhagavadgīta, Rāmanaya, anh hùng trường ca Mahābharata... Thật là một tham vọng quá lớn của các đức thân sinh, nhưng hai trẻ lại theo học rất say sưa, và môn nào các thầy giáo cũng đều phải thán phục. Và nghiễm nhiên, họ đã vượt thầy lúc lên mười tám tuổi do sở học của họ còn có thêm chiêm nghiệm và suy luận. Từ đây, khi họ đã có được sở học và phong độ của những bậc đạo sư lỗi lạc nhất, nhưng chính họ lại sinh ra thao thức, trăn trở; càng học nhiều thì họ càng rối mù! Những lúc du sơn ngoạn thủy, ai cũng đoanh vây bên mình hơn trăm môn đệ. Họ chỉ dạy cho môn đệ thật nhiều, nhưng chính bản thân lại không giải quyết được bài toán sinh tử của lòng mình!

Năm hơn hai mươi tuổi, cả hai đều bị thúc ép lập gia đình, nhưng họ từ chối khéo léo. Trong lúc cả hai đều là niềm hy vọng lớn lao để kế thừa huyết thống và kế thừa sự nghiệp thì họ lại xin xuất gia, đi theo đoàn du sĩ! Cuối cùng, với rất nhiều khó khăn, đến độ cả hai dường như bị trục xuất khỏi tông môn dòng dõi, họ mới được thỏa nguyện sống đời

xuất gia đạo sĩ!

Thế rồi, họ tự cắt tóc, quàng áo đạo sĩ, ôm bát ra đi. Họ không ra đi một mình mà còn kéo theo hai trăm năm mươi môn đệ. Sau nhiều ngày tháng lang thang tìm đạo, nghe danh đạo sĩ Sañjaya, hai người tìm đến rồi xin sáp nhập vào đạo tràng này, làm cho hội chúng ở đây lên đến năm trăm người, trở nên đông đảo, thạnh mậu hơn nhiều. Từ đây, ngày tháng trôi qua, hai chàng có cơ hội vừa tu tập vừa tìm hiểu thêm các giáo phái ở trong truyền thống và các giáo phái ở ngoài truyền thống. Chỉ hơn năm sau, hai tôn giả nhận thấy sở học, sở chứng của thầy cũng không được bao lăm, không giải quyết toàn bộ nghi vấn về tâm linh, họ lại xin ra đi. Đạo sĩ Sañjaya lấy làm tiếc hai người học trò ưu tú, đang làm cho ông tăng thêm uy tín, rạng danh thiên hạ nên khẩn khoản mời ở lại và sẵn sàng giao hội chúng cho hai tôn giả với danh vọng, địa vị, lợi dưỡng chẳng ai bì được! Thầm mỉm cười cho mục đích tầm thường, dung tục của thầy mình; hai vị lễ độ chối từ rồi ra đi theo tiếng gọi vô thượng từ nhân duyên tiền kiếp: Phải tìm cho ra đạo lộ chân phúc và bất tử!

Hai trăm rưỡi môn sinh xin đi theo, nhưng hai tôn giả bảo họ nên ở lại đây, chờ đợi lúc nào tìm ra lộ trình giải thoát sinh tử khổ đau, sẽ không quên họ đâu!

Thế rồi, dầm mưa, dãi nắng, đạp tuyết, đội sương - đầu trần, chân đất, vài tấm vải che thân, bình bát xin ăn – hai chàng theo con đường bộ hành thương mãi lên phía bắc. Từ các thôn làng, thị trấn, rừng núi hễ nghe nơi nào có đạo sĩ nổi danh là hai chàng tìm đến! Và hai chàng còn chịu khó tìm đến cả những đạo sĩ ẩn danh để mong những lời chỉ giáo! Hết mấy chục tiểu quốc phương bắc, len lỏi vào các vùng hẻo lánh, thâm u ở tuyết sơn, hai chàng lại quay sang các tiểu quốc phương tây, băng qua cả những sa mạc cháy lửa nhưng tìm ra bậc đạo sư chơn chính, có trí tuệ siêu đẳng, vẫn không tìm thấy! Kiến thức và sự thấy biết của họ vẫn

loanh quanh luẩn quẩn trong tam giới, vẫn còn vi tế phiền não và khổ đau! Bỏ phương tây, từ thượng lưu sông Gaṅgā hai vị tôn giả men theo các quốc độ xuôi chảy về phía đông, ghé hai thành phố Payāga và Bārāṇasī trù phú rồi xuống Pātaḷigāma, rồi trở lại quê hương, kinh thành Rājagaha!

Thế đấy, cuộc ra đi tìm đạo của hai tôn giả thật vô cùng gian truân, còn nhiêu khê và vất vả hơn tất cả những khổ hạnh sư trên đời này. Đã nhiều năm lắm rồi – mà họ cũng không còn nhớ chính xác là bao nhiêu năm; bây giờ, nước da đôi bạn đã sạm đen, phong trần; tuy thân thể có gầy đi nhưng đôi mắt như tinh anh hơn, sáng rực hơn; và bên trong như còn ngun ngút lửa, ngọn lửa thao thức tuyệt đối, ngọn lửa không đầu hàng hư vô, bóng tối, māyā! Tuy những bước chân trở lại có vẻ bất lực, thất bại nhưng họ chưa bỏ cuộc, nhất định còn lên đường tìm kiếm nữa; nên trước khi tạm thời chia tay, họ cam kết với nhau rằng: "Nếu ai tìm ra con đường Chân phúc và Bất tử trước, thì người ấy tức khắc thông báo cho người kia và ngược lại".

Tôn giả Assaji, một vị trong nhóm ngài Koṇḍañña, trên bước đường du hóa ghé về hầu thăm đức Phật ở Trúc Lâm, sau đó đang đi trì bình khất thực.

Nhân duyên kỳ diệu đã đến.

Hôm ấy, du sĩ Upatissa (Sāriputta) vừa chia tay với du sĩ Kolita (Moggallāna), đang trên đường về thăm lại đạo sư Sañjaya sau nhiều năm xa cách thì trông thấy tôn giả Assaji. Upatissa nhìn sững! Từ màu y vàng hoại sắc đến chiếc bát gỗ trên tay, cho đến phong thái, uy nghi đều toát ra một cái gì rất lạ thường, rất khó nói mà từ bao nhiêu năm qua, lê gót lang thang khắp mọi chân trời chàng chưa hề nhìn thấy! Xem kia, có cái gì vừa trang nghiêm vừa khiêm hòa trong từng bước đi trầm tĩnh, nhẹ nhàng, trong đôi mắt nhìn xuống ôn nhu và vắng lặng! Tất cả đấy, cái hiển lộ ra ấy, phải có một cái gì rất ổn định, một cái gì dừng lặng rất sâu xa ở phía

bên trong: Cái không còn lao xao, lăng xăng tìm kiếm! Vị đại đức khả kính nọ đang khoan thai, chừng mực đi từ nhà này sang nhà khác, nhận lãnh chút ít vật thực khiêm tốn từ tấm lòng của mọi người có cái gì đó rất từ bi mà cũng rất trân trọng! Chính cái cốt cách rất siêu phàm mà vô cùng bình dị ấy của bậc chân tu đã lôi cuốn, hấp dẫn Upatissa một cách mãnh liệt! Chàng chưa bao giờ gặp được một sa-môn, một bà la-môn, một đạo sĩ, một du sĩ có được một nhân cách nom có vẻ bình thường mà cũng thật là vĩ đại như vị đại đức này! Chắc chắn ngài, vị này, là một trong những người đã đắc quả A-la-hán (là lý tưởng phổ thông thời ấy giờ), hay ít ra là một trong những vị đang đi trên con đường dẫn đến đạo quả vô thượng ấy!

Upatissa tự nhủ:"Ta hãy đến gần ngài và hỏi rằng: Vì sao ngài thoát ly thế tục? Thầy của ngài là ai? Và giáo pháp ấy là giáo pháp gì?" Tuy nhiên, thấy tôn giả Assaji đang yên lặng trì bình, Upatissa không dám làm phiền rộn ngài!

Tôn giả Assaji đi bát xong, hướng mắt đến vùng ngoại ô cất bước. Upatissa vẫn cung kính, lặng lẽ theo sau, tự nghĩ: "Chắc chắn ngài đang tìm đến một nơi an tịnh phải lẽ để độ thực, ta sẽ tìm cách hầu hạ ngài như một người đệ tử. Rồi ta sẽ hỏi pháp".

Tôn giả Assaji biết có người theo sau, ngài tự nghĩ: "Mấy ông du sĩ ngoại đạo này thường cống cao, ngã mạn; chúng không biết rằng, khi đức Thế Tôn xuất hiện như mặt trời, mặt trăng ở trong đời thì tất cả giáo phái chủ, giáo phái sư, chân sư, đạo sư... trên châu Diêm-phù-đề nầy chỉ còn là những ngọn đèn le lói, những con đôm đốm lập lòe! Ừ, nhưng mà ta hãy xem ông du sĩ này muốn gì?" Đến một lùm cây cao có bóng mát, tôn giả Assaji dừng chân lại. Upatissa biết ý, nhanh nhẹn lấy tấm tọa cụ của mình đặt trên một đám cỏ bằng, sạch sẽ rồi thưa rằng:

- Xin ngài hãy an tọa ở đây mà độ thực! Xin ngài hãy

hoan hỷ tiếp thọ tấm lòng thành của đệ tử!

Tôn giả Assaji gật đầu, mỉm cười, bình lặng ngồi xuống rồi nhẹ nhàng đặt bình bát ở trước mặt, thong thả độ thực. Ngài dùng chậm rãi, từ tốn, an trú chánh niệm, rốt ráo hiện quán, rốt ráo tỉnh thức. Upatissa đứng một bên, vòng tay cung kính, nét mặt trang nghiêm, bình lặng.

Một ý nghĩ chợt khởi sanh trong tâm tôn giả Assaji: "Người này, vị du sĩ trẻ tuổi, tuấn mỹ phi phàm và rất mực lễ độ này đã biểu lộ một cái gì đó rất khác thường! Ta chưa từng thấy ai, biết ai trong hàng ngoại đạo, lại toát ra vẻ trí thức, đạo hạnh và khiêm cung rất mực như thế! Phải chăng đây là một đóa kỳ hoa khi được ánh nắng siêu thoát của đức Tôn Sư rọi đến?" Thế rồi, lúc tôn giả vừa rời tay khỏi bình bát thì Upatissa đã nhanh nhẹn và cẩn trọng dâng nước rửa tay, nước uống và tăm xỉa răng, là những vật phụ tùy mà các du sĩ hành cước luôn mang sẵn bên mình, với cung cách của một đệ tử rất thuần thục trong bổn phận phải làm! Tôn giả Assaji im lặng thọ nhận, tự nghĩ: "Không phải không duyên cớ mà y đi theo sau ta, lại cung kính phục vụ, hầu hạ ta với tư cách của một người đệ tử lễ phép, ngoan ngoãn. Vậy ta hãy tìm chỗ phải lẽ để nghỉ ngơi, an trú tâm giải thoát rồi xem thử ý đồ của y ra sao!"

Tôn giả Assaji đứng dậy. Upatissa nhanh chóng thu dọn mọi thứ rồi thưa:

- Có lẽ ngài muốn tìm một nơi khác để tĩnh chỉ? Đệ tử xin được đi theo, có việc gì xin ngài cứ tùy nghi sai bảo!

- Tôi đã hoan hỷ thọ nhận tất cả những mỹ ý của ngài rồi, vị du sĩ trẻ tuổi đáng mến ạ! Tôn giả đáp - Nay là thời khắc phải lẽ để nghỉ ngơi vào buổi trưa, tôi không dám làm phiền nữa đâu! Chẳng hay tôi có thể giúp đỡ cho ngài được việc gì?

Upatissa thỉnh tôn giả ngồi xuống trở lại trên tấm tọa cụ của mình, quỳ đảnh lễ rồi bạch:

- Đệ tử lang thang tìm đạo đã nhiều. Đệ tử đã lê gót ta bà khổ hạnh khắp cả hằng trăm quốc độ, nghe đâu có các bậc đạo sư, chân sư thì tìm đến để học hỏi. Đệ tử ở trong truyền thống bà-la-môn, đã học hỏi hết tất thảy kinh điển hiện có trên đời, cũng đã từng tu tập tất cả mọi con đường để dẫn đến với Phạm thể. Thế nhưng, cuối cùng vẫn bế tắc và khổ đau. Bao năm qua, đệ tử đã khẳng khái phất tay từ bỏ chúng, bước ra ngoài truyền thống; rồi cũng học hỏi với rất nhiều đạo sư, chân sư không thừa nhận uy quyền của thánh kinh Vedā, Upanishad nhưng Chân phúc và Bất tử vẫn không tìm thấy!

Bạch ngài, vị sa-môn khả kính! Đệ tử chưa từng thấy ai có được ngũ quan trong sáng với bước đi trầm thản và an tịnh như ngài. Cốt cách và phong thái của ngài mới bình dị, tịch tịnh và siêu thoát làm sao! Đệ tử chiêm ngưỡng ngài rồi tự nghĩ: "Đây đúng là nhân cách của bậc vĩ nhân A-la-hán hay ít ra là cũng đang trên đường đi đến đạo quả A-la-hán." Vậy xin ngài hãy dạy cho đệ tử biết, vì mục đích nào mà ngài thoát ly thế tục? Có ai làm tôn sư của ngài trên đời này không? Ngài thọ giáo với ai? Và giáo pháp mà ngài thọ giáo ấy như thế nào?

Tôn giả Assaji chăm chú lắng nghe, tự nghĩ: "Đúng là y đã nói tận đáy lòng. Đúng y là một du sĩ có học thức, có trí năng, có hạnh kiểm. Đúng là y đã từng nỗ lực cần cầu sự an ổn, vượt thoát mọi khổ ách trên đời này!" Sau đó, ngài đã khiêm tốn trả lời, thái độ khiêm tốn là đặc điểm tính cách của chư vị thánh nhân:

- Tôi đã đọc được sự thành khẩn và sự chân thật trong cung cách của ngài du sĩ; nhưng tôi chỉ mới là một tu sĩ sơ cơ, mới chỉ tập tành bước chân vào giáo pháp. Tôi là người ít học, ít ngôn ngữ, thiếu khả năng diễn đạt nên thật không đủ sức giảng nói giáo pháp một cách rành rẽ được.

Upatissa vẫn cứ cung kính dập đầu:

- Đệ tử là Upatissa! Xin ngài cứ chỉ giáo cho ít nhiều. Dẫu chỉ một ít nhưng đệ tử sẽ cố gắng suy nghiệm theo nhiều cách khác nhau! Đệ tử là người khao khát giáo pháp như hạn hán trông mưa, nhất là thứ giáo pháp mà ngài đã tu tập, đã thấm sâu vào trong ruột rồi tỏa sáng, chói ngời nơi tứ oai nghi, nơi tác phong siêu thoát của ngài! Xin ngài hãy ban cho đệ tử một ít về giáo pháp ấy. Ngài chỉ cần vài lời tóm tắt. Dẫu là tóm tắt nhưng phải là cái căn bản, cốt lõi nhất!

Biết lòng thành khẩn, thiết tha của người du sĩ, tôn giả Assaji nói:

- Vậy, này hỡi người du sĩ trẻ tuổi! Tôi sẽ tóm tắt gọn ghẽ một giáo giới cao siêu, như chân như thật của đức Tôn Sư, hãy lắng tai để nghe, hãy lấy trí để biết, để thấy và để liễu tri: "Các pháp phát sanh do bởi một nhân. Nhân ấy, đức Như Lai đã chỉ rõ. Và ngài cũng đã chỉ dạy phương pháp để diệt tắt nhân ấy. Chính đó là lời giáo huấn của bậc Đại Sa-môn!" (Ye dhammā hetuppabhavā. Tesaṃ hetuṃ Tathāgato. Āha tesaṃ ca yo nirodho. Evaṃ vādī Mahā Samano!)

Bốn câu kệ tóm tắt toàn bộ giáo pháp của đức Tôn Sư thật giản dị mà vô cùng cao siêu. Có lẽ trí tuệ của Upatissa lúc bấy giờ đã thuần thục nên lập tức thấu triệt chân lý ấy. Đấy là cách giảng nói Tứ diệu đế một cách rất cô đọng, chắt lọc như chỉ còn cái tinh tủy. Các pháp phát sanh chính là định luật duyên khởi của mọi hữu vi, của mọi hiện tồn sanh lão bệnh tử sầu bi khổ ưu não: Đấy là sự thật về dukkha. Do bởi một nhân: Ái dục, đấy là sự thật về nguyên nhân của dukkha. Và phương pháp diệt tắt nhân ấy chính là Đạo đế, Bát chánh đạo!

Như một tia sáng kỳ diệu, chỉ cần một mở phơi như thế là Upatissa đã thấy hé lộ con đường đi đến Chân phúc và Bất tử! Còn kỳ diệu hơn thế nữa, là không đợi đến lúc tôn giả Assaji đọc xong bốn câu, mà chỉ mới nghe hai câu đầu thôi, Upatissa đã chứng quả Tu-đà-hoàn (Sotapati), đi vào

dòng thánh!

Upatissa đứng lặng hồi lâu, toàn thân chàng chấn động mạnh: Một trạng thái siêu thoát đã đến với chàng!

Xúc động, cảm kích, tri ân, bàng hoàng lẫn lộn, Upatissa quỳ xuống, ôm chân bụi của tôn giả Assaji, nghĩ rằng: "Ý nghĩa của sự giải thoát, Chân phúc và Bất tử, ta đã tìm thấy ở đây rồi!" Rồi nói:

- Bạch ngài! Đệ tử đã tìm thấy rồi! Thật vĩ đại, nhiệm mầu và vô thượng là giáo pháp nầy. Xin ngài đừng giảng giải gì thêm nữa! Đối với đệ tử, vậy là quá đủ, quá đủ cho mục đích của một thiện gia nam tử xuất ly, cần cầu an ổn mọi ách phược trên trần thế!

Tôn giả Assaji biết vị du sĩ trẻ tuổi đã đắc pháp nhãn, đã thấy rõ con đường xuất trần ly cấu, bèn nói:

- Hãy đi đến bên chân của đức Đạo Sư, bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, ngài còn có cả một kho tàng Pháp Bảo, chỉ để dành cho những ai có trí!

- Bạch ngài, hiện đấng Vô Thượng Giác ở đâu?

- Cũng gần đây thôi! Ở phía bắc kinh thành, chỗ rừng trúc, nơi có nhiều sóc và thỏ!

- Rồi đệ tử sẽ đến đó! Hiện giờ đệ tử sẽ đi tìm một người bạn thân, y cũng cần cầu giáo pháp, thao thức giáo pháp từ thuở thiếu niên! Y cũng đã từng đau khổ nhiều năm như đệ tử vậy. Nay tức khắc đệ tử phải thông báo cho y niềm vui siêu thoát và bất tử này. Ít hôm nữa thôi, chúng đệ tử sẽ đến quỳ bên chân đức Đạo Sư vô song!

Upatissa cung kính quỳ mọp đảnh lễ tôn giả Assaji rồi từ giã.

Thấy bạn với dáng đi, với nét mặt tỏa sáng, rạng rỡ kỳ lạ chưa từng thấy, Kolita ngạc nhiên hỏi:

- Này hiền huynh! Đừng nói với đệ là hiền huynh đã tìm ra đạo bất tử rồi đấy nhé!

- Phải, hiền đệ ạ! Upatissa cười xòa - Thật là hạnh phúc

cho chúng ta, cho tất cả chúng sanh vì đạo bất tử đã thật sự có mặt trên cuộc đời này rồi! Ôi, một đức Thế Tôn vô song, một bậc A-la-hán vĩ đại đã tuyên bố một giáo pháp vĩ đại chưa từng được nghe! Huynh đã nếm được hương vị đầu tiên của giáo pháp qua đệ tử của đức Vô Thượng ấy. Bây giờ, hiền đệ hãy lắng tai để nghe, lấy trí để giác hiểu!

Nói thế xong, Upatissa đọc lên. Khi bốn câu kệ ngôn vừa chấm dứt, Kolita chấn động cả châu thân, ánh sáng bất tử lóe hiện: Chàng nhập vào dòng thánh như Upatissa vậy!

Kolita chợt quỳ xuống, chấp tay cung kính:

- Quả là giáo pháp tối thượng, vĩ đại đã xuất hiện ở trong đời! Đệ tử xin được cung kỉnh đảnh lễ giáo pháp ấy! Đệ tử xin được cung kỉnh đảnh lễ đức Đại Giác vô thượng đã cho đệ tử thấy được ánh sánh vinh quang và bất tử!

Kolita run run nắm tay bạn:

- Đức Thế Tôn ấy giờ ở đâu?

- Tại khu rừng trúc, phía bắc kinh thành gần đây thôi!

- Chúng ta hãy mau mau đến đảnh lễ, chiêm bái ngài!

Upatissa có vẻ nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Rồi chúng ta sẽ đến chiêm ngưỡng đức Đại Giác ấy. Nhưng hiền đệ nghĩ như thế nào, có nên thông báo sự kiện hy hữu này đến cho thầy cũ của chúng ta không?

- Nên lắm! Kolita gật đầu – Nên thức tỉnh đạo sư Sañjaya từ bỏ mớ giáo lý "bất khả tri" hời hợt nông cạn ấy, một vài cái định phù du mà bảo là "niềm bằng an tại thế hằng cửu" ấy! Khi mặt trời chân lý đã có mặt thì tất cả mọi tư tưởng, triết thuyết trên thế gian sẽ chẳng còn rọi sáng cho ai được nữa!

Thế rồi sáng hôm sau, họ tìm đến tu viện cũ. Trên đường, đôi bạn thấy rất nhiều tu sĩ khoác y màu vàng đất hoặc màu lõi mít. Họ đều giống nhau ở cách ăn mặc gọn gàng, râu tóc sạch sẽ; và đặc biệt hơn là trông ai cũng an nhiên, tĩnh tại trong từng bước đi, trong từng cử chỉ, trong

từng tia mắt! Chỉ chừng ấy thôi đã chứng tỏ họ đều có được niềm vui tịnh định, an nghỉ ở phía bên trong, vừa bình dị vừa siêu thoát! Rõ ràng đây là những con người mới, những sa-môn mới ở trong tôn giáo mới đều là bạn hữu của thầy ta! Thật khác xa với những tu sĩ, đạo sĩ ở trong và ngoài truyền thống cũ lúc nào cũng có vẻ âu sầu, đăm chiêu, tư lự! Không thế thì đôi mắt cứ láo liên, xuôi ngược; bước đi thì hấp tấp, vội vã, lơ đễnh, thất niệm! Và cái dễ nhận ra rõ nhất là tóc râu rối bù, y áo xốc xếch, dơ dáy; dường như càng bẩn thỉu, càng kỳ hình dị dạng chừng nào sẽ càng làm cho mọi người kính ngưỡng, tôn trọng hơn! Đều là những người có kiến thức và trí tuệ vượt bậc, đôi bạn chỉ nhìn lướt qua đã xác tín đâu là chân thiện mỹ. Chắc hẳn giáo pháp của đức Thế Tôn ấy sẽ có một năng lực, một uy lực cảm hóa con người và cuộc đời. Giáo pháp ấy đã đưa đôi mắt tuệ quán xanh trong, không ô nhiễm để thấu triệt sự duyên khởi hữu vi cùng nguyên nhân của nó. Như vậy, nó không ru ngủ, huyễn hoặc con người trong bùa chú, thánh ca, tế lễ, cầu khấn trong hương khói âm u, trong những đền miếu thần thánh và ma quỷ kỳ bí!...

Gặp lại hai người học trò ưu tú, đạo sĩ Sañjaya mừng lắm. Đôi bạn kể tóm tắt nhưng đầy đủ nhiều năm lang thang tầm đạo, tất cả đều vô ích, cuối cùng, gặp được giáo pháp bất tử như thế nào; rồi họ khuyên đạo sĩ Sañjaya hãy từ bỏ đạo tràng nầy để đến quy giáo một đức Thế Tôn đã xuất hiện ở trên đời! Vì nghĩ ân đức của thầy cũ nên họ đã ra sức thuyết phục, bằng lý lẽ minh nhiên, bằng sự thấy biết chân thực, bằng nhiều ví dụ, ẩn dụ kín đáo mà sâu sắc nhưng đạo sĩ Sañjaya một mực từ chối. Ông ta viện dẫn sự khổ hạnh, sự tu tập suốt bao nhiêu năm trường mới có được sự thành tựu như ngày hôm nay! Ông nói đến công lao dạy dỗ môn sinh, sự gian lao vất vả khi xây dựng cơ sở vật chất! Ông nói đến danh vọng, địa vị và lợi dưỡng hiện nay! Tất cả thành công

ấy không phải trong một sớm, một chiều; phải đầy đủ công phu, dõng lực, bản lĩnh, trí tuệ siêu phàm tạo lập mới có được! Chẳng lẽ nào lại thảy trôi sông tất cả để đi làm đệ tử người khác? Thật là ngu xuẩn, các vị có biết không?

Cảm thấy mình đã thất bại trước con người tầm thường, hạ trí này; nhưng hai người cũng cố gắng lần cuối:

- Thế thầy có thấy giáo pháp mà chúng đệ tử vừa trình bày, có điểm nào sai lầm, điểm nào là không chân thực, không như thực?

Hồi lâu, đạo sĩ Sañjaya mệt mỏi, gật đầu thú nhận:

- Không sai một điểm nào cả; chúng rất trí tuệ nữa là khác!

Kolita mở tròn mắt:

- Thế mà thầy vẫn không chịu từ bỏ? Không theo tôn giáo mới?

- Phải! Ông gật đầu mạnh mẽ, nghĩ thầm: "Đối với những kẻ trí tuệ, chân thực và lắm nhiệt huyết nầy, nếu không được trả lời một cách rõ ràng, dứt khoát thì chúng sẽ căn vặn cho đến tận cùng; ta sẽ không có chỗ nào mà lách, mà trốn được nữa, Ta đã mệt mỏi quá rồi, thôi, thà cứ nói thật một lần là xong". Bèn nói tiếp: Đất đã không chịu trời thì trời đành chịu đất vậy. Các ngươi hãy nghe đây! Các ngươi đều là kẻ có trí tuệ, chân thực có lẽ hơn cả ta! Điều mà các ngươi bảo rằng đúng, ta cũng công nhận là đúng, không thể bài bác, không thể phủ nhận. Cái giáo pháp mà các ngươi cho là vô thượng, chân phúc và bất tử ấy, quả thật ta cũng không một mảy may nghi ngờ! Nhưng đây mới là sự thật, ta cần nói với các ngươi! Giọng đạo sư Sañjaya đến đây như chùng hẳn xuống - Ta thật sự đã già quá rồi! Ta không thể thay đổi những thói quen đã ăn sâu quá lâu. Ta thật sự đã quen làm đạo sư của thiên hạ, thật không thể thay đổi thành đời sống của một đệ tử được nữa! Rồi chợt ông hét to lên – Các ngươi nghe rõ rồi đấy chứ! Thôi, hãy đi đi! Hãy để cho

ta được yên!

Nghe lời thành thật tầm thường và đau đớn ấy, cả hai chợt áy náy, thương xót cho đạo sĩ già; biết là không còn có cách gì thuyết phục được nữa. Upatissa lại cố vớt vát:

- Khi đức Thế Tôn xuất hiện ở trên đời thì đó là phúc duyên tối thượng triệu triệu năm mới có một lần, thầy mà không theo thì thầy sẽ hối hận. Có hối hận cũng đã muộn rồi!

- Ta không bao giờ hối hận! Các ngươi cần phải biết rằng, trên đời này, người trí ít lắm, chính kẻ ngu mới nhiều, rất nhiều...

- Ý thầy muốn nói gì? Kolita lại ngạc nhiên.

- Ta nói rõ rồi đấy chứ! Ta nói thế có nghĩa rằng, xin cho một số kẻ khôn ngoan, có trí như ngọc, như kim cương ấy hãy đến với đức Thế Tôn của các ngươi! Còn những chúng sanh ngu dốt, mê muội, thiểu trí nhiều như bụi bặm, nhiều như cát sông Gaṅgā hãy đến với ta! Ha ha!

Nói vậy là hết kinh điển, hết chữ nghĩa, hết văn cú, danh ngôn, hết tất thảy mọi lý lẽ phải trái ở trên đời! Upatissa và Kolita bèn xá lễ, cáo từ...

Mặc dầu nói cứng vậy, nhưng khi cả hai đi rồi, thần thờ dạo quanh tu viện, ông thấy tất cả đều vắng tanh, trống trải, ông vô cùng buồn bã... Bây giờ ông mới thật sự thấy rằng, ảnh hưởng tinh thần và uy tín của hai vị đệ tử ưu tú to lớn quá đối với đám môn đệ của ông: Khi ra đi, không những họ mang theo hai trăm năm mươi môn sinh cũ của họ trước đây – mà còn lôi cuốn tất thảy đồ chúng, hai trăm năm mươi người của ông nữa. Càng nghĩ, đạo sĩ Sañjaya càng đau lòng, tức uất đến hộc máu tươi!

Xế chiều, Upatissa và Kolita khuyên nhủ đám môn sinh của đạo sĩ Sañjaya chẳng nên bỏ thầy lúc tuổi già, hứa sẽ không quên dìu dắt họ vào giáo pháp mới, họ mới chịu về lại tu viện cũ... Ngụ qua đêm tại một ngôi rừng vắng vẻ,

Upatissa và Kolita thay nhau giáo giới đám môn đệ một ít về tăng tướng mô phạm, một ít về cách sống, cách tu tập khi gia nhập một tôn giáo mới. Vài ngày hôm sau nữa, khi râu tóc đã sạch sẽ, y áo đã được trang bị đàng hoàng, cả hai mới dẫn đồ chúng lên đường tìm đến Trúc Lâm bái yết đức Đạo Sư.

Hôm ấy, đức Phật cho triệu tập chư tăng, thuyết một thời pháp đi sâu vào nhiệm vụ hoằng hóa khó khăn trong mai hậu, theo đó, mỗi người, dù lậu hoặc đã tận nhưng còn cần phải tu tập thêm tứ vô lượng tâm, tinh tấn, nhẫn nại... Phải thể hiện cho bằng được đời sống trong sạch như vỏ ốc, luật nghi, nền nếp sáng ngời mới mong cảm hóa, thu nhiếp những người ngoại giáo, giới vua chúa, quý tộc cũng như các giới cấp khác... Để kết luận, ngài nói:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Như Lai đi từ Lộc Uyển, Isipatana, đến Gayā, Uruvelā là do thấy nhân duyên từ quá khứ nên đã độ cho ba mươi vị vương tử nước Kosala, ba anh em Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ; sau đó, Như Lai lại đến Rājagaha để độ đức vua Seniya Bimbisāra và triều đình, là những hộ pháp đắc lực khuông phò giáo hội sau này! Các thầy đừng nghĩ rằng, bây giờ có thêm Trúc Lâm với công trình xây dựng vĩ đại đang được hoàn thiện từng bước một, như vậy là đủ, như vậy là đã đặt được nền móng vững chắc! Giáo hội của chúng ta sẽ còn có nhiều nhân duyên kỳ diệu hơn thế nữa kìa! Vậy thì hôm nay, bây giờ, ở đây, Như Lai sẽ tiếp nhận thêm hai đóa hoa kỳ tuyệt, hai ngôi sao sáng, hai nhân cách tú mỹ cho giáo hội. Nhân duyên từ rất lâu xưa ấy giờ đã chín muồi, đã tròn đủ. Các thầy hãy nhìn xem: Hai thanh niên du sĩ Upatissa và Kolita cùng với hai trăm năm mươi môn đệ đang vào đến cửa khu rừng.

Quả nhiên, một lát sau, Upatissa và Kolita đã vào đến nơi. Cả hai đều đẹp đẽ, tuấn mỹ; theo sau là mấy trăm môn

đệ râu tóc sạch sẽ, y bát trang nghiêm bước đi thứ tự, uy nghi, lặng lẽ... Hội chúng tự động chừa một con đường cho họ đến bái yết đức Thế Tôn.

Sau khi đảnh lễ đức Phật, Upatissa chấp tay thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử lang thang, lưu lạc đã nhiều may nhờ ánh sáng của giáo pháp qua đệ tử của đức Tôn Sư mà chúng đệ tử tìm thấy con đường bất tử! Nay chúng đệ tử đến đây xin được nương tựa đức Phật, đức Pháp, đức Tăng; ngưỡng mong đức Thế Tôn từ bi thâu nhận.

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Này Sāriputta, Moggallāna! Như Lai chứng nhận cho hai ông và môn đệ của hai ông đã là tỳ-khưu trong giáo pháp nầy! Như Lai cũng đã có ý chờ đợi hai ông. Khi pháp bảo đã được thấy rồi, thì đời sống của những sa-môn Thánh đệ tử là những tháng ngày thiêng liêng, đạo hạnh trong sạch vì lợi ích cho mình, cho chư thiên và loài người.

Rồi ngay tối hôm ấy, đức Phật cho triệu tập riêng các vị tỳ-khưu thượng thủ như tôn giả Koṇḍañña, Assaji, Mahānāma, Yasa, ba tôn giả Kassapa cùng với Sāriputta, Moggallāna rồi dạy rằng:

- Hiện nay, Trúc Lâm tịnh xá đã có gần vài ngàn tỳ-khưu; trong đó trên một ngàn vị lậu hoặc đã tận, một số khác đã bước vào dòng; riêng mấy trăm tỳ-khưu môn đệ của Sāriputta, Moggallāna; mấy trăm tỳ-khưu từ nhóm Koṇḍañña, Assaji, nhóm Yasa... cho thọ giới các nơi rồi mang về. Đa phần họ còn trẻ, cần sự giáo huấn, nhắc nhở hằng ngày. Đảm trách sự ăn ở, tới lui đã có ba trưởng lão Kassapa đốc thúc và những đệ tử lớn chăm lo. Làm gương cho chúng thì đã có Koṇḍañña, Assaji, Mahānāma, Yasa... Giáo hội như vậy thì trông đã khá vững mạnh. Tuy nhiên, hiện Như Lai vẫn chưa có trợ thủ đắc lực có thể thay mặt Như Lai giáo giới pháp học, pháp hành đến cho chư tỳ-khưu cùng hai hàng cận sự nam nữ; còn có thể giúp Như Lai giải

quyết tất thảy mọi vấn đề về Phật sự cũng như Tăng sự; vị ấy còn có thể có khả năng đối thoại với bất kỳ vị giáo phái chủ, giáo phái sư nào trên châu Diêm-phù-đề nầy mà không sợ bị thất thủ, lại còn nhiếp phục được họ nữa; nhân cách, tác phong, khẩu thuyết, đạo hạnh, trí tuệ của vị ấy có thể cảm hóa giới vua chúa, quý tộc, đại thần, thương gia, triệu phú... một cách dễ dàng! Ý Như Lai muốn nói rằng, người có thể đảm trách công việc cực kỳ khó khăn ấy phải có kiến thức bác lãm tất cả mọi nguồn tư tưởng, triết học xưa và nay, phải có sự thông minh kỳ đặc, nghe Như Lai nói một mà vị ấy hiểu hai, ba, năm, bảy...; phải có trí tuệ tinh minh, sắc bén, biện tài cả phân tích và tổng hợp; ngôn ngữ, khẩu thuyết phải chính xác, rõ ràng, lưu loát... Và quan trọng nhất, vị ấy phải có lời phát nguyện trước một vị Chánh Đẳng Giác quá khứ là trở thành cánh tay phải và cánh tay trái của Như Lai! Một vị như vậy, hai vị như vậy Như Lai đã có chưa nhỉ?

Câu hỏi của đức Phật như rơi vào đại định. Tuy nhiên, chư vị đều là thánh nhân, ngài Koṇḍañña mỉm cười rồi nói:

- Những nhân cách thành tựu tất thảy mọi ưu việt như thế, thật không có đâu, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử rất hy vọng ở hai hiền giả Sāriputta và Moggallāna! Về mặt tướng pháp học mà nói, thì hai vị hiền giả đáng mến này như hai ngôi sao chầu quanh đức Tôn Sư vậy! Và dường như đây là nhân duyên nhiệm mầu từ quá khứ, bạch đức Thế Tôn!

Các vị thượng thủ khác cũng đồng ý như thế, ngoài ra, không ai không biết cái tài tướng pháp như thần của trưởng lão Koṇḍañña về việc thành Phật của thái tử Siddhattha thuở trước!

Đức Phật chợt nói nhỏ nhẹ rằng:

- Nhưng cả hai sa-môn trẻ này đều chưa chứng quả cao nhất!

Chợt, Moggallāna quỳ xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngay ngày mai, cho đệ tử đến một ngôi làng vắng vẻ, tịch mịch, cũng ở gần đây thôi. Đệ tử biết là mình phải làm gì cho tròn bổn phận.

- Được! Đức Phật nói – Ông vừa khởi tác ý, cương quyết hành trì để đắc đạo quả A-la-hán! Điều ấy rất tốt, rất phải lẽ, là xứng đáng bổn phận đầu tiên cần phải làm. Tuy nhiên, sẽ có những trở ngại trên lộ trình, chứ không dễ dàng như các ông Koṇḍañña, Yasa đâu. Khi nào khó khăn nhất, cơ hồ không vượt qua nổi, lúc ấy, Như Lai sẽ có mặt, sẽ hỗ trợ cho ông.

Rồi đức Phật quay qua Sāriputta:

- Còn ông, ngày mai, phải cùng đi với Như Lai đến ở trong một nơi khá xa, phia nam kinh thành; ông cũng phải có những bổn phận phải làm như Moggallāna vậy. Mọi công việc ở tịnh xá, Như Lai trông cậy vào các vị trưởng lão ở đây!

Sau khi đảnh lễ từ giã đức Phật, Upatissa và đại chúng, Moggallāna tìm đến ngụ cư ở bìa rừng ngôi làng Kallavāta, cách Rājagaha không bao xa. Ngày ngày, ngoài việc trì bình khất thực quanh vùng, toàn bộ thì giờ còn lại, ngài dành cho việc thiền định, thiền quán là bổn phận duy nhất còn lại. Đúng một tuần sau, sự mệt mỏi, dã dượi, hôn trầm, thụy miên đồng loạt kéo đến; mặc dầu đã hết sức chống chỏi nhưng ngài cơ hồ không vượt qua nổi. Đúng lúc ấy thì đức Thế Tôn xuất hiện như vầng trăng, bảo ngài đi rửa mặt, sau đó chỉ dẫn những tầng bậc thiền định, những pháp che lấp phải vượt qua, cần vượt qua liên tục; phải thay đổi từ oai nghi này sang oai nghi khác, phải chiến thắng. Còn có những cảm thọ vi tế của hỷ, của lạc, của xả, của thuần tịnh nhất tâm, của không, của thức, của tưởng... phải an trú rồi phải xuất ly như thế nào. Khi tâm đã tịnh định như ngọn Sineru, vắng lặng như đáy biển sâu, trong suốt như pha-lê châu hãy nhìn ngắm sắc thọ tưởng hành thức, nhìn ngắm

như thực rồi quan sát mọi duyên khởi một cách trọn vẹn, trạm nhiên và hư tĩnh thì tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh sẽ phát sanh. Khi định và tuệ đã được thấy rõ, đã giải thoát toàn vẹn mọi trần cấu, đã được an lập một cách tự tại, đã được thiết định, đã được làm cho thuần thục, đã được kiên trú vững chắc, đã làm cho nhuần nhuyễn... thì hãy sử dụng chúng để hướng tâm thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, biến hóa... không gì là không làm được, không gì là không thành tựu vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người...

Nói vắn tắt như vậy xong, đức Phật biến mất. Vì là bậc trí, Moggallāna thông suốt đạo lộ, ngay tối hôm ấy thôi, ngài chứng đắc đạo quả A-la-hán luôn cả năm thắng trí, năm thần thông vô ngại, là pháp của bậc thượng nhân!

Trong thời gian ấy thì Sāriputta đang ở cùng với đức Phật trong một hang động tịch liêu có tên là Sūkaraleṇa (động Lợn Rừng) nằm ở sườn núi phía nam kinh thành, hằng ngày cùng với ngài đi khất thực mà chẳng được dạy bảo gì cả! Trên đường trì bình hay tại chỗ ngụ cư, bao giờ đức Phật cũng nhàn thoát, tự tại; thỉnh thoảng ngài trú định sâu, khí an tĩnh và mát mẻ tẩm đầy cả hang động. Đôi khi, từ vầng trán của ngài tỏa ra nhiều loại hào quang khác nhau; vài lần, ngài như ngồi trong cả khối châu ngọc. Sāriputta lặng lẽ tu tập, lặng lẽ đi theo, lặng lẽ chiêm ngưỡng và cảm nhận những năng lực, những từ lực, những khí, những thần từ đức Phật tỏa ra nhiếp hóa cả không gian xung quanh. Lại còn những khi đức Phật dẫn Sāriputta lên các ngọn núi phía nam, tây nam; đi loanh quanh các sườn núi tây bắc, nhìn các hang động khác; và bao giờ cũng dừng lại khá lâu ở đỉnh Linh Thứu (Gijjhakūta). Lên cao chút nữa, ngồi ở điểm cao nhất của dãy núi Chanthā, ta có thể nhìn bao quát xuống tận phía nam, những thung lũng trải dài xanh mát và cả kinh đô Rājagaha cổ kính, sầm uất được hai bức tường thành trong, ngoài che chắn, bảo vệ rất kiên cố, vững chãi. Thấy đức Phật

lặng yên, tĩnh tại, lúc thì như nhìn ngắm mây trời, lúc thì như đang cảm nhận những làn gió mát mẻ thoảng qua trong không gian trong lành, vô nhiễm và thanh bình, Sāriputta đọc được một phần nào cái tâm của bậc Đại Giác: Người không những đã yên nghỉ trong hạnh phúc vĩnh cửu với từng sát-na dịch biến của thiên nhiên, vạn hữu mà còn phác thảo trong tâm trí những dự định hoằng hóa mai hậu vì lợi ích cho giáo pháp.

Đúng một tuần sau, khi Moggallāna đắc quả A-la-hán luôn cả ngũ thông rồi, đức Phật chợt nói với Sāriputta:

- Moggallāna đã làm xong những việc cần phải làm, còn ông, sao Như Lai không thấy ông "chất vấn" Như Lai điều gì cả?

Sāriputta sợ hãi, quỳ sụp xuống:

- Đệ tử còn quá tối tăm, ngu muội, đâu dám "chất vấn" đức Tôn Sư điều gì!

Đức Phật mỉm cười:

- Không phải thế đâu, này Sāriputta! Như Lai dùng động từ "chất vấn" là có lý do, và cũng rất chính xác đấy, nhà học giả ngôn ngữ ạ! Rồi đức Phật xuống giọng như tâm sự - Ông biết không, trong rất nhiều kiếp quá khứ, đôi khi ông là thầy của Như Lai, nhiều lần Như Lại là thầy của ông, rất nhiều kiếp, chúng ta còn là vua tôi, cha con, huynh đệ và cả bạn hữu nữa! Và lúc nào cũng vậy, chúng ta đều là người hằng thao thức, tầm cầu học hỏi, săn tìm học hỏi cho đến tận cùng; bởi thế, Như Lai luôn luôn chất vấn ông, mà ông cũng luôn luôn chất vấn Như Lai! Ôi, những câu hỏi khó khăn, hóc búa; những câu hỏi có trọng lượng của quả địa cầu; những câu hỏi lạnh buốt cả hư vô, những câu hỏi xuyên sâu, chẻ vụn từng sát-na, từng hạt vi trần! Thế đấy! Nhiều lần, Như Lai đẩy tư duy ông đến tuyệt lộ; và nhiều lần, không kém gì, ông cũng đã làm cho Như Lai toát mồ hôi hột! Ồ, nhân duyên thật là nhiệm mầu, kỳ diệu vậy thay!

Sāriputta lại thưa:

- Quá khứ đã bị che lấp, xin đức Tôn Sư bi mẫn khai hóa!

- Hãy kham nhẫn, này Sāriputta! Kiến thức, sở học của ông không thua gì Như Lai; công hạnh ba-la-mật của ông dẫu chưa toàn hảo, trọn vẹn nhưng cũng đã đủ đầy. Tâm và trí của ông là cả một kho tàng, chỉ cần mở hé cánh cửa là ông sẽ thấy ra toàn bộ. Nhưng nay thì chưa phải thời!

Rồi một tuần sau nữa, đức Phật chợt nói:

- Nầy Sāriputta! Chiều nay, có một du sĩ tu theo Ni-kiền-tử vượt đường xa đến thăm ông đấy!

- Đệ tử có một ông cậu tu theo giáo phái ấy! Ông ta cứng đầu, cố chấp, ngã mạn, lại có tài ngôn ngữ, miệng lưỡi nữa!

- Nhưng mà du sĩ Dīghanakkha biện tài ấy, lần nào tranh luận với ông cũng luận bại chứ đâu có luận thắng, có phải thế không?

- Đức Thế Tôn không có gì là không biết! Sāriputta mỉm cười nhẹ rồi cất giọng tha thiết - Kính xin đức Thế Tôn bi mẫn hóa độ cho ông ấy!

Đúng buổi chiều hôm ấy, du sĩ Dīghanakkha y áo luộm thuộm, râu tóc gió sương tìm đến hang động. Sāriputta rất vui mừng nhưng đã vội giáo đầu và nhắc nhở ngay:

- Liệu hồn cậu đấy, đừng có mà miệng lưỡi xuôi ngược với đức Tôn Sư! Đừng có hòng mà múa rìu qua mắt thợ! Kiến thức và sở học của cậu và cháu cộng lại chỉ là hai hạt bụi so với núi Sineru! Chỉ lắng nghe và học hỏi thôi! Khi một đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện ở trên đời rồi thì chỉ một lời, một câu của ngài thôi cũng đã đủ cho chúng ta nếm thưởng được hương vị của giáo pháp bất tử!

Và quả thật vậy, tướng hảo quang minh của đức Phật đã hoàn toàn nhiếp phục Dīghanakkha; nhưng tri kiến "Tôi không thích thú cảm thọ" của ông ta có vẻ ngoan cố và cứng

đầu. Đức Phật đã nhẫn nại đi lướt qua bốn phạm trù (tứ cú) đưa đến tranh luận, chống đối, nhiệt não cần phải xa lánh, đoạn trừ: Đấy là "Tôi có thích thú cảm thọ, tôi không thích thú cảm thọ, tôi vừa có vừa không thích thú cảm thọ, tôi không có, không không thích thú cảm thọ"! Tất thảy chúng là hý luận, là kiết phược, là não hại. Phải nhận chân như thực rằng: Cả ba loại cảm thọ khổ, lạc, xả đều hữu vi, vô thường, do duyên sanh thì sẽ do duyên diệt. Bậc thánh đệ tử phải xa lánh, yểm ly tất cả chúng, phải giải thoát tất cả chúng không còn dư tàn... Sau thời pháp nói về các cảm thọ (Vedanā) cùng những bám víu, bám giữ, chấp thủ (Pariggaha) chúng như thế nào để sinh ra thọ uẩn (Vedanā-khandha), đánh mất như thực, dẫn đến sai lầm và đưa đến đau khổ thì du sĩ Dīghanakkha đắc quả Tu-đà-hoàn! Sāriputta hầu sau lưng đức Phật, nhờ nhất tâm chuyên chú vào thời pháp nên đắc quả A-la-hán luôn cả bốn tuệ phân tích (tứ vô ngại giải).

Biết người đệ tử mình đã làm xong xuôi bổn phận cuối cùng cũng như Moggallāna trong tuần trước, đức Phật chợt đứng dậy:

- Này Sāriputta! Bây giờ trời còn sớm, chúng ta hãy cùng nhau trở về Trúc Lâm, ở đó còn rất nhiều việc cần phải làm!

Đến bây giờ, Sāriputta chợt hiểu: "Hóa ra, đức Tôn Sư gợi ý cho Moggallāna ẩn tu để đạt quả vị cuối cùng; ngài đột ngột dẫn ta đến biệt trú ở động Lợn Rừng này, đợi chờ nhân duyên khai ngộ cho du sĩ Dīghanakkha và cũng để ta tự thành tựu rốt ráo Phạm hạnh – mà dường như không dạy một chữ, một lời! Sự thấy biết của một đức Toàn Tri Diệu Giác thật bất khả tư nghì vậy".

Khi về đến Trúc Lâm thì trời đã quá khuya, có một tỳ-khưu tên là Nāgasamāla, được tôn giả Uruvelā-Kassapa chỉ định làm thị giả đón chờ, dẫn đức Phật đến hương phòng của

ngài. Tịnh thất đạt yêu cầu: Tinh tươm, sạch sẽ, tiện nghi, rộng thoáng; có cả chỗ rửa chân, tắm giặt và nơi vệ sinh! Tất cả vật liệu như đá chân móng, gạch xây, gỗ lát tường, nền, cửa tre gỗ, mái tranh lá... nhờ còn giữ nét thô mộc nên trông giản dị, đẹp! Hai chùm đèn dầu lạc sáng dịu, một lò trầm chiên-đàn thơm thoảng và ấm áp! Một chiếc sạp tre chân thấp được lót một tấm thảm cỏ thơm. Một tọa cụ được đan bện nhiều lớp mây sợi công phu được đặt trên một hộp gỗ vuông vức... "Chà! Đức Phật tấm tắc ngợi khen - Người thiết kế hương phòng cho Như Lai phải là bậc thầy về nghệ thuật kiến trúc!"

Tỳ-khưu thị giả Nāgasamāla mang nước rửa chân, khăn ấm rửa mặt, sau đó trình cho đức Phật biết là quy mô xây dựng toàn bộ khuôn viên Trúc Lâm đang từng bước hoàn thiện, có lẽ sẽ xong trước an cư mùa mưa chừng mươi ngày.

Đêm đầu tiên, trong bao nhiêu năm nay, đức Phật được nghỉ ngơi trong một tịnh thất đẹp đẽ và sang trọng nhất! Cả gần hai ngàn tỳ-khưu mà đâu đó lặng như tờ, khá khen thay là sự giáo hóa của các vị trưởng lão!

Chiều hôm sau, đức Phật cho thông báo một cuộc họp rộng rãi, có đầy đủ các vị trưởng lão và gần hai ngàn vị tỳ-khưu; rồi ngồi trên một pháp tòa cao, có thể quán xuyến hết thảy hội chúng; ngài cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo (Lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động) không ai là không nghe:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Muốn cho giáo pháp có thể phát triển vững mạnh, lan xa nhiều quốc độ, giáo hội cần thiết phải có hằng ngàn vị thánh vô học, hàng ngàn vị thánh hữu học, hàng ngàn vị có đời sống thanh cao, phạm hạnh, hiểu biết giáo pháp, rành thông uy nghi, phép tắc, các điều học; nghĩa là đầy đủ minh, tuệ, hạnh, giới... Vào buổi đầu, ngay tại cơ sở đầu tiên này, nhân lực của giáo hội tương đối đã đáp ứng được chừng một, hai phần yêu cầu. Trong tương lai

sẽ có nhiều nhân vật ưu tú thuộc nhiều thành phần giai cấp khác nhau xuất hiện. Và họ đã bắt đầu xuất hiện. Hôm nay, Như Lai sẽ giới thiệu hai nhân vật quan trọng, họ là những tinh hoa ưu tú trong những người ưu tú, đó là Upatissa và Kolita, tức là Sāriputta và Moggallāna! Như Lai tuyên bố rằng, họ là hai cánh tay mặt và tay trái của Như Lai, là trưởng tử của Như Lai, được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, được sinh ra bởi giáo pháp của Như Lai! Kể từ bây giờ, Sāriputta và Moggallāna là hai trợ thủ đắc lực của Như Lai, được quyền thay mặt Như Lai để giải quyết mọi lãnh vực thuộc Phật sự và Tăng sự; thỉnh thoảng hỗ trợ Như Lai để giáo giới chư tỳ-khưu trẻ, giáo giới hai hàng cư sĩ áo trắng. Sāriputta và Moggallāna thật xứng đáng là hai vị đại đệ tử của Như Lai, Như Lai trân trọng tuyên bố như vậy!

Đức Phật vừa nói xong, đại chúng xôn xao bàn tán. Có nhiều cuộc tranh luận nho nhỏ đâu đó xảy ra, nhóm nầy và nhóm khác. Người ta không hiểu tại sao, đức Phật không dành địa vị tối thắng, cao trọng nầy cho các vị trưởng lão tuổi cao, đức lớn như nhóm năm ngài Koṇḍañña? Nhóm năm mươi lăm người của ngài Yasa? Nhóm ba mươi vị vương tử dòng Kosala? Nhóm ba tôn giả Kassapa tuổi lớn, trí hạnh đầy đủ mà cả ngàn đồ chúng của họ xem như vị thần? Tất cả các vị ấy đều xứng đáng bước vào hàng thượng thủ, đại đệ tử! Còn hai vị mà đức Phật trân trọng giới thiệu thì họ vừa mới chân ướt chân ráo bước vào giáo hội, chưa có công đức gì, chưa có danh vọng và uy tín gì, lại còn thuộc vào hàng trẻ tuổi, mới đến Trúc Lâm chỉ vừa đúng nửa tháng!?

"Ồ! Chẳng lẽ nào một đức Chánh Đẳng Giác lại còn có tâm thiên vị!?"

Đức Phật hướng tâm, biết tâm của đại chúng, ngài liền giải tan mối nghi:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Như Lai không hề thiên vị! Như

Lai làm vậy là do sự thấy biết của Như Lai! Các thầy vì không thấy biết nên đã hiểu lầm Như Lai một cách đáng tiếc!

Để cho hội chúng yên lặng trở lại, đức Phật hỏi nhóm năm ngài Koṇḍañña:

- Hãy nói đi! Hãy xác chứng cho Như Lai! Trong một kiếp quá khứ, các ông là nông dân, khi cúng dường vật thực chín lần trong mùa gặt lên một vị Chánh Đẳng Giác, các ông đã phát nguyện những gì dưới chân đức Thế Tôn ấy?

Nói thế xong, đức Phật biết năng lực túc mạng thông của Koṇḍañña còn yếu, không đủ sức thấy biết quá khứ xa xôi như vậy, ngài bèn nhập định, hỗ trợ cho ông. Quả nhiên, chỉ vài khắc sau, Koṇḍañña quỳ xuống:

- Đệ tử thấy rồi, bạch đức Tôn Sư! Cả chín lần cúng dường, cả chín lần phát nguyện, chúng đệ tử chỉ xin được chứng quả vị cao nhất, đầu tiên, và cũng làm những đệ tử đầu tiên của đức Phật Sākya Gotama!

Quá khứ lâu xưa đã được vén lên, đã được một vị thánh trưởng lão uy tín xác nhận. Đức Phật lại quay sang hỏi tôn giả Yasa và nhóm bằng hữu:

- Còn các vị, nhất là Yasa, ông đã đắc túc mạng thông; hãy cho Như Lai biết, trong quá khứ, có khi nào ông phát nguyện sẽ được làm đại đệ tử của một vị Phật?

- Dạ thưa không, bạch đức Tôn Sư! Tôn giả Yasa mau mắn đáp - Từ xa xưa, đệ tử đã có duyên gặp đươc các đức Chánh Đẳng Giác Sumedha, Siddhattha, Kassapa chỉ nguyện được sống đời giác ngộ, giải thoát bên chân một vị Phật mà thôi!

Đức Phật chưa hỏi mà tôn giả Uruvelā-Kassapa đã đại diện mọi người, tiếp lời:

- Không có ai cả đâu, bạch đức Thế Tôn! Cho đến hai mươi chín đại kiếp trước, trước đại kiếp nầy, trong nhóm vương tử Kosala hoặc trong hội chúng của con, chẳng ai có

thể có khả năng làm đại đệ tử cả! Đại nguyện cũng không mà sở học, sở hành, sở tu thì quả thật chưa đủ! Đệ tử dù thắng trí giới hạn nhưng cũng thấy rằng hiền giả Sāriputta, đúng là bậc Tối Thượng Thanh Văn, không chỉ lậu hoặc đã tận, trí hạnh đủ đầy mà còn chứng đắc catupaṭisambhidappabheda (tứ vô ngại giải); Moggallāna cũng thế, một bậc Tối Thượng Thanh Văn thứ hai, đã chứng đắc chaḷabhiññā (lục thông). Cả hai thành tựu ấy thật khó được, thật là vô lượng công phu tu tập, không chỉ trải qua vài vị Phật mà thôi đâu, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Ông đã nói đúng, đã thấy đúng, này Kassapa! Không chỉ hai mươi chín đại kiếp trước đâu! Cả Sāriputta và Moggallāna đã phát nguyện tu tập mười ba-la-mật tính đến nay đã trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp trái đất rồi! Chính ba-la-mật của ông cũng còn thiếu cả một a-tăng-kỳ, so với hai vị kia đấy, ông phải biết như vậy!

Sau khi tôn giả Kassapa trình bày, đức Phật xác nhận rồi giải minh thêm, cả hội chúng ai cũng nhìn Sāriputta và Moggallāna với sự kính trọng và ngưỡng mộ. Đức Phật còn biết hội chúng muốn nghe chuyện quá khứ của hai vị đại đệ tử, nên ngài hoan hỷ kể chuyện đã xa mù trong ký ức tiền kiếp:

"- Cái gì cũng có nhân, cũng có duyên, này các thầy tỳ-khưu! Nay Như Lai sẽ kể chuyện quá khứ của Sāriputta và Moggallāna một cách vừa đủ để cho các thầy thấy rõ nhân, thấy rõ duyên mà tu tập. Cách đây một a-tăng-kỳ và trăm ngàn đại kiếp, có một vị Chánh Đẳng Giác hiệu là Anomadassī xuất hiện trên thế gian; ngài có hai vị đại đệ tử, thượng thủ, xuất sắc làm cánh tay mặt, tay trái rất đắc lực!

Thuở ấy có một trưởng giả hào phú, tên là Nārada, sau khi cha mẹ qua đời, cảm thấy tiền bạc, của cải tợ phù vân, lạc thú ngũ dục vui ít, khổ nhiều nên đã bố thí tất cả tài sản,

vào rừng xuất gia làm đạo sĩ. Nhờ tinh cần tu tập nên Nārada đắc được các định và có một số năng lực thần thông, môn sinh đệ tử rất đông đảo. Đạo sĩ Nārada có một người bạn thân, là điền chủ Sirivaddhaka giàu có, cũng là người hằng tâm hằng sản: Ngôi nhà của ông là giếng nước giữa ngã tư đường cho các tu sĩ, đạo sĩ, cho những người nghèo khó. Cả hai rất thân với nhau. Sirivaddhaka cũng muốn từ bỏ tất cả để xuất gia như bạn mình, nhưng Nārada khuyên là chưa nên, hãy ở nhà làm các công đức, vì chính ông, tuy đắc định, có nhiều năng lực nhưng bài toán sinh tử vẫn chưa giải quyết được, khổ đau và phiền não vi tế vẫn còn ngủ ngầm ở bên trong!

Hôm kia, đạo sĩ Nārada, nhờ thiên nhãn, thiên nhĩ nên biết trong quốc độ đã có một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác vừa mới ra đời, ngài có hiệu là Anomadassī! Toàn thân ông chợt rúng động! Ông tự nghĩ: 'Định nầy, các năng lực này, tuy là thắng trí nhưng nhất định chưa phải là trí tuệ, ta phải đi bái yết đức Phật ấy, vị Chánh Đẳng Giác ấy để nhờ vào sự khai hóa của ngài!'

Đức Phật Anomadassī hướng tâm, biết tâm nên đã từ hư không xuất hiện ngay ở trước mặt với dung sắc chói sáng ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp! Đạo sĩ Nārada biết ngay đấy là ai, quỳ xuống đảnh lễ rồi lấy tọa cụ của mình đặt trân trọng dưới gốc cây, nơi một đám đất cao ráo rồi thỉnh đức Thế Tôn an ngự. Việc vừa xong thì phía hai bên đức Phật hiện ra hai vị sa-môn với mỹ mạo trang nghiêm thù thắng thế gian khó bì! Đức Phật Anomadassī mỉm nụ hoa sen nói:'Đấy là hai đại đệ tử của Như Lai!' Đạo sĩ Nārada tức tốc gọi đệ tử tìm kiếm hai tấm tọa cụ khác đặt ở hai bên đức Chánh Đẳng Giác rồi thỉnh hai ngài an tọa. Ngước lên, đạo sĩ Nārada ngạc nhiên đến sửng sốt: Cả hằng ngàn sa-môn y áo vàng rực, không biết xuất hiện từ bao giờ đang đứng đầy đặc cả khu rừng! May mắn thay, đạo sĩ cũng có

hằng ngàn đệ tử nên việc chuẩn bị tọa cụ cho chư vị thánh tăng giáo đoàn không đến nỗi khó khăn lắm...

Rồi bằng tất cả tấm lòng thành, tự thân đạo sĩ mang nước rửa chân, nước rửa tay, sau đó dâng cúng những trái cây ngon lành nhất vào bát cho đức Thế Tôn. Cả hằng ngàn đệ tử của ông, thấy sự cúc cung tận tụy của thầy mình như thế nên cũng hoan hỷ phục vụ tương tợ đến đoàn sa-môn rất chu đáo. Khi đức Thế Tôn, hai vị đại đệ tử và giáo đoàn yên lặng thọ thực, đạo sĩ quan sát và chợt phát giác một điều: Chỗ ngồi của đức Thế Tôn ngang bằng hai vị đại đệ tử; và chỗ ngồi của thánh chúng xung quanh, có nhiều nơi lại cao hơn! Lại nữa, tất cả tọa cụ đều đã cũ rách, có nhiều tấm lấm đất lấm bụi thật không xứng đáng cho một cuộc tiếp đón trân trọng, không tương hợp chỗ ngồi của chư vị thánh nhân! Thế rồi, đạo sĩ sai bảo đệ tử vào rừng kiếm hoa, hoa cho thật nhiều; còn đích thân ông, sử dụng thần thông làm cho tọa cụ của đức Tôn Sư cao lớn như một bảo tọa có các diềm tua châu ngọc. Hai vị đại đệ tử cũng hai bảo tọa trân trọng như vậy nhưng thấp hơn bằng nửa hắc tay[1]. Hằng ngàn bảo tọa khác thấp hơn bảo tọa của hai vị đại đệ tử. Khi chúng đệ tử mang hoa về, đạo sĩ sai rải đầy tất cả xung quanh chỗ ngồi của các ngài... Khi công việc xong xuôi, đạo sĩ Nārada quỳ xuống:

- Chúng đệ tử ở rừng sâu, không biết lấy gì để cung nghinh, đón tiếp và cúng dường đến đức Thế Tôn và thánh chúng, vậy xin ngài bi mẫn hỷ xả!

Đức Phật nói:

- Cung nghinh như vậy là cung nghinh đệ nhất, cúng dường như vậy là cúng dường đệ nhất, quả báo của công đức này thì vô lượng nhân thiên cũng không bì được! Ông và

[1] Hắc tay (hattha): Đơn vị đo lường, tính từ khủy cánh tay ra tới đầu ngón tay giữa.

chúng đệ tử hãy hoan hỷ đi, này Nārada!

Nārada hỷ lạc dâng đầy cả chân tơ kẽ tóc, thưa tiếp:

- Xin đức Thế Tôn hãy ban bố cho chúng đệ tử một thời pháp!

Vì muốn thử lòng đạo sĩ Nārada nên đức Phật nói:

- Giờ này không phải thời, này Nārada! Giờ này là thời mà Như Lai và đệ tử của Như Lai an nghỉ trong định diệt thọ, tưởng!

Thế rồi, tất cả như một rừng đại định. Đạo sĩ Nārada tức khắc sử dụng thần thông biến hóa ra một chiếc lọng tua vàng rồi nghiêm cẩn đứng hầu che cho đức Thế Tôn. Vì định này là định kéo dài suốt bảy ngày đêm nên đạo sĩ Nārada cũng không ăn, không uống, không ngủ nghỉ cũng suốt bảy ngày, bảy đêm như thế để che sương đỡ nắng cho đức Thế Tôn!

Xả định, đức Phật sai hai vị đại đệ tử thay nhau thuyết pháp đến cho hội chúng, mặc dầu với ngôn ngữ lưu loát, trong sáng, dễ hiểu, dễ nghe... nhưng chẳng ai đắc quả vị gì cả. Đến phiên đức Phật thuyết thì toàn bộ đệ tử của đạo sĩ Nārada đều Nhập lưu hoặc đạt quả cao nhất! Riêng đạo sĩ Nārada thì không đắc gì cả, vì khi ấy, ông đang chăm chú nhìn vị đại đệ tử tay phải, và hoàn toàn bị lôi cuốn bởi oai tướng, ngôn ngữ biện tài lưu loát và phong cách của vị ấy!

Thời pháp xong, đạo sĩ Nārada thưa hỏi:

- Nhân duyên tu tập như thế nào mới có khả năng thành tựu địa vị ưu thắng của một vị đại đệ tử, như vị đại đệ tử ngồi bên phía tay mặt của đức Thế Tôn?

- Cũng lâu lắm, cũng trường kỳ tu tập mới đạt được! Đức Phật bi mẫn nói - Này Nārada! Vị trợ thủ đắc lực ấy của Như Lai phải thực hành ba-la-mật trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu đấy! Hiện tại, trên châu Diêm-phù-đề nầy, ông ta được xem là đệ nhất về trí tuệ phân tích, biện tài vô ngại! Ngoài ra, các trí và hạnh khác, ông ta được xem là gần ngang bằng với Như Lai đấy!

Đạo sĩ Nārada quá ngưỡng mộ, bèn quỳ sụp bên chân đức Phật Anomadassī: 'Tất cả công phu tu tập của đệ tử, tất cả công đức được hầu hạ đức Thế Tôn hôm nay, đệ tử xin được phát đại nguyện trở thành một vị đại đệ tử của một đức Chánh Đẳng Giác ngày vị lai, xin đức Tôn Sư chứng minh!'

- Ông sẽ được như nguyện! Đức Phật nói - Vậy thì trải qua một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp quả địa cầu, tại châu Diêm-phù-đề, sẽ có một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, ngài có hiệu là Sākya Gotama, ông sẽ là đại đệ tử cánh tay mặt của vị ấy!

Sau cuộc tiễn đưa, đạo sĩ Nārada vận thần thông lực, tìm ngay bạn mình là điền chủ Sirivadhaka, kể lại mọi nhân duyên kỳ diệu rồi khuyên bạn mình là phải thỉnh đức Phật và thánh chúng để làm phước lớn, cúng dường lớn... Thế là, điền chủ Sirivadhaka cúng dường trọng thể đến đức Phật và thánh chúng trọn bảy ngày rồi xin phát nguyện được làm vị đại đệ tử tay trái của đức Phật Sākya Gotama thời hậu lai, ngoài trí và hạnh ưu thắng, ông ta là bậc có thần thông đệ nhất trong giáo hội, chẳng ai bì được".

Đức Phật thuyết xong, cả hội chúng im lặng như tờ! Các vị thánh nhân đắc quả cao nhất và có thần thông họ cũng không có thể thấy biết nhân duyên, nhân quả lâu xa như thế! Các vị mới vào dòng hoặc sơ tu thì thấy rõ sự kỳ diệu của đạo lộ tu tập, họ lại càng thâm tín với giáo pháp hơn. Đức Phật kết luận:

- Thế là Như Lai đã không có thiên vị, phải không? Ai với phẩm vị nào, với lời nguyện nào từ quá khứ thì Như Lai đã đặt đúng phẩm vị của vị ấy, đúng với lời nguyện của vị ấy không hề sai lệch vậy!

Sự giải minh của đức Toàn Tri Diệu Giác không có chỗ cho một hạt bụi hoài nghi nào bám dính vào! Địa vị của hai vị đại đệ tử vậy là đã được thiết lập vững chắc trong giáo hội và nhất là trong lòng tin của đại chúng.

Đại tịnh xá Trúc Lâm (Veḷuvanārāma) thế là đã hoàn tất như quy mô dự định của đức vua Seniya Bimbisāra. Tuy nhiên, gần đến ngày an cư mùa mưa, các vị tân tỳ-khưu vừa mới xuất gia ở nhiều nơi, phát sanh từ các phái đoàn truyền giáo, ai cũng muốn chiêm ngưỡng đức Thế Tôn nên lũ lượt tìm về. Hai ngàn cốc liêu thế là không đủ vào đâu cả! Vấn đề tưởng là khó khăn nhưng hóa ra vô cùng đơn giản. Tôn giả Uruvelā-Kassapa hội ý với hai em là chỉ nên giữ lại các đệ tử lớn, các tỳ-khưu biết đảm đang công việc, biết chăm lo các chỗ ăn ở, nước nôi, vệ sinh chỗ này chỗ kia, còn ngoài ra nên tự lực di trú đến các ngôi làng, các khu rừng, núi đồi gần đây có khá nhiều hang động có thể tĩnh cư được, nhường chỗ cho những người mới đến!

Hai vị đại đệ tử vừa được tấn phong, luôn được đức Phật gọi vào dạy dỗ việc này việc kia. Các thời pháp của đức Thế Tôn giảng nói hằng ngày cho chư tăng hoặc tại gia cư sĩ, cả hai vị đều lắng nghe không bỏ sót một buổi nào!

Hôm kia, đức vua Seniya Bimbisāra cho làm lễ khánh thành để dâng cúng toàn bộ công trình xây dựng Trúc Lâm lên đức Phật và tăng chúng. Ông đã tổ chức rất long trọng. Dường như tất cả giáo phái chủ, giáo phái sư, chủ ngân hàng, chủ nghiệp đoàn, đại thương gia, hào phú, nhân sĩ, trí thức... của kinh đô đều được mời đến. Riêng giới hoàng gia, quý tộc, quan lại, tướng lãnh, chiến sĩ... phải được xem như là bổn phận của mình, phải biết đóng góp tiền của hoặc công sức cho công trình vĩ đại ấy!

Dịp này, đức vua và triều đình đặt bát cúng dường bảy ngày; và suốt sáu ngày, tại đại giảng đường vừa mới khánh thành, đức Phật ban bố những thời pháp "thuận thứ" đến cho hai hàng cư sĩ áo trắng; chiều tối, ngài lại giáo giới chư tăng. Riêng ngày thứ bảy, đức Phật lại giao phó cả hai thời pháp ấy cho tôn giả Sāriputta đảm trách, có lẽ ngài muốn giới thiệu rộng rãi vị đại đệ tử ưu tú mà chưa ai rõ tầm vóc trí tài

như thế nào!

Là bậc đại trí tuệ, đã đắc tứ vô ngại giải, mặc dầu cận kề đức Phật với thời gian rất ngắn nhưng tôn giả Sāriputta nắm bắt đại cương và chi tiết giáo pháp rất nhanh, lại còn có khả năng triển khai rộng rãi chúng nữa tùy căn cơ và đối tượng! Lại nữa, tôn giả Sāriputta đã quen làm trưởng giáo, quen giáo huấn môn đệ; ngôn ngữ, văn phạm, cú pháp lại đều làu thông từ thuở thiếu niên nên việc thuyết giảng trước hội chúng, thâu nhiếp hội chúng, quả thật là không mấy khó khăn! Thời pháp buổi chiều, tôn giả đã làm cho giới tại gia cư sĩ hoan hỷ, tín phục, xúc động; thời pháp buổi tối, không những các vị tân tỳ-khưu thích thú, phỉ lạc dâng đầy mà các hàng tôn túc trưởng lão cũng vô cùng mát mẻ, thỏa dạ, bội phục. Và ai ai cũng cảm nhận được rằng: Ngôn ngữ lưu loát, sống động, những ví dụ cụ thể, phong phú của tôn giả đã làm cho họ thấy hiểu giáo pháp sâu thêm, rộng thêm từ những điểm quá cô đọng của đức Tôn Sư! Và chỉ có đức Phật là không ngạc nhiên gì cả, lúc nào ngài cũng xuất hiện đúng lúc để xác định với hội chúng rằng: "Như Lai đã từng tuyên bố là Sāriputta và Moggallāna được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai; bây giờ điều ấy đã được khẳng định có da, có thịt, có xương, có tủy, có phải thế không!"

Thâu Nhiếp
Mahā Kassapa

Ngày hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát ra đi, không nói là đi đâu, không thông báo với ai cả. Hành trạng của đức Toàn Giác bao giờ cũng có nhân, có duyên chẳng ai thắc mắc cả! Hóa ra, đức Phật, sau khi trì bình khất thực, ngài đã đi bộ hơn nửa do tuần, tìm đến một ngôi làng ở ngoại ô, ngồi độ thực dưới gốc cây Bahuputtaka ven đường, chờ đợi nhân duyên để thu nhận thêm một đệ tử vĩ đại khác: Tôn giả Mahā Kassapa!

Cách chỗ ngồi của đức Phật không bao xa, bên kia con sông nhỏ có ngôi làng Mahātiṭṭha trù phú, có gia đình bà-la-môn Kapila cự phú; người ta đồn rằng, tài sản, kho tiền vàng, kho châu báu của ông còn nhiều hơn ông vua một tiểu quốc!

Ông bà-la-môn Kapila chỉ có một cậu con trai duy nhất! Tương truyền, lúc lâm bồn, bà mẹ ngồi dưới gốc cây đại thụ Pippali nên lấy tên cây đặt tên cho con: Pippali! Ngoài ra, còn có tên thường gọi khác nữa là Mahā Kassapa!

Cũng như nhiều nhân cách vĩ đại khác, Pippali có nhiều quý tướng, vẻ đẹp của bậc đại nhân, có sự thông minh, nết hạnh và những phẩm chất, cá tính ưu việt. Đến tuổi thanh

niên thì kiến thức, sở học của chàng cũng tương tợ Sāriputta và Moggallāna vậy, nghĩa là đầy đủ bản lãnh của trí thức bà-la-môn thời đại: Có thể làm trưởng giáo, quan đại thần hoặc tham mưu triều chính! Đấy là ước vọng của gia đình.

Pippali có đời sống nội tâm trầm lặng. Đặc biệt là không thích ca, vũ, nhạc, rượu men, rượu nấu... và luôn tìm cách xa lánh ca nhi, mỹ nữ. Khi cha mẹ bắt lập gia đình thì chàng từ chối đây đẩy, hoảng sợ như đỉa phải vôi! Mặc dầu cương quyết cự tuyệt, nhưng thấy khó lay chuyển được ý định của hai thân, Pippali bày ra một mưu kế. Chàng thuê một nhà điêu khắc nổi danh, tạc tượng một mỹ nữ bằng vàng, bằng người thật rồi nói rằng: "Nếu quả thật trên thế gian có người đẹp như thế này, y hệt như thế này thì mới xứng đáng kết hôn với con!"

Tưởng cha mẹ nản chí, ai ngờ ông bà cho làm một chiếc kiệu lớn, như ngôi đình nhỏ, đặt tượng mỹ nữ lên trên, rèm che sáo phủ, có bốn bánh xe rồi thuê người di chuyển từ làng này sang làng khác. Bên cạnh luôn có mặt bốn thầy bà-la-môn học thức, trọng tuổi, có tướng mạo đẹp đẽ, tiên phong đạo cốt. Cứ hễ dừng xe một nơi phải lẽ, có thị trấn, xóm làng thạnh mậu; có gạo trắng, nước trong hoặc có kỳ hoa dị thảo thắm tươi thì các thầy bà la-môn lại rao truyền: "Nữ thần đây! Nữ thần giáng hạ trần gian đây! Các tiểu thư khuê các, các công nương diễm kiều hãy đến chiêm ngưỡng; chỉ cần kính thành hoa hương lễ phẩm thì sẽ đạt được những ước mơ như sở nguyện!" Thế rồi, rèm sáo được vén lên, tượng nữ thần bằng vàng với dung mạo tuyệt mỹ, chói lọi! Một đồn hai, hai đồn bốn, bốn đồn tám rồi như một đám hội của giai nhân khắp các nơi đổ đến! Bốn vị bà-la-môn trấn bốn góc, chăm chăm tìm kiếm "cô gái đẹp y, giống y tượng nữ thần" trong số mỹ nữ, gia nhân đến chiêm bái!

Lạ lùng làm sao, kỳ dị làm sao, có một cô gái đẹp y, giống y như vậy thật! Nàng tên là Bhaddākāpilāni, mười sáu

tuổi, con gái của bà-la-môn triệu phú Kosiya ở thị trấn Sāgala, vùng Madda! Thật ra, Bhaddākāpilāni không muốn đi xem, nhưng bạn bè bảo là tượng nữ thần như được đúc từ nàng mà ra vậy, nên sinh ra tò mò! Khi bốn thầy bà-la-môn nhìn thấy Bhaddākāpilāni, họ cũng kinh ngạc, sững sờ, sao thượng đế sắp xếp chi những tao ngộ quá diệu kỳ!

Pippali không biết từ chối đâu được nữa. Cuộc hôn nhân hai bên sớm tiến hành. Chàng và nàng chung sống với nhau chẳng ai hạnh phúc cả. Đêm động phòng hoa chúc, chàng một góc, nàng một góc, chẳng ai nói chuyện với ai câu nào. Các đêm sau cũng thế. Pippali quan sát thì dường như Bhaddākāpilāni còn ủ ê, sầu não hơn cả chàng nữa! Ngạc nhiên, chàng hỏi: "Tại sao nàng có vẻ cáu giận ta như thế, ta có làm gì nàng đâu!" Bhaddākāpilāni ôn nhu, mềm mỏng trả lời: "Thiếp thành thật xin lỗi chàng! Thật ra, thiếp không có gì phải giận chàng cả! Thiếp giận là giận cho cái nghiệp duyên trớ trêu của mình! Từ khi lớn lên, mang thân nữ giới, thiếp không thích đời sống ngũ dục, lại càng không thích lập gia đình! Chí nguyện của thiếp là sống đời xuất gia phạm hạnh! Thế mà... thế mà..." Nói thế xong, Bhaddākāpilāni gục khóc nức nở. Hóa ra, cả hai có cùng một nguyện ước! Pippali sung sướng quá! Rồi chàng tâm sự cho nàng nghe! Cuối cùng, hai người cam kết, thỏa thuận,sẽ sống với nhau như bạn!

Thời gian trôi qua, hai vợ chồng thay nhau chăm lo mọi việc trong ngoài vì cha mẹ đã già yếu. Thì giờ rảnh rỗi, khá nhiều, họ nghiên cứu thêm triết đạo học, thực hành yoga, thảo luận với nhau về những điểm khúc mắt về các tư tưởng tôn giáo! Họ sống với nhau như bát nước đầy, trong sạch như vỏ ốc!

Vậy là sau mười hai năm thủ ước, cha mẹ qua đời, Pippali bèn bàn với Bhaddākāpilāni kế hoạch hành động: Trước khi xuất gia nên bố thí tất cả châu báu, của cải, tài

sản! Chàng sẽ tha phương tầm đạo, sẽ học hỏi tất cả mọi giáo chủ, mọi chân sư ở trên đời! Còn nàng nên tạm thời đến xuất gia với ni chúng Niganṭhānāṭaputta (Ni-kiền-tử), bao giờ tìm ra đạo lộ bất tử sẽ báo cho nàng sau!

Suốt ba tháng trường mới bố thí hết, xả ly hết của cải tích góp nhiều đời, chàng và nàng nhẹ hẫng, phơi phới. Chàng chuẩn bị đầy đủ tám món vật dụng của một du sĩ hành cước: ba y, bát, dây thắt lưng, dao cạo tóc, ống kim chỉ và đồ lọc nước! Nàng cũng chuẩn bị như vậy. Lựa một ngày đẹp trời, nàng cắt bỏ mái tóc thanh xuân, chàng sạch sẽ râu tóc, tam y, nhất bát lên đường! Đến đầu làng, hai người chia tay, rẽ sang hai hướng; nàng về nam tìm đến giáo phái Ni-kiền-tử, chàng lên phía bắc, lang thang nhiều quốc độ! Năm ấy chàng đã ba mươi hai tuổi.

Chính cái ngày mà hai người ra đi thì đức Phật đang ngồi dưới cội Bodhirukkha! Vậy là chỉ hơn một năm mòn mỏi, không tìm ra chân sư, không tìm ra giải đáp tối hậu, Pippali lần hướng về quê nhà thì hay tin: Một vị Chánh Đẳng Giác đã ra đời, đang khai đàn lập giáo ở khu Rừng Tre do vua Seniya Bimbisāra cúng dường. Hiện tại, kinh đô này như đang lên cơn sốt của một tôn giáo không có thần linh, nói rằng, mỗi người là ngọn đèn cho mình, có thể giác ngộ, giải thoát cho chính mình mà không cần uy lực của thượng đế nào cả! Mấy ngàn sa-môn của tôn giáo mới ở ngoài truyền thống ấy như những đám mây vàng nhẹ nhàng, thanh thoát tràn ngập khắp mọi nơi, khắp mọi không gian: địa lý và tâm linh!

Pippali, tức là Mahā Kassapa, nghe rúng động từng chân tơ, kẽ tóc; tin đồn ấy rất hợp với tư duy của chàng, rất quen thuộc với những hình ảnh trong giấc mơ thánh thiện của chàng!

Đứng lặng bên ngôi nhà cũ. Nhắm mắt, tĩnh lặng chiêu niệm ân đức của hai đấng sinh thành, rồi Mahā Kassapa

quay gót, theo thuyền vượt qua con sông nhỏ, với ý nghĩ là sẽ tìm đến Trúc Lâm; nhưng mới đi một đỗi đường thì gặp đức Thế Tôn! Phải, tuy chưa có duyên gặp đức Thế Tôn nhưng Mahā Kassapa thấy một sa-môn phi phàm với ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp đang ngồi tĩnh tại dưới cội cây Bahuputtaka, dung sắc chói ngời, hào quang sáng rỡ thì chàng biết, đấy là ngài chứ không còn ai khác nữa!

Với thái độ thành kính rất tự nhiên, Mahā Kassapa, quỳ mọp xuống, đảnh lễ rồi nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế Tôn là đạo sư của con, con là đệ tử của ngài! (Satthā me bhante sāvako-hamasmi!)

- Này Mahā Kassapa! Hãy ngồi xuống đây rồi Như Lai sẽ trao cho ông một gia tài pháp bảo!

Mahā Kassapa thấy đức Thế Tôn ngồi trên đám cỏ bằng, bèn lấy y ngoại (saṃghāṭi, y hai lớp) xếp làm bốn rồi thỉnh ngài an tọa, sau đó mới cung kính quỳ hầu một bên.

Đức Phật giáo giới:

- Nầy Mahā Kassapa! Ông ở trong gia đình giàu sang tột bực, lại được thọ sinh từ dòng tộc bà-la-môn cao quý (brāhmajāti), nên dễ ngã mạn về thọ sinh, ngã mạn về dòng tộc (jātimāna)! Trong giáo hội của Như Lai, cả bốn giai cấp đều bình đẳng như các con sông đều tan hòa trong biển nước của đại dương, ở đây, sự kính trọng không tùy thuộc giai cấp mà tùy thuộc vào hạ lạp! Sau này, giáo hội sẽ có những vị đại đức, những vị trung đức, những vị sơ đức phải biết như vậy để đối xử cho phải lẽ!

Nầy Mahā Kassapa! Ông đã có được một sở học và kiến thức uyên bác từ thuở thanh niên nên dễ sinh ra ngã mạn về tri kiến (ñāṇadiṭṭhīmāna)! Vậy ông phải biết chăm chú lắng nghe giáo pháp, ghi nhớ giáo pháp, thực hành giáo pháp và kính trọng giáo pháp mới mong thành tựu những lợi lạc tối thượng!

Nầy Mahā Kassapa! Ông có những quý tướng và vẻ đẹp của bậc đại nhân nên dễ sinh ra luyến ái sắc thân, tự hào về sắc thân, ngã mạn về sắc thân (kāyamāna)! Vậy ông nên tu tập đề mục niệm thân (kāyagatasati), nhất là phải thấy cho rõ những thể trược, những bất tịnh (asubha) của chúng. Rồi cũng nến tiến hành đề mục về hơi thở (anāpānasati) để đạt các định cần thiết, quán chiếu thân, thọ, tâm, pháp để thấy rõ thực tướng vô thường, vô ngã và dukkha của chúng để đạt tuệ nhãn, tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh, giải quyết trọn vẹn vấn đề sinh tử, giải thoát tất cả mọi sầu, bi, khổ, ưu não trên cuộc đời!

Đức Phật dạy xong ba điều về ngã mạn, du sĩ Mahā Kassapa trở thành tỳ-khưu! Đây là sự thọ giới được gọi là "thọ giới tỳ-khưu bằng giáo huấn" (Ovādapaṭiggahaṇ-ūpasampadā) đặc biệt, duy nhất trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Là bậc vốn có trí hạnh đầy đủ, nghe xong tức hiểu, Mahā Kassapa ôm chân bụi của đức Thế Tôn, vô cùng cảm kích.

Đức Phật chợt mỉm cười, nói rằng:

- Tấm ngoại y của ông, không rõ bằng chất liệu gì mà mềm mát, ấm áp và êm dịu đến thế?

Mahā Kassapa là bậc trí, ông hiểu là đức Thế Tôn lại quở trách nhẹ nhàng, tinh tế khi ông đã sử dụng saṃghāṭi bằng loại tơ tằm cực mịn, không tương hợp với những sa-môn sơ cơ đang tu tập với đề mục niệm thân! Thế rồi, ông xin dâng cúng saṃghāṭi đắt giá ấy lên đức Phật, người đã diệt tận mọi nhiễm ô, đổi lấy saṃghāṭi tầm thường của ngài[1].

Đức Phật lại bi mẫn tứ giáo rằng:

- Nầy Mahā Kassapa! Ông hoàn toàn hiểu ý của Như

[1] Đức Phật chỉ muốn trả lại hạnh nguyện đầu-đà cho ngài Mahā Kassapa!

Lai! Cái hạnh sáng rỡ của ông trong giáo pháp này chính là một bậc thánh vô dục, đầu-đà khổ hạnh nhưng lưu ý là đừng rơi vào cực đoan!

Bảy hôm sau, trước an cư mùa mưa mấy ngày, do nhiệt tâm, tinh cần tu tập, Mahā Kassapa đắc đạo quả A-la-hán, luôn cả tuệ phân tích và thần thông!

Quả thật là một thành tựu hy hữu của một nhân vật kiệt xuất nên hôm kia, trước đầy đủ chư vị tôn túc trưởng lão và mấy ngàn tỳ-khưu, đức Phật trân trọng giới thiệu Mahā Kassapa:

- Đây là một vị tỳ-khưu cũng được sinh ra từ cửa miệng của Như Lai, từ giáo pháp của Như Lai; là một đệ tử ưu tú, là một đệ tử cao quý! Mahā Kassapa sẽ là một tỳ-khưu đệ nhất về khổ hạnh đầu-đà rồi còn giáo hóa cho mọi người về một đời sống tri túc và thiểu dục nữa! (Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ dhutavādānaṃ yadidaṃ Mahākassapo!)

Lời tuyên bố của đức Phật, thế là đã xác định được địa vị ưu thắng, đệ nhất về khổ hạnh đầu đà của ngài Mahā Kassapa trong lòng giáo hội và đại chúng.

Khi nghe chuyện về hai vợ chồng hy hữu, mười hai năm thủ ước sống trong sạch bên nhau rồi còn dễ dàng rũ bỏ tài sản cự phú... nên hội chúng cứ xôn xao bàn tán mãi, không rõ do nhân gì, duyên gì từ kiếp trước! Đức Phật lại phải vén mở bức màn quá khứ, kể cho hội chúng biết rằng: Họ đã từng tu tập từ rất lâu xa, đã từng thực hành mười ba-la-mật tuy không bằng Sāriputta và Moggallāna, nhưng cũng đã trải qua nhiều vị Chánh Đẳng Giác. Đặc biệt, một kiếp nọ, Mahā Kassapa làm vua, có tên là Nandarāgā, Bhaddākāpilāni làm hoàng hậu; cả hai đều có đức tin trong sạch với thiện pháp. Vào thời không có Phật Toàn Giác ra đời, đức vua và hoàng hậu đã hộ độ bốn món vật dụng cho năm trăm vị Độc Giác đầy đủ, hỷ mãn cho đến khi các ngài an nhập Niết-bàn, với

lời nguyện đạo quả bất tử. Kiếp ấy, sau khi truyền ngôi vị cho hoàng tử, cả hai khoác áo đạo sĩ vào Tuyết sơn sống đời khổ hạnh độc cư, lâm chung, đắc định, hóa sanh phạm thiên giới! Sở dĩ cả hai đều chán ghét ngũ dục là vì họ vừa ở cõi phạm thiên hạ sanh, tâm nhàm chán, viễn ly dục lạc của định sắc giới còn ảnh hưởng rất mạnh đến kiếp này!

Còn chuyện tượng nữ thần bằng vàng, lại gặp được mỹ nhân giống hệt, các bậc có trí tự hiểu rằng: Họ đã nhiều kiếp vợ chồng, nhiều kiếp cùng tạo trữ ba-la-mật thì hình ảnh, dung sắc của người vợ mỹ miều, đức hạnh không lúc nào là không hiện rõ rệt từng đường nét một trong tâm trí của thanh niên Pippali!

MÙA AN CƯ THỨ HAI
(Năm 586 trước TL)

Bài Đồng Dao Biếm Nhẽ

Công việc truyền bá giáo pháp, như chiếc thuyền ra khơi, không phải lúc nào cũng trời yên biển lặng. Sự phát triển quá nhanh số lượng tăng chúng, kéo theo nhiều vấn đề phức tạp. Ba trăm ngàn thị dân thành phố Rājagaha bắt đầu gánh chịu áp lực nặng nề trong việc đặt bát mỗi ngày cho hằng ngàn sa-môn, đệ tử của đức Phật và cũng hằng ngàn du sĩ, đạo sĩ của tôn giáo khác nữa! Mà trong số ấy, không phải ai cũng chính đính, trang nghiêm, có tăng tướng, có oai nghi mô phạm! Trong số một ngàn đệ tử của các tôn giả Kassapa cùng một số đệ tử của tôn giả Sāriputta và Moggallāna đều đã là bậc thánh, họ biết, họ tự điều chỉnh nên họ đã tự động tản mác vào những thôn làng xa ở các ngoại ô. Riêng mấy trăm tân tỳ-khưu từ bốn phương về, trong số họ gồm nhiều thành phần phức tạp, chưa được học giáo pháp đúng mức lại thích đi bát trong thành phố vì có nhiều thực phẩm thượng vị; họ lại thường có ngôn hành thô tháo nên tạo ấn tượng không được tốt đẹp trong mắt quần chúng. Thứ nữa, sự ganh tỵ từ phía các tôn giáo bạn khi đức Phật và hội chúng của ngài được đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng tộc và triều đình trọng vọng, không những quy y, hộ độ hằng ngày mà còn xây dựng, hiến cúng cả Trúc Lâm tịnh xá quy mô nữa!

Ngoài ra, đâu đó còn ẩn chứa mầm giống tiêu cực về mặt xã hội. Nhiều người đang có công ăn việc làm, đang sống đời bình thường với gia đình, hốt nhiên thích làm sa-môn, gia nhập giáo đoàn của đức Phật mặc cho vợ con túng thiếu. Dư luận sau đây được bàn tán qua cửa miệng của nhiều người thị dân:"Giáo hội của sa-môn Gotama đã làm cho các giống dòng tuyệt tự, gia đình ly tán, vợ góa con côi! Không những sa-môn này kéo theo bên mình một ngàn đạo sĩ tóc búi, hai trăm năm mươi môn đệ của Sañjaya, hằng trăm người thuộc thành phần phức tạp mà còn có những thiện gia nam tử cao sang đệ nhất nước Māgadha cũng thoát ly gia đình để về sống dưới sự hướng dẫn của ông ta!"

Thế rồi, không chỉ họ phỉ báng "bọn sa-môn đầu trọc"; không biết người trí thức nào còn đặt ra câu đồng dao rồi dạy cho trẻ con hát, chọc ghẹo các vị tỳ-khưu từ góc phố này sang góc phố khác:

"- Người đến từ cổ thành
Bậc đạo sư trên đường
Dẫn theo đoàn khất sĩ
Dẫn theo đoàn đạo nhơn
Biết còn ai thọ giới
Quy phục lực sa-môn?"

Nghe được sự việc trên, đức Phật dạy rằng, bận lòng làm gì những lời châm chọc ấy, chúng thường không kéo dài được lâu, hãy kham nhẫn! Còn câu đồng dao, thấy lời lẽ châm biếm cũng rất nhẹ nhàng, đức Phật chợt mỉm cười rồi đọc ngay một vần thi kệ:

"- Các bậc vô thượng nhân
Hiển lộ lẽ thực chân
Chỉ đường theo chánh pháp
Trí đức sáng vô ngần
Ai nỡ nào ganh tỵ
Các khất sĩ hiền nhân

Dẫn đưa người tiến bước
Bằng giáo pháp như chân!”[1]

Các vị sa-môn trẻ thú vị vì câu thi kệ nên đã nhanh chóng truyền sang bên ngoài, rồi cũng nhanh chóng, trẻ con các nơi thích thú hát theo, thế là câu đồng dao cũ tức khắc bị vô hiệu hóa! Và cả lời chỉ trích, thời gian sau cũng không còn nữa. Có lẽ một phần do sự ngăn chặn của đức vua Seniya Bimbisāra và triều đình; phần khác là nhờ các vị trưởng lão A-la-hán Koṇḍañña, Assaji, Yasa... ba tôn giả Kassapa, Mahā Kassapa; và nhất là Sāriputta, Moggallāna được phép đức Phật, liên tục mở các lớp giáo huấn, giảng dạy về ngôn hành, tứ oai nghi, đưa chư vị tân tỳ-khưu vào nền nếp. Nhân tiện, đức Phật cũng bảo Sāriputta để ý đến thành phần ít học hoặc chẳng học, thiếu căn bản trí thức và trình độ giáo dục; họ thường khiếm nhã, thiếu tư cách, mất tác phong trong khi đi trì bình khất thực. Theo yêu cầu của vị đại đệ tử, đức Phật đã ban hành một số học giới liên hệ. Ví như phép cư xử nhã nhặn, lịch sự, khiêm tốn đối với mọi người! Cách thức đi trì bình hoặc thọ thực phải giữ sự im lặng của bậc thánh! Các tân tỳ-khưu phải biết vâng lời, tôn kính các bậc giáo thọ, phải có những bổn phận nhất định với các thầy như chăm sóc y phục, rửa sạch bình bát, lau chùi sàng tọa... Bên cạnh đó, hiệu quả nhất là tôn giả Sāriputta đã làm thêm được ba việc. Thứ nhất là, trong khi an cư mùa mưa, đức vua, triều đình, thương gia, các vị thí chủ ngoài việc cúng dường vật thực hằng ngày, mời đến tư gia đặt bát... còn có thể cúng dường gạo, đậu, mè, dầu, bột, đường, quả củ, rau trái... đến chư tăng; rồi một số cư sĩ áo trắng phụ việc sẽ nấu chín, đặt bát cho những trưởng lão già yếu, người ốm bệnh hoặc các vị tỳ-khưu bận rộn nhiều công việc

[1] Phỏng theo “Đức Phật lịch sử” của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, Nxb T/P HCM, năm 2000).

ở tịnh xá! Thứ hai là, chia phiên từng nhóm để đi khất thực trong thành phố hoặc các thôn làng, ngăn chặn sự tùy tiện hoặc giải tỏa áp lực ở một vùng, một thôn xóm! Thứ ba là, mỗi ngày chia phiên trực ban: Ban vườn cảnh, đường kinh hành, nhà vệ sinh, nhà tắm, cốc liêu; ban dọn dẹp, thu xếp, sắp đặt giảng đường, tọa cụ, dầu đèn, đón tiếp khách thập phương hoặc thí chủ các nơi; ban bảo quản nhà kho lương thực, chăm lo, đốc thúc bếp núc, sửa soạn vật thực phục vụ nhân số cơ hữu! Ngoài ra, tôn giả Sāriputta còn chu đáo, thay đổi thị giả hầu cận đức Phật, tỳ-khưu Nāgita thay thế tỳ-khưu Nāgasamāla, tìm kiếm các thị giả cho các trưởng lão Koṇḍañña, Assaji, Kassapa...

Quả thật, có tâm và có trí của vị đại đệ tử được đức Phật tin cậy, sự trật tự, nền nếp của Trúc Lâm tịnh xá đã bước lên một tầm cao mới. Nhân dân các nơi khi đi chiêm quan Rừng Trúc, không ai là không khen ngợi, tán thán sự tổ chức, nền nếp sinh hoạt của giáo đoàn. Sự châm biếm, phỉ báng không còn nữa, mà ngược lại, thanh danh đức Phật và hội chúng của ngài lại càng lan xa, lan rộng thêm nữa!

Đức vua Seniya Bimbisāra thường hay lui tới, ông không dẫn theo nhiều người, chỉ có năm bảy thị vệ tháp tùng cùng đi với hoàng hậu Videhi và thái tử Ajātasattu! Nhà vua bảo là ông rất nhớ đức Phật và thánh chúng; và lúc nào cũng muốn nghe pháp. Đời sống của một vị vua chẳng an lạc và hạnh phúc gì, luôn luôn bận rộn và luôn luôn cảnh giác, đề phòng việc này, việc kia, người này, người nọ! Hôm kia, đức vua như cố ý gởi gắm thái tử Ajātasattu, nhờ tôn giả Sāriputta dạy dỗ vì tương lai đất nước tùy thuộc tư cách, phẩm hạnh của bậc nhân chủ! Nhưng khi đức vua dẫn thái tử dạo chơi thì hoàng hậu Videhi lại tâm sự với đức Phật rằng:

- Đệ tử rất lấy làm lo ngại vì lời tiên tri thuở trước của các thầy bà-la-môn khi đứa trẻ còn ở trong thai bào, có tên là Ajātasattu, có nghĩa là "kẻ thù chưa sanh"! Số là từ khi

mang thai trẻ, đệ tử chợt nhiên thèm muốn lạ lùng vài giọt máu nơi bàn tay phải của đức vua! Thèm muốn đến xanh xao, vàng võ mà không dám nói! Sau, bị cật vấn hoài, đệ tử đành phải thú thật! Thế là nhà vua vui vẻ, lấy dao rạch tay cho đệ tử hút máu! Đệ tử định giết đứa trẻ này, kể khi còn trong thai hay khi đã sanh ra nhưng đức vua cương quyết không cho! Nhà vua thương nó lắm. Đến nỗi khi trẻ bị cái mụt nhọt trên đầu ngón tay, mưng mủ, nhức nhối suốt ngày đêm, la khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ dành được. Đang bận việc giữa triều đình, thế mà đức vua đã nhè nhẹ bế trẻ lên, ngậm ngón tay đau của con, nhè nhẹ mút chỗ mưng mủ cho con đỡ đau. Đứa trẻ đỡ đau thật, không còn khóc la nữa, thế là nhà vua không dám rút tay trẻ ra, cứ ngậm mãi rồi bao nhiêu máu mủ ông nuốt vào bụng hết! Thế đó là tình phụ tử đậm đà, sâu nặng, thế gian khó có người thứ hai, nhưng đệ tử vẫn lo ngại vô cùng về sự oan trái nào đó giữa hai cha con từ quá khứ!

Đức Phật biết chuyện nghiệp báo nhân quả, thậm chí còn biết việc gì xẩy ra trong tương lai giữa hai cha con đức vua; nhưng ngài đã kín đáo và tinh tế khuyên dạy:

- Định luật nghiệp báo nhân quả rất khó thấy, khó biết, cho chí một bậc thánh A-la-hán cũng chưa thấy rõ một cách toàn diện! Khi nhân đã gieo rồi thì quả nó sẽ trổ, không ai có thể ngăn chặn được. Có thể do đời sống tu tập, tạo nhiều nghiệp lành thì quả báo xưa có thể nhẹ đi chứ không thể chấm dứt hẳn! Hoàng hậu hãy để tâm an lành, tĩnh niệm trong đời sống hiện tại; chuyện đã qua rồi, đừng để cho bất kỳ hình ảnh nào, sự việc gì từ quá khứ ám ảnh, tạo ra bất an, phiền não không đáng có!

Dù chưa dứt tuyệt ám ảnh, nhưng hoàng hậu Videhi cũng nguôi ngoai. Hơn nữa, ngắm nhìn khung cảnh thanh bình và đời sống giản dị, an tịnh của đức Phật và Tăng chúng, tâm bà như cũng êm đềm và mát mẻ theo!

Riêng quý phi Khemā, vị phu nhân khả ái, xinh đẹp của đức vua Seniya Bimbisāra thì không dám đến nghe pháp, vì nghe nói đức Phật thường chê bai phụ nữ, đôi khi còn xem phụ nữ là bất tịnh; ngài không những không tán dương sắc đẹp bên ngoài của người phụ nữ mà còn coi nó là một trở ngại cho sự tu tập của hàng sa-môn!

An cư năm nay, dù mưa gió nhiều, nhưng không ảnh hưởng gì lắm đến sự tu tập cũng như việc khất thực của chư tăng. Cốc liêu có mái lợp, tường che kín đáo. Kho lương thực dự trữ có thể hỗ trợ cho việc đặt bát tại tịnh xá. Có vấn đề gì phát sanh thì hai vị đại đệ tử đã tự động giải quyết, khỏi phiền đến đức Phật hoặc các vị trưởng lão. Như việc đau ốm thì cần phải có thuốc thang, bệnh xá và lương y phụ trách. Như việc có quá nhiều người ăn xin đến chầu chực khoảng thời gian chư tăng độ thực thì phải làm sao? Đuổi đi thì thương tổn lòng từ mà lấy phần của chư tăng để bố thí thì đụng chạm đến đức tin của thí chủ! Cả hai việc lớn, khó xử này, tôn giả Sāriputta, tôn giả Moggallāna phải cầu viện đến đức vua, các vị trọng thần và các thánh cư sĩ hào phú. Sau đó, nhanh chóng một bệnh xá đã được thiết lập, một trại chẩn bần ngoài bìa rừng đã được dựng lên! Tôn giả còn để ý tìm hiểu nguyên nhân của một số căn bệnh do ngồi thiền nhiều, do ít cử động về tay chân nên khuyên chư tăng hãy đi kinh hành nhiều sau khi độ thực, siêng năng trong việc lao tác như xách nước, quét tước, dọn dẹp nơi này và nơi khác. Đối với các vị già lão thì tôn giả hướng dẫn các thế Hatha-yoga để điều thân, điều khí cho máu huyết lưu thông!

Nói tóm lại là bất cứ chỗ nào cũng phải để mắt đến. Các ngày đầu và cuối tháng, các ngày bát quan trai, hai hàng cư sĩ áo trắng ngồi đầy giảng đường, đèn, hoa cũng tràn ngập giảng đường! Vậy, có đủ chỗ vệ sinh sạch sẽ cho họ chăng? Hoa tàn, hoa héo, lá gói, dây cột và rác rưởi thì ai dọn dẹp, chất đổ ở đâu? Những tấm tọa cụ phải được thay thế bằng

nhiều tấm thảm vải thô lớn rộng và bền chắc! Hễ có nắng lên là phải phơi phóng để tránh ẩm mốc! Cả từng núi công việc, từng đống vấn đề phải cần có đầu óc phi phàm, biết tính toán, biết lo liệu, biết sắp xếp, biết tổ chức; nếu không sẽ trở thành một bãi chiến trường, một bãi rác!

Thì giờ sinh hoạt trong ngày của chư tăng đã thông báo rộng rãi và từng bước một cũng được thực thi nghiêm túc. Sau giờ hành thiền buổi sớm, ai cũng phải lao động chân tay, cất đặt dọn dẹp, quét tước xung quanh cốc liêu của mình. Các vị tỳ-khưu chúng trưởng có trách nhiệm phân nhóm, phân đường đi khất thực các nơi. Trưa về, phải độ thực tại nhà ăn, ngoại trừ những vị theo hạnh đầu-đà noi gương tôn giả Mahā Kassapa, thường chọn rừng, nghĩa địa để tiện việc tu tập, quán tưởng! Buổi sáng, chương trình của đức Phật thường tùy nghi: đi bát tự do, có người mời hoặc ngài thuyết giáo cho cư sĩ tại gia! Buổi chiều, khi thì đức Phật giáo giới cho nhiều thành phần giai cấp đến hỏi đạo, khi thì ngài giảng dạy chư tăng. Tôn giả Sāriputta và Moggallāna, thỉnh thoảng được đức Phật chỉ định thuyết thay ngài! Buổi tối cũng thế, đôi khi lại để dành cho các tỳ-khưu phương xa. Khuya là chư thiên, khuya nữa là phạm thiên! Đức Phật chỉ nghiêng lưng nghỉ ngơi vào nửa canh ba; nửa canh về sáng, ngài đã trở dậy để quán nhân duyên với chúng sanh! Hai vị đại đệ tử biết thì giờ của đức Phật nên phân định công việc đâu ra đó. Đến lúc này thì uy tín của hai vị đại đệ tử chỉ còn sau đức Phật mà thôi vậy!

Hôm kia có một đoàn người từ Kapilavatthu đến. Đấy là một quan đại thần và mấy chục chiến sĩ Sākya. Đức vua Suddhodana, sau bảy năm xa cách con trai, nhớ nhung vô cùng nhưng không nghe tung tích ở đâu. Thời gian gần đây, các phái đoàn thương buôn, xuống lên, qua lại theo con đường thương mãi (sau này là con đường tơ lụa), ghé Kapilavatthu nghỉ ngơi và đổi hàng, thanh danh của đức

Phật được họ bàn tán xôn xao rằng: "Dòng dõi Sākya anh hùng của quốc độ này đã phát sanh một bậc Chánh Đẳng Giác. Ngài đã chiến thắng nhân giới, ma giới và thiên giới! Ngài đã được chư thiên và nhân loại xưng tán, tôn vinh với nhiều hồng danh như Đại A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô thượng Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn! Thế rồi, sau khi độ cho năm đạo sĩ khổ hạnh ở Lộc Uyển, Isipatana, ngài theo dãy núi Gayā đi lần về Māgadha, cảm hóa hằng ngàn đạo sĩ tóc búi. Hiện tại, đức vua Seniya Bimbisāra oai danh lừng lẫy cùng với bá quan, triều đình đều đến quy giáo đức Tôn Sư ấy, dâng cúng toàn bộ Trúc Lâm và hàng ngàn công trình xây dựng. Đức Quang Vinh Điều Ngự luôn đoanh vây quanh mình hằng ngàn sa-môn áo vàng, hằng chục ngàn người thuộc hoàng gia, quý tộc, triệu phú cùng đệ tử hai chúng thuộc mọi thành phần giai cấp xã hội khác nhau!"

Trái tim già nua của đức vua Suddhodana chợt đập liên hồi khi hay được tin trên. Hoàng hậu Gotamī bồi hồi bồi hồi nhìn ngắm phương trời xa, tưởng tượng đứa con ưu tú thuở xưa bây giờ đã trở thành bậc đạo sư của thiên hạ. Công nương Yasodharā tủi thân, lệ đổ hai hàng mặc dầu bà đã nhiều lần làm chủ cảm xúc, hy sinh hạnh phúc nhỏ bé để cho thái tử thỏa mộng ước tầm cầu chân lý! Nghe tin vui, ai cũng mừng rỡ, nôn nóng trong lòng! Tăm bóng của cánh chim giang hồ kia bây giờ mọi người thân yêu đã tìm ra dấu vết! Thế là đức vua Suddhodana tức tốc cho một phái đoàn, gồm một quan đại thần cùng mấy chục chiến sĩ lên đường đến kinh đô Rājagaha, Trúc Lâm tịnh xá, bày tỏ ước mong đức Phật trở về thăm quê hương xa cách lâu ngày!

Đến Trúc Lâm, phái đoàn sứ giả thấy khó tiếp xúc với đức Phật, vì lúc nào ngài cũng bận giáo giới chư tăng, hai hàng cư sĩ hoặc quan khách các phái đoàn! Tò mò, không hiểu đức Phật giảng nói cái gì mà mọi người cung kỉnh,

chăm chú lắng nghe từ lớp nầy đến lớp khác! Chư tăng cả hàng ngàn vị trật tự, nền nếp, trang nghiêm lắng nghe giáo pháp không một tiếng ho, không một tiếng tằng hắng, tất cả như chìm ngập trong miền tịnh định an lạc rất lạ lùng! Vị quan đại thần và tốp chiến sĩ lẳng lặng ngồi nghe. Hóa ra, rồi họ cũng say mê, nghe buổi sáng, nghe buổi chiều và nghe cả về đêm nữa! Đức Phật biết chuyện gì xẩy ra, nhưng ngài không nói gì cả. Khi cả phái đoàn đồng xin xuất gia tỳ-khưu, đức Phật biết họ đã đắc quả A-la-hán, và chính các vị trưởng lão đã làm lễ thọ giới cho họ có ngài chứng minh.

Rồi chuyện gì xẩy ra? Rồi suốt mấy tháng trường như thế, chín phái đoàn như thế, đều đắc quả A-la-hán, họ không còn muốn trở về Kapilavatthu nữa! Thật ra, không phải là họ đã quên trọng trách! Sau khi đắc quả A-la-hán, quán nhân duyên, thấy chưa phải thời, họ biết lúc nào là đầy đủ nhân duyên, chính đức Phật sẽ trở lại quê nhà mà chẳng cần ai thưa thỉnh gì cả!

Nhưng riêng đức vua Suddhodana thì rất nóng lòng, cả chín phái đoàn ra đi đều mất tích như những cây kim chìm mất giữa đại dương! Chưa nản chí và cũng như là quyết định cuối cùng, đức vua bèn cử một vị trọng thần, bạn cũ thời thơ ấu và cả tuổi thanh xuân của thái tử là Kāḷudāyi dẫn đầu phái đoàn, lên đường thực hiện sứ mạng! Được sự tin cậy, Kāḷudāyi rất sung sướng; nhưng sung sướng hơn là hy vọng gặp lại người bạn thuở xưa đến nỗi nao nức không ngủ được! Ông bây giờ đã từng trải quan trường và cũng đã khá nhiều mệt mỏi vì gánh nặng nước nhà cũng như gánh nặng gia đình! Mái tóc ông đã có vài sợi bạc, không biết thái tử, là vị Phật ấy, bây giờ ra sao mà thanh danh vang dội còn hơn cả đấng thần linh? Và, Kāḷudāyi cũng tin chắc như thế; trí tuệ, nhân cách và nghị lực của vị ấy, chắc hẳn sẽ có được những thành tựu vĩ đại! Trước khi đi, ông ghé thăm lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā. Ai cũng hy vọng và gởi

gắm những tình cảm trân trọng!

Đến Trúc Lâm đã qua mùa an cư từ lâu nhưng đại giảng đường vẫn tiếp tục những thời pháp, không khí vẫn rộn ràng những Phật sự và tăng sự! Kāḷudāyi là người tinh tế, ông chưa gặp đức Phật vội! Ông nhìn ngắm, ông quan sát! Ông bỏ ngoài tai những lời đồn đãi, ông chỉ xác định cái gì đó bằng mắt thấy, tai nghe! Và quả thật, ông đã bước vào một vương quốc của hòa bình, một vương quốc không thể có ở trần gian! Đời sống tăng chúng đâu đó đều như có tính tự giác và tỏa ra một sự ổn định, thanh bình từ nội tâm. Người quét rác cũng bình yên, thanh thản; kẻ bước đi cũng thung dung tự tại. Và tuyệt đối không có một tiếng động ồn ào – nơi hàng ngàn con người đang sinh sống! Pháp luật ở đâu, pháp chế ở đâu, kỷ luật ở đâu - không thấy! Từ giảng đường, nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà khách, công viên, sân vườn, không thấy người chỉ huy, điều hành mà đâu đó đều tươm tất, lịch sự! Làm quan triều đình, ông biết, tâm địa thế gian đâu dễ gì giáo dục! Mà ở đây như hội tụ những tinh hoa trí thức như xã hội của những triết nhân, những con người thượng lưu thật sự!

Khi nghe pháp, Kāḷudāyi và phái đoàn đều đắc quả A-la-hán, được chư vị trưởng lão cho thọ giới tỳ-khưu có sự chứng minh của đức Thế Tôn thâu nhận vào giáo đoàn. Tìm gặp đức Phật, trong tăng tướng sa-môn, Kāḷudāyi quỳ lạy đảnh lễ với nụ cười viên mãn! Ông không biết nói gì! Mà chuyện gì, đức Thế Tôn lại không biết! Tuy nhiên, đóng vai trò của một sứ giả bình thường, ông kể chuyện quê nhà từ lúc thái tử ra đi! Rằng là phụ vương của ngài tuy già yếu nhưng vẫn còn khang kiện! Lệnh bà Gotamī thì sức khỏe rất tốt! Công nương Yasodharā tuy thương nhớ nhưng vẫn giữ cốt cách, vẫn tự chủ mọi cảm xúc! Nanda đã lớn, là một thanh niên hào hoa phong nhã, thích chưng diện, ham chơi, đang đính ước hôn sự với một tiểu thư kiều diễm! Sundarī-

Nanda đã là một thiếu nữ hoa nhường nguyệt thẹn, đứng đắn, chưa chịu để mắt xanh đến vị vương tôn, công tử nào! Rāhula đã bảy tuổi, không ngoan lắm, ít chịu học hành là hòn ngọc, là con cưng của tất thảy mọi người! Ānanda và Anuruddha lúc này đã chín chắn, mẫu mực, nhưng không chịu nhận bất kỳ một chức vụ gì, giả dụ như làm vua hai vị cũng không quan tâm; luôn luôn nói rằng, sẽ đợi chờ hành tung của người anh siêu việt! Trong số các bạn cũ, Mahānāma rõ ràng là chững chạc nhất, là phụ tá quan trọng nhất cho đức vua; tham mưu, quyết định những vấn đề trọng đại của triều đình! Nếu kế vị ngôi vương thì chẳng có ai xứng đáng hơn Mahānāma! Còn Kimbila, Bhaddiya, Bhagu, Udāyi... kẻ làm quan tổng trấn, người tướng lãnh quân đội, đại thần đảm đang triều chính đều là những nhân vật khả thủ cả!

Nghe xong tất cả mọi chuyện, đức Phật nói:

- Như Lai cũng đã có dự định về thăm quê nhà, thăm tất cả mọi người thân thuộc khi đầy đủ nhân duyên! Có lẽ là đầu mùa xuân, Kāḷudāyi ạ! Ông hãy ở lại đây một thời gian, khi giáo pháp đã thấy rồi, còn cần phải thu xếp đời sống phạm hạnh cho tương hợp!

Kāḷudāyi cúi đầu tuân phục. Ôi, con người này bây giờ vĩ đại quá! Thế gian này đâu có vấn đề gì nữa mà bàn? Một đời sống thanh bình an lạc; một nụ cười vô ưu, siêu thoát; một con đường phạm hạnh thiêng liêng đang hấp dẫn vô lượng chúng sanh tìm về trong đạo lộ thênh thang! Một hơi thở, một cái nhìn cũng đã trở thành tự do và tuyệt đối!

Bất giác, Kāḷudāyi mỉm nụ hoa sen và thấy rõ rằng, tất thảy thế gian đều thanh tịnh!

Về Thăm Quê Hương

Sau khi Kāḷudāyi trở về quê nhà báo tin, đức Phật cho họp tăng chúng, lựa chọn năm trăm vị tỳ-khưu lậu hoặc đã tận cùng lên đường với ngài, có tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa hướng dẫn hội chúng. Còn mọi sinh hoạt tại Trúc Lâm, giáo giới, nhắc nhở chư tăng tu tập, thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ áo trắng, đức Phật giao phó cho tôn giả Moggallāna, nhóm tôn giả Yasa, ba tôn giả Kassapa cùng các vị đệ tử lớn tuổi khác. Còn tôn giả Koṇḍañña thì đã xin ẩn cư tại Himalaya.

Đức Phật và chư tỳ-khưu tăng năm trăm vị, lên đường vào một ngày trời nắng nhẹ, gió xuân phơi phới mát lành, trăm hoa nở rộ khắp nơi. Đường bộ từ Rājagaha trở về Kapilavatthu phải ngược lên phía tây bắc, đạp qua sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligāma rồi theo con đường thương buôn, trọn lộ trình xa chừng sáu mươi do-tuần. Vì vừa đi vừa trì bình khất thực, thỉnh thoảng đức Phật còn phải thuyết pháp tại các làng mạc, thị trấn nên phái đoàn mỗi ngày chỉ đi được trên dưới một do-tuần. Như thế thì gần hai tháng sau mới có thể tới nơi.

Tôn giả Kāḷudāyi và trên mười vị tỳ-khưu dòng tộc Sākya đã đắc quả A-la-hán đón tiếp đức Phật trước chín

mười ngày đường. Do niềm vui siêu thế ở trong tâm, do niềm hạnh phúc của triều đình, của hai quốc độ được đón tiếp bậc Thiên Nhân Sư, tôn giả Kāḷudāyi đã cảm hứng ngữ thốt lên một bài tụng ca đẹp lộng lẫy với màu sắc tươi thắm, rực rỡ:

"- Bầu trời đức Thế Tôn đi,
Chư thiên nam tấu nhạc,
Chư thiên nữ rắc hoa,
Giữa nền mây ngọc bích,
Giữa nền mây pha-lê châu!
Con đường đức Thế Tôn đi,
Những hàng cây tàn xanh bóng mát,
Hoa hồng thắm, hoa vàng tươi,
Bướm ngũ sắc từng đàn lấp lánh,
Nào quả trái đỏ xanh lủng lẳng,
Hòa niềm vui nghinh đón sa-môn,
Cả vùng trời tỏa ngát hương thơm,
Ôi, bất tuyệt trần gian một thuở!
Thật đúng thời,
Đức Thế Tôn trở lại,
Hoa rải cánh,
Tin lành kết trái,
Kết hỷ hoan, hỷ lạc dâng tràn,
Đã qua rồi nắng hạ, đông hàn,
Xuân vĩnh cửu,
Với từng bước đi vĩnh cửu!
Tộc Sākya, tộc Koliya,
Có được phúc lành hy hữu!
Dòng sông Rohini biếc xanh,
Lòng người biếc xanh,
Cung nghinh, chiêm bái đức Tôn Sư!"

Đức Phật phải dừng chân lại, mỉm cười cho những lời lẽ miêu tả thanh tao, trong sáng nhưng không kém phần diễm

lệ, huy hoàng của người bạn thân vừa mới đắc quả! Và quả thật vậy, đức Phật và đoàn sa-môn thảnh thơi bước đi trong không gian tỏa nức mùi thơm của hương đồng cỏ nội, của hoa lá ngày xuân.

Đến Kapilavatthu, đức Phật bảo với Kāḷudāyi là chưa nên đi vào kinh thành mà hãy để cho ngài và hội chúng tỳ-khưu tạm trú tại Nigrodhārāma (Ni-câu-luật viên), tức là rừng đa cổ thụ ở phía đông nam kinh thành, có nhiều cây to bóng mát mà trước đây các đạo sĩ, du sĩ thường hay lui tới.

Đức vua Suddhodana, triều đình và con cháu dòng tộc Sākya đã hay tin nên đồng đến Nigrodhārāma để đón tiếp. Tuy nhiên, vốn bản tính ngã mạn đã thành nề, các vị cao niên trưởng lão của dòng tộc, nghĩ rằng: "Dẫu là ông Phật, ông thánh chăng nữa thì vị sa-môn kia cũng chỉ thuộc vai con vế cháu mà thôi!" Do vậy, họ chỉ đứng yên hoặc lựa ngồi một chỗ nào đó ở phía sau, bảo những người nhỏ tuổi đến đằng trước để chào đón. Hướng tâm đến, đức Phật hiểu tất cả, nhưng ngài lại bước đến phía đức vua Suddhodana:

- Phụ vương!

- Thái tử !

Trao bình bát cho vị thị giả là tỳ-khưu Nāgita, đức Phật nắm chặt hai bàn tay khô gầy của vua cha. Đã gần tám năm xa cách, đức vua tuy có già hơn nhưng vẫn còn tinh anh, quắc thước. Nhìn những giọt nước mắt trôi chảy lặng lẽ xuống đôi gò má nhăn nheo của vua cha, đức Phật rất thương cảm, nhưng ngài đã làm chủ cảm xúc, trao gởi một cái nhìn vô cùng dịu dàng và ấm áp! Riêng nhà vua thì cảm nhận rất rõ rằng, con ngài bây giờ không còn là thái tử Siddhattha thuở xưa nữa, mà đã là một đại sa-môn cao quý, một bậc lãnh tụ tinh thần vĩ đại, đã vượt cao, vượt xa, vượt trên nhân thế, không còn bị giới hạn trong sự thông tục của đời thường. Bất giác, đức vua cúi đầu xuống, thành kính

chấp tay theo phong cách, mỹ tục của một quốc vương lúc diện kiến một bậc chân sư, một đạo sư, một giáo chủ!

Đức Phật thấy thái độ trí thức của vua cha, ngài rất hài lòng; và muốn để tăng trưởng đức tin ấy, đồng thời nhằm cảm hóa, nhiếp phục tính kiêu căng của hoàng tộc, ngài liền bay lên giữa hư không, tạo một con đường bằng ngọc nằm vắt từ đông sang tây rồi đi kinh hành qua lại. Lát sau, đức Phật sử dụng một loại thần thông bất khả tư nghị, hóa phép yamaka pāṭihāriya, có nghĩa là "hai thần lực song song" làm cho nước và lửa cùng một lúc phát sanh từ lỗ chân lông; rồi hai tia sáng xanh và đỏ tỏa ra ngời ngời như hai tia điện chớp chóa mắt hội chúng. Hiển lộng thần oai xong, đức Phật đáp xuống chỗ bảo tọa đã soạn sẵn, ngồi đoan nghiêm, thanh tĩnh!

Thấy thần thông kỳ diệu của đức Phật, đức vua Suddhodana mọc ốc cả toàn thân, niềm tin phát khởi, và một lần nữa, ông lại xác nhận cái điều mà ông đã suy nghĩ: "Quả thật, con ta bây giờ không còn là thái tử đương triều nữa – mà đúng là thần oai của một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác như mọi người đã xưng tán, tôn vinh!" Nghĩ thế xong, bất giác, đức vua quỳ xuống đảnh lễ rồi thốt lên rằng: "Đây là lần thứ ba, phụ vương đảnh lễ con đây!" Cả triều đình, dòng tộc Sākya lớn nhỏ, sợ hãi, quỳ lạy theo!

Tôn giả Sāriputta ở bên cạnh đức Phật, còn tôn giả Moggallāna, lúc ấy, đang ở Trúc Lâm tịnh xá cách xa sáu mươi do-tuần nhưng cả hai tâm ý tương thông, muốn trợ duyên cho đức Thế Tôn dễ dàng khai hóa hoàng tộc; nên đồng một lúc, như chỉ trong cái nháy mắt, đã như hai đám mây vàng rực, bay lên giữa hư không, đồng một lúc, đáp xuống bên phải và bên trái, năm vóc sát đất, đảnh lễ ngài rồi cùng thưa rằng:

- Bạch đức Tôn Sư! Muốn trở thành một đức Chánh Đẳng Giác thì phải tu tập như thế nào? Phải trải qua thời

gian công hạnh ba-la-mật như thế nào?

Biết dụng tâm của hai vị đại đệ tử, đức Phật bèn cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, thuyết một thời pháp nói về Phật tông (Buddhavaṃsa); tức là gốc nguồn, hành trạng của chư Phật! Muốn thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác phải trải qua bảy a-tăng-kỳ phát nguyện ở trong tâm, chín a-tăng-kỳ phát nguyện thành lời; bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp thực hành mười ba-la-mật trải qua hai mươi bốn vị Phật. Rồi đức Phật cũng kể tóm tắt nhưng đầy đủ hành trạng của hai mươi bốn vị Phật ấy: Phật Dīpaṅkara, Phật Koṇḍañña, Phật Maṅgala, Phật Sumana, Phật Revata, Phật Sobhita, Phật Anumodassī, Phật Paduma, Phật Nārada, Phật Padumuttara, Phật Sumedha, Phật Sujāta, Phật Piyadassī, Phật Atthadassī, Phật Dhammadassī, Phật Siddhattha, Phật Tissa, Phật Phussa, Phật Vipassī, Phật Sikhī, Phật Vessabhū, Phật Kakusandha, Phật Koṇāgamana, Phật Kassapa. Và chính ngài là vị Phật thứ hai mươi lăm, có danh hiệu là Sākya Gotama! Trong vô lượng kiếp trôi lăn sinh tử ấy, chính ngài có năm kiếp làm đạo sĩ, chín kiếp làm tỳ-khưu, năm kiếp làm cư sĩ, hai kiếp làm long vương, một kiếp làm Sakka, một kiếp làm nguyên soái Dạ-xoa, một kiếp làm vua sư tử đã được chư Phật thọ ký với tên tuổi, quê quán, dòng tộc, hành trạng hiển nhiên, minh bạch như thế nào! Rồi còn có vô lượng kiếp mê mờ, như đi giữa sương mù, xuống lên, chìm nổi giữa ba cõi, sáu đường thật không tính xuể!

Thời pháp của đức Phật, lạ lùng làm sao, lại có rất nhiều chư thiên chứng quả Nhập lưu, còn hội chúng thì như được mở hé một chân trời vi diệu nhưng không ai chứng đắc gì! Ngay khắc ấy, một trận mưa bất ngờ tuôn đổ xuống. Một trận mưa đỏ như màu máu. Một trận mưa lạ lùng: Đức Phật, chư thánh tăng, những người bắt đầu có đức tin thì khô ráo; còn những ai kiêu căng, ngã mạn thì ướt như chuột lột! Mọi

người bàn tán sôi nổi. Đức Phật thuyết thêm một thời pháp nữa, kể lại kiếp áp chót làm người, thái tử Vessantara, đã bố thí bất nghịch ý với năm đại thí như thế nào, sau mười hai năm lưu đày, trở lại làm vua, giữa hội chúng thân thuộc, cũng có một trận mưa như thế nhưng là một trận mưa bảy báu ngập tràn cung điện! Sau kiếp người, sanh làm thiên tử Setaketu ở cung trời Tusita, hết tuổi thọ mới giáng sanh vào lòng mẹ Mahāmāyā,vua cha Suddhodana, dòng tộc Sākya, kinh đô Kapilavatthu... để hoàn thiện công hạnh của một bậc Chánh Đẳng Giác!

Vậy là nhân duyên, nhân quả vô lượng kiếp đã được đức Thế Tôn giảng nói, thuyết minh khá rõ ràng làm cho hội chúng rất thỏa thích. Nhưng khi chia tay, cả hoàng tộc, không ai biết bổn phận là phải thỉnh mời đức Phật và chư tăng giáo đoàn vào ngày mai ra sao! Riêng đức vua Suddhodana thì đơn giản nghĩ rằng: "Đã về đến quê nhà, tất phải thọ thực ở cung điện rồi!"; nên ngài đã cho chuẩn bị yến tiệc đãi đằng đức Phật rất chu đáo!

Đêm ấy, tại công viên Nigrodhārāma, đức Phật tiếp những người bạn cũ do tôn giả Kāḷudāyi dẫn đến, đó là Mahānāma, Bhaddiya, Ānanda, Anuruddha, Kimbila, Bhagu... cả Nanda và Channa nữa. Có lẽ là tôn giả Kāḷudāyi đã kể cho họ nghe khá nhiều về đức Phật, vị huynh trưởng xưa của họ, người đã tìm ra ý nghĩa và giá trị đích thực của cuộc sống, đã giải quyết trọn vẹn vấn đề tử sinh! Lại nữa, buổi chiều, lẫn trong đám đông, họ đã chứng kiến thần thông vi diệu của đức Phật, đã nghe được hai thời pháp nên biết rõ rằng, bây giờ họ là người trần tục, và những ý tưởng được ngài tuyên thuyết không còn nằm trong lãnh vực tế thế an bang, cơm no, áo ấm cho muôn dân nữa, mà là cái gì vĩnh cửu hơn thế, đại toàn hơn thế! Lạ lùng làm sao, đức Phật không giáo giới gì, ngài chỉ hỏi thăm chừng mực công việc của từng người, ai đã lập gia đình, ai chưa lập gia đình! Đức

Phật mỉm cười, khi biết chỉ có Mahānāma là có vợ con, các vị khác đều thích sống độc thân! Suốt trong thời gian đàm đạo, họ như được tẩm mát trong làn khí tâm từ, sau đó, đức Phật hẹn dịp khác, ngài bảo rằng, chưa đủ duyên để nói chuyện nhiều hơn!

Nửa cuối canh ba ngày hôm sau, đức Phật hướng tâm đến quá khứ, biết rằng, theo thông lệ của chư Phật, lúc về thăm quyến thuộc, các ngài không đi thẳng về nhà mà đều theo hạnh trì bình khất thực nên báo cho tôn giả Sāriputta hay biết. Thế rồi, với đại y màu san hô vắt vai, bát đá đen tuyền cầm tay, đức Phật như sư tử chúa lông vàng dẫn đầu hơn năm trăm vị tỳ-khưu thánh tăng đi vào trung tâm thành phố. Cứ lần lượt con đường này sang con đường khác, từ cửa nhà này sang cửa nhà khác, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn... Lần đầu tiên, kinh thành Kapilavatthu như bừng sáng lên bởi đoàn sa-môn mà họ đã được nghe tin truyền từ chiều hôm trước! Vị giáo chủ sáng lập tôn giáo mới ấy là đức Phật, nghe nói chính là thái tử Siddhattha nhân đức, thân yêu của họ! Miệng truyền miệng, tai truyền tai, không mấy chốc, cả kinh thành như lên cơn sốt! Những đôi mắt tò mò, ngạc nhiên. Những tụm năm tụm bảy chỉ trỏ, bàn tán. Thế là họ đồng kéo ra xem rồi thành kính đặt bát cho đức Phật và đoàn sa-môn!

Đức vua Suddhodana nghe quân hầu báo tin, vừa giận, vừa thương, tức tốc lên cỗ xe tứ mã ra khỏi hoàng cung. Đến con đường lớn, đức vua nhìn thấy đoàn sa-môn như con rồng vàng uốn lượn xa mút mắt; và đức Phật với dáng dấp cao to, uy nghi, trang nghiêm từng bước một đi đầu như chúa phượng hoàng! Bất giác, đức vua sinh tâm kính trọng! Bao nhiêu sự phẫn nộ ở trong lòng chợt như bị nguội tắt. Bước về phía đức Phật, nhà vua cung tay chào lịch sự nhưng lại mở giọng như hờn, như trách:

- Dầu sao, thái tử vẫn được xem như là đức vua của nước này! Chẳng lẽ nào cả ta và cả hoàng tộc không lo nổi cho thái tử một bữa cơm, lại đi xin ăn lang thang như kẻ đầu đường xó chợ như thế? Sao thái tử nỡ làm tổn thương hoàng tộc như thế? Làm nhục nhã truyền thống vương triều như thế?

Đức Phật dừng chân lại, mỉm cười:

- Không phải vậy đâu, phụ vương! Như Lai không hề làm tổn thương hoàng tộc và làm nhục vương triều! Đi trì bình khất thực trước cửa mọi nhà chính là truyền thống, dòng dõi của Như Lai!

Đức vua dịu giọng, nhưng vẫn giữ ý mình:

- Dòng dõi Sākya là dòng dõi của những vị chiến sĩ anh hùng, ta chưa hề thấy một ai trong truyền thống ấy lại nhục nhã đi xin ăn như thế!

- Phụ vương! Đức Phật mềm mỏng nói – Truyền thống, dòng dõi Sākya anh hùng thì không ai làm như thế; nhưng đây là truyền thống của chư Phật ba đời! Rồi ngài giảng giải – Tất cả mọi người trong giáo pháp này đều phải đi xin ăn. Khi nhận một muỗng cháo, một vá cơm từ người nghèo khổ hay một món ăn thượng vị của bậc đế vương, các vị sa-môn khất sĩ đều xem trọng như nhau! Trong đôi mắt xanh trong suốt của vị tỳ-khưu, tất cả đều bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện! Một bà-la-môn, một sát-đế-lỵ, một vệ-xá, một thủ-đà-la hay cả một chiên-đà-la nô lệ đều là con người, đều có nhân phẩm, phẩm giá, giá trị giống nhau! Và ai cũng có khả năng giác ngộ, giải thoát! Nghỉ hơi một chút, đức Phật ra dấu thị giả Nāgita ôm bát theo sau, tôn giả Sāriputta cùng đi với ngài; tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Kāḷudāyi hướng dẫn đoàn sa-môn tản ra các con đường để khất thực, sau đó về công viên Nigrodhārāma đợi ngài, còn đức Phật nắm tay vua cha, đi bộ về cung điện, vừa đi vừa tiếp tục câu chuyện - Phụ vương thấy không, xã hội chúng ta

quá chênh lệch về tài sản, chẳng đồng đẳng về quyền lợi; kẻ thì quá đói nghèo, bần khổ, người thì quá giàu sang, xa xỉ. Sự phân biệt và kỳ thị giai cấp đã tạo nên hố sâu ngăn cách, đã làm cho biết bao nhiêu con người không còn giữ được giá trị con người nữa! Giáo pháp mà Như Lai đã khai sáng, chứng ngộ, lấy con người làm trọng tâm và tất cả đều bình đẳng. Như vậy, đi xin ăn qua cửa mọi nhà, không phân biệt là phương pháp tu tập của tất thảy sa-môn từ ngàn trước đến ngàn sau! Khi đi trì bình như thế, họ khiêm nhu và vắng lặng, họ chánh niệm và tỉnh giác, họ vô sản và bần hàn, họ vô ngã và vô mạn, họ thong dong và siêu thoát! Ngoài ra, họ còn tạo cơ hội cho mọi người mở rộng tấm lòng, ai cũng có thể bố thí, cúng dường gieo duyên với giáo pháp. Làm được như thế là đem lại hạnh phúc, an vui cho mình và cho người! Các giá trị nhân văn và nhân bản ấy, cái mỹ học tuyệt vời ấy, đáng lý ra, phụ vương nên đem áp dụng vào đường lối chính sách của vương triều, tôn trọng giá trị nhân phẩm của con người vì bình đẳng, vì tình thương, vì hạnh phúc cho muôn dân mới phải!

Nghe đến ngang đây, cơ duyên chín muồi, đức vua Suddhodana chứng quả Nhập lưu, cảm thấy tâm trong, trí sáng, có đức tin bất động, mọi hoài nghi tiêu sạch, ông cúi xuống, khiêm cung, hoan hỷ thỉnh mời đức Phật về hoàng cung độ thực.

Đức Phật không lên xe ngựa mà ngài đi bộ, thong dong, nhàn nhã. Vậy là đức vua cũng phải đi bộ theo.

Đến hoàng cung, mấy ngàn người đã tề tựu như cuộc hội lớn. Khung cảnh chẳng mấy đổi thay nhưng hoa cảnh rực rỡ và trầm hương tỏa ngát khắp mọi nơi. Ai cũng trầm trồ vì thấy đức Phật dường như còn đẹp đẽ, sang trọng và có cái gì đó trông đáng kính, khác lạ hơn thái tử Siddhattha thuở trước!

Đức Phật mỉm cười, đưa mắt nhìn quanh như thầm chào hỏi tất cả mọi người. Từ xa, bà Gotamī nụ cười rạng rỡ, dáng dấp còn trẻ trung trong tấm Sarī màu xanh da trời, lanh lẹ và nhẹ nhàng bước đến.

- Mẫu hậu sức khỏe vẫn còn rất tốt, chẳng khác xưa bao nhiêu! Đức Phật cất giọng đầm ấm; và khi thấy bà bắt đầu sụt sùi đỏ lệ, ngài nói tiếp với nụ cười - Cuộc hội ngộ này đáng lý ra phải mừng vui mới phải chứ! Ở đây còn thiếu Yasodharā, Rāhula, Sundarī-Nanda, Nanda nữa đấy!

Đức vua mời đức Phật vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Tại sân chầu rộng rãi, chính đức vua và hoàng hậu đích thân sớt vật thực vào bát cho đức Phật. Tôn giả Sāriputta và tỳ-khưu thị giả Nāgita cũng được tiếp đãi như thế.

Độ ngọ xong, đức Phật nói:

- Phụ vương đã lớn tuổi rồi, cũng cần có chỗ nương tựa vững chắc cho đời mình! Phụ vương có thể bắt đầu ghép mình vào đời sống chánh hạnh vì an vui cho đời này và an vui cho nhiều đời sau nữa!

Kỳ diệu thay, sau câu nhắc nhở của đức Phật, đức vua Suddhodana chứng quả Nhất lai, Tư-đà-hàm (Sakadāgāmi), còn bà Gotamī chứng quả Nhập lưu, Thất lai, tức là Tu-đà-hoàn quả (Sotāpatti)!

Biết việc gì xảy ra trong tâm của những người thân yêu, đức Phật chợt đứng dậy, ân cần nắm tay đức vua đi về hướng đông cung, nơi ở của Yasodharā! Là bậc Toàn Giác, đức Phật biết tâm sự của nữ nhân, của Yasodharā, dễ cảm xúc, dễ tủi thân, tủi phận! Chính ngài phải đến thăm Yasodharā, chứ không phải Yasodharā đến thăm ngài! Và đức Phật đã nghĩ đúng! Yasodharā, trong lúc ấy, đã được nghe tràn tai về đấng phu quân của mình, vừa mừng, vừa tủi, vừa nôn nả, háo hức, vừa hồi hộp, run ry, nàng tự nghĩ: "Nếu trong thời gian thái tử vắng mặt, tám năm ròng rã, ta khiếm khuyết đức hạnh, ta khiếm khuyết thủy chung thì thái

tử sẽ không đến thăm ta; bằng ta là một viên ngọc maṇī không tỳ vết thì chính thái tử phải đến thăm ta dù ông ta có là một vị Phật chăng nữa!”

Đức Phật chợt nói với tôn giả Sāriputta:

- Tình cảm của nữ nhân, ông biết đấy! Vậy khi Như Lai đến thăm Yasodharā, hãy cứ để công nương tùy nghi biểu tỏ tình cảm của mình!

Và quả thật vậy, khi đức Phật vừa ngồi trên bảo tọa đã được sắp đặt sẵn, Yasodharā mặc tấm Sarī màu vàng trăng, chẳng châu báu điểm trang, chẳng hoa hương lòe loẹt từ hậu cung, đi bằng hai đầu gối, đến bên chân Phật, quỳ úp mặt vào bàn chân bụi của ngài, khóc ròng rã. Đức Phật cứ để yên vậy. Một lát sau, khi biết những giọt nước mắt đã trôi đi những cảm xúc lâu ngày dồn nén lại, đức Phật dịu dàng nói:

- Này Yasodharā! Này Gopā! Như Lai vẫn không khác xưa lắm đâu! Như Lai vẫn là con người cũ đó thôi! Nhưng bây giờ, tâm Như Lai thanh tịnh hơn, trí Như Lai quang rạng hơn! Như Lai đã tìm ra giá trị vĩnh hằng của cuộc sống mà đã một thời, chúng ta, các ông hoàng, đã cùng nhau thao thức, đã cùng nhau trăn trở! Bây giờ, Như Lai là hiện thân cho cái gì vừa ở bên trong cuộc đời này mà vừa ở bên ngoài và bên trên cuộc đời này nữa, để cứu độ nhân sinh! Do vậy, Như Lai không còn sống cho riêng mình, mà là sống vì hạnh phúc và an vui cho chúng sanh ba giới bốn loài! Này Gopā! Là bậc trí, là kẻ cùng chung vui khổ với Như Lai, cùng chung hạnh nguyện ba-la-mật với Như Lai, Gopā phải cần biết như thế!

Được lời như cởi mở tấm lòng, Yasodharā lau ráo lệ. Hoàng hậu Gotamī trìu mến nhìn công chúa rồi ca tụng công đức của nàng:

- Từ lúc thái tử ra đi, công chúa vô cùng sầu muộn, như mất một bảo vật trân quý nhất ở trên đời; tuy nhiên nàng vẫn

giữ được sự tự chủ hiếm có. Niềm an ủi lớn nhất của công chúa chính là trẻ Rāhula! Khi nghe thái tử sống đời tu sĩ, lang thang không cửa, không nhà, công chúa đã tự vất bỏ châu báu điểm trang, chỉ quàng tấm Sarī màu trắng dị giản! Khi nghe thái tử sống đời khổ hạnh, công chúa cũng bắt đầu từ bỏ vật thơm, dầu thoa, giường cao, chăn ấm; chỉ gối cây, nằm đất và mỗi ngày chỉ dùng một ít vật thực vào buổi trưa! Biết bao vương tôn, hoàng thân, công tử giàu sang, hào hoa, quý phái xứng đôi, vừa lứa tìm đến nhăm nhe dạm hỏi, công chúa đều từ chối không tiếp! Khi nghe thái tử đã đắc thành quả Phật, đắp y vàng dẫn đầu đoàn sa-môn thanh tịnh về thăm quê hương thì công chúa cũng quàng tấm Sarī màu vàng! Thế đấy, không những công chúa có đức hạnh vẹn toàn mà còn biết cảm thông, chia sẻ với thái tử trong mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày xa cách, biệt ly!

- Mẫu hậu đừng nói nữa! Yasodharā chợt nói rồi đi đến bên cạnh bà – Thái tử bây giờ đã là một vị Phật rồi, chẳng có gì mà vị Phật lại không biết!

- Phải đấy, Gopā! Chẳng có gì mà Như Lai không biết! Và Như Lai còn biết nhiều hơn thế nữa! Rồi ngài quay sang, như nói chuyện với đức vua và hoàng hậu Gotamī - Gopā là thế đấy, không những bây giờ, mà đã từ vô lượng kiếp trước, từ thời đức Phật Dīpaṅkara rồi trải qua hai mươi bốn vị Chánh Đẳng Giác, nàng luôn chính đính, đoan trang, tiết hạnh, thủy chung; chia vui, sẻ buồn; không ngừng giúp đỡ Như Lai, nâng đỡ Như Lai, khuyến khích Như Lai trên đường tấn tu đạo nghiệp!

Nói thế xong, đức Phật vén bức màn quá khứ:

"- Cách đây phỏng chừng bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, có đức Phật Dīpaṅkara xuất hiện. Thuở ấy có chàng thanh niên Sumedha, xuất thân gia đình bà-la-môn cự phú, thiên tư thông tuệ, tài mạo và sở học đều xuất chúng. Sau khi cha mẹ qua đời, Sumedha đã làm một cuộc bố thí vĩ

đại rồi lên non sống đời đạo sĩ. Nhờ tinh cần tu tập, đạo sĩ đắc bát định và ngũ thông; tuy nhiên, chàng biết rằng, bài toán phiền não và đau khổ chưa được giải đáp tận cùng!

Hôm kia, tại thành phố Rammavāti, dân chúng xôn xao chuẩn bị đón tiếp đức Phật và hội chúng thánh tăng; họ phải cùng nhau ra tay làm một con đường dài do mưa lũ xói mòn, bùn sình lầy lội! Mới nghe đến từ Phật (Buddho! Buddho!), tâm trí đạo sĩ Sumedha bị chấn động mãnh liệt, chàng khởi tâm đóng góp một tay vào công đức này, nên xin đảm nhận một quãng đường khó khăn nhất! Chàng suy nghĩ: Nếu ta sử dụng thần thông thì trong nháy mắt sẽ xong ngay, nhưng nếu làm vậy thì chẳng đổ mồ hôi, chẳng phải tổn hao sức lực, rốt lại, chẳng có ý nghĩa và giá trị gì! Thế rồi, đạo sĩ bèn sử dụng sức lao động của mình! Khi đức Phật và hội chúng ngự giá đến nơi, con đường dài đã phẳng phiu, phong quang, sạch sẽ, khô ráo nhưng phần đường do chàng đảm nhiệm lại chưa hoàn thành!

Nhìn đoạn đường sình lầy chỉ còn chừng một đòn gánh, đạo sĩ Sumedha đã có chủ định. Tuy nhiên, khi đức Phật Dīpaṅkara và hội chúng thánh tăng đã đi gần đến nơi, thấy tướng hảo quang minh của ngài, đạo sĩ khởi tâm tịnh tín, muốn cúng dường cái gì đó nên cứ đưa mắt nhìn quanh! Trong đám đông dân chúng, đạo sĩ chợt nhìn thấy một cô gái xinh đẹp, đang cầm trên tay 8 đóa hoa sen! Và lạ lùng làm sao, cô gái ấy cũng đang chăm chú nhìn chàng! Cô gái ấy tên là Sumitta, khi nhìn thấy Sumedha thì trái tim nàng xao xuyến mãnh liệt; và rồi như hiểu được nguyện vọng của chàng, nàng nói:

- Trong tám đóa hoa sen nầy, ba đóa là phần của thiếp để cúng dường đến đức Phật, năm đóa còn lại là phần của chàng, nhưng với một điều kiện...

- Cô nương cứ nói đi! Đạo sĩ Sumedha hối hả nói - bất

cứ điều kiện gì mà khả năng ta có thể làm được!

Nàng Sumitta mỉm cười:

- Tướng mạo và phẩm cách của chàng thật là tuyệt vời! Công đức hoàn thiện con đường để nghinh đón đức Phật của chàng cũng thật là tuyệt vời! Trong tương lai, chắc chàng sẽ thành tựu được sở nguyện vĩ đại trong lộ trình tu tập của mình! Thiếp nguyện được đi theo bên chàng, nâng khăn sửa túi cho chàng trong vô lượng kiếp sau...

Trái tim đạo sĩ trai trẻ chợt rung động, nhưng chàng lại nói:

- Ta đồng ý điều kiện ấy, nhưng nàng hãy hứa là đừng cản trở chí nguyện và những công hạnh ba-la-mật của ta mới được!

Thiếu nữ mỉm cười, gật đầu ưng thuận rồi trao cho đạo sĩ năm đóa sen tươi thắm. Rồi cả hai cùng nắm tay nhau, chạy đến quỳ bên chân Phật, đồng dâng tám đóa sen lên ngài! Việc vừa xong, đạo sĩ Sumedha chợt sụp xuống đất, ôm chân bụi của ngài, thốt to lên rằng:

- Chỉ còn một khúc đường sình lầy, đệ tử xin nguyện lấy tấm thân giả hợp nầy để trải đường cho đức Thế Tôn và thánh chúng bước lên! Xin nguyện công đức của ngày hôm nay, mai sau đệ tử sẽ đắc thành quả Phật vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người!

Phát nguyện thế xong, đạo sĩ Sumedha vội đến nằm sấp vào đám sình! Đức Phật chợt hướng tâm, biết rõ nhân quả! Ngài cũng nghe rõ, quả đất đang rung động vì lời nguyện vô thượng của đạo sĩ; chư thiên, phạm thiên khắp mấy tầng trời đang rải hoa mạn-đà xưng tán, ca ngợi công đức vô thượng ấy, ngài quay lại nói với đại chúng rằng:

- Có hai việc vừa xẩy ra được xem là hy hữu trên đời nầy! Việc thứ nhất là tám bông sen của chàng trai và cô gái. Với sự thành tâm phát nguyện của họ, cả hai sẽ nên duyên tình nghĩa vợ chồng từ đời này sang kiếp khác, luôn đầm

ấm, thủy chung và luôn khuyến khích, nhắc nhở nhau trên lộ trình tu tập! Việc hy hữu thứ hai, là đạo sĩ này, với lời nguyện vô thượng của mình, thực hành ba-la-mật trong thời gian bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, trải qua hai mươi bốn vị Phật sẽ thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác đúng như ước mơ của chàng!

Rồi đức Phật quay sang hai người:

- Này Sumedha! Ước nguyện của con sẽ được thành tựu; và bắt đầu từ kiếp sau, Sumitta sẽ là người bạn đời chung thủy của con, như chim liền cánh để bay qua sông dài biển rộng, sẽ đồng tâm, đồng chí, đồng phước, đồng nhân, đồng quả! Và này Sumitta! Con chẳng bao giờ cản trở chí nguyện của chồng con đâu!

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Giàu sang, vương giả, địa vị, danh vọng, quyền lực và tiền bạc... như vậy không phải là điều kiện để mang lại hạnh phúc cho con người. Tình yêu thương không, chưa đủ, mà còn cần sự hiểu biết, thông cảm và tôn trọng lẫn nhau. Sumedha và Sumitta đã vô lượng kiếp nên duyên chồng vợ; và cũng từng ấy kiếp, Sumitta luôn sát cánh, chung vai với người bạn đời của mình thực hiện con đường vô thượng. Sumitta thuở ấy giờ là Yasodharā, còn Sumedha chính là Như Lai vậy.

Ai cũng xúc động. Riêng Yasodharā thì bồi hồi, rưng rưng giọt lệ, nhưng là những giọt lệ hạnh phúc. Hoàng hậu Gotamī khẽ ôm vai công chúa, thốt lên rằng:

- Đúng là như thế! Yasodharā luôn là như thế, kể từ đêm thái tử rời bỏ kinh thành. Chính công chúa tinh ý nên biết tất cả và đã âm thầm hỗ trợ cho thái tử ra đi theo chí nguyện của mình!

Mọi người cười vui, không khí đã trở nên đầm ấm, mát mẻ. Đức Phật chợt hỏi:

- Thế còn Nanda, Sundarī-Nanda cùng Rāhula ở đâu, không thấy!

- Sundarī-Nanda đã dẫn Rāhula đi chơi đâu đó ngoài hoa viên - Lệnh bà Gotamī trả lời - Còn Nanda thì ngày nào cũng cùng bên vị hôn thê của mình!

Khi đức Phật, tôn giả Sāriputta đứng dậy giã từ, đức vua Suddhodana ngỏ ý thỉnh ngài và tăng chúng đặt bát tại hoàng cung vào ngày mai!

Hóa Độ Quyến Thuộc

Ngày hôm sau, tin truyền thái tử Siddhattha đã trở thành một vị Phật đã lan truyền khắp thành phố, hang cùng ngõ hẻm. Ngài đang dẫn đầu một hội chúng sa-môn năm trăm vị về thăm kinh đô cùng quyến thuộc xa cách lâu ngày. Chính ngài đã khai sáng một con đường mới, một tôn giáo không có thần linh; và mỗi một con người, không kể giai cấp nào, cũng có thể trở thành một vị Phật nếu biết cần cầu, nỗ lực, tu tập theo đạo lộ bát chánh của ngài!

Đức vua Suddhodana, bây giờ đã đắc quả Tư-đà-hàm, muốn làm rạng danh đứa con ưu tú của dòng tộc Sākya, nên đã bố cáo rộng rãi cho muôn dân Kapilavatthu tổ chức một cuộc nghinh đón trọng thể vào ngày mai! Ngoài việc trang hoàng thành phố, con đường từ công viên Nigrodhārāma đến hoàng cung phải được dọn dẹp phong quang, sạch sẽ; rồi phải treo cờ, kết hoa tươi vui, rộn rã! Tân khách của quốc vương được thỉnh mời, chừng mấy ngàn người, đều là các nhân sĩ, trí thức, tai mắt của kinh thành.

Trong lúc đức Phật và đoàn sa-môn thứ tự, trang nghiêm và lặng lẽ từng bước một hướng về hoàng cung thì dân chúng đã ken dày các ngả đường. Họ vừa tò mò, vừa thành kính chấp tay bởi dung nghi sáng rỡ, Tăng tướng nhàn thoát

và bước đi thanh tịnh của đức Phật và đoàn sa-môn! Đâu đó có tiếng hò reo mừng vui. Đâu đó có lời bàn tán rì rào, rằng là cái tôn giáo này, các vị sa-môn có râu tóc sạch sẽ, y bát trang nghiêm, tướng mạo đường hoàng có vẻ đều là bậc quý tộc, có văn hóa, có học thức!

Đức vua Suddhodana muốn làm gương cho mọi người nên ngài đã đi chân đất ra nghinh đón đức Phật và chư tăng tận ngoài cổng cung thành! Các hàng trưởng lão, trọng thần, hoàng tộc và quan khách đều phải bắt chước làm như thế! Các chỗ ngồi và lều trại đều đã được chuẩn bị sẵn tại sân chầu của đại điện.

Khi đức Phật và chư tăng đã vào những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, đức vua nói vài lời với quan khách, đặc biệt trong đó có một số bà-la-môn tu sĩ, học giả nổi danh, những nhân sĩ uy tín, rằng là hoàng gia hôm nay đặt bát cúng dường đức Phật và tăng chúng, mong rằng phước sự này sẽ mang đến hạnh phúc, an lành cho tất cả chúng ta và cho cả quốc độ!

Đức vua lại tận tay sớt vật thực vào bát cho đức Phật; và hằng trăm người phục vụ ân cần và chu đáo chia nhau làm công việc của mình!

Đức Phật và chư tăng thọ thực trong yên lặng. Đức vua, hoàng gia, tất cả quan khách cũng lặng lẽ thọ thực sau đó.

Thời pháp hôm ấy, đức Phật thuyết về Tứ diệu đế rất cao siêu, nhưng ngài lại đi từ những nguyên nhân, những lý do, tại sao trước đây ngài đã buông bỏ tất cả để xuất gia tầm đạo. Sự giới hạn của đời người bởi sinh, già, bệnh, chết; sự nghiệt ngã của định luật vô thường nó đã hủy diệt, cuốn trôi tất thảy tuổi thanh xuân, ước mơ cũng như những hoạch đắc rỗng không trên trần thế. Sự thật ấy, dukkha, nó không ngoại trừ một ai! Chẳng có gì tồn tại được lâu. Chẳng có gì nắm bắt được. Cái được gọi là niềm vui, sự thỏa mãn, khả ý, khả lạc qua địa vị, quyền lực, danh vọng, ngũ dục luôn đi kèm

với bất toàn, bất như ý, đổ vỡ, sầu bi khổ ưu não. Con đường của đạo giác ngộ, tỉnh thức do ngài tìm ra, nó không ru ngủ mọi người nơi một thế giới cực lạc nào đó ở mai sau, không núp bóng quyền uy của thánh thần nào đó để mong được các ngài chở che, ban thưởng. Là kẻ trí, là bậc trí trong giáo pháp nầy, phải nhìn xuyên thủng màn sương khói của māyā để thấy rõ nguyên nhân của dukkha ấy! Mọi hình thức lễ nghi, tế tự, cầu nguyện, bùa phép, mật chú... chỉ là những liều thuốc an thần không bao giờ chữa trị tận gốc mọi đau khổ và phiền não! Tất cả mọi giáo phái trong và ngoài truyền thống, cái thì lạc vào duy thần, duy linh, duy lý, duy danh, duy tâm; cái thì lạc vào duy vật, duy sự, duy mỹ, duy thực, duy nghiệm! Không ảo giác thánh thần thì cũng hư vô chủ nghĩa! Không rơi vào mê tín, tà lộ thì cũng rơi vào khổ hạnh hoặc dục lạc cực đoan! Không ai, ở đâu, có đủ can đảm và dũng khí để nhìn ra chính mình, nội quán để thấy rõ toàn bộ sự vận hành của thân tâm mình! Tại sao, nguyên nhân nào mà tham lam, sân hận, si mê, ganh ghét, đố kỵ, tị hiềm, sầu não, hận thù... khởi sanh? Tại sao, nguyên nhân nào lại sinh ra nước mắt, thống khổ, thất vọng, tuyệt vọng... làm khô héo, tàn tạ mầm xanh của sự sống? Đạo giác ngộ, tỉnh thức, được lập cước từ nhận thức ấy mà ra đi, mà tìm kiếm con đường chấm dứt tất cả khổ, tất cả dukkha, bên trong, bên ngoài, thô hay tế từ cõi này hay cảnh giới khác! Và đạo lộ ấy, Như Lai đã tìm ra! Đạo lộ ấy chính là quán chiếu duyên khởi, vô ngã tính của tất cả pháp! Đạo lộ ấy chính là tỉnh thức trong từng hơi thở, từng bước đi! Đạo lộ ấy chính là nhìn ngắm như thực khi mắt thấy, tai nghe... và đừng bị cuốn trôi hoặc đắm chìm trong các ảo tưởng, ảo giác vốn không thực hữu! Thảnh thơi, an lạc, mát mẻ, vô ưu, vô phiền sẽ đến cho những ai sống đời chánh niệm, tỉnh giác! Chánh niệm, tỉnh giác là lộ trình bước ra khỏi māyā, dukkha! Hiện tại, Như Lai và hội chúng của Như Lai đang đi trên con

đường ấy. Và ai cũng nếm thưởng được hương vị của giải thoát, của pháp mầu bất tử! Tuy nhiên, không phải ai cũng đi được theo lộ trình ấy. Giáo pháp của Như Lai được chế định riêng cho giới xuất gia và tại gia. Giới xuất gia thì tu tập giới định tuệ, theo con đường phạm hạnh, có thể giác ngộ giải thoát ngay ở đây và bây giờ; giới tại gia thì bố thí, trì giới và thực tập quán niệm... để có được niềm vui đích thực và nụ cười giải thoát trong đời sống với những sinh hoạt thường nhật! Nhưng phải bước đi bằng chính đôi chân của mình, bằng nỗ lực, tự tri, tự thức của chính mình! Đừng nô lệ một vị thần linh, thượng đế nào; mà cũng đừng nô lệ những truyền thống dù tốt đẹp từ ngàn xưa để lại! Bước chân an lạc và thảnh thơi, tại đây và bây giờ của chúng ta, chính là con đường! Không có con đường nào khác! Như Lai tuyên bố như vậy! Con đường cũng chính là những bước chân an lạc và thảnh thơi của chúng ta, tại đây và bây giờ! Đừng bước đi giữa hư vô, bước đi dưới những cái bóng của thần linh mà cũng đừng bước ra khỏi trái đất, chư vị hãy nhớ như vậy!

Thật là những tư tưởng chưa từng được nghe, đi vào tâm trí giới bà-la-môn và các vị quan khách! Có người bủn rủn. Có người bàng hoàng. Có người dường như thấy được các gì đó. Có người như vừa bước ra khỏi đám sương mù hỗn mang. Có người cảm giác tâm trí mình chợt như được sáng ra! Trong đôi mắt của họ có cái gì đó sáng lấp lánh!

Thế là giáo pháp của đức Thế Tôn đã như một luồng sinh khí mới thổi qua kinh thành Kapilavatthu cổ xưa. Rất nhiều người chứng quả Nhập lưu! Rất nhiều người xin được quy y Tam Bảo!

Thế rồi, bắt đầu từ buổi trưa hôm ấy, đức Phật bận khách liên tục, tại hoàng cung cũng như tại công viên Nigrodhārāma. Các ông hoàng thân tình thuở trước như Ānanda, Bhaddiya, Mahānāma, Kimbila, Anuruddha,

Bhagu; cả Nanda và Sundrī-Nandā... đều có đến thăm, nhưng ngài cũng không có thì giờ nói chuyện nhiều. Thấy tình trạng ăn ở, các tiện nghi sinh hoạt tại công viên quá thiếu thốn nên họ đã huy động nhân công, vật liệu để làm cốc liêu, giảng đường, nhà ăn, nhà khách và các công trình khác để dâng cúng lên đức Phật và Tăng chúng.

Công việc đang tiến hành thì ngày thứ ba, hoàng cung cử hành một lúc ba đại lễ quan trọng: Thành hôn, phong tước và khánh thành cung điện mới cho hoàng tử Nanda.

Trong lúc mọi người tấp nập mang lễ phẩm đến chúc mừng thì bất ngờ, đức Phật xuất hiện vào lúc đã khá trưa:

- Như Lai cũng đến chúc mừng. Chức mừng hạnh phúc và an lành đến cho tất thảy mọi người!

Đức vua và hoàng hậu Gotamī hối hả bảo soạn chỗ ngồi và dâng cúng vật thực cho ngài. Đức Phật im lặng thọ thực, khi tất cả đã xong xuôi, ngài trao bát cho hoàng tử Nanda rồi bước đi, không nói gì cả!

Vì quá nể trọng ông anh, Nanda ôm bát lủi thủi theo sau, tự nghĩ: Ra đến cổng, chắc đức Phật sẽ thâu bát lại! Nhưng không, đức Phật cứ bước mãi, ra khỏi cổng đã khá xa, ngài cũng không ngoảnh lại!

Tân nương Janapāda Kaḷyāni chợt cảm thấy lo ngại mơ hồ, chạy ra đến cổng, thống thiết kêu lên: "Hoàng tử yêu quý ơi! Hãy trở lại!" Đức Phật dường như không hề nghe, không hề thấy, ngài vẫn từng bước đĩnh đạc, uy nghi tiến xa mãi về phía trước. Hoàng tử Nanda nghe tiếng gọi tha thiết của người yêu, trái tim xốn xang, tê điếng; chân thì bước tới mà mặt thì ngoảnh lui, nhưng đức Phật thì cứ thảnh thơi, tự tại như không có chuyện gì xảy ra!

Đến công viên Nigrodhārāma, đức Phật vừa ngồi yên vị thì tôn giả Mahā Kassapa đến trình, vì ở đây đang xây dựng nên có mấy trăm vị tỳ-khưu muốn đến tạm trú tản mác tại các khu rừng, công viên hay nghĩa địa! Tôn giả Sāriputta lại

thưa, là có ba bốn chục vị tỳ-khưu trẻ muốn phụ giúp một ít về công việc chân tay cho tu viện mau hoàn thành.

Đức Phật nói:

- Vậy là phải lẽ! Vậy là các thầy đã biết những công việc mình phải làm! Nhưng này Mahā Kassapa, ông hiện đang thọ trì bao nhiêu pháp đầu-đà?

- Đệ tử cũng không nhớ rõ! Từ khi gặp được đức Thế Tôn, thấy được pháp mầu bất tử, đệ tử chỉ dùng ba y, không thọ nhận bất kỳ chiếc y nào khác, nếu đã hư rách thì đệ tử chỉ đi lượm vải người ta quăng bỏ ở nghĩa địa, giặt sạch rồi nhuộm lại. Về vật thực, đệ tử chỉ đi trì bình xin ăn, chứ không nhận thỉnh mời trai Tăng của bất cứ ai khác. Khi đi trì bình khất thực, chỉ đi thứ tự từng nhà, không bỏ khoảng cách. Thọ thực thì chỉ ngồi một chỗ, không di chuyển chỗ. Chỉ ăn trong bát, có bao nhiêu dùng bấy nhiêu, không nhận thêm vật thực. Chỉ ngụ ở cội cây, rừng, nghĩa địa, nơi chỗ trống hoặc chỗ Tăng chỉ định. Và đệ tử chỉ ngồi và không nằm, dù lúc ngủ nghỉ từ đấy đến nay, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là mười ba pháp, rất tốt, rất hy hữu đấy, này Mahā Kassapa! Đức Phật nói - Đấy được gọi là đầu-đà bậc thượng! Từ rày về sau, ông nên hướng dẫn cho những ai muốn sống đời khổ hạnh độc cư như thế, tùy khả năng, có thể bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ! Tất cả pháp môn đầu-đà ấy đều có khả năng thiêu cháy, đốt cháy phiền não, đều có khả năng giúp cho các sa-môn sống đời thiểu dục, tri túc rất hiệu quả! Hãy làm gương cho các hàng sa-môn hậu học, này Mahā Kassapa!

Rồi quay sang tôn giả Sāriputta, đức Phật nói:

- Còn Sāriputta thay mặt Như Lai thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ, giáo giới mấy chục tân tỳ-khưu vừa mới xuất gia ngày hôm qua. Thứ nữa, các vị tỳ-khưu trẻ có thể phụ giúp công việc, nhưng có những giới hạn nhất định: Không nên đào hố, đào hầm, đào mương rãnh; không nên chặt cây, chặt

cành, xớt cỏ, ngắt lá, bẻ hoa... nghĩa là cái gì đụng chạm đến sự sống động vật hay thực vật thì các vị tỳ-khưu không nên làm, không được phép làm!

Hai vị tôn giả lĩnh ý. Đức Phật bây giờ mới hướng mắt đến hoàng tử Nanda - vẫn kiên nhẫn đứng một bên, không dám trao bát lại cho đức Phật khi ngài chưa bảo - ân cần nói rằng:

- Này Nanda! Ông có muốn sống đời xuất gia như Như Lai và như các vị tôn giả trang nghiêm, phạm hạnh kia không?

Nanda nóng lòng như lửa đốt vì sợ không kịp giờ cử hành hôn lễ; nhưng khi đức Phật hỏi, vì tôn kính ngài quá, chàng không dám từ chối, gật gật đầu rất miễn cưỡng!

Mỉm nụ cười lặng lẽ ở trong tâm, đức Phật tức khắc bảo tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Kassapa cạo sạch sẽ râu tóc cho hoàng tử Nanda, kiếm đầy đủ y bát rồi làm lễ thọ giới tỳ-khưu cho chàng. Thế là vị tân lang, em cùng cha khác mẹ với đức Phật, con hoàng hậu Gotamī, phải xuất gia đúng ngày cử hành hôn lễ, dầu rất sầu khổ, nhớ thương công nương Janapāda Kaḷyāni vô cùng, nhưng chàng chỉ nín nhịn chịu đựng, không dám thốt một lời! Từ đây, Nanda tập sống đời tỳ-khưu dưới sự hướng dẫn của tôn giả Sāriputta, không được phép trở lại hoàng cung, không được phép thăm viếng, gặp gỡ công nương Janapāda Kaḷyāni nữa!

Việc làm có vẻ "ngang ngược" của đức Phật làm xôn xao dư luận trong hoàng cung, lan ra cả ngoài kinh thành! Lệnh bà Gotamī rất khó chịu. Đức vua Suddhodana, nhờ đã đắc quả Tư-đà-hàm, đã nhẹ nhàng hai sợi dây bất bình và tham ái nên nghĩ rằng, đức Phật có lý do của ngài! Đúng lúc ấy thì tôn giả Kaḷudāyi đến thăm rồi nói chuyện rất lâu với đức vua và hoàng hậu. Tôn giả đã đem ra rất nhiều ví dụ, ẩn dụ để so sánh đời sống buộc ràng, phiền não, đau khổ của người tại gia và đời sống thanh cao, an lạc, giải thoát của

người xuất gia! Lấy bản thân mình làm ví dụ, tôn giả nói, với một sa-môn vô sản bần hàn như bây giờ, nếu được đánh đổi một triệu lần đời sống vương giả trước kia, ông cũng không thèm! Tôn giả còn mở phơi các cảnh giới sống chết, nhấp nhô chìm nổi, lang thang bất định trong các kiếp sống, chịu đựng muôn vàn thống khổ như thế nào! Đại vương là người đã bước hai bước vào đạo lộ bất tử, hiện tại, chỉ còn một kiếp làm người nữa thôi, là vĩnh viễn chấm dứt vòng trầm luân sinh tử luân hồi ấy, lẽ ra, bệ hạ nên vui mừng cho hoàng tử Nanda mới phải chứ!

Sau buổi nói chuyện ấy, đức vua cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản; riêng hoàng hậu Gotamī thì vẫn còn buồn khổ, nhưng vì quá tin tưởng việc làm của đức Phật, bà chỉ còn tiếc cho ngai vàng chưa có người thừa kế mà thôi!

Cuối cùng, chỉ còn gia đình quan đại thần, cha mẹ của công nương Janapāda Kaḷyāni, họ rất bực tức và xem đây như là một mối sỉ nhục, là sự đùa bỡn tiết hạnh con gái nhà hiền lương! Thế rồi, tôn giả Kaḷudāyi lại tìm đến để làm sứ giả hòa bình. Nhờ tinh minh, lịch thiệp, nhờ khôn khéo ngôn ngữ, tôn giả đã làm cho gia đình nhà gái nguôi ngoai. Nhưng riêng công nương Janapāda Kaḷyāni thì tơ tình vướng víu đã ken dày nhiều lớp, không ai có thể gỡ rối được!

Đức vua Suddhodana năm nay đã trên chín mươi tuổi nhưng ông vẫn còn quắc thước và rắn rỏi. Từ hôm nếm thưởng được hương vị của giáo pháp, đức vua giao việc trị nước cho hoàng thân Mahānāma cùng các lão thần trông coi; còn riêng ngài để dành thì giờ để tu tập. Hễ rảnh việc là nhà vua lại muốn nghe pháp nên ông mời thỉnh đức Phật và vài mươi vị đến hoàng cung đặt bát cúng dường!

Thời pháp buổi chiều, nhiều thành phần các giai cấp đến nghe, đức vua cũng ngồi kiết-già thế hoa sen, nhiếp tâm thanh tịnh, không bỏ sót một lời, một chữ! Sau đó, nhà vua rút về cung sâu để thiền định, kinh hành; và ông đã tìm ra

nguồn an lạc, hạnh phúc chưa hề có ở trong đời!

Đến ngày thứ bảy, đức Phật mới có thì giờ để đi thăm Rāhula, đứa con trai mà ngài chỉ mới thoáng thấy khi còn là một hài nhi đỏ hỏn! Hôm ấy, đức vua, hoàng hậu muốn cúng dường đặt bát cho đức Phật tại đông cung, có tính cách gia đình nên chỉ mời một số vị lão thần, các quan đại thần thân tín của hoàng tộc Sākya mà thôi. Công nương Yasodharā đã cố ý cho Rāhula ăn mặc thật đẹp, với màu sắc thật dịu dàng; và trông tươm tất, chỉnh tề từ đầu đến chân!

Khi đức Phật, tôn giả Sāriputta và tỳ-khưu thị giả Nāgita bước vào hoa viên thì từ lầu cao, công nương đã nhìn thấy!

Lần đầu tiên, Yasodharā mới có dịp nhìn ngắm đức Phật một cách kỹ lưỡng như thế sau nhiều năm xa cách. Ôi! tướng mạo sa-môn trong chiếc y màu san hô của ngài nổi bật giữa hàng cây xanh trông đẹp làm sao! Từng bước đi của ngài vừa oai nghiêm, trầm hùng vừa an lạc, thảnh thơi mà không ai trên đời này có thể bắt chước được! Dường như mỗi bước đi đã là một sự dừng nghỉ! Dường như mỗi bước đi đã là một sự tựu thành! Vị này không còn là Siddhattha thuở nào nữa rồi!

Thấy công nương Yasodharā mê mải ngắm nhìn người lạ mặt bên dưới đang bước lại gần, Rāhula níu và giật giật tấm Sārī màu vàng chanh của bà:

- Mẹ! Mẹ! Ai vậy mẹ?

Như sực tỉnh, công nương ngồi thấp xuống với con, mỉm cười:

- Con có thấy vị sa-môn đi đầu, trông như một vị phạm thiên oai vệ đó không?

- Thấy, có thấy! Vị ấy là ai mà đẹp thế mẹ?

- Là cha của con đấy!

- Cha của con?

- Ừ! Rồi Yasodharā khẽ nói – Ngài chính là cha của con, và ngài đang có một kho tàng vĩ đại, vô cùng quý giá! Từ

ngày ngài ra đi, đã gần tám năm qua, con chưa hề được gặp mặt. Con hãy chạy xuống bên ngài, nắm tay ngài, lắc lắc chéo y của ngài rồi nói rằng: "Thưa cha, con là con của cha, con hiện là một vương tôn, mai sau con sẽ lên ngôi, cai trị một vương quốc tươi đẹp và thanh bình! Hiện giờ con đang cần một gia sản. Mẹ nói rằng, cha đang sở hữu một kho tàng vô giá, vậy cha hãy trao nó cho con, vì tài sản của cha chính là tài sản của con!" Nhớ nói thế nhé, Rāhula!

Ngoan ngoãn, Rāhula gật đầu, cười tít mắt rồi chạy vụt xuống thang lầu. Đến gần bên, cậu bé ngây thơ nắm tay đức Phật, giật giật chéo y của ngài và nói gần đúng với nguyên văn như mẹ đã dặn.

Đức Phật mỉm cười, nhìn đứa trẻ với khuôn mặt tròn trĩnh, tươi sáng, đáp lời, "Ừ, rồi Như Lai sẽ trao gia tài ấy cho con!"; nhưng trong tâm ngài đã khởi lên ý nghĩ:"Nó đã được nuông chiều từ nhỏ nhưng không biểu hiện một cá tính gì rõ rệt, chưa có một đức hạnh gì nổi bật; được cái là sau này nó không cứng đầu cứng cổ lắm đâu!" Rồi ngài ưu ái nắm tay Rāhula cùng bước lên lầu hoa thuở trước, nơi mọi người đang chờ đợi!

Độ ngọ xong, đức Phật nói về những điều kiện cần và đủ để duy trì hạnh phúc gia đình. Đại lược, thứ nhất là vợ chồng phải thật sự thương yêu nhau, chấp nhận cá tính của nhau, dù tốt hay xấu, dù thuận hay nghịch. Thứ hai là phải biết tôn trọng lẫn nhau, đừng áp đặt, chủ quan, độc đoán. Thứ ba là phải biết để ý để tìm cách chia sẻ vật chất đến cha mẹ cả hai gia đình, nếu họ thiếu thốn. Thứ tư, người chồng phải trao tiền cho vợ, giao cho vợ quán xuyến mọi việc nội trợ, ăn ở, sinh hoạt cũng như tự quyết định việc chi tiêu hằng ngày; người chồng phải biết chăm lo nghề nghiệp, thu xếp các công việc ở bên ngoài. Thứ năm là người chồng đừng quên quà biếu, vật trang sức cho vợ, vào những lúc đi xa về hay là những ngày kỷ niệm hỷ sự; ngược lại, người vợ phải

biết kỉnh trọng, tôn trọng những ai chồng mình kỉnh trọng, tôn trọng ví dụ như bạn bè, thân hữu của chồng mình! Tuy nhiên, cái được gọi là tốt nhất, cao nhất, căn bản nhất để năm điều kia được thành tựu viên mãn chính là chuyển hóa cách nhìn, chính là trí tuệ: Chồng nhìn vợ mình, vợ nhìn chồng mình luôn với cặp mắt xanh, luôn luôn mới mẻ, luôn luôn không định kiến, không thành kiến, không trước ý; luôn luôn hiện tiền trong sáng, không bị chồng chất, ám ảnh bởi hình ảnh của quá khứ, của tương lai hoặc của hiện tại chỉ vừa mới thoáng qua!

Mọi người thấm thía với thời pháp, nên họ trầm ngâm, suy gẫm và thật không dễ gì nắm bắt ngay được nhất là cái căn bản! Sau rốt, có người hỏi về chính sách trị dân, nó liên hệ thế nào, tương quan thế nào giữa giáo pháp xuất thế của đức Phật với an lạc hạnh phúc dung thường của mọi người trong trần thế! Và, nếu mọi người đàn ông đều xuất gia cả thì quốc độ sẽ ra sao, nhân loại sẽ ra sao? Điều ấy có thể nào lý giải rõ ràng qua phạm trù đạo đức tại thế được chăng?

Đức Phật mỉm cười, hẹn dịp khác, ngài sẽ khai thị về điều ấy; đến lúc hiểu rồi, thấy rồi thì xuất thế mà không ra khỏi cuộc đời, tại thế nhưng vẫn xuất thế vì nó không dính mắc phiền não và bụi bặm của trần gian; nói một thì không phải, nói hai cũng chẳng nhằm!

Mọi người có vẻ nghĩ ngợi!

Đức Phật đứng lên, từ giã.

Cậu bé Rāhula có vẻ lưu luyến đức Phật, nên khi ngài rời hoàng cung, nó tất tả chạy theo, nắm tay ngài ra chiều thân thiết. Lúc ấy là sau ngọ, trời nắng hơi gắt; Rāhula vừa bước đi vừa núp trong cái bóng của ngài, vừa phát biểu rất dễ thương, rất ấn tượng: "Ôi! Chỉ cái bóng của sa-môn thôi, mà sao làm cho con bình yên và mát mẻ đến thế!" (Sukhā vata te chayā, samaṇa!)

Thấy Rāhula đi theo đức Phật, không ai ngăn cản. Đi

một đỗi, tôn giả Sāriputta nắm tay Rāhula rồi một ý nghĩ chợt khởi sanh:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật quá khứ lúc về thăm quê nhà; các ngài cứu độ quyến thuộc khó khăn hay dễ dàng?

- Cái ấy tùy thuộc nhân duyên, này Sāriputta! Hạt giống giáo pháp chỉ bén rễ sâu ở mảnh đất màu mỡ cùng với các điều kiện môi sinh thuận lợi!

Tôn giả Sāriputta hiểu, ngài chạnh nghĩ đến gia đình của mình với tín ngưỡng truyền thống đã ăn sâu vào huyết mạch rất khó lay chuyển...

Trở về đến công viên, đức Phật dẫn Rāhula vào hương phòng, lúc ấy đã làm xong, ngài nói:

- Này Rāhula! Mẹ dặn con là xin cho được một gia tài quý báu, bây giờ con hãy nghe đây! Gia tài, gia sản vật chất nhiều khổ ít vui; nó lại còn là nơi nuôi dưỡng lòng tham, phát sanh tranh chấp, đau khổ, phiền não cùng nhiều ràng buộc, hệ lụy khác nữa! Hiện tại, Như Lai có một gia tài, gia sản tinh thần rất lớn, rất quý báu; nó chỉ đem đến nụ cười, niềm vui, thanh bình và siêu thoát, Như Lai muốn trao cho con, con có nhận không?

- Có ạ! Rāhula vòng tay lễ phép – Con chỉ muốn nhận gia tài niềm vui mà thôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Muốn có được gia tài ấy, con phải cạo đầu, mặc y, mang bát như Như Lai, như ông Sāriputta, như chú Nanda và như mọi người ở đây! Con có đồng ý không?

- Con đồng ý ạ!

Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia ngay tức khắc cho Rāhula! Như vậy, tôn giả Sāriputta nhận nhiệm vụ giáo thọ vị sa-di tí hon, bắt đầu dạy cách mặc y, mang bát, đi đứng, lúc ngủ nghỉ, cách nói năng, thưa hỏi thế nào cho đúng phép tắc, luật nghi! Và thật khó tưởng tượng một vương tôn cành vàng lá ngọc, quen nếp sống được

nuông chiều trong cung điện lại có thể thích nghi được đời sống của một khất sĩ khổ hạnh! Tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên làm sao, là sa-di Rāhula chẳng nhớ mẹ, nhớ ai ở cung đình cả; lại rất sung sướng trong đời sống mới, ngoan ngoãn, lễ độ, biết nghe lời dạy bảo của thầy mình!

Ngày hôm sau, đức vua Suddhodana, hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā mới hay tin, ai cũng bàng hoàng. Quả thật như một tiếng sét đánh ở cung đình. Hoàng tử Nanda vừa xuất gia đúng vào giờ cử hành hôn lễ cách đây bốn ngày, bây giờ lại Rāhula nữa, nó còn quá ngây thơ, bé bỏng mà! Người đau khổ, sầu não nhất là công nương Yasodharā, thứ đến là lệnh bà Gotamī; nhưng khi cả hai muốn đến chất vấn đức Phật thì đức vua Suddhodana ngăn lại, ông nói:

- Đừng có vội vàng, nóng nảy! Một đức Chánh Đẳng Giác làm việc gì cũng có nhân duyên và quả của nó; đừng nhìn hiện tượng bên ngoài, tâm lý thường tình hoặc tình cảm cá nhân để xét định một sự việc. Trẫm tin tưởng tuyệt đối vào giáo pháp, vào trí tuệ của con trẫm, bây giờ là vị Phật đó! Chẳng bao giờ một bậc Toàn Giác lại thấy biết sai lầm, các khanh nên hiểu như vậy!

Đúng là tâm và trí của một vị Thánh đệ tử! Sau khi trấn an hai bà và mọi người khác, đức vua lên xe ngựa một mình cùng với vài quân hầu đến công viên Nigrodhārāma. Gặp đức Phật, nhà vua mở lời trách cứ khá nhẹ nhàng:

- Khi thái tử lìa bỏ cung vàng, điện ngọc ra đi, trẫm vô cùng đau xót, ái hậu Gotamī cũng thế. Còn Yasodharā lại càng sầu muộn, buồn tủi, thống khổ hơn! Lại trải qua tám năm dài đằng đẵng "làm sương phụ sa-môn" vò võ, cô đơn, gối chiếc cũng không dễ dàng gì; ngoại trừ Yasodharā, không có ai bản lãnh, nghị lực đến thế! Bây giờ đến lượt Nanda! Trẫm hỏi đức Thế Tôn! Người cha người mẹ bình thường nào mà không xót xa, đứt ruột? Chuyện Nanda chưa

nguôi, cả hoàng cung lại mất thêm Rāhula, là trẻ được cưng chiều, thương yêu; là nguồn an ủi duy nhất của hai vị phu nhân. Tình thương của người mẹ mất con, ông bà mất cháu cũng dường như bị ai đó cắt da, xẻ thịt, cắt gân, róc luôn cả xương cả tủy... Ngừng lại giây lát, đức vua nói tiếp – May nhờ cả hai vị phu nhân đều là bậc trí, hai trái tim mềm yếu kia có năng lực giáo pháp tăng thêm sức mạnh, nếu không họ đã gục ngã rồi! Còn trẫm thì đã thấy rõ ái luyến sinh đau khổ, ái luyến sinh buộc ràng, ái luyến đưa vào dòng chảy trầm luân nên tình cảm kia chỉ như một cơn gió nhẹ xao thổi qua rồi mất! Tuy nhiên, trẫm xin thỉnh nguyện đức Thế Tôn một điều: Từ rày về sau, sẽ không ban hành lễ xuất gia cho bất kỳ một người con nào, nhất là tuổi vị thành niên mà chưa được cha mẹ hoặc gia đình cho phép, ưng thuận!

Lời lẽ trình bày với lý tình minh bạch của đức vua, người đã bước được đôi chân vững chắc trên đạo lộ bất tử, làm cho đức Phật rất hoan hỷ. Ngay tức khắc hôm ấy, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Kassapa bố cáo khắp tỳ-khưu tăng, xem lời thỉnh cầu của đức vua đã trở thành điều luật được ban hành rộng rãi!

Công viên Nigrodhārāma sau khi xây dựng xong, tuy không được quy mô và công phu như Trúc Lâm nhưng cũng đã trở thành nơi sinh hoạt của giáo đoàn tại kinh đô Kapilavatthu. Từ đó, dường như ngày nào cũng có người đặt bát cúng dường, ngày nào cũng có đoàn này hay đoàn khác đến tham vấn, học hỏi, quy y! Hoàng tộc Sākya, các chủ ngân hàng, chủ các nghiệp đoàn... bao giờ cũng là những thí chủ bố thí, cúng dường rộng rãi nhất. Họ còn cúng dường vải vóc, bát, tọa cụ, ngọa cụ, các loại thảm lót chân, lót nền nhà, ghè đựng nước, khăn mặt, khăn tắm, chăn nằm, chăn đắp... Thế là đức Phật lại phải chế định một số học giới, cái gì được thọ nhận, cái gì không nên thọ nhận. Ví dụ, các tỳ-khưu chỉ được phép nằm sạp cây, được phép sử dụng tọa cụ,

ngọa cụ bằng thảm cỏ, thảm cói không được dùng nhung, lụa, gấm, chăn bông, gối dài! Mỗi vị tỳ-khưu chỉ có ba y, một bát, thừa y bát là phải xả cho vị khác, xả vào kho bảo quản cho vị đến sau! Y cũ rách không được quăng bỏ, phải giặt sạch để làm màn che gió, ngăn tường. Cũ rách quá nữa thì làm tấm lót chân, làm khăn lau nền nhà...Y tăng-già-lê (y ngoại), không được quá dày do lót bông, lót dạ, chỉ nên dùng để đắp, làm sao để đừng ấm quá mà cũng đừng lạnh quá! Cắt may y và màu y phải tuân thủ quy định chung. Kiếm rễ cây, thân cây nhuộm màu, không được nhạt quá như màu cọng rơm mà cũng không được sậm quá như màu cánh gián... Bát sắt, bát gỗ sờn tróc là phải tìm cách xông khói nhuộm lại... Đức Phật cho phép chư tỳ-khưu được nhận lời mời của thí chủ thọ trai tại tư gia. Riêng tôn giả Mahā Kassapa và các vị tỳ-khưu thọ đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ thì được tùy nghi tìm chỗ độc cư, từ rày không bị ràng buộc bởi sinh hoạt của giáo đoàn, ngoại trừ khi có Saṅghā (Tăng-già) triệu tập!

Mỗi mỗi lời giáo giới của đức Phật, tôn giả Sāriputta ghi nhớ không bỏ sót một điều nào! Các thời pháp, cũng vậy, bất kỳ ở đâu, với ai, giờ nào, tôn giả đều lắng nghe, tư duy, chiêm nghiệm; lúc cần, ngài có thể giảng giải lại, rất rộng rãi, mạch lạc mà vẫn không rời cái căn bản, cái cốt tủy!

Suốt một tuần lễ, các vị hoàng thân Mahānāma, Ānanda, Bhaddiya, Kimbila, Anuruddha, Bhagu, Channa và cả Devadatta từ Koliya sang đặt bát cúng dường đức Phật và Tăng chúng. Thế rồi, đức Phật thuyết pháp, dành cho họ suốt ba buổi chiều. Và hôm nào cũng thế, họ thay phiên nhau hỏi từ điểm sơ cơ nhất của giáo pháp, cho đến cả những khái niệm ở ngoài ngôn ngữ, tức là những pháp siêu thế! Họ cũng hỏi đến những lãnh vực siêu hình, các khả năng thắng trí mà một sa-môn có thể thành tựu được. Đức Phật không phải lúc nào ngài cũng trả lời một cách mà bằng

nhiều cách! Do trí vô ngại giải, khi thì ngài trả lời tức khắc thẳng vào câu hỏi; khi ngài trả lời bằng cách hỏi ngược lại; khi thì ngài trả lời bằng cách giảng giải câu hỏi cho rộng, cho sâu thêm; thỉnh thoảng ngài im lặng hoặc sử dụng một vài năng lực huyền nhiệm. Khá nhiều lần, đức Phật lại giao trọng trách ấy cho tôn giả Sāriputta! Và đến lúc này, các ông hoàng mới thật sự kinh ngạc về trí biện tài thông tuệ, tầm kiến văn uyên bác cũng như ngôn ngữ lưu loát của vị nghe nói là đại đệ tử! Bây giờ thì sự kiêu căng, ngã mạn không còn nữa vì họ chợt hiểu rằng, dù họ học, nghe cả đời cũng không thể so sánh được với vị tôn giả cánh tay phải của đức Phật! Tuy nhiên, cái dòng máu cứng đầu của Sākya đã tiềm mật, lưu liên, âm ỉ nhiều đời kiếp: Họ vẫn chưa chịu quy y!

Hai tháng sau, trước khi từ giã Kapilavatthu để trở về cho kịp an cư mùa mưa ở Trúc Lâm, đức Phật đã thuyết một thời pháp quan trọng đến cho đức vua và cả triều đình. Đây cũng là thời pháp nhằm giải thích các câu hỏi còn tồn đọng trong tâm trí mọi người.

Đức Phật mở giọng trầm hùng, vang vang như tiếng chuông ngân:

- Đầu tiên là nói về chính sách trị dân! Phải nói rằng không có một chính sách trị dân nào trên thế gian này được gọi là toàn hảo, là tốt đẹp cả! Tại sao vậy? Vì khi hoạch định chính sách, các triều đại đã xác lập thế lưỡng phân đối đãi, bị quy định trong phạm trù: người cai trị và kẻ bị trị! Khi có người cai trị và kẻ bị trị thì sự xung đột, bất bình đẳng trong xã hội sẽ nẩy sinh! Đấy là sự thất bại thứ nhất với nghĩa nhị nguyên triết học!

Tiếp nữa, người cai trị, tức là thành phần lập định chính sách, họ ra sao? Họ có đạo đức chân thực? Có nghiêm minh, trung chính? Có một đời sống hiền thiện, mẫu mực? Hay họ chỉ là những con người luôn bị chi phối bởi xan tham, sân hận, si mê, ích kỷ, đầy đặc khát dục, tham vọng danh lợi và

quyền lực? Có thể nào một chính sách tốt đẹp, toàn hảo lại có thể được sinh ra từ một tập thể, mà, nhân cách chưa được tốt đẹp, chưa được toàn hảo mọi giá trị nhân văn và nhân bản? Đấy là sự thất bại thứ hai với nghĩa tương quan duyên khởi tục thể - mà khi nói sự thật ra – thì đụng chạm đến nhiều người, đụng chạm đến thành phần cơ cấu của tập cấp lãnh đạo của mọi thể chế chính trị trên trái đất này!

Vậy thì thưa chư vị, con người đẻ ra chính sách; con người là nhân tố quyết định còn chính sách là cái tương sinh, tương thuộc, phụ tùy! Giáo pháp mà Như Lai đã giác ngộ và tuyên thuyết là từ con người, bởi con người và cho con người, tức là trở về với nhân tố quyết định cho sự toàn hảo, tốt đẹp của mọi chính sách! Một con người đã giải thoát mọi ô nhiễm từ nội tâm đến ngoại cảnh, không còn bị đắm chìm, ràng buộc bởi những cám dỗ của cuộc đời thì luôn luôn đem đến an vui, hạnh phúc cho mình và cho người khác! Những con người như vậy, trong hội chúng của Như Lai, không phải chỉ một trăm, hai trăm mà cả một ngàn, hai ngàn... và sẽ còn nhiều hơn thế nữa trong tương lai! Những con người như vậy, họ hiện ở đây, ở bên chư vị, ở trong cuộc đời này, đang mặc y, đang khất thực, đang ăn, đang uống và đang thở! Họ siêu thế, xuất thế mà vẫn tại thế giữa mặt đất này! Vậy, nếu lập ngôn là một, là hai - đều bất khả! Đấy là sự thực, cụ thể, có thể sờ nắm được, chứ không phải lý luận trừu tượng, mơ hồ của những luận thức đa biện, phân lập!

Chư vị là những bậc thức giả, trí giả nên Như Lai cũng nói chuyện như nói với những bậc thức giả, trí giả! Một chính sách được gọi là toàn hảo, tốt đẹp với nghĩa tuyệt đối thì không thể có mặt giữa trần gian tương đối. Nói cách khác, các sứ giả của Như Lai, những con người đã giải thoát ấy, nếu họ lãnh đạo, lập định chính sách, cai trị muôn dân thì sự toàn hảo, tốt đẹp kia cũng trở thành tương đối, giới hạn mà thôi! Lực cản ở đây cũng lại chính là con người với biệt

nghiệp, với cộng nghiệp cùng với những tâm địa xấu tốt lẫn lộn từ muôn thuở! Tuy nhiên, điều ấy lại trở nên không tưởng vì kẻ đã giác ngộ, giải thoát rồi thì ngay chính ngôi vị Chuyển luân Thánh Vương, họ cũng không làm! Đây là sự thất bại thứ ba theo nghĩa những giá trị tương đối tại thế!

Thưa chư vị, hiện tượng sinh, trụ, diệt của vạn hữu cũng như nội tâm rút ra định luật vô thường và vô ngã của chư pháp! Vậy nên, bản chất bất toàn, bất ổn định, bất như ý, bất toại nguyện... là sự thật không thể thay đổi được! Trong cái thế gian tương đối ấy, cái được gọi là giá trị, là toàn hảo, là tốt đẹp luôn luôn được hiểu là chỉ một giai đoạn, một thời kỳ, một gợn sóng vừa an trụ lại vừa diệt mất! Cái gọi là an vui và hạnh phúc của chúng sanh trên đời này cũng mong manh như thế đấy! Người lãnh đạo, người lập định chính sách tối thiểu cũng phải có được trí tuệ ấy, sau đó, tối thiểu cũng có đầy đủ mọi phẩm tính cần và đủ của nhân tính, nhân văn và nhân bản! Và chính con người ấy, nhờ trí tuệ và đạo đức tương đối của mình, họ soi sáng cho chính sách; và rồi, chính sách sẽ soi sáng cho con người, cho mọi người khác! Nói gọn lại, người lãnh đạo, lập định chính sách, tối thiểu cũng phải có tam quy, ngũ giới, khá hơn nữa, họ hành thập thiện, thọ trì bát quan trai giới thì quốc độ ấy sẽ thanh bình, hạnh phúc! Và khi mà như vậy thì chẳng cần dùng những sáo ngữ như thương dân, vì dân, vị tha, bác ái hoặc những tuyên ngôn với những mỹ từ cao khiết nhưng chỉ còn là những chiếc vỏ rỗng, hoa hòe, diêm dúa, lấp lánh chữ nghĩa để mị dân, để quảng cáo từ đầu đường đến xó chợ!

Thời pháp lột trần tâm địa con người của Đức Phật có thể tạo phản ứng nghịch, nhưng không, ai cũng chăm chú lắng nghe.

Đức thân vương Amittodana, thân phụ của Ānanda phát biểu:

- Hay lắm! Đây là con đường đức trị! Là chính sách với

mười vương pháp của các đức Chuyển luân Thánh vương mà đức Thế Tôn đã minh thuyết thật cao siêu, quảng bác và vô cùng mới lạ! Tri ân đức Thế Tôn, chúng tôi đã được mở rộng kiến văn!

- Chẳng phải chỉ là mở rộng kiến văn mà thôi đâu! Thân vương Sukkodana, thân phụ của Mahānāma tiếp lời - Kiến văn là cái vỏ ngoài! Tâm và trí tôi giờ đã được bừng sáng ra! Chính trị, chính sách là cái cớ, chính đức Phật đã nói cho chúng ta thấy rõ mối tương quan ấy! Chính con người có tu tập, tùy từng cấp độ thành tựu của họ mới quyết định được an vui và hạnh phúc trên đời này!

Một vị quan đại thần ngồi ở phía xa, phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Chẳng có lời nói nào của ngài mà chúng tôi không thấm thía lúc suy gẫm! Tại thế và xuất thế, chúng tôi hiểu rồi! Con người tương quan duyên hệ với chính sách: Con người tốt lành đẻ ra chính sách tốt lành, chính sách tốt lành làm cho con người tốt lành, cả hai vốn tương quan, tương hỗ, tương thuộc. Cái này đẹp, cái kia mới đẹp! Đấy là sự thật bất ly, bất dịch hoán! Chúng tôi hiểu rồi!

- Tuy nhiên, còn một câu hỏi ở trong tâm quý vị nữa - Đức Phật nói - Đấy là tất cả thanh niên xuất gia đều sống đời độc thân thì vấn đề duy trì huyết thống, vấn đề tồn tại của quốc độ, của nhân loại sẽ được giải thích như thế nào? Thật ra, chư vị không cần phải lo xa như thế, vì không bao giờ có cái số lượng "tất cả" ấy đâu, không phải ai cũng xuất gia được đâu nếu không có duyên căn từ nhiều đời! Các sa-môn trong giáo hội của Như Lai bao giờ cũng là thiểu số; và chính nhờ cái thiểu số ấy, có một đời sống trong lành và hiền thiện, tạo nhân tố tích cực để duy trì và phát triển các giá trị tinh thần cho thế gian này, mà thiếu nó, tức là khi cái xấu, cái ác lan tràn thì nhân loại sẽ diệt vong!

- Chúng tôi hiểu! Vậy, giáo pháp của đức Thế Tôn còn liên hệ đến việc thịnh suy của một triều đại?

- Đúng vậy! Đức Phật nói - Nó còn là điều kiện quan trọng trong những điều kiện khác về lẽ thịnh suy ấy! Một quốc độ muốn được hùng cường, giàu mạnh, muôn dân sống an lành, hạnh phúc thì phải hội tụ đầy đủ bảy điều kiện sau đây. Thứ nhất, là người dân thích tụ họp đông đảo, vui vẻ với nhau, tức là biết tương thân, tương ái; đến với nhau, nhìn nhau bằng con mắt thiện cảm! Thứ hai là lúc nào cũng sống với nhau trong tinh thần đoàn kết: Đoàn kết lúc hội họp, đoàn kết trong công việc, đoàn kết trong mọi bổn phận và nghĩa vụ, đoàn kết để vươn đến các lý tưởng cao đẹp! Thứ ba là tại vương triều, các nhà lãnh đạo không nên ban hành những đạo luật mới, có tính cách chỉnh sửa, thay đổi hoặc chống nghịch các giá trị đạo đức truyền thống. Thứ tư là phải biết kính trọng, tôn trọng các bậc trưởng thượng, các vị bô lão; và phải nghe những lời dạy bảo kinh nghiệm, khôn ngoan của các vị ấy! Thứ năm là phải biết tôn trọng nữ giới; nghĩa là đàn bà, con gái trong quốc độ không bị sống trong nô lệ, bị cưỡng bức hoặc bị ép buộc trong hôn nhân cũng như trong gia đình! Thứ sáu là phải biết duy trì tông miếu, xã tắc; phải biết làm cho vẻ vang tông miếu, xã tắc; không được xao lãng những nghi thức cổ truyền đã được tiền nhân tôn trọng. Thứ bảy, phải biết tạo cơ duyên, bảo bọc, hộ độ, hỗ trợ nhiệt tình cho giáo pháp, cho các vị A-la-hán hoằng pháp, khiến cho những ai chưa đến sẽ muốn đến; và những ai đã đến, đã sống ở đấy đều được an lành, an toàn. Như vậy, trong bảy điều kiện, điều kiện thứ bảy là quan trọng nhất, vì nó bao hàm sáu điều tiên dẫn! Có điều kiện thứ bảy thì sáu điều kiện kia càng được củng cố, tăng trưởng, thịnh mãn!

Sau thời pháp ấy, hội chúng rất thỏa mãn. Khi đức Phật ra về, họ bàn với nhau, là mỗi gia đình dòng tộc Sākya nên lựa chọn lấy một người xuất gia trong giáo pháp của ngài! Do vậy, suốt một tuần lễ sau đó, con cái hoàng gia, quý tộc đến xin xuất gia tỳ-khưu khá nhiều.

Các Ông Hoàng
Quý Tộc Ra Đi

Suốt hai tháng về thăm quê hương, tuy công việc hoằng hóa không được thành công rực rỡ cho lắm nhưng đức Phật cũng đã đặt được một nền móng vững chắc! Như một luồng gió mới thổi qua kinh thành Kapilavatthu cổ xưa, những thời pháp của đức Phật đã bắt đầu thay đổi một số tư duy cũ kỹ của giới cấp lãnh đạo về vấn đề trị an. Các giá trị tinh thần cũng như các quan niệm vui, khổ xưa nay đều phải được đánh giá lại! Đạo đức bản thân và vấn đề thiện ác cũng phải được nhìn ngắm từ bên trong, nội quán, bởi phản tỉnh, bởi những dấy khởi từ tâm niệm!

Những ông hoàng bạn cũ thuở xưa của đức Phật, họ không nóng nảy, không vội vã khi thấy con cháu dòng họ Sākya xuất gia. Họ nhiều lần gặp nhau, nhiều lần thảo luận, đặt lại vấn đề nhân sinh, các định thức giá trị qua những thời pháp được nghe từ đức Phật. Họ đã mất ngủ nhiều đêm, thao thức, trăn trở rồi thấy rõ đời sống vinh hoa, phú quý, ngũ dục thật không nghĩa lý gì! Niềm vui nào cũng mau qua, mau chán; và thường sau đó thì đối diện với cái rỗng không, vô vị! Lại đi tìm sinh thú mới, lạc thú mới rồi lại buồn, lại chán, lại rỗng không! Họ nhớ lại từng dáng đi, từng nụ cười,

từng ánh mắt của đức Phật... và họ càng xác quyết là ngài đã tìm ra, tìm được niềm an lạc vĩnh cửu, là sự an lạc không có điều kiện, sự an lạc không có các đối tượng khả ái, khả ý từ bên ngoài. Nó tự có một mình, độc lập, không phụ thuộc không gian và thời gian! Nó là cái gì vậy? Mà đức Phật đã có nó và hầu hết chư tỳ-khưu, hội chúng đệ tử của ngài cũng có nó!

Hoàng tử Ānanda là người muốn khởi tâm xuất gia đầu tiên, tìm đến rủ Anuruddha cùng đi. Khi thấy Anuruddha dễ dàng chấp thuận thì Mahānāma, vị quan đại thần đương triều được đức vua Suddhodana trọng dụng, là anh ruột của Anuruddha, ngăn em lại:

- Em phải ở nhà vì cha mẹ thương yêu em nhất! Em lại còn trẻ trung, thanh xuân, chưa lập gia đình, tương lai tốt đẹp đang còn ở phía trước. Việc xuất gia hãy để cho anh, anh là người đã quá mệt mỏi chuyện gia đình và chuyện quan trường lắm rồi. Hãy để ưu tiên việc xuất gia ấy cho anh, em nhé!

Anuruddha cười ha hả:

- Anh có nói nhầm không đấy! Chính anh là người đang đảm nhận trọng trách quốc gia đại sự! Chính anh là người đang bận bịu chuyện gia đình, vợ con! Anh ra đi thì những gánh nặng kia biết quăng bỏ cho ai hả?

Quan đại thần Mahānāma nín lặng.

Anuruddha đến xin thân mẫu nhiều lần nhưng bà một mực từ chối, sợ con trai mình, vốn chỉ biết ăn chơi không kham nổi đời sống khổ hạnh của các sa-môn! Thấy Anuruddha dọa tuyệt thực, dọa tự tử, bà tìm cách chối từ rất khéo:

- Thôi được rồi! Nếu con đã cương quyết như thế, mẹ cũng cho đi, nhưng với một điều kiện...

- Mẹ cứ nói!

- Con hãy chịu khó đến gặp quan tổng trấn Bhaddiya!

Nếu Bhaddiya đồng ý xuất gia, mẹ sẽ cho con xuất gia!

Thân mẫu Anuruddha nêu điều kiện ấy tưởng là sẽ ngăn được con trai vì bà đơn giản nghĩ rằng, quan tổng trấn Bhaddiya tiếng tăm lừng lẫy, danh vọng, địa vị, sự nghiệp trùm lấp một phương; và nghe đâu, vừa mới hứa hôn với một công nương tài sắc vẹn toàn thì lẽ nào lại bỏ tất cả để đi xuất gia được! Quả thật, họ tuy gặp nhau nhiều lần, thảo luận giáo pháp nhiều lần; và đồng ý với nhau hầu như toàn diện về giáo pháp diệt khổ của đức Phật, nhưng nếu Anuruddha muốn thuyết phục Bhaddiya đi xuất gia là chuyện không đơn giản một chút nào!

Sau nửa ngày đường dong ngựa, đến dinh liêu rộng lớn, nguy nga, lầu cao lầu thấp, tòa ngang, dãy dọc của quan tổng trấn; thấy tường rào mấy lớp, quân lính canh phòng nghiêm ngặt trong ngoài, người lui, kẻ tới tấp nập, rộn ràng đây đó, Anuruddha bần thần, dừng lại, chợt nghĩ đến điều kiện khó khăn của mẹ!

Được quân canh và quân hầu kính cẩn thông báo, Bhaddiya bỏ công việc, tiếp bạn ngay như tiếp một vị thượng khách! Sau khi đãi đằng cơm nước, thấy khuôn mặt của Anuruddha rầu rĩ, khó đăm đăm, trước sau không thốt một lời, Bhaddiya ân cần và ái ngại hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Tại sao em có vẻ buồn quá vậy?

- Tại anh cả đấy! Anuruddha bây giờ mới nói, giọng hờn trách – Tôi muốn theo đức Phật xuất gia tu học như các chàng trai Sākya khác, nhưng tại vì anh, tại vì chức quan tổng trấn của anh nên tôi đã không đi được!

Bhaddiya cả cười:

- Tại sao lại có chuyện lạ lùng đến thế? Tôi cản trở em hồi nào? Nếu em muốn xuất gia thì tôi sẽ tìm đủ mọi cách cho em được thỏa nguyện nữa là khác!

- Thật thế nhé! Anuruddha sáng mắt ra, cười vui, đưa ngón tay phải ra, móc ngoéo vào ngón tay của Bhaddiya như

bắt bạn phải nhận một lời hứa khả! Chắc chắn vậy nhé!

Bhaddiya biết có chuyện gì đây, nhưng vốn tính tình phóng khoáng, cởi mở, chàng cũng vui theo niềm vui của bạn! Anuruddha kể tóm tắt chuyện của mình và điều kiện của mẹ đưa ra, rồi kết luận:

- Như vậy, có phải vì anh mà tôi không được xuất gia không! Anh đã hứa giúp tôi bằng mọi cách thì cách duy nhất, tốt nhất, mau nhất là anh phải cùng đi xuất gia với tôi!

Lời đã hứa rồi, Bhaddiya thấy mình kẹt quá, kẹt cha mẹ, kẹt chức vị tổng trấn và kẹt nhất là người vợ vừa mới hứa hôn! Thật ra, chàng cũng có dự định xuất gia vì thấy đời sa-môn như cánh chim giữa không rộng trời cao chẳng dính mắc, bận rộn gì cả, nhưng không phải là bây giờ!

- Thôi, bảy năm nữa nhé, tôi sẽ đi xuất gia cùng em!

- Không được! Anuruddha lắc đầu - Bảy năm lâu quá!

- Thôi, vậy thì ba năm. Ba năm để anh thu xếp mọi công việc trong ngoài cho đâu ra đấy đã!

- Cũng không được! Anuruddha lắc đầu nguầy nguậy - Sự chết có chờ đợi ai được đâu!

- Thế thì nhất định bảy tháng, chúng ta sẽ cùng đi! Ít ra cũng để anh có đủ thời gian trả lại quan tước, bàn giao chức vụ và thu xếp việc gia đình chứ!

Thấy Anuruddha cũng không chịu, Bhaddiya đành đưa cái hẹn bảy ngày!

Vui mừng, hớn hở, Anuruddha như bay trên lưng ngựa trở về kinh đô, sau đó, cùng với Ānanda, cả hai đi rủ thêm Kimbila, Bhagu và cả Devadatta tại kinh đô Devadaha, nước Koliya nữa! Và ai cũng khó khăn, vất vả lúc thuyết phục gia đình, nhất là Ānanda, nhưng do nhờ quyết tâm, họ được ra đi như ý nguyện!

Thế rồi, bảy ngày sau, họ gặp nhau tại Đông cung của thái tử Devadatta. Sáng ngày, họ leo lên cỗ xe lớn bốn ngựa kéo do người thợ cạo thân tín của hoàng gia, là thanh niên

Upāli cầm cương, theo đường lữ hành vượt biên giới Koliya!

Vì trời nắng nóng, biết đức Phật và hội chúng sa-môn đi chậm và men theo đường rừng, có lẽ còn ẩn khuất đâu đó tại các thôn làng ngoại ô thành phố Mallā nên họ đã cho ngựa phi nhanh, hy vọng bắt kịp! Hai ngày sau, được biết đức Phật đang còn ở tại làng Anupiyā, chỉ còn cách mấy xóm nhà ven đường là tới; họ xuống xe, cởi bỏ hoàng bào cùng các món châu ngọc điểm trang, trao cho người thanh niên thợ cạo Upāli, rồi nói rằng:

- Bạn là người chân thực, trung tín mà từ lâu chúng tôi được biết nên chúng tôi đã cố ý nhờ bạn đánh xe đến đây! Bây giờ chúng tôi chỉ giữ lại một tấm áo và y bát để theo Phật, sống đời xuất gia vô sản, bần hàn, vậy chiếc xe bốn ngựa này, tất cả tư trang tư dụng này, chúng tôi xin tặng bạn để làm vốn liếng sinh nhai! Hãy cố gắng sống đời trong lành và hiền thiện!

Sau khi sáu ông hoàng đi khuất sau lùm cây, thanh niên Upāli nước mắt đoanh tròng, ôm mớ châu báu mà đứng sững! Upāli tự nghĩ: "Họ tốt quá! Họ giàu sang vương giả là thế, nhưng chức tước, địa vị, danh vọng, quyền uy, châu báu... họ đã quăng bỏ đi như mớ giẻ rách! Còn mình là gì? Một tên thợ cạo tầm thường, đủ ăn đủ mặc bấy lâu là nhờ ân đức của hoàng gia! Cái gì cũng không có cả thì ôm níu cái gì, mê đắm cái gì mà không chịu vứt bỏ, ra đi xuất gia như họ?" Sáu chiếc vương bào rơi xuống đất, một đống châu báu rơi ra, sáng lóe, chấp chóa đủ màu sắc dưới ánh mặt trời!"Chính cái này đây, trân bảo này đây, đống rắn độc này đây mà lòng tham con người phát sanh – Upāli nghĩ tiếp - Rồi cái được gọi là hạnh phúc do thỏa mãn ngũ dục kia sẽ đi liền theo đau khổ, nước mắt lẫn những hiểm họa khôn lường khác! Giả sử mình mang đống này về, thì mọi người sẽ nghĩ rằng mình là một tên giết người cướp của; ít hơn thế nữa

cũng là một tên lường gạt, trộm cắp. Pháp luật quốc gia sẽ không dung thứ cho ta đâu! Trên đời này, biết còn bao nhiêu người tin vào những lời nói thật?”

Upāli dẫu sanh thuộc giai cấp hạ tiện, nhưng chàng thông minh, sáng dạ, giải quyết sự vụ rất nhanh. Vì biết ngựa quen đường cũ nên Upāli tháo ngựa ra khỏi xe, tháo cương ra khỏi ngựa, lấy roi, quất nhẹ cho ngựa trở về đường cũ! Còn châu báu, Upāli gói thành sáu gói khác nhau, cứ đi một đoạn, chàng móc lên cành cây, thầm mong cho ai là người hữu phước sẽ sở hữu được tài sản vô chủ này! Xong xuôi, thở một hơi dài, Upāli nhắm hướng ngôi làng Anupiyā, ra sức chạy...

Xế chiều, lúc các ông hoàng đang ngồi nghỉ ngơi dưới gốc cây thì Upāli bắt kịp; chàng hổn hển kể lại tâm sự và ý nghĩ của mình trước đống hoàng bào và châu báu; sau đó là cách giải quyết chúng như thế nào...

Bhaddiya cười ha hả:

- Thế là ông bạn cũng muốn xuất gia, tốt, tốt!

Devadatta hơi nhăn mày:

- Ông là Sudrā...

- Không sao! Anuruddha xen lời - Đức Thế Tôn từng dạy rằng: Trăm con sông dầu tên gọi khác nhau, nhưng khi vào biển, hòa với biển chỉ được gọi chung là biển. Cũng vậy, chúng ta dầu tên tuổi, giai cấp, địa vị khác nhau; nhưng khi xuất gia rồi thì hòa nhập với Tăng đoàn, sống với Tăng đoàn, cùng chung trong một biển lớn là giáo hội của đức Tôn Sư!

Ai cũng gật đầu, mỉm cười, khen phải!

Sau một đêm gối đất nằm sương, cảm nhận thấm thía đời sống không cửa, không nhà của hội chúng thánh hạnh, họ đi vào làng Anupiyā và gặp được đức Phật. Thật ra, đức Phật đang tạm cư ở đây ba ngày, vừa thuyết pháp cho cư dân trong vùng, vừa có ý chờ đợi họ!

Sau khi đảnh lễ đức Phật, họ trình bày ý nguyện lên ngài, đồng xin xuất gia!

Ānanda thưa:

- Xin đức Thế Tôn hãy cho Upāli xuất gia trước để chúng đệ tử phải xem cậu ta như một vị sư huynh; lợi ích thứ nhất là nhằm xóa bỏ sự kỳ thị giai cấp, lợi ích thứ hai là dập tắt cái tính tự cao, tự đại của dòng dõi hoàng gia Sākya và Koliya!

Đức Phật lặng yên chấp thuận. Mọi việc đã được chuẩn bị sẵn. Lễ xuất gia thọ giới tỳ-khưu cho Upāli và sáu nhân vật quan trọng của hoàng gia được diễn ra rất dị giản. Thế là Upāli, Ānanda, Devadatta, Bhaddiya, Kimbila, Bhagu, Anuruddha được tôn giả Sāriputta ân cần hướng dẫn cách mặc y, mang bát, cách trì bình khất thực, cách thọ thực và cả cách đi đứng ngồi nằm của một sa-môn khất sĩ trong giáo hội của đức Tôn Sư. Còn đức Phật thì dạy họ những pháp sơ cơ về cách hành trì tu tập, một vài căn bản về định và tuệ!

Được gặp lại các ông hoàng quen biết, Nanda vui mừng lắm; và có lẽ vui mừng nhất là Rāhula! Tỳ-khưu Nanda, từ khi xuất gia đến nay, không hề tìm thấy niềm vui, luôn luôn buồn bực, sầu khổ vì nhớ nhung vị hôn thê xinh đẹp, nàng luôn luôn hiển hiện trước tầm mắt, khi đi đứng ngồi nằm, và cả trong giấc ngủ chập chờn, mộng mị! Thấy các ông hoàng vương giả, cao sang tột bực đồng một lúc đến xuất gia, Nanda cảm thấy như mình được an ủi một phần nào! Sa-di Rāhula thì tâm lý đơn giản hơn, được gặp lại nhiều người quen thân; và ai trong họ cũng yêu thương mình cả, nên cậu cảm thấy mình không còn lẻ loi, cô độc nữa, mà ngược lại, thấy thân thiết và ấm áp vô cùng!

Đức Phật biết tất cả chuyện gì xẩy ra ở nơi nội tâm của mỗi người, nhưng ngài chỉ giáo giới chung chung rằng: Lộ trình đi đến nơi giác ngộ, giải thoát, luôn thường trực chiến đấu với chính mình, với ma quân, phiền não; không phải dễ

dàng, êm ái như bước trên tấm thảm nhung đâu! Phải để ý coi chừng từng bước chân, từng hơi thở!

Hôm sau, đức Phật thông báo lên đường, rời ngôi làng Anupiyā, hướng đến kinh thành Vesāli!

Đường xa, bộ hành vất vả, khá thương cho chú bé Rāhula dầm sương, dãi nắng, gối cây, nằm đất đã mười mấy ngày rồi. Tôn giả Sāriputta đã để tâm dành mọi tiện nghi có thể, chăm lo cho vị sa-di tí hon này từng ly, từng tí! Tỳ-khưu Nanda cũng đặt biệt quan tâm đến cháu của mình nên lúc đi bát có gì ngon thường mang đến san sẻ; ngay tấm y đắp, Nanda cũng phủ ấm cho Rāhula! Bây giờ, lại có thêm Ānanda, Anuruddha nữa, Rāhula cảm thấy như mình được đùm bọc, chở che trong vòng tay thân thuộc của hoàng gia; cậu nói cười liến thoắng, vui vẻ!

Chừng mươi ngày sau thì đến ngoại ô Vesāli, đức Phật và hội chúng trú tại rừng Mahāvana; ngài cũng ở lại đây ba hôm để thuyết pháp cho cư dân trong vùng, rồi từ đó, lần hồi qua sông Gaṅgā, về đến Trúc Lâm kịp an cư mùa mưa.

MÙA AN CƯ THỨ BA
(Năm 585 trước TL)

Ôi! Hạnh Phúc Quá!

Nghe tin đức Phật trở về, tôn giả Moggallāna cùng các vị trưởng lão như Assaji, Yasa, Nadīkassapa, Gayākassapa... đồng đến đảnh lễ và vấn an sức khỏe của ngài. Rồi sau đó, lần lượt chư tỳ-khưu trong tu viện và lác đác các nơi tìm đến; đức Phật phải mất hết mấy ngày để giáo giới, nhắc nhở nếp sống kỷ cương, phạm hạnh. Đức vua Seniya Bimbisāra cùng hoàng hậu Videhi và một số quan cận thần vui mừng đến đảnh lễ Phật và thăm hỏi chuyến về thăm quê hương của ngài. Thấy các ông hoàng Sākya xuất gia, đức vua rất cảm động, hoan hỷ; ông cũng đặc biệt nắm tay, ân cần, bịn rịn chú sa-di Rāhula! Khi đức vua gợi ý muốn cúng dường bất kỳ loại tứ sự nào, Rāhula đều lắc đầu từ chối, bảo là đời sống sa-môn lấy tri túc và thiểu dục làm hạnh phúc! Nghe vậy, đức vua vừa ái ngại, vừa kính trọng vừa thương cảm, chạnh nghĩ đến con trai của mình, hoàng tử Ajātasattu, không biết được mấy phần nhận thức chín chắn của Rāhula!

Chương trình an cư kiết hạ năm thứ ba tại Trúc Lâm được hai vị đại đệ tử và các vị trưởng lão hoạch định rồi đệ trình lên đức Phật, ngài không bổ sung gì thêm, chỉ lưu ý dành nhiều thì giờ để giáo giới các vị tân tỳ-khưu! Riêng đức Phật, ngài đã mất trọn nửa tháng, vào các buổi chiều để

thuyết giáo, hướng dẫn cặn kẽ thiền định và tuệ quán cho nhóm quý tộc Sākya!

Các tỳ-khưu quý tộc dòng Sākya, ban đầu thật là khó khăn khi thích ứng với đời sống mới; nhưng qua một tháng sau, ai cũng tìm được sự an lạc, thảnh thơi! Đức Phật biết được sự diễn tiến trong đời sống tu tập của họ nên bao giờ ngài cũng thuyết những bài pháp hỗ trợ đúng lúc, đúng thời!

Tỳ-khưu Bhaddiya, sau khi nắm đề mục từ đức Thế Tôn, ông tinh cần tu tập. Đêm kia, ngồi dưới gốc cây, đi sâu vào định, ông cảm nhận một niềm phúc lạc vô biên chưa hề có ở trong đời, hoan hỷ quá, ông thốt lên:

- "Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!"

Lúc ấy, trời khô ráo, dưới ánh trăng mờ, nhiều vị tỳ-khưu hành thiền gần đấy, nghe được, biết là lời "cảm thán" của vị cựu tổng trấn danh uy một thời! Họ tưởng rằng, vị tân tỳ-khưu Bhaddiya không kham nổi cuộc sống cơ cực của sa-môn, tưởng nhớ đến đời sống ngũ dục xa hoa vương giả cũ, nên trình lại với đức Phật, mong nhờ ngài quan tâm sách tấn!

Chiều hôm sau, sau buổi pháp thoại, đức Phật nói với Bhaddiya:

- Có phải thế không, này Bhaddiya! Đêm hôm qua, trong lúc thiền tọa, ông đã bất giác thốt lên:"Ôi! Hạnh phúc quá! Hạnh phúc quá!" Điều ấy là đúng sự thật hay không đúng sự thật?

- Quả đúng như thế, bạch đức Thế Tôn!

- Tại sao ông lại thốt lên cảm hứng ngữ như thế, hãy trình bày lý do ấy cho hội chúng cùng nghe!

- Bạch đức Thế Tôn! Hơn mười mấy năm làm tổng trấn, cai quản suốt cả vùng lãnh thổ phương Bắc Sākya, đệ tử đã từng thao thức trăn trở ngày đêm. Bên ngoài thì giữ yên lãnh thổ, đánh dẹp các toán thổ phỉ hung bạo; bên trong thì làm thế nào cho dân chúng có được cuộc sống bình yên, cơm no,

áo ấm! Tuy nhiên, giàu sang, phú quý và quyền lực có thể làm cho tâm địa con người dễ sinh ra hư hỏng; do vậy, thù trong, giặc ngoài làm cho đệ tử luôn luôn nơm nớp lo sợ mặc dầu quân túc vệ canh gác suốt ngày đêm! Kể cả các vị quan thân tín nhất cũng phải đề phòng! Phản trắc, láo lường, đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ của giới chức thuộc quyền không những có thể nguy hại đến tính mạng của đệ tử mà còn nguy khốn cho cả vương quốc! Sợ hãi, bất an là tâm lý thường trực! Phiền não, lo lắng, nghi kỵ luôn chập chờn trước mắt như một ám ảnh, ngày cũng như đêm!

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đi xuất gia không phải do tự nguyện mà dường như bị ép buộc bởi lời hứa với vương tử Anuruddha! Tuy nhiên, vì uy đức của Thế Tôn, vì giáo pháp nhiệm mầu mà đệ tử được nghe, vì cảm mến tâm hồn thánh thiện của Anuruddha nên đệ tử đã khẳng khái phất tay từ bỏ tất cả! Đêm hôm qua, giữa nửa khuya thanh vắng, đệ tử cảm nhận một sự thanh thản chưa từng có ở trong đời! Ngồi một mình, đệ tử thấy rõ, mình chẳng có gì để mất, chẳng có gì để sợ, chẳng có gì phải quan tâm, lo lắng, đề phòng! Hoàn toàn rỗng rang, thanh bình và tự tại! Với ý nghĩ như vậy, đệ tử đi vào thiền định một cách dễ dàng, đi vào các tầng thiền một cách ổn định, vững chắc! Thế rồi, các trạng thái hỷ, lạc, nhất tâm chúng tẩm mát, no đầy thân tâm của đệ tử làm cho đệ tử cảm nhận sâu sắc, tế vi, thậm mật hạnh phúc của thiền duyệt! Chính lúc ấy, không dừng được, đệ tử đã thốt lên cảm hứng ngữ kia, đã làm cho huynh đệ phiền lòng, làm cho đức Thế Tôn phải quan tâm, đệ tử cảm thấy mình có lỗi vậy. Kinh xin đức Thế Tôn và đại chúng cho đệ tử được sám hối!

Sau lời tự sự gan ruột của tỳ-khưu Bhaddiya, hội trường chợt yên lặng như tờ! Ai cũng nhìn vị cựu tổng trấn bằng tia mắt kính trọng và đầy thiện cảm!

Đức Phật mở lời tán thán:

- Ông hoàn toàn không có lỗi, mà ngược lại, câu chuyện

này cần phải được tán dương và kể lại cho nhiều người nghe! Để cho mọi người cùng thấy rằng: Quyền lực, danh vọng, địa vị chỉ đem đến lo lắng, sợ hãi, bất an và đau khổ! Và chỉ có đời sống khước từ, xả ly, vô sản, bần hàn, độc cư, thiền định mới đem đến an bình và hạnh phúc thật sự!

Thời gian sau, nhờ miên mật công phu, gia công thiền quán, tỳ-khưu Bhaddiya đắc được Tam minh, làm xong những việc cần phải làm của sa-môn hạnh! Trong lúc đó, tỳ-khưu Ānanda chứng được quả vị Nhập Lưu; tỳ-khưu Anuruddha có được Thiên nhãn thông; tỳ-khưu Kimbila và Bhagu đắc A-la-hán quả; tỳ-khưu Devadatta không đắc thánh quả nào nhưng lại đắc được Ngũ thông! Riêng tỳ-khưu Upāli, người thợ cạo không đắc được gì cả, nhưng luôn được đại chúng khen ngợi về oai nghi, cử chỉ; tôn trọng các điều học được chế định một cách nghiêm túc, không có một khiếm khuyết nào về giới hạnh!

Vậy là tất cả họ đã đặt được những bước chân an toàn và vững chắc trên mảnh đất của giáo pháp!

Thần Y
Jīvaka Komārabhacca

Yên tâm vì đại chúng bây giờ đã có hai vị đại đệ tử và các trưởng lão chăm sóc, hướng dẫn, đức Phật thường ôm bát ngoạn du đây đó. Nơi ngài thường đến ở trọn ngày là núi Linh Thứu hoặc các hang động sườn núi phía nam thành phố! Thường thì đức Phật hay đi một mình, tối, ngài dùng thần thông trở lại Trúc Lâm. Đôi khi mưa gió suốt mấy ngày, ngài cứ ở mãi trong các hang động, nhất là động Lợn Rừng, an hưởng định Diệt thọ tưởng. Có những ngày mát mẻ, chư tỳ-khưu các nơi tìm đến để nghe những pháp thoại ngắn gọn, đôi khi là cả một thời pháp dài!

Trên đường đi và về, lên hoặc xuống núi Linh Thứu, đức Phật thường nghỉ chân tại vườn xoài mát mẻ và xanh tươi ở bên vệ đường. Đấy là vườn xoài của vị lương y Jīvaka Komārabhacca nổi tiếng của kinh thành Rājagaha.

Đức Phật cố ý đợi chờ nhân duyên chín muồi để gặp gỡ một người, một nhân vật đặc biệt quan trọng. Đấy là đại danh y, là thần y Jīvaka Komārabhacca. Vả chăng, tăng chúng càng ngày càng đông, nhiều bệnh tật sẽ phát sanh, nếu không có một lương y giỏi thì sẽ trở ngại vô cùng cho sự tu học của họ.

Câu chuyện về Jīvaka Komārabhacca là như sau.

Cách đây hơn hai mươi năm về trước, tại kinh đô Rājagaha này có một cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn. Không biết bao nhiêu là vương tôn, công tử quý tộc say đắm tìm đến cận kề hoa nguyệt cùng hân thưởng tài nghệ cầm ca của nàng. Giá một đêm phong lưu là một trăm đồng tiền vàng Kahāpaṇa, người ta cũng không tiếc. Nàng tên là Sālavatī.

Rồi chuyện gì xẩy ra thì nó tự nhiên xẩy ra. Thời gian kia, cô kỹ nữ có thai. Sợ là sẽ bị ế khách, nàng tìm cớ cáo bệnh, trốn mọi người để dưỡng thai nhi. Đủ tháng đủ ngày, một đứa bé trai ra đời. Để cho rảh tay rảnh chân, cô kỹ nữ đã sai đặt đứa hài nhi trong cái giỏ tre rồi quăng bỏ tại một đống rác bên vệ đường.

Hôm ấy, hoàng thân Abhaya đi chầu vua từ sáng sớm, nhìn thấy một bầy quạ bu quanh chiếc giỏ thành một vòng tròn rất là lạ lùng, bèn cho quân hầu đến xem.

- Cái gì ở đó vậy?
- Là một đức trẻ, thưa hoàng thân!
- Thế nó còn sống không? Hoàng thân hỏi.
- Dạ, còn sống (Jīvati)! Quân hầu trả lời.

Sau khi biết là một hài nhi còn đỏ hỏn bị ai bỏ rơi, hoàng thân Abhaya tự nghĩ:"Đứa trẻ này được bầy quạ bảo vệ xung quanh thì quả là không đơn giản chút nào! Kiếp trước chắc nó đã từng bảo vệ sự sống cho nhiều người nên kiếp này, dù bị bỏ rơi bên đường, vẫn được đàn quạ bảo vệ sự sống? Biết đâu, nó là hiện thân của một nhân cách phi phàm?"

Thế rồi hoàng thân cho đem về cung, sai vú nuôi chăm sóc tử tế, nhân thể, do quân hầu bảo là còn sống (Jīvati) nên ngài đặt tên cho trẻ là Jīvaka. Cũng do được hoàng thân Abhaya quan tâm nuôi dưỡng nên mọi người gọi là Jīvaka Komārabhacca.

Lớn lên, Jīvaka đặc biệt thông minh, khôn ngoan nhưng ưu tư quá sớm. Nó đọc được từ trong đôi mắt của mọi người

nửa như thương cảm, nửa như kỳ thị; dường như nó không phải là dòng dõi vương giả, quý tộc! Nó nghi ngờ xuất thân của chính mình. Hôm kia, nó đánh bạo hỏi hoàng thân Abhaya:

- Ai cũng có mẹ, tại sao con lại không có mẹ? Mẹ con là ai, thưa cha?

- Ta cũng không biết! Hoàng thân Abhaya thành thật đáp - Nhưng ta rất thương con, ta xem con như con ruột vậy.

"Thế mình rõ là đứa con hoang! Jīvaka buồn rầu, tự nghĩ - Vậy mình không thể sống mãi trong cung phủ giàu sang, quý phái này với sự thương hại của mọi người. Phải tự lập! Phải kiếm một nghề để tự mưu sinh!" Vài năm sau, mặc dầu đang theo học lớp học của hoàng gia, Jīvaka không ngớt suy nghĩ để lựa chọn cho mình một nghề nghiệp mưu sinh thích hợp. Duyên đã đến, Jīvaka quen biết với một ông thầy thuốc thường hay đến chữa bệnh cho vương phủ. Vị ấy còn khiêm tốn nói là mình học nghệ chưa tinh. Rồi mách cho Jīvaka biết rằng, ở phương bắc, cách đây mấy trăm do-tuần, tại quốc độ Gandhāra, thủ đô Takkasilā có trường đại học y khoa nổi tiếng. Hãy chịu khó đến đấy học trong mười năm mới trở thành thầy thuốc giỏi được!

Chí đã quyết, Jīvaka dành dụm tiền bạc, trốn nhà ra đi. Dãi nắng dầm sương, lang thang lếch thếch, Jīvaka cũng tìm được nơi cần đến.

Vị giáo sư già sau khi nghe chuyện người học trò không có tiền đóng học phí, không có tiền ăn tiền ở, chẳng được ai giới thiệu, nhưng thấy y đôi mắt rực sáng, ý chí nghị lực ngời ngời bèn chấp nhận cho theo học với điều kiện là phải chăm lo việc củi nước, vệ sinh cỏ rác sân vườn!

Sụp lạy tri ân vị giáo sư già, Jīvaka hứa hoàn tất mọi công việc được giao phó, đồng thời sẽ chăm chuyên học tập. Và quả đúng như vậy, Jīvaka sớm trở thành một vì sao sáng, một người học trò kiệt xuất về trí tài cũng như về đức hạnh.

Vị giáo sư nào cũng ngạc nhiên về sự tiếp thu nhanh nhạy kiến thức chuyên môn của người học trò ưu tú; đồng thời, họ còn sững sờ, bàng hoàng vì những suy luận, những trực cảm bẩm sinh chính xác từng bệnh lý như ở trong gan ruột của người ta vậy. Phải nói là Jīvaka học một mà biết hai, biết ba. Thế là sau bảy năm học xong, học giỏi chương trình nội, ngoại khoa; sở đắc ưu việt nhất của chàng là chẩn bệnh, giải phẫu và bào chế dược thảo. Điều ai cũng kinh sợ và khâm phục người học trò này là trí nhớ; cả hằng ngàn cây thuốc, vị thuốc, tên gọi, dược tính... chàng thuộc nằm lòng, rồi còn nhận diện cây cỏ, rễ củ ngoài thiên nhiên chưa bao giờ sai trật.

Ngày mãn khóa, Jīvaka khiêm tốn hỏi thầy:

- Mới bảy năm, con ngại nghề thuốc chưa tinh...

Vị giáo sư già mỉm cười:

- Vậy con hãy cầm cái thuổng, từ đây đi ra phía ngoại ô Takkasilā, vuông vức chừng một do-tuần, nếu con thấy loại cây cỏ rễ củ nào không phải là thuốc thì con hãy đem nó về đây cho ta xem. Nhớ mang theo lương thực nhiều ngày!

Một tuần lễ sau, Jīvaka thất thểu trở về:

- Bạch thầy, con đã rất công phu tìm kiếm, nhưng chẳng thấy một cây cỏ nào không được gọi là dược phẩm; cái gì cũng là thuốc cả, thưa thầy!

- Đúng vậy, này con yêu! Nghệ của con đã tinh rồi đấy!

Trìu mến nhìn người học trò trí tài nhưng khiêm nhu, hiền thiện, vị giáo sư già lần lưng lấy mấy đồng tiền vàng tặng làm lộ phí, với lời khuyến hóa sau cùng:

- Làm thầy thuốc giỏi phải có lương tâm nghề nghiệp; phải yêu bệnh, yêu người, yêu chúng sanh như bà mẹ hiền với đứa con một vậy, hãy ghi nhớ điều ấy!

Đường trở lại quê nhà xa xăm diệu vợi. Mới đi được gần hai phần đường thì lộ phí đã hết sạch sành sanh; nhưng Jīvaka không lo, chàng sẽ tìm cách chữa bệnh cho ai đó để

kiếm chút lương thực đi đường.

Tại thị trấn Sāketa, có phu nhân của một vị triệu phú mang bệnh đau đầu đã bảy năm, không thầy thuốc nào chữa trị được; bao nhiêu vàng bạc châu báu lần lượt đội nón đi theo những ông thầy từ phương này sang phương khác. Jīvaka đứng giữa phố đông, cất giọng lớn:

- Tôi là thầy thuốc đây! Có ai trong thị trấn này cần chữa trị những căn bệnh hiểm nghèo không?

Người ta mách chỗ ông triệu phú, Jīvaka tìm đến. Thấy chàng trẻ quá, không ai tin. Sau rốt, Jīvaka thuyết phục là hãy chữa bệnh cho lành trước đã, còn tiền bạc chút ít chi đó, tính sau.

Sau khi quan sát sắc diện, bệnh tình (cũng vọng, văn, vấn, thiết như Trung y vậy); Jīvaka chỉ xin chừng năm bảy muỗng bơ lỏng hòa với một số dược thảo mang sẵn rồi tìm cách cho đổ vào đường mũi, thông qua miệng phu nhân; chàng tự tin, nói:

- Chứng đau đầu sẽ dịu ngay tức khắc thôi mà!

Phu nhân triệu phú thấy bơ tràn miệng, bèn nhổ bơ ấy vào vật đựng, căn dặn người tớ gái:

- Con hãy thu hồi bơ lỏng nầy bằng cách lọc qua một lớp bông gòn. Nó có thể dùng để thoa chân hoặc đốt đèn còn được đấy!

Jīvaka nghe vậy, rầu rầu nghĩ bụng:"Ôi thôi, chẳng nước non gì! Cho chí chút bơ bỏ đi ấy mà bà này còn tìm cách sử dụng, thiệt là kiết cóp vắt chày ra nước; mình còn hy vọng gì một chút công lao còm cõi nhỉ?"

Bà triệu phú vừa được chữa trị xong, cảm giác cái đầu nhẹ hẫng, sự đau đớn bảy năm trường, thoáng chốc đã tiêu tan, cứ ngỡ như giấc mộng. Sung sướng quá, bà ngồi dậy, nụ cười rạng rỡ:

- Hết đau đầu rồi! Đúng là phước quả bảy đời mới gặp được vị thần y trẻ tuổi nầy. Quản gia đâu, hãy đền trả công

ơn một cách hậu hĩnh, không dám nói là thù lao, cho vị ân nhân của chúng ta.

- Bao nhiêu thưa nữ chủ?

- Bốn ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa!

Jīvaka giật thót mình, tự nghĩ:"Hóa ra không phải là bà ta hà tiện, quả mình đã hiểu lầm. Các bậc triệu phú họ thường tiết kiệm, nhưng khi cần, họ rất hào phóng, rộng rãi nữa là khác".

Sau đó, cả nhà vui mừng đổ xô lại. Con trai, con dâu cảm kích, vét hết tiền tích cóp để dành, biếu thêm tám ngàn, mừng cho mẹ mình đã lành. Ông triệu phú hể hả thưởng bốn ngàn, tặng thêm một chiếc xe ngựa, một tớ trai, một tớ gái nữa để trả công lao trời biển.

Về đến vương phủ, việc đầu tiên, chàng tìm gặp hoàng thân Abhaya, xin ông tha thứ cho lỗi lầm là bỏ nhà ra đi không xin phép, lý do là muốn tự lập nghiệp mưu sinh. Rồi chàng kể lại sự chăm chuyên học tập trong bảy năm qua, những gian lao, khổ nhọc như thế nào...

- Và đây là thành quả của con, thưa cha! Jīvaka vập đầu nói - Con đã chữa trị được một căn bệnh hiểm nghèo chỉ với một chút bơ và một ít thuốc bột con đã tự pha chế. Phần thưởng của gia chủ: Mười sáu ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa, chiếc xe ngựa, tớ trai, tớ gái, con xin dâng hết cho cha như là lòng thành sám hối vậy!

Hoàng thân Abhaya không những không chấp mà còn thành thật mừng vui cho chàng, ông nói:

- Con đã thật sự khôn lớn, trưởng thành, này Jīvaka! Ta đã tha thứ cho con rồi! Con hãy sử dụng số vàng ấy để mua một khu vườn, làm một căn nhà, sau đó, dùng nghề nghiệp chơn chánh của mình để giúp đời, cứu người!

Lúc bấy giờ, đức vua Seniya Bimbisāra mắc bệnh âm sang, tức là một loại mụt nhọt cứ rò rỉ hoài mủ và máu (bhagandalābādha) rất khó chịu. Các lớp vải choàng vừa

mới thay liền bị lấm lem máu mủ. Các vương phi được vua sủng ái được dịp chọc ghẹo vui: "Lúc này, chúa công đã đến kỳ kinh nguyệt, rồi cũng sẽ sinh con như chúng thiếp vậy!" Các quan ngự y dẫu đã dùng phương này và thuốc khác nhưng thảy đều vô năng! Đức vua rất hổ thẹn, tâm sự điều ấy với hoàng thân Abhaya. Sau đó, Jīvaka được gọi vào cung; rồi chỉ với một ít thuốc bột giấu ở những đầu móng tay, chàng đã làm cho những mụt nhọt bất trị ấy đều khô mủ và máu, ít hôm là lành hẳn.

Xiết bao cảm kích, đức vua cho mở kho châu báu, gọi năm trăm cung nga thể nữ trang điểm đầy đủ lên đầu tóc, cổ và tay của mỗi người. Tổng cộng số nữ trang ấy chính là phần thưởng mà đức vua hiến tặng cho vị thần y.

Jīvaka nhìn đống châu báu, tâm không động, chàng nói:

- Hạ thần không dám thọ nhận số châu báu vượt ngoài khả năng tài nghệ có được. Chỉ xin đại vương ban cho một chức tước xứng hợp với nghề nghiệp nuôi mạng của mình là tốt rồi!

Nghe nói vậy, đức vua càng sinh tâm quý trọng, bổ nhiệm cho chàng được làm quan, đứng đầu các quan ngự y, nhận bổng lộc của triều đình. Từ đây về sau, Jīvaka chỉ có nhiệm vụ săn sóc sức khỏe cho đức vua, hoàng hậu, vương phi, thái tử, công chúa; và sau này còn có thêm đức Phật và Tăng chúng ở Trúc Lâm tịnh xá mà đức vua rất tôn phục và kính trọng. Tuy nhiên, cũng có khá nhiều trường hợp đặc biệt, Jīvaka phải chữa bệnh cho một số đối tượng khác.

Viên thị trưởng kinh thành Rājagaha có người bạn thân là một gia chủ đại triệu phú, đau đầu đã mấy năm, tất cả mọi thuốc thang đều bất lực. Gần đây nhất, sau khi thăm bệnh, một vị lương y nổi danh từ chối vàng bạc, không dám chữa trị, vì thấy rõ, trong năm ngày nữa, gia chủ sẽ chết. Vị lương y nổi danh khác, cũng từ chối, bảo rằng, bảy ngày nữa gia chủ sẽ chầu trời! Tin đồn vị tân quan ngự y trẻ tuổi chữa

bệnh cho vua như thần đến tai viên thị trưởng. Thương bạn, vả, còn nước còn tát, viên thị trưởng vào khẩn cầu đức vua, nhắc đến công đức của vị gia chủ đại triệu phú đối với kinh thành bấy nay, nhất là đối với người nghèo, mong vua thương tình cho phép quan ngự y chữa trị cho.

Jīvaka được lệnh vua, cụ bị y dụng cùng một số thuốc gói, bột, hoàn bỏ vào tay nải đến nhà người bệnh. Sau khi xem xét, hỏi han bệnh tình, lắng nghe diễn biến bệnh cùng cách chữa trị của các thầy thuốc trước đây, Jīvaka nói:

- Không phải là vô phương cứu chữa đâu, bệnh có thể lành được, thưa gia chủ, nhưng với một số điều kiện hơi khó khăn...

Vị đại triệu phú đôi mắt sáng rỡ:

- Nếu lành được, điều kiện gì tôi cũng xin khứng chịu.

Vì muốn thử lòng, Jīvaka hỏi với nụ cười nhẹ:

- Ví dụ thù lao?

Ông đại triệu phú khẳng khái nói:

- Tất cả tài sản, ruộng vườn, vợ con, tôi tớ... gì cũng được hết, nếu bệnh lành.

- Thôi, chuyện tiền bạc để đấy đã. Việc này mới quan trọng: Gia chủ có đủ sức chịu đựng không? Ví dụ như gia chủ có thể nằm một bên hông trong suốt bảy tháng chăng?

- Nếu lành bệnh được, tôi sẽ cố gắng!

- Chưa hết đâu. Còn hông bên kia nữa, cũng phải nằm yên bảy tháng như thế.

- Tôi cũng có thể.

- Còn nữa! Chàng tiếp lời - Gia chủ còn phải chịu khó nằm ngửa bảy tháng nữa, được không?

- Được!

Jīvaka đưa lên một ngón tay:

- Giữ lời hứa đấy nhé!

- Xin vâng!

Giao kèo, cam kết như vậy xong, Jīvaka mời tất cả mọi

người ra ngoài, chỉ giữ lại người con trai của gia chủ, nhờ lấy dây cột chặt chân tay của người bệnh xuống giường. Sau khi cho bệnh nhân uống một loại thuốc chống giảm đau, Jīvaka lấy y cụ gồm dao, kéo, kim chỉ, sát trùng chúng cũng bằng một loại thuốc nước. Nhờ người con trai giữ chặt đầu, Jīvaka lấy con dao giải phẫu, rạch làn da đầu, đưa con dao tách một góc sọ não. Do máu chảy, chàng gảy một đầu móng tay, một loại phấn vàng bay ra, cầm máu tức khắc. Lách cây kìm, nâng võ não, nhìn sâu vào phía bên trong, chàng lấy một cây kìm khác, nhọn và dài, lần lượt gắp ra hai con sâu lăn tăn, một to một nhỏ. Rất thiện xảo, rất nhanh nhạy, Jīvaka cho khép hai mảnh sọ lại, bôi vào đấy một loại thuốc mỡ; lật làn da đầu trở lại y cũ rồi lấy kim chỉ khâu lại vết thương, bôi thêm một lần thuốc mỡ nữa. Tay rửa máu me xong xuôi, chàng lấy cây kim nhỏ chỉ vào con trùng lớn, nói:

- Bậc danh y thứ nhất nói, gia chủ năm ngày nữa sẽ chết, vị ấy đã nói đúng, vì con trùng lớn này, năm ngày nữa là nó sẽ đục khoét vào tận trung khu não bộ. Rồi chàng chỉ vào con trùng nhỏ hơn, nói tiếp - Bậc danh y thứ hai nói bảy ngày nữa gia chủ sẽ quy tiên, cũng đúng luôn; vì con trùng nhỏ này, bảy ngày nữa mới ăn tới tâm não...

Mọi người đã được phép vào thăm. Sau khi thấy, nghe mọi sự, ai cũng kinh dị.

Có người hỏi:

- Thầy có biết tại sao có hai con trùng lại nằm trong não?

Jīvaka nói:

- Cách đây chừng bốn năm, có lần ông đại triệu phú cỡi ngựa, bị té, đầu va đập vào chân ngựa, có hai con trùng từ nơi lông ngựa đã bám vào chân tóc, rồi chúng đi lần vào bên trong, xuyên vỏ não rồi ăn dần vào não. Đây là trường hợp hy hữu.

- Đúng thế! Con trai triệu phú xác nhận - Sau lần té ấy, non một tháng sau là cha tôi mắc chứng bệnh đau đầu.

Jīvaka giải thích:

- Bệnh gia tăng chậm, nhưng càng theo thời gian, càng đau nhức dữ dội vì càng lúc càng đi sâu vào não!

- Đúng thế! Con trai triệu phú lại gật đầu - Đến năm thứ tư nầy thì dường như không còn chịu nổi!

Jīvaka đều đều tiếp:

- Mỗi tháng chỉ có tám lần đau. Vì nửa tuần trăng, mỗi con trùng chỉ ăn hai lần no, sau đó chúng nằm ngủ. Khi chúng ngủ thì bệnh nhân yên hàn vô sự!

Mọi người kính phục quá, tán thán:

- Ôi! Đúng là có thần y xuất hiện trên đời rồi!

Bệnh nhân đang nằm ngủ yên, người quay về phía hông mặt. Jīvaka bảo với mọi người trong gia đình:

- Phải làm sao giữ yên tư thế nằm như vậy trong bảy tháng mới lành bệnh được. Chỉ nên cho ăn cháo gạo lứt loãng và muối trộn mè đen cùng với số thuốc tôi đã bào chế sẵn.

Jīvaka chào mọi người, ra về. Bảy ngày sau, chàng trở lại thăm bệnh nhân. Vị gia chủ than phiền:

- Tôi chết mất, thầy thuốc ơi! Tôi chẳng thể nào nằm như thế này trong bảy tháng được!

- Vậy tại sao gia chủ lại hứa? Ngài nuốt lời sao?

- Thật không dám thế. Nhưng tôi đã không thể chịu đựng được nữa rồi!

Trầm ngâm một chút, Jīvaka chợt gật đầu, có vẻ thông cảm:

- Thôi được! Vậy gia chủ có thể nằm nghiêng phía hông trái bảy tháng vậy.

Người con trai thay đổi thế nằm cho cha, Jīvaka đưa thêm một số thuốc đã bào chế rồi ra về.

Bảy ngày sau, đến thăm, bệnh nhân lại áo não than phiền

là cũng đã hết sức chịu đựng, Jīvaka giả vờ cau mày một lát, sau đó, đồng ý cho nằm ngửa nhưng cũng phải bảy tháng.

Bảy ngày nữa, Jīvaka lại ghé thăm, gia chủ đại triệu phú lại than phiền như cũ, chàng cáu gắt:

- Chẳng lẽ nào cả ba lần ngài đều thất hứa mà không hổ thẹn?

Vị đại triệu phú quay mặt ngoảnh đi, trông bộ dạng rất tội nghiệp. Chợt nhiên, Jīvaka cười ha hả, nói lớn:

- Thôi, ngồi dậy đi, ngài hoàn toàn lành bệnh, khỏe mạnh rồi đấy!

Nghe thế, nửa tin nửa ngờ, vị đại triệu phú từ từ ngồi dậy, nhè nhẹ đưa tay sờ đầu thì thấy mọi vết cắt trên não đã liền lạc như cũ, chẳng còn đau đớn gì nữa; ông cảm giác sung sướng, nhẹ bưng, thần hồn như bay tít lên tận thiên đường. Nhưng ông còn bàng hoàng, ngạc nhiên:

- Thầy bảo bảy tháng, bảy tháng, bảy tháng... nhưng rõ ràng là mới có hai mươi mốt ngày?!

- Phải, tôi phải nói như vậy. Tôi biết chỉ cần hai mươi mốt ngày là vết thương sẽ liền da, nhưng phải cam kết khó khăn nhiều tháng như thế, ngài đại triệu phú mới chịu nằm yên được đúng với thời gian yêu cầu chứ!

Xiết bao cảm kích, cả gia đình sụp xuống lạy tạ, tri ân. Jīvaka lấy tay ngăn lại, chàng nói:

- Đừng làm tôi tổn thọ. Bây giờ, ngài đại triệu phú trả thù lao cho tôi như thế nào đây?

- Tất cả tài sản đều là của thầy; và tôi, vợ con tôi sẽ làm tôi làm tớ cho thầy!

Ân cần nắm tay vị đại triệu phú, chàng nói:

- Tôi biết ngài sẽ giữ chữ tín, nhưng không cần thiết phải như vậy. Nghe nói, ngài có công đức rất lớn đối với nhân dân nghèo khổ trong kinh thành này; với nhân quả ấy, lý ra tôi không dám đặt vấn đề thù lao. Tuy nhiên, tôi bây giờ là người của đức vua, đang phụng sự cho đức vua; vậy ngài

hãy dâng biếu đức vua cái gì đó và tặng tôi cái gì đó như vật kỷ niệm là đủ rồi. Sống với nhau còn có cái tình, cái nghĩa nữa chứ!

Cả nhà cảm động đến nghẹn ngào, rưng lệ. Sau đó, để biểu tỏ tấm lòng với vị vua nhân đức cũng như với chàng trai tốt bụng, vị đại triệu phú bắt ép chàng phải nhận trăm ngàn đồng tiền vàng Kahāpaṇa và đức vua cũng bằng chừng ấy ngân lượng.

Thế là danh tiếng của vị thần y tràn qua các vương quốc, tiểu quốc. Một vị triệu phú ở Bārāṇasī có người con trai thường hay chơi trò nhào lộn nên bị xoắn ruột. Suốt một thời gian dài không thể nuốt vào một chút cháo, một chút nước, lại còn bí cả đường đại tiểu tiện. Nhìn đứa con trai xanh xao, gầy ốm, chỉ còn trơ xương, chết dần chết mòn; và rồi thầy thuốc nào cũng bỏ chạy, vị triệu phú thở vắn, than dài. Hôm kia, danh tiếng của Jīvaka tràn đến thành phố này; vị triệu phú hối hả thắng ngựa, tìm đến kinh đô Rājagaha, nước Māgadha, vào tận vương cung, khẩn thiết vập đầu xin đức vua cứu cho con trai thân yêu của mình. Thấy cũng thương tình, đức vua Seniya Bimbisāra cho gọi Jīvaka đến.

- Thế nào, ngài trưởng ngự y? Bệnh như thế có cứu được không?

Jīvaka cẩn trọng hỏi han bệnh tình, rồi đáp:

- Có lẽ dễ thôi, tâu đại vương! Nhưng phải quan sát, xem xét tận mắt mới quyết chắc, mấy ngày, vị công tử kia mới ăn uống bình thường trở lại.

Vị triệu phú thở dài, nhẹ nhõm.

Thế rồi, Jīvaka lại theo xe về Bārāṇasī. Quan sát người bệnh một hồi, Jīvaka mời mọi người ra ngoài, kéo màn cửa che kín, chỉ giữ lại người vợ để nhờ phụ giúp một tay. Cũng tương tợ lần trước, Jīvaka bảo người vợ cởi áo cho thanh niên, rồi lấy dây buộc chặt chân, tay, đùi, ngực... vào cột nhà, chỉ chừa cái bụng trắng hếu. Soạn y cụ, lấy thuốc bôi

làn da bụng, cho bệnh nhân uống một loại thuốc rồi xắn tay cầm con dao giải phẫu sắc lẻm, sáng lấp lánh. Người thanh niên và bà vợ tái mặt, run , sợ hãi...

Jīvaka mỉm cười trấn an:

- Tôi cho uống thuốc giảm đau rồi, chỉ như kiến cắn, đừng sợ! Còn nhanh hơn mổ gà, mổ vịt nữa đấy!

Rồi với bàn tay thiện xảo, Jīvaka nhẹ nhàng đưa lưỡi dao xuyên làn da bụng, rạch sâu một đường, vừa đủ cho bàn tay lọt vào. Tự nhiên như nhiên, vừa cười vừa nói, chàng thò tay vào bên trong lôi nắm ruột ra; rồi vừa đưa tay chỉ vừa giải thích cho người vợ trẻ:

- Hãy xem chùm ruột của tướng công bà! Đây này, nó xoắn lại như sợi dây thừng như thế này thì làm sao chảy trôi, thông thuận được nước hồ, nước cháo! Nó xoắn nhiều vòng như thế này thì làm sao mà đại tiểu tiện? Chưa chết là may lắm rồi đó!

Vừa nói, vừa chỉ trỏ, vừa đưa những ngón tay khéo léo như ảo thuật sắp xếp lại từng khúc ruột trên dưới cho đúng vị trí rồi đặt trở lại vào bên trong. Rồi, những ngón tay như có con mắt, không phí một sát-na nào, chàng lấy kim chỉ khâu vết thương, bôi một lớp thuốc mỡ bên ngoài, lau máu, lau tay sạch sẽ.

- Xong rồi đấy! Chàng nói - Nhờ bà chị làm phiền cởi dây trói, mặc áo lại cho công tử.

Khi mọi người được phép vào thăm thì Jīvaka đã đặt cho thanh niên nằm yên trên giường, chàng nói:

- Phải được giữ yên như thế, quan trọng nhất là vị trí cái bụng, đừng cho xê dịch! Chỉ nên cho ăn cháo loãng ba ngày, cháo đặc ba ngày; ngày thứ bảy ăn cơm được; và như thế có nghĩa là có thể trở lại sinh hoạt bình thường. Còn cái trò chơi lộn nhào kia thì khuyên công tử phải bỏ hẳn đi, tái phạm, tôi không cứu nữa đâu!

Rồi chẳng khách sáo gì, Jīvaka nhận lãnh mười sáu ngàn

tiền thưởng, về lại kinh đô với công việc cũ của mình...

Và còn nữa, còn nữa, không biết bao nhiêu huyền thoại, giai thoại, truyền thuyết về ông quan ngự y Jīvaka! Đôi khi biết là tánh mạng của mình bị đe dọa mà chàng vẫn cứ cứu người, như trường hợp sau đây.

Đức vua Pajjota nước Ujjenī nổi tiếng độc ác, bạo tàn nên được gọi là Caṇḍappajjota[1] bị bệnh vàng da, nhưng các quan ngự y của vua bó tay bất lực. Phần thưởng nghìn vàng vẫn còn treo lơ lửng ở đấy, nhưng chẳng có danh y nào dám thò tay nắm lấy. Danh tiếng thần y Jīvaka Komārabhacca hôm kia bay đến tai vua. Với lễ vật trọng hậu, một đoàn sứ giả thắng xa mã lên đường, bệ kiến đức vua Seniya Bimbisāra, quỳ lạy khẩn thiết, xin cho quan ngự y cứu đức vua của họ.

Đức vua Seniya Bimbisāra lẳng lặng không hứa khả điều gì, sau đó, hẹn ba ngày sẽ trả lời.

Gọi Jīvaka đến, vua hỏi:

- Học thuốc, khanh tâm đắc y thuật hay y đạo?

Nghe câu hỏi nặng tợ ngàn cân, Jīvaka giật thót mình, tuy nhiên, chàng trấn tĩnh rất nhanh.

- Tâu đại vương! Thuật hay đạo cũng đều là y cả. Sở dĩ gọi thuật là vì phải dùng phương, dùng thuốc để đối trị, bổ tả hay công thủ tùy nguyên nhân bệnh lý, cơ địa, mùa tiết... Nói cách khác, thuật, nó biến hóa vô cùng, vô biên giới nhưng đều gặp nhau một điểm là sử dụng ngoại công để trị liệu.

- Thế còn đạo?

- Đạo là tự mình cứu mình, tự mình chữa trị cho mình, không dùng ngoại công, chỉ sử dụng nội công, nội thủ...

- Trẫm hiểu! Nhưng cao nhất, tối thượng nhất của nội công, nội thủ là gì?

---

[1] Caṇḍa là dữ tợn, bạo tàn, hung dữ...

- Dạ thưa, là không làm gì cả, chỉ chú trọng hít thở để điều khí, điều tâm...

Đức vua chợt cười ha hả:

- Cái ông thầy thuốc con nít này nói cứ y như đức Phật nói vậy.

Jīvaka ngạc nhiên:

- Hạ thần đã nghe danh tràn tai về sự sâu nhiệm của tư tưởng cũng như giáo pháp của đức Phật ấy, tiếc là chưa có dịp diện kiến. Rồi hạ thần sẽ tìm gặp. Tại sao có sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa y đạo và giáo lý thoát khổ, kỳ lạ đến vậy.

Trầm ngâm một lát, đức vua hỏi tiếp:

- Cứu người, có phân biệt người ấy là tốt, là xấu, là thiện, là ác không, hở Jīvaka?

- Dạ thưa không! Chỉ có bệnh, nguyên nhân bệnh, phải chẩn trị cho hết bệnh với phương dược tùy nghi thế nào đó, tâu đại vương! Trong con mắt và trong cái tâm của người thầy thuốc, là không có người mà chỉ có bệnh!

- Nữa! Đức vua lại cười - Lại nói giống ông Phật con nữa rồi!

Cứ để cho Jīvaka thắc mắc, đức vua không giải thích, ngài kể lại cho chàng nghe về việc thỉnh cầu chữa bệnh của đức vua Pajjota, nước Ujjenī, vốn là một kẻ độc ác, bạo tàn. Đến chữa bệnh cho ông ta thì sống chết khó lường. Tuy nhiên, cái sự việc ấy, nhận hay không nhận, đức vua để cho Jīvaka tự do quyết định.

Rất tri ân đức vua đã có sự tôn trọng phải lẽ, Jīvaka muốn thử tài nghệ của mình, sau khi hứa với đức vua là sẽ rất cẩn trọng, sẽ rất thận trọng!

Nhìn thần sắc, tướng mạo của đức vua Pajjota, Jīvaka, biết rõ bệnh và biết rõ cả tâm địa, chàng nói:

- Đơn giản thôi, tâu bệ hạ! Nhưng chữa lành rồi, bệ hạ sẽ tái phát trở lại!

Vua Pajjota trợn mắt:

- Tại sao?

Jīvaka bạo gan, ướm thử:

- Bệnh của bệ hạ là do gan nóng, khô; gan nóng, khô lại là do bệ hạ uống nhiều rượu, hay nóng nảy, hay giận dữ... Hạ thần còn ngại rằng, không chỉ có vàng da mà khí nóng cứ mãi bốc lên làm cho đôi mắt càng ngày càng yếu, càng mờ đi; biến chứng có thể dẫn đến mù mắt!

Vua Pajjota thấy ông thầy thuốc nói đúng từ bên trong ra bên ngoài, việc mắt mờ cũng đã lờ mờ xuất hiện nên cứ hầm hừ, ầm è trong cổ họng; lát sau, ông mới nói:

- Cứ chữa lành bệnh cho ta đi, tái phát thì ta chịu, ngươi là thầy thuốc mà sao lắm lời đến thế, còn dạy khôn, dạy ngoan người ta nữa!

- Nhưng thưa bệ hạ, thần nói đúng chứ?

- Đúng!

Jīvaka không dừng lại, chàng tiếp:

- Vậy thì nhất định là hạ thần sẽ chữa lành! Thuốc quý hiếm cả hằng trăm loại, hạ thần đi kiếm được, nhưng khó nhất là nước dẫn...

- Nước dẫn gì?

- Dạ thưa! Chàng chọc tức - Nước uống để dẫn thuốc đi, ví dụ như nước tiểu bò, nước tiểu khỉ...

- Ta sẽ chém đầu ngươi!

- Vậy thì nước ao hồ, nước cống rãnh?

- Ngươi không muốn sống nữa à?

Chợt Jīvaka cười ha hả:

- Sau khi lành bệnh, một năm sau bệ hạ mới tái phát. Càng giận dữ chừng nào thì thời gian tái phát càng nhanh. Hạ thần muốn chọc giận bệ hạ, xem thử bệ hạ giận dữ đến cái cỡ nào, hóa ra còn có thể chữa trị được!

Nói thế xong, Jīvaka chậm rãi tiếp lời:

- Thôi! Hạ thần sẽ dùng nước bơ lỏng để làm thuốc dẫn

vậy!

Đức vua chợt giận dữ, vùng đứng dậy, quắc mắc:

- Đấy là thứ mà ta rất cấm kỵ. Ta rất ghét. Ngươi mà sử dụng bơ lỏng, ta sẽ cho chặt ngươi làm ba khúc.

Jīvaka nghe ớn lạnh cả xương sống. Lát sau đã tìm ra giải pháp, chàng nói:

- Vậy thì bệ hạ có dùng nước cam, vị cam, hương cam chăng?

- Ừ, cái thứ đó thì được!

Ngẫm nghĩ một hồi, đã có kế, chàng bèn đưa ra điều kiện:

- Trong thời gian chữa trị, hạ thần cần đi tìm kiếm gấp rất nhiều loại thuốc quý hiếm xung quanh núi rừng ngoại ô kinh thành; vậy đức vua hãy cho phép hạ thần được tự do ra vào các cổng thành bất cứ lúc nào; sử dụng bất cứ phương tiện nào được xem là thuận lợi nhất, nhanh nhất, cũng vì lợi ích tối thượng cho bệ hạ!

Đức vua gật đầu:

- Điều kiện ấy thì ta chấp thuận, ta sẽ thông báo tức khắc. Nếu cần, ta còn cho phép ngươi sử dụng cả con voi thần Bhaddavatikā có thể đi năm mươi do-tuần trong một ngày.

Sau ba ngày công phu chế biến các loại dược thảo, trộn lẫn hương cam, vị cam trong một bát thuốc, Jīvaka dâng lên đức vua:

- Ngài uống bát thuốc này xong thì sẽ đổ mồ hôi, ấy là triệu chứng giải độc đấy, sau đó nên nằm ngủ một lát. Bây giờ hạ thần xin cáo lui!

Ra khỏi cung điện, Jīvaka thăm hỏi đường đến trại nuôi voi, vừa đi vừa nghĩ: "Phương thuốc này duy nhất có hiệu quả, là lấy bơ lỏng làm nước dẫn; vì đức vua có ác cảm với bơ nên ta đã dùng vị cam, hương cam đánh bạt mùi vị bơ đi. Nhưng khi thuốc tiêu hóa vào bao tử, vào đường ruột, bơ bị

đốt cháy sẽ sinh ra ợ hơi. Do ợ hơi, vua sẽ biết đấy là bơ chứ không phải cam. Độc ác, bạo tàn, độc đoán là bản tính cố hữu của ông ta; nghịch ý ông ta thì mình sẽ bị chém đầu, không chỉ là lời hăm dọa suông đâu. Vậy, bây giờ, tốt nhất, muốn bảo vệ cho cái tính mạng sâu kiến nhỏ nhoi của mình, ta sẽ chuồn nhanh qua bên kia biên giới!"

Viên quản tượng đã có lệnh của đức vua khi biết đây là viên ngự y lừng danh, nên sẵn sàng trao voi thần, còn tìm cách chỉ bày cặn kẽ cách khiển voi, trị voi nữa!

Ngủ đẫy một giấc, thức dậy, đức vua ợ hơi và cảm nhận mùi bơ nồng nặc, rất khó chịu; ông hét toáng lên:

- Quân bây đâu! Tên thầy thuốc xảo trá đâu rồi? Nó dám cho ta uống bơ lỏng! Hãy gọi y đến đây gấp cho ta trị cái tội hỗn láo!

- Tâu bệ hạ! Quan cận vệ hớt hãi - Ông thầy thuốc ấy đã phi vun vút ra khỏi cửa cung bằng con voi thần Bhaddavatikā mất rồi!

Đức vua mắt trợn ngược, vỗ long sàng, quát lớn:

- Phải chém, phải chặt thành bảy khúc cái tên thầy thuốc nghịch tặc ấy! Hãy gọi nam nô lệ Kāka thân yêu của ta đến đây!

Thanh niên Kāka nô lệ của vua vốn là dòng dõi phi nhân, có thể chạy nhanh như gió, mỗi ngày chạy được sáu mươi do tuần, hơn cả voi thần, nghe vua gọi liền đến trình diện.

- Ngươi hãy ra sức thần võ! Vua phán - Đuổi bắt tên thần y quỷ quyệt ấy về đây cho ta, sẽ được trọng thưởng ngàn vàng. Nhưng hãy ghi nhớ điều này, ngươi đừng nhận bất kỳ thứ gì mà hắn giả vờ thân thiện trao cho; ở nơi móng tay, móng chân của hắn, xem chừng, chỗ nào cũng phục kích sẵn thuốc độc cả đấy!

Kāka cúi đầu vâng dạ, lời vừa dứt thì cái bóng đã loang loáng ngoài xa, rồi sau đó, đôi chân thoăn thoát của hắn

dường như lướt trên đầu cỏ. Giữa đường, gần thành phố Kosambī, thanh niên nô lệ Kāka gặp Jīvaka Komārabhacca đang nghỉ chân ăn uống nơi chiếc quán bên vệ đường.

Kāka lễ phép nói:

- Thưa thầy, đức vua bảo, kẻ nô lệ nầy phải bắt dẫn thầy trở về!

Jīvaka đã nghe danh tên nô lệ nầy rồi, biết sự việc gay cấn rồi, nhưng chàng giả vờ phớt lờ như không có chuyện chi:

- Ta biết. Nhưng này chú em, hãy chờ cho ta ăn chút gì đã chứ! Chú em cũng ăn đi!

Kāka thật thà:

- Kẻ nô lệ nầy không được phép thọ nhận bất kỳ thứ gì từ nơi ông thầy thuốc cả!

Lúc ấy, Jīvaka đã ăn xong, rồi rất nhanh, rất thiện xảo, chàng gảy nhẹ móng tay, thế là một ít bột thuốc nâu vàng đã bay sang trái cây Amalaka. Chàng cầm một trái ăn và uống nước.

- Chú em cũng nên ăn trái cây và uống nước rồi hẳn lên đường!

Thanh niên nô lệ Kāka chất phác suy nghĩ:"Thầy thuốc không trao gì, ta không nhận gì. Chỉ ăn trái cây trên bàn và uống nước. Việc này chẳng có gì là sai trái cả." Bèn vô tư thò tay cầm một trái...

Vừa cắn một miếng, vừa nhai tí chút, nô lệ Kāka đã xây xẩm mặt mày, tay chân bủn rủn mất hết khí lực, y ngây dại đưa mắt nhìn Jīvaka, nói thều thào:

- Kẻ nô lệ tội nghiệp nầy có còn được mạng sống không, thưa thầy?

Jīvaka vỗ vỗ vai hắn, thân mật, mỉm cười:

- Chú em là người tốt, ta không hại mạng sống của chú em đâu! Thuốc này chỉ để chú em thong thả ngồi đây chơi chỉ mấy khắc thời gian thôi, đủ để cho ta qua khỏi bên kia

biên giới. Sau khi cử động chân tay được rồi, chú em hãy ăn một bụng no, khỏi phải trả tiền cho chủ quán. Con voi Bhaddavatikā ta cũng đã cho ăn no phành bụng, hãy mang nó về trả lại cho đức vua. Ta cũng nhờ chú em nói lại với ông vua rằng, tên thầy thuốc xảo quyệt Jīvaka luôn luôn đầy sẵn một bụng mưu ma, chước quỷ để đối phó với quỷ ma hung dữ; nhưng hắn chưa hại ai, hắn chữa bệnh như thần!

Thế rồi, khi an toàn về lại Rājagaha, Jīvaka kể lại mọi chuyện cho đức vua Seniya Bimbisāra nghe, ngài cười ha hả:

- Tuyệt lắm! Này Jīvaka! Mưu kế ấy tuyệt lắm! Đáng ghét thay cái loại người độc ác! Vua chợt ngẫm ngợi rồi tò mò hỏi - Nhưng bát thuốc đánh tráo hương, đánh tráo vị ấy, cái tên vua xấu xa, đê tiện kia có lành bệnh chăng?

- Chắc chắn chứ, lành hẳn chứ, tâu bệ hạ hiền đức! Thần đã nói là chỉ thấy bệnh, không thấy người kia mà!

Mấy ngày sau, bệnh vàng da của đức vua đã đổi sắc, ngày một hồng hào, ăn ngon, ngủ khỏe, đức vua vô cùng tri ân ông thầy thuốc giảo hoạt, cứng đầu, nhiều mưu kế, nhiều thủ đoạn khó lường. Nói chung là giỏi, rất giỏi... đáng khâm phục, đáng ngưỡng mộ! Càng nghĩ đến mưu chước quỷ quyệt của Jīvaka, đức vua càng khoái, ông tức tốc sai sứ giả đến gặp Jīvaka, nhắn rằng:

- Hãy đến Ujjenī để được trọng thưởng!

- Thôi đi! Jīvaka đáp - Ta nguyền rủa đức vua vô ơn của các ông! Nếu mà còn hung dữ, độc ác, bạo tàn... là ông ta đã tự giết mình đấy, ta không cứu chữa nữa đâu!

Thế đấy, đại lược con người Jīvaka là như vậy đấy! Thật xứng đáng để bước vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Riêng Jīvaka Komārabhacca thì nghe danh đức Phật đã lâu, qua cửa miệng của đức vua, triều thần cũng như các bậc thức giả, quần chúng... nên chàng rất kính trọng, rất ngưỡng mộ nhưng chưa có dịp hội diện ngài. Chàng rất tâm đắc ở

chỗ, đức Phật đã thuyết một loại giáo pháp, nghe nói là do ngài độc sáng, chưa hề có trong tư tưởng của các giáo phái truyền thống, gần gần đúng như nghề nghiệp của chàng: Nêu ra thực trạng của bệnh khổ, nguyên nhân của bệnh khổ, sự chấm dứt bệnh khổ và phương thuốc chữa trị bệnh khổ ấy! Như vậy, chính đức Phật là một vị đại lương y, chữa trị bệnh tâm thâm căn cố đế của chúng sanh!

Mới đây, sau khi chữa lành bệnh âm sang cho đức vua, Jīvaka được ngài chỉ định chăm sóc sức khỏe cho đức Phật và Tăng chúng. Vậy, Jīvaka Komārabhacca cần yết kiến ngài để vấn nghi một vài điều còn thắc mắc trước khi nhận thêm nhiệm vụ mới.

Hôm đó, nhân duyên đã đến, Jīvaka được gặp đức Phật ngay chính nơi vườn xoài của mình, đảnh lễ ngài xong, chàng hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Nội dung giáo pháp thoát khổ của ngài, tôi chưa có thì giờ, chưa dám hỏi đến. Tôi chỉ hỏi cái ngoài rìa! Nó như sau. Tôi nghe khá nhiều tin đồn đãi, loan truyền, không được hay cho giáo pháp, rằng là nhiều súc vật đã bị giết vì ngài; và sa-môn Gotama tuy biết thế, vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình và được làm cho mình! Chẳng hay điều ấy có đúng chăng?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Ai nói vậy là không như chơn, không như thực, họ đã xuyên tạc lời nói của Như Lai. Chính Như Lai đã nói như sau: "Có ba loại thịt được thọ dụng, đấy là không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật kêu rống đau đớn khi bị giết, không nghi ngờ con vật bị giết ấy là vì mình, bởi mình, cho mình! Không thấy, không nghe, không nghi, là ba loại thịt thanh tịnh (tam tịnh nhục) được thọ dụng, này Jīvaka Komārabhacca!"

- Vậy là chính xác, bạch đức Thế Tôn! Jīvaka Komārabhacca có vẻ trầm ngâm giây lát rồi nói tiếp – Tôi là một lương y, thường phải sử dụng cây cỏ rễ củ để chữa

bệnh. Thảo mộc, chúng cũng có sự sống, nhưng tôi từng tâm nguyện rằng, khi làm như vậy là tôi không hại mình, không hại người, không hại cả hai!

- Đúng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai cũng bảo vệ nguồn nước, cây lá và cỏ xanh. Một vị tỳ-khưu sống đúng pháp và luật thì phải biết tôn trọng sự sống của muôn loài; do vậy, họ không được đào, cuốc, bẻ cây, chặt cành; dù mầm sống nhỏ nhoi của một hạt cỏ, một vi sinh cũng không được xâm hại. Ngoài ra, ông cũng còn thấy rõ sự quan trọng của sự khởi tâm lúc hành động; và tốt hay xấu, lỗi lầm hoặc không lỗi lầm, nó nằm nơi chỗ tư tác, chủ ý, cố ý (cetanā) ấy?

- Thế Tôn đã rất hiểu ý của tôi! Jīvaka nói - Tôi chỉ nghĩ đến việc cứu người!

Đức Phật mỉm cười nhìn vị lương y trẻ tuổi ra chiều thân thiện:

- Là vị thầy chữa bệnh thân, ông chú trọng nơi chỗ khởi tâm trong khi hành động. Như Lai là vị thầy chữa bệnh tâm cho chúng sanh nên Như Lai phải khởi tâm cả ba thời: Trước khi, trong khi và sau khi đó nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Chàng lương y có vẻ ngạc nhiên:

- Xin đức Thế Tôn cho tôi được nghe cao kiến?

- Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi sống dựa vào một ngôi làng, một ngôi rừng, một thị trấn hay thành phố nào thì luôn biến mãn một phương, nhiều phương với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Thế rồi, khi đêm đã qua, mặt trời lên, Như Lai và đệ tử của Như Lai với trạng thái tâm vô lượng ấy đi trì bình khất thực bình đẳng, tuần tự trước cửa mọi nhà, rỗng rang, tự tại, không hận, không sân, không hại mình, không hại người, không hại cả hai! Đấy được gọi là khởi tâm trước khi, ông có hiểu không, này Jīvaka!

- Tôi hiểu, thật là tuyệt vời! Vậy còn trong khi thì thế nào, thưa đức Thế Tôn!

- Như Lai và đệ tử của Như Lai trong khi thọ thực, không hề nghĩ đến vật thực ngon bổ hoặc không ngon bổ, không cầu mong vật thực như thế này hoặc như thế khác, không tham đắm, không đam mê, không chấp trước; còn thấy rõ vị ngọt, sự nguy hại và ý thức rõ rệt sự xuất ly chúng nữa! Trong khi thọ thực với tâm như thế, vị tỳ-khưu không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có phải vậy không, này Jīvaka!

- Quả thật là minh nhiên, bạch đức Thế Tôn!

- Còn sau khi nữa, này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai và đệ tử của Như Lai thấy rằng, với tứ vô lượng tâm cũng chưa đủ, với không hận, không sân cũng chưa đủ! Sau khi thọ thực xong, vị ấy tìm một góc rừng vắng, một gốc cây, một ngôi nhà trống, an trú chánh niệm trước mặt, vị ấy đi vào, đi ra các định, các thiền; sau đó dùng tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh; ông ta bứng nhổ vô lượng tham sân, phiền não tùy miên, làm cho chúng không còn sanh khởi trong tương lai! Và như vậy thì, vị ấy trước khi thọ thực không có lầm lỗi, trong khi thọ thực không có lầm lỗi; và, sau khi thọ thực cũng không có lầm lỗi! Đấy là hành trình làm ông thầy thuốc chữa bệnh tâm của Như Lai và đệ tử của Như Lai, nó không những không hại mình, không hại người, không hại cả hai mà còn lợi mình, lợi người, lợi cả hai nữa, này Jīvaka Komārabhacca!

Jīvaka Komārabhacca thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, bạch Đức Thế Tôn! Rồi chàng nói tiếp - Sự thọ thực như vậy là chơn chánh, nghiêm minh, phạm hạnh, không có ở đâu từ xưa đến nay ngoại trừ giáo pháp của đức Thế Tôn! Sự xuyên tạc của một số người do ganh tỵ danh vọng, do đố kỵ lợi dưỡng sẽ không có chỗ đứng trong tâm kẻ trí khi họ nghe được buổi pháp thoại tốt

đẹp, viên mãn cả ba thời này!

Đức Phật nói:

- Dường như họ còn nói rằng, Như Lai đồng ý với sự hủy diệt, hoan hỷ với sự hủy diệt, đồng phạm với sự hủy diệt, ông có nghe người ta nói như thế không?

- Thưa có, tôi có nghe! Jīvaka Komārabhacca gật đầu – Tôi thì hủy diệt chúng vô tình hoặc được ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm! Đức Thế Tôn thì hủy diệt chúng hữu tình, cũng bị ghép vào tội danh hoan hỷ, đồng ý và đồng phạm như thế!

- Thế ông có thấy mình có tội không, này Jīvaka?

- Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn! Chỉ những ai khởi tâm cố ý hủy diệt, người ấy mới có tội!

- Cũng vậy, này Jīvaka Komārabhacca! Có năm phi công đức, năm nguyên nhân tạo tội mà người cư sĩ tại gia, những người cúng dường vật thực đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai phải nên thấy rõ, biết rõ. Hãy dắt con thú này đi! Đấy là khởi tâm có tội, là phi công đức thứ nhất! Khi con thú bị dẫn đi đến nơi lò mổ, nó bị kéo lôi, bị trầy cổ, nó sợ hãi, nhưng lòng người ta vẫn lạnh lùng, sắt đá, đấy là nguyên nhân, là phi công đức thứ hai! Hãy giết mổ con thú này! Đấy là khởi tâm có tội, là nguyên nhân, là phi công đức thứ ba! Khi con thú bị giết, nó quằn quại, nó kêu rống, nó cảm thọ đau đớn với lệ máu, nhưng người ta vẫn nhẫn tâm thọc huyết, xẻ thịt, đấy là nguyên nhân, là phi công đức thứ tư! Sau khi tích lũy bốn nguyên nhân có tội ấy, bốn phi công đức ấy, người tại gia cư sĩ cúng dường món ăn ấy đến cho Như Lai và đệ tử của Như Lai, chính là nguyên nhân, là phi công đức thứ năm!

Này Jīvaka Komārabhacca! Như Lai không có hoan hỷ, không có tán đồng, không có chủ trương, không có khuyến khích những vật thực cúng dường nằm trong năm loại phi công đức ấy! Cúng dường như vậy là phi pháp, không đúng

với chánh pháp!

Còn như thế này nữa, Jīvaka! Trong thế gian tương đối, với bốn giai cấp có lợi dưỡng khác nhau, quan niệm khác nhau, có thói quen khác nhau về vật thực. Ví như giai cấp bà-la-môn chủ trương dùng ngũ cốc, rau trái, hoa quả; giai cấp sát-đế-lỵ chỉ thích dùng các loại thịt tươi sống, ngon bổ, rau trái quả thượng phẩm; giai cấp vệ-xá, có khá đông người giàu có, họ thọ dụng các loại thịt hoặc rau trái cũng không thua gì quý tộc đâu. Riêng giai cấp thủ-đà-la thì không có khả năng chọn lựa, cái gì rẻ, dễ kiếm thì dùng. Còn chiên-đà-la thì thức ăn vật uống của họ thì chỉ để mà tồn tại! Như Lai và đệ tử của Như Lai khi đi trì bình khất thực, phải giữ tâm bình đẳng trước mọi giai cấp, trước mọi nhà, không kể giàu nghèo, sang hèn. Và chính vật thực kiếm được trong chiếc bát, thường đủ đại biểu cho mọi giai cấp trong xã hội! Ông nghĩ thế nào, này Jīvaka! Giáo pháp của Như Lai, vì muốn giữ tâm bình đẳng, thực hiện giáo pháp trung đạo, lấy giới luật làm thành trì, lấy tâm ô nhiễm hoặc không ô nhiễm làm thước đo, lấy mục đích giác ngộ, giải thoát làm cứu cánh thì có nên đặt vấn đề chọn lựa hay không chọn lựa? Hỏi tức là đã trả lời! Do vậy, Như Lai chỉ cho phép chư tỳ-khưu tùy nghi thọ dụng rau trái, hoa quả, ngũ cốc, tùy nghi thọ dụng ba loại thịt thanh tịnh: Không thấy con vật bị giết, không nghe tiếng con vật bị giết, không nghi con vật bị giết ấy là do mình! Như vậy, Như Lai không rơi vào cực đoan này, không rơi vào cực đoan kia, này Jīvaka Komārabhacca!

Cảm phục xiết bao lời dạy sáng tỏ đầu đuôi, thấy rõ gốc ngọn vấn đề của đức Phật, lương y Jīvaka Komārabhacca quỳ năm vóc sát đất xin được quy y, làm đệ tử, bắt đầu học tập bổn phận của người cư sĩ tại gia. Và việc đầu tiên là chàng hoan hỷ cúng dường vườn xoài của mình để đức Phật và Tăng chúng tùy nghi sử dụng!

Vài ba lần về sau, mặc dầu công việc ở hoàng cung khá

bận rộn, lương y Jīvaka Komārabhacca vẫn thu xếp được thời gian viếng thăm Trúc Lâm, nghe pháp và quan sát sinh hoạt của tăng chúng. Trong vài lần đàm đạo với đức Phật về sức khỏe chung của chư tăng, Jīvaka nói rằng, đời sống hành thiền nhiều dễ phát sanh một số bệnh liên hệ do khí huyết thiếu lưu thông. Chàng mang đến một số dầu xoa bóp, thuốc nhuận tràng và hướng dẫn chư tăng cách bấm một số huyệt trên cơ thể để ai cũng có thể tự chữa cho mình khi nhức đầu, sổ mũi, mỏi vai, đau lưng... Ngoài ra, nước cốt trái cây và dùng nhiều rau quả tươi xanh sẽ rất tốt cho cơ thể. Chàng còn đề nghị đức Phật cho chư tăng tập thể dục, một số động tác Hattha-yoga, như Sāriputta đã từng chủ trương, làm việc nhẹ về tay chân, tắm suối nước nóng (Ở xung quanh Trúc Lâm và rải rác ngoại ô Rājagaha có khá nhiều suối nước nóng).Về mùa lạnh, không nên tắm ở ngoài trời, phải tắm ở trong lều có sưởi ấm. Thấy ý tưởng một bệnh xá tại mỗi nơi tu viện, Jīvaka Komārabhacca rất hoan nghênh, ông hứa cung cấp thuốc men và cho thêm một số lương y đến phụ trách!

Đức Tin Phát Sáng

Sau mùa an cư thứ ba (một mùa tại Lộc Uyển, hai mùa tại Trúc Lâm), hầu hết các trưởng lão, các tỳ-khưu A-la-hán đều xin đức Phật đi du phương hành hóa các nơi. Đầu tiên là tôn giả Mahā Kassapa và chúng đệ tử của ngài, muốn thể hiện hạnh đầu-đà nên tản mác khắp thành Rājagaha để làm gương cho chúng. Tiếp đến là nhóm tôn giả Yasa và chúng đệ tử của ngài muốn đi hoằng pháp tại các quốc độ phía tây nam. Một số các tôn giả trong nhóm Pāyāva và chúng đệ tử muốn trở lại tuyên giáo các xứ sở miền tây bắc. Nhóm tôn giả Nandīkassapa, Gayākassapa và chúng đệ tử lại chia nhau sang các xứ đông nam để truyền bá giáo pháp! Các tôn giả Assaji, Vappa, Bhaddiya (cũ), Mahānāma, Uruvelākassapa và một số đệ tử chững chạc thì ở lại để chăm lo công việc và giáo giới cho các vị tân tỳ-khưu. Nhóm các ông hoàng và các tỳ-khưu dòng tộc Sākya một số ở lại, một số theo chân tôn giả Kāḷudāyi qua bờ bắc sông Gaṅgā đi gieo duyên hóa độ các tiểu bang và các nước cộng hòa ở đấy. Hai vị đại đệ tử thì thường theo hầu đức Phật để tiếp thu các thời pháp hoặc nhận những chỉ thị từ ngài. Tỳ-khưu Ānanda thì rất ham mê nghe pháp, không cận kề đức Phật được thì gần gũi chư vị tôn giả Sāriputta, Moggallāna hoặc nhóm ngài Assaji

để nghe lại các thời pháp từ hồi còn ở Lộc Uyển, rừng Kappāsīya, tụ lạc Uruvelā...

Sa-di Rāhula thì rất chăm ngoan lắng nghe, học hỏi, tu tập từ vị giáo thọ sư của mình cùng các vị khác nữa.

Như vậy là chỉ non nửa tháng sau, Trúc Lâm chỉ còn hơn một nghìn vị tỳ-khưu! Tuy nhiên, chỉ mấy hôm sau là nhân số Trúc Lâm được bổ túc thêm. Đầu tiên, đức Phật tiếp đón chàng thiếu niên Sotthiya và gần hai mươi bạn hữu chăn bò từ Uruvelā tìm đến. Đức Phật mỉm cười, thân thiện chuyện trò, tiếp nhận rồi bảo tôn giả Sāriputta cho họ thọ giới sa-di. Kế đến là đạo sĩ Pukkusa, người bạn của đức Phật từ đạo tràng đầu tiên dẫn theo cả mấy trăm đạo sĩ, đệ tử cũ của đạo sư Ālāra, đạo sư Uddaka đến xin quy giáo. Gặp lại đức Phật, đạo sĩ Pukkusa rất vui mừng. Sau khi đảnh lễ vị Phật mà ông ta đã vô cùng ngưỡng mộ, đồng thời, danh tiếng của đức Đạo Sư vô song đã trở thành đề tài bàn luận sôi nổi của các đạo sĩ, Pukkusa kể lại sự sa sút của cả hai đạo tràng sau khi hai vị đạo sư mất đi như thế nào. Sau một thời pháp giáo giới về những điểm căn bản của đạo giác ngộ, đức Phật chứng minh để các vị trưởng lão làm lễ cho họ xuất gia tỳ-khưu.

Thời gian này đức Phật còn có ý chợ đợi một người, một nhân vật hộ pháp quan trọng, và cũng là nhân duyên cho giáo pháp lan sang các quốc độ phương xa. Trúc Lâm là một thủ phủ của miền đông nam châu Diêm-phù-đề; phải cần một thủ phủ lớn rộng hơn thế ở miền tây bắc nữa để hai nơi hỗ trợ cho nhau...

Ngày hôm sau, đức Phật giao trọng trách Trúc Lâm cho tôn giả Mogallāna và tôn giả Assaji, đặc biệt lưu tâm đến Nanda và Rāhula rồi cùng với tôn giả Sāriputta, thị giả Upavāna, thêm một số ít tỳ-khưu khác nữa đến ngụ cư tại cụm rừng Sītavana phía tây thành phố! Đức Phật ở đây để hóa độ những người hữu duyên, đồng thời, cố ý chờ đợi một

người. Và nhân vật ấy là Sudatta!

Ông là một thương gia giàu có, còn trẻ, tên thôi nôi là Sudatta; nhưng vì hằng tâm, hằng sản, do danh thơm bố thí và hay giúp đỡ những người nghèo khổ với lòng quảng đại vô song nên được người đời kính trọng, mến thương ban tặng cho tôn hiệu Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc); có nghĩa là: Nuôi ăn những người nghèo khổ, trợ cấp cho những kẻ cô độc! Kinh thành Sāvatthi (Xá Vệ), vương quốc Kosala là quê hương sinh quán của ông.

Là chủ tịch một nghiệp đoàn thương mãi, chuyên kinh doanh vàng bạc, đá quý nổi tiếng của kinh đô vương quốc Kosala, trưởng giả Sudatta có dịp đi đây đi đó luôn để liên hệ chuyện làm ăn. Ông kết hôn với em gái của một phú thương ở Rājagaha nên hay lui tới thành phố kinh tế và thương mãi này.

Hôm kia, vào khoảng những ngày cuối tháng mười năm năm trăm tám lăm (tr.TL), trưởng giả Sudatta đến Rājagaha, ghé nhà ông anh rể. Bình thường thì trưởng giả Sudatta được cả nhà đón tiếp rất nồng hậu, rất niềm nở; nhưng nay thì chẳng thấy ai chào hỏi cả mặc dầu ông đã bước vào cửa trong! Trưởng giả Sudatta thấy ai cũng bận rộn sắp đặt, trang hoàng, trần thiết, dọn dẹp sạch sẽ chỗ này, chỗ kia với chổi quét, với sơn vôi, với khăn lau, với bình hoa, chuỗi hoa, tràng hoa như để chuẩn bị đón tiếp một vị thượng khách nào! Dường như chẳng ai chú ý đến ông! Và chính chủ nhân cũng đang lúi húi công việc ở nhà sau!

Chẳng lấy thế làm điều, chẳng để bụng chuyện đó, Trưởng giả Sudatta chỉ tò mò, ngạc nhiên hỏi:

- Hôm nay cả nhà ta, có kỵ giỗ, có hỷ sự gì trọng đại lắm phải không?

Ông anh rể mỉm cười, bí mật:

- Không phải thế!

- Hay là để đón tiếp một người bạn chí cốt, tương giao

nào đó của ông anh mà đệ chưa biết?

- Nếu là vị ấy, thì có ai thâm tình, chí thiết hơn ông em rể của tôi đã chứ!

Trưởng giả Sudatta nhăn mày, suy đoán:

- Hay là đón tiếp đức vua, các trọng thần của triều đình?

- Các vị ấy cũng là thượng khách hy hữu đấy, nhưng không đến nỗi để tôi quên cả ông em rể quý trọng!

- Vậy thì còn ai trên trời đất này nữa nhỉ?

- Có đấy, hơn cả trời đất nữa, ông em thân mến ạ! Vị ấy là thầy của chư thiên và loài người, đấy là đức Buddha và Tăng chúng đệ tử của ngài!

Mới nghe danh từ Buddha, tâm Sudatta chợt nhiên rúng động, bồi hồi; một cảm xúc siêu thoát như chớm nở dịu dàng trong lòng ông, trưởng giả Sudatta lắp bắp:

- Buddha! Buddha! Kỳ diệu làm sao, ông anh ơi! Buddha! Buddha! Sao âm vang kia nó như xao động vào chiều sâu ký ức tiền kiếp của em vậy! Ôi! Em mong muốn được diện kiến đức Buddha ấy biết bao nhiêu!

- Rồi ngày mai ông em sẽ được gặp ngài mà!

- Ở đâu? Hiện tại vị ấy ở đâu? Trái tim trưởng giả Sudatta xao xuyến, hỏi dồn dập – Có xa đây không hả ông anh kính mến?

- Cũng gần đây thôi, nơi cụm rừng Sītavana, qua khỏi một nghĩa địa, phía tây thành phố; ngài đang ở đấy cùng với một số ít sa-môn!

Thế là trưởng giả Sudatta bắt đầu nóng ruột, ông muốn đi gặp đức Phật ngay, nhưng tiếc thay, trời đã tối. "Qua hôm sau sẽ gặp! Qua hôm sau sẽ gặp! Và ta sẽ có cơ hội chiêm bái ngài!" Sudatta nhủ thầm như vậy, rất lấy làm hoan hỷ rồi yên tâm đi nằm ngủ. Vừa chợp mắt, trưởng giả Sudatta đã giật mình tỉnh dậy, mong cho trời mau sáng. Và cứ vậy, ông thắc thỏm, nằm rồi thức dậy nhiều lần. Đến đầu canh ba, trưởng giả Sudatta không còn chờ đợi được nữa, trong bóng

tối, ông làm vệ sinh cá nhân, mặc áo trong, choàng áo ngoài, vấn khăn, cột đầu chỉnh tề - rồi chẳng đợi ông anh chỉ lối, ông mở cửa khẽ khàng. Trăng hạ tuần soi tỏ mờ mờ, sương mù dầy đặc. Trưởng giả Sudatta nhắm hướng tây bươn bả đi. Trời chấp chóa, trưởng giả Sudatta nôn nao nên vấp ngã luôn, dầu vậy, ông cũng lần mò đến được nghĩa địa. Bóng cây vật vờ chỗ này, ánh lân tinh từ những đốt xương người lấp lóa, chập chờn chỗ kia. Sự hoang vu và yên lặng của nghĩa địa làm cho người can đảm nhất, tóc tai cũng phải dựng ngược. Nhờ nghĩ đến "đức Buddha chí tôn của mình", trưởng giả Sudatta thản nhiên cất bước, đức tin càng lúc càng vững mạnh, càng trong sạch ở trong ông. Trạng thái tâm lý thuần nhất ấy làm cho ông phát sanh phỉ lạc (pīti): Toàn thân phát sáng - sáng hơn cả lân tinh! Vừa ngạc nhiên, vừa sợ hãi, trưởng giả Sudatta dừng lại quan sát. Ánh sáng nơi toàn thân lại mất! Trưởng giả Sudatta ngơ ngác không biết chuyện gì, không hiểu nguyên nhân làm sao; ông đứng sững hồi lâu, bần thần suy nghĩ...

Chợt nhiên, ngay lúc đó, trong gió nhẹ xao, từ hư không rơi xuống bên tai ông một lời nói ngọt ngào, dịu hiền, ấm cúng như lời mẹ ru con, như lời khuyến khích của đấng nghiêm phụ đối với đứa con trai duy nhất của mình:

"– Này Sudatta! Đừng có sợ hãi, không có gì phải sợ hãi! Hãy theo cái tâm của ông mà bước tới! Hãy theo tiếng gọi thâm sâu từ vô thức mà bước tới! An lạc và chân phúc là những bước chân đi tới chứ không phải dừng lại hoặc ngoảnh lui phía sau! Cứ hãy thản nhiên mà bước tới!"

Trưởng giả Sudatta đưa mắt nhìn quanh, không thấy ai, vậy có lẽ là thiên thần! Cảm nhận được thiện ý của lời khuyến khích nên trưởng giả Sudatta mạnh dạn bước đi. Ông lại nghĩ đến "đức Buddha chí tôn của mình" với đức tin trong sạch, ánh sáng nơi thân phát sanh trở lại! Ông sợ hãi một lần nữa, ánh sáng lại biến mất.

Giữa hư không, tiếng lời dịu dàng lại tiếp tục:

"- Này Sudatta!
Hãy bước tới
Chớ có dừng lại!
Dẫu hằng trăm thân ngựa giỏi,
Hằng trăm thớt tượng hay,
Hằng trăm cỗ xe thiện xảo,
Hằng ngàn mỹ nữ
Cổ vòng vàng và ngọc đeo tai
Tất cả giá trị và lạc thú trần gian kia
Thật không thể bằng một phần mười sáu
Hạnh phúc của một bước chân đi tới!
Vậy hãy tiến bước,
Và mạnh dạn đi tới, này Sudatta!
An lạc và chân phúc
Đang chờ ông ở phía trước!"

Tiếng nói kia là của thiên chủ Sakka. Sau khi thấy rõ nhân duyên to lớn của ông triệu phú đối với đức Phật và giáo pháp nên vị thiên chủ đã tìm cách khuyến khích, sách tấn. Cho đến lần thứ ba như vậy, trưởng giả Sudatta mới đến được cụm rừng Sītavana.

Khi đó trời vừa hửng sáng, đức Phật đang đi kinh hành ở ngoài trời và đang có ý đợi ông. Thấy trưởng giả Sudatta xuất hiện ở đầu bìa rừng, đức Phật cất tiếng khẽ gọi:

- Hãy lại gần đây, này Sudatta!

Tiếng gọi sao mà quá thân thuộc. Chợt nhiên, trưởng giả Sudatta biết chắc đấy là vị ấy, là "đức Buddha chí tôn của mình" chứ không phải ai khác!

Trưởng giả Sudatta bước nhanh lại và quỳ xuống:"Con đây, hỡi ngài, hỡi đức Buddha chí tôn kính yêu". Ông lắp bắp. Ông cảm xúc quá! Ông hoan hỷ quá! Ôi! Đức Buddha là vị này đây! Một nhân cách giản dị, bình thường nhưng dường như ở đâu cũng tỏa sáng! Ôi! Nụ cười dịu nhẹ của

ngài mới tự tại và siêu thoát làm sao! Dung sắc của ngài sao mà hoàn mỹ như cả mặt trời, mặt trăng đồng long lanh soi rạng! Cái bóng của ngài vừa hiền hòa, vừa uy nghiêm vừa định tĩnh như trùm lấp, thu nhiếp cả không gian xung quanh!

Trưởng giả Sudatta chiêm ngưỡng mãi, không biết nói gì! Lâu lắm, ông mở miệng:

- Đức Buddha có được yên vui không?

Trưởng giả Sudatta thấy câu hỏi của mình thật là ngớ ngẩn, lạc lõng và vô duyên làm sao; nhưng đức Phật lại từ hòa đáp:

- Này Sudatta con! Chắc chắn lúc nào một vị A-la-hán cũng yên vui! Vì bên trong các ngài mọi thứ lửa nung đốt đều đã được dập tắt! Tất cả dục vọng đeo níu, đắm trước đều không còn dư tàn! Tất cả mọi mầm giống ác uế đều đã bị hoại diệt! Tất cả mọi trói buộc, xích xiềng đều đã được gỡ thoát ra! Tất cả mọi đau khổ, phiền não đều đã được đoạn tận! Do vậy, tâm của vị A-la-hán luôn trong sạch, thanh tĩnh và mát mẻ! Tâm vị ấy, như vậy, là đã thành tựu một vương quốc hòa bình, an lạc và chân phúc!

Nghe xong, ngay giây khắc ấy, trưởng giả Sudatta đắc quả Nhập lưu, đi vào dòng thánh! Trưởng giả cảm nhận một cách sâu sắc rằng, mình vẫn là con người cũ thôi, nhưng cái thấy, cái biết, cái trí, cái tâm của ông bây giờ đã đổi khác! Có cái gì đó đã vững vàng, ổn định ở bên trong! Đức tin vắng lặng, trong sạch và thánh thiện ở trong ông dường như vừa nở một đóa kỳ hoa! Trưởng giả Sudatta lặng lẽ quỳ xuống, đảnh lễ đức Phật một lượt nữa với vô vàn sự tri ân và lòng quý kính!

Ngày hôm sau, đức Phật thọ trai tại tư gia của ông anh rể trưởng giả Sudatta, thuyết pháp thuận thứ, khuyến khích sự tu học, đặt cả gia đình vào quy giới rồi trở về Trúc Lâm!

Trưởng giả Sudatta, lúc này, không muốn rời xa đức Phật và hội chúng sa-môn nên ông nghe pháp, chú tâm vào

pháp và ông thấy mình thật yên bình và hạnh phúc! Đời sống sa-môn đệ tử Phật với hạnh tri túc, thiểu dục tạo cho ông một ấn tượng quá tốt đẹp về giáo pháp này, hội chúng này có đức Tôn Sư dẫn đầu. Nhìn Trúc Lâm tịnh xá với quy mô nhà giảng, nhà ăn, nhà hội, nhà khách, nhà kho... và cả hàng ngàn cốc liêu rải rác đây đó, nghe nói, trong mùa an cư, chư tăng các nơi vân tập về có thể hơn ba ngàn vị với tam y, bình bát nhẹ nhàng, thanh thoát vào ra... lòng ông bồi hồi xúc động. Trưởng giả chạnh nghĩ đến quê nhà, và ước gì, ở kinh thành của ông cũng có một trung tâm tu học, to lớn, kỳ vĩ hơn cả Trúc Lâm này thì thật là hạnh phúc cho quốc độ!

Hôm kia, trưởng giả Sudatta vào bạch Phật, thỉnh ngài và Tăng chúng về Sāvatthi để truyền bá chánh pháp - hy vọng rằng với giáo lý an bình, thanh tịnh và siêu việt này có thể nhiếp phục chúng ngoại đạo và hóa độ cho nhiều người hữu duyên! Vấn đề đất đai và thiết lập quy mô tịnh xá thì ông sẽ chịu trách nhiệm tìm kiếm, kiến tạo và cúng dường! Đức Phật thấy đây là duyên lành, đúng như sự thấy biết của ngài nên im lặng nhận lời; sau đó gợi ý cho trưởng giả Sudatta hay rằng, đời sống xuất gia phạm hạnh thường thích hợp những nơi vắng vẻ, an tĩnh, không gần mà cũng không xa xóm làng!

Hoan hỷ xiết bao, trưởng giả Sudatta quỳ vập đảnh lễ Phật, rồi ngần ngừ một lát, ông nói say sưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Sāvatthi là kinh đô của vương quốc Kosala, một thành phố thịnh vượng và giàu mạnh ở Tây bắc, cư dân đông đúc, mức sống khá cao; tuy nhiên, về mặt văn hóa, so với Rājagaha thì nó chỉ là vùng biên địa xa xôi, nhân dân bản chất thuần hậu nhưng còn hoang dã, mọi rợ, cả tin và cuồng tín! Đây cũng là vùng đất màu mỡ, là thủ phủ lý tưởng cho bọn bàng môn tả đạo lập căn cứ địa lộng hành! Chúng nghênh ngang làm tiền, mê hoặc đám dân đen ngu

muội bằng phép lạ, thuật số, bùa chú, ngải nghệ... cùng hằng trăm kiểu cúng tế khác nhau. Thần linh và các ngẫu tượng dâm loạn, ma mị ngồi đầy khắp am miếu, đền đài, bờ sông, đình chợ, đường sá, công viên... với trầm hương nghi ngút, với hoa quả, với đầu súc vật còn tươi máu...

Chúng tu ngồi xổm, hai tay ôm đầu và nhảy với vũ điệu rắn! Chúng tu hạnh quét đất, nằm ra đất mà lạy mà bò! Chúng để râu tóc như cỏ rậm, ở truồng đi tồng ngồng chỗ này chỗ kia, rồi còn chễm chệ trong các điện thờ! Chúng tu hạnh nằm giữa đất, ăn trên đất. Chúng ngồi trong vũng bùn, cống rãnh. Chúng treo ngược người trên cây và ăn mỗi ngày từng hạt, từng trái nhặt được... Còn giới cấp bà-la-môn tại gia, trưởng giáo, trí thức hoặc tư tế thì sống trong những dinh thự, những điền trang kín cổng cao tường như những tiểu vương. Chúng độc quyền liên hệ, đối thoại với thần linh nên chúng độc quyền về lễ tang, cưới hỏi, tế thần, tiểu hỷ, đại hỷ, lạc thành, hướng nhà, hướng cửa, giờ tốt xấu... với những giá cắt cổ, bóp hầu, nặn họng đám lương dân nghèo đói! Chúng thuyết cho tín đồ nghe về con đường khổ hạnh, xả ly, trầm tư, thiền định để thể nhập với Phạm thể ở trên cao; còn chúng thì sống phong lưu ở dưới này để hưởng thụ mọi thứ xa hoa, dục lạc!

Bạch đức Thế Tôn! Có lẽ do duyên lành vạn kiếp, mặc dầu bị bên này vận động, bên kia kéo lôi nhưng đệ tử vẫn trơ trơ không theo bọn chúng, không ngả theo đạo nào! Nhờ vậy, đệ tử mới hạnh ngộ đức Thế Tôn và Tăng chúng thánh hạnh; được nghe giáo pháp trong sáng, lành mạnh và tốt đẹp nhất trần đời. Do vậy, kinh đô Sāvatthi, quê hương của đệ tử, cần thiết phải có mặt giáo pháp vô thượng của đức Thế Tôn! Rác và bụi trong mắt mọi người cần phải được lau quét sạch sẽ! Cuồng tín và ngu si cần phải có ngọn đèn trí tuệ chiếu soi. Những hôi hám, dơ dáy, bẩn thỉu trong các sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh cần phải được làm cho thanh khiết,

thanh tịnh!

Bạch đức Thế Tôn! Khái quát như vậy để biết rằng, đến Sāvatthi sẽ gặp vô vàn khó khăn, phức tạp; chắc chắn sẽ có nhiều thành phần chống đối, phá hoại từ nhiều phía! Ngoại trừ đức Thế Tôn hoặc các vị đại trưởng lão nhiều tuệ lực, nhiều thần thông lực chớ khó ai có thể đảm nhận trọng trách cam go này, từ việc đặt viên đá xây dựng cơ sở cũng như đặt viên đá giềng mối đầu tiên cho giáo pháp!

Đức Phật và một số các vị trưởng lão lắng nghe chăm chú, rất chăm chú những nhận thức đúng đắn của trưởng giả Sudatta rồi ngài nói với ông:

- Ừ! Như Lai cũng biết là sẽ rất khó khăn! Bất cứ sự cảm hóa, cải thiện nào, mặc dầu có lợi ích vẫn bị sự phá hoại, chống đối từ nhiều phía. Đương nhiên pháp thế gian là vậy! Con người không dễ dàng thay đổi một thói quen, nhất là những thói quen đã biến thành lễ nghi, tập quán cắm rễ, ăn sâu trong truyền thống từ đời này sang kiếp nọ!

Tôn giả Sāriputta chợt quỳ thưa:

- Tuy nhiên, giáo pháp giác ngộ, giải thoát cần phải được xiển dương, cần phải được tăng trưởng, lớn mạnh, cần phải đi vào lòng người và xã hội! Giáo pháp của trí tuệ và từ bi phải là ánh sáng, là ngọn đèn dẫn đường cho những tâm thức nô lệ, yếu hèn và ngu muội! Chúng đệ tử của đức Tôn Sư phải biết giương cao ngọn cờ Muñja, ngọn cờ của bậc thiện trí! Phải biết vô vi, vô dục mở rộng vòng tay đón nhận những chúng sanh lưu lạc quay về! Phải biết bình lặng như đại địa, kham nhẫn như đại địa để tùy duyên mà giáo hóa nhân quần!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy này Sāriputta! Ông hãy nghiêng vai mà nhận lãnh trách nhiệm ấy! Tất cả mọi khó khăn vào buổi đầu, Như Lai giao phó cho ông đấy!

Tôn giả Sāriputta cúi đầu lạy tạ. Trưởng giả Sudatta xin

thưa tiếp:

- Với quy mô xây dựng như Trúc Lâm này, đức Thế Tôn thấy nó thuận lợi hoặc chưa thuận lợi cho sinh hoạt của Tăng chúng hiện nay và cả sự phát triển trong tương lai nữa?

Biết ý ông triệu phú chưa hài lòng lắm các công trình xây dựng ở Trúc Lâm. Mặc dù đức vua Seniya Bimbisāra đích thân chỉ đạo, không ngại tốn kém công quỹ, sự đóng góp của hoàng gia; nhưng ông cũng không ngờ là giáo hội phát triển quá nhanh nên những buổi thuyết giảng lớn, cả hàng ngàn người thì giảng đường đã trở nên chật hẹp! Tăng chúng tạm cư chừng vài ngàn vị thì đây đó đã phát sanh nhiều vấn đề từ chỗ ăn ở, vệ sinh, nhà kho cũng như rác thải phải được tính toán kỹ lưỡng xa rộng hơn! Nghĩ vậy, đức Phật mỉm cười nói:

- Ông là người có đầu óc, có tầm nhìn, này Sudatta! Như Lai hiểu rất rõ những điều đằng sau câu hỏi của ông! Hôm nào lên đường về lại Sāvatthi, sa-môn Sāriputta sẽ đi cùng với ông! Đệ tử trưởng ưu tú của Như Lai có khả năng thay mặt Như Lai để đối thuyết với các giáo phái chủ, giáo phái sư và chúng ngoại đạo ở đấy; và, còn có trí biện tài, đức độ để nhiếp phục họ! Sāriputta không những rành rẽ môn kiến trúc mà còn là một nhà địa lý, thiên văn có thực học nữa, có thể cố vấn, tham mưu cho ông trưởng giả nhiều lãnh vực, khỏi phải lo ngại điều gì!

Được lời như mở tấm lòng, trưởng giả Sudatta hớn hở lên đường; và bên cạnh, được núp bóng tàn đại thụ của giáo pháp là tôn giả Sāriputta!

Hôm ra đi, biết trưởng giả Sudatta nôn nóng về Sāvatthi tìm kiếm đất, tôn giả Sāriputta thông cảm nhìn ông, nói:

- Vị tỳ-khưu chỉ đi bộ, không đi các loại xe, vậy ông cứ khởi hành bằng cỗ xe ngựa tốt, đừng để ý đến ta. Tuy nhiên, chỗ nào ông dừng chân hoặc muốn gặp ta để học hỏi về giáo pháp thì tức khắc, ta sẽ có mặt ngay bên cạnh ông!

Và quả thật như vậy, kỳ diệu xiết bao! Suốt trên đường đi, hễ khi thắc mắc điều gì thì tôn giả Sāriputta như tự trên trời rơi xuống, như từ đám mây trắng mà hóa hiện thành người! Và ông đã học hỏi được quá nhiều điều, nhiều hơn cả trí tưởng của ông về những điểm khác biệt đặc thù về giáo pháp của đức Phật so với các tôn giáo truyền thống, các tín ngưỡng cổ sơ của các sắc tộc trong nhân gian. Ngoài ra, tôn giả Sāriputta còn tận tình và cặn kẽ giải thích các biểu tượng thờ cúng của đạo bà-la-môn, các lễ thánh tẩy, tắm nước sông Gaṅgā, cầu nguyện thần linh... chỗ nào là nội dung tư tưởng khả thủ, chỗ nào là hình thức mù quáng, bá vơ! Ôi! Vị đại đệ tử này đúng là đức Phật thứ hai, chẳng có gì mà tôn giả ấy không thấy, không biết!

Đúng là cơ ngơi của ông triệu phú chủ tịch nghiệp đoàn buôn bán vàng bạc và đá quý nổi danh kinh đô Sāvatthi: Dinh thự nguy nga, lầu đông lầu tây, tòa ngang dãy dọc nhiều không xiết kể, hằng trăm gia nhân xuôi ngược tới lui! Vừa về đến nhà là trưởng giả Sudatta vội triệu tập tất cả mọi người tại đại sảnh, thỉnh mời tôn giả Sāriputta ngồi chỗ ngồi cao và sang trọng nhất, bảo mọi người cùng ra mắt, đảnh lễ ngài. Tôn giả thuyết một thời pháp ngắn gieo duyên với gia đình hiền thiện này. Punnalakkhaṇā, phu nhân của trưởng giả, còn khá trẻ, đoan trang, hiền thục rất hoan hỷ khi nghe pháp. Ba cô con gái là Mahā-Subhadda, Culā-Subhadda và Sumana đều lắng nghe chăm chú. Riêng chú bé trai, tên là Kāla lại lơ đễnh, có vẻ ngỗ nghịch, ham chơi.

Trưởng giả Sudatta thỉnh mời tôn giả ngụ riêng nơi một căn lầu, nhưng ngài mỉm cười lắc đầu, bảo ông cứ lo công việc của ông, hãy để cho những cánh chim trời được tự do, thung dung đây đó. Thế là tôn giả Sāriputta ôm bát ra đi: Ngài muốn nắm bắt tình hình tôn giáo, tín ngưỡng cũng như các sinh hoạt nhân sinh, xã hội của kinh đô trù phú nầy!

Lấy Vàng Đổi Đất

Suốt mấy ngày lên xe ngựa dong ruổi khắp các miền ngoại ô kinh thành Sāvatthi nhưng trưởng giả Sudatta chưa lựa chọn được một miếng đất vừa ý. Hôm kia, ông tìm thấy một khu vườn rất đẹp, vừa rộng rãi, bằng phẳng lại vừa có hồ, có suối, có các ngọn đồi thoai thoải. Tuy vườn trồng xoài là chính để có thu nhập kinh tế nhưng chủ nhân cũng biết giữ lại những gốc cổ thụ rễ lá rườm rà, có trái, có hoa cùng các khóm cây có thân đẹp, lá đẹp hoặc có hương thơm. Hỏi ra mới biết đây là khu vườn sinh thái, nghỉ mát của hoàng tử Jeta (Kỳ Đà), con vua Pāsenadi[1]! Biết là sẽ rất khó khăn, nhưng trưởng giả cũng tìm đến vương phủ của hoàng tử, lựa lời khôn khéo, xin ông ta nhượng lại khu vườn ấy để sử dụng vào việc lợi ích.

Hoàng tử Jeta cười to:

- Ta biết ông giàu nứt đố đổ vách nhưng ta cũng đâu có thiếu tiền, thiếu bạc đến nỗi phải bán khu vườn xinh đẹp ấy đi, hở ông trưởng giả triệu phú?

- Tôi nào có dám nói chuyện mua bán ở đây, thưa điện hạ! Trưởng giả Sudatta cất giọng nhũn nhặn - Chỉ vì khu

[1] Theo tư liệu trong Dictionnary of Pāḷi proper Names - thì vị hoàng tử này về sau bị người em cùng cha khác mẹ là Viḍuḍabha sát hại.

vườn ấy rất thích hợp cho việc kiến lập một tu viện nên tôi chỉ xin hoàng tử mở lòng quảng đại, hoan hỷ nhượng lại thôi mà!

Trước sự khiêm tốn nhưng không kém phần quyết liệt của Sudatta, hoàng tử Jeta muốn nêu lên một cái giá cho ông trưởng giả đáng kính này nản chí:

- Thôi được rồi! Khu vườn của ta còn quý hơn cả vàng! Nếu ông trưởng giả mang vàng lá đến đó, lót đầy khu vườn, ta sẽ nhượng lại cho!

Nói thế xong, hoàng tử Jeta mỉm cười kín đáo, định phất tay bỏ đi! Nhưng kỳ lạ chưa kìa! Khuôn mặt ông trưởng giả bừng sáng lên, vô cùng mừng rỡ:

- Xin cảm ơn điện hạ! Bậc vương giả không thể nói hai lời! Tôi sẽ làm theo như ý của ngài!

Thế rồi, ngay tờ mờ sáng hôm sau, trưởng giả Sudatta cùng hàng chục gia nhân, với những chiếc xe ngựa chở vàng lá đến và bắt đầu lát thảm vàng lên đất của khu vườn. Hoàng tử Jeta tất tả đến xem, ông ngạc nhiên quá: Chuyện nói thách để mà chơi, giờ đã trở thành sự thật! Nhưng hoàng tử cũng còn một hy vọng là ông trưởng giả sẽ thiếu vàng! Suốt hai ngày liên tiếp, hoàng tử Jeta thấy trên sắc mặt của ông trưởng giả chưa có dấu hiệu nào là ông ta thiếu vàng; và vàng thì cứ theo từng cỗ xe, từng cỗ xe lần lượt đổ đến; và hàng chục gia nhân mải chăm chỉ, cần mẫn tuần tự lát vàng từng chục thước rồi hàng trăm thuước! "Chuyện gì xẩy ra thế này - hoàng tử Jeta tự hỏi - tại sao có người xem vàng như đất cục? Nghe nói, ông trưởng giả mua đất này để kiến lập một tu viện? Tu viện ấy cho ai, cho người nào? Phải là một nhân vật tầm cỡ nào, vị triệu phú này mới phát tâm hiến cúng dõng mãnh, kinh khiếp như thế chứ?"

Đến ngày thứ tư thì vàng đã vàng chóe hết hai phần khu vườn, khi hoàng tử Jeta tìm đến thì thấy ông trưởng giả đang đo đạc, tính toán gì ở nơi mấy gốc cổ thụ. Hoàng tử tuy hơi

nao núng, nhưng cũng thật tình, hỏi:

- Sao? Thiếu vàng rồi phải không? Ông trưởng giả rút lui chuyện mua bán lạ lùng này cũng chưa muộn mà!

- Dạ, không phải thế, tâu điện hạ! Trưởng giả Sudatta ung dung nói - Tôi đang tính cách lót vàng nơi những gốc cây choán chỗ trên đất, đồng thời, tính xem, nên chở vàng từ kho nào đến đây mới đủ và tiện đường nhất!

Hoàng tử Jeta thấy mình nổi da gà cả toàn thân, ngạc nhiên, tò mò, ông hỏi trưởng giả về tu viện, mục đích kiến tạo tu viện là để mà làm gì? Trưởng giả Sudatta đôi mắt chợt bừng sáng lên, thân thiết nắm tay hoàng tử, nói tóm tắt nhưng đầy đủ về đức Phật, Tăng chúng và giáo pháp cho hoàng tử nghe! Trưởng giả cũng tâm tình, thổ lộ mục đích hoàn toàn vô vị lợi của ông! Rằng là vì muốn phục vụ văn minh, văn hóa cho đất nước này, cho quê hương này của chúng ta! Từ lâu, chắc điện hạ đã thấy bọn ngoại đạo, tà giáo chúng lộng hành như thế nào, đang mua thần, bán thánh như thế nào! Dân giàu, nước mạnh không, cũng chưa đủ, phải cần có một giáo pháp thánh thiện, trong sáng và lành mạnh để cho bao người thoát khỏi sự ngu muội, cuồng tín! Cần phải có những giá trị tinh thần đích thực để nương tựa đời này và đời kia! Tại đất nước Māgadha, kinh thành Rājagaha, đức vua Seniya Bimbisāra, triều đình và cả hàng ngàn hoàng gia, quý tộc đã quy giáo đức Thế Tôn và Tăng đoàn thánh hạnh! Ôi! Hạnh phúc làm sao là đất nước ấy!

Để kết luận, trưởng giả Sudatta sung sướng nói:

- Vô cùng cảm ơn điện hạ đã hào sảng nhượng lại cho tôi khu vườn quý giá này! Mai kia, sau khi kiến tạo xong xuôi, tôi sẽ hiến cúng tất thảy công trình này cho đức Phật và Tăng chúng mười phương! Vậy là công đức của điện hạ cũng to lớn lắm vậy!

Hoàng tử Jeta cảm thấy rất hổ thẹn trước sự vĩ đại của ông trưởng giả đã dám lấy vàng đổi đất, để lót bên dưới mà

tôn vinh lên trên những giá trị tinh thần cao quý thế kia, còn ta thì sao? Ta là một con người tầm thường, chỉ biết có vàng mà thôi sao?

- Hãy ngưng lại, ông trưởng giả quý mến! Hoàng tử Jeta hối hả nói - Vậy là đủ rồi, chẳng cần phải lát vàng thêm nữa! Đất bây giờ đã là của ông, nhưng ông hãy cho ta hùn góp một chút công đức, được chăng?

- Điện hạ cứ nói!

- Phần đất vườn là của ông, còn phần cây là của ta! Hoàng tử chậm rãi nói – Sau này, khi tu viện hoàn thành, ông cho ta được dự phần một chút vinh quang, núp sau cái bóng của ông vậy?

Vui mừng quá, trưởng giả Sudatta nói:

- Rất là hoan hỷ, thưa điện hạ! Hay lắm! Cây là của điện hạ cúng dường! Đất vườn là của tôi đóng góp! Hay lắm![1]

Thế rồi, với sự góp ý của tôn giả Sāriputta, công trình xây dựng được tiến hành. Tiến hành gấp rút từ bản vẽ của tôn giả Sāriputta, ròng rã suốt mấy tháng trường với hằng ngàn công nhân; và vật liệu thì cứ kìn kìn đổ tới. Do rút kinh nghiệm ở Trúc Lâm nên quy mô tại Kỳ Viên này không gian sử dụng rộng rãi hơn, tiện nghi sinh hoạt thuận lợi hơn. Theo sơ đồ tổng quát, nó gồm hai mươi khu biệt cư (dành riêng cho hàng ngàn chư khách tăng vãng lai) nhà giảng (dành cho hội chúng cư sĩ), nhà hội (nơi hội họp Tăng sự, giáo giới chư tăng) nhà ăn, nhà khách, bệnh viện, nhà kho, mấy chục giếng nước, mấy chục khu nhà vệ sinh, mấy chục nhà tắm (một nửa có trang bị lò sưởi), hàng ngàn ghè nước lớn và nhỏ, mấy chục nơi xử lý rác thải... Ngoài ra, còn nạo vét và

[1] Sau này, khi gọi tên đầy đủ thì phải gọi tu viện này là: Kỳ thọ-cây -cây của Kỳ Đà; Cấp Cô Độc viên - vườn của Cấp Cô Độc, gọi tắt là Kỳ Viên; còn gọi là Bố Kim Tự 'chùa trải vàng'. Cũng theo tư liệu trên, khu vườn được lót vàng trị giá 18 triệu đồng tiền vàng.

làm sạch đẹp các con suối, trồng sen súng tại các hồ nước, làm các con đường kinh hành, các ghế đá rải rác trong công viên. Đặc biệt, hương phòng của đức Thế Tôn làm bằng gỗ chiên đàn, đẹp và tiện nghi. Có khoảng chừng một trăm cốc liêu (dành riêng cho các vị trưởng lão), năm trăm cốc liêu (dành cho chư tăng nội trú). Xa trước cổng Kỳ Viên, trưởng giả Sudatta còn làm thêm khu nhà chẩn bần, giúp người nghèo đói mỗi tháng bốn kỳ. Lại còn có nơi dành riêng cho chim, quạ ăn thức ăn thừa! Việc bảo vệ và chăm sóc công trình, ông trưởng giả còn dự định tuyển chọn năm mươi người lao động tạp dịch có đạo tâm thường xuyên ăn ở tại đây, có khu nhà dành riêng cho họ!

Khối lượng công việc là rất lớn, cần nhiều thời gian; ngại rằng đức Phật đến thăm Kỳ Viên rồi trở lại an cư ở Trúc Lâm như lời hứa với đức vua Seniya Bimbisāra sẽ không còn kịp, nên tôn giả Sāriputta đến chào từ biệt trưởng giả Sudatta:

- Ta cần phải đi đón đức Thế Tôn, còn công việc ở đây, ông cứ theo họa đồ tổng quát và chi tiết mà thực hiện, đâu đó đã được cắm mốc, có phương hướng rõ ràng rồi!

- Rất tri ân tôn giả! Sudatta nói với gương mặt rạng rỡ - Đâu đó đều rất hoàn chỉnh, rất đẹp - Ngần ngừ một lát rồi ông nói tiếp - Nghe nói còn có ngày giờ tốt, xấu; hướng tốt, hướng xấu và cả thuật phong thủy nữa, không rõ giáo pháp của đức Tôn Sư quan niệm như thế nào về chuyện ấy?

Tôn giả Sāriputta cười đáp:

- Giáo pháp của đức Thế Tôn chỉ chú trọng đến cái bên trong của con người, những căn bệnh phiền não, khổ đau cùng phương thuốc chẩn trị chúng. Còn những ngoại duyên tác động từ bên ngoài là cái thứ yếu, phụ tùy. Đức Thế Tôn có đề cập khi nói đến các định luật của vũ trụ, tức là các lực, các từ, các khí tương tác của vạn hữu, nhưng xét ra cũng không quan trọng lắm!

- Đấy là những định luật gì, thưa tôn giả?

- Ồ, ông hãy suy gẫm mà xem! Nắng mưa, ngày đêm, nóng lạnh, thời tiết ba mùa trong năm; các ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng tác động đến ao biển, sông hồ, con người, muông thú, thảo mộc... Những sự vận hành của thời tiết, đất trời có vẻ tự nhiên ấy chúng có luật tắc chi phối đấy, được gọi là định luật của thế giới vật lý vô cơ[1](utuniyāma). Còn nữa, những quy luật tác động trong thế giới tế bào của động vật, thực vật làm cho giống nào sinh ra giống ấy (cam ra cam, quýt ra quýt); huyết thống di truyền (con giống cha mẹ, ảnh hưởng ngu, trí) thì được gọi là định luật của thế giới vật lý hữu cơ (bījaniyāma). Rồi, cái luật tắc thứ ba là định luật về pháp (dhammaniyāma), khá khó hiểu, nó chi phối pháp giới, toàn bộ cư dân hữu tình, vô tình của quả đất...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta chậm rãi tiếp lời, thân mật:

- Ông triệu phú có biết không! Khi ngồi dưới cội Bodhirukkha, đức Thế Tôn đã quay mặt về hướng đông, đấy là hướng của thanh khí, dương khí nó sẽ hỗ trợ tốt cho khí lực của cơ thể! Canh ba, lúc nằm nghỉ nghiêng lưng nửa canh đầu, đức Tôn Sư của chúng ta, thường quay đầu về hướng bắc, chân co, chân duỗi về hướng nam, lưng quay về hướng đông, mặt quay về hướng tây là vì ngài biết các từ, các lực, các khí của vũ trụ trong tám hướng, có thể hỗ trợ cho khí lực của con người! Nghĩa là đức Tôn Sư do nắm rõ các quy luật, sức hút, sức đẩy, tương tác của các từ, các khí. các lực - định luật về pháp - nên đã thuận theo các luật tắc vận hành tự nhiên ấy. Thuận thì tốt, nghịch thì khó chịu có thể sinh ra sự đảo lộn khí huyết không cần thiết! Do vậy, có thể nói rằng, đức Toàn Giác của chúng ta đã biết rõ tất cả cái gọi địa lý, thiên văn mà thuật ngữ chuyên môn gọi là phong

[1] Vô cơ và hữu cơ là tạm sử dụng từ hiện đại cho dễ hiểu.

thủy, ngày tốt xấu, hướng tốt xấu mà trưởng giả đã đề cập!

Trưởng giả Sudatta rối rít nói:

- Vậy là có chuyện ngày giờ tốt xấu, hướng nhà, hướng cuộc đất tốt xấu như các thầy bà-la-môn đã lợi dụng để làm tiền mọi người xưa nay?

- Có đấy! Nhưng tốt xấu bên ngoài không quan trọng bằng tốt xấu từ tâm địa của con người!

- Đệ tử hiểu rồi!

- Giáo pháp của đức Tôn Sư là giáo pháp diệt khổ! Thấy rõ dukkha và diệt dukkha là quan trọng, các ngoại duyên liên hệ khác là phụ tùy!

- Đệ tử hiểu rồi!

- Nhưng khi chúng ta xây dựng nơi ở của đức Phật và Tăng chúng thì nên thuận theo các định luật tự nhiên của vũ trụ hay cứ tùy tiện những đối nghịch không cần thiết?

- Phải rồi! Đệ tử đã hiểu rõ! Hèn gì, đức Thế Tôn đề cử tôn giả cố vấn, tham mưu cho đệ tử xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười khiêm tốn:

- Đức Thế Tôn mới là bậc thầy, bậc thầy siêu việt về nhiều lãnh vực; ngài biết rõ thuở còn là thanh niên nhờ làm trưởng giáo bà-la-môn nên các lãnh vực kiến trúc, địa lý, thiên văn, phong thủy, tự nhiên học... ta đã từng là giáo thọ sư cho hằng trăm môn đệ!

- Hiển nhiên là vậy rồi!

- Còn hai định luật nữa, này ông trưởng giả! Đấy là định luật về tâm (cittaniyāma) và định luật nghiệp báo (kammaniyāma). Khi chúng ta phán đoán, suy luận, hồi ức, tưởng tượng hoặc những yếu tố nội tâm, trạng thái tâm lý diễn tiến theo trình tự nhân quả tương quan chi phối sinh hoạt hữu thức và vô thức của con người đều thuộc lãnh vực của định luật tâm! Những hiện tượng thần giao cách cảm, biết quá khứ, vị lai; cả thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông...

cũng từ định luật này mà có! Người học giáo pháp Phật phải nắm rõ quy luật này để từng bước, dẫn tâm từ các trạng thái thấp lên cao, từ thô tháo đến tế vi... rồi tế vi hơn nữa; cuối cùng sử dụng tâm rất nhuần nhuyễn, thuần thục vì hạnh phúc cho mình và cho người!

- Thật là vi diệu vậy thay!

- Còn nữa, định luật nhân quả nghiệp báo, nói đầy đủ là tác nhân của nghiệp và kết quả của nghiệp. Ở đây là những hành động và những phản ứng tâm lý có ý thức, có chủ tâm. Nói cách khác, khi chúng ta suy nghĩ, hành động, nói năng do thiện hoặc bất thiện chi phối tất là nó mang tính đạo đức, luân lý thì khi ấy, chúng ta đã khởi tác nhân của nghiệp; và nó sẽ xảy ra sự báo ứng của nghiệp! Đức Thế Tôn đặc biệt nhấn mạnh định luật này, vì chính ở đây mới xảy ra nghiệp báo và sự chấm dứt nghiệp báo, sự khổ và sự diệt khổ vậy! Nầy trưởng giả Sudatta! Bây giờ ông đã hiểu tại sao, giáo pháp của đức Tôn Sư chỉ nhắm đến dukkha và sự chấm dứt dukkha mà không nói đến địa lý, thiên văn, phong thủy rồi chứ?

- Tri ân tôn giả!

Trưởng giả Sudatta cúi đầu xuống, cảm kích! Tuy chưa hiểu hết lý nghĩa sự giáo giới tận tình của tôn giả Sāriputta, nhưng ông cảm thấy nao nao trong lòng, tâm và trí càng lúc càng sáng ra! Bây giờ trưởng giả mới thật sự thấy rõ tầm vóc vượt trội, siêu đẳng của vị đại đệ tử về kiến thức ngoại điển cũng như nội điển; do vậy, đức tin trong ông, về đức Phật, về giáo pháp này, về tăng chúng này, ngày càng lớn mạnh, ổn định, vững chắc hơn!

Ngũ Minh[1]
Cũng Chưa Đủ

Đầu tháng ba, năm năm trăm tám tư trước Tây lịch, tôn giả Sāriputta bỏ lại sau lưng Kỳ Viên đại tịnh xá đang xây dựng chưa hoàn chỉnh, lên đường đi đón đức Phật. Bây giờ là cuối tiết xuân, trời không nóng lắm, có thể dễ dàng đi lại; nhưng sực nghĩ đến khoảng cách hơn bảy mươi do-tuần (trên dưới 840 km hiện nay) từ Rājagaha đến Sāvatthi, nếu mỗi ngày đi một do-tuần thì phải mất gần ba tháng nên ngài phải sử dụng thần thông. Tuy nhiên, lúc dừng tại Vesāli định trì bình khất thực thì tôn giả thoáng thấy hình bóng các vị sa-môn áo vàng. Hướng tâm, biết đức Phật và chư tăng đã đến đây từ ba hôm trước, đang nghỉ tại Mahāvana (Đại Lâm), tôn giả tìm đến, đảnh lễ và vấn an sức khỏe của ngài.

Đức Phật mỉm nụ cười hoan hỷ:

- Biết ông sẽ đi đón Như Lai, nên Như Lai chỉ giữ lại Moggallāna, Bhaddiya (cũ), Uruvelā-Kassapa trông coi Trúc Lâm với chừng năm trăm tỳ-khưu! Số còn lại, hơn một ngàn rưỡi tỳ-khưu đã cùng với Như Lai đi gặp ông đây! Thế nào rồi? Công việc xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá đến đâu rồi hả ông giáo thọ bậc thầy các kiến trúc sư?

---

[1] Mượn từ của bộ phái phát triển sau này.

Tôn giả Sāriputta nghe cách hỏi của đức Phật, biết là ngài đã tận tường tất cả, nhưng tôn giả cũng tuần tự trình tâu lại tất cả mọi việc.

- Lành thay! Đức Phật tán thán – Ông đã có công thiết kế Kỳ Viên quy mô hơn, thuận lợi sinh hoạt hơn, có cái nhìn xa rộng hơn... Rất tốt, rất tốt... Đấy đúng là thủ phủ thứ hai, căn cứ địa thứ hai để cho giáo pháp phát triển sâu rộng cả miền Tây bắc châu Diêm-phù-đề!

Độ ngọ xong, tôn giả Sāriputta được gặp lại tôn giả Assaji, tôn giả Vappa, tôn giả Mahānāma, tôn giả Nadīkassapa, tôn giả Gayākassapa, tôn giả Mahā Kassapa và cả tôn giả Kāḷudāyi, Bhaddiya, Ānanda, Devadatta... cùng một số các vị trong hoàng tộc Sākya nữa!

Đức Phật nói với Sāriputta:

- Các ông Kāḷudāyi, Bhaddiya (dòng Sākya) cùng mấy trăm tỳ-khưu đi du hóa tại các tiểu bang Licchavī, Vajjī, Videha, Mallā, Moriya... thấy rằng, quần chúng rất tốt, rất nhiều tín tâm; nhưng khi đi khất thực, gặp duyên thuyết giáo, họ lại va vấp hai khó khăn trở ngại lớn: Thứ nhất là giới quý tộc, tướng lãnh ở đấy rất ngã mạn; không dễ gì nói lọt tai, không dễ gì làm cho những cái đầu rất cứng ấy nhu thuận, quy phục được! Thứ hai là "vấn đề" lý luận của các giáo phái chủ, giáo phái sư cùng một số học giả, bà-la-môn gia chủ trong và ngoài truyền thống; họ trườn uốn như con lươn, rất điêu toa, xảo quyệt; chúng có thể lý luận dẫn voi qua lỗ kim, có thể lý luận con lạc đà thành con chó trắng một cách khá dễ dàng! Thế rồi, các ông ấy bảo là vì chưa học môn lý luận, đành phải lép vế, bây giờ họ đang cầu viện Như Lai đấy! Là đại đệ tử, ông có ý kiến gì không?

Tôn giả Sāriputta nhũn nhặn:

- Đệ tử không dám! Đức Thế Tôn rõ biết tất cả! Và đức Thế Tôn còn biết rõ hơn là còn nhiều môn học – mà các sứ giả Như Lai trên đường hoằng hóa cần phải học sâu, hiểu

rộng mới mong nhiếp hóa ngoại đạo, tà giáo, thu phục nhiều thành phần giai cấp khác nhau để đi vào lòng thế gian và lòng người được!

- Đấy là những môn học gì hở Sāriputta? Đức Phật có vẻ quan tâm - Ông có thể trình bày cho Như Lai, các vị cao túc cùng đại chúng ở đây nghe được không?

Biết đức Phật không phải kiểm tra kiến văn của mình, mà chỉ muốn nhân đó, giáo giới đến mọi người nên tôn giả đã mạnh dạn phát biểu:

- Bạch đức thế Tôn! Tôn giả cất giọng hùng hồn như tiếng chuông đồng vang ngân rất xa cho đại chúng cùng nghe - Lý luận, ngay chính môn học lý luận thôi cũng đã không đơn giản! Các hiền giả Kāḷudāyi và Bhaddiya đâu phải là nhân vật tầm thường. Một vị xuất thân là quan đại thần lỗi lạc. Một vị là quan tổng trấn kiêm quan chánh án uy danh lừng lẫy! Thế nhưng, khi đi vào "đấu trường" lý luận, khả dĩ có khả năng đối thoại với bọn thức giả, trí giả, học giả xảo biện; chúng ta phải kinh qua học phái lý luận Nyvāya, một trong sáu phái truyền thống Vedā để biết cách sử dụng từ, ngữ, khiếm chủ từ, có mặt chủ từ, động từ chủ động và bị động, câu cú, cách hỏi, cách đặt vấn đề, thi thiết, giả định, thiết định, cách lập mệnh đề, mệnh đề hở, mệnh đề kín, phản mệnh đề, thuận mệnh đề... rất là nhiêu khê, phức tạp! Thường thì cách nói theo ngôn ngữ phổ thông của chúng ta, nhằm để trao đổi thông tin là chính; nhưng chỉ cần một tay xảo biện, miệng lưỡi hỏi lại, chúng ta lúng túng ngay! Vậy thì trước nhất, các sứ giả Như Lai phải biết trang bị toàn hảo môn học lý luận này; và chỉ có đức Thế Tôn mới có khả năng giáo giới cho tất thảy chúng đệ tử tới nơi, tới chốn mà thôi!

Đức Phật mỉm cười:

- Ví như câu nói như thế nào, câu hỏi lại như thế nào có thể làm cho chúng đệ tử Như Lai lúng túng, hở Sāriputta?

- Có thể bất kỳ câu nói nào, bạch đức Thế Tôn! Ví dụ, đệ tử nói, tôi đi khất thực; kẻ kia liền chế giễu, đi thì làm sao mà khất, mà thực! Lại nữa, khất là khất cái gì, thực là thực cái gì? Vậy là họ bảo, câu nói đó sai lầm, mệnh đề ấy tối tăm, ngôn ngữ mù mờ, chẳng rõ trao gởi thông tin gì! Ví dụ đệ tử nói, hạt mưa rơi! Kẻ kia liền bắt bẻ, cái gì là hạt? Hạt ngô, hạt thóc; hạt bao giờ cũng thể đặc hàm chỉ một hạt giống, một cái mầm hữu cơ! Mưa là thể lỏng, chẳng có hạt giống nào trong đó cả! Lại nữa, mưa là động từ hay chủ từ? Nếu là động từ thì nguyên động lực nào mà nó rơi? Nếu là chủ từ thì mưa cũng không thể tự rơi? Thế là lập ngôn "hạt mưa rơi" không đứng vững, từ và nghĩa sai lầm, mệnh đề ấy là sai lầm! Chúng có thể lôi ra từng từ, từng chữ để ngược xuôi, điên đảo rất khó chịu, đa phần chỉ để chọc tức, làm cho ta mất bình tỉnh, mất cảnh giác! Vậy là chúng vỗ tay, huênh hoang, cười hì hì hà hà để nhạo báng và coi như mình đã thắng cuộc!

Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể đưa ra hằng trăm hằng ngàn ví dụ tương tự. Môn học lý luận cổ xưa đã trang bị cho những bà-la-môn luận sư, những du sĩ lang thang những kiến thức căn bản; đồng thời, điêu toa chỉ bày cách nói, cách hỏi ngoa ngoắt, lắt léo để chúng nắm xảo thuật trổ tài miệng lưỡi, bắt bẻ nhau từng ly, từng tý như vậy. Do thế, môn học ấy, những sa-môn đệ tử Phật cũng phải biết rõ để khỏi bị thất thố, mắc mưu họ!

- Đúng thế! Đức Phật nói – Môn học lý luận thì dường như ông, Moggallāna, Mahā Kassapa đã được trang bị rất chu đáo từ thuở thiếu niên, do vậy rất dễ dàng đi đây đi đó để hoằng pháp. Tuy nhiên, Như Lai muốn bổ túc cho sự thiếu sót của môn học ấy (sau này gọi là nhân minh) là phải biết phân biệt rõ ràng chánh tà, đúng sai, chân ngụy; và, khả năng lý luận, luận giải, lập biện đòi hỏi phải rời kiến thức suông để trở về với đời sống tu tập, chứng nghiệm, liễu ngộ

thật sự, mới là mặt mạnh, sở đắc của đệ tử Như Lai. Vậy còn những môn gì cần phải học nữa, Sāriputta?

- Môn thứ hai thì giáo dục truyền thống đã có sẵn rồi, đấy là các môn học nghệ, toán học (số học, đo lường, hình học) văn chương (thơ, kệ), khoa học (vật lý, sinh học, tự nhiên học), sử học, tư tưởng triết học trong và ngoài truyền thống Vedā (sau này gọi là công xảo minh) để có kiến thức đa dạng, phong phú để dễ dàng nói chuyện với nhiều thành phần giai cấp trong xã hội. Môn học thứ ba nó nằm trong bốn tuệ phân tích, tức là khả năng về ngôn ngữ, phải thông thạo văn phạm, cú pháp, cách diễn đạt phải chính xác, minh bạch (sau này gọi là thanh minh). Thứ tư là phải học để biết căn bản về cơ thể con người, sự vận hành của khí huyết, các kinh mạch, các huyệt liên hệ đến lục phủ ngũ tạng để biết cách xoa bóp, bấm huyệt tự chữa bệnh cho mình và cho huynh đệ. Lại nữa, cần phải biết một số dược liệu để chữa trị những căn bệnh phổ thông. Nếu không được như thế thì cũng biết cách điều tiết ăn ngủ, biết giữ gìn thân thể qua các mùa tiết hoặc khi nóng rét thất thường (sau này là y phương minh). Thứ năm là phải chịu khó nghe nhiều, học nhiều qua những bài giảng của đức Thế Tôn, qua những vị đã được đức Thế Tôn cho phép giáo giới chư tăng (sau này gọi là nội minh).

Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta thưa tiếp - Quả là đệ tử đã lắm lời! Năm môn học ấy, hiện tại chưa cần thiết lắm! Vì sao vậy? Vì chư vị tôn túc trưởng lão và hằng trăm chúng đệ tử của đức Thế Tôn đều là thành phần trí thức ưu tú; họ đã tự trang bị đầy đủ cho mình rồi. Lại nữa, họ còn có thể thuyết giáo giới đức, định đức, tuệ đức đến cho mọi người, đấy là bài thuyết pháp sống động và hiện thực nhất. Họ còn có thể thuyết giáo về nhẫn, về từ, về xả trên lộ trình độ sanh. Họ còn có thể thuyết giáo đời sống vô sản, bần hàn, thiểu dục, tri túc, chánh niệm, tỉnh giác trong mỗi bước đi,

trong mỗi hơi thở. Chúng còn cao đẹp gấp trăm lần, ngàn lần mọi phương pháp độ sinh bằng lý luận, bằng ngôn ngữ, bằng văn chương hoặc bằng nghề thầy thuốc!

- Hay lắm, tuyệt vời lắm, Sāriputta! Đức Phật tán thán – Ông đã rất hiểu về pháp; pháp sâu, pháp cạn, pháp trong, pháp ngoài, pháp trước, pháp sau nên đã trình bày rất chân xác! Các vị tỳ-khưu phải thành tâm thọ trì câu chuyện hôm nay. Thật ra, này Sāriputta, này chư tỳ-khưu! Như Lai còn biết nhiều hơn thế nữa, ví dụ như chỉ cần bốn nhiếp pháp là đủ, ví dụ như sáu hòa kỉnh là đủ, ví dụ như bốn niệm xứ là đủ, ví dụ như bảy giác chi là đủ, ví như năm căn năm lực là đủ, ví như tám đạo chi là đủ, ví dụ như các ba-la-mật là đủ... nhưng nói ra thì chưa phải lúc, chưa đúng thời... Nghỉ hơi một lát, đức Phật tiếp - Sớm mai chúng ta lên đường đến Sāvatthi, bây giờ Như Lai phân chia như sau: Mahā Kassapa với hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu thì chia nhau ở rải rác trong tiểu bang Licchavī này, nơi có những vị tướng lãnh cứng đầu nhất và một số bà-la-môn miệng lưỡi nhất! Nadīkassapa và Gayākassapa còn rất khỏe, nên dẫn hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu đến du hóa miền xa nhất là tiểu bang Moriya! Tại Mallā, phía trước mặt gần đây thì Kāḷudāyi và Bhaddiya cùng hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu đảm trách. Phía Đông bắc bên kia là tiểu bang Videha thì xin hai ông Assaji và Vappa cùng hai trăm năm mươi vị tỳ-khưu nhận nhiệm vụ cho. Còn Như Lai, Sāriputta, Mahānāma cùng nhóm Lộc Uyển, Ānanda, Devadatta, Kimbila, Bhagu, Anuruddha ... cùng với năm trăm tỳ-khưu, chưa cần ghé Kapilavatthu mà hãy trực chỉ Sāvatthi, ở đấy có rất nhiều công việc phải làm!

Viếng Thăm
Kỳ Viên Đại Tịnh Xá

Do tôn giả Sāriputta báo tin trước nên đức Phật và tăng đoàn mới đến địa đầu kinh thành Sāvatthi thì trưởng giả Sudatta và hoàng tử Jeta đã đến nơi nghinh đón!

Nhìn tướng hảo quang minh, quý phái của đức Phật và đoàn sa-môn trang nghiêm, thanh sáng, thong dong, tự tại từng bước một, kéo dài xa hút; trưởng giả Sudatta xúc động, bồi hồi, hoan hỷ đến chảy nước mắt! Hoàng tử Jeta thì đứng lặng người, một niềm tôn kính thiêng liêng đã đến với ông!

- Này ông trưởng giả lấy vàng đổi đất! Này vị hoàng tử hào phóng cúng dường vườn cây xinh đẹp! Như Lai biết công đức của hai vị rồi! Đức Phật dừng lại, mỉm nụ hoa sen nói chuyện với hai người – Bây giờ thì các vị về trước đi! Như Lai và tăng đoàn muốn gieo duyên trì bình khất thực đầu tiên tại thủ đô danh tiếng này!

Thế rồi, các vị trưởng lão nhanh chóng hội ý, phân chia các ngả đường. Con rồng vàng chợt bị ngắt từng khoảng, từng khoảng rất đẹp mắt, tuần tự rẽ sang các lối khác nhau. Đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda với chừng một trăm vị tỳ-khưu đi vào con lộ chính dẫn vào trung tâm thành phố. Như thường lệ, bất kể giàu nghèo, sang hèn không phân biệt;

củ khoai, củ sắn, muỗng cơm, muỗng cháo, chút cari, lát bánh, bột hấp gì gì... đức Phật và tăng đoàn đều trân trọng thọ nhận như nhau, đến trưa mới về đến Kỳ Viên đại tịnh xá! Những đoàn khác cũng tuần tự trở về như những cánh chim vàng khuất dần trong vườn cây xanh!

Hình ảnh đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu y bát trang nghiêm, râu tóc sạch sẽ rải đều khắp kinh thành là một biến cố trọng đại xảy ra tại đất nước Kosala, hùng cường nhất vùng tây bắc này!

Thọ thực rồi nghỉ ngơi tại hương thất một lát, đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, trưởng giả Sudatta, hoàng tử Jeta đi tản bộ nhìn ngắm các nơi. Công trình tuy chưa hoàn thành nhưng đức Phật cũng hình dung ra được cái tầm vóc kỳ vĩ của nó. Khuôn viên vườn rừng rất rộng, đi đến mấy khắc mới hết đất. Đâu đâu thầy thợ cũng đông đúc và họ làm việc khá yên lặng. Các công trình chính và phụ có lẽ nhiều gấp ba lần Trúc Lâm. Các chi tiết cảnh: Lối đi, ghế đá, vườn cỏ, ven hồ, ven suối được thực hiện rất thanh giản, tự nhiên nhưng không kém phần công phu và nghệ thuật đang được hình thành đây đó. Nội thất, tiện nghi sinh hoạt các nơi đều được sử dụng vật liệu chắc bền, được tính toán rất kỹ lưỡng! Nhà hội, nhà giảng rất rộng, cao, thoáng mát có cả hằng trăm cánh cửa vuông, tròn phối hợp hài hòa; hoa văn, họa tiết đặc trưng nghệ thuật kiến trúc của thời đại! Một số phòng tắm lại có cả lò sưởi, có ống khói cao, sẽ được đốt bằng củi thơm! Bệnh viện, nghe nói, sức chứa khoảng trăm giường rất tiện nghi, sạch sẽ; và sẽ tuyển dụng thầy thuốc chuyên môn chăm sóc, quản lý, điều hành! Nói tóm lại, không những ông triệu phú tiêu pha tiền rừng, bạc bể; mà còn cả chất xám, trí não của ông, của thầy thợ, của hoàng tử Jeta; và nhiều nhất, có lẽ là tôn giả Sāriputta nữa!

Trở lại hương phòng, đức Phật nhận xét:

- Công trình dẫu chưa xong nhưng có vẻ rất hoàn mỹ,

này Sudatta! Giáo pháp của Như Lai phát triển được ở đất nước này thì công đức của ông là đệ nhất! Hoàng tử Jeta sau khi hùn góp rừng cây thì cũng nên tìm hiểu về giáo pháp để mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình. Cuối cùng, Như Lai tán thán cả ông Sāriputta nữa, đã cố vấn và tham mưu cho công trình kỳ đặc như thế, với hằng ngàn chi tiết kiến trúc phức tạp - mà đâu đó hài hòa, sít sao, bắt mắt... cũng không dễ dàng gì; ngoài công sức của các kiến trúc sư chuyên môn, chắc ông cũng đã phải lao tâm khổ tứ nhiều lắm đấy!

Tỳ-khưu Ānanda rất tinh tế, phát biểu:

- Nhà hội và hương phòng của đức Thế Tôn phảng phất đường nét cung đình...

Tôn giả Sāriputta cười vui:

- Đúng vậy! Ở đây còn có sự góp ý của hoàng tử Jeta nữa đấy! Ngoài ra, nhóm thầy kiến trúc phụ trách chính lại được mời từ Gandhāra xuống, đa phần đã tốt nghiệp nhiều năm từ trường đại học kiến trúc Takkasilā nên họ biết rõ công việc của mình!

Mọi người, ai nấy đều hoan hỷ.

Hôm sau, trưởng giả Sudatta và có cả hoàng tử Jeta hùn góp tổ chức một buổi cúng dường lớn lên đức Phật và tăng đoàn giữa rừng cây. Trưởng giả Sudatta cung kính mở lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử phải sắp đặt, thiết lễ cúng dường Kỳ Viên đại tịnh xá như thế nào để cho đúng với pháp và luật?

- Nầy Sudatta! Ông hãy khởi tâm cúng dường Kỳ Viên đến cho Tăng chúng mười phương, cả hiện tại và tương lai!

Câu nói của đức Phật thế là như bản giao kèo để ông trưởng giả trao quyền sử dụng cơ sở mà không chuyển nhượng quyền sở-hữu-chủ làm lễ rót nước lên tay ngài như ở Trúc Lâm. Cũng từ câu nói khôn khéo ấy, quyền sử dụng Kỳ Viên đại tịnh xá không giới hạn ở đức Phật và tăng đoàn

ở đây mà cho tăng chúng mười phương! Như vậy, trưởng giả Sudatta vẫn là sở-hữu-chủ, và Kỳ Viên đại tịnh xá ông chỉ cho giáo đoàn mượn dùng - cho mượn vĩnh viễn!

Ngày hôm sau, trưởng giả Sudatta cúng dường đặt bát đức Phật và tăng đoàn tại tư gia, ông đã cho mời hàng trăm nhân sĩ, trí thức, bạn bè thân hữu đến cùng nghe pháp. Thọ thực xong, chư tăng trở lại Kỳ Viên. Giữa đại sảnh lớn rộng chỉ còn tôn giả Sāriputta và Ānanda đứng hầu, đức Phật thuyết một thời pháp giản dị, nói về hạnh phúc của đời người, đặc biệt nhấn mạnh về người cư sĩ tại gia.

- Nầy chư vị! Đức Phật nói - một người cư sĩ tại gia có chánh tín, có đạo tâm, có một đời sống trong lành và hiền thiện, họ được thọ hưởng bốn loại hạnh phúc thuộc về vật chất ở trên thế gian này! Đó là hạnh phúc sở hữu của cải, tài sản chơn chánh (atthisukha), hạnh phúc được sử dụng, thọ dụng của cải, tài sản chơn chánh (bhogasukha), hạnh phúc không có mang công, mắc nợ ai (ananasukha); và cuối cùng là hạnh phúc không bị người đời cười chê, khiển trách (anavajjasukha).

Thế nào là hạnh phúc sở hữu của cải, tài sản chơn chánh? Ở đây, người cư sĩ tại gia tạo nên của cải, tài sản bằng chính mồ hôi sức lực của mình, bằng nỗ lực cần chuyên thức khuya, dậy sớm, bằng chính nghề nghiệp chơn chánh của mình chứ không phải do trộm cắp, do làm ăn phi pháp, do mưu kế, do thủ đoạn man trá, lọc lừa! Nhờ nghĩ vậy, nên người cư sĩ cảm thấy hân hoan, thỏa thích. Đấy là hạnh phúc thứ nhất trong cuôc đời nầy!

Thế nào là hạnh phúc đươc sử dụng, thọ dụng của cải, tài sản chơn chánh? Nhờ sở hữu của cải, tài sản chơn chánh nên chi phí ăn ở, tiêu dùng mọi việc cho gia đình, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt, xây nhà, dựng cửa, cưới vợ, gả chồng cho con cái, lễ hội, kỵ giỗ, tiệc vui... người cư sĩ cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, thanh thản! Thỉnh thoảng lại

còn biết giúp đỡ những người nghèo khổ, tâm vị tha lại lại có cơ hội nẩy sinh. Ngoài ra, người cư sĩ còn biết dành dụm một khoản nhỏ để cúng dường sa-môn, đạo sĩ hầu tích lũy phước báu cho mai sau với tâm thỏa thích, mãn nguyện. Đấy là hạnh phúc thứ hai trên thế gian này!

Thế nào là hạnh phúc vì không mang công, mắc nợ? Người tốt, người hiền, người có đời sống đạo đức hễ mang công, mắc nợ ai thì đêm ngày trăn trở, ăn không ngon, ngủ không yên, canh cánh bên lòng; và ngọn lửa hổ thẹn, khó chịu cứ âm ỉ thiêu đốt từng khắc, từng canh. Do vậy, không mang một món nợ lớn, nhỏ nào thì tâm hồn yên ổn, mát mẻ, tháng ngày thanh bình và an lạc. Đây được gọi là hạnh phúc thứ ba trong cõi nhân sinh!

Thế nào là hạnh phúc không bị người đời cười chê, khiển trách? Đây là do đời sống của người cư sĩ tại gia có tàm, quý, biết giữ gìn thân, khẩu, ý. Trong cư xử với gia đình, thân quyến; lúc giao tiếp, ứng xử với bạn bè, xã hội họ luôn hòa nhã, nhu thuận, chân tình nên không có gì phải ăn năn, hối hận, bất an hoặc sợ hãi. Nghĩa là từ cử chỉ, hành động, lời ăn, tiếng nói đến tâm niệm, tư duy họ đều không có lầm lỗi, không ai có thể cười chê hoặc khiển trách được! Đây được gọi là hạnh phúc thứ tư!

Nầy chư vị! Trong bốn loại hạnh phúc ấy, hạnh phúc thứ tư là cao quý, cao thượng nhất vì nó là cánh cửa mở để bước vào kho tàng giáo pháp của Như Lai! Người không có lầm lỗi về thân, không có lầm lỗi về khẩu, không có lầm lỗi về ý là đã sống một đời sống có quy giới lành mạnh (ngũ giới), đã có mười hạnh lành tốt đẹp (thập thiện)! Nhờ vậy, tâm vị ấy trong sạch, thanh khiết. Ví như mảnh đất tâm đã được phát quang lùm bụi, đã được dọn dẹp sạch sẽ cỏ rác; từ đây, vị ấy có thể gieo lên đấy những hạt giống lành, được tưới nước, thêm phân, chăm bón công phu thì đời này, đời sau, hoa trái sẽ sum suê, tha hồ thu hoạch mùa màng bội thu,

thịnh mãn!

Trưởng giả Sudatta chợt nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu, sống giữa bụi đời, làm ăn buôn bán, đệ tử cảm thấy mình có nhiều lầm lỗi về thân, về khẩu, về ý! Nay nhờ thời pháp này, đệ tử nguyện sẽ cố gắng sống cho tốt hơn! Tuy nhiên, đệ tử chưa rõ, sự giống nhau, khác nhau, cao thấp giữa trì giới và bố thí? Còn nữa, bố thí đến người nghèo khổ, cúng dường đến đức Phật và chư tăng phước quả sẽ như thế nào?

- Này Sudatta! Đức Phật giảng giải – Ông là người quảng đại, giàu lòng nhân ái; lúc chưa gặp Như Lai, ông đã biết thương tưởng, đùm bọc những người nghèo khổ, bất hạnh; đã biết trợ cấp đến những người cô độc, cô quả, phước báu của sự tế độ ấy sẽ giúp ông hưởng được sung mãn vật chất nhiều đời. Ông cũng đã cúng dường vật thực đến Như Lai và đệ tử của Như Lai là hội chúng thanh tịnh thì phước báu của sự cúng dường ấy lại càng lớn hơn nữa. Vì sao vậy? Vì không những được thọ hưởng sung mãn vật chất mà còn gieo duyên với đạo quả giải thoát! Hôm qua, Như Lai lại gợi ý ông cúng dường toàn bộ công trình xây dựng Kỳ Viên đại tịnh xá cho mười phương tăng là Như Lai muốn cho phước báu của ông càng vĩ đại hơn nữa! Vì sao vậy? Vì thiết kế tu viện, xây dựng tịnh xá, cốc liêu cho chư tăng có nơi sinh hoạt, ăn ở đàng hoàng, phước báu ấy còn lớn hơn cả cúng dường cho Như Lai!

Này Sudatta! Đức Phật giảng tiếp – Giáo pháp của Như Lai cần người kế thừa để phát triển xa rộng; và chính mười phương tăng sẽ làm việc ấy! Còn nữa, những hạt giống do mười phương Tăng gieo trồng nơi này, nơi khác sẽ kế tục tồn tại nhiều ngàn năm trên châu Diêm-phù-đề nầy cùng những châu lục khác nữa! Ông phải tự hiểu nhân quả kỳ diệu ấy để hoan hỷ rằng mình đã làm được một việc lành hy hữu!

Tuy nhiên, dù có lớn lao cách mấy, dù có hy hữu cách mấy thì tất cả sự bố thí như tế độ, bố thí như cúng dường tu viện, Như Lai, tăng chúng mười phương vẫn không bằng quy y Tam Bảo. Tại sao vậy? Vì khi quá sung mãn vật chất, do thọ hưởng phước quả con người sẽ sinh ra giải đãi về thiện pháp, thích đời sống hưởng thụ, tham đắm ngũ trần dễ bị lưu lạc đường về! Quy y Tam Bảo chính là sự quy hướng chơn chánh cho chiếc thuyền đời vậy! Thọ trì ngũ giới sau khi quy y Tam Bảo lại còn thù thắng hơn nữa, vì lúc ấy là đang bước đi trên lộ trình chơn chánh, hoàn thiện bản thân! Tu tập định tâm từ thì còn hơn cả ngũ giới, vì có giới mới có định mà định tâm từ thì đem lại mát mẻ, an vui cho mình, cho người, cho phi nhơn, cho chư thiên ở xung quanh nữa! Và cuối cùng, tối thượng hơn tất cả phước báu là tu tập tuệ quán, thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã của chư pháp để giải thoát tất thảy khổ đau trong ba cõi, sáu đường!

Sau thời pháp sách tấn, khích lệ ấy, gia đình trưởng giả Sudatta, hằng chục gia nhân và hơn trăm vị khách đồng xin được thọ trì quy giới.

Mới hai ngày ở Kỳ Viên mà luồng gió trong lành của giáo pháp đức Thế Tôn đã thổi khắp kinh thành Sāvatthi và cả miền ngoại ô. Nhiều thành phần giai cấp khác nhau tìm đến nghe pháp. Tuy nhiên, đức Phật chỉ thuyết ba thời vào ba buổi chiều, còn hai buổi chiều khác, ngài giao cho tôn giả Sāriputta. Và cũng như thường lệ, buổi tối đức Phật giáo giới chư tăng - đặc biệt, ngài nói đến đặc điểm văn hóa, tín ngưỡng của từng vùng, miền; có những phong tục, tập quán giống nhau, khác nhau ra sao. Có cái còn tốt đẹp, còn ích dụng cho đạo đức nhân gian thì chưa nên đụng chạm đến; nếu nó liên hệ đến giáo pháp thì phải linh động, uyển chuyển khai triển ra, mở rộng thêm. Có cái quá tối tăm, ngu muội thì nên nhẫn nại, nhẫn nại nhiều ngày, nhiều tháng để giáo giới họ. Giá trị nào mà đã trở thành phổ thông, đã trở thành

thước đo đạo đức xã hội thì đệ tử của Như Lai phải biết tôn trọng. Điều nào mà mọi người cười chê thì đấy cũng được xem như cấm giới, điều luật phải thọ trì lúc ứng xử, giao tiếp...

Khuya, đức Phật thuyết pháp cho chư thiên, dạ-xoa, phi nhân, thọ thần ở trong vùng. Trời Sakka xuống đảnh lễ, vấn an sức khỏe ngài rồi chỉ thị Tứ thiên vương hộ trì tăng chúng. Phạm thiên Sahampati hào quang sáng rực cả một vùng, xuống đảnh lễ, thăm viếng người bạn cũ, chào mừng và cùng hoan hỷ khi thấy giáo pháp được phát triển đến quốc độ Kosala nầy.

Suốt một tuần lễ, rất nhiều người hoan hỷ, xin quy y. Thỉnh thoảng có vài cuộc chất vấn gay gắt vì bất đồng quan điểm tư tưởng. Đức Phật cũng chỉ mỉm cười, không đáp; và rồi tôn giả Sāriputta giải quyết êm xuôi việc ấy!

Đại đức Ānanda rất ngưỡng mộ vị pháp huynh của mình, như chiếc bóng không rời, cứ hỏi han giáo pháp luôn!

Hôm kia, một số trong nhóm ba mươi vị tỳ-khưu Pāvāya từ miền tây bắc và cực bắc Kosala, dẫn theo hơn một trăm tân tỳ-khưu tìm về đảnh lễ đức Phật và vấn an sức khỏe của ngài. Họ rất vui mừng thấy chư tăng đông đảo và công trình vĩ đại của Kỳ Viên. Đức Phật cặn kẽ hỏi han việc hoằng hóa. Họ cho biết là chỉ phát triển ở một số thị trấn dân cư đông đúc, càng đi xa thì đất rộng, người thưa, đa phần họ quá nghèo khổ, sự khất thực rất khó khăn. Đôi khi đi cả ngày chỉ gặp mấy chòi lá ở sườn đồi, chân núi. Lại nữa, những loại tín ngưỡng nhân gian như thờ thần, thờ ma quỷ, thờ rắn, thờ bò, thờ dâm tượng sinh thực khí... và cả những hình thức khổ hạnh cực đoan đã ăn sâu, mọc rễ trong quan niệm, tập quán, trong sinh hoạt; nên họ rất khó tiếp cận giáo pháp trong sáng, lành mạnh, cần sự nỗ lực tự thân hơn là khẩn cầu tha lực như của chúng ta.

Đức Phật sách tấn họ, bảo đấy là tình hình khó khăn

chung, đoàn tuyên giáo nào cũng có những trở ngại tương tự. Đức Phật cũng lưu ý là những tỳ-khưu còn yếu về pháp học, pháp hành thì chưa nên cho đi hoằng hóa, họ cần thời gian dài ngày để tu học.

Thế rồi, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta giáo giới cho một trăm tân tỳ-khưu.

Thấy công việc ở đây cũng tạm yên, đức Phật chuẩn bị lên đường thì trưởng giả Sudatta dẫn đến một người - phục sức sang trọng, tướng mạo đẹp đẽ, ông quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là thanh niên Subhūti (Tu-bồ-đề), em trai của đệ tử; suốt một tuần nay, y chăm chú lắng nghe giáo pháp, trí không rời giáo pháp, tâm không rời giáo pháp nên cảm thấy hân hoan, thỏa thích. Bây giờ, em trai của đệ tử muốn xin xuất gia, sống đời phạm hạnh, ngưỡng mong đức Thế Tôn thế độ cho y!

Quán căn duyên, đức Phật thấy rõ, biết rõ thanh niên này đã tu hành cách đây đã mười lăm đời đức Chánh Đẳng Giác; từ thuở đức Phật Padumuttara, ông ta đã là đạo sĩ Nanda nổi danh nhiều phương. Sau này, thanh niên này sẽ là vị tỳ-khưu thích sống ở núi rừng, được coi là bậc ly dục đệ nhất!

Đức Phật mỉm nụ hoa sen, gật đầu, nói vài lời giáo giới rồi bảo hai vị đại đệ tử chuẩn bị cho Subhūti thọ giới ngay, có ngài chứng minh...

Nhìn vị tân tỳ-khưu y bát, tướng mạo trang nghiêm như đã từng xuất gia lâu năm, đức Phật sách tấn:

- Này Subhūti! Ông đã có căn cơ sâu dày, vậy hãy sống đời phạm hạnh thiêng liêng, trong sạch... Bây giờ hãy cùng đi với Như Lai về Trúc Lâm tịnh xá...

Rồi ngài cắt đặt tiếp:

- Như Lai còn rất nhiều công việc ở Rājagaha và Vesāli; nên Sāriputta thay mặt Như Lai cùng với Devadatta, Mahānāma, Kimbila, Bhagu phải ở lại đây để trông coi hội chúng này. Cùng về Trúc Lâm với Như Lai chỉ có Ānanda,

Anuruddha, tân tỳ-khưu Subhūti và thị giả Upavāna mà thôi. Lúc nào đến được Vesāli, Như Lai sẽ hội ý với các vị trưởng lão vùng ấy, sẽ bổ túc thêm các vị A-la-hán có nhiều năng lực để duy trì và phát triển Kỳ Viên!

Tại Rừng Mahāvana

Trên đường trở về, do ít người, ít việc, đại đức Ānanda rất sung sướng theo hầu cận đức Phật và tha hồ học hỏi về giáo pháp. Đại đức hãnh diện nói:

- Đệ tử học thuộc hết, bạch đức Thế Tôn! Tất cả mọi thời pháp đệ tử nghe được từ đức Thế Tôn hoặc qua sư huynh Sāriputta, đệ tử đều thuộc nằm lòng! Còn có một số thời pháp liên hệ đến sáu năm khổ hạnh, sự chứng ngộ tại cội Bodhirukkha, bốn mươi chín ngày đức Thế Tôn chứng nghiệm hạnh phúc giải thoát... thì đệ tử chỉ nghe được từng khúc, từng đoạn qua trưởng lão Koṇḍañña, Assaji...

Đức Phật biết rõ chuyện ấy. Nên ngoài những khi dừng chân tại Mallā, gặp trưởng lão Kāḷudāyi, lắng nghe công việc hoằng hóa ở đây; giáo giới một số tân tỳ-khưu ở Vajjī; lúc rảnh rỗi, ngài đều kể lại tận tường cho đại đức Ānanda nghe. Các thời pháp ở Lộc Uyển, rừng Kappāsiya, chuyến về lại cội bồ-đề thăm gia đình Sujāta, triệu phú Senānī, cô bé Punna, chú bé Sotthiya tặng tám bó cỏ như thế nào, đức Phật cũng kể lại từng chi tiết. Việc hóa độ ba anh em đạo sĩ tóc bện Kassapa và một ngàn đồ chúng của họ tại tụ lạc Uruvelā, dãy núi Gayā, bờ bắc sông Nerañjarā thì phải đối thoại nhiều lần, phải nhẫn nại nhiều ngày, phải thuyết giáo

nhiều cách, phải sử dụng thần thông nhiều lượt; lại còn cần sự hỗ trợ của Tứ đại thiên vương, trời Sakka, phạm thiên Sahampati như thế nào mới đưa họ vào chánh giáo được. Thời pháp "tất cả các pháp đều bị bốc cháy" tại sườn núi Gayāsīsa, đức Phật thuyết lại làm cho đại đức Ānanda rợn tóc gáy, xúc động cả toàn thân, thấy rõ sự nguy hiểm của thế gian lục dục ngũ trần! Đại đức Anuruddha và thị giả Upavāna cũng hưởng được lợi lạc không ít. Đức Phật mỉm cười, nói với Anuruddha:

- Hãy tinh cần và nhiệt tâm tu tập thêm nữa, này Anuruddha! Thấy được một trăm, hai trăm ngàn thế giới thì không thể chấm dứt khổ đau, phiền não được đâu! Thỉnh thoảng, sau khi thiền định, trở lại cận hành, quán sát xem thử các dòng cảm giác, dòng tri giác, dòng tâm hành, dòng thức tri chúng trôi chảy ra sao, rồi chúng sẽ duyên khởi như thế nào!

- Đệ tử sẽ cố gắng!

- Lúc nào thấy có trở ngại gì, thắc mắc về điều gì thì cứ thưa hỏi!

- Dạ thưa vâng!

Đến Vesāli, rừng Mahāvana, đức Phật ngạc nhiên là ở đây dường như đã đổi khác: Có cả giảng đường, hương phòng dành riêng cho ngài và rải rác đây đó cả hằng trăm cốc liêu nữa. Vật liệu xây dựng tuy chỉ là tranh, tre, nứa, lá nhưng trông khá xinh xắn, thanh nhã rất thích hợp với đời sống giản dị của sa-môn. Tôn giả Vappa, Bhaddiya, Nadīkassapa và rất đông tỳ-khưu ra đón ngài từ đầu bìa rừng, trông ai cũng rạng rỡ. Họ chào hỏi, giới thiệu lẫn nhau. Tỳ-khưu Subhūti có cơ hội biết thêm nhiều vị trưởng lão nổi danh.

Vào chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn tại giảng đường, đức Phật tỏ lời khen ngợi các vị trưởng lão và chư tỳ-khưu đã tự mình thiết lập được cơ sở truyền giáo ở đất nước này.

Trưởng lão Vappa, lớn tuổi nhất, tường trình mọi việc:

- Bạch đức Thế Tôn! Trưởng lão Mahā Kassapa nhờ sống đời đầu-đà khổ hạnh nên đã hóa độ được rất nhiều người nghèo khổ; mười ba pháp đầu-đà của vị ấy quả thật là xứng đáng làm gương cho mọi người – chư vị tỳ-khưu theo học rất đông. Trưởng lão Assaji đang xây dựng cơ sở tại Videha. Trưởng lão Gayākassapa ở tại Moriya cũng rất thành công. Trưởng lão Kāḷudāyi tại Mallā thì đức Thế Tôn đã gặp rồi. Hiện tại, chúng đệ tử rút bớt về đây một trăm tỳ-khưu để tạo dựng cơ sở, vì địa điểm này có lẽ khá quan trọng trong tương lai. Việc khởi tâm cúng dường để xây dựng Đại Lâm nầy là do mấy vị phú hộ và các gia chủ ở trong vùng, do họ có nhu cầu nghe pháp, học hỏi pháp. Có lẽ đức Thế Tôn sẽ giáo giới thêm cho họ vào các buổi chiều!

Đức Phật rất hài lòng về các vị trưởng lão ưu tú, ngài nói:

- Kỳ Viên đại tịnh xá rất lớn, có thể chứa vài ba ngàn tỳ-khưu mà không sợ khó khăn về vật thực. Có lẽ chư vị nên cho rút bớt các nơi về an cư tại đấy, nếu còn kịp thời gian. Sau mùa mưa, lưu ý là tại các thị trấn miền Nam Kosala, chúng ta vẫn chưa có người. Các xứ Kālāma, Kāsi, Vaṃsā, Avantī rộng lớn mênh mông mà chỉ có trưởng lão Yasa và chừng trăm vị tỳ-khưu! Thành phố Bārāṇasī, Kosambī và các vùng đối diện bờ Nam sông Gaṅgā chúng ta chưa đủ duyên. Riêng tại Vesāli này Như Lai sẽ lưu tâm.

Chiều hôm ấy, đức Phật thuyết một thời pháp nói về bố thí, trì giới, các cảnh trời rồi đặt hội chúng trên quy giới, thành người cư sĩ áo trắng. Buổi tối, đức Phật giáo giới chư vị tỳ-khưu, sau đó cho đề mục thiền định hợp với căn cơ một số các vị sơ tu!

Sáng hôm sau, đức Phật lên đường; trưởng lão Vappa, Bhaddiya và Nadīkassapa đến đảnh lễ. Đức Phật nói với ba vị:

- Hiện nay, nội bộ các tiểu bang Vajjī, Licchavī không được yên ổn, nhất là tại Vesāli. Các vị vua được bầu lên và nhóm tướng quân đang xung đột, tranh giành quyền lực nên nhiều pháp bất thiện đã phát sanh. Rất nhiều thiên, thần, thiện dạ-xoa ở nơi này họ không hoan hỷ nên đã lần lượt bỏ đi; trong nay mai những tai ương, dịch họa sẽ đổ xuống đất này. Các ông và tất cả tỳ-khưu ở đây nên tạm thời về an cư mùa mưa ở Trúc Lâm. Chỉ giữ lại năm bảy người để chăm sóc cơ sở. Tương lai ở đây như thế nào, Như Lai đã tiên liệu.

Các trưởng lão đều có thiên nhĩ, thiên nhãn, họ biết điều đó nên vâng mệnh, y lời.

Dạy Dỗ Bậc Đại Trí Thức

Đã dự định trở về Trúc Lâm, nhưng đột nhiên, đức Phật bảo nán lại mấy hôm nữa. Hóa ra là có cơ duyên.

Ngoại ô Vesāli, thuộc cộng hòa Licchavī, có hai vợ chồng bà-la-môn nổi tiếng thông thái, uyên bác, có tài hùng biện; mỗi người không những học hiểu rất nhiều triết thuyết khác nhau mà còn nắm vững các phương pháp lý luận nên tài vấn đáp của ông bà không ai sánh nổi. Con trai lớn là Saccaka được di truyền dòng máu thông minh, mẫn tuệ ấy, lại còn được kế thừa sở học của cha mẹ nên nghiễm nhiên trở thành một ngôi sao vô địch trên các luận trường. Thế vẫn chưa đủ, người con ưu tú của dòng tộc này còn nghiên cứu sâu rộng tư tưởng các giáo phái trong và ngoài truyền thống đương thời, biết điểm ưu, điểm khuyết, sở trường, sở đoản của các chủ thuyết ấy nữa. Bởi thế, càng lớn lên, tiếng tăm của Saccaka càng vượt trội cha mẹ, trở thành tay hùng biện vô địch. Chưa có một sa-môn, bà-la-môn luận sư nào khả dĩ trổ tài miệng lưỡi có thể xứng đáng là đối thủ của chàng! Và thế là Saccaka sanh tâm ngã mạn, coi thế gian như cỏ rác. Quá kiêu căng tự phụ về sở học của mình, Saccaka sắm một sợi dây da to bản cột bụng lại. Mọi người xúm lại hỏi tại sao, Saccaka cười mũi đáp:

- Chữ nghĩa, văn tự, cú pháp, thiên kinh, vạn quyển... chúng sống nhung nhúc đầy đặc ở trong này! Nếu không cột lại, ta sợ một lúc nào đó sẽ vỡ bụng ra mà chết!

Danh tiếng Saccaka lại càng vang dội. Ba đức vua và hội đồng tướng lãnh trị vì liên bang Licchavī đóng tại Vesāli mời Saccaka làm thầy giáo phụ đạo cho con cháu họ. Chàng vỗ bụng nói:

- Có sẵn đây. Nếu chia chung cho thiên hạ cũng còn chưa hết, huống hồ chỉ một tiểu quốc. Thế là các vị đã tìm đúng người!

Bọn tiểu nhân vô trí, thiểu học thì tung hô, ca ngợi; còn kẻ có trí thì họ khinh bỉ nhưng họ im lặng, thầm hổ thẹn giùm cho chàng trai trẻ.

Trong thời gian ấy, đức Phật, chư vị trưởng lão và rất đông tỳ-khưu đã lui tới Vesāli, cư ngụ ở đại lâm Mahāvana. Tin ấy nhanh chóng đến tai Saccaka, chàng tự nghĩ: "Thời gian gần đây, ta đã nghe danh tôn giáo này cùng người sáng lập ra nó. Ông sa-môn Gotama xuất thân dòng dõi sát-đế-lỵ, vốn là một thái tử văn võ toàn tài, bỏ vương vị xuất gia, bây giờ tự xưng là Phật, một vị đại A-la-hán! Thật là điên rồ và ngông cuồng! Tuy ta chưa nắm được giáo pháp của ông ta, nhưng thử hỏi, triết học và tư tưởng của con người thì có được bao nhiêu? Cho dẫu ông ta có sáng lập ra một giáo thuyết mới, có múa mép, khua môi ỏm tỏi... thì cũng thảm nhục, thân bại, danh liệt tại đất này mà thôi!"

Hôm ấy, đứng trước hội chúng của mình, Saccaka ngạo nghễ tuyên bố rằng:

- Ta không thấy một sa-môn, bà-la-môn nào dù là giáo phái chủ, giáo phái sư hoặc là bậc đạo sư lỗi lạc tự xưng mình là Phật, thánh phương nào chăng nữa, một khi đối đáp với ta, chẳng có ai là không hồi hộp, run sợ! Thậm chí, nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức thì nó cũng sợ hãi, rung chuyển, toát mồ hôi hột!

Cả hội trường vỗ tay, tán thán Saccaka không hết lời rồi nói:

- Sa-môn Gotama rất giỏi, rất nổi danh, nhưng rồi sẽ bị đo ván!

- Đúng như thế không sai!

Saccaka mỉm cười:

- Cái đó thì các ngươi đừng có nôn nóng, không chóng thì chầy sẽ có cuộc tranh biện thú vị ấy!

Saccaka thò tay siết chặt lại sợi dây da nịt bụng!

Nghe tin đức Phật đang ở Mahāvana, tôn giả Assaji bộ hành từ nước cộng hòa Videha về thăm ngài. Nghỉ đêm ở một khu rừng ngoại ô, sáng sớm tôn giả đi vào thành phố Vesāli trì bình khất thực.

Lúc ấy, Saccaka đang ưỡn bụng đi dạo với chừng mười mấy đồ chúng, trông thấy tôn giả Assaji do râu tóc sạch sẽ, đi đứng trang nghiêm, đoán là đệ tử của đức Phật, hắn bèn dừng lại, lịch sự chấp tay với cung cách của một bậc thức giả:

- Thưa ngài sa-môn! Ngài có liên hệ gì với giáo phái của đại sa-môn Gotama?

Ngước lên, tôn giả Assaji trông thấy một chàng trai trẻ to lớn, cao ráo với dây nịt to buộc chặt bụng cùng đám thanh niên mặt trơn, da láng; biết đấy là ai rồi, nên đáp:

- Tôi là đệ tử ít học của đức Đạo Sư ấy, thưa hiền giả!

- Thật là hân hạnh! Saccaka giả vờ cúi đầu khiêm tốn - Từ lâu tôi đã nghe đại danh của đại sa-môn Gotama như sấm dậy bên tai! Vậy chẳng hay, vị ấy thường dạy các hàng đệ tử như thế nào? Nói rõ hơn, là sa-môn Gotama hay nói giáo pháp gì cho môn đệ?

- Này Aggivessana! Này chàng trai trẻ! Đức Thế Tôn thường dạy cho chúng đệ tử rằng: Sắc uẩn là vô thường, thọ uẩn là vô thường, tưởng uẩn là vô thường, hành uẩn là vô thường, thức uẩn là vô thường...

Vừa nghe vị sa-môn gọi đúng tên mình, Saccaka đã cảm giác lành lạnh, nhưng y lại cười lạt:

- Hóa ra chỉ có vậy thôi sao, thưa ngài sa-môn?

- Còn nữa, này chàng trai trẻ! Vì sắc thọ tưởng hành thức ấy là vô thường nên chúng còn là vô ngã nữa! Và, tất cả pháp đều vô ngã!

Saccaka nhíu mày:

- Đấy là tinh yếu giáo pháp của đại sa-môn Gotama ư?

- Với kẻ trí, với người có tai để nghe thì đấy là tinh yếu, còn đối với người ngu, kẻ không có tai để nghe thì nó rất tầm thường, thưa ngài đại bác học!

Nói xong, tôn giả Assaji mỉm cười. Nhưng Saccaka không lãnh hội được ý tứ tinh tế ấy, hắn nói to với mọi người:

- Thiên hạ có rõ không? Hay chỉ có tôi, chính tôi mới vừa nghe được những điều chẳng lành? Sắc uẩn vô thường... vô ngã, thọ uẩn vô thường, vô ngã...; các pháp đều vô ngã? Cái gì vậy? Lời dạy ấy quả là tàn tệ, quả là nguy hại cho thế gian! Chính lời giáo huấn ấy là bóng tối, là quỷ dữ, là thuốc độc... đã phản bội con người và hủy diệt tất cả những gì cao đẹp, thiêng liêng trên đời này! Xin chư vị hãy nguyền rủa giáo pháp ấy đi! Nó là trá hình của Ma vương, của Diêm sứ! Hãy lột mặt nạ giáo pháp phi nhân tính ấy!

Rồi Saccaka quay sang tôn giả Assaji:

- Ngài sa-môn hãy nghe cho kỹ đây! Tôi, Saccaka, bậc giáo thọ, bậc đạo sư của hoàng tộc Licchavī tôi sẽ đích thân đến gặp sa-môn Gotama để luận chiến và đấu trí! Thế nào tôi cũng phải vạch trần, lột truồng mớ giáo lý sai lầm đầy tệ hại của ông ta!

Nói xong, Saccaka quay lưng bỏ đi. Đám đệ tử còn nói vọng lại:

- Nghe rõ chưa? Giáo lý ấy chưa đáng giá một đồng xu mà đem rao bán giữa chợ đời! Ai mua? Đồ mặt dày!

Hoàng tộc Licchavī đang hội họp tại một giảng đường rộng lớn để giải quyết những công việc liên hệ đến kinh tế đang gặp lúc khó khăn thì Saccaka đột ngột bước vào. Vì Saccaka là thầy giáo giỏi của con em họ nên hoàng tộc có vị đứng dậy chào, có người gật đầu, có người chỉ liếc mắt xem, có người niềm nở mời chỗ ngồi và tiếp nước.

Saccaka chưa yên vị đã vội đứng dậy, chắp tay chào hội chúng rồi nói:

- Thưa chư vị đại nhân, quý nhân khả kính! Một cơ hội hiếm có sẽ làm cho kinh thành Vesāli nhỏ bé của chúng ta vang danh thiên hạ! Phải biết thò bàn tay vàng ra mà nắm lấy!

Mọi người ngơ ngác đưa mắt có vẻ dò hỏi. Saccaka cất giọng hùng hồn:

- Sa-môn Gotama và đệ tử của ông ta hiện đang đến hóa đạo tại xứ sở của chúng ta mấy lúc gần đây. Từ lâu, tôi đã nghe đến tài trí của sa-môn Gotama. Ông ta đã luận thắng hầu hết các giáo phái chủ, giáo phái sư trong và ngoài truyền thống trên đời này. Đức vua của các đại quốc, tiểu quốc ven thung lũng sông Gaṅgā; những đại phú gia, bá hộ, công tử, vương tử, đại thần, đại trưởng giả... hữu danh đều quy giáo sa-môn Gotama! Tuy nhiên, đến đây, tại lãnh thổ này, sa-môn Gotama sẽ thất vọng, sẽ chuốc lấy thảm bại nhục nhã rồi cuốn xéo đi nơi khác...

- Tại sao? Có người hỏi.

Saccaka cười đắc chí:

- Sao nữa! Vì sẽ có một cuộc luận chiến, đấu trí, tranh tài vô tiền khoáng hậu xảy ra giữa tôi và sa-môn Gotama! Tôi chờ đợi cơ hội này từ lâu lắm. Vậy thì hôm nay, tôi đến đây là để mời chư vị đại nhân hoàng tộc Licchavī hãy cùng đi với tôi. Và dịp này, chư vị đại nhân sẽ chứng kiến được một sự kiện hy hữu, trọng đại: Sa-môn Gotama sẽ không có đất dung thân!

Một vị lão thần cất giọng thận trọng:

- Tôi không phủ nhận là thầy giáo thọ Saccaka có kiến thức, sở học và tài hùng biện xuất chúng, lỗi lạc! Tôi cũng đã có nghe, ngài đã nghiên cứu thấu đáo mọi triết học trong và ngoài truyền thống đến độ thâm uyên và bác lãm nhất. Nhưng đại sa-môn Gotama thì sao? Dường như mọi điều vừa kể trên, ông ta đều ưu việt, đều vượt trội thế gian mấy cái đầu! Không những thế, giáo pháp mà ông ta xiển dương, khai mở là một loại giáo pháp độc sáng, thiên tài, trước đây chưa hề có, mai sau cũng không thể có được; chẳng hay thầy giáo thọ của chúng ta đã nắm chắc phần thắng chưa nhỉ?

Saccaka vỗ ngực đáp:

- Chư vị đại nhân hãy yên trí! Những lời giáo huấn của sa-môn Gotama tôi biết rất rõ; và tôi còn thấy cả những lỗ hổng, những khiếm khuyết, những luận điểm thô thiển và tệ hại của nó nữa. Đấy là những tư tưởng bi quan, yếm thế, một loại hư vô chủ nghĩa càn quấy, mưng độc, ấu trĩ và ngốc nghếch nhất trên đời này. Thật không xứng đáng cho con em chúng ta nghe lọt vào lỗ tai! Phải lấy chổi chà mà quét nó ra khỏi xứ sở trong sạch và hiền thiện này. Vậy, quý vị đại nhân hãy cùng đi với tôi, hôm nay, rồi chư vị đại nhân sẽ thấy rõ sự thực!

Một người cất giọng nghiêm trang:

- Xin ngài giáo thọ trẻ tuổi lưu ý cho! Cả hoàng tộc Licchavī và hội đồng tướng lãnh với địa vị tôn quý, danh giá cùng đi với ngài là cả một chuyện hệ trọng! Là một điều cần phải thận trọng! Chúng tôi không muốn bị bẽ mặt, không muốn bị bêu xấu trước mặt mọi người! Phải tin chắc, phải quyết thắng một ngàn phần trăm, chúng tôi mới cho người tháp tùng cùng ngài!

Saccaka với giọng đanh thép, tự tin:

- Đúng vậy! Chắc vậy! Người bị bẽ mặt, bôi xấu phải là sa-môn Gotama và chúng đệ tử của ông ta! Tôi đã xác quyết

như thế, như đá hằn sâu vết chém trước khi đến đây hội diện với chư vị đại nhân.

- Xin cho nghe những luận cứ của ngài giáo thọ! Vị trưởng lão kia tiếp tục chất vấn - Với những ví dụ cụ thể, có hình tượng chứ không phải là những lý lẽ xa vời, trống không như thế!

Saccaka hơi ngạc nhiên, hụt hẫng một chút nhưng y lấy lại phong độ rất nhanh:

- Thật xứng đáng là những cật vấn minh triết! Y giả vờ khen! Được thôi! Tôi sẽ vặn hỏi, sẽ bắt bẽ lý lẽ của sa-môn Gotama bằng lý lẽ của tôi. Ví như một thanh niên khỏe mạnh, đầy sức lực với bắp tay có vồng, với gân tay nổi cuồn cuộn; một tay y nắm cứng cần cổ một con cừu nặng như một quả núi đè, không thể nhúc nhích được; tay kia y nắm lông cừu dài rồi lôi tuột tất tần tật không chừa một mảy. Thì tôi cũng vậy. Tôi sẽ nắm cứng cần cổ giáo pháp của sa-môn Gotama rồi tôi sẽ lột trần sạch sành sanh tất cả da vảy của lý thuyết tệ hại ấy bằng trí tuệ, đa văn và quảng kiến của tôi! Đấy là một ví dụ cụ thể, có hình tượng, có xương, có thịt, chư vị đại nhân có đồng ý vậy không?

Một số người phấn khích, lao nhao:

- Vâng, đúng vậy! Rất là ấn tượng!

Saccaka được dịp trổ tài hùng biện bằng miệng lưỡi:

- Còn nữa! Ví như một trung niên lực lưỡng làm việc lâu năm tại xưởng nấu rượu. Tay y cầm vợt một cách điêu luyện, thiện xảo. Chẳng cần nhìn vào chảo rượu sôi, y cũng có thể thò cây vợt xuống một cách chính xác để vớt bột rượu từ bên này sang bên kia rồi vòng quanh miệng chảo một cách dễ dàng. Khó có một tí bọt nào thoát khỏi cây vợt thiên tài của hắn! Thưa chư vị đại nhân! Saccaka cất cao giọng, sang sảng – Giáo pháp của sa-môn Gotama được ví như bọt rượu dính đầy bụi bặm, tạp chất ấy. Tôi sẽ sử dụng cây vợt thiện xảo, điêu luyện, thiên tài để vớt mớ giáo pháp ô nhiễm

của sa-môn Gotama từ đầu này sang đầu kia, vớt vòng quanh cả sở học lẫn kiến thức ác uế của ông ta nữa! Đấy là vị dụ cụ thể thứ hai! Chư vị đại nhân nghe rõ cả chứ?

- Nghe rõ! Một người cười hì hì rồi nói lớn – Nhưng cây vợt của ngài giáo thọ ở đâu?

Saccaka cười xòa:

- Đấy là lý lẽ của tôi! Quý vị giỡn hoài!

Có một người rất cứng cỏi, cất giọng chậm rãi:

- Ví dụ ấy khá sống động nhưng không tương hợp rồi, nếu không muốn nói là tác dụng ngược chiều, thưa ngài giáo thọ khả kính! Tại sao vậy? Vì khi mà ngài vớt hết phần bụi bặm, tạp chất, ô nhiễm ra tuốt tuồn tuột thì giáo pháp của sa-môn Gotama sẽ còn lại cái trong sạch, thuần tịnh, tinh khiết nhất trên trần đời rồi! Chắc ý ngài không muốn thế chứ?

Saccaka thoáng tái mặt, nghĩ thầm: "Không thể xem thường hội chúng ăn trắng mặc trơn này!" Rồi óc y làm việc cực nhanh, đáp rằng:

- Rất chính xác là lập luận ấy, nhưng chư vị tôn túc nghe lầm rồi. Tôi nói giáo pháp của sa-môn Gotama là bụi bặm, ô nhiễm, tạp chất; hãy vớt tất cả chúng chứ không phải là vớt phần bụi bặm, ô nhiễm, tạp chất của giáo pháp ấy!

- Thế thì nghe được!

- Vậy chư vị đại nhân có cần nghe thêm ví dụ nữa chăng?

- Có thể cho nghe!

Saccaka tiếp tục:

- Ví như một người nghiện rượu, hễ thấy rượu là uống. Tay y cầm chung rượu khi úp, khi ngửa, khi đặt bên này, khi đặt bên kia hoặc nốc cạn sạch tùy theo ý muốn. Cũng vậy, giáo pháp của sa-môn Gotama là chung rượu ấy. Tôi sẽ tùy nghi, tùy lúc, khi đặt bên này, khi đặt bên kia, khi úp, khi ngửa hoặc nốc cạn sạch một cách dễ dàng bằng lý lẽ, bằng sự thực, bằng tài nghị luận sắc bén của tôi!

Có tiếng cười ha ha rồi cắc cớ hỏi:

- Thế có say không?

Lại vẳng lên những tiếng cười hô hố. Không khí vui vẻ tràn đầy hội trường. Tưởng vậy là tất cả mọi người đều đã bị thuyết phục, nào ngờ, một lão trượng quắc thước lại nói:

- Không chắc đâu, thưa ngài giáo thọ! Không dễ gì nốc cạn sạch sành sanh một hơi đâu! Sa-môn Gotama chẳng phải là kẻ hữu danh vô thực, chẳng phải là kẻ sàng sàng như tất cả chúng ta ở đây! Sở học, đạo hạnh, trí tuệ lẫn cả biện tài của ông ta đã vang danh khắp cả châu Diêm-phù-đề không phải là không có sở y!

- Đúng vậy! Một giọng nói khác phụ họa – Giáo pháp ấy không dễ gì chịu nằm yên để cho ngài giáo thọ kéo tuốt tuồn tuột như lông cừu; như vớt tất tần tật bọt rượu; như úp, ngửa chung rượu hoặc nốc cạn sạch sành sanh dễ dàng như vậy đâu! Rất nhiều con em hoàng tộc, tướng sĩ của chúng ta đã quy giáo theo ông ta đã khá đông rồi đấy!

- Một số cự phú, danh gia vọng tộc và cả dân chúng nữa đã trở thành tín đồ của họ. Một người khác tiếp lời.

Sự thận trọng ấy quả là cần thiết. Nhưng những lời nhắc nhở chân tình kia đã bị đám đông làm cho tan loãng. Rất đông người đồng loạt đứng dậy, cổ vũ Saccaka:

- Chúng ta hãy cùng đi! Nhất định sa-môn Gotama sẽ chuốc lấy thảm bại! Nhất định kinh thành Vesāli của chúng ta sẽ vang danh khắp thiên hạ!

Thế rồi, Saccaka cùng với hội chúng hơn một nửa số người lớn tuổi kéo thêm chừng trăm môn sinh nữa rầm rộ mở cờ, gióng trống, khua chiêng ... huyên náo lên đường.

Đến khu rừng lớn ngoại thành Vesāli, thấy thấp thoáng xa xa bên kia ngọn đồi, có một ngôi tịnh xá rộng lớn, họ dừng chân lại. Ở xung quanh đây có một số tỳ-khưu đang thiền tọa hoặc kinh hành giữa những hàng cây. Mặc dầu nắng hạn nhưng nơi này vẫn còn giữ được màu xanh thanh

bình và mát mẻ. Thoáng nhìn khung cảnh tĩnh lặng, lòng Saccaka gợn lên nỗi sợ hãi mơ hồ nhưng y trấn tĩnh lại ngay. Saccaka đến gần một vị tỳ-khưu, lịch sự cất tiếng hỏi:

- Thưa ngài sa-môn! Hiện giờ đức Đạo Sư Gotama đang ở đâu?

Vị tỳ-khưu dừng bước, đưa mắt dịu dàng hỏi:

- Chư vị là ai?

Saccaka giới thiệu:

- Tôi là giáo thọ sư của hoàng tộc Licchavī cùng với môn đệ; và đây là mấy trăm bậc đại nhân của kinh thành Vesāli cổ xưa, muốn đến diện kiến cái vị được gọi là đức Thế Tôn ấy!

Vị tỳ-khưu mỉm cười:

- Vậy mà tôi cứ ngỡ là chư vị đang xuất quân lâm trận, tình cờ ghé ngang đây! Xin lỗi, tôi đã hiểu lầm! Rồi vị tỳ-khưu vừa nói vừa đưa tay chỉ - Thưa ngài đại hùng biện Saccaka Aggivessana! Đức Tôn Sư đang ở kia, dưới một cội cây to ngay khu rừng trước mặt. Dường như đức Đạo Sư của chúng tôi đã biết đến sự thăm viếng huênh hoang và vui vẻ này!

Thêm một lần nữa, Saccaka thoáng sợ hãi, tái mặt. Cả tên tộc, tên hiệu và cả ý đồ tranh biện, chàng chưa xưng ra, chưa nói lên mà một sa-môn tầm thường như thế này cũng đã biết rồi!

Đã thế, vị tỳ-khưu còn nói tiếp:

- Ngài hãy thít chặt lại sợi dây nịt bụng thêm một tí nữa! Những cái gọi là chữ nghĩa, văn tự, cú pháp, thiên kinh, vạn quyển ở trong ấy dường như chúng đang náo động, lúc nhúc không yên!

Saccaka hối hả bước nhanh cùng với hội chúng của mình. Chàng tự nghĩ:"Có những dấu hiệu, những triệu chứng không được tốt lành cho lắm! Không những trí, những tuệ, những minh, những hạnh của sa-môn Gotama ta

chưa nắm bắt đượ, ngay cả một tỳ-khưu đệ tử vô danh mà những câu nói, cách nói, tia mắt nhìn... đã hàm tàng bên trong những năng lực, những thắng trí... cũng đã bất khả tư nghì rồi! Chưa gặp sa-môn Gotama mà ta đã bủn rủn, chao đảo đến thế này hay sao?”

Saccaka và tùy tùng đã đến chỗ đức Thế Tôn, và, chàng nhìn sững! Đức Phật ấy tướng hảo quang minh quá! Ở nơi ngài, bất cứ cái gì tỏa rạng từ ngài cũng đều toát ra sự trong sạch, thanh khiết, từ hòa, tinh giản, nghiêm oai, định tĩnh, trầm hùng, hỷ mãn và trọn vẹn...!

Trong số hội chúng tùy tùng của Saccaka có một số người cũng đứng sững và say mê chiêm ngưỡng ngài như thế. Có số quỳ xuống đảnh lễ. Nhóm người khác thì cất tiếng chào thân mật. Có người chỉ xưng tên họ và dòng dõi của mình. Có kẻ chỉ chắp tay. Một số thì đưa mắt nhìn hờ hững, im lặng không nói gì. Tất cả, sau đó đều tìm chỗ ngồi thích hợp...

Saccaka từ từ, nhè nhẹ hít một hơi sâu đầy phổi để lấy lại sự tỉnh táo, an ổn rồi cất giọng ngang tàng cố hữu:

- Này sa-môn Gotama! Hôm nay, tôi với hội chúng hoàng tộc, tướng lãnh Licchavī cùng một số môn đệ đến đây để vấn đạo. Xin ông hãy vui lòng trả lời cho những câu hỏi phải lẽ của chúng tôi!

Đức Phật biết rõ tất cả tâm tư, ý đồ của chàng thanh niên và hội chúng; biết rõ cả suy nghĩ và những câu hỏi đang nằm trong óc của Saccaka nhưng ngài chỉ thản nhiên như không có chuyện gì xẩy ra:

- Này Aggivessana! Như Lai rất sẵn lòng, ngươi cứ tùy nghi!

- Vâng! Saccaka đáp – Không biết sa-môn Gotama thường chỉ dạy cho các hàng đệ tử như thế nào? Và thật sự, nguyên văn lời giáo huấn ấy ra sao?

- Aggivessana! Hãy nghe đây! Như Lai thường giáo giới

chư đệ tử rằng: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn đều vô thường, vì vô thường nên vô ngã. Và, tất cả pháp đều vô ngã! Đấy chính là nguyên văn minh thuyết giáo pháp của Như Lai!

Saccaka vặn hỏi:

- Chỉ có thế thôi sao?

- Vâng, Như Lai thường chỉ dạy có bấy nhiêu!

Saccaka cười lạt:

- Vậy thì sa-môn Gotama có thể cho tôi đưa ra ví dụ, để từ đó, sa-môn Gotama tự thấy rõ cái ấu trĩ, cái thô thiển, cái tệ hại của giáo pháp ấy không?

- Hãy tự do, hãy tùy thích, này Aggivessana! Như Lai rất muốn nghe ví dụ của ngươi.

- Này, sa-môn Gotama, hãy nghe đây! Ví như các loại cây, các loại giống có đủ nhựa sống để từ đó phát triển tốt, tăng trưởng tốt; tất cả chúng đều nương nhờ từ đất, lớn lên bởi đất, xanh thắm rồi đơm hoa kết trái cũng nhờ ân huệ của đất. Ví như các công việc đồng áng, vườn tược, trồng dâu, nuôi tằm... cũng nương tựa đất, sau đó chúng ta mới có cơm ăn áo mặc. Không có đất thì không có sự sống của các loài hữu tình, phải vậy không, thưa sa-môn Gotama?

Đức Phật mỉm cười:

- Đấy mới chỉ là tiền đề, ngươi còn đi vào nội dung chính nữa mà, Aggivessana!

- Vâng! Saccaka đáp - Từ ví dụ ấy, bây giờ tôi đi đến luận điểm để phá vỡ, đập tan ác kiến mê muội của sa-môn Gotama! Sa-môn Gotama bảo rằng: Ngũ uẩn là vô thường, ngũ uẩn vô ngã; tất cả pháp đều vô ngã! Còn luận điểm của tôi thì ngược lại. Tại sao? Vì nhờ có ngũ uẩn, nương nhờ nơi ngũ uẩn mà người ta ăn, nói, đi, đứng, nghĩ suy, làm việc để tạo tác những khổ vui, thiện ác trên đời này. Muôn loài thảo mộc nương nhờ bởi đất mà tồn tại như thế nào thì chúng hữu tình nương nhờ nơi ngũ uẩn để tồn tại, sinh trưởng y như thế

ấy, thưa sa-môn Gotama!

Đức Phật điềm đạm nói:

- Này Aggivessana! Có phải đây là điều mà ngươi đã kết luận cho quan điểm của mình: Sắc uẩn là cái ngã của ta, thọ uẩn là cái ngã của ta; và, tưởng, hành, thức cũng y như thế? Muôn loài thảo mộc nương nhờ bởi đất thì chúng sanh cũng nương nhờ nơi ngũ uẩn, cái tự ngã ấy để tạo tác khổ lạc, thiện ác trên đời này?

Saccaka đáp khá dè dặt:

- Vâng, thưa sa-môn Gotama! Tôi nghe rất nhiều người lập luận như thế!

- Người khác thì không liên quan gì ở đây! Như Lai chỉ muốn nghe sở kiến của ngươi! Và chính ngươi phải xác định quan điểm ấy là của mình.

- Vâng, tôi xin xác quyết là như thế! Sắc thọ tưởng hành thức chính là cái ngã của ta. Chính chúng sanh nương nhờ nơi cái ngã ấy để tồn tại, tạo tác cảnh giới và làm nên thế giới. Nếu chẳng có cái ngũ uẩn ấy, cái ngã ấy làm căn cứ địa; nếu toàn bộ ngũ uẩn là không phải ta, tự ngã của ta thì chúng sanh làm sao hiện hữu hở sa-môn Gotama? Xem chừng cái luận thuyết vô thần, hư vô chủ nghĩa của ông với cái gọi là vô ngã ấy, không phù hợp với chân lý, với sự thật, không tương hợp với chánh trí rồi!

Một số người hời hợt trong hội chúng của Saccaka nghe giáo thọ sư của mình lập luận với lý lẽ minh chứng rất xác thực, rất thuyết phục bèn vỗ tay tán thán. Một số khác thâm trầm hơn thì dè dặt, cẩn trọng vì nhìn thấy thần sắc của sa-môn Gotama vẫn bình lặng như đáy biển sâu không chao sóng. Saccaka thì có vẻ tự phụ, nghênh ngáo ra mặt.

Đức Phật mỉm nụ cười ở trong tâm, chậm rãi nói:

- Này Aggavessana! Vậy Như Lai sẽ hỏi ngươi, ngươi vừa lòng điều nào thì hãy trả lời điều ấy, được chăng?

- Thưa vâng! Saccaka đáp – Xin sa-môn Gotama hãy tự

nhiên cho!

- Như Lai hỏi ngươi. Ví như đức vua Pāsenadi nước Kosala, đức vua Seniya Bimbisāra nước Māgadha đã làm lễ quán đỉnh lên ngôi, trị vì vương quốc của mình. Các đức vua ấy có quyền giết người đáng tội chết, có quyền tịch thu của cải, tài sản của người đáng bị tịch thu, có quyền lưu đày những người đáng tội lưu đày được chăng?

- Thưa được, sa-môn Gotama! Những đức vua nhỏ cai trị cộng hòa Vajjī, cộng hòa Mallā, cộng hòa Videha cũng có được cái quyền để làm việc ấy, huống nữa là các vị đại vương kia!

- Tại sao các đức vua họ có được cái quyền ấy hở Aggivessana?

- Thưa, vì đức vua là chủ một nước nên ông ta có đủ thẩm quyền quyết định tội trạng cũng như ban thưởng bổng lộc cho con dân của mình.

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, này Aggivessana! Ngươi đã nói đúng. Các đức vua có quyền vì họ sở hữu quốc độ của mình!

Saccaka cũng gật đầu:

- Đương nhiên rồi, sa-môn Gotama!

Đức Phật tiếp lời:

- Vậy này Aggivessana! Nếu sắc thọ tưởng hành thức là ta, là của ta thì phải chăng cái ta ấy lấy ngũ uẩn kia làm sở hữu, như thần dân trong quốc độ của mình vậy?

- Đương nhiên rồi, sa-môn Gotama!

- Nói cách khác, cái ngã chính là ông vua, và, ngũ uẩn chính là bá tánh?

- Đương nhiên là phải có cái ngã ấy, sở hữu ấy!

- Vậy ngươi nghĩ như thế nào, này Aggivessana! Ví dụ về sắc uẩn, tức là cái thân xác sinh vật lý do đất nước lửa gió tạo thành này, nó là ta, sở hữu của ta thì ta có đủ thẩm quyền quyết định rồi. Vậy khi cái thân này nó bệnh, ta có quyền

bảo nó đừng bệnh? Khi cái thân này nó già, ta có quyền bảo nó đừng già? Khi cái thân này nó chết, ta có quyền bảo nó đừng chết? Chúng ta làm vậy có được không? Hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào, Aggivessana?

Chỉ với một ví dụ mở ở trên, một câu hỏi thắt ở dưới của đức Phật, thanh niên Saccaka biết rất rõ rằng, luận thuyết của chàng đã bị sụp đổ hoàn toàn, đã bị buộc tròng, vô phương tháo gỡ; nhưng vì hổ thẹn, không dám thú nhận sự thật, đành cúi đầu im lặng.

Đức Phật hỏi đến lần thứ hai với cách diễn đạt khác:

- Này Aggivessana! Cái thân này là do nghiệp sanh, do cơm cháo vật thực nuôi dưỡng, nó sẽ bị các định luật chi phối, nó phải chịu ốm bệnh, già lão và tử vong. Chẳng thể nào bảo nó đừng già lão, đừng ốm bệnh, đừng tử vong được! Hóa ra chúng ta hoàn toàn bất lực, đã bị tước mất quyền sở hữu, đã thấy rõ nó không phải là ta, là tự ngã của ta nữa rồi!

Sắc mặt Saccaka đã tái đi nhưng chàng cũng không thể mở miệng được trước hội chúng của mình.

Đức Phật cất giọng sư vương:

- Này Aggivessana! Bây giờ là lúc mà ngươi phải trả lời, không phải là lúc ngươi giữ im lặng. Khi Như Lai đã hỏi người nào, về một vấn đề gì, hợp với sự thật, đúng với chân lý; hỏi đến lần thứ ba mà người ấy vẫn không chịu mở miệng thì cái đầu của y sẽ bị vỡ thành bảy mảnh!

Lúc ấy, thiên chủ Sakka liền hóa ra một con quỷ Yakka (Dạ-xoa) tay cầm chùy kim cang phát ra luồng ánh sáng khiếp người, ngồi trên đỉnh đầu Saccaka, nói vào tai chàng rằng: "Này Aggivessana! Nếu đức Thế Tôn hỏi ngươi đến lần thứ ba mà ngươi vẫn ương ngạnh, ngoan cố không chịu trả lời thì ta sẽ dùng cái chày kim cang này, với thần lực, đánh cho cái đầu của ngươi vỡ ra đúng bảy mảnh, không thừa một, không thiếu một!"

Sự việc xẩy ra như trên chỉ có đức Phật, chư vị thánh

tăng và Saccaka nhìn thấy. Hắn ta kinh sợ, khiếp đảm vô cùng. Tóc trên đầu dựng đứng cả lên và mồ hôi của chàng vã ra như tắm! Đến nước này thì Saccaka chỉ còn biết nương nhờ vào oai lực của đức Phật mà thôi, bèn lắp bắp nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Xin ngài hãy hỏi lại và con sẽ tức khắc trả lời!

- Này Aggivessana! Nếu sắc uẩn là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì ta có quyền sai bảo, rằng là, sắc uẩn ngươi hãy đừng bệnh, đừng già, đừng chết được chăng?

- Điều ấy là không thể được, bạch đức Thế tôn!

Đức Phật tiếp tục:

- Ngươi hãy suy xét kỹ càng, thấu đáo, thận trọng rồi mới trả lời. Đừng để cho lời sau không tương hợp với lời trước hoặc ngược lại. Nếu lời trước và sau không tương hợp, không đồng nhất sẽ đưa đến sự đập vỡ, sự chối bỏ ngay chính luận điểm của ngươi.

Saccaka cúi gằm mặt xuống:

- Con hiểu, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy thì Như Lai sẽ hỏi tiếp. Không những sắc thân này mà cho chí cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), các trạng thái tâm lý (tâm hành), ý thức, nhận thức (thức) chúng có phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta, là sở hữu của ta chăng?

- Thưa, thật không phải thế!

- Ta có quyền lực để bảo rằng hãy vui đi đừng có buồn? Ta hãy nắm bắt tưởng tốt đừng nắm bắt tưởng xấu? Hãy ghi nhận, kinh nghiệm, lưu giữ việc tốt lành; đừng có ghi nhận, kinh nghiệm, lưu giữ việc xấu ác, được chăng?

- Thưa, thật không thể!

- Như vậy là ta chẳng thể nào sai khiến, ra lệnh gì cho ngũ uẩn được cả; đấy phải chăng là điều mà ngươi đã xác định?

- Thưa vâng!

- Vậy có hữu lý không khi bảo rằng ngũ uẩn ấy là ta, là

của ta, là tự ngã của ta?

- Điều ấy là sai lầm, là mê muội, là tà kiến, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy khi ngũ uẩn ấy không phải là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì nó tự sinh diệt, thay đổi, biến hoại theo định luật của chính nó?

- Thưa vâng, đúng vậy!

- Vậy thì chúng, ngũ uẩn ấy là thường hay vô thường?

- Bạch, chúng vô thường!

- Vô thường thì chúng là khổ hay lạc?

- Cả khổ hay lạc đều vô thường, cho nên chúng là dukkha, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật cao giọng:

- Này Aggivessana! Cái gì vô ngã thì cái ấy vô thường; vì vô ngã, vô thường nên tất cả chúng là dukkha, đấy là hệ luận đi liền, tất yếu. Vô ngã, vô thường, dukkha là sự thật, là chân lý. Đấy không phải là quan điểm, là luận kiến, là luận điểm, là chủ tri, là lý thuyết của Như Lai; chúng chính là sự thấy biết của trí tuệ, ngươi đã thấy rõ như vậy chưa?

- Bạch, con đã thấy rõ!

- Người chấp thủ ngũ uẩn là ta, là của ta, là tự ngã của ta thì chẳng khác gì chấp dukkha ấy là ta, là của ta, là tự ngã của ta, có hữu lý không chứ?

- Thưa, chẳng hữu lý chút nào!

- Này Aggivessana! Chính nhờ vô thường, vô ngã của ngũ uẩn mà con người xấu ác mới có thể trở nên tốt lành. Chính nhờ vô thường, vô ngã nên đạo đức, luân lý, lẽ phải, tình thương trên thế gian mới được thành lập. Chính nhờ vô thường, vô ngã của pháp, phàm tính mới diệt mất, thánh tâm mới được sinh khởi. Vậy thì giáo pháp ấy đâu phải là bi quan, yếm thế, tiêu cực, một thứ hư vô chủ nghĩa tàn tệ, độc hại, tung bóng tối cho cuộc đời như ngươi đã từng tuyên bố trước hội chúng ở Vesāli? Thế ra ngươi đã từng làm đạo sư

của thiên hạ, làm giáo thọ cho cả một hội chúng mà kiến thức sơ đẳng về chánh, về tà, về cái thực và cái không thực, điều cần liễu tri và điều không nên chấp thủ ngươi cũng chưa nắm được thì thử hỏi làm sao bước vào giáo pháp của Như Lai? Chưa hiểu, chưa thấy giáo pháp của Như Lai thì làm sao xóa sổ, đập nát giáo pháp ấy?

Saccaka cúi gằm mặt xuống, không dám đưa mắt nhìn một ai. Lúc ấy, hầu quanh đức Phật có ba tôn giả Vappa, Bhaddiya, Nadīkassapa; họ cùng thấy rằng, bọn hội đồng hoàng gia, quý tộc và tướng lãnh này đa phần ngã mạn, và con em họ cũng thế nên tôn giả Vappa chợt lên tiếng:

- Bạch đức Thế Tôn! Có một ví dụ khởi lên trong tâm của đệ tử, xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nói vài lời...

- Ừ, ông cứ nói.

- Này ngài giáo thọ khả kính! Tôn giả Vappa nói - Có người mong muốn lõi cây, cần lõi cây nên cầm búa đi vào rừng. Thấy một cây chuối rừng cao, to, lớn, sung sức, chưa trổ buồng, người ấy bèn chặt cây chuối đến tận gốc, chặt ngọn, lìa tất cả nhánh rồi lột tuốt tuồn tuột tất cả những bẹ chuối ra hết. Người ấy từ từ lột từ ngoài vào trong nhưng không hề tìm thấy giát cây huống hồ là lõi cây! Tôn giả Vappa chợt cao giọng - Cây chuối không có giát cây, không có lõi cây chính là ngươi đấy, ngài Aggivessana! Đức Đạo Sư của chúng tôi đã chặt tận gốc, đã chặt cụt ngọn rồi lột trần tất cả sở học và kiến thức của nhà ngươi ra nhưng bên trong không có gì cả! Dù cho cái sợi dây da to, nịt chặt cái bụng to của nhà ngươi thì bên trong ấy cũng trống không, rỗng tuếch. Nếu là có thì trong ấy chỉ có thịt, mỡ, vật thực, lục phủ ngũ tạng, phẩn, đàm và nước tiểu mà thôi! Thế mà nhà ngươi dám vỗ ngực với mọi người ở Licchavī rằng: "Ta không thấy có sa-môn hay bà-la-môn dù ở trường phái nào, học phái nào, dù là giáo phái chủ, giáo phái sư, hay bậc đạo sư tự xưng là Phật, là Thánh phương nào mỗi khi đối đáp

với ta, chẳng có người nào là không hồi hộp, cả kinh, run sợ! Thậm chí, nếu ta cật vấn cây cột không có tâm thức, nó cũng rung chuyển, kinh hãi, toát mồ hôi hột huống nữa là con người!" Chuyện ấy bây giờ sự thực như thế nào hở ngài giáo thọ Aggivessana? Đàm thoại với đức Tôn Sư của chúng tôi, luận chiến, đấu trí, hùng biện với đức Toàn Giác mà sao mồ hôi của ngươi toát ra từ trán, chảy dài xuống mặt, thấm qua áo rồi rơi xuống đất còn đức Tôn Sư của chúng tôi thì không? Đức Đạo Sư của chúng tôi bao giờ cũng như bao giờ, luôn an trú ở cõi Tịnh cư thiên là tại làm sao thế, hở ngài giáo thọ sư Aggivessana?

Lúc ấy, Saccaka ngồi co rúm lại, gục đầu, da mặt tái ngắt, người toát mồ hôi lạnh; chàng im lặng, không dám ngó ai, không dám thốt ra một lời.

Trong hội chúng tùy tùng của Saccaka, có người thấy Saccaka như vậy, tức giận quá, thốt lên:

- Rõ là không biết hổ then, đồ trơ tráo!

- Cái gì cũng thưa phải, dạ phải, bạch sa-môn Gotama - Người khác tiếp lời - Ngươi có đưa ra được một chủ kiến nào đâu mà bảo là tranh luận, đấu chiến, đấu trí đã chứ?

Tháp tùng Saccaka có ông hoàng Dummukkha là người trực tính, thâm trầm, hiểu biết khi thấy Saccaka đã hoàn toàn cùn nhụt tất cả nhuệ khí ban đầu, đang chết lặng vì thảm bại; muốn giáo dục tính ngông cuồng của chàng trai, bèn hướng đến chỗ đức Phật, nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Xin cho phép con đưa ra một ví dụ. Ở gần xóm làng kia có một ao nước cạn, trong ấy có một con cua đang sống. Hôm nọ có một nhóm trẻ em hoang nghịch, chúng lội xuống ao bắt con cua ấy lên để chơi. Hễ con cua đưa cái càng nào ra là chúng lấy cây và đá đập gãy cái càng ấy. Cứ như vậy cho đến lúc con cua không còn một cái càng nào, bèn phải nằm yên không cựa quậy, chẳng bò đi đâu được nữa.

Bạch đức Thế Tôn! Cũng như thế ấy, những tà kiến, ngu si, nông cạn, tự cho mình hơn người, hơn đời, chàng trẻ tuổi Saccaka này, vị giáo thọ khả kính của con em chúng con như những càng cua đã bị trí tuệ của đức Thế Tôn bẻ gãy. Từ rày về sau, có lẽ Saccaka sẽ khá hơn, sẽ không còn những ý nghĩ ngông cuồng, tự cao tự đại như vậy nữa!

Xấu hổ quá, Saccaka quát lên:

- Này Dummukha đại nhân! Ngài đừng nói nữa. Tôi biết là tôi sẽ làm gì rồi!

Nói thế xong, Saccaka bước ra, cung kính đảnh lễ đức Phật rồi nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay con đã thật sự thấy rõ tầm vóc trí tuệ của ngài! Giáo pháp tưởng là đơn giản, tưởng là nông cạn, tưởng là hời hợt hóa ra rất cao siêu, rất thâm viễn, rất độc sáng có thể xua tan vô lượng mây khói, sa mù đã che phủ tất cả tư tưởng và triết học truyền thống từ xưa đến nay. Con đã lầm! Vệ-đà, Áo nghĩa thư và mọi giáo phái cũng đã sai lầm như thế! Một cái lầm chua cay, đắng chát, ngu si, thảm hại; nhưng con lại vô cùng cảm kích, sung sướng khi được vén mở con mắt pháp, thấy rõ sở học, kiến thức đầy nông nổi và đầy khiếm khuyết của mình. Kính xin đức Đại Giác từ bi xá tội cho những gì mà con đã mạo phạm!

Đức Phật biết rõ sự thay đổi từ trong tư duy, tâm ý của chàng trai trẻ như thế nào nên ngài mở lời, cốt để tạo duyên cho Saccaka bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp:

- Này Aggivessana! Có gì thắc mắc ngươi cứ hỏi, Như Lai sẽ trả lời.

- Bạch đức Thế Tôn! Về cái thấy biết sai lầm của con về ngũ uẩn là ta, là của ta, là sở hữu của ta rõ là ác kiến, mê muội; nhưng lời giáo huấn của đức Thế Tôn về ngũ uẩn là vô ngã, con chưa được tận tường cho lắm. Xin đức Thế Tôn triển khai thêm ở chỗ: Nhờ vô ngã nên người xấu ác có thể

trở nên lành tốt, phàm tính có thể thành thánh tính; đồng thời nói thêm về những lợi ích và những kết quả thù thắng khi chân lý vô ngã đã được nhìn thấy, đã được áp dụng vào đời sống tu tập.

Đức Phật khen ngợi:

- Này Aggivessana! Câu hỏi ấy thật là chính xác. Là ngón trỏ chỉ đúng vào cốt lõi của giáo pháp! Vậy hãy nghe đây! Giáo pháp vô ngã ấy không phải là cái để nhận thức suông, mà phải thực sự chiêm nghiệm, lặn sâu vào, minh sát cho rốt ráo. Người nào thực hành giáo pháp ấy, thấy rõ ngũ uẩn là vô ngã sẽ đoạn tận được hoài nghi, đạt được trí tuệ, xa lìa khổ đau, phiền não, mọi dukkha, để được sống an vui, siêu thoát trong phạm hạnh của bậc sa-môn. Người như thế ấy được gọi là Thinh Văn đệ tử trong giáo pháp của Như Lai vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Saccaka thưa hỏi tiếp – Xin ngài hãy nói thêm cho con nghe về trí tuệ ấy, trí tuệ xa lìa, giải thoát tất thảy mọi dukkha để một vị tỳ-khưu được gọi là bậc thánh A-la-hán, đã tận diệt mọi phiền não, đã hoàn thành trọn vẹn phạm hạnh, đã làm xong mọi phận sự trên đời này, đã bỏ mọi gánh nặng ngũ uẩn, chẳng còn một gốc rễ ràng buộc nào có thể dẫn đến tái sanh trong tương lai?

- Này Aggivessana! Muốn được như vậy thì thầy tỳ-khưu phải thấy rõ ngũ uẩn bằng trí tuệ, thấy rõ bằng trí tuệ nghĩa là phải thấy đúng như thực tánh, đúng như bản chất của nó. Theo đó, tất thảy mọi sắc uẩn ở quá khứ, sắc uẩn ở vị lai, sắc uẩn ở hiện tại, sắc uẩn bên trong, sắc uẩn bên ngoài, sắc uẩn thô, sắc uẩn tế, sắc uẩn cao sang, sắc uẩn thấp hèn, sắc uẩn gần, sắc uẩn xa...; tất thảy sắc uẩn ấy không phải ta, không phải của ta, chẳng phải tự ngã của ta. Chúng đều vô thường, duyên sanh, không có tự tính, không có thực tính, không có ngã tính! Các cảm giác (thọ), tri giác (tưởng), các trạng thái tâm lý (hành) và nhận thức (thức) cũng phải

được minh sát bằng tuệ quán như thực ấy. Khi thấy rõ ngũ uẩn không phải là ta, là của ta, thầy tỳ-khưu xa lìa được mọi sở hữu. Nhờ xa lìa được mọi sở hữu, thầy tỳ-khưu cắt đứt được những sợi dây chấp thủ tham ái. Cũng nhờ thoát ly ta và của ta, thấy rõ mọi vô ngã tánh, thầy tỳ-khưu rời xa những so sánh ta-người, hơn-thua... để dập tắt, để tận trừ tất cả các mạn (tăng thượng mạn, ngã mạn, mạn, liệt mạn, ti liệt mạn). Cũng nhờ thấy rõ vô ngã, duyên sanh, vị tỳ-khưu thấy rõ các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường nên vĩnh ly tất thảy tà kiến.

Này Aggivessana! Với tất cả tham ái đã được cắt đứt, với tất cả các mạn đã được ly thoát, với tất cả tà kiến đã được đoạn trừ, thầy tỳ-khưu biết rõ mình: Tử sanh đã được bứng tận, phiền não đã được đoạn lìa, mọi gánh nặng đã được đặt xuống, mọi bổn phận đã được làm xong, sẽ không còn tái sanh vào kiếp sau nữa! Và đấy chính là bậc thánh A-la-hán đã hoàn toàn giải thoát mọi khổ ách đeo mang trên trần thế!

Nghe đức Thế Tôn thuyết giảng cặn kẽ như thế, Saccaka hoan hỷ quá, thốt lên:

- Ôi! Thật là thẳm sâu, rộng lớn mà cũng tinh tường, tế vi đến kinh ngạc! Một sợi lông, một hạt bụi của tà kiến cũng không thể có chỗ đứng trong đôi mắt của tuệ minh sát này! Quả thật, đức Thế Tôn là bậc đại trí tuệ đã soi rọi tận tường chỗ tối tăm, mê lầm của con và của cả thế gian; thậm chí, những kẽ tóc chân tơ của những cái gì là ta, là của ta, là tự ngã của ta, bây giờ con mới thật thấy, thật hiểu! Không những là con, mà tất cả mọi người ở đây mới thật sự hé mở được con mắt, mới thật sự biết trí tuệ là gì, phải vậy không chư vị đại nhân?

Cả hội chúng đồng đáp vang rân:

- Quả thật vậy!

Có một vị bước ra, đảnh lễ đức Phật rồi nói:

- Dường như từ lâu chúng tôi xem trọng kiến thức và hiểu biết suông; kiến thức và hiểu biết suông ấy chỉ để tăng trưởng, tích lũy, tô bồi cho cái bản ngã mà thôi. Nhờ đức Thế Tôn mà chúng tôi biết trí tuệ là gì, trí tuệ ấy là để thấy và để sống cho đúng với chân lý chứ không phải để mà phô phang, huyền đàm, hí luận... Tri ân đức Thế Tôn!

Saccaka đã lấy lại sự tự tin, phong độ cũ, y khoát tay cho mọi người im lặng rồi phát biểu với hội chúng của mình:

- Thưa chư vị đại nhân cùng với học chúng của tôi! Tôi có vài ví dụ cụ thể, sống động về điều này, về sự kiện hôm nay. Rằng là, nếu có người đương cự với một con voi say, hắn còn chút hy vọng thoát thân được; nhưng nếu thế gian có kẻ ngông cuồng dám đấu trí với đại sa-môn Gotama thì hắn sẽ không biết chạy trốn vào đâu! Tương tự thế, một người đang ở trong vòng lửa cháy ngun ngút bốn bề; tuy nhiên hắn còn chút may mắn thoát ra, nhưng nếu đã lỡ ngu si mà luận chiến với đại sa-môn Gotama thì một tí tẹo kẽ hở an toàn cũng bị bít chặt! Một người bị rắn độc cắn, hắn còn chút hy vọng chữa trị được, nhưng nếu có kẻ thách thức đàm luận với đại sa-môn Gotama thì một cơ hội hy hữu để phòng thân cũng hoàn toàn tuyệt vọng!

Rồi Saccaka hướng đến đức Phật:

- Kính bạch bậc đại trí tuệ! Vài ví dụ xưng tán vừa rồi của con đối với ngài thì thật là vô nghĩa và phù phiếm; nó chỉ là một thứ bụi bặm, ô nhiễm, cấu uế mà đức Thế Tôn đã xa lánh, đoạn trừ từ lâu rồi! Nhưng đấy là tư duy và ngôn lời chân thật của con khi mắt con đã được mở, tâm trí con đã được sáng. Hôm nay, con đã bại trận một cách thảm hại, đã thua cháy túi tất cả mọi gia tài, tài sản kiến thức được tích lũy từ nhiều đời cha ông, đã khánh tận mọi hiểu biết, sở tri, cao mạn... kể cả thiên kinh vạn quyển được nịt chặt trong cái bụng đầy đặc thịt mỡ, vật thực, ngoan cố và bất tịnh này. Nhưng con lại rất sung sướng, an lạc và hạnh phúc... vì đã

cởi bỏ được rất nhiều, cả bên ngoài lẫn bên trong!

Nói thế xong, Saccaka tự tháo sợi dây da nịt bụng, với cử chỉ chậm rãi, bỏ xuống bên chân rất từ tốn rồi cúi đầu ôm chân bụi của đức Tôn Sư, nói rằng:

- Con, Saccaka Aggivessana! Hôm nay đã hoàn toàn được nhiếp phục, đã nhu thuận; xin đôi chân có ngàn căm bánh xe của đức Tôn Sư chứng minh cho! Và con cũng đã thực sự hồi đầu hướng thiện, cải tà quy chánh vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc lâu dài cho con về sau!

Saccaka đặt hai tay lên sát đỉnh đầu, nói tiếp:

- Để minh chứng cho tất cả lòng thành này, ngay ngày mai, con xin cung thỉnh đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thánh hiền quang lâm đến tệ xá, để cho con cùng hội chúng hoàng tộc, tướng lãnh Licchavī được dịp cúng dường đặt bát ngọ trai!

Đức Phật im lặng nhận lời.

Trở về trú xứ của mình, Saccaka thông báo rộng rãi đến cho hoàng tộc, hội đồng tướng lãnh Licchavī hay biết rằng:

- Này chư vị đại nhân cao quý và hiền thiện! Đây là cơ hội ngàn năm một thuở mới có một đức Đại Giác ra đời! Đức Thế Tôn ấy có trí tuệ vô song, đại bi vô lượng, biện thông vô ngại, hùng lực vô úy, đức tài vô biên, kiến thức vô tận, hiểu biết vô cùng, nhân cách vô thượng, thần thông vô tỷ, ngữ ngôn vô đối, phước tướng vô ngần... Vậy hãy nghe tôi! Ngay ngày mai, chư vị hãy chuẩn bị chu đáo, tươm tất mang đến tư thất của tôi những thức ăn thượng vị, ngon bổ và cao quý nhất để cúng dường đức Thế Tôn vĩ đại cùng Tăng chúng thánh hạnh! Làm như thế, phước báu sang cả và thù thắng nhiều đời sẽ trổ hoa thơm ngát, kết trái sung mãn cho chư vị. Hãy nghe tôi!

Thế rồi, lúc đêm đã tàn, bình minh ló dạng, các gia đình hoàng tộc, quý tộc Licchavī mang hơn trăm phần vật thực thượng vị được nấu nướng công phu đến tư gia Saccaka để

góp chung phần thiết lễ cúng dường khá trọng thể. Họ đã làm hết sức mình vì là lúc kinh tế khó khăn, nạn đói kém do hạn hán, mất mùa đang xẩy ra tại xứ sở này.

Đúng giờ, đức Phật đắp y màu san hô đỏ, mang bát lõi mít màu cam thảo chín cùng với trăm tỳ-khưu phạm hạnh đi đến chỗ Saccaka. Các vị tướng quân đầy kiêu căng hống hách dòng dõi Licchavī nghe cha chú hoàng tộc kể lại về nhân cách, trí tuệ biện tài của sa-môn Gotama có một số sinh tâm ngưỡng mộ cũng góp sức một tay cho lễ cúng dường này.

Khi đức Phật và Tăng chúng thọ thực xong, Saccaka quỳ một bên phải lẽ, chắp tay thưa rằng:

- Cầu xin quả báu của sự phước thiện này sẽ thành tựu hạnh phúc và an lạc đến cho tất thảy mọi người trong hoàng tộc, quý tộc Licchavī.

Đức Phật biết sau này Saccaka sẽ trở thành một nhân cách hữu dụng, ngài có ý nâng đỡ, nên dạy rằng:

- Này Aggivessana! Tâm nguyện của ngươi thế là tốt, nhưng quả báu phước thiện trong sự cúng dường ngày hôm nay không đơn giản như vậy đâu.

- Con xin được nghe!

- Hội chúng Licchavī này nương nhờ bởi ngươi, và ngươi thì nương nhờ bởi Như Lai, có phải vậy không?

- Thưa vâng!

- Lại nữa, sự bố thí cúng dường này thành tựu được là do sự chủ động của ngươi, tư tác của ngươi, có phải vậy chăng?

- Thưa phải!

- Vậy, Như Lai sẽ chứng minh cho sự thật ấy rằng: Quả báu phước thiện của sự bố thí, cúng dường này - do nương nhờ bởi ngươi, là người chưa diệt tận phiền não - sẽ thành tựu đến cho tất cả thí chủ trong hoàng tộc, quý tộc Licchavī! Và, quả báu phước thiện của sự bố thí cúng dường này – do

nương nhờ bởi Như Lai, là người đã đoạn tận mọi phiền não - sẽ thành tựu đến cho ngươi, này Aggivessana!

Hiểu được sự mầu nhiệm về nhân quả, trí tuệ cũng như tâm từ vô lượng của đức Phật, Saccaka xiết bao cảm động, chàng cúi đầu, đỏ lệ, đáp nho nhỏ:

- Con hiểu, bạch đức Thế Tôn! Tri ân đức Thế Tôn!

MÙA AN CƯ THỨ TƯ
(Năm 584 trước TL)

Tứ Đại Thiên Vương

Tin đức Phật về, cả Rừng Trúc như xôn xao hẳn lên. Dường như nắng thì trong hơn, dịu hơn và mây bay cũng nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Rồi muôn chim chợt nhiên ca hót vang lừng. Sự sống trôi chảy dạt dào, tuôn tràn khắp đầu cây ngọn cỏ. Tôn giả Uruvelākassapa, Bhaddiya và Mahā Moggallāna dẫn theo Nanda và Rāhula đi đón ngài.

Cả hai nhóm tỳ-khưu đảnh lễ nhau rồi theo sự hướng dẫn của tôn giả Mahā Moggallāna, họ tản mác đến các cốc liêu đã được sắp đặt sẵn.

Sau khi thăm hỏi các vị trưởng lão, đức Phật ngồi xuống cho vừa tầm Rāhula, cất giọng dịu dàng:

- Con học được có nhiều không, Rāhula?

- Nhiều lắm, bạch đức Thế Tôn! Rồi chú bé sa-di liến thoắng tiếp – Tôn giả Mahā Moggallāna dạy hài nhi nhiều lắm, không những bắt học thuộc mà còn thực hành! Hài nhi còn được đi bát nữa. Đức vua Seniya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi thường cho thị nữ mang đến cho hài nhi rất nhiều thực phẩm ngon, có cả mật, đường, sữa và rất nhiều trái cây!

- Nếu con dùng không hết thì phải làm sao?

- Trước khi dùng, hài nhi lựa thứ gì ngon nhất, tốt nhất

dâng thầy, các vị trưởng lão và cả chú Nanda nữa!

- Ừ, vậy là ngoan lắm!

Rāhula nụ cười tươi rạng, gật đầu; trông có vẻ ốm gầy nhưng khá rắn rỏi. Đức Phật nắm tay Rāhula bước đi.

- Thế nào hở Nanda? Đức Phật quay qua nói chuyện với ông hoàng si tình - Ở đây khung cảnh mát mẻ, thanh bình; tâm các vị trưởng lão cũng thanh bình và mát mẻ! Còn ông, tại sao, ngọn lửa nào - lửa ngọn hay lửa than - cứ thiêu đốt tim gan làm cho sắc mặt ông héo khô và tàn tạ như thế?

- Đệ tử sẽ cố gắng! Nanda cúi đầu đáp - Sẽ cố gắng nhiều hơn nữa!

- Không cần phải cố gắng nhiều lắm đâu, Nanda! Đức Phật ân cần giáo giới - Chỉ việc thở thôi, thở cho điều hoà; và chỉ cần an trú liên tục, nhất tâm trên hơi thở - thì lửa ngọn, lửa than gì chúng cũng tự động tắt ngấm! Đừng tự hại mình nữa, Nanda!

Tỳ-khưu Nanda cảm thấy rất hổ thẹn, nhưng vì lửa lòng vẫn chưa tắt, chưa nguôi! Còn đức Phật thì thấy chưa phải thời, nên không nói nhiều.

Qua mùa nắng mà Trúc Lâm vẫn xanh tốt. Đây đó có đào thêm giếng. Các công trình nơi này nơi khác dường như có gia cố thêm cho chắc bền hơn.

Tại hương phòng, thị giả Upavāna đã đốt hai ngọn nến để hút khí ẩm, xông một lò trầm để xua khí tạp. Đức Phật ngồi lắng nghe công việc tại Trúc Lâm trong gần bốn tháng qua do tôn giả Mahā Moggallāna tường trình. Đức Phật hài lòng vì Trúc Lâm vẫn phát triển bình thường, còn có thêm mấy trăm tân tỳ-khưu tại kinh thành và các nơi khác gởi về. Đức Phật đặc biệt lưu ý các tôn giả Mahā Moggallāna, Uruvelākassapa, Bhaddiya - đối với một số tỳ-khưu mới gia nhập; họ thiếu trình độ giáo dục sơ đẳng, tính khí nông nổi, cả tác phong và tư cách lúc ăn nói, lúc trì bình khất thực dễ làm mất niềm tin của đại chúng. Điều này quan trọng lắm

đấy! Phải lưu tâm nhắc nhở, giáo giới họ một cách thường xuyên. Như vậy là chúng ta còn thiếu giáo thọ sư. Sau an cư mùa mưa, phải rút Sāriputta và một số các trưởng lão ở các nơi khác về đây phụ giúp. Kỳ Viên chừng hơn mươi năm sau mới hội đủ nhân duyên phát triển. Lại nữa, trong mấy năm tới, các quốc độ bên bờ Bắc sông Gaṅgā sẽ có rất nhiều việc làm, các vị tỳ-khưu A-la-hán ưu tú phải phát tâm, phải khởi tâm, phải vận dụng từ, nhẫn, xả và các phương tiện trí nhiều hơn nữa! Hiện nay, các lực lượng chống đối yên lắng một thời gian nhưng vẫn còn âm ỉ ở đâu đó, có lẽ phải hỗ trợ thêm duyên lành, ít năm sau, ở vùng này mới yên được.

Hôm kia, đức Phật trì bình khất thực một mình, sau đó lên thẳng núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu), ở trong một hang đá. Đêm ấy, ngài phóng hào quang sáu màu, vì biết là hội chúng chư thiên và phi nhơn đã đến. Thêm vào đó, núi Linh Thứu cũng sáng rực lên bởi thần lực của chư thiên. Tứ đại thiên vương dẫn thuộc hạ tuỳ tùng đến rất đông, trình diện đức Phật một số thần dân đại biểu để đảnh lễ ngài, chào mừng ngài, tán thán ngài và dĩ nhiên còn muốn nghe pháp nữa.

Đa văn thiên vương (Vessavaṇa) cai quản phương bắc - có thân màu lục, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu lục; tay phải cầm cờ chiến thắng, trên tay trái có con chuột màu bạc phun ngọc. Tháp tùng Bắc thiên vương có rất nhiều chư thiên, dạ-xoa và loài kim-xí-điểu Suppanna và Citrā [(1)]. Tăng trưởng thiên vương (Virūḷha), trị vì phương nam - có thân màu xanh, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu xanh; tay cầm thanh gươm xanh - biểu tượng trí tuệ chém vô minh.

[(1)]- Loài hóa sanh - phước báu thù thắng hơn loại do noãn, thai và thấp sanh – uy lực hơn cả loài rồng.

[(2)]- Là những vị thiên đặc biệt có khả năng đàn, ca, xướng, hát; có vị trú hương rễ cây, có vị trú hương lõi cây, có vị trú hương giát cây, có vị trú hương của hoa, có vị trú hương của vị, có vị trú hương của hương - đời sống tinh thần khá thanh khiết, phước báu cao hơn cõi người rất nhiều..

Tháp tùng Nam thiên vương cũng rất đông chư thiên, dạ-xoa và cưu-bàn-trà (Kumbhaṇḍa) [2] Trì quốc thiên vương (Dhataraṭṭa), lãnh nhiệm phương đông - có thân màu trắng, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu trắng; tay cầm cây đàn đặc biệt của cõi trời - mỗi lần đàn lên là làm cho tâm của người nghe trở nên thanh tịnh. Tháp tùng Đông thiên vương cũng có hằng trăm chư thiên, dạ-xoa và rất đông càn-thát-bà (Gandhabha) [1] với rất nhiều cây đàn hình thù kỳ dị - đủ để tạo nên một dàn nhạc vi diệu! Thứ tư là Quảng mục thiên vương (Virūpakkha) – có thân màu đỏ, vương bào, y giáp, mũ miện đều màu đỏ; tay phải cầm con rắn canh giữ ngọc mạni. Tháp tùng Tây thiên vương cũng có cả một hội chúng chư thiên, dạ-xoa và rất nhiều rồng (Nāga) [2]. Cả bốn hội chúng này vân tụ đầy đặc cả không gian. Một số đến chỉ vì tò mò, muốn chiêm ngưỡng quý tướng và mỹ tướng của đức Thế Tôn. Một số đến chỉ muốn hợp tấu vài khúc nhạc để ca tụng tán thán oai đức của bậc Toàn Giác đã chấn động các cõi trời. Một số dạ-xoa chưa có đức tin thì hờ hững, đứng một bên hoặc bỏ đi ra bên ngoài. Còn một số đông thiên chúng, dạ-xoa, sau khi nghe pháp, họ đồng thuận quy y rồi phát lời nguyện hộ trì Tăng chúng, Giáo pháp cho được dài lâu...

Hoan hỷ về thời pháp, kính ngưỡng hào quang thù thắng của đức Phật; Trì quốc thiên vương nâng cây đàn lên - như vị nhạc trưởng điêu luyện, với mấy ngón tay bạch ngọc vừa vuốt nhẹ dây đàn - là cả giàn âm thanh của càn-thát-bà như đồng lúc khởi tấu một khúc nhạc chưa hề có ở nhân gian. Và lạ lùng làm sao, đằng sau âm điệu du dương, trầm bổng là mùi hương của cây, của lá, của hoa, của những hương liệu dị

---

[1] Loại hóa sanh, phước báu thù thắng hơn các loại rồng do noãn, thai, thấp sanh (Tất cả những phi nhơn này có nhiều dị bản giải thích khác nhau; và tên gọi quỷ, thần hoặc dạ-xoa – có khá nhiều sai khác).

[2] Các loài rồng, cách giải thích cũng tương tợ trên.

kỳ tỏa ngát giữa không gian! Chưa thôi, giữa dòng âm thanh như những làn sóng thanh khí, mềm mại, uyển chuyển, dịu dàng như nâng bổng tâm hồn lên cao, lên cao mãi, như hòa nhập với mây xanh là lời ca phiếu diễu, phiêu bồng bằng ngôn ngữ của cõi trời - không phải ai cũng nghe được, cũng hiểu được...

Đức Phật mỉm nụ hoa sen - lắng nghe thử mấy ông trời nhạc sĩ này ca tấu cái gì...

Họ ca rằng:

"- Ôi! diễm tuyệt làm sao!
Huyền nhiệm xiết bao!
Như vầng mây trắng
Kết thành đài hoa
Người hiện xuống giữa trần gian
Sạch trong, vô nhiễm!
Như hạo khí nghiêng chao đỉnh Sineru
Nghiêng chao thiên vương bốn cõi
Người bước ra khỏi Marā
Bước ra khỏi vô minh tối ám!
Như một mặt trời
Như một vầng trăng
Hợp hôn giờ hoàng đạo
Giáo pháp bất tử của **Người**
Ban phát bởi từ tâm và trí tuệ
Lừng lững giữa vô cùng
Lừng lững giữa thế gian
Lừng lững không thời gian
Chưa bao giờ lặn tắt!"

Đến ngang đây thì âm ba, cung bậc thay đổi đột ngột, như réo rắt hơn, dìu dặt hơn, tình tứ hơn:

"- Ôi! người ôi!
Có thấy chăng,
Như chiếc cầu vồng lung linh bảy sắc

Vút qua giữa nghìn trùng hư vô
Vút qua giữa bít bùng khổ đau, sự chết
Để đón em-bất-diệt-vô-sanh
Để đón tình yêu Nibbāna tinh khôi, vĩnh cửu!
Chàng càn-thát-bà hát ca
Nàng dạ-xoa khiêu vũ
Từ cung điện miền Đông dập dờn xiêm lụa
Đến bảo tháp non Tây yêu kiều tiên nữ
Và cả Bắc, Nam thánh thót cung đàn
Ôi trái tim, nhịp đập miên man
Trào cảm xúc hương mạn-thù thơm ngát
Víu bắt hạt sương
Như đôi mắt em long lanh, tinh anh, trong suốt
Víu bắt niềm vui
Như mùa xuân em - tươi rạng nụ cười
Và nắng ấm sát-na tâm
Lấp lánh tiếng lời
Cho từng hạt bụi đời
Thành giọt bảo châu trong vắt!”

Đến đây thì ca từ, âm tiết có vẻ chậm rãi, yên bình và thanh thản:

“- Ôi!
Trần gian có nghe chăng,
Ngàn lá, ngàn hoa nẩy hương, nẩy ngọc
Và gió và mây hòa chan, náo nức
Biển thẳm, non sâu phơi phới, hỷ hoan
Giáo hội đức Tôn Sư mở sáng con đường
Vô lượng a-tăng-kỳ cung nghinh, chiêm bái
Hãy lắng nghe ca từ
Chim Ca-lăng-tần-già líu lo, mê mải
Tán thán **Người** - nhân cách thiên thu!
Tán thán **Người** - mở xiềng xích ngục tù
Cho vô lượng chúng sanh

Duyên lành siêu thoát
Cho trời và người thanh bình, an lạc!"

Khúc hợp xướng chấm dứt, cả bốn hội chúng đồng reo hò rung chuyển cả không gian.

Đức Phật nói:

- Này, Trì quốc thiên vương! Ngươi và hội chúng càn-thát-bà của ngươi ca tụng, tán thán Như Lai – mà sao ở đấy có lẫn lộn một khúc tình ca như thế?

- Chúng đệ tử chỉ biết cúng dường bằng ngôn ngữ và âm thanh – Trì quốc thiên vương đáp - Và đấy là tấm lòng của chúng đệ tử - bạch đức Thế Tôn!

- Nó hay đấy! Đức Phật mỉm cười – Như Lai mong rằng, các ngươi "hộ trì chánh pháp" cũng hay như thế!

Tứ đại thiên vương đồng khấu đầu phát nguyện:

- Tất thảy chúng đệ tử sẽ đồng tâm hộ trì Tam Bảo và hộ trì quốc độ! Tuy nhiên, bạch đức Thế Tôn! Trong hội chúng do chúng con cai quản vẫn còn rất nhiều dạ-xoa nhiều thần lực và ít thần lực; chúng không tin tưởng Tam Bảo, vẫn đang còn sống với ác giới, bất chánh, tà tâm... Chuyện đã xảy ra, đang xảy ra, nơi này và nơi kia – chúng hủy báng Tam Bảo, phá rối sự tu tập của tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di... Vậy, trong bốn chúng, khi đang an cư tu tập ở bất cứ đâu, dẫu trong rừng sâu, động vắng, nghĩa địa, miếu hoang, giữa xóm làng... nếu cảm thấy bất an, sợ hãi, cảm giác sợ phi nhân quấy phá thì xin đức Thế Tôn cho phép họ đọc to lên, đọc tụng lớn tiếng tên của những dạ-xoa, đại dạ-xoa, quân sư, đại quân sư có nhiều oai lực, có nhiều thần lực sau đây, thì tức khắc sẽ được an ổn. Đó là: " Inda, soma, vā varuna, Bhāradvaja, Pajāpati, Candana, Kāmasettha, Khinnughandu, Nighandu, Panāda vā

Opamanna."[1]

Đức Phật chấp thuận. Họ vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ ngài rồi biến mất giữa không gian.

Một tháng an cư diễn ra bình thường. Đức Phật thuyết rất nhiều thời pháp ở đây và cũng rất nhiều thời pháp ở núi Linh Thứu. Đặc biệt, đức Phật thuyết một thời pháp nói về trị quốc, an dân; phải cải cách chính sách cho dân giàu nước mạnh, muôn người an vui, hạnh phúc - tại triều đình đức vua Seniya Bimbisāra, gồm mười điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất là rà soát lại các tội tử hình, tội chung thân khổ sai, giảm miễn các hình phạt quá đau đớn về thân thể. Các hình thức như lóc thịt, năm ngựa phanh thây, chặt đầu ba khúc, chặt chân, chặt tay... đều phải bị bãi bỏ; chỉ gia trọng tội hình bằng cách tăng gia sản xuất, làm việc tại các xưởng công nghệ; và do thành quả lao động, các năm tù tội sẽ được giảm khinh.

Thứ hai là các ông chủ ngân hàng giảm bớt tiền cho vay quá nặng lãi; các ông chủ nghiệp đoàn, chủ các công nghệ, công xưởng phải trả đồng lương cho thầy thợ tương ứng khả năng và sức lao động để cho họ đủ ăn đủ mặc.

Thứ ba là tôn kính, cúng dường các sa-môn, đạo sĩ; giữ gìn truyền thống văn hóa, các phong tục, mỹ tục, các lễ tiết, lễ hội, cúng tế tổ tiên và mùa màng!

Thứ tư, người cày phải có ruộng, giảm thuế nông nghiệp, cung cấp phân, giống và hướng dẫn kỹ thuật canh tác. Khuyến khích các ngành nghề thủ công. Giảm bớt thuế má lâm sản, khoáng sản và hải sản.

Thứ năm là cấm ngược đãi, áp bức nữ giới; đối xử tốt

---

[1] Xem thêm Trường bộ kinh II, kinh Ātanatiya.. Ở đây chỉ trích một ít – là dấu hiệu sớm nhất của Mật tông sau này!
Tham khảo: Kinh Đại hội, Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và chú, NXB Phương Đông, năm 2008 – có dấu ấn Mật tông rất rõ – do Hán tạng phiên âm chứ không dịch nghĩa. Kinh tương đương của Nikāya thì rất mờ nhạt về Mật tông.

với gia nhân, người làm công, giới chiên-đà-la.

Thứ sáu là khuyến khích sự học cho con em, cấm bóc lột sức lao động trẻ em.

Thứ bảy là lập các trại chẩn bần, cứu tế, mở bệnh xá - chữa bệnh và cấp phát thuốc men cho dân.

Thứ tám, mở thêm các hí trường lộ thiên, các nhà nghỉ cộng cộng, cơ sở vệ sinh; làm thêm các công viên, vườn hoa, trồng thêm cây xanh.

Thứ chín, nạo vét kênh mương, đào thêm giếng nước ở các trấn thành cũng như ở xóm làng.

Thứ mười, cấm buôn bán người làm nô lệ. Cấm giết súc vật để cúng tế.

Do chính sách cải cách tiến bộ, vì dân và cho dân thật sự - được giáo hóa bởi đức Phật nên uy tín của giáo hội ăn sâu vào quần chúng. Các giáo phái khác ở đây vẫn được đức vua tôn trọng, đối xử công bằng – nhưng họ cũng bị co cụm dần trước sự phát triển lớn mạnh của giáo pháp chơn chánh đầy lẽ phải và tình thương giữa cuộc đời và trong lòng người.

Chuyện Tình Của Chàng Nhạc Sĩ Càn-Thát-Bà

Sớm hôm kia, không thông báo với ai, đức Phật ôm bát đi khất thực một mình. Sau khi thấy vật thực vừa đủ dùng, ngài ra phía ngoại ô, đi mãi về hướng đông thành Vương Xá (Rājagaha). Tại làng Ambasaṇḍā, trên núi Vediyaka đức Phật ngồi dưới gốc cây độ ngọ. Vì trời mưa lất phất và gió lạnh, ngài tìm vào hang động Indasāla để nghỉ trưa, sau đó, trú sâu vào đại định – là nơi tĩnh cư của bậc thánh. Đức Phật thấy có sự hữu duyên để hóa độ một chúng sanh lớn nên ngài tìm đến đây.

Trời Sakka vừa được Tứ đại Thiên vương lên chầu kể lại là vừa xuống Veḷuvana để thăm viếng đức Phật, sau đó tấu nhạc ca, rải hoa hương tán thán ngài như thế nào.

Trời Sakka mấy lúc này cơ thể rịn mồ hôi, mệt mỏi, rã rời dường như không còn hơi sức, màu sắc thiên bào và những tràng hoa mau phai nhạt, cảm giác chán nản ngũ dục - biết đấy là dấu hiệu sắp từ giã cõi trời – nên muốn xuống hầu Phật để nghe ngài giáo giới. Giấu chuyện buồn của mình, trời Sakka cười vui rồi nói:

- Các vị đã phỗng tay trên của ta! Ta cũng đang muốn xuống đảnh lễ, tán thán ngài, sau đó sẽ hỏi ngài vài câu hỏi

quan trọng về sự sinh tử, về sự vui khổ của đời người. Một bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian là khó lắm, chư vị biết không?

- Vâng! Hy hữu lắm! Vậy thì thiên chủ cứ đi, thưa thiên chủ!

- Ừ, ta sẽ đi! Vậy thì ta cùng với chúng chư thiên mang theo vị nhạc sĩ trưởng của thiên đình, có được không?

- Được lắm! Quý hóa lắm!

Sau khi Tứ đại Thiên vương đi rồi, trời Sakka cho triệu tập chúng thiên nam, thiên nữ 33 tòa cung điện, nói lý do cuộc thăm viếng này. Ai cũng hoan hỷ chuẩn bị sắc phục, mũ miện, trang điểm châu ngọc sáng ngời, phướn lọng rực rỡ, hoa hương thơm ngát...

Đế Thích cho gọi viên nhạc trưởng phụ trách ban ca vũ nhạc thiên đình là Pañcasikhā đến... Pañcasikhā là ai?

Cả thiên đình, hầu như ai cũng cảm thương chuyện tình của chàng nhạc sĩ tài hoa này. Các bậc có thắng trí kể lại rằng, thời Phật Kassapa, chàng là một trẻ chăn bò lêu lổng, ham chơi, ca hát líu lo suốt ngày như trẻ nít. Lớn lên, cái tính ham chơi, lêu lổng vẫn y như cũ, không chịu làm người lớn. Được cái là chàng kính tin Tam Bảo, luôn luôn tìm cách phục vụ đức Phật và chư tăng. Nghiệp ấy, mệnh chung, chàng hóa sanh làm con của càn-thát-bà nhạc sĩ trưởng của thiên đình. Vì không thích làm người lớn, tính khí, thói quen sao thì nghiệp tạo như vậy - nên hình vóc chàng như chú tiên đồng mũm mĩm, da dẻ hồng hào, với 5 chỏm tóc trên đầu, ai cũng gọi là Pañca-sikhā, lâu trở thành tên[1]. Do mầm giống cầm ca, nối nghiệp cha, Pañcasikhā phụ trách ban vũ nhạc kịch của cung đình. Nghệ sĩ là giống đa tình, chàng yêu si mê cô tiên nữ Suriya Vaccasā con của tiên ông Timbaru; nhưng trái ngang thay, cô tiên này không yêu chàng - cậu

[1] Pañca là số năm, sikhā là chòm, là chỏm.

tiên càn-thát-bà[1] con nít trông như trái đào có năm chỏm tóc ấy – mà lại yêu thương Sikhaddhi, là con trai của Mātali, người đánh xe thân cận của Sakka!

Đế Thích nói với viên nhạc sĩ trưởng:

- Này, Pañcasikhā! Con có chuẩn bị sẵn được một bản nhạc, một ca từ nào tối thượng để dâng tặng bậc Chánh Đẳng Giác không?

- Dạ thưa, có ạ! Một khúc nhạc ca tuyệt vời!

Pañcasikhā nghĩ là tuyệt vời – vì thất tình, chàng nhạc sĩ đã sáng tác một ca khúc, như tiếng nhạc lòng chưa thổ lộ với ai, chưa tấu cho ai nghe! Hôm nay, chàng muốn dâng lên đức Thế Tôn nhạc khúc với ca từ vi diệu ấy, như được chắt ra từ máu của trái tim chàng! Và đấy chính là biểu lộ sự kính trọng tối thượng của chàng với đức Thế Tôn!

- Thế là tốt! Này Pañcasikhā! Ta nhờ ngươi một việc có được không?

- Xin thiên chủ cứ nói!

- Đến viếng thăm đức Thế Tôn có vẻ đường đột như thế này ta rất ngại. Các đức Chánh Đẳng Giác thường thích chỗ an cư tĩnh lặng. Vậy thì làm thế nào, khúc nhạc ca của ngươi, khi lọt vào tai đức Thế Tôn mà không quấy nhiễu ngài, lại còn như bước thăm dò, để rồi sau đó, ta được ngài cho tiếp kiến, được chăng?

- Dễ dàng thôi, thưa thiên chủ! Pañcasikhā tự tin đáp - Lời ca tiếng nhạc của con thì tảng đá cũng phải nghiêng tai, gió bão đi qua cũng phải ngưng lại; và những đám mây lang thang giang hồ kia cũng phải dừng chân giây lát để thảng thốt mà lắng nghe! Thiên chủ cứ yên chí đi! Đức Thế Tôn sẽ tiếp ngài bởi lời ca, tiếng hát và khúc nhạc cầm vi diệu của con!

---

[1] Tuy vẫn ở cõi tiên nhưng thân phận thấp kém, phải hầu hạ chư thiên, ví dụ biểu diễn ca vũ nhạc kịch... cho các vị vua trời và thiên chúng xem.

- Ừ, vậy thì như thế này, Pañcasikhā! Hiện giờ đức Thế Tôn đang ở tại làng Ambasaṇḍā, núi Vediyaka, trong hang động Indasāla – phía Đông thành Rājagaha. Khi xuống dưới đó, ta và hội chúng chư thiên sẽ ngự giữa làng, xung quanh núi; còn ngươi thì tìm đến chỗ phải lẽ, không gần quá, không xa quá, chỉ vừa đủ cho tiếng nhạc du dương của nhà ngươi lọt vào tai ngài mà không làm phiền rộn ngài, được chăng?

Chú tiên đồng năm chỏm tóc tuân mệnh. Thế là từng đám mây... từng đám mây đủ màu, sáng rực, chói ngời giữa không gian, trong đêm, thoáng chốc đã bay đến nơi dự định. Họ ngự lác đác giữa làng và xung quanh núi Vediyaka.

Lúc ấy, đêm chưa khuya. Dân chúng quanh vùng hớt hải, ngạc nhiên vùng thức dậy. Họ ào ào ra sân, ra vườn:

- Núi Vediyaka có lẽ bị cháy?

- Núi Vediyaka có lửa sáng rực?

- Bên trên ngôi làng Ambasaṇḍā cũng thế!

Có bậc thức giả nhiều kiến văn, chăm chú nhìn hiện tượng lạ, nói rằng:

- Không phải đâu, chư vị! Giữa hư không thế kia thì đâu có cỏ, có rác, có cây khô... mà lửa cháy!

- Đúng rồi! Vậy thì cái gì mà sáng rực vậy?

- Có lẽ đấy là ánh sáng của chư tiên ở cõi trời!

- Thế à? Họ hiện xuống đây làm gì?

- À, xem nào? Một người nói - Ở núi Vediyaka chắc hẳn có bậc đại thánh nhân nào ngụ cư ở đấy rồi chăng? Đây là hiện tượng chư tiên xuống chầu!

- Phải rồi! Nghe nói hồi trưa nay, có đại sa-môn Gotama đi sâu vào trong đó!

- Đích thị rồi!

- Vậy thì sớm mai, chúng ta hãy vào đảnh lễ, cúng dường ngài cho có phước! Là vị đại A-la-hán đấy!

Trong lúc ấy, Pañcasikhā cầm cây đàn Beḷuva, cẩn trọng

tìm chỗ vừa tầm, đứng không gần, không xa hang núi Indasāla. Lựa tìm một chỗ ngồi, lắng nghe hướng gió, chàng dạo đầu một khúc nhạc như âm thanh tự nhiên giữa đất trời: Đấy là tiếng lá reo qua cành trúc, là tiếng suối chảy giữa khe sâu, là tiếng muôn chim hợp tấu giữa rừng xuân! Chàng nhạc sĩ nghĩ thầm: "Ta không dám đánh lừa lỗ tai của đức Đại Giác – nhưng ta phải lấy âm thanh tự nhiên ấy, chuyển mạch, chuyển tiết tấu để đi vào khúc đàn lòng của ta mới không đột ngột!" Pañcasikhā bèn nghĩ tiếp rằng:"Vậy cũng chưa đủ, chưa xứng với danh tài của ta! Bọn càn-thát-bà nhạc sĩ "tỉnh lẻ", thuộc hạ của Trì Quốc thiên vương kia, khi tấu nhạc, nhạc còn tỏa mùi hương của lá, của hoa... thì ta cũng cho vào nhạc những hương liệu của cõi trời mà nhân gian này không có được!" Thế rồi, khúc nhạc quyện lẫn với ca từ vi diệu, quyện lẫn với những mùi hương lạ lùng - đã được tấu lên, được hát lên... tha thiết... mê ly... say đắm làm xao xuyến cả trời đất, cỏ cây.

Đức Phật lúc ấy đã xuất định. Ngài biết mọi chuyện. Ngài biết rõ khúc nhạc tình si mê của Pañcasikhā, cả nhân và quả của nó, cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Đức Phật mỉm nụ cười trong tâm, ngài lắng nghe từ đầu.

"- Ôi! Suriya Vaccasā!
Ta đảnh lễ Timbaru
Bậc thân phụ của nàng
Đã sanh nàng thiên nữ
Nguồn hạnh phúc của ta
Như gió cho kẻ mệt
Như nước cho kẻ khát
Nàng là tình của ta
Như Pháp với đức Phật
Như thuốc cho người bệnh
Thức ăn cho kẻ đói
Thiên nữ với nước mát

Hãy dập tắt lửa tình!
Như voi bị nắng thiêu
Tắm mình hồ nước ngọt
Có cánh sen, nhụy sen
Cũng vậy, ta muốn chìm,
Chìm sâu vào ngực nàng
Như voi bị xiềng xích
Hất móc câu, gậy nhọn
Ta điên vì ngực nàng
Hành động ta rối loạn
Tâm ta bị nàng trói
Tháo gỡ thật vô phương
Rút lui cũng bất lực
Như cá đã mắc câu
Hiền nữ hãy ôm ta
Trong cánh tay của nàng!
Hãy ôm ta, nhìn ta
Trong ánh mắt dịu hiền
Hãy ghì chặt lấy ta!
Thiên nữ, ta van nàng!
Ôi! Hiền nữ suối tóc!
Ái dục ta có bao,
Nhưng nay đã tăng bội!
Như đồ chúng đức Phật,
Mọi công đức ta làm
Xin dâng lên đức Phật!
Ôi! Kiều nữ toàn thiện,
Nàng là quả cho ta
Công đức khác của ta
Đã làm trên đời này
Ôi! Kiều nữ toàn thiện,
Nàng là quả của ta
Vị Thích tử thiền tu

Nhất tâm và giác tỉnh
Tầm cầu đạo bất tử
Cũng vậy, ta cầu nàng!
Như người tu sung sướng
Chứng bồ-đề tối thượng
Kiều nữ, ta sung sướng
Được nhập một với nàng!
Nếu thiên chủ Sakka
Cho ta một ước nguyện
Ta ước nguyện được nàng
Vì ta quá yêu nàng
Như ta-la sanh quả
Tuệ nữ, phụ thân nàng
Ta sẽ đảnh lễ ngài
Vì sanh nàng toàn vẹn!"[1]

Khúc nhạc tình si chấm dứt mà nước mây núi rừng Vediyaka còn bồi hồi, xao xuyến. Cả không gian chợt lắng lại như còn chìm sâu trong âm hưởng mộng mị.

Đức Phật cất giọng phạm âm, nghe rõ mồn một trong tai hội chúng chư thiên, nhất là với chàng nhạc sĩ:

- Này Pañcasikhā! Âm thanh những sợi dây đàn của ngươi hòa điệu tuyệt vời với ca từ, với giọng hát của ngươi, và ngược lại. Cầm đàn không thêm sắc màu gượng ép cho ca từ mà ca từ cũng không phô trương, cường điệu so với cầm đàn. Đúng là nhạc sĩ trưởng tài hoa của thiên đình - Tiếng của đức Phật chợt như đi xuyên vào tâm não của chàng nhạc sĩ hơn - Nhưng mà này Pañcasikhā! Ngươi sáng tác khúc ca ấy lúc nào, duyên cớ bởi sao mà ngươi dám ví nàng ấy và ngươi - giống như Pháp với Như Lai? Ngươi tầm cầu nàng lại đem so như hành giả tầm cầu đạo bất tử? Ngươi sung sướng nhập một với nàng lại xem như Thích tử chứng bồ-đề

[1] Xem Đế Thích sở vấn, Trường bộ kinh 2, trang 150 – 153.

tối thượng?[1]

Pañcasikhā cất giọng sầu não:

- Đúng vậy! Đức Thế Tôn la rầy con là đúng lắm! Con sáng tác khúc ca ấy vào thuở ngài thành đạo dưới cội Bồ-đề, nghĩa là vừa mới đây thôi. Biết sao hơn, đối với con, nàng là tối thượng. Ca từ và nhạc điệu vừa rồi là tiếng lòng vi diệu nhất của con. Vậy sự so sánh, ví von ấy, đối với con, bây giờ đây - là chân thật nhất, là tối thượng nhất, bạch đức Thế Tôn!

Rồi, anh chàng nhạc sĩ cả gan kể lại chuyện tình của mình cho đức Phật nghe!

---

[1] Nhận thấy đây là câu chuyện thú vị, độc nhất, hy hữu trong Tam Tạng – nên tác giả xin cung cấp thêm một dị bản - Trường A-hàm, do Tuệ Sỹ dịch và chú. Kinh văn đoạn này như sau: "Rồi ông (Pañcasikhā – Ban-giá-dực) cầm đàn lưu ly đến trước Phật. Cách Phật không xa, ông tấu đàn lưu ly, và hát lên bài kệ rằng: Bạt-đà ơi! Kính lễ phụ thân nàng. Sinh ra nàng cát tường. Mà tâm ta rất thương yêu. Vốn do nhân duyên nhỏ. Dục tâm sinh trong đó. Càng ngày càng lớn thêm. Như cúng dường La-hán. Thích tử chuyên bốn thiền. Thường ưa chốn thanh vắng. Chính ý cầu cam lồ. Tâm niệm ta cũng vậy. Đức Năng Nhân phát đạo tâm. Tất muốn thành Chánh Giác. Như tôi nay cũng vậy. Ước ao hội họp với người con gái ấy. Tâm tôi đã đắm đuối. Yêu thương không dứt được. Muốn bỏ, không thể bỏ. Như voi bị móc câu kềm chế. Như nóng bức mà gặp gió mát. Như khát mà gặp con suối lạnh. Như người nhập Niết-bàn. Như nước rưới tắt lửa. Như bệnh gặp lương y. Đói, gặp thức ăn ngon. No đủ, khoái lạc sinh. Như La-hán an trú pháp. Như voi bị câu móc kềm chặt. Mà vẫn chưa khứng phục. Bươn chạy, khó chế ngự. Buông lung chẳng chịu dừng. Cũng như ao trong mát. Mặt nước phủ đầy hoa. Voi mệt, nóng, vào tắm. Toàn thân cảm mát rượi. Những gì trước, sau, tôi bố thí. Cúng dường các La-hán. Và phước báu tôi có trong đời. Thảy mong được cùng nàng. Nàng chết, tôi cùng chết. Không nàng, sống làm gì? Chẳng thà tôi chết đi. Còn hơn sống không nàng. Chúa tể trời Đao-ly. Thích chúa, nay cho tôi ước nguyện. Tôi đã ca ngợi người đủ lễ tiết. Xin người suy xét kỹ." Khi ấy, Thế Tôn xuất khỏi tam-muội, nói với Ban-giá-dực rằng: "Hay lắm! Hay lắm! Ban-giá-dực! Ngươi đã có thể bằng âm thanh thanh tịnh hòa với đàn lưu ly mà tán thán Như Lai. Tiếng của đàn và giọng của ngươi không dài, không ngắn, buồn và thương uyển chuyển làm rung động lòng người. Khúc đàn mà ngươi tấu hàm đủ các ý nghĩa. Nó nói đến sự trói buộc của dục, và cũng nói đến phạm hạnh, cũng nói đến sa-môn, cũng nói đến Niết-bàn!"

Đế Thích thiên chủ tự nghĩ: "Đức Phật không đuổi Pañcasikhā mà chăm chú lắng nghe, còn tỏ vẻ thông cảm với anh chàng nhạc sĩ si tình này nữa! Ta có cơ hội rồi!"

Pañcasikhā, sau đó, không quên nhiệm vụ của mình:

- Bạch đức Thế Tôn! Thiên chủ Sakka, đình thần và thuộc hạ thiên chúng mong được diện kiến, đảnh lễ, vấn an sức khỏe của Người; sau đó được học hỏi về giáo pháp.

Đức Phật im lặng nhận lời. Thế rồi, khi thiên chủ Sakka và hội chúng được phép đi vào; họ dùng thần lực làm cho chiếc hang sáng và rộng thêm ra. Ai cũng đến đảnh lễ đức Phật và tìm đứng nơi phải lẽ.

Đức Phật nói:

-Thật là đột ngột khi thiên chủ ghé thăm Như Lai! Thật là kỳ diệu khi thiên chủ có nhiều trách nhiệm để gánh vác – mà còn có thì giờ vân du đến hang núi này.

- Bạch đức Thế Tôn! Quả vậy, cõi trời 33 thật quá nhiều việc phải làm. Nay bị ngăn trở việc này mai bị ngăn trở việc khác nên không thể đến hầu đức Thế Tôn thường xuyên được!

Đức Phật biết tâm tư và nguyện vọng của Sakka nên bắt đầu chuyển hướng câu chuyện:

- Ừ, Như Lai biết thiên chủ có đức tin – nhưng nhiều thuộc hạ của thiên chủ chưa có đức tin.

- Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn! Có nhiều việc lợi ích hiện tiền, thấy rõ trước mắt nhưng con cũng chưa thuyết phục được thuộc hạ của con. Con đã từng nói với họ rằng, lúc nào một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện thì thiên giới tăng thịnh còn A-tu-la suy giảm. Rồi con kể ví dụ cụ thể cho họ nghe. Thuở đức Thế Tôn về thăm Kapilavatthu, có Thích nữ Gopakā đã già, kính tin Tam Bảo, đầy đủ quy giới, khi thân hoại mạng chung, được sanh thiên giới, làm một vị thiên tử, là con trai của con, được thọ hưởng phú túc năm món dục lạc. Ngược lại có ba vị tỳ-khưu mà Thích nữ kia

thường hộ độ, do tu hành mà còn lơ là, còn quá ham chơi nên được sanh làm càn-thát-bà hạ đẳng, phải hầu hạ vị thiên tử kia. Xét như vậy, Tam Bảo là phước điền vô thượng, ai không có đức tin, không có quy giới, không biết bố thí, cúng dường, không lo tu tập thì thật uổng phí một đời!

Từ tâm và trí của Đế Thích được dọn sạch như vậy; và những câu hỏi của ông ta liên hệ những ác pháp, tương duyên phát sanh như thù nghịch, ác ý, tật đố, xan tham, ưa ghét...vọng tưởng, hý luận... rồi nào là hỷ, ưu, xả trên lộ trình tiến tu như thế nào - đức Phật đã cặn kẽ giảng nói từng điểm một, giải thích chu đáo cho Đế Thích nghe hiểu. Cuối buổi vấn đáp, Đế Thích thâu hái được những điều lợi ích sau đây: Thấy được tái sanh, sáng suốt chọn thai bào, sống với chánh niệm, tỉnh giác, tương lai sẽ gặt quả Bồ-đề, hết thân cõi trời sẽ hóa sanh vào sắc cứu cánh thiên (Akaniṭṭha) rồi Niết-bàn ở đấy không trở lại trần gian nữa! Nói cách khác, Đế Thích hân hoan quá khi biết mình đã thấy pháp, đã bất thối với Con Đường! Còn nữa, còn điều kỳ diệu nữa, ngoại trừ đức Phật, không ai thấy, là Đế Thích mạng chung rồi hóa sanh ngay tức khắc trở lại làm Đế Thích với sinh lực cuồn cuộn như được thay da đổi thịt, thay thân hoán cốt.

Hỷ lạc đầy ắp cả người, Đế Thích nói:

- Này Pañcasikhā! Ngươi đã giúp ta quá nhiều việc; và tối thượng nhất là nhờ ngươi mà ta được diện kiến đức Thế Tôn, được nghe những lời pháp bất tử! Để đền ơn ngươi, thứ nhất là từ bây giờ, ta đặc phong cho ngươi làm vua càn-thát-bà với đầy đủ mọi danh vọng và mọi danh xưng, uy nghi, hiển hách! Thứ hai, ta sẽ đóng vai thân phụ ngươi rồi ta sẽ tìm cách cưới nàng Suriya Vaccasā làm vương hậu cho ngươi, được chưa?

Vậy là chuyện tình si của chàng nhạc sĩ Pañcasikhā chấm dứt, từ rày về sau, ta chỉ còn được biết đến, Pañcasikhā - ông vua Càn-thát-bà cao sang mà thôi!

Vesāli Thiên Tai, Dịch Hoạ

Qua tháng thứ hai an cư, xảy ra một biến cố. Chuyện là, miền Nam sông Gaṅgā trời đổ mưa liên tục từ ngày này sang ngày khác; nhưng suốt bốn năm tháng nay, phía Bắc lại không có một giọt mưa. Thế là một thảm họa đổ xuống các tiểu bang ở đây, nhất là kinh thành Vesāli: Đất đai nứt nẻ, đồng ruộng, nương vườn khô cháy; mùa màng thất bát, lúa gạo dự trữ không đủ sức cầm hơi, rau cỏ không có mà ăn. Thế là đói khát trầm trọng (dubbhikkhan-tarakappa) xảy ra. Đó là nạn thứ nhất. Vì đói nên người chết rất nhiều, người sống không còn đủ sức mang xác ra nghĩa địa hoặc hỏa thiêu; họ chỉ việc quăng xác ra ngoại thành, mùi hôi thối tỏa khắp mọi nơi. Ác dạ-xoa lộng hành quậy phá làm khổ dân chúng. Đó là nạn thứ hai. Vì xác chết, vì hôi thối nên dịch bệnh lan tràn; nhất là bệnh đường ruột, bao tử (vì gặp cái gì ăn được là ăn), bệnh dịch tả (các nguồn nước cạn kiệt bị ô nhiễm) càng làm cho người chết nhiều thêm nữa. Đó là nạn thứ ba!

Các đức vua và hội đồng tướng lãnh các tiểu bang cộng hòa cấp tốc hội họp, đề cử một viên đại thần, tên là Mahāli - vốn là thân hữu của đức vua Seniya Bimbisāra – làm trưởng đoàn sứ giả, mang lễ phẩm trọng hậu đến Rājagaha, nhờ đức

vua giúp đỡ, trình lên đức Phật, mong ngài đến tiểu bang Licchavī, kinh thành Vesāli để cứu khổ cho muôn dân. Đức vua không dám nhận hậu tình, bảo rằng đoàn sứ giả nên đến đảnh lễ đức Phật, dâng lễ phẩm và tường trình mọi sự lên ngài, hiện ngài đang an cư ở Trúc Lâm với đại chúng tỳ-khưu!

Tôn giả Mahā Moggallāna đứng một bên, sau khi nghe viên đại thần Mahāli trình bày ba thảm nạn tại Vesāli, rồi khẩn cầu đức Phật giải họa, tự nghĩ: "Trong con mắt của thế gian, đức Thế Tôn không những thuyết giáo con đường giác ngộ, giải thoát – mà bây giờ ngài còn là một bậc Đại Siêu Nhân (Mahāpurisa), có thể có khả năng điều động thiên nhiên, kêu gió gọi mưa như các bà-la-môn phù thủy! Tuy nhiên, không những đức Tôn Sư làm được, mà các vị thượng thủ A-la-hán cũng làm được. Đấy chỉ là sự vận hành tâm-sinh-vật lý tương quan, tương tác lẫn nhau! Trong trường hợp này, năng lực của tâm là tăng thượng – có thể dẫn dắt, điều động các năng lực khác!"

Đức Phật đã sớm biết chuyện này, ngài nói:

- Các ông hãy về đi! Như Lai và hội chúng năm trăm tỳ-khưu sẽ đến Vesāli trong mươi, mười mấy hôm nữa! Như Lai đã có duyên với hoàng tộc Licchavī và dân chúng Vesāli – thì Như Lai sẽ cố gắng trong khả năng của mình!

Lúc phái đoàn sứ giả ra về rồi, Đức Phật nói chuyện với vị đại đệ tử:

- Này Moggallāna! Ông nghĩ đúng đấy! Tuy nhiên, ba thảm nạn của Vesāli xảy ra là do ba nguyên nhân tương tác lẫn nhau: Thứ nhất là do nắng nóng khô hạn, thứ hai là do ác pháp phát sanh từ các người lãnh đạo, thứ ba là do chư thiên, thiện thần, thiện dạ-xoa bỏ đi. Bây giờ, ông hãy gọi Ānanda đến đây!

Sau khi có mặt cả hai vị, đức Phật nói:

- Ānanda có trí nhớ rất tốt, vậy phải học bài kinh uy lực

của Tam Bảo mà Như Lai sẽ đọc sau đây, nó có tên là Ratanasutta; sau khi thuộc rồi, ông hãy lựa chọn mấy trăm vị tỳ-khưu còn trẻ, trí nhớ tốt, tức tốc dạy cho họ học thuộc bài kinh ấy! Còn Moggallāna thì vào hoàng cung, gặp đức vua Seniya Bimbisāra, gợi ý là nên hỗ trợ cho Vesāli trong lúc đói kém, khoảng chừng một ngàn xe lương thực; và đức vua cũng nên cử quan đại thần và quân đội đích thân vận chuyển; chuẩn bị xong lúc nào là lên đường ngay lúc ấy; cứu đói như cứu lửa - phước báu sẽ rất lớn; và nhờ thế, tâm đức của đức vua sẽ sáng chói và lan rộng khắp cả châu Diêm-phù-đề! Cũng trình với đức vua là cho Jīvaka Komārabhacca, các trợ lý lương y, nhân viên cùng thuốc men để trị bệnh dịch tả cùng những biến chứng về bao tử, đường ruột...

Đại đức Ānanda làm trọn phận sự của mình, có năm trăm tỳ-khưu cùng học thuộc lòng. Còn đức vua Seniya Bimbisāra thì sẵn sàng hoan hỷ đáp ứng gợi ý thích đáng ấy; và còn hơn thế nữa - do mùa màng đất nước này bội thu - nên đã trợ cấp hào sảng hai ngàn xe lương thực để cứu đói. Lại còn rộng lượng cho vay thêm một ngàn tấn lương thực nữa, thời gian trả, không hạn định; lúc nào mùa màng bội thu, phú túc hẳng sẽ trả sau, không lấy lãi!

Thế rồi, đức Phật, mấy chục vị trưởng lão, năm trăm tỳ-khưu và phái đoàn cứu tế rầm rộ lên đường. Bảy ngày sau, đến sông Gaṅgā, tại thị trấn Pāṭaligama, đức vua đã cho chuẩn bị sẵn năm mươi chiếc thuyền lớn để chở phái đoàn và lương thực. Đang mùa mưa nên nước cuồn cuộn tràn bờ, nhờ thuyền lớn nên xuôi dòng nhẹ nhàng; đến ngã ba sông, đoàn thuyền bỏ sông Gaṅgā, theo nhánh sông Gaṇdak(?) tiến lên phương bắc. Hai bên bờ, đồng khô cỏ cháy trông thật tang thương. Càng đến gần Vesāli chừng nào thì thuyền đi càng chậm vì sông cạn, lại lềnh bềnh tử thi và rác rưởi. Mùi xú uế bốc lên nồng nặc. Ròng rã ba ngày, đoàn thuyền

khá gian lao, vất vả mới đến được bến nước – giang khẩu vào kinh thành Vesāli!

Khi đức Phật vừa đặt chân lên bờ đông nước cộng hòa Licchavī - thì một trận mưa rất lớn, tối trời tối đất – như tự cổng trời mở ra, xối xả đổ xuống vùng đất đại hạn như đã chờ đợi đâu từ lâu lắm![1] Trận mưa lớn kéo dài nửa ngày, bao nhiêu xú uế tan mất. Nhân dân khắp nơi tràn ra đường, vui mừng hò reo, hát ca, nhảy múa... Các đức vua, hội đồng tướng lãnh, quý tộc đến sụp lạy bên chân đức Phật - nghẹn ngào tri ân, chảy nước mắt, không nói được nên lời! Đức Phật, phái đoàn và ba ngàn xe lương thực vào thành. Dân chúng quỳ lạy hai bên đường...

Tôn giả Mahā Moggallāna nhanh trí, hướng dẫn quan đại thần của đức vua Seniya Bimbisāra đến bàn tính ngay với giới cấp lãnh đạo kinh thành Vesāli, làm gấp ba việc: Phân phối lương thực, bố trí ngay chừng hai mươi địa điểm, do chiến sĩ phụ trách để cứu đói rộng rãi cho dân chúng. Nhóm chiến sĩ khác cùng với thanh niên tình nguyện rải khắp các nơi, chôn lấp hoặc thiêu đốt tất cả tử thi còn lại. Bố trí một quảng trường và những dãy nhà có mái che, có sạp nằm để phái đoàn lương y do quan trưởng ngự y Jīvaka Komārabhacca dẫn đạo - chữa bệnh cho dân! Thanh niên Saccaka thấy đức Phật như một vị cứu tinh trên trời hiện xuống cứu giúp muôn dân nên huy động cả ngàn con em quý tộc tham gia hăng hái việc này việc kia chung với phái đoàn cứu tế.

Đêm xuống, dưới ánh đuốc chập chờn, đại đức Ānanda dẫn đầu năm trăm tỳ-khưu đi quanh thành Vesāli ba vòng, tụng bài kinh Ratanasutta suốt đêm không ngủ...

---

[1] Tại nhân gian không biết, chứ lúc ấy, thiên chủ Sakka đã huy động Tứ đại thiên vương, thiên binh, thiên tướng, hội chúng rồng, hội chúng dạ-xoa cùng theo hầu đức Phật. Ác thần, ác dạ-xoa sợ hãi trốn đi nơi khác; các thiện thần, thiện dạ-xoa đồng loạt tìm về!

"- Yān'īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni'va antaḷikkhe
Sabbe'va bhūtā sumanā bhavantu
Atho'pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ...
...
Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vân tập về đây
Phát sanh lòng hoan hỷ
Chánh tâm và thành ý
Lắng nghe lời dạy này

Tất cả chúng thiên nhơn
Hãy bi mẫn đồng tâm
Lòng từ luôn rộng mở
Năng chuyên cần gia hộ
Đối với nữ nam nào
Ngày đêm thường bố thí

Phàm những tài sản gì
Đời này hoặc đời sau
Ngọc báu hay trân châu
Có cùng khắp thiên giới
Nhưng chẳng gì sánh nổi
Đức Thiện Thệ Như Lai
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ly dục, diệt phiền não
Pháp diệu thù bất tử

Phật Thích-ca Mâu-ni
Đắc Tịch tịnh, Vô vi
Trong Thiền, chứng ngộ Pháp
Chẳng pháp nào sánh nổi
Chính **Pháp Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Vô thượng Chánh Giác
Hằng ca ngợi Pháp Thiền
Trong sạch, không gián đoạn
Chẳng Thiền nào sánh nổi
Chính **Pháp Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Thánh bốn đôi, tám vị
Bậc thiện hằng tán dương
Đệ tử đấng Thiện Thệ
Xứng đáng được cúng dường
Bố thí các vị ấy
Được kết quả vô lượng
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Các ngài tâm kiên cố
Ly dục sống Thánh Đạo
Khéo chơn chánh thiện hành
Lời Phật Gotama

Chứng đạt được quả vị
Thể nhập đạo Bất Tử
Hưởng tịch tịnh dễ dàng
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ví như cột trụ đá
Khéo y tựa lòng đất
Dầu gió bão bốn phương
Chẳng thể nào lay động
Ta nói bậc Chơn Nhơn
Liễu ngộ Tứ thánh đế
Cũng tự tại, bất động
Trước Tám pháp thế gian
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn
Thấy rõ lý Tứ đế
Mà đức Chuyển pháp vương
Có trí tuệ thậm thâm
Đã khéo giảng, khéo dạy
Các ngài dù phóng dật
Cũng chẳng thể tái sinh
Nhiều hơn trong bảy kiếp
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Nhờ vững chắc chánh kiến
Nhờ kiên cố chánh tri
Đoạn lìa ba trói buộc
Là Thân kiến, Hoài nghi
Luôn cả Giới cấm thủ
Ra khỏi bốn đọa xứ
Không tạo sáu trọng nghiệp
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Bậc Thánh Tu-đà-hoàn
Dẫu vô tâm phạm lỗi
Bằng ý, lời hay thân
Chẳng bao giờ khuất lấp
Bởi vì đức tánh này
Được gọi là **"thấy Pháp"**
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Ví như cây trong rừng
Đâm chồi đầu mùa hạ
Cũng vậy, đức Thế Tôn
Thuyết giảng pháp Siêu việt
Pháp đưa đến Niết-bàn
Tối thượng, vô năng thắng
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này

Được sống chơn hạnh phúc

Đức Phật - bậc Vô thượng
Liễu thông pháp Vô thượng
Ban bố pháp Vô thượng
Chuyển đạt pháp Vô thượng
Chính **Phật Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Nghiệp cũ đã chấm dứt
Nghiệp mới không tạo nên
Nhàm chán kiếp lai sanh
Chủng tử, dục diệt tận
Ví như ngọn đèn tắt
Bậc trí chứng Niết-bàn
Chính **Tăng Bảo** như vậy
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vân tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Phật
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng
Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vân tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Pháp
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng
Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc

Phàm chúng thiên nhơn nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vân tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đảnh lễ Tăng
Đã như thật xuất hiện
Mà chư thiên, loài người
Thường cúng dường, tôn trọng
Mong với hạnh lành này
Được sống chơn hạnh phúc...

Ôi! Bài kinh với âm giọng của năm trăm vị tỳ-khưu đồng cất lên suốt đêm trường, thật là trầm hùng khôn tả. Cả không gian rung rinh, chao đảo. Cả đất trời Vesāli như chìm ngập giữa biển âm thanh thẳm sâu, cao diệu... Chư thiên vân tập đầy đặc cả không gian, thành kính lắng nghe kinh rồi cất lên lời đại nguyện hộ trì Tam Bảo và hộ trì quốc độ - nếu các đức vua và hội đồng tướng lãnh sống theo chánh pháp.

Ngày hôm sau, rất nhiều người không hiểu chư tăng đọc

mật chú gì mà có uy lực kinh khiếp như vậy? Nó làm cho toàn bộ nhân dân kinh thành phải kính cẩn lắng nghe - tất thảy lo âu, sợ hãi đều tiêu tan – không những trong lòng người mà cả không gian xung quanh cũng cảm giác cả một bầu khí thanh bình và an lạc!

Các vị trưởng lão và các vị A-la-hán có trí, phải giải thích:

- Chẳng phải là huyền chú, mật chú gì đâu - đấy là bài kinh nói lên uy lực của Tam Bảo. Uy lực ấy lại còn được hội tụ bởi uy lực của năm trăm vị tỳ khưu đọc tụng - tạo thành năng lực của tăng thượng tâm, có thể tác động toàn bộ nội tâm và ngoại giới (tâm-sinh-vật lý) đem đến sự bình yên và mát mẻ cho quốc độ này.

Công việc cứu đói, trị bệnh và vệ sinh tẩy uế các nơi kéo dài hơn cả tuần lễ, đâu đó hoàn mãn. Trong thời gian ấy, khi chư tăng về nghỉ ở Mahāvana thì đức Phật thuyết pháp liên tục tại triều đình - hội chúng gồm các đức vua, tướng lãnh, quý tộc, các quan đại thần, trí thức, nhân sĩ, phú hộ, thương gia... tai mắt: Cộng hòa Licchavī, thủ đô là Vesāli; cộng hòa Videha, thủ đô là Mithilā; năm sáu bộ tộc nhỏ liên minh thành liên bang Vajjī... Đức Phật nhấn mạnh về trị quốc an dân, lực lượng võ bị tuy cần thiết nhưng vẫn là thứ yếu; sự thương yêu, đoàn kết để sống trong thiện pháp mới là yếu tố quyết định. Đức Phật triển khai một số thời pháp liên hệ đến chư thiên, phi nhơn ở trong thế giới xung quanh - phải sống làm sao để họ cùng hoan hỷ!

Thấm đẫm về hương vị của chánh pháp và thấy rõ oai lực của đức Phật, của hội chúng giáo đoàn - đã giải tan tức khắc ba thảm nạn; họ xin quy giáo rất nhiều và hứa cải cách việc bầu cử chọn lựa các đức vua đức độ, các quý tộc võ tướng hiền tài điều hành và lãnh đạo các nơi... Mấy ngày sau, hội đồng đại biểu nhân dân được triệu tập bằng ba hồi trống, một trong ba quốc vương được ủy nhiệm chủ tọa hội

đồng và tổ chức cuộc bầu bán bằng cách đề cử công khai. Chương trình cải cách và những biện pháp thực thi dựa theo chánh pháp được đa phần đại biểu chấp thuận. Đề cương chính sách được thảo luận đã thuyết phục được nhiều người rồi được thực hiện nghiêm túc và nhanh chóng. Vậy là ngay tại Licchavī, mười bốn ngàn võ tướng được chọn lựa để điều hành chừng hai trăm năm mươi ngàn cư dân! Đạo đức của ba quốc vương được đề cao, tán dương; hội đồng tướng lãnh được khen ngợi về khả năng và ý thức trách nhiệm cải thiện đất nước... Từ đó về sau, các nước này bắt đầu thịnh cường, yên ổn trở lại. Các quý tộc Licchavī bắt đầu sống đời giản dị, khiêm tốn – thương dân như anh em! Các vị tướng trẻ không còn hống hách, ăn chơi, ngã mạn – đôi khi họ chỉ ngủ trên nệm cỏ, với võ khí sẵn sàng bên người, có thể vùng dậy bất cứ lúc nào để chăm lo an ninh cho nhân dân!

Đức Phật ở lại Vesāli nửa tháng thì dân chúng đã hùn góp, chung tay, chung lực làm xong một công trình lớn: Ngôi Nhà Nóc Nhọn tại Mahāvana để cúng dường lên thập phương Tăng. Hội đồng tướng lãnh, nhân dân và cư sĩ hai hàng thỉnh nguyện đức "Cứu-khổ-cứu-nạn" ở lại; thế nhưng, khi thấy tình hình đã trở nên sáng sủa, tốt đẹp - đức Phật và hội chúng từ giã, trở lại Rājagaha...

"Ôi! Cuộc chuyển hóa của đức Tôn Sư thật là vĩ đại" – Các vị trưởng lão đồng khởi lên một ý nghĩ giống nhau như thế!

Sau mùa an cư, hầu hết các vị trưởng lão các nơi tìm về Trúc Lâm đảnh lễ đức Phật và tường trình công việc hoằng hóa. Như vậy là giáo pháp đã được lan rộng sang một số tiểu quốc cộng hòa và các liên bang tự trị phía Bắc sông Gaṅgā – nơi nào cũng có cơ sở và có chư tăng thường trú. Riêng các tiểu quốc phía tây nam kinh thành Rājagaha như Kālāma, Kāsi, Vaṃsā... thì còn rất mỏng. Tôn giả Sāriputta và một số

các vị trưởng lão ở Kỳ Viên về, cho biết là ở đấy có phát triển nhưng chưa được thuận lợi – do các lực lượng chống đối nổi lên công khai. Họ lại chưa có duyên tiếp cận để thu phục đức vua Pāsenadi và triều đình, có lẽ phải chờ đợi uy lực của đức Phật mà thôi.

Đức Phật phủ dụ, trấn an họ.

Do các tân tỳ-khưu các nơi khác về rất đông, con số đã lên đến trên dưới hai ngàn – nên các vị trưởng lão giáo thọ phải bộn bề công việc. Các ông hoàng dòng họ Sākya bây giờ đã được nghe nhiều, học nhiều nên nghiễm nhiên phải phụ tá công việc với các vị trưởng lão, làm những chúng trưởng mẫu mực, uy nghi để dẫn dắt cho các hàng môn đệ đi sau.

Chậu Nước Bẩn,
Thau Nước Sạch
Và Cái Vòi Voi

Hôm ấy, đức Phật thư thả dẫn Rāhula đi trì bình khất thực, ngài cẩn thận dặn dò chú sa-di cách đi, cách đứng, cách ôm bát đứng bên ngoài cửa nhà người; và nên nói lời phúc chúc như thế nào đối với thí chủ.

Chỉ một đỗi đường, thấy Rāhula có vẻ rất thuần thục; lúc dừng chân nơi một cội cây để nghỉ nắng, đức Phật hỏi:

- Khi đi bát như thế, tâm con đặt ở đâu?

Rāhula nói như trả bài:

- Đặt chánh niệm trước mặt, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là cứ nhìn trước mặt mà đi?

- Dạ thưa vâng!

Đức Phật dừng lại một chút rồi cùng bước song song với Rāhula:

- Thế lỡ có viên đá dưới chân thì sao, có thấy viên đá ấy không?

- Dạ thấy chứ!

- Vậy khi thấy viên đá dưới chân - thì không còn chánh niệm trước mặt nữa hay sao?

Thấy Rāhula có vẻ lúng túng, đức Phật mỉm cười nói:

- Con hãy chú tâm nghe cho kỹ đây: Khi định thì chánh niệm, an trú tâm một chỗ, một nơi, một đề mục; ví dụ hơi thở, ví dụ các kasiṇa. Khi tuệ thì hằng tỉnh thức, sáng suốt trong ngoài. Khi trong định có tuệ - thì không những tâm được an trú mà còn quan sát được cả mọi duyên khởi. Khi trong tuệ có định - thì luôn tỉnh thức, sáng suốt - và không có một pháp trần nào lay động tâm vị ấy! Con có nắm được bốn trường hợp ấy không, Rāhula?

- Dạ, tuy hơi rắc rối nhưng đệ tử thuộc rồi!

- Ừ, nó rắc rối thật, lại khó hiểu nữa! Chỉ cần thuộc thôi! Nhưng câu hỏi này thì cũng không dễ dàng: Vậy khi đi bát như thế này, chúng ta nên sử dụng trường hợp nào trong bốn trường hợp ấy?

Rāhula suy nghĩ một chút:

- Dạ thưa, dùng cái "trong Tuệ có Định"!

- Ừ, đúng! Đức Phật cười vui, rồi nói - tuy nhiên, giả dụ Như Lai vẫn chú tâm trong từng bước đi, nhưng Như Lai vẫn quan sát được mọi sự xảy ra xung quanh thì sao?

- Thưa, trong trường hợp này thì có phải dùng cái "trong Định có Tuệ"?

- Khá lắm, này Rāhula! Tuy nhiên, con phải học hỏi thêm điều này nữa: Khi đi trì bình khất thực như thế này, nếu trong giai đoạn ta đang tu tập thiền quán thì phải nên sử dụng trường hợp Tuệ có Định để cho tuệ quán chiếu được tiếp diễn liên tục; nếu trong giai đoạn ta đang tu tập thiền định thì nên sử dụng Định có Tuệ để cho tâm an trú được dính khít liên tục, con có hiểu không?

Nội dung giáo pháp trong cuộc đối thoại này rất cao siêu - chỉ dành cho những sa môn lâu năm trong tu tập; nhưng với cách giảng giải cụ thể và cô đọng như thế, giảng đi giảng lại nhiều lần - đức Phật đã trang bị cho Rāhula một sở học căn bản nhất, những tinh yếu cốt lõi nhất.

Buổi trưa, đức Phật ghé khu vườn Ambalatthika - có khá

nhiều tỳ-khưu tá túc ở đây - để độ thực và nghỉ trưa. Chư tăng tìm đến đảnh lễ, thăm hỏi, ngồi xuống một bên... Đức Phật giáo giới sách tấn vài lời rồi ngài bảo là cần có thời gian với Rāhula.

Khi mọi người ra về hết, sa-di Rāhula nhanh nhẹn bưng vào một chậu nước cho ngài rửa chân, rồi đứng hầu một bên.

Xong, nhìn chậu nước bẩn, đức Phật nói:

- Nước bẩn này có còn dùng được không, Rāhula?

- Thưa, chẳng dùng được nữa!

- Cũng vậy, đây là một bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Con người mà có tâm bẩn cũng y như thế, chẳng dùng được nữa! Đổ đi thôi!

Nói xong, đức Phật đổ nước trong chậu, còn chừa một ít:

- Còn một chút ít nước bẩn, thế nào, Rāhula - có dùng được không?

- Cũng không được, dù một ít.

- Cũng vậy, này Rāhula - đây cũng là bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ: Cái tâm của con người, dẫu chỉ bẩn một ít cũng không dùng được.

Đức Phật nhìn chú bé, dịu dàng nói tiếp:

- Cái gì làm cho tâm chúng sanh trở nên dơ bẩn, Rāhula có biết không?

- Thưa, kẻ ác hạnh, ác giới, kẻ không có 5 giới - bạch đức Thế Tôn.

- Đúng vậy - Đức Phật gật đầu - vậy trong 5 giới ấy, con thấy khó nhất là giới nào, giới nào là khó giữ nhất?

- Thưa, giới nào con cũng giữ được, riêng giới nói dối, vọng ngữ thì...

Đức Phật mỉm cười:

- Thỉnh thoảng con bị lủng, bị rách giới ấy phải không, Rāhula?

Chú sa-di đỏ mặt, lúng túng một hồi rồi bẽn lẽn gật đầu.

Đức Phật lấy ngón tay trỏ gõ nhè nhẹ vào đầu chú chú

bé:

- Vậy là tâm con bẩn rồi. Dẫu nói dối một ít cũng bẩn rồi; cái đầu này có thấy ra điều đó không, Rāhula?

- Dạ, cái đầu của đệ tử hiểu rõ rồi ạ!

Đức Phật đổ hết nước trong chậu. Nhìn cái chậu không, đức Phật nói, có vẻ hỏi bâng quơ:

- Nhìn cái chậu không này, chẳng biết nó có dạy cho ta bài học nào nữa không đây?

- Dạ, có chứ! Rāhula mau mắn đáp - Nước bẩn không dùng được - thì cái chậu đựng nước bẩn ấy cũng phải cọ rửa cho sạch...

- Ừ, con lại nói đúng nữa! Vậy, đây là bài học tiếp theo: Không những chỉ nói dối, mà cái tâm đựng cái bẩn ấy như biếng nhác, ngủ ngày, ham chơi, ăn nhiều...cũng phải được cọ rửa kỹ càng cho sạch sẽ mới dùng được, mới trở thành người tốt được.

- Dạ, đệ tử hiểu.

- Còn có bài học nào nữa nơi cái chậu không ấy không, Rāhula?

Thấy Rāhula nhăn trán, đức Phật gợi ý:

- Khi chỉ một người ngu, một người vô tích sự, một người mà trong óc không có gì - chỉ biết ăn cho đầy bụng, ngủ li bì xác thân, thích khoái kiếm tìm ngũ dục - ngôn ngữ bình dân xứ này chế nhạo họ là "kẻ rỗng không, người rỗng không" - này Rāhula!

- Đệ tử hiểu rồi! Một người mà không biết kiếm tìm, tích lũy một thiện pháp nào, không chịu khó học hỏi những điều hay, tốt - thì sẽ bị người đời cười chê là "kẻ rỗng không" như thế.

Đức Phật khen giỏi, giỏi - rồi ngài lật úp cái chậu lại:

- Nếu cái chậu úp lại - thì ta sẽ học được bài học gì?

- Thưa, cái chậu lật úp thì không dùng nữa, bên trong tối tăm - đấy là bài học!

- Chính xác! Đức Phật tiếp lời - khi con người mà quá xấu xa, quá dơ bẩn, quá nhiều ác giới, ác hạnh, cứng đầu, ngu si, tà kiến... thì cái tâm ấy cũng bị lật úp rồi, không dùng được nữa; không có ánh sáng trí tuệ nào có thể lọt vào đấy được; chúng sẽ sống mãi trong cõi tối tăm ấy! Vậy, con đừng làm cái chậu lật úp nhé, Rāhula?

Rāhula lạnh toát cả người, chú lắp bắp:

- Dạ... đệ tử sẽ cố gắng... cố gắng... nhiều hơn nữa...

Sau khi tịnh chỉ, vừa mở mắt, đức Phật thấy bên cạnh đã có một thau nước trong vắt và một chiếc khăn trắng. Chú bé sa-di còn đang ngồi thiền bên cạnh. Hình ảnh ấy đẹp quá, đức Phật hoan hỷ ngắm nhìn mãi. Đúng là một tiểu thiên thần.

Đợi Rāhula xả thiền, đức Phật chỉ vào thau đựng nước:

- Cái thau đồng ở đâu mà trông cao sang và quý trọng quá vậy?

- Của hoàng gia dâng cúng cho chư tăng, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật gật đầu rồi tấm tắc:

- Nước cũng trong quá nhỉ? Chắc có giếng nước tốt?

- Dạ, giếng có mạch đá nên trong, ngọt và mát lạnh. Thánh y Jīvaka dâng cúng và khuyên chư tăng nên lưu tâm đến chuyện nước uống...

Đức Phật chuyển mạch câu chuyện:

- Cái thau sạch, quý - lại đựng nước trong, ngọt, mát lạnh - ai trông cũng thích mắt, cũng muốn uống, phải vậy không Rāhula?

- Dạ phải!

- Cũng vậy, khi tâm ta sạch và quý, rồi đựng bên trong những đức tính, những phẩm hạnh trong, lành, mát - thì ai cũng mến, cũng trọng; ai cũng hoan hỷ, ai cũng muốn thân cận, kể cả chư thiên và loài người.

Rāhula chăm chú lắng nghe bài học quý giá.

Đức Phật chỉ tay vào thau nước:

- Hãy quan sát thau nước, này Rāhula!

- Dạ!

- Thau nước ấy không những "trong" mà còn "lặng" nữa, có phải thế không? Tâm trí ta cũng vậy, trí trong nên ta mới sáng suốt, tâm lặng nên cáu bợn mới lặn chìm tận đáy. Trí trong là tuệ, tâm lặng là định. Từ cái thau nước mà ta cũng rút ra được bài học về định tuệ đấy, Rāhula!

- Dạ, thật hay quá là hay!

- Còn nữa, Rāhula! Cũng nhờ trong và lặng ấy, ta còn soi mặt được đấy! Con hãy soi mặt thử xem!

Khi Rāhula soi mặt, đức Phật nói thoảng bên tai:

- Thấy rõ cả từng sợi tóc, lông mi, có phải thế không?

- Dạ!

- Cũng vậy, khi có định và tuệ rồi, ta có thể thường trực soi chiếu nội tâm; và có thể thấy rõ cả những lăn tăn, li ti, cáu bợn phiền não. Vậy, cái xấu, cái bẩn nào trong tâm cũng thấy rõ được cả, phải vậy không, Rāhula?

- Quả là thế, bạch đức Thế Tôn!

Buổi chiều, lúc mát trời, đức Phật và Rāhula trở về Trúc Lâm. Trên đường đi, họ gặp một đoàn voi. Con nào con nấy to lớn, hùng dũng, với những bước đi đĩnh đạc, oai nghiêm. Chúng đi trật tự, giữ khoảng cách đều đặn, thẳng hàng, thẳng lớp, không nhìn ngược, không nhìn xiên... Trên đầu voi, từng viên nài trang bị quân phục chiến sĩ, tay cầm búa khiển voi lấp lánh sáng. Thoáng nhìn, đức Phật biết đấy là đoàn binh chiến tượng đã được huấn luyện kỹ càng, có nhiệm vụ bảo vệ hoàng thành, đôi khi còn để làm chiến sĩ tiên phong xung trận.

Bước tránh vào một công viên, đức Phật hỏi Rāhula:

- Khi ra chiến trận, những chú voi chiến sĩ này - sử dụng cái gì mà chiến đấu, con có biết không?

- Thưa, có lẽ là cái vòi - vì đệ tử thấy chúng ăn mía bằng

vòi, hút nước, giỡn nước bằng vòi - mà nhổ cây, quật gốc, bẻ cành cũng bằng vòi...

- Đúng vậy! Thế nhỡ cái vòi bị thương tích thì sao?

- Thưa, bị thương là hỏng, là phải vào bệnh viện thú của hoàng gia để chữa trị.

- Vậy nó phải biết bảo vệ cái vòi của mình, chính là bảo vệ mạng sống của mình, phải vậy không?

- Dạ đúng vậy!

- Này Rāhula! Khi lâm trận, những chú voi chiến sĩ của chúng ta sử dụng tất cả mọi vũ khí tự thân có được. Nó dùng vòi, dùng hai chân trước, dùng hai chân sau, dùng phần thân trước, dùng phần thân sau, dùng ngà, dùng đầu và dùng cả đuôi. Tất cả vũ khí tự thân ấy, cái nào bị thương, bị tật cũng được - nhưng cái vòi thì đừng để bị thương. Tại sao vậy? Vì ăn, vì uống, vì thở đều ở nơi cái vòi cả. Cái vòi mà "tử thương" - thì coi như con voi bị tước đoạt mạng sống. Vậy, với giá nào, con voi cũng phải bảo vệ cẩn mật cái vòi của mình.

- Vậy, hỏng vòi là hỏng tất cả!

- Đúng vậy! Khi lâm trận, con voi sẵn sàng hứng chịu hằng trăm, hằng ngàn lằn tên, ngọn giáo - cho dẫu cái đầu, cái đuôi, cái tai, cái lưng, cái bụng... có bị thương mà cái vòi chưa bị thương - thì con voi kia vẫn còn là một chiến sĩ còn có khả năng kiên cường và dũng mãnh được. Nhưng nếu cái vòi mà bị thương là coi như bỏ. Cũng vậy, một tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai, sống giữa cuộc đời khi còn hệ lụy bởi cái ăn, cái mặc, cái ở, cái ngủ nghỉ... thì cũng phải hứng chịu hằng trăm, hằng ngàn lời chê bai, sỉ nhục, vu khống, mạ lỵ, đàm tiếu, cạnh khóe, xoi móc... lẫn ác tâm, ác ý, nhiều cạm bẫy, gai chông không lường được của thế gian. Tuy nhiên, tỳ-khưu ấy, cho dẫu cái bụng có bị thương vì thiếu vật thực; cái da có bị thương vì y áo không đủ ấm; cái lưng có bị thương vì nằm đất, nằm cây; cái tai có bị thương

vì ác ngôn, sàm ngôn của kẻ thế; cái chân cái tay có bị thương vì ốm o gầy mòn; cái mặt có bị thương vì nắng mưa sương gió... nhưng mà **cái tâm chưa bị thương** là chưa sao cả. Cái gì cũng bị thương, nhưng cái tâm mà chưa bị thương thì tỳ-khưu ấy vẫn tồn tại - tồn tại dõng mãnh - trong giáo pháp của Như Lai. Còn cái tâm mà bị thương rồi - thì coi chừng, cái mạng sống phạm hạnh của vị ấy sẽ không còn nữa! Vậy, nếu con voi biết bảo trọng cái vòi của nó như thế nào, thì con cũng phải biết bảo trọng cái tâm của mình như thế ấy, này Rāhula!

Bài học này, quả thật là thấm thía tận ruột gan. Sa-di Rāhula nghĩ rằng, ai mà đã nghe rồi, một lần, thì suốt đời cũng không thể quên được câu chuyện về cái chậu nước bẩn, cái thau nước trong và cái vòi voi này!

- Ôi! Cái tâm! Rāhula lẩm bẩm - không thấy mày ở đâu mà cái gì, ở đâu, vui khổ gì cũng bởi mày mà ra cả!

Máu Quý Hơn Nước

Ra xuân, trời nắng dịu, đức Phật cùng với hội chúng, mấy chục vị trưởng lão và chừng trên dưới năm trăm vị tỳ-khưu - đặc biệt có cả Ānanda, Nanda, Rāhula, các tỳ-khưu gốc hoàng tộc và chiến sĩ Sākya - lại du hành lên phương Bắc, vượt sông Gaṅgā, đến Vesāli, tạm cư tại Kuṭagārasālā (Trùng các giảng đường, Nhà nhiều tầng có nóc nhọn hoặc Sảnh đường nóc nhọn), rừng Mahāvana. Ở tại đây, ngoài việc đi hóa duyên các nơi, đức Phật biết mình còn có nhiều việc phải làm.

Năm nay, khí hậu, thời tiết nước cộng hòa Licchavī rất thuận hòa, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm nên việc trì bình khất thực khá dễ dàng. Các vị trưởng lão nhận được lời mời của khá nhiều người trong giới quý tộc, các gia chủ trong vùng, đặt bát tại các tư gia; và các ngài thường thuyết những bài pháp thuận thứ cũng như cho quy y khá nhiều người.

Trưởng lão Mahā Kassapa cùng năm trăm môn đệ đến đảnh lễ Phật và nghe lời giáo giới. Cuối buổi pháp thoại, đức Phật ái ngại nói:

- Trông ông có vẻ phong sương quá, lại gầy ốm nữa! Việc khất thực khó khăn lắm phải không, Mahā Kassapa?

- Đệ tử sức khỏe vẫn bình thường, bạch đức Thế Tôn!

- Nghe nói ông chỉ khất thực những gia đình nghèo khổ - việc ấy có đúng không? Có thiên vị, có đánh mất tính bình đẳng không?

- Đệ tử hiểu! Nhưng vì tâm bi mẫn, đệ tử muốn giúp cho người nghèo, cho họ kiếm chút phước để nương tựa cho nhiều đời sau!

Đức Phật lại hỏi:

- Có người khổ quá, hoàn cảnh bất hạnh quá - Như Lai nghe nói ông lại nhập Diệt thọ tưởng định bảy ngày, sau đó mới đi hóa duyên?

- Cũng có một số lần như thế, nhưng đôi khi cũng rải tâm từ, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Một vị thượng thủ A-la-hán, nhập định bảy ngày hoặc rải năng lượng tâm từ - ai đặt bát cho vị ấy, phước báu rất thù thắng - không chỉ là chút phước đâu, này Mahā Kassapa!

Trưởng lão Mahā Kassapa chỉ biết cúi đầu, nhẹ mỉm cười rất khiêm tốn.

Đại đức Ānanda từ đâu đó xuất hiện, trên tay cầm một tấm y mới đã nhuộm màu vàng đất, nhìn trưởng lão Mahā Kassapa, nói rằng:

- Chiếc y của pháp huynh cũ nát quá rồi, hãy cho đệ xin dâng tấm y này, vải tuy xấu nhưng lành lặn.

- Cảm ơn pháp đệ - Tôn giả từ tốn nói – nhưng tôi đã quen với vải rách, vải lượm rồi vá lại mà thôi; tấm kia nguyên vẹn quá, xin dành cho các sa-môn trẻ hoặc các vị khác cần dùng hơn.

Và dầu Ānanda năn nỉ thế nào, tôn giả cũng không nhận. Đức Phật phải góp lời:

- Thọ trì mười ba pháp đầu-đà bậc thượng, Mahā Kassapa không thọ dụng y mới đâu, Ānanda!

Hôm kia, từ nước Mallā, trưởng lão Kāḷudāyi đến

Mahāvana báo tin với đức Phật là đức vua Suddhodana lâm bệnh nặng, có lẽ không qua khỏi vì người tuổi đã gần trăm, muốn gặp ngài lần cuối cùng.

Thế là tức khắc ngày hôm sau, đức Phật và đại chúng lên đường. Và cứ hễ chừng hai, ba do-tuần là phái đoàn được bổ sung thêm các vị trưởng lão và một số tỳ-khưu ở nơi xa đến. Họ đều là những vị A-la-hán lậu hoặc đã tận, có thần thông - biết chuyến đi này là chuyến đi báo hiếu của đức Phật – nên họ tự động tìm tới. Vậy là khi đến Mallā, hội chúng đã có trên ngàn vị.

Trưa hôm ấy, khi dừng chân tại một ngôi rừng ven đường, sử dụng thần thông, đức Phật biết có chuyện trọng đại xảy ra tại biên địa hai nước Sākya và Koliya. Số là dòng sông Rohini, vào khoảng tháng ba, tháng tư mực nước bắt đầu khô cạn; năm nay trời lại hạn hán hơn nên tình trạng ruộng đồng, hoa màu hai bên bờ sông nguy cơ không cứu vãn nổi. Trước đây, nhân dân vùng này đã cho ngăn một con đập, từ đó, họ kéo nước đổ vào ruộng đồng hai bên. Tuy nhiên, vì muốn cứu lúa, cứu hoa màu mà nhân dân hai bên xảy ra tranh chấp nguồn nước. Ban đầu là lời qua tiếng lại, mạ lỵ, phỉ báng nhau, sau đó, với giáo mác – hai bên quyết liệt sẵn sàng đổ máu để chiếm nguồn nước. Nguy hiểm hơn, quân đội hai bên bắt đầu dàn quân, chuẩn bị vào trận để bênh vực cho nông dân nước mình...

Đúng vào lúc đó, với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay, đức Phật xuất hiện; ngài đứng giữa hư không, ngay phía trên con đập phân ranh hai nước. Rõ ràng, ngài đang đứng giữa trận tuyến - bên nội, bên ngoại - để làm người trung gian hòa giải.

Thấy đức Phật oai nghiêm như một vị phạm thiên, hào quang sáng rực – đang đứng lừng lững giữa hư không biên địa hai nước; nông dân quăng giáo mác, quân đội quăng vũ khí, cung tên, giáp bào đồng quỳ xuống, sụp lạy: Họ biết uy

đức Phật lâu rồi...

Đức Phật nói:

- Như Lai chỉ muốn hỏi chư vị một câu thôi: Nước quý hơn máu hay máu quý hơn nước?

Mọi người cúi đầu, câu hỏi ấy không cần phải trả lời vì ai cũng hiểu cả.

- Vậy có đáng không, chư vị là hai nước anh em, cùng liên minh, đoàn kết thương yêu nhau; bây giờ vì tranh giành nguồn nước mà sinh ra đổ máu. Vậy đối với chư vị, nước quý hơn máu hay sao – những giọt máu đồng bào huynh đệ? Hãy trả lời cho Như Lai xem nào?

Uy lực của đức Phật cùng với cách nói có trọng lượng ngàn cân – đã tạo nên phép thần kỳ hy hữu: Cả hai bên thấy mình lầm lỗi, xin sám hối với đức Phật rồi đồng thuận giải hòa!

- Này chư vị - đức Phật tiếp - hoạn nạn giúp đỡ nhau mới quý; lúc khó khăn tìm cách san sẻ, chia đắng, sớt cay mới là tâm đức của bậc đại trượng phu! Hãy nghe lời Như Lai mà tận dụng nguồn nước cả hai bên cho đồng đều; đừng dại dột tranh chấp đổ máu, sau này có hối cũng không kịp nữa đâu!

Nói thế xong, đức Phật biến mất giữa hư không, cả hai bên quỳ lạy như tế sao!

Về lại khu rừng, đức Phật lại bộ hành cùng với đại chúng như không có chuyện gì xảy ra. Tôn giả Mahā Moggallāna nói nho nhỏ, kể chuyện đức Phật vừa giải hòa việc tranh chấp nguồn nước sắp đi đến đổ máu của nhân dân biên địa hai nước Sākya và Koliya, tại sông Rohini - cho đại đức Ānanda nghe! Đại đức Ānanda rất thú vị, tự nghĩ:"Đức Thế Tôn luôn luôn bảo vệ sự sống, thuở xưa là con chim hạc, bây giờ là nguồn nước; và suốt trên lộ trình du hành, ngài bao giờ cũng nhắc nhở giữ gìn cây cối thảo mộc, nguồn nước, cả những bãi cỏ xanh!"

Thăm Phụ Vương Lần Cuối

Vừa đến ngoại ô Kapilavatthu, đức Phật dừng lại một lát trên ngọn đồi thấp, đưa mắt nhìn quanh. Đây là chỗ mà thuở xưa, đức vua Suddhodana thuyết phục cho ngài nghe - lúc ấy mới bảy tuổi - phải biết yêu đất nước gấm vóc, núi sông xinh tươi kỳ vĩ. Và dường như suốt sáu bảy mươi năm làm vua, Người đã làm đúng như vậy. Nhưng bây giờ, Người sắp ra đi thì dường như khí số đất nước cũng từ thịnh mà sang suy như định luật tự nhiên của vạn hóa. Những dãy núi xa xanh xanh thuở xưa kia bây giờ nhiều vùng đã vàng cháy, tiêu điều, ủ rũ! Những bình nguyên trù mật bây giờ nhiều nơi đã hoang hóa, xác xơ. Rõ ràng là do hạn hán đang đổ xuống xứ sở này nên đời sống muôn dân chắc đang chịu đựng sự khó khăn và vất vả. Tuy nhiên, đấy chỉ là nguyên nhân gần; còn nguyên nhân xa – là vì những người lãnh đạo đất nước đã không đủ trí và tâm trong những chương trình cải cách. Cái lực kéo, cái sức trì trệ của bộ máy công quyền - mà ngài đã biết - chỉ có sức của vài ba người thì không thể cứu vãn nổi. Chỉ có cách duy nhất là hãy an trú dòng tộc vào quy giới để họ có chỗ nương tựa cho những đời sau.

Khi đại chúng đến nghỉ ngơi ở đại viên Nigrodhārāma thì đức Phật cùng hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda và Rāhula

đi đến hoàng cung, vào thẳng tẩm cung[1] để thăm đức vua Suddhodana tại giường bệnh - bệnh già thôi - nên Người còn rất tỉnh táo.

Những khuôn mặt rạng rỡ và lời chào hỏi như xoắn xít vào nhau.

- Phụ vương vẫn còn khỏe - Lời đức Phật.

- Con nhớ phụ vương quá – Nandā nói, sụt sùi rơi lệ.

-Vua nội có nhớ cháu không, cháu nhớ thương vua nội lắm - Rồi Rāhula chạy tới, ôm chầm đức vua Suddhodana mà nước mắt chảy ròng rã.

- Ôi! Con cháu của trẫm ở đây đầy đủ cả rồi - Đức vua Suddhodana quàng tay ôm cháu, nói - Trẫm vui mừng và mãn nguyện rồi, bây giờ ra đi sẽ nhẹ nhàng, thanh thản xiết bao!

Đại đức Ānanda đứng cạnh một bên giường, nắm tay nhà vua, sửa lại tấm đắp, mỉm cười hỏi:

- Vua bác ơi! Có chắc là nhẹ nhàng, thanh thản không?

- Chắc! Vua cũng cười đáp.

Hai vị đại đệ tử như đồng lúc, nói:

- Chỉ còn chút xíu dính mắc nữa mà thôi!

Lát sau, lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā tìm đến rồi họ cùng tíu tít bên Rāhula, Nanda. Hai vị đại đệ tử đứng yên tịnh và họ thấy thiên chúng, thiện dạ-xoa rất đông. Đức Phật đến nắm hai tay đức Suddhodana rồi thuyết cho nhà vua nghe một thời pháp – đúng như hai vị đại đệ tử đã thấy - để cắt đứt những vi tế phiền não còn sót lại...

Sau thời pháp, đức Suddhodana đoạn lìa sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm và vô minh - chứng đắc A-la-hán đạo, A-la-hán quả! Thiên chúng và thiện dạ-xoa cũng có rất nhiều vị đi vào dòng thánh, an trú bất động tâm...

Thế là đã làm xong những việc cần phải làm đối với

[1] Tức phòng ngủ.

đấng sinh thành, đức Phật quan sát thọ hành, biết là còn đúng bảy ngày nữa nhà vua mới xả bỏ ngũ uẩn, ngài trở về đại viên Nigrodhārāma, chỉ để Rāhula ở lại.

Suốt hai ngày sau đó, buổi sáng nào đức Phật và chừng năm mươi vị trưởng lão cũng đi bát tại hoàng cung, ghé thăm vua cha, độ trai rồi thuyết pháp. Đặc biệt, ngài nhắm đến thành phần con cháu hoàng gia, quý tộc và con cháu đại thần, chiến sĩ, thị nữ, gia nhân... Trong thời gian này, hai vị đại đệ tử phải bận rộn nhiều việc – vì số thanh niên, trung niên thuộc dòng tộc Sākya cùng vài thành phần giai cấp khác xin xuất gia tỳ-khưu mỗi ngày mỗi đông...

Đặc biệt, hôm ấy, đức Phật tiếp chuyện bốn vị dòng dõi hoàng tộc thành Pāvā, nước Mallā đến Kapilavatthu có việc. Đấy là 4 vị hoàng thân Godhika, Subāhu, Valliya, Uttiya. Trông vị nào sắc tướng cũng trung hậu và đoan chính. Họ kể rằng, mấy năm trước đã may mắn thấy được uy lực siêu phàm, vô song của đức Phật trong ngày ngài hóa độ thân quyến. Còn nữa, họ được nghe những thời pháp chơn chính mà tai họ chưa từng được nghe, chưa bao giờ lại được hoan hỷ như vậy. Còn nữa, họ còn được thấy thần thông diệu kỳ của hai vị đại đệ tử. Còn nữa, họ thấy được tăng tướng mô phạm và giới hạnh thanh tịnh của chư tỳ-khưu tăng trong giáo pháp này. Họ muốn được xuất gia từ dạo đó, nhưng mãi đến hôm nay, công việc gia đình thu xếp mới xong... Thế rồi, sau đó cả bốn vị đều được xuất gia, đức Phật bảo họ nên thu xếp để về Trúc Lâm tịnh xá mà hành đạo.

Câu Chuyện
Về Bộ Tam Y Quý Giá
Và Đức Phật Metteyya (Di Lặc) Vị Lai

Chiều ngày thứ ba, lệnh bà Mahā Pajāpati Gotamī cùng với cung nga thể nữ theo hầu, đến đại viên Nigrodhārāma dâng lên đức Phật một bộ tam y quý giá. Câu chuyện về bộ tam y ấy có nhiều tình tiết rất hy hữu...

Trong lần đức Phật về thăm quê nhà cùng với giáo đoàn thanh tịnh, thấy uy đức của ngài, lệnh bà Gotamī phát khởi đức tin trong sạch, tự nghĩ:"Ta muốn cúng dường cái gì đó cho xứng đáng, khác thường lên đức Thế Tôn mà nghĩ hoài không ra! Một món ăn dù sơn hào hải vị, nhưng ăn xong là hết! Ngọc ngà châu báu, tràng hoa, hương liệu thì các vị sa-môn không thọ dụng! Sập trầm hương, nệm lông thú... cũng không được phép! Hay là tự tay ta hãy làm nên một bộ y quý trọng..."

Thế rồi, sau khi hình bóng đức Phật và giáo đoàn vừa rời khỏi Kapilavatthu, lệnh bà Gotamī cho truyền thợ kim hoàn đến hoàng cung, lấy vàng trong kho đúc bảy chậu vàng rất lớn. Xong rồi, lệnh bà chuẩn bị đất trồng. Đất này không phải là đất bình thường - có dính tạp chất và xú uế. Bao nhiêu lá thơm, rễ thơm, vỏ thơm, cành thơm, cỏ thơm, hoa thơm... lệnh bà cho ủ thành từng đống, từng đống... Mấy

tháng sau, từng đống thơm ấy biến thành đất, lấy đất ấy bỏ vào chậu vàng làm chất liệu để ươm bông vải. Rồi chính tự tay lệnh bà săn sóc tưới tắm hằng ngày... Nước tưới bao giờ cũng hòa với sữa tươi và hương thơm. Và bón thêm phân – thì bao giờ phân ấy cũng là các chất thơm ủ đống lại mà thành. Những cây bông vải lớn lên rất nhanh. Tự tay lệnh bà lại thu hái - những trái bông vải có màu vàng óng ánh như mạ vàng mười. Sau đó, lệnh bà chỉ đạo dọn sạch, tẩy uế cả một cung phòng đẹp đẽ rồi cho thỉnh mời những thợ dệt tài hoa đến làm việc. Lệnh bà trả lương rất cao cho thầy thợ, nhưng với điều kiện là họ phải thọ trì bát quan trai giới, tắm giặt hằng ngày và áo quần phải luôn luôn tinh tươm, sạch sẽ... Ròng rã mấy tháng, ba tấm vải mới hoàn thành...

Lúc ấy, tại đại viên Nigrodhārāma, đức Phật đang thuyết pháp – có hai hàng trưởng lão ngồi xung quanh cùng với hội chúng chư tăng và cư sĩ có đến mấy nghìn người. Thời pháp vừa dứt, lệnh bà Gotamī đội mâm vàng trên có ba tấm y, đi bằng hai đầu gối từ ngoài vào, sau lưng là mấy chục cung nga, thị nữ...

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là ba tấm y đã tự tay tôi trồng cây bông vải, tự chăm sóc tưới bón bằng hương thơm, tự tay tôi thu hái, kéo sợi, sau đó thuê thợ dệt - thọ trì bát quan giới thanh tịnh - làm việc trong một căn phòng tẩm hương! Đây là cả một tấm lòng quý kính, thanh tịnh của tôi đối với đức Thế Tôn - những mong ngài thọ nhận để cho tôi có chút ít phước báu trong ngày vị lai...

Đợi cho lệnh bà tác bạch ba lần, đức Phật nói:

- Bộ tam y ấy quý báu lắm vì nó hội đủ ba yếu tố thanh tịnh: Tự tay làm và hoan hỷ trước khi ươm trồng, tự tay làm và hoan hỷ trong khi thu hái, kéo sợi, tự tay làm và hoan hỷ mang đến cúng dường! Vậy này di mẫu! Di mẫu hãy dâng bộ tam y ấy lên tăng – vì dâng cúng dường lên tăng - phước báu còn cao thượng hơn là dâng cúng đến Như Lai nữa! Di

mẫu hãy chú tâm lắng nghe, Như Lai sẽ giải thích điều ấy...

Đức Phật ra dấu cho người thị nữ nâng mâm vàng, đợi lệnh bà yên tĩnh ngồi xuống; ngài mới nói:

- Di mẫu biết không, Như Lai rồi sẽ nhập diệt; còn giáo pháp được truyền thừa mai hậu, phương này và phương khác đều là công đức của tăng. Đây là lý do chính yếu, quan trọng mà di mẫu nên cúng dường đến tăng!

Nếu di mẫu cúng dường cho Như Lai thì sự cúng dường ấy ẩn chứa tình cảm riêng tư, thiên vị, ích kỷ và hạn hẹp - được gọi chung là cá-nhân-thí – kết quả của phước báu ấy sẽ rất giới hạn vậy. Cúng dường đến tăng thì ly thoát được tình cảm riêng tư, thiên vị, ích kỷ và hạn hẹp - được gọi là tập-thể-thí - kết quả của phước báu này sẽ vô lượng, vô biên... Vì lợi ích và hạnh phúc lâu dài cho di mẫu mà Như Lai làm như vậy, chứ Như Lai cũng hiểu rõ sự dụng tâm lao khổ của di mẫu lắm chứ...

Thấy lệnh bà Gotamī đã thấy ra vấn đề - đức Phật muốn giảng rộng đề tài cho toàn thể hội chúng cùng tiếp thu.

- Này chư tỳ-khưu và hai hàng cư sĩ áo trắng! Đức Phật cao giọng giảng - Có mười bốn loại cá-nhân-thí khác nhau, nhân khác nhau, quả khác nhau, phước báu thù thắng, vi diệu, cao thấp, nhiều ít - đều khác nhau:

Thù thắng đệ nhất là đức Chánh Đẳng Giác.

Thù thắng đệ nhị là đức Phật Độc Giác.

Vi diệu, đệ tam là chư vị A-la-hán.

Vi diệu, thứ tư là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả A-la-hán.

Cao thượng, thứ năm là những sa-môn đắc quả A-na-hàm.

Cao thượng, thứ sáu là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả A-na-hàm.

Cao thượng, thứ bảy là những sa-môn đắc quả Tư-đà hàm.

Cao thượng, thứ tám là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả Tư-đà-hàm.

Cao thượng, thứ chín là những sa-môn đắc quả Tu-đà-hoàn.

Cao thượng, thứ mười là những sa-môn đang nỗ lực để chứng đắc đạo quả Tu-đà-hoàn.

Thứ mười một, có phước báu giới hạn – là những đạo sĩ ngoại đạo đắc ngũ thông.

Thứ mười hai, phước báu ít hơn nữa – là tại gia cư sĩ có giới đức.

Thứ mười ba, phước báu càng ít hơn nữa – là người không có giới hạnh.

Thứ mười bốn, chỉ chút ít phước báu là động vật, thú vật...

Nghỉ hơi một lát, đức Phật giảng tiếp:

- Mười bốn đối tượng để cúng dường, bố thí nêu trên - quyết định của phước báu, phần lớn là tùy thuộc tâm thanh tịnh nhiều, ít hoặc còn ác nghiệp, tham sân, phiền não của nhân, vật thọ nhận. Ví dụ, người không có giới và thú vật thì rất ít phước báu. Còn nữa, người cúng dường, bố thí đang ở trong trạng thái tâm và trí nào? Thanh tịnh, không thanh tịnh, hỷ, không hỷ, có trí, không trí, tà kiến, không tà kiến, tự ý hay không tự ý, tùy thích, tình cảm riêng tư, tâm từ, tâm bi, tâm xả, cầu nhân quả hay không cầu nhân quả, để diệt phiền não, được phú quý, gieo duyên hay mong được năm quả báo: Sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức khỏe, trí tuệ? Các trạng thái tâm và trí ấy cũng quyết định phần lớn đến phước quả! Ngoài ra, bố thí cho thú vật có ân với người – cho quả khác hơn với thú vật không có ân với người! Có ân thì phước lớn hơn! Bố thí cho thú vật hiền lành phước báu lớn hơn các loại động vật hoang dã, độc hại, hung bạo – như rắn rít, cọp beo. Với người đói khổ, nghèo nàn nhưng tâm tánh hiền lành, chất phác, quả phước chắc hẳn lớn hơn kẻ ngu si,

ác độc, hung dữ!

Này chư tỳ-khưu và hai hàng cư sĩ áo trắng! Đức Phật nói tiếp - Và sau đây là bảy loại tập-thể-thí, phước quả bao giờ cũng thù thắng hơn mười bốn cá-nhân-thí vừa rồi:

Thứ nhất, thù thắng, vĩ đại và cao thượng nhất là cúng dường đến giáo đoàn tăng đông đảo, có cả Như Lai.

Thứ hai, cúng dường đến giáo đoàn tăng đông đảo – không có Như Lai.

Thứ ba, cúng dường đến hội chúng tăng trong một ngôi chùa, một tịnh xá, một tự viện.

Thứ tư, cúng dường một chúng tỳ-khưu do tăng phân phối, chỉ định.

Thứ năm, cúng dường một số đông tỳ-khưu, tùy theo sức mình, không lựa chọn.

Thứ sáu, cúng dường bốn năm vị tỳ-khưu trở lên do tăng chỉ định.

Thứ bảy, cúng dường một vị tỳ khưu tại tư gia do tăng chỉ định.

Người cúng dường trong bảy loại tập-thể-thí ấy - sở dĩ cao thượng, thù thắng, vì họ không hề nghĩ đến mình, nhân quả của mình – mà chỉ nghĩ đến Tam Bảo, lợi ích của Tam Bảo; chỉ nghĩ đến tập thể tăng, hộ độ tăng, lợi ích cho tăng; chỉ nghĩ đến sự phát triển giáo pháp thịnh mãn trong tương lai. Cho đến nỗi, khi họ thỉnh một vị về nhà - do tăng chỉ định - vị ấy phá giới, không có giới, họ cũng không quan tâm, không phân biệt, chỉ nghĩ là cúng dường đến tăng – thì phước báu ấy được trải dài cả a-tăng-kỳ kiếp! Tại sao vậy? Vì cá nhân thì có kẻ tốt, người xấu, có giới và không giới - nhưng tăng là đại biểu cho một hội chúng thánh phàm tăng quá khứ, thánh phàm tăng hiện tại, thánh phàm tăng đương lai - hội chúng tăng ấy bao giờ cũng thanh tịnh!

Thời pháp của đức Phật như một trận mưa lành mát mẻ làm cho tất cả mọi người thấy rõ sâu cạn, xa gần, gốc ngọn,

nhân quả của sự bố thí - nhất là lệnh bà Gotamī - bà đã vô cùng hoan hỷ.

Đức Phật biết còn có chuyện nên lặng lẽ mỉm cười khi thấy lệnh bà dâng tam y đến ngài Sāriputta. Tôn giả không thọ nhận, mỉm cười nói: "Lệnh bà nên dâng cho vị khác, tôi đã có đủ ba y". Đến lượt tôn giả Mahā Moggallāna, ngài cũng nói: "Tôi cũng đã có đủ ba y rồi". Tôn giả Mahā Kassapa thì mỉm cười: "Tôi đã quen mặc y vải lượm, sẽ có vị khác cần hơn". Rồi cứ thế, bộ tam y quý giá được trôi chảy qua mấy chục vị trưởng lão, lướt qua mấy trăm vị tân tỳ-khưu rồi dừng lại nơi vị tỳ-khưu vừa mới thọ giới... Lệnh bà Gotamī thấy mình tủi thân, buồn muốn khóc!

Biết tâm tư của lệnh bà, đức Phật sẵn có cái bát gần bên, ngài cầm lên tay, lâm râm chú nguyện rồi thảy cái bát ra giữa quãng không, cái bát biến mất... Ngài nói:

- Ở nơi này, vị tỳ-khưu nào có thần thông lực, có đại thần thông lực, hãy đi tìm kiếm giúp cái bát ấy rồi mang về đây cho Như Lai!

Thế rồi, tôn giả Sāriputta xin phép đức Phật, vận dụng thần thông lực bay khắp tam thiên, đại thiên thế giới, trở về, thưa là không thể tìm ra! Tôn giả Mahā Moggallāna, bậc đệ nhất thần thông, sau khi tìm không ra, bay lên cõi Phạm thiên, Đẩu-suất, Đao-lợi... hỏi chúa các vị trời – cũng không thấy! Rồi lần lượt các vị khác, cũng thử vận may, và dĩ nhiên là không thể...

Đức Phật thấy cả hội chúng bất lực, ngài nói:

- Này Ajita - vị tân tỳ-khưu bất đắc dĩ nhận bộ tam y quý báu – Ông có thể cầu may hoặc do phước của ông, đi tìm cái bát của Như Lai xem thử thế nào!

Tân tỳ-khưu Ajita rúng động, tự nghĩ:"Thật là chuyện hy hữu, diệu kỳ, phi thường thay! Tất cả các ngài đều là những bậc thánh nhân vô lậu, đều là những vị đại A-la-hán, đại thần thông lực – đi tìm không ra cái bát! Còn ta là ai, ta là

gì, một kẻ phàm phu thiểu trí, vô năng, tham sân phiền não dẫy đầy - đức Thế Tôn lại bảo ta hãy đi tìm bát? Cái thấy biết bất khả tư nghì của đức Tôn Sư chắc là có duyên cớ gì đây, vậy ta hãy nghe lệnh ngài!" Nghĩ thế xong, tâm tư Ajita phát sanh phỉ lạc chưa từng có, đến đảnh lễ đức Phật rồi bước ra hiên, ngó lên không trung, phát lời đại nguyện: "Nếu tôi xuất gia theo giáo pháp của đức Thế Tôn – mà vì lý do kiếm tìm hỷ mãn tứ sự, tham cầu hỷ đắc danh vọng, lợi dưỡng – thì xin cho cái bát đừng trở lại tay tôi! Nhược bằng, tôi xuất gia có tâm thành tín, trong sạch, cần cầu nỗ lực tấn tu phạm hạnh, mục đích diệt trừ tham sân phiền não, chứng đắc đạo quả vô thượng, độ mình, độ người – thì xin cho cái bát hãy rơi xuống tay tôi!"

Sau lời nguyện, điều phi thường xảy ra: Không biết từ đâu đó, cái bát của đức Phật đã nằm trên tay của thanh niên tân tỳ-khưu Ajita!

Hội chúng trông thấy hiện tượng kỳ diệu, vô cùng hoan hỷ! Riêng lệnh bà Gotamī thì bao nhiêu thương thân tủi phận đều tiêu tan, một ý nghĩ như ánh sáng tuệ bừng lên: "Chỉ một vị tân tỳ-khưu mà oai lực đã như thế - huống hồ là uy đức của hội chúng tăng đoàn gồm có cả đức Phật? Ồ! Ta đã hiểu giá trị của tập thể thí rồi!"

Muốn để cho niềm vui của lệnh bà được hỷ mãn, đức Phật chợt tuyên bố:

- Vị tân tỳ-khưu Ajita trẻ tuổi này – mai sau sẽ là một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác oai lực vô song, có ngoại hiệu là Metteyya! Như vậy là di mẫu không những vừa cúng dường bộ tam y quý giá lên tăng – mà còn cúng dường lên một vị Phật hậu lai nữa!

Lệnh bà Gotamī sụp lạy, vô cùng tri ân; đến đây, bà mới hiểu trọn vẹn sự dụng tâm chu đáo, vô lượng bi mẫn của đức Toàn Giác đối với bà.

Lúc Nào Thì Đức Phật Metteyya Xuất Hiện

Trời đã tối mà hai hàng cư sĩ áo trắng không muốn về; chư thánh tăng thì tự tại, thản nhiên, nhưng chư phàm tăng - nhất là tân tỳ-khưu Ajita lại muốn nghe về mình nên nóng lòng cứ nhìn đức Phật, chờ đợi...

Hai vị đại đệ tử có bổn phận xin đức Phật đi ra ngoài, một số tỳ-khưu trẻ và nam cư sĩ bước theo. Lát sau, đèn đuốc khắp nơi, trong ngoài đều quang rạng...

Đức Phật nghỉ ngơi, uống nước. Mọi người kinh hành, thư giãn... Chư tăng các nơi và hai hàng cư sĩ lại tìm đến... Đức Phật lại phải tiếp tục thời pháp.

- Hiện nay – ngài nói – giáo pháp của Như Lai đang từng hồi từng bước phát triển; và còn phát triển nữa, chừng bảy nước lớn quanh lưu vực sông Gaṅgā và chừng ba mươi tiểu quốc, bộ tộc rải rác đó đây. Sau khi Như Lai nhập diệt, giáo pháp sẽ được phát triển xa rộng hơn nữa; và tuổi thọ của giáo pháp chỉ tồn tại mười ngàn năm trên thế gian này. Bắt đầu từ thời điểm ấy, ác pháp phát triển, thiện tâm của con người ngày càng lu mờ; do vậy, cứ trăm năm thì tuổi thọ con người giảm một tuổi. Với cái đà suy giảm như vậy, lúc tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi, thì năm sáu tuổi họ đã

lấy vợ lấy chồng – lúc này thì con người không còn biết thiện pháp là gì, nhường cho ác pháp lên ngôi chúa tể: Người ta sống với nhau chỉ biết ác độc, bạo tàn, hung dữ, thù hận...; tìm cách chém giết nhau, đọa đày nhau. Ở đâu cũng bạo loạn, điên cuồng, lo sợ. Thành phố đổ nát, điêu tàn; làng mạc, ruộng đồng bị thiêu cháy. Toàn bộ trái đất chỉ còn một đống gạch vụn, âm ỉ lửa khói. Nhân loại trở lại thời kỳ đồ đá... Lúc sắp diệt vong thì có một số người do sợ hãi quá, tìm trốn trong rừng sâu, trong các hang động, sống đời ăn lông ở lỗ... Những kẻ sống sót tìm đến nhau, bảo với nhau rằng, ai cũng sợ hãi - vậy đừng chém giết nhau nữa! Vậy là một chút thiện pháp như mầm cải phát sanh, nó lớn dần dần. Vậy là cứ một trăm năm thì tuổi thọ con người được thêm một tuổi. Đến khi tuổi thọ của con người lên chừng năm sáu mươi tuổi là họ đã có lại làng mạc, thị thành, đời sống bắt đầu phát triển, thịnh vượng theo với thiện pháp và thiện tâm... Rồi từ đấy, thiện pháp cùng với sự phồn vinh tăng trưởng mãi, tăng trưởng mãi cho đến khi tuổi thọ con người lên đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Đến đây thì thiện pháp và thiện tâm đến hồi cực thịnh; đời sống vật chất, tiện nghi sinh hoạt đạt được sự toàn mãn như thế giới chư thiên. Vì sung sướng quá, muốn gì có nấy, biến mục đích đời người là để mà thỏa mãn dục lạc; thế rồi, do đời sống hưởng thụ vị kỷ, một vài tâm niệm giải đãi, xấu ác bắt đầu sinh mầm – vậy là cứ hễ một trăm năm là con người lại giảm mất một tuổi. Đến khi tuổi thọ giảm xuống chừng tám vạn tuổi – lúc ấy đức Phật Metteya mới xuất hiện...

Thuở đương lai ấy, có một quốc độ cường thịnh đệ nhất, tên là Ketumatī-mahānagara – nằm tại xứ Bārāṇasī bây giờ. Kinh đô của nước này dài mười hai do-tuần, rộng bảy do-tuần - tất cả đều tiện nghi, sạch đẹp, xa hoa, tráng lệ cùng cực. Tại cung điện có một tòa lầu bằng ngọc - là y báo của một vị thiên tử Jeṭṭhanāla vừa từ cung trời Đao-lợi hạ sanh

làm thái tử con vua nước Ketumatī – tên là Sankha. Sau khi nối ngôi, đức vua Sankha có một đời sống nghiêm minh, mẫu mực; chính ngài thường thọ trì bát quan trai và giáo dục muôn dân sống theo thiện pháp.

Đức vua Sankha có một vị quốc sư hiền thiện, tài đức vẹn toàn, sở học thâm uyên – tên là Subrāhm – thường cố vấn, tham mưu trong trướng và là thầy phụ đạo, dạy dỗ đức vua. Đại bồ-tát lúc ấy từ cung trời Đẩu-xuất, giáng sanh vào lòng phu nhân vị quốc sư - bà Candramukhī – tên là Vaṭṭhana. Lớn lên, vì là kiếp cuối cùng, nên Vaṭṭhana xuất gia, ngồi dưới cội cây Nāgarukkha (Long hoa - chính là cây mù u) bảy ngày rồi đắc quả Chánh Đẳng Giác. Từ đó, ngài thuyết pháp độ đời, giúp chúng sanh giác ngộ, giải thoát nhiều không xiết kể. Đức Chánh Đẳng Giác Metteyya (Di Lặc) đương lai ấy, chính là vị tân tỳ-khưu Ajita trước mặt chư vị, vừa thọ nhận bộ tam y quý giá rồi phát lời đại nguyện vô thượng làm cho cái bát của Như Lai phải rơi vào tay của ông ta vậy.

Thời pháp vén mở bức màn bí mật tương lai của đức Phật đã xác định nhân, duyên và quả rất rõ ràng nên chẳng còn ai thắc mắc gì nữa. Còn lệnh bà Gotamī nghe đến đây thì tâm tư đã hỷ mãn trọn vẹn.

Những Bàn Tay Kỳ Diệu
Và Lời Cuối
Bên Những Người Thân

Sau khi đắc đạo quả xuất trần A-la-hán, đức vua Suddhodana nằm trên giường bệnh chứng nghiệm hạnh phúc siêu thế; nhưng đến ngày thứ sáu thì những luồng gió mang sức lửa di chuyển tới lui trong cơ thể, tạo sự đau đớn lan từ ruột, nhức buốt xương cốt đến cả tay chân. Ngài sử dụng định lực và tuệ quán bình tĩnh lắng nghe. Nhưng những cơn đau như xoắn, như quặn lại làm ngài cơ hồ không chịu nổi. Không một lời rên xiết, ta thán, đức vua sử dụng tâm định, nhẫn, xả để kiên trì chịu đựng, mồ hôi tuôn ra từng giọt, từng giọt... Các quan ngự y và những người hầu cận sợ hãi cuống cuồng chạy gọi người này, người khác...

- Hãy cố gắng yên tĩnh đi nào! Đức vua Suddhodana trầm tĩnh nói - Thân trẫm đau đớn lắm nhưng tâm trẫm rất an lạc, đừng rối loạn lên như thế!

Lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā, các đức thân vương tìm đến tức khắc. Và cũng ngay sau đó, đức Phật, Ānanda, Nanda, Rāhula có mặt ngay bên cạnh. Đức Phật ân cần hỏi:

- Phụ hoàng hiện đau ở chỗ nào?

- Hiện tại thì cái đầu của trẫm như có hằng ngàn con côn trùng nó cắn, nó rứt ở bên trong...

Đức Phật liền nhắm mắt, trú định, lấy bàn tay ngọc vuốt nhẹ, xoa nhẹ trên đầu đức vua năm bảy lần...

Lát sau, đức Suddhodana mỉm cười nói:

- Bàn tay của đức Thế Tôn thật kỳ diệu, trẫm hết đau đầu rồi!

Một hồi, đức vua lại mím môi:

- Bây giờ, cơn đau nó lại đang hành hạ ở vùng ngực và bụng - dường như đang có một dùi sắt nóng nó xuyên ngang, đâm dọc cả lục phủ, ngũ tạng...

Đức Phật chợt nói:

- Này Ānanda! Đến phiên ông đấy! Đức vua thương yêu ông lắm; đã nhiều lần, phụ hoàng ngắm nhìn ông mãi, muốn ông kế vị ngôi vương! Năng lực tăng thượng của tâm có được, không phải là phép lạ siêu hình mà do nhờ nguyện lực chân thật và an trú định! Ông hãy phát nguyện đi – sau đó, xoa nhẹ vào bụng của đức vua!

Đại đức Ānanda vâng mệnh, cất lời phát nguyện chân thật như sau:

- "Từ thuở xuất gia đến nay, tôi chưa hề khởi niệm thối thất, tư duy các dục; lúc nào cũng muốn cận kề đức Phật, các vị trưởng lão để học hỏi giáo pháp, học hỏi những đức, những hạnh tuyệt vời của các ngài. Nếu lời ấy là chân thật thì xin cho đại bá phụ giảm cơn đau đớn!"

Nói thế xong, đại đức Ānanda xoa nhẹ lên vùng ngực và bụng của đức vua. Lạ lùng thay, bàn tay ấy như có năng lực kỳ diệu, xoa đến đâu thì cơn đau chấm dứt ngay tức khắc, như nước mát làm tan lửa nóng.

Lát sau, đức vua lại thấy đau và nhức buốt cả hai vai. Đức Phật nhìn Nanda. Biết ý, ông hoàng si tình này bèn phát nguyện:

"- Từ khi xuất gia đến nay, tuy tâm tôi không vui, không

hoan hỷ, lúc nào cũng nhớ đến hình bóng kiều diễm của vị hôn thê – nhưng tôi thường rất cố gắng thiền định, cố gắng chiến đấu với chính mình không dám lơ là, thất niệm! Nếu điều ấy là có thật xin cho phụ vương được giảm cơn đau đớn!"

Rồi sau khi xoa nhẹ lên hai vai đức vua, cơn đau liền thuyên giảm.

Sa-di Rāhula thấy vậy ngạc nhiên quá, ngây thơ nói:

- Vua nội còn đau chỗ nào nữa, cháu cũng phát nguyện...

Đức vua Suddhodana chỉ xuống hai chân, âu yếm nhìn chú sa-di tí hon nói:

- Cháu chững chạc thật rồi, Rāhula! Cơn đau nó đang chạy xuống hai chân của trẫm đấy!

Rāhula liền thành kính, quỳ xuống, chấp tay nguyện:

-"Từ khi xuất gia đến nay, cháu rất vui vẻ, thỏa thích; có mấy lần cứng đầu, ham chơi, nói dối vì sợ thầy Sāriputta và Moggallāna la rầy. Tuy nhiên, cháu rất cố gắng học giáo pháp, cứ mỗi buổi sáng, cầm một nắm lá trong tay, tung lên; và nguyện ngày hôm ấy học cho thật nhiều bằng số lượng nắm lá rơi xuống! Nếu điều ấy là có thật – thì xin cho vua nội giảm cơn nhức buốt..."

Rồi bàn tay của Rāhula cũng thần kỳ không kém gì, xoa đến đâu cơn đau lặn mất đến đấy...

Lệnh bà Gotamī, công nương Yasodharā tận mắt chứng kiến phép mầu, đức tin về đức Phật, về giáo pháp, từ lâu như ngọn đèn trong chiếc ghè, bây giờ nó bừng sáng lên, niềm hoan hỷ như tươi rạng trong những đôi mắt!

Đức Phật nhìn vua cha:

- Chỉ còn một hôm nữa thôi, phụ vương sẽ nhập Niết-bàn vô dư, chấm dứt tất cả dukkha, vĩnh viễn nếm thưởng hạnh phúc siêu thế; vậy về chuyện vương triều, phụ vương có dặn dò gì không?

Đức vua Suddhodana mỉm cười nói:

- Trẫm đã sắp xếp cả rồi! Tối hôm qua trẫm đã nói chuyện với các đức thân vương ở đây, là sau khi trẫm mất, tuyên cáo rộng rãi rồi làm lễ đăng quang cho Mahānāma kế thế ngôi vua!

- Phụ hoàng rất minh mẫn!

-Vận nước đang đi xuống, bạch đức Thế Tôn! Nhờ hồng ân giáo pháp, trẫm đã an trú ở cõi bất tử; khá bi mẫn cho bao người mãi khóc cười, khổ lạc, buồn vui giữa những đợt sóng thịnh suy, được mất, nhấp nhô chìm nổi... Quả nghiệp Sākya và Koliya nặng lắm, biết bao nhiêu là nghiệp sát trước đây, bạch đức Thế Tôn! Không ai có thể cứu mình nếu mình không biết tự cứu! Ôi! May mắn làm sao, hạnh phúc làm sao là Ānanda, Nanda, Rāhula được đi theo chiếc bóng của đức Thế Tôn để bước ra khỏi cảnh trầm luân sinh tử bao đời!

Đức vua chợt chấp tay lại:

- Trẫm vì vô minh, ngu muội, thật tiếc là không biết được, không thấy được – nhân cách của một bậc Toàn Giác tỏa rạng nơi đức Thế Tôn từ lần đầu tiên ngài trở về thăm Kapilavatthu. Thời gian ấy, trẫm đã có một vài tư tưởng mạo phạm, xin đức Thế Tôn cho trẫm được sám hối!

Đức Phật nói:

- Tâm và trí của phụ hoàng bây giờ sáng suốt và trắng trong như thế, chẳng hạt bụi nào có thể hoen dính vào đấy được!

Nghỉ hơi một lát, đức vua lại hướng mắt đến các vị hoàng đệ, các đức thân vương đang đứng ở xung quanh:

- Trẫm làm vua lâu quá, nhưng không phải là do tham quyền cố vị - mà là vì không có người xứng đáng đảm đương nổi, hãy thông cảm cho trẫm! Sáu bảy mươi năm qua, nếu trẫm có làm được việc gì đó cho dân cho nước là cũng nhờ sự khuông phò, phụ tá cần mẫn của chư vương đệ. Trong lúc cầm quyền trị nước, không tránh khỏi độc tài, độc đoán; nếu có lỗi lầm nào, xin chư vương đệ tha thứ cho

trẫm!

Các vị hoàng đệ và các đức thân vương đồng quỳ xuống, rướm lệ, lặng lẽ, sụt sùi tiếc thương.

- Này hậu Gotamī! Đức vua nói tiếp - Bà là người hiền đức, suốt đời là mảnh trăng vằng vặc cho hậu cung soi chiếu! Mọi đức tính tuyệt vời của tấm lòng người mẹ, bàn tay người mẹ - bà là viên ngọc mạni không tì vết... Nếu trẫm có lỗi lầm nào thì xin hậu hãy hỷ xả mà bỏ qua cho trẫm với nhé!

Lệnh bà Gotamī cắn chiếc khăn trong tay để ngăn tiếng khóc...

Đức vua cũng ca ngợi Yasodharā... rồi công nương cũng khóc ròng rã...

Đức Phật đứng dậy nói:

- Vậy là vừa đủ rồi - những giọt nước mắt tự nhiên và thiêng liêng ấy! Phụ hoàng đã dặn dò xong, đã làm xong những việc cần phải làm trên cuộc đời này rồi; bây giờ mọi người hãy trở về chuẩn bị hậu sự. Sáng mai, lúc bình minh rạng, phụ hoàng sẽ xả bỏ báo thân, Như Lai và các vị trưởng lão sẽ có mặt...

Lễ Hỏa Táng Đức Vua

Nửa canh ba về sáng, đức Phật hướng tâm để xem quang cảnh các bậc Chánh Đẳng Giác làm lễ hỏa táng phụ thân mình như thế nào. Không phải ai cũng đủ duyên làm việc ấy. Một số các vị phụ thân mất trong khi các ngài đang tầm đạo. Các vị khác không đủ duyên đặt để quả vị A-la-hán cho phụ thân mình. Xét ra, chỉ một số vị có được nhân duyên toàn mãn như trường hợp của đức Phật Gotama hiện nay. Tuy nhiên, bậc Chánh Đẳng Giác nào cũng chu đáo nghĩa vụ trước đại sự tử sanh của đấng sinh thành bằng cách này hay bằng cách khác.

Khi đức Phật và chư vị trưởng lão đến hoàng cung thì trong ngoài mọi người đã đầy kín, lóng ngóng chờ trông...

Đức vua Suddhodana đang nằm nghiêng về bên phải, yên tĩnh trên giường bệnh. Nanda và Rāhula thì ngồi thiền trên chiếc sập kế cạnh. Lệnh bà Gotamī vừa rảy nước thiêng Soma, rảy nước hương hoa sen khắp đây đó rồi gầy thêm một lò trầm thoảng mùi thơm tinh khiết, ấm cúng... Khung cảnh thật thanh bình như cõi tịnh cư thiên...

Đức Phật đến gần bên, chú tâm, hướng tâm biết thọ hành của đức vua đang ở những sát-na cuối cùng, lát sau mỏng dần, tan dần...

- Bậc A-la-hán cao quý thế là đã an trú vô dư y Niết-bàn! Đức Phật nói rồi cắt đặt mọi việc - này Sāriputta! Ông cùng Kāḷudāyi, các tỳ-khưu Sākya, quan đại thần Mahānāma hãy đi tìm địa điểm làm lễ hỏa táng - nơi chỗ đất rộng rãi, thoáng đãng - cho người làm vệ sinh sạch sẽ đâu đó rồi thiết kế một hỏa đài trang trọng trong khả năng của vương triều!

Tôn giả Sāriputta hiểu ý hai chữ trang trọng nên lãnh mệnh, bước đi, nghĩ thầm: "Hy hữu thay là làm thân phụ của một vị Phật! Càng hy hữu hơn, đức vua ấy lại là một vị A-la-hán! Chắc đại phạm thiên Sahampati, Sakka, Suyāma, Santusita... nếu biết lễ nghi, phép tắc, phải đến đây để cung nghinh, thiết lễ cúng dường mới phải chứ..." Và quả đúng vậy, đức đại phạm thiên Sahampati và vua của năm cõi trời dục giới (ngoại trừ Tha hóa tự tại) đã có mặt; cùng với thiên chúng nam nữ đã đứng đầy đặc cả không gian. Họ mang theo vô số hương hoa lễ phẩm, có cả đàn, sáo, nhạc và vũ công...

Đức Sakka dùng thiên âm, nói vào tai vị đại đệ tử: "- Chúng đệ tử có biết lễ nghi, phép tắc, thưa tôn giả! Ngài hãy cho thiết kế hỏa đài thật trang trọng đi - rồi chúng đệ tử sẽ tô điểm cho trang trọng hơn nữa bằng phước báu và uy lực của cõi trời!" "- Vậy mới phải - Tôn giả nói – Nhưng sao lại có đàn, sáo, nhạc và cả vũ công? Có ồn ào quá không, Sakka?" "- Dạ thưa không - Trời Sakka đáp - Sẽ thầm lặng thôi, nhân gian họ không nghe được gì đâu; hơn nữa, đây là cách biểu lộ lễ nghi, phép tắc của cõi trời đấy mà!" "- Ông nhiều lời quá đấy, Sakka!" "- Dạ, chúng đệ tử không dám đâu ạ!"...

Trong lúc ấy thì đức Phật bảo mang nước ấm và nước hoa đến - rồi ngài dặn bảo:

- Xin mời thỉnh các đức thân vương hãy ra ngoài triều bảo mọi người chỉ cần đội hoặc quàng khăn tang trắng, giữ gìn không khí yên tĩnh; và chư vị có thể triệu tập hội đồng trưởng lão bàn việc tang lễ, phải làm những gì cho phù hợp

với truyền thống thì tùy nghi. Di mẫu về hậu cung, truyền cho cung nga thể nữ, thị nữ... cũng quàng khăn tang và không nên khóc lóc, huyên náo...

Với chư tăng, đức Phật nói:

- Ānanda, Nanda... ở lại một bên để cùng với Như Lai tắm rửa, thay y phục cho phụ vương! Các trưởng lão Vappa, Assaji, Bhaddiya, Mahānāma, Yasa, Uruvelākassapa, Gayākassapa, Nadīkassapa, Mahā Kassapa... chia từng nhóm hội chúng tỳ-khưu để hành thiền hoặc tụng những thời kinh nói về vô thường, vô ngã, dukkha... để thức tỉnh nhân tâm. Còn Mahā Moggallāna tạm thời thay mặt Như Lai thuyết những thời pháp phải lẽ cho mọi người đến dự lễ tang... Lúc thay đổi thì sẽ có Như Lai, Sāriputta và Ānanda tiếp sức; phải làm như thế nào để các thời pháp được diễn ra liên tục; chỉ nên thuyết những pháp liên hệ đến các cảnh giới, nhân quả nghiệp báo và sự báo hiếu của con cái đối với cha mẹ... Cũng cần thuyết về sự rã hoại của đất nước lửa gió nơi thân tạo ra sự đau đớn khốc liệt, nếu không có năng lực phước báu hoặc định tâm hỗ trợ, thần thức người ra đi sẽ dễ bị rối loạn, bất an, bất định. Thuyết về giây khắc lâm tử, cái cận tử nghiệp quyết định sanh thú của chúng hữu tình như thế nào, từ kiếp này sang kiếp kia ra sao để vén mở trí tuệ cho nhiều người...

Phân bố đâu đấy xong xuôi, đức Phật cùng Ānanda, Nanda tắm rửa, tẩm liệm và thay vương bào mới cho đức vua, phủ lên một tấm y màu hoại sắc, biểu tượng đức vua đã là một vị tỳ-khưu A-la-hán! Rồi cũng chính đích thân đức Phật và chư tăng quàn linh cữu của đức vua tại sảnh đường lớn rộng của hoàng cung để cho mọi người đến thăm viếng, chiêm bái, cúng dường hoa hương, lễ phẩm...

Linh cửu quàn bảy ngày để các tiểu quốc thân cận, các trấn thành trong nước đến thăm viếng. Trong thời gian ấy, kinh tụng của chư tăng bên linh cữu và các thời pháp tại

cung đình được tiến hành liên tục. Hàng ngàn tỳ-khưu thay nhau đến làm lễ rồi rút về đại viên Nigrodhārāma, song bao giờ cũng thường xuyên túc trực chừng vài trăm vị! Hằng trăm lều xá được dựng lên khắp nơi và lúc nào cũng nườm nượp quan khách và dân chúng. Các tôn giáo bạn cũng từng đoàn, từng đoàn đến viếng thăm, chú nguyện. Từng núi lương thực, thực phẩm được chở về và hàng ngàn người phục vụ bếp núc, bưng dọn khá chu đáo từ trong ra ngoài...

Hỏa đài bằng chất liệu gỗ thơm và hoa được thiết kế công phu, mỹ thuật; tuy nhiên, vua trời Sakka còn xin phép tôn giả Sāriputta chụp lên nóc hỏa đài một bảo tháp trăm nóc – có tên là Dibyakutagara - cẩn châu ngọc của cõi trời thật là huy hoàng, tráng lệ...

Giờ hỏa táng, chính đức Phật, Ānanda, Nanda cùng các vị trưởng lão tôn túc khiêng linh cữu của đức vua. Cả rừng người mang hoa đến chất đống quanh hỏa đài. Mấy hàng trưởng lão và hàng ngàn tỳ-khưu đứng vòng quanh mấy lớp, tiếng tụng kinh như hải triều âm cuộn sóng giữa không gian. Hoa trời như từng cơn mưa ngũ sắc rơi xuống, rơi xuống... Sáo trời, nhạc trời thả từng âm ba lạ lùng như phủ trùm cả kinh thành Kapilavatthu. Triều đình, nhân dân và quan khách đứng nhấp nhô từng lớp, từng lớp không xiết kể...Trời Sakka hiện thành thân người, nhiễu quanh linh cữu ba vòng về tay mặt, dâng lên đức Phật một viên ngọc đỏ – có tên là Jotivansī – khi cần, có thể phát hỏa bốc cháy tất thảy mọi vật rồi tỏa hương thơm diệu kỳ... Biết là phải thời, đức Phật bước tới, đặt viên bảo ngọc ở chân hỏa đài. Viên hỏa ngọc diệu kỳ do có tính năng cảm ứng tinh thần của sở hữu chủ và vật chất xung quanh nên nó phát lửa – một ngọn lửa mát lạnh - tỏa khắp không gian, bốc mùi thơm tinh khiết... Lời kinh trầm hùng lại trỗi lên như đưa thần thức con người vào cõi siêu thoát...

Cuộc lễ hỏa táng vĩ đại, có một không hai trên châu

Diêm-phù-đề, đích thân đức Chánh Đẳng Giác chủ trì, đến chiều là hoàn tất. Triều thần và con cháu dòng tộc Sākya thu lượm tro cốt chia nhau để phụng thờ...

Ít hôm sau, Mahānāma làm lễ đăng quang vương vị, kế thế ngôi báu theo di huấn của đức tiên đế Suddhodana.

Thành Lập
Giáo Hội Bhikkhunī

Đức Phật ở lại đại viên Nigrodhārāma để thuyết pháp cho mọi thành phần giai cấp đều được nghe. Ngày nào cũng hằng trăm người đến nghe pháp, trong đó có một số ít ngoại giáo thích tranh luận, khá nhiều người xin quy y và một số đông dòng tộc Sākya xin xuất gia nữa! Đức Phật chỉ thuyết pháp và giáo giới mấy hôm, sau đó bàn giao trách nhiệm ấy lại cho hai vị đại đệ tử.

Đến ngày thứ tư thì lệnh bà Gotamī đến quỳ xin Đức Phật để được xuất gia, bà nói:

- Thật là đại hạnh cho chúng tôi, nếu đức Thế Tôn cho phép nữ giới được sống đời xuất gia phạm hạnh thiêng liêng trong pháp và luật của đức Thế Tôn!

- Không được đâu, di mẫu! Đời sống xuất gia không thích hợp cho nữ giới đâu!

- Có lẽ đức Thế Tôn sợ sức vóc phụ nữ không chịu đựng được sương gió, nắng mưa hoặc không kham nổi đời sống trì bình khất thực xin ăn thiếu thốn, cơ cực?

- Đấy mới chỉ là một phần của lý do, thưa di mẫu!

- Hay đức Thế Tôn thấy bản chất người nữ thường ích kỷ, nhỏ nhen, nói nhiều, thích trang điểm, sống hời hợt bên

ngoài, cố chấp và hay sĩ diện hão?

- Thêm một phần của lý do nữa là như vậy, di mẫu ạ!

- Hay đức Thế Tôn thấy nữ giới không có căn bản trí tuệ - để có thể lãnh hội giáo pháp cao siêu?

- Về lãnh vực ấy thì nữ nhi không hề thua nam giới đâu.

- Vậy thì trở ngại nó nằm ở đâu, bạch đức Thế Tôn?

Suốt ba ngày, ba lần xin xuất gia – mà đức Phật cũng không trả lời câu hỏi có vẻ tối hậu ấy, ngài chỉ im lặng, lệnh bà vô cùng sầu não. Đối với lệnh bà, hoàng cung bây giờ thật là hoang vu, vắng lạnh. Hạnh phúc của người đàn bà là lo cho chồng, cho con, cho cháu; nhưng Nanda, Rāhula đã ra đi, và bây giờ là đức vua Suddhodana nữa - thì bà còn biết sống để làm gì và sống cho ai?

Tuy nhiên, lệnh bà chưa bỏ cuộc, tìm gặp Ānanda, Kāḷudāyi để hỏi thăm tình hình đường đi nước bước; cách thức mặc y, mang bát, trì bình khất thực; cách đi đứng, nói năng, ngủ nghỉ và cả sự tu tập căn bản trong buổi đầu của một vị tỳ-khưu. Cả hai vị không hiểu chuyện gì, nhưng cũng trình bày rất cặn kẽ.

Khi đức Phật và tăng đoàn rời Kapilavatthu, trên đường trở lại Vesāli chỉ mới vài hôm - thì lệnh bà tìm gặp công nương Yasodharā bàn bạc, tính toán việc xuất gia; để kết luận, bà nói:

- Vậy, tôi sẽ đi trước với chừng một vài trăm người để xem tình hình như thế nào đã; lúc nào đâu ra đấy rồi, Mātārāhula và một số quý công nương khác hãy đi sau.

Thế rồi, sáng hôm kia, cả hoàng cung và kinh thành Kapilavatthu náo động, ngạc nhiên, bàng hoàng... khi thấy lệnh bà Gotamī đầu cạo trọc, mặc y màu hoại sắc, mang bát gỗ màu lõi mít - dẫn đầu đoàn nữ sa-môn chừng khoảng mấy trăm nữ nhân - đi chân đất, theo con đường của khách thương buôn xuôi mãi về hướng đông nam. Họ gồm một số công nương quý tộc còn trẻ chưa lập gia đình, số khác là

cung nga thể nữ, thị nữ trong cung; số còn lại là sương phụ của tướng lãnh, chiến sĩ, trai tráng hoàng tộc Sākya đã theo Phật xuất gia trước đây!

Ôi! Kể sao cho xiết sự gian lao, vất vả trên lộ trình gần ba mươi do-tuần xa xôi (hiện nay khoảng chừng 350 km) của những tấm thân cành vàng lá ngọc, liễu yếu đào tơ ấy! Trên đường, họ phải phân bố rải rác các xóm làng để xin ăn - rồi nắng, bụi, mồ hôi... cùng với những bàn chân nõn nà rớm máu trông thật thê lương. Nghỉ trưa dưới những vòm cây, nghỉ đêm tại những khu rừng vắng - họ mới cảm giác cụ thể đời sống sa-môn gối sương, nằm đất, không cửa, không nhà là thế nào! Lệnh bà Gotamī bây giờ mới hiểu thấm thía tại sao đức Thế Tôn lại từ chối không cho nữ giới xuất gia!

Với những khuôn mặt tiều tụy, hốc hác, y cà-sa dơ dáy, bụi bẩn và những đôi chân ngọc sưng phù, bê bết máu – sau hơn tháng trường họ cũng đến được Vesāli, rừng Mahāvana, trước Sảnh Đường Nóc Nhọn của đức Phật. Hôm ấy, đại đức Ānanda là người trông thấy trước tiên, lạ lùng quá, thốt lên:

- Tại sao quý bà, quý công nương lại là những nữ sa-môn như thế này? Lại tiều tụy, cơ khổ như thế này đã chứ?

- Chúng tôi lặn lội vất vả dặm bụi đường xa đến đây là chỉ để xin đức Phật được sống đời xuất gia phạm hạnh mà thôi! Lệnh bà Gotamī nói – Tôi đã ba lần quỳ bái, cầu xin ở đại viên Nigrodhārāma mà đức Thế Tôn không khứng chịu! Bà bật khóc - Vậy xin nhờ đại đức vào tâu trình với đức Thế Tôn một tiếng; và biết đâu nhờ lời ăn tiếng nói khôn khéo, tình lý phân minh của đại đức mà ngài vị nể cũng nên!

Đại đức Ānanda nhìn thoáng qua hình dong của bậc phu nhân cao quý, rồi nhìn mấy trăm vị công nương quý tộc, cung nga thể nữ cùng các sương phụ tỳ-khưu - đa phần là mỹ nhân trong thiên hạ - chợt cúi đầu bối rối, thốt lên:

- Trời đất ơi! Lệnh bà thì không nói làm gì – nhưng tất

cả quý công nương trẻ tuổi này mà đi xuất gia thì phàm tăng tỳ-khưu trong giáo hội không còn có một ngày nào được yên ổn nữa rồi!

Câu nói thực tình mà dí dỏm ấy làm ai cũng phải phì cười! Tuy nhiên, thấy tình cảnh tiều tụy đáng thương của đoàn nữ sa-môn, ai ai chân cũng sưng phù, rướm máu - đại đức Ānanda không thể kềm chế xúc động, vào ngay chỗ đức Phật, hấp tấp nói:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Xin đức Thế Tôn mở lòng bi mẫn, cho lệnh bà Gotamī cùng mấy trăm nữ nhân Sākya tháp tùng được sống đời xuất gia!

Đức Phật biết tất cả mọi việc rồi, nhưng ngài im lặng. Ānanda với giọng đầy cảm xúc, thưa tiếp:

- Họ khóc lóc thảm thiết lắm, khổ sở lắm; y bát nhuốm đầy bụi đường tang thương lắm, bạch đức Thế Tôn! Nếu không được phép xuất gia, họ cũng không chịu về đâu!

Lần thứ hai, đức Phật cũng im lặng. Đại đức Ānanda chợt trầm tĩnh lại, đầu óc suy nghĩ cực nhanh, thay đổi chiến thuật tức khắc:

Đại đức Ānanda thưa hỏi:

- Nữ giới xuất gia, sống không gia đình trong pháp và luật của đức Thế Tôn, có khả năng chứng đắc quả vị cao thượng, thù thắng không, bạch đức Thế Tôn?

- Này Ānanda, có thể được!

Đại đức Ānanda liền khấu đầu lần thứ ba:

- Bởi nữ giới có khả năng chứng đạt đạo quả cao nhất, và vì lệnh bà là người đã có rất nhiều công lao nuôi dưỡng đức Thế Tôn từ tấm bé, yêu thương đức Thế Tôn còn hơn con đẻ của mình; vậy nên đức Thế Tôn hãy cho phép lệnh bà và quý mệnh phụ phu nhân, các công nương Sākya được xuất gia sống theo pháp và luật này!

Đức Phật biết là đã đúng thời, ngài bảo tỳ-khưu thị giả Upavāna:

- Ông hãy đi mời thỉnh hai vị đại đệ tử và các vị đại trưởng lão đến đây để Như Lai hội ý với họ.

Lát sau, các ngài Sāriputta, Mahā Moggallāna, Kimbila, Vappa, Yasa, Bhaddiya, Uruvelākassapa, Mahā Kassapa... đồng đến nơi. Đức Phật trình bày vấn đề. Họ thảo luận bàn bạc khá lâu...

Đức Phật trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Như Lai không những không kỳ thị nữ giới mà còn khuyến khích, nâng đỡ họ nữa. Tuy nhiên, chư vị có biết không - Đức Phật như tâm sự - Giáo pháp của Như Lai từ thuở bình minh của nó cho đến khi hoàng hôn, đêm tối xuống, sẽ có mặt trên thế gian này trải dài mười ngàn năm. Nhưng nếu cho nữ giới xuất gia thì nó chỉ còn tồn tại năm ngàn năm mà thôi! Đấy là sự thực mà Như Lai không tiện nói với lệnh bà Gotamī. Tuy nhiên, đã nhiều ngày suy nghĩ để quán căn duyên, đã nhiều lần hướng tâm đến thời gian tồn tại của chánh pháp từ chư tôn Chánh Đẳng Giác quá khứ - Như Lai khởi tâm quyết định phát triển giáo hội tỳ-khưu-ni... sau khi đã suy nghĩ đúng đắn...

Tôn giả Sāriputta chợt nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử nghĩ rằng, con người giác ngộ, giải thoát là quan trọng hơn, lợi ích tối thượng hơn trong thời gian chánh pháp tồn tại. Còn đa phần thời gian thuộc về hoàng hôn năm ngàn năm sau ấy - thời mạt pháp chỉ còn lắt liu như ngọn đèn mờ, chỉ còn gieo một chút duyên với chúng sanh giúp cho họ tạo nhân phước quả trời người mà thôi. Đệ tử thấy sự lựa chọn của đức Tôn Sư là minh triết...

Các vị trưởng lão cũng đồng tình với lời phát biểu của tôn giả Sāriputta.

Đức Phật nhè nhẹ gật đầu:

- Nhưng hiện tại, Như Lai chưa tìm ra biện pháp, cách thức, hình thức khả toàn để đưa họ vào đời sống xuất gia mà

không tạo ra những trở ngại bên trong nội bộ cũng như bên ngoài xã hội...

Tôn giả Sāriputta góp ý trước:

- Trở ngại ở bên ngoài thì chúng ta không ngại - vả chăng, lúc thuyết những thời pháp về hạnh phúc gia đình, đức Thế Tôn thường hay nhắc nhở mọi người phải biết tôn trọng nữ giới. Vậy, gia dĩ, xã hội có lên án giáo hội của đức Tôn Sư đã đi ngược với luật Manu, xem nam nữ bình quyền – thì chúng ta sẵn sàng đương đầu để bảo vệ quyền con người với những giá trị cao đẹp của nó...

Mọi người hoan hỷ tán đồng ý kiến ấy.

- Thế còn trở ngại nội bộ? Đức Phật hỏi – Chư vị ai có thể tiên lường việc gì sẽ xẩy ra chăng?

- Có khá nhiều - Tôn giả Moggallāna góp ý – Lệnh bà là bậc cao quý trong hoàng tộc, có địa vị, quyền hành, uy tín rất lớn trong cung đình cũng như ngoài xã hội. Lệnh bà lại còn là di mẫu của đức Thế Tôn nữa – do vậy, ngại rằng, lúc xuất gia rồi, ngay các vị thượng thủ A-la-hán cũng chẳng ai dám góp ý với lệnh bà một lời, một tiếng nào. Còn quý công nương, mệnh phụ kia cứ nghĩ mình là cành vàng lá ngọc, ngại rằng họ xem những vị tỳ-khưu thuộc những thành phần khác trong xã hội không ra gì!

- Còn nữa - Đại đức Ānanda tiếp lời - Đệ tử rất muốn xin cho họ xuất gia, nhưng ngại rằng họ trẻ và đẹp quá - phải cần có pháp chế như thế nào để kềm giữ, thu thúc bớt... kẻo sinh loạn!

Nhiều vị nhè nhẹ gật đầu!

Trưởng lão Uruvelākassapa nói:

- Ở chung một tu viện, một khu rừng là không được rồi; nhưng ở tu viện riêng, khu rừng riêng xem ra cũng bất khả. Như trong một gia đình không có đàn ông thì kẻ trộm thường đến dòm ngó, lộng hành. Quý bà, quý cô ở riêng một nơi thì biết ai bảo vệ trước những kẻ có tà tâm, xấu ác lúc

đêm hôm và cả những ngày quạnh vắng?

Tôn giả Mahā Kassapa chờ đợi giây phút này đã lâu lắm, vẫn mong cho giáo hội ni giới được thành lập vì ngài còn lời ước hẹn với người bạn đời! Thấy lý lẽ ai đưa ra cũng chính xác, tuy vậy, không phải là không có cách - Ngài nói:

- Vậy xin đức Thế Tôn ban cho quy chế hoặc là những điều luật – như là những điều kiện bắt buộc phải tuân hành mỗi khi nữ giới chấp nhận đời sống xuất gia. Người nông dân thường làm một con đập hay đắp một con đê để ngăn cho nước khỏi tràn; cũng vậy, chúng ta hãy xây dựng, phác thảo một pháp chế, một quy chế có công năng giới hạn bớt những tệ nạn có thể phát sanh! Bạch đức Thế Tôn! Xin ngài hãy rộng tay mở cánh cửa thiên giới và cánh cửa Niết-bàn cho nữ giới thế gian bước vào thì thật là đại phúc cho họ cũng như cho nhân quần xã hội!

Đức Phật đồng ý bằng cách im lặng. Các vị trưởng lão sau một hồi thảo luận; tôn giả Sāriputta đúc kết rồi thưa trình lên đức Phật tám trọng pháp - bát kỉnh pháp - sau đây:

1- Tỳ-khưu-ni dầu một trăm tuổi hạ cũng phải chào hỏi, đứng dậy, đảnh lễ thầy tỳ-khưu tăng – dù vị này mới xuất gia trong ngày hôm ấy.

2- Tỳ-khưu-ni mỗi năm phải tìm về an cư ở gần một trung tâm có tỳ-khưu tăng để được bảo vệ và nương tựa.

3- Cứ mỗi tháng hai kỳ, sau khi làm lễ bố-tát (Uposatha), tỳ-khưu-ni phải tìm đến tỳ-khưu tăng để học hỏi, nghe lời giáo giới.

4- Sau khi hành lễ Tự Tứ (Pavārana) tại trú xứ của mình, tỳ-khưu-ni phải đến chỗ tỳ-khưu tăng để làm lễ ra hạ một lượt nữa - để kiểm thảo xem trong ba điều thấy, nghe và nghi mình có lầm lỗi điểm nào chăng.

5- Tỳ-khưu-ni phạm "tăng tàn" [1], đã xưng tội, đã chịu

[1] Tạm sử dụng từ của tăng.

phạt cấm phòng tại trú xứ của mình – còn phải xưng tội trước tỳ-khưu tăng nữa.

6- Nữ giới tử trong thời gian tập sự, thọ trì sáu giới (Sikkhamānā) trong thời hạn hai năm - phải cầu xuất gia thọ đại giới trước cả hai chúng tăng ni.

7- Bất luận trong trường hợp nào, tỳ-khưu-ni cũng không có quyền nặng lời chê bai, thóa mạ hay chỉ trích tỳ-khưu tăng.

8- Tỳ-khưu-ni không được quyền giáo giới, giảng dạy tỳ-khưu tăng, nhưng sám hối với tỳ-khưu tăng thì được!

Tám điều ấy, sau khi đã được tuyên bố xong, đại đức Ānanda cười cười nói:

- Vậy là áp chế quá, không kỳ thị nữ giới là gì?

Tôn giả Mahā Moggallāna giải thích:

- Quả có vậy! Nhưng đấy là cánh cửa mở để nữ giới bước vào giáo đoàn! Cũng là bờ đê để ngăn chặn những tệ nạn có thể phát sanh như pháp huynh Mahā Kassapa đã nói. Tưởng là kỳ thị - nhưng thật ra đấy lại là phương cách tốt nhất cho nữ giới được xuất gia, pháp đệ không thấy như thế hay sao?

Tôn giả Sāriputta giải thích thêm:

- Tuy có 8 điều, nhưng hiện tại chỉ cần thọ trì 5, vì các điều 3,4,5 chỉ có hiệu lực lúc nào đức Tôn Sư chế định giới luật căn bản (Pāṭimokkha) một cách đầy đủ, toàn mãn.

Đức Phật nói:

- Này Ānanda! Nếu di mẫu chấp thuận và thọ trì "bát kỉnh pháp" mà chư vị trưởng lão đã chế định, được Như Lai chuẩn y – thì Như Lai đồng ý cho nữ giới xuất gia.

Hoan hỷ xiết bao, đại đức Ānanda hối hả ra ngoài khu rừng gặp lệnh bà và các công nương – lúc ấy do trời nắng nên họ ngồi lác đác trong các lùm cây. Sau khi nghe xong nội dung bát kỉnh pháp, lệnh bà Gotamī hớn hở nói:

- Như một cô gái trẻ trung và xinh đẹp, sau khi tắm gội

bằng nước thơm, hong tóc khô ráo – có người mang tặng những đóa hoa tươi thắm thì cô gái kia sẽ thỏa thích đón nhận để cài lên đầu của mình; cũng thế ấy, nữ giới chúng tôi sẽ rất sung sướng chấp nhận bát kỉnh pháp để thọ trì suốt đời – nhất định không để cho đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão phiền lòng đâu!

Đại đức Ānanda vào báo tin lại.

Lệnh bà Gotamī biết có một số công nương dòng dõi quý tộc cảm thấy khó chịu về tám điều ấy nên bà giải thích:

- Các em phải biết rằng, trong gia đình thì người đàn ông là chủ chốt; trong mái nhà giáo hội của đức Thế Tôn cũng phải là như thế. Lại nữa, chính thọ trì tám điều ấy thì chúng ta mới có cơ hội dập tắt tính tự tôn, ngã mạn do địa vị, dòng tộc để bước vào giáo pháp vô ngã, vô sản, bần hàn của đức Tôn Sư!

Thế rồi, chừng hai trăm nữ nhân quý phái được thọ giới tỳ-khưu-ni vào buổi chiều, có rất đông chư trưởng lão tham dự. Ai cũng hoan hỷ. Riêng tôn giả Mahā Kassapa là hoan hỷ nhất! Do cư trú ở nơi này lâu nên tôn giả biết là phải chọn lựa khu rừng nào thích hợp cho ni chúng, không gần mà cũng không xa trung tâm tu học của tỳ-khưu tăng.

Ngày hôm sau, các vị trưởng lão Nadīkassapa, Gayākassapa, Mahā Kassapa... chỉ đạo cho đồ chúng đệ tử mấy trăm người - tỳ-khưu trẻ và nam cư sĩ đến khu rừng - để làm cốc liêu, nhà giảng, đào giếng nước, các công trình và những tiện nghi phục vụ sinh hoạt, ăn ở. Vật liệu xây dựng thì các gia chủ hào phú dâng cúng; nhân công và thợ thầy thì đa phần là tỳ-khưu tăng... Những vị tỳ-khưu xuất thân dòng tộc Sākya, chiến sĩ, thanh niên... có người bạn đời trong số các công nương tỳ-khưu-ni – thì họ ra tay làm mọi việc sốt sắng nhất. Chỉ hơn nửa tháng sau là trung tâm tu học của ni giới trông đã tươm tất đâu ra đấy.

Tỳ-khưu-ni Gotamī đưa mắt một lượt nhìn ngắm cơ ngơi

tu học tạm thời đã ổn định, nói với các tỳ-khưu-ni công nương:

- Các em thấy không? Cái tâm, cái trí như vậy và cái lực như vậy họ có xứng đáng để chúng ta nương tựa hay chăng?

- Rất xứng đáng! Một cô nói – Chúng ta là nữ giới, chân yếu tay mềm, dù là xuất gia nhưng cũng cần phải có chỗ để nương tựa chứ!

Mọi người cười vui, những nét mệt mỏi trên khuôn mặt thanh tú của các công nương dường như đã tiêu tan hết. Bây giờ thì họ đã có nơi ngủ nghỉ, chỗ tắm giặt – cái này quan trọng nhất - và chỗ hành thiền đâu đó đàng hoàng. Họ bắt đầu tập sự sống đời nữ sa-môn và tìm hạnh phúc không bởi nương tựa vật chất xa hoa, uống ăn sơn hào hải vị - mà chính là đời sống dị giản, vô sự, vô sở hữu và sự thanh bình, vắng lặng của tâm hồn!

Hôm ấy, nữ sa-môn Gotamī dẫn đầu đoàn ni chúng đến đảnh lễ đức Phật và chư vị trưởng lão.

Dịp này, đức Phật tuyên bố là chư tăng ni sẽ an cư kiết hạ ở đây để ni giới có cơ hội học hỏi giáo pháp cho vững chắc. Ngài cũng đặc biệt giới thiệu hai vị đại đệ tử là hai giáo thọ sư đảm trách việc giáo giới pháp học, pháp hành căn bản vào buổi đầu cho ni chúng; và thỉnh thoảng, đức Phật cũng có những thời pháp quan trọng dành cho họ. Còn nữa, lúc cần thiết, đức Phật sẽ triệu tập rộng rãi cả hai hội chúng để ban những chỉ thị nào đó liên hệ đến giới luật trong sinh hoạt chung.

Trước thời gian an cư tại Vesāli, đức Phật đề cử các trưởng lão Koṇḍañña, Vappa, Mahānāma, Assaji, Yasa... và chừng một ngàn tỳ-khưu về nhập hạ tại Trúc Lâm; ngài còn ân cần ủy thác Uruvelākassapa đến gặp đức vua Seniya Bimbisāra hiến tặng một chỗ đất thích hợp để sau này phát triển ni giới tại Rājagaha. Nhân dịp này, tôn giả Mahā Kassapa xin đức Phật được dẫn theo một số đồ chúng theo

hạnh đầu-đà về trú mưa tại Rājagaha, ngài nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Trước khi cất bước chân ra đi tầm đạo, đệ tử tạm gởi tiện nội ở giáo chúng Ni-kiền-tử, hẹn rằng lúc nào tìm ra giáo pháp chân chính, sẽ báo cho nàng sau. Bây giờ, quả thật là đại hạnh cho Bhaddākāpilāni, khi đức Thế Tôn đã cho phép thành lập ni chúng, lại còn được lệnh bà ni trưởng Gotamī đạo cao, đức trọng cầm tích trượng quản lý, điều hành. Vậy xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử về Trúc Lâm để thực hiện lời hứa của mình!

Đức Phật thấy điều ấy là chính đáng, ngài đồng ý nhưng dặn dò thêm:

- Một nhánh của Nigaṇṭha Nāṭaputta (Ni-kiền-tử) cũng xem trọng khổ hạnh cực đoan; biết đâu phẩm cách thanh tịnh và giáo pháp chơn chánh ở nơi ông sẽ cảm hóa được rất nhiều người ở đấy!

Từng cơn gió khô hanh thổi qua khu rừng, lá rụng xào xạc. Mùa mưa lại sắp đến rồi. Đấy là vào năm năm trăm tám mươi tư trước TL, đức Phật an cư hạ thứ năm tại Sảnh Đường Nóc Nhọn, rừng Mahāvara tại Vesāli, đa phần thì giờ ngài dành cho việc củng cố Ni chúng.

Dự liệu của đức Phật ở đây thế là đúng, vì chỉ thời gian rất ngắn sau, công nương Yasodharā cũng trong hình tướng nữ sa-môn dẫn đầu đoàn cung nga thể nữ hơn trăm vị đến rừng Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn - để xin nhập chúng. Đức Phật và chư vị trưởng lão lại một lần nữa tổ chức lễ xuất gia tập thể cho họ; đồng thời, tìm kiếm, ổn định chỗ ăn ở cho hơn trăm vị tỳ-khưu-ni nữa. Có lẽ do phước báu sâu dày của họ mà các danh gia, đại phú gia kế cận các bang cộng hòa đã rộng tay bố thí, cúng dường tứ sự; lại đích thân cho chở cả nhân công và vật liệu đến tận khu rừng. Lại có cả hằng trăm vị tỳ-khưu trẻ ra công ra sức nữa nên cơ ngơi cũng sớm được tươm tất và tương đối tiện nghi.

Thế là ni viện bây giờ không những lớn rộng mà còn

được kiến thiết, chỉnh trang, thêm một số các công trình phụ, tu bổ, sửa sang nơi này nơi kia nữa nên trông đã khá quy mô và bề thế.

MÙA AN CƯ THỨ NĂM
(Năm 583 trước TL)

Ổn Định Ni Chúng

Sau khi ni giới được thành lập, dư luận quần chúng xôn xao, bàn tán từ nơi này sang nơi khác. Một số đông sương phụ tỳ-khưu hân hoan vui mừng vì họ sẽ có cơ hội xuất gia theo chồng. Một số thành phần trí thức trong xã hội cảm kích vì đức Thế Tôn đã giải phóng cho nữ giới, rộng tay mở cửa nhân, thiên và Niết-bàn với tâm bình đẳng, thoát khỏi sự ràng buộc, phân biệt, coi thường nữ giới có được từ luật Manu của bà-la-môn giáo đã hằng ngàn năm trước. Tuy thế, đa phần là chống đối, do truyền thống trọng nam, khinh nữ đã ăn sâu trong tâm thức nhân gian, trên mọi sinh hoạt xã hội.

Đức Phật và chư vị thượng thủ A-la-hán mỉm cười, chấp nhận chuyện đương nhiên sẽ xảy ra. Tội nhất là các vị tỳ-khưu trẻ, lúc đi trì bình khất thực thường bị các cô gái trẻ chọc ghẹo. Nào là, "ông đi thì bà cũng đi, có đôi có cặp rứa thì dễ tu". Nào là, "sa-môn xin hãy đợi em, không duyên tơ tóc thì duyên trọc đầu!" Chuyện phiền phức không chỉ có chừng ấy. Các công nương cành vàng lá ngọc vốn là những cô gái xinh đẹp. Dẫu là cung nhân, cung nữ hoặc sương phụ các chàng trai Sākya thì đều là thành phần quý tộc, cao sang đã được tuyển chọn theo kiểu lựa vung úp nồi! Bây giờ dẫu

họ đã cạo đầu, mặc y màu hoại sắc, cũng không giấu hết nét xuân sắc, diễm kiều. Chỉ trong vòng mươi hôm khi các vị tỳ-khưu-ni đi trì bình khất thực trong thành phố hoặc các thôn làng là dường như ở đâu cũng gặp các chàng trai đủ mọi thành phần giai cấp tụ năm, tụ ba dòm ngó, chỉ trỏ. Do tôn kính và hàm ơn đức Phật và tăng chúng đã tận tình cứu thoát nhân dân qua ba đại nạn thảm khốc; họ chưa có thái độ gì sàm sỡ quá đáng, nhưng cũng gây trở ngại ít nhiều cho một số tỳ-khưu-ni bản chất mềm yếu và cả thẹn. Chưa thôi, cứ hễ chiều đến là rất đông thanh niên, trai tráng đến tụ tập lác đác xung quanh khu rừng, có lẽ một phần do tò mò, một phần để lộ sự dòm ngó bất chánh. Biết chuyện ấy, các vị trưởng lão đã cho một số tỳ-khưu thuộc dòng Sākya, sau khi trì bình khất thực về, tìm chỗ nơi các hang động, miếu hoang, cội cây xung quanh ni viện để bảo vệ, canh chừng. Tuy nhiên, đây chỉ là biện pháp tình thế, nhất thời. Do mùa mưa luôn luôn là sự trở ngại cho chư tỳ-khưu. Lại nữa, ai mà có thể vừa canh chừng kẻ gian vừa thiền định, thiền quán có hiệu quả cho được?

Đức Phật biết mọi chuyện xảy ra, nên hôm kia, cùng với các vị đại trưởng lão, ngài qua khu rừng tỳ-khưu-ni, ban bố một số giới điều quan trọng vào buổi đầu[1], thứ nhất là đem lại sự an toàn cho ni giới, thứ hai là để cho đời sống trong ni viện có nền nếp, kỷ cương, thứ ba là tạo môi trường lành mạnh để tấn tu, hỗ trợ cho phạm hạnh. Đây được xem như nội quy, thanh quy cho ni viện:

- Ban đêm không được đi ra khỏi cửa rừng hoặc ra ngoài rừng cây.
- Khi có việc phải đi, không được đi một mình mà phải có hai người.
- Chiều tối không được đi đến nhà thí chủ hoặc nhà

[1] Lúc này chưa ban bố Tứ thanh tịnh giới, chưa có giới bổn Pātimokkha.

người quen.

- Đi trì bình khất thực không được đi riêng lẻ mà phải đi từng nhóm, từ hai người trở lên.

- Không được đi, đứng hoặc ngồi trước mặt vị tỳ-khưu.

- Không được mang dù dép, ngoại trừ bị bệnh; không được ngồi xe, ngồi kiệu.

- Đến nhà thí chủ không được ngồi hay nằm tại chỗ của gia chủ; phải ngồi đúng chỗ chỉ định, xong công việc không được la cà chuyện này chuyện kia.

- Không được đem chuyện trong ni viện để kể lại với tỳ-khưu hoặc với hàng cư sĩ; không đem chuyện ngoài đường về kể lại cho tỳ-khưu-ni bạn hữu.

- Không được ngủ chung với nhau; hai tỳ-khưu-ni không được ngủ đắp chung một tấm chăn tăng-già-lê.

- Khi có việc phải gặp tỳ-khưu, nam cư sĩ... lúc nói chuyện phải có bạn bên cạnh, tối thiểu phải có người thứ ba.

- Phải chia tổ, chia chúng để quản lý sinh hoạt. Mọi yêu cầu, thỉnh thị ý kiến, có công chuyện gì phải trình qua ni trưởng Gotamī.

- Không được tự ý đi tìm y, bát chỗ này chỗ kia. Không được gợi ý thí chủ dâng cúng vật này vật nọ.

- Mặc y nội, ngoại phải đúng quy định, không được tự cắt may, chế tác giống như áo váy của người đời. Màu phải hoại sắc, nhuộm bằng rễ cây, vỏ mít... nhạt đậm từ màu cọng rơm đến màu cánh gián.

- Không được tự ý đi hỏi đạo bất kỳ một vị tỳ-khưu nào. Việc giáo giới tỳ-khưu-ni sẽ có hai vị đại đệ tử và các trưởng lão thay đổi nhau.

- Khi đến đức Phật để nghe pháp, có thể chỉ đứng (nếu không có chỗ) hoặc ngồi (nếu có chỗ) theo kiểu xếp chân một bên, không được ngồi bán già hay kiết già![1]

[1] Chú giải nói là để tránh tình trạng phàm ni tự kích thích mình!

- Ngoại trừ trong phòng riêng, hễ bước ra khỏi phòng là phải mặc y kín mình.

- Lúc có kỳ[1] phải ở lại tịnh xá, được thọ dụng vật thực dự trữ thường để dành cho người ốm, người bệnh hoặc bạn đạo đi giúp hai bát.

- Những tỳ-khưu-ni không được tìm cách chà xát, xoa bóp cho nhau.

- Không được sử dụng nước hoa, vật thơm; không được tắm nước có hòa bột hương, dầu hương, bã mè, xác hoa, vật thơm...

- Không được đeo mang bất kỳ loại trang sức nào ở cổ, ở tay, ở tai, ở đầu – kể cả hoa, tràng hoa...

- Không được nuôi chim, thỏ, sóc, chó, mèo... trong ni viện, trong cốc liêu..

21 điều ấy, đức Phật vừa giáo giới xong là đã được tôn giả Sāriputta đúc kết lại. Tôn giả Ānanda có trí nhớ tốt, tuyên đọc lại ba lần cho hội chúng tỳ-khưu-ni dễ nhớ, dễ thuộc.

Ni trưởng Gotamī chợt hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! 21 điều ấy là rất tốt, rất chính xác – nhưng nếu có người vi phạm thì sao?

- Hãy tùy nghi, hãy linh động, này ni trưởng! Hội chúng tỳ-khưu-ni hiện nay đa phần là người có học thức, đã được sống nhiều năm trong kỷ cương đạo đức, có lẽ chưa xảy ra chuyện gì hệ trọng quá đáng đâu. Vậy thì ni trưởng và các vị giáo thọ hãy xử phạt; ví dụ như quét rác, dọn rửa phòng tắm, nhà vệ sinh, múc nước, gánh nước hoặc chăm sóc người bệnh, lao động nhẹ các công việc vườn tược, rừng cảnh cho sạch sẽ, khang trang...

Ni trưởng Gotamī lĩnh ý, sau đó lại thưa hỏi về việc thâu nhận người nữ xuất gia phải cần có điều kiện, trình tự thủ

[1] Kỳ kinh nguyệt của phụ nữ.

tục, giới điều như thế nào?

Đức Phật đặc biệt lưu ý về điều này, ngài nói:

- Trong giai đoạn này, ở đây, chưa nên nhận người xuất gia thêm vì có nhiều vấn đề phức tạp. Ni chúng vừa mới thành lập còn quá mới mẻ. Phải đợi đến lúc di mẫu và các vị tỳ-khưu-ni ở đây nắm hết căn bản pháp học, pháp hành, có đời sống luật nghi thanh tịnh, ổn định, vững chắc – lúc ấy mới tính đến việc ấy[1]. Hiện giờ phần việc cho nữ giới xuất gia tỳ-khưu-ni là do Như Lai và chư vị trưởng lão tăng đảm trách[2].

Ni trưởng Gotamī hỏi về một số người nữ đến xin làm công quả, học tu thì phải làm thế nào?

Đức Phật dạy:

- Điều ấy cũng khá phức tạp. Tục lệ tảo hôn của xã hội ta, đôi nơi con gái 8 tuổi đã gả chồng. Vậy người nữ đến xin học tu đã được sự đồng ý của cha mẹ hoặc người chồng hay chưa? Nếu được sự chấp thuận của gia đình – thì được phép. Vị ni trách nhiệm giáo thọ phải kèm cặp, giáo giới kỹ càng sau hai hoặc ba năm, có thể cho xuất gia sa-di-ni. Lúc ấy, Như Lai sẽ chế định, ban hành học giới cụ thể.

Như vậy, rõ là đức Phật và chư vị trưởng lão tăng còn quá nhiều việc phải làm. Riêng ni chúng sẽ còn phát sanh hằng trăm hàng ngàn chuyện lớn, nhỏ trong tương quan giữa nhau cùng cộng đồng xã hội.

Điều ni trưởng thưa trình với đức Phật là đúng, vì thời gian không lâu sau, người nữ đủ mọi thành phần, giai cấp trong xã hội đến xin học tu rất đông. Một vài trường hợp ngoại lệ, chỉ có đức Phật mới quyết định cho xuất gia tỳ-khưu-ni hay không; còn đa phần, họ đều phải tuân hành mấy chục giới điều (chưa phải luật) khá khái lược ở trên, để chuẩn bị cho ni giới tự điều hành và quản lý sau này.

---

[1] Thời điểm này chưa có quy định Hòa thượng ni tối thiểu đủ 12 mùa hạ lạp.

[2] Sau hạ thứ 20, đức Phật mới quy đinh: Tỳ-khưu 10 hạ, tỳ-khưu-ni 12 hạ mới đủ tiêu chuẩn làm thầy thế độ cho giới tử thọ đại giới.

Hóa Độ Kỹ Nữ Ambapālī

Sớm hôm ấy, vào nửa cuối canh ba, lúc sao mai vừa mọc, đức Phật đưa mắt thuần tịnh siêu nhân lướt nhìn khắp khoảng không gian ước chừng năm mươi do-tuần, xem thử ai có căn duyên với giáo pháp. Đức Phật thấy có một người. Và nếu hóa độ được người này thì có thể hỗ trợ cho ni giới; đồng thời lại có thêm một cơ sở hoằng pháp, lợi lạc cho công cuộc hoằng hóa sau này.

Đức Phật bảo vị tỳ-khưu thị giả vừa được tôn giả Sāriputta chỉ định[1], triệu tập chừng hai mươi vị tỳ-khưu trẻ cùng lên đường với ngài. Sau đó, với đại y màu san hô vắt vai, bát cầm tay, đức Phật và hội chúng bước lần ra ngoại ô, đi mãi. Dọc theo con đường đầy bụi, rác rưởi, phân bò, phân dê... đoàn sa-môn qua mấy cánh đồng lúa, những vườn xoài, vườn ca-ri, vườn chà là; luồn trong hương lộ có bóng tre, bóng dừa, bóng thốt nốt rồi đến ngôi làng Koṭigāma trù phú và thạnh mậu. Tại đây, sau khi tuần tự đi trì bình khất thực qua các xóm nhà, không kể giàu nghèo; lúc vật thực vừa đủ dùng, đoàn sa-môn ghé đến dưới khóm cây mù u có bóng mát để độ thực. Các vị tỳ-khưu trẻ đi theo chiếc bóng của

[1] Hai mươi năm đầu tiên, đức Phật chưa có thị giả chính thức.

ngài cảm thấy thanh bình và an ổn. Đức Phật không dạy bảo họ điều gì, mà họ học được sự tĩnh tại từ nơi đôi mắt nhìn xuống, sự chậm rãi và nhẹ nhàng nơi từng bước chân đi; sự cẩn trọng trong cung cách đưa bát để thọ nhận vật thực; lòng từ ái nơi bài kệ phúc chúc, cách độ thực với từng ngón tay vo tròn điêu luyện rồi từ tốn đưa vào miệng một cách gọn gàng và sạch sẽ; cách đi kinh hành thanh thản và cả cách yên lặng trải tọa cụ dưới gốc cây để tọa thiền nữa... Tất cả. Tất cả. Và đấy chính là thân giáo của ngài.

Cách đấy không bao xa, chừng nửa do tuần, có một khu rừng xoài sum suê và xanh mát của một người kỹ nữ có tên là Ambapālī. Nàng là một kỹ nữ xinh đẹp và tài hoa nhất của kinh thành Vesāli và của cả trong các nước cộng hòa liên bang phía bắc sông Gaṇgā. Vốn là con rơi của một vương tử, sinh ra đã có nước da sáng như ngọc và tỏa mùi trầm; môi đỏ như thoa son và có cả đôi mắt xanh biêng biếc. Ngoài ra, lại còn có tư chất bẩm sinh là múa dẻo và có giọng hát rất hay, trong thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già. Các thầy bà-la-môn tướng pháp nói rằng, cô bé bị một phá cách, một phá tướng; nếu không trong tương lai sẽ làm một quý nhân, không đắc ngôi hoàng hậu thì cũng làm một vương phi tài sắc vẹn toàn.

"- Vậy tương lai, cô bé sẽ thế nào?" Vị vương tử hỏi.

Vị bà-la-môn già thở dài:

"- Cũng là hoàng hậu, nhưng là hoàng hậu trong giới kỹ nữ, cũng quý cách và giàu sang không ai bằng!"

Thuở ấy, các cô kỹ nữ đều là thành phần được xã hội quý trọng[1]. Vị vương tử thương con bèn gởi cô bé đến

---

[1] Tương tợ các cô Geisha Nhật Bản bây giờ.

[2] Đôi nơi nói - chỉ có 50 kahāpaṇa. 1000 đồng tiền vàng kahāpaṇa tương đương 100 con bò sữa. 01 đồng vàng kahāpaṇa bằng 04 đồng vàng pāda; 01 đồng vàng pāda bằng 05 đồng xu vàng māsaka. Một ngày của dân nghèo tiêu tốn chỉ 02 đồng xu vàng māsaka!

Bārāṇasī - một thành phố nổi tiếng ăn chơi và có nhiều trường dạy nghề kỹ nữ với học phí rất cao - để học nghệ. Thế là số phận cô bé đã được định đoạt. Mười năm sau, lúc trở lại Vesāli thì các cô kỹ nữ khác đều bị lu mờ. Ông bố vương tử hào sảng lẫn mặc cảm tội lỗi, đã cho con cả một dinh thự nguy nga cùng với tôi trai tớ gái mấy chục người để hầu hạ, phục dịch nàng. Giá một buổi được nghe và xem nàng biểu diễn phải là một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa[2]. Ban đầu nàng cương quyết bán nghệ chứ không bán thân, nhưng sau có quá nhiều công tử trẻ trung, hào hoa, quỳ phục dưới chân nàng, dám đánh đổi cả gia tài để được hầu nàng một đêm. Nàng xiêu lòng. Nhưng sau đấy thì nàng rất khắt khe trong việc lựa chọn. Cũng chẳng ai dám làm gì được nàng vì nàng có quá nhiều thế lực ở cung đình cũng như tiền rừng, bạc bể bảo trợ.

Mãi mãi những cuộc vui. Mãi mãi những khúc đàn, tiếng hát. Mãi mãi với cao lương mỹ vị, kiệu đón xe đưa, hầu tiếp các vương tôn, công tử, danh gia, đại gia, đại phú gia...[1] cô hoàng hậu không ngai - kỹ nữ Ambapālī - cảm thấy mệt mỏi, rã rời, chán nản. Nàng bèn tậu một khu rừng xoài xa và sâu về phía ngoại ô - thỉnh thoảng tìm về đấy, trốn mọi người và cũng để thư giãn tâm hồn. Giữa thiên nhiên khoảng khoát, trong lành, nàng tìm được những giây phút thanh bình. Trong vô thức mơ hồ, nàng cảm thấy tất cả mọi tiện nghi xa hoa vật chất này không phải là hạnh phúc thật sự của đời người. Phải là cái gì khác. Phải là thế giới nào khác.

Thời gian qua đi, cô kỹ nữ tài sắc vẹn toàn năm xưa đã

---

[1] Đây là thời cực thịnh của Vesāli - Luật kể rằng: Phồn thịnh, giàu có, đông đúc... có bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy tòa nhà dài, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy mái lầu ngọn, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy công viên, bảy ngàn bảy trăm lẻ bảy hồ sen (Tạng Luật, đại phẩm II (mahāvagga), NXB Tôn giáo, trang 269 - Việt dịch, tỳ-khưu Indacanda.

trở thành một lão bà tóc trắng nhưng sắc đẹp tiềm tàng vẫn làm xiêu lòng người, vẫn toát ra cốt cách phong lưu, đài các. Tuy có nhiều cơ ngơi, dinh thự - nơi mở lớp đào tạo kỹ nữ với rất đông gia nhân, người hầu nhưng bà vẫn thích về nơi thanh vắng.

Mấy năm trước, nghe tin đồn về thái tử Siddhattha khi tuổi còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh đã khẳng khái từ bỏ ngai vàng như quăng đôi dép để xuất gia tầm đạo - bà đã đặt một dấu hỏi về hạnh phúc đời người! Vị ấy bây giờ đã là một vị Phật, với đoàn sa-môn áo vàng, thanh thản đầu trần chân đất đi hóa độ nhiều phương. Nghe nói, lời pháp của ngài đầy uy vũ như sấm gióng giữa trời mưa, như ánh mặt trời rọi tan mây mờ tăm tối. Cả năm vị hiền triết uy đức ở vườn Lumbini đã được ngài cảm hóa trở thành đệ tử theo hầu! Chàng trai công tử con một bá hộ nổi tiếng ăn chơi ở Bārāṇasī và bạn hữu năm mươi lăm người đã đi theo đoàn sa-môn. Ba mươi vương tử trẻ trung của nước Kosala oai hùng cũng đã được đức Thế Tôn kia giác ngộ. Một ngàn đạo sĩ tóc búi cùng với thầy là ba anh em giáo chủ Kassapa tóc bạc già nua - thờ thần lửa tại Uruvelā cũng đã quy giáo với ngài. Đức vua Bimbisāra - kiêu ngạo, tài hoa, trẻ tuổi, cơ trí hơn đời - và cả triều đình đều xin quy y và thọ trì ngũ giới. Khu rừng Veḷuvana mênh mông và xinh đẹp phía Bắc kinh thành Rājagaha của đức vua cũng đã được dâng cúng cho giáo hội độc thân ấy. Rồi đến việc chàng thần y Jīvaka Komārabhacca trẻ tuổi nổi tiếng và kiêu hãnh đã tâm phục, khẩu phục, phát khởi đức tin hiến cúng khu vườn xoài... Ôi! biết bao nhiêu câu chuyện lạ lùng như huyền thoại được thêu dệt qua cửa miệng của mọi người. Nhưng rõ ràng là vị Phật ấy cùng đoàn sa-môn y vàng thanh thoát, thánh hạnh được mọi người quý trọng; ngay chính ngoại giáo cũng phải nể phục. Chuyện đức Phật cảm hóa tên biện sĩ ngông nghênh Saccaka vừa xong thì xảy ra ba thảm nạn tại Vesāli – cũng

chính giáo đoàn ấy cùng với quân lính, thực phẩm của đức vua cư sĩ mang sang đây để cứu trợ. Ôi! Năm trăm vị sa-môn trẻ trung, xinh đẹp đã đọc kinh an lành suốt đêm khắp ba vòng kinh thành Vesāli mà không cần một đền đáp nào! Quả thật là đã có một tôn giáo cứu khổ cho muôn sinh đang có mặt trên cuộc đời hư vô huyễn hóa này hay sao?

Bà kỹ nữ Ambapālī nghĩ mình là phận nữ nhi, lại làm một cái nghề, dù được xã hội quý trọng nhưng trong miệng lưỡi thế gian, người ta vẫn nói nàng là một dâm nữ! Trong sâu thẳm tâm hồn, nàng vẫn mang một mặc cảm nặng nề không dám tìm gặp đức Thế Tôn thánh hạnh ấy để nghe giáo pháp, để học hỏi giáo pháp. Vừa mới đây, nghe tin đồn, đức Phật đã mở rộng cánh cửa cho nữ nhân các giới có cơ hội tu tập. Và giáo hội tỳ-khưu-ni đã được thành lập rồi, ngay cạnh khu rừng Mahāvana của tỳ-khưu tăng. Mấy trăm công nương, cung nga thể nữ dòng tộc Sākya, dẫn đầu là hoàng hậu Gotamī, công nương Yasodharā – sương phụ của đức Phật – đã được gia nhập đoàn nữ sa-môn. Và nghe đâu, đức Phật ấy không phân biệt nữ nhân thuộc giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội.

Bà kỹ nữ Ambapālī thở phào, vậy là mình sẽ có dịp diện kiến ngài.

Tin đức Phật sáng hôm nay bộ hành về các thôn làng ngoại ô đã đến tai nàng do gia nhân trông thấy, báo lại. Nghe nói, hiện tại, đức Phật đang ở tại làng Koṭigāma. Không chần chờ phút giây nào nữa cả, nàng tức tốc cho thắng một cỗ xe lộng lẫy, sang trọng với bốn con ngựa trắng cũng lộng lẫy, sang trọng... với người hầu đánh xe, với hai thị nữ rời khu rừng xoài trực chỉ ngôi làng Koṭigāma. Đến chỗ ngựa không còn đi được, hỏi đường, bà cùng với hầu nữ đi bộ đến khu rừng mù u. Đến nơi, bà trông thấy một sa-môn dung nghi trong sáng và dịu dàng như ánh trăng rằm đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây! Ôi! đẹp quá! Thanh khiết quá! Và lác

đác xung quanh chừng vài mươi sa-môn trẻ trung dường như cũng đang tĩnh định trong thiền duyệt. Khung cảnh trang nghiêm và thiêng liêng làm sao! Bà sợ hãi, rón rén đến gần...

Giọng đức Phật chợt vọng vào tai nàng:

- Này Ambapālī, hãy đến đây! Như Lai cũng đang cố ý chờ đợi cuộc viếng thăm này đấy!

Bà Ambapālī rùng mình: "Hóa ra ngài biết cả tên ta! Mà ôi! Cái giọng nói sao mà mát mẻ và êm dịu cái lỗ tai đến vậy!" Bà Ambapālī mạnh dạn bước tới, khom người xuống rất mực lễ độ, cung tay xá lễ. Đức Phật chỉ một tảng đá khá sạch sẽ bên cạnh rồi nói:

- Bà hãy ngồi xuống đấy, và nội tâm có điều gì bất ổn thì cứ nói ra hết cho Như Lai nghe!

Rồi bà Ambapālī nói. Bà kể về thân thế là đứa con rơi. Kể về sự lao khổ của mười năm học nghệ trên đất khách. Kể về cái nghề của bà khi đã thành đạt. Kể về đời sống xa xỉ bạc tiền. Kể về phải đánh đổi cả tuổi thanh xuân, vũ ca đàn hát để phục dịch, hầu hạ cho giai cấp quý tộc, cho giới trưởng giả giàu có. Thân mệt mỏi mà tâm cũng mệt mỏi. Chắc hẳn vàng ngọc và vinh hoa hư dối ấy không phải là hạnh phúc. Cuộc đời này, chẳng lẽ nào trên cái bề mặt của phú quý, danh vọng, tài sản, thỏa mãn ngũ dục... có vẻ huy hoàng kia lại có cái mặt trái của nó là tối tăm, đau khổ và buồn phiền? Và đấy có phải là trò biến hóa của Māyā chăng?

Đức Phật nắm bắt ngay căn cơ và trình độ. Theo với tâm sự của Ambapālī, đức Phật khơi bày về Sự thật Khổ; nó là cái gì hiện thực đang chi phối chúng sanh trong ba giới bốn loài; là cái gì tất định mà tất thảy giống hữu tình phải gánh chịu, phải mang vác trên trần thế. Đức Phật chưa đi sâu vào Tứ Đế mà ngài tiếp tục nói về thuận thứ của con đường thoát khổ. Ngài nói về tri kiến chơn chánh, về đức tin chơn chánh làm nơi nương tựa vững chắc cho đời sống tinh thần. Không

có đời sống tinh thần với những niềm vui thiêng liêng, lành mạnh thì sự sung mãn vật chất chỉ đáp ứng được đời sống bản năng, hạ liệt, sa đọa và sẽ rơi vào thảm nạn. Phải có chỗ để quy hướng. Phải biết bố thí, cúng dường; phải biết xả ly, ly tham cho tâm hồn được nhẹ nhàng, rộng mở, thanh thản... Phải thực hiện những pháp như vậy, phải tu tập những pháp ban đầu như vậy thì chúng sẽ xua tan những đám mây mờ, u tối ở trong con... Như Lai chúc phúc sự bình yên cho con, này Ambapālī!

Xúc động quá, bà Ambapālī quỳ năm vóc sát đất và gục khóc lặng lẽ. Thời pháp êm dịu của đức Phật đã làm cho tâm hồn khô hạn của bà được tẩm mát, nhẹ lâng lâng. Để cho xúc cảm lắng xuống, bà Ambapālī nói:

- Tri ân đức Thế Tôn! Con đã có chỗ nương tựa rồi! Xin đức Thế Tôn cho con được quy y làm người cận sự nữ từ đây cho đến trọn đời!

Sau khi đức Phật cho thọ trì quy giới, ngài im lặng nhận lời mời của kỹ nữ Ambapālī, cùng với hội chúng đến vườn xoài của bà thọ trai vào ngày hôm sau.

Bà Ambapālī đảnh lễ đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng vai phải nhiễu quanh tỏ lòng kính trọng rồi ra về.

Vào buổi trưa hôm ấy, các vương tử, công tử trẻ tuổi cộng hòa Licchavī, thủ đô Vesāli, nghe tin đức Thế Tôn ngự đến ngôi làng Koṭigāma – nên đã cùng thông báo với nhau, tổ chức một hội chúng đông đúc để đi diện kiến ngài. Thế là đúng giờ hẹn, tại chỗ tập trung, họ bước lên hằng chục cỗ xe sang trọng, lộng lẫy, sáng chói dát bạc, dát vàng... như một cuộc hội lớn, rầm rộ khởi hành.

Đến con đường nhỏ vào làng Koṭigāma, những vương tử, công tử Licchavī trông thấy một cỗ xe bốn ngựa trắng sang trọng trên đường ngược chiều.

Họ bàn tán với nhau:

- Cỗ xe thắng bốn con ngựa trắng cao đẹp kia với rèm

sáo lanh canh, óng ánh ngọc vàng như thế - thì có ai ngoài bà vương hậu kỹ nữ của chúng ta?

- Đúng là bà mỹ nhân kiêu hãnh Ambapālī rồi!

Trông xa đã biết đấy là các vương tử, công tử Licchavī trẻ tuổi, giàu sang, hiển hách và đầy quyền uy, nhưng bà Ambapālī bảo người hầu cương quyết không nhường đường. Bốn con tuấn mã sức mạnh như sư tử vẫn an nhiên càn lướt, còn hí lên những tràng dài đầy vẻ thị uy. Thế là gọng xe, càng xe, bánh xe, trục xe đụng nhau tạo nên những âm thanh lắc cắc, lốp đốp... Những cỗ xe của các vương tử không đương cự nổi cỗ xe được thiết kế chắc bền bởi những kim loại quý của bà kỹ nữ, đành phải dạt ra ngoài lề với một số chi tiết bộ phận nào đó đã bị gãy bể, hỏng hóc. Tuy nhiên, họ không để tâm vào điều ấy; một số vương tử, công tử nhảy xuống, họ không giận mà chỉ cất tiếng hỏi:

- Cái cỗ xe trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng của bà lại cố ý ngăn chặn giữa đường, không cho chúng tôi đến diện kiến đức Thế Tôn là tại làm sao hở?

Bà Ambapālī cho dừng xe, vén rèm, mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Vì chính tôi đã thỉnh mời hội chúng tỳ-khưu và đức Thế Tôn đến thọ trai ngày mai tại vườn xoài của tôi rồi, thưa chư vương tử!

- Chúng tôi cũng muốn đến Koṭigāma với ý nguyện như vậy. Hay là bà hãy nhường lại buổi cúng dường thọ trai ngày mai nhé?

- Không thể được, thưa vương tử!

- Chúng tôi sẽ tặng lại bà cùng hai nàng thị nữ xinh đẹp đây một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa ngay tức khắc!

- Các vương tử xem thường tôi quá đấy!

Một vị vương tử nhảy phóc xuống xe, nói lớn:

- Một trăm ngàn, một trăm ngàn kahāpaṇa được chăng? Cứ ngã giá vậy nhé, thưa bà hoàng hậu kỹ nữ?

Bà Ambapālī, buông rèm xuống, nói vọng ra:

- Xin lỗi! Xin chư vị đừng lấy tiền bạc ra mà hù dọa tôi. Cho dẫu cả thủ đô Vesāli, cả tài sản và cư dân, tôi cũng không chịu nhượng đâu!

Thế là bà bảo người hầu giong xe đi. Các vương tử, công tử Licchavī tấm tức nhìn theo.

Có vị buột miệng:

- Kiêu hãnh quá đấy!

Có vị nói:

- Bà kỹ nữ vườn xoài đã nhanh tay hớt phần phước đầu của chúng ta rồi! Rồi y vỗ tay, la với theo cỗ xe của Ambapālī - Chúng tôi đã bị đo ván một cách rất tồi tệ, hỡi bà vương hậu mỹ miều, xinh đẹp ơi!

Mọi người có vẻ chẳng buồn giận gì, cười ha hả.

Rồi sau đó, họ cũng lại lên đường, rầm rộ đến thăm đức Phật. Chiếc xe nào hư hỏng, các vị thản nhiên quăng bỏ lại không thương tiếc. Đến chỗ xe không còn đi được, họ đi bộ đến cụm cây mù u. Đức Phật biết tất cả mọi chuyện xảy ra, ngài chợt nói với hội chúng, lúc ấy họ đang ngồi xung quanh ngài:

- Này các thầy tỳ-khưu! Ở đây, ai chưa thấy chư thiên cõi trời Tāvatiṃsa (Đao Lợi hoặc Ba Mươi Ba) – thì hãy nhìn hội chúng các vương tử, công tử Licchavī kia - là có thể hình dung được! Chư thiên Tāvatiṃsa cũng tương tợ như vậy về cách phục sức nhiều sắc màu đầy ấn tượng. Hãy nhìn kìa! Một số vương tử thích màu xanh, thế là ngựa kéo nhuộm xanh, cỗ xe màu xanh, y phục màu xanh, trang sức cũng màu xanh! Một số vương tử thích màu vàng thì ngựa, xe, y phục và trang sức đều màu vàng. Cũng như thế là màu bạch ngọc, màu chu sa, màu san hô, màu nước biển, màu xanh lá cây, màu bình minh rạng... Họ đi đâu là mang theo cả thiên nhiên, cả vườn hoa thật là phong phú sắc màu, tươi vui và đẹp mắt...

Các vị tỳ-khưu trẻ cảm thấy thích thú nhìn ngắm hội chúng ấy đi đến, chào hỏi cung kính đức Thế Tôn rồi ngồi lác đác chỗ này chỗ kia với những tượng người sắc màu di động.

Đức Phật lại thuyết một thời pháp nói về cảnh giới các cõi trời, nhấn mạnh về trang phục sắc màu của họ tương ưng thiên chúng cõi trời Tāvatiṃsa như thế nào, nhân và quả ra sao. Rồi ngài nói tiếp nhân sanh các cõi trời cao hơn, chánh báo, y báo ở đấy. Thuyết về bố thí, trì giới với những câu chuyện, dụ ngôn, đoản ngôn đầy ấn tượng và rất thú vị. Thứ đến mới đến đức tin Tam Bảo, con đường thắng phước, hạnh phúc và an lạc cho nhiều đời... Trong lúc thuyết pháp, đức Phật đã cố ý vận dụng thần thông, phóng ra một loại hào quang sắc trắng, như mặt trăng mùa thu dịu dàng tỏa sáng ra xung quanh, bao trùm cả hội chúng, lại còn làm cho không gian trở nên sạch trong, không một chút bụi dơ. Như thế là đức Phật đã làm cho họ vô cùng thỏa thích và hoan hỷ. Có vị sung sướng quá [(1)], chợt đứng phắt dậy, trật áo vai phải, quỳ gối xuống đất, cung kính đảnh lễ ngài rồi thốt lên một bài kệ như sau:

"- Vua Ma-kiệt – Bình-sa
Vốn được nhiều thiện lợi
Khoác khôi giáp bảo châu:
Phật hiện ở nước ấy
Uy đức động ba nghìn
Tiếng vang như núi Tuyết
Như hoa sen đã nở
Mùi hương thật mầu nhiệm
Nay thấy ánh sáng Phật
Như mặt trời mới mọc

[(1)] Trường A-hàm có ghi tên là Tịnh-ký – không tìm thấy từ Pāḷi tương đương.

Như trăng qua bầu trời
Không bị mây che khuất
Thế Tôn cũng như vậy
Sáng chiếu cả thế gian
Quán trí tuệ Như Lai
Như tối gặp đuốc sáng
Đem mắt sáng cho đời
Quyết trừ các nghi hoặc [1]"

Hội chúng Licchavī muốn nghe lần nữa nên bảo:

- Bạn đọc lại một lượt nữa đi!

Vị kia lặp lại bài kệ. Họ hoan hỷ quá, đem cởi tất cả áo báu, vật trang sức báu tặng cho người đọc kệ. Vị ấy lại đem dâng tất cả cho đức Thế Tôn. Vì tâm bi mẫn, đức Phật thọ nhận - rồi ngài nói:

- Áo bào là quý, vật trang sức là quý – nhưng đối với Như Lai, trên đời này còn có năm cái quý hơn! Nhưng năm cái quý vô giá này rất khó có được trên cuộc đời. Thế nào là năm? Thứ nhất, một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời – là khó có được! Thứ hai, người mà có thể giảng nói giáo pháp của Như Lai, là khó có được! Thứ ba, người mà có thể tín giải giáo pháp của Như Lai, là khó có được. Thứ tư, người mà có thể thành tựu pháp mà Như Lai giảng nói, là khó có được. Thứ năm, là lúc nguy khốn, tai ương được người cứu nạn, giúp đỡ; biết tìm cách đáp trả, đền ơn - hạng người ấy cũng rất khó có được! Ấy chính là 5 thứ quý báu trên cuộc đời này!

Các vị vương tử, công tử Licchavī [2] được đức Phật khai thị, giáo giới khiến cho ai cũng phấn khích, hoan hỷ.

Cuối buổi pháp thoại, hội chúng vương tử, công tử Licchavī thỉnh mời đức Toàn Giác và hội chúng thọ trai

[1] Trường A-hàm, Tuệ Sỹ dịch và chú, tr.104, NXB Phương Đông, năm 2008 (Chỉ thay đổi tên ở câu đầu: Ương già – thành Bình-sa).
[2] Cả kinh, luật và chú giải đều ghi là 500 vị.

ngày hôm sau; đức Phật bảo là đã nhận lời mời của bà Ambapālī rồi. Họ kể lại chuyện đụng đầu bà kỹ nữ giữa đường như thế nào. Rồi một chàng trai Licchavī thốt lại câu nói cũ:

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng con bị bà kia nhanh tay hớt phần phước mất rồi; bị bà ta hạ đo ván một cách rất chi là oanh liệt.

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ! Trên con đường tiến hóa tâm linh, nếu như các chàng trai còn ham vui quá, ham chơi quá, ham thụ hưởng quá - thì coi chừng, sẽ bị bà ta hớt mất phần phước, bị hạ đo ván một lần nữa đấy!

- Bạch, tại sao?

- Vì mới nghe pháp chỉ mới một lần - đức Phật nói - mà bà ta đã có đức tin khá vững chắc.

- Tri ân đức Thế Tôn! Chúng con sẽ ghi nhớ lời này! Chúng con rồi sẽ có đức tin vững chắc như thế!

Sau khi hội chúng Licchavī đi rồi, đức Phật dọn dẹp chỗ ngồi, xếp lại tọa cụ, tăng-già-lê... rồi cùng với hội chúng tỳ-khưu rời Koṭigāma đến ngôi làng Nākikā lúc trời đã về chiều. Đến một rừng cây, trời lất phất mưa, gió lạnh rì rào - đức Phật tìm thấy một ngôi nhà gạch bỏ hoang, ngài và hội chúng trải qua đêm ở đây.

Sáng ngày, người hầu nam của cô kỹ nữ đánh xe đến thông báo là buổi trai soạn[1] tại vườn xoài đã sẵn sàng, thỉnh đức Thế Tôn và hội chúng lên đường. Tại đây, bà kỹ nữ đã dâng cúng thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm... đầy thành kính và trân trọng vào bát của đức Phật và tăng chúng. Khi đức Thế Tôn ngọ trai xong, bà dâng nước rửa tay, nước

[1] Trai này không phải là đồ chay theo cách hiểu thông thường. Trai này được Tàu diễn dịch, đại lược là: Trai giả, khiết giả. Phi thời bất thực vị chi trai (Trai có nghĩa là tịnh. Không ăn phi thời gọi là trai - phi thời là sau 12 giời trưa đến sáng ngày hôm sau).

uống và tăm xỉa răng rồi ngồi một bên để nghe pháp. Đức Phật lại ân cần chỉ dạy cách lập tâm, cách an trú tâm vào thiện pháp - tức là phải biết lấy việc lành, việc tốt làm niềm vui thanh cao cho tâm hồn. Cuối buổi giảng, bà kỹ nữ Ambapālī, quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã phát khởi tâm tịnh tín đối với giáo pháp. Vậy, xin ngài cho phép con được làm hai việc hữu ích.

- Như Lai nghe đây!

- Thứ nhất, cho con được thỉnh thoảng lui tới Mahāvana để nghe pháp; thỉnh thoáng lui tới hội chúng tỳ-kheo-ni, tùy theo khả năng, con có thể cúng dường gì đó phù hợp nhu cầu ở nơi cơ sở còn quá mới mẻ ấy!

- Còn việc thứ hai?

- Vườn xoài này của con cũng khá rộng lớn lại có nhiều cây to bóng mát, có thể làm nơi lưu trú cho tỳ-khưu tăng - nếu Mahāvana mai kia đã trở nên chật chội. Xin đức Thế Tôn cho con được noi theo gương của cậu thần y Jīvaka Komārabhacca cúng dường cơ sở này.

Đức Phật im lặng nhận lời. Rồi ngài nói:

- Con nên tác ý cúng dường vườn xoài này đến cho thập phương tăng, có Như Lai là vị đứng đầu, như thế phần phước này sẽ lớn rộng hơn nhiều!

Bà Ambapālī cúi đầu ưng thuận, lấy bình đựng nước nhỏ bằng vàng, đổ nước lên bàn tay của ngài cho đúng với thủ tục dâng cúng cổ truyền. Đức Phật nói kệ phúc chúc, mong rằng, phước sự này sẽ như sông biển của bốn đại dương, làm cho đầy tràn tín tâm, chân phúc mai hậu cho thí chủ. Sau đó, do thấy căn duyên của bà kỹ nữ đã sẵn sàng, đức Phật thuyết một thời pháp nói về Tứ Đế với câu cú, văn nghĩa vừa giản dị, vừa sâu rộng, gần gũi với đời thường. Cuối thời pháp thoại, bà kỹ nữ rời bỏ tập khí, xa lìa trần cấu, thấy pháp, chứng quả Nhập Lưu!

Ngay chiều hôm ấy, đức Phật trở lại Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn - Kūṭāgāra - ngài kể lại câu chuyện ở vườn xoài; rồi yêu cầu hai vị đại đệ tử cho một hội chúng tỳ-khưu có vài vị trưởng lão dẫn đầu đến tiếp nhận cơ sở mới.

Cảm Hóa Thủ Lãnh Tướng Quân Sīha

Câu chuyện về bà kỹ nữ Ambapālī quy hướng đức Thế Tôn, đụng độ với hội chúng vương tử, công tử Vesāli; rồi chuyện hớt phần phước đầu, bị hạ đo ván, chuyện một trăm ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa, chuyện cúng dường vườn xoài xinh đẹp... không mấy chốc đã lan đi khắp nơi. Thật lạ lùng là tâm địa tốt lành của các vị vương tử, công tử này. Họ đã không để tâm giận ghét, lại còn ca ngợi bà kỹ nữ Ambapālī dám coi đống vàng như đất cục, không chịu nhượng buổi cúng dường. Họ cũng không hết lời tán thán oai đức của Phật, oai đức của giáo pháp đã gieo được hạt giống đức tin thánh thiện vào tâm hồn của bà kỹ nữ nhiều tai tiếng ấy. Rồi họ tán tụng đức Phật với những mỹ từ như Đại Giáo Chủ, Đại Thánh Nhân, Đại Siêu Nhân... Chưa thôi, họ còn lấy câu kệ tán thán đức Phật, mừng cho vua Bimbisāra nước Māgadha khoác khôi giáp bảo châu – đem tụng đọc khắp nơi.

Sīha là bậc tướng quân thủ lãnh của hội đồng tướng lãnh, có biết, có gặp đức Phật, nhưng vốn là đệ tử nòng cốt, thân cận của Nigaṇṭha Nāṭaputta (Ni-kiền-tử) – nghe những lời tán thán ấy, nghĩ rằng: "Những lời ca ngợi kia có quá

đáng lắm không? Sao chướng cái lỗ tai lắm vậy? Ta hãy đến thầy ta, thưa hỏi để biết rõ hư thực như thế nào?”

Sau khi được hội diện với vị giáo chủ, tướng quân Sīha kể lại điều đã được nghe rồi nói:

- Vậy đệ tử có nên diện kiến sa-môn Gotama để chất vấn ông ta về giáo pháp?

Giáo chủ Nigaṇṭa Nāṭaputta tỏ vẻ thận trọng:

- Ông có biết gì về giáo pháp của sa-môn Gotama hay không mà đòi chất vấn?

- Dạ thưa không! Xin thầy cho đệ tử được nghe!

Vị giáo chủ có vẻ đăm chiêu, nghĩ ngợi, sau đó nói rằng:

- Thật tình thì ta cũng chưa nắm rõ ngữ nghĩa cũng như tinh yếu giáo pháp của sa-môn Gotama. Nhưng có những tư tưởng ta từng được nghe, và quả thật có cái ta hồ nghi, có cái ta thắc mắc, có cái nghe rất xốn tai, có cái lại rất khó hiểu...

Rồi giáo chủ nói liền một hơi, và dường như những điều này ông cũng đã suy nghĩ khá lâu rồi:

- Này nhé! Sa-môn Gotama thuyết về hành động rồi dạy chư đệ tử về hành động. Sa-môn Gotama thuyết về không hành động rồi dạy chư đệ tử việc không hành động. Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt rồi dạy chư đệ tử cách đoạn diệt. Sa-môn Gotama thuyết về pháp ghê tởm rồi dạy chư đệ tử về sự ghê tởm. Sa-môn Gotama là người thiêu đốt lại giảng về sự thiêu đốt cho chư đệ tử. Sa-môn Gotama là người thoát khỏi thai bào lại dạy cho đệ tử cách thoát khỏi thai bào. Sa-môn Gotama là người tự tin, lại dạy cho chư đệ tử sự tự tin. Sa-môn Gotama là người từ bỏ lại dạy cho chư đệ tự sự từ bỏ... Đấy, đấy, nếu ông có khả năng hãy đi chất vấn sa-môn Gotama đi!

Nghe như vậy, lòng của tướng quân Sīha chợt lặng đi, lạnh đi; sự bồn chồn, nỏng nảy cũng không còn nữa. Vả chăng, thầy của ta cũng chưa nắm bắt được huống hồ gì ta?

Nhưng sau đó, tướng quân Sīha đi đâu cũng nghe người ta ca ngợi, tán thán về đức Phật, về giáo pháp một cách rất nhiệt tình, rất hăng say và rất thành kính; không cầm lòng được, ông lên đường với một hội chúng lớn với xe ngựa, với quân lính tiền hô hậu ủng – đi diện kiến đức Thế Tôn tại Mahāvana.

Đức Phật tiếp tướng quân Sīha giữa rừng cây. Nếu tướng quân Sīha được đoanh vây bởi hằng trăm binh lính thuộc hạ oai phong lẫm lẫm – thì đức Thế Tôn cũng đoanh vây bởi hằng trăm sa-môn áo vàng thanh thản, trang nghiêm và bình lặng.

Sau khi tỏ bày sự kính lễ, tướng quân Sīha nói rõ lý do viếng thăm là thắc mắc về giáo pháp. Ông đã cặn kẽ, chi ly trình bày tóm tắt nhưng đầy đủ những điều mà thầy ông đã thuật lại. Để thắt kết, ông nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vậy thì những điều người ta nói như thế là đúng với sự thật hay không đúng với sự thật? Thảng hoặc, những lời nói ấy có chỗ nào là sai trái, có chỗ nào là gièm pha, có chỗ nào là chê bai? Hay tất cả những điều ấy, đằng sau còn có ý nghĩa thâm diệu nào khác, y cứ vào đấy để tu tập, để hành trì mà chúng tôi do trí óc non kém không lãnh hội được chăng?

Thấy cử chỉ và thái độ điềm đạm, từ tốn; ánh mắt trong sáng, khiêm hòa; cách nói, cách sử dụng câu cú, văn từ... của vị tướng quân toát ra trình độ một người có học, có kiến thức - đức Phật mỉm cười, muốn tạo một ấn tượng đầu tiên nên ngài nói:

- Giáo chủ Niganṭha Nāṭaputta thuật lại giáo pháp của Như Lai, như vậy là còn thiếu đấy, này tướng quân Sīha!

Vị tướng quân bất giác rùng mình, tự nghĩ: "Vị này còn có khả năng siêu phàm, biết việc xảy ra và cả câu chuyện giữa mình với giáo chủ của mình nữa." Lấy lại bình tĩnh, ông thưa:

- Xin đức Thế Tôn cho được nghe?

- Vâng, này tướng quân! Như Lai còn thuyết về lửa cháy và dạy về lửa cháy. Như Lai còn thuyết về giết cha, giết mẹ, giết quân binh tùy tùng và dạy về cách giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng. Như Lai còn thuyết về vô lượng, vô lượng giải thoát và dạy cho chư đệ tử về điều ấy. Như Lai còn thuyết về giới, về tăng thượng giới, về định, về tăng thượng tâm, về tuệ, về tăng thượng tuệ, về giải thoát, giải thoát tri kiến, về vô tướng, vô tác, vô ái, về vô thủ trước bát-niết-bàn...

Tướng quân Sīha nghe lùng bùng cả lỗ tai, ông quỳ mọp xuống, bạch rằng:

- Tôi không kham nổi đâu, bạch đức Thế Tôn! Tôi không thể đi sâu vào khu rừng ngữ nghĩa ấy mà không có ngọn đèn của con mắt sáng; không thể bơi qua cái biển kinh pháp ấy mà không có con thuyền của một trí óc thông tuệ. Xin đức Thế Tôn cứ xem tôi như một chiên-đà-la thiếu phước, vô học hoặc như một thủ-đà-la cả đời chùi ống cống vô tri... để giảng nói rành rẽ, bình dân, giản dị, dễ hiểu, dễ nắm bắt nhất... từng điểm một, từng câu một... bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật biết, khi ông tướng quân ngoại giáo này, gọi ngài là Thế Tôn thì đúng là ngôn ngữ xã giao; nhưng khi ông sử dụng từ Tôn Sư là đã một phần nào tâm phục, khẩu phục. Thế là ngài với từ bi tâm, cặn kẽ giải thích cho ông ta hiểu hàm ý bên sau của từng câu chữ. Ngài nói rằng:

- Này tướng quân Sīha! Giản dị và dễ hiểu làm sao là những câu nói tóm tắt giáo pháp mà Như Lai đã từng giáo huấn cho môn đệ. Cái được gọi là hành động chính là thân hành, khẩu hành và ý hành; thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời, thiện hạnh về ý chính là điều nên hành động! Cái được gọi là không hành động thì ngược lại, là không ác hạnh về thân, không ác hạnh về lời, không ác hạnh về ý – chính là

điều không nên hành động...

- Xin đức Thế Tôn giảng rõ cho chút nữa?

- Nghĩa là cái thân này nên làm những việc lành, tốt chứ không nên làm những việc xấu ác. Lời nói cũng vậy mà ý nghĩ cũng vậy.

- Cụ thể là như thế nào, bạch đức Thế Tôn! Vì việc lành, tốt đối với giáo phái này, triết hệ này đôi khi không phải là lành, tốt đối với giáo phái khác, triết hệ khác?

- Đối với Như Lai thì việc lành, tốt là lợi mình, lợi người và lợi cả hai. Việc xấu, ác là hại mình, hại người và hại cả hai. Khi thân không giết người, giết vật, không trộm cắp, tước đoạt tài vật của người, không tà dâm, tà hạnh, bất chánh - đấy là thân lành, tốt. Khi lời không dối láo, không sai sự thật, không hai lưỡi, không ác độc, không thêu dêt, không nói vô ích, không hoa ngôn xảo ngữ, không nói phù phiếm, trống không, vô ích - đấy là khẩu lành, tốt. Khi ý không tham lam, không sân hận, không tà kiến, si mê - đấy là ý lành, tốt. Ngược lại như thế là xấu ác, này tướng quân Sīha!

Cái được gọi là đoạn diệt phải được hiểu là nên đoạn diệt tham lam, đoạn diệt sân hận và đoạn diệt tà kiến, si mê; tức là làm cho ngưng tắt những việc xấu, ác được khởi sanh từ tâm niệm, ý nghĩ.

Cái được gọi là ghê tởm phải được hiểu là ghê tởm việc làm ác của thân, ghê tởm lời nói ác, ghê tởm suy nghĩ ác - tức là ghê tởm tất cả những cái gì được gọi là xấu ác ở thân, ở lời và ở ý.

Cái được gọi là thiêu đốt có nghĩa là các ác, bất thiện pháp như trên cần phải được thiêu đốt, thiêu cho cháy đi; và ngay cả tro than âm ỉ cũng phải được dụi tắt, nếu không nó sẽ bốc cháy trở lại.

Cái được gọi là thoát khỏi thai bào chính là hạt giống, hạt mầm, những điều kiện luyến ái, đeo dính từ sinh bào này

sang sinh bào khác không còn nữa - như cắt lìa các rễ chính, rễ phụ của một thân cây hoặc như cây thốt nốt đã bị đoạn lìa, bứng gốc không còn dư tàn!

Cái được gọi là tự tin – nghĩa là tin vào chính mình, vào bàn tay nắm của mình; địa ngục, khổ xứ, đọa xứ, hạnh phúc người trời, phạm thiên, niết-bàn đều do ta tạo ra cả. Tin vào mình cũng có nghĩa là tin vào nhân quả, nghiệp báo, tin vào con đường thắng phúc, an vui, giải thóat mà mình đã chọn lựa - chứ không tin vào thượng đế, một đấng thần linh siêu nhiên nào...

- Chỗ này tôi chưa được hiểu. Vậy thì đấng Phạm Thể (Brāhman), Đại Ngã (Mahātman), các thượng đẳng thần: Sáng Tạo (Brāhmā), Bảo Tồn (Viṣṇu) Hủy Diệt (Śiva) cùng hằng trăm ngàn vị thần khác trong truyền thống bà-la-môn - phải được hiểu như thế nào, bạch đức Thế Tôn?

- Hãy để phạm trù tôn giáo, tín ngưỡng ấy qua một bên, này tướng quân Sīha! Sẽ còn nhiều cơ hội để Như Lai sẽ giải thích về điều ấy. Vì sao vậy? Vì Như Lai đang nói về căn nguyên của khổ và lạc; và mọi chuyện lành, tốt hoặc xấu, ác ở trên là do thân ta tự làm, do khẩu ta tự làm, do ý ta tự làm – có phải vậy không, tướng quân Sīha?

- Thưa, đúng thế!

- Nhân của xấu, ác thì có quả là khổ; nhân của lành tốt thì có quả là lạc - đấy là vận hành nhân quả nghiệp báo tự nhiên hay do bàn tay thượng đế, thần linh xen dự vào, hở tướng quân Sīha?

- Thưa, tự nhiên!

- Nghĩa là khổ lạc đều do ta tự tạo?

- Đúng vậy!

Đức Phật mỉm cười:

- Vậy là tiếng rống của tướng quân Sư Tử (Sīha là sư tử) đã xác nhận sự thật, và cũng chính tướng quân đã bác bỏ quyền năng ban phúc, giáng họa của thượng đế và thần linh

rồi đấy!

Tướng quân Sīha chợt lặng người. Cả hội chúng đi theo ông ta cũng lặng người. Hóa ra quyền uy của thượng đế, thần linh đã hằng ngàn năm nay – mà chỉ qua vài câu đối thoại của đức Phật chúng đã bị rã tan tức khắc.

- Tuyệt vời thay là đức Thế Tôn! Cao minh thay là nghị luận sắc bén của đức Tôn Sư!

Tướng quân Sīha và quân lính đồng thốt lên ca ngợi, hoan hỷ, mừng vui.

Đức Phật điềm đạm tiếp:

- Bây giờ thì những câu đi sau cũng đều phải được hiểu như vậy. Cái được gọi là từ bỏ - nghĩa là từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, từ bỏ tà kiến, mê đắm, dính mắc, chấp thủ vào các ác, bất thiện pháp ấy. Cái được gọi lửa cháy phải được hiểu là mắt tai mũi lưỡi thân ý luôn luôn bị bốc cháy bởi sắc thanh hương vị xúc pháp; chúng mà bốc cháy thì thế gian này sẽ bị bốc cháy! Vậy hãy dè chừng khi chúng gặp nhau, tương quan phát sanh lửa! Cái được gọi là giết cha, giết mẹ, giết cả quân binh tùy tùng - phải được hiểu vô minh là cha, ái dục là mẹ; còn quân binh tùy tùng chính là những tùy miên, những kiết sử: Những tham, sân, si mạn, nghi, tà kiến, tật đố, phản trắc, bạc ác, phản phúc, xan lận, quỷ quyệt, vô ơn, bỏn xẻn, keo kiệt... phải giết chúng đi, chôn chúng đi. Cái được gọi là vô lượng chính là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng... Vô lượng giải thoát, nghĩa là khi có được tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì bốn vô lượng kia mới được gọi là vô lượng giải thoát; bằng không, chúng còn bị giới hạn trong cõi sắc giới của phạm thiên!

Đức Phật vừa nghỉ hơi thì tướng quân Sīha đã quỳ mọp bên chân:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, bạch đức Tôn Sư! Chỉ chừng ấy thôi, là đã quá tuyệt diệu, đã quá choáng ngợp đối với đệ tử rồi! Từ lâu, đệ tử đã sống trong bóng tối, nay đã được đức

Tôn Sư dìu ra ánh sáng để thấy được mặt trời. Từ lâu, đệ tử đã bị lạc lối trong mọi ngõ ngách hoang vu của ngu si và tà kiến, nay đã được đức Tôn Sư bi mẫn trao cho ngọn đèn sáng để thắp tâm, thắp trí. Rất tri ân Tôn Sư, tri ân giáo pháp và tri ân hội chúng tỳ-khưu tăng. Xin đức Tôn Sư chấp nhận cho đệ tử là nam cư sĩ, quy y Tam Bảo từ nay cho đến trọn đời.

Đức Phật mỉm cười:

- Giải thích cho tướng quân hiểu là bổn phận của Như Lai; còn việc ông muốn quy y làm môn hạ đệ tử lại là chuyện khác. Ông là người nổi tiếng, phải suy xét cẩn thận, chu đáo trước lúc muốn quy y sẽ tốt đẹp hơn cho ông đấy - nhất là cho bản thân ông, cho giáo phái của ông và trước dư luận xã hội nữa!

Thấy nụ cười thanh thoát của đức Phật và ý nghĩa câu nói hiển lộ phong thái cao cả của bậc đại tuệ - đức tin của tướng quân Sīha giống như từng đợt sóng đang dào dạt ở trong lòng:

- Thế thì đệ tử lại càng muốn nương bên chiếc bóng của đức Tôn Sư. Bởi vì lúc đệ tử quy giáo với giáo chủ Niganṭha Nāṭaputta thì đồ chúng của họ đã vác cờ, đánh trống, thổi kèn đi khắp kinh thành Vesāli rêu rao rằng: "Bậc thủ lãnh đại tướng quân Sīha đã tự nguyện trở thành đệ tử của chúng tôi rồi! Bậc thủ lãnh đại tướng quân Sīha đã quy giáo giáo chủ Niganṭha Nāṭaputta vô song của chúng tôi rồi!" Vậy mà ở đây, khi đệ tử xin quy y thì đức Tôn Sư bảo: "Hãy suy xét chu đáo và cẩn thận - điều ấy sẽ có lợi, sẽ tốt đẹp cho bản thân ông, giáo phái của ông và trước dư luận xã hội". Ôi! Thật cao cả thay là tâm địa và ngôn hành của bậc Đại Minh Triết. Khấu đầu đảnh lễ lần thứ hai, xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nương tựa cho đến trọn đời!

Đức Phật vẫn chưa thừa nhận, ngài nói tiếp:

- Tướng quân Sīha! Ông hãy suy nghĩ lại đi, đấy là tình

thật Như Lai muốn khuyên ông. Tại sao lại cần phải suy nghĩ thấu đáo? Ông không biết sao, từ lâu, ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường cho giáo chủ và đồ chúng Niganṭha Nāṭaputta; là nguồn nước ngọt tuôn tràn không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Niganṭha Nāṭaputta. Hiện tại, người ta đang cần ông và gia đình ông biết bao nhiêu về vật thực, y bát, sàng tọa, thuốc men... Hãy suy nghĩ lại đi!

Tướng quân Sīha lại khấu đầu đảnh lễ nữa:

- Thế thì đệ tử lại càng có thêm đức tin để xin quy y, làm người thiện nam hầu cận đức Tôn Sư nhiều hơn nữa. Tại sao vậy? Vì ở đâu, đi bất cứ đâu, gặp bất kỳ giáo phái chủ, giáo phái sư nào - họ cũng nói rằng:"Này thí chủ! Hãy nên bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta. Tại sao vậy? Vì bố thí, cúng dường đến ta và đồ chúng của ta thì sẽ được lợi ích lớn, phước báu lớn – còn bố thí, cúng dường đến tôn giáo khác, hệ phái khác sẽ không có lợi ích, sẽ không có phước báu!" Còn ở đây, tại đây, ở trong giáo pháp thiêng liêng, trong sạch này - đức Tôn Sư lại dạy: " Hãy suy nghĩ cẩn thận! Hãy suy nghĩ lại đi! Vì ông và gia đình ông là căn nhà mẹ ở ngã tư đường, là nguồn nước ngọt không bao giờ khô cạn cho giáo chủ và đồ chúng Niganṭtha Nāṭaputta!" Ôi! Cao thượng thay là lời nói này! Đây là lần thứ ba, đệ tử xin được quy y với đức Tôn Sư cao thượng, giáo pháp cao thượng và hội chúng tỳ-khưu tăng cao thượng!

Biết được đức tin vững chắc ở nơi ông tướng quân, đức Phật thuyết một thời pháp, nói cho rõ ràng, cụ thể hơn về bố thí, trì giới; sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục; tâm và cảnh các cõi trời; sự lợi ích cao thượng từng bước một của sự từ bỏ, xuất ly... Theo dõi tâm và trí của vị tướng quân - đức Phật biết ông ta đã sẵn sàng; nghĩa là nhu nhuyến, mềm mỏng dễ uốn nắn; có sự tĩnh lặng, hướng thượng; các chướng ngại còn rất nhẹ - nên ngài đã giảng pháp cao hơn, thù thắng hơn.

Đức Phật tuần tự phơi bày về những sự thật về khổ, nguyên nhân sanh khởi các khổ, sự diệt khổ và con đường, đạo lộ đến nơi giải thoát, chân phúc và bất tử.

Cũng giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu dễ dàng – tương tợ vậy, ngay giây khắc ấy, tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn thanh tịnh không nhiễm trần cấu đã sanh khởi đến tướng quân Sīha. Mọi hoài nghi tiêu tan, ông đã thấy hiểu pháp, thấy pháp, thấm nhuần bởi pháp – đã đi vào dòng, đã đắc quả Tu-đà-hoàn!

Tướng quân Sīha chảy nước mắt, ông hoan hỷ quá, quỳ mọp ôm chân bụi của đức Đạo Sư không nói nên lời. Đức Phật, sau đó, cho ông thọ trì quy giới và im lặng nhận lời buổi thọ trai tại nhà ông vào ngày mai. Ngài cũng không quên dặn bảo tướng quân Sīha điều quan trọng:

- Bây giờ ông đã là đệ tử của Như Lai, sống trong giáo pháp thanh tịnh và cao thượng – thì ông phải biểu lộ cho kỳ được đức hạnh thanh tịnh và cao thượng ấy: Vẫn cứ làm căn nhà mẹ và nguồn nước ngọt cho giáo chủ và đồ chúng Niganṭha Nāṭaputta đấy nhé!

Trở về nhà rồi mà lòng còn bổi hổi, bồi hồi – vì suốt cuộc đời, chưa có khi nào mà ông tướng quân có được niềm vui nhẹ nhàng, siêu thoát như hôm nay! Cái hỷ lạc thanh tịnh này nó cứ bập bùng, cứ âm ỉ, cứ reo ca mãi... như chim vui đầu cành, như giọt nắng trong lành buổi tinh sương, như đám mây trắng nhẹ nhàng lướt qua, lướt qua...

Nghĩ đến buổi cúng dường ngày mai, ông cho gọi người quản gia đến để chỉ việc. Ông nói đại lược rằng, ta sẽ có cuộc cúng dường lớn đến đức Tôn Sư của ta cùng hội chúng tỳ-khưu năm trăm vị. Hãy triệu tập gia nhân và người làm công để làm các căn lều vải, bàn ghế cao thấp, các chỗ ngồi có tọa cụ, có lót thảm để tới lui và thảm chùi chân. Đây đó phải có những ghè nước, những khăn chùi chân, khăn rửa tay có tẩm hương. Điểm xuyết chỗ này chỗ kia là tất thảy

mọi loại hoa nhiều hương sắc kiếm tìm được. Nấu ăn trai soạn phải đầy đủ thượng vị loại cứng, loại mềm, bánh trái gì đó ngon thơm, bổ béo và ngọt ngào nhất. Phải nhớ, ngày mai chính là ngày kỷ niệm mà ta được sinh ra trong giáo pháp của đức Tôn Sư đấy! Vậy phải làm sao cho trọng thể, tốn kém tiền bạc đừng có để mắt tới! Ông còn nhớ bữa cúng dường thọ trai của kỹ nữ Ambapālī không, hở? Cứ nhớ chuyện ấy mà làm!

Người quản gia tài giỏi và mau mắn nhận lãnh trách nhiệm; nhưng lại hỏi:

- Chúng ta có sẵn hằng trăm chú gà vịt đang tơ, cũng có mấy chú nai, dê, cừu đang tơ – nhưng có cần mua thêm những con thú đặc biệt như bê sữa, như gà rừng, như bồ câu non... để giết thịt cho cao sang, cho tăng thêm chất, tăng thêm hương vị không, hở chủ?

Tướng quân Sīha chợt mỉm cười, nhẹ nhàng vỗ vai vị quản gia trung tín:

- Này, ông bạn già! Bây giờ ta không còn là con người cũ nữa. Rồi tất cả vật nuôi kia ta sẽ thả hết, ta sẽ cho đi hết... Ông nên nhớ rằng, từ rày về sau, thức ăn trong nhà, trong trang trại phải là những con vật đã chết rồi. Ngày mai là thế mà sau này cũng thế! Tấm lòng của ta, ngôi nhà của ta phải biết che chở, biết bao dung và biết quý trọng sự sống của muôn loài!

Người quản gia trố mắt. Đúng là phép lạ! Cái ông Thế Tôn kia quả là trổ tài ảo thuật thật rồi, trong thời gian ngắn ngủi - chỉ chừng bóng mấy con ngựa chạy - mà có thể biến chuyển tâm tánh của một ông thủ lãnh tướng quân như thế, không là kỳ diệu sao?

Cuộc bố thí, cúng dường lớn mới qua đi nửa buổi mà dư luận kinh thành Vesāli đã bàn tán sôi nổi. Người quản gia về kể cho tướng quân nghe rằng:“ Rất nhiều đồ chúng của Niganṭha Nāṭaputta đi từ đường phố này sang đường phố

khác, từ ngõ lớn này sang ngõ nhỏ khác; chúng quơ tay kêu réo, la hét đến khản giọng như sau: Hôm qua, tướng quân Sīha đã giết những con thú lớn, thú nhỏ - làm bữa trai phạn để đãi đằng cho sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ta. Sa-môn Gotama tuy biết được điều ấy nhưng vẫn thọ dụng như thường. Thế rõ, giáo pháp ấy là tà mạng, bất chánh. Người cố ý giết thịt và kẻ cố ý ăn thịt đều chịu chung một sát nghiệp như nhau!"

Tướng quân Sīha nghe xong, im lặng một lát rồi trầm tĩnh hỏi người quản gia:

- Ví như ta trả lời thì phải trả lời làm sao với sự đặt điều rỗng không ấy?

- Thưa chủ! Con đã được ngắm nhìn đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu. Con đã thấy phong thái, cử chỉ và tư cách của họ lúc đi đứng, lúc nhận vật thực cũng như khi thọ dụng, vo tròn từng vắt cơm nhỏ, rất cẩn trọng và rất tri túc. Thật khác xa một trời một vực với giáo chủ và giáo chúng Nigaṇṭha Nāṭaputta trước đây. Con lại được nghe pháp nữa. Thật là mát mẻ và hoan hỷ cái lỗ tai. Bữa trai phạn lại tự tay con làm theo lệnh của chủ. Vậy thì những lời mà giáo chúng kia cố ý vu cáo, phỉ báng đức Phật, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Pháp, cố ý vu cáo, phỉ báng đức Tăng – thì rõ là chúng không tự lượng sức mình, đã phí công, đã láo khoét một cách vô ích... chẳng thể nào làm tổn hại uy tín của giáo hội chơn chánh được.

- Đúng lắm, này ông quản gia! Từ rày cho đến trọn đời, một con sâu, một cái kiến – ta cũng không giết hại. Mà cho dù có bị uy hiếp đến tính mạng, ta cũng không tước đoạt sự sống của loài hữu tình đâu, ngươi nên nhớ như vậy!

Đấy đúng là sự thật trong tâm của vị thánh đệ tử.

Riêng đức Phật, sau mùa an cư tại Vesāli năm ấy, thấy các cơ sở tu học của tăng ni đều được phát triển tốt đẹp, ngài và một số hội chúng chuẩn bị lên đường trở lại Rājagaha.

Khi đức Phật sắp rời chân đi thì đột ngột, kỹ nữ Ambapālī dẫn đến một cậu trai trẻ, tên là Vimala-Koṇḍañña - xin ngài cho chàng xuất gia. Bà tình thật không giấu giếm gì, kể rằng, đấy là đứa con riêng của bà với đức vua Sineya Bimbisāra. Thanh niên Vimala-Koṇḍañña cũng yêu thích đời sống phạm hạnh nên việc ấy được diễn tiến sau đó.

Suốt trong nhiều tháng, khi thì đức Phật ở tại Trúc Lâm tịnh xá, lúc thì du hành hóa độ khắp các vùng, lên tận Pāṭaligāma. Gần mùa mưa, ngài đi dần về vùng giáp ranh Māgadha, tận phía đông, rồi an cư tại chùa núi Maṅkulapabbata, gần Allahabad.

MÙA AN CƯ THỨ SÁU
(Năm 582 trước TL)

Bát Gỗ Đàn Hương

Tại kinh thành Rājagaha (Vương Xá) có người triệu phú đi tắm sông, nhặt được một khúc gỗ đàn hương chỉ còn lõi, rất quý. Ông thuê thợ khắc tiện đẽo thành một chiếc bình bát. Sau khi chuốt mài, đánh bóng, vân gỗ hiện ra màu hồng đào rất đẹp. Ông thích thú ngắm nhìn mãi.

Bạn ông lấy làm lạ, hỏi:

- Ngài triệu phú có ý định làm vị sa-môn khất sĩ chăng?

- Không phải!

- Hay muốn làm một tác phẩm nghệ thuật, chưng cho đẹp mắt, ngắm cho vui mắt?

- Cũng không phải!

Trầm ngâm một chút, ông triệu phú giải thích:

- Theo truyền thống gia tộc, khi làm xong mọi bổn phận ở đời rồi, tôi phải xuất gia, theo gót một đoàn sa-môn, bà-la-môn nào đó. Nay tôi cũng đã trọng tuổi, chưa nói chuyện xuất gia, nhưng tôi cũng muốn tìm một giáo phái nào đó để nương tựa. Nhưng hiện nay, từ các nước liên bang cộng hòa bên bờ bắc sông Gaṅgā, sang bờ nam, tại kinh thành này, ông giáo chủ nào cũng tự xưng là Phật, là đại thánh, là đại A-la-hán cả. Vậy mình biết tin ai bây giờ?

Người bạn gật đầu:

- Quả vậy! Nhưng tôi nghe nói, sa-môn Gotama là Phật thiệt đấy! Ông coi, đức vua Bimbisāra (Bình-sa) đâu phải là con người cả tin, không có trí, thế mà đã quy y làm môn hạ sa-môn Gotama? Rồi triều đình, cả Veḷuvana (Trúc Lâm) và cả quy mô đại tịnh xá nữa?

Vị triệu phú mỉm cười:

- Cả các lão thần, các danh gia vọng tộc, cả chàng thánh y Jīvaka và cả vườn xoài của hắn ta nữa?

- Đúng thế!

- Nhưng tôi chưa tin – Ông triệu phú lắc đầu - Vậy nên, tôi cho đẽo chiếc bát quý trọng này rồi móc trên đầu chót những cây tre dựng cao mười tầm cây thốt nốt; rồi cho gia nhân đánh trống, bố cáo khắp mọi nơi rằng: "Vị nào có thể bay lên để lấy chiếc bát trầm đỏ thì chúng tôi mới tin vị ấy là bậc A-la-hán. Tất cả gia đình, quyến thuộc, bạn hữu chúng tôi sẽ làm môn hạ vị ấy, giáo phái ấy!"

Chuyện không mấy chốc lan xa khắp nơi. Mọi người tò mò tìm đến xem chuyện hư thực. Quả là chiếc bát đỏ rực treo cao tít trên mây xanh. Người kéo đến ngày càng đông. Và du sĩ, đạo sĩ, sa-môn, bà-la-môn cũng kéo đến rất đông. Người ta bàn tán về chiếc bát quý. Người ta bàn tán không biết ai là người có thần thông trên đời này? Rồi chiếc bát kia sẽ lọt vào tay giáo phái nào?

Giáo chủ của sáu giáo phái hữu danh được kể tên là Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Niganṭha Nāṭaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velaṭṭhaputta hiện rải rác đầy khắp các quốc độ Bắc Nam sông Gaṅgā. Họ có đồ chúng rất đông. Chuyện bát trầm đã đến tai họ. Gia đình triệu phú đã rất khó chịu khi phải tiếp đoàn này rồi đoàn khác. Ai đến cũng chỉ để thuyết phục ông, rằng là nên dâng cúng bình bát ấy cho giáo chủ chúng tôi. Giáo chủ chúng tôi là bậc A-la-hán, xứng đáng thọ nhận bình bát quý giá ấy. Rằng là, chẳng lẽ nào một vị A-la-hán lại đến đây trổ thần thông vì một vật

ngoại thân? Rằng là, A-la-hán là bậc thượng nhân, hành động bay lên lấy bát xem ra chẳng đẹp mắt chút nào!

Nói gì thì nói, ông triệu phú không dễ gì bị thuyết phục.

- Lời nói của tôi là một chiếc đinh to, đóng trên đầu ngọn tre rồi, quý ngài cứ bay lên đấy mà nhổ!

Đã năm sáu ngày qua đi, thế là không có một vị A-la-hán nào trên đời này sao? Nghe nói có một giáo chủ tìm đến, sau khi thuyết phục không được, ngài định sử dụng thần thông, vừa nhớm bay lên thì người đệ tử bên cạnh đã nhanh tay kéo y lại, nói rằng:"Cái bát này thật không xứng để thầy làm như vậy. Thôi, ông triệu phú đã không chịu dâng – còn có vẻ cảnh cáo – thì sau này đừng có hối tiếc đấy!"

Đến ngày thứ bảy, trưởng lão Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vân du hành hóa ở xa về. Sau khi đi khất thực vừa đủ dùng, hai vị ven theo một sườn núi vào thành. Trên đường, nghe người ta bàn tán bên tai về chuyện cái bát đàn hương trên đầu mười ngọn tre của ông triệu phú; lại có vẻ chê cười một số sa-môn, bà-la-môn không có tài, lại đến thuyết phục dâng bát. Họ cũng hoài nghi như ông triệu phú là trên thế gian này không có vị A-la-hán nào đâu...

Bước lên một mỏm núi cao để nhìn bao quát thành phố, trưởng lão Mahā Moggallāna nói với vị tỳ-khưu trẻ đang đứng ở bên cạnh:

- Ông nghe đấy! Người ta đã hoài nghi như thế, đâu có sai, phải không?

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja đưa tay chỉ trang viện ông triệu phú ở tít dưới xa; và cái bát, chỉ là một cái chấm nhỏ như đầu mũi kim, treo cao trên đầu ngọn tre cùng với một đám đông người đang ngồi, đứng lố nhố trông như đàn kiến, rồi nói:

- Họ đấy! Đối với họ, với chúng sanh ngu muội, ai sử dụng thần thông lấy được cái bát treo cao ấy thì mới là bậc

A-la-hán thứ thiệt! Tội nghiệp không!

Trưởng lão Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Dường như ông muốn cho họ một bài học phải không?

- Trước mặt trưởng lão, đệ tử... Nét mặt vị đại đức trẻ đỏ lựng lên - đệ tử đâu dám thế!

- Ông còn nghĩ rằng, hãy hiển lộng thần oai cho dân chúng Vương Xá thành, cả ngoại đạo, cả ông triệu phú kia biết khả năng đệ tử của đức Tôn Sư. Vả chăng, nó còn lợi lạc, tạo duyên lành cho cả hằng trăm người quy y theo Phật đạo nữa, có phải thế không?

Thấy vẻ lúng túng của vị tỳ-khưu trẻ, trưởng lão Mahā Moggallāna nói:

- Thôi được rồi! Ta cho phép ông đấy. Giả dụ như đức Tôn Sư có la rầy thì để ta gánh chịu cho!

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja tuy đắc ngũ thông nhưng chưa có thánh quả, tâm vẫn còn lăng xăng, ham vui; được lời của vị Đệ nhị đại đệ tử như mở tấm lòng. Ông cúi đầu xá chào trưởng lão rồi nhanh như cánh chim én, nhảy lên một tảng đá cao, nhiếp tâm vào định tứ thiền, xuống cận hành, khởi tưởng, trú tưởng, làm kiên cố tưởng. Lát sau, như cánh chim đại bàng, ông bay lên, tảng đá to cao hơn cả cái nhà bị hút dính dưới chân - rồi cứ thế, cánh đại bàng bay ba vòng quanh thành Vương Xá. Bên dưới thành phố, dân chúng xôn xao, ngước lên trời chỉ trỏ. Lát sau, một số nơi đã tỏ ra hoảng loạn, họ sợ tảng đá rớt xuống, sập nhà cửa và chết người nên chạy tới chạy lui có vẻ bất an. Biết vậy, khi đến gần nhà ông triệu phú, đại đức Piṇḍolabhāradvāja khẽ nghiêng người, lắc chân một cái là tảng đá lớn kia được trả về vị trí cũ trên núi. Thuận tay, rướn người, đại đức lấy chiếc bát trên đọt tre cao mười tầm thốt nốt, rồi như cánh chim ưng vàng bay đến cửa nhà ông triệu phú. Ở đây, mọi người đang trố mắt, sững sờ. Thoáng sau, cả gia đình ông triệu phú mừng vui, hớn hở ra đón chào vị A-la-hán trẻ tuổi!

- Tôi là đệ tử đức Thế Tôn! Tôi không phải là bậc A-la-hán cao quý, xin ông triệu phú, cả nhà và mọi người hiểu cho như vậy!

Đại đức Piṇḍolabhāradvāja hai ba lần phân bua, thanh minh. Nhưng ông triệu phú không cần biết điều đó, thỉnh mời vào nhà, xếp đặt chỗ ngồi cao quý nhất. Cả nhà quỳ xuống đảnh lễ. Gia nhân, kẻ làm công và mọi người tìm đến, xúm quanh, vòng trong, vòng ngoài bàn tán ồn ào như buổi chợ đông.

- Có vị A-la-hán thật sự trên thế gian này rồi! Xin ngài cho chúng đệ tử được cúng dường!

Ông triệu phú xin thỉnh lại cái bát đàn hương, đặt vào đấy vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm. Thọ nhận xong, vị tỳ-khưu trẻ tuổi nghiêm trang nói:

- Hãy đến Trúc Lâm tịnh xá, quỳ bên chân đức Đạo Sư – ngài dạy như thế nào thì cứ y như vậy mà thọ trì – tôi chỉ là người mới tu học sơ cơ, xin quý vị biết cho như vậy!

Nói thế xong, sợ mọi người phiền nhiễu, đại đức Piṇḍolabhāradvāja chợt biến mất tại chỗ và có mặt ngay tại khu rừng trúc với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay.

Biến cố vừa rồi làm xáo động cả thành phố. Một đồn mười, mười đồn trăm. Không mấy chốc, cả gốc cây, cục đá, bụi cỏ trên mọi hang cùng ngõ hẻm đều đã biết chuyện ấy. Thế rồi, từng đoàn người, từng đoàn người kéo về Veḷuvana như trẩy hội.

Đức Thế Tôn, lúc ấy, sau mùa an cư, vừa từ Maṅkulapabbata về Trúc Lâm, đang tiếp chuyện với thần y Jīvaka Komārabhacca.

Chuyện là, sau một thời gian khá dài vắng mặt, đức Phật thấy có một vài sự đổi khác trong sinh hoạt ở đây, chuyện tốt có, chuyện xấu có.

Việc đầu tiên là tôn giả Uruvelākassapa và đồ chúng tìm đến đảnh lễ, nói là đức vua Seniya Bimbisāra đã hứa khả

dâng cúng một khu rừng cách đây không bao xa để thành lập ni viện. Tôn giả Mahā Kassapa cũng hoan hỷ cho biết là một số nam nữ đạo sĩ khổ hạnh cực đoan của Niganṭha Nāṭaputta đã được tôn giả cảm hóa, trong đó có Bhaddākapilāni, người vợ cũ hiện đang đợi chờ sự giáo giới của đức Tôn Sư.

Gần một tuần lễ, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau đến khu rừng mới, nơi ni viện vừa mới thành lập. Đức Phật đã làm lễ xuất gia cho ni giới sau đó bàn giao công việc cho ni trưởng Gotamī và một số giáo thọ, tỳ-khưu-ni học thức, biết việc, quen việc từ Vesāli sang. Cơ sở lều xá đã được tôn giả Uruvelākassapa, tôn giả Mahā Kassapa và chúng đệ tử chuẩn bị từ trước nên số lượng công việc kể ra cũng không nhiều lắm. Tôn giả Sāriputta dường như phải thường trực để giáo giới ni chúng tập sự. Tôn giả Mahā Moggallāna thì được đức Phật giao phó những công việc riêng, lúc ở gần, lúc ở xa; nhưng đa phần là cho phép ngài sử dụng thần thông để cảm hóa hoặc hàng phục những người hữu duyên nhưng rắn mắt, cứng cỏi. Có một chuyện tình cảm tế nhị mà đức Phật cũng không quên dặn tôn giả Ānanda là tạo sự gặp mặt giữa ni trưởng Gotamī, tỳ-khưu-ni Yasodharā, sa-di Rāhula, đại đức Nanda, các tôn giả ông hoàng quý tộc và một số gia đình Sākya thân thiết. Gặp nhau, họ mừng vui lắm, nhưng xem ra cũng thanh thản, nhẹ nhàng.

Tại giảng đường Trúc Lâm, vài ba lần giáo giới thường lệ đến hội chúng tỳ-khưu, sau đó là buổi gặp mặt tất cả chư vị trưởng lão, đức Phật nói:

- Trong số tỳ-khưu mới nhập chúng, Như Lai nhận thấy có một số vị ngũ quan khuyết tật, trông không có tăng tướng, có thể làm mất đức tin cho các hàng cư sĩ tại gia – là tại làm sao?

Tôn giả Mahā Kassapa, bậc niên trưởng, đại diện cho các trưởng lão thưa trình:

- Trong hội chúng của các ngài Kassapa thờ thần lửa thuở trước, thường đi hành hóa ở xa, lâu lâu hóa độ đâu đó một vài người, nghe nói trước đây họ là đạo sĩ tóc búi, có ở tại Uruvelā. Do nể tình đồng đạo cũ, các ngài đã thu nhận. Đệ tử thấy họ ăn nói, đi đứng còn lung tung, nhưng xét ra, đức Tôn Sư chưa có quy định gì về điều ấy!

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Như Lai không thể trách các vị được! Đấy là việc thứ nhất cần nên chấn chỉnh - Đức Phật nhìn quanh một lát – Còn việc thứ hai nữa. Trước đây, lúc Như Lai giảng pháp, dẫu cả ngàn người nhưng cũng im lặng như tờ. Nhưng mấy hôm vừa rồi, Như Lai nhận thấy trong hội chúng, nhiều kẻ đứng lên, ngồi xuống, đi ra, đi vào, nhúc nhích, nhấp nhổm khá tùy tiện; lại có rất nhiều cử động thô tháo ở nơi tay chân, thân mình; đây đó lại có tiếng ho, tiếng khạc nhổ, tiếng hắt xì hơi, tiếng gãi ngứa, tiếng cào tay rột rạt... là tại làm sao vậy nhỉ?

Tôn giả Vappa trình thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Những điều đức Tôn Sư thấy hoàn toàn đúng. Tất cả số tỳ-khưu ấy đều đa phần là bệnh nhân. Họ mắc đủ thứ bệnh. Kể từ khi thánh y Jīvaka Komārabhacca nổi danh thơm về tài chữa bệnh đã lan xa nhiều quốc độ. Người ta lũ lượt tìm đến trang viện của thánh y xin chữa hằng chục thứ bệnh khác nhau. Họ ngồi, nằm la liệt đầy sân, đầy vườn. Thánh y Jīvaka Komārabhacca từ chối, nói rằng, ông ta đã đầu tắt, mặt tối lo cho hoàng gia, đức Phật và tăng chúng - đã không có được chút ít nghỉ ngơi, lấy đâu ra thì giờ để chữa bệnh cho mọi người. Tuy nhiên, họ không chịu đi. Sau phải nhờ một số quân đội hoàng gia mới giải tán được.

Đức Phật yên lặng lắng nghe. Ngài tuy biết mọi chuyện nhưng muốn để chư trưởng lão trình bày, sau đó, chính họ phải có biện pháp giải quyết.

Tôn giả Assaji thưa tiếp:

- Số nam bệnh nhân ở đấy, họ khôn ngoan tìm đến các trưởng lão xin xuất gia, cốt ý để được Jīvaka chữa bệnh. Một số sau khi lành bệnh liền hoàn tục. Số chưa lành bệnh hiện còn ở đây. Đa phần không có tâm tu, tục khí còn quá nặng nề. Chư trưởng lão và các vị giáo thọ hiện đang rất quan tâm về điều ấy!

Đức Phật lại gật đầu:

- Phải rồi! Nhưng các vị cứ nói tiếp đi!

Tôn giả Kimbila thưa tiếp:

- Mới đây, Jīvaka Komārabhacca phát hiện có nhiều chứng bệnh rất nguy hiểm, muốn gặp đức Thế Tôn để trình bày cho cặn kẽ để sớm có biện pháp hữu hiệu ngăn ngừa...

Đức Phật nói:

- Cả việc ấy Như Lai cũng chưa chế định. Ừ, rồi Như Lai sẽ nói chuyện với Jīvaka. Nhưng hiện tại, trước mắt, một vị tỳ-khưu trong giáo hội thanh tịnh mà lé mắt, chột mắt, đi khập khiễng, cụt một tay, cụt một chân, cổ ngoẹo một bên, người lùn tịt, sứt tai, sứt mũi, bướu cổ, câm điếc... nghĩa là ngũ quan bất toàn, kỳ hình dị dạng thì chư vị trông có được không?

- Thưa, không được!

- Còn nữa! Rồi cái tịnh xá Trúc Lâm này, đến một lúc nào đó sẽ biến thành bệnh viện với các vị tỳ-khưu mang bệnh cùi, bệnh lao, bệnh động kinh... thì trông có được chăng?

- Thưa, không được!

Đức Phật nhìn các vị trưởng lão rồi tiếp:

- Giáo pháp Như Lai được xây dựng trên nhân quả, có nhân, có duyên mới có quả. Khi nào có một việc phát sanh mà ai cũng thấy đó là xấu thì ngăn chặn điều xấu ấy, dập tắt nhân ấy, đã trở thành giới điều, trở thành luật tắc. Việc vị tỳ-khưu toàn hảo ngũ quan, tăng tướng – là điều kiện để cho

thọ đại giới, vậy là đã trở thành luật xuất gia tỳ-khưu. Việc vị tỳ-khưu phải hoàn toàn khỏe mạnh, vô bệnh là điều kiện cho thọ đại giới, vậy là đã trở thành luật xuất gia tỳ khưu! Các vị thấy có đúng không?

- Thưa, phải vậy!

- Thế thì bây giờ, chư vị trưởng lão sẽ họp bàn với nhau, soạn thảo với nhau về tất thảy mọi điều kiện toàn hảo, viên mãn về luật xuất gia tỳ-khưu. Hai nội dung lược dẫn mới chỉ là gợi ý sơ khởi, Như Lai biết, các vị sẽ đưa ra được một liệt kê toàn bích hơn nhiều!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Đúng là sự thấy biết của bậc Toàn Tri Diệu Giác! Chúng đệ tử nắm bắt rất rõ. Các điều kiện xuất gia còn có khả năng ngăn chặn kẻ mang công mắc nợ, kẻ trốn lính, bọn trộm cướp trốn luật pháp, bọn á nam á nữ, bọn bị hình phạt đóng dấu lên trán, bọn bị cáo thị tầm nã; nghĩa là còn nhiều lắm, bạch đức Tôn Sư!

- Ừ, đúng vậy! Như Lai biết! Bây giờ các vị hãy làm việc đi, có Sāriputta và Mahā Kassapa chủ trì. Như Lai sẽ làm việc với Jīvaka Komārabhacca, ông ta đã đến rồi đấy!

Và quả đúng như thế, lúc ấy, Jīvaka với cỗ xe hai ngựa đang đi vào Trúc Lâm tịnh xá.

Đức Phật chăm chú lắng nghe thánh y Jīvaka Komārabhacca trình bày tình trạng nguy hiểm do một số bệnh nhân lợi dụng tìm cách giả mạo, trộm tướng xuất gia. Trong số ấy, có một số bệnh được coi là nan y, bất trị; có một số bệnh lại lây lan truyền nhiễm rất nhanh, nếu chư tỳ-khưu không có kiến thức vệ sinh phổ thông thì nguy hại cho cả giáo hội. Xin đức Thế Tôn cho mở lớp học này. Đáng lưu ý nhất là có một số bệnh - phải gọi là bệnh nghiệp mà ông ta đang nghiên cứu - liên hệ đến việc bệnh nhân cần phải thay tâm đổi tánh; phải biết tu tập, phải biết bố thí, trì giới... mới có công năng giải tan ác nghiệp trước đây!

Jīvaka Komārabhacca nói rằng, bọn chúng đa phần do trọng nghiệp thuở trước còn dư sót, tự bản thân lại đang sống trong các ác, bất thiện pháp thì thượng đế cũng không cứu chúng được. Đệ tử lại càng không thể. Muốn thoát khỏi tình trạng hiện nay là phải trả họ trở về nhà...

Chính lúc đang nói chuyện ngang đây thì dân chúng hiếu kỳ đã kéo đến làm huyên náo cả Trúc Lâm. Vị tỳ-khưu thị giả trình bày lại câu chuyện chiếc bát gỗ đàn hương và đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã sử dụng thần thông ra sao. Ngay lúc ấy, tôn giả Mahā Moggallāna cũng vừa dẫn vị đại đức ấy đến đảnh lễ đức Phật và trình diện ngài.

Buổi chiều, sau thời pháp lệ thường, đức Phật giáo giới rộng rãi đến hội chúng, có cả chư vị trưởng lão và đầy đủ cả tăng ni hai viện:

- Chuyện sử dụng thần thông để lấy chiếc bát gỗ quả thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn hạnh. Trước đây, Như Lai thường để cho các vị thượng thủ A-la-hán đã chấm dứt lậu hoặc, đã rỗng không mọi trần cấu – tùy nghi sử dụng các khả năng thắng trí để giáo hóa một số căn cơ nào đó. Nhưng nay thì chuyện gì xảy ra? Tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja dầu có pháp thượng nhân nhưng chưa bước được vào dòng thánh đạo, nội tâm còn nhiều cấu uế, lại muốn chứng tỏ oai lực của mình trước muôn dân thành Vương Xá? Hành động ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ tâm trí còn dục tham, khoa trương, muốn thể hiện bản ngã, là những kiết sử, cấu uế không có trong tâm bậc thánh. Vì chưa cấm đoán, chưa chế định nên tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja chưa phạm lỗi. Nhưng nay thì khác. Từ rày về sau, ngoại trừ một vài vị do Như Lai chỉ định, còn tăng ni hai viện, ai để lộ pháp thượng nhân trước hai hàng cư

sĩ tại gia, trước mọi người thì phạm tội dukkaṭa[1] tức là xấu ác, sái quấy, phải sám hối trước tăng.

Nhìn chiếc bát gỗ trầm láng lẩy, óng chuốt nổi vân đỏ và tỏa mùi thơm, đức Phật tiếp lời:

- Chẳng lẽ nào một sa-môn khất sĩ, xin ăn trước cửa mọi nhà, sống đời tri túc, tri chỉ, bần hàn, vô sản... lại sử dụng chiếc bát trân quý thế kia? Có xứng với phẩm hạnh xuất trần, ly cấu chăng? Có nghe dễ chịu trước tiếng lời của dư luận xã hội chăng?

Tôn giả Mahā Kassapa bạch:

- Thưa đức Tôn Sư! Chính người sử dụng nó đã cảm thấy khó chịu; còn dư luận xã hội thì khỏi nói, họ cười chê, biếm nhẽ, coi khinh không ra gì đâu! Nhân tiện đây, xin đức Thế Tôn cấm chỉ luôn các loại bát vàng, bát bạc, bát các loại ngọc, bát pha lê, bát đồng đỏ, bát thủy tinh, bát thiếc, bát chì, bát đồng thau...[2] mà lác đác đâu đó, ở nơi này và nơi kia, có một số vị tỳ-khưu đã sử dụng.

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Những loại bát mà vị đệ nhất đầu-đà đã liệt kê cũng được phải cấm chỉ như thế. Các hàng trưởng lão phải thông báo rộng rãi điều ấy đi các nơi! Ngưng một lát, nhìn chiếc bát trầm, nhìn qua hướng Jīvaka Komārabhacca - đức Phật tiếp – Còn cái bát trầm đỏ, này ông thần y, nó có phải là thuốc không?

- Đúng vậy, bạch đức Tôn Sư! Nó là dược liệu, ví như ta có thể tinh chế để làm thuốc rỏ mắt cho sáng; nhưng đồng thời cũng là một loại hương liệu quý hiếm nhằm để pha trộn vào các loại thuốc cao, như: cao chữa bỏng, cao đắp đau lưng, cao làm tươi mịn da, cao hút độc, mụt nhọt, cao đắp

---

[1] "Na bhikkhave iddhipāṭihāriyam dessetabbam. Yo dasseyya āpatti dukkaṭassa"- Này chư tỳ-khưu! Như Lai chế định không được biểu diễn thần thông; ai sử dụng pháp thượng nhân sẽ phạm tội tác ác!

[2] Lấy ý từ Tạng Luật, tiểu phẩm (Cūlavagga)II, Sđd.

chỗ xương gãy, cao nhuận tràng, cao ấm phổi... nhiều lắm!

- Ừ! Vậy thì Như Lai trao cái bát quý ấy cho ông để sử dụng vào việc lợi ích.

- Đệ tử sẽ nghiền thành bột để tinh chế thuốc rỏ mắt và các loại cao cần thiết nhất để phục vụ đức Thế Tôn và tăng ni hai viện.

Sau đó đức Phật chế định rằng, chư tỳ khưu, tỳ-khưu-ni chỉ nên sử dụng bát sắt, bát gỗ mít và bát đất mà thôi; ai sử dụng loại bát khác, ngoài chế định, như đã nêu ở trên, là phạm tội dukkaṭa!

Tiếp Chuyện Đức Vua Seniya Bimbisāra

Hôm kia, vào buổi chiều, tiết xuân, đức vua Seniya Bimbisāra, hoàng hậu Videhi, hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế) cùng quan binh tùy tùng hộ giá đến thăm đức Thế Tôn. Đức vua ra lệnh cho dừng xe ở bên ngoài rồi cùng hoàng hậu nắm tay hoàng tử đi lần vào, chậm rãi từng bước một theo lối sỏi. Đức vua đưa mắt nhìn nơi này, nơi khác. Mỗi khi công việc triều chính mệt mỏi, đức vua lại tìm đến đây để hưởng được giây phút an bình. Dẫu không có đức Phật thì có các vị trưởng lão, đức vua có thể tiếp kiến để học hỏi nhiều điều. Hóa ra, các vị này kiến thức cũng thâm uyên, lại có thể cặn kẽ, khúc chiết giảng giải giáo pháp, liên hệ việc đời, việc đạo một cách rất rành rẽ, thông bác...

Trúc Lâm đại tịnh xá càng ngày càng phát triển. Chính đức vua cho viên quan đặc trách kiến trúc của hoàng gia thường lui tới đây, công trình nào xuống cấp, phải tu bổ ngay. Trong thời gian sử dụng, nếu thấy thiếu những công trình phụ cần thiết nào phải trình báo, rồi thưa xin các vị trưởng lão cho thực hiện để phục vụ Tăng chúng kịp thời!

Tin đại chúng tăng ni về an cư mùa mưa đã lâu, đức vua chỉ mới đến thăm viếng một lần, nhưng sau đó thì quá nhiều

bận rộn. Từ khi sống theo giáo pháp, nội tâm đức vua được yên ổn, nội cung và triều đình cũng yên ổn; nhưng đức vua và một số các quan đại thần trẻ lại có những quan điểm bất đồng về chính sách. Họ bảo rằng, luật pháp mà quá khoan thứ thì nhân dân sẽ sinh loạn. Họ nói rằng, giới thanh niên xuất gia quá nhiều thì gánh nặng gia đình lại đẩy qua cho giới phụ nữ. Họ nói rằng, bây giờ phụ nữ cũng được tự do xuất gia nữa thì miếng cơm, manh áo của xã hội lại phải san sớt quá nhiều cho du sĩ, đạo sĩ, sa-môn, bà-la-môn trì bình khất thực - đến lúc nào đó sẽ không còn chịu đựng nổi. Họ nói rằng, của tiền của hoàng gia đổ vào để xây dựng tịnh xá cho tăng ni, trong lúc các công trình cung điện hoàng gia xuống cấp lại chưa được trùng tu. Bức tường bao bọc thành ngoài là công trình an ninh quốc phòng đôi nơi cũng đã hư sập, cũng đang đòi hỏi ngân sách và sức dân. Nếu viện cớ là thời bình, muôn dân phú túc, thịnh cường mà không có chính sách nhìn xa trông rộng ... thì cũng là nguy cơ của triều đại. Cần phải khai thác thêm các mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ vàng.. để một phần dự trữ cho ngân khố, một phần bán ra các nước láng giềng, một phần rèn đúc khí giới, áo giáp... dùng lúc hữu sự! Họ nói có lý quá. Và đức vua cũng đã mệt mỏi quá. Việc này chưa yên đã sinh việc khác. Mấy năm nay, miền bắc sông Gaṅgā liên tiếp được mùa thì phía nam mất mùa; mặc dầu Māgadha (Ma-kiệt-đà) chưa ảnh hưởng gì nhiều lắm nhưng cũng phải kiếm cách thay đổi cây trồng nông nghiệp. Đức vua lại nghĩ khác, năm nay đức Thế Tôn và đại chúng về đây thì Tứ đại Thiên vương phải lo điều ấy. Họ, một số quan đại thần ấy chưa đầy đủ đức tin. Năm nọ, đức Thế Tôn và tăng chúng vừa bước chân đến cửa đông kinh thành Vesāli thì trời liền đổ mưa, hết khô hạn, hết dịch bệnh. Họ duy vật chất quá. Họ lại bảo ta duy tâm linh quá. Họ đâu biết rằng chỉ cần một trận mưa đúng tiết, đúng thời thì mang lại cơm áo cho cả hằng trăm ngàn người. Một hiện

thân của đấng Siêu Việt ở đây là đã hộ trì cho quốc độ, đem đến an bình như thế nào cho bá tánh – chúng có hiểu đâu...

Đức Phật tiếp chuyện đức vua dưới bóng cây ngoài hiên. Trời im mát. Hoàng tử Ajātasattu đã mười tuổi, trông đã chững chạc, tự động đến đảnh lễ đức Phật.

Đức vua tâm sự về công việc bộn bàng ở triều đình, chuyện thời tiết nắng mưa năm qua khá phức tạp, nhưng từ khi đức Thế Tôn về thì bắt đầu dễ chịu, mùa màng chưa đến nỗi nào. Một lát, lại hỏi qua chuyện ni viện đã ổn định chưa? Còn chuyện bệnh nhân trộm mạo tăng tướng xuất gia do Jīvaka kể lại thì giờ như thế nào rồi? Đức vua gợi ý, nếu có chuyện gì giải quyết không được, cần đến hoàng gia thì xin đức Tôn Sư cứ sai bảo.

- Không có gì, tâu đại vương! Số bệnh nhân do Jīvaka phát hiện, các vị trưởng lão ân cần nói chuyện phải trái, họ đã tự động trả lại y bát, hoàn tục, chưa có việc gì đáng tiếc xảy ra.

Đức vua hỏi sang chuyện khác:

- Mới đây dư luận bàn tán khắp nơi về việc một vị tỳ-khưu trẻ đã sử dụng thần thông để lấy chiếc bát trầm đỏ trên đầu đọt tre cao mười tầm thốt nốt; điều ấy là đúng với sự thực hay không đúng với sự thực?

- Quả có vậy!

- Dư luận cũng bảo rằng, đức Thế Tôn đã rầy la việc ấy; và sau đó đã công bố rộng rãi, là cấm chỉ chư tăng để lộ pháp thượng nhân, biểu diễn thần thông trước mắt mọi người?

- Quả có vậy!

- Nghe được điều ấy, mấy hôm nay, trên khắp mọi ngã đường, chúng ngoại đạo[1] gióng trống mở cờ tuyên bố là

[1] Không có nghĩa xấu - chỉ để gọi các tôn giáo, các giáo phái không phải Phật giáo.

thách đấu thần thông với đức Tôn Sư đấy!

- Ừ, Như Lai cũng có nghe.

- Chúng nói rằng, các bậc giáo chủ cao quý của họ, không thể vì chiếc bát tầm thường mà để lộ pháp thượng nhân, lại càng không muốn sinh ra tranh chấp với đệ tử của sa-môn Gotama. Nay tình thế khác rồi. Các giáo chủ của họ muốn đấu pháp lực với chính sa-môn Gotama mà thôi!

- Ừ, Như Lai cũng có nghe như thế!

Thấy sự bình tĩnh, an nhiên của đức Phật, đức vua Seniya Bimbisāra lại cảm thấy lo lắng:

- Đức Tôn Sư đã cấm chỉ rồi! Vậy, chuyến này chúng ta sẽ bị lép vế rồi!

- Không đâu! Đức Phật mỉm cười - Chính Như Lai sẽ sử dụng thần thông để cho họ thấy oai lực bất khả tư nghị của một vị Chánh Đẳng Giác - ngài giải thích thêm – chư Phật quá khứ cũng thường làm như thế, một lần, nhiều loại thần thông khác nhau để nhiếp phục chúng ngoại đạo!

- Thế chuyện cấm chỉ...?

- Này đại vương - đức Phật nói tiếp – nghe nói đại vương có một vườn xoài đặc chủng, quý hiếm nên đã ra bảng yết thị cấm chỉ không cho phép ai được đến vườn xoài, hái xoài – có phải vậy chăng?

- Thưa, đúng vậy!

- Vậy cái bảng cấm chỉ ấy có cấm chỉ đại vương đến vườn xoài, hái xoài; hay đại vương là ngoại lệ, ở ngoài sự cấm chỉ ấy?

- Dĩ nhiên, ông vua thì cứ tha hồ!

- Cũng vậy, tâu đại vương! Như Lai cấm chỉ chư đệ tử, nhưng Như Lai thì ngoại lệ, Như Lai sẽ tùy nghi sử dụng thần thông để giáo hóa sanh chúng!

Đức vua bất giác cười xòa. Một lát, ngài hỏi tiếp:

- Vậy thì lúc nào đức Tôn Sư sử dụng thần thông?

- Đúng duyên, đúng thời thì phải vào đúng ngày rằm

tháng sáu, đầu an cư mùa mưa. Nghĩa là bắt đầu từ hôm nay, đến tháng Asāḷaha, còn gần năm tháng nữa!

- Tại chỗ nào, thưa đức Tôn Sư?

- Tại nước Kosala, kinh thành Sāvatthi, trên một cái cây lớn, có tên là Kaṇḍamba!

Đức vua rất hoan hỷ về buổi tiếp chuyện với đức Phật, nhưng chỉ tiếc là không được xem cuộc biểu diễn thần thông ấy. Lúc từ giã, đức vua hứa sẽ giúp một tay để kiến thiết, sửa sang ni viện cho chắc bền hơn, khang trang hơn. Ra về rồi mà đức vua còn một nỗi niềm canh cánh bên lòng là chưa khuyên nhủ được bà quý phi của mình đến Trúc Lâm để được nghe pháp.

Bà Quý Phi Xinh Đẹp

Đức vua Sineya Bimbisāra và hoàng hậu Videhi – sau khi nghe pháp, đắc quả Nhập Lưu – thì họ có được đức tin vững chắc, có được đời sống thanh bình và an lạc. Mọi câu hỏi, mọi tư duy về đời người đã lần lượt được gỡ rối; mọi khổ ưu, mọi phiền não trong tâm hồn càng ngày càng nhẹ nhàng, yên lặng bớt. Đức vua có một bà quý phi xinh đẹp; tên là Khemā, luôn luôn hãnh diện và tự hào về sắc đẹp của mình - được ông vô cùng yêu mến. Nhưng sau khi học hiểu được giáo pháp, đức vua biết rằng, sắc đẹp của mỹ nhân giống như đóa hoa, một lúc nào đó sẽ nhạt phai, sẽ ố sắc và rữa hương. Chính vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp tinh thần đươc thấm nhuần hương vị của chánh pháp mới không bị hư mục theo thời gian, mà ngược lại, ngày càng được khởi sắc và thăng hoa. Hoàng hậu Videhi bản chất thuần hậu, đoan trang, có vẻ đẹp nội tâm thầm lặng; như một mảnh vải trắng tinh rất dễ nhuộm màu nên sau khi nghe pháp, bà nhẹ nhàng xuôi chảy vào dòng. Chỉ riêng bà quý phi Khemā là không chịu đi nghe pháp. Đức vua đã ân cần dỗ ngon, dỗ ngọt nhiều lần nhưng bà vẫn lắc đầu từ chối. Khi được gặng hỏi lý do thì bà đáp:

- Đức Thế Tôn ấy có ba hai quý tướng và tám mươi vẻ

đẹp, thiếp biết. Đức Thế Tôn ấy toàn hảo mọi đức hạnh, quyền năng, trí tuệ thiếp cũng biết. Thế gian xưng tán ngài là bậc thầy của chư thiên và loài người - thì không ai còn dám hồ nghi. Tuy nhiên, thiếp sẽ không đi!

Khi được hỏi lý do, bà đáp:

- Nghe nói rằng, đức Thế Tôn thường có lời khiếm nhã đối với nữ giới. Ngài coi thường, đôi khi cười chê sắc đẹp của phụ nữ; ngài nói rằng, đẹp gì, quý gì, mỹ miều gì cái bao da đựng thịt, đựng xương mà trang điểm, mà xông hương, ướp phấn, thoa son... Quả là ngài chẳng lịch sự chút nào!

Đức vua thánh đệ tử cười thầm trong lòng, nhưng ngoài mặt lại nói:

- Ừ, ngài nói vậy dù đúng với sự thực, nhưng mà cũng hơi quá đáng. Có được sắc đẹp như ái phi trên thế gian này phỏng có mấy người? Phải tu tập, phải tích lũy vô lượng phước báu mới có được như thế chứ đâu có dễ gì!

Bà Khemā thấy vua đồng quan điểm với mình, cảm thấy rất vừa lòng nên nhướng mày, đắc ý:

- Chứ sao? Vậy sao đại vương cứ nhắc ngày, nhắc đêm bảo thiếp phải đi hầu thăm đức Thế Tôn ấy?

- Có hai lý do - đức vua Bimbisāra chậm rãi, dịu dàng nói - Nàng biết không, Veḷuvanārāma đẹp lắm! Trúc Lâm đại tịnh xá là một nơi khả ái, khả hỷ, khả lạc, phong cảnh nên thơ, hữu tình làm sao! Nó nên thơ, hữu tình nhưng mà lại làm cho tâm hồn ta mát mẻ, trong lành, vô cùng dễ chịu. Người nào đến Trúc Lâm, thấy được Trúc Lâm rồi thì xem như người ấy đã thấy được Hỷ Lâm (Nandavana), thắng cảnh đệ nhất tại cung trời Đao Lợi - là nơi mà Đế Thích thiên chủ thường hay đến ngoạn du, vui chơi với cả hằng ngàn tiên nữ. Đấy là lý do thứ nhất.

- Gì mà đẹp ghê gớm vậy - bà Khemā cau đôi mày lá liễu - Thôi được rồi, vậy còn lý do thứ hai?

- Là vì đức Phật cũng thường hay khen ngợi phụ nữ -

nhưng nàng không biết đấy thôi!

- Quả có thế sao?

- Đúng vậy! Ngài từng nói rằng: Bản chất người nữ tuy hơi mềm yếu, nhưng họ cũng có khả năng thành tựu tri kiến cao thượng, có nền tảng khá vững chắc để phát triển tứ vô lượng tâm. Ngoài ra, giác ngộ, giải thoát, tứ quả, thắng trí, biện tài, phân tích, giới hạnh, thiền định, tuệ giác... họ hoàn toàn không hề thua nam giới. Đấy cũng là lý do mà đức Tôn Sư cho thành lập giáo hội tỳ-khưu-ni - vừa nói lên tiếng nói của một tập thể bình đẳng, dân chủ mà còn là cơ hội tuyên dương nữ giới, xem trọng nữ giới - trong lúc luật Manu trong truyền thống bà-la-môn tự ngàn xưa đã không coi nữ giới ra gì, suốt đời phải lệ thuộc nam giới, lại còn xem rẻ, coi khinh nữa!

- Thế là khách quan, là đúng đắn! Hóa ra từ lâu thiếp chỉ nghe một bên, một chiều... đấy là lỗi lầm, là thiếu sót đáng chê trách của thiếp vậy.

Được đức vua Bimbisāra khôn ngoan thuyết phục nhiều lần như thế, chiều hôm ấy, bà quý phi xinh đẹp của chúng ta không cần quân lính hộ giá, chỉ với mấy cung nga lên một cỗ xe 4 ngựa trắng đến viếng thăm Trúc Lâm. Đến cổng tịnh xá, bà cho dừng ngựa, chậm rãi đi bộ vào. Quả là một khung cảnh tươi xanh, trong lành, mát mẻ. Đây đó thấp thoáng hình bóng các sa-môn áo vàng đang kinh hành hoặc tĩnh tọa dưới các gốc cây, bờ suối. Đâu cũng vắng lặng, yên ả, thanh bình. Tâm hồn bà dường như lặng dịu xuống. Đến một ngã rẽ, bà chợt dừng chân lại. Dưới bụi trúc có hai vị tỳ-khưu còn rất trẻ, tuổi vừa chừng đôi mươi đang an nhiên tọa thiền. Bà lặng lẽ quan sát "hai pho tượng tuyệt tác của hóa công". Họ đẹp quá! Năng lượng của tuổi thanh xuân như phát sáng nơi vừng trán, khuôn mặt và dường như trôi chảy cuồn cuộn nơi từng cơ bắp, trong từng thớ thịt trắng hồng! Một ý nghĩ chợt thoáng hiện trong đầu bà: "Ôi! Tại sao? Tại sao? Cái giáo

pháp này như thế nào mà có thể lôi cuốn cả những chàng thanh niên trẻ đẹp, phải hy sinh cả sự sống cuồn cuộn của tuổi thanh xuân đang hứa hẹn một tương lai tươi sáng bên vợ đẹp, con xinh - để đến đây sống đời viễn ly thế tục? Thật đáng khâm phục thay! Nhìn sự sáng rỡ của sắc mặt, nhìn sự an nhiên tĩnh tại này - thì rõ họ đâu có bi quan yếm thế, mà ngược lại, họ đang an trú một phúc lạc nội tâm nào đó?". Bà quý phi xinh đẹp chợt thở dài, một hơi thở dài rất nhẹ - chỉ như là sự lay động của một cánh hoa trong làn sương sớm. Một tí hổ thẹn thoáng gợn trong tâm tư bà: "Còn mình thì cứ cố mà hưởng thụ, mà thỏa mãn cái tuổi thanh xuân!"

Bà Khemā lần bước theo âm thanh với tám tuyệt hảo của đức Phật từ nhà giảng rộng lớn vọng ra. Xung quanh lặng ngắt như tờ. Bà cảm thấy ở đây rõ ràng là có một thế giới khác mà dường như không hề lây nhiễm một hạt bụi tục lụy nào. Nội tâm bà chợt như bắt gặp được một cái gì từ một không gian tâm linh xưa cũ? Một không khí linh thiêng dập dờn trong ký ức mù sương?

Trong nhà giảng, chư tăng đang nghe pháp. Đức Phật với dung nghi sáng rỡ; với ngôn ngữ trầm, ấm, vang, ngân, sắc, gọn, mạch lạc, sáng sủa... cứ như từng đợt hải triều âm dịu dàng vọng giữa không gian. Người, vật, cỏ cây, mây nước... dường như bị chìm ngập, bị thu nhiếp, bị tan hòa trong biển âm thanh vi diệu ấy. Bà cũng bị cuốn hút bởi một năng lực siêu nhiên nào đó. Bà lặng lẽ quỳ xuống trước ngưỡng cửa nhà giảng. Phía hai bên đức Phật chợt ửng sáng, rồi từ trong đám mây ngũ sắc, hai cô tiên nữ bước ra, dung sắc mỹ lệ, phi phàm. Bà Khemā mở lớn đôi mắt bồ câu, sửng sốt. Đẹp quá. Cả hai vừa tuổi độ trăng tròn, trang sức xiêm y quá sức lộng lẫy, quá sức quý phái, quá sức kiêu sa, quá sức gợi cảm, quá sức mỹ miều... không thể có được trên thế gian này! Bà thật tủi hổ khi từ lâu đã tự hào, kiêu hãnh bởi sắc đẹp của mình. Ôi! Năm vẻ đẹp của giai nhân trần thế

- có nghĩa gì với hai cô tiên nữ này. Đây phải là sự kết tụ tinh anh của ngàn hoa! Đây phải là linh hồn của nữ vương sắc đẹp đang hiện thân trong vóc dáng ngọc ngà kia - ở ngoài cả mọi ý tưởng, mọi ngôn ngữ diễn đạt! Bà Khemā lặng lẽ chiêm ngưỡng không chán mắt. Chợt, một làn gió nhẹ lay động, một màn sương mờ thoáng qua, có sự thay đổi nào đó trên sắc diện cùng vóc ngọc, dáng ngà của hai cô tiên nữ. Ồ! Nó thay đổi rất nhanh! Mới đó mà đã trở thành thanh nữ rồi. Đôi mắt hoa sen ẩn trong màu nước trong xanh vời vợi kia đã có gì đổi khác! Hai bờ môi chín mọng đỏ hồng như quả chà là đã có pha ở đấy một chút gió, chút sương! Làn da trắng mịn như chồi măng non đã mơ hồ có một làn mây nhạt phớt qua. Cặp nhũ đầy đặn, căng tròn như búp sen đã bắt đầu tiêu hao nhựa sống! Cái eo thon thả rồi nở ra cái lưng ong, cái mông ong đã có dấu hiệu chững lại! Và rồi, kìa, có sự thay đổi rất nhanh nữa - đã trở thành thiếu phụ, lão phụ trong một thoáng mắt! Bà Khemā bàng hoàng! Ôi! Còn đâu sắc đẹp thanh tân, trinh bạch, diễm kiều? Còn đâu vóc dáng tơ nõn căng tròn nhựa sống? Hai cô tiên nữ kia, bây giờ chỉ còn là hai cái xác nhăn nheo, nước da sạm đen mốc thếch và sần sùi như làn da cóc. Răng rụng, móm mém, phều phào nước nhớt, nước dãi rỉ ra từ hai bên mép; tóc bạc lốm đốm bụi bẩn, tay chân run rẩy, cái lưng cong gập xuống như cái giàn xay... Còn nữa, cả hai chợt ôm bụng, nhăn nhó, đau khổ, quằn quại - khuôn mặt méo mó, mắt như lồi ra, rên rỉ thảm não... Rồi cả hai bỗng co quắp, đổ ụp xuống, trợn mắt, ngoẹo đầu, tắt thở trong cảnh kinh hoàng, kinh khiếp... Nhìn cảnh tượng ấy, bà Khemā tràn đầy kinh cảm, rởn cả tóc gáy, tự nói với chính mình:"Ôi! Có gì nữa mà tự hào, hãnh diện? Ngươi đã thấy chưa, đã sáng mắt ra chưa hỡi con Khemā si mê, ngu ngốc! Tuổi trẻ, sắc đẹp, vóc dáng thanh xuân rồi sẽ một thoáng qua mau! Bệnh hoạn, già yếu, thống khổ, tử vong... một lúc nào đó như cơn lũ lớn, nó sẽ cuốn

trôi tất cả, phá sản tất cả, diệt mất tất cả. Hãy thức tỉnh đi thôi!”

Đức Phật đã biến hóa ra hai cô tiên nữ, chỉ có ngài, các bậc có thắng trí và bà Khemā thấy - để giáo hóa người đàn bà quý phái. Đúng lúc, bà như vừa tỉnh lại sau cơn mộng dài, đức Phật rót vào tai bà một bài kệ ngôn:

“- Này con! Này Khemā!
Hãy thấy thực cái thân
Cái thân là như vậy đấy!
Rồi nó sẽ già yếu
Rồi nó sẽ nhăn nheo
Rồi nó sẽ xấu xí
Nhớm gớm bởi tạp uế
Dầu có nâng niu, tô vẽ
Dầu có ướp hoa, xông hương
Nó cũng sẽ tàn úa và tử vong
Chỉ có kẻ thiểu trí, mê si
Mới đam luyến, ấp iu cái thân
Hãy tỉnh lại, này con!
Hãy bước vào giáo pháp
Hãy bắt đầu tu tập
Hãy nhàm chán các sắc
Hãy trú thân hành niệm
Hãy quán thân bất tịnh
Từ bỏ mọi say đắm
Cả bên trong, bên ngoài
Hãy thấy dòng bộc ái
Cuốn trôi bao chúng sanh
Con nhện tự dệt lưới
Tự mình sa vào tròng
Hãy cắt đứt buộc ràng
Hãy thoát ly ái niệm
Với đời sống xuất gia

Tầm cầu chân hạnh phúc!”

Bài kệ vừa kết thúc, bà Khemā đi vào giảng đường bằng đầu gối rồi quỳ sụp xuống, gục khóc lặng lẽ, không thốt nên lời. Do căn cơ sâu dày, bà đã chứng quả Nhập Lưu. Sau đó, để cho cảm xúc lắng xuống, bà Khemā tri ân thời pháp bất tử, tri ân phương tiện thiện xảo; với tâm đại bi, đức Phật đã cho bà uống một liều thần dược để tỉnh giấc mộng đam mê, luyến ái cái thân bất tịnh... Cuối cùng, bà xin được sám hối với đức Phật, với giáo pháp, với chư tăng thánh hạnh...

- Thôi được rồi, đủ rồi, Khemā! Như Lai xác chứng cho bà, từ nay đã rửa sạch cát bụi trong mắt.

Trở về hoàng cung với một con người hoàn toàn tươi mới, bà quý phi xinh đẹp tìm gặp đức vua Bimbisāra, hoan hỷ thốt lên:

- Thật là tuyệt vời, hiền huynh ơi!

Nhìn vào đôi mắt rạng rỡ như có hào quang của người thiếp yêu, đức vua nói:

- Quả là kỳ lạ quá sức! Hôm nay nàng lại gọi ta là hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Thế là đã có một cuộc chuyển hóa vĩ đại sau khi hiền muội ghé thăm Trúc Lâm đại tịnh xá - đẹp như công viên Hỷ Lâm của cõi trời Đao Lợi chăng?

- Hơn cả thế nữa, này hiền huynh yêu quý!

Thế rồi, huynh muội họ tâm sự với nhau. Bà xin phép được xuất gia. Đức vua hiền thiện chấp tay lên đỉnh đầu, tán thán:

- Hiền muội ngỡ là đi sau ta - mà hóa ra đã đi trước một bước trong giáo pháp thanh tịnh rồi! Ôi! Quý hóa thay! Lành thay!

Duyên Xưa, Lối Cũ

Mấy ngày hôm sau, bà quý phi xinh đẹp đến xin xuất gia tại ni viện trên một cái võng bằng lưới vàng với một trăm thị nữ theo hầu, có đức vua, chánh hậu Videhi, các quan đại thần, các vị công nương... cùng đến tham dự cuộc lễ. Đức Phật đích thân chứng minh, các vị trưởng lão làm lễ thụ giới cho nàng trước sự chứng kiến của tăng ni hai viện, triều đình cũng như hai hàng cư sĩ.

Niềm vui thanh cao, thánh thiện làm cho khuôn mặt của đức vua như tỏa hào quang, ông rộng tay mở kho tàng, đặt bát cúng dường suốt bảy ngày, gồm đủ mọi lễ phẩm phụ tùy đến đức Phật và tăng ni - để kỷ niệm ngày mừng vui trọng đại của hoàng gia. Đức vua hiền thiện này còn làm một nghĩa cử cao đẹp là lập bốn trại chẩn bần bên ngoài bốn cổng thành để bố thí cho những người nghèo khổ, cơ nhỡ, già cả, neo đơn... Ngoài ra, mọi châu báu, tư trang, tư dụng của bà quý phi đều được ủy thác cho đức vua và hoàng hậu để kiến thiết, chỉnh trang các tịnh xá trong kinh thành.

Sự kiện hy hữu này, tăng ni cứ bàn tán mãi, chẳng rõ do nhân duyên kỳ lạ nào mà bà quý phi chỉ nghe một thời pháp, đã có thể từ bỏ tức khắc mọi vinh hoa phú quý thế tục để sống đời một nữ khất sĩ bần hàn!

Biết được mối nghi hoặc trong lòng của mọi người, tôn giả Sāriputta thỉnh đức Phật vén mở bức màn mù sương các kiếp tử sinh của bà quý phi để tăng trưởng đức tin cho hàng tỳ-khưu hậu học. Thuận theo mọi người, đức Phật đã kể chuyện tương đối đầy đủ, như sau:

- Cũng là duyên xưa, lối cũ thôi, này các thầy tỳ-khưu! Bà Khemā này có duyên căn rất thâm hậu. Kể từ thời đức Phật Padumuttara, cô sinh ra làm một nô tỳ cho một gia chủ trong thành phố Haṃsavati. Đời sống cô rất nghèo hèn và cơ cực. Tuy nhiên, dung sắc cô rất đẹp, diễm kiều, khả ái; nhất là mái tóc đen dài, óng ánh, mượt mà thả xuống gót chân... Duyên may, hôm nọ, thấy trưởng lão Sujatā - vốn là đại đệ tử của đức Phật Padumuttara - với nghi dung sáng rỡ, với lục căn thanh tịnh đang thong dong, tự tại trì bình khất thực nơi xóm nhà ven lộ. Phát khởi tâm tịnh tín, nhưng không có tiền, chỉ có vài xu lẻ, đủ để mua một chiếc bánh ngọt - cô thành kính đặt bát cúng dường! Với trí tuệ, với thắng trí, trưởng lão thoáng nhìn đã thấy, biết nhân, duyên và quả ở cô thí chủ này, nên ngài dịu dàng cất tiếng nói:

- Vật thí tuy nhỏ nhoi, nhưng tâm cô thành kính, tịnh tín nên nó đẹp lắm, quý lắm! Cô có ước nguyện gì không?

- Thân phận con bé mọn, thấp thỏi, đâu dám ước nguyện gì; chỉ mong rằng, một kiếp nào đó, trong tương lai, có cơ duyên được đời sống xuất gia nhẹ nhàng, thanh thoát như tôn giả vậy.

- Cô sẽ có cơ duyên thù thắng và rồi sẽ được như nguyện.

Được sự động viên, khích lệ như thế - nên khi nào hễ có dịp là cô lại đặt bát cúng dường, dù chút ít nhưng không mệt mỏi, bao giờ cũng hoan hỷ và mát mẻ. Trong một cuộc cúng dường lớn lên đức Phật và chư tăng, không biết bao nhiêu là vua chúa, quan lại, triệu phú, doanh gia... với tiền rừng, bạc bể, lương thực, thực phẩm như núi, thượng vị loại cứng, loại

mềm... Cô rất hổ thẹn vì thấy mình không có gì. Chợt nghĩ đến tài sản quý báu là mái tóc đẹp, hiếm có; cô gái, không ngần ngại, cắt ngay mái tóc đem bán. Người chủ tiệm cửa hàng trang điểm, là một con người không có lương tâm; biết mái tóc này là cực quý; nhưng nhìn thấy cô gái nghèo hèn, thuộc giới cấp thấp cổ, bé miệng, nên chỉ trả cho hai đồng tiền vàng mà thôi! Lại còn miệng lưỡi đãi bôi, nói là cám cảnh hoàn cảnh của cô nên đã mua với giá rất cao! Cô gái không buồn về chuyện ấy, bèn hối hả sắm sanh lễ phẩm để chung hội thí với mọi người!

Đức Phật với thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thuần tịnh siêu nhân - ngài biết tất cả việc xảy ra. Sớm hôm ấy, đức Phật ôm bát, không dừng lại nơi chỗ phú quý của vua chúa, không dừng lại nơi chỗ cao sang của các quan đại thần; và bỏ qua thượng phẩm của tất cả triệu phú, doanh gia, các đại gia chủ - để đi đến nơi mâm vật thực nghèo nàn của cô gái. Mừng đến nỗi nước mắt cứ giọt ngắn, giọt dài - cô gái trân trọng đặt bát cho đức Thế Tôn trước hằng ngàn đôi mắt ngưỡng mộ lẫn ghen tỵ của mọi người. Để cho phước báu của cô gái càng thêm viên mãn, đức Phật bảo thị giả xếp gấp tấm tăng-già-lê làm bốn trải lên nền đất rồi ngài ngồi xuống, an tĩnh, thanh tịnh độ thực ngay tại chỗ. Cô gái quỳ xuống, chấp tay hầu một bên.

Đặt bát cho chư tăng đại chúng xong, mọi người quây quần lại xin cô gái chia phước. Cô vui mừng lắm, nhưng không biết chia phước ra làm sao. Đức Phật mỉm cười, ân cần dạy rằng:

- Con thành kính chấp tay lên, đặt ngay nơi chỗ trái tim của mình - làm thế nào để cho ngôn ngữ, tâm hồn và ý nghĩ kết hợp làm một, rồi nói như thế này: "Tôi rất hoan hỷ, đại hoan hỷ chia phước đến cho tất thảy mọi người". Con biết tại sao không? Phước như ngọn đèn. Con đang có một ngọn đèn sau khi cúng dường đến Như Lai. Ngọn đèn ấy, nếu con

cho một trăm người thắp, ngàn người thắp thì ánh sáng đèn cứ thế mà lan tỏa ra mãi; nhưng ngọn đèn trong tay con vẫn không hao hụt, không suy suyển một chút nào. Nó vẫn nguyên vẹn!

Thế rồi, sau khi cô gái chia phước, mọi người đồng rân hô lớn, lành thay, làm cho cả đại địa và các tầng trời cũng phải rung rinh.

Vị đại vương chí tôn kinh thành Haṃsavati nghe chuyện cô gái, rưng rưng cảm động, xiết bao thương quý - chiều ấy, cùng hai thị vệ, hỏi đường, tìm đến thăm tận nhà. Ngạc nhiên thấy cô gái đẹp quá, lại ở trong cái chòi rách nát với một cậu em trai. Đức vua trẻ thấy trái tim rung động, không muốn giấu giếm thân phận mình, nói thật với cô gái và muốn rước cô gái về cung. Cô gái thấy chàng trai cao sang, tuấn tú cũng nghe lòng mình bồi hồi, xao xuyến. Có gì lạ đâu, họ đã từng là vợ chồng trong nhiều kiếp quá khứ rồi! Lạ thay, khi cô gái vừa cúi đầu xuống, hổ thẹn, ngầm ý chấp thuận thì mái tóc của cô ta dài ra như cũ. Đức vua trố mắt nhìn. Chỉ có đức Phật và các bậc có thắng trí mới biết phép lạ ấy có được là bởi Đế Thích thiên chủ. Hôm ấy, khi cô gái cắt bán mái tóc thanh xuân, mua vật thực cúng dường đức Phật và được đức Phật thọ nhận rồi độ thực ngay tại chỗ - thì tại Đao Lợi thiên cung, tảng đá vàng làm ngai ngồi của ông chợt nóng ran lên. Đây là dấu hiệu, lúc nào tại nhân gian có ai đó làm phước, mà phước báu ấy rất cao thượng, lúc trả quả, có thể thắng trội, vượt trội - có thể chiếm lĩnh ngay cả ngai vàng của ông ta. Dùng thiên nhãn ngắm nhìn, Đế Thích thấy biết ngay, nên ông đã ra tay ban chút phép mầu cho cô gái được lấy lại mái tóc đẹp của mình trước khi se duyên về cung với đức vua! Sau đó, cô gái được vua phong làm quý phi, sống một cuộc đời yên ấm, vương giả.

Một lần nọ, khi thấy đức Phật tuyên dương một tỳ-khưu-ni sáng chói đệ nhất về trí tuệ, bà đã ước nguyện sau này sẽ

sở đắc như vậy. Và đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho bà được như nguyện.

Hết kiếp sống ấy, do nhờ tâm tịnh tín và phước báu thù thắng ấy, cô ta luân chuyển trong các cõi trời và người với hạnh phúc sang cả và thù thắng, luôn là hoàng hậu, chánh hậu, vương phi các vị vua trời và các đức Chuyển luân Thánh vương.

Đến thời Phật Vipassī, bà được xuất gia trong giáo pháp này, nổi tiếng là một tỳ-khưu-ni có trí phân tích với ngữ ngôn tinh tế, trong sáng kiêm cả tài hùng biện.

Đến thời Phật Kakusandha, cô thác sanh trong một gia đình cự phú, biết bố thí, trì giới, có đức tin thiêng liêng với Tam Bảo, đã xây dựng một trú xứ vĩ đại, khang trang, đẹp đẽ để cúng dường đến đức Phật và mấy chục ngàn Tăng chúng có chỗ tĩnh cư.

Đến thời Phật Koṇāgamana, tâm tịnh tín và sự bố thí cúng dường của cô vẫn đi theo ước nguyện cũ, vẫn là những đại tịnh xá, đại lâm viên cho đức Phật và giáo hội.

Đến thời Phật Kassapa, bà tên là Samanī, là trưởng công chúa con đức vua Kikī nước Kāsi, kinh thành Bārāṇasī - đã khẩn khoản xin xuất gia nhưng không thuận duyên, do hai thân không cho phép. Thế là bảy chị em, gồm Samanī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyika, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyika sống trong những cung điện nguy nga tráng lệ. Tuy nhiên, do căn tu nhiều đời, họ thường hay đi nghe pháp, sống rất có giới hạnh và bố thí cúng dường không mệt mỏi...

Này các thầy tỳ-khưu, đừng tưởng vị trưởng công chúa Samanī ấy là ai, chính là bà Khemā hiện nay đấy. Do nhân duyên nhiều đời như vậy, một thời gian sau, chắc chắn bà sẽ đắc quả A-la-hán, đồng thời sẽ sở đắc tất cả mọi thành tựu từ ước nguyện cũ. Ngoài những thắng trí, ngôn ngữ, biện tài, tỳ-khưu-ni Khemā sau này sẽ là bậc trí tuệ đệ nhất trong

hàng ni chúng. Tự bà sẽ lấy lại phẩm vị từ ước nguyện xưa của mình - khi quỳ dưới chân đức Phật Padumuttara, đã được ngài hứa khả - vào thời giáo pháp hiện nay của Như Lai!

Đại chúng thở phào, nhẹ nhõm - và thế là đức tin, thêm một lần nữa được xác lập, được củng cố, tăng trưởng.

Tôn giả Ānanda chợt thưa hỏi:

- Thế sáu vị công chúa đã từng nghe pháp, bố thí, cúng dường, sống rất có giới hạnh thuở ấy - họ lưu lạc phương trời nào, cảnh giới nào rồi, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật mỉm cười:

- Lại duyên xưa, lối cũ mà về. Họ đang có mặt đầy đủ ở đây cả rồi!

Đại chúng ngơ ngác. Có người, bất giác đưa mắt nhìn ngược, nhìn xuôi!

Đức Phật lại tiết lộ bí mật một chút:

- Đời này, họ đã sanh ra, và trước sau họ đều tao ngộ trong giáo pháp. Riêng cô công chúa út, rồi các thầy sẽ gặp thôi, không lâu đâu!

Đại chúng thỏa mãn vì câu chuyện thật hay, thật cảm động ấy; và ấn tượng mà họ ghi nhớ nhất - là cô gái nghèo khổ đã tự cắt bỏ mái tóc thanh xuân của mình, đem bán để mua thực phẩm cúng dường!

Lúc mọi người giải tán hết thì tôn giả Ānanda cứ lẽo đẽo theo sau tôn giả Mahā Moggallāna để hỏi cho kỳ được 6 cô công chúa còn lại là ai, tên là gì, hiện họ đang ở những đâu?

Tôn giả Mahā Moggallāna biết rất rõ như sau: "Samaṇagutta xưa, bây giờ là Uppalavaṇṇa; Bhikkhunī xưa, bây giờ là Paṭācārā; Bhikkhudāyika xưa, bây giờ là Kuṇḍalā; Dhammā xưa, bây giờ là Kisā-Gotamī; Sudhammā xưa, bây giờ là Dhammadinnā" - nhưng ngài chỉ cười, khẽ nói:

- Đức Thế Tôn chưa kể câu chuyện còn lại - là có lý do của ngài - tôi là ai mà dám bước qua giới hạn ấy? Hiền hữu

chỉ cần biết rằng, họ đều còn đang lưu lạc ở trong đời, còn đang nếm đủ mọi mùi vị ngọt ngào cũng như đắng cay của cuộc sống, khi chưa dứt nghiệp. Nhưng sau này, họ đều là những vị tỳ-khưu-ni đạo cao đức trọng, sáng chói trong rừng Ni chúng! Đức Phật không đã từng dạy từ đầu, rằng là, ai nấy đều cứ theo **duyên xưa, lối cũ** mà về, đó sao!

Nói thế cũng bằng không! Tôn giả Ānanda xịu mặt xuống, trông sao mà dễ thương, dễ mến đến vậy!

Thần Thông
Cảm Hóa Ngoại Đạo

It hôm sau thấy thời tiết khô nhẹ, đức Phật bàn giao công việc ở Trúc Lâm cho một số các vị trưởng lão, ngài và đại chúng tỳ-khưu lại làm một chuyến du hành về phương bắc. Ngài lần lượt theo đường bộ hành thương mãi đến thị trấn phồn vinh Pāṭaligāma, vượt sông Gaṅgā đến Vesāli, ghé thăm Mahāvana. Tại Sảnh Đường Nóc Nhọn, đức Phật ở lại đây mấy hôm để giáo hóa chúng tăng ni hai viện. Ngài lại phải chế định tạm thời một số giới điều để đối trị những xấu ác phát sanh. Có những việc thật không đáng, nhất là tại ni viện, khi các trưởng lão ni về an cư tại Trúc Lâm. Ai ngờ có những cô ni lại tích trữ tỏi, tích trữ dầu ăn, tích trữ một số cao mỡ làm đẹp da, tích trữ dù, dép... Từ khi bà kỹ nữ Ambapālī được đức Phật cho phép hộ độ ni viện thì khuôn mặt và sinh hoạt ở đây có nhiều thay đổi. Hễ thấy ni chúng cần gì thì bà cho xe chở đến. Nhất là vải vóc – vì chư ni ít khi có đủ năm y [1] để thay đổi. Thế là có người tích trữ vải, sử dụng rộng rãi cho mình rồi còn câu dụ tặng cho người khác để nhờ vả hoặc trao đổi chuyện gì đấy! Đôi khi chỉ là

[1] Tăng 03 y, nhưng Ni phải 05 y: Nội, ngoại, lót (samkacchika - yếm), y tắm và y hai lớp để đắp.

sai vặt hoặc giặt y bát giùm, đi bát giùm...

Dịp này, bà kỹ nữ Ambapālī xin được xuất gia tỳ-khưu-ni. Đức Phật đã đích thân làm lễ cho bà thọ cụ túc giới có sự tham dự đông đảo của các hàng trưởng lão. Bà khởi tâm cúng dường đặt bát suốt bảy ngày, đầy đủ những vật dụng phụ tùy đến tăng ni hai viện...

Rời Mahāvana, thấy Vesāli thịnh vượng, đời sống chư tăng ni đã đi vào ổn định, đức Phật lần lượt ghé qua tiểu bang Videha, Moriya, Mallā... thì gặp lại các trưởng lão Kāḷudāyi, Bhaddiya, Devadatta... đang du hóa ở vùng này. Đức Phật ân cần thăm hỏi. Thấy ai cũng sạm đen, phong trần nhưng toát ra sự trưởng thành, chững chạc. Đức Phật quan tâm Devadatta nhiều nhất vì ông ta tuy có ngũ thông, có một hội chúng đệ tử đông nhất nhưng chưa bước vào dòng thánh đạo.

- Đệ tử sẽ cố gắng, thưa đức Tôn Sư! Devadatta nở nụ cười có vẻ mãn nguyện – Tuy không thể so sánh với các vị huynh trưởng, nhưng đệ tử hoằng pháp cũng có được một chút lợi ích, được một vài thành quả khiêm tốn!

- Hãy nhớ đấy, Devadatta! Khi chưa vào dòng thì bất cứ năng lực thù thắng nào rồi cũng sẽ bị thối thất!

Lên đường rồi, đức Phật mới nói với hai vị đại đệ tử:

- Hãy tìm cách giúp đỡ Devadatta! Ông ta mà có đệ tử và đồ chúng đông chừng nào thì những kiết sử, tùy miên chúng sẽ khởi phát, sẽ duyên sanh chừng đó! Hiện tại ông ta đang tự đắc, tự mãn đấy!

Đức Phật mới đến được địa phận nước Koliya thì tin ngài sẽ trổ pháp lực thần thông đã bay đến Sāvatthi rồi! Mọi giới xôn xao bàn tán. Và cao độ nhất là sáu phái ngoại đạo từ Vương Xá lũ lượt theo chân đức Phật, qua Vesāli, kéo thêm đệ tử và chúng đồ ở đây, rồi rầm rộ lên phương Bắc. Chuyện đức Phật nói chuyện sẽ trổ pháp lực thần thông vào

rằm tháng Āsāḷha[1] tại Sāvatthi trên cây "Kaṇḍamba" đã đến tai họ. Chuyện dễ hiểu thôi. Đức vua nói chuyện với vài viên cận thần thân tín, các vị này cũng chỉ nói nhỏ, nói lại với vài người quen - thế rồi, chuyện thêm mắm, thêm muối lan vào tai mọi người còn nhanh hơn gió chuyển. Một vài vị giáo chủ hoặc đệ tử lớn của họ với tâm địa không được tốt, sợ tổn hại uy tín cho giáo phái của mình nên đã tìm cách ngăn chặn. Khi nghe đức Phật sẽ trổ thần thông trên cây Kaṇḍamba, họ chưa biết rõ là cây gì nên đã cho một số thuộc hạ nhanh chân đến Sāvatthi liên lạc với các giáo phái ngoại đạo ở đây để nhờ họ tìm hiểu. Các vị hiền triết, học giả thông thái nói rằng, cả kinh thành Sāvatthi không có cái cây nào được gọi là Kaṇḍamba cả. Tuy nhiên, có một nhà ngôn ngữ học dè dặt và cẩn trọng nói rằng:

- Sa-môn Gotama là bậc thông tuệ. Tuy nhiên, tôi chưa được nghe chính xác qua lỗ tai của mình về cái từ ấy nên tôi chưa dám quyết đoán. Nếu đúng là Kaṇḍamba thì không có tên cây ấy, chủng loại, họ hàng cũng không. Nhưng nếu "gượng" mà chiết tự ra – thì ta có Kaṇḍa và amba. Kaṇḍa có nghĩa là cong, là một phần, cọng, nhánh. Amba là cây xoài. Vậy Kaṇḍamba có thể là cây xoài cong đặc biệt nào đó hoặc một nhánh, một phần của cây xoài vĩ đại nào đó! Đây chỉ là một gợi ý thô thiển và què quặt, xin chư vị cứ nghiên cứu!

Kiến giải thận trọng của nhà ngôn ngữ học là đúng, là tốt nhưng đưa đến hậu quả vô cùng tai hại. Suốt thời gian sau đó, đồ chúng ngoại đạo đi lùng sục khắp kinh thành, hễ thấy cây xoài nào to lớn, cong, đặc biệt là chúng đốn bỏ, chặt phá hết. Nếu đụng đến vườn xoài của các danh gia vọng tộc, phú hộ, người tai mắt... là chúng xin mua, bồi thường hoặc hăm dọa nếu không thỏa nguyện. Hành động ấy quả

[1] Khoảng tháng 6, 7 ta.

thật là thô lỗ, đầy bạo lực ngu ngốc, đáng thương xót thay!

Cơn bão chặt xoài tràn qua kinh thành thì tăng chúng Kỳ Viên cũng bàng hoàng, ngơ ngác, không hiểu chuyện gì. Hai hàng cư sĩ áo trắng tìm đến Kỳ Viên thưa hỏi các vị trưởng lão nguyên nhân và sự thật. Hoàng thân Kỳ-đà và trưởng giả Cấp Cô Độc cũng cảm giác bất an! Một bậc có thắng trí và không còn lậu hoặc đành phải ân cần phủ dụ:

- Chư vị hãy an tâm. Không những an tâm mà còn sẽ được chứng kiến oai lực vô song của đức Chánh Đẳng Giác nhiếp phục ngoại đạo.

Mọi người thở phào.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tò mò:

- Vậy cây Kaṇḍamba là cây gì? Có phải là những cây xoài mà chúng ngoại đạo đang chặt phá, đốn bỏ không?

- Ừ! Họ đúng một nửa! Cũng là cây xoài, nhưng cây xoài mà đức Phật sử dụng thần thông ấy, chưa có mặt trên thế gian này!

Nói vậy xong là vị ấy cười cười bỏ đi vì "thiên cơ bất khả lậu" mà!

Đức Phật và đại chúng đã ghé Kỳ Viên trước mùa an cư sáu ngày. Buổi sáng, ngài và tăng chúng đi khất thực một vòng quanh thành Sāvatthi (Xá-vệ), xem như không có gì xảy ra. Buổi chiều ngài thuyết pháp cho hai hàng cư sĩ tại giảng đường, buổi tối dành cho hội chúng tỳ-khưu. Khuya, canh hai, thiên chủ Đế Thích, Tứ đại thiên vương cùng với thiên chúng đoanh vây đến để nghe pháp. Khuya nữa là phạm thiên, phạm chúng thiên. Khu rừng Kỳ Viên sáng rực một góc trời, đêm này sang đêm khác như thế.

Khi ngoại đạo cho xây dựng từ nơi này sang nơi khác những cái đài cao rộng, bề thế với vẻ lộng lẫy đầy ngổ ngáo, phô trương... thì đức Phật không làm gì cả. Một vài đệ tử lớn của họ có vẻ nóng nảy, bồn chồn, hỗn láo, tuyên bố rằng: "Ông sa-môn Gotama bỏ cuộc rồi, không dám thi đấu thần

thông! Vậy thì hãy cút xéo đi!" Một số vị tỳ-kheo còn phàm tục bực tức không chịu nổi, đến đảnh lễ chư vị trưởng lão, xin cho biết hư thực. Tôn giả Mahā Moggallāna (Đại Mục-kiền-liên) mỉm cười: "Các ông yên trí đi! Hãy nói với chúng rằng, đúng ngày rằm tháng sáu, đức Tôn Sư sẽ biểu diễn thần thông lực ở nơi cây Kaṇḍamba!". "Nhưng chúng chặt hết rồi mà!" "Chưa, cây ấy đức Tôn Sư chưa trồng!" Nói vậy cũng bằng không! Họ đến vây quanh tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất). Tôn giả mỉm cười chỉ qua ngài Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp); rồi cứ thế, các vị thượng thủ A-la-hán chỉ quanh. Cuối cùng, một vị sa-di A-la-hán có năm thắng trí, tuyên bố rằng: "Rất tiếc, đức Tôn Sư đã cấm chỉ, chứ trong hàng đệ tử, không phải một, không phải hai, mà hằng trăm, hằng ngàn đệ tử cháu chít của ngài cũng thừa khả năng hí lộng thần oai nhiếp phục ngoại đạo!"

Chiều hôm đó, đức Phật mới chính thức xác nhận:

- Đúng như con trai nhỏ tuổi của Như Lai đã nói. Vậy thì vào buổi sáng ngày mười lăm, trên cây Kaṇḍamba, trước cổng thành kinh đô Sāvatthi, Như Lai sẽ biểu diễn thần thông ở đấy!

Đến ngày, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu vẫn đi trì bình khất thực như thường lệ. Sau khi đi qua một số ngả đường, vật thực vừa đủ dùng, đức Phật hướng về cổng kinh thành Sāvatthi. Trên và dưới các đài cao chỗ này chỗ kia, các giáo phái ngoại đạo tập trung dày đặc người. Còn hai hàng cư sĩ và dân chúng, sau khi đặt bát cho đức Phật và tăng chúng thì họ liền kéo nhau đi ở bên sau. Nhà nhà đóng cửa. Chợ không đông. Ôi! Cả rừng người. Cả biển người.

Khi đức Phật càng tiến dần từng bước chân một đến cổng kinh thành thì ngoại đạo và dân chúng càng tò mò, hồi hộp theo dõi. Vì rõ ràng, trước cổng kinh thành có hai cây xoài to thì ngoại đạo đã chặt rồi, hiện chẳng còn cây nào. Riêng vườn xoài của hoàng gia thì chúng không dám, vả lại,

chúng không phải là trước cổng!

Đến gần cổng kinh thành, tại một khoảng trống, đức Phật dừng chân lại. Và cách đứng, cách ôm bát của ngài như có vẻ chờ đợi ai đó đặt bát? Và quả đúng thế. Sáng sớm nay, người trông coi vườn xoài của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) phát hiện trong vườn xoài một trái xoài chín, to, rất đặc biệt, thơm lừng! Ông hái trái xoài ấy, đựng trong giỏ tre có lót rơm, định đem dâng cho đức vua Pāsenadi. Ông không biết việc gì đang xảy ra ở xung quanh. Khi hối hả bước ra khỏi vườn xoài thì trước mắt, ông trông chư tăng vàng rực như một đám mây vàng. Thấy đức Phật ôm bát đứng, ông ta suy nghĩ rất nhanh: "Nếu dâng cho vua thì mình được khen thưởng ngay tức khắc năm bảy đồng vàng gì đấy! Quý báu gì! Ăn là hết liền! Chi bằng dâng cho đức Phật mình sẽ được nương tựa phước báu nhiều đời!" Nghĩ là làm liền, ông thành kính đặt trái xoài quý báu kia vào bát cho ngài!

Trước hằng ngàn cặp mắt đang chăm chăm quan sát, đức Phật bảo tỳ-khưu Nāgita [1] thị giả trải tọa cụ giữa nền đất rồi an nhiên ngồi xuống tại chỗ. Ngài lại bảo tôn giả Sāriputta thông báo với đại chúng là tùy nghi thọ trai ngay tại đây. Đức Phật thọ dụng trái xoài, trao hạt xoài cho người làm vườn, ngài nói:

- Này Kaṇḍa! Trong cái giỏ của ông có một con dao, hãy dùng cái dao ấy, đến chỗ đất còn trống kia, đào một cái lỗ rồi đặt hạt xoài này vào đấy!

Không biết chuyện gì nhưng người làm vườn vẫn nghe lời. Sau đó, đức Phật rửa tay, rảy nước lên hạt xoài vừa gieo rồi nói:

- Này đại chúng tỳ-khưu! Người làm vườn này có tên là

[1] Đức Phật có 5 thị giả chưa chính thức thay đổi nhau, đó là Nāgasamāla, Nāgita, Sunakkhatta – hoàng tử dòng vua nước cộng hòa Licchavī - Sāgata, Meghiya. Tôn giả Ānanda chỉ được đề cử chính thức sau hạ thứ 20 tại Kỳ Viên đại tịnh xá.

Kaṇḍa, ông ta đích thân gieo một hạt xoài (amba); vậy cây xoài này có tên là Kaṇḍamba. Và hãy xem! Điều Như Lai nói là đúng với sự thực! Như Lai sẽ hiển lộ thần thông lực ngay tại cây xoài Kaṇḍamba này!

Tin được lan đi, mọi người đổ xô quây quần lại, hóa ra cái cây có tên Kaṇḍamba là như thế này đây! Các vị có thắng trí thì do biết rồi nên họ chỉ mỉm cười. Riêng chư tăng không có thắng trí thì tò mò, ngạc nhiên, chăm chú nhìn! Đức vua Pāsenadi mấy hôm trước cũng đã nghe tràn tay về chuyện chặt xoài; và triều thần cũng đã bàn tán về câu chuyện của sáng hôm nay. Thế là, khi đức Phật tuyên bố về tên cây xoài thì đức vua Pāsenadi cùng các quan quân hầu cận cũng đã đứng chật vòng trong, vòng ngoài xem chuyện lạ.

Ngay lúc ấy, hạt xoài nẩy mầm, đất nứt, một chồi cây trắng nõn vươn lên, gặp ánh nắng nó trắng xanh, xanh non, xanh biếc... vươn lên, thành cây, có cành, có nhánh, có lá xanh mơn mởn, xanh nhạt, xanh đậm. Rồi cứ thế, trước mắt mọi người, cây xoài chợt biến hóa như trò ảo thuật. Cây xoài đã lên cao chừng 50 cùi tay, cội cành gân guốc... to lớn chưa từng thấy; rồi nó đơm hoa, nẩy trái dầy đặc, chín mọng, thơm lừng cả một vùng!

Cả không gian lặng ngắt, rồi tiếng mừng vui la hét rầm trời: Mọi người tán thán, ca tụng thần thông lực của đức Thế Tôn! Đức vua Pāsenadi bước ra, chắp tay xá lễ:

- Nghe tiếng sa-môn Gotama đã lâu nay tôi mới được hân hạnh diện kiến ngài - Chăm chú nhìn đức Phật một hồi, đức vua mỉm cười tiếp - Nghi dung, tướng mạo của ngài, đẹp quá, cao sang, quý phái quá - phải là hiện thân một đức Chuyển luân Thánh vương mới đúng!

- Đại vương đã quá khen! Rồi chỉ cây xoài, đức Phật tiếp – Bao nhiêu cây xoài lớn trong kinh thành, một số người thiểu trí đã chặt phá hết, nay Như Lai sẽ tặng lại cho đại

vương, kinh thành, quốc độ một gốc xoài quý nhất, ngon thơm nhất – có tên là Kaṇḍamba - hãy nên gầy giống nó để ươm trồng các nơi, đem lại lợi lạc cho nhiều người, cho các giai cấp, cả giới cùng đinh trong xã hội nữa - không nên phân biệt - vì họ cũng đều là thần dân của ngài, thưa đại vương!

Đức vua và triều thần đều cảm kích, cung kính gật đầu, tuân mệnh.

Chuyện kể rằng, sau đó, tại cây xoài này, rất nhiều cận sự nam nữ hai hàng xin phép đức Phật được sử dụng thần thông, như cận sự nam Cūla Anāthapiṇḍika (Em ruột của trưởng giả Cấp Cô Độc), cận sự nữ Gaharaṇīnandamātā - đều là bậc Bất Lai (Anāgāmī - A-na-hàm)- nhưng đức Phật không cho phép! Rồi sau đó, đức Phật đã sử dụng thần thông làm một chiếc cầu bằng ngọc nằm vắt ngang giữa hư không, biểu diễn thần thông biến hóa[1], thần thông Yamaka[2], thần thông Lokavivaraṇa[3], và cuối cùng là thần thông với hào

---

[1] Trên chiếc cầu ngọc, ngài kinh hành qua lại, lần lượt hiện ra một vị đang đi, một vị đang thuyết pháp, hai vị đang vấn đáp, một vị đang tọa thiền, một vị đang nằm nghỉ nghiêng lưng, một vị đang đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Rồi thoáng chốc, hằng trăm ngàn vị Phật với những oai nghi hoàn toàn khác nhau đồng hiện hữu...

[2] Tức là thần thông song đôi, song hành. Thần thông này chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới thực hiên được, vì trong một lúc phải nhập định hai đề mục nước và lửa một lần. Khi hiển lộ, thân trên tỏa lửa, thân dưới tuôn nước, và ngược lại. Hoặc mắt trái là lửa, mắt phải là nước và ngược lại.Lỗ mũi trái phun lửa, lỗ mũi phải phun nước, và ngược lại. Tương tợ thế là vai phải, vai trái, tay phải, tay trái, chân phải, chân trái, mười ngón tay, mười ngón chân, lông chân...

[3] Tức là một loại thần thông mở ra cho mọi người nhìn thấy tất cả thế giới không ngăn ngại. Theo chú giải, sau khi đức Phật nhập định đề mục màu trắng (odāta), rồi với năng lực đi đôi với nguyện lực như ý muốn: Tất cả thế giới bên trên, từ cõi người đến cõi phi tưởng, hiện ra rõ mồn một. Cõi người nhìn thấy tất cả các cõi trên và ngược lại, các cõi khác cũng y như thế. Mọi sinh hoạt, chánh báo, y báo ở mỗi nơi; rồi lâu đài, dinh thự, hồ nước, vườn hoa, xe kiệu, lạc thú như thế nào đều trông thấy cả. Các cõi dưới, bốn khổ xứ,

quang sáu màu rất lạ lùng, rất diệu kỳ, cũng chỉ năng lực của bậc Toàn Giác mới thực hiện được![1] Chúng ngoại đạo thấy oai lực vô biên, vô tận, bất khả tư nghì của đức Phật, thật không có chỗ nào để lòe bịp được nữa; nên họ đã lẳng lặng xếp cờ, im trống rồi cũng lẳng lặng giải tán, rút lui. Hai hàng cận sự nam nữ thì họ hí hửng, hãnh diện, mừng vui ra mặt, đem câu chuyện chứng kiến tận mắt ra khoe với láng giềng, quyến thuộc, bằng hữu. Chư phàm tăng thấy mình tăng trưởng thêm đức tin. Quần chúng thì hẹn nhau đến quy giáo với giáo đoàn nhiều thần thông, lắm oai lực – có vị giáo chủ sa-môn Gotama vô song! Riêng đức vua Pāsenadi lẳng lặng đến gần đức Phật, hoan hỷ thốt lên:

- Quốc độ này xin được hân hạnh chào ngài!

Đức Phật tế nhị nắm tay đức vua:

- Sau này, Như Lai còn phải cậy nhờ đến uy đức của một bậc minh quân, vì lợi lạc, vì hạnh phúc, vì sự an vui cho nhiều người!

Đức vua Pāsenadi khách sáo nói:

- Thật không dám đâu, thưa ngài!

Trong lúc ấy, thế gian không biết - chứ thiên chúng, thiên vương, phạm chúng, phạm thiên... ngự đầy đặc cả không gian tấu nhạc, tung hoa, rải hoa.. hoan hỷ cúng dường hiện tượng hy hữu.

---

nhất là 08 tầng địa ngục chính và phụ; những khổ hình đồng sôi, vạc dầu, hố đao, chậu máu, cưa xẻ... quỷ sứ gì gì cũng nhìn thấy như ở trước tầm mắt. Và các cõi khác nhìn thấy nhau cũng y như thế.

[1] Hào quang màu xanh – tỏa ra từ tóc của ngài. Hào quang màu vàng – tỏa ra từ màu da và tròng mắt. Hào quang màu đỏ - tỏa ra từ máu và thịt. Hào quang màu trắng - tỏa ra từ xương và răng. Hào quang màu hồng - tỏa ra từ hai lòng bàn tay và hai lòng bàn chân. Hào quang tổng hợp năm màu chói sáng rực rỡ (Pabhassara) - tỏa ra từ mỗi sợi lông, mỗi móng tay, móng chân!

MÙA AN CƯ THỨ BẢY
(Năm 581 trước TL)

Đền Ơn Huyết Sữa

Sau khi sử dụng thần thông siêu nhiên của một bậc Toàn Giác để cảm thắng ngoại đạo – đức Phật hướng tâm xem thử chư Phật quá khứ, cũng theo lệ thường, là sẽ an cư kiết hạ ở đâu. Khi được biết là tại cung trời Tāvatiṃsa (33 - Đao Lợi) vào hạ thứ bảy để thuyết pháp độ Phật mẫu, đức Phật sử dụng phạm âm nói chuyện với hai vị đại đệ tử, và chỉ riêng hai vị này mới nghe được mà thôi. Ngài dạy đại lược rằng: "Như Lai sẽ thuyết Abhidhamma (A-tỳ-đàm) ba tháng tại cung trời Đao Lợi để đáp đền ân huyết sữa đối với thân mẫu. Ba tháng tại nhân gian nhưng trên ấy chỉ là thoáng mắt[1]. Sāriputta phải sử dụng thần thông lực, gặp Như Lai mỗi ngày tại rừng trầm bên bờ hồ Anotatta ở Himalaya để Như Lai tóm tắt thời pháp; và ông phải có bổn phận giảng nói rộng rãi pháp vi diệu ấy đến cho chư tỳ-khưu tăng có sẵn căn trí. Còn Mahā Moggallāna thì chăm sóc hội chúng đang hiện hữu – vì Như Lai biết, một số khá đông cận sự nam nữ ở đây sẽ không chịu về, họ sẽ ở đấy để đợi chờ Như Lai trở lại trần gian. Ông phải thuyết pháp cho họ nghe, sách tấn họ.

[1] Một ngày, một đêm ở cõi trời Đao Lợi bằng 100 năm ở cõi người. Tuổi thọ ở đấy là 1000 năm, tương đương 36 triệu năm ở nhân gian. Một con tính, ta thấy, ba tháng ở nhân gian, theo phút giây bây giờ - chỉ là 3 phút 36 giây - ở trên ấy!

Lúc cần thiết, có thể nhờ thêm Ānanda, Mahā Kassapa cùng các vị trưởng lão khác thuyết hộ. Nói với ông Cấp Cô Độc và Tiểu Cấp Cô Độc rằng, ý của Như Lai là anh em ông triệu phú phải phát tâm dựng lều trại, chăn màn, cung cấp vật thực, mọi nhu cầu cần yếu cho hội chúng ấy trong suốt ba tháng đấy!" Xong, cũng sử dụng thần thông, làm cho ai cũng có thể trông thấy – đức Phật đứng chót vót trên cây xoài, bước lên - thì chợt nhiên giữa hư không, đỉnh núi Yugandhara cao 48.000 yojana (do-tuần) chợt nghiêng mình đỡ chân trái của ngài; và ngọn núi Sineru cao 84.000 yojana chợt cúi đầu thấp xuống đỡ chân phải của ngài với dáng vẻ rất cung kỉnh.

Như vậy là chỉ hai bước đi, qua bước thứ ba, đức Phật đã có mặt ở cung trời Đao Lợi[1], ngự đến tảng đá vàng Paṇḍukambalā bề ngang 50 yojana, bề dài 60 yojana, bề dày 15 yojana - vốn là ngai vàng đặt để giữa hư không của Đế Thích thiên chủ. Và đến lúc này, ngoại trừ các bậc có thắng trí [2], không ai còn trông thấy ngài nữa.

Trời Đế Thích, thân tướng cao to, hùng vĩ, phục sức chói ngời châu báu lập tức đến cung nghinh đức Phật. Ông vội xếp nhỏ một tấm gấm của cõi trời trải lên chính giữa tảng đá vàng, với ý nghĩ: "Kim thân đức Thế Tôn nhỏ bé quá, chỉ chừng ấy là đủ cho ngài an tọa!" Biết được tâm tư của Đế Thích, đức Phật vừa ngồi kiết-già thì thân tướng từ từ cao to, lừng lững, cao to hơn cả Đế Thích, ngồi vừa vặn trên tảng đá vàng! Đế Thích sợ hãi, biết oai lực của Phật nên đến quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ ngài và xin sám hối...

Trong lúc này, mọi người vẫn còn đang tụ họp xung

---

[1] Cõi trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Sineru.

[2] Tức Abhiñāṇa: Trí thần thông – hàm chỉ các trí trong Ngũ thông (Vào định Tứ thiền, với nguyện lực, có thể để lại toàn thân xá-lợi lúc chết, không hủy nát. Cũng từ định Tứ thiền – chưa đắc quả Thánh - có thể tu tập ngũ thông: Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, biến hóa).

quanh cây xoài. Họ mồn một thấy rõ đức Phật bước lên mây xanh rồi sau đó không còn thấy gì nữa. Chư phàm tăng và hai hàng cận sự nam nữ sợ đức Phật đi luôn nên lo ngại hỏi qua hỏi lại. Họ quây quần xung quanh hai vị đại đệ tử, với những câu hỏi dồn dập:

- Trên ấy là cõi nào vậy?
- Trên mây xanh mà cũng có người ở sao?
- Đức Tôn Sư có về lại không?
- Ngài đi luôn sao?
- Lúc nào thì đức Phật về?
- Lên cõi trời à? Cõi trời ấy ra sao? Các vị ở trên đó có nhân dạng, hình tướng như thế nào?
- Chắc là sung sướng hơn nhân gian cả vạn lần...

Suốt cả buổi chiều, các vị thượng thủ A-la-hán, các vị có thắng trí tại chỗ này, chỗ kia phải giải thích cho mọi người nghe hiểu. Tôn giả Ānanda được hỏi nhiều nhất nhưng đã có tôn giả Anuruddha và tôn giả Bhaddiya trả lời giúp.

Trong lúc ấy, một số rất đông thanh niên, là bằng hữu của nhau, đều là con nhà khá giả, có học thức trong kinh thành và ngoại ô Sāvatthi đồng quỳ xin tôn giả Sāriputta xuất gia tỳ-khưu. Biết nhân duyên quá khứ nhiệm mầu, tôn giả bảo họ kiếm tìm y bát, làm lễ xuất gia tập thể cho họ; sau đó tập trung họ ở một nơi, sâu trong rừng để tiện việc giáo giới, hướng dẫn đời sống tu tập[1].

Lúc hội chúng tỳ-khưu giải tán, lần lượt trở về Kỳ Viên tịnh xá để làm lễ an cư – thì hai hàng cư sĩ, mọi người, cả ngoại đạo vẫn còn ở lại khá đông. Tôn giả Mahā Moggallāna phải quy tụ họ lại, giải thích cặn kẽ, đến tối mịt mới xong. Tuy nhiên, một số cận sự nam nữ ở lại không chịu về, tôn giả Mahā Moggallāna, Ānanda, Mahā Kassapa... phải thay nhau thuyết pháp, hướng dẫn hội chúng tập thiền...

[1] Chú giải ghi là 500 vị.

Và đúng như dự liệu của đức Phật. Trong lúc chư tăng về an cư tại Kỳ Viên tịnh xá thì một số đông cư sĩ, họ "an cư" xung quanh gốc xoài, xế cổng kinh thành Sāvatthi. Thế là ngày hôm sau, anh em trưởng giả Cấp Cô Độc phải cho người dựng lều trại – vì mùa mưa sắp đến – cung cấp tất thảy mọi nhu cầu để cho họ yên tâm nghe pháp, học đạo, đợi ngày đức Thế Tôn trở về "hạ giới".

Trong lúc ấy, tại tảng đá vàng - vốn là ngai vàng lộ thiên của Đế Thích thiên chủ - đức Thế Tôn với kim thân to lớn, chói sáng, ngồi kiết-già tĩnh tại, uy nghi như chúa trời của các vị chúa trời! Ngài phóng hào quang sáu màu, chập chờn từng đôi một, lan rộng ra, tỏa rộng ra, đầy tràn cả hư không, chiếu khắp mười phương thế giới. Chư thiên, phạm thiên các cõi trời dục giới, sắc giới... thấy hiện tượng lạ lùng, dùng thiên nhãn, thiên nhĩ lắng nghe, quan sát - biết sự có mặt hy hữu của đức Thế Tôn tại cung trời Đao Lợi. Với thời gian nháy mắt, chẳng ai báo với ai, chẳng ai hẹn với ai, đồng vân tập, đồng quy tụ về với những đám mây ngũ sắc chói ngời, rực rỡ... lớp trong, lớp ngoài, lớp trên, lớp dưới, trùng trùng, vô tận... đến đảnh lễ đức Thế Tôn. Trong đó có lệnh bà Mahāmayā, bây giờ là một vị thiên tử phước tướng cao sang, sống trong một biệt điện sung mãn phước báu tại cung trời Tusita (Đâu-suất). Họ cúng dường nhạc trời, hoa trời, hương trời... như một ngày hội lớn, hằng ngàn năm một thuở, triệu triệu năm một lần!

Sau khi biết ý định của đức Phật lên đây thuyết Abhidhamma để độ cho Phật mẫu, đồng thời giáo giới chư thiên, phạm thiên các cõi - Đế Thích thiên chủ xiết bao hoan hỷ nên ông đã thông báo cho thiên chúng, thiên nữ cả 33 cung điện đồng đến cúng dường, nghe pháp.

Trong không gian chói ngời châu báu và sực nức mùi hương, đức Phật sử dụng thần thông, sử dụng một loại ngôn ngữ đặc biệt pha trộn giữa thiên âm và phạm âm để ai cũng

có thể nghe được. Ngài nói rằng, lệnh bà Mahāmayā, bây giờ là vị thiên tử ở Tusita - hiện đang có mặt ở đây - đã có ân đức rất lớn với Như Lai. Noi gương chư Phật quá khứ, nay Như Lai lên đây thuyết một thời pháp đặc biệt để báo đền ân huyết sữa. Sau đó, thể theo lời mời của vua trời Tusita, vị thiên tử hậu thân của lệnh bà Mahāmayā, được mời đến trình diện đức Thế Tôn. Chư thiên, phạm thiên, nhất là thiên nữ các cõi trời cất tiếng tán thán vang lừng, dường như họ hãnh diện rằng là trong giới nữ nhi, có bạn đã có đại nhân duyên, đại phước báu cưu mang, thọ sanh một vị Phật!

Biết thời gian không có nhiều[1], đức Phật đi vào thời pháp ngay tức khắc, trong đó có một âm thanh đặc biệt đi thẳng vào tai, vào tâm của vị thiên tử, hậu thân của lệnh bà Mahāmayā.

Ở các cõi trời dục giới, các loại ngũ trần[2] đều tinh sạch, vi tế. Các cõi phạm thiên thì họ đã từ bỏ dục vật chất, chỉ sống nuôi mạng bằng các trạng thái tinh thần như hỷ, lạc, xả, thanh tịnh – nên thời pháp ở đây hoàn toàn khác biệt so với cõi người! Thế là một số cương yếu cốt lõi của Abhidhamma (Vi diệu pháp, thắng nghĩa pháp) đã được thuyết ở đây[3], còn ở cõi người thì chỉ thuyết về Pháp và Luật. Lúc nói đến bố thí thì bố thí vật thực, y áo, sàng tọa, thuốc men. Lúc nói đến trì giới thì ngăn giữ sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu. Và kinh, luật thường sử

---

(1) Xem chú thích trang 190.

(2) Hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc chạm.

(3) Tây phương viết sử Phật giáo, đến hạ thứ bảy, đức Phật thuyết Abhidhamma ở cung trời Đao Lợi, họ gọi là huyền thoại tôn giáo. Đôi nơi lại nói là truyền thuyết hoặc hư cấu của các nhà sư học giả đi sau. Riêng người viết, không biết tại sao lại tin điều này là có thật trong hiện thân siêu việt, bất khả tư nghì của một bậc Chánh Đẳng Giác! Tuy nhiên, có lẽ mới chỉ là cái cương yếu - sau này do tôn giả Sārīputta triển khai và các vị kết tập sư hệ thống lại.

dụng những danh từ như người, trời, loài vật, hữu tình, tự ngã, đàn ông, đàn bà; hoặc làm như thế này là lành, tốt; làm như thế kia là xấu ác. Ngôn ngữ ở Abhidhamma hoàn toàn khác thế, nó chỉ nói về tâm, những sở hữu của tâm, những sắc pháp thô thiển hoặc tế vi. Nó chỉ nói tâm và tâm sở như thế này là thiện; tâm và tâm sở như thế kia là bất thiện... Và nếu tu tập theo lộ trình thiền tâm như vậy thì có các loại trí tương thích phát sanh như vậy, lần lượt xa rời được những kiết sử, phiền não... xuôi dòng chảy đến đạo lộ chân phúc, giải thoát, bất tử, Niết-bàn. Nhờ sử dụng ngôn ngữ đặc biệt, dụ ngôn, đoản ngôn đặc biệt – phù hợp với sắc thân vi tế, trạng thái tâm lý vi tế - nên thiên chúng, phạm thiên chúng lãnh hội dễ dàng, có được ngay thành tựu và sở đắc. Vô lượng chư thiên, phạm thiên chứng quả; riêng vị thiên tử, hậu thân của lệnh bà Mahāmayā chứng quả Nhập Lưu (Sotāpanna –Tu-đà-hoàn).

Có một việc rất lạ lùng và sâu nhiệm xảy ra ở đây, đang xảy ra lúc đức Phật thuyết pháp mà chẳng ai hay biết. Đấy là đức Phật thuyết trọn vẹn tạng Abhidhamma với thời gian rất ngắn (tương đương 3 phút 36 giây) mà ngài phải phân thân 90 lần (tương đương 90 ngày – 3 tháng ở địa cầu). Mỗi lần phân thân như thế - thì một hóa thân của ngài vẫn đang ngồi tại tảng đá vàng để thuyết pháp liên tục; còn thân thật thì ôm bát đi trì bình khất thực ở Bắc Cu-lu-châu (Uttarakurudīpa), trở lại hồ Anotatta trong dãy Hy-mã-lạp sơn để tắm rửa, sau đó ghé rừng trầm bên bờ hồ thuyết lại tóm tắt bài pháp đã giảng cho tôn giả Sāriputta nghe – do có hẹn từ trước! Tôn giả Sāriputta lại bay về Kỳ Viên, sâu trong rừng để thuyết lại rộng rãi cho hội chúng tỳ-khưu đặc biệt mà ngài vừa cho xuất gia. Như vậy là hội chúng tỳ-khưu trẻ tuổi này đã được tôn giả Sāriputta thuyết giảng về Abhdhamma vào mỗi buổi chiều, suốt trong ba tháng như thế; đấy là sở văn mà ngài đã nắm bắt tóm tắt vào mỗi buổi trưa tại rừng trầm bên hồ

Anotatta[1] từ đức Thế Tôn.

Tại Sāvatthi, sau ngày tháng mưa lũ, nước dâng ngập phố phường, gió bão tràn về, rồi đến mưa dầm... làm cho hai hàng cư sĩ giàu tín tâm đợi chờ đức Phật phải gian nan khổ cực khôn xiết. Giường chiếu, chăn màn, vật thực, thuốc men... hai anh em ông trưởng giả chu cấp chu đáo, chỉ trở ngại những lúc nghe pháp, tọa thiền tập thể ở ngoài trời. Các vị tôn giả chăm sóc hội chúng cũng phải lao đao, vất vả theo; nhưng do năng lực tăng thượng tâm, các ngài vẫn an nhiên, tùy lúc, tùy thời... lúc ở Kỳ Viên, lúc màn trời, chiếu đất với hội chúng của mình chẳng quản ngại gì! Đức vua Pāsenadi, triều thần, hoàng gia lui tới - thấy, nghe, biết mọi chuyện; họ vừa kính trọng các vị trưởng lão vừa cảm phục tín tâm của chúng đồ. Thế là rất nhiều lần, họ cũng đến dâng vật thực, hộ độ thuốc men cùng những nhu cầu khác. Càng đến ngày mãn hạ, tháng Kattikāmāsa (9-10), thì sự đợi chờ càng náo nức. Tôn giả Mahā Moggallāna muốn làm cho tăng trưởng tín tâm của hai hàng cận sự nam nữ, ngài tuyên bố:

- Tôi sẽ lên cõi trời Đao Lợi tức khắc. Tôi sẽ thưa hỏi đức Tôn Sư để biết đích xác ngày, giờ, nơi chốn, địa điểm... ngài trở lại với chúng ta.

Nói xong, tôn giả biến mất tại chỗ và có mặt ngay tại tảng đá vàng. Thấy kim thân Phật to lớn lững lững giữa hư không, giữa thiên chúng, phạm thiên chúng cũng to lớn không kém gì; tôn giả nghĩ rằng, lẽ nào vị đại đệ tử lại quá nhỏ bé, trông chẳng "oai lực" chút nào – nên cũng hiện thân to lớn cho đồng với bối cảnh rồi đến đảnh lễ đức Phật.

- Này Mahā Moggallāna! Khỏi cần phải thưa bạch, Như Lai biết rồi - Đức Phật nói - Kể từ hôm nay, đúng 7 ngày

[1] Một trong 7 hồ lớn tại Himalaya, 6 hồ kia là Kaṇṇamuṇḍa, Rathakāra, Chaddanta, Kuṇāla, Mandākinī và Sīhappapāta. Bảy hồ lớn này chúng bao quanh 5 ngọn núi lớn, đó là Sudassanakūṭa, Citrakūṭa, Kāḷakūṭa, Gandhamādana và Kelāsa.

nữa ở nhân gian, Như Lai sẽ về lại cõi người, tại bên trong cổng thành phố Saṅkassa, cách Sāvatthi 30 do-tuần – vì Giáo Pháp của chúng ta cũng có duyên lớn với chúng sanh ở đấy!

Thế là đúng ngày Mahāpavāraṇā [1], đức Phật như từ giữa hư không [2], đặt bàn chân phải [3] xuống mặt đất tại cổng thành Saṅkassa, thì được sự cung nghinh, đón tiếp cả một rừng người, cả một biển người. Ai cũng hớn hở, mừng vui. Có người thì chỉ đứng ngây ra để chiêm ngưỡng.

Lần lượt hai vị đại đệ tử, mấy chục vị thượng thủ trưởng lão đồng đến đảnh lễ Phật sau 90 ngày xa cách.

Đức Phật mở lời khen ngợi tôn giả Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Ānanda... đã lao tâm lao lực chăm sóc hội chúng cư sĩ suốt trong ba tháng qua một cách rất chu đáo. Ca ngợi, sách tấn hai anh em ông trưởng giả Cấp Cô Độc đã hộ độ tứ sự đầy đủ cho mọi người. Đặc biệt đức Phật tán thán tôn giả Sāriputta đã có trí tuệ phân tích, tổng hợp để giảng nói, quảng thuyết tạng Abhidhamma cho hội chúng tỳ-khưu trẻ một cách rất có hiệu quả.

Thấy hội chúng cư sĩ, cư dân thành phố Saṅkassa sẵn có túc duyên, đức Phật thuyết một thời pháp cho tầng lớp, giai cấp nào cũng nghe được, hiểu được, tu tập được. Sau thời pháp, rất nhiều người có được niềm tin vững chắc, có người thấy mắt sáng, trí sáng, có người đắc quả Nhập Lưu. Riêng

---

[1] Đại tự tứ - ngày chư Tăng mãn hạ ba tháng an cư mùa mưa.

[2] Thật ra, vua trời Đế Thích (Sakka), đã hóa hiện 3 chiếc thang bắc từ đỉnh núi Sineru xuống sát chân cổng thành Sankassa. Một chiếc thang ngọc ở giữa dành cho đức Phật, một chiếc thang bằng vàng bên phải dành cho Phạm Thiên cầm lọng trắng, một chiếc thang bằng bạc bên trái dành cho Đế Thích ôm bát theo hầu; và đi theo sau là vô lượng thiên chúng, cưu-bàn-trà, càn-thát-bà...tấu nhạc, rải hoa tưng bừng... (theo chú giải).

[3] Vì đặt bàn chân phải xuống trước, nên tại chỗ này, người ta thiết kế một cái đài kỷ niệm, xem là chỗ thiêng liêng, được đặt tên là Acalacetiyaṭṭhāna, như là một di tích lịch sử, để chiêm bái, phụng thờ.

hội chúng tỳ-khưu của tôn giả Sāriputta thì đồng đắc quả A-la-hán.

Khi họ đến đảnh lễ đức Phật để bày tỏ sự tri ân tối thượng, ngài tuyên bố trước đại chúng rằng:

- Đây là những vị tỳ-khưu, những đứa con trai trẻ tuổi của Như Lai; họ là những người kế thừa tạng Abhidhamma mà Như Lai đã thuyết ở cung trời Đao Lợi đấy!

Ai cũng biết khi đức Phật tuyên bố "Con trai của Như Lai", là hàm chỉ vị ấy đã đắc quả A-la-hán. Hội chúng xôn xao, không biết nhân duyên mầu nhiệm như thế nào? Thế là các bậc có thắng trí, nơi này và nơi kia, phải kể tóm tắt chuyện quá khứ cho mọi người nghe... "Rằng là vào thời đức Phật Kassapa, có hai vị tỳ-khưu cứ hễ đến ngày đầu và giữa tháng đến một hang động để ôn tụng Abhidhamma. Trong động ấy có một bầy dơi sinh sống. Cứ nghe mãi, nghe hoài những âm thanh tụng đọc Abhidhamma, tâm của bầy dơi trở nên mát mẻ, trong lành. Hết kiếp ấy, bầy dơi không rơi vào bốn khổ xứ, cứ sinh lui, sinh tới cõi người và cõi trời. Đến thời đức Phật Gotama hiện tại, họ đều sinh vào các gia đình khá giả, xung quanh thành phố Sāvatthi này. Bây giờ do túc duyên viên mãn, họ xuất gia tỳ-khưu, được nghe Abhidhamma trở lại, họ lãnh hội rất nhanh rồi đắc quả A-la-hán. Sự mầu nhiệm xảy ra là do nhân, do duyên như vậy đấy!"

Với Đức Vua Pāsenadi

Trở lại Kỳ Viên, sau vài ba thời pháp sách tấn, khuyến hóa chư tỳ-khưu; đức Phật ân cần nhắc nhở các vị trưởng lão là nên phân bố chư tăng rộng đường đi du hóa các nơi do thời tiết đã tạnh ráo. Đức Phật cũng bảo, là Kỳ Viên nên giữ lại chừng một ngàn vị, nhất là số tỳ-khưu sơ tu còn quá nhiều tập khí; họ còn cần phải ở gần các vị trưởng lão, giáo thọ nhiều năm để bồi dưỡng pháp học, pháp hành.

Thế là sau đó, từng chúng, từng đoàn đảnh lễ đức Phật rồi y, bát lên đường. Quả thật, sau mùa an cư, họ là những cánh chim trời tự do, ra đi vì lợi ích cho nhiều người. Riêng đức Phật và một số trưởng lão phải ở lại, ra giêng, nắng ấm mới du hành – vì đây, đúng là thời có duyên với đức vua Pāsenadi, hoàng hậu, triều đình cùng các thành phần giai cấp khác trong quốc độ.

Mấy hổm rày, đức Phật dường như thường xuyên đón tiếp bà Mallikā, là chánh hậu của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc). Bà Mallikā là một phụ nữ đẹp đẽ, đoan chính, thông minh, hiền thục và chưa theo một tôn giáo nào. Từ khi hoàng tử Jeta (Kỳ-đà), dâng cúng rừng cây, cùng với đại triệu phú Cấp Cô Độc kiến lập Kỳ Viên đại tịnh xá để dâng cúng đức Phật và thập phương Tăng thì bà đâm ra tò mò!

Cái đạo ấy thế nào mà hấp dẫn ông hoàng tử trẻ keo kiệt ấy nhỉ? Trong một vài lần dùng cơm tại vương cung, hoàng tử Jeta không ngớt tán thán đức Phật cùng giáo pháp của ngài. Ông hoàng này lại còn không hết lời ca ngợi vị đại đệ tử, nào là thần thông vi diệu, nào là trí tuệ, nhẫn nhục... đều tuyệt vời, vô song! Rồi ông hoàng kể cho bà Mallikā nghe nhiều huyền thoại về đức Phật và tôn giả Sāriputta. Rồi chuyện mới đây, tại cổng thành Sāvatthi, bà nghe thị nữ kể lại chuyện thần thông cảm hóa ngoại đạo của đức Phật nữa. Chính đức vua Pāsenadi đã ra tận nơi, tuy hơi khách sáo nhưng cũng tỏ vẻ cung kỉnh. Bà quyết định đến gặp vị Phật ấy.

Đức Phật biết bà hoàng hậu này được đức vua Pāsenadi rất thương yêu và kính trọng; nhưng ngài lại lựa chọn cách đón tiếp rất giản dị là ở giữa vườn cây.

Thấy đức Phật tuổi tác chừng ngang bằng đức vua Pāsenadi nhưng tướng hảo quang minh hơn nhiều. Đức Phật cao lớn, phương phi, nước da ngời sáng, mạnh khỏe còn đức vua của bà thì mập phệ, béo tròn, đi đứng đã bắt đầu phục phịch, nặng nề rồi!

Sau khi chào hỏi xã giao, bà ngồi trên chiếc ghế thấp đã được soạn sẵn, hỏi đức Phật quan niệm như thế nào về hạnh phúc đời người; và quả thật có hạnh phúc thật sự trên cuộc đời này không?

- Nó có đấy, thưa lệnh bà! Đức Phật nói – nhưng theo Như Lai biết và thấy - thì nó bấp bênh, chông chênh, giả tạm, thoáng có, thoáng mất, thay đổi, biến hoại... đúng như tính chất của Pháp!

- Pháp – tính chất của Pháp, từ này tôi chưa nắm bắt được ngữ nghĩa của nó, thưa đức Thế Tôn!

"Pháp" - thế là đức Phật bắt đầu giảng nói về bản chất của tất cả pháp hữu vi, bất cứ cái gì được cấu tạo, kết hợp đều chịu chung định luật vô thường, không có tự tính, không

có ngã tính như thế nào! Ngay cả các quan niệm, ý nghĩ, cả các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, khổ lạc cũng chịu chung định luật ấy nên nó đưa đến dukkha! Rồi đức Phật thuyết rõ cho bà nghe về dukkha, khổ đế, nó chi phối tất thảy chúng sanh trong ba giới, bốn loài... như thế nào!

Buổi gặp gỡ đầu tiên là như vậy. Vài ba hôm sau, bà chánh hậu Mallikā lại đến Kỳ Viên, và lúc nào cũng chỉ vài thị nữ theo hầu. Thỉnh thoảng có thêm hoàng thân Jeta, vì lệnh bà lại thuyết phục hoàng thân nên đi nghe pháp, vì pháp hay lắm! Lần này, đức Phật chưa thuyết về nguyên nhân dukkha (tập đế), mà ngài nói đến các cảnh trời, thuận thứ những cái gọi là "hạnh phúc" từ thấp lên cao, nhân và quả, tâm và cảnh như thế nào. Buổi khác, đức Phật lại thiện xảo mở ra cảnh giới cao hơn, về những chúng sanh xem các dục vật chất là hạ liệt, thấp kém; họ đã tu tập và thành tựu những hạnh phúc tinh thần, cao hơn hạnh phúc vật chất không biết bao nhiêu mà kể...

Thấy căn trí và duyên với bà chánh hậu có thể bước cao hơn, đức Phật nói đến những hạnh phúc của các cõi trời vô sắc, là những hạnh phúc rất thanh lương, rất vi tế mà mọi người trên cõi đời này không thể quan niệm, khái niệm về nó được. Tuy nhiên, cả ba cõi ấy vẫn còn trầm luân, sanh tử. Cứu cánh giáo pháp của Như Lai là giải thoát tất thảy mọi ràng buộc trong ba cõi. Và muốn tu tập thì phải có chánh kiến như thế nào, lộ trình như thế nào. Đến đây, đức Phật mới giảng rộng về tập đế và con đường tu tập (đạo đế), để chấm dứt tất thảy mọi đau khổ, phiền não trên cuộc đời.

Vào cuối buổi giảng lần thứ sáu, bà chánh hậu đắc pháp nhãn, có niềm tịnh tín bất động, bất thối với con đường. Bà đã bước được bước chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử.

Trở về cung mà tâm bà còn hoan hỷ, nhẹ lâng lâng. Bà thuyết phục đức vua Pāsenadi:

- Bệ hạ nên đến đức Thế Tôn để nghe pháp một lần đi!

Đức vua mỉm cười:

- Vị ấy có nhiều thần thông lực, phải vậy chăng?

- Đồng ý là vậy, nhưng ý tiện thiếp muốn nói là giáo pháp kìa! Giáo pháp giác ngộ đấy!

Đức vua có vẻ nhíu mày:

- Ý nàng nói là vị ấy đúng là một vị Phật? Một vị đại A-la-hán thật sự trên đời này?

- Chắc hẳn vậy rồi.

Ngẫm ngợi một lát, vua hỏi:

- Hậu có biết xuất thân của vị ấy không?

- Thưa biết! Nhưng đâu cần phải lý lịch hoặc xuất thân?

- Cần thiết chứ! Rất cần thiết tổ tông, dòng máu di truyền là khác! Ông ta là thái tử con vua Suddhodana, bộ lạc Sākya, một vương quốc hiền hòa, nhỏ bé, chư hầu nhiều đời của Kosala! Từ xưa đến nay, dòng dõi sát-đế-lỵ như chúng ta chỉ xuất sinh những tướng quân, những minh quân vĩ đại chứ không có trường hợp xuất sinh những sa-môn, những bà-la-môn, những giáo chủ vĩ đại!

Ngừng một lát, vua tiếp:

- Như thế, một vị Phật phải được xuất sinh từ dòng dõi bà-la-môn chính thống, trẫm mới tin được. Lại nữa, một vị Phật, ít ra thì tuổi tác cũng cỡ như các giáo chủ Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nāṭaputta, Ajita Kesambala, Sañjaya Velaṭṭhaputta kia chứ? Ông ta còn trẻ quá! Chỉ bằng tuổi trẫm là cùng!

Nói thì nói vậy, nhưng thấy hoàng hậu vốn là người có trí, lại không dễ dàng đặt đức tin không đúng chỗ; và hoàng tử Jeta cũng vô cùng kính phục, đã nói mãi, thuyết phục mãi, nên đức vua quyết định đến thăm.

Đức Phật tiếp ông vua uy danh hiển hách này cũng ở ngoài vườn cây, trong lúc đang đàm đạo với các trưởng lão. Đức Phật ngồi trên tảng đá lót tấm nệm cỏ, các vị trưởng lão

như Sāriputta, Mahā Moggallāna, Vappa, Assaji, Mahā Kassapa, Uruvelākassapa, Bhaddiya, Ānanda... ngồi xung quanh lác đác trên những tấm nệm cỏ ở những vị trí thấp hơn...

Thoáng nhìn, đức vua đã suy giảm một phần nào ngạo khí. Vì, tuy đức Phật trẻ tuổi - nhưng trong nhóm đệ tử của người, ai cũng toát ra vẻ đẹp tuyệt vời của nhân tướng học; lại nữa, còn có mấy vị trưởng lão tuổi tác không thua gì các giáo chủ ngoại đạo (Vappa, Assaji, Uruvelākassapa...), trông vừa tiên phong đạo cốt vừa toát ra vẻ thông thái của các bậc hiền triết!

Sau khi chào hỏi xã giao, đức Phật bảo đặt một chiếc ghế thấp cho vua ngồi. Sự tế nhị đầu tiên ấy làm đức vua cảm kích vì ông mập quá, không thể ngồi trên tấm nệm cỏ dễ dàng được.

Đức Phật mở lời trước:

- Thật hân hạnh cho tịnh xá Kỳ Viên, được một đức vua trẻ tuổi, vĩ đại đến thăm!

- Không dám đâu, thưa sa-môn Gotama! Ngài cũng trẻ tuổi và vĩ đại như vậy, chỉ nhìn thoáng qua hàng cao đệ xung quanh đây là đủ biết! Chưa nói đến sa-môn Gotama đã hiển lộ thần thông lực cho thế gian mở rộng tầm mắt!

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai nhớ không lầm thì đại vương lên kế vị ngôi vua vào năm hai mươi sáu tuổi, và chỉ hai năm sau là đại vương đã trở thành một vị vua vĩ đại mà vẫn rất trẻ, tuổi còn rất nhỏ!

Đức vua rất bằng lòng với câu nói này. Nhưng sau đó thì giật thót mình, dường như đức Phật biết là nhà vua chê đức Phật còn trẻ tuổi, qua câu chuyện với hoàng hậu Mallikā! Tuy nhiên, không giấu được sự thắc mắc trong lòng, đức vua hỏi:

- Thưa sa-môn Gotama! Có gì không phải xin sa-môn bỏ

quá cho! Rằng là, có phải sa-môn Gotama đã từng tuyên bố trước hội chúng, nơi này và nơi kia, là sa-môn đã chứng đắc Vô Thượng Giác, như là một đức Chánh Đẳng Giác trên đời này?

- Đúng vậy! Như Lai đã từng tuyên bố như vậy!

-Trẫm biết rằng, các sa-môn, các bà-la-môn thượng thủ, các giáo phái chủ, giáo phái sư, khi được trẫm hỏi như vậy thì họ không khẳng định, không phủ định, chỉ trả lời ỡm ờ, vòng quanh. Nay, làm thế nào mà sa-môn Gotama lại dám tuyên bố một cách tự tin như thế khi tuổi còn quá trẻ và xuất gia cũng chưa được bao lâu?

- Đại vương biết không - Đức Phật tiếp lời – Có bốn cái nhỏ, rất nhỏ nhưng không được coi khinh, xem thường, đó là: Một ấu hoàng, một con rắn nhỏ, một đốm lửa nhỏ, một sa-di nhỏ!

Đức vua thừa thông minh để biết đức Phật đang ám dụ mình đây, cảm thấy vui trong lòng, nhưng ngoài miệng thì nói:

- Xin cho được nghe!

- Một ấu hoàng - Đức Phật chậm rãi nói - lớn lên, làm vua, nếu là xấu ác thì có thể quấy đảo cả thiên hạ, làm cho muôn dân phải đau khổ; nếu là hiền thiện thì có thể trở thành một đấng minh quân, đem lợi lạc và an vui cho nhiều quốc độ. Một con rắn nhỏ cũng không được coi khinh, vì biết đâu đấy là rắn chúa mà chỉ một tí nọc độc của nó có thể làm chết cả một con voi to. Một đốm lửa nhỏ cũng cần phải cẩn thận – vì nó có thể lây lan thiêu đốt nhà cửa, vườn rừng. Một sa-di nhỏ cũng có thể đắc quả A-la-hán, thành tựu tâm giải thoát, tuệ giải thoát cùng các thắng trí! Vậy Như Lai khuyên đại vương là đừng nên xem thường, coi khinh những cái nhỏ, rất nhỏ vậy!

Đức vua Pāsenadi, bây giờ, xác định rõ là đức Phật đã tế nhị răn dạy mình. Nhìn lướt qua các vị trưởng lão, vị nào

cũng bình tịnh, an nhiên – và ai cũng phảng phất nụ cười, dường như họ đều đã biết nguyên nhân câu chuyện.

"Ôi! Đây đúng là những con người minh triết trong một giáo hội minh triết! Ôi! Còn chần chờ gì nữa mà không tìm chỗ nương tựa cho đời mình!" Nghĩ thế xong, đức vua Pāsenadi, thay đổi tư thế, quỳ mọp xuống:

- Đức Thế Tôn đã mở sáng con mắt cho trẫm. Vậy cho trẫm được quy giáo đức Đạo Sư cùng với giáo hội minh triết này!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Đại vương có vội vã quá không? Đã suy nghĩ chín chắn, chu đáo chưa? Dường như đại vương còn thắc mắc về dòng dõi sát-đế-lỵ của Như Lai nữa đấy!

Đức vua quỳ lạy một lượt nữa, sau khi sợ hãi nói: "Đệ tử không dám ạ!"

Việc đức vua Pāsenadi quy giáo đức Phật giản dị như vậy đấy, chỉ qua một lần đối thoại như vậy đấy! Nhưng là một biến cố trọng đại đối với nước Kosala.

Vốn là con trai trưởng của đức vua Mahākosala hiển hách và lừng danh, Pāsenadi được vua cha gởi đi du học ở viện đại học tại Takkasilā, thủ đô của nước Gandhāra[1]. Đây là cơ quan giáo dục lớn nhất, quan trọng nhất, uy tín nhất với chương trình đào tạo nghiêm túc, phong phú, có chất lượng đầy sức thuyết phục, hấp dẫn tuổi trẻ tri thức trong mọi quốc độ. Các giới cấp cao sang trong xã hội như bà-la-môn, sát-đế-lỵ mới đủ điều kiện cần thiết vì học phí rất cao; tuy nhiên, các sinh viên nghèo, có chí vẫn có thể theo học được bằng cách phục vụ lao công cho trường, cho lớp, cho thầy dạy học. Ngoài các môn triết lý, thần học, sinh viên còn phải đi chuyên sâu về các môn thế học như luật pháp và chính trị; các học nghệ cần thiết, thực tiễn cho xã hội như y

[1] Nước kế cạnh Kashmire)

khoa, luyện voi, đấu kiếm, bắn cung...[1] Sau bảy năm trở về, đức vua Mahākosala bổ nhiệm chức vụ thống đốc thành phố Kāsi[2] để xem xét tài lãnh đạo của Pāsenadi như thế nào. Khi vua cha mất, ông về kế vị ngôi vương, mà trong huynh đệ, không ai có thể suy bì được[3] Lúc ấy ông mới hai mươi sáu tuổi mà phải cai trị một vương quốc khá rộng lớn với những tranh chấp phức tạp giữa các tiểu vương chư hầu. Được biết rằng, thủ đô Sāvatthi chỉ ước chừng 350 ngàn dân, nằm trong một vuông đất mỗi bề chỉ một phần tư do tuần. Và ngay chính lãnh thổ Kosala cũng không rộng lớn lắm, chỉ ước chừng 40-50 do tuần theo hình bầu dục, khoảng ba triệu người. Nhưng địa giới thuộc quyền ông làm chúa tể, được vua cha giao lại – thì kéo dài từ tây sang đông, từ bắc xuống nam. Điểm cực tây là sa mạc, cả cao nguyên Tarai, tây bắc giáp giới Gandhāra. Phía đông chạy dài bao gồm luôn các bộ tộc Sākya, Koliya, Moriya, Mallā và cả Kālāma. Phía nam xuống tận sông Gaṇgā, chạy song song với thượng lưu con sông này, giáp với đông bắc Bārāṇasī, tiếp tục theo hướng tây bắc, ôm luôn con sông Sadānīra rồi vòng trở lại khởi điểm. Cơ cấu hành chánh cũng đã có sẵn từ trước, ông chỉ kế thừa. Hệ thống quản lý điều hành thì có các quan chức đại thần lão niên quen việc, biết việc từ thời vua cha. Đức vua Pāsenadi trẻ tuổi rất khó chịu bởi các vị công thần này. Tín nhiệm quan đại thần Ugga thì quan đại thần Ārohanta ganh tỵ. Phải tìm cách liên kết họ lại thì mọi vấn đề chính trị, hành chánh đều suôn sẻ. Nhưng chính hai vị

---

[1] Xem thêm Đức Phật lịch sử của H.W. Schumann, Trần Phương Lan dịch, tr.257, NXB T/P HCM, năm 2000.

[2] Kāsi cũng là một nước, thủ đô là Bārāṇasī. Trong quá khứ nước này có nhiều sự liên hệ với nước Kosala. Vào thời Phật, Kāsi lệ thuộc Kosala. Khi gả con gái mình cho đức vua Bimbisāra, đức vua Mahākosala đã cắt xứ này cho Māgadha như là của hồi môn.

[3] Đức vua Mahākosala có khá nhiều vương phi, thứ hậu – 30 vương tử Kosala được đức Phật hóa độ tại rừng Kappāsīya là con của các bà này.

này thì nói xa nói gần, bóng gió rằng coi chừng viên thống tướng Bandhula nắm binh quyền sẽ tiếm ngôi! Chưa hết! Cứ mỗi nước chư hầu, vua phải bổ nhiệm một vị tướng giỏi, vừa mang chức năng đại sứ toàn quyền vừa giám sát các thuộc quốc. Cả một mạng lưới điệp viên, tình báo bủa khắp mọi nơi làm tai mắt cho triều đình trung ương! Nếu không bản lĩnh, trí tài thì làm sao cai trị được một đế quốc như thế!

Khi còn làm thống đốc thành phố Kāsi, ông yêu thương một cô gái con người làm tràng hoa, lúc đăng cơ xong, ông phong làm chánh hậu – là bà Mallikā - mặc cho triều thần phản đối cô ấy thuộc giai cấp thấp kém. Về sau, đức vua còn có ba vương phi khác, đó là Ubbīrī và hai chị em Somā và Sakulā[1], nhưng đức vua đặc biệt sủng ái chánh hậu Mallikā. Bà là một cô gái diễm lệ, hiền thục, khéo léo luôn cận kề săn sóc an ủi ông, mỗi khi triều chính mệt mỏi. Vua rất quý trọng bà về tư cách xử sự, trí thông minh nên hay hỏi ý kiến bà về việc dùng người, thái độ khoan nhượng hoặc cứng rắn đối với chư hầu cũng như những điều lệ cương, nhu trong chính sách cai trị. Ông thấy rõ cái tệ nạn giai cấp làm ngăn cản bước tiến của xã hội, ngăn chặn sự tiến thân của rất nhiều thanh niên trí thức của các giai cấp dưới. Tại đại học Takkasilā, ông quen thân một số thanh niên vệ-xá, thủ-đà-la, chăm ngoan, hiếu học. Và ông đã không ngần ngại bổ nhiệm họ vào các chức vụ trọng yếu như phụ tá chánh án hoàng gia, quản lý kinh tế thành phố này hay thành phố khác. Bảy năm học tập, hai năm làm thống đốc, trí óc ông sắc bén do quen suy tư, thẩm xét từ nền tảng kiến thức triết học cũng như kiến thức thần học có sẵn. Dầu là giai cấp nào, tôn giáo, hệ phái nào cũng đều là thần dân của ông, phải biết tôn trọng

[1] 10 năm sau, vua Pāsenadi muốn được thân tình với dòng dõi Sākya của Phật - mới xin cưới thêm vương phi Vāsabhakkhattiyā, cô công chúa con vua Mahānāma với nàng nữ tỳ - sinh ra thái tử Viḍūḍabha, là người nổi loạn chống vua cha và tiêu diệt dòng Sākya sau này.

và có chính sách trung dung phải lẽ, không được ngả bên này hay bên khác. Mười mấy năm cai trị, triều đại của ông vững mạnh, đời sống xã hội phồn vinh, các nước chư hầu đều thần phục. Chỉ có nước Māgadha là ở quá xa, cũng là một đế quốc hùng mạnh tương đương, xét ra là một hiểm họa tranh đoạt thiên hạ với ông. Tuy nhiên, việc ấy, vua cha đã nhìn xa trông rộng rồi, đã gả cô công chúa Kosalavidehi, em của Pāsenadi cho đức vua Seniya Bimbisāra, với một vùng đất trù phú và xinh đẹp tại xứ Kāsi làm của hồi môn để tạo mối thân tình. Đức vua Seniya Bimbisāra cũng không thua gì ông về mọi lãnh vực, lại đạo đức, hiền thiện rất đáng tin cậy. Mười mấy năm nay không có chiến tranh lớn, chỉ có vài bộ lạc nhỏ nổi loạn đòi tự trị, đòi độc lập; và chỉ cần một viên tướng nhỏ cầm quân là có thể dẹp yên. Nhức đầu nhất là bọn cướp thường xuất hiện như ma, biến mất như quỷ, luôn quấy rối địa phương này và địa phương khác. Tăng cường binh bị, quốc phòng chưa cần thiết lúc này, nhưng phải bổ sung binh lính tuần tra đem lại an bình cho muôn dân khắp hang cùng, ngõ hẻm.

Như vậy đó! Một đức vua vĩ đại như thế mà quy giáo sa-môn Gotama là tiếng sét đánh thứ hai, sau tiếng sét thứ nhất là đức vua Seniya Bimbisāra! Các giáo phái khác bàng hoàng, khó chịu và ganh tỵ.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nằm thấy mộng dữ, cảm thấy lo sợ[1]. Một vị lão thần bà-la-môn đoán mộng, bảo là sắp có chuyện chẳng lành xảy đến cho đức vua, phải nên giết cừu, dê, trâu, bò mỗi loại bảy trăm con tế lễ thần linh để tránh họa. Nghe lời, vua truyền sắm lễ vật, tế vật theo nghi thức truyền thống của đạo bà-la-môn là phải hy sinh hằng ngàn sinh linh trong cuộc đại tế này. Hay tin, hoàng hậu Mallikā lật đật đến can gián, khôn ngoan và sáng suốt

[1] Mahā Supina Jātaka.

khuyên vua đừng vội giết vật, nên đến thỉnh thị ý kiến của đức Phật. Nghe lời, đức vua đến Kỳ Viên, kể lại giấc mộng dữ của mình, mong được đức Phật tìm cách hóa giải tai họa.

Đức Phật nói:

- Hãy bình tĩnh, đại vương! Rồi Như Lai sẽ giải trừ tai họa cho! Bây giờ đại vương cho Như Lai được hỏi, khi mình giết một vật, cho đầu rơi, máu chảy thì lúc ấy, tâm mình là lành, tốt hay là xấu, ác?

- Tâm giết vật, sát vật thì làm sao mà lành, tốt được!

- Cảm ơn đại vương đã hiểu. Bây giờ cho Như Lai được hỏi tiếp - Giết một sanh mạng là xấu ác, giết một ngàn sanh mạng thì xấu ác tăng lên một ngàn lần. Chẳng lẽ nào lấy một ngàn lần xấu ác ấy để cầu nguyện, để van vái thần linh giải trừ tai hoạ cho đại vương? Chẳng lẽ nào chúng ta có thể gieo một nhân đắng - một ngàn nhân đắng, lại có thể thu hoạch được một trái ngọt, một trái lành được sao? Đại vương là bậc có trí, hãy trả lời cho Như Lai nghe với nào?

Đức vua Pāsenadi thất sắc, nín lặng.

- Lại nữa – đức Phật tiếp - Nếu có thần linh, thì thần linh là một loại chúng sanh tiến hóa bậc cao, có phước báu thù thắng hơn cõi người. Chẳng lẽ nào, các vị thần linh ấy lại thích hưởng thụ đầu súc vật, máu súc vật do đại vương dâng cúng? Nếu quả có loại thần ấy – thì nó còn tệ mạt, hạ liệt, thấp thỏi hơn con người - là quỷ dữ, là ác thần, là ác dạ-xoa đấy! Bọn quỷ xấu ác, thiếu phước ấy lại có thể hộ trì, giải trừ tai họa cho đại vương được sao?

Nghe đến ngang đây, đức vua cảm thấy trí sáng, thông suốt được vấn đề:

- Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được nghe tiếp!

- Vậy thì phải làm ngược lại, tâu đại vương! Nghĩa là phải tác ý, phải khởi tâm làm một việc lành, tốt, một ngàn việc lành, tốt. Và chính nhờ năng lực một ngàn việc lành tốt kia thì tức khắc tai họa, nếu có, sẽ tự động được giải trừ!

- Đệ tử hoàn toàn lãnh hội, đã hoàn toàn thấy rõ sự sai lầm của sự tế vật. Nhưng vừa rồi, đức Tôn Sư có sử dụng từ điều kiện cách, "nếu có", đệ tử chưa hiểu rõ lắm!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu- Như Lai thấy rõ rằng, chưa chắc đã có tai họa gì! Vì chiêm bao là lúc trạng thái tâm, trạng thái trí chập chờn, mơ màng - ở đấy là do các "tưởng"[1] đúc kết, vẽ vời không trung thực các hình ảnh hiện tại, quá khứ, vị lai mà thành! Có thể nó là lành tốt, có thể nó là xấu ác; nhưng các nhà chiêm tinh gia đoán mộng, từ xưa đến nay họ cốt ý để mưu sinh, để kiếm tiền nhiều hơn là có lòng tốt với khổ chủ!

- Nếu nó xấu ác thật sự thì sao, thưa đức Tôn Sư!

- Thì nên làm một ngàn điều lành, tốt để giải trừ - hay nên làm một ngàn việc xấu ác để tăng thêm tội thì tùy ý đại vương vậy!

Với cách đặt vấn đề thiện xảo như vậy, trí tuệ như vậy - đức Phật đã làm cho đức vua biết cách bố thí, trì giới, làm các công đức, thiện sự, phước sự... sau này! Ngay ngày hôm sau, đức vua cung thỉnh đức Phật và hội chúng 1000 vị tỳ-khưu làm một cuộc cúng dường lớn tại cung điện. Đức Phật và chư tăng đã đọc kệ phúc chúc, mong rằng với phước sự ấy, đức vua được tai qua nạn khỏi. Và quả thật, mấy ngày sau đó, đức vua cảm giác được an lành; và một làn gió mới, trong trẻo len vào đời sống tâm linh của nội cung, nội viện và cả triều thần. Hoàng hậu Mallikā là người sung sướng nhất vì bà đúng là người bạn đời hiền thiện, cao quý, đã sáng suốt, đã dịu dàng đưa cánh tay hoa sen của mình dẫn dắt ông vua chồng quyền uy hiển hách đi vào chánh đạo!

Đức Phật biết là đã đặt được nền móng giáo pháp vững chắc tại kinh đô này, quốc độ này; ngài lại chuẩn bị đi du hóa phương khác.

---

[1] Tri giác – Saññā.

Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh

Đức Phật và hội chúng đang chuẩn bị khởi hành thì đức vua Pāsenadi lại tìm đến Kỳ Viên lúc trời còn mù sương. Nhìn thấy đôi mắt thâm quầng của vị minh quân, đức Phật hướng tâm, biết chuyện gì đã xảy ra.

Sau khi mời an vị xong, đức Phật nói:

- Đại vương lại mất ngủ suốt đêm qua rồi!

- Thưa, đúng vậy!

- 16 giấc mộng kia lại tìm đến?

- Thưa, đúng vậy!

- Nó đến không nhanh, không chậm - mà ngay sau khi được sự bàn ra, tán vào của các lão quan tinh thông chiêm tinh, thuật số ở bên cạnh đại vương!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên, mở lớn đôi mắt:

- Hóa ra đức Tôn Sư đã biết rồi! Và ông bắt đầu tâm sự - Đệ tử sau khi nghe pháp, bố thí lớn, cúng dường lớn đến đức Tôn Sư và đại chúng, đệ tử cảm giác được an lành, yên ổn. Tuy nhiên, chỉ được mấy hôm, một số lão trượng bà-la-môn đại thần có thẩm quyền về chiêm tinh nhất, đến gặp đệ tử, nói rằng: Việc đại vương bố thí, cúng dường, ấy là việc tốt, nên làm; nhưng việc đoán mộng, giải mộng, đại vương cũng không nên bỏ qua, chớ nên thất lễ với thần linh; vì đấy là trí

khôn, kinh nghiệm được tích lũy cả hàng ngàn năm nay, chẳng lẽ nào... Thế xong, họ bỏ lửng câu nói. Nhưng mà đệ tử biết, họ muốn ám chỉ đức Tôn Sư...

Đức Phật mỉm cười:

- Ý họ nói, Như Lai không thể thông thái hơn trí khôn cả hàng ngàn năm cộng lại?

Đức vua im lặng, như thú nhận điều ấy là đúng.

- Lại còn có ý nói rằng, Như Lai chưa từng có thẩm quyền gì về chiêm tinh, về việc đoán mộng, giải mộng cả?

- Quả thật, họ đã có hàm chỉ như thế nhưng không dám nói - vì họ biết, đụng đến đức tin của đệ tử, của một ông vua, họ sẽ bị tội chém đầu!

Chậm rãi, tự tại, đức Phật nói:

- Đại vương cứ yên tâm. Về lãnh vực chiêm tinh, thuật số - Như Lai chưa từng biết, chưa từng thấy trên thế gian này có ai nghiên cứu tới nơi tới chốn bằng Như Lai. Như Lai còn đọc được cả những ký hiệu ngôn ngữ cổ xưa còn lưu lại nơi những tấm thẻ đồng, thẻ vàng trong điện thờ tại Kapilavatthu. Vậy, đối thoại về lãnh vực chiêm tinh, không cần đến Như Lai, chỉ cần hai vị đại đệ tử của Như Lai thôi, cũng đã là bậc thầy của tất thảy chiêm tinh gia trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này!

Nghe nói vậy, đức vua Pāsenadi vô cùng sung sướng, nở mặt, nở mày; ông dè dặt hỏi:

- Vậy thì sẽ có cuộc đối thoại, luận chiến về chiêm tinh để cho các vị bà-la-môn chiêm tinh kia sáng mắt ra, bạch đức Tôn Sư?

- Đúng vậy!

- Và đức Thế Tôn sẽ dạy cho họ một bài học?

- Không cần thiết! Một Sāriputtta hoặc một Moggallāna của Như Lai là đủ rồi!

- Vậy thì đệ tử sẽ bảo họ đến đây, tại Trúc Lâm đại tịnh xá để họ luận chiến về chiêm tinh, về 16 giấc mộng của đệ

tử với hai bậc thượng thủ của giáo hội!

Đức Phật xuyên sâu vào tâm lý, hiểu rõ cả tóc tơ của vấn đề, nói rằng:

- Hãy tạo sự ưu tiên và thuận lợi cho các nhà chiêm tinh, này đại vương! Như Lai sẽ bảo hai vị đại đệ tử đến ngay trên đất của họ, chỗ quen thuộc của họ! Nếu mà họ đến Trúc Lâm thì mọi thuận lợi, chúng ta đã chiếm hết tiên cơ mất rồi!

Xiết bao cảm phục, đức vua nói:

- Vậy thì ngay chiều nay, tại hoàng cung, đệ tử sẽ cho tổ chức một cuộc hội thảo về chiêm tinh. Một bên là các lão quan chiêm tinh, một bên là hai vị thượng thủ của giáo hội. Từng giấc mộng một, đệ tử sẽ kể lại, sau đó là nghị luận, luận giải của hai bên... Có hoàng gia và triều thần làm quan khách...

- Ừ! Quan khách sẽ có thêm một số đông tỳ-khưu trưởng lão nữa; và chính Như Lai chỉ ngồi lắng nghe!

Thế rồi, chiều hôm đó, tại hoàng cung, không khác gì một buổi thiết triều nhưng có thêm sự tham dự của đức Phật và 100 vị A-la-hán đứng đầu giáo hội. Đức vua muốn bố cáo chuyện này một cách rộng rãi nên ngoài triều thần, vua đã cho mời thêm một số nhân vật tai mắt trong kinh thành; đấy là các giáo phái chủ, giáo phái sư, các bà-la-môn đạo sĩ hữu danh, các đại triệu phú, các đại doanh gia, đại diện các nghiệp đoàn; nghĩa là đại diện đầy đủ các giai cấp trong xã hội...

Vị quan phụ trách nghi lễ, khánh tiết đã được tôn giả Sāriputta hướng dẫn cho cách sắp xếp các chỗ ngồi cho đức Phật và Tăng chúng, để làm sao tránh được hai cực đoan: Không nên quá kiểu cách, xa hoa như ở cung đình mà cũng không nên quá giản dị, xuề xòa như tại tịnh xá Kỳ Viên.

Hiểu ý đức Phật, đức vua Pāsenadi bỏ qua tất thảy mọi nghi thức. Vị đại lão thần bộ lễ (tương tự thượng thư bộ lễ),

tuyên bố lý do, đại ý nói rằng, vì những điềm triệu xảy ra trong giấc mộng của đức vua, liên hệ đến sức khỏe, tai nạn, bệnh tật, tuổi thọ của ngài - đồng thời còn liên hệ đến sự an nguy, khổ vui cho bá tánh và cả quốc độ - nên triều đình đã đứng ra tổ chức buổi hội thảo rộng rãi hôm nay. Một bên là hai vị đại đệ tử của đức Phật, một bên là các lão quan chiêm tinh. Đức vua tối cao của chúng ta lần lượt thuật lại các giấc mộng. Hy vọng rằng, với trí tài, với thông tuệ, học sâu, hiểu rộng của các bậc đại trí thức - các ngài sẽ đoán mộng, giải mộng cho đức vua trên tinh thần học thuật một cách nghiêm minh, chân xác, khách quan, trung thực để đem lại lợi ích chung cho toàn xã hội...

Nội dung buổi hội thảo, sau đó, diễn ra như sau.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy bốn con bò đực có sừng, sắc đen tuyền từ bốn hướng, chạy vào sân chầu với vẻ muốn đánh nhau. Thế rồi, dân chúng từ bên ngoài đổ xô đến xem. Nhưng bốn con bò chỉ ra bộ giận dữ, vần qua đảo lại, đạp đất, rùn mình, nghinh sừng ... ra oai một hồi rồi bỏ đi - chứ không đánh nhau. Đấy là giấc mộng thứ nhất của trẫm. Các lão quan chiêm tinh trước đây bảo là điềm xấu; bây giờ trước tất thảy mọi người, hãy cho trẫm biết, xấu là xấu như thế nào?

Một vị đứng dậy, tâu:

- Theo thần được học thì giấc mộng này báo triệu hai điều có thể xảy ra, đều là điều xấu! Nhưng nay nhờ có thần linh đã mách bảo cho đại vương để đại vương tìm cách giải nạn vẫn còn kịp thời. Thứ nhất, bốn con bò đen tuyền, có sừng, từ bốn hướng chạy vào sân chầu, ra oai muốn đánh nhau; ở đây muốn ám chỉ bốn lực lượng mạnh mẽ (có sừng) từ bốn phương của quốc độ, sẽ kéo quân về triều đình, có lẽ do quyền lợi, quyền lực, danh vọng gì đó nên đã đấu khẩu, tranh cãi lẫn nhau. Còn dân chúng thì bàng quan đứng xem, không can thiệp, vì đây là việc nội bộ của triều đình. Thứ

hai, bốn con bò đực có sừng, từ bốn hướng vào sân chầu cũng tượng trưng cho đất nước lửa gió, bốn sức mạnh của ngoại khí sẽ đe dọa bệnh tật, ốm đau cho bệ hạ. Thưa, đấy là thần đã giải đoán cái mộng thứ nhất là như vậy.

Vị quan bộ lễ cất tiếng hỏi:

- Các ngài trong bộ chiêm tinh, có bổ túc gì nữa không?

- Thưa không, đủ rồi!

Hướng qua hai vị đại đệ tử, vị ấy thưa:

- Bây giờ đến phiên giải mộng của giáo hội đức Tôn Sư.

Tôn giả Sāriputta đoan nghiêm đứng dậy, mỉm cười, phong thái ung dung, tĩnh tại:

- Thưa, tôi cũng có học chiêm tinh; nhưng có lẽ kinh qua quá nhiều khẩu truyền, quá nhiều nhà luận giải nên ngay chuyện bốn con bò đực, đen tuyền, có sừng, tôi lại có hai cách luận giải khác, nhưng đều là điềm tốt! Nay xin được trình bày cái kiến giải thô thiển này để mọi người cùng suy ngẫm, nhất là có đức Tôn Sư của chúng tôi ở đây.

Khai từ vừa khiêm tốn vừa chứng tỏ bản lãnh kiến thức, sở học về bộ môn này của tôn giả, tức khắc, lôi cuốn thính giả tham dự phải chăm chú lắng nghe. Tôn giả bèn hướng đến đức vua, tiếp tục:

- Đại vương khỏi lo. Đây là điềm triệu mai sau. Đại vương có khí cốt lớn, là chân mệnh đế vương, tương lai về sau, ngài còn có phước báu làm một đức Chuyển luân Thánh vương nữa! Điềm triệu này, nhắc nhở đại vương phải biết sống theo chánh pháp để đem lại an vui, hạnh phúc cho quốc độ. Nếu người đứng đầu một nước mà tham lam, bất chính, không có đạo đức thì triều đình cũng tham lam, bất chính, không có đạo đức, và muôn dân sẽ đau khổ, lầm than, kéo theo sát sanh, trộm cắp, tà vạy, bất chánh, dối láo. Nghĩa là khi cái ác, bất thiện pháp tăng trưởng thì thiện thiên thần, thiện dạ-xoa sẽ bỏ đi, các thế lực che chở cho quốc độ không còn nữa. Lúc ấy chuyện gì xảy ra? Bốn con bò đen có sừng

từ bốn hướng, nghĩa là mây đen bốn hướng, vần vũ tràn vào kinh thành, ầm ĩ, sấm chớp đùng đùng, hướng đông, hướng tây, hướng nam, hướng bắc... hầm hè như tranh giành nhau, nhưng rốt lại, vẫn không có mưa! Quốc độ rơi vào nạn hạn hán trầm trọng, mất mùa, đói kém, nhân dân trông chờ, kéo nhau đi xem, nhưng trời vẫn không cho họ một giọt nước. Vậy thì muốn mưa thuận, gió hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp thì đức vua phải chơn chánh, lấy mười vương pháp trị dân, theo đó, đại thần cũng chơn chánh, có đạo đức; muôn dân sống theo chánh pháp thì các thiện dạ-xoa, thiện thiên thần sẽ hoan hỷ theo để hộ trì quốc độ. Cách giải đoán thứ hai cũng tương tợ vậy. Bốn bò đen, có sừng, từ bốn phương tràn vào kinh thành, hầm hè muốn đánh nhau nhưng không làm gì cả rồi bỏ đi. Cũng vậy, đấy là binh lực đen tối từ bốn phương, có thể là các nước chư hầu, cũng có thể là các binh trấn, muốn nổi loạn, ai cũng muốn tranh quyền, cướp ngôi; ai cũng múa võ giương oai; ai cũng muốn áp đảo đối phương... Nhưng khi đến kinh thành, thấy uy lực của một đức vua sống theo chánh pháp, muôn dân thanh bình, đâu đó bình chân như vại nên họ phải tự động giải tán, mây tan, gió lặng...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta đưa mắt nhìn các nhà chiêm tinh, cất giọng êm dịu, hòa hoãn:

- Thú thật rằng, lời giải đoán của chư vị đều là cái "có thể"; mà lời giải đoán của tôi cũng là cái "có thể" làm sao biết nói ai đúng, ai sai...

Hội trường im lặng, rất nhiều người gật đầu lặng lẽ.

Vị quan bộ lễ cất giọng lớn:

- Từ một giấc mộng mà nhóm chiêm tinh gia giải đoán, có khả năng phát sanh hai điềm xấu; còn ngài sa-môn đại đức cũng giải đoán, lại có khả năng ngược lại, là hai điềm tốt! Đúng vậy, chưa biết lẽ phải, sự thật thuộc phần ai. Bây giờ, xin đức vua chí tôn cho nghe giấc mộng thứ hai.

Đức vua kể giấc mộng thứ hai:

- Trẫm thấy có một bụi cây con từ dưới đất trồi lên; khi nó mới cao chừng vài gang tay, thân đang còn xanh nõn đã đơm hoa sum suê rồi tức khắc kết trái, trĩu cành. Thật là lạ lùng. Xin các vị đoán cho.

Một vị chiêm tinh gia tóc bạc trắng, đứng dậy:

- Đây là điềm xấu, điềm dữ! Cây non mà sinh hoa kết trái thì thật là kinh khủng. Đấy là một báo triệu, thần linh sẽ giận dữ nếu không biết cúng tế đúng lễ nghi, phép tắc. Khi mà thần linh nổi trận lôi đình thì các vì tinh tú sẽ lệch vị trí, phương hướng; định luật của đất trời sẽ bị đảo lộn. Đất nước lửa gió bên trong, bên ngoài; thời tiết, mùa vụ, con người, sinh vật, thảo mộc... sẽ bị tác động mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường... Vậy thì không thể không cúng tế thần linh.

Lần này thì tôn giả Mahā Moggallāna trổ tài ngôn luận hùng biện:

- Đúng thay, hay thay! Vị lão trượng chiêm tinh gia đã giải đoán giấc mộng thứ hai này rất chính xác. Tôi cũng đồng ý đấy là điềm dữ, điềm xấu. Tôi cũng đồng ý đất trời đảo lộn, khí huyết tương xung mà sinh ra quái thai, dị chủng, nghịch thường... Tuy nhiên, việc ấy không phải xảy ra bây giờ mà đấy chỉ là dự báo trong tương lai. Xin các nhà tôn giáo học, tâm linh học, đạo đức học, giáo dục học, xã hội học, nhân văn học... hãy để tâm chuyên sâu nghiên cứu về lãnh vực này, nắm nguyên lý của nó mà đưa ra chiến lược, kế sách thích hợp để cứu cho xã hội, con người khỏi rơi vào thảm họa. Chính con người phải tự cứu con người chứ không có thần linh nào cả. Giấc mộng ấy sẽ trở thành hiện thực khi thế gian, thế giới này suy đồi. Con người nếu cứ tăng trưởng mãi mọi dục vọng, ác độc, xan tham, nghĩa là không có đạo đức và giới hạnh thì một mai nào đó sẽ phát sinh ngay trước mắt là những cô con gái rất non trẻ chưa đến

tuổi vị thành niên sẽ tìm cách sống chung với bọn đàn ông, không kể trẻ, không kể già, cốt là để thỏa mãn dục vọng, hai là bòn rút, kiếm chác bạc tiền. Và rồi, chúng sẽ thụ thai và sinh con. Cái cây non mởn mà sinh hoa kết trái là báo hiệu thảm họa này đấy; kéo theo sự đảo lộn thương luân bại lý cho toàn xã hội, gây nhiễm độc cho nhân sinh... Vậy thì xin thưa, chính chánh pháp mới cứu được cuộc đời, con người chứ không có thần linh nào ở đấy cả! Như thế, xin đại vương đừng lo gì cả vì đại vương đang sống trong chánh pháp!

Tôn giả Mahā Moggallāna đã phát biểu xong. Quả thật kiến giải ấy rất hợp với luận lý, phơi bày một sự thật có thể kiểm chứng được, hiểu được khi con người suy đồi phẩm chất.

Mọi người yên lặng, suy ngẫm cả hai cách lý giải. Không ai phát biểu ý kiến.

Vị quan Bộ Lễ tiếp tục:

- Xin bệ hạ kể cho nghe giấc mộng thứ ba.

Đức vua kể:

- Trẫm thấy một bầy bò cái cùng nhau bú sữa nơi bầy bò con, mà đáng thương thay, bầy bò con ấy mới chỉ sinh ra trong một ngày mà thôi!

Vị chiêm tinh giải đoán:

- Đấy là điềm xấu, điềm dữ liên hệ thần linh nổi giận! Đây là dấu hiệu những giá trị cổ xưa, những tín ngưỡng thiêng liêng từ ngàn năm không còn được tôn trọng, nể vì. Chúng ta đã sống tốt đẹp, được nuôi dưỡng trong những bầu sữa mẹ thiêng liêng của suối nguồn kinh điển Vệ-đà với những lễ nghi, tập tục, tế lễ, phúng tụng, chú thuật... đem thanh bình yên ổn cho xứ sở, được thần linh che chở. Nay nguồn sữa ấy không còn nữa, đã khô cạn. Rồi ai cũng tuân theo những chỉ dụ mới, đạo đức mới, lẽ phải mới cho đến nỗi thần linh cũng đói meo. Giá trị tốt đẹp, linh thiêng ngàn xưa, những người đại diện cho các giá trị cũ, phải sống gởi,

sống nhờ vào những chủ thuyết mới là những chú bê non mới sinh được một ngày, có thảm thương không chứ! Than ôi!

Tôn giả Sāriputta thấy đã đến phiên mình, đứng dậy, phản bác lời kiến giải ấy. Tôn giả nói:

- Biện giải ấy hơi áp đặt, chủ quan; nếu không muốn nói là tự bảo vệ cho mình, lại còn quy cho việc thần linh nổi giận hầu gợi ý cho đức vua chí tôn chúng ta phải tổ chức đại tế, trung tế, tiểu tế rất tốn kém hằng ngàn sinh mệnh của súc vật, của chúng hữu tình cùng với những thúng vàng, thúng bạc từ máu mủ thuế khóa của nhân dân! Giấc mộng ấy rất đơn giản, bậc có trí nghe qua, tức hiểu.

Hướng qua đức vua, tôn giả nói:

- Giấc mộng ấy ứng về tương lai, liên hệ nhân sinh chứ không phải thần linh. Khi đạo đức, luân thường của xã hội không còn được duy trì thì thế hệ người già, bô lão không còn được tôn trọng nữa! Vào thời ấy, con cái không còn biết kính trọng cha mẹ hay nhạc phụ, nhạc mẫu của mình. Chính chúng làm ra tiền, ra bạc nên sẽ cai quản tài sản gia đình. Và nếu vui, chúng sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc; còn nếu không thích, do buồn bực, chúng sẽ hất hủi cha mẹ và chỉ cho ăn, cho uống một cách lấy lệ, cầm chừng. Và lúc ấy, lớp người già yếu cô độc, sống rất thiếu thốn, hoàn toàn lệ thuộc vào con cháu, lây lất qua ngày tùy theo ân huệ ban bố của cháu con mình giống như bò cái bú sữa bò con một cách tội nghiệp! Đây là hiện tượng báo triệu nhân luân suy đồi, con cháu bất hiếu chứ không liên hệ gì đến thần linh cả. Xin đại vương sáng suốt, anh minh để nhận ra sự thật ấy và tất thảy cử tọa thính chúng đồng suy ngẫm!

Đức Phật mỉm cười, nhẹ gật đầu. Đức vua cũng gật đầu, áng chừng là đã thấu hiểu. Và rất đông cử tọa như đồng thuận lời giải đoán của tôn giả Sāriputta hơn.

Lần này thì đức vua kể giấc mộng thứ tư của mình:

- Trẫm thấy người ta buộc những con bò lực lưỡng vào một nơi, rồi đem cả đàn bò con buộc vào những cỗ xe lớn, bắt kéo xe. Thế là đàn bò con, do sức yếu nên xe không chuyển dịch được, cứ đứng yên như thế. Thật lạ đời. Các thầy chiêm tinh cũng bảo là điềm xấu, điềm dữ, phải lo cúng tế nhưng không cho trẫm biết lý do tại sao! Trẫm lo lắm!

Đây là lời giải của phe chiêm tinh gia:

- Cũng là điềm dữ, điềm xấu mà thần linh đã báo triệu cho đức vua. Thần linh nhắc nhở rằng, đức vua phải biết quý trọng, tôn trọng các lão thần đã có công với xã tắc từ thời tiên đế. Đấy đa phần là các bà-la-môn trọng thần hoặc hoàng gia quý tộc lão niên đảm nhận, duy trì các chức vụ trọng yếu thì giang sơn mới ổn định được, tâu đại vương! Còn nếu dùng các lớp trẻ, trẻ người non dạ, chưa trưởng thành, thiếu kinh nghiệm thì làm sao gánh nổi trọng trách quốc gia? Xin đại vương phải biết lễ tạ thần linh về sự báo triệu ấy! Đàn bò con mà bắt kéo xe, đàn bò mạnh mẽ lực lưỡng thì đem buộc vào một nơi, cho ngồi chơi xơi nước thì uổng phí nhân tài quốc gia!

Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu:

- Đúng! Tôi cũng giải đoán như thế. Nhưng đây là dự báo về những ông vua bất minh, vô học, không có giới hạnh trong tương lai. Do dục vọng, xan tham, ngu dốt không biết tôn trọng, tin dùng những bậc hiền triết, những nhà thông thái, trí thức, học giả; những người am hiểu lịch sử, văn học, luật pháp cổ kim, những vị cố vấn đa mưu túc kế... để cùng lãnh đạo, cầm cán cân điều hành, có tâm, có tầm để làm cho dân giàu, nước mạnh. Các vị có đạo đức và trí tài này bị đức vua quản thúc, cột lại một đống, một chùm quăng vất một bên, không dùng nữa; vì họ hay nói ngay, nói thẳng, liêm khiết và chính trực; họ chỉ biết nghe lời phải, không biết nịnh bợ, cúi luồn, không chịu bán rẻ lương tâm vì quyền lợi vật chất! Đức vua chỉ sử dụng người nào giỏi ăn, khéo nói,

biết quỳ gối, biết khom lưng; kẻ nào biết đem đến nguồn lợi, tạo tiện nghi cho ông ta hưởng thụ ngũ dục đến đỗi bóc lột dân đen cũng không sao. Thời này không còn nói đến công bằng và lẽ phải nữa. Trên pháp đình, những vị quan tòa béo nục, béo tròn, mặt đỏ gay, ai hối lộ cho y nhiều tiền thì thắng cuộc, trắng án; ai không biết luật của đồng tiền vàng thì ở tù rục xương, bị tử hình, bị đóng gông, khắc dấu lưu đày! Các vị quan mới, đa phần là trẻ, thiếu mọi kiến thức chuyên môn nhưng nhờ là con cháu trọc phú hoặc bọn chúng cùng ở một vây cánh, được cất nhắc đưa lên quan to! Vậy là đám người này, đủ mọi thành phần ngu dốt, thiếu đạo đức, vô học lại đảm nhận trách nhiệm lớn lao thì làm sao đủ sức? Giềng mối quốc gia không nghiêng ngả, không điên đảo, không rơi vào vực thẳm mới là chuyện lạ!

Tâu đại vương! Chuyện này chưa xảy ra ở đây. Hiện tại, đức vua không tin dùng một số lão thần và có tin dùng một số người trẻ tuổi thì chưa phải là điềm dở, điềm xấu mà ngược lại, là điềm tốt, điềm hay! Tại sao vậy, tại vì các vị lão thần ấy đã suy kiệt năng lực, trí não đã lão suy, đạo đức đã giảm sút mà cứ mãi ăn trên ngồi trước, tự tại, tự thị trên đầu thiên hạ mà phán quyết, mà kể công! Hạng đại quan ấy cho nghỉ về vườn là đúng! Còn lớp trẻ, tuy trẻ thiệt, nhưng đã qua trường lớp đào tạo chính quy, thâu hái những kiến thức chuyên môn tại đại học Takkasilā nổi danh xưa nay thì tùy trí tài mà đặt đúng nơi đúng chỗ! Dùng họ là anh minh, sáng suốt. Đây chính mới là đàn bò thanh niên, sung sức, lực lưỡng nên để họ kéo xe! Phải biết thu dụng, khuyến khích và nâng đỡ hiền tài. Xin đại vương hãy yên tâm! Điềm báo triệu kia chỉ để dành cho những quốc gia suy đồi, băng hoại bất kể nơi đâu, khi đạo đức, lẽ phải, tình thương xuống cấp, và dục vọng, ngu si, dốt nát lên ngôi!

Tôn giả Mahā Moggallāna ngưng nói đã lâu mà mọi người không ai có ý kiến gì. Họ có vẻ suy nghĩ. Dầu sao,

bên nào cũng đúng cả nhưng có khác là phải cúng tế thần linh hay không cúng tế thần linh mà thôi. Mọi người thông qua.

Đức vua kể giấc mộng thứ năm:

- Trẫm mơ thấy một con ngựa hai bên có hai cái mồm. Rồi nó ăn cả hai mồm cùng một lúc?

Nhóm chiêm tinh giải đoán:

- Là điềm xấu, điềm dữ. Nếu không cúng tế thần linh với đầu và máu súc vật thì sau này, người ít mà súc vật nhiều, chúng sẽ ăn hết vật thực của mọi người, như con ngựa mà ăn cả hai mồm cùng một lúc vậy!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Các quan chiêm tinh đã đi quá xa rồi. Đây chỉ là điềm báo triệu tương lai, khi ông vua bất minh, tham lam thì triều đình cũng tham lam, bất chánh. Những vị phán quan đáng lẽ ra phải cầm cán cân công lý cho công minh, phải chính trực và liêm khiết nhưng chúng vơ vét của hối lộ vào cái túi tham không đáy. Chúng tìm cách ăn cả hai bên, cả bên nguyên và bên bị - như con ngựa có hai cái mồm cùng ăn một lúc vậy. Rõ ràng là như thế. Xin hội đồng sáng suốt phân định đúng sai!

Mọi người nghiêng về kiến giải của tôn giả.

Đức vua kể giấc mộng thứ sáu:

- Trẫm thấy có người cầm cái bát vàng quý báu đáng giá một trăm ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇā lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy! Điềm triệu gì mà quái gở quá sức?

Nhóm chiêm tinh:

- Vẫn là điềm dữ, điềm hung! Cái bát vàng quý giá là tượng trưng cho vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng của đất nước. Vậy, vận mệnh quốc gia và những giá trị thiêng liêng ấy phải biết giao phó cho tập cấp quý phái, cao sang, thượng đẳng của xã hội thì mới tương xứng. Xin đại

vương hãy thận trọng đừng sử dụng, cất nhắc những người không xứng đáng như con chó rừng già nua lại tiểu tiện nơi cái bát vàng, nếu không thần linh sẽ nổi giận!

Đến chỗ này, chợt nhiên đức vua cười ha hả, hào sảng:

- Được lắm! Các ngươi lúc nào cũng thần linh, thần linh! Rồi còn nói cạnh, nói khóe trẫm đã cất nhắc một số vị quan trẻ thuộc hai cấp dưới là vệ-xá và thủ-đà-la! Họ có trí tài lắm đấy! Họ không phải là kẻ hạ lưu đâu! Họ không phải là chó rừng già nua đâu!

Tôn giả Mahā Moggallāna cũng mỉm cười:

- Họ nói cũng có phần đúng, tâu đại vương! Và con chó rừng già nua kia có lẽ là những người già lão thiểu trí, liệt tuệ, thiếu đạo đức, thiếu tất thảy mọi khả năng để có thể điều hành, quản lý chuyện trọng đại của quốc gia! Tuy nhiên, đây chỉ là tiên tri thuộc về tương lai, nhưng đại vương nên để tâm ngay từ bây giờ cũng không muộn! Điều đáng nói nữa là, hạ lưu, hạ đẳng ở đây không ám chỉ giai cấp mà muốn nói đến sự thối đọa, xuống cấp của con người; kẻ thiếu nhân cách, kẻ đã đánh mất phẩm giá của mình, tâu đại vương!

Các vị quan chiêm tinh và một số lão thần đã tự xét mình nên xấu hổ cúi mặt. Đức vua biết nhưng cứ giả vờ không biết, kể tiếp giấc mộng thứ bảy:

- Trẫm thấy một người đang đan bện một sợi dây thừng. Sợi dây ngày một dài, được thả xuống đất, lượn ra sau chỗ ghế ngồi. Một con chó rừng, ốm gio xương, ngồi chồm hổm bên sau, có vẻ do quá đói nên cứ hễ sợi dây thừng dài ra được khúc nào thì nó gặm ngay khúc ấy mà người đan bện chẳng hề hay biết. Thế là thế nào hở các quan chiêm tinh?

Đức vua hỏi hồi lâu mới có vị đứng dậy tâu:

- Chúng thần không dám đoán nữa, vì nếu có đoán, có luận giải gì thì cũng không ra ngoài việc cúng tế thần linh và những kiến giải bảo vệ tập cấp và truyền thống tín ngưỡng cổ truyền. Điều này, chúng hạ thần không có lỗi; vả chăng,

tất thảy đều phát xuất từ kinh điển Vệ-đà mà chúng hạ thần đã được học từ tấm bé!

Đức vua cười giòn:

- Ừ, nếu nói vậy thì tốt! Nói vậy chứng tỏ các khanh đúng là bậc thức giả! Sau khi trẫm học hiểu được chút ít giáo pháp của đức Thế Tôn, một giáo pháp có trọng tâm là hoàn thiện những phẩm tính cao đẹp của con người, trẫm không còn tin vào hệ thống, trật tự, quy định phẩm chất con người tùy thuộc các giai cấp nữa. Đâu phải cứ hai giai cấp trên là tốt, là hay, còn hai giai cấp dưới là xấu, là dở! Bằng chứng là chánh hậu của trẫm, tuy thuộc giai cấp thủ-đà-la, nhưng kẻ khó tính nhất, bảo hoàng hay xét nét nhất cũng phải công nhận tư cách, phẩm hạnh của nàng đúng là bậc mẫu nghi thiên hạ! Trẫm chán lắm rồi những cái quy định, những cái phạm trù, những cái ước lệ được xem như là thước đo, những chân lý có sẵn ấy!

Có những tiếng lời lao xao:

- Đúng là bậc minh quân!

- Những thấy biết, kiến giải ấy rất mới mẻ, đã đi ngoài truyền thống nhưng rất thuyết phục, tiến bộ!

Đức Phật bây giờ mới lên tiếng:

- Hay lắm! Đại vương và triều thần đều đã trực nhận được một phần tinh tủy giáo pháp của Như Lai! Một giáo pháp không có thần linh, nói cách khác, không nô lệ thần quyền, mà trọng tâm là vì con người và cho con người; những thấy biết khổ đau, phiền não cùng sự tu tập làm sao để giải trừ, làm cho vắng mặt, tịch diệt những khổ đau và phiền não ấy! Mỗi người phải tự nắm vận mệnh, định mệnh mình mà lên đường; khổ hay lạc, sinh tử hay Niết-bàn đều nằm nơi tấm thân một trượng này cùng với cảm giác và tri giác này!

Đức vua khẽ cúi đầu:

- Tri ân đức Tôn Sư! Rồi đức vua đưa mắt nhìn khắp

triều cung, cất giọng dõng dạc - Trẫm không cần các chiêm tinh gia đại thần đoán mộng nữa. Các vị nói như thế nào, đoán như thế nào thì chỉ có một quyển sách, và trẫm cũng đã tiên đoán được quyển sách ấy nói gì, phán như thế nào! Trẫm chỉ cần nghe những lời khuyên, những chuyện sẽ xảy ra trong tương lai như thế nào để tự răn giữ mình. Bây giờ, xin nhị vị thượng thủ của giáo hội tiếp tục giải minh giấc mộng thứ bảy của đệ tử.

Hai vị tôn giả đồng thanh nói:

- Xin tuân mệnh đại vương!

Rồi tôn giả Sāriputta nói:

- Giấc mộng này sẽ trở thành hiện thực, một vị lai nào đó khi đức vua, bá quan bất chánh, xã tắc suy đồi, đổ nát; mọi giá trị tinh thần bị xem nhẹ, coi khinh thì con người sẽ sa đọa, xuống cấp, bản năng và thú tính lên ngôi, ai cũng tìm cách hưởng thọ ngũ dục. Cha mẹ chăm chỉ làm ra của cải, tài sản thì con cái phá tán để ăn chơi phè phỡn, đàn đúm, cờ bạc, rượu chè! Chồng làm ra bạc tiền, lúa gạo thì bà vợ lăng loàn bớt xén để hú hí, ngoại tình với trai. Vợ đảm đang, đầu tắt mặt tối ruộng đồng, nương vườn, ao cá, trồng dâu nuôi tằm thì chồng phung phí với bạn bè, gái điếm, thanh lâu... Những công phu đan bện những sợi dây thừng bị con chó rừng núp bên sau ăn hết là ám chỉ người trong một gia đình ăn chặn, gặm khới chứ không phải người xa lạ, tâu đại vương!

- À, à! Đức vua chợt nói - Trẫm nhớ lầm, dường như là con chó cái thì phải!

- Nếu vậy thì ứng vào nữ nhân! Tôn giả tiếp tục giải đoán - Nữ nhân không còn biết việc tề gia nội trợ nữa, chỉ biết ăn chơi phóng đãng, đánh cắp tiền bạc của cải của cha mẹ hoặc của chồng con để chạy theo bọn đàn ông vô lại. Bọn nữ nhân này chỉ biết trang điểm vòng hoa, sáp thơm, xiêm y diêm dúa bòn rút sản nghiệp của những người chồng

khốn khổ, tội nghiệp để du hí với tình nhân!

- Trẫm hiểu rồi! Còn bây giờ là giấc mộng thứ tám. Trẫm thấy chính giữa hoàng môn có một cái bình lớn, trang trí châu báu, cực quý, nước đầy tràn; còn xung quanh là những chiếc bình đất xấu xí, sứt mẻ, bên trong khô nước. Rồi từ khắp bốn hướng có bốn dòng người có đủ bốn thành phần giai cấp sát-đế lỵ, bà-la-môn, vệ-xá, thủ-đà-la, liên tục đội những ghè nước đổ vào bình lớn, nước đã đầy tràn rồi nhưng họ cứ đổ hoài, đổ mãi! Chẳng ai thèm để ý những chiếc bình đất khô nước ở xung quanh! Ồ, thật là lạ lùng!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Chẳng lạ lùng gì cả, tâu đại vương! Chuyện đó sẽ xảy ra trong tương lai. Đây là thời đại của những vua chúa bất chánh, đa đâm dục, hư đốn, độc tài, độc quyền, độc trị, bắt cả bốn giai cấp trong xã hội cung phụng cho mình, cho hoàng gia, cho bầu đoàn thê thiếp, cung phi, mỹ nữ của mình. Dân chúng nai lưng ra làm việc. Họ quần quật cày bừa, đồng sâu đồng cạn, gieo lúa, trỉa hạt... đến khi thu hoạch phải nộp cho triều đình, đã đầy tràn thì đầy tràn thêm nữa, còn kho lẫm của họ thì trống trơn! Việc trồng mía làm đường, nấu mật, các loại hương hoa, cây trái khác cũng tương tợ vậy... phải nộp hết cho bọn thống trị, dân chúng không còn gì, đâu dám liếc mắt trông xem gia đình mình no đói ra sao!

Đức vua nhăn mày:

- Quả thật có cái loại vua chúa như vậy sao, thưa đại đức?

- Khi nhân tâm, đạo đức suy đồi thì con người còn độc ác và tồi tệ hơn cả sài lang, rắn rít, tâu đại vương!

Một hồi, đức vua kể lại giấc mộng thứ chín:

- Trẫm thấy một hồ nước sâu có bờ cao bao quanh, mọc đầy năm loại hoa sen. Lạ lùng là bốn phía bờ hồ, nước cạn, lại trong trẻo, các loài vật hai chân, bốn chân kéo xuống tha

hồ uống nước, vọc nước, tắm rửa. Chính giữa hồ, nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn; chẳng có con thú nào dại khờ ra đấy cả. Thế là sao, chư đại đức?

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Giấc mơ này trong tương lai sẽ trở thành hiện thực khi vua chúa vơ vét, bóc lột của dân cả bốn giai cấp tương tợ như giấc mộng trước. Không còn đạo lý, không còn công lý, chỉ có lẽ phải của tiền bạc cùng sự gian ác. Bọn này không có một chút xíu thương xót, yêu mến dân chúng; họ chà đạp bầy tôi như ép mía và đánh thuế đến độ dân chẳng còn một đồng xu dính túi. Vì không còn sống nổi nữa khi sưu thuế cứ mãi gánh nặng trên lưng; họ bỏ phố, bỏ thành, bỏ làng mạc, dắt díu nhau đến sống tại những miền biên địa rồi khai hoang lập ấp ở đấy. Thời gian sau, ở những nơi này trở thành những xóm làng sầm uất, dân cư đông đúc và đời sống ấm no. Chuyện này ứng hợp hiện tượng nước bốn bờ hồ trong vắt là nơi dân chúng vui vẻ sinh sống, còn giữa hồ đục ngầu là do kinh thành điêu tàn, đổ nát không còn dân cư ở đấy nữa!

Đức vua gật gật đầu, kể tiếp giấc mơ thứ mười:

- Trẫm thấy cơm sôi trong nồi nhưng mà sao trông nó lại lộn chộn, lạo chạo chứ không được khuấy đều. Khi bưng xuống bếp thì nồi cơm chia làm ba phần rõ rệt: Phần nhão nhoẹt, phần thì sống sượng, chỉ có một phần chín trông thật ngon lành! Điềm triệu gì mà lạ vậy, thưa đại đức!

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Cũng tương tợ vậy, chúng sẽ trở thành hiện thực trong tương lai. Vua chúa bất công, các quan đại thần bất chính kéo theo các bà-la-môn gia chủ, trưởng giả, thị dân, nông dân cũng thế, trở thành bất chánh cả. Kế đó là các vị thần linh mà chúng tôn thờ, tế lễ như thọ thần, sơn thần, hải thần, giang thần, địa thần cũng trở thành bất chánh luôn! Rồi thì những cơn gió thổi qua lãnh thổ của vị hôn quân bất chánh

ấy sẽ trở thành những trận cuồng phong, điên đảo, hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài, cung điện trên thiên giới khiến Tứ đại thiên vương bực mình, chư thiên phẫn nộ làm cho thời tiết, khí hậu, mùa tiết chuyển đổi thất thường, mưa nắng bất trắc. Chỉ trong một vùng, một miền mà chỗ này thì nắng hạn, khô cháy đất đai, ruộng đồng, vườn tược, cây trái, hoa màu bị thiêu cháy, vàng úa; chỗ kia thì lũ lụt, úng thủy làm cho ngũ cốc bị ngâm trong làn nước bạc. Tuy nhiên vẫn có được một vài xóm làng hiền lương, có đạo đức thì mưa thuận, gió hòa, dân chúng có được cái ăn, cái mặc. Hiện tình đất nước có khác gì nồi cơm chia làm ba phần khác nhau như giấc mộng của bệ hạ đâu?

Đức vua đáp:

- Đúng là vậy! Nhưng mà trẫm thắc mắc, rằng là chư thiên mà cũng nổi giận hay sao?

- Không những chư thiên mà Đế Thích thiên chủ đôi khi cũng tham lam, nóng nảy, ganh tỵ kia mà! Họ chỉ là chúng sanh thôi, tâu đại vương! May nhờ có chút ít phước báu mà sinh thiên giới, nhưng họ cũng đầy rẫy tham sân si như con người vậy! Họ cũng thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét mà sinh ra nhiều chuyện điên đảo, thị phi lắm chớ!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười một:

- Trẫm thấy một người, hình dáng chẳng giống tăng, chẳng giống tục đã đem lấy gỗ chiên đàn trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muỗng bơ tươi để ăn, không dính răng. Sao có kẻ tham ăn ngu ngốc đến thế?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Điềm triệu này vừa ứng hợp với tình trạng đất nước suy đồi trong tương lai mà cũng ứng hợp lúc giáo pháp suy tàn. Bọn vua chúa đục khoét, hút máu mủ của dân chưa đủ; chúng còn cắt từng phần đất đai, lãnh thổ đem bán, đổi chác hoặc sang nhượng cho ngoại bang, cho bọn trọc phú cơ hội vừa ngoi lên để vinh thân phì gia, ăn chơi du hí, thỏa mãn

ngũ dục thấp hèn! Đấy, đấy, có khác gì lấy gỗ trầm hương quý báu, đáng giá trăm ngàn đồng tiền vàng để đổi lấy một muỗng bơ tươi? Ôi! Cái đó, xem vậy mà chưa nguy hại khi đem so vào thời buổi chánh pháp suy tàn. Thời ấy, nhiều ông tỳ-khưu tham lam, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi sẽ xuất hiện nhiều như lá vàng mùa thu, chúng thuyết giảng giáo pháp chỉ với mục đích miếng cơm manh áo chứ không phải mục đích cao thượng! Chúng sẵn sàng từ bỏ chánh pháp, giáo hội để chạy theo bọn tà giáo, hàng ngũ của quỷ ma miễn là được no thân, ấm cật, rủng rỉnh bạc tiền, danh vọng, địa vị, lợi dưỡng! Chúng dùng đủ mọi lời lẽ hoa mỹ, dịu dàng, ngọt như đường mật, có vẻ trí thức, cao siêu để dụ dỗ quần chúng nhẹ dạ, cả tin. Chúng cúi đầu, khòm lưng để luồn lọt chỗ này, chỗ khác. Chúng ngồi ở đại lộ, góc đường, giảng đường, đền miếu to nhỏ. Chúng ton hót, nịnh bợ để được ghế ngồi cao, được nổi tiếng. Giáo pháp cao quý, thiêng liêng, trong sạch, thánh hạnh, nhưng khi mà chúng thuyết giảng thì mục đích lại bốc mùi hạ liệt, hơi đồng, hơi bạc, hơi vàng, thực phẩm thượng vị, y phục đắt tiền thì có khác gì đem đổi chiên đàn hương để lấy một muỗng bơ tươi? Thế đấy, cái con người ấy trông chẳng giống tăng, chẳng giống tục là vì vậy, có lẽ giống ngạ quỷ, có phải vậy không đại vương?

Đức vua nói:

- Trẫm hiểu rồi! Hiểu rất thấm thía nữa là đằng khác. Bây giờ trẫm lại kể thêm giấc mộng thứ mười hai. Nó như thế này: Trẫm thấy dây bầu, dây bí rỗng ruột mà sao chúng lại chìm xuống nước, chìm sâu trong nước?

Tôn giả Mahā Moggallāna trả lời:

- Đây cũng là báo triệu thuộc thời vị lai. Sẽ có thời mà thế giới điên đảo, trí ngu điên đảo; bọn vua chúa do tham ác và ngu si nên không tin dùng giới trí thức nữa mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, bọn vô học có cái tài bẻm mép môi lưỡi và biết

cúi luồn, nịnh bợ. Tại triều đình, cung môn, pháp tòa, các trấn thành, những chức vụ trọng yếu, quyền cao, bổng lớn đều là của bọn hạ đẳng, là nơi thao túng của bọn bụng to nhưng rỗng óc này. Đấy, chúng là những dây bí dây bầu rỗng ruột mà có sức nặng ghê gớm có thể khuynh loát cả tổ quốc, giang san! Trong hội chúng tỳ-khưu cũng thế! Nơi các cuộc đàm luận, hội thảo lớn nhỏ, trong việc cúng dường thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu; kể cả việc xây cất chùa tháp... ở đâu cũng là ý kiến quyết định của bọn tỳ-khưu ác dục, vô trí, vô giới, còn ý kiến của các vị có giới hạnh, thiểu dục, tri túc thì không còn được ai xem trọng nữa. Đấy cũng là hiện tượng suy đồi chung, tâu đại vương!

Đức vua kể giấc mộng thứ mười ba:

- Trẫm thấy những tảng đá to lớn bằng cả ngôi nhà nhưng lại nổi bồng bềnh trên nước, từ đoạn sông này sang sông khúc kia như thuyền bè không khác?

Tôn giả Sāriputta đáp:

- Cũng tương tợ như trên, tâu đại vương! Những tảng đá lớn, nặng ấy tượng trưng cho giới có học, là tri thức của xã hội; họ bị coi khinh, xem nhẹ nên chúng nổi lềnh bềnh nơi này và nơi khác như bèo dạt hoa trôi thấy mà xót thương! Trong hội chúng tỳ-khưu cũng thế! Lời của các bậc tôn trưởng, các bậc tối thắng về giới, định và tuệ đối với bọn ác tăng đâu có nghĩa lý gì, chỉ như những tảng đá nổi lềnh phềnh, trôi dạt nơi này đến nơi khác. Quần chúng chỉ biết nghe theo bọn tà hạnh, bất chánh, ác dục ấy nên đời sống tinh thần của xã hội đã đen tối lại càng đen tối hơn! Nhưng biết làm sao được, có lúc, trên thế gian này, khi chánh pháp suy đồi, các giá trị thượng đẳng, thanh cao, thù diệu được thay thế bởi các giá trị hạ đẳng, thấp hèn, tối tăm thì những cái gì thiêng liêng, cao khiết nhất cũng trở nên nhẹ phều, không trọng lương, phải lang thang, bập bềnh, trôi dạt tại các sông cái, sông con nơi trần thế; không còn ai tin dùng và

sống theo những giá trị ấy nữa! Chúng xưa rồi, cũ rồi, lạc hậu rồi! Đến lúc này thì không những bậc trí thở dài, các nhà đạo đức cay mắt mà cát đá vô tình cũng phải thở dài, cũng cay mắt, tâu đại vương!

- Hay lắm! Đại đức ví von hay lắm! Trẫm thấm thía tận ruột gan! Cảm ân đại đức lắm lắm! Còn bây giờ là giấc mộng thứ mười bốn. Trẫm thấy những con nhái bén cỡ bằng mấy cánh hoa nhỏ tí tẹo lại nhanh nhẹn săn bắt những con rắn khổng lồ, cắn đứt chúng ra từng khúc như các ngó sen rồi nhai nuốt ngấu nghiến, chốc lát là sạch trơn. Việc gì sẽ xảy ra từ cái điềm triệu kỳ quặc ấy, thưa đại đức?

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Những con nhái bén nhỏ tí tẹo ấy chính là những cô gái trẻ, đẹp, non tơ, xinh xắn; chúng đã bắt hồn, đã hớp hồn những ông lớn trong xã hội từ vua chúa, các quan đại thần, các vị tổng trấn, các đại triệu phú, các đại danh gia, doanh gia, các đại gia chủ bà-la-môn, các giáo chủ và các đại giáo chủ, các vị trụ trì, các vị phó trụ trì, chức sắc lãnh đạo giáo hội lớn, giáo hội nhỏ... đấy, tâu đại vương! Khi mà dục vọng hưởng thụ lên ngôi chúa tể thì tửu sắc chính là chiếc mồ chôn biết bao trang nam nhi hảo hán trên đời. Những hầu non, thiếp non, bê non, gái non ấy, với thân xác nõn nà, nụ cười lả lơi, khóe mắt đong đưa, mùi hương quyến rũ, ăn mặc gợi tình... đã làm cho thế gian điên đảo, thành trì nghiêng ngả, tôn miếu, xã tắc điêu linh họ đã cắt khúc danh dự, địa vị, quyền lực, bạc tiền, sự nghiệp của nam nhân, thanh niên, trung niên, lão niên mà nhai nuốt ngấu nghiến thì có lạ gì đâu? Đây là thời suy đồi, ngũ dục được tôn vinh, và cái của nợ của đàn ông, đàn bà được tôn thờ trên các đền miếu, thánh miếu! Thế gian lúc ấy chỉ còn biết nô lệ vào đám con gái trẻ măng; quỳ gối, hầu hạ và tôn xưng chúng là nữ vương khoái lạc! Đến lúc này lại bắt đầu xuất hiện thêm những tôn giáo, tín ngưỡng lấy chuyện bí quyết phòng the,

dâm dục nam nữ để mà tu tập, mà hành trì cho đến nơi giác ngộ, giải thoát đấy, tâu đại vương!

- Thật là kinh khiếp - Đức vua nói - Nữ nhân phước mỏng, nghiệp dày nhưng mà tham vọng, dục vọng có người còn mãnh liệt hơn cả đàn ông! Phải có biện pháp chế tài mới được!

- Luật Manu đã chế tài, đã giới hạn trí thức, quyền lợi cũng như các chức năng của họ trong xã hội rồi đấy, tâu đại vương!

- Nhưng cái luật ấy, đem áp dụng lâu ngày thì lại biến nữ nhân thành một loại nô lệ mới, trở thành bất bình đẳng một cách oan nghiệt!

Tôn giả cất giọng điềm đạm:

- Phải gỡ thoát cho họ, chút ít, từ từ như đức Tôn Sư đã từng chế tài ni giới trong bát kỉnh pháp, nhưng phải tôn trọng họ để họ phát triển mọi khả năng có thể. Tuy nhiên, chỉ một thời gian tồn tại nào đó thôi, đến lúc ni chúng họ xé bỏ bát kỉnh pháp, họ đòi bình đẳng, ngang hàng với tỳ-khưu tăng, đôi khi họ còn lãnh đạo và sai bảo tỳ-khưu tăng; còn cả gan truyền thụ giới pháp cụ túc cho tỳ-khưu tăng nữa. Lúc ấy thì chánh pháp đã suy tàn, chiếc y cà-sa chỉ còn là một mảnh vải vàng vắt qua lỗ tai mà thôi!

Đức vua thở dài.

Tôn giả nói tiếp:

- Chánh pháp mà cũng còn thành, trụ, hoại, vong - huống gì phi pháp, huống gì những chế định của thế gian pháp, tâu đại vương! Hãy kể lại giấc mộng thứ mười lăm đi thôi, đại vương!

- Vâng, vâng! Đức vua kể tiếp - Trẫm thấy một con quạ đồng quê đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, đó là loài chim có lông màu vàng ánh được gọi là kim nga vương giả theo hầu hai bên! Điềm gì lạ vậy, đại đức?

Đến phiên tôn giả Sāriputta:

- Cũng dễ hiểu thôi, đại vương! Sẽ có thời đảo lộn quyền lực, tập cấp, địa vị trên thế gian này. Những người thuộc giai cấp dưới đáy xã hội như thủ-đà-la, chiên-đà-la bị bóc lột, áp bức lâu ngày tức nước vỡ bờ, họ vùng dậy với đao gươm, giáo mác, cung tên, búa rìu... để lật đổ những tên bạo chúa... rồi lên ngôi, cai trị đất nước. Bọn này đa phần vô học, ngu si, nghiệp dày nên tham ác, bất chánh... tương tợ như con quạ đồng quê với mười ác hạnh không khác. Giới cấp lãnh đạo xã hội mới này cùng tập cấp với vua chúa mới... như cày ruộng, thợ săn, hớt tóc, thợ gốm, thợ làm cung tên, thợ xây, thợ hồ... nắm mọi chức vụ, quyền hành nên tha hồ tham nhũng, vơ vét của công để thành những chủ nhân ông mới, trưởng giả mới, trọc phú mới. Thế rồi, thành phần trí thức, có học trong xã hội, ban đầu thì bất cộng tác, muốn giữ gìn sự trong sạch cho mình nên không chịu thò chân vào vũng nước đục. Sau, do miếng cơm, manh áo, do gia đình đói khổ, túng quẫn quá họ đành phải theo hầu, làm thuộc hạ giai cấp mới. Và đây chính là hình ảnh loài kim nga vương giả phải theo làm tùy tùng con quạ đồng quê có mười ác hạnh đấy, tâu đại vương!

- Thật là tội nghiệp! Đức vua thở dài, tâm sự - Trẫm du học đại học Takkasilā bảy năm, thuộc thành phần sinh viên ưu tú, thâu hái được chút ít kiến thức, hiểu biết để cai trị đất nước. Thế nhưng, đôi khi còn tự thẹn, tự giận mình sở học không tới nơi tới chốn! Thế mà, ở đây, bọn không biết chữ, vô học lại lên nắm quyền lãnh đạo... đúng là đại họa cho nhân gian rồi!

Tôn giả Sāriputta lại mỉm cười:

- Đấy cũng là định luật của thế gian pháp, đại vương! Bọn vua chúa vô học kia, một thời gian sau thấy rõ cái bất tài của mình nên họ sẽ tìm cách chiêu mộ người tài, kẻ có học vào các chức vụ như phụ tá, tham mưu, cố vấn... Chưa

thôi, họ còn cho con cháu đi du học tại Takkasilā hoặc thuê mướn các bà-la-môn thông thái, uyên bác để dạy dỗ cháu con mình. Rồi, thế hệ tiếp nối cai trị đều là dòng dõi, huyết thống của họ; lại trở thành hoàng gia mới, quý tộc mới... rồi họ lại bóc lột, áp bức giai cấp thủ-đà-la mới, chiên-đà-la mới! Thế gian vốn vậy, vốn loanh quanh luẩn quẩn vậy, tâu đại vương!

Đức vua kể tiếp giấc mộng thứ mười sáu:

- Xưa nay, hổ báo săn bắt sơn dương; nhưng ở đây trẫm thấy sơn dương lại săn bắt hổ báo rồi xé xác ăn rau ráu! Còn nữa, bầy chó sói vừa thoáng thấy bóng đàn dê từ xa liền hoảng hốt bỏ chạy, trốn mình trong các lùm bụi. Đây cũng là điềm triệu thế gian điên đảo, phải vậy không, đại đức?

- Đúng vậy - Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu - Đấy là thời mà bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng, được nhiều quyền lợi, ân sủng của vua chúa trong lúc đám quý tộc, trí thức lại rơi vào cảnh bần cùng, tối tăm. Vì có nhiều thế lực trong chốn công quyền và tại pháp đình nên bọn hạ đẳng này tìm cách tước đoạt quyền tư hữu đất đai, nhà cửa, tài sản do tổ tiên để lại của tầng lớp quý tộc, trí thức kia. Khi họ cố bênh vực quyền lợi tư hữu chính đáng của mình trước tòa án với lời lẽ cứng rắn, đanh thép mà sự hợp lý của nó, tượng đá cũng phải gật đầu. Tuy nhiên, ở đây không còn là lẽ phải của công lý mà là lẽ phải của quyền lực và cơ bắp! Đám bộ hạ, tùy tùng của các quan dẫn họ vào phòng kín, lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quăng vào góc tường, chửi rủa thô bỉ, quát mồm hăm dọa: "Liệu thần hồn đấy, bọn quý tộc, trí thức ngu si kia! Sao? Các người muốn tranh giành với chúng tao ư? Đừng có hỗn láo mà trổ tài lý sự! Nếu không ngoan ngoãn hiến cúng đất đai, tài sản, nhà cửa thì chúng ông sẽ tuần tự hãm hiếp vợ, hãm hiếp con rồi chặt chân tay, thân hình các người ra từng khúc, từng khúc rồi quăng cho chó ăn! Cứ vác đơn lên ông trời mà kiện vì tại thế gian, luật

pháp đã nằm trong tay chúng ông rồi!" Kinh khủng bởi đòn tra tấn và sự hăm dọa dã man ấy, bọn người quý tộc, trí thức kia bèn tự nguyện dâng cúng hết tất thảy mọi tư hữu cho các quan hầu kiếm kế an thân! Tuy nhiên, như chim thoáng thấy bóng cây cung đã sợ hãi; cũng vậy, vừa thoáng thấy bóng bọn thống trị mới, đám quý tộc, trí thức đã chạy núp trốn nơi này và nơi khác. Đây chính là hình ảnh ngược đời: Sơn dương săn bắt hổ báo rồi nhai ăn rau ráu và chó sói thoáng thấy dê từ đằng xa đã chạy ẩn vào các lùm bụi!

- Kinh khủng!

- Đúng vậy, quả là kinh khủng! Hiện tình chánh pháp mai sau cũng tương tợ vậy, đại vương! Bọn ác tỳ-khưu đầy rẫy ở cung đình, giảng đường, chùa viện, ở phố, ở thành, thị trấn và làng mạc; và chúng tha hồ khủng bố, hăm dọa, nói lời thô bỉ đối với các bậc tỳ-khưu hiền thiện, chơn chánh... Cho đến khi, các ngài cảm nhận được rằng, tà giáo đã lên ngôi, chánh pháp đã suy tàn, ác tỳ-khưu mọc lên như nấm sau cơn mưa, muốn bảo vệ mình và bảo vệ chánh pháp, buộc họ phải trốn vào động vắng, hang sâu, rừng rậm...

Mười sáu giấc mộng đã giải đoán xong. Cả hội trường, cử tọa thính chúng bàn tán nho nhỏ với nhau, có lao xao chút ít rồi trở lại yên lặng.

Đức vua cất giọng đầy cảm khái:

- Cảm ân nhị vị tôn giả đại đức đã khai tâm, đã mở mắt cho trẫm nhìn thấy rõ hầu như toàn bộ viễn cảnh tương lai khi đạo đức và lẽ phải suy đồi, kéo theo sự suy đồi của con người và xã hội! Vậy thì, trách nhiệm của một vị vua lớn lắm, cao cả lắm mà cũng nặng nề lắm! Vận mệnh của đất nước, sự vui khổ của muôn dân tùy thuộc đạo đức, giới hạnh bản thân của vị vua ấy cùng cán cân nghiêm minh của công lý. Thiếu một trong hai, không được; nghiêng lệch bên này, bên kia, không được! Toàn thể triều đình, các quan hãy ghi nhớ lời trẫm hôm nay!

Đức vua quay qua đức Phật, chấp tay xá thay cho cung cách đảnh lễ của một đệ tử đối với vị chân sư, mở lời trân trọng:

- Đây quả là bài học vô giá, thay mặt cho toàn thể quốc độ Kosala, đệ tử xin tri ân đức Tôn Sư!

Với Chàng Thanh Niên Nô Lệ

Sau mấy ngày đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) quy giáo đức Phật; và sau câu chuyện mười sáu giấc mộng của đức vua đã được hai vị đại đệ tử thay nhau giải đoán thì các quan đại thần, quý tộc, danh gia và khá đông thành phần trí thức trong xã hội tìm đến Jetavana để tìm hiểu môn giáo pháp lạ lùng này! Một mình, đức Phật không thể tiếp kiến hết được, hai vị đại đệ tử phải thay nhau để trả lời nhiều câu hỏi phức tạp rồi dẫn dắt họ có cái thấy biết đúng đắn. Các vị thượng thủ trưởng lão khác cũng bận bịu cho việc xuất gia từ lớp này đến lớp khác, căn cứ theo các điều kiện được thọ đại giới đã được chế định tại Trúc Lâm.

Thấy tình hình Jetavana như vậy là tạm ổn. Hôm kia, đức Phật thông báo là ngài phải rời Sāvatthi để đi về phương nam, chỉ chừng một trăm vị tỳ khưu tháp tùng, trong đó có tôn giả Sāriputta, Ānanda và thị giả Upavāna. Tôn giả Mahā Moggallāna và các vị trưởng lão khác tùy nghi phân bố đi hành hóa các phương.

Phía nam Sāvatthi, xa về phía ngoại ô, trong xóm nhà tồi tàn ổ chuột của cư dân nô lệ chiên-đà-la – có gia đình người thanh niên làm nghề hốt phân, nạo vét mương cống bẩn thỉu. Chàng tên là Sunīta. Tuy là tầng lớp tiện dân dưới đáy xã

hội nhưng chàng là một con người tốt, sống đời lương thiện. Cha mẹ mất sớm, gia tài để lại là một chòi tre rách nát, vài dụng cụ bằng sắt, vài đòn gánh, triên gióng cùng năm bảy cái ghè lớn nhỏ để đựng phân, tải phân, đội phân khi có công việc. Phía đầu làng, gần con lộ chính là những gia đình lao động chân tay với đủ mọi thứ nghề nghiệp trong xã hội. Họ có đẳng cấp cao hơn Sunīta. Lúc có công trình, chính giai cấp này cung cấp việc làm cho giới nô lệ. Mỗi nghề như vậy được quần tụ lại một nơi, trở thành một phường hay một làng. Cho nên có phường chuyên nghề xây dựng, chuyên nghề mộc, phường chuyên nghề đóng xe, nghề ráp cửa, nghề khắc gỗ; làng nghề đúc kim khí, làng nghề làm dụng cụ lao động các loại, làng nghề gốm; nghề làm vòng hoa, nghề giết súc vật, thợ may, thợ nhuộm... Họ thuộc giai cấp thủ-đà-la, có cả nghiệp đoàn thầy thợ, phân ra các nghề nghiệp khác nhau, rất có tổ chức. Từ khi đức vua Pāsenadi cưới cô con gái người làm tràng hoa phong làm hoàng hậu thì giai cấp này đặc biệt được xã hội tôn trọng, vị nể. Vả chăng, mọi công trình xây dựng và kiến thiết từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc đều ở trong tay của họ. Nhân công lao động cũng chỉ có được ở nguồn này. Khi có nhiều công việc xem ra quá nặng nề hoặc hôi hám bẩn thỉu thì giai cấp thủ-đà-la kêu gọi lớp tiện dân nô lệ đến làm việc với tiền công rẻ mạt chỉ đủ ăn vừa bụng một người. Do vậy, tiện dân chiên-đà-la không có khả năng sửa sang nhà cửa, tiện nghi sinh sống cũng như cải thiện chuyện ăn, ở, mặc...

Sunīta nghe tin về đức Phật và giáo hội tăng đoàn đã lâu; và cũng đã nhiều lần, chàng đứng núp sau các lùm cây nhìn những vị sa-môn y áo vàng rực, thanh thản trên các ngả đường. Ai trông cũng dịu hiền và dễ mến. Nhưng chàng chưa bao giờ dám đến gần dù năm bảy cái đòn gánh. Sáng nay cũng vậy, vừa đội một ghè phân băng qua con lộ để xuống một bờ ruộng thì Sunīta trông thấy một đoàn sa-môn

y vàng. Không biết tránh đi đâu, hoảng loạn, sợ hãi quá, chàng vội lặn "ùm" xuống một mương nước, lấy rong bèo phủ trùm lên đầu... Qua kẽ hở của những lá bèo, Sunīta trông thấy một vị sa-môn tướng hảo sáng ngời như một vị đại phạm thiên, từ đường lớn, bước gần lại bên bờ nước, cách chỗ chàng chừng hai đòn gánh thì dừng lại...

- Này Sunīta, con trốn đi đâu? Như Lai muốn nói chuyện với con mà!

Sunīta tưởng tai mình nghe lầm! Không! Đúng rồi, vị ấy đang nói chuyện với mình! Ôi! Cái giọng nói dịu dàng như giọng nói của người mẹ hiền! Nhưng chàng cứ im thin thít, không dám đáp, không dám trả lời.

- Không sao đâu con, Sunīta! Như Lai biết tên của con đấy! Như Lai còn biết rất nhiều kiếp trước của con nữa! Con là một người rất tốt bụng, rất lương thiện! Đừng ngại ngùng gì nữa, hãy lên đây để nói chuyện với Như Lai!

Lúc đức Phật bước tới bờ nước để hỏi chuyện chàng nô lệ đội phân thì tôn giả Sāriputta, Ānanda và thị giả Upavāna đồng bước lại. Hội chúng tỳ-khưu tăng cũng dừng lại, vây quanh lớp xa, lớp gần. Thế rồi, dân chúng quanh vùng, hai bên đường làng, nghe thấy chuyện lạ cũng ùn ùn đổ đến...

Nghe giọng nói dịu dàng, hiền từ của đức Phật đến lần thứ ba, Sunīta mới dám nói:

- Bạch ngài sa-môn! Thân thể con hôi hám, áo quần con dơ dáy; con lại thuộc vào giai cấp hạ tiện nữa nên con sợ ô uế đến ngài. Thật con không dám bước lên đâu!

Đức Phật mỉm cười, cất giọng phạm âm cho ai ở xa cũng có thể nghe được:

- Ừ! Sunīta! Đúng là thân thể con hôi hám, áo quần con dơ dáy, con lại thuộc giai cấp hạ tiện – nhưng con không thể nào làm cho ô uế đến Như Lai và giáo đoàn thanh tịnh của Như Lai được đâu mà sợ! Trái lại là khác nữa, này Sunīta!

Ngưng một chút, đức Phật tiếp:

- Con lại muốn hỏi tại sao mà con không dám hỏi chớ gì? Ừ, Như Lai sẽ nói đây, Như Lai sẽ giải thích vì sao! Vì đối với Như Lai và đệ tử của Như Lai thì ô uế bên ngoài không quan trọng bằng ô uế bên trong. Cái ô uế bên trong mới đáng sợ, mới đáng xa lánh, mới đáng nhờm gớm! Này Sunīta! Ai sống với tâm địa độc ác, bạo tàn, hung dữ, giết người giết vật là ô uế! Ai sống với tâm địa xan tham, xảo quyệt, trộm cắp, lường gạt của người là ô uế! Ai sống với tâm tà vạy, tà hạnh, bất chánh là ô uế! Ai sống mà nói dối, nói láo, nói thêu dệt, nói lời ác độc, nói hai lưỡi mới là ô uế! Nói ngắn gọn, cái gốc của mọi ô uế trên đời này là bởi tham lam, sân hận và si mê, này Sunīta!

Chàng thanh niên nô lệ nghe như uống từng lời, từng chữ vào lòng. Cả đời, chàng chưa bao giờ được nghe những điều như thế. Tâm trí chàng như được mở ra. Cánh cửa giai cấp và truyền thống đã đóng chặt kiếp bần cùng nộ lệ của chàng, dường như chưa có một ánh sáng mặt trời nào len vào đấy được!

- Này Sunīta! Giọng của đức Phật dịu dàng rót vào tai chàng – Con đội phân nhưng con đâu có giết người, giết vật? Con đội phân nhưng con đâu có lường gạt trộm cắp của ai? Con đội phân nhưng con đâu có tà vạy, tà hạnh và bất chánh? Con đội phân nhưng con đâu có dối láo ngôn lời, ác khẩu với một ai? Như thế, chứng tỏ rằng, trong con có mầm giống thanh tịnh; nếu mầm giống ấy biết bón phân, tưới nước, biết cách chăm sóc thì mai sau nó sẽ phát triển trở thành một con người tốt đẹp, hiền thiện xiết bao, này Sunīta!

Cho đến lúc này, Sunīta mới mạnh dạn mở lời:

- Bạch ngài sa-môn! Vậy thì con chưa đến nỗi ô uế! Là giai cấp tiện dân nhưng con chưa dám có những tâm địa ô uế như thế! Con cũng muốn tốt đẹp và hiền thiện vì cái mầm giống ấy ở trong con cũng có tí chút; nhưng bón phân là thế nào, tưới nước là thế nào, chăm sóc là thế nào, quả thật con

chưa hiểu!

- Muốn bón phân, tưới nước, chăm sóc cái mầm giống tốt đẹp có hiệu quả thì con phải sống đời sa-môn khất sĩ như Như Lai và như hội chúng sa-môn của Như Lai đứng xung quanh đây! Con có muốn như thế không, Sunīta?

- Con có ước mơ cũng không thể được! Ai mà cho kẻ khốn nạn như con xuất gia, sống đời sa-môn khất sĩ – khi con là kẻ ở cuối cùng, tận đáy của mọi giai cấp?

- Như Lai sẽ cho con xuất gia. Như Lai sẽ hoan hỷ đón nhận con. Tại sao vậy? Vì giáo hội của Như Lai không có giai cấp, không phân biệt giai cấp! Giáo hội của Như Lai là giáo hội bình đẳng cho tất thảy mọi hạng người trong xã hội. Hãy nghe đây! Sunīta! Mỗi một con sông đều có tên. Trăm con sông đều có trăm tên gọi khác nhau. Nhưng khi trăm con sông ấy về biển cả rồi thì chúng hòa trộn với nhau, trở thành biển lớn, tên của trăm con sông sẽ không còn nữa. Giáo hội của Như Lai cũng tương tợ vậy. Những sa-môn khất sĩ, hằng ngàn sa-môn khất sĩ, có người xuất thân thái tử, hoàng tử, vương tử, bà-la-môn gia chủ, tướng lãnh, tổng trấn, quý tộc, danh gia, triệu phú, thương gia, thợ thuyền... nhưng khi về sống trong giáo hội thanh tịnh rồi... thì các giai cấp kia không còn tồn tại, không ai gọi tên nữa – mà chỉ đơn giản là một sa-môn sống đời vô sản, bần hàn, thiểu dục, tri túc... để tu tập, để bón phân, để tưới nước, để chăm sóc cho cái mầm giống hiền thiện, này Sunīta! Không có giai cấp khi máu ai cũng đỏ, không có giai cấp khi nước mắt ai cũng mặn như nhau, này Sunīta!

Sunīta phủi đám rong bèo trên đầu, bụm hai tay lên đầu, vái lia lịa:

- Con hiểu, bạch ngài sa-môn! Mắt con đã sáng ra, đã có một ngọn đèn! Trí con cũng sáng ra, ở đó cũng có một ngọn đèn! Con thật là hạnh phúc, được sống cuộc đời mới, làm một hạt bụi đi theo gót chân trần của ngài!

Đức Phật mỉm cười. Các vị tôn giả và hội chúng tỳ-khưu cũng mỉm cười! Ôi! Là những nụ cười thanh lặng và siêu thoát! Dân chúng xung quanh thì hò reo sung sướng khi thấy đức Phật nắm tay chàng nô lệ kéo ra khỏi mương nước. Tôn giả Sāriputta và thị giả Upavāna trao bình bát cho người bên cạnh rồi bước nhanh lại. Cả hai vị giúp chàng thanh niên tắm rửa cho sạch sẽ. Tôn giả Ānanda định lấy chiếc y hai lớp của mình quàng cho Sunīta nhưng bên kia đường, một người thanh niên thủ-đà-la đội y và bát bước lại, gập đầu xuống:

- Bạch đức Thế Tôn! Con hay đến Kỳ Viên nghe pháp! Y và bát này là của con, con đã tự sắm sửa khi nào đủ duyên sẽ xuất gia. Nhưng hôm nay, con xúc động và sung sướng quá khi thấy đức Thế Tôn đã xóa bỏ giai cấp, nhận vào giáo hội thanh tịnh một thanh niên nô lệ. Sunīta là một người bạn tốt, làm việc gì cũng chu đáo, đàng hoàng; là niềm tin của tất cả thầy thợ chúng con. Con rất mừng cho Sunīta. Vậy y và bát này con tình nguyện dâng cúng để đức Thế Tôn làm lễ xuất gia cho Sunīta.

Đức Phật gật đầu chấp thuận và mỉm cười trong tâm vì cái duyên như thế này ngài cũng đã biết rồi. Sau khi Sunīta được cạo đầu, mặc y, mang bát thì tướng mạo sa-môn hiện ra, không còn tìm thấy đâu là hình bóng người thanh niên nô lệ nữa.

Đức Phật làm lễ xuất gia ngay cho Sunīta bên vệ đường trước sự chứng kiến của dân chúng địa phương và cả khách bộ hành, người đi ngựa, kiệu phương xa đủ mọi giai cấp trong xã hội dừng chân lại, tò mò, chỉ trỏ, luận bàn!

Sau đấy, tôn giả Sāriputta dẫn Sunīta trở lại Kỳ Viên tịnh xá để bàn giao vị tân tỳ-khưu cho các trưởng lão giáo giới, còn ngài sẽ bộ hành theo sau.

Thế là không mấy chốc, tin này được loan truyền ra, chấn động cả kinh thành Sāvatthi. Chuyện cũng đến tai đức

vua Pāsenadi. Triều thần có người phản ứng, chống đối ra mặt; có người mỉm cười, có người im lặng.

Riêng đức vua thì nói với hoàng hậu Mallikā rằng:

- Hậu là giai cấp thủ-đà-la! Thuở trước, trẫm phong hậu làm chánh cung, dư luận nhân gian cũng ồn ào như vậy đấy. Trẫm đã cách mạng phá bỏ giai cấp từ độ ấy! Tuy rất âm thầm! Còn đức Tôn Sư, trẫm mang máng hiểu ngài cũng muốn phá bỏ giai cấp kể từ khi hóa độ kỹ nữ Ambapālī! Ngài lại rất công khai, đường đường chính chính; nhất là cho anh chàng nô lệ xuất gia ngay bên vệ đường, trước mắt bàn dân thiên hạ! Đáng phục! Thật đáng khâm phục!

Hoàng hậu Mallikā dè dặt nói:

- Có người, nhất là các giới cấp bà-la-môn, sát-đế-lỵ, các nhà giáo dục sẽ cho rằng đức Phật đã đảo lộn trật tự xã hội, không tôn trọng quy củ, truyền thống đạo lý từ ngàn xưa của cha ông, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cười rõ to rồi nói:

- Đạo lý à? Đạo lý à? Lấy bình phong đạo lý à? Con người lành tốt, hiền thiện mới là đạo lý đích thực, hậu à! Trẫm không đồng ý cái cách duy trì truyền thống ấy là đạo lý đâu! Cái đạo lý ấy là đạo lý hình thức, là cái đạo lý "rởm", hậu à! Chính kiến của đức vua tối cao trong cuộc đàm đạo với hoàng hậu Mallikā, sau đó đến tai triều thần rồi không mấy chốc, lan khắp kinh thành. Thế là chỉ năm bảy ngày sau, dư luận im bặt!

Thêm Một Vị Đại Đệ Tử

Nhắc lại chuyện đức Phật, sau khi độ cho chàng thanh niên nô lệ xuất gia, ngài và hội chúng tiếp tục bộ hành về phương nam. Chẳng có việc gì phải gấp gáp nên mỗi ngày chỉ đi chừng hơn một do-tuần. Vượt qua từng thị trấn, từng làng mạc... rồi hội chúng đi dọc bên này bờ sông Sadānīra có dân cư đông đúc, nhà cửa tươm tất, nếp sống phồn vinh. Chừng mươi hôm sau, gần đến sông Gaṅgā thì đức Phật rẽ trái, theo con đường nhỏ, men theo dãy núi đá vôi rồi vào một khu rừng im mát để độ ngọ và nghỉ trưa.

Buổi chiều, thấy đức Phật vẫn chưa tính chuyện lên đường, tôn giả Sāriputta đến gần bên thưa hỏi:

- Dường như đức Thế Tôn cố ý chờ đợi một người?

- Phải đấy, này Sāriputta! Như Lai chờ đợi một người khá quan trọng cho giáo pháp!

- Xin đức Thế Tôn cho đệ tử được nghe?

Rồi đức Phật nói về gốc gác Kaccāyana cho tôn giả Sāriputta nghe. Sau đó, tôn giả đã kể lại cho đại chúng rằng: "Có một tiểu quốc tên là Avanti (A-bàn-đề), kinh thành là Ujjenī. Vị quốc sư của nước này có bà vợ chính là em gái của đạo sĩ Asita, người đoán tướng cho thái tử Siddhattha thuở đản sanh, là ba mươi lăm năm sau, ngài sẽ đắc quả vị

Chánh Đẳng Giác. Trước khi hóa sanh vào cõi trời phi tưởng, đạo sĩ căn dặn vợ chồng quốc sư rằng: "Sau này, nếu có con trai phải cho xuất gia làm đạo sĩ. Lúc nào nghe tin trên thế gian có một vị Phật ra đời thì đấy chính là thái tử Siddhattha Gotama, con của đức vua Suddhodana, vương quốc Sākya - hãy tìm đến mà quy giáo với Người! Chính ta cũng rất tiếc là không được quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác để nghe về giáo pháp Bất Tử ấy!" Thời gian sau, họ có hai người con trai đều thông minh, tuấn tú, học hành thông đạt nên được đức vua đặc biệt yêu mến. Người con trai út tên là Kaccāyana, dù sinh sau đẻ muộn nhưng cái gì cũng giỏi, cũng vượt trội hơn anh. Ngoài ra, chàng có nước da vàng sáng, mịn màng và tinh sạch như cánh sen nên ai cũng trầm trồ chiêm ngưỡng. Lớn lên, cha mẹ chàng vẫn còn nhớ đinh ninh lời dạy bảo của ông anh đạo sĩ Asita hiền thiện, nhưng ông bà thấy hai con tương lai đều sáng sủa nên mãi chần chờ, lần lữa! Lúc Kaccāyana vừa chẵn tuổi hai mươi thì chàng đã nắm vững, nắm chắc mọi sở học cần thiết của một thanh niên bà-la-môn chơn chính. Đặc biệt, Kaccāyana đam mê và nghiên cứu sâu về triết đạo học nên chàng xin cha mẹ cho được xuất gia làm một đạo sĩ du phương! Đến lúc này thì ông bà quốc sư đành phải kể lại sự thật về ước nguyện, di huấn xưa của đạo sĩ Asita cho Kaccāyana nghe. Thế rồi, từ đó, Kaccāyana như cánh chim trời, lang thang từ nước này sang nước khác để tầm sư học đạo. Kaccāyana luôn tra vấn, thao thức; và chàng cũng không dễ dàng chấp nhận một đời đạo sĩ dung tục, tầm thường với những tri thức, luận giải từ chân lý có sẵn ngàn đời. Chính vì lý do này mà chàng cứ đi mãi, học hỏi mãi mà không chịu lưu trú ở đạo tràng nào lâu. Ngọn lửa tri thức nung đốt, đẩy chàng ta-bà khắp các tiểu quốc miền nam rồi miền bắc, tây bắc, đến tận Himalaya. Mười năm sau, chàng đã nổi tiếng khắp nơi về khả năng nghị luận biện tài. Ai cũng kính phục, kính

trọng chàng; nhưng tự thân, cõi lòng Kaccāyana vẫn bất an. Trở lại quê nhà thì cha mẹ đã già yếu và ông anh trai đã được vua phong làm quốc sư với địa vị vững chắc và danh vọng lẫy lừng. Lúc đức Phật chuyển pháp ở Vườn Nai, Isipatana thì Kaccāyana đã hay tin nhưng chàng chưa thể rời chân đi được vì chàng muốn ở nhà ít năm để cho hai thân được vui sau mười năm xa cách. Tuy nhiên, Kaccāyana vẫn không được yên vì danh tiếng của chàng đã làm cho rất nhiều đạo sĩ tìm đến, kẻ đòi chiến luận, kẻ muốn học hỏi... Lúc này thì Kaccāyana đã chán ngấy cái trò chơi phù phiếm của chữ nghĩa và miệng lưỡi nên chàng đã đóng cửa không tiếp khách suốt mấy năm trường. Thấy cũng không yên, Kaccāyana làm một chòi tre nhỏ ở trong rừng vắng, thỉnh thoảng viếng thăm cha mẹ một chút, lại đi. Nhiều lần đức vua Pajjota triệu Kaccāyana vào chầu để đàm đạo, ngài rất ngưỡng mộ trí thức bác học và lối nghị luận sắc bén của chàng. Ông anh của Kaccāyana, bây giờ là vị tân quốc sư cũng nhiều lần thuyết phục chàng ở lại để làm quan đương triều. Riêng cha mẹ Kaccāyana thì không có ý kiến gì, tuy nhiên, có nhẹ nhàng nhắc lại lời hứa thuở trước! Hôm ấy, khi biết ý định của đức vua là muốn phong quan tước và gả công chúa cho thì Kaccāyana biết là chàng không thể ở nhà được nữa rồi. Vậy là chàng lại ra đi theo tiếng gọi sông hồ sau nhiều năm biệt tích! Kaccāyana nghe lời căn dặn của đạo sĩ Asita, của cha mẹ nên đi tìm đức Phật nhưng chàng không nôn nóng, không vội vã. Trên đường đi, dưới gốc đa già, bên một bến nước vắng hay cạnh một chiếc cầu nhỏ sang sông... Kaccāyana gặp và đàm đạo với các vị sa-môn áo vàng. Thi thoảng thôi, chứ chàng chỉ thích lắng nghe và nhìn ngắm nhiều hơn.

"- Đúng là đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thật rồi!" Hôm kia, Kaccāyana suy nghĩ như thế khi đến Vườn Nai, thấy khá nhiều cốc liêu và cả một hội chúng thanh tịnh.

Chàng ở cạnh một khu rừng để quan sát các sa-môn đi trì bình khất thực, tọa thiền, kinh hành, giặt y áo, làm vệ sinh sân vườn, sàng tọa... Đâu đâu cũng gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp... và nhất là ở đâu, lúc nào cũng an bình và tĩnh lặng!

Nghe tin đức Phật đang ở Kỳ Viên, chàng âm thầm từ giã Isipatana để ra đi, ngược đường lên hướng bắc..

Sớm hôm kia, không thông báo với ai, ngoại trừ tôn giả Sāriputta, đức Phật từ giã ngôi rừng, ôm bát ra đi một mình. Sau khi kiếm vật thực vừa đủ dùng, ngài men theo sông Gaṅgā theo hướng về Vườn Nai, ngồi dưới gốc cây to để độ ngọ và nghỉ trưa.

Khi đức Phật đang tọa thiền thì Kaccāyana từ hạ lưu sông Gaṅgā đi lên. Đến bên gốc cây, Kaccāyana cũng dừng chân lại, bất giác, chăm chú quan sát vị sa-môn áo vàng có tướng hảo rất quang minh! Lát sau, không dám làm kinh động, chàng nhẹ nhàng thu vén một góc để độ thực rồi tọa thiền nghỉ ngơi!

Một khắc qua đi, Kaccāyana xả thiền, chuẩn bị lên đường, liếc nhìn qua bên kia thì thấy vị sa-môn dường như còn trú sâu vào đại định; và không gian xung quanh như thấm đẫm làn khí thanh bình và mát mẻ. Ngạc nhiên quá, Kaccāyana lặng lẽ ngồi xuống. Toàn thân vị sa-môn như phát sáng, lấp lánh hào quang; rồi hào quang ấy chập chờn từng đôi một, từng vòng tròn một, ửng hiện năm sắc màu khác nhau làm lu mờ cả mặt trời ở trên cao!

Kaccāyana đang say sưa quan sát hiện tượng lạ lùng thì thấy từ phía dưới đi lên một đoàn sa-môn áo vàng, mà dẫn đầu cũng có mấy vị với tăng tướng, nghi dung đẹp đẽ và rạng rỡ không kém gì! Đến gần cội cây, họ trật y vai phải, đảnh lễ vị sa-môn rồi ngồi xuống rải rác ở xung quanh, cũng rất lặng lẽ!

Kaccāyana chợt dưng hiểu ra sự vụ, biết đích xác vị sa-môn ấy là ai; không tự chủ được mình, chàng quỳ năm vóc

sát đất, không nói được một lời tiếng nào!

"- Kaccāyana! Như Lai chờ đợi ông đã lâu! Sao bây giờ ông mới đến?"

Tiếng đức Phật thoảng nhẹ bên tai Kaccāyana, chàng ấp úng:

- Bạch đức Tôn Sư! Đệ tử đã đến đây rồi!

- Ừ, ông đến rồi nhưng ông còn đi nữa không, Kaccāyana?

Câu hỏi của đức Phật làm cho Kaccāyana lúng túng, ngơ ngác. Cả hội chúng cũng không ai hiểu. Ngoại trừ tôn giả Sāriputta thì mỉm cười!

Tiếng đức Phật vọng lại mồn một bên tai Kaccāyana:

- Còn đến, còn đi là còn thời gian, tất là còn sinh tử đấy – Ông có thấy không, này Kaccāyana?

Chợt dưng, ngay giây khắc ấy, Kaccāyana đắc pháp nhãn, đặt được bàn chân đầu tiên vào giáo pháp bất tử. Chàng quỳ mọp xuống, ôm chân bụi của đức Đạo Sư:

- Tri ân đức Tôn Sư! Đệ tử đã thấy rồi! Đệ tử trở về với đức Tôn Sư, với hội chúng thanh tịnh này, đệ tử sẽ không đến và không đi nữa!

- Có chắc vậy không, Kaccāyana? Đức Phật tiếp tục pháp thoại xem thử cái thấy của chàng như thế nào – Không đến, không đi – nhưng nó có nhân, có duyên gì không, Kaccāyana?

- Có nhân thì nhân sanh, nhân diệt; có duyên thì duyên hệ duyên, duyên sở duyên - bạch đức Tôn Sư!

- Thế thì phải cắt đứt nhân, cắt đứt duyên hay sao, Kaccāyana?

- Nếu cắt đứt thì rơi vào hư vô, đoạn diệt kiến! Nếu không cắt đứt thì phó mặc cho bộc lưu, bạch đức Tôn Sư!

- Vậy thì làm thế nào để thoát ra khỏi bộc lưu[1], này

[1] Chỉ dòng chảy mạnh của sinh tử.

Kaccāyana?

Kaccāyana lại rơi vào bế tắc. Cũng đúng thôi! Tôn giả Sāriputta tự nghĩ! Đây là những pháp thoại cao siêu, rốt ráo nhất, thù thắng nhất, mà, Kaccāyana chỉ là kẻ sơ cơ mới bước vào dòng! Dù ông ta kiến thức có thâm uyên, nghị luận có biện tài cách mấy cũng đành phải bất lực trước những câu hỏi tế nhị thuộc tuệ giải thoát, chúng không nằm trong lãnh vực kiến thức và trí năng!

Đức Phật chợt mỉm cười vì hiểu được tâm ý của người đại đệ tử:

- Hãy gỡ bí cho Kaccāyana xem nào, Sāriputta?

- Câu này đệ tử chỉ lặp lại khi đức Tôn Sư giáo giới cho một lão bà-la-môn. Đệ tử xin được nói lại đúng nguyên văn, như sau: "Như Lai không bước tới, Như Lai không dừng lại – Như Lai ra khỏi bộc lưu!"

- Vậy thế nào là bước tới? Thế nào là dừng lại - hở con trai trưởng của Như Lai?

- Vì bước tới là sẽ trôi lăn, dừng lại là sẽ chìm đắm, bạch đức Tôn Sư!

- Vậy là phải! Vậy là đúng, này Sāriputta! Rồi đức Phật nói với Kaccāyana – Còn ông, đừng suy nghĩ nữa, suy nghĩ sẽ không tới đâu! "Hãy lại đây! Này tỳ-khưu!"[(1)] Hôm nay, Như Lai đã chứng nhận cho ông là một vị tỳ-khưu trong giáo hội thanh tịnh rồi đấy!

Thế là Kaccāyana trở thành một vị tỳ-khưu - mặc dầu y bát và tăng tướng chưa đúng cách.

Sau đó, đức Phật giới thiệu Kaccāyana, Mahā Kaccāyana với mọi người và ngược lại. Bây giờ, Kaccāyana mới biết đến vị sa-môn đức tướng trang nghiêm, vầng trán

---

[(1)] "Ehi! Bhikhave!"Kinh sách nói rằng, khi đức Phật nói như thế thì vị tân tỳ-khưu tóc râu rụng sạch, có đầy đủ y bát và tám món vật dụng, trông tăng tướng trang nghiêm như một vị tỳ-khưu cao hạ! Thường thì các vị này đều đã đầy đủ ba-la-mật từ quá khứ.

cao sáng đối thoại với đức Phật vừa rồi chính là tôn giả Sāriputta, vị đệ nhất đại đệ tử, bậc thượng thủ của giáo hội! Chỉ thoáng nhìn, thoáng nghe vài câu, Kaccāyana sớm hiểu rằng, mọi kiến thức và khả năng biện tài của chàng sẽ không lý nghĩa gì ở trong giáo hội minh triết, của những con người minh triết như thế này! Vị thứ hai là tôn giả Ānanda, hoàng đệ của đức Phật, trông phương phi với nhiều mỹ tướng đặc thù, tỏa rạng một nhân cách hy hữu.

Khi đức Phật và hội chúng lên đường; tôn giả Ānanda thấy Kaccāyana cứ đăm chiêu, bèn mỉm cười nói:

- Rồi hiền giả sẽ biết thôi, sẽ thấy thôi! Đừng thắc mắc mà làm gì!

- Nhưng đầu óc tôi nó cứ làm việc! Nó cứ đặt câu hỏi: Làm thế nào để không dừng lại? Làm thế nào để không bước tới?

- Hãy xem nào, hiền giả! Tôn giả Ānanda cất giọng ôn nhu, điềm đạm - Đức Tôn Sư có dạy rằng, khi căn duyên trần thì có những dòng sông trôi chảy, trôi chảy rất mạnh nên nói là bộc lưu! Ví như dòng sông cảm giác, dòng sông thức tri... hiền giả có thấy thế không?

- Vâng, vâng, tôi thấy rồi!

- Thế thì đơn giản thôi! Vậy thì lúc nào cảm giác và thức tri bị đắm chìm? Lúc nào thì cảm giác và thức tri bị trôi lăn? Hiền giả hãy nhìn ngắm, hãy quan sát chúng xem nào? Hãy như lý tác ý miên mật về điều ấy để ra khỏi bộc lưu, này hiền giả!

- Vâng, vâng, tôi thấy rồi! Tri ân tôn giả!

Nghe tôn giả Ānanda giảng pháp, đức Phật và tôn giả Sāriputta đều mỉm cười, vì cách nói, cách nhìn, nội dung, cả văn phong, ngữ nghĩa... không ai dám nói là Ānanda mới chỉ đắc quả Nhập Lưu!

Về Sợi Dây Luyến Ái

Giữa sông Gaṅgā sông Yamunā có một nước khá rộng lớn, đấy là vương quốc Vaṃsā, đức vua là Udena, thủ đô là Kosambī[1]. Đây là quê hương của bộ tộc Bhagga hùng mạnh. Nhờ ưu thế địa lý nằm giữa hai con sông nên sự giao thương lên miền tây bắc hoặc xuôi hướng đông nam đều thuận lợi. Đây còn là giao lộ thương mãi với các nước cộng hòa liên bang Vajjī, Licchavī, với Māgadha về phía hạ lưu mà còn là địa điểm trao đổi hàng hóa từ các nước ở thượng lưu và cả phía bắc và tây bắc xuống nữa.

Sau khi đặt được những cơ sở hoằng pháp lớn tại những lãnh địa quan trọng: Miền đông nam thì có đại tịnh xá Veḷuvana (Trúc Lâm), Rājagaha (Vương Xá), nước Māgadha (Ma-kiệt-đà) của đức vua Bimbisāra (Bình-sa) – và Mahāvana (Đại Lâm) tại Vesāli; miền tây bắc thì có đại tịnh xá Kỳ thọ Cấp Cô Độc tại Sāvatthi (Xá-vệ), nước Kosala của đức vua Pāsenadi (Ba-tư-nặc) và Nigrodhārāma (Vườn rừng cây đa) tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) nước Sākya... đức Phật lại nghĩ đến miền thượng lưu sông Gaṅgā, nằm ở phía tây, cách Bārāṇasī chừng mười do-tuần. Trước đây bốn năm năm về trước, chư vị trưởng lão A-la-hán đã

[1] Khoảng chừng 50 km về phía Tây Nam Allahabād ngày nay.

thay nhau đến hoằng pháp tại vùng này, nhưng nghe trình báo lại thì chưa đặt được những cơ sở lớn do uy tín của họ chưa đến tai các đại thương gia, đại danh gia cũng như triều đình.

Tại Kosambī có trưởng giả Ghosita, là bậc cự phú đệ nhất; ông vừa làm chủ tịch nghiệp đoàn thương mãi vừa là chủ ngân khố của hoàng gia. Có một vài lần giao lưu thương mãi, ở lại nhiều ngày tại Sāvatthi – ông và bạn hữu đến Kỳ Viên nghe pháp. Tuy chưa gặp được đức Phật nhưng thấy giáo đoàn có một nếp sống kỷ cương, giản dị và lành mạnh, ông rất kính trọng, phát khởi đức tin. Trưởng giả Ghosita có nói với chư trưởng lão rằng, lúc nào chư tỳ-khưu tăng ghé Kosambī, hãy báo cho ông một tiếng, ông có khá nhiều lâm viên rộng rãi, có nhiều phòng ốc thoáng mát, khá tiện nghi... không gần mà cũng không xa làng xóm, thuận lợi cho việc trì bình khất thực cũng như nơi chốn để tĩnh cư! Không những trưởng giả Ghosita hào hiệp như thế mà bạn bè thương gia thân hữu của ông cũng sẵn lòng đón tiếp chư tăng tại các lâm viên thoáng đãng khác.

Do vậy, khi đức Phật và hội chúng từ giã Vườn Nai, sau nửa tháng giáo giới ở đấy, bộ hành dọc theo bờ bắc, hướng thượng nguồn sông Gaṅgā đến Kosambī thì thấy lác đác ở đâu cũng có những sa-môn áo vàng. Nhìn qua dáng sắc thì biết tứ sự họ đầy đủ. Nhìn qua oai nghi đi đứng thì thấy họ khá vững chãi và ổn định.

Đến Kosambī, đức Phật không ghé một lâm viên nào... mà ngài cứ đi mãi, đi mãi, tìm chỗ ngụ cư tại một khu rừng lớn phía ngoại ô, tên là Bhesakaḷā, gần ngôi cổ thành Susumāragira. Bây giờ đã là tiết tháng tư, khí trời oi bức – nhưng khu rừng Bhesakaḷā thì cây lá còn xanh, suối còn nước chảy nên khí hậu mát mẻ, dễ chịu.

Vài ba ngày sau, chư tăng trong vùng đã hay tin, lác đác đến đảnh lễ đức Phật, thăm hỏi và vấn an sức khỏe của ngài.

Rồi dân chúng quanh vùng lũ lượt rủ nhau đến cúng dường và nghe pháp. Đặc biệt có hai vợ chồng bà-la-môn là trưởng giả Nakuḷapitarā và phu nhân là Nakuḷamatā cứ nói đức Phật là con trai của họ. Rồi họ khóc lóc thảm thiết, vật mình, vật mẩy, tỏ lời trách móc, sao con trai bỏ nhà, bỏ cửa ra đi biệt tăm, biệt dạng đã lâu mà không chịu trở về thăm cha mẹ lấy một lần. Khi hai ông bà trưởng giả cùng đến ôm chân đức Phật – thì tôn giả Ānanda tìm cách ngăn lại; đức Phật từ hòa nói:

- Này Ānanda! Ông cứ để yên vậy! Cứ để yên cho ông bà trưởng giả biểu tỏ cảm xúc của mình!

Khi thấy cả hai người bình tĩnh trở lại, rồi từ nhân duyên ấy, đức Phật thuyết một thời pháp nói về sợi dây luyến ái nhiều đời! Ngài nói rằng:

- Không phải không duyên cớ, hai ông bà nhìn nhận Như Lai là con trai đã lưu lạc. Trong các kiếp quá khứ, trầm luân sinh tử nhiều như hạt bụi trong ba cõi sáu đường; hai ông bà trưởng giả đây đã từng là cha mẹ của Như Lai năm trăm kiếp; đã từng là bác ruột, là chú thím ruột của Như Lai cũng nhiều kiếp như thế! Sự thương yêu, trìu mến của ruột rà, huyết thống nhiều đời kiếp đã tạo nên sợi dây luyến ái vô hình, nó liên lỉ trôi chảy, xuyên suốt không dễ gì đứt mất! Do vậy, các thầy tỳ-khưu phải thông cảm giọt lệ của ông bà, những chúng hữu tình trôi lăn mà không ai có khả năng bước ra khỏi bi kịch tử sinh ấy! Khi vừa thấy Như Lai – thì ký ức chất chồng của tiền kiếp trở về! Vóc dáng ấy, màu da ấy, mắt mũi ấy, âm thanh ấy... dẫu có bị chuyển dịch, thay đổi, biến dạng bởi nghiệp từ kiếp này sang kiếp khác - nhưng vẫn mường tượng được những nét đặc trưng... do tưởng đúc kết lại, đấy là con trai mình! Điều ấy khó lý giải nhưng trực giác thì cảm nhận được!

Này đại chúng! Điều mà Như Lai thấy chắc, biết chắc; đó là khi giữa hai người có sợi dây ái luyến sâu đậm, đam

mê, thiết tha đã gắn kết keo sơn – thì kiếp lai sinh họ sẽ là vợ chồng của nhau. Cũng sợi dây ái luyến ấy, bởi yêu thương và kính trọng; nhưng nếu kính trọng nhiều hơn yêu thương thì sẽ là làm con, làm cháu! Cũng sợi dây ái luyến ấy, bởi yêu thương, nhưng trong yêu thương ấy còn hàm tàng tình cảm bao bọc, chở che thì sẽ làm cha làm mẹ! Tương tợ như thế, tùy theo cường độ, nồng độ tình cảm đậm nhạt, nhiều ít mà sợi dây luyến ái biến họ trở thành thân quyến, họ hàng, gia tộc, bạn hữu, thân hữu, làng xóm, tỉnh thành, quốc độ...

Trong khi đức Phật ngưng nói, tôn giả Sāriputta tự nghĩ: " Đức Tôn Sư đã vén mở cho đại chúng thấy mối liên hệ của sợi dây luyến ái nhiều đời. Tuy nhiên, đấy chỉ là luyến ái thuận chiều để giải thích rộng rãi trường hợp vợ chồng trưởng giả bà-la-môn! Bởi vậy, ta hãy tạo nhân, tạo duyên để đức Tôn Sư vén mở tiếp nữa cho đại chúng thấy thêm nhiều trường hợp ái luyến nghịch chiều – mà ở đó - cũng cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn hữu, thôn lân... nhưng lại nằm trong mối liên hệ phản trắc, bội bạc, hận thù... hoàn toàn tương nghịch, tương xung với thiện pháp..."

- Bạch đức Thế Tôn! Nhờ đức Thế Tôn vén mở mà chúng đệ tử đã biết rõ, thấy rõ sợi dây luyến ái tạo nên sự thương yêu, trìu mến, tình nghĩa, thủy chung, đùm bọc, chở che... kết dệt nên những đóa hoa mỹ miều, nhiều hương sắc trong đời sống an vui và hạnh phúc của các gia đình, nhiều gia đình trên trần thế. Tuy nhiên, vì tâm bi mẫn, xin đức Tôn Sư vén mở tiếp, tại làm sao mà những cái cây an vui và hạnh phúc nhân gian ấy, thỉnh thoảng ở nơi này và nơi kia lại sinh gai độc, trái độc, mủ độc? Đấy là vợ chồng bất hòa, xung đột, đày đọa nhau, áp bức nhau, bội bạc với nhau? Cha mẹ phân ly, phiêu tán; con cái hỗn hào, bất hiếu, đánh cha, giết mẹ, phá tán của cải và thanh danh gia đình? Quyến thuộc, bạn hữu, thôn lân... thì lợi dụng nhau, hiềm hại nhau, trấn

bức nhau... tạo nên biết bao bi kịch trên trần thế? Phải chăng, đấy là loại ái luyến nghịch chiều, bên trong còn có sự chi phối của nhân quả nghiệp báo?

- Hay lắm, này Sāriputta! Ông đã đã đưa một câu hỏi như ngón tay trỏ chỉ thẳng vấn đề; và trong câu hỏi của ông đã có câu trả lời, đấy là nhân quả nghiệp báo. Bây giờ, hãy nghe đây, Như Lai sẽ giảng nói rộng rãi, xuyên suốt về điều ấy!

Này đại chúng! Nếu vợ chồng thương yêu nhau, tôn trọng nhau, hiểu biết nhau, thông cảm nhau... đối xử với nhau như bát nước đầy, thủy chung như nhất... thì đấy là sợi dây ái luyến thuận chiều; sẽ nẩy nở, tăng trưởng trong môi trường thiện pháp với khí hậu trong lành, mát mẻ, tốt tươi! Cũng là vợ chồng, nhưng nếu một trong hai – do sắc, do tài, do lợi, do danh, do thiếu giới, do thiếu trí, bị vô minh ái dục chi phối... thì người này sẽ làm khổ người kia, làm khổ một cách đớn đau, bạo liệt, hung tàn... thì trong ái luyến đã nẩy mầm phản trắc, thù hận! Đây là nhân đã gieo, là nghiệp báo! Nếu đời này mà tình trạng hận thù không được hóa giải thì kiếp sau - do ái luyến vẫn còn - họ nên vợ nên chồng, nhưng chỉ để người này làm khổ người kia trở lại! Đây gọi là ái luyến nghịch chiều, duyên với ác pháp, sinh cây độc, trái độc, mủ độc là vì vậy!

Còn nữa, này đại chúng! Trên đời này, có những gia đình sinh ra được những người con thông minh tuấn tú, có hiếu, có thảo; đối xử với cha mẹ như đối xử với vị phạm thiên ở trong nhà; lúc nào cũng kính kính, cẩn cẩn, chăm học, chăm làm, không những bảo vệ, gìn giữ được sự nghiệp, thanh danh gia đình, tổ tông, dòng họ mà còn phát triển thêm nữa, làm cho xán lạn và quang vinh hơn nữa! Đây gọi là sợi dây ái luyến thuận chiều, thuận theo thiện pháp; là cây lành, trái ngọt của trần gian – do nhân những đứa con thai sinh vào gia đình này để đền ơn, trả nghĩa - bởi kiếp

trước, ông cha, bà mẹ này đã có ân đức rất lớn đối với chúng. Ngược lại, nếu chúng hoang đàng, ngỗ nghịch, phá nát của cải, tài sản, bất hiếu, bất mục... chỉ làm khổ gia đình, cha mẹ là vì chúng sinh ra để báo thù, đòi lại nợ cũ mà cha mẹ kiếp trước đã gieo, đã làm khổ chúng, đã đày đọa chúng!

- Thật là kinh khiếp! Thật là oan gia! Ôi! Vợ với chồng, Ôi! Con với cái! Ôi! Tốt đẹp thay mà cũng đáng sợ thay!

Không biết ai đã cảm thán thốt lên câu ấy!

Thời pháp chưa chấm dứt mà ông bà trưởng giả bà-la-môn Nakulapitarā và Nakuḷamātā đã chứng quả Nhập Lưu; họ chợt quỳ mọp bên chân đức Phật, hoan hỷ quá, cất giọng cảm động:

- Ôi! May mắn thay! Hạnh phúc thay! Chúng đệ tử đã thấy đường đi, lối lại! Hãy cho chúng đệ tử nương tựa nơi giáo pháp chân chánh này!

- Còn Phật và tăng nữa, này ông bà trưởng giả hiền thiện – tôn giả Ānanda mỉm cười, nhắc nhở - Phải lập lại ba lần: Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Ông bà lặp lại ba lần và đã trở thành một cận sự nam (upāsaka) và cận sự nữ (upāsikā) của giáo hội.

Sau đó, suốt cả buổi chiều, thời pháp ái luyến vẫn chưa chấm dứt, do một số đông chư tăng và quần chúng các tập cấp trong vùng tìm đến. Tôn giả Sāriputta được đức Phật chỉ định thay ngài trả lời những câu hỏi còn tồn đọng. Đại lược, tại sao có những người con lại chết ngay trong thai bào, chết khi vừa sinh ra, chết khi hai tuổi, ba tuổi, còn thanh xuân? Tại sao hai người xấu đẹp khác nhau, giai cấp khác nhau, nghèo giàu khác nhau, ngu trí khác nhau, sở thích khác nhau... lại ái luyến, yêu thương nhau đến đầu bạc răng long? Tại sao có người keo kiệt, bủn xỉn, ăn mắm mút dòi suốt đời lại không có người thừa kế, hoặc con cái thừa kế là để phá nát, phá tan gia sản? Tại sao có đứa con vừa sinh ra thì gia

đình được hoạnh phát, hoạnh tài; ngược lại, có đứa vừa sinh ra thì gia đình bị lửa cháy, bị trôi sông, bị vua xử phạt, bị lụn bại, làm ăn thất bát?

Ôi! Thật là quá nhiều câu hỏi. Do nhờ đã biết, đã thấy, lại có tuệ phân tích thiện xảo, lợi tài – tôn giả Sāriputta từ từ, điềm đạm... từng điểm một, từng điểm một giải thích cho hội chúng nghe. Cũng là ái luyến, nhưng bây giờ phải đi sâu hơn về nhân quả nghiệp báo liên hệ một đời, hai đời, từ nhiều đời. Lại còn phải đan xen quả ngọt, quả đắng, quả chua, quả chát, quả xanh, quả chín mọng, quả non, quả già, quả nguyên vẹn, quả sâu đục, quả dơi ăn, quả gió bão rụng rơi... Như thế là tôn giả phải giải thích thêm, từ nhân, duyên đến quả thật không đơn giản chút nào! Nhân thì có vô lượng nhân! Duyên cũng có vô lượng duyên! Quả cũng có vô lượng quả! Do hội chúng còn sơ cơ và sơ căn; vả lại, sở kiến, sở văn cũng không được bao nhiêu – nên tôn giả nêu thí dụ là chính. Thí dụ nào cụ thể, giản dị mà ai cũng có thể thấy được, biết được, hoặc từ đó mà tác ý, tư duy được. Ví dụ, tôn giả nói, quý vị tưởng nhân sinh quả sao? Đâu đơn giản vậy! Một hạt lúa sinh ra cây lúa sao? Đâu dễ dàng như thế! Thử xem nào? Nếu hạt lúa gieo trên đá? Hạt luá vừa gieo thì chim ăn, sâu đục, lửa cháy? Vậy thì cái nhân ấy còn cần có duyên. Duyên còn có duyên thuận, duyên nghịch. Thuận thì khả thể, nghịch thì không thể. Thuận, ví như ý niệm gieo trồng, hạt giống tốt, đất, nước, ánh sáng, phân, công chăm sóc, thời gian, thời tiết ... Tất cả duyên ấy cộng lại thì đã thành quả chưa, gặt hái lúa được chưa? Xin thưa, chưa chắc! Tại sao vậy? Vì nước phải vừa đủ, phân phải vừa đủ, ánh sáng vừa đủ, thời tiết thuận lợi... thì quả mới chắc thành. Nghịch lại, nghịch duyên hoặc thiếu một vài yếu tố, điều kiện cần và đủ thì cho dù có nhân, có duyên thì quả cũng không thành!

- Nói tóm lại – tôn giả Sāriputta kết luận – Ái luyến,

nhưng ái luyến ấy đan xen nhân quả nghiệp báo khá phức tạp; ngoài các bậc có tuệ nhãn quang minh, có đầy đủ thắng trí mới biết, mới thấy được vài phần. Chỉ đức Chánh Đẳng Giác mới biết rõ, thấy rõ toàn phần! Vậy, chư vị chỉ cần gieo nhân tốt, tạo duyên lành từ suy nghĩ, hành động, nói năng thì mai kia sẽ gặt hái được quả ngọt, trái lành không khó khăn lắm đâu!

Cuối thời pháp thoại, chợt có một ông lão quắc thước, nét mặt buồn buồn, ăn mặc sang trọng trông như một thương gia, đứng dậy xin phát biểu:

- Thưa tôn giả! Tôi là Kukkuṭṭa, là người bạn già của trưởng giả Ghosaka, đã vài lần được nghe pháp tại Kỳ Viên. May mắn và vinh hạnh thay cho đất nước Vaṃsā và kinh hành Kosambī, hôm nay được đức Thế Tôn và vị tôn giả đệ nhất đại đệ tử đặt chân đến! Còn may mắn và vinh hạnh hơn thế nữa là nghe được thời pháp nói về ái luyến một cách rất hiện tiền, cụ thể, phong phú và sống động của đức Thế Tôn và tôn giả. Quả thật, chúng tôi đã được rửa tai cho thông, đã được rửa mắt cho sáng! Tuy nhiên, tôi lại là kẻ may mắn và hạnh phúc đệ nhất trong hội chúng này! Tại sao thế? Vì rằng, tôi đã được nghe những thời pháp tương tự từ các vị trưởng lão Vappa, trưởng lão Yasa, trưởng lão Kāḷudāyi tại Kỳ Viên và ở tại Kosambī này, trong khu lâm viên của trưởng giả Ghosaka (Ghositārāma)!

Ngưng hơi một lát, ông lão xin được ngồi xuống để tiếp tục câu chuyện khá dài - rồi nói:

- Tôi có một câu chuyện, thưa tôn giả! Một câu chuyện về gia đình, buồn, rất buồn, rất đau xót, rất thương tâm... về cái sợi dây ái luyến kia! Ở Kosambī này, nếu nói về danh vọng, địa vị, giàu sang... thì tôi tương tợ một người, ấy là bạn tôi, trưởng giả phú hộ Pāvārika; và chỉ thua sút một người, đó là trưởng giả phú hộ Ghosaka! Tôi có ba bà vợ đẹp người, đẹp nết nhưng chẳng bà nào có con! Nghĩ đến gia

sản cự phú mai hậu không có người thừa kế, tôi rất buồn, rất sầu não. Tôi đã đi cúng tế đền cao, miếu thấp; và cả hàng ngàn, hằng vạn súc vật làm lễ tế, vật tế... từng thúng vàng, thúng bạc ra đi... để cầu tự - nhưng vẫn chẳng được một mụn con nào! Đến tuổi năm mươi, tôi lấy thêm bà vợ thứ tư! Và đùng một cái, cả thảy bốn bà đều sinh con, và đều là con trai! Ôi, sung sướng xiết bao? Được ân sủng của thần linh như thế này thì bán cả gia tài để tri ân cũng xứng đáng! Cả bốn bé trai chỉ hơn nhau mỗi đứa mấy tháng, và đứa nào cũng bụ bẫm, mũm mĩm, hồng hào, ngời sáng, lớn nhanh như thổi! Và có điều kỳ lạ, là từ khi có chúng, việc làm ăn không còn thuận lợi nữa, cứ thua lỗ luôn! Được bạn bè khuyến khích, an ủi – nào là, được cái này thì mất cái kia; nào là hãy làm phước đi, bố thí đi, tạo nhân lành tốt thì quả sẽ tốt. Nghĩ cuộc đời cũng lạ, khi làm ăn thuận lợi, tiền bạc vô như nước lại không nghĩ chuyện bố thí, cúng dường nhưng khi thua lỗ, thất bát mới nghĩ đến chuyện tích phước cho mai sau. Mấy lần tôi đến Kỳ Viên nghe pháp cũng vì vậy. Tôi nghĩ, mình phải tích phước cho bốn đứa con trai...

Nói đến ngang đây, lão triệu phú đưa mắt nhìn khắp hội chúng - rồi tiếp:

- Không có trưởng lão Yasa, Vappa, Kāḷudāyi; nhất là trưởng lão Kāḷudāyi ở đây để chúng thực cho lời nói của tôi! Một thời, các vị trưởng lão ấy có đến an cư ở Ghositārāma; và tôi thường xuyên đến nghe pháp và cúng dường. Năm đó, bắt đầu thấm thía về giáo pháp, tôi xin quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới cấm dưới chân trưởng lão Kāḷudāyi; và tôi bắt đầu bỏ chuyện ăn chơi nhảm nhí, bắt đầu rời xa dần những việc cho giết mổ, cúng tế súc vật, xa dần những ý nghĩ xấu ác ở trong đầu! Đùng một cái, đứa con trai lớn tuổi nhất, chín tuổi, đẹp tướng, thông minh, sáng dạ... bị bạo bệnh, chết một cách đột ngột! Cũng nhờ hiểu biết giáo pháp, hiểu sơ về nhân quả nên tôi vượt qua nỗi buồn khổ khá nhanh.

Thời gian sau, tôi sửa sang, chỉnh trang một khu lâm viên với mong ước, chư khách tăng lui tới Kosambī có chỗ để an cư. Tiếp theo, đứa con thứ hai của tôi chết do trúng gió bất ngờ. Đau khổ quá, tôi đến quỳ bên chân trưởng lão Kāḷudāyi:

- Chết tôi rồi, ngài sa-môn ơi! Khi tôi bắt đầu thọ quy giới, tu tập đàng hoàng thì thằng con trai thứ nhất chết! Cố gắng tu tập nữa thì thằng con trai thứ hai chết! Như vậy thì thà rằng đừng tu tập còn hơn! Nhân quả nghiệp báo ngài dạy, thế là bất minh rồi, thế là đi lộn ngược đầu rồi! Ngài phải đền trả hai con lại cho tôi!

Khi tôi khóc lóc, đòi nợ thì lạ lùng làm sao, trưởng lão lại mỉm cười, nói như sau:

- Trái lại, tôi mừng cho ông, này ông cận sự nam! Tôi sẽ vén mở bức màn khói sương quá khứ cho ông thấy. Đứa con thứ nhất của ông, một kiếp trước là em ruột của ông! Trước lúc cha mẹ ông mất có để lại một gia tài, nhưng ông muốn "thủ" một mình nên tìm cách vu oan giá họa cho em vào tội âm mưu phản nghịch triều đình có nhân chứng, có vật chứng hẳn hoi. Thế là em ông bị tội tù, sau lại bị đóng dấu lên trán rồi đày ra biên ải làm nhân công khổ sai. Do nhờ cuối đời, ông thường xuyên bố thí cúng dường cho các sa-môn, đạo sĩ, trong đó có khá nhiều vị ẩn sĩ thanh tịnh nên nhiều đời kiếp vẫn được giàu sang, các nghiệp ác cũ chưa đủ duyên để trả quả! Đứa em kia, sinh lại làm con ông, khi sinh ra, tiền bạc của ông bị suy giảm, đấy là dấu hiệu, nhưng chưa quan trọng. Chính nó đến là cố ý trả thù ông, làm cho ông tán gia bại sản, đưa ông vào tù tội để lấy lại gia tài. Nhưng nhờ ông tu tập chơn chánh, thọ trì quy giới, bố thí cúng dường, lại còn do phước báu quá khứ còn năng lực nên cậu em trai, do nghiệp xui, không thể báo thù được nên đành phải ra đi! Đấy! Không là điều đáng mừng sao!

Đến ngang đây thì hội chúng đồng "Ồ" lên một tiếng,

nửa lạ lùng, ngạc nhiên; nửa như nhìn ra vấn đề: "Trong sợi dây ái luyến này có ẩn mầm oan trái - thật là kinh khiếp!"

Vị trưởng giả vẫn bình tĩnh tiếp tục câu chuyện:

- Rồi đứa con trai thứ hai - ngài trưởng lão Kāḷudāyi vén mở bức màn quá khứ, cũng tương tợ vậy. Rằng là một kiếp nọ, tôi làm chủ một gia đình cự phú khi còn rất trẻ, mọi công việc trong ngoài tôi giao phó cho một người quản gia là người cháu ruột, con ông anh của tôi. Suốt mười năm, nhờ tài giỏi của người cháu, và cũng nhờ bóc lột lớp nhân công nô lệ, tài sản của tôi vào như nước. Tôi hứa tặng cho nó một gia sản xứng đáng là một dinh thự, một ngôi vườn với đầy đủ tôi trai, tớ gái cùng với gia súc mỗi thứ một trăm con. Nhưng tôi cứ hẹn mãi, hẹn hoài. Gần mười năm rồi mà vẫn còn hẹn do tiếc của, do lòng tham không đáy muốn lợi dụng người! Đùng một cái, một trận dịch tràn qua, nó chết với hai bàn tay trắng! Kiếp này, nó sinh lại làm con của tôi để đòi nợ gia tài! Nhưng do phước báu quá khứ vẫn còn bảo trợ, do nhờ phước đức tu tập hiện tiền bảo trợ, nó đến đòi nợ nhưng không hội đủ nhân duyên và điều kiện nên nó phải ra đi. Nhân quả nghiệp báo tuy lạnh lùng nhưng rất công minh, trung chính, tại sao ông thiện nam lại dám bảo là bất minh?

Sau câu chuyện, hội chúng im lặng như tờ. Lát sau, ông trưởng giả mới kết luận:

- Thưa tôn giả, chư tăng và hội chúng! Tôi đã thấm thía những bài học của cuộc đời! Tóc tôi đã bạc, tấm thân đất nước lửa gió tôi đã chuẩn bị sẵn sàng trả lại cho đất nước lửa gió. Tôi không còn ham hố, cưu mang gì nữa. Bây giờ chỉ việc tu thôi. Hãy lấy trí tuệ của giáo pháp để soi đường! Hãy lấy tấm lòng yêu thương mà sống với gia đình, vợ con, bằng hữu, thôn lân, tổ quốc.. Hãy bố thí, cúng dường đến giáo hội của đức Tôn Sư, các đạo sĩ, du sĩ, ẩn sĩ. Hãy nhường cơm xẻ áo đến những kẻ đói nghèo nơi này và nơi khác! Tôi còn hai đứa con trai, nhưng cũng chưa rõ vì duyên hay vì nợ! Việc

ấy đối với tôi, bây giờ, không còn quan trọng nữa! Cứ để cho nhân quả nó làm việc, nó làm việc vô cùng công minh và trung chính! Vô lượng tri ân Tam Bảo, ngọn đèn chiếu soi bất tử giữa cuộc đời, giữa trần gian khổ não này!

Ông lão nói xong, hướng về tôn giả Sāriputta và chư tăng, quỳ lạy với năm vóc sát đất. Cả hội chúng đồng thanh cất tiếng "Sādhu, sādhu"!

MỤC LỤC

Về Thăm Lại Đức Vua Seniya Bimbisāra 7
Veḷuvana..... 27
Hai Vị Đại Đệ Tử 36
Thâu Nhiếp Mahā Kassapa ..... **Error! Bookmark not defined.**
MÙA AN CƯ THỨ HAI 75
Bài Đồng Dao Biếm Nhẽ 76
Về Thăm Quê Hương 87
Hoá Độ Quyến Thuộc 103
Các Ông Hoàng Quý Tộc Ra Đi 123
MÙA AN CƯ THỨ BA 131
Ôi! Hạnh Phúc Quá! 132
Thần Y Jīvaka Komārabhacca 136
Đức Tin Phát Sáng 162
Lấy Vàng Đổi Đất 174
Ngũ Minh Cũng Chưa Đủ 182
Viếng Thăm Kỳ Viên Đại Tịnh Xá 188
Tại Rừng Mahāvana 198
Dạy Dỗ Bậc Đại Trí Thức 202
MÙA AN CƯ THỨ TƯ 228
Tứ Đại Thiên Vương 229
Chuyện Tình Của Chàng Nhạc Sĩ Càn-Thát-Bà 238
Vesāli Thiên Tai, Dịch Hoạ 248
Chậu Nước Bẩn, Thau Nước Sạch Và Cái Vòi Voi..... 261
Máu Quý Hơn Nước..... 269
Thăm Phụ Vương Lần Cuối 273
Câu Chuyện Về Bộ Tam Y Quý Giá Và Đức Phật Metteyya... 276
Lúc Nào Thì Đức Phật Metteyya Xuất Hiện..... 283
Những Bàn Tay Kỳ Diệu Và Lời Cuố Bên Những Người Thân 286
Lễ Hoả Táng Đức Vua 291
Thành Lập Giáo Hội Bhikkhunī..... 296
MÙA AN CƯ THỨ NĂM 308
Ổn Định Ni Chúng 309
Hoá Độ Kỹ Nữ Ambapālī 314
Cảm Hoá Thủ Lãnh Tướng Quân Sīha 328
MÙA AN CƯ THỨ SÁU 341
Bát Gỗ Đàn Hương..... 342
Tiếp Chuyện Đức Vua Seniya Bimbisāra 354
Bà Quý Phi Xinh Đẹp 359
Duyên Xưa, Lối Cũ 366
Thần Thông Cảm Hoá Ngoại Đạo 373

MÙA AN CƯ THỨ BẢY 382
Đền Ơn Huyết Sữa 383
Với Đức Vua Pāsenadi 392
Cuộc Luận Chiến Về Chiêm Tinh..... 404
Với Chàng Thanh Niên Nô Lệ 430
Thêm Một Vị Đại Đệ Tử..... 437
Về Sợi Dây Luyến Ái..... 444

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu **……**

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

(Tái bản lần thứ nhất)

3

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Con Chó Khôn Ngoan

Vào thời không có đức Phật Chánh Đẳng Giác ra đời, tại vùng Allakappa bị dịch bệnh hoành hành, lây lan từ người này sang người khác, nhà này sang nhà khác làm cho rất nhiều người chết, đói kém xảy ra khắp nơi. Những người còn mạnh khỏe, chưa bị lây nhiễm, tìm cách bỏ đi nơi khác, trong đó có gia đình hai vợ chồng và một đứa con nhỏ. Trên quãng đường hành trình gian lao vất vả, chẳng tìm đâu ra cái ăn, họ lây lất tấm thân tàn, dường như sắp chết đến nơi, lạc vào một trại nuôi súc vật. Người chủ trại hỏi ra, biết họ nhịn đói đã nhiều ngày nên thương tình làm cơm sữa cho ba người ăn tùy thích! Người chồng, suốt dọc đường, vì có cái gì đều nhường cho vợ, cho con nên bị cái đói hành hạ nhiều hơn. Được cho ăn đồ ngon, không kềm chế được, người chồng đã ăn quá nhiều nên bị trúng thực rồi mạng chung ngay đêm đó. Trước khi mất, oan nghiệt thay, người chồng nhìn thấy con chó cái của chủ trại, to lớn, đẫy đà do được thực phẩm đầy đủ, sung mãn đang chơi trò chơi vợ chồng với một con chó đực cũng to lớn, nung núc thịt và mỡ. Chỉ một khởi niệm luyến ái, yêu thích con chó cái (hâm mộ, ước ao vật thực đầy đủ) thì tức khắc, thức tái sanh nhập vào thai bào con chó ấy!

Đủ tháng, đủ ngày, chó mẹ sinh ra một chú chó đực xinh xắn, dễ thương, khôn ngoan, dễ dạy (do mới từ cõi người sinh ra)! Được mấy tháng tuổi, chú chó con lớn như thổi, càng lớn, càng khôn, chủ nói gì nó biết đấy, do vậy, đi đâu, chủ trại nuôi gia súc thường dẫn nó đi theo.

Một hôm có một vị đạo sĩ (vốn là một vị Độc Giác Phật) đến nhà chủ trại để khất thực. Chủ nhà thành kính cúng dường vật thực thượng vị, lại còn thỉnh mời ngài để được đặt bát hằng ngày. Nơi ngụ cư của vị đạo sĩ là một hang đá trong một ngôi rừng vắng, không gần mà cũng không xa làng xóm bao nhiêu. Vào mỗi buổi chiều, lúc rảnh rỗi, ông chủ trại thường đến chỗ đạo sĩ, vấn an sức khỏe, nghe pháp hoặc cúng dường thêm dầu đèn, một vài loại thuốc cảm sốt, ho, nhức đau thông thường do thời khí hoặc hơi đá, sương mù, gió độc. Và lúc nào cũng có chú chó con đi theo. Ông chủ trại thông minh, linh mẫn đã biết cách huấn luyện chú chó mỗi lần đi hay về đến hang đá thăm vị đạo sĩ. Trên đường đi, nơi nào có bụi rậm, có một hang hốc sâu, ông chủ trại lấy một hòn đá ném vào và giả vờ kêu la, vỗ tay, đập chân ầm ĩ; con chó tinh minh, biết ý chủ nên nó sủa theo. Làm vậy, cốt ý là đuổi thú dữ! Năm bảy lần thành quen, thành quán tính, các lần đi và về sau, không cần chủ ném đá nữa, hễ cứ thấy bụi rậm, hang hốc sâu là chú chó cứ cong đuôi sủa ầm ĩ, sủa vô hồi kỳ trận; và chắc hẳn rằng, có thú dữ nào ở trỏng, chắc phải trốn biệt hoặc chạy mất tiêu.

Thấy việc huấn luyện chú chó thuần thục rồi, hôm kia đến thăm đạo sĩ, người chủ trại nói rằng: "Lúc nào con chó này đến đây một mình, nó sủa lên thì xin đạo sĩ cứ hiểu cho là nó thay mặt con, thỉnh ngài về nhà để đặt bát cúng dường!"

Thế là bắt đầu từ đây, chú chó thường thay mặt chủ trại. Khi được chủ ra dấu hiệu chỉ tay vô rừng, là nó cong đuôi, mừng rỡ chạy đi. Hễ ngang qua những bụi rậm, những hang

hốc... thì nó nhớ bài học, châu mỏ sủa loạn cả lên. Đến hang đá nơi đạo sĩ ở, nó cũng sủa từ ngoài xa, đến khi thấy được đạo sĩ rồi, nó sủa ba tràng nữa, rồi nằm bẹp bên chân đạo sĩ, ve vẩy đuôi, liếm chân hoặc đưa mắt hiền lành, trong sáng nhìn đạo sĩ như cố ý chờ đợi. Hiểu ý, đạo sĩ xoa đầu nó một cách rất trìu mến rồi với y bát, với gậy cầm tay lên đường. Thế là con chó chạy trước, đến các chỗ rậm, sủa, làm công việc an ninh, dọn đường mới trở lại dẫn đạo sĩ đi tiếp. Đến nhà chủ trại, sau khi nhận đầy đủ vật thực, đạo sĩ ôm bát trở lại hang thì chú chó cũng cần mẫn, tận tụy làm công việc "vệ sĩ"của mình rất mực chu đáo! Và bao giờ cũng vậy, phần vật thực còn thừa, loại cứng loại mềm, chú chó được hưởng phần "tàn thực" một cách rất ngon lành!

Cứ thế, thời gian trôi qua, sau mấy tháng an cư, khi người chủ trại dâng cúng y áo, vật dụng tứ sự, đạo sĩ (vị Độc Giác Phật) phải lên đường, du phương hóa độ người hữu duyên.

Từ khi vị đạo sĩ ra đi, con chó ngày ngày nằm bên ngưỡng cửa, nhìn vào rừng, mắt buồn rười rượi. Vài ba lần, nó vào ra hang núi, lùng sục, kiếm tìm, thất vọng, trở về, bỏ ăn bỏ uống! Người chủ trại lo lắng, vuốt ve trìu mến, đưa thức ăn ngon tận miệng, nhưng nó cũng không chịu ăn. Mười hôm sau thì con chó chết, tức khắc hóa sanh làm một vị thiên tử ở cõi trời Tāvatiṃsa. Đặc biệt vị trời này không những cao sang, chói sáng mà còn có giọng nói ngân vang, du dương, trầm bổng không ai bì nên có tên là thiên tử Ghosaka[1]. Hết phước báu cõi trời, thời hiện tại này, Ghosaka sinh vào thai bào của một cô kỹ nữ. Sợ ảnh hưởng đến nghề nghiệp của mình, nên vừa sinh ra, cô kỹ nữ đã đem quăng đứa trẻ nơi một đống rác bên vệ đường.

Sớm hôm ấy, người làm công cho một vị đại phú hộ đi

[1] Nghĩa: Người có tiếng nói lớn, vang xa, du dương, mỹ diệu.

ngang, thấy một bầy bồ câu quây quần, xúm xít xung quanh một vật lạ. Tò mò, đến xem thì ông thấy một hài nhi còn đỏ hỏn, được bầy bồ câu bảo vệ chu đáo; nghĩ đây là điềm triệu lạ thường, đứa hài nhi có thể là quý nhân trong tương lai nên ẵm bồng về nhà để nuôi dưỡng.

Vị đại phú hộ là chủ ngân khố của triều đình, làm chủ tất cả các nghiệp đoàn thương mãi tại kinh thành Kosambī, ở cạnh ông luôn túc trực một lão bà-la-môn giỏi về chiêm tinh, thiên văn, thuật số... Sáng hôm ấy, vị đại phú hộ hỏi vị cố vấn, tham mưu của mình rằng:

- Ngài đoán quẻ, xem thử trong ngày hôm nay, tại kinh thành có chuyện lạ thường gì xảy ra không?

Lão bà-la-môn sau khi gieo quẻ nói rằng:

- Mọi việc đều bình thường, duy có một điều lạ, hài nhi nào sinh ra trước giờ sao mai mọc sớm hôm nay, sau này sẽ phú quý, danh vọng, địa vị... không kể xiết được!

Vị đại phú hộ mỉm cười hỏi:

- Thế thì có bằng ta hiện nay không?

- Hơn, hơn nhiều! Nếu không muốn nói, khi vị này có mặt thì ngài sẽ bị lu mờ như ánh sáng ngôi sao so với ánh sáng đom đóm vậy!

Giật mình, lo lắng, vị đại phú hộ tức tốc cho hằng chục gia nhân lùng sục khắp kinh thành, xem thử có đứa trẻ nào sinh ra sớm hôm nay, trước giờ sao mai thì với giá nào cũng phải mua về cho bằng được! Khi biết đấy là đứa hài nhi còn đỏ hỏn mà người làm công của mình vừa nhặt được, ông đã trả một ngàn đồng tiền vàng māsaka đem về nuôi dưỡng. Tự nghĩ: "Vợ ta, ít hôm nữa thì đến ngày sinh. Nếu là gái thì ta sẽ nhận đứa trẻ này làm con. Nếu là trai – thì ta sẽ giết chết đứa trẻ này để trừ hậu hoạn sau này nó sẽ tranh đoạt ngôi vị phú quý, giàu sang và địa vị của ta!"

Quả thật vậy, ba hôm sau, vợ ông sinh được con trai; ông bèn cho người bỏ đứa hài nhi đầu cổng trại nuôi gia súc,

nơi mấy trăm con bò vô ra hằng ngày, với ý nghĩ: "Ta được học hỏi từ giáo chủ Ni-kiền-tử rằng, thân nghiệp tội nặng hơn ý nghiệp. Vậy ta sẽ không đích thân ra tay giết chết nó mà chỉ sai người đặt nó ở đó thôi!"

Người chăn bò, khi mở cổng lùa đàn bò ra khỏi chuồng chợt thấy một con bò mẹ to lớn, đứng bốn chân vững chắc như bốn trụ đồng, dường như cố ý bảo vệ vật gì bên dưới. Tò mò đến xem, thì thấy một đứa trẻ. Tự nghĩ: "Thật lạ lùng! Con bò mẹ này đã có linh tính gì đấy, đứng bảo vệ đứa trẻ vì sợ các con bò khác đụng nhằm hoặc dẫm đạp chết. Vậy đứa trẻ này, không phải là một con người tầm thường, ta phải đem về để nuôi dưỡng, sau này sẽ có chỗ nhờ cậy!"

Chiều hôm đó, ông đại phú hộ cho người đi xem thử đứa bé đã bị đàn bò dẫm đạp chết chưa? Khi biết là còn sống do người chăn bò đã mang về nhà, ông đại phú hộ lại phải tốn thêm một ngàn đồng māsaka nữa. Rồi lần này ông cho mang ra quăng tại nghĩa địa, nơi thường có hằng trăm dê, cừu ăn cỏ và hằng trăm kên kên, diều hâu tìm kiếm xác chết, săn bắt các động vật nhỏ như chồn, cáo, thỏ... Lần này thì đứa trẻ được một con dê cái to lớn nằm ôm và bảo vệ, liếm đầu, liếm tóc rất ư là thâm thiết, lại còn tìm cách cho trẻ bú no nê bầu sữa của mình nữa! Người chăn dê thấy hiện tượng lạ lùng lại đem về nuôi!

Rồi còn nữa, tiếp theo là quăng vào giữa xa lộ thương mãi thường có hằng trăm đoàn xe có bò hoặc ngựa kéo, chuyển tải hàng hóa phương này sang phương khác. Hai con bò dẫn đầu đoàn xe, thấy trẻ bèn dừng lại không chịu đi. Người chủ chiếc xe đem về nuôi. Ông đại phú hộ lại tốn thêm một ngàn đồng māsaka, cho đến một ngàn đồng kahāpaṇa, người chủ xe mới cho nhượng lại. Tức giận quá, lần này thì ông cho quăng trẻ xuống vực sâu cho tan xác nhưng lại được lau sậy nâng đỡ! Người tiều phu lại nhặt được.

Biết là mệnh trời hoặc phước báu của trẻ bảo vệ, ông đại phú hộ đành phải mang về nuôi dưỡng chung với con trai của mình!

Hai trẻ lớn lên rất thương yêu nhau, bao giờ con ông đại phú hộ vẫn xem Ghosaka là anh. Trong khi vui chơi hoặc trong khi học hành, Ghosaka luôn chứng tỏ sự thông minh, sáng dạ, khôn ngoan và khéo léo hơn con trai ông đại phú hộ. Còn nữa, Ghosaka luôn tỏ ra lễ phép, lễ độ, dễ dạy, dễ bảo và chưa hề làm ông phải mếch lòng về điều gì! Đối với cả đại gia đình, người làm, kẻ ở, bạn hữu, quyến thuộc... ai cũng yêu thích và cảm mến Ghosaka hơn con trai ông chủ. Chính vì vậy ngày càng làm cho ông chủ bực mình, khó chịu; sự thù hận như tro than cứ âm ỉ cháy mãi ở trong lòng. Hôm kia, không chịu nổi, ông chủ suy nghĩ mưu kế giết trẻ.

Ngoại ô thành phố có một chủ lò gốm, vốn là người làm công thuở trước của ông, mang ơn ông rất sâu nặng. Ông tìm đến, sau khi thăm hỏi xã giao, ân cần nắm tay ông chủ lò gốm, rồi nhờ một việc. Ông nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Tôi có đứa con nuôi, nó ngỗ nghịch, hoang tàn, bất hiếu, cứng đầu, khó dạy, sau này sẽ là hiểm họa cho gia đình, họ tộc. Tôi nhờ ông làm ơn ra tay giết nó giúp. Ở đây có rất nhiều lò lửa cháy đỏ rực, quăng nó vào trong là xương thịt thành tro ngay, ma không biết, quỷ không hay! Ông làm được việc ấy là bảo vệ được gia sản và thanh danh gia đình tôi sau này. Tôi nhớ ơn ông. Bây giờ ông nhận trước một ngàn đồng tiền vàng kahāpaṇa, xong xuôi công việc, tôi sẽ đền trả thêm bằng ngân lượng như vậy nữa.

Ban đầu, ông chủ lò gốm chần chừ, nhưng thấy số tiền cả đời ước mơ cũng không thấy, nên tối mắt, gật đầu ưng thuận. Cả hai to nhỏ ra dấu hiệu, bày mưu kế thực hiện.

Đúng ngày hẹn, ông đại phú hộ kêu Ghosaka đến bên:

- Này con thân! Cha có đặt ở nhà thợ lò gốm một số bình, chậu đặc biệt để tiến cung. Bây giờ, con đi ngay đến

đó xem thử số hàng ấy đã được thực hiện xong chưa?

Ông chủ chỉ đường. Nghe lời, cậu bé Ghosaka ngoan ngoãn chạy đi. Ra đến đầu ngõ, Ghosaka gặp đứa em, con ông chủ, đang chơi đáo với trẻ hàng xóm. Thấy Ghosaka, đứa trẻ nắm tay kéo lại, hỏi đi đâu. Ghosaka kể lại. Đứa trẻ nói:

- Vậy thì anh hãy ở đây đánh đáo giúp em, gỡ gạc giúp em! Còn việc kia để em đi thay cho!

Khi đứa trẻ đến nhà chủ lò gốm, nghe nói đúng nguyên văn là hàng gốm đặc biệt đã thực hiện xong chưa thì ông biết phải làm gì rồi!

- Này cậu bé, hãy ra đây mà xem! Ông giả vờ vui vẻ nói - Hàng như thế này! Đang ở chỗ này này!

Rồi ông dẫn trẻ lui sau. Bất ngờ, ông xách hổng chân đứa trẻ quăng vào lò than đang cháy đỏ ngọn, đứa trẻ không kịp kêu la một tiếng. Rồi ông còn cẩn thận phủ than, củi lửa thêm nữa để xóa hết tất cả mọi dấu tích. Ông âm thầm làm một mình, vì hôm ấy ông đã cho tất cả mọi người nghỉ việc.

Ghosaka đã đánh đáo gỡ thua cho em, đợi lâu không thấy em về. Đến nhà chủ lò gốm, trong ngoài thấy vắng tanh, tưởng là em đã về nhà rồi, đành quay lui.

Ông đại phú hộ chợt dưng thấy nóng ruột, đứng đợi bên hiên, đăm đăm nhìn ra đầu ngõ... thì lù lù thấy Ghosaka bước vào. Ngạc nhiên, ông hỏi han tự sự. Ghosaka kể lại đầu đuôi.

Như gáo lửa xối xuống đầu, nhưng ông vẫn cố gắng bình tĩnh, cho dong xe ngựa chạy nhanh đến nhà ông chủ lò gốm. Vừa đến cửa, ông đã ba chân, bốn cẳng chạy vào bên trong, hét toáng lên: “Hãy dừng tay lại! Hãy dừng tay lại! Đó là con trai yêu quý của ta!” Nhưng muộn mất rồi! Ông chủ lò gốm nghe được, thất thểu bước ra, mặt như gà bị cắt tiết, run lẩy bẩy! Nói gì được nữa, trách gì được nữa, vì ông chủ lò gốm đã làm đúng “hợp đồng” một cách nghiêm túc!

Càng lớn lên thì tư cách Ghosaka càng thêm chững chạc, càng đẹp người, đẹp nết hơn. Nhưng ông đại phú hộ đã không còn ăn cơm chung với Ghosaka nữa! Ông thù ghét Ghosaka, thù hận Ghosaka đã đến tận xương, tận tủy!

Sự mất tích đứa con trai, được ông phú hộ che giấu rất kỹ, bảo là đã cho đi du học ở Takkasilā tận nước Gandhāra kia lận! Tuy nhiên, Ghosaka vẫn mơ hồ biết, mơ hồ hiểu. Nhất là đêm đêm, tiếng khóc của người mẹ lọt qua kẽ hở các bức tường, vọng đến tai Ghosaka. Biết nguyên nhân bởi mình, Ghosaka càng để ý nết ăn, nết ở, càng để ý chăm sóc, hầu hạ ông bà rất mực chu đáo hầu mong cứu vãn một phần nào tình yêu thương trống vắng trong gia đình ông đại phú hộ.

Đến tuổi thanh niên, Ghosaka trông rất khôi ngô tuấn tú, ai thấy cũng mến, cũng ưa! Tuy nhiên, ông phú hộ lại tìm cách giết chàng kiểu khác.

Hôm nọ, ông trao cho Ghosaka hai lá thư xanh đỏ khác nhau, được niêm phong cẩn thận rồi ông dặn dò:

- Tại thủ đô Vesāli, ta có một người bạn làm ăn thâm giao, đấy là triệu phú Gāmaka, hỏi tên ông tại các cửa hàng thì ai cũng biết. Gặp ông, con trao lá thư màu xanh, đấy là những bản giao kèo, cam kết chuyện làm ăn những món hàng sắp tới! Rời Vesāli con tìm đến thủ đô Videha, ta cũng có một người bạn thâm giao khác là triệu phú Kikiṭṭāra, hỏi ông thì ai cũng biết con sẽ đưa lá thư màu đỏ, con đừng hỏi han gì vì đó là chuyện bí mật trên thương trường của chúng ta.

Ông chủ sai người hầu đóng cho chàng một một cỗ xe hai ngựa để lên đường, với tay nải, với lương thực... tức tốc đi ngay! Đến Vesāli, Ghosaka mới mở rộng tầm con mắt, thấy kinh thành này xa hoa tráng lệ hơn Kosambī nhiều. Hỏi tên triệu phú Gāmaka, người ta vui vẻ chỉ đường, hóa ra đấy là một dinh thự nguy nga, giàu sang tột bực.

Gặp triệu phú Gāmaka, chàng kính cẩn chào hỏi rồi trao lá thư màu xanh. Đúng là chuyện làm ăn, những món hàng quốc cấm, lời lãi được tính toán người bốn, người sáu... Ông triệu phú cười sảng khoái:

- Thật là tri ân vị ân nhân đã chỉ chuyện làm ăn cho ta! Ta cũng cám ơn con lặn lội đường xa đến đây! Con trai của bạn ta cũng là con trai của ta. Con hãy ở lại đây vui chơi ít ngày, ta sẽ xem con như thượng khách!

Người tớ gái dọn cơm thết đãi, sau đó quét dọn phòng ốc cho Ghosaka nghỉ ngơi. Cô cứ liếc nhìn chàng rồi tủm tỉm cười hoài vì chàng trai trẻ đẹp quá, hiền lành quá. Khi người ở gái đi mua hoa về để chưng cho đẹp thì bắt gặp cô tiểu thư, con triệu phú ở cửa. Cả hai to nhỏ chuyện trò. Nghe nói chàng trai đẹp lắm, tuấn tú lắm, tò mò, cô tiểu thư bạo gan hé cửa nhìn. Ghosaka vì đường xa mệt mỏi nên ngủ say như chết, đâu có biết gì! Cô tiểu thư đến ngắm nhìn, do sợi dây luyến ái từ quá khứ, cô động lòng và yêu thương ngay! Chợt thấy nơi tay nải của chàng trai rơi ra một lá thư màu đỏ, động tính hiếu kỳ, cô tiểu thư lấy nước miếng nhẹ nhàng thấm lên, mở dấu niêm phong ra đọc. Chữ là một thứ chữ chưa hoàn chỉnh, lẫn lộn nhiều ký hiệu chấm, móc, ngoặc... phức tạp... Nhờ tinh thông văn tự, cú pháp, văn phạm, ký tự, dấu hiệu... cô tiểu thư vừa đọc, vừa đoán. Đại ý, thư gởi triệu phú Kikiṭṭāra ở Videha, như sau:

"- Bạn thân mến! Cậu thanh niên mang lá thư màu đỏ này đưa đến tay bạn, chính là người đã giết chết con trai của ta một cách rất tức tưởi. Vì địa vị, vì danh vọng của ta ở Kosambī nên ta chẳng thể làm gì được, sợ mang tiếng xấu! Vậy bạn hãy giúp ta, tìm cách giết nó đi! Ta biết bạn là người cẩn thận, chu đáo lại có nhiều mưu kế hay, giỏi - vậy hãy chịu khó giúp ta – ta sẽ tri tạ hậu hĩ, sau khi xong việc! Ký tên: Đại phú hộ Kosambī!"

Đọc xong lá thư, cô tiểu thư toát mồ hôi hột. Vì quá yêu

thương chàng trai, cô gái liền tức khắc viết giả mạo một bức thư khác. Thư gởi triệu phú Kikiṭṭāra, như sau:

"- Bạn thân mến! Cậu thanh niên mang lá thư màu đỏ này đưa đến tay bạn, là đứa con trai mà ta rất yêu mến. Vậy khi nhận được thư này, bạn chịu khó sắm giúp cho ta 100 mâm lễ vật, có cả vải vóc, rượu trà, gấm lụa Kāsi, tư trang, tư dụng quý đẹp được đặt trên những mâm vàng, mâm bạc - trên những cỗ xe hai ngựa, bốn ngựa cao sang và lộng lẫy. Rồi bạn và người thân uy tín, thay mặt ta, đến kinh thành Vesāli, hỏi cưới cô tiểu thư, con của triệu phú Gāmaka – cũng là bạn của chúng ta, giúp ta! Lúc này ta già yếu và lại hay đau ốm bất thường, không đi đâu được! Vậy việc đại sự cho nó, bạn coi nó như là con của bạn mà lo chu toàn cho ta nhé! Mọi tốn kém ta sẽ trả lại gấp đôi, bạn đừng lo ngại gì! Kính mến! Triệu phú Kosambī!"

Viết xong, cô tiểu thư khéo tay, niêm phong trở lại rồi bỏ vào đãy, nửa rơi ra ngoài y như cũ!

Hôm sau, Ghosaka vô tư lên đường, đến Videha, tìm ra dinh thự của triệu phú Kikiṭṭāra kính cẩn, lễ phép trao phong thư màu đỏ. Đọc xong thư, ông triệu phú vui mừng, triệu tập cả đại gia đình, giới thiệu chàng trai rồi tuyên bố hỷ sự mà ông bạn thâm tình nhờ cậy. Nhìn thấy Ghosaka, ai cũng phát tâm yêu mến nên sẵn sàng vui vẻ giúp một tay! Chính Ghosaka cũng ngạc nhiên, ngây người về chuyện lạ; và hôm ở nhà triệu phú Gāmaka, chính chàng cũng cảm nghe trái tim mình rung động khi thấy mặt cô tiểu thư quý phái, xinh đẹp ấy!

Thế rồi, cả hai gia đình triệu phú chung lo công việc. Hôn lễ cử hành tốt đẹp. Ông nhạc gia thương chàng trai và con gái cưng của mình nên tặng cho một biệt cư, trong một ngôi vườn có cây trái, hoa lá xanh tươi bốn mùa để hưởng tuần trăng mật, xây tổ ấm! Thật là hạnh phúc đến quá bất ngờ làm cho Ghosaka choáng ngợp!

Mọi việc diễn ra, đến tai đại phú hộ Kosambī, chẳng hiểu trời trăng gì nữa, tức quá, ông hộc máu tươi, ngất xỉu. Tỉnh lại, ông biên thư cho người triệu về, viện cớ đau ốm quá nặng, hai vợ chồng hãy về cho ông thăm lần chót! Thấy Ghosaka tức tốc muốn lên đường, cô tiểu thư biết chàng quá thật thà, quá ngây thơ và quá trung hậu nên đem chuyện lá thư tận tình kể lại cho chàng nghe. Ghosaka hiểu. Chàng hiểu ông triệu phú manh tâm muốn hãm hại chàng lâu rồi, nhưng phận làm con, không công sinh thì cũng có công nuôi dưỡng từ tấm bé, không biết làm sao cho lưỡng toàn? Tuy nhiên, khi cấp tốc nhận được lá thư thứ hai, mới biết quả thật ông đại phú hộ đã lâm bệnh nặng! Thế là hai vợ chồng son trẻ phải lựa ngày, tính ngày để lên đường; nhưng cô tiểu thư căn dặn là phải nhất nhất nghe theo lời nàng mới tránh khỏi tai họa. Chàng đồng ý. Thế là tức khắc, nàng không nệ bạc vàng, với giá rất cao, tìm thuê ba mươi người thân tín, cung cấp ba mươi con ngựa nòi, ngựa khỏe, đặt một đường dây liên lạc, từng trạm, từng trạm dọc đường, từ nhà triệu phú Kosambī - để báo tin cho nàng biết hằng ngày về bệnh tình của ông ta. Khi biết chắc, quả thật ông triệu phú chỉ còn ăn cháo loãng, đang nằm trên giường bệnh, hai vợ chồng mới chính thức lên đường! Vừa về đến cửa nhà, Ghosaka chưa biết làm gì – thì cô tiểu thư đã bù lu bù loa khóc thương thảm thiết. Ai cũng thương tình cô dâu có hiếu, tránh đường để cho cô đi. Đến bên giường, cô lại đấm tay, đấm chân, đấm ngực, càng khóc lóc lớn hơn nữa. Ông đại phú hộ lúc ấy hơi thở đã yếu, mở hé mắt ra – thì thấy cô gái đập cái đầu xuống ngực mình như trời long đất lở. Ông bị vỡ tim ngay lúc ấy rồi qua đời. Mọi người nhẹ nhàng kéo cô gái ra, an ủi, dỗ dành, bảo thôi đừng khóc nữa, không ai thoát khỏi cái chết, đừng thương tâm như vậy nữa! Một hồi sau, cô mới chịu nín, còn tất ta, tất tưởi, giọt ngắn, giọt dài – không ai biết là chính cô vừa giết ông phú hộ độc ác một cách rất

khôn khéo!

Sau đó, đám tang được cử hành trọng thể. Bảy ngày sau, đức vua Udena, quốc vương nước Vaṃsā phong Ghosaka chức đại thủ khố thay cha, và chàng vẫn làm chủ tịch nghiệp đoàn thương mãi. Đã giàu, chàng lại giàu hơn do thời gian sau, vị triệu phú Gāmaka tại Vesāli mất, để lại cho vợ chàng cả một gia tài cự phú nữa! Tuy nhiên, hai vợ chồng Ghosaka còn có tấm lòng quảng đại hơn các triệu phú khác một việc: Là họ đã đồng lòng, cùng có trái tim bi mẫn giống nhau nên họ đã lập những trại tế bần khắp nhiều nơi, và còn thường xuyên cúng dường các sa-môn, đạo sĩ đến Kosambī! Nhưng sau khi được gặp đức Phật và giáo pháp của ngài, hai ông bà đã kiến tạo khu lâm viên tên là Ghositārāma như đã nói ở trên để cúng dường thập phương Tăng. Rồi tuần tự, thứ lớp, hai vị triệu phú bạn thân của ông bà là triệu phú Kukkuṭa và triệu phú Pāvārika đồng kiến tạo hai khu lâm viên khác, có tên là Kukkuṭārāma và Pāvārikarubavana rồi cúng dường đến thập phương Tăng có đức Phật chứng minh.

MÙA AN CƯ THỨ TÁM
(Năm 580 trước TL)

Chánh Hậu
Của Đức Vua Udena

Trong mùa an cư năm thứ tám, khi nghe tin đức Phật ở Kosambī thì chư trưởng lão và tỳ-khưu tăng các nơi về đảnh lễ ngài ngày càng đông. Tôn giả Sāriputta bàn với các vị trưởng lão hiện có mặt để phân bố họ đến ba khu lâm viên để an cư mùa mưa. Trưởng lão Vappa, Assaji, Yasa, Upāli, Kāḷudāyi... đảm trách tu tập và giáo giới khoảng ba trăm tỳ-khưu ở lâm viên Ghositārāma. Trưởng lão Kimbila, Bhagu, Nandiya... hướng dẫn tu tập và giáo giới chừng một trăm năm mươi tỳ-khưu ở lâm viên Kukkuṭārāma. Trưởng lão Devadatta, Bhaddiya, Anuruddha... chăm sóc sự tu tập và giáo giới cho chừng khoảng như vậy ở lâm viên Pāvārikarubavana. Riêng hai trưởng lão Nadī Kassapa và Gayā Kassapa chăm sóc hội chúng hơn một trăm vị tỳ-khưu đầu-đà khổ hạnh thì tùy nghi lựa chọn trú xứ cho mình.

Khi hội chúng rời chân đi rồi, hai trưởng lão Bhaddiya và Anuruddha tìm gặp tôn giả Sāriputta, đại ý rằng:

- Trưởng lão Devadatta chỉ lo tu tập, trưởng dưỡng các thắng trí nhưng không chịu hướng tâm, hướng trí đến việc đoạn tận các lậu hoặc, không biết phải khuyên nhủ làm sao?

- Biết làm sao được! Tôn giả Sāriputta mỉm cười – tuy

nhiên, bên cạnh Devadatta luôn có mặt hiền giả Bhaddiya, bậc đầy đủ sáu thông; luôn có mặt hiền giả Anuruddha, người mềm mỏng, dịu hiền mà ai cũng phải cảm mến, do vậy, hiện tại vẫn chưa có gì đáng ngại!

Anuruddha chợt cười vui:

- Hóa ra, việc phân bố người và công việc, bậc Tướng quân Chánh pháp vẫn hơn chúng đệ một, hai cái đầu!

Các bậc thánh gặp nhau, chia tay nhau, ai lo việc nấy, an nhiên và thanh bình xiết bao! Và như vậy, tại khu rừng lớn Bhesakaḷā, gần cổ thành Susumāragira, an cư ở đây chỉ có đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, thị giả Upavāna cùng vài mươi vị tỳ-khưu đã có sơ quả, nhị quả trong đó có tỳ-khưu Kaccāyana. Đến gần ngày an cư, tỳ-khưu Kaccāyana đến đức Phật xin đề tài thiền quán thích hợp với đời sống độc cư. Đức Phật giáo giới xong rồi nhắc nhở câu cuối:

- Hãy tháo gỡ, quăng bỏ tất thảy mọi kiến thức, tri thức cũ! Hãy lắng nghe và học hỏi những lời pháp hiện tiền, phong phú, sinh động, mới mẻ chưa ai viết ra, chưa ai đọc lên ở chính nơi thân, tâm của mình trong tương quan với ngoại giới. Sinh diệt ở đấy mà bất tử cũng ở đấy! Lúc nào cần thiết, Như Lai sẽ có mặt tức khắc ở bên cạnh.

Tỳ-khưu Kaccāyana phủ phục đảnh lễ rồi rút vào tĩnh cư ở một hang đá sâu ở khu rừng bên cạnh; chàng quyết chứng quả vô sanh ngay mùa an cư này! Và quả đúng như vậy, tỳ-khưu Kaccāyana dễ dàng chứng quả A-la-hán với bốn tuệ phân tích, sau này nổi danh là đệ nhất biện tài trong giáo hội của đức Tôn Sư – nên ai cũng gọi là Mahā Kaccāyana.

Đức vua Udena, nội ngoại cung, triều đình đều nghe bàn tán xôn xao về đức Phật, các vị sa-môn và giáo pháp. Lúc cả ba vị đại triệu phú hầu như nhất loạt hiến cúng ba đại lâm viên thì cả kinh thành Kosambī như lên cơn sốt. Chưa thôi, trên những con đường phố, phường ấp, các tụ lạc, làng mạc ở ngoại ô xuất hiện các sa-môn áo vàng ngày càng nhiều. Họ

ăn bận tươm tất, dù hoại sắc, dù vải xấu, vải lượm... nhưng vẫn toát ra phong cách chừng mực, chững chạc, trang nghiêm. Ngay cả việc đi khất thực cũng vậy, vị nào trông cũng đàng hoàng, ung dung, chậm rãi. Có một số vị cao ráo, đẹp đẽ, phước tướng chói sáng, và rõ ràng không phải là những kẻ đi ăn xin! Còn nữa, có một số vị quắc thước, uy nghi, đĩnh đạc toát ra trình độ tri thức, học vấn, trông chẳng khác gì những bậc hiền triết, ẩn sĩ! Như thế rõ là, họ không giống các đạo sĩ, du sĩ trong các tôn giáo cổ truyền trước đây tại các xứ sở này. Họ bắt đầu nghe tin về đức Phật, bàn tán sự xuất thân của đức Phật và uy lực về giáo pháp của Người. Họ biết rằng, hai vị đại vương và quần thần của hai đế quốc Māgadha và Kosala đã phủ phục, quy y tôn giáo mới này. Và nghe đâu, trình độ kiến thức và tu chứng của các vị đệ tử của Người còn cao siêu hơn các vị giáo chủ đương thời nữa.

Tuy nhiên, đức vua Udena vốn là tay võ biền, vũ phu, thô lỗ quen với nếp sống, nếp nghĩ trần tục; ông chỉ thích săn bắn, tửu sắc, ca vũ không thèm để ý đến dư luận về những sa-môn, đạo sĩ xin ăn trong quốc độ của ông. Triều thần cũng vậy mà các bà thứ phi cũng vậy, họ thích thú vui ngũ dục hơn là các giá trị tinh thần.

Chỉ riêng hoàng hậu Sāmāvatī là người đầu tiên trong nội cung đi nghe giáo pháp tại lâm viên Ghositārāma qua các trưởng lão Yasa, Kāḷudāyi... trước đây. Bà đã thâm tín giáo pháp này. Khi nghe đức Phật đến, niềm háo hức nghe pháp đã thôi thúc bà, nhưng do bụng mang dạ chửa với đủ mọi thứ kiêng khem phức tạp, bắt bà phải nấn ná từ ngày này sang ngày khác. Hôm kia, biết đức vua đi săn bắn ở một rừng xa, bà với hai thị nữ tùy tùng, sắm sanh lễ vật trọng hậu, lên cỗ xe hai ngựa đến khu rừng Bhesakaḷā.

Đức Tôn Sư biết nhân duyên tốt đẹp của bà chánh cung hiền thiện này, nên ngài ngồi đợi dưới gốc cây ngoài bìa rừng. Khi cỗ xe không còn đi được, hai thị nữ dìu bà bước

qua một lối đi nhỏ thì bà nghe tiếng nói thoảng vào tai:

- Này, Sāmāvatī! Hãy cẩn thận từng bước đi, chẳng phải gấp gáp gì mà ảnh hưởng đến thai nhi! Như Lai đang ở đây! Đang đợi bà ở đây!

Thế là bà Sāmāvatī thấy đức Phật sau khi nghe được tiếng nói trầm ấm vi diệu ấy.

- Không cần phải đảnh lễ, bà đã đảnh lễ ở trong tâm rồi! Hãy ngồi nhẹ nhàng trên tảng đá kia, Như Lai sẽ nói chuyện!

Chợt dưng, bà Sāmāvatī cảm giác như gặp lại một vị cha già hiền lành, nhân hậu lâu xa nào đó trong quá khứ! Bà cảm nghe một sự bình yên, mát mẻ, một hạnh phúc lạ lùng tuôn tràn, thấm đẫm cả châu thân.

- Bạch đức Thế Tôn! Bà nói – Nghe đức Thế Tôn đến Kosambī đã lâu, hôm nay con mới có dịp đến thăm! Con ngưỡng mong rằng, đứa con trong bụng con, dẫu trai hay gái phải làm một con người tốt, quý nhất là được làm một cận sự nam hay một cận sự nữ trong giáo hội thanh tịnh cho đến trọn đời!

- Như Lai đã chấp nhận, đã chứng minh cho sự quy y của cả hai mẹ con; và rồi cả hai mẹ con sẽ được như nguyện!

Rồi đức Phật cặn kẽ giải thích nghĩa đích thực của "sự trở về nương tựa Tam Bảo" từ nghĩa "sự tướng" đến nghĩa "lý tính" ra sao! Sự tướng chính là đức Phật ba đời, Giáo pháp ba đời và Tăng chúng ba đời! Lý tính nghĩa Phật Bảo chính là sự giác ngộ, tánh sáng suốt, tỉnh thức thường trực trong tâm trí mình. Lý tính nghĩa Pháp Bảo, là chân lý, là sự thật phải luôn tuân chỉ, thực hành! Lý tính nghĩa Tăng Bảo chính là luôn hướng đến sự hiền thiện, thanh tịnh, chính trực, quang minh cao đẹp!

Biết bà hoàng hậu là bậc trí thức nên đức Phật chỉ nói tóm tắt về Tam Bảo với những thuật ngữ khá cao siêu. Nhờ

quán đúng cơ căn nên bà tức khắc thấy pháp, đắc quả Nhập Lưu với tâm tịnh tín bất động. Bà cúi xuống khom lưng đảnh lễ đức Phật mà có vài giọt nước mắt lăn đọng như mấy hạt kim cương!

Khi tôn giả Sāriputta, Ānanda vừa thọ nhận xong lễ vật cúng dường của hoàng hậu – thì một đoàn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni tìm đến, chừng năm mươi vị. Họ đến từ Vesāli và cả Rājagaha. Trong số đó, có trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā, Nanda và Rāhula cùng một số vị thuộc dòng Sākya khác nữa. Họ viện cớ thấy đức Phật đi vắng lâu ngày nên muốn tìm đến đây để an cư, đồng thời để học hỏi giáo pháp.

Khi được thấy thân quyến của đức Phật, bà vô cùng hâm mộ, quyến luyến đến nắm tay trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā không chịu rời. Lát sau, do trí thông minh có sẵn, bà thưa trình:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có một khu rừng gỗ hương trầm rất quý báu, cũng không xa đây lắm. Đấy là nơi có sẵn một số cốc liêu, nhà nghỉ cùng các công trình phụ mà đệ tử thường hay lui tới để an dưỡng. Quý ni sư mình mai vóc hạc, tu hành kham khổ mà ở đây thanh khí từ vỏ, từ lá, từ nhựa hương chiên đàn đỏ, chiên đàn vàng... rất tốt cho sức khỏe của chư ni! Đệ tử xin được cúng dường cho trưởng lão ni cùng ni chúng thập phương thì hạnh phúc cho đệ tử lắm vậy.

Đức Phật mỉm cười, ngài biết nhân là vậy, duyên là vậy. Còn hội chúng thì tán thán "Sādhu, sādhu" đầy hoan hỷ và vui vẻ.

Thế là mùa an cư năm ấy, tôn giả Sāriputta và Ānanda ngoài việc tiếp đón liên tục ba vị đại triệu phú và bạn hữu của họ, còn phải thay mặt đức Phật thuyết pháp đến hội chúng cư sĩ. Riêng đức Phật thì tùy nghi. Lúc thì ngài dẫn Nanda cùng đi, xuất hiện ở lâm viên này, mai ngài xuất hiện ở lâm viên khác để giáo giới chư tỳ-khưu! Đôi lúc ngài lại

dẫn theo Rāhula, sang khu rừng gỗ hương để giáo giới tỳ-khưu-ni. Ông hoàng si tình, tỳ-khưu Nanda, vẫn chưa tiến bộ, vẫn còn nhớ nhung quay quắt vị hôn thê công nương xinh đẹp. Đi bên Phật, được ngài ân ần nhắc nhở, hướng dẫn một vài phương pháp tu tập để đối trị, đại đức này trông đã khá hơn. Sa-di Rāhula lúc này đã gần mười bốn tuổi, đã là một thiếu niên cường tráng và khỏe mạnh. Đức Phật chỉ dạy những pháp ngắn, thật ngắn, dị giản về hít thở, đi đứng nằm ngồi... để Rāhula tự suy nghĩ, tìm kiếm thêm. Đôi khi, đức Phật chỉ cách nhìn ngắm mọi vật xung quanh, các trạng thái nơi thân, nơi tâm mình; và phải phản ánh cho trung thực, chính xác! Luôn luôn, lúc nào cũng phải biết dùng chánh niệm và tỉnh giác để an trú trong hiện tại. Ý thức trong sáng luôn luôn được thắp lên, bất kể lúc nào! Đức Phật thấy rõ Rāhula khuôn mặt rạng rỡ, đôi mắt sáng quắc, lấp lánh niềm vui, nhưng ngài biết rõ, không phải là sự đắc pháp mà do tao ngộ, gặp gỡ cả "đại gia đình"! Trưởng lão ni Gotamī trông đã vững chãi, đã hoàn toàn làm chủ bản thân, an trú pháp và chu toàn rất tốt mọi công việc trong ngoài! Đúng là bản lãnh một bậc Ni trượng! Tỳ-khưu-ni Yasodharā trông cứng cáp hơn nhờ gió sương, mưa nắng; ngài còn đọc được sự tĩnh lặng và bình an nhất định trong đôi mắt của bà.

Nhưng khi mưa gió quá, không đi đâu được thì đức Phật ẩn ở động sâu. Chỉ riêng tôn giả Sāriputta mới biết rằng, đức Phật luôn luôn có công việc của ngài. Chúng phi nhân như thọ thần, sơn thần, dạ-xoa, a-tu-la, rồng, càn-thát-bà, kim-xí-điểu, cưu-bàn-trà, Tứ đại thiên vương, Sakka, phạm thiên... luôn là hội chúng, thính chúng của đức Phật nơi này và nơi khác, kể cả giữa đêm hôm khuya khoắt.

Hôm kia, trời mây thưa, gió nhẹ có vẻ tạnh ráo, sáng sớm, đức Phật lại ôm bát ra đi một mình. Ngài đi rất xa về phía Tây Bắc thuộc thượng nguồn sông Yamuna, đến vùng

Kuru, thị trấn Kammāsadhamma[1], gần các ngôi đền thờ các vị thần của bà-la-môn giáo. Đức Phật tọa thiền suốt đêm tại một vòm cổng bằng đá, sáng ngày, ngài ôm bát theo con lộ chính trong thị trấn để khất thực. Trời mưa rất nhẹ, chỉ như sương mù lay bay, đường đất thấm nước, không có bụi, khí trời mát mẻ. Đây là vùng đất, là xứ sở của bà-la-môn giáo! Các vị sa-môn, chư tỳ-khưu cho biết rằng, ở đây rất khó kiếm vật thực mặc dầu đời sống cư dân khá sung túc họ vẫn không đặt bát cho người khác tôn giáo! Tuy nhiên, nhờ tướng hảo quang minh, sự sáng chói từ hào quang lan tỏa nơi ngài đã hấp dẫn lôi cuốn mọi người nên vật thực ngài cũng có đủ! Lựa tìm một cội cây tại ngã ba đường, đức Phật xếp bốn tấm y hai lớp rồi ngồi độ thực. Dùng xong, ngài trú quang định để chờ đợi hai kẻ hữu duyên sẽ đắc quả A-na-hàm (Anāgāmī)!

Thị trấn Kanumāsadamma có một bà-la-môn gia chủ hữu danh, đấy là ông bà Māgaṇḍi. Suốt đêm, ông ở trong đền để chăm lo việc tế thần lửa, trên đường về nhà, ông chợt thấy đức Phật ngồi dưới cội cây! Sửng sốt, ông đứng lặng, ngắm nhìn mê mải - vị này là ai mà đẹp quá! Cả thân thể sao mà tỏa sáng như châu ngọc! Từ vừng trán, khuôn mặt, cái mũi, cái miệng, chân mày, đôi mắt, vai, ngực, chân tay... cả những ngón tay... đều do thợ điêu khắc tuyệt hảo của đức thần Brāhmā! "Chà! Ông tự nghĩ – Ta có cô con gái xinh đẹp tuyệt trần, nếu có được một chú rể đông sàng tướng hảo tuyệt mỹ như thế này thì mới thật là xứng đáng!" Nhà ông cũng ở gần đây nên ông hấp tấp đến báo cho bà hay: "Này bà, có một chàng trai tuyệt đẹp, đúng là quý nhân, quý tướng! Bà hãy mau đến gốc cây đầu đường kia mà xem! Ta đã chọn cho con gái rượu của chúng ta một tấm chồng đấy!"

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra nên ngài bước xuống, để

[1] Hoặc Kammāsadamma - gần Delhi ngày nay.

lại một dấu bàn chân[1] rồi đi sang hướng khác.

Khi hai ông bà Māgaṇḍi dẫn cô gái Māgaṇḍiyā tìm đến thì không thấy đức Phật đâu mà chỉ thấy dấu bàn chân có cả ngàn căm bánh xe, trông rõ ràng như điêu khắc ở trên đất. Hai ông bà vốn có tài xem tướng, bà giỏi hơn ông, thấy dấu bàn chân lạ lùng nên đồng ngồi xuống, săm soi nhìn kỹ.

Bà nói:

- Không phải là dấu bàn chân của con người, ông mày ạ! Ông trông có lầm chăng? Đâu có phải của con người?

- Con người thật mà! Ông gật đầu "chắc nụi" - Ta thấy rõ là con người bằng xương bằng thịt thật mà!

- Thế thì lạ lùng quá! Dấu bàn chân này oai lực lắm!

Ông tròn mắt, gặng hỏi:

- Ma vương chăng?

- Nói bậy!

- Quỷ vương chăng?

- Càng nói bậy!

- A-tu-la vương chăng?

- Đừng có "hằm hồ"! Bà chau mày, nói như gắt - Dấu bàn chân này rất trung chính, chẳng có tà ma, quỷ quái nào ở đây cả!

- Vậy thì thọ thần, chư thiên gì ở đây rồi!

- Còn chưa đáng kể gì! Vị này còn cao sang, oai lực hơn nữa kìa!

- Đại phạm thiên chăng?

- Cái này thì tôi chịu! Bà lắc đầu – nhưng dấu bàn chân này phải là của một con người đã tận diệt mọi khát dục, khát vọng ở đời!

- Khiếp! Thế là không thể bắt người này làm chồng con gái cưng của chúng ta nữa hay sao?

Bà trầm ngâm một lúc, có lẽ suy nghĩ lung lắm, sau đó,

---

[1] Nguyện lực để lại dấu bàn chân được gọi là "Pādacetiya".

bà thở dài, nói như hơi gió thoảng:

- Hỏng rồi ông mày ạ! Theo tôi được học thì dấu bàn chân có ngàn căm bánh xe như thế này, trong nhân tướng học, nói về đại quý nhân thì chỉ có hai người. Một là đức Chuyển luân Thánh vương, hai là đức Phật Chánh Đẳng Giác. Nếu là Chuyển luân Thánh vương thì luôn có 7000 cô tiên nữ theo hầu, con gái ta cũng không bén mảng tới được. Tuy nhiên, vì dấu bàn chân này quá thiêng liêng và trong sạch nên ta phải loại bỏ ông này ra. Vậy chỉ còn là dấu bàn chân của đức Chánh Đẳng Giác thì con gái ta dẫu đẹp như chúa của tiên nữ, vị ấy cũng không thèm để dính một ngón chân đâu!

- Phải đấy, này hai ông bà Māgaṇḍi - Đức Phật đã đứng bên vệ đường, gần sát bên họ, cất giọng phạm âm - Nhận xét như vậy là chính xác! Thuở ấy có ba cô tiên nữ thiên kiều bá mị, con gái của Đại ma vương, chúa cõi trời Paranimmita-vasavattī[1] nõn nường, lả lơi, gợi tình; đã đến quyến dụ Như Lai, mê hoặc Như Lai bằng thiên sắc, thiên âm, thiên hương... Phải biết rằng, thiên sắc ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên âm ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thiên hương ấy tế nhị, thù thắng, mỹ diệu. Thế nhưng, một sát-na nhanh như ánh chớp, Như Lai cũng không để cho lục căn bị vướng vào đâu cả. Như Lai không hề động tâm! Huống hồ là cô gái đẹp của ông bà!

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ:

"- Đã nhận thấy sự rỗng không, bọt bèo, bất tịnh của ái dục, bất mãn và tham vọng. Như Lai không còn thích thú, đắm say trong dục lạc phù phiếm của ái tình nữa. Cái thân thể xú uế, ô trược ấy là cái gì? Như Lai không bao giờ muốn

[1] Cõi trời Tha hóa tự tại.

sờ chạm đến nó, dầu chỉ đụng bằng chân!”[1]

Lạ lùng làm sao, đức Phật chỉ nói chừng ấy, xác chứng một sự thực – mà ông bà Māgaṇḍi tức khắc, chứng quả Bất Lai - quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ ngài với lòng tri ân vô hạn. Riêng cô gái Māgaṇḍiyā thì tức tưởi, khóc lóc bỏ chạy! Cô thấy mình bị sỉ nhục một cách đau đớn khi đức Phật chê thân thể cô xú uế, ô trược... không muốn sờ chạm đến, dầu chỉ đụng bằng chân! Xấc xược thế là cùng! Vậy nên, bắt đầu từ đấy, cô cột oán kết với đức Phật bằng một mối hận thù sâu sắc. Cô quyết tìm cơ hội báo thù[2].

Còn ông bà Māgaṇḍi, sau khi để lại toàn bộ gia sản cho người em trai là bà-la-môn Cūḷamāgaṇḍi, gởi gắm chăm sóc cô con gái, hai người tìm đến khu rừng lớn Bhesakaḷā xin xuất gia, trở thành tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, không lâu sau họ đắc quả A-la-hán.

---

[1] Phỏng dịch từ câu kệ ngôn:”Disvāna taṇhaṃ aratiṃ rāgañca. Nāhosi chando api methunasmiṃ. Kimevidaṃ muttakarīsapuṇṇaṃ. Pādāpinaṃ samphusitum na icche”.

[2] Chuyện xảy ra năm sau, khi cô được làm thứ phi đức vua Udena – xem sau.

Một Số Giới Điều Cần Thiết

Hôm kia, chợt đức Phật bảo thị giả Upavāna đi thỉnh mời tất cả trưởng lão phụ trách ba khu lâm viên, tụ họp tại khu rừng Bhesakaḷā. Khi đã đầy đủ tất cả chư vị thánh tăng A-la-hán, đức Phật nói:

- Chư tăngi ni tại Kosambī hiện nay có gần một ngàn vị, số lượng ấy không ít đâu, phàm tăng thì quá đông, chắc chắn nhiều việc xấu ác đã duyên khởi! Vậy, trong hai tháng an cư mùa mưa vừa rồi, tại các khu lâm viên do chư vị đảm trách, có chuyện gì xảy ra do các phàm tăng gây nên, có thể đưa đến hậu quả không tốt như: phá hòa hợp tăng, tạo nên sự bất tịnh; hoặc khi thọ dụng tứ sự, cách sử dụng tứ sự, cách mặc y, mang bát, dù dép, lúc độ thực, tại nhà ăn, nhà tắm hơi, nhà vệ sinh, đi quá sớm, về quá muộn; thân cận vua quan, giới cầm quyền, nhà giàu có, nơi có nữ nhân... làm mất đức tin của các hàng cư sĩ? Chư vị hãy phản ánh để chúng ta cùng tìm biện pháp đối trị - để cho giáo pháp ở quốc độ Vaṃsā này được toàn hảo hơn!

Đức Phật vừa phác họa sơ khởi thì chư trưởng lão đã biết rõ là ngài đã nắm bắt toàn bộ vấn đề phát sanh. Quả là có quá nhiều vấn đề, chưa biết nêu vấn đề nào trước, vấn đề

nào sau nên họ im lặng.

Tôn giả Upāli nói:

- Bạc đức Thế Tôn! Đệ tử đã tìm cách phân chia từng chúng từ ba mươi đến năm mươi vị; mỗi chúng như vậy có hai vị đại đức phụ trách! Có chúng thiên về tụng đọc, ôn tập kinh. Có chúng chứng tỏ nề nếp oai nghi giới hạnh. Có chúng chỉ thích học Abhidhamma! Có điều rõ ràng nhất là bổn phận giữa thầy và trò, trò và thầy còn nhiều khiếm khuyết. Bổn phận đối với kẻ trên người dưới cũng chưa có quy định cụ thể. Đối xử trong tương quan chung cũng có nhiều việc đáng phàn nàn...

Tôn giả Kāḷudāyi phản ánh tiếp:

- Có một nhóm tỳ-khưu ở Bārāṇasī và Kāsi đến hôm đầu mùa an cư. Người thì trùm đầu lùm thùm bằng vải hoa, vải xanh, vải đỏ; trùm rồi cột một góc có thắt nơ, cột hai góc có thắt con bươm bướm; kẻ để tóc um tùm, kẻ để râu một chòm, hai chòm, tỉa râu mép, để râu cằm và ngược lại! Chúng quăng dép lung tung, ào ào bước vào lâm viên nhìn ngược, nhìn xuôi, chẳng chào hỏi ai; tự động đẩy cửa liêu cốc, quăng bát, quăng y, quăng gậy lung tung...

Cách trình bày cụ thể có hình ảnh như vậy làm ai cũng mỉm cười và ai cũng biết đấy là sự thật mà họ hay nhắc nhở, chỉnh đốn lại...

Tôn giả Yasa nói:

- Đấy là lỗi tại tôi chưa đủ thì giờ giáo hóa. Một số trong họ là các đạo sĩ lõa thể, thờ thần lửa hoặc khổ hạnh sang. Sau khi nghe pháp, họ đồng đến đây xin xuất gia tỳ-khưu chứ chưa phải là tỳ-khưu.

Tôn giả Anuruddha nói:

- Chuyện của trưởng lão Yasa nói thì còn khả thứ được; nhưng có một số trường hợp, đã là tỳ-khưu rồi mà con đeo hoa tai, đeo dây chuỗi ở cổ, đeo vòng ở tay... lại còn đeo nhẫn vàng, nhẫn bạc, nhẫn ngọc nữa chứ! Còn nữa, không

những tóc để quá hai ngón tay mà còn chải tóc với sáp ong, với dầu nước óng ánh. Có một số vị lấy dầu thoa mặt, phấn thoa mặt, vẽ mắt bằng bột phấn đỏ, bột phấn vàng. Có vị còn hát ca lí lố, õng ẹo nhảy múa... Còn nữa, lúc trời lạnh, họ sắm áo choàng bằng lông chồn, lông cừu, lông thỏ... thật là quái dị làm sao!

Tôn giả Bhaddiya mỉm cười tiếp:

- Những việc mà chúng ta đã chấn chỉnh ở Trúc Lâm, ở Đại Lâm, ở Kỳ Viên... bây giờ đang xảy ra ở đây. Chư vị trưởng lão biết không, thật không thể tưởng tượng được. Tôi đã loáng thoáng thấy chỗ này và chỗ nọ, các vị tỳ-khưu vừa từ ngoại đạo sang; đi bát, họ lấy cái bầu đựng nước, cái hũ đựng nước, cái âu chứa đồ dơ; và khiếp nhất, quỷ sứ cũng phải bỏ chạy khi vị tỳ-khưu nọ đi bát bằng cái sọ người, bằng cái đầu lâu người chết!

Tiếng cười nhè nhẹ thoảng qua.

Rồi nhiều vị khác tiếp tục nêu ra sự thực, đại lược như sau:

- Sử dụng dao có cán bằng bạc, bằng vàng, có nạm ngọc...

- Mùng mền, thảm len, gối kê tay, gối kê chân, gối nằm... đều rắc dầu thơm...

- Ngủ chung một giường, chung một tấm trải, ăn chung một đĩa, uống chung một cốc...

Tôn giả Ānanda phát biểu:

- Hôm tại Kỳ Viên, tôi vắt đại y trên vai để đi trì bình khất thực. Mới được một đỗi đường thì gặp một cơn gió lốc cuốn bay tấm đại y; rồi y nội, y ngoại rơi rớt tùm lum. Một tay tôi túm chặt y bát, một tay lượm đại y, vội vã trở về Kỳ Viên để sửa sang lại. Buổi chiều, tôi tường trình sự việc cho đức Thế Tôn nghe. Ngài dạy: "Này Ānanda! Như Lai cho phép chư tỳ-khưu phải sắm dây lưng chắc bền để cột y nội và đại y để tránh trường hợp tương tự xảy ra!" Thế rồi, sau

đó, một số tỳ-khưu đã sắm dây lưng, dây buộc để trang điểm cho mình. Vị thì dùng dây tơ, sợi len bện lại thành từng vòng xoắn; cái thì giống hình con rắn nước, cái giống sợi dây xích. Chưa thôi, họ còn bày trò làm khóa thắt lưng bằng vàng, bằng bạc, cột nơ, thắt bướm hai đầu để dài lòng thòng bảy hoặc tám lóng tay. Có vị cài bằng những hột nút ngà, nút sừng, nút vàng, nút bạc... Chưa thôi, áo lót thì quấn tùy tiện như vòi voi, vắt lên như đuôi cá, có tua, có ren...hẳn hòi...!

Tôn giả Vappa nói:

- Cũng tương tợ vậy. Một lần nọ, tại Vesāli, có một tỳ-khưu bị bệnh, không có gậy, không bước đi được, không có dây cột bát, không ôm bình bát nổi. Chuyện đến tai, đức Thế Tôn đã cho phép sắm gậy và dây cột bát. Thế rồi, một số vị tỳ-khưu lấy cớ ấy, sắm đủ mọi loại gậy cầu kỳ bằng kim loại quý, bằng mắt tre, bằng kỳ mộc, quái mộc, bằng gỗ trầm hương, chạm trổ công phu đủ mọi dạng hình rồng rắn, sư tử, cọp beo, chuột chồn, công hạc... các loại. Dây cột bát cũng vậy, đều là cái cớ để họ trang sức cho mình! Rồi lại còn sắm thêm một túi đeo, hai túi đeo... ở cổ, ở vai, quanh lưng nữa...

Tôn giả Assaji nói:

- Có vị tỳ-khưu có tật nhai lại thức ăn. Cứ hễ chiều đến là vị ấy "ựa" lại thức ăn buổi trưa để nhai lại cho nên miệng ông ta cứ nhóp nhép hoài. Đức Phật đã vén mở quá khứ của vị ấy rồi nói rằng: "Do nghiệp quá khứ, ông ta là điền chủ, đã bóc lột, đã bóp túi, nặn hầu mấy chục người tá điền nô lệ nên phải bị đọa làm trâu cày, trâu kéo liên tục mấy chục kiếp trâu để trả nợ. Do thói quen nhai lại, nghiệp còn dư sót... nên ông ta phải nhai lại thức ăn như trâu. Vậy Như Lai cho phép được nhai lại đối với những ai có tật nhai lại". Sự thực là vậy. Nhưng tôi đã từng thấy nhiều vị tỳ-khưu, buổi chiều, ban đêm không chịu tọa thiền, kinh hành, học hỏi kinh, luật, Abhidhamma... mà miệng thì cứ nhóp nhép, nhóp nhép! Khi

biết ra thì hóa ra đấy là thức ăn chùng, thức ăn vụng được cất giấu sau buổi trưa. Không thế thì nhai tỏi, nhai gừng, nhai quế, nhai cam thảo, nhai hương hồi, nhai vỏ nhựa ngọt, nhựa thơm...

Rồi lần lượt, chư trưởng lão có mặt như Devadatta, Kimbila, Bhagu, Nandiya, Nadīkassapa, Gayākassapa đều có phát biểu, kể ra một số trường hợp xoay quanh những việc bất ổn xảy ra tại nhà kho, nhà bếp, phòng tắm hơi, nhà tắm, hồ tắm, nhà vệ sinh - tiểu tiện, đại tiện, các hầm rác, hố rác... Và cuối cùng, chư vị trưởng lão đề nghị cấm hẳn tất thảy các trò chơi, không chỉ của sa-di mà còn là của các tỳ-khưu nữa, đó là: trò chơi cờ tám ô vuông, mười ô vuông, đánh gậy, ném xúc xắc, thổi kèn bằng lá cây, uốn dẻo, nhào lộn, bắn cung, đố chữ, nhái điệu bộ hát kịch, phường tuồng, huýt sáo, vật lộn...

Thấy chư vị trưởng lão đã bao quát trọn vẹn mọi việc đã xảy ra, đang xảy ra... Tôn giả Sāriputta vốn là bậc có sẵn duệ trí, ngài dường như tóm tắt lại:

- Bạch đức Thế Tôn! Đúng là có quá nhiều vấn đề mà đệ tử biết rằng, chư vị trưởng lão ở đây cũng đã khổ tâm không ít! Và chính quý ngài cũng đã nhắc nhở, giáo giới rồi. Đối với bậc trí, kẻ đã thấy, một hạt bụi cũng thấy thì mọi giới điều, giới luật đều có sẵn trong tâm và trí của mình; nói cách khác, mọi biểu tướng, biểu hiện ở bên ngoài của quý ngài đã là giới điều, luật nghi! Nhưng đối với kẻ ngu, người không thấy, núi Tu-di cũng không thấy thì chúng ta phải đưa ra, điều một này, điều hai này, nói một lần này, nói hai lần này, nói ba lần này; việc này nên làm này, việc kia không nên làm này... nói mãi mãi, nói hoài hoài như thế... thì may ra, lâu ngày chầy tháng, một tí bụi sương cũng dính được trên đầu ngọn cỏ kusa! Chư vị trưởng lão vốn sẵn có từ, có nhẫn, có xả... nên đã làm như vậy, đã làm được điều kỳ diệu như vậy trong thời gian gần đây tại các khu lâm viên. Tuy nhiên,

giáo pháp của đức Tôn Sư là toàn cõi châu Diêm-phù-đề; rồi còn phải tồn tại năm ngàn năm nữa; vậy nên, những quy định, những chế định dù bất thành văn nhưng cũng phải được bố cáo rộng rãi, từng điểm một, từng trường hợp một, hầu quảng bá sâu rộng cho bảy chúng tu học[1]! Đóa hoa đức hạnh, giới hạnh phải mãn khai, khi ấy, khu vườn giáo pháp mới ngát ngào hương sắc được...

Nhìn quanh chư vị trưởng lão, cảm giác ai cũng đồng thuận, tôn giả tiếp:

- Hiện tại, dường như chưa có điều đáng tiếc, hệ trọng xảy ra, vậy chúng ta nên gói gọn vấn đề mà đưa ra một số điều về thanh quy, gồm những việc cấp thiết như sau:

Một, tư cách và trách nhiệm của thầy đối với trò.

Hai, tư cách và bổn phận của trò đối với thầy.

Ba, thái độ xử sự lúc giao tiếp với đức vua, triều thần, quan lại, giáo chủ và đồ chúng các tôn giáo bạn; giới trí thức, danh gia, triệu phú, người của các giai cấp.

Bốn, tư cách, thái độ xử sự với các vị trưởng lão, vị cao hạ đối với vị thấp hạ và ngược lại, tỳ-khưu đối với sa-di và ngược lại; với tỳ-khưu-ni, sa-di-ni; với thiện nam tín nữ.

Năm, những việc cần làm khi đến, lúc đi khỏi rừng, cội cây, nghĩa địa, lâm viên, tu viện, tịnh xá...

Sáu, thời khắc và cung cách đi vào phố, vào làng, vào xóm để khất thực và trở về cùng cách thức mặc y, mang bát... cái gì được phép và cái gì không được phép...

Bảy, công việc nơi trú xứ; những việc cần phải làm để mang lại lợi ích chung; ví dụ quét dọn liêu cốc, vườn tược, phơi phóng sàng tọa, y và bát, cất đặt, sắp xếp bàn ghế, dọn dẹp nhà giảng, nhà hội; làm đầy các ghè nước nơi này và nơi kia...

Tám, cách xử sự và những việc cần phải làm, phải ý

[1] Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, sikkkhamanī, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

thức tại nhà ăn, hồ tắm, phòng tắm hơi, nhà vệ sinh - đại tiện, tiểu tiện, hố rác, hầm rác...

Chín, biết rõ giờ đức Phật thuyết pháp, giáo giới; giờ chư trưởng lão tập hợp khi có công việc chung...

Mười, sắp đặt thì giờ, đâu là tập thể, đâu là cá nhân, để việc trì bình khất thực, chư thí chủ thỉnh mời, kinh hành, tọa thiền, nghỉ ngơi không ảnh hưởng đến sinh hoạt chung...

Kính bạch đức Thế Tôn! Đấy là mười nhóm công việc khá cần thiết ở trong lúc này, có thể áp dụng cho cả tỳ-khưu và tỳ-khưu-ni vì chúng sẽ ổn định được đời sống nội bộ, kiện toàn tư cách, phẩm hạnh của hàng tăng ni; đồng thời tạo uy tín đối với quần chúng, thêm đức tin cho cư sĩ tại gia!

Khi tôn giả Sāriputta dứt lời, chư vị trưởng lão đồng tán thán. Tôn giả Ānanda thì nhiệt tình nhất:

- Thật tuyệt vời thay là trí tuệ của bậc Tướng quân Chánh pháp! Tung một nắm hoa lên trời, lúc rơi xuống, là vị anh cả của chúng ta biết rõ cánh nào rơi trước, cánh nào rơi sau trong một thứ lớp, trật tự không chê vào đâu được!

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ, Như Lai cũng thấy như thế! Và Như Lai cũng chấp thuận cả mười điều, cả mười nhóm công việc. Vậy, các vị trưởng lão hãy tùy nghi sắp xếp thì giờ để thảo luận từng điểm một, chế định từng điểm một. Nhưng phải lưu ý là phải dựa trên từng trường hợp cụ thể, đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra...

Thế rồi, tại lâm viên Ghositārāma, dưới sự chủ tọa của tôn giả Sāriputta, suốt bảy ngày, chư vị trưởng lão đã sơ thảo được một thanh quy khả dĩ đáp ứng được nội dung, nhu cầu đề cập. Đức Phật chuẩn y. Tôn giả Upāli nhờ được tiếng giới hạnh uy nghiêm, quy củ, mẫu mực tỏa sáng trong giáo hội bấy lâu nay nên được đại hội đề cử làm bậc thượng thủ tối cao giám sát thanh quy này! Tôn giả Ānanda do trí nhớ tốt đã tuyên đọc lại ba lần. Ai cũng hoan hỷ. Sau đấy, chư vị

trưởng lão trở về trú xứ của mình để giáo giới chư tỳ-khưu còn non nớt, vụng về hoặc bừa bãi, phóng túng, thiểu trí... đi vào nề nếp. Tôn giả Sāriputta và Ānanda còn đi sang khu rừng trầm hương để phổ biến một số giới luật mới cho trưởng lão ni Gotamī và ni chúng ở đây.

Hiện Tại Pháp Lạc

Sau hạ thứ tám, chư vị trưởng lão phân bố đi các nơi để tuyên thuyết một số giới điều liên hệ đến mười nhóm thanh quy đã chấn chỉnh tại lâm viên Ghositārāma. Riêng ni chúng tại khu rừng trầm hương thì chỉ giữ lại chừng ba mươi người; số còn lại, trưởng lão ni Gotamī, Yasodharā dẫn họ về Koliyā và Sākya để thành lập ni viện ở quê nội và quê ngoại. Đi theo giúp đỡ có bốn vị trưởng lão cùng bản quán – đó là Bhaddiya, Kimbila, Kāḷudayi, Devadatta. Đức Phật cũng gật đầu mỉm cười cho Rāhula dẫn theo một số sa-di về thăm quê! Riêng ngài thì chỉ giữ lại tôn giả Sāriputta, Ānanda, thị giả Upavāna và có thêm Nanda nữa.

Khi mọi người đã ra đi hết rồi, đức Phật nói chuyện với tôn giả Sāriputta:

- Kỳ Viên, Trúc Lâm, Đại Lâm... là quan trọng nhất vì số lượng tăng đông nhất nên các vị trưởng lão phải trở về đó. Tại Vaṃsā này, ba cơ sở ở Kosambī tạm thời đã đặt được nền móng. Các vị giáo thọ ở đây, tuổi đạo, kinh nghiệm cũng như trình độ giáo pháp đều còn non trẻ; sau này, chúng ta sẽ quan tâm nhiều hơn.

Thế rồi, đức Phật dẫn theo chừng hai trăm vị tỳ-khưu còn non yếu nhất đến xứ Kuru, họ đa phần là bà-la-môn

giáo. Là nơi mà đức Phật vừa độ cho vợ chồng gia chủ bà-la-môn Māgaṇḍi chứng quả A-na-hàm rồi xin xuất gia. Khi hai vợ chồng khẳng khái từ bỏ gia sản, tặng không cho người em trai Cūḷamāgaṇḍi rồi theo đoàn sa-môn – đã làm cho thị trấn bàn tán không ngớt. Chuyện cô gái Māgaṇḍiyā xinh đẹp tuyệt trần mà "ông ta" không dám sờ chạm vì ghê tởm, dầu đụng bằng chân họ cũng đã được nghe và dư luận ấy hiện đang còn nóng hổi. Ông em trai của vợ chồng Māgaṇḍi nghe xốn tai quá khi quần chúng có vẻ cười nhạo, sỉ nhục cháu mình; tức giận tràn hông, mấy ngày hôm sau, ông cho cô gái phục sức sang trọng, diễm lệ vào triều đình, dâng cho đức vua Udena! Dung nhan cô gái đã làm xiêu lòng đức vua tửu sắc, ông tức khắc phong cho cô ta làm thứ phi. Chuyện này, nhân dân cũng đang bàn tán. Bây giờ, nghe tin "ông Phật ấy" lại đến, làm cho mọi người ai cũng tò mò!

Đức Phật và hội chúng ngụ trong một khu rừng vắng, không gần mà cũng không xa thị trấn Kammāsadhamma bao nhiêu. Buổi sáng, trước lúc xuống xóm làng để khất thực, đức Phật dặn bảo tôn giả Sāriputta, Ānanda:

- Như Lai nhờ hai ông kiểm soát toàn bộ tóc, râu, y và bát của tất cả tỳ-khưu này. Ai không đúng cách, phải chỉnh sửa lại. Toàn bộ phải đi chân đất, không được mang theo dù, dép, gậy, đeo đãy nào trên vai, trên cổ. Phải tập tành, chỉ vẻ cho họ cách đi dọc đường, từng bước đi chánh niệm, tỉnh giác ra sao. Khi đi, không nhìn qua, nhìn lại, mặt hơi cúi xuống, nhìn đằng trước chừng một đòn gánh. Khi đứng trước cửa mọi nhà, xoay nghiêng người và bình bát ra sao, nhận vật thực phải im lặng như thế nào; nếu cần, chỉ đọc một câu kệ phúc chúc là đủ. Người đặt bát dẫu là ai, cũng đừng nhìn ngắm! Nhớ đừng nắm giữ tướng chung, nam nữ, trẻ già; đừng nắm giữ tướng riêng, những chi tiết về thân thể, tay chân, mặt mũi; lúc nào cũng phải lắng nghe hơi thở của mình, bình hòa, vắng lặng và mát mẻ...

Nhờ được hướng dẫn tốt, nên khi đoàn sa-môn có đức Phật, tôn giả Sāriputta, Ānanda, Nanda, Upavāna dẫn đầu đều trông đẹp như Phạm thiên; lại trông rất có trật tự, kỷ cương, quần chúng trông, ai cũng thích, ai cũng phát tâm hoan hỷ. Một số ngoại đạo cũng phải phát tâm tín mộ, đặt bát cúng dường...

Buổi chiều, nhân dân quanh vùng, có rất đông đồ chúng bà-la-môn tìm đến khu rừng để chiêm ngưỡng "ông Phạm thiên đẹp đẽ" cùng nghe pháp. Đức Phật biết dân chúng ở đây thật thà, chất phát, tâm và trí họ còn khá trong sáng chưa bị vấy nhiễm nhiều bụi cát như tại các kinh thành lớn nên ngài phương tiện, ân cần giáo giới dịu dàng với giọng phạm âm như người mẹ hiền. Đồng thời, cũng do đức tin sai lạc nhiều đời, với quá nhiều thần linh bà-la-môn huyễn hoặc, ru ngủ, họ rất sợ thánh thần phạt tội, "không cấp giấy thông hành lên nước trời" nên đức Phật cũng biểu tỏ một vài uy lực thần thông cho họ thấy, họ tin. Và sau đó, ngài mới nói đến các cảnh trời, nhân và quả, tâm và cảnh từ thấp lên cao... Các ngày hôm sau, người ta kéo đến đông hơn nữa. Thế rồi, ngài lại giao cho tôn giả Sāriputta, Ānanda thuyết pháp. Và rõ ràng, vị nào thuyết cũng dịu dàng, lưu loát, rõ ràng, phân minh, khúc chiết... với những đoản ngôn, ví dụ dễ nghe, dễ hiểu. Những ngày hôm sau nữa, một số bà-la-môn trí thức, một số doanh gia, phú hộ tìm đến. Ai cũng được thỏa mãn. Ai cũng cảm thấy rất hài lòng, rất có đức tin đối với tôn giáo mới này! Người ta quy y rất đông. Một số cư sĩ trí thức chứng quả Tu-đà-hoàn! Một số thanh niên của nhiều giai cấp xin xuất gia. Thế rồi, khu rừng này lại biến thành một khu lâm viên nữa với một số cốc liêu, nhà giảng, các công trình phụ...

Đặc biệt, thời gian ở đây, đức Phật giảng nói cho chư tỳ-khưu về Bốn Niệm Xứ - là bài kinh quan trọng cho tất thảy mọi người, không kể xuất gia hay tại gia. Đối với các vị tỳ-

khưu trẻ, sơ tu lại càng quan trọng, vì nhờ vậy, họ mới biết chính xác niệm thân, thọ, tâm, pháp ra sao...

Đức Phật giảng rất chi ly, giản dị, dễ hiểu từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Ngài nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là con đường độc lộ, độc đạo, độc nhất đưa đến an vui, thanh tịnh cho chúng sanh; vượt thoát sầu não, diệt trừ khổ ưu, hướng đến chánh trí, thành tựu tuệ giác, đạt được tự do tối thượng, an vui tuyệt đối, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là Bốn chỗ niệm, Bốn lãnh vực cần phải chú tâm, soi chiếu, minh sát, quán niệm? Đấy là thân, thân thể, thân sắc; thọ, cảm giác; tâm, các trạng thái tâm lý; và pháp, đối tượng của tâm[1].

Bây giờ nói về cái cần phải chú tâm, quán niệm thứ nhất là thân. Là cái thân này, từ lúc sanh ra cho đến lúc bị thiêu xác hoặc bị quăng bỏ nơi nghĩa địa, nó sinh diệt liên tục, biến đổi liên tục từ hài nhi, ấu thơ, thiếu niên, trung niên, già lão rồi tử vong. Thanh xuân thì trẻ trung, đẹp đẽ; già lão thì suy yếu, nhăn nheo, xấu xí. Đấy là sự thật, là tất yếu. Nó lại còn chứa đầy vật bất tịnh. Nhưng chúng sanh thì không biết, không thấy sự thật ấy nên yêu mến, đam mê, luyến ái cái thân này một cách quá đáng. Muốn nó ăn cho no, cho ngon, cho sướng. Mặc cho nó đẹp, nó sang, nó oai! Trang điểm cho nó kiểu cách, mỹ miều, lộng lẫy! Xoa dầu thơm, tẩm hương liệu, bôi cao dưỡng da cho nó mỡ màng, non tơ, láng lẫy nữa! Chưa thôi, lại còn làm sao cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân được thỏa mãn tất thảy mọi dục lạc ở đời. Thỏa mãn rồi còn muốn thỏa mãn nữa, thỏa mãn nữa... Dục lạc càng thỏa mãn càng thiếu, càng uống càng khát, nên cuộc chạy đuổi, săn tìm ấy không thể dừng lại, suốt đời không thấy dấu hiệu

[1] Thân (kāya), thọ, cảm giác (Vedanā), tâm (tâm vương - citta và tâm sở-cetasika), pháp(dhamma)..

dừng lại! Trên đường tìm kiếm ấy, thức tri của nó bị tham, sân, si, tà vạy, bất chánh chi phối... nên nó tạo tác các nghiệp ác, bất thiện pháp, nói chung là mười nghiệp bất thiện[1] để rồi bị quả báo đau khổ, đọa sanh vào 4 con đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la! Vậy, đầu tiên, ta phải để ý đến cái thân vì nó thô thiển, dễ thấy; vì nó phải ăn uống, đi đứng, ngồi nằm, co vào, duỗi ra, hít thở...; vì nó ở bên ta suốt ngày, suốt đêm; vì nó cùng ở chung căn nhà với ta, nó chở mang ta từ lúc sinh đến lúc chết. Và nếu chúng ta không thấy rõ nó, không kiểm soát được nó thì nó sẽ vọng động tạo tác ác nghiệp ngay tức khắc.

Vậy, cái gọi là niệm thân nghĩa là ghi nhớ cái thân, chú tâm nơi cái thân, chánh niệm nơi cái thân sẽ có hai lợi ích. Thứ nhất ta sẽ kiểm soát được nó, làm chủ được nó; và khi kiểm soát được nó, làm chủ được nó thì nó không còn vọng động để tạo tác các ác nghiệp. Đây là lợi ích thuộc về tục đế, tục thể, thế gian, nó là nhân sanh thiện pháp, phước báu của nó là cõi người và cõi trời, không còn đọa vào những cảnh giới đau khổ nữa. Lợi ích thứ hai thuộc về bình diện tuệ giác, xuất thế, là khi thấy thực cái thân, là tổng hợp sắc, nó chỉ là sắc; là sắc sanh, sắc già lão, sắc tàn lụi, sắc hoại diệt; thật sự thấy rõ bản chất vô thường, vô ngã, dukkha của chúng, chẳng còn rơi vào chấp thủ, vào các khái niệm phạm trù nữa, ta sẽ có được cái thấy chân đế, như thực là cánh cửa mở vào cõi siêu thế, Niết-bàn, chấm dứt tất cả khổ.

Này các thầy tỳ-khưu, hãy tập sự niệm thân! Hãy chăm chú, quan sát, chú tâm, nhìn ngắm nó khi đi đứng nằm ngồi, co tay, duỗi chân, khi mặc y, mang bát, đi trì bình khất thực, khi đang ăn, đang uống, đại, tiểu tiện... Suốt ngày, ba thời, sáu khắc thì ý thức, trực thức phải được thắp sáng lên như

[1] Thân 3 (Sát sanh, trộm cắp, tà hạnh); khẩu 4 (nói dối, nói hai lưỡi,nói thêu dệt, nói ác độc), ý 3 (tham, sân, tà kiến).

ngọn đèn để nhìn ngắm tất thảy mọi oai nghi cử động của nó. Phải liên tục, miên mật chánh niệm, tỉnh giác. Còn khi tọa thiền, kinh hành, các thầy phải chú tâm vào hơi thở. Hơi thở nó dài ngắn, thô tế ra sao thì phải được ghi nhận trung thực, như thực. Phải thấy rõ hơi thở cụ thể như thực bằng tuệ tri chứ không phải thấy hơi thở bằng tưởng tri hay thức tri. Cái thấy bởi tưởng tri, bởi thức tri và tuệ tri giống nhau và khác nhau ra sao, các thầy cũng phải thấy, phân biệt cho thông tỏ[1].

Này các thầy tỳ-khưu! Tưởng tri, thức tri, tuệ tri đều là thấy, chức năng thấy giống nhau. Ví dụ như thấy hình tướng, hình dáng, hình sắc, âm thanh, mùi, vị... một cách khái quát, tổng quát, thoáng qua... gọi là tưởng tri (tri giác). Thấy qua kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết; phân biệt rõ ràng màu sắc, hình dáng, các chi tiết... là cái thấy của thức tri (thức, tâm vương). Chỉ có thấy rõ thực tánh, bản chất như thực của các pháp mới sử dụng tuệ tri (thấy như thực thấy). Một đứa trẻ chỉ có tưởng tri còn thức tri thì muội lược, yếu ớt, nhỏ nhiệm. Lớn lên, trưởng thành do học hỏi, do kinh nghiệm - thức tri mới được vun bồi, huân tập. Tất cả mọi trí trên thế gian đều thuộc về thức tri, trí năng, cho dẫu là thắng trí[2] (ngũ trí thần thông) thì vẫn còn là phàm phu, tại thế. Chỉ có ai tu tập tuệ quán, quán chiếu mới sử dụng tuệ tri để thấy rõ sự vô thường, vô ngã và dukkha của các pháp, nhờ vậy mới mở hé được cánh cửa Niết-bàn, siêu thế, chấm dứt tất cả khổ.

Này các thầy tỳ-khưu! Cũng là cái thân, nhưng với ai quá nhiều tham dục thì phải biết nhờm gớm cái thân này, nó đầy đủ ba mươi hai thể trược. Nói cách khác, chẳng có gì đáng quý, đáng đam mê, đáng ái luyến cái thân này cả; nó

---

[1] Tức là tưởng (saññā), thức (viññāṇa), tuệ (paññā)..
[2] Abhiñña.

chỉ là nước, sức nóng, đất, không khí... kết hợp mà thành; nó gồm có tóc, râu, lông, móng, răng, da, xương, thịt, gân, tủy, ruột non, ruột già, mồ hôi, đàm, mủ, phân, mồ hôi, nước tiểu... mà thôi! Cứ quán tưởng như thế, niệm tưởng như thế để tham dục, ái luyến cái thân một cách quá đáng sẽ yên lặng đi, giảm nhẹ đi! Trường hợp này cũng nên ra tận nghĩa địa lấy cái tử thi mà làm đề mục. Hãy quan sát, nhìn ngắm cái tử thi từ khi mới chết, một cô gái hoặc một chàng trai tuổi đang còn thanh xuân. Qua vài ngày, cái thây sẽ trương phình, hôi thối; những ai tham thích hình dáng, khi thấy cái thây trương phình ấy thì chẳng còn mê gì cái hình dáng nữa! Ngày hôm sau, cái thây sẽ bầm xanh, bầm tím, rỉ nước; ai tham thích màu da sẽ không còn tham thích màu da nữa. Cái thây sẽ dần dần thối rữa, xú uế nồng nặc; ai tham thích xông ướp hương hoa cho cái thân sẽ bắt đầu thấy ghê tởm cái thân. Rồi cái thây sẽ đứt lìa, nối với nhau bởi những sợi gân, bầy nhầy máu thịt sẽ đối trị với những ai yêu thích sự săn chắc của cơ bắp. Cái thây bị thú vật như kền kền, quạ, diều hâu, chó rừng... mổ, cắn, khới, gặm để đối trị với những ai yêu thích mông, ngực. Các chi tiết, bộ phận của tử thi rã rời, đứt khúc nằm ngổn ngang để đối trị với người thích nhìn ngắm tay chân nõn nà, ngọc chuốt! Cái thây bị phân hủy, nát nhừ, vương vãi đây kia thích hợp với người ưa trang điểm cho thân thể được đẹp đẽ, diễm kiều! Tướng sâu trùng, dòi bọ, kiến ruồi.. đục khoét, bấu rúc.. sẽ đối trị với người thích sở hữu, chấp thủ cái thân của mình. Rồi còn đống xương khô, phơi bày trắng hếu giữa nắng mưa dành cho ai thích hàm răng đẹp! Như thế, khi hành giả quán sát thực, thấy thực mười tướng của tử thi như vậy sẽ quán tưởng rằng: Thật vậy, sự thật là như vậy, thân này cũng y như thế ấy, cũng cùng một bản chất như vậy, cũng trở thành như vậy và sẽ không thể tránh khỏi trạng thái ấy! Nhờ vậy, dần dà tâm đam mê, ái luyến để tìm thỏa mãn cho cái thân sẽ đi đến

giảm trừ, muội lược, chấm dứt hẳn; không còn bám víu, chấp thủ vào cái thân, không còn nô lệ cho cái thân nữa!

Này các thầy tỳ-khưu! Cái thứ hai cần phải chú tâm, quan sát, quán niệm là thọ, tức cảm giác. Cảm giác có hai, là cảm giác ở nơi thân và cảm giác ở nơi tâm. Cảm giác ở nơi thân, là cảm giác thuộc về cơ thể vật chất, thuộc sinh lý. Khi một cái gì, một đối tượng nào tác động lên thân để ta có cảm giác dễ chịu, sảng khoái, thích thú, đấy được gọi là lạc! Cái gì đó, một đối tượng nào đó, tác động lên thân để ta bị đau, nhức, tê, ngứa... đưa đến cảm giác khó chịu, bực bội - đấy được gọi là khổ. Còn những khi không có lạc hay khổ mà có cảm giác trung tính, được gọi là xả! Cảm giác ở nơi tâm thì thuộc về tâm lý tức là một loại cảm giác đã tác động vào tâm. Khi ta thấy sung sướng, an vui, hạnh phúc... có vợ đẹp, con xinh; thành đạt danh vọng, tiền tài, sản nghiệp, địa vị; được may mắn, được khen ngợi... thì ta khoái thích, sung sướng, mãn nguyện gọi là hỷ. Những khi ta thất bại, thua thiệt, rủi ro, bị chê bai, phỉ báng; vợ chồng, con cái bất hòa, ly tán; sản nghiệp tiêu vong, mất mát; xa người mình thương, ở gần người mình ghét... tất thảy đưa đến đau khổ, buồn chán, sầu não, ưu phiền... đấy được gọi là ưu! Còn những khi không có hỷ hay ưu thì có xả. Hỷ, ưu, xả - đấy là ba cảm thọ của tâm. Vậy, hành giả khi quán niệm, theo dõi, chú tâm vào các cảm thọ, dù ở nơi thân hoặc ở nơi tâm thì đều phải được ghi nhận rõ ràng, vô tư, khách quan, trung thực. Những cảm thọ ở nơi thân như nhức răng, đau mắt.. thì dễ ghi nhận vì nó có đối tượng cụ thể được gọi là thô tháo; những cảm thọ ở nơi tâm thì vi tế hơn, phát sanh nhanh hơn nên cần sự chú tâm nhiều hơn. Một hành giả chú tâm, minh sát các cảm thọ có công phu liên tục, miên mật có thể thấy rõ cả ba giai đoạn lúc cảm giác sanh, lúc cảm giác tồn tại và cả lúc cảm giác diệt mất. Tức là sanh, trụ và diệt. Ở đây, không cần thiết phải tinh tấn, nỗ lực gì một cách cường liệt,

căng thẳng; mà cũng chẳng cần khởi dậy một ý niệm tịnh hóa, loại trừ, chối bỏ hay phủ nhận mà cứ lắng nghe nó một cách trung thực, định tĩnh, sáng suốt thì nó sẽ tự động sinh, tự động diệt theo đúng bản chất của nó. Nói cách khác, các cảm giác là những ngọn gió hoặc cơn cuồng phong sẽ lay động thân, lay động tâm; và lưu ý, xem chừng là nó sẽ làm cho lửa tham, lửa sân bùng lên, bốc cháy, thiêu đốt thiện pháp. Vậy nên, không chỉ khi đi đứng nằm ngồi, ăn uống, mặc y, mang bát, tắm rửa, đại tiểu tiện, tọa thiền, kinh hành mà phải công phu suốt ngày, suốt đêm, ngoại trừ lúc có giấc ngủ sâu!

Này các thầy tỳ-khưu! Cũng từ cảm giác, cảm thọ đi sâu thêm một chút nữa, là quan sát, minh sát, quán niệm tâm. Tâm đây gọi chung là tâm ý hay là các trạng thái tâm lý. Cái tâm thì rất vi tế. Thường thường, chúng sanh không thấy được tâm ý của mình vì bản chất của tâm nó chập chờn, dao động luôn; nó như chú ngựa ham thích dong ruổi, như khỉ vượn mải mê níu nhánh, vin cành. Nó khởi quá nhanh mà hành tung thì bất định. Lại mù mờ như khói như sương. Chỉ những hành giả nào niệm thân, niệm thọ lâu ngày mới bước sang được giai đoạn niệm tâm. Không dễ gì ta thấy được ta đang tham hay ta đang sân. Tại sao thế? Vì khi ta đang nhìn ngắm một cô gái đẹp, một đóa hoa đẹp hay một cảnh sắc đẹp, do bị đối tượng thu hút nên ta đã mải mê nhìn ngắm hình dáng, màu sắc, các chi tiết bộ phận... mà không biết tâm ưa thích, tham muốn, ái luyến khởi lên lúc nào! Sân cũng vậy. Khi nghe một tiếng chửi mắng, một lời phỉ báng thì ta liền tá hỏa tam tinh, nổi sừng, nổi sộ ngay. Nói cách khác, khi một đối tượng là một sắc, một thanh... làm ta khó chịu, ta bị nó cuốn theo không biết lúc nào! Có người nửa chừng mới biết. Có người rời khỏi đối tượng rồi mới biết. Có người, lúc tưởng nhớ lại mới biết. Chỉ hành giả có công phu thâm sâu mới biết rõ nó khi vừa khởi sanh, đang chi

phối tâm và cả sau khi nó ra đi! Vậy, niệm tâm đi sau niệm thọ là bước chuẩn bị, là hành trang nội lực cần thiết. Lúc niệm tâm phải cần trang bị chánh niệm, tỉnh giác cao độ. Tâm, khái quát có cả thảy mười sáu loại tâm cần phải nhìn ngắm rõ ràng, vô tư, trong sáng và chân thực:

Tâm có tham tức là mọi tham muốn, ưa thích, đam mê, ái luyến phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có tham phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có sân tức là các trạng thái tâm nóng nảy, bực bội, sân hận, chúng ra sao thì phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có sân, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có si tức là các trạng thái tâm đần độn, mê mờ, tối tăm, si mê, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không có si, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có thu nhiếp tức là tâm có tập trung, có thu thúc, phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm bị tán loạn nghĩa là tâm phóng dật, vọng tưởng, thất niệm, bất giác, hỗn loạn, bối rối...[1] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm quảng đại là tâm rộng lớn[2] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không quảng đại[3] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm hữu hạn là tâm có giới hạn, có biên độ[4] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm vô thượng[5] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm có định[6] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

---

[1] Vikkhitta-citta: Tâm hỗn loạn, bối rối.

[2] Tâm sắc giới-hàm chỉ Tứ vô lượng tâm.

[3] Tâm không rộng lớn – không chỉ là tâm nào,có thể là Dục giới và một phần Sắc giới (hạn cuộc trong đề mục hoặc tầng thiền của mình).

[4] Tâm Dục giới - giới hạn, ràng buộc trong ngũ dục..

[5] Anuttara-citta: Tâm cao nhất, không có tâm nào hơn – có thể là định phi phi tưởng, tầng cao nhất trong Vô sắc giới.

[6] Samāhita -citta: Tâm ổn định, có định, an trụ vững vàng.

Tâm không có định[1] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm giải thoát là tâm tự do, không dính mắc[2] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Tâm không giải thoát[3] phải biết rõ, thấy rõ như vậy.

Này các thầy tỳ-khưu! Quán niệm tâm là như thế, những trạng thái tâm có mặt trong hiện tại như thế nào phải được nhìn ngắm đúng như vậy, đừng bao giờ xen dự vào đấy một phản ứng chủ quan nào, chồng lên chúng một tưởng một tư nào. Và các trạng thái tâm ấy cũng phải được nhìn ngắm xuyên suốt cả ba giai đoạn sanh khởi, tồn tại và diệt tận của chúng nữa.

Cuối cùng là niệm pháp. Pháp ở đây là gì? Pháp rất rộng nghĩa, chỉ giới hạn pháp với nghĩa là đối tượng của tâm trên hành trình tu tập.

Này các thầy tỳ-khưu! Đầu tiên là năm triền cái[4], tức là năm pháp nó vấn, nó quấn chặt, nó che lấp sự tịnh định và trong sáng của tâm trí: Hôn trầm, thụy miên – hoài nghi – sân – phóng tâm - dục[5]. Bất cứ ai chưa tu tập cũng bị năm pháp này chi phối; người đang tu tập cũng bị chúng chi phối. Vậy khi nào có những pháp chướng ngại này phát sanh, phải nhìn cho rõ mặt mày của chúng. Phải chú tâm, phải biết rõ, phải thấy rõ (tuệ tri) hôn trầm, thụy miên qua ba giai đoạn sanh, trụ và diệt. Các pháp chướng ngại khác như nghi, sân nhuế, trạo hối, tham dục cũng được nhìn ngắm như thế. Và như vậy, chỉ cần đối trị như vậy, đừng nên gia cố thêm một

---

(1) Asamāhita-citta: Tâm không có định, không ổn định, không an trụ được.

(2) Vimutta-citta: Tâm giải thoát tạm thời.

(3) Avimutta-citta:Tâm không có giải thoát tạm thời - tức còn bị buộc ràng, dính mắc ở trạng thái nào đó, chấp thủ nào đó.

(4) Nīvaraṇa:Triền cái, ấm cái (vấn, quấn, xoay chuyển, che lấp)

(5) Thīna-middha (hôn trầm, thụy miên), vicikiccha (hoài nghi, bất định, bất nhất, bất quyết), vyāpāda (sân, nhuế, hại, nộ, nóng nảy, giận dữ), uddhacca-kukkucca (trạo hối: phóng tâm, phóng dật, ăn năn hối quá, lo âu), (kāma-chanda (dục, tham muốn, tham dục)

ý niệm nào khác, vì trong chú tâm và tuệ tri đã có đầy đủ tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác[1]. Đấy là cách loại trừ, diệt tận, bứng nhổ năm triền cái bởi tuệ quán. Còn nếu sử dụng định để đối trị thì ta phải tự tìm một đề mục thiền định (trong 40 đề mục) thích hợp để gia công tu tập. Nếu đề mục (đối tượng) được chú tâm liên tục, tinh cần thì những thiền chi sẽ tuần tự phát sanh. Lúc tầm thiền chi được nung nóng, chú niệm miên mật - thì nó sẽ đối trị với hôn trầm, thụy miên (giải đãi, lừ đừ, mệt mỏi, buồn ngủ). Khi tứ thiền chi phát sanh thì hoài nghi, lưỡng lự, bất nhất, bất quyết sẽ không còn. Lúc phỉ thiền chi với năm hiện tượng[2] xảy ra nơi thân thì nóng nảy, bực bội, khó chịu, sân nhuế... sẽ ra đi. Khi lạc thiền chi hiện khởi thì những buông lung, phóng dật, trạo cử... không tồn tại. Và cuối cùng, khi nhất tâm thiền chi thành tựu thì mọi tham muốn, dục lạc, khát ái, khát vọng... sẽ lặn chìm, mất bóng. Như thế có nghĩa là khi 5 thiền chi phát sanh, được duy trì, được làm cho sung mãn thì nó sẽ tạo ra một năng lực mạnh mẽ, khả dĩ làm cho năm triền cái không thể nhúc nhích được, chúng sẽ như cáu bợn được lặn chìm dưới đáy bát nước, hoặc như một đám cỏ bị một tảng đá lớn đè lên trên... Nếu định còn yếu, sơ khởi thì gọi là cận định; thuần thục, chín muồi, vững chắc hơn thì gọi là an chỉ định (định sơ thiền - nơi vắng lặng các dục vật chất).

Pháp tiếp theo mà hành giả cần phải chú tâm, thấy rõ,

---

[1] Đây là nguyên lý đối trị 5 pháp triền cái của tuệ quán, tuệ tri, của minh sát. Còn với định – thì có 5 thiền chi đối trị với 5 triền cái: Tầm, tứ, phỉ, lạc, nhất tâm - đối trị trực tiếp với hôn trầm-thụy miên, nghi, sân nhuế, trạo hối, tham dục.

[2] Một, tiểu hỷ (mọc ốc, nổi da gà, rần rần cả người một cách dễ chịu...). Hai, khinh hỷ (nhẹ nhàng, lâng lâng với cảm giác như bốc khỏi mặt đất). Ba, hải triều hỷ (như sóng chao, như nằm trên võng ru). Bốn, quang hỷ (thấy ánh sáng, điểm sáng, ánh sáng xẹt qua xẹt lại hoặc thân phát ánh sáng). Năm, sung mãn hỷ (được tẩm mát, no đầy cả thân tâm)..

biết rõ - đấy là ngũ thủ uẩn[1], tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn - mà chúng sanh thường chấp thủ là ta, là của ta, là tự ngã của ta. Phải tuệ tri, phải thấy rõ như thực rằng, sắc chỉ là sắc; đây là sắc sanh, đây là sắc diệt - chẳng có ta, có ngã nào ở đấy cả. Thọ, cảm giác, cũng vậy, phải tuệ tri, phải thấy rõ như thực rằng, cảm giác chỉ là cảm giác, đây là cảm giác sanh, đây là cảm giác diệt - chẳng có ta, có ngã nào ở đấy cả. Quán sát tưởng, hành và thức cũng phải được nhìn ngắm như chân, như thực như thế. Chúng có mặt, thấy rõ chúng có mặt, chúng ra đi thấy rõ chúng ra đi. Đừng để cho sắc chồng chất lên sắc mà thành sắc uẩn. Đừng để cho thọ chồng chất lên thọ mà thành thọ uẩn. Tưởng, hành và thức cũng vậy. Rỗng không, rỗng rang, vô thường, vô ngã.

Này các thầy tỳ-khưu! Còn nữa, hành giả tu tập cần phải sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Thế nào là sáu nội ngoại xứ?

Ở đây, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu nội; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu ngoại. Trong ngoài mà gặp nhau, xem chừng là chúng sẽ sanh khởi trùng trùng phiền não, kiết sử[2]. Ví dụ mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, duyên hai pháp này, tức khắc tham sân, thương ghét sanh khởi. Vậy, phải tuệ tri như chân, như thực rằng, mắt chỉ là mắt, tai chỉ là tai, sắc chỉ là sắc, thanh chỉ là thanh. Giả dụ kiết sử đã sanh khởi – thì cũng thấy rõ kiết sử đã sanh khởi, đang sanh khởi, đang tồn tại, đang diệt mất. Đối với mũi - hương, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp cũng phải được tuệ tri, được nhìn ngắm như chân, như thực như thế, đúng với bản tánh sanh diệt của các pháp. Chúng rỗng không, rỗng rang, vô thường, vô ngã.

---

[1] Upādāna-pañca khandha: Ngũ thủ uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.
[2] Kết dính, kết buộc, sai khiến.

Này các thầy tỳ-khưu! Cứ quán niệm như thế, tu tập như thế, hành trì miên mật như thế - chư vị càng ngày càng thấy pháp sanh, pháp diệt rõ ràng, như chân như thực. Cả bảy giác chi, bảy yếu tố giác ngộ, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ cũng phải được thường trực quán niệm, tuệ tri. Khi có niệm giác chi, biết rõ, thấy rõ đang có niệm giác chi. Khi không có niệm giác chi cũng phải được biết rõ, thấy rõ không có niệm giác chi. Khi niệm giác chi được củng cố, huân trưởng, cụ túc, viên mãn cũng biết cũng thấy rõ ràng niệm giác chi như thế. Cứ như vậy là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, an, định và xả.

Này các thầy tỳ-khưu! Cuối cùng là Tứ diệu đế. Thế nào là sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Sự Thật về khổ, tập, diệt và đạo? Đây là khổ, phải như thật tuệ tri. Đây là khổ tập, phải như thật tuệ tri. Đây là khổ diệt, phải như thật tuệ tri. Đây là con đường đưa đến khổ diệt, phải như thật tuệ tri.

Này các thầy tỳ-khưu! Đấy là toàn bộ bốn lãnh vực quán niệm mà các thầy phải nghiêm túc hành trì để chấm dứt sầu bi ưu não ở trên đời; nó có công năng đưa đến an lạc, hạnh phúc, thanh tịnh, chánh trí, giác ngộ, giải thoát... ngay trong hiện tại này! Người nào nhiệt tình, chuyên tâm, tinh cần hành trì rốt ráo có thể đắc đạo quả A-la-hán, không thì cũng A-na-hàm, Bất Lai. Đừng nói là bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm... mà chỉ cần một năm tu tập tinh mật là được như thế. Cũng không nhất định là một năm, mà chỉ cần bảy tháng, sáu tháng, năm tháng, bốn tháng, hai tháng, một tháng, nửa tháng cũng được như ý. Có thể có vị chỉ cần bảy ngày là thành đạt rốt ráo cứu cánh của sa-môn hạnh, xứng đáng là một thiện gia nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình cần cầu vượt thoát mọi khổ ách đa mang trên trần thế!

Đức Thế Tôn chấm dứt thời pháp dài. Rợn ngợp là các pháp cốt lõi, tinh yếu! Đại chúng hoan hỷ. Một số tỳ-khưu

đắc quả Nhập Lưu. Một số tăng trưởng đức tin. Một số thấy rõ đường đi. Một số đã biết rõ mình phải tự điều chỉnh thân, khẩu, ý, tứ oai nghi như thế nào cho xứng đáng với phẩm mạo sa-môn. Một số khác nữa, khá đông chưa nắm bắt được, có lẽ phải còn nghe đi nghe lại rất nhiều lần qua các vị trưởng lão.

Tôn giả Ānanda rất hạnh phúc vì ngài đã thuộc nằm lòng không bỏ quên bất cứ một câu nào, một đoạn nào; và rồi đây, hễ có dịp, hễ đức Thế Tôn cho phép thì tôn giả sẽ trùng tuyên lại.

Tôn giả Sāriputta trí nhớ cũng đâu có kém gì. Ngài chăm chú tiếp thu khái quát, tổng hợp... như một thống kê, như một biểu đồ mà các phân đoạn, tiết, mục của thời pháp được tóm thâu, phân chia thứ lớp rất phân minh. Nói cách khác, ngài nắm chắc toàn bộ nội dung và ngữ nghĩa. Gặp lúc giảng thuyết lại – ngài sẽ đi từ cái nguyên lý, cái phổ quát ấy rồi sẽ tự tìm ra phương pháp, cách thức để phân tích và giải nghĩa các chi tiết.

Và quả thật như thế. Những ngày hôm sau, các tỳ-khưu phương xa tìm đến, tôn giả Sāriputta và Ānanda đã phải thuyết lại, được đức Phật khen ngợi vô cùng.

Như tâm đắc về thời pháp Bốn lãnh vực quán niệm vi diệu, hôm kia, tôn giả Sāriputta hỏi Phật:

- Bạch đức Tôn Sư! Bài kinh Bốn Niệm Xứ tối thượng này dường như bao hàm toàn bộ giáo pháp thoát khổ. Đệ tử an lạc cả từng chân tơ kẽ tóc khi thuyết lại cho chư vị tỳ-khưu phương xa. Đệ tử xin được mạo muội nêu ra một ý nghĩ đã khởi sanh, đang khởi sanh; rằng là pháp môn tu này có thể giảng nói giới hạn hay không giới hạn cho hàng tại gia cư sĩ được chăng?

- Được chứ, này Sāriputta! Được, đối với cư sĩ nào có căn cơ thượng trí! Đây là giới hạn. Được, đối với cư sĩ nào có tâm hồn thuần phác chưa thấm nhiễm quá nhiều kiến

thức, danh lợi hoặc những chân lý có sẵn! Đây là giới hạn. Được, cho phần đông sống đời có chánh niệm, tỉnh giác trong hơi thở, lúc đi đứng nằm ngồi... để có được hiện tại pháp lạc. Đây là không giới hạn.

- Vậy là đệ tử hiểu rồi! Bạch đức Thế Tôn! Dân chúng bộ lạc Kuru dễ thương này họ mộc mạc, hiền lương và chân thật. Nếu đức Thế Tôn cho phép, đệ tử sẽ giảng nói Bốn Niệm Xứ rất dị giản, rất dễ tiếp thu cho họ nghe hiểu và thực hành.

- Ừ! Như Lai để cho ông tùy nghi!

Đúng là trí tuệ của bậc đệ nhất đại đệ tử. Những thời pháp tiếp theo, tôn giả Sāriputta đã giảng nói đến hai hàng cư sĩ. Và ngạc nhiên xiết bao, họ đã tiếp thu khá dễ dàng rồi sau đó, đã thực hành rất tốt, đã áp dụng được Bốn Niệm Xứ trong đời sống hằng ngày – mang đến kết quả lợi lạc, an vui, hạnh phúc cho cư dân xứ này thật không kể xiết!

Về Hơi Thở

Ra giêng, thời tiết có nắng nhẹ, dễ chịu, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu chuẩn bị du hành sang nơi khác; hai hàng cư sĩ và quần chúng quyến luyến, sụt sùi tiễn chân dọc hai bên đường. Tôn giả Sāriputta đi sau cùng, dừng lại thuyết cho họ nghe một thời pháp, dạy phải biết áp dụng Bốn Niệm Xứ trong đời sống để vượt thoát khổ ưu, nhất là chấm dứt được ngay những giọt nước mắt ái niệm để có được sự an vui trong hiện tại. Hãy trở lại với hơi thở đi thôi! Hãy an trú vào hơi thở đi thôi!

Mọi người đã nghe lời, ra về hết, tôn giả Ānanda hóa ra vẫn chưa chịu rời vị sư huynh khả kính, đáng mến của mình, ngài hỏi:

- Hơi thở! Hơi thở! Thưa tôn huynh! Thế nào an trú hơi thở có hiệu quả để được hiện tại pháp lạc?

- Hay lắm! Này hiền đệ! Câu trả lời này chỉ có đức Tôn Sư mới có đủ thẩm quyền để giảng nói. Tôi là ai mà lại dám đánh trống qua cửa nhà sấm?

Khi dừng chân tại khu rừng cây đa ven đường, độ ngọ xong, đức Phật lựa ngồi một chỗ cao ráo dưới gốc cây; tịnh chỉ một lát rồi ngài nói với đại chúng vây quanh:

- Đáng lý ra, về hơi thở, về an trú hơi thở trong hiện tại,

Sāriputta có khả năng, có duệ trí để trả lời cho Ānanda nghe được, nhưng do bản chất khiêm tốn, do tôn kính Như Lai, do không dám qua mặt Như Lai; lại còn muốn cho phần đông được nghe nên ông ta đã thoái thác như vậy đấy!

Tôn giả Ānanda nói:

- Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Chúng đệ tử muốn nghe cho rõ ràng về hơi thở, cách thở, toàn bộ nguyên lý của nó để khả dĩ tu tập Bốn Niệm Xứ một cách có hiệu quả hơn.

- Vậy thì hãy nghe đây, này chư tỳ-khưu! Như Lai sẽ giảng, nhưng Như Lai sẽ thuyết tóm tắt, còn Sāriputta sẽ thuyết lại bằng trí tuệ phân tích chi ly, sắc bén của ông ta; và cũng nhờ thế, các thầy có thể đặt câu hỏi, đưa ra câu trả lời giữa nhau như là buổi hội thoại, một cuộc pháp đàm thú vị vậy.

Rồi đức Thế Tôn đã giảng như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Phép quán niệm hơi thở nó có lợi ích tối thượng, có hiệu quả và công năng tối thượng. Người sơ cơ khi tu tập sẽ làm cho lắng dịu bất an, rối loạn do nóng nảy, giận hờn, bức xúc, buồn chán... gì gì đó tan biến đi. Kẻ trung căn thì giảm trừ được phóng dật, buông lung, trạo cử, vọng tưởng, thất niệm, bất giác do đã có chỗ để nương tựa, đã có chỗ để an trú. Bậc thượng căn, nếu muốn định, có định, đi sâu vào các tầng thiền định; muốn tuệ, có tuệ, từ cạn vào sâu để lần lượt chứng đắc các tầng thánh đạo quả!

Này các thầy tỳ-khưu! Thở thì ai cũng phải thở, có thở mới sống được, nhưng mấy ai thấy mình đang thở, biết mình đang thở và thở ra sao? Dường như ai cũng giao phó việc ấy cho sinh lý tự nhiên của cơ thể - thở, dường như là phận việc, chức năng của bộ phổi, ít ai để ý tới! Và quả đúng như thế, tất cả mọi người, tất cả chúng sanh – không ai quan tâm đến hơi thở cả; cái mà họ quan tâm là làm thế nào cho mình được sung sướng; gia đình, vợ con mình được ăn ngon, mặc đẹp, sở hữu tài sản kho đụn – còn thế gian, mọi người, dầu

cho đói khổ, thiên tai, dịch họa họ cũng không màng quan tâm! Chuyện ấy thì chư vị biết rồi, Như Lai không cần nhắc lại. Chỉ cho đến khi tay đã nhúng chàm, chỉ đến khi tội lỗi đã đắm sâu, chỉ cho đến khi đau khổ, thống khổ, chán chường, tuyệt vọng... họ mới đấm ngực, bức tóc, than cha, oán mẹ, kêu trời, kêu đất. Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp chỉ nói đến khổ, nguyên nhân khổ và con đường diệt khổ. Vậy những ai cảm thấy mình đau khổ thì hãy đến với giáo pháp của Như Lai. Và tập thở, lắng nghe hơi thở, theo dõi hơi thở, an trú vào hơi thở là bước đầu tiên của con đường nội quán.

Này các thầy tỳ-khưu! Trong thời pháp hôm trước, khi quán niệm thân, Như Lai có nói đến hơi thở - như dài ngắn, sâu cạn, thô tế - chúng vào ra như thế nào, cần phải chú niệm. Ở đây, Như Lai cũng trở lại đề tài này nhưng sẽ rộng rãi hơn, chi tiết và có hệ thống hơn, không chỉ dành riêng cho lãnh vực thân mà cả thọ, tâm và pháp nữa. Chúng ta sẽ có bốn cách thở thuộc quán niệm thân, bốn cách thở thuộc quán niêm thọ, bốn cách thở về quán niệm tâm và bốn cách thở về quán niệm pháp. Hãy lắng nghe và Như Lai sẽ giảng nói.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm thân?

Ở đây, vị tỳ-khưu khi thở vô dài, biết rõ, thấy rõ đang thở vô dài. Khi thở ra dài, biết rõ, thấy rõ đang thở ra dài.

Khi thở vô ngắn, biết rõ, thấy rõ đang thở vô ngắn. Khi thở ra ngắn, biết rõ đang thở ra ngắn.

Cảm giác toàn thân khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác toàn thân tôi thở ra, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận..

An tịnh thân hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. An tịnh thân hành khi thở ra, vị thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận..

Bốn cách thở thuộc về thân này, Như Lai nhắc nhở các thầy chữ tuệ tri, nghĩa là thấy rõ, biết rõ hơi thở thực, trực tiếp trên hơi thở đang vận hành vào ra, xuống lên chứ không bởi tưởng tri hay thức tri. Cảm giác toàn thân là ghi nhận trực tiếp, trọn vẹn toàn thân hơi thở; phải học, phải thực tập, phải thực hành bài học hơi thở ấy. Càng thực tập, càng chú niệm thì hơi thở sẽ càng ngày càng nhẹ nhàng, vi tế hơn. Khi mà hơi thở nhẹ nhàng, vi tế thì cái thân sẽ không còn thô cứng, tê ngứa hoặc nhức đau nữa, nó đã được ổn định rồi, đã được điều phục rồi. Hơi thở an tịnh, thân cũng được an tịnh. Chính ở đây là an tịnh thân hành khi thở vô, an tịnh thân hành khi thở ra; phải tuệ tri điều ấy, thực tập điều ấy.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm thọ?

Cảm giác hỷ khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác hỷ khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Cảm giác lạc khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác lạc khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy..

Cảm giác tâm hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác tâm hành khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

An tịnh tâm hành khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. An tịnh tâm hành khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Đây là lãnh vực của cảm thọ, cảm giác nhưng đã được loại trừ khổ và ưu. Tại sao vậy? Vì khi hơi thở đã nhẹ nhàng, thân đã ổn định, an tịnh thì khổ và ưu không còn tồn tại mà chỉ có các cảm thọ hỷ, lạc trên lộ trình tu tập thiền quán. Vậy, khi có hỷ hay có lạc, vị ấy vẫn với tuệ tri, nhìn ngắm chúng như chân, như thực khi thở vô cũng như khi thở ra. Khi mà lạc đã thấm sâu, đến độ sung mãn thì tâm như

được thấm ướt, tẩm mát rồi nó sẽ đưa đến sự an tịnh của tâm. Và đây chính là an tịnh tâm hành, là pháp lạc, là thực phẩm an lạc, nó nuôi dưỡng thân tâm trên lộ trình tu tập của mỗi người.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm tâm?

Cảm giác tâm khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Cảm giác tâm khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Với tâm hân hoan khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm hân hoan khi thở ra, vị ấy cũng làm như vậy.

Với tâm định tĩnh, khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm định tĩnh khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Với tâm giải thoát, khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tâm giải thoát khi thở ra, vị ấy cũng làm như thế.

Tâm ở đây, nó không đơn giản là tâm thức hay tâm ý. Nó gồm cả tưởng, hành và thức. Nó gồm tất thảy tâm vương và tâm sở. Nói cách khác, nó gồm cả mười sáu loại tâm trong thời pháp quán niệm tâm. Tuy nhiên, ở đây, do thân tâm đã trở thành một khối thuần nhất an tịnh thì các loại tâm xấu, ác, bất thiện sẽ không còn tồn tại. Nếu hơi thở càng được an trú thì an tịnh càng được kiên trú, theo đó, các loại tâm lành, tốt, thiện sẽ nẩy sinh, nó chi phối, lây lan ảnh hưởng làm cho thọ, tưởng và các tâm sở liên hệ cũng đều được thấm nhuần, thanh lương; và đó là các loại tâm hân hoan, định tĩnh, giải thoát.

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là bốn cách thở thuộc về quán niệm pháp?

Với vô thường tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với vô thường tùy quán khi thở ra,

cũng y như thế..

Với ly ái tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe theo dõi, ghi nhận. Với ly ái tùy quán khi thở ra, cũng y như thế.

Với tịch diệt tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với tịch diệt tùy quán khi thở ra, cũng y như vậy.

Với xả ly tùy quán khi thở vô, vị ấy thực tập, lắng nghe, theo dõi, ghi nhận. Với xả ly tùy quán khi thở ra, cũng y như vậy.

Khi tâm đã có được hân hoan, định tĩnh, giải thoát, nghĩa là giải thoát tạm thời được các triền cái, kiết sử, trần cấu, thầy tỳ-khưu còn cần phải đi sâu vào quán chiếu, minh sát các pháp để phát sanh tuệ giác, tuệ minh. Đến đây, thầy tỳ-khưu quán sát như thực tánh thấy rõ sắc sanh sắc diệt, thọ sanh, thọ diệt, tưởng sanh, tưởng diệt, hành sanh hành diệt, thức sanh, thức diệt. Nói gọn hơn là danh sắc sanh, danh sắc diệt. Chúng sanh diệt rất nhanh, chúng tụ rồi tan, chúng có rồi mất, chúng đến rồi đi. Nói cách khác, chúng sanh khởi, an trú, lụi tàn... tức là thay đổi, biến hoại, vô thường. Nhờ vô thường tùy quán[(1)] ấy mà thầy tỳ-khưu không còn thấy tướng của các hành, mở được cánh cửa thứ nhất là vô tướng giải thoát[(2)].

Còn ly ái tùy quán? Ở đây vì thấy tất cả mọi danh sắc, nghĩa là thân hành, tâm hành đều thay đổi, biến hoại, vô thường nên thầy tỳ-khưu sẽ không khởi lên lòng ái dục với

---

(1) Aniccānupassī - người ta thường dịch là vô thường tùy quán – nhưng thật ra, anupassī đồng nghĩa với anupassaka - người đứng quan sát, là người đứng xem- là người đứng quan sát vô thường thì chính xác hơn.Cũng có từ tương đương là Aniccānupassanā.

(2) Animitta vimokkha: Vô tướng giải thoát. Ý nói- vì chúng thay đổi luôn – nên các pháp vốn không có một tướng nào cả, một thực thể nào cả.

các pháp hữu vi, với các hành[1] nữa nên gọi là ly ái; và cũng nhờ ly ái tùy quán[2] nên thoát khỏi các khổ, mở được cánh cửa giải thoát thứ hai là vô ái giải thoát[3].

Này các thầy tỳ-khưu! Thế nào là tịch diệt tùy quán[4]? Tịch diệt nghĩa là vắng lặng các hành, nghĩa là Niết-bàn. Thật ra, hai cửa trước đã hàm nghĩa Niết-bàn rồi; một, hai phần Niết-bàn; nhưng chỉ có ở đây Niết-bàn mới toàn diện hơn. Ở đây, khi thầy tỳ-khưu thấy được sự vắng lặng các hành, hoặc các hành là rỗng không như thân cây chuối không có lõi, các hành vô ngã, đồng nghĩa thấy được không tánh của các hành trong đạo lộ siêu thế, vị ấy mở được cánh cửa cuối cùng được gọi là tịch diệt giải thoát hoặc không tánh giải thoát[5].

Cuối cùng, này các thầy tỳ-khưu! Là xả ly tùy quán! Khi thấy được vô tướng, vô ái, không tánh, vị ấy đã giải thoát, biết mình đã giải thoát nhưng không chấp thủ vào giải thoát ấy nên được gọi là xả ly tùy quán. Nói cách khác là để tâm rỗng rang, không dính mắc bên trong, không dính mắc bên ngoài để tùy duyên rộng độ chúng sanh.

Này các thầy tỳ-khưu! Đấy là nguyên lý thở; nói cách khác là toàn bộ cách thở, phương pháp thở trong bài pháp

---

[1] Saṅkhāra: Hành, sự lăng xăng tạo tác - gọi chung là 50 tâm sở - đi liền với các tâm vương để tạo tác các nghiệp bất thiên, thiện, bất động – thành dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu để thọ sanh ba cõi dục, sắc và vô sắc giới.

[2] Virāgānupassī: Ly ái tùy quán. Thật ra rāga ở đây hàm nghĩa cả tham, cả ái, cả dục, cả tình dục. Vì ly ái nên thoát khỏi các khổ - nên còn được gọi là khổ tùy quán (dukkhanupassanā). Cũng có từ tương đương là vô nguyện tùy quán (appaṇihītānupassanā).

[3] Arāgā vimokkha: Vô ái giải thoát – cùng một nghĩa vô nguyện giải thoát (appaṇihīta vimokkha).

[4] Nirodhānupassī: Tịch diệt tùy quán – cùng một nghĩa với không tánh tùy quán (suññātanupassanā).

[5] Suññāta vimokkha: Không tánh giải thoát. Giải thích thêm: Vì thấy mọi danh pháp, sắc pháp đều duyên khởi, vô tự tính, vô ngã – nên thấy được không tánh của các pháp.

Bốn Niệm Xứ! Không có, không còn một cách thở nào khác. Hãy như thế mà thọ trì! Điều gì chưa lãnh hội, chưa khai thông thì cứ hãy tìm bậc Chưởng giáo của các ông mà học hỏi để tu tập cho có hiệu quả hơn.

Chỉ Việc Thở Thôi

Bài pháp cô đọng quá, súc tích qua, tôn giả Ānanda tuy có thể tuyên thuyết lại được, nhưng về hàm lượng ngữ nghĩa để áp dụng vào đời sống tu tập hằng ngày thì còn nhiều thắc mắc.

Lúc gặp riêng bậc chưởng giáo, tôn giả Ānanda hỏi:

- Đầu tiên là bốn lãnh vực quán niệm, nếu nói cạn và sâu, thô và tế thì chúng ta nên đi tuần tự thân, thọ, tâm, pháp, có phải vậy không, hiền huynh?

- Đúng là vậy.

- Bây giờ cho đệ hỏi về thân. Bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi, co tay, duỗi chân, mặc y, mang bát, nói cười, tắm rửa, đại tiểu tiện... ta phải thường trực chú niệm mọi cử chỉ, mọi động thái đang diễn ra, đang xảy ra, đang vận hành, đang tương tác với ngoại giới; nghĩa là toàn bộ chúng đều được trực thức nhìn ngắm trong hiện tại, hiện tiền mà không nên để cho một sát-na thất niệm, buông lung, phóng dật nào?

- Đúng vậy!

- Đối với những người nhiều tham dục, nhiều đam mê thân xác và tình dục thì biện pháp đối trị cho căn cơ ấy thì nên quán ba mươi hai thể trược và mười tướng của tử thi?

- Đúng là vậy, hiền đệ đã hiểu rất chính xác.

- Về thân còn có hơi thở. Có cách niệm hơi thở nghiêng vào định, đi sâu vào định. Có cách niệm hơi thở nghiêng về tuệ, phát triển tuệ giác? Tuy nhiên, cả định và tuệ đều phải nhẹ nhàng, thanh thản, tự nhiên đừng cố gắng thái quá, nỗ lực thái quá; đừng bắt hơi thở phải như thế này, phải như thế kia; nghĩa là hơi thở mình sao thì cứ ghi nhận tự nhiên, trung thực như thế. Và quan trọng nhất, là phải thường trực thắp ở đấy một ngọn đèn!

- Chính xác!

- Tuy nhiên, khi mình nhìn ngắm một ngọn núi, một con suối, một rừng hoa, một dòng sông, một con đường mòn... thì chúng ta không thể nào vừa an trú hơi thở một cách trọn vẹn vừa nhìn ngắm đối tượng ngoại giới một cách trọn vẹn, như thực, như chân được?

- Dĩ nhiên là vậy, hiền đệ! Vòng tròn của một bánh xe chỉ tiếp xúc mặt đất chỉ một điểm thì tâm ta cũng vậy, chỉ một đối tượng; khi có đối tượng này thì không có đối tượng kia. Tâm ta không thể có hai tư tưởng đồng hiện hữu.

- Thọ, cảm giác nơi thân, nơi tâm cũng phải trong sáng và chân thực như thế, tự nhiên như thế?

- Ừ ! Hiền đệ đã nắm được nguyên lý.

- Tâm sanh khởi do duyên căn trần; nói cách khác, duyên xúc, thọ mới có ái, thủ, hữu. Vậy, nếu cảm giác được nhìn ngắm trong sáng, chân thực thì tâm, theo đó, cũng trong sáng và chân thực. Từ đấy mà ta quán tâm, và ta sẽ tuệ tri các trạng thái của tâm, phải vậy không hiền huynh?

- Đúng vậy!

- Duyên căn-trần-thức như thế nên có pháp như thế. Rồi trên lộ trình tu tập, đâu là pháp chướng ngại, kiết sử, phiền não, đâu là pháp thanh lương, quang sáng, vô nhiễm... cũng bởi đó mà ta tuệ tri, chứng nghiệm trong lòng mình, có phải vậy không thưa bậc Chưởng giáo?

- Hay lắm! Tuyệt vời lắm! Tôn giả Sāriputta tán thán -

Hiền đệ vừa có trí đa văn, bây giờ lại có thêm trí phân tích, cô đọng rất thiện xảo nữa!

Tôn giả Ānanda mỉm cười:

- Và đệ còn biết nữa rằng, chỉ cần thở, chỉ cần an trú trên hơi thở thì tất cả cái gọi là cảm giác, tâm, pháp gì đó sẽ lần lượt hiện ra để ta tuệ tri như thực; và rồi không chóng thì chầy cũng nếm thưởng được hương vị của pháp bảo tận đầu nguồn.

- Chỉ việc thở thôi, đúng vậy – Tôn giả Sāriputta cũng mỉm cười đáp lại – Hy vọng bậc đa văn, lợi trí của chúng ta sẽ làm được như thế, sẽ thành tựu được như thế.

Hóa Độ Du Sĩ Magandiya

Hôm kia, đức Phật lại ôm bát một mình đi khất thực, trở lại thị trấn Kammāsadhamma, sau đó tìm đến một khu rừng để nghỉ trưa. Ngài có một cuộc hẹn vào buổi chiều ở nhà người bà-la-môn thờ thần lửa thuộc dòng họ Bhāradvāja.

Du sĩ Māgandiya[1], một biện sĩ thuộc phái hưởng lạc, trong khi đi bộ ngao du, rong chơi đây đó, ghé nhà người bà-la-môn thờ thần lửa có tiếng trong vùng, thấy đâu đó đã được dọn dẹp, sửa soạn tươm tất; chính giữa phòng khách thấy có một tấm nệm cỏ đẹp được đan bện công phu, tinh xảo như đang chờ đợi, để dành cho ai đó. Ngạc nhiên, y hỏi:

- Cái chỗ ngồi chỉ là cỏ rác mà có vẻ trân trọng thế kia, dường như được soạn sẵn cho một vị sa-môn khổ hạnh nào đó phải chăng?

- Là vậy mà không phải vậy - Người bà-la-môn mỉm cười, dịu dàng nói - tấm tọa cụ là cỏ rác nhưng tâm của tôi không hề cỏ rác chút nào! Còn đức Thế Tôn đâu phải là khổ hạnh sư, ngài là một bậc Chánh Đẳng Giác, một vị đại A-la-

[1] Māgandiya này còn thanh niên - theo Buddhaghosa giảng giải, ông ta là cháu trai của bà-la-môn Māgaṇdi - chuyện dấu chân Phật và cô con gái ở trong một chương trước(Tự điển Pāḷi Proper Names ghi là Māgandiya chứ không phải Māgaṇḍiya).

hán, là bậc thầy của chư thiên và loài người.

Du sĩ Māgandiya chợt cười ha hả:

- À ha! Ông sa-môn Gotama hả? Ông ta đúng là một huyễn sư, một tà sư! Ta vừa hay tin, vợ chồng ông cậu của ta đã bị ông ta quyến dụ nên bỏ cả gia sản để xuất gia theo ông ta rồi! Ồ, đúng vậy rồi! Đúng là sa-môn Gotama rồi! Ôi, thật là bất hạnh thay! Ông ta còn là một vị đã phá hoại sự sống nữa!

- Này Māgandiya! Ông hãy thận trọng lời nói! Người bà-la-môn trừng mắt - tại sao ông dám bảo sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?

- Đúng vậy chứ, tôi nói khác sao được? Sa-môn Gotama đã tự mình hành thân hoại thể; ăn, ở, mặc đều tiết chế, diệt dục rồi dạy cho đệ tử từ bỏ gia đình, sống không gia đình làm cho không biết bao nhiêu mầm sống của chúng hữu tình không được mở mắt chào đời! Thế không được gọi là hủy diệt sự sống hay sao?

Người bà-la-môn cất giọng bình tĩnh, ra đòn phản công, không khoan nhượng:

- Thôi được rồi, tôi nói chuyện không lại với ông. Nếu có ngon lành thì ông hãy đến đối thoại với sa-môn Gotama. Và tôi biết chắc chắn một điều rằng, là ông sẽ cúi đầu, thụt lưỡi, im re, run lập cập khi mà sa-môn Gotama chất vấn ông. Tại sao vậy? Ôi! Có biết bao nhiêu là vua chúa trí giả, nhiều vương tộc trí giả, nhiều bà-la-môn trí giả, nhiều danh sĩ trí giả, nhiều đại triệu phú trí giả... đã phải quy y theo sa-môn Gotama? Ôi! Có biết bao nhiêu là du sĩ, biện sĩ, lang thang sĩ, miệng lưỡi trơn tuột, lắc léo, trườn uốn như con lươn; biết bao nhiêu là khổ hạnh sĩ, đạo sĩ, cuồng sĩ, ngu si sĩ... với môi mép hàng tôm, hàng cá, đánh tráo chữ nghĩa lươn lẹo như con buôn... Họ đấy, một phần đã phải co giò, vác cẳng, khòm lưng lủi trốn như chuột chù, chuột hôi; một phần quy giáo sa-môn Gotama hoặc đệ tử của sa-môn Gotama. Và

cũng rất đông là ngần ấy trí thức đã xuất gia theo giáo pháp của đức Tôn Sư. Ông là gì? Là một biện sĩ lỗi lạc ư? Là một lang thang sĩ của phái hưởng lạc ư? Hãy giữ cái lưỡi cho cứng, cái lưng cho thẳng mà đối thoại với sa-môn Gotama, một bậc Chẳng Đẳng Giác hằng triệu triệu năm mới xuất hiện một lần. Có xứng không? Hãy chờ đấy!

- Thôi được rồi, đừng có mà tán thán kẻ phá hoại sự sống kia một cách cuồng tín như thế. Chửi rủa và phỉ báng ta như thế là đủ rồi. Kẻ trí không chấp nê miệng lưỡi của bọn ngu ngốc có cái tâm trí đen thui như cột nhà cháy. Được rồi, ta sẽ đợi và ta sẽ làm cho sa-môn Gotama thụt lưỡi, im re cho mà xem. Hãy dỏng tai mà nghe!

Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, nghe biết cuộc đối thoại vừa rồi, ngài xả thiền đi đến nhà người bà-la-môn thờ thần lửa. Bà-la-môn Bhāradvāja tiếp đón đức Phật một cách cung kính, trong lúc du sĩ Māgandiya chỉ chào hỏi ngài có vẻ xã giao.

Ngồi trên chỗ đã được chuẩn bị sẵn, đức Phật lướt nhìn bà-la-môn chủ nhà và du sĩ Māgandiya rồi vào đề ngay:

- Có phải vừa rồi đã có một cuộc nói chuyện thú vị - cục đất quăng qua, cục bùn ném lại - giữa hai vị từ tấm nệm cỏ này?

Du sĩ Māgandiya ớn lạnh xương sống. Bà-la-môn lông tóc dựng ngược, thưa bạch:

- Chính vì con đã không chịu nổi cái ngông nghênh, ngã mạn của ông đạo sĩ này nên đã có những lời khiếm nhã với y, có lẽ đã làm bẩn tai bậc thiên nhĩ thuần tịnh. Chính vì con muốn trình bày chuyện ấy với đức Thế Tôn, nhưng hóa ra ngài đã biết tất cả rồi!

Đức Phật quay sang du sĩ Māgandiya:

- Sự sống, theo quan niệm của ngươi là như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya thận trọng, giữ sự im lặng cần thiết, xem thử

có cái bẫy nào ở đấy không!

- Hay theo học thuyết có vẻ cao siêu và lọc lõi của giáo phái ngươi là sự trưởng thành, khôn ngoan, kinh nghiệm phải được thực hiện qua sáu giác quan? Và suốt cuộc đời là phải làm cho sáu giác quan ấy được tích lũy kinh nghiệm không hạn chế qua sự thỏa mãn sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp? Và đấy chính là hạnh phúc tối thượng theo như thánh thư của phái hưởng lạc?

- Đúng là vậy! Thánh điển của chúng tôi đã có truyền lại như thế.

- Và vì Như Lai chủ trương sống phòng hộ sáu giác quan, nghịch với quan điểm của phái hưởng lạc nên ngươi cho là Như Lai phá hoại sự sống?

- Đúng là vậy, thưa sa-môn Gotama.

Đức Phật cất giọng ôn nhu, điềm đạm:

- Nhưng nếu có những người hưởng thụ năm món dục lạc, đến một lúc nào đó cảm thấy chán mứa, cảm thấy không chịu nổi; họ muốn tìm một nơi thanh vắng, muốn xa lìa đời sống ngũ dục thì ngươi nghĩ về họ như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya cất giọng lửng thửng:

- Tôi không có ý kiến gì với hạng người ấy.

- Thế có một người khác, sau khi hưởng thụ ngũ dục, thấy nó dường như càng uống thì càng khát, không bao giờ thỏa mãn được dù săn đuổi suốt cuộc đời nên họ cảm thấy ngũ dục là nguy hiểm thì ngươi nghĩ về họ như thế nào hở Māgandiya?

Māgandiya vẫn ơ thờ, dấm dẳng:

- Cũng thế! Hơi đâu! Cứ mặc! Kệ chúng! Tôi vẫn không có ý kiến gì, vì quả thật thế gian có những hạng người như vậy.

- Vậy thì năm món dục lạc - Đức Phật vẫn từ hòa, kiên nhẫn - đối với người này thì vị ngọt, đối với người khác thì

chán mứa, đối với người khác nữa là nguy hiểm, có phải vậy không, Magandiya?

Māgandiya bây giờ mới gật đầu, có vẻ như "Chính ta cũng đồng quan điểm như vậy đó, có gì là lạ lắm đâu!":

- Đúng thật vậy rồi!

- Như Lai cũng thế đấy, này Māgandiya! Thuở còn tại gia, Như Lai hưởng thụ đầy đủ, hưởng thụ sung mãn năm món dục lạc; đến một lúc nào đó, Như Lai cảm thấy không còn chịu nổi, cảm thấy nó nhiệt não, nóng bức, chán ngấy nên Như Lai đã từ bỏ chúng, xuất ly chúng. Nhờ từ bỏ chúng, xuất ly chúng nên Như Lai được vô khổ, vô phiền, an tịnh, thảnh thơi... Đấy đâu phải là hủy diệt sự sống hở Māgandiya? Hay đấy lại là sự sống thanh bình, mát mẻ, êm đềm, hư tĩnh, thanh cao hơn, hơn là sự sống bầy nhầy, bì bọp trong vũng ngũ dục tối tăm, thấp hèn như dòi bọ no nê trong đống phẩn hôi, xác thối, cá ươn của chúng?

Māgandiya nín lặng, ông chợt toát mồ hôi lạnh và cảm thấy mình đang bị tấn công; và thánh điển của mình đã bắt đầu bị lộ khuôn mặt có nhọ đen và bùn bẩn...

- Dục lạc cõi người hạ liệt, thấp kém lắm, này Māgandiya! Một người sinh lên cõi trời Ba mươi ba được chúng thiên nữ hầu hạ, thọ hưởng các thiên dục một cách sung mãn, vị trời kia có khao khát trở lui thọ hưởng năm món dục lạc của cõi người nữa không, này Māgandiya?

- Thưa không, vì dục lạc cõi trời thù thắng, vi diệu hơn cõi người.

- Ví như một người bị bệnh cùi với thân thể lở loét, hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét đang dùng móng tay cào rách các vết thương rồi đốt chúng bởi lửa nóng, người ấy cảm thấy khoái trá vì dịu cơn ngứa, vì đã ngứa. Nhưng một người lành mạnh hay một người cùi đã khỏi bệnh, khi nhìn cảnh tượng ấy, có ao ước được như người cùi ấy không, này Māgandiya?

- Thưa không, không những không ao ước mà còn thấy tình cảnh ấy là đáng sợ.

- Dục lạc thế gian cũng tương tợ như người bị bệnh cùi với tình cảnh như vậy. Lấy móng tay cào rách các vết thương, hơ lửa nóng để tìm sự khoái trá, đã ngứa, nghĩa là tìm vui trong khổ, khổ thọ lại cho là lạc thọ, đấy được gọi là ngu si điên đảo tưởng, là kiến chấp hoang vu tưởng, ngươi có biết không, thầy ngươi có biết không, thánh điển của nhà ngươi có biết không, Māgandiya?

Māgandiya cúi đầu, tự nghĩ: "Vậy là, giáo thuyết của giáo phái ta đã thật sự không còn chỗ đứng trước ví dụ cụ thể, hiện thực của sa-môn Gotama rồi."

- Dục là lửa nóng, dục là khổ não, dục là đáng sợ, phải biết xa lìa. Dẫu cho lạc cõi trời, lạc của định sắc và vô sắc; chúng vi tế, thanh lương, thù thắng hơn rất nhiều; nhưng đối với bậc trí, họ cũng viễn ly, xa lánh để sống đời an tịnh, giải thoát, vô bệnh, đúng như kệ ngôn:

" - Vô bệnh, lợi tối thắng
Niết-bàn, lạc tối thắng
Bát chánh là độc đạo
An ổn và bất tử".

Nghe đến đây, du sĩ Māgandiya cố gỡ gạc sĩ diện nên hoan hỷ thốt lên:

- Đúng là vậy, sa-môn Gotama đã nói rất đúng: "Vô bệnh, lợi tối thắng. Niết-bàn, lạc tối thắng". Các vị Tôn Sư, đại Tôn Sư của chúng tôi cũng truyền bài kệ ấy.

- Vậy thế nào là không bệnh, thế nào là Niết-bàn, hở Māgandiya?

Māgandiya lúng túng, giả vờ lấy tay xoa bóp chân tay của mình rồi nói:

- Tôi nay cũng hoàn toàn vô bệnh, chẳng có triệu chứng ốm đau, bệnh tật gì.

- Nói như vậy chứng tỏ ngươi không hiểu gì cả, chứng tỏ

ngươi đã bị Tôn Sư, đại Tôn Sư của ngươi lừa gạt rồi, ngươi có biết không?

- Bị lừa gạt như thế nào, thưa sa-môn Gotama?

- Câu kệ ngôn ấy không có trong thánh điển của giáo phái ngươi. Đấy là kệ ngôn của bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ còn truyền tụng giữa nhân gian, lâu quá, người ta quên mất hai câu sau. Tôn Sư, đại Tôn Sư của nhà ngươi, chỉ biết hai câu trước, đọc lên như vẹt mà không hiểu pháp ngữ của nó mà chỉ còn hiểu nơi thường ngữ thôi.

- Xin được nghe lời chỉ dạy.

- Này Māgandiya! Có một người mù bị lừa gạt về màu sắc thì ngươi cũng bị lừa gạt về vô bệnh và Niết-bàn; hãy nghe, và Như Lai sẽ có ví dụ cụ thể.

- Thưa vâng.

- Một người sinh ra đã mù, không biết gì về màu sắc, không có khái niệm gì về thế giới xung quanh. Hôm kia, có một kẻ vô công rỗi nghề, lấy chuyện lừa gạt thiên hạ làm thú tiêu khiển; y lấy một tấm vải thô dính nhọ dầu và bùn đất đem tặng người mù, nói rằng:"Đây là chiếc áo được sản xuất và may thêu tại xứ Kāsi, trắng như bông, lóng lánh những sợi tơ trời, đẹp lắm, bạn hãy mặc vào đi." Người mù, tin tưởng người sáng mắt, mặc vào, đi tới, đi lui cảm thấy sung sướng, hãnh diện – nhưng đâu có biết rằng, mình bị người sáng mắt chơi xỏ, lường gạt? Cũng vậy là trường hợp của ngươi, này Māgandiya. Năm món dục lạc là khổ, là nóng bức, là nhiệt não, là cục bướu, là thấp thỏi... nhưng Tôn Sư, đại Tôn Sư của ngươi lại chủ trương hưởng lạc, coi khổ thọ như lạc thọ thì chúng đã không chơi xỏ, lường gạt ngươi là gì, này kẻ mù mắt?

Māgandiya lạnh người, bàng hoàng. Lát sau, y hỏi:

- Vậy làm thế nào để được sáng mắt, thưa sa-môn Gotama quý kính?

- Đối với những người mù mắt thì người ta thường làm

như thế nào để chữa trị, hở Māgandiya?

- Tuỳ theo bệnh mù mắt nặng, nhẹ của từng người mà có thể nhờ y khoa xét nghiệm, để biết có người không thể chữa trị được do quá nặng bởi mù mắt tiên thiên, bẩm sinh; có người mù, nhẹ, do từng nguyên nhân bệnh lý khác nhau, thì có thể mổ xẻ hoặc có thể xức thuốc, bôi thuốc tùy từng trường hợp!

- Cũng tương tợ vậy, này Māgandiya! Đối với người mù mắt quá nặng do tiên thiên, bẩm sinh được ví như người có vô minh, chấp kiến quá sâu dày, Như Lai không thể chữa trị được. Riêng đối với người mù mắt nặng, nhẹ do các trường hợp bệnh lý khác nhau, Như Lai sẽ chữa trị theo nhiều cách. Có người, Như Lai chỉ cho họ thấy các cảnh giới đau khổ của tứ ác đạo và hạnh phúc nơi các cõi trời. Có người, Như Lai hướng dẫn cho họ tu tập bố thí, trì giới. Có người, Như Lai chỉ cho họ các đề mục về thiền định. Có người, do có căn cơ sâu dày, Như Lai sẽ mổ xẻ, phân tích chi ly về khổ, về nguyên nhân khổ, về diệt khổ, về con đường diệt khổ. Có người, do có rất ít bụi cát trong mắt, Như Lai chỉ nói vài câu tinh yếu, cốt lõi của giáo pháp, tương tợ như chỉ cần một tí thuốc để xức, để bôi thì người kia liền lành bệnh... Và khi mắt đã được chữa lành, được sáng tỏ thì người mù mắt mới biết là mình bị lừa gạt. Khi ngươi thân cận với bậc chân nhân, ngươi mới học hiểu được rằng dục lạc thế gian là nhiệt não, là bệnh chướng, là cái đáng kinh sợ, nhờm gớm, xa lìa. Cái thân này chính là bệnh, là cục bướu, là cái mũi tên cần phải nhổ đi. Đến đây, ngươi mới nghĩ được rằng: Hóa ra, từ lâu ta đã bị phỉnh phờ, lường gạt, dối lừa nên đã xem khổ thọ là lạc thọ, sinh ra kiến chấp điên đảo tưởng, sinh ra chấp thủ ngũ uẩn. Bậc chân nhân dạy rằng: Do chấp thủ nên có hữu, có hữu thì có sinh, có sinh nên có già chết. Đấy là tập khởi toàn bộ khổ uẩn. Thấy rõ toàn bộ khổ uẩn ấy là sáng mắt, là vô bệnh. Chấm dứt toàn bộ khổ uẩn ấy là Niết-bàn.

Thực hiện con đường đến Niết bàn chỉ có một đạo lộ duy nhất là bát chánh, là lộ trình của an ổn và bất tử vậy.

Nghe xong thời pháp, bà-la-môn thờ thần lửa thuộc dòng họ Bhāradvāja mở sáng được con mắt tuệ, có thể tự đi được bằng đôi chân của mình. Còn du sĩ Māgandiya thì xin được quy y và xuất gia, thọ đại giới. Đức Phật bảo rằng, vì ông là ngoại đạo, cần phải biệt trú bốn tháng; thứ nhất là để suy gẫm, gột rửa những tri kiến cũ đã đóng khói, mọc rêu trong tâm thức truyền đời của ông; thứ hai là để học hỏi những oai nghi tế hạnh, thực tập những pháp căn bản vào buổi đầu.

Nghe vậy, du sĩ Māgandiya xin được biệt trú bốn năm rồi hẳn thọ đại giới sau.

- Điều ấy là rất tốt, này Māgandiya!

Đức Phật nói thế xong, và ngài còn biết rõ rằng, vị du sĩ này, sau này sẽ là một vị A-la-hán.

Ôi! Chàng Gọi Chúng Em Là Những Bà Chị!

Cũng tại Kuru, thị trấn Thullakoṭṭhika, đức Phật còn độ thêm một người đặc biệt nữa, đấy là chàng thanh niên Raṭṭhapāla.

Hay tin đức Phật du hành đến thị trấn Thullakoṭṭhika cùng với hội chúng tỳ-khưu; các bà-la-môn gia chủ hay tin tìm đến rất đông. Đức Phật đã có nhiều buổi pháp thoại khích lệ, làm cho họ thích thú, hoan hỷ, phát khởi đức tin. Trong số đó có một chàng thanh niên con một gia đình thượng tộc, cự phú... nghĩ rằng: "Như đức Thế Tôn với những thời pháp thanh cao, vi diệu, ta đã hiểu được rằng, đời sống tại gia không dễ gì thực hành phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp y, mang bát, từ bỏ mái gia đình đầy những buộc ràng phiền não, xuất gia, sống đời không gia đình." Nghĩ thế xong, chàng đến bên chân đức Phật, xin được xuất gia.

Đức Phật nói:

- Ông đã được cha mẹ cho phép chưa, này Raṭṭhapāla?

Khi được biết là chưa, đức Phật khuyên là hãy trở về nhà thuyết phục sao cho gia đình bằng lòng đã.

Khi thanh niên Raṭṭhapāla vừa bước đi khuất bóng, đức

Phật nhiếp tâm một lát rồi ngài mỉm cười.

Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, ngạc nhiên về nụ cười ấy, bèn thưa hỏi lý do; và vì hội chúng tỳ-khưu cũng mong muốn tìm biết nguyên nhân; đức Phật đành phải kể khái quát chuyện tương lai:

- Thanh niên Raṭṭhapāla này sẽ rất khó khăn mới được xuất gia. Cũng như Sāriputta trước đây, phải nhịn ăn, nhịn uống gần chết mới thực hiện được ước nguyện của mình. Raṭṭhapāla còn khó khăn hơn Sāriputta, vì dù sao, Sāriputta có đông các em trai và gái; còn Raṭṭhapāla lại là con trai độc nhất trong một gia đình mà tài sản, vàng ngọc và kho đụn không biết làm gì cho hết. Lớn lên trong nhung lụa, Raṭṭhapāla được sống trong an lạc, được nuôi dưỡng trong an lạc; và ăn uống, vui chơi, thụ hưởng ngũ dục một cách đầy đủ, sung mãn không thiếu thứ gì.

Khi biết được ý định xuất gia của con, ban đầu hai ông bà nghiêm khắc cấm đoán; rồi sau đã phải hết lời năn nỉ, van xin; đã trăm phương nghìn cách để níu giữ chân đứa con trai thân yêu bằng quyền lực, bằng lý lẽ, bằng tình cảm nhưng vô ích. Raṭṭhapāla một mực im lặng như thân tượng đá và giữ vững ý mình: Một là chết hai là được xuất gia. Cô vợ trẻ sụt sùi, đẫm nước mắt bi lụy và đám thê thiếp, người hầu cũng vậy. Bạn bè, thân hữu Raṭṭhapāla, những vị công tử giàu sang, con em của những gia đình khá giả cũng rủ nhau tìm đến khuyên lơn phải trái. Tất thảy đều vô ích. Thế rồi, do bỏ ăn bỏ uống nhiều ngày, sợ con chết, hai ông bà đành phải bấm bụng cho Raṭṭhapāla ra đi, nhưng phải hứa là thỉnh thoảng về thăm gia đình...

Đức Phật chỉ kể ngang đây rồi dừng lại.

Tôn giả Ānanda nôn nóng hỏi tiếp:

- Rồi sau đó ra sao, bạch đức Thế Tôn?

- Vậy nên chúng ta phải ở lại thị trấn này năm bảy hôm nữa, đợi Raṭṭhapāla đến đây rồi Như Lai sẽ cho ông ta thọ

đại giới. Với thiện căn và túc duyên sẵn có, sau này, Raṭṭhapāla sẽ trở thành một vị tỳ-khưu có đời sống với hạnh kiểm mẫu mực, ưa thích độc cư, viễn ly, tinh cần thiền quán. Khi trở thành vị A-la-hán rồi, tám năm sau, Raṭṭhapāla mới xin phép Như Lai về thăm gia đình. Và chính chuyến đi này, với cung cách xử sự, với hành trạng vô nhiễm và vắng lặng của vị tỳ-khưu thánh nhân mới để lại bài học vô giá, để lại tấm gương sáng có ấn tượng sâu đậm trong hàng tứ chúng mai hậu.

Tôn giả Sāriputta với bản tính khiêm cung, dầu cũng biết chuyện tương lai của vị tỳ-khưu, nhưng vẫn thưa bạch:

- Xin đức Thế Tôn cho đại chúng được nghe.

- Ừ, Như Lai sẽ kể tiếp đây. Trở lại Kuru, về thị trấn Thullakoṭṭhika, con trai của Như Lai ôm bát khất thực từng nhà một rồi đến đứng trước cửa ngôi nhà cũ của mình. Lúc ấy, người cha của tôn giả đang đứng chải tóc, trông thấy Raṭṭhapāla, do nhiều năm xa cách, thay đổi diện mạo ông không nhận ra nên đã nổi giận, quát lớn:

- Hãy cút đi! Hãy xéo đi cho khuất mắt! Chính vì những sa-môn đầu trọc như các ông, bọn ăn xin đầu đường xó chợ đã làm cho ta phải mất một đứa con trai độc nhất trong gia đình.

Nói xong, ông giận dữ đóng cửa lại, quay lưng bước vào trong. Con trai của Như Lai, vì là một vị A-la-hán, không lấy thế làm điều, đứng thêm một lát nữa rồi chậm rãi bước quành ra ngõ sau, để đến một ngôi nhà khác. Lúc ấy, người nữ tỳ trước đây của Raṭṭhapāla, tất tả đang bưng nồi cháo ngày hôm qua còn thừa đem đổ vào hố rác. Tỳ-khưu Raṭṭhapāla bèn dừng chân lại, nói với người nữ tỳ:

- Này chị, nếu cần phải quăng đổ số cháo thừa ấy thì xin chị hãy đổ nó vào bát của tôi đây.

Sau khi trút cháo thừa vào bát theo yêu cầu của vị sa-môn; người nữ tỳ sực nhớ lại giọng nói, thoáng nhìn tướng

tay, tướng chân, dáng đứng, khuôn mặt, chị ta hoảng kinh nhận ra vị cựu chủ của mình. Hớt hải, chị ta ba chân bốn cẳng chạy một hơi vào gặp người mẹ của tôn giả:

- Chủ mẫu ơi! Chủ mẫu ơi! Mau ra mà xem! Cậu ấm, công tử của chúng ta đã trở về!

Rồi cô thuật lại chuyện xảy ra vừa rồi.

Vọt dậy, bà nói nhanh:

- Nếu ngươi nói đúng sự thật, ta sẽ cho ngươi thoát khỏi thân phận nô tỳ.

Đến gặp chồng mình, bà la bai bải:

- Trời ơi là trời! Ông có biết không? Con trai của chúng ta! Cục cưng của chúng ta! Hòn ngọc, hòn vàng của chúng ta đang ăn món cháo chua mà con nữ tỳ đem đi quăng đổ đấy! Có khổ không chứ! Ông hãy chống mắt ra mà xem kia kìa!

Trong lúc ấy, tỳ-khưu Raṭṭhipāla đang ngồi dựa vào bức tường, an nhiên thọ thực. Cả hai ông bà ra tận nơi, nhìn kỹ, thấy rõ là con trai yêu quý của mình.

- Này con yêu! Nỡ lòng nào mà con lại thọ dụng cái thứ nước cháo chua đem đi quăng đổ ấy, cái thứ mà chó nhà giàu cũng không thèm ngửi? Đây là nhà của con mà! Hãy vào nhà đi con!

Tỳ-khưu Raṭṭhapāla, ngước đầu lên, nghĩ là mình phải nói những lời khách sáo để thức tỉnh mọi người nên cất giọng điềm đạm:

- Chúng tôi là những sa-môn sống đời không cửa, không nhà - đầu đường, xó chợ - thì làm gì có gia đình nào, thưa gia chủ?

- Thôi mà con! Nói gì những lời như gai đâm, như muối xát làm cha mẹ đau lòng! Hãy vào nhà đi con! Đến đây rồi thì con phải vào nhà chứ?

- Thưa gia chủ, quả thật là tôi có đến nhưng tôi không nhận được một lời nói tử tế nào mà chỉ nhận được những lời

sỉ nhục.

- Ôi! Vì ta không nhận ra con đó thôi! Ôi! Làm sao mà cha mẹ có thể nhận ra con qua gần mười năm xa cách? Ôi! Làm sao cha mẹ có thể hình dung một chàng trai tuấn tú, phi phàm trước kia, bây giờ đã biến thành một sa-môn gầy gò, khắc khổ? Nhưng mà thôi, hãy đứng lên, vào nhà rồi cha mẹ sẽ cúng dường những món ăn mà con thường ưa thích thuở trước.

- Thôi vừa rồi, gia chủ. Hôm nay tôi đã thọ thực xong.

- Vậy này con thân yêu, hãy nhận lời mời ngày mai đến thọ thực nhé.

Tỳ-khưu Raṭṭhapāla im lặng nhận lời rồi tìm đến một khu rừng vắng để tịnh chỉ, thọ hưởng lạc về thiền, thọ hưởng lạc về quả.

Trong lúc ấy, cha mẹ của Raṭṭhapāla chuẩn bị mưu kế để dụ dỗ đứa con trai của mình. Bao nhiêu kim cương, ngọc lục bảo, vàng khối, vàng nén, tiền vàng to, nhỏ... trong rương tráp, nơi này và nơi kia chất thành ba đống lớn - lấy màn hoa che lại. Lại còn chi ly cặn kẽ bảo cô vợ trẻ và những tỳ thiếp xinh xắn trước đây của Raṭṭhapāla, phải tắm và gội đầu bằng nước thơm; ăn mặc phải thật đẹp, tế nhị, gợi cảm... làm thế nào cho tượng đá cũng phải xao xuyến, rung động...

Sáng ngày, lúc mặt trời đã lên cao, tỳ-khưu Raṭṭhapāla đắp y, mang bát rời khỏi ngôi rừng, thong dong bộ hành đến ngôi nhà cha mẹ của mình, được mời ngồi nơi chỗ đã được soạn sẵn, đã được tính trước.

Vừa mới yên vị, bức màn vải hoa trước mặt được kéo lên, Raṭṭhapāla chợt thấy ba đống châu báu chất cao, ánh sáng và màu sắc lóng la lóng lánh chói ngời. Và tiếng của cha chàng trầm ấm, như mật ngọt rót vào tai:

- Này con thân yêu! Đống châu báu lớn nhất là của tổ tiên để lại. Đống ít hơn một tí là tài sản mà cha đã khổ công kinh doanh, làm ăn một đời. Đống nhỏ nhất là của mẹ con,

một đời chắt bóp, dành dụm được. Tất cả đấy là của con, ngay từ bây giờ. Vậy con hãy hoàn tục, trở lại cuộc sống của một gia chủ hiền thiện; vừa thụ hưởng ngũ dục sung sướng một đời mà còn có thể làm các công đức, bố thí cúng dường gì đó tuỳ thích...

Con trai của Như Lai mỉm nụ cười trong tâm, nhưng giọng nói rất bình thản:

- Châu báu nhiều thì sầu bi khổ ưu não nhiều, lại dễ kéo theo nhiều ác nghiệp do tà vạy, bất chánh... Châu báu ít thì sầu bi khổ ưu não ít, nhưng mà tâm trí đâu có an ổn, nhẹ nhàng, thanh lương, trong sáng trong thế giới tham sân và ái dục ấy? Vậy, muốn giải thoát ưu não cho mình, gia chủ hãy sắm một chiếc xe lớn với bốn con ngựa kéo, mang ba đống châu báu này đem đổ xuống sông Gaṅgā, có lẽ là việc làm tốt nhất cho gia chủ đấy!

Hai ông bà bàng hoàng. Cô vợ trẻ và những nàng tỳ thiếp xinh như mộng đã ăn mặc, trang điểm diễm lệ từ phòng bên bước ra, vây quanh tôn giả với hoa hương thượng hạng thơm lừng. Họ đồng thanh cất tiếng hỏi:

- Thưa phu quân! Chẳng hay vì mục đích những vị tiên nữ có sắc đẹp như thế nào mà phu quân lại chê chúng thiếp để sống đời phạm hạnh sa-môn?

- Thưa các bà chị! Các bà chị lầm rồi! Mục đích của sa-môn phạm hạnh không phải tầm thường, hạ liệt như thế. Các vị tiên nữ dẫu xinh đẹp như thế nào, đối với thầy tỳ-khưu viễn ly trần cấu, họ cũng chỉ được xem như là những đống thịt thối mà thôi!

Các cô vợ cũ la lên:

- Ôi! Than ôi! Phu quân đã gọi chúng em là những bà chị!

- Ôi! Phu quân nói thân nữ của chúng em là tầm thường, là hạ liệt!

- Ôi! Phu quân còn nói chúng em là những đống thịt

thối!

Rồi họ ngã ra, bất tỉnh.

Tỳ-khưu Raṭṭhapāla chợt ôm bát, đứng dậy:

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi là những trò quyến dụ ngây thơ và trẻ con ấy! Một ngàn lần thế, một vạn lần như thế cũng không thể làm động tâm những đứa con trai, đệ tử của đức Tôn Sư. Nếu gia chủ không đặt bát cúng dường thì tôi xin được từ giã, không nên ngồi nán thêm một chút nào nữa trong cái địa ngục ái luyến, trong cái hầm hố ái dục hạ liệt này.

Nghe vậy, cả nhà hối hả đặt bát với thức ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm. Thọ thực xong, rửa tay xong, tay vừa rời khỏi bình bát, con trai của Như Lai đọc lên bài kệ nói đến "Tính chất dơ uế, khổ, vô thường của thân xác, nhưng người đời lại muốn tô điểm, trau chuốt, phủ hương, phủ hoa ra bên ngoài để lừa bịp kẻ ngu... Ngọc ngà, châu báu thế gian cũng tương tợ thế. Dù người thợ săn kia có gian manh, quỷ quyệt, bỏ trong lưới sập những thức ăn ngon, mỹ vị, mỹ hương thì chúa loài nai khôn ngoan vẫn không bao giờ dính bẫy đâu".

Câu chuyện còn dài nhưng đức Phật chỉ kể đến chỗ cần thiết nhất để khích lệ, sách tấn những vị tỳ-khưu sơ tu còn trẻ. Hội chúng hoan hỷ bởi pháp thoại ấy nên họ đã tinh cần tu tập hơn.

Cô Bé Visākhā

Rời Kuru, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu bây giờ đã lên đến năm trăm vị, lần lượt bộ hành một quãng đường xa diệu vợi, xuôi Nam, vượt Kosambī, vượt Kāsi, Bārāṇasī, vượt Māgadha, theo bờ Bắc sông Gaṇgā, xuống miền Đông đến vương quốc Aṇga, kinh thành Campā là một bộ tộc nhỏ nhưng giàu sang, thạnh mậu. Đây cũng là một địa chỉ có khá nhiều nhân duyên với giáo pháp.

Đức Phật chưa đến Aṅga, nhưng do giới thương buôn loan truyền, tin tức ấy đã đến nơi này từ mấy hôm về trước. Náo nức nhất là những người buôn bán làm ăn xa, đã có dịp nghe pháp tại Jetavanārāma hay Veḷuvanārāma. Trong số ấy có hai vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi. Đặc biệt là triệu phú Meṇḍaka, cha của bà Sumanā Devi là người hoan hỷ nhất.

Lúc đức Phật dẫn đầu đoàn sa-môn trang nghiêm, vàng rực lần lượt trì bình khất thực tại thị trấn Bhaddiya thì tin lành ấy đã được truyền đến tai triệu phú Meṇḍaka. Ông liền cho gọi cô bé cháu ngoại, là Visākhā, lúc ấy mới bảy tuổi rồi nói rằng:

- Cháu yêu quý của ông! Đức Thế Tôn và Tăng chúng đang vân du hành hóa đến quê hương của chúng ta; ngài và

hội chúng còn ở Bhaddiya ngày nào, là những ngày an vui và hạnh phúc cho hai ông cháu chúng ta đấy, cháu biết không?

Cô bé Visākhā mở tròn mắt, ngạc nhiên, ngây thơ hỏi:

- Tại sao thế ông ngoại? Không phải là chúng ta cũng đang sống trong an vui và hạnh phúc đó sao?

- Ừ, đúng là vậy! Triệu phú Meṇḍaka âu yếm vuốt mái tóc cô cháu gái – Nhưng ông đã được nghe pháp của đức Thế Tôn, ông mới hiểu được rằng, an vui và hạnh phúc của chúng ta hiện có ở đây, không được lâu bền; nó mong manh lắm, nó mau biến hoại, đổi khác lắm, như một đóa hoa buổi sáng nở, buổi chiều thì tàn vậy.

- Là hoa phù dung, cháu biết rồi – Cô bé Visākhā mau mắn nói - buổi sáng màu trắng, trưa màu hồng, chiều màu đỏ và tối thì tàn rụi. Cháu thấy rồi, và cháu thương cảm cho nó quá.

- Cháu thương cảm nó à?

- Phải, cháu thương cảm nó! Nên cháu thường nhặt những đóa hoa phù dung tàn ấy, bỏ trong ly nước, nhưng nó cũng không thở được, không sống được, ông ngoại à!

- Ừ, không thể sống được đâu! Ông triệu phú Meṇḍaka đăm chiêu một lát rồi nói tiếp - Đức Thế Tôn, các bậc Chánh Đẳng Giác cũng thương cảm chúng ta cũng như cháu thương cảm đóa hoa phù dung kia vậy. Do thế, đức Thế Tôn đã chỉ dạy một con đường cho chúng ta tìm thấy một loại an vui và hạnh phúc lâu bền hơn.

- Vậy là tuyệt! Cô bé Visākhā vỗ tay – Cháu cũng muốn nghe sự chỉ dạy ấy của đức Thế Tôn. Nhưng ngài ở đâu, thưa ông ngoại?

- Ngài đã đến rồi! Đức Thế Tôn ấy, sáng nay cùng với hội chúng sa-môn năm trăm vị đang đi trì bình khất thực hóa độ chúng sanh tại thị trấn Bhaddiya của chúng ta đấy.

- Thế tại sao ông ngoại và cháu không đi thăm, đảnh lễ

và cúng dường đức Thế Tôn ấy rồi xin được nghe lời chỉ dạy.

- Đi chứ, đi chứ! Ông triệu phú cười vui, mau mắn nói – Nhưng hẵng đợi đến sớm mai. Bây giờ, cháu hãy chuẩn bị cho thật trọng hậu và hoành tráng nhất; nghĩa là phải có đủ năm trăm cỗ xe có ngựa kéo với đầy đủ tứ sự, lễ vật cùng năm trăm thị nữ, gia nhân... rồi ông cháu chúng ta đến thăm đức Thế Tôn, có lẽ đang ở tại một ngôi rừng nào đó ở ngoại ô...

Sau khi cô bé đi lo công việc, ông triệu phú suy nghĩ: "Cha mẹ nó đều là bậc trí thức, hiền thiện, đã từng được nghe pháp nhiều lần ở nơi này và nơi kia; riêng cô bé thì chưa. Nó lạ lắm. Nó tiềm tàng những phẩm chất cao quý mà ít người có được. Khi sinh ra, nó nằm gọn gàng trong cái bọc điều tinh khiết, trông kháu khỉnh, sáng rỡ như viên hồng ngọc, lại còn hương trời ở đâu mà tỏa ngát, thơm lừng cả nhà nữa chứ. Càng lớn lên trông nó càng mỹ miều, duyên dáng. Theo nhân tướng học, nó có năm vẻ đẹp quý phái, đó là xương, vóc, tóc, da và tuổi trẻ. Tuy mới bảy tuổi, chưa phát lộ toàn diện năm vẻ đẹp ấy nhưng rõ ràng tóc nó mượt mà, lóng lánh, dài rồi cuộn lên như đuôi công. Cặp môi của nó đỏ hồng đi liền với nụ cười xinh xắn, dịu dàng. Còn hàm răng của nó nữa, trắng trong, khít khao đều đặn và sáng ngời như hai hàng bạch ngọc. Nước da cô bé mịn màng như cánh hoa sen màu vàng. Vóc nó trông mảnh mai, nhưng tiềm tàng một sức khỏe lạ lùng; có lần nó bồng một chú bê con trông nhẹ nhàng như ôm một bó bông! Điều đặc biệt, lúc nào, nó ăn uống đi đứng nằm ngồi đều toát ra cái phẩm chất cao quý, dường như không hề thấy thói hư tật xấu nào. Chỉ tiếc nó là gái, bằng không nó sẽ trở nên một bậc chí nhân, chí thiện trên đời này. Nhưng mà không sao, phải tạo cơ hội cho cô bé này được thân cận những bậc đại trí tuệ như đức Phật để cho nó được thăng hoa những phẩm chất ấy".

Thế rồi, ngày hôm sau, ông triệu phú Meṇḍaka và cô bé Visākhā với năm trăm cỗ xe thực phẩm, lễ vật; năm trăm thị nữ, gia nhân rầm rộ, sang trọng không thua gì vua chúa đến khu rừng ngoại ô thăm viếng đức Thế Tôn và hội chúng tỳ-khưu.

Đức Phật biết trước chuyện này, là một nhân duyên lớn cho giáo pháp nên sáng nay đã không đi bát, ngài ngồi dưới một gốc cây lớn với hội chúng xung quanh.

Thấy được đức Phật, tự dưng cô bé Visākhā phát khởi đức tin trong sạch, niềm hoan hỷ bừng bừng tỏa sáng nơi khuôn mặt, nó nói nhỏ với ông ngoại:

- Đức Phật và hội chúng sa-môn này có cái gì rất trong sạch, thiêng liêng, hoàn toàn khác với các đạo sĩ, du sĩ... với hình dong, y áo, tướng mạo lôi thôi, lếch thếch mà cháu thường gặp nhan nhản khắp mọi nơi, khắp mọi chỗ...

- Ừ, cháu nhận xét đúng đấy! Cái đó được gọi là tăng tướng và phẩm mạo thánh hạnh chỉ có được trong giáo hội của đức Tôn Sư thôi, cháu ạ!

Sau buổi đặt bát, cúng dường lớn, triệu phú Meṇḍaka và cô bé Visākhā còn được nghe pháp. Hôm ấy, đức Phật do biết được sự suy nghĩ trong tâm của ông triệu phú nên ngài nói về những tính xấu của con người cần phải loại bỏ, phải cần có trí tuệ soi sáng thường trực để nhận ra những thói quen, tật xấu nằm ngủ lưu niên lưu cữu trong dòng nghiệp của mỗi người. Nhờ vậy, mới hiển lộ được tư cách và phẩm chất tốt đẹp mà ai cũng sẵn có, rồi làm cho nó được thăng hoa, dần dần đưa đến toàn thiện và toàn mỹ. Muốn đi theo con đường ấy, ban đầu phải có ngũ giới, thập thiện, biết bố thí, cúng dường, biết mở rộng tấm lòng trong tương quan sự sống với con người, chúng sanh và xã hội.

Sau buổi pháp thoại, ông triệu phú rưng rưng nước mắt thấy đức Phật thuyết một thời pháp đúng với tâm nguyện của mình nên ông đã có được đức tin vững chắc đối với Tam

Bảo. Cô bé Visākhā, mặc dầu còn nhỏ, nhưng tinh thần đã đến mức tiến hoá bậc cao do căn duyên nhiều đời, nên đã chứng quả Nhập Lưu, hơn cả ông ngoại nó!

Khi về đến nhà rồi, hai ông cháu hoan hỷ quá, cứ huyên thuyên nói chuyện với nhau. Cha mẹ cô bé Visākhā, ông bà triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi đi công việc ở xa về, nghe được, mỉm cười nói:

- Hai ông cháu thế là "bỏn xẻn" pháp, đức Thế Tôn sẽ cười chê đấy. Hai ông cháu đặt bát một lần thì chúng tôi sẽ đặt bát hai ba lần. Hai ông cháu được nghe pháp một lần thì chúng tôi sẽ nghe pháp hai ba lần cho mà xem.

Ôi, niềm vui nhẹ nhàng, thanh cao của cái gia đình hiền thiện này, ai mà không thèm muốn.

Thế là đức Phật và hội chúng phải ở lại đây một thời gian nữa để gieo duyên với chúng sanh. Không những hai vợ chồng gia đình triệu phú này đặt bát cúng dường mà còn bạn bè, thân hữu cùng rất đông gia chủ ở trong thị trấn Bhaddiya nữa. Vậy là tôn giả Sāriputta và Ānanda thỉnh thoảng phải thay mặt đức Phật để thuyết pháp đến quần chúng tín mộ. Họ quy y rất đông.

Sau đó, đức Phật tiết lộ một chút về tương lai:

- Cô bé Visākhā kia, sau này sẽ trở thành một nữ đại thí chủ, mà công đức hộ trì Tam Bảo, cúng dường tứ sự đến tăng ni cũng không thua gì ông triệu phú hiền thiện Cấp Cô Độc đâu đấy!

Thế Nào Là Một Bà-La-Môn Chân Chính?

Sớm hôm ấy, đức Phật đắp y, mang bát rồi nói với Ānanda đang đứng bên cạnh:

- Hãy thông báo với đại chúng, hôm nay, sau khi đi trì bình khất thực, chúng ta hãy đi đến bờ hồ Gaggarā (Già-già-liên-trì) để nghỉ trưa.

Cũng như các lần trước, tôn giả Sāriputta biết là đức Thế Tôn muốn hóa độ một người, một nhân vật quan trọng.

Campā thuộc vương quốc Aṅga, là nước của một bộ tộc nhỏ nhưng có dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, lúa gạo phì nhiêu; là một lãnh thổ được sự ân tứ của đức vua Bimbisāra, một tịnh bang tươi đẹp. Tại đây, có một trưởng lão bà-la-môn hữu danh tên là Soṇadaṇḍa[1], rất được các bà-la-môn trong vùng kính trọng, tôn quý. Vì dòng dõi ông có huyết thống thanh tịnh bảy đời, là nhà phúng tụng, trì chú, thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về tự nhiên học. Lại nữa, bà-la-môn Soṇadaṇḍa là bậc đại phú, đại quý; đẹp lão, có tướng của bậc đại nhân, màu da thù thắng, sắc vẻ khôi ngô tuấn tú, cử

[1] Xem thêm Soṇadaṇḍa Sutta.

chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng. Còn nữa, ông thường có lời thiện ngôn, tao nhã đối với mọi người; giọng nói không bập bẹ, phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác. Tôn giả hiện là bậc Tôn Sư của nhiều người, đang dạy cho ba trăm thanh niên bà-la-môn từ nhiều phương, nhiều nước đến tham học...[1]

Lúc ấy, bà-la-môn Soṇadaṇḍa bước lên lầu để nghỉ trưa, nhìn xuống đường thì thấy rất nhiều bà-la-môn gia chủ lũ lượt đi về phía bờ hồ Gaggarā; ngạc nhiên, ông cho người xuống hỏi. Được biết là họ cùng nhau đi chiêm bái, yết kiến sa-môn Gotama, nghe nói đấy là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác mà tin đồn về tu tập khổ hạnh, sự chứng ngộ chân lý bất tử , thành lập hai giáo hội Tăng và Ni đã tràn qua cửa tai của muôn dân nhiều quốc độ.

- Bảo họ hãy đợi ta - Bà-la-môn Soṇadaṇḍa hối hả nói - Ta cũng phải đích thân đi thăm viếng vị ấy.

Nghe được vậy, các vị bà-la-môn gia chủ lão thành đồng đến can ngăn:

- Không được đâu! Thật không xứng đáng chút nào nếu tôn giả đi yết kiến vị ấy!

- Tại sao?

- Nếu tôn giả đích thân đi yết kiến sa-môn Gotama thì danh tiếng ngài sẽ bị tổn giảm và danh tiếng sa-môn Gotama sẽ được tăng thịnh. Sa-môn Gotama còn trẻ tuổi, xuất gia chưa được bao lâu; còn tôn giả là bậc trưởng thượng, niên cao, lạp lớn được đức vua Seniya Bimbisāra nước Māgadha và bà-la-môn thượng thủ Pokkharasāti kính trọng, tôn sùng, chiêm ngưỡng, trọng vọng ngài. Bởi lý do ấy nên sa-môn Gotama phải đích thân đến yết kiến tôn giả thì có lý hơn!

- Các vị nói rất đúng - Bà-la-môn Soṇadaṇḍa mỉm cười, gật đầu - Tuy nhiên, nếu quý vị biết rõ về sa-môn Gotama,

[1] Trường bộ kinh, tập I, tr.204.

về xuất sinh, về đại nhân tướng, về tuổi trẻ, về xuất gia, về sở học, về kiến văn, về ngôn ngữ, về đức hạnh, về trí tuệ, về chân lý đã được chứng ngộ, tuyên thuyết, về ảnh hưởng của vị ấy đối với các giáo phái chủ, giáo phái sư, về sự tôn sùng, ngưỡng mộ, quy y không những chỉ đức vua và triều đình Māgadha, mà còn đức vua và triều đình Kosala và các bậc đại phú, đại quý, các tiểu vương, các thủ lãnh tướng quân các nước liên bang cộng hòa nữa... thì chính quý vị phải khuyên ta nên đi yết kiến sa-môn Gotama mới đúng lẽ...

Nghe nói vậy, các bà-la-môn gia chủ nín lặng. Sau đó, có vị hỏi:

- Chẳng lẽ nào sa-môn Gotama lại hơn tôn giả về tất cả mọi lãnh vực?

- Không những hơn tất cả mà có lẽ trên thế gian này, hằng triệu triệu năm mới xuất sinh được một nhân cách kỳ vĩ như thế!

Thấy mọi người còn có vẻ hồ nghi, bà-la-môn Soṇadaṇḍa thong thả nói:

- Khi sinh ra, vị ấy có ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp; chỉ cái tướng cách ấy thôi, thế gian cũng không có hai người; và chính vị đại tiên Asita tiên đoán, một, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, hai là đắc quả Chánh Đẳng Giác. Lớn lên trong nhung lụa, sau khi thu thập một kiến thức và một sở học phi thường, vị ấy từ bỏ cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh, chối từ cả vương vị để xuất gia tầm đạo khi tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh... Và chỉ chừng ấy thôi thì ta đã không dám so sánh rồi.

Thấy mọi người đang chăm chú lắng nghe, tôn giả Soṇadaṇḍa tiếp tục:

- Ta được mọi người tôn sùng, ngưỡng mộ do huyết thống, tư cách, ngôn ngữ, kiến văn, sở học, ba tập Vệ-đà, chú giải cùng nhiều thứ khác nữa, nhưng so với sa-môn

Gotama thì có thấm thía gì! Ngoài lãm thông, uyên bác các loại triết học trong và ngoài truyền thống Vệ-đà, vị ấy còn thông hiểu cả hằng trăm ngôn ngữ của các bộ tộc và hằng chục cổ ngữ khác nhau, hiện đang tồn tại hoặc đã mất tích đâu cả ngàn năm trước! Sau sáu năm khổ hạnh đệ nhất tại dãy núi Gayā, vị ấy đã phát lộ con đường cổ xưa rồi giác ngộ dưới cội cây Asattha bên sông Nerañjanā. Từ đấy, vị ấy lên đường hoằng pháp với một loại giáo lý chưa từng được nghe, đấy là một chân lý độc sáng, chưa có trong kinh điển Vệ-đà. Quý vị thấy thế nào, một bậc như vậy có xứng đáng để chúng ta đi yết kiến, lắng nghe và học hỏi không?

- Quả rất xứng đáng!

- Ta được một vị đại vương, một vị bà-la-môn thượng thủ coi trọng thì có nghĩa lý gì! Ta có được ba trăm đồ chúng đến tham học thì có nghĩa lý gì! Chỉ mới mấy năm gióng trống pháp bất tử, sa-môn Gotama đã có bên mình hàng ngàn tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni; đã có hằng trăm ngàn cận sự nam, cận sự nữ... Trong số đệ tử xuất gia phạm hạnh ấy có tiểu vương, tổng trấn, thái tử, vương tử, công tử, tiểu phú hộ, đại phú hộ, thương gia, tướng quân, nhà tư tưởng, thông thái, biện sĩ, du sĩ lỗi lạc, bà-la-môn trưởng giáo hữu danh, chiến sĩ, công chúa, quý phi, công nương, quận chúa, cung nga... và còn có cả giai cấp Vệ-xá, Thủ-đà-la và cả Chiên-đà-la nữa!

Có ai đó thốt lên:

- Thật là kinh khiếp!

- Thật là vĩ đại!

- Chưa đâu – tôn giả Soṇadaṇḍa tiếp tục - đệ tử của sa-môn Gotama, ngoài triều đình, chánh hậu, quý phi, công chúa các vị đại vương Kosala, Māgadha... còn có địa tiên, thọ thần, sơn thần, dạ-xoa, cưu-bàn-trà, khẩn-na-la, kim xí điểu, rồng, càn-thát-bà, chư thiên, Tứ đại thiên vương, Đế thích thiên chủ cùng phạm chúng thiên, phạm phụ thiên và

đại phạm thiên nữa!

Mọi người im lặng như tờ.

- Một bậc như vậy mà phải đến yết kiến ta hay sao, quý vị thử nghĩ xem?

Họ cúi đầu xuống, không trả lời, ngầm chấp nhận. Giọng nói của tôn giả Soṇadaṇḍa còn vọng lại bên tai họ, rất nhiều, rất nhiều chuyện nữa...

- Quý vị biết không, tự nghĩ lại mà xem? Một số giáo chủ, giáo phái sư bà-la-môn của chúng ta tự nhận là xuất gia, sống không gia đình, ăn rau trái cây củ hoa lá, có vẻ như tôn trọng sự sống của chúng sinh nhưng thật ra trong các cuộc đại tế, trung tế, tiểu tế biết bao nhiêu là súc vật thật không kể xiết đã bị giết hại, lấy đầu và máu để tế thần. Cũng rất nhiều vị thuyết con đường đến với phạm thể một cách rất thanh cao, cao thượng nhưng bản thân họ thì làm giàu từ tài sản của thí chủ, đêm nằm trên những chiếc giường sang trọng để ôm ấp hầu non, gái tơ, có vị cả hằng chục tỳ thiếp như thế. Họ ăn chay, nhưng một ngày ăn ba bữa, bốn bữa cho thỏa thích, cho khoái khẩu, căng đầy da bụng! Còn sa-môn Gotama và chúng tỳ-khưu thì sao; họ giữ giới hạnh rất nghiêm túc, hoàn toàn bần hàn vô sản, mỗi ngày đi xin ăn và chỉ ăn một bữa. Vị Phật ấy hằng khuyên chúng đệ tử xuất gia phải biết xa lánh chốn phồn hoa, đô hội; nên sống ở cội cây, rừng, hang động, nghĩa địa, chỗ không có mái che, tùy duyên đi nơi này nơi khác để giáo hóa chúng sanh, xa lìa tham lam, sân hận, si mê, chấp thủ, sở hữu... để không còn một dính mắc gì nơi trần thế. Họ thuyết con đường xuất thế nhưng đã không mệt mỏi vì cuộc đời, vì con người, vì những chúng sanh đang tối tăm, đang đau khổ... Thử hỏi, chúng ta cao thượng ở chỗ nào, khi những vướng mắc tục lụy như vợ, như con, như tài sản, như danh vọng, lợi dưỡng, địa vị vẫn đang còn cùm chân tất cả chúng ta; và biết bao nhiêu người do thiếu bản lãnh, thiếu tu tập đã đi vào đọa lạc, hạ liệt, tối

tăm, thấp thỏi?

Câu hỏi ấy rơi vào im lặng. Có một vị lão trượng chợt quắc mắt, chất vấn:

- Sao tôn giả lại tự chê mình, khen người đến như thế được?

- Hóa ra tôn giả Soṇadaṇḍa đang ca tụng, tán thán sa-môn Gotama một cách tối thượng?

- Đúng thế! Một vị khác nói tiếp - Dầu cho một ai ở xa đây một trăm do-tuần, nếu nghe được lời ca tụng, tán thán ấy; có cơm đùm, gạo bới, khó khăn, vất vả thế nào cũng phải đi yết kiến sa-môn Gotama cho bằng được!

- Không sai, vì đấy là sự thật - Tôn giả Soṇadaṇḍa gật đầu - Rồi quý vị sẽ biết, sẽ thấy - là còn rất nhiều đức tính ưu việt của sa-môn Gotama nữa, ông ta có vô lượng ưu điểm! Đấy là một bậc Chánh Đẳng Giác thật sự. May mắn và hạnh phúc làm sao, khi tất cả chúng ta được cùng đi hội kiến với Người.

- Thôi được rồi! Một vị gia chủ kết luận - Tôn giả Soṇadaṇḍa đã nói như thế, đã xác quyết như thế thì đúng là sự thực như thế, tảng đá cũng phải gật đầu. Huống nữa, đất nước Campā tươi đẹp của chúng ta vốn rất hào sảng, mến khách. Cho dù sa-môn Gotama không phải là một vị Phật đi nữa, nhưng ngài và hội chúng đã đến Campā thì họ là khách quý của chúng ta!

Thế rồi, cả hội chúng gia chủ bà-la-môn rầm rộ lên đường, mang theo rất nhiều lễ phẩm, hướng đến bờ hồ Gaggarā. Vừa đi, trong tâm trí bà-la-môn khởi lên những lo lắng, bất an, như sau: "Các trưởng lão bạn hữu thâm tình của ta ở Kosala, Māgadha, Vesāli đều cho biết rằng, không ai ở trên đời này, cho dù Tôn Sư, đại Tôn Sư của các bậc giáo chủ có sống lại cũng không dễ gì đối thoại với sa-môn Gotama mà không có ấn tượng như thân lau bị bẻ gãy hoặc có cảm giác như đám cỏ bị gió thổi rạp! Ngoài ra, tâm tư của

người đối thoại nghĩ gì, định nói điều gì thì sa-môn Gotama đều thấy rõ, biết rõ cả. Ngại rằng, khi ta đặt một câu hỏi, dù cho câu hỏi ấy ta đã suy nghĩ chín chắn, nhưng sa môn Gotama lại nói: Này bà-la-môn, không nên đặt câu hỏi như thế, chính xác phải đặt câu hỏi như thế này! Nếu quả có chuyện ấy xảy ra thì ta sẽ bị bẻ mặt, bị ê mặt; theo đó, cái danh giá trí thức của ta sẽ như nước đổ sông; và hội chúng gia chủ này sẽ không còn coi ta ra gì nữa! Không chỉ có vậy mà thôi, ta còn ngại rằng, khi ta phải trả lời những câu hỏi của sa-môn Gotama, lại bị ông ta chất vấn, cật vấn ráo riết với lý luận chặt chẽ, đanh thép... khi ấy ta sẽ ú ớ, ngọng nghịu thì còn ra thể thống gì nữa? Thôi, ta chỉ mong rằng, sa-môn Gotama là bậc đại trí, đại lượng, đừng chê cười, khinh miệt ta một cách quá đáng; đại loại như đừng sỉ nhục ta là người ngu si, bất tài, thiểu học, dốt nát, tâm trí tối đen như đêm ba mươi là quý lắm rồi! Vả chăng, bậc Chánh Đẳng Giác kia, chắc cũng hiểu ta là một bà-la-môn chân chính; tuy nhiên, ta còn có gia đình, vợ con, gia sản, đồ chúng cùng uy tín, địa vị đã được gầy dựng đổ mồ hôi, sôi nước mắt, hao tổn tim óc suốt mấy chục năm qua... mà giữ thể diện cho ta một phần nào!”

Lúc ấy, đức Thế Tôn và tăng chúng tỳ-khưu đã độ ngọ xong, đang ngồi tọa thiền hoặc tĩnh chỉ trong bóng im của những tàn cổ thụ xanh mát. Hội chúng gia chủ bà-la-môn được tôn giả Soṇadaṇḍa dẫn đầu, đến chào hỏi chừng mực, lễ độ, thân tình rồi ngồi xuống một bên. Trong số họ, có người đảnh lễ, có người chắp tay xá, có người nói vài lời xã giao, có người không nói gì cả, tìm chỗ ngồi thích hợp. Và khá đông đưa mắt nhìn quanh, có cảm giác như rởn cả tóc gáy khi thấy mấy trăm tỳ-khưu yên lặng như một rừng đại định, chầu quanh đức Phật sáng rỡ như một vị đại phạm thiên.

Thật ra, bà-la-môn Soṇadaṇḍa khỏi phải lo ngại như thế

vì đức Thế Tôn đã biết rồi, đã thấy rõ tất cả rồi, ngài nghĩ: "Đây là một trong số ít trưởng lão bà-la-môn có đời sống mẫu mực, trung thực. Tuy sống giữa cát bụi danh vọng và lợi dưỡng nhưng tự bên trong tâm hồn, một góc nhỏ nào đó vẫn còn một đền thờ tâm linh thiêng liêng luôn rực cháy một ngọn đèn! Quý hóa thay, vậy ta sẽ hỏi những câu hỏi thuộc về kinh điển, về sở trường, liên hệ với một số đức tính mà ông ta hiện có!"

- Trưởng lão Soṇadaṇḍa quý mến! Hôm nay, thật là vinh hạnh thay cho Như Lai và hội chúng của Như Lai, khi hành hóa đến đất nước Campā tươi đẹp, thịnh mậu và phú cường này; đã chưa đi thăm viếng các gia chủ, lại được chư vị gia chủ đáng kính đồng đến thăm viếng đông đúc với lễ lạt trọng hậu!

- Không dám! Tôn giả Soṇadaṇḍa khiêm tốn nói - chúng tôi chỉ muốn làm tròn bổn phận của một gia chủ và chúng tôi xem sa-môn Gotama và hội chúng tỳ-khưu như những bậc thượng khách!

- Đúng là ngôn ngữ khả ái của một bà-la-môn hữu danh - Đức Phật mỉm cười, đi vào đề ngay - Chẳng hay, xin trưởng lão cho Như Lai được biết, một vị bà-la-môn phải gồm đủ bao nhiêu đức tính, để có thể nói, tôi là một bà-la-môn chơn chính mà không phải là vọng ngữ, vọng ngôn?

Tôn giả Soṇadaṇḍa nghe mát óc, mát ruột, tự nghĩ:"Lời chào hỏi, cách dụng ngữ của sa-môn Gotama đã làm cho lỗ tai của ta rất hoan hỷ. Bây giờ, lại hỏi ta một câu hỏi thuộc sư truyền về ba tập Vệ-đà, thuộc về kiến thức chuyên môn của ta; rõ là vị sa-môn này thấy biết cả tim óc người ta rồi!"

- Thưa sa-môn Gotama! Ông ngồi thẳng lưng, chững chạc; hoàn toàn lấy lại niềm tin và tư cách mô phạm cố hữu của mình - Có năm đức tính để có thể tựu thành một bà-la-môn chơn chính, để khi tự xưng, tôi là một bà-la-môn thì lời nói ấy là chân thực, không phải vọng ngôn, vọng ngữ!

- Như Lai xin được rửa tai để nghe năm đức tính ấy.

- Thưa, thứ nhất là thiện sanh mẫu và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh bảy đời; không bị gièm pha, không bị nghi ngờ, bị một vết nhơ nào về huyết thống thọ sanh ấy. Thứ hai, phải thông hiểu ba tập Vệ-đà, biết phúng tụng, trì chú, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, ngữ pháp, văn phạm...Thứ ba, vị ấy phải có dung sắc, khôi ngô tuấn tú, khả ái trong dáng điệu, cử chỉ và ngôn ngữ... Thứ tư, phải có đức hạnh, giới hạnh, đức độ cao dày. Thứ năm là phải thông minh, sáng suốt, có trí tuệ khả dĩ là người đệ nhất hay đệ nhị cầm muỗng đổ bơ trong các lễ tế thần. Thưa sa-môn Gotama! Đấy là 5 đức tính để khả dĩ được gọi là một bà-la-môn chơn chính còn lưu truyền trong thánh điển tự ngàn xưa.

- Đúng vậy, thật là rõ ràng, mạch lạc thưa vị trưởng lão khả kính! Nhưng cho Như Lai được hỏi, trong năm đức tính ấy, ta có thể bỏ bớt một đức tính nào, chỉ còn bốn đức tánh thôi cũng có thể tựu thành một bà-la-môn chơn chính mà vẫn thấy không hề khiếm khuyết?

- Được, thưa sa-môn Gotama! Chúng ta có thể bỏ bớt dung sắc, tức là bỏ điều thứ ba. Tại sao vậy? Vì trên đời này có biết bao nhiêu người hảo tướng, dung sắc đẹp đẽ, tuấn tú, khôi ngô; thái độ, cử chỉ, ăn nói đều dịu dàng, nhu nhuyến, khả ái nhưng mà tâm địa không được tốt; đôi khi còn là bụng lang dạ sói nữa. Vậy bỏ điều ba, còn lại bốn điều thôi vẫn là một bà-la-môn chơn chính như thường!

- Hay lắm, chính xác lắm! Như Lai rất là đồng tình lối nghị luận ấy. Nhưng mà này, trong bốn đức tính kia, có thể bỏ bớt thêm một điều nào đó nữa, chỉ còn ba thôi, mà vẫn không là lạm xưng một bậc bà-la-môn chơn chính?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama! Bỏ chú thuật, tức là bỏ tất cả nội dung của điều thứ hai. Tại sao vậy? Tại tôi đã từng thấy rất nhiều vị thiên kinh, vạn quyển, lão thông rất nhiều môn học, lại giỏi về phúng tụng, chú thuật, lễ nghi...

nhưng họ có đời sống sa đọa, thọ hưởng quá quắt năm món dục lạc từ đống tài sản cúng dường của những thí chủ thiện tâm. Đấy là bất chính, là thấp thỏi, là hạ liệt. Vậy, bỏ điều thứ hai đi, chỉ còn lại ba đức tính, vẫn thủ đắc là một bà-la-môn chơn chính như thường!

Đến ngang đây thì hội chúng gia chủ đi theo, họ xôn xao, bàn tán, có nhiều người thốt lên, giọng xen kẽ nhau:

- Vị tôn giả đáng kính của chúng ta đã bước vào tròng của sa-môn Gotama rồi!

- Chỉ một vài câu hỏi khôn ngoan, sa-môn Gotama đã như một nhà huyễn sư hoặc một nhà thôi miên đã làm cho tôn giả của chúng ta lú lẫn, mụ mẫm mất rồi!

- Ai đời lại tự bác bỏ kiến thức sư truyền của mình để công phá trực diện, tấn công từng điểm một trong 5 đức tánh tựu thành bà-la-môn từ ngàn xưa!

- Thôi vừa rồi, thôi đủ rồi, này các gia chủ! Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đứng dậy, quắc mắt nhìn quanh một vòng - Nếu quý vị thấy tôi không đủ trí năng, kiến thức để hầu chuyện với sa-môn Gotama thì ai ở đây có đủ tư cách ấy, hãy bước ra, tôi xin sẵn sàng nhường vai trò đại diện cho vị ấy!

Thấy mọi người im lặng, tôn giả tiếp:

- Chư vị biết không, với cách hỏi lạ lùng như thế ấy, rồi chư vị sẽ thấy là sa-môn Gotama đã dùng lưỡi gươm tuệ sắc bén để chặt bỏ tất cả mọi lau lách, lùm bụi bao che bên ngoài, để phát lộ cho chúng ta thấy cái đức tính chân thật nhất, tối thượng nhất của mọi đức tính!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Cứ tuần tự như thế thì trong ba điều còn lại, cái chúng ta cần lượt bỏ tiếp theo, chính là thọ sanh với cái huyết thống thanh tịnh bảy đời, có phải vậy không, trưởng lão Soṇadaṇḍa?

- Phải rồi, thọ sanh mà làm gì, lý lịch bảy đời thuần chất huyết thống mà làm gì! Chỉ cần một con người có đạo đức, có giới hạnh, hiền thiện, thông minh, sáng suốt, có trí tuệ

xứng đáng là đệ nhất hay đệ nhị cầm muỗng đổ bơ trong các lễ tế thần, là xứng đáng được gọi là bà-la-môn chơn chính rồi!

Hội chúng lại la ó, phản đối:

- Hết rồi! Bà-la-môn trưởng lão của chúng ta đã khinh bác dung sắc, hảo tướng, khinh bác phúng tụng, chú thuật, lễ nghi, bây giờ lại khinh bác luôn cả thọ sanh nữa, thật sự, Soṇadaṇḍa đã làm quân cờ xung kích cho sa-môn Gotama rồi!

- Hai đức tính trước, phủ bác, còn nghe được; nhưng cái thọ sanh, cái huyết thống thanh tịnh bảy đời là phẩm chất đáng tự hào của dòng dõi bà-la-môn mà trưởng lão của chúng ta cũng phủ bác luôn thì còn đâu là bà-la-môn nữa mà gọi bà-la-môn, là bà-la-môn chơn chính?

Tôn giả Sāriputta đang đứng hầu một bên, muốn phụ giúp bà-la-môn Soṇadaṇḍa một vài lời, nên nói với hội chúng gia chủ:

- Xin lỗi, nếu chư vị nghĩ rằng bà-la-môn Soṇadaṇḍa không phải là bậc đa văn, không phải là nhà hùng biện, không phải là nhà bác học, không phải là nhà nghị luận có gang có thép để có thể nói chuyện với đức Tôn Sư của chúng tôi thì xin ngài Soṇadaṇḍa hãy đứng qua một bên và để chư vị đại diện làm người đối thoại? Bằng ngược lại thì xin chư vị giữ cho sự im lặng cần thiết, vì cuối buổi pháp thoại, chắc chắn chư vị sẽ thấy rõ sự thật, sẽ thâu hái được nhiều điều lợi ích.

Mọi người im lặng. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đứng dậy, nói:

- Rất cảm ơn bậc chưởng giáo, nhưng không cần thiết ngài phải tổn hơi. Để chính tôi, phải, cứ để tôi nói chuyện với hội chúng này bằng chánh pháp.

Rồi ông nhìn quanh một vòng, cất giọng trầm tĩnh:

- Thật ra, chư vị đã hiểu lầm khi bảo tôi phủ bác, khinh

bác những đức tính kia rồi ngả theo quan điểm của sa-môn Gotama. Không, tôi chỉ ngả theo chánh pháp thôi.

Lúc ấy, bên cạnh ông, có người thanh niên bà-la-môn tên là Aṅgaka. Bà-la-môn Soṇadaṇḍa nắm tay chàng đứng dậy giới thiệu, rồi nói chuyện với mọi người:

- Đây là cháu, thanh niên Aṅgaka, con bà chị của tôi! Quý vị có thấy không, thanh niên Aṅgaka rất tuấn tú, đẹp trai, đệ nhất về dung sắc, khả ái về ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ; ở đâu cũng toát ra chất thanh cao, tao nhã. Dường như ai ở đây cũng không thể so sánh với y về dung sắc, có lẽ ngoại trừ sa-môn Gotama. Này các bạn, thanh niên Aṅgaka là nhà trì chú, phương thuật, thông hiểu ba tập Vệ-đà, chú giải cùng những kiến văn liên hệ. Aṅgaka còn là thiện sanh phụ và mẫu hệ, huyết thống thanh tịnh bảy đời. Chính tôi dạy cho nó và tôi biết rõ cha mẹ nó. Này các bạn, Aṅgaka ưu việt đấy chứ? Nhưng mà, nếu Aṅgaka sát sanh, giết hại các loài hữu tình, trộm cắp, lấy của không cho, đi tư thông, tà hạnh, tà vạy với vợ con người, nói dối, nói láo, uống rượu say sưa thì dung sắc kia để mà làm gì? Học thông hiểu rộng, phương thuật, chú thuật để làm gì? Huyết thống thanh tịnh để làm gì? Ba đức tính ấy có làm nên một con người tốt đẹp không, một bà-la-môn chơn chính không khi không có giới hạnh, đạo đức?

Hội chúng lại im lặng, dường như họ bắt đầu hiểu những lý lẽ, dẫn chứng của bà-la-môn Soṇadaṇḍa là chính xác. Có rất nhiều sự đồng tình:

- Quả thật vậy!

- Không có giới hạnh thì quả là con người bỏ đi!

- Ba đức tính kia dẫu là vàng ròng cũng không thể làm sang trọng được, che lấp được những hành động xấu xa!

- Cảm ơn chư vị đã hiểu! Bà-la-môn nói tiếp - Vậy, theo tôi, khi một bà-la-môn có giới hạnh, hiền thiện, đạo đức cao dày, mà vị ấy lại thông minh, sáng suốt, có trí tuệ, xứng

đáng đệ nhất hay đệ nhị trong những người cầm muỗng, người như vậy, chỉ cần hội đủ hai đức tính ấy, thì đúng là một bà-la-môn chơn chính!

Đức Phật mỉm cười, hỏi tiếp:

- Thế trong hai đức tính còn lại ấy, có thể bỏ bớt một được không? Có thể bỏ bớt một đức tính mà vẫn được gọi là một bà-la-môn chơn chính?

- Không thể được, thưa sa-môn Gotama! Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh; giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ. Chỗ nào có trí tuệ chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ. Người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Chúng liên hệ thiết cốt với nhau, cần thiết cho nhau như bàn tay này rửa bàn tay nọ, bàn chân này rửa bàn chân kia. Vậy, giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời, thưa sa-môn Gotama!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, này trưởng lão bà-la-môn! Chúng ta đã cùng dẫn nhau đến sự thấy biết chơn chánh, đến cái lõi, cái tinh yếu của mọi đức tính, ấy là giới hạnh và trí tuệ. Nhưng mà này, thưa trưởng lão, vậy thế nào là giới hạnh, thế nào là trí tuệ, ngài có biết không?

- Thưa, tôi chỉ biết có vậy. Cái biết của tôi về vấn đề ấy, ngang chỗ đó là tột bực. Lành thay, nếu sa-môn Gotama giải thông cho chúng tôi nghe rành rẽ về mọi ý nghĩa liên hệ.

Rồi, đức Thế Tôn với giọng phạm âm, tuần tự giảng nói cho bà-la-môn nghe về đời sống của một sa-môn từ khi cạo bỏ râu tóc, xuất gia, sống đời không gia đình, một bát, ba y xin ăn từ cửa mọi nhà không phân biệt giàu nghèo, sang hèn như thế nào. Ăn, mặc ngủ phải vừa đủ. Vị tỳ khưu ấy phải thọ trì những điều học, luật nghi như thế nào, giới nhỏ, giới lớn như thế nào. Rừng, cội cây, nghĩa địa, ngôi nhà trống, động vắng, miếu hoang... là chỗ ẩn cư lý tưởng để tu tập

thiền định, các tầng thiền định từ thấp lên cao, từ thô đến tế. Khi nội tâm đã thuần tĩnh, đã nhất như, đã làm sạch tất cả mọi cáu bợn, vị ấy bước qua tu tập thiền quán, nhìn ngắm, quan sát, theo dõi, để nhìn đúng thực tướng của các pháp, vượt qua tất thảy mọi phạm trù ý niệm và khái niệm. Phải miên mật, tinh cần, công phu ngày đêm mới mong có được tuệ nhãn như thực tánh, có được trí tuệ tối hậu, chấm dứt tất cả khổ, giải thoát vô lượng ách phược đeo mang trên trần thế. Vậy này, trưởng lão bà-la-môn! Đấy là lộ trình giới, ấy là lộ trình định, ấy là lộ trình tuệ trong giáo pháp của bậc thánh; chỉ hiện hữu trong giáo hội của Như Lai, không có mặt ở đâu trên cõi đời này, trong các tôn giáo khác!

- Ôi, nhiêu khê đến vậy, sâu xa đến vậy, thưa sa-môn Gotama! Nhưng lộ trình ấy, trong giáo hội cao thượng này, có được mấy người đi đến nơi đến chốn?

- Đứng nói một, hai người, trăm người, mà phải nói là cả ngàn, cả hằng ngàn đệ tử của Như Lai, xuất gia và tại gia đạt được các quả vị và giải thoát tối hậu. Trong số họ, còn biết bao nhiêu là người chứng được thắng trí một thông, hai thông, ba thông, bốn thông, năm thông, đệ nhất biện tài, đệ nhất phân tích, đệ nhất đầu-đà, đệ nhất độc cư, đệ nhất trí tuệ, đệ nhất được chư thiên ái kính, đệ nhất ngôn ngữ, đệ nhất trì luật, đệ nhất thiền định... thật không kể xiết đâu!

Bà-la-môn nghe đến rợn ngợp nhưng lòng ông hoan hỷ, mát mẻ; ông thú nhận là mắt ông đã được sáng, đã được vén lớp mây mù... nên ông xin được quy y Tam Bảo, được làm một người thiện nam từ nay cho đến trọn đời.

Đức Phật biết được tâm địa nhu thuận, quy hướng của bà-la-môn Soṇadaṇḍa nên làm lễ quy y cho ông. Và sau đó, ngài im lặng nhận lời, cùng với đại chúng, ngày mai đến trang viên của ông để nhận sự đặt bát cúng dường của gia chủ.

Dịp này, sau khi thọ trai, đức Phật còn thuyết cho bà-la-

môn một thời pháp nữa, nói về bổn phận của một gia chủ, bổn phận của một bậc trưởng giáo, bổn phận của một cư sĩ trong việc mưu cầu an lạc, hạnh phúc cho mình và cho mọi người. Ngài cũng giảng nói đến, tuần tự, thứ lớp những an lạc hạnh phúc cao hơn, các cảnh trời và sự thanh bình nội tâm của các tầng thiền định...

Trước khi tiễn đức Phật và tăng chúng ra về, ông bắc một chiếc ghế thấp, ngồi xuống một bên, chấp tay thành kính, tâm sự:

- Bạch đức Thế Tôn! Hiện giờ đệ tử là trưởng giáo, là bậc thầy của nhiều người; và miếng cơm, manh áo cũng được phát sanh từ đấy. Đệ tử đang sống trong thế giới cát bụi, phải đeo mang những hư vị, những danh vọng hão huyền, đành phải tuân thủ những quy ước của thế gian. Vậy, sau này, lúc nào, trong hội chúng, gặp đức Tôn Sư, đệ tử chấp tay vái chào, đấy là cái lễ thành kính của đệ tử. Lúc nào, gặp đức Tôn Sư, giữa hội chúng, đệ tử tháo khăn đầu, đấy là đệ tử đã kính lễ với cái đầu của đệ tử. Khi nào, giữa hội chúng, khi đệ tử đi trên xe, gặp đức Tôn Sư, đệ tử sẽ hạ cán roi xuống, đấy là sự kính lễ của đệ tử...

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ, Như Lai sẽ giữ thể diện cho ông; danh tiếng ông mà bị tổn giảm thì mọi vinh quang liên hệ trên cuộc đời đều phải bị tổn giảm theo. Tuy nhiên, Như Lai hy vọng rằng, đến một lúc nào đó, chính ông sẽ thấy rõ như thực rằng, tất thảy chúng đều là phù phiếm, thoáng qua, vô ngã, vô thường, như đốm nắng, như giọt sương, như giấc mộng đêm qua mà thôi vậy!

- Nhất định như thế rồi, bạch đức Tôn Sư!

- Khi nào thấy được các pháp hữu vi đều vô ngã thì ông sẽ rỗng không muôn sự, không có gì phải bảo vệ, không có gì để gìn giữ, này trưởng lão!

- Tri ân Thế Tôn!

Bà-la-môn Soṇadaṇḍa đăm đăm nhìn theo bóng đức Phật như nhìn theo một cái gì linh thiêng. Ông kính trọng, yêu thương những gót chân xuất thế xiết bao, nhưng chính ông lại chưa thể đi theo được. Đôi mắt ông chợt đọng long lanh hai giọt sương, nhìn cho kỹ, trong đó phản ảnh một bầu trời trong vắt!

Bà Phu Nhân Xinh Đẹp

Đức Phật trở lại Veḷuvanārāma khi trời đang còn tiết xuân trong lành và mát mẻ. Thoáng nhìn quang cảnh đó đây, ngài biết là có một vài dấu hiệu sa sút về chất lượng, phẩm hạnh của một số đông tỳ-khưu sau khi vắng ngài cũng như thiếu vắng những bậc thượng thủ A-la-hán.

Tuy nhiên, công việc chấn chỉnh nội bộ cũng không có gì cần được nhắc đến vì tôn giả Sāriputta và Ānanda đã lo việc ấy. Còn đức Phật thì hầu như phải thường xuyên thuyết pháp vào mỗi buổi chiều vì hai hàng cư sĩ rất khát khao học hỏi. Kết quả thật đáng ngạc nhiên là rất nhiều nam cư sĩ, nữ cư sĩ đắc quả Nhập Lưu. Đặc biệt có một trưởng giả tên là Visākha đắc quả Bất Lai!

Cuối buổi giảng, đức Phật nói với đại chúng:

- Hôm nay Như Lai rất vui mừng vì khá nhiều người đã bước vào dòng bất tử; lại còn có người đạt được quả vị bất thối... Từ đây, lộ trình của họ là lộ trình của an lạc và hạnh phúc, không bao giờ còn rơi đọa vào bốn con đường đau khổ nữa!

Sau lời tuyên bố của đức Phật, số cư sĩ ấy chợt đứng dậy, đến đảnh lễ gần bên chân đức Phật với niềm vui tươi mới, có kẻ sụt sùi nước mắt. Riêng trưởng giả Visākha thì

muốn xin xuất gia.

- Chưa phải lúc, này Visākha! Đức Phật nói - Đúng thời, Như Lai sẽ để cho ông tròn sở nguyện. Hiện tại, ông có pháp học vững chắc, tròn đủ tín, giới, văn, thí, tuệ - nên trong hình tướng cư sĩ, ông còn đem đến lợi ích rất nhiều cho gia đình, bà con quyến thuộc cũng như bè bạn gần xa.

Về nhà, trưởng giả Visākha lặng lẽ bước lên lầu, tìm chỗ yên tĩnh tọa thiền. Đến giờ cơm chiều, phu nhân xinh đẹp của ông là bà Dhammadinnā dịu dàng đến bên, đặt tay lên vai, âu yếm nói:

- Đến giờ cơm rồi, thưa phu quân! Đợi giấc tối, giấc khuya hãy tiếp tục công phu.

Xả thiền, trưởng giả Visākha nhẹ nhàng nắm tay bà đặt ra ngoài rồi ân cần nói:

- Bắt đầu từ hôm nay, ta hoàn toàn không muốn nắm bàn tay xinh đẹp của nàng nữa; xin nàng hãy thông cảm cho ta.

- Chàng ghê sợ bàn tay của thiếp sao?

- Không phải vậy! Rồi ta sẽ nói chuyện với nàng sau.

Yên lặng một lát, bà Dhammadinnā nói:

- Thôi, bây giờ đi rửa mặt, rửa tay rồi xuống dùng cơm; cả nhà đang đợi.

- Cũng không cần thiết phải ăn nữa! Ăn một bữa là đủ nuôi sống cái thân rồi.

Lại yên lặng.

- Hay thiếp đã có làm việc gì sai trái, có lỗi với chàng?

- Không, không có! Trưởng giả Visākha lắc đầu - Nàng là người đàn bà tài sắc vẹn toàn; và còn hơn thế nữa, còn cả giới hạnh và đức độ mà người ở gái xấu tính nhất cũng kính yêu và cảm mến.

- Đừng nói lời rào đón hoa hương ngọt mật như vậy nữa - Bà Dhammadinnā giận dỗi - Hay là chàng chán thiếp rồi, chán cái thân xác núc ních đã chảy tràn những thịt và mỡ và nơi nào cũng đầy dẫy những xú uế và bất tịnh này?

Trưởng giả quay sang nhìn bà vợ yêu quý, thổ lộ, tâm sự:

- Nàng đừng nói hơi quá như vậy nó làm rơi mất nghĩa tình tốt đẹp bấy nay. Ta không có lỗi mà nàng cũng không có lỗi. Ta nói thật cho nàng nghe. Số là sáng nay nghe được pháp từ đức Đạo Sư, tâm trí ta đã chìm vào rất sâu với giáo pháp. Nói rõ hơn là ta hiện đang sống, hiện đang thở với giáo pháp ấy. Trạng thái tinh thần của ta hiện nay chỉ khế hợp với cái gì thanh lương, cao sáng, tĩnh lặng. Ở đấy, nó không còn có chỗ cho những tình cảm vợ chồng, nhu cầu bản năng thân xác cũng như những cái gì thuộc dục lạc ngũ trần...

Bà Dhammadinnā yên tĩnh, chăm chú lắng nghe.

Trưởng giả Visākha tiếp tục:

- Vậy, cái duyên tơ tóc mặn nồng của chúng ta từ nay nên gác lại. Tài sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng - ta để lại hầu hết cho nàng, cứ tùy nghi sử dụng. Ta chỉ cần một phần năm tài sản ấy để nuôi thân và bố thí, cúng dường cho đến khi đủ duyên xuất gia mà thôi. Nàng có thể cai quản gia sản, tùy ý. Nàng có thể lấy hết mang về nhà cha mẹ, cũng tùy ý. Nàng có thể lấy một tấm chồng khác, cũng tùy ý luôn! Thú thật với nàng là nàng còn trẻ, còn đẹp; hơn thế nữa, cái nữ tính đằm thắm, dịu dàng của nàng còn lôi cuốn, hấp dẫn biết bao nhiêu bậc vương tôn, công tử trên đời này! Đừng vì tự ái vẩn vơ mà nói những lời làm trái tim của ta đau xót...

Bà Dhammadinnā chợt cất giọng ráo hoảnh:

- Chàng nói đã xong chưa?

- Xong rồi!

- Vậy thì cho thiếp được phát biểu chính kiến, được chăng?

- Sẵn sàng!

- Vậy thì sau khi liễu ngộ giáo pháp, sống từng hơi thở với giáo pháp chàng cảm thấy người vợ đầu gối tay ấp của

mình, gia sản mấy trăm triệu đồng tiền vàng của mình, đều là vật ngoại thân, là thứ không nên dính mắc, quyến niệm; nói rõ hơn là đáng viễn ly, quăng bỏ, có phải thế chăng?

Trưởng giả Visākha nhìn sâu vào mắt bà:

- Về gia sản thì đúng vậy!

Bà Dhammadinnā cất giọng cứng cỏi:

- Đáng quăng bỏ có nghĩa là cái mà chàng đã bỏ đi, đã mửa ra thì xin nói thẳng, thiếp cũng cương quyết không nhận những vật mà chàng đã bỏ đi, không nuốt những vật mà chàng đã mửa ra!

Trưởng giả Visākha sững sờ:

- Ý nàng như thế nào?

- Chàng hãy cho thiếp được xuất gia!

Trưởng giả Visākha tưởng tai mình nghe lầm:

- Nàng nói sao?

- Chàng quăng bỏ được thì thiếp cũng quăng bỏ được! Hãy cho thiếp xuất gia.

Trưởng giả Visākha lặng người vì hoan hỷ! Cái hoan hỷ nó chảy rần rần như mọc ốc cả người, nghẹn ngào chưa nói được lời nào thì bà Dhammadinnā có vẻ trầm tư, xa vắng rồi cất giọng thủ thỉ:

- Đã lâu lắm rồi, thưa phu quân! Kể từ khi gá nghĩa, se duyên cùng chàng, thiếp sống rất hạnh phúc. Hạnh phúc vì có được người chồng tốt: tốt tướng, tốt nết, tốt bởi tâm đại lượng, tốt trong thái độ khu xử và tốt cả những ngôn lời nhã nhặn, lịch thiệp, dịu dàng... Chẳng có người đàn bà nào gặp được phúc duyên trọn hảo, tuyệt mỹ như thế. Tuy nhiên, có một cái cảm giác, ồ không, là một cảm thức lúc nào nó cũng chờn vờn, mơ hồ như sương như khói; rằng là, đây là kiếp sống ăn gởi, ở nhờ, tạm bợ và phù du. Có cái gì đó không chắc thật, không vững bền. Dường như là phải có một thế giới khác, một cảnh giới khác, nó rất thân thuộc, lại nằm sâu đâu đó trong ký ức xa xăm! Có một tiếng gọi. Có một tiếng

gọi đò từ bên kia sông vẳng lại. Có một cánh tay đưa vẫy đâu đó ở cuối con đường, bên kia dốc núi! Đã có nhiều đêm, nhiều đêm thiếp đã thao thức, thao thức một cõi về vĩnh cửu nào đó, mà thiếp không dám thổ lộ với ai, kể cả chàng, thưa phu quân!

- Đúng, rất đúng! Chính ta trước đây, đôi lúc cũng có cảm giác như vậy, cảm thức mơ hồ như vậy!

- Hay là nhiều kiếp trước đây, đâu từ xa xăm, chúng ta đã từng sống đời xuất gia phạm hạnh? Và những cảm thức kia là những nhắc nhở để trở về, đừng có lang thang, phiêu dạt nữa?

- Cảm ân phu nhân! Và chợt như mới phát hiện, trưởng giả Visākha nhận xét - Thật là kỳ lạ! Sống đã lâu với nàng, mà cho đến hôm nay, ta mới phát giác là nàng nói hay quá. Hay ở ngôn ngữ, hay ở cung bậc, nhịp độ và hay ở âm thanh truyền cảm nữa! Đúng là nàng phải xuất gia mới tỏ lộ hết đạo hạnh, trí tuệ và tài năng!

Bà Dhammadinnā vui mừng nói:

- Cảm ân phu quân!

Ngay ngày hôm sau thôi, trưởng giả Visākha hoan hỷ đưa vị phu nhân xinh đẹp của mình, bà Dhammadinnā đến Ni viện trên cái kiệu vàng. Đức vua Seniya Bimbisāra hay tin chuyện hy hữu nên đã cùng bà chánh hậu Videhi và hoàng tử A-xà-thế cùng đến dự lễ.

Đức Thế Tôn đã biết chuyện này nên đã cùng các vị trưởng lão sang chứng minh và cho bà thọ cụ túc giới trước khá đông đủ Tăng ni hai viện. Trưởng giả Visākha làm thí chủ buổi lễ; và sau đó, đặt bát cúng dường Tăng ni lưỡng viện suốt một tuần lễ. Cũng suốt một tuần lễ ấy, đức Phật và các vị trưởng lão thay nhau thuyết pháp, đôi ngày lấn sang cả đêm vì nhu cầu nghe pháp quá đông. Rải rác trong thời gian ấy, khá đông các công nương, các cô tiểu thư, các cô gái đủ mọi thành phần trong xã hội xin xuất gia tỳ-khưu-ni.

Trong số họ, sau này, có nhiều bậc trượng ni làm nơi y chỉ vững chắc cho Ni chúng!

Chuyện bà phu nhân xinh đẹp đột ngột quăng bỏ tài sản, không nuốt vật đã mửa ra là mấy trăm triệu đồng tiền vàng để xin xuất gia, trong lúc ông chồng, trưởng giả Visākha, được đức Phật ngầm xác chứng đắc quả Bất Lai lại chưa được đức Phật cho phép đi theo giáo hội, được Tăng ni bàn tán thảo luận nơi này và nơi khác.

Hôm kia, có mặt đầy đủ Tăng ni hai viện, hai hàng cư sĩ áo trắng, cả đức vua Bimbisāra, đức Phật thấy là phải thời, nên vén mở bức màn quá khứ:

"- Bà Dhammadinnā từ thời Phật Padumuttara là một cô ở gái nghèo hèn, hôm ấy đi múc nước, trông thấy tướng hảo thanh tịnh của trưởng lão Sujāta - đại đệ tử của đức Phật - phát tâm hoan hỷ cúng dường một chiếc bánh ngọt. Thấy căn duyên sau này của cô gái, trưởng lão đã ngồi xuống và thọ dụng chiếc bánh ngay tại chỗ. Cô vô cùng sung sướng, thỉnh ngài về nhà và đặt thêm vật thực cúng dường nữa. Ông bà chủ thấy tính hạnh của cô gái, rất vừa lòng nên đã chọn nhận cô làm con dâu trong gia đình. Sau đó, cô thường cùng với cả gia đình đi nghe đức Phật Padumuttara thuyết pháp. Trong một lần cúng dường lớn đến đức Phật và chư tăngi, lúc ngài đang tuyên dương một vị tỳ-khưu-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp, hoan hỷ quá, cô thầm nguyện sau này mình cũng sẽ được như vậy. Biết tâm tư của cô gái, đức Phật Padumuttara đã thọ ký cho cô sẽ thành đạt nguyện vọng ấy vào thời đức Phật Sākya Gotama, chính là Như Lai hiện nay. Vào thời đức Phật Kassapa, cô gái sinh vào gia đình hoàng tộc, tại Bāraṇāsī, công chúa con vua Kikī, tên là Sudhamma. Họ có bảy chị em. Cô trưởng công chúa thuở trước, bây giờ là tỳ-khưu-ni Khemā. Cô công chúa út, chính là cô bé Visākhā, tại Bhaddiya, mới bảy tuổi đã đắc quả Nhập Lưu. Còn cô công chúa thứ sáu, chính là tỳ-khưu-ni

Dhammadinnā mà sau này, theo với ước nguyện cũ đã được đức Phật Padumuttara thọ ký, sẽ trở thành một vị tỳ-khưu-ni tối thắng đệ nhất về hạnh thuyết pháp trong hàng Ni chúng".

Thuyết đến ngang đây, đức Phật mỉm cười:

- Này, tỳ-khưu Dhammadinnā! Cô có nhớ ước nguyện cũ khi quỳ bên chân đức Phật Padumuttara không?

Vị tân tỳ-khưu-ni cúi đầu, đáp lí nhí:

- Dạ, đệ tử do quá khứ che ám nên không nhớ gì, không biết gì cả, bạch đức Tôn Sư!

- Là hạnh đệ nhất về thuyết pháp đấy! Vậy hãy cố gắng mà nghe pháp, suy tư pháp, chiêm nghiệm pháp - kết hợp với công phu nghiêm túc hành trì, tu tập rồi đến lúc cô sẽ thỏa được ước nguyện.

- Tâu vâng, bạch đức Thế Tôn!

Chợt đức Phật hỏi giữa hội trường:

- Tỳ-khưu-ni Khemā, con gái của Như Lai đâu rồi!

Đại chúng hoảng kinh, vì khi đức Phật gọi con trai hay con gái là ngài đã xác chứng vị ấy đã đắc quả A-la-hán rồi. Nên khi tỳ-khưu-ni Khemā bước ra, ai cũng chăm chú nhìn. Trước đây, bà nổi tiếng về sắc đẹp; bây giờ, dẫu mặc y hoại sắc, phá tướng nhưng nét kiều diễm, duyên dáng xưa vẫn không phai mờ. Trong mắt một số người, thì bây giờ, cái đẹp ấy được phủ bên ngoài một lớp đức hạnh và trí tuệ nữa, nên đã vượt xa phàm sắc thế tình, thiêng liêng và mỹ toàn hơn!

Riêng đức vua Bimbisāra thì cảm giác một hạnh phúc tràn đầy, chất ngất!

Đức Phật hỏi:

- Vào thời đức Phật Kassapa, cô là trưởng công chúa, con của đức vua Kikī, cô đã nhớ chưa?

- Bạch, đệ tử nhớ rồi!

- Vị tân tỳ-khưu-ni Dhammadinnā, cũng là công chúa, em gái thứ sáu của cô, cô vẫn còn nhớ chứ?

- Bạch, đệ tử nhớ. Đệ tử còn nhớ cô em gái út mà bây giờ là cô bé Visākhā nữa. Ngoài ra, đệ tử còn biết rằng, bốn cô em còn lại, trước sau cũng tao ngộ chánh pháp.

- Như Lai xác nhận như vậy! Và như để tuyên dương công hạnh của tỳ-khưu-ni Khemā, đức Phật hỏi tiếp - Mấy năm nay, con gái tu tập ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Có lẽ do duyên phúc cổ xưa dày dặn nên sau khi xuất gia xong, đệ tử tìm cách thích ứng ngay với hoàn cảnh mới, đời sống mới. Hãy thôi đi thượng vị loại cứng loại mềm. Hãy thôi đi xiêm lụa mịn màng, thơm tho với chất liệu và đo may tuyệt hảo. Hãy thôi đi giường nệm, gối kê, gối đỡ êm ái, cao sang. Hãy thôi đi tới lui xe ngựa kẻ hầu người đón, kẻ quạt, người nâng! Hãy thôi đi vào ra kiểu cách, quý phái tự khoe, tự hào về sắc đẹp của mình! Từ rày, ăn, mặc, ngủ gì cũng được, gì cũng xong! Tuy ban đầu thật là khó khăn, vất vả; nhưng cứ cố gắng, cố gắng, cứ tâm niệm mãi, riết rồi cũng quen, cũng vô vi, vô sự như ai! Khi đã thích ứng được rồi thì có được niềm vui tinh thần vô cùng lớn lao! Niềm vui này nó rất nhẹ nhàng, rất thanh khiết, nó lâng lâng hỷ lạc cả ngày! Hôm kia, vào khoảng tháng thứ bảy sau khi xuất gia, đệ tử nhìn ngọn đèn dầu lạc với tim và bấc, nó cháy sáng như thế nào rồi dần dần lụi tắt như thế nào. Dựa trên nền tảng có điều kiện, sinh diệt ấy; đệ tử quán tưởng cái thân được kết hợp hữu vi này. Từ đó, đệ tử đi sâu vào cảm thọ, tâm hành... thì thấy chúng cũng rỗng không, sinh diệt, vô tự tính. Khi thấy rõ danh sắc sinh diệt quá nhanh đệ tử bắt đầu nhàm chán các dục, các ái - chứng nghiệm sâu xa các trạng thái vắng lặng, tịch tịnh, thanh bình của tâm trí. Ôi! Quả thật là hạnh phúc! Rồi cũng từ đấy, đệ tử dễ dàng đi sâu vào định, vào tuệ, vào tuệ phân tích cùng các thắng trí! Thế là việc lớn, đệ tử đã làm xong, gánh nặng tử sinh đệ tử đã đặt xuống, bạch đức Thế Tôn!

Chợt đức Phật nói với tôn giả Sāriputta:

- Con gái của Như Lai đã nói lên sự tu tập của mình, định, tuệ, tuệ phân tích và các thắng trí, vậy ông có cách gì để cho đại chúng được thấy, được biết là con gái của Như Lai đã thuần thục trong các định, tuệ, đắc tứ vô ngại giải và tự mình thành thục, thông suốt cả Abhidhamma (A-tỳ-đàm)?

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Thế rồi, bậc Tướng quân Chánh pháp bước ra, mỉm cười, nhẹ nhàng đặt ba câu hỏi về sắc, ba câu hỏi về danh, ba câu hỏi về uẩn, ba câu hỏi về xứ, ba câu hỏi về giới, ba câu hỏi về tâm, ba câu hỏi về tâm sở, ba câu hỏi về sắc pháp, ba câu hỏi về Niết-bàn. Câu hỏi nào cũng ngắn gọn nhưng trọng lượng cả ngàn cân. Câu hỏi nào cũng hàm tàng kiến thức về giáo pháp nhưng nghiêng trọng ở kinh nghiệm, thực nghiệm tu chứng nội tâm. Cả pháp đường yên lặng phăng phắc. Một con ruồi bay cũng nghe được tiếng vo ve. Rồi tuần tự, trầm tĩnh và chín chắn, tỳ-khưu-ni Khemā lần lượt trả lời, giải minh; không bập bẹ, không phều phào, không ấp úng, không gián đoạn mà nó lưu loát, gãy gọn, sáng sủa, liền lạc. Nó trôi chảy như lượng nước của trăm con sông dài. Cũng không chỉ có vậy, nó như nước chảy ra tự nguồn, cái nguồn suối trong vắt được tích lũy đâu tự ngàn xưa. Như sợi dây đàn căng đúng độ, chỉ cần một va động nhẹ là phát ra âm thanh tuyệt hảo... Tỳ-khưu-ni Khemā đã trả lời xong tất thảy mọi câu hỏi.

Tôn giả Sāriputta sau khi khảo nghiệm, đưa ra kết quả:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử không hỏi về thắng trí vì biết vị tỳ-khưu-ni ưu hạng này đã có đủ sáu thông. Còn về Tứ vô ngại giải và thông suốt Abhidhamma, đệ tử dám tuyên bố là trong hàng Ni chúng chưa có người thứ hai!

Đức Phật tán thán:

- Đúng là vậy! Quả là hy hữu thay! Này con gái! Lời nguyện xưa, khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, cô đã thành tựu rồi đấy. Trước hội chúng Tăng

ni và cư sĩ hai hàng, hôm nay, Như Lai tuyên bố, tỳ-khưu-ni Khemā là bậc đệ nhất, tối thắng về trí tuệ trong hàng Ni chúng!

Không có vinh hạnh nào hơn, vinh quang nào hơn - khi lời tuyên bố ấy được nói ra từ đức Chánh Đẳng Giác!

Đức vua Seniya Bimbisāra chợt thực hiện một hành động rất đẹp, là sau lời tuyên bố của đức Phật, ông đã bước ra từ chỗ ngồi danh dự, đến đảnh lễ đức Phật với năm vóc sát đất. Rồi ông cũng làm như thế trước tỳ-khưu-ni Khemā với thái độ vô cùng tôn kính, chậm rãi nói rằng:

- Trước đây, nàng là bà hoàng, là bậc quý phi vô cùng trân quý của trẫm, nhưng nay thì khác rồi! Nay thì nàng đã là bậc xuất gia phạm hạnh, còn là bậc đệ nhất về trí tuệ qua xác chứng của đức Tôn Sư và bậc Tướng quân Chánh pháp! Vậy, từ rày về sau, trẫm với tâm phục, khẩu phục xin làm bổn phận của một đệ tử, một thiện nam ngoan ngoãn và thuần thành nhất!

Cả giảng đường lớn rộng rộ lên lời tán thán, ca ngợi không ngớt, lâu sau mới yên lặng được.

Đức Phật nói lời cuối cùng, khép lại buổi giảng:

- Vậy là đã rõ, ở đây cũng là duyên xưa lối cũ nữa! Nhân, duyên và quả ấy thật là sâu thẳm, thật là nhiệm mầu. Hãy ngẫm mà xem! Thế ra, đôi khi chỉ một cành hoa, một tí bột hương, một miếng cơm, một muỗng canh, một cái bánh ngọt, một cây kim, một sợi chỉ, một ngọn đèn, một hình bóng y vàng thoáng qua, một khung cảnh thanh tịnh của am môn, một lời kinh, một câu pháp, một tình, một nghĩa... đã gieo ươm ở đâu đó, trong chợt thoáng nào đó, trong một kiếp phù du trôi nổi bọt bèo nào đó mà chúng có mất đi đâu! Tất thảy, tất thảy hằng sa vạn tượng, khi một nhân đã gieo, một duyên hỗ trợ, đã gặp gỡ, đã gắn kết... thì nó sẽ trùng trùng duyên khởi, duyên sở duyên... để trước sau, sớm muộn cũng tao ngộ chánh pháp, đặt được bàn chân bất tử trong

giáo pháp của chư Chánh Đẳng Giác! Các người hãy ghi tâm, khắc cốt lời của Như Lai hôm nay.

Cả pháp đường vang lên "Sādhu, lành thay!".

Bài Học Về Vườn

Lâu quá, đức Phật chưa ghé thăm khu vườn xoài của Jīvaka và núi Linh Thứu. Hôm ấy, sau khi đi trì bình khất thực ở Vương Xá, đức Phật chậm rãi bộ hành nhắm theo hướng nam, đi mãi ra ngoại ô, đến vườn xoài của thánh y Jīvaka. Rải rác đây đó có một số cốc liêu mà trước đây thánh y Jīvaka đã dâng cúng. Chư tăngi nơi này thấy đức Phật đột ngột xuất hiện, họ đến tiếp bát, dâng nước rửa tay và chân, dọn dẹp và sắp xếp một chỗ tươm tất và sạch sẽ nhất để ngài an tọa.

Độ thực xong, đức Phật lựa tìm một gốc cây để tĩnh chỉ vào buổi trưa. Đến giờ phải lẽ, đức Phật bước ra ngoài vườn thuốc, đứng nhìn ngắm hằng trăm loại cây loại lá mà thánh y Jīvaka đã thuê người chăm sóc, tưới tắm, vun quén công phu. Đức Phật ngồi xuống nơi một bụi cây, thò tay nắm và nâng lên một cành, hỏi vu vơ:

- Ai biết cây thuốc này chữa bệnh gì?

Có vị tỳ-khưu đáp:

- Đốt lên và xông khói, nó trị bệnh viêm xoan mũi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật đưa tay chỉ cây khác, nằm trong luống khác:

- Cây kia dường như trị cảm, phải chăng?

- Tâu vâng!

Rồi tuần tự, đức Phật bước đi quanh một vòng vườn thuốc, tay sờ lá này, tay đụng nhành kia... để hỏi chữa bệnh gì, chữa bệnh gì... Trong số chư vị tỳ-khưu đi theo, có người biết về thuốc nên họ lần lượt trả lời, nào là trị ho, tiêu đờm, ngăn tả lỵ, chữa chứng đầy hơi, sáng mắt, trị đau bụng quặn...

Trở về chỗ ngồi đã được soạn sẵn, đức Phật nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Giáo pháp Như Lai cũng là một vườn thuốc như vườn thuốc của Jīvaka vậy. Các thầy hãy nghe để Như Lai giảng nói.

Thế rồi, đức Phật đã thuyết với đại ý như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Khu vườn này thật là đẹp. Cây lá tươi xanh, các lối đi, quanh các gốc cây đều được dọn dẹp sạch cỏ và rác; những cành khô, nhánh yếu, nhánh gầy đều được cắt tỉa thông thoáng, công phu. Hoa nở rộ, lác đác những chùm trái bắt đầu xuất hiện; hứa hẹn một mùa trái bội thu! Các thầy có biết tại sao được như thế không?

Một số vị đã trả lời:

- Nhờ đất tốt.
- Nhờ giống tốt do đã được chọn lựa kỹ càng.
- Nhờ phân nước và công chăm sóc.
- Nhờ thời tiết nắng mưa thuận lợi
- Nhờ biết cách cắt tỉa nhánh cành, sạch cỏ, sạch rác...

Một vị tỳ-khưu trước đây là người làm vườn, từng chăm sóc khu vườn này cho thánh y Jīvaka, mỉm cười nói:

- Cộng lại tất cả những điều kiện ấy là chúng ta đã có một khu vườn xoài tươi tốt. Tuy nhiên, có một yếu tố quyết định làm cho ngôi vườn này sây quả, vượt trội các nơi khác, ấy là yếu tố tâm, là tấm lòng, là có cái tâm thương yêu, cảm ứng vào đấy nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Hay thay là yếu tố tâm! Đức Phật khen ngợi, đưa mắt

một vòng, ngài nói tiếp - Vậy, ai có ý kiến gì về khu vườn của mình nữa không?

- Dạ thưa có, bạch đức Thế Tôn! Mảnh đất tốt chính là đức tin, có đức tin vững vàng rồi ta sẽ trồng cây giống tốt lên trên ấy. Cây giống tốt chính là tất cả mọi thiện pháp. Phân và nước chính là những công phu hành trì để tưới tắm thêm cho những thiện pháp ấy. Công chăm sóc chính là nỗ lực, tinh cần, cố gắng, chăm chuyên tu tập đừng có lười biếng, dễ duôi, giải đãi. Thời tiết nắng mưa thuận lợi chính là tạo thêm những duyên lành; duyên lành ấy có thể là nghe pháp, có thể là lựa chọn bạn lành, tìm trú xứ thích hợp như núi rừng, hang động, xa chốn thị thành huyên náo; gần gũi thiện hữu trí thức, tu tập tứ vô lượng tâm... Biết cắt tỉa những cành nhánh vô dụng, khô cỗi chính là trí tuệ; bởi trí tuệ có khả năng cắt bỏ, đốn bỏ, đoạn lìa những gai chướng, những trở ngại; biết dọn sạch cỏ rác ở trong tâm. Đấy chính là khu vườn của những tỳ-khưu biết tu tập, bạch đức Thế Tôn!

- Khá lắm! Đức Phật khen ngợi - Ai có thể nghe được khu vườn này nói với chúng ta điều gì nữa không?

Mọi người im lặng. Đức Phật dạy tiếp:

- Một vị tỳ-khưu tu tập trong giáo pháp của Như Lai cũng phải biết cách săn sóc một khu vườn xoài tương tợ như thế mới đạt được thành tựu cuối cùng: cứu cánh của sa-môn hạnh. Nếu khu vườn cho ta thâu hái một mùa bội thu thì thầy tỳ-khưu cũng thâu hái được tứ quả và tứ thánh! Vậy thì các thầy hãy chú tâm lắng nghe, Như Lai sẽ thuyết giảng thêm chút nữa, cũng về ngôi vườn ấy nhưng được nói theo hình tượng khác, ngữ nghĩa khác.

Này các thầy tỳ-khưu! Đức Phật nói tiếp - Giáo pháp của Như Lai có mặt giữa cuộc đời là giáo pháp của trí tuệ và từ bi; nói cách khác là một giáo pháp y cứ trên sự thật, sự thấy biết sáng suốt minh nhiên mà nói ra, mà giảng thuyết. Giảng

thuyết cho ai? Cho bất cứ ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu. Giáo pháp ấy được quảng bá nơi này và nơi kia là bởi tấm lòng đối với cuộc đời, bởi tình thương quảng đại, vô vị lợi, là bởi những tâm từ vô lượng mong cho tất thảy chúng sanh đều được nghe pháp, biết tu tập để lắng dịu khổ đau, phiền não, đem hạnh phúc, an vui đến cho mình. Và quả thật đấy là mảnh đất rất tốt. Tuy nhiên, mảnh đất tốt thì phải có hạt giống tốt được chọn lựa kỹ càng. Cái giống tốt ấy chính là những người hữu duyên với giáo pháp, có căn cơ sâu dày sẵn ví như những con trai của Như Lai! Còn nữa, ở đây có những vị tỳ-khưu có mầm giống tốt, tức là có căn duyên từ nhiều đời kiếp, gặp được mảnh đất tốt, được xuất gia trong giáo pháp này. Nhưng người mới được xuất gia ấy, phải làm như thế nào để cho lộ trình phạm hạnh của mình được thông suốt, sự tu tập mau tiến bộ, phát triển và thăng hoa? Đấy có phải là phân và nước cho cái cây kia không?

Một người đáp:

- Thưa phải! Như vậy, phân nước theo nghĩa rộng, chính là đức tin, có giới hạnh, biết nghe pháp, biết học hỏi, biết chiêm nghiệm...

Một người bổ túc:

- Ừ, đúng đấy! Nhưng còn thiếu! Nếu có tín, giới, văn, tư mà không có pháp để hành trì, không có đề mục tu tập phù hợp với căn duyên, tâm tánh mình thì làm sao mà thành tựu được?

- Đúng vậy! Một người thêm ý kiến - Nói chung là tất thảy mọi thiện pháp...

Đức Phật thuyết giảng tiếp:

- Mảnh đất tốt, cây giống tốt cũng có nghĩa là những cây cỏ, những lùm bụi cũng theo đó mà mọc lên, những cành nhánh ăn theo cũng theo đó mà phát triển. Vậy, người có trí phải biết đốn bỏ những cây si, cây sân, cành tham, lùm bụi

gai độc chúng cũng cộng cư, hỗn cư ở đấy nữa! Tất cả mọi duyên lành hỗ trợ từ bạn lành, trú xứ, tri túc trong vật thực, y áo, sàng tọa, thuốc men sẽ làm cho các bất thiện pháp khó phát sanh.

Đưa mắt nhìn một vòng, đức Phật cất giọng từ hòa:

- Các thầy lựa chọn trú xứ ở nơi này, với những hiểu biết, liên tưởng về khu vườn như vậy là đúng đắn, là chánh đáng. Hãy học những đức tính của khu vườn! Hãy nỗ lực, tinh cần để khu vườn kia được xanh tươi cây lá, sum suê hoa quả Tứ Thánh!

Bậc Chư Thiên Ái Kính

Rời vườn xoài, đức Phật nhắm hướng núi Linh Thứu, có một số đông tỳ-khưu tháp tùng. Chậm rãi từng bước một, ngài đưa mắt ngắm nhìn quang cảnh núi non tịch lặng, thanh bình. Mùa xuân, cỏ cây tươi xanh, phơi phới, suối chảy róc rách, mây nước trong lành... Hóa ra có rất đông tỳ-khưu đã tìm đến đây ẩn cư trong các hang động hoặc các cốc liêu sơ sài, rải rác dọc theo các triền núi, bờ khe...

Buổi chiều, sau khi xuất định, đức Phật rời hang động, ngồi trên một tảng đá bằng phẳng nằm dưới tán cây che im mát, rồi giáo giới chư tỳ-khưu ở xung quanh đến thăm. Trong câu chuyện, đức Phật tỏ ý khen ngợi hạnh độc cư, an tĩnh ở núi rừng để tu tập. Cuối cùng, đức Phật nhấn mạnh:

- Một vị tỳ-khưu có giới hạnh, tinh cần tu tập ở thành phố, thị trấn, dù hành trì rất tốt nhưng Như Lai vẫn lo ngại. Một vị tỳ-khưu độc cư ở núi rừng, dẫu giải đãi, dẫu hay ngủ ngày nhưng Như Lai vẫn ít lo ngại hơn. Tại sao? Vì vị tỳ-khưu ở thành phố, thị trấn kia không biết sẽ sa ngã lúc nào do chốn phồn hoa có rất nhiều sự cám dỗ. Vị tỳ-khưu ở núi rừng dầu giải đãi, dầu ngủ ngày, nhưng nếu có tâm tu tập thì sự trong lành, an tĩnh của núi rừng cũng làm cho cho tâm y vắng lặng hơn; rồi một lúc nào đó, chán ngủ thì y sẽ hành

thiền!

Sau buổi giảng, rất nhiều người nhắc đến những câu chuyện liên hệ đến tỳ-khưu Subhūti đang nổi danh về hạnh độc cư, ly dục, viễn ly phố thị - được rất nhiều chư thiên có oai lực ngưỡng mộ và quý kính. Subhūti[1] là ai?

Subhūti là em trai của trưởng giả Sudatta (Cấp Cô Độc), đã được đức Phật cho thọ giới cụ túc sau chuyến thăm Kỳ Viên đại tịnh xá lần thứ nhất. Rời Sāvatthi, đại đức được tháp tùng đức Phật trở lại Trúc Lâm. Sau khi được đức Phật giáo giới tóm tắt con đường của sa-môn hạnh, tỳ-khưu Subhūti xin phép ngài và xin phép vài vị thượng thủ của giáo hội đi vào núi rừng, tìm ẩn nơi các hang cốc để tu tập. Vốn là bậc thượng trí, thượng căn, tỳ-khưu Subhūti dễ dàng thu xếp nếp sinh hoạt tương xứng với phẩm hạnh của mình. Ngoài việc trì bình khất thực ở mấy xóm nhà ven chân núi cùng mấy ngôi làng thuộc ngoại thành của thành Vương Xá; tỳ-khưu Subhūti để dành hết thì giờ cho thiền định và thiền quán. Thân như tường vách, tâm như mặt hồ tĩnh lặng; tỳ-khưu Subhūti tuần tự đi vào các tầng thiền định, từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao. Không nôn nóng, không vội vã; như con tằm thứ lớp dệt nên chiếc kén cho mình, tỳ-khưu Subhūti lần lượt thuần thục các định; đặc biệt, rất viên mãn là định tâm từ và định tâm bi. Khi tâm đã vắng lặng, trong suốt, vững chắc; ngài quay sang quan sát danh sắc, thấy rõ vô thường, dukkha, vô ngã của các pháp cấu tạo này, của danh sắc này; lần lượt đoạn trừ các kiết sử, chứng đắc các

[1] Theo các kinh điển Đại thừa, ngài Subhūti , tức Tu Bồ Đề được đặt vào một vị trí và chức năng đặc biệt; biểu tượng ngài là Tuệ Tánh Không, lúc thuyết pháp - thuyết vô ngôn - không nói gì cả mà chư thiên ái kính rải hoa. Theo Nikāya thì ngài thường trú định tâm từ, thỉnh thoảng cũng trú tuệ không và chư thiên cũng rất ái kính, ngưỡng mộ. Có điểm giống nhau: Ngài chỉ đi bát, nhận vật thực từ người giàu và trung lưu, không nhận vật thực của người nghèo - ngại sớt bớt cháo cơm đã quá ít ỏi của cháu con họ.

thánh quả. Kể thì nhanh, nhưng đấy lại là thành quả của nhiều năm tháng miệt mài, tinh cần, công phu, khổ hạnh... Nắng cũng như mưa, nóng hay lạnh, ngày hay đêm, sớm hay chiều; tỳ-khưu Subhūti không mấy lưu ý! Tâm và trí ngài luôn gắn chặt với đề mục trong từng bước đi, trong từng hơi thở. Thân xác tuy có khô gầy nhưng đôi mắt thì sáng lấp lánh như hai ngôi sao, biểu hiện sức mạnh tinh thần đã được phát tiết cao độ.

Suốt mấy năm ròng rã, tỳ-khưu Subhūti thỉnh thoảng có về Trúc Lâm đảnh lễ các vị trưởng lão, ngoài ra, ngài không giao tiếp với ai. Khi vào thành khất thực, tỳ-khưu Subhūti thường bỏ qua các ngôi nhà, xóm nhà quá nghèo khổ; chỉ dừng chân và đứng bát nơi xóm nhà trung lưu hoặc giàu có. Và lúc nào ngài cũng trú định tâm từ. Những ai có cơ duyên đặt bát cho ngài đều cảm thấy mát mẻ và an lành suốt buổi.

Tin đồn về vị tỳ-khưu kỳ lạ này, tốt có, xấu có đến tai đức vua Bimbisāra. Tốt, là hạnh độc cư, ưa thích núi rừng, tu hành tinh tấn, có tâm từ vô lượng. Xấu, là không thèm giao tiếp với ai; chỉ đi bát hạng trung lưu và hạng giàu có, còn người nghèo khổ thì không! Cho người dò hỏi, tìm hiểu, chiều hôm kia, đức vua cùng vài quân hầu dong xe vào rừng. Tại nơi không còn đi được, bậc quân vương len lách qua những lùm bụi, mệt mề bước qua các dốc đá cheo leo rồi cũng tìm được nơi cần đến. Vị tỳ-khưu kia đang an tĩnh tọa thiền trên một tảng đá chênh về hướng Tây trong một hang động. Ngồi nghỉ cho ráo mồ hôi, không dám làm kinh động vị sa-môn, đức vua hiền thiện của chúng ta nhè nhẹ bước đến hang động. Hóa ra là chỉ có hai tảng đá nhỏ úp lại, nằm khuất dưới một lùm dứa dại có hai cây ổi rừng phủ bóng mát! Bên trong chỉ có một chiếc bát đất, một cây gậy, một ống tre đựng nước và vài vật dụng khác của thầy tỳ-khưu. Chẳng có giường chõng, vật nằm, vật đắp gì cả. Đức vua nghe cay cay lòng mắt. Nghèo khổ đến tận cùng. Vô sản,

bần hàn cũng đã đến tận cùng. Đức vua còn biết được rằng, người thanh niên này, vốn là em ruột của trưởng giả Cấp Cô Độc, trước khi xuất gia cũng đã là một vị phú thương, một doanh gia, có một tài sản kếch sù! Vậy đấy! Khi đã phất tay rũ bỏ là rũ bỏ đến tận cùng! Ôi! Đáng kính, đáng trọng thay!

Tỳ-khưu Subhūti đã xả thiền. Đức vua bước đến tham vấn. Và họ có một đoạn đối thoại như sau:

- Trẫm là Bimbisāra...

- Tôi biết, tâu đại vương! Chẳng hay, hôm nay có việc gì mà bậc vương giả lại lặn lội đến chốn khỉ ho cò gáy này!

- Trẫm nghe được cái hạnh tinh tấn của đại đức...

Tỳ-khưu Subhūti mỉm cười:

- Gọi là sa-môn, là tỳ-khưu thì ai cũng phải tu tập tinh tấn như vậy cả, tâu đại vương!

- Đại đức còn nổi danh về hạnh độc cư, ưa thích núi rừng; đến đây, trẫm còn thấy rõ, đại đức còn sống đời thiểu dục, tri túc nữa!

- Cũng bình thường, chẳng có gì đáng để tự hào hay hãnh diện, tâu đại vương! Tôn giả Mahā Kassapa và đệ tử của ngài cũng sống như vậy với lạc thú thanh cao trong lòng mình, không có ngũ dục nào trên thế gian có thể lôi cuốn, cám dỗ họ được.

Đức vua đọc được thái độ khiêm nhu, vắng lặng trong thái độ và ngôn ngữ của vị sa-môn ẩn sĩ nên tự nghĩ: Không còn một chút xíu nào là ngã ái, ngã niệm huống gì là ngã mạn nơi vị tỳ-khưu hiền thiện này!

- Nghe nói, đại đức chỉ đi bát nơi các hạng trung lưu hoặc gia đình khá giả mà không tạo cơ hội, duyên phước cho những người nghèo khổ?

- Cũng không hẳn là thế, tâu đại vương! Nó có một duyên sự như sau. Hôm kia, tôi đứng bát nơi một gia đình nghèo khổ. Tôi đứng như vậy, yên lặng và rải định tâm từ. Một người đàn bà chiên-đà-la vừa chuẩn bị xong một bát

cháo loãng định cho con ăn. Thấy tôi, bà nhìn quanh một lát, rồi đưa tay lục tìm chỗ này, chỗ nọ... Có lẽ thấy không còn vật thực nào khác nữa, bà bước ra, đổ hết bát cháo vào bát của tôi. Đứa bé khóc ngăn ngắt. Tôi bàng hoàng cả người, nói với người đàn bà: "Thí chủ không còn gì! Cả cho mình và cho đứa trẻ. Thọ nhận thì tôi đã thọ nhận rồi. Vậy hãy lấy cháo này cho trẻ nó ăn". Nói ba lần như thế, người đàn bà cũng không chịu, nói rằng: "Thân phận con thấp hèn. Thấy ngài, con cảm giác như cọng cỏ khô mà hớp được một chút sương; như giữa sa mạc, một mầm xanh nhỏ nhoi lại được nhú lên! Ngài đừng lấy đi chút hy vọng cuối cùng của con trên cuộc đời này!" Nghỉ hơi một chút, tỳ-khưu Subhūti nói tiếp - Thuở ấy, tôi mới tu tập sơ cơ, chưa có tuệ quán nên tôi đã chảy nước mắt và người đàn bà cũng chảy nước mắt. Quả thật, tôi đã không kham nhẫn được khi nhận vật thực nơi những người quá nghèo khổ; tôi có cảm giác như tước đoạt hoặc bớt xén vào cái phần vật thực đã quá ít ỏi của họ! Tôi không đành lòng, tâu đại vương!

Đức vua cúi đầu xuống, mắt ngài cũng hoen lệ:

- Đúng là vậy! Có lẽ trẫm cũng không đành lòng!

Nói thế xong, đức vua quay sang nói với hai quân hầu:

- Chút nữa, các ngươi hãy thưa hỏi đại đức, chỗ ngôi nhà của người nghèo khổ ấy. Trẫm sẽ ban thưởng xứng đáng, hậu hĩ; không chỉ là một giọt sương mà có thể là cả một cơn mưa rào!

Tỳ-khưu Subhūti hoan hỷ mỉm cười, chỉ chỗ xóm chiên-đà-la, chòi lá lụp xụp, thứ ba, phía trái con đường đất đầu tiên, phía ngoại thành như vậy, như vậy... Rồi, ngài trú định tâm từ, một năng lượng mát mẻ chợt tuôn tràn ra xung quanh... cố ý ban rải phước lành cho đức vua hiền thiện.

Khi chấp tay vái chào từ giã, đức vua nói:

- Sắp đến kỳ an cư mùa mưa rồi, trẫm sẽ sai người đến đây, dựng cho đại đức một liêu cốc tương đối, sắm sanh một

vài vật dụng cần thiết cốt để giữ gìn sức khỏe thôi, xin đại đức cho trẫm được làm một chút phước sự nhé!

Ông vua có tâm tịnh tín đẹp đẽ này còn hứa một chuyện với bốn vị tỳ-khưu khác nữa.

Năm kia, tại khu vườn rừng cây bàng tại Kapilavatthu, bốn ông hoàng thuộc vương tộc Malla được xuất gia tỳ-khưu, sau đó nghe lời đức Phật, về Trúc Lâm để hành đạo. Đó là bốn vị tỳ-khưu Godhika, Subāhu, Valliya và Uttiya. Sau khi lắng nghe vị trưởng lão giáo thọ ở Trúc Lâm giảng giải cặn kẽ lộ trình thiền định, thiền quán, cả bốn vị đều xin được vào ẩn cư trong rừng. Từ đấy, họ có một đời sống mẫu mực, phạm hạnh, rất được đông đảo cư sĩ kính trọng, tín mộ, nhiều nhất là giới hoàng gia. Vốn dòng dõi hoàng tộc Malla, trước đây, bốn vị đã có quen biết khá nhiều một số hoàng thân quốc thích triều đình Rājagaha nên thỉnh thoảng họ tới lui thăm hỏi, vấn an bốn vị. Chuyện dễ hiểu thôi, là đức vua Bimbisāra sau đó hay tin, tò mò tìm đến thăm viếng. Đến khu rừng, bên cạnh khu rừng của tỳ-khưu Subhūti, đức vua rất cảm động vì họ sống dưới những cội cây, những hốc đá, nắng mưa không có chỗ che thân. Đức vua tức tốc cho người làm bốn liêu thất để dâng cúng chư vị. Chuyện đang tiến hành, chưa xong, lại sắp đến mùa mưa, bốn vị tỳ-khưu, lúc này đã là bốn bậc A-la-hán, họ cũng không lấy thế làm điều. Họ không để tâm.

Thế là có hai lời hứa, một gần xong, một chưa thực hiện.

Về triều, đức vua nhận liên tiếp nhiều tin báo về sự bất ổn, bất an ninh từ các xứ ngoại biên. Việc thứ nhất, ranh giới giáp nước chư hầu Vaṃsā của tiểu vương Udena, quan tổng trấn ở đấy đã không quản chế được nhóm binh lính của mình ở biên trấn - chúng đã tràn qua biên giới để cướp bóc, nhũng nhiễu dân lành. Việc thứ hai, một bọn tướng cướp mấy trăm tên, bị càn quét, truy đuổi các nơi, bây giờ về núp trốn trong mấy cánh rừng giáp biên địa Campā, lâu lâu lẻn sang các thị

trấn thuộc Māgadha để cướp bóc của cải, lương thực, săn lùng gái về làm tỳ thiếp, hầu hạ chúng! Đức vua đã cử hai vị tướng tài, có uy, có đức với hai đội quân thiện chiến, tinh nhuệ đi thảo phạt một tháng trường mới dẹp yên. Một vị sứ giả của triều đình sang Vaṃsā, nghiêm khắc răn đe vị tiểu vương (vốn hiếu chiến và đam mê tửu sắc) này, đã không quán xuyến được đất nước mình; phải biết cách xử lý, nghiêm trị thuộc hạ, cách chức viên tổng trấn. Vua Udena nhất nhất nghe theo, ra vẻ sợ hãi; sau đó, cử một đoàn sứ giả mang phẩm vật, lễ phẩm sang Vương Xá triều cống, tạ tội. Về phía Campā, đức vua thương các thôn làng này ở quá xa xôi, nghèo khổ, sau khi dẹp yên bọn cướp, đã cử một đại đội quân tình nguyện đến trợ cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, vải vóc, hạt giống cùng dụng cụ sản xuất. Rồi đại đội thiện chí này cùng ở với dân, vừa giữ gìn an ninh, vừa xây dựng nhà cửa và phụ giúp mọi người cày cấy, trồng trọt. Họ lại còn đắp những con đê, đào những con mương để dẫn nước vào ruộng, vào vườn... Nhân dân vui mừng không xiết kể, họ lạy trời, lạy đất, tạ ơn đức sáng của vua...

Việc thứ ba, liên hệ đến các nước cộng hòa Licchavī. Số là trong đợt cứu trợ nạn đói tại Vesāli, không kể hai ngàn tấn lương thực tặng không, còn có một ngàn tấn lương thực cho vay không lấy lãi - lúc nào đủ sức hãy trả! Thế nhưng, nhiều năm qua, các nước cộng hòa này luôn được mùa, lương thực dồi dào, nhưng cứ hẹn rày, hẹn mai, cứ khất nợ hoài. Năm nay, tại kinh thành, thời tiết chuyển đổi thất thường; có vùng, đang mùa mưa mà cả tháng nay lại không mưa; biết đâu đây là triệu chứng sẽ mất mùa, đói kém trong tương lai? Biết phòng xa, mặc dầu kho lẫm còn đầy, đức vua cho sứ giả sang Vesāli đòi nợ. Họ cũng lần khân không chịu trả! Cương quyết ra oai tạo áp lực, đức vua cho đổ những đội quân lớn, rầm rộ ngày đêm, vận chuyển quân nhu, khí giới đến trấn thành Pāṭaligāma, sát bờ bên này sông Gaṇgā. Tiếp theo,

vua ra lệnh cho quan tổng trấn ở đây, rục rịch đóng thuyền bè, diễu binh, bắn tin hành lang là: "Đang chuẩn bị lực lượng quân bị chỉ để bảo vệ danh dự và uy tín của quốc gia, không để cho bất cứ nước nào coi khinh, xem thường!"

Māgadha và Kosala vốn là hai cường quốc, thay nhau trấn thủ hai phương, bá chủ chư hầu, đặt nền thống trị và ban ân tứ cho cả hằng chục tiểu quốc. Nên khi Vesāli trông thấy con rồng thần kia đã nổi giận, không dám chậm trễ, ba vua nước cộng hòa và hội đồng tướng lãnh Licchavī tức tốc hội họp, cử đoàn sứ giả đến Vương Xá khấu đầu tạ tội, đồng thời trả một ngàn tấn lương thực mà họ nợ đã lâu.

Khi mọi việc quốc gia đã yên ổn trở lại, đức vua Bimbisāra đặt tay lên trán, suy nghĩ: "Cái đức của ta suy giảm rồi sao? Triều thần của ta chẳng lẽ đạo đức đã bắt đầu suy đồi rồi sao? Đức Thế Tôn có dạy rằng, hạn hán mất mùa, lũ lụt, đói kém, dịch bệnh, sâu rầy... xảy ra ở nước nào - thì cần phải xét đến đức hạnh của vị vua đương triều tại đấy! Ở kinh thành, tuy chỉ có một vùng, suốt một tháng không mưa, tuy chưa nguy hại gì - nhưng chắc chắn đã có dấu hiệu gì bất ổn! Vậy thì ta đã có làm gì bất kính với chư thiên, thiện thần? Ta đã có làm gì đụng chạm đến đức Thế Tôn cùng các vị thánh Tăng A-la-hán?" Nghĩ đến đây, đức vua Bimbisāra chợt giật thót mình: "Chết rồi! Phụ cấp vật liệu làm nhà, lương thực và một số tiền bạc cho người đàn bà nghèo khổ tội nghiệp - thì hôm đó, quân hầu đã làm ngay. Nhưng việc ta có hứa làm 4 cái thất cho 4 vị tỳ-khưu không rõ đã xong chưa? Rồi còn cái thất cho vị tỳ-khưu trong hang núi, vậy mà do công việc triều đình quá bận rộn, ta đã quên khuấy đi mất? Ta phải làm sao để chuộc lại lỗi lầm này! "

Đang suy nghĩ như thế thì đột nhiên, trước mắt đức vua chợt sáng rực lên, tôn giả Mahā Moggallāna xuất hiện, mỉm cười nói:

- Có đúng một phần đấy, tâu đại vương! Sám hối là

đúng! Chuộc lỗi là đúng! Một tháng trời không mưa, một vùng, ở xung quanh hang núi, nơi có năm bậc A-la-hán ngụ cư, là do tình cảm bất minh, thiên vị của một số vị trời có oai lực. Tôi sẽ kể hầu cho đại vương nghe đầu đuôi sự việc: " Bốn cái thất cho bốn vị tỳ-khưu dòng dõi hoàng tộc Malla, tường vách thì xong nhưng chưa lợp mái, bạn bè thân hữu của bốn vị cho người lợp rồi, việc ấy không bàn nữa. Đặc biệt là tỳ-khưu Subhūti, một bậc thánh A-la-hán, người mà đại vương có hứa làm một cái thất để vị ấy an cư mùa mưa, có rất nhiều phẩm tính làm cho rất nhiều vị trời ái kính. Ngoài cái đức khả ái ly dục, khả ái độc cư, khả ái viễn ly đô thị, vị ấy luôn đầy tràn ra không gian xung quanh tâm từ, tâm bi... và cả tâm rỗng không giải thoát nữa! Chư thiên, sơn thần, thọ thần ở đấy luôn được hạnh phúc, an lạc. Vị ấy còn có cái hạnh lạ lùng là khi đã vào định rồi thì không ngại chuyện nắng mưa. Ngày này sang ngày khác, ngoài trời cũng như trong hang cốc, vị ấy vẫn điềm nhiên trú định, đi sâu vào định, hoặc để biến mãn tứ vô lượng tâm hoặc phát triển các thắng trí! Có những ngày trời mưa tầm tã, chư thiên rất nóng ruột, sợ vị tỳ-khưu mà mình kính mộ bị cảm hàn - họ bàn cùng nhau tìm cách ngăn mưa lại. Thế là từ đó, họ luôn làm việc ấy để che chở vị thánh Tăng suốt một tháng trời ròng rã. Đức Thế Tôn lúc ấy đang ở Kỳ Viên, tận Sāvatthi nhưng ngài biết chuyện này. Dùng thần thông, đức Phật dạy tôi - Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp - lúc ấy đang ở tận ngoài nam đảo nước Avantī, hãy lên thông báo chuyện này cho trời Sakka (Đế Thích) rõ! Thiên chủ Sakka hoảng kinh, cho triệu tập Tứ đại Thiên vương, bảo phải đích thân điều tra sự việc, tại sao có vị trời nào dưới quyền, do thiên vị, do tình cảm thiếu trong sáng, đã ngăn một tháng không mưa, làm cho cả một vùng núi thuộc kinh thành Vương Xá suýt rơi vào thảm họa? Bây giờ, mấy vị trời phạm tội đã bị Tứ đại Thiên vương tìm biện pháp xử lý thích đáng!

Vậy, đại vương hãy làm những gì theo với lời hứa của mình để chuộc lỗi, để cho vùng núi kia được yên ổn!"

Kể chuyện xong, tôn giả Mahā Moggallāna biến mất.

Đức vua Bimbisāra tóc dựng ngược trên đầu, cấp tốc cho người đến làm ngay một cái thất cho tỳ-khưu Subhūti cùng cung cấp một số vật dụng cần thiết. Khi vị tỳ-khưu này vừa an tọa trong mái che thì trời liền đổ mưa xối xả. Do không hướng tâm đến mọi việc xung quanh, vị tỳ-khưu này vẫn vô tư, thốt lên bài kệ rằng:

"- Am thất khéo lợp xiết bao
Bên ngoài ngăn chặn mưa rào, gió lay
Lạc an một cõi tâm này
Mưa thì cứ mặc, dẫu ngày hay đêm
Chừ ta tịnh định trú thiền
Rỗng không, giải thoát, vô phiền, vô lo!"

Thế là chuyện của tỳ-khưu Subhūti được đồn đãi, thêu dệt tràn qua cửa tai của mọi người, khắp kinh thành, đến quốc độ này sang quốc độ khác. Khen có, chê có, nói giễu có. Người ta khen hạnh độc cư thanh tịnh, biến mãn tâm từ, bậc xứng đáng được cúng dường, được chư thiên ái mộ. Người ta chê, đã là A-la-hán rồi, tại sao không biết chuyện, vì mình, vì an lạc định thiền của riêng mình, mà làm cho cả kinh thành mang họa theo? Người ta nói rằng, ông Mahā Kassapa, vị đại đầu-đà khổ hạnh, chỉ đi bát hóa độ cho người nghèo, tuy có tâm thiên vị, đánh mất tính bình đẳng nhưng tấm lòng ấy rất đáng cảm động, ái mộ! Còn tỳ- khưu Subhūti, chỉ đi bát để hóa độ cho người giàu! Người ta đã giàu, do có tâm bố thí, cúng dường bậc thánh vô lậu, biến mãn tâm từ, thì kiếp sau họ lại càng thêm cao sang, quyền quý hơn nữa, là tại làm sao hử? Người ta nói giễu, không phải đâu, đi bát người giàu là kiếm được thực phẩm thượng vị, loại ngon, loại ngọt, loại bổ, loại béo - chứ bọn nhà nghèo có gì? Nước cháo chua hoặc cơm tấm thiu lẫn với tro

trấu bẩn tạp hay sao? Họa là đồ ngu! Ai dại gì!

Nói gì thì nói, tỳ-khưu Subhūti bình tâm như vại; ngài đi bát vẫn cứ rải tâm từ, độc cư, an tĩnh ở núi rừng. Khi gặp duyên, thuyết pháp, ngài không nói nhiều, chỉ một câu duy nhất: "Hãy làm lành, lánh ác, giữ tâm trong sạch!" Rồi ngài trú định tâm từ, rải tâm từ như một năng lượng mát mẻ tràn ra xung quanh. Thỉnh thoảng, ngài trú tâm rỗng không, giải thoát. Và lúc nào, chư thiên cũng ái kính, ngưỡng mộ, rải hoa, tán thán, ca ngợi, âm vang xuyên thấu Tứ đại Thiên vương, Đao Lợi, Đẩu Suất... và đến cả cõi Phạm thiên.

Bài Học Về Rừng

Chiều ấy, tỳ-khưu Subhūti đang ngồi trên một tảng đá để vá y. Nghe tin đức Phật đã về Trúc Lâm, chẳng lẽ nào lại mặc chiếc y rách nát này để đến thăm ngài, chắc sẽ bị quở trách. Từng mũi kim cẩn trọng xuyên qua xuyên lại mấy mảng vải đã mục, vị tỳ-khưu mỉm cười. Cái thân của chúng sanh trong các kiếp sinh tử cũng tương tợ vậy, cứ vá tới, vá lui mãi. Kiếp nào có nhiều phước báu thì những tấm vá được lành lặn, đôi khi lại sang quý nữa. Kiếp nào ít phước báu, hoặc quá thiếu phước thì có khác gì chiếc y này đâu?

Tỳ-khưu Subhūti chưa đi đảnh lễ đức Phật mà ngài đã đến nơi rồi. Có cả tôn giả Mahā Moggallāna và số đông tỳ-khưu nữa. Đứng trên một ngọn đồi, không xa hang núi của tỳ-khưu Subhūti, đức Phật đưa tay chỉ, mỉm cười:

- Các thầy có thấy không? Con trai của Như Lai đang vá y đấy! Cái hình ảnh ấy trông đẹp làm sao!

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Có cả nhàn hạ, thảnh thơi và vắng lặng nữa! Tôn giả Mahā Moggallāna tiếp lời - Đúng là Bậc xứng đáng được cúng dường!

Đức Phật đưa mắt ngắm nhìn chiếc lưng cong, cái đầu cúi của tỳ-khưu Subhūti trong trạng thái chăm chú trên đầu mũi kim, sợi chỉ, ngài nói:

- Một động thái nhỏ, con trai của Như Lai cũng chăm chú, định tâm. Vì quá chăm chú, quá định tâm nên ông ta không thấy, không biết chuyện gì xảy ra xung quanh. Như Lai và các thầy đang đứng ở gần đây mà ông ấy cũng không hay biết. Vậy, do định thiền mà vị ấy không cần biết trời mưa hay nắng là điều dễ hiểu hay khó hiểu, này các thầy tỳ-khưu?

- Bạch, rất dễ hiểu ạ!

- Con trai của Như Lai cũng không thèm biết, chư thiên ái mộ, kính ngưỡng mình nên đã che mưa suốt một tháng trường, ảnh hưởng thời tiết, khí hậu cả một vùng, vậy ông ta có tội hay không có tội?

- Vì không cố ý nên không có tội, bạch đức Tôn Sư!

- Ừ, chính xác! Đức Phật nói - Chính tư tác (cetanā), chính cố ý, cố tình mới tạo nên nhân, tạo nên nghiệp là trọng tâm giáo pháp của Như Lai. Tuy nhiên, trong trách nhiệm liên đới, nhân duyên trùng trùng, con trai của Như Lai có đóng góp vào đấy một duyên xấu, theo cái hiểu của thế gian là liên đới trách nhiệm đấy! Khi nhập định, vị tỳ-khưu cần phải khởi tâm quán xét!

Hội chúng không hiểu. Chỉ có tôn giả Mahā Moggallāna là hiểu nên ngài xin được trả lời:

- Đức Tôn Sư từng dạy rằng, một vị tỳ-khưu nhập định diệt thọ, tưởng bảy ngày, nếu không quán xét những sự việc xảy ra; ví dụ có chuyện trọng đại về tăng sự trong thời gian ấy, vị ấy sẽ bị đức Tôn Sư hoặc các bậc thượng thủ A-la-hán khiển trách! Do thế, thường xuyên định tâm không, chưa đủ, phải thường xuyên tuệ quán nữa!

Đức Phật giảng thêm:

- Một vị tỳ-khưu có định thâm sâu, có tuệ giải thoát

không chưa đủ. Khi cần, trong tuệ có định, trong định có tuệ. Nếu tỳ-khưu Subhūti thuần thục cả hai, định và tuệ đều viên mãn thì khi vào định, nếu cần, có thể dùng tuệ để quan sát tất thảy những gì xảy ra xung quanh. Trường hợp như Sāriputta và Mahā Moggallāna, ngồi định ở đây nhưng hai vị còn có thể biết việc xảy ra cả nhiều ngàn thế giới, nếu vị ấy muốn!

Chư vị tỳ-khưu đi theo được mở sáng mắt, họ rùng mình. Có những bàn tán nho nhỏ:

- Nghiêng quá về định cũng không được.

- Không quan sát xung quanh, trên dưới, gần xa; đôi khi lửa cháy rừng không biết thì nguy to!

- Tuy không trực tiếp tạo duyên xấu, nhưng chỉ cần thả chút tuệ rà soát xung quanh thì chắc chắn, hiện tượng trời không mưa cả tháng kia sẽ không xảy ra.

Tôn giả Mahā Moggallāna đi thụt lùi ra sau, gật đầu:

- Khá khen chư hiền đã rất tiến bộ!

Lần bước theo lối đá và con đường mòn nhỏ xuống đồi, đức Phật và hội chúng đến gần nơi am thất của tỳ-khưu Subhūti.

Đức Phật chợt nói:

- Hãy dừng chân đây một lát, đợi thầy tỳ-khưu của chúng ta vá y xong cái đã!

Rồi câu chuyện còn được tiếp tục.

Đức Phật hỏi xung quanh:

- Đức vua Bimbisāra có hứa kiến tạo liêu thất, nhưng sau đó, do bận rộn quốc gia đại sự mà quên đi - vậy, vị đại vương của chúng ta có tội hay không có tội?

Chư tỳ-khưu lại bàn thảo. Kẻ bảo có chút ít, nhưng do bận việc lớn, đem lại sự yên ổn cho nhiều người nên có thể khoan giảm. Người nói, đây là vấn đề nhân, duyên và quả chứ đâu có như luật pháp thế gian mà luận bên này để châm chước cho bên kia? Một vị khác, đức vua của chúng ta có

khiếm khuyết, bất toàn thế nào đó về trí não nên bị cái tội hay quên; nếu có trí nhớ tốt thì chỉ cần ra một khẩu lệnh thì quân hầu lo liệu xây liêu thất được ngay; việc này không liên hệ đến chuyện ổn định biên giới! Vị khác nữa, hay đây là cái tội thiếu định tâm tu tập?

Đức Phật nói với tôn giả Mahā Moggallāna:

- Ông hãy nói rõ điều đó cho họ nghe đi, con trai!

- Dạ thưa vâng, thầy tỳ-khưu khi thuần thục định tứ thiền, nếu vị ấy muốn có túc mạng thông, tức là thắng trí nhớ lại các kiếp sống trong quá khứ - đầu tiên họ nhớ đến một ngày, hai ngày... nhớ lui cho đến giai đoạn vừa sinh ra, trong thai bào, đến kiếp sống trước đó. Cứ thế, cứ thế, và cứ thế, vị ấy nhớ một kiếp, hai kiếp, mười kiếp, trăm kiếp... Cứ vậy, cho đến trăm ngàn kiếp cũng còn nhớ, huống hồ gì là trong ngày! Trường hợp đức vua của chúng ta là thiếu chánh niệm. Người có chánh niệm tinh minh, thuần thục thì đi đứng ăn nói, cử chỉ, thái độ, ý nghĩ bất cứ nơi đâu, lúc nào - nói chung, hoạt trạng của thân hành, khẩu hành và ý hành bất cứ nơi đâu, lúc nào đều được thấy rõ, biết rõ, nhớ rõ!

Đến ngang đây thì mọi người đều đã hiểu. Tỳ-khưu Subhūti cũng đã vá y xong và vị ấy đã thấy đức Phật, tôn giả Mahā Moggallāna cùng chư vị tỳ-khưu đến thăm. Ngài không ngờ có được sự vinh hạnh hiếm có này.

Đức Phật rất giản dị, ngài lựa tìm một chỗ ngồi trên tảng đá có tấm tăng-già-lê gấp bốn, quay mặt về hướng cánh rừng xanh xanh trước mặt. Tỳ-khưu Subhūti đến đảnh lễ rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Đức Phật nói:

- Chắc ông đã học được bài học về chuyện đức vua Bimbisāra rồi chứ?

- Dạ thưa vâng, có ạ!

- Bài học đó như thế nào, con trai?

- Thưa, đệ tử cũng vừa suy ngẫm, chiêm nghiệm từ rừng - và học được bài học đó từ rừng!

- Hãy nói cho Như Lai nghe với nào?

- Ban đêm rừng ngủ, nhưng rừng vẫn luôn luôn sống động, luôn luôn tỉnh thức, bạch đức Thế Tôn! Thế nên, vị tỳ-khưu khi vào định, ngoại trừ định sâu, cũng phải luôn luôn tỉnh thức sống động như rừng vậy!

- Hay lắm! Vậy là trong định có tuệ , ông hãy tu tập cho thuần thục điều mà rừng đã gợi ý cho ông. Vậy, ông còn học được gì từ rừng nữa không, Subhūti?

- Thưa, đệ tử chỉ mới suy ngẫm điều ấy nhưng chưa thực tập về điều ấy!

Đức Phật bèn nói với hội chúng xung quanh:

- Rừng không những chỉ có một đặc tính như tỳ-khưu Subhūti vừa kể. Nó có cả thảy mười điều, hãy nghe và Như Lai sẽ giảng nói.

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi đức Phật quay qua nói với tôn giả Mahā Moggallāna đang đứng gần bên:

- Thời pháp này Như Lai nói về rừng nhưng không thuần túy chỉ nói về rừng thôi, mà còn những ý nghĩa khác quan trọng hơn nữa. Vậy ông hãy nhiếp tâm, sử dụng thần thông lực mời thỉnh tất cả các vị trưởng lão, các vị thượng thủ A-la-hán có thắng trí ở tại Vương Xá và xung quanh Vương Xá, qua không gian, hãy đến đây để cùng lắng nghe thời pháp này!

Vâng lời, tôn giả Mahā Moggallāna ngồi xuống, trú định, vào định tứ thiền, xuống cận định, sử dụng đồng lúc tha tâm thông, thiên nhãn thông để gởi tư tưởng theo lời dạy của đức Phật. Chỉ một lát sau đó thôi, chư vị trưởng lão, thượng thủ A-la-hán từ khắp các phương như những cánh chim ưng vàng từ trong những đám mây trắng, đồng vân tập, xuất hiện, đảnh lễ đức Phật một cách rất ngoạn mục. Chư tỳ-khưu phàm tăng trố mắt, sững sờ. Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, trong một khoảng rừng, góc núi nhỏ thế mà chư vị

thánh tăng vẫn thừa chỗ ngồi, lặng lẽ xung quanh đức Phật mà không gian dường như cũng không lớn rộng thêm ra? Ôi! thật là phúc lành hy hữu cho chư vị tỳ-khưu này!

Đức Phật tiếp tục buổi giảng, như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai nhắc lại, rừng có mười đặc tính; vậy mỗi vị tỳ khưu hãy học hỏi 10 đặc tính ấy để đem đến lợi lạc cho mình và cho giáo pháp.

Thứ nhất, rừng luôn luôn tỉnh thức, vậy một vị tỳ-khưu phải luôn luôn tỉnh thức, bất luận ngày hay đêm. Thứ hai, rừng ẩn trong lòng mình rất nhiều loại gỗ quý; cũng vậy, vị tỳ-khưu phải phát hiện những đức tính quý báu trong tâm của mình. Thứ ba, rừng là nơi hằng trăm hằng ngàn chủng loại động vật, thực vật cộng cư, cũng vậy, trong tâm của chúng sanh cũng đang có hằng triệu, hằng triệu chủng tử tốt có, xấu có từ vô lượng kiếp đến nay đang sinh sống ở đấy. Thứ tư, trong lòng đất của rừng có nhiều mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kim cương, cũng vậy, trong tâm một vị tỳ-khưu cũng có những kho báu, đó là những thắng trí, những khả năng phi thường nếu biết đào xới những vỉa quặng ấy. Thứ năm, cây cối trong rừng dù to, dù nhỏ, dù cao, dù thấp thường nương nhau mà tồn tại, cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai: Tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, người lớn, người nhỏ, người tốt, người xấu phải nương nhau mà tu tập. Thứ sáu, rừng là nơi giữ nước, là nơi tươm rỉ những dòng suối trong xanh, từ đó, tuôn chảy ra sông ngòi, ruộng vườn nuôi sống muôn sinh. Cũng vậy, giáo hội của Như Lai là nơi lưu giữ chánh pháp, phát triển chánh pháp, những dòng giáo pháp trong xanh, tinh khiết, vô nhiễm đổ tràn ra thế gian để đem đến hạnh phúc, an vui cho trời và người. Thứ bảy, rừng sợ nhất bị chặt phá, bị đốt cháy, cũng vậy, giáo pháp của Như Lai kỵ nhất là sự phá hoại từ nội bộ, bị đốt cháy bởi tham lam, dục vọng của một số tỳ-khưu tầm cầu danh vọng và lợi dưỡng. Thứ tám, rừng có thứ tự cây

cao, cây lớn, cây thấp, cây nhỏ và có cả cây nương nhờ, cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai, mọi người phải biết tôn trọng hạ lạp, tuổi tác lớn nhỏ, đồng thời phải đùm bọc, che chở những người đang nương nhờ mình. Thứ chín, rừng là nơi điều hòa nhiệt độ cho trái đất, cũng vậy, giáo hội của Như Lai phải là nơi điều hòa sự an vui và hạnh phúc cho nhân quần, xã hội. Thứ mười, rừng hút bụi bặm, ô nhiễm trong không gian rồi nhả hơi nước, tạo không khí trong lành để phụng hiến vô vị lợi cho đất trời; cũng vậy, chư vị tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni sống giữa cuộc đời, phải gánh chịu, nhẫn chịu vào lòng tất cả mọi đắng cay, sự phỉ báng, sự gièm pha, mọi tiếng lời thị phi, tâm địa bất trắc, khó lường của chúng sanh rồi ban rải tứ vô lượng tâm đến cho họ, cho thế gian nhiều khổ, ít vui này!

Đức Phật kết luận:

- Trước khi chưa thành đạo, Như Lai chưa có pháp nào cả. Thành đạo rồi, suốt bốn mươi chín ngày thọ hưởng hạnh phúc siêu thế; xuống lên, vào ra các tầng thiền cho thuần thục; quán ngược, quán xuôi những duyên khởi cho tinh minh; đến đi, xuất nhập các thắng trí cho tỏ suốt; ngẫm cạn, ngẫm sâu về Tứ Đế cho tỏ tường; chẻ thô, chẻ tế các sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến chỗ chi li, tinh mật, từ đấy, Như Lai mới có pháp, mới có rất nhiều pháp, mới có Pháp Bảo! Các thầy không thể tưởng tưởng được cái thấy biết của Như Lai về thế gian nội tâm, về thế giới vạn hữu, về tất cả các bộ môn học thuật trên cuộc đời này đâu. Nó rộng lớn lắm. Nó bao trùm cả hư không vô tận này. Tuy nhiên, nói hạt vi trần chia bảy mà làm gì khi kiến giải ấy không đem lại sự chấm dứt khổ, lắng dịu phiền não? Nói về các ngân hà, thiên hà mà làm gì khi tri kiến ấy chỉ để mà thỏa mãn kiến thức, một loại trí tham, trí dục, một hình thức khác của bản ngã và si mê mà thôi! Ồ, các thầy hãy xem đây!

Rồi đức Phật nắm một nắm lá trong tay, đưa lên rồi hỏi:

- Các thầy thấy nắm lá trong tay của Như Lai nhiều, hay lá trong rừng nhiều?

- Lá trong rừng nhiều hơn, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, đúng vậy! Nắm lá trong tay Như Lai thật là ít ỏi so với lá ở trong rừng. Cũng vậy, nhiều như lá ở trong rừng là thấy biết của Như Lai, là sở học, sở tri, sở chứng, sở ngộ của Như Lai, nói chung là của chư Chánh Đẳng Giác đã tích lũy được qua hằng hà sa số kiếp, qua vô lượng vô biên ba-la-mật. Tuy nhiên, nắm lá trên tay ít, nhưng vừa đủ, vừa đủ để trao truyền cho các thầy những tinh yếu, những nguyên lý để các thầy lên đường, để mà tu tập, để mà diệt tận khổ đau. Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp diệt khổ, thoát khổ chứ không phải để mà giải thích về vũ trụ, các ngân hà, thiên hà. Như Lai còn biết nữa rằng, vào thời mà giáo pháp suy đồi, chư tỳ-khưu không còn tu tập giải thoát, thiền định hay giới luật được nữa, chúng sẽ biến giáo pháp của Như Lai thành một mớ triết lý, triết luận nghe thì có vẻ hay ho, cao siêu nhưng mà rỗng không, phù phiếm. Là cái trò chơi văn, giỡn chữ ồn ào, huyên náo ở chợ búa, ở quán nước và ngay cả tại các giảng đường, tu viện, học viện! Một bọn khác, cũng không còn tu học chính đính, hành trì giới luật nghiêm túc được nữa bèn chứng tỏ kiến văn, sở học của mình, muốn giải thích cả số lá vô lượng, vô khả lượng trong rừng cây kia. Chúng muốn vượt qua cả Như Lai! Những điều Như Lai im lặng, không nói vì thấy vô ích, vô bổ, phù phiếm thì chúng lại huyên thuyên giảng nói, không biết đâu trúng, đâu trật; chẳng biết đâu là sở tri hữu dụng và đâu là kiến tri chỉ để lòe đời, bịp đời! Chúng họp bè, kết phái, lập tông... để tự giương danh mình, giải thích giáo pháp của Như Lai bằng cái kiến văn đựng trong cái vỏ ốc, vỏ hến ngu si, tối tăm nhưng đầy kiêu căng và khoa đại của chúng! Có bọn thì thấy giác ngộ, giải thoát, giới luật khó quá nên trở lại với bà-la-môn giáo thời sa đọa là luyện chú, luyện bùa, đọc mật chú,

thần chú để chữa bệnh kiếm tiền, để giúp việc mua may bán đắt, thăng quan tấn chức, lắm vợ nhiều con, được danh đoạt lợi. Chúng còn lấy cái bí bí, mật mật ấy... để dẫn dắt mọi người đến nơi giác ngộ, giải thoát! Cho đến, chúng còn có khả năng siêu nhiên là dẫn dắt thần thức người chết (phàm phu, chưa tu tập) đến các cảnh trời và cả Niết-bàn nữa! Có bọn chứng tỏ ứng hợp với thời đại, đã lấy kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học, sinh học, lý học, vũ trụ học, thiên văn học, địa lý học, số học, toán học, cả triết, cả thơ và cả văn để giải thích giáo pháp của Như Lai! Bọn chúng nói chỉ để mà nói, mà khoe mẽ ta đây là học giả, là bác học nhưng năm giới cũng không giữ được, thậm chí, một giới cũng không giữ được - nói gì đến định, đến tuệ, đến tuệ giải thoát!

Này các thầy tỳ-khưu! Hãy tịnh định nơi hơi thở, an trú nơi hơi thở, hãy nghe cảm giác nói gì, tri giác nói gì, tâm hành nói gì, thức tri nói gì? Khổ ở đó, lạc ở đó mà giác ngộ giải thoát cũng ở đó. Đừng tìm hiểu Niết-bàn qua ngôn ngữ, qua ý niệm, qua thức tri. Không tới đâu. Cũng đừng định nghĩa nó. Đừng định nghĩa Niết-bàn. Đừng định nghĩa siêu thế. Đừng xác lập nó ở trong hay ở ngoài trái đất. Chỉ khi nào tham sân si, phiền não hoàn toàn vắng lặng, không còn thiêu đốt nội tâm nữa, thì lúc ấy, tuệ tri, minh tri hiện ra; giác ngộ, giải thoát được thấy rõ, ngay tại đây, bây giờ; ngay tại cái thân dài một trượng này cùng với cảm giác và tri giác, là thấy rõ Niết-bàn chớ không ở một nơi nào khác, một chỗ nào khác! Niết-bàn ấy chẳng phải "tại" mà cũng chẳng phải "siêu"! Chẳng bờ bên này, chẳng bờ bên kia! Tất thảy chúng đều bất lập!

Hãy lắng nghe với tâm trí rỗng rang, vô ngã và vắng lặng! Hãy như vậy mà thọ trì này các thầy tỳ-khưu!

Bài pháp thuyết xong thì trời đã tối. Đức Phật vào nghỉ trong liêu thất của tỳ-khưu Subhūti. Đêm đó, rất đông tỳ-khưu thức ngủ, đàm đạo về giáo pháp cho đến gần sáng; sau

đó có vị kinh hành, vị tọa thiền, vị nằm nghỉ nghiêng lưng hướng đầu về phía đức Phật.

Đêm ấy quả thật là một đêm đậm đà hương vị giáo pháp; và, núi rừng, trăng sao như đồng tỉnh thức trong ánh huy hoàng của đạo giải thoát.

Đại Thần Chú

Trở lại Trúc Lâm, đức Phật cho họp các trưởng lão tăng ni hai viện, thu xếp mọi công việc ở đây trước khi rời chân lên phương bắc. Ngắm thời tiết, đức Phật biết xứ này sắp đến mùa nắng nóng nhưng ở phương bắc thì đang còn nhiều tháng ngày mát dịu.

Đức Phật dự định sẽ du hành một quãng đường xa; và chương trình của ngài sẽ ghé quê hương của Sāriputta, của Mahā Kassapa, ghé Pātaḷigāma, qua sông Gaṅgā, đến Vesāli, qua thăm các xứ Videha, Vajjī - sau đó sẽ lên Mallā, qua Moriya, Koliya rồi đến Kapilavatthu xem thử những ni viện ở các xứ này như thế nào.

Trưa hôm ấy, tại hương phòng, đức Phật nghe ngoài rừng tu viện có nhiều tiếng cười nói. Tôn giả Ānanda cho ngài hay biết, chư phàm tăng đang từng nhóm, từng nhóm bàn tán xôn xao, là có một đạo sĩ bà-la-môn đứt dây thần thông, rơi xuống nơi một vùng người ta đang họp chợ, may là chỉ bị thương nhẹ nhờ rớt trên đống vải.

Đức Phật hướng tâm đến, ngài mỉm cười.

Tại giảng đường, sau đó, do yêu cầu của tôn giả Ānanda, đức Phật đã kể chuyện về đạo sĩ ấy như sau:

- Đạo sĩ ấy rồi sẽ có duyên với giáo pháp. Kể từ thời đức

Phật Padumuttara, ông ta sinh ra trong một gia đình bà-la-môn giàu có - đã có những cuộc cúng dường trọng thể đến đức Phật và tăng chúng. Hôm ấy, đức Chánh Đẳng Giác tuyên dương một vị tỳ-khưu, do công hạnh tu tập, được "Chư thiên ái kính"; ông hoan hỷ quá phát lời nguyện, là sau này, một vị lai nào đó, sẽ được xuất gia và cũng được như vị tỳ-khưu kia vậy. Đức Phật tùy hỷ công đức và thọ ký cho ông là vào thời của đức Phật vị lai, Sākya Gotama, ông ta sẽ được như nguyện. Vào thời đức Thế Tôn Sumedha Niết-bàn, ông ta lại cúng dường bảo tháp, cúng dường các bậc lậu tận... Sau nhiều kiếp làm người làm trời, nhiều kiếp làm Chuyển luân thánh vương, đến kiếp này, sinh quán ông ở tại Sāvatthi, trong một gia đình bà-la-môn có của dư của để. Ông tên là Pilinda, họ Vaccha. Lớn lên, chán đời sống ngũ dục trần lụy, ông xuất gia thành một đạo sĩ du sĩ, lang thang từ nơi này sang nơi khác để tầm sư học đạo. Nhiều năm hành trì yoga, niệm chú, luyện thần chú trong nhiều hang động ở Tuyết Sơn, Pilindavaccha đạt được một vài khả năng nho nhỏ như xuất hồn, biết trước một số việc về tương lai, giỏi nhịn ăn và giỏi nhịn thở! Hôm kia, ông đang ngồi tập định yoga nơi một hóc núi thì thoáng thấy một đạo sĩ có bước đi như lướt gió, chốc là mất hẳn. Hình ảnh ấy lôi cuốn, hấp dẫn quá, Pilindavaccha bươn bả chạy theo hành tung của bậc siêu nhân. May thay, đến một sơn trấn, ông gặp được đạo sĩ đang nghỉ chân độ thực. Lân la đến thăm hỏi rồi Pilindavaccha quỳ lạy đạo sĩ xin được học phép lạ. Đạo sĩ nhìn ông một lát, sau đó nói thật rằng: "Nếu có tâm cần cầu hãy đến nước Gandhāra, tìm cho ra một sơn thôn cũng có tên là Gandhāra, có một bậc thầy siêu việt ở đấy. Cứ thăm hỏi mọi người, về một đạo sĩ già, ẩn tu trong một hang động, ông sẽ được như nguyện. Nhưng mà một năm phải đóng một trăm đồng tiền vàng đấy. Nói thật rằng, trước đây tôi là đệ tử của thầy, do thiếu tiền đóng học phí nên bị đuổi ra khỏi sơn

môn nên sự học của tôi chưa đến nơi đến chốn đâu". Thế rồi, Pilindavaccha của chúng ta về lại gia đình ở Sāvatthi, thu góp vàng bạc, rồi đi tìm thầy học phép siêu nhân.

Sau ba năm học nghệ, Pilindavaccha đã chứng tỏ được khả năng cần cầu tu tập chí thú ngày đêm; ông đi được vào định thâm sâu, khi hướng tâm, biết được tâm người khác. Ngoài ra, Pilindavaccha còn luyện được một loại thần chú có tên là "Cūlagandhāra", sau khi niệm, là có thể bay lượn được như chim giữa trời, mà bí thuật bà-la-môn giáo gọi là "du hành trên không"! Khi cho xuống núi, vị thầy già mỉm cười, nụ cười có vẻ tự châm biếm mình rồi như tâm sự mà rằng: "Ta dạy cho các ngươi là để kiếm cơm nuôi ba bà vợ và mười hai đứa con, chẳng có siêu nhân, đạo hạnh gì như thế gian đồn đãi về ta cả. Bây giờ, ngươi học được ít nhiều đó cũng chỉ là cái thuật, chỉ là cái cần câu để câu danh vọng và lợi dưỡng mà thôi. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ lời này. "Cūlagandhāra" mới chỉ là "Tiểu thần chú"; vậy lúc nào trên thế gian, tại địa giới nào đó, có "Mahāgandhāra" tức là "Đại thần chú" xuất hiện thì Cūlagandhāra sẽ mất hết hiệu lực, sẽ không còn tác dụng nữa. Lúc ấy, tự ngươi phải trật y vai phải, tìm đến vị có Đại thần chú ấy, đảnh lễ, cúi đầu năm vóc sát đất để xin học hỏi, làm đệ tử của Người, sẽ mang đến lợi lạc cho ngươi thật không xiết kể. Ta chỉ tiết lộ chừng ấy. Tuổi thọ của ta cũng đã sắp hết. Ta thiếu phúc lành hơn ngươi nhiều đấy!"

Tuy chưa hiểu hết những ẩn ý trong lời tâm sự của vị thầy già, nhưng cái gọi là "Đại thần chú" ấy thì Pilindavaccha không quên. Chỉ hơn một năm sau, Pilindavaccha của chúng ta nghiễm nhiên đã là một đạo sư nổi danh khắp các tiểu quốc và thành phố miền Tây bắc châu Diêm-phù-đề. Học trò khắp nơi tìm đến học đạo. Khi mọi danh vọng và vinh quang đã như vầng hào quang xán lạn, Pilindavaccha về thăm quê hương với hằng trăm đồ

chúng vây quanh. Muốn biểu diễn phép lạ cho mọi người thán phục, lựa một quảng trường, Pilindavaccha niệm chú để "du hành trên không" chơi! Lạ lùng sao, vừa bay lên là ông ta bị rớt xuống. Lạnh toát cả người, Pilindavaccha hiểu, là có chuyện rồi, "Đại thần chú" đã xuất hiện rồi! Tuy viện cớ bị cảm đau không thi thố thần lực để lấy lòng tin với mọi người, nhưng tự thâm tâm, ông hiểu là "Tiểu thần chú" giờ đã hỏng! Tại thành phố này, "Đại thần chú" đã xuất hiện! Mấy ngày sau, bí mật điều tra, Pinlindavaccha biết rằng, tại Kỳ Viên, mấy ngày trước đây đã xuất hiện một vị Phật, một vị Chánh Đẳng Giác! Năm ấy, ngày tháng ấy Như Lai lần thứ nhất ghé thăm Kỳ Viên. Hóa ra, các thầy tỳ-khưu biết không, Như Lai có "Đại thần chú"; bậc có "Đại thần chú" ấy, chẳng là ai khác mà chính là Như Lai!

Có nhiều tiếng cười có vẻ sảng khoái, thú vị. Đức Phật nghỉ hơi một chút. Câu chuyện hấp dẫn quá, hội chúng lại bắt đầu chỏng tai lắng nghe, im lặng; và bây giờ chỉ có tiếng ruồi kêu vo ve!

- Hôm ấy, đức Phật kể tiếp - Như Lai biết, các bậc có thắng trí cũng biết, nhưng thấy chưa hợp lúc, chưa đúng cơ duyên. Như Lai còn biết nữa rằng, Pilindavaccha, sau đó, im trống, xếp cờ, lặng lẽ xuôi Nam - và bắt đầu tìm kiếm danh vọng ở quốc độ khác, đầu tiên là ở Bārāṇasī. Tại đây, tả và hữu ngạn sông Gaṇgā là căn cứ địa của bà-la-môn giáo, là nơi hùng cứ của đủ mọi thứ tà thuật, phép thuật, Pilindavaccha nổi danh như cồn. Thuở ấy, Mahā Moggallāna có trình báo chuyện ấy cho Như Lai hay, nhưng Như Lai bảo là chưa đúng thời. Mấy năm vừa rồi Pilindavaccha tung hoành kiếm ăn tại các tiểu quốc cực Nam... Còn bây giờ, lát nữa thôi, Pilindavaccha sẽ đến đây để xin Như Lai học "Đại thần chú"; các thầy hãy xem nào, dường như ông ta và đồ chúng đã xuất hiện ở ngoài bìa rừng... Đã đúng thời, đủ duyên rồi đây!

Đức Phật nói xong thì quả đúng như thế, đạo sĩ Pilindavaccha với dáng đi chững chạc của một đạo sư cùng nhóm đệ tử đã vào đến nơi. Pilindavaccha nhớ lại lời thầy dạy thuở trước, ông trật y vai phải, đảnh lễ đức Phật với năm vóc sát đất rồi thưa:

- Kính bạch đại sa-môn! Tôi muốn học "Đại thần chú", xin ngài từ bi, hoan hỷ tiếp độ!

Cả nhóm đệ tử đi theo đều cùng khấu đầu đảnh lễ với ước nguyện như vậy.

Đức Phật mỉm nụ cười ở trong tâm, dịu dàng nói:

- Này Pilindavaccha! Như Lai biết ông đã lâu, nhưng nay cơ duyên mới chín muồi. Vậy, ông hãy xuất gia theo giáo pháp của Như Lai, Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông không những là "Đại thần chú" mà cả "Vô thượng, vô thượng chú" nữa đấy!

Vị du sĩ đạo sư Pilindavaccha tưởng rằng, xuất gia là bước đầu của việc học thần chú nên ưng thuận ngay. Và sau đó, ông được các trưởng lão làm lễ xuất gia cho, có đức Phật chứng minh. Rồi sau những lời giáo giới căn bản ban đầu, đức Phật quán căn cơ, cho vị tân tỳ-khưu một đề mục thích hợp rồi nói rằng:

- Hãy cần mẫn, chăm chuyên, tinh cần ngày đêm, gắn chặt tâm trí nơi đề mục ấy, đừng hỏi gì cả, đừng nghi gì cả thì đại thần chú, vô thượng, vô thượng chú sẽ xuất hiện!

Sau khi hội chúng giải tán cả rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử và Ānanda:

- Do gieo duyên sâu dày với giáo pháp, không lâu sau, tân tỳ-khưu Pilindavaccha sẽ đắc quả A-la-hán; rồi sẽ đạt được nguyện vọng mà đức Phật Padumuttara đã từng thọ ký cho ông ta là vị tỳ-khưu hằng được chư thiên ái kính và ngưỡng mộ như Subhūti vậy.

Thêm Một Gia Chủ Hữu Danh

Hôm ấy, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu lại lên đường, bắt đầu một cuộc du hành về hướng làng Nālakagāma[1], sinh quán của tôn giả Sāriputta - ngụ tại khu rừng Pavarikāmba. Nơi đây cũng gần làng Mahātiṭṭha của tôn giả Mahā Kassapa, gần làng Kolilagāma của tôn giả Mahā Moggallāna. Đức Phật lặng lẽ không nói gì - nhưng chính là ngài đang tạo cơ duyên cho ba vị thượng thủ A-la-hán tiếp độ thân quyến của họ. Còn đức Phật thì có việc riêng của ngài.

Đạo sĩ Niganṭhā Dīghatapassa (Trường khổ hạnh giả), sau khi khất thực ở Nālanda, độ ngọ xong, trên đường trở về, nghe đức Phật và đại chúng tỳ-khưu đang ngụ tại rừng Pavarikāmba nên ông tìm đến thăm. Sau vài lời chào hỏi xã giao, ông đứng một bên.

Đức Phật hiền từ, lịch thiệp nói:

- Có tấm đá đấy, ông hãy ngồi xuống đi!

Khi đạo sĩ Niganṭhā Dīghatapassa đã an vị, đức Phật bắt đầu vào đề:

- Này Tapassa! Cho Như Lai được hỏi, thầy của ông,

[1] Đôi nơi còn gọi là Nālanda - và sau này là trường đại học Nālanda.

giáo chủ Niganṭhā Nāṭaputta (Ni-kiền-tử) chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

- Thưa sa-môn Gotama! Giáo chủ của chúng tôi không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp, không nói về nghiệp; mà chỉ nói đến "phạt, phạt". Phạt, phạt là chủ trương của giáo chủ chúng tôi.

- "Phạt, phạt", nghe rõ rồi; nhưng Như Lai muốn hiểu từ "phạt" ấy, nó mang ý nghĩa như thế nào mới đúng với quan điểm của quý giáo?

- Phạt có nghĩa là "bắt chịu, gánh chịu, nhận chịu..." ví như một sự thiệt thòi, một khổ cực, một cái gì bất hạnh... Nghĩa phạt ấy, chính xác là như vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Như Lai hiểu rồi! Vậy thì quý giáo chủ chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tạo thành ác nghiệp, để có thể diễn tiến ác nghiệp?

- Thưa, giáo chủ chúng tôi chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, đó là thân phạt, khẩu phạt và ý phạt.

- Thế có nghĩa là thân phạt khác, khẩu phạt khác và ý phạt khác?

- Đúng vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy thì trong ba loại phạt ấy, loại phạt nào là tối trọng, là quan trọng nhất để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, này Tapasa?

- Thân phạt là tối trọng, là quan trọng nhất, thưa sa-môn Gotama!

Đến đây, đức Phật bèn gặng hỏi:

- Ông nói "thân phạt" là tối trọng, là quan trọng nhất so với khẩu phạt và ý phạt?

- Đúng vậy!

- Thân phạt là tối trọng thật chăng?

- Đúng vậy!

- Thân phạt, Như Lai không lầm lẫn đấy chứ?

- Đúng vậy!

Nghe đạo sĩ Niganṭhā Dīghatapassa xác định ba lần thân phạt là quan trọng, là tối trọng, đức Phật chỉ mỉm cười và không nói gì nữa.

Đợi một hồi không nghe đức Phật đưa ra kết luận quan điểm ấy là đúng hay là sai, nóng ruột, Tapassa hỏi:

- Thế sa-môn Gotama có quan điểm như thế nào về điều ấy? Sa-môn Gotama chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

Đức Phật mỉm nụ cười nhẹ:

- Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương, này Tapassa!

Du sĩ Niganṭhā Dīghatapassa ngơ ngác.

Đức Phật tiếp:

- Có quan điểm, có chủ trương là còn ở trên bình diện giả thiết, giả định, giả đoán, suy luận... Như Lai do thấy và biết nên Như Lai chỉ nói lên cái thấy cái biết như thực ấy, này Tapassa!

- Vậy sa-môn Gotama thấy và biết có bao nhiêu loại phạt?

- Cũng do sự thấy biết ấy, Như Lai không bao giờ nói phạt, phạt, này Tapassa! Như Lai thấy rõ nghiệp nên Như Lai chỉ nói sự thực về nghiệp, nghiệp cùng những tương quan phát sanh của nó.

- Cái nghiệp ấy như thế nào hở sa-môn Gotama?

- Như Lai thấy rõ là có ba nghiệp, ấy là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, này Tapassa!

- Trong ba nghiệp ấy, nghiệp nào là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

- Như Lai thấy rõ ý nghiệp là tối trọng!

- Sa-môn Gotama bảo ý nghiệp là tối trọng?

- Đúng vậy!

- Thật không, ý nghiệp là tối trọng?
- Đúng vậy!
- Ý nghiệp là tối trọng, tôi nghe không lầm đấy chứ?
- Ông không lầm đâu!

Khi nghe đức Phật xác định ba lần ý nghiệp là tối trọng, du sĩ Niganṭhā Dīghatapassa không hỏi gì nữa, không nói gì nữa, cũng không tranh luận; ông tôn kính khẽ chào ngài, lặng lẽ đứng dậy từ chỗ ngồi rồi ra khỏi khu rừng. Vừa đi, đạo sĩ vừa nghĩ: "Kinh khiếp thay là vị sa-môn này; ông cuốn hút người ta, ông hấp dẫn người ta như là có huyễn thuật vậy. Bình thường, lúc đàm thoại, kể cả tranh luận, ta đâu có thua ai? Nhưng sao đối với vị sa-môn này, ta cảm giác như bị lép vế, bị lấn cấn, bị run sợ... rồi cuối cùng là bị nghiêng theo, bị ngả theo lúc nào cũng không biết! Thật là ớn lạnh. Còn cái - Như Lai không có chủ trương, không có quan điểm - mới lạ lùng làm sao? Ta chưa hề nghe thấy bao giờ! Dường như mọi chân lý ông đều đã thấy cả rồi, đã kiểm nghiệm chắc thật rồi - bây giờ ông chỉ việc nói ra mà thôi? Điều cuối cùng, không biết tại sao, ở đâu, vì cái gì không biết: Vị sa-môn này, đối thoại với ai rồi, thì dường như có một mãnh lực, một uy lực - nó bắt mọi người phải tôn trọng, phải kính trọng ông ta! Và quả thật, mình cũng không ngoại lệ". Niganṭhā Dīghatapassa thấy rầu rầu trong lòng, định phải kể lại toàn bộ cuộc đối thoại này cho giáo chủ của ông ta nghe.

Tại ngôi làng Balāka kế cận, tại trang viên của trưởng giả Upāli, rất đông gia chủ và giáo chúng Niganṭhā đang tề tựu ở đây để nghe giáo chủ Niganṭhā Nāṭaputta thuyết pháp. Người có uy tín, lãnh đạo hội chúng gia chủ tại ngôi làng này chính là trưởng giả Upāli.

- Này Tapassa! Nāṭaputta cất tiếng hỏi - Ông từ đâu đến mà trông cái bản mặt, cái vẻ mặt như đưa đám thế?
- Đệ tử từ sa-môn Gotama mà đến đây, thưa tôn sư!

- Thế ông có đàm luận gì với sa-môn Gotama không?

- Thưa có, câu chuyện vừa chấm dứt xong là đệ tử đến đây ngay.

- Vậy cuộc đàm thoại ấy có nội dung như thế nào, này Tapassa!

Du sĩ Nigaṇṭhā Dīghatapassa kể lại.

Ông giáo chủ khen ngợi:

- Thật là tốt lành thay! Thật là tốt đẹp thay! Ông là một đệ tử đa văn, hiểu biết, đã hiểu đúng đắn lời dạy bảo của ta, đã nói chính xác quan điểm của ta cho sa-môn Gotama nghe. Làm sao mà cái ý phạt hèn kém, thấp thỏi lại có thể sáng chói, có đủ uy lực so với thân phạt cường đại này kia chứ? Đúng là thân phạt mới là cái tối trọng!

Trưởng giả Upāli cũng tán dương Tapassa:

- Xứng đáng lắm! Xứng đáng lắm! Tôn giả Tapassa đã làm nở mày, nở mặt chúng ta! Trước một đối thủ đáng gờm như sa-môn Gotama mà tôn giả vẫn giữ vững được lập trường của đức Tôn Sư! Thật là tuyệt vời!

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng một bên, nghe ca tụng mình cảm thấy khó chịu quá, như có cái gì đâm trong óc; nhưng ông ta không thể nói xen được một câu nào - vì mọi người đang phấn khích và đang sôi nổi nói chuyện quá ồn ào!

Trưởng giả Upāli thì đang trên đà hưng phấn, thưa với giáo chủ Nāṭaputta:

- Bạch Tôn Sư! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với sa-môn Gotama! Đệ tử sẽ chơi trò chơi như nắm chặt con cừu lông dài mà vặt trụi nó như vặt trụi kiến thức của sa-môn Gotama vậy. Đệ tử sẽ chơi trò chơi quần tới, dặc lui, vần quanh làm cho lý luận của sa-môn Gotama tắt hơi, ngất xỉu luôn! Đệ tử sẽ chơi trò chơi lắc qua, lắc lại làm cho chữ nghĩa của sa-môn Gotama xây xẩm, mệt đừ! Đệ tử sẽ chơi trò chơi của con voi phun nước làm cho mọi chủ trương, lập trường của sa-môn Gotama không còn có chỗ nào mà đón

đỡ! Hãy cho đệ tử được đi luận chiến với sa-môn Gotama một trận!

Nāṭaputta cười ha hả, gật đầu lia lịa, đắc ý nói:

- Phải! Phải! Trong hội chúng này chỉ có ta, ông và Tapassa mới có đủ khả năng luận chiến với sa-môn Gotama mà thôi!

Nghe giáo chủ đồng ý theo yêu cầu của trưởng giả Upāli, du sĩ Dīghatapassa chợt can ngăn:

- Đệ tử thật không an tâm chút nào khi Tôn Sư đồng thuận cho trưởng giả Upāli luận chiến với sa-môn Gotama!

Nāṭaputta nhăn mày hỏi:

- Tại sao? Tại sao hử? Tại sao thế, Tapassa? Ta nghĩ rằng, sẽ không có trường hợp Upāli của ta thua cuộc rồi làm đệ tử sa-môn Gotama đâu! Phải hiểu ngược lại mới đúng. Sa-môn Gotama sẽ bị hạ đo ván rồi ông ta sẽ cam tâm làm đệ tử của Upāli cho mà xem! Hãy chống mắt cho to ra!

Dīghatapassa vẫn giữ ý mình:

- Nói gì thì nói, đệ tử cũng không an tâm! Đệ tử không bao giờ đồng thuận việc này.

Khi giáo chủ gặng hỏi mãi lý do, Dīghatapassa bèn phải nói ra cảm nhận của mình. Với giọng chậm rãi, điềm đạm, ông lim nhim mắt như hồi ức rồi nói:

- Đệ tử cảm giác sâu sắc rằng, sa-môn Gotama là một con người không phải tầm thường. Không nói đến tướng mạo đoan trang, nghiêm chính một cách lạ kỳ. Không nói hào quang trí tuệ dường như tỏa sáng xung quanh, tỏa sáng nơi vừng trán, đôi mắt và cả nơi từng ngón tay. Không nói đến ngôn ngữ, âm thanh - mà có lẽ lần thứ nhất trong đời, đệ tử cảm giác nghe được tiếng nói vi diệu không phải của nhân gian trần tục. Đệ tử chỉ nói đến cái cách sa-môn Gotama thiện xảo trong cách sử dụng ngôn ngữ và cách đặt vấn đề. Chỉ sơ sẩy, lơ là một chút là lập trường tư biện của ta sẽ bị mất tích vào nội dung luận chứng của ông ta ngay

lập tức mà không hề hay biết...

Cả hội chúng rúng động. Im lặng.

Dīghatapassa thủng thỉnh nói tiếp:

- Cái ấy tuy ghê vậy nhưng chưa quan trọng...

Mọi người dồn dập hỏi:

- Vậy cái gì quan trọng hơn?

- Thưa, chính là sự hấp dẫn, cuốn hút! Khi đối thoại, đệ tử vừa cảm nhận một từ trường rất an lành, mát mẻ tỏa khắp châu thân, đồng thời như bị say mê cuốn hút vào trong mà không có cách chi cưỡng lại được...

Nói đến ngang đây, Dīghatapassa nhìn mọi người, cất giọng có vẻ thành khẩn, kết luận:

- Sa-môn Gotama còn là một huyễn sư, đã sử dụng huyễn thuật vô hình lôi cuốn cả hằng ngàn, hằng ngàn đồ chúng ở khắp mọi nơi, trên khắp các quốc độ! Hai vị đại vương đại đế của châu Diêm-phù-đề và cả triều đình đều là đệ tử của ông ta. Biết bao nhiêu là trí thức, đại trí thức của thiên hạ đổ xô tìm về quy giáo. Hằng chục, hằng trăm hoàng thân, vương tôn, công tử, danh gia, đại danh gia, thủ lĩnh tướng quân, đại thần, quan tổng trấn, triệu phú, đại triệu phú, công chúa, công nương, vương phi, quận chúa, tiểu thư... đều trở thành thuộc hạ tứ chúng trong giáo hội độc thân vô tiền khoáng hậu ấy! Chúng ta phải lưu ý như vậy! Xem thường đối thủ sẽ thất bại đấy! Mà đối thủ này là ai kia chứ? Người ta bảo là vị Phật đấy, không lầm đâu! Một đức Chánh Đẳng Giác chính thị con nai vàng đấy, không phải thứ giả đâu! Xin mọi người hãy tự biết mình! Xin mọi người hãy cẩn trọng!

Giáo chủ bàng hoàng cả người, nhưng ông ta là người trấn tĩnh sớm nhất, cất giọng lớn:

- Thế là ông bị hớp hồn, cuốn hút vào ngôn ngữ, âm thanh của sa-môn Gotama rồi cảm nhận bậy bạ, đưa ra những nhận xét cảm tính chủ quan! Sa-môn Gotama chỉ dụ

dỗ được những người yếu bóng vía, ba cái thứ tôm tép lắt nhắt lăng nhăng mà thôi!

Rồi nhìn Upāli, ông nói to:

- Ông có sợ không, Upāli?

- Không sợ! Trưởng giả Upāli rắn rỏi đáp - Không vào hang hùm làm sao bắt được cọp con?

- Phải vậy!

Rồi mọi người cùng cười ha hả với nhau. Riêng Dīghatapassa thì trông cứ vẫn đăm chiêu, rồi cảm thấy buồn đau ở trong lòng, tự nghĩ: "Cả một đám hổ lốn, ngu si, ngốc nghếch, chợ búa, ồn ào, tự mãn như vậy mà đòi đi đối thoại với bậc thiện trí thức trên đời này! Than ôi!"

Trưởng giả Upāli, sau đó, tức khắc đi đến rừng xoài Pavarika, vào gặp đức Phật và sau đó đã xảy ra cuộc đàm thoại như sau.

- Thưa sa-môn Gotama! Có phải vừa rồi, trong cuộc nói chuyện với đạo sĩ Tapasa, đức Thế Tôn có xác định, trong ba nghiệp, ý nghiệp là quan trọng nhất, hơn cả thân và khẩu?

- Đúng vậy, này trưởng giả Upāli!

- Làm sao, cái ý nghiệp nhỏ nhiệm, mơ hồ, vô hình lại có thể có năng lực, có tác động mạnh hơn hai nghiệp kia, nhất là thân nghiệp cụ thể và cường đại này?

- Này trưởng giả Upāli! Ông có thể y cứ nơi sự thật để cùng đàm luận với Như Lai được chăng?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama!

- Này Upāli! Giáo chủ của ông có khi nào nhắc đến một cảnh giới có tên là Manosatta không?

- Dạ thưa có!

- Cảnh giới ấy tại sao lại có tên là Manosatta[1], ông có biết không?

---

[1] Mano, biến thể của mana là ý, là tâm, tinh thần; satta là chúng sanh, là hữu tình.

- Thưa biết, cảnh giới ấy do chấp trước ý, do ý sanh nên gọi tên là chúng sanh do ý sanh!

- Ông bảo là do ý sanh, nói cách khác là do ý nghiệp (Manokamma) sanh?

- Thưa vâng, ý nghiệp sanh!

Đức Phật mỉm cười, nhìn ông trưởng giả, điềm đạm nói:

- Do chấp trước ý, do ý sanh, do ý nghiệp! Hay lắm! Gia chủ, khi trả lời như thế ông đã suy nghĩ kỹ càng, thận trọng chưa? Ông không sợ lời nói sau của mình đã phủ nhận lời nói trước của mình hay sao?

Trưởng lão Upāli lặng người, tái mặt. Lát sau, định tĩnh lại, ông vẫn nói:

- Dầu thế nào, tôi vẫn với quan điểm thân nghiệp mới là tối trọng - mong rằng vẫn có thể tiếp diễn cuộc đối thoại này chứ, thưa sa-môn Gotama?

- Có thể được, này Upāli, nếu ông vẫn y cứ trên sự thật!

- Thưa vâng!

- Như Lai biết rằng - Đức Phật tiếp tục - Một đạo sĩ Niganṭhā phòng hộ bốn loại cấm giới rất cẩn trọng. Có người vừa đi vừa quét con đường trước mặt, sợ đạp nhằm giun dế, kiến, các loài côn trùng. Có người chỉ uống nước khi đã nấu chín. Có người uống nước ao hồ sau khi đã lọc ba lần. Như thế nào hở ông gia chủ? Các vị ấy có đảm bảo rằng, trong gió, trong hư không, khi hít thở vào lại không có chúng sanh? Có đảm bảo rằng dưới bước chân đi, trong chỗ ngồi, nằm, trong những gáo nước đã uống ấy lại không sát hại những sinh vật li ti nhỏ bé mà mắt thường không thấy được?

- Có thể lắm! Nhưng, không cố ý là không có tội!

- Nếu cố ý thì sao?

- Là có tội, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy chỗ quan trọng hóa ra là ý, cũng là ý nghiệp?

- Đúng là ý nghiệp!

Đức Phật lại mỉm cười nữa:

- Không cố ý, không có tội, cố ý, có tội, ý nghiệp! Hay lắm! Câu trả lời này ông có thấy là ông đã tự phủ nhận lập luận của mình, quan điểm của mình chăng?

Trưởng giả Upāli không tái mặt nữa. Qua hai đoạn đối thoại, qua hai ví dụ cụ thể y cứ trên sự thực của đức Thế Tôn, ông đã nhìn ra vấn đề, đã thấy rõ vấn đề. Tuy nhiên, vì muốn học hỏi, ông vẫn giữ quan điểm đối lập.

- Tuy hay lắm, đúng lắm; nhưng vẫn chưa thuyết phục được tôi, thưa sa-môn Gotama!

- Thôi được! Đức Phật gật đầu - Như Lai cũng kiên nhẫn đưa thêm vài ví dụ cụ thể nữa, được chăng?

- Thưa vâng!

- Ở vùng này, dân cư có vẻ đông đúc lắm, phải không trưởng giả Upāli quý mến?

- Dạ, đông lắm!

- Nếu có một người điên, hung khí nổi lên, sát khí nổi lên - cầm vũ khí sáng ngời trên tay, y nói với mọi người rằng: " Chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na, với thanh kiếm này, tôi sẽ làm cho tất cả mọi người trong vùng này thành một đống thịt, thành một khối thịt?" Lời của người điên ấy, sẽ thành hiện thực không, khi chỉ với một cây kiếm, trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na?

- Thưa, không thể! Dẫu là một kiếm sĩ, kiếm vương, với một thanh kiếm trong thời gian một thoáng khắc, một sát-na thì giết vài người đã không được, mười người lại càng không thể, huống hồ dân cư đông đúc cả một vùng!

- Thế nhưng, này gia chủ! Nếu có một đạo sĩ có uy lực, có đại uy lực do thành tựu đại chú thuật - với tâm sân hận, y nói rằng: "Ta sẽ giết hết tất cả mọi người trong mấy ngôi làng này, chỉ trong một thoáng khắc, một sát-na mà thôi!" Lời của đạo sĩ ấy không biết có thể trở thành hiện thực được không? Trong một thoáng khắc, một sát-na, với tâm sân hận,

y có làm được thế chăng, Upāli?

- Có thể được, thưa sa-môn Gotama! Với tâm sân hận, với đại uy lực do đại chú thuật, trong một sát-na, y không những giết hết mọi người trong mấy ngôi làng, mà còn nhiều hơn thế nữa cũng được đấy!

Đức Phật lại gật đầu, mỉm cười:

- Ông trưởng giả vừa xác nhận là một người, với một thanh kiếm, trong một sát-na, sức hủy diệt của nó không đáng kể gì so với một đạo sĩ có đại chú thuật, có đại uy lực?

- Thưa vâng!

- Thế ra, cái sức mạnh của thân, thân lực không thể nào so sánh được với sức mạnh của ý, ý lực?

- Nhất định vậy rồi!

Nói thế xong, trưởng giả Upāli biết mình không thể nào đứng vào thế đối lập được nữa, ông phụ họa theo:

- Các khu rừng lớn, các khu rừng có tên có tuổi như rừng Daṇḍaka, Kaliṇgā, Mejjha, Mātaṅgā... bị thiêu hủy, mà hiện giờ ai ai cũng không quên được là do tâm sân hận của các đạo sĩ độc ác đấy, thưa sa-môn Gotama!

- Ừ, đúng vậy! Đức Phật nói - Hóa ra ông đã hoàn toàn đồng ý với Như Lai là ý nghiệp có sức mạnh tối thắng hơn là thân nghiệp?

Trưởng giả Upāli chợt quỳ xuống, năm vóc sát đất, vô cùng cung kính đảnh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chỉ với ví dụ đầu tiên "rất ngắn gọn, rất minh nhiên, y cứ trên sự thật" của ngài về "Ý trước thiên"đệ tử đã hiểu ra toàn bộ, đã vô cùng thỏa mãn, hoan hỷ. Nhưng vì đệ tử còn muốn học hỏi, còn muốn hiểu rõ sâu cạn, xa rộng của vấn đề nên đã tự trấn tĩnh mình, đứng vào thế đối lập có vẻ ngu si và cố chấp, xin đức Thế Tôn đại bi xá tội ấy cho đệ tử.

Vị gia chủ đảnh lễ một lần nữa rồi chấp tay, nói tiếp:

- Ôi! Thật là vi diệu thay! Thật là rõ ràng, minh bạch

thay! Đức Tôn Sư đã bi mẫn và nhẫn nại dùng nhiều phương pháp trình bày, ví dụ, giải thích như trao cho đệ tử một ngọn đèn, một đôi mắt sáng để thấy rõ cái cốt lõi của giáo pháp. Vậy nay đệ tử xin quy y Thế Tôn, quy y Chánh pháp, quy y chúng tỳ-khưu Tăng. Mong đức Thế Tôn nhận đệ tử làm người cư sĩ từ nay cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Trưởng giả Upāli đảnh lễ một lượt nữa.

Đức Phật nói:

- Từ từ đã, này gia chủ! Hãy suy nghĩ cho chín chắn trước khi phát nguyện quy y. Chín chắn trong suy tư là một cái gì rất tốt đẹp đối với một trưởng giả có học thức, hiểu biết và hữu danh như ông.

Trưởng giả Upāli lại gập đầu, kính cẩn nói:

- Câu nói ấy của đức Thế Tôn, đúng là phẩm cách của bậc chí nhân, chí thiện và đại trí trên đời này; đệ tử lại càng quy ngưỡng hơn nữa. Sự nương tựa của đệ tử lại càng thêm tịnh tín và bất động.

- Này gia chủ! Như Lai nói rất thật lòng, không có chỗ nào là đãi bôi, khách sáo và hư ngụy ở đây cả. Hiện tại, nhà ông là cái giếng nước đầy tràn giữa ngã tư đường cho các Niganṭhā; là cả một suối nguồn tuôn chảy không bao giờ khô cạn cho các Niganṭhā. Quy y với Như Lai, các Niganṭhā sẽ bảo rằng, Như Lai là một huyễn sư đã sử dụng chú thuật, huyễn thuật để quyến dụ ông, đã cướp đi miếng cơm manh áo của họ. Vậy, không cần thiết phải quy y Như Lai! Hãy trở về với giáo chủ của ông và hãy làm trọn phận sự của một đệ tử thuần thành y như trước đây, là hãy chăm lo bố thí, cúng dường đến cho họ, này gia chủ!

Trưởng giả Upāli nghe đức Phật nói như thế, tâm tư ông tràn đầy an vui và mát mẻ, nói rằng:

- Từ lâu, các tôn giáo khác, cụ thể là các ông Ni-kiền-tử họ đã nói với mọi người và đồ chúng rằng: Hãy đến đây mà

quy y với ta, ta mới chính là đạo sư, chân sư, minh sư trên đời này! Hãy đến đây mà bố thí cúng dường đến ta và đệ tử của ta; bởi như vậy mới có được công đức lớn, phước báu lớn; bố thí cúng dường đến người khác, các tôn giáo khác sẽ chẳng có được lợi lạc gì đâu! Ôi! chỉ có đức Thế Tôn mới nói những lời làm cho đệ tử hoan hỷ tâm, hoan hỷ trí đến như vậy. Đệ tử không quy y sao được, không tìm chỗ nương tựa thích đáng, chân chính cho đời mình sao được, bạch đức Thế Tôn!

Biết được Upāli là người trí thức, đã có sự sáng suốt và tự do trong việc lựa chọn của mình nên đức Phật thuận theo cơ duyên, thuyết cho ông nghe một thời pháp. Đầu tiên, ngài nói về thí, về giới, các cảnh trời - sau đó mới nói đến sự thấp thỏi, hạ liệt, nhiễm ô và sự nguy hiểm của các dục; sự an vui và hạnh phúc của sự lìa thoát, bước ra khỏi chúng. Khi biết Upāli trí rất nhạy bén, tâm đã sẵn sàng, đức Phật bèn tiếp tục giảng nói cái cốt lõi nhất của Tứ diệu đế. Không ngờ do phúc dày, duyên đủ, nghe xong, Upāli lìa bỏ được tri kiến cũ, nắm bắt ngay được tri kiến mới, chứng được pháp nhãn thanh tịnh, thảnh thơi với những bước chân đầu tiên dẫm lên mảnh đất bất tử.

Với những giọt nước mắt ràn rụa, không nói nên lời, trưởng giả Upāli dập trán mình "lộp độp" xuống đất đến rướm máu với sự tri ân vô hạn. Đức Phật làm lễ quy y cho ông trước sự chứng kiến và sự hoan hỷ của các hàng trưởng lão.

Tại trang viện, sớm hôm sau, trưởng giả Upāli tập họp vợ con, hầu thiếp, mọi người trong nhà, cả hằng trăm gia nhân - rồi trịnh trọng tuyên bố như sau:

- Từ rày trở đi, các người ghi nhớ lời này: "Hãy đóng cửa đối với các nam Nigaṇṭhā, các nữ Nigaṇṭhā; và hãy mở rộng cửa, tất cả các cửa chính để trân trọng nghinh đón, mời nước, dọn chỗ ngồi đối với các tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di,

sa-di-ni, nam nữ cư sĩ trong giáo hội của đức Thế Tôn Sākya Gotama!"

Các bà vợ ngạc nhiên, cất tiếng hỏi:

- Sao có việc lạ lùng đến vậy, phũ phàng đến vậy đối với giáo chủ và đồ chúng Niganṭhā mà trước đây ông đã bắt chúng tôi cung phụng họ không mệt mỏi? Vậy nếu nhỡ họ đến thì phải ăn nói làm sao?

Trưởng giả Upāli cất giọng to:

- Đừng ngại gì cả! Đừng sợ gì cả! Cứ nói như thế này: "Thưa các tôn giả, các tôn giả đừng có bước vào! Gia chủ Upāli bây giờ không còn là đệ tử của các Niganṭhā nữa; ông ta đã là đệ tử của đại sa-môn Gotama rồi!"

- Thế không cúng dường vật thực cho họ nữa hay sao?

- Có! Có! Đức Tôn Sư của ta có dạy bảo là nên cúng dường cho họ. Nhưng trong trường hợp ấy, hãy yêu cầu họ đứng bên ngoài, và các người hãy mang vật thực ra tận nơi mà đặt bát! Hãy nhớ như vậy!

Du sĩ Dīghatapassa khi nghe đồn trưởng giả Upāli đã quy giáo đức Phật, ông tự nhủ rằng: "Đúng là vậy rồi, không thể sai trật!" rồi vội vã đến báo tin ấy cho giáo chủ của mình hay. Niganṭhā Nāṭaputta không tin:

- Ngược lại mới đúng, này Tapassa! Có lẽ sa-môn Gotama quy giáo thiện nam tử Upāli của ta mà thiên hạ nghe nhầm đấy!

Dīghatapassa nói đến ba lần và cả ba lần ông giáo chủ cũng lặp lại nguyên ý cũ, lại còn bảo:

- Nếu không tin, ông hãy đến trang viên thiện nam tử của ta mà xem!

Dīghatapassa nói:

- Đi thì đi, nhưng đệ tử biết chắc như đinh đóng cột rằng là, Upāli đã vĩnh viễn từ bỏ Niganṭhā của chúng ta rồi!

- Tại sao? Ông giáo chủ quắc mắt - Tại sao ông lại nói lên điềm gở ấy?

- Tại sao ư? Vì đệ tử biết rõ Upāli người có trí mà sa-môn Gotama lại là bậc đại trí! Thế thôi!

Thấy Nāṭaputta gườm gườm có vẻ tức giận, Tapassa bước nhanh ra ngoài, tìm đến trang viện của Upāli. Ông bị người ta chặn ở cửa:

- Xin tôn giả chớ có bước vào!

- Tại sao?

- Gia chủ Upāli bây giờ đã là đệ tử của sa-môn Gotama rồi. Nếu muốn, tôn giả cứ đứng ở đây, chúng tôi sẽ đặt đầy vật thực.

- Ta không cần đồ ăn!

Tapassa bước lui và đi liền một mạch về kể lại sự thực cho giáo chủ Ni-kiền-tử.

Muốn hỏi cho ra lẽ, Nāṭaputta triệu tập đồ chúng, kéo đến trang viện của Upāli. Họ cũng bị viên gia nhân chặn ở cửa, không ngoại lệ.

Tức giận quá, Nāṭaputta quát to:

- Hãy báo cho Upāli biết, là giáo chủ Nāṭaputta đang đứng ở ngoài cửa, muốn gặp ông ta.

Khi gia nhân vâng lời đi vào trong thưa báo, giáo chủ Nāṭaputta tự nghĩ: "Tapassa và thiên hạ nói đúng sự thật rồi. Trước đây, khi ta đến, vị gia chủ này đi đón ta xa ngoài ngưỡng cửa, đầu cúi thấp, một tay chấp lại, một tay rải hoa rải hương thơm ngào ngạt. Vào trong, nơi chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao, tối thắng như vua chúa, ông ta còn lấy thượng y quý phái của mình mà lau chỗ ngồi cho ta nữa. Còn nay thì sao? Còn nay thì một tên gia nhân, lại dám đóng sập cửa trước mũi của ta!"

Khá lâu sau, thấy cửa chính được mở ra; và ông quản gia tóc bạc dẫn họ vào một căn phòng lớn, sang trọng. Các chỗ ngồi đâu đó đã được soạn sẵn. Tại chỗ trân trọng nhất, có một lò trầm và một bình hoa tươi thắm đặt trên chiếc bàn phủ nhung đỏ, ở đấy là nơi mà ông giáo chủ thường ngồi, thì

nay là Upāli trong phục sức của một trưởng giả phú quý trong địa vị là một gia chủ đang đợi khách!

Upāli cất giọng cười to, đưa bàn tay ra:

- Quý hóa quá! Hân hạnh có tôn giả ghé thăm! Các chỗ ngồi đã được soạn sẵn, nếu muốn, tôn giả cứ lựa tìm chỗ ngồi ở nơi phải lẽ!

Ông giáo chủ nổi giận đùng đùng:

- Ông thật là điên cuồng, này gia chủ! Ông thật là ngu si, này gia chủ! Ông xin ta được đi luận chiến với sa-môn Gotama; nói hay, nói ho, nói đẹp, nói khéo; nói có hình tượng... nào là sẽ vặt, sẽ vần, sẽ dặc, sẽ chơi trò chơi phun nước; sẽ buộc chặt ông ta, trói ké ông ta trong màn lưới luận nghị vô phương vùng vẫy. Bây giờ thì sao nào? Ông đi với hai hòn cao hoàn[1], khi về, cả hai hòn cao hoàn đều bị sa-môn Gotama thiến trụi! Ông đi với hai con mắt, khi về, cả hai con mắt đều bị sa-môn Gotama khoét tiệt! Thật sự, ông đã bị huyễn thuật của sa-môn Gotam dụ dỗ, lôi cuốn rồi! Tự mãn cái gì? Tự đắc cái gì mà huênh hoang vênh váo thế kia?

Trưởng giả Upāli cười sảng khoái:

- Hay lắm! Tuyệt lắm! Và lại càng vi diệu hơn nữa là trò huyễn thuật của sa-môn Gotama! Nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi mà được huyễn thuật này lôi cuốn thì an lạc và hạnh phúc cho họ xiết bao! Nếu các người sát-đế-lỵ mà được huyễn thuật này hấp dẫn thì an lạc và hạnh phúc cho họ vô cùng! Cũng vậy là các bà-la-môn, vệ-xá, thủ-đà-la! Cũng vậy là chư thiên, ma vương, phạm thiên, loài người, các sa-môn, đạo sĩ... mà được huyễn thuật của sa-môn Gotama thì thật là đại hạnh cho ba cõi! Là môn đệ của đức Tôn Sư ấy, Upāli tôi xin được cảm ơn tôn giả đã dùng từ huyễn thuật rất chính xác vậy!

Ông giáo chủ cứ "hừm, hừm", giận quá nên không nói

[1] Xin lỗi, ông giáo chủ đã ví dụ tục tĩu - cao hoàn là hòn dái!

được lời nào cả.

Trưởng giả Upāli thản nhiên tiếp tục:

- Cũng xin cảm ơn tôn giả đã đưa ra hai ví dụ về hai hòn cao hoàn bị thiến và hai con mắt bị khoét! Thật là hình tượng lắm, mà miệng lưỡi cũng cay chua, độc địa lắm! Tôi cũng có hai ví dụ xin được kể hầu tôn giả đây. Có một ông phú hộ nọ mắt lé, chân thọt, cưới mụ vợ cũng mắt lé, chân thọt; khi sinh ra một cô tiểu thư cũng mắt lé, chân thọt. Thế nhưng, ông ta hãnh diện lắm, nghĩ trên trần gian này, người nào mắt lé, chân thọt đều đẹp cả; ai có được ngũ quan toàn hảo thì ông cho là xấu. Từ đó, ông nhìn cuộc đời bằng cái khuôn "mắt lé, chân thọt". Và "quan điểm mắt lé, chân thọt" ấy là giáo pháp của tôn giả, thưa tôn giả kính mến. Cái giáo lý ấy thật là kỳ hình dị dạng nhưng tôn giả cho là toàn mỹ, tuyệt bích; ai không tu theo tôn giả thì tôn giả cho là xấu, là sai! Bao nhiêu năm qua, tôn giả đã biến tôi từ một con người bình thường, một tâm và một trí bình thường - thành một con người có mắt lé và chân thọt. Tôi đã nhìn thế gian bằng đôi mắt lé, xiên xẹo, nghiêng lệch nên không còn thấy đâu là cái chính đính, trung chính, đúng đắn, như chân như thực nữa. Còn lộ trình tu tập thì tôi bước đi bằng đôi chân thọt, lập đập, nghiêng bên này, ngả bên kia... theo cái lộ trình sai lầm, ngu si, điên đảo của tôn giả. Đến với sa-môn Gotama, một giáo pháp như chân như thực, đã trả lại cho tôi một con người như chân như thực; tôi như được sống lại, tôi như được vén mở hằng triệu đêm tăm tối để thấy được ánh sáng mặt trời - thưa tôn giả kính mến! Đấy là ví dụ thứ nhất.

Tuy biết ông giáo chủ đã giận lắm rồi, nhưng hôm nay trưởng giả Upāli quyết ăn miếng trả miếng, đòi lại cái món nợ "thiến cao hoàn và khoét mắt" nên thủng thỉnh nói tiếp:

- Có một người thợ nhuộm thiện xảo về nghề nghiệp của mình. Ông ta là vua màu sắc và vua thợ nhuộm: cái gì ông nhuộm cũng được cả. Trong cái xưởng của ông, không

những vải vóc, áo quần... mà bàn ghế, giường tủ, vật dụng gì gì ông cũng nhuộm cả, sắc màu tự ông nghĩ ra. Hôm ấy, vợ ông mua về một con khỉ để cho đứa con nhỏ của ông chơi. Ngắm nghía con khỉ, tự dưng, thích thú quá, ông mỉm cười. Sau đó, ông pha chế sắc màu và nhuộm con khỉ theo ý nghĩ của mình. Thế rồi, tay chân, mặt mũi, lưng bụng gì của con khỉ cũng bị nhuộm cả với rất nhiều sắc màu khác nhau. Thế là con khỉ nhảy múa, leo trèo gì trông cũng vui vẻ như một vũ điệu về màu sắc. Đứa trẻ con ông thích thú quá, cười sặc sụa. Nhìn đứa trẻ, thấy chẳng giống con khỉ chút nào - ông bèn nghĩ cách nhuộm đứa bé cho giống con khỉ để chúng chơi với nhau. Bà vợ bước vào, không còn nhìn ra đứa bé con của mình nữa, bà chết giấc! Thưa tôn giả, giáo pháp của tôn giả là ông thợ nhuộm thiện xảo ấy. Tôn giả muốn nhuộm cả thiên hạ cho giống con khỉ kia! "Con khỉ chẳng ra con khỉ là quan điểm, là triết học, là nhân sinh quan" của tôn giả! Tôi đến với tôn giả, tôn giả đã nhuộm tôi như nhuộm đứa bé sao cho giống con khỉ, chẳng nhìn ra con người là ở đâu nữa. May thay mà cũng phúc lành thay, tôi đến với sa-môn Gotama, và tôi đã hoàn thân lại con người với mặt mũi tay chân, tâm trí gì cũng là con người cả! Được trở lại làm người! Đấy là ví dụ thứ hai!

Nghỉ hơi một lát, trưởng giả Upāli nói:

- Để kết luận, và đây cũng là lời cuối cùng, trang viện này, từ nay, đóng cửa đối với các nam, các nữ Niganṭhā, và tôn giả cũng không loại trừ, thưa tôn giả giáo chủ kính mến!

Nói thế là đã "cạn tàu, ráo máng", thế nhưng, vị giáo chủ của chúng ta còn cố vớt vát, hỏi câu cuối cùng:

- Thế gia chủ làm đệ tử sa-môn Gotama thật sao?

Trưởng giả Upāli chợt cười ha hả, đứng bật dậy, trật y vai phải, quỳ xuống, hướng đến khu rừng Pavarikāmba, nơi đức Phật đang ngự, đảnh lễ năm vóc sát đất rồi cũng ra oai bắt chước tiếng rống của "tiểu sư vương":

"- Khi mặt trời đã lên rồi, thì các ngọn đèn, những con đom đóm biết thắp sáng cho ai nữa? Mặt trời ấy là đại sa-môn Gotama, là bậc chân sư, là đạo sư của tôi! Thảm thương thay là những cái lắt lay, leo lét của các ngọn đèn, của những con đom đóm mà dám so với ánh sáng mặt trời! Khi hải triều âm đã vọng lên rồi, thì còn đâu nữa tiếng vỗ của suối, của sông, tiếng reo của lá gió, của muôn phương gầm rú, của khỉ vượn cọp beo? Hải triều âm kia là chánh pháp của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Khi đỉnh Himalaya đã cất cao đầu, thiết lập vị trí thống lãnh, đầy uy lực làm vua vạn sơn thì núi lớn, núi nhỏ, những gò, những đống kia, sao không biết tự thẹn mà còn dám danh xưng thế này thế nọ? Đỉnh Himalaya kia là sự chứng ngộ của đại sa-môn Gotama, là chân sư, là đạo sư của tôi! Ôi! Vị ấy có trí sáng, có tâm vô biên, có giới đức, có tuệ đức, có định đức, bậc điều ngự, vô thượng sĩ, đại ngưu vương, đại long vương, đại sư vương, thầy ba cõi, bậc thiện thệ, đấng đại giác, đại giải thoát...Và đức Thế Tôn ấy là chân sư, là đạo sư của tôi, tôi là đệ tử Người!"

Nghe trưởng giả Upāli tán thán đức Phật hết ngôn ngữ, hết hình ảnh như thế, Niganṭhā không còn chịu đựng nổi nữa, ông thổ huyết nóng tại chỗ, các đệ tử đi theo phải dìu ông trở về.

Đạo sĩ Dīghatapassa đứng lại một lát, ông mỉm cười nhẹ rồi nói với gia chủ Upāli:

- Trưởng giả đã sáng suốt lựa chọn con đường cho mình, điều ấy là rất tốt và là việc cần làm! Nhưng trả đũa đến độ làm cho giáo chủ chúng tôi bị thổ huyết, ấy là việc hơi quá đáng, không nên làm!

- Tôi đã biết lỗi lầm của mình rồi!

Nhìn vẻ mặt có vẻ ăn năn của gia chủ Upāli, Dīghatapassa trấn an ông:

- Nhưng vì giáo chủ chúng tôi đưa ví dụ cái "cao hoàn"

ra mà nói chuyện lại càng quá đáng hơn! Lỗi về phần ông ấy! Ngưng một lát, thở dài, nhìn Upāli, rồi ông nói như tâm sự - Trước sau gì tôi cũng đi theo bước chân của trưởng giả, tôi sẽ xin xuất gia trong giáo pháp của sa-môn Gotama! Sống với kẻ trí, dù có ngu dốt tới đâu, ta cũng học được một vài lợi ích! Con đường tu học, nếu lựa chọn sai lầm, sẽ khổ đau trong nhiều đời kiếp, có hối cũng không còn kịp nữa!

- Xin cảm ơn đạo sĩ!

- Đừng cảm ơn tôi! Tôi phải cảm ơn gia chủ đã làm cho giáo chủ chúng tôi thức tỉnh một phần nào!

Họ từ giã nhau rất thân thiện.

Trong lúc đức Phật cảm hóa Dīghatapassa thì các vị tôn giả Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa tiếp độ thân bằng quyến thuộc của mình. Riêng tôn giả Sāriputta thì dẫn được hai cô em gái là Cālā và Upacālā đi theo về Vesāli rồi sẽ cho xuất gia tại đó.

Khúc Thán Ca
Vô Thường Bất Hủ

Rời Nālakagāma, đức Phật và đại chúng bộ hành theo con đường thương mãi để đến thị trấn Pāṭaligāma phồn vinh bên này phía nam sông Gaṅgā. Tại đây, ngài dừng chân một vài trú xứ, sách tấn tăng ni, sau đó vượt sông lên Vesāli...

Sau trận tai họa dịch bệnh, Vesāli phục hồi sinh lực rất nhanh. Nhờ biết tin vào những giá trị thiêng liêng, biết đoàn kết, biết sinh hoạt hội đồng với tinh thần dân chủ, biết cải cách chính sách kinh tế - nên đất nước sớm giàu mạnh, thịnh cường. Đi vào thành phố, chỗ này cũng công trường, chỗ kia cũng công trường. Ba bức tường thành chớn chở và kiên cố vòng quanh Vesāli như những vòng đai thép bảo vệ kinh đô - có ba cửa lớn vào ra luôn luôn có lính ôm gươm giáo sáng lòa. Rồi những vọng gác và những vọng gác, đêm đêm hỏa đăng sáng rực. Những dãy phố, dãy lầu kéo dài từng dặm, từng dặm phô ra tất cả mọi đường nét và sắc màu nguy nga tráng lệ...

Đi bên sau đức Phật, chư tăngi trầm trồ vì coi chừng, Vesāli sẽ vượt trội Rājagaha!

Biết đức Chánh Đẳng Giác không muốn xen vào một nhận xét nào, nên tôn giả Sāriputta nói:

- Là bậc xuất gia phạm hạnh, chúng ta không nên góp ý về việc phú cường của một quốc độ. Riêng tôi thì chỉ thấy lòng người thể hiện ra bên ngoài mà thôi! Tôi đọc được rằng, đó là tham vọng chinh phục, tham vọng bá chủ và cả tham vọng củng cố quyền lực. Tôi lại còn nghe mùi binh đao và máu lửa nữa đấy!

Nghe vậy, đức Phật bảo:

- Hãy ghi nhớ lời của Sāriputta! Đấy cũng là pháp duyên khởi đương nhiên vậy!

Đêm đó, đức Phật và đại chúng ngụ ở Đại Lâm. Tôn giả Sāriputta dẫn hai cô em gái sang ni viện để hôm sau cho thọ giới.

Cuộc lễ vừa chấm dứt thì tỳ-khưu-ni Ambapālī từ ngoài vào, đến đảnh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão. Đức Phật mỉm nụ cười nhẹ:

- Này con gái, đời sống phạm hạnh với tuổi già có thấy dễ chịu không?

- Rất mát mẻ và thảnh thơi, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ! Đức Phật gật đầu - Con cũng đã trải qua không biết bao nhiêu là gian truân, chìm nổi. Chỉ do một phát ngôn bất cẩn, thiếu thận trọng mà con đã chịu không biết bao nhiêu kiếp đọa đày, thống khổ.

- Đệ tử cũng đã biết rồi, đã thấy rồi, bạch đức Thế Tôn!

Thế là cả đại chúng hôm đó đều đã biết người kỹ nữ nổi tiếng thành Vesāli, vị tỳ-khưu-ni già đã chứng quả A-la-hán, luôn cả thần thông.

Và đây là câu chuyện của nàng.

Sau khi xuất gia, tỳ-khưu-ni Ambapālī không được vui do tuổi già, không còn đủ lanh lẹ trong mọi sinh hoạt như các tỳ-khưu-ni khác. Có một dao động mãnh liệt khi thấy bản chất già yếu, lụm khụm, mệt mỏi... và sự biến đổi, thay đổi của thân xác.

Hôm kia, ngồi bên bờ suối vắng vẻ, nhìn ngắm chiếc

bóng già nua thấp thoáng ẩn hiện trong dòng nước, tỳ-khưu-ni Ambapālī kinh cảm, tràn đầy xúc động, thốt lên một bài kệ như sau:

" - Ôi! Mái tóc thanh xuân của ta,
Mái tóc màu xanh sậm tợ mắt con ong chúa
và bồng bềnh sóng gợn từ gốc tới ngọn
Bây giờ sắc đẹp ấy đã bị phá hủy
Do bệnh hoạn, do tuổi già
Do lửa thời gian thiêu đốt
Nó khô rang giống như sợi vỏ cây gai dầu
Ai rồi cũng phải bị tuổi già khống chế,
bị sự vô thường chi phối
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Mái tóc của ta tỏa hương thơm
giống như một hộp đựng châu báu
hoặc như một hộp đựng hương
Do trên đầu ta luôn phủ đầy hoa puppheti,
hoa campaka, hoa aribian
cùng bột hương và các loại hương liệu tế nhị, quý phái
Còn nữa, mái tóc ta dày rậm
như một khu rừng khéo trồng,
mỗi sợi tóc là mỗi gốc cây luôn được bảo vệ,
chăm sóc như trong công viên của hoàng gia,
Nó mềm mại, êm ái và sực nức thơm tho.
Lại còn được làm đẹp
với lược gắn bằng vàng ròng tinh chất,
với trâm cài có đính kim cương -
Nó óng ánh, đẹp đẽ
và chói sáng giống như ngày hội của muôn sao
Bây giờ thì nó đã thưa thớt dần
Sau khi cạo bỏ,
nó lại phảng phất mùi hôi như lông chú cún,

khó chịu như mùi lông cừu
Ôi! Quả đúng là một rừng bất tịnh
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Đôi làn mi của ta
đã được họa sĩ trứ danh khéo vẽ
Đẹp tựa vầng trăng lưỡi liềm
Nó không những điểm màu xanh tinh tế,
màu gợi cảm tinh tế
mà còn pha thêm hồn của liễu rủ,
hồn của những sợi tơ con bướm ngài
Phải nói là nó đẹp đến tuyệt mỹ, vô song
Bây giờ đôi làn mi ấy
chỉ còn là những sợi rơm rạ khô vàng
kéo theo những tia nhăn nheo phủ xuống mệt mỏi,
báo hiệu sự già lão, chết chóc
Ôi! Một thời,
Đôi mắt của ta đen huyền và xanh thẳm
như đôi mắt của chúa bồ câu,
chúa thiên nga, chúa nai trong rừng sâu
Nó lại còn rực rỡ, chói ngời
nhưng xanh trong và tỏa sáng dịu dàng
như hai luồng châu báu
Bây giờ, tháng năm biến đổi
Nó đã đục lờ như nước sữa chua
Nó đã lấm tấm mọc lên li ti
những mụn bụi, mụn cát màu xám nâu
Nó xấu xí, bạc nhược và vô hồn đến nỗi,
có thể đem so với đôi mắt con cá chết,
nhưng mà con cá chết ươn!
Ôi! Đang lúc tuổi trẻ dậy thì
Mũi của ta mềm dịu,
Ngay thẳng và sáng trong

Sống mũi là một gò núi tinh tế, tuyệt hảo
Nó kiều diễm như châu ngọc không có tỳ vết
Bây giờ thì nó sụp xuống như ống cống bị gãy
lại còn tươm rỉ nước mũi lệt sệt hôi hám
Ôi! Sự thật vô thường thật là khó kham, khó nhẫn;
Đúng như lời dạy bảo của đấng Giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Đôi tai của ta, vành tai,
trái thùy châu của ta
Nó được những vòng vàng, vòng ngọc,
vòng bạc khéo chế tạo, tế nhị điểm trang
Nó sáng chói như ngọc chuốt
Bây giờ thì nó chảy xệ xuống,
nhăn nheo rủ xuống như hai miếng giẻ rách
Ôi! Sự thật vô thường thật đáng sợ
Đúng như lời dạy bảo của đấng giác Ngộ, không sai!
Ôi! Một thời,
Hàm răng của ta trắng tinh như ngà,
đều đặn như hạt lựu, hạt bắp,
trắng nõn như búp măng chuối mới sinh
Nay thì nó bị bể, bị gãy, bị sâu đục
rồi chiếc rụng, chiếc long
và chúng ngả sang màu vàng, đen xỉn
Trông mới ghê sợ, thê thảm dường bao!
Ôi! Một thời,
Giọng nói, âm sắc của ta ngọt ngào, ngọt lịm
Nó êm ái, du dương
Nó mê ly, thánh thót
Nó quyến rũ mê hồn
Khi ta thốt lên thì nó thỏ thẻ, đường mật,
gợi tình như tiếng chim cu
sống chung trong cánh rừng
cùng những ca sĩ non xanh líu lo tấu nhạc

trong một khúc trường xuân miên viễn
Nay thì nó rè rè, khan khàn, đứt đoạn
giống như gió thổi qua ống sáo trúc bị nứt bể!
Ôi! Một thời,
Chiếc cổ của ta thật là kiều diễm
Nó đầy đặn, mềm mại, tròn sáng
Như vỏ ốc xà cừ bằng vàng
được đánh bóng công phu, khéo tay và tinh tế
Giờ đây trông nó như vỏ mướp đắng phơi khô,
có nhiều ngấn quăn queo,
chỉ còn là bì da đựng lớp mỡ thừa,
chảy xệ, nhão nhoẹt.
Ôi! Một thời,
Hai cánh tay trần của ta mềm mại, tròn trịa
vàng sáng như được tô ngọc
hòa thêm với ánh trăng đêm mười sáu
Nó còn giống như hai ống ngọc tròn
vòng quanh ngôi đền tình ái
Nay thì nó đã xiêu đổ, biến dạng, đổi hình
Và nó yếu ớt, tàn tạ
như đóa hoa kèn trắng bệch
không còn chút huyết sắc nào
Ôi! Một thời,
Hai bàn tay của ta trắng trẻo, mềm dịu,
sáng trắng như trứng gà bóc
Lại còn nhẫn vàng, nhẫn ngọc,
nhẫn kim cương, hột xoàn trang điểm
tô chuốt óng ánh bóng ngời
Nay thì nhăn nheo, nhũn nhèo
mềm xèo như cây hành héo
như nhúm cải luộc!
Ôi! Một thời,
Cặp nhũ của ta căng phồng, tròn trịa

Mơn nõn như hai trái đào tiên
đầu vú cứng cáp tràn trề sinh lực
và đỏ hồng như điểm chu sa
Nay thì nó chảy xệ xuống
Như bầu da khô sữa không còn căng đầy
Như túi nước đã rỉ hết nước
ẻo xèo và nhăn nhúm
Ôi! Một thời,
Thân ta thon thả và chói sáng
như áo giáp vàng đánh bóng
Sau khi đã bôi lên một chất son tinh khiết
Đâu cũng mịn màng, láng lẩy
Đâu cũng tròn căng và thơm tho
Nay thì chúng đã xuống cấp
Như ngôi nhà mối mọt
Đã tàn tạ và mục rữa ở khắp mọi nơi
cả những sinh bào bé tí
cũng cau mặt, nhăn nhiu thảm hại
Ôi! Một thời,
Cặp đùi của ta múp míp đầy đặn
ánh ngời như cặp ngà voi
Mềm mại và uyển chuyển
như bước đi của tiên nữ
Và nó đã làm cho bao nhiêu
vương tôn công tử chết đứng chết ngồi
Vì nó đã được ông thợ trời khéo khắc, khéo tạc
Thành một tác phẩm tuyệt mỹ
Nay thì giống như hai ống tre khô giòn
đến thời quăng vào lửa đốt!
Cặp bắp chân của ta cũng thế
Như được uống nước no,
mịn màng và vàng óng
Lúc nào cũng giống như đôi giày được độn đầy bông

Nay thì nó gầy gò, teo tóp, xương xẩu
rất ít thịt và máu
giống như thân cây mè khô
được cắt bỏ ngoài đồng ruộng
khô nỏ, nứt nẻ
Những sợi lông chân của ta
cũng mịn màng vàng óng
Bây giờ thì như cây cỏ
trong ngôi rừng vừa bị lửa cháy!
Ôi! Cái thân, cái thân!
Các pháp hữu vi kết hợp này
Nó chịu cái già lão hủy hoại
Cái ngôi nhà được vô minh và ái dục xây nên
Nay đã cũ kỹ
cột kèo, đòn dông đã bị hư mục
Mái lợp, tấm che đã xiêu rách tả tơi
Và những lớp vôi trét tường đã đến hồi rụng rã
Cái thân vô thường này
là một cái bọc chứa đầy bất tịnh và đau khổ
Lời dạy của đức Tôn Sư
muôn đời là sự thật
Tham luyến, chấp thủ gì nữa
mà không chịu rời xa?"

Sau khi thốt lên lời thán ca về sự vô thường, biến đổi, bất tịnh của cái thân như thế, tỳ-khưu-ni Ambapālī nắm ngay tướng bất tịnh ấy, lìa tham ái, chấp thủ, đoạn trừ năm triền cái, năm thiền chi xuất hiện đi vào định thiền, tuần tự sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chỉ trong thời gian bảy ngày. Nhờ tâm định vững chắc, kiên cố, nàng quán sát danh sắc, thấy được thực tánh, tam pháp ấn hiển lộ, chứng đắc các tầng tuệ giác, từ cạn vào sâu, chứng quả A-la-hán với đầy đủ ba minh.

Bổi hổi, bồi hồi, lạc phúc và an tịnh, nàng dùng thiên

nhãn, sanh tử minh, rồi túc mạng minh chiêm quan nhìn ngắm các kiếp sống trầm luân sinh tử của mình, cảm thán, nàng thốt lên một bài kệ tán ca nữa:

"- Hóa ra ta đã có căn duyên
từ thời Phật Phussa
Ta thuộc dòng dõi Sát-đế-lỵ
Là chị gái của đức Hiền Trí ấy
Tuy nhiên, dẫu lắng nghe chánh pháp
dẫu bố thí cúng dường lớn lao
ta cũng chỉ biết
cầu mong có được sắc đẹp diễm kiều
Đến thời Phật Sīkhī xuất hiện
Ta sinh ra
trong kinh đô Aruṇa tuyệt vời thanh lịch
Ta xuất gia tỳ-khưu-ni trong giáo pháp này
Hôm kia,
dẫn đầu đoàn Ni chúng đông đúc
đến chùa nghe pháp đức Thế Tôn
có một vị Trưởng lão ni lậu hoặc đã tận
do hắt xì hơi nhổ ra một bãi đờm
Ta bước qua, thấy bãi đờm,
cất lời nguyền rủa
"Con kỹ nữ nào
dám nhổ cái đống bất tịnh ở đây!"
Do lời ác khẩu
phỉ nhổ bậc thánh vô nhiễm
Ta bị đọa sanh ở cõi hỏa ngục
chịu nhiều cực hình đau đớn
Sau đó bị dư nghiệp của quả báo
Ta bị làm kỹ nữ suốt mười vạn kiếp nữa
Đến thời Phật Kassapa
Ta được xuất gia tỳ-khưu-ni
với bậc Đại Chiến Thắng

Nhờ giới hạnh trong sạch
Tích lũy thiện nghiệp
Ta được hóa sanh vào cõi Tam thập tam
Đến thời Phật Sākya Muni hiện tại
Do đã chán các thai bào dơ uế
Nên tuy sanh làm người
Nhưng ta lại hóa sanh tại cây xoài
Nên được đặt tên là Ambapālī
Do nghiệp còn dư sót
Ta vẫn làm kỹ nữ
Do sắc đẹp, tài năng -
thế gian không ai sánh nổi
Nên được phong danh hoàng hậu kỹ nữ
Khi tuổi chiều bóng xế
Ta lại được nghe pháp của đức Thế Tôn
Duyên xưa trổ sanh
được xuất gia tỳ-khưu-ni
Và không mấy chốc
ta đã đạt Tam Minh
Mọi lậu hoặc, kiết sử không còn nữa
Ta thênh thang giải thoát
Ta vô ngại giải thoát
Ta chẳng còn tái sanh, luân hồi nữa
Ta đã làm trọn hảo phận sự của mình
Thực hiện đúng đắn lời dạy của đức Tôn Sư
Chẳng còn gì để làm nữa trên cõi đời
Vô lượng tri ân bậc Vô tỷ vết,
bậc Chiến thắng tam giới,
đã cho con nếm thưởng
hương vị Pháp bảo vô sanh bất diệt!”

Những đoạn kệ, nhất là bài thán ca vô thường bất hủ của tỳ-khưu-ni Ambapālī không mấy chốc được lan truyền đi khắp nơi. Một vị thánh ni, xuất thân là một kỹ nữ vừa được

sanh ra trong giáo pháp của đức Thế Tôn là một biến cố trọng đại, được mọi người xưng tán, tôn trọng tụng ca, hàm tàng biết bao nhiêu ý nghĩa, khó nói cho hết được.

Chiếc Lá Đắng

Rời ni viện, đức Phật trở lại Sảnh Đường Nóc Nhọn ở Mahāvana thì thấy chư tăngi trong vùng đã tìm đến và đợi ngài rất đông. Các vị tôn giả ở trú xứ này và các vùng lân cận tìm đến đảnh lễ và vấn an sức khỏe của ngài.

Đức Phật thấy các vị có số đã già yếu như Vappa, Assaji... ngài khuyên không cần thiết phải ta bà khổ hạnh trì bình khất thực nơi này và nơi kia nữa; nên ở một trú xứ, thường là có tứ sự đầy đủ để cho chư tăngi nương nhờ, y chỉ. Các vị trưởng lão khác như Gayākassapa, Nadīkassapa... cũng không cần thiết phải thọ trì hết tất cả các pháp đầu-đà, tuổi tác và khí huyết suy nhược sẽ không kham nổi nắng mưa, sương gió; nếu bệnh mà nằm xuống là thiếu mất những bậc giáo thọ uy nghi, gương mẫu và nhiều kinh nghiệm.

Các vị cúi đầu, tuân mệnh.

Buổi chiều, một vị vua trong số ba vua Licchavī dẫn một hoàng tử còn trẻ đến yết kiến đức Phật. Vị vua tâu nhỏ rằng, hoàng tử, con của ông cứng đầu khó dạy bảo quá; nguy hiểm nhất là nó lại rất độc ác. Sự phẫn nộ, hung dữ của nó thật không còn ai chịu đựng nổi. Với tay chân thuộc hạ xung quanh, khi mà nó nổi trận lôi đình lên thì nó đánh nó đập với đùi với gậy, với cả gươm đao nữa. Nó độc hơn cả một con

rắn độc! Nó điên cuồng hơn cả một con voi động dục! Cha mẹ, anh em, họ hàng không những không khuyên lơn gì được mà nó còn coi chúng tôi không ra gì! Nghe đức Tôn Sư đến, chúng tôi rất mừng. Cả hội đồng hoàng gia họp kín, nói rằng, chỉ may ra đức Tôn Sư mới giáo hóa nó nổi mà thôi! Vậy, trăm lạy Tôn Sư, ngàn lạy Tôn Sư, vạn lạy Tôn Sư hãy mở tâm Đại Từ Bi và Đại Trí Tuệ cứu độ, tiếp độ con của chúng tôi!

Thấy vị vua già sụp lạy với cái trán lộp độp dưới đất, đức Phật đứng dậy, kéo tay ông, chỉ vào một chiếc ghế bên cạnh, nói rằng:

- Hãy bình tĩnh ngồi xuống, thư giãn một chút đi. Chuyện đâu còn có đó. Ừ, Như Lai sẽ giúp đức vua!

Nói xong, đức Phật tản bộ ra ngoài sân, thấy hoàng tử trẻ đang dùng lửa đốt một ổ mối, ngài biết là ác độc đã như là một cái gì bẩm sinh do nghiệp quá khứ chi phối đã trở thành quán tính mất rồi! Khởi một làn sóng tâm từ bao trùm "ông hoàng con" rồi ngài dịu dàng nắm tay chú bé kéo dậy. Thấy vị đại sa-môn với nụ cười tươi rạng, đồng thời cảm nhận một cái gì đó mát mẻ cả châu thân, chú bé vui vẻ... bước theo ngài, không cưỡng được. Rồi từng bước một, từng bước một, họ đi dạo như hai người bạn thân.

- Tiểu hoàng tử thấy dễ chịu khi đi bên Như Lai chứ?

- Dạ thưa vâng, rất dễ chịu!

- Ở trong chỗ hoàng cung cao sang, tiểu hoàng tử thường thấy mình dễ chịu hay khó chịu?

- Thưa, ít lắm, lúc nào con cũng nóng nảy, bực bội, muốn đập một cái gì đó, muốn đánh một cái gì đó... cho đã nư, cho hả dạ!

- Những lúc như vậy chắc trong lòng tiểu hoàng tử "nóng" lắm nhỉ?

- Thưa vâng, nóng lắm, nóng như có lửa đốt bên trong!

- Ừ, vậy thì khi nào nóng nảy quá thì đến đây đi dạo với

Như Lai. Không có Như Lai thì đi dạo với các vị trưởng lão, để cho cái lửa ấy nó nguội đi, được chăng?

- Thưa vâng!

Đức Phật mỉm cười, mỉm cười với tâm từ:

- Tiểu hoàng tử đã tỏ ra rất ngoan ngoãn! Vậy thì đi dạo với Như Lai một chút nữa nhé! Như Lai muốn cho tiểu hoàng tử xem cái này!

Dừng lại bên một mầm cây Nimba có vị đắng kinh khiếp vừa nhú lên hai lá, đức Phật nói với chú bé:

- Tiểu hoàng tử có thấy cái mầm cây nhỏ bé mà trông rất sung sức ấy không?

- Thưa, thấy ạ!

- Tiểu hoàng tử hãy nhấm chiếc lá của cái cây ấy xem thử mùi vị nó như thế nào?

Chú bé cúi xuống rứt chiếc lá. Trong lúc ấy thì đức Phật trả lại tâm tính tự nhiên cho chú bé, không sử dụng năng lực của tâm từ nữa.

Chú bé đưa vào miệng, vừa cắn một chút từ đầu lưỡi, chú vội vàng nhả ra, vừa nhổ xuống đất vừa phun phì phì - kèm theo lời nguyền rủa:

- Cái lá chết tiệt! Cái lá giết người!

Đức Phật mỉm cười:

- Tiểu hoàng tử cảm nhận chiếc lá ấy ra sao?

Chú bé nhăn mày đáp:

- Thưa đại sa môn! Lá ấy đúng là thuốc độc chết người; nếu mà nó lớn lên, không biết sẽ làm chết bao nhiêu người khác nữa!

Nói xong, chú bực bội nhổ cây Nimba lên, chà nát nó trong hai tay của mình với dáng vẻ vô cùng tức giận. Rồi chú chỉ vào xác lá, đọc lên một câu kệ:

“ - Chỉ chiếc lá tỉ ti!
Cách đất bốn đốt tay
Mà sao lại độc ác

Lớn lên tích sự gì?”

Biết nhận thức đúng đắn trong tâm chú bé đã khởi động, đức Phật dịu dàng nói:

- Cây Nimba nhỏ bé này, vị nó đắng chát chết người, lớn lên sẽ chẳng làm được gì, là đồ ăn hại, có phải thế không, tiểu hoàng tử?

- Thưa, đúng vậy! Là đồ ăn hại, nên con đã hủy diệt nó rồi, thưa đại sa-môn!

Đức Phật lại ân cần nắm tay chú bé, về lại sảnh đường nhưng lại rẽ sang hướng khác.

- Này tiểu hoàng tử! Chiếc lá đắng của cây Nimba vừa giúp cho Như Lai một bài học, không biết tiểu hoàng tử có muốn chia sẻ điều ấy với Như Lai không?

- Dạ, muốn lắm!

- Chiếc lá cũng được ví như người! Trên thế gian này có biết bao nhiêu là người có tâm tính cũng đắng chát như chiếc lá ấy; và nếu lớn lên, không biết họ làm được tích sự gì; hay là cứ nhổ hết, cứ chà nát, vò nát hết trong tay như tiểu hoàng tử đã làm?

- Không nên! Chú bé chợt lắc đầu - Với người thì không nên vò nát hết như chiếc lá kia được!

- Vậy thì phải làm sao? Cứ để chúng lớn mạnh, đâm nhánh nẩy cành rồi mọc ra hằng trăm, hàng ngàn chiếc lá độc chết người ấy hay sao?

- Con người thì có lẽ phải giáo dục từ từ, thưa Đại sa-môn! Con nghe những bậc giáo thọ trong hoàng cung thường nói như thế!

Đức Phật khen ngợi:

- Giáo dục! Hay! Giáo dục thì đúng quá rồi! Tiểu hoàng tử giỏi lắm!

Chú bé nở mũi, nhưng lại đáp rất khiêm tốn:

- Không dám ạ!

Thế rồi, đức Phật lại bước đi, nói như tâm sự:

- Tiểu hoàng tử biết không, giáo hội của Như Lai có mặt trên cuộc đời cũng nhằm vào chỗ giáo dục như tiểu hoàng tử vừa nói đó. Hằng trăm hằng ngàn sa-môn sống đời xuất gia phạm hạnh mà hoàng tử trông thấy nơi này và nơi kia, ngoại trừ những bậc tối thượng, còn đa phần họ đắng lắm, không đắng kiểu này thì đắng kiểu khác. Thế là Như Lai phải chế từng loại thuốc cho họ uống. Đúng như tiểu hoàng tử vừa nói là phải giáo dục từ từ... Vậy nên, rất đông, không phải hằng trăm mà hằng ngàn chiếc lá không còn đắng nữa. Mà lại còn ngon, còn ngọt, còn bùi, còn béo, còn thơm nữa đấy!

- Thật là kỳ diệu! Chú bé thốt lên - Nhưng con chưa hiểu là họ đắng như thế nào?

- Có người rất độc ác, bạo tàn, hay đánh mắng người, chửi rủa người. Không những họ hành hạ người mà còn hành hạ vật, giết vật để thỏa tính hung dữ của họ nữa...

Tiểu hoàng tử chợt cau mặt lại, có vẻ trầm ngâm, lát sau, chú hỏi:

- Vậy thì những người rất đắng nọ, sau khi giáo dục từ từ, uống thuốc từ từ thì họ ngon, ngọt, béo, bùi, và thơm, nhưng con cũng chưa hiểu ngon, ngọt, béo, bùi, thơm ấy là thế nào!

- Họ trở nên dịu dàng, mát mẻ; sống có tình, có nghĩa; biết tôn kính các bậc tôn trưởng, cha mẹ; biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông và đùm bọc những người xung quanh mình... Họ trở nên là người tốt, rất tốt đấy, tiểu hoàng tử ạ!

Đến ngang đây, chú bé chợt quỳ sụp xuống, sụt sùi nước mắt, đảnh lễ đức Phật rất mực tôn kính rồi cất giọng nghẹn ngào!

- Chiếc lá đắng ấy là con, là chính con chứ không ai khác! Thưa Đại sa-môn, con xin cất lời hứa thiêng liêng là từ rày về sau, con sẽ làm chiếc lá ngon ngọt hữu dụng cho cuộc đời!

Đức Phật lại ân cần nắm tay, cất giọng dịu dàng như

giọng người mẹ hiền:

- Ừ, Như Lai biết là tiểu hoàng tử làm được mà! Ai cũng muốn sống sao cho người khác kính thương, cảm mến, không ai lại dại gì sống cho người khác kinh sợ, ghét bỏ và xa lánh, phải vậy không nào, chú bé con?

Nghe đức Phật gọi mình là chú bé con, tiểu hoàng tử bây giờ mới cảm nhận mình chỉ là chú bé con thật sự, tâm tính ngây thơ trở về, chú chợt lấy hai tay ôm choàng đức Phật vô cùng thân thiết, có cảm giác như với cha, với mẹ mà chú đã bỏ quên quá lâu!

Trở lại sảnh đường, các hàng trưởng lão và đức vua Licchavī vô cùng ngạc nhiên khi thấy hoàng tử đi bên đức Phật hiền lành, ngoan ngoãn như một chú bê con, như một chú nai hiền, không còn tìm thấy đâu là bóng dáng của một hoàng tử nổi tiếng ác độc nữa.

Đức Phật nắm tay hoàng tử trao cho đức vua:

- Như Lai mượn hoàng tử dạo chơi một lát, bây giờ, Như Lai trả lại cho đức vua một hoàng tử không còn là chiếc lá đắng nữa mà sẽ là chiếc lá ngọt!

Rồi quay sang hoàng tử , đức Phật nói:

- Phải vậy không, chú bé con?

Hoàng tử gật đầu mạnh mẽ:

- Đúng vậy, thưa Đại sa-môn!

Rất nhiều người không hiểu chuyện gì vừa xảy ra? Chẳng rõ đức Phật giáo dục cái kiểu gì mà chỉ trong thời gian đi dạo rất ngắn lại phát sanh điều kỳ diệu như thế chứ!

Khi đức Phật về hương phòng, trưởng lão Kondañña mới nói với chư tỳ-khưu xung quanh:

- Khêu gợi cho trẻ một nhận thức đúng đắn, sau đó, tự nó sẽ tự tri, tự giác thì sự chuyển đổi, cải hoán mới chắc thật, mới vững bền! Đấy là một trong nhiều phương cách giáo huấn của đức Tôn Sư!

Hạt Giống Hy Hữu

Rời Vesāli, đức Phật và đại chúng ghé thăm Videha, Moriya sau đó qua Malla. Đâu đâu cũng được chư tăngi và hai hàng cận sự nam nữ tiếp đón, cúng dường. Đức Phật chỉ định các vị thượng thủ A-la-hán thay nhau thuyết pháp. Mọi sinh hoạt tu tập, chùa viện, liêu xá ở những xứ sở này đang từng bước đi vào ổn định.

Hôm ấy, do tiết trời nắng nóng, đức Phật và đại chúng dừng chân tại khu rừng Ampiyamba, gần thành Anupiya trước khi lên đường đến Koliyā thì có một cậu bé trai tìm đến. Nó cứ đưa đôi mắt trong sáng, ngây thơ nhìn đức Phật rồi luẩn quẩn loanh quanh bên các vị trưởng lão chứ không chịu rời đi. Nhìn khuôn mặt sáng sủa, thuần hậu của cậu bé, tôn giả Sāriputta đưa mắt thiện cảm, ân cần hỏi chuyện. Biết cậu bé có thiện cảm đặc biệt khi nhìn tướng hảo của đức Phật, phát tâm trong sạch muốn xuất gia, tôn giả Sāriputta bảo là phải xin phép gia đình đã.

Cậu bé hớn hở vụt chạy đi, lát sau, dẫn một bà già đến trông còn quắc thước với sắc phục, dáng dấp có vẻ dòng dõi quý phái rồi rành rõi giới thiệu:

- Đây là bà ngoại cháu, bà ngoại cháu rất vui mừng khi thấy cháu được đi theo quý ngài.

Bà già sụp lạy đức Phật và chư vị trưởng lão rồi với nước mắt nước mũi kể lại rằng:

- Tội quá quý ngài ơi! Nó là dòng dõi hoàng tộc xứ Malla đấy. Khi còn trong thai bào, thì mẹ nó, tức là con gái cưng của già đây bị chết vì bạo bệnh. Khi đem hỏa thiêu, do sức nóng của lửa làm cho cái bụng người chết nứt ra làm hai. Không biết căn do kỳ lạ nào mà cái bọc thai lại vọt ra, rơi vào một bụi cây, nằm vắt vẻo giữa mấy cành cây, an bình như một phép lạ. Nên được đặt tên là Dabba. Thấy cháu lại tưởng đến con gái, già xin bên nội cho già được nuôi dưỡng. Bây giờ nó đây, ngoan ngoãn và dễ dạy, thông minh và hiếu thuận. Không có điều gì đáng chê ở nơi tính hạnh của nó cả. Ai cũng thương. Bây giờ nó cứ nằng nặc được xuất gia đi theo quý ngài, già mừng như được chết đi mà sống lại. Thế gian này trăm ngàn sự khổ, ai đi tu được như quý ngài, già cũng mừng...

Bà lão sụt sùi lau nước mắt. Tôn giả đưa tay chỉ đức Phật:

- Đây là đức Thế Tôn! Cậu bé sẽ được nương tựa trong hào quang của đức Tôn Sư vô thượng...

Bà già lại sụp lạy. Lại nói huyên thuyên:

- Già nghe rồi, già biết rồi. Ai không nghe câu chuyện một vị thái tử cao sang kinh thành Kapilavatthu bỏ vương vị, vợ đẹp con xinh để đi xuất gia tầm đạo thì kẻ đó không có tai. Ai không biết vị ấy sáu năm nằm gai nếm mật, khổ hạnh vô thượng, sau đó tìm tới cội bồ-đề, chỉ tịnh và quán minh mới đắc quả Chánh Đẳng Giác thì kẻ ấy không có óc! Hãy cho cháu được xuất gia ngay bây giờ đi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Cái hạt giống quý đấy, này Sāriputta! Ông hãy đích thân làm lễ xuất gia sa-di cho Dubba-Mallaputta!

Không biết duyên lành thế nào mà trong hội chúng lại có vị có thừa y bát. Thế là cậu bé được làm lễ xuất gia.

Tôn giả Sāriputta đích thân dẫn Dubba ra bờ suối để cạo tóc. Do túc duyên ba-la-mật sẵn có, khi đường dao cạo thứ nhất vừa lướt qua làn da đầu, Dubba chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi đường dao cạo thứ hai vừa kéo theo một chùm tóc, Dubba đắc quả Tư-đà-hàm. Thế rồi, đường dao thứ ba, Dubba đắc quả A-na-hàm. Đường dao thứ tư vừa xong thì Dubba thành tựu rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh, đắc quả A-la-hán luôn cả các thắng minh.

Khi tôn giả dẫn Dubba đến trình diện đức Phật, ngài nói:

- Này, Sāriputta! Chú bé này đã là "con trai" của Như Lai, vậy ông hãy cho thọ luôn cụ túc giới! Đây là trường hợp đặc biệt trong giáo hội của Như Lai.

Nghe đức Phật tuyên bố như vậy, các vị có Tam minh chỉ mỉm cười nhưng một số phàm Tăng thì bàn tán xôn xao:

- Kỳ diệu làm sao, chú bé qua bốn đường dao đã đắc quả A-la-hán rồi?

- Đức Tôn Sư vừa gọi là "Con trai" đó!

- Bảy tuổi lại được thọ đại giới sao?

Sau khi Dabba-Mallaputta trở thành tỳ-khưu trẻ nhất của giáo hội, nhìn tăng tướng đẹp đẽ như một ngoan đồng cõi trời, ai cũng trầm trồ, tấm tắc nhìn ngắm. Bà ngoại của cậu cũng thảng thốt nhìn sững.

Đức Phật chợt nói:

- Này Moggallāna! Ông hãy kể chuyện nhân duyên quá khứ của Dubba-Mallaputta cho cả hội chúng được nghe để họ khỏi thắc mắc và hoài nghi.

Rồi lớp mù sương quá khứ, sau đó đã được vị Đệ nhất thắng trí vén mở, như sau:

"- Vào thời đức Thế Tôn Padumuttara, Dabba sinh ra trong một gia đình trưởng giả hữu danh tại kinh đô Haṃsavatī. Ông thường đến chùa để nghe pháp. Hôm đó, đức Phật tán thán, khen ngợi một vị tỳ-khưu đã quán xuyến, giỏi giang về việc sắp đặt chỗ ăn ở cho mấy chục ngàn vị tỳ

khưu mà đâu đó đều đàng hoàng, tươm tất. Đức Phật đã phong tặng phương danh vị tỳ-khưu ấy là "Đệ nhất về hạnh tri xứ"!

Dabba nghe vậy, thỏa thích, hoan hỷ quá, ông nỗ lực cúng dường lớn, làm các công đức phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi rồi quỳ xin đức Phật Padumuttara chứng minh cho ông, trong một kiếp vị lai nào đó, được xuất gia với một vị Phật và sẽ thành tựu sở nguyện công hạnh giống như vị tỳ-khưu "Đệ nhất về tri xứ " kia. Đức Phật thọ ký cho ông.

Sau nhiều trăm ngàn năm được luân chuyển thọ hưởng phước báu trời và người, đến thời đức Thế Tôn Kassapa, ông được xuất gia và tu tập cùng với sáu vị tỳ-khưu bạn hữu ở trong một hang núi. Khi đức Phật nhập diệt rồi mà cả bảy vị đều chưa chứng được gì cả. Và tình trạng sinh hoạt và tu tập của giáo đoàn cũng không còn nền nếp, nghiêm túc như xưa. Hôm kia, họ họp bàn, thảo luận:

- Đã có triệu chứng giáo pháp suy đồi, chúng ta phải làm sao? Sống chung với những tỳ-khưu thiếu niệm và thiếu tinh cần, chúng ta sẽ thối thất mất.

- Khi một vị Phật ra đi, một lúc nào đó, trên cõi châu Diêm-phù-đề này sẽ có dấu hiệu phong thịnh, hỏa thịnh, thủy thịnh hay địa thịnh sẽ tạo nên những biến cố bất toàn cho chúng ta.

Sau khi đi đến nhất trí, họ làm một cái thang cao, cùng leo lên một ngọn núi đá có vách dựng đứng; rồi thốt lời đại nguyện rằng:

- Nếu chưa chứng quả, chúng tôi không rời đỉnh núi này, thà thịt nát xương tan, thà tử thần cướp đi mạng sống! Đây là lời hứa thiêng liêng!

Rồi họ xô ngã cái thang.

Thế rồi, chỉ mới ngày thứ năm, một vị tỳ-khưu đã làm xong phận sự của mình, tức là việc cần làm đã làm xong. Lặng lẽ, vị ấy ôm bát sang Bắc Cu-lu-châu khất thực, trở về

nói với các bạn rằng:

- Hãy thọ dụng vật thực, các bạn! Việc lớn tôi đã làm xong rồi, bây giờ, việc đi khất thực hằng ngày hãy để dành cho tôi.

Tuy nhiên, cả sáu vị thà nhịn đói chứ không chịu thọ dụng. Họ nói:

- Khi xô cái thang xuống, chúng ta không hề nói rằng: "Là vị nào đắc Tam minh trước, vị ấy phải có bổn phận đi khất thực để hộ độ cho những vị còn lại chưa đắc!" Vì chưa giao ước như thế nên chúng tôi không dám dùng, thà chết cũng không thể dùng được!

Một vị nói:

- Rất cảm ơn lòng tốt của ngài! Tuy nhiên, ngài đắc Tam minh là do duyên phước ba-la-mật đầy đủ. Còn chúng tôi, nếu căn duyên còn thiếu thì thà chịu đau khổ do đói, khát cũng rèn luyện thêm được ý chí, nghị lực và tinh cần cho mình, cũng là cách bổ túc ba-la-mật vậy.

Thấy không khuyên can được ý chí bất thối của họ, vị A-la-hán đành nói lời phúc chúc rồi quăng bát ra giữa hư không, du hành sang phương khác.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữa đắc quả A-na-hàm; nhưng do đói và khát, chấm dứt thọ hành, vị ấy trú thánh định rồi hóa sanh vào cõi Ngũ tịnh cư thiên, Niết-bàn luôn ở đấy, không trở lại nhân gian nữa. Năm vị còn lại, không đắc được gì cả, lần lượt ra đi do đói và khát. Nhưng nhờ tâm tinh cần bất thối chuyển ấy, cả năm vị đều được hưởng phước báu luân phiên cõi người và trời. Đến thời đức Phật Sākya của chúng ta, cả năm vị đều được thác sanh ở châu Diêm-phù-đề, nơi này và nơi khác, như sau:

- Một vị sanh vào hoàng tộc, kinh thành Takkasilā, quốc độ Gandhāra có tên là Pukkusāti. Một vị sanh vào thai bào nữ du sĩ xứ Majjhantikā có tên là Sabhiya. Một vị sanh vào gia tộc của vị trưởng giả xứ Bāhiya có tên là Bāhiya. Một vị

sanh vào thai bào của vị tỳ-khưu-ni có tên là Kumārakassapa. Còn Dabba tái sanh trong dòng hoàng tộc tại thành Anupiya xứ Malla! Thế là cả năm vị tỳ-khưu thuở xưa tu hành tinh cần quá mức cho đến chết, sẽ cùng lần lượt kẻ trước người sau tao ngộ trong giáo pháp đức Tôn Sư của chúng ta!"

Chuyện kể xong, đại chúng thở phào. Hóa ra cậu bé này có căn cơ sâu dày đến vậy. Nếu cơ duyên tròn đủ, cậu ta đã đắc quả A-la-hán với thời gian cách đây cả một vị Phật, chứ đâu phải tầm thường!

Tỳ-khưu Dabba-Mallaputta bây giờ đã lấy lại tư cách, tác phong, sự chững chạc, đĩnh đạc của một trưởng lão thánh Tăng, quán nhân duyên sau trước, rồi quỳ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Hãy cho đệ tử về Trúc Lâm tịnh xá để tập sự công việc đúng như lời nguyện thuở trước khi quỳ bên chân đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ, đúng vậy, con trai!

Bà ngoại của Dabba đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chưa thôi, đức Phật còn bảo:

- Con trai hãy quăng bát qua hư không rồi vận thần thông lực trở về Jetavana trình diện các vị trưởng lão ở đấy, rồi xin được làm phận sự của mình cho xứng đáng với danh xưng của vị tỳ-khưu "Ưu thắng về tri xứ"!

Tỳ-khưu Dabba-Mallaputta vâng mệnh, đảnh lễ đức Phật và chư tăngi rất từ tốn và chậm rãi, xong, như cánh chim ưng vàng bay qua hư không, chỉ mấy sát-na sau là mất dạng. Đại chúng hoan hỷ, tán thán không hết lời.

Bà ngoại của chú bé thấy mình như đang sống trong truyện cổ tích. Vui mừng quá, tâm tịnh tín phát khởi, bà xin quy y, bắt đầu làm một cận sự nữ thuần thành trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Tu Hạnh Chó Và Hạnh Bò

Trên đường về quốc độ Koliyā, đức Phật và đại chúng dừng chân tại thị trấn Haliddavasana. Ở đây có rất nhiều tu sĩ theo phái lõa thể. Đặc biệt là lõa thể Punna Koliyāputta tu theo hạnh con bò, được gọi là Ngưu hành giả; lõa thể Seniya tu theo hạnh con chó, được gọi là Cẩu hành giả.

Thấy đức Phật và chư tăngi, một hội chúng đông đảo đi trì bình khất thực vàng rực các ngả đường; và dân chúng tín mộ chờ chực nơi này nơi kia để đặt bát cúng dường, lòng Ngưu hành giả nôn nao, nói với bạn là Cẩu hành giả:

- Tin truyền, đấy là một vị Chánh Đẳng Giác đang chói sáng khắp thế gian. Ta hãy cùng đến chiêm bái ngài, sau đó xin vài lời chỉ giáo.

Lúc ấy, cả hai đang ở trong một cánh rừng ở ngoại ô. Cẩu hành giả ngần ngại:

- Đức Phật ấy và tăng chúng ấy theo bạch tịnh y, sạch sẽ và cao sang quá, ta xuất hiện như thế này có tiện chăng?

Ngưu hành giả tập tiếng bò cười, rống lên như bò cười rồi nói:

- Chúng ta đều đi bằng bốn chân thì "vật xấu" ấy nó nằm bên dưới, có ai thấy đâu? Vả lại, đã là chó thì phải tư duy như chó, quan niệm như chó, ông bạn chưa thấy vô ngại

được nên còn rơi rớt, chấp thủ tư duy và quan niệm của loài người rồi đấy!

Cẩu hành giả cũng tập tru như chó, nên tru một tràng, sủa vài ba tiếng rồi cãi lại:

- Ông bạn cũng thế thôi, đã theo được hạnh "ngưu hành giả" một cách triệt để đâu?

Nói thì nói vậy nhưng cả hai, sau khi rời rừng, mỗi người lấy một bó lá cột quanh thắt lưng rồi họ cùng đi bằng bốn chân đến yết kiến đức Thế Tôn.

Lúc ấy, đức Phật đã thọ thực xong, đang ngồi tịnh chỉ dưới gốc cây ven lộ.

Lõa thể Punna Koliyāputta, tức là Ngưu hành giả đến đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi một bên. Lõa thể Seniya, tức Cẩu hành giả không đảnh lễ, chỉ cất lời thăm hỏi rồi ngồi một nơi phải lẽ.

Ngưu hành giả cất tiếng nói trước:

- Bạch đại sa-môn! Tôi được nghe đại sa-môn có nhiều thắng trí, tuệ trí, minh trí biết khắp ba cõi, thấy suốt nghìn đời. Vậy xin đại sa-môn cho biết, là bạn tôi đây, Cẩu hành giả, đang hành trì theo hạnh con chó, là một hạnh khó hành, không phải ai cũng hành được...

Đức Phật gật đầu:

- Ừ, vậy hãy kể cho Như Lai nghe?

- Bạn tôi đây đi bằng bốn chân, bò lết hoặc chạy đều bằng bốn chân. Nếu có ngồi thì cũng chỉ ngồi hai chân sau còn hay tay thì chống dựng phía trước. Lúc nằm thì nằm sấp trên đất, hai tay úp ở phía trước như chó. Đại tiện, tiểu tiện đều được tập tành cam go như kiểu chó. Ăn thì chỉ ăn những vật người ta quăng bỏ trên đất, còn uống thì liếm liếm, táp táp bất cứ vũng nước, hố nước nào có sẵn bên đường. Nói tóm lại, là Cẩu hành giả, bạn tôi, từ tứ oai nghi, ăn uống, đại tiểu tiện đều cố hành trì như chó trong một thời gian dài, rất công phu, rất kiên nhẫn, rất tinh cần. Vậy chẳng hay, trong

tương lai, vận mạng của bạn tôi thế nào, tức là sanh thú, cảnh giới trong mai hậu sẽ như thế nào, thưa ngài đại sa-môn?

Đức Phật nhíu mày lại:

- Ông đừng hỏi như vậy nữa, có được không, này Punna Koliyāputta!

- Không, không thể dừng câu hỏi được, xin ngài đại sa-môn cho biết sanh thú, cảnh giới? Tại sao vậy? Tại vì công phu khó khăn, kiên nhẫn và tinh cần bất thối như thế, chắc phước báu sẽ tối thượng chứ?

Đức Phật đã không muốn trả lời, nhưng vì Ngưu hành giả nằn nì lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật đành phải nói ra sự thật:

- Này, Punna Koliyāputta! Vậy thì hãy nghe Như Lai xác chứng sự thật như sau: Người nào hành trì hạnh con chó một cách triệt để, nghĩa là hoàn toàn viên mãn theo hạnh con chó thì giới, uy nghi, tâm và trí của người ấy cũng phải hoàn toàn viên mãn như thế!

- Vâng, tôi đã hiểu.

Đức Phật tiếp tục:

- Nếu hành trì giới viên mãn như chó, hành trì uy nghi viên mãn như chó, hành trì tâm viên mãn như chó, hành trì trí viên mãn như chó thì sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sẽ cộng trú với loài chó, thân hữu với loài chó, dòng chủng của loài chó, không sai, không trật vậy.

Cẩu hành giả đang ngồi một bên, nghe vậy theo thói quen, sủa gâu gâu... rồi khóc rống lên...

Đức Phật cất giọng như tiếng chuông ngân:

- Chưa thôi đâu, này các vị lõa thể. Cõi địa ngục thường dành cho những tâm địa độc ác, bạo tàn do tâm sân, tâm sát. Nhưng ở địa ngục cũng có những cõi tối tăm, đầy đặc ngu si cả triệu triệu năm dành cho những người tà kiến. Nếu người hành trì theo hạnh loài chó, lại chấp chặt quan điểm rằng:

Do giới này, do uy nghi này, do tâm này, do trí này, do phạm hạnh này, ta sẽ thành vị chư thiên này hay chư thiên khác! Thì tức khắc, người ấy sẽ đọa xuống cõi địa ngục nêu trên. Nói tóm lại là chỉ có hai cõi: Không địa ngục thì bàng sanh, không bàng sanh thì địa ngục!

Trong lúc Cẩu hành giả nước mắt ròng rã, sụt sùi, giọt ngắn giọt dài cảm thương cho sinh mệnh tương lai của mình thì Ngưu hành giả lại nói:

- Ông bạn sao chưa sáng mắt ra mà còn khóc? Đức đại sa-môn khẳng định rằng: Nếu viên mãn hạnh con chó thì cái quả tựu thành chắc chắn sẽ là loài chó. Nếu không tựu thành, chấp chặt tà kiến thì sanh vào cõi địa ngục tăm tối cả triệu triệu năm đấy!

Lấy tay quệt nước mắt nước mũi cho khô ráo, Cẩu hành giả chợt chấp tay thưa:

- Bạch đại sa-môn! Tôi khóc như vậy không phải là khóc vì những câu nói của ngài, vì những xác chứng như thực của ngài. Tôi khóc, tôi tủi thân là vì tôi tiếc. Tôi tiếc rằng là cái hạnh như con chó này, tôi đã gian lao, vất vả, kiên trì, nỗ lực trong một thời gian rất dài. Bây giờ, tất cả chỉ còn là công cốc. Mọi công phu đã trôi tuột tất cả...

Nghỉ hơi một lúc, Cẩu hành giả nói:

- Còn bạn tôi, Ngưu hành giả sẽ như thế nào, thưa ngài đại sa-môn?

Đức Phật tỏ vẻ bi mẫn:

- Thì cũng tương tợ như ngươi vậy thôi, này Seniya! Nếu giới viên mãn như bò, uy nghi viên mãn như bò, tâm viên mãn như bò, trí viên mãn như bò - thì sẽ cộng trú với loài bò, thân hữu với loài bò, đồng chủng của loài bò. Còn nếu chấp chặt tà kiến mong được sanh thiên thì sẽ đọa địa ngục tối tăm ngu si không sai, không khác!

Đến phiên Punna Koliyāputta rống lên như bò rồi khóc lóc, sụt sùi, nước mắt tuôn rơi lã chã. Cũng tương tợ như

Seniya, ông khóc là vì tiếc cho công phu Ngưu hành giả quá lâu ngày, bây giờ chợt trống rỗng không còn gì!

Lát sau, lấy lại sự tỉnh táo, cả hai đồng xin đức Phật thuyết pháp một đề tài liên hệ để họ hy vọng từ bỏ được hai cái hạnh bò, hạnh chó ngu si này.

Đức Phật, sau đó đã tùy thuận giảng về các loại nghiệp. Ngài đã rộng rãi nói đến bốn loại nghiệp, đấy là nghiệp đen, nghiệp trắng, nghiệp đen trắng, nghiệp không đen không trắng, chấm dứt các nghiệp[1]. Nghiệp đen là nghiệp xấu ác, tổn hại mình và người sẽ đưa đến đau khổ, thống khổ; là cảnh giới của tứ ác đạo. Nghiệp trắng là nghiệp lành tốt, lợi ích cho mình và người sẽ đưa đến hạnh phúc, an vui; là tất cả các cảnh trời sắc giới và vô sắc giới. Nghiệp đen trắng là nghiệp xấu ác có lẫn lộn lành tốt sẽ đưa đến lẫn lộn đau khổ và an vui là cõi người. Nghiệp không đen không trắng là nghiệp chấm dứt các nghiệp hàm chỉ tứ thánh đạo quả và Niết-bàn...

Sau thời pháp, hai lõa thể tà mạng ngoại đao sáng mắt, xin được quy y và xin được sống đời xuất gia phạm hạnh. Đức Phật nói, phải ở bốn tháng biệt trú để chư vị trưởng lão xem xét tánh hạnh và xem có thay đổi được tri kiến lầm lạc cũ hay không, sau đó mới được thọ đại giới. Cả hai thành khẩn và hoan hỷ xin được biệt trú bốn năm để gột rửa, tẩy rửa cho sạch sẽ tư tưởng chó và bò còn tồn đọng trong tâm tưởng...

Đức Phật chấp thuận. Sau đó ngài bảo rằng, hãy tắm rửa, cạo bỏ râu tóc, ăn mặc như người cư sĩ áo trắng đến làm công quả tại Kỳ Viên hoặc Trúc Lâm tịnh xá để tích lũy một ít công đức trong thời gian chờ đợi. Họ vâng mệnh nhưng có vẻ hơi lúng túng, hổ thẹn khi đứng lên... Tôn giả Mục-kiền-

[1] Do trình độ thấp thỏi của các tà mạng ngoại đạo - đức Phật phải thuyết cái vô tạo tác, vô hành là nghiệp không đen, không trắng cho họ dễ hiểu.

liên tâm ý linh thông, ngài đã đến một gia chủ giàu có trong thành, kể lại sự việc và đã xin cho hai người hai bộ áo quần của người cư sĩ, ngài trao cho họ rồi mỉm cười nói:

- Còn biết tàm, quý[1] là tốt rồi đó, hai ông bạn! Hãy đi xuống suối, tắm rửa, mặc áo quần vào rồi hẵng lên đường.

Nhiều tiếng cười xung quanh rộ lên, vui vẻ, hỷ xả.

Cả hai, Ngưu hành giả và Cẩu hành giả đi rồi mà đại chúng còn bàn tán xôn xao mãi. Sao lại tự hành thân hoại thể và tu hành một cách ngu si như thế? Tu như chó, tu như bò mà lại đòi được sanh thiên?

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Các bạn nói đúng! Tuy nhiên, nhờ các bạn đang sống trong giáo pháp quang minh, sáng sủa nên mới biết được, mới thấy được như thế chứ thế gian tối tăm này, phần đông, trong mắt họ nhiều cát bụi lắm, không dễ gì thấy biết được đâu!

Một vị thắc mắc hỏi:

- Hai tà mạng ngoại đạo này, sau này, họ tu tập có được gì không, tôn giả?

Tôn giả cười nhẹ:

- Khi đức Tôn Sư đã tạo duyên rồi, thì nhanh hay chậm, họ cũng đến được bến bờ bình yên thôi, các bạn!

Một vị cất giọng khôi hài:

- Hai vị đại nhân, đại nhân bò và đại nhân chó này, phước đức trăm ngàn đời mới gặp được đức Tôn Sư chúng ta!

---

[1] Tàm (hiri), quý (ottapa) - hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi.

Vị Thánh Bảy Năm
Trong Bình Máu

Từ giã thị trấn Haliddavasana, đức Phật và đại chúng chậm rãi bộ hành về hướng Devadaha, là kinh đô của nước Koliyā, là quê ngoại của ngài. Lần này, đi theo đức Phật hầu như có đủ mặt các ông hoàng, công tử cả hai quốc độ thuở trước, đấy là các trưởng lão Ānanda, Kāḷudāyi, Bhaddiya, Devadatta, Kimbila, Anuruddha... cùng vị thợ cạo Upāli mà bây giờ đã là bậc trưởng lão, tuy chưa có danh xưng nhưng được xem như là đệ nhất tri luật!

Bao nhiêu năm qua rồi, khuôn mặt của kinh thành cũng không thay đổi mấy. Xóm phường lao động thì vẫn bụi và rác, vẫn bò và dê bên những ngôi nhà tồi tàn nhiều năm không được tu sửa, chỉnh trang. Họ vẫn an phận thủ thường với cái nghèo của mình. Giới nô lệ thì cứ vẫn là nô lệ, bị đẩy bật ra ngoài mọi sinh hoạt công cộng. Giới lao động chân tay thì cứ vẫn đen đúa, nhem nhuốc với những công việc hạ cấp của mình. Những khu nhà của giới thương gia, quý tộc thì vẫn uy nghi, hiển hách, cứ vẫn là giàu sang và vương giả như thuở nào!

Đến Devadaha thì trời vừa tối, tôn giả Sāriputta thu xếp, phân phối đại chúng tạm thời qua đêm quanh các khu rừng

để khỏi phiền đến dân chúng.

Rạng ngày, như một cuộc diễu hành, đức Phật và đại chúng tách ra từng toán nhỏ đi trì bình khất thực khắp các ngã đường. Dân chúng và phố phường có vẻ xôn xao khi hay tin giáo đoàn đang ở trong thành phố. Vả chăng, đây là quê hương của Devadatta và Yasodharā mà ai ai cũng nghe danh. Và ai cũng biết chuyện đức vua Suppabuddha đã thâm thù đức Phật đến tận tủy xương khi đã cướp đi con trai và con gái của ông! Tuy nhiên, mấy giáo đoàn đang hành hóa tại xứ sở này lại rất thành công. Giới quý tộc, chiến sĩ, thương gia cũng như dân chúng phát sanh tâm tín mộ dạt dào. Có nhiều cư sĩ đắc quả thánh. Rất nhiều quý tộc, thương gia đã đứng vào hàng ngũ cư sĩ cận sự hai hàng. Dầu chưa có những tòng lâm lớn rộng nhưng các sinh hoạt tại những tăng xá, cốc liêu của chư tỳ-khưu đã tạo ra được cơ sở vững chắc. Gần đây, trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā đã tạo lập đươc ba ni viện. Một ở Koliyā, một ở Kapilavatthu và một ở Savatthī dành cho tỳ-khưu-ni, nghe đâu cũng thành công.

Khi thấy bình bát đã vừa đủ dùng, đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng Ānanda tìm đường đến ni viện để ngọ trai. Một khu vườn xanh mát với nhiều liêu cốc tranh tre thanh nhã hiện ra với nhiều chiếc bóng vàng tới lui thấp thoáng. Rất đông tỳ-khưu-ni lạ mặt ra đón tiếp phái đoàn. Bất chợt, tỳ-khưu-ni Khemā và Dhammadinnā ra quỳ đảnh lễ và họ cho biết là vừa từ Trúc Lâm sang; còn trưởng lão ni Gotamī , Yasodharā và Sundrinandā thì đang ở Savatthī.

Đức Phật an tọa trên bồ đoàn, thăm hỏi công việc hoằng hóa ở Koliya. Lát sau, các vị trưởng lão Bhaddiya, Devadatta, Kimbila... dẫn chư tăngi trong vùng đến đảnh lễ, hầu thăm đức Phật và đại chúng. Hóa ra ở nơi này, chư tăngi cũng đã kiến lập khá nhiều cơ sở, đặc biệt có một khu lâm viên khá lớn, sức chứa có thể lên đến năm, bảy trăm vị.

Công trình này do họ hàng hoàng gia bên nội của Devadatta và công nương Yasodharā dâng cúng. Họ đồng quỳ thỉnh đức Phật về ngụ cư ở tăng viện.

Khi hai hội chúng gặp gỡ, đang thân tình thăm hỏi nhau, thì bên ngoài cổng vườn, một chiếc xe hai ngựa dừng lại, một vị hoàng gia hấp tấp đi vào. Một vị ni cho biết đấy là ông hoàng Mahāli, có vị phu nhân là công nương Suppavāsā mang thai đã bảy năm mà chưa sinh. Công nương Suppavāsā lại có tâm tín đạo rất lớn. Hai ông bà đã cúng dường khu vườn xinh đẹp cùng với mọi công trình tao nhã tại ni viện này.

Thật ra, không cần phải ai thưa trình, đức Phật đã biết tất cả mọi chuyện khi đến Koliyā, ngài đã tính đúng giờ phút mà công nương Suppavāsā đang chuyển dạ. Có ai biết rằng, công nương Suppavāsā suốt bảy năm qua đã mang trong lòng mình một thánh thai? Sáu năm trước, trong bụng mẹ, dẫu nằm trong một bình máu, nhưng thai nhi đã không dám động cựa, sợ mẹ đau! Đến năm thứ bảy, nhất là những ngày sau cùng, sự đau đớn khốc liệt xảy ra cho công nương Suppavāsā là chuyện tự nhiên của sinh lý cơ thể lúc sắp sinh. Nhưng do tâm lý, "cái quái thai" bảy năm nên sự đau đớn kia như tăng gấp bội làm cho vị công nương tưởng mình sắp chết. Sáng nay, nghe tin đức Phật và đại chúng đang trì bình khất thực trên các ngả đường Devadaha, công nương Suppavāsā mừng quá, những mong được chiêm ngưỡng đức Phật trước khi mạng chung nên đã hối hả nói với chồng:

- Chàng ơi! Hãy tức khắc đi ngay! Hãy vì thiếp và hãy vì cái quái thai trong bụng thiếp; hãy thỉnh cho kỳ được đức Phật và chư tỳ-khưu Tăng ni đại chúng cho thiếp được chiêm bái và bố thí cúng dường lớn trước khi vĩnh biệt!

Người rành rõi chỉ chỗ đức Phật. Tội nghiệp ông hoàng thân trẻ tuổi, thương vợ, với nước mắt, tức tốc, hối hả lên đường.

Thấy dáng dấp hoàng thân Mahāli với bước đi hấp tấp, vội vã cùng với nét sầu não hiện ra nơi sắc mặt , ông chưa kịp đảnh lễ, thưa thỉnh thì đức Phật đã mở lời trấn an:

- Này Mahāli! Không sao đâu hoàng thân! Phu nhân sẽ an toàn và cái thai nhi kia cũng sẽ an toàn! Như Lai sẽ chú nguyện cho! Bây giờ, hoàng thân hãy yên tâm mà ra về đi, đừng lo lắng nữa, đứa trẻ sắp chào đời rồi đấy!

Tin tưởng vào đức Thế Tôn, hoàng thân Mahāli thở ra một hơi dài. Và khi ông vừa rời gót, dùng trí sinh tử, đức Phật biết rõ quả nghiệp chịu đựng đau khổ của mẹ con thai nhi đã chấm dứt nên ngài chú tâm, hướng năng lực tâm đến chỗ sản phụ, đọc lên bài kệ với ý rằng: "Công nương Suppavāsā xứ Koliya được khỏe mạnh và an lành, hạ sanh một hài nhi cũng khỏe mạnh và an lành như thế!". Câu phúc chúc của đấng Mười Lực vừa chấm dứt thì tại biệt phủ, công nương Suppavāsā sinh hạ một hài nhi nhẹ nhàng như nước trong bình đổ ra. Nhìn đứa bé khuôn mặt đẹp đẽ, hồng hào, mũm mĩm như con nhà trời, công nương mừng vui bế trẻ vào lòng với hai hàng lệ tuôn chảy. Cả nhà đổ xô lại. Ai cũng muốn nhìn tận mặt "cái quái thai" bảy năm trong bụng mẹ. Khi thấy trẻ rồi, và vì do phước báu của trẻ mà ai cũng nghe trong lòng thơ thới, mát mẻ, an vui một cách lạ kỳ. Do cảm giác ấy mà mọi người đồng thanh gọi là "Sīvali, Sīvali..." từ đó thành tên.

Hoàng thân Mahāli vừa đến cổng, chưa xuống xe đã nghe không khí vui tươi, nhộn nhịp của cả đại gia đình, ông cảm kích và càng khởi tâm tịnh tín khi biết rõ oai lực vô song của đức Giác Ngộ. Ông hoàng thấy tâm hồn lâng lâng, đi nhanh vào hậu điện. Một bà vú bế trẻ ra cho ông xem. Ông chiêm ngưỡng con mình như chiêm ngưỡng một tác phẩm kỳ lạ của ông thợ trời. Vào phòng, đặt trẻ trong vòng tay của công nương, sung sướng và hạnh phúc quá làm cho đôi mắt ông cũng đỏ hoe!

Hoàng thân thuật lại lời đức Phật chỉ dạy. Công nương chấp hai tay lên trán, lầm thầm thốt lời tạ ân đức Phật rồi nói:

- Chàng chịu khó trở lại ni viện một lượt nữa, thỉnh mời đức Thế Tôn và tất thảy tăng ni, có đủ năm trăm vị thì càng quý, bắt đầu từ ngày mai, chúng ta sẽ đặt bát cúng dường bảy ngày, ý chàng thế nào?

- Vâng, vâng! Ông hoàng hối hả gật đầu! Phải vậy! Để tri tạ ân đức Tam Bảo!

Thế rồi, việc đặt bát cúng dường bảy ngày tại biệt điện đến đại chúng có đức Phật cầm đầu đã diễn ra hỷ mãn. Và trong thời gian ấy, ai ai cũng chứng kiến chuyện lạ lùng, là trẻ Sīvali lớn nhanh như thổi. Chỉ trong ngày thứ nhất, vừa qua đêm, trẻ đã đổi khác. Qua ngày thứ hai, vừa cách đêm, trẻ đã lớn bằng đứa bé hai tuổi. Và cứ thế, đến ngày thứ bảy thì trẻ đã hao hao giống đứa bé ba bốn tuổi nhưng cử chỉ, đi đứng, ăn nói thì đã tỏ ra không thua gì trẻ sáu bảy tuổi. Trẻ đã nói chuyện với cha mẹ với âm giọng khá rõ ràng, nhưng đặc biệt, trong đó lại toát ra sự hiểu biết không phải của con nít! Cậu lại còn biết xin phép cha mẹ cho được tự tay đặt bát cúng dường một vài thứ vật thực đến đức Phật và chư vị trưởng lão!

Chuyện kỳ lạ này không mấy chốc đã lan nhanh khắp cả thành phố. Không những bà con nội ngoại, thân bằng quyến thuộc tò mò tìm đến thăm viếng mà kẻ lạ, người dưng ngày nào cũng đứng chật sân vườn, cổng ngõ. Trẻ Sīvali tỏ vẻ không được vui, than phiền với mẹ là thiên hạ đến đây ồn ào, huyên náo quá, chẳng yên tịnh được chút nào! Công nương nhìn cậu quý tử, cứ tròn mắt ngạc nhiên từ chuyện này sang chuyện khác; và bà biết rõ trong tâm, con bà không phải là thường nhân!

Cũng ngày thứ bảy, sau khi nhận đầy đủ vật thực, chư ni trở về ni viện, chư tăngi trở về tăng viện, đức Phật bảo tôn

giả Sāriputta ở lại thuyết pháp cho cả đại gia đình cùng nghe. Thế rồi, tôn giả thuyết về khổ sanh, khổ của sự tái sanh và sự khổ của vòng trầm luân sinh tử. Trẻ Sīvali lắng nghe rất chăm chú. Cậu rất thấm thía thời pháp. Cậu thấu hiểu một cách rất sâu sắc và cụ thể về sự khổ sanh vì chính cậu đã nằm trong bụng mẹ suốt bảy năm, bảy ngày! Nằm trong bụng mẹ, như nằm trong cái bọc máu, đã nhẫn chịu tối tăm, dơ uế mà mọi động cựa cũng phải cẩn thận vì có thể làm cho bà mẹ bị đau! Mặc dầu bà mẹ rất biết kiêng cử, nhưng tế bào thần kinh của trẻ rất nhạy. Chỉ một chút cay, chút nóng, chút mặn, chút đắng, chút chua... là cậu như bị tra tấn! Khổ nhất là thời tiết của trời đất thất thường chuyển đổi ở bên ngoài thì bên trong này, trẻ đau đớn cùng cực...

Thời pháp chấm dứt, trẻ Sīvali ăn mặc rất đẹp, bước ra đảnh lễ tôn giả rất mực nghiêm cung và lễ độ. Tôn giả dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Mọi việc đều an lành và tốt đẹp cả chứ, này Sīvali?

- Hiện tại, trong không khí phước sự và trong thời gian nghe pháp thì đúng là vậy, thưa tôn giả!

Nghe câu trả lời của trẻ "không đơn giản" chút nào, tôn giả ngạc nhiên, nhăn mày hỏi tiếp:

- Con nói hiện tại? Vậy trước cái hiện tại này thì sao?

Trẻ mỉm cười mà như mếu, rồi đáp:

- Trước cái hiện tại, nghĩa là thời gian suốt bảy năm, bảy ngày con nằm trong một cái bình máu thì an lành và tốt đẹp sao được, thưa tôn giả!

- Đúng là vậy! Tôn giả hoan hỷ nói - Vậy là cái khổ nằm trong bụng mẹ, con là người cảm nhận sâu sắc nhất!

- Không chỉ là cảm nhận - Trẻ Sīvali lắc đầu - con còn kinh sợ nữa, thưa tôn giả!

Qua vài câu đối thoại giữa tôn giả và "hài nhi" mới sanh có bảy ngày đã lôi cuốn sự chú tâm của mọi người. Công nương Suppavāsā hoan hỷ và hãnh diện quá, bà thốt lên:

- Coi kìa! Coi kìa! Con tôi mới có bảy ngày mà đã thảo luận "về sự khổ" với bậc Tướng quân Chánh pháp!

Biết trẻ có căn duyên sâu dày, tôn giả ướm hỏi tiếp:

- Nếu kinh hãi sự khổ thì con phải làm sao, Sīvali?

Trẻ có vẻ suy nghĩ rồi mới trả lời:

- Theo thời pháp của tôn giả, xuất gia mà thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp sẽ lần lượt cắt đứt tất thảy sự khổ. Vậy trước sau, con cũng xin được xuất gia thôi!

Tôn giả gật đầu:

- Ừ, thế là đúng! Nhưng bây giờ con còn bé dại quá! Hãy sống ngoan ngoãn, hiếu thảo với cha mẹ, hiếu thuận với mọi người. Khi cơ duyên chín muồi, tự đích thân ta sẽ tìm đến con đấy! Nhớ lời hứa đó nhé?

- Dạ xin vâng!

Quay qua đại gia đình rồi nhìn công nương Suppavāsā, tôn giả hỏi:

- Có một trẻ như vậy, thế gian hiếm có! Này công nương hữu phúc! Công nương có còn muốn những bé trai tương tợ như vậy nữa hay không?

Rạng rỡ khuôn mặt, công nương mau mắn đáp:

- Muốn, rất muốn! Nếu có đau khổ bảy lần, được bảy bé trai như thế, đệ tử cũng muốn như thường!

Câu chuyện của trẻ Sīvali, không mấy chốc đã trở thành câu chuyện nóng sốt được bàn tán khắp mọi nơi. Không những tại các tăng, ni viện mà tại cung đình, hoàng gia, quý tộc, các đạo tràng ngoại giáo, đường phố, công viên, chợ búa... ai cũng muốn chiêm ngưỡng trẻ hoặc suy luận về căn cơ, nghiệp từ kiếp trước. Có một số vị tỳ-khưu đem chuyện kể về trẻ Sīvali và trẻ Dabba-Mallaputta vừa mới xảy ra ở khu rừng Ampiyamba gần thành Anupiya xem như đều là những việc hiếm có trên đời. Nói chung, họ cứ thắc mắc, thắc mắc mãi là cả hai mẹ con bị cái nghiệp gì kinh khiếp mà cùng chịu đau khổ chung suốt bảy năm, bảy ngày như

thế?

Tôn giả Moggallāna thấy tiết lộ điều này, tức là nhân của nghiệp quá khứ, chư tăngi sẽ hiểu thêm về sức mạnh của nghiệp báo, lợi ích cho việc tu tập của họ nên đã không ngần ngại kể cho họ nghe rằng:

"- Trong một kiếp quá khứ, tiền thân Sīvali là một vị thái tử con vua Brahmadatta, kinh thành Bārāṇasī. Thái tử tinh thông các môn học nghệ, đức độ và tài giỏi nên được vua cha nhường ngôi lúc còn rất trẻ.

Đức vua xứ Kosala sẵn binh lực hùng hậu, có dã tâm xâm lược, thấy nước lân bang trù phú, giàu có nên đã khởi một đạo quân lớn, đột ngột tấn công Bārāṇasī, giết đức vua Brahmadatta, lấy hoàng hậu vua làm vợ mình. May mắn thay, lúc ấy thái tử đang ở ngoại thành, đang cùng với toán quân vệ sĩ đang đi tuần thú các nơi nên thoát khỏi nạn.

Thấy nước mất, nhà tan, thái tử rất căm hận nên đã tụ họp bên mình những chiến sĩ gan dạ, yêu nước rồi âm thầm đi khắp các trấn thành, thị trấn... kêu gọi đoàn kết, phất cờ khởi nghĩa vệ quốc.

Hôm kia, một đoàn đại quân đằng đằng sát khí, có thủ lãnh là vị vua trẻ, bao vây Bārāṇasī rồi bắn vào thành một trăm mũi tên viết bằng máu: "Một là giao thành, hai là giao chiến, ba là các ngươi hãy tự sát!"

Đức vua Kosala và quân đội đang hưởng lạc, say men chiến thắng, nhận được tối hậu thư, mỉm cười khinh bỉ: "Thằng trẻ ranh dám hù dọa ta sao?", bèn cho bắn tên trả lời: "Một tuần nữa, ta sẽ chặt đầu ngươi ở dưới chân thành, cho chó ăn! " Tức giận đến máu trào, thái tử tức tốc cho tấn công, không đợi chờ nữa. Ba lần tấn công cả ba lần đều bị đẩy ra do binh lực của chúng còn rất mạnh.

Trong thành, bà hoàng hậu hay tin, nhờ cảm tử quân ban đêm vượt thành, đưa tin cho thái tử hay: "Quân đội của chúng chưa tổn hao, nhưng lương thực trong thành đã gần

cạn. Vậy, không nên đánh thành mà chỉ nên bao vây, cắt đứt các ngả đường tiếp tế. Chỉ cho đến khi nào củi, nước, gạo trong thành khánh kiệt, không cần đánh mà chúng ta vẫn thắng! ”

Nghe lời mẹ, thái tử cho các tướng dẫn quân bao vây, bít chặt mọi lối ra, vào; những ngõ ngách bò dê heo chó gì cũng bịt kín. Thế là đến ngày thứ bảy, dân chúng trong thành do đói khát nên chết rất nhiều. Một số còn đủ sức, họ mang gươm giáo nổi loạn. Quân đội của vua Kosala cũng chết do đói khát, số còn lại thì vật vờ, yếu lả nên không còn đủ sức kháng cự. Dân chúng tràn vào vương cung, chặt đầu vua rồi tự động đem giao nộp cho thái tử. Chàng hiên ngang vào thành, lấy lại vương quốc, mẹ con trùng phùng... Mạng chung, họ đi theo nghiệp của mình”.

Kể xong chuyện quá khứ, tôn giả kết luận:

- Do nhân gieo vây hãm thành bảy ngày làm cho rất nhiều người chết; sau khi bị trả quả khổ ở địa ngục, nghiệp còn dư sót, mẹ mang thai con bảy năm, bảy ngày chịu khổ với nhau để trả cho hết nghiệp xưa! Công nương Suppavāsā bây giờ là hoàng hậu thuở trước, thái tử Bārāṇasī vây thành chính là trẻ Sīvali vậy.

- Trời đất ơi! Một người cất tiếng than! Cái nhân bảy ngày vây hãm thành, cái quả trả dư sót lại lên đến bảy năm, bảy ngày! Xem nào! Một năm vị chi số ngày như thế, chia cho bảy như thế, vị chi gấp năm mươi hai lần cộng thêm bảy ngày! Ôi! khiếp thay cái nghiệp báo - năm mươi ba lần hơn là cái sự khổ phải chịu!

Có tiếng cười. Rồi có người còn thắc mắc, hỏi:

- Trẻ Sīvali rất thông minh, sáng dạ; không những nắm bắt cái “khổ sanh” trong thời pháp, mà còn thảo luận với bậc Tướng quân Chánh pháp vài câu nghe rất có chiều sâu. Như thế, hẳn trẻ phải có căn cơ giáo pháp sâu dày nào từ quá khứ, phải thế không, thưa tôn giả?

Tôn giả gật đầu:

- Ừ, đúng vậy! Sẽ còn có lắm điều kỳ diệu về trẻ Sīvali này. Nhưng phải đợi đến khi cậu bé xuất gia, cái căn cơ cũ ấy mới trọn vẹn mãn khai! Hãy đợi đấy mà xem!

Sự việc sau đó xảy ra đúng y như vậy. Ngày hôm sau, tôn giả Sāriputta làm lễ xuất gia sa-di cho Sīvali. Khi làn dao cạo tóc vừa đi xong một đường, cậu bé đã đắc quả Tu-đà-hoàn, đường dao thứ hai thì đắc quả Tư-đà-hàm, đường dao thứ ba thì đắc quả A-na-hàm; và sau khi cạo đầu xong thì Sīvali đã đắc quả a-la-hán cùng các thắng trí.

Và sau này, sa-di Sīvali được đức Phật khen ngợi là người "đệ nhất về lợi lộc", đặc biệt là về vật thực!

Những Người Bạn Cũ

Đây là lần thứ ba sau khi giác ngộ, đức Phật trở lại quê hương. Trời nắng hanh, khô, bụi bặm bám đầy cây lá ven đường do những đoàn xe bộ hành thương mãi ngày ngày ngược bắc xuôi nam.

Lúc qua sông Rohini, đức Phật dừng chân lại. Ngài đi theo ven bờ xuống phía hạ lưu. Sông mùa này cạn nước, chảy lờ đờ, vàng đục. Nơi này nơi kia đọng lại từng vũng, từng vũng; thỉnh thoảng có những hố nước lớn. Ở đây, người dân hai bên bờ đã làm những con mương nước để dẫn nước sang hai bên rồi dùng sức của những chiếc gàu tay, những thùng tre, đưa nước đến cấp cứu cho những đám ruộng, đám ngô, bắp đậu... ở những bãi biền.

Mấy người nông dân thấy đức Phật và tăng chúng đứng lố nhố quá đông họ sợ hãi nép núp chỗ này chỗ kia. Đức Phật bước lại, cất giọng từ hòa:

- Như Lai đây mà! Như Lai đi thăm hỏi bà con đây mà! Hiện nay, hai bờ con sông này không còn xảy ra tranh chấp nữa chứ?

- Dạ không! Một người đàn ông có vẻ rành rõi bước ra đáp! Chúng tôi vẫn nhớ câu đức Đại Bi đã dạy là "máu quý hơn nước" nên không dại gì để xảy ra tranh chấp với đùi

gậy, với gươm giáo nữa.

- Tốt, rất tốt! Vậy, hiện tại, quý vị làm lụng có đủ ăn, đủ mặc không?

- Dạ, cơm ăn thì cũng bữa đực, bữa cái; áo quần thì cũng đầu thừa chắp nối đuôi thẹo, nói chung cũng qua ngày, chưa đến nỗi đói lạnh, thưa đức Tôn Sư!

- Ừ! Thế thì đức vua và các quan tổng trấn họ có tốt không, họ đã đối xử với nhân dân như thế nào?

- Dà, ông vua này ngó bộ cũng biết lo cho dân! Nhưng quan tổng trấn ở đây thì già rồi, có lẽ không còn được mấy hơi, cứ ì ạch, ì ạch ở lì trong trấn phủ, có khi nào đi quan sát dân tình đâu mà biết!

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, quan tổng trấn phải trẻ và phải năng động mới được! Một vị quan tốt phải đến tận nhà dân nghèo, phải biết quan sát cái nồi cơm, nhìn xem cái hố xí! Xin lỗi, đôi khi xem dân ỉa ra cái giống gì mới biết được dân đói hay no, ăn cơm hay chỉ ăn với lá và củ!

- Ôi! Hoàn toàn đúng! Đúng đức Tôn Sư là bậc thấy biết khắp thiên hạ, không có gì là không biết!

Mọi người xung quanh đổ xô lại. Một người thưa:

- Quan tổng trấn ở miệt trên, nghe nói trẻ lắm! Đến các vụ mùa gieo cấy hay gặt hái, ông ta ra ngủ với dân, đôi khi còn ăn chung, ăn thử món này món kia; và còn tận tình chỉ dạy từng ly, từng tí cách thức trồng trọt giống này, giống kia nữa!

- Vậy là giỏi lắm! Đức Phật khen ngợi - Phải như vậy mới được! Phải như vậy mới được!

Rời Rohini, thế là đức Phật đã biết sơ về tình hình chung của lãnh thổ, quê hương. Và, tương tợ như Devadaha, Kapilavatthu cũng không mấy thay đổi. Đức vua Mahānāma dầu có trẻ trung, tháo vát nhưng sức nặng truyền thống, những tập tục cổ hủ, nạn phân chia giai cấp đã làm thui chột

tất thảy mọi năng lực sáng tạo để đưa đất nước đi lên. Thuở xưa, ngài đã bất lực thì nay Mahānāma cũng bất lực mà thôi.

Ngang qua khu vườn Lumbinī, thấy nơi này xanh mát, đức Phật và đại chúng dừng lại nghỉ ngơi.

Tôn giả Ānanda đi dạo quanh một vòng, dừng lại nơi gốc cây có khắc dấu kỷ niệm hoàng tử Sākya Siddhattha đản sanh, cất giọng bùi ngùi:

- Mới đó mà đã gần bốn mươi lăm năm rồi. Xem kìa, cái gốc cây sālā này trông đã già đi nhiều lắm.

Tôn giả Sāriputta đang đứng sau lưng, góp lời:

- Sau này, đây sẽ là cái cây thiêng liêng đấy, pháp đệ!

Từ giã Lumbinī, đức Phật nói:

- Đúng vậy! Nhưng mà kỷ niệm để làm gì! Quả đất này chật chội lắm; còn chúng ta thì cứ sanh tới sanh lui mãi, chưa nhàm chán sao? Chưa mệt mỏi hay sao? Cứ quăng một cục đá lên trời, nơi nào nó rơi xuống, đào lên, sẽ bắt gặp xương cốt hoặc vật gì đó của chúng ta từ một quá khứ vô định nào!

Lời của đức Phật nói, tuy nhỏ nhưng mà lại thoảng vào tai của đại chúng, rõ mồn một. Họ nghe như có tiếng lá rơi vèo, xào xạc giữa không gian. Trời nắng nóng mà họ cảm nghe ngọn gió hư vô lạnh buốt vừa thổi qua. Rùng mình. Họ trực thức trở lại với chánh niệm ngay, không dám vọng tưởng và hoài niệm nữa!

Tiếp tục lộ trình, đức Phật và đại chúng thanh thản đưa mắt nhìn ngắm hai bên trên con đường vào thành. Nhà nhà mở cửa, quét dọn sạch sẽ. Nơi những nhà giàu còn xông thơm ngát hương chiên-đàn. Họ như một đoàn quân chiến thắng khải hoàn; một chiến thắng vinh quang nhất là chiến thắng khổ đau, phiền não và buộc ràng! Và đây cũng là đoàn quân của giáo hội độc thân, của vô sản, bần hàn; nhưng cũng là của tự do, bình đẳng và dân chủ nhất trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề!

Chư tăngi địa phương và cận sự nam nữ dòng Sākya biết tin đức Phật sẽ về đây từ mấy hôm trước. Khi ngài và đại chúng còn ở Koliya thì họ đã rủ nhau vào khu Rừng Cây Đa (Nirodhavana) để dọn dẹp vệ sinh toàn bộ các nơi. Cốc liêu chư tăngi cũng được sơn quét, làm sạch, làm đẹp các lối đi và cả những công trình phụ. Tại giảng đường, họ dùng nệm sạch mới trải khắp, sắp đặt chỗ ngồi, ghè nước và treo đèn kết hoa. Bảo tọa của đức Thế Tôn được lát thảm nhung sẫm nâu, tẩm hương liệu rồi họ xông chính giữa giảng đường một lò chiên-đàn lớn để xua tạp khí...

Do chư tăngi ni đến quá đông nên một số phải di tản. Chư ni được dẫn sang ni viện mới do ni trưởng Gotamī, Yasodharā và dòng Sākya kiến tạo. Nơi này sinh hoạt Phật sự có vẻ tăng thịnh vì dù sao cũng là quê hương của Phật; lại nữa, dòng Sākya thường hãnh diện, tự hào về đức Chánh Đẳng Giác đã xuất sinh ở đây, cùng chung huyết thống với họ.

Đức Phật vừa ngồi xuống nghỉ ngơi thì đức vua Mahānāma cùng các quan đại thần trẻ tìm đến. Họ đảnh lễ rất thành kính trong cung cách của những đệ tử tại gia.

Nhìn những sợi tóc bạc lấm tấm của Mahānāma, đức Phật muốn dành một chút thời gian "tâm sự với bạn cũ" nên dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Thời gian trôi qua nhanh quá, phải không Mahānāma?

- Đúng vậy, thưa Tôn Sư! Không chỉ nhanh như bóng ngựa qua cửa mà nhanh như từng nháy mắt, từng sát-na!

- Ừ, đúng vậy!

Đức Phật gật đầu. Im lặng một lát, ngài hỏi tiếp ra chiều quan tâm:

- Công việc triều chính, kinh tế, ngoại giao cũng như xã hội, dân sinh... lúc này có những biến chuyển gì, dấu hiệu gì, tốt hay xấu hở đại vương?

- Nói chung là triều chính vẫn trì trệ, mặc dầu đệ tử đã

lựa chọn những quan đại thần trẻ trung xuất thân từ đại học Takkasilā. Do nhân số không đủ, chỉ một ít ở triều chính và một ít ở vài ba tổng trấn lớn. Họ có tư duy mới, cách làm việc mới nhưng do cỗ xe đã quá cũ kỹ, quá hao mòn nên sức người không thể chuyển đổi được sức mạnh của nghiệp cộng với sức mạnh của thuyết định mạng!

- Ừ, Như Lai hiểu! Cái thuyết định mạng của bà-la-môn giáo thiệt là tệ quá. Nó còn làm trì trệ châu Diêm-phù-đề này mấy ngàn năm nữa đấy, Mahānāma!

Im lặng. Lát sau, Mahānāma trình bày tiếp:

- Kinh tế thì càng ngày càng rơi vào thế lực của các tập đoàn. Họ năng động, tài giỏi, tư duy sắc bén lại có nhiều tiền bạc nên thế lực mạnh quá, đôi khi triều đình phải lệ thuộc, cần sự tài trợ của đám thương gia ấy.Chúng ta chưa tìm ra một nhà kinh tế học ưu việt, khả dĩ vừa có biện pháp chế tài vừa có chính sách đem đến lợi ích cho muôn dân! Ước gì có một người có trí tuệ khả dĩ bằng một phần mười sáu của đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười:

- Rồi để mà làm gì, hở Mahānāma?

Câu hỏi của đức Phật làm ông vua bạn cũ nín lặng. Phải, làm gì đã chứ? Thoáng chốc là phù du cái cuộc đời này! Ông là một vị vua quyền uy hiển hách, phú quý và tài lộc thuộc đệ nhất đẳng, ai cũng tưởng là hạnh phúc; nhưng ông nào có mấy niềm vui? Đêm nằm luôn trăn trở, thao thức từ lo nghĩ, toan tính này sang nỗi buồn phiền, ưu tư nọ vì việc nước, việc nhà, việc thê thiếp và các con. Chỗ nào cũng bất như ý, chỗ nào cũng khó chịu, bực bội, chỗ nào cũng là cái ổ phiền não...

Đức Phật biết nỗi lòng của Mahānāma. Không những hằng trăm cái buồn phiền mà chuyện vừa mới xảy ra đã làm cho ông ta không yên tâm. Số là đức vua Kosala muốn kết thân với ngài nên cho sứ giả sang Kapilavatthu để dạm hỏi

một cô công chúa dòng dõi Sākya về làm quý phi. Dòng tộc Sākya vốn kiêu căng, ngã mạn không chịu cho cưới những cô gái cành vàng lá ngọc nên họ thuyết phục đức vua Mahānāma gả cô con gái cưng của ông, vốn lai tạp huyết thống của bà mẹ nô lệ. Cô Vāsabha-Khattiya đúng là một công chúa, lại là rất khả ái, nết na, dịu dàng và xinh đẹp nên rất đúng với tiêu chuẩn yêu cầu. Khi gả cô con gái yêu quý đi rồi, một phần nhớ thương con, một phần thì lo sợ đến lúc nào đó triều đình Kosala phát giác con mình không thuần chủng, như thế là coi khinh họ thì khó tránh khỏi hiểm họa cho đất nước vốn mang thân phận nhược tiểu, chư hầu!

Đức Phật biết tất cả mọi chuyện nhân quả, nghiệp báo, không những bây giờ và còn nhiều kiếp về trước nữa, nhưng không thể tiết lộ, ngài chỉ nói:

- Như Lai đã từng thất bại thì đức vua hãy xem sự thất bại như một bài học cụ thể ở đời để giác ngộ, để thấy rõ bản chất như thực của nội tâm cũng như ngoại cảnh trong tương quan phát sinh. Ngay chính những lo nghĩ, những buồn phiền cũng thế, bản chất chúng cũng sinh diệt, này Mahānāma!

Đức Phật dẫn dắt câu chuyện thật là khéo, đã đưa đức vua vào với giáo pháp hồi nào mà ông ta cũng chẳng hay! Lời giáo giới ấy cho ông ta một phần nào tỉnh thức, khuôn mặt đã thấy giãn ra!

Câu chuyện vừa ngang đây thì Ānanda, Devadatta, Kimbila, Upāli, Anuruddha, Bhaddiya, Kāḷudāyi... cùng bước vào... Đức vua Mahānāma chưa kịp chào hỏi thì vị này vị kia đến ôm choàng lấy ông làm ông vô cùng mừng tủi. Thấy vị nào cốt cách cũng cao sang, khuôn mặt ngời ngời sáng láng không hề thấy một nếp nhăn dù ai cũng đã trên dưới tứ tuần, ông biết họ có nhiều căn lành, nhiều duyên phúc và nhiều trí tuệ hơn ông!

Đức Phật để cho họ tự do hàn huyên, ngài chỉ hỏi

Ānanda:

- Sāriputta và Moggallāna đi đâu?

- Thưa, hai sư huynh của đệ tử đang giáo giới tại ni viện!

- Vậy thì tối nay, Như Lai sẽ vào hoàng cung với Mahānāma để thuyết pháp cho những người không đi được, còn ông, hãy thuyết pháp đến cho các Sākya cận sự nam nữ!

- Thưa vâng, bạch đức Tôn Sư! Nhưng xin đức Tôn Sư cho đề tài phụ hợp với căn cơ.

- Chuyện phước thôi, này Ānandā! Hãy thuyết làm sao cho dòng tộc Sākya biết giữ ngũ giới cho tốt; ngoài ra, giải thích thêm lợi ích của bát quan trai giới!

Ngạc nhiên, tôn giả Ānanda hỏi:

- Dường như đề tài này, đức Tôn Sư, hai vị đại sư huynh và chư trưởng lão đã thuyết nhiều lần tại đây rồi? Sao không cho đệ tử thuyết những pháp cao hơn?

- Hãy cứ thuyết nữa đi! Do một số khá đông trong họ chưa giữ tròn ngũ giới và họ tỏ ra lơ là bát quan trai giới! Cứ nhắc đi nhắc lại mãi thì rồi họ cũng thấm. Vả lại, nếu biết triển khai cho khéo thì những giới sơ cơ ấy cũng có bề rộng và bề sâu vậy!

Ānanda hiểu, tuân mệnh và tôn giả biết mình làm được, thuyết được. Tuy nhiên, tôn giả cũng chưa hiểu dụng ý của đức Chánh Biến Tri, bậc liễu thông tất cả. Chỉ có đức Phật mới biết rằng, trong tương lai, dòng Sākya sẽ bị diệt vong do hiểm họa mà trong tâm tư ông vua Mahānāma đang lo nghĩ! Và chỉ có sức mạnh ngũ giới, bát quan giới được hành trì, tu tập tốt mới là chiếc phao phước báu đưa dòng Sākya đi lên các cõi trời và người mà thôi!

Chiếc Phao Phước Báu

Mấy ngày hôm sau là những cuộc cúng dường đặt bát liên tục từ các gia đình hoàng gia, các quan đại thần cùng các thương gia và gia chủ trong kinh thành. Các buổi chiều, hai vị đại đệ tử và các vị trưởng lão đi giáo giới tại các tăng viện, ni viện. Đức Phật cũng đi thăm một vòng quanh các cơ sở vừa mới thành lập. Đâu đâu không khí cũng có vẻ an lạc và thanh bình. Các vị trưởng lão cho biết là chư tăngi ni chưa có những trường hợp nào có vẻ sai phạm lớn về đời sống phạm hạnh. Riêng giới cư sĩ thì có vẻ chưa được thuần thành, nên tổ chức các thời pháp lớn tại Rừng Cây Đa. Và đây cũng là ý của đức Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda đã thuyết ba thời pháp liên tục vào ba buổi chiều. Những thời pháp của tôn giả có tác dụng lớn. Do được nghe nhiều lần nội dung về ngũ giới, về bát quan trai giới từ kim khẩu đức Thế Tôn nên tôn giả đã triển khai theo một chiều hướng khác, cách nói khác, bề rộng và bề sâu khác rất ấn tượng.

Tôn giả thuyết rất mới mẻ rằng,

Giới như ngọn đèn trong đêm tối,

Giới như con mắt sáng nhìn xuyên qua lớp sương mù,

Giới như người bộ hành lên đường có bản đồ và đầy đủ

lương thực,

Giới như chiếc thuyền ra khơi có la bàn định hướng,

Giới như thương gia làm ăn có sẵn vốn liếng,

Giới như vị tướng ra trận có quân cận vệ dũng cảm ở hai bên mình,

Giới như người thợ mộc có đầy đủ thước mực cùng lắm mẹo hay,

Giới như vị minh quân có sẵn các quan đại thần tài đức gồm đủ,

Giới như hạt mầm vừa mọc lên đầy đủ nước, ánh sáng, phân bón và công chăm sóc,

Giới như người vừa mới sanh ra trong gia đình có cha mẹ giàu sang và hiền thiện...

Do vậy,

Giới là viên ngọc quý, là kho báu, là bảo tàng, là áo giáp thiện hạnh;

là người bạn lành chung thủy,

là đóa hoa tươi thắm sắc hương,

là bài thơ trăng sao giữa nước mây lồng lộng...

Này các vị Sākyaputta - những đứa con của dòng dõi Sākya - hãy xem năm giới như tài sản của mình, vận may của mình, bậc thầy của mình, phước lộc của mình, sức khỏe của mình, sinh mạng của mình, là chiếc chìa khóa có bộ phận cơ cấu chi tiết tỷ lệ vàng có thể mở tất thảy mọi cánh cửa người, trời an lành và hạnh phúc.

Đừng đơn giản nghĩ rằng, không sát sanh chỉ là không giết người, giết vật mà còn phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Mới khởi một niệm sát, niệm sân, niêm hại là cái tâm ấy đã uế nhiễm, đã là bất thiện rồi.

Liên hệ giới này đối với bậc xuất gia thì lại càng khiếp nữa. Có một vị tỳ-khưu uống nước ao hồ mà quên lọc, thế là đã bị giới phạm tỳ vết! Có một vị tỳ-khưu chỉ bứt một cọng cỏ vô tình cũng phải đi sám hối!

Đừng dễ dãi nghĩ rằng, không trộm cắp là không lấy cắp của người dù một cọng cỏ, một cây kim là giới ấy đã viên mãn rồi! Phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Chỉ khởi một niệm tham, một niệm chiếm hữu, một niệm sở hữu gì đó thì giới ấy ở trong tâm đã bị lẹm khuyết, đã bị vấy bẩn rồi.

Liên hệ giới này đối với sa-môn phạm hạnh lại càng vi tế hơn nhiều. Một vị tỳ-khưu mà xin món này vật kia là đã không được rồi; thậm chí chỉ gợi ý xa xôi là tâm cũng đã bị hoen ố rồi!

Đừng hời hợt nghĩ rằng, giữ tròn giới thứ ba là không tà vạy bất chánh với vợ con người mà còn phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Một niệm dục, một niệm muốn thỏa mãn giác quan và cảm xúc đã làm cho giới này bị rò rỉ, bị mối mọt, bị sâu đục từ trong ruột.

Đối với chư tăngi ni lại càng nghiêm túc hơn nữa. Một vị tỳ-khưu nhìn người phụ nữ mà nắm tướng chung, nắm tướng riêng (biết là trẻ, già, mập, ốm) là đã không được rồi! Có một vị tỳ-khưu, lúc tu tập mà nắm bắt tịnh tướng (đẹp, sạch) là đã bị chúng bạn cười chê!

Đừng nông cạn nghĩ rằng, chỉ không nói dối láo là giữ tròn giới thứ tư mà còn phải học bài học để giác ngộ rằng: Bất cứ tác hành nào về khẩu ngôn, khẩu ngữ mà không y cứ trên sự thật, trên nền tảng cái chân thật thì giới ấy đã bị cong quẹo, nghiêng lệch rồi.

Các hàng sa-môn quyết đi theo cái như thật, cái như thật đến tận cùng như một vị tỳ-khưu tu tập tuệ minh sát, một khởi ý lệch hướng, sai hướng (Ayonisomanasikāra) đã có thể đi trệch chánh pháp! Một vị tỳ khưu còn phải tránh xa nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói ác độc, nói phù phiếm, nói hoa mỹ, nói thêm bớt, nói vô ích, nói rỗng không, nói gợi ý, nói ngon ngọt văn chương bóng bẩy... nữa.

Đừng vội vàng nghĩ rằng, không uống rượu và các loại

men đã là tốt rồi. Mà còn phải chiêm nghiệm sâu xa hơn về các loại chất say ấy. Phải học cho được bài học để giác ngộ rằng: Say nào cũng là say; có cái say thô thiển, có cái say vi tế; có chất say thuộc về vật, có chất say thuộc về tâm; có loại say thuộc sắc thanh hương vị xúc, có loại say thuộc về mắt tai mũi lưỡi thân!

Các hàng xuất gia thì công phu miên mật hơn về giới này, ngày đêm bám sát, chánh niệm, tỉnh giác không rời; vì chỉ cần dính ở đâu đó, an trú ở đâu đó hơi lâu thì phải trực thức, phản tỉnh tức khắc, chiếu soi tức khắc là mình đã say, đã đắm, đã dính vào đối tượng đó chưa!

Như vậy đấy, nào các hàng cận sự nam nữ! Quý vị đừng có than phiền với đức Thế Tôn là ngũ giới khó khăn, ngũ giới là cái gì rất khó thọ trì đối với hàng tại gia lúc còn phải buôn bán, làm ăn, giao tiếp với cộng đồng, xã hội. Than phiền là tâm lý thường tình của quý vị, một giải đãi, một buông xuôi, một tiêu cực, một cầu an như là một thỏa hiệp với ma vương đấy thôi! Cái đó tùy! Nhưng mai này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la... là những cánh cửa rộng thênh thang để quý vị đi vào! Quý vị đã thủ chiếc chìa khóa để mở những cánh cửa ấy. Rồi mai này, đừng than nóng, đừng than vạc dầu, đừng than hầm chông, đừng than chặt đầu lột da, đừng than tăm tối, đừng than nhầy nhụa máu mủ, đừng than đói khát, giá lạnh, đừng than tối tăm ngu si, đừng than đần độn, lông lá, đừng than thống khổ, sợ hãi, đọa đày, sầu bi ưu não...

Hãy thức dậy giữa đám người say ngủ! Hãy tỉnh táo giữa đám người mê lú! Hãy tăng tốc lực phi mã giữa đám ngựa què! Hãy vượt lên đồi cao giữa đám nhân loại bạc nhược yếu hèn! Hãy đi bằng con mắt của mình, đôi chân của mình, ngọn đèn của mình! Hãy chiến thắng! Hãy tự do! Này dòng dõi Sākya anh hùng!

Không dừng lại ở đó, bài pháp của tôn giả còn nói thêm

về ba giới nữa.

Như một con ngựa dòng giống Sidhu lại còn cho ăn uống sung sức.

Như một căn phòng hương lại sắm sanh vật dụng bằng các loại gỗ hương.

Như chiếc thuyền đi đúng hướng lại có thêm chiếc buồm no gió.

Như cánh diều chắc bền lên cao lại được nới thêm dây. Như lối đến một vườn hoa lại được mở ra một rừng kỳ hoa dị thảo!

Ai tu tập thêm ba giới nữa, một ngày, một đêm là tập sống như một vị tỳ-khưu một ngày một đêm!

Ai giữ thêm được ba giới nữa hai ngày hai đêm là tập sống giải thoát như Phật, như chư vị A-la-hán hai ngày hai đêm! Phải kiên quyết thu xếp tất cả mọi chuyện bận bịu vướng mắc của gia đình để thọ trì 8 giới một tháng sáu ngày, tám ngày là quý vị đã gieo duyên chánh tâm, chánh trí, chánh kiến... không còn bao giờ bị đi đọa vào các cảnh giới đau khổ, lạc vào tà kiến, ngoại đạo nữa!

Tóm lại, năm giới, tám giới kia - là chiếc phao phước báu kiên cố, vững bền - chư vị phải biết nắm chắc, hãy cố mà leo lên và hãy ráng dùng sức tay, nghị lực, ý chí mà quẫy, mà bơi!

Hãy bỏ bờ khổ đến bờ vui,

Bỏ bờ ngu sang bờ trí,

Bỏ bờ mê sang bờ giác!

Không ai có thể cứu chúng ta, nếu chúng ta không ra sức tự cứu!

Bài pháp của tôn giả Ānanda đã làm cho cử tọa thính chúng như một con bệnh được uống một liều thần dược, khí huyết chuyển động rào rào. Họ như được tiếp thêm niềm tin và ánh sáng cho lối đi, thêm dinh dưỡng sức khỏe cho tâm và trí... họ cất vang lời tán thán "lành thay! lành thay!" vang

động cả rừng cây trầm mặc. Hoa nẩy hương. Cành đơm lá. Đá mọc mầm. Và cận sự nam nữ Sākya thơ thới, an vui bước đi bên sau gót chân xuất trần của giáo đoàn thanh tịnh. Rất nhiều căn cơ bất thối.

Sau thời pháp, tôn giả Ānanda được đức Phật, hai vị đại đệ tử và các hàng trưởng lão khen ngợi; được hai giáo hội tăng ni quý trọng, tín phục và được cả thiện tín hai hàng, cả kinh thành kính yêu và cảm mến!

Sa-Môn Đầu Trọc

Càng ngược tây bắc chừng nào thì khí hậu, thời tiết nghe lại càng dễ chịu hơn. Đức Thế Tôn và đại chúng đã rời Kapilavatthu một ngày đường, chừng hai ba hôm nữa thôi là họ sẽ đến Sāvatthi nước Kosala. Vật thực kiếm được bên các xóm làng cũng tương đối đầy đủ cho một hội chúng quá đông. Tuy nhiên, đức Phật đã thận trọng bảo các vị trưởng lão phân chia cách quãng từng đoạn, từng đoạn hoặc rải rác những lộ trình khác nhau. Hai vị đại đệ tử năng động lúc xuất hiện nơi này, lúc xuất hiện nơi khác để chăm sóc hội chúng. Lúc nào cũng có kẻ cảm đau bất ngờ, người nằm nghỉ dọc đường do yếu mệt hoặc chúng sa-di tuy khỏe khoắn nhưng thường ham chơi, nghịch ngợm tắm sông, tắm suối... lạc mất hội chúng là chuyện bình thường!

Đất nước Kosala nổi tiếng là giàu mạnh và tươi đẹp, vượt trội các tiểu quốc và các nước hùng cường phương nam, nhưng nhìn chung thì những thôn làng giáp biên vẫn quạnh vắng và tiêu điều. Nạn cướp đường vẫn thường hay xuất hiện trên lộ trình thương mãi này, không thể tảo trừ tận gốc được. Các nhà xã hội học thường giải thích tệ trạng này là do còn nghèo đói, bất công; tuy nhiên, theo giáo pháp của Phật, được nhìn xuyên suốt qua các kiếp sống của chúng

sanh, thì nguyên nhân kia tuy đúng, nhưng nó chỉ là phần ngọn; còn cái phần gốc, cái căn cội sâu xa là do tâm, chủng nghiệp mà sinh ra.

Thật không thể làm gì được, tốt đẹp hơn cho thế gian này bằng sự tu tập và truyền bá giáo pháp cho chúng sinh tự thấy biết nhân quả, nghiệp báo, sợ hãi việc xấu ác và làm những việc lành tốt; cuối cùng là giữ được tâm trí trong lành, mát mẻ, an tịnh là tạo được hạnh phúc cho đời này và nhiều đời sau...

Đi bên bờ nam của một con sông Aciravatī nước cạn, đục lờ, đường sá, nhà cửa trông đã xuống cấp, vài ba ngôi thành bỏ hoang, dân cư thưa thớt, thấp thoáng xa gần là những đàn bò, đàn dê mỏi mệt gặm cỏ, gặm cây lá trên những đám đất khô vàng... đức Phật bước chậm lại, ngoảnh nhìn phía sau. Nhìn những đoàn sa-môn gọt mái đầu xanh, nối tiếp nhau, lố nhố, thấp thoáng sau các hàng cây... đức Phật chợt mỉm cười, nụ cười rất lạ. Đi cạnh bên, thấy được vậy, tôn giả Ānanda thưa hỏi lý do nụ cười.

Đức Phật nói:

- Tại chỗ này, vùng này, cả một miền sông núi, thung lũng có vẻ xơ xác, hoang tàn này, thuở xưa có ai ngờ được rằng, là một thị trấn hữu danh, với lâu đài, dinh thự, nhà cửa khang trang, sông trong, cây lành, trái ngọt, trù phú, thạnh mậu có tên là Vebhalinga, có một vị Phật ra đời đấy, này Ānanda!

- Nhưng mà nó có liên hệ gì nụ cười đâu?

Đức Phật leo lên một ngọn đồi nhỏ ven đường, ngồi nghỉ dưới bóng cây, lấy tay chỉ từng đoàn tỳ-khưu lố nhố gần xa rồi nói:

- Ông có thấy những chiếc đầu trọc, kế tiếp những đầu trọc, trông rất vui mắt kia chăng?

Tôn giả Ānanda mỉm cười khi thấy đức Thế Tôn nói đến những cái đầu trọc!

- Dạ có thấy!

- Vì những cái đầu trọc ấy, mà Như Lai liên tưởng thuở đức Phật Kassapa ở thị trấn này, có một chàng thanh niên ngổ ngáo đã từng gọi vị Phật ấy là "sa-môn đầu trọc" nên Như Lai mỉm cười!

Thấy trời đã xế chiều, có lẽ đêm nay sẽ tạm cư ở đây, đức Phật cho triệu tập đại chúng, rồi kể lại tích truyện xưa liên hệ đến sa môn đầu trọc!

"- Thuở ấy, tu viện của đức Phật Kassapa ở gần đâu đây, trong vùng này, để giáo hóa chư tăngi. Ngài có một vị đàn tín đệ nhất là người thợ làm đồ gốm, tên là Ghaṭīkāra. Mặc dầu nhà nghèo lại sanh thuộc hạ cấp, Ghaṭīkāra rất được sự ưu ái của Thế Tôn Kassapa vì ông ta đã thành tựu được lòng tin bất thối với Tam Bảo, đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử[1], và đang sống trong giới luật của bậc thánh.

Bạn thân với Ghaṭīkāra là thanh niên Jotipāla, thuộc giai cấp bà-la-môn nhưng lại không có lòng tin với tôn giáo. Đã rất nhiều lần, người thợ gốm Ghaṭīkāra khuyên bảo bạn mình đến nghe pháp hầu giúp bạn tiến hóa nhưng đều bị Jotipāla từ chối, lại còn nói: "Đến với cái ông sa-môn đầu trọc ấy mà làm gì?"

Chẳng giận, chẳng buồn, chẳng nhụt chí, người thợ gốm vẫn với tâm từ ái và nhẫn nại sâu xa, quyết tâm tìm cách khuyến hóa bạn mình cho bằng được.

Một lần nọ, sau khi chu tất việc cơm nước phụng dưỡng cho cha mẹ mù lòa, Ghaṭīkāra đến thăm bạn với trang phục bình dị nhưng dung sắc rạng rỡ được toát ra từ một nội tâm không lúc nào là không thanh tịnh lạc trú.

Thấy Ghaṭīkāra, thanh niên Jotipāla cười cười:

- Có phải bạn sẽ mở lời quen thuộc:"Này bạn! Hôm nay trời đất thật là trong sáng, mỹ diệu, thù thắng, không một

[1] Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

mảy bụi. Hoa nở rộ. Hương thơm ngát. Từng con đường cũng trong sáng, thù thắng, mỹ diệu, không một mảy bụi. Thế Tôn Kassapa đang ngụ cư trong một tu viện gần đây, không bao xa, ta hãy cùng đến đảnh lễ ngài, nghe pháp; rồi ta sẽ hưởng được phúc lạc tối thượng!"

Biết bạn là người thông minh, đã nói câu chặn họng, nhưng Ghaṭīkāra không chấp, vẫn mỉm cười, dịu dàng nói:

- Dòng sông mùa xuân trong xanh, mỹ diệu, tuyệt vời, không một mảy bụi. Thật là thoải mái, mát mẻ cho ta được bơi lội ở nơi ấy, được hít thở không khí trong lành, không một mảy bụi; được chà xát thân thể bằng bột tắm và đồ gãi lưng. Này bạn! Hãy cầm đồ gãi lưng và bột tắm, ta sẽ đi ra sông!

Thanh niên Jotipāla ngạc nhiên, nhưng rồi đã gật đầu lia lịa:

- Thế mới phải chứ! Đấy là điều mà ta mong ước, này thiện hữu!

Đến bờ sông, Ghaṭīkāra dẫn bạn mình đi xa một tí, đi xa một tí nữa...

Thanh niên Jotipāla dừng phắt lại:

- Chỗ này nước xanh và trong, sao không tắm ở đây, lại đi xa hơn năm đòn gánh, mười đòn gánh? À, hóa ra, bạn đã cố ý dẫn ta đến gần tu viện của sa-môn đầu trọc ấy?

Biết không thể qua mặt cái ông bạn có đầu óc sắc bén, tinh tế này, Ghaṭīkāra bèn dừng chân lại.

Sau khi tắm xong, Ghaṭīkāra nắm chặt tay Jotipāla như cái móc sắt, nói rằng:

- Thật hy hữu thay khi có một đức Thế Tôn, đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ra đời. Làm thân người đã khó, làm thân người nam khó hơn, làm thân người nam mà toàn hảo ngũ quan càng khó hơn nữa. Lại sinh nhằm thời có đấng Pháp Vương vô thượng lại càng hy hữu. Hãy đi! Chớ có chần chờ, chớ có trì hoãn! Hãy đến yết kiến ngài và nghe

pháp! Đừng có cứng đầu nữa!

Sau một hồi vùng vẫy bằng sức mạnh của mình, thoát ra được, thanh niên Jotipāla cười ha hả:

- Thôi mà ông bạn! Vừa rồi! Đủ rồi! Chán cả cái lỗ tai rồi! Yết kiến sa-môn đầu trọc ấy mà làm gì, an lạc gì, lợi ích gì! Thôi! Đừng có nói nữa!

Người thợ gốm, lần này, khởi lên sự cương quyết tối thượng, sức mạnh được sử dụng định lực để tập trung tối thượng nắm chặt chỏm tóc của thanh niên Jotipāla, cất giọng uy nghiêm:

- Này ông bạn thân! Thế Tôn Kassapa ở gần đây, không có bao xa. Lần này bạn không thể thoát đi đâu được. Ta sẽ nắm chặt, sẽ lôi và kéo bạn đến yết kiến đức Thế Tôn ấy! Dầu tay ta có bị đốt bằng lửa, có bị chặt bằng dao, bạn đừng nghĩ rằng ta sẽ thả tay ra. Ta sẽ không bao giờ thôi nắm chỏm tóc của bạn nếu chưa đạt được ý nguyện!

Nghe lời nói có thép, có lửa ấy, thanh niên Jotipāla chợt dựng tóc gáy, thần sắc thay đổi, một ý nghĩ khởi sanh: "Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Bạn thân của ta, thợ gốm Ghaṭīkāra tuy sanh thuộc hạ cấp, lại dám nắm chặt búi tóc của ta bằng cả hai tay? Lại còn hăm dọa sẽ lôi, sẽ kéo ta đi dẫu ta vừa mới gội đầu, dẫu ta sanh thuộc giai cấp thượng đẳng? Việc này chắc chắn không phải tầm thường mà phải có lý do trọng đại? Lại nữa, bạn ta còn nói, đẫu bị đốt bằng lửa, bị chặt bằng dao, y cũng không buông ra? Việc ấy sẽ có lợi gì cho y mà y khổ tâm đến thế? Thôi! Đúng rồi! Rõ ràng là y đã có tâm từ ái đối với ta chứ không phải là có ác ý! Ồ, mà bạn ta có ác ý với ai bao giờ dù cả với con sâu, cái kiến!"

Nghĩ thế xong, thanh niên Jotipāla mềm mỏng nói:

- Ta hiểu rồi! Ta hiểu ý tốt của bạn rồi! Nhưng đến yết kiến ông sa môn đầu trọc kia, có cần thiết phải dùng cả hai tay nắm chặt chỏm tóc, lại còn hăm dọa lôi và kéo nữa?

- Cần thiết lắm chứ! Người thợ gốm gật đầu cương

quyết – vô cùng cần thiết nếu bạn không chịu đi, không chịu đến yết kiến đức Đại Tôn Sư!

Thấy thần sắc nghiêm nghị của bạn, Jotipāla nghĩ thầm: "Chưa một lần nào, y bỡn cợt với ta! Chưa một lần nào mà ta thấy y lẫm lẫm uy nghiêm như thế! Dẫu ta có sức mạnh của tượng vương, dẫu ta có uy mãnh như sư tử vương, y vẫn lôi và kéo ta đi như thường, không có thối thất, không có nhụt chí!"

- Thôi! Hãy thả tay ra đi, ông bạn hiền thiện! Thanh niên Jotipāla thở ra một hơi dài, có vẻ thua cuộc - Ta hứa ta sẽ đi yết kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác của bạn.

Khi họ cùng đến nơi, người thợ gốm cung kính đảnh lễ đức Phật Kassapa còn thanh niên Jotipāla chỉ mở lời chào lấy lệ rồi ngồi một bên.

Ghaṭīkāra giới thiệu bạn của mình rồi khẩn thiết yêu cầu đức Thế Tôn ưu ái thuyết cho Jotipāla nghe một thời pháp.

Thế rồi, quán căn cơ xong, đức Phật, với pháp thoại đã làm cho người thợ gốm cùng chàng thanh niên đều thích thú, phấn khích. Họ hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

Như vừa được hóa sanh từ giáo pháp, với hỷ và lạc đầy ắp trong tâm, với tín và trí ngời sáng trong mắt, trên đường về, thanh niên Jotipāla nói với người thợ gốm:

- Quả thật là tôi rất ngạc nhiên, là tại sao khi nghe được những thời pháp vi diệu, thù thắng như thế mà bạn lại không từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia theo giáo pháp của đức Tôn Sư?

Thợ gốm Ghaṭīkāra dừng lại, nắm chặt hai tay bạn:

- Phải lắm! Với thời pháp tối thượng ấy, ai là người có tai, có trí đều xa lìa thế gian cát bụi để sống đời trong lành, vô nhiễm.

Thanh niên Jotipāla xoay người lại, nắm cổ tay của người thợ gốm với sức mạnh chưa từng được thấy:

- Vậy tại sao bạn không xuất gia? Hay là tôi sẽ nắm chặt búi tóc bạn rồi kéo, rồi lôi bằng thần lực của trăm con voi to, ngàn con voi to?

Ghaṭīkāra phì cười:

- Coi kìa! Bạn phấn khích quá mà quên hoàn cảnh của tôi rồi! Tôi còn cha mẹ mù lòa ở nhà cần phải có người phụng dưỡng chứ!

- Ờ, xin lỗi! Thật tình xin lỗi! Còn tôi, ngay ngày mai, sẽ xuất gia thôi, không chần chờ một ngày nào nữa.

Thế rồi, thanh niên Jotipāla được xuất gia, thọ đại giới vào ngày hôm sau, bước vào đời sống phạm hạnh dễ dàng và thuận duyên như cá bơi trong nước...

Trời đã tối. Đức Thế Tôn mới kể đến ngang đây, đang ngừng hơi thì tôn giả Ānanda cảm thán:

- Cái căn cơ của chàng thanh niên sao mà bén nhạy và sâu dày đến thế? Chỉ một thời pháp đã xoay ngược toàn bộ tri kiến, từ cái câu khinh mạn "sa-môn đầu trọc" qua câu tôn kính "đức Tôn Sư" chỉ có mấy nháy mắt!

Đức Phật mỉm cười:

- Đừng tưởng thanh niên ấy là ai, là Như Lai đấy! Và cũng đừng tưởng người thợ gốm ấy là ai, chính là phạm thiên Sāhampati, người đã phương tiện thỉnh mời Như Lai xuống núi độ sinh tại Bodh-gayā độ nào!

Sự tiết lộ của đức Phật làm đại chúng tròn mắt, rồi xì xào bàn tán. Nghe nói rằng, đức Đạo Sư đã từng phát nguyện Chánh Đẳng Giác từ thời đức Phật Dīpaṅkāra, đã tu tập ba-la-mật đến bốn a-tăng-kỳ và trăm ngàn đại kiếp. Lẽ ra, năng lực công phu ấy nó sẽ tiềm tàng trong dòng nghiệp, dòng tâm. Làm sao có thể quên được mà lại phát ngôn mạo phạm một vị Phật kia chứ?

Đức Phật biết cái thắc mắc ấy nên ngài nói:

- Ừ, các thầy nghi ngờ là đúng! Quả thật có một ác nghiệp ngăn che. Một kiếp nọ, có một vị vua trông coi một

quốc độ phồn vinh nhưng lại bị tà giáo lộng hành, đâu đâu cũng là những đạo sĩ giả hiệu lập giáo nơi này, lập giáo nơi kia, ma mị bòn rút của dân. Trăm trăm ngàn ngàn tu sĩ cạo trọc đầu sống đời biếng nhác kiếm ăn đủ mọi cách xảo trá, bất chánh. Thế là kỷ cương, phép nước được đặt ra. Vị vua kia bèn cho quân đội lùng sục các nơi bắt bọn trọc đầu kia phải hoàn tục về nhà làm ăn sinh sống hoặc đuổi ra khỏi nước. Vị vua kia bị ám ảnh... bị ám ảnh " những cái đầu trọc" từ độ ấy; rồi nó còn ăn lan qua kiếp thứ hai, kiếp thứ ba lúc làm một vị quốc sư, lúc làm một quan tổng trấn.

Ồ, các thầy đừng tưởng vị vua ấy là ai, là Như Lai đấy. Tuy nhiên, cũng nhờ căn tu sâu dày, sự che ám ấy chỉ cần một người bạn lành, một người bạn tốt như phạm thiên S nhắc nhở là Như Lai trở lại đường xưa lối cũ ngay!

Đại chúng thở phào do hiểu được sự vận hành kỳ lạ của nhân quả nghiệp báo.

Đến ngang đây thì giữa hư không chợt sáng rực rồi vọng xuống tiếng nói:

- Đức Thế Tôn căn cơ thâm hậu, mẫn tiệp gấp triệu triệu lần đệ tử! Nếu không nhắc nhở thì đức Tôn Sư vẫn trở lại với dòng tâm, dòng trí của mình như thường! Cái dòng ba-la-mật ấy cuồn cuộn, với năng lực tối thượng thì vài hòn sỏi, hòn sạn đâu có mấy hơi sức mà đòi ngăn trở!

Đức Phật cũng cất giọng phạm âm:

- Này phạm thiên S! Ông bạn có thuận cho Như Lai kể lại hành trạng tối thượng của người thợ gốm ấy cho đại chúng nghe chăng?

- Đức Thế Tôn tùy nghi! Nhưng theo đệ tử hiểu là đức Thế Tôn nên lựa chọn một hội chúng khác, có lẽ tại Sāvatthi, có đầy đủ vua quan cùng hai hàng cận sự nam nữ thì lợi ích thù thắng hơn nhiều!

- Ừ, đúng là vậy!

- Thôi, Thế Tôn hãy nghỉ ngơi! Đệ tử vấn an sức khỏe

đức Tôn Sư và xin được cáo biệt!

Ai cũng háo hức muốn nghe tiếp nhưng đức Phật đã ngừng chuyện kể. Họ âm thầm đảnh lễ đức Phật rồi mỗi người tự tìm lấy một gốc cây, một bãi trống, một hang đá nào đó tùy nghi qua đêm.

Núi rừng như đi vào thiền định.

Hoá Độ Bà-La-Môn

Nhẩm tính thời gian, đức Phật biết là ngài sẽ ở lại Jetavana không được lâu. Sắp đến mùa an cư thứ chín, ngài sẽ có nhân duyên phải trở xuống Bārāṇasī rồi sang Kosambī. Sáng ngày khi rời ngọn đồi, đức Phật lại không đi vào thành Sāvatthi mà ở đó, chư tăng cũng như hai hàng cư sĩ mong mỏi - lại đi chệch sang một ngôi làng bà-la-môn hữu danh.

Từ lâu, đức Phật chưa muốn nhập hạ ở Kỳ Viên vì ngài biết rằng, xứ sở này có rất nhiều bà-la-môn uy tín lớn, kéo theo hằng ngàn đồ chúng tín mộ. Ngày nào mà chưa "mở mắt" được những vị bà-la-môn trưởng thượng này thì Kỳ Viên chưa phát triển, hưng thịnh được. Lại nữa, ở đây đã được đức vua Pāsenadi bảo trợ, lại sẵn có nhiều vị trưởng lão, còn những nơi khác thì lực lượng mỏng hơn, phải ưu tiên cho các quốc độ biên địa!

Tôn giả Sāriputta rất rộng kiến văn:

- Đại bà-la-môn Pokkharasāti nổi tiếng nhiều quốc độ. Ông ta là ngọn đèn, là con mắt sáng cho giới cấp bà-la-môn, nghe đâu, ông ta đang ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây trái, ao hồ, ngũ cốc phong phú, vốn là một lãnh địa ân tứ của đức vua Pāsenadi, ông ta được hưởng một phần lợi tức.

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy! Nơi này dân cư thưa thớt, khất thực khó khăn cho cả một đại chúng đông đảo như thế này. Vậy các vị trưởng lão tùy nghi phân phối đi nhiều đường, buổi chiều hoặc tối sẽ gặp nhau tại khu rừng thuộc ngôi làng Icchānankala, gần Ukkattha. Tối nay chúng ta sẽ qua đêm ở đấy.

Nghe tin đức Phật và đại chúng đang vân hành đến hướng Icchānankala, bà-la-môn Pokkarasādi đã được chúng đệ tử báo tin. Đồng thời, tin đồn về đức Phật như thế nào về huyết thống, dòng dõi, sở học, sự chứng đắc và cả sự rầm rộ sinh hoạt của một tôn giáo mới này đã tràn vào tai họ từ lâu. Ai cũng xôn xao muốn đi chiêm bái, xem thử hư thực ra sao!

Bà-la-môn Pokkharasāti nói với đệ tử thân tín:

- Này Ambaṭṭha! Ngươi đã được ta trao cho tất cả mọi sở học, đặc biệt, chú thuật thượng đẳng ta cũng không che giấu. Vậy, hãy thay mặt ta, đến gặp sa-môn Gotama, nghe nói là tại khu rừng cách đây không bao xa. Đối thoại được thì đối thoại. Tranh luận được thì tranh luận, xem thử kiến văn, sở học của ông ta ra sao. Và điều quan trọng nhất là xem thử ông ta có đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân không?

Thanh niên bà-la-môn Ambaṭṭha hiểu, theo nhân tướng học truyền đời, nếu có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, thì một, là làm Chuyển luân Thánh vương, hai là đắc quả Phật!

Vâng lời, Ambaṭṭha đem theo một số đông thanh niên bà-la-môn khác, lên xe ngựa kéo đến khu rừng. Họ hỏi nơi tịnh chỉ của đức Phật.

Một vị tỳ-khưu biết Ambaṭṭha, sau khi chỉ chỗ đức Phật, nói với bạn hữu:

- Hắn ta là môn đệ ưu tú của bà-la-môn Pokkharasāti, hữu danh đấy, trưởng tràng đấy! Lạ gì mấy cái chú ngựa non

háu đá này! Gặp đức Tôn Sư chắc ngài sẽ dạy cho y một bài học thú vị đây!

Nói thế xong, tai truyền tai, miệng truyền miệng, chư tăngi kéo đến, ngồi đứng xa xa, cách một quãng vừa phải ở những gốc cây si to lớn, mát mẻ nơi đức Phật đang an tọa.

Đến chỗ Thế Tôn, các thanh niên bà-la-môn mở lời chào hỏi xã giao rồi ngồi xuống nơi thích hợp. Riêng thanh niên Ambaṭṭha thì không thèm chào hỏi, cứ đi qua đi lại, cất lời ỡm ờ, tiếng được tiếng mất, không rõ ràng...

Đức Phật nói:

- Này Ambaṭṭha! Có phải các bà-la-môn trưởng thượng đã dạy cho ngươi rằng, khi gặp một người có tuổi tác chú cha, các bậc giáo sư, tổ sư, các bậc tôn trưởng thì không thèm chào hỏi, cứ đi lui đi tới như thế, thốt lời ỡm ờ, tiếng được tiếng mất như thế chăng?

- Không phải vậy, này Gotama! Phải đi mà nói chuyện với vị ấy, khi vị ấy đang đi! Phải ngồi mà nói chuyện với vị ấy khi vị ấy đang ngồi. Các oai nghi khác cũng thế! Đấy là điều mà tôi đã được học, phải biết xử sự cho đúng lễ phép ở đời - đối với những bậc trưởng thượng thật sự. Còn ông là gì nào? Hở ông Gotama? Ông là một sa-môn hèn hạ, trọc đầu, đê tiện, đen đui, sanh ra từ nơi chân của một bà mẹ hạ liệt - nên ta phải nói chuyện như đối với một người hạ liệt!

Biết là bị thanh niên phỉ báng, chọc tức nhưng đức Phật chưa cần thiết phải phản ứng; ngài chỉ nói một cách rất nghiêm túc:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai chưa rõ ngươi đến đây với dụng ý gì? Hãy khéo tác ý cho đúng với mục đích khiến ngươi tới đây do bà-la-môn Pokkharasāti giao phó! Hãy cẩn thận giữ gìn tư cách và tác phong, đừng sử dụng ngôn ngữ của một tên du đãng vô học, vô giáo dục như thế!

Nghe cụm từ "tên du đãng vô học, vô giáo dục" - thanh niên Ambaṭṭha tức giận đến sôi gan, cất lời thóa mạ:

- Này Gotama! Thô bạo là dòng họ Sākya! Ác độc là dòng dõi Sākya! Khi mạn là dòng tộc Sākya! Hung dữ, đê tiện cũng là giống dòng Sākya! Cái dòng Sākya hạ liệt, xuẩn ngốc, đê tiện của ông lại cả gan không kính nhường, không lễ bái, không tôn trọng, không cúng dường bà-la-môn! Vậy là không hợp lẽ, không đúng pháp!

Đức Phật vẫn bình tĩnh, hỏi lại cho ra lẽ:

- Này Ambaṭṭha! Dòng họ Sākya đã làm gì ngươi mà ngươi phỉ báng họ đến tận cùng như thế?

- Có chứ, này Gotama! Một thời, có công việc do thầy ta ủy nhiệm, ta đã đi đến Kapilavatthu, vào trong hội trường của dòng họ Sākya. Lúc ấy, một số đông thanh thiếu niên Sākya đang ngồi chơi trên ghế cao tại hội trường. Thấy ta, chúng không thèm chào hỏi, không mời ngồi lại còn đùa bỡn, lấy những ngón tay thọc lét nhau rồi cười ha hả, cười hi hi làm ta tức lộn ruột, vì ta chính là mục tiêu của sự bỡn cợt ấy, chứ không phải ai khác!

Đức Phật vẫn ôn tồn:

- Này Ambaṭṭha! Ngươi có thấy những con chim cáy không? Đấy là những con chim cáy con, chúng có thể tự ca, tự hát, tự chơi đùa thỏa thích trong cái tổ của chúng. Đấy là sự thường thôi. Ngươi có thấy là ngươi đã phật lòng vì một chuyện nhỏ mọn, rồi đi mà phỉ báng, nhiếc mắng cả một dòng họ, có xứng đáng không, có đúng với tư cách của một người hiểu biết không?

Thanh niên Ambaṭṭha lại sừng sộ:

- Hiểu biết cái gì? Chính ông là người không hiểu biết. Ông không hiểu biết rằng, trong bốn giai cấp thì giai cấp bà-la-môn là trên trước, là thượng đẳng. Các giai cấp kia, sát-đế-lỵ, vệ-xá, thủ-đà-la phải có bổn phận tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, hầu hạ bà-la-môn hay sao?

Đức Phật thấy đã ba lần thanh niên này mạt sát dòng tộc Sākya. Nó ngu si và chấp kiến một cách lì lợm. Và sự ngu

si, chấp kiến ấy đã ăn sâu trong truyền thống. Vậy phải vạch trần sự sai lầm cả truyền thống ấy cho nó thấy, cho thầy nó thấy và cả cho toàn thể bà-la-môn trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này nữa!

Đức Phật, bắt đầu hỏi gốc nguồn của "tên bà-la-môn" này trước:

- Dòng họ ngươi là gì, này Ambaṭṭha?

- Dòng họ ta là Kaṇhāyanā!

- Này Ambaṭṭha! Nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ thì dòng họ Sākya là thầy của ngươi. Và ngươi chính là con cháu hằng chục đời của một nữ tỳ dòng họ Sākya. Chắc dòng dõi của ngươi đều biết rằng, tiên tổ của dòng họ Sākya là đức vua Okkāka đệ tam. Do ông ta muốn trao vương vị cho vị hoàng tử, con của một bà hoàng hậu được sủng ái mà chín người con, bốn trai, năm gái phải lên rừng để kiến tạo vương quốc mới. Và họ là những người rất dũng cảm, đã làm được điều như họ muốn. Vì muốn bảo vệ huyết thống cho khỏi phai loãng, tám anh chị em họ kết thành vợ chồng, cô công chúa trưởng đứng làm chủ hôn.

Hôm kia, đức vua Okkāka đệ tam hỏi các đại thần, là không biết các hoàng tử và công chúa giờ như thế nào? Được họ trả lời là rất giỏi, rất tài, những bàn tay và những khối óc ấy đã gầy dựng được một vương quốc tuy nhỏ bé nhưng rất giàu mạnh! Vua hân hoan quá, thốt lên: "Họ đúng là những Sākya[1] xuất chúng!". Từ đấy dòng họ Sākya ra đời! Và Okkāka đệ tam chính là tiên tổ của dòng họ Sākya.

Này Ambaṭṭha! Rồi câu chuyện được tiếp tục như sau. Đức vua thương yêu một cô nữ tỳ, tên là Disā, và họ có sinh một người con, da rất đen và rất xấu xí. Vừa mới sinh, cậu bé đã nói với mẹ: "Này mẹ! Con đen và xấu xí quá, mẹ hãy tắm cho con, hãy gội cho con, hãy tẩy sạch tất cả mọi bất

[1] Cứng như lõi cây sồi!

tịnh ở nơi con. Rồi con sẽ giúp cho mẹ được nhiều việc lắm". Người mẹ buồn phiền vì ai thấy mặt nó đều nói là "kaṇha, kaṇha" là đen, là xấu, là ác, là ác quỷ từ đó thành tên. Vậy, dòng họ của ngươi, tiên tổ lâu xa của ngươi "Kaṇhāyanā" là từ đó mà phát sanh. Như thế, theo phụ mẫu hệ của ngươi từ quá khứ, tiên tổ của ngươi là con một nữ tỳ dòng họ Sākya! Ngươi đã không biết thân, biết phận là dòng dõi thấp kém, hạ liệt lại đi phỉ báng, nguyền rủa dòng dõi Sākya - thầy của ngươi - là thấp kém, hạ liệt!

Đức Phật ngưng nói vì khi ấy những thanh niên đi theo Ambaṭṭha la ó lên:

- Này Gotama! Chớ có phỉ báng quá đáng tiên tổ Ambaṭṭha là con một nữ tỳ! Thanh niên Ambaṭṭha sinh vào dòng dõi quý tộc, con nhà danh giá, là bậc đa văn, là nhà đại hùng biện, là nhà bác học! Ambaṭṭha có thể biện luận, có thể tranh luận với sa-môn Gotama về vấn đề này!

Đức Phật mỉm cười, gật đầu:

- Nếu quả các ngươi đã tin tưởng Ambaṭṭha là như thế thì các ngươi hãy im lặng, đứng sang một bên để Ambaṭṭha đối thoại với Như Lai được chăng?

- Thưa vâng, Gotama!

Đức Phật nói với Ambaṭṭha:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai có một câu hỏi hợp lý, đúng đắn, dầu không muốn, ngươi cũng phải trả lời. Câu hỏi như sau: Ngươi có nghe các bà-la-môn trưởng lão, tôn túc, giáo sư hoặc tổ sư của ngươi nói đến gốc nguồn của dòng họ Kaṇhāyanā hay không? Ai là tiên tổ của dòng họ Kaṇhāyanā?

Nghe đức Phật hỏi câu hỏi ấy, do hổ thẹn nên Ambaṭṭha không trả lời. Lần thứ hai, Ambaṭṭha vẫn im lặng, cúi gằm mặt.

- Này Ambaṭṭha! Như Lai báo cho ngươi biết rằng, bất cứ ai trên thế gian này, nếu khi Như Lai hỏi ba lần một câu

hỏi hợp lý, đúng đắn mà không trả lời hoặc cố ý lấp lửng, tìm cách tránh né sang một bên; hoặc im lặng, hoặc bỏ đi thì ngay tại chỗ, cái đầu của hắn sẽ bị bể ra làm bảy mảnh! Đây là lần thứ ba: Ai là tiên tổ dòng họ Kaṇhāyanā?

Lúc bấy giờ, trời Đế Thích đang nắm trong tay cái chùy kim cương (Vajirapāni) to lớn, sáng chói, đỏ rực đứng trên đầu Ambaṭṭha, nói nhỏ vào tai y rằng: "Ta là Sakka thiên chủ, là thần hộ pháp của đức Thế Tôn - nếu ngoan cố không chịu trả lời một câu hỏi hữu lý của ngài thì cái đầu của ngươi sẽ vỡ đúng bảy mảnh, không thừa một, không thiếu một!"

Hình ảnh và câu nói ấy của Đế Thích chỉ có đức Phật và Ambaṭṭha nghe thấy mà thôi. Sợ hãi quá, Ambaṭṭha hoảng hốt, tóc dựng ngược, liền cúi rạp mình xuống, lắp bắp trả lời:

- Thưa...thưa...tôn giả Gotama! Con...quả có nghe, đúng...như điều mà tôn giả đã nói. Chính... từ câu chuyện ấy mà phát sanh nguồn gốc dòng họ Kaṇhāyanā. Vị ấy chính là tổ phụ của dòng họ Kaṇhāyanā!

Nhóm thanh niên đi theo lại la hét ồn ĩ:

- Hóa ra Ambaṭṭha là dòng dõi tiện sanh...

- Hóa ra nó mạo danh quý phái...

- Tổ phụ của nó là con một nữ tỳ dòng dõi Sākya!

- Đúng là dòng dõi hạ liệt rồi!

- Trên đời này chưa nghe ai nói sa-môn Gotama không nói lời chân thực!

- Chuyện này thì chúng ta phải tin sa-môn Gotama!

- Chính y đã thú nhận mình là dòng hạ tiện!

Đức Phật tự nghĩ: "Chừng ấy đủ rồi! Sợ rằng Ambaṭṭha sẽ không chịu nổi! Bây giờ, ta sẽ cứu Ambaṭṭha, sẽ giải tỏa sự sỉ nhục ấy và lấy lại thể diện cho Ambaṭṭha!". Rồi ngài cất tiếng phạm âm với 8 chất giọng tuyệt hảo:

-Này, các ngươi hãy im lặng, nghe Như Lai nói đây!

Chớ có phỉ báng Ambaṭṭha quá đáng như thế! Kaṇha, tiên tổ của Ambaṭṭha là một ẩn sĩ vĩ đại!

Lời tuyên bố của đức Phật làm cho nhóm thanh niên phải chăm chú lắng nghe.

Đức Phật nói tiếp:

- Kaṇha có cha là sát-đế-lỵ, mẹ là chiên-đà-la; vậy thì dòng máu của y vẫn là sát-đế-lỵ!

Còn nữa, lúc lớn lên, Kaṇha chịu khó tầm cầu học hỏi và đã sở đắc các chú thuật phạm thiên, trở thành một ẩn sĩ vĩ đại! Trở lại kinh đô, ẩn sĩ Kaṇha bảo đức vua Okkāka đệ tam phải gả công chúa Khuddarūpi cho y.

Đức vua nổi giận, mắng rằng:

- Ngươi dẫu là con ta, nhưng mẹ ngươi là nữ tỳ, không biết thân phận hay sao mà đòi cưới con gái xinh đẹp của ta?

Nói xong, đức vua lắp mũi tên vàng vào cung, giương thẳng, nhắm bắn vào Kaṇka. Vị đại ẩn sĩ niệm chú rồi cười lạt:

- Cứ bắn đi! Rồi ngươi sẽ đứng yên như thế, cánh tay nguyên như thế, cung và mũi tên cũng nằm yên như thế. Tất cả sẽ bất động!

Đức vua sợ hãi khi thấy toàn thân không nhúc nhích được. Các quan đại thần xúm lại năn nỉ, cầu khẩn xin ẩn sĩ Kaṇha tha mạng cho đức vua.

Kaṇha gật đầu:

- Ta tha! Nhưng mũi tên đã lắp vào cung rồi thì phải bắn!

Các quan đại thần lo sợ hỏi:

- Bắn ai? Bắn đi đâu?

Kaṇha cất giọng đầy uy lực:

- Ta không biết! Nhưng mũi tên này, nếu bắn xuống đất thì toàn thể quốc độ của nhà vua trong bảy năm sẽ bị khô cháy, hạn hán!

Ai cũng lạnh cả người.

- Nếu bắn lên trời?

- Thì bảy năm trời sẽ không mưa!

Triều thần và cả thái tử lại quỳ sụp xuống van xin...

Kaṇha cất giọng ráo hoảnh:

- Vậy thì hãy quay sang bắn thái tử, nhưng ta hứa, một sợi lông của thái tử cũng sẽ an toàn!

Đức vua lúc này tay chân đã cử động được, nhưng ông nỡ nào bắn thái tử? Đột nhiên, vua cảm thấy tay mình không còn tự chủ được, đã tự động giương cung nhắm bắn về phía thái tử. Mũi tên vàng vun vút lao đi. Đức vua nhắm mắt lại. Có tiếng người đau xót la thét lên. Nhưng thái tử vẫn an toàn, vì mũi tên chợt dừng lại rồi biến thành một đóa hoa sālā tươi thắm rơi nằm trên đất. Mọi người thở dài nhẹ nhõm.

Đức vua Okkāka đệ tam sợ hãi, khiếp đảm sự trừng phạt của đứa con trai tạp giống, đồng thuận gả công chúa Khuddārūpi cho Kaṇha.

Kể xong, đức Phật kết luận:

- Vậy này các thanh niên bà-la-môn! Chớ phỉ báng Ambaṭṭha một cách quá đáng, Ambaṭṭha là dòng dõi của một ẩn sĩ vĩ đại!

Nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, đám thanh niên không còn dám khinh rẻ Ambaṭṭha nữa. Còn Ambaṭṭha thì đưa mắt nhìn đức Phật ra chiều cảm kích.

Bây giờ lại quay sang Ambaṭṭha, đức Phật hỏi:

- Một thanh niên sát-đế-lỵ cưới một thiếu nữ bà-la-môn; cuộc hợp hôn này, một chàng trai sanh ra. Ngươi có thấy trường hợp này không, Ambaṭṭha?

- Thưa có! Và chuyện ấy vẫn thường xảy ra.

- Và khi ấy, những người bà-la-môn ấy đối xử với chàng trai kia ra sao?

- Thưa, vẫn được đối xử đồng đẳng.

- Nghĩa là vẫn có chỗ ngồi, mời nước, dự tiệc, vật cúng

dường, tặng phẩm, dạy chú thuật, được phép cưới thiếu nữ bà-la-môn?

- Thưa vâng!

- Thế giai cấp sát-đế lỵ có chịu làm lễ, để cho chàng trai kia trở thành một sát-đế-lỵ không?

- Thưa, họ không cho! Người sát-đế-lỵ bảo rằng - vì mẹ nó là bà-la-môn, không cùng giới cấp nên không được phép.

Đức Phật mỉm cười nói:

- Vậy, tự ngươi đã nói ra, "có vẻ" như sát-đế-lỵ tự coi mình cao sang hơn bà-la-môn đấy!

Ambaṭṭha giật mình. Mà nhóm thanh niên bà-la-môn bây giờ mới biết rõ sự thật.

Đức Phật tiếp tục hỏi:

-Này Ambaṭṭha! Ngược lại, một thanh niên bà-la-môn cưới một thiếu nữ sát-đế-lỵ, một chàng trai sanh ra. Trường hợp này, giới bà-la-môn có kỳ thị y không?

- Thưa không, vẫn được đối xử đồng đẳng!

- Vậy, giới sát-đế-lỵ có chịu làm lễ cho thanh niên kia trở thành một sát-đế-lỵ danh chính, ngôn thuận chăng?

- Thưa, họ không cho, họ bảo rằng, vì cha không phải là sát-đế-lỵ!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Như vậy, cả hai trường hợp, theo truyền thống giai cấp và cả xã hội, sát-đế-lỵ vẫn ở trên trước, vẫn coi thường bà-la-môn! Sát-đế-lỵ là ưu, bà-la-môn là liệt - các ngươi có thấy rõ như vậy chưa?

Không ai có thể tranh luận với đức Phật về sự thực đã được ngài minh chứng rõ ràng.

Đức Phật còn muốn đi xa hơn:

- Này Ambaṭṭha! Ví như có một bà-la-môn vì tội trọng thế nào đó mà bị các bà-la-môn trưởng thượng cạo trọc đầu, bị đánh bằng bị tro, tẩn xuất người ấy - thì các bà-la-môn khác đối xử ra sao?

- Thưa, cũng tẩn xuất luôn, không còn là bà-la-môn nữa!

- Ngược lại, có một sát-đế-lỵ cũng bị tội trọng như trên, bị cạo trọc đầu, bị đánh bằng bị tro, bị tẩn xuất ra khỏi giới cấp thì các bà-la-môn sẽ đối xử với y ra sao?

- Thưa, họ không có kỳ thị gì!

- Nghĩa là vẫn được chỗ ngồi, mời nước, dự tiệc, vật cúng dường, tặng phẩm, dạy chú thuật, vẫn được phép cưới thiếu nữ bà-la-môn?

- Thưa vâng!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Vậy, hóa ra một sát-đế-lỵ hạ liệt vẫn được đồng đẳng với chúng bà-la-môn! Hóa ra, trường hợp nào đi nữa thì sát-đế-lỵ vẫn ưu thắng, và bà-la-môn vẫn là hạ liêt - vậy các ngươi tự hào cái nỗi gì!

Cả đám thanh niên và cả Ambaṭṭha ngồi im thin thít.

Chưa dừng lại ở đó, đức Phật tiếp:

- Này Ambaṭṭha! Như Lai nghe ngươi là bậc đa văn, bác học, vậy ngươi có biết câu kệ hữu danh này do ai thuyết không, rồi ngài đọc: "Phàm một chúng sanh nào, tin tưởng vào giai cấp, tối thắng ở nhân gian, chính là sát-đế-lỵ. Phàm một chúng sanh nào, tin tưởng vào tối thắng giữa chư thiên, loài người: Là giới hạnh, trí tuệ!"

Ambaṭṭha tỏ ra là một thanh niên có rộng kiến văn:

- Thưa, bài kệ ấy do phạm thiên Sanam Kumāra thuyết!

Đức Phật gật đầu:

- Và phạm thiên Saham Kumāra là bậc có học hiểu vĩ đại, chú thuật vĩ đại, bậc thầy vĩ đại của giai cấp bà-la-môn?

- Thưa, đúng vậy!

- Và tất cả bà-la-môn trí thức đều có học bài kệ ấy?

- Thưa vâng!

Đức Phật im lặng một lát để cho hội chúng tự suy gẫm đoạn đối thoại ấy. Các thanh niên bà-la-môn thì đã thấy rõ, các thầy của họ từ lâu đã che giấu sự thật. Họ thở dài.

Ambaṭṭha nói:

- Nhưng tôi chưa rõ chính xác giới hạnh và trí tuệ trong câu kệ ấy như thế nào?

- Giới hạnh và trí tuệ ấy chỉ có mặt trong giáo hội của Như Lai mà thôi!

Sau khi biết cả hội chúng đều muốn nghe, đức Phật thuyết về giới; thế nào là giới của tại gia cư sĩ, thế nào là giới của bậc xuất gia phạm hạnh. Rồi đức Phật xoay quanh chữ "phạm hạnh" này và nhấn mạnh rằng, chỉ có ai thực hiện được những giới luật của tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai mới xứng đáng được gọi là phạm hạnh, tức là brāhmacariyā chứ không phải chỉ là cái tên suông brāhmaṇa hoặc brāhmaṇi!

Rồi đức Phật nhấn mạnh:

- Thành tựu giới luật phạm hạnh mới được gọi là thành tựu giới đức. Từ giới đức mới có khả năng thành tựu trí đức. Nơi nào có giới đức, nơi ấy có trí đức, này Ambaṭṭha!

- Vậy thế nào là trí đức, thưa sa-môn Gotama?

- Muốn có trí đức phải tu tập theo lộ trình minh sát để thấy tam tướng, giác ngộ khổ, không, vô ngã lần lượt chứng đắc tứ đạo, tứ quả và Niết-bàn, chấm dứt vô lượng sầu bi ưu não trên cuộc đời được gọi là thành tựu vô thượng trí đức; và không có sự thành tựu nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này! Bậc thành tựu vô thượng trí đức ấy không có luận nghị đến thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp, không khởi sanh ngã mạn để nói "ta bằng người hay người không bằng ta!" Vậy những ai trên đời còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, chấp trước lý thuyết về giai cấp, còn ngã mạn thì họ rất lâu xa, hay muốn nói là không thể, không bao giờ có được vô thượng trí đức, này Ambaṭṭha!

- Xin sa-môn Gotama giảng rộng cho chúng tôi nghe chỗ này!

- Này Ambaṭṭha! Có bốn loại người chỉ chuốc lấy thất bại chứ không thể nào thành tựu vô thượng trí đức được. Thứ nhất, có người mang theo bên mình những vật dụng của một đạo sĩ, đi vào rừng và nguyện: "Ta chỉ ăn trái cây rừng để sống". Người này chỉ tập sống theo tập quán của loài khỉ vượn, vô thượng trí đức làm sao đến được với người ấy! Thứ hai, có người mang theo cuốc và giỏ rồi đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây rụng để sống". Người này có vẻ khổ hạnh hơn một chút, nhưng vô thượng trí đức đâu phải chỉ có chút xíu khổ hạnh ấy mà đánh đổi được? Thứ ba, có người chưa thấu đạt pháp "ăn trái cây rừng", chưa thấu đạt pháp "ăn củ rễ và trái cây rụng"; chỉ đi đến cuối làng, góc rừng nhen một đống lửa và đọc lên câu chú thờ thần lửa! Người này dẫu cho có đọc chú trăm năm, ngàn năm thì vô thượng trí đức cũng không từ đâu giữa hư không mà rơi vào tâm trí cho ông ta được! Thứ tư, có người dựng giữa ngã tư đường một ngôi nhà chất đầy vật thực và nguyện: "Ta sẽ cúng dường tất thảy sa-môn, bà-la-môn nào từ bốn phương đến đây!" Người này dù có tấm lòng, biết bố thí, cúng dường nhưng cũng chỉ xứng đáng làm thị giả theo hầu bậc vô thượng trí đức mà thôi!

Ngưng hơi một lát, đức Phật hỏi:

- Này Ambaṭṭha! Ngươi và thầy ngươi có được xem là thành tựu vô thượng trí đức không?

- Thưa, không thể hoặc còn rất xa mới nói đến cụm từ thiêng liêng ấy!

- Tuy ngươi và thầy ngươi chưa thành tựu được vô thượng trí đức ấy nhưng ngươi và thầy ngươi có đi vào rừng và nguyện " ăn trái cây" hoặc "chỉ ăn củ, rễ và trái cây rụng" để sống không?

- Thưa không!

- Thế ngươi và thầy ngươi có đốt một đống lửa để "niệm chú cầu thần lửa" hoặc giả làm "một căn nhà giữa ngã tư

đường để bố thí cho sa-môn, bà-la-môn" chăng?

- Thưa không!

- Như thế, ngay như bốn pháp chỉ chuốc lấy thất bại khi muốn nói đến thành tựu vô thượng trí đức ở trên, ngươi và thầy ngươi cũng chưa làm được; nghĩa là ngươi và thầy ngươi chỉ xứng đáng làm kẻ hầu người hạ cho bốn đạo sĩ thất bại kia. Thế nhưng, ngươi và thầy ngươi, bà-la-môn Pokkharasāti lại dám cả gan thốt lên: "Những hạng sa-môn giả hiệu, đầu trọc, đê tiện, đen đui, sanh nơi chân bà con ta là ai, mà có thể đàm luận với những bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ-đà?" Thì thử hỏi, ngươi và thầy ngươi lầm lỗi như thế nào, có tự biết không?

Ambaṭṭha và nhóm thanh niên hổ thẹn, cúi đầu.

Đức Phật lại tiếp tục vạch trần sự thật, không khoan nhượng:

- Thầy của ngươi, bà-la-môn Pokkharasāti mặc dầu được ân tứ của đức vua Kosala, nhưng đức vua ấy cũng không cho thầy ngươi diện kiến. Nếu lúc nào cần phải nói chuyện, đức vua ấy chỉ tiếp thầy ngươi qua một tấm màn! Như thế chứng tỏ trong con mắt của nhà vua, thầy ngươi đã là gì đâu, mà ngươi và thầy ngươi lại coi thường người khác, khi rẻ người khác, phỉ báng người khác?

Còn nữa, như đức vua Pāsenadi nước Kosala cùng với các hoàng thân, vương tử, đại thần, tướng lãnh luận bàn quốc sự. Một người hầu cận đứng một bên nghe được toàn bộ nội dung cuộc họp ấy rồi vui miệng, y kể lại cho bạn bè, thân hữu nghe. Dẫu người hầu ấy nói lại lời nói của vua, lặp lại câu nói của các quan đại thần, người hầu ấy có thể được xem là vua không, có được xem là một vị quan đại thần không, này Ambaṭṭha?

- Thưa, thật không thể nào!

- Cũng tương tợ như thế. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các

chú thuật đã sưu tầm, đã hát lên, đã nói lên những thánh cú, thì hiện nay, các bà-la-môn cũng hát lên, cũng nói lên giống như các vị ẩn sĩ thuở trước. Dẫu ngươi và thầy ngươi có thể nói: "Ta là đệ tử, đã học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy!" thì có thể được xem là vị ẩn sĩ hay đã chứng đắc địa vị của một ẩn sĩ hay không, này Ambaṭṭha?

- Thưa, không thể xem vậy được!

- Thế ngươi có nghe các vị bà-la-môn trưởng lão, tôn túc, giáo sư, tổ sư nói đến đời sống thường nhật của các vị ẩn sĩ ấy không? Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng với lụa là Kāsi thượng hảo hạng, tham đắm và tận hưởng năm món dục lạc như ngươi và thầy ngươi hiện nay không?

- Không có vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Các vị ẩn sĩ ấy có dùng cơm nấu từ gạo trắng thơm thượng hạng với các hạt đen, hạt tấm được gạt bỏ ra? Có ăn canh, ăn cháo... cùng các loại sơn hào hải vị như ngươi và thầy ngươi không?

- Không có vậy, thưa sa-môn Gotama!

- Còn có những thiếu nữ non trẻ, xinh đẹp với đường eo và thắt lưng có tua hầu hạ như ngươi và thầy ngươi không, hở Ambaṭṭha?

Đến ngang đây thì Ambaṭṭha không dám trả lời nữa, chỉ cúi gằm mặt xuống!

Đức Phật vẫn tiếp tục:

- Hay là các ẩn sĩ ấy đi trên những chiếc xe sang trọng do những con ngựa cái có bờm kéo, đuôi được bện công phu rồi xoa dầu, xoa hương. Còn chủ nhân thì dùng cây roi bịt vàng, chiếc gậy dài bằng gỗ chiên đàn như ngươi và thầy ngươi hiện nay không, này Ambaṭṭha? Hay các vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống từ trên cao, có những

chiến sĩ mang gươm dài túc trực, hộ vệ ngày đêm như ngươi và thầy ngươi hiện nay không?

Ambaṭṭha ủ rũ, im lặng. Các thanh niên cũng ủ rũ, im lặng.

Đức Phật kết luận:

- Như vậy, ngươi và thầy ngươi không phải là ẩn sĩ, không có học hạnh ẩn sĩ và cũng không sống đời của một ẩn sĩ. Ngươi và thầy ngươi mạo danh bà-la-môn, không học hạnh bà-la-môn, không sống đời phạm hạnh thật sự của một bà-la-môn! Ngươi và thầy ngươi chỉ là một cư dân bình thường ở trên đời, sống hưởng thụ ngũ dục tầm thường và hạ liệt, chẳng có gì là thanh tịnh, cao sang, quý phái để mà tự hào, hãnh diện; lại còn không có bất kỳ một giới hạnh và trí tuệ nào để có thể dạy dỗ người khác... Phải tự hiểu như vậy!

Nói xong, đức Phật đứng dậy, đi kinh hành lui tới.

Cả Ambaṭṭha và nhóm thanh niên lén nhìn Tăng chúng lặng lẽ, yên tĩnh xung quanh các cội cây, cảm giác như tất cả mọi nền móng, lâu đài của bà-la-môn đều sụp đổ. Tan hoang, thảm thương. Tất cả đều bị phơi bày trần trụi trước tâm và trí, giới và tuệ của sa-môn Gotama này! Thanh niên Ambaṭṭha chợt đưa mắt quan sát, nhìn ngắm từng tướng một của đức Thế Tôn. Là một nhà tinh thông tướng pháp học, Ambaṭṭha đếm được ba mươi tướng.

Đức Phật thấy và biết, ngài tự nghĩ: "Chúng bà-la-môn này thường không dễ thuyết phục họ, giáo giới họ bằng sự thật, bằng chánh pháp. Nhưng mà nếu ta hiện ra đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân thì chúng có lòng tin ngay!" Thế rồi, đức Phật sử dụng thần thông, làm cho hiện ra thêm hai tướng nữa, đó là tướng " mã âm tàng" và tướng lưỡi rộng dài.

Khi thấy đủ ba mươi hai tướng rồi, Ambaṭṭha nói lời từ giã. Sau đó, y về kể lại toàn bộ câu chuyện cho thầy của y, là bà-la-môn Pokkharasāti nghe.

Sau một hồi chưởi mắng, rầy trách thậm tệ đệ tử của mình, bà-la-môn đích thân ghé thăm đức Phật. Và như học trò của mình, khi thấy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, y khởi phát đức tin, cung thỉnh đức Phật và tăng chúng đặt bát cúng dường tại tư gia.

Tại đây, đức Phật đã thuyết pháp cho ông nghe; và bà-la-môn Pokkharasāti liền có được đôi mắt sáng, nhận chân được sự thật. Thế là toàn thể đồ chúng, bạn hữu, vợ con, thuộc hạ đồng xin quy y Tam Bảo, trọn đời quy ngưỡng.

Lại Nhiếp Hóa
Bà-La-Môn Nữa

Trở lại Kỳ Viên, đức Phật chưa có thì giờ nghỉ ngơi thì giới bà-la-môn xôn xao kéo đến. Tin đồn đức Phật chủ trương cả bốn giai cấp đều thanh tịnh làm họ bất mãn, phẫn nộ. Lại nữa, bà-la-môn Pokkharasāti hữu danh, uy tín cùng tất thảy đồ chúng, thuộc hạ, vợ con đều đã quy y sa-môn Gotama càng như một tiếng sấm sét vang động giữa trời mưa, ai có tai đều phải nghe.

Họ chừng khoảng năm trăm bà-la-môn từ nhiều quốc độ, đến kinh thành Sāvatthi vì một số công việc, khi nghe tin đồn như thế, suy nghĩ rằng: "Ai là người có thể tranh luận với sa-môn Gotama để lấy lại uy tín, địa vị, danh vọng cho giới cấp bà-la-môn? Ai là người không những thông hiểu ba tập Vệ-đà, lại còn quảng văn, quảng kiến, lợi khẩu, biện tài... có thể đối thoại với sa-môn Gotama với thế thượng phong?"

Sau khi tìm kiếm, lựa chọn giữa ngàn người, họ đến nhà thiếu niên Assalāyana vốn đang nổi danh bác học thần đồng ở Sāvatthi rồi nêu lên yêu cầu và sở vọng của họ.

Thiếu niên Assalāyana trẻ tuổi, đẹp trai, đầu cạo trọc, khuôn mặt sáng và dịu như trăng rằm; y trang nghiêm và kính cẩn lắng nghe tự sự, từ việc đối thoại của đức Phật với

thanh niên Ambaṭṭha, chủ trương bốn giai cấp thanh tịnh đến việc bà-la-môn Pokkharasāti quy giáo như thế nào. Nghe xong, thiếu niên Assalāyana, mười sáu tuổi, thần đồng, nghiêm túc nói:

- Vậy là sa-môn Gotama đã nói rất đúng pháp, thưa các bậc trưởng thượng!

Hội chúng bà-la-môn ngỡ ngàng, tuy vậy, sau đó họ lại yêu cầu Assalāyana hãy vì danh dự của giới bà-la-môn mà ra tay tranh luận.

Thiếu niên Assalāyana lắc đầu:

- Không thể đâu, chư tôn giả! Với những ai nói đúng pháp thì ta không thể bài bác được. Lại nữa, đừng nói sa-môn Gotama, mà hằng chục đệ tử thượng thủ của vị ấy, chúng ta cũng không có khả năng tranh luận được! Vậy, tôi là ai mà lại dám thảo luận với sa-môn Gotama?

Đến khi hội chúng năn nỉ lần thứ ba, thiếu niên Assalāyana khó lòng từ chối, đành miễn cưỡng nói:

- Thật tình tôi không chấp nhận sự thỉnh cầu của chư tôn giả. Tuy nhiên, tôi sẽ đi theo yêu cầu. Nhưng tôi biết rất rõ rằng, với những bậc nói đúng pháp, có giới hạnh và trí tuệ toàn hảo như sa-môn Gotama, cuộc thảo luận ấy càng đưa ta đến chỗ thất bại thảm thương mà thôi!

Thế rồi, cuộc tranh luận xảy ra.

Thiếu niên Assalāyana với cung cách rất lễ độ, toát ra tư cách của người có học, đưa câu tiền đề:

- Thưa tôn giả Gotama! Theo truyền thống thì bà-la-môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt. Vì sao vậy? Vì chỉ có bà-la-môn là nước da trắng sáng, các giai cấp khác màu da đen điu hoặc không được trắng sáng như thế! Lại nữa, chỉ có giai cấp bà-la-môn là thanh tịnh, các giai cấp khác là bất tịnh. Tại sao vậy? Vì bà-la-môn là con chính thống của phạm thiên, được sanh ra từ miệng phạm thiên, do phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của phạm thiên!

Chẳng hay tôn giả Gotama nghĩ sao về quan niệm truyền thống ấy?

Đức Phật mỉm cười:

- Này Assalāyana! Như Lai chỉ hỏi lại ngươi, ngươi thấy quan niệm ấy có đúng không?

Thấy thiếu niên im lặng, có vẻ lúng túng nên ngài nói tiếp:

- Như Lai là sát-đế-lỵ, nhưng trong giới bà-la-môn có ai có nước da trắng sáng như Như Lai không? Rồi, còn có cả hằng trăm đệ tử của Như Lai thuộc sát-đế-lỵ, thuộc vệ-xá, nước da họ cũng trắng sáng, ngời ngời không thua gì bà-la-môn đâu, có phải thế không, Assalāyana?

- Thưa, đúng vậy! Nước da của đức Thế Tôn chưa có ai trong giới bà-la-môn sánh bằng. Các tôn giả khác, rất nhiều, và tôi cũng đã từng thấy.

- Vậy thì tự hào nước da trắng sáng có thể lập được không?

- Thưa vâng, không thể lập!

- Còn nữa, các nữ bà-la-môn họ có kinh nguyệt, mang thai, sanh con và cho con bú. Các nữ sát-đế-lỵ, vệ-xá, thủ-đà-la cũng có kinh nguyệt, mang thai, sanh con và cho con bú. Vậy thì có sự khác biệt gì giữa các giới mà bà-la-môn lại thanh tịnh, các giai cấp khác là bất tịnh, ngươi xác định cho Như Lai xem với nào?

- Sự thanh tịnh kia cũng không thể lập nữa rồi!

- Con người, thuộc thai sanh, đều ở trong thai bào rồi được sinh ra từ âm căn cả thảy. Các bà-la-môn có thể chứng minh sự thực cho Như Lai thấy là họ khác, họ được sinh ra từ miệng phạm thiên? Họ là nhân vật thượng đẳng nên họ không nằm trong bọc nước ối dơ uế, bẩn thỉu và tối tăm ấy?

- Thật đúng vậy rồi! Nên sinh ra từ miệng phạm thiên cũng không thể lập!

Đến đây thì hội chúng la ó, phản đối:

- Assalāyana của chúng ta nói ăn theo!

- Y không có lập trường!

- "Miệng phạm thiên" là lập ngôn có tính chất ẩn ngữ, nghĩa bóng; là nghĩa tư tưởng và triết học!

Thiếu niên chợt nghiêm sắc mặt:

- Vậy thì chư tôn giả hãy tranh luận với sa-môn Gotama? Chư tôn giả mà có thể đặt được một bàn chân lên mặt chiếu tranh luận, có thể nhúc nhích, cựa quậy dẫu tí chút thì tôi sẽ nhường cho chư vị, và tôi sẽ xin rút lui!

Hội chúng im lặng.

Thiếu niên Assalāyana thủng thỉnh nói:

- Chư vị tôn giả tưởng tôi không hiểu nghĩa bóng, nghĩa tư tưởng, nghĩa triết học hay sao? Chỉ một thoáng sát-na tư duy, tôi thấy rõ rằng, chúng ta mà lôi nghĩa ấy ra, chúng ta lại càng thất thố, càng bị bẽ mặt, càng bị xấu hổ! Tại sao vậy? Nếu chúng ta có đời sống thanh tịnh, giới luật thanh tịnh, hành trì theo phạm hạnh thanh tịnh thì khi ấy mới dám tự hào là dòng dõi thanh tịnh, được sinh ra từ miệng phạm thiên, là con cháu thừa tự phạm thiên! Còn hiện tại, xin lỗi chư tôn giả, chúng ta có xứng như thế không? Làm sao tôi lại có thể nói sai sự thật được!

Thấy thiếu niên đã trấn áp được hội chúng, đức Phật nói tiếp:

- Có một số quốc độ ở biên địa xa xôi, chưa ảnh hưởng truyền thống và tín ngưỡng bà-la-môn, họ chỉ có hai giai cấp: Chủ nhân và đầy tớ! Ai giàu là chủ nhân, ai nghèo là đầy tớ. Nếu người đầy tớ kia mà giàu liền thành chủ nhân. Nếu chủ nhân kia phá sản, nghèo đói lại trở thành đầy tớ. Vậy thì ai hơn ai? Ai thù thắng, ai hạ liệt có thể phân định được không? Hay là chúng ta lấy lúa gạo, tiền bạc để phân định giá trị một con người, hở Assalāyana?

- Không thể! Cái thước đo giá trị phải là tư cách và phẩm chất con người!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Chẳng thể nào chỉ có những người sát-đế-lỵ, người vệ-xá, người thủ-đà-la mới sát sanh, trộm cắp, tà hạnh trong các dục, nói dối láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói phù phiếm, có tâm tham, tâm sân, tà kiến... còn giới bà-la-môn thì không làm vậy, họ đều có giới hạnh trắng sạch như vỏ ốc, hở Assalāyana?

- Thưa, không thể có điều đó!

- Vì nhân xấu ác, bất thiện như thế nên ba giai cấp kia bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đoạ xứ, địa ngục còn bà-la-môn thì ngoại lệ, họ được sanh thiên, thiện thú, thiên giới?

- Thưa, không thể như vậy được!

- Vậy thì bất kể giai cấp nào, nếu làm việc lành tốt, thiện pháp thì được sanh thiện thú, thiên giới; nếu làm việc xấu ác, bất thiện thì bị đọa lạc, ác thú, địa ngục; và quả báo ấy là bình đẳng?

- Dĩ nhiên rồi, thưa sa-môn Gotama!

- Người bà-la-môn có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân thì ba giai cấp kia cũng có thể tu tập được như thế?

- Thưa vâng!

- Và nếu bà-la-môn tu tập từ tâm, không hận, không sân thì sẽ hoá sanh cộng trú với phạm thiên; ba giai cấp kia cũng tu tập từ tâm, không hận, không sân thì họ cũng được cộng trú với phạm thiên chứ?

Cả hội chúng bà-la-môn im lặng phăng phắc. Cả thiếu niên Assalāyana cũng thế. Đức Phật đã có lối lý luận vững chắc, hợp với nhân quả nhưng đưa đến sự thực như thế thì không một ai ngờ tới. Không chấp nhận, không được; và nếu chấp nhận thì sự cao thượng, thù thắng của giới bà-la-môn được vạch trần, không có một kẽ hở để xen vào!

Đức Phật biết vậy nhưng ngài cũng chưa dừng lại ở đó.

- Một người bà-la-môn cầm cái cào lưng và bột tắm ra sông, kỳ cọ mình mẩy và tẩy sạch uế bẩn thì ba giai cấp kia

cũng làm được như thế chứ? Hay chỉ có bà-la-môn mới làm được như thế thôi?

- Thưa, việc ấy thì ai cũng làm được!

- Một người bà-la-môn cầm cái quay lửa bằng cây sāla hay cây sālāla. Một người sát-đế-lỵ cầm cái quay lửa bằng gỗ cây sen hay cây chiên-đàn. Một người vệ-xá cầm cái quay lửa bằng gỗ cây elanda, gỗ cây sồi. Một người đổ phân cầm cái quay lửa bằng gỗ máng heo ăn, máng chó ăn. Sau một hồi quay, gỗ khô cọ xát với gỗ khô, lửa và sức nóng hiện ra. Chẳng lẽ nào chỉ có lửa và sức nóng từ tay quay gỗ của bà-la-môn mới dùng được, mới nấu ăn được, còn lửa của ba giai cấp kia không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, không có sức nóng, hở Assalāyana?

- Tôi hiểu rồi, thưa sa-môn Gotama!

- Vậy thì từ cái gốc, cái thể cho đến cái tướng dụng thì trong bản chất, chúng là đồng đẳng, chẳng có giai cấp nào thanh tịnh, ưu thắng, cao thượng hơn giai cấp nào?

- Đúng vậy, thưa tôn giả!

- Vậy thì chúng ta hãy bỏ qua một bên về cái được gọi là dòng dõi, giai cấp được chưa?

- Thưa vâng!

- Này Assalāyana! Một nam tử sát-đế-lỵ, cưới một nữ nhân bà-la-môn, một bé trai hoặc một bé gái được sanh ra. Bé trai và bé gái ấy được gọi là sát-đế-lỵ hay bà-la-môn?

- Chúng giống cha nó mà cũng giống mẹ nó nên người thì gọi sát-đế-lỵ, người thì gọi bà-la-môn đều được cả!

- Ngược lại, một nam tử bà-la-môn cưới một nữ nhân sát-đế-lỵ, một bé trai hoặc một bé gái được sanh ra. Bé trai, bé gái ấy được gọi là bà-la-môn hay sát-đế-lỵ?

- Như trường hợp trên, gọi là bà-la-môn hay sát-đế-lỵ đều được cả!

- Này Assalāyana! Trường hợp khác. Một con ngựa cái giao phối với con lừa, một con vật được sanh ra. Con vật ấy

cũng giống cha nó, cũng giống mẹ nó, sao người ta không gọi là con ngựa hay con lừa mà gọi là con la?

- Đây là trường hợp giao phối khác giống nên có sự sai khác như thế. Tuy nhiên, nếu phân tích cho kỹ - thì con la ấy chỉ là cái tên thôi, tự bản chất, nó cũng giống cha nó là con ngựa, cũng giống mẹ nó là con lừa!

- Chính xác! Đức Phật gật đầu - Tự bản chất, chẳng có sai biệt gì! Vậy chúng ta đừng bàn về huyết thống nữa nhé?

- Thưa vâng!

- Này Assalāyana! Có hai anh em bà-la-môn đồng mẹ khác cha. Một người thông hiểu Vệ-đà, đọc tụng thánh điển và chấp trì mọi nghi thức tế lễ đúng như truyền thống. Còn người kia không thông, không biết, không đọc tụng gì cả. Trong hai người ấy, người ta sẽ tiếp đón, tôn trọng, cúng dường vị nào?

- Dĩ nhiên là người thông hiểu Vệ-đà...

- Thế giả dụ người thông hiểu Vệ-đà ấy hành ác giới, ác pháp, sát sanh, trộm cắp, dối láo, bất thiện, còn người không thông hiểu Vệ-đà lại sống lành tốt, trì giới, hành thiện pháp thì người ta sẽ tiếp đón, tôn trọng, cúng dường ai?

- Dĩ nhiên là cho người lành tốt, trì giới, hành thiện pháp!

Đến đây, đức Phật kết luận:

- Thế là chúng ta đã đi từ sanh chủng, dòng dõi. Bỏ sanh chủng, dòng dõi, ta đi qua huyết thống. Bỏ huyết thống, ta đi qua thánh điển. Cuối cùng, bỏ thánh điển, chúng ta đã đi về sự thanh tịnh của bốn giai cấp như Như Lai đã từng tuyên giảng đó đây!

Cả hội chúng bà-la-môn im lặng, ủ rũ, co vai, cúi đầu, sững sờ, không ai mở miệng ra được, huống hồ là phản bác. Chỉ riêng thiếu niên Assalāyana biết sự thực là như vậy, nên chàng rất tỉnh táo, lặng lẽ gật đầu, tiếp thu sự chỉ giáo của bậc Đại Sa-môn.

Đức Phật tiếp tục nói chuyện với chàng:

- Quan niệm truyền thống ấy có gốc nguồn từ một thuở rất xa xưa, này Assalāyana! Nếu muốn nghe, Như Lai sẽ nói.

- Vâng, thưa tôn giả Gotama!

"- Thuở xưa có bảy ẩn sĩ bà-la-môn sống trong một ngôi rừng, họ có công hạnh lớn, chú thuật lớn, uy lực lớn. Hôm kia, họ cùng tự mãn, tự hào, tự tán tụng nhau rồi khởi lên ý nghĩ:"Trên đời này, chỉ có bà-la-môn là ưu thắng, cao thượng, tối thượng; là dòng dõi huyết thống thanh tịnh bảy đời, được sinh ra từ miệng phạm thiên, thừa tự phạm thiên còn các giai cấp khác là thấp thỏi, hạ liệt, chỉ là người hầu kẻ hạ bà-la-môn mà thôi!"

Tại khu rừng kế cận có bậc đại ẩn sĩ, không những công hạnh, chú thuật, uy lực là bậc thầy của bảy vị ẩn sĩ kia mà còn hiểu biết, thông tuệ nhiều lãnh vực khác nữa. Tên của bậc đại ẩn sĩ này thì tràn qua tai của mọi ẩn sĩ - đấy là Asita Devala - nhưng ai cũng nghĩ chỉ là huyền thoại hoặc là sự thêu dệt của mọi người. Biết được sự thiển cận, ngu dốt và tà kiến của bảy vị ẩn sĩ; và cũng muốn giáo hoá họ, đại ẩn sĩ Asita Devala sửa soạn râu tóc, đắp y vải màu đỏ tía, đi dép với nhiều đường viền kiên cố, cầm một cây gậy bằng vàng, với thời gian như viên lực sĩ co duỗi cánh tay, hiện ra trước những am thất của bảy vị ẩn sĩ, đi tới, đi lui, rồi đi lui, đi tới, miệng thốt lớn:

"- Ôi! Nơi này thật là ngu ngốc! Ôi! Nơi này thật là trống rỗng! Nơi này thật là tà kiến!"

Bảy vị ẩn sĩ nghe được, tự nghĩ: "Kẻ kia là ai mà cứ đi tới, đi lui như con bò đi vòng tròn, lại dám cả gan thốt lên lời bất nhã, trịch thượng, dường như là ám chỉ chúng ta?" Với hận tâm, với sân tâm, với hại tâm, họ đồng sử dụng chú thuật rồi hét to rằng: "Hãy biến thành tro tàn hạ liệt, hỡi lão già đê tiện kia!" Lạ lùng sao, chú thuật kia không đốt đại ẩn sĩ Asita Devala thành tro tàn, mà ngược lại, làm cho dung

sắc ông ta sáng rực lên, chói ngời lên vô cùng đẹp đẽ, vô cùng khả ái!

Sợ hãi, hoảng hốt và cả buồn phiền, họ tự nghĩ: "Hỏng rồi! Uy lực của chúng ta mất tiêu rồi! Trước đây, chỉ cần một người đọc chú, thì hòn núi đá cũng tan tành; mà nay cả bảy người hợp lực, lại làm cho lão già kia đẹp đẽ, khả ái hơn, là nghĩa làm sao cơ chứ?"

Họ bước ra, chăm chăm nhìn vị đạo sĩ kỳ quái.

Đại ẩn sĩ Asita Devala tủm tỉm cười:

- Các bạn đã phục chưa? Đã chịu bỏ tâm hận, tâm sân đối với ta chưa?

- Vâng, chúng tôi sẽ không dám thế nữa!

- Ừ, vậy là tốt! Nhưng hãy hứa đi! Nếu còn khởi tâm giết người nữa, thì một sợi lông chân của ta cũng đưa các ngươi trở về với cát bụi!

Nhìn ánh mắt uy nghiêm, không giận mà oai, toát ra một năng lực phi phàm của vị đại ẩn sĩ, cả bảy vị co rúm người lại, lắp bắp:

- Xin hứa, chúng tôi xin hứa!

Thấy lão già lại nở nụ cười hiền hoà, họ bạo gan hỏi:

- Vậy ngài là ai? Phạm thiên chăng?

- Cũng đúng! Ta là ẩn sĩ Asita Devala, và rồi ta sẽ cộng trú với phạm thiên!

Hoảng hồn, họ sụp lạy.

Sau khi tìm kiếm chỗ ngồi thích hợp, ẩn sĩ Asita Devala tìm cách giáo giới họ.

- Ta đã nghe ý nghĩ khởi sanh trong tâm của các bạn. Bây giờ ta sẽ hỏi điều này. Các bạn có biết mẹ sanh của một bà la-môn, trước đó, bà ta giao hợp với một bà la-môn hay phi bà-la-môn?

- Thưa, thật khó biết.

- Và có chắc chắn rằng, bảy đời tổ mẫu của họ chỉ giao hợp với bà-la-môn chớ không phải phi bà-la-môn?

- Thưa, cũng thật khó biết.

- Cha sanh cũng thế, từ một đời cho đến bảy đời tổ phụ có chắc chắn là chỉ giao hợp với nữ bà-la-môn chớ không phải phi nữ bà-la-môn?

- Quả có thế, không thể xác quyết được!

- Vậy thì không thể, khó biết được, tại sao các bạn lại lấy cái huyết thống thanh tịnh bảy đời mà chủ trương? Nó từ đâu ra?

Cả bọn im lặng, cúi đầu. Họ đã biết mình sai.

Ẩn sĩ Asita Devala đi bước nữa:

- Có ai trong các bạn biết rõ chuyện nhập thai? Nó ra sao?

- Thưa, chúng tôi chỉ biết rằng, vào thời mà người nữ có điều kiện thụ thai, có người nam giao hợp và có một hương ấm (gandhabha) tìm đến. Đầy đủ ba yếu tố ấy, sự nhập thai mới thành tựu.

- Đúng vậy! Và các bạn có thể biết rằng, hương ấm này là bà-la-môn, hương ấm kia là sát-đế-lỵ, hương ấm nọ là vệ-xá, là thủ-đà-la chứ?

- Thưa, không thể!

- Các bạn lại nói đúng nữa! Nhưng mà này, đây là câu hỏi tối hậu: Ngay chính các bạn, các bạn có biết các bạn là ai không, từ hương ấm vô danh đầu tiên ấy?

Họ chợt như thấy rõ được điều gì, đồng sụp lạy bên chân vị đại ẩn sĩ:

- Quả đúng là vậy, sự tình là vậy, chúng tôi không biết chúng tôi là ai!”

Kể xong chuyện, đức Phật kết luận:

- Như thế, bảy vị ẩn sĩ kia đã bị đại ẩn sĩ Asita Devala chất vấn, cật vấn, nạn vấn về vấn đề sanh chủng, tận cùng cho đến thức tái sanh (hương ấm) họ đã không thể ứng đáp được, cuối cùng phải thú nhận không biết mình là ai! Vậy thì nay, ngươi và cả hội chúng bà-la-môn này đều là hạng

cháu chít của bảy vị ẩn sĩ lại có thể ứng đối với Như Lai, còn là bậc thầy của đại ẩn sĩ Asita Devala kia nữa!

Tâm phục, tín phục đến tận cùng, thiếu niên Assalāyana quỳ sụp dưới chân của đức Thế Tôn, xin được quy y Tam Bảo, làm một cận sự nam cho đến trọn đời!

Chuyện Tỳ-Khưu Nanda

Sau những buổi "tranh luận" ấy thì uy tín, uy lực của đức Phật và giáo pháp đã làm cho giới bà-la-môn bàng hoàng, không còn dám cựa quậy, nhúc nhích nữa. Trí tuệ của đức Phật đã mở phơi trần trụi những bao che, phong kín ngụy trang bấy lâu nay của giới cấp bà-la-môn! Họ chẳng còn chỗ nào để tự hào và hãnh diện nữa. Đúng ngài là hiện thân của đức Chánh Đẳng Giác trên đời này thực sự rồi. Cả hai buổi pháp thoại đều được truyền tụng đi khắp mọi nơi; thêm mắm, thêm muối cho câu chuyện được đậm đà; thêm gừng, thêm ớt cho nó cay cay hơn; thêm dấm, thêm chanh cho nó chua chua thêm một chút nữa. Chuyện đời mà. Các giới cấp từ lâu tự xem mình là thấp kém, bây giờ cảm thấy mình được cởi trói, được nở mày, nở mặt, được sống cho ra một con người. Họ tri ân đức Thế Tôn về quan điểm bốn giai cấp đều thanh tịnh ấy. Thế là khí hậu của Kỳ Viên đại tịnh xá như được thêm mưa thuận, gió hòa...

Các trưởng lão ổn định chỗ ăn ở, sinh hoạt, tu tập cho tăng chúng, bây giờ đã trên hai ngàn vị. Đến mùa an cư có thể còn đông hơn nữa. Hai vị đại đệ tử phải tuyển chọn thêm một số vị giáo thọ. Đức Phật gần gũi, trao đổi chuyện với Rāhula để xem chú có tiến bộ không. Ai cũng khen Rāhula

hiếu học. Giới sa-di ở đây rất đông, hai vị đại đệ tử lại thêm vất vả để giáo huấn, được Rāhula phụ giúp rất đắc lực. Riêng tỳ-khưu Nanda thì khuôn mặt không được vui, trong lòng vẫn còn bị đốt cháy bởi khối lửa tình si.

Đức Phật chợt nói:

- Này Nanda! Hôm nay, ông cùng với Như Lai hãy đi chơi một chuyến cho khuây khoả!

Ngạc nhiên, Nanda tròn mắt:

- Đi chơi?

- Phải, lên cõi trời chơi! Tiện thể, Như Lai muốn giáo giới, nhắc nhở ông thiên chủ Đế Thích một chút.

Nói xong, đức Phật vận thần thông lực đưa tỳ-khưu Nanda đến cung trời Đao Lợi. Giữa không gian, khi bay ngang qua một khu rừng vừa bị hỏa thiêu, đức Phật cốt ý để cho Nanda trông thấy một con khỉ cái bị cháy trụi lông; tai, mũi và đuôi đều bị sứt, đang cố ôm bám vào một thân cây trơ trọi để níu lấy sự sống.

Đến cung điện rực rỡ của đệ nhị thiên đường, chuông gió, sáo trời dặt dìu, mê ly, thánh thót; hoa trời nở đầy hai bên lối đi bạch ngọc, trân châu, mã não. Mấy muôn chư thiên lấp lánh ánh sáng, phục sức cao sang và quý phái, dẫn đầu là thiên chủ Đế Thích ra nghinh đón đức Tôn Sư. Và, ô kìa, mười muôn thiên nữ với sắc đẹp lộng lẫy, đài các, diễm lệ, kiêu kỳ xuất hiện giữa đám mây hồng, mây tím; nhóm vũ khúc, nhóm hát ca... có cả quần tiên càn-thát-bà tấu nhạc như một cuộc hội trường xuân miên viễn.

Thấy tỳ-khưu Nanda đang say sưa, mê mẩn ngắm nhìn, đức Phật nói:

- Này Nanda! Ông hãy tuỳ nghi đi chơi đâu đó cho thỏa thích. Như Lai có công việc với Sakka thiên chủ.

Thế rồi, đợi Đế Thích dẫn đức Phật vừa đi khuất, tỳ-khưu Nanda đi thăm thú cảnh "non bồng nước nhược"! Ở đâu cũng điện các trùng điệp, ở đâu cũng bảy báu trùng điệp.

Không gian sạch trong, không một mảy bụi. Rồi hý trường, công viên, hồ cảnh, thủy tạ, đền đài, vườn cây, rừng cây với hoa trái lạ lùng chín mọng, hương thơm diệu kỳ. Và ô kìa, tiên nữ và tiên nữ... vóc ngọc, dáng ngà chỗ này chỗ kia thướt tha, uyển chuyển bay lượn đó đây vẳng lại tiếng cười vui, âm thanh trong trẻo như ngọc chạm, như pha lê reo!

Tới chỗ nào, tỳ-khưu Nanda cũng như muốn chết sửng, chân bước đi không nổi! Ở đây, sắc trời, thanh trời, hương trời nó hấp dẫn, lôi cuốn gấp hằng triệu lần thế gian. Cung điện Kapilavatthu huy hoàng, sang trọng, nhưng đem so sánh với nơi này thì chỉ như cái xó bếp tối tăm, nghèo nàn thật tội nghiệp.

Bước chân đưa đẩy, dẫn Nanda đến một tòa cung điện với năm trăm bảo tháp kim cương, hội tụ giữa hư không, phản chiếu ánh sáng lấp lánh muôn màu. Bước vào giữa điện, Nanda trông thấy một chiếc ngai khảm bảy báu, trông rất lộng lẫy, sang trọng. Tuy chưa thấy một vị thiên tử nào ngự ở đấy, nhưng hầu quanh có năm trăm thiên nữ mà cô nào cũng chim sa cá lặn, nguyệt thẹn hoa nhường trông xinh đẹp, mỹ miều mà thế gian thật không tưởng tượng nổi.

Tỳ-khưu Nanda bạo gan hỏi:

- Chiếc ngai bảy báu trân quý thế kia, sao chưa có vị thiên tử diễm phúc nào an ngự ở đấy, thưa quý tiên nương?

Một thiên nữ tủm tỉm cười đáp:

- Thưa tôn giả! Chúng thiếp chuẩn bị sẵn để chờ đợi đón tiếp một vị trong giáo hội của đức Thế Tôn!

Tò mò, Nanda hỏi:

- Vị nào vậy? Quý tiên nương có biết chăng?

- Thưa, nghe nói là tỳ-khưu Nanda! Vị ấy hiện đang hành trì, tu tập rất tinh tấn!

Ra khỏi toà lâu đài rồi mà trái tim Nanda còn nhảy loạn trong lồng ngực.

Trên đường trở về hạ giới, đức Phật hỏi:

- Này Nanda! Hằng muôn tiên nữ nơi cõi đệ nhị thiên đường, cụ thể là năm trăm tiên nữ nơi toà lâu đài bảo tháp kim cương, nếu đem so với công nương Janapāda Kaḷyāni của ông, ai xinh đẹp, mỹ miều, diễm lệ hơn?

Nanda đỏ mặt ra đến tận mang tai, cúi đầu đáp:

- So với họ thì công nương Janapāda Kalyāni chỉ giống như con khỉ cái bị cháy trụi lông, đen thui, sứt mũi, sứt tai, cụt đuôi tại khu rừng nọ.

Đức Phật mỉm nụ cười trong tâm, nói rằng:

- Này Nanda! Vậy hãy tinh tấn, nỗ lực! Như Lai hứa, nếu Nanda kiên trì tu tập giáo pháp thì một ngày kia, năm trăm bảo tháp kim cương, chiếc ngai vàng thất bảo cùng năm trăm tiên nữ ấy sẽ thuộc về của ông!

Từ đó, khi ở tịnh đường, lúc ở nơi liêu đơn, gốc cây, bãi trống, rừng vắng... Nanda thiền định rất mực chuyên cần, rất mực chịu khó và nhiệt tâm.

Mọi người biết chuyện ấy. Các bậc thánh vô học hoặc hữu học thì im lặng, bởi họ biết phương tiện trí rất thâm sâu của đức Thế Tôn. Các vị còn phàm phu, nhất là chư sư trẻ thì có dịp để họ nhạo báng, đùa bỡn hoặc tạo nên những nụ cười vui, vô hại, rất dí dỏm:

- Nè, tôn giả Nanda của chúng ta biết cách "đầu tư công phu" đó nghe!

- Ừa, chuyến buôn bán làm ăn này ông hoàng của chúng ta lãi to rồi!

- Đừng có xía phần! Ai ăn nấy no. Ai tu nấy được!

- Nhưng những năm trăm tiên nữ "nhín" bớt cho một, hai, không được sao?

Chuyện đến tai, Nanda cảm nghe xốn xang, khó chịu vô cùng. Ngẫm nghĩ lại, ông chợt thấy rõ mục đích của mình tỏ ra tầm thường và thấp kém quá. Họ chế giễu là đúng. Họ nhạo báng là họ muốn thức tỉnh mình đây!

Đức Phật xuất hiện rất đúng lúc:

- Này Nanda! Bỏ qua chuyện ấy đi! Hôm nay ông và Như Lai đi chơi một miền xa. Hãy đến một cảnh giới đau khổ!

Lần này, đức Phật lại sử dụng thần thông đưa Nanda xuống thăm một cảnh giới ở địa ngục. Dịp này, Nanda chứng kiến tận mắt những thảm cảnh hãi hùng. Đây là một cột trụ đồng đỏ lửa rừng rực, các tội nhân trần truồng phải bám siết để leo lên, da thịt cháy xèo xèo. Bên kia là những con quỷ mặt trâu, đầu ngựa, cầm những chiếc đinh ba nhọn hoắt, đâm suốt qua lưng tội nhân rồi cất những tiếng tru ghê rợn. Nọ là những con dạ-xoa, la-sát cầm những chiếc cưa sắt nung lửa đỏ lòm, cứ tuần tự cưa tội nhân ra từng khúc, từng đoạn, gan ruột đổ lòng thòng, máu me chảy tràn thành vũng. Và thôi, nào là bàn chông, máy chém, máy lóc xương... kể sao cho xiết! Tội nhân chỗ này, chỗ kia giãy đành đạch, la hét, kêu gào... lẫn tiếng cười ghê rợn của quỷ dữ. Những cái cối đồng vĩ đại, những chiếc chày to lớn, đưa lên đưa xuống nhịp nhàng, bên trong là tội nhân với xương thịt bầy nhầy như cốt ý làm chả thịt người cho quỷ sứ ăn!

Nanda rùng mình, ớn lạnh... bước sang một lò nấu người. Những chiếc vạc to lửa cháy xanh lè, bên trong dầu sôi sùng sục. Những con quỷ mặt xanh, mũi đỏ, thò tay quăng tội nhân vào từng chảo một. Nơi chảo khác, dầu sôi như sóng cuộn, lại không có tội nhân...

Ngạc nhiên, Nanda hỏi thì được một con quỷ có vẻ lịch sự, đáp:

- Thưa tôn giả! Cái này thì còn để dành...

- Sao? Để dành? Cho tội nhân nào?

- Nghe nói là một vị tỳ-khưu!

- Ai? Vị nào vậy?

- Cái ông không chịu tu hành; ăn cơm của đàn-na thí chủ mà đêm ngày cứ tơ tưởng đến con gái! Là ông hoàng Nanda đấy!

Từng chân tơ, kẽ tóc đều dựng ngược cả lên, da thịt nổi gai ốc, một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng - Nanda quày quả theo đức Thế Tôn trở lại trần gian mà cả tâm thần còn bủn rủn, cả tứ chi còn bải hoải!

Nanda phủ phục bên chân đức Phật:

- Xin đức Tôn Sư hãy huỷ bỏ lời hứa về chuyện năm trăm cô tiên nữ, đệ tử sợ hãi lắm rồi!

Đức Phật lắc đầu:

- Chưa! Chưa thể! Chừng nào ông không còn bám víu vào những sự vật trần gian; chừng nào ông đã vĩnh viễn xuất ly dục lạc; nội tâm hoàn toàn thanh tịnh như viên bạch ngọc trong suốt không tỳ vết nhiễm ô thì lúc ấy, Như Lai huỷ bỏ lời hứa cũng không muộn gì!

Nói thế xong, đức Tôn Sư đọc một bài kệ:

"- Đau khổ và khoái lạc
Bùn nhơ đáy mặt hồ
Hương hoa sen toả ngát
Cho người diệt si mê!
Khoái lạc và đau khổ
Xúc động tâm phàm phu
Người vĩnh ly nhiễm ái
Hoa sen thắm mặt hồ!"

Trong lúc Nanda lắng nghe câu kệ có vẻ chú tâm thì đức Phật đã không còn ở đấy. Vì ngài biết, bắt đầu từ bây giờ, Nanda sẽ gạt bỏ được những tư tưởng ô nhiễm, xấu xa để dành thời gian cho sự kiên trì tu tập. Rồi sẽ có hiệu quả tốt và không còn lo ngại gì về ông hoàng si tình ấy nữa.

Sắc Đẹp Hoa Sen

Đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng Ānanda, Rāhula sang ni viện; ngài muốn thăm ni viện mới, xem sinh hoạt của ni chúng, đồng thời thăm ni trưởng Gotamī, Yasodharā, và Sundrī-Sunandā.

Vị ni trưởng đã chớm già nhưng vẫn còn quắc thước, khỏe mạnh. Bà đã chứng đạt quả vị A-la-hán và các thắng trí, có nhiều khả năng và kinh nghiệm hướng dẫn và lãnh đạo ni chúng. Yasodharā trông cũng đã vững vàng, ổn định vì bà cũng đã làm xong những việc cần phải làm. Còn nữa, hiện tại, bà là một trong bốn vị[1] có đại thần thông; nhưng bản chất khiêm tốn, lặng lẽ, ít nói, không muốn mọi người biết đến nên ai cũng cảm giác bà chẳng có gì nổi bật. Đức Phật mừng cho họ, những người thân yêu nhất của ngài.

Chỉ riêng Sundrī-Sunandā thì còn có vẻ bất an do cô xuất gia không phải tự nguyện mà bởi tình cảm huyết thống dòng tộc và gia đình, căn duyên lại chưa đủ đầy. Trường hợp này thì phải đợi nhân, đợi duyên thôi!

Rất nhiều tỳ-khưu-ni mới xuất gia gần đây ra đảnh lễ đức Phật cùng các vị trưởng lão, đặc biệt, sau buổi pháp

[1] Chỉ có 4 vị có đại thần thông: Hai vị đại đệ tử, bà và sau này còn có trưởng lão Bakkula nữa.

thoại, ngài tán dương một cô ni trẻ đẹp vừa đắc tứ vô ngại giải vừa đạt các thắng trí. Đấy là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā (Người có sắc đẹp như hoa sen, có làn da như hoa sen).

Cuộc đời kỳ lạ của Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) đã được đức Phật kể lại, sau đó các vị kết tập sư trước thuật như sau:

- Kể từ thời chư Phật quá khứ như Padumuttra, Vipassī... nàng đã có duyên lành, đã từng được nghe pháp và cúng dường lớn; đặc biệt là hay cúng dường hoa sen, và cũng đã từng phát nguyện sau này sẽ đắc quả A-la-hán, trở thành vị thánh có khả năng thuyết pháp và có cả thần thông.

Vào thời không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời, nàng sinh ra trong một gia đình lao động. Một hôm, vào lúc sáng sớm, trên đường ra đồng gặt lúa, nàng thấy dưới đầm có mấy đóa sen vừa nở rất đẹp. Thích thú quá, nàng lội xuống, hái mấy bông sen và ngắt thêm mấy lá sen nữa. Đến căn chòi lá giữa đồng, chuẩn bị buổi trưa cho mình, nàng ngồi rang cốm, chừng năm trăm hạt nổ rồi lấy những lá sen gói lại.

Lúc ấy, tại núi Gandhamādana có một vị Độc Giác Phật (Pacceka - Buddha) vừa xuất thiền duyệt sau bảy ngày an trú định diệt thọ tưởng; quán căn cơ, thấy cô gái nông dân có duyên lành nên ngài ôm bát khất thực, có mặt tức khắc tại căn chòi lá của nàng.

Cô gái vừa định bước xuống ruộng, chợt trông thấy vị đạo sĩ, do căn lành quá khứ, liền khởi phát đức tin trong sạch, vào chòi, lấy gói cốm rang ra đặt bát rồi dùng luôn mấy đoá hoa sen phủ lên trên cho đẹp. Với tất cả tấm lòng thành, nàng chấp tay, phát nguyện:

"- Do phước báu cúng dường cốm rang và hoa sen ngày hôm nay, xin cho con có được rất đông con trai bằng số lượng hạt rang ấy; và mỗi bước chân con đi đều xuất hiện mỗi bông sen tươi thắm!"

Vị Độc Giác nói lời tùy hỷ phúc chúc rồi vận thần thông bay về núi, đặt ngay ngắn mấy bông sen trên tảng đá rồi đi khuất vào hang động, ngồi thọ thực. Tất cả mọi diễn tiến hành động của ngài đều hiện ra rõ ràng trong tầm mắt của cô gái, làm cho nàng vô cùng hân hoan và thỏa thích.

Phước báu ấy đưa cô hưởng phúc các cõi trời, hết cõi trời, cô lại sanh làm người, nhưng lại nằm thai hóa trong một búp sen tại một đầm nước dưới chân núi. Có một vị ẩn sĩ ngụ cư gần đấy. Sáng kia, ra đầm rửa mặt, thấy tất cả sen đều nở, nhưng có một búp sen to lớn lạ thường, lại đang như còn ngậm sương; ngài nghĩ: "Hẳn có một lý do hoặc có một duyên sự đặc biệt, hy hữu nào đây!" Tò mò, vị ẩn sĩ lội xuống đầm, đặt tay lên búp sen thì kỳ lạ chưa, những cánh sen lại từ từ nở ra, và bên trong hiện ra một cô bé gái nhỏ nhắn, xinh đẹp đang nằm khoanh tròn như hài nhi trong bụng mẹ. Vị ẩn sĩ chợt xúc động, tình phụ tử khởi sanh, ngài ôm cả bông sen và cô bé gái về căn chòi của mình, đặt lên sàng cỏ. Nhìn bé gái như được kết tinh tất cả mọi tinh túy của hương sắc hoa sen, vị ẩn sĩ chợt trầm ngâm, lo lắng vì biết lấy gì mà nuôi nó? Chợt dưng, đầu ngón tay trỏ của ông rịn ướt và một dòng nước trăng trắng chảy ra. Nếm thử, ngài biết đấy là sữa. Thấy nhân duyên gì mà nhiệm mầu quá, ông biết rằng, phước báu của cô bé gái này không phải tầm thường, vượt ra ngoài tầm hiểu biết của phàm phu. Từ đấy, vị ẩn sĩ hết lòng chăm sóc, nuôi dưỡng hài nhi. Cứ ngày ba bữa, ông chỉ cần đưa ngón tay vào miệng bé thì sữa tự động chảy ra. Sau đó, khi bé no bụng thì sữa cũng tự động tắt! Cô bé lớn nhanh như thổi, bắt đầu biết đi, biết chạy, vị ẩn sĩ phát giác thêm một điều kỳ lạ, là mỗi bước đi của cô bé lại có một bông sen đỡ chân. Hình ảnh ấy như ảo ảnh, vì khi ông tới xem thì không thấy bông sen kia nữa! Điều kỳ lạ thứ hai là ông không cần sắm xiêm y cho bé; vì xiêm y của bé cũng tự có, một loại lụa rất đẹp, và sắc màu cũng tương tợ lá

sen, cánh sen, nhụy sen! Da mặt, da tay chân của cô bé có một màu hồng mởn, trắng nõn hoặc trắng phớt hồng, bước đi tới đâu thì hương sen tỏa ngát đến đấy! Vị ẩn sĩ thầm hiểu rằng, đây là một vị tiên nữ từ cõi trời nào đó mà hoá sanh nên tứ đại kết dệt nên cô bé đều là loại vật chất tinh khiết, không hề thấy chất bất tịnh như thân xác con người. Một là cô bé bị đọa, hai là cô bé sẽ có một sứ mạng nhân duyên nào đó tại cõi người này chăng?

Hằng ngày, vị ẩn sĩ phải vào rừng hái trái, đào củ để nuôi mạng. Cô bé học lời ăn tiếng nói do ẩn sĩ dạy. Và họ sống như tình cảm cha con đầm ấm và hạnh phúc nhất trên trần đời. Khi cô bé thành thiếu nữ thì vị ẩn sĩ đâm ra lo ngại mơ hồ. Cái trần gian bất tịnh và xấu xa này, không nơi nào có chỗ cho cô con gái trong trắng và thuần khiết của ông ở được. Và ông cũng không thể chăm sóc, gìn giữ sự thuần khiết cho cô bé suốt đời! Và thế là chuyện xẩy ra sẽ phải xảy ra.

Có một tiều phu làm củi gần đấy. Trưa hôm kia, khi vị ẩn sĩ mang trái và củ từ rừng về, người tiều phu thấy một cô gái đẹp tợ bông sen, trong chòi bước ra, đưa búp tay trắng hồng đỡ cây gậy và bình nước rồi dìu ông ta vào trong. Người tiều phu cau mày, tự nghĩ: "Quái, bao nhiêu năm rồi, vị ẩn sĩ này có giới hạnh rất thanh tịnh, không một hạt bụi nào có thể bám vào đời sống phạm hạnh thiêng liêng của ông được, nhưng bây giờ sao lại có một cô gái xinh đẹp ở chung?" Tò mò, mà cũng muốn điều tra sự thật, người tiều phu bỏ công nhiều ngày rình rập mới biết họ là cha con. Người tiều phu vẫn cứ còn thắc mắc: "Không thể nào, cô gái này không thể là người được. Đã là người thì sắc đẹp cũng chừng mực thôi! Cô ta rõ là một búp sen hồng tươi thắm, mà, hương sắc còn là chúa của loài sen nữa! Là ma chăng? Là tiên chăng?"

Hôm kia, đánh bạo, người tiều phu vào chòi lá xin nước uống. Vị ẩn sĩ lấy trái cây đãi đằng. Cô gái phụ với ẩn sĩ việc này việc kia. Hương sen tỏa ngát. Khi tiều phu cáo từ, vị ẩn sĩ ân cần và thành khẩn nói:

- Con gái tôi từ cõi trời mà xuống, mai này nó lên lại cõi trời. Trần gian này độc ác và xấu xa lắm, nó sẽ không ở lâu. Vậy xin ông hãy giấu kín việc này, đừng cho ai biết nhé! Cha con tôi đội ơn ông nhiều lắm!

Người tiều phu gật đầu hứa với lời lẽ ngon ngọt. Về nhà, lòng tham nổi lên, nghĩ rằng, nếu dâng cho vua tin này thì sẽ được một món hời, ăn hoài không hết! Cái nghề đốn củi được bao hơi, lại khổ cực suốt đời nữa, dại gì mà giữ chữ tín!

Lựa một bộ đồ tương đối lành lặn và sạch sẽ nhất, ông vào thẳng hoàng cung Bāraṇasī, trình với lính canh là có việc hệ trọng cần bẩm báo trực tiếp với đức vua. Rồi sau đó, người tiều phu kể lại sự xuất hiện của "cô gái tiên" tại chòi lá của vị ẩn sĩ cho đức vua nghe.

Thế rồi, với một toán quân cận vệ, vô số lễ vật, đức vua tìm đến ngôi rừng, cắm trại cách chòi lá không bao xa, cho người điều tra hư thực. Sau khi biết chắc về chuyện cô tiên là có thật, đức vua tiến hành việc dạm hỏi với lễ vật trọng hậu.

Vị ẩn sĩ nói:

- Con gái ta là tinh hoa của hoa sen, là phước báu từ cõi trời mà có, vậy xin nhà vua đối xử với nó như đối xử với một nụ hoa trong sương sớm. Nó không chịu được nắng quái và gió chướng của cuộc đời.

Rồi ông quay qua con gái:

- Này Padumavatī! Con gái cưng của ta! Trên trần gian này, quyền lực của đức vua là tối thượng! Và nếu nhân duyên tốt thì sự nương tựa nơi đức vua cũng là chỗ tối

thượng! Cả ta và con đều không có một lựa chọn nào khác! Hãy theo đức vua mà về hoàng cung đi!

Cô gái khóc nức nở, khóc thảm thiết.

Đức vua sai lấy áo xiêm, mũ miện gắn đầy bảy báu, phong cô gái làm hoàng hậu ngay tại chỗ rồi rước nàng về cung. Vị ẩn sĩ nói với đức vua:

- Ngài hãy cho người mang theo luôn những mâm vàng, mâm bạc này đi! Ta không biết dùng những thứ ấy. Ta chỉ cần trái cây và nước lã thôi!

Thế rồi, khi con gái đi rồi, vị ẩn sĩ bèn bỏ chòi lá, lên ẩn tu tận Tuyết Sơn, cuối đời, thiền chứng, sanh về phạm thiên giới.

Cô gái, Padumavatī, về làm hoàng hậu được đức vua cưng chiều hết mực làm cho những bà phi ganh ghét, đố kỵ, gièm pha rồi tìm cách ám hại. Theo với lời nguyện xưa, nàng sanh được năm trăm con trai, nhưng chỉ có hoàng tử Mahā-Paduma là thai sanh, bốn trăm chín mươi chín vị còn lại là thấp sanh. Do các bà phi lập kế độc, vu cáo Padumavatī sinh ra những cục máu, rõ là yêu quái nên bị đức vua truất phế ngôi hoàng hậu. Sau nhờ Đế Thích thiên chủ dùng thần lực làm sáng tỏ sự thật nên nàng lại được phục chức. Về sau, cả năm trăm vị hoàng tử đều làm đạo sĩ xuất gia, đắc quả Độc Giác Phật và họ sống ở rừng sâu. Cuối đời, do cô quạnh, phiền muộn, lâm chung, nàng Padumavatī lại sanh vào gia đình nghèo khổ. Nàng lại làm phước thiện, được sanh thiên, sau đó, trôi nổi nhiều cõi trời và người nữa.

Vào thời đức Phật Kassapa, nàng thác sanh vào gia đình hoàng tộc, là công chúa, con của đức vua Kikī, quốc độ Bārāṇasī. Họ có bảy chị em[1] và nàng là thứ hai, tên là

[1] Xem lại chuyện tỳ-khưu-ni Khemā, Dhammadinnā, cô bé Visākhā... 7 cô công chúa là Samanī, Samaṇagutta, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyikā.

Samaṇagutta. Mặc dầu sống trong xa hoa nhung lụa, tài sắc vẹn toàn nhưng cả bảy cô đều từ chối chuyện lập gia đình, chỉ đi nghe giáo pháp, sống đời giới hạnh không mệt mỏi, không thối thất. Sau khi xin xuất gia, do đức vua không đồng ý, cả bảy cô sống đời cư sĩ tại gia, thường bố thí, cúng dường lớn; lại còn thiết lập tu viện, đại lâm viên, xây dựng cốc liêu cho đức Phật Kassapa và tăng chúng nữa.

Kiếp hiện tại, nàng sanh ra trong một gia đình trưởng giả tại Sāvatthi, do phước báu xưa, nàng lại có làn da như cánh sen, hương thơm như nhụy sen nên được đặt tên là Uppalavaṇṇā!

Lớn lên, nàng đẹp quá, không những nổi tiếng khắp kinh thành mà còn lan xa nhiều tiểu quốc. Các hoàng tử, vương tôn, công tử... ngày nào cũng ngựa xe nườm nượp đến đánh tiếng dạm hỏi, chầu chực đầy sân, đầy nhà. Thấy phiền luỵ quá, nhận lời người này thì mất lòng người kia, vị trưởng giả thở dài, nói với con gái:

- Con đẹp và tươi xuân như đóa sen mới nở, ai cũng muốn bẻ, muốn ngắt!

Vì là kiếp cuối của tử sinh, nàng nói:

- Nhưng rồi thì nó sẽ tàn, sẽ phai sắc và rữa hương thôi, thưa cha thân!

Vị trưởng giả ngạc nhiên:

- Con nghĩ ra điều đó thật à?

- Thưa vâng, con thấy rõ như thế mà!

- Vậy sao con không xuất gia? Đi xuất gia quách! Con biết ni trưởng Gotamī chứ?

- Thưa biết! Con thường hay đến nghe pháp tại ni viện. Ôi! Ở đấy có biết bao nhiêu là cành vàng lá ngọc đã tự nguyện cắt bỏ mái tóc thanh xuân, sống đời giải thoát như hư không! Con cũng muốn xuất gia như họ!

Thế rồi, tiểu thư Uppalavaṇṇā phủi tay mọi cám dỗ của giàu sang, danh vọng, địa vị và cả tuổi thanh xuân đến ni

viện xin xuất gia; sự kiến ấy làm rúng động cả kinh thành, làm vỡ nát trái tim của biết bao nhiêu chàng trai hào hoa, phong nhã.

Nhân duyên chứng ngộ

Hôm kia, quét dọn giảng đường, thắp sáng những ngọn đèn đây đó; ánh lửa đỏ làm nàng chú tâm, nhìn ngắm rất lâu. Lấy ánh lửa của ngọn đèn làm đề mục, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā nắm bắt được "tướng lửa", trú tâm miên mật vào tướng lửa rồi đạt an chỉ định ngay tại chỗ.

Vào trình bày thiền chứng với ni trưởng Gotamī để được hướng dẫn thêm về thiền quán vipassanā, tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā rút vào một nơi vắng lặng để tu tập, khởi tâm quyết đạt cho bằng được tuệ giải thoát tối hậu.

Tuy nhiên, khi quán ngũ uẩn, những hình ảnh khả ái, khả ý của "sắc đẹp" cứ hiện ra, quấy nhiễu tâm trí cô, làm cho cô khó nắm bắt tướng vô thường, vô ngã của nó. Cô đâu có biết rằng, lời nguyện thuở trước, do muốn sanh nhiều con, do muốn có sắc đẹp như hoa sen nên các dục ấy cứ hiện lên quấy rối, trở thành một trở ngại, một bức tường chận bít làm cho cô không thể nào quán như thực tướng được! Những hình ảnh ấy, chúng như được tàng trữ, giấu kín trong vô thức, trong mù sương của ký ức, lâu lâu lại hiện ra. Sau nhờ nghe một câu chuyện thương tâm, không chỉ đơn thuần là thương tâm mà phải nói là đáng kinh sợ, đáng kinh hãi "sự lỗi lầm của các dục" nên cô đã ly thoát được chúng.

Chuyện ấy là như sau:

Hôm kia, cả tăng và ni viện bàn tán xôn xao về chuyện hai mẹ con cùng lấy một chồng, với những tình tiết rất éo le và hy hữu. Câu chuyện lâm li, bi thống ấy tràn qua cửa tai của mọi người.

Tại kinh thành này có hai vợ chồng thương buôn trẻ vừa lập gia thất. Không bao lâu thì người chồng cùng bạn bè đi một chuyến hàng xa. Họ phải lên các quốc độ sa mạc

phương bắc xa xôi cùng với đoàn ngựa thồ, mang hàng về tận Rājagaha để bán; chuyến đi có thể mất gần cả năm trường.

Người mẹ thấy con trai vắng nhà mà cô con dâu bụng càng ngày càng lớn, sinh nghi, bà vặn hỏi. Cô con gái cứ tình thật trả lời là nàng chưa hề chung chạ với người đàn ông nào cả. Đứa con trong bụng này chính là cháu nội của bà chứ không phải ai khác.

Người mẹ không tin, ngày nào cũng cật vấn khó dễ, bắt khai ra tác giả cái thai bào, nếu không, sẽ bị đuổi ra khỏi nhà. Cô gái tủi thân, thu vén ít tiền bạc làm lộ phí, cương quyết đi tìm chồng. Với bụng mang dạ chửa, lần hồi cũng đến được Māgadha, kinh thành Rājagaha. Phố phường nhộn nhịp, lạ nước lạ cái, đất rộng người đông, biết chồng ở đâu mà tìm?

Ngày kia, nàng nghe chuyển dạ. May mắn thay, có một phước xá bên đường và có mấy người đàn bà thấy tội nghiệp đã tận tình giúp đỡ nên nàng sanh hạ được một bé trai bụ bẫm, dung sắc như vàng ròng. Từ đó, nàng thu vén một góc phước xá, ở luôn đấy để nuôi con. Sở dĩ có được duyên may như vậy là vì đức vua Bimbisāra cho lập trong kinh thành và rải rác khắp các con đường lớn những phước xá như vậy cho khách lữ hành dừng chân, đồng thời, mỗi tháng hai kỳ, chẩn tế cho người nghèo khổ. Nàng và đứa bé tạm thời sinh sống qua ngày nhờ ân huệ nọ.

Hôm ấy, nghe có một đoàn thương buôn đi ngang, nàng lấy áo khăn quấn đứa bé kỹ càng, đặt trên cái bệ thấp rồi chạy đi thăm hỏi tin tức chồng.

Nàng vừa đi khuất thì có một doanh gia cất bước nhàn du, ngang phước xá, nghe tiếng trẻ khóc, vào xem. Thấy một đứa bé đẹp đẽ, xinh xắn được quấn trong khăn áo của người nghèo khổ, tưởng là bị bỏ rơi, xúc cảnh, sinh tình nên mang về nhà nuôi dưỡng tử tế.

Người mẹ vừa thất vọng không hỏi được tin tức chồng, trở về phước xá thì thấy mất con, khóc lóc thảm thiết. Hỏi xung quanh xóm phường cũng không ai biết mà trả lời. Buồn khổ, mất hồn, mất vía, nàng đi lang thang không định hướng. Bước chân xiêu lạc, thất thểu đưa nàng ra phía ngoại ô. Một thủ lãnh tướng cướp còn trẻ cùng bầy bọn đang chuẩn bị đi ăn hàng đêm đang tụ họp nơi góc núi. Thấy một cô gái trẻ đẹp đi lang thang, hỏi chi cũng không ừ, không hử; đôi mắt thất thần nhưng không giấu được sắc đẹp trời cho. Động lòng, hắn dẫn nàng về sơn cốc, bảo người cho ăn uống, tắm rửa và thay đổi xiêm y... thì lạ lùng làm sao, cô ta liền hiện nguyên hình với một sắc đẹp chim sa cá lặn. Thời gian khá lâu, nàng mới lấy lại được trí nhớ, mới rõ mình đang ở đâu. Biết mình không còn chỗ dung thân, lại thấy tên thủ lãnh tướng cướp cũng hết lòng hết dạ yêu thương mình, nàng đành thuận lấy hắn làm chồng.

Năm sau, nàng sinh cho tên tướng cướp một bé gái đẹp đẽ như ngọc nữ.

Càng lớn thì cô bé càng đẹp, một vẻ đẹp sắc sảo, rực rỡ hơn cả mẹ. Đến một ngày nọ, trong cuộc cãi vã, xô xát với chồng, lỡ tay, nàng đẩy con gái ra xa, té ngã ngửa và đầu nó đụng vào một vật nhọn, xé rách một đường, máu chảy đẫm cả tóc. Hốt hoảng, nàng chạy tới xem xét vết thương phía sau đầu, tức khắc nhai một nắm lá để ngăn máu chảy. Tên tướng cướp giờ thương con hơn vợ, gương mặt hầm hầm, cầm cây đao trên tay, rượt đuổi doạ giết! Sợ hãi, nàng trốn khỏi sơn trại, không dám về nhà nên lại đi lang thang, lếch thếch thêm một lần nữa.

Trở lại kinh thành Rājagaha, may thay nàng gặp được một người đàn bà nhà giàu tốt bụng, nhận làm con nuôi và cho trông coi một cửa hàng tơ lụa. Chỉ một thời gian sau, nhờ ăn sung mặc sướng, cô ta như trở lại với sắc đẹp thuở

còn là con gái; không ai có thể tưởng tượng được rằng nàng đã có hai mặt con với quá khứ phong trần, trôi nổi.

Sáu bảy năm sau nữa, khi nàng tưởng đời mình đã sóng yên bể lặng thì có một chàng công tử tìm đến để mua tơ lụa. Có lẽ quá giàu sang nên vị công tử này cứ mỗi ngày một sắc áo, đều là lụa là thượng thặng xứ Kāsi! Đôi mắt của vị công tử cứ dính chặt vào nàng không chịu rời. Sau đó, trăm phương nghìn cách, quyết hỏi nàng làm vợ cho bằng được. Bà mẹ nuôi thấy vậy lại nói vào, tìm cách gắn kết tơ duyên cho hai người! Cầm lòng không đậu, thế là lần thứ ba, nàng lại lên kiệu về nhà chồng!

Hóa ra vị công tử là con trai một đại doanh gia, vợ con, thê thiếp cả hằng chục người, tôi trai tớ gái cả hằng trăm. Cậu ta chỉ thích của ngon, vật lạ nên chỉ thời gian sau là chán nàng rồi cưới thêm một cô gái khác nữa! Cô gái này rất đẹp, rực rỡ như hoa anh đào, nhưng chỉ qua mấy tháng, chàng ta lại tỏ ra ơ thờ, lạt lẽo!

Hôm kia, thấy dung sắc cô gái phờ phạc, đầu bù tóc rối, động lòng, nàng tới an ủi, nhân tiện, lấy lược chải tóc, làm đẹp lại cái đầu tóc cho cô gái. Lúc kéo mảng tóc ra, gỡ rối, nàng thấy vết sẹo nằm ở vị trí vết thương thuở xưa của con gái nàng! Xúc động tâm can, bà nghĩ: "Không thể nào! Không thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên như vậy được! Cô bé này chính thị là con gái của ta rồi!" Thẫn thờ, bỏ lược xuống, nhìn cô gái cho kỹ, những đường nét quen thuộc thuở xưa hiện về! Như sét đánh ngang đầu, như điên, như cuồng, bà bỏ chạy... không thấy đường sá, không thấy bụi bờ, gai góc, chỉ có nỗi đau, chỉ có nỗi đau âm ỉ như lửa đốt trong lòng, rồi ngã ra, ngất xỉu...

Trong mơ màng, bà nghe thoảng tiếng nói:

- Thôi, hãy tỉnh dậy đi! Hỡi người nữ đau khổ!

Thấy mình đang nằm ở nơi một chõng tre và xung quanh có rất nhiều vị tỳ-khưu-ni với khuôn mặt hiền từ, phúc hậu;

bà có cảm giác lạ lùng như đang ở bên cạnh những người thân, như về bên ngôi nhà của mẹ.

Bà khóc nức nở:

- Hãy cho tôi được chết thôi! Tôi đã phạm một tội tày đình. Ôi! Oan nghiệt! Oan nghiệt! Hai mẹ con mà cùng lấy một chồng!

- Chưa đâu! Giọng một vị ni lạnh lùng cất lên - Chừng ấy chưa oan nghiệt đâu, còn có một cái oan nghiệt khác kinh khiếp hơn nữa kìa!

Nàng bật ngồi dậy. Vị đang nói chuyện với bà là một tỳ-khưu-ni rất đẹp.

- Có cái gì oan nghiệt hơn thế nữa, thưa ni sư?

Vị ấy mỉm cười:

- Nếu tôi nói ra thì bà phải tức khắc lựa chọn hai con đường: Một là xuất gia, hai là tự tử! Bà có đồng ý như thế thì tôi mới nói.

- Vâng! Đồng ý!

- Hai mẹ con cùng lấy một chồng, nhưng ông chồng ấy chính là con trai của người mẹ! Nói cách khác, cô gái kia lại cùng mẹ lấy anh trai của mình! Nói cách khác nữa, cậu con trai lại lấy mẹ và em gái của mình làm vợ! Thật là kinh khiếp! Thật là vô luân! Thật là bậy bạ hết sức! Thật là không thể tưởng tượng nổi!

Nghe xong, bà lại ngất xỉu lần nữa.

Người tiết lộ chuyện ấy là tỳ-khưu-ni Khemā, sau đó, vị nữ sa-môn đọc tiếp mấy một kệ:

"- Cuộc đời đầy thống khổ
Oan nghiệt thay các dục
Dơ bẩn thay các dục
Xấu xa thay các dục
Vô luân thay các dục
Vậy sao không từ bỏ
Đoạn lìa ái trầm luân

Quay đầu là thấy bến
Xoa tay sạch nợ trần!”

Do tỳ-khưu-ni Khemā sử dụng thần thông khi đọc bài kệ nên người đàn bà nghe rõ mồn một bên tai.

Sau đó, khi thấy bà đã bình tĩnh trở lại, tỳ-khưu Khemā kể chuyện quá khứ cho bà nghe, là trước đây bà đã từng dính mắc vào các dục như thế nào, và cũng đã từng tu tập trong nhiều kiếp như thế nào... Vậy đừng oán trách những oan nghiệt kia nữa. Ai trong vòng trầm luân sinh tử cũng mù quáng như vậy cả! Hãy tỉnh giấc mộng dài đi thôi!

Bà ngồi dậy với nước mắt lã chã, tỉnh táo nói:

- Tôi hiểu rồi! Tôi thấy rồi! Hãy cho tôi được xuất gia như các vị để cắt đứt vòng trầm luân thống khổ và oan nghiệt ấy!

Vậy là Ni viện tại Rājagaha, từ đó lại có thêm một tỳ-khưu-ni, được xem như là người đau khổ đệ nhất, gặp được giáo pháp như một chiếc phao cứu độ.

Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã trình bày lại đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Nghe xong câu chuyện của người đàn bà ấy, đệ tử dựng tóc gáy, thấy sợ hãi các dục, kinh sợ các dục, nhờm gớm các dục, nội tâm thoáng chốc tự xa lìa mọi trần cấu, nhiễm ô, thấy rõ tam tướng; sau đó không cố gắng nhiều lắm, chứng ngộ vô sanh và viên mãn luôn các thắng trí.

Lại nhìn tỳ-khưu-ni Khemā ở bên cạnh, cô nói tiếp:

- Đệ tử lại còn biết nữa rằng, vào thời đức Phật Kassapa, vị sư tỷ này của đệ tử chính là trưởng công chúa, tên là Samanī, con đức vua Kikī nước Kāsi thuở xưa; đệ tử là công chúa thứ hai, tên là Samaṇagutta... Và đệ tử còn biết nhiều chuyện về các công chúa khác nữa...

Ôi! Hóa ra, chúng đệ tử đều từ duyên xưa lối cũ mà trở về sau bao nhiêu kiếp trầm luân, lưu lạc.

Lúc ấy, tôn giả Ānanda lẳng lặng nghĩ thầm trong tâm rằng: "Bảy nàng công chúa này, thế là bốn vị đã xuất đầu lộ diện rồi! Sẽ còn ba vị nữa! Ôi! Dòng trầm luân sinh tử này thật là lạ lùng, nhân và duyên cũng thật là khéo léo, kỳ diệu vậy thay!"

Cảm Hóa Cô Dâu Hư!

Trở lại Kỳ Viên, liên tiếp mấy ngày hôm sau thì đức vua Pāsenadi và hoàng hậu Mallikā viếng thăm, nghe pháp, đặt bát cúng dường đức Phật và tăng chúng. Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng không chịu thua đức vua, đặt bát cúng dường nhiều ngày hơn thế nữa.

Nhưng đức Phật biết, vị đại thí chủ này đang có nhiều chuyện buồn về gia đình, nên ngài hỏi:

- Tâm ông có vẻ có nhiều bất an, phải thế không, Sudatta (Tu Đạt, Cấp Cô Độc)?

Trưởng giả cất giọng rầu rĩ:

- Chỉ khi được làm phước, tâm đệ tử mới thư thái và mát mẻ. Chỉ khi nghe tin em trai của đệ tử, tỳ-khưu Subhūti tu hành rất tốt, để tử mới vui tươi và hoan hỷ!

- Ừ, Subhūti (Tu-bồ-đề) thì cả trí và hạnh đều viên mãn. Con trai của Như Lai thường trú tuệ không (trí bát-nhã) hay trú tâm từ (hạnh phương tiện) nên chư thiên thường ca tụng, tán thán rải hoa trời cúng dường... Vậy, ông còn mong gì nữa, hở Sudatta?

- Thưa, chẳng mong cầu gì nữa! Vợ con, ba đứa con gái đều hiền thiện, tốt lành... Nhưng chỉ đáng tiếc là cậu con

trai, cô dâu, người làm công thì chưa xu hướng chánh pháp nên đệ tử rất buồn...

Thế là hôm kia, không báo trước, đức Phật ghé tư gia ông Cấp Cô Độc; và những pháp thoại của ngài đã làm cho cả nhà phát sanh đức tin trong sạch. Phu nhân của ông, bà Punnalakkhanā một đời hiền lương, chất phát, từ hòa. Cô con gái lớn là Mahā Subhadda, cô con gái thứ hai là Cūla Subhadda có tâm đạo nhiệt thành, đã đắc quả Tu-đà-hoàn; riêng cô con gái út lại đắc quả Tư-đà-hàm. Cậu con trai duy nhất của ông là Kāla thì lại ham chơi, ngỗ nghịch không bao giờ chịu nghe pháp... nhưng cuối cùng cũng bước được vào dòng thánh. Rồi toàn thể kẻ ăn người ở trong nhà cũng thấm nhuần giáo pháp, họ biết thọ trì ngũ giới và có người thọ bát quan trai giới...

Riêng cô con dâu, nàng Sujātā thì ông trưởng giả thưa rằng:

- Nó vốn là con nhà giàu có, được nuông chiều từ thuở nhỏ, lớn lên trong nhung lụa nên không biết gì về nhân tình thế thái, cách sống, cách đối xử với mọi người xung quanh. Đến nỗi nó cũng không nghe lời khuyên dạy của cha mẹ chồng, đôi khi lại hỗn hào tiếng một, tiếng hai. Chồng nó, nó cũng coi không ra gì. Nó cũng không biết tôn trọng, kính trọng, lễ bái đức Thế Tôn. Lúc nào đức Thế Tôn và tăng chúng đến nhà là nó trốn biệt ở trong phòng, khóa cửa lại!

Đức Phật mỉm cười, rải tâm từ đến cho cô rồi bảo người nhà gọi cô xuống. Cũng do năng lực tâm từ của đức Phật mà cô đã dịu dàng bước xuống, đảnh lễ ngài rất phải phép.

- Này Sujātā! Như Lai nghe rằng, trên thế gian có bảy hạng vợ, con có muốn nghe chăng?

- Dạ, con muốn nghe!

- Thứ nhất, người không có tâm bi mẫn, suốt đời không biết xót thương ai cả, súc vật, gia cầm sống quanh mình lại càng không! Người này không bao giờ có thái độ, cử chỉ,

ngôn ngữ nhã nhặn, ôn hòa. Người này không biết chăm sóc chồng, lo cho chồng. Người này dễ bị khêu gợi, bị lôi cuốn bởi ngoại cảnh; dễ bị kích thích làm chuyện trắc nết, hư hèn có khuynh hướng phá rối, quấy rầy chồng và mọi người trong gia đình chồng.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ quấy rối! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Bạch đức Thế Tôn! Con dẫu là con gái hư nhưng cũng chưa đến nỗi thuộc hạng ấy!

- Ừ, tốt! Đức Phật gật đầu rồi tiếp - Thứ hai, người hay phung phí của cải, tiền bạc của chồng và nhà chồng. Tất cả tài sản, gia sản có được do khối óc, bàn tay, mồ hôi, nước mắt của chồng tạo nên bằng nông nghiệp, thương mại hay các công nghệ... lần hồi, hạng vợ này vung tay phá tán hết sạch.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ như quân trộm cắp! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā!

- Con dẫu có tiêu pha chút ít, nhưng tiền bạc là của con. Con không thể là kẻ trộm cắp ấy được, thưa đức Tôn Sư!

- Ừ, tốt! Như Lai biết là con nói đúng. Bây giờ, qua hạng thứ ba. Đây là mẫu người làm biếng, tham ăn, cả ngày không làm gì cả; chỉ ưa ngồi lê chuyện gẫu, tán phào, la lối, gắt gỏng kẻ ăn người ở; còn sai khiến chồng làm chuyện này chuyện kia cho mình nữa.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như bà chủ! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Dạ thưa không, con cũng chưa đến nỗi tệ mạt như thế đâu!

Đức Phật lại mỉm cười từ hoà:

- Con chỉ chút chút như thế thôi, không đến nỗi nào phải không con?

Cô Sujātā đỏ mặt, đáp lí nhí "Dạ..."

Đức Phật tiếp:

- Thứ tư, là loại người hiền lương, giàu lòng từ mẫn; chăm sóc chồng như bà mẹ hiền chăm sóc đứa con duy nhất. Lại còn thận trọng giữ gìn của cải, tài sản mà chồng tạo nên; trông nom và để ý từng ly, từng tí mọi chuyện trong gia đình chồng.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như bà mẹ! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Thưa, con không dám được như thế!

- Thứ năm, người kính trọng, nể nang chồng; lúc nào cũng khiêm nhu, từ tốn, ôn hoà, hết lòng chăm sóc cho chồng như em gái đối với anh ruột của mình vậy.

Thế gian gọi hạng vợ này là: Người vợ mà như em gái! Con có phải là hạng vợ ấy không, này Sujātā?

- Thưa, con cũng không dám được như thế!

- Thứ sáu - đức Phật tiếp - Người đối với chồng luôn luôn vui vẻ, hoan hỷ trên sắc mặt như gặp lại người bạn rất thân xa cách lâu ngày. Luôn đối xử với chồng bằng tình cảm cao quý và chân thực.

Đây là hạng vợ mà như một người bạn! Con có được thế không, này Sujātā?

- Thưa, con không được như vậy!

- Thứ bảy, người luôn luôn vâng lời chồng, ngoan ngoãn, dễ dạy. Người mà cho dẫu bị chồng hăm dọa, hình phạt hoặc làm cái gì đó tổn hại đến mình vẫn trầm tĩnh chịu đựng mà không nổi giận, không có ác ý, không nuôi dưỡng tâm cố chấp.

Hãy gọi người ấy là hạng vợ mà như người tớ gái! Và con cũng không làm được như thế?

- Thưa vâng!

- Vậy trong bảy hạng vợ ấy, theo con, hạng vợ nào là tốt, hạng vợ nào là xấu?

- Thưa, vợ khuấy rối, vợ trộm cắp, vợ bà chủ thì xấu rồi, hỏng rồi! Còn vợ mà như bà mẹ, như em gái, như bạn, như người tớ gái đều tốt cả!

- Ừ, đều tốt! Đức Phật gật đầu rồi nhấn mạnh - nhưng hạng nào là tốt nhất?

- Như tớ gái là tốt nhất, bạch đức Tôn Sư!

- Tại sao?

Nàng Sujātā chợt nêu "chánh kiến" của mình:

- Có thể thế gian nghĩ rằng, vợ mà như người tớ gái là không tốt! Tại sao? Vì vợ mà như vậy thì lệ thuộc chồng, nô lệ chồng!

Còn nữa, nếu gặp phải người chồng độc ác, xấu xa mà cũng luôn luôn ngoan ngoãn nghe theo chồng, vâng lời dạy bảo của chồng hay sao? Phải biết nghĩ suy cái gì nên nghe theo và cái gì không nên nghe theo chứ? Cái gì cũng vâng vâng, dạ dạ, cúi đầu tuân phục, có nghĩa là dẹp bỏ luôn mọi cá tính, tư cách, tiếng nói trong cộng đồng gia đình mà mình còn có bổn phận và trách nhiệm của một người mẹ trong tương lai nữa!

- Chính xác! Đức Phật khen ngợi - Thế nhưng, tại sao, con xem vợ như người tớ gái là tốt nhất?

- Bạch đức Thế Tôn! Vì con sống trong một gia đình mà ai cũng tốt cũng lành cả, con cảm thấy con là kẻ tệ hại nhất! Tuy nhiên, như sống gần ánh sáng thì lần hồi tâm trí của con cũng được phát quang theo chứ!

Như giáo pháp mà đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão thường giảng nói trong ngôi nhà này, như bố thí, cúng dường, năm giới, tám giới; đôi khi là tâm từ ái, tâm bi mẫn, nhẫn nại, không có ác tâm hại người hại vật, không có nóng nảy, đừng có chấp thủ... gì gì đó dẫu không muốn nghe, nhưng những lời vàng ngọc ấy vẫn cứ lọt vào tai, len sâu vào tâm trí của con.

Lại nữa, vẻ đẹp đạo đức, thiện mỹ trong ngôi nhà này đã được thiết lập, phát sáng... thì tại sao con lại không vâng vâng dạ dạ cúi đầu tuân phục?

Và nếu sống được như thế thì con tu tập được đức tính dễ dạy, nhẫn nại, vô hận, vô sân ... nghĩa là phát triển tâm từ, tâm bi không tốt hơn sao? Vậy nên, con vẫn xác định vợ mà như người tớ gái là tốt nhất, đối với trường hợp của con!

Lời phát biểu của cô gái được xem là hư xấu làm cho cả nhà đôi mắt phải mở to, kinh ngạc! Riêng ông trưởng giả Cấp Cô Độc có cảm giác như không còn tin vào đôi tai của mình nữa!

Chợt nhiên, nàng Sujātā quỳ sụp xuống:

- Xin đức Thế Tôn chứng giám cho con! Từ rày về sau, con sẽ thuộc hạng vợ như người tớ gái để phục vụ chồng và gia đình chồng!

Thế rồi, cả toàn thể đại gia đình ông bà trưởng giả cũng phủ phục bên chân đức Đạo Sư:

- Chúng con thật không dám tán thán, ca ngợi ân đức giáo hóa sâu dày của đức Tôn Sư nữa. Phải nói là cả cái kiến, con sâu, cọng cỏ, hạt bụi trong ngôi nhà này cũng phát tâm hoan hỷ.

Bậc Chiến Thắng Bất Diệt,
Bạn Của Ta Giờ Ở Đâu?

Sớm hôm ấy, tại Kỳ Viên tịnh xá, chư tăngi ai cũng lấy làm ngạc nhiên, tò mò khi thấy một trung niên thợ săn, hình dong cao lớn, râu ria xồm xoàm, bước ào vào cổng, cất giọng ồm oàm, hỏi vị này, vị kia, cũng chỉ một câu hỏi:

"- Bậc chiến thắng bất diệt, bạn của ta, giờ ở đâu?"

Hay tin, đức Phật mỉm cười, bảo tỳ-khưu thị giả:

- Hãy bảo người ấy vào gặp Như Lai!

Và sau khi, người thợ săn ấy vào gặp đức Phật, không biết ngài đã giáo giới như thế nào mà buổi chiều, đức Phật bảo tôn giả Sāriputta sắm sửa y bát, và tôn giả Mahā Kassapa chủ trì cho ông ta thọ đại giới.

Câu chuyện lạ lùng ấy làm cho chư tăngi bàn tán suốt mấy hôm. Đức Phật phải đích thân kể chuyện lại một cách vắn tắt là:

- Sau khi thành đạo dưới cội bồ-đề, trên đường về Vườn Nai gióng trống pháp, Như Lai gặp một vị đạo sĩ trên đường ngược chiều, ông ta chính là Upaka thuộc phái Ājivakā. Thuở ấy, Như Lai đã gieo một hạt giống, và hạt giống ấy hôm nay đã nảy mầm, tăng trưởng nên ông ta đã tìm đến đây xin xuất gia sống đời phạm hạnh. Rồi ông ta sẽ đắc được

quả Bất Lai, và bà vợ của ông ta, sau này sẽ đắc quả A-la-hán đấy!

Các vị đa văn, các vị kết tập sư, sau này đã cố gắng tìm hiểu câu chuyện, sắp đặt lại bố cục, tình tiết rồi họ thuật lại như sau:

- Upaka là một nhà tu khổ hạnh trẻ tuổi, đẹp trai; vì ở lâu trong rừng núi nên người ta gọi chàng là "ẩn sĩ thanh tịnh!"; lại nữa, chàng có đôi mắt đen rất đẹp nên người ta cũng gọi chàng là "đạo-sĩ-mắt-đen!"

Thuở nhỏ, Upaka đã lìa bỏ gia đình, xin xuất gia theo giáo phái Ājivakā, từ đó, rừng núi là nơi chàng chọn lựa để tu tập thiền định. Ngày ngày, Upaka đi khất thực đâu đó rồi trở lại ngôi rừng thân yêu của mình, nhưng tâm chàng cứ như vượn hoang, như khỉ núi chẳng an trụ được. Nhưng mọi người thấy dung mạo, cử chỉ, thái độ và hạnh độc cư thanh tịnh của Upaka nên cứ đồn đãi chàng là một vị A-la-hán.

Ven khu rừng có một xóm làng nhỏ, ít người nhưng đời sống khá sung túc nhờ ruộng rẫy, gỗ quý và cả nghề săn bắn. Ở đây, ai cũng tín mộ, thương quý chàng. Đặc biệt, có một gia đình trùm thợ săn hào phú kia thường trực đặt bát cho đạo sĩ mắt đen.

Hôm nọ, sau cuộc vân du trở về, trên đường ngược chiều, Upaka trông thấy một người, một sa-môn trung niên (đức Phật). Chàng đứng sững lại...

Sa-môn kia không cao lớn thái quá, chẳng phải gầy, chẳng phải mập mà đầy đặn. Y áo chẳng phải cũ, chẳng phải mới mà thanh sáng và hài hòa. Tất cả nơi ông sa-môn đều toát ra cái chừng mực, vừa phải nhưng đẹp, uy nghi và gợi cảm một cách lạ lùng.

Upaka bước tới rồi bước lui, nhìn ngắm mê mải. Có một thứ ánh sáng sáu màu, khi đậm, khi nhạt, khi lan rộng như hòa lẫn giữa hư không; lúc thì thu nhỏ lại, rực rỡ, tỏa hắt ra,

lung linh, chập chờn rồi yên lặng, phẳng lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng.

Đến gần hơn tí nữa thì Upaka hoàn toàn bị nhiếp phục bởi sự trầm tĩnh, ổn định, an lạc toát ra từ đôi mắt, từ bước đi... Có một sự khôn ngoan vượt ngoài thế giới, sự minh triết rạng ngời, một trí tuệ siêu đẳng ở ẩn đâu đó, không chỉ nơi vừng trán bát ngát thông minh, mà còn ở nơi cả từng sợi tóc, lông mi, từng ngón tay, lóng tay và cả ngón chân nữa!

Upaka tự nghĩ: "Đấng này, vị sa-môn này, chắn chắn không phải là người, là phạm thiên chăng?"

Sau đó, Upaka cất tiếng chào, mở lời thân thiện, tán thán rằng:

- Ôi! Con người của bạn nó tỏa ra sự an ổn và thanh tịnh làm sao! Rồi còn nước da nữa, sao mà trông như mạ vàng ròng, chắc sức khỏe của bạn dồi dào lắm! Thế thì bạn tên chi? Xuất gia với ai? Bạn tin tưởng vào giáo pháp nào?

Đức Phật, sau đó, cũng hỷ xả cho Upaka biết rằng:

- Như Lai là bậc đã vô nhiễm giữa trần cảnh, đã đoạn tận ác pháp, đã tịch tĩnh, vô dục, đã bước ra khỏi mọi chấp kiến bản thân và thế gian điên đảo kiến. Như Lai đã chiến thắng tam giới, chứng quả Vô Thượng Giác thì Như Lai đâu còn cần xuất gia với ai nữa? Giữa chúng chư thiên, ma vương, phạm thiên thì Như Lai đứng một mình và là thầy của họ.

Nay Như Lai đang đi về Bārāṇasī, tại Vườn Nai để quay bánh xe pháp, gióng tiếng trống bất tử cho chúng sanh tỉnh giấc mộng dài...

Upaka bèn nói:

- Mong rằng sự thật đúng như bạn nói. Bạn thật xứng đáng được gọi là bậc Chiến Thắng Bất Diệt!

Đức Phật đáp:

- Này Upaka! Kẻ giải thoát ra khỏi mọi trói buộc trần gian xứng đáng được gọi như vậy. Kẻ mà ma quân, phiền não không còn tìm thấy dấu vết, xứng đáng được gọi như

vậy. Các đức Như Lai, Chánh Đẳng Giác thường được danh xưng là Tối Thượng Tôn, Vô Năng Thắng, là bậc Chiến Thắng Bất Tử, Chiến Thắng Vô Tận, Vô Hạn Định!

Upaka gật đầu lia lịa:

- Thật đúng như vậy! Thôi, này bạn của ta, chào bạn và chúc bạn sức khỏe!

Sau khi đối thoại với đức Đạo Sư, tán thán đức Đạo sư, gật đầu lia lịa, chào "bạn của ta", Upaka không dừng chân ở giáo pháp này, chàng bỏ đi. Bằng đường tắt, Upaka trở lại lều cỏ, nơi khu rừng Vakahara thân yêu của mình. Lại khất thực, lại thiền định, lại tâm viên ý mã, lại đi về thanh tịnh, trang nghiêm; lại được mọi người kính mộ coi chàng như là một bậc A-la-hán.

Gia đình ông trùm thợ săn kia có cô con gái đào tơ, sen ngó; nàng là pho tượng, là tác phẩm tuyệt mỹ của thợ trời, thợ nghiệp. Nàng đẹp đến nỗi, ông thợ săn không dám cho con gái đi đâu, sợ làm phiền hà, rầy rà các chàng trai trẻ trong vùng! Nàng tên là Cāpā.

Hôm kia, vì cả nhà đi vắng, nên Cāpā phải ra đặt bát cho chàng "đạo-sĩ-mắt-đen". Thế là Upaka chết lặng, sững sờ, tiếng sét ái tình đột ngột như đập vỡ trái tim chàng. Căn nhà khép cửa đã lâu mà chàng như còn mãi chôn chân một chỗ, không rời chân đi được.

Cuối cùng, Upaka như người mất hồn, lững thững lê bước về ngôi lều cỏ, tâm thần choáng váng như vừa uống một tách rượu say. Upaka không ăn, không uống gì được. Chàng ngồi trọn bảy ngày như thế, bình bát chưa hề mở ra.

Trong sâu xa mơ hồ, Upaka thấy rõ tâm tư và quyết chí của mình: "Một là ngồi chết khô, hai là phải lấy được cô con gái kia làm vợ!"

Sau thời gian đi công việc trở về, ông trùm thợ săn chợt hỏi cô con gái rượu:

- Này con thân! Bậc A-la-hán của chúng ta vẫn đều đặn đến đây khất thực đó chớ!

- Thưa cha! Một lần thôi.

- Sao kỳ vậy chứ? Ngài có đi vân du ở đâu không?

- Các bậc A-la-hán thường nhập định bảy ngày, chắc ngài "đạo-sĩ-mắt-đen" của chúng ta là như thế chăng?

Ông trùm thợ săn cảm giác có cái gì đó không ổn, hối hả đi vào rừng. Đến cửa lều, nhìn qua nệm cỏ, thấy một cái xác vô hồn đang ôm bình bát trong lòng, đôi mắt lờ đờ, mê dại...

- Ối! Ông thợ săn hớt hãi la to - Ngài bị bệnh gì? Hay là ma nhập? Ối! Quỷ ma gì đây trời đất ơi!

Upaka tỉnh lại, nhận ra người thợ săn, mệt mỏi, xiêu ngã đứng dậy, bình bát rơi đổ tung tóe những thức ăn đã mốc meo. Rồi bất ngờ nhất, Upaka ôm chầm lấy người thợ săn khóc nức nở...

Người thợ săn hoảng hồn, hoảng vía, gỡ ra không được, hỏi dồn dập:

- Sao vậy? Sao kỳ lạ vậy ngài? Bệnh gì đây? Ma quỷ gì đây hở trời?

- Ông ơi! Tôi chết mất thôi! Upaka mở miệng, tiếng được tiếng mất, sau đó nói một hơi - Con gái ông đã lấy hồn tôi, đã làm cho tôi bị bệnh. Cái bệnh này còn vạn lần đau khổ hơn cái bệnh thân xác. Ông hãy cứu tôi! Tôi không phải là bậc A-la-hán đâu. Tôi chỉ là kẻ tầm thường. Tôi đi tu là vì yêu thích hình bóng của các ông đạo sĩ. Nay thì tôi yêu thương con gái của ông hơn. Con gái ông đã chiến thắng tôi, là bậc "chiến thắng bất diệt"! Ông ơi! Ông hãy giải thoát cho tôi khỏi mối tương tư. Một là tôi chết khô, hai là ông cho tôi người con gái. Nàng là một thiên thần, là người trên đầu trên cổ tôi, là thượng đế của tôi! Ông ơi! Ông hãy cứu tôi!

Nói như vậy là hết kinh điển, hết chữ nghĩa, hết tín ngưỡng, hết thiêng liêng, thần thánh...

Ông thợ săn bối rối, ngỡ ngàng trước sự việc như thế. Hồi lâu, nghĩ cũng cám cảnh thương tình, ông ân cần, dịu dàng nói:

- Thôi được rồi! Để tôi giải thoát mối đau khổ cho ngài. Thời tuổi trẻ tôi cũng đã từng biết yêu thương nên tôi hiểu.

Nhìn bậc tu hành từ dung sắc chói sáng, tuyệt mỹ mà phút chốc trở nên xanh xao, tiều tụy, ông thợ săn thương cảm xiết bao. Nhưng nghĩ cũng có điều thực tế nan giải, ông bèn nói:

- Mà này ngài ạ! Khi cưới nhau rồi, chẳng thể "một mái nhà tranh, hai quả tim vàng mà được đâu!" Ôi! Người ta bảo rằng: "Hạnh phúc thường phải ăn ngon, mặc đẹp, bạn mà cho nó ăn rau, uống nước lã thì nó sẽ phủi chân và bỏ đi ngay!" Ngài xuất gia từ nhỏ, ít quen được nắng mưa lam lũ, nghề chân nghề tay trệ vai, đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Con gái tôi vì là con một nên tôi cưng chìu, tôi "nâng như nâng trứng, tôi hứng như hứng hoa". Tuy không giàu hơn ai nhưng nó ưng gì được nấy. Nó quen mặc xiêm lụa kāsi, quen vòng hoa pātaliṃ. Tóc tai nó, thân thể nó quen ướp hương haricandana tuyệt hảo; da thịt nó óng ánh ngọc ngà như nụ paduma mới nở. Vậy ngài định làm gì mà có thể nuôi nổi nó?

Upaka vừa thòng hai chân xuống cuộc đời, đã vấp phải sự thật như cục đá ngáng đường, im sững.

Ông thợ săn gục gặc đầu, nói tiếp:

- Đấy! Ngài tính đi! Bụng làm dạ chịu. Tôi cũng thương ngài lắm, nhưng thực tế nó vậy, biết làm sao?

Sau một hồi suy nghĩ, Upaka nói:

- Ông đã thương thì thương cho trót. Thú thiệt, tôi chẳng biết một nghề gì. Nhưng những khi ông bắn rơi một con chim, bẫy được một con thú, tôi có thể "làm nghề" lượm chúng, mang xuống chợ bán để đổi gạo, đổi thức ăn cho cả... gia đình ta?

Cầm lòng không đậu, ông thợ săn tốt bụng gật đầu, dẫn về nhà, cho y phục rồi đem đến trình diện cô con gái rượu:

- Này con gái thân! Bắt đầu từ nay, cha nuôi 'bậc ẩn sĩ trong nhà', con chịu chứ?

Nàng Cāpā đã đoán ra mọi sự, nhưng giả vờ ngớ ngẩn hỏi:

- Bậc ẩn sĩ sao lại ẩn trong nhà có con gái?

- Không! Đây là bậc ẩn sĩ đã hết ẩn sĩ rồi!

- Sao kỳ vậy cha?

- Vì bây giờ ổng ẩn tại gia, có nghĩa là muốn nhận cha làm nhạc gia!

Nàng Cāpā kêu ré lên, bỏ chạy. Ông thợ săn vui vẻ cất tiếng cười hào sảng. Upaka mặt đỏ bừng, cúi gằm xuống mà lòng thấy hạnh phúc vô cùng...

Cũng là duyên, cũng là nợ. Cũng là nợ, cũng là duyên. Cái quả của sự gặp gỡ, thương yêu nhau, tuy hơi hiếm muộn, đến hơn mười năm sau, họ mới có được một mụn con trai, xinh xắn, bụ bẫm.

Đến lúc này thì sắc đẹp, tính nết nàng không còn như thời con gái nữa. Upaka bây giờ mới thấy thấm thía rằng, cái hạnh phúc vợ chồng mà chàng ước ao, bên người con gái đẹp như tiên nga ấy, hóa ra cũng tầm thường thôi. Nó khác xa so với trí tưởng tượng của chàng. Hơn thế nữa, thực tế áo cơm nó nghiệt ngã quá. Chàng đã phải nay núi này, mai núi khác. Gió sương, mưa nắng, khuôn mặt chàng đã cứng queo, khô quắp, nước da đã chai sạn màu đồng hun, đâu còn là chàng đạo-sĩ-mắt-đen đẹp trai năm xưa nữa! Làm "nghề lượm thịt săn" không đủ sống, chàng phải phụ thêm đốn củi, đốt than cùng nhiều nghề chân tay khác đến đổ mồ hôi, sôi nước mắt!

Vất vả, gian lao quá, đôi khi chàng mơ màng nghĩ đến đời sống nhàn cư, thanh tịnh cũ. Thỉnh thoảng, chàng tưởng

nhớ đến hình bóng của người bạn gặp trên đường, bậc "Chiến Thắng Bất Diệt" ấy!

Nàng Cāpā rất thương chồng, thấy vì vợ con mà chàng cơ khổ, lam lũ cũng cám cảnh than dài. Nhưng, như chim đã liền cánh, bóng đã dính hình, âu nhân, âu duyên đành phải thế!

Một hôm con khóc, nàng vô tình hát rằng:

"- Ầu ơ... ru con, con ngủ cho ngoan
Cha con ẩn sĩ lượm thịt săn giữa rừng
Ầu ơ... ẩn sĩ rớt bát nửa chừng
Vì con, vì vợ còng lưng tháng ngày!"

Nghe được, Upaka tức giận nói:

- Này nàng Cāpā! Nàng nói ta "ẩn sĩ lượm thịt săn, ẩn sĩ rớt bát!" Nàng chế nhạo ta vừa vừa thôi chứ! Cục đá mà có tai, nó cũng chảy nước mắt vì câu nói của nàng đó! Ta không có cúi đầu, còng lưng mãi ở trong cái ngôi nhà này đâu! Ta biết ta là kẻ ăn đậu, ở nhờ, vô gia cư, vô nghề nghiệp. Ta biết thân, biết phận của mình lắm. Nói cho nàng biết, chẳng phải ta là kẻ tứ cố vô thân không nơi nương tựa đâu. Ta có một người bạn. Bạn của ta là "bậc Chiến Thắng Bất Diệt!" Ta sẽ đến ở với bạn của ta!

Thấy chồng vì tự ái mà nổi giận, nàng Cāpā đấu dịu, phân trần:

- Em không có ý nghĩ như vậy đâu, chàng-mắt-đen của em! Sự thực, em thấy chàng suốt ngày cúi đầu và còng lưng lượm thịt săn một cách vất vả, một cách khốn khổ. Vì yêu chàng mà em hát cho con nó nghe đó thôi!

Upaka gằn giọng:

- Nàng có cách nói hai nghĩa, nghĩa đằng đầu và nghĩa đằng đuôi! "Cúi đầu và còng lưng!" Chà! Ta biết quá mà! "Ẩn sĩ lượm thịt săn!" Chà! Lời mỉa mai hay nhỉ! Ta nói cho nàng biết, ta đã sa chân xuống đầm lầy khốn cùng và tủi

nhục. Ta tỉnh ngộ rồi. Ta sẽ xuất gia trở lại. Ta sẽ đi theo bạn ta, nương tựa nơi bạn ta, bậc "Chiến Thắng Bất Diệt!"

- Chớ có tức giận em, chàng-mắt-đen của em! Có thể em đã dại dột, lỡ lời, xin chàng thứ tội!

Upaka lồng lên:

- Ta không có thứ tội. Chí ta đã quyết. Ta sẽ rời khỏi ngôi làng này, ngôi nhà này, nơi ta đã bị trói buộc, bị quyến rũ bởi sắc đẹp ma quái của nàng. Ích gì cái kỷ niệm đau xót này!

Nàng Cāpā năn nỉ:

- Ôi! Chàng-mắt-đen của em! Hãy ở lại! Chớ có bỏ đi! Em không dại dột thế nữa đâu. Em sẽ hầu hạ chàng, phục tùng chàng, là nô lệ của chàng!

Upaka cười lạt:

- Không thể nữa đâu, này nàng Cāpā! Lời rủ rê của nàng có thể làm cho trăm vạn nam nhân phải bủn rủn, mê mệt - nhưng ta thì không thể nữa đâu!

Nàng Cāpā xuống nước, mềm mỏng, gợi tình:

- Chàng-mắt-đen của em! Em đã đến nỗi nào! Em vẫn còn như cây takkārim nở hoa trên đầu núi. Những vòng hoa patalim vẫn rực rỡ hương sắc hiến tặng chàng. Những chiếc xiêm lụa kāsi vẫn làm dịu mắt chàng. Tóc em, da thịt em vẫn còn ướp hương haricandana thơm lừng lựng!

Upaka chợt cất giọng ráo hoảnh, chậm rãi:

- Bây giờ nàng lại định dùng mồi sắc đẹp để bủa giăng cánh chim trời đấy phỏng? Dẫu nàng là dòng dõi thợ săn thiện xảo đến bảy đời, cánh chim kia cũng chỉ một lần sa lưới thôi!

Đến lượt nàng Cāpā tức giận:

- Chàng nói thế mà nghe được sao? Em bủa giăng hay tự chàng bước chân vào lưới?

Upaka nín lặng. Nàng Cāpā quắc mắt:

- Này! Còn đứa con thì tính sao đây?

- Là quyền của nàng!

- Thế giả dụ tôi đánh nó, tôi giết nó thì ông cũng không thèm cứu ư?

- Nó từ trong núm ruột của nàng mà rứt ra, là máu huyết của nàng - thì nàng muốn làm gì đó thì làm!

Nàng Cāpā chợt thở dài. Thế là hết rồi. Con hổ đã muốn trở lại rừng xưa . Chàng đã trở lại với cái tâm xuất ly thanh tịnh. Sắc đẹp ta, nụ cười ta, vòng tay ta và cả con cái nữa, đã bất lực trước chàng.

Nàng Cāpā buồn bã, cất giọng dịu dàng:

- Chàng-mắt-đen của em! Chàng đành đoạn bỏ đi, không thương xót em và con sao?

Trái tim của Upaka thoáng xao xuyến, dẫu cố gắng trấn tĩnh nhưng giọng nói đã mềm đi:

- Ta cũng biết thế. Nhưng nàng hãy thông cảm cho ta. Ta phải tự cứu mình!

Nàng Cāpā đã hiểu, tự nghĩ:

"- Chẳng phải Upaka đã hóa thành gỗ đá. Chàng vẫn còn thương vợ, xót con nhưng vì đã quá đau khổ, không còn chịu đựng nổi hoàn cảnh ràng buộc với những tế toái của đời sống nên nói cứng, nói gắt ngoài miệng thế thôi. Vậy nếu ta thật tình yêu thương chàng thì hãy để chàng ra đi cho tròn ước nguyện!"

Nghĩ vậy, nàng Cāpā gạt nước mắt, nói:

- Thôi, đã vậy thì chàng hãy ra đi đi, ở nhà, mọi việc em lo liệu được. Nhưng chàng đi đâu?

Upaka cảm động, nắm tay Cāpā:

- Cảm ơn em! Cảm ơn em đã hiểu ta. Việc ta đi đâu thì em không cần phải lo lắng. Ta sẽ đến với bạn của ta, bậc "Chiến Thắng Bất Diệt!"

- Vị ấy ở đâu?

- Ta cũng không biết. Nhưng cách đây đã hơn mười năm về trước, bạn của ta đi gióng tiếng trống bất tử ở Vườn Nai

tại Bārāṇasī. Còn bây giờ thì không rõ chiếc xe pháp ấy lăn bánh về đâu cũng không rõ nữa!

- Vậy làm sao mà tìm?

- Nàng yên trí, bạn ta nổi tiếng lắm! Lúc xuống chợ búa trao đổi hàng, ta có gặp một vài đoàn đạo sĩ, vài đoàn du sĩ, họ nô nức đi chiêm bái vị ấy. Đấy là một vị Phật, một đức Chánh Đẳng Giác, là bậc thầy của chư thiên và loài người!

Im lặng khá lâu giữa hai người.

Nàng Cāpā chợt nói:

- Vậy thì khi gặp vị ấy, đấng ấy, hãy nhiễu quanh ba vòng về phía hữu, chàng thay mặt em, đảnh lễ vị ấy giùm em!

Upaka mỉm cười sung sướng:

- Phải thế! Nói vậy là đúng đắn. Vì lợi ích cho cả hai ta, ta sẽ tỏ lòng cung kính vị ấy đúng y như vậy!

Chuyện chấm dứt ngang đó. Nhưng sau này, nàng Cāpā kia, nghe nói, cũng gởi con trai cho ông ngoại, theo chân Upaka, xuất gia với trưởng lão ni Gotamī. Vậy là 'thiên tình sử' hy hữu của họ được truyền tụng qua cửa tai của mọi người.

Sau này, lại có kẻ đặt ra một câu kệ thơ để ví von trường hợp chàng đạo sĩ mắt đen và cô con gái "tan" rồi lại "hợp" trong giáo pháp bất tử:

"- Tích xưa, chuyện cũ rành rành
Có khi gương vỡ lại lành hơn xưa!"

Đặc Tính Của Biển Lớn

Chuyện ông thợ săn dám kêu đức Phật bằng "bạn của ta" làm cho ai cũng mỉm cười, ai cũng ngạc nhiên. Nhưng có vẻ ai cũng hỷ xả, chẳng chấp trách gì vì biết bản chất ông ta thuần hậu, chất phác. Có người đoán vì đức Phật thấy tâm xuất ly của ông quá mạnh, căn cơ lại sâu dày nên cho xuất gia ngay. Mà quả thật vậy, khi được mặc y, mang bát, trông tăng tướng Upaka đẹp và uy nghi như một vị tôn túc trưởng lão.

Mấy ngày hôm sau, đức Phật định thuyết một thời pháp có sự tham dự đầy đủ cả tăng ni hai viện, đầy đủ hai hàng cư sĩ, có sự tham dự của đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā và cả triều thần trước khi rời Kỳ Viên. Hai vị đại đệ tử đã cho chư tăngi thông báo rộng rãi chuyện ấy.

Hôm ấy, đại giảng đường Kỳ Viên chỗ chứa hơn hai ngàn mà chật ních người. Chư vị trưởng lão tăng ni và các bậc có thắng trí tình nguyện nhường chỗ. Các vị thâm niên, nghe pháp đã nhiều cũng nhường chỗ cho lớp hậu sinh.

Hai vị đại đệ tử đã cho người thu xếp chỗ ngồi khá chu đáo và hợp lý. Tăng bên trái giảng đường, ni bên phải. Chính giữa dành cho đức vua, hoàng hậu, các quan cùng các

trưởng lão gia chủ, nam nữ cư sĩ lớn tuổi. Ngoài hiên, các hành lang là những người tuổi trẻ thuộc tất cả các giới.

Tôn giả Ānanda thông minh, đứng ở cuối sảnh vẫn nghe được lời đức Phật, do trí nhớ tốt, có thể thuyết lại đúng nguyên văn, nhận việc thuyết lại cho rất đông thính giả cư sĩ đứng đầy ngoài vườn rừng!

Sau khi nói vài lời khen ngợi Tăng ni có tâm cầu học, tán thán đức vua, hoàng hậu và triều thần đã chịu khó đến nghe pháp, hai hàng cận sự nam nữ cũng như thính chúng đủ mọi giai cấp đã vân hội về đây thật như một biển lớn rồi đức Phật thuyết về biển lớn! Sau, các vị A-xà-lê thuật lại:

- Này chư vị! Vừa rồi đây, sau hạ thứ tám[1], Như Lai đi du hóa nhiếp độ hai tộc rồng và dạ-xoa ở miền Nam đảo. Đặc biệt hôm ấy là do long vương Mahādaranāga thỉnh mời. Như Lai đã đến Kalyānī, rồi đến đỉnh núi Sumanakūṭa, để lại ở đấy mấy dấu chân[2]. Lúc trở lại đất liền, khi Như Lai đang ngắm biển thì A-tu-la vương[3] quản nhậm biển nam, có tên là Pahārāda, từ đâu đó với dung sắc đỏ sáng, trang phục y áo, mũ miện, binh khí chói ngời, hóa hiện ngay bên cạnh Như Lai. Nó cất giọng tự nhiên, nói:

- Tôi biết sa-môn Gotama đấy!

- Ta cũng biết ngươi đấy, này Pahārāda!

Nó cười:

- Sa-môn Gotama đứng làm gì ở đây, tại miền biển xa xôi, lạnh lẽo nầy!

- Ừ, Như Lai đang ngắm biển!

---

[1] Theo Đức Phật và Phật pháp của ngài Nārada thì hạ thứ 8, đức Phật ở tại rừng Bhesakalā gần tảng đá Sumsumāra, thị trấn Bhagga.

[2] Theo Pháp Hiển, hai dấu chân cách nhau 15 do tuần. Dấu chân trên đỉnh có xây một bảo tháp cao 400 bộ, được trang hoàng bằng châu báu.

[3] Có rất nhiều A-tu-la vương. Đây là A-tu-la vương biển Nam - Còn các A-tu-la vương biển Đông, Tây nữa. Trên đất liền cũng có rất nhiều. Riêng A-tu-la vương cõi trời có tên là Vepacitta - Asurina.

- Biển có gì thích thú mà ngắm, thưa tôn giả?

- Vậy ngươi, Như Lai biết là ngươi cũng thích thú biển lắm mà, tại sao?

- Ồ, tôi ấy à! Không những tôi mà các A-tu-la đại thần, binh tướng của tôi cũng rất thích thú biển lớn. Chúng dựng lâu đài trên biển, ca vũ nhạc kịch trên biển, tiệc tùng, dạ yến trên biển, vợ chồng, con cái chúng cũng say sưa trên biển. Bày mưu, tập trận đánh nhau cũng trên biển! Thú vị lắm!

- Ngươi quản nhiệm biển, sống lâu trên biển; vậy ngươi có nhận biết biển lớn có những tính chất đặc thù như thế nào chăng?

- Biết chứ! Biết rất rõ ràng và sành sõi là khác! Tôi còn có thẩm quyền đệ nhất để nói về điều ấy, nói về biển hơn bất cứ ai trên đời này, kể cả tôn giả, vốn được thế gian tôn xưng là bậc thầy của trời và người!

Như Lai mỉm cười:

- Khá lắm! Vậy thì ngươi hãy nói về biển cho Như Lai nghe với nào!

- Thưa vâng! A-tu-la vương đáp rồi bắt đầu nói - Biển lớn có tám đặc tính mà không ở nơi nào có được.

Thứ nhất, biển xuôi dần dần, xuôi từ từ, từ cạn đến sâu, không có thình lình, không có đột ngột tạo nên những hang, những vực...

Thứ hai, biển muôn đời vẫn đứng một chỗ, không xê dịch như sông, như suối; nó lại còn thủ phận, nhẫn nại không phá vượt qua bờ này hay qua bờ kia...

Thứ ba, biển không chứa chấp, không dung chứa những xác chết người và thú; nó quăng vất ngay lên bờ hết, không bao giờ lưu giữ những vật bất tịnh ấy trong lòng mình!

Thứ tư, phàm có con sông lớn nào như sông Gaṅgā, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī... khi chảy về biển lớn, chúng liền bỏ quên tên tuổi của mình để hoà nhập với cái đại đồng.

Thứ năm, dầu tất cả sông cái, sông con chảy vào biển một trăm năm, một ngàn năm; dầu mưa trên trời cũng đổ xuống một trăm năm, một ngàn năm... lòng biển cũng dung chứa hết mà không bao giờ tràn ra ngoài; nó còn chẳng vơi, chẳng đầy là khác nữa!

Thứ sáu, biển chỉ thuần nhất một vị mặn, dẫu cả triệu triệu năm cũng không thay đổi tính chất của mình.

Thứ bảy, lòng biển lớn chứa giữ tất cả châu báu của trần gian như: Trân châu (muttā), maṇi châu (maṇi), lưu ly (veluriyo), xa-cừ (sangho), ngọc bích (silā), san hô (pāvālaṃ), bạc, vàng, ngọc đỏ (lohitanko), mã não (masāragallam).

Thứ tám, biển là trú xứ của vô lượng chúng sanh - nhất là những chúng sanh lớn. Ngoài asura, nāgā, gandhabbā... còn có những chúng hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần đến năm trăm do-tuần...

Nói thế xong, Asura vương kết luận:

- Đấy là tám tính chất thù thắng, vi diệu nên chúng tôi rất thích thú cư trú ở đây! Còn sa-môn Gotama thì sao? Khi ngài thiết lập giáo pháp, rao giảng giáo pháp thì những tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di... có thích thú sống trong giáo pháp ấy không, như chúng tôi vô cùng hoan hỷ và thích thú biển lớn?

- Có chứ, này Pahārāda! Đức Phật đáp - Họ cũng hoan hỷ và thích thú trong pháp và luật của Như Lai, tương tợ như ngươi hoan hỷ và thích thú trong biển lớn vậy đó!

- Thế pháp và luật của sa-môn Gotama có những đặc tính thù thắng gì, tính chất vi diệu gì mà chúng đệ tử có thể hoan hỷ và thích thú để sống trong đó?

- Như biển lớn có tám tính chất đặc thù mà ngươi vừa kể cho Như Lai nghe thì pháp và luật của Như Lai cũng có tám tính chất đặc thù, vi diệu, thù thắng chẳng nơi nào có được, này Pahārāda!

Asura vương rất thú vị:

- Tôi xin được rửa tai để lắng nghe tám điều kỳ diệu chưa từng có ấy?

Rồi đức Phật mở lời:

- Này Pahārāda Asura vương! Hãy nghe! Như Lai sẽ giảng nói đây!

Thứ nhất, pháp và luật của Như Lai cũng xuôi từ từ, xuôi dần dần, từ cạn vào sâu, không có đột ngột tạo hang, tạo vực. Tại sao vậy, vì pháp và luật mà Như Lai giảng nói bao giờ cũng tuần tự thứ lớp từ dễ đến khó, từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu. Học pháp là phải thuận thứ như vậy, con đường hành trì cũng thế mà sự chứng ngộ cũng tương tự thế, không bao giờ có chuyện thình lình mà thể nhập, không có sự đột nhiên mà chứng ngộ!

Asura vương reo lên:

- Hay quá là hay! Vậy cho nghe điều thứ hai, là biển chỉ đứng một chỗ, không vượt qua bờ?

- Điều thứ hai, giáo pháp của Như Lai là từ chứng nghiệm, giác ngộ sự thực, từ chân lý như thực mà nói ra nên không thay đổi, biến hoại theo thời gian. Đệ tử của Như Lai sống trong lòng giáo pháp ấy, thích thú trong giáo pháp ấy, ở yên một chỗ, không bao giờ dám vượt qua một giới hạn nào, bờ này hay bờ kia của tri kiến. Có vị thà chịu hy sinh thân mạng để giữ gìn pháp và luật ấy huống hồ là vượt qua hay phá rào!

- Kỳ diệu vậy thay!

- Thứ ba, biển lớn không chứa chấp vật bất tịnh thì giáo pháp của Như Lai cũng tương tợ vậy. Người nào ác giới, sống theo ác pháp, có sở hành bất tịnh đáng ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là sa-môn mà tự nhận là sa-môn, không sống phạm hạnh mà lại giả danh phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục bất chánh thì Tăng-già

cũng sẽ quăng vứt người ấy, hội họp rồi trục xuất người ấy, không cho sống chung cùng với tăng đoàn nữa!

Thứ tư, những con sông về với biển đều phải bỏ tuổi, bỏ tên. Cũng vậy, trong giáo hội của Như Lai có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, bà-la-môn, phệ-xá, thủ-đà-la. Khi họ xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, họ cũng từ bỏ giai cấp, bỏ họ, bỏ tên, bỏ danh vọng, bỏ địa vị, bỏ sự nghiệp, bỏ quê hương, chủng tộc để chỉ còn là những tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, là những sa-môn Thích tử (Sākyaputta) mà thôi!

Thứ năm, trăm sông đổ về biển, trăm lượng nước mưa xuống từ trời cũng không làm cho biển đầy hay vơi. Cũng vậy, này Pahārāda! Có nhiều tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nhập Niết-bàn không có dư y, mà sau này, nếu có vô lượng, vô lượng tỳ-khưu, vô lượng tỳ-khưu-ni nhập Niết-bàn không có dư y như thế, thì Niết-bàn cũng không tràn, cũng không đầy, cũng không vơi như biển vậy.

Thứ sáu, này Pahārāda! Nếu biển chỉ có một vị mặn thuần nhất thì giáo pháp của Như Lai cũng thế: Nó cũng chỉ có một vị thuần nhất, thuần chất, ấy là vị giải thoát.

Thứ bảy, này Asura vương! Nếu biển tích lũy mọi châu báu của nhân gian thì giáo pháp của Như Lai cũng là nơi chứa giữ những châu báu siêu thế. Đấy là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, thánh đạo tám ngành.

Thứ tám, biển là trú xứ của rất nhiều chúng sanh lớn thì giáo pháp của Như Lai cũng là trú xứ của những bậc thánh nhân, còn hơn là chúng sanh lớn, còn hơn là các vị đại vương, các vị thiên vương; ấy là các bậc Dự lưu đạo, Dự lưu quả, Nhất lai đạo, Nhất lai quả, Bất lai đạo, Bất lai quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả.

Đức Phật nói xong tám tính chất đặc thù của giáo pháp, Asura vương Pahārāda kính cẩn thốt lên:

- Quả thật là vi diệu, thưa sa-môn Gotama! Trước đây tôi chỉ nghe tin đồn đức Thế Tôn là như vậy, là như vậy với những danh xưng, tôn xưng thắng vượt tam giới. Nay thì tôi thấy rõ, sa-môn Gotama là bậc lợi tuệ, thông tuệ, quán tuệ, ưu việt tuệ, mà thế gian, cả triệu lần sinh diệt của quả địa cầu cũng không có người thứ hai! Tôi vô cùng ngưỡng mộ, và xin được làm kẻ hộ trì cho giáo pháp của đức Tôn Sư!

Kể xong câu chuyện, đức Phật nói:

- Này chư vị! Biển lớn với tám đặc tính ưu việt ấy cũng vẫn là chưa đủ so với giáo pháp của Như Lai, chưa vi diệu bằng giáo pháp của Như Lai.

Tại sao vậy? Ví như tại đại giảng đường Kỳ Viên ngày hôm nay, chẳng khác gì một biển lớn, gồm tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận sự nam, cận sự nữ; đầy đủ cả bốn giai cấp, đầy đủ các vị thánh sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả; đầy đủ những chúng sanh lớn như đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā... các quan đại thần và các đại gia chủ đều cùng nhau nghe pháp, tu học nhưng không lấn bức nhau, ăn hiếp nhau; ai có chức phần, bổn phận, nhiệm vụ nấy. Còn biển lớn kia thì chúng sanh lớn ăn thịt chúng sanh nhỏ, cá lớn nuốt cá bé để nuôi mạng mình. Như thế, giáo pháp của Như Lai vi diệu hơn biển lớn kia nhiều.

Còn nữa, biển lớn kia, những chúng hữu tình thấp thỏi, nhỏ bé thì muôn đời là thân phận thấp thỏi, nhỏ bé, không bao giờ trở thành chúng sanh lớn được. Giáo pháp Như Lai hoàn toàn khác thế! Tại sao vậy? Vì một chúng sanh nhỏ sanh trong giai cấp thấp thỏi, hạ liệt, ví như làm nghề đổ phân, hốt rác, nạo vét ống cống có thể trở thành một thánh nhân, nghĩa là trở thành một chúng sanh lớn! Ví dụ như tỳ-khưu Sunīta xuất thân là một người gánh phân, mấy năm trước, xuất gia ở đây, bây giờ đã trở thành một chúng sanh lớn, một vị thánh. Ví như con một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc, là tỳ-khưu Dasaka, bây giờ

cũng đã là một chúng sanh lớn, một vị thánh. Ví như tỳ-khưu-ni Ambapālī trước đây là một kỹ nữ, bây giờ cũng đã là một chúng sanh lớn, một tỳ-khưu-ni, một vị thánh A-la-hán!

Như thế, giáo pháp của Như Lai vi diệu hơn biển lớn kia quá nhiều!

Còn nữa, những chúng sanh trong biển lớn, chúng sanh ra trong biển lớn, lớn lên trong biển lớn, ăn giết nhau trong biển lớn, già đời trong biển lớn rồi chết đi trong biển lớn. Còn biển lớn của Như Lai hoàn toàn khác thế. Biển lớn Niết-bàn của Như Lai không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sầu bi khổ ưu não...

Còn nữa, biển lớn kia chỉ thuần nhất một vị mặn, một vị vô tri, bên trong chẳng chứa giữ một thuộc tính ưu việt nào. Giáo pháp của Như Lai tuy cũng thuần một vị giải thoát; nhưng có vị giải thoát lại có luôn những năng lực thắng trí, tứ vô ngại giải, tứ vô lượng tâm cùng những khả năng siêu việt khác.

Còn nữa, trong biển lớn, chúng sanh nhỏ là chúng sanh nhỏ, không có chuyện vừa nhỏ vừa lớn. Giáo pháp của chư Phật khác thế. Ví như có người sanh thuộc giai cấp thủ-đà-la, làm nghề chân tay, nặn đồ gốm, là chúng sanh nhỏ, nhưng người ấy thật vô cùng lớn: Giới lớn, tín lớn, tâm lớn, tuệ lớn... ngay chuyện bố thí cúng dường, của cải, tài sản có bao nhiêu, thế mà được đức Phật Kassapa tán thán là bậc đàn tín hộ trì tối thượng, còn hơn cả đức vua Kikī kinh thành Bāraṇasī!

Thuyết đến ngang đây, đức Phật yên lặng. Ai cũng náo nức muốn nghe câu chuyện lạ kỳ. Nôn nóng nhất là số hội chúng đã từng nghe chuyện "Sa-môn trọc đầu" bên bờ sông Aciravatī.

Và người tò mò muốn nghe tiếp theo, chính là đức vua Pāsenadi - vì ông ta tự nghĩ:

"- Người thợ gốm ấy có khả năng tài sản như thế nào mà lại được tán thán là bố thí tối thượng, hơn cả đức vua Kikī cai trị một quốc độ Bārāṇasī hùng cường và giàu mạnh?"

Người Đàn Tín
Hộ Trì Tối Thượng

Đức Phật tiết lộ, kể chuyện:

- Người ấy chính là tiền thân đại phạm thiên Sāhampati, bạn của Như Lai từ thời đức Thế Tôn Kassapa, một người bạn tối thượng, như một viên ngọc tối thượng!

Hôm ấy, đức Thế Tôn Kassapa từ thị trấn Vebhaliṅga tại miền bắc, du hành cùng với đại chúng tỳ-khưu đến xứ Bārāṇasī, ngụ tại Isipatana.

Vua xứ Kāsi, tên là Kikī, nghe vậy, liền cho thắng các cỗ xe mỹ diệu, thù thắng; với nghi vệ của bậc đại vương cao sang đến yết kiến đức Phật.

Nghe xong thời pháp, đức vua xứ Kāsi hoan hỷ, phấn khích, mời thỉnh đức Thế Tôn cùng đại chúng, ngày mai đặt bát cúng dường tại hoàng cung.

Thế rồi, sau buổi cúng dường lớn với thượng phẩm, với mỹ vị, đức vua còn mời thỉnh đức Phật và đại chúng an cư mùa mưa tại Bārāṇasī để ông có cơ hội hộ trì Tam Bảo, tích lũy thêm công đức!

Đức Phật đáp:

- Như Lai và chư tăngi đã nhận lời mời nơi khác rồi, tâu đại vương!

Lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật cũng lặp lại là có người mời thỉnh rồi.

Đức vua Kikī tâm tư sầu muộn, tự nghĩ:"Đức Thế Tôn không nhận lời mời làm cho ta mất an lạc! Chẳng lẽ, trên đời này lại có người đàn tín hộ trì tối thượng hơn ta? Hơn một bậc đại vương giàu sang với quyền uy và danh tiếng lẫy lừng?" Bèn thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chẳng lẽ đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu đã có một đại thí chủ khác, với công đức thù thắng hơn đệ tử, là Kikī, vua xứ Kāsi?

- Không phải vậy! Nhưng xin đừng có sầu não quá thế, đại vương!

Đức vua xứ Kāsi thở dài, cất giọng buồn bã, có vẻ như tủi thân, tủi phận:

- Trước đây, đệ tử tưởng rằng, đệ tử là phú quý đệ nhất, tài sản cung khố đệ nhất, trân châu, ngọc báu cũng đệ nhất, hóa ra không phải vậy. Đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu đã có một đại thí chủ mà cái gì cũng hơn đệ tử cả!

- Không phải vậy, đại vương hiểu lầm rồi! Người ấy đúng là đàn tín hộ trì tối thượng, nhưng y chẳng phải là bậc giàu sang vương giả, phú quý đệ nhất, đệ nhị gì cả!

Đức vua Kikī mở tròn mắt:

- Tại sao?

- Đại vương có muốn nghe không, Như Lai sẽ kể về người đàn tín hộ trì tối thượng ấy?

- Thưa, rất muốn nghe!

Thế là đức Phật Kassapa kể:

- Có một thị trấn tên là Vebhaliṅga, tại đấy có người thợ gốm tên là Ghaṭīkāra, anh ta rất nghèo, sanh thuộc giai cấp thấp kém, sống trong căn nhà cỏ cùng với cha mẹ mù loà...

Đức vua chợt thốt lên:

- Có thể như thế được ư? Người ấy mà là đàn tín hộ trì tối thượng sao?

- Phải! Đức Phật gật đầu - Đấy là vị thí chủ mà Như Lai đã nhận lời an cư trong mùa mưa này!

Có một ý nghĩ chợt khởi sanh lên trong tâm của nhà vua: "Chắc có nguyên nhân thù thắng thế nào đây - để đến nỗi bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác phải lặp đi lặp lại mãi như thế chứ?" Bèn nói:

- Đệ tử đang cung kính lắng nghe đây!

- Thợ gốm Ghaṭīkāra dẫu nghèo nàn, dẫu sanh thuộc hạ cấp nhưng đã quy y Tam Bảo, đã từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của chưa được cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, từ bỏ rượu men, rượu nấu... Này đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, một người như vậy có xứng đáng được gọi là vị đàn tín hộ trì tối thượng chăng?

Đức vua Kikī lắc đầu:

- Chưa! Y có thể là một người cư sĩ tốt, nhưng chưa thể gọi là hộ trì tối thượng được!

Đức Thế Tôn Kassapa vẫn cất giọng đều đều:

- Thời gian sau, thợ gốm Ghaṭīkāra thành tựu lòng tin bất động với Tam Bảo, thành tựu giới luật của bậc thánh; không có một nghi ngờ nào đối với khổ, với khổ tập, với khổ diệt, với con đường đưa đến khổ diệt.

Này đại vương! Thợ gốm Ghaṭīkāra chỉ ăn mỗi ngày một bữa, hành thiện hạnh, sống theo thiện pháp. Ông ta từ bỏ ngọc và vàng, không cầm, không nắm, không giữ, không nhận bạc và vàng. Với trí tuệ, với lòng dục được đoạn trừ, với thánh hạnh thanh tịnh mạng, vị ấy tự nuôi sống mình bằng nghề thợ gốm. Dẫu làm nghề gốm, rất cần đất sét tốt, thế nhưng Ghaṭīkāra không tự tay cuốc và đào; ông ta lấy đất từ những bờ đê sạt lở, lấy đất những nơi do chuột và cáo đào hang vung vãi ra - rồi nặn lên những chum, vại, chén, bát cùng những vật gia dụng khác.

Này đại vương! Đại vương nghĩ thế nào, một nam cư sĩ thánh hạnh như vậy có xứng đáng để được gọi là người đàn tín hộ trì tối thượng chăng?

Đức vua Kikī giờ mới gật đầu, nhưng tán thán theo cách của mình:

- Ôi! Quả là tốt! Quả là hạnh khó làm!

- Còn nữa, này đại vương! Thợ gốm Ghaṭīkāra với những sản phẩm làm ra, được nắn, nung thiện xảo, có hoa tay, có giá trị mỹ thuật nhưng ông ta không đổi bằng vàng và bạc, không đổi bằng tiền giấy, tiền kẽm, tiền đồng, tiền xu! Khi có người đến mua, vị ấy nói: "Này thiện hữu, này bà con kính mến! Hãy lấy đi bất kỳ vật dụng nào mà mình muốn, mình thích và sử dụng được rồi bỏ vào đây một ít thôi, cái gì mà quý vị sẵn có: Ví như vài nhúm hạt gạo có vỏ và không vỏ, một vài nhúm các hạt đậu, ít củ khoai, củ sắn, củ nâu, củ chuối... hoặc muối, hoặc vừng, hoặc thứ gì quý vị ăn được thì tôi ăn được. Chớ có mua. Đừng có mua và bán!" Này đại vương! bằng cách ấy, thợ gốm Ghaṭīkāra sinh sống không có ác mạng, không có tà mạng, không những nuôi được mình mà còn phụng dưỡng cha mẹ mù lòa rất là chu đáo, rất là hiếu hạnh. Người như thế có xứng đáng là bậc hộ trì tối thượng chăng?

- Ôi! Quả là chí thiện! Bạch đức Tôn Sư!

- Còn nữa, thợ gốm Ghaṭīkāra đã dập tắt năm hạ phần kiết sử[1], tâm và trí đã là vị thánh Bất Lai, trên đời này! Thế có xứng đáng với danh gọi là bậc đàn tín hộ trì tối thượng chăng, hả đại vương?

Đức vua Kikī chợt phủ phục xuống đất:

- Đệ tử, Kikī, vua nước Kāsi xin thành kính đê đầu đảnh lễ bậc đàn tín hộ trì tối thượng ấy!

Đức Phật Kassapa kể tiếp:

---

[1] Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

- Này đại vương! Một thời, ở thị trấn Vebhalinga, với đại y vắt vai, với bình bát cầm tay, Như Lai đến căn nhà cỏ của thợ gốm Ghaṭīkāra rồi hỏi vọng vào:

"- Người thợ gốm có nhà không?"

Cha mẹ mù loà của y hỏi lại:

"- Ai hỏi con trai của tôi thế?"

"- Thế Tôn đây! Ông Phật Kassapa hỏi đấy!"

"- Bạch đức Thế Tôn! Con trai con đã đi vắng, nhưng y có dặn lại rằng: Nếu Thế Tôn Kassapa, bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có đến thì xin ngài hãy tự ý, tùy nghi lấy cháo ở trong nồi, lấy thức ăn ở trong chảo mà dùng!"

Rồi này, đại vương! Như Lai đã tự mình đi vào bếp, lấy cháo và thức ăn vừa đủ dùng, ngồi xuống đất, thọ thực ngay tại chỗ rồi mới trở về liêu thất.

Thợ gốm về nhà, thấy khuyết phần cháo và thức ăn, nói với cha mẹ mù loà:

"- Sao cha mẹ ăn ít quá vậy? Con nấu ăn không vừa miệng cha mẹ hay sao?

"- Không phải vậy đâu con! Thật là hạnh phúc làm sao khi đức Thế Tôn đã tự ý vào bếp, lấy thức ăn rồi ngồi xuống đất, thọ thực ngay tại chỗ!"

Thợ gốm Ghaṭīkāra sung sướng quá, hỷ lạc phát sanh trong tâm ông suốt nửa tháng; và cha mẹ mù loà của ông thì hỷ lạc phát sanh trọn bảy ngày...

Đức vua Kikī lại chấp tay giữa hư không, cảm thán thốt lên:

- Quả thật là vi diệu! Vi diệu thay là hành trạng của người thợ gốm này!

- Lại nữa, này đại vương! Như Lai an cư mùa mưa năm đó tại thị trấn Vebhaliṇga, bấy giờ cái cốc đột ngột bị mưa dột. Như Lai nói với các vị tỳ-khưu gần cạnh:

"- Hãy đến nhà thợ gốm Ghaṭīkāra, trông xem đâu đó có cỏ, có lá, có tranh không!"

Một hồi lâu, chúng đi về và thưa rằng "có"!

"- Vậy thì đi lấy về đây, lợp lại cái cốc của Như Lai đã bị mưa dột!"

Thế rồi, các vị tỳ-khưu đến nhà người thợ gốm, chẳng thưa chẳng hỏi, chẳng nói lý do gì cả - đã tự ý leo lên mái nhà, và gỡ tranh của người ta!

Cha mẹ mù loà của người thợ gốm, nghe sột soạt trên mái, hỏi vọng lên:

"- Ai đó? Ai làm gì trên mái nhà của tôi?"

"- Chúng tôi đến gỡ tranh!"

"- Quý vị là ai mà tùy tiện quá vậy? Nhà chúng tôi đang ở mà!"

"- Thưa đại huynh, đại tỷ! Chúng tôi là tỳ-khưu! Cái cốc của đức Thế Tôn bị mưa dột!"

Cha mẹ người thợ gốm nghe vậy, mau mắn nói:

"- Vậy thì hãy lấy đi, chư tôn giả! Hãy lấy hết đi, chư tôn giả! Chúng tôi thì không sao, nhưng đức Thế Tôn thì không thể ở chỗ ướt dột được!"

Người thợ gốm về nhà, nhìn lên, thấy tranh mất nhiều mảng, nhiều tấm, hỏi lý do, cha mẹ ông trình bày lại tự sự. Thế là hoan hỷ quá, cũng như lần trước, hỷ lạc trong ông phát sanh đến nửa tháng. Còn cha mẹ ông thì hỷ lạc phát sanh trọn cả bảy ngày!

Đức Phật Kassapa kết luận:

- Đấy là câu chuyện về người đàn tín hộ trì tối thượng của Như Lai. Ghaṭīkāra rất nghèo lại sanh thuộc hạ cấp. Như Lai đã nhận lời an cư mùa mưa do ông ta hộ độ. Thật tình mà nói, ông ta đâu có thượng phẩm, mỹ vị mà dâng cúng như đại vương; chỉ có sắn khoai rau củ gì đó thôi - làm sao dám sánh với đại vương được!

Đức vua Kikī hân hoan phát sanh, hỷ lạc phát sanh, bừng bừng cả từng chân tơ kẽ tóc - thốt lên:

- Không! Trăm phần, ngàn phần công đức của đệ tử dẫu cho thượng vị loại cứng, loại mềm, cúng dường một hai năm, cho đến cả trăm năm cũng không thể bằng một phần của người thợ gốm Ghaṭīkāra, người đàn tín hộ trì tối thượng ấy!

Thế rồi, ngay ngày hôm sau, đức vua cho quân binh vận chuyển vật liệu làm nhà, năm trăm xe gạo có vỏ và không vỏ, năm trăm xe thực phẩm khô và đồ gia dụng các loại, tức tốc lên miền bắc, đến tại thị trấn Vebhaliṅga tìm đến nhà người thợ gốm. Họ chẳng nói lý do, tự động làm lại một tòa nhà chắc bền với những loại gỗ tốt, sàn tường đều được lát gỗ quý và gỗ thơm. Họ cũng tự động làm các công trình phụ, các kho lẫm...

Sau đó một vị văn quan đại thần đã được sự chỉ dạy của đức vua, khôn khéo nói rằng:

- Này tôn giả! Này bậc hiền trí! Hãy sử dụng căn nhà mộc mạc nầy! Hãy thọ nạp cả một ngàn xe lương thực và thực phẩm nầy. Hãy làm tất cả các thiện sự! Hãy làm các công đức tùy thích. Hãy hộ độ, cúng dường đức Thế Tôn Kassapa và đại chúng tỳ-khưu! Tất cả đây chỉ là chút tấm lòng thành của đức vua Kikī, nước Kāsi tại Bārāṇasī; nó thật không đáng kể gì, so với công đức vô lượng của tôn giả, những công đức chí thiện, trắng bạch như vỏ ốc!

Thợ gốm Ghaṭīkāra là bậc có thắng trí, biết tất cả mọi việc xẩy ra nên cũng không khách sáo gì, hoan hỷ thọ nhận; và nói một lời cũng mang rất nhiều ý nghĩa:

- Cầu nguyện cho đức vua chí tôn thấy rõ pháp, thâm đạt pháp - rồi chúng ta sẽ cùng nhau tao ngộ nơi cõi Vô Sanh Bất Tử!

Đức Phật kết luận:

- Thợ gốm Ghaṭīkāra cuối đời, mệnh chung nhưng ông không an nghỉ ở tịnh cư thiên, mà nguyện sanh ở phạm thiên

giới, làm người hộ pháp cho giáo pháp đức Thế Tôn Sākya Gotama, một người bạn cũ!

Như vậy, giáo pháp của Như Lai, nói chung là của chư Chánh Đẳng Giác đều giống nhau, trong đó, có chúng sanh nhỏ, căn trí sâu dày, tu tập công hạnh thành bậc thánh nhân, đến nỗi, chúng sanh lớn như đức vua Kikī kia, dẫu phú quý, cao sang hiển hách cũng phải tán thán, tôn xưng, đảnh lễ, cúng dường người thợ gốm giai cấp thấp thỏi. Ôi! Tính chất vi diệu ấy thì biển thế gian làm thế nào so bì được!

Thời pháp hôm ấy của đức Phật có ba điều lợi lạc vi diệu sau đây:

Thứ nhất, đức vua, hoàng hậu, các quan đại thần, đại gia chủ, đại danh gia... đã chuyển hướng cách nhìn, không dám tự phụ mình là người có quyền uy hoặc giàu sang nữa; không dám coi khinh các giai cấp thấp kém và những người có ít của cải, tài sản.

Thứ hai, hội chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni được mở sáng mắt, biết kính trọng phải lẽ những cư sĩ tuy nghèo nhưng có đời sống thánh hạnh, thanh tịnh mạng, hộ trì Tam Bảo bằng tín, giới, tâm và tuệ của mình. Họ còn học được bài học, sẵn sàng từ chối đức vua dù thượng phẩm, mỹ vị mà nhận lời người cư sĩ nghèo với sắn, khoai, rau củ!

Thứ ba, các giai cấp thấp kém không còn mặc cảm tự ti về dòng dõi hay tài sản mà cảm thấy mình bình đẳng trong giáo pháp coi trọng các giá trị tinh thần hơn cái vinh hoa và hào nhoáng của thế giới vật chất.

Một làn gió mát mẻ, trong lành của giáo pháp đang rì rào thổi qua nhân sinh và xã hội, nhất là kinh thành Sāvatthi!

Một Doanh Gia Thành Đạt

Do nhu cầu nghe pháp, tại Kỳ Viên, đức Phật phải thuyết thêm hai thời pháp nữa, riêng cho hai hàng cận sự nam nữ. Nhân dịp này, đức Phật khuyến khích mọi người nên thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng hai ngày, bốn ngày hay sáu ngày.

Cuối thời pháp, có một người thanh niên, tướng người cao lớn, phương phi, ăn mặc có vẻ thương gia - xin được sống đời xuất gia.

Đức Phật biết rõ nhân, biết rõ duyên, biết rõ người ấy là ai, nhưng ngài cũng hỏi:

- Dòng dõi, xuất thân, sở học, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của ông như thế nào? Và nguyên nhân bởi đâu mà ông lại lựa chọn đời sống xuất gia không cửa, không nhà?

Người thanh niên kể:

- Con sinh ra trong một gia đình vệ-xá (thương gia, các công nghệ) tổ tiên, dòng dõi làm ăn buôn bán nhiều đời. Do gia đình khá giả, con được học hành tương đối vững chắc từ thuở ấu thơ. Lớn lên, con kế nghiệp thân phụ đi buôn bán đường xa. Các quốc độ ven hai bờ sông Gaṅgā, sa mạc miền Tây Bắc cho chí các bờ biển phương Đông, phương Nam chẳng có đâu mà không có vết chân của con. Làm giàu là

châm ngôn của tổ tiên, dòng họ; con trai vệ-xá là phải biết chịu thương, chịu khó, chấp nhận mọi gian khổ; không tạo ra được sản nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt, bằng bàn tay và khối óc của mình thì không xứng đáng là con trai dòng dõi thương nhân. Và suốt mười năm qua, con đã không hổ thẹn mang dòng máu của tổ tiên.

Bạch đức Thế Tôn! Biết bao nhiêu lần bị sự thúc hối của cha mẹ, nhưng con không muốn lập gia đình. Con biết rõ giới cấp của con. Họ là những người có nghị lực và ý chí. Bạc tiền đối với họ là mục đích tối thượng trên cuộc đời. Sau những chuyến hàng đường trường gian khổ, đôi khi thiếu củi, thiếu nước, thiếu lương thực! Đôi khi bị bọn cướp, thổ phỉ hoặc các sắc tộc săn đầu người trang bị vũ khí tấn công. Chết là chuyện thường, sạt nghiệp cũng chuyện thường mà bỏ mạng dọc đường cũng là chuyện thường! Phải nói là họ đánh đổi mạng sống để kiếm tiền. Hàng mua một họ bán mười, có món lời gấp trăm! Do vậy, họ ăn chơi, hưởng thụ đôi khi còn hơn cả con vua, cháu chúa! Gian khổ, kiếm tiền và hưởng thụ - nó là một vòng tròn loanh quanh luẩn quẩn không bao giờ thoát ra, không bao giờ có thể thoát ra. Con và họ có đời sống tương tợ nhau. Chỉ có điều con khác họ là con có suy tư, có đăm chiêu, có chiêm nghiệm; đôi khi còn tự vấn, tự đáp lặng lẽ trong lòng mình. Còn họ thì không. Họ thỏa mãn, sung sướng, tự hào và hãnh diện. Con khác họ điều thứ hai nữa là khi bán lấy lời quá nhiều là con cảm thấy áy náy, khó chịu vô cùng. Ôi! Cái tiền bạc này nó có cái gì như dơ bẩn, như ma quỷ chứ không trong sạch, tốt đẹp chút nào. Cuối cùng, là sau mỗi cuộc hưởng thụ, ăn chơi phù phiếm ấy, con đều cảm thấy chán nản, ghê tởm. Chán nản, ghê tởm cái bề trái của cuộc đời, và chán nản, ghê tởm cả với con thú ở ẩn trong lòng mình nữa!

Bạch đức Thế Tôn! Cha mẹ con là đại phú gia, họ có hạnh phúc đâu? Cha con năm thê, bảy thiếp. Các bà vợ luôn

luôn gấu ó, cắn xé nhau. Những người con trai con gái luôn luôn dòm ngó của cải, tài sản. Sự chân tình và sự thương yêu thật sự không có mặt! Các gia đình bạn hữu phú gia của con cũng tương tợ thế: Là tan hoang, trần trụi một đời sống vật chất, bản năng! Nếu ai có tín ngưỡng thì tin bậy, tin bạ vào trăm cái ông thần quỷ quái chỉ ưa hiến tế đồng nam, đồng nữ, đầu và máu súc vật vô tội! Không nơi đâu có được chút bình an và bình lặng tâm hồn. Cứ mỗi một năm, đôi khi hai năm, về nhà, thấy tình cảnh ấy, con lại ra đi! Và ra đi, lại gian khổ, lại kiếm tiền, lại hưởng thụ, rồi con lại bị rơi vào cái vòng xích bế tắc cũ, không có lối thoát!

Bạch đức Thế Tôn! Con nghe danh đức Thế Tôn đã lâu qua các dặm trình xuôi ngược. Con đã nghe thoảng giáo pháp giác ngộ giải thoát của ngài. Con đã từng thấy bóng dáng của những vị sa-môn áo vàng, chỗ này và chỗ kia trên nhiều quốc độ. Con chưa rõ họ tu tập ra sao, nhưng đập vào mắt con là ai tóc râu cũng sạch sẽ, ai y áo dù cũ rách hay nhiều tấm vá nhưng trông đều tươm tất. Không ai có vẻ lập dị hoặc đóng bộ ta đây là người tu hành! Cái ấn tượng nhất là rất nhiều vị trưởng lão, rất già, nhưng đi đứng khoan thai, tự tại, trong lòng dường như không vướng bận điều gì, không dính mắc điều gì! Nhìn họ, con cảm giác rất quen thuộc, dường như đời sống này con đã từng sống qua!

Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm nay, mấy trăm xe hàng của con và bạn hữu đang từ sa mạc tây bắc đi xuống, đang dừng chân tại kinh đô này. Thấy mỗi chiều chiều, rất đông đồng bào các giới mang hương hoa, dầu đèn, lễ phẩm tấp nập đổ về Kỳ Viên. Con đã đoán là đức Thế Tôn có lẽ đang thuyết giáo ở đó. Trong lúc bạn hữu đang tìm nơi du hí thì con theo họ đến đây. Con đã nghe được ba thời pháp. Thời pháp nào cũng thấm thía. Thời pháp nào con cũng hoan hỷ. Thời pháp nào cũng dường như đưa con hướng đến một đời sống tinh thần cao đẹp. Và con biết chắc, tin chắc là con

đã lựa chọn đúng đắn - khi con muốn sống đời xuất gia phạm hạnh, bạch đức Thế Tôn!

Trình bày tóm tắt nhưng khá đầy đủ, khúc chiết về nhân và quả, trí và tâm, về cuộc đời của mình, thanh niên thương gia phủ phục xuống với năm vóc sát đất rất mực cung kính.

Đức Phật nói:

- Này Puṇṇa[1]! Trong quá khứ, ông đã có một nhân duyên rất tốt đấy! Nhờ nhân duyên ấy ông mới có được những nhận thức như thực về bản chất của đời sống, và rồi nó đưa ông đến đây!

Rồi đức Phật kể:

- Mới cách đây thôi, sau khi giáo pháp đức Phật Kassapa tiêu hoại, ông sinh ra trong một gia đình trưởng giả bà-la-môn, thụ hưởng một đời sống ngũ dục rất sung mãn. Thời gian sau, ông chán chê, ghê tởm ngũ dục nên đã từ bỏ tất cả, nên non cao, dựng một am thất sống đời xuất gia đạo sĩ. Tại sườn núi bên cạnh có một vị Độc Giác Phật đang tĩnh cư. Hôm ngài nhập diệt, ánh sáng tỏa khắp một vùng do vị ấy trú quang định trước khi chấm dứt hơi thở. Thấy ánh sáng diệu kỳ, ông tìm đến, thấy một đạo sĩ già ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Khởi tâm kính mộ, ông đã chịu khó lặn lội khắp cả khu rừng, tìm lấy tất cả mọi loại gỗ thơm rồi hỏa táng nhục thân của Phật Độc Giác. Nhờ phước báu ấy, mà cũng nhờ nhân duyên ấy, ông tái sanh, hóa sanh nhiều kiếp trời và người. Kiếp này, ông lại được sinh ra trong một gia đình cự phú, tại xứ Sunāparanta, nơi một bến cảng sầm uất, tên là Suppāraka, có phải vậy không, Puṇṇa?

---

[1] Puṇṇa này quê ở tận Pagan - Myanmar bây giờ - khác với Puṇṇa cháu của tôn giả Koṇḍañña, con của bà Mantānī nên có tên là Puṇṇa-Mantānīputta ở tại Kapilavatthu - vị này (vị sau) đã đắc quả A-la-hán vào hạ thứ hai của đức Phật, nổi danh đệ nhất thuyết pháp.

Đức Phật vừa mới hé mở một chút quá khứ đã làm cho tâm tịnh tín của chàng thanh niên Puṇṇa càng thêm được củng cố, tăng trưởng.

Đức Hạnh Nhẫn Nhục
Của Tỳ-Khưu Puṇṇa
(Phú-Lâu-Na)

Sau khi cho chàng xuất gia xong, đức Phật dành thì giờ khá lâu giảng cho Puṇṇa nghe về giáo pháp căn bản, đời sống sa-môn, thiền định và thiền quán rồi nói rằng:

- Ông là người có căn trí, Như Lai trang bị cho ông như vậy là vừa đủ. Vậy từ nay, ông có thể tự mình với tam y, nhất bát lên đường được không, Puṇṇa?

- Có thể được, bạch đức Tôn Sư!

- Nếu Như Lai để cho ông tự lựa chọn trú xứ - thì ông có thể đi đâu, Puṇṇa?

- Đệ tử có thể trở lại quê nhà tại xứ Sunāparanta!

- Như Lai biết rõ rằng, dân chúng xứ Sunāparanta đa phần sống theo những giáo phái cuồng tín, bản chất họ còn rất hoang dã. Thô ác, hung bạo, dữ tợn là tâm tánh của họ. Vậy nếu họ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc ông thì ông phải làm sao? Có chịu đựng nổi không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có trường hợp họ đối xử với đệ tử như thế, đệ tử vẫn tâm niệm họ là người tốt. Tại sao vậy? Thưa, vì họ mới chỉ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc đệ

tử bằng lời nói chớ họ chưa đánh đập đệ tử bằng tay hay bằng chân!

- Thế nếu họ đánh đá ông bằng tay, bằng chân - thì ông làm sao?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ vẫn chưa dùng đá, gạch, sỏi để quăng ném đệ tử!

- Vậy giả dụ họ sử dụng đá, gạch, sỏi quăng ném ông thì sao hả?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ như thường, vì họ chưa sử dụng đùi gậy.

- Vậy nếu, không những họ dùng đùi gậy đánh đập ông, mà còn cả dao bén và kiếm sắc đâm chém ông nữa thì ông phải làm sao?

Đến đậy, chợt tỳ-khưu Puṇṇa mỉm cười, biểu lộ sự tự tin vô hạn:

- Bạch đức Thế Tôn! Cho dẫu mà như thế chăng nữa thì đệ tử vẫn sẵn có đủ áo giáp của tâm nhẫn và tâm từ để chịu đựng và thương yêu họ, vì họ dù đâm dù chém nhưng vẫn chưa giết hại đệ tử!

- Vậy nếu họ giết ông thì sao?

- Thì đệ tử vẫn cảm ơn họ, vì họ đã xả bỏ giùm cái thân giả hợp, bất tịnh này!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, Puṇṇa! Lành thay, Puṇṇa! Với tâm niệm ấy, với hành trang nhẫn và từ ấy, ông có thể vô ngại đến sống ở xứ Sunāparanta. Và rồi ông sẽ nhiếp phục, cảm hóa được người dân bản chất thô ác và hung bạo ấy. Như Lai chúc lành cho ông!

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Sớm mai, ông sẽ tự mình bộ hành, trở về quê quán mà hành đạo. Lúc nào gặp khó khăn quá, cứ khởi tâm tưởng nghĩ đến thì tức khắc, Như Lai hoặc hai đệ tử ưu tú của Như Lai sẽ có mặt ngay ở bên cạnh.

Hôm sau, khi vị tân tỳ-khưu Puṇṇa lên đường rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử, có cả Ānanda bên cạnh nữa:

- Sau này, tại bến cảng Suppāraka[1] ấy, chỉ một mình Puṇṇa là đủ sức giáo hóa chúng ngoại đạo; bên cạnh ông ta sẽ có năm trăm cận sự nam và năm trăm cận sự nữ rất có tâm tín đạo, nhiệt tình, hộ pháp rất đắc lực.

[1] Tên một giang cảng của nước Sunāparanta (hoặc Aparanta). Theo tự điển Pāḷi Proper Names thì ngày nay là nước Miến Điện, nằm bên phải con sông Irrawaddy, gần Pagan. Từ Suppāra (Suppāraka) đến Sāvatthi xa 120 leagues (01 leagues bằng 03 dặm Anh, tức 4,8 km; vậy 120 leagues là 570 km). Đây cũng là địa giới gần Suvaṇṇabhūmi (kim địa). Đức Phật đã có một lần du hành đến đây với 499 vị tỳ-khưu A-la-hán.

Một Nghệ Sĩ Kỳ Lạ

Trong lúc hai vị đại đệ tử và các bậc trưởng lão thu xếp, sắp đặt công việc để làm một cuộc du hành về phương nam thì đức Phật ôm bát đến tư gia vợ chồng trưởng giả Assalāyana và Candavatī. Cả hai người đều là những cận sự tín đạo, thuần thành.

Biết tuổi thọ cả hai người sắp mãn, cần phải có chỗ trú tâm vững chắc nên đức Phật chỉ giảng sơ lược về các pháp thanh tịnh và cách thức trú tâm vào các pháp thanh tịnh ấy.

Đặc biệt, đức Phật chỉ nói đến giới và tâm. Giới thanh tịnh từ lâu được hiểu là thân và khẩu thanh tịnh. Tuy nhiên, đối với người cận sự nam, cận sự nữ thì chỉ cần không nói lời xấu ác, không hành động xấu ác là đủ gọi là giới thanh tịnh rồi. Về tâm, cũng tương tợ như thế, chỉ cần không suy nghĩ những điều xấu ác, không hận, không sân đã là tâm thanh tịnh rồi.

Bên cạnh, lúc ấy, có thanh niên Mahākoṭṭhita, là con trai lớn của hai ông bà, đang đứng quạt hầu đột ngột chấp tay thưa hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Giáo pháp của ngài sao mà giản dị và dễ hiểu đến thế? Lại còn đi trực tiếp ngay vào sự hành trì, cụ thể và thiết thực nữa.

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra ông đã từng nghe ở đâu về giới thanh tịnh và tâm thanh tịnh này rồi?

- Thưa vâng! Các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà, các thanh tịnh này đều rơi vào khổ hạnh cực đoan. Ví dụ như tịnh khẩu, treo thân lên, nhịn ăn ép xác, nằm bàn chông, nằm trên đất! Nói tóm lại là làm cho cái thân khô kiệt đi thì thân khẩu mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì phải ghép mình vào cúng tế, cầu nguyện, đọc thần chú hoặc luyện yoga...

- Vậy thì ông thấy có sự khác biệt nào giữa họ và Như Lai hay sao?

- Thưa, thân khẩu ý (tâm) là một vận hành tương quan, tương tác. Từ ý nghĩ khởi sanh rồi làm việc, sinh hoạt, ăn uống, đi đứng ngồi nằm; và nếu nó được giác tỉnh thì ta dễ thấy rõ cái gì là xấu ác, cái gì là lành tốt. Từ chỗ này mà hành trì, tu tập như lời dạy vừa rồi của đức Thế Tôn thì giản dị, dễ hiểu và giá trị thiết thực vô cùng. Chính con tâm đắc ở chỗ này!

Đức Phật mở lời khen ngợi:

- Như Lai mới giảng giải sơ lược giới, tâm thanh tịnh cho người tại gia, ông mới nghe qua mà đã lần được vào giới, tâm thanh tịnh của bậc xuất gia rồi đấy, này Mahākoṭṭhita!

- Con không dám!

Chợt nhiên, đức Phật hỏi:

- Sở học của ông như thế nào, này Mahākoṭṭhita?

- Con được cha mẹ cho các thầy bà-la-môn rèn cặp từ năm sáu tuổi. Đến năm mười tám tuổi thì con đã nghiên cứu hết mọi tư tưởng của các giáo phái trong và ngoài truyền thống Vệ-đà; nhưng không biết tại sao, tâm trí con không dính ở đó. Con có điều đặc biệt hơn mọi người, bạch đức Thế Tôn!

- Hãy kể cho Như Lai nghe những cái đặc biệt ấy với nào?

- Cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của con đều rất tinh tế và nhạy cảm.

- Ví dụ?

- Thưa, thấy một chiếc lá rơi, con cũng xúc động! Thế là con ngồi con quan sát, chăm chú xem thử chiếc lá ấy nó có màu sắc như thế nào, khô vàng như thế nào rồi rơi rụng như thế nào. Lắng nghe cho kỹ, khi chiếc lá rơi, nó có âm thanh, nó có ngôn ngữ, có tiếng nói riêng của nó! Con nghe được, bạch đức Thế Tôn!

- Nó nói như thế nào, này Mahākoṭṭhika?

- Thưa, nó ngậm ngùi, nó thở dài, nó tiếc rẻ cả một đời xuân xanh! Con thương nó quá!

- Đúng vậy, nó cũng bị sanh, bị tử vậy.

- Vâng! Còn nữa, khi nghe một tiếng chim! Ồ, không đơn thuần chỉ là tiếng chim đâu. Không biết bao nhiêu là cung bậc, bao nhiêu là tiết tấu, bao nhiêu là tâm sự, nỗi lòng, bao nhiêu là tình cảm buồn vui xen trộn phức tạp! Rồi còn hằng trăm giọng chim khác nhau nữa! Là cả một thế giới bất khả tri lượng.

Con đã sử dụng hằng chục loại đàn, nhưng sau đó, rất mau chóng con cảm nhận sâu sắc và bi thảm rằng, các nhạc cụ của thế gian thảy đều bất lực.

Rồi còn âm thanh của gió, của suối, của sóng, của dế giun, của ếch nhái, của mưa rơi, của giông bão... lại càng bất lực hơn nữa. Ngay như tiếng gió đi qua rừng trúc, rừng thông, qua núi đá, qua sa mạc, qua núi lửa, qua thôn làng, qua phố thị, qua biển rộng, sông dài, qua những đền đài, phế tích lịch sử... thì nó đã có những ngôn ngữ hoàn toàn khác nhau rồi...

Đức Phật mỉm cười:

- Thuở còn là thái tử ở trong Cung Vui, Như Lai cũng biết sử dụng tất cả các loại nhạc cụ, sau đó, Như Lai thường hay thổi tiêu, nó cũng chuyên chở được chút ít nỗi lòng thuở ấy. Sau đó, Như Lai cũng mau chóng cảm giác là chúng bất lực như ông cũng đã từng có cảm giác bất lực đấy, này Mahākoṭṭhita!

- Thật là thú vị!

- Ừ, thật thú vị! Còn tiếng gió nữa! Cái ngôn ngữ của gió thì Như Lai cũng đã từng nghe, từ đêm này sang đêm khác...

Thanh niên Mahākoṭṭhita cảm giác như gặp người tri âm, tri kỷ, thốt lên:

- Hóa ra đức Thế Tôn là một đại nghệ sĩ! Có phải đức Thế Tôn từng nghe tiếng gió lúc thì nó cuồng nộ, lúc thì nó bình hòa, lúc thì nó thanh thản, lúc thì nó thật là thê lương, thật là hư vô... có phải thế chăng?

- Ừ. Đúng vậy!

Im một lát, chàng thanh niên nói tiếp:

- Trăng sao con cũng cảm xúc, sương mù con cũng cảm xúc, một đỉnh núi đá trơ vơ con cũng cảm xúc, một phế tích, một đền đài cổ kính rêu phong... con cũng cảm xúc và rung động.

Nói tóm lại, là mắt tai mũi lưỡi thân ý của con cảm nhận ngoại giới không chỉ ở bình diện bên ngoài, nó lặn sâu vào trong. Do vậy, không những con là một nhạc sĩ, mà con còn làm thơ, hoạ sĩ, cả làm thầy khắc chạm nữa! Con chỉ muốn lưu giữ thực tại trong từng khoảnh khắc! Con muốn lưu giữ thực tại như nó đang là! Nhưng mà bất lực! Mọi thiên tài nghệ sĩ đều bất lực!

Ôi! Con yêu tất thảy vẻ đẹp của đất trời, đồng thời con cũng yêu cả nguyên động lực hủy diệt cái vẻ đẹp ấy. Tại sao vậy? Vì hủy diệt sau đó lại sanh hóa, hay nó chính là năng

lực của sự sanh hóa? Ở chỗ này, đôi khi nó làm cho con bối rối và bất an, bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy! Điều mà ông bối rối và bất an - chính là điều mà Như Lai đã từng bối rối và bất an!

Nhưng mà này, Mahākoṭṭhita! Chính do năng lực sinh thành và hủy diệt ấy của vạn hữu nên mới có được những tâm sự như trên... khiến cho các nhà nghệ sĩ tạo nên thơ, nhạc, hội hoạ, điêu khắc ... Họ muốn chụp bắt vĩnh cửu, mô tả thực tại hoặc tái hiện nỗi lòng, này chàng trai! Và vì bất lực nên biết bao nhiêu thiên tài nghệ sĩ đã đau khổ, đã thống khổ... sống đời lập dị, bị tâm thần hoặc si cuồng, điên loạn.

Sự ngây thơ và ấu trĩ trong nhận thức ấy đẩy họ đi đến thế giới hư tưởng, vọng tưởng, hoang tưởng... lúc nào không hay! Đây mới chính là vực thẳm hoặc hư vô thật sự đấy, này chàng trai! Sự sinh thành và huỷ diệt ấy là cái tất định của vạn hữu mà! Vì nếu không có những luật tắc thiên nhiên và tự nhiên ấy thì một hạt bụi, một mầm xanh trên thế gian này cũng không tồn tại!

Tại sao, không một ai trong số họ, hiện quán, hãy ngắm nhìn vào bên trong, để thấy rằng, bên trong ấy cũng có sinh thành và hoại diệt. Một tâm niệm cũng được tham lam, sân hận, si mê chúng tạo tác, sinh thành và hoại diệt? Rồi chúng sinh ra sầu bi khổ ưu não!

Giáo pháp của Như Lai được thiết lập ngay tại chỗ này, và đó mới chính là nhận thức về khổ đế một cách thông minh, trưởng thành, có chiều sâu, như chân như thực, này chàng trai!

Thanh niên Mahākoṭṭhita rúng động cả châu thân. Trầm ngâm một hồi, chàng lại hỏi:

- Vậy thì cái sinh thành và hủy diệt của ngoại giới... tạo nên bi, khổ... là ảo tưởng, là māyā à, thưa Tôn Sư?

- Điều ấy, chính ông phải tự vắt tay lên trán mà chiêm nghiệm lấy, này chàng trai!

Đức Phật mỉm cười, không trả lời gì nữa cho chàng trai, dầu được hỏi.

Về lại Kỳ Viên, đức Phật kể chuyện ấy rồi nói với hai vị đại đệ tử:

- Mahākoṭṭhita, con trai của ông bà trưởng giả Assalāyana và Candavatī sẽ tìm đến đây xuất gia trong vài ngày tới. Sāriputta có duyên làm thầy tế độ. Moggallāna có duyên giáo huấn, dạy dỗ. Vậy hai ông ở lại đây ba bốn hôm nữa. Như Lai, và đại chúng sẽ lên đường trước. Sau đó, hoặc muốn ở tại đây hoặc muốn đi đến Rājagaha, Vesāli hay Kapilavatthu... thì hai ông cứ tùy nghi công việc.

Đúng như đức Phật dạy, hai hôm sau, chàng trai nghệ sĩ kỳ lạ ấy đến Kỳ Viên; và cuộc lễ xuất gia đã diễn ra sau đó.

Có điều hy hữu được nói lên, là khi đang cạo tóc, Mahākoṭṭhika đoạn lìa tất thảy mọi tà kiến, chánh kiến phát sanh. Và sau khi vừa mặc y xong, ông đắc quả A-la-hán, được luôn cả tứ vô ngại giải.

Hai vị tôn giả biết là vị tân tỳ-khưu này, về sau, sẽ trở thành một pháp khí đặc biệt. Ông ta sẽ có ngữ, nghĩa, pháp, biện đều vô ngại nhưng lại có duyên với giới nghệ sĩ, sẽ sử dụng ngôn ngữ của giới nghệ sĩ để cứu độ họ, dẫn dắt họ vào miền nghệ thuật tối thượng là sự im lặng và bình an vĩnh cửu của tâm hồn!

Vị Thánh
Trong Bụng Cá

Đã lâu lắm rồi, tại Bārāṇasī, thiên hạ xôn xao bàn tán một câu chuyện lạ lùng. Nó như sau:

- Có một gia đình trưởng giả tại Kosambī, sinh hạ được một bé trai. Theo tập quán nhân gian, bà vú nuôi mang hài nhi ra sông Mahāyamunā để tắm. Người ta tin tưởng rằng, chỉ cần nhúng vào nước ba lần là đứa bé sau này sẽ mạnh khỏe, không có bệnh tật, ốm đau do đã trình diện với thần sông rồi!

Khi bà vú vừa đặt trẻ xuống nước thì có một con cá to lượn tới nuốt đứa bé rồi lặn đi mất.

Không kể chuyện khóc than, thương tiếc của gia đình trưởng giả, chỉ nói chuyện về con cá. Chẳng rõ lộ trình xuôi ngược dưới sông của chú cá như thế nào mà sau đó, nó bị dính lưới của một ngư phủ tại phía hạ lưu sông Gaṅgā, tận Bārāṇasī; rồi với bốn người khiêng, họ mang ra chợ bán.

Nhân duyên tiếp theo, tại Bārāṇasi, một gia đình phú hộ kia, do tổ chức một buổi tiệc lớn chừng một trăm người ăn. Thường thì chỉ gia nhân đi chợ; nhưng hôm ấy, bà chủ có cảm giác kỳ lạ xúi giục là chính bà phải đích thân làm việc ấy. Đến chợ, khi thấy con cá, bà nghĩ là phải mua con cá

này. Sau đó, cùng với gia nhân, mua sắm thứ này, thứ kia rồi bà thuê người gánh con cá to lớn ấy về nhà.

Khi đám tớ trai mổ bụng cá ra, phát giác trong bụng cá có một hài nhi còn sống, ngạc nhiên, bà tới xem, thấy là con trai, bà nghĩ thầm, mình không có con nối dõi tông đường, bây giờ, từ trong bụng cá, lại hiện ra một chú bé trai như thế này, không là của thần linh trao tặng cho là gì! Mừng quá, bà bồng trẻ đi tắm rửa cho sạch nhớt, sạch máu còn dính đầy nơi thân thể thì thấy hiện ra một chú bé kháu khỉnh, mủm mỉm. Thôi thì bà hít, bà thơm, bà nựng; và chợt nhiên một tình cảm lạ lùng xâm nhập tâm hồn bà: Tình mẫu tử thiêng liêng!

Ông phú hộ cũng sung sướng không thua gì bà, cho làm cuộc tế lễ lớn để cảm tạ thần linh.

Tin đồn lan ra, mọi người trong xóm phường đổ xô tới nơi xem chuyện lạ về đứa trẻ được sinh ra trong bụng cá!

Trở lại chuyện ông bà trưởng giả tại Kosambī mất con. Sau nhiều tháng ngày tiếc thương, sầu não - vì ông bà cũng không có con trai nối dõi - nhưng hôm kia, ông bà có linh tính là nó chưa chết nên thuê người đi dọc triền sông Mahāyamunā, bờ bên này, bờ bên kia để tìm kiếm xem thử có manh mối gì không, nhưng tìm hoài vẫn không thấy tăm hơi gì.

Bỏ sông nhỏ, họ xuống sông Gaṇgā, và suốt mấy năm tìm kiếm ở thượng lưu, cũng không có tin tức gì. Về phía hạ lưu, lần hồi đến Bārāṇasī; và chính tại đây, họ nghe tin tức về đứa bé. Sau nhiều ngày điều tra, theo dõi nữa, biết chính xác là đứa bé trong bụng cá rồi, tại ngôi nhà của ông phú hộ nên họ về báo lại với chủ.

Thế rồi, với nhiều xe lễ vật trọng hậu, hai ông bà trưởng giả ở Kosambī tìm đến gia đình phú hộ ở Bārāṇasī, xin lại đứa con trai, bây giờ đã sáu, bảy tuổi. Chuyện bất thành, vì gia đình phú hộ không đồng thuận.

Ông bà trưởng giả cũng không chịu để mất con trai, đến phủ đường kinh thành cầu cứu, nhờ quan phân xử. Phủ quan bất lực, nội vụ sau đó được mang đến đức vua. Nhìn đứa bé có tướng mạo hình dong dễ thương, nhìn sang cả hai bên gia đình, thấy ai nấy đều không muốn mất con, đức vua phán:

- Một bên là máu huyết, mang nặng đẻ đau; một bên là cứu đứa bé trong bụng cá, lại có công nuôi dưỡng. Đem lên cán cân tình lý thì hai bên cân bằng, không nghiêng lệch bên nào. Vậy trẫm phán xử, đứa bé là con của cả hai gia đình nên trẫm sẽ đặt tên cho nó là Bakkula (trẻ của hai gia đình). Hãy tuân thủ theo quyết định của trẫm. Bakkula lúc ở bên này, lúc ở bên kia, chia phân cho đồng đều; và sau này, cũng được quyền thừa kế cả hai nơi!

Câu chuyện trên sở dĩ được kể lại, là vì sau khi đức Thế Tôn và đại chúng ghé Bārāṇasī, ngụ tại Isipatana, thuyết pháp cho hai hàng cận sự nam nữ thì có một ông già đã tám mươi tuổi đến xin xuất gia. Ông già này nổi tiếng trong vùng vì nằm trong bụng cá, ai cũng biết, có tên là Bakkula.

Đức Phật hỏi:

- Ông đã quá già, có kham nổi đời sống xuất gia không, này Bakkula?

- Con kham nhẫn được, bạch đức Thế Tôn!

Quán nhân duyên quá khứ, đức Phật mỉm cười, biết là ông ta tu được, không những tu được mà còn đắc quả A-la-hán cùng thắng trí, bèn hỏi tiếp:

- Vậy thì ông đã thu xếp xong xuôi chuyện gia đình chưa, này "Người con trong bụng cá"?

- Rất dễ dàng thôi, bạch đức Tôn Sư! Thuở nhỏ, con thừa kế gia sản cả hai gia đình được tám trăm triệu đồng tiền vàng. Cha mẹ sinh và cha mẹ dưỡng đều đã mất. Số tiền ấy, con sẽ dùng một nửa chia cho con và cháu cả hai gia đình. Một phần con sẽ bố thí cơm áo, thuốc men cho những người nghèo đói trong xứ.

Hiện tại, còn phần cuối cùng, sau khi chia cho con cho cháu hết rồi, cho con được tu sửa, chỉnh trang toàn bộ đại lâm viên này và cúng dường tứ sự bảy ngày đến đức Tôn Sư và đại chúng.

Ông già Bakkula đảnh lễ đức Phật rồi đi lo công chuyện, sau đó, được đức Phật cho thọ đại giới với một vài chỉ dạy vắn tắt về định, về tuệ. Lão tân tỳ-khưu này tiếp thu rất nhanh, lại còn nguyện thọ thêm một số pháp đầu-đà như: Chỉ trì bình khất thực và thọ dụng trong bát; không nhận y hoặc vật thực do thí chủ cúng dường; chỉ ngủ ngồi, không dựa lưng dù chỉ một tấm ván, sống hạnh độc cư không giao tiếp với ai...

Đại chúng lại bàn tán sôi nổi, không hiểu tại sao thuở trước ông nằm trong bụng cá mà lại không chết? Tại sao đã tám mươi tuổi rồi, xin xuất gia mà đức Phật vẫn mỉm cười và cho xuất gia? Hẳn là có nhân, có duyên nhiệm mầu nào?

Để phá tan mối nghi ấy, đức Phật giảng:

- Kiếp cuối cùng của một bậc A-la-hán không có một năng lực gì đoạn hoại sự sống của vị ấy được. Như ngọn đèn trong chiếc ghè, nó leo lét cháy nhưng không một ngọn gió nào, một năng lực nào có thể làm tắt được. Cậu bé Bakkula nằm trong trường hợp ấy. Và ông ta còn có nhân duyên đặc biệt hy hữu khác nữa... để kiếp này, suốt đời không nhức đầu, sổ mũi, không ho hen, cảm mạo, không bệnh tật, ốm đau; và có tuổi thọ vượt quá một trăm năm ước định của đời người!

Thấy ai cũng háo hức muốn nghe, đức Phật kể:

- Từ thời đức Phật Anomadassī, là một bà-la-môn có gia sản lớn, rất giỏi về y dược, nhưng ông ta đã xả bỏ tất cả, lên non sống đời xuất gia đạo sĩ.

Nhờ có thiền chứng và thắng trí, biết được đã có một đức Chánh Đẳng Giác ra đời nên đạo sĩ tìm đến nghe pháp, quy y rồi xin được xuất gia. Nhưng đức Thế Tôn bảo:"Xuất

gia thì ông chưa đủ duyên nhưng ông lại có việc làm khác mà không ai có thể thay thế ông được! ”

Hôm kia, đức Phật Anomadassī bị bệnh đau bụng, đạo sĩ mang thuốc đến cúng dường. Chỉ một liều thuốc nhỏ, đức Phật khỏi bệnh, ngài mới nói: “Một đức Chánh Đẳng Giác ra đời, thường có một vị đại lương y xuất hiện. Và ông chính là người ấy!” Thế rồi, vị đạo sĩ tận tình chăm sóc sức khỏe cho đức Tôn Sư và đại chúng tỳ-khưu!

Với công đức ấy, đạo sĩ sanh lên phạm thiên giới[1], rồi luân phiên cõi người và cõi trời với phước báu sang cả, thù thắng.

Đến đời vị Phật tiếp theo, tức là đức Thế Tôn Padumuttara, vị ấy sinh ra trong một gia đình cự phú tại Hamsavatī. Trong một lần nghe pháp, thấy đức Thế Tôn tán thán biểu dương công hạnh của một vị tỳ-khưu, thù thắng hơn tất thảy vị tỳ-khưu khác do nhờ kiếp trước làm thầy thuốc, cúng dường thuốc men đến đức Phật và đại chúng nên kiếp này được trường thọ, vô bệnh. Rất thỏa thích và hoan hỷ, vị cự phú khởi tâm cúng dường tứ sự, nhất là thuốc men đến đức Phật và chư tăngi trong suốt bảy ngày với lời nguyện:

“- Xin cho vào thời Phật vị lai, tôi sẽ được làm một vị Thanh Văn đệ nhất vô bệnh và được trường thọ y như vị tỳ-khưu ấy!”

Đến đời Phật Vipassī, Phật Kassapa, ông vẫn thực hiện những công hạnh cũ, lại còn làm một người cận sự nam nhiệt tình xây dựng các trú xá, hộ độ Tam Bảo suốt cả cuộc đời.

Bây giờ, đến thời của Như Lai, Bakkula sinh ra tại Kosambī... và câu chuyện như thế nào thì mọi người đều đã nghe thấy.

---

[1] Có lẽ có tu tập định.

Tuy nhiên, đức Phật chưa tiết lộ, là do nhân duyên đặc biệt như vậy, nên Bakkula, sau khi xuất gia, chỉ sống với phàm phu tánh có bảy ngày, rạng ngày thứ tám, lão tăng đắc quả A-la-hán. Và sau này, ông ta sẽ thọ đến một trăm sáu mươi tuổi!

Quả đúng là một vị tỳ-khưu "vị tằng hữu!"[1]

[1] Nghĩa là "chưa từng có".

Những Câu Hỏi Vớ Vẩn!

Còn vài tháng nữa đến hạ thứ chín, từ Bārāṇasī, đức Phật bộ hành lên thượng lưu sông Gaṅgā với năm trăm vị tỳ-khưu, trong đó có một số trưởng lão đi theo để chăm sóc hội chúng như Moggallāna, Ānanda, Nanda. Đặc biệt, tôn giả Sāriputta dẫn theo một số sa-di chững chạc như Rāhula, Sīvali để hướng dẫn, kèm cặp, rèn tập đời sống không cửa, không nhà.

Tại ngã ba sông Yamunā, đức Phật định đến an cư mùa mưa tại đất nước Vaṃsā. Tin tức này nhanh chóng lan truyền đây đó khắp kinh thành Kosambī. Tuy nhiên, đức Phật chưa ghé kinh thành vội, ngài bảo dừng chân ở một thị trấn có công viên Badarikārāma, cách Kosambī chừng hai do-tuần[1] vì ở đây cũng có một tịnh xá lớn. Trước đây nhiều năm, các vị trưởng lão đã hành hóa ở nơi này, đặc biệt là tỳ-khưu Khemaka; và nghe nói, những cốc liêu và những công trình chính và phụ đã khá hoàn chỉnh.

Đức Phật nói với đại chúng:

- Như Lai phải ghé thăm Badarikārāma vì mấy năm trước, ở đây đã xảy ra một câu chuyện lạ lùng và thú vị!

[1] 14 dặm Anh - là theo sử liệu của Tây, nhưng theo cách tính quen thuộc là 32km.

Nói thế xong, đức Phật đột ngột im lặng. Lát sau, ngài tiếp tục:

- Tự mình thuyết pháp cho người về đạo lộ giải thoát A-la-hán rồi tự mình đắc quả A-la-hán luôn là câu chuyện lạ lùng đầu tiên trong giáo hội của Như Lai!

Biết mọi người ai cũng tò mò muốn nghe hư thực, đức Phật kể tiếp như sau:

- Tỳ-khưu Khemaka thuộc dòng tộc Sākya, nhiều năm về trước, ông ta xuất gia ở Rừng Cây Đa tại Kapilavatthu thuở Như Lai về thăm quê nhà lần thứ hai. Sau khi nhận được đề mục tu tập từ Như Lai, ông ta xin được đi về một phương trời xa xôi để hành đạo. Vị tân tỳ-khưu này tu tập rất tinh tấn. Bản thân Như Lai và cả Mahā Moggallāna đã giúp đỡ nhiều lần, sau đó ông đắc được quả vị Tư-đà-hàm. Từ đó, ông ta lang thang du hóa nơi này và nơi khác, khi đến công viên Badarika thì ông ta ngã bệnh. Đây là một vùng dân cư thưa thớt, công viên này là nơi cư trú của nai, khỉ, thỏ, sóc và chim. Ở nơi một cái chòi hoang, tỳ-khưu Khemaka cứ bình tĩnh dùng năng lực của định thiền mà chữa bệnh.

Chuyện kể tiếp theo. Có một vị tỳ-khưu tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc ở đấy rất bộn bề, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đấy để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bẩm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khưu đang ôm bát vào kinh thành để khất thực.

Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời.

- Con đang suy nghĩ gì đấy, này Dasaka?

Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp:

- Dạ... dạ...

Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi:

- Con có thích đời sống ấy không, Dasaka?

- Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn...

Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ cười thơm ngát như đóa hoa sen:

- Giáo hội của đức Tôn Sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt, ta sẽ đảnh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính...

Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời.

Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăngi giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bổn phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp, tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Do vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bổn phận của Dasaka. Cũng vì việc Tăng nên hôm kia tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika.

Chư tăngi Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khưu Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khưu Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình.

Tỳ-khưu Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi:

- Vậy phải thưa hỏi làm sao?

- Nói là chư tăngi Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay xở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không?

Đến công viên Badarika, tỳ-khưu Dasaka thấy tỳ-khưu Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thần sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tăng Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khưu Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lặng lẽ đảnh lễ vị trưởng lão rồi từ giã. Trước sau, tỳ-khưu Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng: "Mấy ông tỳ-khưu ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!"

Lần thứ hai, sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ-khưu Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tăng ở Kosambī: "Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?" Lần này, tỳ-khưu Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khưu Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: "Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?" Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã "quá tam ba bận", không đáp không được, tỳ-khưu Khemaka nói cộc lốc, cụt ngủn:"Chưa!"

Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: "Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?"

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khưu ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khạc mãi không ra, tỳ-khưu Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy cùng với tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao nhọc, ông toát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh.

Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khưu Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khưu ở Kosambī đã xảy ra:

- Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy?

- Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi!

- Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhấc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khưu Dasaka chất phác và hiền lành này?

- Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời.

- Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta?

- Chúng tôi xin sám hối!

- Không phải là với tôi!

Tỳ-khưu Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói:

- Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu!

Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục.

Tỳ-khưu Khemaka nghiêm sắc mặt:

- Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế?

Nhóm tỳ-khưu kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khưu Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên, trở về với nẻo chánh, bèn thuyết giáo rằng:

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đấy là lời nghiêm huấn của đức Tôn Sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tưởng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ !

Thấy nhóm tỳ-khưu kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp:

- Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng sinh khởi cái tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm dầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử[1] mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ!

Lời của tỳ-khưu Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A-la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khưu kia cũng đắc quả A-la-hán luôn.

Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi

[1] 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma.

Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khưu Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau:

- Bây giờ tỳ-khưu Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụy miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi dìu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp (kappa), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một vị A-la-hán làm một số việc lặt vặt cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ.

Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó. Hóa ra từ những câu hỏi vớ vẩn, mà cuối cùng, từ cái vớ vẩn mà thành tựu đạo quả! Thật kỳ diệu và thú vị vậy thay!

Rāhula
Ngủ Trong Nhà Xí

Hội chúng du hành hôm ấy, như những đám mây trời, lại ra đi, lại lên đường. Tôn giả Sāriputta, bao giờ cũng vậy, là kẻ đi sau cùng để tìm cách giúp đỡ các vị sư già yếu hoặc thình lình ốm bệnh. Tôn giả quả như là một người mẹ hiền với đàn con dại cần được chăm sóc. Sẽ có khá nhiều vị sư, vì lý do nào đó rơi rớt lại dọc đường, nên ngài thường cùng các vị tỳ-khưu trẻ trung, các vị sa-di biết việc, tháo vát sẽ cáng đáng tất cả các trường hợp bất ngờ phát sanh.

Bởi vậy, lúc ấy đã khá khuya mới đến công viên Badarikārāma, tôn giả cùng hội chúng của ngài không tìm ra nơi nào để qua đêm. Cốc liêu đặc biệt riêng thường dành cho tôn giả đã bị người khác chiếm chỗ. Đi quanh một vòng, không còn một hành lang, một gốc cây, một lùm cây nào là còn khoảng trống. Thế rồi, tôn giả phải ra ngoài trời, cột một tấm y tạm che sương, trải tọa cụ lên đất rồi ngồi kiết già suốt đêm.

Các vị sa-di theo thói quen, ghé vào các liêu thất, ngủ dưới sàn nhà của bất cứ vị tỳ-khưu nào, nhưng đều bị đuổi ra ngoài. Không ai giải thích lý do. Riêng có một vị tỳ-kheo

già, thấy Rāhula, con trai của đức Phật cùng chịu chung cảnh ngộ nên đã cặn kẽ trình bày nguyên do, nói rằng:

- Này Rāhula quý mến! Trước đây sa-di ngủ chung với tỳ-khưu thì được, nhưng hôm đó, tại điện Aggāḷava, thành phố Āḷavī, đức Phật đã chế định điều luật: Tỳ-khưu không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới. Có lẽ Rāhula chưa nghe biết đó thôi.

- Thưa vâng!

- Chỉ mới mấy tháng trước, tại Āḷavī, nhiều tỳ-khưu-ni và nhiều nữ cận sự thường đến tịnh xá để nghe đức Thế Tôn thuyết pháp, buổi giảng pháp thường tổ chức vào ban ngày. Sau một thời gian, những thời pháp lại chuyển sang ban đêm chỉ để dành cho tỳ-khưu và cận sự nam. Sau thời pháp, chư vị trưởng lão thì có cốc liêu nên họ rút về phòng, còn chư tỳ-khưu trẻ và cận sự nam thì nằm ngủ chung chạ tại giảng đường. Khi họ ngủ, những hình ảnh thiếu mỹ cảm hiện ra. Có vị tỳ-khưu nằm ngáy khò khò vang dội. Có vị tỳ-khưu nằm há hốc như miệng cá ươn, nước dãi chảy tràn ra. Có vị tỳ-khưu nghiến răng như cóc nghiến. Có vị nằm gác chân ngang dọc, ngược xuôi lên vị khác, y áo lõa lồ, hở hang cả hạ thể trông rất khó coi. Trong hội chúng ấy có một thánh nam cư sĩ, chứng kiến hình ảnh không đẹp mắt ấy, sợ một số cư sĩ sẽ mất đức tin với chúng tỳ-khưu, nên sáng hôm sau, thưa bạch mọi điều tai nghe mắt thấy lên đức Thế Tôn. Vậy là buổi giảng pháp hôm sau, đức Phật chế định học giới ấy.

Nghe rõ nhân và quả, sa-di Rāhula tri ân vị tỳ-khưu già rồi lặng lẽ đi tìm kiếm chỗ nghỉ cho mình. Qua sân, ra vườn, Rāhula đứng lặng một hồi chiêm ngưỡng hình ảnh đẹp đẽ, vô ngại của thầy mình - tôn giả Sāriputta - rồi bước vào bên sau. Đến hương phòng của đức Phật, thấy bên cạnh có phòng vệ sinh, còn chập chờn ánh đèn dầu lạc và tỏa ra mùi

hương[1], Rāhula khẽ hé cửa bước vào, và chú có cảm giác ở đây như là cung điện của phạm thiên!

Sáng ngày, đức Phật đứng trước phòng vệ sinh và đằng hắng[2], bên trong vẳng lại tiếng đằng hắng đáp lời. Đức Phật hỏi:

- Ai đấy?

- Đệ tử Rāhula đây!

Cửa mở, Rāhula thu xếp lại y bát trên nền đất rồi đảnh lễ đức Phật.

- Sao con lại nằm ở chỗ bất tịnh này?

Rāhula kể lại mọi sự. Chú cũng không quên kể lại trường hợp tôn giả Sāriputta cũng không có chỗ nghỉ, phải qua đêm trên nền đất lạnh ngoài vườn.

Xúc động chánh pháp, đức Phật suy nghĩ: "Quả thật, ta có chế định điều đó tại Āḷavī nhưng chỉ là với nam cư sĩ, và ta cũng chưa cho tuyên bố rộng rãi lý do là vì khắp nơi cốc liêu còn chật chội. Mà cho dù với sa-di chăng nữa thì cũng chỉ là chế định mà thôi. Gọi là chế định thì bao giờ cũng tùy lúc, tùy khi, tùy trường hợp phát sanh! Cái kiểu mà chúng áp dụng cứng nhắc như vậy là giết chết sinh mạng học giới (chưa thành luật) của Như Lai, luôn cần phải uyển chuyển và thích nghi theo từng hoàn cảnh. Chuyện ấy đã tệ mà chuyện với Sāriputta còn tệ hơn! Chúng còn coi thường luôn bậc thầy của họ, dám ngang nhiên chiếm luôn tịnh thất riêng của Sāriputta thì còn chi tôn ti hạ lạp, tôn kính, kính trọng các bậc trưởng thượng?"

---

[1] Bất cứ đại tịnh xá nào cũng có thiết kế hương phòng, nhà vệ sinh riêng cho đức Phật (các công trình này thường thiết kế rất khéo léo, tế nhị, mỹ cảm; luôn có đèn, có hoa, có hương thơm phảng phất - không do thí chủ tạo thì cũng do chư thiên làm). Đôi nơi có thêm liêu thất của hai vị đại đệ tử nữa.

[2] Thói quen lịch sự của ngài, dù có người hay không có người ngài cũng lên tiếng đằng hắng như vậy.

Thế rồi, đức Phật cứ để cho không khí sinh hoạt diễn ra bình thường như không có chuyện gì xảy ra, chỉ bảo thị giả Upavāna và các vị trưởng lão thông báo toàn thể chư tăngi ni trong thị trấn Bādarika tụ họp đông đủ tại tịnh xá để nghe ngài thuyết giảng.

Vào buổi chiều, khi hội chúng đã tụ tập đầy đủ, tràn ra cả khu vườn, mở đầu cuộc giáo giới, đức Phật hỏi:

- Này Sāriputta! Đêm hôm qua, Rāhula, đệ tử của ông, ngủ nghỉ ở đâu?

- Thưa, đệ tử không rõ, vì lúc đến đây đã khá khuya!

- Nó ngủ nghỉ trong nhà vệ sinh đấy!

Cả hội trường như thảng thốt, bàng hoàng.

Đức Phật yên lặng một lát, đưa đôi mắt nghiêm khắc lướt quanh một vòng rồi chậm rãi nói:

- Sāriputta không biết, đúng vậy! Vì chính ông ta, một người lớn tuổi, một vị thượng thủ, một bậc thầy của giáo hội cũng phải ngồi suốt đêm ngoài sương lạnh! Lý do là tịnh thất của ông ta đã bị tỳ-khưu khác chiếm mất chỗ! Thế đấy! Chẳng lẽ nào giáo pháp của Như Lai, cái giáo hội độc thân này lại tệ hại, tệ mạt như thế? Tệ hại, tệ mạt vì trẻ thì bị vứt bỏ chẳng ai ngó ngàng đến, mà tuổi lớn, hạ lạp cao, bậc trưởng thượng lại không được cung kính và tôn trọng hay sao!?

Lời khiển trách của đức Phật làm cho cả hội trường như bị hóa đá.

Đức Phật bắt đầu xuống giọng:

- Với Rāhula mà chư tỳ-khưu còn đành đoạn quay lưng, vất bỏ như thế thì nói chi đến tình tương thân, tương ái, tương nhượng? Rồi còn rất nhiều những sa-di mới học tu khác nữa, không biết số phận còn tồi tệ đến dường nào? Rồi sau này, biết được chuyện này, có cha có mẹ nào mà còn dám cho con em họ vào học tu trong giáo pháp không có một chút quan hoài, thiếu thốn tình người như thế?

Chuyện tại Āḷavī, bây giờ Như Lai chế định lại cho rõ ràng, kẻo nhiều vị hiểu lầm, như sau:

- Tỳ-khưu không được ngủ chung phòng với nam cư sĩ, riêng sa-di, nơi nào thiếu phòng ốc, liêu xá thì cho ngủ chung được ba đêm, quá ba đêm thì phạm tội pācittiya (ba-dật-đề). Khi phạm tội này thì phải thú nhận và sám hối trước tăng. Tỳ-khưu-ni cũng tương tợ vậy. Và các vị trưởng lão phải công bố điều này một cách rộng rãi và đều khắp trong các hội chúng tu học.

Voi, Lừa Và Đa Đa

Sau khi chế định lại điều học, vì các vị tỳ-khưu chỉ thêm một chữ "chưa thọ giới" và "chưa thọ đại giới" mà sinh ra cớ sự, đức Phật lại quay sang kể chuyện xưa để giáo giới chuyện xảy ra với tôn giả Sāriputta.

- Này hội chúng! Thuở xưa, rất là lâu xưa, trong khu rừng già nọ có một con voi, một con lừa và một con chim đa đa chung sống, làm bạn với nhau rất là thuận hòa và êm ấm. Chúng thường vui chơi với nhau, nô giỡn với nhau, tụ họp, chuyện vãn với nhau dưới tàn đại cổ thụ cành lá sum suê đã hàng ngàn năm tuổi.

Hôm nọ, voi chợt nói:

- Này các bạn! Chúng ta sống với nhau dường như đã quá lâu, không ai còn nhớ thời gian, và cũng không ai biết là ai sinh trước, ai sinh sau, ai lớn, ai nhỏ! Kỳ không? Phàm lớn là anh mà nhỏ là em! Ít ra, chúng ta phải làm thế nào để biết rõ ai lớn ai nhỏ để xưng hô cho phải lẽ chứ? Nhỏ thì phải biết vâng lời, tôn kính, tôn trọng lớn; lớn thì phải biết nhường nhịn, chở che, đùm bọc nhỏ! Các bạn nghĩ có đúng thế không?

Chim đa đa gật đầu, nhưng lừa thì chợt cười:

- Trên nguyên tắc thì đồng ý! Nhưng bạn voi ơi! Chữ gọi là nhỏ và lớn của bạn đưa ra có vấn đề đấy! Nói rõ là nó có vẻ ỡm ờ, lấp lửng, không rõ nghĩa! Tại sao ư? Bạn to con, lớn xác, chẳng lẽ bạn làm anh ư? Vậy phải xác định rõ, lớn ở đây là lớn về tuổi tác, chứ không phải là to con, lớn xác, đồng ý thế không?

Voi vỗ chân đồm độp:

- Bạn đã bóp méo vấn đề. Câu tôi nói là thời gian sinh trước, sinh sau mà!

- Vậy thì được!

Chim đa đa nói xong, bèn quay sang hỏi tuổi tác của ông voi.

Voi bần thần ngẫm ngợi một lúc, rồi chợt đưa mắt ngước nhìn cây đại cổ thụ cao gấp cả hàng chục lần nó, đáp rằng:

- Tôi không biết là tôi sinh ra từ lúc nào, ở đâu, nhưng còn nhớ rất rõ, khi tôi lớn lên, cái vòi của tôi có thể sờ cái đọt cây này một cách dễ dàng!

Lừa cười, bày cả hàm răng trắng hếu:

- Vậy là bạn còn nhỏ tuổi. Thuở lớn lên, tôi cao ngang bằng cây đại thụ này và tôi ăn những đọt lá của nó dễ như chơi, không cần phải nhón chân, độn móng!

Nghe voi và lừa kể, chim đa đa chợt hót lên một tràng không giống ai, kèm thêm giọng cười hin hít, chin chít rất khó nghe.

Cả hai bèn hỏi chim:

- Bạn làm cái quái gì vậy?

- Tôi cười! Chim đáp - tôi vui quá nên tôi cười kiểu chim đa đa như vậy đó! Các bạn hiểu tại sao không? Tôi không còn nhớ thời gian hay tuổi tác, nhưng tôi biết rõ như thế này. Thuở ấy, khi qua chơi trên Himalaya, tôi ăn được một chùm trái ngon ngọt như mật ong, khi bay ngang đây, tôi ỉa xuống một bãi phân. Rồi từ trong đó, một cái hạt nứt ra, mọc lên thành cây đại cổ thụ bây giờ!

Voi vốn đôn hậu, thật thà, xác nhận:

- Hóa ra tôi to con lớn xác mà lại là sinh sau đẻ muộn. Vậy so tuổi tác với các bạn, tôi nhận mình là em út đó nghe! Bạn lừa là anh thứ của tôi, còn chú đa đa bé tí xíu kia lại là anh cả, anh trưởng. Vậy từ rày về sau, chúng ta cứ theo thứ tự tuổi tác để xưng hô cho phải lẽ.

Đức Phật cất giọng kết luận như tiếng chuông ngân tỉnh thức:

- Voi, lừa, đa đa là giống súc sanh, noãn sanh thế mà chúng còn biết phân biệt tuổi tác lớn nhỏ, biết tôn ti trật tự, biết cách xưng hô để tôn kính kẻ lớn tuổi hơn mình. Còn trong giáo hội này, chuyện gì đã xảy ra?

Như Lai thường coi Sāriputta như ngang hàng với Như Lai, là bậc trưởng thượng, thượng tôn tăng đoàn. Là vị đệ nhất đại đệ tử, là thượng thủ của giáo hội, thế mà các ông tỳ-khưu trẻ lại không biết tôn kính Sāriputta, con trai trưởng của Như Lai!

Này đại chúng Tăng ni! Sāriputta niên cao, lạp[1] lớn, hằng quan tâm đến đại chúng, đến sự phát triển của giáo hội, đến sự hoằng dương giáo pháp nên ít có cơ hội nghĩ đến bản thân mình, nếu không muốn nói là ông ta đã dứt bỏ cái bản ngã, ít ăn, ít ngủ, chỉ sống cho mọi người, lo cho mọi người. Thế mà ở đây đã có một số vị không thấy, không biết cái ân đức ấy của Sāriputta. Từ tu viện này sang tu viện khác, từ vườn rừng này sang vườn rừng khác, ở đâu cũng có tấm lòng và bàn tay chăm sóc, vun quén của Sāriputta! Từ việc nhỏ đến việc lớn, từ trong ra ngoài, việc gì ông ta cũng chu tất, toàn mãn không chê vào đâu được. Sāriputta lo cho người bệnh, người già yếu, hướng dẫn giáo pháp không mệt

[1] Lạp là nói tắt của hạ lạp, tàu lấy ý từ chữ vassa (hạ), an cư mùa mưa. Sở dĩ tàu dùng chữ lạp (tháng chạp) là nhằm nói đến hết năm. Vị tỳ-khưu thường tính tuổi đạo bằng bao nhiêu mùa an cư (vassa), một hạ được coi như là một năm tuổi đạo.

mỏi; không bỏ quên cả một sa-di nhỏ tuổi, quan tâm đến cả từng bữa ăn, một cái chăn đắp, một cái mụt nhọt chưa lành của ai đó. Thế gian này không có một ông Sāriputta thứ hai với những phẩm chất tuyệt hảo như thế, muôn triệu năm mới có một người. May ra chỉ có thêm Moggallāna là tương tợ. Thế mà, đêm qua, Sāriputta của chúng ta không có được một chỗ nghỉ, dầu là một mái che nhỏ, dầu là một góc hành lang! Tịnh thất đặc biệt dành riêng cho ông ấy đã bị mấy ông tỳ-khưu trẻ nào đó chiếm chỗ. Thế là với một lá y tạm che sương, Sāriputta qua đêm giữa sương lạnh!

Đại chúng nghĩ thế nào về điều tệ hại ấy? Các vị sống trong giáo pháp phát triển đời sống tinh thần bậc cao mà tại sao lại còn thua con voi, con lừa, con đa đa trong câu chuyện kể trên?

Đức Phật im lặng. Giảng đường yên lặng. Cả con muỗi bay cũng nghe được âm thanh. Có một số các vị tỳ-khưu xấu hổ cúi gằm mặt xuống. Có một số vị thì học được bài học nghìn vàng.

Đến ngang đây thì tôn giả Sāriputta đâu từ bên ngoài bước vào, đảnh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Sự giáo giới của đức Thế Tôn quả thật là lợi lạc cho đại chúng, là hữu ích cho kỷ cương, phép tắc của giáo hội. Đã làm cho trang nghiêm giáo hội. Nhưng ở đây chỉ có một số tỳ-khưu còn nhỏ tuổi, trẻ người, non dạ chưa được thuần thục trong giáo pháp mà thôi. Sau khi đức Thế Tôn đã giảng thời pháp này rồi thì có lẽ không còn ai dám để mình phải thua con voi, con lừa, con chim đa đa kia nữa. Riêng đệ tử, một đêm ngoài trời thì cũng chưa đến nỗi nào. Tôn giả Mahā Kassapa, đệ tử của tôn giả và hằng trăm vị tỳ-khưu sống đời đầu-đà khổ hạnh, họ luôn ngủ nghỉ dưới những chỗ không có mái che mà tinh thần vẫn khang kiện, sức khỏe vẫn tốt.

Đệ tử xin thay mặt số chư sư dại dột ấy, sám hối dưới chân đức Thế Tôn, vì một phần lỗi cũng do đệ tử,

Moggallāna hoặc chư trưởng lão khác chưa dạy dỗ họ đến nơi đến chốn!

Đức Phật im lặng thọ nhận cái lạy và lời sám hối ấy xong, ngài nói:

- Chư vị thấy chưa? Lỗi của mấy ông tỳ-khưu ngu si mà Sāriputta phải sám hối đấy!

Rồi ngài nhìn tôn giả với tia mắt vô cùng thương yêu và trân trọng, nói rằng:

- Thôi, ông hãy đứng dậy đi! Như Lai sẽ xá tội cho tất cả!

Sau đó, đức Phật dạy:

- Từ rày về sau, tất cả sa-di đều phải xem tỳ-khưu là thầy, là cha của mình. Tỳ-khưu cách nhau ba hạ lạp cũng phải được quy định bởi sự tôn kính như thế. Riêng các vị đại trưởng lão, Tăng chúng phải xem gần như ngang hàng với Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa... Và nếu như ngang hàng với các vị ấy cũng có nghĩa là ngang hàng với Như Lai. Tất cả mọi trú xứ, chỗ ngủ nghỉ, trong nhà ăn, tại nhà hội, giảng đường, trên đường đi đều phải theo tôn ti hạ lạp. Như Lai không muốn có trường hợp xảy ra như hôm qua nữa. Sāriputta đã sám hối cho các ông, vậy nếu không khôn ngoan hơn, lửa địa ngục sẽ thiêu cháy các ông rất nhiều đời kiếp đấy, chẳng ai có thể cứu nổi đâu nếu mình không biết tự cứu!

Tấm Gương Học Tập
Của Rāhula

Suốt mấy ngày sau đó, đại chúng khắp thị trấn cứ mãi bàn tán về chuyện tôn giả Sāriputta!

Ồ! Tôn giả đã được đức thế Tôn tán thán như vậy, ca ngợi như vậy... lại còn xem ngang hàng với ngài. Và quả thật, tư cách, phẩm chất cao quý của ngài được tán dương là chuyện đương nhiên.

Riêng Rāhula ai cũng đưa mắt cảm kích yêu mến người con trai của đức Phật. Thường thì với tâm lý thường phàm, ai cũng ỷ lại mình là con của đức Phật oai danh lừng lẫy, thầy của ba cõi, thế mà Rāhula lặng lẽ ôm y bát vào ngủ trong nhà vệ sinh, không ta thán lấy một lời. Quả là một nhân cách hiếm có!

Một số vị tỳ-khưu từng sống, từng biết Rāhula tại Kỳ Viên, còn kể thêm rằng:

- Chư vị chưa biết đó, Rāhula còn có những phẩm hạnh khác nữa đấy.

Rồi họ kể:

- Những năm mới vào học tu, từ bảy tuổi đến mười tuổi, cứ mỗi sáng sớm, Rāhula ngày nào cũng ra vườn, tung một nắm cát lên trời rồi nguyện rằng, ngày hôm nay sẽ học nhiều

như đám cát kia. Và quả thật, Rāhula cứ lặng lẽ, miệt mài theo đuổi sự học, khi là với thầy của mình là tôn giả Sāriputta, sau đó là với tôn giả Moggallāna hoặc các vị trưởng lão có đầy đủ tuệ phân tích hoặc tinh thông pháp học. Đừng thấy Rāhula ít nói mà khinh thường nghe, pháp và luật cậu ta nằm lòng đấy. Lại còn xin tôn giả Sāriputta học thêm Abhidhamma nữa! Giỏi một cái nữa là Rāhula học nhiều mà không sinh ngã mạn chút nào. Đối với tỳ-khưu, cậu chưa hề lên mặt hoặc xem thường bất cứ một ai!

- Đúng vậy! Vị khác tiếp lời - Thỉnh thoảng, các vị trưởng lão tìm cách thử thách, xem thử tâm địa của Rāhula ra sao, họ quăng rác lung tung chỗ này, chỗ kia, nơi nào Rāhula bước qua. Rồi giả vờ quát lớn:

- Này chú bé, ai quăng rác bừa bãi ở đây?

- Thưa tôn giả, đệ tử không biết!

- Ai nữa! Chỉ có ông ở đây thôi mà!

- Vậy thì thưa tôn giả thứ lỗi cho, đệ tử sẽ tức khắc dọn rác ngay!

Nói xong, Rāhula kiếm cách quét dọn đâu đó sạch sẽ đàng hoàng rồi mới bước đi!

Mọi người ai nghe cũng cảm kích, mến yêu.

- Chưa thôi! Một vị trưởng lão thấy nhiều tỳ-khưu đàng hoàng muốn nghe chuyện nên tiếp lời - Tôi ở Kỳ Viên lâu năm, tôi biết. Bình thường thì ở đấy nhân số chừng năm bảy trăm vị, nhưng khi nghe có mặt đức Thế Tôn, chư tăngi mười phương lũ lượt tìm về, có khi lên đến con số bốn, năm ngàn người. Những lúc như thế thì thật khổ cho chư vị trưởng lão, nhất là hai vị đại đệ tử. Việc ăn, việc ở, việc tới lui phức tạp, nhà tắm, nhà cầu, phòng ăn... thật là hằng trăm thứ việc phải lo toan, cáng đáng. Chuyện thường xuyên bức xúc nhất là trật tự, kỷ cương, ngăn nắp, vệ sinh trong sinh hoạt tịnh xá. Tăng chúng quá đông, thế là chim linh, phượng hoàng ở lẫn với gà cồ, gà mái; ngọc vàng lẫn với bụi cát. Cả

hằng trăm tỳ-khưu và sa-di còn quá nhiều phàm tính, tục tính, chưa được thuần thục trong giáo pháp, chính họ là thủ phạm làm xáo trộn nếp sống yên ả, thanh bình ở đây. Có nhiều nhóm, đôi khi chỉ vì một gốc cây, một chỗ nghỉ mà sinh ra tranh giành, ẩu đả, chửi mắng nhau. Nhiều vị do ích kỷ, biếng nhác, ăn và chơi, không chịu sờ mó công việc, không chịu tu tập mà chỉ mong chiếm tiện nghi, thủ lợi riêng cho mình, ai ra sao, mặc kệ. Chư thánh trưởng lão sống đời khiêm tốn, vô tranh, từ hòa, vắng lặng nên họ luôn là kẻ thua cuộc, lặng lẽ ôm y bát nhường chỗ, nhường phần cho họ.

Thấy câu chuyện diễn ra giữa khu vườn, ngày càng lôi cuốn nhiều vị sư ghé đến lắng nghe. Vị trưởng lão hào hứng tiếp tục:

- Chư đệ biết không? Người mà để tâm chăm lo tất tần tật công việc ở Kỳ Viên chính là Rāhula, con trai của đức Thế Tôn đấy!

- Ồ!

- Chư đệ hãy lắng nghe đoạn đối thoại giữa tôn giả Sāriputta và Rāhula mà tôi còn nhớ nội dung rất rõ...

- Vâng!

- Hôm đó - vị ấy kể - bên ngoài rừng cây, tôn giả Sāriputta ngồi quây quần với một nhóm sa-di. Câu chuyện như sau:

- Ta mới đi có mấy hôm, nhưng sao trở về thấy đâu cũng sạch sẽ ngăn nắp, tươm tất như thế? Không biết Rāhula đã cắt đặt công việc như thế nào mà hay vậy?

- Không phải mình đệ tử đâu, là khối óc và bàn tay chung của rất nhiều vị đấy ạ!

- Cứ kể lại tình hình cho ta nghe!

- Thưa vâng! Rāhula mau mắn đáp - Nơi bệnh xá lúc này hiện có một số tỳ-khưu ở Takkasilā, Vaṃsā, Aṇgā, Kosambī, Kuru... về; có nhiều vị do đường xa nên ngã bệnh. Họ bị sốt rét, tả lỵ hoặc thương hàn... Hôm kia, tôn giả Mahā

Moggallāna ghé thăm, ngài đã ủy lạo và sách tấn tinh thần. Tôn giả còn kể lại một câu chuyện cũ để nhắc nhở chư tỳ-khưu và chúng sa-di. Rằng là đã có trường hợp đáng tiếc xảy ra ở đây, chuyện ấy không thể lặp lại. Có một thầy tỳ-khưu bị bệnh mụt nhọt, lở loét, hôi hám, dơ dáy... đã bị chúng quăng bỏ vào bìa rừng. Sáng ngày, chính đức Đạo Sư đã sai mang vào phòng giữ lửa; chính ngài đã đích thân nấu nước sôi, tẩm khăn ấm lau sạch thân thể cho người bệnh. Sai người giặt y ngoại phơi khô, lấy y ngoại đắp rồi giặt sạch y nội... Do bệnh quá trầm trọng nên sau đó vị tỳ-khưu kia qua đời. Nhưng mà trước khi còn hơi thở, đức Phật quán căn cơ, thuyết một thời pháp, vị ấy đắc quả A-la-hán và Niết-bàn ngay tại chỗ. Kể xong chuyện ấy, khi đi, tôn giả để lại năm vị tỳ-khưu trẻ ở lại, nhiệt tình chăm sóc cho người bệnh. Còn chuyện cơm nước, thuốc men, mật, đường, sữa... trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn thường cho người cung cấp rất chu đáo. Còn việc quét dọn bệnh xá, nấu nước sôi giặt rửa y áo, chăn màn, đổ ống bô cùng nhiều việc linh tinh khác ở đây, thường thì chúng sa-di đảm nhiệm, thưa tôn giả!

- Ừ, hay lắm! Ta rất cảm động. Ta xin cảm ơn tất cả các con!

- Dạ... nhưng...

- Con cứ nói!

- Thưa! Vẫn có tình trạng một số tỳ-khưu khai dối bệnh để được dùng vật thực đặc biệt; họ còn thu giấu đường, sữa, mật ong, tích trữ thuốc! Thật là phức tạp...

- Ừ, chuyện muôn đời mà!

- Nơi tăng xá - Rāhula kể tiếp - Nơi chỗ chư tăng ở và đi thì thật là lộn xộn. Biết bao cái sờ sờ trước mắt như giường hư, gối bẩn, mùng mền rách và dơ. Chúng con ba bốn người làm không xuể. Tôn giả Mahā Kassapa đi ngang qua, thấy thương tình nên cắt đặt thêm cho bốn vị tỳ-khưu trẻ đến phụ giúp.

- Tốt quá!

- Còn đại giảng đường mênh mông thì công việc cũng mênh mông. Ngay chỗ thuyết pháp của đức Tôn Sư bao giờ cũng có cả rừng hoa tươi, hoa héo lẫn lộn nhau, lại có một số hoa đã mủn ra. Nơi chỗ bệ đặt chiên đàn và hương liệu, lúc nào cũng vấy bẩn tàn tro, cái cháy, cái cháy dở rơi rớt xung quanh. Hàng ngàn tấm ngồi, hàng trăm tấm lót đủ loại, đủ cỡ bừa bộn, lỉnh kỉnh tấp một đống chỗ này, tấp một đống chỗ kia, xâm chiếm cả các hành lang. Ngay việc sắp xếp, quét dọn vào mỗi buổi sớm, mười người lo cũng không xuể. Tội nghiệp cho tôn giả Ānanda đầu tắt mặt tối ở đấy cùng với bảy tám đệ tử của ngài. Cách đây mấy hôm, chúng con có thêm mười sa-di tình nguyện đến phụ giúp công việc hằng ngày tại đại giảng đường để đỡ đần công việc cho tôn giả được nghỉ ngơi chút ít.

- Ồ, tốt quá, rất tốt!

- Ngoài hương phòng của đức Tôn Sư, ngoài một số thị giả không thường xuyên thay đổi nhau, chúng con bao giờ cũng có sẵn một hoặc hai sai-di lanh lẹ, ý tứ quét dọn cho sạch sẽ cỏ rác, đường kinh hành lan đến khoảng vườn xung quanh...

- Đúng thế!

- Nơi phòng tắm công cộng, nhà tiêu công cộng, phòng giữ lửa... bao giờ mỗi nơi cũng túc trực sẵn hai sa-di.

- Chu đáo lắm!

- Nơi phòng tiếp tân cũng rất bề bộn công việc. Cứ phái đoàn này đi thì phái đoàn khác đến. Tôn giả Ānanda thường trực cho một số tỳ-khưu mặt mày sáng sủa, ăn nói văn vẻ, khiêm cung, lịch thiệp để tiếp khách. Dầu là vua chúa, các quan đại thần, tướng quân, đại triệu phú, tiểu triệu phú, giáo chủ các tôn giáo, du sĩ, đạo sĩ hành cước... bất cứ ai muốn diện kiến đức Thế Tôn đều không thể tùy tiện, phải ngồi đợi

ở đấy trước đã. Tại đây, sa-di chúng con luôn túc trực bốn vị để làm vệ sinh, dẫn khách hoặc chờ được sai vặt...

- Đúng vậy rồi!

- Còn nữa, nơi chỗ ngoài và trong khuôn viên đại tịnh xá, bao giờ cũng lảng vảng mấy trăm kẻ tàn thực, họ làm vấy bẩn, dơ uế đủ mọi thứ. Trước đây, có một số tỳ-khưu trẻ tình nguyện chăm sóc ở đây nhưng rồi họ lần lượt bỏ đi hết vì không chịu nổi tâm địa hạ liệt của chúng. Bọn tàn thực ấy đi lung tung, nói năng lung tung, xả rác lung tung, khạc nhổ, phóng uế lung tung, chửi bậy và đánh nhau cũng lung tung; ăn uống thì giành giựt, cấu xé nhau. Thật không ai chịu nổi. Bây giờ thì chúng đệ tử đã quy định họ một nơi, có giới hạn. Khi nào vật thực thừa do sự cúng dường dư dả của thí chủ, vật thực dùng không hết của chư tăngi thì vị nào cũng mang đến san sẻ cho họ...

Tôn giả Sāriputta chợt nhíu mày:

- Trưởng giả Cấp Cô Độc đã mấy lần quy tập họ về trại tế bần rồi mà?

- Thưa, họ không chịu ở đó, cứ trốn ra ngoài, trốn ra ngoài tự do hơn.

- Thật đáng xót thương!

- Xót thương thì cũng đáng xót thương, nhưng rõ ràng tâm sao thì cảnh vậy. Địa ngục và ngạ quỷ có sẵn trong tâm họ, cả a-tu-la nữa, nên chúng đi đâu thì mang theo cảnh giới ấy. Ăn no rồi sinh chứng trộm cắp, mắng chửi, gấu ó, đánh đập nhau. Chúng kéo ra bờ sông, bìa rừng để đú đớn, rửng mỡ, cười cợt, khóc lóc, nhảy nhót... luôn luôn than khổ, luôn luôn than đói... Rõ là chúng không bao giờ biết đủ và không bao giờ có một khoảnh khắc yên lặng!

- Chúng mà sống đời biết đủ, biết dừng và có được một khoảnh khắc yên lặng thì thế gian này làm gì có bốn con đường khổ hả con!

- Thưa vâng! Thật phải kham nhẫn, chịu thương chịu khó, mở rộng tấm lòng từ may ra mới tiếp xúc, thương yêu và thông cảm với họ được. Ai đời, cho họ y phục, vật thực, thuốc men mà họ vẫn cứ chửi mắng tỳ-khưu, nói xấu tỳ-khưu, ganh ghét, đố kỵ tỳ-khưu... đôi khi rất lỗ mãng, rất cộc cằn, rất tục tĩu là khác nữa!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Phải vậy! Biết được vậy là quý lắm! Là tốt lắm! Ta rất cảm ơn các con! Ta rất cảm ơn các con!

Chuyện kể xong, rừng cây yên lặng như tờ. Có vị đưa mắt nhìn ra xa. Có vị thấy mình còn cần phải học hỏi nhiều, trong tu tập cũng như trong công việc. Nếu ai cũng đến và đi thong dong, tự tại cả thì ai là kẻ lo cho mình trú xứ, phòng ốc, giường gối, chỗ ăn, chỗ ở, nơi nghe pháp, nhà tắm, nhà vệ sinh?

Quả thật, vị trưởng lão vô danh kia đã mở mắt cho khá nhiều vị tỳ-khưu hôm đó. Và còn nữa, câu chuyện hôm nay sẽ còn được kể đi, kể lại nhiều nơi, như là những tấm gương sáng, soi chung cho đại chúng vậy!

Bài Học Của Nai Tơ

Rời công viên Badarikārāma, hướng về Kosambī, đức Phật nghe chư tăngi nhóm này nhóm kia cứ nhắc lại tấm gương học tập của Rāhula, lúc ngồi nghỉ dưới rừng cây, ngài nói:

- Này chư tỳ-khưu! Cái tánh của con người, của chúng sanh thường do thói quen được huân tập của nhiều đời kiếp, rất nhiều đời kiếp. Ví dụ những tánh xấu như: Tánh tham ăn, tánh trộm vặt, tánh ưa chém giết, tánh tham tài, tánh tham sắc, tánh ưa được nổi tiếng, tánh ngu si, tánh làm biếng, tánh ưa gây gổ, tánh ưa tranh cãi, tánh hay giành giật, tánh hay gian lận, tánh thích ngồi mát ăn bát vàng, tánh hay nói xấu người, tánh ngồi lê đôi mách, tánh ưa thêu dệt, tánh thích châm chọc, tánh hung dữ, tánh nhiều ganh ghét, đố kỵ, tánh bợ đỡ, nịnh hót, tánh ham ngủ... Và những tánh tốt như: Tánh ăn uống chừng mực, tánh không lấy cắp của người, tánh ngại chém giết, đao trượng, tánh biết đủ, tánh ngại nữ sắc, tánh không ham danh, không hiếu lợi, tánh khôn ngoan, thông minh, tánh siêng năng, tháo vát, tánh cần kiệm, biết lo xa, tánh rộng rãi, thương người hay bố thí, thích giúp đỡ, san sẻ cho người khác, tánh thật thà, tánh khiêm tốn, biết nhường nhịn, tánh không ăn vặt, tánh im lặng, ít nói, tánh

chỉ nói cái tốt của người, không nói xấu người, tánh ưa ẩn dật, không thích khoe khoang giữa đám đông, tánh hiền lành, tánh cương trực, tánh đôn hậu, tánh hy sinh, tánh dễ dạy, tánh tinh cần, tánh ham học, tánh ham hiểu biết...

Những cái tánh ấy, tốt và xấu, nó đã ăn sâu ngủ kỹ trong dòng tâm, dòng nghiệp của chúng sanh; nhất là những tánh xấu thì trong một đời, hai đời, ba đời... đôi khi không thay đổi được, không chuyển hóa được. Còn nếu là tánh tốt thì mãi được tăng trưởng thêm, phát triển thêm cũng là lẽ thường.

Như trường hợp của Rāhula, ham học và ham hiểu biết không phải chỉ mới có bây giờ, trong kiếp hiện tại này, mà đã từ rất lâu xưa, trong quá khứ, Rāhula cũng đã từng ham học hỏi, ham hiểu biết như vậy...

Khi chư tỳ-khưu muốn nghe chuyện quá khứ, nhân và quả của cái tánh "ham học hỏi, ham hiểu biết" kia, đức Phật đã kể lại như sau:

- Thuở xa xưa ấy, có một con nai chúa, thống lĩnh và chăm sóc một đàn nai lớn mấy trăm con, vây quanh một khu rừng và một bình nguyên lớn rộng.

Nai chúa có một bà chị là một con nai cái, rất tin tưởng trí tài và sự khôn ngoan của em mình; nên sau khi sinh được một chú nai tơ, nai mẹ dẫn con đến nai chúa, nói rằng:

- Này em! Em hãy chịu khó dạy cho cháu về trí tài và sự khôn ngoan của loài nai! Nếu nó học được chỉ một phần mười sáu ở nơi em thôi thì nó sẽ đầy đủ bản lãnh đi đây, đi đó, tự bảo vệ được mình khỏi những tên thợ săn gian manh, quỷ quyệt!

- Được rồi! Chị hãy về đi và yên tâm đi, em sẽ lo cho cháu học hành một cách chu đáo.

Thế rồi, từng buổi chiều, từng buổi chiều, đúng thời, đúng khắc như vậy, ra tại bãi cỏ như vậy, nai chúa dạy bảo

ra sao được nai tơ tuân thủ một cách nghiêm túc, không bao giờ tỏ ra lơ là, chểnh mảng giờ giấc cũng như sự học hành.

Bài học đầu tiên: Cháu hãy nằm một bên hông, không vùng vẫy, chân duỗi ra một cách tự nhiên... giả vờ như chết rồi, dẫu xung quanh xảy ra chuyện gì cũng không được mở mắt, không được thay đổi oai nghi!

Nai tơ tuân lời làm theo. Bài học đạt điểm xuất sắc, vì nai chúa đã tìm cách cho một số nai khác khua động ầm ĩ ở xung quanh, nhưng nai tơ vẫn nằm yên lặng, không mở mắt, không có một dấu hiệu của sự sống.

Bài học thứ hai: Lấy móng chân cào đất ngay tại chỗ rồi tìm cách hất những bụi cỏ rơi vãi lung tung, làm sao trông giống như sự tuyệt vọng, sự vùng vẫy đuối sức trước khi chết!

Bài học này cũng đạt điểm tốt nhưng chưa xuất sắc do một vài đám cỏ cào xới trông không được tự nhiên, nai chúa phải chỉnh lại một đôi chỗ.

Bài học thứ ba: Tập đại tiện, tiểu tiện...

Nai tơ ngạc nhiên:

- Làm sao khi không lại có thể đi đại tiện, tiểu tiện được, thưa chú?

- Không biết! Phải tập! Tập sao mà khi cần thì phải đại tiện tiểu tiện được mới hay!

Thế là suốt một tuần lễ, nai tơ mới học được bài học khó khăn này.

Bài học thứ tư: Tập nín thở càng lâu càng tốt, nhưng phải biết giữ hơi bên trong, làm sao cho bụng trương phình lên.

Bài học này cũng khó nên ba hôm sau, nai tơ mới làm được.

Bài học thứ năm: Tập thở chỉ một lỗ mũi phải, rất nhẹ, sau đó tập thở với chỉ một lỗ mũi trái, rất nhẹ; trợn mắt và le

lưỡi, sau đó làm sao căng toàn thân cứng đờ ra như một xác chết.

Bài học này rất khó nhưng sau một tuần lễ, nai tơ thực tập được.

Thế rồi, hôm bế mạc lớp học, nai chúa còn ân cần dạy bảo thêm:

- Đừng đi đến những nơi có loài người, có vườn tược, ruộng đồng của loài người vì đấy không phải là nơi an toàn cho loài nai. Nên tránh xa chỗ loài người thường hay lui tới; luôn cẩn thận quan sát trước mặt, bên phải, bên trái; để ý cái gì có móc, có vòng, những thanh tre, thanh gỗ có vẻ bất thường, thiếu tự nhiên vì đấy có thể là bẫy sập của thợ săn. Nhưng nếu lỡ bị sập bẫy, phải bình tĩnh, đừng có sợ hãi, rồi thực tập những bài học giả chết như đã học, tên thợ săn ngu ngốc tưởng là nai chết thật rồi, cởi dây trói hoặc tháo vòng sắt ra, thế là con phóng vọt đi, thoát nạn.

Nai tơ rất chịu khó nghe lời rồi thực tập tới lui rất chăm chỉ, rất thuần thục.

Hôm kia, nai tơ vô ý bị bẫy sập, nó thảng thốt kêu lên, đàn nai bỏ chạy về báo lại cho mẹ nó. Bà mẹ đến nai chúa và hỏi:

- Không biết cháu nó đã học được sự khôn ngoan của loài nai thông thạo chưa?

Nai chúa nói:

- Chị yên trí. Em dạy một, nó học được hai. Sẽ không có điềm dữ đâu. Chị cứ đợi và mỉm cười, chưa tới trưa mai, cháu sẽ trở về ngay thôi!

Rồi nai chúa đọc lên một bài kệ:

"- Nai duỗi chân, tập nằm
Biết cào đất tám móng
Biết vẩy cỏ lên mình
Biết đại tiện, tiểu tiện
Sinh hôi và dơ dáy

Lỗ mũi trái thở nhẹ
Lỗ mũi phải thở nhẹ
Với thân thể cứng đơ
Trợn mắt và le lưỡi
Kiến ruồi đến bu quanh
Đúng xác chết thật rồi
Vậy là nai thoát nạn!”

Và đúng như nai chúa nói. Khi bị sập bẫy, nai thực tập những điều đã học. Sáng hôm sau, tên thợ săn đi đến thấy một xác chết hôi hám, bụng phình trương, cứng đờ, kiến ruồi bu quanh, mấy con quạ lượn lờ kêu quang quác; ông lấy tay vỗ bụng nó, nói rằng: ‘Mới dính bẫy đó mà sao mày lại sình thối rồi? Vậy thì tao sẽ nướng thịt ngay tại đây rồi mang về nhà!’ Người thợ săn mở dây, gỡ kẹp cho nai. Xong, ông bắt đầu đi kiếm cây khô, cành khô để chuẩn bị nướng nai. Trong lúc đó thì nai tơ trỗi dậy, đứng vững vàng bốn chân, vươn cổ rồi như một đám mây vàng bị gió lớn thổi tan, nó phóng rất nhanh, qua rừng, về với bầy đàn, thoát nạn!

Kể chuyện xong, đức Phật nói:

- Nai chúa chính là Như Lai đấy, và nai tơ chính là Rāhula bây giờ. Thuở xưa nó cũng ham học lắm, ham học đã trở thành cái tánh tốt của nó. Vậy chư tỳ-khưu hãy cố gắng huân tập những tánh tốt, nếu chưa đạt đạo quả thì cũng tích lũy được rất nhiều lợi lạc an vui trong các cõi trời và người.

Có vị tỳ-khưu chợt hỏi:

- Vậy nai mẹ là ai, bạch đức Tôn Sư?

- À, là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā hiện nay đó!

Cô Thị Nữ Lưng Gù

Đến Kosambī, đức Phật ghé thăm khu vườn rừng Ghositārāma, khu vườn rừng Kukkuṭārāma, sau đó thì ngài sang ngụ tại lâm viên Pāvārikārāma[1]. Nơi nào cũng trên năm bảy trăm vị tỳ-khưu, riêng Pāvārikārāma thì khoảng chừng vài trăm. Các vị trưởng lão niên cao lạp lớn, hiện giờ đang hoằng pháp tại Kosala, Bārāṇasī, Rājagaha, Vesāli, Mallā, Koliya hoặc Kapilavatthu nên chư tăngi tại Kosambī này còn thiếu sự dẫn dắt tu tập, cần phải đặc biệt quan tâm nhiều hơn.

Sau một thời gian giáo giới tại hai trú xứ kia, đức Phật an cư tại vườn rừng Ghositārāma.

Cả đại gia đình ba nhà phú hộ Ghosaka, Kukkuṭa, Pāvārika tức tốc sai gia nhân trang hoàng nhà cửa trong ngoài cho rạng rỡ, quang đãng và sạch sẽ để có dịp họ cung thỉnh đức Phật và tăng chúng về tư gia đặt bát cúng dường.

Dịp này, ông Sumana, là chủ vườn hoa nổi tiếng Kosambī có cơ hội kiếm tiền. Vì bao nhiêu hoa, bao nhiêu tràng hoa cũng không đủ cung cấp cho ba nhà triệu phú tiền rừng bạc biển nầy - để cung đón đức Phật. Nhưng hôm nay, bỗng dưng ông Sumana chợt đăm chiêu, tư lự. Rồi để mặc

[1] Hoặc Pāvārikambavana.

công việc hái hoa, xâu tràng hoa cho gia nhân, ông tức tốc lên ngựa lần lượt đến gặp ba nhà triệu phú, thưa rằng:

- Xin cho tôi được cung thỉnh đức Phật và tăng chúng chúng chừng mươi vị để cho tôi được dịp cúng dường một lần trong đời.

Cả ba vị phú hộ đồng mỉm cười:

- Tại sao ông lại khởi tâm như thế, này Sumana?

- Thưa, tấm gương bố thí, cúng dường của ba ngài phú hộ như ba ngôi sao tỏ rạng kinh thành Kosambī. Hôm nay, nó lóe sáng lên trong cái tâm hồn tối tăm của tôi. Vậy xin ba ngài gia ân cho kẻ thấp hèn này được như nguyện.

Động lòng bi mẫn, cả ba vị triệu phú đến vườn rừng Ghositārāma thưa bạch với đức Phật thỉnh nguyện của lão trồng hoa, ngài im lặng nhận lời.

Vô cùng sung sướng, ông Sumana trở về nhà, tất bật công việc để ngày hôm sau cung đón đức Thế Tôn. Vốn là nhà trồng hoa nên ông muốn bao nhiêu hoa đẹp, hoa quý mang ra chưng bày hết. Đồng thời, chẳng thèm tính tiền tính bạc, ông sai gia nhân đi mua sắm thức ngon, vật lạ, thượng vị loại cứng, loại mềm để đặt bát. Vườn nhà trong ngoài của ông giờ trông như khuôn viên của cõi trời, được sắp đặt thêm các chỗ ngồi sang trọng, chỗ đi lót thảm quý, những chậu những ghè đựng nước rửa chân, rửa tay có khăn thơm.

Sáng sớm, mọi công việc đã xong, ông xoa tay nở nụ cười hoan hỷ, mãn nguyện.

Trong lúc ấy thì một cỗ xe ngựa quen thuộc từ triều đình đức vua Udena dừng lại ở đầu ngõ. Cô thị nữ sang trọng và quý phái của hoàng hậu Sāmāvatī bước vào với cái lưng hơi gù, với cái giỏ xách tay.

- Có việc gì mà trang hoàng ngôi nhà như cõi trời thế, ông già Sumana?

Ông Sumana hớn hở kể lại mục đích công việc của mình rồi tiếp lời:

- Vậy thì việc mua hoa hằng ngày xin quý nương hoãn lại cho một chút được không? Bao nhiêu hoa tôi đem chưng cả rồi. Một đời, một lần được dịp cúng dường đức Phật mà! Chắc hoàng hậu thánh đức và nhân hậu của chúng ta cũng thông cảm cho thôi!

Nghe chuyện cúng dường đức Phật, tâm cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù chợt phát sanh niềm hân hoan kỳ lạ. Một cảm giác phơi phới, lâng lâng khó tả. Cô mỉm cười, dịu dàng đáp:

- Được, không sao! Hơn thế nữa, dù có mang về cung hoa héo, hoa tàn gì chắc hoàng hậu cũng hoan hỷ cả, tại sao ông Sumana biết không?

Rồi cô kể chuyện:

- Hoàng hậu Sāmāvatī là đệ tử của đức Thế Tôn. Năm ngoái, khi đức ngài an cư mùa mưa ở đây, hoàng hậu đã đến nghe pháp, cúng dường. Bà còn hiến cúng cả khu rừng trầm hương cho Ni chúng nữa đó. Hôm ấy, bà đang mang thai, đức Phật có chú nguyện cho trẻ sau này trở thành một hoàng tử tốt. Gần một năm trôi qua, khi sinh đứa trẻ mẹ tròn con vuông, sáng sớm nào, bà cũng hướng vọng về miền Tây Bắc để đảnh lễ đức Tôn Sư. Ôi! Chú hoàng tử nhỏ kháu khỉnh và dễ thương lắm đấy.

Ông Sumana thốt lên:

- Ôi! Lành thay! Quý hóa quá!

Cô thị nữ Khujjuttarā chợt cất giọng buồn buồn:

- Nhưng cũng một năm nay, hoàng hậu của chúng ta không được vui. Tuy nhiên, đức Phật năm nay mà an cư ở đây là tốt rồi!

Ông già Sumana dường như cũng biết chuyện:

- Cái bà thứ hậu Māgaṇḍiyā lấn quyền à?

- Cả nước này ai cũng biết! Nó đẹp quá, kiêu xa quá, rực rỡ quá nên đức vua mê mẩn. Nó là dạ-xoa chứ không phải người! Cái con quỷ cái mà năm kia, đức Phật đã từng chê là

"không dám sờ đụng đến, dù là sờ đụng bằng chân" nổi tiếng cả kinh thành ấy mà!

- Ừ, tôi cũng có nghe chuyện ấy.

Chợt cô Khujjuttarā như sực tỉnh, cất giọng mau mắn nói:

- Ôi! Tôi đã sa đà lắm chuyện. Đức Thế Tôn lúc nào ngài ngự đến? Xem tôi có phụ giúp được công việc gì không nào? Chuyện mua hoa tính sau. Tôi cũng muốn ở lại cung đón đức Thế Tôn và còn muốn nghe pháp nữa!

Thế rồi, đúng giờ, đức Phật cùng mười vị tỳ-khưu bộ hành đến nhà người trồng hoa. Ông bà Sumana, cô thị nữ Khujjuttarā và một số gia nhân trân trọng làm bổn phận của mình. Đức Thế Tôn và chư sư độ thực tại chỗ. Cuối buổi ngọ trai, đức Phật chú nguyện phúc lành cho người đã khuất và kẻ hiện tiền đồng lợi lạc, an vui.

Sau đó, đức Phật quán căn cơ, ban bố đến cho gia chủ một thời pháp nói về phước báu của bố thí, cúng dường. Đức Phật cũng nhấn mạnh về đức tin trong sạch, thanh khiết, chân chính là như thế nào? Ngài cũng giảng sơ qua nhưng rõ ràng về bốn hạng người mắt sáng, mắt mù trên thế gian:

Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ sáng.
Người mắt sáng, ở chỗ sáng tìm về chỗ tối.
Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ sáng.
Người mắt mù, ở chỗ tối tìm về chỗ tối.

Đến ngang đây, đức Thế Tôn chợt hỏi:

- Vậy ông là hạng người nào trong bốn hạng người ấy, này người trồng hoa?

- Dạ thưa! Con từ chỗ tối tìm về chỗ sáng!

- Đúng vậy! Nhưng ông lấy cái gì để biết mà từ chỗ tối tìm về chỗ sáng, này Sumana?

Thấy ông già lúng túng, cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù đứng dậy:

- Bạch đức Tôn Sư! Có phải dùng trí đúng đắn, trí chơn chánh để thấy biết cái đúng, cái sai, cái lành tốt, cái xấu ác không ạ?

Đức Phật nhè nhẹ gật đầu, sau đó, ngài giảng thêm, phân tích cho mọi người rõ những cái thấy biết xấu quấy, sai trái, tức là tà kiến, không nên theo. Và những cái thấy biết đúng đắn, chơn chánh nên thọ trì, nên thực hành là như thế nào!

Cuối thời pháp, phát sanh điều bất ngờ nhất là cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù đắc quả thánh Tu-đà-hoàn.

Cảm xúc tâm linh tuôn tràn, cô lặng lẽ quỳ xuống bên chân đức Đạo Sư, thành kính tri ân đảnh lễ mà ngài không nói được nên lời.

Đức Phật biết rõ chuyện gì xảy ra, ngài quay qua nói với cô gái:

- Con đi mua hoa này mà lại được hoa khác, có phải vậy không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Toàn bộ buổi pháp thoại hôm nay, con có thể ghi nhớ và có khả năng lặp lại y hệt như vậy được không, Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể làm được như vậy!

- Ừ! Để lợi ích cho nhiều người, từ rày về sau, con về xin với hoàng hậu Sāmāvatī được đi nghe pháp trong thời gian Như Lai an cư ở đây, được không, này Khujjuttarā?

- Tâu, vâng, bạch đức Tôn Sư! Hoàng hậu chắc sẽ hoan hỷ về điều ấy lắm.

Lúc tiễn chân đức Phật và tăng chúng về rồi, cô thị nữ lưng gù lấy tám đồng tiền vàng mua hoa rồi ra xe trở về hoàng cung.

Thấy một giỏ hoa đẹp và nhiều hơn mọi bữa, hoàng hậu Sāmāvatī ngạc nhiên:

- Sao hoa hôm nay lại nhiều vậy, Khujjuttarā? Ngươi bỏ thêm tiền túi à?

Cô thị nữ thú tội:

- Không phải vậy! Bữa nào cũng tám đồng tiền vàng cả, nhưng con thường ăn bớt hết một nửa, chỉ mua bốn đồng mà thôi!

Bà hoàng hậu hiền từ nói:

- Thế tại sao hôm nay ngươi lại không khởi tâm ăn bớt, này Khujjuttarā?

- Do hôm nay con đã được nghe pháp từ đức Thế Tôn nên con sẽ không còn trộm cắp, ăn bớt, ăn xén xấu xa như trước đây nữa!

- Ồ! Quý hóa quá! Vậy ngươi đã nghe được pháp gì kỳ diệu mà có thể thay tâm đổi tánh tuyệt vời như thế hở Khujjuttarā?

Cô thị nữ cất giọng bí hiểm:

- Pháp ấy nó trong và nó ngọt như nước suối tận nguồn cao. Hôm nay con đã uống được vài giọt. Cõi nhân sinh này không có loại nước ấy đâu, hoàng hậu quý kính ơi!

- Thế ngươi thuyết lại cho ta uống với?

- Pháp ấy không dễ thuyết. Thứ nhất là phải biết kính trọng pháp, thứ hai là phải biết kính trọng người thuyết, thứ ba là người thuyết và người nghe phải dọn mình cho sạch sẽ, thanh tịnh!

Hoàng hậu Sāmāvatī do khát khao giáo pháp nên chẳng nệ hà gì, làm theo tất thảy mọi yêu cầu nghiêm túc của cô thị nữ. Mọi người còn chưng hoa và xông hương chiên đàn nên cả không gian chợt trở thơm ngát và thanh tịnh

Vậy là buổi chiều, sau khi ai cũng tắm rửa sạch sẽ, cô thị nữ ngồi trên pháp tọa cao, giảng nói lại toàn bộ buổi pháp thoại buổi sáng của đức Thế Tôn cho hội chúng gồm hoàng hậu Sāmāvatī và một số cung nga thể nữ nghe!

Cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù đã tỏ ra bản lãnh thiên tài của một vị pháp sư, không những ý nghĩa khúc chiết, mạch lạc mà giọng nói còn trầm bổng, du dương như thu nhiếp hồn người.

Và cũng kỳ diệu thay! Đức Phật dẫu ở xa, nhưng ngài đã hướng tâm nghe được và ngài còn biết khá nhiều cung nga, thể nữ đã được uống giọt nước bất tử!

MÙA AN CƯ THỨ CHÍN
(Năm 579 trước TL)

Cúng Dường Bằng Tâm Ý

Sau thời pháp của vị "nữ pháp sư" Khujjuttarā, thì gần như toàn bộ cung nga thể nữ của đức vua Udena trở thành con người mới. Ai cũng tỏ ra kính trọng cô gái người hầu của hoàng hậu Sāmāvatī. Vốn từ một thân phận thấp hèn nhất, bỗng dưng lại được các cung nga kiêu xa gọi bằng chị, tới lui, vào ra đều được mọi người quan tâm, ưu ái và đối xử rất mực lễ độ.

Hơn ai hết, hoàng hậu Sāmāvatī biết rõ rằng, giá trị tinh thần thiêng liêng nó nâng con người lên, và đó chính là sự thăng hoa tác phong và tư cách chứ không phải bởi quyền lực, địa vị, danh vọng hoặc ngọc vàng. Ôi! Bà xiết bao tôn kính đức Đạo Sư, một hiện thân siêu việt, đã đem lại giá trị đích thực cho kiếp sống làm người. Cô thị nữ Khujjuttarā và cung nga thể nữ cũng nhận thức như thế. Ai cũng mong muốn thầm lặng trong tâm là được gặp mặt đức Tôn Sư, được cúng dường và nhất là được nghe pháp. Rồi ai cũng đến gặp Khujjuttarā nhờ bàn mưu, tính kế giúp họ.

Cô thị nữ Khujjuttarā thường được phép ra ngoài mua hoa, quan hộ thành cũng như quân canh đều đã quen mặt. Cô thấy cứ mỗi buổi sáng, đức Phật và Tăng chúng thường bộ hành con đường phía sau cung điện để qua nhà các vị đại

phú hộ hoặc trì bình khất thực trong kinh thành, cô bèn nẩy ra một ý rồi bàn với mọi người.

- Cửa sổ tầng cao bên sau hậu cung hiện trổ ra con đường đức Phật và chư tăngi thường đi qua. Vậy quý cô hãy khoét tường thành một lỗ tròn vừa đủ cái đầu và tay thò ra ngoài. Vậy thì bất cứ ai muốn chiêm ngưỡng kim thân của đức Phật hoặc muốn cúng dường gì đến ngài và Tăng chúng cũng được hết!

- Chiêm ngưỡng ngài thì được, nhưng còn cúng dường thì chúng ta phải làm sao?

- Quý cung nương cứ đưa vàng bạc đây, tôi sẽ nhờ người mua vật phẩm cúng dường. Họ sẽ đích thân lo việc ấy, đại diện cho quý cung nương, và chúng ta sẽ tính trả thù lao hậu hĩ cho họ.

Một cô nga hỏi:

- Thế thì mình không dâng cúng tận tay thì làm sao có phước được?

Cô thị nữ Khujjuttarā giải thích:

- Nơi sanh phước có ba: Thân, khẩu và ý. Nếu ta không thể hiện bằng thân và khẩu thì ta sẽ cúng dường bởi tâm ý cũng đã thành tựu phước rồi. Đừng lo, đức Chánh Đẳng Giác biết rõ điều ấy và ngài sẽ chú nguyện tâm thành ấy cho chúng ta.

Thế rồi, công việc được tiến hành.

Hôm ấy, đức Phật và tăng chúng trên đường sang nhà ông triệu phú, lộ trình theo lối hậu cung thì gặp một số đông nam nữ giai cấp thủ-đà-la đặt vật phẩm cúng dường rất trang trọng, rất phải phép do họ đã được cô thị nữ Khujjuttarā đã ý tứ hướng dẫn. Trên lầu cao, những cung nga thể nữ thò đầu và tay ra ngoài với những cành hoa vẫy đưa qua đưa lại. Đức Phật dừng chân. Và như tâm ý cùng liên thông, chư tăngi cũng dừng lại và đều lặng lẽ quay mặt về phía họ để thọ nhận vật thực.

Đức Phật sử dụng thần thông, nói một câu pháp thoại "tùy hỷ" như rót vào tai họ và cho cả chư thiên, thọ thần quanh vùng đều được nghe:

- Cúng dường tâm ý là cách cúng dường của chư thiên. Với chính tâm, thành ý này, Như Lai chúc phúc cho quý cung nương sắc đẹp, sức khỏe, trường thọ, an vui và trí tuệ. Hãy duy trì đức tin với thiện pháp để bước đi an toàn nơi cõi trời và người!

Mấy trăm cung nga thể nữ xiết bao hoan hỷ. Thêm một lần nữa, có người đạt tâm bất thối. Riêng hoàng hậu Sāmāvatī mừng vui đến đẫm nước mắt.

Chỉ cúng dường được một hôm thì bị thứ hậu Māgaṇḍiyā tình cờ phát giác. Bà hỏi một cung nữ lý do những cái lỗ tròn trên lầu hậu cung. Cô ấy vô tình và vui thú tiết lộ.

- Chúng tôi chiêm bái và cúng dường đức Phật và Tăng chúng qua cái lỗ tròn ấy.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā mỉm cười như không có chuyện gì, vô sự bước đi nhưng trong lòng lại nghĩ: "Ta có mối thù 'bất cộng đái thiên' với ông Gotama, y đã từng sỉ nhục ta, phỉ báng ta một cách quá đáng. Đây quả là dịp để ta sẽ phục thù, rửa hận. Còn mấy trăm con tiện tì, a đầu này cùng a dua theo bà Sāmāvatī - ta cũng sẽ làm cho cả bọn chúng biết tay!"

Đến gặp đức vua Udena, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tìm cớ tâu rằng:

- Mấy trăm cung nữ của chánh hậu đang có âm mưu gì đó nên đã khoét những cái lỗ tròn sau vách lầu hậu cung. Một là muốn tư thông với bên ngoài, hai là có âm mưu bất chánh gì đó, đại vương phải để tâm một chút!

Đức vua mỉm cười:

- Hoàng hậu rất trang nghiêm, mẫu mực, đứng đắn nên những cung nữ ở đấy cũng học được một phần nào đức tánh tốt của bà ấy. Họ không làm gì đáng ngại đâu.

- Đại vương hãy quá bộ ngọc thể đến xem. Tiện thiếp không hề nói sai ngoa.

Đến lần thứ ba, chẳng đặng đừng, đức vua đích thân đến xem, thấy những cái lỗ khoét tròn.

Hoàng hậu Sāmāvatī tình thật kể lại đầu đuôi tự sự cho vua nghe rồi kết luận:

- Họ không dám bước ra ngoài theo điều lệ của hậu cung. Họ cũng có tâm muốn bố thí, cúng dường đến đức Phật và tăng chúng như tiện thiếp vậy. Kính xin bệ hạ cho họ một đặc ân, là niềm vui tín ngưỡng thiêng liêng trong lòng họ!

Đức vua đáp:

- Hậu khéo nói quá! Ừ! Quả thật điều ấy thì trẫm cũng phải nên trân trọng.

Nghỉ hơi một lát, nhìn những cái lỗ trống hoác, đức vua chỉ tay nói:

- Nhưng gió bão, cáo chồn chim chuột có thể từ chỗ ấy mà vào, sẽ bất ổn, sẽ bất tiện cho việc ăn ở ngủ nghỉ. Trẫm sẽ cho người thiết kế một loại cửa đặc biệt để lấp trống những cái lỗ ấy lại. Làm sao để cho cung nga thể nữ cũng đưa được tầm mắt ra bên ngoài, mà còn ngăn được thú vật, gió dữ, gió lạnh, gió chướng nữa.

Thế là mấy ngày hôm sau, thợ thầy đặc biệt của hoàng gia đã lắp kín các lỗ trống bằng một loại cửa có tên gọi là "Khuddacchiddakavātapānāni"[1]. Từ đó về sau, cung nga thể nữ có thể chiêm ngưỡng đức Phật và tăng chúng, có điều là họ không thể thò đầu và tay ra ngoài được nữa. Tuy nhiên, có lẽ đức Chánh Đẳng Giác cũng biết nhân, duyên và quả nên đã dạy trước cho họ là cúng dường bằng tâm ý là cách cúng dường thanh tịnh và vi tế của chư thiên!

---

[1] Không biết chính thức tên là gì - nhưng sau này người ta cải tiến trở thành cửa sổ được gọi tên là "cửa sổ mắt cáo".

Như Thớt Voi Giữa Trận Tiền

Thấy âm mưu tố cáo của mình bất thành, bà thứ hậu Māgaṇḍiyā tự nghĩ:

"- Đức vua dẫu sủng ái mình nhưng vẫn đang còn trọng vọng chánh hậu. Vậy chưa thể làm hại cả bè lũ chúng được. Việc ta cần làm ngay là hãy tập trung vào ông sa-môn Gotama. Phải đối phó, phải hạ nhục ông ta trước đã!"

Nghĩ thế xong, bà cho gọi một vị quan hậu cung thân tín, tìm gặp những tay đầu sỏ du đãng, côn đồ, trộm cắp trong kinh thành, tung tiền bạc cho chúng để thuê chúng làm duy nhất một việc như sau:

"- Bất cứ đâu, bất cứ lúc nào, sa-môn Gotama và đệ tử của ông trì bình khất thực, đi và về trên các ngả đường, bọn chúng phải mắng nhiếc, lăng mạ, chưởi rủa bằng bất cứ lời tiếng gì cay độc nhất, xấu xa nhất, thô bỉ nhất, hèn hạ nhất, dơ bẩn nhất... Càng chưởi hay chừng nào, nhục mạ đẹp chừng nào sẽ được tiền thưởng nhiều chừng ấy!"

Thế là ngày hôm kia, khi đức Phật dẫn đầu Tăng chúng chừng trăm vị, có thị giả Nāgita theo hầu từ lâm viên Ghositārāma bộ hành đi đến nhà ông bà triệu phú Ghosaka;

vừa quành ngang con lộ dẫn vào thành phố thì một bọn đầu trộm đuôi cướp ở đâu đó ùa ra chưởi rủa, nhiếc mắng...

Đức Phật biết chuyện này nên nói nhỏ vừa đủ cho chư tăngi bên sau nghe:

- Bà thứ hậu Māgaṇḍiyā trả thù đấy! Hôm nay họ sẽ nhiếc về những con thú!

Và quả vậy! Nào là "Những con chó hủi, hãy lủi đi khỏi thành phố!" Nào là "Này, đàn bò lộn giống, hãy cút đi!" Nào là "Này, bọn heo đê tiện! Kinh thành này không phải là cái máng heo cho bọn bây!"... Chúng chưởi nhiều lắm, chúng ví von nhiều lắm! Từ chó, bò, heo rồi sang chuột đồng, bọ hung, lừa, lạc đà, súc sanh, sâu kiến, dòi bọ... hay bất cứ con vật xấu xí nào mà chúng vừa nghĩ ra được! Tuy nhiên, các vị thánh nghe thì mỉm cười trong tâm, còn phàm Tăng, kể cả tôn giả Ānanda thì nghe xốn tai, tức không chịu nổi.

Thế rồi, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư... hết thú vật, chúng quay sang chưởi mắng ma xó, quỷ đói, dạ-xoa thúi... Hết ma quỷ, dạ-xoa... chúng quay sang phỉ báng người: Bọn bây là kẻ ngu si, quân cướp ngày, phường ăn bám, bọn ăn hại, lũ điên khùng... Hết người chúng nói ra những cái dơ bẩn nhất như hầm phân, đống dòi, cục cứt, máu dơ, đàm dãi, nước tiểu, cầu xí...

Hôm ấy, khi đã về đến tu viện, chúng còn tập họp cả một đám người say rượu dữ dằn, mặt đỏ như mặt trời, lăm lăm đùi gậy, đao kiếm với sát khí đằng đằng, cất tiếng hăm dọa nữa:

- Chúng tao gởi lời tối hậu cho ông Cù Đàm và bè lũ là hãy cút khỏi Kosambī, bằng không sẽ không an toàn tánh mạng, sẽ bỏ xác trên những con đường đấy!

Một vị tỳ-khưu vô lậu, có thắng trí, bạch với đức Phật rằng:

- Có nên sử dụng năng lực để giáo hóa chúng không, bạch đức Tôn Sư?

- Chưa cần thiết đâu, này con trai! Lửa bùng lên ở đâu thì lửa sẽ tự tắt ở đấy!

Đức Ānanda thưa:

- Chúng mạ lỵ, phỉ báng quá đáng, đệ tử không chịu nổi. Hay là chúng ta đi qua nơi khác?

- Đi đâu hở Ānanda?

- Thị trấn nào, thành phố nào cũng được!

- Vậy nếu ở đó cũng bị chưởi rủa, mắng nhiếc nữa thì ta phải làm sao?

- Thì ta lại đi sang vùng khác.

- Nếu vùng khác ấy lại được tái diễn sự việc giống như mấy ngày hôm nay thì ta phải làm sao?

- Thì ta sẽ đi nữa!

Đức Phật mỉm cười, nụ cười dịu dàng và mát mẻ như vầng trăng mùa thu:

- Và nếu cứ đi nữa, đi mãi cho đến hết kiếp quả địa cầu cũng sẽ không có nơi đâu là an toàn, là an ổn, là vừa lòng, là toại ý ta được. Đấy là định luật của pháp, sự thực bất toàn của pháp! Chẳng nên làm thế đâu, Ānanda! Chỗ nào mà ngại pháp, chướng pháp, hại pháp, não pháp phát sanh thì ta sẽ lắng nghe, chịu đựng, rỗng không, tĩnh lặng, từ, nhẫn, xả để làm lắng dịu chúng, xa lìa chúng, đoạn trừ chúng, dập tắt chúng... ngay tại chỗ ấy.

Đức Ānanda tuy hiểu biết sâu xa vấn đề, nhưng không biết tại sao trong tâm ông ta vẫn còn nhăn nhó, chưa yên:

- Vậy biết bao giờ mới chấm dứt, thưa Tôn Sư?

- Loại phiền não này phát sanh từ đâu, do đâu hở Ānanda?

- Thưa, chúng thuộc "khẩu thiệt", xàm ngôn, loạn ngữ, ác khẩu...

- Ừ, nếu chúng thuộc khẩu, đối với Như Lai, đối với một vị Chánh Đẳng Giác thì không có một năng lực lời tiếng nào

của thế gian có thể tồn tại quá bảy ngày. Vậy, sau bảy ngày, chúng sẽ tự diệt, này Ānanda!

Buổi chiều, trong giờ pháp thoại, đức Phật giảng một thời pháp liên hệ đến nội dung kể trên rồi cũng kết luận tương tự:

- Như một thớt voi ra giữa trận tiền, phải hứng chịu hằng trăm ngàn mũi tên, hòn đạn từ bốn phía bắn vào; cũng vậy, là sa-môn khất sĩ như Như Lai và chúng đệ tử của Như Lai, đi giữa cuộc đời cũng phải nhận chịu tất thảy tiếng lời gièm pha, nhiếc mắng, mạ lỵ, phỉ báng, sỉ nhục từ những người không có đức tin, kẻ thiểu trí, ác giới, cuồng si, điên loạn... Vậy phải biết nhẫn nhục, mát mẻ, vắng lặng, rỗng không với tâm từ, với tâm xả! Làm được như thế mới thật xứng đáng là phẩm hạnh của sa-môn ôm bát xin ăn cao thượng đi giữa cuộc đời.

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

"- Thớt voi đứng giữa trận tiền
Hứng bao mũi đạn, lằn tên sá gì
Như Lai chịu đựng ác tri
Nhẫn chịu ác giới, ngu si lòng người"[(1)]

Dường như muốn bổ túc thêm cho tròn đầy ý nghĩa, đức Phật đọc thêm hai bài kệ nữa.

Một, nhấn mạnh đức tính nhẫn nại vô úy và vô thượng của sa-môn:

"- Ngựa, voi đã luyện, đã thành
Con nào thuần nhất để dành vương quân
Cao thượng nhất giữa nhân quần
Chịu đựng phỉ báng, dao đâm tiếng lời!"[(2)]

---

(1) Pháp cú 320: Ahaṃ nāgo' va saṅgāme cāpāto patitaṃ saraṃ. Ativākyaṃ titikkhissaṃ dussīlo hi bahujjano.

(2) Pháp cú 321: Dantaṃ nayanti samitim dantaṃ rājābhirūhati. Danto seṭṭho mannussesu yo' tivākaṃ titikkhati.

Hai, nói lên đức tính quý báu của sa-môn là phải tự thu thúc, tự điều tiết, tự chế ngự lời nói và hành động:

"- Con la tinh thục quý thay
Ngựa kỳ, ngựa ký tung mây, quý là!
Quý sao, voi lớn có ngà
Quý hơn tất cả, chính ta tự điều!"[1]

Rồi đúng như đức Phật tiên tri, đúng bảy ngày thì chuyện nhiếc mắng, phỉ báng kia tự động chấm dứt. Thứ nhất là do bà thứ hậu thấy tốn vàng, tốn bạc quá mức - nhưng "ông Gotama và đệ tử của ông ta" cứ "trơ trơ" như khúc gỗ, xem ra chẳng có tác dụng gì! Bà đành chịu thua, sẽ nghĩ kế khác.

[1] Pháp cú 322: Varaṃ assatarā dantā ājānīyā ca sindhavā. Kuñjarā ca mahānāgā attadanto tato varaṃ.

Gà Sống, Gà Chết

Hôm kia, nhằm ngày đức vua đãi yến các quan đại thần, thứ hậu Māgaṇḍiyā khởi tâm xin vua được trông coi công việc ngự thiện. Bà nảy sanh ý nghĩ là phải trả thù chánh hậu Sāmāvatī cùng mấy trăm cung nga thể nữ[1] mà theo bà, chúng nó cứ xu hướng sa-môn Gotama, tin tưởng sa-môn Gotama thật là dễ ghét.

Để khởi đầu mưu thâm kế độc của mình, bà bàn chuyện với ông chú ruột Cūḷa Māgaṇḍi - bây giờ nghiễm nhiên là bậc quốc trượng - để bàn những việc cần làm và làm những gì, làm như thế nào. Trong đó có một việc quan trọng, là nhờ ông chú mang đến tám con gà trống loại quý hiếm đang còn sống và tám con gà trống đã chết. Còn mọi việc trong triều, bà Māgaṇḍiyā đã tỉ tê bàn tính với viên cận thần bồi yến, viên cận thần hầu rượu và đã đút lót cho họ đâu vào đấy rất hậu hĩ cả rồi!

Đúng giờ hẹn, ông quốc trượng Cūḷa Māgaṇḍi mang đến cung một chiếc lồng lớn được che chắn kín đáo, trịnh trọng đến dâng cho đức vua, tâu rằng:

---

[1] Kinh pháp cú nói là 500 vị.

- Đây là tám con gà trống, chúng có sắc lông đen tuyền[1], theo thầy thuốc cho biết, nếu nấu cháo hầm với gạo lúa sālī, chưng thêm nhân sâm thì chắc gân, bổ xương và còn cường dương, tráng kiện nữa. Cả kinh thành này, hạ thần lùng mua, chỉ có được tất thảy là tám con, hôm nay xin được dâng lên bệ hạ, chúc sức khỏe của người và chúc người sống lâu muôn tuổi.

Đức vua rất đẹp dạ, cười ha ha:

- Quý hóa thay! Nhưng mà sống làm chi đến muôn tuổi dữ vậy?

Ông quốc trượng còn cẩn thận hé lồng cho vua thấy vài con gà loại quý hiếm ấy, vì thật ra, chỉ được mấy con gà quạ, số còn lại là gà thường và cả tám con gà chết nữa, rồi trao cho viên cận thần bồi yến, đều là một phe của ông ta cả.

Viên cận thần hầu rượu lại góp ý cho mưu kế của bà thứ hậu được vẹn toàn:

- Chỉ có hoàng hậu Sāmāvatī vốn cẩn thận, chu đáo mới có khả năng sai bảo, chỉ bày cho các cung nữ làm món ăn "thích khẩu" này để kính dâng bệ hạ ngự thiện mà thôi!

Viên cận thần hầu rượu đế thêm:

- Đúng vậy đó, tâu đại vương! Làm món ấy không ai bằng đức chánh cung!

Đức vua đâu có biết đấy là mưu kế gì, cứ vô tư ừ hử gật đầu.

Thế rồi, viên cận thần bồi yến, mang lồng gà ra sau, giấu tám con gà chết, mang tám con gà sống đến cung hoàng hậu truyền đạt lệnh của đức vua, đồng thời kể lại cách làm món ngự thiện ấy.

Thấy tám con gà đang còn sống, hoàng hậu ngần ngại chưa biết nói sao thì cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù la bai bải:

---

[1] Ta gọi là gà quạ.

- Không được đâu là không được đâu! Chúng tôi ở đây ai cũng giữ gìn giới hạnh trong sạch cả. Chẳng ai đang tay giết hại mạng sống của chúng sanh. Xin cảm phiền ông mang đi chỗ khác. Việc ấy thì nhà trù hoàng gia làm cũng được mà!

Viên cận thần đưa mắt có vẻ hỏi han, nhìn hoàng hậu Sāmāvatī. Bà nhè nhẹ, mỉm cười:

- Đúng như vậy đó! Tại bổn cung, ai cũng giữ năm giới hoặc tám giới cả. Ông hãy về tâu trình lại với hoàng thượng điều ấy, đích thân ta sẽ nói với ngài sau.

" Vậy là khớp với kế hoạch", nghĩ thế xong, viên cận thần trở lại trình báo với đức vua, kể lại việc hoàng hậu từ chối.

Đức vua im lặng chưa tỏ thái độ gì, thì thứ hậu Māgaṇḍiyā đã mau mắn nói:

- Chỉ là cách viện cớ để thoái thác công việc một cách khôn ngoan thôi, tâu đại vương!

- Tại sao? Vua nhăn mày hỏi.

Bà Māgaṇḍiyā được dịp tố cáo:

- Từ khi thiếp phát giác những cái lỗ tròn, biết hoàng hậu Sāmāvatī và các cung nữ ở đấy đã có "chuyện gì đó" với ngoại nhân mà bệ hạ không tin. Cụ thể họ đã có tâm địa "ri khác" với sa-môn Gotama, có xu hướng đến sa-môn Gotama, nghiêng lệch về phía sa-môn Gotama, vì ông ta tướng hảo quang minh, cao sang, đẹp đẽ, nữ nhân nào nhìn ông ta, thấy ông ta mà không rung động trái tim? Vậy đó! Nếu muốn xác chứng sự thật ấy, bệ hạ hãy nói lại với họ là làm món này để dâng cúng cho sa-môn Gotama là họ sẽ làm ngay tức khắc cho coi! Với bệ hạ thì họ viện cớ chuyện sát sanh, còn đối với sa-môn Gotama thì lại khác, họ sẵn sàng giết, hoan hỷ giết! Bên nào khinh, bên nào trọng, bệ hạ thử là biết ngay liền hà!

Nghe được chuyện ấy, đức vua Udena lòng chùng xuống, rồi bất giác, ông gật đầu:

- Ừ, cứ thử vậy xem!

Viên cận thần bồi yến "tâu vâng" rồi lanh lẹ ra lối sau, tráo tám con gà sống, lấy tám con gà chết mang đến cung của hoàng hậu Sāmāvatī:

- Tâu! Đức vua biết chánh hậu là người có giới nên sai hạ thần mang tám con gà chết này để cung nữ làm món ăn đặc biệt rồi dâng cúng đến sa-môn Gotama!

Mấy cô thị nữ bên cạnh thấy "vật đã chết rồi", lại dâng cúng cho sa-môn Gotama nữa nên họ mau mắn nhận gà rồi hoan hỷ nói:

- Việc làm này là chơn chánh! Đúng là phận sự của chúng tôi đây!

Thế rồi, bữa ngự yến hôm đó, đức vua không dùng được bao lăm. Ngài buồn. Vì rõ ràng, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ họ đã trọng vọng sa-môn Gotama hơn ông. Rồi đức vua lại nghĩ tiếp, liên tưởng sâu xa hơn:

"- Sa-môn Gotama vốn gốc là thái tử thuộc dòng dõi Thái Dương anh hùng, đến ngày đăng quang, ông ta lại từ bỏ vương vị, vợ đẹp, con xinh, ba tòa Cung Vui để xuất gia tầm đạo. Thanh danh của ông, từ khi xuống núi độ đời, chưa hề dính một chút bụi phàm tục. Ngay chính thứ hậu của ta, diễm lệ kiêu xa thế đó mà ông ta còn bảo là "không sờ đụng dẫu là sờ đụng bằng chân!" Một nhân cách thanh cao, trong sáng vẹn toàn như thế thì hậu của ta, cung nữ của ta kính trọng, quy y theo cũng là chuyện đương nhiên! Việc mà thứ hậu bảo là có "ri khác" với sa-môn Gotama, hẳn nhiên là phải loại ra rồi! Lại còn cái giáo pháp mà ông ta đang tuyên thuyết nữa? Chắc phải là kỳ tuyệt vô song nên mới vô hiệu hóa uy lực của kinh điển Vệ-đà và truyền thống bà-la-môn. Mọi điện đài thiêng liêng của tín ngưỡng, tôn giáo, triết học cùng mười ngàn năm văn minh của tộc người thượng đẳng

Aryan này đã bị sa-môn Gotama đốn gục, hạ bệ không còn dư tàn. Ta đã từng nghe các vị lão thần minh triết ở xứ sở này tường trình, tâu báo lại như vậy hẳn là không sai ngoa! Vậy, cung kính, cúng dường một bậc thanh tịnh như vậy cũng là phải lẽ. Và việc ấy, ta cũng nên khuyến khích, vì sao? Vì khi mà những giá trị tôn quý của tinh thần và những uy đức thiêng liêng còn được trân trọng, bảo lưu, gìn giữ thì quốc độ sẽ đươc thanh bình, an lạc! Các vị tiên đế cũng đã từng dạy bảo như thế! Chính vì lẽ này, ta mới hiểu ra, tại sao hai vị đại vương lớn của châu Diêm-phù-đề là đức vua Bimbisāra, kinh đô Rājagaha nước Magādha, và đức vua Pāsenadi, kinh đô Sāvatthi nước Kosala lại quy hướng về và cả hai triều đình đều đã trở thành cận sự nam, cận sự nữ trong giáo hội thánh đức ấy? Rồi còn quân vương các nước cộng hòa chiến sĩ anh hùng Licchavī, thủ đô Vesāli; nước cộng hòa Videha, thủ đô Mithilā và liên bang Vajjī nữa? Rõ là mình đã nghe tràn tai về cả thành phần ưu tú của giáo hội ấy nữa, nam cũng như nữ. Họ đã quăng vất tất cả vinh quang của cuộc đời này như tấm giẻ rách để lên đường xin ăn, sống đời bần hàn ta-bà vô trú! Ờ, còn ta là gì nhỉ? Ta là gì nhỉ? Một đức vua nhỏ bé, như hạt cát, lại dám nghi ngờ nọ kia với hậu của ta? Một con người có sắc đẹp thùy mị, dịu dàng lại có cả tâm hồn đôn hậu, chân thật, khiêm cung, bao dung, quảng đại, lại chưa có lỗi lầm gì với ta? Họ cúng dường sa-môn Gotama thì sao nào? Mà thôi, cứ để đấy đã, chớ quyết định điều gì một cách vội vàng! Đức vua thở dài - nghĩ là tự mình sẽ âm thầm điều tra, chẳng thể tin ai được. Bà thứ hậu được cái sắc đẹp lôi cuốn ta nhưng lúc nào nói cũng quá nhiều. Đàn bà mà nói nhiều thường lắm chuyện, nếu không phù phiếm, nhảm nhí thì cũng ba hoa, xảo ngôn, thiếu chân thật!”

Nghĩ thế xong, đức vua trầm tĩnh trở lại.

Mũi Tên "Phản Nghịch"

Đức vua Udena có một hoàng hậu là Sāmāvatī cùng hai thứ hậu, đó là Vāsuladattā và Māgaṇḍiyā. Về chuyện phòng the thì cứ luân phiên, mỗi bà như vậy, ông vua này thường ngự ở đấy bảy ngày. Ba bà có ba cung đặc biệt và cung nga thể nữ riêng[1] do mỗi bà tự tuyển chọn hoặc đức vua, tùy theo mức độ sủng ái mà ban phát cho.

Gần một năm nay, trong ba bà thì đức vua sủng ái thứ hậu Māgaṇḍiyā hơn, tuy nhiên, với các bà kia đức vua cũng có thỉnh thoảng!

Chuyện xảy ra vừa rồi làm đức vua khởi ý là sẽ viếng thăm cung vui của hoàng hậu Sāmāvatī để dò xem hư thực như thế nào, vì theo vua, dù sao thì chánh hậu cũng đã có một trai tuấn mỹ, danh phận đã thành, trước sau bà vẫn là quốc mẫu, không ai thay thế được.

Biết được chuyện ấy, thứ hậu Māgaṇḍiyā lại nũng nịu can ngăn:

---

[1] Các vương triều Ấn Độ cổ xưa không biết như thế nào - nhưng Trung Quốc thì cung nga thể nữ chia nhiều loại, nhiều nhóm khác nhau: Ví dụ tài nữ, học nữ, ca nữ, vũ nữ... Lại còn có một số con gái đẹp được tuyển chọn để đức vua tùy nghi "du hí", được gọi là ngự nữ! Tuy nhiên, chuyện thường xảy ra trở thành thảm kịch trong hậu cung, là có những cô gái sống đến già đời trong cung vẫn chưa được đức vua ban mưa móc lấy một lần!

- Sự thực rõ ràng như ban ngày, đã hai lần thiếp dè chừng mà bệ hạ vẫn không tin. Đêm qua, thiếp nằm mộng dữ, tiên báo có chuyện chẳng lành nếu bệ hạ sang cung của chánh hậu.

- Mộng dữ gì vậy?

Đầu óc kế xảo của bà thứ hậu Māgaṇḍiyā xẹt nhanh như lằn chớp trong trí:

- Thiếp thấy một con rắn độc suýt cắn bệ hạ!

Đức vua phì cười:

- Nhưng dù gì thì gì, trẫm cũng phải sang đấy!

Biết không thể can vua được, bà biểu người tức tốc nhờ ông chú quốc trượng mang đến một con rắn độc rất nhỏ đã nhổ nọc để sử dụng cho mục đích của mình.

Biết rằng, thường thì tiếng trống lâu thành báo khắc đêm, mặt trời vừa tắt, đèn vừa thắp lên là đức vua ngự kiệu sang cung các hậu. Trong lúc đó thì tiểu dạ yến ở chánh cung cũng đã được các cung nữ chăm lo chu đáo. Ca nữ, vũ nữ, nhạc công cũng đã có mặt để hầu tiếp niềm vui cho bậc chí tôn! Ngoài ra, đức vua còn một thú vui là lúc nào, đi đâu cũng mang theo cây tiêu "điều tượng"[1], thỉnh thoảng nhã hứng thổi một vài khúc chơi! Gần đáy của cây tiêu này có một lỗ nhỏ thường dùng để buộc một sợi dây lụa kết chỉ vàng lóng lánh. Vậy nên, vào khoảng giữa chiều, bà thứ hậu đã đích thân lẻn vào tẩm cung[2] của đức vua, bỏ con rắn độc vào trong lỗ ống tiêu rồi khéo tay lấy một bông hoa gấm nhỏ nhét lại giống như vật trang trí.

Đức vua đâu có biết gì. Một đêm vui qua mau, sáng ngày định chuẩn bị dùng sáng rồi đi thiết triều thì thị nữ thông báo, là thứ hậu Māgaṇḍiyā muốn dâng đức vua món cháo yến sào tẩm bổ khí huyết, ngài phải thọ nhận. Trong

---

[1] Pháp cú chú giải ghi là cây đàn - tôi nghi là cây tiêu, ống tiêu mới có lỗ cho con rắn nhỏ chui vào. Còn "điều tượng" có lẽ là để điều khiển voi chăng?

[2] Tẩm cung: Phòng ngủ.

khi hoàng hậu Sāmāvatī đang sắp xếp vật thực để cho đức vua ngự dụng, thì bà thứ hậu giả vờ lăng xăng đi thu dọn vật này vật kia rồi lanh tay rút bông hoa nơi ống tiêu đang còn nằm trên long sàng. Chú rắn nhỏ được giải phóng, ngo nguẩy bò ra.

Chính lúc đó, bà thứ hậu mới hô hoán lên:

- Con rắn độc! Con rắn độc!

Mọi người sửng sốt. Thị nữ bên ngoài nghe hô hoán đã chạy vào và họ đã nhanh tay lấy khăn dày bắt con rắn ấy đi. Bà thứ hậu được dịp đổ thêm dầu vào lửa:

- Thấy chưa? Bệ hạ đã thấy chưa? Âm mưu giết bệ hạ rành rành, không còn chối cãi vào đâu được nữa. Nhưng cảm ơn thượng đế Rāmā đã bảo vệ sanh mạng cho bệ hạ nên suốt đêm con rắn độc này đã ở yên đâu đó trong tấm chăn.

Đức vua lặng người, nhìn hoàng hậu một lát rồi trầm tĩnh hỏi:

- Hậu muốn giết hại ta thật à?

Hoàng hậu khuôn mặt không biến sắc, nghĩ là cũng phải biện hộ cho mình nên đáp:

- Tâu bệ hạ! Việc ấy, đệ tử của đức Phật không bao giờ làm, huống gì thiếp lại rất yêu kính bệ hạ. Việc ấy lại càng không thể, nếu con rắn ở trong chăn suốt đêm, hóa ra thiếp lại ngu dại tự giết mình! Việc càng vô lý hơn nữa, là con trai thiếp đã được bệ hạ đương nhiên cho kế thế ngôi vị thì thiếp còn mong cầu gì hơn trên đời này nữa?

Thấy cũng có lý nên đức vua nín lặng, phân vân chưa biết xét thế nào.

Bà thứ hậu tung ra đòn độc cuối cùng:

- Tham vọng quyền lực của con người khó hiểu lắm, tâu đại vương! Bệ hạ mất, bé trai kia sẽ lên làm vua, và người buông màn nhiếp chính bên sau là ai, bệ hạ rõ rồi. Và đương nhiên người làm vua nước này, thâu tóm mọi quyền lực cho bản thân, cho dòng họ cũng hữu lý lắm chớ, tâu đại vương!

Như điểm trúng yếu huyệt. Nó là sự hữu lý, là ông chánh án của mọi hữu lý trên đời, nên khuôn mặt đức vua tái đi. Hết tái rồi quay sang đỏ rần rần. Cơn giận của đức vua bị lửa sân thiêu đốt, âm ỉ rồi bốc cháy, vỡ òa trong tiếng hét:

- Đích thân ta sẽ ra tay giết ngươi, con tiện tỳ! Kể cả những cung nữ trưởng phòng, trưởng nhóm, ta cũng giết hết luôn để trừ hậu hoạn!

Buổi chiều, tại pháp trường của cung đình, bà hoàng hậu Sāmāvatī và mười cung nữ có chức vụ hai tay đều được cột bởi những tấm khăn lụa rồi bị lính hộ cung dẫn ra đứng một hàng một.

Thị nữ Khujjuttarā lưng gù, vì thân phận thấp hèn không bị tội, nói với mười một phạm nhân:

- Hoàng hậu không làm! Mấy trăm cung nữ ở đây đều là Phật tử nên cũng không ai làm! Ai có mưu kế ác độc đó thì chúng ta biết rồi. Nhưng khó có thể biện minh. Đây có lẽ do nghiệp quá khứ tối tăm nên bị nó dẫn dắt trả quả xấu. Đức Thế Tôn có dạy rằng: "Chỉ có tâm từ, năng lượng của tâm từ mới có thể tiêu tai, giảm họa". Vậy xin hoàng hậu với quý cung nương cứ trú tâm từ một cách an nhiên và bất động!

- Đúng vậy! Hoàng hậu gật đầu - chúng ta còn rải tâm từ đến cho đức vua và đến cho cả người do si mê mà làm hại ta nữa.

Một việc hy hữu đầy thương tâm sắp xảy ra. Bá quan văn võ đứng đầy đặc hai bên. Người của ba cung sáu viện cũng cùng nhau đứng chen chân không kẽ hở. Ai ai cũng thầm cảm thương nỗi hàm oan của hoàng hậu. Những giọt lệ chảy âm thầm và những tiếng khóc tức tưởi được kìm nén đó đây.

Đức vua Udena vốn nổi tiếng là một tay đại xạ thủ, và sức tay của đức vua vốn vô địch trong triều ngoài nội. Ông không những bắn chuẩn hồng tâm mục tiêu mà còn bắn xuyên một lúc mười mấy thân chuối!

Đức vua đã bước ra với cây cung vàng mà ngài ít khi sử dụng. Đây là cây cung được truyền từ nhiều đời, là bảo vật quốc gia, nó rất nặng có tên là Sahassathāmasiṅgadhanu[1] và khi bắn, sức bật của nó thường đi rất xa.

Trong lúc hoàng hậu Sāmāvatī cùng mười cung nữ đang bất động tĩnh lặng trú vào tâm từ thì đức vua giương cung lên, búng thử dây cung. Một âm thanh lạ lùng cất lên như xé tan không gian yên lặng. Cả quảng trường im phăng phắc, mọi người căng mắt, nín thở.

Đức vua thò tay phải rút mũi tên vàng lắp vào cung rồi căng mạnh cánh tay. Đức vua tự nghĩ: "Chỉ một điểm ngay trái tim của con tiện tỳ thì mũi tên kia còn đi xuyên suốt mười trái tim bên sau trở thành một xâu như xâu chim vậy".

Rồi cung bật. Mũi tên lao vút đi như lằn sao xẹt. Mọi người nhắm mắt lại. Có vài tiếng la hét sợ hãi rú lên...

Nhưng chuyện lạ đã xảy ra. Mũi tên vàng vừa tới nơi trái tim của hoàng hậu, nó như bị một sức mạnh vô hình dừng đứng lại. Và rồi, mũi tên như có con mắt, nó chuyển hướng, quay ngoắt về phía đức vua và lao vút đi. Đức vua chưa kịp định thần, chưa hiểu chuyện gì xảy ra thì mũi tên đã đến gần trái tim của ông. Và ngạc nhiên làm sao nó cũng dừng sững lại rồi rơi xuống đất!

Cả quảng trường im phăng phắc, trố mắt, sững sờ.

Đức vua bần thần, thả rơi cây cung, lạnh người. Tự nghĩ: "Cây cung truyền đời này, mũi tên đặc biệt này chỉ sử dụng lúc truyền ngôi, với bốn lực sĩ vác đến đặt vào tay thái tử kế vị, yêu cầu phải bắn trúng hồng tâm mặt trống đồng đặt cách xa tối thiểu là một govo[2]. Nó có thể xuyên thủng thân cây sālā một vòng ôm. Nó có thể xuyên thủng vách tường thành bằng đá. Thế nhưng tại sao, với mãnh lực nào, uy lực nào nó

---

[1] Tạm dịch nghĩa, đây là cây cung rất nặng, với sức lực của một ngàn con sư tử mới nhấc lên nổi (?).
[2] Là 434 mét.

không dám đụng đến hoàng hậu? Đã không dám đụng đến tội nhân mà nó lại còn quay ngoắt trở lại suýt xuyên thủng lồng ngực ta? Ồ! Vậy đúng là do đức hạnh của hoàng hậu rồi! Chính do giới đức và trái tim nhân từ của hoàng hậu mà mũi tên kia cũng không nỡ giết ta!"

Xúc cảm tâm linh và cũng thành tâm hối quá, đức vua ra lệnh lính cận vệ mở trói cho hoàng hậu và mười cung nữ rồi ông bước tới, quỳ xuống bên chân hoàng hậu, chân thành thốt lên:

- Ta thật có lỗi, xin hậu hãy đại lượng tha thứ cho ta!

Hoàng hậu Sāmāvatī cầm tay đức vua nâng lên:

- Xin bệ hạ giữ gìn ngọc thể!

Đức vua chưa chịu đứng dậy:

- Hậu tha thứ cho ta chớ?

- Đương nhiên! Thần thiếp không những tha thứ cho bệ hạ bây giờ, mà trước khi, trong khi bệ hạ giương cung bắn thì thiếp và tất thảy cung nữ còn rải tâm từ đến cho bệ hạ, đến cho cả người vu oan giá họa hiểm hại chúng thiếp nữa đó!

Đức vua rơi nước mắt:

- Trẫm đã si mê lạc bước lối đi mà không thấy, không biết đường về! Vậy từ nay hậu cho trẫm nương tựa với nhé?[(2)]

- Vậy là rất tốt! Hoàng hậu nói - Nhưng không phải nương tựa nơi thần thiếp mà bệ hạ phải thành tâm nương tựa nơi đức Chánh Đẳng Giác, vì chính ngài mới là bậc cao quý, cao thượng trên đời này. Nơi mà cõi người và cõi trời đều nương tựa.

- Vâng! Ta sẽ quy y với đức Thế Tôn.

[(2)] Dịch thoát từ câu kệ Pāḷi: "Sammuyhāmi pamuyhāmi. Sabbā mayhanti me disā. Sāmāvatī maṃ tāyassu. Tvañca me saranaṃ bhavāti".

- Bệ hạ phải đích thân đi đến chỗ đức Thế Tôn tức khắc bây giờ chứ?

- Vâng! Ta sẽ làm như vậy.

Đức vua nói xong, đứng dậy ân cần nắm bàn tay của hoàng hậu, khẩn thiết nói:

- Ngay bây giờ đây, trẫm chuẩn hứa cho hậu, rằng là hậu mong ước gì, mơ ước gì, sở thích gì, bất cứ điều gì, trẫm cũng sẵn lòng đáp ứng cho. Nên nhớ đây là ân huệ tối thượng đặc biệt trẫm dành cho hậu đó!

- Vâng! Hoàng hậu Sāmāvatī mỉm cười nói - Một điều thôi! Và đây được xem như ân huệ tối thượng đại vương ban cho thần thiếp. Là sau khi bệ hạ đến bên chân đức Đạo Sư, xin quy y Tam Bảo rồi, thiếp mong bệ hạ cho phép thiếp, thay mặt thiếp thỉnh mời đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu đến hoàng cung để cho chúng thiếp được đặt bát cúng dường và được nghe pháp trong vòng bảy ngày. Đấy là ước nguyện khẩn thiết duy nhất của chúng thiếp vậy.

Đức vua khuôn mặt rạng rỡ, gật đầu đồng thuận và trong tâm lại phát sanh lòng kính trọng đối với hoàng hậu vô cùng. Tự nghĩ: "Bà không xin kim cương trân bảo, xin địa vị, quyền lực, không xin truy cứu kẻ mưu hại mình mà chỉ xin được bố thí, cúng dường, nghe pháp! Ồ! Hậu của ta thật sự đã trở thành bậc thánh nhân rồi!"

Đức vua đứng lặng. Vừa tri ân vừa cảm kích tấm lòng vô lượng của hoàng hậu Sāmāvatī. Và ngay giây khắc ấy, đã có một sự chuyển hóa thật sự trong nội tâm của ông.

Giẻ Rách
Cũng Hữu Dụng

Quốc vương Udena sau khi quy y Tam Bảo bên chân đức Thế Tôn, thưa bạch lại lời thỉnh cầu của hoàng hậu Sāmāvatī rồi lễ độ ngồi xuống một bên để nghe pháp.

Đức Phật biết ông vua này trước đây bản chất hung bạo, thường săn bắn giết vật để làm thú tiêu khiển, lại còn đam mê tửu sắc, hiện vừa mới hồi đầu hướng thiện nên ngài không giảng nhiều, chỉ giáo giới ngắn gọn một vài nguyên lý thuộc về đạo trị dân, an dân; một vài đức tính, phẩm chất cần thiết của giai cấp chiến sĩ lãnh đạo, điều hành đất nước. Đức Phật cũng tỏ lời tán thán đức tin thanh khiết của hoàng hậu Sāmāvatī trước đây đã hiến cúng khu lâm viên trầm hương cho Ni chúng có chỗ tĩnh cư và chuyện thỉnh mời đặt bát cúng dường bảy ngày tại hoàng cung. Đức Phật cũng nói rõ cho đức vua biết, là ngài chỉ đi một bữa đầu tiên với năm trăm tỳ-khưu, sáu ngày còn lại sẽ có một vị trưởng lão khác đại diện dẫn đầu chư tăngi. Vì ngài còn phải để tâm tiếp độ rất nhiều gia chủ trong kinh thành nữa.

Đúng hẹn và đúng sáng hôm ấy, đức Phật với đại y vắt vai, với bình bát màu mận chín dẫn đầu năm trăm tỳ-khưu gồm: Hai trăm vị tại vườn rừng Ghositārāma, hai trăm vị tại

vườn rừng Kukkuṭārāma và một trăm vị tại lâm viên Pārārikambavana; rồi họ cùng bộ hành về hướng cung vua.

Tại Kosambī, cả ba lâm viên, tăng chúng gần hai ngàn vị, nhưng họ thường chia ra hằng chục đoàn khác nhau, bố trí rải rác khắp thành phố và cả các làng lân cận để trì bình khất thực. Họ ít khi đi một đoàn đông người vì như vậy thì khó đủ vật thực nuôi mạng.

Vào các dịp an cư như năm nay, cả ba lâm viên đều đã có ba vị thí chủ lớn hộ độ hoặc mời thỉnh mời về tư gia nên trường hợp đức Phật dẫn đầu một lúc năm trăm vị tỳ-khưu đi trì bình khất thực thường là vào các dịp đặc biệt. Dân chúng hiếu kỳ đứng xem rất đông. Chuyện đức Phật và tăng chúng bị bọn du đãng, côn đồ chưởi rủa, mắng nhiếc, phỉ báng, hạ nhục chỉ mới mươi ngày trước đây đã trôi về quá khứ. Đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu đi hàng một, thanh thoát, chậm rãi như hình ảnh con rồng màu vàng sẫm nhịp nhàng uốn lượn trên các ngả đường như toát ra sự tĩnh tại, bình an, vô tranh, vô sự.

Đức Phật vừa đến cổng hoàng cung thì đồng lúc, lâu thành mở ra, hai tấm cửa vĩ đại bằng gỗ lim như tự động lùi sang hai bên lộ ra còn đường đá cẩm thạch hun hút đi sâu vào bên trong. Hai tháp canh hai bên cao chớn chở bỗng vọng lên hai hồi trống canh như báo hiệu "thượng khách" đã đến! Ai cũng thầm nghĩ, quốc độ Vaṃsa dầu là tiểu quốc nhưng cách bố trí vương thành kiên cố như thế này thì không dễ gì các đại quốc xâm phạm được. Có lẽ vì vậy nên ông vua này gối cao nằm nghỉ và săn bắn, tửu sắc ăn chơi hưởng thụ!

Thế rồi, buổi lễ đặt bát cúng dường ngày thứ nhất diễn ra vô cùng trọng thể. Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ tươi rạng nét mặt, tới lui sớt cơm bánh vật thực cho đức Thế Tôn và tăng chúng. Riêng đức vua Udena, dầu vậy, đức tin chưa vững vàng, viện cớ bận quốc sự, hội họp tại triều

đình. Riêng bà thứ hậu Māgaṇḍiyā thì căm tức, uất hận đầy lòng, lánh mặt trong hậu cung.

Độ thực xong, đức Phật ban bố một thời pháp. Ngài giảng khái quát lộ trình quẩn quanh từ cảnh giới sinh tử này sang cảnh giới sinh tử khác của tất thảy chúng sanh trong ba cõi, sáu đường. Và nhấn mạnh đến bốn cảnh giới đau khổ, thống khổ và các cõi an vui người và trời như thế nào. Sau đó, đức Phật khuyên răn mọi người bố thí, giữ giới, sống đời trong lành, hiền thiện.

Hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nga thể nữ nghe như uống cả vào lòng. Riêng cô thị nữ Khujjuttarā lưng gù thì chú tâm, tư tác lắng nghe pháp cho đến nỗi không thấy, không biết bất cứ cái gì xảy ra xung quanh. Thời pháp chấm dứt thì cô đã khắc sâu tứ lời vào tâm khảm và có thể thuyết lại cho người khác mà không bỏ sót bất cứ một ngữ nghĩa nào, một chi tiết nào. Chuyện xảy ra trong tâm tư cô thị nữ lưng gù chỉ có đức Phật và một số bậc thánh có thắng trí biết mà thôi.

Sau buổi đặt bát cúng dường còn lại, đức Phật thấy các vị trưởng lão cao hạ đang đi du hóa nhiều phương chỉ còn đại đức Ānanda là năm hạ, tương đối lớn nên có bổn phận dẫn đầu đi vào cung điện. Và rồi, sáu thời pháp của đại đức Ānanda cũng uyển chuyển, lưu loát như nước chảy của con sông dài; ngôn ngữ, đoản ngôn, kệ ngôn, dụ ngôn đều rỡ rỡ sáng trong, cụ thể. Sắc tướng của đại đức vốn quang minh, đẹp đẽ mà ngôn lời, âm thanh của ngài lại như ngọc chạm, như tiếng pha-lê reo, trầm bổng du dương... làm cho thính chúng bị cuốn hút, mê đi, chìm lắng trong biển pháp. Vậy là chỉ mới ngày thứ năm, cung nga thể nữ của chánh hậu đã dâng cúng bên chân đại đức Ānanda đến năm trăm lá y, có nghĩa là họ có bao nhiêu tấm y quý nhất, đẹp nhất do vua ban, họ chưa sử dụng do hoan hỷ quá nên họ đem dâng cúng hết.

Chuyện đến tai đức vua Udena, ông rất bực mình, tự nghĩ: "Mấy ông sa-môn này bắt đầu lộ diện chân tướng rồi! Tu hạnh xả ly, vô sản bần hàn mà lại thọ nhận một lúc năm trăm lá y quý đẹp? Rõ là lòng tham tích lũy của cải tài sản còn hơn là kẻ thường nhân nữa! Được rồi, ngày mai, trước đám đông, ta sẽ lột mặt nạ ông ta!"

Buổi lễ ngày thứ bảy diễn ra bình thường, có khác một chút là có đức vua và một số các quan trọng thần lắng nghe. Bực thì bực, ghét thì ghét nhưng quả thực là thời pháp không chê vào đâu được. Và sắc tướng, âm thanh của đại đức Ānanda còn lôi cuốn, hấp dẫn họ nữa. Tuy nhiên, đức vua Udena không quên công việc định làm của mình. Thế rồi, cuộc chất vấn bắt đầu:

- Bạch đại đức! Trẫm nghe nói đại đức đã thọ nhận của cung nữ năm trăm lá y, việc ấy là đúng sự thực hay không đúng sự thực?

- Là đúng sự thực, tâu đại vương!

- Trẫm nghe nói, một vị tỳ-khưu trong giáo hội của đức Đạo Sư chỉ được phép sử dụng ba y và không thể sở hữu nhiều hơn, có phải thế chăng?

- Quả thật là vậy, tâu đại vương!

- Nghĩa là đại đức cũng chỉ sở hữu ba y đúng như là một vị tỳ-khưu chân chính, là tri túc, xả ly và vô sản bần hàn?

- Quả vậy, tôi "đang cố gắng tu tập" như vậy đó, tâu đại vương!

- Vậy thì quả thật trẫm không hiểu là đại đức sử dụng năm trăm lá y ấy như thế nào?

- Thưa, tất thảy tôi đều đã cúng dường lại cho những vị tỳ-khưu có y cũ rách!

Đức vua lộ vẻ ngạc nhiên:

- Đại đức cúng dường trở lại hết à?

- Thưa vâng!

- Thế đại đức không để dành cho mình một tấm y quý đẹp nào trong năm trăm tấm y ấy?

- Thưa không, không cần thiết. Vì tấm y cũ tôi đang dùng đây nó vẫn còn tốt!

Đức vua lặng người khi biết rằng mình đã ngờ oan cho người ta rồi, nhưng do tò mò, ông làm như thản nhiên, hỏi tiếp:

- Vậy thì năm trăm vị được đại đức dâng cúng y mới, thế y cũ của họ, họ dùng làm gì?

- Thưa, họ sẽ cúng dường lại cho những vị có y cũ rách hơn nữa!

- Rồi thì năm trăm tấm y quá rách nát ấy, họ sử dụng vào việc gì?

- Thưa, họ làm tấm trải giường.

- Vậy sau trải giường?

- Thưa, họ lót trên sàn, trên nền tại các liêu cốc.

- Sau đó nữa?

- Tâu, họ làm giẻ chùi chân!

- Rồi sau khi không còn sử dụng được nữa?

- Không phải là không sử dụng dù cái mà thế gian đã quăng bỏ đi. Miếng giẻ chùi chân đã phế thải ấy, môn đệ của đức Thế Tôn sẽ xé nhỏ ra, quết cho nhuyễn với đất sét để trám vào các lỗ thủng, lỗ hư trên các vách tường liêu thất, tâu đại vương!

Đức vua Udena hỷ lạc dâng đầy tràn trong tâm đến nỗi tê rần cả người, ông đổ gập người xuống, quỳ bên chân đại đức Ānanda, thốt lên:

- Ôi! Cao quý thay là đệ tử của đức Vô Thượng Giác. Đến nỗi khi thọ nhận vật dụng của thí chủ, dù một miếng giẻ chùi chân cũng không bỏ sót, cũng trở nên hữu dụng. Ôi! Tấm lòng biết trân trọng ấy, trên đời này có ai có thể bằng được một phần mười sáu đệ tử của đức Tôn Sư?

Thế rồi, theo với niềm vui của mình, đức vua Udena sai quan thủ khố cho người mang thêm năm trăm lá y quý đẹp nữa đem dâng cúng thêm cho vị pháp sư.

Đại đức Ānanda sau khi thọ nhận, ngài chợt mỉm cười tươi tắn như nụ sen vừa mới nở, cất tiếng lời lảnh lót, thanh tao như tiếng chim ca-lăng-tần-già để giáo giới thêm cho đức vua:

- Tâu đại vương! Môn đệ của đức Đạo Sư, của đức Thế Tôn, của đức Chánh Đẳng Giác sống giữa cuộc đời, khi đi vào giữa xóm làng với chiếc bát xin ăn, bao giờ cũng chỉ thọ nhận vừa đủ từ tấm lòng của bá tánh với tâm bình đẳng, nhẫn nại, rỗng rang, tịch lặng, không hận, không sân. Như con ong chỉ khẽ khàng tìm chút nhụy lót lòng nhưng không làm hại nụ hoa, cánh hoa! Như bài kệ sau đây:

- Như ong kiếm tí mật thôi
Sắc hương chẳng hại, lá chồi cũng không
Khẽ khàng chút nhụy lót lòng
Bậc thánh như vậy, thong dong vào làng![1]

Ngoài ra, họ còn biết tôn trọng và tri ân quốc vương, quốc độ; tôn trọng và tri ân bá tánh, chúng sanh và xã hội. Mục đích của chư môn đệ là luôn tâm niệm mang đến an lạc và hạnh phúc cho mình và cho người, tâu đại vương!

Đức vua Udena quý kính tận đáy lòng:

- Trẫm đã sáng mắt, sáng lòng ra rồi, thưa đại đức! Trẫm hiểu rồi và hiểu sâu xa vô cùng! Tri ân đại đức cùng đại chúng tỳ-khưu tăng!

---

[1] Pháp cú 49:"Yathā pi bhamaro puphaṃ vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ; paleti rasaṃ'ādāya evaṃ gāme munī care".

Ngọn Lửa Hận Thù

Sau bảy ngày đặt bát cúng dường và nghe pháp, biệt cung của hoàng hậu Sāmāvatī như được tiếp thêm sinh lực mới, nhiên liệu mới. Họ trang hoàng lại khắp mọi nơi, mọi chỗ. Tại phòng hội, họ quét dọn, lau chùi, mở các cửa sổ, thay đổi các bức rèm cho có màu sắc tươi sáng, thanh nhẹ hơn. Họ thay đổi những hương liệu xa xỉ thay thế bằng hương liệu thanh tao, khiết nhã từ hoa, từ chiên đàn, từ đinh hương, hồi hương. Hoa được thay đổi mỗi ngày và chưng vào các kệ gỗ nhỏ sát tường trông vui tươi và mát mẻ như không khí mùa xuân. Họ lót những tấm thảm lớn làm chỗ ngồi thiền. Một pháp tọa thấp có lót thảm vàng dành chỗ cho pháp sư, và đó chính là thị nữ Khujjuttarā lưng gù.

Tại sao lại có chuyện ấy xảy ra? Vì mỗi ngày sau khi nghe pháp, rất đông cung nữ không nắm bắt hết ý nghĩa. Tối lại, nơi phòng hội này, cô thị nữ đã thuyết lại toàn bộ cho họ nghe mà không bỏ sót bất cứ đoạn nào. Và những ngày hôm sau đều diễn ra như vậy. Lại nữa, cô thị nữ này còn có cả một kho tàng giáo pháp tích luỹ được từ những dịp được phép ra ngoài, hầu như cô cũng không bỏ sót buổi thuyết pháp nào cho các hàng cư sĩ tại gia ở cả ba lâm viên. Có lần, tại vườn rừng Ghositārāma, đức Thế Tôn đã tuyên dương cô

là "nữ cư sĩ pháp sư cung đình" đấy. Thế nên, cách bố trí căn phòng này là theo ý của hoàng hậu. Một là, vào mỗi buổi chiều, cô thị nữ Khujjuttarā phải có một thời pháp cho mọi người cùng nghe. Hai là, ai muốn tĩnh tâm, tham thiền thì lấy không gian thanh tịnh này mà tu tập. Và thị nữ Khujjuttarā đã làm trọn vẹn phận sự của mình tại"tịnh xá" học tu này.

Nói về thứ hậu Māgaṇḍiyā thì bà luôn gườm gườm, đăm đăm tìm mưu kế trả thù.

Sau khi theo dõi, bà biết vào mỗi buổi chiều, hoàng hậu và cung nữ đều tụ họp tại phòng hội. Bà mừng quá vì biết rằng " việc lớn sẽ thành"!

Hôm ấy, lợi dụng khi đức vua đi tuần du các thị trấn ngoại thành, bà mật bàn với ông chú quốc trượng của mình là Cūḷa Māgaṇḍi phương kế hãm hại hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nữ tu theo ông Cù Đàm! Theo với kế này, ông quốc trượng được phép mở kho vải, cùng một số thân tín tay chân, dùng vải ấy nhúng dầu rồi quấn quanh các cây cột gỗ tại biệt cung của hoàng hậu. Tính toán kỹ càng, đúng vào thời điểm mọi người đang nghe pháp là họ ra tay, sau đó, họ còn âm thầm và nhẹ nhàng khóa kín tất thảy mọi cánh cửa để không ai có thể thoát ra lối nào.

Thực hiện hoàn hảo kế hoạch từ đầu đến đuôi, rồi họ cho người ở sân xa, bắn vào bên trong vài chục mũi tên lửa là biệt cung bốc cháy rần rật. Và sự việc diễn tiến đúng như thế thật.

Than ôi! Lúc mọi người biết ra thì đã muộn quá rồi. Lửa bên ngoài nổ lốp bốp đã lần sang mái biệt cung, khói tỏa ngùn ngụt, mịt mù, đã gây ra cảm giác khó thở. Cánh cửa này, cánh cửa kia đều bị những cây sắt khóa chặt. Sức lực nữ nhi thì biết làm gì, có thể dùng cánh tay liễu yếu đào tơ đập vỡ những tấm gỗ lim dày cứng hay sao? Họ đã trơ mắt, bất lực, mệt lả; đã có vài tiếng khóc tỉ ti, nức nở được kìm

nén những vẫn thoát ra ngoài bằng những âm thanh ư ử, hích hích...

Hoàng hậu Sāmāvatī trầm tĩnh nhất, bảo mọi người đừng có hỗn loạn, hãy cùng ngồi xuống bên nhau rồi bà ban lời giáo giới như sau:

- Chị em chúng ta đã từng phiêu bạt, lang thang trong vòng luân hồi tử sinh thống khổ từ muôn xưa đến nay, chẳng biết đâu bến, đâu bờ. Duyên may, chúng ta gặp được đức Thế Tôn và giáo pháp thoát khổ, chúng ta đã có ngọn đèn soi sáng để lên đường trong đêm tối. Vậy chẳng có gì đáng để sợ hãi cả. Ngọn lửa hung bạo nầy có thể thiêu rụi thân xác chúng ta nhưng nó không thể đốt cháy trí tuệ của chúng ta, ý chí và nghị lực kiên cường một lòng với giáo pháp của chúng ta. Vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta hãy công phu tu tập tinh tiến ngay từ giờ phút này.

Mọi người thảy đều nghe lời, không gian đã trở nên yên lặng. Hoàng hậu Sāmāvatī nói tiếp:

- Cô Khujjuttarā lưng gù, là bạn lành của chúng ta, là thầy của chúng ta, đi mua hoa chưa về; nếu có cô ấy thì cô ấy cũng sẽ nói như sau: Trong hoàn cảnh cái chết kề bên lưng như thế này, thì tùy theo tâm tánh và sở thích của mỗi người để lựa chọn đề mục thích hợp cho mình. Có thể tĩnh tại niệm hơi thở vào ra. Có thể quán sự khổ, khổ thân, khổ của sự chết. Có thể quán ngay đề mục lửa. Có thể quán vô thường, vô ngã của ngũ uẩn, thập nhị duyên khởi... Chúng ta cứ thực hành như thế để có được sự lợi lạc tối thượng. Và khi ấy thì cái sống, cái chết của cái thân này có ý nghĩa gì đâu!

Sau đó, dường như một phép lạ đã xảy ra. Bên ngoài lửa cháy ngất trời, trống đánh, chiêng đánh, thanh la, não bạt đánh, tiếng người hô hoán, rầm rập chạy đi cứu lửa thì trong căn phòng khói phủ mịt mù, hoàng hậu Sāmāvatī và mấy trăm cung nga thể nữ yên lặng tọa thiền, người định, người

quán an nhiên, tĩnh mặc. Cuối cùng, khi xác thân họ bị thiêu cháy thì số ít đạt tam quả, một phần được nhị quả, số còn lại đều đạt đệ nhất quả chảy vào dòng sinh an[1].

Hôm sau, chư tăngi vườn rừng Ghositārāma, và nói chung cả Kosambī đang xôn xao bàn tán hung tin ấy. Có người đau lòng bi thương. Có người hoài nghi nhân quả. Có người không biết kiếp trước họ làm việc ác gì mà kiếp này bị trả quả kinh khiếp như vậy. Có người lại khởi tâm muốn biết cảnh giới lai sanh của họ ra sao, do việc thiện vừa mới làm thì nghiệp dữ tức khắc đến kéo lôi đi? Lại còn chuyện cô thị nữ lưng gù, tại sao lại được thoát chết, rồi còn do nhân quả như thế nào mà lại có khả năng thông suốt giáo pháp để giảng nói lưu loát, rành rẽ như vậy?

Đức Phật hướng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, sanh tử thông nên thấy, nghe, biết tất cả mọi sự nhưng vẫn lặng lẽ chưa nói gì vì ngài biết rõ là cái nghiệp riêng kia, cái nghiệp chung kia nó vẫn còn tiếp diễn.

---

[1] Ở đây có một câu hỏi được đặt ra, là tại sao, hoàng hậu Sāmāvatī sử dụng năng lực tâm từ để vô hiệu hóa mũi tên của đức vua, vậy tại sao khi lửa thiêu cháy cung điện, hoàng hậu lại không sử dụng năng lực của tâm từ? chỉ có một câu trả lời là, khi nghiệp dữ đến thì năng lực thần thông cũng bất lực, lại càng bất lực hơn khi đấy còn là năng lực của cộng nghiệp?!

Báo Ứng

Đức vua đang ngự du tuần tra ngoại vi kinh thành, khi nghe phi mã báo hung tin, ông tức tốc trở về thì chứng kiến một thảm cảnh kinh hoàng. Ông đứng lặng nhìn biệt cung của chánh hậu với những tòa lâu đài ngang dọc, bây giờ chỉ còn là đám tro tàn âm ỉ khói.

Lòng đức vua nặng trĩu, ảo não, thương bi đủ cả khi nghĩ đến ân đức, tấm lòng độ lượng của hoàng hậu; nhưng ông cố trấn tĩnh, cố giữ nét mặt điềm nhiên không phán xét gì, không hạch hỏi ai, không nói một tiếng nào, lặng lẽ đi về tẩm cung. Đức vua đuổi tất cả tả hữu ra ngoài, tự mình tắm rửa, thay xiêm đổi áo rồi ngồi lặng như hóa đá, như thiền định.

Rồi những con người, những sự việc diễn tiến đi qua tâm trí của đức vua như một cuốn phim quay chậm. Ông nhớ lại từ hồi nhập cung, hoàng hậu Sāmāvati suốt mười năm nâng khăn sửa túi, bà lúc nào cũng nho nhã, nhu thuận, dịu hiền, kín đáo và thanh cao như một đóa cúc trắng. Cũng chính nhờ bà, lây lan những đức tính tốt của bà mà ông đã trở nên khá hơn, tự chủ gơn, trầm tĩnh hơn. Ngay chính những sự nóng giận, kể cả săn thú giết vật, kể cả chửi rủa, đánh đập, la mắng người vô cớ ta cũng đã giảm được năm

sáu phần! Còn nữa, bà chưa hề yêu cầu điều gì, nguyện ước điều gì, xin ban cái gì cho cá nhân mình cả. Đối với cha mẹ, thân bằng, quyến thuộc bà cũng xử sự chừng mực, tình lý cân phân và cũng chưa hề xin cho người bà con nào một chức quan nhỏ. Năm ngoái, khi có thai, bà chỉ xin được đi nghe pháp từ đức Thế Tôn và cũng cầu nguyện cho hài nhi sau này trở thành một hoàng tử tốt, sáng suốt và lương thiện. Sau khi gặp đức Phật trở về, bà dường như có nhiều niềm vui nội tâm hơn. Rồi bà cũng giáo dục cho cung nga thể nữ những đức tính hay đẹp như thế. Đứa trẻ ra đời, bà hết lòng chăm sóc, sau trao lại cho bốn bà nhũ mẫu cùng mười cung nữ săn sóc ở gần cung điện của đức vua. Sáng nào bà cũng sang thăm, nâng niu, trìu mến, và ông cũng tiện đường dễ dàng ghé chơi, hôn hít cậu ấu hoàng xinh đẹp như con nhà trời. Vậy, hoàng hậu Sāmāvatī không thể thả con rắn độc, bà không có mục đích để làm việc tày đình ấy. Chuyện con gà sống cũng thật đáng ngờ. Ai mang tám con gà sống đến? Và tại sao lại được phủ kín, chỉ hé cho ta xem cái màu lông đen của gà thôi? Đằng trong ấy được che giấu cái gì? Ồ, tại sao ta lại hồ đồ tin người như vậy chứ? Cái bàn tay ông chú ấy hơi run run! Cái ông được mệnh danh là quốc trượng ấy thế là đáng ngờ. Thật ra, quốc trượng phải là thân sinh bậc chánh cung kìa! Nhưng do hồi ấy ta mê mẩn sắc đẹp của Māgaṇḍiyā nên đã chìu theo ý của nàng ấy. Rồi lại còn một biệt phủ cho ông ta nữa chứ. Tiếp đến, lồng gà được trao cho ai? Tên cận thần bồi yến? Ai tâu là món ngự thiện nên để cho cung nữ chánh hậu làm? Tên cận thần hầu rượu! Vậy là tên quốc trượng, tên bồi yến, tên hầu rượu có vấn đề gì đó ám muội rồi.

Còn con người thực của thứ hậu thì sao? Cô ta nhập cung là vì thâm thù sa-môn Gotama do cha mẹ chọn sa-môn Gotama làm giai tế nhưng ông ta không dám sờ đụng bằng chân. Cô được ta yêu thương là cô ta sẽ có kế sách báo cừu.

Vậy là cô ta yêu mối thù của cô ta hơn là yêu ta. Chuyện chợt trở nên sáng tỏ khi nửa tháng trước đây cô ta tung hết tiền ra thuê bọn đầu trộm đuôi cướp phỉ báng, nhục mạ sa-môn Gotama và tăng chúng. Vậy là đã rõ tâm địa của thứ hậu. Từ từ ta sẽ đưa cô ta vào bẫy. Việc cần làm hiện nay là âm thầm điều tra chuyện tám con gà sống trước đã. Cái này thì dễ, vì chỉ cần lôi tên cận thần bồi yến là biết ngay!

Tối ấy, đức vua cho kêu tên cận thần vào cung sau, và với sắc mặt lạnh như tiền, ông nói:

- Có hai con đường, ngươi có thể chọn một. Một là trẫm tạm mượn chiếc đầu của ngươi, hai là ngươi hãy kể rõ sự thật cái gì giấu kín khó hiểu bên trong lồng gà hôm tiểu yến?

Nghe cách hỏi của đức vua, tên cận thần biết là không thể giấu giếm ngài được nữa nên đã tình thật khai hết. Đức vua bàng hoàng. Xảo kế mà như vậy vừa sâu xa khó lường vừa thâm độc còn hơn nọc độc của rắn. Ôi! Thương xót thay chánh hậu của ta, bị hàm oan mà không hề than oán một lời! Lại còn rải tâm từ cho ta và cả cho con tiện tỳ kia nữa chớ!

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết, vậy là trẫm đã rõ mọi chi tiết của kịch bản. Thế chuyện con rắn độc, ngươi có thấy biết manh mối gì không?

Tên cận thần bồi yến tâu thật lòng:

- Bà thứ hậu mua chuộc hạ thần và cả viên hầu rượu cho bệ hạ, luôn theo sát bệ hạ. Chuyện con rắn độc thì hạ thần không biết. Nhưng sau khi nghe nội cung bàn về con rắn nhỏ hạ thần biết ngay là chính thứ hậu đã lén bỏ vào ống tiêu của bệ hạ.

- Sao ngươi biết?

- Chiều hôm ấy, thấy quốc trượng hấp tấp đi vào cung rồi trao cho thứ hậu một cái hộp nhỏ, nói thoảng rằng: "Để ý đó! Nó độc lắm đó!" Khi quốc trượng về, thứ hậu nhìn cửa trước, nhìn cửa sau, lúc ấy bệ hạ đang ngự chơi bên phòng

của ấu hoàng rồi lẻn vào phòng của bệ hạ. Và chắc chắn nó đã được lén bỏ vào bên trong ống tiêu của bệ hạ.

Đức vua gật đầu:

- Đúng vậy rồi! Chớ chẳng lẽ nào hoàng hậu lại để rắn trong chăn của mình?

Trầm ngâm hồi lâu, đức vua cẩn thận nói nhỏ với tên cận thần:

- Bây giờ trẫm phạt ngươi nhịn đói một ngày, ngoan ngoãn ở yên đây, đừng có kêu ca, la oán gì. Chiều mai trẫm sẽ mở khóa thả ngươi ra đối chứng.

Sáng hôm sau, lúc lâm triều, đức vua cho hội họp hết quần thần và cả đại diện hai cung, năm viện; với khuôn mặt bình thản, an nhiên như không có gì xảy ra. Quần thần người này, người kia mở lời chia buồn, khuyên giải đức vua đừng quá sầu não mà họa hại đến sức khỏe, ảnh hưởng đến muôn dân, bá tánh.

Đức vua chợt cất giọng cười ha hả:

- Các khanh lầm rồi! Trẫm không buồn mà trẫm còn vui nữa đấy! Các khanh biết tại sao không?

Đức vua tự hỏi rồi tự trả lời:

- Cứ mỗi lần nghĩ đến con rắn độc tại cung của hoàng hậu là trẫm còn rởn cả tóc gáy. Biết bao nhiêu ngày trẫm ăn không ngon, ngủ không yên, luôn luôn phập phồng lo sợ, không biết còn có mưu kế nào rình rập nữa hay chăng? Còn con rắn độc thứ hai, thứ ba nữa hay chăng?

Nghỉ hơi một lát cho cả triều thần hiểu trọn vẹn ý nghĩa rồi đức vua tiếp:

- Nay thì toàn bộ cái cung lầu ấy bị thiêu rụi rồi, những con người với những kế độc ấy cũng rủ nhau ra đi cả rồi; cho nên từ nay trẫm sẽ gối cao nằm ngủ, không còn lo sợ gì nữa.

Một viên lão thần chợt tâu:

- Tâu đại vương! Một bậc mẫu nghi thiên hạ và năm trăm cung nữ bị thiêu cháy không phải là việc nhỏ. Mấy tòa cung lâu ngang dọc nguy nga tráng lệ bị đốt ra tro không phải là việc nhỏ. Theo hạ thần, là chúng ta phải lập một ban điều tra để tìm cho ra thủ phạm cùng những người đồng lõa, có tội danh, tội chứng, sau đó xử phạt tội hình đàng hoàng mới có thể nghiêm được phép nước!

Đức vua gật đầu:

- Lão khanh nói đúng. Nhưng lão chỉ biết một mà không biết hai. Vậy trẫm sẽ hỏi khanh nhé?

- Tâu vâng!

- Nếu có người đặt để lên bàn cân, một bên là trẫm, một bên là hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì bên nào nặng hơn?

- Bệ hạ nặng hơn!

- Một bên là mười ngàn đồng tiền vàng để kiến tạo lại biệt cung, một bên là trẫm thì bên nào nặng hơn!

- Cũng bệ hạ nặng hơn!

Đức vua cười ha hả:

- Trẫm nặng hơn, vậy là đã rõ! Vì an toàn tánh mạng cho trẫm, vì muốn cất đi gánh nặng sợ hãi ngày đêm của trẫm nên ai đó đã ra tay làm việc này. Chắc người ấy là một người có tâm hồn cao thượng, yêu thương trẫm hết mực nên đã bảo vệ tánh mạng cho trẫm đấy!

Đức vua còn lặp lại:

- Tánh mạng của trẫm là đệ nhất! Hộ trì tánh mạng cho trẫm tức là hộ trì quốc độ vậy. Trẫm vô cùng cảm ơn vị ân nhân đó.

Thứ hậu Māgaṇḍiyā nghe đến đây, không còn chịu nổi nữa, muốn xưng danh để lập công liền:

- Tâu bệ hạ! Người làm việc âm thầm vô danh ấy là thiếp! Phi thiếp ra, ai có khả năng làm được việc ấy? Chính

thiếp đã thảo kế hoạch rồi nhờ quốc trượng phụ giúp một tay, bây giờ bệ hạ mới hoàn toàn được an toàn như vậy đó!

Đức vua giả vờ ngạc nhiên:

- Ồ, thế sao? Chính thật là nàng sao? Trước quần thần, hai cung năm viện, trẫm tuyên dương công trạng đệ nhất cho nàng đó!

Thứ hậu xiết bao vui sướng.

Giọng đức vua còn vang vang cả triều nội:

- Vậy là ngoại trừ thứ hậu ra, trên đời này chẳng còn ai yêu thương trẫm một cách thật lòng, một cách sâu sắc và chung thủy như thế. Để tri ân thứ hậu, trẫm còn muốn ban tước lộc cho quốc trượng cùng tất thảy bà con quyến thuộc của nàng, kể cả những người âm thầm góp tay, góp sức nữa. Vậy thì chiều nay, ngay trước sân rồng, cuộc ban thưởng trọng hậu sẽ diễn ra ở đó, tất thảy mọi người hôm nay đều phải có mặt để chia niềm vui chung với trẫm.

Thế rồi, buổi chiều, ngay tại sân rồng, khi thứ hậu Māgaṇḍiyā, quốc trượng Cūḷa Māgaṇḍi cùng thân bằng quyến thuộc, một số tay chân bộ hạ tề tựu đông đủ, đức vua ra lệnh cho quân cận vệ bắt trói cả thảy. Viên cận thần hầu rượu và bồi yến cũng bị bắt trói dẫn ra tại chỗ.

Giọng đức vua Udena uy nghiêm, dõng dạc:

- Đốt rụi biệt cung, thiêu chết hoàng hậu và năm trăm cung nữ, thủ phạm chính là con nha đầu này cùng với ông chú của nó, tay chân bộ hạ của nó, đã do chính từ miệng nó nói ra. Thân bằng quyến thuộc ba họ của nó cũng phải bị vạ lây. Đúng như viên lão thần đã nói, phải trừng trị để cho nghiêm phép nước. Chư quan thấy trẫm làm như vậy có đúng không, có sai lệch chỗ nào không?

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Chuyện tám con gà sống, tám con gà chết thì thủ phạm có bốn người: Con tiện tỳ điêu trá này, ông chú ác độc này

cùng hai tên hầu yến và hầu rượu, ta đã điều tra kỹ càng và tuyên bố công khai, minh bạch với mọi người trước ánh sáng mặt trời.

Quần thần hô to:

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện con rắn độc thì thủ phạm chỉ có hai, không nói thì ai cũng biết rồi. Một tên đưa rắn độc và một tên lén bỏ vào ống tiêu "điều tượng" của trẫm để giá họa cho hoàng hậu đức hạnh!

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt.

- Chuyện đốt cung lầu giết hại hoàng hậu và năm trăm cung nữ thì tất thảy bọn chúng đều có góp tay, góp sức tham gia, đồng lõa.

Quần thần xôn xao bàn tán không biết đức vua điều tra như thế nào mà chỉ chưa được nửa ngày ông đã biết rõ tất cả.

- Trẫm tuyên bố: Toàn bộ gia sản của hai tên đầu sỏ sẽ bị tịch thu. Vàng bạc lấy được trẫm sẽ cúng dường sửa sang ba đại lâm viên để nhờ đức Phật và chư tăng tụng kinh, hồi hướng siêu độ cho hoàng hậu và năm trăm cung nữ. Trẫm xử lý như vậy có được không?

- Bệ hạ anh minh, sáng suốt!

- Trẫm tuyên bố: Con tiện tỳ cái tội quá nặng tương đương địa ngục a-tỳ, trẫm sẽ cho lóc từng tấm thịt, bỏ vào chảo chiên, bắt nó ăn. Khi nào nó ăn không nổi, quẳng nó vào chảo rồi chiên giòn! Cái tên được mệnh danh là quốc trượng này cũng chiên vàng luôn như thế. Tên hầu rượu thì cho năm ngựa phân thây. Tên hầu yến do thành thật khai báo, thú tội nên được tha chết, đuổi về quê quán. Bà con quyến thuộc cũng bị tịch thu gia sản, toàn bộ bị chém đầu rồi cho chôn cất tử tế.

Bản án của đức vua tuyên bố không ai dám góp thêm một lời nào. Và ngay chính tội nhân cũng không dám phản biện dù chỉ trong ý nghĩ.

Ai cũng khâm phục đức vua đã dàn dựng một kịch bản đầy mưu trí để cho thủ phạm độc ác tự đưa đầu đưa cổ của mình vào tròng.

Nghiệp Nhân Từ Quá Khứ

Tại giảng đường vườn rừng Ghositārāma, biết là chư tăngi đang bị nhiều mối nghi ở trong lòng, đức Phật liền vén mở bức màn quá khứ đã bị che lấp liên hệ đến những sự việc xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena.

- Này chư tỳ-khưu! Một thuở rất xa xưa, dưới triều đại đức vua Brāhmadatta, vào thời không xuất hiện một vị Chánh Đẳng Giác nào, có tám vị Độc Giác trú cư tại núi non thuộc kinh thành Bārāṇasī, và các ngài thường vào thành phố để trì bình khất thực. Lâu lâu, đức vua lại triệu thỉnh họ vào cung, lệnh cho hoàng hậu, thứ hậu, thứ phi, cung nga thể nữ thay phiên nhau đặt bát cúng dường và nghe một vài pháp thoại. Cả tám vị đều được đức vua tôn kính, trọng vọng; là chỗ nương tựa tinh thần của đức vua, họ được ngài coi như là linh hồn của quốc độ vậy.

Hôm ấy, sau khi đi bát xong, có bảy vị quăng bát qua hư không để lên núi Himalaya. Chỉ còn một vị đến bờ sông Gaṇgā thọ thực, sau đó vào một lùm cây rậm thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả.

Đức vua trị vì Bārāṇasī hôm ấy nhã hứng cùng chư hậu, chư phi, cung nga thể nữ du lãm ở ngoại thành, bày cuộc vui săn bắn, sau đó họ nghỉ ngơi tại hành cung ven bờ sông.

Như những cánh chim được xổ lồng, có một bà phi dẫn năm trăm cung nữ đi dạo chơi ven sông, sau đó tha hồ nhởn nhơ ngụp lặn, bơi lội, đùa giỡn thỏa thích trong dòng sóng nước.

Lúc họ lên bờ thì trời trở lạnh. Ai cũng run lẩy bẩy. Bà phi sáng ý chạy đến lùm cây, gom lá khô, rác khô, cành khô rồi đốt lửa sưởi ấm. Vô tình, ngọn lửa lớn cháy lan đến lùm cây có vị Độc Giác đang trú định.Do cây cháy nên lộ ra hình tướng vị Độc Giác quen thuộc, và có lẽ vì ngài đang an trú diệt thọ tưởng định nên chẳng hề hay biết chuyện gì xảy ra xung quanh.

- Chết rồi! Bà phi chợt la lên - Đây là bậc thầy của đức vua. Nếu ông ta tiết lộ chuyện này chắc chị em ta không thoát khỏi tội chém đầu! Thôi, một liều ba bảy cũng liều, chúng ta hãy phi tang, hãy chất thêm rác khô, củi khô đốt cháy ông ta luôn đi. Sau khi chỉ còn tro tàn thì trời không biết, đất chẳng hay!

Thế là năm trăm cung nữ làm theo lời bà phi. Mỗi người chỉ cần gom lượm một bó nhẹ, cả năm trăm người như thế thì đã thành một ngọn núi nhỏ vây quanh vị Độc Giác Phật. Khi thấy lửa đã bốc cháy rần rật họ mới bỏ đi, yên trí với việc làm kín đáo của mình. Tuy nhiên, đức Độc Giác Phật sau bảy ngày trú định diệt thọ tưởng đã không thể bị chết cháy, y bát và vật dụng bên mình đều được bảo toàn do năng lực tối thượng của định này; ngài xả thiền, đi trì bình khất thực rồi như cánh chim ưng, nhẹ nhàng bay về Tuyết Sơn.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Đốt lửa lần đầu do vô tâm, vô ý, không có tư tác giết nên không có tội nhân không có tội quả. Đốt lửa lần hai là có cố ý, có chủ tâm, có tư tác (cetanā) nên có tội nhân có tội

báo. Bà phi thuở xưa, hiện nay là hoàng hậu Sāmāvatī, là kẻ chủ mưu trong việc thiêu cháy Phật Độc Giác; năm trăm cung nữ thuở xưa là kẻ tòng phạm, chính là năm trăm cung nữ hiện nay. Chủ mưu hoặc tòng phạm tạo tác một nghiệp ác chung, bây giờ bị trả quả cộng nghiệp là lẽ đương nhiên vậy. Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bị trả quả thiêu đốt cả hằng trăm, hằng ngàn kiếp rồi, và cái quả báo hiện tại chỉ là cái nghiệp dư sót mà thôi vậy[1]. Lạnh lùng thay là nghiệp. Công bằng thay là nghiệp. Mà phân minh thay cũng là nghiệp vậy!

Sau khi biết rõ sự thật, cả pháp đường ai cũng rùng mình, lặng người.

Đức Phật còn giảng thêm rằng:

- Hoàng hậu Sāmāvatī và năm trăm cung nữ bên cạnh sự chết nhưng nhờ không phóng dật, chuyên cần chú niệm nên đã đặt chân được ở cõi bất tử.

Do vậy, bậc thiện trí kiên cố nhiếp tâm, hoan hỷ trong pháp sẽ nếm thưởng hương vị cảnh giới an lạc của thánh nhơn. Người chuyên niệm, tinh tấn vững vàng, cởi bỏ, vượt thoát mọi trói buộc, sẽ thành tựu Niết-bàn tối thượng.

Rồi ngài đọc liên tiếp ba câu kệ:

"- Con đường phóng dật: Nguy nan!
Con đường tỉnh thức: Vinh quang đời đời
Buông lung là kẻ chết rồi
Pháp mầu bất tử đợi người cần chuyên!"

"- Trí nhân thấy rõ cơ duyên

[1] Câu chuyện Sāmāvatī được bao gồm quanh câu chuyện của vua Udena. Để biết them chi tiết xem trong chú giải Dhammapada. i. 187-91, 205-225; câu chuyện có xuất hiện một vài chi tiết trong chú giải Anguttara Nikaya. i. 232-4,236ff., và cũng được đề cập tóm tắt trong chú giải Udena. 382f., loại bỏ chi tiết nguyên nhân cái chết của hoànng hậu Sāmāvatī được giải thích khá dài trong Udāna (Ud.vii.10) xử lý vụ việc. Cf. Divyāvadāna, ed . Cowell anf Neill (Cambridge). 575 f. theo Thanh Tịnh Đạo (tr. 380f), ước muốn của Māgandiyā là giết hoàng hậu Sāmāvatī để lên làm chánh hậu.

Nhiếp tâm kiên định lên thuyền sang sông
An vui, hoan hỷ tự lòng
Dự vào cảnh giới thanh trong thánh mầu!"
"- Trí nhân tinh tấn thiền hành
Kiên trì nỗ lực duyên sanh Niết-bàn
Ma vương khó buộc, khó ràng
Tự do tối thượng thênh thang bến bờ!"[1]

Đại đức Ānanda chợt phát biểu:

- Bạch đức Thế Tôn! Người phóng dật, giải đãi dầu còn sống nhưng xem như đã chết rồi! Người chú niệm, tinh cần, dẫu chết rồi nhưng vẫn bất tử! Ý nghĩa ấy chúng đệ tử lãnh hội rồi! Ôi! Cái vòng nhân quả báo ứng này, ngoài sự kiện nổi bật, gây nhân thiêu cháy nên bị trả quả thiêu cháy, nó còn hé lộ cho ta thấy rõ hai hiện tượng nhân quả phân minh nữa: Một, bà phi thuở xưa do đặt bát cúng dường nên hiện nay do phước bảo trợ sinh làm hoàng hậu với danh phận, địa vị, sắc đẹp được bảo toàn. Hai, lại do nhân được nghe pháp thuở xưa nên kiếp này bà là người đầu tiên nghe pháp rồi sau đó sống trong pháp. Năm trăm cung nữ theo hầu đều được giải thích tương tợ thế. Không biết kiến giải của đệ tử như vậy có trùng khít với sự thật nhân duyên, nhân quả nhiều đời không?

Đức Phật gật đầu:

- Nó như vậy đấy! Tuy nhiên, trong cái riêng có cái chung và trong cái chung vẫn có cái riêng nên không phải lúc nào họ cũng gặp gỡ nhau, chung sống với nhau như chủ và tớ. Vẫn có hằng trăm, hằng ngàn kiếp họ thất lạc nhau trong luân hồi, tương tợ một trận bão, một cơn lốc cuốn đi

---

[1] Pháp cú 21, 22, 23: Appamādo amatapadaṃ pamādo maccuno padaṃ. Appamattā na mīyanti ye pamattā yathā matā.
Etaṃ visesato ñatvā appamādamhi paṇḍitā. Appmāde pamodanti ariyānaṃ gocare ratā. Te jhāyino sātatikā niccaṃ daḷhaparakkamā. Phusanti dhīrā nibbānaṃ yogakkhemaṃ anuttaraṃ.

qua một cánh rừng, nó bứt tung những ngọn lá bay tản mác mấy phương trời vô định vậy. Hiện tại, họ gặp nhau lại do phúc duyên đã chín vàng, nên khi ra đi, một số đắc Bất Lai, nhiều hơn là đắc Nhất Lai, số còn lại đều được vào Thất Lai cả.

Cả giảng đường như đồng thanh tán thán: Sādhu, lành thay!

Đại đức Ānanda chợt hỏi:

- Còn Cô thị nữ lưng gù? Nhân duyên quá khứ của cô gái đa văn này như thế nào mà lạ lùng vậy, thưa đức Đạo Sư?

- Ừ! Cô ta không ở trong số năm trăm cung nữ thuở trước nên được thoát chết. Cô ta chỉ cùng chung cộng nghiệp bố thí, cúng dường cho tám vị Độc Giác Phật, nhưng riêng cô ta thì nghe pháp nhiều hơn, chăm chú tư tác nhiều hơn. Có điều đặc biệt nữa, là có lần, khi họ dâng bát vật thực còn nóng sốt đến tám vị Độc Giác Phật, các ngài vừa đưa tay ra thì phát giác là bát còn nóng. Cô gái này, tiền thân thị nữ Khujjuttarā, mau mắn, lanh trí lấy từ hai cổ tay ra tám chiếc vòng ngọc dâng cho quý ngài rồi nói rằng: "Đệ tử kính dâng luôn tám vòng ngọc này để quý ngài ngăn bát trên tay cho đỡ nóng!" Do phước báu của cái nhân này nên bao giờ cô ta cũng vượt trội trong chúng về thông hiểu giáo pháp, trí thông minh cũng như sắc tướng!

Ở đâu đó có tiếng cười nhẹ rồi có tiếng hỏi:

- Còn cái lưng gù là tại sao, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật cũng mỉm cười:

- À, cái cô ấy thiệt là quá quắt, thiệt là tinh nghịch! Số là trong tám vị Độc Giác ấy có một vị có cái lưng hơi gù! Hôm ấy, giữa mấy trăm chị em rỗi việc, cái cô này lấy một tấm chăn giả làm y, một cái bát vàng giả làm bát khất thực, rồi cô gù lưng xuống, ôm cái bát đi tới đi lui, nói rằng:"Ngài Độc Giác của chúng ta đi tới như vầy, đi lui như vầy, khi

đứng thì cái lưng trông như cái vòng cung như vầy". Nói thế xong cô ta cười ngặt nghẽo. Do nhân ấy, cô ta bị trả quả gù lưng như vậy đó!

Đại đức Ānanda thay mặt đại chúng hỏi tiếp:

- Vậy vì cái nhân gì mà cô ta phải làm thị nữ (đầy tớ, người hầu) bạch đức Thế Tôn?

- Đấy là nghiệp riêng của cô ta. Chỉ mới đây thôi, vào thời đức Phật Kassapa, cô ấy là một tiểu thư con một bậc trưởng giả kinh thành Bārāṇasī. Cả đại gia đình đều là đệ tử thuần thành của đức Phật Kassapa. Ngôi trang viên này là giếng nước giữa ngã tư đường cho chư tăngi ni đến và đi. Họ đặt bát cúng dường thường xuyên cho chư tăngi ni của giáo hội. Chiều hôm ấy, khi cô đang ngồi kẻ lông mày thì có một vị thánh ni đến nhà viếng thăm có việc với gia đình trưởng giả. Do quá quen biết nên vị thánh ni ngồi xuống một bên. Vì bận trang điểm bằng cả hai tay, cô ta nói:

"- Sư cô cho phép đệ tử được đảnh lễ sư cô bằng lời nói. Tiện thể, nhờ sư cô lấy giúp cái hộp phấn màu nằm phía bên tay trái của sư cô đó!"

Vị thánh ni suy nghĩ:

"- Nếu ta không lấy cái hộp trang điểm theo lời yêu cầu của cô gái thì nghịch ý cô ta, có thể đưa đến sự phiền giận. Mà phiền giận theo tính khí ưng gì được nấy đã thành nề của cô ta, đôi khi tạo oan trái đến một người đã vô lậu giải thoát như ta thì cô ta sẽ bị quả báo rất nặng, có thể đọa địa ngục. Còn ví bằng, ta thuận lấy để trao cho cô ta, như vậy là cô ta đã sai bảo một vị thánh lậu tận; thế là sau này cô ta sẽ mang lấy những kiếp tôi đòi, hầu hạ người khác. Thôi ta đành để cho cô ta mang thân phận thấp thỏi còn hơn là nghiệp báo oan trái đọa địa ngục!"

Do cân phân hai tội nặng và nhẹ như vậy nên vị thánh ni lấy hộp trang điểm cho cô gái. Và bởi nhân xưa như thế nên

đã nhiều kiếp rồi, cô Khujjuttarā phải mang thân phận thấp hèn, làm nô lệ cho người.

Thế là nhân và quả, người và vật của toàn bộ câu chuyện xảy ra tại hoàng cung đức vua Udena đã được đức Phật vén mở từ trong mù sương của quá khứ, ai nấy đều nghe biết rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, thắc mắc gì nữa. Tất thảy phàm Tăng đều kinh hãi khi chứng kiến sự diễn tiến lạnh lùng nhưng phân minh của nhân quả nghiệp báo.

Sau khi hoàng hậu Sāmāvatī qua đời, do cái chết của bà rất bi thương, thê thảm; có hai người bạn đều có tên là Sāmā, rất đau buồn, từ bỏ tất cả để xuất gia, sau trở thành hai vị trưởng lão ni.

Hoàng hậu Sāmāvatī được công nhận là một trong những người nữ đệ tử tại gia xuất sắc nhất của đức Phật, và được ngài công bố là người có tâm từ bi rộng lớn hàng đầu (aggaṃ mettāvihāriyaṃ)[1], vì năng lực của bà có thể bảo vệ khỏi mũi tên được bắn bởi vua Udena, và chuyện này cũng thường được tham khảo đến trong các chú giải[2].

Riêng Khujjuttarā, sau khi mất đi người chủ hiền đức, cô đã dành tất cả thời gian còn lại trong đời cho Phật sự bằng cách nghe pháp và thuyết pháp cho mọi người. Đức Phật đã xác nhận cô ta là một người lỗi lạc giữa hàng nữ tại gia vì sự nghe nhiều học rộng của cô (bahussutānaṃ)[3] và có cả tài thuyết pháp trong hàng cận sự nữ nữa.

Cả hoàng hậu Sāmāvatī và cô pháp sư thị nữ lưng gù đều là những nhân cách lỗi lạc trong hàng cận sự nữ, còn rọi sáng dịu dàng cho đến ngày hôm nay.

---

[1] Anguttara Nikāya. i. 26; cf. iv. 348.

[2] Ví dụ trong chú giải Buddhavaṃsa. 24; chú giải Itivuttaka. 23; chú giải Patisambhidāmagga. 498; chú giải Anguttara Nikāya.ii. 791.

[3] Angguttara Nikaya. i. 26.; chú giải dhammapada. i. 208ff.; chú giải Anguttara Nikaya .i.226,237.; chú giải Itivuttaka. 23f.; chú giải Patíambhidāmagga. 498f.

Giọt Nước Cạn
Trong Gáo Vệ Sinh

Sau mùa an cư thứ chín, mọi sinh hoạt, tu tập trong tất thảy những lâm viên, tu viện, tịnh xá của giáo hội đức Bổn Sư đã đi vào nền nếp. Đại lược là ở đâu, Tăng chúng cũng có những vị pháp sư, giảng sư, kinh sư để giảng nói hoặc tuyên đọc lại những bài kinh mà đức Phật hoặc đại đức Sāriputta thuyết giảng. Họ sống đoàn kết với nhau, nương tựa nhau, tương kính nhau, đối xử với nhau đúng theo những giới điều mà đức Phật đã ban hành đại cương rồi sau đó, được chư vị trưởng lão khai triển thêm nhất là trưởng lão Sāriputta và Upāli. Cuộc hội thảo năm ngoái tại lâm viên Ghositārāma này, dường như đầy đủ chư vị trưởng lão như Sāriputta, Upāli, Vappa, Assaji, Gayākassapa, Nadīkassapa, Yasa, Kāḷudāyi, Ānanda, Devadatta, Bhagu, Anuruddha, Kimbila, Bhaddiya, Nandiya... đã phân ra mười nhóm giới điều, sau đó phổ biến rộng rãi cho bảy học chúng tu tập[1]. Từ đó về sau, mặc dầu giới luật chưa toàn vẹn, cụ túc nhưng những cách thức như hành tăng sự, các lễ sám hối đầu và giữa tháng nơi nào cũng chấp trì nghiêm túc giống nhau.

[1] Tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sa-di, sa-di-ni, sikkhamanī, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Suốt hơn tháng, đức Phật, có thị giả Sunakkhatta tháp tùng rời vườn rừng Ghositārāma bộ hành sang giáo giới chư tăngi tại lâm viên Pāvārikambavana, rồi sang vườn rừng Kukkuṭārāma. Đức Phật còn để thời gian, thỉnh thoảng sang khu rừng trầm hương giáo giới cho Ni chúng ở đây, khoảng chừng năm mươi vị.

Hôm kia, đại đức Ānanda đến gặp đức Phật và tường trình lại chuyện không hay vừa xảy ra tại vườn rừng Ghositārāma. Một chuyện tranh chấp không đáng có. Việc ấy thật ra, ban đầu thì nhỏ thôi nhưng sau lại sinh ra lớn chuyện.

Một vị pháp sư, chuyên giảng kinh, có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, bữa ấy đi vệ sinh; khi xong việc, rửa ráy xong đâu đó, ông ta bước ra ngoài mà quên úp cái gáo xuống, nên bên trong còn ít nước đọng. Vị luật sư, chuyên trì luật và giảng luật, cũng có bên mình mấy trăm tỳ-khưu theo học, đi cầu tiếp theo, thấy cái gáo đọng nước, biết rằng ông bạn của mình, vị pháp sư kia không rành luật, không thông luật.

Lúc gặp nhau, vị luật sư thân mật nói chuyện với bạn mình:

- Hiền giả đi cầu mà đã không úp cái gáo lại!

- Ồ, thế hả! Ừ, tôi đã quên! Chưa già mà đã vô ý, vô tứ như vậy đó!

- Không sao, quên là vô tâm, mà vô tâm thì không có tội! Còn nếu cố tình thì phạm dukkaṭa (tác ác) đấy! Lần sau hiền giả đừng có quên như vậy nữa!

- Thưa vâng! Xin cảm ơn hiền giả đã quan tâm, ái từ nhắc nhở!

Chuyện chỉ có vậy. Rõ cả hai vị đều là bậc thiện trí thức. Trong một buổi dạy luật, vị luật sư đem chuyện ấy kể lại cho học trò nghe, chỉ cố ý đưa ra một ví dụ cụ thể để làm bài học cho học chúng mà thôi. Tuy nhiên, do đa phần chư tỳ-khưu

học luật, phàm tính còn nhiều, thường lắm chuyện, hay ưa đâm thọc, thích nói xấu người. Nên khi đi khất thực hoặc gặp nhau tại nơi này nơi kia, được dịp chứng tỏ mình học luật, chê bai người học kinh. Ví dụ:

- Các ông học kinh thì biết gì về luật nào?

- Thầy của các ông - ngài pháp sư - đi cầu mà không úp gáo lại, "phạm giới dukkaṭa" đấy!

Câu kia đáng lẽ là phải nói đầy đủ nguyên văn như vị luật sư: "Không sao, vô tâm là không có tội. Còn nếu cố tình thì phạm dukkaṭa đấy!" Nhưng câu lặp lại của chúng đệ tử đã bị khúc xạ với ý đồ không được tốt.

Các vị tỳ-khưu học trò của vị pháp sư buồn lòng vì bị chỉ trích, đem việc ấy thuật lại với thầy của mình để mong biết hư thực của câu chuyện. Vị pháp sư kể lại câu chuyện đúng sự thực như thế nào cho chúng đệ tử nghe, sau đó than phiền rằng:

- Cái vị luật sư này thật là đa sự. Đã xác định vô tâm là không có tội rồi, mà tại sao bây giờ lại vọng ngôn, vọng ngữ sinh chuyện ra thế?

Như được dịp trả đũa, những tỳ-khưu học trò còn phàm của vị pháp sư, gặp đệ tử của vị luật sư, nói rằng:

- Thầy chúng tôi, vô tâm nên không có tội. Còn thầy của các ông, ngài luật sư, lại vọng ngôn, vọng ngữ thì phạm tội gì nào?

Chuyện đến tai vị luật sư, nghe mình bị kết tội "vọng ngữ" thì sân hận nổi lên, không còn làm chủ mình được nữa, la toáng lên:

- Giới là áo giáp, giới là viên minh châu, giới là nền tảng của mọi đức hạnh. Nơi nào có giới thì nơi ấy có trí. Nơi nào có trí thì nơi ấy có giới. Mấy cái ông pháp sư không biết gì về giới thì học pháp, học kinh mà làm cái quái gì?

Nếu câu chuyện đến chỗ này thì cũng dễ giải quyết. Chỉ cần hai vị pháp sư và luật sư gặp nhau, triệu tập một cuộc

họp, đầy đủ cả hai bên, kể thực lại câu chuyện cùng đoạn đàm thoại của hai vị lúc ấy. Rồi khuyên mọi người đừng có hiểu lầm, cố chấp gây ra xích mích, tranh cãi nhau không tốt cho môi trường tu học, đánh mất sự hòa khí, đoàn kết giữa huynh đệ trong giáo hội của đức Tôn Sư.

Tuy nhiên, điều kỳ vọng ấy không xảy ra, vì sau đó thì cái bản ngã pháp sư, bản ngã luật sư đã được dịp củng cố, huân trưởng, đồng thời hai nhóm đệ tử hai bên đã trở thành hai lực lượng hộ trì cho hai bản ngã nêu trên. Ông nào cũng chạm tự ái, ông nào cũng bị sân hận làm mờ mắt, ông nào cũng bảo mình đúng hơn, phải lẽ hơn, bên kia mới sai quấy, mới đáng tội.

Thế rồi, bỗng dưng tu viện Ghositārāma phân thành hai nhóm để cãi vã, tranh luận nhau, ai cũng biện hộ, bảo vệ cho thầy của mình. Cuộc cãi vã, tranh luận mà ai cũng giành phần đúng về mình, rõ ràng là đã bước sang giai đoạn đấu tranh với binh khí miệng lưỡi như dầu sôi, như lửa cháy rồi.

Đức Phật hay chuyện, bộ hành sang vườn rừng Ghosītārāma, họp đại chúng cả hai phe, ngài hỏi tự sự đầu đuôi rồi tìm cách hòa giải, bằng lời giáo giới như sau:

- Này chư tỳ-khưu! Giáo hội của Như Lai và đệ tử của Như Lai là thiện bạn hữu, thiện thân tình, đoàn kết, hòa hợp như nước với sữa. Nơi nào có đoàn kết, hòa hợp, thương yêu nhau thì nơi ấy sẽ tồn tại, an lạc và hưng thịnh. Nơi nào chia rẽ, bất hòa, gấu ó, cãi vã, ghét ganh nhau thì nơi ấy sẽ phân ly, đau khổ và suy vong!

Này các thầy tỳ-khưu! Chuyện xảy ra quả thật rất đơn giản. Sắp đến kỳ sám hối cuối tháng rồi. Câu chuyện trung thực đầu tiên giữa hai vị pháp sư và luật sư phải được kể lại. Sau đó, các thầy hãy ngồi lại với nhau, hai nhóm phân rời cho đều ra, một người ngồi xen kẽ (āsannatarikāya) một người bên này và bên kia rồi tình thật sám hối với nhau,

sādhu lành thay với nhau, sau đó tất thảy phải bỏ qua, tâm của ai cũng sẽ trắng bạch như vỏ ốc!

Như Lai nói ít, các ông hiểu nhiều! Hãy tự tác, tự ý, tự nguyện, tự giác mà xử sự ổn thỏa, yên ấm với nhau đi, đấy là phần việc của các ông!

Chuyện Đàn Chim Cun Cút

Đức Phật vừa rời chân đi được một thời gian thì tu viện Ghositārāma, tình trạng miệng lưỡi binh khí trở lại như cũ. Cả hai phe vẫn không ai chịu nhường nhịn ai. Ngày bố-tát cuối tháng họ cũng không ngồi lại với nhau, xen kẽ nhau trong tinh thần thương yêu, hòa hợp.

Sự việc diễn tiến như vậy nó bắt đầu lây lan sang thiện nam tín nữ. Nếu chư tăng phân thành hai phe thì cận sự nam nữ cũng phân thành hai phe, một bên đặt bát, cúng dường hộ độ cho nhóm pháp sư, một bên đặt bát, cúng dường, hộ độ cho nhóm luật sư.

Chưa thôi, tất cả địa thiên, thọ thần, dạ-xoa, phi nhân sống trong phạm vi không gian và địa giới Ghosītārāma cũng phân chia thành hai phe, tuy họ không tranh cãi nhau như loài người nhưng đã có tâm chia biệt. Rồi một có số chư thiên các cõi tâm chưa được thanh tịnh cũng chia ra làm hai phe rồi họ chỉ ủng hộ, hoan hỷ với phe của mình.

Thấy sự việc càng ngày càng trầm trọng, đức Phật cùng thị giả Nāgita trở lại lâm viên để tìm cách giảng hòa lần thứ hai.

Tại pháp đường, cả hai hội chúng đang tách ra hai nhóm mà ai cũng với khuôn mặt nặng nề tỏa ra một uất khí do tâm hận tâm sân còn lưu giữ.

Lần này, đức Phật kể lại một câu chuyện xưa:

- Thuở xưa, có một kiếp nọ Như Lai sinh làm con chim cun cút chúa, sống đoanh vây xung quanh hàng ngàn con chim cun cút tại một khu rừng sâu xanh tươi, trù phú.

Lúc bấy giờ tại làng sơn cước kế cận có một tay sợ săn khôn ngoan, trí xảo. Hằng ngày vào rừng, y thấy hằng ngàn hằng ngàn chim cun cút mập to như quả dừa, khởi tâm tham, tìm kế săn bắt. Tên thợ săn quan sát, thấy cun cút thường cất tiếng gọi nhau sau đó mới tụ họp lại. Y bèn khổ công bắt đầu bắt chước tiếng kêu ấy rồi tập luyện hằng ngày. Khi đã thành thạo rồi, y sắm một tấm lưới lớn rồi núp trốn, giả tiếng chim cun cút. Bầy chim cun cút nghe bạn gọi, tức thời sau đó một đàn lớn đáp xuống. Tên thợ săn nhanh chóng đứng dậy, tung lưới ra, úp chụp được cả trăm con, tóm tất cả chúng thành một mối, bỏ vào giỏ, mang về nhà. Y mang xuống chợ bán và nuôi sống gia đình một cách nhàn nhã.

Hôm kia, cun cút chúa thấy đàn chim cun cút hao hụt dần, khởi sự điều tra nguyên nhân thì biết rõ sự việc. Cun cút chúa họp cả đàn lại, nói chuyện như sau:

- Gã thợ săn kia giết hại bà con ta nhiều quá. Ta có phương kế thoát khỏi thảm nạn ấy, vậy các ngươi hãy đinh ninh ghi nhớ lời ta. Từ nay trở đi, khi một nhóm nào bị gã thợ săn xảo quyệt quăng lưới phủ trùm thì đừng có sợ hãi. Khi không sợ hãi, có được sự bình tĩnh, hãy quan sát từng mắt lưới. Lúc thấy mắt lưới rồi, hãy chui đầu vào mắt lưới ấy, cùng nhau hô một, hai, ba một tiếng rồi tức khắc đồng loạt, nhất loại, đồng đều, không sau, không trước cùng nhấc bổng cái lưới lên, bay lên cao rồi hạ xuống trên một lùm cây. Xong, các ngươi sẽ thoát lọt ở bên dưới. Nhớ làm theo

lời ta dặn, đồng tâm, đồng sức thì mưu sâu, kế độc của gã thợ săn sẽ vô tác dụng. Và chúng ta sẽ được an toàn!

Có một con chim cun cút nhỏ cất tiếng ngây thơ hỏi:

- Thân tôi như trái cau thế này, làm sao mà đủ sức nhấc lưới?

- Không sao! Từng giọt nước, từng giọt nước khi kết hợp lại với nhau trở thành một dòng thác, các bạn không thấy sao?

- Thấy rồi!

- Từng màng nhện li ti tơ mành, kết hợp lại, nó có khả năng bắt được cả những con ong to, không thấy sao?

- Thấy rồi!

- Cái thân chim cun cút bằng quả cau, bằng trái dừa, kết hợp lại một trăm con, hai trăm con, sức mạnh bằng cả con voi con đấy các bạn!

- Phải rồi!

Tin vào sự thông minh, khôn ngoan của cun cút chúa, bọn chúng làm như vậy và thành công. Khi thấy tấm lưới được bầy chim đồng lòng nhấc lên rồi quăng bỏ trên đầu một bụi gai; tên thợ săn bứt óc, bứt tai; chỉ có việc gỡ lưới ra không đã đến lúc mặt trời lặn. Sau đó, chỉ việc hậm hực mang giỏ không mà về nhà.

Suốt một tuần lễ như vậy, tên thợ săn thất bại, bữa nào cũng tối mịt mới thất thểu lê chân về.

Người vợ tức giận nói:

- Ngày nào ông cũng hai bàn tay không mà trở về! Hay là ông đã trao chim để nuôi dưỡng một bà, một cô nào rồi?

Tên thợ săn sừng sộ:

- Này bà, đừng có nói móc, xỉa xói bậy bạ như thế! Hãy nuốt lưỡi đi cho tôi nhờ. Những con chim cút bây giờ chúng đã trở thành ma, thành quỷ chớ không còn là giống chim nữa. Chúng đã đồng lòng nhấc lưới lên một loạt. Rồi với sức mạnh của con chim đại bàng, chúng vút lên cao, bỏ xuống

một lùm cây gai rồi chúng thoát ở bên dưới. Khổ thân tôi, chỉ việc tháo gỡ lưới ra thôi cũng đã tối mịt trời.

Người vợ hiểu cớ sự, thương chồng, dọn cơm nước cho chồng, nói lời an ủi:

- Dù sao chúng cũng chỉ là chim thôi, đâu thể khôn ngoan bằng giống người. Tôi biết ông sẽ có mưu kế khác, trừng trị nó mà!

Tên thợ săn ăn xong, mỉm cười:

- Ta sẽ tóm chúng, nhất định rồi, nhưng bây giờ thì chưa được bà mày ạ!

- Tại sao?

- Hiện tại, chúng hòa hợp và đoàn kết quá! Trăm con mà tâm đồng như một con. Hai trăm cái đầu mà chúng kết dính với nhau như chỉ một cái đầu. Phải đợi đến lúc nào chúng cãi cọ, tranh chấp, gấu ó, chửi mắng nhau, lúc ấy mọi kết hợp sức mạnh đều rệu rã, phân ly, tan tác... Đấy là lúc ta túm tất cả bọn chúng!

Hào hứng quá, tên thợ săn nói lên một câu kệ:

- Khi chúng sống hòa hợp
Đồng lòng nhấc lưới đi
Nếu bất hòa, tranh cãi
Túm chúng có khó gì!

Hôm kia, một con chim cun cút đậu xuống chỗ ăn, vô ý bước lên đầu một con chim khác.

- Đứa nào vô lễ bước trên đầu ta?

- Xin lỗi, tôi hơi vô ý!

Con chim kia hằm hằm nói:

- Bộ ông tưởng rằng chỉ có một mình ông là nhấc nổi lưới lên chăng?

Một chỗ khác. Khi một con cun cút làm rơi một rác khô lên mình con chim kia, sau đó chúng đã gây ra một cuộc cắn mổ rụng lông, xơ cánh...

Rồi ba vụ, bốn vụ, năm vụ xảy ra chỗ này chỗ kia tương tợ như vậy nữa.

Thấy có sự xô xát, đụng độ nhau không đáng có, chim cun cút chúa tìm cách giảng hòa, khuyên giải rồi tóm tắt bằng bài kệ:

- Nếu thương yêu, hòa hợp
Sẽ tăng thịnh, an vui
Bằng giận nhau, xô xát
Bị họa hại tức thì!

Tuy nhiên, lũ chim lại ngoan cố, cứng đầu không chịu nghe. To nhỏ, cặn kẽ giảng giải nhiều lần mà chúng cũng cứ trơ trơ, vẫn cãi nhau om sòm, vẫn cắn mổ nhau rụng lông, tươm máu, chim cun cút chúa tự nghĩ: "Khi bọn chúng tranh cãi, phá vỡ sự đoàn kết thì nơi này không còn an toàn nữa. Cái lưới trên đầu chúng làm sao còn nhấc lên nổi? Gã thợ săn xảo quyệt sẽ nắm ngay cơ hội ấy để tóm tất cả chúng. Cả đoàn sẽ bị hoại diệt, tử vong! Thôi thì ta đành phải tự cứu mình vậy!" Nghĩ thế xong, chim cút chúa với một đàn nhỏ biết nghe lời bèn vội vàng thiên di sang phương khác.

Tên thợ săn rình núp nơi này nơi kia, biết chuyện bất hòa giữa đàn chim nên đã kịp thời quăng lưới.

Ngay lúc tính mạng nguy hiểm như thế mà chúng còn tranh cãi:

- Ngươi giỏi thì tự mình nhấc lưới đi!

- Nghe nói, ngươi không cần ta mà!

Đại loại như thế. Và do lũ chim không chịu đồng lòng với nhau nữa nên tên thợ săn đã dễ dàng từng lúc từng lúc tóm thâu chúng! Thế là đàn chim cút bất hòa đã tự mình hủy diệt chính mình!

Sau khi kể lại chuyện túc sanh, như một tấm gương sáng rỡ như vậy, đức Phật còn cất giọng từ hòa nói tiếp:

- Này các thầy tỳ-khưu! Nơi nào có khẩu chiến, xô xát, bất hòa, tương tranh thì nơi ấy đưa đến ly tán, họa hại, hủy

diệt! Nơi nào thương yêu, đoàn kết, vô tranh, hòa hợp thì nơi ấy có được sự an vui, hưng thịnh và thanh bình! Đấy là định luật tương đối trên thế gian này! Chim cút là vật thiểu trí nhưng chúa của chúng tỏ ra là bậc thiện trí, đã thấy rõ đâu nhân đâu quả, đã hết lòng khuyên bảo, răn dạy vẫn vô ích mà thôi!

Chẳng lẽ nào các thầy, một tỳ-khưu, một sa-môn trong giáo hội của Như Lai, học pháp và luật của Như Lai lại chỉ như bọn chim cút cứng đầu, tự giết hại chính mình mà không tự biết hay sao?

Mỗi người hãy tự chiêm nghiệm, tự quán sát để giác ngộ bài học.

Sau pháp thoại, đại đức Ānanda tự nghĩ:"Bài học thật là thấm thía. Đằng sau câu chuyện còn nổi bật một sự thật: Nếu hai nhóm tỳ-khưu không tìm cách sống hòa hợp, đoàn kết với nhau thì cũng giống như lũ chim cút cứng đầu, vô trí kia mà thôi!"

Rồi đại đức chợt cảm thấy buồn khi đức Thế Tôn đã lao tâm, khổ tứ, đã mỏi hơi, mỏi miệng đối với chư tăng Ghositārāma, nhưng mà những lời giáo giới chí tình ấy thì lại như nước đổ đầu vịt!

Không Hận Thù[1]
Mới Dập Tắt Được Hận Thù

Một tháng sau nữa trôi qua, đức Phật đã trở lại Ghositārāma lần thứ ba thì nơi đây hiện tượng bất hòa chia rẽ đã đến mức trầm trọng. Hội chúng luật đang bàn tính tụng tuyên ngôn để trục xuất vị pháp sư về việc vi phạm giới mà không chịu sám hối. Hội chúng kinh pháp cũng đâu có thua gì, kiên quyết bảo vệ thầy của mình và họ cũng dự định tụng tuyên ngôn trục xuất vị luật sư vi phạm giới vọng ngữ!

Đến lúc này thì tình hình cận sự nam nữ hai hàng đã phân ra hai nhóm; những con đường, những ngôi nhà, những phần vật thực cũng được phân đôi như thế. Ông triệu phú Ghosaka rất buồn lòng vì chuyện xảy ra trong lâm viên của mình, tìm gặp hai nhà triệu phú bạn là Kukkuṭa và Pāvārika tìm cách phân giải. Nhưng phân giải với nhau thì có ích gì. Họ đích thân đi đến nhà từng nhóm thiện tín nói lời hơn thiệt, cũng hoài công. Bên ủng hộ luật nói, ngài luật sư của chúng tôi sống một đời giới hạnh trong sạch thế mà bị vu oan giá họa cái tội vọng ngữ thì ai mà chịu được? Bên ủng

[1] Đôi nơi dùng chữ từ bi. Từ (mettā) cầu mong mọi người cùng hạnh phúc, an vui; bi (karuṇā) khởi tâm thương xót (bi mẫn) đến những người bất hạnh quanh mình - nên muốn an ủi, sẻ chia...

hộ kinh nói, ngài pháp sư của chúng tôi là bậc trí tuệ, hiền hòa, nho nhã, bụng chứa cả rừng kinh pháp thế mà bị nhóm kia muốn tụng tuyên ngôn trục xuất "cái tội không có tội" là thế nào? Vừa vừa thôi chứ!

Ba nhà triệu phú lại đến trình bạch với đức Thế Tôn sự việc đến hồi họa hại, khó cứu vãn.

Tại giảng đường hôm ấy, đức Phật ngồi yên lặng quán sát hai hội chúng và ngài biết rõ là từ tranh cãi, bất hòa bây giờ tâm của họ đã bước sang ranh giới của bực tức, oán ghét, sân hận. Đức Phật cảm nhận rõ lửa từ tâm sân của họ bốc lên đã làm ô nhiễm không khí, môi trường xung quanh; chúng lan ra cả ngoài rừng cây, ảnh hưởng đến cả địa tiên, thọ thần, dạ-xoa, phi nhơn nữa. Một số đông chư thiên ở các cõi trời dục giới cũng xôn xao, bàn tán, tranh luận xem ra cũng chưa ngã ngũ bên nào đúng hơn bên nào. Vị thích giới luật thì bảo vệ giới luật. Vị thích kinh pháp thì bảo vệ kinh pháp.

Thấy đức Thế Tôn im lặng quá lâu không nói gì. Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm luật cất tiếng:

- Bạch đức Đạo Sư! Hay là đức Đạo Sư cứ giữ yên lặng như vậy. Đức Đạo Sư cứ an trú với tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Còn việc tranh chấp gây xáo trộn ở nơi đây thì hãy để cho chúng đệ tử tự giải quyết lấy!

Một vị tỳ-khưu thuộc nhóm kinh phụ họa:

- Đúng vậy! Bạch đức Thế Tôn! Ngài hãy cứ an hưởng lạc về thiền, lạc về quả! Hy vọng chuyện xảy ra ở đây không ảnh hưởng gì đến niềm bình an siêu thoát của ngài!

Bây giờ đức Chánh Đẳng Giác mới cất tiếng rống uy mãnh của sư vương:

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Các thầy tưởng rằng tâm của Như Lai bị ảnh hưởng vì điều này, bị chi phối bởi điều kia chăng? Các thầy tưởng rằng Như Lai nên an trú vào tâm tuệ giải thoát là cái phúc lạc riêng tư của Như Lai chăng? Chỉ có

người bụi cát nhiều ở trong mắt nên nhìn thấy đâu cũng là bụi cát. Chỉ có người ích kỷ, nhỏ mọn nên nhìn thấy đâu cũng ích kỷ, nhỏ mọn! Chỉ có người ở trong ống ghè nhìn lên bầu trời thì thấy bầu trời cũng chỉ ngang bằng cái ống ghè! Chính các thầy không tự thấy là tự mình đang tự đào hố chôn mình? Các thầy đã không tự biết từ khẩu tương tranh, khẩu bất hòa, khẩu luận chiến thì nó đưa đến ý bất hòa, ý tương tranh, ý luận chiến? Từ ý bất hòa, ý tương tranh, ý luận chiến sẽ đưa đến kiến rối ren, kiến hoang vu, kiến điên đảo, kiến rừng rậm, kiến sa mạc? Rồi từ khẩu, từ ý, từ kiến phân ranh, đối lập, chia biệt, xô xát chúng sẽ dẫn đến thân bất hòa, giới bất hòa rồi vật dụng phát sanh cũng chia năm xẻ bảy, kẻ có người không, kẻ ít người nhiều. Thế là toàn bộ lục hòa là đời sống tốt đẹp duy trì phạm hạnh, duy trì thương yêu, hiểu biết, duy trì giáo hội sẽ đưa đến phân ranh, tan rã rồi hủy diệt hay sao?

Để cho hội chúng thẩm thấu ý và lời ấy, đức Phật tiếp giọng hòa hoãn, ôn nhu:

- Những chuyện phức tạp trong đời sống ước lệ, thế phàm, tương đối chúng ta cũng có thể có những giải pháp ước lệ, thế phàm, tương đối. Từ đó, cái gì, pháp nào cũng có cách đối trị cả. Chuyện khẩu tranh, tương tranh, bất hòa chia rẽ ở đây thật ra có thể giải quyết dễ dàng. Cho chí những mối hận thù rỉ máu, xé tim mà bậc hiền trí xưa cũng dùng nước từ bi mà rưới tắt được.

Thấy hội chúng lắng nghe, đức Phật lại kể chuyện xưa, giọng trầm ấm, sâu, vang xa tạo một âm lượng len lỏi nhẹ nhàng vào tâm và trí của từng người:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Một thuở lâu xưa, đức vua Brāhmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī, nước Kāsi là một vị đế vương hùng cường, giàu mạnh. Ông ta có nhiều tài sản, của cải; có một đội binh vĩ đại, lắm xe ngựa, nhiều voi chiến. Ông ta cai quản một quốc độ mênh mông rộng lớn

với những kho châu báu, kho vải vóc, kho khí giới, kho lúa, vựa lúa lúc nào cũng đầy ắp.

Xa về phương bắc, giáp ranh lãnh thổ Kāsi là nước Kosala có đức vua Dīghīti cai quản một đất nước nghèo nàn, ít tài sản, ít của cải, ít lúa gạo, ít xe cộ, binh lực kém, quốc khố chẳng có gì quý báu.

Lòng tham của Brāhamadatta không dừng lại, ông ta dòm ngó nước láng giềng rồi đem binh khởi chiến. Khi quân biên phòng phi ngựa trạm về cấp tốc thông tin:

- Vua Brāhmadatta nước Kāsi, mang ba loại quân binh[1] hùng hậu, rầm rộ như lửa cháy, như bão táp sắp tấn công Kosala, xin bệ hạ hãy khẩn tính! Đây là báo cáo cấp nguy! Nguy lắm rồi!

Đức vua Dīghīti lặng người, suy nghĩ:

"- Nước ấy, quân ấy là con kình ngư rộng miệng, là con sư tử khát máu! Ôi! Nước ta, quân ta nhỏ bé, yếu đuối thì làm sao chống đỡ nổi dù chỉ thời gian một trống canh?! Thôi, chi bằng ta trốn quách! Quan quân bá tánh sẽ vô sự, vì những ông vua hiển hách, ngạo mạn này thường thích kẻ thù quỳ dưới chân xin tha tội chết mà thôi!"

Thế rồi, đức vua Dīghīti cùng hoàng hậu cải trang thành người dân nghèo khổ, trốn ra khỏi cung, len lỏi tránh quân binh rồi đi mãi, đi mãi.

Đức vua Brāhamadatta chiếm được kinh thành, chiếm được nước không tốn một mũi tên, hòn đạn nhưng quân lính lùng sục mãi không tìm thấy tăm bóng đức vua và hoàng hậu đâu. Tức giận quá, ông hét lên:

- Quân láo xược! Kho đụn, của nả trống không! Quân binh, ngựa xe èo uột! Còn cái ông vua vô dụng, vô năng cũng trốn biệt đâu rồi? Ta biết trút giận vào ai bây giờ?!

---

[1] Tượng binh, kỵ (mã) binh, bộ binh (thuở ấy chưa có thủy binh)

Trong lúc đức vua Brāmadatta chiến thắng vẻ vang cái kinh đô nghèo nàn, trống không thì đức vua Dīghīti và hoàng hậu lại đào tẩu về phương nam, vượt sông Gaṇgā đến kinh đô Bārāṇasī, tìm ẩn trú trong nhà người tiện dân làm đồ gốm. Với lời hay đẹp, dịu dàng, ái ngữ, đức vua đã thuyết phục được người thợ gốm cho nương nhờ. Rồi ông ta hoan hỷ sẵn lòng thu xếp cho hai vợ chồng một căn nhà đất tuềnh toàng, nhưng cũng tạm thời đủ che mưa đỡ nắng.

Đức vua Dīghīti vốn bản chất thuần hậu, dịu dàng nhưng tâm cơ linh biến đã biết cách thích nghi với hoàn cảnh, chẳng chút phiền hà. Nhưng hoàng hậu lại khác, bà hiện đang có thai, bà lại đang căm tức, buồn phiền, lúc nào cũng muốn báo cừu, rửa hận. Đức vua Dīghīti khuyên lơn hoàng hậu mãi: "Bực tức, căm giận, buồn phiền thường ảnh hưởng không tốt đến thai nhi đấy! Hãy nghĩ đến giọt máu trong bụng nàng mà nuốt hận vào lòng đi!"

Nhờ có mang theo phòng thân một số ngọc ngà, châu báu, họ sử dụng rất chừng mục để nuôi sống bản thân và cả cho con cái trong tương lai. Đứa con trong bụng hoàng hậu càng ngày càng lớn. Hôm ấy, sắp đến ngày giờ sinh, hoàng hậu nói với đức vua:

- Thiếp có một thèm muốn. Nếu thèm muốn này không được thỏa mãn thì đứa con trong bụng không thể sanh ra đâu, và ngay thiếp cũng không bảo toàn được tính mạng!

Ngạc nhiên, đức vua cất giọng dịu dàng:

- Thèm muốn gì thế? Vì đứa con của ta, vì sinh mệnh của nàng, ta sẽ cố hết sức mình!

Hoàng hậu nhỏ giọng, thổ lộ:

- Vào lúc mặt trời mọc, ba hoặc bốn hôm nữa, khi nào thiếp đứng trên lầu cao nhìn xuống, thấy ba loại quân binh hùng dũng, oai phong với binh khí được vũ trang, dàn trận trên một đám đất bằng phẳng, rồi họ hét lên một tiếng xung

mây, đồng cúi xuống uống một bụm nước rửa đao kiếm, chỉ khi ấy, tối đến, đứa con mới được sinh ra!

Đức vua la lên nho nhỏ:

- Thượng đế Rāmā ơi! Trời đất ơi! Chúng ta đang mang thân phận lẩn trốn, chôn danh, giấu tính thì lấy đâu ra ba loại quân binh hùng dũng, oai phong? Lại còn bày ra vũ trang, dàn trận, uống nước rửa đao kiếm nữa chớ!

Hoàng hậu khóc nức nở:

- Nếu không được thế thì thiếp chết mất!

Đức vua Dīghīti nằm vắt tay lên trán, suy nghĩ, suy nghĩ... Trong vùng ký ức mù sương, bỗng hiện ra bóng dáng một người. Đấy là người bạn cũ của vua, bạn rất thân, là một bà-la-môn hiền thiện, có trí và có cả đức đại độ, bao dung nữa; ông ta hiện là vị trọng thần, giữ chức tế tự của đức vua Brāhamadatta, là linh hồn của quốc độ Kāsi. Mừng quá, như chết đuối vớ được phao, đức vua Dīghīti khôn ngoan lần dò thăm hỏi tìm đến được nơi ở của viên quan bà-la-môn tế tự.

Khỏi nói chuyện ngạc nhiên, tâm lý buồn vui, thương nhớ phức tạp, đức vua đi thẳng vào vấn đề, kể lại toàn bộ câu chuyện lẫn mong muốn kỳ lạ của hoàng hậu cho bạn mình nghe, không giấu một chi tiết nào!

Trầm ngâm một lát, vị bà-la-môn nói:

- Đức vua và hoàng hậu còn sống là tôi mừng. Lại càng mừng hơn khi nghe ngài sắp có tin vui nữa. Đức vua nước tôi bản chất hung dữ, độc ác lại có lòng tham không đáy, nhưng có điều là ông ta còn biết sợ thần linh, tôi nói gì thì ông ta nghe nấy. Bệ hạ yên trí, báo tin vui cho hoàng hậu, là chuyện này tôi giúp được!

Xiết bao mừng rỡ, đức vua ôm chầm bạn mình, cảm động đến chảy nước mắt:

- Bạn đã sinh ra tôi lần thứ hai đấy, bạn biết không!

- Đừng nói thế! Hôm qua tôi nằm mộng một điềm triệu, dường như là linh ứng với việc này: Mặt trời nuốt mặt trăng

làm cho tất cả tối đen. Lát sau, từ trong chỗ tối đen đó lại hiện ra một mặt trăng khác, sáng vằng vặc... Vậy đứa con của đức vua chính là cái mặt trăng ngời ngời này đây, tốt lắm!

Nghỉ hơi một lát, vị bà-la-môn bấm mấy đốt ngón tay, ngẫm ngợi, tính toán rồi nói:

- Ba hôm nữa, mặt trời sẽ đi vào chánh cung, hoàng đạo. Khoảng trưa đứng bóng sẽ có ba loại quân binh dàn trận tại vùng đồng cỏ phía nam kinh thành, và họ sẽ làm y như yêu cầu của hoàng hậu. Sớm ấy, hai người sẽ chậm rãi bộ hành về hướng Nam, từ từ leo lên những bậc cấp của lâu thành; từ độ cao ấy nhìn xuống sẽ thấy rõ tất cả.

Bây giờ, tôi sẽ vào cung gặp đức vua và chuyện ấy sẽ được thực hiện đúng ngày, đứng giờ, đúng địa điểm, không sai trật vậy.

Quả thế, vị quan bà-la-môn tế tự vào triều gặp đức vua Brāhmadatta, tâu với ý rằng:

- Ba loại quân binh của bệ hạ trước đây đã trổ uy thần võ, đánh bại cả những đội quân hùng mạnh nhất của châu Diêm-phù-đề. Nó như sư tử chúa giương vuốt. Nó như con đại bàng xoải cánh. Nhưng mấy năm nay, tự mãn phát sanh, kiêu binh phát sanh, hống hách phát sanh, xa hoa hưởng thụ phát sanh, biếng nhác phát sanh! Sức nó bây giờ như con chim cụt cánh, như con rắn bị bẻ nọc. Hãy chấn chỉnh lại. Hãy tập tành lại, đại vương! Xa về phía đông, có một quốc độ rất hùng mạnh, đế quốc Māgadha, là đại cường địch, với binh lực sung mãn, đang dòm ngó quốc độ Kāsi của chúng ta đó!

Đức vua Brāhmadatta sợ hãi, người nổi gai ốc:

- Vậy phải làm sao, hở thần linh của trẫm?

Vị bà-la-môn tế tự bèn chỉ bày cho đức vua cách thực hiện y như mưu kế của mình. Đức vua chuẩn tấu.

Sau khi nhìn thấy ba loại quân binh như vậy, như vậy... hoàng hậu rất thỏa nguyện, tối ấy, bà hạ sanh một hoàng tử với dung nghi khác phàm. Đứa trẻ được đặt tên là Dīghāvu.

Trẻ lớn lên trong túp lều rách nát nhưng được đức vua và hoàng hậu dạy dỗ rất chu đáo. Nó rất thông minh, sáng dạ, học một biết hai ba. Qua tuổi thiếu niên thì đức vua đã trang bị cho Dīghāvu một kiến thức sâu rộng, quảng bác như là một bà-la-môn xuất chúng, đồng thời các môn học nghệ, binh thư, văn võ, trị nước, an dân đều được nghiên cứu thấu đáo. Dīghāvu còn một khả năng bẩm sinh là ca, hát và múa. Đặc biệt là giọng ca thiên phú, trầm bổng du dương của Dīghāvu làm cho tượng đá, gạch ngói cũng phải rung động.

Để cho Dīghāvu được tiến xa hơn và cũng để bảo vệ an toàn cho trẻ, đức vua còn nhờ vị quan tế tự giới thiệu những bà-la-môn thông thái rồi gởi trẻ tới đấy, khá xa thành phố để ăn học với thù lao khá hậu hĩ.

Thời gian trôi qua. Hôm kia, đức vua đi ra phố chợ mua một số hàng nhu dụng thì rủi thay, có một người quen nhận diện được. Y là thợ cạo, thợ hớt tóc một thời cho đức vua Dīghāti nước Kosala, thường hay được phép vào cung làm phận sự của mình mỗi tháng bốn kỳ nên khuôn mặt, tai, mắt mũi, miệng của đức vua, y đều quen thuộc. Thấy đức vua, y mừng rơn trong lòng, phen này ắt sẽ có được phần thưởng xứng đáng. Để một ngày theo dõi, y biết rõ nơi ăn chốn ở của đức vua và phát giác thêm cả hoàng hậu nữa.

Thế rồi, tên thợ cạo đút lót quân canh vào gặp vua, tâu trình mọi điều tai nghe, mắt thấy.

Đáng thương thay đức vua và hoàng hậu sau gần hai mươi năm ẩn trốn đã bị quân lính tới bắt, trói tay dẫn đến triều đình đức vua Brāhmadatta.

Ông vua hung bạo cười ha hả:

- Trốn đâu hả? Trốn đâu khỏi tay ta? Ta đang còn giận căm gan đấy!

Rồi nhìn đức vua nước bại trận đang nằm khoeo dưới chân mình, ông ta quát như sấm nổ:

- Quân bây đâu? Hãy cạo trọc đầu chúng! Hãy lấy dây thừng to cột cả hai đứa lại. Với trống đánh inh ỏi, với kèn thổi um tai, kéo lôi chúng đi khắp các ngả đường trong thành phố, qua cổng thành phía đông, phía bắc, phía tây rồi phía nam. Và tại đây, chặt mỗi đứa thành bốn khúc rồi quăng cho chim ưng, kên kên, cho diều quạ, cho chó sói, chồn cáo nó xơi, nó đớp!

Lại nhắc đến thanh niên Dīghāvu, đã lâu chợt cảm thấy thương cha nhớ mẹ nên xin phép thầy về thăm nhà. Vừa vào thành phố, trên một con đường, nghe trống đánh, ken thổi chàng lần bước tới. Lúc ấy, tại ngã tư đường, đám lính đang dừng chân lại, đang dùng loa tuyên cáo tội trạng của đức vua và hoàng hậu nước Kosala. Dīghāvu lặng người, tóc dựng ngược trên đầu khi thấy rõ đấy là cha mẹ mình. Tuy nhiên, chàng có đủ sự khôn ngoan để giả vờ như khách lạ, nếu không thì nguy hiểm cho tánh mạng của mình.

Thấy con trai đã đến gần bên. Đức vua và hoàng hậu mắt rưng lệ, thảm thiết nhìn con. Ngay giây khắc ấy, sợ không còn thời gian nào nữa, đức vua nói to, trống không giữa trời đất:

"- Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy".

Đức vua lặp lại ba lần và thanh niên Dīghāvu không bỏ sót một chữ, một lời trăn trối kín đáo của vua cha. Nhưng đám lính thì họ cười rộ:

- Ông già điên! Ở đây có ai là con trai Dīghāvu của ông hả?

- Cứ nói nhảm miết! Chút nữa bị chém bốn khúc rồi đó!

- Ta không điên đâu, ta không nói nhảm đâu - Đức vua nói tiếp - lúc này ta tỉnh táo hơn lúc nào hết. Người thông minh mới biết được ý nghĩa, còn ngu dốt như bọn bây thì hiểu được cái gì!

Dân chúng do thấy hình ảnh đức vua và hoàng hậu thảm thương quá nên họ lánh dần đi, chẳng ai hưởng ứng cái trò lếu láo của quân lính cả. Có một số người thì nhăn trán bởi câu nói bí hiểm, có ẩn số của đức vua!

Thanh niên Dīghāvu âm thầm theo dõi cho đến lúc cha mẹ bị thảm hình tại cổng thành Nam. Đợi đêm xuống, giả vờ như một tên du tử, chàng mang rượu và thức nhắm đến mời mấy người lính gác. Khi thấy bọn lính đã say, nằm ngủ ngáy như sấm rồi, chàng gom củi, cây, lá, rác xung quanh chất thành đống rồi đi lượm thi thể của cha mẹ chỗ này, chỗ kia, đốt lửa hỏa thiêu.

Thanh niên Dīghāvu gục khóc lặng lẽ. Đợi đám lửa tàn, bình minh đã rạng, chàng chấp tay đi quanh đám tro ba vòng rồi từ giã. Mấy ngày hôm sau, chàng trốn vào rừng sâu khóc lóc thảm thiết. Khi nỗi niềm sầu thương đã nguôi ngoai, biết làm sao trả thù mối hận thiên thu nầy, chàng nghĩ:

"- Phải tìm cách tiếp cận với tên vua ác đức. Ta sẽ xin một chân luyện voi hay luyện ngựa rồi trổ giọng ca thiên phú của ta, chắc có lúc nào đó cũng lọt được vào tai ông ta!"

Như đã sẵn sàng, thanh niên Dīghāvu trở lại nhà thầy dạy, lẻn trốn vào bên trong, để lại mấy chữ ký hiệu, với lời lẽ hiểu biết, khiêm tốn báo chuyện ra đi không từ biệt là có lý do riêng. Thật ra, bản thân chàng cũng không muốn người khác liên lụy, sự họ bị chuốc họa.

Hôm ấy, đi ngang qua trại nuôi voi cạnh hoàng cung, thanh niên Dīghāvu vào gặp thầy huấn luyện voi, lễ độ thưa rằng:

- Thầy ơi! Cha mẹ cháu cho cháu một số tiền bảo hãy đi học nghề cho giỏi. Đi ngang đây, cháu thấy những con voi

to, oai hùng, đĩnh đạc quá nên cháu khởi tâm muốn học nghề. Xin thầy hãy vui lòng dạy dỗ cho cháu.

Nói xong, Dīghāvu thành tâm trao cho ông già huấn luyện voi một bọc tiền, không nhiều lắm, nhưng cũng không ít lắm!

Liếc thấy một thanh niên khôi ngô, tuấn tú, ăn nói lễ độ, nho nhã; lại còn cả lễ lạt hậu hĩ nữa, ông già chấp thuận ngay:

- Này chàng trai trẻ đáng mến! Được rồi, cứ ở đây mà học với ta, ta trao hết, không giấu giếm gì đâu!

Thế rồi, tại đây, thanh niên Dīghāvu học nghệ rất chăm chỉ, siêng năng. Sớm sớm, chàng đã thức dậy rồi, lau chùi chuồng trại, dọn dẹp cất đặt từng đống thức ăn vương vãi đó đây. Chàng làm không ngơi tay. Những hôm sau nữa, chàng vui vẻ ca hát với rộn rã tiếng cười. Sau đó nữa, cứ mỗi cuối canh đêm, chàng thức dậy sớm, lấy một cây đàn, thế rồi là một điệu ca giọng hát trỗi lên vẳng trong làn sương sớm.

Giọng ca thiên phú, du dương như khúc nhạc trời cùng với lời ca thánh thót, mê ly của Dīghāvu như đi xuyên qua không gian, lọt vào giấc ngủ muộn của đức vua Brāhmadatta. Ông chợt ngồi nhỏm dậy, nghiêng tai lắng nghe, và nó đã hút hồn, đã ru hồn của ông thật sự rồi.

Sáng ngày, đức vua gọi một tên cận vệ:

- Này, sớm nay ngươi có nghe không? Có một khúc nhạc trời, có một giọng ca mê ly, phát sanh đâu đó ở hướng trại nuôi voi. Ngươi hãy tức thời đi điều tra và nghiên cứu hư thực chuyện ấy và báo cho ta ngay!

Một lát sau, đức vua nhận được lời tâu trình:

- Đó là một chàng trai thanh niên trắng trẻo, khôi ngô, vui tươi, dễ mến. Tiếng đàn ấy là của y, lời ca tiếng hát ấy cũng là của y, tâu đại vương!

- Hãy bảo lão huấn luyện voi, trao chàng trai trẻ có giọng ca ấy cho ta.

Lát sau, thanh niên Dīghāvu được dẫn đến triều kiến. Vua nói:

- Ngươi hãy ở đây, hầu hạ phục dịch ta, và khi nào ta cần, hãy tấu nhạc và hát ca cho ta nghe.

- Tâu vâng, đội ơn bệ hạ.

Thế rồi, với bẩm chất thông minh, trí sáng, tháo vát, chăm chuyên, cần mẫn, vui tươi, thanh niên Dīghāvu trở thành người tin cậy và quý mến nhất của đức vua. Tại sao vậy? Vì chàng lúc nào cũng thức dậy sớm và đi ngủ sau. Chàng sẵn sàng làm tất thảy mọi việc trong tầm tay, trong tầm mắt mà không cần ai sai bảo. Chàng luôn luôn có ngôn ngữ tao nhã, lịch thiệp, dịu dàng với đức vua. Nổi bật hơn tất cả là khuôn mặt và nụ cười của chàng sao mà rạng rỡ, dễ mến đến thế. Khi chàng cầm cây đàn, một vài nốt nhạc vừa khảy lên thì đất trời như ngưng lặng. Và khi mà tiếng ca du dương của chàng cất lên, hát lên thì nó dường như đưa hồn đức vua vào thế giới âm thanh vi diệu nào đó của thần tiên.

- Này chàng trai trẻ! Ngươi đã làm cho mát mẻ, hoan hỷ cái lỗ tai của ta, thư thái cả cái đầu óc của ta nữa. Kể từ nay, ta bổ nhiệm ngươi chức vụ cận thần thân tín ở bên cạnh.

Từ khi được chính thức nhận nhiệm vụ quan trọng này, đức vua còn xiết bao thích thú khi khám phá những tài năng lạ lùng khác của chàng. Từ việc đọc sách, ngâm thơ đến việc cỡi ngựa, múa gươm không có gì mà chàng không biết. Thật ra, chàng còn cố ý che giấu cái tài của mình đi, chỉ làm như chỉ biết chút chút vậy thôi, hoa hòe, hoa sói bên ngoài vậy thôi để đức vua ác độc khỏi sinh nghi.

Đức vua Brāhmadatta trao cho chàng một thanh bảo đao rồi cười ha hả:

- Ngươi cái gì cũng biết, nhưng không có cái gì là thực biết! Tốt! Ta đi đâu ngươi đi đấy! Hãy bảo vệ ta bằng nụ cười, bằng tiếng nhạc lời ca và bằng cả thanh gươm này nữa nhé!

Hôm kia, đức vua Brāhmadatta cùng với tùy tùng vào rừng sâu săn bắn. Khi ham rượt đuổi một con hươu sao, vua tôi đi lạc vào một khu rừng già rậm rịt. Vừa đói, vừa mệt, đức vua bảo thanh niên Dīghāvu ngồi xếp bằng xuống và ông ta gối đầu trên bắp vế của chàng rồi chìm vào giấc ngủ say.

Thanh niên Dīghāvu suy nghĩ: "Tên vua khát máu bạo tàn này đã tước đoạt binh lực, xe cộ, ngựa voi, châu báu, kho lẫm, đất đai, lãnh thổ của cha ta. Điều này ta không trách được, vì kẻ mạnh thắng kẻ yếu là định luật muôn đời. Cái tội lớn nhất của ông ta là nhục hình cha mẹ ta, không buông tha cha mẹ ta, dẫu sau gần hai mươi năm hai người đã ẩn trốn trong hoàn cảnh và trong thân phận thấp hèn, hạ liệt nhất. Cái thảm cảnh ấy ám ảnh ta từng đêm và từng ngày. Bao nhiêu tháng ngày ẩn nhục, nay là thời ta phải báo thù!"

Thanh niên Dīghāvu với sát khí đằng đằng rút mạnh thanh bảo đao ra. Rồi thanh bảo đao của chàng chợt run run rồi nằm yên, bất động. Tại sao vậy? Tại vì lúc ấy, lời vua cha trăn trối chợt vọng mồn một bên tai chàng: "Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy".

Ôi! Câu nói này của cha ta, ta đã thuộc nằm lòng, và ta cũng đã từng suy nghĩ tất thảy mọi ý nghĩa bên sau của nó nữa. Cha ta muốn tha thứ cho ông vua độc ác, hung sát này. Ta không thể làm sái cái điều mà cha ta đã trăn trối dặn dò!

Dīghāvu vừa tra bảo đao vào vỏ thì đức vua hốt hoảng thức dậy, láo liên nhìn xuôi ngược, thở hổn hển.

- Bệ hạ có chuyện gì?

- Ta vừa nằm mộng thấy đứa con trai của đức vua Dīghāti định giết ta bằng một thanh bảo đao!

- Bệ hạ yên trí! Thanh niên Dīghāvu mỉm cười, trấn an - Có hạ thần ngồi đây, với thanh bảo đao này, bệ hạ sẽ được an toàn! Hãy ngủ đi, bệ hạ!

Đưa mắt nhìn chàng trai trẻ với tia mắt thiện cảm, tin cậy, đức vua lại chìm vào giấc ngủ mệt.

Lần thứ hai, tâm Dīghāva lại chợt như sóng sôi, như lửa cháy, mối hận kia lại bốc lên đến mờ cả mắt; giống như tự phát, thanh đao lại được rút ra. Và cũng như lần đầu, cái câu "hận thù không dập tắt được hận thù" vọng lên, lại làm cho chàng không thể ra tay được.

Đức vua có vẻ như kinh hoàng lắm, thức giấc rồi hớt hãi nói:

- Con trai của đức vua, cơn giận của y chợt như mặt trời đỏ, lại rút đao giết ta lần nữa!

Dīghāvu lại an ủi, đức vua nằm ngủ trở lại.

Lần thứ ba, vừa chớm nghĩ cái thân của cha mẹ bị cắt làm bốn khúc, máu nóng chàng lại sôi lên, thanh đao lại được rút ra. Rồi lời cha lại cất lên trong đầu: " ... chỉ không hận thù mới dập tắt được hận thù". Chàng lại một lần nữa, im sững.

Đức vua lại thức giấc, lông tóc dựng ngược, dáo dác, hoảng hốt:

- Y đã sắp cắt cái đầu ta bởi một thanh đao!

Thanh niên Dīghāvu lần thứ ba này, không cất đao nữa. Tay trái chàng mân mê cái cần cổ của đức vua, tay phải với thanh đao, gật đầu, bình tĩnh nói:

- Phải rồi! Cái cần cổ của bệ hạ đây, thanh bảo đao kia cũng ở đây, và chàng thanh niên trong giấc mộng, con trai của đức vua Dīghāti chính là hạ thần đây. Đây là lần thứ ba, hạ thần đã định cắt cái đầu của bệ hạ, nhưng do tuân theo lời của vua cha dặn dò, trăn trối nên hạ thần đã tha chết cho bệ hạ. Cầu mong cái cần cổ của bệ hạ nguyên vẹn và mạng sống của bệ hạ được bảo toàn. Hạ thần đi đây!

Nói xong, chàng nhè nhẹ đặt cái đầu của đức vua xuống cỏ rồi đứng dậy.

Bàng hoàng, đức vua níu tấm áo ngoài của thanh niên, đôi mắt ngời sáng với một vẻ chân tình hiếm có:

- Khoan đã, hãy cho ta hỏi vài lời.

Giọng chàng lạnh lùng:

- Có gì hãy nói ngay!

- Ngươi ban mạng sống cho ta thật à?

- Hạ thần là gì mà lại dám ban cho bệ hạ mạng sống? Chính cha ta, đức vua Dīghāti hiền nhân đã ban mạng sống cho bệ hạ đó chứ!

Đức vua bây giờ mới lấy lại bình tĩnh, cất tiếng hỏi:

- Này chàng trai! Câu chuyện ấy ra sao? Đức vua quá cố đã trăn trối lại điều gì mà uy lực của nó có thể đẩy bảo đao vào cái vỏ của nó?

- Tâu, ngay chính khi cha hạ thần sắp bị bệ hạ chặt làm bốn khúc, đã nói ba lần với hạ thần nguyên văn như sau, hạ thần lặp lại không bỏ sót một chữ: "Này Dīghāvu con ơi! Hãy ghi nhớ lời này. Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa. Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc. Hận thù sẽ không làm lắng dịu được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù vậy".

Đức vua lẩm nhẩm lại rồi hỏi:

- Cái câu: "Một cái là đừng kéo sợi dây ấy dài xa thêm nữa", có nghĩa là gì?

- Đây là cha hạ thần dặn dò là đừng nên kéo dài xa mãi cái sợi dây hận thù ấy nữa. Tại sao vậy? Tại vì hạ thần báo thù bệ hạ, rồi con cháu của bệ hạ lại tìm cách báo thù cho bệ hạ. Rồi cứ thế, con cháu của hạ thần lại báo thù con cháu bệ hạ... Và cứ thế, cứ thế, cái sợi dây oan trái kia cứ kéo dài ra mãi. Vậy biết lúc nào mới chấm dứt!

Đức vua có vẻ khâm phục:

- Hay quá! Chỉ có bậc thông thái mới hiểu được ẩn ý ấy. Rồi còn câu: "Một cái là đừng làm cho cái gì giùn lại hoặc gãy vụn, đứt khúc", có nghĩa là gì?

- Tâu bệ hạ! Thế gian này sở dĩ được tồn tại, thịnh vượng, tốt đẹp, an lành, hạnh phúc là nhờ vào những chất keo của các giá trị tinh thần, ấy là đạo đức, hiền thiện, ấy là hiểu biết và nhân đức; ấy là cảm thông, chia sẻ, tha thứ, đùm bọc, thương yêu nhau. Cha của hạ thần khuyên hạ thần là đừng nên làm cho các yếu tố nêu trên bị đứt khúc, gãy vụn, vì như thế là thế gian sẽ bị tàn hại, diệt vong!

Đức vua Brāhamadatta chợt quỳ xuống dưới chân thanh niên như thân cây đổ:

- Ôi! Cao quý thay là những lời này! Ôi! Tâm đức của đức vua quá cố như mặt trăng vằng vặc giữa đỉnh trời! Và ngươi cũng vậy, hỡi chàng trai trẻ! Ngươi đã dạy cho ta một con đường hiền thiện trong kiếp làm người, và đó cũng là chính sách để trị quốc, an dân nữa! Một lần nữa, ta tri ân đức vua quá cố đã ban cho ta mạng sống!

Khẽ nâng đức vua dậy, chàng nói:

- Thế bệ hạ có ban cho thần mạng sống không?

- Nhất định như thế rồi! Và còn hơn thế nữa!

Khi đã trở lại được hoàng cung, lúc lâm triều, đức vua nhìn quần thần rồi nói:

- Nầy các quan! Nếu các quan nhìn thấy con trai của đức vua Dīghāti nước Kosala, bắt được chàng thanh niên ấy thì các ông xử lý như thế nào nào?

Rất nhiều ý kiến được tâu lên:

- Chặt hai tay, hai chân.

- Treo cổ ngoài cổng lâu thành cho bách tính thấy thế để làm gương.

- Chặt bốn khúc quăng vất cho chó nó ăn như cha mẹ của y vậy!

Đức vua trầm tĩnh cho không khí lắng dịu rồi đưa tay chỉ vào chàng thanh niên khôi ngô, tuấn mỹ đang mang bảo đao theo hầu, đứng vòng tay bên sau ông ta:

- Đây này! Đây chính là chàng trai trẻ Dīghāvu, con trai của đức vua Dīghāti nước Kosala đã bị diệt vong. Bây giờ các ngươi muốn làm gì nào? Ai đụng đến chàng ta là đụng đến ta đấy!

Cả triều đình lặng ngắt không ai biết chuyện gì.

Đức vua bèn chậm rãi, gãy gọn lần lượt kể lại tất thảy mọi chi tiết, không bỏ sót cả hoàn cảnh sống trước đây của cha mẹ chàng nữa. Đặc biệt, đức vua nhấn mạnh câu"Hận thù không thể dập tắt được hận thù, chỉ có không hận thù mới dập tắt được hận thù" của đức vua quá cố. Rồi tuyên bố:

- Bởi vì thanh niên Dīghāvu này có một tâm hồn cao thượng, đã ban cho ta mạng sống nên ta sẽ trả lại binh lực, xe cộ, ngựa voi, châu báu, kho lẫm, đất đai, lãnh thổ và cả quyền lực cai trị vương quốc Kosala cho y. Ngoài ra, ta sẽ chọn chàng trai này làm phò mã, sau này, nếu ta mất đi, ta sẽ di chúc tặng luôn cho y cả đất nước Kāsi hùng cường và giàu đẹp này nữa".

Kể xong chuyện xưa, đức Phật đưa tầm mắt bao quát nhìn toàn thể hội chúng, nói rằng:

- Này các thầy tỳ-khưu! Ngay chính những người cầm đao, cầm kiếm mà vẫn có lòng bao dung, độ lượng sẵn sàng tha chết cho kẻ thù. Và chính ông vua khát máu, bạo tàn kia cũng phải xúc cảm, hồi đầu hướng thiện, gục xuống như thân cây đổ để sám hối lỗi lầm của mình! Còn các thầy là gì? Là những sa-môn học hạnh giải thoát, tu tập tứ vô lượng tâm mà không thể làm dịu nguội con tim, làm tắt đi cơn lửa nóng, ngồi lại bên nhau để hòa giải, đoàn kết, thương yêu nhau được hay sao? Tất cả những đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh chỉ đưa đến đau khổ và phiền muộn. Mỗi người hãy

biết tự chế, nhường nhịn nhau thì những bất như ý, bất hòa, chia rẽ sẽ tự động lắng yên, đúng như kệ ngôn sau đây.

Rồi đức Phật đọc:

"- Luận tranh chẳng có ích gì
Tranh cường, hiếu thắng lắm khi phiền hà
Ai người suy gẫm sâu xa
Nói năng tự chế, bất hòa lắng yên"[1]

[1] Pháp cú 6, nguyên văn:"Pare ca na vijānanti - mayamettha yamāmase. Ye ca tattha vijānanti - tato sammanti medhagā".

An Lạc
Của Hạnh Độc Cư

Vào buổi sáng hôm sau, đức Thế Tôn mang y cầm bát, không chào ai, rồi đi thẳng vào thành Kosambī để khất thực.

Hơn ai hết, ngài hiểu rằng, hai nhóm chư tăngi ngoan cố, cứng đầu này đã không còn cách gì khuyên răn, giáo hóa được nữa. Cả ba lần hòa giải thảy đều vô ích. Lần cuối vừa rồi, chúng im lặng, nhưng là sự im lặng của rừng cây gai với những mắt, những gai nhọn, những dây quấn chằng chịt buộc dính không có cách gì tháo gỡ được. Ta ra đi như thế này là bài học cuối cùng cho chúng. Ta dạy không được thì pháp sẽ dạy. Pháp sẽ dạy cho chúng những bài học đớn đau cả thân lẫn tâm, may ra chúng mới giác ngộ bài học "khổ đế" được.

Vào khoảng cuối xuân, trời mát mẻ, đức Phật cứ một mình thong dong đi mãi. Ngày thì có bát khất thực, đêm thì có cội cây. Hôm kia, đức Thế Tôn nhắm hướng đông bắc cất bước rồi ghé vào làng Bālakaloṇakāraka - nơi đây dân chúng sống bằng nghề làm muối. Lúc đức Thế Tôn tìm một lùm cây để thọ thực thì gặp tỳ-khưu Bhagu đang sống độc cư thiền định ở đây.

Độ ngọ xong, đức Phật hỏi:

- Ông sống một mình thì có cảm giác ra sao? Có chiêm nghiệm được sự lợi lạc nào chăng?

Đại đức Bhagu đáp:

- Chiêm nghiệm được sự thanh bình và an ổn, bạch đức Tôn Sư!

- Thanh bình và an ổn như thế nào, hở Bhagu?

- Thưa, mắt đệ tử chỉ nhìn thấy màu xanh và sự tịch lặng, an ổn của ngôi rừng. Tai đệ tử chỉ nghe tiếng gió, tiếng chim, tiếng nước chảy, tiếng lá rơi hoặc tiếng của muông, thú... Âm thanh của thế giới tự nhiên và thiên nhiên này luôn thanh bình và vô sự. Cả ngũ quan của đệ tử đều như thế. Tâm ý nó cũng tương ưng như thế. Nơi đây lại còn xa vắng chỗ loài người, nghĩa là xa vắng chỗ ồn ào, huyên náo, xa lửa tham, lửa sân. Xa chuyện khẩu tranh, tương tranh, lợi tranh, thô lỗ, ác khẩu, ỷ ngữ và trăm vạn nhố nhương, phiền tạp khác. Bạch đức Thế Tôn! Sống độc cư ở đây, chẳng vào sâu các định mà tâm hồn đệ tử luôn như trú tại thanh tịnh cư thiên!

Đức Phật mỉm cười:

- Quả là vậy! Quả là vậy, này con trai! Lúc nào về các thành phố, thị trấn, ông hãy giảng thuyết những điều lợi lạc vi diệu như vậy về hạnh độc cư (Ekacarikavatta) này cho một nhóm, hai nhóm, ba nhóm... tỳ-khưu nghe!

- Thưa vâng!

- Vậy thì hạnh độc cư có chừng bao nhiêu điều lợi lạc, này con trai!

- Thưa, có chừng mười điều lợi lạc sau đây: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân - tự nhiên được hộ phòng, bảo vệ, thu thúc một cách thanh bình, thoải mái, chứ không cần phải cố gắng ngăn chặn, kềm giữ quá kịch liệt, quá sức, quá mệt mỏi!

- Đúng vậy! Đấy là năm điều lợi lạc hy hữu rồi!

- Thứ sáu là tâm ý cũng sẽ thư xả, nhẹ nhàng mà đi vào hỷ, vào an và vào cả tịnh chỉ!

- Đúng vậy, khá lắm, này con trai! Thuở Như Lai còn là một tiểu nhi năm tuổi hôm lễ hạ điền, đã để tâm trong sáng và hồn nhiên nên dễ dàng đi vào định sơ thiền. Vậy khi năm giác quan được thanh bình, an ổn thì tâm ý của ông nó có giống như tâm ý trẻ thơ không, này con trai?

- Gần như vậy mà hóa ra không phải vậy, bạch đức Thế Tôn.

- Cũng đúng nữa! Và Như Lai rõ biết là ông muốn nói gì rồi. Chúng ta tiếp tục, lợi lạc thứ bảy là gì nào?

- Thưa, là rừng có sẵn năng lượng tứ vô lượng tâm. Vậy khi tâm vắng lặng tham sân, khí huyết điều hòa, hít thở vào ra an nhiên tĩnh tại, thanh bình, siêu thoát, dẫu không miên mật tu tập thiền tứ vô lượng tâm nhưng nếu ta hướng tâm từ thì có từ, hướng tâm bi thì có bi, hướng tâm hỷ thì có hỷ, hướng tâm xả thì có xả. Đấy là thêm bốn lợi ích nữa là thành mười, thưa Tôn Sư!

- Phải! Đức Phật gật đầu - đây là mười điều lợi lạc của hạnh độc cư mà do ông tự chiêm nghiệm bằng sự thực chứng cụ thể, hiện tiền mà nói ra, chứ không phải do Như Lai hoặc hai vị trưởng tử giảng thuyết. Nó đúng vậy đấy, này con trai! Và nếu ông có được trí phân tích biện tài, ông còn đưa ra thêm một chục, hai chục, ba chục, bốn chục... cái lợi lạc của hạnh độc cư nữa đấy, này con trai!

- Xin đức Thế Tôn chỉ dạy thêm.

- Không cần thiết. Một, hai điều mà đôi khi lại là quá dư đủ, nhưng ba bốn chục điều, học thuộc lòng như con vẹt đôi khi cũng còn thiếu rất nhiều đấy! Chính ông phải tự chiêm nghiệm, thẩm sát thêm nữa vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người, này con trai!

Nói thế xong, đức Phật đứng lên, từ giã, rời ngôi làng của dân làm muối, trả lại sự thanh bình và an ổn cho vị ẩn sĩ độc cư rồi cất bước nhẹ nhàng như đám mây trời thong dong vô sự.

Như Nước Với Sữa

Trời bắt đầu xuất hiện những đám mây đen xám, âm u báo triệu những cơn mưa đầu mùa nhưng tiết trời lại khá oi bức, đức Phật vẫn sống đời ta-bà vô trú, chưa có dự định dừng chân lại ở nơi đâu. Ngài cứ đi, cứ lang thang vô định xứ.

Hôm nọ, thấy một khu vườn rừng cây cao bóng cả, trong lành và xanh mát, đức Phật hướng chân bước vào.

Một người làm vườn chợt chận lại:

- Thưa ngài sa-môn! Cảm phiền ngài hãy dừng chân lại cho!

Đức Phật biết rõ lý do, nhưng ngài mỉm cười, cất tiếng hỏi:

- Tại sao?

- Thưa, vì trong ngôi vườn tĩnh lặng này có ba vị sa-môn ẩn sĩ mày thanh mắt sáng, trước đây đều là con cái của những gia đình quý tộc danh giá nay họ xuất gia rồi, đang ở nơi đây với đời sống tĩnh cư, giới hạnh trắng bạch như vỏ ốc! Như là những bậc thánh. Vậy xin ngài sa-môn hãy hoan hỷ rời chân đi nơi khác, đừng phiền nhiễu đến họ.

Đức Phật mỉm cười, gật đầu:

- Đúng là vậy!

Đại đức Anuruddha đang tĩnh cư gần đấy, nghe tiếng người làm vườn và giọng phạm âm của đức Thế Tôn, bước ra nói:

- Này bác làm vườn! Vị ấy chính là đức Đạo Sư của chúng tôi đó!

Ông ta kính sợ, vội vàng sụp lạy, nói lắp bắp:

- Hèn gì! Tôi đã ngờ ngợ! Đức Thế Tôn còn sáng rỡ hơn cả mặt trời, mặt trăng nữa. Tôi đã nghe danh đức Thế Tôn lâu rồi.

Lần vào bên trong, tuy lối đi đường đất nhỏ hẹp uốn quanh co nhưng nơi nào cũng xanh sạch, mát mẻ. Vài cành cây khô, những chiếc lá vàng cũng nằm an hưởng sự thanh bình. Những tiếng chim hót êm tai. Mấy chú bướm sặc sỡ chập chờn, bay lượn vui mắt.

Đến một chòi lá, chắc dùng nơi để hội họp hay độ thực thì từ hai phía khác nhau, sau những lùm cây rậm, tỳ-khưu Nandiya và tỳ-khưu Kimbila bước đến nghinh đón đức Tôn Sư. Một vị đón nhận y bát. Một vị sắp đặt chỗ ngồi. Một vị mang nước rửa chân, ghế kê chân và tấm chà chân. Đức Thế Tôn rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Cả ba vị đại đức đến đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

- Các ông sống ở đây như thế nào? Sức khỏe có tốt không? Trì bình khất thực hằng ngày có dễ dàng không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - chúng đệ tử nhờ tâm bình, khí hòa, máu huyết lưu thông nên chẳng có bệnh tật ốm đau gì cả. Còn việc nuôi mạng ở đây thì chẳng có gì đáng phải phàn nàn.

- Thế các vị sống với nhau tâm tánh có xung khắc với nhau không? Có thân thiện, khiêm nhu với nhau không? Có hòa hợp với nhau như nước với sữa không? Có thường nhìn nhau bằng ánh mắt chan hòa từ ái không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đại đức Anuruddha nói - Quả thật chúng đệ tử đã sống với nhau cũng được như thế!

- Sự thân thiện ấy là như thế nào, hở Anuruddha?

- Thưa! Chúng đệ tử sống thân thiện với nhau qua thân hành, qua khẩu hành và qua ý hành.

- Cụ thể thân hành là thế nào hở Anuruddha?

- Thưa, khi có công việc gì bằng tay hay bằng sức lực thì cứ làm, hoan hỷ làm không cần thiết phải cho vị khác biết. Còn khi cùng làm chung nhau thì hoặc là ai làm việc nấy, mỗi người một tay, đôi khi có việc phải phụ giúp nhiều tay. Mà ai cũng từ hòa, mát mẻ. Đấy được gọi là thân thiện hành.

- Còn khẩu thiện hành?

- Thưa! Là luôn luôn nói lời từ ái, tao nhã, êm dịu lỗ tai, hoan hỷ lỗ tai; ngoài ra, nội dung của khẩu thiện hành còn chú ý đến việc lợi ích cho giới, lợi ích cho định, lợi ích cho tuệ, lợi ích cho bản thân, lợi ích cho tất thảy chúng sanh nữa!

- Ừ! Vậy là đúng đắn! Thế ý thiện hành là sao hở Anuruddha?

- Thưa, ngoài không hận, không sân, ngoài tứ vô lượng tâm ra, chúng đệ tử, khi cần, ai ai dường như cũng quăng vất cái tâm của mình đi, rồi lắng nghe, quan sát xem thử tâm của bạn mình muốn gì, nghĩ gì, sở thích gì để đáp ứng khuynh hướng ấy, yêu cầu ấy một cách an nhiên, tự nhiên không có cố gắng lắm. Nhờ vậy, ngay chính một vài "tập khí" còn rơi đọng lại của người này, người kia cũng dễ dàng được thông cảm, cứ để cho chúng tự lướt đi, trôi đi như giọt nước trên lá sen, chẳng dính vào đâu cả! Nói hơi cường điệu một chút, nhưng sự thật là vậy, chúng đệ tử ba người mà sống với nhau như chỉ "đồng một tâm"!

- Đồng một tâm?! Quý hóa quá! Như Lai hiểu!

Đức Phật lại mỉm cười, quay sang hai vị kia:

- Anuruddha là vậy! Còn hai ông, Nandiyā và Kimbila thì sao ha?

Nandiyā đáp:

- Chúng đệ tử cũng vậy! Từ khẩu thiện hành, thân thiện hành, ý thiện hành đi đến sống với nhau như đồng một tâm, hòa hợp với nhau như nước với sữa, bạch đức Thế Tôn!

- Như Lai nắm bắt tất thảy những khái niệm ngôn ngữ, cả lời và nghĩa ấy, nhưng cái thể hiện đời sống cụ thể của chư vị trong sinh hoạt hằng ngày là như thế nào, hở Kimbila? Tức là cái biểu hiện ra bên ngoài của "đồng một tâm ấy" cái như "nước với sữa" ấy?

- Thưa, Kimbila đáp - Cụ thể là như thế này. Vị nào trong chúng đệ tử khất thực từ làng trở về trước, vị ấy sắp xếp chỗ ngồi, chuẩn bị nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, rửa sạch chậu đựng đồ thừa, chuẩn bị nước rửa và nước uống. Vị ấy có thể tùy nghi độ thực trước hoặc đợi bạn về cũng không sao.

Vị về thứ hai, thứ ba cũng vậy. Sau khi dùng xong, ai đứng lên sau cùng thì người ấy quăng bỏ những vật thực thừa, dọn dẹp, cất đặt lại toàn bộ rồi quét sạch từ trong ra ngoài.

Ngoài ra, một vị nào đó thấy lu nước uống, lu nước rửa chân, lu nước nhà vệ sinh bị cạn nước thì tự động đi múc nước đổ cho đầy vào. Một vị nào đó thấy một thân cây đổ, một chân ghế bị gãy, một đám đất cáo chồn vương vãi... thì vị ấy tự động biết mình phải làm gì. Dường như chúng đệ tử ai ai cũng thấy được chỗ này chỗ kia phát sanh việc này, phát sanh việc khác như đồng một cái thấy vậy.

Có một số việc nặng, đôi khi không thể tự làm một mình, phải cần hai hoặc ba người thì chỉ cần đưa tay làm dấu hiệu chứ không cần phải nói ra, và ai cũng hiểu là khi ấy cần phải có người phụ lực.

Do vậy, ở đâu cũng yên lặng, ở đâu cũng chẳng có một lời tiếng nào. Như thế, cả lâm viên này đều lây lan, ảnh hưởng năng lực tĩnh lặng của tâm thiền đó, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật nhè nhẹ gật đầu.

Đại đức Nandiyā tiếp lời:

- Cứ mỗi năm ngày một kỳ, một đêm, chúng đệ tử gặp nhau ở đây, tại cái chòi lá này để thảo luận về giáo pháp, cùng nhau ôn tập, ôn tụng hoặc nhắc lại cho nhau nghe những kinh và pháp mà đức Thế Tôn, hai vị trưởng tử, thuyết giảng hoặc khai triển nơi này và nơi khác. Việc này rất lợi ích cho sự tu tập cũng như lợi lạc khi cần phải giảng nói đến cận sự hai hàng.

Cũng trong đêm này, những kinh nghiệm thiền chứng, lộ trình giải thoát tâm... vị này và vị kia cũng đem ra bàn thảo, trao đổi để bổ khuyết cho nhau, san sẻ cho nhau, hướng dẫn cho nhau. Không một bàn tay nào được nắm lại. Không một pháp nào bị che giấu.

- Ngoài ra, đại đức Kimbila nói tiếp - Cứ mỗi tháng hai kỳ, chúng đệ tử gặp nhau ở đây để sám hối; sau khi sám hối chúng đệ tử thay nhau tụng đọc những học giới cho đến thuộc lòng để hy vọng sau này dạy bảo lại cho những vị tỳ-khưu hậu lai!

Đại đức Anuruddha như kết luận:

- Chúng đệ tử không nói đến nỗ lực, tinh tấn. Chúng đệ tử không nói đến chánh niệm, tỉnh giác. Chúng đệ tử không nói đến định hoặc minh sát. Mà khi cùng sống với nhau trong mọi sinh hoạt, giao tiếp với ngoại giới cùng những tương quan duyên khởi, phải nói là chúng đệ tử sống với toàn bộ bát chánh đạo, toàn bộ giáo pháp trong lòng mình, trong từng lúc, từng khi, trong mọi oai nghi đi đứng nằm ngồi, trong từng mỗi hơi thở, trong từng mỗi sát-na! Do vậy, khi nói giới định tuệ thì có ngay giới định tuệ, khi cần đồng một tâm tức khắc có ngay đồng một tâm, khi muốn như nước với sữa thì liền hòa hợp với nhau như nước với sữa, bạch đức Thế Tôn!

- Hay lắm! Đức Phật thốt lên - Buổi pháp thoại hôm nay, các ông cần phải giảng nói rộng rãi cho các nhóm học chúng, hội chúng tu học! Nếu chư tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai, cụ thể là hai nhóm hội chúng kinh và luật tại lâm viên Ghositārāma mà sống được chỉ một phần mười sáu như các ông thì đừng nói chia rẽ, tương khắc, bất hòa, khẩu chiến, khẩu tranh... không thể tồn tại mà một ánh mắt khó chịu, một lời nói không hoan hỷ lỗ tai nhau cũng không thể xảy ra!

Cuối cùng, tuyệt vời, tuyệt hảo nhất là các ông đã ở bờ kia mà không thèm nói tới bờ kia. Các ông thường trực sống trong chân đế mà chỉ sống và nói với tục đế. Các ông đã uống được giọt nước giáo pháp tận đầu nguồn của Như Lai, cho nên khu lâm viên này luôn được tưới tẩm sự trong lành, bình an và mát mẻ. Một vài trạng thái giải thoát có được, các ông cũng không dính mắc, không chấp thủ! Tốt lắm! Quý lắm! Như Lai khen ngợi đó!

MỤC LỤC

Con Chó Khôn Ngoan 7
MÙA AN CƯ THỨ TÁM 19
Chánh Hậu Của Đức Vua Udena 20
Một Số Giới Điều Cần Thiết 30
Hiện Tại Pháp Lạc 38
Về Hơi Thở 54
Chỉ Việc Thở Thôi 62
Hoá Độ Du Sĩ Magandiya 65
Ôi! Chàng Gọi Chúng Em Là Những Bà Chị! 74
Cô Bé Visākhā 81
Thế Nào Là Một Bà-La-Môn Chân Chính? 86
Bà Phu Nhân Xinh Đẹp 102
Bài Học Về Vườn 113
Bậc Chư Thiên Ái Kính 118
Bài Học Về Rừng 129
Đại Thần Chú 139
Thêm Một Gia Chủ Hữu Danh 144
Khúc Thán Ca Vô Thường Bất Hủ 166
Chiếc Lá Đắng 177
Hạt Giống Hy Hữu 183
Tu Hạnh Chó Và Hạnh Bò 189
Vị Thánh Bảy Năm Trong Bình Máu 195
Những Người Bạn Cũ 205
Chiếc Phao Phước Báu 212
Sa-Môn Đầu Trọc 218
Hoá Độ Bà-La-Môn 227
Lại Nhiếp Hoá Bà-La-Môn Nữa 244
Chuyện Tỳ-Khưu Nanda 255
Sắc Đẹp Hoa Sen 261
Cảm Hoá Cô Dâu Hư! 275
Bậc Chiến Thắng Bất Diệt, Bạn Của Ta Giờ Ở Đâu? 281
Đặc Tính Của Biển Lớn 292
Người Đàn Tín Hộ Trì Tối Thượng 301
Một Doanh Gia Thành Đạt 309
Đức Hạnh Nhẫn Nhục Của Tỳ-Khưu Puṇṇa 314
Một Nghệ Sĩ Kỳ Lạ 317
Vị Thánh Trong Bụng Cá 323
Những Câu Hỏi Vớ Vẩn! 329
Rāhula Ngủ Trong Nhà Xí 336
Voi, Lừa Và Đa Đa 341

Tấm Gương Học Tập Của Rāhula 346
Bài Học Của Nai Tơ 353
Cô Thị Nữ Lưng Gù 358
MÙA AN CƯ THỨ CHÍN 365
Cúng Dường Bằng Tâm Ý 366
Như Thớt Voi Giữa Trận Tiền 370
Gà Sống, Gà Chết 375
Mũi Tên "Phản Nghịch" 380
Giẻ Rách Cũng Hữu Dụng 387
Ngọn Lửa Hận Thù 393
Báo Ứng 397
Nghiệp Nhân Từ Quá Khứ 405
Giọt Nước Cặn Trong Gáo Vệ Sinh 412
Chuyện Đàn Chim Cun Cút 417
Không Hận Thù Mới Dập Tắt Được Hận Thù 423
An Lạc Của Hạnh Độc Cư 441
Như Nước Với Sữa 444

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu ……

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

4

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng,

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20- 4- 2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI
(Năm 578 trước TL)

Sáu Nguyên Tắc
Sống Hoà Hợp

Im lặng, đưa đôi mắt ái từ và thiện hảo nhìn ba vị tỳ-khưu đang sống đời an vui, giải thoát, đức Phật điềm đạm nói tiếp:

- Từ đời sống hòa hợp như nước với sữa của các vị tại khu rừng Gosiṅga này, Như Lai muốn dựa vào đấy để bổ túc, bổ sung cho đầy đủ những nguyên tắc sống của tăng-già để sau này đi đâu, giữa phố thị, làng mạc, vườn rừng, tu viện, lúc gặp dịp thuận lợi, các vị sẽ giảng nói rộng rãi lại cho các hội chúng tăng ni. Và đấy là sáu phép hòa kỉnh để đem đến sự hòa hợp như nước với sữa - các ông hãy lắng nghe.

Thứ nhất là từ thân hành[1], nghĩa là cái thân của mỗi vị phải được tẩm mát bởi tâm từ. Như vậy có nghĩa ngoài chuyện cái thân ấy không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh mà còn phải biết dùng cái thân ấy đem lợi ích cho mình, cho bạn đồng tu và cho cả chúng sanh muôn loại nữa. Ngoài ra, trong cộng đồng tăng lữ, như nước của trăm con sông lúc trở về biển chỉ còn thuần một vị mặn; cũng vậy, dù

[1] Mettākāyakamma - kamma có thể dịch là nghiệp, việc làm, hành động hay là sự biểu hiện ra bên ngoài.

trong giáo hội của Như Lai đầy đủ bốn giai cấp đến học tu, nhưng chỉ có một mùi vị là giải thoát, không có thân tôi là bà-la-môn, thân anh là sát-đế-ly, thân cậu là vệ-xá, thân ông là thủ-đà-la. Chỉ có một thân thôi, đồng một thân thôi là cái thân chia sẻ công việc như sửa sang liêu cốc, dọn dẹp phòng ăn, phòng tắm, nhà vệ sinh cùng trăm việc lặt vặt khác. Cái thân mà làm được như thế, hành động được như thế thì trăm thân cũng hòa, ngàn thân cũng hòa do có năng lượng tâm từ luôn được tẩm mát nên được gọi là từ thân hành!

Thứ hai là từ khẩu hành[1], nghĩa là lời nói ra của mỗi vị phải được tẩm mát bởi tâm từ. Như thế, ngoài chuyện cái khẩu ấy không được nói dối, không được nói đâm thọc, không được nói lời độc ác, không được nói lời rỗng không, thô tục, nhảm nhí, vô ích, mà lời nói ấy còn phải hòa nhã, dịu ngọt, êm ái, hoan hỷ cái lỗ tai của mọi người. Vậy cũng chưa đủ, bậc lợi trí, lợi tuệ còn sử dụng lợi khẩu, lợi ngôn nữa, nghĩa là họ chỉ nói lời chân, lời thiện, lời mỹ, chỉ nói lời an vui, giải thoát, chỉ nói lời biết đủ, sống dị giản, chỉ nói lời sách tấn sự tu học. Nới tóm lại là chỉ nói những lời để xa lánh xấu ác, phát triển lành tốt, thêm giới, thêm định, thêm tuệ thì họ mới nói. Đối với bạn đồng tu cũng tương tợ vậy, từ khẩu hành luôn được tẩm mát, ngày cũng như đêm, trước mặt cũng như sau lưng.

Thứ ba là từ ý hành[2], là luôn an trú tâm từ khi sống với nhau. Như vậy, ý nghĩ của mỗi người không bao giờ để cho tham lam, sân hận và tà kiến chi phối. Trong một tập thể, đừng bao giờ bắt mọi người sống theo ý mình, phải bỏ tâm ý của mình đi mà sống theo tâm ý của bạn. Khi giải quyết một vấn đề cần ý kiến của mọi người thì phải tôn trọng những quan điểm riêng tư. Có thể biểu quyết bằng đa số, lựa chọn ý

---

[1] Mettāvacīkamma.
[2] Mettāmanokamma.

kiến nào là khả hữu, nhưng nên nhớ là luôn lấy công bằng làm thước đo lẽ phải. Nếu được như thế, có từ ý hành làm chủ đạo thì hội chúng nào cũng thanh bình cả.

Thứ tư là giới hòa[1], là mỗi người sống theo giới luật mà mình đã thọ trì một cách trọn vẹn, đừng để cho nó hư lủng, đứt bể, lấm dơ. Sa-di có những giới điều chế định cho sa-di. Tỳ-khưu có những giới điều chế định cho tỳ-khưu. Ai nấy đều làm tốt bổn phận mình, tôn trọng nhau, hòa hợp nhau. Không có trường hợp người nhiều giới xem thường, coi khinh kẻ ít giới hoặc ngược lại. Ai nấy đều đang trên lộ trình tiến hóa, người đi trước dẫn người đi sau trong tình huynh đệ, thiện bạn hữu thiêng liêng và cao đẹp. Nói như thế, nhưng chỉ cần mỗi người tự làm tốtgiới hạnh, giới phẩm của mình thì giới hòa sẽ trở nên hoàn hảo.

Thứ năm là lợi hòa[2] là khi có lợi lộc phát sanh, cụ thể là thức ăn, vật uống, chỗ ở, giường gối, chăn màn, y áo và vải vóc, thuốc chữa bệnh và ngừa bệnh... nói chung là tất thảy những tiện nghi cần thiết cho đời sống một sa-môn thì phải chia sớt, san sẻ đồng đều đến mọi thành viên, không ai được nhiều hơn ai. Tuy nhiên cũng tùy trường hợp phải linh động. Ví dụ, chư vị trưởng lão, tuổi cao, sức yếu, những người ốm đau, tật bệnh thì được hội chúng ưu tiên hơn. Cũng có trường hợp, các vị trẻ dâng cúng vật quý trọng lại cho chư vị trưởng lão. Cũng có thể những vị tôn túc nhường phần mình cho những vị khác thiếu thốn hơn. Tất cả đấy đều được thể hiện bởi lòng quý trọng và thương yêu. Trên tất cả, tối thượng hơn cả, nếu ai ai cũng biết chừng mực, vừa đủ trong tứ sự thì sẽ mang đến một sự hòa hợp tuyệt vời:

---

[1] Sīlasāmaññatā: Sīla là giới. Sāmaññatā là sự hòa hợp, phù hợp, giống in... Tạm thời dịch là "giới hòa" theo cách hiểu phổ thông.

[2] Sādhāraṇabhogī: Cộng chung lợi lộc. Như vậy, có nghĩa là cùng hưởng chung lợi lộc phát sanh - thường thì ở đâu cũng chia đều ra cho mỗi cá nhân trong tập thể ấy.

Không chia đều mà vẫn hòa! Các ông có thể thấy ra chỗ này không?

Tôn giả Anuruddha đáp:

- Thưa, chúng đệ tử không những thấy mà từng đã thực hiện tại khu rừng Gosiṇga này!

- Cụ thể là thế nào?

Tôn giả Kimbila đáp:

- Thưa, một hôm có người thợ rừng đi ngang, dâng cúng một tô mật ong. Hiền giả Anuruddha và hiền giả Nandiya không bảo chia đều mà trao hết cho đệ tử vì biết cơ thể của đệ tử cần đồ ngọt.

Đức Phật khen ngợi:

- Vậy đích thực là hòa hợp ở trong tâm, chứ không phải là bình quân vật chất thô thiển ở bên ngoài nữa. Tuyệt lắm!

Tôn giả Nandiya nói thêm:

- Một số thuốc men và tất thảy mọi vật dụng, tiện nghi khác cũng vậy. Ở đây không có chia đều, mà để chung một chỗ, ai cần thì sử dụng trong chừng mực và phải lẽ.

- Đúng là vậy!

- Chẳng ai có tư hữu, chẳng ai thèm có cái gì đó là của mình. Chúng đệ tử hoàn toàn vô sản và bần hàn, thưa đức Tôn Sư!

- Đúng là vậy! Đẹp lắm thay!

Tôn giả Anuruddha thưa tiếp:

- Tôn giả Sāriputta, tôn giả Moggallāna, tôn giả Mahā Kassapa... thường không giữ cái gì cho mình cả, luôn luôn chia sớt, san sẻ đến những vị sư thiếu thốn, là những tấm gương soi, bạch đức Thế Tôn! Hiền giả Ānanda được đức vua Udena dâng cúng một ngàn bộ y quý đẹp nhưng ngài chỉ mặc bộ y cũ, còn tất thảy đều đem dâng cúng hết cho hội chúng, là một nghĩa cử đẹp tuyệt vời, bạch đức Thế Tôn!

Đến ngang đây, đức Phật chậm rãi tiếp:

- Điều thứ sáu, điều cuối cùng là kiến hòa[1]. Nếu một ngôi nhà năm mái, năm cạnh đều được chầu về mái chóp nhọn thì mái chóp nhọn kia sẽ bao quanh, ôm kín, phủ trọn chúng. Vậy, chóp nhọn kia nằm ở địa vị thống lĩnh, quan trọng nhất, mà nếu thiếu nó, ngôi nhà ngũ giác không thành. Trong sáu nguyên tắc sống mà Như Lai vừa lược giảng, năm điều vừa trình bày mới chỉ là năm mái, năm cạnh, còn cái chóp nhọn bao trùm chúng, phủ trùm chúng chính là kiến hòa. Thiếu "kiến hòa" thì năm bộ phận chi tiết kia sẽ bị rã tan không thống hợp lại với nhau được. Vậy ở đây, ai có thể giải thích, diễn giảng cái "kiến hòa" ấy cho Như Lai nghe thử nào? Nó khá phức tạp đấy!

Có vẻ suy nghĩ một lúc rồi Anuruddha đáp:

- Kiến[2] theo nghĩa truyền thống thì nó là học thuyết, giáo lý, quan điểm nhưng tất cả chúng đều không thể nói được về giáo pháp như thực của đức Tôn Sư. Tuy nhiên, nếu tạm mượn chữ kiến ấy trong kiến hòa thì có thể có ý nghĩa rằng: Tất thảy mọi người, trong một tu viện, tịnh xá, các hội chúng tăng ni sống trong giáo pháp của đức Thế Tôn thì phải lấy giáo pháp ấy mà nương tựa, tri và hành theo giáo pháp ấy! Không thể có trường hợp những cái "kiến" ấy khác nhau, so lệch nhau, đối chọi nhau, không phù hợp nhau, không y nhau, đấy được gọi là "kiến hòa" , bạch đức Tôn Sư!

- Tạm được! Đức Phật gật đầu - ông đã nói đúng cái cốt lõi.

Kimbila thưa tiếp:

- Như vậy thì có thể nói cô đọng hơn nữa: "Cái kiến" về pháp học, về pháp hành phải giống nhau, phải y nhau, bạch đức Tôn Sư!

---

[1] Diṭṭhisāmaññatā: Phù hợp, hòa hợp, giống in... tri kiến.
[2] Diṭṭhi: Giáo lý, học thuyết...

- Đúng vậy!

Nandiya gật gật đầu:

- Thảy thảy! Tất tần tật. Về uẩn, xứ, giới, về tứ diệu đế, tứ niệm xứ, bát chánh đạo... gì gì đó; tức là những giáo pháp quan trọng, giáo pháp diệt khổ đưa chúng sanh đến chánh trí, giải thoát thì phải giống nhau toàn bộ mới được gọi là kiến hòa, phải vậy không, thưa đức Tôn Sư!

- Đúng vậy! Đức Phật lại mỉm cười - nhưng nếu các vị đi đây đi đó, gặp lúc phải giảng nói, từ cái kiến văn và kiến tri giống nhau đó thì kiến giải, kiến luận cũng phải giống nhau nữa!

- Thưa vâng!

Đức Phật giảng tiếp:

- Thế gian thường nói là cùng một mục đích, cùng một chí hướng, cùng một lý tưởng, cùng một hạnh nguyện gì gì đó nhưng tất thảy những cái "cùng" ấy chúng dễ đưa đến xung đột, đấu tranh hoặc để thỏa mãn tham vọng hoặc quyền lực. Giáo pháp của Như Lai chỉ đặt tầm quan trọng, tinh tủy nơi kiến hòa mà thôi. Kiến và tri, thấy và biết; nhưng phải là thấy biết như thực, chơn chánh. Thấy biết như thực, chơn chánh nên được gọi là chánh tri kiến. Chánh tri kiến cũng chỉ là nói tắt của những cái như thực khi sáu căn và sáu trần xúc đối: Mắt thấy sắc như thực, tai nghe âm thanh như thực, mũi ngửi hương như thực, lưỡi nếm vị như thực, thân xúc chạm như thực, ý biết pháp như thực. Kiến, văn, giác, tri đều như thực, chính là chánh tri kiến.

Này các vị! Hãy nắm cái chánh tri kiến này mà lên đường. Chánh tri kiến này chính là chữ "kiến" trong "kiến hòa", nó chính là cái chóp nhọn phủ trùm, bao trùm giáo pháp của Như Lai. Chỉ cái kiến này thôi, mà những kiến hoang vu, kiến rừng rậm, kiến kiết phược, kiến đảo điên... của thế gian sẽ không tồn tại, không có chỗ đứng trong đôi mắt của người có trí!

Cuối cùng, sáu nguyên tắc sống này chưa từng có từ xưa đến nay, chưa hề có mặt trong bất kỳ một chủ thuyết, một học thuyết nào. Nó chỉ có mặt trong giáo pháp như thực, của những con người có mắt sáng, tai sáng, trí sáng, rỗng không vô minh và ái dục. Nó hỗ trợ cho những kẻ lên đường. Nó là chất keo tâm linh kỳ diệu gắn kết những người tu học với nhau trong các hội chúng nên còn được gọi là pháp làm cho cho mọi người yêu quý, thương mến nhau[1], là pháp làm cho mọi người quý trọng, tôn kính nhau[2], là pháp chấm dứt xung đột, cãi cọ, đưa đến vô tranh, hòa hợp, nhất trí trong các thành viên[3] mà thế gian không thể có được.

[1] Piyakaraṇa: Piya là yêu quý, thân thương, khả ái...Karaṇa là làm, tạo nên..
[2] Garukaraṇa: Garu là tôn kính.
[3] Saṇgahāvivādā- sāmaggī - ekabhāvasaṃvattana.

Hiền Giả Voi Và Khỉ [1]

Nghỉ lại khu lâm viên ba vị ẩn sĩ một thời gian nữa, đức Phật được họ phục dịch rất ân cần, chu đáo. Đức Phật cũng cố ý nhắc đi nhắc lại bài pháp sáu nguyên tắc sống đưa đến vô tranh, hòa hợp cho các vị thánh giả này thuộc nằm lòng để có dịp, họ trùng tuyên cho những nhóm tu học khác. Phải làm thế nào để không có một trường hợp nào xảy ra tương tợ tại Ghositārāma.

Nhưng hôm kia, đức Phật không báo với ai, lặng lẽ ôm bát lên đường. Thế rồi, ngài trì bình khất thực trên đường, độ thực dưới một bóng cây nào đó rồi nhắm phía rừng xanh, đi mãi.

Đức Phật tự nghĩ: Không biết giáo hội của chư Phật quá khứ có xảy ra tình trạng bất hòa, chia rẽ như hội chúng tại Ghositārāma này không? Thế rồi đức Phật hướng tâm, ngài thấy rõ, biết rõ, đấy là chuyện thường xảy ra, thời chư Phật nào cũng có, khi chư tỳ-khưu phàm tăng còn quá nhiều tục tính và quá nhiều tập khí. Và đức Phật cũng biết, chư Phật nào cũng vậy, sau khi giáo giới không được, các ngài cũng

[1] Chuyện voi và khỉ - dựa theo Dhammapadaṭṭhakathā - bản chú giải kinh Pháp Cú - Kosambaka Vatthu.

đi vào rừng, độc cư ở đấy để chư tỳ-khưu ngoan cố, cứng đầu sẽ học được bài học khác.

Lúc mặt trời vừa lặn, đức Phật bước vào khu rừng có tên là Pārileyyaka với nhiều cây cao bóng cả, sầm uất, xanh đẹp, cây lành, trái ngọt. Ngài dự định an cư hạ thứ mười ở đây, dưới một cội cây sālā hùng vĩ.

Cách đấy không bao xa, có một con bạch tượng già cũng đang thọ hưởng đời sống độc cư. Nó cũng vừa tách khỏi bầy đàn để ẩn trốn ở đây.

Vốn là chúa đàn từ lúc còn trai trẻ, thanh niên bạch tượng đã dẫn dắt đàn, hướng dẫn đàn, bảo vệ đàn với tình thương của người cha, người mẹ. Mấy chục năm qua, đàn voi được yên vui và tăng thịnh. Tuy nhiên, như một gốc cây quá già đến lúc phải lão hóa, voi cảm thấy cơ thể mình đã suy yếu, sức lực đã giảm sút. Nó chỉ thích sự yên tĩnh. Nhưng mà bực bội quá. Nó luôn bị quấy rầy bởi những chàng voi đực, những cô voi cái, mấy ả voi tơ, mấy cậu voi bé, mấy chú voi con... Bao nhiêu đầu ngọn lá ngon lành mà nó vừa vít xuống, đã bị lũ voi giành nhau cuỗm đi. Có những cành, những búp, những chồi cây mộc ngọt, nó vừa kéo xuống, lũ voi kia đánh nhau, huỵch nhau giật giành cắn xé vương vãi ra. Rốt lại nó phải ăn những cành lá nát, phải nhai những thứ mà bọn kia bỏ lại. Nó chán quá. Chúng chẳng có biết lễ nghĩa, phép tắc gì cả. Rồi còn những chỗ nó uống nước, bọn kia lại quậy cho nổi bùn lên. Những bụi sen, bụi súng sau khi ăn no, chúng còn phá nghịch cắn xé làm cho cọng cành tơi tả, nổi lềnh phềnh! Khi nó muốn tránh ra xa, trốn và ngâm mình trong một cái ao hồ nào đó thì cũng có ngay một hai ả voi cái đến kề bên õng ẹo, lẳng lơ cọ xát mông, cọ xát đít. Thiệt là chán quá. Nó nghĩ: "Hay là ta nên sống một mình, tách khỏi bầy đàn, tìm một ngôi rừng xa vắng nào đó để tĩnh cư, dưỡng già?" Thế rồi, lợi dụng lúc cả bầy voi đang nghỉ, voi già nhẹ nhàng lẻn trốn tìm đến khu

rừng Rakkhitavana - thuộc vùng Pārileyyaka[1]. Và nó tìm được an lạc ở đây.

Đức Thế Tôn lúc ấy, đang thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, sau đó, cụ thể là ngài đi sâu vào định diệt thọ tưởng để nghỉ ngơi. Thật là quá xa rồi những việc rầy rà, bực bội, phiền tạp của hai hội chúng tỳ-khưu ở Ghositārāma. Bây giờ hoàn toàn vắng lặng các cuộc xung đột, cãi cọ, khẩu tranh, luận tranh vô bổ, nhảm nhí, phù phiếm...

Như vậy là bậc thầy của chư thiên và nhân loại và chúa loài voi trong khi tìm chỗ độc cư đã gặp gỡ nhau ở đây.

Hôm kia, do đã xa rời bầy đàn huyên náo, với tâm hồn không chút cáu bợn phiền não, voi thanh thản dạo chơi. Đến gốc cây Sāla hùng vĩ, nó thấy đức Phật đang trú định diệt tưởng. Thần sắc phi phàm, dáng dấp uy nghiêm bất động của ngài làm cho voi phát sanh nửa quý kính, nửa sợ hãi. Nó lặng lẽ quỳ xuống, chiêm ngưỡng. Đức Phật lúc ấy vừa xả thiền, xuống cận định tam thiền, ngài trú tâm từ rồi ban rải tâm từ ấy đến voi, đến môi trường xung quanh. Lúc này, voi cảm nhận được năng lượng từ ái ấy. Nó rất mát mẻ và an lạc. Do tính linh mẫn bẩm sinh của loài chúa, voi biết đây là một con người, nhưng là một con người phi phàm! Và có lẽ vị này cũng là chúa loài người, cũng đang chán nản bầy đàn như nó?

"Đồng cảnh tương cảm, đồng khí tương lân"[2] voi nghĩ mình phải phục dịch, hầu hạ vị này! Vả chăng đây cũng là việc làm chính đáng và thú vị ở trong đời, nhất là vào lứa tuổi xế chiều đơn thân chiếc bóng.

---

[1] Thật ra, tên khu rừng này là Rakkhitavana - sau do đức Phật gọi tên voi là Pārileyyaka - từ đó Pārileyyaka trở thành tên của khu rừng.

[2] Tác giả mượn câu thành ngữ Hán Việt: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu"- nói trại ra, với nghĩa: " Đồng một khí nên xót nhau. Đồng một cảnh nên cảm nhau!"

Thế rồi, voi chúa để ý quan sát mấy hôm liền nên biết rõ giờ nào đức Phật rời khu rừng ôm bát xuống làng để khất thực. Rồi ngài về cỡ nào, giờ nào; dùng những vật thực gì ở trong bát. Nó cũng biết rõ giờ nào đức Phật đi kinh hành, lui tới, vào ra theo lối nào, lúc nào; giờ nào ngài đi tắm rửa, ở đâu, dùng nước nào để uống, để rửa ráy. Ngoài ra, mỗi ngày ba thời đức Phật trú định rất sâu, đấy là buổi chiều, buổi khuya và vào giấc sáng. Những thời thiền này, voi đâu biết là ngài đang giáo giới chư thiên, địa thiên, thọ thần cùng phi nhân vô hình vô tướng các loại ở trong vùng. Thỉnh thoảng đức Phật trú tâm rỗng không, giải thoát. Và thường khi ngài trú vô lượng tâm để mang đến năng lượng an lành và mát mẻ cho muôn loài. Lạ lùng làm sao, voi chúa mơ hồ cảm nhận được điều ấy. Và nó bắt đầu thực thi phận sự của mình.

Thật là tuyệt vời. Sớm hôm kia, vào cuối canh ba, sau khi đức Phật dùng thiên nhãn thông để quan sát ai có duyên để ngài đi hóa độ, vừa xả thiền, mở mắt ra đã thấy voi chúa quỳ trước mặt. Không biết nó kiếm đâu ra một tảng đá có lỗ giống như cái cối nhỏ trong đựng đầy nước. Hóa ra voi dùng vòi dâng cho đức Phật nước rửa mặt. Khi đức Phật đang làm vệ sinh buổi sáng thì voi dùng vòi nhổ một chùm cây có nhiều lá, lui tới quét dọn trong ngoài khá sạch sẽ.

Khi đức Phật chuẩn bị cầm y bát xuống làng thì voi chúa quỳ gần bên, cuốn y bát ấy đặt lên đầu mình một cách rất cung kính và cẩn trọng.

- Được rồi! Đức Phật mỉm cười rồi nói - Hãy đi cùng với Như Lai ra khỏi bìa rừng!

Thế là đức Phật đi trước, voi đi sau, đội đại y và bát lên đầu. Đến chỗ tiếp giáp với con đường xuống làng, đức Phật dừng chân lại.

- Chỉ đến ngang đây thôi! Hãy trao lại y bát cho Như Lai chứ!

Voi nghe lời. Và sau khi trao y bát cho đức Phật rồi, nó đứng nhìn cho đến lúc ngài khuất sau lùm cây mới trở lại rừng. Sau đó, voi đi lùng tìm trái cây ngon ngọt về chuẩn bị sẵn.

Đợi khi đức Phật đi khất thực từ các xóm làng trở lại, voi chúa đã đón sẵn ở bìa rừng, lại giành đội y bát trở lại cội cây Sāla hùng vĩ. Rồi nó dâng thêm trái cây.

Lúc đức Phật độ thực, voi lại đi kiếm nước, dâng nước cho ngài cũng bằng "cối đá" làm vật đựng. Đức Phật tinh tế, ngài uống nước trước, rửa tay sau để khỏi phiền voi đi lấy nước hai lần.

Voi chúa quỳ một bên ra vẻ mừng vui, hoan hỷ lắm!

Sau khi xong xuôi mọi sự, Đức Phật lại rải tâm từ cho voi cùng nói lời phúc chúc:

"- Cầu nguyện cho con được sanh làm người, làm trời, có trí tuệ, hạnh phúc và an lạc".

Tối đến, voi chúa lấy vòi nắm một khúc cây to để canh chừng thú dữ, trông như một viên đại tướng cận vệ đáng tin cậy.

Ngày ngày, voi chúa hầu hạ đức Thế Tôn như vậy với sự chu đáo, tận tâm, thành kính không biểu lộ một chút mỏi mệt nào.

Không xa nơi này bao nhiêu có một con khỉ chúa, tình trạng cũng không khác voi chúa bao nhiêu, nó cũng trốn bầy đàn tìm ẩn cư ở đây. Hơn tháng trường, thấy voi chúa hầu hạ, phục dịch đức Phật như thế, khỉ chúa phát sanh tín tâm. Nó tự nghĩ:

"- Ta cũng phải biết làm cái gì chứ? Cái con người này thật khác xa với những con người mà ta đã gặp. Những cái con người mà ta đã gặp luôn luôn rình rập, bắn tên, giăng lưới, gài bẫy để săn bắt giết hại bà con của ta một cách độc ác và tàn nhẫn. Người này, hiền, tốt lại tỏa ra cái gì đó rất mát mẻ, rất an lành nữa".

Trong khi nhảy nhót vui chơi đây đó, khỉ chúa phát giác một ổ mật ong trên cây mà bầy đàn đã bỏ đi hết. Sung sướng, khỉ chúa lấy ổ ong xuống, cẩn thận lấy lá chuối đùm lại rồi đem đến dâng đức Phật cùng lúc với voi chúa dâng trái cây.

Đức Phật mỉm cười, làm thinh thọ nhận. Khỉ chúa đưa mắt lấm lét đảo qua đảo lại xem xét "cái ông người" kia có ăn cái vật mà nó tặng không? Nó thấy đức Phật cầm lên xem rồi đặt trở xuống, chứ không dùng. Nó thầm nghĩ: "Có cái gì đây, tại sao?" Rồi khỉ chúa lấy cành cây nhỏ, khoèo khoèo ổ ong xem thử. Nó thấy trong đó còn sót rất nhiều cái gì đó khá bẩn. Hiểu ý, nó lựa lui, lựa tới một tấm sạch sẽ nhất, dâng ngài; lúc ấy đức Phật mới thọ dụng một chút cho nó hoan hỷ.

Và quả vậy, khỉ chúa mừng quýnh, chí chóe liên hồi rồi nhảy vút lên cao, níu cành này bay vèo qua cành khác. Không may, trong lúc sung sướng thái quá thiếu sự cẩn thận, hai tay hai chân khỉ chúa bíu nhầm mấy nhành cây khô, nó bị rơi từ trên cao xuống, trúng nhằm một phiến đá, vỡ đầu, chết liền tại chỗ. Nhờ tâm trong sạch, nhờ tín, hỷ khỉ chúa tức khắc hóa sanh vào cung trời Đao Lợi làm một vì thiên tử cao sang, mỹ tướng.

Thế là đức Phật an cư mùa mưa ở đây, có chú khỉ chúa đã sanh thiên và voi chúa tận tụy cung phụng, hầu hạ rất cẩn mật và chu đáo.

Tình Trạng Tại Ghositārāma

Đức Phật bỏ đi đột ngột, và đi về đâu cũng không ai biết. Chuyện đến tai ba nhà triệu phú, hôm kia họ cùng nhau đến tu viện, chất vấn cả hai vị luật sư và pháp sư.

Đầu tiên là vị luật sư:

- Thưa đại đức! Từ khi giáo hội của đức Tôn Sư được thiết lập đến nay, đem đến hạnh phúc và an lạc vô biên cho chư thiên và loài người. Suốt trong thời gian ấy, có trường hợp nào, đức Phật chế định một học giới, ví dụ như một vị tỳ-khưu không nghe lời dạy dỗ của thầy mình là đức Đạo Sư thì hình phạt như thế nào?

- Đức Tôn Sư chưa chế định rõ ràng!

- Chưa chế định rõ ràng đồng nghĩa với chưa có, không có!? Như vậy cũng có nghĩa là chúng đệ tử muốn làm gì thì làm, không cần phải nghe theo lời giáo giới của thầy mình, tức là đức Đạo Sư hay sao?

- Cũng không phải thế!

- Vậy thì sao ạ?

- Học trò đối với thầy, thầy đối với học trò, chúng không nằm trong học giới bắt buộc mà lại thuộc về ý thức trách nhiệm, nó thuộc về bổn phận nên làm!

Cả ba nhà triệu phú gật đầu:

- Vậy là rõ rồi, thưa đại đức! Chuyện đáng tiếc xảy ra ở đây, đức Đạo Sư đã giáo giới ba lần mà không ăn thua là do người ta ở đây "không biết bổn phận nên làm" của mình! Thế là chúng tôi hiểu rồi! Xin cảm ơn đại đức.

Vị luật sư đau điếng cả người nhưng không biết trả lời sao, vì chính ông ta tự bước vào tròng lý luận của "đối phương"!

Đến gặp vị pháp sư, họ chất vấn:

- Thưa đại đức! Kinh pháp của đức Đạo Sư giảng dạy chỗ này chỗ kia thật là quá nhiều, chúng tôi ngu muội chỉ mới nghe và học được chút ít. Đại đức là vị thầy dạy kinh, giảng pháp cho chư tăng cùng hai hàng cận sự, chắc trong bụng cũng chứa đầy kinh pháp. Vậy, ngưỡng mong đại đức giảng nói cho chúng tôi nghe, tóm tắt nhưng đầy đủ về cách sống làm thế nào để tránh khỏi khẩu tranh, luận tranh dễ đưa đến xáo trộn, bất hòa và chia rẽ?

Vị pháp sư vừa định mở miệng, tức thời ngậm miệng lại ngay, ấp úng, không trả lời được, không đáp được!

Ba vị triệu phú, vái chào lễ độ từ giã:

- Vậy là chúng tôi rõ rồi! Nói là khác mà sống là khác. Cũng có thể nói rằng, pháp ấy, đại đức chưa thực hành được!

Vị pháp sư ngồi chịu trận. Lần đầu tiên, ông cảm giác hối hận, ăn năn!

Khi ra về, cả ba ông triệu phú nhất trí với nhau là từ rày về sau, không hộ độ cho lâm viên Ghositārāma nữa.

Thiện nam tín nữ hai hàng, thấy quá lâu không thấy mặt đức Phật, và hành tung của người cũng không biết trôi dạt về đâu; khi gặp đại đức Ānanda, họ hỏi, đại lược là:

- Đức Thế Tôn giờ ở đâu?

- Đức Đạo Sư giải hòa không được, chắc ngài đã bỏ rơi Kosambī chúng tôi rồi sao?

- Nghe nói ngài vào rừng phải không?

Đại đức Ānanda đáp:

- Tôi cũng chịu. Tôi cũng không biết. Và quả thật, đức Đạo Sư đã nói hết pháp, hết kinh về đời sống hòa hợp, đoàn kết; nhưng hai hội chúng ấy có biết, có nghe mà dường như là cái biết, cái nghe của những người không có tai, không có óc vậy!

- Thế thì chúng tôi cũng bắt chước ba ông triệu phú, sẽ không hộ độ cho bất cứ vị tỳ-khưu nào ở vườn rừng Ghositārāma nữa.

Đại đức Ānanda sẵn có tâm bi mẫn, nghe nói họ sẽ bỏ đói chư tỳ-khưu ở Ghositārāma, ngài nhíu mày hỏi:

- Quý vị làm như thế đã chín chắn chưa? Có lợi ích như thế nào và không lợi ích như thế nào?

- Thưa, không những chúng tôi không cung cấp vật thực mà còn biểu tỏ sự không kính trọng, không tôn trọng, không chấp tay, không đứng dậy chào... Làm như vậy, để họ chỉ biết lựa chọn một trong hai con đường: Một là họ phải bỏ đi khỏi xứ sở này hoặc hoàn tục; hai là họ phải đến quỳ xin sám hối dưới chân đức Đạo Sư!

Đại đức Ānanda nín lặng, không thể đóng góp ý kiến gì hay hơn, có lợi ích hơn họ được.

Vậy là trong hạ thứ mười này, chư tăng Ghositārāma bị thiếu thốn vật thực một cách trầm trọng. Ngay khi đi trì bình khất thực trong thành phố, một số người ra đặt bát cũng hỏi:

- Đại đức ở tu viện nào?

Nếu nói Kukkuṭārāma hoặc Pārārikabaruvana thì họ đặt, còn nói là Ghositārāma thì họ lắc đầu, mời sang nơi khác. Đôi khi khỏi phải nói mời, họ khinh khỉnh quay lưng với khuôn mặt lạnh như tiền! Do chư tỳ-khưu còn biết nói thật, nên đôi khi họ mang bát không trở về cũng là chuyện thường. Có nhóm phải đi khất thực ở những thôn làng xa xôi

thì có được chút ít, cũng tạm duy trì mạng sống qua ngày thôi.

Như vậy là trong hạ này, lúc đức Phật ở rừng sâu, sống với voi, với khỉ thì vật thực sung mãn nhưng tu viện Ghositārāma chẳng còn ai lui tới; dầu đèn, hoa hương gì cũng trống không, vắng lạnh; chư tăng ốm gầy, xanh xao vì thiếu thốn dinh dưỡng, vật vờ tới lui như những xác ma, bóng quỷ.

Suốt mấy tháng chư tỳ-khưu Ghosirārāma sống trong tình trạng như thế, họ đã bắt đầu cảm nhận thấm thía cái quả báo do nhân không nghe lời đức Phật nên đã bị hai hàng cận sự không dâng cúng vật thực, tuy nhiên, họ vẫn chưa ngồi lại với nhau.

Ba nhà triệu phú và tất thảy cư sĩ còn áp dụng những biện pháp cứng rắn hơn nữa. Và họ đã: Không đảnh lễ, không đứng dậy mời chào, kể cả không chấp tay hoặc biểu tỏ thái độ cung kính, tôn trọng đối với chư tỳ-khưu ở vườn rừng Ghositārāma nữa đúng như họ đã bàn bạc với nhau từ tai này truyền sang tai khác.

Đi Tìm Đức Phật

Đợi đến gần hết những tháng ngày nắng nóng vẫn không nghe tin tức gì, không thấy đức Phật trở lại, đại đức Ānanda đi tìm tỳ-khưu Sunakkhatta người Licchavī, đang là thị giả của đức Phật thì được tỳ-khưu Nāgita cho biết là Sunakkhatta đã bỏ đi rồi.

- Tại sao?

- Thưa, có lần y tâm sự: Tôi thỉnh thoảng được hầu đức Phật mà ngài chẳng dạy cho được một pháp gì cao siêu cả, chẳng được một chút thần thông, phép lạ vào cả.

Tôn giả Ānanda mỉm cười:

- Thôi, chuyện đó bỏ qua! Bây giờ tôi rất nóng lòng muốn đi tìm đức Phật, ông cùng đi với tôi cho vui nhé?

- Thưa vâng! Lúc nào tôi cũng nhớ đức Tôn Sư, luôn muốn làm thị giả cho ngài, luôn muốn được hầu cận ngài để được học hỏi và tu tập .

Thế rồi, hai người lặng lẽ ôm bát ra đi.

Đại đức Ānanda suy đoán:

- Tại kinh thành Sāvatthi (Xá Vệ) đã có trưởng lão Sāriputta cùng các vị tôn giả khác; thế là ở đấy đã có người thay mặt đức Tôn Sư để giáo giới học chúng. Vậy, có lẽ đức Đạo Sư không quành lại Bārāṇasī (Ba-la-nại) để đi lên

Jetavana (Kỳ Viên) mà đi về hướng các xứ Kuru, Campā... rồi lên Māgadha (Ma-kiệt-đà) chăng?

Thế rồi, hai vị lầm lũi bộ hành về hướng đông nam. Đến xứ Kuru, nơi đức Phật đã dạy Tứ niệm xứ, đến thị trấn Kammasadhamma, nơi đức Phật hóa độ cho du sĩ Magandiya, đến thị trấn Thullakoṭṭhika, nơi đức Phật hóa độ chàng thanh niên con nhà cự phú xuất gia tỳ-khưu là Raṭṭhapāla để hỏi thăm chư tăng vùng này cũng không nghe tin tức. Cả hai vị đi mãi. Đến vương quốc Aṇga, thị trấn Bhaddiya, tại đây có gia đình vợ chồng triệu phú Dhanañjaya và Sumanā Devi. Đại đức Ānanda còn nhớ thân phụ của bà Sumanā là triệu phú Meṇḍaka có cô cháu ngoại Visākhā, năm ấy mới bảy tuổi mà đức Tôn Sư có tuyên bố là cô bé đã vào dòng! Rồi đến xứ Campā, một đất nước xinh đẹp được ân tứ của đức vua Bimbisāra, tại bờ hồ Gaggarā, nơi đây đức Phật đã hóa độ bà-la-môn Sonadanda cũng không thấy tăm bóng, không một thông tin nào. Thế rồi, hai vị đành phải trở lên kinh thành Rājagaha (Vương Xá).

Tại Veḷuvanārāma (Trúc lâm tịnh xá), chư tăng ở đây cũng đang xôn xao, lo lắng, chẳng ai biết về hành tung của đức Phật. Đại đức Ānanda trình bày cho đại chúng sự thật về câu chuyện bất hòa của hai nhóm hội chúng tại vườn rừng Ghositārāma, kinh thành Kosambī (Kiều-thưởng-di). Rồi sau đó là chư tăng ni, đức vua Bimbisāra (Bình-sa vương), thần y Jīvaka... cũng đến thăm hỏi ra chiều quan tâm, lo lắng.

Hai vị ở đây mấy hôm, rồi đi theo một lộ trình dài, vượt sông Gaṅgā ghé Vesāli, Videha, Vajjī, lên Mallā, Moriya, Koliya qua Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) ... Trên hành trình thiên lý ấy, đặc biệt khi họ được gặp các vị tỳ-khưu lớn như trưởng lão Assaji, Mahā Kassapa, Vappa, Yasa, Gayā Kassapa, Kāḷudayi... thì các vị thánh này chỉ mỉm cười và không ai nói gì, góp một ý kiến nào.

Thế là sau khi trở lại tịnh xá Jetavana (Kỳ Viên) trình bày mọi chuyện cho hai vị đại đệ tử hay rồi, họ an cư mùa mưa ở đây. Rồi tình trạng chư tăng ni, đức vua, triều đình, các đại phú hộ, trưởng giả, các gia chủ, hai hàng cư sĩ... cũng xôn xao, bàn tán, quan tâm, lo lắng cho đức Phật cũng tương tợ như ở tại Rājagaha (Vương Xá) vậy.

Tôn giả Sāriputta và thỉnh thoảng tôn giả Mahā Moggallāna vân du đâu đó trở về, cả hai vị thay nhau giáo giới đại chúng, tăng ni cũng như hai hàng cận sự. Việc đức Thế Tôn "mất tích", hai vị phải nhiều lần giải thích, đại lược như sau:

- Một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, bao giờ cũng mưu cầu đem lại lợi ích cho phần đông. Ngài giáo giới trời, người, chúng sanh các loại bằng thân, bằng khẩu và bằng ý cùng vô lượng phương tiện thiện xảo khác. Cho đến nỗi, ngài im lặng cũng giáo hóa, ngủ nghỉ cũng giáo hóa mà bỏ đi đâu đó cũng giáo hóa. Hai nhóm hội chúng tỳ-khưu cứng đầu, ngoan cố ở vườn rừng Ghositārāma tại Kosambī là ví dụ của trường hợp sau cùng, đức Phật đã dạy cho họ một bài học.

Ai đời chúng ta lại lo lắng chuyện này chuyện kia cho một bậc Xuất Trần Thượng Sĩ bao giờ!? Hành trạng của Người, chúng ta không thể tưởng nghĩ, suy luận, phỏng đoán như thế này, như thế kia được đâu. Đúng lúc, đúng thời, đức Thế Tôn sẽ trở lại thôi.

Mọi người an tâm.

Tuy nhiên, khi gặp riêng nhau, tôn giả Mahā Moggallāna nói với tôn giả Sāriputta:

- Có lẽ sau an cư, chúng ta nên đi đón đức Tôn Sư về đây chăng? Ai ai cũng nóng lòng trông đợi, cũng thấy thương cho họ!

- Chuyện ấy đúng - tôn giả Sāriputta gật đầu - nhưng chúng ta sẽ không đi!

- Tại sao?

- Sẽ bị đức Tôn Sư rầy la đấy!

Ngẫm ngợi một chút, tôn giả Moggallāna gật đầu đồng tình:

- Phải rồi!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Vậy đức Tôn Sư sẽ rầy la như thế nào nào?

- Ngài sẽ "cảnh cáo" như sau: "Các ông làm cái gì vậy? Bổn phận và trách nhiệm của các ông là giáo giới các nhóm hội chúng tăng tục và đem đến lợi lạc, an vui cho họ, ai bảo các ông bỏ thì giờ để đi đón Như Lai? Các ông không biết việc gì đáng làm và việc gì không đáng làm sao? Các ông không biết việc gì là chính, việc gì là phụ sao? Vậy, cái tâm bất động của các ông để đâu? Cái tuệ bất động của các ông để đâu? Hãy để cho sự xôn xao, đón đưa, nghinh rước ấy cho chư phàm tăng và hai hàng cư sĩ họ làm! Các ông hãy ghi nhớ đấy! Đừng làm 'mất mặt' hội chúng thánh nhân của chư Phật ba đời!"

- Đúng là vậy! Tôn giả Sāriputta gật đầu - đúng là chúng ta sẽ bị "mắng" như vậy đấy!

Sau khi hội ý một hồi, cả hai vị nhất trí để việc này cho tỳ-khưu Ānanda đại diện đi đón đức Thế Tôn là hợp tình, hợp lý và đắc thế nhất. Cái tâm, cái tình của tỳ-khưu Ānanda, và cả thị giả Nāgita, đội nắng dầm sương, đường xa ngàn dặm, lặn lội đi tìm đức Đạo Sư không ai là không biết, không ai là không cảm động! Đấy không là bài học ngàn đời hay sao?

Voi Chúa Sanh Thiên

Hôm sau, tôn giả Mahā Moggallāna gặp đại đức Ānanda, nói rằng:

- Này hiền giả thân mến! Tại thị trấn Kuru, chếch về hướng đông nam khoảng vài do-tuần, có một ngôi rừng nguyên sinh có tên là Rakkhitavana, đức Thế Tôn đang độc cư ở đấy, an cư ở đấy, có lão voi chúa hiền thiện vừa làm thị giả, vừa làm hộ pháp, vừa hầu hạ, cung phụng, cúng dường cây trái cho ngài thật là chu đáo. Hiền giả cùng năm trăm vị tỳ-khưu hãy lên đường, nghinh đón ngài về đây cho tăng ni, cư sĩ các giới khỏi phải ngóng vọng và trông chờ!

- Hóa ra sư huynh đã biết rõ tường tận như thế?

- Vâng! Không chỉ mình tôi mà tất cả bậc lậu tận và có thắng trí đều biết!

Đại đức Ānanda cười vui chớ không buồn:

- Vậy thì đệ sẽ đi ngay!

- Đúng thế! Cùng với năm trăm vị tỳ-khưu!

- Thưa vâng!

Tôn giả Mahā Moggallāna còn dặn dò:

- Khi đến bìa rừng, đại chúng ở ngoài, hiền giả một mình vào trước. Phải để ý đến lão chúa voi, hắn sẽ ngáng đường làm khó dễ đấy. Tuy nhiên, chỉ cần đưa y bát lên rồi

chỉ vào khu rừng, lão voi sẽ để cho hiền giả đi. Đức Thế Tôn ngự ở một cội cây sālā hùng vĩ nhất.

Thế rồi, đại đức Ānanda cùng với đại chúng lên đường, theo hướng về Bārāṇasī. Vì hội chúng đông còn phải phân bố rải rác khất thực qua các thị trấn hoặc thôn làng nên phải đi khá chậm, nửa tuần trăng họ mới tới nơi. Nhìn khu rừng già hoang quạnh, đại đức Ānanda chảy nước mắt.

Ghi nhớ lời của tôn giả Mahā Moggallāna, đại chúng chờ rải rác ngoài rừng cây, đại đức Ānanda đi vào rừng một mình. Vào một khoảng cây thưa, có một ông voi trắng to lớn đưa mắt gườm gườm nhìn đại đức. Biết ý, đại đức nâng bát và y lên cho voi thấy, rồi mỉm cười, đưa tay chỉ vào trong ra dấu hiệu. Tuy nhiên, voi chưa nhường đường ngay mà đưa mắt quan sát "người lạ" một hồi, và có lẽ nó trông thấy "giông giống" đức Phật nên quay lưng, đủng đỉnh bước đi như dẫn lối. Đại đức chậm rãi theo sau.

Lúc ấy đức Phật đang tọa thiền, khi xuống cận hành định, mở mắt ra đã thấy đại đức Ānanda đang quỳ phía trước, còn lão voi chúa đứng hầu một bên.

- Hãy gọi chúng tỳ-khưu vào đây, Ānanda! Đức Phật mỉm cười nói - ông và mọi người đi đường xa chắc đã mệt mỏi lắm rồi đấy!

- Ai ai cũng mong ngóng đức Tôn Sư cả! Đại đức Ānanda quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ xong rồi đáp - Nguyện vọng của mọi người là thỉnh đức Tôn Sư về Sāvatthi.

Đức Phật im lặng không nói gì.

Khi chư tăng vào đầy đặc cả khu rừng, voi chúa có vẻ bối rối, bất an; tức khắc, cái vòi của nó nắm chặt một khúc cây to, dựng đứng lên như ra dấu hiệu sẵn sàng bảo vệ đức Phật.

- Hãy bỏ gậy đi, này Pārileyyaka! Đức Phật rải tâm từ, đưa mắt nhìn voi rồi nói - Họ là đệ tử của Như Lai đấy. Họ

cũng bảo vệ Như Lai cũng như ngươi bảo vệ Như Lai suốt mấy tháng qua, vậy đó!

Đại chúng ngạc nhiên khi thấy voi như hiểu tiếng người, nhẹ nhàng dựng khúc cây vào sau hốc đá rồi ngoan ngoãn nằm xuống, tế nhị cuộn giấu cái vòi vào bên trong.

Đại đức Ānanda có vẻ quan tâm:

- Thấy hình dong, sắc tướng của đức Thế Tôn vẫn phương phi, hồng hào, quang rạng, chúng đệ tử rất vui mừng! Nhưng không biết ở tại đây, nơi xa vắng hẻo lánh này, ai là những thí chủ dâng cúng vật thực hằng ngày cho đức Đạo Sư?

- Này Ānanda! Này các thầy tỳ-khưu! Một đức Chánh Đẳng Giác, nếu muốn, có thể đi trì bình khất thực ở bất cứ đâu trên toàn cõi Diêm-phù-đề này, kể cả Bắc Câu-Lu châu! Còn nữa, bữa độ thực của bất kỳ vị Chánh Đẳng Giác nào cũng có sự tham dự của chư thiên, do họ luôn luôn bỏ thêm thức ăn của cõi trời, những mỹ vị, những hương vị tinh tế, thù diệu và bổ dưỡng. Như vậy, sự nuôi mạng của Như Lai không phải là vấn đề phải để tâm. Điều quan trọng là bữa ăn ấy hữu ích cho ai, lợi lạc cho ai? Các thầy nên để ý đến cái câu hỏi ấy!

Để cho đại chúng hiểu rõ ý nghĩa, đức Phật mới giảng dạy tiếp:

- Thường mỗi buổi sáng, sau khi quán sát toàn cõi châu Diêm-phù-đề, thấy ai sẵn đủ căn duyên, Như Lai mới đi khất thực để hóa độ họ. Bằng thấy không có cơ duyên, thì Như Lai cứ ôm bát đi cho chúng sanh tự khởi tâm cúng dường, như vậy lợi lạc lớn, lợi ích lớn sẽ phát sanh cho họ. Còn những khi còn lại, thì sao? Thì mấy tháng nay, Như Lại có hai vị thí chủ, thí chủ khỉ và thí chủ voi! Thí chủ khỉ sau khi dâng Như Lai một tấm mật ong, thấy Như Lai thọ dụng, nó hoan hỷ quá, chí chóe nhảy nhót, bay từ cây này, sang cây khác; và do bất cẩn, nó tuột tay, rơi nhằm một vật cứng nên

bể đầu, mạng chung, tức khắc hóa sanh làm một vị thiên nam ở cung trời Đao Lợi. Còn vị thí chủ voi này, ngày đêm như vậy đó; ngoài chuyện dâng cúng trái quả quý hiếm, ngon ngọt, nó còn biết dâng nước uống, nước rửa mặt, nước rửa tay, quét dọn sạch sẽ xung quanh gốc đại thụ này nữa. Và cũng vì lợi lạc cho nó nên Như Lai còn ở đây, rồi các thầy sẽ hiểu điều đó!

Ngưng một lát, đức Phật nhìn voi, nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Nó là một người bạn lành, một người bạn tốt! Dẫu mang thân súc sanh, nhưng đức tánh, phẩm chất của nó còn hiền thiện hơn rất nhiều so với một số những cái gọi là "con người" trên thế gian này đó!

Lời dạy của đức Phật và câu chuyện vừa kể của ngài về khỉ và về voi đã làm cho một số tỳ khưu xốn xang, hổ thẹn; một số vị nhờ vậy, cảm thấy mình có được con mắt sáng để thấy rõ có cái gì đó bình đẳng giữa tất cả chúng sanh. Có vị củng cố thêm đức tin về nhân quả, kiếp này, kiếp kia và luân hồi tử sanh!

- Như Lai sẽ về Jetavana với các vị - Đức Phật lại nhấn mạnh - Nhưng mà này, sau này, trong các vị, nếu ai trên lộ trình du hóa, gặp được bạn lành thì hãy làm quen với vị ấy, thân cận với vị ấy, học những đức tính tốt của vị ấy, an lạc sống với vị ấy để vượt qua mọi hiểm nguy luôn giăng bẫy trên khắp mọi nẻo đường đời!

Nói thế xong, đức Phật tóm tắt ý ấy bằng bài kệ:

- Ra đi trên bước đường đời
Gặp được bạn tốt, đáng người làm quen
Học chân thật, học dịu hiền
Kết bằng vui sống, vượt miền hiểm nguy[1].

---

[1] Pháp cú 328: Sace labhetha nipakaṃ sahāyaṃ saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ. Abhibhuyya sabbāni parissayāni careyya ten'attamano satimā (Có bài dịch khác: Xa xôi vạn dặm độc hành. Kết bạn thiện sĩ, phúc

Chăm chú nhìn hội chúng một lát, đức Phật cất giọng tiếp tục:

- Tuy nhiên, cũng trên con đường du hóa ấy, nếu không gặp được người hiền, người tốt; không gặp được bạn lành thích hợp, không gặp được người có tác phong đứng đắn; không gặp được người có trí tuệ, có chánh niệm, có tinh tấn để cận kề, nương tựa sớm hôm thì hãy nên như một vị vua, sẵn sàng rời bỏ một vương quốc vừa mới chinh phục, viễn ly tất cả để sống một mình như con voi chúa ở rừng sâu như thế này!

Rồi đức Phật đọc bài kệ thứ hai:

- Ra đi trên bước đường đời
Nếu không gặp bạn là người thiện nhân
Là người tuệ hạnh trong ngần
Là người chánh niệm, tinh cần sớm hôm
Thà rằng vững bước cô đơn
Như lão voi chúa thâm sơn một mình[1]!

Như để cho đại chúng lãnh hội ý nghĩa thấm thía hơn, đức Phật còn giảng tiếp:

- Một trường hợp khác nữa, là không nên kết bạn với kẻ ngu si, người lắm lời, lắm chuyện, cãi cọ, luận tranh ồn ào, huyên náo, phóng dật, giải đãi... Hãy rời xa tất thảy mọi phiền não, ác uế, lo âu, sầu muộn, và hãy sống trong tĩnh lặng, cô đơn như voi chúa tĩnh cư thanh nhàn ở non sâu!

Ngài đọc thêm bài kệ thứ ba:

---

lành lắm thay! Học tâm, học trí đủ đầy. An vui, chánh niệm vượt ngay hiểm nghèo!).

[1] Pháp cú 329: No ce labhetha nipakaṃ sahāyaṃ saddhiṃ caraṃ sādhuvihāridhīraṃ. Rājā' va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya eko care mātaṅgaraññ'eva nāgo (Có câu dịch khác: Xa xôi ngàn dặm lữ hành. Nếu không gặp được bạn lành cùng đi. Sẽ không tăng trưởng tuệ tri. Không thêm giới hạnh, tu trì với ai? Thà rằng cô độc hôm mai. Rừng sâu chúa tể, mình voi hưởng nhàn!).

- Tốt hơn, hãy sống một mình
Người ngu kết bạn dặm trình chẳng nên
Ác xa, rời bỏ não phiền
Chúa voi cô độc vui miền rừng xanh[1].

Đức Phật vừa đọc xong câu kệ thứ ba, năm trăm tỳ-khưu đều đắc từ sơ quả đến nhị quả. Tất thảy đại chúng đồng sụp xuống quỳ lạy; rồi sau đó, tiếng sādhu lành thay vang dội cả khu rừng, lan xa đến các cõi trời.

Để cho không khí yên lắng lại, đức Phật mỉm cười:

- Vậy là tốt rồi! Là lợi ích lớn, là lợi lạc lớn rồi! Thôi, này Ānanda cùng các thầy! Giờ cũng là giờ phải lẽ, chúng ta từ giã khu rừng Rakkhitavana, từ giã cội cây sālā, từ giã chú voi Pārikaleyyaka hiền thiện, lên đường thôi!

Nói xong, đức Phật trú tâm, nhiếp tâm, chỉ một thoáng khắc là ngài vào sơ thiền, lên bát thiền, lần lượt trở xuống tam thiền, xuống nhị thiền, sơ thiền, vào cận định của sơ thiền rồi rải tâm từ cho chư thiên, thọ thần các loại phi nhân, muông thú, đại chúng, kể cả voi chúa, rồi ngài đứng lên.

Tỳ-khưu thị giả lúc ấy là Nāgita, thay thế tỳ-khưu Sunakkhatta đã bỏ đi, theo lệ thường, bước tới định mang y bát của đức Phật thì liền bị cái vòi của con voi chúa thò ra ngăn lại, ông sợ hãi thụt lùi mấy bước.

Biết ý, đức Phật nói:

- Các ông hãy đợi một lát. Voi chúa nó muốn cúng dường đấy!

Và quả thế thật, voi đi vào góc rừng, lát sau nó đội trên lưng một đống chuối rừng đang chín hườm, về đặt bên chân đại chúng tỳ-khưu. Chẳng ai hiểu chuyện ấy ra sao. Đức Phật mỉm cười:

---

[1] Pháp cú 330: Ekassa caritaṃ seyyo natthi bāle sahāyatā. Eko care na ca pāpāni kariyā appossukko mātaṅgaraññ'eva nāgo.

- Ý nó muốn nói là, tôi cúng dường vật thực cho các vị đó, các vị hãy ăn đi rồi còn lên đường. Đừng quấy rầy nơi này nữa.

Lúc chư tăng mỗi người nhận một vài trái chuối lấy thảo thì đức Phật đến bên voi, xoa đầu nó, nói với nó vài lời rồi cất bước. Tuy nhiên, con voi lại đưa vòi xua xua như đuổi chư tăng đi và đứng án ngữ ngăn chặn đức Phật lại.

Mọi người xôn xao:

- Nó làm gì vậy?

- Nó muốn mời các vị đi! Đức Phật nói - và muốn giữ Như Lai ở lại.

Rồi đức Phật nói chuyện với nó:

- Này Pārikaleyyaka! Hôm nay Như Lai phải đi thôi vì rất nhiều người đang mong đợi. Đây được xem như là cái duyên hạnh ngộ, may mắn cho ngươi lắm đó! Và đây cũng là khoảnh khắc cuối cùng Như Lai từ biệt ngươi.

Hãy cố gắng giữ gìn những thiện pháp có được và những trạng thái tâm hỷ, tâm an trong tháng ngày ngươi đã cung phụng, hầu hạ, hộ độ cho Như Lai. Rồi ngươi sẽ sớm thoát khỏi kiếp thú này để tái sanh vào các cảnh giới cao hơn!

Voi chúa nghe được những lời ấy, nó đút vòi vào miệng, thụt lùi lại phía sau rồi rống lên những tiếng bi ai, sầu thảm. Tuy nhiên, nó cũng lủi thủi tiễn đức Phật ra tới tận bìa rừng.

Đức Phật dừng lại:

- Này Pārikaleyyaka! Hãy dừng lại ở đây. Ngoài kia không phải là khu vực an toàn cho ngươi nữa đâu.

Voi chúa nghe lời. Rồi nó giương mắt nhìn chiếc bóng của đức Thế Tôn, nhưng bóng ngài đã chìm khuất giữa rừng tăng chúng. Nó lại rống lên từng tràng não nuột, bi thiết rồi vỡ tim mà chết.

Rồi cũng tương tợ như chúa khỉ, nó tức khắc hóa sanh vào cung trời Đao Lợi làm một vị thiên nam sáng ngời sắc tướng, có tên là Pārikaleyyaka thiên tử!

Đức Phật biết tức khắc, ngài nói với đại đức Ānanda và một số tỳ-khưu xung quanh:

- Cũng như khỉ chúa, con voi chúa kia đã sanh thiên rồi, đấy là do nhờ đức tin, cung phụng, hầu hạ Như Lai và phước báu trái quả mà nó đã thành tâm dâng cúng hằng ngày cho Như Lai đó!

Thế Nào Là Pháp,
Thế Nào Là Phi Pháp

Thấy đức Phật bỏ rơi, ba nhà triệu phú và hai hàng cận sự nam nữ tẩy bát; hơn một ngàn vị tỳ-khưu ở tại hai lâm viên Pāvārikārāma và Kukkuṭārāma đã không thèm qua lại thăm viếng, hỏi han; và ni chúng gặp họ cũng quay lưng làm cho hai hội chúng tỳ-khưu tại Ghositārāma rơi vào một cơn khủng hoảng trầm trọng do bị áp lực nặng nề từ mọi phía. Họ không những bị bỏ đói mà còn bị rơi vào trạng thái tinh thần bất an, nóng nảy như có một lò lửa thiêu đốt ở trong lòng.

Hôm nọ, vị pháp sư tìm gặp vị luật sư, kể lại tâm trạng của mọi người rồi sợ hãi nói:

- Bị thiêu đốt ở trong tâm là trạng thái địa ngục đấy, hiền giả! Phải tìm cách sám hối với đức Đạo Sư thôi.

- Vâng! Tôi cũng nghĩ vậy.

- Chúng ta hãy họp cả hai hội chúng lại rồi tất thảy hãy bộ hành về Sāvatthi, nghe nói là tôn giả Ānanda và năm trăm tỳ-khưu đã cung đón ngài từ khu rừng Pārileyyaka về Jetavana rồi.

- Vâng!

Vậy là trong lúc chư tỳ-khưu tại vườn rừng Ghositārāma chuẩn bị lên đường thì đức Phật đã về đến Jetavana.

Một hai ngày đầu tiên, đức Phật phải giải thích, trình bày nhân quả, sự họa hại gây ra do bất hòa, chia rẽ của hai nhóm hội chúng tại Ghositārāma cho chư tăng chùa Kỳ Viên nghe, mà hai vị tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna là hai bậc thầy, hai vị thượng thủ phải tiếp thu để giảng nói rộng rãi cho mọi người nghe. Suốt sáu bảy ngày sau đó, liên tiếp rất nhiều nhóm các vị tôn túc trưởng lão cùng với chúng đệ tử của họ tại Sāvatthi hoặc các tỉnh thành, thị trấn, làng mạc gần hoặc xa lũ lượt tìm về Jetavana đảnh lễ và vấn an sức khỏe của đức Thế Tôn. Đấy là các nhóm của tôn giả Mahānama, của tôn giả Devadatta, của tôn giả Uruvelā-Kassapa, Gayā- Kassapa, Nadī-Kassapa... Rồi sau đó, lần lượt là hội chúng của chư tôn giả Vappa, Assaji, Vappa, Upāli, Mahā Kassapa, Kāḷudayi... các quốc độ kế cận lần lượt đổ về Kỳ Viên tịnh xá.

Chưa thôi. Rồi còn phái đoàn ni chúng do ni trưởng Gotamī và Khemā dẫn sang. Phái đoàn của đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā. Trưởng giả Cấp Cô Độc, hoàng tử Kỳ Đà cũng rất nhiều triệu phú, gia chủ tại kinh thành Sāvatthi nữa. Chuyện đức Thế Tôn biệt tích và an cư ở khu rừng Rakkhitavana đã làm cho xôn xao cả toàn bộ đại chúng, tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ như vậy đó. Ai cũng quan tâm và lo lắng cho ngài. Rất đông người còn phàm lại sinh ra bực tức, giận ghét bọn học trò cứng đầu, ngoan cố đã làm phiền đức Đạo Sư của họ.

Hôm kia, tôn giả Sāriputta tìm đến đức Phật để thưa một chuyện:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư tăng hai nhóm kinh và luật họ sắp đến đây để diện kiến đức Đạo Sư! Chuyện của họ đã tràn tai mọi người, cả gốc cây, cục đá cũng nghe. Đức Thế Tôn thì có cách ứng đối, giáo giới riêng của ngài. Còn riêng

đệ tử hoặc Mahā Moggallāna thì phải đối xử với họ như thế nào, nói chuyện với họ như thế nào cho đúng pháp và luật?

Đức Phật biết tâm tư của vị trưởng tử, lúc nào cũng quan tâm đến cái gì sâu rộng, bao quát và lâu dài hơn nên ngài nói:

- Câu hỏi của ông có tính đối trị nhất thời hay có giá trị phổ biến, áp dụng cho mọi cuộc tranh luận tương tợ cho cả mai sau?

- Thưa vâng, cho cả mai sau!

- Vậy, nếu có chuyện như vậy xảy ra giữa tăng chúng thì ông hãy để ý lắng nghe xu hướng, lắng nghe quan điểm, lắng nghe nhận thức và hãy làm cho sáng tỏ vị nào, phe nhóm nào đã sống đúng pháp và luật thì hãy ủng hộ, bảo vệ vị ấy, phe nhóm ấy, này Sāriputta!

- Vậy thì như thế nào để có thể được gọi là đúng với pháp và luật, bạch đức Đạo Sư?

- Nó có tất thảy ba mươi sáu điều! Mười tám điều được gọi là pháp và mười tám điều được gọi là không phải pháp. Nếu nó thuộc về mười tám điều đúng pháp thì bảo vệ, ủng hộ. Nếu nó thuộc về mười tám điều không phải pháp thì không bảo vệ, không ủng hộ, này Sāriputta!

- Đệ tử đã sẵn sàng chú tâm lắng nghe.

- Bây giờ Như Lai chỉ nói cái nội dung còn ông thì phải tự phân ra chi pháp, có được không, Sāriputta?

- Đệ tử sẽ cố gắng.

- Đúng là pháp và không phải pháp được đi theo chiều dọc tuần tự sau đây:

1- Đúng là pháp - lại cho là không phải pháp;

2- Không phải pháp - lại bảo là pháp;

3- Đúng là luật - lại tuyên bố không phải luật;

4- Không phải luật - lại nhận là luật;

5- Điều Như Lai đã thuyết giảng - lại nói là không thuyết giảng;

6- Điều Như Lai không thuyết giảng - lại cho là có thuyết giảng;

7- Điều Như Lai thực hành - lại nói là không thực hành;

8- Điều Như Lai không thực hành - lại bảo là có thực hành;

9- Điều mà Như Lai chế định - lại cho là không chế định;

10- Điều Như Lai không chế định - lại bảo là có chế định;

11- Điều học giới quy định vô tội - lại tuyến bố phạm tội;

12- Điều mà học giới quy định phạm tội - lại tuyên bố vô tội;

13- Điều mà học giới chế định là tội nặng - lại xem là tội nhẹ;

14- Điều mà học giới nói là tội nhẹ - lại cho là tội nặng;

15- Điều mà học giới bảo là tội còn dư sót - lại cứ cho là tội không còn dư sót;

16- Điều mà học giới gọi là không còn dư sót - lại bảo là còn dư sót;

17- Điều mà học giới tuyên bố là tội trầm trọng - lại cho là không phải tội trầm trọng;

18 - Điều mà học giới xác định là tội không trầm trọng - lại bảo là tội trầm trọng.

Nói tóm lại! Vị tỳ-khưu nào sống chân chính thực hành theo phạm hạnh thì đi đúng theo pháp và luật của Như Lai, bằng vị nào tuyên bố ngược lại, sống phi pháp, phi luật thì họ không phải là đệ tử của Như Lai.

- Đệ tử đã lãnh hội rồi!

- Thế thì ông hãy thử lập ngôn một đôi điều trong ba mươi sáu điều ấy rồi giảng nói sâu rộng cho chư tăng nghe để họ học hỏi được không, Sāriputta?

- Thưa, có thể được! Ví dụ trong mười tám điều phi pháp (Adhammavadī) thì điều thứ nhất là:"Khi đức Thế Tôn dạy điều ấy là không phải pháp - nhưng chúng lại bảo là pháp, chơn chính pháp". Điều thứ hai là:"Khi đức Thế Tôn nói điều ấy là pháp, chơn chánh pháp - mà chúng lại nói là không phải pháp, là phi pháp"... Có thể kết luận rằng, mười tám điều phi pháp là hoàn toàn nói nghịch lại, sống ngược lại; lập ngôn những mệnh đề phủ định điều đức Thế Tôn đã dạy về pháp và về luật, có phải vậy không, bạch đức Thế Tôn?

- Đúng vậy!

- Còn trong mười tám điều là pháp, chơn chánh pháp (Dhammavadī) thì điều thứ nhất:"Khi đức Thế Tôn dạy đấy là pháp thì chư tỳ-khưu thọ trì, tuyên bố đúng là pháp". Điều thứ hai:"Khi đức Thế Tôn dạy không phải pháp thì chư đệ tử nói là không phải pháp"... Cả mười tám điều đúng là pháp, là những tuyên bố, những phát ngôn phải lẽ, những mệnh đề xác định, đúng đắn, là sống đúng, sống thuận theo pháp và luật mà đức Tôn Sư đã từng giáo giới?

Đức Phật gật đầu nhè nhẹ rồi nói tiếp:

- Sau này, các học giới về luật cũng sẽ được y cứ vào ba mươi sáu điều này để phân biệt khinh trọng, có tội hoặc vô tội, bị án treo, giảm khinh hoặc chế định theo từng mức độ của hình phạt như thế nào, Như Lai sẽ thuyết rộng vào lúc phải thời, này Sāriputta!

Chiều ấy, tại giảng đường chùa Kỳ Viên, khi đầy đủ tất cả chư vị trưởng lão tôn túc và toàn thể Tăng ni chúng, đức Phật trình bày tóm tắt lại ba mươi sáu điều "pháp và phi pháp", sau đó, tôn giả Sāriputta có trách nhiệm thuyết lại trong tinh thần mở rộng, triển khai đề tài để cho đại chúng lãnh hội toàn bộ nội dung.

Cuối thời pháp của tôn giả Sāriputta, đức Phật cặn kẽ nói thêm:

- Chư vị trưởng lão phải nắm bắt cho vững rồi dạy lại cho chúng đệ tử ở nhiều nơi. Riêng Upāli thì càng phải theo dõi vấn đề sít sao hơn. Ít hôm nữa, chư tỳ-khưu cứng đầu tại Ghositārāma đến đây, Như Lai chỉ nói ra cái nguyên lý của luật, còn vấn đề xử sự tội trạng cụ thể như thế nào là tùy thuộc vào hội đồng trưởng lão ở đây, hai ông Sāriputta và Moggallāna có trách nhiệm chủ trì.

Xét Xử Chư Tỳ-Khưu Ghositārāma

Hai nhóm tỳ-khưu ở Ghositārāma đã làm phiền đến đức Thế Tôn làm cho ngài phải vào rừng độc cư; vừa mới hay tin họ đang đến Kỳ Viên mà toàn thể chư tăng ni cũng như hai hàng cư sĩ đã xôn xao, bàn tán; có người bực mình quá nên đã phát ngôn những lời tiếng không hay đẹp chút nào.

Riêng trưởng giả Cấp Cô Độc là đại thí chủ của Kỳ Viên tịnh xá, có vẻ bình tĩnh hơn, liền đến gặp đức Phật và nói lên sự âu lo, băn khoăn của mình:

- Chư tăng ở Ghositārāma tại Kosambī thế là hơi quá đáng. Bây giờ họ tới đây thì đệ tử phải đối xử thế nào cho phải lẽ, bạch đức Tôn Sư?

- Ông muốn hỏi đến pháp và phi pháp hay muốn hỏi đến thái độ cư xử; hoặc chuyện nên hay không nên dâng cúng tứ sự?

- Cả hai, bạch đức Tôn Sư!

- Nếu muốn, ông cứ nghe cả hai bên, và tự ông sẽ phân biệt rõ ai đúng pháp, ai phi pháp hoặc cả hai đều là phi pháp, cả hai đều không đúng như lời dạy bảo của Như Lai. Còn về tứ sự. Khi họ tới đây thì có lẽ trí họ đã thấy được điều gì đó rồi và tâm họ cũng đã muốn cải hối rồi. Vậy ông hãy học bài

học xả ly, rộng lượng, cứ bố thí, cúng dường cho cả hai! Cứ nghĩ là cúng dường đến Tăng thôi, không có phân biệt. Họ cũng đã từng nhận chịu quả báo bị tẩn xuất, bị áp lực ba bên bốn bề và bị bỏ đói cũng nhiều tháng rồi, này Sudatta!

Xiết bao cảm động bởi tâm từ ái mênh mông của đức Phật, ông Cấp Cô Độc rơm rớm nước mắt, lạy chào rồi an hỷ từ giã.

Sau ông Cấp Cô Độc, một số triệu phú, trưởng giả, gia chủ trong kinh thành đến, đức Phật cũng dạy bảo cho họ những điều tương tợ.

Khi chư tăng Ghositārāma vừa vào đến cổng Kỳ Viên, tôn giả Sāriputta cũng vào xin ý kiến đức Phật:

- Họ đã đến, bạch đức Tôn Sư! Nay đệ tử cần phải thu xếp chỗ lưu trú của họ như thế nào?

- Nên tách biệt họ ra, này Sāriputta! Và cho hai nhóm hội chúng ấy cư ngụ vào chỗ của khách tăng, không nên cho họ ở cạnh trú xứ của chư vị thâm niên, cao hạ. Vì tất cả họ Như Lai xem là "đang bị án treo", còn cần sự xét xử của hội đồng trưởng lão.

- "Án treo" là thế nào, bạch đức Tôn Sư?

- Có nghĩa là chưa định được tội trạng, và tội trạng đó sẽ xét xử như thế nào, đang còn treo lơ lửng ở đấy để chờ đợi sự tuyến bố của các vị giám luật.

- Chúng ta chưa có các vị giám luật.

- Hiện tại thì ở đây có Upāli và các vị trưởng lão sẽ làm công việc ấy.

Suy nghĩ một chút, tôn giả Sāriputta thưa:

- Giáo hội sau này sẽ lớn mạnh, bạch đức Tôn Sư! Vậy nên chăng, hãy đề cử các vị trưởng lão tinh thông luật, rành rẽ luật, yêu thích luật, nghiêm túc luật, sống hài hòa với luật nằm trong hội đồng giám luật?

- Đề nghị đó thì hay nhưng chúng ta sẽ không áp dụng, không thực thi được, vì chư tăng đa phần sống đời du

phương, không có trú xứ nhất định; nói cách khác, không cộng cư một chỗ, thành phần nhân sự thay đổi luôn, hội đồng ấy sẽ bị phân tán, mỗi vị sẽ mỗi phương. Vậy bất kỳ trú xứ nào, có chừng năm vị tỳ khưu trở lên là đủ đại diện Tăng để xử lý công việc ấy. Trong số đó chỉ cần một hai vị biết luật, biết thế nào là không phải luật, là tốt rồi, này Sāriputta!

Rời khỏi hương phòng của đức Phật, tôn giả Sāriputta liên hệ đại đức Nanda, sa-di Rāhula nhờ huy động một số tỳ-khưu và sa-di chăm sóc công việc thu xếp chỗ ở cho hai nhóm hội chúng Ghositārāma. Kế đó, tôn giả tìm gặp tôn giả Mahā Moggallāna kể lại việc diện kiến đức Phật và nhận được những lời chỉ dạy như thế nào. Rồi tối hôm ấy, chư vị trưởng lão đã có một cuộc họp sơ bộ để xử lý công việc ngày mai. Tôn giả Upāli, Mahā Kassapa nhận nhiệm vụ chính, một vị vấn, một vị đáp. Hai vị đại đệ tử ở bên phải, bên trái đức Đạo Sư để điều hành công việc hoặc đưa chỉ thị kịp thời của ngài. Các vị trưởng lão còn lại ở vào vị thế với chức năng chứng minh.

Thế là hôm sau tại đại giảng đường, đầy đủ tất cả chư vị trưởng lão, đầy đủ đại diện tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ trong toàn kinh thành Sāvatthi, đức Phật chủ tọa cuộc xét xử chư vị tỳ-khưu Ghositārāma.

Khi họ đến, sau khi cả hai hội chúng đến đảnh lễ đức Thế Tôn rồi họ xin được sám hối.

Đức Phật ngồi im lặng.

Tôn giả Mahā Kassapa nói lớn:

- Chưa phân định tội trạng thì việc sám hối có được chấp nhận không, thưa luật sư?

Tôn giả Upāli đáp:

- Đức Thế Tôn có dạy: Chưa phân định tội trạng, nghĩa là đang còn bị "án treo" thì việc sám hối không được chấp thuận, thưa tôn giả!

Tôn giả Sāriputta phải giải thích hai chữ "án treo" cho cả đại giảng đường cùng hiểu.

Hai nhóm tỳ-khưu ủ rũ ngồi cúi gằm mặt xuống, không dám nhìn ai.

- Đầu tiên, xin thầy dạy luật kể lại toàn bộ câu chuyện xảy ra, về mình, đúng với sự thật cho cả đại giảng đường cùng nghe, xin mời hiền giả!

Vị thầy dạy luật bèn tình thật kể lại.

- Đến phiên vị thầy dạy kinh, cũng y như thế! Tôn giả Mahā Kassapa nói - xin mời hiền giả!

Vị thầy dạy kinh tình thật kể lại, đúng với sự thật, không thêm, không bớt chữ nào.

Tôn giả Mahā Kassapa hướng qua tôn giả Upāli:

- Theo với câu chuyện kể của hai bên, thì ai có tội, ai không tội, xin ngài luật sư phán quyết cho!

Tôn giả Upāli đáp:

- Khẩu hành có bốn tội: Vọng ngôn, lưỡng thiệt, ỷ ngữ, vô ích. Ở đây, cả hai vị đều không bị một tội nào!

Tôn giả Mahā Kassapa liền quay sang chư vị trưởng lão chứng minh:

- Trường hợp về khẩu ngôn, ngài luật sư phán quyết vô tội, xin chư vị trưởng lão đồng thuận hay là không đồng thuận.

- Đồng thuận!

Việc xử án diễn ra như vậy, nghiêm túc, công khai, đúng pháp và luật. Sau khi họ xét định khẩu vô tội, vị khác đặt vấn đề vậy tội nằm ở đâu? Cuối cùng, ban xử án tìm ra, tội bắt đầu phát sanh sau khi vị luật sư thuật lại chuyện ấy với chư đệ tử. Rồi chư đệ tử kể lại với người khác, câu chuyện càng đi xa với nội dung ban đầu. Tiếp đến, cả hai vị luật sư và pháp sư do bản ngã, do chấp thủ, bắt đầu khư khư bảo vệ nhóm đệ tử của mình, cái sai lầm của mình. Sau rốt, tội lớn

nhất là ba lần đức Phật hòa giải sự tranh chấp ấy, cả hai bên đều không chịu nghe theo...

Tôn giả Mahā Kassapa chốt lại vấn đề:

- Kể chuyện thất thiệt, loạn ngôn, vọng ngữ phát sanh từ phía chư đệ tử, bây giờ biết kết tội ai, hỡi ngài luật sư?

- Thưa, là thầy của họ.

- Cái chấp thủ sự sai lầm thì bị ghép tội như thế nào, thưa luật sư?

- Điều này đức Thế Tôn chưa chế định, vì nó thuộc phạm trù tâm ý, liên hệ đến sự tu tập chứ không liên hệ đến giới phần thân, khẩu.

- Thế thì cứng đầu, ngoan cố không nghe lời hòa giải của đức Đạo Sư, phải được phán quyết tội trạng như thế nào, thưa luật sư?

- Đức Thế Tôn cũng chưa chế định, vả chăng nó cũng không thuộc phạm trù của học giới thân, khẩu.

Tôn giả Mahā Kassapa quay sang hai vị đại đệ tử và chư vị hội đồng trưởng lão, kết luận:

- Người hỏi đã xong, người đáp cũng đã xong. Bây giờ là phần quyết định của hội đồng trưởng lão, theo với tội và không tội mà vị luật sư vừa y cứ học giới của đức Thế Tôn đã chế định.

Hội đồng im lặng khá lâu. Tôn giả Mahā Moggallāna phát biểu:

- Tội về thân khẩu thì đức Thế Tôn có chế định nơi này và nơi khác do từng trường hợp vi phạm xảy ra. Còn tội về tâm ý có từ bản ngã, do cứng đầu, do chấp thủ sai lầm, không nghe lời đức Đạo Sư, là tội đi địa ngục, tuy chưa chế định mà cũng không thể chế định! Tùy hội đồng phán định có đức Thế Tôn chủ tọa tối cao, còn riêng tôi, chỉ có việc trục xuất họ ra khỏi giáo hội mới tương thích với tội trọng ấy!

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Tội nặng quá, chư thiên, chư thần ban đầu thì ủng hộ nhưng sau họ cũng khó chịu, bực mình, ghét bỏ. Trục xuất là đúng rồi. Nhưng đây là trường hợp lần đầu, không biết phải làm như thế nào, chúng đệ tử xin thỉnh thị ý kiến của đức Đạo Sư thôi!

Đức Phật lắng nghe từ đầu chí cuối, bây giờ ngài mới mở lời:

- Việc xử án vừa rồi, phân minh và nghiêm túc lắm, Như Lai có lời khen. Tuy nhiên, đến chỗ cuối cùng, sau khi xong phần việc của hai vị luật sư, đại diện hội đồng trưởng lão nên đặt câu hỏi như thế này: "Vậy các ông thấy mình có tội hay thấy mình vô tội? Ví dụ, bên bị án đáp: Thưa, chúng tôi đã thấy tội rồi! Hỏi tiếp: Thấy rõ là tội rồi thì ông sẽ làm sao? Đáp: Thấy rõ tội rồi thì chúng tôi xin được thành tâm sám hối rồi cố gắng chừa bỏ, sẽ không dám tái phạm nữa".

Đức Phật chợt hiển lộng thần oai, nhắm mắt, nhiếp tâm, phóng hào quang sáu màu từng đôi một, chập chờn dao động như con giao long, lát sau, ánh sáng trắng hào quang như bất động.

- Cái quan trọng là thấy rõ tội hay không thấy rõ tội. Cái quan trọng là thành tâm cải hối, chừa bỏ hay không thành tâm cải hối, không chịu chừa bỏ. Chư tỳ-khưu ở Ghositārāma tội nặng quá, ngang với si mê và tà kiến, đáng ra là bị trục xuất thôi, nhưng xét thấy là lần đầu, Như Lai chưa chế định và Như Lai cũng đọc được sự cải hối ở nơi họ. Nếu ai có thắng trí sẽ thấy rõ rằng, bây giờ tâm họ đang rút lại, đang co lại ở chỗ:"Biết hổ thẹn tội lỗi và đã biết ghê sợ tội lỗi". Vậy xin hội đồng trưởng lão, hai vị luật sư châm chước tha tội lỗi cho họ để làm mẫu mực cho những học giới mai sau, sẽ còn tương tợ như vậy nữa!

Đức Phật phán quyết như thế xong, tiếng hô "sādhu, lành thay" vang động cả đại giảng đường, vang dội cả kinh thành Sāvatthi cùng chư thiên các cõi trời!

Để cho đại giảng đường yên lặng trở lại, đức Phật nói tiếp:

- Hội đồng trưởng lão, hai ông đại đệ tử và Upāli hãy dựa theo ba mươi sáu điều pháp và phi pháp, luật và phi luật để cùng chế định những học giới liên quan, lúc nào có trường hợp vi phạm nẩy sinh, để từng bước, và từng bước hoàn thiện các học giới để làm y chỉ cho đại chúng tu học. Và nên nhớ, lúc nào phát sanh mới chế định, đừng bắt cái cày đi trước con bò!

Một làn khí trong lành và mát mẻ thổi qua tâm tư của mọi người đã xua đi đám mây u ám có từ cái tội nặng nề của nhóm tỳ-khưu Ghositārāma!

Bảy Phương Pháp
Dập Tắt Các Cuộc Tranh Chấp
(Satta-adhikaraṇa-samatha)[1]

Sau biến cố tranh chấp ấy, đức Phật và hội đồng trưởng lão đã xét xử vụ việc một cách bao dung, rộng lượng nên không khí thanh bình, yên ổn lan tỏa trong cộng đồng tăng lữ.

Tôn giả Sāriputta cảm giác một niềm vui siêu thoát trong lòng mình; tuy nhiên, lát sau, ngài chợt nghĩ: "Giáo hội càng phát triển, thì những vụ việc phức tạp sẽ theo đó mà phát sanh. Hai nhóm hội chúng kinh và luật tại Ghositārāma chỉ là sự khởi đầu cho những cơn bão to, sóng lớn sẽ xảy ra trong nay mai khi mà chúng phàm tăng ngày càng đông đúc. Chuyện được lợi, mất lợi, chuyện được danh, mất danh; cái ăn, cái mặc, cái ở, vật dụng và thuốc men sẽ chi phối tâm trí của những kẻ sơ tu, nó tạo nên sự bất hòa. Và đấy chính là nguyên nhân của các cuộc tranh chấp (Adhikaraṇa), tố tụng, kiện cáo trong tương lai. Làm thế nào, có tiêu chí nào, có phương pháp gì có thể có khả năng dập tắt chúng, yên lặng chúng (Samatha) hoặc đem lại sự hòa giải tốt đẹp giữa vị này, vị kia, giữa nhóm này và nhóm khác? Tất phải có chứ? Tất phải có chứ?"

---

[1] Tàu dịch là " Thất diệt tránh pháp".

Nghĩ thế xong, tôn giả Sāriputta đi tìm gặp tôn giả Moggallāna trình bày lại những điều mà mình vừa ưu tư rồi kết luận:

- Vậy cả hai chúng ta, chư vị trưởng lão có thể mở một hội nghị, thảo luận về nội dung trên, đưa ra những tiêu chí, những phương pháp hòa giải, sau đó đệ trình lên đức Thế Tôn xin ý kiến của ngài, được chăng?

- Vâng, được lắm! Và chúng ta nên lấy lại cái "sườn" hôm hai tôn giả Upāli và Mahā Kassapa vấn và đáp. Lấy cái đó làm tiền đề cơ sở.

- Đúng vậy! Từ những điểm cô đọng và chuẩn mực ấy, chúng ta có thể phanh lần ra sẽ có ngay một nội dung khả dĩ.

Thế rồi, chiều hôm sau, một cuộc họp giới hạn của các vị trưởng lão tôn túc diễn ra tại đại giảng đường tịnh xá Kỳ Viên, họ lấy ý kiến của hai vị đại đệ tử để bàn thảo. Ai cũng công nhận đề xuất ấy là chơn chính, là hữu lý, xác đáng.

Hai vị trưởng tử làm chủ tọa.

Hội đồng đã làm việc nghiêm túc và nhiệt tình. Cứ sau một điều được đưa ra, các vị trưởng lão có thể góp ý thêm bớt. Nguyên tắc làm việc là như vậy. Ví dụ, điều thứ nhất, tôn giả Sāriputta đưa ra: "Những vụ việc, sự kiện cụ thể về việc bất hòa để xảy ra tranh chấp như thế nào thì phải được phát biểu trung thực trước đại chúng, với sự có mặt của cả hai bên" thì đã được hội đồng đặt câu hỏi như sau:

- Đại chúng ấy là đại chúng nào? Một hội đồng giám luật hay chỉ cần bốn vị tỳ-khưu cao hạ đại diện?

- Có cần xác định cái gọi là "hai bên" ấy không? Hai bên là bên nguyên cáo, bên bị cáo[1] tức là bên khởi tố trước tăng và bên kia là thủ phạm bị thưa kiện; hay là hai phe như nhóm kinh và nhóm luật vừa rồi, họ đề cử hai đại diện?

[1] Mượn thuật ngữ ngày nay cho dễ hiểu.

- Chúng ta để ý cụm từ "phát biểu ra trước đại chúng". Có trường hợp, người ta tùy tiện phát biểu, nhưng lại có tính cách cá nhân, riêng tư, một chiều, nghiêng hẳn về một bên thì càng gây nên xáo trộn, bất hòa, tạo thêm hố ngăn cách?

Hội đồng thấy những câu hỏi ấy là xác đáng, cuối cùng, điều thứ nhất được mọi người góp ý chỉnh sửa chặt chẽ lại.

Điều thứ nhất: Hành xử luật với sự hiện diện của đại chúng (Sammukhāvinayo)[1].

"- Tất cả những phát biểu về cuộc tranh chấp phải được nói ra trước đại chúng đang hiện diện (sammukhā) tối thiểu là bốn vị tỳ-khưu trưởng thượng đại diện tăng với sự có mặt của cả hai bên, bên nguyên, bên bị. Tránh những ý kiến cá nhân, riêng tư, một chiều dễ gây mầm mống xích mích, xáo trộn, chia rẽ".

Điều một này được tôn giả Sāriputta tuyên đọc một lần, tôn giả Moggallāna đọc lại lần thứ hai, tôn giả Ānanda lặp lại lần thứ ba. Thấy hội đồng đều im lặng, vậy là điều một ấy được thông qua.

Qua điều thứ hai, cũng làm việc tương tợ như trên, cuối cùng, điều thứ hai được tuyên đọc ba lần.

Điều thứ hai: Hành xử luật do sự hồi tưởng của trí nhớ (Sativinaya)[2].

"- Cả hai phía lúc phát biểu phải lấy sự trung thực làm đầu. Bên nguyên nói trước, bên bị[3] nói sau. Phải hồi tưởng lại theo trí nhớ (sati) của mình cho chính xác vụ việc, sự kiện đã xảy ra. Nên trình bày cặn kẽ, chi tiết, nếu có bằng cớ xác thự, người chứng hay vật chứng thì càng tốt. Đại chúng hoặc đại diện tăng sẽ yên lặng, chú tâm lắng nghe cả hai bên để nắm bắt vấn đề cho chân xác".

Tương tợ như vậy, sau đó, hội đồng đúc kết:

---

(1) Tàu dịch và âm là "hiện tiền tỳ-ni".
(2) Tàu dịch là "ức niệm tỳ-ni".
(3) Mượn từ "nguyên" và "bị" thời nay cho dễ hiểu.

Điều thứ ba: Hành xử luật khi bên bị không điên cuồng, không tâm thần (Amūḷhavinayo)[1].

"- Cả hai bên đều phải biết tôn trọng mục đích là tìm ra sự thật để có biện pháp hàn gắn, hòa giải nên những thái độ như chấp thủ, bảo lưu, ngoan cố, cứng đầu, ngu si (muddha) sẽ được xem như là phản ứng nghịch, tiêu cực và thiếu thiện chí xây dựng. Trong trường hợp đương sự nêu lý do mình bị biến loạn tâm thần, ngu dốt không hay biết hoặc vô tâm, vô ý thì đại chúng phải thẩm sát điều ấy để xét xử cho phân minh. Có thể gia giảm, mức án nhẹ hoặc tha tội cho bị cáo khi thấy có bằng cớ xác đáng".

Điều thứ tư: Hành xử luật theo tội đã tự thừa nhận (Paṭiññātakaraṇavinayo)[2].

"- Có thể mỗi bên nên tự mình nói ra, thành thật thừa nhận sự sai lầm, khiếm khuyết, nhược điểm, yếu kém hay vô tâm, vô ý của mình mà không cần ai hạch hỏi. Tự nhận lỗi mình là thái độ hiểu biết sẽ làm cho không khí bất hòa, tranh chấp không còn căng thẳng nữa, tạo môi trường mát mẻ cho đối phương giảm nhiệt. Đây chính là tiền đề thuận lợi cho việc hòa giải mọi cuộc tranh cãi, tranh chấp.

Điều thứ năm: Hành xử luật thuận theo sự biểu quyết của đa số (Yebhuyyasikāvinayo)[3].

"- Sau khi cả hai bên thấy rõ lỗi lầm, sai phạm của mình, đều tỏ thiện chí cải sửa, thay đổi, tự hối, đại chúng chứng kiến sự thật ấy phải biểu quyết bằng đa số (Yebhuyyasikā)"

Điều thứ sáu: Hành xử luật theo tội danh của vị ấy (Tassapāpiyasikāvinayo)[4}.

"- Tội án, tội tướng, tội danh (Pāpiyasikā) như thế nào, cách thức hối cải như thế nào phải đọc lên rồi hỏi lại ba lần để cho toàn thể đại chúng (tăng) nghe. Nếu tất thảy mọi người đều im lặng thì được xem như tăng đã đồng thuận, sẽ

---

[1] Tàu dịch là "bất si tỳ-ni".
[2] Tàu dịch là "tự ngôn tỳ-ni".
[3] Tàu dịch là "đa ngữ tỳ-ni".
[4} Tàu dịch là "tội xứ sở tỳ-ni"

y như án ấy mà xét xử. Trong trường hợp này, các đương sự không có quyền phản đối, phải tuân hành thực thi án lệnh, tin tưởng hoàn toàn vào xử sự, phán quyết đúng đắn của tăng".

Điều thứ bảy: Hành xử luật như dùng cỏ lấp lên bùn (Tiṇavatthārakavinayo)[1].

"- Trong những cuộc hội họp quan trọng có cả hai phía để giải quyết tranh chấp thì tăng nên chỉ định mỗi bên một vị trưởng lão cao hạ, đức độ, uy tín để bảo trợ. Chính hai vị này là linh hồn của cuộc hòa giải. Các ngài chỉ từ ái lắng nghe, thường không đóng góp ý kiến gì, nhưng nếu các ngài có đưa ra lời giáo giới, nhắc nhở nào thì đấy đều là những lời vàng ngọc, là kim chỉ nam định hướng, là viên thuốc làm giảm nhẹ vết thương, là năng lượng cảm thông và tha thứ; nó như phủ một lớp cỏ lên bùn lầy (Tiṇavatthāraka) để mọi người bước lên khỏi bị dính chân. Nhờ vậy, cả hai phía đều chịu nghe lời để bỏ qua những tình tiết không đáng kể, bản án trở nên mềm dẻo, tạo cho cuộc hòa giải trở nên nhẹ nhàng và mát mẻ".

Ba hôm sau, bảy điều lệ hay bảy phương pháp dập tắt, làm cho yên lặng (samatha) hoặc hòa giải các cuộc kiện cáo, tranh chấp (adhikaraṇa) này được đệ trình lên đức Thế Tôn do tôn giả Ānanda tuyên đọc. Đức Phật chăm chú lắng nghe, dường như là ngài không bỏ sót một từ nào, kể cả sự liền lạc, đan kết giữa các câu cú, mệnh đề.

- Được rồi! Đức Phật gật đầu - Như Lai khen ngợi các ông đã có trí và có tâm đóng góp bảy điều căn bản cho các cuộc tranh chấp sau này. Là tiêu chí để hòa giải đấy. Hay lắm! Hãy cho tuyên bố rộng rãi đi các nơi để làm y chỉ cho đại chúng. Và bảy điều này phải được đưa vào luật giới để hoàn thiện chúng dần dần.

---

[1] Tàu dịch là "thảo phú địa tỳ-ni".

Yên lặng một chút, chợt đức Phật hỏi:

- Suốt mười mùa hạ an cư, chúng ta chế định có được tất thảy bao nhiêu học giới rồi, này Sāriputta?

- Có tôn giả Upāli ở đây, bạch đức Thế Tôn!

- Bạch! Ngài Upāli nói - Đệ tử sẽ đệ trình các điều khoản, các tiểu mục và những chi tiết sau, nhưng tóm lại, đức Thế Tôn đã chế định được 87 điều cho tăng và 117 điều cho ni rồi!

- Tốt! Ông hãy phân ra các tiểu mục cho rõ ràng. Hôm nào, Như Lai sẽ triệu tập một đại hội, mời thỉnh tất cả các vị A-la-hán, tăng và ni, tuyên đọc lại để mọi người cùng góp ý, bổ sung thêm.

Đại chúng cúi đầu, y chỉ, phụng hành.

Những Ông Tỳ-Khưu Hư Hỏng

Nền tảng cơ sở về luật vừa được thiết lập, chế định thì ngay tại Kỳ Viên, các bậc thanh tịnh than phiền về hai ông sư Paṇḍuka và Lohitaka[1] thường chia phe chia nhóm, thường gây nên các sự xung đột, tranh luận, tranh kiện, nói chuyện nhảm nhí, phù phiếm, rỗng không. Một vài lần các vị bỏ qua. Thế nhưng, chuyện không dừng lại ở đó, hai ông sư kia còn đi gặp các vị tỳ-khưu khác để xúi bẫy, thêm dầu, đốt lửa thêm. Rằng là: Lúc tranh luận hoặc cãi cọ, các vị đừng chịu thua, đừng để vị kia đánh bại. Vậy là nhục nhã. Các vị hãy mạnh dạn lên, phản bác lại một cách hùng hồn. Rằng là: Các vị là bậc trí tuệ, đa văn, quảng kiến, nhiều tuổi hạ, nhiều kinh nghiệm hơn sao lại chịu lép vế các ông tỳ-khưu kia? Chẳng sợ hãi gì ráo. Cãi phăng đi! Cãi phứa đi! Chúng tôi đứng về phe các vị mà!

Bình thường, lúc có chuyện như vậy thì hai vị đại đệ tử họp đại chúng rồi mời thỉnh chư vị trưởng lão xét xử hoặc đích thân hai vị xét xử; nhưng bây giờ, do có mặt đức Thế Tôn nên nội vụ được trình lên ngài.

---

[1] Hai vị này kinh và luật gọi là thuộc nhóm lục sư (xem thêm chú thích ở trong chương này, phía dưới).

Đức Phật, sau đó cho gọi hai nhóm ấy lên, hỏi lại và họ xác nhận sự thật đúng y như vậy. Và ngài đã giáo giới, khiển trách họ bằng nhiều cách. Nhân dịp đó, đức Phật đã thiết định cách luận tội, xử phạt thế nào là đúng pháp, đúng luật, thế nào là không đúng pháp, đúng luật; thế nào là thực thi, khiển phạt; thế nào là thu hồi án lệnh thực thi, khiển phạt rất cụ thể và chi tiết để chư vị trưởng lão y cứ mà thực hành[1].

Chuyện này vừa xong lại xảy ra chuyện khác.

Số là có một vị tỳ-khưu, sau mùa an cư ở tại nước Kāsi, phía bờ bắc sông Gaṇgā, gần Bārāṇasī nghe tin đức Phật đang ở tại Kỳ Viên để giải quyết sự tranh chấp của hai nhóm hội chúng kinh và luật ở Kosambī liền lên đường để diện kiến, đảnh lễ ngài. Đến tại thị trấn Kiṭāgiri, khi đi trì bình khất thực, vị ấy ngạc nhiên thấy chẳng có ai để bát, một vài thanh niên lại còn cười cợt, chỉ trỏ có vẻ nhạo báng. Tuy nhiên, vị ấy vẫn nghiêm trang, cúi đầu cất bước chậm rãi, tự tại, xem như không có chuyện gì xảy ra. Thấy trời đã khá trưa mà chẳng có gì, vị ấy hướng đến một lùm cây để nghỉ trưa. Có một nam cư sĩ theo dõi, quan sát, biết đây là một vị tỳ-khưu có giới hạnh nên đến gần bên:

- Có phải đại đức chẳng nhận được vật thực cúng dường, phải không?

- Chẳng sao cả, này đạo hữu!

- Đại đức có biết tại sao không nhận được vật thực cúng dường chăng?

- Thưa, không biết!

- Khi đại đức ôm bát bước đi với phong cách trầm tĩnh, chững chạc, mắt nhìn xuống phía trước một đòn gánh, chánh

[1] Xem thêm Cullavagga: Có 12 trường hợp không đúng pháp và luật. Có 12 trường hợp đúng pháp và luật. Có 18 phận sự khiển phạt. Có 18 trường hợp không thu hồi án lệnh. Có 18 trường hợp thu hồi án lệnh.

niệm, tỉnh giác thì một số dân chúng tại Kiṭāgiri này họ nói như thế nào, đại đức biết không?

- Thưa, không biết!

- Xin đại đức bỏ lỗi. Họ đã xì xào như sau: Vị tỳ-khưu này là kẻ lạ từ đâu đến mà trông giống như những kẻ ngu khờ, ngớ ngẩn vậy? Đừng bố thí, cúng dường cho những kẻ không thuộc nhóm của thầy chúng ta là Assaji và Punabbasuka[1]. Ôi! Những vị tỳ-khưu của chúng ta lúc nào cũng lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, miệng cười tươi tắn, qua lại thăm viếng xã giao, không có hợm hĩnh đóng bộ trang nghiêm, khuôn mặt luôn luôn rạng rỡ, vui vẻ chớ không phải như kẻ một cục, một hòn này!

Vị tỳ-khưu mỉm cười lặng lẽ, không nói gì.

Vị nam cư sĩ bèn thỉnh mời vị tỳ-khưu về tư gia, cúng dường vật thực cứng và mềm rất đàng hoàng. Đợi vị tỳ-khưu độ trai xong, nam cư sĩ liền hỏi chuyện:

- Bây giờ đại đức định đi đâu?

- Tôi sẽ bộ hành lên Kỳ Viên, Sāvatthi để đảnh lễ đức Thế Tôn.

Vị nam cư sĩ liền thưa:

- Vậy thì khi gặp được đức Thế Tôn, diện kiến đức Thế Tôn, đại đức hãy đảnh lễ dưới chân ngài giùm đệ tử rồi bạch rằng: Một nam cư sĩ ở Kiṭāgiri xin trình với đức Thế Tôn là chư tỳ-khưu ở thị trấn này đã hư hỏng, đã bị biến chất hoàn toàn rồi. Hai nhóm của hai ông giả tỳ-khưu là Assaji và Punabbasuka không có gì mà chúng không làm, chẳng trân mặt, chẳng sượng mặt, không biết hổ thẹn là gì...

- Xin cư sĩ cho ví dụ?

---

[1] Đây là hai trong sáu vị mà kinh luật nói là "Nhóm lục sư-Chabbaggiyā" hay quậy phá nhất Bốn vị khác là Paṇḍuka, Lohitaka (ở Sāvatthi), Mettiya, Bhummajaka (ở Rājagaha).

- Thưa, ví dụ họ trồng hoa rồi kết thành tràng hoa, thảm hoa, vòng hoa đội đầu, vòng hoa đeo tai, vòng hoa che ngực...

- Rồi họ đem bán làm kế mưu sinh à?

- Không! Nếu nuôi mạng đã là tốt! Chúng đem tặng cho những ai mà chúng thích...

- Ví dụ?

- Đấy là những nữ gia chủ, các công nương, các cô tiểu thư, các cô gái trẻ, những cô dâu, mấy cô tớ gái mơn mởn và xinh đẹp...

Vị tỳ-khưu nhíu mày:

- Tệ thật!

- Chưa đâu! Vị nam cư sĩ có lẽ tích uất trong lòng quá lâu nên bây giờ được dịp trào vỡ ra - Đem tặng thì đã thấm tháp gì. Chúng và bọn con gái ấy còn ăn chung một đĩa, uống chung một cốc, ngồi chung một chỗ ngồi, nằm chung một giường, chung một tấm trải, chung một tấm đắp...

- Hỏng rồi!

- Phải! Chúng còn hỏng hơn thế nữa. Chúng còn ăn sái giờ, uống rượu, đeo dây chuyền, xức nước hoa, bôi phấn thơm, tấu đàn, thổi kèn, ca hát và nhảy múa nữa...

- Hết nói!

- Chúng còn tiêu khiển đủ các loại trò chơi. Như đánh cờ, chơi xúc xắc, nhào lộn, bắn cung, đua xe(?), đố chữ, đoán ý, giễu trò, cỡi voi, cỡi ngựa, múa đao kiếm, huýt sáo, vật tay, vật chân, đánh lộn...

- Quái gở!

- Phải! Nhưng tệ nhất là chúng trải tấm y hai lớp rồi mời những cô vũ nữ lên đấy mà nhảy múa rồi chúng vỗ tay, reo hò, cổ vũ, tán thưởng...

Vị tỳ-khưu im lặng, không còn biết nhận xét như thế nào nữa.

Vị nam cư sĩ thở ra:

- Chúng không còn là tỳ-khưu nữa rồi. Lại còn tệ mạt hơn người đời nữa. Những người cư sĩ nơi này đã hoàn toàn mất hết niềm tin. Họ đã quay lưng với giáo pháp. Vậy xin đại đức đệ trình lên đức Thế Tôn sự thực như vậy.

- Này đạo hữu, được rồi!

Thế rồi, ngày đi, đêm nghỉ, vị tỳ-khưu ấy lần hồi đến Sāvatthi, vào chùa Kỳ Viên, diện kiến đảnh lễ đức Thế Tôn rồi kể lại tất cả những chuyện xảy ra tại Kiṭāgiri của hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka theo lời vị nam cư sĩ kể lại.

Đức Phật yên lặng lắng nghe, rồi nói với hai vị đại đệ tử đang đức bên cạnh:

- Hai ông sư ấy là đệ tử của các ông phải không?

- Tâu vâng!

- Vậy thì đích thân hai ông phải đến đấy điều tra sự việc rồi tìm biện pháp xử lý theo đúng tinh thần pháp và luật. Đừng để những ông tỳ-khưu xấu xa, hư hỏng làm bại hoại giáo pháp nữa.

- Tâu vâng!

Thế rồi hai vị đại đệ tử, một số các vị trưởng lão, chừng một trăm vị tỳ-khưu làm hậu thuẫn[1] lại phải lên đường xuôi nam, xuống Kiṭāgiri để giải quyết tăng sự. Chư vị trưởng lão Anuruddha, Kimbila và Nandiya vừa từ "khu vườn ẩn sĩ" gần Kosambī về Jetavana đảnh lễ thăm viếng đức Thế Tôn cũng tháp tùng đi theo.

[1] Lý do là hai nhóm tỳ-khưu này rất hung dữ.

Thêm Một Vị Đại A-La-Hán

Gần Himalaya có một tiểu quốc với kinh thành Kukkuṭavatī rộng lớn đến ba trăm dặm[1] là quê hương của một vị vua trẻ tên là Mahā Kappina, hoàng hậu là Anojā đến từ nước Madda, kinh thành Sāgala[2] . Họ đều là những người có căn trí tu tập từ nhiều đời.

Đức vua Mahā Kappina có năm con ngựa nòi giống tuyệt hảo, đó là Vāla, Puppha, Vālavāhana, Pupphavāhana và Supatta. Cứ mỗi buổi sáng, ông trao bốn con ngựa cho bốn sứ giả thân tín, ra khỏi bốn cổng thành, sẽ có phần thưởng trọng hậu nếu ai tìm được cho vua những bậc vĩ nhân, những vị hiền triết để đức vua có dịp tham cứu, học hỏi. Riêng đức vua cỡi con ngựa Supatta với sự trang sức tối thượng, luôn với đám trọng thần rường cột rong ruổi, kiếm tìm.

Thời gian trôi qua, sự khao khát chân lý vẫn nóng bỏng trong trái tim của đức vua hiền thiện.

Lúc ấy, đấng Giác Ngộ đã ra đời, đã chuyển pháp mười năm nhưng chưa có vị tỳ-khưu nào đến giáo hóa xứ sở xa

---

[1] 01 dặm này bằng 03 dặm Anh, tức là 4,8km. Vậy 300 dặm là 1440 km(?).

[2] Cũng là sinh quán của thứ hậu Khemā và Bhaddā-Kāpilānī (bạn đời của Mahā Kassapa).

xôi ấy. Hôm kia, có đoàn thương buôn đi từ Sāvatthi đến kinh thành Kukkuṭavatī để trao đổi hàng hóa. Vị trưởng đoàn vốn là một nam cư sĩ đã thấy pháp, nghe tràn tai về chuyện đức vua Mahā Kappina tầm cầu minh triết nên ông ta cảm thấy rất thích thú. Đến địa giới Kukkuṭavatī chưa được bao xa thì họ thấy một đoàn kỵ mã rần rộ tung bụi trên đường, người dẫn đầu với diện mạo quang hảo, sắc phục như một vị tướng nhà trời, sợ hãi quá, họ nép một bên.

Chợt đoàn quân binh kỵ mã dừng lại. Người trên ngựa chính là đức vua Mahā Kappina, số còn lại là một ngàn vị gồm các quan trọng thần, cận thần, tùy tùng trẻ trung và oai vệ.

- Đừng sợ hãi! Ta là đức vua trị vì ở quốc độ này. Các người từ đâu đến mà trông có vẻ phong sương và bụi cát lắm vậy?

Cả đoàn quỳ xuống, khấu đầu, sau đó, vị trưởng đoàn thưa bạch:

- Chúng tôi đến từ kinh thành Sāvatthi, nước Kosala, cách đây rất xa, tâu đại vương!

- Ồ! Vậy ở đấy có tin lành nào vừa xuất hiện không?

- Tâu đại vương! Chúng tôi chẳng biết một tin lành nào khác, chỉ biết là đã có một đấng minh triết đang có mặt ở đời.

- Là ai? Ở đâu? Đức vua với đôi mắt sáng rỡ, dồn dập hỏi - Vị ấy như thế nào?

Vị trưởng đoàn mỉm cười:

- Tâu bệ hạ! Chúng tôi không dám nói đến "vị ấy, đấng ấy" với cái miệng bẩn.

- Ồ, ta hiểu, ta hiểu! Nói thế xong, đức vua sai hầu cận lấy một cái bình vàng đựng nước thơm, trao cho người thương buôn - Vậy thì ngươi hãy súc miệng đi, rửa miệng đi,

và ta cũng phải rửa sạch cái lỗ tai trước khi nghe ngươi đề cập đến Đấng ấy.

Lúc tẩy uế đã xong, vị trưởng đoàn nói:

- Tin lành ấy là đức Phật (Buddha) đã xuất hiện ở thế gian! Ông ta chấp tay hướng về phương nam, thành kính nói - là nhân vật độc nhất, vô nhị không ai trong tam giới có thể sánh bằng.

Vừa nghe đến danh từ "Buddha" thì toàn thân đức vua đã nổi ốc rần rần, tẩm mát luôn năm loại phỉ lạc chưa từng có[1].

- Thế còn tin lành nào nữa không?

- Thưa, có! Đức Phật ấy đã công bố một giáo pháp (Dhamma), một chánh pháp bất tử, đem đến sự an lạc tối thượng cho chư thiên và loài người.

Vừa nghe đến "Dhamma", đức vua cũng rần rần phỉ lạc tương tợ như thế.

- Thế còn tin lành nào nữa không?

- Thưa, có! Chư đệ tử của ngài, chư tăng thánh hạnh (Saṇghā) là những bậc vô cùng chơn chánh, khéo được giải thoát tất thảy mọi khổ ách, không còn lậu hoặc phiền não.

Cũng tương tợ thế khi đức vua nghe đến "Saṇghā", ngài đã hoan hỷ và sau đó tặng cho vị thương buôn một trăm ngàn đồng tiền vàng[2].

Để cho sự phỉ lạc dần dần lắng dịu xuống, đức vua trang nghiêm nói:

- Khi Tam Bảo đã xuất hiện ở đời thì không có lý do gì mà ta còn nấn ná trên cái quyền uy và hư vị này nữa. Này

---

[1] Do nhân duyên quá khứ đã từng nghe giáo pháp từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttra, và cũng đã từng hộ độ cho 500 vị Độc Giác Phật.

[2] Có tư liệu nói, ba lần tặng ba trăm ngàn đồng tiền vàng.

các bạn! Các bạn hãy về đi! Ta sẽ đi tìm đức Chánh Đẳng Giác để xin xuất gia thôi!

- Bệ hạ nói gì vậy? Họ như cất giọng đồng thanh - Về đi, về đi là sao? Bệ hạ xả bỏ hết thì chúng hạ thần cũng xả bỏ hết! Bệ hạ lên đường xuất gia thì chúng hạ thần cũng lên đường xuất gia theo, chần chờ gì nữa!

Đức vua nhíu mày:

- Đức vua đi! Tất thảy quan lại trọng thần cũng ra đi hết thì quốc độ bỏ cho ai?

Lát sau, vua mỉm cười, trao cho vị trưởng đoàn thương buôn một tín vật rồi nói:

- Ngươi hãy đến vương cung, xin gặp hoàng hậu Anojā, trao tín vật này, kể lại câu chuyện này, nói là ta và một ngàn quan lại trọng thần đã đi xuất gia cả rồi. Quốc độ từ nay ta giao phó cho hoàng hậu đó!

Với một ngàn hầu cận, tùy tùng thân tín, kể luôn các quan văn võ, quý tộc triều đình cùng đức vua Mahā Kappina lại lên ngựa xuôi nam, hướng về Kosala. Từ Kukkuṭavatī xuống Sāvatthi xa đến một trăm hai mươi dặm[1], bị cách trở bởi ba con sông là Aravacchā, Nīlavāhana và Candabhāgā. Hai con sông trước thì có thuyền bè qua lại, nhưng khi đến con sông Candabhāgā thì họ đành chịu vì nước nổi mênh mông, tràn bờ...

Đức vua ra dấu hiệu cho cả đoàn cùng ngồi bên bờ sông, cùng ông chấp tay lên đỉnh đầu, đặt tuyệt đối đức tin vào Tam Bảo rồi phát nguyện chân thật rằng:

"- Nếu đức Phật là bậc đã vượt qua dòng sông sinh tử, là bậc đã đi đến chỗ tận cùng của thế giới, là bậc có đại trí tuệ vô song thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử bước qua được con sông này như đi trên đất bằng!

---

[1] Tức 576 km (01 dặm được ghi chú là bằng 3 dặm Anh: 120x4,8km).

Nếu đức Pháp là con đường dẫn đến sự thanh tịnh, giải thoát và an lạc tuyệt đối thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử qua được con sông này như đi trên đất bằng!

Nếu đức Tăng là những bậc đã ra khỏi khu rừng rậm của phiền não, là phước điền vô thượng của chư thiên và loài người thì do lời nguyện chân thật nầy, xin cho chúng đệ tử đi trên con sông này như đi trên đất bằng!

Lạ lùng thay, lời nguyện chân thật vừa dứt thì con sông chợt đứng yên rồi cứng lại như đóng băng nên vua tôi phi ngựa sang bờ như đi trên đất bằng một cách êm thắm dễ dàng.

Đức Chánh Đẳng Giác, hôm ấy, với đôi mắt thuần tịnh, siêu nhân thấy rõ toàn bộ câu chuyện xảy ra của đức vua Mahā Kappina và quần thần nên ngài đã cùng với hội chúng gồm chư vị trưởng lão, A-la-hán có lục thông đã ngồi chờ đợi sẵn bên kia sông trong một khoảng rừng im mát.

Vậy nên, khi vua tôi họ một ngàn người vừa đến bìa rừng, ngước mắt lên thì thấy một không gian vàng sáng mà họ diễn tả là: Đức Phật ngồi đấy trước chư vị Thanh Văn như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn được thắp rực rỡ trong đêm đen, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao...[1]

Khi họ xuống ngựa, đồng đến đảnh lễ, đức Phật biết được tâm tư, thiên hướng của họ nên ngài đã thuyết giảng một thời pháp tợ như trời cao đang đổ xuống một cơn mưa lành mát mẻ.

Đức vua Mahā Kappina và tùy tùng mắt được mở sáng, thấy pháp, vào dòng, họ đồng xin được xuất gia. Về đến Jetavana, tỳ-khưu Mahā Kappina nghe được một thời pháp

[1] Xem thêm Thánh nhân ký sự - tập 2 - bản song ngữ của Tỳ-khưu Indacanda; Nxb Buddihst Cultral Center - Nedimala, Dehivala, Sri Lanka.

nữa, ông đắc quả A-la-hán, bốn tuệ phân tích cùng với thắng trí. Mahā Kappina sống trong hạnh phúc giải thoát tột cùng, miệng lúc nào cũng cảm thán thốt lên: "Hạnh phúc quá, hạnh phúc quá!" giống như vị quan tổng trấn Bhaddiya thuở nào. Sau đó, ông được đức Phật giao phó dẫn dắt một ngàn tỳ-kheo hầu cận, được ngài tuyên bố, khen ngợi trước đại chúng là "Một trong những vị đứng đầu công hạnh giáo giới tỳ-khưu".

Chuyện hy hữu tiếp theo nữa, kể về chuyện hoàng hậu Anojā. Là khi người trưởng đoàn thương buôn trao tín vật, kể lại ba tin lành Buddha, Dhamma, Saṇghā vừa xuất hiện trên thế gian rồi vua tôi đã đi xuất gia như thế nào, bà cũng rần rần năm loại phỉ lạc, tặng cho vị thương buôn ba trăm ngàn đồng tiền vàng. Sau đó, bà triệu tập tất cả quý phu nhân, mệnh phụ, bạn đời của các quan để kể lại chuyện trên rồi nói:

- Đức vua đã coi giang sơn, vương vị này như đống nước bọt, đã nhổ bỏ đi rồi. Ông muốn ta làm vua và chị em ta điều hành đất nước này! Thế chị em ta là ai hử? Họ đã coi thường chị em ta quá lắm! Chị em ta là ai, mà lại cúi xuống đất để liếm cái đống nước bọt mà vua tôi họ đã nhổ ra? Quý công nương nghĩ thế nào? Chúng ta có nên cúi xuống để liếm cái đống dơ uế ấy không?

- Không nên! Cả ngàn cái miệng hoa đồng thốt lên - Chúng ta cũng nên quẳng bỏ tài sản, phú quý, tuổi thanh xuân để đi xuất gia như chư vị phu quân khi Tam Bảo đã xuất hiện ở đời!

- Các em thật là tuyệt vời! Hoàng hậu Anojā hoan hỷ thốt lên - Chính ta cũng muốn nói với quý phu nhân như vậy đó!

Thế rồi như một cơn bão lịch sử thổi qua kinh thành Kukkuṭavatī, hoàng hậu mỹ nhân Anojā có sắc đẹp yêu kiều như đóa hoa màu vàng cam (anojā) cùng một ngàn mệnh

phụ phu nhân thắng ngựa xe, bỏ kinh thành mến yêu, hướng phương nam, rầm rộ trực chỉ.

Chuyện kể rằng, đến con sông Candabhāgā, họ cũng bị trở ngại; sau nhờ lời nguyện chân thật, đặt đức tin tuyệt đối nơi Tam Bảo họ sang bờ bình yên. Duyên tế độ cho tất thảy những nữ nhân này lại là tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā. Sau thời pháp của bà, toàn thể họ đều đắc quả Tu-đà-hoàn rồi nương tựa tu tập với trưởng lão Ni Gotamī.

Đồng một lúc giáo hội có thêm 1001 tỳ-khưu, 1001 tỳ-khưu-ni quả thật là lạ lùng, hy hữu, ai cũng xôn xao, bàn tàn, không những trong giáo hội mà lan sang cả giới cư sĩ, quần chúng và cả ngoại đạo nữa.

Hôm kia, tại đại giảng đường chùa Kỳ Viên, đức Phật lại phải vén mở bức màn khói sương quá khứ:

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Mahā Kappina là một vị quan trọng thần của triều đình, ông ta đã đặt bát cúng dường đến đức Phật cùng hai muôn Thinh Văn rồi quỳ dưới chân ngài vô cùng thành kính. Lúc ấy, đức Chánh Biến Tri đang tán thán khen ngợi một vị lậu tận có kinh nghiệm giáo giới chư tỳ-khưu. Mahā Kappina rất thỏa thích, phát nguyện thành lời cũng với ước mong sau này được thành tựu được như vậy. Đức Vô Thượng Sư mỉm nụ hoa sen rồi cất giọng dịu dàng như chúa thiên nga, đã thọ ký cho ông, nói rằng: "Người đang quỳ bên cạnh bàn chân của Như Lai đây, có tóc râu đen mịn, có nước da vàng sáng, có dung mạo rạng rỡ, có ánh mắt và khuôn mặt ngời ngời tịnh tín. Ông ta hiện là bậc có danh vọng lớn của triều đình, có thiên hướng hoan hỷ đang phát nguyện vị thế của một bậc Thinh Văn có kinh nghiệm giáo giới tỳ-khưu tăng. Do phước báu cúng dường vật thực ngày hôm nay, với nguyện lực và tác ý cao đẹp ấy, ông ta sẽ thoát ly được tất thảy khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp. Phước báu ấy cũng nâng đỡ ông ta với hình dong, sắc tướng, thiên bào lộng lẫy trong các

cõi trời, phú quý và danh vọng trong các cõi người. Cuối cùng, vào thời đức Phật Gotama, ông ta sẽ trở thành bậc Thinh Văn thừa tự giáo pháp, là đứa con chánh thống được hóa sanh bởi pháp, có tên là Kappina!"

Thế rồi, sau đó, ông ta đi tới, đi lui các cõi người và cõi trời. Vào thời không có đức Phật, ông ta làm thôn trưởng một thôn thợ dệt nổi tiếng trong kinh thành. Ông ta và phu nhân đã cùng nhau vận động một ngàn gia đình thợ dệt hộ độ, cúng dường cho một ngàn vị Độc Giác Phật. Họ lại còn chung tay làm một ngàn thảo am (paṇṇasālā)[1] rồi thỉnh các ngài an cư mùa mưa. Suốt ba tháng hộ độ tứ sự đầy đủ, mãn hạ, họ cũng cúng dường mỗi vị một xấp vải để may y, trị giá mỗi xấp là một ngàn đồng tiền vàng. Hết kiếp ấy, ông bà trưởng thôn và một ngàn vợ chồng gia chủ thợ dệt đều hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi. Đến thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, ông thôn trưởng xưa sanh xuống một gia đình đại trưởng giả trong kinh thành Bāraṇasī; bà sanh xuống làm một tiểu thư khuê các trong gia đình đại trưởng giả khác. Duyên xưa tơ kết, họ lại tái hợp vợ chồng. Một ngàn gia chủ thợ dệt thuở xưa cũng sanh xuống ở đây trong những gia đình phú túc, sang cả và họ lại gặp nhau nữa, tái duyên vợ chồng nữa. Thế là một ngàn lẻ một gia đình lại trở thành bà con huyết thống hoặc bè bạn thâm tình, thâm giao cả. Khi đã trở thành những gia chủ giàu sang, uy tín họ thường rủ nhau đi nghe pháp rồi trở thành những người cư sĩ thuần thành hộ độ cho đức Phật Kassapa và tăng chúng. Họ đã cùng nhau hùn góp xây dựng một đại giảng đường (Mahāpariveṇa)[2]. Ông đại trưởng giả bỏ ra một một trăm ngàn đồng tiền vàng. Một ngàn ông gia chủ bỏ ra mỗi vị năm chục ngàn đồng tiền vàng, một ngàn phu nhân mỗi vị hai chục ngàn đồng tiền

[1] Paṇṇa: Một loại lá như lá bối để chép kinh.
[2] Pariveṇa: Nơi học hành - vậy thì có thể là đại học đường(?).

vàng. Thế nhưng do công trình vĩ đại quá, kiến trúc cả ngàn nóc mái nên họ phải góp thêm lần hai rồi lần ba mới đủ. Riêng phu nhân ông đại trưởng giả, bà đợi dịp khánh thành, cũng là ngày mãn hạ, bà cúng dường đức Phật một đóa hoa màu vàng cam (anojā) bằng vàng rất đẹp, gói trong một chiếc y choàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng, cũng màu vàng cam và có ước nguyện sanh vào cảnh giới nào, thân thể và màu da cũng tỏa sáng dịu dàng, đẹp đẽ như sắc hoa màu vàng cam...

Do nhân duyên quá khứ như vậy, kiếp này vị đại trưởng giả sinh làm vua kinh thành Kukkuṭavatī với phước báu vi diệu. Bà phu nhân thuở trước lại gặp nhau, đúng như lời nguyện xưa, sinh ra, da thịt bà tỏa hương thơm cùng sắc da màu vàng cam nên được gọi là anojā, một loại hoa lan màu vàng cam! Một ngàn gia đình thuở xưa đều sanh làm quan lại nắm quyền triều đình mà phước báu chỉ thua kém đức vua một ít thôi.

Kể đến ngang đây, đức Phật kết luận:

- Nghiệp ác cũng có cộng nghiệp, nghiệp thiện cũng có cộng nghiệp. Hai ngàn lẻ hai gia đình cùng chung tâm (thiện), chung ý (tư tác), chung tín, chung giới, chung thí nên bây giờ trở thành hai ngàn lẻ hai tăng ni cũng là hiển nhiên, cũng là chuyện đương nhiên của nhân quả nghiệp báo vậy.

Bánh Mè! Bánh Mè!

Đức Phật tế độ hội chúng Mahā Kappina vừa xong là ngài sang thăm ni viện để giáo giới thêm hội chúng tỳ-khưu-ni Anojā.

Sau thời pháp sách tấn, khuyến tu, đức Phật nhắc nhở ni trưởng Gotamī, chư vị tỳ-khưu-ni Khemā, Uppalavaṇṇā... phải để tâm chăm sóc học chúng nhiều hơn nữa. Những chuyện xảy ra như ở Kosambī, hai nhóm tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri cũng được đức Phật kể lại để mọi người thấy rõ mọi nhân, mọi duyên dễ đưa đến phân ly, tan rã như thế nào.

Thấy ni viện dường như không còn đủ chỗ nữa; đức Phật vừa đang nghĩ đến sự khó khăn ăn ở cho họ trong nay mai thì đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā cùng tùy tùng hộ giá đến thăm. Lát sau, hoàng tử Jeta, Đại Cấp Cô Độc, Tiểu Cấp Cô Độc lại tìm đến đảnh lễ, vấn an sức khỏe của Người. Ai ai cũng phát biểu, biểu tỏ sự vui mừng khi chuyện Kosambī đã yên lặng; và giáo pháp, hội chúng tăng ni càng ngày càng đông đảo.

Tôn giả Ānanda thường hầu bên cạnh đức Phật để học pháp, nhân tiện, gật đầu, mỉm cười ý nhị:

- Phải rồi! Quả là đông đảo! Ngay cái đại giảng đường này cũng đã trở nên chật chội, đã ngồi tràn, đứng tràn ra hàng hiên, ra cả vườn rừng nữa đấy!

Chính nhờ câu nói này của bậc Đa Văn mà sau đó, chư vị đại thí chủ đã rộng tay mở kho tàng, cúng dường tịnh tài, vật liệu để nới rộng giảng đường, xây dựng thêm cốc liêu, phòng xá và cả những công trình phụ. Nhóm đức vua Mahā Kappina, hoàng hậu Anojā, quý đại công nương vừa xuất gia, có người đang còn mang theo ngọc, vàng, nữ trang... họ đồng tình nguyện hiến cúng. Vậy là sau đó, tại Sāvatthi, ni chúng còn có thêm một vườn rừng tu tập nữa để giải quyết nạn nhân mãn!

Đức Phật trở lại Kỳ Viên, thì mấy hôm sau, hai vị đại đệ tử cùng hội chúng từ Kiṭāgiri, nước Kāsi trở về. Việc đầu tiên là đức Phật giới thiệu tỳ-khưu Mahā Kappina và hội chúng một ngàn vị của ông với chư vị trưởng lão vừa từ xa về. Thấy dung mạo, tăng tướng của vị tân tỳ-khưu, các bậc lậu tận thấy rõ, biết chắc vị ấy cũng đã là bậc lậu tận. Họ đồng mỉm cười, chung vui niềm vui bậc thánh.

Cuộc họp mặt đông đủ vào buổi chiều, hai vị đại đệ tử trình báo với đức Thế Tôn là đã xử phạt tương đối ổn thỏa. Họ đã dựa vào học giới, cái gì là pháp và luật, cái gì là phi pháp, phi luật để giải quyết nội vụ sau khi điều tra, phỏng vấn cả chư sư và nam nữ cư sĩ trong vùng. Kết quả là mười lăm vị tỳ-khưu bị trục xuất khỏi tăng đoàn, mười vị tỳ-khưu bị phạt cấm phòng; số còn lại đa phần được châm chước, cho họ sám hối trước tăng, nguyện thay đổi, chừa bỏ.

Tôn giả Upāli thưa thêm:

- Những tội thuộc về sám hối có nặng có nhẹ nhưng cách nhau rất xa. Sau này còn có những trọng tội, ngưỡng nguyện đức Thế Tôn sẽ chế định án mức để chúng đệ tử y theo đó mà thi hành.

- Được rồi, từ từ đã.

Tôn giả Sāriputta trình báo việc khác:

- Bạch đức Thế Tôn! Có mười vị trưởng lão có giới và có trí, nguyện ở lại Kiṭāgiri, phân bố rải rác các am thất, cốc liêu trong thị trấn để ổn định sinh hoạt cho tăng cũng như hai hàng cận sự từ lâu đã mất hẳn đức tin do nhóm tỳ-khưu ác giới, tà hạnh kia gây ra.

- Tốt lắm!

- Khi chúng đệ tử ghé thị trấn Macchikāsaṇḍa[1] có đến tu viện Ambāṭakārāma của cư sĩ Citta thành lập, ông ta rất mến mộ chư tăng, tiếp đãi rất trọng hậu. Ở đấy là cả một vườn xoài tươi đẹp và mát mẻ, là nơi có thể phát triển được.

- Ừ, đức Phật nói - cư sĩ Citta là một vị thánh Tu-đà-hoàn khi ông Mahānāma (già) giáo giới ở đấy.

- Nhưng ở đấy đã xảy ra một việc - Rồi tôn giả kể hầu đức Phật chuyện như sau - Từ khi trưởng lão Mahānāma đi du hóa phương khác, có tỳ-khưu Sudhammā đến ngụ cư, nhân tiện, cư sĩ Citta thỉnh mời ở lại để nhờ coi sóc công trình mới tại tu viện. Vị thánh cư sĩ đã hộ độ cho vị tỳ-khưu kia thật chu đáo. Thời gian sau, tỳ-khưu Sudhammā muốn nắm quyền tu viện, bảo với cư sĩ Citta với ý rằng: Mỗi khi gia chủ muốn thỉnh mời ai đến đây dù là một vị, hai vị, một nhóm, một hội chúng tỳ-khưu chẳng hạn thì phải hỏi qua ý kiến của ông ta.

Khi chúng đệ tử đến, nghe nói có đệ tử, có Mahā Moggallāna, Nandiyā, Kimbila, Anuruddha... đang ngụ nơi rừng cây, cư sĩ Citta hoan hỷ tìm tới đảnh lễ, hỏi thăm rất ân cần. Đệ tử đã thuyết một thời pháp, và may mắn thay, cư sĩ Citta đạt quả Bất Lai, nên ông hỷ lạc đến ràn rụa nước mắt. Sau đó, vị cư sĩ cung kính thỉnh mời hội chúng đặt bát cúng dường vào ngày hôm sau tại tư gia. Nhân tiện, ông ta còn

[1] Cũng thuộc nước Kāsi, cách Sāvatthi ba mươi dặm (144km)

đến tu viện mời thỉnh tỳ-khưu Sudhammā, nhưng tác bạch cả ba lần đều bị ông ta từ chối.

Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp:

- Biết tâm tánh của vị phàm tăng, cư sĩ Citta đảnh lễ tỳ-khưu Sudhammā, trở về tư gia lo bổn phận của mình. Sáng hôm sau, khi mọi thức ăn, vật uống, loại cứng, loại mềm thượng vị đã được chuẩn bị xong, chợt tỳ-khưu Sudhammā tìm đến. Vị cư sĩ vui mừng chào đón, tưởng vị tỳ-khưu đã hỷ xả bỏ qua; nhưng khuôn mặt ông ta lạnh như tiền, nói rằng: "Không! Đừng hiểu lầm! Tôi không đến để thọ bát đâu! Tôi chỉ đến để xem thử ông bày biện vật phẩm có đầy đủ để cúng dường chư tôn túc trưởng lão không mà thôi!" Nói thế rồi, tỳ-khưu Sudhammā đi săm soi, dòm ngó từng món, từng món. Xong, ông nói: "Tốt lắm! Thượng vị cả, nhưng thiếu một món!" Cư sĩ Citta ngạc nhiên, hỏi là thiếu món gì? Ông ta đáp: "Bánh mè! Bánh mè là món ông không có!" Vị cư sĩ mỉm cười: "Ồ! Có quan trọng gì đâu cái món bánh mè ấy! Có cũng được, không có cũng được; các bậc lậu tận có để ý gì chuyện ăn, chuyện uống, thiếu đủ thế nào đâu!" Tuy nhiên, tỳ-khưu Sudhammā cứ khăng khăng là còn thiếu bánh mè! "Ta nói là còn thiếu bánh mè, bánh mè!"

Tôn giả Sāriputta kể tiếp:

- Vì là vị thánh Bất Lai nên người cư sĩ không hận, không sân, chỉ mỉm cười nhỏ nhẹ rồi kể chuyện với ý tứ xa xôi: Thưa ngài! Trong một thời quá khứ, có đoàn thương buôn người phương nam đi về phương đông chuyên chở hàng hóa, họ mang theo một con gà mái. Trên lộ trình, con gà mái ấy họ cho ở chung với một con quạ đực, sau nó sinh ra một con gà con. Thưa ngài! Khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của cha nó là quạ thì nó kêu "quạ quạ, tục tục"! Khi nào nó muốn bắt chước tiếng kêu của mẹ nó là gà thì nó kêu "tục tục, quạ quạ". Cũng tương tợ như thế ấy, thưa ngài! Giáo pháp của đức Tôn Sư là vi diệu, tối thắng, bất tử, thế

gian là vô khả tỷ, quý báu vô ngần. Quý hóa thay và cũng khôn ngoan, sáng suốt thay, nếu ta học hỏi, cố gắng thực hành một đôi điều thì hạnh phúc biết bao nhiêu! Thưa ngài, ngài đến đây, được gặp mặt các bậc thánh vô lậu, lý ra là nên tầm cầu, học hỏi, thế nhưng chuyện ấy ngài lại không làm, ngài đến đây chỉ để kêu lên "Bánh mè! Bánh mè!" như thế hay sao?

Ai cũng dường như mỉm nụ cười bậc thánh ở trong tâm khi nghe đến ngang đó. Tôn giả Moggallāna tiếp lời vị sư huynh:

- Tỳ-khưu Sudhammā không phải là gốc cây, chẳng phải là cục đá, nghe vậy, nổi giận đùng đùng: "Này gia chủ! Ngươi mắng nhiếc ta! Ngươi nói xấu ta! Ngươi cười nhạo ta, biếm nhẽ ta giống như con gà, con quạ! 'Tục tục tục, quạ quạ quạ'! Quá lắm! Thôi! Đây là trú xứ của ngươi, công đức của ngươi, ta sẽ ra đi!" Vị nam cư sĩ vội quỳ xuống đảnh lễ, nói rằng: "Tôi kể chuyện ấy là với ý tốt muốn thức tỉnh đại đức thôi, là đừng để tâm, hạch hỏi đến những chuyện rỗng không, phù phiếm, vô ích như thế! Hãy tu tập đi thôi! Hãy chú tâm vào định, vào tuệ mới là bổn phận của một thầy tỳ-khưu! Thỉnh đại đức hãy ở lại. Tôi sẽ hộ độ đầy đủ bốn món vật dụng, chỉnh sửa lại liêu cốc; và tôi còn nhờ cậy đại đức chăm lo cho tu viện cùng rừng xoài tươi đẹp này nữa". Sau ba lần quỳ xin như thế, tỳ-khưu Sudhammā vẫn một mực từ chối rồi ông ta vội thu xếp các vật dụng cần thiết để lên đường. Cư sĩ Citta thưa: "Đại đức đi đâu?" Tỳ-khưu Sudhammā ôm y bát đứng lên:"Ta sẽ về Kỳ Viên, đảnh lễ đức Thế Tôn, ta sẽ kể lại chuyện này. Ta sẽ kể một câu chuyện hay về một vị cư sĩ hằng tâm, hằng sản, có đức tin, có giới hạnh nhưng lại chửi mắng tỳ-khưu, hỗn láo với tỳ-khưu, gọi tỳ-khưu là 'tục tục tục, quạ quạ quạ'!" Cư sĩ Citta nói: "Tôi vẫn mong là đại đức hãy kể rõ toàn bộ sự thật đã

xảy ra, đừng thêm, đừng bớt. Rồi đức Tôn Sư giáo giới như thế nào, cứ y như vậy mà thọ trì!”

Tôn giả Sāriputta kết luận:

- Vậy đó, bạch đức Thế Tôn! Hiện tại, tỳ-khưu Sudhammā tiện đường về thăm nhà, có lẽ vài hôm nữa thì y sẽ đến đây.

Khi tỳ-khưu Sudhammā đến, đức Phật “rầy la một trận”, sau đó chư vị trưởng lão họp hội đồng để xử lý chuyện tỳ-khưu Sudhammā, theo lời giáo giới vắn tắt của đức Thế Tôn.

Đức Phật nói:

- Ông tỳ-khưu này cần được quở trách, sau khi quở trách cần được nhắc nhở, sau khi nhắc nhở cần được xác định tội án, sau khi xác định tội án, phải lập một hội đồng gồm các vị trưởng lão uy tín, cao hạ, giàu kinh nghiệm, đủ năng lực để làm việc đúng pháp và luật.

Vâng lệnh đức Phật, hội đồng trưởng lão đã được thành lập, và kết quả như sau:

- Có mấy điều đã được quở trách rồi nhắc nhở:

Thứ nhất, khi nghe tin chư vị trưởng lão và hội chúng đến mà không cung nghinh, đón tiếp; theo luật, phải đến đảnh lễ quý ngài và làm những phận sự của người đệ tử.

Thứ hai, chuyện mời ai, thỉnh ai là phần việc của người cư sĩ tại gia, là vị tỳ-khưu trong giáo pháp của đức Tôn Sư thì không được xen vào, lại không nên tỏ quyền hạn kiểm soát. Thái độ và cách hành xử ấy không đáng phẩm mạo của bậc xuất gia.

Thứ ba, là định tội án, xử phạt, bắt buộc tỳ-khưu Sudhammā phải trở lại thị trấn Macchikāsaṇḍa để xin lỗi cư sĩ Citta. Điểm thứ nhất, điểm thứ hai cho được sám hối. Riêng điểm thứ ba thì đã được tôn giả Upāli tuyên đọc trước hội đồng ba lần. Chư vị hội đồng đều im lặng, được xem như đồng thuận, án lệnh có hiệu lực ngay từ lúc đó.

Đức Phật đã khen ngợi chư vị trưởng lão đã làm việc tốt, nghiêm túc, có hiệu quả, khá nền nếp, khá bài bản, không cứng, không mềm. Luật là phải vậy.

Sau đó, tỳ-khưu Sudhammā tuân lệnh trở lại thị trấn Macchikāsaṇḍa để xin lỗi cư sĩ Citta. Có bốn vị trưởng lão đi theo giám hộ và cũng tình nguyện đến ở tu viện Ambāṭakārāma để tạo đức tin cho hai hàng cận sự nam nữ ở đấy.

Sau câu chuyện này, mấy chữ "bánh mè, bánh mè" trở thành thuật ngữ đầu môi để ám chỉ vị tỳ-khưu nào hay căn vặn, hạch hỏi những chuyện vô ích, vô bổ, phù phiếm như tỳ-khưu Sudhammā vậy.

Kinh Hiền Ngu
(Bālapaṇḍitasuttaṃ)[1]

Tôn giả Sāriputta nhận thấy bây giờ chư tăng quá đông, thánh phàm lẫn lộn. Những chuyện xảy ra như ở Kosambī, hai nhóm tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri, dường như đã làm mất đức tin cho nhiều người. Vừa rồi lại chuyện tỳ-khưu Sudhammā nữa. Đằng sau những hiện tượng ấy là tâm địa của chúng. Những tâm địa chưa được tẩy sạch tham sân, phiền não kéo theo rều rác danh lợi, bản ngã, ngũ dục đã làm ác uế, ô tạp giáo pháp thanh tịnh. Nguy hại nhất là những kẻ sơ tu, đức tin đang còn non yếu sẽ bị lung lay hoặc bị lây nhiễm.

Đem ưu tư ấy bạch Phật thì được ngài hỏi lại:

- Hàng sa-môn sơ tu, hậu học bị lây nhiễm? Đúng rồi! Nhưng tại sao mà chúng lại bị rủ rê, kéo bè, kéo lũ, họp phe, họp nhóm, không phân định được tốt xấu, phải trái như thế? Lý do là bởi đâu, ông có biết không?

[1] Bāla là người ngu, điên rồ, xuẩn ngốc - chỉ chung những người làm việc xấu, ác. Paṇḍita là bậc trí, người hiền - chỉ chung những người làm việc lành, tốt.

- Lý do là họ không phân biệt được kẻ tốt, người xấu, kẻ nên thân cận và người không nên thân cận.

- Đúng rồi, này con trai! Bây giờ, ông hãy cùng Moggallāna thông báo rộng rãi tất thảy tăng ni tại Sāvatthi để Như Lai thuyết một thời pháp quan trọng, nói về kẻ tốt, người xấu, người hiền, kẻ ngu ấy. Việc thứ hai là sau đó, hai ông phải thu xếp một hội chúng chừng năm trăm vị, trong đó có Ānanda, Nanda, Rāhula cùng thị giả Nigāta để cùng xuôi đông với Như Lai. Mùa mưa sắp tới, Như Lai không an cư ở đây, có lẽ tại đâu đó gần địa phận Vesāli, Māgadha hoặc Aṅga!

Thế là một hội chúng đông đúc chưa từng có được nhóm họp tại đại giảng đường chùa Jetavana, tràn ra khắp mọi hướng. Rồi đức Chánh Đẳng Giác, cất giọng phạm âm với tám tuyệt hảo như một trận mưa pháp đổ xuống không gian, vườn rừng, mặt đất và tâm địa học chúng đang khao khát, tầm cầu sự thật.

- Này, chư tăng ni đại chúng! Chiếc xe chuyển pháp của Như Lai đang chở nặng bảy học chúng; ở đấy, ngoại trừ những bậc lậu tận, những vị đã vào dòng; số còn lại thì lẫn lộn kẻ tốt, người xấu, bậc trí, kẻ ngu rất là phức tạp, rất khó nhận diện. Vậy làm sao để phân biệt? Hành tướng của kẻ xấu, người ngu như thế nào? Hành tướng của người tốt, bậc trí như thế nào?

Này, đại chúng! Một quốc gia muốn ổn định trật tự cho nhân sinh và xã hội thường có cái được gọi là cán cân công lý. Cái cán cân ấy sẽ lấy làm tiêu chuẩn, làm thước đo để phân biệt người xấu ác, kẻ gian ngoa để theo đó mà sửa trị, định tội án. Những người bán hàng họ thường có những dụng cụ đo lường để biết mà định giá. Họ có cái thưng, cái đấu, có những cân to, cân nhỏ, càng nhỏ thì dùng để cân ngọc, cân vàng, cân bạc. Những dụng cụ đo lường kia chính là tiêu chuẩn giá trị quy ước với nhau.

Này chư vị! Giáo pháp của Như Lai cũng có những thước đo, những tiêu chuẩn tương tợ vậy để phân biệt đâu là kẻ xấu ác, kẻ ngu si, người lành tốt và bậc trí hiền. Hãy nghe! Như Lai sẽ giảng nói.

Thế rồi, thời pháp hôm ấy đức Chánh Đẳng Giác đã dùng ngọn đèn trí tuệ cực sáng soi chiếu cho đại chúng thấy chân tướng, nhân và quả của hai hạng người kể trên để sống, để nhận diện cho khỏi lầm lạc, cho khỏi thấy sai, hiểu lệch.

Đầu tiên là kẻ xấu ác, người ngu. Chúng có ba đặc tướng, ba đặc điểm rất là rõ ràng, chân xác, ấy là suy nghĩ xấu ác, lời nói xấu ác và hành động xấu ác. Khi thấy một người có ba dấu hiệu ấy thì ta sẽ biết ngay, đây là kẻ xấu ác chớ không phải bậc trí hiền. Kẻ xấu ác ấy, ngay trong hiện tại này họ cảm thọ ba loại khổ ưu. Thế nào là ba?

Khi một người đã làm việc xấu ác như sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, dối láo... thì tâm của người ấy luôn lo sợ, bất an, như lửa cháy ở trong lòng; đây là loại khổ ưu thứ nhất, người kia cảm thọ ngay trong hiện tại.

Những việc làm xấu ác ấy nếu bị mọi người phát giác, bị tội hình của luật pháp quốc gia thì sẽ như thế nào? Và người kia đã từng thấy có nhiều hình phạt khác nhau diễn ra trước mắt. Tội nhẹ thì bị đánh bằng roi, bằng gậy, bằng côn. Tội hơn thế một chút thì bị chặt tay, chặt chân, chặt cả tay lẫn chân, xẻo tai, cắt mũi. Tội nặng hơn thì bị hành phạt vạc dầu, hình phạt đốt tay, hình phạt lấy móc câu móc thịt, hình phạt cắt thịt thành hình đồng tiền, hình phạt tưới dầu sôi lên thân thể, hình phạt quăng tội nhân cho chó ăn, hình phạt đóng cọc lên thân, lên đầu, hình phạt lấy gươm chặt đầu... Chỉ mới nghĩ đến những hình phạt ấy, người xấu ác đã sợ hãi dựng cả tóc gáy, không rét mà run cầm cập; đây là loại khổ ưu thứ hai, người xấu ác phải chịu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Từ khi làm việc xấu ác rồi, khi đi tới đi lui, khi ngồi nằm trên ghế, trên giường, những việc xấu ác kia cứ mãi ám ảnh người ấy, làm cho nặng nề tâm trí người ấy. Ví như, này chư vị! Vào những buổi chiều, khi con quạ đỏ ngã về tây, bóng của những đỉnh núi như treo đè, treo áp lên mặt đất; cũng tương tợ vậy, những việc xấu ác cứ mãi treo đè, treo áp lên người ấy. Với tâm đầy lo sợ, người ấy suy nghĩ: "Phải rồi, ta đã không biết làm những việc lành tốt, ta không biết sắm những chiếc áo giáp để ngăn chặn sự sợ hãi, ta đã làm những việc hung bạo, thất nhơn, ác đức, những việc xấu xa, tội lỗi, khi mạng chung, chắc chắn là ác thú, ác xứ, khổ xứ, đọa xứ, địa ngục sẽ chờ đón ta". Vì suy nghĩ như vậy, người ấy rơi vào sầu muộn, than van, than khóc, đấm ngực, rên la... đôi khi rơi vào bất tỉnh. Đấy là loại khổ ưu thứ ba mà người xấu ác cảm thọ ngay trong hiện tại này.

Và quả đúng như vậy, này chư vị! Khi đã làm việc xấu ác với ba dấu ấn, ba đặc tướng rõ ràng là suy nghĩ ác, lời nói ác, hành động ác thì người ấy đã mở cửa ác xứ, ác thú, đọa xứ, địa ngục rồi. Mà nói đến địa ngục thì quả thật là tội báo cuối cùng, xứng đáng để dành cho những người cực độc ác, cực xấu ác, cực hung dữ, cực thô bạo, cực bạo tàn... Và có cả hằng trăm, hằng ngàn địa ngục kinh khiếp như vậy đang để dành cho người xấu ác.

Giảng đến ngang đây, đức Phật im lặng. Những người lành tốt thì cảm giác thân tâm mát mẻ, phỉ lạc. Những người đã lỡ làm việc xấu ác thì cảm giác thân tâm nóng nảy, bất an.

Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, đặt một yêu cầu rất đúng lúc:

- Xin đức Thế Tôn cho chúng đệ tử nghe về những ví dụ cụ thể để ai cũng có thể hình dung được cái khổ hình của địa ngục để sợ hãi mà lánh xa những việc làm xấu ác.

- Vài một thời, đức Phật giảng tiếp - Có một vị vua xử một tội án nghiêm trọng. Ông ta hét: "Buổi sáng, hãy đem tên tội nhân này ra pháp trường Đông môn, và đâm vào thân thể nó với một trăm ngọn giáo, không thừa một, không thiếu một". Khi án lệnh đã được thực thi, lính ngục hình tâu báo là tội nhân chưa chết. Vua phán tiếp: "Hãy mang nó ra pháp trường nam môn, đâm thêm một trăm ngọn giáo nữa". Tội nhân cũng chưa chết nên vua ra lệnh tiếp là đâm thêm một trăm ngọn giáo nữa ở pháp trường tây môn!

Với ba trăm ngọn giáo như thế, tội nhân kia có cảm thọ khổ ưu không, này Ānanda?

- Thưa, chỉ với một ngọn giáo cũng đã đau đớn rồi, huống hồ cả ba trăm ngọn giáo!

Chợt, đức Phật cúi xuống, đã có một cục đá nhỏ trong tay, ngài cầm lên rồi nói:

- Khối lượng của cục đá này so với khối lượng Himalaya, vua loài núi, cái nào to lớn hơn, này Ānanda?

- Cục đá ấy so với sự to lớn, hùng vĩ của vua loài núi thì có nghĩa gì, thấm tháp gì. Nó chỉ là hạt bụi. Vạn vạn lần, triệu triệu lần, tỷ tỷ lần không thể so sánh được, bạch đức Tôn Sư!

- Cũng vậy, này Ānanda! Cái cảm thọ khổ ưu của ba trăm ngọn giáo so với cảm thọ khổ ưu của địa ngục cũng tương tợ thế! Ba trăm ngọn giáo chỉ là hạt bụi mà địa ngục là Himalaya, vua loài núi. Vạn vạn lần, triệu triệu lần, tỷ tỷ lần là cảm thọ khổ ưu của địa ngục so sánh với cảm thọ khổ ưu của ba trăm ngọn giáo, các người phải hiểu như vậy, phải hình dung như vậy.

Trong hội chúng này, biết bao nhiêu kẻ xấu ác sẽ dựng cả tóc gáy khi hình dung thấy rõ những tội báo địa ngục kia?

Đức Phật còn giảng thêm chi tiết.

- Này đại chúng! Địa ngục thì có địa ngục nhỏ, địa ngục lớn. Ở các địa ngục nhỏ, ví như bị tội báo với hình phạt năm

cọc. Quỷ sứ lấy năm cọc sắt nung đỏ lần lượt đóng vào năm chỗ, đó là hai bàn tay, hai bàn chân và giữa ngực. Tội nhân nằm đấy, cảm thọ khổ ưu kịch liệt nhưng không chết do ác nghiệp còn duy trì. Quỷ sứ lấy năm cọc sắt nung đỏ ra, lại bắt tội nhân nằm xuống rồi lấy búa chặt người ấy ra từng khúc, từng khúc... Do ác nghiệp còn có năng lực duy trì nên tuy đau đớn kịch liệt, tội nhân vẫn không chết, hoàn thân trở lại. Quỷ sứ cột tội nhân vào một chiếc xe, chiếc xe kéo tội nhân chạy tới chạy lui trên mặt đất cháy đỏ rực, hừng hực... Rồi cứ thế, tội nhân tiếp tục bị hành hình như bị nấu trong vạc dầu đang sôi sùng sục, thân thể bị đảo ngược, đảo xuôi, đảo ngang, đảo dọc. Với hằng chục trọng hình khác nhau ở địa ngục nhỏ như vậy nhưng tội nhân vẫn không chết, sau đó, quỷ sứ quăng tội nhân vào địa ngục lớn. Cái địa ngục lớn này mênh mông, rộng lớn cả một trăm do-tuần có bốn góc, bốn cửa, chia đều thành hằng trăm, hàng ngàn khung khác nhau, xung quanh có tường sắt, mái lợp sắt lên trên; nền cũng bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực, hừng hực; rồi mỗi tội nhân nằm ở đấy, sống ở đấy cả ngàn năm, vạn năm, vạn vạn năm để nhận chịu quả báo khốc liệt, thống khổ vô cùng tận; và chỉ chấm dứt khổ hình khi nghiệp ấy chấm dứt.

Này đại chúng! Những địa ngục ấy là rất nhiều, đau khổ là rất nhiều, Như Lai không thể nói đầy đủ, kể hết cho đầy đủ được.

Lại có những chúng hữu tình thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn cỏ. Chúng ăn, nhai nghiền cỏ tươi và cỏ khô. Ví như ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai. Trước đây, người ngu hành ác nghiệp, thân hoại mạng chung, chúng sanh ra cộng trú với loài bàng sanh, loại hữu tình có hơi thở và ăn cỏ nầy.

Lại có những hữu tình cũng thuộc bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ xa, liền chạy tới, giành giật nhau và nói rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây! Chúng ta sẽ ăn ở đây!" Tương tợ như các bà-la-môn tế tự,

ngửi được mùi lễ tế sanh, chạy đến, cũng nói to lên rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây! Chúng ta sẽ ăn ở đây!" Đấy là heo, chó, gà, chó rừng... cùng vô lượng chúng sanh khác cùng chủng loại này.

Lại cũng có những chúng hữu tình có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối. Đấy con sùng, con dòi, con sâu đom đóm... cùng vô lượng chúng sanh khác cùng chủng loại này.

Cũng có những chúng hữu tình có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước và chết ở trong nước; đấy là các loại cá lớn nhỏ, là rùa, cá sấu... cùng vô lượng chúng sanh khác cùng chủng loại nầy.

Lại cũng có chúng hữu tình có hơi thở, sanh ra trong dơ uế, xú uế, già trong dơ uế, xú uế rồi chết trong dơ uế, xú uế... Rồi có loại chúng hữu tình sanh ra trong cá thúi, tử thi thúi, già trong cá thúi, tử thi thúi, chết trong cá thúi, tử thi thúi... Rồi trong ao rãnh, trong mương cống, trong hầm phân... Và cũng thật là vô lượng không thể kể xiết được.

Tất cả loại chúng sanh này muốn trở lại được thân người thì thật là khó thay, hy hữu thay! Ví như có người quăng xuống biển một tấm ván có khoét một lỗ tròn ở giữa. Tấm ván này sẽ bị sóng đánh, trôi giạt về mọi hướng bất định. Có một con rùa mù, hễ một trăm năm thì nó trồi đầu lên mặt nước một lần. Ôi! Thật là khó khăn làm sao, hy hữu làm sao, khi con rùa mù kia lúc trồi đầu lên lại lọt được vào cái lỗ khoét tròn ấy, có phải vậy không, này đại chúng?

- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn! Có thể với thời gian rất lâu dài không tính đếm được!

- Đúng vậy mà cũng không phải vậy! Đức Phật mỉm cười! Con rùa kia dù với thời gian lâu xa mới thò đầu được vào cái lỗ khoét tròn, nhưng việc ấy thật là quá mau, quá nhanh so với thời gian những chúng sanh đã trót rơi đọa vào

ác xứ, khổ xứ, địa ngục mà muốn được trở lại thân người! Trở lại thân người còn khó khăn hơn thế nhiều.

Này chư tăng ni đại chúng! Tại sao lại như vậy? Vì những chúng sanh ấy trong quá khứ không có một chút phước nào, không có làm được một việc lành tốt nào, không có một chút công đức nào dầu nhỏ như hạt bụi dính trên đầu ngọn cỏ kusa nên chúng chỉ biết nhai nuốt lẫn nhau, ăn thịt kẻ yếu, lấn hiếp kẻ yếu, bức hại kẻ yếu. Giả dụ trải qua thời gian vô lượng chúng có được trở lại thân người thì sẽ sanh ra trong những gia đình thấp hèn, hạ liệt, cùng khổ. Ví như gia đình kẻ đi săn, gia đình kẻ đan tre, gia đình người làm xe, gia đình người đổ phân, gia đình kẻ bần cùng, khốn khổ không có cái uống, cái ăn, còn cái mặc thì cho đến một tấm vải che lưng cũng không có. Không những vậy, người ấy còn thô xấu, khó nhìn, lùn thấp, bệnh hoạn, bị tật, bị què hay bị bại liệt. Còn nói gì đến vòng hoa, hương liệu, giường nằm hoặc những tiện nghi tối thiểu khác?

Này đại chúng! Ví như có người đánh bạc. Chỉ mới đổ canh bạc đầu tiên, hắn ta đã mất của cải, tài sản, mất vợ, mất con, cuối cùng còn bị tù tội. Tuy nhiên, nhỏ bé thay là canh bạc ấy! Có một canh bạc to lớn hơn thế nhiều, thua "cháy túi" hơn thế nhiều, đấy là canh bạc của người ngu, canh bạc do suy nghĩ xấu ác, lời nói xấu ác, hành động xấu ác. Chính canh bạc này, sau khi thân hoại mạng chung, người ngu kia bị sanh vào khổ xứ, đọa xứ, ác xứ, địa ngục. Đây chính là địa xứ, là lãnh cư, là "ác báo, quả báo hoàn toàn viên mãn" dành cho kẻ ngu, người xấu ác vậy!

Giảng đến ngang đây, đức Phật lại nghỉ hơi, dành một chút thời gian cho đại chúng suy gẫm. Thấy vừa phải thời, đức Phật dạy tiếp:

- Đấy là nói về kẻ ngu, người xấu ác. Còn bậc trí hiền, người lành tốt thì sao? Cũng như trên, họ có ba đặc tướng, ba đặc điểm rất dễ nhận diện; đó là suy nghĩ lành tốt, lời nói

lành tốt và hành động lành tốt. Khi thấy một người có ba dấu ấn ấy thì ta sẽ biết ngay đấy là bậc trí hiền, người lành tốt ngay tức khắc. Người ấy, chưa nói đến hạnh phúc tương lai, mà ngay trong hiện tại này đã được cảm thọ ba loại lạc hỷ. Thế nào là ba?

Khi một người đã làm được những việc lành tốt như từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ dối láo... thì tâm của người ấy luôn cảm giác thanh bình, an ổn, mát mẻ, an vui ở trong lòng; đây là loại lạc hỷ thứ nhất, người kia cảm thọ ngay trong hiện tại này.

Những việc làm lành tốt của người ấy, như những người cư sĩ thuần thành có giới, ai cũng thấy, ai cũng biết, giữa đêm đen cũng tỏa ra ánh sáng, trong bóng tối cũng tỏa ra mùi hương, thơm ngược cả chiều gió thổi nữa. Ngoài cảm giác thân tâm an lạc, người ấy còn biết rất rõ rằng, nhiều hình phạt khác nhau diễn ra trước mắt đối với kẻ xấu ác hoàn toàn, tuyệt đối không bao giờ xảy ra cho mình. Như tội bị đánh bằng roi, bằng gậy, bằng côn, tội bị chặt tay, chặt chân, chặt cả tay lẫn chân, xẻo tai, cắt mũi, tội bị hành phạt vạc dầu, hình phạt đốt tay, hình phạt lấy móc câu móc thịt, hình phạt cắt thịt thành hình đồng tiền, hình phạt tưới dầu sôi lên thân thể, hình phạt quăng tội nhân cho chó ăn, hình phạt đóng cọc lên thân, lên đầu, hình phạt lấy gươm chặt đầu... Tất thảy khổ hình ấy là hình phạt dành cho kẻ xấu ác, còn người lành tốt thì thoát khỏi chúng.

Khi nghĩ đến sự an lành, an toàn của mình như vậy, người ấy thân cảm một hạnh phúc dịu dàng, thanh lương; đây là loại lạc hỷ thứ hai, người lành tốt cảm thọ ngay trong hiện tại này.

Từ khi làm việc lành tốt rồi, khi đi tới đi lui, khi ngồi nằm trên ghế, trên giường, những việc lành tốt kia cứ hiện mãi trong tâm tư người ấy, cứ tạo nên hình ảnh đẹp trong tâm trí người ấy. Ví như, này chư vị! Vào những buổi chiều,

khi con quạ đỏ ngả về tây, bóng của những đỉnh núi như treo đè, treo áp lên mặt đất; cũng tương tợ vậy, những việc lành tốt cứ mãi treo đè, treo áp lên người ấy. Với tâm đầy hân hoan, thỏa thích, người ấy suy nghĩ: "Phải rồi, ta đã biết làm những việc lành tốt, ta đã biết sắm những chiếc áo giáp để ngăn chặn sự sợ hãi, ta đã không làm những việc hung bạo, thất nhơn, ác đức, những việc xấu xa, tội lỗi; khi mạng chung, chắc chắn là thiện sanh, thiện thú, cõi người, cõi trời vinh quang và sang cả sẽ mở cửa chào đón ta". Vì suy nghĩ như vậy, người ấy không sầu muộn, không than van, không than khóc, không đấm ngực, không rên la mà ngược lại, là đang thân cảm một hạnh phúc khó tả. Đấy là loại lạc hỷ thứ ba mà người lành tốt cảm thọ ngay trong hiện tại này.

Và quả đúng như vậy, này chư vị! Khi đã làm việc lành tốt với ba dấu ấn, ba đặc tướng rõ ràng là suy nghĩ lành tốt, lời nói lành tốt, hành động lành tốt thì người ấy đã mở cửa thiện thú, thiên giới rồi. Nếu có ai nói đúng đắn về vị ấy, nhắc đến vị ấy thì phải được xác nhận rằng, vị ấy đúng là người hiền lương, bậc trí. Mà giả dụ nói đến thiên giới thì quả thật nó tốt đẹp quá, khả ái quá, khả hỷ quá, thích ý quá, ai cũng thích thú, say mê vì nó là hoa trái, thiện báo cao sang xứng đáng để dành cho những người lành tốt, bậc trí biết tu tập, có giới tâm, giới tướng. Tuy nhiên, Như Lai chỉ nói sơ sơ, kể ra chút ít, chứ thật sự mà nói, thiên hỷ, thiên lạc thì có vô vàn, vô số, cực kỳ, khó so sánh, khó nói ra một cách tận tường và cụ thể. Tại sao vậy? Tương tợ như sự thống khổ của địa ngục vậy, hạnh phúc của thiên giới vi diệu tột cùng, người trần mắt thịt không thể tưởng tượng được đâu!

Cũng như lần trước, tôn giả Ānanda lại thưa:

- Xin đức Thế Tôn cho chúng đệ tử nghe về những ví dụ cụ thể, có thể hình dung được những lạc hỷ của thiên giới để ai ai cũng vui thích tu tập, làm những việc lành tốt!

- Ừ, ví dụ thì được chứ! Này đại chúng tăng ni! Ai cũng có nghe đức vua Chuyển Luân có đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức, nhờ vậy ông ta thọ hưởng những hỷ lạc vi diệu. Bảy báu ấy là gì? Là thiên luân báu, voi báu, ngựa báu, mỹ nữ báu, ngọc báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Bốn như ý đức ấy là gì? Là dung sắc mỹ diệu, tuổi thọ thù thắng, khang kiện và thiểu bệnh, ai cũng kính tín, yêu mến. Hãy nghe! Như Lai sẽ tuần tự giảng nói đầy đủ để đại chúng có thể có ý niệm, hình dung về những sở hữu kỳ lạ ấy của đức vua.

Nói về thiên luân báu. Thiên luân báu là chiếc xe mà cõi người không thể có được, không thể suy nghĩ, thiết kế, vận hành được; nó là chiếc xe của cõi trời do phước hóa sanh, do phước sáng tạo ra.

Khi một vị vua có oai đức, giới hạnh, phước đức, và trí tuệ trùm thiên hạ thì tự động thiên luân báu hiện ra cho vị ấy. Nó hiện ra như thế nào chư vị có biết không?

Bất cứ đức vua bồ-tát nào cũng thọ trì bát quan trai giới. Vậy là đúng ngày thọ giới vào đêm trăng tròn, lúc bồ-tát tắm rửa, gội đầu lên đài cao có hương trầm đèn hoa để phát nguyện thọ giới thì thiên luân báu từ hư không chợt hiện ra với đầy đủ vành xe, trục xe với ngàn căm, thùng xe cùng những chi tiết bộ phận khác.

Chẳng biết chiếc xe trời này làm bằng chất liệu gì mà nó lóng lánh, ngời ngời, tỏa sáng nhiều màu sắc, hào quang thật bất khả tư nghị. Đức vua tự nghĩ: "Khi vị vua sát-đế-lỵ đăng quang rồi, đầy đủ giới, đức và trí rồi; vào ngày trăng tròn, khi lên đài cao phát nguyện thọ giới thì thiên luân báu hiện ra. Vậy là bắt đầu từ giờ phút ấy, đức vua ấy được tôn xưng là Chuyển luân Thánh vương".

Thế rồi, như hiểu rõ thông lệ từ quá khứ, vị vua ấy đứng dậy, trật thượng y bên phải ra biểu tỏ sự tôn kính, tay cầm bình vàng đựng nước thơm, tưới lên xe báu rồi nói: "Hỡi thiên luân báu! Này bạn của ta! Rồi chúng ta sẽ đi khắp thế

giới, chinh phục thế giới, đem lại hòa bình, hạnh phúc và an lạc cho thế giới!"

Đúng thời, lúc phải lẽ, ngự trên thiên luân báu sáng ngời, tối thượng, đức vua Chuyển Luân nói: "Hãy đi về phương đông, này thiên luân báu!" Lời vừa dứt, bên dưới thân xe như có một sức mạnh vô hình, vô khả tỷ, đẩy chiếc xe lao vút đi, về phương đông, dường như không dính vào đâu cả, không lay cũng không xóc.

Với uy lực như mặt trời trấn ngự giữa hư không, thiên luân báu với đức vua Chuyển Luân vừa dừng lại, cũng trấn ngự cả phương đông, xung quanh chợt đầy đủ bốn loại quân binh oai hùng, khí giới sáng lòa, cờ xí bay phất phới xa rộng đến chân trời.

Mấy chục tiểu quốc ở phương đông nghe tiếng, run sợ, toát mồ hôi, hàng hàng lớp lớp kéo đến bên chân thiên luân báu, cúi rập đầu xuống, đồng thanh hô lên: "Tâu thánh vương! Tất cả quốc độ phương đông đều là thuộc hạ của ngài, con cái của ngài, xin ngài ban cho lời giáo huấn!" Đức vua Chuyển Luân sáng ngời uy đức, lồng lộng giữa trời cao, rót lời tiếng vào tai họ: "Không có gì! Đừng có sợ hãi! Các ngươi đều là quyến thuộc của ta. Hãy sống với nhau cho lành tốt, phải biết giữ ngũ giới và dạy cho muôn dân biết giữ ngũ giới, biết chưa?" Họ vập đầu, đồng tán thán vang rân:"Thánh vương uy đức muôn trượng, trường thọ như mặt trời, sáng ngời như kim cương!"

Bình định xong phương đông, chiếc thiên luân báu chợt như được bao che một áo giáp vô hình, nó lặn xuống biển đông, xuất hiện ở phương nam rồi bình định hằng chục tiểu quốc tại đấy. Và rồi, phương tây, phương bắc cũng y như thế.

Này đại chúng! Thiên Luân báu sau khi chinh phục, bình định bốn phương, xa rộng cho đến hải biên, không đao, không trượng, không đổ một giọt máu, cả trái đất đều

nguyện thọ trì ngũ giới, chiếc xe liền quay trở về kinh đô Kusāvāti[1] ngự tại chánh pháp đình trong trang bảo điện lộng lẫy trông tợ cõi trời.

Đấy là sự xuất hiện của thiên luân báu. Rồi đức Phật kể tiếp về sự xuất hiện của voi báu.

Thiên tượng báu này là thuần chủng, thuần bạch, thần lực vi diệu, phi hành giữa hư không, có tên là Uposatha. Cứ mỗi buổi sáng, đức Chuyển luân Thánh vương ngự trên lưng thiên tượng báu tuần du khắp quả đất xa rộng cho đến bốn hải biên rồi trở lại kinh đô Kusāvāti vừa kịp giờ dùng điểm tâm sáng.

Thiên mã báu cũng diệu kỳ tương tợ thế. Thớt ngựa trời này cũng thuần chủng, đầu đen như quạ, bờm cũng đen sẫm[2], phần còn lại là sắc trắng bạch, có đại thần lực, phi hành giữa hư không, tên là Valāhaka. Khi đức Chuyển Luân ngự thiên mã báu này để tuần du khắp quả đất, trở lại kinh đô với thời gian cũng tương tợ thiên tượng báu vậy.

Châu ngọc báu xuất hiện cũng lạ kỳ như thế. Châu ngọc báu chính là lưu ly châu, có tám mặt, thuần chất, quang sáng, khó dũa, khó mài, khiết thanh, trong suốt, mỹ diệu và toàn hảo nhất. Hào quang của lưu ly châu này chiếu sáng như mặt trời rạng khắp một do-tuần vuông vức. Nếu đức vua dẫn bốn loại quân binh, đặt nó trên đầu quân kỳ thì có thể đi được dễ dàng trong đêm tối âm u. Thế là những ngôi làng ở xung quanh đều bắt đầu rục rịch thức dậy làm việc vì ai cũng tưởng là trời đã sáng rồi.

Thiên nữ báu xuất hiện lại càng kỳ diệu hơn thế nữa. Mỹ nhân này mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt

---

[1] Là kinh thành cũ của nước Mallā, sau này là Kusinārā. Đây là đức Phật kể lại một tiền thân của mình, có tên là Mahāsudassana, khi ngài làm vua Chuyển Luân ở đây, tại quốc độ này, kinh thành này.

[2] Pāḷi Proper Names Dictionary cũng ghi: Crow-black (đầu đen như quạ) và dark mane (bờm đen sẫm).

mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không đen, không trắng, vượt trên dung sắc loài người.

Này đại chúng! Thân xác mỹ nhân này êm dịu như nhung, như bông. Khi trời lạnh, da thịt mỹ nhân này lại trở nên ấm áp; khi trời nóng, da thịt mỹ nhân này lại trở nên rượi mát. Toàn thân nữ báu tỏa mùi hương chiên đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Nữ báu thường thức dậy sớm và đi ngủ sau đức vua, hành động, cử chỉ nào cũng khả ái, cũng làm cho vua thỏa thích, hỷ lạc. Nữ báu này không bao giờ có một tư tưởng bất tín nào đối với đức vua huống nữa là về thân thể[1]. Đúng là vưu vật cổ kim hy hữu.

Còn cư sĩ báu? Vị cư sĩ báu này xuất hiện đến cho đức vua là để mang đến tài sản, của cải hoặc ngọc vàng cho đức vua, lúc ngài cần. Ông ta có thiên nhãn, do phước quả dị thục sanh, có thể nhìn rõ suốt khắp bốn phương và cả trong lòng quả đất.

Một hôm, đức vua rong chơi bằng thuyền giữa sông Gaṇgā, ngài chợt mỉm cười và nói với cư sĩ báu rằng: "Này cư sĩ! Ta cần vàng!" Cư sĩ báu đáp: "Tâu thánh vương! Ngài hãy cho thuyền ghé gần bờ nào cũng được". Thế rồi, đến một nơi, cư sĩ báu thò hai tay xuống nước, kéo lên một ghè đầy cả vàng ròng! Thế đấy, bất kỳ chỗ nào, trên đất, dưới nước, bất cứ lúc nào đức vua muốn có ngọc vàng, châu báu gì, vị cư sĩ báu sẵn sàng đáp ứng cho đức vua ngay tức khắc.

Còn vị tướng quân báu thì ra sao? Vị tướng quân báu này có học thức, thông minh, sáng suốt, có mưu lược, trí tài, có khả năng quán xuyến, chăm lo, hướng dẫn, thao dượt, tập luyện, điều động, hành khiển cả bốn loại quân binh một cách tuyệt hảo, không chê vào đâu được. Có vị tướng quân báu

[1] Đoạn này dựa theo Kinh hiền ngu - Trung bộ kinh, tập 3 của Hòa thượng Minh Châu.

này, đức vua chỉ còn lo việc đạo đức, an dân và gối cao nằm ngủ.

Đấy nói qua về bảy món báu, bây giờ là bốn như ý đức của vua Chuyển Luân.

Như ý đức thứ nhất, vị vua tối thượng này có dung sắc thù thắng, khả ái, cử chỉ thanh lịch, ngôn ngữ thanh tao, tính tình điềm đạm, tất thảy vượt thắng xa dung mạo loài người.

Như ý đức thứ hai, vị vua tối thượng này tuổi thọ lâu dài nhất, như cây tùng, như cây bách xanh biếc bốn mùa trên núi cao.

Như ý đức thứ ba suốt đời khang kiện, dường như không ho hen, cảm mạo, đau ốm gì cho đến hết tuổi già.

Như ý đức thứ tư là ai ai dù gần hay xa, gặp mặt hay không gặp mặt đều kính yêu và cảm mến; và ngược lại, đức vua cũng kính yêu và cảm mến sâu sắc tất cả thần dân của ngài.

Chuyện kể rằng, khi ngài đánh xe dạo chơi ngoài bốn cổng thành, các bà-la-môn và gia chủ trông thấy, họ đến gần bên rồi nói rằng: "Tâu thánh vương! Xin hãy cho xe đi chầm chậm để cho chúng tôi chiêm ngưỡng ngài lâu lâu hơn một chút!" Và chính ngài cũng thường dặn dò người đánh xe tương tợ vậy, để cho ngài nhìn ngắm phố thành, làng mạc và muôn dân.

Sau khi nói hết bảy món báu và bốn như ý đức xong, đức Thế Tôn kết luận, bằng cách đặt câu hỏi:

- Này đại chúng! Vua Chuyển luân Thánh vương có bảy món báu và bốn như ý đức như thế, thử hỏi đời sống ngũ dục của ông ta có cảm thọ lạc hỷ vi diệu không?

- Tâu! Rất nhiều người đồng thanh đáp - chỉ cần mỗi một món báu, nhân và duyên mỗi một món báu thôi đã cảm thọ lạc hỷ quá mong ước của đời người rồi, huống gì cả bảy món báu cộng thêm bốn như ý đức.

Đức Phật mỉm cười, giống như lần trước, ngài lấy ví dụ cục đá để so sánh với Himalaya:

- Cũng vậy, này đại chúng tăng ni! Cái cảm thọ lạc hỷ của đức Chuyển Luân là vi diệu như thế ấy, nhưng nếu đem so với lạc hỷ của thiên giới thì còn cách xa vạn trùng, tương tợ như khối lượng cục đá so với sự hùng vĩ của vua loài núi Himalaya vậy.

Nếu người ngu, kẻ xấu ác thì đi vào đọa xứ, khổ xứ thì người lành tốt, bậc trí hiền sẽ ngửa mặt mà đi đến cõi người. Thường thì vị ấy được sanh ra trong những gia đình cao quý. Ví như sát-đế-lỵ đại gia, bà-la-môn đại gia hoặc cư sĩ đại gia. Vị ấy thường giàu có, tài sản nhiều, tài nguyên nhiều, vàng và bạc phong phú, tài vật phong phú, lúa thóc phong phú. Lại nữa, vị ấy đẹp trai, khả ái, cử chỉ và ngôn ngữ đều thanh tao, lịch thiệp. Mọi vật dụng nhu cầu, tiện nghi sinh sống như vật thực, y áo, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, trú xứ, ánh sáng, nơi ăn ở thường thắng xa loài người. Đã vậy, vị ấy lại hiện rõ ba đặc tướng, ba đặc điểm, ấy là suy nghĩ lành tốt, nói lời lành tốt, hành động lành tốt.

Do nhân, do duyên ấy, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy có xe trời với đám mây lành ngũ sắc đến đón rước, đưa vị ấy lên thiên giới.

Này đại chúng! Ví như có người đánh bạc. Chỉ mới đổ canh bạc đầu tiên, hắn ta đã thắng được rất nhiều của cải, tài sản. Tuy nhiên, ti tiểu, hèn mọn thay là canh bạc ấy! Có một canh bạc vĩ đại, tuyệt vời hơn thế nhiều, thắng vượt hơn thế nhiều, đấy là canh bạc của bậc trí hiền, canh bạc do suy nghĩ lành tốt, lời nói lành tốt, hành động lành tốt. Chính canh bạc này, sau khi thân hoại mạng chung, người lành tốt, bậc trí hiền thênh thang đi vào thiên giới mà cảm thọ lạc hỷ ở đấy, hạnh phúc và an vui ở đấy bằng cả ngàn vạn lần đức Chuyển luân Thánh vương.

Đây chính là địa xứ, là lãnh cư, là cảnh giới, là "thiện báo, hoa trái hoàn toàn viên mãn" để dành cho những người lành tốt, bậc trí hiền!

Hãy thọ trì, chiêm nghiệm, hãy khôn ngoan lựa chọn cách sống để đem đến phúc lạc người, trời cho đời mình, đừng giải đãi, phóng dật nữa. Hãy tránh xa người ngu, kẻ xấu ác!

Thời pháp chấm dứt đã lâu mà âm ba như còn vang vang ở trong tâm thức của mọi người. Quả thật là nó đã đem đến lợi lạc cho nhiều người, nhất là chư tăng ni còn phàm, sau đó là hai hàng cận sự.

Hôm sau nữa, đức Phật lại cho triệu tập tăng ni rồi bảo ba vị ẩn sĩ tại khu rừng Gosiṇga thuyết lại sáu nguyên tắc sống đưa đến hòa hợp. Cả ba vị mặc dù đã học thuộc lòng, nhưng chưa quen thuyết giảng, nhìn thấy đại giảng đường quá đông đảo, họ đâm ra ngần ngại. Cuối cùng, đức Phật phải tóm tắt lại toàn bộ cho tôn giả Sāriputta nghe; và vị đại đệ tử ưu tú này đã thuyết lại rất đúng chính văn, lại còn trôi chảy, thông suốt nữa.

Các vị tôn giả Anuruddha, Kimbila, Nandiya chỉ biết đưa đôi mắt ngưỡng mộ, thán phục tột cùng nhìn vị huynh trưởng khả kính của mình.

Còn đức Phật thì mỉm cười, khen ngợi, ngài nói rất ấn tượng khi tôn giả Sāriputta đã bước ra bên ngoài giảng đường:

- Nếu Như Lai cật vấn Sāriputta về pháp trong một ngày, một đêm, bằng bao nhiêu câu hỏi, bằng bao nhiêu đoản ngôn thì ông ta cũng có thể đáp lại trong một ngày, một đêm bằng những câu trả lời, bằng những đoản ngôn khác nhau, chẳng thua gì Như Lai.

Nếu Như Lai cật vấn Sāriputta từ một đêm, một ngày cho đến bảy đêm, bảy ngày thì ông ta cũng có thể giải vấn bằng thời gian tương tợ như thế mà ngữ ngôn, đoản ngôn

vẫn thông thuận, lưu loát, không hề ngập ngừng, không hề vấp váp dù từ, nghĩa hoặc ngữ căn, cú pháp phức tạp.

Này chư tỳ-khưu tăng ni! Những điều mà Sāriputta đã giảng nói hoặc chi tiết hoặc triển khai nội dung, các vị hãy như thế mà thọ trì vì nó cũng đồng, cũng giống hệt với Như Lai vậy!

Có lẽ vì quá ưu ái, bằng lòng về người đệ tử trong thời pháp vừa rồi, đức Phật còn tán dương ưu điểm khác nữa của Sāriputta:

- Chư vị có biết không! Sāriputta lại còn có đầy đủ năm đức tính của một một vị giảng sư, pháp sư. Chính nhờ năm đức tính ấy mà ông ta lăn bánh xe pháp một cách vô ngại. Khi Sāriputta thuyết giảng thì trên thế gian này, dầu là uy lực của chư thiên, ma vương, phạm vương hay tất thảy giáo chủ bà-la-môn cộng lại đều không thể phá rối, làm cho đảo điên hay tạo nên chướng ngại được. Năm đức tính ấy là gì?

Một là luôn hướng đến lợi ích cao thượng, nhưng khi thuyết thì lại tuần tự, thứ lớp, từ thấp lên cao[1], từ cạn vào sâu.

Hai là luôn y cứ vào pháp, chú trọng vào pháp, lấy pháp làm trọng tâm, làm tiêu điểm từ đó mà triển khai lần ra.

Thứ ba là thuyết hết lòng, nhiệt tình vì tâm từ mẫn muốn cho mọi người nghe hiểu giáo pháp để họ tu tập cho được an vui, lợi lạc. Ở đây còn có nghĩa là không che giấu pháp, luôn thuyết với bàn tay rộng mở.

Thứ tư là thuyết không vì danh vọng hay lợi dưỡng, lại không mong cầu được đền đáp, trả ân, trả nghĩa.

Thứ năm là thuyết không đụng chạm đến ai hết, không khen mình, chê người; chỉ thuyết đúng pháp, chơn chánh

---

[1] Anupubbīkathaṃ: Thuyết từ từ, từ thấp lên cao... Còn được gọi là pháp thuận thứ.

pháp, chơn thực pháp để những ai mắt ít bụi rác thì nghe theo, tin theo, tu theo còn những ai không có duyên thì thôi.

Khi về trú xứ của mình, tôn giả Mahā Kassapa cũng nói với đệ tử của mình:

- Các ông nên thường đến tôn giả Sāriputta mà nghe pháp. Sau khi nghe vị ấy thuyết rồi, các ông sẽ cảm thấy như mình vừa được thưởng thức một món ăn thượng vị, vi diệu, nó làm cho cái lỗ tai và cho cả cái đầu óc của các ông hoan hỷ và thông sáng ra nhiều đấy!

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI MỘT
(Năm 577 trước TL)

Với Đại Đức Nanda
Và Sa-Di Rāhula

Thấy thời tiết đang còn mát mẻ mà công viêc tăng ni hai viện đã có chư vị trưởng lão chăm sóc vững vàng nên đức Phật lại ôm bát lên đường. Ngài cũng khuyên các bậc thánh vô lậu có thắng trí nên phân bố đi các nơi, nhất là tu viện lớn tại Kosambī, Vesāli, Rājagaha.

Thế rồi, đức Phật đã cùng một nhóm hội chúng chừng năm trăm vị, trong đó có Ānanda, Nanda, Rāhula cùng thị giả Nāgita chậm rãi rời Sāvatthi. Dịp này, đức Phật cố ý chăm sóc, giáo giới thêm cho tỳ-khưu Nanda và sa-di Rāhula.

Trên đường, đức Phật quan sát tỳ-khưu Nanda thấy ông hoàng này đã toát ra sự trang nghiêm, lặng lẽ và tự chủ trong những oai nghi, trong khi đi trì bình khất thực, khi dưới cội cây hoặc khi ngủ nghỉ; chứng tỏ đã an trú được trong hiện tại nên gặp khi phải thời, ngài nói:

- An trú trong hiện tại thì được rồi! Nhưng hiện tại ấy là cái gì vậy, này Nanda?

- Là trong từng hơi thở, bạch đức Thế Tôn!

- Trong từng hơi thở thì được rồi! Nhưng chỉ thuần là hơi thở mà thôi sao?

Thấy tỳ-khưu Nanda có vẻ suy nghĩ, đức Phật biết là cần phải giải thích rõ hơn nên ngài nói tiếp:

- Hãy tư tác điều này như là kim chỉ nam của định và tuệ, này Nanda! Nếu thuần là hơi thở thì có khuynh hướng lắng dứt, tịnh chỉ. Nếu vừa hơi thở vừa mắt thấy sắc, vừa tai nghe âm thanh... thì có khuynh hướng quán chiếu, minh sát, này Nanda!

- Tâu vâng! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử cũng biết vậy nhưng mà chưa minh giải rõ ràng được! Ví như không chỉ mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh... mà còn cả những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành và những nhận thức nữa.

- Đúng vậy! Nhưng mà rồi, sau đó, ra sao nữa, này Nanda?

- Thưa! Bao giờ biết rõ, thấy rõ được thực tánh, như tánh, không tánh của tất cả chúng, tất cả pháp.

- Đúng vậy! Thật là chính xác! Nhưng thực tánh, như tánh, không tánh ấy là cái gì vậy, này Nanda?

- Là bản chất như thực vô thường, bản chất như thực dukkha, bản chất như thực vô ngã của tất thảy pháp, bạch đức Tôn Sư!

- Ồ! Ông đã lập ngôn rất đúng. Tuy nhiên, cái lập ngôn rất đúng ấy chỉ mới là cái vỏ cây, cái da cây chứ chưa phải là cái tinh lõi. Hãy rời bóng mới thấy hình. Hãy lìa ngón tay mới thấy mặt trăng, này Nanda!

Tỳ-khưu Nanda rúng động cả châu thân.

Sau đó mấy hôm, đức Phật thấy tỳ-khưu Nanda miên mật công phu hành trì, ngồi thiền suốt đêm, kinh hành suốt đêm với khuôn mặt tỏa sáng lạc hỷ. Đức Phật biết rõ ông ta đã đi thêm được một bước nữa trên lộ trình thánh quả.

Sa-di Rāhula đã mười sáu tuổi rồi, đã tỏ ra sự chín chắn, chững chạc hiếm có. Suốt chín năm qua, đức Phật chỉ chính thức giáo giới mấy lần, nhưng ngài biết rõ là hai vị đại đệ tử Sāriputta và Mahā Moggallāna đã thay phiên nhau chăm sóc

chú sa-di này rất chu đáo. Hôm dừng chân tại đại viên Nigrodhārāma tại Kapilavatthu - thấy Rāhula cứ chăm chú nhìn ngài mãi, đức Phật hỏi:

- Gì vậy, Rāhula?

- Đệ tử sực nhớ lời đức Thế Tôn khiển trách mấy năm về trước.

- Ồ! Có phải là "sắc" không? Đức Phật mỉm cười, nói tiếp - Cái "sắc" của Như Lai không còn như thuở trước nữa có phải thế không? Năm nay Như Lai đã bốn mươi sáu tuổi rồi!

Sa-di Rāhula mỉm cười, tự tin:

- Không! Cái "sắc" của đức Thế Tôn còn đẹp hơn cả lúc xưa nữa. Cái độ tuổi này của đức Thế Tôn, dường như cái gì cũng đang toàn mãn! Tuy nhiên, trong tâm tư đệ tử hiện giờ không đơn giản nghĩ về sắc ấy, nó là cả một trời liên tưởng khá lộn xộn! Là vậy mà không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật cảm giác rất thú vị, vì qua đôi mắt, cách nói, ý tưởng, chứng tỏ Rāhula đã trưởng thành thật rồi! Trưởng thành về mọi phương diện nên ngài lựa tìm một bóng cây rồi ngồi xuống.

Và rồi sa-di Rāhula đã đến quỳ gần một bên, cất giọng điềm đạm:

- Năm ấy, sau khi tôn giả Sāriputta đi cùng với đức Thế Tôn từ xứ Kuru về, tôn giả đã nhiệt tình suốt ba buổi giảng về pháp quán niệm hơi thở cho đại chúng Tăng ni rất kỹ càng. Đệ tử có thính pháp, có nghe và cũng đã thực hành không dám xao lãng. Nhưng mấy hôm sau, đi khất thực sau lưng đức Thế Tôn, đệ tử chiêm ngưỡng Thế Tôn rồi ý nghĩ sau đây phát sanh: "Cha ta, đức Thế Tôn, có mỹ tướng cao sang, có phong độ oai nghiêm đáng quý trọng xiết bao! Coi kìa! Dáng dấp của ngài như thớt tượng chúa uy nghi, đĩnh đạc. Cha ta, đức Thế Tôn, từ thần mặt trời xuất sanh, dòng dõi sư tử, quý tộc, vương giả đã phủi chân cung vàng điện

ngọc mà ra đi! Ôi! Cha ta, đức Thế Tôn, có dung sắc mỹ diệu, đẹp đẽ, thế gian này không ai sánh được!" Nghĩ thế xong, nhìn ngắm lại mình, đệ tử chợt khởi sanh tự tôn, tự mãn, hãnh diện vô cùng: "Ta cũng đẹp đẽ, cũng quý tướng, cũng cao sang như đức Thế Tôn vậy". Như đọc được tư tưởng của đệ tử, đức Thế Tôn đã la rầy như sau: "Hãy chiêm nghiệm và quán sát "sắc" ấy, này Rāhula! Không những "sắc" của Như Lai mà tất thảy sắc, sắc trong, sắc ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc gần, sắc xa, sắc hiện tại, sắc quá khứ, sắc vị lai; tất cả chúng đều bị định luật vô thường, biến đổi, lụi tàn, chúng không vĩnh viễn yên trụ như vậy đâu, dù một chớp mắt, một sát-na!"

Thấy Rāhula yên lặng. Đức Phật hỏi tiếp:

- Thế khi Như Lai dạy bảo như vậy xong, chuyện gì xảy ra?

- Thưa! Đệ tử rất lúng túng. Tâm trạng của đệ tử lúc ấy rất phức tạp. Vừa hổ thẹn vừa phân vân. Hổ thẹn vì tư tưởng thầm kín đã bị đức Thế Tôn bắt gặp tại trận. Phân vân là vì đệ tử đang "quán niệm hơi thở" mà đức Thế Tôn thì lại dạy "minh quán sắc". Tuy nhiên, đệ tử nghĩ: "Ai có thể, hôm nay, được đức Đạo Sư trực tiếp chỉ dạy lại có thể nghĩ đến chuyện ăn, chuyện uống, chuyện khất thực trì bình để lo cho cái thân một cách phàm tục như thế?" Thế rồi, đệ tử tự động rút về Jetavana, lựa tìm một cội cây, ngồi kiết già và yên lặng quán minh sát xem thử "cái sắc" ấy nó ra sao! Được một lúc thì tôn giả Sāriputta đi qua, ngài dừng lại, nhìn ngắm đệ tử rồi nói: "Giỏi lắm, này Rāhula! Pháp quán niệm hơi thở có thể lắng dứt tất thảy lao xao, phiền não; nó còn đem đến hiện tại lạc trú rất dễ dàng! Hãy cố gắng đi nhé! Ta sẽ đi trì bình, rồi con cũng sẽ có một phần, một bát!" Nghe vậy, đệ tử không dám nói gì nhưng trong lòng, vốn đã phân vân, lại thêm một tầng phân vân nữa!

- Ừ! Hãy kể tiếp, Như Lai đang nghe đây!

- Cuối cùng, đệ tử cảm giác quán niệm hơi thở thích hợp hơn, dễ an trú hơn, dễ đi sâu hơn nên mấy năm nay đệ tử thường tới lui các định, có hỷ trú, có lạc trú. Còn quán sắc quá phức tạp, đệ tử chỉ thấy được sắc thô, không thấy được sắc tế nên minh sát ít tiến bộ, bạch đức Tôn Sư!

- Rồi sau đó, ra sao nữa, này Rāhula?

- Chư tôn túc trưởng lão, vị nào cũng bận rộn bởi hằng trăm học chúng, hằng ngàn học chúng cả Tăng ni và hai hàng cận sự nên đệ tử không dám hỏi ai. Cứ thầm lặng tu tập, lắng nghe, học hỏi. Đệ tử cũng phải để mất khá nhiều thì giờ cho những việc nhăng nhít, lặt vặt, loanh quanh...

- Không nhăng nhít, không lặt vặt, không loanh quanh đâu! Đức Phật mỉm cười - Việc quét tước dọn dẹp đại giảng đường, sân vườn, liêu thất, lối đi; sắp đặt vật dụng các phòng ốc, bệnh xá, phòng tiêu, phòng tắm, những lu nước, chỗ thức ăn tàn thực cho kẻ đói nghèo... đều là những công việc nặng nề đấy! Tuy nhiên, nhờ lao tác, nhờ công việc tay chân ấy mà trầm tĩnh, điềm đạm, nhẫn nại, vị tha, tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả... cũng từ đấy mà vững vàng, thêm sức mạnh, có phải như vậy không Rāhula?

- Thưa vâng! Đúng là vậy! Nhưng tu viện nhờ có sẵn cả hằng trăm vị tỳ-khưu trẻ cùng chúng sa-di nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, Như Lai biết, và nhiều vị trưởng lão cũng hằng khen ngợi những người siêng năng chấp tác công việc phục vụ. Vậy khi làm việc thì nên niệm hơi thở hay nên quán sắc, này Rāhula!

- Tôn giả Sāriputta dạy là không cần niệm, không cần quán cái gì cả, việc nào làm ra việc nấy, phải biết chú tâm, phải biết quan sát từng lúc, từng khi, kể cả từng máy động duyên khởi rất nhỏ nhiệm, vi tế!

- Ồ, hay lắm! Chính xác là vậy! Không cần niệm, quán gì cả. Cái xẻng là đề mục, cái chổi là đề mục, hốt rác là đề

mục, cánh tay đưa ra là đề mục, cái chân bước đi là đề mục, gánh nước là đề mục, bửa củi là đề mục... có phải vậy không, Rāhula?

- Đúng là tôn giả Sāriputta đã dạy như vậy, cụ thể là như vậy để giáo giới cả hằng trăm ông sư không chịu nhích cái tay, nhích cái chân, lúc nào cũng viện cớ tôi ngồi thiền, tôi bận ngồi thiền...

Tôn giả Ānanda, Nanda ngồi bên, đồng cất tiếng cười xòa. Đức Phật cũng mỉm cười nhưng ngài còn ân cần hỏi tiếp:

- Vậy thì cái "sắc" từ đầu câu chuyện này là thế nào, hở Rāhula?

- Sau đoạn đối thoại giữa đức Thế Tôn và tôn giả Nanda nói về hơi thở định, nói về hơi thở tuệ rồi sang chỗ... không những sắc mà những cảm thọ, những tưởng tri, những tâm hành, những thức tri cũng phải cần minh sát như thực tướng, đệ tử sực nhớ lại chuyện xưa, nhìn lại "sắc" của đức Thế Tôn, đệ tử muốn phát biểu một câu nhưng còn sợ sợ, còn ngại ngại...

Tôn giả Ānanda khuyến khích:

- Cứ nói đi, Rāhula! Cứ như thực tri mà nói!

- Đúng như thế đó! Tương tợ như thế đó! Chính đệ tử muốn nói là sắc của đức Thế Tôn năm ba lăm, ba sáu tuổi là như thực tướng, thì sắc của đức Thế Tôn bốn sáu, bốn bảy tuổi cũng như thực tướng. Và sau này, thân thể đức Thế Tôn có già lão, thì sắc ấy, sắc già lão ấy cũng phải được nhìn ngắm như thực tướng.

Vì chưa phải là những bậc lậu tận nên lời phát biểu này của Rāhula làm cho cả Ānanda, Nanda đều im lặng, không dám nhận xét.

Đức Phật gật đầu:

- Rāhula nói đúng đấy! Mọi sắc, mọi thọ, mọi tưởng, mọi hành, mọi thức... nếu được nhìn ngắm như thực khi

chúng đang-là-duyên-khởi, khi chúng đang-là-vận-hành, khi chúng đang-là-tương-duyên, khi chúng đang-là-tương-quan, khi chúng đang-là-tương-hệ thì chúng đều là như thực tướng, như thực tánh hết. Pháp bất tử là ở đấy mà vô sanh, Niết-bàn cũng ở đấy! Cứ hãy như vậy mà y chỉ, thọ trì!

Lời giáo giới tối hậu này không dễ gì các vị đang có mặt "như thực liễu tri" được!

Thế Gian Thanh Tịnh

Sau mấy ngày ở lại Rừng Cây Đa, ngoài thì giờ đi trì bình khất thực tại kinh thành quê hương, đức Phật có cả thảy bốn thời pháp lớn cho đại chúng đi theo cũng như chư tăng ni hai viện ở Kapilavatthu. Đức Thế Tôn cũng có để dành thì giờ đi thăm lại kinh thành, nói pháp đến cho đức vua Mahānāma, quan lại, chiến sĩ, nội cung cũng như bá tánh. Dòng dõi Sakyā lúc này họ đã tu tập khá tốt, giữ giới khá tốt; những kiêu căng, ngã mạn vốn như bản chất kiêu hùng của dòng dõi chỉ còn tồn tại nơi một thiểu số người. Tôn giả Ānanda còn thay đức Phật thuyết thêm một số thời pháp thuận thứ cho hai hàng cư sĩ nữa.

Riêng đại đức Nanda, sa-di Rāhula được tự do đi thăm viếng đó đây. Nhưng họ cảm thấy không còn thích hợp ở chỗ cảnh xưa người cũ nữa rồi. Hình ảnh quá khứ chỉ thoáng hiện qua rồi mất hút, trở nên lờ mờ và nhạt nhẽo. Người, vật, cảnh cũng như vậy, nhưng họ biết rõ, tâm trí họ giờ nhẹ nhàng, thanh, cao và sáng hơn thế nhiều. Như ở cảnh giới khác. Nhất là đại đức Nanda, ông cảm thấy rất rõ ràng là vừa trải qua một giấc mộng, có vẻ ngây thơ và bất thực.

Thấy thời gian phải lẽ, đức Phật và đại chúng rời Sakyā đến Koliyā, thăm sinh hoạt của Tăng ni, thấy ở đâu cũng đã

đi vào nền nếp. Ở lại Devadaha ba hôm, tùy duyên giáo hóa đây đó, bước chân du hành của đại chúng lần lượt ghé các quốc độ Mallā, Vajjī, Licchavī rồi dừng tại Đại Lâm, nơi Trùng Các giảng đường.

Tại Mallā, du sĩ Bhaggava hỏi đức Phật về tỳ-khưu Sunakkhaṭṭa, khi y tuyên bố từ bỏ giáo pháp của ngài. Đức Phật xác nhận chuyện ấy, sau đó ngài đã cặn kẽ giải thích, là do Sunakkhaṭṭa không tìm được an vui trong đời sống ly dục thoát khổ mà chỉ muốn kiếm tìm những năng lực siêu nhân. Vấn đề thần thông, sự khởi nguyên của thế giới, đức Phật tuy có thực tri, thực chứng nhưng ngài không xem vấn đề ấy là quan trọng. Đối với ngài thì một đời sống bình thường, dị giản, an lạc và giải thoát mới là trọng tâm của giáo pháp.

Du sĩ Bhaggava gật đầu:

- Phải rồi! Sunakkhaṭṭa có nói: Giáo pháp của sa-môn Gotama chỉ nói đến sự diệt tận khổ đau, phiền não chớ có gì đặc biệt, chắc gì đã hơn các vị A-la-hán khác ngày tại Vesāli này. Tức là y có vẻ ca ngợi, tán thán lõa thể Korakkhattiya tu hạnh chó đi bốn chân, bò lết trên đất, dùng miệng ăn vật cứng và mềm trên đất; chuyện ấy ra sao, hư thực ra sao, bạch đức Thế Tôn?

- Quả đúng như vậy! Lõa thể Korakkhattiya sống theo tà-kiến, chấp chặt tà kiến, Như Lai thấy rõ, biết rõ cảnh giới đi và về của ông ta. Trong lúc Sunakkhaṭṭa ca ngợi đấy là một vị A-la-hán tốt đẹp thì Như Lai bảo, trong một tuần lễ nữa, ông ta sẽ trúng thực và chết rồi tái sanh thành loài Kāḷakañjakā, một loại a-tu-la thấp kém, hạ liệt nhất, bị quăng trong nghĩa địa, trên đống cỏ bẩn. Mặc dầu Sunakkhaṭṭa đến gần bên lõa thể, khuyên ăn uống tiết độ, rồi ngồi đếm từng ngày, nhưng sự kiện xảy ra đúng như Như Lai đã nói.

Im lặng một lát, du sĩ Bhaggava gật đầu:

- Tâu vâng! Sự thực là như vậy. Thế còn tướng và tâm của lõa thể Kandaramasuka thì ra sao? Người được mọi người kính trọng do y tuyên bố có bảy giới hạnh: Một, trọn đời lõa thể; hai, trọn đời không mặc y áo; ba, trọn đời không hành dâm; bốn, trọn đời không uống rượu; năm, trọn đời không ăn thịt; sáu, trọn đời không ăn cơm cháo; bảy, trọn đời không đi ra khỏi thành Vesāli, bạch đức Thế Tôn?

- Đúng vậy! Này Bhaggava! Sunakkhaṭṭa cũng xem lõa thể này là một bậc A-la-hán quý trọng! Còn Như Lai thì thấy rõ, biết rõ, không lâu đâu, tà mạng ngoại đạo, lõa thể Kandaramasuka sẽ từ bỏ bảy giới hạnh nhuốm mùi tà kiến ấy, mặc áo, ăn cơm và lập gia đình.

- Và đúng như lời của đức Thế Tôn, không phải là tiên tri mà đã nói đúng sự thực, như thực là vậy! Bây giờ y đã lập gia đình và có một đời sống còn tệ hơn một kẻ phàm tục. Cũng tại Vesāli này, lõa thể Pāṭikaputta thì có vẻ ngông cuồng hơn. Y tuyên bố ngổ ngáo rằng: "Sa-môn Gotama là người có trí, có thể hiển lộng thần oai pháp thượng nhân thì ta cũng vậy. Nếu sa-môn Gotama chịu đi nửa đường đến đây thì ta cũng chịu khó đi nửa đường còn lại để đấu pháp, xem ai hơn ai kém. Tuy nhiên, nếu sa-môn Gotama biểu hiện một pháp thượng nhân thì ta sẽ ra oai hai pháp thượng nhân; nếu sa-môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thì ta sẽ hiển lộ tám pháp thượng nhân! Khả năng và trình độ của sa-môn Gotama bao giờ cũng chỉ được một nửa so với ta vậy!"

- Ừ! Mọi người ai cũng nghe lõa thể Pāṭikaputta tuyên bố như thế!

- Riêng Sunakkhaṭṭa thì hết lòng, nhiệt tình ca ngợi lõa thể này một cách quá đáng, bạch đức Thế Tôn! Y nói rằng, bậc A-la-hán này có pháp thượng nhân, còn sa-môn Gotama thì có pháp thượng nhân đâu mà nói rằng đấu với không đấu? Vậy thì sự thực như thế nào, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật mỉm cười:

- Này Bhaggava! Quả đúng như vậy! Hai vị lõa thể trước, Như Lai đã nói rõ vận mạng của họ y như thế thì lõa thể Pāṭikaputta này Như Lai cũng nói cho biết trước là y sẽ bị bể đầu mà chết nếu không chịu từ bỏ lời nói khoe khoang, dối láo, tà tâm và tà kiến ấy.

- Nghe nói lõa thể Pāṭikaputta đã chết rồi, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy thì Như Lai đã thấy trước, biết trước điều ấy có phải là thực chứng thần thông không, này Bhaggava?

- Tâu vâng!

- Như Lai không những thực chứng tất thảy mọi thắng trí trên đời này mà Như Lai còn biết về khởi nguyên của thế giới và còn nhiều hơn thế nữa. Nhưng nếu Như Lai giảng nói một cách đầy đủ mọi ngõ ngách chi ly, nhân duyên và quả của chúng thì sẽ mất một trăm năm, hai trăm năm, ba trăm năm cũng không thể, cũng không đủ thời gian, này Bhaggava!

Tuy nhiên, sau đó, đức Phật cũng nhẫn nại nói sơ cho vị du sĩ này nghe về sự khởi nguyên của thế giới, sự tạo tác ban đầu có tính cách truyền thống là do nhiễm dục lạc, nhiễm tâm trí ra sao.

Cuối cùng, đức Phật đính chính lại một quan niệm sai lầm mà ngoại đạo gán cho ngài, bảo ngài có tuyên bố câu: "Khi một ai đạt được thanh tịnh, giải thoát thì vị ấy thấy thế gian, mọi vật đều là bất tịnh!" Sự thật là đức Phật có tuyên bố với nguyên văn như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát thì vị ấy thấy thế gian, mọi vật đều thanh tịnh!"[1]

Nhờ sự xác minh, đính chính này của đức Phật mà người ta không còn xem giáo pháp của ngài là bi quan, tiêu cực, yếm thế khi cho thế gian là bất tịnh để đi tìm sự thanh tịnh ở

[1] "Yasmiṃ samaye subhaṃ vimokhaṃ upasampajja viharati, subhaṃ t'eva tasmiṃ samaye sañjānātīti"

đâu đâu bên ngoài cõi đời. Mà chính là đức Phật và giáo hội sống thanh tịnh giữa lòng thế gian vì hạnh phúc và an vui cho chúng sanh trời và người vậy.

Như Lai
Là Một Nông Dân

Thời gian tại Đại Lâm, đức Phật còn phải giảng nói cho Mahāli cùng với một số đông dân chúng người Licchavī khi tỳ-khưu Sunakkhaṭṭa từng khoe khoang là "sau ba năm sống gần đức Phật, ông ta tu tập có khả năng thấy được sắc tướng mỹ diệu của thiên nữ nhưng chưa nghe được âm thanh của họ" điều ấy rất nhiều người không biết hư thực ra sao?

Đức Phật trả lời là thiên sắc, thiên âm gì cũng có cả khi tu tập định nhất hướng với mục đích như vậy. Một hành giả sau khi đắc định, nhất là định tứ thiền, trở lại cận định của tứ thiền vị ấy hướng tâm đến các phương với mục đích thấy được thiên sắc, nghe được thiên âm thì vị ấy có thể đạt được sở nguyện. Không dừng lại ở đó, đức Phật còn khôn khéo, thiện xảo dẫn Mahāli và hội chúng Licchavī từ thiền định, thắng trí lên bốn đạo, bốn quả và Niết-bàn và cái rốt ráo này mới chính là mục đích của sa-môn hạnh.

Cuối thời pháp, cũng do Mahāli và hội chúng Licchavī còn thắc mắc "thân thể và linh hồn là một hay là hai", đức Phật mỉm cười, trả lời rằng, khi nào quý vị tu tập chấm dứt tất cả khổ đau, phiền não rồi thì sẽ thấy rõ câu hỏi đó thuộc về hí luận, rỗng không, phù phiếm và vô ích.

Rời Vesāli, vượt sông Gaṇgā, dừng chân tại Pāṭaligāma rồi đức Phật và đại chúng về Veḷuvana. Tuy nhiên, mùa mưa năm ấy, đức Phật lại an cư tại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri[1] phía Nam kinh thành Rājagaha. Tại đây, đức Phật thấy có cơ duyên hóa độ một vị đại điền chủ sau này sẽ trở thành một vị A-la-hán, đấy là ông bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja.

Chuyện sau đó kể rằng, hôm ấy, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja chuẩn bị làm một cuộc lễ hạ điền trọng thể trước khi vào vụ cày bừa cả hằng ngàn mẫu ruộng của ông ta. Đội quân chăm lo nông vụ này là năm trăm thợ cày trai tráng, mạnh khỏe, năm trăm lưỡi cày và ba ngàn[2] chú bò sung sức. Ông còn chu đáo sai gia nhân nấu cơm trộn sữa cho quan khách, thợ thầy rất đầy đủ trước khi chuẩn bị ra đồng.

Đúng vào lúc ấy, đức Phật xuất hiện chỉ có một mình với bình bát trên tay, đại y vắt vai với hào quang sáu màu dập dờn từng đôi một, rồi ngài dừng lại, cách một quãng trước mặt vị gia chủ cùng thầy thợ. Dung sắc mỹ diệu và thái độ trầm tĩnh, tự tin của đức Phật làm cho mọi người đều im lặng, chiêm ngưỡng.

Riêng bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja thì đã có nghe danh đức Phật nhưng ông không thích giáo hội ấy, chỉ gồm toàn những người ôm bát đi xin ăn, làm biếng lao động chân tay, ăn hại xã hội. Vì nghĩ vậy, sau khi biết đấy là đức Phật, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja cất giọng rất lịch sự nhưng bên sau là cố ý công kích, chế nhạo:

- Thưa sa-môn Gotama! Chúng tôi là nông dân. Chúng tôi phải cày bừa, phải gieo mạ, phải bón phân, phải nước tưới, phải chăm sóc, phải gặt hái mới có được hạt lúa, mới có gạo thổi cơm. Ôi! biết bao nhiêu là khó khăn, vất vả, đổ

---

[1] Nhờ đức Phật an cư ở đây mà sau này có tu viện Dakkhiṇāgiri-vihāra.
[2] Bình quân mỗi cày buộc 6 con bò kéo.

mồ hôi, sôi nước mắt mới có được cái ăn để duy trì sự sống. Còn sa-môn Gotama và chúng đệ tử thì như thế nào? Chư tôn giả không cày bừa, không gieo mạ, không bỏ phân, không tưới nước, không chăm bón, không gặt hái, không đổ mồ hôi, không tốn công sức... mà đòi có cơm ăn hay sao? Phải lao động, phải làm việc mới có cái ăn chứ?

Đức Phật mỉm cười với sắc diện tỏa sáng dịu dàng như trăng rằm rồi chậm rãi đáp:

- Này gia chủ Kasī-Bhāradvāja! Như Lai cũng là một nông dân! Như Lai cũng cày, cũng bừa, cũng gieo trồng, cũng bỏ phân, tưới nước, cũng tốn công sức chăm bón và gặt hái đó chứ![1]

Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja bất giác cười rộ:

- Thế cày bừa của sa-môn Gotama đâu? Dụng cụ nông tang đâu? Rồi còn nào bò, nào ách, hạt giống đâu? Vậy thì nước tưới cái gì, bón phân cái gì và gặt hái cái gì, thật là nực cười!

Giọng của đức Phật vẫn toát ra âm thanh điềm đạm, ôn nhu, từ hòa:

- Này điền chủ! Ông không biết đó thôi. Hạt giống để gieo của Như Lai là đức tin (saddhā); giữ gìn luật giới và hạnh kiểm (tapo) là nước tưới; cày và ách là trí tuệ (paññā), cán cày là biết hổ thẹn tội lỗi (hiri), dây cương là tâm ý an định (mano), lưỡi cày và roi điều khiển là chú niệm (sati)...[2] Này điền chủ! Con người sống giữa cuộc đời mà nếu không có đức tin, không có hạnh kiểm tốt, không có sự sáng suốt, tỉnh thức, không biết hổ thẹn tội lỗi, không có tâm trầm tĩnh, ổn định, không có chú niệm trong mỗi một việc làm thì con người ấy ra sao, cuộc đời này sẽ ra sao, điền chủ?

---

[1] Từ câu kệ: "Kassako paṭijānāti, na ca pasāma te kasiṃ. Kasini no pucchito brūhi, yathā jānemu te kasiṃ".

[2] Từ câu kệ: "Saddhā bījaṃ tapo vuṭṭhi, paññā me yuganaṅgalaṃ, hiri īsā mano yottaṃ, sati me phālapācanaṃ".

Bà-la-môn cảm thấy thấm thía quá, thú vị quá, ông uống từng lời, có vẻ yên lặng lắng nghe.

Đức Phật nói tiếp:

- Này điền chủ! Ông chăm sóc, giữ gìn ruộng nương thì Như Lai chăm sóc, giữ gìn hành động và lời nói; ăn uống có tiết độ, tri túc và dị giản trong mọi nhu dụng hằng ngày; dùng hạnh chân thật để đối trị với gian xảo, lừa dối; và đạo quả A-la-hán là thành quả ruộng nương của Như Lai![1]

Này điền chủ! Cố gắng, nỗ lực (viriya) là những con bò (tứ chánh cần) đưa Như Lai đến trạng thái không còn bị trói buộc[2], thẳng tiến bất thối chuyển, đi, đi mãi, đến nơi không còn sầu não[3].

Còn nữa, công lao khổ nhọc cày bừa gặt hái ấy, nay Như Lai đã thành tựu, đã viên mãn, đạt được hoa trái Bất tử, giải thoát tất thảy khổ đau, phiền muộn[4], này điền chủ!

Đức Phật thuyết giảng thế xong, bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja kinh cảm, phát sanh đức tin, hối hả sai gia nhân bưng một bát lớn cơm trộn sữa dâng cúng đến ngài, rối rít nói:

- Vậy xin tôn giả thọ nhận vật thực này! Tôn giả quả thật là một nông dân, đã gieo trồng và gặt hái được trái quả bất tử!

Đức Phật đưa tay ngăn bát lại, không thọ nhận:

- Vật thực thọ nhận do thuyết giảng giáo pháp, kệ ngôn thật không thích đáng cho Như Lai dùng. Này điền chủ! Đây

---

(1) Từ câu kệ: "Kāyagutto vaciyutto āhāre udare yato saccaṃ karomi niddānaṃ, soraccaṃ me pamocanaṃ".

(2) 4 trói buộc - đó là kāma (dục), bhava (hữu), diṭṭhi (kiến) và avijjā (vô minh).

(3) Từ câu kệ: "Viriyaṃ me dhurarayhaṃ, yogakkhemādhivāhanaṃ gacchati anivattantaṃ yattha gantvā na socati".

(4) Từ câu kệ: "Evamesā kasikaṭṭhā sa hoti amatapphalā, etaṃ kasiṃ kasitvāna sabbadukkhā pamuccati".

là thông lệ của chư Chánh Đẳng Giác. Khi nào truyền thống tốt đẹp này được duy trì thì sự nuôi mạng chơn chánh còn được bảo lưu, tôn trọng. Và chính đời sống phạm hạnh thiêng liêng trong sạch ấy của chư vị thánh nhân mới là phước điền vô thượng cho chư thiên và loài người.

Nghe thế xong, Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja lại càng tăng trưởng đức tin thêm nữa, hỷ lạc dâng rần rần. Sau đó đức Phật còn giảng thêm cho ông ta nghe những cách cúng dường đúng chánh pháp là như thế nào. Mọi hiểu lầm, nghi nan của ông không còn nữa, mắt ông sáng lên, thấy được con đường. Ông xin được quy y Tam Bảo trở thành một người thiện nam.

Nhân duyên của vị điền chủ này còn hơn thế nữa. Trong thời gian đức Phật còn an cư tại ngôi làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri này, ông ta đã từ bỏ tất cả tư gia, điền sản xin được xuất gia sa-di. Được biết rằng, thời gian sau, ông được thọ đại giới, sống hạnh độc cư, tinh cần tu tập và ông đã trở thành một bậc lậu tận, A-la-hán thánh quả.

Cho Xin Một Chiếc Lông

Hôm kia, đột ngột, đức Phật trở về Veḷuvana vì ngài biết ở đây đang xảy ra vài vụ việc lộn xộn. Và quả thật vậy, đầu tiên tôn giả Mahā Kassapa đến trình bày với đức Phật một số việc liên hệ đến Tăng, đến học giới cần chế định, ban hành.

Số là hôm kia, tôn giả Mahā Kassapa khởi hành từ Sāvatthi, khoảng chừng ba mươi do-tuần thì dừng chân tại thành phố Āḷavī, nghỉ đêm tại tháp Aggāḷava. Nơi này, tôn giả và hội chúng của ngài đã từng dừng chân hành hóa khoảng năm năm về trước nên khá quen thuộc. Sớm hôm sau, tôn giả ôm bát đi vào thành và ngạc nhiên khi thấy thái độ của dân chúng. Một số người thấy ngài thì họ quay mặt đi hoặc tránh né sang đường khác, một số nhà thì có vẻ e ngại nên nhẹ nhàng khép cửa lại; và đa phần họ không đặt bát.

Phần vật thực ít ỏi nhận được hôm đó chỉ là vài muỗng cơm, chút ca-ri của gia đình một cư sĩ nghèo. Khi tôn giả hỏi lý do tại sao lại phát sanh chuyện khác thường như vậy thì có một cận sự nam tình thật thổ lộ cho biết:

"- Thuở trước, tôn giả đi hành hóa dừng chân ở đây với hội chúng năm trăm vị du tăng đầu-đà, dân chúng rất kính trọng và mến mộ. Vật thực đặt bát hằng ngày cũng như tứ sự, dù chư tăng đông đức như thế nhưng lúc nào cũng đầy

đủ do tín tâm của nhiều người. Hội chúng chư vị trưởng lão khác đến đây hoằng pháp mấy năm sau cũng vậy. Nhưng gần đây, chư vị trưởng lão tôn túc theo gót chân hành hóa sang phương khác thì có một hội chúng mới tìm đến. Nhóm hội chúng này khoảng mấy chục vị, họ rất tà mạng. Cái gì họ cũng kêu gọi. Cái gì họ cũng muốn người ta bố thí..."

Tôn giả nhíu mày hỏi:

"- Ví dụ cụ thể là cái gì nào?"

"- Thưa, cái gì họ cũng kêu réo. Ví dụ, hãy bố thí cho chúng tôi những vật liệu xây dựng cốc liêu như gỗ, ván, tre... Hãy bố thí người nam để hầu hạ. Hãy bố thí nhân công để làm việc. Hãy bố thí trâu, bò, xe kéo, rìu, búa, cuốc, xẻng... Do vậy, hiện nay, vừa thấy bóng dáng tỳ-khưu, chưa biết là ai, dân chúng cũng như cư sĩ đã tìm cách tránh mặt đi vì sợ bị kêu gọi cúng dường hoặc sợ bị xin cái này, xin cái nọ. Tranh cũng xin, cỏ cũng xin, chum ghè cũng xin, nước cũng xin, đất sét cũng xin! Cái gì họ cũng mở miệng xin được!"

Trình bày câu chuyện xong, tôn giả Mahā Kassapa thưa tiếp:

- Bạch đức Tôn Sư! Chiều hôm đó, có hiền giả Nigrodha Kappa ghé thăm, đảnh lễ và trình bày câu chuyện cũng tương tự. Ông ta nói:

"- Tôi và một tỳ-khưu hầu cận tên là Vaṅgīsa vốn sống ở Aggāḷava-cetiya này, nhưng do nhóm tỳ-khưu kia lộng hành, tà mạng quá, chịu không nổi nên chúng tôi phải trốn vào rừng sống. Nay trưởng lão đã đến đây thì phải tìm cách xử lý bọn chúng, dẫn dắt họ trở lại đời sống chánh hạnh thanh tịnh mạng".

Người đệ tử đi theo tức tối, hậm hực; nhưng sau đó y đã nén giận, đọc lên một bài kệ rất hay, rất ấn tượng...

Đức Phật chợt mỉm cười:

- Ừ, Như Lai biết! Tỳ-khưu Vaṅgīsa ấy làm kệ thơ giỏi lắm. Có lẽ y ứng tác ngay tức khắc...

- Đúng vậy! Bài kệ thơ ấy như sau:

" - Bọn chúng là lũ quạ
Như bới rác trong bùn
Hở gì thì xin nấy
Xin tranh tre, tấm lợp
Xin gỗ hương, củi mục
Xin người nữ làm công
Xin người nam hầu hạ
Hãy cho tôi trâu cày
Hãy cho tôi ngựa kéo
Cuốc xẻng và búa rìu
Ghè chum uống và rửa
Hố đào ỉa và đái
Gối dựa và gối ôm
Khăn nằm và khăn đắp
Chúng xin tất tần tật
Da mặt dày hai lóng
Mở miệng thối hầm phân
Dạ-xoa ăn thịt chết
Còn ghê tởm bọn chúng
Vắt cẳng chạy cho xa
Trốn tà sư ác đảng..."

Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm sau, chư trưởng lão Assaji, Mahānama, Yasa, Nadī Kassapa, Upāli, Bhaddiya, Bhagga, Kimbilā, Nandiya... cùng hội chúng ghé Āḷavī rồi sau đó một hội đồng đã được thiết lập và nhóm chư tỳ-khưu tà mạng kia đã được hành xử dựa theo những điều khoản đức Thế Tôn vừa chế định tại Jetavana.

Ngay chiều hôm ấy, đức Phật cho triệu tập toàn thể tăng ni hiện đang có mặt tại Rājagaha cùng vùng phụ cận để nói về chánh mạng và tà mạng.

Đầu tiên, đức Phật kể lại chuyện hóa độ vị đại điền chủ Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja ở tại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri; rằng là, ngay chính lúc thuyết pháp, nói đạo hay giáo giới kệ ngôn cho thí chủ với mục đích thọ nhận sự cúng dường cũng được xem là tà mạng.

Rồi đức Phật kể luôn một lần hai câu chuyện.

Tích truyện thứ nhất. Thuở trước có hai anh em vị ẩn sĩ tu tập và sống nương tựa nhau tại một khu rừng bên bờ sông Gaṇgā. Có một con rồng chúa tên là Maṇikaṇṭha[1] ở gần đấy, do duyên quá khứ nên khởi tâm ái luyến người em, tức vị ẩn sĩ trẻ, mỗi ngày thường tìm cách đến gần. Đợi lúc ẩn sĩ trẻ ngồi thiền, rồng Maṇikaṇṭha tìm đến, âu yếm quấn quanh thân bảy vòng rồi phồng mang lớn trên đầu để che mưa đỡ nắng cho vị ấy. Do quá khiếp sợ nên thời gian sau, vị ẩn sĩ trẻ tuổi trở nên ốm o, gầy guộc, xuống sắc, xanh xao, thân hình nổi đầy gân... Người anh thấy vậy hỏi lý do, người em tình thật kể lại mọi chuyện rồi bảo là không có cách chi trốn thoát khỏi sự kinh sợ ấy được.

Người anh do kinh nghiệm hơn, thông thái hơn, bèn chỉ cho người em biện pháp để đuổi con rồng ấy đi. Người anh nói:

"- Loài rồng vốn quý viên ngọc maṇi hơn cả sanh mạng. Thức ăn, vật uống, nhu cầu, tiện nghi, sở thích... gì gì nó cũng nhờ vào viên ngọc như ý ấy cả. Bây giờ, mỗi lần nó đến, em cứ mở miệng xin nó viên ngọc. Cứ xin mãi, xin hoài, năm lần bảy lần; thế là đến một lúc nào đó, nó ngán, nó sợ, nó không dám đến nữa đâu!"

Và quả thật như vậy, vị ẩn sĩ trẻ, sau ba lần xin viên ngọc, là vật sở hữu quý trọng của rồng,con rồng Maṇikaṇṭha trốn biệt, mất dạng luôn từ đó.

---

[1] Ngài Buddhaghosa giải thích: Con rồng này đi đâu cũng trang điểm ngọc maṇi - và đeo ngọc ấy nơi cổ (kaṇṭha) nên được gọi thành tên.

Câu chuyện thứ hai, xảy ra trong hiện tại. Số là có một số tỳ-khưu ở tại một khu rừng có cây lá xanh tươi, có một đầm sen, đầm súng mát mẻ, tươi thắm hoa và ngào ngạt hương. Họ đang tu tập yên tịnh như vậy trải qua tháng ngày hỷ mãn, lạc mãn. Bỗng một hôm, có một đàn chim lớn có lông cánh sặc sỡ nhiều màu đến chiếm ngự khu rừng, chiếm ngự luôn đầm nước cả đêm cả ngày quá ồn ào, quá huyên náo. Các vị tỳ-khưu kia không còn yên tịnh được nữa vì bị quấy rầy bởi tiếng hót, tiếng la, tiếng kêu, tiếng đập cánh, tiếng gọi đàn, tiếng tình tự, tiếng đánh nhau, chửi mắng nhau, tiếng cây lá khô gãy... làm cho một chút hỷ, một chút lạc của họ cũng không còn nữa.

Hôm kia thất thểu, mệt mỏi trở về Kỳ Viên đảnh lễ Như Lai, họ kể lại chuyện trên. Như Lai đã chỉ cho họ phương pháp để đuổi đàn chim ấy đi. Như Lai nói:

"- Loài chim thường có lông cánh như vật trang điểm, nó tự hào, hãnh diện, luyến ái lông cánh rực rỡ của nó. Vậy thì buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều và cả ban đêm... chư vị ra đứng giữa rừng, la to lên rằng: Hỡi các ngài chim trong khu rừng này! Hãy lắng nghe tôi! Chúng tôi cần lông chim! Chúng tôi cần lông chim! Chúng tôi cần lông chim! Vậy mỗi ngày, mỗi ngài hãy hoan hỷ cho chúng tôi xin chỉ một chiếc lông! Mỗi ngày, mỗi ngài hãy hoan hỷ cho chúng tôi chỉ một chiếc lông mà thôi!"

Này đại chúng! Đừng tưởng rằng, loài chim nó không nghe được tiếng người và nó sẽ không hay biết gì! Nó không nghe qua phân tích ngôn ngữ nhưng nó cảm nhận bằng tâm do âm tiếng kia tạo ra. Cảm nhận bằng tâm nên nó biết, nó hiểu, và rồi nó sợ bị xin lông cánh là vật sở hữu mà nó ái luyến nên cả bầy đàn bèn bỏ đi phương khác! Và quả thật như vậy, sau ba bốn ngày chịu khó y theo "phương pháp xin" ấy, đàn chim bỏ đi không còn một mống!

Kể xong cả hai câu chuyện, đức Phật kết luận:

- Này đại chúng Tăng ni! Rồng và chim là loài thú, xin mãi xin hoài một vật mà nó quý trọng, nó sẽ không hoan hỷ; không những không hoan hỷ mà nó còn chán, nó sợ, nó bỏ đi luôn.

Còn loài người thì sao? Tiền bạc, của cải, tài sản kiếm được ai ai cũng gian lao, vất vả; nếu có tích lũy được ít nhiều cũng phải khó nhọc, lao tâm khổ tứ. Thế mà những tỳ-khưu ở Āḷavī, hễ gặp hai hàng cận sự hoặc dân chúng thì cứ mở miệng xin đủ mọi thứ. Xin, xin, xin, xin mãi xin hoài, con thú nó cũng chán huống hồ gì con người? Là bậc thiện trí thức, là tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai có nên làm như thế chăng? Rõ là kẻ ngu mới làm, còn bậc trí thì không như thế. Đối với pháp và luật của Như Lai "xin cái này, xin cái kia" là tà mạng! Quý vị hãy nhớ như vậy. Không những mở miệng xin, mà chỉ gợi ý, nhắc khéo để cho người ta biết mình cần vật này, vật kia cũng là tà mạng!

Đức Phật lại kể tiếp. Tỳ-khưu Raṭṭhapāla thuở còn là tại gia, con trai của một phú hộ tại Kuru, từ nhỏ chí lớn, cho đến khi xuất gia, ông ta chưa hề mở miệng xin cha mẹ mình một cái gì cả.

Hôm kia, vị phú hộ cất giọng buồn buồn, tâm sự với con rằng:

"- Tài sản của ta không nhiều bằng ai mà cũng không thua ai nhiều lắm, trong kinh thành này. Năm này, năm nọ, tháng này, tháng nọ, biết bao nhiêu là người, không kể thân bằng quyến thuộc, đến cầu cạnh, nhờ cậy ta giúp đỡ tiền bạc cũng không phải là ít! Thế mà con, con trai ta, là người xứng đáng thừa kế gia sản, từ nhỏ chí lớn, con chưa hề mở miệng hay gợi ý xin cha mẹ một vật gì, một sở hữu nào là tại làm sao?"

Thanh niên Raṭṭhapāla cúi đầu lễ độ, cất giọng ôn tồn đáp:

"- Thưa cha! Trông sắc mặt, dáng dấp của người đi xin vật này vật kia, không ai ưa thích, không ai có cảm tình cả. Còn về phần người cho, nếu cho, họ cũng bực bội, không hoan hỷ; nhưng nếu không cho, họ lại cảm thấy khó chịu, áy náy trong lòng. Vì nghĩ như thế nên con nguyện suốt đời không xin ai cái gì cả!"

Thế đấy, cả cha mẹ mình mà cũng không mở miệng xin, gợi ý xin! Nhờ cái trí ấy, cái tâm ấy, sau này, tỳ-khưu Raṭṭhapāla thà ăn nước cháo chua mà người tớ gái sắp đổ thải ra mương cống chứ không ghé gia đình để được ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Khi gia đình dụ dỗ bằng nữ sắc, bằng hai đống vàng, đống bạc, tỳ-khưu Raṭṭhapāla vẫn không động lòng.

Đức Phật lại kể chuyện tiếp. Tỳ-khưu Sāriputta trong một lần bị đau bụng quặn, dù ông ta đã dùng định lực trấn giữ cơn đau nhưng sắc mặt xanh mét và mồ hôi toát ra dầm dề.

Tỳ-khưu Mahā Moggallāna trông thấy bèn hỏi rằng:

"- Thưa sư huynh! Bệnh này dường như là tiền căn. Vậy khi còn ở tại gia, khi đau bụng phát sanh, sư huynh đã dùng thuốc gì để trị liệu?"

Tỳ-khưu Sāriputta đáp:

"- Thuở ấy, mẹ tôi thường nấu cháo gồm có gạo, đậu, sữa và gừng, ăn xong một bát là chấm dứt bụng quặn ngay!"

Có một vị trời nghe được tức khắc mách bảo cho thí chủ nên khi tỳ-khưu Mahā Moggallāna đứng bát nơi nhà một cư sĩ nọ, ông liền thọ nhận được món cháo đặc biệt ấy.

Khi tỳ-khưu Mahā Moggallāna dâng bát vật thực chữa bệnh thì tỳ-khưu Sāriputta từ chối, không thọ dụng, nói rằng:

"- Đức Tôn Sư có giáo giới, thân khẩu cử động có tội và thân khẩu cử động vô tội. Vật thực này, do mở miệng nói ra mà có, tức là khẩu cử động có tội nên tôi không thể dùng.

Dù ruột tôi có đau đớn, có đứt thành bảy khúc, cũng quyết không tà mạng".

Vậy thì đại chúng hãy ghi nhớ những chuyện ấy để làm gương. Ai không làm gương được thì "việc xin, mở miệng hoặc gợi ý" ấy sẽ trở thành pháp chế định tội tà mạng để công bố rộng rãi cho học chúng khắp mọi nơi.

Là tỳ-khưu tăng ni trong giáo pháp của Như Lai, mọi thức ăn, vật uống, chỗ ở, thuốc men, nơi ngủ nghỉ đều không được xin, không được mở miệng, không được gợi ý bằng cách này cách nọ với hai hàng cư sĩ. Tứ sự có được là do sự bố thí, cúng dường đúng pháp và luật, tức là do tình nguyện, tự nguyện và tâm hoan hỷ của nam nữ cận sự. Vậy mới được gọi là chánh mạng. Hãy như vậy mà y chỉ, mà phụng hành!

Nhất Chỉ Thần Thông [1]

Dabba Mallaputta đắc thánh quả A-la-hán và các thắng trí lúc bảy tuổi và cũng là một trong số ít vị được đặc cách thọ đại giới không qua giai đoạn sa-di tại quốc độ Malla, sau đó, vâng mệnh đức Phật trở về Veḷuvana để đi theo con đường hạnh nguyện xưa của mình.

Đã bốn năm trôi qua, bây giờ đại đức Dabba Mallaputta đã mười một tuổi. Theo với thời gian, đại đức càng ngày càng chín chắn, thuần thục trong tứ oai nghi, trong thái độ khu xử cũng như trong công việc hằng ngày. Được chư vị trưởng lão giao cho hai nhiệm vụ quan trọng, khó khăn đúng với sở nguyện: Một là chăm sóc, thu xếp, lên lịch trình đặt bát hằng ngày, tại tịnh xá hay tại tư gia thỉnh mời; bảo quản, coi sóc các kho lẫm gồm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu... người ta cúng dường đến tăng. Hai là phân phối chỗ ngủ nghỉ cho chư khách tăng với đầy đủ những nhu dụng cần yếu; như vậy cũng có nghĩa là những vật dụng như mùng, mền, chiếu, gối, khăn tắm, giẻ chùi chân, nước rửa, nước uống, nước tắm, các công trình như nhà vệ sinh, phòng tắm nước nóng, củi lửa... cũng phải để tâm quán xuyến. Quả

[1] Mượn chữ của Toại Khanh (Sư Giác Nguyên), từ một bài viết nào đó có đăng trong trang Web. Luy Lâu.

là cả hằng đống núi công việc, phi bậc thánh không thể làm được. Tuy nhiên, nhân nào duyên nấy, bên cạnh đại đức Dabba Mallaputta có cả hằng trăm vị sa-di phụ việc. Trong số sa-di này có mặt khiêm tốn một số bậc thánh từ sơ quả đến tam quả và ngay tứ quả cũng có vài ba vị. Chính nhờ năng lực tâm linh của một số ít bậc thành này, như sức của những con ngựa thuần chủng, nó kéo phăng phăng cỗ xe mà trong đó, sức ì, sức trì níu của những tâm sở biếng nhác, giải đãi, hôn trầm, mệt mỏi, dã dượi... của chúng phàm phu lúc nào cũng đông hơn, đã bị vô hiệu hóa. Còn nữa, chư khách tăng đến và đi tại Trúc Lâm, ba phần tư đều là những người còn quá nhiều phàm tính, tục tính. Cũng không sao, đấy là sự tồn tại tương quan tất yếu; và cũng là cơ hội tốt cho chư vị học hỏi và tu tập thêm tâm nhẫn, tâm từ, tâm xả...

Mấy năm nay, đại đức Dabba Mallaputta nổi danh như một ngôi sao sáng do ngài và hội chúng đã chu toàn mọi bổn phận, mọi trách nhiệm không chê vào đâu được. Còn nữa, do biết vị đại đức trẻ này có thắng trí bất khả tư nghì nên chư khách tăng thường hay làm khó ngài để thử tài của ngài.

Thường thì sự thu xếp chỗ ngủ nghỉ của ngài rất nền nếp, chu đáo, có óc khoa học. Do nhờ thắng trí nên khi một nhóm tỳ-khưu đến, biết họ chuyên trì kinh, đại đức thu xếp cho họ ở cùng chung sālā với nhau. Các nhóm chung về luật, các nhóm chuyên về Abhidhamma, các nhóm chuyện thảo luận giáo pháp, các nhóm chuyên thiền định cũng tương tợ vậy. Ai cũng hài lòng. Vì như vậy là không ai quấy rầy ai. Riêng có những nhóm tỳ-khưu thích nói chuyện thế tục, sinh hoạt tay chân, ăn nói còn thiếu kiểm soát, thiếu sự thu thúc cũng được đại đức thu xếp cho họ ở chung nhau với nụ cười bậc thánh trong tâm của ngài: "Ồ! Các vị này chắc cũng sẽ được vừa ý vì những sở thích ưa cười nói ồn ào, huyên náo của họ".

Đấy là ban ngày, còn ban đêm khi có khách tăng đến, đại đức Dabba nhanh chóng nhập đề mục ánh sáng, xuống cận hành, dùng thần thông thắp ánh sáng nơi ngón tay trỏ của mình để dẫn mọi người đến trú xứ như đã chỉ định. Đến nơi, chỗ ngủ nghỉ lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ với đầy đủ giường, nệm, gối, gậy chống, nước rửa, nước uống và cả chỗ tiêu, chỗ tiểu. Chính vì lý do này mà khách tăng truyền miệng với nhau nên ngày càng có nhiều nhóm ở xa tìm đến. Rất nhiều khi, Trúc Lâm không còn đủ chỗ, họ lại yêu cầu được thu xếp chỗ ở bên ngoài, ngày càng xa hơn để làm khó, thử tài bậc thánh trẻ tuổi.

- Này đại đức quý mến ơi! Hãy cho chúng tôi chỗ trú ngụ bên ngoài cũng được.

- Vậy chư vị thích ở chỗ nào? Thích chỗ nào tôi sẽ phân bố chỗ ấy.

Có vị muốn thử tài, làm khó chơi:

- Thưa, ví dụ như tôi muốn ở đỉnh núi Gijihakūṭa có được không?

Đại đức mỉm cười:

- Được, không sao! Chư vị hãy bước theo tôi.

Thế rồi, với ngón tay trỏ được thắp sáng, đưa lên cao, soi tỏ con đường, đại đức dẫn khách tăng rẽ đêm tối bước đi. Lạ lùng làm sao, chỉ chừng vài chục hơi thở họ đã đến đỉnh Linh Thứu với những hang, những động, những chỗ ngủ nghỉ sạch sẽ, tinh tươm trên những giường gỗ, giường tre, giường đá đủ kiểu, đủ loại.

Một đồn mười, mười đồn trăm. Thế rồi, từng đêm, từng đêm, khách tăng xin trú ngụ tại Hang Núi Kẻ Cướp, sườn núi Isigili, sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp), tại rừng Sīta, động Sappasoṇḍika, hẻm núi Gomaṭa, hẻm núi Kapota, vườn xoài Jīvaka, vườn nai Maddakucchi... Nhóm nào muốn ở đâu thì đại đức đáp ứng cho họ chỗ ấy trăm lần như một đều chu đáo, thích nghi.

Như vậy, chư vị trưởng lão cũng như chư khách tăng gần xa đều tán thán ca ngợi cái ngón "nhất chỉ quang tướng thần thông" của đại đức Dabba Mallaputta.

Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười, tự nhủ:

- Dùng thần thông để sắp xếp trú xứ cho tăng chúng trong những đêm trời tối tăm hay mưa gió như thế ấy, chắc đức Tôn Sư cũng không rầy la đâu!

Mấy Ông Sư Quậy Phá

Vấn đề ngủ nghỉ tại Trúc Lâm đang yên ổn như vậy thì một hôm, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā[1] lặn lội từ phương xa tìm đến. Họ là những người sơ tu, và nói là đệ tử của tôn giả Sāriputta nhưng ai cũng ngờ ngợ và khó chịu khi nhìn thấy cách mặc y, mang bát, đi đứng nói năng của họ còn quá nhiều tục tính.

Chỗ ở tại đại tịnh xá này, tuy là hàng ngàn liêu thất nhưng bao giờ cũng không thừa chỗ. Những nơi tươm tất, chu đáo, yên tĩnh nhất thường để dành cho chư vị trưởng lão tôn túc. Những nơi tương đối đàng hoàng tiện nghi thì để dành cho những vị thâm niên cao hạ. Chỗ khác thì để dành cho những nhóm học chúng kinh, luật, Abhidhamma, thiền định... Chỗ khác nữa là chư khách tăng tôn túc vãng lai. Chỗ còn lại là chư tăng tỳ-khưu hoặc sa-di nội trú để chăm lo mọi Phật sự, tăng sự trong ngoài. Bởi vậy, khi hai nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā xin chỗ ở, đại đức Dabba

[1] Thường được gọi chung là nhóm lục sư. Như đã ghi chú ở một chương trước, hai nhóm tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri, còn ở Veḷuvana là nhóm của hai vị này. Đây là nhóm lục sư hay quậy phá, thường bị hành xử, sau đó mới chế định học giới. Họ không phải là nhóm "lục sư ngoại đạo" như nhiều nơi đã ghi nhầm lẫn.

Mallaputta và chúng của ngài chỉ có khả năng thu xếp chỗ ở tạm thời thôi. Thế là họ la ó, làm ầm ĩ và huyên náo lên. Dù giải thích thế nào họ cũng đòi chỗ tốt, chỗ tiện nghi hơn.

Thế là chư vị trưởng lão phải xuất hiện để răn đe, nghiêm khắc giáo giới họ mới chịu yên. Đại đức Dabba cũng không chấp trước gì, im lặng cho người quét tước, dọn dẹp, cho sắp đặt thêm những vật dụng thiếu thốn, đáp ứng một số tiện nghi cho họ. Yên ổn được mấy hôm thì phát sanh vấn đề khác cần phải chấn chỉnh.

Các vị sa-di đến trình với đại đức là: Họ thường hay ở mình trần đi đây đi đó. Họ làm nước lai láng trong phòng tắm. Họ đi vệ sinh tiêu, tiểu không dội nước cho sạch. Họ quăng y bẩn bừa bãi trong phòng tắm hơi. Họ kỳ cọ lưng nhau rồi đùa bỡn, cười cợt thô tục. Có đôi vị vẽ hình lên thân thể. Chỗ ngủ của họ, gối kê, tấm đắp được rắc đầy dầu thơm. Họ ngủ chung giường, chung chiếu, chung tấm đắp, hai ba người một chỗ. Họ ăn chung với nhau một bát, uống chung nhau một cốc...

Thế rồi, chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Nadīkassapa, Gayākassapa, Kāḷudāyi... đã phải họp chúng, đưa ra những điều học trước đây đã từng chế định tại Kosambī để khiển trách, la rầy họ, sau đó đưa ra những hình phạt tương thích.

Vấn đề phức tạp thứ hai là thọ thực. Thường thì nhiều gia chủ trong kinh thành Rājagaha thỉnh chư tăng đặt bát cúng dường tại tư gia. Ngoại trừ những lần cúng dường lớn thì năm trăm vị, một trăm vị còn bình thường thì năm vị, mười vị, hai mươi vị, cũng có đôi nơi hai hoặc bốn vị. Có những thí chủ lại đích thân thỉnh những vị trưởng lão mà họ kính trọng, ngưỡng mộ. Sự sắp xếp, phân bố trì bình mỗi ngày theo yêu cầu của thí chủ cũng là bổn phận của đại đức Dabba Mallaputta. Vị nào không có trong danh sách này thì phải đi khất thực tùy ý trong kinh thành hoặc vùng phụ cận.

Tại nhà ăn, chư vị trưởng lão làm nơi nương tựa cho chúng hoặc chư đại đức, tỳ-khưu sống nhiều năm phụ trách những lớp giảng huấn thường được đại đức Dabba cho sa-di dâng thêm bơ, sữa hoặc dầu ăn thơm ngon cho quý ngài.

Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā cảm thấy tủi thân. Họ đợi hoài cũng không có ai mời thỉnh tại tư gia. Họ đợi hoài cũng thấy chưa đến phiên mình. Khi đi trì bình khất thực trở về nhà ăn thì chẳng thấy ai dâng cho mình những thức ăn ngon như chư vị trưởng lão, như chư đại đức sống lâu năm ở đây. Bực dọc, tức tối, họ đến gặp đại đức Dabba Mallaputta để chất vấn:

- Tại sao, thức ăn của chúng tôi không có gì cả, lúc nào cũng tầm thường, thô tháo, không có phẩm chất còn những vị khác thì thượng vị nầy, trân vị kia?

- Cũng đúng thôi, này các vị! Đại đức ôn tồn đáp, nhưng âm giọng rắn rỏi, nghiêm túc - Vì đấy là những bậc tôn túc, thâm niên, cao hạ thì phải được kính trọng để dâng đến quý ngài những vật thực tương thích. Chư vị chỉ là những kẻ sơ tu thôi, hãy thấy rõ sự thực như vậy! Chư vị chưa có công đức gì, chưa có phước báu gì, giới đức, định đức, tuệ đức ra sao mà đòi ngồi ngang hàng với chư vị trưởng lão hay sao?

Trong bụng họ giận căm gan, nhưng biết điều ấy đúng với sự thực, lát sau họ chất vấn tiếp:

- Cũng được đi! Nhưng việc đặt bát cúng dường tại rất nhiều tư gia, sao đợi chờ hoài cũng không đến phiên chúng tôi?

- Hãy chịu khó! Hãy kham nhẫn! Sẽ có lúc đến phiên các vị thôi!

Hôm kia, có một gia chủ đến thưa với đại đức Dabba Mallaputta là họ xin được thỉnh thường xuyên bốn vị đặt bát tại tư gia. Suốt sáu hôm như vậy, đại đức tuần tự sắp xếp mỗi ngày bốn vị, bốn vị một cách đều đặn. Ngày nào cũng vậy, những ai thọ bát trở về cũng tán thán ca ngợi là gia chủ

kia, cả vợ, cả con, cả gia nhân ai cũng lịch thiệp, lễ độ, hoan hỷ; còn vật thực như cơm canh... loại cứng loại mềm đều ngon lành, tuyệt hảo.

Cuối ngày thứ sáu, gia chủ tìm đến Trúc Lâm, được đại đức Dabba Mallaputta đón tiếp nơi phải lẽ, khen ngợi sự trân trọng cúng dường, nói thêm một thời pháp thuận thứ để khích lệ, tạo niềm tin thêm cho gia chủ. Trước khi ra về, với tâm hân hoan, vị gia chủ hỏi:

- Ngày mai là bữa cuối cùng, không biết đại đức sắp xếp cho những ai đến thọ bát tại tư gia?

- Thưa! Ngày mai đến phiên các vị sư thuộc nhóm Mettiya và Bhummajakā.

Ra về, tâm vị gia chủ không được vui, tự nghĩ thầm: "Sáu ngày vừa rồi ta có nhiều phước báu vì được dâng cúng đến những vị tỳ-khưu đàng hoàng, có giới hạnh. Tại sao ngày mai, ta có cái duyên xấu gì xen vào mà mấy ông sư tồi tệ ấy lại đến phiên thọ bát tại nhà ta?"

Bực bội âm ỉ trong lòng, vị gia chủ về nhà, dặn dò những người tớ gái:

- Ngày mai, ta đi vắng! Các ngươi hãy sắp xếp chỗ ngồi thọ bát cho các ông sư ngay tại trong nhà kho. Và vật thực cúng dường, nên nhớ là chẳng cần thượng vị, thượng trân gì cả, cơm tấm siu ôi và nước cháo chua gì đó cũng được!

Nghe đến phiên mình sẽ được "ăn ngon" vào ngày mai, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā mừng vui không ngủ được. Sáng ngày, khi họ mặc y mang bát đến nhà gia chủ, họ được mời ngồi trong nhà kho. Và khi họ tưởng thọ nhận được thượng vị loại cứng, loại mềm thì họ được gia nhân sớt đầy bát cơm hẩm và canh siu.

Mất mặt, bẽ bàng, tức giận, trên đường trở về, họ bàn bạc với nhau rằng: "Chúng ta đã bị ông Dabba chơi khăm, chơi xỏ rồi! Không thế thì cũng bị hắn ta tìm cách ly gián

với gia chủ mới xảy ra cớ sự bị hạ nhục đáng hận như hôm nay!”

Mới về ngang cổng Kỳ Viên, họ đã thất thểu, rớt y, rớt bát rồi ngồi ủ rũ, im lặng, vai co rút lại, ôm gối nhìn xuống đất, trầm ngâm, xấu hổ...

Lúc ấy, tỳ-khưu-ni Mettiyā, vốn là người quen thân với bọn chúng, đi qua, thấy vậy, chào hỏi có vẻ ân cần, quan tâm, nhưng cả ba lần vẫn không nghe ừ, nghe hử.

- Hãy giúp chúng tôi! Một người trong nhóm nói - Nghe đức Thế Tôn vừa về sáng nay. Vậy ni cô hãy vào trình bạch với ngài là chúng tôi đã bị đại đức Dabba Mallaputta bức hiếp tồi tệ, đã thông đồng với thí chủ để chơi khăm, chơi xỏ đến cạn tàu ráo máng. Ôi! Nhục ôi là nhục!

Rồi họ kể lại chuyện cho tỳ-khưu-ni Mettiyā nghe, cô ta cũng nổi sùng lên:

- Vậy là không được! Vậy là quá đáng, quá đáng... nhưng rồi cô chợt e ngại, nhưng mà biết nói sao cho hay, tố cáo sao cho có ấn tượng?

Bọn chúng lại tham mưu cho tỳ-khưu-ni cách nói, và nói sao cho văn hoa bóng bẩy. Vị ni nầy không có giới hạnh, lại ngu si, tự dưng lại quàng việc vào mình, đã vào đảnh lễ đức Phật rồi thưa như sau:

- Bạch đức Thế Tôn! “Nơi nào đúng pháp và luật thì nơi ấy không có sợ hãi, tai họa và sầu khổ! Nơi nào không đúng pháp và luật thì nơi ấy có sự sợ hãi, tai họa và sầu khổ. Chính đại đức Dabba Mallaputta đã hành xử không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục đệ tử. Tưởng là gió lặng nhưng mà bão đã nổi lên rồi, và lửa cũng đã bùng cháy lên rồi” xin đức Tôn Sư minh xét!

Đức Phật lắng nghe trong im lặng rồi bước vào hương phòng, để lại câu nói, dặn bảo các vị trưởng lão đang có mặt:

- Hãy dựa theo pháp và luật để hành xử việc ấy. "Con trai" của Như Lai như thế nào thì các ông đều đã biết rõ.

Chư vị trưởng lão khi nghe vị ni vô duyên, vô cớ cáo bậy, họ biết là ai xúi bẩy ở đằng sau rồi. Nhưng để cho sự việc được sáng tỏ, đại đức Dabba Mallaputta được gọi lên để đối chứng.

- Này Dabba! Tôn giả Mahā Kassapa nói - ông đã bị vị ni này tố cáo là hành xử cái gì đó không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục cô ta! Vậy thì sự thực như thế nào hãy trình cho chư trưởng lão biết!

- Đệ tử không biết vị tỳ-khưu-ni này! Đại đức Dabba đáp - Đây là lần đầu tiên đệ tử thấy mặt cô ta. Quả thật, đệ tử không rõ sự lăng mạ, ô nhục ấy từ đâu nẩy sanh!

Tôn giả Mahā Kassapa vừa quay sang nhìn tỳ-khưu-ni Mettiyā để xem phản ứng, thái độ ra sao thì thấy sắc mặt cô ta đã xanh mét, hơi thở dồn dập có vẻ bồn chồn, rối loạn... Thấy vậy, tôn giả Upāli nghiêm khắc nói:

- Tố cáo gian dối, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của một vị tỳ-khưu, nhất là một bậc thánh lậu tận, cô ni ngươi có biết là tội nặng lắm không?

Nhìn dáng dấp, sắc diện oai nghiêm của chư tôn túc trưởng lão, tỳ-khưu-ni Mettiyā sợ hãi quá, đành phải thú tội, thú nhận, là do nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā xúi giục, cô vì ngu si, dại dột, nhẹ dạ nên lỡ phạm lỗi lầm.

Thế rồi, bọn chúng được chư trưởng lão gọi lên. Chúng đã không tỏ ra thành tâm cải hối lại còn có vẻ căm hận tỳ-khưu-ni Mettiyā dám tố cáo mình!

Sau đó, nội vụ được sáng tỏ, bởi chúng có phẩm hạnh lôi thôi, ăn nói, đi đứng, y bát thiếu tăng tướng, thiếu tư cách nên cư sĩ cận sự nào có trí, chỉ cần liếc nhìn qua là họ biết ngay. Vì ông cư sĩ này ghét bọn chúng nên "chơi khăm" như vừa kể. Lỗi không phải do đại đức Dabba Mallaputta. Thế là nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bị phạt nhốt ở trong

phòng, bị phạt làm vệ sinh nhà xí, vệ sinh mương cống, lao tác bửa củi, gánh nước... Tỳ-khưu-ni được răn đe nghiêm khắc rồi gởi trả về Ni viện để chư trưởng lão Ni tùy nghi xử phạt.

Chuyện chưa thôi. Thế mà bọn chúng vẫn tánh nào tật nấy. Hôm kia, chúng đi bát, thấy một con dê đực đang giao phối với một con dê cái trên sườn núi. Chúng tự đùa bỡn, gọi tên con dê đực là tỳ-khưu Dabba Mallaputta, con dê cái là tỳ-khưu-ni Mettiyā. Về tu viện chúng kể oang oang chuyện ấy cho nhiều người nghe rồi kết luận:

- Không phải nghe bằng lỗ tai mà chúng tôi thấy tận mắt: Con dê đực Dabba Mallaputta làm tình với con dê cái Mettiyā!

Đức Phật đã phải gọi chư vị trưởng lão đến:

- Các ông phải họp đại chúng, dựa theo "Bảy điều hòa giải các cuộc tố cáo, tranh tụng" được đúc kết tại Kỳ Viên để hành xử vụ việc. Ông Ānanda còn thuộc lòng đấy, hãy tuyên đọc lại. Ông Upāli cũng phải ghi nhớ cho chính xác. Rồi sau đó, các vị đưa ra những học giới chế định về các tội trạng này, cùng các tội tương tợ, cũng đã phải lúc, phải thời cho học chúng Tăng ni các nơi noi theo.

Vậy là tội cáo gian lần thứ hai này, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bị trách phạt nặng nề hơn, là bị nhốt kín trong phòng, không cho ai giao tiếp (như bị tù); thức ăn, vật uống có chúng sa-di mang đến, đều chỉ là vật thực để tồn tại, chẳng có ngon bổ gì.

Hơn hai mươi ngày sau, "ra khỏi tù", các vị trưởng lão tổ chức một cuộc lễ, có hai vị luật sư tụng tuyên ngôn để bọn chúng có cơ hội thấy rõ tội rồi sám hối trước tăng, sám hối trước đại đức Dabba Mallaputta.

Tám Trường Hợp
"Úp Bát"

Tưởng là yên, ai ngờ chúng còn quậy phá nữa. Lần này, chúng đến nhà một gia chủ giàu có, tên là Vaḍḍha, gốc dòng dõi Licchavī nên được gọi là Vaḍḍha Licchavī, ông ta thường hộ độ chư tăng Trúc Lâm. Chúng dùng lời xảo trá, ton hót, dựng đứng chuyện này, chuyện kia hầu lung lạc, thuyết phục vị cư sĩ có máu mặt này đứng về một phe của mình. Chúng kể là thường bị đại đức Dabba hạ nhục, phỉ báng, bức hiếp họ đủ điều nên chuyện ẩm thực, chỗ ngủ nghỉ chẳng khác gì chuồng gia súc. Dabba còn có giới hạnh, đạo đức lôi thôi nhưng do nhờ hắn ta biết cung phụng, hầu hạ chư vị trưởng lão nên luôn được họ bảo vệ, không những không trách phạt mà còn khen ngợi nữa.

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī tâm tánh nông nổi, hời hợt, lại cả tin nên đã bất bình, giận dữ tìm đến Veḷuvana, chỉ tay vào mặt đại đức Dabba mà mắng nhiếc đủ điều, tố cáo ngài không có đạo đức, không có giới hạnh, thường hay ton hót, nịnh bợ các vị trưởng lão. Ông ta còn trách chư vị trưởng lão bịt mắt làm ngơ mặc dầu "dông bão đã nổi lên ở đây rồi!"

Không ai hiểu chuyện gì cả! Đại đức Dabba cũng thầm lặng lắng nghe lời vu khống, phỉ báng ấy, và tự tâm ngài biết

rõ, đây chính là dư nghiệp từ quá khứ còn sót lại, phải kham nhẫn, phải an trú tâm từ, tâm xả. Còn chư vị trưởng lão lại trình việc ấy lên đức Thế Tôn, và ai cũng xác nhận sự thật bằng mắt thấy, tai nghe là đại đức Dabba trong trắng như vỏ ốc, ngài vô tội!

Tôn giả Ānada thì vô cùng bất bình:

- Không đâu, vô duyên, vô cớ mà đại đức "nhất chỉ thần thông vi diệu" của chúng ta đã bị ông cư sĩ kia chỉ trích, nhiếc mắng quá đáng...

Đức Phật mỉm cười, nói rằng:

- Không phải vô duyên vô cớ đâu! Hoặc vô duyên vô cớ chỉ là một phát ngôn bình thường! Ai trong chư vị biết rằng, vào thời đức Phật Vipassī, tiền thân Dabba là một cư sĩ trưởng giả, đã nhiếc mắng một bậc thánh lậu tận. Còn một nghiệp xấu tệ khác nữa, là trong buổi cúng dường lớn có đầy đủ đức Chánh Đẳng Giác Vipassī và chư tăng, đích thân vị trưởng giả lại rút tên, loại bỏ vị thánh Thanh Văn kia ra khỏi danh sách cúng dường! Duyên là vậy, cớ là như vậy đó. Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bây giờ chúng xảo trá hơn, giấu mặt bên sau để ông cư sĩ kia chịu trận. Chư vị trưởng lão hãy nêu sự việc, tội danh ra trước hội đồng để xử phạt chúng một lượt nữa; nếu cứ mãi cứng đầu cứng cổ, không chịu thay tâm đổi tánh thì ra điều luật chế định trục xuất khỏi Tăng đoàn, không châm chước được nữa.

Chiều hôm sau, thì giờ rảnh rỗi, nhân chuyện người gia chủ nhiếc mắng tỳ-khưu Dabba Mallaputta, đức Phật giảng nói rộng rãi hơn về những nội dung tương tợ cho đại chúng nghe.

Đức Phật nói:

- Giáo pháp chư Chánh Đẳng Giác nào trong quá khứ cũng có phát sanh những trường hợp, do ai đó trong hai hàng cận sự nam nữ còn nhiều bụi rác trong mắt mà xâm phạm họa hại đến Tăng chúng, nên các ngài có chế định

những hình thức xử phạt tương thích để đối trị. Có tám trường hợp cả thảy, chư tăng sẽ tụng tuyên ngôn, với ý nghĩa rằng, từ rày về sau không còn nhận sự cúng dường của vị gia chủ ấy, thí chủ ấy nữa, cụ thể là khi thí chủ ấy, gia chủ ấy ra đặt bát, chư tăng im lặng không nói gì, chỉ "úp bát" lại, không thọ nhận rồi bước sang nhà khác. Hình thức "úp bát" đối với gia chủ là hình phạt nặng nhất dành cho cận sự nam nữ khi họ xúc phạm, xâm hại đến chư tăng một cách quá đáng.

Thứ nhất, vị cư sĩ nào, do ghét một vị sư nào, đây là trường hợp một vị tỳ-khưu có giới hạnh - đã cố gắng, nỗ lực tìm mọi cách, mọi phương tiện để cho vị tỳ-khưu kia không có thức ăn, vật uống, thuốc men, nhu dụng hằng ngày.

Thứ hai, tương tợ như trên, nhưng ở đây là tìm cách ngăn chặn, nói xấu, nói khéo thế nào đó để cho vị tỳ-khưu chân chính mất những lợi ích, lợi lạc về tu tập, về giáo pháp, về đời sống vật chất cũng như tinh thần.

Thứ ba, là cố gắng, nỗ lực, tìm cách này hay cách khác để cho vị tỳ-khưu chân chính không có trú xứ, không có nơi ngụ cư hay không có cả chỗ ngủ nghỉ.

Thứ tư là nhiếc mắng, nhục mạ hoặc tìm cách, cố gắng, nỗ lực nói xấu vị tỳ-khưu để hạ thấp tư cách, phẩm giá vị tỳ-khưu ấy.

Thứ năm là cố tìm cách nói ly gián hầu chia rẽ vị tỳ-khưu này với vị tỳ-khưu khác.

Cuối cùng, thứ sáu, bảy, tám là vị cư sĩ nào đó đã dùng lời nói, hành động để phỉ báng, nhục mạ đức Phật, đức Pháp, đức Tăng.

Trong cả tám trường hợp ấy, do tăng biết rõ nên đã triệu tập một hội đồng, công bố sự thật, tụng tuyên ngôn trước đại chúng thì toàn thể chư tăng sẽ "úp bát" để trừng phạt gia chủ ấy.

Sau khi đức Phật thuyết giảng xong, chư vị trưởng lão biết mình phải làm gì. Đây cũng là một trường hợp điển hình nên xử lý để làm gương.

Trường hợp gia chủ Vaḍḍha Licchavī nhiếc mắng, phỉ báng, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của đại đức Dabba Mallaputta rơi vào trường hợp thứ tư nên chư vị trưởng lão cho họp hội đồng, tụng tuyên ngôn, bố cáo rộng rãi là từ rày về sau, chư tăng chùa Trúc Lâm sẽ "úp bát" đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī.

Sáng sớm hôm sau, tôn giả Ānanda nhận nhiệm vụ thông báo cho gia chủ, nên ngài đã y bát chỉnh tề, đến tư gia nói rõ sự thật mà tăng đã hành xử theo pháp và luật cho cư sĩ Vaḍḍha Licchavī hay. Rồi giải thích thêm rằng: Chư tăng tuyến bố hình thức "úp bát" đối với hai hàng cận sự nam nữ được xem như hình phạt mà quý ngài không muốn nói ra, là từ rày về sau, gia chủ không còn được thọ hưởng hạnh phúc cúng dường đến chư tăng Trúc Lâm nữa.

Khi tôn giả Ānanda vừa rời chân đi khỏi cửa, cư sĩ Vaḍḍha Licchavī khi chợt hiểu rõ ý nghĩa của hai từ "úp bát" thì choáng váng mặt mày, ngất xỉu rồi ngã xuống ngay tại chỗ.

Sau đó, bạn bè thân hữu, bà con ruột thịt đã tìm cách phân ưu, khuyên giải rằng:

- Than van, rên rỉ gì cái gì nữa? Hãy tỉnh táo mà suy nghĩ đến cái điều gì nghiêm trọng hơn. Chư tăng ai cũng "úp bát" cái ngôi nhà này thì thần phước đức, thần hoan hỷ họ cũng bỏ mà đi luôn đó! Bây giờ, hãy tẩm ướt cả đầu tóc, cả khăn áo, cùng vợ cùng con cùng gia quyến đến bên chân đức Thế Tôn, quỳ phục mà sám hối! Hãy thành thật nhận lỗi lầm vì ngu, vì dại, vì si mê và vì cả tin đã nghe lời xúi giục của mấy ông sư tồi tệ kia mà sinh ra cớ sự. Đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão bao giờ cũng với cái tâm rộng lớn như hư không, như biển cả sẽ tha thứ cho ông ngay!

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī nghe được lời khuyên chơn chánh, đúng đắn ấy nên đã nhất nhất làm đúng như vậy. Đức Thế Tôn hoan hỷ xá tội, nói một vài pháp thoại, nhắc nhở người gia chủ từ rày về sau, đừng nên tin một cái gì, một điều gì mà mình chưa như thực thấy, chưa như thực nghe.

Cuối cùng, đức Phật dạy chư vị trưởng lão, họp hội chúng, tụng tuyên ngôn "mở bát" đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī khi ông ta đã thành tâm sám hối, cải hối rồi.

Sau vụ việc này, tu viện Veḷuvana mới lấy lại môi trường sinh hoạt yên lặng và ổn định.

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI HAI
(Năm 576 trước TL)

Kệ Thơ Cảm Xúc
Của Một Thi Sĩ

Sau mùa mưa năm thứ mười một, rất nhiều vị tôn túc trưởng lão từ nhiều phương đến hầu Phật tại Trúc Lâm. Nhưng ngài thì lại đi luôn, lúc phương này, mai phương khác, thỉnh thoảng trở lại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri để giáo hóa học chúng ở đấy.

Đầu tháng nắng nóng, đức Phật trở lại Trúc Lâm thì thấy dường như có mặt gần đủ các vị trưởng lão. Nhân tiện ấy, đức Phật yêu cầu chư trưởng lão họp bàn để đúc kết lại một số học giới được chế định tại Kosambī, Jatavana và thời gian vừa qua tại Veḷuvana. Công việc này chỉ cần ba hôm là xong - nhưng do chư vị trưởng lão như hai vị đại đệ tử, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda phải đọc tụng nhiều lần cho nhiều nhóm học chúng nên phải kéo dài cả tuần lễ.

Chiều hôm đó, đột ngột tôn giả Aññā-Koṇḍañña từ hồ Mandākinī[1] tại Himalaya tìm về đảnh lễ đức Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ, tôn giả còn cúi xuống dùng miệng hôn bàn chân đức Thế Tôn, dùng tay xoa bóp chân ngài, rồi phủ phục tâu rằng:

---

[1] Tại Himalaya có 6 hồ lớn: Anotatta, Sīhapapātā, Rathakārā, Kaṇṇamuṇḍa, Kunālā, Chanddantā.

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Aññā-Koṇḍañña! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Aññā-Koṇḍañña! Đệ tử thọ phần đã mãn, xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nhập diệt.

Đức Phật yên lặng một lát rồi hỏi:

- Vậy thì ông sẽ xả bỏ ngũ uẩn ở đâu, này Aññā-Koṇḍañña?

- Ở hồ Mandākinī, Himalaya, bạch đức Tôn Sư!

Đại chúng lặng người. Tôn giả là bậc tôn túc trưởng lão, là người đắc quả A-la-hán đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật. Tôn giả là vị bà-la-môn trẻ tuổi nhất trong tám vị bà-la-môn uyên bác đoán tướng cho thái tử thuở ngài vừa đản sinh được năm ngày. Ai cũng đưa lên hai ngón tay, ý nói, với ba mươi hai tướng quý của bậc đại nhân, thái tử sau này sẽ chọn lựa hai con đường, nếu xuất gia thì đắc quả Phật, nếu ở tại gia, làm vua, sẽ trở thành bậc Chuyển luân Thánh vương. Riêng bà-la-môn trẻ, thông thái, chừng hai mươi lăm tuổi là Koṇḍañña, đưa lên một ngón tay, và khẳng định rằng, thái tử chỉ đi theo một con đường, là sẽ xuất gia và đắc quả Chánh Đẳng Giác.

Thế rồi, khi thái tử vừa chớm có ý định xuất gia - thì trong giới bà-la-môn ở kinh thành, có xôn xao tin đồn, Koṇḍañña đã rủ bốn người con của bảy vị bà-la-môn năm xưa đi xuất gia, tập sống đời phong sương khổ hạnh để sau này gặp lại thái tử. Đấy là Vappa, Assaji, Mahānāma, Bhaddiya. Như vậy, khi Phật thành đạo, Chuyển Pháp Luân tại Vườn Nai thì Koṇḍañña đã sáu mươi tuổi. Và tôn giả là người đắc quả A-la-hán đầu tiên, được chư thiên tán thán vang động gọi là Aññā-Koṇḍañña (A-nhã Kiều Trần Như)[1]. Vào hạ thứ hai của đức Phật, chính tôn giả về tìm gặp chị gái Mantānī của mình, thuyết phục bà cho đứa cháu trai là

[1] Đây là ghi theo tạng Luật. Còn tạng Kinh Miến hay tạng Kinh Tích Lan đều ghi là Aññāsi Koṇḍañña.

Puṇṇa, con của bà xuất gia theo Phật tại Trúc Lâm. Và chính tôn giả đã đích thân trao giới và hướng dẫn Puṇṇa tu tập đắc quả vị A-la-hán cùng với thắng trí, biện tài, được đức Phật tán dương trước hội chúng là "Đệ nhất thuyết pháp" trong hàng Thanh Văn. Không bao lâu sau, tỳ-khưu Puṇṇa trẻ tuổi này đã thu phục, giáo giới năm trăm tỳ-khưu và hội chúng này luôn sống trong rừng, ai ai cũng tán thán ca ngợi về hạnh viễn ly, thiểu dục, thiền định. Tất cả đấy là nhờ công lao nhũ mẫu của tôn giả Koṇḍañña cả. Sau đấy, tôn giả thường ẩn cư ở Himalaya, suốt mười hai năm, tại hồ Mandākinī, lâu lâu mới về thăm đức Phật một lần, lâu lâu nhận một trách nhiệm nào đó do đức Phật giao phó; xong bổn phận, ngài lại về rừng. Đức hạnh sáng rỡ như mặt trăng. Tôn giả sống ở đây được chư thiên trong vùng vô cùng kính trọng, ngưỡng mộ. Có con voi chúa Chaddanta luôn luôn ở bên cạnh phục dịch, hầu hạ, kể cả cúng dường các loại trái cây. Lại có thiên tử Nāgadatta hết lòng hộ độ các nhu yếu khác...

Vậy là tin tức tôn giả Koṇḍañña xin nhập diệt được xôn xao bàn tán khắp mọi nơi, nhất là hai giới xuất gia và tại gia. Ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ, tiếc rẻ, cảm thán một bậc tôn túc đã ra đi, giáo hội đã mất đi một gốc cổ thụ tàn cao bóng cả.

Chiều tối hôm đó, đức Phật thuyết một thời pháp trước một hội chúng đông người chưa từng có, nói về công hạnh thù thắng của tôn giả, nói về nhân duyên nhiệm mầu khi tôn giả quy tụ bốn người con trai của bảy vị bà-la-môn xuất gia sống đời đạo sĩ để chờ gặp Phật, nói về lẽ sinh diệt, nói về sự xả bỏ ngũ uẩn không còn dư tàn của một vị A-la-hán, nói về hạnh phúc vẹn toàn của bậc đã diệt tận mọi khổ đau...

Cuối thời pháp, bất ngờ nhất, tỳ-khưu Vaṅgīsa bước ra đảnh lễ đức Phật để xin đọc một bài kệ thơ để tán thán công hạnh của tôn giả Aññā-Koṇḍañña.

Đức Phật hỷ xả gật đầu:

- Ừ, đọc đi, này ông thi sĩ!

Thế rồi, tỳ-khưu Vaṅgīsa ưỡn thẳng lưng dậy, con ngươi như có hai đốm sáng long lanh, ngước mắt lên cao rồi đảo quanh hội chúng một vòng; ông ta lấy hơi, sau đó, không biết ngôn ngữ chữ nghĩa ở đâu đó tự động trào vọt ra, trôi chảy như sông như suối:

"- Ôi! Tôn giả Koṇḍañña ơi!
Tôn giả Koṇḍañña ơi!
Thế là gốc đại thụ cao xanh sắp đổ rồi!
Thế là một ngôi sao tắt lịm giữa lưng trời!
Ôi! Núi nghiêng, đất sụp
Băng vỡ, tuyết tan
Hoa tàn, nguyệt khuyết!
Bởi ngọn lửa vô thường
Bởi sắc thân sinh diệt!
Nhớ tôn giả xưa,
Tuổi trẻ tài cao
Tinh minh thánh triết
Ba đãy Vệ-đà
Nổi danh thần đồng xem tướng
Một ngón tay đưa lên,
Thái tử mai sau thành Phật
Nên đợi chờ ngài gióng pháp chuyển luân
Đạo sĩ năm ông, khổ hạnh tinh cần
Với quyết chí nêu gương bồ-tát
Tại Vườn Nai, trang nghiêm thính pháp
Phật ngợi khen,
Añña-Koṇḍañña
Chứng ngộ đầu tiên
Añña-Koṇḍañña
Thoát khổ, thoát triền

Người trời tán dương
Tôn xưng, trân trọng
Rồi từ đấy
Sống đời thiêng liêng phạm hạnh
Quan sát thế gian, cứu độ tùy duyên
Mây trắng qua sông
Hành hóa khắp miền
Lúc rỗi việc, ẩn cư núi chúa
Có thớt tượng Chaddanta
Cúng dường trái quả
Có thiên tử Nāgadatta hầu hạ chu toàn
Hồ mẹ Mandākinī nước ngọt trong lành
Phô năm sắc
Súng sen hương thơm ngát
Mười hai năm non cao,
Biết thọ phần đã hết
Về Trúc Lâm phụng bái đức Tôn Sư
Hôn bàn chân ngàn căm của ngài,
Im lặng giã từ
Im lặng pháp
Im lặng tâm
Im lặng hư không
Để đi đến cõi vô sanh bất diệt
Có tam giải thoát môn[1] thênh thang rộng mở!
Ôi! Đệ tử là kẻ vô văn phàm phu
Cảm thương mà trào lệ
Giọt nước sương trời
Rơi đọng giọt bi ai
Ôi! Lẽ tử sinh
Khó kham nhẫn kiếp người
Xin đảnh lễ gót chân tôn giả

[1] Không, vô tướng, vô tác.

Đệ tử là Vaṅgīsa
Với nỗi niềm băng giá
Ứng tác ngôn lời
Vụng về đưa tiễn
Xin đức Tôn Sư minh giám
Xin chư tăng minh giám!

Đọc xong bài kệ thơ, đi liền với cảm xúc của mình, nước mắt tỳ-khưu Vaṅgīsa tuôn chảy lặng lẽ. Rất đông người trong hội chúng còn phàm, đâu đó cũng nức nở khóc theo.

Đức Phật xóa tan không khí bi thương ấy, ngài nói:

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Để còn thời gian cho Añña-Koṇḍañña trở về trú xứ.

Hôm ấy, sau khi tôn giả Koṇḍañña dùng thần thông lực trở lại Himalaya thì tôn giả Anuruddha cũng xin phép đức Phật, dẫn năm trăm vị tỳ-khưu có thần thông, như đàn chim ưng vàng, vút qua hư không có mặt ngay tức khắc tại hồ mẹ Mandākinī.

Trên một tảng đá cạnh bờ hồ, tôn giả Koṇḍañña tọa thiền, lên xuống các định như thông lệ của chư vị A-la-hán, lên lại tứ thiền rồi chấm dứt thọ hành, đi vào vĩnh cửu. Chư thiên, thọ thần, muông thú khóc lóc thảm thiết. Khi nhục thân được hỏa táng, ai ai cũng lạ lùng, chiêm ngưỡng một đàn voi quỳ xung quanh lặng lẽ, con nào cũng đội hoa, trái quả hoặc cây lá lên đầu. Thiên tử Nāgadatta hóa hiện thành thân người, dẫn đầu một đoàn thiên chúng đến bên nhục thân, ai cũng cung kính chấp tay vái chào, sau đó, đặt vào giàn hỏa một lõi trầm hương của cõi trời, thơm đến tận mây xanh! Năm trăm vị tỳ-khưu âm giọng như sóng biển tụng đọc kệ vô thường, vô ngã.

Trong lúc ấy thì tại Vương Xá, đức vua Bimbisāra cùng các phú hộ, gia chủ cư sĩ hay tin hùn nhau, cấp tốc làm một

ngôi bảo tháp bằng bạc ở bên sau Trúc Lâm tịnh xá. Khi xá-lợi được tôn giả Anuruddha cùng năm trăm tỳ-khưu gói trong tấm vải lọc nước mang về, đức vua Bimbisāra dâng cúng một bình nhỏ bằng vàng. Đến ngày, chính đức Phật tận tay đặt bình vàng đựng xá-lợi vào trong bảo tháp[1], tôn trí ở đấy để hai hàng cư sĩ trầm hoa lễ bái, phụng thờ.

[1] Thế kỷ thứ sáu, sau Tây lịch, ngài Buddhagosa có đến đây, ngài bảo là cái tháp bạc ấy vẫn còn.

Lại Ra Đi,
Đến Khu Rừng Nimba

Sau lễ tôn trí xá-lợi tôn giả Koṇḍañña vào tháp bạc, được mấy hôm, đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi và một số quan đại thần đến thăm viếng đức Thế Tôn. Cũng như đồng thời, một số đại gia chủ, trưởng giả trong kinh thành cũng tìm đến Trúc Lâm để nghe pháp, cúng dường...

Ông thần y Jīvaka Komārabhacca vừa công cán từ Vesāli về, người đang còn đầy bụi đường cũng hối hả đến đảnh lễ bảo tháp, sau đó đến vấn an sức khỏe của đức Thế Tôn.

Đức Phật thuyết một vài pháp thoại khác với thường lệ, ngài nhấn mạnh về lẽ vô thường của chư pháp, cái sinh tử tất định của các loài hữu tình. Sau đó, đức Thế Tôn tán thán công đức của hai hàng cận sự về việc xây dựng bảo tháp để phụng thờ xá-lợi của chư vị A-la-hán tịch diệt.

Trong hội chúng hôm đó có người hỏi, trên thế gian này, ai là người xứng đáng được xây dựng bảo tháp? Đức Phật đã cặn kẽ nêu dẫn truyền thống chư Phật quá khứ cũng như lịch sử lâu đời của châu Diêm-phù-đề - thì chỉ có đức Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, chư vị A-la-hán và vua Chuyển luân

Thánh vương mới hội đủ công đức phước báu để thế gian xây dựng bảo tháp phụng thờ, lễ bái.

Cuối buổi pháp thoại, chợt thần y Jīvaka trình bày một việc hơi lạc đề nhưng đáng quan tâm:

- Tôn giả Aññā-Koṇḍañña hơn mười năm ẩn cư tại Himalaya, đến lúc tuổi già, thọ phần đã mãn mà trông sức khỏe, vóc dáng vẫn khang kiện, không ốm đau, bệnh tật gì, đấy là do nước ngọt trong lành, không khí trong lành, cây trái trong lành. Tại Vesāli cũng như các thành phố lớn của Vajjī, Mithilā đều không có được môi trường tốt lành như vậy! Lại nữa, lúc này đời sống vật chất tăng thịnh, do đó, chư tăng được thí chủ dâng cúng vật thực thượng vị hằng ngày. Điều này lại phát sanh vấn đề là chư tăng quá nhiều vị bị bệnh, nhiều chứng bệnh khác nhau nhưng phổ biến nhất là tháo dạ[1] và một số bệnh thuộc về khí huyết. Ngoài một số thuốc mà đệ tử sẽ chế biến để sử dụng cho chư tăng, xin đức Thế Tôn y chuẩn cho mấy điều, nhờ vậy, ngăn ngừa phần nào một số chứng bệnh tương quan phát sanh.

- Ừ, ông cứ nói!

- Quanh cốc liêu của chư tăng phải cho làm đường đi kinh hành, sạch sẽ, cao ráo, bề ngang chỉ cần một hắc tay hoặc rộng hơn một tí, bề dài chừng năm bảy đòn gánh cũng được; và nó được xem như là một thiết kế đồng bộ với cốc liêu. Có đường kinh hành này, chư vị đi lui đi tới thư giãn, hít thở, niệm tưởng hoặc an trú đề mục gì cũng được... thì loại trừ rất nhiều thứ bệnh.

- Đúng vậy! Cốc liêu của Như Lai và chư vị trưởng lão có đường kinh hành này nhưng nó chưa phổ cập đi các nơi. Rồi Như Lai sẽ nhắc nhở. Thêm một chút nữa, là nếu mùa mưa thì cho phép làm đường kinh hành có mái che!

---

[1] Ỉa chảy.

- Tâu vâng! Cái thứ hai, đệ tử thiết nghĩ là rất cần thiết nhưng không biết có thực hiện được không!

- Ông cứ nói!

- Những thành phố cổ xưa của những nền văn minh cổ, thành phố nào cũng có những nhà tắm hơi công cộng. Hiện nay chỉ còn duy trì trong các cung đình, giới quý tộc, đại phú gia, đại phú thương. Nếu được tắm hơi, không kể mùa mưa hay mùa nắng, nó sẽ loại trừ một số căn bệnh khác nữa. Đức Thế Tôn, chư vị trưởng lão tôn túc nên sử dụng phòng tắm hơi để duy trì sức khỏe vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Đức Phật nói:

- Yêu cầu này hoàn toàn đúng đắn nhưng không thể đem ra thực hiện khắp các tăng xá, trú xá được. Tại sao vậy? Tại vì nó có phù hợp với đời sống một bát, ba y, tri túc và dị giản của chư tỳ-khưu không, hở Jīvaka? Rồi ngay những nhóm đệ tử của Mahā Kassapa, của ba anh em ông Kassapa thọ trì đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, họ sẽ nghĩ như thế nào về đời sống chư tăng tại các đại tịnh xá lại có nhà tắm hơi, này Jīvaka, ông hãy nói đi!

Jīvaka cúi đầu:

- Tâu, quả thật vậy!

Chợt, đức Phật lại mỉm cười:

- Tuy nhiên, này Jīvaka! Một vài nơi ở đâu đó, có thể thiết kế phòng tắm hơi bên cạnh bệnh xá để dành cho bệnh nhân thì có thể được.

Việc trở nên dễ dàng là hội chúng thính pháp hôm đó ai cũng sẵn lòng cúng dường tài vật nên tại Rājagaha, tất thảy mọi cốc liêu của tăng ni đều có đường kinh hành và nơi nào có bệnh xá thì nơi ấy có phòng tắm hơi.

Thấy đã xong việc, đức Phật và một hội chúng năm trăm tỳ-khưu lại lên đường hành hóa. Lần này, tỳ-khưu Meghiya,

thuộc dòng Sakyā, có vẻ có ý tứ, ngăn nắp, cẩn thận được chư vị trưởng lão đề cử làm thị giả cho đức Phật. Chư trưởng lão tôn túc có đệ tử bên mình và khắp các nơi cũng cất cánh thiên di. Chư tỳ-khưu chân cứng, cánh mềm cũng theo gió ta-bà mà mười phương du hóa. Rốt lại, đại tịnh xá Trúc Lâm vừa đông đúc là thế mà chỉ còn chừng năm bảy trăm vị duy trì sinh hoạt.

Đức Phật và hội chúng hướng chênh phía tây bắc, cứ phía nam sông Gaṅgā mà đi. Thấy bên cạnh đức Phật có mặt nhiều vị trưởng lão, lại có Mahā Moggallāna, Ānanda, Nanda, Rāhula, thị giả Meghiya - nên tôn giả Sāriputta xin được về thăm quê nhà cũng ở gần đây. Đức Phật mỉm cười, nhẹ gật đầu, vì ngài biết ông ta luôn tìm cách để hóa độ cha mẹ cũng như những em trai và em gái ở quê nhà.

Cứ ngày đi, đêm nghỉ, hôm kia hội chúng dừng chân tại một khu rừng xanh tươi mát mẻ vô cùng. Đức Phật chợt hỏi:

- Đây là nơi nào? Chỗ này Như Lai chưa hề đi qua một lần nào!

- Khu rừng này tên là Naḷeru! Một vị tỳ-khưu người quê ở gần đây rành rẽ nói - Vì toàn là cây Pucimanda nên còn được gọi là Naḷerupucimanda; dân địa phương thì gọi nôm na là cây nimba[1], nó xanh tốt quanh năm, lá nó đắng chát, thân gỗ thì cứng như sắt nguội, bạch đức Thế Tôn!

Thấy đức Phật đưa mắt ngắm nhìn toàn cảnh khu rừng, biết ý, vị tỳ-khưu kia nói tiếp:

- Quanh đây đều là những thôn làng trù phú. Sầm uất nhất là thị trấn Verañjā. Vậy hội chúng năm trăm vị có thể an cư mùa mưa ở đây mà không ngại thiếu thốn, bạch đức Thế Tôn!

Thấy đức Phật vẫn im lặng như đang trú định, vị tỳ-khưu kia cứ hồn nhiên, vui vẻ nói:

---

[1] Rất gần giống với cây "sầu đông?"

- Rừng này là chỗ cuối cùng của biên giới nước Māgadha, trước mắt, qua con sông kia đã là lãnh thổ của Kāsi, có thể đạp lên Soreyya, Saṅkassa... Bên trái chúng ta, đi mãi sẽ tới Payāgatittha có đoạn sông rất cạn có thể lội qua - và bên kia đã là Bārāṇasī rồi. Đức Thế Tôn tùy nghi đi phương nào cũng được.

Đức Phật gật đầu:

- Giáo pháp của Như Lai có nhân, có duyên với mọi người ở vùng nầy! Vậy, này Mahā Moggallāna! Ông hãy thông báo cho toàn thể tăng chúng biết ý định của Như Lai là như vậy. Chúng ta sẽ dừng chân ở đây một thời gian.

Chợt đức Phật yên lặng, nhắm mắt một lát rồi nhìn ra xa, tự nghĩ:

"- Kể từ thời đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara) đến đức Phật Phussa là mười tám đức Chánh Đẳng Giác. Kể từ thời của ta đến đức Phật Phussa tuy chỉ bảy vị Phật nhưng phải trải qua thời gian lâu xa đến chín mươi hai đại kiếp. Thuở ấy, ta là một chàng trai thanh niên thường hay giao du với bạn bè xấu ác; khi thấy đức Phật Phussa được các giới cấp quyền quý dâng cúng vật thực thượng vị, đã khởi tâm không tốt, nhiếc mắng rằng: 'Mấy ông thầy tu nầy xứng đáng ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép, không xứng đáng ăn gạo sāli trong ngần quý báu như thế!'

Ôi! Chỉ với cái ác kiến ấy thôi mà ta đã phải nhận chịu biết bao khổ nghiệp. Nay ta đã chấm dứt lậu hoặc, kiết sử rồi, nhưng xem chừng phải ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép trong thời gian ở khu rừng cây nimba này là nghiệp còn dư sót đó! Chuyện xưa ấy, nhân và duyên ấy chưa nên nói rõ cho đại chúng biết vội".

Quả Là Vô Vị,
Vô Ích, Vô Dụng!

Sớm hôm sau, đức Phật và hội chúng rời khu rừng, phân bố rải rác trong thị trấn Verañjā và các thôn làng để trì bình khất thực. Vào buổi chiều, chư tăng phụ nhau tìm cách che chắn chỗ ở cho đức Phật dưới cội cây nimba hùng vĩ nhất; và riêng mỗi vị cùng kiếm tìm trú xứ rải rác trong rừng cây; sau đó, quét dọn sạch sẽ chỗ tĩnh cư và các lối đi kinh hành. Một số vị lại đi tìm những mương, khe, suối nước. Tuy nhiên, chỉ buổi chiều thứ hai, thứ ba, nhân dân lao động trong vùng hay biết, họ đã tự nguyện mang rựa rìu, cuốc xẻng tìm đến phụ giúp việc này, việc kia. Thế là những nơi vệ sinh tiêu tiểu được hình thành. Họ còn biếu tặng một số lu ghè đựng nước. Do ngại sắp đến mùa mưa, nhân dân còn đi sâu trong rừng kiếm cây, kiếm lá để làm những tấm che lợp ngăn mưa...

Thị giả Meghiya và Rāhula ngày nào cũng sửa sang, chăm lo chỗ này chỗ kia chung quanh cội đại thụ nimba cho tươm tất, sạch đẹp, là chỗ đức Thế Tôn nghỉ, tọa thiền hoặc kinh hành.

Tuy nhiên, nhìn chung, "tiện nghi" trong rừng như vậy là tốt nhất rồi. Và đời sống ấy quả thật là đơn giản như hươu

nai trong rừng, chẳng phiền ai mà cũng chẳng có ai làm phiền họ.

Chỉ vài ba hôm, cả một vùng dân cư, nhất là giới bà-la-môn gia chủ đã xôn xao, bàn tán về sự có mặt của đức Phật và chư đệ tử của ngài. Dân chúng thì hân hoan đặt bát cúng dường còn giới bà-la-môn thì nghi kỵ, lắng nghe, thăm dò.

- Có phải sa-môn Gotama là một vị Phật, một vị đại A-la-hán thật sự chăng?

- Nghe nói ông ta vô lễ, ngã mạn lắm! Ông ta chẳng thèm thưa gởi, chào hỏi bất cứ ai, chứ đừng nói đứng dậy, tiếp rước...

- Nghe nói giáo pháp của vị ấy đi ngược với sự sống, với chủ thuyết bất hành động gì đó, chưa biết hư thực ra sao!

Bà-la-môn Udaya[1] là một gia chủ giàu có, học thức và uy tín tại thị trấn Verañjā, ghi nhận tất thảy sự bàn tán của mọi người, và ông quyết một lần gặp mặt. Hôm kia, thu xếp xong công việc, ông cùng với một số thân hữu và gia nhân lên xe đến khu rừng cây nimba để diện kiến đức Thế Tôn.

Sau khi chào hỏi xã giao, tìm ngồi nơi phải lẽ, bà-la-môn Udaya vào đề ngay:

- Thưa sa-môn Gotama! Người ta đồn đãi sao thì đúng vậy. Quả là sa-môn Gotama không thèm đứng dậy, không thèm mời chỗ ngồi cao hơn, không thèm mở lời cung đón, tiếp rước những bà-la-môn trưởng thượng, niên cao vào hàng cha chú. Và khi tôi tới đây, sự thực sao thì nó đúng như thế, chẳng phải ngoa truyền, chẳng phải hư truyền.

Đức Phật gật đầu:

- Này Udaya-Verañjā! Không phải chỉ có một Như Lai mà chư Phật ba đời đều như thế. Tất thảy chư Phật ba đời

[1] Tên vị bà-la-môn này ở tại thị trấn Verañjā - nên kinh sách thường gọi là bà-la-môn Verañjā.

đều không đứng dậy, không mời chỗ ngồi cao hơn, không mở lời cung đón, tiếp rước bất cứ ai trong tam giới.

- Tại sao vậy, thưa sa-môn Gotama?

- Vì tất thảy chư thiên, nhân loại, sa-môn, bà-la-môn, ma vương, phạm thiên, chẳng có ai có được một phần mười sáu giới đức, định đức, tuệ đức so với chư Chánh Đẳng Giác, này bà-la-môn gia chủ!

Nhìn khuôn mặt sáng rỡ như mặt trời, mặt trăng, ngôn ngữ trôi chảy lưu loát, tự tin của đức Phật toát ra một từ lực thu hút bất khả cưỡng, bà-la-môn Udaya rùng mình và chợt cảm thấy như nhỏ bé quá trước con người kỳ lạ này.

Im lặng một lát, ông hỏi tiếp:

- Người ta nói rằng, sa-môn Gotama là một con người "vô vị", điều ấy phải được hiểu như thế nào?

- Người ta nói không sai đâu, này gia chủ! Đức Phật mỉm cười - Những "cái vị" của sắc, thanh, hương, vị, xúc, Như Lai đã chặt đứt như thân cây thốt nốt cụt ngọn, không còn cái vị nào có thể nẩy mầm, nứt chồi được. Vậy, "vô vị" là đúng! Họ muốn chê trách Như Lai nhưng hóa ra là khen ngợi Như Lai đó, này gia chủ!

- Người ta còn nói sa-môn Gotama không đoàn kết, không thân thiện (sāmaggiya-rasa) với ai hết; nói cách khác, giáo pháp ấy không có vị đoàn kết, không có vị thân thiện nữa?

- Cũng đúng thôi, này gia chủ! Giáo pháp của Như Lai không đoàn kết, không thân thiện với vô minh, tà kiến; không đoàn kết, không thân thiện với hận tâm, với sân tâm, với dục tâm, với hại tâm cùng hằng chục tâm sở xấu ác khác!

- Người ta còn nói sa-môn Gotama chủ trương "vô ích, vô dụng" là nghĩa làm sao?

- Họ lại nói đúng nữa! Không phải Như Lai chủ trương mà do Như Lai thấy như thực. Như Lai thấy như thực rằng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc quả là vô ích, vô dụng (nibbhoga). Nếu không thấy biết như thế thì khi "thọ dụng" chúng sẽ sinh ra mê đắm, tham chấp như ruồi dính mủ mít, như chim dính bẫy nhựa thì cựa quậy, vùng vẫy thế nào cũng không thoát ra khỏi tai họa, đau khổ được, có phải vậy không, này gia chủ!

- Thưa vâng, quả thật là thế! Quả thật là cách nói của sa-môn Gotama rất mới lạ, rất ấn tượng. Thế họ còn bảo sa-môn Gotama chủ trương vô hành động (akiriyavāda) nữa? Sao vậy? Tại sao vậy? Trên cuộc đời này có hành động mới có cơm ăn áo mặc, có hành động mới có làng mạc, phố thị, kinh đô... mới có nhân sinh và xã hội...?

- Ừ! Như Lai có nói "không hành động" nhưng nguyên văn như thế này: Thân không làm (akiriya) ác, khẩu không làm ác, ý không làm ác, đơn giản thế thôi! Rồi khi một vị giải thoát trọn vẹn mọi phiền não, tâm vị ấy không còn lăng xăng tạo tác nữa thì được gọi là "vô hành" này gia chủ!

Những câu hỏi sau đó của bà-la-môn gia chủ về tiêu diệt, cắt đứt (uccheda), về ghê tởm, chán ghét (jegucchī), về triệt tiêu, đoạn tận (venayika), về đốt cháy, thiêu hủy (tapassī)[1], về không tái sanh, vô sanh (apagabbha)... đều được đức Phật tuần tự trình bày, giải thích chu đáo tương tợ như thế. Ví dụ: Tiêu diệt, cắt đứt tham sân si; ghê tởm, chán ghét mọi ác niệm, bất thiện pháp; triệt tiêu, đoạn tận mọi lậu hoặc, kiết sử; đốt cháy, thiêu hủy mọi ưu bi, phiền não; không còn sanh trở lại những cảnh giới luân hồi, đau khổ nữa...

Trước mắt người bà-la-môn gia chủ, như một màn mây đen vô tận được vén mở; giáo pháp thoát khổ, tiêu diệt khổ

[1] Nghĩa chính: Nhiệt tình trong đời sống khổ hạnh; sa-môn, đạo sĩ ẩn dật...

đau, phiền não đã được đức Phật làm cho quang rạng, thông tỏ; mọi nghi nan, ngờ vực, mọi đơm đặt, thêu dệt, bóp méo, xuyên tạc qua cửa tai, cửa miệng của mọi người không còn lý do tồn tại. Ông như được thoát xác, đổi mới. Ông quỳ sụp xuống cạnh bàn chân đức Phật như thân cây đổ.

Sau đó, ông xin được nương tựa Tam Bảo, làm một cận sự nam cho đến trọn đời rồi thỉnh đức Phật và tăng chúng an cư mùa mưa ở đây.

Nạn Đói Tại Verañjā

Mấy hôm sau thì tôn giả Sāriputta từ làng Nālaka trở lại. Đức Phật ân cần hỏi thăm tình hình gia đình, và được biết rằng, bà-la-môn Vaṅganta và phu nhân của ông là bà Rūpasārī vẫn bất động, không lay chuyển tín ngưỡng của mình. Tuy nhiên, tôn giả Sāriputta cũng có một thành công nhỏ là thuyết phục được các em, trai và gái, và ai cũng hứa, lúc thuận tiện, đủ duyên sẽ noi gương theo người anh trai tôn kính.

Mùa an cư diễn ra bình thường. Lâu lâu, đức Phật thuyết một thời pháp. Các buổi khác thì hai vị đại đệ tử thay phiên nhau giảng giải kệ ngôn, phân tích câu cú, ngữ nghĩa cho sáng tỏ để học chúng dễ tiếp cận, thấy pháp mà tu tập.

Được một tháng thì vật thực bắt đầu khó khăn do dịch bệnh và đói kém hoành hành. Bình bát của ai trở về cũng chỉ có vài củ sắn khoai đã mốc, teo tóp, cơm tấm siu, chua, gạo lứt còn lẫn vỏ, đôi khi chỉ là những hạt lúa lép. Trận đói lớn xẩy ra cả một vùng lớn rộng. Chính quyền phải mở kho, cứu đói cho dân nhưng cũng không thấm vào đâu. Đến lúc, họ phải phát cho dân những tấm thẻ để phân phối vật thực một cách chừng mực thì Đức Phật và chư tăng năm trăm vị lâm vào tình cảnh tồi tệ chưa từng có.

Ông bà-la-môn Udaya-Verañjā mời thỉnh an cư cũng không thấy trở lại, cũng chưa hề hộ độ được một bữa nào! Nghe nói, khi về nhà, đột ngột nhận được một chuyến làm ăn xa, khi đi, ông quên bẵng lời hứa của mình, cũng không kịp dặn lại vợ con và gia nhân.

Một số chư sư tuy chưa ta thán gì nhưng đã có tiếng thở vô thở ra, thở dài, thở ngắn. Những bước chân đi và về dường như đã không còn hơi sức. Ai cũng ốm, gầy trông thấy. Mấy hôm sau nữa thì ai cũng đói vàng mắt. Nhiều vị gan lì chỉ uống nước và hít thở khí trời, đặt hết thì giờ vào thiền định để qua cơn đói.

Bữa nào, hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda, Rāhula, thị giả Meghiya... cũng tìm cách chăm lo bữa ăn cho đức Phật. Mà nào có gì? Một chiếc bánh chapati cũng không có. Một vá cơm hẩm cũng không có. Nếu là gạo lứt lẫn với thóc lép, họ để vào bát đá, đâm nhuyễn, thật nhuyễn, trộn nước rồi lọc nước ấy dâng cho đức Phật uống. Cũng qua được mấy ngày. Nhiều vị xin đức Phật di chuyển xa về phương nam, có nhiều thị trấn khá hơn, nhưng đức Phật mỉm cười, nói rằng:

- Đói thì có đói nhưng sẽ không có ai chết đâu, Như Lai biết rõ như vậy. Có đói chúng ta mới cảm thông với mọi người, với chúng sanh, mới biết rõ khi đói, người ta có thể làm tất cả những việc xấu ác trên đời, miễn là có cái gì đó đưa vào bụng! Cái quý nhất, cái bài học quý báu nhất của chúng ta, là tuy bụng đói nhưng tâm ta vẫn thanh tịnh, yên ổn, không có ác niệm nào khởi sanh lên được. Hãy dùng thiền định để nhiếp phục nó.

Được thêm mấy ngày nữa, tôn giả Mahā Moggallāna đến quỳ bên chân đức Phật, tâu rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Chư tăng, nhiều vị đã không thể chịu đựng được nữa rồi. Dân chúng cũng vậy. Đệ tử có khả năng, tay trái bốc chư tăng và mọi người, tay phải lật sâu

khoảnh đất này lên, bên dưới có rất nhiều chất dinh dưỡng, có thể cứu đói cho chư tăng cùng mọi người trong vùng.

- Không nên đâu, này Moggallāna! Cái gì cũng có nhân, duyên và quả của nó. Lật đất lên thì biết bao nhiêu sinh vật bị chết, ông biết rõ mà! Lại nữa, cả khoảnh rừng cây này, hồ suối, mương khe này, ông có thể phục hồi toàn bộ như cũ không? Vậy, không những rất nhiều sinh vật bị hy sinh mà một số cây cỏ cũng bị hy sinh nữa đấy!

- Hay là đức Thế Tôn cho phép một số tỳ-khưu có đầy đủ thắng trí cùng đệ tử đi trì bình khất thực tại Bắc Cu-Lu châu[1]?

- Cũng chưa cần thiết đâu, này Moggallāna!

Sau đó, hình như là pháp bắt đầu đến thử thách thêm nữa, vì chư tăng không những bị đói mà còn bị lạnh! Mưa dầm dề, mưa sụt sùi. Cốc liêu không có, gường không có, những tấm che thì đã lùng bùng, rách nát. Ai cũng chịu ướt, ướt rồi khô. Ngồi thiền phải tránh mưa góc này, góc khác...

Tuy vậy, khi nhìn vào sắc mặt an nhiên, bình lặng của đức Phật và chư vị trưởng lão, chư tỳ-khưu như được tiếp thêm sức mạnh để chịu đựng.

Hôm nọ, tôn giả Ānanda đi khất thực, phát giác một chuồng trại nuôi ngựa rộng lớn. Số là có một đoàn thương buôn với hàng hóa năm trăm cỗ xe từ Uttarāpatha xuống, vì trời mưa, nước sông dâng tràn bờ nên họ lập chuồng trại dừng chân ở đây mấy tháng, đợi hết mùa mưa.

Vị trưởng đoàn khách thương, khi trông thấy tướng hảo quang minh của tôn giả Ānanda, ông cứ chăm chú nhìn mãi. Sau khi đặt bát cúng dường, ngay chính vật thực của mình, ông tò mò thăm hỏi. Tôn giả Ānanda tình thật trả lời.

---

[1] Có tứ đại châu (Mahādīpā): Bắc Cu Lu châu (Uttarakuru), Tây Ngưu Hóa châu (Aparagoyāna), Đông Thắng Thần châu (Pubbavideha), Nam Thiệm Bộ châu (Jambudīpa).

Cảm thông hoàn cảnh, ông ta nói:

- Dân chúng đói nên chúng tôi cũng không dám quá đầy đủ. Do chúng tôi làm ăn, nuôi sức ngựa đường xa nên có thể nhín một phần thức ăn, một pattha[1] của ngựa. Vậy nhờ tôn giả trở về thông báo cho chư tăng hay, là chúng tôi sẽ cúng dường vào mỗi buổi sáng. Riêng đức Tôn Sư thì tôi xin được soạn một phần vật thực riêng.

Hôm ấy, phần ăn của người chủ trại dâng cúng, đức Phật chỉ dùng một ít, phần còn lại, ai cũng nhường cho Rāhula. Sau đó, hóa ra thức ăn của ngựa cũng không đến nỗi nào. Nó có gạo, các loại đậu, đường cục nhưng lúa mạch là chính[2] nên ai cũng cố gắng chế biến để dùng, tuy khó ăn nhưng lại đủ dinh dưỡng. Riêng đức Phật thì người khách thương gởi dâng thêm bơ, sữa và mật các loại...

Chư tăng ai cũng nghĩ thầm trong bụng, chắc đức Thế Tôn biết rõ chuyện này nên ngài đã không cho chư tăng dời sang phương khác. Biết rõ chuyện ngài phải ăn gạo có trấu, thóc lép; biết rõ cả chuyện chư tăng sẽ thoát đói nhờ thức ăn của ngựa.

Ai cũng học được bài học quý báu về nhẫn nại và chịu đựng, dù thân đói, khổ vẫn không ảnh hưởng đến tâm tuệ của bậc xuất gia phạm hạnh.

---

[1] Chừng bằng hai bàn tay bụm lại.

[2] Ngài Buddhaghosa giải thích rằng, lúa mạch này đã được tách vỏ trấu và đã được hấp chín.

Thỉnh Thị
Một Bộ Luật Hoàn Hảo

Tôn giả Sāriputta, sau khi ra khỏi định, giữ yên ở cận định, một ý nghĩ chợt khởi sanh, liên hệ đến sự tồn tại của giáo pháp nên ngài đã tìm đến đức Phật, quỳ bên chân, thưa rằng:

- Bạch đức Tôn Sư! Giáo pháp thoát khổ quả là có những công năng nhiệm mầu. Trong lo toan, bận rộn ta tìm được sự yên bình, thanh thản. Trong những lao xao, huyên náo ta tìm được sự định tĩnh, nghỉ ngơi. Trong sự nóng nảy của lửa tham, lửa sân ta tìm được sự mát mẻ và trong lành. Trong cơn đói thức ăn, đói vật thực ta vẫn giữ được sự an nhiên và vững chãi... Giáo pháp ấy mà tồn tại trên cuộc đời lâu xa chừng nào thì lợi lạc và an vui cho chúng sanh từng ấy. Vậy thì cho đệ tử được hỏi, giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác nào tồn tại lâu dài, và giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác nào không tồn tại lâu dài?

Với câu hỏi ấy, đức Phật cho biết là giáo pháp chư Phật, ví dụ như Vipassī, Sikhī và Vessabhū không tồn tại lâu dài, còn giáo pháp của chư Phật Kakusandha, Koṇāgamana và Kassapa thì tồn tại lâu dài.

Khi tôn giả hỏi tiếp lý do thì đức Phật xác định là đức Phật nào không giảng dạy giáo lý một cách cặn kẽ, thuận thứ, không ban hành những giới luật căn bản chi tiết và nghiêm minh (cụ túc giới) để ràng buộc chư đệ tử trong một nếp sống kỷ cương và thanh tịnh thì giáo pháp ấy sẽ sớm diệt vong. Rồi đức Phật giảng với ý rằng: Giống như một số bông hoa đặt rải rác trên tấm ván sàn, nếu chúng không được những sợi chỉ kết dính lại với nhau thì chỉ một cơn gió mạnh thổi đến là nó sẽ tung tóe, tản mác khắp các hướng. Cũng vậy là đời sống phạm hạnh, nếu không có sự kết dính, ràng buộc bởi giới luật căn bản thì giáo pháp ấy rồi cũng bị tàn tạ và sớm diệt vong y như thế.

Tôn giả Sāriputta cúi đầu ngẫm nghĩ một lát rồi thưa tiếp rằng:

- Đệ tử đã hiểu. Trong mấy năm gần đây, đức Thế Tôn có chế định một số học giới, đa phần là cách sống, cách ứng xử phải lẽ; ngoài ra cũng có chế định thêm một số học giới liên hệ tư cách, phẩm hạnh của sa-môn. Nhưng một bộ luật hoàn chỉnh, cụ thể là những giới luật căn bản thiết cốt[1] cho chư tỳ-khưu để giữ gìn họ trong nếp sống phạm hạnh thiêng liêng để duy trì giáo pháp được lâu dài vẫn chưa có. Vậy xin đức Thế Tôn hãy ban hành giới luật căn bản ấy.

Đức Phật nói:

- Ông nói đúng, này Sāriputta! Nhưng mà từ từ đã. Ông có để ý là trong những năm đầu tiên chúng ta có giới luật nào đâu? Ai cũng sống hồn nhiên và trong sáng. Ai cũng tự biết là việc này nên làm và việc kia không nên làm. Ai cũng có sẵn giới luật ở trong tâm và họ tự điều chỉnh lấy, chẳng cần phải ai nhắc nhở ai. Như nhóm các ông Koṇḍañña, nhóm các ông Yasa, nhóm ba mươi hoàng tử Kosala, nhóm

[1] Pāṭimokkha: Giới bổn của tỳ-khưu.

ba anh em ông Kassapa và sau đó là các ông và Mahā Kassapa nữa...

Và cho chí sau này, những chuyện xảy ra tại Kosambī, Jetavana, Veḷuvana do có trường hợp cụ thể phát sanh, chúng ta mới đưa ra những học giới có tính cách đối trị chứ chưa thiết lập những giới luật căn bản (Pāṭimokkha). Giới luật căn bản và đầy đủ (cụ túc) không thể hình thành trong một hai ngày mà phải trải qua năm tháng khi có những trọng tội, những ô uế phát sanh ảnh hưởng đến đời sống thiêng liêng phạm hạnh. Có giết người mới thiết chế tội để trục xuất kẻ giết người. Có trộm cắp mới thiết chế tội để trục xuất kẻ trộm cắp...

- Đệ tử hiểu!

- Ông phải để ý là lúc nào chư phàm tăng quá đông, lại không được giáo dục, tu tập một cách căn bản có hiệu quả thì lúc ấy, hoen ố sẽ phát sanh...

- Thưa vâng!

- Lúc nào chư tăng chưa đặt đúng trọng tâm, chưa hướng đến giác ngộ, giải thoát mà cố gắng thiền định, đạt các thắng trí thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thưa vâng!

- Lúc nào, chư tăng chưa đặt được bàn chân đầu tiên trên lộ trình bất tử mà mãi lo trau dồi kinh pháp cho làu thông, cho uyên bác để hy vọng được làm luật sư, kinh sư, giảng sư, pháp sư có uy tín thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thưa vâng! Lúc nào đời sống vật chất thịnh mãn thì danh vọng và lợi dưỡng lại trở thành ước mơ hoặc mục đích của một số tỳ-khưu Tăng ni thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thưa vâng!

- Lúc nào mà của cải, tài sản, y phục, vải vóc, giường nệm, tấm đắp... đa phần đều là vật trân quý nằm đầy các kho lẫm đại tịnh xá, tu viện... thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh...

- Thưa vâng!

- Hiện tại, chư tăng các nơi đã đông đúc, phàm tăng cũng rất nhiều, những hiện tượng mà Như Lai vừa kể, theo đó, có nẩy mầm, đang nẩy mầm, có phát sanh nhưng chưa trầm trọng lắm. Có thể vài ba năm tới, từng bước, từng bước, chúng ta sẽ hình thành bộ luật căn bản này. Cứ hễ một người vi phạm cụ thể chúng ta chế định một học giới. Hai người vi phạm cụ thể chúng ta chế định hai học giới ...

Ví như ông thầy thuốc, khi thấy một người bị bệnh, ông ta phải nghiên cứu, phải nhìn, quan sát, hỏi, nghe rồi xem mạch, sau đó mới bốc thuốc chẩn trị được. Bệnh này, phương này, bệnh khác, phương khác. Tùy bệnh cho thuốc. Có vết thương mới mổ xẻ, không vết thương mổ xẻ làm gì. Có bệnh mới có thuốc, không bệnh thì bốc thuốc làm gì. Pháp cũng y như vậy mà luật cũng phải y như vậy. Cứ thế, một trăm bệnh có một trăm toa thuốc, hai trăm bệnh hai trăm toa thuốc, dần dần nó sẽ toàn mãn, cụ túc - cụ túc giới là như thế đó, này con trai trưởng[1]!

Tôn giả Sāriputta được nghe đầy đủ như thế, rất lấy làm thỏa mãn, hoan hỷ; sau đó, ngài không quên kể lại toàn bộ nội dung bệnh và thuốc cho Mahā Moggallāna và Ānanda nghe. Bên cạnh có Nanda, Meghiya và Rāhula, họ cũng được tiếp thu để mở rộng kiến văn.

[1] Từ hạ thứ 12 này, là thời điểm tôn giả Sāriputta thỉnh thị đức Phật ban hành một bộ luật hoàn hảo, nhưng đến hạ thứ 20 - khi có trường hợp tỳ-khưu Sudina "liên hệ" với người vợ cũ - giới bất cộng trụ lần đầu tiên mới được ban hành, cũng là thời điểm để các nhà chú giải giới thiệu về tạng Luật.

Chuyện Chim Cút,
Chuyện Khỉ Vượn

Hết mùa mưa, những con chim trong khu rừng này chuẩn bị cất cánh tung bay thì gia chủ thương buôn Udaya phương xa trở về. Ông vô cùng hối hận không cung cấp, hộ độ vật thực như lời thỉnh cầu, để cho đức Phật và tăng chúng bị đói suốt mấy tháng qua.

Thấy đức Phật và Tăng chúng ai cũng an nhiên và thanh thản không trách cứ ông lấy một câu, ông mới cảm thấy rõ ràng, giáo pháp thoát khổ đã lặn sâu vào trong những con người kỳ diệu này. Nó còn tỏa ra nơi dung sắc, nơi thái độ, nơi cử chỉ khiến cho không gian môi trường, chỗ họ sống, ở, nơi nào cũng ấm áp, mát mẻ và thanh bình.

Ông chảy nước mắt khi quan sát đức Phật và tăng chúng sống qua suốt mùa mưa ở dưới những cội cây không có cả một tiện nghi tối thiểu! Những bài pháp chân thực và sống động đang diễn ra trước mắt khiến ông quỳ sụp xuống, đảnh lễ và xin sám hối một lượt nữa. Sau đó, ông trân trọng thỉnh mời đức Phật và hội chúng đến tại tư gia để ông được đặt bát cúng dường vào ngày mai.

Đức Phật im lặng nhận lời. Đêm lưu trú cuối cùng ở đây, đức Phật giảng nói cho chư tăng nghe, là chư Phật quá khứ

thường cho làm những cuộc lễ trước khi vào mùa an cư và sau khi hết mùa an cư. Nay vì một bộ luật đầy đủ chưa hình thành, vì nó sẽ từ từ hình thành trên lộ trình du hóa, nên chư tăng chỉ cần ngồi chồm hổm bên nhau, từng hai vị một để sám hối những tội mà mình đã vi phạm do thân khẩu ý bất tịnh, do cố ý hay do vô tình. Vị nhỏ hạ sám hối với người cao hạ và ngược lại, giống như mỗi tháng hai kỳ tại các tịnh xá.

Hôm sau, ông bà-la-môn Udaya-Verañjā và gia đình tổ chức một buổi cúng dường trọng thể với vật thực thượng vị trân quý. Hai vị đại đệ tử nhắc chừng mọi người nên thọ dụng chừng mực, vừa phải vì dễ sinh tháo dạ hoặc bội thực vì vừa trải qua nhiều tháng "bụng không ruột trống"!

Thấy ai nấy thọ thực đã xong, ông bà-la-môn quỳ xuống dâng cúng đức Phật một bộ tam y quý giá và chư tăng năm trăm vị là năm trăm bộ y như thế. Đức Phật thuyết một thời pháp khích lệ, trấn an, tăng trưởng đức tin cho toàn thể mọi người trong gia đình rồi cùng với hội chúng lên đường.

Lần này đức Phật đi chậm hơn, như đi để thư giãn, nghỉ ngơi vì ai cũng đeo mang thêm một bộ y mới, nặng và vì vừa ăn no. Thấy thị giả Meghiya ôm mang đồ đạc khá nhiều, tôn giả Ānanda sớt bớt cho ông ta một ít.

Đức Phật không trở lại khu rừng cũ mà theo bờ Bắc con sông, đi mãi, đi mãi. Nhờ sau mùa mưa, đất trời mát mẻ, đức Phật và hội chúng như vừa đi vừa du ngoạn. Lộ trình có vẻ xa xôi này, đức Phật không ghé Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja[1] mà tại bến Payāgatittha, ngài qua sông Gaṅgā rồi xuống Bārāṇasī.

Trên đường đi hoặc tại những chỗ dừng chân, đức Phật thường có một số pháp thoại tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng chư tỳ-khưu trẻ. Ví như hôm ấy, lúc đi qua một đám

[1] Theo ngài Huyền Tráng - từ Saṅkassa đến Kaṇṇakujja dài khoảng 200 dặm.

đất mới cày, thấy có mấy con chim cun cút nô đùa, rượt đuổi nhau, đức Phật quay sang hỏi Rāhula:

- Này Rāhula! Mấy con chim cun cút kia trông có vẻ bình yên, thoải mái quá nhỉ?

- Tâu vâng!

- Tại sao chúng có được sự bình yên và thoải mái ấy, Rāhula có biết không?

- Vì đấy là quê hương, là trú xứ của gia đình chúng, bạch đức Thế Tôn!

- Là trú xứ của chúng! Hay lắm! Đức Phật khen ngợi như thế rồi nói tiếp - Rāhula biết không? Thuở xưa, ở ngọn đồi trước mặt, có một con cun cút bị một con chim ưng cái vồ bắt, nó than khóc như sau: "Ôi! Thật là đau xót cho tôi, là bất hạnh cho tôi, khi tôi đã không biết nghe lời cha khuyên, mẹ dạy! Nếu tôi mà nghe lời cha mẹ dạy bảo thì bà làm sao mà chụp bắt tôi được?" Chim ưng cái nghe vậy, ngạc nhiên hỏi: "Thế cha mẹ ngươi dạy làm sao?" Chim cút đáp:"Đừng có đi chơi xa, này con! Lúc nào cũng chỉ nên quanh quẩn nơi quê hương của mình, nơi trú xứ của mình thì suốt đời con sẽ được an toàn!" Chim ưng cái bất giác tò mò:"Vậy thì quê hương của ngươi, trú xứ của ngươi ở đâu, có thể chỉ cho ta xem với không?" Chim cút đáp:"Nơi chỗ đám đất vừa mới cày kia là chỗ an toàn của tôi đó!" Chim ưng cái nói:"Thôi được rồi! Nếu ta thả ngươi tại đám đất mới cày ấy, ngươi sẽ được an toàn chăng?" Chim cút gật đầu mạnh mẽ:"Nhất định rồi! Không những tôi sẽ được an toàn mà tôi còn có khả năng thách đấu ngang tài, ngang sức với bà nữa đó!" Nghe chọc tức, với sức vóc như thế mà đòi đánh, đòi đấm, chim ưng cái mang chim cút thả xuống đám đất mới cày:"Hãy đi, này oắt con! Lần này ta sẽ không tha mạng cho ngươi nữa đâu! Mày chạy đằng trời, ta cũng vồ chụp được!" Khi được thả ra, chim cút đứng trên một hòn đất cao, cất giọng thách thức: "Này bà! Có gan thì hãy đến đây! Hãy

chiến đấu với ta!" Tức giận tràn hông, chim ưng cái lấy tất cả sức mạnh bình sinh, xếp xuôi đôi cánh rồi lao vút xuống mô đất. Trong lúc ấy, con chim cút khôn ngoan đã vội lẻn xuống, núp sâu dưới một khe đất. Thế là do sức lao quá mạnh, chim ưng cái va phải hòn đất cứng, bị bể ngực và chết liền tại chỗ!

Kể chuyện xong, đức Phật ngồi nghỉ dưới một cội cây rồi kết luận:

- Này chư tỳ-khưu! Con chim cun cút vì đi ra khỏi phạm vi giới hạn của mình, không phải là chỗ của mình, là chỗ của người khác, không phải là hành xứ của mình, trú xứ của mình nên sẽ gặp nhiều hiểm nguy, bất trắc. Chính đám đất cày mới là quê hương, là ngôi nhà cha mẹ, là trú xứ an toàn của con chim cun cút.

Cũng vậy, nơi chỗ không an toàn, nơi chỗ nhiều bất trắc, hiểm nguy của những tỳ-khưu sống trong giáo pháp của Như Lai chính là phố thị, làng mạc, thôn ấp, chợ búa, nơi có những sắc tướng, những âm thanh, những mùi vị... hấp dẫn, mê ly, khả ái, khả lạc... Chỗ ấy là mồ chôn tỳ-khưu, là vực thẳm của tỳ-khưu, là nguyên nhân khổ thú, đọa xứ của tỳ-khưu! Vậy hãy trở về núp trốn nơi trú xứ của mình, quê hương của mình, ngôi nhà cha mẹ của mình. Ấy là tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác. Ấy là tứ niệm xứ, là quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp, này chư tỳ-khưu!

Bài thuyết giáo của đức Phật gây những xúc động cực mạnh. Chợt nhiên, ai cũng có cảm giác là mình phải sống đời thu thúc, gìn giữ thân khẩu ý nhiều hơn nữa, đừng lỡ dại rong chơi vào nhưng nơi chốn không phải là của mình.

Chưa thôi, khi dừng chân tại một ngôi rừng có nhiều khỉ vượn, có bóng dáng, dấu tích của người thợ săn qua lại, đức Phật lại kể chuyện khác:

- Này chư tỳ-khưu! Có một loại bẫy sắt cột chặt vào gốc cây, bên trong, thợ săn đặt những mồi ăn thơm ngon cùng

một loại nhựa đặc chế để bẫy khỉ vượn. Chú khỉ, vượn nào khôn ngoan, ít tham ăn, thì nó đứng quan sát một hồi, thấy có vẻ hiểm nguy thì nó tránh xa. Còn chú vượn khỉ nào ngu si, tham ăn, thấy thức ăn ngon là thò tay vào chụp, thì bàn tay liền bị dính vào đấy. Nó nghĩ:"Ta sẽ gỡ bàn tay ra". Thế là bàn tay thứ hai bị dính luôn."Ta sẽ gỡ cả hai bàn tay". Nó giơ bàn chân vào nắm lấy, thế là cái chân cũng bị dính. Nó lấy bàn chân còn lại để gỡ thì cái chân kia cũng bị dính luôn. Cuối cùng, nó dùng miệng thì cái miệng nó cũng cùng chung số phận...

Này chư tỳ-khưu! Thế là chú khỉ, vượn ngu si, tham ăn kia bị dính một lúc năm chỗ, rơi vào bất hạnh, rơi vào thống khổ, nằm thành một đống, một cục, giao phó sanh mạng mình cho thợ săn muốn làm gì đó thì làm. Nó rên rỉ, nó than khóc, nó hối hận mình đã si mê, ngu dại tham ăn nhưng đã muộn rồi! Người thợ săn lấy dây túm buộc nó, mang về nhà, đâm chết nó rồi nướng nó trên đống than củi cháy lèo xèo, trở thành món ăn thích khẩu cho vợ chồng, con cái gia đình người thợ săn!

Cũng vậy, này chư tỳ-khưu! Hãy sống với trí tuệ để nhìn ngắm mọi sự, mọi vật. Hãy dè chừng những hiểm nguy, những bẫy sập đến từ thế giới sắc tướng, âm thanh... cùng những vị ngon, vị ngọt của chúng. Bao giờ cũng thấy biết như thật rằng vị ngọt là nguy hiểm, vì là nguy hiểm nên phải lìa khỏi chúng! Chớ để dính vào năm chỗ là sắc, thanh, hương, vị, xúc, vùng vẫy không được rồi nằm ở đấy thành một cục, một đống để cho ma vương túm lấy, buộc dây mang đi.

Hãy viễn ly tham. Hãy tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác. Hãy trở về nơi quê hương của mình, trú xứ của mình, nơi ngôi nhà an ổn, an toàn của cha mẹ mình, ấy là tứ niệm xứ, là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp vậy!

Người Cận Sự Nữ
Dâng Thịt Đùi

Hôm kia, đức Phật và hội chúng dừng chân ở Isipatana (Vườn Nai), thấy trú xứ này chư tăng khá đông và tăng xá, cốc liêu cũng được sửa sang lại tương đối tươm tất. Một số chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Yasa, Devadatta, Kaḷudāyi... trên đường du hóa nhiều nơi, đang có mặt ở đây, thấy đức Phật đến thăm, họ vô cùng hoan hỷ.

Trong lúc hầu chuyện với đức Thế Tôn, các vị trưởng lão cho biết, ở bên này sông Gaṇgā thì giáo pháp phát triển tốt, nhưng bên kia sông, tại Bārāṇasī ngoại giáo vẫn đang hưng thịnh. Quần chúng vẫn nghiêng nặng về cúng tế, cầu nguyện chư thần ban phúc, giải họa với những nghi lễ cổ truyền. Các giáo phái khổ hạnh cực đoan vẫn được sự tôn trọng, ngưỡng mộ của quần chúng ngu si, cuồng tín.

Đức Phật nhắc nhở chư vị trưởng lão rằng, đấy là đức tin ngàn đời đã bám sâu vào truyền thống, vào sinh hoạt tâm linh xã hội, không dễ gì một sớm, một chiều thay đổi tư duy và quan niệm sống của họ được. Điều quan trọng là chư tăng phải biết nhẫn nại, tu tập thêm bốn vô lượng tâm, ngoài ra phải có đời sống giới hạnh đoan nghiêm, thanh tịnh thì lần

hồi cũng chuyển hóa được tâm thức xã hội, ít ra, ban đầu là từ những người có trí.

Chư vị trưởng lão im lặng thọ trì lời nghiêm huấn của đức Phật và cùng đồng ý đấy là tinh thần kim chỉ nam sinh hoạt của tăng đoàn. Sau đó, trưởng lão Yasa cũng có than phiền với đức Phật về trình độ yếu kém, giới hạnh lôi thôi của một số vị tỳ-khưu sơ tu, nơi này và nơi khác làm mất đức tin của quần chúng. Tại Bārāṇasī này cũng không ngoại lệ. Rồi trưởng lão kể hầu cho đức Phật nghe một câu chuyện vừa mới xảy ra làm cho Tăng chúng bàng hoàng, giới cư sĩ xôn xao và dư luận khắp nơi đang bàn tán không có lợi cho giáo hội chút nào.

Hơn ai hết, đức Phật đã biết chuyện gì, và đó cũng là lý do mà ngài dừng chân ở đây, nhưng ngài vẫn hỏi cho có lệ:

- Ông cứ nói! Như Lai nghe đây!

- Bạch đức Thế Tôn! Tại Bārāṇasī này có gia chủ Suppiya[1], cả vợ lẫn chồng đều là bậc có trí, có đức tin vững mạnh và có tâm hộ độ chư tăng như giếng nước đầy bên ngã tư đường.

Thường thường, cả hai vợ chồng hay đến đây, thăm hỏi chư tăng, xem ai có nhu cầu gì về tứ sự, nhất là thiếu thức ăn, vật uống gì hay đau ốm gì để họ cúng dường kịp thời. Lợi dụng điều đó, có một số phàm tăng thường đưa ra những yêu cầu quá đáng theo sở thích của mình, chẳng biết đủ, chẳng biết dừng. Cách đây ba hôm, nữ cận sự Suppiyā cũng làm vậy, vào buổi chiều, đã đi bên ngoài từ cốc liêu nầy sang cốc liêu khác hỏi thăm chư tăng, ai bị bệnh, ai cần thuốc men gì, thì có một vị tỳ-khưu có nhu cầu về thịt. Ông ta nói là vì uống thuốc xổ quá liều, nên cứ đi xổ liên tục, suốt mấy ngày không còn hơi sức, không còn một chút khí

[1] Theo kinh sách ghi, chồng Suppiya và vợ Suppiyā, cùng một tên!.

lực nào nên thầy thuốc và bạn hữu bảo là phải cần cháo thịt mới lấy lại sức khỏe được.

Nữ cận sự Suppiyā đáp:

"- Thưa ngài, ngài mai đệ tử sẽ dâng cúng món thuốc trị bệnh ấy".

Về nhà, nữ cận sự Suppiyā bảo gia nhân ra chợ mua loại thịt đã được làm sẵn (pavattamaṃsaṃ). Nhưng ngày hôm ấy, thuộc ngày lễ ăn rau trái của đạo bà-la-môn nên khắp phố phường, chợ búa chẳng tìm ra được một chút thịt gì, gia nhân đành về thưa lại với nữ chủ sự thực như vậy.

Nữ cận sự Suppiyā tự nghĩ:

"- Đã hứa thì không thể sái lời. Lại là lời hứa đối với một vị tỳ-khưu thì lại càng không thể thất tín. Vả lại, nếu uống thuốc xổ đã sức cùng, lực kiệt, nếu không có cháo thịt để tẩm bổ thì cơ thể lại càng suy giảm, nguy hại tính mạng hơn nữa!"

Nghĩ thế xong, nữ cận sự Suppiyā vào phòng kín, lấy con dao hơ lửa sát trùng rồi vén xiêm, cắt một miếng thịt đùi. Với dụng cụ đâu đó đã được chuẩn bị sẵn, bà tự băng bó vết thương cho mình, trấn tĩnh cơn đau, ra ngoài, trao miếng thịt cho một nữ gia nhân thân tín:

"- Hãy tức khắc hầm cháo rồi mang đến Vườn Nai dâng cho vị tỳ-khưu bị bệnh".

Bảo thế xong, bà quay vào trong, dặn dò số gia nhân còn lại:

"- Có ai thăm hỏi, kể cả phu quân của ta, nói là ta bị ốm bệnh, đang nằm nghỉ trong phòng".

Người chồng, nam cận sự Suppiya đi công việc về, hỏi thăm vợ, vào thăm, ân cần hỏi nguyên nhân bệnh. Đối với chồng, bà thật tình kể lại, không dám giấu giếm điều gì.

Nghe xong, thay vì nổi giận, thay vì buồn rầu, ông ta cảm thán, hoan hỷ thốt lên:

"- Ôi! Thật là kỳ diệu thay! Thật là phi thường thay - về tâm, về trí, về đức tin của người bạn đời thương quý của ta! Nàng đã an trú vào giáo pháp một cách vững chắc, không lay động, hơn cả ta nữa đấy, nàng biết không? Bởi vì, ngay miếng thịt trên tấm thân ngọc ngà, ngàn vàng này mà nàng còn cắt bỏ đi được - thì những vật ngoại thân khác, có gì mà nàng không vứt bỏ được đã chứ ?"

Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Yasa nói tiếp - Sau đó, nam cận sự Suppiya hôm qua đã đến đây gặp đệ tử, có mặt chư tôn giả Vappa, Assaji... kể lại chuyện trên với tâm hân hoan không diễn tả được. Đệ tử tự nghĩ: Vợ chồng gia chủ kia thật là tuyệt vời; tâm, trí, công hạnh, đức tin gì gì cũng bất khả tỷ, bất khả tri lượng. Chúng đệ tử kính trọng họ vô cùng. Nhưng theo đệ tử, thiển kiến của đệ tử thì vị tỳ-khưu kia đã hơi quá đáng, có mấy vấn đề cần phải nghiên cứu, rà soát lại, cụ thể, là có hai điều nên được đức Thế Tôn quan tâm, giáo giới!

- Ừ, ông cứ nói! Như Lai nghe đây!

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta lúc bị bệnh đau bụng, chỉ tình thực kể chuyện lại về món cháo ăn vào là lành bệnh thuở còn tại gia cho tôn giả Moggallāna nghe. Chư thiên biết được, mách bảo thí chủ dâng cúng món cháo ấy cho tôn giả Moggallāna, nhưng tôn giả Sāriputta không chịu thọ dụng, bảo đấy là do gợi ý mà có, là tà mạng. Câu chuyện ấy là cả một tấm gương soi rạng ngời cho Tăng chúng. Vị tỳ-khưu bị bệnh kia gợi ý về món cháo thịt đã là tà mạng rồi, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, Như Lai rõ rồi! Còn điều thứ hai?

- Có lẽ, khi một vị tỳ-khưu thọ thực, phải suy luận, phải quan sát, phải để tâm xem thử thịt ấy là thịt gì... chứ chẳng lẽ nào thịt gì cũng dùng được? Câu chuyện cận sự nữ Suppiyā cắt thịt đùi của mình để nấu cháo dâng cúng cho vị

tỳ-khưu kia quả thật là xúc động đến quá nhiều người, bạch đức Tôn Sư!

- Chính xác! Như Lai sẽ để chuyện ấy vào những điều học mà chư tỳ-khưu phải thọ trì!

Câu chuyện vừa bàn xong thì nam cận sự Suppiya cũng vừa đến Vườn Nai, vui mừng đảnh lễ đức Thế Tôn, sau đó ông cung kính thỉnh mời đức Phật và chư vị trưởng lão ngày mai đến gia đình để ông được thiết lễ đặt bát cúng dường.

Hôm sau, khi đến tư gia, đức Phật ân cần thăm hỏi sức khỏe của nữ cận sự Suppiyā thì được biết, nàng đang bị sốt, còn nằm trên giường bệnh chưa ngồi dậy được.

Đức Phật mỉm cười, nói với gia chủ Suppiya:

- Không sao! Ông hãy ẵm bồng phu nhân ra đây để Như Lai thăm hỏi một chút nào!

Khi ông Suppiya ẵm bồng bà vợ quỳ trước mặt đức Phật và chư vị trưởng lão, đức Phật chú tâm nhìn lướt một vòng từ đầu đến chân thì nàng Suppiyā liền cảm thấy một nguồn khí ấm áp, tê rần chạy khắp châu thân, cuồn cuộn một năng lượng lạ lùng, chữa trị ngay vết thương và sức khỏe cũng theo đó mà hoàn toàn hồi phục. Cận sự nữ Suppiyā vùng dậy trên tay chồng, quỳ phục bên chân đức Đạo Sư, hân hoan, sung sướng thốt lên:

- Ôi! Diệu kỳ thay là ánh mắt của đức Chánh Đẳng Giác! Chỉ cái nhìn lướt qua của ngài mà vết thương của đệ tử được liền lại, cảm giác nó đã đâm da non, và toàn thể thân sắc của đệ tử như trở lại thời còn là con gái.

Ông Suppiya chăm chú nhìn vợ. Ông bán tín, bán nghi chuyện đang xảy ra trước mắt. Cô vợ của ông chợt như trẻ lại mươi tuổi, cả làn da, thân vóc, ánh mắt, nụ cười là của cô tiểu thư Suppiyā thuở còn xuân xanh!

Cả hai quỳ sụp xuống, cảm động đến không thốt nên lời. Sau đó, họ hoan hỷ, phấn chấn, tự tay sớt vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm đến đức Phật và chư vị trưởng lão.

Lúc đã thọ thực xong, bàn tay vừa rời khỏi bình bát, ông bà gia chủ Suppiya và thân quyến quỳ xuống một bên thì đức Phật với những pháp thoại đúng căn duyên, tăng trưởng niềm tin và đặt họ vững vàng bước chân theo chánh pháp rồi giã từ.

Sự kỳ diệu về ánh mắt của đức Phật, từ đó nó lan nhanh cả kinh thành Bārāṇasī, ai ai cũng lấy đó làm câu chuyện đầu môi. Họ tôn kính năng lực siêu phàm của đức Chánh Đẳng Giác. Họ ngưỡng mộ đức tin cúng dường của nữ cận sự Suppiyā.

Đức Phật còn ở lại Isipatana mấy hôm nữa. Ngài đã la rầy vị tỳ-khưu xin thịt, nhưng vì lý do lần đầu phạm tội nên chỉ giáo giới và khiển trách là chính.

Đức Phật còn cặn kẽ bảo chư vị trưởng lão nên phổ biến điều học là vị tỳ-khưu khi thọ dụng phải để tâm quan sát xem thử đấy là thịt gì, dù nó đã thuộc tam tịnh nhục để tránh phải thọ dụng thịt người! Ngoài ra, đức Phật cũng chế định loại thịt gì không được dùng dựa theo tình cảm xã hội hoặc phong tục, truyền thống...

Và tóm tắt những chế định ấy là như sau:

- Thọ dụng thịt người như trường hợp vừa xảy ra thì phạm trọng tội (thullaccaya).

- Thọ dụng thịt mà không quán xét thì phạm tội tác ác (dukkaṭa).

- Thọ dụng thịt voi, thịt ngựa, thịt rắn, thịt chó, thịt sư tử, thịt cọp, thịt beo, thịt gấu, thịt chó sói... đều phạm tội tác ác (dukkaṭa)...

Đức Phật chỉ chế định chừng ấy rồi lại cùng với hội chúng lên đường...

Sự Tích
Cõi Trời Ba Mươi Ba

Rời Bārāṇasī, đức Phật lại nhắm hướng Đông, theo một lộ trình mới, lần hồi, qua sông Gaṇgā lên Vesāli, đến rừng Đại Lâm, trú tại Trùng Các giảng đường.

Lúc ấy là vào thời tiết cuối xuân, đất trời còn mát mẻ, nghe đức Phật trở về, chư vị trưởng lão và chư tỳ-khưu trong vùng tìm đến đảnh lễ, vấn an sức khỏe của ngài. Rồi thời gian, nhóm này đến, nhóm kia đến, đức Phật tùy nghi thuyết pháp cũng kéo dài đến nửa tháng. Đặc biệt có vương tử Mahāli[1] và tùy tùng đến thăm viếng đức Phật cùng lễ phẩm

[1] Có tất thảy ba vị có tên Mahāli. Một, vương tử Mahāli nước Koliyā, phu nhân là công nương Suppavāsā - có con trai Sīvali, mang thai 7 năm. Hai, du sĩ Mahāli hỏi đạo đức Phật nhân chuyện tỳ-khưu Sunakkhatta. Ba, Mahāli đến thăm đức Phật đây là bạn thân của đức vua Bimbisāra, tám năm về trước, nhân Vesāli xảy ra nạn đói, dịch bệnh, ông đã đến Rājagaha cầu cứu đức Phật. Vị này vốn là một thái tử văn võ toàn tài, là bạn học của đức vua Pasenadi, bạn học với hoàng tử Bandhula nước Malla. Sau khi du học từ Takkasilā về, vì bị bệnh mắt ông chỉ xin giữ một chức quan coi thành khiêm tốn. Còn Bandhula do bất mãn triều đình, ông đã cùng với gia quyến đến ở với bạn là Pasenadi, được đức vua trọng dụng cho làm Đại nguyên soái thống lãnh quân đội, quyền hành rất lớn. Ông có bà vợ là Mallikā - trùng tên với hoàng hậu của vua Pasenadi - là đệ tử thuần thành của đức Phật (xem thêm chương tướng quân Bandhula sẽ viết sau này).

cúng dường rất trọng hậu. Vương tử Mahāli vẫn còn nhớ ân đức Phật và tăng chúng đã cứu nạn cho Vesāli tám năm về trước. Ông cũng có đức tin với chư thiên cùng những oai lực của họ, nhất là đức vua trời Sakka, nhưng không rõ đời sống, cảnh giới của họ thật sự ra sao. Nhân dịp này, Mahāli hỏi đức Phật về sự thắc mắc của mình.

Thấy hội chúng tăng ni và cư sĩ hôm ấy khá đông nên đức Phật kể lại sự tích về cõi trời Ba Mươi Ba ấy.

- Này Mahāli! Như Lai biết rõ chư thiên, biết rõ Đế Thích thiên vương [1], biết rõ nhân duyên và quả của cảnh giới ấy nữa.

Rồi câu chuyện kể của đức Phật về sự tích ấy được các nhà chú giải, các vị sư sính văn chương, chữ nghĩa, thuật lại, như sau:

Thuở ấy, thật là quá lâu xưa, khi chưa có chư Chánh Đẳng Giác ra đời, tại ngôi làng Macala [2], thành Rājagaha, nước Magadha, có chàng thanh niên tên là Magha ra đời. Vì do phước và trí sanh nên thanh niên Magha bước xuống thế gian với đầy đủ phẩm chất của một con người hiền lương, có đầu óc và có tấm lòng.

Cũng như mọi người, chàng lập gia đình, có bốn vợ, sinh con đẻ cái, siêng năng làm ăn, xây dựng cửa nhà cùng để tâm đến những công việc lợi ích chung cho nhân sinh, xã hội.

Ngôi làng Macala ấy không được yên vui, không được hạnh phúc vì đầy ác giới. Dân chúng thường hay gây gổ đánh đập nhau bằng binh khí miệng lưỡi hoặc bằng đao gậy. Sự xáo trộn, bất an trong mọi gia đình như giông bão ầm ào hoặc như lửa cháy âm ỉ không có dấu hiệu ngưng dứt.

---

[1] Đây là Đế Thích của tiền thân Phật.

[2] Pháp cú ghi là Acala, bổn sanh Kulāvaka ghi là Macala.

Nghề nghiệp của dân làng là săn bắt muông thú trong rừng và giăng lưới tôm cá ở sông hồ. Một số kẻ bất thiện vô công rỗi nghề thì bắt trộm chó gà, ăn nhậu với rượu men, rượu nấu. Khi no nê và say sưa chí tử, không có tội lỗi nào mà chúng không làm, không có xấu ác nào mà chúng không phạm.

Tiếng cười lẫn với tiếng khóc, tiếng la hét, rên rỉ lẫn tiếng kêu gào, cuồng nộ từ góc xóm này sang góc xóm khác, ngày qua ngày, đêm qua đêm.

Thanh niên Magha thấy, nghe mọi chuyện nhưng chàng tự nghĩ: " Hướng dẫn đời sống đạo đức và hiền thiện cho ngôi làng này, trong lúc này, chẳng khác gì nước đổ đầu vịt! Hãy kham nhẫn, hãy từ từ, chớ nên nóng vội! Không phải bằng nói năng, thuyết lý cho hay ho mà phải bằng những hành động cụ thể, cả vật chất lẫn tinh thần. Làm thế nào có thể cứu giúp họ, an ủi họ vào lúc mà cơ cực, lầm than, khốn khổ và nước mắt tràn đến họ như một cơn lũ lớn - lúc ấy ta hãy ra tay!"

Bắt đầu từ đấy, chàng cùng các con siêng năng và chăm chuyên hơn trong công việc làm ăn tích lũy của cải, tài sản. Tất cả mọi nghề có thể làm được mà không tổn hại đến ai, chàng đều nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng rồi đầu tư công sức. Ngoài nông vụ, đồng áng, chàng cùng các con còn làm nghề đan lát, thợ mộc, thợ hồ, thợ sơn... Rảnh rỗi, chàng cùng các con lên rừng khai thác các loại danh mộc, trầm hương rồi kết bè về bán tại các thị trấn miền xuôi. Siêng năng, cần kiệm, có đầu óc, có ý chí như thế, một thời gian không lâu, gia đình chàng tích lũy được một tài sản lớn. Khi mà mỗi gia đình trong làng, năm này sang năm khác sống trong những cái hang, cái chòi tối tăm, rách nát, hôi hám, muỗi mòng, bẩn thỉu - thì Magha đã có được một trang trại rộng lớn, nhà cửa dãy ngang, dãy dọc, kẻ ăn người ở vào ra tấp nập với kho thóc, kho bắp, kho đậu, kho vải, kho củi, các

chuồng trại trâu bò cày bừa... như gia sản của một ông tiểu triệu phú.

Thời đã đến. Ngôi làng Macala xảy ra một vụ tranh chấp, kiện tụng về quyền lợi nơi đám rừng săn thú. Chúng bị bồi thường và bị phạt vạ. Tiếp đến là nạn cháy nhà. Tiếp đến là nạn hạn hán, mất mùa. Củ sắn, củ khoai, hoa trái lặt vặt, cây lá cũng không đủ ăn. Chúng rơi vào trận đói kinh hoàng cùng với dịch bệnh lây lan tìm đến mọi nhà.

Magha từ lâu đã có dự tính, nên đã tích lũy sẵn mọi thứ dành cho mối hiểm họa này. Chàng kêu cả làng đến, phân phát lương thực, vải vóc, thuốc men... với tấm lòng yêu thương rộng mở. Rồi chàng tụ tập ba mươi chàng thanh niên trai tráng, đại diện cho ba mươi gia đình tương đối đàng hoàng nhất, giáo giới với họ rằng:

- Này các bạn, hãy nghe tôi! Tôi sẽ cứu các bạn và cả ngôi làng này qua khỏi cơn đói nghèo. Bắt đầu ngày mai, lương thực của tôi chính là lương thực của các bạn. Chúng ta hãy cùng nhau lên rừng. Tôi biết ở đâu có gỗ quý, có trầm, biết chỗ bán chúng để đổi gạo cùng các loại thực phẩm, vật dụng nhu yếu khác. Chỉ cần một chuyến đi như vậy là chúng ta đủ sức giúp đỡ mọi người. Chuyến thứ hai là các bạn có đủ lương thực dự trữ. Chuyến thứ ba là các bạn có đủ tiền bạc, vật dụng, giống má để chăm lo nông vụ. Hãy theo tôi! Hãy chiến thắng cái đói nghèo!

Như gặp được vị cứu tinh, cả dân làng đều hoan hô và tán dương gia đình Magha không tiếc lời. Ba mươi chàng thanh niên thì đang vui mừng, phấn chấn vì một tương lai sáng sủa đã bày ra trước mắt họ. Tức thì, các kho dự trữ của Magha được mở rộng, mọi dụng cụ đi rừng không những cung cấp đủ cho ba mươi người mà còn hơn thế nữa.

Thế rồi, nhờ theo lời Magha, ngôi làng Macala đã đẩy lùi được cái đói. Đã nghe được giọng nói hoan hỷ của những cụ già. Đã có đâu đó tiếng cười đùa hồn nhiên, vô tư của

tuổi thơ trên các ngõ xóm. Ba mươi chàng thanh niên rường cột của ba mươi gia đình theo chân Magha lên rừng, xuống nội, đã được Magha trình bày tóm tắt chương trình làm việc trọn năm như sau:

- Chỉ cần bốn tháng lên rừng lấy gỗ, tìm trầm, các hương liệu, mật ong, măng giang, mộc nhĩ... là chúng ta có đủ lương thực trọn năm. Bốn tháng tiếp theo chúng ta làm đầy các kho ngũ cốc và làm cho các ngôi vườn xanh tươi rau quả. Bốn tháng còn lại, những mái nhà, bệnh xá, những cầu cống, những con đường, những hầm rác... đang chờ đợi chúng ta! Này các bạn! Hãy nghe tôi! Hãy biến cái ngôi làng nghèo khổ này thành ngôi làng của cõi trời!

Thế rồi, niềm vui bốc lên mắt, chạy rần rật nơi cái tay, cái chân, nhúc nhích trên những sợi râu của các cụ già... Người ta tán dương công đức của Magha, và từ đây, họ quý trọng và kính yêu gọi chàng là "thanh niên sư trưởng", "người bạn chí thiện" hoặc "bậc thầy hiền đức". Một phong trào rầm rộ và toàn diện về chuyện làm ăn, xây dựng, canh tân, chỉnh trang làng mạc, đường sá... được bàn bạc từ đầu thôn cho đến cuối xóm. Đèn đuốc đốt thâu đêm... Niềm vui rảo khắp hang cùng, ngõ hẻm... lây lan sang các gia đình khác nên ai cũng cố gắng bắt chước, chí thú làm ăn.

Khi đủ ăn, đủ mặc, có dư dả chút ít thì một vài tệ trạng manh nha khởi lên như biếng nhác, rượu thịt, cờ bạc, trộm cắp, đánh nhau... lại diễn ra. Tuy biết nhưng Magha không nói gì vì thấy chưa đúng thời. Trong lúc này nên làm hơn là nói. Bởi vậy, chàng cùng các con luôn dẫn đầu các việc công ích xã hội. Chiếc bóng của Magha bao giờ cũng xuất hiện đầu tiên, chỗ này và chỗ kia và ra về sau cùng. Ba mươi chàng thanh niên lấy Magha làm gương soi, là ngọn đèn sáng, là con mắt tinh anh của họ. Thế rồi, các con đường trong làng lần lượt được đắp lên cao ráo với những hàng cây có hoa và tỏa bóng râm mát. Những chiếc hồ công cộng

trong xanh được thả sen, thả súng, nhởn nhơ bơi lội những con cá màu. Những chiếc cầu lót đá hoặc gỗ bắc qua những con kênh, bờ nước có liễu rủ, có bóng tre. Những bệnh xá tương đối khang trang, đẹp đẽ, đầy đủ tiện nghi, thuốc thang dành cho tất cả những người đau ốm, tật bệnh. Không còn một đống rác, những bãi phân, những vũng nước tù đọng, hôi hám. Tất cả chúng đều được chôn lấp, lấy đi, san bằng. Có những nghĩa địa lộ thiên dành cho người và thú. Mọi công trình công ích kể trên đều được làm bởi sự tự nguyện của dân làng, được quản lý, bảo vệ và chăm sóc tốt.

Biết là thời đã đến. Magha giáo giới ba mươi chàng thanh niên thiện chí của mình bằng cách đặt ra những câu hỏi:

- Này các bạn! Tại sao đầy đủ cơm ăn, áo mặc mà trong ngôi làng của chúng ta vẫn có tiếng khóc, chửi mắng và rên than?

Họ trả lời:

- Chúng không biết tuân theo lời giáo huấn của sư trưởng. Chúng tự ý lên rừng săn thú, kiếm thịt ăn nhậu say sưa rồi đánh đập, chửi mắng nhau.

- Vậy thì hữu lý không khi chúng ta đừng đi theo cái nghề sát sanh hại vật?

- Hữu lý lắm!

- Các bạn có giữ được giới ấy chăng?

- Chúng tôi giữ được, thưa sư trưởng!

Magha mỉm cười, nói tiếp:

- Từ khi xẩy ra chuyện cờ bạc, ăn nhậu - ngôi nhà của các bạn có mở rộng cửa ngõ? Có phát sanh sợ hãi khi có kẻ rình trộm với con dao?

- Chúng làm cho mọi gia đình đều sợ hãi dầu đã cửa đóng, then cài! Chúng tôi chẳng dám đi đâu khi có tiền, có bạc ở trong người.

- Vậy thì có hữu lý không, muốn giải thoát nỗi sợ hãi cho cả ngôi làng, chúng ta cố gắng giữ gìn điều học không trộm cắp?

- Hữu lý lắm!

Bằng cách như vậy, bằng sự thực cụ thể, liên hệ về nhân về quả, sự tai hại và sự lợi ích, Magha đặt năm học giới trong tâm cho ba mươi chàng trai thanh niên tiến bộ.

Tin được truyền đi, người thôn trưởng đâm ra lo sợ, tự nghĩ:

"- Trước đây, khi người dân làng này sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, nói dối, uống rượu thì ta được hoạnh phát tiền của. Nào là tiền mua rẻ hàng trộm cắp, tiền rượu, tiền phạt vạ, tiền bồi thường, tiền kiện tụng, tiền cúng tế, tiền ma chay, tiền tranh chấp của cải, tài sản, tiền giảng hòa, tiền hối lộ... Nay ông Magha giáo giới chúng, đặt năm giới cấm trong tâm của chúng, từ ba mươi gia đình sẽ lan ra bốn mươi gia đình, năm mươi gia đình... Cứ lần hồi như vậy thì ta sẽ khánh tận tài sản, lợi lộc. Vậy ta làm thôn trưởng để làm gì?"

Tức tối, hậm hực, với mưu chước, người thôn trưởng cụ bị hành lý, hối lộ quan cửa thành, đi thẳng đến cung vua xứ Magadha, tâu trình một cách gian dối, xảo quyệt như sau:

- Thưa thiên tử! Tại làng của con có một bọn cướp, chúng gồm ba mươi mốt đứa kể cả tên đầu sỏ đảng trưởng. Chúng nó phá làng, phá xóm. Chúng thiêu hủy các cuộc vui của nhân dân. Chúng làm cho các miếu, đền thờ thần đất, thần núi, thần lửa, thần mặt trời... vắng lạnh và điêu tàn. Không một bóng người trên sông. Không một bóng người trên rừng. Trống không các buổi tế lễ, hội hè, đình đám, tiệc tùng... Ôi! Quả thật là một bọn cướp đáng sợ!

Mới nghe như thế, đức vua chưa cho người điều tra sự vụ hư thực đã vội quát lên:

- Hãy đem theo lính, đao kiếm và dây, bắt trói tất cả chúng rồi dẫn đến đây!

Thế là Magha và ba mươi chàng thanh niên chí nguyện bị bắt trói xếp cánh sau lưng rồi được dẫn đến hoàng thành. Đức vua nước Magadha không điều tra, không hỏi cung mà ra lệnh đem tất cả ra pháp trường cho voi chà xử tội.

Khi nằm trên đất để nhận chịu sự hành hình oan uổng, Magha điềm đạm nói:

- Này các bạn! Hãy bình tĩnh! Nếu quả thật chúng ta bị tử nghiệp voi chà nầy, thì không ở đâu có thể trốn thoát được dù ẩn vào động thẳm, hang sâu. Nhưng nếu chúng ta không có tội thì uy lực của đức vua, sức mạnh của ngàn con voi cũng chẳng thể làm được gì chúng ta cả. Vì sao vậy? Vì do thiện pháp bảo vệ, chúng ta sẽ được an toàn!

Vậy này các bạn! Chớ có sợ hãi! Hãy hành trì giới, tâm niệm giới! Hãy khởi lòng từ với kẻ ác, với kẻ đã vu cáo ta! Hãy khởi lòng từ với đức vua thiếu sáng suốt! Hãy khởi lòng từ với đàn voi vì chúng không biết gì, lại sắp dẫm đạp chúng ta! Tâm từ ấy phải được quảng đại, sung mãn, bao trùm đồng đẳng tất cả chúng sanh, đầy tràn hư không giới. Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng! Tất cả hãy mát mẻ, vắng lặng!

Tất cả ba mươi thanh niên y lời nên trầm tĩnh, an nhiên như một rừng thiền định.

Khi đàn voi đến, chúng đứng sững lại như gặp một bức tường thành kiên cố. Chúng co rúm lông, đuôi dựng đứng lên, thối lui, rống to rồi quay lưng bỏ chạy. Đàn voi khác đến, cũng thế, không thể vượt được bức tường của tâm từ, chúng trở lui và bỏ chạy tán loạn.

Đức vua nghe báo chuyện lạ, ra hiện trường xem, tự nghĩ:"Chắc trong người bọn chúng có giấu thuốc trường sanh nên chúng đã trở nên bất tử chăng?" Bèn cho người lục soát nhưng chẳng thấy gì. Lại nghĩ: "Hay là chúng có đọc bùa chú?" nên đức vua hỏi to:

- Này bọn cướp kia! Có phải các ngươi đã âm thầm niệm chú để chống lại bản án tử hình chăng?

Magha bẩm chất thông sáng, thoáng nghe hỏi đã hiểu ra mọi sự nên chàng bình tĩnh đáp:

- Vâng, có, thưa thiên tử!

- Ấy là bùa chú gì? Đọc lên cho ta nghe thử coi?

- Thưa thiên tử! Hãy lắng nghe, tôi sẽ nói. Tôi và ba mươi chàng thanh niên này trọn đời không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống các chất say. Chúng tôi khởi lòng từ đồng đẳng đối với mình, với các sanh loại. Chúng tôi làm các thiện sự, các công ích xã hội như dựng bệnh xá, làm cầu, làm đường, đào ao hồ, các công trình vệ sinh... Tất cả đấy là bùa chú (manto) của chúng tôi, là sự bảo vệ (paritto) của chúng tôi, là sức mạnh của chúng tôi!

Đức vua ngạc nhiên quá, cặn kẽ hỏi đầu đuôi. Thế rồi tên thôn trưởng đành phải cung khai thú nhận mọi tội lỗi.

Đức vua hài lòng, mỉm cười sung sướng về việc làm tốt đẹp của những công dân lương thiện. Ông cho tịch thu gia nương điền sản của tên thôn trưởng, bắt cả toàn thể gia đình làm nô lệ suốt đời có khắc dấu lên trán. Còn Magha thì được đức vua biếu tặng cả đàn voi để làm việc công ích, cho sở hữu cả ngôi làng với quyền lực, uy tín, danh vọng được đức vua xuống chiếu bằng văn bản có triện son tươi rói.

Từ đấy, Magha và ba mươi chàng thanh niên thiện chí được tự do và an tâm để làm các công đức, công ích xã hội - được đức vua bảo vệ, tán dương cùng các khoản trợ cấp hào phóng...

Hôm kia, họ khởi tâm làm một đại hội trường rộng lớn tại khoảng đất trống gần ngã tư đường, là trung tâm của ngôi làng Macala. Họ bàn bạc rồi thống nhất ý kiến với nhau, rằng là, nữ nhân nghiệp dày dễ đem đến rối loạn và phiền

não, không nên cho đàn bà góp công góp sức vào công trình này.

Sudhammā, bà chánh thất của Magha mang một số tiền đến gặp người phụ trách tòa kiến trúc (kiến trúc sư), tha thiết, năn nỉ rằng:

- Ông hãy giúp tôi, bằng đủ mọi cách để cho tôi có cơ hội hùn góp công đức vào phước sự lớn lao nầy!

Vừa nể tình vừa thấy tội nghiệp, người thợ cả kiến trúc hứa giúp với mưu kế, là làm một cái chóp tháp nhọn bằng danh mộc, chạm trổ công phu, phơi khô, lấy vải cuộn lại rồi bảo bà Sudhammā cất giấu đi.

Khi tòa kiến trúc đại hội trường vĩ đại xây dựng xong, đến giờ đặt tháp nhọn, người thợ cả hốt hoảng la to lên:

- Chết rồi, các bạn ôi! Chúng ta đã quên một việc quan trọng!

Mọi người xôn xao:

- Cái gì vậy?

- Chúng ta quên làm cái chóp tháp nhọn, biết làm sao bây giờ?

- Ồ! Chẳng hề gì! Có thể làm gấp được mà!

- Không phải vậy! Ông ta lắc đầu - Thứ nhất là gỗ phải thuộc loại đại danh mộc, cứng như sắt nguội không bao giờ bị nứt rạn. Thứ hai là gỗ phải được phơi khô trong bóng râm vài ba tháng, nếu không đạt yêu cầu như thế thì đầu mối sẽ không ăn khớp, bị hở và nước sẽ thấm vào. Nay sắp đến ngày khánh thành rồi, lại có đức vua và triều đình tham dự, thời gian không còn kịp nữa, biết làm sao?

Thật là nan giải. Ai cũng nín lặng. Chợt người thợ cả kiến trúc chấp tay lên đầu rồi đưa ý kiến:

- Lạy chư thần gia hộ! Trong ngôi làng của chúng ta có cả hằng trăm ngôi nhà có tháp nhọn, chóp nhọn. Vậy, biết đâu một nơi nào đó có thể có sẵn hoặc còn thừa một cái chóp nhọn bằng danh mộc, đẹp, vừa vặn và in khít thì sao?

Mọi người phân tán ra khắp làng tìm kiếm. Ngạc nhiên làm sao, họ thấy bà Sudhammā có sẵn một cái chóp tháp bằng danh mộc rất đẹp, chạm trổ công phu, tinh xảo, đúng tiêu chuẩn yêu cầu. Họ hỏi mua nhưng bà không chịu bán.

Bà nghiêm trang nói:

- Tiền bạc chẳng thể nuôi sống ta từ đời này sang kiếp nọ. Vả, chồng ta công đức quá lớn, ta mà thiếu phước báu thì làm sao hy vọng gặp lại được chàng trong kiếp lai sinh? Vậy hãy cho ta hùn góp một tí công đức! Ta chẳng cần núi tiền, núi bạc của các ông! Hãy cho ta dự phần!

Thấy không thể quyết định được, vì như thế là phá vỡ kế hoạch ban đầu không cho nữ nhân tham dự dẫu đấy là bà chánh thất của sư trưởng, họ bèn đến của gặp Magha xin ý kiến chỉ đạo, nhưng vốn tôn trọng mọi người nên chàng cũng dụ dự, bất quyết.

Vị thợ cả lớn tiếng:

- Sao các bạn cố chấp thế? Chỉ phạm thiên giới mới không có nữ nhân! Các bạn đã là vị phạm thiên chưa mà làm oai, làm phách vậy? Tại sao các bạn không nhận chân sự thực rằng, nữ nhân trên đời này đã đem lại tình yêu và hạnh phúc cho các bạn? Cho chí các cõi trời, nếu không có tiên nữ thì các bạn lên đó sống với ai, vui chơi bầu bạn với ai? Không có tiên nữ thì còn đâu là sinh thú, lạc thú của cõi trời? Các bạn hãy nói đi?

Mọi người nín lặng, thừa nhận sự thực ấy nên cúi đầu ra vẻ hổ thẹn. Ông thợ cả tấn công tiếp:

- Các bạn hãy từ bỏ quan niệm sai lầm ấy đi! Hãy chấm dứt tâm phân biệt đầy kiêu căng và ngã mạn đó! Hãy lấy cái chóp nhọn để bà Sudhammā góp phần công đức kẻo không còn kịp nữa. Và theo ý tôi, chúng ta cũng nên đón nhận tất cả nữ nhân trong làng đến hùn góp công đức về các công trình phụ còn lại.

Ba mươi chàng thanh niên cũng không phải là những kẻ cố chấp, họ thầm nhận ý kiến của người thợ cả là hợp tình, hợp lý bèn xin quyết định cuối cùng của Magha. Chàng mỉm cười nói:

- Đấy là mưu chước của phu nhân tôi nhưng lại là mưu chước đáng yêu, đáng được hỷ xả và tôn trọng. Chúng ta cũng nên dang tay mở rộng cửa trời để mọi người cùng bước vào, chẳng nên phân biệt nam nữ.

Thế là nóc tháp nhọn được đặt lên, vừa vặn, khít khao, tuyệt mỹ. Nữ nhân trong làng, sau khi được mở cửa, họ đua nhau đến góp công, góp của với không khí tưng bừng, vui tươi như hội bướm mùa xuân, lúc nào tiếng ca hát, reo cười cũng vẳng lên nơi này, nơi kia của công trường...

Ông thợ cả kiến trúc đã nói rất có lý, vì từ khi có nữ nhân cùng tham dự, không khí công trình như vui tươi, sống động hẳn lên. Đàn ông con trai say mê làm việc và say mê cả những câu hát hò đối đáp với các cô thiếu nữ.

Không bao lâu sau, một quy mô cực kỳ vĩ đại được hoàn thành.

Trong đại hội trường có đầy đủ bàn ghế, chỗ ngồi cho cả ngàn người, có sân khấu rộng để tổ chức biểu diễn múa hát, các lễ hội. Nơi những hành lang rộng thoáng, cạnh lối đi và cửa sổ có thảm hoa và những ghè nước mỹ thuật. Các công trình phụ như nhà vệ sinh công cộng, nhà tắm hơi công cộng cũng tiện nghi và đẹp đẽ. Cách quãng hợp lý là những bức tường dài, dạng hình cung có gắn ô cửa vuông, cửa tròn có hoa văn, họa tiết... Những con đường tản bộ được lót sỏi trắng. Những hàng cây sāla, tre trúc, bồ-đề, dâu da... xanh tươi và mát mẻ. Xung quanh giảng đường cách những khoảng sân rộng thiết kế vườn hoa, cây cảnh là những ngôi nhà trọ dành cho bộ hành lỡ bước, trạm nghỉ chân cho khách thương. Có cả những hàng quán bán buôn đủ loại, vật thực uống ăn được bán với giá phải chăng cho mọi người. Lại có

cả những ngôi nhà nho nhỏ, xinh xinh dành cho trẻ em chơi đùa và cho cả trẻ nít chăn trâu bò, cừu dê... cạnh những con đường thông vào ngõ xóm.

Bà Sucittā, phu nhân thứ hai của Magha, hùn chung công đức một công viên mỹ lệ, có những thảm cỏ xanh biếc, những cụm quái thạch um rêu dựng nổi bật. Hằng trăm cây ăn trái, cây kiểng, cụm cây thân thảo lá vàng, lá đỏ, lá tím đan xen nhau, nhiều sắc hoa, dáng hoa lạ lùng tỏa hương thơm ngào ngạt. Không có cây nào ở đây không phải là danh hoa, danh mộc. Không có đường nét chi tiết mỹ thuật nào ở đây không bắt mắt, gợi cảm tạo sự thưởng ngoạn kỳ thú...

Bà Sunandā, phu nhân thứ ba của Magha không chịu thua, nàng chịu khó thuê người, không quản tiền bạc, của cải để làm hồ và suối. Hồ xanh thăm thẳm lấp lánh sao trời, phô thắm hoa sen, hoa súng đủ màu. Suối vờn quanh những thảm cỏ xanh biếc chỗ sâu, chỗ cạn, trong leo lẻo, đủ loại cá màu lặng lờ lui tới ngoạn mục. Những chiếc cầu đá trắng lơ thơ liễu rủ trông thơ mộng như cõi bồng tiên.

Riêng bà Sujātā, phu nhân bà thứ tư, trẻ nhất và đẹp nhất thì thường làm biếng, không đóng góp một chút công sức gì vào công trình vĩ đại nói trên. Suốt ngày quanh đi, quẩn lại nhìn ngắm sắc đẹp của mình; rồi lại đổi thay y phục, thay đổi những món trang điểm của mình. Lại còn tìm ăn món này món nọ để dưỡng nhan, để mong mình được trẻ mãi, đẹp mãi...

Với công đức, nhân tạo tác của mỗi người như vậy, lúc mệnh chung, Magha hóa sanh làm vua trời Đế Thích (Sakka), cai quản ba mươi ba tòa cung điện. Con cháu, dâu rể của Magha và mọi người trong làng, ai có công đức về những việc công ích xã hội đều được sinh làm thần dân thiên tử của cõi trời này. Ba mươi tòa cung điện cao sang, lộng lẫy, huy hoàng là phước báu dành sẵn cho ba mươi chàng thanh niên cùng thê tử của họ. Ba tòa tháp mỹ miều, tráng lệ

là phần của ba bà thiên hậu của Sakka, đấy là Sudhammā, Sucittā và Sunandā. Riêng bà thứ tư, Sujātā, do không có phước báu, chẳng đóng góp được chút ít công đức gì thì không biết lai sanh về đâu hay đọa lạc ở cảnh giới nào!

Cuộc Chiến
Với A-Tu-La Thiên

Từ đỉnh Sineru, vua trời Sakka đưa tầm mắt xa rộng nhìn thiên quốc ngọc ngà, châu báu, cao sang, mỹ lệ của mình. Ôi! Nó hiện ra như một giấc mộng tuyệt vời. Ba mươi ba tòa bảo tháp lấp lánh muôn màu, muôn sắc nhô lên giữa vùng mây ngũ sắc huyền hoặc, diệu kỳ.

Và ô kìa! Là thần dân của ngài. Chúng chư thiên nam nữ thấp thoáng, lấp lóa cánh vàng, cánh bạc, cánh hồng, cánh tía... tha thướt xiêm y bay lượn, rong chơi đây đó. Chúng trẻ trung, hồn nhiên, đẹp đẽ và tươi mát như cả một công viên hoa bướm rộn rã trong nắng xuân. Chúng ngây thơ không biết rằng, thiên quốc này vừa xảy ra một cuộc chiến tranh với bọn quỷ A-tu-la thiên. Nhưng may nhờ mưu kế sử dụng "mỹ tửu", vua trời Sakka đã dẹp xong cuộc chiến tranh ấy.

Ôi! Cái bọn A-tu-la thiên cứng đầu và ngoan cố lắm. Suốt đời chúng chỉ thích đánh nhau, đánh nhau là niềm vui của chúng. Dẫu ta tạm thời đuổi chúng đi rồi, nhưng chắc thiên quốc của ra cũng khó bề yên ổn được vì rượu trời ấy không say được lâu. Tỉnh dậy, chúng không biết là bằng cách nào ta đã quăng chúng xuống dưới biển ấy. Nếu biết, chắc chúng sẽ vô cùng tức giận. Lũ a-tu-la thiên lúc phẫn nộ

thì ghê gớm lắm, thần lực của chúng có thể đốt cháy cả cõi trời thanh bình này. Ôi! Nguyện cầu thiên pháp hộ mệnh chúng ta.

Thiên nhạc từ đâu đó dặt dìu, êm dịu vẳng lại cắt đứt dòng suy nghĩ của Đế Thích. Nó lảnh lót, réo rắt tuôn ra những giai điệu làm hoan hỷ và tươi vui lòng người. Khi những khúc nhạc trời vẳng lên thì cả không gian đều như ngưng lắng lại, một làn gió, một đám mây đi qua cũng phải bâng khuâng, xao xuyến. Và ồ! Mùi hương nào đây mà lạ lùng, mà ngất ngây, mà diệu vợi đến thế? Hôm trước, Đế Thích đã ngỡ ngàng bước vào rừng hoa mạn-thù và ngài đã sửng sốt trước vẻ đẹp trẻ trung, yêu kiều và hồn nhiên của các cô tiên nữ. Và mùi hương nào ở đây mà cũng thấm đẫm, sực nức cả hoa viên? Mùi hương kỳ diệu ấy như được tứa ra từ cây cỏ, từ xiêm y, từ những hạt sương lóng lánh trăm màu, từ những hạt bụi phấn li ti, bồng bềnh khói sương, nước mây thiên quốc.

Ôi! Thiên lạc! Dẫu cả trăm lần, vạn lần tưởng tượng cũng không hình dung ra được một phần lạc thú của cảnh giới nầy dành cho những kẻ miệt mài tinh cần với công đức. Phước báu này ta và các bạn của ta xứng đáng được hưởng. Các bà vợ của ta cũng xứng đáng được như vậy.

Trời Đế Thích chợt mỉm cười hài lòng khi thấy sự diệu kỳ của nhân quả.

Phu nhân Sudhammā cúng dường một cái tháp nhọn chạm trổ công phu thì giờ đây, cái cung điện bảo tháp của nàng được trả lại hằng ngàn cái tháp nhọn tầng tầng lớp lớp bằng thất bảo vô song. Phu nhân Sucittā kiến tạo một công viên đẹp đẽ cho mọi người du thưởng thì nàng được trả lại không biết bao nhiêu là công viên sang trọng, xinh xắn, bội phần diễm lệ hơn.

Phu nhân Sunandā dụng tâm làm hồ suối thì bây giờ không biết bao nhiêu là hồ suối tráng lệ, mỹ miều chầu

quanh cung điện. Nơi nào cũng bảy báu chói ngời. Nơi nào cũng chim hót, suối reo, hoa nở, trái chín mọng đầy cành. Rồi nào thì hoa sen, hoa súng thù thắng mà mỗi cánh hoa chứa hàng ngàn đóa hoa mà hương sắc thì không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ thế gian. Rồi nào là từng lớp sóng bảy màu lấp lánh những hạt cuội bảy màu. Những lan can, chuông gió, đàn đá, ghế ngồi, nhạc trời... ở đâu cũng gặp, ở đâu cũng tự hiện ra khi muốn dừng chân uống trà, uống rượu...

Thế còn phu nhân Sujātā, giờ ở đâu? Nàng thác sanh vào cõi nào? Than ôi! Vì giới, thí, tuệ của nàng không đồng đẳng, vốn bị khiếm khuyết nên chẳng thể hóa sanh lên đây để thọ hưởng phước báu thiên lạc. Vậy lúc nào thuận duyên, ta sẽ dùng oai lực của một thiên chủ tối cao để tìm kiếm, nhắc nhở nàng tu tập công đức ngõ hầu lai sanh tái ngộ.

Đế Thích ngước mắt lên từ vùng suy tưởng. Một bóng mây lướt nhanh từ phương đông, hiện hình một vị thiên nam trang sức như một chiến sĩ, sáng ngời vũ khí xuất hiện.

- Tâu thiên chủ! Chúng lại đến!

- Ai? Cái gì?

- Thưa, là đội quân của A-tu-la vương, có lẽ chúng lên để phục thù. Hiện chúng như bầy kiến đang từ lưng chừng núi bò lên. Chúng còn xuất hiện ở mặt biển phía Đông, phía Nam, khí thế sôi sục, bừng bừng như vừa uống rượu trời...

- Sao nữa? Bình tĩnh lại! Cứ từ từ mà thuật lại.

- Thưa! Ôi! Lửa, khói, những binh khí có răng cưa, có móc nhọn, có những vòng, những khoen, những trục nằm ngang, nằm giữa... Chúng đang giương cao vũ khí, rầm rộ, khí thế bạt sơn, xẻ núi... Kinh khiếp! Thật kinh khiếp! Xin thiên chủ hãy ban thiên lệnh!

Không lay động như đỉnh Sineru, không lay động như Ba Mươi Ba tòa bảo tháp, Đế Thích nhìn vẻ hốt hoảng của vị thiên nam, là chiến sĩ trưởng của ngài. Ôi! Đấy là dũng

lực của một chiến sĩ trưởng ư? Nhưng biết làm sao được, chúng không quen đánh nhau. Chúng chỉ ưa trang điểm hoa hòe, hoa sói đủ loại diêm dúa trên người để du hí với các nàng phấn hồng tiên nữ mà thôi. Chúng chỉ quen hội hè, tiệc tùng, đàn ca, xướng hát. Nay đánh cờ núi tây, mai khiêu vũ biển bắc! Họ đẹp và trẻ trung, thanh xuân của những chàng trai, cô gái mười sáu tuổi, suốt đời không ốm bệnh, già yếu, hay lão suy. Chúng trường xuân miên viễn.

Thế rồi, họ, tiên nam, tiên nữ thường du hành như những đám mây bay về thung lũng bạc, thung lũng xanh, đeo đủ loại trang sức ngọc ngà, vòng hoa và chập chờn như bướm lượn. Hai mươi vạn vị chư thiên nam của ta đều như thế. Và mấy muôn triệu vị tiên nữ của ta cũng đều là như thế. Chúng hóa sanh lên đây là để hưởng phước báu, để vui chơi dục lạc chứ không phải để cầm trượng, cầm đao, cầm kiếm. Chúng sinh ra để ăn mặc, trang sức cho đẹp để rong chơi thỏa thích. Bàn tay của chúng chỉ biết gảy đàn, đánh cờ, ôm nhau khiêu vũ và bưng những ly rượu trời. Bọn A-tu-la sẽ dễ dàng tha thứ cho chúng. Còn tiên nữ thì chúng sẽ bắt làm vợ, làm hầu thiếp, tỳ nữ, làm hoa, làm cảnh, ca vũ nhạc kịch.

A-tu-la vương chỉ thù một mình ta mà thôi. Nó còn muốn thay ta làm thiên chủ, nắm quyền lực tối cao. Nhưng phước báu nào cho nó làm được như vậy? Rõ là tham vọng ngông cuồng. Mà thôi, tự ta sẽ dùng uy lực của mình để thử sức với bọn chúng xem sao rồi từ đó mà trù liệu.

Nghĩ thế xong, Đế Thích chợt mỉm cười vô sự, điềm nhiên khoát tay:

- Các ngươi cứ rong chơi đây đó! Ai đàn cứ đàn, ai hát cứ hát, ai với trò tiêu khiển nào thì cứ tiếp tục. Riêng các thiên hậu, thứ hậu, ngươi hãy hộ tống họ tạm thời lánh cư về mặt biển phương Bắc. Còn tất cả ở đây hãy để ta tự lo liệu.

Khi vị thiên chiến sĩ trưởng đi khuất, Đế Thích thiên chủ bước ra bao lơn, phất tay ra hiệu. Chốc sau, chiếc xe thù

thắng Vejayanta[1] xuất hiện cùng vị trời đánh xe. Thế rồi, chiếc xe dài một trăm năm mươi do-tuần, phút giây như mây gió nổi cuồn cuộn, vượt hư không, vượt biển, lao trên những đợt sóng chận đứng được đợt tấn công đầu tiên của A-tu-la vương.

Sau chốc thoáng bị đẩy lùi, bọn A-tu-la lại tiến lên như vũ bão, nổi lửa, xô dạt những làn sóng, ào ạt, hàng hàng lớp lớp bao vây Đế Thích. Vị vua trời như lọt vào giữa trung tâm ruột xoáy của đại dương...

A-tu-la vương mặt đỏ như say rượu, hừng hực lao tới với hai chiếc búa bằng lửa, tung ngang, bổ dọc thật là kinh khiếp. Trời sụp. Biển sụp. Trăm trăm, ngàn ngàn chiến sĩ A-tu-la với khí thế dõng mãnh, chúng vọt qua biển, vọt qua những sườn đồi, tràn lên, tràn lên...

- Sức ta chỉ có thế thôi! Đế Thích thầm nghĩ - Địch làm sao nổi bọn A-tu-la hiếu chiến, hăng say mùi máu, hăng say đánh nhau? Chặn biển đông, chúng sẽ tràn biển tây. Chặn núi nam, chúng sẽ tràn qua núi bắc. Khi A-tu-la vương đã cương quyết trả thù, muốn chiếm đất đai và giành quyền bá chủ thì ta, với địa vị ngôi trời chí tôn thật như ngồi trên đầu sóng! Thôi, mất mặt mà làm gì! Thiên chủ mà làm gì! Nếu ta sử dụng hết thần lực thì tất thảy sinh mạng bọn A-tu-la này sẽ biến thành tro bụi. Mà quả là ta không nỡ làm thế!

Nếu phước báu của ta ngắn ngủi như giấc mộng đầu hôm thì bảo vệ có ích gì? Ta sẽ trốn thôi. Ta sẽ bay qua mặt biển phương bắc đón các thiên hậu, thứ hậu rồi đến tỵ nạn nơi các vị trời Đế Thích bằng hữu.

Nghĩ thế xong, thiên chủ nói rõ ý định của mình cho vị trời đánh xe nghe hiểu. Vậy là chiếc xe thù thắng Vejayanta

---

[1] Theo kinh thì nói Vejayanta là tòa lâu đài (Vejayanta- pāsāda) của Đế Thích - mà trong một lần, đức Moggallāna đã dùng ngón chân cái làm cho rung rinh - nhưng theo Pháp cú thì Vejayanta lại là chiếc xe (Vejayanta - ratha).

chợt bốc cao từ vùng biển xoáy, thoát khỏi sự bủa vây của bọn A-tu-la.

Rồi như một cơn lốc vĩ đại, chiếc xe quạt trong không gian một cơn bão lớn, bỏ mặt biển, nó bay qua rừng cây lụa bông[1] với tốc độ như vệt chém. Chiếc xe bay đi nhanh quá, nó qua rừng cây mà dường như không có vật cản, chỉ như một ánh sao xẹt giữa hư không. Đế Thích thiên chủ thoáng nghe như có hằng trăm hằng ngàn tiếng chim kêu đầy tuyệt vọng.

- Này trời Mātali! Đế Thích hỏi - Chúng ở đâu vậy? Những tiếng chim kêu đầy thảm não kia?

- Thưa thiên chủ! Vị trời đánh xe (saṅgāhaka) tâu - Chiếc xe của chúng ta xuyên qua rừng như vết chém, hằng trăm hằng ngàn thân cây lụa bông gãy đổ, đứt lìa rơi xuống biển sâu. Rừng cây lụa bông này là quốc độ của loài kim xí điểu (Garuḷā)[2]. Tổ của chúng bị bắn tung tóe, lũ chim non thì số chết, số bị thương, số không còn nơi ẩn náu.

- Vậy hả? Thế thì quay lui, tức khắc quay lui! Nghe đâu, một vạn do-tuần là rừng cây lụa bông này. Đừng vì mạng sống, vì thiên quốc của ta mà giết hại sanh mạng, phá hoại tổ ấm an lành của chúng sanh khác.

Hãy quay lui! Ta sẽ nộp mình cho quỷ dữ A-tu-la vương. Thân ta dẫu có bị nghiền ra tro bụi cũng không trả hết nợ sanh mạng cho sự vô tâm lầm lỡ nầy.

Ôi! Hỡi những con chim non vô tội, quả thật ta vô tâm, không cố ý, hoặc ta chỉ vô tình và ngu ngốc phạm giới sát mà thôi!

---

[1] Simbalī - đôi nơi dịch là loại cây chỉ tơ - rừng cây này ở dưới núi Tu Di (Sineru), là trú xứ của Kim xí điểu. Đây là loại chim thiêng, thường bắt rồng (Nāga) làm thức ăn.

[2] Hoặc Garuḍā - Một trong bốn loại chúng sanh trong kinh điển - do chúng có lông sắc vàng nên dịch là kim xí. Ba loại khác là Rồng (Nāga), Dạ-xoa (Yakkha), Cưu-bàn-trà (Kumbhaṇḍa).

Thế rồi, vị trời Mātali tức tốc quay lui, tránh rừng cây lụa bông, lao xe bay nhanh về cung Ba Mươi Ba bằng lối khác.

A-tu-la vương và chiến sĩ đang uống rượu liên hoan, say men chiến thắng, tâm thần đang phấn khích, chưa ổn định, thấy chiếc xe của Đế Thích trở về và ông ta với thái độ bình thản và sắc mặt an nhiên, suy luận rằng:

- Chắc chắn các Sakka từ thế giới khác hay tin nên mang quân đến tiếp viện. Khi chạy trốn, chúng trốn hướng này, lúc trở lại, chúng đi hướng này! Như vậy, rõ ràng là chúng ta đã bị bao vây, không hồ nghi gì nữa!

Vì đinh ninh như vậy nên bọn A-tu-la rần rần bỏ chạy như đàn ong vỡ tổ, phút chốc không còn một mống. Khí giới đủ loại quăng bỏ ngổn ngang.

Đế Thích thiên vương đi vào thành với thiên chúng đoanh vây, mừng vui chào đón. Trong sát-na ấy, đất nứt ra và địa giới của thiên quốc trồi lên cao thêm một ngàn do-tuần.

Đế Thích thiên chủ đứng trang nghiêm nhìn ngắm phước báu kỳ lạ, tự nghĩ rằng:

- Có lẽ đây là do nhân từ tâm và bi tâm mà ta nhường nhịn, chịu thua bọn A-tu-la! Và có lẽ cũng do từ tâm và bi tâm, ta thà nạp mạng sống mình cho ác chủ tể còn hơn là biết mà vẫn sát hại rừng kim xí điểu!

Do vậy, Đế Thích càng có tâm bất thối đối với thiện pháp. Từ đấy, ngài ra lệnh bảo vệ sự an toàn sanh mạng cho loài rồng, loài kim xí điểu, loài cưu-bàn-trà cùng loài dạ-xoa trong thiên vương bốn cõi.

Còn từ nay, thiên quốc sẽ hoàn toàn thanh bình vì địa giới của A-tu-la đã trở nên quá xa xôi, không còn sợ bọn chúng quấy nhiễu nữa.

Dưới chiếc lọng trắng, Đế Thích thiên chủ ngồi trên ngai thiên bảo trải một tấm nệm bằng vàng mịn rộng một do-

tuần. Ngài trị vì vương quốc quang vinh, làm những công việc của vua chư thiên, hỗ trợ loài người, bảo vệ thiện pháp trong khả năng, thiện chí và oai lực của mình.

Đã đến lúc Đế Thích thấy mình phải cứu độ phu nhân Sujātā, cô vợ bé bỏng vì thiếu phước nên không cùng lai sinh đồng đẳng.

Mối Tình
Keo Sơn Chung Thuỷ

Trong lúc mọi người trong gia đình Magha, ba mươi ba gia đình và một số người trong ngôi làng Macala sum vầy lạc phúc trên thiên giới thì phu nhân Sujātā đọa sinh làm con chim hạc mái ở rừng sâu. Cha mẹ chết, cô hạc mái sống lẻ bóng, lạnh lẽo, không họ hàng thân thích, không có bè bạn, không có một niềm vui.

Đã nhiều lúc cô đơn quá, hạc mơ màng và mộng tưởng đến những hoàng tử, những công chúa, những đôi uyên ương sống với nhau ngàn năm trong những lâu đài tình ái... rồi thở dài và thầm thương cho thân phận hẩm hiu của mình.

Sớm hôm kia, dùng thiên nhãn quan sát thế gian, Đế Thích thấy rõ hậu thân của Sujātā, ngài bèn biến hóa mình thành một chàng trai hạc phương phi, cao sang mỹ tướng xuất hiện trong tầm mắt của hạc mái.

Trong ánh sáng mặt trời rực rỡ, ấm áp buổi sơ xuân, trên cành cây đối diện, không biết xuất hiện từ bao giờ một thanh niên hạc đẹp đẽ và quý phái lạ lùng. Chàng kìa! Đôi mắt trong xanh vời vợi, sâu thẳm, tròn to, đa tình; chiếc mỏ cong cong óng ánh lân tinh và đôi chân cứng mạnh tràn trề sinh

lực. Trái tim cô gái hạc chợt nghe xao xuyến và rung động mạnh.

- Hãy cùng ta bay đến những tòa lâu đài ngàn năm tình ái, hỡi cô công chúa hạc diễm kiều!

Nàng hạc Sujātā thẹn thùa quá đỗi khi nỗi lòng của mình bị chàng trai hạc kia phát hiện, cô bèn khép cánh lại, nép đôi mắt ướt át sau một cành hoa.

- Hãy đi chứ, Sujātā, nàng công chúa hạc ở rừng sâu? Hãy cùng ta đi ngoạn du một cảnh giới huy hoàng!

Với thần lực của mình, chàng hạc (Đế Thích) cất đôi cánh trắng, và cô hạc cảm thấy thân mình bị bốc lên không cưỡng được rồi nhẹ nhàng lướt lên cao, bay xuyên qua những đám sương mờ...

Đế Thích đem hạc đến cõi trời Đao Lợi. Và sau khi dẫn nàng hạc bay vòng quanh ba mươi ba tòa bảo tháp nhìn ngắm chư thiên nam nữ lộng lẫy cao sang; rồi cả hai bay đậu nơi các công viên tươi đẹp, ông mở lời bằng ngôn ngữ của chim:

- Vinh quang thay là thiên giới! Hỡi cô công chúa hạc yêu quý! Chúng ta dường như gặp nhau trong mộng, có bao giờ nàng mơ ước đến một cuộc sống như thế này: Ta với nàng kết nghĩa phu thê, trường sanh bất lão, mãi mãi hạnh phúc trong những tòa lâu đài sáng ngời kim ngân, châu báu, đoanh vây xung quanh muôn triệu kẻ hầu người hạ, với lạc thú ngũ dục tối thượng của cõi trời?

- Có, em có! Cô hạc thẹn thùa gật đầu, lắp bắp đáp với đôi mắt ẩn giấu niềm ước mơ cháy bỏng - nhưng vẫn là mộng thôi, chàng hỡi!

Chàng trai hạc bỗng cất cánh lên mây, hóa hiện thành Đế Thích thiên vương, rõ rỡ uy nghi ngồi dưới chiếc lọng trắng đoanh vây hằng sa thiên nữ với hương hoa vi diệu, với muôn ngàn nhạc điệu mê ly của cõi trời.

Cô gái hạc sợ hãi quá chừng, định cất cánh bay, nhưng Đế Thích đã hiện nguyên hình trở lại, đến gần bên, cất giọng rủ rỉ rù rì như rót mật vào tai:

- Em yêu! Kiếp trước ta là phu quân của em, tên là Magha. Em là Sujātā, là phu nhân thứ tư của ta, tại ngôi làng Macala, kinh thành Rājagaha, quốc độ Magadha...

Từng lời, từng lời của Đế Thích gợi lên hình ảnh vừa qua trong kiếp trước, phục hồi lại ký ức ngủ quên của nàng hạc. Lát sau, Sujātā bỗng nhớ lại tất cả. Nàng thổn thức, bồi hồi, nép mình bên chàng trai hạc như đặt trọn niềm tin tưởng nơi người chồng cũ. Thế rồi, với sự cố gắng, Đế Thích nói cho Sujāta nghe tất cả mọi nhân, duyên và quả; khuyên hạc sống đời thiện lương, giữ tròn những căn bản của ngũ giới - may nhờ phước báu ấy hỗ trợ, giúp nàng thác sanh cõi trời Ba Mươi Ba để tái ngộ tình xưa.

Thấy Sujātā gật đầu, Đế Thích hài lòng, đưa chim hạc trở về rừng cũ...

Tiếng nhạc của cõi trời như còn vọng lại sau đôi cánh xa xăm, hạc tỉnh mộng, bàng hoàng, sau đó nó biếng ăn, biếng bay, biếng đi kiếm mồi. Chàng ở trên cao kia do quá nhiều công đức đã làm trong kiếp trước. Còn ta? Ta đã ăn tận, hưởng tiệt các món ăn cũ, dư phước của kiếp nào. Khi mọi người nhiệt tình, hăng say với các thiện sự như bố thí, trì giới, làm các công tác lợi ích xã hội - còn ta thì không làm cái gì lợi ích cho ai hết. Rồi cái Đại hội trường nguy nga đồ sộ cùng với hàng trăm công trình phụ, là niềm vui chung cho cả làng, thế mà ta cũng chẳng đóng góp được chút gì. Ta chỉ lo trau chuốt, điểm trang, tới lui ngắm nghía vẻ đẹp của mình để tự mãn, để khinh người. Ta ngồi trong im mát hưởng thụ ngũ dục, làm đẹp nhan sắc với châu báu, với phấn, với hoa hương cho những đứa nô tì, kẻ làm công trầm trồ, tán thán. Chàng và họ, ba bà phu nhân kia, nhờ công đức, nhờ phước báu đã gieo trồng, bây giờ họ ngồi ở thiên

đình an hưởng phúc quả. Còn ta thì đọa lạc làm thân chim xấu xít này thì còn chi để mà nói nữa? Than ôi! Hãy lo tu tập đi thôi! Đời chim chỉ có giới bất sát, vậy ta phải kiên quyết giữ tròn giới ấy như lời chàng yêu thương nhắc nhở.

Bắt đầu từ dạo đó, hạc không ăn các con vật đang còn sống. Do không quen ăn lá cỏ, các loại hạt nên hạc gầy yếu rất nhanh. Chỉ tuần sau là hạc kiệt lực, ngã gục bên bờ suối. Sương rừng và gió núi làm hạc tỉnh lại. Mệt mỏi, lờ đờ hạc lê vài bước. Một chút nước suối giúp hạc tỉnh hơn. Và ô kìa! Một con cá béo ngậy nằm phơi cái bụng vàng óng ánh! Nó chết rồi. Nó sẽ cho ta sinh lực và sự sống.

Khi ngậm con cá trong chiếc mỏ xinh xắn, hạc nghe thân cá rung động, uốn cong chiếc đuôi - nó vừa hoảng hốt và vừa như một phản xạ trong sạch từ lương tâm có giới, nó nhả con cá ra với đôi mắt thẫn thờ. Hạc còn không quên dùng chiếc mỏ đẩy con cá xuống dòng nước. Thà chết chứ hạc không thể nào phạm giới sát sanh. Dẫu cho cái đói có thúc bách, có hành hạ, hạc nguyện vẫn kiên gan chịu đựng để được lợi ích và tiến hóa dài lâu.

Trước mắt hạc chợt rực sáng. Con cá bạc từ suối nước bỗng vút lên hư không như một vệt thủy tinh, hiện thành Đế Thích thiên vương ngồi giữa đám mây lành, rực rỡ sắc màu.

- Lành thay! Sujātā yêu quý! Nàng đã có giới ở trong tâm. Nàng đã biết nghe lời ta. Thật ra, chỉ cái chớp mắt là kiếp hạc phù du. Hãy kham nhẫn, chiến thắng vị dục của cái bụng, rồi nàng sẽ được tái ngộ cùng ta giữa cõi đệ nhị thiên đường hạnh phúc xán lạn.

Nói thế xong, Đế Thích thoáng biến mất giữa hư không lồng lộng.

Nàng Sujātā nhờ có giới hộ trì, nâng đỡ nhưng vì có ít phước báu nên hết kiếp hạc, tái sanh thân phận một cô gái trong gia đình nghèo khổ làm nghề thợ gốm ở Bārāṇasī.

Từ đỉnh Sineru, nhờ thiên nhãn, Đế Thích thiên vương biết chỗ sanh thú của nàng. Khi cô gái lớn, Đế Thích hóa thành một cụ già đẩy một chiếc xe đầy cả dưa chuột chín vàng đi vào thành phố.

Ông già bán dưa chuột rao vang cái câu lạ lùng:

- Ai lấy dưa, kẻ ấy phải có giới! Ai có giới thì hãy đến lấy dưa!

Màu dưa chuột chín vàng rất thích mắt, thấy là đã muốn ăn ngay. Thật là loại trái cây giải khát quý hiếm giữa mùa nắng nóng cháy da. Người ta đổ xô lại và ai cũng tranh phần muốn mua.

Ông già hét to:

- Các ngươi có giới không? Ta chỉ cho dưa đến người có giới! Ai có giới mới có phần dưa!

Người ta nói:

- Tôi chẳng biết giới là gì, nhưng tôi có tiền. Tôi sẵn sàng trả giá cao nhất.

- Hãy đi! Ông già bán rong lấy tay xua - Ta không cần tiền. Tiền bạc có tích sự gì. Ta chỉ cho không cả xe dưa này đến người có giới.

Với sức mạnh do thần lực của vị thiên chủ, đôi cánh tay gầy guộc của cụ già như hai vòng đai kiên cố bảo vệ xe dưa chuột. Đám đông như chạm phải một bức tường sắt, dạt lui. Ai cũng nghĩ là ông già ấy điên. Mọi người lảng tránh dần.

Tiếng rao của cụ già khàn khàn nhưng vọng từ đường phố này sang đường phố khác, từ khu nhà này sang khu nhà khác. Muôn dân kinh thành Bārāṇasī, không hiểu tại sao cứ nghe mãi âm thanh của ông già rao dưa chuột vang vang trong lỗ tai. Kể cả kẻ điếc lãng, cũng nửa tin nửa ngờ, hôm ấy họ cũng nghe rất rõ ràng.

- Ai có giới, ta cho không dưa chuột. Ai có giới, ta cho không cả xe dưa chuột.

Tiếng rao vọng đến tai, nàng Sujātā nghèo khổ rung động mạnh. Tiềm thức quá khứ mơ hồ trở về. Nàng biết giới, nghĩ về giới, quen biết giới như người bạn thân đi xa lâu ngày gặp lại. Nàng rẽ đám đông bước lại.

- Thưa cụ! Tôi biết giới, tôi có một chút giới! Hãy cho tôi dưa chuột!

Cụ già chợt nở nụ cười hóm hỉnh, dịu dàng nhìn cô gái, hỏi rằng:

- Cả kinh thành Bārāṇasī này có ai biết gì về giới đâu? Vậy tại sao cô bé biết?

- Thưa cụ! Tôi biết giới từ quá khứ.

- Vậy giới là gì nào, cô bé?

- Là ngăn giữ những điều xấu ác, thưa cụ!

- Vậy là đúng, vậy là giỏi! Nhưng cụ thể cái gì là xấu ác, này cô bé?

- Ví dụ sát sanh hại vật là xấu ác, thưa cụ!

- Ừ! Hoàn toàn chính xác! Vậy thì hãy giữ cho tròn năm giới là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống các chất say, cô bé làm có được không?

- Được, thưa cụ! Tôi làm được cả năm giới ấy.

Đế Thích trao cho cô gái cả xe dưa chuột rồi nói nhỏ bên tai nàng:

- Chẳng phải dưa chuột đâu, là cả một xe vàng ròng đấy! Hãy dùng tài sản châu báu này nuôi mạng sống, nuôi cha mẹ già và làm các công đức. Nhớ tích lũy cho thật nhiều công đức như bố thí, trì giới và làm các việc lành tốt hữu ích đến mọi người, cô bé sẽ đạt nhiều an vui và hạnh phúc trong mai hậu.

Thế rồi, cô bé nghèo khổ y lời, giữ giới trong sạch, cúng dường đến các đạo sĩ, bố thí đến người nghèo khổ, lập các trạm phước xá, chẩn bần cho đến mãn đời. Hết tuổi thọ,

mạng chung, nàng sanh làm công chúa cõi A-tu-la thiên, mang sắc đẹp quý phái, đôn hậu và thùy mị.

Đến tuổi trưởng thành, A-tu-la vương cho nàng tự do kén chồng. Các A-tu-la thái tử, hoàng tử, công tử từ khắp các cõi A-tu-la đồng đến tham dự , ra mắt xem thử có lọt vào cặp mắt xanh của người đẹp không.

Hơn ai hết, Đế Thích biết rõ chuyện này, biến hóa thành một hoàng tử A-tu-la hiên ngang, anh tuấn, cỡi thớt ngựa trời sáng ngời châu báu. Giữa đám thanh niên A-tu-la, Đế Thích đẹp đẽ, phương phi, cao sang như chúa phượng hoàng.

Nhìn thấy Đế Thích, trái tim công chúa A-tu-la rung động mạnh bởi sợi dây ái luyến nhiều đời kiếp. Nàng chọn Đế Thích làm chồng giữa muôn vàn tiếng reo hò tán dương của thần dân ngưỡng mộ. Và dĩ nhiên còn cả sự đố kỵ, ganh tỵ từ phía những thanh niên đến cầu hôn.

Đế Thích ra mắt nhạc gia, hiện thành thân tướng cao sang, trang nghiêm đầy uy lực của một vị thiên chủ tối cao - trình bày cho A-tu-la vương nghe rõ nhân, duyên và quả của câu chuyện hôm nay - rồi sau đó, muốn kết tình giao hảo giữa hai quốc độ.

A-tu-la vương Vepacitti ban đầu đùng đùng nổi giận, sau nhìn thấy con gái đang rỡ rỡ hạnh phúc, bèn nghĩ rằng: Bây giờ, dẫu là ông vua trời cao sang nhưng đã hạ mình làm giai tế thì có lý nào lại cố chấp, chuốc mối oán thù không đáng có! Điều nên đáng hãnh diện nữa là khác rồi lớn tiếng cả cười:

- Đế Thích! Ha... ha...! Rốt lại, ngươi là con rể của ta, ha... ha...!

Đế Thích mỉm cười vui vẻ, sai chư thiên thuộc hạ dâng rượu trời, một số lễ vật trân quý mà cõi A-tu-la không thể có rồi vái lạy A-tu-la vương làm nhạc phụ. Sau đó, Đế Thích chào cha vợ rồi dẫn công chúa A-tu-la về cung Đao Lợi,

tặng riêng nàng một tòa bửu đài nguy nga, tráng lệ, đặt nàng lên địa vị thứ hậu, xung quanh đoanh vây hai ngàn năm trăm vạn thiên nữ.

Kể xong chuyện tiền thân Đế Thích của mình, đức Phật kết luận:

- Thuở còn luân hồi sinh tử, Như Lai đã làm những thiện sự không mệt mỏi. Không những chỉ mình làm mà còn nhắc nhở, khuyến khích, giáo hóa người khác làm theo. Do vậy, những phước báu hữu vi của Như Lai cũng rất là đặc biệt, rất là thù thắng. Chính nhờ bố thí, trì giới, làm các việc lành tốt hữu ích cho cuộc đời mà Như Lai hưởng quả vị thiên chủ tối cao với ngũ dục, với uy lực, với quyền năng vô hạn! Điều nổi bật ở đây chính là đức tính tinh cần với những thiện sự. Ai tinh cần, người ấy được tán dương; ai dể duôi, biếng nhác sẽ bị người khác coi khinh, xem thường. Đúng như câu kệ ngôn:

"- Chỉ nhờ đức tánh tinh cần
Đế Thích cai quản bốn tầng thiên vương
Dể duôi thiên hạ khinh thường
Tinh cần mãi được tán dương đời đời!"[1]

Nghe xong tích truyện Cõi trời Ba Mươi Ba, nhiều vị tỳ-khưu còn trẻ, bàn tán với nhau:

- Đức Phật của chúng ta thuở còn là bồ-tát lại có những bốn bà vợ! Vui nhỉ!

- Ngài cũng chung tình ghê gớm nhẽ! Cái cô bé Sujātā kia bị đọa lạc làm con hạc mái, bồ-tát đã tìm trăm phương nghìn cách đem lên cõi trời để nối duyên cho bằng được.

- Vọng ngữ đó! Cái gì mà trăm phương nghìn cách? Chỉ một cách thôi là giúp nàng ta giữ giới thôi!

- Bố thí nữa, chẩn bần nữa!

---

[1] Pháp cú 30, nguyên văn: "Appamādena maghavā devānaṃ seṭṭhataṃ gato. Appamādaṃ pasaṃsanti pamādo garahito sadāti".

- Ừ, thì nhiều cách, nhưng đâu có trăm phương?

- Đến ba kiếp sau, cô bé mới được tái ngộ cùng chồng! Ghê nhỉ?

- Đa tình thế là đệ nhất!

- Ngài tạo phước báu hữu vi thiệt là cực kỳ. Mà khi xả bỏ cũng thiệt là cực kỳ!

- Vậy mới đúng là hiện thân siêu việt của một đức Chánh Đẳng Giác chứ!

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BA
(Năm 575 trước TL)

Tiếp Độ
Con Trai Nhà Đại Phú

Tại ngôi làng Kalanda gần Vesāli có con trai của một nhà đại phú tên là Sudina, vừa mới lập gia đình. Hôm nọ, chàng và một số bạn hữu ghé kinh thành Vesāli vì một vài công việc làm ăn; thấy mọi người đổ xô đến Đại Lâm (Mahāvana), Trùng Các giảng đường (Kūṭāgāra)[1] để nghe đức Phật thuyết pháp, ông và bạn hữu cũng tò mò đi theo.

Thanh niên Sudina nhìn thấy đức Thế Tôn ấy được đoanh vây bởi một hội chúng đông đảo và ngài như một sư tử vương, vàng rực, chói sáng, uy nghi như nhiếp phục cả đại giảng đường, tạo cho chàng một ấn tượng mạnh mẽ.

Rồi còn thời pháp nữa. Với âm thanh trầm hùng, thanh thoát, diệu vợi... với ngôn ngữ cô đọng, gãy gọn, chính xác, dị giản... như đi thẳng vào tâm, vào trí hội chúng. Còn nữa. Còn lý nghĩa và tư tưởng. Còn những ví dụ, những đoản ngôn. Còn chiều sâu và khoảng trống, khoảng lặng của những điều chưa nói hết... Tất cả ấy như cuốn hút tâm tư Sudina làm cho chàng chú tâm lắng nghe không bỏ sót một từ, một ngữ nghĩa nào. Thanh niên Sudina xúc động một

[1] Kūṭa là nóc nhọn; agāra là nhà ở, chỗ ở - nên đôi nơi dịch là "Sảnh đường nóc nhọn".

cách sâu xa, như đảo hoán tận gốc rễ nếp suy nghĩ của chàng.

Cuối thời pháp, thanh niên Sudina như còn rúng động, bàng hoàng, đăm chiêu, tự nghĩ:

"- Quả là ta đã sống và đang sống một đời vô vị, vô tích sự. Bụi bặm, dơ uế, đặc đầy phiền não và buộc ràng! Ta đang đắm say, mê mải nơi thế giới đốm hoa không thực. Ta đã tìm kiếm hạnh phúc nơi cõi vô thường, tạm bợ, sinh diệt mà tưởng là hằng thường, vĩnh cửu.

Tiếng chuông của giáo pháp đã gõ mạnh lên đầu ta rồi. Ánh sáng của giáo pháp cũng đã chớp lóe trong tâm trí của ta rồi. Vậy, đời sống tại gia này còn thú vị gì nữa, còn chút sinh khí nào nữa đâu?"

Rồi chàng lại suy nghĩ tiếp:

"- Nhưng nếu muốn sống đúng như những điều mà đức Thế Tôn kia đã thuyết giảng thì quả thật không phải là dễ dàng đối với người đời, đối với người tại gia với trăm công, nghìn việc, với ân ái vợ chồng, với tiền bạc, gia sản, với thôn lân, bằng hữu, với truyền thống, tập tục, với bùn lầy, tù đọng và chật chội của toan tính và lo âu.

Cái đời sống trong sạch và trinh trắng như vỏ ốc kia, cái đời sống giải thoát như cánh chim trời kia chỉ thích hợp với người cạo bỏ râu tóc, tam y nhất bát, sống đời xuất gia phạm hạnh mà thôi!"

Thế rồi, với dõng lực và quyết tâm, lúc trở lại gia đình, thanh niên Sudina nói rõ ý định xuất gia của mình cho cha mẹ và cả cho cô vợ mới cưới hay. Ai cũng ngăn cản. Ai cũng nói ý định ấy là điên rồ và ngu ngốc. Ngay chính bạn bè thân hữu cũng xúm vào khuyên lơn chàng, vì chàng là con một nên thuận theo truyền thống tổ tiên là sinh con đẻ cái để nối dõi tông đường!

Ý định sống đời phạm hạnh như mũi tên đã bắn đi, không dừng lại được, thanh niên Sudina tuyên bố với sức

mạnh nặng ngàn cân: "Một là xuất gia, hai là chết!" Chàng nằm xuống nơi chỗ nền đất không có trải lót rồi nhịn ăn, một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày.

Khi sự sống của Sudina chỉ còn thoi thóp, sợ con trai chết, cha mẹ mới đồng thuận cho chàng xuất gia.

Thế là vô cùng khó khăn, thanh niên Sudina mới bứt nổi sợi dây ràng buộc của gia đình, trở lại Đại Lâm, Trùng Các giảng đường để xin đức Phật được xuất gia sống đời phạm hạnh.

Đức Phật sở dĩ ở nán lại thêm mấy hôm ở đây cũng chỉ để chờ đợi chàng trai này, vì hơn ai hết, ngài biết ông ta có duyên với giáo pháp[1].

Và sau khi thấy rõ tâm ý, sở nguyện của thanh niên Sudina, đức Phật chứng minh và chư vị trưởng lão cho ông ta thọ đại giới với những lời giáo giới căn bản và cần thiết nhất.

Tỳ-khưu Sudina sau đó, nguyện sống hạnh đầu-đà, mặc y phấn tảo[2}, noi gương tôn giả Mahā Kassapa, tam y nhất bát, tu hành rất mực tinh tấn. Ai cũng kính trọng. Chỉ riêng đức Phật, các vị thánh lậu tận có thắng trí thì chỉ mỉm cười, không bình luận.

---

[1] Câu chuyện về tỳ-khưu Sudina này được mở đầu khi giới thiệu về luật tạng. Vì tám năm sau, lúc về thăm lại gia đình, cha mẹ chàng tha thiết khẩn cầu chàng để lại "hạt giống - bījaka" Lúc ấy, giới bất cộng trụ (pārājikā) thuộc thanh tịnh giới (patimokkha) chưa chế định - chàng không biết, tưởng là không có tội chi, nên đã ba lần giao hợp với người vợ cũ. Kết quả là bà vợ sanh được một đứa con trai nên bạn bè vui nhạo gọi tên bà là "Mẹ của chủng tử"! Mấy trăm năm sau, Mi-lan-đà sở vấn (Milindapañha) cũng có nhắc lại chuyện tỳ-khưu Sudina này.

[2} Paṃsukūla: Vải bó tử thi hoặc vải lượm từng tấm, từng mảnh nơi này và nơi kia, giặt sạch, nhuộm rồi may mặc - không thọ nhận vải mới, vải lành nguyên.

Trên Ngọn Đồi Đá Trắng

Thấy nhân duyên ở Vesāli vậy là vừa đủ, đức Phật giáo giới thêm một số thời pháp nữa đến chư tỳ-khưu tăng và ni rồi lại lên đường. Lần này, ngài chỉ đi một mình cùng với thị giả Meghiya theo hướng tây bắc.

Nửa tháng sau, đến vùng Cālikā, có con sông Kimikālā xanh trong mát mẻ , ngôi làng Jantu tươi đẹp, trù phú, thạnh mậu, đức Phật dừng chân nghỉ ngơi tại một lùm cây im mát. Khuất xa sau vùng dân cư, đức Phật thấy một ngọn núi trắng nổi bật giữa nền trời trông vô cùng hùng vĩ và diễm lệ. Dân địa phương cho biết, là trên núi ấy, núi Cālikapabbata[1] có rất nhiều hang động có thể trú mưa, trú nắng được.

Sáng ngày, sau khi trì bình khất thực, thấy dân tình thuần phác, chưa nhiễm quá nặng mê tín của đạo bà-la-môn, đức Phật quyết định an cư mùa mưa thứ mười ba ở đây.

Độ thực xong, đức Phật và thị giả Meghiya bộ hành lên núi. Hóa ra Cālikapabbata là một ngọn núi đá vôi màu trắng,

[1] Kinh sách nào cũng ghi, hạ thứ 13, đức Phật an cư tại tảng đá Cālika hoặc làng Cālika. Nhưng theo "Dictionnary of Pāḷi Proper Names" - thì đó là một ngọn đồi màu trắng, hoàn toàn trắng (The hill was quite white in colour). Nó còn cho biết có con sông Kimikālā và ngôi làng Jantu với vườn xoài (mango grove) tươi đẹp mà thị giả Meghiya thích thú nữa.

không lẫn một màu sắc nào, xen kẽ là những gốc cổ thụ, lùm hoa, bụi cây điểm xuyết trông vô cùng ngoạn mục.

Đức Phật lựa tìm một hang động. Và tỳ-khưu Meghiya cũng có một hang động gần bên. "Hai thầy trò" bỏ y bát, lui cui quét tước, dọn dẹp nơi ăn chốn ở cho mình. Quả thật là thanh tịnh và yên ổn vô cùng, chẳng có ai quấy rầy.

Tỳ-khưu Meghiya không biết, chứ hằng đêm, đức Phật lại thuyết pháp cho thọ thần, địa thần, sơn thần, chư thiên xung quanh vùng đến đảnh lễ, thăm viếng và hỏi đạo.

Hôm kia, đứng trên đỉnh núi, đưa mắt nhìn bao quát bốn phương, một sự so sánh, tỷ giảo chợt đến với ngài. Quả thật, giáo pháp của ngài xuất hiện ở thế gian cũng tương tự như ngọn núi trắng này, hùng vĩ giữa nền trời, dường như không nhiễm bụi bặm trần tục. Còn hội chúng tu tập, với những đạo quả, thắng tuệ, tứ vô ngại giải, thần thông, giới định, thuyết pháp... điểm xuyết cũng tương tợ những cụm cây xanh, những lùm hoa kia!

Còn nữa, hằng đêm, đêm này sang đêm khác, chỉ cần một chút sáng tự trời cao thì ngọn núi đá trắng chợt trông như một mảnh trăng hùng vĩ xua giạt bóng đêm - để lại một thứ ánh sáng dịu dàng, tĩnh lặng và thanh bình.

Đức Phật tự nghĩ:

"- Hôm tại Verañja, ông Sāriputta đề nghị một bộ luật hoàn hảo hẳng là có lý. Muốn bảo vệ, gìn giữ giáo pháp nguyên tuyền, trinh trắng như ngọn núi này thì phải cần có giới luật căn bản, cụ túc. Vậy, nhân mùa an cư này, có lẽ ít bận rộn bởi những hội chúng, ta sẽ để tâm nghiên cứu trước các bộ luật của chư Chánh Đẳng Giác quá khứ để lúc nào thuận tiện, đúng thời, đúng duyên thì ta sẽ chế định".

Thế rồi, ngày qua ngày, đức Phật lặng lẽ trì bình khất thực, khi một mình, khi cùng thị giả Meghiya. Đôi khi, đức Phật vào định suốt mấy ngày thì những lúc ấy, tỳ-khưu Meghiya lủi thủi ôm bát đi một mình. Hôm kia, vui chân

ông đến làng Jantu, thấy một vườn xoài cổ thụ xinh đẹp, ông thích thú quá, muốn độc cư ở đây.

Khi đức Phật xuất định, tỳ-khưu Meghiya quỳ bạch xin đến vườn xoài kia để tu tập. Cả hai lần đức Phật đều từ chối.

Quán căn duyên, ngài biết rõ, một kiếp quá khứ lâu xa, vị tỳ-khưu này đã từng làm một vị vua cai trị một vương quốc ở đây, và ngôi vườn kia là hậu thân vườn thượng uyển của ông ta. Khi thấy cảnh xưa cũ, dù đã hằng ngàn lần thay đổi, sinh diệt nhưng luồng tâm vẫn bắt gặp được ký ức cũ nên sinh ra thỏa thích. Nếu tỳ-khưu này đến ở đấy thì những hình ảnh xa xăm đâu đó về đời sống hưởng thụ ngũ dục sẽ tái hiện lại trong tâm tưởng và sẽ đánh gục ông ta tức thì!

Nhưng khi tỳ-khưu Meghiya khẩn thiết xin đến lần thứ ba thì đức Phật lại gật đầu, nói rằng:

- Thôi được rồi! Ông cứ đi cho vừa lòng, cho thỏa nguyện. Như Lai biết chuyện gì sẽ xảy ra. Và có lẽ sau khi chuyện xảy ra rồi thì lời dạy bảo của Như Lai mới khỏi phải phí phạm như nước trượt lá sen, như nước đổ đầu vịt!

Quả đúng như thế. Tỳ-khưu Meghiya đến vườn xoài, lựa chọn chỗ ở thích hợp với mình xong, mỗi ngày, mỗi đêm tinh tấn hành thiền. Nhưng ông ta hoàn toàn bất lực không tìm thấy một chút thanh bình, một chút an tịnh nào. Cái tâm lúc nào cũng bồn chồn, xao xuyến rồi đủ mọi tham dục khởi lên. Không biết từ đâu trong sương khói chập chờn, những hình ảnh mỹ nữ hiện ra, nõn nường, lồ lộ da thịt, thơm ngát phấn hương... khêu gợi đam mê và dục tình. Rồi nào là những thức ăn mỹ vị... rồi tiệc tùng, đàn ca, xướng hát vang vang trong tâm tưởng, hoặc như từ hư không vọng xuống... Niềm khao khát hưởng thụ đời sống ngũ trần ào ạt tấn công làm cho vị tỳ-khưu này không chịu nổi. Ông toát mồ hôi, cắn răng đến chảy máu hầu chiến đấu với nó. Lát sau, trầm tĩnh lại, Meghiya tự nghĩ: "Thật là kinh khiếp, thật là kỳ lạ. Ở gần bên đức Đạo Sư ta luôn cảm giác an ổn, lúc nào

những dục tư duy, dục tầm[1] như thế này khởi lên, chúng nhanh chóng biến mất. Còn bây giờ, khi ta ở một mình, nó đánh ta không còn manh giáp, không còn một chỗ nào để thối lui!"

Một bữa khác, nhẹ nhàng xả thiền, để tâm hư tĩnh, lắng nghe hơi thở một hồi, Meghiya chậm rãi bách bộ dưới những lùm cây thưa với những vệt nắng loang lổ. Buổi chiều mát mẻ, yên tịnh, chàng đã lấy lại được sự thăng bằng tâm hồn. Bất chợt, một đàn chim từ đâu đó rào rào xuất hiện, chúng đập cánh, nô giỡn, ca hót ỏm tỏi, tạp loạn... làm cho chàng rất khó chịu... Rồi phân chim rơi xuống, lông lá bay loạn xạ làm chàng bực bội hơn. Chưa thôi, hôm sau lại một đàn khỉ tìm đến nữa, chúng chí chóe níu cành, chuyền nhánh, vặt trái làm náo động cả khu vườn. Thế là tâm chàng như có ngọn lửa thiêu đốt, lại rơi vào sân tư duy, sân tầm[2] không cưỡng được. Chàng không còn làm chủ được mình. Những bước đi chợt hấp tấp, bồn chồn, lại vấp ngã bởi gốc cây, cục đá...

Sau đó nữa, cơn nóng giận càng tăng trưởng làm cho Meghiya sinh ra thù ghét chúng, chàng giận dữ, cứ muốn la muốn hét, muốn đập, muốn đánh đuổi, muốn chưởi mắng lũ chim, lũ khỉ. Và khi mà hại tư duy, hại tầm[3] khởi lên dữ dội, không còn làm chủ được, chàng đã lấy đá quăng, lấy cành cây đập đuổi đàn chìm, đàn khỉ. Một vài ba con đâu đó đã bị thương tích... nên chúng hoảng sợ bỏ đi cả.

Ngồi thở với hơi thở dồn dập, tim đập mạnh, máu dồn căng lên óc... chàng mệt lả.

---

[1] Kāmavitakka: Dục tầm - tức là tầm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm để thỏa mãn ái dục - nhất là nhu cầu vật chất, thân xác.
[2] Byāpādavitakka: Sân tầm - tức là tầm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm những gì liên hệ đến nóng nảy, bực bội, giận dữ, sân...
[3] Vihiṃsāvitakka: Hại tầm - tức là tầm cầu, suy nghĩ, tìm kiếm những gì liên hệ đến hận, đến thù, đến sự mưu hại chúng sanh khác.

- Thôi rồi, đúng rồi! Đức Phật đã từng giáo giới ở đâu đó, rằng là, khi mà dục tầm, sân tầm, hại tầm khởi lên... chúng sẽ thiêu rụi tất thảy mọi thiện pháp, làm cho tàn rụi, héo úa mọi công đức tu tập có được!

Ôi! Phải trở về vập đầu nơi bàn chân bụi của đức Đạo Sư thôi, ngài sẽ chỉ dạy cho ta cách vượt qua chúng. Khi nào mà chưa có biện pháp đối trị, khi nào mà nội lực tâm linh, sự hành trì tu tập của ta chưa vững vàng thì ta không còn dám sống một mình nữa đâu.

Vội vã lúc đến cũng như vội vã lúc đi, Meghiya mau chóng xếp y, mang bát, bộ hành lên lại núi đá Cālikā, đảnh lễ đức Thế Tôn, trình bày lại mọi sự...

Những Pháp Cần Có
Của Một Hành Giả

Cái gì xẩy ra trong tâm tư vị tỳ-khưu này, đức Phật đã thấy rõ, biết rõ nên ngài đã dạy như sau:

- Này Meghiya! Trước khi giảng giải về những pháp đối trị dục tầm, sân tầm và hại tầm trong trường hợp mà ông vừa mắc phải, Như Lai sẽ nói qua về những điều kiện cần thiết cho một vị tỳ-khưu lên đường, cho một hành giả tu tập, sống một mình, nơi này và nơi khác.

Thật ra, không phải ai sống một mình cũng được đâu. Hành giả sống một mình nơi thanh vắng, nơi khoảng trống, nơi rừng sâu, nơi hang động, nơi nghĩa địa, dưới cội cây, nơi những chốn tịch liêu không người, không có nghĩa là không cần bạn đạo, không cần bạn lành, không cần bậc thiện hữu trí thức! Mà chính nó là điểm quan trọng nhất đấy! Phải cần một điểm tựa tinh thần. Phải cần có bậc thiện trí để lắng nghe, trao đổi, học hỏi. Phải cần có người gần gũi để giúp đỡ nhau khi ốm bệnh, lúc rủi ro, tai nạn và cả khi gặp những vấn nạn vô phương giải quyết.

Vậy, điều kiện thứ nhất của một hành giả là phải có bạn lành[1], tức là bạn đồng tu có đạo hạnh, có trí tuệ để nương tựa, ông phải ghi nhớ điều này!

- Dạ thưa vâng!

- Điều kiện thứ hai, là hành giả phải có giới luật[2] đầy đủ ở trong tâm cũng như sự tướng biểu hiện ra ngoài của thân khẩu, tối thiểu là phải biết gìn giữ sáu cửa vào ra, đi đứng nằm ngồi phải có chánh niệm và sống đời nuôi mạng chơn chánh. Bởi giới chính là hàng rào ngăn ngừa ác pháp, là áo giáp có công năng chở che những mũi tên độc hại, ác uế từ thế giới ngũ trần cho những ai muốn sống đời độc cư, thanh tịnh. Phải ghi nhớ thêm điều này nữa, ông có biết thế không?

- Dạ thưa vâng!

- Điều kiện thứ ba là phải biết tạo cơ hội để học hỏi về giáo pháp, thính cầu pháp[3]. Có thể đi tìm kiếm, đảnh lễ các bậc tôn túc, các vị thánh giả. Có thể thỉnh thoảng trở về với tăng đoàn để sống trong không khí tu tập chung, nghe những thời pháp của các vị. Cũng có thể lắng nghe từng bước chân, từng hơi thở, mọi động niệm, dấy khởi trong tương giao căn, trần, thức: Pháp sẽ phát sanh ở đấy!

- Dạ thưa vâng!

- Điều kiện thứ tư là tinh tấn, nỗ lực[4] không ngừng. Phải chuyên cần quán niệm, quán tưởng, quán chiếu trong mọi lúc, mọi khi. Nói tinh tấn như thế không có nghĩa là cố gắng kịch liệt, quá sức lại thành ra hỏng, nguy hiểm! Ông có hiểu cái tinh tấn chừng mực, không giùn mà cũng không căng như sợi dây đàn không, này Meghiya?

- Thưa, đệ tử hiểu.

---

(1) Kalyāṇamitta.
(2) Sīla.
(3) Dhammakāmatā.
(4) Viriya.

- Dể duôi, biếng nhác, giải đãi là một cực đoan, mà cố gắng quá sức, nhiệt tình quá mức lại là một cực đoan khác, ông hiểu chứ?

- Dạ thưa vâng!

- Điều kiện thứ năm là phải trang bị cho mình một trí tuệ đầy đủ, nhất là loại trí thấy rõ sự sanh, sự diệt[1] của của các pháp chúng duyên khởi tác động lên thân tâm; có trí khéo léo quán sát về nhân, về duyên, về quả; có trí khéo léo hướng tâm đúng[2] đến mọi sự, mọi vật, mọi pháp, ông có lãnh hội được hết không, này Meghiya?

- Đệ tử sẽ cố gắng!

- Ngoài năm điều kiện kia, vị hành giả cũng còn cần phải quán tưởng thân bất tịnh[3], quán tưởng mười loại tử thi để đối trị với tham muốn, với ái dục, với tình dục; phải tu tập tâm từ[4] phát triển những năng lượng mát mẻ để rưới tắt sân hận; phải tu tập hơi thở vào, hơi thở ra[5] một cách chuyên niệm, khắng khít, miên mật để tà tư duy[6] không có cơ hội phát khởi; hằng quán vô thường, sanh diệt của năm uẩn để diệt trừ ngã mạn. Và chính nhờ quán vô thường, vô ngã này mà hành giả có thể đạt chánh trí, giác ngộ và giải thoát ngay trong kiếp sống hiện tại này.

Giảng đến ngang đây, đức Phật thấy tỳ-khưu Meghiya rất chăm chú lắng nghe, ngài đọc thêm một bốn câu kệ ngôn, với ý rằng:

---

(1) Udayabbhayañāṇa: Trí thấy rõ danh sắc sinh diệt.

(2) Yonisomanasikāra: Hướng tâm đúng sự thật (như lý tác ý).

(3) Asubha: Bất tịnh. Là bất tịnh của 32 thể trược, bất tịnh của thức ăn, bất tịnh qua mười giai đoạn thay đổi và biến hoại của tử thi từ khi mới chết cho đến khi thành đống xương trắng.

(4) Mettā: Tâm từ tức là tình thương vô lượng vô điều kiện - chứ không phải "từ bi quán" như nhiều kinh sách đã lầm lẫn.

(5) Ānāpānassati: Niệm hơi thở vào ra - gồm sổ tức niệm (đếm hơi thở) và tùy tức niệm (theo dõi hơi thở).

(6) Ba tà tư duy: Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.

- Nếu tâm ai chạy theo tà tư duy thô thiển, hèn hạ, thấp thỏi hay tốt đẹp, tế nhị, vi tế thì người ấy luôn luôn bị dao động, thất niệm, phóng dật. Chìu theo tà tư duy thì tâm kẻ ngu ấy không bao giờ an trụ, cứ mải miết, rong ruổi chạy theo đối tượng này sang đối tượng khác không ngưng nghỉ[1].

Bằng nếu không chạy theo tà tư duy, có chánh niệm, biết thu thúc, gìn giữ sáu cửa vào ra với sự tinh tấn thì có thể ngăn chặn được nó một cách dễ dàng, này Meghiya!

Sau đó, đức Phật còn đưa thêm ví dụ người thợ làm tên, cho dù cây có gai, có mắt hoặc cong queo, người ấy có thể vót, tỉa, lấy lửa uốn làm cho mũi tên trở nên ngay thẳng được. Cũng vậy, cái tâm của chúng sanh với những khúc, những mắt, với gai nè chằng chịt, phải biết cắt, biết tỉa, biết vót cho nó trơn tru, sau đó, dùng giới, dùng trí mà uốn nắn mới thành hữu dụng được.

Ví như con cá sống dưới nước, nếu bắt bỏ, ném lên bờ thì nó sẽ vùng vẫy, giãy giụa, cũng vậy, khi tu tập minh sát, nắm được cái tâm, bắt được cái tâm ra khỏi ngũ trần thì nó cũng vùng vẫy giãy giụa y như thế. Vậy nên, hành giả phải quyết tâm, phải kiên trì mới làm yên lắng ba tà tư duy ấy được.

Cuối buổi giảng, tỳ-khưu Meghiya có được pháp nhãn, bước được vào dòng chảy giải thoát. Ông ta sung sướng gục khóc, quỳ ôm chân bụi đức Đạo Sư không thốt được nên lời.

---

[1] Khuddā vitakkā sukhumā vitakkā anugatā manasā uppilāvā ete avidvā manaso vitakke hurā huraṃ dhavati bhantacitto.

Màu Y Vàng
Trên Núi Đá Trắng

Đức Phật sống nơi này yên tĩnh hơn một tháng thì các bà-la-môn gia chủ, đạo sĩ hành cước tìm đến vấn đạo. Rồi dân chúng trong vùng cũng tò mò thăm viếng đức Đạo Sư.

Và quả thật vậy, không nói thì ai cũng hiểu; với dáng dấp tôn nghiêm, sắc diện như thần mặt trời, thần mặt trăng cộng lại; đi đứng uy nghi, nhàn thoát, tự tại lúc đi trì bình khất thực nơi này và nơi khác, đức Phật đã thu hút sự tín mộ của nhiều giai cấp. Sự hiện thân của một đức Chánh Đẳng Giác cũng đã được giới bà-la-môn bàn tán, và ngài lại đến ở nơi vùng hẻo lánh này là một vinh hạnh cho cư dân trong vùng.

Tuy nhiên, tại nơi này chẳng có biến cố gì trọng đại, ngài chỉ tốn nhiều thì giờ hơn để thuyết giảng giáo pháp thanh tịnh và thoát khổ mà thôi. Và khi thấy không có chỗ trú nắng, trú mưa cho nhiều người, những vị có tín tâm tự nguyện vận động xây dựng cốc liêu bằng tranh tre nứa lá.

Tháng sau nữa thì số người thọ trì quy giới đã lên đến hằng trăm người. Và người học tu cũng lên đến mấy chục vị. Không mấy chốc, gần đến hết mùa mưa, nơi này đã biến

thành một tu viện với hằng chục cốc liêu rải rác quanh sườn núi.

Mãn mùa an cư, đức Phật phải ở lại thêm một thời gian nữa để giáo hóa học chúng. Tuy nhiên, tôn giả Moggallāna, một số chư vị trưởng lão như Bhaddiya, Kāḷudāyi... đã xuất hiện kịp thời với thêm cả hằng trăm vị tỳ-khưu nữa làm cho ngọn núi đá vôi trắng này chợt trở nên vàng rực.

Thêm một tháng nữa, chư vị trưởng lão tăng ni quanh các quốc độ lân cận hay tin lại dẫn đệ tử của họ tìm đến đảnh lễ đức Phật vấn an sức khỏe của ngài thì vùng Cālikā này đã trở nên quá tải. Bây giờ, các vị bà-la-môn hữu danh, những gia chủ và cư dân trong vùng mới thấy rõ uy lực giáo hội của đức Phật, nơi quy tụ biết bao nhiêu bậc anh tài kiệt xuất cùng với số lượng tăng ni đông đảo chưa từng thấy.

Đức Phật phải yêu cầu tôn giả Kāḷudāyi và Bhaddiya ở lại chăm sóc tu viện mới rồi ngài lại dẫn hội chúng lên đường. Còn Mahā Moggallāna thì tùy nghi, vì đức Phật biết ông ta hiện có năm trăm tỳ-khưu cần phải giáo hóa và đệ tử thì có trời, rồng, dạ xoa ... đủ loại.

Đóa Hoa Vương Quốc

Mới rời núi đá vôi một hôm thì tôn giả Sāriputta xuất hiện cùng một số đông trưởng lão cùng với đệ tử của họ nữa. Khi du hành đến một thi trấn nhỏ thì số lượng chư tỳ-khưu đi theo đã hơn một ngàn vị. Do nhờ có tôn giả Sāriputta và các vị trưởng lão kinh nghiệm nên việc trì bình khất thực, nơi dừng chân ban ngày, ban đêm đều được tính toán kỹ càng và chu đáo.

Hôm ấy, tại một rừng cây mát mẻ, trước một hội chúng đông đúc, thấy đa phần là tỳ-khưu trẻ, đức Thế Tôn đã nói như sau, và đã được các vị đa văn thuật lại:

- Này chư tỳ-khưu! Thuở xưa, ở đây là thị trấn có tên là Desaka, được nổi danh là trù phú, đẹp đẽ. Nơi các đường chợ, người ta chưng bày hàng hóa tươi mắt, khêu gợi lòng tham. Sau các cửa sổ có rèm lụa và nơi mặt tiền của ngôi nhà, có những cô con gái mỹ miều, duyên dáng được trang điểm và phục sức tế nhị bằng châu báu, hương thơm và tràng hoa. Các trò du hí với trống đánh, với kèn thổi, với vũ điệu, với nhạc ca du dương trỗi lên đây đó rất là mê ly, say đắm, quyến dụ lòng người.

Này chư tỳ-khưu! Thật là dễ dàng thay cho các vị khi đi trì bình khất thực nơi một thị tứ giàu có, luôn luôn có đủ

cơm bánh, mật, sữa cùng thức ăn vật cứng, vật mềm khác để nuôi mạng. Mà cũng thật là khó khăn cho các vị khi phải giữ gìn sáu cửa, trang nghiêm thân, trang nghiêm giới, sống đời biết đủ, tỉnh giác, chánh niệm mà không có rối loạn tâm, không có chao đảo trí...

Nhập đề như thế xong, đức Phật đi vào chánh đề với giọng phạm âm như sấm gióng giữa trời mưa:

- Này chư tỳ-khưu! Hãy nghe đây! Đứng trên đỉnh cao ngàn tầm cây thốt nốt còn dễ dàng hơn là thấy sắc đẹp của mỹ nhân mà không nhìn! Đứng trên bờ hố than lửa hừng rừng rực còn dễ chịu hơn là trước âm thanh quyến rũ của cô ca nữ mà không nghe! Suy ra, mùi hương, vị ngon, xúc chạm êm ái đều như thế cả.

Nầy chư tỳ-khưu! Các ông nghĩ như thế nào, ví như có một cô gái duyên dáng, mỹ lệ cực kỳ, với mảnh xiêm lụa mỏng như mây trời, được phô bày trọn vẹn thân vóc ngọc ngà với các đường cong uốn lượn gợi cảm, cô gái ấy đang múa một khúc điệu lả lơi gợi tình, ca một giọng ca dụ mị như bồ câu gọi bạn, như bướm cợt hoa... Có một gã thanh niên trẻ trung, khí huyết dư tràn, hai tay bưng hai bát dầu đầy có ngọn, buộc phải đi qua chỗ cô gái ấy. Tên đao phủ của vua cầm đao đi sau, nói với thanh niên rằng: "Này chàng trai! Không được nhắm mắt, không được bịt tai, hãy đi qua chỗ mỹ nhân! Chỗ nào ngươi làm rơi một giọt dầu, ngay tại chỗ ấy, cái đầu của ngươi sẽ lìa khỏi cổ. Nếu ngươi đi qua hết chỗ mỹ nhân mà không có một giọt dầu nào bị bắn ra ngoài, ngươi sẽ được đức vua tặng thưởng một ngàn đồng tiền vàng".

Này chư tỳ-khưu! Các ông nghĩ thế nào, một ngàn đồng tiền vàng dễ bỏ vào túi hay là cái đầu kia dễ lìa khỏi cổ?

Được chư tăng như đồng loạt trả lời:

- Khó thay là một ngàn đống tiền vàng bỏ túi và dễ thay là cái đầu phải lìa khỏi cổ!

Đức Phật mỉm cười:

- Sai rồi! Rồi ngài tiếp - Một ngàn đồng tiền vàng kia rất dễ bỏ túi! Tại sao vậy? Vì người thanh niên ấy sợ cây đao, sợ đầu lìa khỏi cổ nên y sẽ dễ dàng đi qua chỗ mỹ nhân và không hề làm rơi một giọt dầu nào!

Để cho hội chúng lãnh hội sự thật đã được khéo giảng, khéo thuyết, khéo thí dụ, đức Đạo Sư lại tiếp:

- Nầy chư tỳ-khưu! Bậc hiền trí thuở xưa, không có thanh bảo đao hăm dọa đi sau; và sự thử thách, cám dỗ cũng không phải chỉ thời gian một hồi trống mà suốt bảy ngày bảy đêm trên đường trường, bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào. Sự thử thách, cám dỗ, cạm bẫy không chỉ một mỹ nhân mà thật sự là thiên sắc, thiên âm, thiên hương, thiên vị, thiên xúc. Thế mà bậc hiền trí vẫn không phóng dật, an trú niệm, cột giữ sáu cửa suốt mấy chục do-tuần, đi đến nơi đến chốn, không những chỉ đạt một ngàn đồng tiền vàng mà đạt được cả quốc độ.

Nói thế xong, đức Phật im lặng.

Sau khi hội chúng thưa thỉnh ba lần, đức Đạo Sư đã vén bức màn quá khứ, kể lại một chuyện xưa, sau đó được các vị giáo thọ thuật lại có chút văn chương, chữ nghĩa như sau:

- Thuở xưa có một vị vua cai trị một quốc độ hùng mạnh, ông ta có cả thảy một trăm vị hoàng tử, và đứa con út, một chàng trai anh tuấn, là nhân vật chính trong câu chuyện này.

Đức vua có nhiều từ tâm và giàu lòng bố thí, có đức tin thiêng liêng với các đạo sĩ. Hằng ngày trong cung điện bao giờ cũng có chư vị Độc Giác Phật từ Himalaya đến thọ thực. Nhà vua cúng dường đặt bát không thối thất, không mệt mỏi.

Hoàng tử út, hoan hỷ việc làm của vua cha nên thành tâm cung kính phục vụ chư Phật Độc Giác rất là chu đáo và tận tụy.

Hôm kia, hoàng tử út suy nghĩ:

"- Ta có những chín mươi chín người anh nhưng chỉ có một vương quốc. Bây giờ, khi vua cha còn sống, với tình thương đồng đều, ai cũng có chút ít của cải, tài sản. Nhưng chẳng biết khi vua cha trăm tuổi rồi, tình trạng các hoàng tử sẽ ra sao? Chốn vương vị, quyền lực và lợi danh dễ làm đen tối lòng người, theo đó, thây sẽ phơi, máu sẽ đổ. Nếu biết là chỗ nguy hiểm thì ta nên tìm cách tránh xa trước. Chư vị đại đạo sĩ này, có sự tu chứng bậc cao, có sự thấy biết sâu xa, có lẽ sẽ giúp cho ta những lời dạy bảo khôn ngoan và sáng suốt nhất".

Ngày hôm sau, khi chư Phật Độc Giác đến, hoàng tử út đem lại bình nước trong rửa chân cho các vị ấy, lau cho khô với khăn sạch, đặt bát dâng cúng những món ăn thượng vị. Khi các ngài dùng xong, hoàng tử út dâng nước lọc, tăm xỉa răng và khăn trắng lau tay. Lúc các ngài đã ôm bát, hoàng tử út đến đảnh lễ, ngồi xuống một bên để xin được hầu chuyện.

- Đệ tử ở chỗ cõi đời với mắt thịt tối tăm và đầy bụi, thật không biết chỗ nào là trong, chỗ nào là đục, chỗ nào là tốt, chỗ nào là xấu; không biết nơi nào nên ở, nơi nào nên đi; những việc nên làm và những việc không nên làm! Tương lai thật là mịt mù, bấp bênh và vô định vậy. Vậy xin các ngài chỉ giáo, định hướng cho để đem đến an vui, lợi lạc lâu dài về sau!

Vị trưởng lão chăm chú nhìn hoàng tử trẻ tuổi một hồi rồi khẽ nói:

- Hoàng tử có biết cái mênh mông và rộng lớn của hư không hoặc biển cả chăng?

- Thưa, có thể tưởng tượng được.

- Những tư duy, những vấn đề tiềm tàng trong câu hỏi ấy cũng thật là mênh mông và rộng lớn như thế. Đấy là những thao thức, những trăn trở, những tìm kiếm từ một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời của những bậc hiền triết, những

vị ẩn giả cô độc giữa rừng sâu, non cao, động vắng từ ngàn xưa cho đến ngàn sau. Tuy nhiên, ở đây, hoàng tử đặt vấn đề có giới hạn hay không có giới hạn?

Hoàng tử út chợt đâm ra ngỡ ngàng, bối rối, lúng túng một hồi mới đáp được:

- Thưa, tâm trí của đệ tử chưa đủ kích thước bề rộng cũng như bề sâu để đặt những vấn đề rộng lớn, mênh mông vô giới hạn. Ở đây, thật nhỏ bé và tầm thường là tương lai và sự an ổn của một đời người. Tương lai và sự an ổn của một đời người cũng phải được giới hạn lại nơi những nhu cầu bình thường và giản dị nhất. Đệ tử không có những ước vọng cao xa. Đệ tử sẽ có ví dụ. Ví như một cái hạt hoa nằm trong trái chín, đến thời kỳ, cái vỏ sẽ nứt và những cái hạt sẽ bung ra. Cái hạt bung ra ấy cần phải nương gá vào một chỗ nào có đủ đất, nước, không khí, ánh sáng, không sâu bọ để nó có đủ khả năng nẩy mầm, sinh trưởng, tồn tại, lớn lên để cho sắc, cho hương. Đệ tử chỉ muốn như là cái hạt hoa ấy, là vấn đề giới hạn trong câu hỏi kia vậy.

Vị trưởng lão gật gật đầu, mỉm cười:

- Thật đáng mến thay là ước mơ khiêm tốn của một vị hoàng tử. Vì tâm đức ấy nên ta không ngần ngại tiết lộ cho hoàng tử hay: Cái hạt hoa ấy sẽ không rơi trúng vào chỗ có đất, nước, ánh sáng và không khí đủ điều kiện thuận lợi đâu!

- Phải rồi! Hoàng tử út tuy buồn trong lòng nhưng bình tĩnh nói - Dường như đấy là sự thật mà đệ tử tiên liệu được. Giả dụ như vua cha yêu mến đệ tử, cho kế thế ngai vàng, đệ tử cũng cương quyết không nhận, vì đó là mầm mống tranh chấp, cốt nhục tương tàn. Đệ tử chỉ cần một chút ít của cải và tài sản, chung sống với anh em một cách thuận hòa và yên ấm mà thôi!

Vị trưởng lão nói nhỏ lại:

- Một chút ít ấy cũng không có đâu. Cái hạt hoa kia mà rơi xuống nơi này thì nó sẽ không tồn tại, huống nữa là cho sắc, cho hương!

Ngại rằng xác định sự thật ấy vị hoàng tử nhân hậu này sẽ đau khổ, bậc trưởng lão nói thêm:

- Tuy thế, nó sẽ có một nơi khác. Sức bung của hạt hoa ấy phải thật xa, phải thật mạnh mới gặp được môi trường thuận lợi. Chính ở đấy sắc hương sau này mới rực rỡ và nồng đượm.

Hoàng tử như vin được chiếc phao giữa lòng biển lớn:

- Xin ngài bi mẫn chỉ dạy?

- Về phương Bắc, cách đây rất xa - vị trưởng lão chậm rãi nói - tại nước Gandhāra, kinh thành Takkasilā chính là môi trường rất thuận lợi đang chờ đợi sẵn. Đấy là điều bí nhiệm, ta biết rất rõ nhưng không thể tiết lộ nhiều chi tiết hơn. Là nếu hoàng tử đi từ đây lên đó được trong vòng bảy ngày, hoàng tử sẽ đạt được vương quốc ấy. Tuy nhiên lộ trình thật là vô cùng gian nan hiểm trở, không biết hoàng tử có chịu khó, có kham nhẫn được không?

- Đệ tử sẽ cố gắng!

- Có hai con đường để đi đến vương quốc ấy. Một con đường đi vòng quanh các khu rừng, ít nguy hiểm nhưng xa đến ba mươi do-tuần, với thời gian bảy ngày thì chẳng thể chạy cho kịp. Con đường thứ hai đi băng qua khu rừng, chỉ có mười lăm, mười sáu do-tuần, đi suốt bảy ngày bảy đêm thì có thể đến kịp. Nhưng lộ trình này cheo leo hiểm trở, vừa độc trùng, thú dữ, lại vừa bị sự thử thách, cám dỗ của phi nhơn và ma quân. Hoàng tử liệu sức mình như thế nào? Ý chí và nghị lực như thế nào? Quả thật nó thiên nan, vạn nan đấy! Đến được vương quốc ấy vừa kịp thời gian bảy ngày, vừa bình an vô sự, nó từa tựa như bằng hai tay mà bơi qua hư không vậy! Chưa có ai làm được! Phải bỏ mạng dọc

đường thôi! Hoàng tử hãy suy nghĩ cho cẩn thận, cho chu đáo!

Hoàng tử gật đầu mạnh mẽ:

- Cái thế của đệ tử là phải gieo trồng hạt hoa nơi vương quốc ấy! Đệ tử sẽ làm được!

- Vậy hãy lên đường ngay, tức thì! Vị trưởng lão ân cần nói thêm - Điều phải ghi nhớ nằm lòng, đinh ninh như nhất, là dầu gặp hoàn cảnh nào cũng phải an trú niệm, giữ gìn sáu cửa, con tâm trong sáng như trăng rằm. Còn phải chuẩn bị tinh thần để nhịn đói, nhịn khát nữa. Một chút giải đãi, biếng nhác, thiếu tinh cần, thiếu tỉnh thức là phải lìa bỏ mạng sống ngay!

- Đệ tử xin ghi nhớ!

- Bây giờ ta sẽ cho hoàng tử vật hộ thân. Nhưng nên nhớ, vật hộ thân này chỉ bảo vệ được những con người có chánh tâm, chánh khí!

Nói thế xong, vị trưởng lão nhắm mắt, niệm chú rồi trao cho hoàng tử một lá bùa bằng cát và một sợi chỉ, lại còn dặn:

- Bình thường, vật để trên ngực, giữ chánh niệm thì được vô sự. Lúc cảm thấy nguy hiểm nhất, lấy bùa này, lấy chỉ này cột lên búi tóc thì chư thiên giúp đỡ, hộ trì; các loài phi nhơn như ma quân, dạ-xoa, a-tu-la không dám xâm hại.

Trao bùa và giáo giới như vậy xong, tất cả các vị Phật Độc Giác biến mất tại chỗ, về Himalaya.

Hoàng tử út đến từ giã vương phụ và mẫu hậu, từ giã những người anh, kẻ thân tín, bằng hữu, nói rõ ý định ra đi của mình, dẫu ai khuyên bảo, can ngăn gì cũng không lay chuyển chàng được.

Có năm tay chân thuộc hạ xin đi theo, nhưng hoàng tử lắc đầu, điềm đạm bảo:

- Việc của ta nên ta phải tự giải quyết. Các ngươi không nên đi theo, nguy hiểm lắm đó!

Do họ cứ khăng khăng nguyền sống chết có nhau nên hoàng tử đành phải ưng thuận.

Họ khoác hành tranh lên đường khi trời đất còn mờ sương. Họ tiết giảm tối đa thời gian nghỉ ngơi và ăn uống. Ngày thứ nhất, họ đến địa đầu khu rừng hướng chênh Bắc được an toàn. Nghĩ đến lời dạy bảo của vị trưởng lão Độc Giác Phật, hoàng tử dặn dò thuộc hạ:

- Núi rừng tươi đẹp, cây xanh mát mẻ, chúng ta sẽ bộ hành thoải mái, không mất sức. Nhưng cũng bắt đầu từ đây, mọi nguy hiểm đang chờ đón chúng ta. Hãy cảnh giác và an trú niệm.

Vượt qua cụm rừng đầu tiên thì bóng chiều đã ngả, lùm cây xòe tán, sương mờ huyền ảo, một con suối sực nức mùi hương hiện ra trước tầm mắt mọi người như một phép lạ. Rồi kìa! Một xóm nhỏ với lầu gác, với những căn nhà nhỏ xinh xinh, rực rỡ đèn treo, hoa kết nằm bình yên trên nền đá trắng, lác đác chỗ này chỗ kia là những cụm hoa vàng, hoa da cam, hoa màu tím nhạt... Cả đoàn bâng khuâng dừng lại. Họ đăm đăm nhìn con đường mòn chạy viền bãi cỏ xanh như dải lụa bạch dẫn đến chiếc cầu lơ thơ liễu rủ. Từ đâu đó, một cô gái đẹp như tiên nga, yểu điệu dáng hồng, tay vin cành liễu, nụ cười mê hồn, cất giọng oanh vàng thỏ thẻ:

- Hoa nở chóng tàn, tuổi xuân nào có mấy khắc, sao các chàng không dừng chân ngơi nghỉ?

Rồi sau đó là một đoàn tiên nữ vén mây bước ra, xiêm áo mỏng mảnh như màn sương, dáng ngà uyển chuyển, vóc ngọc lồ lộ, ấp úng thẹn thùa, nụ cười gợi tình, mắt môi lúng liếng...

Năm người tùy tùng tim đập bồi hồi, đôi chân sụm xuống. Hoàng tử một thoáng rung động nhưng an trú niệm lại ngay, mắt nhìn thẳng, chân bước đều, hùng dũng như viên hổ tướng. Năm thuộc hạ thấy thế như được hồi sinh, dẫu uể oải, tiếc rẻ nhưng cũng phải cố gắng bước theo.

Bỗng, một người đi chậm lại. Hoàng tử hỏi:

- Sao ngươi không theo kịp các bạn?

- Thưa, chân tôi bị đau! Chỉ cần ngồi nghỉ nơi xóm này một khắc, lấy lại sức, tôi sẽ lên đường ngay!

Hoàng tử nhăn mày:

- Chúng là phi nhơn, ma nữ hoặc dạ-xoa nữ đấy! Chúng lấy sắc đẹp quyến dụ ngươi, rồi qua một đêm, ngươi chỉ còn là một đống xương trắng hếu! Hãy liệu chừng!

Người kia cười lạt mà rằng:

- Dẫu sự việc có là như vậy, tôi cũng không thể đi được nữa, thưa hoàng tử!

Nhìn thần sắc và nghe cách nói của người kia, hoàng tử biết là khó lòng khuyên can được, chàng bèn thở dài rồi than:

"- Ôi! Sắc đẹp! Hỡi thiên sắc ma quân! Ngươi đã đánh thắng người bạn của ta ngay nơi vương quốc khả ái và mê hoặc này! Ngươi chính là mũi tên hoa có tẩm độc, sẽ bắn thẳng vào trái tim bạn ta, không nhức đau, chỉ là vết tử thương dịu dàng, êm ái! Nhưng ta sẽ vĩnh viễn đánh bại ngươi, bằng an trú niệm, bằng sự tỉnh thức miên tục, trường kỳ!"

Rồi hoàng tử xót xa mà lên đường với bốn người còn lại.

Chàng trai đắm sắc, sau một đêm với mỹ nhân, thịt và máu của y chưa đủ một bữa tiệc dính răng cho bầy dạ-xoa nữ.

Đêm thứ hai, năm người như đi lạc vào thế giới âm thanh mê hoặc và xao xuyến lòng người. Đầu núi, triền non, lùm cây, khóm đá... đâu đâu cũng vọng lại giọng ca, điệu hát dặt dìu, xen lẫn là lời bướm ong tình tự, tiếng cười mời mọc, hờn yêu, nũng nịu...

Hoàng tử tỉnh thức ngay:

- Hãy an trú niệm đi các bạn! Nó là lưỡi kiếm vô hình, vô ảnh sẽ xuyên ngọt vào trái tim, vào ý chí, vào khối óc

kiên cường của chúng ta đấy! Kẻ nào bạc nhược tâm hồn thì sẽ nằm xuống nơi chiếc giường của ma nữ, vĩnh viễn không ngồi dậy được đâu!

Trên ngọn đồi thấp, một bầy tiên nữ hiện ra như thực như hư, như có như không...

Một người chợt đi chậm lại.

- Sao vậy? Hoàng tử hỏi - bạn lại bị đau chân à?

- Thưa không! Người kia đáp - Tôi bị đau bụng!

Hoàng tử thoáng nghe nhạc điệu thay đổi, bây giờ đã réo rắt, mê ly đến cùng cực làm chàng bổi hổi, bồi hồi. Thỉnh thoảng lại xen lẫn vài tiếng ư ử dâm dật, lời thốt khẽ như đau đớn, như khoái lạc, dẫu chàng đã tỉnh thức cao độ mà trái tim vẫn rung động mấy lần. Chàng cắn răng, kiên gan chiến đấu với ý nghĩ: Một chút thất niệm ở đây thì ngày mai chỉ còn là một đống xương trắng!

- Hoàng tử hãy đi đi - Người kia mê loạn nói - Tôi tình nguyện nằm chết ở đây!

Hoàng tử thở dài, lấy hết ý chí và sức bình sinh, thốt lên một lời ca chưa từng được nghe:

"- Hỡi thiên âm ma quân! Ngươi đã thắng! Chiếc cầu vồng ngũ sắc âm thanh của ngươi đã êm ái đưa linh hồn bạn ta đến quốc độ khoái lạc và tử vong! Ta hát lên, ca ngợi và tán thán cái tài mê hoặc và sức mạnh quyến dụ của ngươi, sức mạnh ấy còn hơn cả thiên binh vạn mã! Chúng va động vào khối óc và trái tim còn khủng khiếp hơn đao kiếm bổ tung vào đá tảng. Chúng có thể làm bủn rủn một thân chiến tượng. Chúng có thể làm cùn nhụt ý chí và dõng lực kiên cường chiếc thân thần mã nòi giống sindhu tối thượng. Nhưng, ta cho ngươi biết, chúng không thể ràng buộc được gót chân của đệ tử bậc ẩn sĩ. Lại một lần nữa, đệ tử của bậc ẩn sĩ sẽ đánh bại ngươi bằng tâm niệm bình hòa, trung chính và an tĩnh. Vũ khí duy nhất và tối hậu duy nhất của ta là an trú niệm, là sự tỉnh thức miên tục, trường kỳ!"

Hát thế xong, biển âm thanh của dạ-xoa nữ chợt tan mất giữa hư không. Hoàng tử lặng lẽ đưa đôi mắt thương bi nhìn ba người còn lại, bùi ngùi cất bước. Còn kẻ bỏ cuộc, sáng mai, núi rừng lại có thêm một đống xương trắng vô danh.

Rồi tuần tự như vậy, hoàng tử vượt qua, vượt qua... Đến chỗ khu rừng thiên hương, kẻ mê đắm hương rớt lại. Đến chỗ khu rừng thiên vị, kẻ mê đắm vị nằm xuống. Đến chỗ khu rừng thiên xúc, kẻ mê đắm xúc gục ngã. Rốt lại, hoàng tử là chiến sĩ duy nhất và cuối cùng hiên ngang bước qua năm cạm bẫy mà không cần lấy chỉ cột bùa cài lên mái tóc.

Chúa dạ-xoa nữ bặm môi, trợn mắt họp cả bầy lại, cất giọng the thé:

- Các ngươi là đồ ăn hại! Chỉ có sáu con mồi mà cũng để cho sổng mất một con. Hãy chịu tội đi!

Đoàn yêu nữ đồng quỳ xuống van xin được tha tội. Chúa dạ-xoa giận dữ gầm lên. Cả bọn quỳ mọp lạy lục như tế sao, phân trần:

- Quả thật là chúng con oan! Chúng con thật đã hết khả năng. Làm sao chúng con có đủ sức để đánh bại đệ tử của bậc ẩn sĩ ở Tuyết Sơn?

Nghe nói vậy, chúa dạ-xoa nữ dịu giọng:

- Nếu đúng y là đệ tử của những đạo sĩ mặc áo vỏ cây ở Himalaya thì ta sẽ tha cho tội chết!

- Xin chúa hãy ra tay! Bọn yêu nữ đồng thanh tâu - Và hãy túm ngay trái tim của nó xem thử nó run rẩy như thế nào?

Chúa dạ-xoa nữ chợt hóa hình thành một con quỷ sáu đầu, mười hai tay, mười hai chân, cất giọng cười ngạo mạn, rúng động cả hư không, rồi nói:

- Ta mà ra tay thì thầy của y ta cũng nhét trong đũng xiêm, huống hồ là tên đồ đệ!

Rồi ngạo mạn, vênh váo nói:

- Thôi, ta cho các ngươi lui! Khi nào có lệnh, phải tụ họp đầy đủ trong nháy mắt. Hãy để phần tên trẻ ranh cứng đầu ấy, ta sẽ dạy cho y bài học lễ độ!

Bèn hóa hiện ngay dung sắc một thiên nữ diễm kiều, đẹp đến nỗi, ai nhìn vào cũng phải nín thở; rồi ma nữ như cánh hoa trời, lướt qua hư không, theo sát sau lưng con mồi khó nuốt.

Nhắc lại, hoàng tử sau khi vượt thoát năm loại cám dỗ, ra khỏi khu rừng thì bắt đầu nhìn thấy đất trời quang đãng, xóm làng đông vui, khoan khoái thở một hơi dài, nhưng rồi chàng lại trực thức ngay, tự nhủ:

"- Tuy ta đã chiến thắng nhờ không phóng dật, nhờ an trú niệm, nhờ sự tỉnh thức miên tục, trường kỳ, nhưng đến đây, đã thật sự an toàn chưa? Ở nơi cái chỗ bình lặng có vẻ an ổn này, biết đâu loài chúa dạ-xoa vẫn hờm sẵn cạm bẫy chực chờ đâu đó? Phải cảnh giác đề phòng, không được xem thường uy lực và sự xảo quyệt của chúng!"

Vừa nghĩ thế xong, sau lưng liền có tiếng gọi:

- Chàng ơi! Đợi thiếp đi với!

Hoàng tử cảm nghe rúng động cả người, chưa kịp có phản ứng gì thì một mùi hương kỳ lạ phủ chụp làm cho chàng đê mê, ngây ngất... Hoàng tử cắn lưỡi, phun máu để cơn đau làm tỉnh thức lại nhưng âm thanh mê hoặc kia, mùi hương quái ác nọ còn làm cho chàng dường như mất hết mọi khả năng tự kháng. Bất giác, hoàng tử quay đầu lại và chàng đã đứng sững như trời trồng. Dưới trời đất này sao lại có được cái ma sắc kỳ lạ như thế? Và cũng khiêu khích, gợi tình đến thế? Cả toàn bộ con người nàng đều phát tiết ra, nói lên, chưng bày trọn vẹn, tuyệt hảo tất cả cái hoàn mỹ nhất của tạo hóa, kèm thêm cái no đầy, tươi mát, tràn trề của khoái cảm nhục dục nữa.

Khi hoàng tử đứng lại và run rẩy toàn thân như chờ đợi thì nữ chúa dạ-xoa không ngạc nhiên gì trước sự chiến thắng

không cân sức này. Chính những bậc ẩn sĩ, đạo sư, đạo sĩ... oai nghiêm lẫm lẫm cũng đã từng bị nàng đo ván trên mặt trận sắc, thanh, hương... cường liệt này. Họa hiếm mới thất bại. Còn đối với chàng trẻ tuổi non nớt này... nàng mới chỉ sử dụng một phần công phu tiểu xảo.

Khi nữ chúa dạ-xoa bước tới với con mắt lúng liếng đa tình, với nụ cười lẳng lơ mê hồn, với mùi hương thơm lừng quyến rũ, với xiêm y mịn màng trong suốt... quàng tay ôm hoàng tử thì nàng chợt thối lui, da mặt tái xanh, hốt hoảng! Một cái gì đó, chớp nhoáng, buốt ngọt như mũi tên nhọn đâm xuyên qua ngực nàng làm nàng đau điếng, toát mồ hôi hột... Nữ chúa dạ-xoa đứng ngây kinh hoàng, hai mắt trợn trừng, ngạc nhiên không xiết kể.

Về phần hoàng tử, sau khoảnh khắc ấy, như từ vùng đen đặc tối tăm, một điểm sáng lóe lên rồi dần dần lan rộng. Mọi cơ năng, cảm quan, ý chí từ từ hồi phục. Hoàng tử cắn lưỡi, phun ra một bụm máu nữa. Giờ thì chàng đã tỉnh thức hoàn toàn. Hoàng tử hiểu, hai tay chàng chợt đưa lên ngực, ở đó có lá bùa cát. Nhờ uy lực của trưởng lão Độc Giác Phật, nếu không chàng đã gục ngã rồi.

Ma nữ nghĩ:

"- Tuy thế, vẫn còn có nhiều cơ hội. Cuộc chiến đấu này thú vị đây! Có cam go thì sự thành mới đáng hãnh diện. Ta còn có thiên vị, thiên xúc; đồng thời lặp đi lặp lãi mãi thiên sắc, thiên âm, thiên hương nữa. Cuối cùng, có thể tung ra đòn tối hậu, một loạt cả năm món vũ khí ấy. Nhưng phải để ý coi chừng, dường như có lá bùa 'bạch pháp' nơi ngực hắn!"

Từ lúc ấy, nữ chúa dạ-xoa như hình với bóng theo bên hoàng tử, dùng đủ mọi cách, mọi mưu mô để cám dỗ chàng cho bằng được. Nhưng nữ chúa dạ-xoa đã lầm. Hoàng tử đã hoàn toàn lấy lại sự tỉnh thức ban đầu.

Trên đường, có người hỏi:

- Này mỹ nhân! Người đi trước nàng là ai vậy?

Nữ chúa dạ-xoa nhu mì đáp:

- Là người chồng trẻ yêu quý của tôi đó.

Rồi người ta nói với hoàng tử rằng:

- Này bạn! Khi bạn có người vợ tuyết sắc, mỹ miều, đẹp như bó hoa, tế nhị như nụ hoa, rực rỡ như vòng hoa. Nàng như được mở ra từ trong một hộp châu báu chói ngời, từ trong một hộp kỳ hương thơm lừng lựng! Nàng đã bỏ gia đình mà theo bạn và đặt lòng tin nơi bạn. Vậy sao không thân yêu đi với nhau, tay trong tay, kề sát nhau hơn, bạn nỡ nào lạnh lùng và vô tình đến thế?

Hoàng tử đáp, mắt nhìn thẳng phía trước:

- Các bạn hãy liệu chừng! Nó không là nữ chúa dạ-xoa thì cũng là "đầu nậu" dạ-xoa đấy! Nó không phải là vợ tôi đâu. Nó đã quyến dụ và ăn thịt năm người bạn đồng hành của tôi rồi đó.

Nữ chúa dạ-xoa cười duyên mà đáp:

- Ôi! Thưa các ngài! Khi mà người đàn ông đã ăn ở hai lòng thì người vợ đầu gối tay ấp, ân ái mặn nồng cũng biến thành nữ yêu, nữ quỷ hết!

Người ta tin nàng. Còn hoàng tử thì cứ một mực cắm cúi, rảo bước nhanh, tất cả lời tiếng gì cũng như gió thoảng ngoài tai. Nữ chúa dạ-xoa bắt đầu tức tối, hậm hực... khi hiện hình có mang, khi hiện dáng sanh con, khi ẵm con bên nách, khi thì hiện người bị tình phụ... Đến mỗi chỗ dừng chân, nữ chúa dạ-xoa lại bày biện thức ăn đẹp mắt và ngát mùi thơm. Chỉ nhìn và ngửi thôi cũng đã thèm đến rỏ dãi vì đấy là thiên hương và thiên vị. Nàng lại còn trang hoàng chỗ nằm êm ái và khêu gợi như chiếc giường của dạ-ma phu nhân rồi trổ tài nũng nịu, mắt liếc mày đưa, phô đùi, phô ngực, phô da thịt nõn nà... Nhưng nữ chúa dạ-xoa đã lầm. Hoàng tử của chúng ta luôn tỉnh thức và an trú niệm.

Chỉ còn mội đỗi đường nữa là vào vương quốc Gandhāra, kinh thành Takkasilā, hoàng tử ngang nhiên quay lại, đối mặt trực diện với nữ chúa dạ-xoa, mỉm cười mà rằng:

- Nữ chúa ma quân! Ngươi không còn là kẻ vô địch nữa rồi!

Nữ chúa đanh đá đáp lại:

- Ta không tin như thế. Rồi có lúc, ngươi cũng phải nằm xuống, quỳ xuống, trườn tới mà hôn cái gấu xiêm của ta!

Hoàng tử cười ha hả một hồi rồi nghiêm sắc mặt:

- Rồi có lúc, ngươi cũng tan theo bóng tối!

Đến trước cổng vào hoàng cung, hoàng tử dừng chân ở nhà chiêm bái, nghĩ rằng:

"- Nếu có nguy hiểm thì nó sẽ xảy ra vào thời khắc cuối cùng này. Ngoài ý chí quyết liệt và sự tỉnh giác liên tục, ta sẽ bảo vệ tuyệt đối an toàn bằng lá bùa hộ mệnh bất khả xâm phạm".

Bèn lấy sợi chỉ, cột bùa cát lên mái tóc, hoàng tử cầm gươm và đứng dậy.

Chiều xuống rồi tối lại. Nữ chúa dạ-xoa hy vọng đêm nay sẽ đánh gục được hoàng tử bằng chiến thuật tối hậu nhưng vừa bước vào cửa, nàng lại thụt lùi, sợ hãi. Hoàng tử cầm gươm, đứng bất động như pho tượng thần toát ra uy lực của phạm đế. Lâu lâu nàng lại nhìn vào. Và hoàng tử vẫn không đổi tư thế, không hề lay động, thanh gươm chấp chóa ánh trăng. Một cái gì buốt lạnh va vào tim nàng, run lẩy bẩy. Nàng thở dài, tuy thế, vẫn kiên gan chờ đợi.

Canh ba về sáng, biết là giờ khắc quan trọng, nếu không chiến thắng thì sẽ vĩnh viễn chiến bại, nữ chúa dạ-xoa bèn huy động tất cả chiến thuật mê hồn nhất của loài yêu. Nàng hiện hình hằng chục tiên nữ đẹp và khêu gợi đến hồn xiêu phách tán, lõa lồ, trần truồng, ẩn ẩn hiện hiện chập chờn xung quanh hoàng tử với lời tiếng nỉ non, tình tứ. Hương

của cõi trời, của thiên nữ sực nức gian phòng. Tiếng cười dâm loạn lẫn nhạc ca du dương như mời gọi chàng vào cuộc đắm say trường lạc.

Đêm đã qua, cuối cùng, chúa dạ-xoa thất bại. Nàng vẫn chưa chịu bỏ cuộc mà hiện hình thành một thiếu nữ khuê các, hiền thục, trâm anh đứng tựa bên cửa...

Sáng sớm, đức vua nước Gandhāra ngự du hoàng thành, đến nhà chiêm bái, thấy cô gái, ngài cho dừng voi lại. Đăm đăm nhìn mỹ nhân, nhà vua rúng động, mồ hôi vã ra, tim nhảy loạn, hơi thở dồn dập. Suốt đời làm một vị vua chí tôn, ông chưa làm chủ được một mỹ nhân thanh tân diễm lệ đa tình như thế! Lâu lắm, nhà vua mới mở lời, dường như bị đứt hơi:

- Nàng là ai? Từ đâu đến? Có chồng hay chưa?

- Kẻ hèn mọn là gái có chồng! Nữ chúa dạ-xoa đoan trang nhỏ nhẻ đáp - Chồng tôi đang nghỉ kia, trong nhà chiêm bái. Kẻ hèn mọn phải đứng hầu, mong bệ hạ lượng thứ!

Hoàng tử nghe vậy, bước ra tâu:

- Nó không phải vợ tôi. Nó là nữ chúa dạ-xoa đang tìm cách cám dỗ tôi. Nó đã ăn thịt năm người bạn đồng hành của tôi. Xin bệ hạ thận trọng!

- Ôi! Tâu đại vương! Nữ chúa dạ-xoa mỉm cười duyên dáng, mê hồn rồi nói - Khi người đàn ông đã đổi dạ thì nó muốn nói gì mà chẳng được!

Đức vua đưa mắt nhìn chàng trai:

- Vậy thì ngươi không phải là chủ nhân của mỹ nhân kia chứ?

- Đã không phải là chủ - hoàng tử đáp - cũng không phải là người quen biết mà lại còn sợ bị nó ăn thịt nữa!

Đức vua cười ha hả:

- Vậy thì tốt! Hãy ăn thịt ta đi, hỡi nữ chúa dạ-xoa! Trong vương quốc này, vật gì không có chủ là thuộc phần ta!

Vua gọi cô gái đến, ẵm nàng lên lưng voi, cho ngồi kề sát mình rồng, dạo khắp thành một vòng, về cung, đặt lên địa vị hoàng hậu.

Không mấy chốc, việc này được đồn đãi khắp nơi. Người hiếu kỳ, kẻ tò mò. Ai cũng bàn tán, ngạc nhiên, sao chàng trai kia lại từ chối, không nhận vợ là một cô gái thiên kiều bá mị, đẹp tuyệt trần? Một số quan lại, đại thần lão niên đến gặp chàng trai để mong hiểu rõ tường tận sự việc. Hoàng tử cứ tình thật kể lại. Nghe xong, các vị đại thần đứng dậy, nghiêng người xá hoàng tử rồi kính cẩn thốt lên:

- Vĩ đại thay là chiến thắng này! Một vạn lần chiến thắng hùng binh cũng không bằng một lần chiến thắng mình, chiến thắng mỹ nhân và dục vọng! Chàng trai quả xứng đáng là đệ tử của các bậc ẩn sĩ thanh tịnh!

Sau đó, họ lại than rằng:

- Tại sao quốc độ của chúng tôi lại thiếu phước, không sản sinh được một đức vua, chỉ cần bằng một phần mười sáu đức hạnh của chàng trai này? Ôi! Mấy chục, mấy trăm vợ chính, vợ hầu rồi mà cũng không thỏa cái bầu nhục dục vô độ ư? Nước nhà sẽ tan nát vì con quỷ cái kia mất thôi!

Đêm ấy, trên long sàng, nữ dạ-xoa khóc thổn thức. Vua ân cần hỏi:

- Nàng có điều chi không được vừa ý?

Dạ-xoa chúa nũng nịu:

- Kẻ hèn mọn đã được đại vương thấy ở giữa đường, đem về cung đặt lên địa vị hoàng hậu. Ân mưa móc trời biển ấy, tôi không dám quên. Nhưng ở đây, giữa đám hậu, phi, cung nga thể nữ, chắc hẳn họ sẽ coi tôi như là thù địch. Đại vương có biết, rồi họ sẽ nói như thế nào về kẻ hèn mọn này không?

- Con mèo dấu yêu của trẫm, cứ nói!

- Tâu đại vương! Nàng chợt cất giọng giận dữ - Họ sẽ nói, cha ngươi là ai, mẹ ngươi là ai, dòng họ thọ sanh của ngươi như thế nào? Ôi! Họ sẽ nạt nộ, nhục mạ, sẽ nói những câu ngu ngốc như thế. Họ lại còn bĩu môi, biếm nhẽ mà rằng: Ngươi là cái thứ chi mà đến đây nhận địa vị hoàng hậu? Chỉ là kẻ được đức vua lượm lặt dọc đường, dọc sá đó thôi!

Đức vua có vẻ trầm ngâm bất quyết trước sự thực đó, nhưng đang đắm đuối vì yêu thuật hớp hồn của ma nữ nên dịu dàng nói:

- Vậy thì ta có thể làm gì để giúp đỡ một nửa trái tim của ta không?

- Sao lại không được! Dạ-xoa chúa giận dỗi, hờn mát - Phải mà! Đại vương có yêu thương gì tôi đâu! Với quyền uy của đức vua chí tôn mà lại không giúp được hay sao? Thôi, chúng ta hãy tuyệt tình từ nay!

Nói xong, dạ-xoa ngồi bật dậy với thái độ quả quyết. Đức vua hoảng hốt níu lại:

- Ta yêu nàng hơn cha, hơn mẹ, hơn cả tông môn thánh miếu, hơn cả ông trời, ông đất. Vậy thì gì nào? Nàng muốn gì nào?

Nữ chúa dạ-xoa dịu giọng:

- Đại vương chỉ cần cho phép thiếp sử dụng thế lực và quyền uy trên vương quốc này thì thiếp sẽ bỏ ngoài tai tất cả những lời gièm pha, phỉ báng kia!

Đức vua nhăn mày rồi ngọt ngào, vỗ về:

- Điều ấy không được rồi! Điều ấy cần hỏi ý kiến của các quan đại thần, lại còn phải được sự chấp thuận của những vị lão thần dày công hãn mã[1] nữa...

---

[1] Mồ hôi ngựa - ý nói là công lao sâu dày lập chiến công ngoài chiến trường để xây dựng quốc độ, bảo vệ giang sơn.

Chúa dạ-xoa giả vờ hiểu lẽ phải trái, đồng ý điều ấy là khó xử nên đi qua mưu kế bước hai:

- Không thế lực cả vương quốc thì thế lực trong hậu cung thì được chứ? Vả chăng, đã là hoàng hậu thì kẻ hèn mọn này có quyền uy như vậy chứ?

Đức vua gật đầu. Thế là hôm sau, chúa dạ-xoa lấy quyền uy của mình đi kiểm soát tất cả cung phòng, cửa ngõ, đếm số người và thu giữ tất cả chìa khóa. Ai cũng căm giận nhưng chỉ biết cắn răng chịu đựng vì quyền uy của nàng đã được đức vua trao cho một cái triện ngọc đỏ chói.

Đêm ấy, trên long sàng, nữ chúa dạ-xoa đoạn lìa sanh mạng của đức vua, ăn tất cả gân, da, máu và thịt, chỉ để lại xương và tóc. Nó còn dùng thần lực gọi hằng trăm dạ-xoa cái thuộc hạ, trao cho những chìa khóa, lần lượt ăn thịt hết hậu, phi, cung nga thể nữ... cho đến chó gà cũng không bỏ sót. Các loài vật to lớn như voi, ngựa, bò, dê... thì chúng không thèm ăn, chỉ giết để làm thú tiêu khiển.

Sáng mờ, nữ chúa dạ-xoa oai vệ phi ra cổng thành, sau lưng là đám thuộc hạ như làn khói đen, về trú xứ của chúng, bỏ lại đằng sau một hậu cung xương máu và lạnh ngắt...

Mặt trời lên đã lâu mà cửa nội cung không ai mở. Giờ canh báo sáng đã lâu mà lầu cao, lầu thấp ở bên trong đều im ỉm, cửa Đông cửa Tây vắng hoe, không nghe một tiếng động... Tốp binh ngoại thành sinh nghi, hô hoán lên. Một số tìm cách phá cổng, đạp cửa mà vào. Đâu đâu cũng vương vãi máu và xương. Không còn một ai sống sót.

Cả kinh thành rúng động, kéo nhau đến tận nơi chứng kiến thảm cảnh kinh hoàng. Các vị lão thần cho họp bá quan để xử lý mọi việc trên đống xương tàn.

Khi tất cả mọi nơi đều đã được thu dọn sạch sẽ, một cuộc hội nghị cấp tốc được hình thành. Người ta thảo luận nguyên nhân khiến đức vua và mấy trăm người đẹp nội cung bị thảm sát và việc ngôi vua đang bị bỏ trống.

- Chuyện người thanh niên nói về nữ chúa dạ-xoa là có thực, đã được minh chứng. Còn nhà vua của chúng ta vì đắm sắc mà bị thảm sát. Ấy là bài học đắt giá, bài học ngàn đời! Quốc độ của chúng ta cần một đức vua đoan chính, đức hạnh để trăm họ được nhờ!

Một vị lão thần góp ý quyết định:

- Sao triều thần không triệu thỉnh ngay chính chàng trai lạ lùng, với câu chuyện thật mà khó nghe, khó tin ấy? Y hiện đang ở nhà chiêm bái. Y đã một đêm một ngày cầm gươm chiến đấu với nữ chúa dạ-xoa, không cần ăn, không cần uống, thân bất động như tượng thần, khí sắc trầm tĩnh và an nhiên như hư không. Kẻ mà có sáu cửa thanh tịnh đến độ vượt qua năm loại cám dỗ của ma quân, kiên trì an trú niệm để chiến thắng dục vọng của chính mình, lại không xứng đáng cho vương quốc này tôn thờ và ngưỡng vọng hay sao?

- Xứng đáng! Xứng đáng làm vua kế vị!

Văn võ bá quan nhất trí tung hô, vui tươi, hoan hỷ về quyết định sáng suốt ấy.

Thế là cung điện trong ngoài được đèn treo, hoa kết. Làm biếc những thảm cỏ xanh. Rải hương, xông trầm các nơi tanh tưởi, dơ uế. Làm sạch các vệt máu loang lổ trên tường, nơi cửa sổ, dưới nền hoa... Sau đó, bá quan văn võ kéo nhau sau lưng chiếc kiệu rồng, rần rộ đến nhà chiêm bái. Trong khi đó, dân chúng khắp kinh thành hay chuyện, họ chưng bày bàn hương bái vọng, nô nức vui cười, reo ca nhảy múa, bừng bừng cả trời hoan lạc và thanh bình.

Hoàng tử được làm lễ quán đỉnh lên ngôi vua, trị vì quốc độ đúng chánh pháp, luôn được các vị Phật Độc Giác ở Himalaya nhắc nhở, dạy bảo về những thiện pháp như bố thí, trì giới, yêu dân như con, công bình, liêm chính và trong sạch...

Đức Phật thuyết xong, không gian xung quanh chợt yên lặng như đất trời vào đại định. Hội chúng yên lặng theo,

chìm đắm trong tư duy, không một tiếng ho, không một cử động nào của thân, của chân tay, không một hơi thở thô tháo. Họ kính trọng sự yên lặng của đức Bổn Sư. Họ kính trọng sự yên lặng của pháp. Họ kính trọng sự yên lặng của pháp ngữ, pháp nghĩa...

Lâu lắm, đức Phật mới tiếp tục mở lời:

- Này chư tỳ-khưu! Thật hy hữu thay là câu chuyện trên, là bài pháp thậm thâm vi diệu chưa từng được nghe! Chư vị biết gì, hiểu gì về pháp ngữ, pháp nghĩa ẩn đằng sau câu chuyện ấy?

Này chư tỳ-khưu! Hoàng tử vượt qua năm loại cám dỗ ấy là Như Lai thuở xưa đó! Nhờ vượt qua năm loại cám dỗ mà hoàng tử đạt được vương vị và quốc độ! Nhưng nếu ý nghĩa chỉ có chừng ấy thì Như Lai không nói thậm thâm vi diệu. Tại sao vậy?

Này chư tỳ-khưu! Bài pháp ấy phải được hiểu một cách rõ ràng như sau: Năm loại cám dỗ là sắc, thanh, hương, vị và xúc được sắp đặt trong năm khoảng rừng cám dỗ khác nhau; năm người bạn đồng hành gục ngã tượng trưng cho mắt, tai, mũi, lưỡi và thân gục ngã. Còn nếu "ý" không gục ngã, biết kiên cường, kiên trì an trú niệm được hiện thân là hoàng tử vậy.

Này chư tỳ-khưu! Trên đường tầm cầu giác ngộ, giải thoát khổ sinh tử, phiền não, tiến tu vất vả, gian lao đầy những cạm bẫy, những ma chướng; nếu mắt tai mũi lưỡi và thân có bỏ cuộc, có gục ngã, nhưng "ý" không bỏ cuộc, không gục ngã, kẻ ấy vẫn tồn tại trong giáo pháp của Như Lai! Nếu "ý" không bỏ cuộc, không gục ngã, vẫn cầm gươm không lay động, thì cuối cùng, ý vẫn đạt được vương vị, đạt được đóa hoa vương quốc!

Đóa hoa vương quốc ấy còn cần phải được hiểu là an lạc, là chân phúc, là Niết-bàn vậy.

Và tại sao hoàng tử phải lên đường trong vòng bảy ngày? Điều này Như Lai cũng đã từng tuyên thuyết, khéo giảng, khéo ví dụ! Pháp tu Tứ niệm xứ của Như Lai không cần thiết phải trải qua bảy năm, bảy tháng mà chỉ cần bảy ngày rốt ráo nhất tâm tỉnh thức, an trú niệm thì đóa hoa vương quốc, Niết-bàn tối thượng sẽ thành tựu trong tâm vị ấy, không sai trật, không lâu, không chậm vậy.

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BỐN
(Năm 574 trước TL)

Các Loại Cỏ

Đầu xuân, khi trời mát mẻ, đức Phật tính chuyện lên đường trở về Sāvatthi. Thấy hội chúng quá đông, đức Phật bảo chư vị trưởng lão mỗi vị dẫn mỗi nhóm, mỗi chúng phân phối theo nhiều lộ trình, qua nhiều thôn làng để tiện việc khất thực.

Hôm kia, trời chiều, cạnh một khu rừng, với đại chúng vây quanh, đức Phật ngắm nhìn một bọn trẻ đang quây quần vui chơi bên một đám bò đang ăn cỏ; và xa xa bên kia, lại có một đám trẻ khác dường như đang lựa tìm để cắt những đám cỏ xanh non hơn; ngài chợt mỉm cười cất tiếng gọi:

- Có tỳ-khưu Sotthiya đấy không?

- Thưa có, bạch đức Thế Tôn.

Khi tỳ-khưu Sotthiya đến đảnh lễ đức Phật rồi tìm ngồi nơi phải lẽ. Đức Phật hỏi:

- Thuở trước, ông là một đứa trẻ chăn bò, ông có dâng cho Như Lai tám bó cỏ kusa để Như Lai kết nên một bồ đoàn; cỏ ấy quả thật là cỏ thơm và lâu hư mục, vậy chắc ông trước đó là một người chăn bò khéo giỏi nhỉ?

- Thưa, không dám thế đâu! Nhưng đệ tử biết tất cả các loại cỏ như cỏ hôi, cỏ đắng, cỏ độc, cỏ thơm, cỏ nhuận

trường, cỏ táo bón, cỏ có gai, cỏ không gai, cỏ mau thối rữa, cỏ lâu hư mục... bạch đức Thế Tôn!

- Thật diệu kỳ thay, này đại chúng! Các pháp ở thế gian, Như Lai cũng nhận thấy là có pháp hôi, có pháp đắng, có pháp độc, có pháp thơm, có pháp nhuận trường, có pháp táo bón, có pháp có gai, có pháp không gai, có pháp mau thối rữa, có pháp lâu hư mục y như Sotthiya đã nói vậy đó!

Khi thấy đại chúng đều mở to đôi mắt ngạc nhiên, có vẻ quan tâm muốn nghe lời mở đầu kỳ lạ như thế; đức Phật bèn cất giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim Ca-lăng-tần-già lảnh lót, vang ngân giữa rừng chiều thinh lặng:

- Này các thầy tỳ-khưu! Sau khi giác ngộ dưới cội bồ-đề, với tuệ thế gian thông suốt, với tuệ xuất thế gian viên mãn, Như Lai thấy biết rõ ràng pháp trong, pháp ngoài, pháp gần, pháp xa, pháp thô thiển, pháp vi tế, pháp đen, pháp trắng, pháp xấu, pháp tốt một cách minh nhiên, như thị.

Thế nào là pháp có mùi hôi? Đấy là những người không có giới đức, sống trược hạnh, hành ác hạnh mà lại muốn lập tông, lập giáo, làm đạo sư, làm chân sư, làm giảng sư rồi thuyết giáo lung tung, huyên thuyên nơi này và nơi khác, tưởng mình là trung tâm của vũ trụ, tưởng mình là ngôi sao lóe sáng giữa trời cao; thì lời nói ấy, pháp ấy, luôn tỏa ra mùi hôi, mùi ác uế, mùi thô trược phải nên tránh xa, không nên thân cận, gần gũi.

Thế nào là pháp có vị đắng? Pháp có vị đắng là những lời nói chơn chánh, ngay thật, đúng đắn của các vị trưởng lão vô lậu, của thiện bạn hữu, thiện thân tình khi khuyên ta từ bỏ một vài thói hư, tật xấu... Đôi khi lời nói ấy quá trực tính, khó nghe hoặc đụng chạm đến tự ái, bản ngã của ta nên rất khó ăn, khó nuốt vì nó đắng quá. Nhưng chính nhờ thuốc đắng mới chữa trị được nhiều căn bệnh. Vậy, thuốc đắng ấy mới cần thiết hơn những lời nói ngọt ngào, đường mật, êm

tai, thỏa dạ để cố mua chuộc lòng người trong một mưu đồ, mưu cầu vị kỷ nào đó; các thầy phải thấy rõ, biết rõ như vậy.

Thế nào là pháp có vị độc? Người có bụng dạ độc ác thường được ví như cọp beo, như rắn rít. Vậy, các trạng thái tâm như độc ác, hận thù, bạo tàn, hung dữ... là những thứ đại độc có thể đưa ta xuống địa ngục đồng sôi, địa ngục chão dầu. Ngay chính những vị độc nhẹ hơn như bực tức, nóng nảy, giận hờn, ganh ghét, đố kỵ cũng đừng nên để chúng dính vào tâm, nguy hiểm lắm đó.

Thế nào là pháp có mùi thơm? Người nào có giới, có định, có tuệ thì pháp của họ luôn tỏa ra mùi thơm. Người có giới, định, tuệ thì dù họ nói hay, nói dở, nói ngắn, nói dài, nói dịu dàng, nói gay gắt, nói lắp bắp, nói ngọng nghịu gì gì chăng nữa thì pháp ấy cũng đều thơm tho, ngào ngạt cả. Như bản chất của chiên đàn đỏ, chiên đàn vàng... thì dù quăng vất đâu, đốt xuôi, đốt ngược, và cho dù thành khói, thành tro nó cũng tỏa hương thơm nồng đượm.

Thế nào là pháp nhuận trường? Pháp nhuận trường chính là những pháp bố thí, xả, ly tham. Người nào thực hành những pháp này thì tâm người ấy luôn luôn được trôi chảy dịu dàng, thông thoáng, không có bị dính mắc bởi một chấp thủ sở hữu nào. Khi tâm được buông xả như thế thì thân cũng được nghỉ ngơi, tịnh dưỡng; tất cả thần kinh, khí huyết, mọi tế bào đều được vận hành điều hòa, bình ổn. Đấy còn được gọi là pháp hỷ, pháp lạc được tẩm mát, tràn đầy thân tâm, có lợi cho sức khỏe, có lợi cho sự tiêu hóa, có lợi cho sự xả ly tối thượng...

Thế nào là pháp táo bón? Những cái gọi là keo kiệt, rít róng, bỏn xẻn khi mà nó đã len lỏi vào tâm rồi thì nó sẽ làm cho các pháp lành bị teo tóp lại, khô rúm lại; lâu ngày chầy tháng thì những mầm xanh, những hạt giống lành cũng bị tiêu hoại luôn. Thế rồi, tâm ảnh hưởng đến thân, tác động toàn bộ tế bào, khí huyết trong một chừng mực nào đó nó sẽ

tạo duyên cho sự táo bón kinh niên, vón cục, vón hòn cả đường ruột nữa đấy!

Cả hội chúng phì cười.

Đức Phật cũng cười rồi ngài lại tiếp tục giảng nói như nước chảy mây trôi:

- Còn thế nào là pháp có gai và pháp không gai? Đấy ám chỉ những pháp còn dính mắc gai nè kiết sử và những pháp không còn dính mắc gai nè kiết sử. Ví như một đốt tre có mười lóng dính mắc gai nè rườm rà, ám chỉ cho tâm chúng sanh đang đầy dẫy tham sân si, tà hạnh, trược hạnh. Trên lộ trình tu tập, họ cắt, họ gỡ lần lần những gai, những mắt ấy đi. Nếu cắt được ba mắt thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ thì họ bắt đầu đi vào dòng giải thoát. Làm nhẹ, trẩy sơ sơ hai mắt kế là tình dục và bất bình thì họ đi vào dòng giải thoát thứ hai. Nếu làm sạch luôn hai mắt ấy thì họ đi sâu vào dòng giải thoát thứ ba. Nếu cắt luôn, làm sạch luôn năm mắt cuối là sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng tâm, vô minh thì họ đã là một vị A-la-hán, đã làm xong những việc cần làm trên đời này.

Cuối cùng, thế nào là pháp mau thối rữa và pháp lâu hư mục?

Này các thầy tỳ-khưu! Đây là ám dụ cho những pháp hữu vi, được cấu tạo, do duyên sinh dù vật chất hay tinh thần.

Những pháp hữu vi mau thối rữa chính là những ham muốn thân xác hạ liệt, ô uế; vì chúng mau đưa đến sự nhàm chám, ghê tởm, dơ dáy sớm bốc mùi hôi. Nói rộng hơn thế nữa là tất thảy những dục vật chất qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thuộc dục giới chúng đều cùng một thuộc tính là mau chán, mau nhàm và hằng đưa đến những khổ đau, phiền não thô tháo.

Còn thế nào là những pháp lâu hư mục? Đấy là những ham muốn, những thỏa mãn về tinh thần. Tuy nó nhẹ nhàng

hơn, thanh lương hơn, lâu dài hơn nhưng vẫn đưa đến những ràng buộc, những phiền não vi tế. Nói rộng ra, ngay chính những sắc ái, vô sắc ái, những cảnh giới thiền định này cũng rơi vào định luật trên, tuy có vẻ lâu bền nhưng cũng không chắc thật, chỉ do tưởng sinh, do tưởng thành mà thôi.

Này các thầy tỳ-khưu! Vì thấy ba cảnh giới dục, sắc và vô sắc là hệ lụy, là thống khổ, là hữu vi sanh diệt, là căn nhà lửa nên Như Lai mới công bố pháp giải thoát, pháp siêu xuất ngoài ba cõi ngay chính trong đời sống này, ngay hiện tại này cho những ai có tai muốn nghe, có trí muốn tìm hiểu.

Bài pháp giản dị, cụ thể, vô cùng vi diệu của đức Phật vừa chấm dứt thì đất trời, núi rừng đã đi vào hoàng hôn. Đàn bò và bọn trẻ chăn bò cũng đã lui về thôn xóm đã lâu.

Người Chăn Bò Khéo Giỏi

Chiều hôm sau, chiều hôm sau nữa, lối lên thượng nguồn con sông ấy càng ngày càng hẹp, nước cạn dần nhưng trong dần. Đức Phật và đại chúng cũng trú ngụ qua đêm ở bìa rừng kế cận. Rồi hình ảnh quen thuộc của những đàn bò thong thả gặm cỏ bên sông lại hiện ra. Và vào lúc thích hợp, đúng thời nhất, đức Phật lại tiếp tục câu chuyện về người chăn bò.

- Thế nào, Sotthiya? Đức Phật bắt đầu buổi giảng pháp thoại bằng cách hỏi vị tỳ-khưu chăn bò thuở trước - Muốn cho đàn bò được thịnh vượng, thịnh mãn, tăng bội lợi ích thì người chăn bò khéo giỏi cần thiết phải trang bị cho mình những hiểu biết như thế nào?

- Thưa! Tỳ-khưu Sotthiya đáp - Đầu tiên là phải nhận biết bò của mình một cách rành rõi, nếu không sẽ nhầm lẫn bò của người khác. Ví dụ đàn bò có trăm con thì phải lấy màu sắc, hình dáng, tướng riêng biệt của mỗi con mà phân biệt. Người chăn bò tài giỏi chỉ cần liếc mắt một cái là biết mình có bao nhiêu con màu nâu đậm, bao nhiêu con màu nâu vàng, bao nhiêu con màu vàng nhạt, bao nhiêu đực, cái, già, tơ, mới sinh; bao nhiêu con có tướng chung như vậy,

tướng riêng như vậy, nhất nhất đều biết rõ như trong lòng bàn tay của mình.

Đức Phật mỉm cười:

- Đúng vậy! Thế còn điều thứ hai?

- Dạ thưa! Thứ hai là phải để ý các loại sâu, các loại bọ, bò chét, các loại côn trùng thường ẩn nấp trong lông lá để hút máu, rồi chúng làm tổ đẻ con trong đó nữa, làm cho con bò ngày càng gầy yếu và mất sức đi.

Thứ ba, nếu trường hợp như vậy thì phải chịu khó kỳ cọ, tắm rửa cho chúng thật sạch sẽ.

Thứ tư, ban đêm phải tìm cách đốt khói, xông khói cho muỗi mòng, lằn bọ tránh xa đàn bò!

Thứ năm, khi con nào bị thương do cào xước, do va quệt đâu đó có máu chảy thì phải tìm cách hái lá, nhai lá đắp lên vết thương rồi băng bó cho nó.

- Còn gì nữa không, Sotthiya?

- Thưa, còn nhiều lắm! Thứ sáu là phải biết những khúc sông, khúc suối chỗ nào nước uống được, chỗ nào nước quá nhiễm bẩn không uống được.

Thứ bảy, là phải biết đường đi, lối lại nào là an ổn, an toàn nhất.

Thứ tám, phải biết bến sông chỗ nào có thể lội qua được, chỗ nào không thể.

Điều quan trọng thứ chín, là phải biết bãi cỏ nào là tốt, là ngon có lợi cho dinh dưỡng của bò.

Thứ mười, là lúc bò cái có con, có sữa thì phải biết cách bảo vệ cả mẹ, cả con; mẹ thì phải tẩm bổ thêm mạ, lúa mạch, đôi khi nấu thêm cháo đậu, cháo kê; và quan trọng nữa là nên lấy sữa chừng mực, vừa phải để dành phần cho bò con; đừng quá tham lam vắt kiệt sữa của nó.

Cuối cùng, thứ mười một là phải biết chăm sóc, bảo vệ những con bò đực già, đầu đàn; vì nó anh cả, nó dẫn đầu làm gương và dẫn dắt đàn.

Vậy, tất thảy có mười một điều mà một người chăn bò tài giỏi cần biết, phải biết để cho đàn bò mạnh khỏe, thịnh vượng, tăng thịnh lợi ích, bạch đức Thế Tôn!

- Khá lắm, này Sotthiya! Đức Phật khen ngợi rồi nói - Một vị tỳ-khưu sống trong giáo pháp của Như Lai, nếu được gọi danh xứng đáng phẩm hạnh sa-môn thì cũng phải biết thành tựu mười một pháp như người chăn bò thiện xảo kia vậy!

Rồi đưa mắt nhìn đại chúng một vòng, đức Phật tiếp tục:

- Nếu điều đầu tiên của người chăn bò là phải biết màu sắc, hình dáng và tướng riêng biệt thì một vị tỳ-khưu cũng phải như thật biết các loại sắc, sắc nào thuộc sắc bốn đại và sắc nào do sắc bốn đại tạo thành. Ngoài ra, vị tỳ-khưu cũng phải biết phân biệt các tướng, tướng chung, tướng riêng, tướng của người ngu và nghiệp tướng của người ngu, tướng của người trí và nghiệp tướng của người trí.

Điều thứ hai của người chăn bò là phải biết trừ khử các loại sâu bọ, bò chét thì một vị tỳ-khưu cũng phải biết từ bỏ, trừ diệt dục tầm, sân tầm, hại tầm, các ác, bất thiện pháp khi chúng vừa khởi lên, phải làm cho chúng không được tồn tại; nếu không chúng sẽ làm tổn hại sinh mạng học giới, luật giới, sinh mạng pháp hành của các vị.

Nếu điều thứ ba của người chăn bò là phải biết tắm rửa, kỳ cọ cho sạch sẽ thì vị tỳ-khưu cũng phải gia công, ráng sức làm cho thân khẩu ý được trong sạch bởi mười nghiệp lành.

Điều thứ tư, nếu người chăn bò biết đốt khói, xông khói để xua đi muỗi lằn thì vì tỳ-khưu cũng phải biết giảng nói học pháp cho các hàng cận sự để họ tránh xa những lỗi lầm, những ác pháp, trược hạnh, ác niệm.

Điều thứ năm của người chăn bò là phải biết băng bó các vết thương do bị cào xước chảy máu thì vị tỳ-khưu cũng phải biết gìn giữ, thu thúc, hộ trì sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi,

thân và ý bởi vì chúng rất dễ bị cào xước, bị tổn thương bởi sắc đẹp, vị ngon, âm thanh quyến rũ.

Điều thứ sáu, người chăn bò biết nơi nào có nước uống được thì vị tỳ-khưu cũng phải chứng đạt nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, uống được giọt nước trong mát tự đầu nguồn pháp bảo.

Điều thứ bảy, người chăn bò biết được lộ trình an toàn thì vị tỳ-khưu cũng phải biết rõ con đường "Thánh đạo tám ngành", lộ trình giác ngộ, giải thoát, an toàn ngoài sanh tử y như thế.

Điều thứ tám, người chăn bò biết khúc sông nào, bến sông nào bò có thể lội qua thì vị tỳ-khưu cũng cần phải biết đi tìm gặp các vị đa văn, các bậc thiện trí, những bậc trì pháp, trì luật để học hỏi, để phá nghi, để càng ngày càng thông tỏ chánh pháp.

Điều thứ chín, người chăn bò khéo léo biết chỗ bò có thể ăn cỏ ngon thì vị tỳ-khưu cũng phải biết tìm đến bãi cỏ Tứ niệm xứ để tu tập, để nếm thưởng như chân như thật pháp vị giải thoát, là nguồn dinh dưỡng tối hậu cho tâm, cho tuệ của một hành giả phạm hạnh.

Điều thứ mười, người chăn bò phải biết bảo vệ cả mẹ và con, đừng nên vắt sữa cho đến khô kiệt thì vị tỳ-khưu khi thọ dụng y áo, vật thực, sàng tọa, dược phẩm do tín thí cúng dường cũng phải biết chừng mực, tiết độ, vừa đủ, đừng nên lạm dụng quá đáng lòng tin của hai hàng cận sự nam nữ.

Điều thứ mười một, người chăn bò chăm sóc, bảo vệ con bò đực già lão, đầu đàn thì vị tỳ-khưu cũng phải biết cung kính, quý trọng các bậc tôn túc trưởng lão, tu lâu năm, lạp lớn, những bậc thượng tôn, thượng thủ tăng đoàn và giáo hội cả trước mặt lẫn sau lưng.

Này đại chúng tỳ-khưu! Nếu người chăn bò đầy đủ mười một pháp sẽ làm cho đàn bò tăng thịnh tốt đẹp như thế nào thì một vị tỳ-khưu cũng cần thiết phải có đủ mười một pháp

như thế thì mới có thể lớn mạnh, tăng thịnh, thịnh mãn trong pháp và luật của Như Lai!

Thời pháp hy hữu, kỳ lạ, dễ hình dung, dễ nắm bắt hôm đó của đức Phật đã làm cho nhiều vị chứng quả thánh, trong đó có tỳ-khưu Sotthiya.

Đàn Bò Sang Sông

Trước khi rời khỏi những khu rừng, từ bỏ con sông, theo hương lộ đến các thôn làng, đức Phật còn định nói thêm một thời pháp ngắn về đàn bò và con sông nữa.

Ngay lúc ấy, nhị vị đại đệ tử là tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Moggallāna từ đâu đó xuất hiện, đảnh lễ và ôm chân bụi của đức Đạo Sư.

Đức Phật mỉm cười hỏi:

- Hai ông có biết mấy thời pháp vừa rồi của Như Lai không?

Cả hai vị đồng đáp:

- Thưa, chúng đệ tử có nghe.

- Vậy thì Như Lai đã thuyết những gì?

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Thưa, tỳ-khưu Sotthiya nói về mười loại cỏ thì đức Đạo Sư giảng thuyết về mười pháp cần phải thấy biết, liễu tri. Có pháp nên viễn ly, xa lánh, pháp nên thực hành, y chỉ, pháp nên đoạn tận, trừ diệt, pháp nên huân tu, trưởng dưỡng ... vân vân và vân vân.

- Đúng vậy! Còn thời pháp thứ hai?

Cũng tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Thưa! Về mười một pháp của người chăn bò khéo giỏi chính là mười một pháp làm cho một vị tỳ-khưu tồn tại, lớn mạnh trong pháp và luật của đức Thế Tôn.

- Đúng vậy! Còn bây giờ, khi nhìn con sông này, cái dòng nước đang trôi chảy kia, Như Lai chợt nghĩ đến đấy là dòng khổ đau, phiền não; là dòng vô minh ái dục, là dòng sinh tử vô tận, là dòng ma vương trùng trùng thì giáo pháp của Như Lai là nhằm để lội qua, bơi qua dòng sông ấy. Có lần, tại bộ lạc Vajjī (Bạt-kỳ) tại Ukkacela, trên bờ sông Hằng, Như Lai đã có thuyết rồi đấy, ông có biết không, có nhớ không?

Tôn giả Sāriputta nói:

- Đệ tử có nhớ! Hôm ấy, đức Tôn Sư có nói rằng, Như Lai có cảm giác là đang dẫn một đàn bò sang sông. Và rồi, đức Tôn Sư đã thuyết một thời pháp về đề tài "Đàn bò sang sông" ấy.

- Vậy thì hôm ấy, Như Lai đã thuyết ra sao, ông có thể trùng tuyên cho đại chúng nơi này cùng nghe, được chăng?

Vâng mệnh đức Thế Tôn; và rồi tôn giả Sāriputta đã thiện thuyết như sau:

- Đại chúng huynh đệ! Hôm ấy, đức Thế Tôn đã kể chuyện rằng: Ngày xưa, này các tỳ-khưu! Tại Māgadha có người chăn bò ngu si, vô trí. Vào cuối tháng mùa mưa, y không để tâm quan sát phía bên này sông, quan sát bên kia sông, cũng không thèm quan sát bến nước lội qua; tại Suvideha, y đuổi đàn bò qua sông tại chỗ không thể lội qua được, nước lại đang trôi chảy cuồn cuộn.

Thế là cả đàn bò hớt hãi xô nhau tụ lại giữa dòng, quẫy đạp, kêu rống, tuyệt vọng giữa dòng nước dữ, chúng gặp tai nạn, có con bị cuốn trôi hoặc có con bị chết đuối tại chỗ...

Cũng vậy, này các tỳ-khưu! Có những sa-môn hay bà-la-môn không khéo biết đời này với nhân với duyên với quả như vậy; không khéo biết đời sau với nhân với duyên với

quả như vậy; không khéo biết ma chướng, ma giới, ma cảnh là đâu; không khéo biết lìa khỏi ma chướng, ma giới, ma cảnh như thế nào; không khéo biết cõi của thần chết, không khéo biết làm thế nào để bước ra khỏi cõi của thần chết; vậy mà chúng dám tự xưng là đạo sư, chân sư rồi giảng thuyết khắp cõi Diêm-phù-đề!

Những ai nghĩ rằng cần phải nghe, cần phải tin những vị này; tu tập, thực hành theo lời dạy bảo của họ thì sẽ gặp bất hạnh và đau khổ lâu dài, như đàn bò cùng quẩn tuyệt vọng trong dòng nước dữ của người chăn bò ngu si, vô trí kia vậy.

Cũng ngày xưa, này các tỳ-khưu! Tại Māgadha có người chăn bò thông minh, có trí, vào cuối tháng mùa mưa, y đi dọc theo con sông, cẩn thận quan sát chỗ nào có dòng nước không chảy xiết, cẩn thận quan sát bờ bên này có bến nước dễ xuống, cẩn thận quan sát bờ bên kia có dốc thoải và đám cỏ bằng...

Sau khi nhìn ngắm kỹ càng một lần nữa, đầu tiên y cho những con bò đực già, những con đầu đàn khôn ngoan, giàu kinh nghiệm qua sông trước. Những con bò này sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, qua bờ bên kia một cách an toàn, chúng đứng thảnh thơi ăn cỏ rồi đưa mắt ngước nhìn sang bên này bờ. Người chăn bò thông minh, có trí mỉm cười rồi y lựa những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực đã từng được huấn luyện kỹ càng tuần tự cho qua sông. Rồi nối đuôi theo sau là những con bò đực thanh niên, những con bò cái thanh nữ, những con bò thiếu niên, thiếu nữ, những con bò ấu nhi vừa chạy vừa kêu, những con bò con đang còn bú, mới sanh cứ tuần tự theo lộ trình an toàn sau trước cắt ngang dòng sông, sang bờ một cách tuyệt đối an toàn.

Cũng vậy, này các tỳ-khưu! Có những sa-môn hay bà-la-môn khéo biết đời này với nhân với duyên với quả như vậy; khéo biết đời sau với nhân với duyên với quả như vậy; khéo biết ma chướng, ma giới, ma cảnh là đâu; khéo biết lìa khỏi

ma chướng, ma giới, ma cảnh như thế nào; khéo biết cõi của thần chết, khéo biết làm thế nào để bước ra khỏi cõi của thần chết. Những người như vậy, tuy họ chẳng tự xưng là đạo sư, là chân sư; nếu họ thuyết giảng tùy pháp, thuận pháp nơi này và nơi kia, thì các ngươi cần phải nghe, cần phải tin những vị này; tu tập, thực hành theo lời dạy bảo của họ thì sẽ gặp hạnh phúc và an lạc lâu dài như đàn bò an toàn sang sông, thảnh thơi gặm cỏ của người chăn bò thông minh, có trí kia vậy.

Và này chư vị tỳ-khưu! Những con bò đực già, đầu đàn, khôn ngoan, nhiều kinh nghiệm cho qua sông trước, cắt ngang dòng Gaṅgā là những ai vậy? Chính họ là những bậc A-la-hán, đã đoạn trừ các lậu hoặc, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng trên vai xuống, đã đạt được mục đích phạm hạnh, các hữu kiết sử đã hoàn toàn bị đoạn diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí. Những vị này, sau khi lội cắt ngang dòng sông ma vương, dòng sông sinh tử, dòng sông khổ đau phiền não; họ đã qua bờ bên kia một cách an toàn, thong dong nếm thưởng hương vị giải thoát.

Những con bò đực lớn mạnh, những con bò đực đã từng được huấn luyện kỹ càng tuần tự cho qua sông là những ai vậy?

Đấy là bậc A-na-hàm, những vị tỳ-khưu sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh tại cõi trời Ngũ tịnh cư rồi Niết-bàn tại đấy, không còn phải trở lại thế gian này nữa.

Rồi nối đuôi theo sau là những con bò đực thanh niên, những con bò cái thanh nữ, những con bò thiếu niên, thiếu nữ, những con bò ấu nhi vừa chạy vừa kêu, những con bò con đang còn bú, mới sanh cứ tuần tự theo lộ trình an toàn sau trước cắt ngang dòng sông, sang bờ một cách tuyệt đối an toàn; họ là những ai vậy?

Họ là các bậc Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn.

Còn những con bò ấu nhi vừa chạy vừa kêu, những con bò con đang còn bú hoặc mới sanh chính là những tỳ-khưu, những tỳ-khưu-ni tùy tín hành, tùy pháp hành trong giáo pháp của Như Lai, trước sau họ đều sẽ sang bờ một cách an toàn và an vui như vậy.

Này các tỳ-khưu! Các ngươi đừng nghĩ người chăn bò thông minh, có trí ấy là ai? Là Như Lai đấy! Còn hội chúng tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni là đàn bò đang lần lượt cắt ngang dòng sông ma vương, dòng sông sinh tử, dòng sông phiền não khổ đau để sang bờ kia một cách tuyệt đối an toàn.

Này đại chúng huynh đệ! Thế Tôn thuyết giảng như vậy xong, ngài còn nói thêm bài kệ:

"- Đời này và đời sau,
Như Lai khéo trình bày,
Cảnh giới ma, không ma
Thần chết, không thần chết
Bậc chánh giác, trí giả,
Biết rõ mọi thế giới,
Cửa bất tử rộng mở,
Dòng ma bị chặt ngang,
Nát tan và hư hoại,
Hãy sống sung mãn hỷ,
Đạt an ổn Niết-bàn!"

Sau khi tôn giả Sāriputta thuyết xong, đức Phật khen ngợi:

- Quả thật là thiện thuyết, này Sāriputta! Nếu Như Lai có thuyết lại cũng chỉ thuyết được như vậy mà thôi. Ông quả thật là xứng đáng được hội chúng tỳ-khưu xưng tán là thượng thủ, là pháp chủ trong giáo hội của Như Lai!

Khúc Gỗ Trôi Sông

Chợt tôn giả Moggallāna nói:

- Hôm ấy, tại con sông Gaṇgā, thuộc địa phận nước Kosambī, vào một mùa nước nổi, dòng sông đang trôi chảy cuồn cuộn, đức Đạo Sư cũng đã có thuyết một thời pháp vi diệu...

Đức Phật mỉm cười hỏi:

- Là gì vậy Moggallāna?

- Thưa, là "Khúc gỗ trôi sông" hay lắm, bạch đức Tôn Sư!

- Thế thì ông hãy giảng nói lại cho đại chúng cùng nghe.

Thế là tôn giả Moggallāna thuyết lại như sau:

- Thưa đại chúng tỳ-khưu! Hôm ấy, sau mùa an cư, đức Thế Tôn cùng đại chúng tỳ-khưu đang du hành từ Kosambī về Bāraṇāsī vào mùa nước sông đang còn chảy xiết. Dòng sông lúc bấy giờ đang còn hung hăng như một con rồng dữ cuốn trôi trên mình nó nào bùn đất, nào rác rều, nào cây tươi, cây mục, nào gỗ to, gỗ nhỏ về biển cả. Con sông ầm ào cuồn cuộn chảy, gặp những chướng ngại như cầu cống, triền núi, bờ đá, chân các cổ thành, vũng xoáy qua vực; rồi còn cư dân địa phương mạo hiểm trên những chiếc thuyền con, bè chuối lao ra giữa dòng vớt củi nữa, đã làm phát sanh trong

tâm trí đức Thế Tôn rất nhiều ví dụ, rất nhiều ẩn dụ về pháp. Nên lúc dừng chân tại một triền đất cao, thoáng đãng, đức Đạo Sư của chúng ta đã cảm hứng, tức cảnh thuyết ngay một bài pháp, như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Hãy nhìn khúc gỗ đang trôi trên sông kia kìa? Nó đang thuận dòng vun vút lao đi nhưng không biết nó có về được biển Đông không đấy?

Một số đông tỳ-khưu đáp:

- Khó có thể về đến biển Đông được, bạch đức Tôn Sư!

- Tại sao?

Rồi từng người đáp:

- Thưa, khúc gỗ ấy có thể bị tấp bờ bên này, bị tấp bờ bên kia...

- Bị người ta vớt...

- Có một số bị mắc cạn trên cồn đất nổi...

- Có thứ chỉ còn trơ lõi rắn thì bị chìm...

- Có thứ thị bị mục ruỗng...

- Có thứ bị vũng nước xoáy quăng đập cho rách nát, tả tơi...

Lắng nghe chư tỳ-khưu đưa ra được những luận cứ xác thực, đức Phật mỉm nụ trăng vàng, đầm ấm và dịu dàng nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Là tỳ-khưu trong giáo pháp của Như Lai, thực hành con đường phạm hạnh thì cũng phải như khúc gỗ kia là không được tấp vào bờ này, không được tấp vào bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên cồn đất nổi, không bị người đời nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào vùng nước xoáy, không bị mục nát bên trong thì sẽ xu hướng về Niết-bàn, thông thuận về Niết-bàn.

Khi các vị tỳ-khưu thắc mắc: Bờ này, bờ kia là gì? Tại sao chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên cồn đất nổi? Người và phi nhơn nhặt lấy là sao? Không bị lọt vào vùng nước xoáy, bị chìm hoặc mục ruỗng bên trong là sao nữa?

Đức Phật lại tiếp tục thời pháp:

- Này các thầy tỳ-khưu! Bị tấp vào bờ này chính là bị dính, bị đắm, bị nô lệ bởi mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

Bị tấp vào bờ kia là bị dính, bị đắm, bị nô lệ bởi sắc, thanh, hương, vị và xúc.

Bị người đời nhặt lấy là do vị tỳ-khưu ấy sống quá liên hệ, quá gần gũi với giới cư sĩ tại gia, với người đời; họ thường làm những việc của thế gian, lạc khổ, thương ghét, buồn vui gì cũng như là người của thế gian; bị dính mắc, trói buộc suốt đời vào những việc không phải là của mình, của một vị tỳ-khưu xuất gia phạm hạnh.

Bị phi nhơn nhặt lấy là vị tỳ-khưu dầu xuất gia phạm hạnh nhưng không xu hướng đến chánh trí, giác ngộ, giải thoát, Niết-bàn mà chỉ thích mơ ước, tầm cầu các cảnh giới thích khoái của chư thiên.

Bị mắc cạn trên cồn đất nổi là những vị tỳ-khưu kiêu ngạo, hống hách, ngã mạn, cậy quyền, ỷ thế mình học giỏi, đa văn hoặc niên cao, lạp lớn mà không coi ai ra gì! Giống như những kệ ngôn sau đây:

"- Người ngu cuồng vọng tiếng tăm
Muốn ngồi trên trước chư tăng thánh, phàm
Quyền uy tu viện cao sang!
Muốn người đưa đón, kiệu vàng, lọng hoa!"[1]

Hoặc:

"- Người ngu 'tự ngã' phô trương
Cướp công đồng đạo nêu gương mình làm!
Ưu sai, ưa lệnh rắp hàng
Mạn cuồng tăng thượng, ái tham lũ dòng!"[2]

---

[1] Pháp cú 73: "Asataṃ bhāvanaṃ iccheyya, purekkhārañca bhikkhusu; avāsesu ca issariyaṃ pūjā parakulesu ca".

[2] Pháp cú 74: "Maṃ eya kata maññantu gihī pabbajitā ubho; maṃ ev'ativasā assu kiccākiccesu kismici; iti bālassa saṅkappo icchā māno ca vaḍḍhati".

Bị mục ruỗng bên trong là ám chỉ những vị tỳ-khưu có nội tâm xấu xa, ô uế, hủ bại, không có giới, hành ác hạnh, đầy dẫy nhưng ham muốn bất chánh, tà mạng, hèn hạ...

Khi đức Tôn Sư vừa chấm dứt thời pháp thì có một chú chăn bò bạo gan từ ngoài bước vào, quỳ năm vóc sát đất rồi cất lên tiếng rống của chú sư tử con:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã chăm chú lắng nghe rất kỹ thời pháp! Đã đặt trọn vẹn tâm, trí vào thời pháp. Con thấm thía, xúc động với thời pháp vi diệu ấy. Cho nên, con sẽ không bị tấp vào bờ này, sẽ không bị tấp vào bờ kia, sẽ không bị chìm giữa dòng, sẽ không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, sẽ không bị người đời nhặt lấy, sẽ không bị phi nhân nhặt lấy, sẽ không bị lọt vào vùng nước xoáy, sẽ không bị mục nát bên trong... Vậy thì hãy cho con xuất gia, con sẽ thực hành phạm hạnh, con sẽ xu hướng về Niết-bàn, thông thuận về Niết-bàn, bạch đức Thế Tôn!

Quán nhìn căn cơ của chú chăn bò, có vẻ thấy là khả thủ, đức Phật gật đầu:

- Được rồi, này Nanda! Nhưng mà con hãy về trả bò cho chủ trước đã.

- Không cần phải làm thế đâu, đàn bò này sẽ tự động tìm về chủ cũ, bạch đức Thế Tôn!

- Đồng ý là vậy! Nhưng con cũng cần cho chủ biết! Đến đi đều minh bạch cũng là một phẩm tính tốt đẹp trên đời đó con.

Thế rồi, đức Thế Tôn đã cho chú chăn bò thọ đại giới. Và đúng như chú ấy đã tuyên bố là sẽ xu hướng đến Niết-bàn nên chú đã đắc quả A-la-hán không lâu sau đó!

Pháp thoại đã được thuyết xong qua lối trình bày rành rẽ, khúc chiết, mạch lạc của tôn giả Mahā Moggallāna làm cho đức Phật rất hài lòng:

- Câu chuyện chú chăn bò A-la-hán ấy, ông thuyết thật khéo, không thua gì ông Sāriputta đâu.

Còn đối với đại chúng, một số vị tỳ-khưu xuất thân bà-la-môn, xuất thân sát-đế-lỵ, xuất thân giới vệ-xá thương buôn, từ rày về sau, họ không còn dám coi thường giai cấp thủ-đà-la hoặc kẻ đói nghèo, nô lệ nữa. Hóa ra căn tính con người, phẩm tính con người, giá trị con người không lệ thuộc bởi giai cấp, phụ thuộc bởi những nấc thang giá trị do xã hội quy định như trong trường hợp cụ thể vừa rồi, ai cũng thấy rõ cả. Có người thấy thêm sự thật đó do chư vị trưởng lão thuyết lại lần thứ hai, lần thứ ba và họ càng thâm tín về giáo pháp.

Có ai đó thốt lên:

- Thật tuyệt vời thay là chú chăn bò Nanda!

Chú chăn bò A-la-hán chỉ có mặt trong giáo pháp của đức Tôn Sư mà thôi vậy!

Trao Gia Tài

Ngày đi, đêm nghỉ, lần hồi đức Phật và đại chúng đã về đến Sāvatthi, tịnh xá Kỳ Viên. Vậy là mùa an cư thứ mười bốn, đức Phật nhập hạ ở đây.

Hôm nọ, tôn giả Sāriputta đến gặp Phật, trình bày là sa-di Rāhula nếu tính từ trong bụng mẹ thì năm nay đã hai mươi tuổi rồi.

- Vậy ông thấy trình độ tâm của Rāhula đã thật sự vững chãi chưa?

- Giới hạnh rất tốt, lại khiêm cung và lễ độ nữa, bạch đức Tôn Sư.

- Thế trình độ trí đã sẵn sàng để tiếp nhận những pháp cao hơn không?

- Cũng đã rất sẵn sàng, bạch đức Tôn Sư.

- Vậy thì ông hãy làm những gì mà ông thấy là hợp thời và đúng lúc.

Thế rồi, sau đó, tôn giả Sāriputta làm thầy tế độ (upajjhāya), tôn giả Mahā-Moggallāna làm thầy đọc tuyên ngôn (ācariya) cùng một số vị trưởng lão cho sa-di Rāhula thọ đại giới, dẫn đến đảnh lễ đức Phật rồi ngồi một nơi phải lẽ.

- Đây là tân tỳ-khưu Rāhula - Tôn giả Sāriputta nói - bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật nhìn ngắm tăng tướng, phẩm mạo sáng đẹp, uy nghi của Rāhula, ngài hỏi:

- Mấy ngày hôm nay, tại giảng đường chùa Kỳ Viên, nhị vị đại đệ tử đã thay nhau thuyết những bài pháp về "Mười loại cỏ", về "Mười một pháp của người chăn bò khéo giỏi" và "Khúc gỗ trôi sông", con có chăm chú lắng nghe và có khéo tư duy về những ngữ nghĩa, ẩn dụ trong mấy thời pháp ấy không, Rāhula?

- Đệ tử nắm bắt khá tốt, bạch đức Thế Tôn.

- Thế con tâm đắc nhất trong ba thời pháp ấy là gì? Cái cô đọng, cái tinh tủy, cái còn lại trong con là cái gì, nói thử xem nào, Rāhula?

- Đệ tử tâm đắc nhất câu nói dõng mãnh, đầy tự tin của chú chăn bò Nanda là: "Con sẽ không bị tấp vào bờ này, sẽ không bị tấp vào bờ kia, sẽ không bị chìm giữa dòng, sẽ không bị mắc cạn trên cồn đất nổi, sẽ không bị người đời nhặt lấy, sẽ không bị phi nhân nhặt lấy, sẽ không bị lọt vào vùng nước xoáy, sẽ không bị mục nát bên trong" bạch đức Thế Tôn!

- Và khúc gỗ ấy, chắc chắn sẽ thuận dòng trôi về biển lớn chứ, Rāhula?

- Chắc chắn như vậy, bạch đức Thế Tôn.

- Vậy thì con có thể giải thích toàn bộ một cách ngắn gọn được không, này Rāhula?

Rồi sau khi tân tỳ-khưu Rāhula tóm tắt rất rõ ràng, mạch lạc bài kinh được hỏi, đức Phật gật đầu:

- Tốt, được rồi! Vậy thì ngày mai, con hãy cùng đi trì bình khất thực với Như Lai.

Cuối nửa canh ba hôm sau, đức Thế Tôn khởi lên tư niệm: "Tâm và trí của Rāhula đã thuần thục, đã sẵn sàng,

vậy ta hãy trao cho nó cái gia tài mà thuở xưa nó đã xin ở nơi ta!”

Và rồi, sau khi đức Phật và vị tân tỳ-khưu thong dong đi trì bình vừa đủ dùng, ngài dẫn Rāhula đi thẳng vào rừng Andhavana.

Trong lúc đó, chư thiên tại tịnh xá Kỳ Viên và khắp vùng, xôn xao bàn tán: “Hôm nay, tại khu rừng Andhavana, đức Chánh Đẳng Giác sẽ trao cho con trai của mình kho tàng vô giá. Hãy cùng nhau đến nghe xem để cùng hoan hỷ và cùng lợi lạc”.

Tại một cội cây mát mẻ, sau khi độ thực, uống nước, rửa tay xong, đức Phật chợt hỏi Rāhula:

- Sáu căn dính mắc là tấp vào bờ này, sáu trần dính mắc là tấp vào bờ kia; hôm qua con đã tóm tắt như vậy là tạm đủ. Tuy nhiên, có thể tóm tắt gọn hơn thế nữa, được không, Rāhula?

- Có thể được, bạch đức Thế Tôn!

- Thế nào?

- Sáu giác quan mắt tai mũi lưỡi thân và ý, sáu đối tượng của sáu giác quan ấy là hình sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm và ý niệm; theo đó, chúng sẽ phát sanh sáu cái biết là thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ chạm và tâm thức; vậy là chúng luôn luôn duyên sanh, luôn luôn thay đổi, rỗng không, không có tự tính, không có cái gì ở đó là tôi, là của tôi cả, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, đúng vậy! Đức Phật gật đầu - tức là mười tám giới căn trần thức ấy luôn luôn vô thường, vô ngã có phải con muốn nói như vậy không?

- Vâng, bạch đức Thế Tôn!

- Một hạt cát cũng vô thường, vô ngã, một cọng cỏ cũng vô thường vô ngã, một hạt sương cũng vô thường vô ngã. Cho chí mặt trời, mặt trăng, biển cả, núi Tu Di cũng vô thường, vô ngã. Vậy vô thường, vô ngã ấy là định luật tự

nhiên của trời đất! Nếu nó mà không vô thường, không vô ngã thì thiên hà vạn tượng không tồn tại, này Rāhula! Con có thấy như thế không?

- Đệ tử có thấy, nhưng vô thường, vô ngã của ngoại giới, của vạn hữu như đức Thế Tôn vừa nói, chúng không đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não (dukkha), bạch đức Tôn Sư!

- Thế vô thường, vô ngã nào mới đưa đến toàn bộ dukkha ấy, này Rāhula?

- Chính chấp thủ mắt tai mũi lưỡi thân ý ấy là ta (ngã) và của ta (ngã sở); chính chấp thủ sắc thanh hương vị xúc ấy là ta và của ta; chính chấp thủ cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái sờ, cái suy nghĩ ấy là ta và của ta mới đưa đến các trạng thái tâm lý, đổi thay liên tục các trạng thái tâm lý, kết dệt nên một cái ngã không thực có: Là tôi thích, tôi không thích, tôi thương, tôi yêu, tôi buồn, tôi oán, tôi giận, tôi nóng nảy, tôi khoái, tôi đam mê, tôi chán chường mới chính thực sự là dukkha, là núi lớn dukkha, là biển cả dukkha trên trần gian này, bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy! Hãy tóm tắt điều con vừa nói thử nào, Rāhula?

- Là thân thể, là các cảm thọ, là những tưởng tri, là các trạng thái tâm lý, kể cả tâm ý thức; cái ngũ uẩn ấy là vô thường, vô ngã, là không phải ta, không phải của ta! Ai thấy rõ như vậy, minh tri như vậy, liễu tri như vậy, thấy như thực thấy như vậy thì kẻ ấy thoát ly tất thảy mọi dukkha, bạch đức Thế Tôn!

- Có thể nói cách khác không, này Rāhula?

- Có thể được! Ai chấp thường, chấp ngã là bị dukkha chi phối; ai thấy rõ vô thường, vô ngã thì có trong tay chìa khóa mở được cánh cửa giải thoát, Niết-bàn, bạch đức Thế Tôn!

Thấy Rāhula nắm chắc giáo pháp, biết rõ, thấy rõ giáo pháp một cách quán triệt, thông tuệ. Nó đã đi từ da, qua thịt, đến xương, gặp tủy rồi - nên đức Phật thử đặt một câu khó:

- Vậy thì ý niệm cuối cùng mà con vừa diễn đạt, cái chìa khóa mở cửa Niết-bàn ấy, nó nằm ở đâu, này Rāhula?

- Nói là chìa khóa cho có hình tượng, chứ thật ra không có chìa khóa ấy. Nó chính là "lưỡi kiếm của tuệ hành xả", nó chặt đứt luôn ý niệm giải thoát cuối cùng, vì nó không phải là ta, không phải là của ta, chẳng phải tự ngã của ta, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật biết rõ đóa hoa giác ngộ trong lòng của Rāhula, trải qua thời gian, nắng mưa sẽ sắp sửa mãn khai nên ngài tiếp thêm một chút duyên, một tia nắng ấm của giáo pháp nữa:

"- Do biết vậy, thấy vậy nên các vị đa văn Thánh đệ tử của Như Lai đã yểm ly tất thảy, xả ly tất thảy, không còn chấp thủ, dính mắc bên trong, không còn chấp thủ dính mắc bên ngoài. Nhờ xả ly, nhờ ly tham, vị ấy lìa tất thảy mọi nội ngoại triền, hữu kiết sử nên được giải thoát. Khi giải thoát vị ấy biết mình đã giải thoát: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, mọi việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui các trạng thái tâm trầm luân, hệ lụy, hệ phược đời này nữa.

Này Rāhula! Đấy là gia tài trân bảo mà Như Lai không chỉ trao cho con, mà còn trao cho tất thảy những ai cần cầu tu tập trên cuộc đời này, là rốt ráo phạm hạnh, là viên mãn sang bờ kia vậy!"

Đức Thế Tôn kết luận tối hậu như thế, tân tỳ-khưu Rāhula, ngay sát-na ấy, giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Quả vị A-la-hán tối thượng tôn đã đến với con trai đức Phật. Toàn bích và viên dung.

Và đối với hàng ngàn chư thiên hôm ấy, có nhiều vị được sáng mắt, có nhiều vị pháp lạc phát sanh, có nhiều vị khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu để bước vào dòng thánh,

thọ hưởng an vui nhiều đời, không còn rớt xuống những cảnh giới đau khổ nữa.

Chỉ Có Pháp Hiện Tại

Hôm kia, đột ngột chư vị trưởng lão như hai vị đại đệ tử, tôn giả Mahā Kassapa, Mahā Kaccayāna, Anuruddha, Kimbila, Nandiya... đồng đến đảnh lễ đức Phật và trình bày một số tệ trạng đang xảy ra trong các hội chúng tăng ni ở nơi này và nơi khác. Và rồi quý ngài đúc kết tóm tắt như sau:

- Một số vị tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni không mặn mà gì lắm trong việc duy trì hạnh trì bình khất thực chánh mạng, họ chỉ thích tầm cầu sự sự thọ thực được mời mọc, nghinh đón của hai hàng cư sĩ về các lễ trai tăng, lễ tân gia, tụng kinh lễ động thổ xây cất, lễ tang, lễ an lành trong gia đình, lễ may mắn trong kinh doanh, lễ thần tài, thần thọ, lễ hướng nhà, hướng cửa. Và chúng lấy việc ấy làm lẽ sống chính, không chịu công phu tu tập giới, định, tuệ.

- Một số vị khác được các phú gia, thương gia tín tâm hộ độ tứ sự nên họ tùy tiện kêu gọi xây dựng cốc liêu khá sang trọng cho mình. Từ đó họ thích sống một mình với lợi dưỡng có đủ, yên tịnh một mình, không chịu sinh hoạt với tăng, tụng đọc giới bổn và làm lễ sám hối vào các ngày bố-tát; càng ngày họ càng muốn rời xa tăng chúng.

- Một số vị có tu tập, nhưng cứ đắm chìm mãi trong các tầng thiền, hỷ tham, lạc tham ở đấy chớ không xuất ly để tiến bộ thêm.

- Một số chư vị có giới, có định, nhưng cứ thích tầm cầu những khả năng phép lạ này, khả năng phép lạ kia chứ không chịu tu tập nội quán, minh sát để lắng dứt tham sân si, phiền não.

- Một số khác nữa lại không chịu sự quản lý, hướng dẫn của chư trưởng lão, không chịu sống chung với tăng; chúng cứ lang thang đây đó, đôi khi trú cư từ chùa viện, tịnh xá này, sang chùa viện, tịnh xá khác; lại còn phát ngôn rất hay: "Một mình một bát thong dong. Lìa mọi trú xứ, rỗng không, nhẹ nhàng!" Hoặc: "Thiên nga cất cánh thênh thang. Ao hồ bỏ lại, mây ngàn thảnh thơi!" Họ nói vậy mà không phải vậy. Đa phần là hạng biếng nhác. Họ không có một trách nhiệm gì, chỉ làm khổ chư sư tại những trú xứ kia phải sắp đặt chỗ ăn ở, sàng tọa và những nhu cầu cần thiết khác cho họ. Rồi vài ba ngày gì đó, họ lại bỏ đi, công việc sắp đặt, dọn dẹp, giặt rửa, vệ sinh xem như không phải là việc của họ.

Nói tóm là phần đông chúng không chịu tu tập hướng đến ly tham, chánh trí, giác ngộ, giải thoát; vậy xin đức Thế Tôn tùy nghi giáo giới để cho sinh hoạt giáo hội được trong sáng, lành mạnh hơn, chư tăng ni sẽ đi đúng với mục tiêu phạm hạnh hơn.

Thấy những điểm đưa ra của chư vị trưởng lão đều là quan trọng, cần yếu để duy trì nếp sống phạm hạnh nên đức Phật gật đầu đồng thuận, bảo chư vị trưởng lão công bố triệu tập ngay một cuộc họp rộng rãi, gồm đủ chư tăng ni trong kinh thành và các vùng phụ cận tụ họp tại Kỳ Viên tịnh xá để ngài giáo giới, giáo huấn.

Rồi thời pháp hôm ấy, đức Phật triển khai năm điều do chư trưởng lão yêu cầu một cách rộng rãi hơn để phá bỏ những tệ trạng đang phát sanh:

- Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp thoát khổ, chấm dứt ưu não trên trần thế, hướng đến chánh trí, giải thoát, Niết-bàn. Vậy việc trì bình khất thực để nuôi mạng là một nhu cầu cần thiết, nhưng nó phải được điều chỉnh chừng mực, vừa đủ. Ai quá ham mê, tầm cầu những món ăn ngon bổ, những bữa trai Tăng thịnh soạn tại các tư gia thì hãy xem chừng đã rơi vào đời sống lợi dưỡng. Đời sống của vị thánh Thinh Văn đệ tử của Như Lai khi trì bình khất thực để nuôi mạng phải là:

"- Như ong kiếm tí mật thôi
Sắc hương chẳng hại, lá chồi cũng không!
Khẽ khàng chút nhụy lót lòng
Bậc thánh cũng vậy, thong dong vào làng!"[1]

Còn nữa, khi người cư sĩ tại gia mời về nhà cúng dường tứ sự để tụng kinh các lễ hướng nhà, hướng cửa, hướng mộ, mua may bán đắt, sinh con đẻ cái, thăng quan, tiến chức thì phải biết từ chối. Chỉ đồng ý tụng phúc chúc an lành như những bài kinh paritta, tụng kinh cho người bệnh, tụng kinh sự thật về tam tướng, sự thật về sự bất tịnh của thân, sự thật về sự sống chết tất định của đời người hầu thấy rõ lý vô thường, vô ngã tự nhiên của trời đất để chấm dứt sầu bi, ưu não không đáng có. Chư vị trưởng lão, các vị luật sư, giáo thọ sư tăng cũng như ni phải biết giáo giới cặn kẽ đệ tử của mình như vậy.

- Điểm thứ hai, ngoại trừ các đại lâm viên, đại tịnh xá do vua chúa, hoàng tộc hoặc các vị phú gia kiến tạo, xây dựng để cúng dường cho Như Lai và Tăng chúng mười phương

[1] Pháp cú 49: " Yathā pi bhamaro pupphaṃ vaṇṇagandhaṃ aheṭhayaṃ; paleṭi rasaṃ'ādāya evaṃ gāme munī care".

thì thường kiên cố, quy mô, có giá trị công phu và mỹ thuật; còn tất thảy cốc liêu của chư tăng ni tự động kêu gọi xây dựng nơi này và nơi kia bên ngoài các đại tịnh xá, đại lâm viên thì không được làm như thế. Cốc liêu, sàng tọa, chỗ ở của bậc xuất gia thì phải nên giản dị, khiêm tốn, tránh những xa hoa, xa xỉ và sang trọng hơn mức bình thường. Đừng nên kiến trúc cầu kỳ, sắc màu lòe loẹt, nhiều chi tiết mỹ thuật. Vật liệu sử dụng chỉ nên bằng gỗ, bằng đất, bằng đá, bằng tranh tre dị giản và thô mộc, tránh trau chuốt láng lẩy, đẽo gọt, điêu khắc công phu; nó không thích hợp cho đời sống xuất gia phạm hạnh đâu. Đừng biến chỗ ở tạm qua đêm ấy thành sở hữu của mình. Lưu luyến chỗ ở cũng phải được xuất ly. Hiện nay, có một số vị tỳ-khưu, tăng cũng như ni đã vượt quá giới hạn, đi xa giới hạn cho phép. Do họ có duyên, có uy tín với các hàng vua chúa, hoàng tộc, phú gia, doanh gia bởi một lý do nào đó nên chư vị ấy kêu gọi hoặc gợi ý người ta xây dựng cốc liêu cho mình rất là sang trọng. Gợi ý đã là tà mạng rồi. Kêu gọi lại là tà mạng hơn. Điều này phải được chấm dứt. Các vị trưởng lão, luật sư, giáo thọ sư phải biết răn đe đồ chúng của mình và phải xử lý nghiêm túc những trường hợp đã vi phạm.

Còn nữa, do khi đã có cốc liêu, sàng tọa, chỗ ngủ nghỉ tươm tất, tiện nghi hợp với sở thích rồi thì sẽ phát sanh những điều tai hại. Cái tệ thứ nhất, là vị tỳ-khưu ấy đã rơi vào lợi dưỡng, dính mắc trú xứ, hỷ tham phát triển sẽ càng ngày càng rời xa mục đích phạm hạnh. Cái tệ thứ hai là vị tỳ-khưu ấy bắt đầu rút vào tháp ngà, chỉ thích sống một mình với một nhóm đệ tử của mình, chỉ muốn làm thầy thiên hạ chứ không còn muốn làm học trò nữa. Vậy là căn nhà bản ngã ngày càng được củng cố, tăng trưởng. Cái tệ thứ ba, là càng ngày càng tách rời khỏi sinh hoạt Tăng chúng, xa lạ với tăng chúng, ngại gặp mặt tăng chúng. Tại sao? Vì ở đấy phải đảnh lễ các bậc cao hạ hơn, các bậc thầy tôn túc, trưởng

lão nữa. Họ sợ sẽ bị giảm uy tín bởi nhóm đệ tử của mình từ lâu vốn coi xem mình như bậc tôn đức trưởng lão cao hạ. Về lâu về dài, những vị này sẽ tuyên bố mình "thích sống hạnh độc cư thanh tịnh" nhưng thật ra, họ ngại sám hối, họ ngại tụng giới, họ ngại gặp mặt các bậc thánh vô lậu sẽ nhìn rõ suốt tâm tư uế nhiễm của họ.

Có một số tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni có giới, có tu tập, đã đắc các định, các thiền. Định nào, thiền nào, từ cạn vào sâu, từ thấp lên cao đều đi qua hỷ, lạc, xả và nhất tâm. Đấy đều là những cảm thọ êm đềm, mát mẻ, dịu dàng, thư thái, khinh an, tĩnh lặng. Là những an vui, là những hạnh phúc vi tế, thanh lương đáng mến vô cùng. Có các định, các thiền này là tốt nhưng phải biết xuất ly để bước lên những cảnh giới cao hơn. Nếu chỉ biết dừng lại, thì coi chừng, các hỷ tham, lạc tham kia sẽ tăng trưởng; và lúc ấy họ sẽ dừng lại ở đấy, đắm đuối ở đấy, thích thú và đam mê ở đấy. Lúc đó, định thiền của họ là định thiền của ngoại đạo, của bà-la-môn giáo từ ngàn đời, đấy không phải là định giải thoát, thiền giải thoát của Như Lai đâu.

Còn nữa, có các định sâu thường phát sanh những thắng trí, những thần thông, phép lạ nếu vị ấy có hướng tâm và biết cách tu tập. Trong giáo hội của Như Lai, hiện tại, cả bảy chúng học tu, những thắng trí có được không chỉ là một vài trăm người, mà phải nói là cả hàng ngàn người hay còn hơn thế nữa. Người có một thông, hai thông, ba thông, bốn thông hay năm thông thật là không kể xiết. Nhưng Như Lai và chư vị tôn túc trưởng lão thường cặn kẽ chỉ dạy rằng, chính cái thần thông chấm dứt tất thảy phiền não (lậu tận thông) mới là mục đích rốt ráo của phạm hạnh; còn các thần thông kia, có cũng được, không có cũng không sao, chẳng quan trọng gì. Có một chuyện rất là nghiêm trọng ở đây mà đại chúng cần ghi nhớ. Một vị tỳ-khưu nếu chưa giác ngộ, giải thoát, chưa diệt tận tham lam, sân hận và si mê nếu họ đắc được

ngũ thông thì chuyện gì xảy ra? Nếu có thiên nhãn thông, họ sẽ tò mò rong chơi tìm xem thế giới này, thế giới khác, xem sắc đẹp của chư thiên, cảnh giới của chư thiên cùng hằng trăm ngàn cảnh giới khác nữa. Nếu có thiên nhĩ thông thì họ sẽ tò mò lắng nghe tiếng nói của nhiều loại chúng sanh, của chư thiên các cõi trời và rất nhiều tiếng nói của thế giới khác nữa. Nếu có tha tâm thông, họ sẽ tò mò tìm biết tư tưởng của người này, tư tưởng của người kia. Nếu có thần túc thông thì họ sẽ tò mò lặn tìm vào các kiếp sống quá khứ để xem mình là ai, tên tuổi, dòng họ, hành nghiệp cùng nhân, duyên và quả ấy ra sao. Nếu có biến hóa thần thông thì họ sẽ biến thử ra cọp, ra rắn, ra người nam, người nữ, chư thiên, thành nhiều thân, xuyên tường, độn thổ, qua hư không mà chơi hoặc biểu diễn cho người khác xem để nhận được sự vỗ tay tán thưởng, sự hâm mộ, ngưỡng vọng của quần chúng! Hóa ra, thần thông cũng hay đấy, nhưng chuyện gì sẽ xảy ra khi vị ấy còn tham danh vọng, ham lợi tài, nói chung là hưởng thụ ngũ dục? Khi ấy, đừng nói là sẽ bỏ quên mục đích phạm hạnh mà chính họ sẽ bị tấp vào bờ này, bị tấp vào bờ kia, bị chìm, bị đắm, bị mắc cạn, bị người đời vớt, bị phi nhân vớt, hoàn toàn bị mục ruỗng bên trong thì họ sẽ còn tệ hơn cả người đời, họ không còn cơ cứu vãn được nữa, hoàn toàn bị bỏ đi. Khi ấy, chìa khóa vào bốn đường ác, họ nắm sẵn trong tay.

"- Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm si, tham nhiễm bên đường, biết hay?
Tử thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!"[1]

Hoặc là:

[1] Pháp cú 47: "Pupphāni h'eva pacinantaṃ byāssattamanasaṃ naraṃ; suttaṃ gāmaṃ mahogho'va maccu ādāya gacchanti".

"- Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm say, tham nhiễm bên đường chẳng thôi?
Coi chừng thần chết tới nơi.
Bắt làm nô lệ rồi đời kẻ ngu!"[1]

Cuối cùng là những vị tỳ-khưu lang thang mà chư vị trưởng lão ở các trú xứ thường hay than phiền. Họ thường tùy nghi đến nơi này nơi kia, ăn ở năm bảy ngày rồi ra đi, tắc trách về sàng tọa, giường chiếu, tắc trách nơi nhà vệ sinh, phòng tắm hơi, chỉ làm khổ cho chư sư tại trú xứ phải bỏ ra nhiều công sức sắp xếp, dọn dẹp, vệ sinh... Vậy thì chư vị trưởng lão, các vị luật sư, giáo thọ phải giáo dục cặn kẽ về những bổn phận của thầy và trò, trò và thầy, bổn phận của một tỳ-khưu ở trong trú xứ, chung với Tăng, bổn phận của tỳ-khưu khách tăng khi đến một chùa viện khác...

Hãy sống sao cho trong sạch giáo hội, trang nghiêm giáo hội để khỏi bị chúng ngoại đạo chê cười, thế gian chê cười, chư thiên chê cười; và ngay chính chư thiện nam tín nữ, huynh đệ đồng tu cũng chê cười.

- Hãy tu tập! Hãy như khúc gỗ trôi sông, không vướng kẹt ở đâu, xu hướng về biển cả, giải thoát sinh tử khổ đau ngay hiện tại này, ngay đời sống này!

---

[1] Pháp cú 48: " Pupphāni h;eva pacinantaṃ byāsattamanasaṃ naraṃ' atittaṃ yeva kāmesu antako kurute vasaṃ".

Tuệ Quán
Ở Đây Và Bây Giờ

Thời pháp của đức Thế Tôn hôm ấy giống như điều chỉnh toàn bộ sự lập tâm, lập hạnh sai lầm của rất nhiều tỳ-khưu tăng cũng như ni. Hướng đến giác ngộ, giải thoát, Niết-bàn phải là mục tiêu tối hậu; đồng thời, sự giải thoát ấy phải ở ngay trong hiện tại này, trong đời sống này.

Một số vị phàm tăng thắc mắc:

- Hiện tại? Cái gì là giải thoát trong hiện tại?

- Trong đời sống này, cuộc đời này thì làm thế nào giải thoát được khi ai cũng đang dẫy đầy tham, sân, si như thế này?

- Ôi! Vô lượng chủng tử xấu ác, bất thiện ngủ ngầm trong tâm làm sao cắt đứt hết được bây giờ?

Biết được sự nghi ngờ, thắc mắc đã xảy ra những cuộc đối thoại, trao đổi nơi này và nơi kia trong tăng chúng về kết luận cuối cùng của ngài vào thời pháp hôm trước nên đức Phật lại phải triệu tập chư tăng ni, tổ chức một thời pháp khác nữa.

Lần này, đức Phật thuyết rộng rãi hơn.

- Này đại chúng! Những người có căn trí họ có khả năng giải thoát sinh tử khổ đau ngay hiện tại này, ngay trong đời

sống này. Họ làm thế nào chư vị biết không? Họ thường trực thắp nơi tâm thức một ngọn đèn, vậy là cái gì xảy ra, đang xảy ra đều được soi sáng, đều được thấy rõ cả.

Cụ thể là cái gì đang xảy ra nơi thân thể, nơi cảm giác, nơi tri giác, nơi tâm hành, nơi tâm thức họ đều ghi nhận một cách trung thực; và họ luôn loại trừ cách thế xử lý chủ quan của bản ngã, theo tình cảm hoặc theo lý trì thường nghiệm riêng tư của mình. Như chân, như thực là ở chỗ đó. Sự sống, đời sống này nó luôn xảy ra trong hiện tại trong từng hơi thở, trong từng cảm giác, tri giác và trong từng trạng thái tâm lý. Bỏ quên, bất giác hay thất niệm cái hiện tại đang là ấy chính là đánh mất sự sống.

Người đời họ không thể làm được vậy. Có người không sống được trong thế giới hiện tại mới tinh khôi ấy mà họ chỉ thích sống với quá khứ.

Ôi! Quá khứ của tôi huy hoàng và oanh liệt dường bao! Tôi có sức vóc thanh xuân, tuổi trẻ; tôi có địa vị, danh vọng, bạc tiền, tha hồ hưởng thụ, vui chơi; rồi còn biết bao nhiêu là sở thích, đam mê, ham muốn góc trời, cuối biển. Có người không may mắn có quá khứ tốt đẹp như vậy, họ bất hạnh hơn. Thế là những đau thương sầu buồn đâu từ quá khứ dồn dập đổ về phủ chụp tâm trí họ. Làm họ luôn luôn hồi ức, hồi tưởng mà than thở ỉ ôi, chúng làm yếu nhược, tê liệt tất thảy mọi quan năng, mọi cảm giác, tri giác trong hiện tại. Quá khứ đã qua rồi, chỉ là bóng ma phải chăng? Là hình sương, bóng khỏi, phải chăng? Là một nghĩa địa đã chôn vùi biết bao xác chết kỷ niệm ấy, nhưng những kẻ sống với quá khứ, tầm cầu cái quá khứ thường hay bới nó lên, móc nó lên, đào cuốc nó lên bốc mùi thối hoắc: Những hận, những thù, những ghét, những oán, những sầu, nhưng não, những ưu kể cả bi hoan, ái lạc và cái gì cũng đã thối rữa cả rồi!

Tầm cầu quá khứ như vậy chỉ đưa đến phiền não, chồng chất phiền não là dĩ nhiên vậy.

Một số người khác lại thích sống với tương lai xa vời nào đó bởi ước vọng, bởi ước mơ, bởi bản ngã phóng đại, phóng vọt tới đằng trước; bởi dự báo, bởi dự định, bởi thiết định, bởi lập trình, bởi dự tưởng thế nào đó.

Ôi! Mai này ta sẽ là một thanh niên sức khỏe dồi dào như vậy, ta sẽ có địa vị như vậy, danh vọng như vậy, vợ con xinh đẹp và nhà cao cửa rộng như vậy. Vào ra, đến đi, võng lọng, ngựa xe, hầu trai, tớ gái chầu chực hầu hạ từ nhà trong ra cửa ngoài như vậy, như vậy. Chúng đều là ảo tưởng, không thực.

Tuy nhiên, trong an vui, hạnh phúc ấy làm sao tránh khỏi những buồn đau, mất mát, thất vọng hay tuyệt vọng. Ví dụ, những bà vợ thương yêu có thể họ ngoại tình, phản bội? Con cái có thể cứng đầu, khó dạy hoặc ngỗ nghịch, bất hiếu? Bạn bè có thể lường gạt, chơi xấu, bôi nhọ thanh danh? Rồi có thể nào có nạn vua quan, nạn nước, nạn lửa, nạn cướp bóc, nạn bão lũ làm cho tiêu tan nhà cửa, ruộng vườn? Nghĩ đến những chuyện tương lai ấy họ lại buồn thương, sầu khổ! Có quái lạ không chứ? Hóa ra, họ khổ, họ vui, họ sầu, họ lạc từ những hình ảnh, sự kiện, dữ kiện chưa hề xảy ra?

Bởi vậy, bậc trí giả, hành giả muốn có tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay hiện tại này, ngay đời sống này, đầu tiên là họ không được truy tìm, tầm cầu vào quá khứ vì quá khứ là cái đã qua rồi, đã chết rồi! Họ cũng không được vọng móng, vọng tưởng về tương lai vì tương lai là cái gì chưa đến, chưa hề xảy ra.

Rồi đức Phật tóm tắt bằng đoạn kệ:

"- Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã qua rồi
Tương lai thì chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại

Tuệ quán chính là đây!..

Sau đó, đức Phật tiếp tục giảng nói với đại ý rằng:

- Chư Thinh Văn đệ tử của Như Lai chỉ sống với từng sát-na hiện tại này. Và họ biết làm thế nào để sống trong hiện tại mà không bị hiện tại cuốn trôi? Trở về với hiện tại là trở về trong sự tỉnh thức, chú tâm, chánh niệm để tiếp xúc với thực tại nhiệm mầu luôn luôn sinh động và mới mẻ, chứ đừng để mình bị chảy trôi trong dòng sông cảm giác, dòng sông tri giác, dòng sông tâm lý, dòng sông tâm thức mà bao giờ chúng cũng là hình bóng bất thực của bản ngã chiếu rọi nên, vẽ vời nên, phóng đại ra. Ở đó là tôi thương bi, tôi sầu buồn, tôi lo sợ, tôi bất an, tôi xao xuyến, là tôi như thế này, là tôi như thế kia. Họ không còn bị chi phối bởi những cái ngã ấy nữa, chúng chỉ là giọt nước cảm giác, giọt nước tri giác, giọt nước tâm lý, giọt nước tâm thức trôi chảy liên miên bất tận. Phải quán chiếu thân tâm thực tại này ngày đêm như vậy. Rỗng không và giải thoát. Đừng hẹn đến tương lai, và biết đâu, ngày mai tử thần sẽ đến gõ cửa?

... Quán chiếu bây giờ đây
Hơi thở, sự sống này
Bậc trí giả biết vậy
Chú niệm, an trú tâm
Bất động, không xao động
Từng sát-na hiện tiền
Hôm nay tinh cần hành
Ngày mai ai biết được
Tử thần đến bất ngờ
Làm sao xin xỏ được?

Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi nhứt dạ hiền[1]
Bậc an tịnh, trầm lặng".

Bài kệ này, sau này, chư vị trưởng lão như hai vị đại đệ tử, như chư vị tôn giả Mahā Kassapa, Mahā Kaccayana và Ānanda... thường hay trùng tuyên cho rất nhiều hội chúng tu học, riết rồi phần đông tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni đều thuộc nằm lòng cả.

[1] Bài kinh "Bhaddekaratta" - Hòa thượng Minh Châu dịch là " Nhất dạ hiền giả kinh".

Người Ngu

Thời gian này, trong hạ này, vì muốn giáo giới chư tỳ-khưu Tăng ở Kỳ Viên, trong kinh thành cũng như ở phương xa về nên đức Phật ít khi cất bước vân du. Và đây cũng là dịp cho hoàng hậu Mālika tìm đến cúng dường, nghe pháp. Cũng trong dịp này, chị của đức vua Pāsenadi là lệnh bà Sumanā xin xuất gia tỳ-khưu-ni nên vị thế của giáo hội càng nổi bật! Các gia chủ, danh gia, triệu phú và nhất là trưởng giả Cấp Cô Độc càng không bỏ lỡ cơ hội hộ độ đức Phật và Tăng chúng. Do vậy, không những tăng chúng có đời sống tứ sự đầy đủ mà các kho lẫm ở chùa Kỳ Viên cũng không còn có đủ sức chứa nữa. Trưởng giả Cấp Cô Độc phải gấp rút cho xây dựng thêm nhiều phòng ốc cùng nhiều kho lẫm để chứa ngũ cốc, dầu đèn, hương liệu cùng các loại thực phẩm, hiện vật linh tinh khác.

Hôm kia, tôn giả Sāriputta đến hầu đức Phật và thưa là ngũ cốc quá nhiều, nhất là gạo không biết sẽ xử lý, phân phối ra sao. Đức Phật dạy:

- Hãy bố thí cho các trại chẩn bần.
- Thưa, cũng không hết!
- Hãy bố thí cho các nhóm tàn thực.
- Thưa, ít hôm sau các kho lẫm lại đầy!

- Vậy thì phải tìm cách sử dụng chúng vì đấy là tâm cúng dường trong sạch của chư thí chủ. Các vị sa-di, những giới tử, những người giúp việc sẽ lo phần việc nấu cơm rồi dâng cho chư trưởng lão, chư vị tỳ-khưu trong trường hợp không đi khất thực được.

- Việc phân phối gạo chỉ xảy ra một thời gian ngắn tại Trúc Lâm mấy năm về trước, bạch đức Tôn Sư! Sau đó, chư tăng trở lại đời sống chỉ dùng vật thực trong bát mà thôi!

- Đúng vậy! Nhưng mà hãy tùy duyên, tùy nghi, không thể để cho gạo cúng dường của hai hàng cư sĩ trở thành mối mọt, hư mục được! Không những là chuyện xử lý chuyện gạo mà pháp và luật của Như Lai, sau này cũng phải được quyền biến, linh động như vậy! Hãy thông báo chuyện này với đại chúng tăng ni, nơi nào có sự phát sanh tương tự, này Sāriputta!

Lời giáo huấn của đức Phật sau đó được ban ra. Chư vị trưởng lão tôn túc lại họp bàn, biết tìm ai là người phân phối gạo? Đấy là trọng trách, là nhiệm vụ khó khăn chứ không đơn giản chút nào! Tôn giả Moggallāna chợt giới thiệu một người mà ai cũng phải thừa nhận là tuyệt vời nhất: Đấy là vị thánh tăng Dabha Malla! Tỳ-khưu Dabha đến hạ này đã mười bảy tuổi, mười hạ rồi, là người duy nhất và đầu tiên trong giáo hội vừa tu sa-di, sau đó lại được thọ đại giới khi bảy tuổi, lúc vừa đắc quả A-la-hán. Suốt mấy năm qua, tại chùa Trúc Lâm, ngài nổi tiếng đảm đang, phân minh trong việc chăm sóc, thu xếp lịch trình đặt bát hằng ngày; bảo quản, coi sóc các kho lẫm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu ở Trúc Lâm tịnh xá. Vị thánh tăng này còn nổi tiếng khắp nơi về cái ngón tay: "Nhất chỉ quang tướng thần thông" để dẫn lối, chỉ đường đến chỗ ngụ cư cho chư thánh, phàm tăng trong những đêm tối trời!

Thế rồi, từ Trúc Lâm tịnh xá, ngài Dabha Malla phải sử dụng thần thông sang Kỳ Viên nhận nhiệm vụ mới. Và từ

đó, vị thánh tăng trẻ tuổi này cầm cán cân phân phối thực phẩm rất phân minh và chu đáo. Với số hạ lạp như vậy thì được gạo hoặc thực phẩm tương đương. Và thường thường số gạo xấu, phẩm chất thô là phần cho các vị còn trẻ hoặc sơ tu. Đấy là thứ tự hình thức, là lễ giới cần thiết trong giáo pháp của đức Tôn Sư.

Hôm kia, tỳ-khưu Udāyi mặc dầu hạ lạp khá cao nhưng nhận được gạo xấu liền làm rộn lên trong phòng phát thẻ. Người ta biết vị đó còn nhiều phàm phu tính nên ai nấy đều giữ im lặng.

Ngày hôm sau, ngày hôm sau nữa, tỳ-khưu Udāyi vẫn nhận được gạo xấu, vì thật ra gạo tốt không còn bao nhiêu, phải để dành cho các vị trưởng lão niên cao, lạp lớn. Tỳ-khưu Udāyi mặc dầu biết vậy, vẫn nói nặng lời với ngài Dabha Malla, chỉ trích và phỉ báng vị ấy.

Vị thánh tăng trẻ tuổi Dabha Malla im lặng như cái mõ bể, chỉ lo tròn bổn phận mình, không hề cãi lại. Nhưng có một số tỳ-khưu sơ tu, tập khí còn nhiều, nội tâm chưa ổn định, tham sân và uế trược chưa lắng dịu cũng nhân cơ hội ấy mà la ó lên, làm cho căn phòng phát thẻ ồn ào như vỡ chợ.

- Ngài Dabha không công bằng, nghỉ việc đi!

- Đề nghị ngài Udāyi làm thay!

Giáo hội đức Tôn Sư là tập thể dân chủ; lại biết phân công các vai trò quản lý hay các chức vụ điều hành sinh hoạt, nên cũng dễ hiểu thôi, sự đề nghị tỳ-khưu Udāyi thay thế chức vụ ấy được ngài vui lòng nhường lại ngay!

Cuộc phát gạo đã xong, thánh tăng Dabha Malla mang thẻ đến, trao vào tay tỳ-khưu Udāyi:

- Nếu hiền giả mong muốn gánh vác trách nhiệm này, tôi có một vài lời khuyên. Hiền giả phải biết tôn kính bậc nên tôn kính. Hiền giả phải biết vị nào nhiều công đức và vị nào ít công đức. Đây là việc làm không thể chiếu lệ, đại khái mà

cần sự sáng suốt, định tĩnh và nghiêm túc. Nó cần sự tinh tấn, cần mẫn, chăm chuyên và chịu khó. Không thể cẩu thả, làm biếng, thiểu trí và vô trách nhiệm được đâu. Hiền giả Udāyi thân mến! Hiền giả phải biết như vậy.

Udāyi bực mình hét toáng lên:

- Sao tôn giả lại lắm điều như vậy? Tôn giả có phải là Đạo Sư của tôi đâu. Tôi biết việc mình phải làm, đâu cần phải quá nhiều lời nặng óc, nặng tai của tôn giả!

Biết cái cứng đầu và ngu si của vị ấy, thánh Tăng Dabha Malla bỏ đi với ý nghĩ: "Hy vọng ông ta học được bài học và giác ngộ được điều gì đó trong khi làm công việc này! Chắc chắn đức Đạo Sư biết rõ là đến lúc nào đúng thời để thuyết giáo đến ông ta"

Thế rồi đến phiên tỳ-khưu Udāyi phát thẻ phân phối gạo. Ông ta không cần biết đến số hạ lạp và tuổi tác của một ai, không cần biết vị nào nhiều công đức, vị nào ít công đức. Ông ta ghi những cái dấu trên sàn hoặc trên tường để chỉ rõ hàng này bao nhiêu người, hàng kia bao nhiêu người. Và ông ta y cứ vào đấy, y cứ vào những cái dấu của mình mà phân phối gạo.

Đến ngày sau, dĩ nhiên là thường có một số tỳ-khưu ra đi và có một số tỳ-khưu khác mới đến. Do vậy số người nhận gạo thường thường phải thay đổi luôn, cả số thẻ và hàng. Tỳ-khưu Udāyi lại không để ý đến điều đó, cứ theo cái dấu của mình mà phát. Bởi thế, có người không nhận được gạo, và gạo tốt không vào được tay các vị trưởng lão. Người ta phản ảnh với Udāyi điều đó. Tỳ-khưu Udāyi nói:

- Sao các tôn giả không tự động đứng theo những cái dấu của tôi? Tại sao tôi lại phải tin lời các tôn giả? Tôi tin vào cái dấu của tôi hơn.

Thế rồi Udāyi gạt phăng chư vị ra một bên bằng cánh tay lực lưỡng thô bạo của mình.

Có vị tỳ-khưu có ý thức, nắm tay Udāyi lại, rồi kéo qua một bên:

- Này bạn, liệu hồn đấy! Có rất nhiều vị trưởng lão không có phần, và các ngài đã không nói gì, lặng lẽ ra đi như chiếc bóng.

Udāyi sừng sộ nói:

- Tôi không cần biết là ai. Tôi đã có những cái dấu của tôi!

- Bạn vừa nói gì? Một giọng quát lớn - Bạn xúc phạm đến chúng tôi thì được. Nhưng bạn lại dám đụng đến các bậc trưởng lão đáng kính trong giáo hội này? Tôi với cái nắm tay, cái mũi của bạn sẽ như trái cà chua đỏ, và cái miệng của bạn sẽ méo qua một bên như trái xoài dập!

Tỳ-khưu to lớn kia nói xong liền bước lại. Các vị khác can ra. Ồn ào, huyên náo thế là xảy ra trong phòng phát thẻ.

Bậc Đạo Sư lúc ấy đang đi kinh hành, quay lại hỏi thị giả:

- Như một cái chợ đang họp trong phòng phát thẻ. Chuyện gì vậy?

Một lát sau, tỳ-khưu thị giả trình bày tự sự lại với đức Thế Tôn.

Bậc Đạo Sư yên lặng, mỉm cười không nói gì. Buổi chiều, trong giờ giảng pháp, đức Phật lấy đó làm đề tài, nói rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Hãy lấy đó để làm gương, lấy đó để làm bài học, lấy đó làm điều để giác ngộ. Có một người chỉ giết một sinh mạng mà phải lấy năm trăm mạng liên tiếp để trả quả. Có những chúng sanh bị những tật, những nghiệp, những kiết sử dầu lớn, dầu nhỏ mà trải qua vô lượng kiếp chúng vẫn không làm cho nó nguội tắt đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn! Nó chỉ nguội lạnh đi, tốt đẹp hơn, thanh lương hơn khi chúng thấy rõ, giác ngộ được bài học ấy. Còn nếu

không thì cứ mãi mãi, liên tục bị trả quả; mãi mãi liên tục bị khổ đau và phiền não.

Như kẻ Udāyi ngu si rỗng không kia! Nó làm mất phần gạo của các vị trưởng lão, làm cho số đông tỳ-khưu bị thiệt thòi. Không phải chỉ ngày nay mới thế thôi đâu, mà một kiếp lâu xa kia, nó cũng làm cho nhiều người khác bị thiệt thòi như thế rồi. Từ đấy biết bao nhiêu là quả đau khổ mà nó phải gánh chịu. Tuy nhiên, nó vẫn không giác ngộ được bài học.

Thế rồi đức Đạo Sư kể chuyện về quá khứ đã bị che lấp như sau:

"Thuở xưa, ở nước Kāsi, tiền thân Như Lai là vị quan đại thần chuyên trách việc đánh giá của cải, tài sản, châu báu cho quốc độ. Như Lai biết đúng giá trị của từng hiện vật, từng loại hàng hóa nên sự định giá không bao giờ lầm lẫn để đem đến sự thiệt thòi cho người này hay thiệt hại cho người kia.

Nhưng đức vua vốn là kẻ tham lam, bao giờ cũng muốn lợi về phần mình, nên tỏ vẻ không bằng lòng sự công bình đúng mức của vị quan đại thần nọ. Do vậy, đức vua luôn cố tìm một kẻ tín cẩn, kẻ tri kỷ, kẻ cùng một tâm địa, kẻ cầm cán cân nghiêng về một bên.

Hôm kia, giả dạng thường dân để cùng đi du hành với Như Lai, đức vua quan sát, thăm viếng những ngôi chợ, những cửa hàng; sau đó chăm chú theo dõi một người đang đánh giá một món hàng trước cửa hiệu của y. Hàng là một bao sắn mì to nặng của người nhà quê lam lũ, nghèo khổ.

Người chủ hiệu nói:

- Giá nó chỉ bằng bốn trái cam! Vậy là giá đã hời! Cam ăn mát mẻ, thanh nhiệt, bổ dưỡng, còn sắn mì của ngươi chỉ ăn nặng bụng, thường dành cho heo, chó, gà vịt mà thôi!

- Thưa chủ! Người nhà quê khép nép nói - Không được đâu! Cam nhà cháu cũng có đấy nhưng không thể ăn no. Đây là cả một bao sắn mì to, ăn cả trăm người không hết.

Người chủ hiệu gắt:

- Mày mà biết gì nào? Sắn kia chỉ để súc vật ăn. Cam là để người ăn. Thế ra mày bảo súc vật giá trị hơn người sao? Quân này láo!

- Cháu không dám, cháu có nói thế đâu!

- Thế hãy để hàng lại. Và đây là hai xu đồng tiền vàng, hai xu vàng māsaka cơ đấy! Nhiều lắm rồi, hãy xéo đi!

Nói xong người chủ hiệu sai người vác bao sắn vào nhà sau rồi quẳng xuống chân người nhà quê hai đồng xu. Người nhà quê đứng chết lặng, miệng há hốc ra.

- Chê vàng à? Người chủ hiệu quát - Thế ra mày chê vàng à? Mày chê vàng không có giá trị bằng sắn mì? Chao ôi! Sắn thì sắn mốc, sắn meo, có xương không có thịt. Còn cam của ta kìa! Tươi roi rói, mọng mọng vàng, ngọt lịm kìa! Chê ít à? Xem chừng hai xu còn nhiều quá đấy. Một xu thôi! Nếu không lấy mà đi thì ông kêu lính bắt!

Người nhà quê kinh hãi:

- Cháu có tội tình gì?

- Sao không tội? Người chủ hiệu hăm dọa - Muốn tội là có tội ngay thôi. Mày chê vàng! Thế là mày đã chê giá trị mà đức vua anh minh xứ Kāsi này đã chế định, đã trở thành pháp quy! Thế không phạm pháp luật quốc độ là gì?

Người nhà quê xanh mặt, cúi xuống lượm hai xu rồi hốt hoảng đi như chạy không dám ngoái lại.

Vị quan đại thần đau lòng chảy nước mắt nhìn cảnh sai trái, bất công xảy ra trước mắt: Kẻ giàu có, quyền thế, lắm bạc tiền thường bức hiếp kẻ cô thế, đói nghèo! Nhưng ngài biết rõ, can thiệp vào lúc này là không có lợi, đành phải ẩn nhẫn thôi, chờ một dịp nào đấy, sẽ đem đến lợi ích toàn diện

cho mọi người bằng công pháp nghiêm minh hơn chứ không phải bằng tình cảm nhất thời.

Vị quan đại thần còn biết rõ rằng, người nhà quê tội nghiệp kia, nếu không chịu lấy hai xu thì còn bị thiệt hại hơn nữa. Và nếu không bán cho người chủ hiệu này, thì dẫu cho y có đi cùng thành phố Kāsi, hàng cũng không bán được. Đấy là luật "đen", luật "bất thành văn", luật "phi pháp" vốn đã được thỏa thuận ngầm với nhau trong giới con buôn, của bọn thương gia bất hảo. Lại nữa, chuyện hăm dọa cho lính bắt, không phải là không thể xảy ra, vì bọn con buôn gian tham thường có cách khôn khéo đút lót cho giới chức trị vì và cả bọn công quyền, công lực nữa! Và khi mà lòng tham đã chế ngự lương tâm thì trí óc của nó đã biến thành sự gian xảo, quỷ quyệt, lật lường của loài chồn cáo!

Trong lúc Như Lai thở dài, chán ngán thay cho lòng người thì đức vua mặt mày hớn hở, tươi như hoa, miệng không ngớt tủm tỉm cười.

- Tuyệt! Tri kỷ! Thật là tri kỷ! Nhà vua thốt lên - Với người đánh giá này, xoài chín sẽ thành xoài thối, cam tươi sẽ thành cam sống, ngựa lành sẽ thành ngựa què, vàng mười sẽ thành vàng non, chuối mật mốc sẽ thành chuối hư! Ta mà có y thì chẳng mấy chốc, vương quốc ta sẽ giàu có nhất Diêm Phù Đề. Lại nữa, y còn biết bảo vệ luật pháp của quốc độ! Một công dân toàn hảo như thế mà sao từ lâu ta lại không biết kìa?

Ngày hôm sau, đột ngột, vị quan đại thần liêm chính được giấy ban khen của nhà vua cùng với một số tiền phụ cấp hưu dưỡng. Và người chủ hiệu tri kỷ của đức vua được phong quan to, thế chân Như Lai.

Vị quan đánh giá là người có bổn phận đánh giá tất cả những sản phẩm được làm ra từ nghề thủ công, từ nông nghiệp, từ lâm nghiệp cùng hằng trăm ngàn hiện vật, phẩm vật linh tinh khác! Là người cầm cán cân công lý thương

mại cho cả nước. Một vật, một món hàng, quan đã đánh giá như thế nào thì hàng đó có trị giá như vậy. Đấy là luật pháp của quốc độ mà mọi người phải tuân theo.

Vị tân quan từ khi nhậm chức đã tỏ ra khả năng"siêu quần bạt tụy" của mình trong lĩnh vực này. Y đánh giá tùy sở thích, tùy cảm hứng vui buồn của mình, không đếm xỉa gì đến sự thua lỗ của người khác hoặc giá trị đích thực của món hàng như thế nào, miễn là có lợi cho đức vua là được. Đôi khi vì tức giận vô cớ, y như cướp không của người ta bằng giá cám bèo rẻ mạt. Cho nên, chẳng bao lâu, tài sản của đức vua cứ tăng lên vùn vụt như nước của trăm con sông chảy tràn vào quốc khố. Người ta bắt đầu sợ hãi không đem hàng đến bán cho triều đình nữa thì đích thân vị quan đánh giá "mẫu mực" này cho xe đi thu mua chỗ này, chỗ khác với lính tráng tiền hô hậu ủng. Mỗi ngày tài sản đổ về tràn đầy cho công khố nhưng đức vua không phải tốn kém bao nhiêu giá trị hàng hóa hay tiền bạc trao đổi cả.

Hôm kia, từ một nước ở phương bắc, một lão lái buôn "vô phước" dẫn đến đức vua năm trăm con ngựa. Đấy là ngựa thuộc nòi giống tốt. Vua rất thích bèn kêu vị quan đánh giá tri kỷ của mình đến.

Vị quan đánh giá nhìn biết ngay là giống ngựa tuyệt hảo, một số được lai với ngựa rừng, lai với nòi giống Sindhu tối thượng. Tuy nhiên, y bắt đầu chê. Y chê con này mập quá, con này gầy quá, con kia quá cao cẳng, con này quá thấp cẳng; sắc lông con này quá hung, quá nhạt, quá bù xù; lông đuôi quá ít, bụng quá tóp, ngực quá gồ... rồi y đánh giá như sau:

- Trị giá năm trăm con ngựa tồi tệ này chỉ bằng một đấu gạo, tâu đại vương! Mặc dầu ngựa xấu, nhưng dẫn ngựa đi quá xa xôi mệt nhọc, ta nên đánh giá nới tay một chút kẻo tội nghiệp!

Nói xong, vị quan đánh giá sai người đem cho lão lái buôn một đấu gạo rồi dẫn ngựa vào chuồng, trao người chăn giữ.

Lão lái buôn chết sững, đứng im như hóa đá, không biết nói năng gì, chẳng biết khiếu nại cùng ai. Sau đó, y tức giận, đau khổ đi thất tha thất thểu như người điên. Biết chuyện ấy, người trong thành phố Kāsī ai cũng thương tình, khuyên lão lái buôn nên đến gặp quan đại thần xin ngài bày cho phương kế lấy lại ngựa.

Sau khi nghe chuyện, Như Lai trầm ngâm giây lâu rồi nói:

- Vị quan đánh giá kia chỉ là một gã tiện dân tham lam, không có trí. Đối với y, có tiền là tối mắt, có tiền thì bảo sao nó nghe vậy.

- Trăm sự nhờ ngài! Lão lái buôn van vỉ - Nhờ ngài tìm phương kế cho chứ con e không sống nổi khi sự nghiệp tiêu tan. Và hiện giờ con chẳng còn một trinh, một hào dính túi! Ngài hãy cứu con!

Như Lai đưa mắt ra xa, nói như nói một mình:

- Sự bất công, ngu muội, đảo điên xảy ra khắp nơi. Tất cả đều do tham lam, sân hận và si mê của con người mà ra cả. Dẫu ta có tìm ra phương cách đối trị mọi bất công trên xã hội thì nó cũng chỉ có giá trị tạm thời. Phải có một phương thuốc nhiệm mầu hơn, vĩnh cửu hơn có thể chẩn trị tận căn gốc, tận nguyên nhân, lúc ấy mới chấm dứt được tất cả mọi đau khổ trầm thống trên cuộc đời. Vì lòng từ với sanh loại, ta phải tìm ra con đường bất tử.

Rồi Như Lai nói với lão lái buôn:

- Trường hợp mất ngựa của ngươi không khó lắm đâu. Hãy bình tĩnh, hãy an tâm! Ta sẽ cứu ngươi. Tuy là ta cứu ngươi nhưng đồng thời, ta cũng cứu luôn cho cả quốc độ. Từ lâu ta vẫn chờ cơ hội. Nay cơ hội thuận lợi đã đến. Đức vua sẽ tự thấy xấu hổ mà ngưng đi sự tham lam ngu si của mình.

Như Lai đứng dậy, trao cho lão lái buôn một bọc tiền vàng, nói chậm rãi:

- Ngươi hãy đến trao tận tay vị quan đánh giá kia bọc tiền vàng này và nói với y rằng: "Cúi xin quan đánh giá cho thật tốt, cho thật lớn vào giá trị của đấu gạo trước mặt đức vua. Chỉ có thế thôi. Làm như vậy, quan chẳng mất gì mà lại còn được một bọc vàng này nữa". Ngươi hãy nói với y như thế, sau đó là ngươi sẽ lấy lại được ngựa. Ta sẽ gặp nhau vào ngày mai, tại triều đình.

Lão lái buôn ngần ngừ không dám nhận bọc tiền vàng. Như Lai mỉm cười nói:

- Đấy chỉ là cái mồi để nhử con rắn tham lam đi ra khỏi cái hang của nó mà thôi. Bắt được rắn, ta lấy mồi lại chứ không mất đâu cả!

Lão lái buôn tin tưởng vào Như Lai nên vui mừng đến sa nước mắt. Y quỳ xuống ôm chân Như Lai với lòng tri ân vô hạn.

Quả nhiên, với bọc tiền vàng, vị quan đánh giá vâng dạ đủ điều.

Hôm sau, trước đầy đủ tai mắt của bá quan văn võ, có cả Như Lai, lão lái buôn quỳ lạy đức vua xong rồi nói:

- Tâu đại vương chí tôn! Con đã biết giá trị năm trăm con ngựa bằng một đấu gạo, nhưng trị giá một đấu gạo là bao nhiêu con cũng chưa rõ. Vậy xin đại vương hãy cho quan đánh giá xác định trị giá của đấu gạo để con dễ bề tính toán lúc trở về.

Đức vua không phải là người có trí nên không thấy cái mồi câu, cái lưỡi câu con rắn tham lam nằm ở đâu, bèn chuẩn tấu.

- Này ái khanh! Ái khanh hãy lập lại trị giá năm trăm con ngựa cho trẫm nghe nào!

- Là một đấu gạo, tâu đại vương!

Đức vua gục gặc đầu rồi tiếp:

- Vậy trị giá một đấu gạo là bao nhiêu, hãy cho lão lái buôn này rõ, hỡi quan đánh giá hiền thiện!

Chỉ thấy túi vàng, không thấy đức vua mà cũng chẳng thấy ai nữa cả, vị quan đánh giá đáp:

- Trị giá một đấu gạo thì quá lớn, quá nhiều, tâu đại vương! Nó phải bằng cả kinh đô Ba La Nại (Bārāṇasī) và cả vùng ngoại ô cộng lại!

Lúc bấy giờ toàn thành Ba La Nại dài đến mười hai do tuần. Còn nội ngoại thành Ba La Nại rộng lớn mỗi bề đến ba trăm do tuần. Cho nên khi vị quan đánh giá xong, tất cả bá quan văn võ đồng "ồ" lên một tiếng. Có nhiều vị đã cất tiếng nói và tiếng cười chế nhạo, châm biếm, xem vị quan đánh giá như một gã hề trên sân khấu.

Có một quan đại thần thanh liêm chính trực, là bạn thân của Như Lai, cảm thấy xấu hổ trước lão lái buôn là người nước ngoài, nên nói to với giọng mỉa mai, cốt ý cho đức vua nghe:

- Trước đây tổ tiên chúng ta nói quốc độ là vô giá. Nhưng nay chúng ta biết rằng nó có giá hẳn hòi. Ai cũng có thể mua được đức vua chí tôn và quốc độ một cách dễ dàng. Vì chỉ cần một đấu gạo, ta có thể mua nội ngoại thành Ba La Nại, dĩ nhiên là có cả đức vua, hoàng hậu, ba cung, sáu viện, điện ngọc, lầu vàng, quốc khố, quốc bảo cùng của cải tài sản của lương dân trăm họ! Ôi! Vị quan đánh giá này thật là bậc đại siêu việt, thật là bậc đại trí tuệ!

Bá quan văn võ được dịp nổ ra một trận cười thật hả dạ.

Đức vua hổ thẹn quá không biết giấu mặt vào đâu, tức giận tên đánh giá ngu si nên nổi cơn thịnh nộ, quát mắng liên hồi; rồi sau đó, tước bỏ chức vị, lấy hết gia sản của nó rồi tẩn xuất ra khỏi quốc độ.

Tuy thế, khi quay lại, đức vua thấy rõ trăm quan vẫn nhìn mình với đôi mắt thiếu thiện cảm, khinh bỉ thế nào, bèn hối lỗi:

- Trẫm có lỗi thật sự, hỡi các khanh! Trẫm nguyện sẽ chừa bỏ. Vì lòng tham nên trẫm đã u tối lương tri. Từ rày về sau, trẫm sẽ đốt lên một ngọn đèn. Ngọn đèn này sẽ thường trực chiếu sáng để soi dẫn mọi hành động hợp với đạo đức, hợp với lẽ phải, hợp với tình người.

Bá quan đồng phủ phục lạy mừng, vô cùng cảm kích thái độ cải hối sáng suốt của đức vua. Rồi họ đồng thanh tâu xin cho Như Lai phục hồi chức cũ để nắm cán cân công minh cho sơn hà xã tắc.

Đức vua thân hành đến nắm hai tay của Như Lai, cất giọng đầy xúc động:

- Chỉ có khanh, không những là ngọn đèn cho trẫm mà còn là ngọn đèn cho cả quốc độ. Khanh phải được tạc tượng bỏ lên bệ thờ cho mọi người ngưỡng mộ và tôn thờ mới phải.

Từ đó, Như Lai phục hồi chức cũ, dẫn dắt cả vương quốc theo lẽ công bằng, tự do và hạnh phúc.

Mệnh chung, tiền thân của Như Lai đi theo nghiệp của mình".

Kể xong chuyện quá khứ, đức Đạo Sư nói với đại chúng:

- Tên chủ hiệu đánh giá ngày xưa chính là Udāyi ngày nay vậy. Thuở ấy nó đâu thèm để ý đến sự thiệt thòi của người khác thì nay vẫn cứ vậy. Cái ngu si cứ chồng chất ngu si, lặp lại sự ngu si mãi hoài như vậy mà nó vẫn không nhận chân được bài học. Những kẻ như vậy thì vòng tử sinh thống khổ sẽ còn trầm luân, tiếp diễn mãi mãi.

Còn Như Lai, tức vị quan đánh giá công minh, từ vô lượng kiếp trước cho đến vô lượng kiếp sau, luôn luôn đi tìm phương thuốc nhiệm mầu, bất tử để chữa trị tận căn gốc mọi đau khổ trầm thống của chúng sanh. Và nay đã tìm ra. Giáo pháp mà Như Lai đã chứng ngộ, tuyên thuyết chính là phương thuốc nhiệm mầu chữa trị căn bệnh tham lam, sân hận và si mê trong lòng chúng sanh vậy.

Cái Cán Cày!

Chuyện ngu si của tỳ-khưu Udāyi làm cho hội chúng không ngớt xôn xao, bàn tán. Hóa ra, chẳng lẽ cái ngu sĩ ấy cứ đi mãi trong dòng nghiệp, không thể chấm dứt nếu chưa giác ngộ được bài học?

- Đúng vậy! Hôm kia, đức Phật giáo giới tiếp - Trước đấy, ông ta còn "ngu" hơn thế nữa! Dù sao, nhờ có tu tập chút ít, có phước báu chút ít, cái ngu thuở xưa nó có giảm đi phần nào! Có một kiếp, y còn ngu si, đần độn không thể tưởng tượng được.

Sau khi biết hội chúng muốn nghe, đức Đạo Sư kể tiếp:

"- Thuở xa xưa ấy, Như Lai là một vị sư trưởng danh tiếng nhiều phương, mở một lớp dạy nhiều môn học nghệ cho chừng năm trăm thanh thiếu niên bà-la-môn từ các tiểu quốc đến thụ giáo.

Trong chúng, có một thanh niên quá khờ khạo, ngớ ngẩn, có thể nói là đần độn và ngu si quá nên không thể dạy cho nó được cái gì. Do nó không thể theo học được với chúng nên Như Lai bắt nó kề cận sớm hôm bên mình, may ra có thể chỉ vẽ được gì chăng! Khi làm công việc hầu hạ ấy thì nó tỏ ra chí thành, cần mẫn thấy cũng rất xót thương.

Hôm kia, sau một ngày làm việc mệt mỏi, lúc đang nằm nghỉ trên giường, nó tự động đến bên xoa lưng, đấm bóp chân tay cho Như Lai. Xong việc, Như Lai nhìn nó mỉm cười:

- Cảm ơn con!

Không ừ, không hử, nó quay lưng bỏ đi.

Như Lai nói:

- Này con thân! Hãy chịu khó chêm cao cái đầu giường lên một tí!

Nói thế xong là Như Lai chìm vào giấc ngủ. Sớm ngày, khi tiếng chim hót líu lo bên ngoài khu vườn, Như Lai thức dậy, cảm giác có cái gì rung rung bên dưới, ngồi dậy, ngoái cổ lại nhìn thì thấy nó. Như Lai bèn hỏi:

- Sao con lại ở đây?

Nó đáp:

- Hồi hôm, con chêm được một chân giường, còn chân giường bên kia, con không tìm được đồ chêm nên con đã lấy cái bắp vế của mình thế vào. Chắc sư trưởng ngủ cũng ngon chớ?

Như Lai lặng người:

- Hóa ra con chêm bắp vế của mình như vậy suốt đêm hay sao?

- Thưa vâng! Sư trưởng không vừa lòng sao?

Như Lai vô cùng xúc động, tự nghĩ: Tội nghiệp quá! Làm thế nào để có thể biến nó thành kẻ trí để thay đổi 'sự ngu si' nhưng cũng rất là chí thành của nó?

Sáng ngày, khi học chúng đi vào chương trình, nó đứng sau lưng, thưa hỏi:

- Hôm nay con làm gì, thưa sư trưởng?

Như Lai nói:

- Buổi sáng, con sẽ ngủ bù, không làm gì cả. Buổi trưa, sau khi độ thực xong, con ra sau rừng tìm củi khô và lá khô mang về cho nhà bếp, con làm như vậy có được chăng?

- Củi khô, lá khô! Con biết! Lấy củi khô và lá khô về cho nhà bếp, con làm được.

Như Lai dặn tiếp:

- Khi đi vào rừng như vậy, con thấy cái gì, gặp cái gì; và nếu có ăn cái gì, uống cái gì thì hãy cố ghi nhớ, về nói lại cho ta hay!

- Thưa vâng!

Buổi tối, nó lại vào xoa lưng, đấm bóp tay chân. Như Lai hỏi:

- Chiều nay, con đi lượm củi khô và lá khô, con có gặp, có thấy cái gì đặc biệt không?

- Thưa có!

- Cái gì vậy?

- Thưa sư trưởng, con thấy một con rắn!

- Ờ, vậy thì trông con rắn ra sao? Con rắn nó giống cái gì?

- Thưa, con rắn nó giống cái 'cán cày' của người làm ruộng!

Như Lai nhăn mày, tự nghĩ: Con rắn mà giống cán cày? Thôi cũng được! Cái cán cày nó tròn tròn, dài dài - hình tượng như con rắn cũng tạm được! Rồi gật đầu:

- Tốt lắm, này con thân! Con ví dụ như vậy thì nghe cũng tàm tạm!

Ngày hôm sau cũng với công việc cũ. Khi nó về, Như Lai hỏi:

- Hôm nay con có thấy cái gì đặc biệt không?

-Thưa sư trưởng, có ạ! Con thấy một con voi!

- Thế con voi trông nó giống cái gì?

- Thưa, con voi nó giống cái 'cán cày'!

Như Lai nghe nó trả lời con voi trông giống cái cán cày thì không còn biết nói sao nữa! Hay nó đang liên hệ cái vòi voi? Cái vòi voi thì làm sao trông giống cán cày được? Hay nó cũng tròn tròn, cong cong, dài dài? Bèn nói:

- Thôi được rồi, con về nghỉ đi!

Hôm kia, có một điền chủ, chủ một ruộng mía muốn khoản đãi học chúng, cho chúng đến ăn tha hồ. nó cũng có phần. Khi về, Như Lai hỏi nó:

- Hôm nay con đi đâu về?

- Thưa, con đến chủ ruộng mía và được ăn mía.

- Vậy cây mía nó giống cái gì hở con?

- Thưa, nó giống cái 'cán cày'!

Lại cán cày nữa! Ôi! Trong cái đầu của nó chẳng có cái gì khác ngoài cái cán cày hay sao?!

Một lần khác, từ thị trấn về, nó khoe là được đãi ăn sữa đông. Như Lai hỏi:

- Sữa đông giống cái gì hở con?

Nó đáp:

- Thưa, giống cái 'cán cày'!

Thôi, hết rồi! Như Lai tự nghĩ: Con rắn giống cán cày thì tạm được! Con voi giống cán cày thì còn liên hệ với cái vòi. Đốt mía giống cán cày tuy gượng ép nhưng cũng còn dính cái tròn tròn! Nhưng sữa đông mà giống cán cày thì hoàn toàn hết thuốc trị. Kẻ ngu đần này không thể dạy cho nó sáng trí được nữa rồi!"

Kể chuyện xong, đức Đạo Sư kết luận, cốt ý đi sâu vào giáo pháp:

- Này đại chúng tỳ-khưu! Trong ngôn ngữ quy ước, khi gọi tên một vật thì hình ảnh vật ấy hiện ra; khi hình ảnh một vật hiện ra thì tên gọi vật ấy cũng đồng thời có mặt. Vậy, gọi tên đúng sự vật là điều kiện đầu tiên của một tâm trí bình thường. Tâm trí bình thường cũng có nghĩa là tưởng tri và thức tri bình thường. Tiền thân của Udāyi kia, thấy bất cứ cái gì cũng liên hệ cái cán cày, hình ảnh cái cán cày thì rõ ràng tưởng tri và thức tri của y có vấn đề, không được bình thường! Đi sâu thêm một chút nữa, giáo pháp giác ngộ, giải thoát của Như Lai được xây dựng căn bản trên cái thấy chân thực (chánh kiến), cái suy nghĩ chân thực (chánh tư duy)... Thấy chân thực, suy nghĩ chân thực lại có được từ tưởng tri chân thực và thức tri chân thực. Vậy, những ai

tu trong giáo pháp này, sống trong giáo pháp này, mà "thấy sữa đông lại nói là trông giống cái cán cày" thì kẻ ấy thuộc loại thiểu năng, đần độn, chưa có được tâm trí bình thường; chưa có được tâm trí bình thường thì làm sao nói đến tuệ tri, tuệ giác, tuệ minh của đạo lộ siêu thế, Niết-bàn? Là cứu cánh tối hậu của sa-môn hạnh?

Đức Phật chấm dứt thời pháp bằng một câu hỏi lơ lửng như vậy xong rồi ngài lui về hương phòng. Các vị trưởng lão lậu tận mỉm cười thầm lặng. Còn phần đông phàm tăng thì trong đầu không ngớt thắc mắc, hoài nghi!

Lát sau, họ bàn tán:

- Vậy thấy đúng, thấy thực là cái đầu tiên của lộ trình tu tập minh sát!?

- Gọi tên đúng sự vật, đúng đối tượng!?

- Tham thì gọi là tham, sân thì gọi là sân, thế thôi!

- Không sai! Một vị khác xen lời - Là pháp hành Tứ niệm xứ đấy!

Buổi tối, đức Phật cho gọi tôn giả Sāriputta đến rồi ngài nói:

- Như Lai có một công việc ở xa, vậy mấy hôm tới đây, ông, Moggallāna, Mahā Kassapa, Ānanda cùng chư trưởng lão lậu tận, đa văn hãy thay mặt Như Lai thuyết giảng rộng rãi cho đại chúng Tăng, Ni, không những ở tại Kỳ Viên mà cả tại Sāvatthi để những ai chưa thấy đúng, thấy thực bước vào đạo lộ giải thoát!

Thế rồi, hôm sau, mấy hôm sau nữa, tôn giả Sāriputta thay đức Phật thuyết giảng một số nội dung căn bản của Abhidhamma, những đề tài liên hệ danh, thực; khái niệm tục đế, khái niệm chân đế như trao chìa khóa cho đại chúng mở cánh cửa đi vào thế giới tâm, tâm sở, sắc pháp và Niết-bàn! Chư tôn giả Moggallāna, Mahā Kassapa, Ānanda và các vị trưởng lão khác chia nhau đi các tịnh xá Tăng ni trong thủ đô thuyết giảng những đề tài tương tợ.

Hóa Độ Phạm Thiên Baka

Trong lúc đó thì phạm thiên Baka đang sống đời vinh quang, xán lạn, thọ hưởng hạnh phúc an lạc bằng tuổi thọ mấy đại kiếp quả địa cầu[1]. Ý nghĩ đầy tự phụ và tự mãn sau đây khởi lên trong tâm của ông ta:

"- Quả thật là ta đang sống trong cõi vinh quang thường tồn, vĩnh hằng, kiên cố, bền vững, không có sự hủy hoại; không sanh, không già, không chết, không chuyển kiếp, không hóa kiếp, bất sanh, bất diệt... Ngoài cảnh giới của ta ra, không một nơi nào khác có được những tính chất thù thắng như vậy".

Đức Thế Tôn dùng tha tâm thông, biết rõ chấp kiến mê muội của phạm thiên Baka, biết rõ ông ta sẵn có duyên lành có thể hóa độ được; bèn với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, ngài biến thân từ Jetavana, có mặt ở cõi phạm thiên Abhassarā (Quang âm thiên) trong chớp mắt.

Phạm thiên Baka nhìn thấy đức Thế Tôn[2] ngự lên tận đây, tỏ vẻ vô cùng hoan hỷ, thốt rằng:

---

[1] Đại kiếp quả địa cầu: Quả địa cầu qua 4 thời kỳ thành, trụ, hoại, không. Mỗi thời kỳ như thế bằng 1 a-tăng-kỳ. Một đại kiếp = 4 a-tăng-kỳ.

.[2] Đức Phật thành đạo thì chư thiên, phạm thiên đều biết cả.

- Ồ! Quí báu thay! Kính thưa sa-môn Gotama! Tôi rất hân hạnh được đón tiếp ngài, chiêm ngưỡng ngài! Không rõ sa-môn Gotama có hữu sự gì, có duyên lành gì ở cõi vinh quang, xán lạn này chăng?

Đức Phật nghĩ là nên vào đề ngay:

- Này phạm thiên Baka! Như Lai đồng ý đây là cõi vinh quang, xán lạn; nhưng không rõ là sự vinh quang, xán lạn ấy tồn tại được bao lâu?

Phạm thiên Baka nhíu mày:

- Sao lại bao lâu? Sa-môn Gotama có ý nghĩ lạ đời, nghịch thường như thế? Thảng hoặc, sa-môn Gotama vì không rõ nên nói quấy chăng? Tôi hiện đang thọ hưởng hạnh phúc an lạc thường hằng, bất biến; chẳng ở nơi nào có được sự vinh quang, xán lạn, vĩnh cửu như ở đây!

Đức Phật thương hại cho thường kiến của vị phạm thiên này, nên nói:

- Hỡi phạm thiên Baka! Như Lai biết rõ không phải như vậy. Với tà kiến ấy, ngươi sẽ ở mãi chỗ tối tăm, mê muội, không bao giờ thấy rõ được sự thật đâu!

Phạm thiên Baka nghe đức Phật quở trách nặng nề, vẫn không chịu thay đổi chấp kiến; y dùng tâm ý, gọi nhóm bằng hữu 72 vị phạm thiên, đồng có mặt trong một lúc, rồi ngã mạn nói rằng:

- Ông sa-môn Gotama phải biết rằng, chúng tôi có cả thảy 73 người đã từng tạo sắc giới thiện nghiệp, cho quả hóa sanh lên cả đây! Tất cả chúng tôi đều biết rõ rằng, cõi trời phạm thiên này là kiếp chót, không còn sanh già nữa. Chúng tôi đã đến đỉnh điểm, đã đến cứu cánh rốt ráo của phạm hạnh. Trên thế gian này, tất cả nhân loại đều kính ngưỡng chúng tôi, mong ước ở địa vị chúng tôi. Họ đồng tán dương rằng, chư phạm thiên này là Đại phạm thiên! Không một ai, không một thế lực hữu hình và vô hình nào khống chế được. Chư Đại phạm thiên là những bậc có đại quyền lực, là đấng

Tạo Hóa, là Hóa Sanh Chủ, là Tối Thượng Tôn, là Tổ phụ của muôn loài đã sanh và đang sanh trên hoàn vũ!

Vậy thưa ông sa-môn Gotama! Có 72 vị đồng phạm hạnh này làm minh chứng cho tôi. Thế thì lẽ nào đức Thế Tôn lại bảo, là ở đây, sự vinh quang, xán lạn này được bao lâu? Lại còn cho là chúng tôi rơi vào thường kiến tối tăm và mê muội? Xem chừng, sa-môn Gotama tự xưng là Phật, là đại A-la-hán được thế gian trọng vọng, tôn thờ nhưng rõ là ông vẫn chưa đạt được cứu cánh này, địa vị này? Hoặc may mắn lắm, ông chỉ là một vị trời tầm thường mà thôi vậy!

Đức Phật nghe những lời huênh hoang, khoác lác như thế, khởi tâm bi mẫn, nói rằng:

- Này phạm thiên Baka! Nghe Như Lai nói đây! Ông tưởng rằng ông tạo sắc giới thiện nghiệp nên hóa sanh lên cõi này sao? Do không thấy, không biết, không nhớ đến tiền kiếp của mình nên ông mới sinh ra tự tôn, cao mạn như vậy!

Phạm thiên Baka ngạc nhiên:

- Tôi không tin điều đó! Chẳng có gì để chứng minh cả, thưa ông sa-môn Gotama!

Đức Phật mỉm cười:

- Kiếp trước đây, ngươi ở cõi trời Subhakiṅha (Biến tịnh thiên), có tuổi thọ 64 đại kiếp quả đất. Trước khi mất ở đấy, nhờ ngươi trú được định nhị thiền thâm sâu, có hỷ lạc thâm sâu, nên ngươi mới sanh vào cõi trời này. Như vậy là ngươi đã từ cảnh giới quang minh bất động của Biến tịnh thiên mà rơi xuống Vô lượng quang thiên chứ đâu phải sanh lên, hở phạm thiên Baka?

Vị phạm thiên vẫn ngoan cố lắc đầu:

- Chuyện không thể tin được!

- Vậy thì ngươi hãy ngồi xuống, trú tâm thanh tịnh – đức Phật nói – rồi Như Lai sẽ cho ngươi nương nhờ túc mạng thông của Như Lai, để ngươi nhớ đến kiếp trước của mình!

Rồi với năng lực thần thông của bậc Chánh Đẳng Giác, đức Phật để cho tâm trí phạm thiên Baka nhớ đến sanh thú trước đây. Giữa vùng yên lặng, trong sáng, đột nhiên Baka thấy rõ mình là một vị phạm thiên cao sang, thù thắng lạ lùng. Toàn thân vị phạm thiên ấy phát ra ánh hào quang vững chắc, như nhiên, kiên cố khó có thế lực, uy lực nào xâm phạm được. Vị phạm thiên ấy bước đi trong ánh hào quang không xao động, bay đi trong hào quang không xao động. Thân thể vị ấy đồng với hào quang, tan hòa trong hào quang; và niềm hạnh phúc an lạc của vị ấy thâm mật, tế vi, chẳng có hình ảnh, ngôn từ nào khả dĩ so sánh, diễn đạt...

Đức Phật thu lại thần thông, nói rõ mồn một vào tai phạm thiên Baka:

- Cảnh giới vinh quang, xán lạn, thường hằng, bất biến ở đây, so với cảnh giới ngươi vừa thấy, nó ra sao?

Phạm thiên Baka như vừa tỉnh một cơn mê dài, y bắt đầu nói chuyện có lễ độ hơn một tí:

- Thưa sa-môn Gotama! Niềm vinh quang, xán lạn ở đây thật là tệ hại, là tối tăm, là thấp thỏi! Ôi! Hóa ra cảnh giới mà tôi đã từng sống trước đây nó vi diệu, thù thắng như vậy sao? Và tôi cũng từng đã ở đấy 64 đại kiếp quả đất hay sao?

- Phải, và còn hơn thế nữa, này phạm thiên Baka! Ngay chính cảnh giới ấy nó vẫn còn thấp thỏi, hạ liệt. Ngươi đã từng sống ở một cảnh giới cao sang, thù thắng hơn thế nhiều. Đó là cảnh giới Vehapphala (Quảng quả thiên), mà phước báu ở đấy viên minh và vô lượng hơn nhiều. Niềm hạnh phúc an lạc kia, trong suốt tợ pha lê, một tí bụi của hỷ lạc xả thô tháo cũng không gợn lên được. Suốt một thời gian dài và lâu xa đến năm trăm đại kiếp quả địa cầu, ngươi sống và thọ hưởng niềm vinh quang tráng lệ ấy. Trước khi chấm dứt tuổi thọ, ngươi trú được định tam thiền và rơi đọa xuống cảnh giới mà ngươi vừa nhìn thấy.

Rồi cũng bằng thần thông lực bất khả tư nghì của đấng Diệu Giác, đức Phật để cho phạm thiên Baka thấy lại tiền kiếp đã bị quá khứ che lấp. Sau khi thấy rõ, biết rõ sự thật, bao nhiêu kiêu căng, tự mãn, tự đắc của phạm thiên Baka thảy đều tiêu tan, y quì xuống đảnh lễ chân bụi của đức Đạo Sư:

- "Con" không biết nói gì nữa. Thật là vô cùng tri ân đức Thế Tôn đã mở mắt cho con!

- Này phạm thiên Baka! Đức Phật tiếp tục dẫn dắt cho kẻ tối tăm, bít bùng thấy thêm con đường khoảng khoát, sáng sủa – Ngay chính cảnh giới thù thắng ấy cũng chưa phải là cao tột, tuyệt đỉnh. Đó chỉ mới là cảnh giới của đệ tứ thiền hữu sắc, tuy đạt được phúc lạc tế vi nhưng đối với Như Lai thì nó cũng rất tầm thường. Đấy là phước báu của sắc giới thiện nghiệp mà ngươi đã tạo ở cõi người, từ một kiếp trước đó, ngươi không biết thế sao?

- Thưa, con không biết!

- Thuở ấy - Đức Phật nói tiếp - Mặc dầu sinh vào thời không có đức Phật Toàn Giác, nhưng ngươi đã sớm có trí tuệ, thấy được sự hạ liệt, thấp thỏi của dục vọng ngũ trần nên ngươi đã từ bỏ đời vinh hoa phú quí, xuất gia làm đạo sĩ ở Tuyết Sơn. Do sự tinh cần, chuyên niệm, nỗ lực thiền định nên ngươi đã đắc được đệ tứ thiền hữu sắc thô tháo ấy! Như Lai khá khen ngươi đã tự tri, tự lực để vạch cho mình một lộ trình tươi sáng, trong lúc thế gian đang chìm trong giấc ngủ say nồng!

Rồi đức Phật lại cho phạm thiên Baka nương nhờ thần thông lực của mình, giúp y thấy lại được đời sống ấy, kiếp ấy.

- Con đã thấy rồi! Y nói - Con đã tin rồi, bạch đức Thế Tôn!

- Và này hỡi phạm thiên Baka! Ngươi đâu có biết rằng còn vô lượng cảnh giới thanh lương, mỹ toàn hơn thế, Như

Lai đã từng chứng đạt, liễu tri; nhưng Như Lai đã không cần an trú ở đấy mà Như Lai đã đoạn trừ chúng, đã viễn ly chúng vì thấy chúng chưa phải là cứu cánh tột cùng, viên mãn! Vậy mà ở đây, ở cõi chỉ có một tí xíu an lạc này; ngươi đã dám tự tuyên xưng là thường hằng, bất biến; là nơi không còn sanh, già, bệnh, chết; là nơi không còn hóa sanh, chuyển sanh; là cõi vinh quang, đời đời, chẳng ở đâu hơn thế nữa!?

Phạm thiên Baka lại quì sụp xuống:

- Kính xin đức Thế Tôn cho phép con sám hối những lỗi lầm ngu si, tà kiến và ngã mạn ấy!

- Thôi được rồi! Đức Phật nói – Như Lai chứng minh cho lời sám hối ấy. Bây giờ ngươi hãy tính chuyện cho mai sau. Cảnh trời Quang âm này tuổi thọ chỉ 8 đại kiếp quả địa cầu. Ngươi ở đây cũng đã khá lâu, và Như Lai còn biết rõ, sự mạng chung của ngươi chỉ còn 100 ngàn Nirabhuda[(1)] mà thôi vậy!

Phạm thiên Baka kính cẩn nói:

- Bây giờ thì con đã có đức tin hoàn toàn nơi đức Thế Tôn! Con biết chắc đức Thế Tôn là bậc thấy rõ, biết rõ không cùng tận. Là bậc đã liễu ngộ sinh tử, đã thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết; là bậc đã chấm dứt trọn vẹn mọi khổ đau, phiền não, đã vượt lên trên tất cả mọi cảnh giới thù thắng nhất. Niềm tin ấy là kiên cố và bất hoại ở trong con. Con quả là người đi đêm lạc đường, không hề biết lộ trình đã qua, lộ trình sẽ tới như thế nào. Xin đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn soi rọi cho con thấy một số kiếp quá khứ, con đã từng làm gì, đã từng tu tập như thế nào; để y cứ theo đó, con biết được tâm hành, thói quen, biết được những pháp hành mà con đã thọ trì trước đây. Điều ấy giúp cho con định hướng được tương lai cho đời mình!

[(1)] Nirabhuda: Có con số "1" đứng đầu, theo sau là 63 con số "0", viết là 10^{63} năm.

Đức Phật nói:

- Vậy là tốt. Vậy là đúng đắn. Thật ra, không cần thiết phải biết các tiền kiếp cũng có thể tu tập giác ngộ, giải thoát khi có một bậc Chánh Đẳng Giác ra đời. Nhưng mà ngươi thật chưa đủ duyên. Vậy thì Như Lai cũng sẵn lòng vén mở lớp sương mù quá khứ cho ngươi thấy!

Này phạm thiên Baka! Hãy nghe đây! Rất nhiều kiếp quá khứ ngươi đã tu tập rất tốt, nhưng Như Lai chỉ nói ra vài kiếp... ngươi đã thành tựu tốt nhất, đắc ý nhất mà thôi!

Rồi đức Phật kể:

- Kiếp ấy, ngươi sinh ra trong một gia đình giàu có, thọ hưởng đầy đủ hạnh phúc ngũ dục; nhưng không lâu sau, ngươi thấy rõ sự hạ liệt, thấp thỏi cũng như những tội lỗi, khổ đau, phiền não của đời sống ấy mang lại. Vì mong ước thoát khỏi sanh tử, thoát khỏi cảnh vô thường biến hoại của cuộc đời nên ngươi đã khẳng khái phất tay từ bỏ tất cả, lên non sâu sống đời xuất gia đạo sĩ. Với nước suối, với trái cây rừng, ngươi duy trì mạng sống để tiến tu thiền định. Với ý chí bất thối, với sự tinh cần, nỗ lực không mệt mỏi, ngươi chứng đắc được tứ thiền luôn cả ngũ trí thần thông! Nghĩ là đã thành tựu được mục đích rốt ráo của phạm hạnh, ngươi làm một cốc lá ven bờ sông Gaṅgā để thọ hưởng hạnh phúc, an lạc của bậc đại Ẩn Sĩ!

Xa về phía tây bắc, lúc ấy có một đoàn thương buôn với năm trăm cỗ xe bò kéo đang vượt qua một bãi sa mạc. Ban ngày vì trời nắng nóng, cát lửa như thiêu như đốt, đoàn thương buôn chỉ khởi hành vào lúc chiều mát. Đoàn xe bò cứ đi, đi mãi trong đêm tối, tất cả chỉ trông cậy vào sự khôn ngoan, kinh nghiệm của con bò đầu đàn. Khi ước chừng đã qua khỏi sa mạc, theo lệnh người trưởng đoàn, tất cả củi và nước đều phải bỏ lại cho nhẹ xe vì họ sắp được vào làng mạc.

Trời hừng sáng, người trưởng đoàn chợt phát hiện là đoàn xe đang trở lại lối cũ, và họ còn ở giữa sa mạc mênh mông không thấy mé bờ. Mọi người đều kinh hoàng, thất sắc! Gần trưa, trời nắng nóng thiêu người, cả đoàn thương buôn, người và vật, vừa khát, vừa đói. Ai cũng mệt lả, nằm úp dưới lườn xe để chờ đợi cái chết đến dần dần, chẳng thể có phương cách nào cứu nguy được nữa.

Sáng sớm hôm ấy, đạo sĩ ra khỏi cốc lá, ngồi nhìn dòng sông Gaṅgā nước cuồn cuộn chảy tràn bờ. Một ý nghĩ chợt khởi sanh trong tâm đạo sĩ: "Chúng sanh thiếu phước, do si mê, không có trí tuệ, cam chịu sống giữa cõi đời ít vui, lắm khổ này. Chúng triền miên bị cái đói, cái khát, bệnh tật, ốm đau, nạn nước, nạn lửa, nạn gió bão, động đất, chiến tranh, bệnh dịch... chi phối và hành hạ mà không bao giờ có cách thoát ra khỏi. Dòng sông Gaṅgā nước chảy tràn bờ như thế này, nhưng ai dám đoán chắc rằng, hiện giờ không có chúng sanh ở một nơi nào đó đang chết khát, đang không có một giọt nước nhắp cầm hơi?!" Suy nghĩ đến ngang đây, đạo sĩ dùng thiên nhãn thông nhìn từ gần đến xa, sang các hướng đông, tây, nam, bắc... Đoàn thương buôn cùng năm trăm cỗ xe bò, người và thú đang nằm chờ chết lọt vào tầm mắt của đạo sĩ!

Khởi tâm bi mẫn, đạo sĩ nghĩ là phải cứu họ, bèn vào định tứ thiền rồi dùng như ý túc tạo năng lực thần thông, phát nguyện rằng: "Xin cho một mạch nước ngầm chạy xuyên qua lòng đất, đến chỗ sa mạc kia, hiện thành một suối nước ngọt để cứu đoàn thương buôn cùng năm trăm con bò đang chết khát!"

Đạo sĩ vừa dứt lời, những người lái buôn chợt nghe tiếng nước chảy rồi thấy một mạch nước trong vắt vọt ra từ lòng cát, tuôn chảy ào ạt, sủi bọt, hiện thành một dòng suối lấp lánh dưới ánh mặt trời! Quả là một phép lạ nhiệm mầu. Họ chắp tay tạ ơn trời đất, vô cùng mừng rỡ, cười reo thỏa

thích, uống no, tắm mát cả người lẫn thú. Đoàn thương buôn thế là thoát chết, cùng năm trăm cỗ xe vượt qua sa mạc, an toàn chở hàng về thành phố."

Kể xong, đức Phật tóm tắt bằng kệ ngôn với đại ý rằng:

"- Vì lòng bi mẫn, dùng thần thông hóa hiện một dòng nước ngọt, cứu sống đoàn thương buôn cùng năm trăm con bò đang chết khát giữa sa mạc mùa hè cháy bỏng. Đấy là một việc thiện, một pháp hành đáng khen ngợi của ngươi đấy, này phạm thiên Baka!"

Nghe xong, vị đạo sĩ năm xưa thốt lên:

- Con vô cùng hỷ lạc, bạch đức Thế Tôn! Thế ra, con đã có được tứ thiền và cả ngũ trí thần thông! Ngoài ra, con cũng có làm được một thiện sự nho nhỏ, lợi ích cho chúng sanh!

Đức Phật mỉm cười:

- Cứu từng ấy người và thú mà ngươi bảo là nho nhỏ, quả thật ngươi còn chỗ khả dung, đã bắt đầu biết nói lời khiêm tốn rồi đấy!

- Con không dám!

- Lại còn một trường hợp khác, cũng là một việc lành "nho nhỏ" mà ngươi đã từng làm nữa, này người đạo sĩ giàu lòng bi mẫn!

- Con xin được nghe!

Rồi đức Thế Tôn kể tiếp như sau:

- Cũng tại dòng sông Gaṅgā ấy, ở cốc lá của bậc đại Ẩn Sĩ ấy, có một xóm làng đông đúc, yên ả, thanh bình. Họ đang sống một đời sống an lành thì hôm kia có một bọn cướp kéo đến. Bọn cướp này có vẻ chuyên nghiệp nên rất hung dữ, bạo tàn. Chúng cướp đoạt tất cả tài sản, châu báu, vải vóc, lúa gạo của dân làng rồi còn lùa đi từng đoàn gia súc như trâu bò, dê lợn, gà vịt... Đã thế, ai chống cự thì chúng giết, ai tỏ vẻ phản kháng thì chúng đánh đập rất dã man. Ngoài ra, người nữ thì chúng hãm hiếp, trai tráng mạnh

khỏe thì chúng bắt làm nô lệ để khuân vác vật dụng tập kết ở bờ sông. Đứa nào cũng hung dữ với dao búa cầm tay, roi gậy giắt lưng, miệng chửi rủa, tay đánh đập, chẳng kể già trẻ. Thôi thì tiếng kêu la, than khóc làm kinh động cả một vùng!

Đạo sĩ với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, nghe được, dùng năng lực thần thông biến hóa ra một đội quân kỵ mã tinh nhuệ với áo mão, gươm đao nai nịt sáng lòa. Trong chớp nhoáng, đội quân thiện chiến ấy phi ngựa nhanh như gió cuốn, quát to như sấm nổ, uy dũng như thiên binh, thiên tướng tự trời cao sa xuống, khí thế bốc chín tầng mây, oai phong hiển hách! Bọn cướp vừa thoáng thấy, tưởng là đội quân quyết tử của triều đình, lông tóc dựng ngược, run sợ, kinh hoàng, hớt hãi ba chân bốn cẳng chạy thoát lấy thân, quăng bỏ vũ khí ngổn ngang!

Đạo sĩ thu lại thần thông. Dân làng như vừa trải qua cơn mộng dữ. Trong chớp mắt, họ không còn thấy một tên cướp nào, cũng chẳng còn thấy đâu toán quân kỵ mã oai vệ vừa giải vây cho họ! Nhưng tài sản, châu báu, vải vóc, lúa gạo và từng đoàn gia súc thì vẫn còn y nguyên! Họ mở to mắt, véo vào da thịt mình, dường như không dám tin phép lạ nhiệm mầu vừa mới xảy ra! Họ ôm nhau mừng khóc còn hơn là cha mẹ chết đi, nay được sống lại!

- Này phạm thiên Baka! Đức Phật kết luận – Đấy là một việc làm khác tốt đẹp của ngươi! Là một mỹ sự, một pháp hành thiện hảo của ngươi ở quá khứ! Chính chúng là những hạt cát, những viên gạch để xây dựng lâu đài ba-la-mật trong tương lai cho ngươi đấy!

- Con hỷ lạc vô cùng, bạch đức Thế Tôn!

- Không chỉ có chừng ấy! Nơi cốc lá của vị đạo sĩ hiền thiện ấy còn xảy ra một việc nữa.

- Con đang nghe đây, bạch đức Thế Tôn!

- Có hai gia đình làm ăn lương thiện, kết bạn với nhau đã từ nhiều đời, một gia đình ở bên này sông và một thì ở bên kia sông Gaṅgā. Cả hai gia đình đều có một đời sống thuần hậu, nhiều lòng nhân ái, thường nhường cơm sẻ áo cho kẻ đói khổ hơn mình. Hôm kia, nhờ trúng to một vụ mùa, họ thuê hai chiếc thuyền lớn, kết lại, thả nổi giữa sông để mở tiệc ăn mừng. Thế rồi, đèn treo, hoa kết, cờ bay; họ ăn vận, điểm trang diêm dúa, đờn ca xướng hát, ăn uống linh đình thâu đêm, suốt sáng...

Long vương Gaṅgeyyaka lúc ấy đang nghỉ ngơi ở nơi thủy cung, nghe đờn ca xướng hát như thế rất bực mình, nghĩ rằng: "Bọn này là ai? Là loài người ti tiểu, hèn hạ mà tưởng đang làm vua cõi trời chắc? Mà cho dẫu là ông vua trời đi nữa cũng còn kiêng nể ta mấy phần! Được rồi, ta sẽ nhận chìm chúng, ba ngày sau là xác nổi lềnh bềnh, cho chúng học một bài học lễ độ!" Nghĩ thế xong, Long vương hung ác bèn hiện hình to lớn, tạo những cơn sóng thần, như những quả núi phủ chụp hai chiếc thuyền mỏng manh; đồng thời, lại còn nổi cuồng phong, phì hơi đè lên be thuyền, nhấn sâu xuống đáy sông nữa!

Mọi người trên hai chiếc thuyền hốt hoảng, kêu la cầu cứu... nhưng ở giữa dòng sông bao la, biết ai nghe cho? Và cứu thì cứu như thế nào?

Đạo sĩ của chúng ta lúc bấy giờ đang thọ hưởng an lạc của thiền định. Sau đó, nhờ thiên nhĩ thông nên nghe rõ, nhờ thiên nhãn thông nên thấy rõ và biết rõ mọi chuyện. Ngài tự nghĩ: "Long Vương Gaṅgeyyaka vì cái bụng xấu ác đã thành nề, vì cái tánh ngã mạn, tự cao đã thành thói, hiện đang tâm, nhẫn tâm giết hại những mạng người vô tội. Lý ra phải có tâm từ ái với loài người, vì chúng vui ít, khổ nhiều. Một chút tiệc tùng ca hát vui chơi như thế, mặc dù là nhảm nhí, phù phiếm, nhưng cũng chưa phương hại đến ai; huống nữa, họ vốn là những con người hiền lành, làm ăn lương thiện rất

đáng được nâng đỡ!" Rồi đạo sĩ nghĩ tiếp: 'Long vương Gaṅgeyyaka ngoan cố, ương ngạnh này, bình thường chẳng sợ trời đất là gì; nhưng hễ thấy bóng dáng của điểu vương Gadura là nó sợ đến đứng tim, vỡ mật!"

Xong, đạo sĩ sử dụng thần thông, biến hóa thành điểu vương Gadura to lớn như quả núi, tung hai cánh như che phủ cả bầu trời bay đến chỗ thuyền bị nạn. Điểu vương Gadura quát to như sấm rền, quạt mạnh hai cánh như bão lớn, thổi dạt cơn sóng thần đi xa; rồi thò hai chân to lớn như hai cột đình, đầy móng vuốt sắc nhọn, đâm sâu xuống lòng sông như để chộp lấy Long vương!

Đạo sĩ chỉ muốn hù dọa vậy thôi. Vì thật ra, khi vừa thoáng thấy điểu vương Gadura như hung thần tự trời sa xuống, Long vương đã tán đởm thần hồn, xẹp mang, xì hơi, lặn sâu xuống thủy cung mà quả tim còn nhảy loạn trong lồng ngực!

Thế là mọi người trên hai chiếc thuyền đột nhiên thấy trời yên sóng lặng, họ được an toàn tánh mạng mà không làm sao hiểu được lý do! Một con chim to lớn bằng mấy trăm cái nhà bay đến, thế là những cơn sóng thần bỗng dưng tan biến, và sau đó, thân mạn thuyền không còn dao động nữa! Họ đã được an toàn.

Đức Phật kể xong, Phạm thiên Baka thốt lên:

- Thế là con có làm thêm được một việc tốt đẹp nữa, con đã đúc được một viên gạch ba-la-mật nữa!

- Phải! Đức Thế Tôn gật đầu – Những việc làm ấy thật là tốt đẹp, thật là đáng tự hào! Đúng là những viên gạch ba-la-mật đấy! Chúng sanh đang đau khổ khắp mọi nơi, không những là tứ ác đạo, mà cõi người này cũng xảy ra lắm bất trắc, tai ương, hoạn nạn và thống khổ! Có bao giờ ngươi nghĩ rằng, thọ hưởng hạnh phúc an lạc ở cõi thanh tịnh này là ích kỷ, là tô bồi cho cái bản ngã riêng tư? Sự thụ hưởng ấy, nó không cao đẹp bằng những hành động xả kỷ, vị tha,

bi mẫn mà ngươi đã từng làm như trong mấy kiếp sống vừa rồi?

- Con đã thấy, bạch đức Thế Tôn!

- Đấy mới chính thật là ba-la-mật, là những hành động do tâm từ, tâm bi khởi sanh! Còn sự thọ hưởng niềm hạnh phúc, vinh quang trong cảnh giới này không phải là ba-la-mật đâu[1], này phạm thiên Baka!

- Thưa, con đã hiểu rồi!

Im lặng một lát, đức Phật nói tiếp:

- Ngoài ra, có một kiếp, ngươi còn làm thầy của Như Lai, Như Lai là học trò của ngươi! Vì nhân duyên thầy trò nên hôm nay Như Lai mới lên đây, muốn giúp ngươi giải trừ những tà kiến sai lầm! Ngươi có biết thế không?

Phạm thiên Baka cúi đầu:

- Con biết đức Thế Tôn là bậc đại Trí Tuệ, đang rọi đèn sáng vào trong bóng tối cho kẻ si mê, tối tăm là con đây!

- Kiếp ấy ngươi xuất gia làm đạo sĩ, tên là Kesava, và Như Lai thuở ấy là học trò của ngươi, tên Kappa. Đạo sĩ Kesava tu hành rất chơn chánh, đạo đức và trí tài nổi danh rất nhiều phương. Cậu học trò Kappa không những hộ độ cho thầy rất chu đáo mà còn là người cận kề tín cẩn của đạo sĩ nữa. Họ trò Kappa rất thông minh, mẫn tuệ, nghị luận sắc bén, có nhiều tài, mau nắm bắt được ý nghĩa từ lời thầy dạy nên đạo sĩ Kesava rất yêu quí. Thầy trò họ rất tương đắc, kính trọng nhau, thương mến nhau, không hề rời xa nhau. Tuy danh nghĩa là thầy trò nhưng thực sự họ là đôi bạn tốt, tương thân, tương trợ, hộ trì nâng đỡ nhau trên con đường tu tập...

---

[1] 10 ba-la-mật là: Bố thí, trì giới, xuất gia, trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, tâm từ, tâm xả. Vì 10 pháp này đa phần là phụng sự, phục vụ chúng sanh, trong đó không có thiền định. Vì trú trong định, một là nghỉ ngơi, tịnh dưỡng, hai là sự an hưởng hạnh phúc riêng tư, nếu không thấy rõ như vậy dễ phát sanh sự hưởng thụ vị ngã.

Kể thế xong, đức Phật kết luận với lời lẽ rất thâm tình:

- Vị đạo sĩ ấy có trí tuệ, có chánh kiến như thế nào thì người học trò cũng có trí tuệ, có chánh kiến y như thế ấy. Vậy sao, từ đó, người học trò tu tập đạt quả vị Chánh Đẳng Giác, mà người thầy thì đang còn mải mê nơi cảnh giới thấp kém như thế này, hỡi phạm thiên Baka? Hãy tích lũy những công hạnh ba-la-mật đi thôi! Hãy sinh xuống cõi người mà làm các thiện sự, các công đức như trước kia ông đã từng làm!

- Con hiểu! Con biết! Con sẽ làm như vậy khi hết tuổi thọ ở đây. Con thâm tạ đức Thế Tôn không những cho con biết tuổi thọ còn lại của kiếp này mà còn vén mở cho thấy nhiều đời sống về trước. Điều ấy giúp con thấy rõ ràng, minh bạch những thiện sự, những pháp hành con đã từng tu tập từ quá khứ. Nhờ vậy, con sẽ bước ra khỏi vùng mê muội với những chấp kiến ngu si hiện nay. Cũng nhờ vậy mà con thấy rõ sự hưởng thụ tại cảnh giới như thế này là ích kỷ, hẹp hòi. Quả thật, ngài chính là Phật Toàn Giác, là đức Chánh Biến Tri. Không những ngài đem niềm vinh quang, xán lạn đến đây cho con mà còn cho cả cảnh giới này, cho cả tương lai mai hậu trong lộ trình tu tập hướng thượng của con nữa!

Phạm thiên Baka hết lời tán dương đức Phật, khi ngẩng đầu lên thì đức Phật không còn ở đấy nữa, ngài đã trở về Jetavana!

Chuyện Hối Lộ!

Thấy giáo hội của đức Phật ngày càng phát triển, và khi nào đức Phật trú nhiều tháng ở Kỳ Viên thì dường như đời sống tứ sự của chư tỳ-khưu ngày càng thịnh mãn nên chúng ngoại đạo đem tâm ganh ghét, đố kỵ. Có một nhóm tu sĩ ngoại đạo[1] ngang nhiên chiếm một khoảng rừng lớn phía trước chùa Kỳ Viên để xây dựng viện quán với ý đồ là đón đầu các nguồn tài lợi mà cư sĩ cũng như thập phương mang đến cúng dường cho đức Phật và tăng chúng.

Chư vị trưởng lão thấy việc làm quá đáng ấy nên đích thân đến hỏi chuyện thì chúng bảo đã được đức vua Pāsenadi cho phép. Bán tín, bán nghi, các ngài tìm cách thăm hỏi để biết hư thực câu chuyện thì được hoàng tử Kỳ Đà cho biết chuyện ấy là có thực. Có một nhóm trưởng lão tu sĩ ngoại đạo mang một số phẩm vật quý giá đến triệu kiến đức vua, trong số lễ vật ấy, có một hộp vàng đựng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Chúng muốn "hối lộ" đức vua hầu "xin một khoảng đất nhỏ bỏ hoang" để lập chùa viện.

---

[1] Gọi ngoại đạo không phải với ý nghĩa xấu, chỉ để chỉ những tu sĩ, đạo sĩ ở ngoài Phật giáo; nhóm này thường hay chống đối, chống phá đức Phật và Tăng chúng.

Tôn giả Ānanda lập tức đi vào cung để hỏi cho ra lẽ nhưng đức vua không tiếp. Rồi tôn giả Moggallāna, tôn giả Sāriputta lần lượt đi vào hoàng thành cũng mong hỏi chuyện cho rõ ràng nhưng đức vua viện lý do bận việc triều chính!

Chuyện đến tai, đức Phật mỉm cười:

- Vậy ngay ngày mai, hãy thông báo là Như Lai cùng với năm trăm tỳ-khưu sẽ vào hoàng cung để trì bình khất thực.

Tin được loan ra, có một vị tỳ-khưu-ni gốc hoàng gia đang ở ni viện của trưởng lão ni Gotamī cấp tốc cho người nhắn tin về triều cho hàng thân quốc thích hay để họ chuẩn bị đón tiếp. Hoàng hậu Mallikā cũng huy động đám cung nga thể nữ chuẩn bị vật thực thượng vị cứng mềm cho chu đáo.

Sáng ngày, khi nắng sớm vừa lên, sân hoàng cung chợt vàng rực những đám mây vàng. Từ lầu cao nhìn xuống, đức vua Pāsenadi trông thấy hoàng hậu, hoàng phi, gia đình các nội quan, cung nga thể nữ như những cánh bướm đủ loại sắc màu từ các hướng cung, viện đổ ra và ai cũng có sẵn mâm vật thực trên tay để đặt bát cúng dường!

Thấy đức Phật tự tại, uy nghi từng bước đi với dung sắc quang hảo như một vị đại phạm thiên, đức vua rúng động và sợ hãi mơ hồ, tự nghĩ:

"- Họ đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng rồi mà không cho ta hay! Vậy là chuyện gì đã xảy ra? Tại sao một việc trọng đại như thế này mà các hậu, các phi, các quan chẳng ai báo cho ta một tiếng? Ta đã có làm việc gì 'phi pháp' để họ như đồng một lòng mất niềm tin nơi ta như thế?"

Lát sau, đức vua gật đầu:

"- Ta biết rồi! Ba vị tôn giả bậc thượng của giáo hội có đến đây mà ta không tiếp nên hôm nay đức Phật mới đích thân đến đây! Ôi! Hóa ra chuyện ta nhận hối lộ một trăm ngàn đồng tiền vàng đã lan đi khắp mọi nơi! Họ đồng tâm

đặt bát cho đức Phật và hội chúng tỳ-khưu như thế này là âm thầm phản đối viếc làm khuất tất, bất chánh của ta đây! Bây giờ, thấy cái bóng thánh thiện của đức Phật là tâm ta lại bất an, tại sao?”

Khi đức vua với vương bào, mũ miện chói ngời từ lầu cao bước xuống thì đức Phật đã có chỗ an tọa nơi sân rồng rộng mênh mông, đoanh vây hàng hàng lớp lớp tăng chúng trang nghiêm, thanh tịnh, yên lặng như một rừng đại định. Biết đức vua đang run sợ, đức Phật mỉm nụ cười từ bi, cất giọng lớn:

- Hãy lại đây, đại vương! Hôm nay, Như Lai và đệ tử của Như Lai đến xin ăn ở cửa hoàng gia đó! Chuyện không báo trước mà đức vua đã cho người đặt bát thật trang trọng, thật hậu hĩ! Như Lai chúc lành cho đại vương vì phước sự lớn lao này!

- Dạ, không dám ạ! Đức vua khom người kính lễ - Phần phước ấy thuộc về hoàng hậu, hoàng phi, các nội quan cùng ba cung sáu viện; còn riêng trẫm, trẫm xét rằng, trẫm là người có tội!

- Đại vương có tội gì?

Rồi đức vua thành thật tự khai,“thành thật” là đức tính của một bậc minh quân:

- Trẫm có nhận của hối lộ một trăm ngàn đồng tiền vàng của các vị “thánh chủ”!

Biết trong lòng đức vua vẫn tôn kính các đạo sĩ khổ hạnh và đã từng cung đón họ như các bậc A-la-hán nên đức Phật chậm rãi nói:

- Nếu là “thánh chủ” thì họ đã không làm việc ấy! “Đút lót” là một việc khuất tất, bậc “thánh chủ” thật sự thì họ không làm! Còn riêng đức vua, một bậc minh quân thì cũng không nên thọ nhận của bất chính ấy!

- Trẫm biết rồi!

- Đức vua mà nhận của hối lộ dầu là chút ít, lâu ngày sẽ trở thành một thói quen xấu. Chư vị đại thần, trăm quan, theo đó, chắc hẳn có người sẽ bắt chước làm theo. Rồi người đứng đầu các trấn thành, phủ huyện, thôn bản nhiễm theo thói ấy thì còn đâu là công minh, liêm chính: Là nội dung nền tảng pháp luật kỹ cương của quốc độ nữa? Hãy tức khắc dừng lại việc ấy để bảo vệ sự an toàn cho quốc độ cùng hạnh phúc, thanh bình của muôn dân, bá tánh, tâu đại vương!

Từng lời, từng chữ về nhân, về quả của đức Phật như thấm vào tâm trí của đức vua làm ông chết sững, toát mồ hôi hột.

Đức Phật và chư tỳ-khưu ra về rồi mà đức vua còn như đứng chôn chân một chỗ; sau đó như sực tỉnh, ông quát hỏi tả hữu sự việc xảy ra như thế nào tại đám đất nhỏ bỏ hoang ấy? Khi được biết là ngoại đạo ngang nhiên chiếm một khoảng rừng lớn ngay trước mặt tịnh xá Kỳ Viên để xây dựng viện quán thì đức vua không còn bình tĩnh được nữa:

- Quá đáng! Thật là quá đáng!

Đức vua hét toáng lên, bảo vị quan cận thần lấy một trăm ngàn đồng tiền vàng tìm cách trả lại cho "khổ chủ" và tức tốc sai quân lính tới tận nơi phá bỏ lều trại và những gì đang xây dựng rồi đuổi hết lũ "thánh chủ" cùng đệ tử của họ cuốn gói đi nơi khác.

Đức vua lẩm bẩm:

"- Ta chưa nhốt tù là may! Chúng đã lòi cái đuôi tà vạy, gian xảo ra rồi! Ôi! Từ lâu mình tưởng những khổ hạnh sư ấy là các bậc A-la-hán!"

Và sau đó, như hối lỗi việc làm bất chính của mình, đức vua cho xây dựng tại đám đất ấy một ngôi chùa có tên là Rājakārāma rồi dâng cúng cho ni giới. Trưởng lão ni Gotamī biết tâm ý của đức vua nên đã tế nhị "cắt cử" tỳ-khưu-ni Sumanā - là chị của đức vua - đến ở ngôi chùa hoàng gia ấy. Đức vua còn khởi tâm làm trong khuôn viên rừng Kỳ Đà

một ngôi chùa khác nữa, có tên là Salaḷāgāra để dâng cho tỳ-khưu tăng.

Hoàng hậu Mallikā thấy đức vua thành tâm cải hối bằng những thiện sự tốt đẹp, bà rất hoan hỷ và sau đó cũng khởi tâm cho xây dựng một ngôi chùa gần Kỳ Viên tịnh xá, được gọi là Mallikārāma dâng cúng cho chư tăng. Và ở tại khu rừng Andhavana, cách Sāvatthi ba mươi do-tuần về hướng Nam, bà còn cho thiết lập khá nhiều cốc liêu cho ni chúng có chỗ dừng chân khi họ du hành từ thành phố Āḷavī hay từ Bārāṇasī về Kỳ Viên tịnh xá đảnh lễ đức Phật và nghe pháp.

Vậy là do việc làm khuất tất của ngoại đạo, khi xin một đám đất nhỏ bỏ hoang mà chúng lại gian dối chiếm một khoảng rừng lớn, lại ở ngay chính trước mặt chùa Kỳ Viên với ý đồ tà mạng nên uy tín của chúng càng bị giảm sút thêm. Trái lại, nhờ giáo huấn của đức Phật mà đức vua biết lỗi của mình, thành tâm phục thiện nên lần lượt trước sau, vua và hoàng hậu kiến tạo thêm bốn ngôi già-lam nữa, đáp ứng cho tiện nghi cư trú và nhu cầu sinh hoạt của Tăng ni tại kinh thành Sāvatthi nói chung và tại Kỳ Viên tịnh xá, nói riêng.

Chuyện Cô Nữ Tu Xinh Đẹp

Lúc mà uy tín của các giáo phái trong kinh thành ngày càng bị giảm sút, đời sống ngày càng khó khăn; tất cả chùa viện ngày càng hương tàn khói lạnh, vật thực bữa có bữa không thì chúng ngoại đạo ngày càng sinh tâm căm ghét, hận thù đức Phật và tăng chúng đến tận xương tủy.

Chuyện hối lộ cho đức vua một trăm ngàn đồng tiền vàng để xây dựng một "tiền trạm" ngay trước "mũi" chùa Kỳ Viên thất bại; nó như là giọt nước cuối cùng làm cho tràn ly, chúng ngoại đạo tìm phương kế thâm độc để trả thù.

Kinh điển còn ghi nhận hai vụ trả thù bằng "mỹ nhân kế", không biết chính xác là vào hạ nào của đức Phật tuy đều xảy ra tại Kỳ Viên tịnh xá. Và cũng không biết rõ là họ thuộc giáo phái nào. Vụ đầu tiên là họ sử dụng một nữ tu sĩ rất xinh đẹp, tên là Sundarī, giả một kịch bản là hay đến chùa Kỳ Viên vào những giờ giấc "khả nghi". Sau đó cô ta nói xa nói gần, ỡm ờ nửa kín, nửa hở như là có liên hệ "gì đó" với đức Phật. Bậc trí và những thánh đệ tử thì mỉm cười trước những đồn thổi này, nhưng tăng, tục phàm phu thì nghi nghi, ngờ ngờ. Bước thứ hai của mưu kế này là cho người trà trộn vào những buổi thuyết pháp đông đúc, có mặt

hai hàng cư sĩ để tung tin, rỉ tai, sau đó loan truyền khắp thành phố về chuyện "mờ ám" của đức Phật.

Dù bọn ngoại đạo và nữ tu Sundarī đã rêu rao nói xấu, vu khống nhiều cách nhưng vẫn không làm giảm uy tín đức Phật được, nên họ đã dùng đến thủ đoạn độc ác là bỏ bạc tiền thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu chè, mê cờ bạc giết cô Sundarī rồi giấu xác chết trong đống rác trước cổng ra vào tịnh xá Kỳ Viên.

Sau đó, nhóm tu sĩ ngoại đạo cử người đại diện vào trình đức với vua Pāsenadi:

- Tâu đại vương! Một nữ tu trẻ đẹp của giáo phái chúng tôi tên là Sundarī, bỗng dưng mất tích trong thời gian lui tới chùa Kỳ Viên. Xin đại vương cho đội quân do thám đi điều tra!

Cùng lúc ấy thì chúng chia ra nhiều toán giả vờ đi tìm kiếm khắp nơi. Có một nhóm loanh quanh luẩn quẩn trước cổng chùa Kỳ Viên rồi hô hoán lên là tình cờ thấy xác cô Sundarī trong đống rác. Tin được loan ra, hằng trăm tu sĩ ngoại đạo đồng bọn tìm tới, chúng làm ầm ĩ lên rồi đặt xác chết trên cáng, kéo đi khắp thành phố rêu rao với đại ý rằng:

- Hỡi muôn dân bà con kinh thành Sāvatthi! Hãy nghe đây! Quý vị đã thấy chưa? Cô nữ tu Sundarī của chúng tôi là một đệ tử ngoan đạo, thuần thành nhưng lỡ mang sắc đẹp mê hồn, kiều diễm của tiên nữ. Trong mấy lần lui tới chùa Kỳ Viên, không biết tại sao, cô ta lại bị giết chết rồi được chôn xác tại một đống rác tại cổng chùa? Ai giết? Và tại sao lại bị giết? Có phải sa-môn Gotama và đệ tử của ông ta đã lỡ làm điều xấu xa rồi muốn che giấu tội lỗi của mình bằng cách chôn xác phi tang? Ôi! Thật là oan uổng! Thật là oan uổng!

Xác chết sau đó được mang đến triều đình. Đức vua bước xuống, đi tới gần bên nhìn xác chết một hồi; vì mới một ngày một đêm nên dường như cái xác còn "tươi

nguyên"; tuy lấm lem lá rác nhưng cũng không giấu được một vẻ đẹp làm nao nao, xao xuyến lòng người. Không cần vị quan nắm cán cân công lý, không cần mọi thủ tục rườm rà, đức vua cất tiếng hỏi:

- Ai là người đầu tiên thấy cái xác này?

Giữa đám đông, ước chừng có vài mươi người đồng cất tiếng tự nhận là mình:

- Là tôi!

- Chính tôi thấy!

Đức vua tức khắc thấy sự sơ hở của chúng, nhưng cũng hỏi tiếp:

- Thế các thầy đến cổng chùa Kỳ Viên làm gì?

Họ im lặng. Một vị có vẻ lớn tuổi đáp:

- Tâu đại vương! Có một bọn tàn thực đang khều cái gì nơi đống rác, thấy xác chết nên chúng hô hoán lên, sau đó chúng tôi mới tìm tới.

- Thế sao vừa rồi có cả mấy chục vị bảo là thấy xác chết đầu tiên? Vậy những vị bảo là thấy đầu tiên đâu, các thầy vẫn chưa trả lời câu hỏi của ta: Đến cổng chùa Kỳ Viên làm gì, có việc gì?

Họ im lặng. Đức vua bèn nghiêm khắc nói:

- Trẫm sẽ cho điều tra. Nhưng khi chưa có bằng chứng, khi chưa có kết luận của triều đình thì đừng rêu rao bậy bạ. Trẫm sẽ xử theo luật hình về tội: "Cố ý bôi nhọ, vu khống người khác, nhất là những bậc đạo cao đức trọng!"

Nói thế xong, đức vua cảm thấy xót thương cho đóa hoa trong đống rác, bèn cho lính bó nhiều lớp vải trắng rồi chu đáo cho hỏa táng thi hài Sundarī. Còn nhóm tu sĩ ngoại đạo thì đức vua bảo lính cai ngục giam giữ lại, đợi điều tra xong hãy tính.

Thế rồi, nghe kể rằng, chuyện điều tra cũng không lâu la gì. Đội quân do thám được đức vua cử đi đã lân la khắp các

nơi vui chơi hạ liệt trong kinh thành, tức là những "điểm đen" thường xảy ra các loại tội phạm.

Có hai đứa côn đồ vừa xong một trận nhậu nhẹt say sưa nhưng khi trả tiền thì đứa này đùn đẩy sang đứa kia nên sinh ra bất hòa, tranh cãi ồn ào:

- Tiền đứa nào cũng bằng nhau, tại sao tao trả mà không phải là mày trả?

- Vì chính tay tao giết chứ không phải mày giết!

- Nhưng tao lại phải vác cái xác nặng nề, còn mày thì đi lông ngông như dạo mát vậy đó!

- Nhưng mà mày quăng xuống rồi bỏ đi, còn tao lại phải tìm lá rác để che giấu cái xác!..

Nghe chừng ấy chuyện, chẳng gặng hỏi lôi thôi, lính do thám xích tay hai tên du côn dẫn về triều đình. Tại đây, chúng khai nhận tội, đồng thời khai luôn những kẻ thuê mướn, chính là nhóm tu sĩ ngoại đạo cho người đại diện vào triều tấu trình với đức vua.

Trước khi hành hình bọn côn đồ và bọn chủ mưu, đức vua cho lính dẫn nhóm tu sĩ ngoại đạo đi khắp các con đường lớn, con đường nhỏ trong kinh thành, đính chính lại lời rêu rao thất thiệt ngày hôm trước của chúng, phải thành khẩn và phải liên tục thay nhau loa truyền như sau:

- Xin được đính chính! Xin được cải chính! Thưa bà con muôn dân kinh thành Sāvatthi! Mấy vị trưởng lão tu sĩ của chúng tôi sai người thuê mướn hai đứa côn đồ nghiện rượu giết chết cô tu nữ Sundarī để vu oan giá họa cho sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ta. Chính mấy vị trưởng lão của chúng tôi mới là người chủ mưu, mới là kẻ có tội! Xin được đính chính. Xin được cải chính!

Khi nhóm tu sĩ ngoại đạo cải chính rồi, dân chúng trong thành Sāvatthi không ai còn nghi ngờ gì nữa, đồng thời họ càng thêm khinh ghét bọn chúng! Hai đứa côn đồ nghiện rượu và mấy vị tu sĩ ngoại đạo chủ mưu giết hại cô nữ tu

Sundarī đều bị hành hình, xử trảm theo pháp luật của quốc độ.

Trong thời gian ấy, tịnh xá Kỳ Viên vẫn yên lặng như tờ, vì đức Phật và chư vị trưởng lão đã dặn bảo đại chúng rằng:

“ - Nhân sanh ra ở đâu là nó sẽ diệt ở đó! Hãy giữ sự yên lặng và thanh bình của bậc thánh đệ tử!”

Chuyện Kỹ Nữ Ciñcā-Māṇavikā

Và sau đây là chuyện thứ hai, cũng xảy ra tại chùa Kỳ Viên khi mà chúng ngoại đạo căm thù, hận thù đức Phật và chúng đệ tử của ngài đã lên cao độ.

Chúng ta đều biết rằng, vào thời kỳ đầu của chánh pháp, các hàng đệ tử ngày càng thêm đông; chư thiên, phạm thiên, nhân loại đã chứng đắc thánh đạo quả không sao kể xiết; vì vậy danh thơm tiếng tốt của đức Phật lan tỏa khắp nơi nơi. Đại đa số quần chúng trước kia có truyền thống theo các giáo phái ngoại đạo, nay trở thành đệ tử của đức Phật. Đấy là điều mà các tu sĩ ngoại đạo cảm thấy bị tổn thương, bị trở ngại lớn trên đường truyền giáo của họ. Một vài nơi trong thành phố, khi thấy quần chúng lũ lượt kéo nhau đi nghe pháp, cúng dường tứ sự đến đức Phật và Tăng chúng; các tu sĩ ngoại đạo đã ra đứng chắn giữa đường rồi lớn tiếng thuyết phục:

- Không chỉ sa-môn Gotama là thành tựu quả vị Phật, mà chúng tôi đây cũng đắc quả như đức Phật. Vậy, bố thí, cúng dường đến sa-môn Gotama có nhiều quả báu thì bố thí, cúng dường cho chúng tôi cũng y như thế!

Mặc dầu các tu sĩ ngoại đạo gắng sức rao truyền cũng không thể đem lại đức tin cho quần chúng nữa. Khi mà đức tin đã mất thì danh vọng, lợi lộc của chúng đều bị tổn giảm. Bởi vậy, chúng họp bàn với nhau bày mưu kế thâm độc để hạ uy tín của đức Phật. Tuy nhiên, nhóm hối lộ trăm ngàn đồng tiền vàng, kéo theo cái chết thảm của Sundarī, sau bị trảm hình mà chúng vẫn không sáng mắt.

Thời đó, trong thành Sāvatthi, không biết là thuộc mùa an cư nào của đức Phật, có người kỹ nữ duyên dáng, xinh đẹp như thiên nữ, tên là Ciñcā-māṇavikā; nàng vốn là đệ tử thuần thành của các tu sĩ ngoại đạo. Thấy sắc đẹp tuyệt trần của Ciñcā-māṇavikā, các tu sĩ ngoại đạo liền nảy ra diệu kế.

Một hôm, theo lệ thường, Ciñcā-māṇavikā đến tu viện ngoại đạo, làm lễ các tu sĩ xong, nàng đứng một bên. Nàng Ciñcā-māṇavikā rất ngạc nhiên là các tu sĩ mặt mày ủ rủ, lặng im không ai nói với nàng một tiếng nào. Trên chánh điện, màng nhện giăng tứ tung, đèn đuốc, hương hoa, trái cây đều không có. Nàng quì xuống, đảnh lễ vị tu sĩ già đến lần thứ ba mà ông ta cũng không nói không rằng, dường như là không hề có mặt của nàng vậy.

Nàng Ciñcā-māṇavikā thoáng nghĩ: "Để rồi mình sẽ tìm hiểu lý do!" rồi bạch:

- Con là đệ tử ngoan đạo, luôn luôn coi quý ngài như cha mẹ; nhưng không biết hôm nay con có lỗi gì mà quí ngài không thèm nói với con một tiếng, dù con đã đảnh lễ ba lần!

Vị tu sĩ chợt đứng dậy:

- Không! Này con! Con là một đệ tử rất tốt. Quả thật, con không có lỗi gì, mà con cũng chưa một lần nào làm các thầy phiền lòng cả. Hôm nay là vì các thầy có chuyện buồn. Cái cảnh hương tàn khói lạnh và sự sầu não của các thầy có liên hệ gì đến con đâu!

- Sao lại không liên hệ? Quí ngài sầu não chẳng lẽ con lại vui được sao? Nhưng mà có lý do nào trọng đại đến nỗi làm cho quí ngài phải buồn bã, mặt ủ mày chau như thế?

- Mặt ủ mày chau là đã may! Mấy lúc gần đây, đời sống của các thầy rất thiếu thốn, rất khổ sở; đôi khi suốt ba ngày các thầy không có nổi một muỗng cơm, một vá canh vào lòng nữa là khác!

Nàng Ciñcā-māṇavikā ngạc nhiên, nôn nóng hỏi:

- Có như vậy thật sao? Tứ sự cúng dường của các ngài trước đây rất dồi dào kia mà!

Một vị tu sĩ gật đầu.

- Phải! Và đấy là trước kia! Còn bây giờ, con không biết gì cả hay sao? Chính sa-môn Gotama đã làm khổ các thầy. Chính sa-môn Gotama đã làm cho các thầy mất tất cả uy tín, danh vọng cũng như lợi lộc...

Một vị tu sĩ khác nói góp thêm:

- Có nhiều tu viện của chúng ta bây giờ chợt trở nên trống không và điêu tàn. Cũng có nhiều tu sĩ ngày không có ai cúng dường gì đành phải chịu chết đói!

Nàng Ciñcā-māṇavikā cảm thấy rất đau lòng, chân tình nói:

- Vậy mà con có hay biết gì đâu? Không biết con có thể làm gì được để giúp đỡ quí ngài đây?

Các tu sĩ giả vờ im lặng một lúc, rồi có vị nói:

- Chỉ sợ con ngại khó mà không giúp đấy thôi!

Nàng Ciñcā-māṇavikā mau mắn đáp:

- Không! Có khó khăn gì con cũng làm được, miễn là quí ngài an vui, hết sầu não, hết đói khổ!

Vị tu sĩ già trang nghiêm nói:

- Đây là việc hệ trọng, đòi hỏi sự khôn ngoan và khéo léo. Nếu con muốn giúp đỡ các thầy thì chỉ có một phương cách duy nhất, là con hãy dùng cái sắc đẹp đầy duyên dáng, đầy quyến rũ của mình, làm thế nào đó để giả mang thai với

sa-môn Gotama! Với khả năng của con, các thầy biết con làm được điều đó!

Nàng Ciñcā-māṇavikā hỏi:

- Nếu làm vậy thì các thầy sẽ có lợi gì?

- Cốt ý của chúng ta là làm giảm uy tín của sa-môn Gotama trong lòng quần chúng. Khi mà uy tín của ông ta đã giảm thì danh vọng và lợi lộc của ông ta cũng giảm theo. Như thế thì phần đông tín đồ của sa-môn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta!

Nàng Ciñcā-māṇavikā hớn hở nói:

- Đúng vậy, kế này thật tuyệt vời! Quí ngài hãy tin tưởng ở nơi con. Việc làm này, con xem như là bổn phận để đáp đền công ơn đối với quí ngài nữa vậy!

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều, dân chúng trong thành Sāvatthi sau khi nghe xong thời pháp của đức Phật ở chùa Kỳ Viên, trên đường trở về nhà họ thường gặp một cô gái rất xinh đẹp, ăn mặc thật duyên dáng, cầm một bó hoa trên tay, lại đi theo hướng ngược chiều. Một vài lần, nhiều lần, cô gái khi thì sắc phục này, lúc thì sắc phục nọ mà kiểu dáng nào cũng xa hoa, lộng lẫy, vừa quyến rũ vừa kín đáo. Có người tò mò, dừng lại hỏi:

- Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?

Nàng Ciñcā-māṇavikā trả lời, cố ý tạo sự nghi ngờ:

- Tôi đi đâu là công việc riêng của tôi, quí vị biết phỏng có ích gì!

Nói xong, nàng bước đi, theo hướng chùa Kỳ Viên, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó. Rồi sáng hôm sau, khi một số tín nữ đến chùa Kỳ Viên để cúng dường đức Phật và Tăng chúng thì thấy nàng lại từ hướng chùa trở lại thành phố. Người ta lại hỏi:

- Thế thì đêm qua cô nghỉ ở đâu mà lại vào thành sớm vậy?

Nàng ỡm ờ đáp:

- Tôi nghỉ đâu thì có nơi có chỗ của tôi, mắc mớ gì đến quí vị mà quí vị hỏi!

Sự việc như trên được diễn ra từ tháng này qua tháng nọ; nàng Ciñcā-māṇavikā nghĩ là phải tiến gần mục tiêu hơn tí nữa, nên khi có người hỏi, nàng đáp:

- Quí vị sao lạ lùng quá! Chuyện riêng tư của người ta mà cứ hỏi miết! Chẳng lẽ tôi lại khai chỗ ngủ bí mật của tôi cho quí vị biết hay sao?

Thời gian sau, nàng đi một bước nữa:

- Người ta là người có danh vọng, có địa vị; tôi được hầu hạ người ta là phước đức ba đời rồi, vậy chuyện này tôi phải giữ kín trong lòng!

Ai là người có danh vọng, có địa vị? Về hướng chùa Kỳ Viên thì chỉ có sa-môn Gotama mà thôi! Một số đông dân chúng bắt đầu ngờ vực hoặc bán tín bán nghi. Cho đến khi trải qua ba, bốn tháng, nàng Ciñcā-māṇavikā lấy vải độn bụng, mặc áo lụng thụng che kín bên ngoài, thì có một số người nhẹ dạ, cả tin, nghĩ là cô gái kia thật sự có thai với sa-môn Gotama thật rồi!

Thời gian dụng tâm khổ công thế đã hơn chín tháng, nghĩ là màn kịch hạ bệ uy ín đức Thế Tôn đã đến hồi chung cuộc, nhóm tu sĩ ngoại đạo gọi nàng Ciñcā-māṇavikā đến. Họ dùng một miếng gỗ tròn có bốn đầu dây ràng, bảo nàng Ciñcā-māṇavikā mang vào, buộc chặt sau lưng, lại mặc áo phủ lại. Xong đâu đấy, họ lấy cây bó bông ở bên ngoài, đánh ở hai sống bàn tay bàn chân của nàng Ciñcā-māṇavikā cho sưng lên. Thế là xong. Thế đúng là người đàn bà sắp đến thời kỳ sinh nở.

Chiều hôm ấy, khi đức Phật đang ngự trên pháp tòa của giảng đường, tứ chúng đoanh vây chờ đợi thánh pháp như thường lệ thì nàng Ciñcā-māṇavikā từ ngoài xồng xộc đi vào đứng trước đức Phật, chỉ tay, buông lời nhiếc mắng:

- Này ông sa-môn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi! Ông cứu độ biết bao nhiêu người cũng rất hay, cũng rất giỏi! Còn tôi? Ông cứu độ tôi thế nào đây? Tôi bụng mang dạ chửa là vì ông. Ông nói ngon nói ngọt dụ dỗ tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ; nhưng khi bướm chán ong chê rồi, ông quăng tôi qua một bên như quăng một bó giẻ! Cho đến nỗi hôm nay, đã đến ngày sinh nở, ông cũng không thèm giúp tôi than củi, cháo rau! Trên đời này có ai bạc tình đến như thế? Tôi thấy ông có danh vọng, có địa vị nên đã cố im hơi lặng tiếng, cốt bảo vệ cho ông. Nếu ông không quá tệ bạc với tôi thì làm sao có sự việc bêu xấu ông trước mặt mọi người? Ông bận công chuyện ư? Ông bận thuyết pháp ư? Ông danh uy bốn bể, pháp lực quảng đại, trí tuệ và đạo đức trùm thiên hạ thì để mà làm gì, trong lúc người cùng đầu gối tay ấp với ông, thì ông chẳng đoái hoài tới! Chỉ cần ông nói một tiếng thì nào là đức vua Pāsenadi, hoàng hậu Mallikā xứ Kosala, ông đại phú hộ Anāthapiṅdika... cũng sẵn lòng thay ông giúp cho tôi được kia mà! Nhưng đằng này không phải vậy, ông chỉ khoái vùi hoa dập liễu, ngắt nhụy bẻ cành, thỏa mãn tình dục cho chán chê rồi quất ngựa truy phong, còn hậu quả thì ông chẳng ngó ngàng tới; ông không bao giờ biết đến nỗi khổ của người đàn bà bụng mang dạ chửa là thế nào đâu!

Khi nàng Ciñcā-māṇavikā xuất hiện với cái bụng vượt mặt, tay chân sưng vù, ngang nhiên đi thẳng vào chỗ pháp tòa trang nghiêm, tứ chúng đều như đồng loạt đứng cả dậy. Rồi khi nàng chưởi rủa, mắng nhiếc đức Phật, mọi người thảng thốt, bàng hoàng; từng lời, từng tiếng như những mũi kim châm chích tê điếng vào tai, vào óc họ. Nhưng lạ lùng làm sao, họ thấy đức Thế Tôn khuôn mặt vẫn bình hòa, an nhiên, tự tại. Dáng dấp đức Phật ngồi trên pháp tòa vẫn như tư thế sư tử chúa, uy nghiêm, định tĩnh trong động báu của mình!

Đợi đến khi nàng Ciñcā-māṇavikā ngưng lời, đức Phật mỉm nụ hoa sen, dịu dàng và từ ái nói:

- Này Ciñcā-māṇavikā! Chuyện này thì chỉ có riêng nàng và Như Lai biết rõ mà thôi, phải không?

- Đúng vậy! Nàng Ciñcā-māṇavikā đáp – Này ông đại sa-môn ! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!

Ngay giây phút ấy, tại Đao Lợi thiên cung, bảo tọa bằng vàng ròng của Đế Thích thiên chủ chợt nóng rực lên, làm cho ngài phải rời khỏi chỗ ngồi[1]. Biết thế gian đang có chuyện bất thường, Đế Thích thiên chủ dùng thiên nhãn quan sát nguyên nhân thì thấy rõ nàng Ciñcā-māṇavikā đang mắng nhiếc đức Phật trước hàng tứ chúng bởi những chuyện không thật. Đây là sự phỉ báng, vu cáo lạ lùng đến đức Đại Giác của nhóm tu sĩ ngoại đạo với cô kỹ nữ vô liêm sĩ. Đế Thích thiên chủ quyết định phải làm sáng tỏ việc này, một là "giải vây" cho đức Thế Tôn, hai là làm cho bảo tọa nguội lại mới ngồi yên vị được[2]!

Thế rồi, với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, Đế Thích cùng với bốn vị thiên tức khắc có mặt tại đại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá. Bốn vị thiên theo lệnh của Đế Thích biến làm bốn con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt bốn sợi dây cột tấm gỗ tròn. Đồng thời, Đế Thích hóa một luồng gió thổi cho tấm gỗ rơi xuống trúng nhắm bàn chân của nàng Ciñcā-māṇavikā, làm cho nàng phải bầm máu!

Sự việc kể trên xảy ra trong thời gian vài cái chớp mắt, và tất cả được diễn tiến trong vô hình, chỉ có đức Phật và

---

[1] Bảo tọa nóng lên chỉ có hai trường hợp: Một là lúc chư Phật, các vị thánh nhân bị oan ức, phỉ báng, vu khống... nhưng các ngài vẫn nhẫn nại và từ bi. Hai là thế gian có vị Bồ-tát nào đó tu tập các ba-la-mật quá tinh cần mà năng lực tỏa ra phước báu cao thượng, vượt trội phước báu của Đế Thích.

[2] Đức Phật có thể sử dụng thần thông để hóa giải sự vu oan này rất dễ dàng; nhưng ngài thấy không cần thiết, vì trước sau gì thì trời Đế Thích – là đệ tử của ngài cũng sẽ làm việc ấy.

một số vị thánh Tăng có thiên nhãn là thấy rõ mà thôi! Còn tất cả cận sự nam nữ hai hàng, sau khi nghe đức Phật mỉm cười hỏi và nàng Ciñcā-māṇavikā xác nhận: "Đúng vậy! Này ông đại sa-môn! Chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!" thì tự dưng có một luồng gió lạ thổi tới, tấm gỗ tròn rơi xuống và mưu kế của cô kỹ nữ bị lộ rõ trước mắt mọi người!

Thế là tại giảng đường chùa Kỳ Viên lần đầu tiên xôn xao, náo động. Nàng Ciñcā-māṇavikā bị người ta mắng nhiếc không tiếc lời. Có người đánh đập, có người nhổ nước bọt, có người kéo áo, nắm tóc người kỹ nữ rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa. Nàng Ciñcā-māṇavikā quá hổ thẹn, không biết giấu mặt vào đâu, thất tha thất thểu bước đi. Khi bóng nàng vừa khuất khỏi tầm mắt mọi người, mặt đất liền nứt ra làm hai, một tia lửa xanh phọt lên thiêu cháy nàng rồi rút nàng sâu xuống dưới lòng đất.

Ciñcā-māṇavikā chết, sa vào địa ngục Avīci (A-tỳ).

Chuyện không mấy chốc tin đồn lan nhanh từ thành phố này sang thành phố khác, từ thị trấn này sang làng mạc nọ, từ nước này sang nước kia. Và ai ai, đâu đâu người ta cũng biết đây là âm mưu đê tiện của các tu sĩ ngoại đạo. Rất đông tín đồ của các giáo phái trước đây hộ độ cho chúng ngoại đạo thấy thế cũng đâm ra hổ thẹn, mất hết đức tin nên không còn phát tâm cúng dường tứ sự nữa. Kết quả là các tu sĩ ngoại đạo bị ảnh hưởng chung, nên đời sống vật chất vốn đã thiếu thốn lại càng thiếu thốn hơn. Trái lại, đức Phật và tăng chúng khắp nơi lại được quần chúng qui ngưỡng, hâm mộ; đức tin đối với Tam Bảo, với giáo pháp lại càng trong sạch và linh thiêng hơn trong lòng mọi người. Tứ sự cúng dường, do vậy, càng trở nên dồi dào, thịnh mãn.

Ngày hôm sau, cũng tại đại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá, dư âm câu chuyện ngày hôm trước còn được chư tăng bàn bạc, nghị luận sôi nổi.

- Này chư pháp hữu! Này các bạn! Chỗ mà nàng Ciñcā-māṇavikā bị đất rút, tôi có ra xem. Đất nứt ra lộ một vực sâu hun hút thấy mà kinh!

- Vu oan giá họa đức Chánh Đẳng Giác, tội không nhỏ đâu, tối thiểu cũng đọa địa ngục A-tỳ (Avīci) nhiều triệu năm!

- Người đẹp thế mà sao khốn nạn, vô liêm sĩ đến thế!

Một vị tỷ-kheo khác góp ý:

- Theo tôi, tội của nàng tuy lớn nhưng chư pháp hữu nghĩ lại xem, nếu so sánh với đạo sư bày kế cho nàng thì ai là kẻ tội trọng hơn?

Một vị đáp:

- Nàng Ciñcā-māṇavikā suốt chín tháng trường với thân, khẩu, ý luôn luôn bày cách để vu oan đức Thế Tôn; suốt chín tháng, ngày và đêm không lúc nào không nghĩ đến chuyện hạ uy tín của đức Phật. Do vậy, nhóm đạo sư của nàng ta tuy có tội lớn nhưng vẫn không so sánh được tội của nàng vậy!

- Hay lắm! Hiền hữu luận rất chính xác. Đức Thế Tôn có dạy, tác ý là nghiệp. Ở đây, nàng kỹ nữ kia cả ba nghiệp thân, khẩu và ý đều trọng tội cả. Địa ngục vô gián mới xứng cho!

Một vị tỳ-khưu chợt thắc mắc:

- Không biết kiếp trước cô ta tạo nhân gì, duyên gì mà kiếp này lại dại dột, ngu si vu oan cho một bậc Chánh Đẳng Giác?

Chư tăng đang bàn bạc ngang đây thì đức Phật bước đến, hỏi:

- Các thầy đang thảo luận với nhau chuyện gì mà sôi nổi thế?

- Bạch đức Thế Tôn! Ai cũng đang bàn tán chuyện nàng Ciñcā-māṇavikā đấy! Vu oan giá họa kiểu ấy thì thế gian

này chỉ có nàng ta mới dám làm! Và quả báo cũng khủng khiếp quá!

- Này các thầy! Đức Thế Tôn chậm rãi nói - Không phải chỉ kiếp này, Ciñcā-māṇavikā mới vu oan giá họa cho Như Lai để đưa đến quả báo khủng khiếp; mà trong quá khứ, cô ta cũng đã từng làm như thế rồi!

Nghe nói vậy, chư tăng tò mò muốn biết chuyện quá khứ nên đức Thế Tôn đã vén mở bức màn thời gian rồi kể lại như sau, các vị kết tập sư thuật lại:

"- Vào một thời quá khứ lâu xưa, đức vua Brāhmadatta trị vì xứ Bārāṇasī; lúc ấy, Bồ Tát hạ sanh vào lòng chánh cung hoàng hậu. Do phước báu tiền kiếp, dung sắc của Bồ Tát đẹp đẽ, dịu hiền như một đóa hoa sen mới nở nên cả hoàng tộc đều hớn hở vui mừng đặt tên cho hoàng tử là Paduma.

Hoàng tử lớn lên, tài trí và đức hạnh đều vẹn toàn, được đức vua Brāhmadatta và cả triều thần thảy đều kính mến. Vì muốn cho hoàng tử có được một sở học hoàn bị để sau này coi sóc muôn dân nên đức vua phải bấm bụng, nuốt lệ mà cho hoàng tử đi du học tại xứ Takkasilā.

Bao năm miệt mài đèn sách, lúc hoàng tử trở lại hoàng cung thì mẫu hậu đã qua đời. Đức vua phong một người thứ phi lên ngôi chánh cung và tấn phong cho hoàng tử làm phó vương.

Vài năm sau, biên thùy có loạn, đức vua thân chinh cầm quân dẹp giặc. Trước khi rời chân, đức vua ân cần cho gọi chánh cung và phó vương đến để trao gởi việc nước.

Đức vua nói với chánh cung:

- Ái khanh hãy giữ gìn ngọc thể, ăn uống ngủ nghỉ đều đặn, đừng bận tâm bất cứ chuyện gì. Trẫm ra đi cũng thương nhớ ái khanh lắm, nhưng hy vọng với thời gian không dài, trẫm sẽ trở về!

Rồi đức vua căn dặn phó vương:

- Bây giờ con thay ta cầm quyền trị nước! Phải giữ các đức tính trung, chính, liêm, khiết; lúc cương lúc nhu mà đối xử với quần thần. Còn đối với chánh cung, con phải có bổn phận phụng dưỡng, hầu hạ giống như mẹ ruột của con vậy!

Bồ Tát là đức phó vương khấu đầu tuân mệnh, tiễn vua cha lên đường.

Đức vua đi rồi, phó vương ở lại triều đình, chăm lo việc nước không hề dám lơ là. Tất cả công văn, sứ điệp các nơi gởi về, phó vương đích thân xem xét, phê chuẩn một mực nghiêm túc và cẩn thận. Những lúc rảnh rỗi được đôi chút, phó vương ghé thăm chánh cung, vấn an sức khỏe, thăm hỏi ân cần, lễ độ, đúng với bổn phận làm con như vua cha căn dặn. Nhưng chánh cung thấy phó vương trẻ tuổi, đẹp như thiên thần, sinh lực dồi dào nên khởi lên tà tâm. Tuy nhiên, chính sự lễ độ, quỳ lạy, thưa thỉnh cùng khí sắc đoan nghiêm của phó vương là bức rào cản vô hình làm cho chánh cung không dám bước qua.

Đến lúc nghe tin đức vua ca khúc khải hoàn, sắp trở về thì lòng bà chánh cung như lửa đốt, đi tới đi lui nghĩ phương kế chiếm hữu chàng trai non tơ cho bằng được. Khi chỉ còn chừng vài hôm nữa, theo phi mã báo thì bà đã vô phương, hết cách! Không dằn được lòng dục đang bừng bừng, nên hôm kia theo lệ thường, đức phó vương vào hầu thăm, gọi bà bằng danh xưng mẫu hậu, bà đã lả lơi mà rằng:

- Từ nay, chàng đừng gọi em là mẫu hậu nữa!

Rồi bà bước xuống nắm tay, sỗ sàng nói:

- Chàng hãy cùng em lên giường, mau lên!

Nhìn tia mắt nồng nàn, gợi tình và xiêm áo buông lơi, trễ tràng, quyến rũ của bà, đức phó vương đã hiểu – nhưng cũng rất ngạc nhiên:

- Mẫu hậu làm gì thế?

Bà chánh cung liếc cặp mắt sắc như dao, mỉm nụ cười khêu gợi, dịu dàng nói:

- Chàng và em mau mau hưởng dục lạc kẻo đức vua về thì không còn kịp nữa!

Đức phó vương nghiêm sắc mặt:

- Thưa mẫu hậu, mẫu hậu là hoàng hậu của phụ vương, là kế mẫu của con, làm sao lại để xảy ra chuyện tày trời như thế được?

Bà chánh cung nài nỉ, ỉ ôi, rằng là bà đang còn thanh xuân mà chàng thì tuổi niên tráng, đừng để uổng phí giây khắc ngàn vàng! Rằng là, đã làm con người thì có ai mà thoát khỏi chuyện tình dục ái ân, có gì đâu đáng để hổ thẹn? Rằng là, thân thể em ướp hương chiên đàn, da thịt em thơm tho, nõn nường như nụ hoa trinh bạch trên đầu núi! Nào là, đức vua già cả rồi, từ khi phong làm chánh cung đến giờ, chỉ như chưng bình hoa trên bàn, đặt chậu kiểng bên cửa sổ cho vui mắt vậy thôi! Nào là, hãy tội nghiệp cho em, hãy ban mưa móc đến cho em, kẻo em sẽ chết già nơi chốn lầu son gác tía...

Năn nỉ, tỉ tê nhiều lần, bà thấy đức phó vương thần sắc không động; bực mình quá, mắt bà chợt long lên như beo chúa, vừa ra lệnh vừa hăm dọa:

- Nếu ngươi cả gan không chịu làm tình với ta thì ta sẽ tâu trình lên đức vua! Ta sẽ nói rằng ngươi dụ dỗ ta không được nên cưỡng bức hãm hiếp ta! Lúc ấy thì đố ngươi giữ được nguyên vẹn cái đầu ở trên cần cổ!

Đức phó vương cứng rắn nói:

- Thưa mẫu hậu, con vẫn không thay đổi ý định, còn mẫu hậu muốn làm sao đó thì làm!

Bà chánh cung vừa tức giận vừa hổ thẹn; và ngay lúc ấy, bà chợt nghĩ: "Nếu phó vương Paduma tâu trình với đức vua chuyện này thì ta sẽ không có đất chôn! Vậy ta phải hạ thủ trước mới được!"

Thế rồi, để thực hiện dã tâm, bà bắt đầu nhịn ăn, mặc y phục cũ, lấy tay cào cấu thân thể, mặt mày cho tươm máu, cho có nhiều tì vết rồi dạy bảo các người hầu nữ rằng:

- Này các em! Vài hôm nữa đức vua về, có hỏi đến ta thì nói hoàng hậu lâm bệnh nặng!

Nói xong, bà bước vào cung phòng, đóng kín cửa.

Trong lúc ấy, đức phó vương nghe tin vua cha sắp về, chàng cho trang hoàng cung điện thật lộng lẫy; sai các quan và nội thị chuẩn bị đại yến để tẩy trần cho đức vua sau nhiều ngày vất vả ở biên cương.

Khi toán quân tiền trạm tâu báo, đức phó vương dẫn bá quan ra tận cổng thành nghinh đón đức vua, quì lạy và tung hô vạn tuế. Đức vua Brāhmadatta hài lòng, mỉm cười, hỏi han công chuyện ở triều đình. Đức phó vương nghiêm cẩn trình bày đâu đó rất mạch lạc, vắn gọn nhưng đầy đủ. Bước vào cung điện, thấy trần thiết huy hoàng, các quan ai đâu đứng vị trí đó rất tề chỉnh và thứ tự; đức vua không ngớt ngợi khen là phó vương có đầu óc biết tổ chức và sắp xếp mọi việc.

Sau khi cho bá quan lui ra, quân lính được trở về doanh trại đợi lệnh khen thưởng; đức vua liền đi thẳng vào nội cung, thấy đâu đó lạnh tanh, chẳng thấy hoàng hậu yêu kiều, diễm lệ mừng vui ra đón tiếp như mọi lần; ngài tìm được hai người hầu nữ, trầm giọng hỏi:

- Hoàng hậu ở đâu mà sao trẫm không thấy?

- Tâu đại vương! Lệnh bà bệnh nặng đang nằm trong hậu cung.

Lát sau, đức vua ân cần đến nơi han hỏi, nhưng nói thế nào chánh cung vẫn ngồi im lặng không đáp. Bực mình, đức vua gắt:

- Thì ít ra ái khanh cũng phải nói rõ lý do cho trẫm biết chứ!

Đến đây thì bà vùng ngồi dậy, khóc ấm ức, tức tưởi mà rằng:

- Thiếp làm hoàng hậu, ai cũng tưởng là thiếp sung sướng lắm, nào ngờ chốn cung vàng điện ngọc lại bị người ta ức hiếp đến như thế!

Chưa rõ nguồn cơn ra sao, đức vua đã nổi trận lôi đình:

- Ai dám ức hiếp ái khanh? Hãy nói cho trẫm biết ngay, trẫm sẽ chặt đầu nó!

Bà chánh cung đáp dấm dẳn:

- Ai trồng khoai đất này? Ai có vương quyền to lớn nhất kinh thành này?

Đức vua ngạc nhiên:

- Chẳng lẽ là con ta? Chẳng lẽ là phó vương Paduma?

- Còn ai vào đấy nữa? Bà cất cao giọng - Chính là vị phó vương cao quí của bệ hạ! Chính y đã đến nơi đây muốn cưỡng bức, hãm hiếp thiếp cho thỏa cơn dục vọng, mặc dầu thần thiếp đã hết sức van xin...

Đức vua đã mất bình tĩnh, cố nén cơn giận nhưng máu đã dồn lên, phừng phừng cả mặt.

- Ái khanh hãy kể đầu đuôi sự việc cho ta nghe.

Người đàn bà dâm độc, dựng chuyện trong óc rồi kể lại rất lớp lang:

- Tâu bệ hạ! Hoàng tử đã có tà ý từ lâu, nên khi bệ hạ vừa đi là hoàng tử nhiều lần vào đây chọc ghẹo sàm sỡ, muốn chung chăn gối với thần thiếp. Nhưng lần nào thiếp cũng cứng rắn cự tuyệt. Cách đây mấy hôm, biết là bệ hạ sắp về, vì muốn vùi hoa ép liễu cho bằng được, hoàng tử xồng xộc bước vào, đưa đôi mắt tà dâm nhìn chòng chọc vào thân thể của thiếp như muốn bóc trần xiêm áo của thiếp ra! Thấy vậy, sợ hãi quá, thiếp nói: "Này con! Hãy đi ra đi! Con đừng làm việc tội lỗi, loạn luân như vậy; dù sao ta cũng là hoàng hậu của phụ vương con, là kế mẫu của con!" Nghe thiếp nói vậy, hoàng tử buông lời ngạo mạn: "Ngoài ta ra, còn ai là

hoàng thượng nữa! Em hãy cùng ta lên long sàng để hưởng lạc thú ái ân!" Thế rồi, vì thiếp từ chối, hoàng tử dùng vũ lực định lột xiêm áo của thiếp ra, thiếp vùng vằng dữ dội, lấy tay tát vào mặt hoàng tử với ý nghĩ là phải tự bảo vệ mình cho đến tận cùng. Đến lúc này thì hoàng tử nổi giận, nắm đầu tóc của thiếp vừa kéo vừa đánh thiếp một cách rất dã man. Sau đó, y hầm hầm bỏ đi, nói vọng lại: "Đợi lên ngôi rồi, ngươi sẽ biết tay ta!"

Dựng đứng câu chuyện và kể lể khi sụt sùi, khi ấm ức như vậy xong, bà chánh cung khóc òa lên, ngả vào lòng đức vua:

- Bệ hạ hãy cứu thiếp, hãy giải mối oan ức cho thiếp, chứ nỗi nhục này, rửa nước năm con sông cũng không hết dơ!

Đức vua nhìn chứng tích những vết cào xước trên mặt, tay chân của người đàn bà mình yêu, lòng sôi lên sùng sục, quát to một tiếng:

- Ta sẽ chặt đầu nó!

Rồi tức tốc ra lệnh cho nhóm võ sĩ cận vệ đến lâu đài của phó vương Paduma, bắt phó vương trói lại bằng sợi xích sắt, lôi đi quanh thành. Đồng thời cho lính dùng loa tuyên bố tội trạng của phó vương cho muôn dân được biết, ấy là tội loạn luân, dùng vũ lực bức hiếp hoàng hậu, là mẹ kế của mình!

Đức phó vương Paduma thấy mình bị hành tội, biết là do tâm rắn rít của người đàn bà dâm loàn hư hỏng. Đức vua vì dục vì sân, đã đánh mất sự sáng suốt, không tìm hiểu nguyên nhân đã vội vàng vu chụp tội trạng, qui kết tội trạng một cách hàm hồ, bất xác! Vì thẹn, vì nhục, đức phó vương nói to với dân chúng cho họ biết rằng:

- Ta không phải là con người tệ hại như vậy. Ta hoàn toàn vô tội!

Dân chúng trong thành Bārāṇasī từ lâu biết đức phó vương là người hiền, tội trạng của đức phó vương có lẽ là do tâm ác độc, bất chính của người đàn bà lòng lang dạ thú hãm hại, bèn phủ phục dưới chân ngài, nghẹn ngào khóc lóc mà rằng:

- Sự việc này quả thật không đáng xảy ra cho đức phó vương! Chúng tôi biết ngài bị hàm oan!

Toán võ sĩ cận vệ sau khi dẫn phó vương lôi đi quanh thành bêu xấu, giải đến bắt quỳ bên chân đức vua Brāhmadatta. Đức vua hằm hằm chỉ tay vào mặt phó vương, tuyên bố với đám quần thần, lúc ấy đang đứng kín đặc ở xung quanh:

- Hoàng tử là con của ta, tuy được ta tấn phong phó vương, đứng dưới một người mà đứng trên vạn người, thế mà còn khởi tâm cuồng vọng. Tội lớn nhất của y là tự xưng mình là vua trước mặt hoàng hậu, ấy là tội khi quân phạm thượng. Tội thứ hai, cũng thuộc vào tội chém đầu, dám cả gan bức hiếp hoàng hậu, là kế mẫu của y, thật là trời đất không thể dung thứ. Nay ta phán lệnh án của y trước mặt bá quan và dân chúng: Hãy đem y ném xuống vực sâu, chỗ thường hay hành hình bọn cướp cho tan xương nát thịt vì y chính là tên cướp lớn của quốc độ và cũng là tên cướp lớn của đạo đức, luân lý thế gian!

Phán thế xong, đức vua thấy bá quan, dân chúng, cung nga thể nữ và cả binh lính, ai ai cũng im lặng khó hiểu, bèn tiếp lời:

- Vậy thì tên tội phạm kia, ngươi có muốn nói gì hay không?

Từ khi lắng nghe đức vua tuyên phạt bản án tử hình đến giờ, đức phó vương sắc mặt vẫn bình thản, điềm nhiên; bây giờ nghe hỏi, chàng khấu đầu, chậm rãi nói rằng:

- Tâu vương phụ! Con không có làm gì nên tội. Con hoàn toàn vô tội. Xin phụ vương hãy suy xét cho chín chắn, đừng nên nghe lời kế mẫu mà giết hại con!

Lúc ấy, hằng trăm cung nga thể nữ cùng ôm nhau than khóc, tỏ ý vô cùng thương tiếc vị hoàng tử hiền đức. Các vị bô lão vai vế trong hoàng tộc và các đại quan trong triều, đồng bước ra, quỳ xuống trình xin:

- Muôn tâu bệ hạ, đức phó vương có tài đức song toàn, nết hạnh thanh cao, lẽ nào lại làm việc thương luân, bại lý? Xin bệ hạ hãy suy xét phân minh trước khi phán quyết tội trạng kẻo hối hận thì đã muộn rồi!

Đức vua giận dữ, phất tay áo, cao giọng:

- Tại sao các ngươi đồng bênh vực một tên khi quân phạm thượng? Lại chẳng có ai lên tiếng bảo vệ hoàng hậu là người đức hạnh, nết na và hiền thục? Vậy thì lẽ công bằng và kỷ cương phép nước để ở đâu hả? Ta không thay đổi ý định, đem lên núi quẳng nó xuống vực sâu ngay!

Lệnh phán truyền tối hậu của đức vua làm cho mọi người tay chân bủn rủn, bàng hoàng; một số ngất đi, một số than khóc nghe đến nao lòng. Nhìn cảnh tượng ấy, đức vua suy nghĩ: "Ai ai cũng tỏ vẻ tiếc thương nó cả, không biết nó đã cho người ta bùa mê thuốc lú gì? Trước tình trạng này thì ta phải đích thân theo lên núi, nắm hai chân hắn đưa lên trên, đầu dốc ngược xuống rồi ném vào vực thẳm! Nếu chẳng có ta, bọn lính kia biết đâu sẽ có âm mưu mở trói rồi tha chết cho nó thì trời chẳng biết, đất chẳng hay!"

Biết mình sắp chết, đức phó vương không hận, không sân, nghĩ là chắc bởi nghiệp ác quá khứ đến hồi trả quả, nên phát triển tâm từ rải đến hoàng hậu, đến đức vua cùng tất thảy mọi người rồi an nhiên chờ chết.

Chư thiên ở núi rừng ấy mến mộ Bồ Tát nên hiện ra, cốt ý chỉ cho một mình Bồ Tát thấy thôi, rồi nói rằng:

- Xin ngài an tâm, ngài không thể chết được!

Khi thân hình Bồ Tát băng băng rơi xuống vực nước sâu, chư thiên vừa khởi ý định cứu Bồ Tát thì long vương đã quẫy mạnh tạo nên một cơn sóng thần, vươn thân hình dài ra đón lấy Bồ Tát một cách nhẹ nhàng. Hiện ra thân tướng trang nghiêm, uy vũ; long vương chào Bồ Tát và xin mời thỉnh Bồ Tát về long cung[1], rồi chia cho nửa giang san để cùng nhau trị vì.

Trước tấm chân tình của long vương, Bồ Tát không nỡ chối từ. Tuy nhiên, một năm sau, Bồ Tát khẩn khoản xin long vương để trở lại cõi người, với ý muốn xuất gia làm đạo sĩ. Long vương tôn trọng ước nguyện của người hiền nên làm tiệc tẩy trần rồi đưa tiễn Bồ Tát đến tận núi Himalaya.

Từ đây, Bồ Tát cắt tóc làm đạo sĩ. Hàng ngày kiếm cây trái qua lòng rồi tinh tiến hành thiền định. Thời gian không lâu, ngài đắc đệ bát thiền và ngũ thông[2]; rồi sống an lạc, thanh tịnh giữa cõi rừng già hiu quạnh.

Một hôm, theo lệ thường, Bồ Tát xuống suối múc nước thì gặp một người thợ săn. Thấy hình dáng, khuôn mặt của Bồ Tát, người thợ săn tỏ vẻ ngạc nhiên, kính cẩn hỏi rằng:

- Thưa đạo sĩ! Chẳng hay ngài có phải là hoàng tử Paduma năm xưa không?

Bồ Tát cũng ngạc nhiên, rồi chân thật nói:

- Phải, trước đây ta là hoàng tử Paduma, nhưng nay thì hoàng tử ấy đã chết rồi! Còn ngươi, tại sao ngươi lại biết đến hoàng tử?

---

[1] Mỗi loại chúng sanh đều có cảnh giới riêng, thế giới riêng; chúng ta ở cảnh giới người thì hoàn toàn không thể nghĩ nghì hoặc hình dung thế giới của Long cung là thế nào được!

[2] Thuở đó, Bồ-tát chưa tìm ra con đường giải thoát, xuất ly ba cõi, nên tu tập theo tôn giáo truyền thống Bà-la-môn – mà Bát thiền và Ngũ thông là thành đạt cao nhất đương thời!

- Tâu đạo sĩ! Hoàng tử Paduma bị tội chết, cả nước đều biết rõ hoàng tử bị hàm oan do mưu kế của người đàn bà độc ác. Hôm hoàng tử bị dẫn đi quanh thành, tôi cũng có mặt trong đám người hiếu kỳ ấy. Và ai cũng cảm thương cho hoàng tử cả!

Bồ Tát mỉm cười, vỗ vai người thợ săn tốt bụng:

- Thôi, đừng kể lại chuyện ấy nữa. Ta đã quên nó lâu rồi!

Người thợ săn được gặp Bồ Tát cảm thấy rất hãnh diện, vui sướng nên tình nguyện ở lại vài ngày để hầu hạ Bồ Tát. Mấy hôm sau, trở lại kinh thành, người thợ săn tức tốc đến cung điện xin được yết kiến đức vua Brāhmadatta, vập đầu tâu:

- Hạ thần có gặp một đạo sĩ ở trong một cốc lá tại Himalaya. Hạ thần đã ở đó mấy hôm và biết chắc đạo sĩ chính là con trai yêu quí của bệ hạ, là đức Phó vương Paduma!

Đức vua xứ Bārāṇasī từ khi đích thân ném hoàng tử Paduma xuống vực sâu, đêm về ngài ăn không ngon, ngủ không yên. Khi cơn giận đã lắng xuống, đức vua bình tĩnh suy nghĩ lại, hình dung rất rõ ràng con người của hoàng tử từ tấm bé cho đến lúc khôn lớn. Suốt khoảng thời gian dài hai mươi mấy năm ấy, hoàng tử luôn luôn biểu hiện một tư cách đúng đắn, mẫu mực. Khuôn mặt của hoàng tử luôn luôn toát ra vẻ điềm đạm, ôn nhu. Từ cách đi, dáng đứng, giọng nói, nụ cười, đôi mắt, không thấy điểm nào tỏ ra là ác ý, gian tà, dâm bôn hay xảo quyệt. Người xưa nói: "Tướng tự tâm sinh", tướng mạo của hoàng tử đoan nghiêm, đứng đắn, quang minh, sáng sủa như thế thì làm sao có hành động điên rồ? Vả, biết bao nhiêu mỹ nữ trong thiên hạ đều có vẻ chết mê, chết mệt hoàng tử, lẽ nào hoàng tử lại si tình chánh cung đến độ mất hết lương tri?

Nghĩ đến đây, đức vua như kết luận được một điều ghê gớm mà đức vua không dám tưởng tượng tới, đó là mưu kế quỷ quyệt của người đàn bà dâm loàn. Quan sát và âm thầm theo dõi, đức vua thấy những vết xước trên mặt và tay chân bà không phải là do đánh đập, kéo lôi mà do những móng tay cào nên! Lại nữa, đức vua còn thấy đôi mắt của người đàn bà ấy thiếu trung chính, dường như không bao giờ dám nhìn thẳng, còn ẩn chứa quỷ quyệt và dục vọng tràn trề, lai láng nữa!

Chưa thôi, tháng ngày sau đó, vào các buổi hội triều, bá quan nhìn đức vua với đôi mắt rất khó tả. Cung nga thể nữ tụm năm tụm ba nói xa nói gần những điều gì đó mà hễ đức vua bước tới là chúng im lặng, nói lảng sang chuyện khác. Có điều ngạc nhiên nữa là hai người hầu thân tín của chánh cung, sau lần hạch tội hoàng tử, chúng trốn đi đâu mất biệt. Hay chính hoàng hậu cho người thủ tiêu để bịt miệng? Hay cho chúng tiền bạc để chúng về quê?

Rất nhiều dấu hỏi ở trong đầu của đức vua tuy không được giải đáp thỏa đáng, nhưng bấy nhiêu dữ kiện đã giúp cho đức vua tự lên án lương tâm mình: "Đã kết tội oan cho hoàng tử mất rồi!"

Sự việc diễn tiến đầy những hoài nghi, chưa lộ ra ánh sáng, nhưng trong tâm của đức vua đã đi đến khẳng định, nghĩ là đến lúc nào đó, đủ nhân đủ duyên là đức vua hành tội hoàng hậu mà thôi.

Bây giờ, nghe người thợ săn báo trình là hoàng tử còn sống, đức vua xiết bao vui mừng, cất giọng hỏi dồn dập:

- Quả thật vậy không? Chính ngươi thấy tận mắt ư? Đúng đạo sĩ là hoàng tử Paduma đó chứ?

Người thợ săn gật đầu mạnh mẽ:

- Đúng vậy! Không sai được, tâu bệ hạ! Chính hạ thần đã ở bên hoàng tử mấy ngày; và hoàng tử cũng xác nhận mình là hoàng tử Paduma năm xưa! Tuy nhiên... tuy nhiên...

Đức vua hồi hộp hỏi:

- Tuy nhiên sao hả? Sao không nói tiếp đi?

Người thợ săn gãi đầu, bối rối:

- Dạ thưa, dạ tâu! Chính hoàng tử nói, là hoàng tử Paduma ấy chết rồi, chết thật sự rồi!

Đức vua lặng người tự nghĩ: "Phải! Hoàng tử Paduma năm xưa ấy đã chết, còn người sống chính là đạo sĩ đã cắt tóc xuất gia; nhưng ta phải có bổn phận lôi kéo đạo sĩ trở lại ngôi vị thuở xưa! À, và rồi ta sẽ nhường ngôi vua cho hoàng tử luôn!"

Lát sau, chẳng chịu chần chừ giây khắc nào, đức vua ra lệnh chuẩn bị xa giá, triệu tập các vị quan đại thần cùng với quân lính rầm rộ trực chỉ Himalaya để nghinh đón hoàng tử, có người thợ săn dẫn đường.

Đến bìa rừng, đức vua ra lệnh đóng quân, hạ trại; rồi đức vua cùng với các quan, các vị bô lão đồng đi bộ đến cốc lá của hoàng tử Paduma!

Bồ Tát đón tiếp vương phụ và mọi người rồi mời dùng trái cây đỡ dạ với phong thái điềm đạm, an nhiên như không có gì xảy ra. Đức vua thấy con không gầy, không mập mà thần sắc dường như có cái gì rất định tĩnh và trầm ổn thì cũng thầm hoan hỷ trong lòng. Hàn huyên câu chuyện, đức vua tò mò hỏi lý do làm sao sống được dưới vực sâu ngàn trượng? Bồ Tát tình thật kể lại việc chư thiên và long vương giúp đỡ; và cũng do sự thành khẩn của long vương đã chia cho Bồ Tát nửa giang san để trị vì ra sao!

Đức vua và mọi người nghe chuyện lạ lùng, tuy không dám tin, nhưng sự thực hoàng tử còn sống sờ sờ ra đấy! Bồ Tát Paduma thấy tội nghiệp cho những kẻ người trần mắt thịt nên cũng kể sơ sơ cho họ nghe về các cảnh giới mà người thế gian không trông thấy được, cùng nhân và quả, y báo và chánh báo của các cảnh giới ấy!

Đức vua và mọi người như mở rộng được kiến văn và tầm mắt. Tuy nhiên, đức vua vẫn không quên mục đích của chính mình, mở lời phân trần:

- Con ạ! Bây giờ thì phụ vương biết rõ việc làm của phụ vương là sai trật và con là kẻ bị hàm oan! Phụ vương đã si mê tin theo lời của người đàn bà hư hỏng mà đang tâm đẩy con xuống vực sâu không thấy đáy. Phụ vương đã biết tội rồi, và con hãy tha thứ lỗi lầm ấy cho phụ vương!

Nói xong, đức vua với động tác như muốn quỳ xuống; Bồ Tát tinh ý lấy tay nâng đỡ rồi dịu dàng mà rằng:

- Phụ vương không cần phải làm thế, con đã tha thứ cho phụ vương lâu rồi mà phụ vương không biết hay sao?

Khi thấy đức vua đã trở lại oai nghi cũ; Bồ Tát trang nghiêm và cung kính tiếp lời:

- Tuy nhiên, làm đấng quân vương, dù việc nhỏ việc lớn, phụ vương phải suy nghĩ cho chu đáo, phân minh, đừng để phạm sai lầm! Vì một phán quyết thiếu công minh của phụ vương sẽ dẫn đến sự đau khổ và oan ức cho nhiều người vô tội khác. Nhân dân sống an vui, hạnh phúc hay không là nhờ vào sự sáng suốt cũng như đức lành của bậc thiên tử. Con nói điều đó có gì mạo phạm, xin phụ vương tha thứ cho con!

Đức vua mỉm cười đáp:

- Chẳng có gì phải nói tha thứ hay không tha thứ. Lời chính trực thường khó lọt tai, phụ vương biết vậy mà! Nhân tiện đây, cũng vì an vui và hạnh phúc cho trăm họ, phụ vương thay mặt bá quan xin được mời thỉnh con về triều, phụ vương sẽ làm lễ truyền ngôi cho con theo truyền thống của dòng tộc. Nếu được thế, thứ nhất là phụ vương có cơ hội chuộc lại lỗi lầm, thứ hai chứng tỏ con đã thật sự tha thứ cho phụ vương, và thứ ba là muôn dân trăm họ được sống dưới sự sáng suốt của một đấng minh quân!

Lời thuyết phục khôn ngoan của đức vua làm cho bá quan cùng các vị bô lão rất mát lòng mát dạ, nghĩ là hoàng

tử khó lòng từ chối. Bồ Tát Paduma cũng thấy như vậy, nhưng đời sống xuất gia đã trở thành niềm hạnh phúc tối thượng, nên Bồ Tát liền thưa:

- Con xin tri ân lòng tin của phụ vương và các bậc lão trượng. Nhưng bây giờ con xin hỏi phụ vương cùng quí vị một câu hỏi, được chăng?

- Con cứ hỏi! Đức vua đáp!

- Ví như có người nuốt phải một lưỡi câu, lưỡi câu dính đầy máu; may mắn làm sao người ấy nhả được lưỡi câu dính đầy máu kia ra. Thử hỏi người ấy có được an lạc không? Và từ đó về sau, khi biết là lưỡi câu, người ấy còn dám nuốt lưỡi câu nữa không?

Đức vua mau mắn đáp:

- Dĩ nhiên nhả được lưỡi câu ra là an lạc rồi, và từ đó về sau khi biết là lưỡi câu, ai dại gì nuốt vào cho mắc họng!

Bồ Tát kết luận:

- Cũng thế, thưa vương phụ! Con bây giờ sống đời xuất gia đạo sĩ, cảm thấy rất an lạc như người vừa nhả ra lưỡi câu dính đầy máu kia vậy! Đã nhả ra rồi thì đâu còn dám nuốt lưỡi câu vào nữa khi biết rằng đấy là lưỡi câu!

Đức vua ngơ ngác:

- Con nói cái gì là lưỡi câu? Cái gì là lưỡi câu dính đầy máu? Và cái gì là nhả lưỡi câu ra? Ít nhất con phải giải thích, phụ vương mới hiểu chứ!

- Thưa vương phụ! Lưỡi câu chính là sắc đẹp, tiếng nói hay, hương thơm, vị ngon, sự xúc chạm êm ái[1]; lưỡi câu dính đầy máu chính là ngai vàng, danh vọng, sự nghiệp, ngọc ngà châu báu, mỹ nữ, vợ con, tài sản; còn sự từ bỏ tất cả chúng được gọi là nhả ra được lưỡi câu dính đầy máu!

---

[1] Tức sắc, thanh, hương, vị, xúc – nhưng ở đây diễn đạt như thế để mọi người cùng hiểu.

Đức vua bàng hoàng không thốt được tiếng nào và quần thần xung quanh cũng im thin thít.

Bồ Tát Paduma tiếp tục nói:

- Bây giờ con đã là đạo sĩ xuất gia rồi, lưỡi câu dính đầy máu kia đã được nhả ra rồi thì không còn một ngai vàng nào trên thế gian quyến dụ con được nữa. Phụ vương hãy tiếp tục trị vì quốc độ, xem dân như con, sống theo thiện pháp, sáng suốt trong mỗi mỗi việc làm, đừng để bốn pháp thiên vị, tức là thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì si mê, thiên vị vì sợ hãi – chi phối và nhiễu loạn tâm trí. Được vậy, muôn dân quốc độ Bārāṇasī[1] sẽ được nương nhờ nơi đức lớn của phụ vương; và theo đó, thái bình, an lạc và hạnh phúc sẽ đến với mọi nhà!

Nghe xong, đức vua chợt như tỉnh ngộ ra, ngài khóc lóc và những người xung quanh cũng sụt sùi sa lệ. Đấy là những giọt nước mắt bao hàm nhiều tâm trạng, nhất là đức vua: Khóc vì ăn năn hối hận, khóc vì tiếc rẻ đã vĩnh viễn mất đi một người con ưu tú, khóc vì từ nay sẽ biệt ly con khó có cơ hội gặp lại. Quần thần khóc vì không còn hình bóng người hiền đức để nương nhờ nữa! Khóc vì con người trước mắt họ bây giờ cao thượng quá, phi phàm quá - như cách xa họ đến muôn trượng trời cao!

Trên đường trở về, đức vua bị ám ảnh bởi phong độ và tư cách của vị đạo sĩ. Lòng buồn dàu dàu, đức vua quay lại hỏi bá quan:

- Trẫm vĩnh viễn phải xa cách người con trai cao quí, bậc có trí tuệ và đức hạnh trong sáng như mặt trời, mặt trăng là lý do bởi đâu hả các khanh?

Một vị lão thần tâu:

- Chính bệ hạ biết rõ lý do tại sao mà!

Đức vua gật đầu:

---

[1] Nước Kāsi, kinh thành Bārāṇasī

- Ừ! Đúng vậy! Trẫm biết! Không phải bây giờ trẫm mới biết. Trẫm biết sau đó, không lâu!

Im lặng giây lát như trầm tư, rồi đức vua lại hỏi:

- Theo ý các khanh thì người đàn bà lòng lang dạ sói, ác độc như rắn rít ấy; con trai của ta có khởi tâm thù hận không?

Cũng vị lão thần lên tiếng:

- Tâu bệ hạ! Với tâm địa của bậc đại nhân ấy thì không những không có thù hận mà còn khởi tâm thương xót là khác nữa!

Đức vua quắc mắt lên:

- Thương xót? Thương xót cái quái gì? Thật là trẫm không hiểu nổi cái tâm lạ lùng của con trai ta! Tự tay ta, ta sẽ ném cái đống thịt dơ dáy ấy xuống vực sâu, các khanh hiểu không?

Và đúng như lời tuyên bố ấy, về cung điện, chưa yên vị, đức vua thét võ sĩ cận vệ trói gô bà hoàng hậu; không nói không rằng, dẫn bà lên núi cao, rồi tự tay đức vua ném bà ta xuống vực thẳm.

Sau đó, ghi nhớ đinh ninh những lời dạy bảo của Bồ Tát, đức vua cai trị muôn dân rất tốt, đem lại an vui thật sự cho hoàng tộc cũng như bá tánh.

Kể đến đây, đức Thế Tôn kết luận:

- Này các thầy tỳ-khưu! Bà kế mẫu dâm loàn độc ác ấy, kiếp hiện tại này là Ciñcā-māṇavikā. Kiếp ấy, bà vu oan giá họa cho Như Lai thì kiếp này cũng y như thế. Có những oan trái kết sâu trong dòng nghiệp, chỉ đến lúc đắc quả lậu tận rồi thì mới hóa giải được. Người nữ kia sẽ còn trầm luân trong tử sinh thống khổ không biết bao giờ mới chấm dứt nếu như chưa học được bài học ấy.

Nhân Duyên Đẹp, Xấu, Quý, Tiện Của Người Nữ

Chuyện cô nữ tu ngoại đạo Sundarī và kỹ nữ Ciñcā-māṇavikā có sắc đẹp tuyệt trần nhưng cả hai đều bị chết thảm, người thì bị giết rồi bị chôn trong đống rác, người thì bị đất rút; sự kiện ấy đã dấy sinh trong lòng hoàng hậu Mallikā không biết bao nhiêu là câu hỏi, về nhân quả nhãn tiền cũng như sự "bí mật" của nghiệp!

Hôm kia, bà cùng với chừng một trăm thị nữ mang theo lễ phẩm đến Kỳ Viên cúng dường đức Phật và Tăng chúng; sau đó, bà xin được đảnh lễ, hầu Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay cho đệ tử được hỏi về những điểm giống nhau, khác nhau, liên hệ đến sự đẹp, xấu, phú bần, quý tiện của tất thảy phụ nữ trên đời này?

- Cứ hỏi đi, thưa hoàng hậu! Đức Phật đáp - Như Lai biết là những câu hỏi này sẽ lợi lạc rất nhiều cho chư thiên và loài người! Có phải hoàng hậu muốn hỏi về nhân, về quả, về duyên, về báo; mà từ đó, phát sanh những dị, đồng sai khác như trên của nghiệp?

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi những câu hỏi của hoàng hậu Mallikā được đúc kết, hệ thống lại như sau:

- Thứ nhất, do nhân gì, do duyên gì mà trên thế gian này có một số phụ nữ hình dong xấu xí, ngũ quan xiên lệch, da dẻ sần sùi, khô cằn; lại còn sống đời nghèo nàn, đói khổ trong thân phận tôi đòi, thấp hèn, hạ liệt làm cho ai cũng muốn tránh xa, không muốn gần gũi?

- Thứ hai, do nhân gì, do duyên gì mà có hạng phụ nữ tuy xấu xí như trên nhưng lại sống đời phú quý, có danh vọng, có địa vị cao sang, lộc tài phú túc, cháu con cùng kẻ hầu người hạ đông vui, thịnh mãn?

- Thứ ba, do nhân gì, duyên gì mà có hạng phụ nữ có ngũ quan cân đối thẩm mỹ, duyên dáng; nhan sắc vô cùng xinh đẹp, đi đến đâu ai cũng trầm trồ, tán thán, chiêm ngưỡng; nhưng lại sống đời nghèo khó, thiếu cơm, thiếu áo, chẳng có của cải tài sản gì, chẳng có địa vị, danh tiếng gì trong xã hội?

- Thứ tư, do nhân gì, do duyên gì mà có số phụ nữ hầu như toàn diện về ngũ quan, dung nghi và sắc đẹp mỹ lệ như trên; lại còn sống đời phú quý vinh hoa, toàn mãn về của cải tài sản, toàn mãn về lộc tài, toàn mãn về địa vị, danh vọng, chồng con, nô bộc thường được thế gian tôn thờ, trọng vọng và chiêm ngưỡng!

Bạch đức Thế Tôn! Vậy là có bốn hạng phụ nữ như vậy trên đời này, xin đức Đạo Sư từ bi vén mở bức màn tối tăm đang che phủ tâm trí của đệ tử, để gỡ rối tất thảy mọi hoài nghi thắc mắc cho đệ tử.

Sau khi nghe xong, đức Đạo Sư thuyết giảng rằng:

- Này hoàng hậu Mallikā! Tóm tắt, vậy là có bốn hạng phụ nữ. Hạng thứ nhất, xấu xí, đói nghèo và bất hạnh. Hạng thứ hai, tuy xấu xí nhưng lại phú quý và vinh hoa. Hạng thứ ba, tuy có dung sắc xinh đẹp, mỹ lệ nhưng lại bất hạnh, đói nghèo. Và hạng thứ tư, vừa có dung sắc xinh đẹp, mỹ lệ vừa được sống trong phú quý, vinh hoa! Như Lai tóm tắt như vậy có đúng không, này Mallikā?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn sư!

- Hãy nghe đây, này Mallikā! Hãy nghe và hãy khéo chú tâm, thọ trì, Như Lai sẽ nói đây!

Trên thế gian này có hạng người phụ nữ tính tình nóng nảy, sân nộ bất thường, dễ dàng nổi cơn lôi đình khi có ai xâm phạm đến, dù chỉ là việc nhỏ mọn, vụn vặt. Một chút gì đó đụng đến "cái ta" của họ, họ liền tức khắc biểu hiện sự không hài lòng; thế là cơn nóng giận, sự dữ dằn bộc phát ngay, thường gây thù chuốc oán với người khác. Không những thế, hạng người nữ này không có đức tin với thiện pháp, không hoan hỷ tạo phước điền, không bao giờ bố thí cơm, nước, hoa quả, thuốc men, vật thơm, dầu thoa, nhu cầu phương tiện, vải vóc, y phục, đèn dầu, chỗ ở, chỗ nằm, ngồi... đến chư sa-môn, bà-la-môn hay cho người đói khổ. Ngoài ra, tính tình họ thường hay đố kỵ, ganh tỵ đối với những người có của cải tài sản; đem tâm tỵ hiềm với sự làm phước của người khác; ganh tỵ với những người có nhiều lợi lộc, người được quần chúng cung kính, mến mộ; và họ còn làm nhiều việc sái quấy, xấu ác khác nữa.

Số phụ nữ nầy sau khi chết, bị nhiều quả báo đau khổ trong bốn ác đạo, nếu do ảnh hưởng một phước lành nào đó trong quá khứ, được tái sanh trở lại làm người thì sẽ rơi vào trường hợp hạng phụ nữ thứ nhất: Vừa xấu xí, vừa đói nghèo, bất hạnh - này Mallikā!

- Đệ tử nghe rõ rồi!

- Này Mallikā! Trong thế gian này, hạng người phụ nữ có tính tình hung hãn, dữ dằn, dễ dàng nỗi cơn thịnh nộ như trường hợp thứ nhất; nhưng họ lại có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo. Hạng phụ nữ này còn có những đức tính tốt khác nữa, là họ không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi, không tỵ hiềm đối với

những người được sự cung kính, cúng dường. Ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa.

Hạng phụ nữ nầy, sau khi lâm chung thường được sinh vào những cảnh giới tốt đẹp; tuy nhiên, nếu sanh trở lại làm người thì sẽ rơi vào trường hợp thứ hai: Tuy thân sắc xấu xí nhưng lại được cao sang, phú quý, này Mallikā!

- Đệ tử lãnh hội rồi, bạch đức Tôn Sư!

- Trên thế gian này có hạng phụ nữ không có hoặc ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui. Nếu có ai lỡ nói lời khó nghe, đụng chạm, xúc phạm đến họ, họ cũng không bất bình, không giận dữ, không phẫn nộ; chẳng bao giờ hiềm hận ai, chẳng gây thù chuốc oán với ai. Tuy nhiên, họ không có đức tin, không có tâm tạo phước điền, không bố thí vật thực, y phục, chỗ ở đến các hàng sa-môn, bà-la-môn hay những người cơ hàn, đói khổ! Đã thế, họ lại có tâm đố kỵ với người nhiều lợi lộc; ganh tỵ với những người được sự tán dương khen ngợi, được sự thương yêu, quý mến, cung kính cúng dường của người khác; đồng thời họ còn có những hành động sai quấy, xấu ác khác nữa.

Hạng phụ nữ này sau khi chết, nếu như tái sanh trở lại làm người thì họ rơi vào trường hợp thứ ba: Có dung nhan vô cùng xinh đẹp nhưng lại sống đời tối tăm, đói nghèo, bất hạnh, này Mallikā!

- Đệ tử biết nhân, biết quả rồi, bạch đức Đạo Sư!

- Trên thế gian này, có số phụ nữ không có hoặc ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ ái, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui như hạng người thứ ba ở trên; nhưng họ lại có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo. Hạng phụ này còn có những đức tính tốt khác nữa, là họ không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi,

không tỵ hiềm đối với những người được sự cung kính, cúng dường. Ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa.

Hạng phụ nữ này sau khi lâm chung thường sanh vào những cảnh giới tốt đẹp; nếu sanh trở lại làm người thì họ rơi vào trường hợp thứ tư: Có dung sắc vô cùng mỹ lệ mà phước báu về tài sản, danh vọng, địa vị, chồng con, nô bộc thảy đều toàn mãn; được mọi người cung kính, quý trọng, này Mallikā!

Sau khi giảng giải, phân tích rõ nhân quả của bốn hạng phụ nữ trên đời, đức Thế Tôn kết luận như sau:

- Do tính tình nóng nảy, hay giận dữ, nhiều sân hận, dễ chuốc oán, sinh thù, mặt mày luôn cau có, bẳn gắt: Chính chúng là nhân, là duyên, tạo nên hạnh nghiệp, sinh ra quả báo có khuôn mặt xấu xí, ngũ quan xiêng lệch, da dẻ sần sùi, khó nhìn, khó ưa, này Mallikā!

Do không có đức tin, không có giữ giới, không biết bố thí: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo có đời sống cơ cực, đói khổ, thiếu cơm, rách áo, này Mallikā!

Do có tâm đố kỵ, ganh ghét, tỵ hiềm đối với những người có địa vị, danh vọng, tài sản: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo thấp hèn trong thân phận nô bộc, thị tỳ, nô lệ, dâm nữ... là thang bậc hạ liệt nhất trong xã hội, này Mallikā!

Do ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo có sắc thân xinh đẹp, da dẻ mịn màng, ngũ quan cân đối, tuyệt mỹ như là hiện thân tiên nữ trên đời này vậy, này Mallikā!

Do có đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp

tốt lành cho quả báo giàu sang, phú túc, thịnh mãn lộc tài, này Mallikā!

Do không có tâm đố kỵ với những người nhiều lợi lộc; không ganh tỵ với những người được tán dương, khen ngợi; không tỵ hiềm đối với những người được sự cung kính, cúng dường; ngoài ra, họ còn làm được nhiều việc đúng đắn, lành tốt khác nữa: Đó chính là nhân, là duyên, là hạnh nghiệp đưa đến quả báo cao sang, đạt địa vị, danh vọng tối thắng mà thế gian ai cũng kính trọng, tôn quý!

Đấy chính là sáu nhân, sáu duyên, sáu hành nghiệp đưa đến sáu quả báo, sáu hoàn cảnh với ngũ quan, dung sắc, tài lộc, địa vị, danh vọng khác nhau, này Mallikā!

Sau khi lắng nghe đức Phật thuyết giảng xong, bà chánh hậu bèn cung kính thưa rằng:

- Theo như sự phân tích, giảng giải cặn kẽ, chu đáo, hoàn hảo vừa rồi của đức Thế Tôn, đệ tử đã nắm rõ, đã biết chắc, đã tường minh ba nhân quả xấu nên loại trừ, ba nhân quả tốt nên hành theo. Vậy để lợi lạc, tấn hóa lâu dài cho đệ tử về sau, đệ tử xin phát nguyện dưới chân đức Thế Tôn rằng:

Từ rày về sau, đệ tử nguyện chừa bỏ tính tình nóng nảy, hay giận dữ, nhiều sân hận, dễ chuốc oán, sinh thù, mặt mày luôn cau có, bẳn gắt; phải lập tâm tu tập ít có tâm sân hận, luôn dịu dàng, từ hòa, mát mẻ, thần sắc luôn phấn chấn, tươi vui để có được sắc đẹp mỹ toàn hơn kiếp này nữa!

Từ rày về sau, đệ tử nguyện chừa bỏ tâm bủn xỉn, keo kiệt, rít róng; sống đời đầy đủ đức tin, có tâm tạo phước điền, biết bố thí vật thực, y phục đến cho sa-môn, bà-la-môn hay những kẻ cơ cực, đói nghèo để hưởng được giàu sang, mỹ toàn về của cải, tài sản hơn cả kiếp này nữa!

Từ rày về sau, đệ tử nguyện không đố kỵ với người nhiều lợi lộc; không ganh ghét, tỵ hiềm đối với những người được sự tán dương khen ngợi; còn hơn thế nữa, đệ tử sẽ kính

trọng họ, hoan hỷ với họ để mai sau đệ tử sẽ được danh vọng và địa vị sang cả trong các cảnh giới hơn thế này nữa!

Kính bạch đức Thế Tôn! Trong quốc độ này tất cả những phụ nữ thuộc nhiều dòng tộc khác nhau, như bà-la-môn, hoàng tộc, chiến sĩ, thương gia thì đệ tử là người có địa vị cao quý đặc biệt hơn tất cả những người phụ nữ ấy. Những người phụ nữ ấy đều dưới quyền cai quản của đệ tử, do nhân thế nào, duyên như thế nào, đệ tử không còn một mảy may nghi ngờ gì nữa! Ngay chính trường hợp của hai cô gái có sắc đẹp tuyệt trần, đều có cái chết thảm, thân cận với nhóm tu sĩ hạ liệt, thân phận thấp hèn, đệ tử cũng hiểu nhân và duyên của họ rồi!

Kính bạch đức Thế Tôn! Đệ tử vô cùng hoan hỷ bởi lời dạy cao quý, quá sức rõ ràng của ngài! Kính xin đức Đạo Sư chứng minh cho đệ tử một lần nữa, là một người cận sự nữ có đức tin trong sạch, thường xuyên hộ độ Tăng-già; và xin nương tựa nơi ân đức Tam Bảo từ nay cho đến trọn đời.

Bài pháp này, do thích hợp cho phần đông đang mong cầu tạo phước hữu vi nên chư vị trưởng lão thường thay nhau thuyết giảng nhiều nơi; và lúc nào cũng cuốn hút hai hàng cư sĩ áo trắng, nhất là nữ giới.

Trong Rừng Cây Xiêm Gai

Hôm kia, tôn giả Sāriputta đến hầu Phật và xin được đi thăm sa-di Revata, là em út của ngài đang tu tập tại khu rừng cây gai.

Câu chuyện lạ lùng, hy hữu về sa-di bảy tuổi ấy ai cũng hay, ai cũng biết. Nó như sau:

"- Thuở ấy, lúc đang còn ở Rājagaha, nghe tin thân phụ mất, đại đức Sāriputta tức tốc bộ hành về quê; ngài để năm trăm tỳ-khưu ở rải rác trong các rừng cây rồi một mình trở lại thăm nhà. Đây đó vắng tanh. Sân gạch thênh thang phủ một lớp rêu dày. Cả một cơ ngơi khang trang, vĩ đại chỉ mới mười mấy năm mà đã có vẻ điêu tàn, hoang phế. Ngài tần ngần, đứng lặng. Một chú bé chừng sáu, bảy tuổi chạy ra, tôn giả biết đấy là Revata, em trai út của ngài.

- Này em! Ta là Upatissa đây!

Revata nhìn sững: "Đây là anh trai cao cả, tôn quý của ta? Đâu đâu người ta cũng thán phục, ca tụng ông anh vĩ đại này! Ồ! mà sao anh trai ta đẹp quá, uy nghiêm quá, lại dễ mến nữa!"

Revata chạy lại. Tôn giả thân mến ôm trẻ trong vòng tay, xoa đầu, mỉm cười hỏi:

- Em nhận ra ta chứ?

- Em nhận ra anh ngay! Anh yêu quý!

- Sau này em sẽ xuất gia như ta chứ?

- Vâng, em sẽ xuất gia theo anh. Không những xuất gia theo anh mà xuất gia theo cả anh Cunda, anh Upāsena nữa

Tôn giả mỉm cười gật đầu:

- Ừ, Em nói đúng! Giờ thì em nghe lời anh dặn đây: Phía tây ngôi làng này có mấy chục vị tỳ-khưu đang tu hạnh đầu-đà trong một khu rừng. Khi nào em muốn xuất gia thì hãy đến đấy, giới thiệu em là em trai của ta, họ sẽ vui vẻ nhận em vào giáo đoàn ngay. Em nhớ không?

- Dạ em nhớ! Em nhất định sẽ xuất gia trong khu rừng ấy.

Khi câu chuyện vừa dứt thì bà Sārī đã đứng bên ngưỡng cửa, tóc bà đã bắt đầu bạc, lưng còn thẳng nhưng trên tay lại cầm chiếc gậy trúc có hình đầu rắn.

- Ông về đây làm cái gì?

- Thưa mẹ!

Tôn giả cúi đầu.

Bà Sārī gắt:

- Thưa mẹ cái gì? Ai là mẹ của ông?

- Thưa mẹ! Con hay tin cha vừa mất!

Bà chống gậy, quay lưng đi:

- Mất cái gì! Ông chết nhăn răng, ông chết tức tưởi vì con cái bỏ đi theo ông Cồ Đàm hết, bỏ đi theo đám ăn xin đầu đường xó chợ hết!

Tôn giả lại cúi đầu, không dám nói một lời.

Revata nói:

- Sao mẹ lại mạt sát anh trai của con? Anh trai của con dù sao là một bậc vĩ đại, danh vọng nổi tiếng khắp toàn cõi châu Diêm-phù-đề này! Anh trai của con vì thương cha, nhớ mẹ mà về thăm! Anh trai con im lặng, vòng tay, cúi đầu như vậy, có dám nói gì đâu mà mẹ lại đối xử, ăn nói quá thậm tệ như thế?!

Tôn giả Sāriputta (Upatissa) gắt em:

- Revata! Em không được nói với mẹ như thế!

Revata giận dỗi bỏ đi. Bà Sārī cũng chống gậy vào nhà sau. Tôn giả Sāriputta lặng lẽ bước lên nhà trên, vào điện thờ. Ngài đứng vòng tay, mặc niệm trước chỗ thờ của cha, thốt lời cầu nguyện trong tâm:

"- Thưa hương linh cha! Hãy nghe lời con đây! Cuộc đời này con không báo đáp gì được trước ân đức sinh thành, dưỡng dục của cha vì chánh kiến bất đồng. Bây giờ cha mất rồi, con nguyện rằng, phước đức tu hành cả trọn kiếp này của con, và vô lượng kiếp trước nữa, con hồi hướng đến cho cha. Mong nhờ phước báu ấy hộ trì cho cha, để cha được nhiều yên vui và lợi lạc".

Bà Sārī đã đứng bên lưng, giọng nói dịu lại:

- Ông về được bao lâu?

Ngài quay lại:

- Thưa mẹ! Một hôm thôi, con lại phải đi!

- Ông về với bao nhiêu tỳ-khưu?

- Thưa mẹ! Năm trăm vị.

- Hiện giờ họ ở đâu?

- Thưa mẹ! Rải rác trong các khu rừng, quanh ngôi làng này.

- Ta sợ ông mất mặt với họ, dù sao gia đình của chúng ta là gia đình danh giá, vọng tộc, lại là cự phú ở trong làng. Vậy thì ngày mai, ông mời hết tất cả họ đến đây, ta sẽ dâng cúng vật thực một cách tươm tất, đàng hoàng. Ta muốn rằng, dầu là vua chúa cũng không thể cúng dường vật thực sang trọng hơn dòng họ Vaṅganta!

- Thưa mẹ! Con xin vâng!

- Y áo có thiếu không? Nhân tiện, ta cúng dường luôn năm trăm bộ y để xứng đáng là một cuộc làm phước trọng thể.

- Thưa mẹ! Tất cả đều đã có đủ y.

- Thêm một bộ nữa, không được sao?

- Thưa mẹ! Mỗi vị thường sống hạnh tri túc với tam y của mình.

- Vậy thì ta không ép.

Bà lại chống gậy bỏ đi.

- Thưa mẹ...

- Gì nữa đó?

- Con muốn nhân dịp có năm trăm vị tỳ-khưu như thế nầy, mẹ thỉnh nguyện chư tăng tụng kinh hồi hướng phước báu cúng dường ấy đến cho cha!

- Đấy là tín ngưỡng của ông, chứ không phải tín ngưỡng của ta. Ta không phải thưa thỉnh ai hết!

Thấy mẹ vẫn cố chấp như thuở nào, tôn giả Sāriputta nín lặng.

Chợt bà hỏi vọng ra:

- Chiều và tối nay ông nghỉ đâu?

- Thưa mẹ, ngoài rừng cùng với chúng tỳ-khưu tăng!

- Thôi được rồi, tùy ý ông.

Ngày hôm sau, giữ đúng lời hứa, bà bảo mấy trăm gia nhân chuẩn bị cơm nước, bánh trái, đầy đủ các món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm, cao sang nhất cúng dường cho tăng chúng năm trăm vị. Quả thật, danh vọng của gia đình dòng họ Vaṅganta quá lớn nên một khẩu lệnh của bà là "nhất hô bá ứng", trên dưới, trong ngoài tuân lời răm rắp. Bà cũng hoan hỷ cùng với gia nhân sớt vật thực vào từng bát cho mỗi vị. Tuy nhiên, nỗi buồn khổ của người mẹ "mất con" vẫn hậm hực trong lòng bà, nên khi để bát cho một vài nhóm tỳ-khưu coi bộ lớn tuổi, bà tức giận đã nói nhỏ vào tai họ rằng: Cũng vì mấy ông trọc đầu đê tiện này! Kể cả ông sa-môn Gotama điên khùng kia nữa mà ta phải vĩnh viễn mất đi đứa con trai! Không những mất một đứa mà mất luôn năm sáu đứa! Hãy ăn cho no bụng rồi cút đi! Cút cho khuất mắt ta!

Khi để bát cho tôn giả Sāriputta, bà cũng nói nhỏ bên tai như hơi gió thoảng: Chỉ có ông là ngu si nhất trên cuộc đời này! Chỉ có ông là bị ông Gotama cho ăn "cháo lú" nên mới bỏ cả gia tài tám chín trăm triệu đồng tiền vàng để đổi lấy cái đời sống thân tàn ma dại ngốc nghếch!

Tôn giả Sāriputta cùng chư tăng không ai hé miệng nửa lời, vẫn cẩn trọng, từ tốn, khiêm cung, lặng lẽ độ thực. Dùng xong, chư tăng năm trăm vị cùng tụng kinh phúc chúc và hồi hướng phước báu. Lời kinh trầm hùng và cao cả như hải triều âm cuồn cuộn đổ tràn ra không gian. Uy lực của lời kinh, của âm thanh linh thiêng, cao cả làm cho ngôi làng như lặng ngắt, mấy trăm gia nhân tự động chắp tay lên ngực. Bà Sārī cao ngạo là vậy mà bất giác cũng phải chống gậy thẳng lưng lên, có một sự tôn kính nào đó thoáng gợn lên làn da mặt của bà...

Tôn giả Sāriputta nghĩ rằng vậy là mình đã báo đáp được một phần nào ân đức của cha, nên chào mẹ, em trai Revata rồi lên đường. Bà Sārī trông theo, trên đôi mắt ứa ra mấy giọt lệ.

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: Rồi một lúc nào đó, mẹ cũng đến được bến bờ an vui, sẽ không còn đau khổ nữa!

Tôn giả còn ở lại trong làng một ngày nữa, ngài đi đến khu rừng đầu-đà, nơi có những tỳ-khưu đang sống hạnh tĩnh cư, cốt ý gởi gắm Revata sau này. Nghe tôn giả đến, mấy chục vị tỳ-khưu hớn hở, vui mừng ra tiếp rước y bát, nước rửa chân và giẻ chùi chân. Tôn giả vắn tắt vài lời, thăm hỏi sức khỏe, sự an vui trong tu tập rồi nói:

- Thưa chư hiền! Tôi có một đứa em trai, bảy tuổi, tên là Revata; nếu sau này, khi nào em tôi tìm đến đây thì chư hiền hãy làm lễ xuất gia cho nó, tôi sẽ vô cùng biết ơn.

- Thưa vâng, chúng con sẽ y lời, thưa bậc Tướng quân Chánh pháp.

Các vị khác lại thưa:

- Không mấy khi tôn giả ghé chân đến đây! Ôi! Cả khu rừng này đều được hạnh phúc. Việc Revata là việc nhỏ, chúng con sẽ chu toàn! Bây giờ xin tôn giả ban cho một thời pháp để được lợi lạc lâu dài cho chúng con.

Tôn giả vui vẻ hỏi:

- Về vật thực, y áo chư hiền có đầy đủ không?

- Dạ đầy đủ.

- Về sàng tọa, thuốc men, chư hiền có đầy đủ không?

- Dạ đầy đủ.

- Về học giới, chư hiền có gì thắc mắc không?

- Dạ không, chúng con sống rất hòa thuận nhờ tôn trọng, nhắc nhở, khuyến khích, sách tấn nhau từng học giới.

- Vậy về pháp hành chư hiền đã có đầy đủ bên mình cả chưa?

- Dạ chúng con đều đầy đủ. Chúng con, mỗi người đều xin được pháp hành từ đức Đạo Sư!

Nhìn quanh hội chúng, tôn giả lại hỏi:

- Chư hiền sống với nhau giữa rừng núi. Vậy sống giữa rừng núi, chư hiền cần phải thành tựu bao nhiêu pháp? Mà nhờ thành tựu những pháp ấy chư hiền đi bất cứ đâu cũng không hổ thẹn mình là một vị tỳ-khưu sống ẩn cư giữa rừng già, hành theo pháp đầu-đà cao thượng?

Chư tăng ngơ ngác nhìn nhau một hồi rồi họ đồng thanh nói:

- Quả thật chúng con chưa được nghe, chúng con chưa được học hỏi. Mong trưởng lão bi mẫn chỉ giáo, soi rọi chỗ tối tăm cho chúng con.

Tôn giả Sāriputta bèn giáo giới như sau:

- Này chư hiền! Trước đây nhiều năm, tại kinh thành Rājagaha có vị tỳ-khưu tên là Gulissani sống tại rừng núi, nhưng khi vào các tịnh xá trong thành phố thì thường có những hành động thô tháo. Nguyên nhân của các hành động thô tháo ấy là vì tỳ-khưu Gulissani chưa thành tựu được

những pháp ở núi rừng. Bây giờ chư hiền hãy lắng nghe, ta sẽ giảng.

Khi thấy chư tăng đang cung kính, chăm chú lắng nghe, tôn giả đã giảng như sau:

- Này chư hiền! Khi từ núi rừng đến trú với chư tăng trong các tịnh xá ở làng hoặc trong thành phố thì chư hiền nên thọ trì những pháp như sau:

Pháp thứ nhất, chư hiền phải thực hành là biết cung kính các vị đồng phạm hạnh, đừng tự cao, ngã mạn; phải biết vị nào cao hạ để đối xử cho phải lẽ; phải biết vị nào là trưởng lão, là bậc thầy để tôn trọng, đảnh lễ!

Pháp thứ hai, chư hiền nên thực hành là phải biết khéo léo về chỗ ngồi, đừng chiếm lấy chỗ ngồi của các vị trưởng lão tỳ-khưu, đừng đuổi chỗ ngồi của các vị tỳ-khưu niên thiếu. Cả hai pháp ấy, chư hiền có thực hành được không?

- Chúng con thực hành được.

Tôn giả lại nói tiếp:

- Pháp thứ ba, là khi về trú giữa tăng chúng, chư hiền đừng bao giờ đi khất thực quá sớm và trở về quá trưa; vì như vậy mọi người sẽ bàn tán: Các vị tỳ-khưu đi la cà đâu đó, ghé nhà thiện tín này, ghé nhà thiện tín kia, để tà mạng, để gợi ý ăn món này, món nọ; thân thiện quá nhiều với giới tại gia cư sĩ. Vậy chư hiền nên đi khất thực đúng giờ và trở về khi vật thực vừa đủ no lòng. Chư hiền nhớ rõ như vậy chứ?

- Chúng con nhớ rõ.

- Pháp thứ tư, chư hiền khi về trú giữa tăng chúng, đừng bao giờ ghé nhà thiện tín trước bữa ăn hoặc sau bữa ăn; làm như vậy, người ta sẽ bàn tán: Mấy ông sa-môn này đến kiếm chác cái gì đây mà trước bữa ăn đến chầu chực và sau bữa ăn chẳng để người ta nghỉ ngơi! Chư hiền có thấy sự dị nghị khó nghe như vậy chăng?

- Đúng là như vậy.

- Pháp thứ năm, chư hiền khi về sống giữa tăng chúng phải luôn luôn ổn định thân, ổn định khẩu, ý, đừng vung tay vung chân; phải nói năng điềm đạm, luôn luôn biết tự chế, đừng phóng dật, đừng dao động, đừng nói quá nhiều lời, đừng sa đà vào những câu chuyện phù phiếm, tạp nhạp, rỗng không, vô ích...

- Thưa vâng, bạch tôn giả!

- Lại nữa, pháp thứ sáu mà chư hiền nên có là luôn luôn mềm mỏng, chứng tỏ người dịu dàng, dễ dạy; đừng cứng đầu và đừng bao giờ biểu hiện ra ngoài dù là một hành động ác nhỏ; làm sao chứng tỏ mình là một người bạn lành, một thiện trí thức thật sự.

- Chúng con xin ghi nhớ.

- Pháp thứ bảy là phải thường phòng hộ các căn, biết tri túc, tiết độ trong ăn uống, ngủ nghỉ.

- Thưa vâng!

- Pháp thứ tám là phải kiên trì, tinh cần, không được giải đãi, buông xuôi, biếng nhác...

- Pháp thứ chín là phải cẩn thận, chú tâm, không thất niệm, phải có thiền định.

- Pháp thứ mười là luôn luôn chánh niệm, tỉnh giác, có trí tuệ, biết quán chiếu ngũ uẩn.

- Vâng, bạch tôn giả.

- Pháp thứ mười một là chư hiền cần phải học tập cho thông suốt, rốt ráo... để ai hỏi về thắng pháp, thắng luật, chư hiền đều có thể trả lời được.

- Thưa vâng!

- Pháp thứ mười hai là các pháp tịch tịnh, giải thoát, vượt khỏi sắc pháp, vượt khỏi vô sắc pháp, chư hiền đều có thể giảng giải rành rẽ cho người cầu học.

- Và pháp thứ mười ba là các thắng trí của bậc thượng nhân, chư hiền cũng cần phải thành tựu.

Thấy hội chúng thảy đều im lặng, tôn giả Sāriputta khích lệ, sách tấn:

- Thưa chư hiền! Không phải là tôi đã đòi hỏi quá nhiều, mà thật đúng là vậy, có mười ba pháp, vị tỳ-khưu sống ở rừng núi cần phải được học hỏi, y chỉ, thực hành, thành tựu. Khi mà có được mười ba pháp ấy thì chư hiền đi bất cứ đâu, đồng đạo cũng cung kính, ái mộ mà cận sự nam nữ cũng thảy đều cung kính, ái mộ. Chư hiền đến đâu cũng là bóng mát nương tựa cho chư thiên và loài người.

Vậy chư hiền hãy cố gắng, kham nhẫn tấn tu, hãy thương yêu nhau, đùm bọc nhau, nhắc nhở nhau để tất cả cùng thành đạt cứu cánh tối thượng của sa-môn hạnh. Là mục đích xán lạn và cao cả, xứng đáng cho những thiện gia nam tử xuất gia cần cầu an ổn mọi ách phược.

Chư tăng ở trong rừng đầu-đà thảy đều hoan hỷ, họ đã nghe một thời pháp chưa từng được nghe: Trọn vẹn và toàn hảo. Họ vô cùng tri ân, cung kính tiễn đưa tôn giả Sāriputta lên đường.

Bà Sārī chống gậy nhìn theo hình bóng người con trai thân yêu, mắt già hoen lệ. Cả một cơ ngơi trù phú, thạnh mãn, đông vui mà bây giờ trở nên trống không. Cả hàng trăm gia nô, kẻ hầu người hạ mà lúc nào bà cũng cảm thấy hoang vắng. Tiền rừng bạc bể, sơn hào hải vị cũng trở nên vô ích, lạt lẽo...

Revata ra đứng bên cạnh, nắm tay bà, đôi mắt nó cũng nhìn ra hướng xa xăm. Động tâm, bà Sārī nghĩ: Hay là cái giọt máu cuối cùng này cũng không muốn nối truyền tông hệ? Nó nhìn anh trai trưởng của nó với đôi mắt đầy khâm phục và tôn kính! Nó đã cãi lại ta, bênh vực anh nó, và cảm mến cả lũ sa-môn đầu trọc nữa! Thôi phải rồi, nguy rồi! Ta phải cứu con trai út của ta! Ta phải cứu cho cả dòng họ Vaṅganta! Phải cưới vợ cho nó thôi! Revata bảy tuổi, ta sẽ cưới cho nó một cô gái chừng mười bốn mười lăm tuổi; và

cô gái ấy sẽ thay ta kềm kẹp nó, ngăn giữ nó, không cho nó có ý nghĩ ngông cuồng chạy theo bọn không cửa không nhà! Gia sản phải có người gìn giữ, huyết thống phải có người kế thừa!

Nghĩ là làm ngay. Ngày hôm sau, bà cho mời mấy người trưởng thượng trong quyến thuộc, trình bày lý do; sau đó, nhờ họ dò hỏi ở những gia đình cùng tập cấp và vai vế, cùng danh vọng và gia sản. Một cô gái mười bốn tuổi xinh đẹp được tìm ra. Lễ dạm hỏi được tiến hành nhanh chóng. Gia đình bà Sārī giàu có nên không cần của hồi môn của cô gái.

Revata còn bé quá nên không biết gì. Đến ngày cử hành hôn lễ, cậu bé được mặc trang phục xinh đẹp, mang đồ trang sức quý giá, cùng với hàng trăm tùy tùng bước lên những cỗ xe sang trọng đi đến nhà gái. Revata được người ta cho biết là hôm nay cậu cưới vợ, và cô gái kia sẽ ăn ở với cậu trọn đời. Đến đây thì cậu đã hiểu tuy còn rất mơ hồ.

Thân bằng quyến thuộc của hai họ tề tựu đông đủ. Cờ, đèn, hoa và màu sắc chỗ này chỗ kia làm cậu ta hoa mắt. Đến giờ lành, giờ tốt, người ta cử hành lễ rước dâu. Cậu đứng bên một cô gái cao hơn cậu cả một cái đầu - mặt được trùm kín bởi một chiếc khăn mỏng - không thấy mặt mũi cô gái ra sao, chỉ nghe người ta nói là đẹp lắm!

Vị trưởng lão chủ hôn, đặt tay trong bát nước, rảy nước rồi công bố phúc lành:

- Cầu cho các con trăm năm tơ hồng thắm thiết. Cầu cho các con được phúc thọ khang ninh như bà ngoại của cô dâu vậy.

Sau lời cầu chúc tốt đẹp của hai họ, Revata tự nghĩ: Bà ngoại của nàng là ai vậy? Khi được biết rằng, đấy là một cụ bà sống một trăm hai mươi tuổi, răng rụng, tóc bạc, da nhăn đầy những vết đồi mồi, lưng còng như một cái kèo uốn cong giống cái giàn xay! Revata bèn thăm hỏi người hầu thân tín: "Này, cô dâu xinh đẹp trẻ trung của tôi, khi già thì trông

cũng giống như bà ngoại của nàng chăng?" Người ta đáp: "Đấy là điều dĩ nhiên. Bệnh, già, chết là định luật cậu ạ, chẳng ai tránh thoát được đâu!"

Khi sự thật đã được xác nhận, đã được thấy rõ, Revata kinh hãi, tự nghĩ: Đấy có lẽ là sự thật mà các anh trai của ta, các chị gái của ta đã nhận thức nên họ đã từ bỏ gia đình để làm những vị nam sa-môn, nữ sa-môn. Vậy ngay bây giờ ta phải tìm cách, lập kế mà trốn đi kẻo không còn kịp nữa. Ta phải xuất gia!

Thế rồi trên đường trở về cùng với cô dâu trên chiếc xe hoa sực nức mùi hương, Revata chợt la lên:

- Hãy dừng xe lại một chút. Tôi bị đau bụng!

Revata bước ra khỏi xe, tất tả đi vào một đám cây rậm rạp, một lát, cậu chậm rãi trở lại. Lần thứ hai, lần thứ ba Revata cũng viện cớ như vậy.

Lần thứ tư, khi còn cách nhà không bao xa, Revata nói một cách rất tự nhiên:

- Rõ là cái bụng nó đang hành hạ tôi. Nhà cũng sắp đến rồi, vậy quý vị cứ chầm chậm cho xe đi trước, tôi sẽ theo kịp ngay tức khắc.

Không ai nghi ngờ gì cả, họ đánh xe đi. Revata đi vào một đám cây khuất bóng, rồi cậu co giò chạy một mạch vào hướng tây khu rừng. Trời gần tối, đói meo, mệt lả, cậu tìm ra ngôi rừng đầu-đà, nơi có ba mươi vị tỳ-khưu mà trước đây tôn giả Sāriputta đã dặn dò, gởi gắm.

Gặp họ, Revata đảnh lễ:

- Thưa chư đại đức! Hãy cho con xuất gia, hãy thâu nhận con vào Tăng chúng.

- Này cậu bé! Một vị trưởng lão nói - với những trang sức quý giá và với những y phục cao sang, đẹp đẽ như vậy, không biết cậu bé là con vua hay cháu chúa làm sao chúng ta dám nhận vào Tăng đoàn này, nơi những sa-môn sống đời ẩn cư khổ hạnh?

- Bạch ngài, con là em trai út của Upatissa.

- Upatissa là ai?

- Bạch ngài! Upatissa là tên của anh trai con thuở còn là gia chủ. Từ khi xuất gia đến nay, anh trai con có tên là Sāriputta!

Các vị trưởng lão, đại đức, thất kinh cùng đứng dậy:

- Sao? Đúng là em trai tôn giả Sāriputta đấy chứ?

- Dạ đúng vậy! Anh trai con là Sāriputta, xuất thân trong gia đình trưởng giáo bà-la-môn, dòng họ Vaṅganta, con bà Sārī. Một ngôi làng phía Đông, cách đây nửa ngày đường.

- Đúng rồi, không hoài nghi gì nữa! Này cậu bé! Trưởng lão Sāriputta có dặn bảo chúng tôi, chờ đợi cậu và làm lễ xuất gia cho cậu. Ngài là anh cả của chúng tôi, là thầy của chúng tôi, là cái mặt trời, mặt trăng mà chúng tôi hằng ngưỡng mộ!

Thế rồi, Revata được cởi ra những y phục sang trọng và tư trang quý giá, mặc vào mảnh y của người khất sĩ, làm lễ cạo tóc và xuất gia.

Một vị tỳ-khưu trong rừng đầu-đà bộ hành về Kỳ Viên tịnh xá báo lại sự việc cho tôn giả Sāriputta nghe. Ngài muốn đi thăm em, nhưng hôm đó đức Phật nói:

- Này Sāriputta! Bây giờ là chưa phải thời! Hãy kham nhẫn!

Trong lúc ấy, sa-di Revata tự nghĩ: Nếu ta tiếp tục trú ngụ ở đây, dầu chỉ một ngày thôi, thì trước sau gì gia đình cũng tìm thấy.

Bèn xin đề mục thiền quán từ vị trưởng lão rồi mang y và bát, Revata khởi sự một chuyến du hành rất xa, ba mươi dặm đường, một mình vào trú trong khu rừng xiêm gai. Revata nhập hạ ở đây trong ba tháng mùa mưa, Revata thành tựu được mục đích của sa-môn hạnh cùng với những thắng trí của bậc thượng nhân!

Nghe xong chuyện ấy, đức Thế Tôn chợt nói:

- Bây giờ là phải thời, Như Lai sẽ cùng ông đi thăm sa-di Revata.

Đại chúng hay tin, chư phàm tăng không ngớt bàn tán, cho rằng đức Thế Tôn thiên vị vì Revata là em trai của bậc Tướng quân Chánh pháp. Họ nói:

- Chúng ta hãy xem! Một chú sa-di bảy tuổi, lại ở cách xa biết bao dặm đường, thế mà đức Thế Tôn phải đích thân đi thăm viếng, hẳn là một sự kiện hy hữu!

Biết được tâm ý của một số tỳ-khưu như vậy, nhưng đức Thế Tôn không nói gì, ngài bảo tôn giả Sāriputta tập hợp đại chúng rồi lên đường. Đến một ngã ba, tôn giả Mahā Moggallāna thưa rằng:

- Có hai con đường dẫn đến khu rừng cây xiêm gai của sa-di Revata. Con đường tốt được bảo vệ, có dân cư và nhà cửa đông đúc, dài sáu mươi do-tuần. Một con đường xấu, không được ai bảo vệ, nhiều phi nhân và ác thú, hoang vắng người và nhà cửa, nhưng rất ngắn, chỉ có ba mươi do-tuần. Vậy chúng ta đi con đường nào, bạch đức Thế Tôn?

Đức Phật hỏi ngài thị giả:

- Có Sīvali[1] đi cùng đấy không, Moggallāna?

- Thưa có, có mặt sa-di Sīvali trong số năm trăm tỳ-khưu.

- Vậy chúng ta đi con đường ngắn.

Đại đức Ānanda băn khoăn:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đường hoang vắng này thật không dễ dàng trì bình khất thực cho một hội chúng đông đúc!

[1] Ngài Sīvalī có phước vật rất lớn. Hễ chư Tăng đi với ngài, dù đến nơi đói kém vẫn có đầy đủ vật thực. Hiện nay, các Phật tử Nam Tông thờ ngài như vị thần tài!

- Này Ānanda! Đức Phật nói - Ông đừng nên quá lo lắng như vậy, sẽ có nhân, duyên và báo nó tự động làm việc của nó mà.

Quả là con đường ngắn này thật hiểm trở, cheo leo, vất vả. Nhưng ngạc nhiên làm sao, con đường ấy hôm nay lại bằng phẳng, phong quang! Và cứ cách một do-tuần là có những căn nhà nghỉ to, rộng, thoáng mát. Nơi những căn nhà nghỉ đầu tiên, có những cư dân không biết ở đâu xuất hiện, ăn mặc sang trọng[1], mang những mâm vật thực sang trọng, tỏa ngát mùi hương đi tìm trưởng lão Sīvali và dâng cúng vật thực cho vị ấy.

Sa-di Sīvali lại bảo họ dâng cúng đến đức Thế Tôn và Tăng chúng. Suốt ba mươi do-tuần, đức Đạo Sư và đại chúng được nghỉ ngơi và thọ dụng vật thực kỳ lạ như vậy.

Đến khu rừng cây xiêm gai, sa-di Revata trang nghiêm, tề chỉnh ra đảnh lễ đức Thế Tôn và Tăng chúng. Mọi người đưa mắt nhìn quanh, chẳng còn thấy đâu là khu rừng già đầy gai góc và hoang dã nữa. Kia là hương phòng dành cho đức Đạo Sư đẹp đẽ như cung điện của cõi trời. Rải rác cả mấy khu rừng là năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, mỗi chỗ ở trang trọng như vậy được dành cho một vị tỳ-khưu! Ngoài ra có năm trăm con đường đi kinh hành có mái che xanh mát bởi dây leo và hoa nở; lại có cả năm trăm khu vực dành cho ban ngày và ban đêm...

Chư tăng không ngớt bàn tán, chỉ chỏ. Tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay sa-di Revata:

- Ta hoàn toàn mãn nguyện rồi, em có biết không, Revata?

Revata kính cẩn nắm tay anh, và biết rằng, mọi nhân, mọi duyên hôm nay mà được chín muồi đều do nhờ ân đức của người anh trai cao quý này.

---

[1] Đây là chư thiên, thọ thần – là thí chủ hộ độ cho trưởng lão Sīvalī.

Tại đây, đức Thế Tôn ở lại mấy hôm để giáo giới chư tăng. Ngài tán thán hạnh độc cư, thiền định, tán thán những nỗ lực tấn tu phạm hạnh của Revata, khuyên chư tăng nên lấy đó làm gương, làm cái đích để tiến hóa.

Trong thời gian ở đây, đức Phật và Tăng chúng được số dân cư xa lạ dâng cúng vật thực đầy đủ. Trước khi rời khu rừng xiêm gai, đức Thế Tôn đã xóa tan mọi nghi hoặc trong tâm của đại chúng:

- Này các thầy tỳ-khưu! Suốt ba mươi do-tuần và cả thời gian ở đây, Như Lai và các thầy được dâng cúng vật thực thượng vị đều do nhờ phước báu của một người: Đấy là sa-di Sīvali! Sự kiện hy hữu ấy các thầy phải thấy rõ để tăng trưởng đức tin chơn chánh vào giáo pháp!

Chư tăng im lặng, họ đã hiểu lý do cuộc lên đường xa xôi của đức Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Một vị hỏi - do nhân gì, do duyên gì mà sa-di Sīvali có phước báu thù thắng như vậy?

Đức Phật lại phải vén bức màn quá khứ đã bị che lấp:

- Này các tỳ-khưu! Cách đây chín mươi mốt đại kiếp, vào thời đức Phật Vipassi (Tỳ-bà-thi) tỳ-khưu Sīvali là một nông dân nghèo. Hôm kia, y lấy được một ổ mật ong tươi. Ổ mật ong ấy trị giá chỉ có mấy xu nhưng người ta trả giá mua đến một ngàn đồng tiền vàng. Khi biết rằng, họ mua là để cúng dường, người nông dân ấy đã không bán để lấy tiền mà phát tâm hoan hỷ hùn phước. Y đã cúng dường mật ong đến đức Phật Vipassi và Tăng chúng sáu mươi tám ngàn vị. Do nhân ấy, do duyên ấy mà nhiều đời kiếp cho đến hôm nay, Sīvali bao giờ cũng sung mãn vật thực, trong giáo hội không ai bằng được, kể cả Như Lai.

Sau này, khi các thầy bộ hành qua các làng mạc xa xôi, gặp lúc đói kém, mất mùa - hãy tháp tùng với Sīvali dầu năm vị, mười vị hay hơn thế nữa các thầy vẫn được no đủ.

Thí chủ của sa-di Sīvali ở khắp mọi nơi, không phải chỉ có loài người mà còn có cả chư thiên và thọ thần nữa!

Im lặng một lát, đức Thế Tôn đứng dậy, nắm tay sa-di Revata rồi nói rằng:

- Còn đây là con trai của Như Lai, con trai thù thắng của Như Lai! Các thầy biết tại sao mà Như Lai yêu mến Revata như vậy không? Nếu biết chuyện của Revata thì trong các thầy, ai cũng phải yêu mến và đều muốn đi viếng thăm Revata cả!

Này các thầy tỳ-khưu! Mặc dầu mới bảy tuổi nhưng Revata đã phải lên xe hoa với cô dâu. Thế nhưng, khi sắp về đến nhà, Revata đã tìm cách trốn đi, nhịn đói, nhịn khát vượt qua con đường dài, đến khu rừng đầu-đà với quyết chí xuất gia. Ngày hôm sau, sa-di Revata đã vội vã lên đường làm một cuộc bộ hành xa xăm hơn nữa, đến đây, với y và bát, an cư mùa mưa và khởi tâm đạt cho được quả vị A-la-hán. Thế rồi, cuối mùa mưa, sa-di Revata thành đạt được ý nguyện cùng với những thắng trí. Hương phòng của Như Lai, năm trăm chỗ ngụ có tháp nhọn, năm trăm đường đi kinh hành cùng mọi tiện nghi ăn ở khác, tất cả đều do năng lực của sa-di Revata cả! Vậy các thầy có thấy đấy là sự kiện hy hữu không?

Khi chư tăng hoan hỷ cất tiếng "lành thay" thì chư thiên, thọ thần khắp núi rừng đồng loạt tán thán theo làm chấn động đến cả cõi trời.

Vị sa-di thánh tăng Revata sau này đến tuổi, thọ đại giới. Hai người anh trai lớn của Revata là Upasena và Cunda (được gọi là Mahā Cunda) đều đã xuất gia sớm, đã đắc quả A-la-hán và đã trở thành các bậc trưởng lão uy tín, thanh tịnh. Ba người chị của Revata, mỗi nàng sinh được một người con trai, được đặt những tên có nghĩa là "theo chân người mẹ"; được bảy tuổi, bèn "theo chân người mẹ", nên cũng xuất gia luôn. Và chính đại đức Revata nhận họ, làm

thầy truyền sa-di giới. Những vị tỳ-khưu-ni Cālā Upacālā và Sīsupacālā đều đắc quả A-la-hán. Các con trai của các nàng đều có hạnh kiểm tốt đẹp. Vậy, tính cả tôn giả nữa, gia đình dòng họ Vaṅganta đã có bảy vị A-la-hán, quả thật là hy hữu vậy!

Tôn giả Sāriputta dường như đã chu toàn xong những bổn phận cao cả đối với gia đình, quyến thuộc, bằng hữu; nhưng ngài còn một nỗi bên lòng: Ấy là mẹ ngài, đang còn theo ngoại đạo, vẫn giữ vững đức tin với đấng Phạm Thiên của bà, không gì lay chuyển nổi!

Cây Quạt Thốt Nốt

Câu chuyện về một vị thánh sa-di khác:

"- Có một chàng thanh niên ở Kosambī sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, anh ta từ bỏ thế gian và xuất gia. Do nhờ giới hạnh tinh nghiêm nên được đồng đạo kính trọng gọi là trưởng lão Kosambīvasi Tissa.

Năm kia, trưởng lão Tissa sau khi mãn hạ, thí chủ đem đến dâng cúng y áo, mùng mền, và lỉnh kỉnh rất nhiều món tứ vật dụng khác. Trưởng lão Tissa nói: "Vậy là ta đã thọ nhận rồi, nhưng cái đống ấy các ngươi mang về đi nhé!" Thí chủ thưa: "Ngài nói vậy là ngài không có lòng từ với chúng con." Trưởng lão Tissa đáp: "Còn nhận cái đống thì ta không có lòng từ với ta!" Thấy họ không hiểu, ngài nói: "Các ngươi thử nghĩ coi, một thầy tỳ-khưu sống ta-bà vô trú, sau mùa an cư là như con chim thênh thang giữa trời cao bể rộng. Bây giờ các ngươi bắt vị tỳ-khưu ấy mang theo cả đống tứ vật dụng thế kia thì biết làm sao hử? Sao không sắm thêm cho ta một chiếc đòn gánh để ta làm gã đàn ông gánh hàng ra chợ bán để kiếm tiền mà nuôi mụ vợ?" Thế rồi, sau đó, họ gởi đến một chú nhỏ với hảo ý là chú nhỏ kia sẽ phụ giúp công việc lặt vặt cho trưởng lão. Ai ngờ chú nhỏ chỉ

bảy tuổi và họ còn muốn trưởng lão Tissa làm lễ xuất gia cho chú ấy vào hàng sa-di đuổi quạ nữa!

Tuy nhiên, nhìn chú nhỏ mặt mày sáng sủa, tinh anh, dễ thương trưởng lão Tissa bằng lòng, dạy cho chú quán tưởng năm thể trược ở nơi thân rồi cho tẩm ướt tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu thì chú nhỏ... bỗng trở thành tôn giả sa-di!

Chú bé bảy tuổi đắc quả A-la-hán chỉ một mình mình biết, một mình mình hay, còn trưởng lão Tissa chưa chứng cái gì cả nên mù tịt.

Trong thời gian ở tịnh xá, trưởng lão đem tâm yêu mến chú bé thật sự vì chú ngoan ngoãn, lanh lợi, chăm chuyên mọi việc trong ngoài thật chu đáo. Lại nữa, sắc mặt chú bé lúc nào cũng tươi vui, mát mẻ; ăn nói thì lễ độ, khiêm cung; ngồi nằm thì cẩn trọng, tỉnh thức, đêm cũng như ngày - thật là không chê vào đâu được!

Hôm kia, trưởng lão Tissa quyết định lên đường, về Kỳ Viên tịnh xá thăm đức Đạo Sư, bèn nói với chú sa-di: "Này con, đường sá xa xôi, sức vóc con thì không bao lăm, chỉ mang theo cái gì cần thiết thôi, tất cả những vật cồng kềnh, nặng nề, hãy để lại tịnh xá cho các vị đến sau". Chú sa-di y lời, nhưng chú cũng mang theo cái đãy quá to, rõ là như nhái tha cóc, chú còn cười:"Nhẹ lắm, không sao đâu bạch thầy! Con chỉ mang cái gì cần thiết cho bộ hành đường xa."

Suốt dọc đường, trưởng lão Tissa rơi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Khi trưởng lão ngồi nghỉ dưới gốc cây là chú nhỏ dâng tọa cụ. Khi trưởng lão dừng chân giữa rừng là chú nhỏ dâng võng. Đêm ngủ là có đầy đủ mùng, mền, gối. Khi nóng có quạt. Mới chớm ho hen nhức đầu là có liền thuốc... Trưởng lão Tissa thốt lên: "Thật tuyệt vời thay cái chú sa-di này! Cái đãy của chú dường như là có thần thông í!" Chú sa-di cười cười: "Do phước báu tu hành của thầy mà có tất cả những thứ ấy".

Họ dừng chân bên một con sông mưa lũ, xung quanh không có làng mạc, chẳng thấy một bóng người. Họ bèn tá túc tại chiếc am nhỏ bỏ hoang, trong đó có một chiếc giường nhỏ. Chú sa-di nhanh tay quét dọn và thỉnh trưởng lão vào nghỉ. Trời mưa tầm tã, chẳng có nhà nào mà khất thực, trưởng lão Tissa nghĩ rằng thế là hôm nay hai thầy trò sẽ nhịn đói. Sau khi xả thiền, xế trưa, ngạc nhiên làm sao, trưởng lão Tissa thấy chú sa-di y áo chỉnh tề, dâng cúng vật thực nóng sốt ngon lành. Trưởng lão hỏi: "Con làm sao có được những thứ này?" Chú sa-di cung kính đáp: "Bạch thầy, đi đường xa, con đã đề phòng sẵn trong cái đãy của con mà!" Trưởng lão Tissa hoan hỷ thọ thực, lòng thầm cảm ơn đã có được một chú sa-di chu đáo nhất châu Diêm Phù Đề.

Trời vẫn mưa và nước sông vẫn dâng cao. Họ đã ở lại đấy hai đêm. Qua đêm thứ ba, chú sa-di tự nghĩ: "Đêm nay nếu ta ngủ chung phòng thì trưởng lão sẽ phạm giới. Vậy ta đừng nên ngủ, hãy ngăn oai nghi nằm!" Vị trưởng lão cũng biết vậy nhưng vì ngủ quên, gần sáng mới sực nhớ, sẵn cái quạt thốt nốt, trưởng lão quay cán đập nhẹ vào chỗ chú sa-di thường nằm: "Dậy đi con, hãy ra ngoài kia cho đến khi mặt trời mọc". Vì trời tối đen, trưởng lão Tissa không biết chú sa-di đang ngồi kiết già trọn đêm cạnh chân giường, nên khi huơ quạt ra, đầu nhọn cán quạt đâm vào mắt chú sa-di, tròng mắt lòi ra, máu chảy dầm dề. Dùng thiền định trấn giữ cơn đau, lấy tay bịt mắt, chú nói: "Bạch thầy! Con hiểu chứ, con sẽ ra ngay!" Thế mà trưởng lão Tissa chẳng hay biết gì hết, quay lưng lại, nằm ngủ cho đến sáng. Chú sa-di một tay bịt mắt, nhưng còn một tay, chú vẫn làm mọi việc, chu toàn phận sự hằng ngày...

Trưởng lão thức dậy, chú sa-di dâng nước ấm rửa mặt, sau đó dâng một món cháo nhẹ; chú dâng bằng một tay, tay kia bịt mắt, sợ trưởng lão thấy. "Sao vậy? Trưởng lão hỏi - sao hôm nay con lại trở chứng vậy? Ai đời dâng vật thực

cho tỳ-khưu mà lại dâng bằng một tay?" Chú sa-di đáp: "Bạch thầy, con biết chứ! Con biết cái gì đúng phép và cái gì không đúng phép, nhưng quả thật cái tay bên này của con không được rảnh rang!" Nghe nói vậy, trưởng lão mới chợt để ý tay kia chú đang ôm mắt và có máu chảy giữa hai kẽ tay: "Mắt con sao vậy? Hãy đưa ta xem?" Chú sa-di trấn an: "Chẳng có gì quan trọng đâu, bạch thầy, một vết thương nhẹ thôi! Mong thầy an tâm và đừng chấp nhất chuyện con dâng một tay là được!" Trưởng lão nhổm người dậy: "Không được, yên tâm sao được khi con đã lo mọi việc cho ta, khi con là chú sa-di tốt đẹp, hiền thiện nhất trên đời này."

Nói xong, trưởng lão cầm tay xem mới thấy rõ một tròng mắt lồi ra, bèn hốt hoảng: "Sao vậy? Chuyện gì xảy ra với con đây?" Chú sa-di thở dài: "Chuyện này thầy không biết thì hay hơn. Nếu thầy bỏ qua được chuyện này thì tốt biết bao nhiêu" Chú sa-di đã nói hết lòng như vậy nhưng trưởng lão Tissa vẫn không chịu bỏ qua, nên chú phải kể lại tự sự đầu đuôi. Nghe xong, trưởng lão vô cùng xúc động, tự nghĩ: "Ôi! Lỗi lầm của ta thật trầm trọng xiết bao! Ta làm sao mà tha thứ cho ta được hở trời?" Rồi trưởng lão chấp hai tay lại, với thái độ đảnh lễ đầy tôn kính, ngài nằm trên đất, dưới chân vị sa-di, nói rằng: "Hãy tha lỗi cho ta, hỡi chàng trai tối thắng! Ta đã không biết điều này. Hãy làm nơi cho ta nương tựa, hỡi tâm hồn cao cả!"

Chú sa-di cung kính nâng tay và người của vị trưởng lão, nói rằng: "Con đã ngại thầy có hành động như thế này nên con đã không nói ra - mà khi nói ra - con chỉ mong thầy dứt bỏ mọi ngờ vực, nghi nan. Bây giờ, sự việc thế rồi, thầy không có lỗi, thầy chẳng có gì đáng chê trách, mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay trong các kiếp sống mới có lỗi, mới đáng chê trách mà thôi!"

Sau đó, chú sa-di tìm cách an ủi, trưởng lão cũng không bớt ăn năn, hối hận. Vị trưởng lão không còn an tâm được

nữa, khi cơn mưa tạnh, dòng sông đã lặng, có thuyền bè, trưởng lão lầm lũi, không nói không rằng, vác cái đãy của chú sa-di lên đường, tìm đến Kỳ Viên tịnh xá.

Khi trưởng lão Tissa kể lại mọi chuyện với đức Đạo Sư, nói rằng vị sa-di ấy trong tâm bao giờ cũng mát mẻ, lòng vị ấy quảng đại, vượt trội, khó tìm thấy trên thế gian nầy.

Sau đó, đức Đạo Sư xác nhận rằng:

"- Con trai của Như Lai đã chấm dứt lậu hoặc nên lục căn bao giờ cũng vắng lặng, thanh bình".

Câu chuyện kể xong, đại chúng hôm ấy, ai cũng tỏ vẻ kính trọng, ngưỡng mộ vị thánh sa-di có tâm hồn cao cả; đồng thời, ai cũng đọng lại trong tâm câu nói thấm thía nhất của vị Thánh sa-di, đáng chiêm nghiệm, đáng học hỏi:

"- Thầy chẳng có gì đáng bị chê trách mà con cũng vậy. Chỉ riêng vòng luân hồi, nhân quả trả vay mới là có lỗi, mới đáng bị chê trách!"

Ở đấy, chẳng có tác giả, chẳng có thọ giả; chỉ có sự diễn tiến, vận hành của dòng nhân quả, nghiệp báo mà thôi!

Ngọn Lửa Trong Chiếc Ghè!

Ngoại trừ sa-di Revata đắc thánh quả trong rừng cây xiêm gai từ hôm đức Phật và chư vị trưởng lão cùng đi thăm thì ai cũng biết; nhưng ba vị sa-di còn lại là Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka cũng được đức Phật gọi là "con trai" càng nổi lên một trận bàn tán nữa. Vì có người biết, có người chưa biết. Suốt mấy ngày liền, chư phàm tăng cứ đâm ra tò mò, tìm thăm các vị ấy, quan sát cách đi, cách đứng, cách ăn nói xem họ ra sao? Ôi! Cũng bình thường thôi mà sao họ là Thánh, có thần thông cực kỳ, còn mình thì ngu si, mù tịt?

Biết sự hoài nghi của mọi người, hôm kia, tôn giả Mahā Moggallāna xin đức Phật để kể lại hành trạng các vị sa-di ấy cho đại chúng nghe để họ được tăng trưởng thêm đức tin. Đức Phật im lặng nhận lời.

Rồi công hạnh của sa-di Paṇḍita, sau này được các vị kết tập sư thuật lại như sau:

"- Tôn giả Sāriputta có một thí chủ thường hay đặt bát cho ngài. Đã bảy năm về trước, khi nữ gia chủ mang thai, và cả sau này, lúc nào họ cũng mong tôn giả đến nhà. Có một hiện tượng lạ lùng mà không ai hiểu lý do, là từ khi đứa trẻ mới ở trong bào thai thì mọi người trong đại gia đình, dòng

họ, hễ có ai dốt nát, điếc câm đều trở nên có óc, có trí, nói được và nghe được!

Mùa an cư vừa rồi, đứa trẻ đã được bảy tuổi; khi tôn giả Sāriputta được mời thỉnh đến nhà đặt bát, đứa trẻ cứ khăng khăng xin cha mẹ đi xuất gia theo gót chân của tôn giả.

Biết đây là nhân duyên nhiệm mầu, tôn giả cho xuất gia sa-di, đặt pháp danh cho trẻ là Paṇḍita[1] có nghĩa là "thông trí"! Sau khi gia đình hoan hỷ làm phước bảy ngày, đến ngày thứ tám, sa-di Paṇḍita muốn theo thầy ôm bát vào thành phố để khất thực. Thấy dáng dấp lóng cóng, vụng về, cách mang y bát còn xộc xệch chưa được tề chỉnh, trang nghiêm, tôn giả Sāriputta kêu lại, ân cần nói:

-Này con! Khoan đi đã! Con cần phải học hỏi, tập sự về cách đi, đứng, nằm, ngồi; cách mang y bát đi khất thực... Sáng nay, con hãy ở lại tịnh xá với ta làm một số công việc, sau đó ta sẽ chỉ dạy cho con trước khi vào thành phố.

Như thường lệ mỗi buổi sáng, tôn giả Sāriputta có phụ tá là Rāhula cùng một số sa-di khác, hôm nay có thêm Paṇḍita, cùng nhau đi quét rác trong khuôn viên tịnh xá; dọn những cầu tiêu, hầm xí; châm nước đầy vào những lu nước uống; sắp xếp lại những giường ghế ở những nhà ngang, nhà khách; thu lượm những vật dụng đây đó quăng liệng bừa bãi; dập tắt những đống than đang còn âm ỉ khói...

- Có một số các vị sao lại để lung tung, bừa bãi, lộn xộn vậy hở thầy?

- Hãy từ bi, thương xót đến họ, này con! Khi "cái tâm" của một chúng sanh chưa được thu xếp, không biết dọn dẹp, chưa được chăm sóc một cách chu đáo - nó cũng như vậy đó con!

Sa-di Paṇḍita chợt quỳ xuống bên chân tôn giả:

---

[1] Có thể dịch là thông trí, trí hiền, thông tuệ.

- Con đã hiểu điều này. Do vậy con sẽ biết cách thu xếp, điều chỉnh y bát, cách đi, cách đứng của con.

Thế là đã khá trưa, hai thầy trò mới dời chân khỏi Kỳ Viên tịnh xá.

Lần đầu tiên được đi theo thầy khất thực, lòng Paṇḍita rộn ràng sung sướng. Biết tâm của chú sa-di này muốn học hỏi nhiều điều, tôn giả gợi ý:

- Này con! Một kẻ vô văn phàm phu khi không học hỏi giáo pháp thì đối với nó cái gì cũng phi pháp. Còn một người ham hiểu biết, có tâm cầu học... thì đi, đứng, nằm, ngồi đều là giáo pháp; cái gì mắt thấy, tai nghe, trí suy nghĩ thảy đều liên hệ đến giáo pháp!

- Thưa vâng!

Đi ngang ven lộ thấy một cái mương dẫn nước, Paṇḍita tự nghĩ: "Cái gì mắt thấy... đều liên hệ đến giáo pháp". Bèn hỏi:

- Bạch thầy! Cái mương dẫn nước kia có lợi ích gì?

- Nước dâng tràn, lũ lụt có thể làm hại mùa màng, nhưng khi đã có con mương dẫn nó, điều chỉnh nó thì nó lại trở nên lợi ích cho ruộng vườn.

- Nước có hiểu biết gì không?

- Nó vô tri vô giác chớ có hiểu biết gì đâu!

- Vậy thì người ta có thể dẫn một vật vô tri vô giác đem đến lợi ích cho con người sao thầy?

- Đúng thế! Nếu biết làm những con mương cho khéo, người ta có thể dẫn nước đi đâu tùy ý, tùy nghi mà sử dụng.

Paṇḍita tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Một vật vô tri vô giác mà con người có thể hướng dẫn được nó, sử dụng nó như ý muốn. Vậy tại sao ta lại không thể hướng dẫn, nhiếp phục tâm ý mình đi theo con đường đến quả vị A-la-hán?"

Đến một quãng đường nữa, thấy những người thợ đang hơ tên trên lửa, nheo mắt ngắm để uốn tên cho thẳng; Paṇḍita hỏi:

- Bạch thầy, họ đang làm gì vậy?

- Họ đang ngắm để uốn những cây tên trên lửa cho thật thẳng.

- Mũi tên kia có lý trí chăng?

- Nó cũng là vật vô tình, vô giác, vô tri!

Paṇḍita lại nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Vật vô tri kia mà người ta còn biết cách uốn nắn cho thẳng. Còn ta, ta cũng có chút ít hiểu biết, sao không biết uốn nắn tâm ý mình cho ngay thẳng, chính trực?"

Sau đó hai thầy trò gặp một người thợ mộc đang đẽo bánh xe.

- Họ làm gì vậy hở thầy?

- Thợ mộc đẽo bánh xe.

- Gỗ không có chút hiểu biết nào chứ?

- Cũng như tên, như nước vậy! Gỗ vô tri mà người ta vẫn đẽo ra được bánh xe hữu dụng.

Paṇḍita tự nghĩ: "Thật là kỳ diệu! Gỗ vô tri cũng đẽo thành bánh xe hữu dụng cho con người. Vậy sao ta không tự đẽo, gọt những cái xấu xa, tà vạy cho tâm ta được hữu dụng như cái bánh xe kia?"

Nghĩ đến đây, tự dưng Paṇḍita chợt trao bát cho tôn giả Sāriputta:

- Bạch thầy, thầy hãy đi bát giúp con.

- Sao vậy?

- Con muốn trở về!

Biết được tâm ý của đệ tử mình, tôn giả cầm lấy bát trên tay của Paṇḍita. Paṇḍita chào lạy tôn giả xong, quay lưng bước đi, còn quay lại dặn dò:

- Khi thầy đem thức ăn về cho con, xin thầy nhớ cho, là hôm nay con chỉ thích ăn những món thượng vị mà thôi! Món thường thường con không ăn đâu!

- Ở đâu ta có thể kiếm được thứ ấy cho con?

- Nếu thầy không thể kiếm được do phước báu của thầy thì thầy có thể kiếm được do phước báu của con.

Tôn giả mỉm cười, trao chìa khóa phòng rồi khẽ xoa đầu Paṇḍita, bảo:

- Hãy đi vào trong phòng của ta mà hành thiền, không được ngồi ở ngoài các khe suối, nơi các cội cây đâu nhé!

Sa-di Paṇḍita vâng lời, rảo nhanh về liêu thất, đóng phòng lại, chú bắt đầu thiền quán, cương quyết phải đạt cho được quả vị A-la-hán trong ngày hôm nay.

Tại cung trời Đao Lợi, Đế Thích thiên chủ tự nhiên cảm thấy ngai vàng rung động và nóng rực, ngài đoán chắc rằng ở dưới trần gian có tâm ý hướng thượng của ai đó cực kỳ uy mãnh, làm cho phước đức thiên cung chao đảo. Khi dùng thiên nhãn xem, Đế Thích biết rõ nguyện lực của chú sa-di nhỏ tuổi. Để trợ giúp cho Thánh hạnh của chú mau thành tựu, Đế Thích bảo Thần Mặt Trời đi chậm lại; lệnh cho Tứ Thiên Vương tức khắc xuống trần đứng canh gác bốn góc ở tịnh xá Kỳ Viên; và phải đuổi muông thú, chim chóc đi nơi khác đừng gây một tiếng động nhỏ. Do vậy, buổi sáng hôm ấy tịnh xá Kỳ Viên yên tĩnh một cách lạ thường...

Tâm của sa-di Paṇḍita nhờ chuyên nhất, nhờ an tịnh gia trì, mới thời gian chưa đến buổi trưa, chú lần lượt chứng Nhập Lưu, Nhị Quả, Tam Quả...

Trong khi ấy, tôn giả Sāriputta đi vào thành phố, vì thấy đã quá trưa, bèn ghé lại một thí chủ thân tín đã từ lâu chưa đến khất thực. Lạ lùng làm sao, khi họ mang ra dâng cúng thì đầy cả một bát món ăn thượng vị trân quý hy hữu! Tôn giả muốn để dành cho chú sa-di, hợp với sở thích của chú; nhưng gia chủ cứ khẩn khoản mong ngài độ thực cho hết và sẽ có một bát thứ hai cũng đầy đủ thượng vị y như thế.

Khi dùng xong, tôn giả nghĩ: "Buổi sáng này, chú sa-di đã làm việc nhiều, chắc giờ đã đói bụng rồi!"

Bèn đứng dậy, nói lời chúc phúc với gia đình rồi ôm bát vật thực trở về.

Bậc Đạo Sư, khi ấy ở tại hương phòng, nghe trong không gian có điều khác lạ; hướng tâm đến, ngài thấy Đế Thích như ông thần đứng canh cửa, Tứ Đại Thiên Vương như bốn ông tướng đứng gác bốn phương; và trong phòng của Sāriputta, sa-di Paṇḍita đã đắc tam quả, và hiện đang cương quyết đắc quả A-la-hán. Rồi đức Thế Tôn hướng tâm đến Sāriputta, biết ông thầy nầy quan tâm thương mến đệ tử, đang trên đường trở về, ôm bát vật thực thượng vị mà không biết trời đã qua ngọ.

Đức Phật nghĩ: "Vì không hướng tâm đến, nên Sāriputta không biết học trò của mình sắp đắc quả A-la-hán. Nếu vì Sāriputta không biết, trong lúc này mà về gõ cửa thì sẽ trở ngại tiến trình đạo quả của chú sa-di. Vậy ta hãy đón đường Sāriputta ngay từ ngoài xa, hỏi vài câu về Abhidhamma".

Tôn giả Sāriputta đang trên ngã rẽ về liêu thất thì gặp đức Thế Tôn, ngài liền dừng lại đảnh lễ.

Đức Đạo Sư hỏi:

- Ông mang cái gì về đấy?
- Bạch đức Thế Tôn, "Sức nóng".
- "Sức nóng" sinh cái gì?
- Bạch đức Thế Tôn! "Sức nóng" sinh "Sắc".
- "Sắc" sinh cái gì?
- Bạch đức Thế Tôn! "Sắc" lại duyên "Xúc".
- "Xúc" sinh cái gì?
- Bạch đức Thế Tôn! "Xúc" sinh "Thọ"[1].

Ngang đây, biết là Paṇḍita đã đắc quả A-la-hán, Đức Phật liền bảo:

---

[1] Giải thích đoạn trên: Mang vật thực ăn vào sẽ tạo ra năng lượng (sức nóng). Có năng lượng thì thân thể sẽ no, khỏe (sinh sắc). Sắc duyên xúc sẽ tạo ra các "cảm thọ". (ăn vào sẽ chống được sự khổ do đói, và người sẽ cảm thấy khoan khoái..)

- Này Sāriputta! Vậy thì ông hãy mang "Sức nóng" ấy vào cho chú sa-di của ông đi!

Tôn giả vâng lời, đi vào và gõ cửa. Sa-di Paṇḍita bước ra, đôi mắt như tỏa hào quang, trân trọng đỡ lấy bát vật thực trên tay tôn giả rồi để qua một bên. Chú lấy chiếc quạt thốt nốt, quỳ xuống và quạt mát cho ngài.

Đức Sāriputta nói:

- Hãy ăn đi con! Đúng là một bát thượng vị mà con hằng ưa thích đấy!

Paṇḍita hỏi:

- Bạch thầy, còn thầy thì sao?

- Ta đã dùng xong rồi.

Sa-di Paṇḍita sửa lại y áo cho ngay ngắn, ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực.

Thấy chú cẩn trọng nhai nuốt một cách biết mình, chẳng tỏ vẻ gì là say đắm món ăn thượng vị yêu thích; tôn giả hướng tâm đến, biết quả vị tối cao mà học trò mình đã đạt, ngài âu yếm nói:

- Giỏi lắm! Con quả thật xứng đáng là một thiện gia nam tử ở trên đời!

Sa-di Paṇḍita nhìn thầy, đôi mắt tỏa sáng, biểu hiện sự tri ân cao cả.

Khi đã ăn xong, rửa bát, dọn dẹp, cất đặt đâu đó xong xuôi, Paṇḍita đưa mắt nhìn ra bên ngoài, chú thật ngạc nhiên là trời đã quá ngọ từ lâu.

Mọi người trong tịnh xá Kỳ Viên ai cũng cảm thấy lạ lùng. Ai có thiên nhãn lúc ấy sẽ thấy giữa hư không, Tứ thiên vương rời bốn hướng canh gác, muôn chim trở về Kỳ Viên ca hát ríu rít, líu lo, Đế Thích thiên chủ rời vị trí canh cửa, hóa vầng ánh sáng bay lên cõi trời Đao Lợi.

Cả tịnh xá, mọi người huyên náo hỏi han nhau:

- Hôm nay sao lạ vậy? Buổi sáng thì dài cả ngày còn buổi chiều thì trôi qua trong chớp mắt? Chú sa-di Paṇḍita

sao chỉ thích xơi món ăn thượng vị? Rồi bậc Tướng quân Chánh pháp - thầy của chú - sao lại mang về đúng là một bát thượng vị? Mà sao khi chú ấy đang dùng trưa thì đúng ngọ? Dùng xong thì trời đã qua ngọ từ lâu? Thiệt là kỳ quái!

Một số tỳ-khưu và sa-di quây quần quanh tôn giả Sāriputta mong được biết lý do.

Ngài nói:

- Này chư hiền! Đừng nôn nóng, đừng vội vã! Chỉ có đức Thế Tôn là biết lúc nào phải thời để vén bức màn quá khứ ấy!

- Thưa vâng! Một vị nói - nhưng tôn giả chỉ cần cho chúng con vài lời tóm tắt cũng đủ.

Chẳng đừng được, tôn giả Sāriputta bèn kể chuyện quá khứ cho họ nghe.

- Vào thời đức Phật Kassapa , tại thành Bārāṇasī có hai vợ chồng thật nghèo khổ, nghèo hết chỗ nói. Được một người bạn lành khuyến hóa, cả hai vợ chồng đồng tâm hợp lực làm công, mong kiếm được ít tiền để làm vật thực cúng dường cho một vị tỳ-khưu. Người chủ trì đi kêu gọi cổ phần mà quên bẵng hai vợ chồng nên hai mươi ngàn vị tỳ-khưu đã được phân phối hết. Người nghèo khổ khóc lóc, đấm ngực, bức tóc, xin cho bằng được một vị tỳ-khưu để cúng dường. Đức Thế Tôn Kassapa biết tâm trong sạch, cao thượng của người nghèo khổ, nên phút cuối, ngài trao bát cho anh ta. Thế rồi phước báu ấy được trổ quả hiện tiền do nhờ sự tiếp sức, bắt tay của trời Đế Thích. Sau đó, người nghèo khổ được nhà vua cho làm chức Đại thủ quỹ, đầy đủ danh vọng và phú quý. Vị Đại thủ quỹ cúng dường những món ăn thượng vị trân quý đến đức Phật và hai mươi ngàn vị tỳ-khưu trong suốt bảy ngày. Mệnh chung kiếp ấy, y được hạnh phúc qua các cõi trời. Kiếp này y chính là sa-di Paṇḍita vậy.

Tôn giả Sāriputta chấm dứt câu chuyện ngang đây, nhưng có vị hỏi tiếp:

- Bạch ngài! Xin ngài giải thích cho rõ hơn về nhân duyên món ăn trân quý?

- Đúng vậy! Không có gì là không có nhân duyên! Trong một kiếp quá khứ, người nghèo khổ kia suốt đời ăn mắm mút dòi... ngay một món ăn ngon, mà y nghĩ, có lẽ suốt đời cũng không nhìn thấy, huống hồ là được ăn! Tuy nhiên, sau đó, khi có tiền, sắm được món ăn ngon, y đã không dành lại cho mình một chút gì, mà đem dâng cúng hết cho các sa-môn, đạo sĩ...

- Thật là cao thượng! Một vị tỳ-khưu thốt lên.

- Nhờ cái tâm như vậy cho nên trong nhiều đời kiếp, y luôn luôn có những thức ngon vật lạ mà những kẻ giàu có khác không thể có. Cái quả trân quý là do đã từng cúng dường những món trân quý như vậy đó!

Nghĩ là phải thời để giáo giới vài điều đến Tăng chúng, tôn giả Sāriputta nói tiếp rằng:

- Này chư hiền! Nhân quả xưa nay là vậy. Ngay một thói quen nhỏ nhặt, một sở thích riêng tư hiện tại nơi chư hiền cũng không phải là điều ngẫu nhiên, nhất thời! Nó tồn tại, tương duyên, liên tục từ kiếp này sang kiếp khác; nó len sâu, ẩn kín trong dòng nghiệp, tưởng như vô hình nhưng nó tích cực tác động thân hành, khẩu hành, ý hành một cách rất vi tế và rất cụ thể. Như sở thích, mơ ước món ăn thượng vị, qua hằng trăm ngàn năm sau mà dường như vẫn còn nguyên vẹn sở thích, đeo níu ấy! Ngoài ra, một chút gieo duyên với Phật Đạo, với đức Thế Tôn, bao giờ cũng là cơ may ngàn đời hy hữu: Trước sau gì cũng nếm được đạo quả Vô sanh bất diệt!

Tăng chúng tán thán:

- Quả thật là hy hữu! Quả thật là kỳ diệu!

Thấy Tăng chúng còn một vài thắc mắc về những hiện tượng xảy ra trong ngày, tôn giả Sāriputta bèn kể cho họ

nghe. Vì phước báu của chú sa-di Paṇḍita đã khiến cho thí chủ cúng dường món ăn thượng vị. Vì quyết tâm chứng đạo quả cao nhất trong ngày của sa-di Paṇḍita mà Đế Thích phải nóng nực, phải hiện xuống trần để giúp đỡ. Rồi Đức Phật cũng phải đích thân rời hương phòng đến trợ giúp cho sa-di Paṇḍita ra sao, tôn giả Sāriputta nhất nhất thuật lại.

Một số tỳ-khưu sau câu chuyện và sau lời giáo giới ấy, họ thấy biết như sau: "A! Thân này được tập khởi như vậy, bởi thói quen, kinh nghiệm, tâm niệm như vậy mà tạo nên những cá tính riêng, mẫu người riêng biệt. Những giới cấm của đức Đạo Sư là nhằm ngăn chặn những vọng động như vậy. Nhân như vậy thì đưa đến quả như vậy. Thấy rõ vọng động, làm yên lắng những vọng động thì giải thoát, an vui tối thượng chắc chắn sẽ đến như vậy..."

Nhờ tư duy đúng, họ không còn hoài nghi về con đường và cứu cánh. Một vài vị chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, rất đông vị khác chứng quả Thất Lai!

Bỏ Đao, Ôm Bát!

Chuyện này thì chính tôn giả Sāriputta kể cho hội chúng sa-di nghe khi đang ở giữa rừng cây của tịnh xá Kỳ Viên, sau này được ghi chép lại:

"- Gia đình của sa-di Saṅkicca có lòng tin bất thối đối với giáo pháp đức Tôn Sư, lại thường xuyên để bát cho tôn giả Sāriputta. Họ là gia đình thương gia rất giàu có. Khi người mẹ mang thai thì bị một cơn bạo bệnh, chết một cách đột ngột. Theo tập tục, họ hỏa táng thi hài trên một giàn thiêu ở nghĩa địa. Khi tất cả những phần thân thể đã cháy hết, duy chỉ có phần bụng là vẫn còn nguyên, Thấy vậy, người ta lấy chĩa nhọn đâm thủng hai ba chỗ xung quanh khối thịt bụng đó (cho nước chảy ra để dễ cháy hơn), cào than đỏ rực phủ lên rồi yên chí bỏ về. Vô tình họ đâu biết rằng cái chĩa nhọn đã đâm trúng đuôi mắt của thai nhi đang nằm trong đó.

Ngày hôm sau, ra chỗ thiêu xác, mọi người ngạc nhiên xiết bao khi thấy trên đống than hồng còn âm ỉ cháy, một hài nhi bé nhỏ an tịnh như một pho tượng vàng ngồi trên đài sen[1]. Sau một hồi ngơ ngác lẫn kinh sợ, họ bế trẻ về nhà,

[1] Kiếp cuối cùng của một vị thánh A-la-hán, dù bị tai nạn gì, hoàn cảnh kinh sợ như thế nào cũng không thể chết được trước khi chứng ngộ giải thoát rốt ráo. Kinh bảo là như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè.

cho vời các trưởng lão bà-la-môn uyên thâm tướng pháp và điềm triệu đến tham vấn. Các vị này đều có chung một lời tiên tri rằng:

" - Nếu đứa bé này sống đời của một gia chủ thì phước báu của nó sẽ đem lại lợi ích áo cơm cho gia đình, quyến thuộc trong bảy thế hệ. Nếu xuất gia làm sa-môn thì nó sẽ đắc quả Thánh và có một nhóm đồ chúng năm trăm người".

Vì đuôi mắt bị đâm phải bởi cây chĩa trong khi hỏa táng nên gia đình đặt tên cho đứa trẻ là Saṅkicca[1]!

Đến bảy tuổi, đích thân trẻ xin xuất gia, cả gia đình đều hoan hỷ: "Vậy thì chúng ta hãy đặt đứa bé này dưới chân vị trưởng lão cao quý và xin cho nó làm sa-môn"

Hôm kia, gia đình thương gia nọ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, sau khi dâng cúng vật thực, họ nói lên ý nguyện, ngài bèn hoan hỷ nhận lời. Dẫn về tịnh xá, sau khi dạy trẻ năm đề mục quán tưởng[2], tôn giả tự tay tẩm ướt tóc và chuẩn bị cạo đầu. Khi lưỡi dao cạo vừa chạm vào làn da đầu là Saṅkicca liền đắc quả A-la-hán[3] và đắc luôn các thắng trí của bậc thượng nhân!

Duyên sự có ba mươi người đồng xuất gia tỳ-khưu, vốn là bạn hữu của nhau đồng xuất gia; hôm kia, họ đến xin đề mục thiền quán từ đức Thế Tôn rồi muốn đến một vùng biên địa để công phu hành trì.

Đức Phật quán căn cơ sao đó, nói rằng:

- Trước khi đi, hãy đến từ giã Sāriputta; và ông ta nói như thế nào thì hãy làm như vậy.

Vâng lời, ba mươi vị tỳ-khưu đến đảnh lễ tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Tôn giả hỏi:

---

[1] Saṇkumā chinnakhkikoṭitāya: Có vết sẹo dài ở chuôi mắt (Xem "Đức Phật - 45 năm... tr.72, tập 5"của sư Chánh Minh).

[2] Là tóc, lông, móng, răng, da: Quán tưởng về tính bất tịnh, giả hợp của thân.

[3] Có nơi nói là đắc luôn tuệ phân tích.

- Chư hiền đến ta có việc gì?

- Chúng tôi không biết! Chúng tôi muốn đến một vùng biên địa để tu tập, đức Thế Tôn bảo là hãy chào tôn giả trước khi đi!

Ngạc nhiên, tôn giả Sāriputta hướng tâm, biết rõ chuyện gì xảy ra đối với ba mươi vị tỳ-khưu này, nên mỉm cười nói:

- À! Vậy thì chư hiền đã có một thị giả nào để phục vụ chuyện này chuyện kia ở bên mình chưa?

- Thưa, chưa có!

- Vậy thì chư hiền nên mang theo sa-di này làm thị giả.

Nói xong, tôn giả gọi sa-di Saṅkicca vào. Cả ba mươi vị tỳ-khưu thấy một chú nhỏ bảy tuổi, đuôi mắt có sẹo, hình dáng thanh mảnh liền từ chối khéo:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi vào rừng tu tập chớ không phải là vương tôn, công tử gì mà lại dám có người hầu kẻ hạ! Lại nữa, chú nhỏ này lại làm vướng bận, ràng buộc, bắt chúng tôi phải mất thì giờ dạy dỗ, chăm sóc...

Tôn giả mỉm cười:

- Phải nói ngược lại thế mới đúng! Chính chư hiền sẽ làm vướng bận, ràng buộc sa-di này, và làm cho sa-di này phải mất thì giờ chăm sóc, quan tâm đến các vị! Đức Đạo Sư đã biết rõ như thế nên ngài mới bảo chư hiền đến từ giã ta trước khi đi. Và đức Thế Tôn cũng biết là ta sẽ gởi sa-di này theo để y giúp đỡ cho chư hiền khi có chuyện bất trắc gì đó xảy ra...

Khi biết đấy là "lệnh ngầm" của đức Phật, ba mươi vị tỳ-khưu tuy vài người còn hoài nghi nhưng không ai dám nói gì nữa.

Họ lên đường. Thế là phải vượt qua trên một trăm do tuần mới đến được miền Tây Bắc biên địa, nơi có những cánh rừng nguyên sinh cây cao bóng cả. Trên đường đi, họ mới thấy rõ rằng, lời của tôn giả Sāriputta là đúng: Sa-di Saṇkicca chẳng làm phiền họ một chút nào, chẳng làm điều

gì để trở thành gánh nặng cho họ! Chú còn giúp việc này, việc kia như nấu nước nóng, quét dọn lá rác... trên mỗi chỗ dừng chân; dọn dẹp sạch sẽ những gì còn vương vãi lại mỗi khi lên đường vào sáng hôm sau... Họ còn phát giác thêm rằng, chú ngủ nghỉ rất ít, lúc nào dường như cũng tỉnh thức và hành thiền lại rất sâu!

Đến một ngôi làng sơn cước có những ngôi nhà yên bình ven chân núi, họ dừng chân. Thôn dân ở đây khi thấy một đoàn sa-môn, họ rất hoan hỷ. Vị thôn trưởng nói:

- Quý ngài muốn đi đến đâu?

Vị tỳ-khưu trưởng đoàn đáp:

- Chúng tôi muốn tìm chỗ trú cư thuận lợi để tu tập!

- Vậy thì quý ngài cứ ở đây! Chúng tôi sẵn lòng phát dọn lùm bụi, cỏ rác, làm cốc liêu, nhà hội, nhà vệ sinh, đường kinh hành, thay nhau hộ độ cúng dường vật thực. Và quý ngài thực hành pháp nào thì dạy bảo cho chúng tôi tu tập theo.

- Lành thay! Vậy quý vị cứ làm những gì thấy là phải thời!

Khi các công trình trú cư tạm thời đã làm xong. Tại nhà hội, vị tỳ-khưu trưởng căn dặn mọi người:

- Thời gian vừa qua, đi trì bình khất thực trong ngôi làng này và các ngôi làng kế cận, quả thật là chúng ta không khó khăn về vật thực. Vậy thì chỉ còn sự nhiệt tâm, cố gắng hành trì công phu chỉ tịnh, quán minh của mỗi mỗi chúng ta. Hãy cùng phát nguyện với nhau rằng, hai người không đi chung một lối, không ở chung một nơi; ai nấy đều phải ở riêng, tại cốc liêu hay tại cội cây, hốc đá nào đó. Mỗi buổi sáng, lúc mặt trời lên, tất cả đều gặp nhau tại ngôi nhà hội nầy để đi trì bình khất thực. Sẽ có một tỳ-khưu biết việc, phân chia từng nhóm đi theo nhiều ngã đường, nhiều xóm nhà để khỏi trùng nhau. Và tùy nghi mỗi người sẽ độ thực ở đâu đó nhưng sau ngọ sẽ về đây!

Ngoài ra, hội chúng còn đặt ra ba quy ước:

- Cứ mỗi nửa tuần trăng, độ thực nơi ngôi nhà hội một lần, sau đó làm lễ sám hối, thảo luận giáo pháp!

- Khi có việc cấp bách, ví dụ có người bị bệnh nặng, bị lửa cháy, bị thú dữ... Ai phát hiện trước thì đánh ba hồi kẻng (gaṇḍīka)[1] để mọi người cùng tụ tập lại tại nhà hội.

- Ai muốn đi đâu, ra khỏi trú cư có việc gì, phải báo, phải xin phép với vị tỳ-khưu trưởng hoặc phó của hội chúng!

Ai nấy đồng hoan hỷ chấp thuận.

Sa-di Saṇkicca ngồi chỗ sau, tự nghĩ thầm: "Vậy là tốt! Nhưng các ngài còn quên nêu rõ nguyên tắc sống lục hòa. Các ngài còn quên chuyện quét dọn căn nhà hội, nhà vệ sinh, đổ đầy các lu nước tắm, nước rửa, nước uống, tấm chùi chân và giẻ lau chân! Mà thôi, việc này ta sẽ âm thầm làm cũng được!"

Thế rồi, thời gian trôi qua, hội chúng tỳ-khưu sống đời phạm hạnh rất thanh bình, yên ổn, một vài vị đã có thiền chứng hoặc pháp lạc.

Thuở ấy có một người nghèo khổ, tuổi già, sức yếu, đang sống nương tựa người con gái lớn, không may nơi này xảy ra nạn đói, ông đành cụ bị lên đường tìm cách nhờ vả người con gái thứ hai. Trên đường đi, lúc qua ngôi làng có hội chúng tỳ-khưu, ông thấy nơi này có vẻ sung túc, ấm no - ông dừng chân nghỉ, bụng đói cồn cào!

Lúc ấy, một nhóm tỳ-khưu khất thực trở về, qua con suối mát ngọt, họ đặt y và bát trên bãi cỏ rồi xuống suối tắm thỏa thích, sau đó mới lên dùng ngọ.

Ông lão lân la tìm đến, nhìn các vị tỳ-khưu, không nói không rằng. Vị tỳ-khưu trưởng nhóm hỏi:

- Ông đang đi đâu đó? Chẳng hay có việc gì không?

---

[1] Một khúc cây có khoét lỗ để đánh thay chuông, kẻng, mõ...

Ông lão tình thật kể lại hoàn cảnh của mình. Vị tỳ-khưu cám cảnh thương hại:

- Có vẻ như ông đang cần cái ăn. Vậy hãy qua bờ cây kia, lặt một nắm lá to đem đến đây. Mỗi vị tỳ-khưu sẽ sớt một ít vật thực cho ông đỡ đói lòng.

Khi ăn một bụng no xong, ông lão chắp tay xá các ngài rồi hỏi:

- Chắc hẳn hôm nay có ai thỉnh mời các ngài tại một tư gia giàu có?

- Không phải đâu! Vị tỳ-khưu đáp - Đấy chỉ là vật thực bình thường, hằng ngày mà thôn dân những ngôi làng này đặt bát cúng dường cho chúng tôi đấy!

Ông lão tự nghĩ: "Trời đất! Ta đã làm lụng vất vả từ sáng tới tối, từ năm này sang năm nọ mà chưa bao giờ có được một bữa ăn như bữa ăn 'bình thường' này! Thôi, đi đâu nữa! Hãy xin ở lại đây, hầu hạ các ngài để thừa hưởng tàn thực cũng tốt đẹp, sung sướng nhất đời rồi!"

Chư vị tỳ-khưu đồng ý. Thế rồi, từ đó, sa-di Saṇkicca có được một người đỡ đần công việc, mà bấy lâu, với sức vóc bảy tuổi thì xem ra khá nặng nhọc!

Được vài tháng, lại nhớ con gái, không dám xin phép ai, ông lão lén trốn đi. Trên đường đi, ông lạc vào một khu rừng. Bất hạnh cho ông là nơi này có một bọn cướp dữ gồm năm trăm tên, đang xây dựng một sào huyệt lớn. Thực hiện xong công trình, viên thủ lãnh khấn nguyện giữa khu rừng thiêng: " Trong vòng bảy ngày, chúng tôi sẽ bắt giết người đầu tiên bước vào khu rừng này, chặt đầu, lấy máu, lấy thịt thiết lễ thịnh soạn để cúng chư thần, chư thiên... Những mong thần rừng, thần cây, thần đất, thần núi... hộ trì và che chở cho chúng tôi!"

Sáu ngày trôi qua, đúng ngày thứ bảy, ông lão đi vào khu rừng nên lọt vào tầm ngắm của bọn cướp. Ông lão bị bắt, đem về sào huyện rồi bị trói gô nơi gốc cây. Bọn cướp

đi vào đi ra, lầm lì không nói một lời. Chúng soạn một cái chảo lớn, vác những lu nước, mang đến một bó củi, lấy ra con đao to và một tấm thớt dày...

Ông lão ngây thơ hỏi:

- Thưa chủ! Lão không thấy một con heo, một con nai hay một con thú rừng to lớn nào - nhưng mà ở đây như đang chuẩn bị một cuộc giết thịt?

- Phải! Một tên cướp cất giọng ồm ồm - Lão chính là con thú ấy! Đầu và máu của lão sẽ làm cỗ để tế thần! Còn thịt, tim gan, xương tủy của lão sẽ ninh hầm với bắp đậu làm món ăn tạm thời qua bữa, đỡ đói!

Ông lão kinh hãi quá, tái xanh mặt, tìm kế thoát chết. Một hồi, do muốn bảo vệ tính mạng của mình, chẳng kể ân nghĩa gì, lão ta bèn trổ tài miệng lưỡi:

- Thưa chủ! Lão sinh ra trong giống dòng chiên-đà-la hạ liệt, lại sống đời của kiếp ngựa trâu hoặc như kiếp con quạ ăn bùn, tháng năm vất vơ ăn xin tàn thực (vighāsāda) nơi này, nơi khác - nên toàn thể thân xác lão đây đều là vật dơ thối, ô uế, bất tịnh cả; nếu đem cúng tế thần linh, các ngài sẽ chê bẩn, không thọ dụng đâu. Hiện có ba mươi vị tỳ-khưu đang tu tập bên khu rừng kế cạnh, họ đều xuất thân bà-la-môn, sát-đế-lỵ hoặc giống dòng sa-môn Thích tử cao sang. Chính họ, chính con người của họ mới tinh sạch từ tinh thần cho đến thân xác. Những mâm cỗ béo bổ, ngon lành ấy chắc hẳn sẽ hợp khẩu vị thần linh, các ngài sẽ hoan hỷ lắm đó!

Viên thủ lãnh suy nghĩ: "Ờ, phải rồi! Lão già chó chê thịt này nói cũng có lý lắm chớ! Ta mần thịt cái tên nô lệ này mà làm gì! Phải mần thịt sa-môn, bà-la-môn, sát-đế-lỵ mới xứng đáng cho cuộc đại tế này!"

Y quát mở trói rồi bắt lão già dẫn đường. Cả bọn rần rần kéo nhau đi. Đến nơi, thấy đâu đó lặng ngắt như tờ, viên thủ lãnh quát:

- Lão dám dối ta à? Người đâu sao không thấy?

Lão già từng sống ở đây nên biết quy ước, nói rõ lý do cho tên thủ lãnh nghe, sau đó đến căn nhà hội đánh ba hồi kẻng. Nghe tiếng kẻng phi thời, chư vị tỳ-khưu ba mươi vị, sa-di Saṅkicca khắp các cốc liêu, hốc núi lần lượt tề tựu đủ mặt.

Thấy bọn cướp đứng đầy tràn cả khu rừng, vị tỳ-khưu trưởng lão không hề sợ hãi, cất tiếng hỏi lớn:

- Ai là người đánh kẻng, có việc gì không?

- Chính ta đây!

Viên thủ lãnh nói xong, khua đại đao lên như hăm dọa rồi tiếp:

- Việc nhỏ thôi! Ta chỉ cần một người trong chư vị để thế mạng cho lão già hôi thối, bất tịnh này!

- Để làm gì? Vị tỳ-khưu bình tĩnh hỏi.

- Để cắt đầu, lấy máu làm cuộc đại tế thần linh đó mà!

Liếc quanh một vòng, thấy sắc mặt tên cướp nào cũng như hổ, như beo, biết đây là sự thật - vị tỳ-khưu trưởng quay lại nói với huynh đệ:

- Thưa chư hiền! Phàm có chuyện gì khởi sanh lên trong một hội chúng thì người anh cả phải nhận lãnh trách nhiệm. Vậy, hôm nay tôi tình nguyện hy sinh cái xác thân giả tạm bất tịnh này để cho mọi người khỏi bị tổn hại, được an lành mà tu tập sa-môn hạnh.

Nói xong, vị đại đức ấy bước tới đưa hai tay cho viên thủ lãnh trói, nhưng có một vị tỳ-khưu lớn tuổi ngăn lại:

- Khoan đã! Người hy sinh ấy phải chính là đệ, không phải là huynh! Thông thường, việc gì của bậc huynh trưởng thì người em kế phải ra tay gánh vác. Huynh trưởng còn cần phải sống, phải ở lại để hướng dẫn, dắt dìu mọi người tu tập. Không có huynh thì biết ai chăm lo được việc đó?

Rồi người thứ ba, người thứ tư, lần lượt ba mươi vị tỳ-khưu ai cũng nguyện hy sinh hết và ai nói cũng có lý cả. Viên thủ lãnh ngạc nhiên nhìn người này, người kia, nghe

hết từ đầu đến cuối; và chính y cũng hoang mang, thấy lạ lùng cho cái giống người gì mà ai cũng đều tình nguyện chết? Sao kỳ quái vậy ha? Nghĩ thế chứ trong thâm tâm, cả năm trăm tên cướp đều rất cảm phục những ông sa-môn dám chết này!

Cuối cùng, sa-di Saṇkicca xin được nói:

- Chính con! Chính con mới là người xứng đáng đi thế mạng chứ không phải ba mươi thầy tỳ-khưu!

Tỳ-khưu trưởng lão cao giọng:

- Không được! Ngươi thì tuyệt đối không được! Ngươi là đệ tử của bậc Tướng quân Chánh pháp! Nếu việc này xảy ra, tôn giả chỉ cần cất tiếng hỏi: "Sa-di Saṅkicca của ta đâu rồi!" Thì chúng ta biết ăn nói làm sao, biết trả lời làm sao, hử?

Vị Thánh sa-di nghĩ là hợp thời, hợp lúc, bây giờ mới tiết lộ:

- Xin quý ngài an tâm! Do tuệ thắng trí, đức Thế Tôn mới bảo quý ngài đến chào thầy của con. Cũng do nhờ tuệ thắng trí, thầy của con mới gởi con đi theo làm thị giả cho quý ngài! Sứ mạng của con chính là việc này, là giải trừ mọi khó khăn, tai nạn xảy ra! Bây giờ, tai nạn ấy đã đến. Xin quý ngài hãy an tâm, chuyên cần tấn tu sa-môn pháp cho đến lúc thành tựu. Mây mù, tăm tối thế nào rồi cũng sẽ qua đi! Bão dông hung dữ thế nào cũng sẽ có lúc dừng lặng!

Nói thế xong, sa-di Saṇkicca quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ hội chúng, nói rằng:

- Trong thời gian qua, nếu con có vô ý phạm những lỗi lầm nào, xin quý ngài từ bi tha thứ cho con.

Ba mươi vị tỳ-khưu cảm động quá không nói nên lời, vị nào khoé mắt cũng hoen đỏ. Vị tỳ-khưu trưởng lão trấn tĩnh nói khi Saṇkicca sắp bị dẫn đi:

- Xin chư vị hảo hán đừng làm cho trẻ quá kinh sợ!

Chứng kiến từ đầu đến cuối rồi nghe câu nói của vị tỳ-khưu già, viên thủ lãnh bảo đồng bọn:

- Không được trói! Để cho chú nhỏ tự đi. Hắn sẽ không thèm trốn đâu!

Về đến sào huyệt, khi thấy mọi chuẩn bị đâu đó đã xong, viên thủ lãnh bảo thuộc hạ trói hai tay và thân con mồi cho thật chặt trước khi hạ thủ; nhưng sa-di Saṅkicca cất giọng nói bình thản, trầm tĩnh:

- Không cần thiết phải trói đâu! Tôi không sợ hãi đâu. Sợ hãi không thể có trong tâm của những sa-môn Thích tử! Tôi sẽ ngồi an nhiên như thế này cho chư vị chém đầu! Tôi quyết không nhúc nhích!

Nói thế xong, sa-di Saṅkicca chỉ cần điều hòa một vài hơi thở là đi vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền rồi trú sâu vào bất động tâm.

Thấy sự bình tĩnh lạ lùng của chú nhỏ, cả bọn cướp cảm giác sợ hãi, và chính viên thủ lãnh cũng thấy ớn ớn trong lòng. Tuy nhiên, khi thấy con mồi đã dễ dàng hy sinh, một tên cướp quen công việc đồ tể, khua đại đao chém vào cần cổ Saṇkicca thì chợt nghe một tiếng "coong", thanh đao bị bất ngược trở lại. Ngạc nhiên, y quan sát lại thanh đao thấy không sứt mẻ gì, tới nhìn xem lại cái cần cổ chỉ thấy một vết đỏ nhẹ. Tên cướp nghĩ, có lẽ mình hơi nhẹ tay, nên lần sau, hắn tập trung tất cả sức mạnh, chém ngang! Lần này, một tiếng "coong" vang lớn hơn, thanh đao dội ngược mạnh hơn, hai cánh tay của y bủn rủn... Sợ hãi, liếc nhìn thanh đao thì nó cong vòng như lưỡi liềm!

Viên thủ lãnh thấy lạ, chưa tin chuyện xảy ra, lại nghĩ có thể kia là thanh đao "tồi"! Y bèn rút "bảo đao" của mình, bước lại, dùng tất cả sức bình sinh, chém mạnh. Sự việc như cũ lại tái diễn, nhưng thanh bảo đao của y không phải là cong vòng mà còn lắc cắc gãy vụn ra từng khúc, chỉ còn cái cán đao! Nhưng có điều đáng sợ hơn nữa mà chỉ có mình y

biết, là toàn thân y đau buốt như có cả hằng trăm hằng ngàn mũi giáo đâm cứa vào da thịt, xương tủy, thọc sâu vào lục phủ ngũ tạng...

Nghĩ chắc là thần linh đã hiện thân nơi đứa trẻ, viên thủ lãnh quỳ mọp, nằm dài xuống đất, quằn quại, run rẩy, đau đớn, vái lạy như tế sao:

- Xin ngài tha thứ cho tôi! Xin ngài tha cho cái mạng sống tép riu của tôi! Xin ngài đừng trừng phạt nữa, tôi không chịu nổi nữa đâu!

Chợt, sa-di Saṅkicca mở mắt ra, mỉm cười nói:

- Ừ, ta đã tha thứ cho ông rồi đó!

Viên thủ lãnh lồm cồm ngồi dậy. Lạ lùng thay! Cơn đau kinh hoàng đã chấm dứt. Ông ta ngồi lặng như thế rất lâu. Cả năm trăm tên cướp cũng đứng im sững như trời trồng khi chứng kiến được hiện tượng "thần linh nổi giận!" như vừa rồi.

Sau đó là đoạn đối thoại:

- Ngài có phải là thần linh không?

- Không, không phải! Nhưng chư thiên, sơn thần, thọ thần, thổ thần... cũng chỉ như là đệ tử của ta thôi, và hiện họ đang chầu hầu xung quanh ta đó!

Viên thủ lĩnh hớt hãi nhìn quanh, tái mặt.

- Vậy ngài là ai?

- Ồ! Ta chỉ là một sa-di, là một sa-môn nhỏ nhít trong giáo hội của đức đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác Sakyā Gotama mà thôi!

- Vậy còn oai lực kinh khiếp như vừa rồi, ở đâu có?

- Oai lực ấy là bình thường thôi, ông bạn già! Ta còn những oai lực lớn lao hơn thế nữa, như độn thổ, đi giữa hư không, đưa tay sờ mặt trời mặt trăng, có thần nhãn nhìn xuyên qua nhiều thế giới, một thân hóa ra nhiều thân, có thể thấy biết các kiếp sống quá khứ, vị lai... Nhưng đấy chỉ là trò chơi không đáng kể, này ông bạn già!

- Vậy thì cái gì mới đáng kể?

- Đáng kể là ta đã chấm dứt tất cả mọi khổ đau trên đời này! Đáng kể là ta không còn sợ hãi bất cứ một thế lực nào trên thế gian này, như thế lực của thần chết, như thế lực của ma vương, như thế lực của chư thiên, phạm thiên...! Vậy thì thử hỏi, làm sao mà ta lại sợ năm trăm tên cướp vô dụng cùng với mấy trăm thanh đao sắt rỉ, cong quẹo, vỡ vụn của các ông?

Ngẫm ngợi chút nữa, viên thủ lãnh thở một hơi dài như lấy lại tinh thần rồi hỏi:

- Sẽ không còn bất cứ một khổ đau nào, một nỗi sợ hãi nào nữa hay sao?

- Đúng vậy, nếu biết tu hành đàng hoàng, nghiêm túc thì ai cũng có thể thành tựu được như vậy cả!

- Tôi, một gã đồ tể máu lạnh, một tên giết người tàn bạo, một kẻ trộm cướp vô lương tâm, tội ác chất chồng như núi mà cũng tu được như ngài hay sao?

- Được chứ! Bằng cách cải tà quy chánh, quăng đao giết người, ôm bát đi xin ăn, sống theo pháp và luật của giáo hội đức Tôn Sư!

- Có đói không?

- Cũng có thể bị thiếu thốn chút ít về vật thực, y áo, chỗ ngủ nghỉ, thuốc men do phước nghiệp của từng người nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến đời sống nhẹ nhàng, thanh thoát như những cánh chim trời vô ưu, vô lự...

- Không ảnh hưởng gì hết sao?

- Phải! Khi tâm trí của những sa-môn đã được huấn luyện thuần thục thì lúc nào họ cũng tự tại và an vui!

Nghĩ ngợi một hồi nữa, y chợt quay lại đồng bọn:

- Các bạn nghĩ sao?

- Vậy chủ tướng nghĩ như thế nào?

- Ta chọn ôm bát đi xin ăn! Ta chọn đời sống như cánh chim trời!

- Chủ tướng đã làm vậy thì bọn đàn em cũng đều như thế! Chúng ta sẽ là một bầy chim trời.

Viên thủ lãnh chợt quỳ xuống:

- Ngài cho tôi xuất gia. Ngài là thầy của tôi!

Hằng trăm thanh kiếm, thanh đao chợt rơi loảng xoảng giữa trời chiều rồi cả rừng tiếng nói cất lên:

- Chúng tôi cũng nguyện xuất gia. Ngài là thầy của tất cả chúng tôi!

Sau đó, không rõ việc cạo bỏ tóc râu, chuẩn bị y bát như thế nào mà năm trăm tên cướp đều được sa-di Saṇkicca[1] cho xuất gia sa-di rồi dẫn về ra mắt hội chúng tỳ-khưu ba mươi vị ở ngôi rừng cũ.

Lặng nhìn sa-di Saṅkicca và năm trăm tên cướp trong hình tướng sa-môn trang nghiêm, yên tịnh đứng đầy đặc bên sau, vị tỳ-khưu trưởng lão cùng huynh đệ há hốc mồm, không biết chuyện gì đã xảy ra.

Sa-di Saṅkicca đảnh lễ quý ngài rồi giới thiệu:

- Họ thay tướng, đổi tâm do nhờ uy đức của Tam Bảo[2] đã cảm hóa họ. Con sẽ dẫn năm trăm vị tân sa-di này về Kỳ Viên tịnh xá, trình sự việc lên bậc Tướng quân Chánh pháp, đồng thời để đức Thế Tôn tùy nghi giáo giới họ.

Khi biết chính vị sa-di này đã thần kỳ cảm hóa được năm trăm tên cướp hung dữ trở thành sa-môn, hội chúng tỳ-khưu rất cảm phục, vị tỳ-khưu trưởng lão thốt lên:

- Ngài đúng là bậc đại thiện trí thức! Đúng là bậc đại thiện trí thức! Huynh đệ chúng tôi vô cùng cung kính và ngưỡng mộ!

Do tấm gương sáng rỡ trước mắt như thế, ba mươi vị tỳ-khưu tại khu rừng đã hết sức tinh tấn hành trì sa-môn hạnh,

---

[1] Trường hợp sa-di bảy tuổi làm thầy thế độ như thế này có lẽ là sự kiện đầu tiên trong giáo hội của đức Phật.

[2] Không bảo là do mình mà nhờ uy lực của Tam Bảo - đây là cách nói của bậc thánh lậu tận.

sa-môn pháp; nên chỉ thời gian ngắn sau, họ đều chứng đắc thánh đạo quả A-la-hán.

Về Kỳ Viên, sa-di Saṅkicca được tôn giả Sāriputta dịu dàng mỉm cười:

- Con đã làm được một việc khó làm! Lành thay!

Còn đức Phật thì sau khi hỏi han, khen ngợi; ngài giáo giới năm trăm tân sa-di một bài pháp rồi tóm tắt bằng một câu kệ ngôn:

"- Trăm năm sống có ích gì,
Buông lung, phóng dật, ác tri, ác tà;
Một ngày trong cõi người ta,
Giới định, thiền tuệ thiệt là tốt hơn!"[1]

[1] Dịch ý từ Pháp cú 110: " Yo ca vassasataṃ jīve. Dussīlo asamāhito. Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo. Sīlavantassa jhāyino'ti". Xem thêm: Các câu Pháp cú số 111, 112, 113, 114, 115 đều có nội dung tương tự: Trăm năm sống có ích gì. Giải đãi, biếng nhác, li bì xác thân! Khởi tâm nỗ lực, tinh cần. Một ngày như vậy bội phần tốt hơn (112).Trăm năm sống có ích gì. Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường. Một ngày quả thật khó lường. Thấy pháp sanh diệt, vô thường ra sao (113). Trăm năm sống có ích gì. Chẳng thất bất tử, vô vi pháp hành. Một ngày quả thật trọn lành. Sống đời chứng ngộ vô sanh Niết-bàn! (114-115). Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông, năm 2008 - cùng một tác giả.

Những Hạt Đậu Ván

Chuyện kể tiếp theo, nói về một vị sa-di khác, sống trong mộ địa từ nhỏ, đó là Sopāka. Người ta bảo rằng do duyên lành gặp được đức Phật Gotama nên đắc thánh quả dù chỉ mới bảy tuổi. Nhưng đâu chỉ có thế, cậu bé đã gieo những hạt giống bồ-đề từ rất nhiều vị Phật quá khứ rồi.

Một thuở xa xưa kia, vào thời giáo pháp của đức Thế Tôn Kakusandha, có một cậu thanh niên (tiền thân Sopāka) sống trong một gia đình bần hàn, cơ cực; phải làm lụng vất vả, lao tâm khổ tứ mới kiếm được tấm áo vá và bữa cơm với gạo có trấu, có vỏ không đủ no lòng. Hôm kia, người thanh niên nghèo hèn chợt nhìn thấy đức Thế Tôn Kakusandha đang trì bình khất thực trên đường làng với dáng vẻ trang nghiêm, từ hoà khiến cho chàng khởi tâm tịnh tín và một niềm hỷ lạc đâu đó dâng tràn lên. Chàng muốn cúng dường một cái gì! Loay hoay tìm kiếm trong bao, trong bị, lôi ra được một đùm lá chuối, trong đó là bữa ăn trưa khiêm tốn của mình gồm các loại củ, loại đậu đã được hấp luộc lẫn lộn với những hạt cơm rời. Chàng cẩn thận lấy cây lựa ra những hạt đậu ván dày, to, ước chừng nửa nắm, gói lại rồi thành kính đặt vào bát của đức Thế Tôn với niềm hoan hỷ vô biên. Đức Phật Kakusandha quán tâm địa tốt lành của chàng trai

nên nghiêng bát thọ nhận với nụ cười hoa sen rồi nói vài câu chúc tụng phúc lành! Hôm ấy, chàng cảm nghe mình vui sướng cả ngày! Sau đó, do làm việc cần mẫn, cật lực, lại do duyên may gặp được chủ tốt, chàng dành dụm được một nắm bạc vụn. Khi thấy bạc đã kha khá, đã nặng nặng, chàng mua sắm vật thực, nấu nướng, chuẩn bị ba khẩu phần với những món ăn được xem là thượng phẩm thời bấy giờ. Với tất cả tấm lòng, trưa hôm ấy, chàng thanh niên đã đặt bát cúng dường những món ăn thượng vị ấy đến ba vị tỳ-khưu ở tịnh xá của đức Thế Tôn Kakusandha, với ý nghĩ là cúng dường lên đức Phật và tăng chúng (Saṅgha).

Do phước báu hy hữu ấy, mạng chung, chàng thanh niên hóa sanh thiên giới, thọ hưởng sung mãn năm món thiên lạc - rồi sau đó luân lưu khắp các cõi trời và người. Có một kiếp trong cõi người nữa, chàng thanh niên này đã cúng dường một món cơm trộn sữa quý báu, thơm ngon đến một vị Phật Độc Giác.

Đến kiếp cuối cùng, hiện tại này, trong thời giáo pháp của đức Thế Tôn chúng ta, chàng sanh vào bào thai của một người đàn bà nghèo khổ trong thành Sāvatthī. Dù đã cưu mang tròn mười tháng nhưng người mẹ không sanh được; đau đớn, vật vã thái quá, như không còn chịu nổi, bà ngất lịm rồi bất tỉnh, mê man! Thời gian trôi qua, ngày rồi đêm; và vì không nghe thấy dấu hiệu động tịnh gì của sự sống, tưởng bà đã chết nên gia đình, họ hàng khiêng cái thây bất động ra mộ địa, đặt lên giàn tre, châm lửa hỏa táng! Bấy giờ, có một vị trời có thiên nhãn, có oai lực, thấy rõ chuyện ấy nên làm cho mưa gió nổi lên để dập tắt ngọn lửa và khiến cho bà con thân quyến phải giải tán ra về. Do thần lực của chư thiên bảo trì nên thai bào nứt vỡ, hiện ra một hài nhi đỏ hỏn. Và vì là kiếp chót nên "ấu sanh" ấy không thể chết trước khi thành tựu quả vị A-la-hán. Riêng người mẹ thì đã mệnh chung.

Vị chư thiên bế đứa bé đem đặt trong nhà, trên giường của người giữ mộ địa một cách kín đáo và an toàn. Sớm ngày, thấy một đứa bé đẹp đẽ, bụ bẫm, trắng trẻo dễ thương được bọc trong tấm lụa đỏ, bên cạnh đứa con trai Suppīya của mình - người giữ mộ địa ngạc nhiên, vui mừng, nghĩ là của trời cho nên vô cùng thương chìu, cưng quý. Đó chính là Sopāka.

Thế là bảy năm trôi qua, cậu bé Sopāka lớn lên giữa mộ địa cùng với Suppīya, như là anh em ruột, như là đôi bạn thân, cùng chơi, cùng đùa với nhau.

Lệ thường, vào cuối canh ba, đức Thế Tôn quét thắng nhãn quan sát thế gian, xem chúng sanh nào có duyên lành giác ngộ. Cậu bé Sopāka dung nhan sáng rỡ, vừa vặn lọt vào võng lưới, ngài mỉm cười, tự nhủ: "Chà! Một ông sa-di bảy tuổi lại tròn đủ công hạnh ba-la-mật nữa!" Thế rồi, trên bước chân trì bình khất thực hôm ấy, đức Đạo Sư lần lần đi đến mộ địa. Do tích trữ nhiều thiện duyên trong quá khứ nên khi Sopāka trông thấy đức Thế Tôn, cậu bé khởi tâm hoan hỷ, rất tự nhiên, cậu quỳ xuống đảnh lễ ngài rồi khép nép đứng qua một bên. Đức Đạo Sư ngồi nhẹ xuống cho ngang tầm với đứa trẻ rồi dịu dàng hỏi:

- Con từ đâu đến, Sopāka?

- Con không biết, thưa ngài sa-môn! Nhưng con biết là con đã từ một nơi nào đó mà sanh đến đây?

- Tại sao con biết như thế?

- Thưa, như trong một vũng tối, sáng dần ra, con chợt thấy có ai đó, có hình bóng, có hình dáng mơ hồ nào đó rất quen thuộc, quen thuộc như ngài sa-môn đang ngồi trước mặt con đây!

- Hình bóng ấy, con có cảm giác như thế nào hở con?

- Gần gũi lắm! Thân thiết lắm! Ấm cúng lắm! Trông như ngài sa-môn vậy đó!

- Con thích hình bóng ấy lắm à?

- Vâng! Con thích lắm! Con thích giống như ngài sa-môn vậy đó.

- Ừ! Cái đó gọi là sống đời xuất gia! Con muốn xuất gia lắm à?

- Vâng! Con muốn lắm! Con thích lắm!

- Con còn bé quá! Phải được cha mẹ cho phép!

Chợt bên sau có tiếng nói vọng lại:

- Tôi chấp thuận, bạch đức Thế Tôn! Tôi thuộc giống dòng thấp hèn, hạ liệt! Mong đức Thế Tôn từ bi ra tay tế độ, cứu vớt nó ra khỏi cái đống bùn dòng dõi thấp kém ngàn đời! Nó tâm trong, trí sáng, căn cơ mẫn tuệ có thể học được ít nhiều giáo pháp diệt khổ từ đức Thế Tôn và giáo hội!

- Ông có nghe pháp?!

- Thưa! Vâng! Chỉ một lần nhưng cứ vang vang trong tâm trí tôi mãi. Mong đức Thế Tôn cứu độ nó!

Đức Phật im lặng chấp thuận rồi ngài đưa tay sờ lên đầu Sopāka như là làm lễ xuống tóc.

Kinh điển nói rằng, xuất gia xong, học đề mục tâm từ nơi đức Thế Tôn, sa-di Sopāka tinh cần tu tập, không bao lâu đắc thiền chứng; lấy tâm định làm nền tảng, cậu bé phát triển quán sát thân tâm, danh sắc rồi thấu rõ cứu cánh rốt ráo sa-môn hạnh.

Sau khi chứng quả A-la-hán, một dịp nọ, khi trình bày phương pháp tiến tu đề mục tâm từ, sa-di Sopāka thường đọc lên bài kệ sau đây:

"- Như mẹ hiền, con một
Hằng che chở, bao dung
Hãy khởi tâm vô lượng
Thương yêu thảy sinh linh!"[1]

---

[1] Karaṇiyā mettā sutta (đoạn 7): "Mātā yathā niyaṃ puttaṃ. Āyusā eka-puttam'anurakkhe. Evam'pi sabba bhūtesu. Mānasam bhāvaye aparimānaṃ"

Bữa Cơm Ngàn Vàng

Tiếp theo nữa là câu chuyện kể về sa-di Sukha, một vị thánh bảy tuổi khác nữa.

Vào thời quá khứ có một chàng công tử, tên là Gandha, con trai của một vị đại triệu phú. Khi cha mất, đức vua gọi đến nói những lời an ủi rồi cho chàng kế vị chức đại thủ khố[1] kinh thành Bārāṇasī.

Lớn lên trong nhung lụa, ưa gì có nấy, muốn gì sắm nấy nên chàng trai không biết gì về tài sản, tiền bạc; càng không biết gì về đời sống của muôn dân lao động nghèo khổ luôn luôn chạy vạy, lo toan, tối lửa tắt đèn về chuyện cơm áo, gạo tiền.

Sống trong một cơ ngơi nhà cửa lầu ngang dãy dọc, hằng trăm gia nô, người hầu lui tới rộn ràng; cả một bộ máy vận hành xuôi thuận, nhịp nhàng từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong; Gandha đi đâu cũng được mọi người nể vì, kính trọng, trong nhà thì ai cũng cung kính, chào thưa; chàng biết

[1] Gọi là đại thủ khố nhưng không phải trông coi kho bạc của nhà nước. Đây chỉ là gia sản triệu phú của gia đình, dòng họ - thường được xem là giàu nhất nước. Họ thường đem lại lợi ích kinh tế cho quốc gia nên đức vua thường kính trọng, tôn trọng họ.

mình giàu, giàu nhất nước nhưng không rõ là giàu đến cỡ nào?

Hôm kia, Gandha gọi viên quản gia đến, ra giọng chủ nhân ông:

- Mở cửa kho cho ta kiểm tra!

- Vâng! Thưa chủ!

Họ xuống một tầng lầu, hai tầng lầu, xuống sâu một tầng hầm, hai tầm hầm, cánh cửa sắt với những ổ khóa lạ lùng được mở ra. Gandha bước vào. Và chàng không còn tin vào đôi mắt của mình nữa. Chúng có rất nhiều phòng bằng sắt, bằng đồng; mỗi loại kim ngân châu báu gì đó được cất giữ vào những phòng khác nhau, chứa đựng trong những thùng, những hộp được thiết kế mỹ thuật công phu, tinh xảo. Nhưng đấy là cái vỏ. Mở thử bên trong. Chàng chóa mắt vì kim cương, hổ phách, xa cừ, mã não, ngọc đỏ, ngọc hồng, ngọc xanh, ngọc tím... Còn vàng thì từng khối, từng khối tùy theo thể tích mà điêu khắc tượng thần, tượng sư tử, nai, rồng và vô vàn là khí dụng thờ tự...

Nhiều quá, chàng không muốn kiểm kê nữa. Viên quản gia đưa tay chỉ để cho chàng biết, chỗ này là gia sản để lại của nhiều đời, chỗ nọ là từ ông cố, chỗ kia là từ ông nội, và chỗ này là phát sanh từ đời này, tức là tài sản kiếm được do tài năng thương mãi, lợi tức ruộng vườn của cha chàng để lại.

Gandha hỏi thử người quản gia trung tín:

- Ví dụ, hai trăm người trong đại gia đình nhà ta, tiêu dùng rộng rãi trong một ngày thì hết bao nhiêu đồng tiền vàng (kahāpaṇa)?

- Chưa tới trăm đồng!

- Vậy chừng ấy người, nếu không làm mà chỉ ăn tiêu thì bao giờ mới hết cái kho châu báu này?

- Khó tính toán quá, thưa chủ! Nhưng có lẽ cả vài chục đời cũng không hết!

- Khiếp!

Im lặng một lát, chàng hỏi:

- Ta có hai thắc mắc. Thứ nhất, sao tiên tổ của ta, vất vả làm ăn mà lại không tiêu xài? Thứ hai, khi chết, sao họ không mang đi mà để đây nhiều lắm thế?

Viên quản gia đáp:

- Vị nào ăn tiêu cũng tiện tặn mới giàu có như thế được. Còn khi chết rồi, thì ra đi với hai bàn tay trắng, làm sao mà mang theo cái gì được!

- Không mang theo bất cứ cái gì cả hay sao?

- À, vâng! Nhưng mà, thưa có! Nghe người xưa nói là có mang theo cái nghiệp thiện hoặc ác mà mình đã tạo tác ở trong đời!

- Cái gì là tạo tác?

- Nghe nói là ý nghĩ, lời nói và việc làm trong đời sống thường nhật của mình; nó có xấu ác, sai quấy hay lành tốt, đúng đắn.

- Hay lắm! Ta hiểu rồi! Nghĩa là mình chẳng giết ai, trộm cắp của ai hay làm những việc xấu xa mà xã hội và con người chê trách, khinh bỉ?

- Đúng vậy! Chủ tiếp thu rất tốt!

Đêm ấy, chàng trai trẻ Gandha thở dài rồi trằn trọc không ngủ được. Ôi! Chết là hết, chẳng mang theo được cái gì hết thì đống tài sản ấy để lại cho ai? Hay ta cứ tiêu xài cho sướng cái thân, cho oai cái danh giá, lỡ chết bất thình lình cũng uổng phí đi. Làm vậy ta có xấu ác với ai đâu!

Vậy là sáng ngày, chàng kêu viên quản gia và hai mươi người nam nữ hầu cận thân tín, phán rằng:

- Bắt đầu từ hôm nay, các người phụ trách trưởng nhóm từ nội thất, nội viên, kế toán, sổ sách chi tiêu, kho, bếp, sân vườn, ruộng rẫy... đều được tăng lương thêm năm mươi đồng tiền vàng một tháng; tất thảy nô lệ làm ruộng, làm

đồng, chăn nuôi, làm vườn, nô bộc, thị tỳ thì được tăng ba mươi đồng. Riêng ông quản gia thì được tăng một trăm đồng vàng...

Mọi người sung sướng đồng cất tiếng "Xin cảm ơn chủ, xin cảm ơn chủ!"

Chàng mỉm cười, hỏi người quản gia:

- Thế là ta đã làm được một việc tốt phải không?

- Thưa, rất tốt ạ! Mọi người ghi ân tấm lòng của ông chủ. Cả cái quốc độ này chưa có ai trả lương cho nô lệ cao đến như vậy.

- Ông còn phải để ý chăm lo nơi ăn chốn ở, vật dụng, thuốc men cho họ nữa đấy. Ta muốn mọi người trong đại gia đình ta không ai phải đói, phải rét và sống quá thiếu thốn, cơ cực. Tốn kém bao nhiêu bảo kế toán và thủ quỹ chi cho, nghe rõ không?

- Vâng, thưa chủ!

Gandha mỉm cười rồi nói tiếp:

- Còn ta là chủ, nên ta sẽ tiêu xài bằng trăm, bằng ngàn lần các người. Và hãy nghe cho kỹ đây mà đốc thúc công việc.

Thứ nhất, chi phí cho ta hai triệu đồng tiền vàng để xây một ngôi nhà tuyệt đẹp, tuyệt hoành tráng bằng pha lê giữa ngôi vườn, cạnh con đường lớn vào kinh thành. Nhà có hai phòng, phòng tắm và phòng ăn.

Thứ hai, một triệu đồng tiền vàng để làm một mái diềm công phu phía trên cùng tiện nghi vật dụng trong phòng ăn.

Thứ ba, một trăm ngàn đồng tiền vàng làm bốn cửa sổ tinh vi, lộng lẫy nằm ở bốn hướng.

Thứ tư, một trăm ngàn đồng tiền vàng để làm các hệ thống nước nóng, lạnh, phun mưa, phun sương cùng những bình hương.

Thứ năm, mười ngàn đồng tiền vàng để làm cho ta một chiếc ghế với vật liệu bằng gỗ chiên đàn, thuê thợ kim hoàn

đính thêm các loại châu báu, để cho ta ngồi nghỉ sau khi tắm xong!

Thứ sáu, mười ngàn đồng tiền vàng để làm chén bát đĩa đựng thức ăn; đặc biệt là cái bát ăn phải bằng vàng và khảm trân châu.

Thứ bảy, mười ngàn đồng tiền vàng để sắm sập, bàn, mâm, đĩa lót, khăn trải, khăn ăn, là những vật dụng cao sang, quý phái nhất.

Gandha ngưng nói. Mọi người trố mắt, căng tai. Xung quanh yên lặng như tờ. Chàng nói tiếp:

- Chưa đâu! Ta còn tiêu xài hơn thế nữa. Trưởng bếp nghe đây. Mỗi ngày ta sẽ ăn ba bữa. Hãy mua tất thảy những gì cực quý trên đời này. Buổi sáng, mâm ăn của ta phải trị giá một ngàn đồng vàng, trưa một ngàn đồng vàng và tối một ngàn đồng vàng. Nếu ăn không hết, gia nhân cứ chia nhau.

Có tiếng xì xào nho nhỏ. Chàng nói tiếp:

- Chưa đâu! Riêng ngày trăng tròn, mâm cơm của ta phải có trị giá mười ngàn đồng tiền vàng. Dĩ nhiên là ta sẽ dùng không hết, phần còn lại sẽ là của các ngươi.

Thấy chàng im lặng, viên quản gia nói:

- Còn gì nữa không, thưa chủ?

- Còn, còn chút xíu. Đúng ngày trăng tròn ấy, bỏ ra mười ngàn để trang hoàng khắp các con đường phố, thuê chừng mươi người vừa đánh trống vừa loa truyền khắp các nơi: "Nghe đây! Nghe đây! Mọi người hãy đi xem bữa ăn ngàn vàng của ông đại thủ khố Gandha! Nghe đây! Nghe đây!"

Đúng ngày, dân chúng tụ tập đến, mang cả ghế, giường, chõng hoặc ngồi hoặc nằm vây quanh ngôi nhà pha lê. Và Gandha đã lần lượt sử dụng hết mọi thứ còn sang hơn cả vua chúa để mọi người nhìn ngắm cho thỏa thích: Tắm trong bồn

với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy rồi ngồi trên chiếc ghế gỗ trầm hương khảm châu báu. Bên phòng kia, những người hầu xiêm áo như tiên nữ dọn thức ăn trên sập (hay bàn?) với mâm, đĩa đều bằng vàng, bằng bạc có trải tấm thảm dệt kim tuyến. Đặc biệt có chiếc bát đựng cơm một ngàn đồng tiền vàng.

Khi chàng triệu phú vừa bước qua phòng ăn thì một đoàn mỹ nữ dập dờn như một đàn bướm trăm màu đồng xuất hiện, biểu diễn những tiết mục ca vũ để phục vụ cảm hứng cho bữa ăn thêm ngon miệng...

Hôm ấy, một anh nhà quê gánh củi lên bán ở thành phố, vì trời tối nên đến ở lại một ngôi nhà quen. Chiều ấy, chủ nhà đi xem bữa ăn ngàn vàng của người đại thủ khố nên rủ chàng cùng đi.

Đến căn nhà pha lê trông như cảnh trời, cả hai chen lấn vào gần cửa sổ để nhìn ngắm bên trong. Ôi! Trên đời này mà có nơi tắm, nơi ăn sang trọng như thế ư? Ôi! Nghe nói đời sống vua chúa cao sang nhưng có lẽ cũng chỉ đến mức như thế này là tột cùng! Chợt, mùi hương của những món thức ăn trong phòng tỏa ra bên ngoài, át tất cả những mùi nước hoa. Anh chàng nhà quê không còn thấy toán vũ nữ ca nhi, không còn thấy căn phòng pha-lê cùng các đĩa châu báu cực quý; sự thèm ăn cuốn hút lấy làm cho chàng chảy nước miếng. Không biết hổ thẹn là gì, chàng nhà quê cố van vỉ bạn mình:

- Hãy xin giúp cho tôi ăn một miếng, một miếng thôi, tôi thèm quá!

Hai lần, ba lần năn nỉ, người bạn không đành lòng, cất giọng lớn đến tai chàng đại thủ khố:

- Này ông triệu phú! Ông bạn của tôi đây nghe mùi thơm thức ăn, chịu không nổi. Hãy cho anh ta ăn một miếng, một chút xíu thôi!

Hai lần, ba lần, đại thủ khố đành phải trả lời:

- Bát cơm ngàn vàng thì mỗi miếng là một trăm đồng vàng, hai miếng là hai trăm đồng vàng... Nếu ai cũng muốn ăn cả thì ta làm sao chia sớt cho đủ?

Anh bạn bèn năn nỉ giùm:

- Ông chủ! Người nhà quê này thèm muốn quá rồi, nếu không được ăn, hắn sẽ chết! Xin ông hãy cứu sống một mạng người!

- Không được! Không được là không được!

- Hắn sẽ chết thật đấy!

Nghe vậy, chàng triệu phú ngẫm nghĩ một chút rồi cất tiếng nói:

- Thôi được rồi! Như thế này này! Hôm nay ta đã ăn xong, phần dư, phần thừa thì cũng đã có người tàn thực! Nếu chàng nhà quê kia muốn có bữa ăn ngàn vàng thì hãy làm công cho ta ba năm thật chăm chỉ, thật tháo vát. Ta sẽ trả công như sau: Ăn sáng ngàn đồng vàng, ăn trưa ngàn đồng vàng, ăn tối, ngàn đồng vàng! Tắm và ăn đều ở trong căn nhà pha lê này. Và ngày ấy, người nhà quê sẽ là ông chủ ở đây với hai trăm người hầu hạ phục dịch, chỉ ngoại trừ một người, đấy là bà vợ yêu kiều diễm lệ của ta, nàng Cintāmaṇī! Các ngươi nghe rõ không?

- Nghe rõ!

Thế rồi, anh chành nhà quê, chỉ vì một bữa ăn ngon mà phải thức khuya dậy sớm, làm tất cả mọi công việc nặng nhọc trong ngoài do viên quản lý giao một cách chu đáo, không chê vào đâu được. Dân trong thành phố nghe người ta kể tràn tai về việc làm lạ lùng của chàng nhà quê. Họ tò mò có, lạ lùng có, ngạc nhiên có mà xót thương cũng có! Họ chế nhạo đặt tên chàng là Bhattabhatika, có nghĩa là Người-tìm-kiếm-bữa-cơm!

Mãn hạn, viên quản gia đến báo cho ông chủ biết, không quên khen ngợi anh chàng nhà quê đã làm việc hết mình.

Đến phiên Gandha thực hiện lời hứa, sắp xếp cho chàng nhà quê làm ông chủ xài sang một ngày.

Mọi việc đâu đó đã xong. Vị triệu phú cho trang hoàng thành phố, thuê toán người đánh trống đi khắp thành thông báo với loa truyền rằng: "Nghe đây! Nghe đây! Hãy đến căn nhà pha lê mà xem anh chàng nhà quê Bhattabhatika ăn bữa ăn ngàn vàng, là tiền công sau ba năm làm nô lệ cho ông chủ đại thủ khố! Nghe đây! Nghe đây!"

Vào sáng sớm, anh chàng nhà quê đóng bộ vào người tất cả phục trang trong ngoài y như ông chủ. Rồi tắm trong bồn với mười sáu bình nước hoa, mở chiếc cửa sổ lộng lẫy, ngồi trên ghế gỗ trầm hương khảm châu báu. Bên phòng kia, những người hầu xiêm áo như tiên nữ dọn thức ăn trên bàn với mâm, đĩa đều bằng vàng, bằng bạc, có trải tấm thảm dệt kim tuyến. Đặc biệt có chiếc bát đựng cơm một ngàn đồng tiền vàng...

Lúc bấy giờ, trên núi Gandhamādana ở Himalaya, có một vị Độc Giác Phật sau bảy ngày, xuất định, tung võng lưới rà soát khắp thế gian xem ai có căn cơ, có duyên lành. Bữa ăn sau ba năm cần khổ của chàng nhà quê lọt vào nhãn thông của ngài.. Phật Độc Giác mỉm cười tự nhủ: "Hy hữu! Thật là hy hữu! Mà duyên lành sau này của chàng ta còn hy hữu hơn thế nữa!"

Vậy nên, khi anh chàng nhà quê Bhattabhatika rửa tay chuẩn bị ăn bữa ăn ngàn vàng thì đức Phật Độc Giác đắp y, ôm bát, từ đâu giữa hư không, hiện giữa hư không, đứng bên ngoài cánh cửa căn nhà pha lê, như ở ngay trước mặt chàng vậy.

Bhattabhattika mọc ốc, rùng mình! Một nhận thức sáng sủa đâu từ vùng tăm tối của vô thức hiện ra giúp chàng có được tri kiến như sau: "Bởi trăm ngàn kiếp sống bỏn xẻn, keo kiệt, rít róng, luôn luôn ích kỷ, chưa cho ai một xu, một cắc, chưa mở rộng tấm lòng đến người nghèo khổ; luôn luôn

vị ngã, luôn luôn bần tiện, tham lam, tích cóp của cải, tài sản không từ nan các thủ đoạn lọc lừa, mưu thâm kế hiểm cũng vì lợi ích ngũ dục cho cái bản ngã ti tiểu, hèn mọn nên ta đã rơi vào các cảnh giới đọa đày đau khổ. Nay dù được làm người nhưng ta phải chịu quả báo cơ cực đói nghèo! Nếu hôm nay, ta nhịn được bữa ăn ngàn vàng, khởi quyết tâm bố thí, cúng dường để gieo chút duyên lành đến vị đạo sĩ thanh tịnh thì ta có thể nương tựa phước báu ấy trong các kiếp sống về sau!"

Nghĩ thế xong, do năng lực của tư duy chơn chánh, mọi tham muốn "thèm ăn" biến mất, chàng thanh niên đứng bật dậy, ôm bát cơm vàng lẫn cả thức ăn bước đến, nghiêng mình cung kính trút vào bát của vị đại ẩn sĩ. Được một nửa, đức Phật Độc Giác đưa tay che bát lại:

- Thôi! Vừa rồi con! Đủ rồi con! Hãy dành phần để ăn một chút sau ba năm làm công lao nhọc!

- Thưa, không! Không cần thiết nữa, bạch ngài! Chàng nói - Mọi thèm ăn, mọi tham muốn ăn bây giờ đã chấm dứt! Xin ngài cho con trọn vẹn sự cúng dường này, với ba nghiệp thanh tịnh để cho con nương tựa lâu dài về sau! Và nương tựa vào oai lực, vào cái mà ngài đã đắc, đã chứng nữa!

- Này Bhattabhattika! Rồi con sẽ thành tựu được như nguyện!

Thọ nhận xong, như để hồi hướng công đức, như để cho sự hoan hỷ của chàng thanh niên được viên mãn, như để cho tất thảy mọi người trong kinh thành thấy rõ công năng vô lượng của quả bố thí, cúng dường, đức Phật Độc Giác bèn hiện thần thông bất khả tư nghị, một dải lụa tợ như ngọc xanh vắt ngang giữa nền trời, theo với chiếc bóng của ngài, bay về núi Gandhamādana ở Himalaya. Tại đây, đức Phật Độc Giác sớt vật thực cho năm trăm vị Độc Giác khác rồi các ngài cùng ngồi xuống độ thực. Sự kiện xảy ra ấy, mọi

người trong kinh thành ai cũng thấy rõ mồn một trong tầm mắt.

Chứng kiến rõ ràng cảnh tượng ấy, thanh niên Bhattabhattika tràn ngập hỷ lạc! Một niềm khinh an dịu nhẹ, len thấm rồi ngấm tràn trong huyết quản, rung động toàn thể châu thân! Lần đầu tiên, lần thứ nhất trong đời, chàng mới biết, mới cảm nhận thấm thía, sâu đậm thế nào là hạnh phúc!

Đại thủ khố Gandha nghe tin, cũng thấy rõ cảnh tượng ấy, cũng rúng động cả toàn thân, cũng bổi hổi, bồi hồi, cũng cảm nhận được một niềm tin từ đâu đó trong việc làm lạ lùng của người nhà quê! Chàng tự nghĩ: "Ôi! Việc làm ấy thật là khó khăn! Chỉ một phần ngàn, phần vạn như thế ta cũng không làm được! Như một kẻ làm nông, ba năm thức khuya dậy sớm, một nắng hai sương chăm lo đồng áng, kết quả lao nhọc ấy, y có phần thưởng là một kho thóc. Kho thóc ấy chỉ nấu được một bát cơm thiên vị, thiên hương! Thế nhưng, hắn đã không nếm, không ăn, hắn đã dâng cúng hết. Rồi cái bát công đức kia bay về núi Himalaya, được chia đều phần ăn cho năm trăm bậc đại ẩn sĩ! Thật là vĩ đại! Thật là anh dũng! Còn ta là gì? Còn ta là ai? Ta đã chơi ngông để thỏa mãn cá tính, hưởng thụ từng trăm ngàn đồng tiền vàng mà không đổ một giọt mồ hôi, không lấm một tí bụi bùn của ruộng đồng gian khổ! Ta cũng chưa cho ai một muỗng cơm, một vá cháo? Chàng nhà quê mình trần thân trụi không có gì mà dám tặng cả kho lúa sau ba năm quần quật như nô lệ? Cái tâm ấy thì ta thua, một triệu phần như thế ta cũng không có! Thật là đáng hổ thẹn!"

Nghĩ thế xong, đại thủ khố Gandha mời chàng nhà quê đến, cung kính trao một ngàn đồng tiền vàng rồi nói rằng:

- Một chút xíu thôi! Hãy chia cho ta một "hạt bụi" công đức mà ngươi đã làm!

- Vâng, thưa chủ! Tôi sung sướng mà chia cho chủ! Không những là hạt bụi mà cả ngọn núi Himalaya tôi cũng vui lòng chia hết!

Nghe nói vậy, đại thủ khố Gandha hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, y chợt nói:

- Vậy thì tôi cũng xin được chia phần thêm. Cái gia tài này sẽ chia làm hai, tôi một nửa, bạn một nửa; chúng ta sẽ kết nghĩa anh em sống với nhau cho đến bạc đầu.

Nghe chuyện, đức vua xứ Bārāṇasī cũng lao xao, nôn nả muốn xem thử mặt mũi của chàng nhà quê ra sao nên triệu Bhattabhatika vào chầu.

Thấy thanh niên Bhattabhatika phục sức cũng như sắc diện đều đẹp đẽ, quý phái, cao sang, rõ là một công tử đại phú gia nên đức vua hoan hỷ nói:

- Ta cũng xin đóng góp, tặng ngươi mười ngàn đồng tiền vàng; hãy chia cho ta "một hạt bụi phước" nhé?

- Tâu đại vương! Có phước bao nhiêu, như núi, như biển, hạ thần cũng chia cho đại vương hết.

- Tốt! Tốt! Đức vua cười ha hả! Vậy thì ta cũng phong chức đại thủ khố cho ngươi được hưởng vinh hoa phú quý, danh dự cao sang cho đến trọn đời!

Thế đó, phước báu trổ sanh từ bát cơm vàng của anh chàng nhà quê dâng cúng cho vị ẩn sĩ Phật Độc Giác; mà là dâng cúng hết cái gì quý nhất, không chừa lại, quả là chia hoài, ăn hoài cũng không hết, lại được phước báu kia trổ quả nhãn tiền nữa[1]. Không chỉ có thế, sau khi mạng chung, đại thủ khố Gandha, anh chàng chơi ngông kia không biết lưu lạc về đâu, nhưng chàng nhà quê Bhattabhatika của chúng ta

[1] Phước báu nhãn tiền phải hội đủ 4 điều kiện: 1- Đối tượng xứng đáng cúng dường, là bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Thanh Văn Giác. 2- Vật bố thí chánh mạng, lại còn cúng dường hết không chừa lại. 3- Tư tác thanh tịnh và hoan hỷ cả ba thời (trước khi, trong khi, sau khi). 4- Ân đức cao thượng - xuất diệt, thọ, tưởng định 7 ngày.

được hóa sanh các cõi trời hưởng phước báu thiên lạc suốt thời gian giữa hai đức Chánh Đẳng Giác; thời Phật hiện tại, tái sanh vào nhà một thí chủ danh gia vọng tộc sang giàu của trưởng lão Sāriputta ở kinh thành Sāvatthi, nước Kosala.

Khi mang thai bào, do dư phước từ quá khứ, người mẹ được chăm sóc vô cùng chu đáo và kỹ lưỡng; đồng thời bà còn khởi lên một ước muốn lạ đời là chỉ muốn độ thực trong cái bát vàng cực quý mà thôi.

Đến ngày mãn nhụy khai hoa, gia đình thỉnh mời tôn giả Sāriputta và chư tỳ-khưu đến tư gia để họ đặt bát cúng dường. Đứa bé mặt mũi sáng sủa, kháu khỉnh được tắm bằng "những vòi nước thơm", mặc y phục quý phái, đặt trên một "cái giường khảm châu báu lộng lẫy trị giá trăm ngàn đồng tiền vàng". Và vì trong nhà không có ai đau ốm từ khi hài nhi còn trong bụng mẹ nên nàng yêu cầu tôn giả Sāriputta đặt tên là Sukha-kumāra, tức đứa trẻ an lạc, hạnh phúc.

Lên bảy tuổi cậu bé muốn xuất gia theo chân của tôn giả Sāriputta. Do phước báu xui khiến nên người mẹ dễ dàng bằng lòng. Bà thưa chuyện ấy với tôn giả và sau đó mặc y phục đẹp đẽ cho trẻ rồi dẫn đến tịnh xá Kỳ Viên giao phó cho trưởng lão.

Nhìn đứa trẻ mặt mũi đẹp đẽ, cao sáng, tôn giả dịu dàng cất tiếng trao đổi một vài câu hỏi, biết được căn cơ sâu dày của trẻ từ quá khứ nên cho xuất gia, là sa-di Sukha vậy.

Chuyện của sa-di Sukha, sau này được ghi chép lại, không biết tại sao lại tương tự chuyện sa-di Paṇḍita - là trong ngày thứ tám sau khi xuất gia, được đi trì bình với tôn giả Sāriputta. Do học được "cái mương dẫn nước, người thợ uốn tên, người thợ mộc đẽo bánh xe"; nên sau đó, Sukha-kumāra không đi bát nữa, trở về liêu cốc tích cực thiền quán. Vị sa-di kỳ lạ này cũng được thiên chủ Đế Thích, Tứ Đại thiên vương và cả đức Thế Tôn tạo duyên giúp đỡ nên chú

cũng đắc rốt ráo cứu cánh sa-môn hạnh ngay trong ngày hôm đó.

Và vị thánh sa-di này là tấm gương sáng cho những người biết tự điều chỉnh, tự kiểm thúc thân tâm, tinh cần thiền quán cho đến lúc uống được giọt nước tận đầu nguồn thánh hạnh, đúng như câu kệ ngôn:

"- Giỏi thay! Dẫn nước đào mương!
Mũi tên khéo uốn thành đường thẳng ngay!
Bánh xe tròn đẽo, tài hay!
Tự điều, tự kiểm mới tày trí nhân!"[1]

[1] Soạn giả dịch từ câu Pháp cú 80 và 145: "Udakaṃ hi nayanti nettikā - usakārā namayanti tejanaṃ. Dāruṃ namayanti tacchakā -attānaṃ damayanti paṇḍitā!"

Bát Cháo,
Mảnh Vải Thù Thắng

Xế trưa hôm ấy, tại Jetavana, chư tăng bàn tán không ngớt về một thiếu phụ xinh đẹp, không phải là tỳ-khưu-ni mà tự động đắp y, mang bát đến ngồi giữa vườn cây, chỗ chư tăng thường độ thực. Nghe chuyện lạ, tôn giả Sāriputta bước ra thăm hỏi thì thiếu phụ cho biết là từ khi mang thai, đứa bé trong bụng khiến nàng chỉ thích mặc y, mang bát; và muốn ăn món cháo dư thừa của chư tăng mà thôi!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Vậy thì tốt! chư tăng có lẽ họ cũng sẵn lòng thôi! Thế còn gì nữa không?

- Ngay ngày mai, con muốn cung thỉnh năm trăm thầy tỳ-khưu, với tôn giả là vị cầm đầu đến tư gia để con được cúng dường món cháo sữa đặc biệt cùng với mật ong, đề hồ và cả cơm nữa!

Người thiếu phụ ấy không những một lần thích ăn cháo thừa của chư tăng mà đã nhiều lần như thế. Không phải chỉ một lần nàng mời tôn giả Sāriputta cùng năm trăm tỳ-khưu đệ tử về nhà để đặt cháo, sữa, mật ong, cơm mà cũng đã nhiều lần như thế. Đến ngày lâm bồn, buổi lễ trai tăng lại càng đặc biệt trân trọng. Đứa bé xinh như con trời được tắm

bằng nước thơm, mặc y phục bằng lụa thơm, đặt trên một cái giường lộng lẫy, được phủ bằng một "tấm mền gấm nhẹ như bông trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng".

Họ bồng trẻ ra mắt tôn giả. Đứa bé ngước mắt lên nhìn tôn giả, mỉm cười hân hoan và nghĩ thầm trong tâm: "Đây là vị thầy cao quý của ta, cũng nhờ cúng dường thầy ta mà ta được quả phước hôm nay. Bây giờ ta lại muốn cúng dường thầy ta cái gì đó nữa".

Tôn giả đặt bàn tay lên đầu đứa bé đọc một bài kệ chúc phúc ngắn rồi cầu nguyện cho nó sau này trở về nương tựa nơi Ba Ngôi Báu. Khi tôn giả đang đọc kinh, đứa bé quấn tay trong chiếc mền gấm và làm cho nó rơi xuống, phủ lên chân của ngài.

Người mẹ dường như tâm ý linh thông với con nên bạch với tôn giả:

- Xin ngài hoan hỷ thọ nhận chiếc mền gấm mà con của con đã cúng dường.

Tôn giả Sāriputta đã hiểu mọi sự nhưng ngài chỉ im lặng. Thiếu phụ xinh đẹp, mẹ của đứa bé lại thưa tiếp:

- Bạch ngài, xin ngài đặt tên cho trẻ.

- Sẽ đặt tên như thế nào nhỉ?

Thiếu phụ lại nói:

- Bạch ngài, con muốn ngài trao cho nó cái tên thuở ngài mới sinh ra.

- Ồ! Vậy à? Vậy thì tên nó là Upatissa!

Người thiếu phụ hoan hỷ:

- Lành thay! Con của con đã là Upatissa! Vậy con của con mai sau sẽ nối gót ngài, học được chút ít gì từ trí tuệ của ngài là quý báu lắm rồi.

Thế rồi, không những là lễ đặt tên, mà còn lễ xâu lỗ tai, lễ nhận tấm vải thánh, lễ tắm rửa cạo đầu, thiếu phụ và con trai đều cung thỉnh trai tăng đến tôn giả Sāriputta và chư vị tỳ-khưu đệ tử của ngài.

Chư tăng trẻ thấy chuyện lạ lùng, vây quanh tôn giả Sāriputta để hỏi nguyên do. Ngài chỉ tay sang đức Moggallāna:

- Khi có bậc đệ nhất đại thần thông ở đây thì ta nào dám nói chuyện quá khứ, vị lai? Nào dám múa rìu qua mắt thợ? Các ngươi hãy đảnh lễ tôn giả rồi tôn giả sẽ nói cho mà nghe.

Đức Moggallāna chẳng khách sáo gì, kể cho chư tăng trẻ nghe, chuyện cách đây mấy năm thôi, tại kinh thành Rājagaha:

- Ở một góc phố tối tăm, tồi tàn tại thành Vương Xá, có một lão bà-la-môn rất nghèo khổ, tên là Mahāsena; ông ta vốn là bạn thân của thân sinh tôn giả Sāriputta. Hôm kia, vị đệ nhất đại đệ tử vào sáng sớm, sau khi xuất định, hướng tâm đến người bà-la-môn nên đã đắp y, mang bát ra đi. Thấy tôn giả đi đến từ xa, lão bà-la-môn tự nghĩ: "Con trai của bạn ta sẽ đến đây để khất thực, thật xấu hổ khi ta không còn bất cứ một vật gì". Thế là ông Mahāsena lẻn ra ngả sau trốn mất. Lần thứ hai, tôn giả kiên nhẫn đến nữa, ông ta cũng trốn như vậy.

Hôm kia nhờ một đám cúng tụng, lễ vật có được là một "bát cháo đầy ngon thơm" và "một mảnh vải quý"; không dám ăn, không dám mặc, lão bà-la-môn tội nghiệp này mong ngóng bước chân khất thực của con trai bạn mình. Không phụ lòng chân tình ấy, hướng tâm là biết, tôn giả đắp y, mang bát đến ngay. Người bà-la-môn đã đợi sẵn, sớt cháo vào bát của ngài. Khi vừa một nửa số cháo, tôn giả bèn đưa tay ngăn lại:

- Thôi được rồi, đủ rồi, thí chủ! Cả chiều và đêm hôm qua ông đã nhịn đói. Cả ngày hôm nay lại cũng muốn nhịn đói nữa sao?

- Chẳng sao cả, thưa ngài sa-môn! Đói một tuần là chuyện bình thường của tôi. Được để bát một cách trọn vẹn

cho người mà tôi yêu kính là chuyện hiếm có trên đời này. Tôi chọn cái lợi to lớn hơn vậy.

Sau khi nhận đầy bát, muốn để lão bà-la-môn hoan hỷ, tôn giả Sāriputta ngồi xuống và độ thực ngay tại chỗ. Ngài dùng xong, lão bà-la-môn dâng cúng luôn tấm vải quý, mặc dù ông ta đang mặc áo rách.

Tôn giả Sāriputta tự nghĩ: "Cúng dường một cách trọn vẹn, không để dành lại, thà mình nhịn đói, sẽ mang đến quả phước vật thực một cách trọn vẹn và thù thắng. Cúng dường vải vóc quý giá, dù mình mặc áo rách, sẽ mang đến quả phước về y phục một cách viên mãn và thù thắng". Rồi ngài hỏi:

- Thí chủ có ước nguyện gì?

- Xin cho tôi được xuất gia trong giáo pháp chơn chánh của đức Thế Tôn!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

- Y áo, vật thực tôi hằng có đủ, ngoài ra sẽ được dư dật để san sẻ cho bạn đồng tu!

- Thí chủ sẽ được như nguyện!

Từ đó, tâm hồn của lão bà-la-môn thanh thản, mãn nguyện; sau khi thân hoại mạng chung, từ thành Vương Xá ông ta sinh vào bào thai một thiếu phụ xinh đẹp, trong một gia đình hào phú ở Sāvatthi. Khi còn trong bụng mẹ, đứa bé xui khiến cho mẹ mình mặc y, mang bát và ăn cháo thừa của chư tăng. Đứa bé lại có hảo cảm đặc biệt với ngài Sāriputta, là thầy tế độ cho mình trong quá khứ nên xúi mẹ tổ chức nhiều buổi trai tăng, cúng dường cháo. Bây giờ nó lại muốn dâng chiếc mền gấm cho tôn giả Sāriputta nữa. Trong tương lai, đứa bé này sẽ xuất gia và thầy của nó chính là bậc tướng quân chánh pháp đây chứ không thể là ai khác!

Chư tăng trẻ nghe xong, cảm thán thốt lên:

- Thật là kỳ diệu!

Quả đúng như tiên tri của tôn giả Moggallāna, đúng bảy tuổi, bé Upatissa nói với mẹ:

- Thưa mẹ! Con muốn xuất gia sống đời sa-môn dưới chân trưởng lão của con!

- Tốt lắm con ạ, mẹ rất hoan hỷ về điều đó.

Rồi người mẹ thỉnh tôn giả Sāriputta đến, dâng cúng vật thực và trình bày ý nguyện của con. Buổi chiều, cả hai mẹ con đến Kỳ Viên tịnh xá quỳ xuống chân trưởng lão. Tôn giả nói với Upatissa:

- Con này, đời sống xuất gia rất kham khổ, rất khó khăn, con có biết vậy không?

- Dạ con biết!

- Người xuất gia khi muốn ấm thì phải chấp nhận cái lạnh, khi muốn mát phải chấp nhận cái nóng! Con có chịu đựng được điều đó không?

- Con chịu đựng được!

- Một sa-môn thường phải sống đời không nhà không cửa, đầu không có nón che, chân không có dép đỡ; lại còn phải ôm bát đi xin ăn, người ta cho gì ăn nấy, chẳng dễ dàng lựa chọn được miếng ngon ngọt, béo bùi đâu. Con có kham nhẫn được đời sống ấy không?

- Bạch tôn giả! Con sẽ kham nhẫn được hết. Con sẽ thực hành bất kỳ những gì mà ngài chỉ dạy.

- Tốt lắm!

Thế rồi tôn giả truyền cho chú bé Upatissa mười giới, tập sự làm sa-di, dạy thêm phép quán năm chi tiết trong ba mươi hai thể trược tức là tóc, lông, móng, răng, da..

Để tôn vinh cho việc xuất gia của con, cha mẹ Upatissa cúng dường cháo thập cẩm ngon bổ cho chư tăng ở tịnh xá Kỳ Viên có đức Phật dẫn đầu, suốt cả bảy ngày. Ngày thứ tám, sa-di Upatissa ôm bát đi cuối cùng đoàn tỳ-khưu do tôn giả Sāriputta dẫn đầu vào thành Sāvatthi để khất thực.

Dân chúng ở Sāvatthi mấy ngày nay đã nghe chú bé bảy tuổi xuất gia. Cả hàng chục gia đình thân quyến, bạn bè của cha mẹ Upatissa hân hoan chuẩn bị vật thực để bát cúng dường cho chú sa-di tí hon.

Khi đoàn sa-môn đi qua, người ta cung kính cúng dường vật thực đầy đủ; đến chú sa-di cuối cùng, đẹp đẽ và dễ thương như một thiên thần, thiên hạ đổ xô lại, vây quanh. Không những chỉ để đầy một bát mà họ còn sắm sẵn bát mới, có cả lưới bát, đế bát và chứa vật thực đầy ở bên trong đúng năm trăm bát như thế, cùng với năm trăm bộ y để cúng dường cho sa-di Upatissa .

Đoàn tỳ-khưu đã đi về hết mà sa-di Upatissa còn loay hoay không biết làm sao với sự cúng dường ấy.

Một cụ già bên đường góp ý:

- Chú sa-di hãy về đi kẻo thầy và chư tăng mong. Lát nữa thôi, vật thực và y áo này sẽ được đưa đến Kỳ Viên tịnh xá với năm chiếc xe và mười con bò kéo!

Hôm sau, những người chưa được cúng dường trong thành phố, họ tự động thuê bò kéo đến chùa, cúng dường thêm cho sa-di Upatissa năm trăm bát thực phẩm và năm trăm bộ y nữa.

Upatissa vòng tay thưa bạch với tôn giả Sāriputta:

- Y và bát hôm qua và hôm nay con đã cúng dường tất cả cho một ngàn vị đại đức. Con làm như vậy có đúng chăng?

- Tốt lắm con ạ! Tâm nguyện xưa của con ra sao thì quả hôm nay là vậy.

Sáng sớm hôm kia trời trở lạnh, sa-di Upatissa theo gương thầy, dậy thật sớm đi một vòng quanh tịnh xá để quét rác và thu dọn chỗ này chỗ kia cho sạch sẽ. Chú thấy chư tăng lớn tuổi đang ngồi tụm năm tụm ba bên những đống lửa; sa-di Upatissa hỏi:

- Bạch chư đại đức! Tại sao chư đại đức lại phải hơ lửa như vậy?

- Chúng tôi già rồi, chú bé sa-môn! Tuổi già thì xương cốt rã rời, khí huyết khô cạn thường không chịu được lạnh chú bé ạ!

- Bạch chư đại đức! Đêm xuống thì trời sẽ lạnh hơn. Vậy khi ngủ nghỉ, chư đại đức nhớ đắp mền ấm cho dày để ngăn lạnh.

- Chú sa-di có nhiều phước nên có mền ấm còn chúng tôi thiếu phước, đào đâu ra tấm chăn đây?

- Vậy thì ngày mai, thưa chư đại đức, vị nào cần mền đắp thì đi với con vào thành Sāvatthi.

Thế là ngày hôm sau, Upatissa đi quyên được cả một ngàn cái chăn ấm để dâng cho một ngàn vị tỳ-khưu. Chuyện kể rằng hễ ai gặp mặt được Upatissa là phát tâm hoan hỷ, thích làm phước. Cho chí một thương gia nọ, nghe người ta đồn đãi, bèn giấu mấy cái mền quý đi, nhưng khi Upatissa đến, ông ta lại hoan hỷ biếu tặng tất cả.

Mấy ngày hôm sau, những cậu bé bạn cũ rủ nhau đến thăm Upatissa, rồi những ngày sau nữa chú phải bận rộn tiếp đón nên không có thì giờ để tham thiền. Thế là chú đi xin đức Phật đề mục thiền định rồi rút vào rừng sâu tu tập. Dân làng quanh vùng yêu mến chú vô cùng, họ cúng dường vật thực hết lòng. Nhưng chú bé chưa biết pháp, khi nhận vật thực, bất cứ ai, ngày này qua tháng nọ, vị sa-di chỉ có một câu phúc chúc duy nhất: Mong thí chủ được an vui, hạnh phúc. Mong thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ.

Chỉ ở rừng hai tháng, với quyết tâm tu tập thiền quán, Upatissa đã đắc quả A-la-hán. Hướng tâm đến, tôn giả Sāriputta biết điều ấy bèn vào đảnh lễ đức Phật xin được đi thăm sa-di Upatissa. Đức Thế Tôn y lời, tôn giả Sāriputta lại qua rủ thêm tôn giả Moggallāna. Rồi chốc sau lại có thêm các vị trưởng lão khác, như ngài Mahākassapa, ngài

Anuruddha, ngài Upāli, ngài Puṇṇā[1] cùng những vị khác nữa. Các vị trưởng lão này lại còn dẫn thêm đệ tử tùy tùng, người thì với năm trăm đệ tử tỳ-khưu, người thì với ba trăm đệ tử tỳ-khưu... nên tổng số người đi thăm sa-di Upatissa lên đến mấy ngàn vị.

Dân chúng trong làng thấy cả một đoàn thánh chúng trưởng lão và cả mấy ngàn vị tỳ-khưu đến nơi xa xôi hẻo lánh này, họ vô cùng ngạc nhiên, tiếp đón nồng nhiệt, quỳ lạy bên chân tôn giả Sāriputta vang danh thiên hạ, và xin ngài ban cho họ một thời pháp.

- Ta cùng với phái đoàn hôm nay đến thăm sa-di Upatissa!

Nghe nói vậy họ càng ngạc nhiên hơn nữa: "Chú bé tí hon mà chúng ta hộ độ bấy lâu nay quan trọng như vậy sao?"

Được tin, Upatissa từ rừng đi xuống làng, đảnh lễ thầy là ngài Sāriputta rồi sau đó làm bổn phận của một đệ tử đối với các bậc trưởng thượng đầy uy đức của mình.

Chỗ nghỉ ngơi đã được dân chúng sắp xếp chu đáo. Đèn đuốc đây đó cũng được đốt lên. Mấy khi mà được dịp hy hữu như thế này, dân chúng tha thiết thỉnh cầu được nghe pháp.

Tôn giả Sāriputta nói:

- Vậy thì hãy thông báo cho mọi người gần xa cùng đến nghe.

Khi đâu đó đã được chuẩn bị sẵn sàng, tôn giả nói với Upatissa:

- Này con! Các thí chủ của con ở trong ngôi làng này họ muốn thính pháp, vậy con hãy thuyết cho họ nghe đi!

Dân làng đồng thanh thưa:

---

[1] Có hai vị mà tàu âm là Phú-lâu-na, vị này khác vị ẩn tu trong rừng.

- Thưa tôn giả! Vị đại đức của chúng con không biết gì ráo! Vị đại đức của chúng con ngày này qua ngày nọ chỉ thuộc lòng một câu duy nhất: Mong cho thí chủ được an vui hạnh phúc, mong cho thí chủ thoát khỏi mọi đau khổ. Vậy xin tôn giả đề cử cho một vị cao Tăng trưởng lão!

Tôn giả mỉm cười, quay sang hỏi Upatissa:

- Này Upatissa! Cầu mong cho thí chủ được an vui hạnh phúc, nhưng làm sao để được an vui hạnh phúc? Cầu mong cho thí chủ thoát khỏi đau khổ thì phương cách để giải thoát khỏi đau khổ ấy ra làm sao? Con hãy giải thích rộng hai câu ấy là thành một đề tài giáo pháp trọn hảo!

Upatissa chăm chú lắng nghe, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Thưa vâng, con sẽ làm như vậy.

Thế rồi Upatissa thăng tòa, giảng như nước chảy mây trôi về khổ đế, về nguyên nhân khổ, về Niết-bàn và về con đường Bát Thánh đưa đến nơi giải thoát... Rồi Upatissa kết luận:

- Thưa chư đạo hữu! Chúng sanh bị những khổ ách nên lê tấm thân trôi dạt giữa biển đời sanh tử, vậy muốn thoát khỏi mọi khổ ách phải biết tu theo Tứ Diệu Đế. Và khi đắc được quả vị A-la-hán rồi, chúng ta sẽ được hạnh phúc, an vui vĩnh viễn!

Tôn giả Sāriputta tán thán:

- Lành thay, này sa-di! Con đã khéo giảng, khéo thuyết về Con Đường Diệt Khổ vậy!

Nghe xong thời pháp, dân chúng thảy đều ngạc nhiên. Một nhóm thì hân hoan vui mừng vì lâu nay đã được cúng dường cho một bậc Trí Tuệ. Riêng có một nhóm thì khởi tâm bất bình: "Hóa ra lâu nay vị đại đức này khinh thường chúng ta. Vị đại đức đã biết rành rẽ về giáo pháp mà lại giả bộ ngây ngô, miệng câm như hến, chẳng thèm dạy bảo cho chúng ta một lời, một chữ".

Tại Kỳ Viên tịnh xá, vào sáng sớm, đức Thế Tôn biết rõ chuyện ấy, sợ rằng nhóm người bất bình với vị thánh A-la-hán sẽ đắc tội, nên ngài đắp y, mang bát, với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, ngài đã có mặt tại ngôi làng với hào quang chói rạng.

- Đức Chánh Đẳng Giác đã đến!

Từ đầu làng đến cuối làng mọi người hớn hở, xôn xao, vui mừng. Thật là một sự kiện trọng đại. Có bao giờ mà một bậc Chánh Đẳng Giác, lại luôn cả mấy mươi vị đại trưởng lão đồng xuất hiện và đi thăm một sa-di nhỏ bé như thế này? Dân chúng bừng bừng hoan hỷ tổ chức buổi lễ trai Tăng thịnh soạn cúng dường đức Phật và Tăng chúng.

Sau khi độ thực xong, đức Thế Tôn nói với dân làng như xác nhận vai trò của vị sa-di:

- Này hai hàng cận sự nam nữ! Thật là hạnh phúc thay cho mọi người là nhờ vị sa-di này mà ai cũng được trông thấy Như Lai, hai vị đại đệ tử cùng mấy mươi vị đại trưởng lão. Quả thật, chỉ vì một sa-di bé nhỏ này mà hôm nay Như Lai đến đây, các ngươi nên hiểu như vậy để lợi ích lâu dài cho mình về sau.

Khi biết rằng nội tâm của những người bất bình đã trở nên yên lặng, đã biết tầm quan trọng của vị đại đức tí hon, đức Phật giờ quay sang Upatissa:

- Này con trai! Hãy dẫn Như Lai đi thăm một vòng quanh trú xứ này!

Nói xong, đức Phật nắm tay Upatissa, từ giã mọi người, khuất cuối con đường, đi lên một ngọn núi cao. Đức Chánh Đẳng Giác còn vài lời giáo giới đến vị A-la-hán sa-di ấy.

Căn Nhà Năm Lỗ Hổng

Hôm kia, trong và ngoài Kỳ Viên tịnh xá, lan cả trong thành phố, mọi người bàn tán xôn xao về chuyện bốn vị sa-di được thí chủ giàu sang thỉnh về nhà đặt bát nhưng lại bị bỏ đói, sau đó bốn vị này thi triển oai lực thần thông làm cho ai ai cũng đều khiếp hãi.

Chuyện xảy ra như sau:

"- Có vợ chồng gia đình bà-la-môn giàu sang, sau khi nghe pháp từ đức Đạo Sư, hiểu công đức của sự bố thí, nhất là gieo hạt giống phước báu trên những đám ruộng tốt. Theo như sự hiểu biết của hai người, đám ruộng tốt nhất ấy nhất định là đức Phật rồi. Thứ nữa phải là hai vị đại đệ tử. Tiếp theo, chắc chắn là các vị đại trưởng lão đạo cao đức trọng. Do hiểu vậy nên bà bảo ông đi thỉnh đức Phật, nhưng ngài bảo là đã có người mời thỉnh trước rồi. Ông bèn thỉnh hai vị đại đệ tử, hai ngài cho biết là cũng đã hứa trước với người khác. Cuối cùng, ông đến gặp đại đức Dabba Malla, người phụ trách điều hành, phân phối công việc của Tăng để xin thỉnh bốn vị trưởng lão đặt bát cúng dường tại tư gia.

Đại đức Dabba Malla, sau khi tỳ-khưu Udāyi bị đức Phật khiển trách vì "cái ngu" của ông ta, chư tăng tha thiết

thỉnh mời ngài trở lại chức năng, công việc cũ; và do thấy biết tâm ý của vợ chồng người bà-la-môn này, vì muốn dạy cho họ một bài học nên mỉm cười thầm lặng rồi đáp:

- Được rồi! Tôi sẽ đề cử đến tư gia bốn vị trưởng lão thanh tịnh!

Đúng ngày, đại đức Dabba Malla sắp xếp bốn vị sa-di bảy tuổi: Đó là Revata, Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka[1] họ đều là thánh tăng, đều là những bậc "trưởng lão"[2] đến nhà của thí chủ.

Nữ gia chủ bà-la-môn đã suốt đêm chăm lo vật thực thượng vị để mong đặt bát cúng dường đến những bậc "trưởng lão đạo cao đức trọng", nhưng sớm ngày, đến tư gia là bốn "chú nhóc, con nít" nên họ vô cùng buồn phiền, sầu khổ. Từ buồn phiền, sầu khổ họ đâm ra tức giận, tỏ ra khinh miệt bốn vị sa-di.

Nữ gia chủ lấy một tấm thảm cũ, trải xuống một góc nền nhà rồi nói:

- Mời các vị hãy ngồi tại chỗ này!

Rồi lui nhà sau, bà bảo ông:

- Hãy đi gấp đến Kỳ Viên, thỉnh ngay cho tôi bốn vị trưởng lão kìa!

- Hôm qua tôi cũng nói vậy mà! Ông đáp.

- Vậy là chúng ta bị "chơi xỏ" rồi! Mấy đứa con nít "hỉ mũi chưa sạch" này, thì phước báu ở đâu sanh ra kia chứ?

- Vậy ông hãy đi lại lần nữa xem? Bà ngẫm nghĩ rồi tiếp - Nếu không có thì đến ngay nơi đền thờ thần Shīva, ở đấy thường có mấy vị trưởng lão tư tế, thỉnh họ cũng được.

---

[1] Tôi nghi vị này không phải là Sopāka mà là Sukha, sẽ trình bày sau.

[2] Trong giáo hội của đức Phật, từ trưởng lão vừa chỉ những vị niên cao, lạp lớn, đạo hạnh - vừa chỉ những vị có giới, có định, có tuệ, tuệ giải thoát. Như bốn vị Thánh sa-di này cũng xứng đáng được gọi là trưởng lão.

Ông bà-la-môn gia chủ chịu khó đến Kỳ Viên nhưng đức Phật và Tăng chúng đã đi trì bình hoặc đến các tư gia từ sáng sớm, trong chùa chỉ còn lại một số sư chăm lo tạp dịch, vệ sinh, bị bệnh hay già yếu mà thôi.

Tại tư gia, bốn vị sa-di thấy trời đã trưa mà trong nhà không chịu đặt bát, họ vừa khát nước vừa cồn cào cái bụng. Tuy nhiên, vì là bậc thánh, họ dùng tâm nhẫn, tâm xả, im lặng như không có gì xảy ra.

Trong lúc bốn vị sa-di tự tại, thản nhiên chờ đợi nhưng ngai vàng của thiên chủ Đế Thích lại nóng rực lên. Thiên chủ dùng thiên nhãn quan sát thế gian thì biết chuyện xảy ra tại gia đình vợ chồng người bà-la-môn. Thiên chủ cau mày: Quả thật là ngốc nghếch! Bốn vị "trưởng lão đạo cao đức trọng" như vậy lại để cho người ta nhịn đói, trong lúc đó lại đi mời thỉnh mấy ông lão coi đền, bọn tu sĩ thừa hưởng tài vật tàn dư! Phải cho hai vợ chồng ngu si này một bài học mới được! Ta sẽ làm cho chói rạng uy đức của những bậc thánh tí hon!"

Nghĩ thế xong, thiên chủ tức khắc có mặt tại ngôi đền tế, biến thành một lão bà-la-môn quắc thước, ngồi trên một bảo toạ sang trọng tại chính điện.

Khi người đàn ông gia chủ đến đây thấy vóc dáng, tướng mạo của "trưởng lão bà-la-môn" mừng quá nên thỉnh về tư gia thọ thực cho có phước. "Lão" này đến nhà, thấy bốn vị sa-di liền nằm dài xuống đất, đảnh lễ rất mực cung kính.

Thấy vậy, nữ gia chủ đay nghiến chồng:

- Khổ thật! Ông lại thỉnh về đây một ông già điên! Ai đời ông ta lại nằm bẹp trên đất đảnh lễ bốn đứa con nít chỉ đáng tuổi con cháu mình? Tâm thần rồi! Thần kinh rồi ông ơi! Hãy tẩn xuất tức khắc ông lão kia ra khỏi nhà ngay cho tôi nhờ!

Tuân lời "nữ chủ", người đàn ông kéo lão điên khùng ra khỏi cửa, khi quay vào thì thấy ông ta vẫn quỳ lạy ngay chỗ

cũ. Bà lại hét lên. Ông lại hồng hộc kéo đi! Cả ba lần đều không ăn thua!

Bà hét lên:

- Gặp yêu tinh rồi ông ơi!

Ông cũng xanh mặt:

- Đúng là tà ma, quỷ mị rồi bà mày ơi!

Nói thế xong, cả hai kinh hoàng bỏ chạy.

Lúc ấy, thiên chủ Đế Thích mới hiện ngay thân tướng trang nghiêm, cao sang, rạng rỡ dung sắc, chói ngời thiên bào, mũ miện bảy báu ngồi giữa hư không, nói vang vang rằng:

- Ta là thiên chủ Đế Thích đây! Hãy bình tĩnh!

Ngước nhìn lên, cả hai vô cùng sợ hãi.

Đế Thích nói tiếp:

- Bốn vị sa-di mà quý vị đang bỏ đói trong nhà, chính là bốn vị thánh tăng A-la-hán mà chư thiên, loài người đều phải cung kính, tán dương và trân trọng. Dẫu ta là vị thiên chủ tối cao, với oai lực tối thắng khắp bốn châu thiên hạ; nhưng đối với quý ngài, ta chỉ là hạt bụi bám dính nơi gót chân của các bậc lậu tận này mà thôi! Khá thương cho các người, bốn vị thánh đến nhà là ân đức vô lượng, là phước điền tối thượng lại không cúng dường, lại ngu ngốc đến nơi cái đền tế kia để thỉnh mời cái bọn tu sĩ tàn thực, ăn hại!

Thấy tận mắt oai lực của Đế Thích rồi, vợ chồng gia chủ không dám không tin, lấy vật thực đặt bát cho bốn vị sa-di. Đế Thích cũng hiện lại thân tướng con người bình thường, phụ một tay, cung kính sớt bát, lui tới phục dịch, hầu hạ.

Chuyện xảy ra trước mặt, bốn vị sa-di vẫn điềm nhiên không nói, không rằng.

Thọ dụng xong, uống nước, xỉa răng xong, bốn vị tâm ý tương thông, muốn làm cho gia chủ hoan hỷ, cũng để chứng thực phần nào cho lời nói của Đế Thích, cả bốn vị đồng trổ oai lực, quăng bát xuyên qua bốn hướng vách tường rồi bay

đi mất. Đế Thích cũng khoái trò chơi đó nên ông cũng trổ nóc nhà, bay vút lên tận thiên giới.

Vợ chồng gia chủ tận mắt chứng kiến phép lạ của bốn vị sa-di và trời Đế Thích, sung sướng quá, há hốc miệng không ngậm lại được, phỉ lạc bốc lên rần rần làm cho họ cảm giác một niềm hạnh phúc cực kỳ!

Ngôi nhà của gia chủ hiện ra năm lỗ trống hoác, mọi người nghe chuyện tới tận nơi để xem, họ gọi là Pañcachiddageha[1]. Nghe rằng, lâu sau, vợ chồng gia chủ bỏ tiền ra xây dựng một căn nhà khác để ở, còn ngôi nhà 5 lỗ hổng kia là một kỷ niệm phước báu, họ giữ lại để làm kỷ niệm. Sau này, mỗi lần ngắm nhìn 5 lỗ hổng thì họ phát sanh niềm hoan hỷ; và quả thật là hy hữu, phước báu một lần đó như đi theo suốt cuộc đời của họ vậy.

Trở về lại Kỳ Viên, chuyện trổ thần thông ấy, bốn vị sa-di giấu kín mít. Chỉ có đức Phật biết, nhị vị đại đệ tử biết, các vị thánh lậu tận có thắng trí biết. Nhưng rồi, chuyện năm lỗ hổng lại tràn vào chùa Kỳ Viên nên chư phàm tăng lại không ngớt luận bàn. Nhiều vị tò mò tìm gặp, hỏi rằng, bị bỏ đói như vậy mà có đói bụng chăng? Các vị tình thật trả lời: "Bình thường thôi! Cái bụng đói nhưng tâm có nhẫn, có từ, có xả thì cái tâm ấy làm sao lại đói được!"

Ngạc nhiên, sau buổi pháp thoại buổi chiều, các vị phàm tăng tố cáo bốn vị sa-di lên đức Phật và nói rằng, họ khoe pháp bậc cao nhân. Họ đã dám trổ thần thông lại còn chứng tỏ mình là bậc thánh lậu tận nữa.

Đức Phật chợt mở nụ hàm tiếu, nói rằng:

- Dầu mới bảy tuổi nhưng các "con trai" của Như Lai xứng đáng được gọi là những bậc trưởng lão thanh tịnh! Khi cái tâm đã được huấn luyện, khi cái tuệ đã được thấy rõ - thì

[1] Phỏng theo " Đức Phật và 45 năm..." , trang 97, tập 5 của tỳ-khưu Chánh Minh - NXB Tôn Giáo - 2011.

ngay cả giữa những chuyện hận thù, hung bạo, dính mắc, buộc ràng... các vị ấy cũng dễ dàng bước qua, dễ dàng sống với với tâm từ, dễ dàng sống ôn nhu, ôn hòa, dễ dàng sống vô nhiễm, giải thoát như hư không, huống hồ chỉ nhẫn xả nhịn đói một bữa ăn!

Rồi đức Tôn Sư đọc lên câu kệ ngôn:

"- Thân thiện giữa đám nghịch thù
Giữa người hung dữ, ôn nhu, an hòa
Vô nhiễm giữa cõi trần sa
Những vị như vậy gọi là bla-môn!"[1]

[1] Pháp cú 406: "Aviruddhaṃ viruddhesu. Attadaṇḍesu nibbutiṃ. Sādānesu anādānaṃ. Tamahaṃ brūmi brāhmanaṃ" - Bà-la-môn với nghĩa chơn chính là sống đời phạm hạnh" Trích Kinh Lời Vàng, NXB Phương Đông năm 2008 - cùng tác giả.

Chuyện Thánh Nữ Visākhā

Visākhā[1] là một nữ đại thí chủ được đức Phật tán thán, là một trong vài đệ tử tục gia hàng đầu đã tích cực hộ độ cho tăng chúng. Mẹ cô là Sumanā Devī, thân phụ cô tên là Dhanañjaya - con trai của triệu phú Meṇḍaka. Cô mở mắt chào đời trong thành phố Bhaddiya của nước Aṇga[2]. Khi cô bé lên bảy tuổi, đức Phật và nhiều đệ tử vào hạ thứ tư, đã viếng thăm xứ sở nầy; triệu phú Meṇḍaka, là ông nội của Visākhā đã cho cô cùng năm trăm tiểu thư bạn hữu, năm trăm thị nữ và năm trăm cỗ xe để cô có thể viếng thăm đức Đạo Sư. Khi gần đến nơi cô đã cho xe dừng lại và đi bộ đến đức Phật. Thái độ cung kính và tư cách nho nhã của cô đã làm cho đức Thế Tôn đẹp ý, biết rằng tuy còn nhỏ tuổi nhưng cô bé có một đời sống tinh thần tiến hóa bậc cao nên ngài đã thuyết cho cô nghe một thời pháp hợp với căn cơ, trình độ. Bài pháp chấm dứt, cô bé Visākhā chứng quả thánh Nhập Lưu. Sau đó, ông đại triệu phú Meṇḍaka thường thỉnh mời đức Phật và tăng chúng hằng ngày đến nhà của ông ta để thọ thực.

---

[1] Visākhā -Trang 900 - 904 trong quyển II - Distionary of Palī proper Names.
[2] Nước Aṇga là chư hầu của Māgadha.

Meṇḍaka, một đại triệu phú quý hiển, đời này giàu sang tột bực là nhờ trong một kiếp quá khứ, gặp nạn đói, ông đã lấy phần thực phẩm cuối cùng, không để dành cho mình mà cúng dường đến một vị Phật Độc Giác (Paccekabuddha). Do quả báo phước lành cao thượng này, ông được tái sinh vào một gia đình cự phú, có tên là Meṇḍaka, được thừa kế tài sản nhiều đời của tổ tiên. Hiện tại, ông ta được hưởng thụ lắm phước báu phi thường. Một trong những phước báu phi thường ấy là gia sản, tiền bạc của ông rất dồi dào, tiêu phí bao nhiêu cũng không khô cạn. Hễ ông bắt tay làm ăn bất cứ ngành nghề gì thì lợi tức bao giờ cũng chảy tràn vào như nước.

Nhiều năm về trước, trong chuyến làm ăn buôn bán ghé Sāvatthi, triệu phú Meṇḍaka đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, một niềm hoan hỷ vô biên đã đến với ông; kể từ đó, ông mới thấy cuộc sống có thêm ý nghĩa cao quý và tinh thần của mình có nơi nương tựa vững chắc.

Con trai trưởng của đại triệu phú Meṇḍaka, một công tử trí tài và hiền đức đúng như kỳ vọng của ông, vừa có đầu óc kinh doanh thiên tài vừa có trái tim nhân hậu như cái tên là chứng minh thư chào đời của chàng vậy: Dhanañjaya, có nghĩa là kẻ làm tăng vượng của cải, vinh quang của cải, đồng thời còn có tâm từ ái, thường chia sớt cơm áo, thuốc men đến cho những kẻ cô quả, đói nghèo tương tự trưởng giả Cấp Cô Độc hữu danh vậy!

Phu nhân công tử Dhanañjaya là bà Sumanā Devī, một giai nhân tuyệt sắc, mang cái đẹp vẹn toàn về dung nhan, tư cách cũng như đức hạnh. Nếu người đời thường mơ ước năm điều: Làm vua chúa, giàu sang, vợ đẹp, con ngoan, cả gia đình đều khoẻ mạnh thì công tử Dhanañjaya đã có đến bốn điều hạnh phúc rồi vậy.

Cũng giống như thân phụ, thanh niên Dhanañjaya nhân nghe một bài pháp, cũng do đức Phật thuyết, ông đã đắc quả

Tu-đà-hoàn nên đã có đời sống của một cư sĩ mẫu mực làm gương sáng cho nhiều người. Bà Sumanā Devī, phu nhân của Dhanañjaya, sinh hạ một ái nữ tuyệt vời, được đặt tên là Visākhā, có nghĩa là "Nét đẹp của ánh trăng tháng Năm"![1] Cô tiểu thư này, về phương diện tinh thần, lại được thấm nhuần giáo pháp sớm hơn thân phụ và nội tổ nữa, vì cô bé đã đắc pháp nhãn khi mới vừa bảy tuổi như nói ở trên.

Duyên sự tiếp theo.

Trong một lần viếng thăm em gái, là hoàng hậu của đức vua Bimbisāra, đức vua Pāsenadi nhận thấy nước Māgadha và các chư hầu kế cạnh có đến năm vị triệu phú mà nước ông không bằng được như thế: Đấy là quý ông Joṭika, Jāṭila, Puṇṇakaka, Kākavalliya và Meṇḍaka. Trong đó, triệu phú Meṇḍaka là giàu nhất. Đức vua Pāsenadi nhận thấy rõ rằng, nơi nào có một vị triệu phú ở, thì nơi đó các nền công nghệ, thương mãi, nông nghiệp kể cả những ngành nghề thủ công đều được phát triển. Nói cách khác, những ông triệu phú ở thành phố, thị trấn nào thì ở đó sẽ phú túc, thạnh mậu. Đức vua Pāsenadi ngỏ ý xin đức vua Bimbisāra "sớt bớt cho" một vị triệu phú về ở Kosala để nối kết tình bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ. Ban đầu đức vua Bimbisāra từ chối, nhưng sau nể tình "ông anh rể", vua đồng ý nhưng bảo là còn tùy thuộc sự tình nguyện của họ chớ không thể bắt buộc được. Khi đức vua Bimbisāra hỏi ý kiến năm vị triệu phú hữu danh trong nước của mình cùng các nước chư hầu thì gia đình triệu phú Meṇḍaka cùng con trai Dhanañjaya, bây giờ cũng đã được đức vua phong là triệu phú hay trưởng giả (Seṭṭhi) tình nguyện ra đi. Cuộc "thiên di" vĩ đại cả gia sản đồ sộ với hằng ngàn cỗ xe của cải, tư trang, tư dụng, hằng trăm ngàn gia súc gồm ngựa, bò, dê, cừu cùng hằng ngàn

[1] Không nhớ rõ nghĩa này tìm thấy ở đâu.

con cháu, gia nhân, thị nữ, người làm công, nô bộc... phải nói là đã rúng động nhiều tiểu quốc.

Đến một vùng đất xóm làng thưa thớt, tuy có sông, có núi, có bình nguyên mênh mông nhưng có lẽ không ai bỏ tiền bạc và công sức khẩn hoang nên nó như là một công chúa diễm lệ đang ngủ quên giữa rừng già. Đây là vùng đất cách kinh đô Sāvatthi chừng bảy do-tuần, đại gia đình ông triệu phú chọn nơi đây để trú cư, lập nghiệp. Do họ đến đây vào lúc trời gần tối nên nó có tên là Sāketa. Thế rồi, chỉ vài năm sau, với nhân lực hùng hậu, với tài sản, gia sản khổng lồ, đầu óc của hai cha con ông triệu phú đã biến nơi đây trở thành một thị trấn sầm uất được vây quanh bởi hằng chục cánh đồng hoa màu tươi tốt, hằng trăm ngôi làng cư dân đông vui. Từ đây mọi công việc trong ngoài, lão triệu phú Meṇḍaka đều giao lại hết cho con trai là Dhanañjaya gánh vác.

Vào hạ thứ bảy, sau ba tháng độ Phật mẫu ở cung trời Đao Lợi, đức Phật ghé chân xuống quả đất là ở tại thị trấn Sāketa này; nhưng bây giờ, thêm bảy năm nữa, nó đã trở thành một thành phố phát triển năng động. Đức vua Pāsenadi đã xuống sắc chỉ phong cho triệu phú Dhanañjaya làm trưởng trấn thành[1].

Vào hạ thứ mười ba khi đức Phật an cư tại hòn núi đá trắng Cālika thì cô bé Visākhā đã là một tiểu thư mười sáu tuổi. Kinh điển và chú giải nói rằng, cô Visākhā có sức mạnh thể chất như một nam nhi lực sĩ[2] cùng vẻ đẹp mỹ miều, duyên dáng thế gian không ai sánh được. Cô hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân: Là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi

---

[1] Tương đương tỉnh trưởng kiêm thị trưởng.

[2] Tuy xương vóc mảnh mai nhưng sức mạnh của cô bằng năm con voi. Có lần, đức vua Pāsenadi đã tò mò, thử tài, chỉ với cánh tay, cô đã bắt con voi phải nằm bẹp xuống (Tích truyên Pháp cú 51).

trẻ. Tóc nàng đen mướt như nhung, trông tựa đuôi công, khi xỏa xuống thì dài tận gót chân rồi uốn lượn lên, được gọi là tóc mỹ lệ (Kesākaḷyāna). Da cô tuy không phấn sáp vẫn thắm nhuận, mịn màng và tươi tắn như cánh sen màu trắng hồng[1], được gọi da mỹ lệ (Chavikakaḷyāna). Môi nàng đỏ hồng một cách tự nhiên như trái "bimba", lại còn tươi nhuận, mềm mại và gợi cảm, được gọi là thịt mỹ lệ (Maṃsakaḷyāna). Răng trắng như ngà, khít khao, đều đặn và sáng ngời như chuỗi kim cương khéo kết, khi cười thì long lanh như xà cừ, đó là xương mỹ lệ (Aṭṭhikaḷyāna). Và thứ năm, vẻ đẹp tươi trẻ, vóc dáng mảnh mai, thanh xuân ấy còn giữ nguyên vẹn cho đến tuổi già!

Tại kinh đô Sāvatthi lúc bấy giờ, có một vị triệu phú tên là Migāra, ông ta có một quý tử tên là Puṇṇakavaddhana đã đến tuổi lập gia đình. Những ông mai, bà mối giới thiệu nơi này nơi kia những tiểu thư xinh đẹp, môn đăng hộ đối nhưng cậu thanh niên này đều không vừa lòng. Nói mãi, cậu quý tử mở lời làm khó dễ:

- Chỉ khi nào cha mẹ tìm ra được một cô gái hội đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân con mới đồng ý.

- Năm vẻ đẹp ấy là gì?

- Thưa, đấy là tóc, da, thịt, xương vóc và tuổi trẻ! Các thầy bà-la-môn bảo như thế!

Tìm hỏi một thầy bà-la-môn uyên bác về tướng pháp, ông ta xác định sự thực là có năm vẻ đẹp như vậy và có thể tìm thấy trên thế gian, nên ông triệu phú Migāra thuê mướn tám thầy bà-la-môn tài giỏi nhân tướng học đi khắp nơi kiếm tìm mỹ nhân đạt yêu cầu cho tiểu chủ.

Chuyện kể rằng, hôm kia nhân một ngày lễ hội, tiểu thư Visākhā cùng với những thị nữ đi dạo chơi, sau đó đến tắm ở hồ nước công cộng xinh đẹp tại một công viên do phụ thân

[1] Nếu có màu thì như hoa sen xanh, nếu trắng thì như hoa Kaṇṇikā.

của cô kiến tạo. Đột ngột, một đám mưa to đổ xuống. Tất cả mọi người, ai ai cũng hối hả chạy tìm một nơi nào đó để trú mưa, những thị nữ của cô cũng vậy. Riêng tiểu thư Visākhā thì không hấp tấp, không vội vã mà cứ chậm rãi, khoan thai từng bước một đi vào một chái lương đình. Hình ảnh ấy đập ngay vào mắt mấy người trong đoàn bà-la-môn sứ giả đang đi tìm "ý trung nhân" cho con trai ông triệu phú. Họ kín đáo, lặng lẽ quan sát cô gái vừa tạo cho họ một ấn tượng tốt. Phải nói là cô ta quá xinh xắn, không những đẹp từ sắc diện đến dáng vẻ đoan trang, nho nhã mà còn cái gì đó nơi nết hạnh, nơi tư cách cao quý nữa mà họ chưa nắm bắt hết. Quan sát kỹ thì họ thấy cô tiểu thư này có được bốn vẻ đẹp của mỹ nhân nhưng họ chưa thấy răng cô ra sao. Phải nghe cô ta cười hoặc nói mới biết được.

Và đoạn đối thoại thú vị sau đây xảy ra.

Một vị lịch sự hỏi:

- Thưa tiểu thư! Sao tiểu thư không nhanh chân chạy đi trú mưa như mọi người mà lại bước đi chậm rãi, khoan thai như thế? Không ngại mưa ướt xiêm áo hay sao?

Cô Visākhā mỉm cười, dịu dàng nói:

- Thưa ông! Xiêm áo "ướt" thì ta có thể thay đổi cái khác được, nhưng khi tư cách, nết na và phẩm hạnh của người nữ đã "ướt" rồi thì biết lấy "cái khác nào, ở đâu" để thay đổi?

Vị sứ giả ngơ ngác, chưa hiểu.

Cô lại phải giải thích một cách rộng rãi hơn:

- Thưa ông! Nếu muốn, tôi có thể chạy nhanh hơn cả lực sĩ điền kinh nhưng tôi đã không làm vậy! Tại sao? Ví như có một vị vua đang mặc sắc phục triều đình, đội vương miện quyền quý, bỗng nhiên, quấn bào, xăn áo hối hả chạy vào cung điện thì đâu còn ra thể thống gì nữa! Một thớt ngự tượng đĩnh đạc, bệ vệ, mình mang đầy trang sức châu báu, thường thì uy nghi, chững chạc từng bước một, nay bỗng

dưng đâm đầu hớt hãi bỏ chạy tạo nên một cảnh tượng gì đó giống như giặc đuổi sau lưng! Một vị tỳ-khưu với từng bước chân chậm rãi, ổn định, thảnh thơi trông rất thanh thoát, khả kính cũng bị thế gian chê cười khi ông ta xốc xếch y bát chạy nhanh trên đường! Cuối cùng, một người nữ nếu xăng xái bước vội, đi nhanh như đàn ông thì còn đâu nữa cái dáng vẻ yểu điệu, khoan thai của một tiểu thư khuê các? Đấy là bốn nhân và vật trên thế gian này, bất cứ trường hợp nào cũng không được hối hả đi nhanh, bước nhanh hay chạy nhanh, thưa ông![1]

Khi cô Visākhā trả lời, do giọng nói thanh tao, dịu dàng; do lý luận, ví dụ sắc bén, cụ thể đã cuốn hút mọi người xung quanh đến nghe cô "diễn thuyết". Các vị trong đoàn bà-la-môn sứ giả vốn là những bậc đa văn, học thức, nhưng họ cũng chỉ biết lặng người, không ai dám có ý kiến gì nữa. Mọi kiến thức, hiểu biết của họ đã hoàn toàn bị "hạ phong" trước cô gái chỉ bằng tuổi cháu con.

Khi từ giã, họ chỉ biết tâm phục, khẩu phục, nghiêng đầu:

- Cảm ơn tiểu thư đã cho chúng tôi được mở rộng kiến văn!

- Thưa, không dám ạ!

Qua cuộc nói chuyện, mấy vị bà-la-môn đã thấy rõ "tướng răng" của cô rồi, đều đặn, trắng và sáng ngời như ngọc. Vậy là cô ta có đủ năm vẻ đẹp của mỹ nhân. Mấy ngày hôm sau, âm thầm theo dõi, điều tra, đoàn bà-la-môn sứ giả lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi biết rằng, cô bé kia là ái nữ của triệu phú Dhanañjaya[2] là trưởng trấn thành của

---

[1] Có tham khảo thêm " Đức Phật và Phật Pháp của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

[2] Ông Meṇaḍaka đã già, đã giao toàn bộ sự nghiệp cho con trai.

thành phố Sāketa, rất được mọi người tôn kính và ngưỡng mộ.

Về kể lại toàn bộ câu chuyện mắt thấy, tai nghe cùng với kiến thức uyên bác của cô tiểu thư cho ông triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana nghe; vị trưởng đoàn sứ giả kết luận:

- Tiểu thư kia là mỹ nhân của những mỹ nhân, vẹn toàn về sắc đẹp, kiến thức và nết hạnh, có lẽ hiếm có người thứ hai nào để so sánh. Tuy nhiên, nếu dạm hỏi thì phải thật tế nhị, trân trọng, vì cô ta chính là ái nữ của ông trưởng trấn thành Sāketa, một vị triệu phú đệ nhất không ai sánh bằng, ngoại trừ trưởng giả Cấp Cô Độc mà thôi.

Triệu phú Migāra nhíu mày, dè dặt hỏi:

- Ông nghi ngại họ sẽ chê chúng ta "nghèo" hơn họ, không "môn đăng hộ đối" chăng?

- Tôi không dám nói vậy! Vị sứ giả thưa tiếp - Ý tôi là nên có một cái lễ hậu hĩ và phải đích thân ông chủ lớn đến Sāketa một chuyến để lựa lời kết mối sơ giao!

- Ta với ông Dhanañjaya vốn là chỗ quen biết trong một vài cuộc làm ăn trước đây!

- Vậy là tốt! Vậy là hay! Vậy là quý quá rồi! Và công tử Puṇṇakavaddhana cũng nên đi theo, vì tướng mạo của công tử rõ là một mỹ nam tử rất xứng đôi!

Sau khi sắp đặt đâu ra đấy, ông triệu phú và con trai lên mười cỗ xe quý phái, có hai mươi con bạch mã cao sang, với một trăm người hầu nam nữ cùng với lễ phẩm hậu hĩ, lên đường đến Sāketa, ghé dinh cơ, biệt phủ của ngài trấn trưởng. Kết quả, cuộc lễ dạm hỏi thế là thành công; vì nghĩ đi nghĩ lại, gia đình triệu phú Migāra và trưởng công tử Puṇṇakavaddhana trông cũng xứng đáng cho con mình nương tựa nên đại triệu phú Dhanañjaya đồng ý.

Thời gian sau, khi ngày cưới đã được ấn định, chính đích thân đức vua Pāsenadi trong lòng cũng háo hức. Ông

thầm nghĩ: Chính do ta đã mở miệng xin đức vua Bimbisāra một ông triệu phú để làm giàu thêm cho đất nước! Xem nào? Tính đến thời điểm này thì mới chỉ chín năm! Ôi! chỉ mới chín năm mà cha con ông Dhanañjaya đã biến cái ngôi làng nghèo nàn ấy trở thành một thị trấn, rồi một thành phố thật sao? Và nó như thế nào mà bấy lâu ta chỉ nghe mọi người tấu sớ hết lời tán thán, ca tụng? Hay là dịp này, ta hãy đi "kinh lý" một chuyến cho mãn nhãn?

Khi nghe tin đức vua Pāsenadi muốn tham dự lễ cưới, triệu phú Migāra rất sung sướng, vì như vậy là danh giá của gia đình ông càng được nâng cao, lại càng xứng đáng với gia đình nhà gái!

Đến ngày, khỏi kể lại lực lượng đi rước dâu hùng hậu và rầm rộ như thế nào, khi hằng chục cỗ xe sang trọng, người và lễ phẩm của gia đình triệu phú Migāra cùng với hằng chục cỗ xe vương giả của đức vua, thị thần, tùy tùng và quan quân tiền hô hậu ủng!

Để chứng tỏ tư cách, địa vị và phẩm giá của một đại gia, triệu phú Dhanañjaya đã đánh tiếng trước là không nhận thêm lễ phẩm của nhà trai; và mọi sự cung đón, nghinh tiếp, chi phí tiệc tùng dầu đông đến hằng ngàn người, nhà gái cũng sắp xếp, lo liệu được.

Thế rồi, triệu phú Dhanañjaya không những chu cấp tươm tất chỗ ngủ nghỉ, những buổi yến tiệc, ăn uống, mà còn phục vụ văn nghệ giải trí cho phái đoàn nhà trai một cách hiếu khách và đầy hào phóng. Ông triệu phú chủ nhà còn thuyết phục đức vua và phái đoàn triều đình ở lại luôn trong thời gian trời đang còn mưa gió, đường sá về kinh đô còn có vẻ bất tiện. Đức vua đồng ý và rồi đã rất hài lòng về sự chăm sóc tận tình, tỉ mỉ, cẩn trọng và chu đáo của chủ

nhà! Mà thật ra, tất cả là do nhờ tâm trí và cả bàn tay khéo léo của tiểu thư Visākhā mới được vậy![1]

Về việc trang hoàng, làm đẹp thành phố, chuẩn bị áo cưới, phục sức, trang điểm cho cô dâu cũng là chuyện hy hữu, "kinh khiếp"! Trước ngày đón hai phái đoàn ghé Sāketa, triệu phú Dhanañjaya đã cho đập bỏ hằng trăm ngôi nhà cũ nát trong thành phố rồi cung cấp cho họ vật liệu, nhân công và tiền bạc để xây dựng nhà mới. Ông còn cho trang trí lại các con đường, cổng ngõ, yêu cầu trồng thêm cây xanh và cây hoa! Trong mấy tháng lễ cưới của con gái, ông trích quỹ để nhân dân thành phố cũng được tiệc tùng, ca nhạc, diễn kịch, đóng trò, biểu diễn thể thao và nhiều cuộc giải trí vui chơi khác!

Chuyện kể đầy ấn tượng. Năm trăm thầy thợ vàng, bạc khéo tay đã được mời đến, bao nhiêu kim cương, ngọc quý đều được lấy ra cho họ chọn lựa, để họ trổ hết tài nghệ chế tạo những đồ trang sức, trang điểm quý giá (Mahālatāpasādhana), tinh vi, có giá trị nghệ thuật cho cô dâu, suốt bốn tháng trường mới xong![2] Việc may áo cưới cũng nhiêu khê, phức tạp y như thế mới hy vọng tương thích với tác phẩm nghệ thuật trang sức của những người thợ kim hoàn. Họ còn phải may sắm thêm một trăm bộ xiêm áo cùng đồ trang sức cho một trăm cô phù dâu nữa. Rồi còn thợ giỏi chế nước hoa, dầu thơm, mỹ phẩm các loại cho tất thảy nữ nhân dự lễ hai họ.

---

[1] Theo chú giải Dhammapada, diễn tả là tiểu thư Visākhā đã đích thân coi sóc tất cả mọi thứ.

[2] Chú giải có ghi rằng: Món trang sức đặc biệt nầy, người ta sử dụng hết 4 gáo kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc quý. Dùng chỉ bằng bạc để kết. Nút, khuy đều bằng vàng và bạc. Mũ đội đầu có hình dáng một con khổng tước. Hai cánh, mỗi cánh có 500 chiếc lông bằng vàng. Mỏ bằng san hô. Mắt bằng ngọc maṇi. Chân bằng bạc. Đuôi có 500 hình mặt trời được dát bởi các loại châu ngọc khác nhau (Chỉ để tham khảo thêm).

Chuyện ăn, chuyện uống phục vụ cho đức vua, các quan đại thần, triệu phú, công nương... đâu phải là dễ dàng gì. Hằng chục trưởng bếp giỏi được thuê mời từ các tiểu quốc, phải tài giỏi, kinh nghiệm, cao tay nghề mới chế biến được những món ăn hợp với khẩu vị cung đình, hoàng gia, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia! Về chuyện củi đun để lo việc nấu ăn cho hằng ngàn người mỗi ngày cũng không phải đơn giản. Vài tuần đầu là sử dụng gỗ thơm, củi thơm. Sau đó là hằng chục kho củi đã hết nhẵn trong chỉ hơn một tháng. Cô Visākhā tự chỉ huy, bảo phải đi lấy gỗ ván bất cứ nơi nào có gỗ ván để làm củi đốt! Thế là họ phải đi lấy gỗ ván trong khắp thành phố. Và lạ lùng là ai cũng hoan hỷ tháo dỡ! Được hơn tháng nữa thì lại cạn kiệt gỗ ván, cô Visākhā lại xuống lệnh cho mở tất cả những kho vải thô, nhúng dầu thay cho củi đun! Còn một vài ngày cuối cùng, khi những kho vải thô đã hết, họ phải sử dụng bất cứ vải gì miễn là đốt được, nấu ăn được. Thế là ròng rã bốn tháng trường, đại gia đình triệu phú, trưởng trấn thành Sāketa hào sảng đãi khách, một lần cho con gái về nhà chồng mà sau đó nổi tiếng khắp châu Diêm-phù-đề![1]

Thế mà đã hết đâu. Riêng hồi môn cho con gái thì sao? Ông triệu phú Dhanañjaya đã cho tiểu thư cưng yêu của hồi môn bao gồm năm trăm cỗ xe tiền vàng, tiền đồng; năm trăm cỗ xe chất đầy chén, đĩa, bát, mâm, thau đều bằng vàng, bạc hoặc đồng, lại còn chum, vại, lọ bằng sành, sứ nữa; nhiều thứ tơ, lụa, gấm, nhung quý giá khác nhau, vải vóc các loại khác nhau; lại còn đường, mật, sanh tô, gạo thơm, nếp thơm, bắp, đậu, ca ri...cùng với cày bừa, cuốc,

[1] Trong thời đức Phật Kassapa, cô đã cúng dường y và bát đến hai mươi ngàn vị tỳ-khưu cùng với kim chỉ và các vật liệu may mặc khác; vậy phước báu và những sự kiện hy hữu này như là một kết quả mà cô được nhận lãnh, thọ hưởng trong kiếp sống này (Chú giải Dhammapada.i.395).

xẻng và những dụng cụ linh tinh thuộc nông nghiệp. Tháp tùng còn năm trăm cỗ xe khác, mỗi cỗ xe có ba nữ tỳ trang sức lộng lẫy cùng với tất cả mọi tư trang, tư dụng, vật dụng không thiếu thứ gì. Gia súc được ông cho nguyên một trang trại lớn chứa trong một cái chuồng với ba phần tư dặm chiều dài và tám cây sào chiều rộng đứng kề nhau! Chuyện chưa hết, khi tất cả gia súc được lùa đi, thì khoảng chừng sáu mươi ngàn bò đực và sáu mươi ngàn bò cái ở các chuồng trại kế cận cũng phá rào nhảy theo đoàn gia súc của cô[1].

Trước lúc Visākhā về nhà chồng, người cha sáng suốt còn khuyên dạy con gái "mười điều gia huấn" mà ông Mirāga đã chỏng tai nghe lõm từ phòng bên cạnh. Những lời đó là:

- Không đem lửa từ trong nhà ra ngoài ngõ;
- Không đem lửa từ bên ngoài vào trong nhà;
- Chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả;
- Không cho đến những người không khả năng hoàn trả;
- Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả;
- Ngồi một cách an vui;
- Ăn một cách an vui;
- Ngủ một cách an vui;
- Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa;
- Và cuối cùng, tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà[2].

---

[1] Số là trong một kiếp, vào thời Phật Kassapa, cô là cô công chúa thứ bảy tên là Saṅghadāsī, con của đức vua Kikī, cô đã cúng dường năm sản phẩm của bò cái đến hai mươi ngàn vị sư, thỉnh quý ngài thọ dụng. Khi đã dâng cúng sung mãn rồi, cô còn "kỳ kèo, năn nỉ" dâng cúng thêm vài món khai vị nữa - nên chuyện sáu chục ngàn bò đực và sáu chục ngàn bò cái phá chuồng chạy theo - là do cái phước "dư thừa" trên vậy (Chú giải Dhammapada. i.397).

[2] Những lời kỳ diệu này về sau được bà Visākhā giải thích rõ ràng cho cha chồng của cô (chú giải Dhammapada. i. 403f). 10 điều trên có tham khảo thêm Đức Phật và Phật Pháp của ngài Nārada - Phạm Kim Khánh dịch.

Vào ngày hôm sau, vì thương con gái, sợ con gái cô thế nơi nhà người, ông Dhanañjaya đã cẩn thận cho tám người thân nhân gia chủ lão thành, uy tín đi theo cô như là những người bảo trợ, đồng thời, tham mưu, cố vấn cho cô trong những lúc khó khăn, cũng để xử lý, đối phó với những ai bên nhà chồng chống đối cô, "ăn hiếp" cô hoặc buộc tội cô một cách vô cớ!

Ngày cô rời khỏi nhà, nhân dân cả hằng chục ngôi làng khóc lóc đưa tiễn cô. Triệu phú Dhanañjaya xúc động quá, ông đã đồng ý, cho phép bất cứ những người dân nào của mười bốn ngôi làng của ông (do ông xây dựng, bảo trợ), nếu như họ muốn đi theo với cô ta. Kết quả là có những ngôi làng đã hoàn toàn bị bỏ trống. Nhưng ông triệu phú Migāra, chợt hoảng sợ khi nghĩ rằng, mình phải nuôi thêm mấy ngàn người nên ông không nhận, phũ phàng hơn, ông đã đuổi họ về hết.

Đến Sāvatthi, tiểu thư Visākhā đi vào thành với hằng ngàn cỗ xe; cô đứng dậy trên một cỗ xe lộng lẫy nhất, do thế tất cả mọi người dân đều có thể nhìn thấy cô gái, tuy chưa biết mặt mà danh tiếng của cô đã lẫy lừng ở kinh đô, đã làm cho họ vô cùng cảm mến, ngưỡng mộ. Đoàn xe phải dừng lại do sự chen lấn của hằng ngàn người. Lại càng ngạc nhiên làm sao, không biết bao nhiêu là quà cáp do mọi người trao tặng nữa. Cô tiểu thư đành phải bước xuống xe nhận lễ phẩm với nụ cười khả ái, với đôi lời cảm ơn ân cần, lễ độ. Sau đó, cô đã khởi tâm làm một việc lạ lùng, ngoạn mục không ai ngờ nổi, là sai bảo quyến thuộc, gia nhân, nô bộc, thị nữ hạ hàng hóa xuống, chỉ chừa lại tư trang, tư dụng, châu báu, bạc tiền, tơ lụa, vải vóc cần thiết, còn bao nhiêu vật dụng linh tinh, sanh tô, đường, mật, ngũ cốc, vải vóc cả hằng trăm xe mà cha cho, bảo phân phát hết cho mọi người có mặt và cả những gia đình ven đường. Tiếng mọi người ca

tụng, tán thán, cười vui... hôm đó là hiện tượng hy hữu, độc nhất vô nhị ở kinh đô Sāvatthi này!

Rồi về nhà chồng, một thời gian sau, mọi người từ thân bằng quyến thuộc đến gia nhân, người hầu, thị nữ ai ai cũng mến yêu và quý trọng cô. Mọi công việc từ trong ra ngoài, một tay cô quán xuyến chu đáo tất cả mà không hề tỏ ra sai bảo hoặc chỉ tay năm ngón. Tình thương và tâm từ ái của cô như hương thơm dịu dàng tỏa ra bao trùm cả không gian sống, người và vật.

Một đêm kia, tiết trời mưa lạnh, ngoài chuồng nuôi gia súc có tiếng thú kêu bất thường, thị nữ cho biết là có một con ngựa cái sắp đẻ, có lẽ khó khăn nên nó vật vả, đau đớn như vậy. Cô Visākhā vùng dậy cùng các gia nô nam và nữ đốt đuốc ra tận nơi, sai lấy thêm cỏ phủ chuồng cho ấm, sai nấu nướng nóng tắm rửa, lau khô rồi thoa dầu ngăn ngừa độc trùng; đồng thời, tự tay cô ve vuốt, nói lời trìu mến, thiết thân như xoa dịu cơn đau cho nó. Quả nhiên, con ngựa không quằn quại kêu rống nữa, và sau đó, mấy người hầu nam đã giúp nó sinh con một cách an lành!

Duyên sự khác.

Ông Migāra là đệ tử trung kiên và thuần thành của phái Ni-kiền-tử (Niganṭha Nātaputta). Ngày nọ, ông thỉnh về nhà rất đông tu sĩ lõa thể. Khi các vị ấy đến, ông Migāra bảo với cô rằng:

- Hôm nay, ta đã thỉnh mời các bậc A-la-hán đến nhà để cúng dường, con hãy ra chào mời và đảnh lễ quý ngài cho phải đạo.

Thoạt nghe danh từ A-la-hán, cô vô cùng hoan hỷ, trang điểm qua loa rồi bước ra. Nhìn thấy những tu sĩ lõa lồ nghênh ngang ngồi, đứng có vẻ quá tự do trong và ngoài trang viện, nàng vội vã thối lui. Một phụ nữ thanh nhã, đoan trang như cô thật không thể nào chịu đựng được hình ảnh kệch cỡm, thô tục ấy.

Nàng nói với cha chồng:

- Cha đã không lịch sự, thiếu tế nhị khi bắt con phải ra chào hỏi cái đám người hoang dã, rừng rú ấy!

- Hoang dã? Rừng rú? Ông triệu phú trố mắt! Chính con đã phỉ báng các bậc A-la-hán đấy!

- Nếu là bậc A-la-hán thật sự thì hoàn toàn khác thế! Họ thanh sạch, tinh khiết từ tâm hồn đến thể chất, từ tướng mạo, dáng vẻ cho đến sắc phục, thưa cha!

Thoáng nghe đoạn đối thoại vọng ra, một vị trưởng lão râu tóc xồm xoàm, cho gọi triệu phú Migāra lại rồi nghiêm khắc la rầy như sau:

- Tại sao trong ngôi nhà thuần thiện này lại có mặt một cô con gái vốn là đệ tử của ông Cù Đàm nhỉ?

- Thưa vâng, đệ tử đã sơ suất, đã có lỗi, xin sám hối với sư phụ!

- Sám hối không chỉ là nói suông, phải đuổi "con quỷ cái" ấy ra khỏi nhà!

- Thưa vâng!

"Vâng" thì vâng vậy nhưng khi đám đạo sĩ lõa thể rời khỏi nhà rồi, ông triệu phú tỉnh táo lại, thầm suy nghĩ: "Con dâu của ta là con nhà có giáo dục, đã đối xử phải lẽ với chồng, với cha chồng, với kẻ ăn, người ở, lại còn quán xuyến mọi việc trong ngoài, đâu cũng sạch sẽ, ngăn nắp. Từng món ăn phục vụ chồng, cha chồng đều là thượng vị, tinh tươm như có trái tim ở trong từng món nêm nấu. Chuyện xảy ra vừa rồi, con dâu ta hơi quá khích mà chính các bậc thầy của ta cũng hơi quá khích! Nếu đuổi đi thì con trai ta chắc sẽ phiền lòng, sầu khổ; và ngôi nhà này thật không dễ gì kiếm ra một cô dâu thứ hai như thế! Hy vọng là từ từ ta sẽ cảm hóa cô ta theo cái đạo của mình!"

Một ngày nọ, ông Migāra đang ăn một bữa cơm sang trọng trên cái mâm có chén bát bằng vàng. Lúc đó cô Visākhā đang đứng quạt hầu cho ông, nhìn thấy một vị sư

khất thực đang đứng phía ngoài sân nhà. Cô bèn đứng né qua một bên để ông Migāra có thể trông thấy. Ông Migāra tuy đã thấy nhưng vẫn tiếp tục ăn và không hề để ý đến vị sư; do thế cô đã nói vọng ra bên ngoài rằng:

- Bạch ngài! Xin ngài hãy hoan hỷ bước sang nhà khác, vì cha chồng của con hôm nay đang ăn một món ăn đã "siu nguội"(Purārakaṃ)!

Vậy là "quá đáng"! "Quá đáng"! Ông Migāra đùng đùng nổi giận, đẩy tung mâm chén bát, đứng dậy, quát lớn:

- Sẽ tống cổ ngươi đi thôi! Chuyện ngươi phỉ báng các vị A-la-hán ta còn canh cánh bên lòng, bây giờ ngươi còn phỉ báng cả ta nữa, ta không chịu đựng được nữa rồi!

Cô Visākhā phân trần:

- Chuyện ấy không phải là phỉ báng, thưa cha! Cha đã hiểu lầm rồi!

- Không hiểu lầm gì cả! Cái chữ, cái nghĩa sờ sờ ra đó, ai mà cũng không hiểu cơ chứ!

- Con nói "siu nguội" là nói nghĩa ẩn bên sau!

- Thôi! Câm miệng đi! Ta sẽ đuổi! Ta sẽ đuổi!

Chợt, cô Visākhā cứng cỏi đáp lại:

- Đâu có dễ gì, thưa cha!

Ông sừng sộ:

- Tại sao hả? Tại sao ta không thể đuổi được hả?

- Thưa cha! Khi con đến ngôi nhà này "quang minh chính đại", có sự đưa đón cả hai họ, có sự chứng giám của đức vua - vậy thì nếu con ra đi thì cũng phải "quang minh chính đại" như thế!

Ông Migāra cứng lưỡi, đớ người, quả thật chỉ một câu nói của cô, ông đã lúng túng, không đáp được!

Chợt cô cất giọng vừa dịu dàng vừa rắn rỏi:

- Có thể vấn đề được gói gọn lại, thưa cha! Khi về đây, cha của con đã gởi theo tám vị trưởng lão uy tín để đỡ đầu cho con, đã có nói với họ rằng: "Về nhà chồng, nếu con gái

tôi có phạm lỗi lầm gì, xin các vị hãy quan sát, dò xét vấn đề cho cặn kẽ!" Sao cha không đem vấn đề vừa rồi ra giữa hội đồng để cùng với họ đáp, vấn cho công bằng, xem thử con có lỗi hay không có lỗi?

Tám vị trưởng lão được triệu tập.

Cuộc thẩm án bắt đầu.

Việc thứ nhất, ông triệu phú thuật lại chuyện bữa ăn, vị sư khất thực và cô con dâu đã nói là món ăn "siu nguội" rồi kết luận:

- Thưa các vị! Nói thế là phạm thượng, là phỉ báng cha chồng, thật không thể dung thứ được.

Một vị trưởng lão nhíu mày rồi hỏi cô:

- Có phải sự thật cô đã nói đúng nguyên văn như vậy không, Visākhā?

-Thưa, đúng! Con đã nói như thế! Con có nói đến món ăn "siu nguội", nhưng con nói theo "pháp ngữ" mà cha chồng của con lại hiểu theo "thường ngữ"!

Khi mọi người ai cũng thắc mắc, không hiểu, thì cô đã giảng giải cặn kẽ như sau:

- "Thường ngữ" là nói theo nghĩa thông thường của người đời, còn "pháp ngữ" là nói theo nghĩa nội dung của giáo pháp! Thưa cha, thưa các vị trưởng lão! Cô nói tiếp - Tất cả nhân thân, gia cảnh, tài sản, kể cả thức ăn, vật uống mà chúng ta thọ dụng ngày hôm nay là "quả báo" do "nhân" đã tạo từ quá khứ. Và "nhân" mà chúng ta tạo tác, làm ra ngày hôm nay, kiếp này thì chúng ta sẽ thọ nhận "quả báo" ở tương lai! Vậy, tất thảy những thọ dụng, món ăn ngày hôm nay vốn nó "đã cũ, do được nấu nướng, chiên xào từ kiếp trước"! Hôm ấy, cha chồng của con đang thọ thực, có một vị sư đang đứng trì bình trước sân nhà, dù thấy nhưng ông không cúng dường, nghĩa là không tạo tác, không "nấu ăn món ăn mới" cho kiếp sau; ông giả vờ không thấy, cúi xuống và tiếp tục thọ dụng "món ăn cũ, món ăn đã được nấu

từ ngày trước, kiếp trước". Vậy con bảo là cha con đang ăn món ăn "siu nguội" là nói theo "pháp ngữ" như thế thì con lỗi lầm ở chỗ nào, phỉ báng ở chỗ nào? Hay là con đã nói đúng với sự thật, với như chân như thật nhân quả ba đời? Con nói với thiện ý để cha chồng của con biết tạo nhân mới trong kiếp này để kiếp sau được quả báo hạnh phúc, an lạc hơn! Như vậy, ngược lại, con đã không có tội mà lại là người có công mới phải chớ!

Hội đồng im lặng. Mấy vị trưởng lão tế nhị chỉ đưa mắt nhìn ông triệu phú không nói gì cả.

Hiểu ý ấy, nhưng khá lâu sau ông mới gật đầu:

- Thôi được rồi! Nếu quả thật với ý như vậy thì ngươi không có tội. Ta đã hiểu lầm.

Rồi ông chợt bắt qua lỗi khác:

- Vậy có một đêm, cô là nữ nhân có gia giáo, sao lại thắp đuốc cùng nam và nữ ra vườn sau có việc gì? Chuyện ấy rất ám muội. Hãy giải thích đi!

- Thưa cha! Vậy ấy cha hãy hỏi lại mấy người gia bộc cùng với con ra vườn sau làm gì, là việc ám muội hay là chính đáng!

- Không cần hỏi, cứ khai thật đi!

- Thưa cha! Số là có một con ngựa cái khó sinh, nó kêu rống quằn quại. Con và mấy người hầu đã ra giúp nó sinh nở an lành.

Ông triệu phú không ngờ chuyện tưởng là bắt lỗi được, hóa ra càng rộ lõ cái chính đính và tâm từ ái của cô đối với súc vật.

Ông nín lặng một hồi rồi bắt sang lỗi khác nữa:

- Vậy trước khi về nhà chồng, cha cô có dạy cô mười điều cái gì mà như tiếng lóng ấy, trong đó câu nào cũng như là ám hiệu, ám ngữ, ám nghĩa - không rõ là với mục đích ám muội gì?

- Xin cha cứ nói?

- Ví dụ như câu:"Lửa trong nhà không đem ra ngoài ngõ. Lửa ngoài ngõ không nên mang vào trong nhà" là sao hả? Chẳng lẽ nào sống với mọi người mà không đem lửa cho hàng xóm láng giềng mồi khi tối lửa tắt đèn?

Thế là cô Visākhā phải giải thích:

Câu thứ nhất có nghĩa là, nếu trong gia đình nhà chồng có chuyện gì, dù hay, dù dở, dù tốt, dù xấu cũng không nên đem ra nói chuyện với người bên ngoài. Nó chính là lửa đấy, nó sẽ tạo nên miệng tiếng không hay; nếu không gìn giữ, nó sẽ đốt cháy danh giá, đốt cháy sự thuận hòa, êm ấm trong gia đình. Là con gái có nết hạnh phải biết rõ như vậy.

Câu thứ hai cũng tương tự vậy. Chuyện nơi chợ búa, chuyện ngoài đường, chuyện hàng xóm, chuyện xấu, chuyện tốt, chuyện hay, chuyện dở của thế gian, chuyện người ta nói thế này về cha, về chồng thường do thiên vị vì tham, vì sân, vì ganh ghét, vì đố kỵ, vì tỵ hiềm, vì nịnh bợ, vì phù phiếm; chúng không bao giờ trung thực, không đáng tin. Vậy thì nghe đâu bỏ đó, đừng mang về kể lại trong nhà tạo nên xáo trộn, lời qua tiếng lại, không hay, không tốt! Nói tóm lại là đừng ngồi lê đôi mách, nghe ngóng ba cái chuyện linh tinh, lang tang, chẳng đâu vào đâu rồi mang về trong nhà kể lại với người này, người khác! Là nữ nhân có gia giáo thì phải biết đấy là lửa, nó sẽ đốt cháy môi trường sống!

Ông triệu phú Migāra lại lặng người, nghĩ thầm trong bụng: "Ôi! họ dạy con cái tốt quá nhỉ?" nhưng ngoài mặt thì giấu cảm xúc, hỏi tiếp:

- Thế còn, cái quái gì là "chỉ cho đến những ai có khả năng hoàn trả; không cho đến những người không có khả năng hoàn trả"?

Cô Visākhā lại phải giải thích cặn kẽ:

Câu thứ ba, thứ tư là: Tài sản, vật dụng hoặc tiền bạc trong nhà phải cẩn thận gìn giữ. Nếu cho ai, cho hàng xóm hoặc người thân quen mượn cái gì, vật gì thì phải biết ngắm

xem người ấy, kẻ ấy có khả năng hoàn trả lại không? Hay họ sẽ mượn mà không trả? Tiền bạc cũng vậy, nếu cho ai vay thì phải xem xét gia đình ấy, người ấy, với nghề nghiệp như vậy, kinh doanh làm ăn như vậy thì họ sẽ có sức trả lại lúc đến hạn...Còn ngược lại, nếu thấy người ta không có khả năng thì không nên cho vay!

Ông triệu phú gật đầu:

- Vậy thì hiểu rồi. Nhưng câu thứ năm: Cho đến những người có thể hoàn trả hoặc những người không thể hoàn trả? Sau chỗ này thì cho hết là sao?

- Đây là trường hợp cho đến những thân bằng quyến thuộc hoặc những người đói nghèo, cơ cực! Ví dụ những bà con bên cha, bên chú, bên mẹ, bên dì... của chồng con gặp lúc hoàn cảnh khó khăn, nếu họ có mượn cái gì, vay cái gì đều nên cho họ vay, họ mượn. Nếu họ có trả lại, hoàn lại cũng tốt; nếu họ không có khả năng hoặc họ không trả lại, cũng thôi! Đối với những người đói nghèo, cơ cực cũng tương tợ vậy. Nếu họ có vay, mượn mà không hoàn lại, trả lại thì nên xem như là mình đã san sẻ, giúp đỡ cho họ vậy! Làm như vậy hóa ra là mình thực hiện được một phước sự , một việc tốt đẹp, thưa cha!

Ông triệu phú lại nín lặng, rồi ông hỏi tiếp:

- Vậy chớ "ngồi một cách an vui, ăn một cách an vui, ngủ một cách an vui" là thế nào? Con dâu ở nhà chồng mà chỉ tính chuyện an vui cho mình thôi sao? Vậy có hợp đạo lý không?

- Thưa cha! Phải nói là ngược lại. "Ngồi một cách an vui" có nghĩa là khi ngồi là phải biết ngồi chỗ nào cho phải lẽ, cho hợp lễ. Phải biết tránh chỗ ngồi của cha, của mẹ. Nếu cha mẹ có đi ngang qua thì phải đứng dậy, cúi đầu chào. "Ăn một cách an vui" là trước bữa ăn phải xem thức ăn đã dọn đầy đủ cho cha cho mẹ và cho chồng hay chưa? Phải còn coi xem kẻ ăn người ở trong nhà có được bữa ăn chu

đáo không? Và chính mình là người ăn sau cùng, ấy mới gọi con dâu thảo! "Ngủ một cách an vui" là trước khi ngủ phải quan sát, kiểm soát mọi việc trong nhà, đóng cửa, cài then cẩn thận; xem kẻ ăn người có sai sót việc gì, xem họ có hoàn thành công việc được giao trong ngày hay không? Thấy đâu đó ổn thỏa rồi mới đi ngủ sau cùng! Đấy là ý nghĩa ba câu gia huấn sáu, bảy, tám mà cha con đã dạy và con luôn tâm niệm trong lòng và cũng đã làm được như vậy từ trước đến nay, xin cha minh chứng cho con điều ấy.

- Vâng! Ông triệu phú gật đầu - Đúng là cô đã làm được như thế và làm rất chu đáo là khác nữa. Thế còn hai câu cuối: "Hằng chăm nom ngọn lửa, coi chừng lửa; tôn trọng và kính lễ những vị trời trong nhà" là thế nào?

- Đấy là phải xem cha mẹ chồng và chồng như lửa, có thể đốt cháy mình. Lửa đây ý nói là phải rất thận trọng, rất cẩn trọng lúc ăn nói, lúc đi đứng, lúc giao tiếp đừng để xảy ra bất kỳ một sơ suất, một khiếm khuyết nào. Một chút bất cẩn, vô tâm hay vô ý đụng chạm đến cha mẹ hoặc chồng là mình sẽ bị cháy đấy! Vậy hãy chăm nom và coi chừng ngọn lửa ấy, thưa cha! Và cuối cùng, là phải xem cha mẹ và chồng như những vị trời ở trong nhà, tôn kính và thờ phụng các vị trời ấy như thế nào thì tôn kính, thờ phụng cha mẹ và chống cũng y như thế ấy!

Cô Visākhā giảng giải rành rẽ đâu đó mười điều gia huấn xong, ông triệu phú lặng người. Hóa ra cái ý nghĩa nó thâm sâu đến vậy, là kinh nghiệm, sáng suốt khôn ngoan ngàn đời để lại. Tất thảy đó đều là những lời dạy minh triết, đáng làm châm ngôn nạm ngọc thếp vàng cho những nàng dâu đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh trước khi về nhà chồng!

Ông triệu phú Migāra cúi đầu, tự nghĩ:"Thế thì mình đã hiểu lầm một cách trầm trọng rồi" bèn nói:

- Nếu sự thật là vậy thì cha xin lỗi con!

Biết ông nói câu ấy là lời nói thật tận đáy lòng, nhưng cô Visākhā vốn là người biết tự trọng nên cô đáp:

- Muộn rồi, thưa cha! Sau khi con đã chứng minh rõ ràng là con không có lỗi, vậy là đủ rồi! Nhưng việc cha đuổi con quả thật đã xâm phạm đến đức hạnh của con. Đấy là chưa nói đến áp lực bên sau của mấy ông lõa lồ đạo sĩ đã gọi con là "con quỷ cái"! Con phải cuốn gói để trở về nhà cha mẹ con thôi!

Và cô vào nhà trong thu xếp tư trang, tư dụng với thái độ rất quả quyết. Thế là đến lượt ông triệu phú năn nỉ, chồng cô năn nỉ rồi cả đại gia đình năn nỉ, cô vẫn nhất định không chuyển ý. Tuy nhiên, khi cô chào mọi người, vừa bước ra đến cửa thì công tử tiểu chủ Puṇṇakavaddhana buồn buồn đưa mắt nhìn cha! Ông triệu phú Migāra thương con, chạnh lòng đành phải mở miệng xin lỗi cô con dâu một lượt nữa.

Trong lúc tưởng là tạm yên, ai ngờ các vị Ni-kiền-tử tìm đến, lại thúc hối ông triệu phú tức khắc đuổi "cô con gái ma quỷ, đệ tử của ông Cù Đàm" ra khỏi nhà! Đầu óc triệu phú Migāra vô cùng tăm tối, ông bị căng thẳng, bối rối không biết lựa chọn thế nào: Một bên là những "bậc thầy A-la-hán khả kính, những con người đã giải thoát tất cả mọi dục ái, mọi hình thức che đậy của thế gian"; một bên là việc quán xuyến trong ngoài, sự thuận hòa, êm ấm của gia đình, chăm sóc tốt công việc với kẻ ăn người ở mà chỉ có cô con dâu tuyệt vời này mới có khả năng làm được việc đó! Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ thấu đáo, lòng ông đã nghiêng nặng bên phía gia đình, cho gọi cô lại và ông đã mở lời xin lỗi lần thứ ba.

Cô Visākhā có "thế trí" sắc bén và thâm sâu, vì là một cận sự nữ của đức Phật, một Thánh đệ tử, có giận thì cái giận ấy cũng không lâu, lòng cô vốn bao dung quảng đại, cốt là để dạy cho đại gia đình này một bài học. Thứ nữa, cô còn có dụng tâm kín đáo, riêng bậc trí không ai tiên lường được;

nên khi ông triệu phú xin lỗi lần thứ ba, cô biết "già néo quá thì đứt dây" nên lễ độ nói rằng:

- Thật con không còn dám phiền trách cha điều gì nữa khi cha đã hạ mình xin lỗi con! Nếu con cứng đầu, ngang ngạnh nữa thì tỏ ra cố chấp và bất hiếu! Vậy nếu con bằng lòng ở lại thì con chỉ xin cha chấp thuận cho một điều.

- Con cứ nói!

- Xin cha cho con được tự do sinh hoạt theo truyền thống tín ngưỡng của con.

- Ta đồng ý!

Cô Visākhā nói tiếp:

- Và con có quyền thỉnh mời đức Phật và Tăng chúng về tư gia để đặt bát cúng dường!

Ông cũng gật đầu:

- Được! Nhưng mà chính con và gia nhân đón tiếp, còn ta thì không nghinh rước ai hết!

- Con cũng đồng ý như thế! Và chi phí buổi cúng dường này con không đụng đến gia sản của cha mẹ và của chồng con!

- Thôi được rồi!

Câu chuyện đến ngang đây là sau mùa an cư hạ thứ mười bốn của đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá. Ai cũng chưa hiểu lý do, là tại sao đức Phật cứ ở nán lại mãi, hết hạ, qua thu, sang đông rồi mà đức Phật vẫn chưa rời chân đi nơi khác. Hóa ra là ngài đang chờ đợi, chờ đợi sự xuất hiện một nữ đại thí chủ khác, sau ông Cấp Cô Độc, và nếu không có đủ hai vị đại hộ pháp này thì giáo pháp đâu có được toàn mãn?!

Đức Phật biết chuyện gì xảy ra tại ngôi nhà của cô con dâu Visākhā, cả nhân, cả quả, cả duyên, cả báo của nó sau này nữa, nên khi cô Visākhā thỉnh mời, ngài nói với tôn giả Sāriputta:

- Ông hãy thu xếp công việc ở Kỳ viên tịnh xá, sau đó chuẩn bị một hội chúng có cả Ānanda, Rāhula, rồi chừng mấy hôm nữa, chúng ta sẽ lên đường, Như Lai đã lâu chưa ghé Sakyā và Koliya.

Buổi đặt bát cúng dường đức Phật và năm trăm vị tỳ-khưu tại nhà ông triệu phú Migāra diễn ra vô cùng "hoành tráng" và trọng thể. Cô Visākhā muốn cho bên nhà chồng thấy hảo tướng quang sắc tôn nghiêm của đức Phật và chư tăng với tóc râu sạch sẽ, y bát trang nghiêm, thanh tịnh đáng cho thế gian cung kính, lễ bái, thật khác xa với hình ảnh lõa lồ, kệch cỡm, thô tục của thầy trò Ni-kiền-tử.

Và rồi, hiệu quả đúng như cô mong đợi. Chư tăng hàng lớp đều đặn, chậm rãi bước qua sân thọ nhận vật thực một cách từ tốn, lặng lẽ không một tiếng động. Mấy trăm gia nhân, thị nữ đã được cô tiểu chủ hướng dẫn chu đáo nên họ bước lui, bước tới, đặt bát cúng dường, lễ lạy đều biết giữ nền nếp, phong cách.

Đức Phật mỉm cười hài lòng.

Thời pháp hôm đó, cốt ý là cho cô Visākhā và cả gia đình ngoại đạo nầy, nên đức Phật kể nhiều câu chuyện nói về tà, về chánh, về cái gì là thuận hợp thế gian, cái gì là không thuận hợp thế gian; người có con mắt nhiều bụi, ít bụi và không lấm bụi là như thế nào. Tiếp theo, đức Phật giảng thêm pháp thuận thứ, trình bày những khổ cảnh, nhân và quả của khổ cảnh; cõi người, cõi trời, nhân và quả của nó. Như giữa chỗ tối tăm, hôn ám, đức Phật treo lên đấy một ngọn đèn, một vầng trăng! Lối đến, lối đi đều sáng rỡ, thường chỉ để dành cho người có trí...

Lúc đức Phật giảng pháp, vì tò mò hơn là tọc mạch, ông triệu phú ngồi sau bức rèm lén nghe trộm xem thử cái ông Cù Đàm kia giảng pháp ra làm sao? Ông không biết nhưng đức Phật biết! Bài pháp không chỉ hướng đến Visākhā mà còn cả cho ông nữa! Ông còn cảm nhận được làn khí mát

mẻ, dễ chịu bao phủ cả thân tâm mình mà không biết tại sao! Bài pháp chấm dứt thì ông đắc quả Tu-đà-hoàn với sự hân hoan, phỉ lạc chưa từng có.

Để bày tỏ lòng tri ân vô hạn đối với đức Phật và đối với cả cô dâu Visākhā, triệu phú Migāra đã làm một lúc mấy công việc kỳ thú và rất ấn tượng. Thứ nhất, ông vạch màn bước ra, nằm bẹp xuống và ôm hôn chân bụi của đức Đạo Sư với dòng nước mắt tuôn trào, sụt sùi, lặng lẽ... Sau đó, ông quỳ xuống vái lạy cô con dâu; rồi lắp bắp nói rất cảm động rằng, cô chính là bà mẹ của ông, đã sinh ra ông, đã tạo duyên, mở mắt cho ông thấy được giáo pháp Bất Tử. Từ đây, ông xem Visākhā như bà mẹ thứ hai của mình và đã đối xử, kính trọng cô cũng y như thế, nên mọi người thường gọi cô là Migāramātā (mẹ của Migāra)[1]. Việc thứ hai là ông đã vung rộng tay, bỏ ra kim ngân châu báu và hằng trăm ngàn đồng tiền vàng, bảo công tử Puṇṇakavaddhana thuê thợ giỏi làm cho cô dâu một chiếc áo quý giá cùng những món đồ trang sức khác, được gọi là Ghanamaṭṭhaka[2]. Và vào một ngày đẹp trời, triệu phú Migāra còn tổ chức một lễ hội đặc biệt, đại công tử Puṇṇakavaddhana với khuôn mặt rạng rỡ, hân hoan cầm tay dẫn cô Visākhā bước ra sau khi được tắm

---

[1] Trong chú giải Dhammapada, i.406, có nói là " Migāra đã kê miệng ngậm vú cô Visākhā và tôn nàng làm mẹ của mình"- không biết hư thực thế nào về việc ngậm vú ấy! Nhưng khi cô có con trai đầu lòng, vì ông Migāra kính trọng cô như mẹ nên đứa bé được đặt tên là Migāra; và cô được gọi là Migāramātā (mẹ của Migāra)! Chú giải Anguttara Nikāya, i. 313, có xác định Migāra là con trai đầu lòng của cô.

[2] Cũng ghi chú trên, nói rằng, sau này, cô Visākhā đã bán Ghanamaṭṭhaka để xây Migāramātupāsāda (tham khảo). Lưu ý, ghi chú này không chính xác - vì Matālatāpasādhana là chiếc áo cưới cùng kim ngân châu báu trang điểm do năm trăm thợ kim hoàn thực hiện trong bốn tháng - mới có trị giá 9 (chín) triệu đồng tiền vàng mới xây dựng Matālatāpasādhana được. Ghi chú đâu đó cũng có nói rằng, ông Migāra nhận thấy bộ trang sức, trang phục Matālatāpasādhana mang từ nhà chồng về, nặng quá - nên ông muốn sắm bộ Ghanamaṭṭhaka này cho nó nhẹ hơn, tiện hơn.

trong mười sáu bồn nước hoa khác nhau[1], ra mắt quan khách, chào mọi người trong bộ đồ trang sức, trang điểm Ghanamaṭṭhaka quý giá ấy, như là tạo vinh dự lớn lao cho cô đối với họ hàng, thân tộc, đối với tai mắt bằng hữu trong kinh đô.

Chuyện kể cũng có nói là hôm sau, cô Visākhā triệu thỉnh đức Phật và Tăng chúng để đặt bát, cúng dường nữa. Lần này thì sau khi nghe pháp, bà mẹ chồng đắc pháp nhãn.

Và như vậy là do nhờ có trí tuệ, thông minh, khôn khéo, có tâm từ, biết nhẫn xả, cô Visākhā đã dần dần cảm hóa tất thảy mọi người trong gia đình tà kiến này, biến họ thành những đệ tử thuần thành của giáo hội đức Đạo Sư; và cả đại gia đình đều được sống trong an vui, hạnh phúc.

[1] Câu chuyện này của Visākhā được tóm tắt từ chú giải Dhammapada. i. 384 ff. Nhưng chú giải Anguttara Nikāya, i. 219 ff. chứa đựng một câu chuyện tương tự nhưng đề cập chi tiết hơn.

MỤC LỤC

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI 7
Sáu Nguyên Tắc Sống Hoà Hợp 8
Hiền Giả Voi Và Khỉ 15
Tình Trạng Tại Ghositārāma 21
Đi Tìm Đức Phật 25
Voi Chúa Sanh Thiên 29
Thế Nào Là Pháp, Thế Nào Là Phi Pháp 37
Xét Xử Chư Tỳ-Khưu Ghositārāma 43
Bảy Phương Pháp Dập Tắt Các Cuộc Tranh Chấp 50
Những Ông Tỳ-Khưu Hư Hỏng 56
Thêm Một Vị A-La-Hán 61
Bánh Mè! Bánh Mè! 70
Kinh Hiền Ngu 77
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI MỘT 96
Với Đại Đức Nanda Và Sa-Di Rāhula 97
Thế Gian Thanh Tịnh 104
Như Lai Là Một Nông Dân 109
Cho Xin Một Chiếc Lông 114
Nhất Chỉ Thần Thông 122
Mấy Ông Sư Quậy Phá 126
Tám Trường Hợp *"Úp Bát"* 133
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI HAI 138
Kệ Thơ Cảm Xúc Của Một Thi Sĩ 139
Lại Ra Đi, Đến Khu Rừng Nimba 146
Quả Là Vô Vị, Vô Ích, Vô Dụng! 151
Nạn Đói Tại Verañjā 156
Thỉnh Thị Một Bộ Luật Hoàn Hảo 160
Chuyện Chim Cút, Chuyện Khỉ Vượn 165
Người Cận Sự Nữ Dâng Thịt Đùi 170
Sự Tích Cõi Trời Ba Mươi Ba 176
Cuộc Chiến Với A-Tu-La Thiên 190
Mối Tình Keo Sơn Chung Thuỷ 198
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BA 207
Con Trai Nhà Đại Phú 208
Trên Ngọn Đồi Đá Trắng 211
Những Pháp Cần Có Của Một Hành Giả 216
Màu Y Vàng Trên Núi Đá Trắng 220
Đoá Hoa Vương Quốc 222
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BỐN 244
Các Loại Cỏ 245
Người Chăn Bò Khéo Giỏi 250

Đàn Bò Sang Sông 255
Khúc Gỗ Trôi Sông 260
Trao Gia Tài 265
Chỉ Có Pháp Hiện Tại 271
Tuệ Quán Ở Đây Và Bây Giờ 278
Người Ngu 283
Cái Cán Cày! 296
Hoá Độ Phạm Thiên Baka 301
Chuyện Hối Lộ! 315
Chuyện Kỹ Nữ Ciñcā-Māṇavikā 325
Nhân Duyên Đẹp, Xấu, Quý, Tiện Của Người Nữ 350
Trong Rừng Cây Xiêm Gai 357
Cây Quạt Thốt Nốt 374
Ngọn Lửa Trong Chiếc Ghè! 379
Bỏ Đao, Ôm Bát! 389
Những Hạt Đậu Ván 403
Bữa Cơm Ngàn Vàng 407
Bát Cháo, Mảnh Vải Thù Thắng 420
Căn Nhà Năm Lỗ Hổng 430
Chuyện Thánh Nữ Visākhā 436

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu ……

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

5

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI LĂM
(Năm 573 trước TL)

Chuyện Ở Sākya

Sau khi chỉ định tôn giả Sāriputta trông coi Kỳ Viên, từ Sāvatthi, đức Phật có thị giả Nigāta theo hầu, dẫn theo tôn giả Mahā Moggallāna, bộ hành cùng với hội chúng hơn một ngàn vị tỳ-khưu tăng và ni theo lộ trình thương mãi đi về hướng ddông, chênh nam. Đức Phật cho biết là sẽ đến vương quốc Sākya.

Một số trưởng lão và tỳ-khưu xuất thân từ Sākya và Koliya như Kāḷudāyi, Devadatta, Anuruddha, Bhaddiya, Bhagu, Upāli, Ānanda, Nanda, Sīvali, Rāhula... cũng được tháp tùng ta bà du hóa. Ni trưởng Gotamī và tỳ-khưu-ni Yasodharā, Sundarī Nandā cùng với chừng một trăm ni chúng cũng được đi theo.

Đức Phật bảo tôn giả Mahā Moggallāna phân bố chư tăng ni thành nhiều nhóm, nhiều chúng, phân tán nhiều con đường khác nhau để dễ dàng trong việc khất thực.

Họ lại như những cánh chim trời nhẹ nhàng cất cánh thiên di, sau mùa mưa nên tiết trời im mát.

Đến địa đầu vương quốc Sākya, con đường xưa cũ hiện ra. Cảnh vật có thay đổi nhưng khuôn mặt xóm làng thì vẫn vậy. Vẫn với những cánh đồng lúa mạch, nếp, bắp, đậu, kê... Vẫn với những vườn cau, xoài, thốt nốt, chà là và rau củ các

loại. Vẫn với những túp lều tranh rách nát, tồi tàn và vô số gia súc như cừu, dê, bò, heo, gà, vịt, ngang ngỗng... như vẫn ở chung với người. Vào đến thành phố thì khá hơn một chút nhưng vẫn không được phong quang, sáng sủa cho lắm; và dường như các sinh hoạt xã hội, mức sống của mọi người vẫn không khá hơn kể từ thời đức vua cha Suddhodana!

Thế là vào đầu mùa mưa thứ mười lăm, đức Phật và hội chúng đã đặt chân lên cổ thành Kapilavatthu rồi ngài và tỳ-khưu tăng ngụ tại tịnh xá Kāla-khemaka, trước đây do cư sĩ Khemaka cúng dường và tịnh xá Ghaṭāya do dòng tộc Sākya xây dựng trong Rừng Cây Đa (Nigrodhārāma). Còn ni trưởng Gotamī và hội tỳ-khưu-ni thì trở về ni viện cũ mà họ đã từng an cư mấy năm trước đây.

Đây là lần thứ tư đức Phật trở về Sākya và là hạ đầu tiên ngài an cư ở quê hương.

Chỉ mới một hôm là đức vua Mahānāma cùng với một số quan đại thần trẻ tuổi tìm đến, đảnh lễ đức Phật và thỉnh mời ngài cùng Tăng chúng ngày mai vào hoàng cung để ông cùng các gia đình hoàng gia được đặt bát cúng dường.

Đức Phật mỉm cười:

- Cả tăng và ni đông hơn ngàn vị, vậy hoàng gia có đủ sức thỉnh mời hết không?

- Đây là cơ hội hy hữu tạo hạnh phúc cho hoàng gia, bạch đức Thế Tôn!

Không khí vương triều sau nhiều năm sống theo giáo pháp nên có vẻ trầm lặng hơn, nhất là thế hệ cùng thời với đức Phật và một số hoàng thân, quan lại lão thần triều đình... Các "ông hoàng", chư vị "công nương" và con cháu dòng Sākya có mặt khá nhiều trong hội chúng tăng ni tỳ-khưu, nhưng ánh mắt, nụ cười hoặc sự chào hỏi cũng toát ra sự an bình, lặng lẽ. Dường như những rộn ràng, lao xao từ những tâm lý thế tục thường phàm ở trong lòng họ đã yên lắng một phần nào rồi.

Dịp này, lúc thì giờ phải lẽ, đức vua Mahānāma thỉnh thị đức Phật dạy thêm về giáo pháp cho triều đình cùng con cháu nội ngoại dòng tộc Sākya cũng như dân chúng kinh thành Kapilavatthu. Ông nói:

- Năm kia, đức Thế Tôn, chư vị trưởng lão đã an trú mọi người trên căn bản ngũ giới. Đại đức Ānanda lại phân tích về giới, giảng nói rộng rãi ý nghĩa của giới cùng những ví dụ, hình ảnh rất sinh động. Mọi người ai cũng hoan hỷ và ai cũng còn nhớ trong tâm khảm. Cận sự nữ hai hàng từ đấy cũng biết giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý cho được tốt hơn. Sự yên ổn, thanh bình trong khá nhiều gia đình đã được thiết lập. Tuy nhiên, lần này xin đức Thế Tôn và hội chúng tăng ni an cư mùa mưa ở đây để hai hàng áo trắng kinh đô Kapilavatthu được dịp cúng dường, nghe pháp. Hy vọng rằng, nhờ vậy, những căn bản của giới, của thí, của tâm, của tuệ sẽ được an lập vững chắc hơn!

Đức Phật gật đầu:

- Đúng vậy, này Mahānāma! Một vị vua mà biết chăm lo đời sống tinh thần cho triều đình và bá tánh như thế là noi gương các bậc Chuyển luân Thánh vương kia đấy! Ừ, Như Lai và hội chúng tăng ni sẽ an cư mùa mưa ở đây để gieo những hạt giống bồ-đề cho xa rộng hơn nữa, không những ở kinh thành Kapilavatthu mà cả kinh thành Devadaha bên Koliya nữa vậy!

Thế rồi, sau đó, đức Phật, tôn giả Mahā Moggallāna, chư vị trưởng lão Anuruddha, Ānanda, Kāḷudāyi, Bhaddiya... thay phiên nhau, ở tại Nirodhārāma, tại ni viện hay tại các tịnh xá, trú cư trong và ngoại ô kinh thành - giảng nói những đề tài theo đúng yêu cầu của đức vua Mahānāma đã được đức Phật chuẩn y. Đấy là những thời pháp liên hệ đến giới,

đến thí, đến tín, đến tâm, đến tuệ[1]... là con đường hạnh phúc và sang cả đi đến cõi người, cõi trời; và nếu ai có căn cơ sâu dày họ sẽ đi được vào dòng giải thoát.

Hôm kia, đức vua Mahānāma đi một mình với vài nội thị tìm đến gặp đức Phật, lại hỏi:

- Đệ tử có nghe về tuệ, có tu tập tuệ chút ít nhưng không rõ dòng họ Sākya nếu được tu tập tuệ thì họ có thể dập tắt được ngã mạn và kỳ thị giai cấp không, bạch đức Tôn Sư?

- Một số ít thì có thể, nhưng cả dòng tộc Sākya thì nó đã ăn sâu trong truyền thống rồi, rất khó dập tắt, này Mahānāma!

Đức Phật biết rõ vị vua hiền đức này đang "sầu não" chuyện gì, nhưng ngài cũng hỏi:

- Trông đức vua có vẻ ưu tư và lo lắng đó, này Mahānāma?

- Thưa vâng! Dòng tộc Sākya ngã mạn và kỳ thị giai cấp đã thành nề, đôi khi sẽ xảy ra hậu quả không tốt, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử rất lo lắng.

- Đức vua cứ nói đi!

Đức vua ngẫm nghĩ giây lát:

- Đức Thế Tôn có nhớ chuyện con bé Vāsabha-Khattiya con gái của đệ tử làm hoàng phi cho đức vua Pāsenadi chăng?

- Ừ, đức vua cứ kể hết đi!

Chuyện mà ông kể, đức Phật cũng biết. Thuở thanh niên, Mahānāma yêu thương một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên Vāsabha-Khattiya. Khi Mahānāma làm vua[2], mặc

---

[1] Đầy đủ chi phần là Tín, giới, văn, thí, tuệ. Đức Phật giảng nói cho đức vua Mahānāma - có ghi lại trong Mahāvagga Saṅyutta.

[2] Vì Nanda, em cùng cha khác mẹ với thái tử, con các đức thân vương Amitodana, Sukkodana là Ānanda, và Anuruddha đều đã đi xuất gia hết - nên Mahānāma (anh ruột của Anurudha) phải ở nhà, và sau này kế thế ngôi vương.

dầu bị nhiều quan đại thần thủ cựu phản đối, ông vẫn phong cho cô làm công chúa. Khoảng sau mùa an cư năm thứ tám của đức Phật, do muốn làm thân quyến với ngài, đức vua Pāsenadi xin cưới một công chúa dòng Sākya. Sau khi hội ý với các quan đại thần, ai cũng muốn đức vua gả Vāsabha-Khattiya dù có dòng máu nô lệ nhưng vẫn là công chúa. Đây là do sự ngã mạn của dòng Sākya: Họ vẫn coi dòng tộc Sākya là cao quý hơn tất thảy mọi dòng tộc khác khắp thiên hạ. Về làm hoàng phi nước Kosala, cô sanh hạ cho đức vua Pāsenadi một trai có nước da vàng sáng rất kháu khỉnh. Không biết đặt tên gì, vua sai nội thị đến hỏi ý kiến của hoàng thái hậu. Biết đức vua rất mực thương yêu trẻ nên bà nói tên là Vallabha, có nghĩa "được yêu thích, được yêu thương". Viên nội thị do lãng tai, về tâu trình, lại phát âm thành Viḍūḍabha[1], đức vua cứ ngỡ là một tên cổ xưa nào đó nên vui vẻ lấy tên ấy. Hoảng tử Viḍūḍabha rất thông minh, sáng dạ. Chừng sáu bảy tuổi, khi đã bắt đầu có nhận thức, nó biết ông ngoại của nó là đức vua nước Sākya nên rất hãnh diện. Tuy nhiên, đức vua Mahānāma cứ lo lắng, nếu nó biết được bà ngoại nó là thân phận nô lệ thì chuyện gì sẽ xảy ra? Ông cũng rất lo sợ khi đức vua Pāsenadi phát giác được chuyện ấy!

Đức Phật lại trấn an, nói với ý rằng, quá khứ thì đã qua rồi còn tương lai thì chưa đến! Hãy sống trong hiện tại với nhân với duyên trước mặt. Hiện quán là ở đấy. Trí tuệ là ở đấy. Khi có được trí tuệ rồi, thấy rõ ngã và pháp đều không có thực tính, chúng chỉ là duyên sinh vô ngã thì hóa ra mọi lo lắng, ưu tư chỉ là hoa trong gương, trăng trong nước, là bóng bọt, là giấc mộng huyễn mà thôi!

---

[1] Trong chú giải kinh Pháp cú, NXB Tp. HCM, q.2 tr.575 - sư Pháp Minh dịch là Lưu Ly.

Cũng do biết nghiệp quả quá khứ nặng nề mà sau này dòng tộc Sākya không thể tránh khỏi[2], nên suốt trong mùa an cư đức Phật muốn giúp cho mọi người được thân chứng giáo pháp hay an trú vững chắc nơi giáo pháp. Và cũng suốt trong mùa an cư ấy, các gia đình hoàng gia, các quan đại thần, các gia chủ hữu danh, thương gia kinh thành Kapilavatthu... họ thay nhau mời thỉnh đức Phật và chư tăng ni đặt bát cúng dường rất chu đáo. Thỉnh thoảng, đức Phật và chư vị trưởng lão lại từ chối một số nơi để có thì giờ ôm bát đi xa hơn, gieo duyên hóa độ các thôn làng ở ngoại ô và còn nhiều trấn thành khác nữa.

Hôm kia, một số chư tăng ni khá đông, trong đó có trưởng lão Devadatta, chư đại đức Sīvali, Rāhula... ni trưởng Gotamī, tỳ-khưu-ni Yasodharā... xin phép đức Phật đi thăm nước Koliya, là quê hương, dòng tộc của các vị ấy.

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Nên như thế! Và Như Lai cũng muốn Mahā Moggallāna cùng đi theo nữa!

Khi mọi người muốn biết lý do, đức Phật nói như sau:

- Đức vua Suppabuddha còn giận Như Lai! Ngài cứ cố chấp trong tâm trí rằng, vì Như Lai mà Devadatta, Yasodharā bỏ nước mà ra đi. Rồi cũng vì Như Lai mà cháu ngoại của ông là Rāhula mới bảy tuổi đầu đã phải đi xin ăn đầu đường xó chợ. Rồi còn Sīvali và một số tỳ-khưu tăng ni thuộc hoàng tộc Koliya nữa, ngài hận trách Như Lai đã làm cho quốc độ không có người nối dõi vương vị!

Ngừng hơi một lát, đức Phật tiếp:

- Chư vị nếu gặp đức vua thì nên mở lời khôn khéo làm sao để cho chuyện ấy được nhẹ nhàng hơn. Cái quả của tâm sân, tâm hận nó khủng khiếp lắm. Như Lai nhờ Mahā Moggallāna đi theo là vì ông ta có nhiều phương tiện trí,

[2] Sẽ viết một chương khác.

cũng cùng chung một mục đích hóa giải mối hận thù ấy. Đúng thời, Như Lai cũng sang hóa duyên bên ấy cùng chư tỳ-khưu tăng.

Trong lúc ấy thì tôn giả Bhaddiya dẫn mẹ mình là bà Kāḷigodha đã đắc quả tu-đà-hoàn, đến đảnh lễ đức Phật, sau đó thỉnh mời ngài và chư vị trưởng lão đến tư gia đặt bát cúng dường.

Tôn giả Bhaddiya nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Mấy năm nay, mẹ con đã sống vững chắc trong giáo pháp; vậy xin đức Đạo Sư giảng pháp nào tương hợp để giúp bà sống an lành hơn, tươi vui hơn, mát mẻ hơn.

- Chỉ có tâm từ là thù thắng nhất, này Bhaddiya!

- Vậy thì xin đức Đạo Sư an trú cho mẹ con tâm từ vô lượng ấy.

Thế là sau buổi ngọ trai, đức Phật giảng về đề mục tâm từ rồi ngài kết luận:

- Như vậy, từ tâm giải thoát nếu được thực hành, nếu được tu tập, nếu được làm cho sung mãn, nếu được tác thành như cỗ xe, nếu được tạo lập như căn cứ địa, nếu được tiếp tục an trú, nếu được duy trì, tích tập, nếu được khéo khởi sự - thì sẽ gặt hái được mười một lợi ích. Thế nào là mười một?

Ngủ được an lạc,

Thức được an lạc,

Ngủ không có ác mộng,

Được mọi người mến mộ,

Được phi nhân ái kính,

Được chư thiên mến trọng, bảo hộ;

Không bị lửa, thuốc độc, gậy gộc, đao kiếm xúc chạm, họa hại;

Tâm luôn định tĩnh, ổn định và vào thiền một cách mau chóng;

Sắc mặt luôn luôn tươi vui, trong sáng;

Mệnh chung không mê loạn, không hôn ám; nếu chưa thể nhập cứu cánh của đạo bất tử thì sẽ được hóa sanh lên phạm thiên giới[1].

Đức Phật còn dạy tiếp:

- Ngoài ra, những ai tu tập từ vô lượng, dù chưa đắc định cũng được lợi ích thù thắng là trong các cõi trời và người, sẽ ít có người ganh ghét, ít có kẻ hận thù, không chết bất đắc kỳ tử, không bị ai đánh đập, không sống trong thế giới có đao trượng, nước, lửa họa hại...

Đến ngang đây, đức Phật nhấn mạnh:

- Nếu đức vua Sappabuddha biết lấy nước mát của tâm từ để dập tắt lửa nóng của tâm sân, tâm hận thì tốt biết bao nhiêu? Còn nếu cố chấp, không buông xả được thì hậu quả thật khó lường... Như Lai không có cách gì giúp đỡ được. Mỗi người hãy tự cứu mình!

[1] Tăng chi bộ kinh IV, phẩm Tùy niệm.

Kinh Đại Không[1]

Hôm sau, ngồi thiền từ dưới một cội cây, đứng dậy, đức Phật lặng lẽ rời trú xứ của mình sang tịnh xá Sākya Kāla-Khemaka, thấy chư tỳ-khưu lác đác ngồi thiền hoặc kinh hành nơi một số mái che, nơi một vài gốc cây; còn đa phần đi đâu vắng cả, nhưng tại giảng đường thì được sắp đặt hằng trăm tọa cụ rất ngay hàng thẳng lối. Đức Phật mỉm cười trong tâm rồi lại bộ hành sang tịnh xá Sākya Ghaṭāya, cũng thưa thớt người, lại thấy tôn giả Ānanda đang cặm cụi vá y nơi một góc giảng đường.

Ngồi trên bảo tọa đã được soạn sẵn, đức Phật hỏi:

- Mọi người đi đâu vắng cả, Ānanda?

- Đa phần chư vị tìm một cội cây, một góc rừng vắng, một triền núi, một bờ suối, một hang cốc tịch liêu nào đó xung quanh các khu rừng lân cận để tu tập định thiền hay tuệ thiền, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy là tốt! Vậy là đúng! Thế còn những tọa cụ được sắp đặt sẵn sàng đâu ra đó tại tịnh xá Sākya Kāla-Khemaka là tại làm sao vậy?

- Thưa, cũng tương tợ vậy! Đa phần họ đi tìm chỗ thích hợp để tu tập đề mục tâm từ mà đức Thế Tôn vừa giảng dạy,

[1] Mahā suññata - sutta.

vừa khuyến khích ngày hôm qua! Còn tọa cụ được chư tỳ-khưu sắp đặt sẵn là để chuẩn bị nghe pháp khi nào đức Thế Tôn tùy nghi ghé sang lúc có thì giờ phải lẽ.

- Ừ! Vậy là đáng khen!

Rồi tiện thể đức Phật nói tiếp:

- Tại sao Như Lai bảo vậy là tốt, là đúng, là đáng khen, này Ānanda? Vì có hai hạng tỳ-khưu: Một hạng tỳ-khưu làm cho sáng chói khu rừng giáo pháp, một hạng tỳ-khưu thì làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp.

Thế nào là hạng tỳ-khưu làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp? Ấy là những vị tỳ-khưu ưa đám đông, ưa hội chúng, quen với bầy đàn, thích tán gẫu, thích ngồi lê đôi mách, thích ồn ào đấu láo chuyện trên trời dưới đất, rỗng không, phù phiếm. Hạng tỳ-khưu ấy không thể nào rời xa chỗ đông người, không thể sống một mình ở nơi xa vắng. Với họ thì có thể nào đắc thiền, đắc định tùy theo ý muốn, không khó khăn, không mệt nhọc? Họ có thể nào an lạc trong sự an lạc của bậc ẩn sĩ? Họ có thể nào an lạc trong vô dục? An lạc trong hạnh khước từ? An lạc trong cô đơn, quạnh vắng? An lạc tĩnh giác? An lạc vô sản, bần hàn? An lạc không sanh tử? Đối với những an lạc thù thắng ấy, sự kiện như vậy có thể xảy ra không đối với hạng tỳ-khưu kia, này Ānanda?

- Thưa, không thể! Đúng là họ sẽ làm cho tối tăm khu rừng giáo pháp!

- Nhưng này Ānanda! Ngược lại, tỳ-khưu nào thích sống một mình, xa lánh đám đông, không ưa tụ hội thì vị ấy có hy vọng đắc thiền, đắc định dễ dàng tùy theo ý muốn không, này Ānanda?

- Thưa, có thể!

- Và họ có khả năng thành tựu những an lạc thù thắng của bậc ẩn sĩ không, này Ānanda?

- Thưa, có thể!

- Và đấy là hạng tỳ-khưu làm cho sáng chói khu rừng giáo pháp, này Ānanda!

- Thưa vâng!

- Còn nữa, này Ānanda! Hạng tỳ-khưu làm sáng chói khu rừng ấy có thể chứng đắc và an trú với tâm giải thoát từng phần khá thoải mái hoặc giải thoát không có hạn kỳ và bất động; sự kiện ấy có thể xảy ra được không?

- Thưa, có thể!

- Còn hạng tỳ-khưu làm cho tối tăm giáo pháp thì có thể thành tựu được như vậy không?

- Thưa, không thể!

- Tại sao?

- Bởi vì những cái mê đắm, vui thú, thích khoái phù phiếm của họ!

Đức Phật gật đầu:

- Phải rồi! Như Lai chưa từng thấy bất cứ một pháp nào, một trạng thái nào có vui thú, có mê đắm, có thích khoái, hoan lạc... thường chịu sự biến đổi, thay đổi, chuyển dịch, đổi khác mà lại không đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não, này Ānanda!

- Thưa vâng! Thưa, đúng là như vậy!

- Sự an trú bất tử, giải thoát toàn diện và toàn vẹn đã được Như Lai giác ngộ là nhờ vào đâu, Ānanda biết không?

- Xin đức Thế Tôn chỉ giáo?

- Là nhờ Như Lai đã "an trú nội không"[1] với tất cả tướng. Nói cách khác, khi an trú nội không thì tâm không dính mắc bất kỳ một tướng nào, một sắc pháp nào, một trạng

---

[1] Kinh đại không - Trường A-hàm (Tuệ sỹ dịch), có chỗ tương tự: "Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không".

thái tâm lý nào! Nói một cách khác nữa, cái gì phát sanh vui thú, đam mê, thích khoái, hoan lạc phải quán chiếu như thật tướng vô thường, vô ngã của chúng, này Ānanda!

- Thưa vâng!

- Còn nữa, khi Như Lai an trú "nội không" như vậy, nếu có tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận sự nam, cận sự nữ, quốc vương, đại thần, các gia chủ, ngoại đạo... đến yết kiến, hỏi đạo, vấn đạo, thì tâm Như Lai vẫn rỗng không, không dính mắc để tiếp chuyện với họ, đối thoại với họ hầu hướng dẫn, khích lệ họ tu tập.

Do vậy, này Ānanda! Có vị tỳ-khưu nào sau khi nghe Như Lai thuyết giảng như thế, bèn khởi lên ý nghĩ: " Nếu nội không là không tất cả tướng, là không tất cả sắc pháp, là không tất cả trạng thái, thì ta phải an trú tâm như vậy". Và nếu muốn an trú "nội không" như vậy thì đầu tiên vị tỳ-khưu ấy phải làm sao, này Ānanda?

- Thật không dễ dàng gì cho một vị tỳ-khưu còn nhiều kiết sử, tham sân, phiền não mà có thể tức khắc đi vào an trú "nội không" được, bạch đức Thế Tôn!

- Vậy thì họ phải làm sao?

- Đầu tiên là họ phải viễn ly hội chúng, xa lìa đám đông đầy nhiệt não, lựa tìm một cội cây, một ngôi nhà trống, khởi tâm chuyên nhất để đi vào các định an chỉ, bạch đức Thế Tôn! Nói cách khác, chi tiết hơn, họ phải ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ[1]. Vị tỳ-khưu đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm nhuần một cách sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, sung mãn, trong ngoài kín đáo

[1] Có tư duy, có quan sát.

không có chỗ nào rỉ ra. Rồi nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ. Rồi tam thiền, ly hỷ, trú lạc. Rồi tứ thiền, chỉ còn xả và nhất tâm. Đến đây nội tâm mới lắng dịu tất thảy kiết sử phiền não, được hoàn toàn thanh tĩnh; và cũng từ đây, từ căn cứ địa này, vì tỳ-khưu mới có thể bước qua quán chiếu "nội không", bạch đức Thế Tôn!

- Nghĩa là sao, này Ānanda?

- Thưa, nghĩa là cho dù vị ấy có đạt hỷ, đạt lạc, đạt xả, đạt thuần tĩnh nhất tâm, vị ấy cũng phải "tác ý không" với tất cả chúng; có nghĩa là vị ấy đừng hân hoan, đừng thích thú, đừng đắm chìm vào các trạng thái hỷ, lạc, xả và thanh tịnh ấy; và cũng đừng chấp trước cả "nội không" ấy; chỉ cần ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng, ghi nhận chúng đúng như thực tướng!

- Thực tướng ấy có nghĩa là sao, này Ānanda!

- Thưa, thực tướng ấy là vô thường vô ngã; vì vô thường vô ngã nên không; đấy là "sự thật tánh không" của tất cả pháp!

Đức Phật mỉm cười:

- Ông đã nắm bắt được cái tinh yếu, cái cốt lõi của vấn đề. Thế còn "ngoại không"? Ông có thể tư duy liên hệ giáo pháp để nói về "ngoại không" được chăng, này Ānanda?

- Nếu "nội không" là quán chiếu như thực tướng các pháp đối tượng của ý thức, thì "ngoại không" là quán chiếu như thực tướng sắc, thanh, hương, vị và xúc là đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi và thân! Và nếu thế thì khi mắt nhìn thấy gì, tai nghe âm thanh gì, mũi ngửi gì, lưỡi nếm gì, thân xúc chạm gì phải ghi nhận cho rõ ràng, phải thấy biết như thực tướng cái "tánh không" của chúng, tương tự như "nội không" vậy, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật lại mỉm cười:

- Khi ngồi định bất động thì quán nội không, khi giao tiếp lăng xăng với ngũ trần thì quán ngoại không; thế có

trường hợp nào quán "nội, ngoại không" chăng, này Ānanda?

- Thường thường, luôn luôn; vì trong ngoài duyên khởi, tâm cảnh duyên khởi; vì duyên khởi nên "không", bạch đức Thế Tôn!

- Đúng vậy, này Ānanda! Một vị tỳ-khưu khi đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, suy nghĩ... phải thường trực quán chiếu, "an trú nội, ngoại không" thì những tham, những ưu, những bất thiện pháp, những phiền não sẽ không chảy lọt vào tâm được.

- Đệ tử hiểu! Khi đi, đứng, ngồi, nằm nếu quán chiếu nội, ngoại không thì dễ thực hiện, nhưng "nói năng, suy nghĩ" thì nó lại khác. Tại sao vậy? Ví dụ, khi "nói năng" thường phải sử dụng ngôn ngữ khái niệm, mệnh đề, cú pháp đều phải có tư duy lập trình; đôi khi phải sử dụng dụ ngôn, ẩn ngôn, đoản ngôn, ví dụ, lập luận, hình ảnh... rất là phức tạp, khó quán chiếu "nội, ngoại không" được. Vậy thì có cách nào, hàng rào nào để ngăn giữ bớt những nói năng không cần thiết, dễ rơi vào mịt mù khái niệm, rỗng không khái niệm, phù phiếm khái niệm chăng, bạch đức Đạo Sư!

- Có chứ, này Ānanda! Phải có hàng rào ngăn giữ, phải biết tự giới hạn là nên nói cái gì và không nên nói cái gì! Vậy khi muốn nói gì đó, ta phải lập tâm trước, như sau: Ta sẽ không nói những câu chuyện hạ liệt, đê tiện, thuộc phàm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn! Đại loại đấy những câu chuyện vô ích, tầm phào, những câu chuyện không phải của sa-môn: Như câu chuyện nói về hoàng cung, vua chúa; câu chuyện về ăn trộm, cướp giật; câu chuyện về đại thần, quan lại; câu chuyện về binh lính, vũ khí; câu chuyện về khủng bố, bạo loạn hãi hùng; câu chuyện về động binh, chiến tranh; câu chuyện về thức ăn, vật uống; câu chuyện về xiêm áo, vải

vóc; câu chuyện về giường nằm, ghế ngồi; câu chuyện về chuỗi hoa, tràng hoa; câu chuyện về hương liệu, phấn son; câu chuyện về bà con, quyến thuộc; câu chuyện về xe ngựa, xe bò; câu chuyện về xóm làng, thôn bản; câu chuyện về thị tứ, đô thành; câu chuyện về biên cương, quốc độ; câu chuyện về đàn bà, đàn ông; câu chuyện về anh hùng, liệt sĩ; câu chuyện bên lề đường, quán chợ; câu chuyện tại chỗ lấy nước, bến tắm; câu chuyện về kẻ chết, người sống; câu chuyện về tạp thoại, huyền thoại; câu chuyện về biến trạng, thay đổi của thế giới, đại dương; câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu...[1]

Nhưng này Ānanda! Đối với những ai cần nói những lời nhằm mở tâm, mở trí; giúp họ tu tập, nhứt hướng yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn... thì nên nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về độc cư, nói về viễn ly đám đông, xa lìa các hội chúng bận rộn; nói về tinh cần, nói về giới luật, nói về thiền định, nói về thiền quán, nói về trí tuệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến[2]. Vị tỳ-khưu tầm cầu tinh tấn tu học, muốn quán chiếu "nội, ngoại không", phải suy nghĩ để nói những vấn đề như trên; và vị ấy ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng như vậy. Thật là quá nhiều điều, nhiều câu chuyện để nói như vậy đó, này Ānanda!

- Vậy còn suy nghĩ, bạch đức Đạo Sư?

---

[1] (tương tự) ... Như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngọa cụ luận, hoan mang luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận" (kinh sa-môn quả - Trường bộ kinh I).

[2] ...Thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận (Kinh sa-môn quả - Trường bộ kinh I).

- Suy nghĩ hay tầm tư duy[1] cũng phải biết giới hạn. Đối với những suy nghĩ hạ liệt, đê hèn, tầm thường, thấp thỏi... thuộc phàm phu, thuộc thế tình tục lụy thì nên tránh. Cụ thể hơn, những suy nghĩ nào liên hệ đến tham, đến dục, đến ái được gọi chung là "dục tầm"[2] thì không nên! Những suy nghĩ nào dễ phát sanh nóng nảy, bực tức, khó chịu, ganh ghét được gọi chung là "sân tầm"[3] thì không nên. Những suy nghĩ nào liên hệ họa hại, bức hại, não hại, hiềm hại, hận hại được gọi chung là "hại tầm"[4] thì không nên. Vị tỳ-khưu cần phải ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng và chân thực như vậy.

Nhưng mà này Ānanda! Ngược lại, có những suy nghĩ, tầm cầu thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, có khuynh hướng cầu tiến, có năng lực dẫn dắt vị tỳ-khưu trên lộ trình đến nơi chấm dứt khổ, đoạn trừ khổ, tận diệt khổ ấy là "ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm" thì nên khởi tâm, nên thực hành cho nghiêm túc, cẩn mật, chu đáo. Vị tỳ-khưu cần phải ý thức rõ ràng, thấy biết rõ ràng và chân thực như vậy.

Tuy nhiên, này Ānanda! Muốn cho "ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm" được dễ dàng, được mau có kết quả, mau có hiệu năng thì vị tỳ-khưu cần phải theo dõi, quán sát những chỗ duyên khởi phát sanh khi mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm...Tại sao lại như vậy? Vì rằng đấy là nơi duyên khởi phát sanh những cái ta yêu mến, thích thú; nói cách khác, các đối

---

(1) Vitakka: Nghĩa theo thiền chi là tìm kiếm đối tượng; nghĩa thường là suy nghĩ, tư duy...

(2) Kāmavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm đối tượng ngũ trần (dục vật chất), hưởng dục lạc, phát sanh phiền não dục (Dục tầm).

(3) Byāpādavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm hướng đến bất mãn, bực bội, phẫn nộ (Sân tầm).

(4) Vihiṃsavitakka: Suy nghĩ, tìm kiếm mưu kế ác độc để xâm phạm, họa hại, bức hại người khác hay chúng sanh khác (Hại tầm).

tượng ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, lôi cuốn, hấp dẫn, liên hệ đến ái, đến tham, đến dục...dễ làm cho ta mê luyến, đắm say. Và nếu vậy, vị tỳ-khưu đã không ly dục, viễn ly dục được mà lại càng làm cho các dục tăng bội, trưởng dưỡng, tác quái, lộng hành thêm mà thôi!

Vậy thì đến chỗ này, muốn làm cho năm dục ấy không được trưởng dưỡng, chẳng thể lớn mạnh thêm, thì khi tâm ta khởi lên cái gì, từ căn trần nào, ví dụ mắt và sắc, tai và âm thanh, thì vị tỳ-khưu cần phải quán sát, minh sát, tuệ tri như thực rằng: "À, lúc này, hỷ tham, ái tham, dục tham đang có mặt, đang hiện tồn; đang vận hành, đang diễn tiến; lúc này, hỷ tham, ái tham, dục tham đã vắng lặng, đã diệt mất!" Cả sanh khởi, lụi tàn của "tâm hành"[1] đều phải được tuệ tri như thực như thế!

Còn nữa, này Ānanda! Nói đầy đủ thì cả năm thủ uẩn, nghĩa là cả sắc, cả thọ, cả tưởng, cả hành, cả thức đều phải được tuệ tri như thế. Nói cách khác, phải tuệ tri sắc tập khởi, sắc đoạn diệt, thọ tập khởi, thọ đoạn diệt, tưởng tập khởi, tưởng đoạn diệt, hành tập khởi, hành đoạn diệt, thức tập khởi, thức đoạn diệt. Chúng sanh diệt tương tục, liên tục như những làn sóng trên mặt biển; thay đổi, chuyển đổi, dịch hóa liên tục từng sát-na, từng sát-na một, từng tiểu sát-na một. Nhờ vậy, vị tỳ-khưu thấy rõ vô thường, vô ngã của tất thảy chúng, chẳng có một thực thể, một thực tính nào là tồn tại, là thực hữu! Lúc tùy quán sanh diệt như thế thì những ảo tưởng về một bản ngã, về một tiểu ngã, chân ngã, đại ngã nào đó chợt như những bong bóng nước, hiện rồi tan, tan rồi hiện như ảo hóa, như huyễn hóa, như mộng hóa trong tuệ nhãn như thực, chân thực của bậc Thánh. Đến chỗ này, khi ngã không tồn tại thì ngã mạn cũng tiêu vong; vô minh diệt,

[1] Các trạng thái tâm lý, nói kinh điển hơn thì nó là hành (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) - gồm 50 tâm sở.

minh hiện, sáng rỡ, châu toàn, vi diệu, tối thượng, thù thắng, siêu thế; vượt ngoài tầm kiểm soát của ác ma, ngoài lưỡi hái chụp bắt của tử thần: Vô sanh, bất diệt!

Đức Phật yên lặng một chút rồi kết luận:

"- Vậy này Ānanda! Sáu căn, sáu trần và sáu thức tương giao, xúc đối trở thành mười tám xứ; chúng duyên khởi mà tạo nên thế gian nội giới và thế gian ngoại giới; chúng phát sanh ảo tưởng về ngã, ảo tưởng có một chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức. Với sự quán chiếu của tuệ không, tức là nội, ngoại không, chúng duyên khởi liên tục, sanh diệt liên tục như một trò chơi ảo thuật, biến hóa vô cùng nhưng chẳng có cái nào là thực hữu. Tất thảy đều là không tánh! Tại chỗ này, ngay tại chỗ này mà nói có, nói không, nói vừa có, vừa không, nói không có, không không, nói thường nói đoạn, nói tăng, nói giảm, nói hữu biên, nói vô biên, nói nhất, nói dị, nói... gì đi nữa thì cũng đều là hý luận, là hoang vu luận, là phù phiếm luận... ngây thơ, ấu trĩ và si cuồng mà thôi, này Ānanda!

Đây chính là cánh cửa mở của chánh trí, giác ngộ và Niết-bàn, này Ānanda!"

Tôn giả Ānanda nghe thời pháp chênh vênh, ngợp gió, cao siêu này, ngài rùng mình, hỷ lạc đầy khắp cả người; tuy nhiên, có cái gì đó như nằm sau màn sương, sự thấy biết mơ hồ về cứu cánh rốt ráo phạm hạnh hiện lên rất mong manh rồi nó tan loãng mất!

- Ông có lãnh hội được không, này Ānanda!

Lời đức Phật như đánh thức tôn giả, ngài đáp:

- Lãnh hội được nhưng chưa thân chứng được, bạch đức Đạo Sư!

Đức Phật mỉm cười:

- Thế ông có thể tuyên thuyết lại thời pháp "đại không, nội, ngoại không, rốt ráo tánh không" này cho các hội chúng Tăng ni được chứ?

- Đúng vậy, bạch đức Đạo Sư!

- Vậy là tốt rồi! Vì sứ mạng của ông là nghe cho thật nhiều và thuyết cũng cho thật nhiều mà!

Lửa Địa Ngục Trong Phòng

Đến Koliya, trưởng lão Devadatta, trưởng lão ni Gotamī đến thăm đức vua Suppabuddha nhưng ông không tiếp, còn sai quan nội thị đóng cửa cung điện lại, nhắn gởi rằng:

"- Suốt đời này, ta không có em gái, không có đứa con trai, con gái nào cả! Chúng chết cả rồi".

Khi tỳ-khưu Rāhula xin được vào thăm ông ngoại, đức vua cũng nhắn gởi tương tự:

"- Con ta đã không có thì làm gì có cháu!"

Tuy nhiên, đức vua Suppabuddha ngạc nhiên làm sao, tuy đã đóng kín cửa nhưng không biết "họ" đi lối nào mà xuất hiện ngay trong tẩm cung, rồi người xưng em, người xưng con, kẻ xưng cháu... Ngồi dậy trên giường rồng, đức vua lặng lẽ quan sát người được gọi là cô em gái Gotamī, người được gọi là con trai Devadatta, là con gái Yasodharā, là cháu ngoại Rāhula... Họ lạ quá, nhìn không ra, ông chỉ mường tượng, suy đoán thế thôi. Thu giấu tất thảy mọi cảm xúc, ông cất giọng lạnh lùng, hỏi:

- Các người đi lối nào mà vào được đây?

Devadatta đáp:

- Thưa cha, đấy chỉ là một thuật mọn của những sa-môn tu học theo giáo pháp của đức Tôn Sư.

Đức vua gầm lên:

- Đứa nào là tôn sư? Tôn sư là ai nào? Là cái mà người ta gọi là Siddhattha Gotama đó hả?

Tỳ-khưu Rāhula nhíu mày:

- Phỉ báng một vị Chánh Đẳng Giác là tội lớn lắm đấy, thưa ông ngoại!

- Nữa! Tụi bây cũng chỉ là một "giuộc" như nhau! Hãy xéo! Hãy xéo đi cho khuất mắt ta!

- Thưa cha! Tỳ-khưu-ni Yasodharā điềm đạm nói - Những tham, những sân không thể chi phối tâm tư của chúng con được. Vậy, dù cha có đánh, có mắng, có phỉ báng thì chúng con cũng vẫn lặng lẽ, yên bình và còn rải tâm từ ái đến cho cha nữa. Chỉ sợ nếu cha cứ khư khư cố chấp như vậy thì đau khổ, phiền não sẽ thiêu đốt ruột gan của cha mà thôi!

- Ừ, nó đốt, cứ kệ nó đốt! Mặc ta!

Trưởng lão Mahā Moggallāna không biết tự đâu đó xuất hiện, ngài sử thần thông hóa hiện nơi góc phòng một cảnh lửa cháy rừng rực; rồi trong cảnh lửa cháy rừng rực ấy: Một thân người bị thiêu đốt, thịt máu mỡ cháy lèo xèo; một thân người bị bọn đầu trâu mặt ngựa thọc, đâm bằng những chĩa hai, chĩa ba đỏ rực; một thân người bị nấu, bị luộc trong chảo dầu sôi như sóng trào; một thân người ôm cột đồng than đỏ leo lên, leo lên rồi bị cháy thành than... Rồi tiếng nói của tôn giả như lồng lộng giữa hư không, như xoáy vào tai của đức vua Suppabuddha:

- Nó đốt! Nó đốt thật đấy, thưa đức vua! Nó thiêu cháy đấy, nó thiêu cháy thật đấy, thưa đức vua! Nếu đức vua còn ôm giữ tâm niệm giận ghét, oán thù thì cảnh giới đến sau khi mạng chung cũng y như vậy đó! Tâm sao cảnh vậy! Hãy tỉnh trí lại, tâu đại vương!

Đức vua Suppabuddha chợt cười ha hả:

- Hí lộng! Thật là hí lộng! Các ngươi chỉ dọa con nít, ha ha! Các ngươi dùng pháp thuật quỷ ma để tạo cảnh giả đó thôi! Ha ha! Sao lòe bịp được ta!

Sau đó, tôn giả còn chịu khó tạo cảnh ngạ quỷ, tạo cảnh a-tu-la, tạo cảnh trời Đao Lợi, Đẩu Suất... để cho đức vua thấy rõ khổ là vậy, vui là vậy; tâm niệm tham sân sẽ đưa đến như vậy, tâm niệm an lành, mát mẻ, có đức tin về giáo pháp, biết tu giới, biết tu bố thí sẽ được như kia...

Nhưng vô ích, đức vua cười ngặt nghẽo:

- Hay đấy! Cái tài biến hóa hư hư thực thực này trông cũng hay đấy! Đúng là màn ảo thuật thú vị đấy!

Nói thế xong, ông quát:

- Thôi đi đi! Hãy nói với ông Cồ Đàm của các ngươi là ta thù hận nó tới tận xương, tới tận tủy! Hãy xéo đi!

Tôn giả Devadatta và tỳ-khưu-ni Yasodharā cũng đã hết lời khuyên giải, năn nỉ nhưng đều không thể lay chuyển được. Tỳ-khưu Rāhula đến gần bên, cầm tay ông ngoại nhưng cũng bị ông hất ra.

Ông quát:

- Hãy cút hết đi!

Biết là không còn cách gì để cảm hóa được nữa, họ lặng lẽ... rồi cùng nhau một lượt... biến mất ngay trước mặt đức vua!

Tuy nhiên, dù căm giận "tụi nó" vô cùng nhưng những chuyện lạ vừa xảy ra trước mắt, khi họ biến mất cả rồi, đức vua mới thốt lên:

- "Tụi nó" cũng giỏi thiệt!

Đất Rút

Khi đức Phật với thị giả Nigāta đến thành phố Devadaha, vương quốc Koliya thì rất đông tỳ-khưu tăng ni chờ đón ngài, trong đó có chư vị trưởng lão như Kimbila, Nandiyā..., chư vị tỳ-khưu-ni như Khemā, Uppalavaṇṇā... rải rác từ Mallā, Vesāli hay Veḷuvana sang.

Cũng như Kapilavatthu, thành phố Devadaha không có gì thay đổi, vẫn tương tự như Kapilavatthu hiện nay, nhưng hình như các cửa hàng, xe ngựa và người mua kẻ bán ít nhộn nhịp hơn và dân chúng dường như nghèo đi. Có cái gì đó như "xuống cấp" trên các con đường, trên các dãy phố và cả trong mọi sinh hoạt nhất là kinh tế, thương mại và các ngành nghề thủ công khác. Nghe nói rằng, mấy năm sau này, vì buồn phiền chuyện gia đình nên đức vua Sappabuddha tuổi càng lớn càng sinh ra uống rượu. Công việc triều chính, đức vua giao hết cho các quan đại thần, đa phần họ là thành phần thủ cựu, không muốn thay đổi, cải cách nên đất nước ngày càng trì trệ và đói nghèo! Ở đây, một thời thịnh vượng đã xa rồi. Các vị quan trẻ và tướng giỏi như Anudāma và Viruḷhāka thuở cùng tranh tài với thái tử Siddhattha cũng đã bỏ sang nước khác. Thịnh rồi suy, suy rồi thịnh, âu đó cũng là định luật hằng cửu.

Sau mùa mưa nên tiết trời khá khô ráo, mát mẻ, hội chúng một số đến ni viện có sẵn, một số tìm đến các hang động, cội cây trong những khu rừng ngoại ô lân cận.

Riêng đức Phật và chư vị trưởng lão thì được sa-di Sīvali mời thỉnh về ngự tại khu vườn cây ăn trái của hoàng thân Mahāli và công nương Suppasāvā, là cha và mẹ của chú. Ở đây có một số cốc liêu tương đối đầy đủ mọi tiện nghi sinh hoạt.

Ngày đầu tiên, đức Phật và chư vị trưởng lão đi trì bình khất thực qua các con đường trong thành phố không có gì xảy ra. Nhưng hôm sau thì phát sanh một sự cố.

Chuyện là, gia đình cha mẹ sa-di Sīvali khởi tâm cúng dường lớn đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Con đường đi đến biệt phủ của hoàng thân Mahāli và công nương Suppasāvā phải đi qua cổng cung điện; khi đức Phật và hội chúng ôm bát đi ngang đây thì bị đức vua Sappabuddha cho người chận đường. Ông còn đặt một trường kỷ cùng mâm bát, nghênh ngang một mình ngồi "vách mảy" uống rượu.

Khi nghe các quan nội thị báo là đức Phật sắp đến thì đức vua mỉm cười, cất giọng có vẻ lịch sự:

- Nói với ông Cồ Đàm, là trẫm xin lỗi vì trẫm đang bận uống rượu, không tránh đường được!

Tôn giả Ānanda thấy chuyện chướng mắt, đến bên đức vua, ôn tồn nói:

- Không nên như thế, đại vương! Hãy tránh đường để đức Phật và hội chúng đi trì bình khất thực. Hãy lịch sự và tế nhị một chút, đại vương!

- Lịch sự à? Tế nhị à? Này! Ta bảo cho mà biết! Ta là cha rể của nó. Ta lớn hơn nó! Theo lễ nghi của "lịch sự và tế nhị" ấy, thì nó phải tránh ta hay ta phải tránh nó? Hả? Ông nói đi?

- Nhưng đây là đức Phật, tâu đại vương! Tôn giả lại nhỏ giọng - Chận đường đức Chánh Đẳng Giác, tội lớn lắm đấy!

Sa-di Rāhula nói lớn:

- Tội địa ngục đấy, thật đấy, không phải nói dọa đâu, thưa ông ngoại!

Đức vua cười ngạo mạn:

- Một ngàn cái địa ngục ấy, ta cũng không sợ.

Đứng từ xa nhưng đức Phật biết rõ mọi chuyện, ngài lắc đầu rồi nói với chư vị trưởng lão:

- Thôi, đành vậy, ta sẽ đi lối khác.

Khi thấy đức Phật bỏ đi, đức vua Sappabuddha bảo với quan nội thị:

- Hãy cho người theo dõi xem thử ông Cồ Đàm có nói gì không rồi về báo lại cho ta hay.

Quả vậy, khi quay đi, đức Phật dừng chân lại một chút rồi nói:

- Biết sao được! Cái quả địa ngục thật đấy! Như Lai cũng không cứu được!

Rồi đức Phật nói với Devadatta:

- Ông hãy về báo cho đức vua hay! Hãy lo giữ gìn sinh mạng của mình. Đúng ngày thứ bảy, kể từ hôm nay, nghĩa là kể từ sát-na khởi tâm niệm ngăn chặn Như Lai, đức vua sẽ bị quả đất rút ngay tại chân cầu thang trong tòa lầu bảy tầng ở cung điện. Và nếu tâm niệm kia được thay đổi, có sám hối, có ăn năn thì tội báo sẽ nhẹ đi!

Nhưng vô ích. Một người báo lại. Hai người báo lại. Viên quan nội thì kể lại tận tường hơn, nhưng đức vua cười ha hả:

- Ta chết như thế sao? Bảy ngày sao? Bị quả đất rút sao? Chuyện tào lao không!

Lúc này các vị lão thần hay chuyện cũng đến gần bên khuyên can đức vua, sau đó, có một vị tâu:

- Xin đại vương hãy cẩn trọng! Từ nhỏ đến lớn, cho đến sau này, khi thành Phật rồi, ông sa-môn Cồ Đàm không bao

giờ nói dối. Ông ta đã nói cái gì thì sự việc xảy ra đúng y như thế.

Đức vua vẫn "chấp mê bất ngộ", cười gằn:

- Đúng thế! Sa-môn Cồ Đàm chưa hề nói dối! Nhưng cái chuyện tiên tri bảy ngày ta chết tại chân cầu thang, ta sẽ làm cho ông ta trở thành kẻ nói dối ngay tức khắc!

Nói thế xong, trở lại cung điện, đức vua sai nội thị mang thức ăn vật uống, cả rượu, cả đầu bếp, cả những tiện nghi nhu dụng lên tầng lầu thứ bảy. Ông dự định sẽ đóng đô tại đây suốt bảy ngày. Ông còn cẩn thận bố trí hai lực sĩ canh gác tại mỗi cửa tầng lầu với lời dặn dò nghiêm khắc:

- Nếu thấy trẫm bước xuống các tầng lầu thì các ngươi tìm cách ngăn cản lại. Không ngăn cản, các ngươi sẽ bị chém đầu. Làm vậy, các ngươi sẽ được trọng thưởng!

Đâu đó xong xuôi, ông cười nói oang oang:

- Bảy ngày ta nhất quyết ở đây, không bước xuống bên dưới thì làm sao ta lại chết ở chân cầu thang kia chớ! Phen này cái tội " tiên tri láo" của ông sa-môn Cồ Đàm bị bẽ mặt thật sự rồi!

Chuyện đến tai đức Phật, ngài thuyết một thời pháp nói về các loại nghiệp. Đại ý như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Nghiệp (kamma) là hành động, là tạo tác, tức là những việc làm cố ý, có chủ ý dù lành tốt hay xấu ác. Hành động hay tạo tác là nghiệp nhân, và phản ứng của hành động hay tạo tác ấy gọi là nghiệp quả. Nói ngắn gọn là nhân quả nghiệp báo.

Chúng sanh ở trong ba cõi sáu đường đều bị chi phối bởi nghiệp do chính mình đã tạo tác. Nghiệp tạo ra muôn loài, sanh ra muôn loài, là chủ tể của muôn loài. Chúng sanh là thừa tự của nghiệp, năng sanh của nghiệp, huyết thống của nghiệp, cháu con của nghiệp! Từ ý nghĩa ấy, nghiệp sanh phạm thiên, chư thiên, ma vương, dạ-xoa, thọ thần, sơn thần, con người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục cùng với

nhân thân và cả những hoàn cảnh duyên sanh tương hệ. Biết vậy, bậc trí phải biết lìa xa những nghiệp xấu ác, thực hành những nghiệp lành tốt cho mình.

Này các thầy tỳ-khưu! Nghiệp lành tốt phát sanh bởi vô tham, vô sân, vô si; nghiệp xấu ác phát sanh bởi tham lam, sân hận, si mê. Nghiệp lành tốt có mười điều được gọi là thập thiện nghiệp; nghiệp xấu ác cũng có mười điều được gọi là thập ác nghiệp. Thập thiện nghiệp thì được sanh làm người hữu phúc, sang cả hay hóa sanh vào sáu cõi trời dục giới để thọ hưởng thiên lạc. Thập ác nghiệp thì đọa vào bốn con đường đau khổ đấy là a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Còn nếu những ai đắc định hữu sắc hoặc vô sắc thì hóa sanh vào hai mươi cõi trời phạm thiên. Định luật của nghiệp là vậy, không có vị thượng đế, một vị hóa sanh chủ, sáng tạo chủ nào thay đổi được.

Thuyết thế xong, đức Phật kết luận:

- Trường hợp đức vua Sappabuddha thì Devadatta, Yasodharā, Rāhula và cả Mahā Moggallāna đã tìm cách cảm hóa nhưng thất bại. Rồi Như Lai đã cho người thông báo rồi, nhắc nhở rồi nhưng tâm hận thù, oán kết quá sâu nặng của đức vua sẽ tự làm hại chính mình thôi. Cái nghiệp ngăn trở, cản đường có vẻ ngạo nghễ, thách thức vừa rồi của đức vua lại càng nặng nề hơn, Như Lai không có cách chi để hỗ trợ, cứu giúp được nữa. Theo với thấy biết như thực của Như Lai, đúng ngày thứ bảy, đức vua sẽ bị quả đất rút tại chân cầu thang thứ bảy. Dầu đức vua ngự trên thượng lầu của tòa nhà bảy tầng, dầu đức vua đứng giữa hư không, trên đầu núi, dầu đức vua ngồi ngoài biển lớn, dầu đức vua trốn trong động thẳm hang sâu... thì đức vua cũng không trốn thoát khỏi nghiệp đã gieo, trốn thoát khỏi lưỡi hái của tử thần được!

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ ngôn:

"- Trốn vào động thẳm hang sâu

Ẩn trong núi vắng, non đầu, trùng khơi
Có đâu một chỗ trên đời
Tử thần lại chẳng đến lôi kéo về!”[1]

Và quả đúng như sự thấy biết của đức Chánh Đẳng Giác. Đến ngày thứ bảy, bên dưới tòa lầu, con ngựa quý có tên là Hạnh Phúc của đức vua tự dưng nổi chứng bất kham, cứ hí vang lên rồi đá rầm rầm vào tường vách mà không ai khống chế được.

Không cần hỏi, đức vua cũng biết rằng, chỉ có ông, thấy bóng của ông, nghe tiếng nói của ông, con ngựa mới thôi quậy, mới đứng yên. Nghĩ là sắp hết ngày thứ bảy rồi, đức vua yên trí sai lực sĩ mở các cửa lầu để ông xuống trị chứng con ngựa. Đến cầu thang thứ bảy, chợt đức vua sẩy chân, trôi tuột cả thân hình xuống dưới. Ngay khi ấy như có hiện tượng động đất, khoảng dưới chân cầu thang, đất nứt ra, hiện ra một lỗ sâu thăm thẳm rồi nuốt đức vua vào trong lòng nó, vô tăm, vô tích.

Mười bốn tên lực sĩ nhìn ngắm quả báo kinh khiếp xảy ra cho đức vua Sappabuddha ngay trước mắt, họ chỉ việc há hốc, đứng trân, sợ hãi quá không thốt được nên lời.

[1] Pháp cú 128: “Na antalikkhe na samuddamajjhe - na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa. Navijjati so jagatippadeso - yatthaṭṭhitaṃ nappasahetha maccūti”.

Như Lai
Không Tranh Luận Với Đời

Chuyện đức vua Sappabuddha vì cố ý, chủ tâm cản ngăn đức Phật và hội chúng đi trì bình khất thực liền bị trả quả báo nhãn tiền khủng khiếp không mấy chốc lan truyền khắp mọi nơi. Và mọi người còn biết thêm nữa rằng, khi nghiệp dữ đến thì không ai có khả năng giải cứu được, dẫu là thần thông lực của đức Chánh Đẳng Giác.

Sau biến cố kinh hãi và thương tâm ấy, tôn giả Devadatta có lẽ sầu buồn[1] vì cái chết của vua cha nên lặng lẽ ôm bát ra đi, không ai biết đi đâu.

Trưởng lão ni Gotamī cùng Yasodharā vốn là em và con gái của đức vua quá cố, muốn làm một công đức có ý nghĩa sau sự biến đau thương vừa rồi nên đã vận động, sách tấn, khuyến khích các gia đình hoàng tộc cùng chung lòng, chung tay hùn phước đặt bát cúng dường đến đức Phật và hội chúng tăng ni. Rồi sau đó, triều đình và hoàng tộc Koliya đã tổ chức suốt bảy ngày cúng dường lớn, rất trọng thể như vậy. Trong số chư tỳ-khưu tăng ni, có một số vị thắc mắc trong lòng, là phước báu của sự cúng dường này có cứu

[1] Devadatta lúc này có đắc định cùng một vài thắng trí - chưa có tuệ nên vẫn bị tình cảm đời thường chi phối.

giúp gì được cho nghiệp dữ của đức vua Sappabuddha hay không. Nhân dịp ấy, đức Phật dạy tóm tắt như sau: Là chỉ riêng một số ngạ quỷ đói lạnh là hưởng được phần phước báu do thân bằng, quyến thuộc hồi hướng, còn tất cả ngạ quỷ khác, chúng sanh khác, cõi khác thì không thể. Nếu đọa sanh các cõi địa ngục thì phải chung thân nhận chịu thọ báo khổ cho đến lúc chấm dứt nghiệp mới thôi!

Việc rồi cũng tạm yên, tạm lắng lại.

Sau mùa an cư năm ấy tại Nigrodhārāma, có ba vị tôn giả đến hầu thăm đức Phật, đấy là chư vị trưởng lão: Tỳ-khưu Mahā Kaccāyana (Ma-ha Ca-chiên-diên), tỳ-khưu Mahā Kappina (Ma-ha Kiếp-tân-na) và tỳ-khưu Subhūti (Tu-bồ-đề)! Chỉ riêng tôn giả Mahā Kappina là đến với hội chúng rất đông, riêng hai vị tôn giả kia thì độc cư, độc bộ. Cả ba vị tôn giả đáng kính này thường được đức Phật khen ngợi về thắng tuệ và thắng hạnh của họ.

Sau cuộc hội kiến ấy thì có hai vị lại âm thầm ra đi; tôn giả Mahā Kappina cùng với hội chúng trở lại quê nhà, thành phố Kukkuta để hóa độ bà con quyến thuộc; tôn giả Subhūti thì cất bước du phương; chỉ riêng tôn giả Mahā Kaccāyana thì trở về một ngôi rừng vắng gần đấy để tĩnh cư.

Hôm nọ, đi trì bình vài con đường trong thành phố, khi thấy vật thực vừa đủ dùng, đức Phật ghé vào ngôi rừng nhỏ tại Beluvalatthika để thọ thực rồi nghỉ trưa thì có một du sĩ thuộc dòng tộc Sākya đến thăm. Vị này thường ngao du thiên hạ, lấy khẩu tranh, luận tranh làm thú tiêu khiển, luôn với chiếc gậy cầm tay(dandapani) nên mọi người thường gọi y là Sākya gậy-cầm-tay!

Gặp đức Phật, du sĩ Sākya gậy-cầm-tay có vẻ nghênh ngang không coi ai ra gì, chỉ nói vài lời thăm hỏi xã giao rồi cất tiếng hỏi:

- Sa-môn Gotama có quan điểm, chủ trương như thế nào và thường giảng thuyết, tuyên thuyết những gì cho thế gian?

Thấy thái độ của vị du sĩ có vẻ ngạo mạn, trịch thượng, đức Phật cũng không chấp gì, ngài nói:

- Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương gì hết, này du sĩ!

- Tại sao?

- Vì nếu có quan điểm, có chủ trương thì thế gian này cũng có đến hàng ngàn, hàng vạn quan điểm và chủ trương như thế!

- Dĩ nhiên là vậy rồi! Và như thế thì sao nào, thưa sa-môn Gotama?

- Thì chúng sẽ đưa đến khẩu tranh, luận tranh một cách vô ích và phù phiếm; là chuyện mà Như Lai không để dính chân dù chỉ là một hạt bụi, này Sākya gậy-cầm-tay!

Khi thấy du sĩ có vẻ không nắm bắt được vấn đề, đức Phật nói tiếp:

- Này du sĩ! Đối với thế gian, ma vương, phạm thiên, sa-môn, bà-la-môn, chư thiên và loài người; vì Như Lai không có quan điểm, không có chủ trương nên sẽ không luận tranh với họ. Vì không luận tranh với họ nên Như Lai không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh. Và nếu không bị các tưởng chi phối, không bị các tưởng ám ảnh thì tâm Như Lai không bị các dục bao vây, não hại. Khi tâm không bị các dục bao vây, não hại thì mọi nghi ngờ, do dự, mọi ăn năn, hối quá đều bị đoạn diệt. Như vậy cũng có nghĩa là mọi tham ái đối với các hữu và phi hữu đều chấm dứt! Và này du sĩ! Đó chính là sự thấy biết như thực của Như Lai, và Như Lai cũng đã từng giảng dạy, giảng thuyết hoặc tuyên thuyết như vậy!

Du sĩ Sākya gậy-cầm-tay nghe đức Thế Tôn thuyết như thế, không biết có hiểu không, hay là vì ngạo mạn mà y đã lắc đầu, liếm lưỡi, trán nổi ba đường nhăn rồi quay mặt, chống gậy bỏ đi...

Vào xế chiều trở về đại viên Nigrodhārāma, trong giờ giảng Pháp, đức Phật kể lại đoạn đối thoại với du sĩ Sākya gậy-cầm-tay rồi kết luận như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Do vậy mà bất cứ nhân duyên gì từ đó phát sanh hý luận, vọng tưởng thì một hành giả lên đường phải thấy cho thật rõ, nếu không sẽ bị chúng chi phối, ám ảnh. Và giả dụ như khi đã bị chúng chi phối, ám ảnh rồi, thì đệ tử của Như Lai đừng đón mừng, chớ hoan hỷ, chẳng nên chấp thủ hý luận, vọng tưởng ấy. Làm như vậy, đệ tử của Như Lai sẽ đoạn tận được các tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ không có cơ hội tồn tại. Chính ở đây mà các ác, bất thiện pháp đều được tiêu diệt, tận diệt không còn dư tàn...

Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt như vậy rồi đi vào bên trong, khép cửa hương phòng lại.

Chư tỳ-khưu đa phần hoang mang, không hiểu. Phải cần có người giải thích rộng rãi đoạn đức Phật thuyết quá tóm tắt vừa rồi. Vì pháp ngữ, pháp nghĩa nó đang còn giấu ẩn bên sau! Có vị trưởng lão chợt mách miệng: Tôn giả Mahā Kaccāyana có đầy đủ thắng trí, thắng tuệ thường được đức Phật tán dương, ngợi khen, được các vị đồng phạm hạnh kính trọng, tôn trọng. Sao các vị không đi tìm vị ấy? Hình như tôn giả ấy đang ngụ cư nơi một khu rừng nào đó, gần đây thôi. Tôn giả Mahā Moggallāna vừa đi vắng. Tôn giả Sāriputta đang ở Kỳ Viên. Và nếu không có hai vị đại đệ tử ở đây thì ai là người có thể giảng nói rộng rãi, tường minh đoạn thuyết giảng quá cô đọng vừa rồi của đức Tôn Sư?

Thế rồi, khi tìm được tôn giả Mahā Kaccāyana sâu trong một ngôi rừng, họ tha thiết, khẩn cầu ngài chỉ giáo! Họ lặp

lại đoạn thuyết giảng quá cô đọng của đức Phật rồi mong nhờ ngài giải thích rộng rãi và chi tiết hơn.

Tôn giả Mahā Kaccāyana vốn yêu mến sơn lâm, ở lâu giữa sơn lâm, sống đời tri túc, thiểu dục nhưng cũng không giấu được vẻ đẹp sắc thân cân đối mỹ toàn và màu da vàng sáng nổi tiếng từ thời niên trẻ!

Nghe vậy, tôn giả mỉm nụ cười đôn hậu, dịu dàng, khiêm tốn nói:

- Này chư hiền! Cũng như một người ưa thích lõi cây, ra sức tìm tòi lõi cây, đã đi khắp mọi nơi tìm kiếm lõi cây; khi đến một khu rừng, thấy một thân cây to lớn, già cỗi, đứng thẳng nên biết là có lõi cây. Người này tuy biết cây có lõi cứng, tốt, chắc, bền nhưng không biết nó nằm ở đâu, nên y đã bỏ qua rễ cây, bỏ qua thân cây rồi nghĩ rằng phải tìm lõi cây ở nơi cành hoặc lá! Than ôi! Cũng tương tự như vậy là việc làm hiện nay của chư hiền giả! Đứng trước mặt đức Thế Tôn, một cái lõi giáo pháp, tinh tủy của giáo pháp, một hiện thân siêu việt, sừng sững, nghiêm uy, tối thượng bất khả tỷ, thù thắng bất khả lượng của giáo pháp; thế vậy mà chư hiền lại quay lưng với đức Thế Tôn, bỏ qua đức Thế Tôn, nghĩ rằng phải hỏi tôi về ý nghĩa rộng rãi và thâm sâu của giáo pháp!

Này chư hiền! Đức Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy; ngài là bậc có con mắt sáng, là vị có trí và tuệ ở trên ba cõi; ngài chính là chánh pháp, chính là đại phạm thiên tối tôn, là vị thuyết giả, diễn giả chơn chánh và duy nhất ở thế giới loài người, là vị chỉ lối mục tiêu phạm hạnh và lộ trình giải thoát, là vị trao cho mọi hành giả giọt nước cam lồ bất tử; và đúng ngài vị pháp chủ, chính thị ngài là Như Lai Thế Tôn!

Vậy thì chư hiền phải tùy nghi, tùy thời để thưa hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa này. Những gì đức Thế Tôn giải thích

cho chư hiền, chư hiền hãy như vậy mà thọ trì, phụng hành với sự tin tưởng tuyệt đối.

Sau ba lần từ chối, thoái thác, nhưng thấy chư vị tỳ-khưu có vẻ cầu khẩn nhất mực thành tâm nên tôn giả Mahā Kaccāyana đành phải trả lời:

- Thôi được rồi, này chư hiền! Hãy khéo hướng tâm, hãy khéo lắng tâm, ta sẽ giảng nói đây! Khi mắt thấy một sắc pháp, một đối tượng thì cái thấy biết của con mắt ấy phát sanh, được gọi là nhãn thức. Sự gặp gỡ của căn, trần, thức ấy là xúc. Theo lý tùy thuộc phát sanh thì do duyên xúc liền có cảm thọ, có cảm thọ thì có tưởng, có tưởng thời có suy tầm, có suy tầm thì có hý luận. Do hý luận ấy làm nhân nên những vọng tưởng, ám ảnh, chi phối một người, không chỉ ở hiện tại mà cả quá khứ lẫn vị lai. Chỉ mới con mắt nhận thức sắc pháp thôi mà nó đã tương duyên phát sanh như vậy đó.

Này chư hiền! Tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp chúng đều diễn tiến, phát sanh tương tự như mắt vậy. Nghĩa là sự duyên khởi ấy đi từ xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng chi phối ta trong ba thời khi sáu căn, sáu trần và sắc thức xúc đối, gặp gỡ nhau.

Này chư hiền! Vậy muốn chấm dứt hý luận, vọng tưởng, có nghĩa là chấm dứt tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên; cũng có nghĩa là mọi kiến chấp, nghi ngờ, ngã mạn, ái hữu, vô minh, chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, luận tranh, kháng tranh, vọng ngữ, ly gián ngữ... thì chỉ có một cách duy nhất là chấm dứt sự tồn tục, tương tục, sự diễn tiến của mắt, sắc, nhãn thức, xúc, thọ, tưởng, suy tầm, hý luận, vọng tưởng cả hiện tại, quá khứ và vị lai. Đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, này chư vị!

Sự giải thích có vẻ rất tường minh của tôn giả Mahā Kaccāyana cũng có một số vị tỳ-khưu hiểu, có một số vị vẫn

chưa hiểu nên họ lại đi gặp đức Đạo Sư, kể lại toàn bộ nội dung rồi xin sự chỉ giáo của ngài. Đức Phật nói:

- Này chư vị! Tỳ-khưu Mahā Kaccāyana là bậc hiền trí, là bậc lợi tuệ, là bậc đại tuệ. Nếu chư vị hỏi Như Lai ý nghĩa rộng rãi của thời pháp, nếu Như Lai có trả lời thì Như Lai cũng trả lời y như vậy, không hơn, không kém! Vậy cứ như vậy mà thọ trì, phụng hành!

Tôn giả Ānanda đứng hầu một bên, ngài nắm vững thời pháp, thông tỏ thời pháp, hoan hỷ với thời pháp nên nói lên sự thấy biết của mình:

- Hay lắm! Do không có quan điểm, không có chủ trương nên đức Đạo Sư đã không tranh luận với thế gian để đưa đến hý luận, vọng tưởng, khẩu tranh, luận tranh, kháng tranh, đối tranh, binh khí miệng lưỡi, binh khí đao trượng! Bạch đức Thế Tôn, đệ tử đã thấy biết sự duyên khởi ấy. Do mắt thấy sắc như thực, tai nghe âm thanh như thực... nên xúc, thọ, tưởng, ý chí, nhận thức đều như thực... thì toàn bộ tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu ái, phi hữu ái, vô minh ba thời thảy đều tận diệt. Nói như tôn giả Mahā Kaccāyana, đấy là sanh đã tận, phạm hạnh đã thành - có phải vậy không, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật gật đầu:

- Khá lắm! Này Ānanda!

Tôn giả Ānanda hăng say nói tiếp:

- Như một người quá mệt mỏi, quá suy kiệt vì bị đói lả nhiều ngày; may mắn thay y tìm được một chiếc bánh tẩm mật. Cứ mỗi miếng vị ấy nếm là vị ấy được thưởng thức cái ngọt thù thắng của mật, từ ngoài vào trong, y như nhau, thuần nhất như nhau. Cũng vậy, bạch đức Thế Tôn! Một vị tỳ-khưu có trí, có tuệ, hướng tâm chơn chánh, suy tư chơn chánh những phần, những đoạn của thời pháp, nắm bắt được ý nghĩa của thời pháp, thưởng thức vị ngọt thù thắng của

pháp, từ ngoài vào trong, từ cạn vào sâu cũng như nhất, cũng thuần nhất y như bánh mật kia vậy.

- Đúng vậy! Này Ānanda! Thế thì ở đây, ông và một số chư vị trưởng lão hãy tuyên thuyết, giảng nói bài pháp này đến cho tăng ni trong kinh thành Kapilavatthu và nhiều nơi khác nữa để mọi người thấy rõ như thực rằng: Như Lai không tranh luận với thế gian và đệ tử của Như Lai cũng y như thế!

- Chúng đệ tử sẽ làm như vậy. Nhưng bài kinh này được gọi tên là gì, bạch đức Đạo Sư?

- Ừ! Cứ gọi là kinh "bánh mật"![1]

Cả hội chúng, ai cũng mỉm cười, ai cũng hoan hỷ; vì dù ít, dù nhiều, ai cũng nếm được vị ngọt của chiếc bánh mật hôm ấy.

[1] Kinh Mật hoàn (Madhupindika sutta) kinh số 18 - Majjhima Nikāya.

Giảng Sư Rāhula

Đức Phật nấn ná ở Kapilavatthu do có nhiều duyên sự phải giải quyết, nên hết mùa xuân mới cùng đại chúng trở về Kỳ Viên trong tiết trời đã bắt đầu nắng nóng. Tránh con đường xa lộ thương mãi, đức Phật và đại chúng đi theo những lối mòn trong các thôn làng, các sườn đồi và sơn lộ có nhiều cây xanh bóng mát.

Trên lộ trình này, đức Phật và đại chúng có nhiều chỗ phải dừng chân để nghỉ ngơi hoặc tá túc qua đêm. Và vào những lúc như vậy, thỉnh thoảng đức Phật cảm hứng thốt lên một vài câu nói nào đó nhưng không giải thích làm cho đại chúng rất thú vị, mà đồng thời cũng phải mệt mề đăm chiêu suy nghĩ.

Ví như có lần, đức Phật nói:

- Chà! "Nhờ vô thường" nên lá vàng lá lại xanh; "nhờ vô thường" nên hoa tàn rồi hoa lại nở. "Nhờ vô thường" nên hết tiết đông lạnh giá lại sang tiết Xuân ấm áp, dễ chịu...

Đức Phật bỏ lửng câu nói rồi bước đi.

Chư tỳ-khưu phàm tăng ở phía sau không ngớt bàn tán với nhau:

- Này, sao trước đây, đức Đạo Sư và chư vị trưởng lão thuyết giảng: Vô thường là khổ?

- Ai mà biết!

- Cái định luật nó vậy!

- Thì... thì lá vàng, lá xanh nó đâu có tri giác mà than khổ?!

Rồi họ lại tranh luận với nhau nhưng mà không đi đến đâu cả.

Lần khác, đức Phật lại nói trống không:

- Chà! Cái dòng suối này "chẳng có tác ý, chẳng có tư tác" gì mà nó chảy róc rách, róc rách nghe rất vui tai; nó lại còn biết lách bên này, len bên kia qua mấy kẽ đá, qua mấy mô đất... dường như có "thức tánh" đấy nhỉ?

Khi đức Phật đi xa rồi, một số vị tỳ-khưu còn ngồi lại bên suối, suy ngẫm câu nói vừa rồi của đức Phật. Chịu. Họ không giải thích được.

Hôm nọ, dừng chân nơi một khu rừng im mát, thiên hô vạn hát là chim, là tiếng chim... như là một khúc hòa tấu du dương tuyệt vời của bà mẹ thiên nhiên...

Đức Phật lắng nghe một hồi rồi nói:

- Chà! Con chim này "tư tác" hót kiểu này, con chim kia "tư tác" hót kiểu kia. Trăm ngàn cách. Trăm ngàn loại. Nhưng không biết chúng có tranh âm, tranh giọng với nhau chăng? Tự nhiên như thế chăng? Hòa hợp như thế chăng?

Thường thì sau câu nói của đức Phật, các bậc thánh lậu tận mỉm cười còn chư phàm tăng thì nhăn mày. Có một số vị vây quanh tôn giả Moggallāna hoặc Ānanda để mong nghe vài lời kiến giải thông tuệ; nhưng các ngài thường nói:

- Chỉ có đức Đạo Sư mới biết rõ lúc nào là đúng thời, đúng duyên nhất để lý giải những điều ấy.

Một số vị lại đến vây quanh tỳ-khưu Rāhula, vì họ "nghe nói" con trai của đức Phật đã thành tựu cứu cánh phạm hạnh để mong một sự chỉ giáo.

Tôn giả Moggallāna hướng tâm một lát là đã biết sự thật: "Tỳ-khưu Rāhula 'thọ hành' đã sắp mãn, đức Phật cốt

ý bộ hành về Kỳ Viên để Rāhula nhập diệt trước sự chứng kiến của đại chúng tăng ni cùng hai hàng cư sĩ áo trắng! Những câu nói cảm hứng của đức Phật, nhất là câu đầu tiên, chỉ có bậc thánh lậu tận mới giải thích được. Trong số chư vị phàm tăng ở đây có người khởi nghi tâm là Rāhula chưa đắc quả A-la-hán. Và đây là dịp đức Đạo Sư muốn tuyên dương trí tuệ như thực, vô lậu của Rāhula để phá nghi cho chư vị phàm tăng kia".

Khi thấy rõ, biết rõ sự thực như vậy nên tôn giả Moggallāna nói với Rāhula:

- Hãy trả lời cho họ nghe đi, Rāhula! Chính đức Tôn Sư muốn để giành vinh hạnh ấy cho ông đấy!

Được sự chuẩn nhận, chấp thuận của vị thầy A-xà-lê khả kính của mình, tỳ-khưu Rāhula mới dám trả lời. Và đoạn đối thoại giữa họ như sau.

Tỳ-khưu Rāhula nói:

- Về câu nói cảm hứng thứ nhất của đức Đạo Sư về lá xanh, lá vàng, hoa tàn, hoa nở... là ngài muốn nói đến cái lý vô thường tự nhiên của trời đất. Nhờ có lý vô thường tự nhiên ấy mà vũ trụ này có thành, có trụ, có hoại, có không; và nhờ có hoại, có không nên mới có thành có trụ! Vậy, nếu không có định luật vô thường tự nhiên này thì một hạt bụi cũng không có mặt, cũng không được thiết lập; và ngọn Sineru hùng vĩ kia cũng không cơ sở để tồn tại! Cho nên, sự vô thường ấy, sự chuyển đổi, thay đổi, dịch hóa ấy nó làm nên vạn hữu, tạo tác nên vạn hữu, chứ không đưa đến dukkha (khổ)[1] , thưa chư tôn giả!

---

[1] Ở đây cần ghi chú thêm một lượt nữa. Dukkha thường được dịch là khổ, thường không nói hết nội dung ngữ nghĩa của nó. Có thể tóm tắt trong ba nghĩa chính: Một, tấm thân vật lý thường bị đau nhức, bệnh tật, già lão, tử vong... nên gọi là dukkha. Hai, sự biến đổi, thay đổi của các trạng thái tâm lý như buồn vui, thương ghét, nóng giận, khổ lạc...chi phối chúng ta nên đưa đến

- Thế sao đức Thế Tôn giảng về tam pháp ấn vô thường, vô ngã, dukkha (khổ) là định luật của tất thảy pháp?

- Đúng vậy! Nhưng chư tôn giả phải để ý là có hai cái saṅkhāra, hai cái "hành" hai cái "hữu vi", hai cái tạo tác khác nhau. Cái saṅkhāra, cái "hành" cái "hữu vi", cái tạo tác của thiên nhiên trời đất là cái tất yếu, cái không thay đổi được; nhờ nó mới có thế gian, thế giới, tinh hà, nhật nguyệt, núi sông, vạn hữu! Cái vô thường, vô ngã ấy không đưa đến dukkha (khổ) thưa chư tôn giả! Chính cái lăng xăng tạo tác, cái saṅkhāra, cái hành, cái hữu vi của tâm niệm, của các trạng thái tâm lý, cụ thể là của thương ghét, buồn vui, tham muốn, giận dữ, đố kỵ, tị hiềm... hằng chục cái thay đổi, chuyển dịch vô thường ở trong tâm niệm mới đưa đến dukkha (khổ) này! Hãy hiện quán, hãy minh sát cái saṇkhāra, tức là của hành trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức là chư tôn giả sẽ thấy biết như thực như vậy!

Tỳ-khưu Rāhula giảng thế xong, không biết bao nhiêu là lời xít xoa bàn tán, khen ngợi, tán dương:

- Chà! Một vị thốt lên - thật là tuyệt vời!

- Cảm ơn "trưởng lão"!

- Thật không có gì rõ ràng như thế nữa!

- Minh nhiên! Như thị!

- Chỉ có bậc thánh lậu tận mới tường minh được như thế!

Rồi họ hỏi tiếp qua câu hỏi thứ hai:

- Thế còn cái dòng suối?

- Không tư tác, nó róc rách...?

- Không tác ý nó len lỏi...?

- Dường như nó có thức tánh?

Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười:

---

dukkha. Ba, sự bất toại nguyện, bất như ý, rỗng không, bất toàn của thế gian pháp nên gọi là dukkha.

- Xem nào, này chư tôn giả! Đất có chỗ cao, chỗ thấp; nước ở chỗ cao chảy xuống chỗ thấp là cái tự nhiên. Khi chảy xuống, tuôn xuống, do nó va đập vào đá nên có tiếng róc rách, đấy là cái tự nhiên. Cái dòng đang chảy bị một mô đất, một rễ cây, một lèn đá chặn ngang thì nó phải tìm cách len lỏi sang lối khác, đó là cái tự nhiên. Chẳng có tác ý, tư tác, thức tánh gì ở đó cả. Không những là những hiện tượng ấy, mà cho chí chuyện dịch hóa mưa nắng, ngày đêm, nóng lạnh, chuyển đổi bốn mùa; rồi ảnh hưởng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú đến sông biển, ao hồ, muôn sinh, thảo mộc... đều bị chi phối bởi những định luật tự nhiên của trời đất cả thảy. Những định luật ấy không có dukkha; chỉ có định luật nhân quả nghiệp báo mới đưa đến dukkha, thưa chư tôn giả! Giáo pháp của đức Tôn Sư xây dựng, kiến lập ở chính chỗ này, ngay tại chỗ này: Thấy rõ dukkha và chấm dứt dukkha ấy!

Chư vị tỳ-khưu xung quanh có vị bủn rủn, bàng hoàng; có vị bần thần suy nghĩ; có vị hỷ lạc phát sanh do thấy được giáo pháp bất tử.

- Vô cùng tri ân "trưởng lão".

- Chúng tôi đã được vén mở con mắt pháp rồi đó!

Im lặng một lát, tỳ-khưu Rāhula nói tiếp:

- Còn tiếng chim các loại, các giống, thân hình, màu sắc, giọng hót khác nhau là do nghiệp khác nhau. Nếu trăm ngàn thảo mộc khác nhau từ cây, đến lá, từ hoa đến trái là do hạt giống khác nhau thì tiếng chim có sự khác nhau là do nghiệp khác nhau.

- Vậy tiếng chim có tư tác không?

- Có đấy, nhưng tư tác rất nhỏ nhiệm, đôi khi chỉ ở một vài giống chim có thức tánh cao; còn đa phần là do bản năng chi phối, và bản năng chính là quả dị thục do nghiệp tạo từ trước.

- Có loài chim cu ghét nhau tiếng gáy nên chúng thường tìm cách đấu nhau, hót tranh tiếng nhau để tranh giành lãnh thổ, làm oai cô mái!

- Có như vậy đấy!

- Không chỉ làm oai với cô mái mà còn gọi bạn, báo động nguy hiểm, báo động an toàn, báo động có thức ăn... thì sao?

- Có thể do tư tác hiện tiền mà cũng có thể do bản năng! Thất khó biết địch xác điều ấy, khi mình không phải là chim! Và nhất là mình không phải là đức Chánh Đẳng Giác.

Mọi người cười vui, hoan hỷ.

Có vị cắc cớ hỏi:

- Những cái thấy biết vừa rồi của "trưởng lão" do đâu mà có, trong lúc trưởng lão tuổi còn thanh niên, thọ đại giới vừa được một năm?

Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười:

- Thưa, một phần do học hỏi, một phần do chiêm nghiệm, một phần dường như có sẵn từ quá khứ, như tự dưng mà biết thế thôi!

Moi người dường như ai cũng thỏa mãn, hoan hỷ toát ra ngoài mặt.

Tôn giả Moggallāna bước lại, tán thán:

- Đức Thế Tôn đi đã xa rồi! Nếu không ngài cũng phải khen ngợi, tán dương những kiến giải thông tuệ và uyên bác của "giảng sư" Rāhula!

Tỳ-khưu Rāhula cúi đầu:

- Đệ tử không dám!

Chư phàm tăng hôm ấy họ mới thật sự tâm phục, khẩu phục, kính trọng, tôn trọng Rāhula.

[

Tỳ-Khưu Rāhula
Vô Dư Niết-Bàn

Đêm hôm kia, đức Phật trú chân trong một khu rừng thì đột ngột tỳ-khưu Rāhula bước vào, đảnh lễ ngài rồi lặng lẽ quỳ xuống một bên.

Đức Phật ân cần hỏi:

- Có việc gì không, Rāhula?

- Chắc đức Thế Tôn biết rồi, đệ tử muốn xin phép để xả bỏ giả thân này!

Đức Phật im lặng, đưa mắt nhìn Rāhula một hồi lâu rồi nói:

- Ừ, Như Lai biết! Nhưng con nên duy trì thọ hành về đến tịnh xá Kỳ Viên hẵng hay!

- Thưa vâng, đệ tử biết là phải còn trình báo với thầy của con, là tôn giả Sāriputta; ngoài ra, tôn giả Moggallāna, chư vị trưởng lão, trưởng bối như Ānanda, Nanda, trưởng lão ni Gotamī, trưởng lão ni Yosadharā... cũng phải biết sự ra đi đột ngột của đệ tử!

- Không đột ngột đâu, Rāhula! Nhiều người biết lắm! Nhưng, những việc đáng làm trên cuộc đời này con đã làm xong rồi thì nhập diệt sớm hay muộn cũng không phải là vấn đề!

- Thưa vâng!

Về đến Kỳ Viên mấy hôm, tỳ-khưu Rāhula lần lượt đi đảnh lễ tất thảy chư tôn trưởng lão, sang ni viện thăm trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā... để xin phép Nhập Diệt trước. Ai ai cũng bùi bùi, sự bùi ngùi của những bậc thánh lậu tận thường thì phàm tăng không thể hiểu được cảm xúc ấy nó ra làm sao!

Với tôn giả Moggallāna, ngài hỏi:

- Con muốn an nghỉ ở đâu vậy, Rāhula?

- Thưa, đệ tử thích ở cung trời Ba Mươi Ba!

Tôn giả gật đầu:

- Được rồi! Ta sẽ lên nói với thiên vương Đế Thích (Sakka) để ông ta nghinh tiếp cho đàng hoàng!

Với trưởng lão ni Gotamī thì bà nói:

- Sao sớm quá vậy, Rāhula?

- Thưa, đức Thế Tôn bảo: Khi mọi bổn phận đã làm xong rồi thì sớm hay muộn gì cũng vậy!

- Ừ, thôi thì thế cũng được! Người thấy rõ lẽ tử sinh, đã ly thoát khỏi tử sinh thì trên cuộc đời này còn gì đáng phải luyến lưu, quyến niệm để phát sanh phiền não nữa!

Với trưởng lão ni Yasodharā thì bà trầm ngâm một hồi rồi mới nói:

- Từ khi ta là một cô thôn nữ mười sáu tuổi cầm tám đóa sen chia cho đạo sĩ Sumedha ba đóa, rồi sau đó cả hai người cùng kết lời nguyền sinh tử dưới chân đức Phật Dīpaṇkāra, tính đến nay trải qua 24 đức Chánh Đẳng Giác; hiện tại mọi ước nguyện thuở xưa giờ đã tựu thành viên mãn. Ta đã thỏa nguyện và nay "con" cũng đã thỏa nguyện rồi, có phải như vậy không, Rāhula?

- Thưa vâng!

- Vậy thì "con" cứ đi trước, ta còn một số nhân duyên với hội chúng tỳ-khưu-ni, sẽ đi sau!

[

Với trưởng lão Nanda thì nước chảy mây trôi, hoa nở hoa tàn thảy đều bình thường; nhưng riêng tôn giả Ānanda thì ngài xúc động, nghẹn ngào không nói được; hồi lâu ngài cảm thán thốt lên:

- Úi trời đất ôi! Một vị tân tỳ-khưu mà nhiều người tôn kính gọi là "trưởng lão" này, tuổi đang còn thanh xuân, tóc đang còn đen nhánh mà lại sớm ra đi như vậy sao?

- Vô thường, vô ngã đều như thực, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà!

Tỳ-khưu Rāhula mỉm cười:

- Nếu cảm nhận cuộc đời qua cảm xúc của con tim sẽ đưa đến phiền não. Hãy minh sát chúng bằng tuệ giác, thưa trưởng lão!

- Biết rồi mà, nói mãi!

Với tôn giả Sāriputta thì tỳ-khưu Rāhula đợi ngài bên vườn, trên lộ trình ngài đi bát về.

- Đã khá lâu thầy trò ta không gặp nhau, lúc này trông dáng dấp và thần sắc của con dường như có cái gì đó hơi mệt mỏi thì phải?

Tỳ-khưu Rāhula thưa:

- Đúng vậy! Quả đúng hiện giờ đệ tử là như vậy! Nhưng đệ tử thì chưa tìm thấy một nét nào là mệt mỏi ở nơi thầy cả.

- Thân xác này thì có mệt mỏi đấy chứ con!

Tỳ-khưu Rāhula kính cẩn thỉnh bát của tôn giả Sāriputta rồi cùng nhau bước đi.

Khi vào đến tịnh thất, Tỳ-khưu Rāhula quỳ sát đất, đảnh lễ tôn giả Sāriputta ba lần rồi nói:

- Đệ tử còn trẻ, thưa thầy! Thế mà cái thân của đệ tử đã mệt mỏi, đã quá suy kiệt, tuổi thọ của đệ tử cũng đã sắp hết rồi. Xin phép thầy cho con được Nhập Diệt.

Tôn giả Sāriputta im lặng một hồi.

- Con lại muốn ra đi trước ta?

- Thưa, đệ tử tự biết sự đổi khác, biến hoại ở trong cái thân thể tứ đại nầy. Đệ tử đã xin phép đức Thế Tôn cùng chư tôn trưởng lão rồi.

Im lặng.

- Con muốn Nhập Diệt ở đâu?

- Thưa, vì có duyên với cõi trời nên con đã có thưa với tôn giả Moggallāna là con sẽ an nghỉ bất tử ở cõi trời Ba Mươi Ba.

Lại im lặng.

- Đức Thế Tôn có dạy bảo điều gì không?

- Đức Đạo Sư nhìn đệ tử một hồi lâu rồi ngài nói: " Hãy duy trì thọ hành về đến Kỳ Viên rồi đi đảnh lễ các bậc tôn trưởng".

- Các vị trưởng lão ni tôn đức, con cũng đã chào từ giã rồi chứ?

- Thưa vâng!

- Vậy thì con cứ tùy nghi!

Tỳ-khưu Rāhula chợt quỳ xuống đảnh lễ ôm chân bụi của tôn giả rồi nói:

- Từ ngày bước vô giáo hội cho đến khi thấy được đạo Bất Tử và cả sau này, đệ tử có lỗi lầm nào dầu vô tình hay cố ý, xin thầy hoan hỷ xá tội lỗi ấy cho đệ tử!

- Dĩ nhiên thế rồi! Có lỗi hay không có lỗi đối với tâm giải thoát, tuệ giải thoát thì chúng đều như gió thoảng, như mây bay, con biết thế mà!

- Thưa vâng!

- Còn gì nữa không con?

- Thưa, còn một việc nữa!

- Vậy thì hãy ngồi lên đây mà nói chuyện - Tôn giả đứng lên, sửa soạn chỗ - Con hãy qua đây, bên cạnh ta đây!

Tỳ-khưu Rāhula từ chối:

[

- Không, đệ tử không dám ngồi! Đệ tử sẽ đọc cho thầy nghe một bài kệ thơ được cảm hứng tuôn trào sau giây phút chứng ngộ.

Tôn giả cười:

- Hay lắm! Thú vị lắm! Con hãy bắt đầu đi.

Thế rồi, tỳ-khưu Rāhula khi đứng, khi bước tới bước lui và đọc lên bài kệ thơ tâm đắc của mình cho tôn giả Sāriputta nghe.

"- Ôi! Hỡi này là vô lượng, vô biên thế giới!
Hỡi này là trời đất,
nhật nguyệt, núi sông!
Hỡi này là thiên hà,
tinh đẩu mênh mông!
Các ngươi có nghe chăng?
Có nghe trong mảy mảy vi trần?
Có nghe trong từng giọt nước sông Hằng?
Thời gian và hư vô cuồn cuộn chảy!
Cái gì cũng luôn luôn trở thành
Và chẳng có gì là tồn tại!
Thế mà có một ba-la-mật hiện thân
Thế mà có một xuất thế như chân
Chỉ như là một hạt bụi
Hạt bụi bé mọn diễm phúc ấy là Rāhula
Là sợi dây ràng buộc ái hà!
Được làm con trai
của đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu
Được là dòng dõi chân truyền
của đấng Thiên Nhân Sư
Xuất thân từ huyết thống anh hùng
của Thái Dương thần nữ
Người đã bước xuống

từ đỉnh Himalaya tuyết phủ
Là kẻ đã chiến thắng không ngai
Đã bước qua māyā sương khói dặm dài
Chiến thắng năm loại ma vương[1], quỷ dữ
Đã anh dũng vung gươm đại tuệ
Chém lìa Khổ Đau và Sự Chết!
Là bậc Đại A-la-hán Vô Sanh
Và bây giờ
Ngay sát-na này
Con trai của Người cũng vậy
Cũng đã ly thoát biết bao nhiêu cám dỗ
của tuổi thanh xuân
Với ý chí bất khuất, kiên cường
Như chiếc chày vồ đại lực kim cương
Đập tan si mê ảo vọng
Với ý chí như nuốt sao Ngưu, sao Đẩu
Cất tiếng hống tuyên chiến với vô minh
Đi theo dấu chân Bất Tử của Người,
của Thầy và của chư tôn trưởng lão
Rāhula cũng xứng đáng được mọi người mến yêu,
tán dương và tôn trọng
Đáng thương thay chúng sanh
Bị bít bùng trong màng lưới của tham ái
Của si mê và khát vọng!
Như cá nằm trên thớt!
Như thỏ nằm trong rọ!
Rāhula đã quay lưng lại rồi
Không còn nghe tiếng gọi của trần gian,
của chập chùng căn nhà cái-ta-ngũ-uẩn!
Rāhula đã cắt đứt mọi sợi dây trói buộc

[1] Năm loại ma vương: Ngũ uẩn ma vương, pháp hành ma vương, phiền não ma vương, tử thần ma vương và chư thiên ma vương.

[

Chẳng còn cái mầm, cái chồi nào
cho các sợi dây leo và tua uốn
Gốc rễ Tử Sanh đã được bứng tận
Bao nhiêu lửa nóng đã bị vùi tro
Giữa bầu trời muôn xuân mát mẻ
Rāhula ca lên bài ca tự do!
Là bài ca tối thượng tự do!
Sát-na là vĩnh cửu!
Chỉ một lần thiên thu dừng lại!
Chỉ một lần và không bao giờ trở lại!"

Không gian chợt yên lặng như để cho hơi thở của sự sống giác ngộ và giải thoát rì rào tuôn chảy giữa hư vô. Bài kệ thơ chứng ngộ của Rāhula vừa chấm dứt thì giọng nói của tôn giả Moggallāna từ đâu đó vọng lại:

- Hay quá! Bài kệ thơ hay quá! Bài kệ thơ này cần phải được tuyên đọc trước đông đủ học chúng để được lợi lạc lâu dài về sau.

Tôn giả Sāriputta gật đầu:

- Đúng như vậy! Bài kệ thơ này cần phải được tuyên dương rộng rãi.

Không biết từ lúc nào, chư vị tôn giả Kāḷudāyi, Nanda, Bhaddiya, Anuruddha, Bhagu, Ānanda như cùng có mặt và đồng thốt lên:

- Đúng là một kiệt tác, đúng là một tuyên ngôn bất hủ! Bài kệ thơ này rồi sẽ còn được truyền tụng nhiều ngàn năm sau đấy!

Sau đó, tôn giả Moggallāna bàn với huynh đệ trưởng lão là nên bố cáo rộng rãi ngày giờ Niết-bàn của Rāhula có đức Tôn Sư chứng minh, có đầy đủ đại chúng tăng ni cùng hai hàng cư sĩ áo trắng... Bài kệ thơ này của Rāhula phải được tuyên đọc hôm ấy để cho đại chúng cảm xúc chánh pháp...

Tỳ-khưu Rāhula bản chất khiêm tốn, chỉ muốn lặng lẽ ra đi; nhưng khi đã có quyết định của chư tôn trưởng lão rồi nên ngài không dám xen lời.

Thế rồi, ngày đi, đêm nghỉ, đức Phật và đại chúng về đến chùa Kỳ Viên. Chư tăng ni khắp nơi hay tin kéo đến đảnh lễ và thăm hỏi sức khỏe của ngài. Hai hàng cư sĩ, các gia chủ cũng lũ lượt đến thăm, nghe pháp từ sáng đến chiều.

Đại giảng đường tịnh xá Kỳ Viên hôm ấy trong ngoài chật cứng, ngoài đại chúng tăng ni, cư sĩ, còn có sự tham dự của hai vị đại thí chủ Cấp Cô Độc, bà Visākhā, cả phái đoàn của đức vua Pāsenadi và hoàng hậu Mallikā nữa.

Đức Phật thuyết một bài pháp không dài lắm, nói về sự tu tập các công hạnh ba-la-mật; nó có khác nhau giữa ba loại căn cơ trí tuệ, đức tin và tinh tấn. Và cũng trong thời gian dài đằng đẵng trong vô lượng kiếp luân hồi sinh tử tu tập ba-la-mật ấy, chính ngài và tất cả đại chúng có mặt hôm nay đều có nhân, có duyên với nhau. Cho chí sự liên hệ giữa thầy trò, cha mẹ, vợ chồng, con cái... cũng nằm trong sự duyên hệ ấy.

Rồi đức Thế Tôn kết luận:

- Trong rất nhiều kiếp sống, Rāhula đã từng là con trai của Như Lai, gieo duyên với Như Lai; thì nay, kiếp sống cuối cùng, trong giáo hội của Như Lai, Rāhula đã đặt được bàn chân trên mảnh đất bất tử! Ngày hôm nay, biết được thọ hành đã mãn, tỳ-khưu Rāhula, con trai của Như Lai xin an nghỉ Niết-bàn vô dư tại cung trời Đao Lợi. Trước khi ra đi, Rāhula xin phép Như Lai và các vị A-xà-lê, chư tôn trưởng lão để đọc một bài kệ thơ chứng ngộ...

Thế là tỳ-khưu Rāhula bước ra, đảnh lễ đức Phật và chư tôn trưởng lão rất mực cung kính. Sau đó ngài nhìn quanh một vòng, tầm mắt hướng về đại chúng, dừng lại một khắc nơi trưởng lão ni Gotamī và Yasodharā rồi cất giọng sang

[
sảng, trầm hùng, ca lên, hát lên bài kệ thơ chứng ngộ nêu trên...

"- Ôi! Hỡi này là vô lượng, vô biên thế giới!
Hỡi này là trời đất,
nhật nguyệt, núi sông!
Hỡi này là thiên hà,
tinh đẩu mênh mông!
Các ngươi có nghe chăng?
Có nghe trong mảy mảy vi trần?
Có nghe trong từng giọt nước sông Hằng?
Thời gian và hư vô cuồn cuộn chảy!
Cái gì cũng luôn luôn trở thành
Và chẳng có gì là tồn tại...
.....
.....
Gốc rễ Tử Sanh đã được bứng tận
Bao nhiêu lửa nóng đã bị vùi tro
Giữa bầu trời muôn xuân mát mẻ
Rāhula ca lên bài ca tự do!
Là bài ca tối thượng tự do!
Sát-na là vĩnh cửu!
Chỉ một lần thiên thu dừng lại!
Chỉ một lần và không bao giờ trở lại!"

Đại giảng đường im lặng như tờ. Nhiều trái tim xúc cảm. Nhiều gương mặt hỷ, lạc, ái, mộ, thương, trọng... khác nhau.

Bài kệ thơ chấm dứt cũng trong mênh mông yên lặng. Tỳ-khưu Rāhula quỳ xuống đảnh lễ đức Phật và chư vị trưởng lão một lượt nữa, cậu nói:

- Giờ đã đến thời, đệ tử xin được Niết-bàn!

Tôn giả Sāriputta bước ra, cầm tay tỳ-khưu Rāhula đứng dậy. Khi bốn bàn tay vừa từ từ rời nhau thì Rāhula chợt biến mất, vô hình, vô ảnh... Chư vị thánh lậu tận, có thắng trí thì

khuôn mặt an nhiên, trầm lặng; nhưng chư phàm tăng không có thắng trí thì bàng hoàng, ngơ ngác...

Tôn giả Moggallāna chợt nói lớn:

- Một bảo tháp lộng lẫy, trang nghiêm, huy hoàng tại cung trời Ba Mươi Ba, Đế Thích thiên chủ đã chuẩn bị đâu đó cho Rāhula rồi! Rāhula đã tịch tịnh vô dư rồi!

Tâm Hộ Pháp
Của Hai Vị Đại Thí Chủ

Suốt nhiều ngày sau đó, vào mỗi buổi chiều, đức Phật thuyết pháp đến cho hai hàng cư sĩ tại gia; những khi cận sự nam nữ đến nhiều đợt khác nhau thì tôn giả Sāriputta hoặc Ānanda thay Phật thuyết lại.

Nữ cư sĩ Visākha, sau khi sinh một cậu con trai, ông đại triệu phú lấy tên của mình là Migāra đặt tên cho cháu, như ông đã tự nhận là con của cô con dâu, sau khi ông được sinh ra trong giáo pháp. Nhân dịp này bà trình xin đức Phật được mời thỉnh chư tăng đặt bát tại tư gia mỗi ngày năm trăm vị, cả cha chồng và chồng đều hoan hỷ.

Ngoài ra, bà còn xin được thực hiện tám thiện sự hy hữu:

- Dâng y đến chư tăng an cư tại Kỳ Viên cho đến trọn đời.
- Đặt bát cho chư tỳ-khưu từ phương xa đến Sāvatthi.
- Đặt bát cho chư tỳ-khưu rời Sāvatthi.
- Dâng vật thực đến những vị sư đau ốm không đi khất thực được.
- Dâng vật thực đến những vị sư chăm sóc các vị sư đau ốm.

- Dâng thuốc men cho chư tỳ-khưu bị bệnh
- Dâng lúa mạch đến cho tỳ-khưu Tăng ni.
- Dâng y tắm đến cho chư tỳ-khưu-ni

Được đức Phật chấp thuận, từ đó, bà và cả gia đình chồng dường như dành hết thời gian để phục vụ Tam Bảo. Vào mỗi buổi chiều, bà cho mười gia nhân thân tín đến tịnh xá Kỳ Viên, hỏi thăm bao nhiêu tăng khách đến, bao nhiêu tăng khách đi, bao nhiêu người bị bệnh, bao nhiêu vị chăm sóc bệnh để kịp thời cúng dường vật thực, thuốc men đầy đủ...

Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy chư tăng ngày càng đông, tăng phòng, tăng xá, cốc liêu rừng trong, rừng ngoài đều chật chội, các tiện nghi sinh hoạt, những công trình vệ sinh cũng đã xuống cấp nên ông xin đức Phật được đại trùng tu. Được đức Phật cho phép, sau đó, ngày nào ông cũng cùng với hằng trăm thầy thợ, vật liệu xây dựng chỗ này, sửa sang chỗ khác rất chu đáo.

Ông còn xin đức Phật đặt bát tại tư gia hằng ngày cũng năm trăm vị như bà Visākhā vậy.

Noi gương hai vị đại thí chủ, các gia chủ, danh gia trong thành, nhà xin đặt bát mười vị, nhà xin đặt bát hai mươi vị... không mấy chốc nó lan khắp cả kinh thành...

Hoàng hậu Mallikā và công nương Sumanā, chị của đức vua Pāsenadi cũng phát tâm cúng dường lớn; đặt bát cả ngàn vị, hai ngàn vị vào những dịp thuận tiện.

Trưởng giả Cấp Cô Độc còn cho một số gia nhân thân tín, vào mỗi buổi chiều mang theo hoa, chiên đàn, đèn, dầu... để đến trang thiết đại giảng đường, sửa sang, dọn dẹp hoặc thay mới những tấm trải, tọa cụ, thay gối, giường, coi sóc những công trình vệ sinh... do chư sa-di hoặc những người tạp dịch làm việc không xuể!

Đức Phật thấy hai vị đại cư sĩ thuần thành, gương mẫu tự nguyện chăm lo tất thảy mọi bổn phận trong ngoài chu

đáo, ngài mãn nguyện trong lòng, biết rõ đây là giai đoạn hưng thịnh của giáo pháp mà đức Chánh Đẳng Giác nào cũng phải có thời như vậy.

Cậu Công Tử Hư Hỏng

Thấy "khí thế" tu tập, bố thí, làm công quả, phục vụ dâng cao của các giai cấp cư sĩ, trưởng giả Cấp Cô Độc rất hoan hỷ, nhưng ông cũng có một chuyện buồn vì cậu con trai. Trong gia đình, ai cũng biết bố thí, trì giới, kể cả người làm công, thế nhưng, công tử Kāḷa, con trai út của ông thì chỉ biết chơi bời lêu lổng.

Hôm kia, nghĩ ra được một "mẹo", ông tìm đến đức Phật, thưa với ngài về chuyện đứa con trai hư hỏng, chưa biết giáo hóa ra sao.

Đức Phật mỉm cười:

- Tại sao ông không cho nó đến nghe pháp vào mỗi buổi chiều?

Ông trưởng giả giật mình:

- Chính đệ tử cũng có ý định như vậy.

- Ừ, ý định ấy ra sao, này Anāthapiṇḍika?

- Thưa, đệ tử sẽ nói với nó, là mỗi buổi nghe pháp xong, nếu nó nhớ được một câu về kể lại cho đệ tử nghe, đệ tử sẽ thưởng cho nó một ngàn đồng tiền vàng!

- Ừ, và ông trưởng giả muốn nhờ Như Lai làm một thuật mọn để cho cậu Kāḷa kia chẳng nhớ gì cả?

Ông trưởng giả kinh hãi, lắp bắp:

- Quả có thế thật! Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được sám hối cái tội lếu láo!

- Không sao! Như Lai xá tội cho ông rồi! Việc ấy thì không chỉ Như Lai làm được mà hằng trăm, hằng ngàn vị tỳ-khưu cũng "trổ tài" được như thế!

- Đội ơn đức Tôn Sư!

- Như Lai còn muốn, sau ba thời nghe pháp, nếu Kāḷi thấy được pháp rồi, nếu ông trưởng giả cho nó một ngàn, hai ngàn cho đến trăm ngàn đồng tiền vàng thì nó cũng không thèm động tâm đâu!

- Xin đội ơn đức Tôn Sư!

Nói thế xong, ông quỳ mọp xuống đất đảnh lễ đức Phật với nước mắt giọt ngắn, giọt dài vì mừng vui, vì hoan hỷ.

Và câu chuyện được diễn tiến y như vậy.

Về nhà, ông trưởng giả nói với con trai:

- Này Kāḷa! Thiên hạ đang đổ xô về Kỳ Viên nghe pháp vào mỗi buổi chiều. Con cũng nên đi nghe một lần xem sao? Chơi mãi cũng chán, vậy con coi như đi đổi không khí ấy mà! Nếu sau khi nghe pháp xong, con chỉ cần ghi nhớ được một câu, một câu thôi, về kể lại cho ta nghe, ta sẽ thưởng cho con một ngàn đồng tiền vàng, không thừa, không thiếu!

Kāḷa mở lớn mắt:

- Một ngàn đồng tiền vàng? Cha không giỡn con đấy chứ?

- Từ nhỏ đến lớn, có khi nào con thấy cha nói giỡn với ai chưa?

- Dạ chưa! Đúng vậy! Cha đúng là như vậy! Nhưng mà... có thể đây là "cái bẫy" gì hở cha?

Ông trưởng giả mỉm cười:

- "Cái bẫy"? Ừ, gọi là "cái bẫy" cũng được! Nhưng nếu sau khi nghe pháp, con nhớ được một câu, con sẽ nhận được phần thưởng một ngàn đồng tiền vàng, thế là thoát khỏi bẫy!

Chăm chăm nhìn trưởng giả, thiếu niên Kāḷa thấy sắc mặt cha mình hiền hòa, thánh thiện, tự nghĩ: "Cha mình thương mình không hết, cái bẫy gì mới được chứ? Ai đời lại bẫy con trai, cha ta được gì cơ chứ?" Cậu nói lớn như giao kèo:

- Một bữa, nhớ được một câu, một ngàn đồng tiền vàng; hai bữa, nhớ thêm câu nữa, thêm một ngàn đồng tiền vàng, ba bữa, nhớ thêm một câu nữa, thêm một ngàn đồng tiền vàng nữa. Ba bữa, vị chi được ba ngàn đồng tiền vàng, cha hứa chắc như vậy chớ?

- Nhất định, lời hứa ấy như đinh đóng cột!

Kāḷa cười rạng rỡ:

- Hoan hô cha! Thế thì ngoéo tay!

- Ừ, ngoéo tay!

Buổi chiều, thiếu niên Kāḷa chuẩn bị y phục đàng hoàng, tươm tất nhất để đi nghe pháp. Bạn bè, những công tử ăn chơi lêu lổng với cậu, một xe hai ngựa, hai xe hai ngựa, ba xe hai ngựa... đã tụ tập ở đầu ngõ. Thấy Kāḷa bước ra với bộ dạng khác hơn mọi ngày, chúng hỏi:

- Cậu hôm nay không giống mọi hôm! Tại sao? Vẫn đi chơi chứ?

- Không! Hôm nay tớ không đi chơi! Tớ đi nghe đức Thế Tôn thuyết pháp!

- Nghe pháp? Cả bọn cười sặc sụa - Cậu nói nghiêm túc đấy chứ?

- Nghiêm túc! Rất nghiêm túc là khác! Thôi, các cậu về đi!

Nói thế xong, Kāḷa không đi xe mà cậu đi bộ, cứ thế, một mạch thẳng đến tịnh xá Kỳ Viên. Thấy mọi người đông quá, cậu ngại mọi người thấy mặt nên vừa che mặt vừa tìm chỗ khuất nhưng gần pháp tọa để toàn tâm toàn ý nghe pháp. Cậu tự nhủ thầm trong lòng rằng: "Hãy cố gắng nghe! Chỉ cần ráng ghi nhớ một câu thôi! Một câu thôi mà!"

Hôm ấy, đức Phật đang thuyết vì một câu hỏi của đại công nương Sumanā, chị của đức vua Pāsenadi[1], nội dung như sau:

- Bạch đức Thế Tôn! Trường hợp có hai người cư sĩ có đức tin, có giới hạnh, có trí tuệ giống nhau; nhưng một người có bố thí, ngươi kia không có bố thí; thế nếu hai người mệnh chung, từ bỏ cõi đời này, do thiện nghiệp, họ đều hóa sanh lên cõi trời dục giới. Vậy, có gì đặc biệt, có gì giống nhau, khác nhau giữa vị trời có bố thí và vị trời không có bố thí?

Đức Phật đáp:

- Hay lắm, này Sumanā! Nhờ có đức tin, giới hạnh và trí tuệ giống nhau nên cả hai đều được hóa sanh lên cõi trời Dục giới, đấy là điều chắc thật. Nhưng vị thiên có thêm pháp bố thí thì sẽ "thù thắng hơn" vị thiên kia đến năm điều. Đấy là tuổi thọ hơn; sắc đẹp hơn; an lạc hơn; danh tiếng, tùy tùng hơn; và cuối cùng, chức vị, quyền lực cũng hơn hẳn vậy![2]

- Nếu hai vị thiên nam ấy sau khi chết từ cõi trời, đều tái sanh tại nhân gian. Thế là cả hai đều làm người giống nhau. Vậy có gì đặc biệt, có gì khác nhau giữa hai vị ấy không, bạch đức Tôn Sư?

- Có chứ, này Sumanā! Nhân thân kẻ có bố thí thì có phước báu vượt trội người kia cũng năm điều về thọ mạng, mỹ sắc, phúc lạc, danh vọng và quyền lực, thưa đại công nương!

- Nếu cả hai vị đều xuất gia tỳ-khưu thì sao? Đời sống sa-môn hạnh của họ có gì khác biệt, bạch đức Thế Tôn?

- Có chứ, này Sumanā! Vị tỳ-khưu có thêm pháp bố thí sẽ có nhiều phước báu hơn người kia về y áo, vật thực, sàng

---

[1] Viết theo cuốn Dictionary of Pāḷi Proper Names - bà là chị của đức vua Pāsenadi, còn theo cuốn Mahā Budhavaṃsa (sư Minh Huệ dịch) lại là con gái của vua Pāsenadi. Có lẽ "chị" đúng hơn!

[2] Kinh Sumanāsutta [Aṅguttaranikāya, phần Pañcakanipāta].

tọa, chỗ ở, thuốc trị bệnh và cuối cùng là luôn sống vừa lòng, vừa ý, hài hòa với bạn đồng tu!

- Đệ tử hiểu! Nhưng cụ thể, năm cái hơn ấy như thế nào, bạch đức Thế Tôn?

- Chúng vượt trội! Ví dụ y áo, nếu cần y để mặc hoặc có nhiều y để chia xẻ cho người thiếu y thì phước sẽ trổ sanh ngay. Nếu cần vật thực loại này loại kia, cứ khởi tâm là sẽ có như ý muốn. Sàng tọa, chỗ ở, thuốc trị bệnh cũng tương tự thế, đều thặng dư. Cuối cùng, vị ấy thường được phi nhơn, người đồng phạm hạnh mến thương; ở đâu cũng an vui, ở đâu cũng hài hòa - thưa công nương!

Bà Sumanā tán thán:

- Thật tuyệt vời thay là pháp bố thí! Vậy còn khi cả hai vị đều đắc quả A-la-hán rồi thì họ có điều gì khác biệt nhau chăng?

Đức Phật mỉm cười:

- Đến chỗ này, đến chỗ giải thoát A-la-hán thánh đạo, A-la-hán thánh quả rồi, Như Lai sẽ không tuyên bố về sự khác biệt giữa người này và người kia nữa, thưa đại công nương!

Bà Sumanā tán thán:

- Thật là kỳ diệu thay! Thật là phi thường thay! Thật là điều chưa từng được nghe!

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, tất cả mọi người đừng nghĩ có đức tin, có giới hạnh, có trí tuệ là đã toàn mãn! Không phải vậy! Ai cũng cần có thêm pháp bố thí nữa! Ai cũng nên làm thêm những phước sự, vì công năng của sự bố thí giúp ta sanh cõi người, cõi trời với nhiều phước báu sang cả; đồng thời còn bảo trợ ta cả khi xuất gia trở thành tỳ-khưu, trở thành tỳ-khưu ni nữa!

- Đúng vậy! Đại công nương đã có tư duy và lập ngôn rất chơn chánh vậy!

Thời pháp chấm dứt ngang đó. Thiếu niên Kāḷa do chú tâm, do nhiếp tâm nên cậu lắng nghe rất kỹ, cậu lãnh hội

toàn bộ bài pháp. Cậu cười thầm trong bụng, tự nghĩ: "Một câu mà thôi ư? Ít thế?! Ta có thể thuyết lại toàn bộ bài pháp này cho cha ta nghe cũng dễ dàng thôi mà! Ôi, một ngàn đồng tiền vàng sao lại được kiếm dễ dàng đến thế?'Chắc nụi' đến thế! Dễ hơn đánh bạc nhiều!"

Khấp khởi mừng thầm, Kāḷa chen nhanh chân ra bên ngoài rồi hớn hở đi về nhà. Kāḷa không biết rằng, khi ấy ông trưởng giả hối hả đi ngõ sau, có xe hai ngựa đón sẵn nên khi vào cửa, cậu đã thấy cha mình cười vui đón đợi:

- Thế nào con? Nghe thuyết pháp thế nào?

- Dạ! Hay lắm! Thưa cha, con nhớ nguyên cả toàn bộ thời pháp đó!

- Ôi! Con trai! Con trai ta giỏi quá! Vậy thì kể lại cho cha nghe một câu, một câu thôi! Thế nào?

Chợt nhiên, Kāḷa vừa định mở miệng ra nói, là cậu chợt đứng im sững! Sao lạ? Cậu không còn nhớ một câu nào? Và thời pháp chung chung là nói về "cái quái" gì, cậu cũng quên tuốt luốt!

Sự kiện, sự tình này là do năng lực của đức Đạo Sư xen dự vào.

Thấy vậy, trưởng giả Cấp Cô Độc biết chuyện gì nên cất lời an ủi:

- Thôi con! Quên thì thôi, đừng tự giận mình nữa! Cha cũng từng hay nghe pháp, nhưng đôi khi quên chỗ này, quên chỗ kia cũng là chuyện thường!

Kāḷa nhăn mày:

- Không, không phải thế! Con đã ghi nhớ toàn bộ mà! Nhưng không hiểu tại sao, vừa bước qua ngưỡng cửa này, bỗng dưng nó rơi đâu mất cả!

Ông trưởng giả như hiến kế:

- Vậy thì chiều mai, con không cần phải nhớ nhiều; khi ra về cứ lặp đi, lặp lại một câu thôi, thì nó rơi rớt đằng nào được!

Thấy có lý nên Kāḷa reo lên:

- Phải rồi! Cha nói đúng! Làm thế thì rơi rớt đằng nào được! Con xin cảm ơn cha!

Thế nhưng, chiều chạng vạng hôm sau, về nhà, khi trưởng giả hỏi, Kāḷa vẫn không nhớ một câu nào! Tức quá, chiều hôm sau, tức là lần thứ ba, Kāḷa cẩn thận nhờ một người bạn thân đi theo, cậu nhờ bạn nhớ giúp cho mình một câu, khi về gần nhà thì nhắc lại.

Lạ lùng, sau khi nghe xong thời pháp, Kāḷa chợt vô cùng lịch sự, cảm ơn bạn mình và xin lỗi rằng, chuyện ghi nhớ ấy không còn cần thiết nữa.

Và khi về nhà, khi trưởng giả hỏi thì cậu chợt quỳ xuống, đảnh lễ cha mình với hai hàng nước mắt ràn rụa:

- Bao năm qua con đã bất hiếu, xin cha hãy từ bi xá tội lỗi ấy cho con!

Ông trưởng giả thấy tâm mình như nhẹ bay lên mây, hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, ông nhẹ nhàng nắm hai tay con, cất giọng dịu dàng:

- Ta rất cảm ơn con!

- Con không dám!

- Con đã mang ánh sáng vinh quang đến cho ngôi nhà này đấy, con biết không?

- Con không dám!

Ông trưởng giả nói như dò ý:

- Ta bảo con nên đi nghe pháp có lý chứ?

- Thưa vâng! Con chỉ xin cha từ nay đừng nhắc với ai câu chuyện tiền bạc nữa, con hổ thẹn lắm!

- Ừ, cha hứa!

- Và cha cũng cho con thường hay đi nghe pháp và cùng cha đi làm công quả phục vụ Tam Bảo nữa!

- Ta cảm ơn con!

- Con vô cùng đội ơn cha!

Ông trưởng giả không biết, chứ hiện giờ đứa con trai hư hỏng của ông đã đắc quả Tu-đà-hoàn rồi!

Thương Nhiều Khổ Nhiều

Tỳ-khưu Rāhula, con trai của đức Phật Niết-bàn lúc hai mươi mốt tuổi; và những chuyện xảy ra tại đại giảng đường tịnh xá Kỳ Viên hôm đó không mấy chốc trở thành câu chuyện bàn tán của nhiều người với những ý nghĩ khác nhau, nhận định khác nhau mà cảm xúc cũng khác nhau. Rồi chúng đọng lại nơi mấy câu hỏi sau đây: Rāhula chết trẻ quá là vì sao? Tại sao đức Phật lại có vẻ tự tại, an nhiên như thế được? Với tình cảm của mẹ và con, vậy trưởng lão ni Yasodharā không biết có buồn chăng? Trạng thái tâm lý của trưởng lão ni Gotamī ra sao? Còn bài kệ thơ thì được tán dương nhiều nhất, và hiện tượng biến mất thân rồi Niết-bàn ở cung trời Đao Lợi thì ai ai cũng tấm tắc khen khả năng thắng trí của Rāhula.

Hôm kia, đứa con trai một của một gia chủ mệnh chung, người cha đau khổ quá, không ăn, không uống, bỏ công bỏ việc, ngày ngày đi đến nghĩa địa thiêu xác khóc lóc, thở than: "Con ở đâu, con ơi! Con ở đâu, đứa con một thương yêu của tôi?"

Có một người bạn tốt bụng, mách bảo rằng:

- Nghe sa-môn Gotama có một đứa con trai năm nay hai mươi mốt tuổi vừa mới mất. Vậy ông thử đi yết kiến ngài

xem thử ngài có đau khổ, tiếc thương, sầu muộn như ông không?

Nghe lời, đến tịnh xá Kỳ Viên, người gia chủ được gặp đức Phật; sau khi chào hỏi lấy lệ, ngồi xuống một bên, ông nói:

- Sa-môn Gotama có một người con trai vừa mới mất, sao tôi thấy ngài bình thản và tươi tắn quá vậy?

Đức Phật mỉm cười:

- Vì thấy rõ các pháp hữu vi là vô thường nên Như Lai an nhiên, tự tại trước cảnh người đi, kẻ ở, sự sống, sự chết; còn ông thì thân thể tiều tụy, sắc mặt xanh xao, có vẻ như ông đang sầu não quá lắm, có phải thế không, này gia chủ?

- Thưa sa-môn Gotama! Tôi không sầu não sao được khi đứa con trai thương yêu nhất của tôi đã mất. Nó chết đi là nó lấy luôn trái tim của tôi, niềm ước mơ của tôi và cả sự sống của tôi nữa!

Đức Thế Tôn gật đầu:

- Phải rồi! Tình cảm đời thường là như vậy đó! Thương yêu[1] sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não!

Người gia chủ lắc đầu:

- Không! Với ai thì tôi không biết! Nhưng đối với tôi, với đứa con trai của tôi thì có thương yêu tôi mới có được niềm vui và hạnh phúc trên cuộc đời này!

Đức Phật lặp lại:

- Đây là sự thật: Thương yêu là nguồn gốc của sầu bi, ưu não, thống khổ trên cuộc đời, này gia chủ!

Không vừa lòng, không hoan hỷ câu trả lời của đức Phật, người gia chủ run rẩy bước chân, chống gậy bỏ đi; ông lang thang nơi các hè phố rồi ngồi ké xuống bên một đám đánh bạc đang đổ xúc xắc.

Người gia chủ nắm tay một người:

---

[1] Từ kinh ái sanh - Piyajātika sutta (Kinh 87 - Trường bộ kinh).

- Xin lỗi ông bạn, cho tôi hỏi một câu: Có phải có thương yêu mới có niềm vui và hạnh phúc không?

- Đúng vậy, ông bạn!

Người gia chủ kể lại chuyện của mình rồi kết luận:

- Thế mà sa-môn Gotama lại bảo là "thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não!"

Đám đánh bạc nhất loạt cười vỡ ra, phụ họa:

- Ông sa-môn Gotama nói thế là sai rồi!

- Có yêu thương mới có cuộc đời này!

- Đúng thế! Đúng thế! Bởi vậy nên chúng tôi mới thương yêu hai bà vợ, ba bà vợ và con cái thì cả bầy, cả đàn đông vui như họp chợ!

Người gia chủ hài lòng, đứng dậy, tự nghĩ: "Ít ra là giữa đám đánh bạc này và ta cũng có chung một tri kiến, một quan điểm! Ông sa-môn Gotama đã sai lầm, do sai lầm nên con trai của ông ta mất mà sắc mặt, thái độ, cử chỉ của ông ta vẫn điềm nhiên như thị!" Thế là vừa khóc lóc, vừa thở than, vừa đi chỗ này chỗ khác, người gia chủ vừa chê sa-môn Gotama có tri kiến sai lầm về yêu thương!

Không mấy chốc, câu chuyện ấy được đồn thổi khắp mọi nơi, truyền vào cung điện.

Đức vua Pāsenadi nói chuyện với hoàng hậu Mallikā:

- Này hậu! Ta nghe mọi người trong triều bàn tán là sa-môn Gotama có nói rằng: Thương yêu là cội nguồn của đau khổ và sầu não! Hậu nghĩ thế nào về câu nói lạ lùng ấy!

- Nếu đức Thế Tôn đã nói như vậy thì sự thật chắc phải đúng như vậy, tâu đại vương!

- Coi kìa! Đức vua chế nhạo - Thầy hát thì trò khen hay! Bạn diễn thì bầu vỗ tay! Đạo sư nói sao thì đệ tử hoan hỷ tán đồng một cách vô thức như thế! Nàng phải biết suy nghĩ, phải có chính kiến riêng của mình chứ?

Hoàng hậu Mallikā là một nữ thánh đệ tử, bà vốn có khả năng biết nhẫn nhịn, biết im lặng đúng lúc đúng thời khi

chưa rõ đầu đuôi, thực hư câu chuyện. Hôm sau, hoàng hậu nhờ một viên quan nội thị bà-la-môn trẻ tuổi, học thức, thân tín, nhân danh bà đến Kỳ Viên đảnh lễ đức Phật và hỏi lại câu chuyện về ái luyến, về thương yêu phát sanh đau khổ, sầu não như thế nào! Và căn dặn ông ta phải ghi nhớ cho thật kỹ, không được bỏ sót tất cả những lập ngôn, đoản ngôn, ví dụ hoặc những giải thích, giải nghĩa về điều ấy của đức Đạo Sư, rồi thuật lại cho bà nghe.

Và đức Thế Tôn đã giảng thuyết về điều đó như sau:

"- Này bà-la-môn trẻ tuổi! Như Lai quả có nói tóm tắt như vậy: Thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não! Và đấy đúng là chân lý, là sự thật trên đời này! Chuyện xảy ra không chỉ với con trai người gia chủ vừa mới mất mà xảy ra cho tất thảy mọi người. Một cô con gái mất mẹ. Một cậu con trai mất cha. Một người vợ mất chồng. Một người chồng mất vợ. Một người em mất anh. Một bé gái mất chị.... Nếu là càng thương yêu chừng nào thì lại càng sầu bi, ưu não chừng đó. Ai cũng khóc lóc, kêu gào than trời trách đất, đập tay, đập đầu như điên như cuồng...

Còn nữa, này bà-la-môn! Nếu là thương yêu, nhưng thương yêu gái và trai, nam và nữ trong tuổi thanh xuân thì có thể cường độ khổ đau và sầu não càng kinh khiếp hơn nữa. Tại kinh thành Sāvatthi này, không biết xảy ra bao nhiêu vụ, nam nữ thương yêu nhau, không lấy được nhau nên họ đã rủ nhau uống thuốc độc, đâm cổ nhau, nhảy sông tự vẫn! Họ nghĩ rằng, chỉ có vậy, chỉ có cái chết thì kiếp sau họ mới gặp được nhau nên vợ nên chồng!

Này bà-la-môn! Vậy đây là một pháp môn, một sự thật, một chân lý cần phải thấy rõ như thật: Dục ái, hỷ ái, tham ái, luyến ái... tất cả đều là ái; ái ấy đưa đến khổ đau, sầu muộn, thất vọng và tuyệt vọng... ngàn năm trước, ngàn năm sau cũng y như vậy!"

Sau khi nắm bắt trọn vẹn ngữ nghĩa đức Thế Tôn đã giáo giới do vị quan bà-la-môn trẻ tuổi thuật lại, hoàng hậu Mallikā lựa dịp thuận tiện nói chuyện với đức vua Pāsenadi:

- Ngày nào đại vương cũng ẵm bồng bé Vajirī[1], chắc đại vương thương yêu tiểu công chúa lắm nhỉ?

- Nhất định vậy rồi! Là cục cưng của ta đó!

- Thiếp cũng vậy! Mỗi ngày không nhìn được tiểu công chúa, thiếp ăn không được, ngủ không được!

- Ừ, ta cũng như vậy đó!

- Đại tướng quân Bandhula[2], tri âm, tri kỷ của đại vương, đại vương cũng dành cho ông ta sự thương yêu rất đặc biệt?

- Đúng vậy, không sai!

- Thế còn thiếp? Thiếp có nằm trong danh sách tình cảm thương yêu của đại vương như thế chăng?

- Có chứ! Hơn tất thảy những sự thương yêu kia là khác! Nàng là trái tim, là hơi thở của ta đó!

- Còn dân chúng Kosala và Kāsi[3] thì sao? Đại vương có thương yêu họ không?

- Có chứ! Ta cũng thương yêu họ lắm!

Hoàng hậu tủm tỉm cười:

- Đúng là sự thương yêu của một đức vua vĩ đại có trái tim vĩ đại! Nhưng nói dại, lỡ có chuyện gì bất trắc, nguy hại xảy ra cho tiểu công chúa; bất trắc, nguy hại xảy ra cho đại tướng quân Bandhula; bất trắc nguy hại xảy ra cho thiếp; bất trắc, nguy hại xảy ra cho hai nước Kosala và Kāsi... thì chắc đại vương sầu bi, ưu não lắm!

- Ừ, chắc ta không sống nổi!

---

(1) Còn có tên là Vajirī, Vajirā, Vajirakummārī - sau này, đức vua gã cho cháu mình là vua A Xà Thế.

(2) Chuyện của vị tướng quân này kể sau, ông ta có bà vợ trùng tên với hoàng hậu Mallikā.

(3) Nước này có kinh thành Bārāṇasī - là thuộc quốc, là chư hầu của Kosala.

Đến đây, hoàng hậu Mallikā bây giờ mới kết luận, tuy ngôn ngữ dịu dàng mà như lưỡi gươm báu găm cứng vào đá:

- Chính vì vậy, chính liên hệ những sự tình như vậy, sự thật như vậy mà đức Thế Tôn, bậc trí giả, bậc kiến giả, bậc lợi tuệ, bậc đại tuệ, bậc đại A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố sự thật ngàn đời: Thương yêu sinh đau khổ, thương yêu sinh sầu não đó, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi nghe người lạnh ngắt, bàng hoàng, thảng thốt khi thấy rõ sự thật, ông lắp bắp:

- Cảm ơn hậu! Xin vô cùng cảm ơn hậu! Đấy là sự thật muôn đời không thể chối cãi, thế mà ta dám mạo phạm chế nhạo nàng, tất là nói xấu đức Tôn Sư, bậc thầy vô thượng của ta...

Nói thế xong, đức vua Pāsenadi lật đật sai nội thị lấy vương bào, mũ miện, thiết lập một bàn thờ trầm hương, đèn sáng, đặt theo hướng chùa Kỳ Viên. Đâu đấy đã xong, đức vua đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay vái đức Phật rồi thốt lên ba lần cảm hứng tôn kính sau đây: "Đệ tử xin đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác!"[1]

[1] Câu này chính là "Namo tassa Bhagavato, Arahato, SammāSambuddhassa"

Ta Thương Yêu
Bản Thân Ta Nhất

Đức vua Pāsenadi tự nghĩ:"Cái đẹp của hoàng hậu Mallikā tuy không phải sắc nước hương trời gì, cũng chẳng phải lộng lẫy, kiêu sa như các hoàng phi; nhưng đức tính mềm mỏng, hiền hòa, đôn hậu ở nơi nàng thì không ai sánh bằng. Ta thương yêu nàng là ở chỗ đó; và ta đã ban cho nàng châu báu, quyền lực, kể cả xen bàn việc nước. Bây giờ, từ khi gặp được giáo pháp của đức Tôn Sư, cái đẹp nữ tính kia dường như lại càng đằm thắm, dịu dàng, kín đáo hơn thế nữa! Ôi! Ta thương yêu nàng xiết bao! Dẫu biết càng thương yêu thì càng đau khổ, sầu não nhưng ta không thể xa nàng được, dầu một ngày!" Không giấu được cảm xúc, hôm kia, đức vua thổ lộ điều ấy với hoàng hậu, đắm đuối nhìn bà rồi nói:

- Ta thương yêu nàng như vậy nhưng không biết nàng thương yêu ta có như thế không?

- Dĩ nhiên là vậy rồi, tâu đại vương!

- Suy đi gẫm lại, trong những kẻ ta thương yêu thì nàng là người ta thương yêu nhất! Còn nàng thì sao? Ta có được nàng thương yêu nhất như thế chăng?

"Câu này đụng đến giáo pháp", hoàng hậu Mallikā suy nghĩ cực nhanh rồi khôn khéo đáp:

- Thiếp thương yêu đại vương là điều chắc thật; và trên đời này, không có bất kỳ sự thương yêu nào, đối với người thứ hai, kể cả con cái, khả dĩ so sánh được. Tuy nhiên, nếu nói là thương yêu nhất thì điều đó nên xét lại cho chu đáo, cặn kẽ hơn... tâu đại vương!

Đức vua nhíu mày:

- Tại sao?

- Vì đức Thế Tôn có dạy trong một thời pháp rằng: "Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất thảy người khác, chúng sanh khác!"

Đức vua nhíu mày một lượt nữa:

- Thế là hậu thương yêu nhất là bản thân mình chứ không phải ta là người mà hậu thương yêu nhất?

Hoàng hậu Mallikā mỉm cười:

- Trước khi trả lời câu hỏi này, đại vương cho phép thiếp hỏi vài câu được chăng?

- Nàng cứ hỏi!

- Tại vì sao mà đại vương thương yêu đại tướng quân Bandhula?

- À, việc ấy ta sẽ kể lại chuyện xưa. Thuở ấy, cùng học tại trường đại học ở Takkasilā, ta có hai người bạn thân. Một, đó là Bandhula, thái tử dòng tộc Malla, thành phố Kusinārā; hai, Mahāli, thái tử thuộc dòng tộc Licchavi, kinh thành Vesāli! Cả ba chúng ta đều học hành thông đạt, thay nhau đứng đầu lớp. Về nước, ta lên ngôi vua; thái tử Mahāli do biểu diễn võ nghệ bị mù mắt nên chỉ nhận một chức quan khiêm tốn. Thái tử Bandhula do bất mãn dòng tộc nên mang cả gia đình đến đây ở với ta, ta phong cho y chức đại nguyên soái thống lãnh ba quân[1]. Y rất giỏi, giỏi nhiều lãnh vực,

[1] Mã binh, tượng binh, bộ binh.

riêng văn võ thì song toàn, chỉ có y ta mới tâm sự được chuyện này chuyện kia trong triều, ngoài nội. Có y làm đại tướng quân thì chẳng có ông vua nào dám cả gan vuốt râu hùm, manh tâm dòm ngó biên cương, lãnh thổ; nhờ vậy ta rất yên tâm, gối cao nằm ngủ... Một con người như thế ta không thương yêu làm sao được!

Hoàng hậu mỉm cười:

- Rất là chí lý! Đại vương thương yêu vị tướng quân ấy là vì y đang cầm lưỡi gươm thiêng bảo vệ sơn hà xã tắc cho đại vương?

- Đúng vậy!

- Còn muôn dân Kosala và Kāsi, đại vương thương yêu họ là vì sao?

- Vì nhờ muôn dân Kosala cung cấp lúa gạo, các ngành nghề thủ công, vũ khí, sức mạnh quân đội vô địch mà nước ta trở thành hùng cường và giàu mạnh... Nhờ muôn dân ở nước chư hầu Kāsi mà ta có được gỗ chiên-đàn, tơ lụa, gấm vóc, hương liệu, vòng hoa, tràng hoa, phấn sáp cùng những nghệ nhân, nghệ sỹ tuyệt vời... Ôi! Ta thương yêu họ lắm! Không có họ thì ta không có gì cả, không là cái gì cả...

- Thế thì nhờ họ mà đại vương trở thành một vị vua oai danh bốn biển, làm chúa chư hầu?

- Quả vậy!

- Thế còn bé Vajirī ? Tại sao đại vương lại thương yêu tiểu công chúa?

- Tiếng khóc, nụ cười, sự vòi vĩnh, sự ngây thơ, hồn nhiên của nó làm ấm áp trái tim ta biết bao nhiêu! Ôi! Nó như là niềm vui, là sự sống thứ hai của ta vậy!

- Thế còn thiếp? Tại sao đại vương lại thương yêu thiếp?

- Nàng là người chia ngọt, sẻ bùi, nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp của ta! Ôi! biết bao nhiêu là mặn nồng hương lửa, phải nói là ta thương yêu nàng là đệ nhất!

Đến đây, hoàng hậu Mallikā bắt đầu tấn công:

- Đại vương thương yêu tướng quân Bandhula vì y đã giữ gìn quốc độ cho đại vương! Đại vương thương yêu muôn dân Kosala và Kāsi vì nhờ họ mà đại vương oai danh bốn biển! Đại vương thương yêu bé Vajirī vì nó làm cho trái tim đại vương ấm áp! Đại vương thương yêu thiếp là vì thiếp nâng khăn sửa túi, đầu gối tay ấp cho đại vương! Tất cả sự tình ấy, tất cả sự thật ấy nói lên điều gì? Nó nói rằng, mọi sự thương yêu kia là vì đại vương, bởi đại vương, đổ dồn về cho đại vương; nói cách khác, điều ấy chứng tỏ đại vương thương yêu bản thân mình nhất! Vậy thì thuyết ngôn của đức Đạo Sư:"Trên thế gian, ai ai cũng thương yêu bản thân mình hơn tất thảy người khác, chúng sanh khác!" là chân lý, là sự thật ngàn đời có phải thế chăng? Do vậy, nên thiếp không dám nói đại vương là người mà thiếp thương yêu nhất! Ai cũng thương yêu bản thân mình nhất, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi nín lặng. Sự thật mà hoàng hậu Mallikā minh giải với nhiều ví dụ cụ thể làm cho đức vua không thể biện hộ lấy một lời.

Bà còn cất giọng chậm rãi:

- Nếu đại vương chưa tin lời thiếp nói thì đại vương hãy đi yết kiến đức Đạo Sư; ngài có thể giảng nói rộng rãi về điều ấy!

- Ta tin rồi! Đức Thế Tôn cùng tuổi với ta, dẫu ta là vua nhưng ta cảm giác ngài ngại khi gặp vị ấy. Có cái gì nơi vị ấy thanh tịnh quá, uy nghiêm quá, cao cả quá nên ta sợ! Vậy nàng có nghe đức Đạo Sư đã từng giảng giải rộng rãi về điều ấy như thế nào, hãy nói lại cho ta nghe cũng được!

Đọc được sự thành khẩn của đức vua nên hoàng hậu xem đây là cơ hội bằng vàng ròng để đưa đức vua vào giáo pháp nên bà tuyên thuyết:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn bảo, những người ác giới, tà hạnh, thực hiện những việc xấu xa, độc ác thì vô tình

đã tự ghét bỏ bản thân; vì khi làm vậy, họ đã tự tạo cảnh giới đau khổ, thống khổ cho mình trong bốn đường ác. Nhưng những người có giới hạnh, có bố thí, có đức tin, làm những việc lành tốt là biết thương yêu bản thân; vì khi thực hiện như vậy, họ đã tự tạo cảnh giới an vui, hạnh phúc cho mình trong các cõi người và cõi trời!

Vậy người biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh thì còn phải biết thương yêu và kính trọng Tam Bảo, là đức Phật, đức Pháp, đức Tăng nữa. Tại sao vậy? Vì trọn vẹn ý nghĩa Tam Bảo, chứa đựng trong Tam Bảo gồm có những năng lực giác tánh, tinh minh, là sự thật, là chân lý muôn đời, là nguồn sáng, là trí tuệ; là ngọn đèn minh triết cao cả và xán lạn soi đường, chỉ lối cho ta từ chỗ tối tăm và mê mờ đến nơi sáng sủa và quang minh, tâu đại vương!

- Ta biết rồi! Ta thấy rồi!

- Còn nữa, tâu đại vương! Khi ta có sự thương yêu bản thân mình một cách chơn chánh như thế rồi, từ cái tâm ấy sẽ phát sanh nhiều điều kỳ diệu nữa. Đức Thế Tôn còn dạy rằng: Khi bản thân mình biết khổ, biết vui thì bản thân chúng sanh khác cũng biết khổ, biết vui như thế. Vậy đừng vì lợi mình mà hại người, đừng vì bản thân mình mà tạo đau khổ cho người khác. Nghĩ thế, vị ấy bắt đầu bỏ đao, bỏ gậy, bỏ trượng, bỏ kiếm; bỏ sát sanh hại vật; bỏ trộm cắp, bỏ lấy cướp của người; bỏ tà dâm, tà hạnh; bỏ nói dối, nói láo, bỏ nói đâm thọc, ác ngữ; bỏ rượu men, rượu nấu... để bản thân mình được an vui mà người khác, chúng sanh khác cũng được an vui như thế. Cuối cùng, hóa ra thương yêu bản thân mình đồng nghĩa với thương yêu chúng sanh muôn loại, cùng dẫn dắt nhau trên con đường tu tập, tâu đại vương!

Đức vua Pāsenadi mỉm cười, vừa như nói thật vừa như đùa bỡn:

- Không cãi được! Không có một kẽ hở nào để cho cái tâm, cái trí "tà đạo" của ta xen vào đấy được! Thật tuyệt vời

thay là miệng lưỡi đệ tử tôn giả Gotama! Bái phục! Bái phục!

Hoàng hậu Mallikā cau mày:

- Là một đấng minh quân, bệ hạ có nên ăn nói như thế chăng?

- Thôi! Ta biết lỗi rồi!

- Đại vương phải biết thương yêu bản thân mình một cách chơn chính chứ?

- Nhất định như vậy rồi!

- Cảm ơn đại vương!

Hoàng hậu Mallikā dịu dàng mỉm cười, cảm giác nhẹ nhàng, thanh thản; tuy nhiên, bà có mang một trọng tội với đức vua[1], đã nhiều năm về trước, lâu lâu nó lại trở về ám ảnh! Và bà đã thầm nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ấn tượng ấy.

---

[1] Sẽ viết một chương khác.

Bốn Câu Hỏi
Của Trời Đế Thích

Khuya hôm ấy, vườn rừng Nigrodhārāma bỗng rực sáng lên: Thiên chủ Đế Thích cùng thiên chúng nam nữ tùy tùng đồng giáng hạ đại lâm viên, chợt biến nơi này như trở thành khung cảnh của một huê viên ở cung trời Đao Lợi.

Chư thiên nữ thì yểu điệu, lả lướt, lộng lẫy trăm màu, xiêm y như tỏa ánh sáng ngũ sắc, bay lượn phất phới, lung linh, vừa tung hoa vừa rải hương thơm nức cả tầng mây, cả mù sương chờn vờn, lãng đãng. Những nhạc sư, nhạc công Càn-thát-bà thì tấu những khúc nhạc trời réo rắt, du dương, trầm bổng cả không gian làm cho cây lá, cỏ hoa đang điệp điệp giấc mộng hồ cũng rùng mình tỉnh thức...

- Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Đế Thích thiên chủ! Nửa khuya, chư tỳ-khưu tăng đang cần sự yên tĩnh! Còn Như Lai thì không cần sự cúng dường hoa trời, hương trời và nhạc trời ấy đâu!

Đế Thích đã xuất hiện bên trong hương phòng của đức Phật với nghi vệ cao sang; phục trang, mũ miện huy hoàng, quỳ đảnh lễ đức Tôn Sư rồi thưa bạch:

- Đấy là tấm lòng của đệ tử, xin đức Tôn Sư lượng thứ cho! Đệ tử không biết lấy gì cúng dường để biểu tỏ sự tôn kính?

- Đấy cũng là sự tôn kính, cũng là một cách cúng dường nhưng không phải là thù thắng, là cao thượng, này thiên chủ!

- Đệ tử xin được lắng nghe!

- Này thiên chủ! Đức Phật bắt đầu thời pháp - Ở cõi người ít phước báu, thân sắc của họ thô tháo, uế trược, nặng nề mà đối tượng hưởng thụ ngũ trần cũng thô tháo, uế trược và nặng nề như thế. Khi bố thí cúng dường đến Như Lai và đệ tử của Như Lai, họ bố thí, cúng dường vật thực, y áo, thuốc men, sàng tọa; ngoài ra còn có trầm chiên đàn, các loại hương liệu, chuỗi hoa, tràng hoa, đèn, dầu cũng nhiều vật dụng linh tinh khác nữa. Thiên chủ và thiên chúng ở cõi trời nhiều phước báu hơn, thân sắc vi tế, tinh tế hơn mà ngũ dục thụ hưởng cũng vi tế, tinh tế như thế.

Như Lai tuy mang thân xác con người nhưng do nhờ tích lũy công hạnh ba-la-mật trải qua hai mươi bốn đức Chánh Đẳng Giác nên sự cấu tạo vật chất tứ đại ở nơi thân xác của Như Lai khác xa với phàm nhân. Ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp minh chứng cho điều ấy.

Này thiên chủ! Sau khi giác ngộ dưới cội cây Assattha với tám minh và mười lăm hạnh, Như Lai trở thành bậc thầy của chư thiên và loài người, đồng thời là kẻ thong dong, vô ngại giữa các thế giới. Nếu muốn, Như Lai có thể biến hóa thành một thân, trăm thân, ngàn thân... hoặc bất kỳ cái thân nào trong ba cõi cũng được cả. Suốt mười lăm năm qua, kể từ ngày đắc quả, không biết bao nhiêu lần, chính thiên chủ và thiên chúng đã bố thí, cúng dường vật thực cõi trời, hương vị cõi trời đến cho Như Lai, và Như Lai cũng đã từng thọ dụng. Thân sắc của Như Lai người ta bảo là như mạ

vàng ròng, luôn luôn tươi sáng, tươi nhuận, hồng hào, một phần là nhờ vật thực của cõi trời đấy!

Tuy nhiên, bố thí cúng dường vật chất, hương vị cõi người hay cõi trời chỉ có công năng giới hạn, phước báu giới hạn; mà quả trổ sanh rốt ráo, tột cùng cũng chỉ giới hạn nơi sáu cõi trời dục giới đó thôi, này thiên chủ!

Giảng đến ngang đây, đức Phật yên lặng. Không gian yên lặng. Đế Thích yên lặng mà thiên chúng đoanh vây xung quanh cũng yên lặng.

- Đệ tử hiểu rồi! Rất lâu sau, Đế Thích chợt nói - Có phải đằng sau lời giảng giải của đức Thế Tôn còn hàm tàng những ý nghĩa như sau: Phước báu bố thí, cúng dường kia dù tối thượng cũng chỉ hưởng được hạnh phúc cõi người, cõi trời. Và dù đạt được hạnh phúc cõi trời như chư thiên ở đây thì vẫn còn rất nhiều phiền não chi phối. Bên ngoài dù thọ hưởng các thú vui thiên lạc nhưng bên trong tâm họ vẫn bị ác ý, xan tham, tật đố, thương ghét, ích kỷ, bỏn xẻn, sầu buồn chi phối như thời pháp năm xưa đức Tôn Sư đã từng giảng giải cho đệ tử nghe?

- Đúng vậy, này thiên chủ!

- Đệ tử còn biết rõ rằng, khi đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời thì cõi trời tăng thịnh do phước báu của những người có đức tin, được nghe pháp, biết trì giới, biết bố thí, cúng dường! Nhưng đức Thế Tôn cũng có những thời pháp giúp cho mọi người bước lên những cảnh giới cao hơn; và nơi chỗ an trú cao hơn ấy, nội tâm của họ đã dịu bớt phiền não, giảm trừ được phiền não và có người đã diệt tận phiền não!

- Phải rồi! Đức Phật gật đầu - Khá khen cho thiên chủ đã đưa vấn đề nhắm đến những lợi ích cao thượng hơn. Và do vậy, dường như thiên chủ sẽ có những câu hỏi muốn hỏi Như Lai vì lợi lạc cho phần đông?

- Đúng vậy, bạch đức Đạo Sư! Vấn đề là như sau. Trong cõi trời của đệ tử chỉ có một lần chiến tranh với A-tu-la thiên; còn không có những họa hại như hồng thủy, lũ lụt, gió bão, động đất, cháy rừng, hạn hán, dịch bệnh... xảy ra như ở cõi người. Tuy vậy, ở đây cũng không được thanh bình và an lạc lắm đâu; nhiều chuyện rất là khó chịu, bực mình do các vị thiên tranh chấp, ganh tỵ lẫn nhau. Tâm tham, tâm sân, tâm si ở nơi họ dường như vẫn còn nguyên vẹn, chúng đang ở dạng tiềm ẩn, chưa có cơ hội bộc phát đó thôi!

Vậy, vì lợi lạc cho phần đông, nhất là cho chư thiên, xin đức Thế Tôn cho đệ tử được hỏi:

Trong tất cả sự bố thí, cúng dường thì sự bố thí, cúng dường nào là thù thắng, là cao thượng hơn cả?

Trong tất cả mọi hương vị, hương vị nào thù thắng, là cao thượng hơn cả?

Trong tất cả mọi sự hoan hỷ thì sự hoan hỷ nào là thù thắng, là cao thượng hơn cả?

Và, trong tất cả mọi sự thù thắng, cao thượng thì cái gì là thù thắng, cao thượng hơn tất cả?

Lắng nghe trời Đế Thích nói xong bốn câu hỏi, đức Phật mỉm cười:

- Hay lắm! Hãy nghe đây! Này thiên chủ! Với câu hỏi thứ nhất thì thiên chủ đã hiểu rồi, đã biết rồi, đấy là tất cả mọi vật thí dù tối thắng đến đâu cũng chỉ đưa đến phước báu trời, người; còn bố thí pháp mới đem lại được cho thế gian con mắt sáng, ngọn đèn sáng trên lộ trình luân hồi xuôi ngược. Vậy thì chỉ có bố thí pháp mới cao thượng đệ nhất. Như Lai nhờ bố thí pháp cho nhóm năm ông Koṇḍañña tại Vườn Nai, sau đó giáo hội mới thành lập, đem đến lợi lạc cho chư thiên và loài người. Như Lai nhờ bố thí pháp nên đức vua Bimbisāra dâng cúng Vườn Trúc, trở thành một cơ sở hoằng pháp ở phương đông nam. Như Lai nhờ bố thí pháp nên trưởng giả Cấp Cô Độc mới lấy vàng đổi đất, xây

dựng tịnh xá Kỳ Viên, tạo một cơ sở hoằng pháp ở phương tây bắc. Tóm tắt như vậy để biết rõ rằng, chỉ có bố thí pháp mới tạo duyên cho trời người an lạc thật sự, đạt được những hạnh phúc cao hơn khi bước vào dòng giải thoát.

Đấy được gọi là: "Pháp thí" chiến thắng, chinh phục tất cả sự bố thí (Sabbadānaṃ dhammadāna jināti).

- Đệ tử lãnh hội rồi!

- Tiếp theo, này thiên chủ! Tất cả những cái được gọi là thơm ngon, béo bổ ở trên đời, tất cả mọi hương, mọi vị trên cuộc đời không ai dùng hoài mà không chán. Ngoài ra, khi thọ dụng, sẽ phát sanh tham ái, dính mắc, sẽ đưa đến phiền não và đau khổ. Chỉ có hương vị của pháp, pháp vị (dhammarasa)[1] mới giúp cho ta những cảm thọ thanh lương, những niềm vui nhẹ nhàng, trong sáng. "Vị" của pháp? Vậy "vị" ấy ở đâu? Ai "nếm" thì sẽ biết. Nó ở trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo[2]. Nó ở trong bốn đạo, bốn quả[3]. Nó là "vị giải thoát"[4] ở trong Niết-bàn.

Do vậy: "Pháp vị" chiến thắng, chinh phục tất cả chất béo bổ, thơm ngon, mọi hương vị trên cuộc đời (Sabbarasaṃ dhammarasa jināti).

- Pháp vị này đệ tử đã được nếm thưởng rồi[5], bạch đức Thế Tôn! Từ độ ấy đến nay, hương và vị của nó vẫn còn phảng phất trong mỗi bước đi, trong mỗi nụ cười, trong mỗi hơi thở!

- Ừ! Đức Phật gật đầu! Như Lai minh chứng cho thiên chủ điều ấy, sự thực ấy!

---

(1) Rasa: Chất bổ dưỡng, hương vị.

(2) Ngũ căn, ngũ lực, tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, thất giác chi, bát chánh đạo.

(3) Tu-đà-hoàn đạo, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, A-la-hán quả.

(4) Vimuttirasa.

(5) Đệ tử đã đắc quả Tu-đà-hoàn.

Yên lặng một lát, đức Phật tiếp tục:

- Câu hỏi thứ ba! Dường như ai ai cũng biết rằng, tất cả mọi mê thích, mọi lạc thú ở cõi người đều tạm bợ, phù du, dễ đưa đến nhàm chán, mệt mỏi, hao tổn tâm cơ và khí huyết. Cõi trời cũng tương tự thế, cũng cùng một tính chất nhưng thanh lương hơn, tinh tế hơn mà thôi. Những đam mê danh vọng, quyền lực; những mê say châu báu ngọc ngà; những thỏa mãn trong đời sống tình ái vợ chồng; những niềm vui địa vị, phú quý... thường tỷ lệ thuận với si mê và khát vọng, chúng đưa đến nhiệt não và đau khổ, chúng sẽ kéo dài dòng tử sinh trầm luân bất định. Chỉ có pháp hỷ, tức là niềm vui pháp; an lạc, an tịnh trong pháp mới xứng đáng cho bậc trí thỏa thích, hoan hỷ thọ dụng. Vậy, pháp hỷ là gì? Là các trạng thái tâm hỷ, lạc, xả, nhất tâm trong các cõi thiền; là các trạng thái hạnh phúc siêu thế trong bốn đạo, bốn quả và Niết-bàn!

Do vậy: "Pháp hỷ"[1] chiến thắng, chinh phục tất cả lạc thú, mê thích, khoái lạc trên cuộc đời (Sabbaratiṃ dhammarati jināti).

Và cuối cùng, câu hỏi thứ tư, chính thiên chủ, một vị pháp nhãn, cũng đã biết rồi: Là làm hư mòn, suy kiệt, xa lìa mọi khát vọng, đoạn tận vô minh, ái dục, chấm dứt tất cả đau khổ, phiền não là sự chiến thắng, chinh phục cao thượng và rốt ráo nhất (Taṇhakkhayo sabbadukkha jināto!).

Ở chỗ này, cho dù chưa thân chứng, kinh nghiệm cuối cùng ấy, nhưng thiên chủ cũng có thể "nhận thức" được rồi chứ?

- Cảm ân đức Thế Tôn! Tri ân đức Thế Tôn!

---

[1] Dhammarati tạm dịch là pháp hỷ; nhưng "rati" không phải là hỷ hay lạc trong các thiền chi, mà nó có nghĩa là sự mê thích, đắm say hay khoái lạc trong đời sống ngũ dục.Có lẽ ở đây có nghĩa là, mê thích pháp, đắm say pháp nó cao quý, cao thượng, thắng vượt tất cả một mê thích, đắm say ngũ dục trên cuộc đời!

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI SÁU
(Năm 572 trước TL)

Hóa Độ Dạ-Xoa Āḷavaka

Một ngày, khi cơn nắng nóng gay gắt buổi chiều đã giảm bớt, tôn giả Mahā Moggallāna đến hương phòng của đức Phật, đảnh lễ ngài rồi thưa trình một chuyện quan trọng:

- Tiểu quốc Āḷavī hiện giờ rất rối loạn, khắp nơi như sắp xảy ra một trận tang tóc, một cơn đại nạn. Tất cả đấy là do dạ-xoa (yakkha) Āḷavaka[1]"ăn thịt người" gây nên; nó có nhiều thần lực, bản chất hung dữ, độc ác và lại rất kiêu căng, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, ông cứ nói!

- Trước đây, nó dám bảo là "tao coi thường Tứ đại thiên vương, tao coi thường cả ông trời Đế Thích", bạch đức Thế Tôn!

Như Lai mỉm cười:

- Nó nói mạnh miệng như vậy thôi, chứ nó là quân tướng, thuộc hạ của thiên vương Kuvera trấn ngự bắc phương đấy.

---

[1] Dạ-xoa (Yakkha) có nhiều loại. Dạ-xoa này có phước báu như chư thiên, lại có nhiều thần lực; tuy nhiên, chúa dạ-xoa này chỉ là quân tướng của chư thiên vương mà thôi!

- Đệ tử biết! Nó nói thế chứ lá gan của nó thường nằm ở bên ngoài, nghe thiên vương Kuvera ở đâu là nó trốn chạy, nó lẻn đi đằng khác!

- Ừ! Nó chạy còn nhanh hơn gió!

- Có lần, nó thò chân đạp vào đỉnh núi Himalaya đến rung rinh, chao đảo rồi cười vang vang cả gầm trời rồi ngạo mạn bảo: "Bọn địa tiên, sơn thần, thọ thần ở đây, oai lực không bằng cái ngón chân của ta!", bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, Như Lai biết!

- Tính nó nóng nảy như quỷ thiên lôi; nó chẳng biết gì ân đức của cha của mẹ, chẳng biết trọng vọng, tôn kính một sa-môn, bà-la-môn nào! Đối với nó thì đạo đức, thiện pháp, tình thương gì gì, nó bảo là nó sẽ nhai tuốt luốt!

- Ừ, đúng là vậy!

- Do hôm nọ trong lúc mải cuộc săn bắn, đức vua Āḷavaka xứ Āḷavī[1] đi lạc vào lãnh địa của dạ-xoa Āḷavaka (Āḷavakayakkha), ngồi nghỉ mệt dưới cội cây đa, bên dưới tòa lâu đài, thuộc phạm vi quyền lực của nó nên nó định bắt ăn thịt[2]. Đức vua Āḷavaka năn nỉ xin nó tha cho tội chết và ông hứa mỗi ngày sẽ đem nộp một mạng người. Các quan chức triều đình sợ hãi quá, bèn hiến kế đem dâng cho Āḷavakayakkha những kẻ tội đồ mang án tử hình, những tù binh phạm tội chung thân ngục tối. Sau khi số tù binh đã hết, các vị thị trưởng (Nagaraguttika) cho người bắt trẻ con để giúp vua dâng nộp. Cứ tình thế này là đã họa lấy đến dân chúng. Nhiều bà mẹ đã ôm con trốn sang phương khác. Đệ tử muốn đến đấy trị tội nó, cảm hóa nó thì thật là lợi lạc cho

---

(1) Tư liệu nào cũng ghi vị này là vua (The King of Āḷavī); nếu đúng vậy thì đấy chỉ là một nước nhỏ, một tiểu chư hầu của đế quốc Kosala,; nó nằm giữa nước lớn Kosala (kinh đô Sāvatthi) và nước nhỏ Kāsi (thành phố Bārāṇasi)

(2) Ai đi vào, bước vào xung quanh lâu đài, lãnh địa của nó, nó mới ăn thịt; ngoài phạm vi ấy thì nó không có quyền.

bao nhiêu người, đem lại an bình cho tiểu quốc ấy! Xin đức Tôn Sư cho phép.

- Như Lai cũng có dự định như vậy! Tuy nó ngạo mạn, ngang bướng, cứng đầu nhưng cũng thuộc loại phi nhơn hữu tình có trí thức! Tuy tội ác nó quá lớn nhưng lại có căn cơ đắc pháp nhãn. Nó có duyên với Như Lai nhưng không có duyên với ông. Vậy, vài hôm sau, ông và Sāriputta sẽ dẫn một hội chúng chừng năm bảy trăm vị tỳ-khưu đến Āḷavī, vì mùa mưa này, chúng ta sẽ an cư ở đấy; và sẽ có rất nhiều việc để làm.

Sáng hôm sau, đức Phật lặng lẽ ôm bát xuôi nam. Do trời nắng nóng, chặng đi, chặng nghỉ, lộ trình bụi bặm, lại xa chừng ba mươi do-tuần nên hơn hai mươi hôm sau, ngài mới đặt chân đến Āḷavī, ngụ trong điện thờ Aggāḷava, cách bờ bắc sông Gaṇgā chừng mười hai do-tuần.

Đêm đầu tiên, nửa khuya, các vị trời, thọ thần xung quanh vùng đến đảnh lễ đức Phật và họ đã tường trình tất thảy mọi điều mắt thấy, tai nghe ở đây cho ngài hay, tương tự như Moggallāna đã báo vậy. Để xác chứng sự thực, nửa giấc canh ba về sáng, đức Phật sử dụng khả năng thần nhãn thuần tịnh siêu nhân, quét võng lưới khắp nơi, thấy xa thấy gần, thấy nhân thấy quả của tất thảy mọi việc còn rõ ràng, chính xác hơn cả sự tường trình của chư thiên, thọ thần nữa. Hóa ra không những tại triều đình, cả cư dân trong thành phố đều đang lo lắng, sợ hãi vì đức vua mỗi ngày phải nộp một mạng người cho dạ-xoa Āḷavaka ăn thịt theo như lời hứa. Đã đến phiên nộp trẻ con rồi. Chuyện này cần phải có biện pháp hóa giải, trấn an. Ngoài ra, sinh hoạt tăng lữ tại đấy cũng bê bối, thoái hóa cần phải được chấn chỉnh đưa vào nền nếp.

Vì muốn ẩn giấu hành tung, chưa nên cho chư tỳ-khưu ở đây biết vội, nên đức Phật lặng lẽ ôm bát đi trì bình khất thực, sau đó đi thẳng đến trú xứ của Āḷavakayakkha. Đó là

một cụm cây đa tàn cao, bóng cả che phủ cả một vùng đất rộng lớn; ở tại đấy, mắt người thường không thể thấy được, nhưng nó là cả một tòa lâu đài lộng lẫy, nguy nga, tráng lệ của dạ-xoa Āḷavaka. Tại một tảng đá ven đường, độ thực xong, đức Phật ngồi thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, sau đó, ngài còn biết rằng: "Ngày mai, khi mặt trời lên, một mạng người phải được mang đến nộp cho Āḷavakayakkha ăn thịt. Đức vua xứ Āḷavī không nỡ lấy mạng sống của dân, mạng sống con cái của các vị quan chức nên đã tình nguyện mang chính con trai ruột[1] mới ba tuổi của mình đến, là hoàng tử Āḷavakakumāra. Cả vua, hoàng tử này đều có duyên với giáo pháp. Cả Āḷavakayakkha cũng thế! Ta phải đặt họ vào chánh pháp!" Nghĩ thế xong, đợi gần chiều tối, đức Phật mới chậm rãi bước đến cội cây đa hùng vĩ. Tại đây, nơi hiên tòa lâu đài có dạ-xoa tên là Gadrabha, nó có biết đức Phật và rất tôn kính đức Phật, nên khi thấy bóng dáng ngài, nó bước xuống đất, ân cần chào hỏi rồi lễ độ nói:

- Mặt trời sắp đi vào hang đen rồi, mà sao đức Thế Tôn còn đi đâu một thân, một mình như thế?

Đức Phật đáp:

- Ừ, Như Lai đi có việc! Do trời chiều tối rồi nên Như Lai muốn nghỉ nhờ trên tòa lâu đài một đêm có tiện chăng?

- Thưa, không tiện đâu! Āḷavakayakkha, chủ của con, đang đi dự đại hội dạ-xoa (yakkha) tại núi Himavā[2] chưa về, ổng khóa cửa rồi! Con chỉ là một tên gác cửa ở ngoài hiên thôi!

---

[1] Không biết tại sao mà "ông vua" xứ này cũng là tên Āḷavaka, đứa con trai được đem đi nộp mạng cho dạ-xoa cũng được ghi là hoàng tử tử Āḷavaka (Āḷavaka kumāra)? Mọi đứa trẻ sinh ra ở Āḷavī đều được gọi là Āḷavakā. Cho đến chư tăng ở thành phố này cũng được gọi là tên là Āḷavakā-bhikkhū; chư ni thì gọi là Āḷavikā-bhikkhunī!?

[2] Có chỗ ghi là Himavanta?

- Khóa cửa hay không khóa cửa không phải là vấn đề đối với Như Lai. Chỉ cần ngươi đồng ý là được rồi!

- Thưa, con là ai mà dám đồng ý hay không đồng ý? Con không được quyền làm những gì mà chủ của con chưa cho phép! Con mà tự ý làm trái ý ổng, ổng sẽ vặn cổ con, sẽ quăng con sang bên kia bờ sông Gaṇgā!

Đức Phật mỉm cười:

- Thôi được rồi! Thế này vậy! Ngươi cứ đi trình báo với Āḷavakayakkha, nói là sa-môn Gotama đang ngự ở tòa lâu đài của y, được không? Chuyện còn lại xảy ra như thế nào để Như Lai tự mình giải quyết.

- Thưa vâng! Vậy thì được! Nhưng đức Thế Tôn cũng phải cẩn thận đấy. Ổng hung dữ, độc ác lắm! Ổng kiêu căng, ngạo mạn lắm! Ổng chẳng coi trời, coi đất ra cái gì cả đâu! Chẳng nể nang ai đâu! Chuyện phải, chuyện trái, chuyện đúng, chuyện sai, chuyện tốt, chuyện xấu mà đem ra nói chuyện với ổng thì ổng sẽ "hừm! hừm!" với hai con mắt lồi ra như hai cục lửa đỏ rực! Ổng có thần lực kinh khiếp lắm, bạch đức Thế Tôn! Ổng nổi giận mà nhìn vào ai thì thân thể người ấy chợt mềm lại như bơ lỏng. Đức Thế Tôn hãy khá cẩn trọng.

- Ừ, Như Lai luôn cẩn trọng!

- Con đi đây!

- Ừ, rồi ông sẽ vô sự, bình yên! Và tất cả mọi người, mọi việc rồi cũng sẽ được vô sự và bình yên như thế!

- Con vẫn mong vậy! Tri ân đức Thế Tôn!

Nói xong, Gadrabhayakkha bay vèo lên hướng tây bắc rồi mất dạng.

Đức Phật dùng khả năng siêu phàm đi vào thế giới phi nhân, tòa lâu đài lộng lẫy của dạ-xoa Āḷavaka hiện ra. Khi bàn chân đức Phật vừa bước lên, hai cánh cửa pha lê trân bửu chạm khắc tinh vi từ từ kéo nhẹ sang hai bên: Một cung điện nguy nga sang trọng của cõi trời lung linh trong tầm mắt!

Đức Phật đến ngồi trên bảo tọa bằng ngọc báu (ratanapallanka)[1] ánh sáng chói ngời rực rỡ như chùm dạ quang pha lê túa hắt ra xung quanh. Một lát sau, không biết từ phương xứ nào, một đoàn nữ dạ-xoa (yakkhinī)[2] lả lướt giữa hư không đồng xuất hiện, quỳ dưới chân đức Phật và họ muốn nghe pháp.

Chư nữ dạ-xoa này vốn là tỳ thiếp cùng bà con quyến thuộc của dạ-xoa Āḷavaka, có đức tin nơi Tam Bảo nên đức Phật chỉ giáo giới nhắc nhở một vài điểm cần yếu nhất trong việc tu tập, cuối cùng, ngài kết luận:

"- Kiếp trước, chư yakkhinī do nhờ có bố thí, trì giới, biết lễ bái cúng dường nên kiếp này thọ hưởng được phước báu tuy không bằng chư thiên thượng giới nhưng thắng xa cõi người. Trong thế giới dạ-xoa của chư vị, đa phần bị kẹt dính các trạng thái tâm khá nặng nề nên không thể tiến xa, tiến cao hơn. Đấy là nhiều nóng nảy dễ sanh hung dữ, độc ác; nhiều ganh tỵ, tật đố nên thường chia phe, chia nhóm tranh cường hiếu thắng; nhiều bỏn xẻn, keo kiệt nên dễ sinh ích kỷ, ít có được sự chia sẻ, cảm thông! Vậy thì bắt đầu từ hôm nay, phải biết hổ thẹn tội lỗi và ghê sợ tội lỗi; hãy nhìn ngắm những tâm xấu ác ấy, hãy xa lìa chúng, giảm trừ chúng, chấm dứt chúng; đồng thời, sống hài hòa, mở rộng tấm lòng, hoan hỷ với thiện pháp thì sẽ mang lại an lạc và hạnh phúc nhiều đời cho chư vị!"

Đức Phật thuyết pháp vừa xong thì có hai dạ-xoa tên là Sātāgira và Hemavata tìm đến. Số là cả hai vị cũng đến dự hội nghị tại núi Himavā, nhưng khi đang bay ngang qua "không phận" của dạ-xoa Āḷavaka, tự dưng thần lực của họ bị đứt và bị rơi xuống đất. Hiện tượng này chỉ xảy ra khi "bên dưới ấy" hiện có mặt "một vị", "một bậc", "một đấng"

---

[1] Có chỗ nói là ngai vàng của Āḷavaka (Āḷavaka's throne).
[2] Từ điển "Pāḷi proper names" nói đây là những người đàn bà của Āḷavaka?

nào đó mà cả đức hạnh và uy lực đều vượt trội hơn họ! Cả hai dạ-xoa đều biết rõ điều ấy, dùng thiên nhãn quan sát, họ thấy đức Phật nên bước vào đảnh lễ và vấn an sức khỏe của ngài, sau đó mới tiếp tục cuộc vân hành.

Trong lúc ấy thì dạ-xoa Gadrabha đã đến núi Himavā, gặp chủ của nó là dạ-xoa Āḷavaka, trình bày lại câu chuyện đức Phật muốn nghỉ nhờ một đêm tại tòa lâu đài của y. Nghe xong, Āḷavakayakkha gầm lên một tiếng, tóc râu dựng ngược, hét và nói vang vang như sóng bủa:

- Quá đáng! Quá đáng! Sa-môn Gotama hiếp người vừa phải thôi chớ! Cung điện cửa đóng then cài, chốt khóa bao nhiêu lớp lại còn đòi vào ngủ nhờ! Coi thường ta quá! Khinh thường ta quá lắm!

Rồi quay sang thuộc hạ, y la hét một trận nữa.

Lúc ấy thì hai dạ-xoa Sātāgira và Hemavata vốn là bạn của dạ-xoa Āḷavaka cũng vừa tới nơi. Họ là hai Thánh đệ tử của đức Thế Tôn. Giữa hàng ngàn dạ-xoa, họ thấy Āḷavaka đang giận dữ, phùng mang trợn mắt khi mạn đức Phật và la rầy dạ-xoa Gadrabha như thế, một vị bèn cười cười đáp:

- Chốt khóa! Chốt khóa! Trăm ngàn cái chốt khóa của bạn lại có thể chốt khóa được đức Chánh Đẳng Giác hay sao? Có loạn ngôn không đó?

Āḷavakayakkha hậm hực như lửa đốt trong lòng, cứ "hừm, hừm!" không nói không rằng. Vị khác tiếp:

- Chốt khóa sinh tử, chốt khóa dòng trầm luân sinh tử luân hồi, đức Đạo Sư cũng đã tháo rời ra từng khoen rồi, bạn không biết chăng?

Dạ-xoa Sātāgira "vô tư" thuật lại:

- Chúng tôi đi dự hội nghị, khi bay ngang qua không gian cung điện của bạn, thấy thần lực bị đứt và rơi xuống, biết là có đức Đại Giác ở đấy nên đã cùng nhau vào đảnh lễ, yết kiến ngài.

Dạ-xoa Hemavata "vô tâm" tiếp lời:

- Đức Đạo Sư ngự trên ngai vàng trân báu (Ratanapallanka) của bạn trông mới quang minh, xán lạn và tôn nghiêm xiết bao! Không biết tu tập bao nhiêu đời kiếp, cung điện của bạn, ngai vàng của bạn mới có được phước báu nghinh đón đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu?! Còn nữa, bà con, quyến thuộc cùng cả một đoàn tỳ thiếp xinh như hoa trời của bạn cũng đã quy y đức Thế Tôn rồi đấy nhé! "Cải ác tùng thiện" đi!

Dạ-xoa Āḷavaka càng nghe chừng nào thì khuôn mặt càng đỏ rực, sau đó dần dần biến ra tía xanh rồi trở thành xám xanh; tức giận đã như không còn tự chủ được, hắn hét lớn:

"- Ta là Āḷavaka đây! Ta là Āḷavaka đây!"

Tiếng hét của nó thật là kinh hoàng, cả sông núi, cây đá ở một không gian rộng lớn xung quanh chợt như bị rung rinh, chao đảo; lại còn như sấm động và lan đi rất xa. Chú giải bảo rằng, đấy là một trong bốn tiếng hét oai trấn thiên hạ trong truyền thống thời bấy giờ[1].

Xong, dạ-xoa Āḷavaka hóa hiện thành một thân hình to lớn, sừng sừng giữa hư không, một chân đạp trên núi Manosilāvatala, một chân đặt trên núi Kelāsakūta rồi bay vèo về phương Nam, chẳng cần họp hành gì nữa, trở lại tòa lâu đài của mình, với quyết tâm "trừng trị" sa-môn Gotama cho bằng được! Hai vị dạ-xoa bạn cũng từ bỏ hội nghị, bay theo, thoáng lát là mất dạng.

Kinh sách và chú giải kể rằng, về đến nơi, hai dạ-xoa bạn còn tìm cách cản ngăn. Cản ngăn hoài không được, dạ-xoa Sātāgira đã lớn tiếng mạt sát:

---

[1] Ālavaka, trang 291-293 trong quyển I - Distionary of Pāḷi proper Names.

- Này Āḷavaka! Dầu ngươi giả vờ ngu không biết, giả vờ đui không thấy, đức Thế Tôn vẫn là bậc tối thượng trong tam giới, là bậc thầy của chư thiên, phạm thiên và nhân loại. Còn ngươi chỉ là một dạ-xoa kiêu căng, ngã mạn, cứng đầu khó dạy! Thần lực"ghê gớm, kinh khiếp" của ngươi đã là thá gì mà muốn so đối, ra oai với đức Thế Tôn!? Hãy mở mắt mà xem một chú bê con mà dám húc bò chúa kìa!? Hãy căng mắt mà nhìn một cậu bé voi lại đòi đọ sức với voi chúa kìa! Hãy tởm lợm con chó rừng dơ dáy lại dám tranh tài với sư tử chúa oai hùng kìa!? Hãy vỗ tay mà chiêm ngưỡng một chú quạ gãy cánh lại muốn đối đầu với điểu vương Garuda kìa!?

Dạ-xoa Āḷavaka mặt vẫn lạnh như tiền.

Dạ-xoa Hemavata lại năn nỉ bạn:

- Thôi mà! Hãy nuốt giận vào lòng đi! Chưa có loại vũ khí và uy lực nào trong tam giới có khả năng đụng đến chéo y của đức Tôn Sư đâu! Đến khi hối hận cũng đã muộn rồi!

Dạ-xoa Āḷavaka cứ "hầm hừ, hầm hừ" không nói không rằng, ngay tức khắc, quay lưng với hai bạn, sử dụng toàn bộ thần lực, phép thuật quyết "đập chết" sa-môn Gotama tan thành bụi cát, dẫu cho có hy sinh luôn cả tòa lâu đài chăng nữa. Và nếu không đốn ngã được thì cũng đẩy ông ta ra khỏi bảo tọa, ra khỏi tòa lâu đài! Thế rồi, từ vũ khí này chuyển sang vũ khí khác, quả là không đụng đến chéo y của ông ta thật! Đến gần nửa đêm, sau khi đã sử dụng hết chín loại vũ khí "ma kinh quỷ khiếp" y hoàn toàn thất vọng. Đức Phật từ đầu chí cuối vẫn ngồi yên lặng mỉm nụ "tiếu sanh tâm", hào quang sáu màu lung linh diễm ảo; toàn bộ thân và tâm của ngài như tự tại bất động trước những loại vũ khí mưa cuồng, sấm giật của dạ-xoa Āḷavaka! Năng lực siêu nhiên của ngài cứ như từng đợt, từng đợt dịu dàng, mát mẻ tỏa ra, không những bảo vệ được bản thân ngài mà còn bảo vệ cho cả cung điện của y nữa.

Dẫu thất vọng nhưng chưa tuyệt vọng, dạ-xoa Āḷavaka quyết định sử dụng vũ khí cuối cùng, dẫu cho thiên vương Kuvera có đày y xuống địa ngục cũng kệ! Chú giải bảo đây là một trong bốn loại vũ khí cực kỳ nguy hiểm và tai hại nhất trên thế gian, có tên là Dussāvudha; nó là bảo bối tùy thân và cũng là bùa hộ mạng của dạ-xoa Āḷavaka. Vũ khí này có thể so sánh với vũ khí Vajirāvudha của Sakka thiên chủ, vũ khí Gadāvudha của Vessavaṇa thiên vương và vũ khí Mayanāvudha của Yama thiên vương![1] Vũ khí nầy nếu tung lên bầu trời thì suốt mười hai năm chẳng có giọt mưa nào rơi xuống! Nếu quẳng xuống đất thì suốt mười hai năm chẳng có cây cối thân thảo thân mộc gì nảy mầm được. Nếu lia xuống biển thì nước sẽ sôi sùng sục cho đến khô cạn. Nếu ném vào đỉnh Sineru thì thân núi chúa sẽ tan thành từng mảnh![2]

Lúc dạ-xoa rút vũ khí cuối cùng ra, thế giới chư thiên, phạm thiên thảy đều kinh động, nhiều vị sợ hãi tai họa sẽ rơi xuống quả đất, loài người và triệu triệu sinh loại! Có vị nghĩ: "Trách nhiệm trực tiếp là thiên vương Kuvera phải xử lý thuộc hạ, trách nhiệm gián tiếp là Đế Thích (Sakka) thiên chủ phải trừng trị kẻ điên cuồng chứ không phải chúng ta!" Có vị cười thầm: "Hắn mà làm được gì?" Tuy nhiên, tri kiến và đức tin chơn chánh thì mách với họ rằng: "Chúng ta hãy cùng xem đức Thế Tôn dạy dỗ dạ-xoa Āḷavaka tép riu kia! Và rồi, chắc chắn chúng ta sẽ được nghe đức Đạo Sư thuyết pháp. Một trò hay đấy! Một duyên lành đấy!"

Rồi chỉ thoáng chốc, chư thiên, phạm thiên đoanh vây đầy đặc cả hư không để xem dạ-xoa Āḷavaka "biểu diễn!" Và quả đúng như phần đông họ nghĩ, lúc vũ khí "búa chư thiên" với khí thế giết người lao như điên như cuồng đến

---

[1] Cùng một sách ở trên.

[2] Đoạn văn uy lực kinh khiếp của vũ khí có tên Dussāvudha này được dịch từ Từ điển " Pāḷi proper names" q.1, trang 1100.

đức Phật; một vùng sáng lóa như mặt trời bốc cháy tóe lên, tiếng động như sấm sét vang dội, lửa bốc cháy và khói tỏa ngùn ngụt, mù mịt chẳng còn thấy đất và trời! Một sát-na sau, một làn hào quang xán lạn vén lên; ai cũng nhìn thấy vũ khí kinh khiếp kia nó mềm dần, mảnh dần như tấm thảm, rồi nó lượn nhẹ nhàng, ngoan ngoãn đến nằm yên dưới bàn chân của đức Phật như miếng giẻ chùi chân!

Dạ-xoa Āḷavaka bây giờ trông chẳng khác nào chú bò Usabha bị bẻ gãy sừng, như rắn hổ mang bị bẻ gãy răng, chẳng còn chất độc, chẳng thể cắn mổ họa hại ai được nữa: Nó đã bị đức Thế Tôn vô hiệu hóa tất cả các loại vũ khí. Tuy nhiên, với bản tính cứng đầu, cao ngạo đã thành nề, chưa chịu thua, nó muốn dùng miệng lưỡi để tranh luận phải trái:

- Được rồi! Tôi thua ông! Tôi thua đến cháy túi! Nhưng chúng ta cũng có thể nói chuyện với nhau như những bậc thức giả được chăng, sa-môn Gotama?

Đức Phật mỉm cười:

- Được chứ! Và Như Lai biết ông cũng là một bậc thức giả đấy!

- Cảm ơn! Không dám đâu! Dạ-xoa Āḷavaka tuy nghe mát ruột nhưng lại cất giọng khách sáo - Bây giờ tôi xin được hỏi: Lâu đài này là sở hữu của tôi, và tôi là chủ; sa-môn Gotama tùy tiện mở cửa vào đây khi chưa được phép của tôi, chưa được sự đồng ý của tôi; vậy, việc làm ấy của sa-môn Gotama là đúng pháp và luật hay không đúng pháp và luật?

Đức Phật gật đầu:

- Ừ, vậy là không đúng!

- Còn nữa! Dạ-xoa Āḷavaka bắt lỗi tiếp - Những Yakkhanī kia là bà con quyến thuộc của tôi, là những người tỳ thiếp cưng yêu của tôi, mà sa-môn Gotama đã tùy tiện tụ họp họ lại để giảng dạy về cái gọi là giáo pháp gì đó trong lúc tôi đi vắng! Việc này là sao nữa, hở bậc thức giả?

- Ừ! Những Yakkhanī này tự nguyện đến yêu cầu được nghe pháp, Như Lai không chủ động tập họp họ đâu! Tuy nhiên, việc này thì Như Lai nhìn nhận là đã thiếu sót một nửa!

Dạ-xoa Āḷavaka thấy đức Phật với thái độ quang minh đã thừa nhận lỗi một cách mau mắn, dễ dàng, trong bụng thở dài nhẹ nhõm, mười phần ác cảm đã dịu đi vài phần.

Chợt đức Phật hỏi:

- Ngươi bắt bẻ rồi! Như Lai nhận lỗi rồi! Bây giờ còn chuyện gì nữa không, Āḷavaka?

- Bây giờ thì ông hãy xéo đi! Hãy cút đi! Hãy bước ra khỏi lâu đài của tôi!

- Ừ, ngươi bảo ra thì Như Lai đi ra!

Nói xong, đức Phật bước ra khỏi cửa!

Dạ-xoa Āḷavaka tự nghĩ: "Cái ông sa-môn Gotama này thật kỳ lạ! Ta đã gần suốt đêm thi thố hết mọi khả năng chỉ cốt đuổi ông ta ra khỏi lâu đài nhưng thảy đều vô ích! Bây giờ chỉ mới nói vài câu nhẹ nhàng phải trái, ông ta đã ngoan ngoãn nghe lời ngay! Không biết ông ta là người dễ bảo thật sự hay cốt ý giả vờ để gạt ta?"

Nghĩ thế xong, dạ-xoa Āḷavaka lại gọi giật:

- Này sa-môn Gotama! Hãy vào đây!

- Tốt lắm! Này Āḷavaka! Ngươi bảo vào thì Như Lai đi vào đây!

Rồi đức Phật lại bước vào. Dạ-xoa Āḷavaka thấy đức Phật "tuân lệnh" như thế, y muốn thử thêm một lượt nữa:

- Này sa-môn Gotama! Hãy bước ra!

- Vâng! Như Lai nghe lời, bước ra đây!

Đức Phật lại bước ra. Dạ-xoa Āḷavaka lại gọi vào! Cứ thế ba lần. Dạ-xoa Āḷavaka thấy mình bảo sao thì đức Phật làm vậy, ông ta đã "mềm như sợi bún" thì trong bụng, mọi bực tức, hung hăng không còn nữa. Bản ngã, tự ái cứng cỏi và căng thẳng của y đã được tâm từ và tâm nhẫn của đức

Phật hóa giải, làm cho nó dịu lại như tấm da đã thuộc nhuyễn. Đức Phật biết đây là đúng thời để giáo dục nó nên khi dạ-xoa, lần thứ tư, bảo ngài bước ra, ngài đã không thuận theo, cất giọng đanh uy, nói rằng:

- Đã ba lần, ngươi bảo Như Lai đi ra, đã ba lần, ngươi bảo Như Lai đi vào! Như Lai đã nhu thuận làm theo ý ngươi và cũng để chứng tỏ là Như Lai đã nhận lỗi một cách quang minh chính đại! Bây giờ, Như Lai báo cho ngươi biết, nếu Như Lai "không đi" thì trên thế gian này, không ai có thể khiến cho Như Lai đi được, dẫu đấy là sức mạnh, là uy lực thượng thừa của chư thiên vương, phạm thiên vương hay ma vương, này Āḷavaka!

Ngắm nhìn đức Phật cùng phong cách, ngôn ngữ, cử chỉ của ngài, Āḷavaka cảm thấy có cái gì đó bất khuất, uy dũng, ngùn ngụt tỏa ra một sức mạnh mà gió không thể lay, bão không thể chuyển; nó biết rõ, với sức của nó thì nó cũng chẳng thể làm được cái gì! Bèn tự nghĩ:"Ta sẽ thay đổi chiến thuật một cách rất là đúng pháp và luật. Số là như thế này. Có một bài kinh, nghe nói là cha mẹ ta học được từ thời đức Phật Kassapa. Thuở thanh niên, cha mẹ ta có dạy cho ta, giải thích cho ta nhưng lâu quá ta quên mất rồi! Nhưng những câu hỏi khó khăn, phức tạp ấy thì ta còn nhớ. Trước đây, ta đã từng hỏi không biết bao nhiêu là bậc, là đấng được gọi là đạo sư, là chân sư, là giáo chủ trên thế gian này, nhưng họ đều "co vòi" hoặc "bí rị" cả! Nếu không "co vòi" hoặc "bí rị" thì họ sẽ trả lời vòng quanh, trườn uốn như con lươn! Không trườn uốn như con lươn, thì nếu ta hỏi gà là họ đáp vịt, nếu ta hỏi mít thì họ đáp xoài! Nếu không như vậy, nếu có trả lời được vài phần, thì những đáp vấn kia cũng chưa làm cho lỗ tai ta được hoan hỷ, chưa làm cho trí óc ta bớt rối rắm! Nay ta sẽ đặt lại những câu hỏi ấy cho ông sa-môn Gotama này, và rồi ta sẽ có kế độc!"

Nghĩ thế xong, dạ-xoa Āḷavaka chợt đổi giọng điềm đạm, lịch sự rất hợp lễ:

- Thưa sa-môn Gotama! Ngài là một bậc giáo chủ, một đấng đạo sư, nghe nói là ngài rất uyên bác, rất thông tuệ; khắp nơi đồn đãi rằng, ngài đã giác ngộ, đã giải thoát tất thảy khổ đau, đã đạt quả vị đại A-la-hán rồi; vậy ngài có thể cho tôi đặt một số câu hỏi "li ti và vụn vãnh" liên hệ đến giáo pháp của ngài, cũng là ưu tư trăn trở ngàn đời của nhân sinh, được chăng?

- Được lắm! Tốt lắm! Đức Phật mỉm cười, và do thấy rõ tâm địa của dạ-xoa, nên ngài tiếp - Như Lai sẵn sàng trả lời những câu hỏi "li ti và vụn vãnh" ấy của nhà ngươi!

- Nó khó nuốt lắm đấy! Nhức óc lắm đấy! Tôi báo trước cho ngài hay!

- Được rồi! Không sao đâu!

- Nó có thể làm cho tâm của ngài tán loạn hoặc trái tim của ngài bị vỡ tung từng mảnh đấy!

- Được rồi! Ngươi cứ "dọa" tiếp đi!

- Không"dọa" đâu! Nó là sự thực đấy! Dạ-xoa Āḷavaka lại "cười ruồi" - Còn nữa, nếu ngài đáp không được hay đáp nửa vời, tôi sẽ quăng tuốt ngài sang bên kia bờ Nam sông Gaṇgā kia đấy! Ngài có dám hứa thế chăng?

- Như Lai biết, chẳng ai có khả năng như thế với Như Lai, nhưng Như Lai cũng hứa thuận điều ấy với ngươi, được chưa?

Dạ-xoa yên bụng, nó khởi sự tấn công, đặt câu hỏi thứ nhất:

- Thưa sa-môn Gotama! Câu hỏi thứ nhất này nó nằm trong một bài kệ; nội dung của bài kệ ấy có bốn câu hỏi. Nó như sau:

"Vật sở hữu quý nhất, cao thượng nhất của đời người là cái gì?

Cái gì, điều gì, pháp gì nếu thực hành sẽ đem lại an vui và hạnh phúc?

Trong tất cả cái gọi là hương, là vị - thì hương thì vị nào đem đến thỏa thích nhất?

Thực hành thế nào, sống thế nào trên cuộc đời này mới được gọi cao thượng và thù thắng nhất?"[1]

Nghe nội dung câu hỏi, đức Phật khen ngợi:

- Này Āḷavaka! Khá lắm! Câu hỏi của ngươi, trên thế gian này không ai đáp được. Đây là loại câu hỏi chỉ có đức Chánh Đẳng Giác mới trả lời được! Có phải đây là một trong ba bài kệ, bài đầu bốn câu hỏi, bài hai bốn câu hỏi và bài ba năm câu hỏi mà ngươi đã cho khắc lên bảng vàng để cất giữ như một bảo vật trong cung điện này; cốt ý để khoe khoang trí tuệ, đồng thời, cũng để làm khó dễ đạo sư, chân sư thiên hạ?

Dạ-xoa Āḷavaka lạnh gáy, vì quả đúng sự thực là như vậy; quả đúng là y đã cho khắc những câu hỏi ấy lên bảng vàng, chữ đỏ và gìn giữ nó như một bảo vật truyền đời; nhưng y giả vờ nói át:

- Không cắc cớ hỏi lôi thôi! Tôi chỉ cần biết sa-môn Gotama trả lời được hay không mà thôi!

- Này Āḷavaka! Đức Phật nói! Câu hỏi này và câu trả lời của nó đã bị mù sương bóng khói của thời gian che khuất kể từ thời đức Phật Kassapa, nay Như Lai sẽ vén mở nó và trả lời câu kệ thứ nhất cho ngươi rõ đây:

"Vật sở hữu quý nhất, cao thượng nhất của đời người chính là đức tin chơn chánh, này Āḷavaka!

Những thiện pháp như bố thí, trì giới, tham thiền; ai tinh cần thực hành sẽ đem đến an vui và hạnh phúc cõi người, cõi trời và cả Niết-bàn, này Āḷavaka!

---

[1] Diễn dịch từ câu kệ Pāḷi: "Kiṃsudha vittaṃ purisatta seṭṭhaṃ? Kiṃsu suciṇṇaṃ sukkhamāvahati? Kiṃsu have sādutaraṃ? Kathaṃ jīvini jīvitamāhu seṭṭhaṃ?"

Trong tất cả mọi hương, mọi vị trên trần đời, không có hương, vị nào đem sự thỏa thích tối thượng bằng hương vị của pháp, hương vị của giải thoát, này Āḷavaka!

Sống hợp với trí tuệ và thực hành bát chánh đạo là cao thượng, là tối thượng và thù thắng nhất trên cuộc đời, này Āḷavaka!"[1]

Nghe đức Phật trả lời rành rẽ đâu ra đó, như từ cái kho trí tuệ nào đó tuôn trào ra, có vẻ như không cần tìm kiếm, suy nghĩ gì, đầu óc Āḷavaka như được mở ra; trong bụng thì rất kính phục nhưng bên ngoài thì tỏ vẻ thản nhiên, gật gù nói:

- Được lắm! Cũng không tệ! Đúng sai tôi sẽ kiểm chứng sau; bây giờ là bài kệ thứ hai, cũng có bốn câu hỏi, mong bậc trí giả giải đáp cho:

" Làm cách nào thoát khỏi dòng nước lũ?
Làm cách nào để vượt đại dương ?
Làm thế nào để chế ngự khổ sầu?
Làm thế nào tự thanh lọc được trong sạch?"[2]

Đức Phật mỉm cười nói:

- Bài kệ thứ hai này cũng thuộc trình độ Chánh Đẳng Giác mới đáp được, vậy ngươi hãy nghe đây:

" Nhờ đức tin thoát khỏi dòng nước lũ!
Nhờ không giải đãi sẽ vượt được đại dương!
Nhờ tinh tấn chế ngự được khổ sầu!
Nhờ trí tuệ sẽ thanh lọc được trong sạch![3]

---

[1] Diễn dịch từ câu kệ Pāḷi:"Saddhīdha vittaṃ purisada seṭṭha! Dhammo suciṇṇo sukhamāvahati! Saccaṃ have sādutaraṃ rasānaṃ! Paññājīvini jīvitaṃ seṭṭha! (Đức tin là vật sở hữu cao quý nhất. Pháp được thực hành đem đến an lac nhất. Hương vị của chân lý (pháp vị) thóa thích nhất. Sống hợp với trí tuệ là cách sống cao thượng nhất).

[2] "Kathaṃsu tarati oghaṃ? Kathaṃsu tarati aṇṇavaṃ? Kathaṃsu dukkha macceti? Kathaṃsu parisujjhati?"

[3] "Saddhāya tarati oghaṃ! Appamādena aṇṇavaṃ! Viriyena dukkhamacceti! Paññāya parisujjhati!"

Dạ-xoa Āḷavaka nghe xong, cảm giác như trời quang, mây tạnh, tâm trí như được khai thông; tuy nhiên, y vẫn còn muốn che giấu, chưa thổ lộ vội, chỉ kính lễ phải phép, tán thán chừng mực, nói rằng:

- Hay quá là hay! Sa-môn Gotama xứng đáng là bậc trí tuệ trên đời này! Bài kệ thứ hai, vậy là tôi đã thông tỏ, cho phép tôi được hỏi tiếp năm câu hỏi trong bài kệ thứ ba, sau đây:

" Làm cách nào để thành tựu trí tuệ?
Làm thế nào để hoạch đắc của cải, tài sản?
Làm thế nào để được tiếng tăm lừng lẫy?
Làm thế nào để giao kết được nhiều bạn?
Làm thế nào để không sầu buồn sau khi chết từ kiếp này sang kiếp kia?"[1]

Nghe xong bài kệ này, đức Phật nói:

- Này Āḷavaka! Năm câu hỏi trong bài kệ này, Như Lai sẽ tuần tự trả lời từng câu hỏi một, hãy khéo chú tâm để lắng nghe cho kỹ đây!

- Thưa vâng!

- Đây là câu một: Muốn thành tựu trí tuệ thì phải có sự tin cậy, tin tưởng vào bậc thiện trí thức, biết lắng tai nghe pháp một cách cung kính, tôn trọng; và cuối cùng là phải kiên trì, khéo léo thực hành pháp đi đến Niết-bàn[2].

Tiếp theo, đây là câu hai, ba và bốn:

Biết làm công việc một cách cần mẫn, biết thích nghi trong mọi hoàn cảnh thì sẽ hoạch đắc của cải và tài sản.

Nhờ hạnh chân thật mà được danh thơm, tiếng tốt.

---

[1] "Kathaṃsu labhate paññaṃ? Kathaṃsu vindate dhanaṃ? Kathaṃsu kittiṃ pappoti? Kathaṃsu mittāni ganthati? Asmā lokā paraṃ lokaṃ, kathaṃ pecca na socati?"

[2] "Saddahāno arahataṃ, dhammaṃ pattiyā, sussūtaṃ labhate, appamatto vicakkhano".

Không keo kiệt, bỏn xẻn, có lòng quảng đại, bao dung sẽ giao kết được nhiều bạn lành[2].

Cuối cùng là câu năm:

Người có đức tin, đầy đủ bốn pháp: Chân thật, giới hạnh, tinh tấn, bố thí sẽ không sầu buồn sau khi qua đời[3].

Đức Phật thuyết xong, Āḷavaka đắc pháp nhãn, một niềm hỷ lạc vô biên tràn ngập tâm hồn, y cúi gập đầu xuống như thân cây đổ, chưa biết nói năng gì để tri ân đức Thế Tôn thì còn nghe lời ngài văng vẳng bên tai:

- Này Āḷavaka! Ngươi hãy thử đi hỏi lại các bậc đạo sư, chân sư trên đời, với mười ba câu hỏi kia, có ai có kiến giải ở ngoài kiến giải của Như Lai không?

- Thưa, không thể có! Āḷavaka cung kính đáp - Với những câu trả lời rành mạch, khúc chiết, sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng của đức Thế Tôn thì tôi còn đi tìm kiếm đèn đuốc giữa thế gian mà làm gì cho mất công! Lại nữa, mọi bí quyết để mưu cầu an lạc và hạnh phúc đời này và đời kia cho mình, tôi đã thấy ở nơi đây rồi, chẳng cần ở đâu nữa!

Nói ngang đó, dạ-xoa Āḷavaka quỳ năm vóc sát đất, đảnh lễ đức Phật ba lần rồi thay đổi cách xưng hô, điềm đạm, chậm rãi nói tiếp:

- Hóa ra, đức Tôn Sư ghé "ngôi nhà tối tăm" của đệ tử là vì lợi lạc nhiều đời cho đệ tử! Mọi ngã mạn, kiêu căng, cứng đầu và ngu si, dốt nát của đệ tử cho đệ tử được thành tâm sám hối! Và từ rày, ngay khoảnh khắc này, cho đệ tử xin được trở về nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng; nguyện làm một cận sự nam để tu tập cho đến trọn đời!

---

(2) "Patirūpakārī dhuravā, uṭṭhātā vindate dhanaṃ, saccena kithiṃ, dadaṃ mittāni ganthati".

(3) " Yassete caturo dhammā, saddhassa gheramesino, saccaṃ dhammo dhiti cāgo, save pecca na socati".

- Lành thay! Đức Phật nói - Như Lai chứng thực điều ấy cho ngươi! Và ngươi thế là đã đặt được bàn chân trên giáo pháp của Như Lai rồi đó!

- Tri ân đức Đạo Sư! Tri ân vô lượng đức Đạo Sư! Kể từ nay, từ làng này sang thôn khác, từ thị trấn này sang thành phố kia, đệ tử sẽ thênh thang, tự do đi đây đi đó để tán dương ân đức của bậc Chánh Đẳng Giác và tính cách toàn diện và toàn thiện của giáo pháp vô thượng đã có mặt ở trên đời!

Những câu hỏi của Āḷavaka cùng ý nghĩa những câu trả lời của đức Phật không chỉ làm cho dạ-xoa hung dữ đắc thánh quả mà còn rất nhiều thọ thần, sơn thần, chư thiên, phạm thiên cũng gặt hái được pháp vị bất tử!

Lúc ấy, trời vừa rạng sáng, những tia nắng mặt trời đầu tiên đã tỏa ấm áp khắp khu rừng. Khi dạ-xoa đi sau lưng đức Phật vừa bước xuống đất thì một toán quân binh, triều thần và đức vua xứ Āḷavī dẫn hoàng tử Āḷavakakumāra đến "nạp mạng" cho dạ-xoa ăn thịt cũng vừa tới nơi. Thấy đức Phật, một sa-môn tướng hảo quang minh, đang cùng đứng dưới cội cây với dạ-xoa, mọi người ai cũng ngạc nhiên, không hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Đích thân đức vua Āḷavaka bồng hoàng tử Āḷavaka đến trao cho dạ-xoa với nước mắt ràn rụa, giọng nói như bị hụt hơi:

- Thưa ngài! Giữ đúng lời hứa, nhưng tôi không đành lòng nạp mạng con cháu của lương dân vô tội, hôm nay, tôi đành hy sinh con trai của tôi, như là bứt lìa trái tim của tôi. Mong ngài thọ nhận và để cho nhân dân thành phố này được yên ổn!

Dạ-xoa đưa mắt nhìn đức Phật, như có ý hổ thẹn trong lòng, chậm rãi bế đứa bé lên hai tay rồi y quỳ xuống bên chân ngài, nói rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Người ta cống nạp hoàng tử Āḷavakakumāra này cho đệ tử, đệ tử thọ nhận rồi; bây giờ đệ tử xin dâng lại cho đức Thế Tôn! Mong đức Thế Tôn tiếp nhận

Āḷavakakumāra vì hạnh phúc, vì an vui, vì tấn hóa lâu dài cho vị hoàng tử xinh đẹp này!

Đức Phật mỉm cười, bế hoàng tử lên hai tay, ngài xoa đầu đứa bé, đọc một câu kệ phúc chúc rồi nói rằng:

- Như Lai"không những chúc phúc cho đứa trẻ hữu phước này được an vui, trường thọ và được lợi lạc dài lâu mà cũng phúc chúc cho ngươi được an vui, trường thọ, lợi lạc dài lâu như thế!" [1]

Dạ-xoa Āḷavaka quỳ lạy rồi thưa tiếp:

- Mong đức Thế Tôn cho Āḷavakakumāra nương tựa nơi đức Phật, đức Pháp, đức Tăng[2].

- Ừ, thế là Như Lai đã cho nó nương tựa rồi!

Xong, đức Phật nhẹ nhàng trao đứa bé cho đức vua Āḷavaka rồi nói rằng:

- Đại vương hãy nuôi dạy hoàng tử cho tốt, sau này nó là nơi nương nhờ của dân chúng đó!

Đức vua xứ Āḷavī mừng vui đến nhỏ lệ, không nói được một lời nào, đưa hai tay bồng hoàng tử ấu nhi mà cảm giác như mình đã chết đi, bây giờ được sống lại. Trăm sự đều nhờ vào ân đức của Phật đã cảm hóa được dạ-xoa Āḷavaka.

Đức Phật quay sang nói với mọi người:

- Dạ-xoa Āḷavaka hung dữ, ăn thịt người, bây giờ sẽ không còn hung dữ, ăn thịt người nữa, vì ông ta đã là đệ tử của Như Lai rồi, sẽ sống đời trong sạch và hiền thiện. Cả thành phố này không có lý do gì mà lo lắng, sợ hãi nữa. Nhưng có một điều mà mọi người nên giúp đỡ Āḷavaka...

Mọi người lắng nghe rất đổi thành kính nhưng không ai hiểu là chuyện gì, thì đức Phật quay sang Āḷavaka, mỉm cười, ngài nói tiếp:

- Với thói quen ăn thịt thú, thịt người từ nhỏ; nay nếu Āḷavaka giữ ngũ giới, sẽ không biết ăn cái gì để sống, để tồn tại! Điều khó ấy, Āḷavaka hổ thẹn nên không dám nói. Vậy từ rày về sau, nếu có thịt

---

[1] Phỏng dịch từ bài kệ: "Dighāyuko hotu ayaṃ kumāro, tuvañca yakkha sukhito bhavāhi, abyādhitā lokahitāya tiṭṭhatha!"

[2] "Ayaṃ kumāro saraṇanupeti buddhaṃ, dhammaṃ, sanghaṃ"

"không thấy, không nghe, không nghi", có vật thực cơm bánh, hương hoa, quả trái gì đó, mọi người hãy cung cấp cho Āḷavaka mỗi ngày một phần ăn. Āḷavaka từ nay phải tập thay đổi thói quen, cần kiên trì và cần thời gian, mọi người hãy hết lòng giúp đỡ Āḷavaka về điều ấy. Đổi lại, với thần lực, với uy lực siêu quần của mình, Āḷavaka sẽ như là một bậc đại hộ pháp, bảo vệ sự an toàn cho tiểu quốc và muôn dân một cách rất đắc lực đấy!

Āḷavaka thấy đức Toàn Giác nói đúng tim đen của mình nên ông ta cúi gằm mặt xuống. Mọi người mừng vui hò hét, cười nói, âm vang "sādhu, sādhu, lành thay, lành thay" như chấn động cả góc trời.

Còn đứa bé duyên phúc lạ lùng ấy, lại được từ tay này trao qua tay khác nên mọi người thường gọi với cái tên là Hatthaka Āḷavaka! Nhiều năm về sau, khi lớn lên, thái tử Hatthaka Āḷavaka nghe pháp, đắc quả A-na-hàm và nổi tiếng trong hàng thánh đệ tử do nhờ bốn pháp tế độ: Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự[1].

[1] Câu chuyện Ālavaka khá đầy đủ ở trên có thể được tìm thấy trong nhiều tư liệu, ví như trong chú giải Samyuttara Nikāya trang 217-40, trong Samyuttara Nikāya, i.244-69; nó cũng được nêu tóm tắt trong chú giải Anguttara Nikāya, i.211-12 nhưng có một vài chi tiết khác nhau.

Chấn Chỉnh
Chư Tăng Āḷavakā

Rời cội cây đa, dạ-xoa ôm bát đi sau lưng đức Phật, sau đó là đức vua, bá quan, quân binh tùy tùng kéo theo một đoàn như một ngày hội lớn. Dân chúng hay tin dạ-xoa Āḷavaka quy giáo đức Phật, đã bỏ dữ về lành nên họ cùng vui mừng nhập đoàn. Rồi chư tăng Āḷavikā[1] khắp thành phố cũng đã tìm đến nơi làm cho các con đường đều chật cứng như nêm. Đức Phật phải dừng chân lại, yêu cầu mọi người giải tán, ngài còn cần đi trì bình khất thực; ai muốn nghe pháp thì đến vào buổi chiều, tại điện thờ Aggāḷava.

Thế rồi, đêm thứ hai tại đây, một vị nữ thọ thần (devatā)[2] bồng một hài nhi xuất hiện, đảnh lễ đức Phật và than phiền rằng, các vị tỳ-khưu đã chặt cây, chặt cành và phá bỏ nơi cư trú của nàng. Rồi nàng kể:

- Bạch đức Thế Tôn! Khi thấy vị tỳ-khưu phá nhà của con, con bèn bồng con xuống, năn nỉ vị tỳ-khưu, bảo rằng nếu phá nhà thì cả hai mẹ con không có nơi nương tựa. Nhưng vị tỳ-khưu bảo là ta không tìm thấy cây nào tốt hơn

[1] Theo ghi chú ở trong Āḷavakā, trang 294, quyển 1 Dictionary of proper Pāḷi names thì tất cả những vị tỳ-khưu sống ở Āḷavī đều được gọi tên như thế.
[2] Hoặc thiên nữ.

cây này, rồi không thèm để ý đến lời cầu xin của con. Khi ấy con giận quá, muốn vươn tay ra vặn cổ vị tỳ-khưu, nhưng con đã dằn cơn nóng giận lại vì tưởng nhớ ân đức của Thế Tôn trong thời gian vừa qua tại thành phố Āḷavī này. Lại nữa, giết một vị tỳ-khưu là đọa địa ngục nên con sợ lắm!

Đức Phật đã tán dương vị nữ thọ thần đã có một suy nghĩ đúng đắn và một sự chịu đựng đáng khen ngợi; và sau đó, ngài đã thuyết cho cô nghe một thời pháp nói về tâm nhẫn nại là nơi phát sanh những pháp lành rồi tóm tắt bằng bài kệ:

"- Ai người chặn được tâm sân
Như dừng ngay lại xe lăn trượt bờ
Đánh xe thiện xảo chẳng ngờ
Còn bao kẻ khác cầm hờ dây cương!"[1]

Nhe xong, nữ thọ thần chứng sơ quả.

Đức Phật còn hứa là sẽ chế định giới luật để ngăn chặn những sai lầm của các vị tỳ-khưu khác trong tương lai.

Nữ thọ thần bèn thưa:

- Tâm đệ tử đã mát mẻ rồi, nhưng đệ tử đang không có chỗ ở, vì những chỗ ở tốt thường có những vị thần oai đức lớn hơn.

- Ừ, được rồi! Đức Phật gật đầu - Như Lai sẽ đền bù cho một chỗ ở tốt hơn thế nữa. Là tại tịnh xá Kỳ Viên bên cạnh hương phòng của Như Lai, có một vị thọ thần vừa sanh thiên. Hai mẹ con cô đến ở đấy. Như Lai đã cho phép, và rồi tất thảy thọ thần, chư thiên ở đấy sẽ rõ biết điều đó!

Nữ thọ thần vui mừng tri ân đức Phật, quỳ xuống đảnh lễ ngài rồi dùng thần lực, bồng con bay về Kỳ Viên tịnh xá.

Hôm sau, khi đức Phật đi trì bình khất thực về thì hai vị đại đệ tử đã dẫn hội chúng rất đông từ Sāvatthi cũng vừa tới

[1] Pháp cú 222: " Yo ve uppatitaṃ kodhaṃ, rathaṃ bhantaṃ'va dhāraye; taṃ ahaṃ sārathiṃ brūmi rasmiggāho itaro jano".

nơi. Sau khi an trú chư tăng trong các khu rừng, hai vị đại đệ tử đến điện thờ Aggāḷava, đảnh lễ và thăm hỏi sức khỏe của ngài. Nhân tiện, hai vị thay nhau trình báo với đức Phật là chư tăng Āḷavikā ở đã xây dựng liêu cốc tràn lan, vị này tranh đua với vị khác về tầm vóc công trình bề thế của mình. Có rất nhiều vị tỳ-khưu tùy tiện vào rừng và tự do lấy gỗ rồi vận động dân chúng chuyên chở, cưa xẻ theo yêu cầu của mình. Chính quyền sở tại khó chịu, dân chúng than phiền và chư thiên, thọ thần đã giận dữ như thế nào. Ngoài ra, có một vài trú xứ, tịnh xá, liêu thất khi vị tỳ-khưu chủ trì mất đi hay bỏ sang nơi khác thì một số vị tỳ-khưu lại muốn chia phần đất đai, cốc liêu cùng những vật dụng ở đấy làm cho hai hàng cư sĩ cau mày, mất niềm tin với hội chúng của đức Thế Tôn.

Vậy là mùa mưa năm ấy, đức Phật và đại chúng an cư tại thành Āḷavī, và ngài đã hướng dẫn cho chư vị trưởng lão chế định giới luật về rất nhiều vấn đề liên quan đến việc tu sửa và xây dựng cốc liêu[1], sử dụng vật liệu nào là thích hợp, đồng thời cấm chế một số giới điều liên quan đến tài sản, vật dụng của tăng[2]. Những vấn đề ấy được đức Phật cùng chư vị trưởng lão đã phải quy định, chế định như sau:

- Liêu thất chỉ nên làm vừa phải, mỗi bề chừng hai, ba sải tay...

- Vật liệu không được quá kiểu cách, xa hoa; chỉ nên xây tường bằng đá thô, gạch thô, đất sét, tre gỗ; tranh lá; mái lợp cũng tương tự vậy.

- Thất liêu phải có nền, có cửa lớn, cửa sổ, có tay nắm và có chốt cài bằng đồng, sắt, gỗ hay tre đều được. Cho phép có giường gỗ, tre; có ghế ngắn, ghế dài, ghế kê chân được lót rơm hoặc đan mây...

---

(1) Cũng theo tư liệu trên.

(2) Theo Cullavagga.

- Mọi vật liệu phải có thí chủ dâng cúng đúng pháp và luật, không được gợi ý, không được tùy tiện vào rừng lấy gỗ, tre; nếu có người cúng dường cũng không được tự mình chặt cây, đốn cây, cưa cây hay chặt cành, nhánh...

- Tất cả tu viện, tịnh xá hay đất của tu viện, tịnh xá... là tài sản chung của tăng, do tăng quản nhiệm nên không thuộc một hội chúng, phe nhóm hay cá nhân nào, nghĩa là không được phân chia hay thay đổi sở hữu chủ.

- Những vật dụng liên hệ như pháp tọa, giường, ghế, nệm, tọa cụ, gối, chum, hũ, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng, tre, gỗ, cỏ, tranh...dù lớn dù nhỏ, dù có giá trị hay không có giá trị đều là tài sản của tăng, do tăng quản nhiệm nên cũng không được phân tán, di dời hay chia cho vị tỳ-khưu này, vị tỳ-khưu khác[1].

- Đất đai, tu viện, tịnh xá, các công trình đã xây dựng, đang xây dựng đều là của tăng, do tăng quản lý; vậy khi cho ai, biếu tặng ai, trao đổi với ai thì phải có một hội đồng đại diện tăng xử lý mới hợp pháp và luật. Trách nhiệm coi sóc, chủ trì một công trình cũng là một vị tỳ-khưu có trình độ, có khả năng do tăng chỉ định hay đề cử.

Y chỉ theo nội dung ấy, chư vị trưởng lão và hai vị đại đệ tử đã nghiêm khắc xử phạt trọng tội những vị tỳ-khưu đã tùy tiện sửa sang, xây dựng liêu thất làm náo loạn cả thành phố Āḷavī. Các ngài còn giảng nói rộng rãi các luật định của đức Thế Tôn để đem lại sự yên ổn trong sinh hoạt tăng lữ và lấy lại niềm tin cho hai hàng cư sĩ áo trắng.

Đức Phật cũng có nhiều thời pháp đến chư vị tỳ-khưu ở đây, nội dung thường nhắm đến sự tu tập, phải biết từ bỏ những bận rộn vô ích trong việc xây dựng thất liêu; phải biết tri túc, sử dụng phải lẽ, đúng pháp và luật về chỗ ở, sàng tọa, vật thực và thuốc men...

---

[1] Phỏng theo Cullavagga.

Thế là một làn gió mát lành, thanh bình đã thổi về trong sinh hoạt của cộng đồng tăng lữ thành phố Āḷavī sau nhiều năm nhiệt não, bất an và rối loạn.

Độ Người Nông Dân Nghèo

Tại điện thờ Aggāḷava này, đức Phật thường để dành nhiều thì giờ thuyết pháp đến cho chư tỳ-khưu; đặc biệt là đức vua, triều đình bá quan, dân chúng sau câu chuyện hóa độ dạ-xoa Āḷavaka, đức tin của họ cuồn cuộn như sóng tràn. Đôi khi vì đáp ứng nhu cầu học hỏi và tu tập của mọi người, hai vị đại đệ tử phải thay đức Phật thuyết pháp, giáo giới cho họ, bất kể buổi sớm hay buổi chiều nếu thấy thời gian thuận tiện.

Hôm kia, đức Phật và chư vị trưởng lão được đức vua và triều đình Āḷavī thỉnh đặt bát ngay tại điện thờ Aggāḷava; khi tất cả đâu đấy đã xong, đức Phật thọ thực rồi, nói vài lời phúc chúc rồi nhưng ngài lại chưa ban pháp thoại. Các vị thánh có thắng trí biết rõ đức Thế Tôn đang cố ý chờ đợi một người: Đấy là một nông dân nghèo có duyên căn!

Người nông dân này bị lạc mất một con bò đực kéo cày nên đã đi tìm nó suốt buổi sáng. Trên đường gần ngoại ô thành phố, ông nghe mọi người bàn tán xôn xao về nhiều chuyện hy hữu, "thần thoại" của đức Phật và hiện ngài đang thuyết pháp ở tại điện thờ Aggāḷava. Dừng chân lại, ông suy nghĩ: "Ta nên tiếp tục đi tìm con bò lạc hay nên đi nghe pháp? Con bò cho mình sinh kế để nuôi được cái thân,

nhưng nghe pháp thì nuôi được cái tâm. Vậy nuôi cái thân quan trọng hay nuôi cái tâm quan trọng hơn? Cái thân thì chỉ được một đời, còn cái tâm thì sống được nhiều đời". Vì so sánh như vậy, biết cái tâm quý hơn nên người nông dân bỏ chuyện đi tìm bò, cũng quên cả chuyện ăn uống, bươn bả đi vào nội thành, tìm đến điện thờ thì trời đã khá trưa.

Với mồ hôi mồ kê nhễ nhại, ông ta chen được đám đông vào đảnh lễ đức Phật với tâm vô cùng hoan hỷ.

Đức Phật quay sang bảo một vài cư sĩ là nên chuẩn bị một phần ăn cho người nông dân đang đói lả vì suốt buổi sáng ông ta chưa ăn gì.

Sau khi người nông dân độ thực xong đã lấy lại sức lực, đức Phật mới bắt đầu thuyết pháp; và ngài đã lấy ngay chính đề tài trong sự suy nghĩ của người nông dân là:"Vật thực nuôi thân và vật thực nuôi tâm".

Người nông dân mắt chợt sáng lên, cảm giác là đức Phật đang chỉ dạy riêng cho mình nên ông ta uống từng lời, từng chữ.

Thời pháp hôm ấy, theo lệ thường, đức Phật nói tuần tự thứ lớp, từ thấp lên cao. Khi đề cập đến vật thực để nuôi thân, ngài nhấn mạnh, muốn nuôi thân cho được mạnh khỏe, ít ốm đau, bệnh tật thì phải biết tiết độ, chừng mực, vừa phải. Nếu uống ăn vô độ, tham muốn chạy theo khẩu vị thì sẽ phát sanh nhiều hệ lụy cho thân, lại còn tốn kém bạc tiền, đôi khi sinh ra những việc làm xấu ác."Bệnh theo miệng mà vào, họa theo miệng mà ra!", là câu châm ngôn răn đời đầy khôn ngoan của người xưa.

Đề cập đến vật thực nuôi tâm, đức Phật điểm qua về đức tin, về bố thí, về trì giới, về cách thức gìn giữ tâm bằng những pháp lành cao thượng. Khi tâm "ăn" được những pháp lành này thì nó có đủ năng lực, sức mạnh cung cấp sinh lực hạnh phúc cho nhiều đời.

Khi thấy người nông dân và đại chúng hôm ấy có một số người có thể lãnh hội những pháp cao hơn, đức Phật đề cập thêm bốn loại thức ăn tinh tế, cũng để nuôi thân, nuôi tâm nhưng chi tiết hơn, cao siêu hơn.

Ấy là đoàn thực (kabalikāra-āhāra): Thức ăn vo tròn. Đây là cách thức phổ thông ai cũng biết, là dùng những ngón tay phải vo tròn thức ăn để đưa vào miệng một cách gọn gàng, sạch sẽ. Hàm chỉ thức ăn của cõi người dùng để nuôi dưỡng cơ thể, những tế bào sắc chất, tức là toàn bộ cái thân tứ đại thô tháo này.

Xúc thực (phassa-āhāra): Thức ăn của xúc giác. Khi mắt tiếp xúc với các đối tượng sắc trần, khi tai tiếp xúc với các âm thanh, khi mũi tiếp xúc với các mùi hương... thì liền phát sanh các cảm thọ liên hệ. Nói cách khác, có xúc mới có thọ, có nghĩa là nhờ các xúc nó mới nuôi dưỡng các cảm thọ. Vậy, xúc sắc, thanh, hương, vị, địa, hỏa, phong[1] cung cấp chất bổ dưỡng để nuôi nấng các cảm thọ. Muốn cho các cảm thọ được mát mẻ, dễ chịu, êm đềm, khinh an, lạc hỷ thì phải biết tránh xa, xúc đừng ăn những thức ăn ngũ trần, bảy sắc đối tượng thô phàm, hạ liệt, nhiệt não...

Tư thực (cetanā-āhāra): Thức ăn của tư tác, của tư tâm sở, của sự suy nghĩ cố ý thực hiện việc này, ý chí muốn thành tựu việc kia. Vậy, thức ăn của tư chính là những nghiệp thiện, bất thiện và bất động. Chính ba nghiệp này cung cấp chất bổ dưỡng để nuôi chúng hữu tình tái sanh trong ba hữu, ba cảnh giới: Dục hữu, chủng nghiệp, nhân sanh cõi dục; sắc hữu, chủng nghiệp, nhân sanh cõi sắc; vô sắc hữu, chủng nghiệp nhân sanh cõi vô sắc. Như thế, ai muốn tái sanh, hóa sanh cõi nào đều tùy thuộc nghiệp xấu ác

[1] Mắt xúc với sắc, tai xúc với thanh, mũi xúc với hương, lưỡi xúc với vị, thân xúc với địa (đất, cái cứng, cái chiếm chỗ trong không gian), với hỏa (nóng, lạnh của vật), với phong (gió, chuyển động, rung động). Đây là 7 sắc đối tượng của ngũ căn.

hay lành, tốt của mình chứ không phải do một vị thượng đế hay một vị hóa sanh chủ nào cả.

Thức thực (viññāṇa-āhāra): Hàm chỉ thức ăn của thức tái sanh. Vật thực của thức tái sanh chính là cận tử nghiệp, tức là năng lực cuối cùng trước khi lâm tử. Sau khi ăn "cận tử nghiệp" ấy, được chất bổ dưỡng của cận tử nghiệp ấy, nó nuôi dưỡng danh-sắc trong kiếp sống kế. Nói dễ hiểu hơn, sinh lực tiềm tàng trong cận tử nghiệp nó có khả năng cung cấp sức mạnh cho con người tái sanh, hóa sanh trong ba cõi, sáu đường.

Nói tóm lại, khi biết rõ các loại thức ăn có thô, có tế, có trược, có thanh, có độc, không độc, có xấu, có tốt... như vậy, người tu tập phải biết lựa chọn thức ăn cần thiết, hầu mang lại an vui và hạnh phúc cho mình trong nhiều đời kiếp.

Thế là đức Phật đã thênh thang mở cửa người và trời cho tất thảy hội chúng hữu duyên. Đức vua Āḷavī người nông dân đắc quả Tu-đà-hoàn[1] và rất nhiều cư sĩ thính pháp đạt được nhiều lợi lạc về tinh thần.

[1] Chú giải kinh Pháp cú. iii. 262-3.

Tu Tập Niệm Chết

Hôm ấy, có một vị tỳ-khưu còn trẻ nhưng bị bệnh mất, thi hài được chư tăng hỏa táng. Một vài người thắc mắc sao còn quá trẻ mà đã hết tuổi thọ? Hay nghiệp đã chấm dứt? Vài ngày sau đó, trong thành phố Āḷavī có người chết bệnh, có người chết nước, có người chết lửa, có người chết do sét đánh, có người chết do đao kiếm... được bàn tán chỗ này, nơi kia.

Đức Phật biết là đúng thời nên ngài thuyết một thời pháp nói về sự chết của các loài hữu tình.

Đầu tiên, đức Phật cảm hứng ngữ thốt lên một bài kệ thơ dài nói về sự chết:

"- Ôi! Từ khi nẩy mầm li ti một sự sống
Nó rất nhỏ nằm trên đầu cây kim
Tượng hình trong thai bào
Là nó,
Là một chúng sanh
Cứ thế lớn lên
Cứ thế nó tiến dần về phía trước
Không thể trở lại
Chẳng thể quay lui
Dù chỉ một lần

Trong khi nó chảy trôi như vậy
Nó tiến dần đến cõi của sự chết
Giống như dòng sông
Nó nhỏ dần, hẹp dần rồi cạn dần
Dưới sức nóng thiêu đốt của hỏa đại
Như trái cây xanh kia
Chín dần rồi rơi rụng
Như chiếc bình đất nung kia
Búa thời gian đập vỡ
Như giọt sương ban mai kia
Chợt tan biến dưới ánh nắng mặt trời
Thế là ngày và đêm
Lặng lẽ trôi qua
Mạng sống của các loài hữu tình
Tàn dần, lụn dần cho đến khi diệt mất
Nó mong manh, nó hư ảo
Như bọt bể, như bóng nước
Tụ rồi tan ngay!
Hiện rồi mất ngay!
Ôi! Ai có biết chăng
Khi vừa sinh ra
Cái sống đi kèm với cái chết
Trên sinh mệnh của các loài hữu tình
Có một tên bạo chúa
Có một tên sát nhân
Chực sẵn với cây kiếm sắc
Chờ sẵn với lưỡi gươm bén
Nó kề bên cổ
Không biết sẽ tước đoạt mạng sống lúc nào
Như đức vua kia
Oanh oanh liệt liệt
Chinh phục cả quả đất
Nhưng thời khắc cuối cùng của đời người

Mọi thành tựu và mọi vinh quang
Giá trị xem ra không bằng nửa hạt dẻ
Xác thân và hơi thở héo tàn
Thần chết lạnh lùng cười khẩy mang đi!
Ôi! Loài người có biết chăng
Sức khỏe bị chấm dứt bằng tật bệnh
Tuổi trẻ bị tấn công bằng già nua
Sự sống bị xâm lăng bởi sự chết
Đấy là định luật tất yếu
Tất cả mạng sống có được từ 'sinh'
Rồi bị ám ảnh bởi 'già'
Rồi bị đoanh vây bởi 'bệnh'
Và cuối cùng là cái 'chết' đánh gục
Ví như núi đá khổng lồ kia
Lớn rộng tận trời cao
Nó tiến đến từ mọi phía
Nghiền nát mọi sinh loài
Cũng tương tự như thế
Già chết nó nghiền nát
Sinh mệnh bà-la-môn
Sinh mệnh sát-đế-lỵ
Sinh mệnh các chiến sĩ
Sinh mệnh những thương gia
Sinh mệnh các thợ thuyền
Sinh mệnh những tiện dân
Sinh mệnh các nô lệ
Người hốt phân, kẻ nạo ống cống
Nó không chừa một ai
Và cho dẫu tượng quân, mã quân hùng mạnh
Và cho dẫu bộ quân lớp lớp hàng hàng
Và cho dẫu đại ảo gia, chú thuật gia
Hay dẫu đem tất cả tài sản thế gian gộp lại
Vẫn bất lực trước tử thần

Trong các loại phá sản
Sự chết là đệ nhất phá sản
Phá sản mọi sự nghiệp
Phá sản tất thảy mọi thành công ở trên đời
Phá sản mọi ước mơ và mọi ảo tưởng
Phá sản cho đến tận cùng hư vô và hủy diệt
Ôi! Loài người có biết chăng
Cho dẫu những người có danh vọng lớn
Có công đức lớn
Có sức mạnh lớn
Có thần thông lớn
Có trí tuệ lớn
Có đồ chúng lớn
Có tài sản lớn
Có uy lực lớn
Thế mà, cuối cùng
Cái chết nó tóm lấy hết
Nó quẳng tất thảy vào vực thẳm Rāhu
Cái chết nó gặm vào hàm
Như nai tơ non trong hàm sư tử
Như chú ếch con nằm trong miệng rắn
Cho dẫu như Moggallāna
Là đệ nhất thần thông
Cho dẫu như Sāriputta
Có trí tuệ siêu quần
Cũng đầu hàng, bất lực
Trước sức mạnh tử thần!
Và cho dẫu là Như Lai
Với sắc thân ba hai quý tướng
Và tám mươi vẻ đẹp
Được trang bị viên mãn giới uẩn
Viên mãn định uẩn
Viên mãn tuệ uẩn

Viên mãn giải thoát uẩn
Viên mãn giải thoát tri kiến uẩn
Viên mãn về danh xưng
Viên mãn về công đức
Viên mãn về hùng lực
Viên mãn về thần thông
Chẳng có ai sánh bằng
Nhưng chẳng thể nào né tránh
Trận mưa lũ thình lình
Của sự chết ập đến
Như một đống lửa lớn
Bị dập tắt bởi một trận dông
Chẳng một ai trốn được!
Chẳng một ai thoát được!"

Bài kệ thơ trầm hùng như sóng biển, như âm vọng đại ngàn rì rào lướt qua không gian điện thờ Aggāḷava làm cho hội chúng tỳ-khưu cùng nam nữ cư sĩ như nín thở. Sự chết như hiển hiện trước tầm mắt mọi người bằng lưỡi hái cong cong sắc bén, rực lửa của tử thần đang chực sẵn, đang hờm sẵn ở đâu đó trong bóng tối, bên ngưỡng cửa, bên chiếc giường của già bệnh và ngay cả ở nơi tuổi thanh xuân!

Đức Phật lại tiếp tục bài giảng:

- Như vậy, mỗi người phải biết suy niệm, quán tưởng về sự chết. Cái thân của chúng sanh nó già, nó bệnh, nó chết trong từng khoảnh khắc.

Hãy xem đây, và hãy nhìn cho ra:
Hiện nó là nơi cộng cư, đồng trú
Của "tám mươi"[1] gia đình vi trùng
Nó bám vào da, lấy da làm thức ăn
Nó trú vào thịt, rúc thịt làm món ngon

[1] Phỏng theo Visuddhi Magga (tôi chưa tìm ra ý nghĩa tượng trưng của con số này).

Nó dính vào gân, moi gân làm bữa nhậu
Nó bám vào xương, rỉa xương làm thức nhắm
Nó bám vào tủy, mút tủy làm thực phẩm
Chúng ăn rồi chúng ỉa, chúng đái
Chúng bài tiết dơ uế
Rồi chúng làm tình
Rồi chúng sinh con đẻ cái
Rồi chúng bệnh, chúng già và chúng chết
Vậy, cái thân này là nhà bảo sanh
Là viện dưỡng thương
Đồng thời là chỗ tiểu tiện, đại tiện
Mà cũng là nghĩa địa của chúng
Và khi chúng bất hòa, nổi loạn
Khi chúng chiến tranh, dịch bệnh
Thì cái thân này là bãi chiến trường
Là cái hầm xác thối
Làm cho cơ thể nầy
Hoặc xanh xao, hư mòn, tiều tụy
Hoặc suy kiệt và đi đến cái chết!

Còn nữa, cái thân này không những san sẻ, cộng cư với tám mươi gia đình vi trùng mà còn chia nhau gánh chịu trăm ngàn thứ bệnh nội thương từ tim, từ phổi, từ gan, từ não, từ tim, từ lá lách, từ mật, từ bao tử, từ máu, từ ruột non, ruột già nữa. Nó lại còn bị mọi sự chết chóc từ bên ngoài đem đến như bởi rắn, bởi hổ, bởi báo, bởi bò cạp, bởi nước, bởi lửa, bởi mũi tên, bởi đao và bởi kiếm nữa.

Như một mục tiêu được dựng ở ngã tư đường sẵn sàng nhận chịu những mũi tên nhọn, cọc nhọn, chĩa nhọn, đá sỏi từ bốn phương, tám hướng tấn công; cũng tương tự thế, trăm trăm ngàn ngàn tai ương, hoạn nạn, bệnh tật, ốm đau, chết chóc luôn luôn chực chờ bổ xuống, phủ xuống cái thân này một cách khắc nghiệt, vô cảm, lạnh lùng!

Này đại chúng! Suy đi, gẫm lại từ sự thật như vậy, thì sự chết không biết sẽ đến với ta lúc nào. Khi ngày tàn, đêm xuống, sớm đến, chiều đi, một hành giả quán tưởng về sự chết có thể suy niệm như sau: "Ta có thể bị chết do rắn, rết, bò cạp, độc trùng tức khắc bây giờ đây. Ta có thể bị chết do té ngã, dập đầu vào đá tức khắc bây giờ đây. Ta có thể bị chết do trúng thực, trúng gió, bởi mật, bởi đàm, bởi nghẽn tắt các vi mao tĩnh mạch...tức khắc bây giờ đây!"

Còn nữa, này đại chúng! Như vậy, sự sống vốn rất mong manh và bất lực trước tử thần! Nó gắn liền vào hơi thở, gắn liền với bốn cử động đi đứng nằm ngồi, gắn liền với nóng và lạnh, gắn liền với tứ đại, gắn liền với thức ăn, vật uống.

Thế nào là sự sống được gắn liền hơi thở? Sự sống chỉ được duy trì, được tiếp diễn khi hơi thở vô, hơi thở ra được liên tục và đều đặn. Nếu hơi gió đi vào mà không đi ra hoặc hơi gió đi ra mà không đi vào thì sự chết đã đến gõ cửa.

Thế nào là sự sống được gắn liền với bốn cử động đi, đứng, nằm, ngồi? Sự sống chỉ được duy trì và tiếp diễn khi đi đứng nằm ngồi được vận hành suôn sẻ, trôi chảy; nếu một trong bốn oai nghi ấy bị ngưng đọng, ngưng trệ thì sự sống đã bị tê liệt.

Thế nào là sự sống được gắn liền với nóng và lạnh? Sự sống chỉ được duy trì, tiếp diễn khi thủy hỏa quân bình, đều hòa; nếu cơ thể lạnh quá độ hoặc nóng quá độ thì sự chết đã kề bên lưng.

Thế nào là sự sống được gắn liền với tứ đại? Sự sống chỉ được duy trì và tiếp diễn khi đất, nước, lửa, gió cân phân, đều hòa. Nếu một trong bốn đại rối loạn, tăng thịnh hơn ba đại kia thì sự chết đã được báo hiệu.

Và cuối cùng, tương tự vậy là thức ăn, vật uống. Thức ăn vật uống có thể duy trì sự sống mà cũng có thể hủy diệt sự sống. Ăn uống chừng mực, vừa phải, có tiết độ thì cái thân sẽ vô bệnh, mạnh khỏe; nếu khẩu tạp vô độ, bạ ăn, bậy

uống thì bệnh tật, ốm đau đi liền với cái chết là việc đã từng xảy ra trước mắt cho rất nhiều người.

Này đại chúng! Sự chết vốn không ai có thể tiên lường, suy đoán hay xác định được. Tại sao?

Vì sự chết có năm vô tướng, bất định: "Đấy là thọ mạng vô tướng, bất định; bệnh tật vô tướng, bất định; thời gian vô tướng, bất định; không gian vô tướng, bất định; và thứ năm là số phận vô tướng, bất định!"

Thế nào là thọ mạng không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết là mình sẽ sống bao lâu! Vì có hữu tình chết từ trong thai bào, trong giai đoạn còn một tuần, hai tuần; giai đoạn một tháng, hai tháng hay giai đoạn vừa ra khỏi bụng mẹ. Có người chết lúc mười tuổi, hai mươi tuổi, năm mươi tuổi hoặc sau năm mươi tuổi...

Thế nào là bệnh tật không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết là mình sẽ chết về bệnh này hay chết về bệnh kia? Bị chết về nhiều thứ bệnh hay chết chỉ một, vài bệnh?

Thế nào là thời gian không có tướng và không thể định được? Vì không ai có thể biết mình chết lúc này hay lúc khác? Thời gian này hay thời gian kia? Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều hay buổi tối?

Thế nào là không gian không có tướng và không có thể định được? Vì không ai có thể biết khi mình chết, cái thây sẽ nằm ở chỗ nào, xứ nào, chốn nào, trên giường, trên đất, trong làng, ngoài làng, dưới ruộng, trên núi, trong hang động hay dưới cội cây?

Và cuối cùng, là số phận, chỗ lai sinh cũng không có tướng và cũng không định được như thế! Vì ai là người biết được kẻ chết ở nơi này sẽ sinh lại ở nơi nào? Có người chết cõi người nhưng sau đó hóa sanh cõi trời, sinh lại cõi người hay lưu lạc vào bốn đường khổ? Sự vần xoay, trầm luân, lui

tới ba cõi, sáu đường của các loài hữu tình quả thật là mù mờ, bấp bênh và vô định vậy.

Này đại chúng tỳ-khưu và cận sự nam nữ hai hàng!

Sự chết vô hình, vô ảnh, vô tướng, bấp bênh, vô định như vậy nên mọi người nên hằng suy niệm và quán tưởng về sự chết để lợi lạc và an vui lâu dài cho mình.

Giới hạn đời người là một trăm năm chăng? Có chắc chắn như thế không? Vì sự chết không biết nó sẽ đến thăm viếng lúc nào nên phải thường xuyên thực hành ba nghiệp lành, tốt; lìa xa ba nghiệp xấu ác để chuẩn bị hành trang, tư lương cho mình. Phải thường suy niệm có sanh ắt có tử để tự nhắc nhủ mình tinh cần tích lũy các công đức, các thiện sự như bố thí, trì giới, các công việc lợi tha.

Này đại chúng! Phải thường trực tưởng niệm đời sống ngắn ngủi, bao nhiêu năm không biết hạn kỳ; và sự chết thì luôn hờm sẵn để cắt lìa, đoạn diệt mạng sống của ta. Vậy, có thể nghĩ tưởng về cái chết và tu tập niệm chết trong một ngày, một đêm: "Sau một ngày một đêm, ta sẽ chết, vậy ta phải khéo miên mật chánh niệm, tỉnh giác!" Ai tinh cần thực hành được một ngày, một đêm như vậy là đã làm nhiều, đúng theo yêu cầu của Như Lai, thật đáng khen ngợi.

Có vị khác, người khác có thể nghĩ tưởng về cái chết và tu tập niệm chết trong thời gian chỉ một bữa ăn: "Sau thời gian bữa ăn này ta sẽ chết, vậy ta phải khéo miên mật chánh niệm, tỉnh giác!" Một vị khác:"Đời người không phải giới hạn trong một bữa ăn mà chỉ trong thời gian nhai nuốt bốn năm miếng ăn thôi". Có vị khác:"Đời người chỉ tồn tại một miếng ăn". Một vị khác nữa:"Sự sống chỉ được gói ghém trong một hơi thở vào, một hơi thở ra!" Có vị: "Sự sống chỉ nằm vỏn vẹn chỉ trong một niệm, trong một sát-na thôi!". Những hành giả suy niệm về sự chết như vậy là đã rất miên mật, rất tinh cần; những tạp niệm tham sân, bụi bặm phiền não không có cơ hội len thấm vào tâm vị ấy.

Này đại chúng! Cuối cùng, người suy niệm, quán tưởng sự chết chỉ trong một niệm, trong một sát-na là cao tột, là cùng tận, là đúng với chân lý, là hợp với tuệ trí đệ nhất nghĩa. Tại sao vậy? Như cái bánh xe, khi lăn nó chỉ tiếp đất ở một điểm và khi dừng, nó cũng chỉ dừng trên một điểm. Sự sống của tất thảy chúng sanh, chúng chỉ sống, chỉ hiện tồn, chỉ có mặt khi lục căn giao tiếp với lục trần trong mọi diễn tiến duyên khởi đang là. Nói là sáu (lục căn) nhưng luôn luôn chỉ có một; chỉ có một căn vận hành, giao tiếp; rồi qua từng sát-na, từng tiểu sát-na chúng chuyển đổi cho nhau rất vi tế, rất nhanh nhạy. Và trong sự giao tiếp đang là của một căn ấy, cũng chỉ có một điểm giao tiếp với thực tại đang là như bánh xe tiếp đất kia vậy. Nói cách khác, đời sống của chúng sanh chỉ kéo dài trong một niệm, một sát-na; sau một niệm, một sát-na ấy là chấm dứt sự sống. Một niệm, một sát-na sống; một niệm, một sát-na chết và cứ thế tiếp diễn sống, chết, sống, chết trùng trùng vô cùng tận! Nếu lập ngôn một cách cô đọng thì: "Trong một sát-na quá khứ khi nó sống thì nó không có mặt trong hiện tại, không có mặt trong vị lai. Trong một sát-na khi nó sống trong hiện tại thì nó không có mặt trong quá khứ, không có mặt trong vị lai. Trong một sát-na khi nó sống trong vị lai thì nó không có mặt trong hiện tại, không có mặt trong quá khứ!"

Giảng đến ngang đây, đức Phật lại cảm hứng ngữ thốt lên một bài kệ thơ nữa:

"- Ôi! Sự sống của một hữu tình
Sự sống ấy là gì?
Là khổ, là lạc, là hỷ,
Là ưu, là ai, là hoạn?
Là ái, là ố, là sầu,
Là thương, là bi, là hận?
Tất cả đấy, chúng tồn tại ở đâu?
Chúng có mặt ở không, thời, gian nào?

Trú xứ nào? Chỗ nào?
Sự thật là nó chỉ sống
Trong một niệm thoáng qua
Cái gọi là sắc thọ tưởng hành thức uẩn ấy
Của người đã chết
Hay của người đang sống
Đều giống nhau
Đều một đi không trở lại
Không có thế giới sanh
Nếu ý thức không sanh
Không có thế giới diệt
Nếu ý thức không diệt
Thế giới chỉ hiện tồn
Khi ý thức có mặt
Thế giới là hoại diệt
Khi ý thức tan rã
Theo với nghĩa tuyệt đối,
Theo với đệ nhất nghĩa
Sinh tử là như thế
Bất sanh, bất tử là như thế!"

Vậy này đại chúng! Những cách quán niệm về sự chết như vậy; tinh cần, miên mật trong một ngày, một đêm; trong một bữa ăn; trong bốn năm miếng nhai nuốt; trong một miếng ăn; trong một hơi thở vào ra hay trong một niệm thì tất thảy mọi triền cái[1] đều được áp đảo, những thiền chi[2] sẽ xuất hiện, vị ấy sẽ đạt cận hành định. Cận hành định này là do "tử tưởng"[3] phát sanh.

Tưởng niệm về sự chết phải luôn tinh cần, vị ấy sẽ không tham luyến đối với bất cứ sự hiện hữu nào, không bám víu vào một đối tượng nào trong đời sống, không trách

(1) Hôn trầm - thụy miên, nghi, sân, trạo cử, dục.
(2) Tầm, tứ, phỉ, lạc, cận hành
(3) Suy tưởng, niệm tưởng về sự chết.

cứ ác pháp nào, không tích chứa một sở hữu nào, không bị cấu uế của lòng tham trong bốn món vật dụng. Từng sát-na trôi qua, sinh và diệt trôi qua, liên miên bất tận không có điểm dừng nơi sắc pháp, nơi cảm thọ, nơi tri giác, nơi tâm hành, nơi nhận thức; nhờ vậy, tướng vô thường dần dần lộ rõ trong tuệ nhãn vị ấy. Và khi tướng vô thường xuất hiện thì tướng về khổ và vô ngã cũng đồng thời xuất hiện; vị ấy thấy rõ tam tướng, đi vào lộ trình tâm thánh đạo.

Trong khi một người chưa tu tập niệm chết thì thường bị bất an, bối rối, hãi hùng, kinh sợ vào lúc lâm chung như thể thình lình bị dã thú vồ chụp, như bất chợt bị ma quỷ đón bắt, như bị rắn mổ, như bị kẻ cướp trấn lột hay như bị kẻ sát nhân bức hại thì người có tu tập niệm chết, ngược lại, được ra đi an lành, không vọng tưởng, hoang tưởng, được chánh niệm tỉnh giác, hoàn toàn tự chủ và vô úy. Nếu chưa đặt được bàn chân trên mảnh đất bất tử do thấy rõ tam tướng, chưa đi vào được cận hành định như ý muốn thì khi thân hoại mạng chung, vị ấy cũng sẽ hóa sanh vào cảnh giới an vui hạnh phúc của cõi người hoặc cõi trời.

"- Ai trên đời có trí
Tinh cần, tỉnh giác luôn
Hằng tu tập niệm chết
Có lợi lạc phi thường!
Ai có duyên niệm chết
Một ngày hoặc một đêm
Một bữa ăn, miếng ăn
Một hơi thở, một niệm
Người ấy đã thách đấu
Với ác ma, thần chết
Kiên cường không sợ hãi
Người ấy là bất tử
Người ấy là vô sanh
Đạt an vui tối thượng!"

Bài pháp hiên ngang, hào hùng của đức Phật hôm ấy như tuyến chiến với hư vô, coi thường hư vô, bước ra khỏi hư vô đã giúp cho không biết bao nhiêu người thấy rõ bộ mặt thật của sự chết; đồng thời biết đâu là sanh tử trong một niệm, biết đâu là vô sanh bất tử cũng trong một niệm; một số trong họ đi vào vài quả thánh đầu tiên.

Đặc biệt, trong hội chúng hôm ấy có một cô gái mười sáu tuổi con người thợ dệt[1] đã bừng bừng hỷ hoan trên khuôn mặt; và cô tự hứa với lòng là sẽ tu tập niệm chết này từ khoảnh khắc này, sẽ không dám biếng lười, dể duôi, giải đãi...

[1] Xem câu chuyện trong chú giải Dhammapada. iii. 170f.

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BẢY
(Năm 571 trước TL)

Cái Lõi Cây

Thế là đức Phật và đại chúng ở tại thành phố Āḷavī cho hết mùa an cư, có sự hộ độ chu đáo của đức vua, triều đình, hai hàng cư sĩ cũng như dân chúng! Sau mùa mưa, tiết trời khô ráo, đức vua dâng cúng một vườn rừng xinh đẹp rồi xây dựng rất nhiều liêu thất bằng đá và gỗ dành cho đức Phật và tăng chúng, như là một công trình tri ân vậy.

Vào cuối mùa đông, đức Phật chỉ định một vài vị trưởng lão và đại chúng ở lại Āḷavī, còn ngài cùng một số trưởng lão khác lại ra đi, lần này cũng thẳng xuống phía nam, qua sông Gaṅgā, thăm viếng thành phố Bārāṇasī. Rời quê hương của tôn giả Yasa thuở nào, đức Phật và chư trưởng lão lại sang sông, đi dọc bờ bắc, ghé Vườn Nai rồi trú lại ở đây một thời gian. Cứ mỗi nơi như vậy, đức Phật lại sách tấn chư tăng ni và hai hàng cư sĩ trong đời sống tu tập.

Ra xuân, đức Phật lại lên đường nữa, ngài ghé Uruveḷā, thăm cội cây bồ-đề, thăm ngôi làng Seṇāni của gia đình bà Sujātā dâng mâm cơm sữa. Thế là mãi đến đầu mùa hạ, đức Phật và đại chư vị trưởng lão mới về đến Trúc Lâm tịnh xá. Mấy ngày đầu tiên, sau khi tiếp chư tăng ni tại Rājagaha và vùng phụ cận, đức Phật tuyên bố là ngài cần nghỉ ngơi trong

hương phòng một thời gian, chư vị trưởng lão tùy nghi trong mọi sinh hoạt.

Trong lúc đức Phật nhập thất, tôn giả Sāriputta nhờ tôn giả Moggalāna chăm sóc hội chúng, còn ngài cũng muốn tĩnh cư, an nghỉ để di dưỡng sức khỏe.

Đức vua Bimbisāra nghe tin đức Phật đã trở về Rājagaha, vui mừng quá, ông tự nghĩ: "Ước chừng đã năm năm qua rồi, đức Thế Tôn mới trở lại Trúc Lâm.! Ôi! Thời gian đi qua nhanh quá! Nay ta cũng đã bốn mươi bảy tuổi rồi, sinh lực không được như xưa nữa. Còn đức Thế Tôn năm nay đã năm mươi hai, không biết bây giờ sức khỏe của ngài ra sao? Đợi sau khi đức Phật nhập thất xong, ta phải đi thăm ngài ngay mới được! Năm nay, ta sẽ thỉnh đức Tôn Sư an cư mùa mưa ở đây để đem đến sự an lành cho quốc độ" .

Thế rồi, đợi chờ bảy ngày qua đi, đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi, thái tử Ajātasattu, năm ấy đã hai mươi hai tuổi cùng một số quan đại thần lên xe ngựa đến Trúc Lâm tịnh xá.

Đức Phật tiếp chuyện đức vua, hỏi thăm tình hình quốc độ cùng đời sống của muôn dân, sau đó sách tấn đức vua và triều đình tu tập theo giáo pháp. Đức Phật đặc biệt nhắc nhở đức vua, nước phải lấy dân làm gốc, hãy chăm bón gốc thì cây cành mới xanh tốt, hoa trái mới thắm tươi. Ngoài ra, muôn dân phải được nương tựa nơi những vị quan thanh liêm của triều đình; triều đình phải được nương tựa nơi một đức vua tốt, một đấng minh quân. Tất cả đấy là điều kiện cần và đủ cho an vui và hạnh phúc của một quốc độ.

Để kết luận, đức Phật nói rằng, giáo pháp của Như Lai cũng tương tự thân cây vậy. Một cái cây thì có thân cây, cành nhánh, lá hoa và trái; thân cây thì có gốc, có ngọn, có vỏ ngoài, vỏ trong, phần thịt, phần xương và phần lõi. Công danh, lợi lộc trên đời này là cành và lá; vỏ ngoài, vỏ trong là giới; phần thịt, phần xương là định; hoa và trái là năm phép

thần thông; và cái lõi cây, phần tinh túy là đạo quả A-la-hán vậy!

Nghe xong thời pháp, đức vua và hoàng hậu cung thỉnh để được đặt bát cúng dường bảy ngày đến đức Phật và tăng chúng. Và cũng để biểu tỏ sự hoan hỷ ở trong lòng, muốn chia sẻ với mọi người, vị vua thánh đệ tử hiền thiện này, tức khắc họp triều đình, ban lệnh khoan giảm tất thảy mọi án tù; đồng thời, trích của công, tổ chức hội hè cho dân chúng ăn uống, vui chơi trong suốt bảy ngày như thế. Đức vua muốn "chăm bón cái gốc là muôn dân" như ý nghĩa bài thuyết pháp của đức Phật.

Tin được loan ra, dân chúng tưng bừng mừng vui tán thán ca ngợi đức vua nhân đức không hết lời.

Đất Hoá Vàng

Cuối canh ba hôm ấy, sau khi xả diệt thọ tưởng định bảy ngày, tôn giả Sāriputta đưa võng lưới quan sát khắp kinh thành và vùng phụ cận xem thử ai có nhân duyên để tế độ thì ngài thấy biết một việc.

Tại ngoại ô kinh thành Rājagaha, có một người nông dân nghèo tên là Puṇṇaka sinh sống bằng nghề làm thuê cho trưởng giả Sumana. Ông có một người vợ và một cô con gái đã lớn tên là Uttarā, đều là nô tỳ trong gia đình của trưởng giả.

Hôm đức vua Bimbisāra cho tổ chức lễ hội vui chơi bảy ngày, ông Puṇṇaka hỏi vợ:

- Mọi người đều được nghỉ làm, còn tôi hôm nay thì sao bà nó ơi? Đi làm hay không đi làm?

Bà vợ suy nghĩ một chút rồi nói:

- Chẳng có ông chủ nào muốn cho kẻ ăn người ở nghỉ việc cả!

- Vậy tôi phải đi cày như thường lệ hay sao?

- Ông hãy lắng nghe cách nói của ông chủ, khi ấy mới biết "nên" đi làm hay "không nên" đi làm!

Ông chồng vốn chậm hiểu nên ngạc nhiên hỏi:

- Ông chủ có thể có cách nói như thế nào, bà nó nhẽ?

- Ông hãy nhớ cho kỹ đây! Bà vợ khôn ngoan căn dặn - Nếu ông chủ nói: "Hôm nay khắp nơi đức vua cho mọi người nghỉ việc cả, nhà ta cũng vậy, con ạ!" Khi ông ta nói vậy là nói thật lòng nên ông sẽ cảm ơn ông chủ rồi nghỉ việc. Nếu ông chủ nói: "Hôm nay mọi người đều nghỉ việc cả, còn ông nghỉ hay làm?" Khi nói với nghĩa hàng hai như thế là ông chủ không muốn chàng nghỉ việc, lúc ấy chàng sẽ nói:"Thưa chủ, nghỉ lễ dành cho người giàu, con là phận nô lệ, phải biết giúp ích cho chủ chứ!" Trả lời thế là ông chủ sẽ hài lòng, và chàng cứ đi cày như thường lệ!

Người nông dân Puṇṇaka nghèo khổ và chất phát ghi nhớ đinh ninh lời vợ dạy, đến gặp ông chủ; và câu hỏi đáp giữa hai người y chang như bà vợ đã tiên tri, nghĩa là ông chủ hỏi chàng muốn làm hay nghỉ!

Puṇṇaka về kể chuyện lại cho vợ hay rồi nói:

- Bà giỏi quá! Như ở trong bụng của ông chủ vậy!

- Khen nhau mà làm chi! Không khó gì mà không hiểu tâm địa của người giàu, đã giàu rồi họ còn muốn giàu hơn nữa. Thôi đi đi, tôi cũng sẽ chuẩn bị phần ăn trưa cho ông đây.

Puṇṇaka ngoan ngoãn "tuân lệnh" vợ, chọn một cặp bò mạnh khỏe rồi vác cày ra đồng.

Tôn giả Sāriputta thấy vậy, nghĩ bụng:"Ta sẽ cho phước đến người nông dân chất phát này đây! Hóa ra ông ta có duyên với mình. Nhưng không biết có đầy đủ đức tin để dâng cúng vật thực không? Ồ, hóa ra là có! Mà là đức tin bất động rất mãnh liệt là khác! Rồi sao nữa? Ồ, thật là hy hữu! Ông ta sẽ có quả báo hiện tiền, hưởng được gia tài lớn, có địa vị, có danh vọng! Và từ đó rất lợi lạc cho cả cô con gái Uttarā, lợi lạc cho giáo pháp nữa!"

Thế rồi, tôn giả Sāriputta đắp y, mang bát, bộ hành ra phía ngoại ô, đi thẳng đến đám ruộng cày của người nông dân nghèo thì trời cũng đã khá trưa. Đến nơi, dừng chân sát

bờ ruộng, tôn giả ôm bát và đứng nhìn vào một khóm tre, cốt ý xem thử thái độ, cung cách xử sự của Puṇṇaka ra sao!

Thấy tôn giả, người nông dân phát tâm tịnh tín, bỏ cày, đến đảnh lễ năm vóc sát đất rồi tự nhủ:"Vị sa-môn dáng dấp cao sang và quý phái này không nói, không rằng, chỉ đứng nhìn vào bụi tre; có nghĩa là ngài cần tăm tre chăng? Tăm tre thì mình có sẵn đây!"

Puṇṇaka bèn đem dâng tăm xỉa răng!

Mỉm cười, tôn giả trao đãy lược nước và bình bát xem thử ông ta làm sao. Puṇṇaka tự nhủ:"Ngài cần nước uống chăng? Ồ, nước uống thì ta cũng có sẵn đây!" Rồi lấy đãy lược nước, lược nước đầy bát rồi đem dâng cho tôn giả!

Tôn giả bèn uống nước tại chỗ rồi rời chân đi, tự nghĩ: "Đấy là xong phần việc của ông chồng! Ông ta chỉ có tăm xỉa răng và nước lã nhưng đã cúng dường với cái tâm vô cùng trân trọng và thanh khiết! Còn bà vợ? Bây giờ, ta sẽ đến đứng và đợi ở một lối rẽ nơi con đường mà bà ta sẽ mang thức ăn trưa cho chồng".

Và quả thật vậy, tôn giả Sāriputta ôm bát đứng đợi một lát ở đầu con đường ruộng thì thấy bóng dáng bà vợ của Puṇṇaka hối hả đi ra.

Thấy một vị sa-môn y bát trang nghiêm, uy nghi, vầng trán sáng như tỏa hào quang, bà vợ chàng Puṇṇaka phát khởi đức tin trong sạch, tự nghĩ: "Khi mình có vật thực cúng dường thì không thấy một vị sa-môn nào cả! Khi mình không có cái gì dâng cúng thì lại gặp các vị sa-môn! Lần nào cũng thiếu duyên. Hôm nay, hy hữu thay, mình có vật thực lại được gặp một vị sa-môn tướng hảo quang minh dường kia! Thật là đại duyên, đại phước cho mình!"

Nghĩ thế xong, bà vợ Puṇṇaka đặt giỏ thức ăn xuống, đến quỳ năm vóc sát đất rất mực cung kính rồi thưa:

- Xin cho kẻ tôi tớ hèn mọn này được thành tâm cúng dường; và cũng xin ngài đừng nghĩ đến vật thực thô xấu của

kẻ nô lệ. Đây là tấm lòng của chúng con và xin ngài phúc chúc cho chúng con!

Tôn giả đưa bát ra. Bà sớt cơm và thức ăn vào bát. Được phân nửa, tôn giả lấy tay ngăn bát lại:

- Thôi đủ rồi!

Người vợ thưa:

- Một phần ăn không thể chia hai. Xin ngài hãy thọ nhận hết để phước báu nâng đỡ chúng con đời này và đời sau.

Bà lại sớt hết phần cơm.

Tôn giả hỏi:

- Bà có ước nguyện gì?

- Con chỉ muốn được dự vào hương vị của pháp mà ngài đã chứng nghiệm và đã sống!

- Thí chủ sẽ được như ý nguyện.

Xong, tôn giả đọc một câu phúc chúc và ngồi xuống một nơi mát, sạch, thọ trai.

Người vợ nông phu về nhà nấu cơm khác.

Puṇṇaka đã cày hết nửa mẫu đất, đói bụng quá bỏ cày, ngồi xuống gốc cây trông chừng về phía đường. Khi người vợ mang cơm đến, thấy chồng ngồi trông, bà nghĩ: "Chắc ông ấy bị đói dữ lắm! Có lẽ ông đang đợi ta kìa, ông sẽ trách ta đến trễ, sẽ lấy gậy đập ta, khiến cho việc ta vừa làm không có kết quả, chi bằng ta nói rõ lý do trước".

Và bà nói to lên:

- Mình ạ, hãy kiên nhẫn một chút và đừng làm mất hết thành quả hữu ích của việc tôi mới làm. Số là, hồi gần trưa, tôi đem phần ăn cho mình, may mắn gặp được một vị sa-môn và tôi đã cúng dường hết. Do phải về nhà nấu cơm khác nên đã quá trưa. Mình thông cảm cho tôi nhé?

Puṇṇaka do đói bụng, mệt, nghe loáng thoáng... phần ăn... cúng dường... gì gì đó, nên hỏi lại:

- Bà nói rõ lại đi?

Sau khi nghe rõ chuyện, Puṇṇaka mặt mày hớn hở, khen vợ:

- Giỏi quá! Bà nó đã làm được một việc tốt khi dâng phần ăn của tôi cho vị sa-môn. Tôi cũng đã đem tăm và nước uống dâng đến cho vị ấy sáng nay. Tôi cũng đã biết cúng dường chút chút đó.

Bà vợ nghe được vậy, khoan khoái thở một hơi dài nhẹ nhõm. Khi bà ngồi xếp bằng xuống chuẩn bị dọn thức ăn ra ra bãi cỏ, thì Puṇṇaka do quá mệt nên đã gối đầu lên bắp vế của bà, thiu thiu ngủ. Thấy vậy, thương chồng, không nỡ đánh thức, bà ngồi yên lặng mà cảm giác một hạnh phúc tuôn tràn.

Bấy giờ, tất cả đất được cày lên từ sáng đều biến thành vàng, sáng lấp lánh như hoa Kanikāra.

Puṇṇaka thức giấc, chợt nhìn thửa ruộng vàng sáng một cách lạ lùng, ngồi dậy, nói với vợ:

- Bà nó xem kìa! Dường như đất đã biến thành vàng? Hay là tôi bị chóa mắt vì đã nhịn cơm trưa nay?

Bà vợ cũng ngạc nhiên, chăm chú nhìn:

- Hình như tôi cũng thấy nó là vàng đấy!

Puṇṇaka đứng dậy, bước xuống ruộng lượm một miếng đất đập thử lên cán cày và thấy nó là vàng. Ông kêu lên thảng thốt:

- Ôi! Vàng thật rồi! Chúng ta cúng dường vị sa-môn kia, và phước báo đến ngay ngày hôm nay tức khắc! Bây giờ, kinh khiếp là vàng như thế này, chúng ta làm sao đây?

Bà vợ bước đến, nắm một cục vàng trong tay, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Chúng ta là hạng tôi tớ nghèo nàn, nếu sử dụng vàng này là mang họa đó!

- Hay là ta về trình lại với chủ?

Bà vợ lắc đầu:

- Không! Ông chủ rất tham lam! Còn ích kỷ, bỏn xẻn, keo kiệt nữa. Cả đời chỉ biết thu vô, chưa biết cho ra. Chưa hề biết đến việc nghĩa, và cũng chưa cho ai một xu, một cắc; không xứng đáng để chúng ta tin tưởng. Tốt nhất là nên đến trình đức vua để ngài xử lý! Đức vua là đấng minh quân, hiền thiện, là đệ tử của đức Phật. Ngài nổi tiếng biết cúng dường đến đức Phật và tăng chúng, lại còn biết chăm lo an vui và hạnh phúc đến cho muôn dân. Vậy, chỉ có đức vua mới biết sử dụng hữu ích cả cái ruộng vàng này!

Puṇṇaka gật đầu lia lịa:

- Phải! Phải! Bà nó luôn luôn khôn ngoan và sáng suốt hơn tôi!

Thế rồi, cả hai người hối hả ăn vội miếng cơm rồi cùng nhau chất vàng vào đầy giỏ thức ăn. Sau đó, bà vợ vác cày, dẫn bò về nhà, còn Puṇṇaka mang giỏ vàng hỏi thăm đường đến cung vua.

Sau năm lần bảy lượt năn nỉ xin với lính gác, năn nỉ trình với các quan, Puṇṇaka cũng được gặp vua. Ông lấy tất cả vàng trong giỏ ra cho vua thấy rồi nói:

- Tâu đại vương! Hôm nay do vợ chồng con cúng dường vật thực, tăm xỉa răng và nước uống cho một vị sa-môn; sau đó, lạ lùng làm sao là tất cả đất con cày đều biến thành vàng. Đây là một số ít trong đám ruộng vàng ấy! Con đem trình cho đại vương hay!

Đức vua Bimbisāra đưa mắt nhìn vàng - vàng mười láng mịn - thò tay lấy một cục, ngắm nghía rồi lại quay sang nhìn người nông dân, ngài nói:

- Vàng là vàng thật! Chuyện xảy ra cả ruộng vàng, chắc cũng không phải giả! Nhưng sao ngươi không giấu vàng ấy đi để tiêu xài, không nói lại với ông chủ, lại đem trình báo chuyện ấy với ta?

- Thưa, vợ con nói, ông chủ con tham lam, keo kiệt! Còn đức vua là một đấng minh quân, biết cúng dường đức Phật

và tăng chúng, biết lo cho an vui và hạnh phúc của muôn dân.

Đức vua cười cười:

- Vợ ngươi nói thật như thế à?

- Thưa vâng! Chúng con chưa hề biết nói dối!

Đức vua lại hỏi:

- Ngươi tên gì?

- Con tên Puṇṇaka.

- Chủ của ngươi là vị nào?

- Thưa, ổng là triệu phú Sumana!

- Ồ, đúng là triệu phú đấy! Đúng là tên của ông trưởng giả keo kiệt rồi!

Nhà vua lại hỏi:

- Vị sa-môn mà vợ chồng ngươi cúng dường, tướng mạo ra sao, có thể tả lại cho ta nghe được không?

Puṇṇaka cố gắng hình dung tuổi tác, tướng mạo và phong cách rồi tả lại... Đức vua thốt lên:

- Với phước báu hiện tiền, với cốt cách như ngươi diễn tả thì đúng vị ấy là tôn giả Sāriputta, đại đệ tử của đức Tôn Sư rồi! Chỉ có tôn giả ấy, sau bảy ngày tĩnh cư diệt thọ tưởng định mới cho được kết quả phước báu lạ lùng và hy hữu đến cho ngươi như vậy đó!

Nghĩ ngợi một chút, vua nói tiếp:

- Phước ấy là của ngươi! Vậy ngươi tính sao với cái ruộng vàng ấy?

- Đại vương hãy cho chừng một trăm chiếc xe ngựa kéo đến chở vàng ấy về kho của triều đình. Chỉ có đức vua mới sử dụng hữu ích đống vàng ấy, vợ con nói như vậy!

Đức vua Bimbisāra, vốn là một vị thánh nhập lưu, ngài đâu phải là ông vua thấy vàng là sáng mắt? Tuy nhiên, ở đây là đức tin, ngài tin cái phước báu huyền diệu của chàng nông dân; nên đã tức tốc sai sắm xe ngựa, do Puṇṇaka dẫn đường

cùng với quân binh rộn ràng một trăm xe ngựa kéo để đi chở vàng về!

Dừng tại bờ ruộng. Vàng sáng cả một góc trời. Quân lính mở tròn mắt, chạy đến nhặt vàng, thấy vàng thiệt, chúng la lên:

- Ôi! Vàng là vàng! Vàng của đức vua! Vàng của đức vua!

Lạ lùng làm sao! Khi chúng đồng la hét rầm trời như vậy:"Vàng của đức vua! Vàng của đức vua!"... thì cả một ruộng vàng chợt sẫm tối lại, nó vốn là đất cục hoàn lại đất cục!

Đức vua Bimbisāra vốn là bậc trí tuệ, ngài hiểu chuyện gì xảy ra nên mỉm cười bảo quân lính:

- Ta là ai mà lại có được cái ruộng vàng ấy! Nó là của gia đình Puṇṇaka! Vậy, các ngươi hãy hô to như thế này: "Ôi! Vàng! Ôi! Vàng! Vàng của gia đình Puṇṇaka! Vàng của gia đình Puṇṇaka!"

Và khi quân lính hô lại như vậy thì ruộng đất biến trở lại thành ruộng vàng như cũ. Thế rồi, một trăm xe bò kéo chở vàng về triều, đổ đầy cả một sân lớn trong cung điện, cao đến tám mươi cubit!

Nhà vua cho vời các thị dân đến và hỏi:

- Có ai trong chư vị, trong các bậc triệu phú có nhiều vàng như thế này chăng?

- Tâu đại vương, không có, không thể có!

Đức vua kể tóm tắt lý do có được đống vàng rồi kết luận:

- Như vậy, vàng này có được là do phước báu cúng dường với tâm tịnh tín và trong sạch của gia đình Puṇṇaka lên tôn giả Sāriputta. Vậy, hôm nay ta tuyên bố nó là sở hữu của gia đình Puṇṇaka!

Mọi người đồng tán thán:

- Đức vua anh minh!

- Đức vua liêm khiết!

- Tấm lòng đức vua trong sáng như mặt trời, mặt trăng!

Đức vua khoác tay, nói lớn:

- Thôi đủ rồi! Tài sản của các vị triệu phú cũng là tài sản của quốc độ. Hôm nay, kinh đô Māgadha của chúng ta có thêm một vị triệu phú, đấy là điều đáng mừng! Vậy, theo ý chư vị thì trẫm nên tặng cho Puṇṇaka cái gì đây?

Một vị đại thần nói:

- Chiếc lọng báu, tâu đại vương! Chiếc lọng báu là trân quý nhất!

- Vậy còn danh xưng? Trẫm sẽ cho Puṇṇaka cái tên gọi nào cho xứng hợp?

- Là trưởng giả đại phú gia (Bahudhana), tâu đại vương!

- Được rồi! Đúng rồi! "Trưởng giả Puṇṇaka đại phú gia"! Từ nay, cứ như vậy mà gọi!

Đức vua phán thế xong, quay sang Puṇṇaka, ngài nói tiếp:

- Ta là đệ tử đức Thế Tôn! Phước báu hiện tiền của ngươi có được cũng do uy lực bất khả tư nghị của tôn giả Sāriputta! Vậy, chúng ta đều là đệ tử Tam Bảo. Ngươi phải biết sử dụng tài sản cho sự an vui của gia đình, an vui cho những người xung quanh rồi cùng nhau làm một vị hộ trì giáo pháp. Phía ngoài cung điện có một biệt phủ bỏ trống, ta tặng luôn cho gia đình ngươi, hãy chuyển về đó mà sinh sống. Ta cũng tặng thêm cho ngươi mười gia nhân biết việc, mươi đầy tớ trai, mười đầy tớ gái để chăm sóc, quản lý gia sản cùng mọi công việc phát sanh.

Puṇṇaka chỉ biết cúi đầu lạy tạ, mắt lệ rưng rưng, tri ân khôn xiết:

- Con xin ghi khắc vào tấm lòng! Con nguyện sẽ làm một công dân tốt dưới chân bệ hạ!

Đức vua Bimbisāra mỉm cười hài lòng, nói nhỏ trong tâm rằng: "Cách xử sự quang minh chính đại, cùng với cái

tâm quảng đại, bao dung như thế này, đệ tử cũng học được từ giáo pháp vô thượng, bạch đức Đạo Sư tôn kính!”

Tấm Lòng
Của Cô Gái Uttarā

Suốt gần nửa tháng, vợ chồng Puṇṇaka và con gái Uttarā dọn về nhà mới là một biệt phủ sang trọng; may nhờ có gia nhân, tôi trai, tớ gái giúp việc, đâu đó trong ngoài đã khang trang, sạch sẽ, ngăn nắp. Từ một thân phận nô lệ, bây giờ họ là gia đình đại phú, mở mắt ra là giàu sang nhất kinh thành, dù có nằm trong mộng cũng không có được sự đổi đời như thế.

Việc đầu tiên hai vợ chồng bàn nhau là phải biết tri ân Tam Bảo nên họ đến tịnh xá Trúc Lâm, thỉnh đức Phật, hai vị đại đệ tử cùng chư tăng để họ được đặt bát cúng dường trong bảy ngày tại tư gia. Đồng thời cũng là cơ hội để họ khánh thành tòa biệt phủ, ra mắt với mọi người, mọi giới trong kinh thành.

Cuộc lễ lớn quá, họ phải thuê mướn tất cả từ tổ chức, lều trại, trang hoàng, nấu ăn, bưng dọn cùng trăm việc linh tinh khác. Bà Puṇṇaka và con gái Uttarā tuy tháo vát, đảm đương nhưng họ chỉ chăm lo cẩn thận, chu đáo phần việc cúng dường đức Phật và chư tăng mà thôi.

Cứ mỗi ngày, mỗi buổi như vậy, đức Phật và hai vị đại đệ tử lại thay nhau thuyết pháp đến cho gia đình và quan

khách. Đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi cùng triều đình cũng đến tham dự buổi đầu tiên, là một vinh hạnh lớn cho gia chủ.

Hôm gặp lại tôn giả Sāriputta, vị sa-môn thù thắng cho họ có được ngày hôm nay, cả gia đình quỳ mọp xuống ôm chân bụi của ngài mà nước mắt ràn rụa, ngài phải phủ dụ:

- Nhân nào quả nấy! Cả gia đình đã có duyên lành từ kiếp trước chứ ta nào có tài cán gì, uy lực gì đâu! Hãy sống vì mọi người, vì an vui và hạnh phúc cho phần đông!

Trong bảy ngày đặt bát, có một thời pháp của đức Phật đã giúp cho hai vợ chồng Puṇṇaka, cô con gái Uttarā đều được chứng quả Dự Lưu! Từ đó, cả vợ chồng và cô con gái không ngày nào là không cúng dường thức này vật nọ đến chư tăng tịnh xá Trúc Lâm. Và hễ có cơ hội là họ lại cùng nhau đi nghe pháp, do đó, càng ngày họ càng khắng khít với đức tin Tam Bảo.

Trưởng giả Sumana thấy gia đình nô lệ Puṇṇaka, bây giờ với tài sản lớn, danh vọng lớn hơn cả mình nên cho người đến dạm hỏi cô con gái cho con trai của mình nhưng bị khước từ. Không hiểu lý do, trưởng giả Sumana đích thân tìm đến hỏi. Đại phú gia Puṇṇaka tiếp đón "chủ cũ" của mình thật đàng hoàng, lịch sự nhưng khi đề cập đến chuyện cầu hôn thì ông bảo:

- Xin lỗi! Con gái tôi theo đức Phật, có đức tin với Tam Bảo; con trai ông theo ngoại đạo, chẳng có đức tin chơn chánh, tôi không thể gã được!

Trưởng giả Sumana năn nỉ:

- Chúng ta dù sao cũng đã từng quen biết nhau mà! Đừng cạn tàu, ráo máng như thế! Được con gái ông làm vợ, con trai tôi biết đâu nó sẽ khá hơn, tốt hơn!

Đại phú gia Puṇṇaka khăng khăng không chịu. Sau, do lời khuyên của nhiều nhà quyền chức, vọng tộc, phú hào đã khuyên Puṇṇaka đừng làm mất tình thân của trưởng giả kia.

Cuối cùng, Puṇṇaka nhận lời, vào ngày trăng tròn tháng Asalhi, gả Uttarā cho con trai trưởng giả Sumana là chủ cũ của mình.

Từ khi về nhà chồng, Uttarā không có dịp gặp gỡ chư vị tỳ-khưu Tăng ni, hoặc cúng dường hoặc nghe pháp tại tịnh xá Trúc Lâm nữa. Hôm kia, nàng Uttarā hỏi người hầu:

- Mùa an cư còn bao lâu?

- Thưa phu nhân, nửa tháng nữa.

Uttarā nhắn tin về cha nàng: "Tại sao cha mẹ lại để cho họ nhốt con trong cái nhà 'vô phước' này vậy? Thà là cha mẹ đánh con, chửi con còn hơn là gả con cho một gia đình ngoại đạo như thế này. Từ ngày về đây, con không được gặp đức Phật, hai vị thượng thủ giáo hội, chư vị trưởng lão, cho chí một vị tỳ-khưu Tăng ni gì đó cũng không thấy mặt! Ôi! Một chút công đức nhỏ cũng không làm được thì cuộc sống làm người có ý nghĩa, giá trị gì nữa?"

Cha mẹ nàng được tin, buồn bã nói với nhau rằng:

- Ôi! Con gái ta bất hạnh quá!

Rồi cả hai tính kế. Sau đó, ông bà Puṇṇaka gởi cho con gái mười lăm ngàn đồng tiền vàng, kèm theo lời dặn dò: "Trong kinh đô Rājagaha này có cô kỹ nữ tên là Sirimā, nổi tiếng là một mỹ nhân trong thiên hạ; ai ở với cô ta một đêm phải bỏ ra một ngàn đồng tiền vàng, không thừa không thiếu. Thế mà các vương tôn công tử phú gia tranh giành nhau đấy! Vậy, với số tiền này, con mời cô ấy về cho chồng con để thay thế con. Và con sẽ có được thời gian mười lăm hôm để đi làm phước, cúng dường, nghe pháp tùy thích!"

Vui mừng khôn xiết, nàng Uttarā cho mời kỹ nữ Sirimā đến, với lời dịu dàng, đề nghị làm bạn với chồng mình mười lăm hôm, với số tiền mười lăm ngàn đồng tiền vàng đưa trao ngay tận tay.

Sirimā tức thì ưng thuận, mà chồng của nàng Uttarā cũng vì say mê nhan sắc của cô kỹ nữ nên mau mắn đồng ý, hài lòng để Uttarā tự do như ý.

Như chim được sổ lồng, nàng Uttarā đi thỉnh ngay đức Phật cùng chư vị trưởng lão để đặt bát tại tư gia nửa tháng cuối cùng trong mùa an cư.

Được đức Phật nhận lời, nàng vô cùng vui sướng nghĩ thầm: "Từ ngày mai trở đi cho đến ngày mãn hạ, ta không còn bị ràng buộc gì với ông chồng và công việc gia đình chồng nữa. Hãy để tâm vào việc sắp đặt bánh trái cơm nước cho được chu đáo!" Thế rồi nàng đích thân tính toán các loại thực phẩm, món ngọt, món mặn thượng vị cứng mềm đâu đó rồi cùng với các nữ tỳ đi chợ, vào bếp, chăm lo từ việc nhỏ đến việc lớn. Muốn cho việc đặt bát cúng dường được thành tựu tốt đẹp, nàng luôn nở nụ cười, thái độ dịu dàng, mềm mỏng khi chỉ bày công việc; và nàng lại còn vui vẻ ban thưởng tiền bạc cho những người phụ việc, kẻ làm công, tôi trai tớ gái nên ai cũng hoan hỷ, ai cũng thương kính cô chủ tốt bụng.

Đức Phật chỉ tham dự một hôm, sau đó là tôn giả Sāriputta, đôi khi thay thế bằng tôn giả Moggallāna hay tôn giả Ānanda dẫn đầu hội chúng. Và các thời pháp cũng thay đổi như thế.

Vậy là ngày nào nàng cũng được như ý, ngày nào nàng cũng mãn nguyện. Và thời pháp nào nàng cũng chăm chú lắng nghe, do vậy, kiến thức về kinh giáo của nàng có thêm được bề rộng và bề sâu. Điều đặt biết, nàng thích bài giảng của tôn giả Ānanda về tâm từ, nên khoảnh khắc nào nàng cũng niệm tâm từ, tu tập tâm từ ngày cũng như đêm nên khuôn mặt nàng lúc nào cũng tươi rạng và mát mẻ.

Một hôm, tình cờ chồng nàng Uttarā đứng ở cửa sổ lầu cao, nhìn xuyên qua cửa bếp, chợt nẩy sinh ý nghĩ: " À, ta xem thử cô vợ của ta làm gì ở trong đó mà suốt cả nhiều

ngày không hề thấy mặt?" Rồi ông thấy Uttarā đi tới đi lui, mình mẩy đẫm mồ hôi, mặt mày dính đầy tro bụi, mồ hóng... với dáng dáp như đang tất tả với công việc. Ông rủa thầm: "Họa là cái con điên! Không điên cũng khùng! Sống trong một gia đình giàu sang, danh giá như thế này, lại không thích thọ hưởng ngũ dục, những tiện nghi xa hoa, những thú vui quý phái mà lại đầu tắt mặt tối trong bếp núc như kẻ tôi đòi, hạ tiện, nấu nướng thức ăn, cung cung kính kính phục vụ cho những ông thầy tu trọc đầu!". Nghĩ thế xong, ông cười cười rồi bỏ đi!

Cô kỹ nữ Sirimā đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: "Ông ấy thấy ai mà cười vậy ha?" Nhìn thẳng qua cửa sổ nhà bếp, trông thấy Uttarā đang vuốt mồ hôi trên má, Sirimā nghe ghen tức trong lòng: "Chỉ vì bà ta thôi! Ồ! Hóa ra giữa họ vẫn còn tình tứ với nhau lắm". Sở dĩ có chuyện như vậy là vì, dù Sirimā sống chưa đầy nửa tháng trong nhà triệu phú như một nàng hầu; nhưng chóa mắt vì sự giàu sang, hào nhoáng, lộng lẫy của gia chủ, nàng quên mất thân phận 'chỉ là kẻ thế thân vui chơi cho người ta', lại cứ tưởng mình là 'nữ chủ'!

Vì vậy, Sirimā cảm thấy căm ghét Uttarā, khởi ác tâm muốn hại nàng, muốn làm gì đó cho nàng phải khổ sở, phải đau đớn mới cam lòng! Cô ta bèn chạy xuống lầu, đi vào nhà bếp, đến bên chão bánh, múc một vá bơ đang sôi tiến về phía Uttarā.

Cô Uttarā vô tư, thấy Sirimā đi tới không biết có việc chi, nhưng cũng mở lời:

- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể to rộng, cõi trời phạm thiên kia có thể cao lớn, nhưng lòng tốt của cô còn vĩ đại hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh thời gian để cúng dường và nghe pháp. Cảm ơn cô nhiều lắm!

Vừa nói đến ngang đó, thoáng thấy đôi mắt cô kỹ nữ hằn lên tia lửa và cái cách cầm cái vá bơ sôi, đoán biết ngay

chuyện gì. Cô Uttarā nhắm mắt lại, niệm tâm từ rồi bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Cô bạn làm gì thì làm, tuyệt đối tôi không nổi giận với cô đâu. Nếu điều tôi nói là chân thật thì vá bơ sôi kia chẳng thể làm gì tôi được, bằng lời kia là gian dối thì tôi sẽ bị hại!

Nói thế xong, một năng lượng tâm từ như bao phủ con người cô, sắc mặt cô nên khi vá bơ sôi từ trên đầu hắt xuống, nó chợt như nhúm nước lạnh tưới nhẹ lên đầu lên mặt mà thôi. Tức giận, Sirimā quay lưng định đi múc vá bơ thứ hai...

Tuy nhiên, những gia nhân giúp việc đã kịp thời ra tay. Người thì la hét, người thì nguyền rủa:

- Cút đi! Đồ đĩ ngựa!

- Mày là cái gì trong nhà này mà tưới bơ lên đầu bà chủ của tao!

- Hãy "tẩn" nó!

Rồi họ đồng ùa tới Sirimā, kẻ đánh bằng tay, kẻ đạp bằng chân, kẻ đập bằng chảo, bằng vung, người giật tóc, người xé xiêm áo... cho đến khi cô ta thân tàn ma dại luôn.

Nàng Uttarā can ngăn không kịp, chạy tới đẩy mọi người ra, đứng chắn hai tay rồi nằm sấp xuống che chở cho Sirimā nói lớn rằng:

- Cô Sirimā đã hành động thô bạo là do sân si không kềm chế được mình; mà các người cũng bằng hành động thô bạo để đối lại thì xấu ác cũng tương đương! Làm cho người khác đau đớn như thế là không đẹp rồi, không tốt rồi!

Mọi người thấy tấm lòng quảng đại của cô chủ Uttarā, họ cúi đầu như hối lỗi. Nàng Uttarā đưa tay dịu dàng đỡ Sirimā dậy rồi nhờ mọi người mang cô ta vào phòng. Sau đó, nàng tận tay tắm rửa cho cô ta bằng nước ấm, lấy khăn thơm lau khô rồi lấy dầu quý xoa bóp những chỗ bị sưng tấy! Nàng cũng đích thân vào tủ lấy xiêm áo tốt, đẹp, sang trọng để cho Sirimā thay đổi bộ đồ cũ đã bị dơ, rách.

Cảm động quá, Sirimā bưng mặt, thút thít khóc! Bây giờ, cô ta mới sực nhớ, mình chỉ là người hầu, lại được bà chủ rộng lòng tha thứ, chăm sóc chu đáo với bàn tay dịu dàng của người mẹ, cô suy nghĩ: " Thật là thô bỉ, hung ác và cả vô lý nữa, khi mình đổ bơ nóng lên đầu cô chủ chỉ vì ghen tức chồng nàng cười với nàng!? Và nàng, thay vì sai gia nhân trói ké ta lại, hạch sách ta, mạt sát ta, đánh đập ta... thì nàng lại la mắng gia nhân, bảo vệ ta, lại còn tắm rửa cho ta, xoa bóp dầu thơm cho ta, hết lòng xoa dịu vết thương đau cho ta nữa! Ôi! Nếu ta không ôm gót chân nàng mà xin lỗi thì cái đầu của ra sẽ bị bể làm bảy mảnh!"

Nghĩ thế xong, Sirimā lồm cồm bò dậy, quỳ dưới chân Uttarā, sụt sùi nói rằng:

- Xin phu nhân tha lỗi cho tôi! Tôi đã ăn ăn, bứt rứt nhiều lắm!

"Trí tuệ" lúc ấy chợt đến với Uttarā nên nàng thản nhiên nói:

- Tôi là con của cha tôi. Nếu cha tôi tha lỗi cho cô thì tôi mới tha lỗi cho cô!

- Lành thay, thưa phu nhân! Cô Sirimā nói - Tôi sẽ thành tâm xin lỗi với người, đại phú gia Puṇṇaka!

- Không! Uttarā đáp - Puṇṇaka là cha thế gian của tôi! Tôi muốn nói đến đức cha xuất thế gian của tôi kìa!

Sirimā không hiểu.

Uttarā phải giải thích:

- Chính là đức Phật! Chính là bậc Tôn Sư Vô Thượng Giác! Cả gia đình chúng tôi đều được sinh ra trong lòng giáo pháp. Cô phải thành tâm xin lỗi tôi, có sự chứng minh của đức Đạo Sư!

- Tôi đã hiểu rồi! Thế tôi phải xin lỗi với ngài bằng cách nào mới xứng hợp?

- Mai là ngày cuối cùng trong mười lăm ngày làm phước sự của chúng tôi. Vậy cô phải chuẩn bị ngay từ bây giờ, cơm

bánh vật thực để đặt bát cúng dường đến đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu! Chỉ có việc làm ấy mới nói lên lời xin lỗi chơn chánh nhất.

Nghe lời, cô kỹ nữ tức tốc về nhà, sai bảo gia nhân chuẩn bị đâu đấy mọi thứ, sáng ngày, cùng với chục chiếc xe ngựa kéo cùng với tỳ nữ mang thức ăn, vật uống, thượng vị loại cứng, loại mềm đến trang viện của gia đình Uttarā.

Khi đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến, cô kỹ nữ Sirimā cúi gầm mặt, không dám ngửng đầu lên, cũng không dám tận tay dâng vật thực đến cho ai cả. Biết được sự tự ti mặc cảm của cô bạn, nàng Uttarā sai bảo gia nhân, cùng với mình làm những công việc như lệ thường.

Trong lúc đức Phật và hội chúng thọ trai, Sirimā cùng một đoàn tỳ nữ của cô vẫn lặng lẽ quỳ ở phía trước. Độ thực xong, khi tay vừa rời khỏi bình bát, đức Phật mỉm cười nói:

- Vật thực đặt bát cúng dường hôm nay, dường như không phải là của "con gái nhỏ"[1] của Như Lai?

Uttarā đang hầu bên, cung kính đáp:

- Đúng vậy! Bạch đức Thế Tôn! Phần phước sự hôm nay là do bạn con, cô Sirimā thành tâm xin sám hối với đức Thế Tôn vì một việc làm không được đúng, không được tốt!

Đức Phật với từ tâm mát mẻ, ngài nói:

- Này Sirimā! Hãy nghe, Như Lai muốn nói chuyện với con đây.

Và khi cô kỹ nữ lí nhí "thưa vâng, thưa vâng" rồi ngửng đầu lên, đức Phật hỏi:

- Con đã làm việc gì mà nghĩ là có tội vậy?

- Con đã tạt vá bơ sôi lên mặt của nữ chủ, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, ấy là việc xấu, ác! Rồi sao nữa?

Cô Sirimā bèn kể lại toàn bộ sự việc rồi nói thêm:

---

[1] Hàm chỉ nữ thánh đệ tử vừa vào dòng, Nhập Lưu.

- Do vậy, con muốn xin lỗi thì cô chủ bảo, hãy "xin lỗi với cha xuất thế gian của tôi" nên hôm nay mới có phước sự này! Cô còn bảo, nếu cha tôi tha lỗi thì tôi sẽ tha lỗi!

- Có đúng vậy không, Uttarā?

Rồi đến lượt, Uttarā kể lại.

Nghe xong toàn bộ sự việc, đức Phật khen ngợi:

- Này Uttarā! Hành động được vậy là quý lắm, là tốt lắm! Con đã thấy được sự thật muôn đời, và cũng sống được với sự thật muôn đời ấy! Chỉ có dòng nước mát ngọt của tâm từ mới tưới tắt tất thảy cơn lửa nóng của tâm sân, tâm hận. Từ bi mới có thể xóa sạch oán thù! Dùng không mắng chưởi để thắng mắng chưởi. Dùng bố thí để thắng xan tham. Dùng thật ngữ để thắng vọng ngữ. Chân lý ấy không bao giờ thay đổi đó con!

Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

"- Không sân chế ngự hận sân
Với người xấu, ác; phải cần lành, vui!
Xan tham, bố thí diệt rồi
Lấy lòng chân thật thắng lời dối gian!"[1]

Sirimā nghe xong bài kệ, cô đắc quả Nhập Lưu, sung sướng quá, cô quỳ lạy đức Phật và cô đã khóc như chưa từng bao giờ được khóc.

Chỉ có đức Thế Tôn và một số trưởng lão là đọc được "ngôn ngữ" của tiếng khóc ròng rã ấy.

Đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Con có học được bài học gì đấy, có phải thế không, Sirimā?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn Sư! Như đám mây phủ ngàn năm đã được xua đi mãi mãi! Như đêm tối trời, chân cao chân thấp trên bờ vực thì giáo pháp của đức Đạo Sư đã cho

[1] Pháp cú 223: " Akkodhena jine kodhaṃ, asādhuṃ sādhūna jine. Jine kadariyaṃ dānena, saccena alikavādinaṃ"

con một ngọn đèn. Xin cho con được trở về nương tựa nơi Tam Bảo, để từ rày về sau sống cuộc đời lành, tốt hơn!

- Ừ! Vậy là con đã sám hối rồi đấy! Như Lai chứng nhận hành động sám hối thiết thực ấy của con.

Chợt một tiếng nói bên sau vọng lại:

- Đệ tử cũng nhìn nhận sự sám hối ấy hôm nay của Sirimā là chân thật, là đại chân thật, bạch đức Tôn Sư!

Mọi người quay mặt nhìn lại, hóa ra là vị thần y Jīvaka, ông ta chính là anh ruột của cô kỹ nữ.

Thần y Jīvaka bước vào quỳ bên cạnh Sirimā, đảnh lễ đức Phật rồi nói tiếp:

- Bao nhiêu năm qua, bạch đức Tôn Sư! Đệ tử đã không nhìn mặt nó, đã đoạn tuyệt với nó; từ rày về sau, đệ tử sẽ nhìn nhận nó là em, một đứa em chân chính, lang thang lưu lạc nay đã trở về. Ôi! Trong mịt mù cát bụi lầm lỡ, may nhờ uy đức của Tam Bảo, anh em con mới nhìn thấy rõ mặt nhau! Tri ân đức Vô Thượng Giác.

Thần y Jīvaka cũng quay sang, chấp tay xá sâu, cảm ơn ánh sáng trí tuệ và năng lượng từ bi của nữ gia chủ Uttarā đã cảm hóa, đưa em ông trở về với chánh đạo! Những người có mặt ở trang viện, ai ai cũng xúc động.

Uttarā cảm thấy mừng vui đến nghẹn ngào, nàng cũng chấp tay xá chào lại:

- Tôi cũng cảm ơn người bạn của tôi, cô Sirimā, đã giúp tôi tu tập được chút ít tâm từ mà đức Ānanda đã chỉ dạy.

Đần Độn Quá Trời!

Tỳ-khưu Mahāpaṅthaka sau khi đắc quả A-la-hán, ngài được chư vị trưởng lão giao công việc hằng ngày là phân bố chư tăng đi bát nơi này nơi kia theo sự thỉnh mời của các gia chủ.

Hôm kia, thần y Jīvaka Komārabhacca cùng cô em gái là Sirimā, đã hoàn lương, mang theo nhiều tràng hoa, vật thơm và vật thoa đến tịnh xá Trúc Lâm cúng dường đức Phật và nghe pháp. Sau đó, họ xin thỉnh đức Phật và chư tăng để được đặt bát tại tư gia vào ngày mai.

Ra khỏi hương phòng của đức Phật, thần y Jīvaka đến tìm gặp các vị tri sự để xin hỏi số lượng chư tỳ-khưu để chuẩn bị vật thực cúng dường cho đầy đủ.

Tỳ-khưu Mahāpaṅthaka biết số chư tăng chính xác là năm trăm vị, nhưng ông ngẫm nghĩ một hồi rồi đáp:

- Ngoại trừ đức Tôn Sư không kể, chư tăng hiện có là bốn trăm chín mươi chín vị, thưa thần y!

Khi thần y Jīvaka đi rồi, tỳ-khưu Mahāpaṅthaka quay sang em, là tỳ-khưu Cūḷapanthaka, lạnh lùng nói rằng:

- Trong số bốn trăm chín mươi chín vị ấy, không có em! Em không xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của chư thí chủ.

Tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka cúi gầm mặt xuống.

Tỳ-khưu Mahāpaṅthaka tiếp tục cất giọng điềm đạm nhưng nghiêm khắc:

- Không có lý gì mà bốn tháng qua, em không thể học thuộc một bài kệ chỉ có bốn câu! Như thế là trong óc em không thể chứa giữ bất kỳ một ý niệm nào về giáo pháp! Em nên trả lại y bát mà hoàn tục đi thôi! Thọ dụng tứ sự của thí chủ cúng dâng, coi chừng nó là lửa đấy, nó thiêu cháy em! Hãy về sống đời cư sĩ, chăm lo nghề nghiệp, giữ giới và làm các thiện sự chắc hữu ích hơn!

Nói thế xong, tỳ-khưu anh là Mahāpaṅthaka bỏ đi lo công việc, còn tỳ-khưu em là Cūḷapaṅthaka thì đứng chôn chân một chỗ, thở dài, buồn bã. Lát sau, ông tự nghĩ: "Ông anh mình nói đúng! Bốn tháng, bốn câu kệ không thuộc thì uổng phí cơm áo của thí chủ! Là cục sắt nóng ở địa ngục đó! Phải! Phải!"

Nghĩ thế xong, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka bước tới, bước lui, nhìn y, nhìn bát rồi cất giọng lầm thầm chỉ một mình mình nghe: "Nhưng sao ta lại không đành lòng xả y bát nhỉ? Ôi! Ta yêu quý xiết bao đời sống giải thoát như cánh chim trời của một vị tỳ-khưu! Ôi! Ta quý kính xiết bao hình ảnh của vị sa-môn đầu trần, chân đất, ôm bát thong dong tự tại đi xin ăn từ cửa mọi nhà?" Rồi ông lại nghĩ tiếp: "Nhưng bây giờ thì ta phải đoạn tuyệt đời sống ấy thôi! Ông anh của ta đã đuổi ta thật sự rồi! Năm trăm vị tỳ-khưu mà nói bốn trăm chín mươi chín vị, vậy là trong đó không có ta, không có tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka này nữa rồi!"

Về liêu thất, đêm ấy, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka chưa chịu bỏ cuộc, lấy bảng gỗ có chép bài kệ ra, đọc đi đọc lại, ông quyết học nữa xem sao:

"- Sen hồng thơm ngát dường bao
Nắng mai bừng nở phún trào sắc hương
Thế Tôn quang sắc diệu thường

Bình minh tỏ rạng vầng dương huy hoàng!”[1]

Tuy nhiên, dù cố gắng thế nào, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka cũng không thuộc được. Gần sáng, ngủ thiếp đi, trong mơ mơ màng màng, ông nghe được tiếng ai nói bên tai: “Ông còn có duyên đó. Đừng hoàn tục vội. Sớm mai, đi ra cửa Đông sẽ gặp chuyện lạ đấy!”

Biết chắc là có vị thiên nào nhắc nhở nên sáng ngày, tỳ-khưu đi ra cửa phía Đông thì chợt gặp đức Phật, ngài nhìn ông, mỉm cười hỏi:

- Con định hoàn tục, có phải như thế không, này Cūḷapaṅthaka?

Ông cúi đầu, thưa:

- Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!

- Tại sao?

- Vì bốn tháng con không học thuộc một bài kệ bốn câu nên anh trai của con, tỳ-khưu Mahāpaṅthaka, đuổi con về nhà, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật nói:

- Ông xuất gia là xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, có phải thế không, Cūḷapaṅthaka?

- Dạ thưa vâng!

- Vậy thì hãy đi theo Như Lai!

Dẫn Cūḷapaṅthaka về đến hương phòng, đức Phật chỉ chỗ cho vị tỳ-khưu ngồi quay mặt về hướng đông, ngài xòe bàn tay có đường căm bánh xe xoa lên đầu ông rồi kể nói rằng:

- Cầm cái khăn này, hai bàn tay vò lui vò tới, rồi sẽ niệm lui niệm tới, niệm mãi niệm hoài một câu duy nhất: “Tẩy sạch dơ uế! Tẩy sạch dơ uế!” Chỉ có vậy thôi, ông làm có được không?

---

[1] Từ bài kệ Pāḷi: “Padmaṃ yathā kokanudaṃ sugandhaṃ, pāto siyā phullamavītagandhaṃ, aṅgīrasaṃ passa virocamānaṃ, tapantamādiccamivantalikkheti”.

- Thưa được, bạch đức Tôn Sư!

Thế rồi, trong lúc đức Phật và bốn trăm chín mươi chín vị tỳ-khưu bộ hành về hướng Nam kinh thành Rājagaha để đến trang viện tại vườn xoài, vườn thuốc của thần y Jīvaka gần chân núi Linh Thứu thì tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka hai tay vò chiếc khăn và chăm chăm chú chú câu niệm "Tẩy sạch dơ uế!" là công án mà đức Phật đã cho mình. Ông nhất tâm niệm. Không biết thời gian trải qua bao lâu, ông cảm nghe tâm hồn thư thái, phỉ và lạc phát sanh rùng rùng cả người. Có lẽ là ông đã vào được cận hành định. Mở mắt ra, trời đã xế trưa, chiếc khăn trắng tinh tinh, bây giờ đã nhàu nát, dơ uế! Với tâm trí sáng trong, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka, tự nghĩ: "Ôi! Cái khăn trắng tinh khiết mới đó mà bây giờ, khi đụng vào cái thân bất tịnh của ta, nó đã dơ uế rồi! Đức Phật dạy mình niệm " tẩy sạch dơ uế" là tẩy sạch như thế nào đây?" Lát sau, ông "à" lên một tiếng khoan khoái là vì thấy rõ: "Cái khăn đã chuyển từ trạng thái này sang trạng thái kia, từ sạch đến dơ là vì bản chất nó thay đổi, nó biến hoại đổi khác theo với định luật vô thường của nó! Và cũng vì vô thường nên cái khăn không có thực tính, không có thực ngã, nó là vô ngã! Ồ, vô thường, vô ngã là thế này đây!"

Ngay lúc tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đang nhìn ngắm cái khăn với chánh kiến như vậy thì đức Phật biết rõ, thấy rõ, ngài tự nghĩ: "Ông tỳ-khưu kia đã bắt đầu vào tuệ quán minh sát rồi đấy, phải trợ duyên cho ông ta!" Nghĩ thế xong, đức Phật sử dụng biến hóa thần thông, phân một thân cùng đi với đại chúng, một thân trở lại hương phòng, xuất hiện ngày trước mặt tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka trong nháy mắt.

Đức Phật bảo:

- Đúng là cái khăn đã bị cấu uế rồi đấy! Đúng là cái khăn kia nằm trong định luật vô thường, vô ngã đó! Nhưng hãy quay vào minh sát bên trong, này Cūḷapaṅthaka! Cấu uế và bất tịnh ở nơi cái khăn kia nào đã thấm gì, nó chỉ là cái

ngoài da! Chính cái cấu uế và bất tịnh do bụi tham, bụi sân, bụi si lâu đời đọng lại ở trong tâm ông mới là cấu uế và bất tịnh thật sự. Rồi đức Phật đọc lên một bài kệ:

"- Chính tham (sân, si) mới thật uế dơ
Mới là bụi bặm mịt mờ dấy lên
Tỳ-khưu lìa bụi mới nên
Giáo pháp vô uế vững bền trú tâm!"[1]

Bài kệ vừa chấm dứt, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka chứng ngay A-la-hán quả, với vô ngại giải, tuệ phân tích cùng với cả năm thắng trí.

Sau khi đặt để cho vị tỳ-khưu đần độn kia một địa vị bất tử ở nơi giáo pháp Bất Tử, tức khắc đức Phật hoàn thân lại như cũ rồi bước vào trang viện của thần y Jīvaka cùng với đại chúng tỳ-khưu mà chẳng ai hay biết gì cả! Chỉ riêng tôn giả Moggalāna nói nhỏ bên tai tôn giả Sāriputta: "Đức Tôn Sư vừa thần thông diệu dụng một cuộc du hí bất tử!" Tôn giả Sāriputta mỉm cười đáp rằng: "Chút nữa, chư phàm tăng lại được một phen mở mắt. Tối thiểu là sẽ có một số người, trời bước vào dòng thánh!"

Sau khi đâu đấy đã yên vị trên những chỗ ngồi đã soạn sẵn, gia nhân cũng đã sắp đặt xong, thần y Jīvaka mang vật thực đến cúng dường đức Phật thì ngài chợt đưa tay ngăn bình bát lại, nói rằng:

- Hình như ông gia chủ chưa mời thỉnh đầy đủ chư tỳ-khưu ở tịnh xá Trúc Lâm thì phải?

Thần y Jīvaka đưa mắt nhìn vị tỳ-khưu tri sự:

- Đã đầy đủ chưa, bạch ngài?

Tỳ-khưu Mahāpaṅthaka đưa mắt một vòng, nhìn lướt tất cả các hàng, nhẫm tính rồi đáp:

---

[1] Từ bài kệ Pāḷi: " Rāgo (doso, moho) na ca pana reṇu vuccati. Rāgassetaṃ adhivacanaṃ rajoti. Etaṃ rajaṃ vippajahitvā bhikkhavo. Viharanti te vigatarajassa sāsane!"

- Mười hàng, mỗi hàng năm chục, trống một chỗ. Vậy thì ngoại trừ đức Đạo Sư, ở đây có mặt đầy đủ bốn trăm chín mươi chín vị tỳ-khưu!

Thần y Jīvaka nói:

- Vậy là đầy đủ! Ngoại trừ những vị ốm đau, các sa-di và người tạp dịch; ở đây hiện diện đúng như số lượng đã được thỉnh mời, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật mỉm cười:

- Thế mà Như Lai lại thấy còn sót một vị ở tịnh xá Trúc Lâm đấy!

Thần y Jīvaka chợt gọi một thanh niên, vốn là người đặc biệt có khả năng của phi nhân:

- Ông hãy chạy thật nhanh đến Trúc Lâm, hỏi thăm xem còn có vị tỳ-khưu nào không, rồi thỉnh mời đến đây tức khắc cho ta!

Người thanh niên vừa đáp "vâng ạ!" thì đã thoắt vụt nhanh ra ngõ, mất dạng.

Trong lúc ấy thì tại chỗ gần hương phòng của đức Phật, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka biết chuyện xảy ra tại vườn xoài, nẩy sanh một ý nghĩ vui, ông đã biến hóa thành một ngàn thân giống nhau, đầy khắp rừng trúc, thành nhiều nhóm khác nhau. Nhóm đang tọa thiền, nhóm đi kinh hành, nhóm đang may y, nhóm đang nhuộm y, nhóm đang quét dọn sân vườn, nhóm đang đọc tụng kinh kệ...

Đúng là trò "du hí" của tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka:

"- Một thân hóa hiện ngàn thân
Bụi dơ đã sạch, phép thần cũng xong
Bây chừ tự tại, thong dong
Ở ngoài sinh tử mặc dòng thời gian!"[1]

[1] Từ bài kệ Pāḷi: " Sahassakkhattumattānaṃ, niminitvāna paṅthako, nisīdi ambavane ramme, yāva kālappvedanāti!"

Thanh niên phi nhơn đến nơi, thấy tỳ-khưu đông quá, bèn nhanh chóng quay trở lại vườn xoài, thưa với Jīvaka rằng:

- Tỳ-khưu đầy cả vườn rừng, đông lắm, thưa chủ!

Chư trưởng lão có thắng trí thì mỉm cười, còn chư phàm tăng thì ngạc nhiên, lao xao bàn tán.

Đức Phật nở nụ tiếu sanh tâm, nói với thanh niên phi nhơn:

- Ông hãy nói với họ rằng, Như Lai cho gọi tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka!

"Thưa vâng!", thanh niên vừa nói xong lại mất dạng một lượt nữa. Lát sau, y lại quay về:

- Bạch đức Thế Tôn! Đến nơi, khi con dùng hết sức hô to lên, ba lần rằng:"Đức Thế Tôn cho gọi tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka!" Thì ngay khi ấy, dường như là cả ngàn cái miệng đồng đáp như tiếng sấm giữa trời:"Tôi là tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đây!" Và cũng vang vọng ba lần như thế. Con chịu, không biết thỉnh ai!

Đức Phật hỏi chuyện thanh niên:

- Tịnh thất của Như Lai, ông biết chứ!

- Thưa, biết! Có lần con đã đến đấy cùng với chủ của con!

- Ừ, thì lần này ông đến chỗ ấy, bên hiên thất của Như Lai, đứng đấy, ông hô gọi ba lần như trước rồi quan sát nhóm tỳ-khưu tại đó. Hễ thấy vị nào đáp lời, mở miệng trước thì ông đến nắm chặt tay vị ấy. Ông ta mới chính thật là tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka. Nhớ làm như thế nhé?

Y lời dạy của đức Phật, người thanh niên thực hiện đúng như vậy thì phép lạ xảy ra, tức khắc chín trăm chín mươi chín vị khác biến mất!

Thế là thanh niên phi nhơn không chịu buông, cứ nắm chặt tay tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka vì sợ ông ta "biến hóa lung tung" một lần nữa! Cứ thế, họ cùng lên đường.

Đến nơi, ai ai cũng chăm chăm chú chú nhìn tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka qua việc lạ lùng vừa rồi.

Riêng ông anh tỳ-khưu Mahāpaṅthaka thốt lên nho nhỏ ở trong tâm: "Ôi! Đúng là oai lực vô thượng của đức Chánh Đẳng Giác, đã biến một ông tỳ-khưu đần độn trở thành một vị thánh toàn mãn tuệ trí và thắng trí chỉ trong mấy khoảnh khắc!"

Rồi khi đầy đủ tất cả tỳ-khưu đức Phật mới chịu thọ nhận vật thực cúng dường.

Hôm ấy, sau khi tất thảy đã ngọ trai xong, thần y Jīvaka thỉnh đức Phật thuyết pháp, ngài nói:

- Hãy đến nơi tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka, ôm y và bát của ông ta! Hôm nay, phần việc thuyết pháp, kệ chúc phúc cho gia chủ là bổn phận của vị ấy!

Vâng lời đức Phật, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đăng đàn thuyết giảng giáo pháp. Với tuệ giác, tuệ minh, ngôn ngữ vô ngại, biện giải vô ngại kèm thêm cả thắng trí. Bao nhiêu thông tuệ về giáo pháp đâu từ thời đức Phật quá khứ và cả hiện nay chợt đổ dồn về trong tâm trí. Chiếu soi chỗ nào là thấy biết chỗ ấy. Muốn giảng nói như thế nào là ngôn ngữ tự động trôi chảy như thế ấy. Không một chút gắng sức. Không một nỗ lực tìm kiếm... Hầu như pháp và luật của đức Phật hiện giờ đang có sẵn ở trong ông. Trong tâm trí và cả trong ngôn ngữ. Thời pháp nói về sự dơ uế, cấu uế mà ông ta vừa chứng nghiệm. Ông lại còn phân tích chi ly ở đâu là sáu dơ uế, cấu uế của mắt tai mũi lưỡi thân và ý! Đâu là sáu dơ uế, cấu uế của sắc thanh hương vị xúc và pháp! Đâu là sự dơ uế, cấu uế của nơi cái biết của con mắt, cái biết của lỗ tai, cái biết của cái mũi, cái biết của lưỡi, cái biết của thân và ý! Rồi còn quá khứ, hiện tại, vị lại? Rồi còn cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới? Vậy là chúng sanh có tất thảy một trăm lẻ tám cái dơ uế, cấu uế. Tuy nhiên, nhiều thì nhiều và rộng lớn, cao to như núi Sineru, nhưng nhỏ lại, kết lại thì có thể

chứa trong một hạt bụi. Hạt bụi gì? Thưa, bụi tham, bụi sân, bụi si! Gọi là bụi như có thể tích, diện tích, dung tích nhưng thật ra nó chỉ là sát-na diệt, sát-na sanh; hạt bụi kia còn nhỏ hơn một vi thể vật chất trụ trên đầu cây kim! Nó đấy. Nó có đấy rồi mất đấy! Nó vô thường và vô ngã nhưng hằng đem đến vô lượng thống khổ, phiền não cho tất thảy chúng sanh!

Quả đúng là thời pháp vi diệu, vị tằng hữu. Không phải là tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka thuyết. Có lẽ là của pháp thuyết. Có lẽ là giác ngộ nói. Có lẽ là tiếng rống của một tiểu sư vương nào đó tự ngàn cao sương khói vẳng xuống...

Không chỉ có thần y Jīvaka, cô Sirimā cùng toàn thể gia nhân im sững, bàng hoàng mà cả thảy đại chúng tỳ-khưu đều lặng ngắt như nín thở!

Chợt giọng đức Phật phá tan bầu không khí ấy:

- Rồi thế nào nữa, này Cūḷapaṅthaka? Khi đã thấy rõ vô thường, vô ngã và khổ não của bụi tham, bụi sân, bụi si rồi thì làm sao nữa? Làm sao để đặt bàn chân lên mảnh đất bất tử và giải thoát, Niết-bàn?

- Thưa! Không biết mọi người ra sao, hành trì như thế nào, nhưng chính sau khi nghe bài kệ ngôn của đức Thế Tôn thì đệ tử liền làm xong những việc cần phải làm trên cuộc đời này!

- Thế thì hãy đọc bài kệ ấy lên cho người có tai, có trí, cho người hữu duyên!

- Thưa vâng!

Rồi, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka ngâm to lên bài kệ thơ ở trên mà ông ta đã chứng ngộ:

"- Chính tham (sân, si) mới thật uế dơ
Mới là bụi bặm mịt mờ dấy lên
Tỳ-khưu lìa bụi mới nên
Giáo pháp vô uế vững bền trú tâm!"

Câu kệ vừa chấm dứt, có một số tỳ-khưu uống được giọt nước đầu tiên trên dòng giải thoát.

Đức Phật chợt đứng lên, nói rằng:
- Thôi vậy là đủ rồi! Thì giờ đã phải lẽ!
Rồi ngài dẫn đại chúng trở về tịnh xá Trúc Lâm.

" Làm Bậy! Làm Bậy!"

Chiều hôm ấy, chư tăng tụ hội đầy cả giảng đường Trúc Lâm. Câu chuyện buổi sáng, chỉ sau thời gian khoảng một bữa ăn mà đức Phật đã biến vị tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đần độn, bốn tháng không thuộc nổi một bài kệ, trở thành một bậc thánh thông tuệ, giảng pháp như nước chảy mây trôi, đôi chỗ như sấm động, như lửa cháy, như biển sôi... làm cho ai nấy cũng phải thất kinh! Ông tỳ-khưu kia lại còn du hí một thân biến ra ngàn thân nữa!

Sự kỳ lạ, hy hữu ấy được đồn thổi từ chỗ này sang chỗ khác nên chư tăng ni muốn đến gặp đức Phật để nghe thực hư câu chuyện, đồng thời thử tìm hiểu nhân quả của nó ra sao?

Khi đại chúng đang còn xì xào bàn tán thì đức Phật bước vào, giảng đường chợt xán lạn như vầng dương.

Ngồi trên pháp tòa đã được soạn sẵn, đức Phật hỏi:

- Các vị đang bàn luận với nhau về chuyện gì?

Một vị đáp:

- Về câu chuyện kỳ lạ của tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka, bạch đức Thế Tôn!

Một vị khác:

- Nghe nói, đức Thế Tôn chỉ trao cho vị tỳ-khưu kia một chiếc khăn tay; thế không biết ông ta quán tưởng kiểu gì, tu tập ra làm sao mà vừa đắc ngũ thông vừa đạt tuệ vô lậu trong nháy mắt?

Một vị khác nữa:

- Cái nhân của sự tối trí, đần độn kia chắc có nguyên do? Nó tiếp diễn như thế nào trong sanh tử? Và nhân gần, nhân xa của sự sáng trí, thông tuệ hôm nay bởi vì đâu mà có, bạch đức Đạo Sư?

Đức Phật mỉm cười, nói rằng:

- Chốt lại, thế là có hai vấn đề. Một là cái khăn tay và sự quán niệm. Hai, sự đần độn tiếp nối trong sinh tử cùng nguyên nhân của cuộc chuyển hóa, có phải chỉ có bấy nhiêu chuyện không?

- Thưa vâng! Bạch đức Tôn Sư!

Thế rồi, đức Phật kể lại mấy câu chuyện quá khứ. Chuyện về cái khăn tay, nguyên nhân của cái khăn tay; chuyện về sự đần độn được chuyển lưu trong dòng nghiệp như thế nào! Ngài nói:

- Này đại chúng tỳ-khưu! Trong một kiếp quá khứ, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka là một vị quốc vương, đúng là một bậc minh quân! Ông ta trị vì vương quốc giàu mạnh, là người vừa có trí vừa có tâm. Hôm kia, giả trang một người dân thường, ông ta đi từ khu phố này sang khu phố khác, từ phường này sang phường khác cốt để lắng nghe dân tình, xem thử đời sống của họ, niềm vui nỗi khổ của họ ra sao. Mệt, ông dừng chân lại, lấy khăn tay lau mặt. Chợt, ông chú tâm quan sát. Cái khăn vốn trắng tinh tinh bây giờ đã lấm mồ hôi cùng với bụi bặm nên đã ngả màu vàng chệch, lấm lem, dơ dáy! Trong quá khứ, vì đã từng làm đạo sĩ trên Tuyết Sơn, nên ký ức và tri giác xa xưa đâu đó trở về, ông bần thần nghĩ ngợi: "Bụi bặm dơ uế nơi cái thân ta nó như thế này đây thì quý gì mà nâng niu nó, bảo trọng nó, quyến

niệm nó? Như cái khăn đẹp đẽ, sạch sẽ này, thoáng chốc là dơ uế, xấu xí thì cái thân ta cũng vậy thôi! Các pháp do cấu tạo, kết hợp đều nằm trong định luật vô thường, thay đổi mà biến hoại cả! Ôi! Ái niệm mà làm gì? Thủ chấp mà làm gì?" Hôm đó, về triều, đức vua có trí ấy đột ngột giao ngôi vua và quyền bính cho một vị thái tử rồi lên non làm đạo sĩ; ông lấy "vô thường tưởng" (aniccasaññа) làm đề mục tu hành. Cuối đời mệnh chung, nhờ cận định "vô thường tưởng" ông ta hóa sanh về thiên giới, rồi còn chuyển kiếp nhiều đời làm người, làm trời nữa!

Này đại chúng tỳ-khưu! Như Lai có sanh tử minh, biết chuyện cái khăn tay xa xưa của tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka, nên đã trao trả hình ảnh cái khăn ấy lại cho ông ta mà thôi! Sau khi đạt được "vô thường tưởng" một cách dễ dàng do kiếp trước ông ta đã từng đạt rồi, Như Lai xuất hiện đúng lúc, hướng dẫn ông ta bước qua minh sát để thấy rõ bụi tham, bụi sân, bụi si bằng một bài kệ. Chuyện còn lại thì chư tăng đều đã thấy biết rồi, có phải thế không?

Đại chúng trả lời:

- Thưa vâng! Bạch đức Đạo Sư!

Vị khác phát biểu:

- Hóa ra kiếp trước tu tập cái gì thì nó còn đó, không mất!

Một vị khác:

- Căn cơ của tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka cũng thâm hậu lắm, không đơn giản! Đâu phải ai cũng được thế đâu!

Đức Phật gật đầu, mỉm cười:

- Ừ, và cái "đần độn" của ông ta cũng "thâm hậu" tương tự thế, không kém gì!

Lúc cả đại chúng giảng đường có vẻ im lặng muốn lắng nghe thì đức Phật kể tiếp chuyện khác:

- Trong quá khứ, có một kiếp nọ, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka xuất gia trong giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa.

Vốn là một vị tỳ-khưu rất giỏi giang và thông tuệ, ông có trí nhớ như thần đồng, học đâu nhớ đấy, nghe đâu ghi nhận đó như kiếm báu khắc chạm chữ vào vách đá vậy. Bên cạnh ông, có một vị tỳ-khưu tối dạ, bẩm chất đần độn, học mãi một câu kệ Pāḷi mà học hoài không thuộc. Thấy vậy, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đã nhạo báng, miệt thị bạn mình, đi vô châm chọc, đi ra châm chọc! Ông đã khiến cho vị tỳ-khưu tội nghiệp kia hổ thẹn quá làm cho ông ta phải hoàn tục. Do nghiệp bỉ báng chế nhạo xấu ác ấy, rất nhiều kiếp, ông ta phải bị trả quả đần độn y hệt như thế, chứ không phải chỉ riêng trong kiếp này mà thôi đâu! Nhân quả trả vay! Đôi khi một nghiệp xấu ác mà phải bị trả quả liên tục, kéo dài cả bốn trăm chín mươi chín kiếp! Hãy ghi nhớ rõ như vậy!

Mọi người lắc đầu, le lưỡi.

Có người thắc mắc:

- Thế là trải qua nhiều kiếp phải chịu trả quả đần độn tương tợ như vậy sao, bạch đức Thế Tôn?

- Phải! Đức Phật gật đầu! Tuy nhiên, may nhờ kiếp ấy, tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka có căn duyên gặp được Như Lai! Cũng do Như Lai đã từng nâng đỡ cho ông ta công danh, sự nghiệp ở đời, thì nay Như Lai lại nâng đỡ cho ông ta đạt quả vô vi giải thoát trong đạo vậy. Nhân, quả, duyên, báo trong sinh tử luân hồi nó thù thắng, vi diệu và bất khả tư nghị lắm, đại chúng không thể nắm bắt hết được đâu!

Nói thế xong, đức Phật kể tiếp:

"- Vào một thuở rất xa xưa, có một gã thanh niên tại kinh thành Bārāṇasī muốn lập công danh sự nghiệp ở đời nên khăn gói bộ hành lên tận quốc độ Gandhāra, kinh đô Takkasilā để tầm sư học các môn học nghệ.

Do sự mách bảo của mọi người, thanh niên tìm đến một vị sư trưởng thời danh (Disapāmokkha) để xin làm môn hạ.

Trong năm trăm môn sinh của vị sư trưởng, chỉ có một mình thanh niên là biết chăm lo, phục vụ "sư phụ" hơn ai

hết. Chàng tận tình, siêng năng hầu hạ sư phụ bất kể ngày đêm. Nào quạt mát, xoa lưng, đấm bóp, bưng dọn thức ăn vật uống, lo nước tắm, nước rửa, nhà vệ sinh... không việc gì mà chàng không làm được, và làm là làm hết lòng.

Thấy vậy, vị sư trưởng quyết đem tất cả sở học, tài nghệ của mình truyền lại cho chàng thanh niên để đáp tạ tấm lòng của chàng. Nhưng than ôi! Trao truyền học vấn, kiến thức các công nghệ cho chàng thanh niên này, xem ra, chẳng khác gì như sương trượt trên lá sen, như nước đổ đầu vịt! Dù tận tình tới đây, chàng thanh niên chẳng tiếp thu được gì cả. Cho đến nỗi, một bài kệ bốn câu, thanh niên tụng ngày, tụng đêm cũng không thuộc! Ôi! Đần độn hoàn lại cho đần độn! Ngu dốt lại trả về cho sự ngu đốt!

Thấy thời gian thì cứ trôi qua mà việc học không có một chút tiến bộ, nói rõ là "không có một chút vốn để lận lưng", thanh niên nản chí quá bèn có ý nghĩ, xin sư phụ bỏ học, trở lại quê nhà để làm ruộng, cuốc đất thôi!

Biết tâm tư của người đệ tử, vị sư trưởng đăm chiêu suy nghĩ: "Muốn đáp trả công lao khó nhọc trong suốt thời gian nó phục dịch mọi việc cho ta, nhưng nghĩ ra cũng đã hết cách! Vậy, có thể chăng, ta sẽ giúp nó, trao cho nó 'bí kíp' cuối cùng?"

Hôm kia, giữa đêm khuya không cho ai biết, vị sư trưởng lặng lẽ dẫn thanh niên vào rừng, nói rằng:

- Cái tâm con rất tốt, cái chí thú, tinh cần cũng rất tốt, nhưng có lẽ do nghiệp xưa chi phối nên kiếp này con tối dạ hơn người, học môn nào cũng không thành tựu được. Hôm nay, ta dẫn con vào đây là muốn dạy cho con một câu mật chú. Học thuộc câu mật chú này, về quê hương, sau này con có thể có được địa vị, danh vọng ở đời không thua ai đâu.

Vị sư trưởng còn dặn dò cẩn thận:

- Ngoại trừ con, ta không trao truyền cho ai câu mật chú này cả. Người xấu ác mà sử dụng câu mật chú này thì sẽ đại

họa cho cuộc đời. Nhờ con chất phác, hiền thiện, ta mới trao truyền cho con đây!

Xong, ngài đọc ra câu mật chú:

"- Ghaṭesi ghaṭesi kiṃ kāraṇā ghaṭesi. Ahaṃ taṃ jānāmīti!"[1]

Sau đó, bắt thanh niên đọc theo. Đọc lui, đọc tới mãi cho đến gần sáng, sư trưởng hỏi:

- Con đã thuộc chưa?

- Dạ thuộc rồi!

- Có chắc không? Đọc lại thử coi!

Thanh niên đọc lại. Rồi sư trưởng bắt đọc đi đọc lại một trăm lần nữa. Khi biết chắc, học kiểu đó, đọc tụng như thế đó thì ngu mấy cũng phải thuộc lòng, kể cả trong giấc ngủ, hai thầy trò mới về nhà. Đến nơi, ngài còn dặn nhỏ bên tai: "Mai này về quê, buổi sáng thức dậy con phải đọc tụng trăm lần! Trước khi đi ngủ con cũng phải đọc tụng trăm lần, nhớ chưa?"

Đến ngày tiễn người học trò lên đường, sư trưởng cho tiền lộ phí rồi nói:

- Ráng ôn tập hằng ngày. Sau này con không sợ thiếu cơm thiếu áo. Hãy sống làm người cho tốt!

Thanh niên cúi đầu lạy tạ rồi từ giã.

Thuở ấy, quốc vương trị vì kinh thành Bārāṇasī là một ông vua đạo đức, hiền thiện, thường lấy năm giới, mười lành để tu tập và giáo hóa muôn dân. Từng ngày, từng ngày, ông giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý rất nghiêm cẩn, mẫu mực. Tuy nhiên, hôm kia, đức vua tự nghĩ: "Bản thân mình thì mình điều tiết, chế ngự được, nhưng khi chính sách ban hành ra, biết đâu không lầm lỗi chỗ này thì lầm lỗi chỗ khác? Ta đừng nên quá chủ quan. Biết đâu lệnh truyền một đường lại thực thi một nẻo? Biết đâu các quan đại thần bóp

[1] Dựa theo Dhammapādatthakathā.

méo công lý do tham, do sân mà xâm hại đến miếng cơm manh áo của bao người? Vậy ta phải đích thân "vi hành" để dò xét dân tình mới được!"

Thế rồi, đức vua giả dạng thường dân, đi ra khỏi hoàng cung lặng lẽ một mình. Ông lại nghĩ tiếp: "Ban ngày thì ta đi la cà các nơi, chợ búa, quán xá để xem các cửa hàng mua bán, về các mặt hàng, về giá cả, về sức mua của dân. Có phú túc và thịnh mãn không? Có thể ghé các bến phà ven sông Gaṅgā, các đền miếu, tín ngưỡng, hội tế, những trạm xe bò, xe ngựa... để xem những sinh hoạt ấy có thanh bình, an ổn không? Rồi chiều tối, ta có thể đi thăm dò nơi các quán ăn, những hiên nhà... Tại sao vậy? Vì nơi chỗ uống ăn, sau các bữa cơm chiều tối, người ta thường rảnh rỗi, ưa nói chuyện phiếm, bàn luận việc thiên hạ, trao qua đổi lại công chuyện làm ăn, buôn bán, việc quan, việc dân, việc miếng cơm, manh áo, họ hàng, gia đình... Bao nhiêu sự thực, bao nhiêu cái được, cái không, cái tốt, cái xấu của triều đình, vua quan đều được "phản ánh" từ cửa miệng của dân chúng cả. Còn nữa, nếu ta cai trị đúng vương pháp, các quan thực thi đúng vương pháp thì cửa miệng mọi người sẽ tán thán, ca tụng ta là bậc minh quân; trái lại nếu vương pháp không đến được với dân, khắp nơi bất công, quan lại triều đình nhũng nhiễu, trấn lột, cướp bóc, hà khắc với dân thì ta sẽ bị muôn dân ta thán, nguyền rủa là hôn quân, là bạo chúa. Rồi sự thực như thế nào là ta sẽ biết ngay".

Thế rồi, mấy ngày qua đi, lắng nghe sự phản ánh của dân chúng khắp nơi, tuy họ chưa được hạnh phúc an vui lắm như kỳ vọng của đức vua, nhưng nói chung cũng tạm thanh bình và an ổn.

Hôm kia, đức vua vi hành một miền ngoại ô để xem xét làng mạc, ruộng vườn, cây trái, hoa màu cùng với đời sống, sự thu nhập của dân quê ra sao. Ồ, hóa ra họ cũng đang còn nghèo thiếu lắm! Lúc trở về lại kinh thành thì đã trời đã khá

khuya. Trên một con đường với nhà cửa san sát, nhà vua chợt thấy một việc đang diễn ra trước mắt. Ông đứng nép vào một góc tối để quan sát. Giữa một con hẻm, cạnh những vách nhà có nhiều bóng đen đang lom khom đào một đường hầm ngầm. Đây có lẽ là bọn kẻ trộm đào tường, khoét vách (ummaṅgacorā) đang làm công việc chuyên môn của mình. Khi chúng đã bò được vào trong thì đức vua dọ dẫm bước lần tới sát gần bên để nghe ngóng. Có rất nhiều tiếng động lịch kịch như di chuyển đồ vật đâu từ bên trong các ngôi nhà.

Lát sau, từ một căn nhà kế cạnh bỗng vọng ra một câu cổ ngữ, rồi câu ấy được đọc lui, đọc tới mãi:"Ghaṭesi ghaṭesi kiṃ kāraṇā ghaṭesi. Ahaṃ taṃ jānāmīti!" Câu này, bọn kẻ trộm nghe thoáng âm thì từa tựa, trài trại như là: "Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy! Ta biết như vậy. Ta biết như vậy!" Nhưng đối với người có học thì họ không hiểu nghĩa là gì, nhà vua cũng không hiểu, vì đấy có lẽ là mật chú!

Đây chính là ngôi nhà của người thanh niên đần độn được sư trưởng kinh thành Takkasilā thương yêu truyền thụ cho câu mật chú, và khi ấy cậu ta đang ôn tụng mỗi đêm.

Bọn kẻ trộm nghe được câu ấy, tưởng rằng chủ nhà đã biết, sợ bị vây bắt nên chúng hoảng hốt quăng vất tất cả dụng cụ đào khoét cũng như những tài vật cuỗm được, hối hả chui ra khỏi vách bỏ chạy mất dạng.

Đức vua thấy tận mắt bọn trộm sợ hãi câu mật chú, nghe tận tai câu mật chú linh nghiệm nên sáng hôm sau, ngài sai một viên quan hầu thân tín đến con đường ấy, ngôi nhà ấy, thỉnh mời người đọc câu mật chú ấy vào triều.

Nhìn khuôn mặt hiền lành, chất phác của chàng thanh niên, đức vua ân cần thăm hỏi gia cảnh, nghề nghiệp rồi sau đó mới tế nhị hỏi về câu mật chú. Thanh niên tình thật sao thì kể vậy.

Nhà vua vào chuyện:

- Hồi đêm, tại ngôi nhà kế cạnh nhà ngươi, bọn trộm đã đào tường, khoét vách lấy trộm tài sản, ngươi có biết không, có nghe không?

- Sáng ngày mới biết, tâu đại vương!

- Cái câu mật chú mà ngươi đọc, nó có nghĩa là gì vậy?

- Thưa, thần dân không biết ạ!

Nhà vua vui mừng nói:

- Ta không hiểu câu ấy có nghĩa gì, và ngươi cũng vậy, nhưng rõ ràng là nó rất linh nghiệm nên vị sư trưởng kia mới trao truyền riêng cho ngươi.

- Thưa vâng! Đúng vậy! Sư trưởng bảo, không truyền cho ai cả!

Chợt, đức vua nói xa xôi:

- Câu mật chú ấy, ngươi đọc trong nhà thì ngay cả xung quanh cũng được bảo vệ an toàn. Nếu ta đọc tụng câu mật chú ấy thì cả vương cung, triều đình này cũng sẽ được bảo vệ an toàn như thế!

Rồi ông quay qua chàng thanh niên:

- Vậy thì vì sự an toàn cho ta, ngươi có thể nào truyền lại câu mật chú ấy cho ta không?

Thanh niên gật đầu:

- Đức vua an toàn thì cả nước an toàn! Hay lắm! Thần dân sẽ truyền lại câu mật chú ấy cho bệ hạ!

Thế rồi, sau khi học thuộc câu mật chú, đức vua sai người mang một mâm đầy một ngàn đồng tiền vàng hậu tạ chàng thanh niên, với nụ cười nhân hậu, ngài nói:

- Đây là chút tấm lòng của ta, thấy ngươi biết nghĩ đến ta, tất là biết nghĩ đến sơn hà xã tắc. Vậy ngươi nhận số tiền này, sửa sang lại nhà cửa, sắm sanh mọi vật dụng cần thiết... Và để nuôi dưỡng mẹ già!

Và kể từ đó, người thanh niên đần độn được mọi người nể trọng; và đời sống dường như được đổi qua một trang sách mới, phú túc và an vui.

Riêng đức vua thì khi có câu mật chú, ngài không đi vi hành nữa, chăm lo mọi việc triều chính và mỗi ngày thường tụng đọc câu mật chú linh nghiệm.

Đức vua có một vị quan đại nguyên soái, được ông trọng dụng, cho thống lãnh toàn bộ ba quân: Mã binh, tượng binh và bộ binh. Thấy quyền hành, binh lực tất thảy đang nằm trong tay mình nên vị đại nguyên soái manh tâm soán nghịch, tạo phản. Và y chờ cơ hội ra tay.

Cho người thân tín thăm dò thì hễ cứ nửa tuần trăng là tên thợ cạo nổi tiếng ở kinh thành đi vào cung điện để cạo râu, cạo mặt cho đức vua, quan đại nguyên soái đã tìm ra kế mưu.

Hôm kia, gia đình người thợ cạo được vinh hạnh đón tiếp ngài đại nguyên soái, cũng chỉ để cạo mặt, cạo râu như mọi người. Khi xong việc, thấy xung quanh không có ai, vị đại nguyên soái nói nhỏ chuyện muốn sát hại đức vua để tiếm ngôi cho người thợ cạo nghe, rồi kết luận:

- Một, là ngươi sẽ cắt cổ vua, và ta sẽ thưởng một ngàn đồng tiền vàng để đổi đời. Hai là cả gia đình ngươi sẽ bị thảm sát một cách bí mật, ma không biết, quỷ không hay. Vậy thì lựa chọn đi!

Đứng vào thế không có đường lui, người thợ cạo hứa sẽ thực hiện theo ý của kẻ nắm quyền lực, nếu không thì chết.

Đúng kỳ, người thợ cạo vào cung điện. Đức vua đã nằm trên ghế nằm, người thợ cạo mài lại con dao, lấy nước "xà-phòng" thơm thấm ướt râu, mặt... Đang chuẩn bị xuống tay thì y chợt quay lại mài dao một lượt nữa, nghĩ thầm: "Làm sao cho nó thật bén, chỉ cần lia ngang một cái là cần cổ phải đứt lìa, sau đó thì ta dọt lẹ. Mọi việc còn lại đã có đại nguyên soái lo!"

Tên thợ cạo quay lại, đưa dao lên, thì ngay sát-na ấy, đức vua đọc câu mật chú, chỉ để ôn gẫm thôi:"Ghaṭesi ghaṭesi kiṃ kāraṇā ghaṭesi. Ahaṃ taṃ jānāmīti!". Nhưng

qua tai của tên thợ cạo thì câu ấy lại có nghĩa là:"Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy! Ta biết như vậy. Ta biết như vậy!" nên y kinh khiếp vô hạn, mồ hôi tuôn chảy dầm dề, run rẩy nằm sấp năm vóc, trán gõ lộp độp xuống sàn:

- Xin đại vương tha mạng! Xin đại vương tha mạng! Tất cả chỉ do đại nguyên soái đó thôi!

Đức vua tâm thông, trí nhạy, thoáng nghe là biết bên sau lời thú tội ấy là chuyện bí mật gì, ông nhổm dậy, quát lớn:

- Hay cho tên thợ cạo phản phúc! Ngươi tưởng ta không biết gì cả hay sao?

Tên thợ cạo dập đầu như tế sao:

- Dạ... dạ...

- Tội giết vua là bị trảm đầu cả họ cha, họ mẹ, ngươi có biết không?

- Dạ... dạ... mười cái đầu, hạ thần cũng không dám phạm thượng đâu. Nhưng đại nguyên soát sẽ thảm sát toàn gia...

- Hãy khai rõ ra! Ta tha cho toàn mạng!

Tên thợ cạo bèn thành khẩn kể lại đầu đuôi tự sự, rồi khóc lóc van xin đức vua tha cho tội chết.

- Thôi được rồi! Chuyện đâu để yên đấy, để ta xử tên phản nghịch rồi tính tội ngươi sau.

Rồi đức vua sai lính trói y lại.

Sau đó, tức khắc, đức vua cho gọi ngay vị quan thống lãnh đội quân cấm vệ đến cung đường, kể sơ mọi chuyện rồi cẩn thận phác họa một chiến thuật chu đáo, không có một kẽ hở, như sau:

- Ngươi và phó thống lãnh của ngươi, hãy hỏa tốc cùng với ba trăm quân binh nội thành với áo giáp và đao kiếm, đến biệt phủ đại nguyên soái. Phó thống lĩnh với hai trăm quân bao vây vòng ngoài. Ngươi, thống lĩnh, với một trăm lính tinh thông võ nghệ, đao kiếm lục soát bên trong, bắt trói tên phản nghịch và toàn gia, kể cả bất cứ ai đang ngụ trong phủ, dẫn ngay về đây. Để đề phòng có sự phản kháng, chống

cự, ta sẽ lệnh cho bốn vị quan hoàng môn dẫn theo bốn tốp binh ngoại thành sẽ ứng cứu, tiếp viện ngay ở sau lưng! Công việc như lửa cháy ngang mày, giữ bí mật tuyệt đối, nghe không?

Thời gian chừng hơn một bữa ăn, viên thống lãnh cẩm y vệ cùng với toán lính đã trói ké vị quan đại nguyên soái cùng toàn gia hơn trăm người dẫn vào triều.

Đích thân viên thống lĩnh kéo lê, kéo bừa quan nguyên soái quăng vất như bó giẻ dưới chân đức vua, gần chỗ tên thợ cạo cũng đang bị trói nằm ở đấy. Y tức giận nên cất giọng như sấm nổ:

- Hãy quỳ xuống, tên súc sinh! Đúng là tham vọng ngông cuồng! Ngồi trên muôn người và chỉ dưới một người mà còn đòi giết một đức vua hiền thiện, một đấng minh quân thiên hạ!

Vị đại nguyên soái biết chuyện giết vua đã bị lộ rồi nên y miệng câm như hến.

Sau đó, đức vua cũng không nhiều lời, tuyên bố tội trạng của y cho các quan rõ rồi ra "nghị quyết" như sau:

- Niêm phong biệt phủ! Tài sản, kim ngân, châu báu, vải vóc, lúa gạo, mọi tư trang, tư dụng, vật dụng... của đại gia đình kia, bây giờ triều đình sẽ quản lý, rồi sẽ từ từ phân phát cho dân, những kẻ cơm chưa đủ no, áo chưa đủ ấm ven ngoại ô kinh thành! Ta đã vi hành ở đấy, ta biết. Còn tên đại phản nghịch, ta tha cho tội chết; nhưng sẽ lột mũ áo, cách chức, trả về đời sống thứ dân. Trong một ngày, ta không còn muốn thấy mặt tất cả bọn họ trong kinh thành Bārāṇasī này nữa. Hãy cho họ lộ phí đi đường, đi đâu thì đi!

Rồi vua quay qua tên thợ cạo:

- Ngươi đã tình thật khai báo, lại chưa nhận một ngàn đồng tiền vàng thù lao. Tội thì có tội, nhưng ta có năm giới và mười lành nên ta cũng miễn chấp cho.

Giải quyết trọng án xong, đức vua giao phó công việc cho các quan đảm trách, buồn bã trở về nội cung.

Mấy ngày sau, khi mọi công việc đã được các quan xử lý đâu đó xong xuôi, đức vua cho thỉnh mời người thanh niên đến, ban cho nhiều châu báu, phẩm vật quý giá rồi nói rằng:

- Nhờ câu mật chú kia nên ta đã được bảo toàn sanh mạng. Nay vì muốn đền ơn, ta phong cho ngươi tước vị giáo sư, hưởng lộc đệ nhất phẩm, tặng luôn ngươi ngôi biệt phủ ở ngoại thành của tên phản nghịch đang bỏ trống. Hãy ở đấy! Hãy đọc chú để bảo vệ sự an lành cho bao người!

Từ đấy, người thanh niên có địa vị vua ban, có hư danh chứ chưa phải là thực danh, nhưng cũng giàu sang, vinh hiển đúng như lời tiên tri thuở nào của vị sư trưởng kinh thành Takkasilā".

Kể chuyện xong, đức Phật tiết lộ:

- Tên thanh niên đần độn thuở xưa, nay là tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka đó. Vị quốc vương hiền thiện chính là Ānanda hiện nay. Vị sư trưởng kinh thành Takkasilā là tiền thân Như Lai vậy.

Rồi, đức Phật nhìn tỳ-khưu Cūḷapaṅthaka, nói tiếp:

- Do có duyên với Như Lai nên thuở trước, Như Lai giúp y làm chủ "của cải thế gian"; kiếp này, Như Lai giúp y hoạch đắc "của cải siêu thế gian" chớ có gì lạ đâu. Tuy nhiên, một phần sự thành tựu ấy, được kể là nhờ biết tinh cần, biết nỗ lực, có niệm, có giới nên ông ta đã tự xây cho mình một hòn đảo A-la-hán quả bất tử giữa dòng nước lũ sinh tử, thế thôi!

Ai Mua Mỹ Nhân?

Cô kỹ nữ Surimā sau khi đắc quả Nhập Lưu, không những cô đã hoàn lương mà còn thu xếp đời mình để sống theo giáo pháp một cách rất thuần thục nữa.

Mùa an cư mãn hạ đã lâu, sợ đức Phật và chư tăng không biết sẽ tản mác ra đi du hóa lúc nào, nên nàng đến Trúc Lâm thưa bạch với đại đức Mahāpaṅthaka xin mỗi ngày được đặt bát cúng dường tám vị tỳ-khưu tại tư gia.

Thế là, nàng trích mười sáu đồng tiền vàng mỗi ngày, sắm sanh vật thực với những món cứng mềm thượng vị rất chu đáo. Sau khi chư tỳ-khưu thọ thực tại chỗ xong, nàng còn tận tay, khi thì sữa chua, khi thì sữa tươi sớt đầy bát cho các vị nữa, nhiều đến nổi ba bốn người dùng phi thời có lẽ cũng không hết.

Hôm nọ, có một vị đại đức, sau khi độ thực xong ở nhà nàng, ông du hành đi đến một nơi xa, cách thành phố chừng ba bốn do-tuần rồi ngụ tại một tịnh xá trong làng.

Trong lúc rảnh rỗi, chư tỳ-khưu tại trú xứ thăm hỏi sức khỏe của đức Thế Tôn, sau đó hỏi han đời sống tứ sự ở Trúc Lâm giờ ra sao; và riêng đại đức thì đi trì bình ở đâu, có đủ cứng mềm, ngon bổ không.

Vị đại đức thành thật đáp:

- Khỏi nói! Tại Trúc Lâm, khi nào có đức Đạo Sư thì tứ sự sung mãn, không hề thiếu thốn thứ gì.

- Đúng là vậy rồi! Còn nếu đi trì bình trong kinh thành thì sao?

- Nơi nào cũng tạm đủ. Ngày nào cũng đủ no lòng. Tuy nhiên, có những lúc gặp những thí chủ đặc biệt.

- Đặc biệt ra làm sao?

- Ví như lúc nào họ cũng cúng dường thượng vị. Ví như lúc nào, họ cũng cúng dường thêm thức ăn phi thời như mật, đường, sữa tươi, sữa chua cả một bát đầy!

- Lúc nào cũng thế sao?

- Ừ, Có một nữ thí chủ đặc biệt hình như lúc nào cũng thế! Tròn vành vạnh. Lại còn biết cách cúng dường như lễ độ, khéo léo. Lại còn ngôn ngữ dịu dàng, khả ái. Lại còn nụ cười duyên dáng làm cho ai cũng thấy mê, thấy mệt!

Có một vị tỳ-khưu trẻ nghe kể vậy, lần tới một bên, xen lời:

- Vì thấy mê, thấy mệt nên đại đức bỏ trốn từ đó về đây chăng?

- Không dám thế đâu! Nhưng quả thật là tôi đã thấy nguy hiểm thật đấy!

Một vị hỏi:

- Nữ gia chủ ấy đẹp lắm sao?

- Dĩ nhiên rồi! Đệ nhất kinh thành đấy!

Thêm sau câu chuyện kể, vị đại đức vô tâm còn cho biết là không phải ai cũng tùy tiện đến tư gia cô ấy để khất thực được đâu. Tịnh xá Trúc Lâm được điều hành quy củ đâu ra đó. Tư gia cô gái kia mỗi ngày chỉ thỉnh tám vị, không dễ gì đến phiên mình đâu. Nhưng nếu ai biết cách, đi thật sớm, khi mặt trời vừa lên là có mặt ở phòng phát thẻ rồi. Tám vị tỳ-khưu đầu tiên sẽ được vị đại đức tri sự trao cho tám thẻ tre ưu tiên đến nhà cô ấy.

Họ thắc mắc:

- Thế chư vị trưởng lão, họ đến sau, không có thẻ ưu tiên sao? Và nếu nhiều vị muốn đi, không phát sanh việc mất trật tự sao?

Vị đại đức cười:

- Chúng ta là phàm tăng nên mới đưa ra những câu hỏi như vậy. Từ khi mấy ông sư cứng đầu, lộn xộn bị chư trưởng lão tẩn xuất đi rồi thì Trúc Lâm rất bình yên, không có chuyện tranh trước, tranh sau đâu. Còn chư vị trưởng lão thì không bao giờ đến phòng phát thẻ, ngoại trừ có yêu cầu; và quý ngài cũng không cần bất cứ một ưu tiên nào cả. Quý ngài thọ dụng đâu cũng được, ngon dở, bổ béo gì, các ngài có để tâm đâu!

Chư tỳ-khưu nghe xong, một vị nói:

- Đúng vậy! Chư trưởng lão là tấm gương cho chúng ta. Trường hợp là tôi, nếu cô ta dịu dàng, khả ái như thế, tôi cũng sẽ trốn chạy như đại đức vậy.

Riêng vị tỳ-khưu trẻ mới nghe qua chuyện cô nữ chủ, tuy chưa biết mặt mũi ra sao, trong tâm mình đã cảm nghe xao xuyến, trái tim mình đã đập rộn trong lồng ngực. Không nói với ai, ông lặng lẽ thu dọn chỗ ở, ôm y bát bộ hành ngay về Trúc Lâm tịnh xá trong đêm ấy. Sớm hôm sau, trời vừa rựng sáng thì vị tỳ-khưu kia đã có mặt trong phòng phát thẻ. Thế là ông được đi bát tại tư gia kỹ nữ Surimā.

Rủi ro cho vị tỳ-khưu trẻ muốn diện kiến dung nhan của cô Surimā, vì nữ chủ đã bị bệnh từ chiều hôm trước. Tuy nhiên, cô cũng dặn bảo gia nhân chăm lo chu đáo vật thực y như mọi ngày. Khi được báo chư tăng tám vị đã đến, nằm tại giường trong, nàng bảo:

- Này các em! Hãy thỉnh các ngài vào nhà an tọa, dâng nước uống, khăn thơm lau mặt. Sau đó, kiểm soát lần cuối cùng vật thực chuẩn bị sẵn, thỉnh bát, sớt đầy bát rồi dâng cúng đến quý ngài. Nhớ nói rằng, chủ của con, đệ tử Surimā,

hôm nay bị bệnh, không tận tay sớt bát cúng dường được, xin quý ngài cho nữ chủ con được sám hối!

- Thưa chủ, vâng!

Lát sau, gia nhân vào thưa:

- Công việc đã xong, thưa chủ!

- Tốt lắm! Giỏi lắm! Nàng thều thào, trông có vẻ đã quá mệt - Hãy dìu ta ra bên ngoài để đảnh lễ quý ngài, nằm như thế này là không được, là thất lễ!

Cô Surimā gắng gượng đi từng bước, đến phòng khách, nàng lảo đảo quỳ xuống đảnh lễ chư tăng. Vị tỳ-khưu cao hạ nhất, ái ngại nói với cô:

- Được rồi! Chúng tôi ghi nhận tấm lòng rồi! Cô hãy vào nghỉ ngơi đi.

Vị tỳ-khưu trẻ "phải lòng" cô, âm thầm quan sát mỹ nữ một hồi rồi nhủ thầm trong tâm rằng: "Trời đất ơi! Cô ta bị bệnh mà còn đẹp như thế kia, huống hồ khi vô bệnh? Huống hồ có thêm xiêm áo, son phấn, điểm trang? Chắc chắn cô ta đã cắt đứt hằng trăm, hằng ngàn trái tim của vương tôn, công tử kinh thành Rājagaha này rồi!" Vị tỳ-khưu càng nhìn thì lòng ông như càng bị lửa nóng nung đốt. Trong khi các vị kia ngồi độ thực tại chỗ, còn ông thì lật đật ôm bát đứng dậy, rồi như người vô hồn, đi thẳng về Trúc Lâm. Vội vàng kiếm một phòng của khách tăng, vị tỳ-khưu đặt nguyên bát vật thực còn nguyên trên kệ; rồi đến giường nằm vùi, cứ tơ, cứ tưởng hình bóng của nàng Surimā trong tâm tưởng. Vậy là vị tỳ-khưu trẻ ôm cả mối tình si khó phân, khó giải suốt mấy hôm như thế, không ăn, không uống...

Hôm kia, cả Trúc Lâm tịnh xá đều hay tin, cô Surimā, cận sự thánh đệ tử đã đột ngột qua đời do bệnh tim. Thần y Jīvaka đến ngay tức khắc nhưng không còn cứu kịp, tưởng là chỉ cảm sốt thông thường thôi. Ai ngờ! Ngay chính đức vua Bimbisāra cũng bàng hoàng, vì Surimā là em gái của thần y Jīvaka, là kỹ nữ nổi tiếng của kinh thành, lại là mang

huyết thống hoàng gia. Lễ hỏa táng của cô, nhà vua cũng muốn tham dự.

Một số đông chư tăng đã từng biết cô kỹ nữ, họ bàn tán xôn xao, cái gọi là "hồng nhan bạc mệnh". Có một số vị cảm thương cô vừa trở về đời sống của một cận sự nữ thuần thành đã vội lìa đời quá sớm. Đa phần họ thương tiếc.

Có vị chứng kiến sự si tình của tỳ-khưu trẻ, ông đẩy cửa phòng đến báo cho bạn hay:

- Cô Surimā đã mất rồi!

Đang nằm mê man bỏ ăn cả ba ngày, nhưng mới nghe nhắc đến tên Surimā, ông đã vội nhỏm dậy. Sau khi nghe bạn kể cô kỹ nữ đã từ trần, vị tỳ-khưu trẻ ngồi thừ rất lâu.

Đức Phật biết chuyện vị tỳ-khưu si tình nên cho tôn giả Moggallāna đến báo cho thần y Jīvaka hay, là đừng vội hỏa táng thi hài Surimā, ngài sẽ đến nghĩa địa cùng với Chư tăng.

Khi đức Phật và chư tăng đến nơi thì thần y Jivāka ra đón rồi dẫn ngài đến bên hỏa đài. Lát sau, đức vua Bimbisāra với nghi vệ thiên tử và tùy tùng cũng vừa xuống ngựa. Rồi còn rất nhiều quan khách, đa phần là những vương tôn, công tử có kỷ niệm với cô kỹ nữ nên họ đến đây như thầm lặng từ giã giai nhân mà họ đã từng thầm yêu, trộm nhớ một thời.

Cô nằm nhắm mắt an lành trên giàn hỏa phủ đầy hoa, nhưng vẫn toát ra sự gợi cảm nhục dục một cách mãnh liệt, không khác gì lúc còn sống, làm cho không biết bao trái tim xung quanh phải xốn xang. Trong đó có vị tỳ-khưu trẻ, ông đã núp trốn sau lưng vị tỳ-khưu khác, nhưng đôi mắt thì đắm đuối, mê man bị cuốn hút vào thân xác vô tri. Và dường như ai ai cũng đang lặng im chiêm ngưỡng cái đẹp của tạo hóa sắp bị thần lửa mang đi.

Chợt đức Phật bước đến sát bên giàn hòa, tụng một bài kệ ngắn rồi nói lớn tiếng rằng:

- Như Lai đã tiễn biệt "con gái út" của Như Lai rồi đó! Ngài lại nói với thần y Jīvaka: Ông hãy cho che một mái rạp và hãy cho người giữ gìn để nguyên thi hài cô mỹ nữ như vậy trong vòng bảy ngày. Như Lai sẽ có đề tài giáo hóa chúng sanh.

Rồi đức Phật lại quay sang đức vua Bimbisāra; và cuộc đối thoại giữa họ, người thứ ba không nghe được:

- Bắt đầu ngày mai, phiền đại vương cho người rao khắp kinh thành: "Ai muốn mua đệ nhất mỹ nhân Surīma, nhà vua sẽ bán với giá một ngàn đồng tiền vàng!"

Đức vua chưa hiểu ý, cũng hỏi nhỏ:

- Ai họ sẽ mua, bạch đức Đạo Sư?

- Nếu ngày thứ nhất không ai mua thì cho rao hạ giá xuống là năm trăm đồng tiền vàng!

- Thưa, nếu cũng không ai mua?

- Thì hạ giá xuống còn một trăm, hai mươi đồng, một đồng, một cắc, một xu... cuối cùng là biếu tặng không! Đại vương hiểu ý Như Lai chứ?

Đức vua mỉm cười, gật đầu:

- Đệ tử hiểu tôn ý rồi!

Xong, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu trở lại Trúc Lâm tịnh xá. Mọi người lần lượt giải tán.

Hôm sau, quân lính đi khắp các ngả đường trong kinh thành, rao bán mỹ nữ Surimā với giá một ngàn đồng tiền vàng, vọng từ nơi này sang nơi khác. Và có lẽ không ai mua nên ngày thứ hai, những toán lính rao truyền hạ giá xuống nữa. Và tuần tự hạ giá xuống một đồng, một xu; đến ngày thứ bảy, tặng không, biếu không cô mỹ nữ nhưng chẳng có ai lên tiếng ừ hử!

Đến ngày thứ tám, đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đến nghĩa địa thì đức vua, tùy tùng, hoàng gia và quan khách rất đông cũng đã có mặt. Và cũng chính ngay lúc ấy, chỉ có đức Phật và chư thánh lậu tận có thắng trí mới thấy rõ cô kỹ nữ

Surimā đã hóa sanh làm bà hoàng hậu của vua trời Suyāma ở cõi Yama; và cô đã cùng với năm trăm thiên nữ ngự trên năm trăm cỗ thiên xa đồng ngự xuống đảnh lễ đức Phật và đại chúng tỳ-khưu.

Đức Phật chỉ tay vào thi hài, nói rằng:

- Quý vị hãy nhìn kìa! Lúc còn sống, kỹ nữ Surimā được xem là đệ nhất mỹ nhân của kinh thành Rājagaha! Biết bao nhiêu thanh niên vương giả, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia tranh giành nhau được cận kề mỹ nữ một đêm, phải trả đúng một ngàn đồng tiền vàng. Nhiều hơn, cô ta không cần, thiếu chút ít, kẻ tình si sẽ bị gia nhân tống ra khỏi cửa cho dù là một ông vua con! Cô ta làm vậy không phải vì tham vàng, ham bạc mà chỉ để biểu tỏ đẳng cấp và quyền lực của cái đẹp mà thôi!

Này chư vị! Thuở sanh tiền, thức ăn vật uống tẩm bổ xác thân của nàng phải nói là ăn tinh, uống tủy. Việc giữ gìn nhan sắc, các vòng eo, vòng thắt phải nói là đã học hết "bí quyết" chân truyền của cổ xưa! Châu báu, kim ngân trang điểm của nàng có giá trị có thể mua đứt một chức quan tổng trấn! Xiêm áo, lụa là, phấn son... phải nói là có sẵn ở những cửa hiệu trứ danh của kinh đô Bārāṇasī hoa lệ.

Như vậy đó! Giá trị thân xác mỹ miều gợi cảm và sắc đẹp "hoa ghen, liễu hờn"[1] của nàng đã được thế gian tôn vinh, quý trọng quả thật là đã hết ngôn ngữ diễn đạt. Nhưng bây giờ thì sao? Trong bảy ngày qua, quân lính của đức vua hiền thiện đã khổ công rao bán nhưng chẳng ai thèm mua! Một xu, một cắc cũng không ai mua. Cho đến đổi cho không, biếu không, tặng không cũng chẳng ai đoái hoài! Tại sao vậy? Tại vì cái thể xác mê hồn kia, cái sắc đẹp quyến rũ ong bướm kia, bây giờ chỉ còn là một đống thịt thối cho giòi bọ tranh nhau, chỉ còn là một bọc máu mủ tanh tưởi cho ruồi

[1] Mượn thơ Nguyễn Du: " Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

lằn họp chợ! Rồi ngày qua tháng lại, nó chỉ còn như một trái bầu khô người ta quăng bỏ bên đường, chỉ còn là một đống xương trắng, chẳng có ai thích thú đứng ngắm nhìn cả:

Này chư vị! Hãy thấy rõ sự thật của cái thân là như vậy! Là phải bị suy già, bệnh tật, ốm đau và dơ uế! Nó lại còn mong manh như gốm sứ dễ vỡ. Nó lại còn nguy hiểm như một cục ung bướu không biết hờm sẵn chỗ nào ở lục phủ, ngũ tạng? Nói cách khác là tất cả chúng đều bị thời gian làm cho thay đổi, biến hoại từ trạng thái này sang trạng thái khác. Nói cô đọng hơn thế nữa, tất thảy pháp hữu vi đều bị định luật vô thường và vô ngã chi phối. Nó không chắc thật, không trường cửu, không ổn định, thường phát sanh sầu ưu, khổ não.

" Nhìn kia, thể xác mê hồn
Đống phân, hầm bệnh lại còn đớn đau
Bậm tâm lo trước, tính sau
Có chi bền vững mà cầu trường sanh?"[1]

Rồi tiếp theo đó, đức Phật thuyết liên tục mười bốn kệ ngôn rồi giảng giải rất chi li, khúc chiết về sự cấu tạo của thân gồm ba trăm khớp xương được ràng buộc bởi chín trăm sợi gân, được nối bởi bảy ngàn sợi dây thần kinh, được tô trét bởi chín trăm thớ thịt, bao bên ngoài bởi một làn da mỏng... Cái bao, cái túi da ấy đựng bên trong nào tim, nào phổi, nào thận, nào lá lách, nào gan, bao tử, ruột non, ruột già... Trong bao tử, ruột non, ruột già thì chứa thức ăn cũ, mới và phân, sán lãi, vi trùng... Trong tim thì có máu đen, máu đỏ; tuy nhiên, màu sắc của nó còn tùy thuộc trạng thái tâm mà biến dạng, đổi màu. Ví dụ người có tâm ái dục mạnh thì máu màu đỏ; tâm sân hận nhiều thì máu có màu đỏ sậm hay đỏ đen; tâm si mê nhiều thì máu có màu đỏ nhợt nhạt;

[1] Pháp cú 147: "Passa cittakalaṃ arukāyaṃ samussitaṃ. Āturaṃ bahusaṅkappaṃ yassa natthi dhuvaṃ ṭhiti".

tâm có đức tin nhiều thì máu đỏ thắm ửng vàng; tâm có trí tuệ thì màu máu đỏ trong...

Đức Phật nhấn mạnh sự bất tịnh của thân, nó chứa đầy ô trược và dơ dáy; thường bài tiết, rỉ chảy ra chín cửa như đại tiện, tiểu tiện, ghèn mắt, nước mũi, cứt mũi, đàm, nước bọt, nước miếng, ráy tai... Và ngay cả cái đầu của con người mà ai cũng quý trọng, nó cũng đáng nhờm gớm chẳng khác gì. Kẻ si mê không thấy rõ sự thật như vậy nên bị ngã ái, ngã kiến chi phối, sống bít bùng trong ái dục, ngã mạn và dối lừa.

"- Thành trì dựng cốt, bó xương
Đắp thêm máu thịt, tô hường, quét son
Mang thêm tật bệnh, tử vong
Chứa đầy ngã mạn lại gom dối lừa!"[1]

Được biết rằng, sau buổi thuyết pháp ấy, rất đông chư tăng và quan khách uống được hương vị pháp bảo. Hoàng hậu của đức vua Suyāma (cô kỹ nữ) đắc quả Bất Lai. Riêng vị tỳ-khưu si tình thì đã có cuộc chuyển hóa vĩ đại, ông đã đắc pháp nhãn, bước vào dòng giải thoát.

[1] Pháp cú 150: " Atthīnaṃ nagaraṃ kataṃ, maṅsalohitalepanaṃ; yattha jāra ca maccu ca mano makkho ca ohito".

Tên Đồ Tể

Trên con đường lớn đi về Trúc Lâm tịnh xá có gia đình ông đồ tể tên là Cunda, chuyên nghề giết heo. Suốt năm mươi năm qua, ông ta đã tàn sát dòng họ nhà heo với số lượng không kể xiết; lớp ăn, lớp bán để nuôi mạng sống cho cả gia đình.

Người ta nói rằng, với tâm độc ác và gian tham, những năm ở miền quê mất mùa, đói kém, Cunda cho người đi lùng trong các thôn làng, heo to, heo nhỏ ông mua hết với giá cám bèo rồi chở về nhà. Ông cho rào kín một khoảng vườn rồi thả tất cả heo vào đấy, cho ăn đủ loại cỏ lá thô tạp hái lượm quanh vườn và cả đồ dơ uế để khỏi tốn tiền tốn bạc mua rau, cám, chuối.

Muốn làm thịt con heo nào, ông bắt trói nó vào một gốc cột, lấy cây gỗ vuông, dùng cạnh nhọn đánh đập khắp lưng, bụng, bắp chân cho thịt mềm và nở phù ra để được nặng cân, mặc cho heo kêu rống đau đớn thế nào. Chưa thôi, ông còn cạy răng, banh mõm heo, nhét vào đấy một khúc cây cáng căng mõm ra; đoạn, ông lấy ấm nước sôi, chúc vòi đổ vào cổ họng. Nước nóng chảy vào bụng làm cho phân ở ruột hóa lỏng phải trôi tuột ra hậu môn. Tên đồ tể Cunda quan sát, hễ nước chảy ra còn đục, thế là biết ruột chưa sạch, ông tiếp tục

đổ nước thêm, cho đến bao giờ nước trong vắt hẳn thôi. Công đoạn tiếp theo, ông đổ nước sôi lên lưng, đầu, cạo cho vuột lớp da bên ngoài; lấy đuốc cháy rực đốt tất cả những lông lá còn sót lại ở lưng, ở mõm, ở bụng và ở đầu. Xong, Cunda dùng gươm bén chặt đầu heo, nghiêng xuống cho huyết chảy vào chậu để dành rưới lên thịt khi quay heo để huyết thấm vào bên trong!

Kỹ thuật giết heo, quay heo ngon, béo, giòn và vàng hượm của Cunda nổi tiếng một vùng nên ông làm được bao nhiêu bán hết bấy nhiêu, do vậy, đời sống gia đình dư dả, sung túc. Tuy nhiên, bản chất keo kiệt, bủn xỉn, ông chưa cho ai một xu, một cắc nào. Ở trên con đường mà ngày nào cận sự nam nữ hai hàng cũng với vòng hoa, hương liệu, dầu đèn... đến tịnh xá Trúc Lâm cúng dường và nghe pháp nhưng ông chưa bao giờ để mắt ngó qua. Chư tăng hằng ngày đi bát ngang nhà, nhưng chưa có lần nào ông đặt một vá cơm, một cái bánh, một muỗng canh, một thìa cháo nào...

Một hôm, Cunda đột ngột lâm bệnh và bắt đầu có những hành động khác thường. Ông quỳ bằng đầu gối rồi bò bằng "bốn chân" khắp trong nhà, ra hàng hiên, ra sau vườn; vừa bò vừa kêu rống như heo bị chọc tiết. Gia nhân, quyến thuộc thấy vậy, kềm giữ ông lại, lấy tay bụm mồm, bịt miệng cũng không ngăn được tiếng la hét thoát ra. Rồi sau đó, suốt ngày, suốt đêm, gia đình chia người canh giữ, ai cũng thấm mệt nên cuối cùng đành để cho "con heo" kia tự do bò la, bò lê, dính đất, dính cát cùng tiếng kêu rống chấn động cả một khu dân cư. Người ở trong nhà ai cũng phờ phạc, mất ngủ mà những gia đình ở xung quanh chừng vài chục ngôi cũng không được yên giấc. Sự "khủng bố với hình phạt của tử thần" như bao trùm cả một vùng làm cho ai cũng phải kinh sợ, xanh mặt. Không biết sao hơn, gia nhân, quyến thuộc đành bắt ông nhốt lại trong một căn phòng đóng kín cửa, lấy

vải, giẻ bít chặt các lỗ trống để ngăn bớt tiếng kêu rống, càng lúc càng giống tiếng heo bị chọc huyết...

Hôm kia, một số đông chư tỳ-khưu ở phương xa về, đi ngang nhà ông, nghe tiếng heo kêu, trong dịp được gặp Phật, họ than thở với ngài rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Cái lão đồ tể Cunda kia hôm nay lại giết heo chắc là có cuộc tiệc tùng, tế lễ gì đó nữa! Ôi! Đã suốt mấy chục năm giết vật, chẳng rõ sát hại biết bao sanh mạng rồi mà vẫn chưa chịu nghỉ tay, chưa chịu hồi tâm, chuyển tánh! Trên đời này sao lại có kẻ độc ác, tàn bạo, vô lương tâm đến thế!

Đức Phật mỉm cười:

- Các ông tưởng Cunda giết heo ư?

- Thưa vâng! Chúng đệ tử nghe tiếng heo rống!

- Chính tự ông ta rống như heo rống đấy!

Nhận thấy đủ nhân, đủ duyên, đức Phật bảo tụ họp chư tăng để ngài thuyết một thời pháp về nghiệp, đầy đủ tên gọi là nhân quả nghiệp báo, như sau:

- Này các thầy tỳ-khưu! Chúng sanh sinh ra bởi nghiệp, thừa tự bởi nghiệp, do nghiệp sanh, do nghiệp thành, do nghiệp sai sử, quyết định. Tên đồ tể Cunda suốt năm mươi năm quen nghề giết thịt, đã trở thành thói quen, đã điêu luyện, đã thuần thục; do vậy, năng lực của nghiệp sát ấy chi phối toàn bộ thân tâm của ông ta. Hiện tượng ông ta bò bốn chân, lê la bùn đất, kêu rống như heo, ấy là nghiệp tướng đã hiện ra. Đã bảy ngày bảy đêm ông ta bị khổ hình như thế là do nghiệp quả đã đến lúc chín muồi, "tướng" lửa địa ngục nổi lên thiêu đốt lục phủ ngũ tạng. Ông ta sẽ bị đau đớn, quằn quại cho đến ngày thứ tám, tử thần đoạn lìa mạng sống và sẽ tức khắc đọa sanh vào cảnh giới địa ngục A-tỳ (Avīci) là hiển nhiên vậy.

Các vị tỳ-khưu đều kinh hãi.

Có vị tỳ-khưu xin thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Kẻ làm ác, đại ác như vậy, có trường hợp nào ác báo được giảm bớt, được nhẹ đi hay nghiệp quả ấy được vô hiệu lực!

- Có đấy, này chư tỳ-khưu! Thứ nhất là do căn duyên sâu dày, người ấy tu tập đắc định; do năng lực của định mạnh hơn, người ấy hóa sanh lên cõi trời phạm thiên. Trường hợp ấy, nghiệp ác kia không chạy theo kịp, không trổ quả được. Tuy nhiên, nghiệp ác kia vẫn hờm sẵn ở đấy, khi đủ điều kiện trả quả thì nó đến trả quả. Nói cách khác, trong nhiều kiếp về sau, khi nào hết phước báu thiền định, hết phước báu bố thí, trì giới thì nó sẽ xen vào trả quả ngay tức khắc.

Thứ hai là đắc quả Nhập Lưu, nghiệp xấu ác kia cũng chưa có khả năng trả quả được, đôi khi bị vô hiệu hóa luôn. Như trường hợp cô kỹ nữ Sirimā, nhờ đắc thánh quả nên nghiệp xấu ác kỹ nữ giang hồ không trổ quả được, lâm chung, cô hóa sanh làm hoàng hậu đức vua Suyāma cõi trời Yama. Hôm tại nghĩa địa vừa rồi, sau thời pháp của Như Lai, cô lại đắc quả Bất Lai, vậy là nghiệp xấu ác kia bị thui chột luôn!

Cuối thời pháp, đức Phật cũng nói rõ thêm. Là khi phạm một trong năm nghiệp ác là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm Phật đổ máu và chia rẽ tăng thì người ấy tức khắc đọa địa ngục A-tỳ. Năm cực trọng ác nghiệp ấy nó thiêu hủy năng lực thiền định, nó ngăn trở luôn thánh đạo quả!

Về Vải Dơ Quăng Bỏ

Thấy ở tại tịnh xá Trúc Lâm vậy là vừa đủ, hôm kia đức Phật tuyên bố: "Nửa tháng nữa, Như Lai lại đi vân du về hướng Bắc, qua sông Gaṇgā; sẽ ghé thăm Vesāli, Videha, Moriya, Malla sau đó lên Koliya..."

Tin được truyền đi, đại chúng tỳ-khưu ai cũng chuẩn bị vá y, giặt y, đốt bát, coi lại những vật dụng tùy thân để lên đường cùng đức Phật. Chư vị trưởng lão cũng tự thân lo việc cho riêng mình.

Tôn giả Mahā Kassapa từ rừng về, ghé thăm và đảnh lễ đức Phật.

Nhìn thấy đôi chân đất lấm bụi đường xa, tấm y đắp đã cũ mòn, tấm y ngoại cũng đã tơi tả của ngài, đức Phật nói:

- Trông ông phong trần quá! Hãy tắm giặt, nghỉ ngơi và nên vá víu tấm y ngoại lại kìa!

- Thưa vâng, bạch đức Tôn Sư.

- Thọ trì những 13 pháp đầu-đà bậc thượng thì khó khăn lắm, trong lúc ông cũng đã lớn tuổi, quá kham khổ, thiếu thốn, thế có tiện không?

- Không sao, đệ tử thấy mình còn mạnh khỏe. Lại nữa, làm vậy mới giáo huấn đệ tử tỳ-khưu được.

- Ừ, thôi ông cứ tùy nghi.

Thế rồi, từ hương phòng đức Phật đi ra, tôn giả Mahā Kassapa tìm một con suối vắng để tắm giặt, choàng tạm tấm y hai lớp rồi ngồi nghỉ ngơi trên một tảng đá đợi tấm y ngoại và y nội khô.

Trong lúc ấy thì một nhóm tỳ-khưu thấp thoáng trong rừng cây đang bàn bạc việc vá y, đốt bát chuẩn bị tháp tùng đức Phật trên chuyến du hành về phương Bắc.

Họ bàn chuyện:

- Chúng ta tắm giặt thường không có y thay nên lúc nào cũng phải kiếm rừng vắng, thật bất tiện...

- Thì hãy vào phòng tắm hơi...

- Chỗ ấy thì nên để dành cho chư vị trưởng lão...

- Ai mở miệng xin đức Phật hoặc chư vị trưởng lão chế định cho chư tỳ-khưu nên có một tấm y tắm nữa.

- Thôi mà! Tôn giả Mahā Kassapa và đệ tử của ngài thọ trì luôn 13 pháp đầu-đà mà có ai than phiền gì đâu! Ai biết đủ thì nó đủ. Ai thấy thiếu thì tự nhiên nó thiếu thôi!

Thấy câu chuyện bàn bạc ấy, tôn giả ghi nhận trong lòng. Tự nghĩ: "Khá khen cho mấy ông sư trẻ mà tư duy đã chững chạc. Nhu cầu về chiếc y tắm là đúng, là cần thiết. Lúc nào thuận tiện mình sẽ thưa chuyện với đức Đạo Sư! Chính mình cũng thấy là bất tiện huống hồ gì những ông sư thanh niên!" Mỉm cười về ý nghĩ ấy, xong, ngài lấy bát ra nhen lửa đốt sét hen rỉ bên trong rồi lượm một nắm cỏ khô chùi bát cho thật sạch. Sau đó ngài ngồi cặm cụi vá y. Chiếc y ngoại của tôn giả đã mùn rách, nên ngài trăn qua trở lại mấy tấm vải vụn nhặt được nơi nghĩa địa, tìm cách vá bện lên trên y cũ một lớp nữa.

Trong lúc ấy thì tôn giả Anuruddha chống gậy lần dò đường đang bước qua. Sở dĩ tôn giả phải lấy gậy dò đường như vậy là vì ngài bị mù mắt do hành thiền quá độ, sau nhờ đắc thiên nhãn thông nên đi đâu cũng vô ngại; tuy nhiên lúc

nào về các tịnh xá, ngài lại dùng gậy để đi tới đi lui. Hiện lúc này bệnh mù mắt đã bớt, ngài có thể thấy lờ mờ...

Thấy vậy, tôn giả Mahā Kassapa hỏi:

- Hiền giả đi đâu đó? Tôi là Mahā Kassapa đây!

- Nghe nói tôn huynh từ rừng mới về nên tôi tìm cách đi viếng thăm đây!

- Viếng thăm làm gì mà vất vả vậy!

- Không sao! Nghe giọng nói của tôn huynh thì tôi đã mát mẻ rồi.

Rồi tôn giả ngồi xuống, lấy tay sờ tấm y, sờ mấy mảnh vải rồi nói tiếp:

- Tôn huynh đang vá y à? Thế năm trăm tỳ-khưu đệ tử của tôn huynh đâu cả rồi mà ở đây không có một người đỡ đần tay chân như vậy?

Tôn giả Mahā Kassapa nói:

- Chuyện của mình, mình làm được mà!

Chợt tôn giả Anuruddha nói:

- Tấm y này nó hư mục cả rồi! Vá víu làm sao được nữa?

- Không sao! Vậy tôi mới vá đùm,vá đụp chồng lên trên đây này!

- Cũng được, nhưng nó sẽ dày và nặng quá, đi đường xa, bụi tấp vào, mồ hôi lấm vào thì thành cái "cục nợ" đấy!

Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười nói:

- Không sao! Tâm mình không "nợ" thì chiếc y làm sao lại "cục nợ" cho mình được?

- Đúng vậy! Thật là tuyệt vời! Tôn giả mỉm cười rồi nói tiếp - Còn tôi, thọ trì đầu-đà bậc hạ mà tấm y sang trọng quá như thế này, xem chừng là nợ thật đấy!

- Cũng không nợ!

- Tại sao?

- Vì về các loại vải phấn tảo, đức Phật chỉ mới chế định đó là vải dơ, vải người ta quăng bỏ chứ chưa đi sâu và rộng

về các chi tiết; nên tấm y kia dẫu sang trọng nhưng vẫn đúng pháp và luật.

- Cảm ơn tôn huynh! Sự thật là vậy. Sự thật là tôi không biết. Sự thật là đức Tôn Sư có đến xâu chỉ giúp nhưng ngài cũng không bảo đấy là có lỗi.

Chuyện tôn giả Anuruddha lang thang đi tìm vải dơ, vải người ta quăng bỏ thì có người chỉ cho một khúc vải lấm lem bụi đất nơi đống rác, ngài lượm về giặt sạch thì ai cũng biết. Nhưng khúc vải quý giá như thế nào thì ngài không biết. Các bậc có thắng trí còn biết thêm, tôn giả có một vị thiên nữ tên là Jālinī ở cung trời Đao Lợi, vốn là người vợ cũ từ kiếp trước đã có nhã ý cúng dường khúc vải ấy; sợ dâng tận tay thì tôn giả không nhận nên thiên nữ lại quăng nơi đống rác trên con đường mà ngài sắp đi qua. Lại còn sợ ngài không thấy nên cô phải nhờ người mách bảo giúp nữa. Còn nữa, ai cũng biết tôn giả bị mù không thể may y, nên chư trưởng lão Sāriputta, Moggallāna, Ānanda đều đến giúp một tay. Đặc biệt, đức Phật đi ngang, thấy vậy, ngài cũng bước vào, lấy kim xâu chỉ giúp.

Tôn giả Mahā Kassapa ân cần nắm tay người bạn mù:

- Đúng vậy! Đức Phật chưa chế định ngăn cấm nhặt khúc vải đẹp tốt, vậy hiền giả không có lỗi.

- Cảm ơn tôn huynh!

- Cảm ơn làm gì! Sự thật là vậy mà!

Chuyện đến tai đức Phật, ngài cho tụ họp đại chúng rồi giảng giải như sau:

- Về chuyện y phấn tảo[1], rộng rãi hơn, bắt đầu từ nay, những vị tỳ-khưu theo hạnh đầu-đà được phép sử dụng những thứ vải sau đây:

Vải quăng bỏ nơi mồ mả, nghĩa địa, đống rác, bến nước, trên đường đi...

[1] - Là y được may từ những tấm vải lượm nơi này và nơi khác.

Vải quăng vất lang thang nơi các quán hàng, chợ búa...
Vải chùi mình dơ rồi bỏ
Vải dơ mà người bịnh mặc rồi bỏ
Vải bó tử thi
Vải đã bị cháy một, hai chỗ
Vải đã bị xé rách
Vải bị mối ăn, chuột cắn
Vải rách bìa, rách biên
Vải đã làm cờ và phướng
Vải rịt ghẻ rồi bỏ
Vải mà sa-môn bỏ
Vải dùng trong việc tôn vương rồi bỏ
Vải bị gió thổi bay, chủ bỏ
Vải bị sóng biển đánh tấp vào bờ...

Vải chư thiên hoặc cận sự nam nữ đem bố thí nhưng không dâng cúng tận tay lại đem bỏ một nơi nào đó.

Tất cả các loại vải ấy lượm về giặt sạch, may y là đúng pháp. Tuy nhiên, cần lưu ý là:

Người thọ trì bậc thượng thì chỉ được phép nhận vải bó tử thi, vải quăng bỏ nơi mồ mã, nghĩa địa.

Người thọ trì bậc trung thì chỉ được phép lượm vải quăng bỏ trên đường, trên đống rác, nơi bến nước...

Người thọ trì bậc hạ thì được phép nhặt vải bất kỳ đâu, cho chí thí chủ là loài người hay chư thiên quăng bên chân, trước mặt chứ không phải cúng dường tận tay, vẫn đúng pháp như thường.

Này các thầy tỳ-khưu! Sở dĩ Như Lai chế định rộng rãi như vậy là vì Như Lai biết nhân duyên và quả, vì biết quá khứ, hiện tại vị lai. Tại sao vậy? Vì Như Lai biết rõ rằng, thời gian về lâu về dài, đầu-đà bậc thượng, bậc trung đệ tử của Như Lai sẽ không còn ai kham nhẫn được nữa thì ít ra cũng còn đầu-đà bậc hạ! Và như vậy thì khi thí chủ là loài người hoặc chư thiên tìm đến những khu rừng đầu-đà quăng

vải tốt trên đường, treo nơi gốc cây, trên tảng đá thì các vị tỳ-khưu thọ trì đầu-đà bậc hạ cũng thọ nhận được. Nhờ vậy, hạnh đầu-đà sẽ còn duy trì trên thế gian vài ba ngàn năm sau.

Nghĩ hơi một chút, đưa mắt quan tâm nhìn đại chúng, đức Tôn Sư nói tiếp:

- Người thọ trì đầu-đà có vô số lợi ích, đấy là:

Biết hổ thẹn tội lỗi
Biết ghê sợ tội lỗi
Biết đủ
Ít ham muốn
Dễ nuôi
Sống đời không tích lũy
Biết xả ly
Đi trên con đường vắng lặng
Làm sáng hạnh của sa-môn
Dễ thấy điều xấu ác
Xa rời nơi nhiệt não
Xa rời tâm nhiễm ô
Dễ độc cư thiền tịnh
Dễ phát triển thiền minh sát
Được nhân loại, chư thiên ái kính
Là phước điền của trời, người...

Tuy nhiên, giáo pháp của Như Lai là giáo pháp toàn diện. Vì giáo pháp toàn diện nên công hạnh toàn diện, khế lý, khế cơ toàn diện mà tướng dụng cũng toàn diện; vậy nên ai thọ trì đầu-đà là tốt mà ai không thọ trì đầu-đà cũng không phải xấu. Ở rừng, ở nghĩa địa, ở núi sâu, ở nhà trống hay ở chỗ có mái che, cốc liêu, tịnh xá, tu viện tại thành phố, thị trấn, làng mạc cũng không sao. Hình thức bên ngoài là thọ trì đầu-đà mà tâm còn nhiễm ô, không chịu tu tập thì đâu có tốt gì? Mặc y lành tốt từ tay thí chủ cúng dường nhưng tinh cần tu tập để rời xa tham sân phiền não thì lại càng đáng

khen ngợi. Quan trọng là có tu tập và tu tập tốt hay không; có đi theo lộ trình giới, định, tuệ, bát chánh đạo, tứ niệm xứ hay không! Thọ nhận tứ sự từ hai hàng cận sự nam nữ cúng dường hay không thọ nhận đều được tùy nghi lựa chọn sở tri, sở hành cho mình.

Giáo pháp của Như Lai cũng là lộ trình của trung đạo, hãy nhớ rõ như vậy.

Ngỗng Trời
Cất Cánh Thênh Thang

Biết trưởng lão Mahā Kassapa chuẩn bị để lên đường cùng với đức Phật, chư vị tỳ-khưu, cả đệ tử và không đệ tử đến thăm viếng ngài ngày này sang ngày khác. Cận sự nam nữ hai hàng của kinh thành Rājagaha cũng quyến luyến đến thăm ngài từng nhóm, từng nhóm đông không kể xiết.

Thấy tình hình vậy, có một nhóm tỳ-khưu bàn tán với ý đồ không được tốt:

- Cả đệ tử và không phải đệ tử ai ai cũng kính trọng và mến mộ tôn giả ấy. Xem ra cái tình ấy chẳng khác gì là thân bằng quyến thuộc!

Một giọng nói cất cao lên:

- Thân bằng, quyến thuộc à? Đâu chỉ có từng ấy? Cả kinh thành Rājagaha này, xem chừng đều là thân bằng, quyến thuộc của tôn giả hết đó!

Một giọng chậm rãi:

- Được tôn kính, mến mộ, trọng đãi, cúng dường tứ sự... hỷ mãn... có khi nào trở thành thói quen không từ bỏ được chăng?

Một vị tỳ-khưu có trí đặt lại vấn đề:

- Này, này! Ông bạn hãy giữ gìn cái miệng! Nên nhớ rằng, trưởng lão chỉ thọ nhận vật thực ở những giới thủ-đà-la và chiên-đà-la thôi đó!

Im lặng khá lâu.

- Nhưng nói gì thì nói, dù tôn giả ấy đi đâu cùng không bằng ở đây. Tôn giả ấy đã là đôi mắt, là người cha hiền, là nơi phát sanh tín tâm, là nơi của trăm ngàn kỉnh mộ hướng về, là ruộng phước vô tận cho chư thiên và loài người. Chỉ thua có đức Tôn Sư thôi. Tôn giả ấy còn đi đâu được?

- Ý bạn nói là tôn giả do ái luyến những thứ ấy nên sẽ không đi đâu cả phải không?

- Đi chứ! Trưởng lão đã chuẩn bị đâu đó rồi đấy!

- Tôi không tin là ngài dứt đi được!

Có tiếng cười, rồi nói lơ lửng:

- Biết đâu, ngài chỉ lên "hang đá đừng dể duôi" rồi quay trở về?

- Thôi! Hãy xem như thế nào, nào! Đừng kết luận quá vội vàng!

Theo truyền thuyết, cái mà các vị ấy gọi là "hang đá đừng dể duôi" (Māpamāda) có cái sự tích của nó. Số là có một cái hang đá trên đỉnh Linh Thứu, nơi đức Phật thường lên đấy tĩnh cư; khi nào thấy chư tăng tìm lên thì đức Phật bảo: "Hãy quay trở lại! Các ông phải có phận sự trở về tịnh xá, tu tập và chăm lo mọi việc, đừng dể duôi!" Từ đấy, "hang đá đừng dể duôi" đã trở thành một thuật ngữ, có nghĩa là "Hãy quay trở lại! Đừng có dể duôi!"

Chuyện ấy thì trong chư tăng ai cũng biết.

Đến ngày lên đường, ai cũng thấy là tôn giả Mahā Kassapa cùng với năm trăm đệ tử đều đi theo đức Phật. Các vị tỳ-khưu bàn luận ở trên vẫn chưa tin. Có kẻ bán tín bán nghi. Một số cứ lầm thầm nói vào tai nhau nhau rằng: "Tôn giả ấy và chư đệ tử, đi thì có đi, nhưng họ sẽ đến 'hang đá đừng dể duôi' rồi quay trở về tịnh xá mà thôi! Hãy xem!"

Đi được chừng mấy do-tuần, chợt đức Phật dừng chân lại, cất tiếng hỏi tôn giả Moggallāna:

- Đi theo Như Lai đông như vậy thì ở tại Trúc Lâm, đại chúng còn khoảng bao nhiêu vị?

- Thưa, chừng năm trăm vị!

- Quản nhiệm, quản chúng, tri sự có những vị trưởng lão nào?

- Thưa! Chư vị trưởng lão đều ta-bà vân du hết cùng với chúng đệ tử của họ. Hiện tại ở tịnh xá, chỉ có một vài trưởng lão như Anuruddha quen sống tĩnh cư; người biết việc, chỉ còn tỳ-khưu Mahāpaṇthaka tạm thời trông coi trong ngoài, sau trước.

Nghe vậy, đức Phật cho gọi tôn giả Mahā Kassapa rồi nói:

- Ông và môn đệ hãy quay trở lại đi. Kinh thành Rājagaha và Trúc Lâm tịnh xá cần cái bóng của ông, cả cái tên của ông nữa! Hiện tại, dù ở đấy có năm trăm vị tỳ-khưu, nhưng đối với quyến thuộc lâu ngày của ông thì nó chẳng khác gì chùa không, vườn trống! Ông là sự kỉnh mộ và tôn trọng của chư tỳ-khưu cũng như các hàng cận sự. Hãy trở lại đấy cho mọi người có chỗ nương tựa!

Thế rồi, vâng lời đức Phật, tôn giả Mahā Kassapa cùng với môn đệ quay trở lại Trúc Lâm.

Nhóm tỳ-khưu bàn tán ở trên, tưởng là mình đoán trúng, họ rất là khoái, thú vị nói:

- Thấy chưa? Tôi nói như đinh đóng cột! Tôn giả ấy không đi được đâu!

- Ái luyến quyến thuộc! Ái luyến đệ tử của mình, môn đồ, tứ vật dụng, cả sự trọng đãi, tôn kính của mọi người thì bị vướng bận, bị đeo dính, bị kết buộc như ruồi dính mủ mít thôi!

Đức Phật biết tất cả mọi sự bàn tán, dị luận đối với Mahā Kassapa; nhưng đợi đến đêm ấy, dừng chân tại thị trấn

Pāṭaligama, nơi một ngôi cổ miếu để đợi mai vượt sông Gaṅgā, đức Phật mới họp đại chúng để nói chuyện.

Duyên khởi là đêm ấy có ánh trăng sơ huyền nhưng rất sáng nên đức Phật cảm hứng ngữ đọc một câu kệ ngôn, có nghĩa là:

"- Ánh trăng nghìn muôn thuở
Soi sáng khắp núi sông
Thị thành cùng làng mạc
Chẳng dính mắc, bận lòng!"

Rồi ngài tiếp:

- Này chư tỳ-khưu! Ánh trăng kia là hạnh nguyện của tỳ-khưu Mahā Kassapa đấy! Kể từ một trăm ngàn đại kiếp về trước, kể từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, Mahā Kassapa đã tụ tập họ hàng quyến thuộc đông đảo, làm cho họ phát khởi tín tâm, hỷ tâm để cùng bắt tay nhau thiết lập một lễ đài và một tòa bảo tháp để cúng dường xá-lợi đức Thế Tôn ấy. Lễ đài trông như một tòa lâu đài hoa rực rỡ. Bảo tháp ấy chiếu sáng trông như một tháp bạc giữa đêm đen. Công đức và phước báu ấy đã đưa ông ta và họ hàng quyến thuộc lên hưởng lạc thú những cõi trời. Riêng ông ta có một cỗ xe trời được kéo bởi một ngàn con ngựa trời; một tòa lâu đài bảy tầng cao ngất cùng một ngàn mái nhọn bằng vàng ròng, một ngàn chóp nhọn bằng hồng ngọc... Và cứ thế, suốt sáu mươi ngàn kiếp, ông ta là những sát-đế-lỵ vĩ đại làm chúa bốn phương, làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ bảy loại báu, quyến thuộc tùy tùng oai danh hiển hách. Và ngoài ra, không nói hết những sự xán lạn và vinh quang trong nhiều kiếp sống nữa. Và rồi, ông ta cũng đã từng buông bỏ, xả ly tất thảy chúng để sống đời ẩn sĩ ở non sâu, tuyết lãnh. Và ngay kiếp cuối cùng, ông ta sanh ra trong một gia tộc bà-la-môn danh giá, cự phú, đã cùng với người vợ chỉ trên danh nghĩa, phủi tay từ bỏ tám mươi Koṭi vàng không quyến niệm, không dính mắc để ra đi...

Này chư tỳ-khưu! Hiện tại, Mahā Kassapa là một đại sa-môn, là một đại A-la-hán, là một đại trưởng lão lậu tận. Cũng như ánh trăng rong ruổi chiếu sáng khắp mọi nơi mà không dính mắc ở đâu cả, thì Mahā Kassapa, hành trạng, công hạnh của ông ta cũng y như vậy. Ai mà bàn bạc, dị luận rằng là Mahā Kassapa dính mắc thân bằng, quyến thuộc, tứ sự; lưu luyến chỗ ở, am cốc, vườn rừng và ngay cả sự được kính trọng, được tôn trọng của cư dân kinh thành Rājagaha... thì có lỗi đấy; hãy tự sám hối ở trong tâm đi, bằng không những cái đầu ngu si, tật đố kia sẽ bị vỡ vụn ra từng mảnh đấy!

Đức Phật im lặng một lát để cho lời thuyết giảng ấy thấm sâu vào tâm trí của mọi người rồi kết luận bằng một bài kệ ngôn như dấu ấn bất tử của lộ trình giải thoát:

"- Sa-môn chánh niệm kiên trì
Lìa mọi trú xứ ra đi nhẹ nhàng
Ngỗng trời cất cánh thênh thang
Ao hồ bỏ lại, mây ngàn thong dong!"[1]

[1] Pháp cú 91:"Uyyuñjanti satīmanto na nikete ramanti te; haṃsā'va pallalaṃ hitvā okaṃ okaṃ jahanti te".

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI TÁM
(Năm 570 trước TL)

Cô Gái Con Người Thợ Dệt

Vượt sông Gaṅgā, đức Phật bỏ bến sông tấp nập voi, ngựa, hàng hóa và khách lữ hành đủ mọi sắc tộc, mọi giai cấp, ngài chọn những con đường làng có bóng cây và ít bụi bặm để lên phía bắc.

Kinh thành Vesāli vẫn trù phú như dạo nào. Đến Mahāvana, Sảnh Đường Nóc Nhọn, đức Phật ngụ ở đây mấy hôm, sách tấn chư tỳ-khưu, tăng cũng như ni rồi lại lên đường. Rồi suốt trên lộ trình đến Videha, Moriya, Malla sau đó lên Koliya không có biến cố gì, nhân duyên gì để thuyết những thời pháp lớn. Chỉ có điều đặc biệt là gặp lại chư trưởng lão Vappa, Assaji, Mahānama, và đều đã yếu, đức Phật khuyên họ nên tìm chỗ trú chân tại Kỳ Viên, Trúc Lâm hay Kosambī để di dưỡng tuổi già vì ở đấy đời sống tứ sự ổn định. Đức Phật cũng gặp lại ba anh em trưởng lão Uruvelā Kassapa, Gayā Kassapa và Nadī Kassapa và hội chúng ở trong một khu rừng, ngài cũng khuyên là mấy anh em họ cũng nên dừng chân đầu-đà, tìm chỗ tĩnh cư.

Rồi năm ấy, đức Phật an cư mùa mưa ở ngọn đồi đá trắng Cālikapabbata, thị trấn Cālikā, có con sông Kimikālā xanh mát thuộc quốc độ Koliya cùng với đại chúng tỳ-khưu. Ở đây, có khá nhiều liêu thất và hang động được thiết lập từ

năm an cư thứ mười ba của đức Phật; ngoài ra gần thị trấn lại còn có vườn xoài xinh đẹp mà thuở ấy tỳ-khưu Meghiya, thị giả của đức Phật yêu thích, lưu luyến.

Khi đã sắp xếp đâu đó ổn định rồi, thỉnh thoảng đức Phật lại ôm bát ra đi một mình để hóa độ những người hữu duyên. Đặc biệt, có hôm, đức Phật sử dụng thần thông đi một khoảng đường khá xa, ngài trở lại thành phố Āḷavī, ngụ tại điện thờ Aggāḷava để gieo duyên thêm với cư dân ở đây. Và thật ra, đức Phật cố ý hóa độ cô gái con người thợ dệt. Hơn hai năm về trước, khi đức Phật giảng dạy "tùy niệm về sự chết" (Marana-anussati) thì cô ta rất tâm đắc và hoan hỷ. Và từ đấy đến nay cô ta rất tinh cần, ngày cũng như đêm không buông lơi đề mục bao giờ.

Tin đức Phật đang ngụ tại điện thờ Aggāḷava, thành phố Āḷavī không mấy chốc lan truyền đi khắp nơi. Việc đức Phật hóa độ dạ-xoa Āḷavaka đem lại thanh bình cho quốc độ là một ân đức quá lớn nên từ đức vua, triều đình cho đến dân chúng ai ai cũng háo hức tìm đến đảnh lễ, nghe pháp, cúng dường.

Khác với mọi lần, khi hai hàng cận sự đặt bát cho đức Phật, thọ thực xong nhưng hôm nay, ngài chưa giảng pháp thoại như cố chờ đợi một người; và đại chứng tỳ-khưu cũng yên lặng như vậy...

Và quả đúng như thế, lúc ấy, cô gái thợ dệt trong lòng nôn nao, muốn làm mọi việc đâu đó cho xong để còn thì giờ đến điện thờ Aggāḷava, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật và nghe pháp. Nhưng đột ngột sáng nay, khi đến xưởng dệt, cha cô quay lại căn dặn: "Tại khung cửi, cha còn một cái áo của khách hàng chưa dệt xong vì thiếu chỉ. Vậy ở nhà, con phải nhanh tay quấn chỉ vào suốt rồi mang gấp đến xưởng dệt cho cha!"

Khi quấn chỉ vào suốt xong thì trời đã khá trưa, cô gái đặt suốt chỉ trong rá, kẹp vào nách rồi hối hả ra đi. Đường

đến xưởng dệt phải đi qua điện thờ Aggāḷava, không cưỡng được ước muốn vào thăm Phật nên cô gái lẹ làng bước nhanh, qua vườn, len đám đông, đưa mắt nhìn qua cửa sổ. Thấy được đức Phật với tướng hảo quang minh, xán lạn, cô gái rất hoan hỷ, nói nhỏ trong lòng: "Đây là cha của ta, đã dạy cho ta tùy niệm về sự chết. Từ đó đến nay, tâm ta như mặt nước hồ thu vắng lặng, đồng thời, ta không còn ganh ghét, hung dữ với một ai. Ta không còn sợ hãi bất cứ một cái gì, kể cả sự chết".

Trong lúc ấy thì đức Phật đã thấy cô gái nên ngài nói:

- Cái cô bé bên ngoài cửa sổ kia, nách kẹp cái rá suốt chỉ, hãy vào đây, Như Lai hỏi chuyện.

Mọi người ngạc nhiên quay lại nhìn. Cô bé vâng lời, bước vào, để cái rá bên chân rồi đảnh lễ đức Phật rất phải phép.

Đức Phật mỉm cười hỏi:

- Nầy con! Con từ đâu đến?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "không biết".
- Vậy thì "đi", rồi con sẽ đi đâu?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "cũng không biết".
- Con "không biết" thật sao?
- Bạch đức Thế Tôn! Không, đệ tử "biết".
- Phải con "biết" thật không?
- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử "không biết".

Như vậy, đức Phật hỏi cô gái bốn câu. Dân chúng nghe cô trả lời với đức Phật như vậy thì lấy làm bất mãn. Họ nói với nhau: "Coi kìa! Với bậc Toàn Giác mà con gái người thợ dệt dám nói như kiểu đùa giỡn vậy! Thật là vô lễ, vô phép, vô tắc..."

Đức Phật mỉm cười cho mọi người an lòng, đưa tay ra dấu hiệu bảo đám đông giữ im lặng; và rồi ngài hỏi tiếp cô gái:

- Nầy con! Khi Như Lai hỏi con "từ đâu đến", tại sao con trả lời là "không biết"?

- Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử đi từ nhà người thợ dệt mà đến đây. Vậy khi Tôn Sư hỏi "từ đâu con đến đây" thì đệ tử nghĩ, ý Tôn Sư muốn hỏi: "Từ cảnh giới nào con tái sanh đến đây?" Và như vậy thì quả thật con trả lời "không biết" là đúng với sự thật!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Lành thay! Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Rồi đức Phật hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi "từ đây con sẽ đi đâu", tại sao con trả lời là "không biết"?

- Bạch đức Thế Tôn! Chính Tôn Sư biết rõ là đệ tử sẽ đem suốt chỉ đựng trong rá đến xưởng dệt cho cha của đệ tử, thế nhưng Tôn Sư còn hỏi đệ tử sẽ đi đâu, thì đệ tử biết chắc ý Tôn Sư chỉ muốn hỏi: "Khi ra đi từ kiếp nầy, con sẽ tái sanh đi đâu?" Và như vậy thì đệ tử trả lời "không biết" là đúng với sự thật!

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Đức Thế Tôn khen cô gái lần thứ nhì, rồi ngài hỏi tiếp nữa:

- Khi Như Lai hỏi "con không biết thật sao"? Thì tại sao con lại trả lời "dạ con biết!"

- Bạch đức Thế Tôn! Điều nầy đệ tử "biết". Đệ tử biết chắc là "đệ tử phải chết". Vì lẽ ấy đệ tử trả lời như vậy.

Đức Phật nói:

- Con lại một lần nữa đã giải đáp đúng câu hỏi của Như Lai.

Như vậy đức Thế Tôn ngợi khen cô gái lần thứ ba.

Rồi ngài lại hỏi tiếp:

- Khi Như Lai hỏi con "biết", phải vậy không? Tại sao con nói con "không biết".

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử chỉ biết một điều là thế nào đệ tử cũng chết, nhưng không biết cái chết sẽ đến lúc nào. Chết ban ngày hay ban đêm? Chết vào buổi sáng hay vào buổi chiều? Điều ấy đệ tử không biết, vì lẽ ấy đệ tử trả lời "không biết" là đúng với sự thật.

Đức Phật nói:

- Con đã giải đáp đúng những câu hỏi của Như Lai!

Rồi đức Phật nói tiếp:

-Trên thế gian này, người ngu si, người không có trí tuệ, dù có mắt cũng như bị mù; còn người sáng suốt, người có trí tuệ, dẫu bị mù mắt nhưng cũng thấy rõ được mọi sự, mọi chuyện; họ thoát khỏi lưới bủa của thợ săn để đến nơi an toàn:

"- Thế gian loáng quáng mù manh
Hiếm thay, ít kẻ mắt lành sáng trong
Lưới trùm, chim khó thoát lồng
Bay lên nhàn cảnh quả không mấy người!"[(1)]

Câu kệ ngôn chấm dứt, cô gái con người thợ dệt chứng đắc đạo quả Nhập Lưu.

Còn mọi người xung quanh thì thở phào, nhẹ nhõm; họ không dám trách mắng cô bé thợ dệt kia nữa, mà lại tỏ lòng kính trọng, vì rõ ràng là chiều sâu của giáo pháp, cô ta thông hiểu hơn mọi người.

Sau đấy, cô gái đảnh lễ đức Phật với tâm an lạc không kể xiết rồi bưng cái rá đựng suốt chỉ đến xưởng dệt cho cha.

Lúc ấy cha cô đang ngồi trên khung dệt mà ngủ. Cô không để ý rằng cha cô đang ngủ nên vói tay đưa rổ cho ông. Không may, cái rá đụng vào đầu khung cửi và rơi

---

(1) - Pháp cú 174: " Haṃsādiccapathe yanti, ākāse yanti iddhiyā; nīyanti dhīrā lokamhā jetvā māraṃ savāhiniṃ".

xuống, gây một tiếng động lớn. Cha cô giựt mình thức dậy, tình cờ chụp cây cần ở đầu khung kéo mạnh xuống. Cái đầu khung quây vòng trúng ngay vào ngực cô gái. Tức thì cô chết, và tái sanh vào cảnh trời Đâu Suất...

Tại điện thờ Aggāḷava, sau buổi pháp thoại, đức Phật vẫn còn ngồi yên lặng chớ chưa chịu rời chân. Đại chúng không hiểu. Hai hàng cận sự không hiểu. Nhưng khi cô gái bị tai nạn, chấm dứt hơi thở thì đức Phật mới mở mắt ra, nói rằng:

- Cô gái thợ dệt sau mấy câu hỏi, cô ta đã đắc pháp nhãn, là "con gái nhỏ" của Như Lai đó! Vừa rồi, cô ta bị tai nạn đột ngột, cái đầu khung cửi rơi xuống, đập mạnh vào ngực, cô ta đã chết và tức khắc hóa sanh vào cung trời Đẩu Suất.

Đưa mắt một vòng nhìn đại chúng, đức Phật nói tiếp:

- Từ thị trấn Cālikā, Như Lai đến đây ngoài nhân duyên với mọi người, còn việc khác rất quan trọng là cứu độ cô gái con người thợ dệt. Vì Như Lai biết trước là cô ta sẽ bị chết như vậy, nếu không đưa cô ta an trú vào thánh pháp thì nghiệp bất đắc kỳ tử kia có thể đưa cô ta xuống những cảnh giới đau khổ. Còn nữa, cha cô con gái sẽ rất đau khổ, có thể đi đến điên loạn. Nhưng không sao, Như Lai sẽ hóa độ cho ông ta.

Và quả đúng như vậy. Cha cô con gái, sau đó được đức Phật giảng giải về Tứ Diệu Đế, ông thấy rõ sự thật nên xin xuất gia tỳ-khưu rồi theo chân ngài về núi đá vôi Cālikapabbata để tiếp tục an cư mùa mưa.

Nghe nói rằng, về sau ông ta tu tập tốt nên đắc quả A-la-hán.

Trên Đỉnh Cao Linh Thứu
(Gijjhakūṭa)

Trở lại ngọn đồi đá trắng Cālikapabbata, thị trấn Cālika xinh đẹp chưa được bao lâu, đức Phật lại ôm bát ra đi, về phương nam. Sau tháng ngày dầm sương dãi nắng, đức Phật lên ngụ tại núi Linh Thứu, phía nam kinh đô Rājagaha một thời gian mà không cho ai hay biết. Khi thì đức Phật tìm một động vắng, tĩnh chỉ cả tuần lễ, lúc thì ngài dạo chơi đây đó, chỉ một mình. Buổi sớm, ngài lên một đỉnh núi cao nhất để ngắm nhìn mặt trời mọc; và cũng vậy, vào buổi chiều, ngài ngắm nhìn mặt trời lặn. Đôi khi, ngài lại ngồi giữa trăng khuya, cô liêu giữa đỉnh trời, sương mù bàng bạc; và hình bóng ngài như lẫn giữa mênh mông, bao la, không còn phân biệt đâu là hữu tướng, đâu là vô tướng. Thảng hoặc, ngài ngắm nhìn một con thác đổ, trắng xóa, hơi nước mong manh, tan vào khí đá, cỏ cây! Chỉ những người yêu thích sự tĩnh cư mới nếm thưởng được niềm phúc lạc thanh cao, yên tĩnh, êm đềm của các bậc xuất trần! Tuy nhiên, chẳng ai biết, trong thời gian ấy, đức Phật đang chiêm nghiệm, lắng nghe, ngắm nhìn bài học của thiên nhiên, của tự nhiên để cho giáo pháp thêm vẻ sắc màu, phong phú và đa dạng. Có lẽ không

ai hiểu đâu, giáo pháp của ngài, sau lần đó, sẽ như mặt trời mọc, sẽ như mặt trời lặn. Mặt trời mọc, nó xóa tan sương mù, mang hơi ấm và ánh sáng cho vũ trụ một cách vô danh như bản thân nó mà không cần một đền đáp nào! Mặt trời lặn như hoàn tất một hành trình để bắt đầu một chu kỳ mới, cho cỏ cây được yên nghỉ, âm thầm, lặng lẽ sáng tạo với trăng, với nước sương để bồi dưỡng thêm sinh lực, ngày mới! Mặt trời là trí tuệ vô lậu, mặt trăng là tứ vô lượng tâm - đấy là sự toàn hảo của giáo pháp. Đức Phật còn học bài học tự nhiên của dòng thác đổ, nó rơi xuống, nó va đập vào ghềnh đá, nó thành suối chảy; và nó không bao giờ trở lại, nó đi miết, qua các con sông, qua các đầm lầy, qua những mương rãnh rồi cuối cùng cũng tìm về biển lớn. Giáo pháp của ngài cũng vậy, từ thuở đầu nguồn, nó va đập vào truyền thống ngàn đời của Vệ Đà, nó va đập thượng đế, đại ngã phạm thiên, tiểu ngã linh hồn thường kiến; nó va đập vào tế tự, lễ nghi, cúng bái, cầu nguyện, chơn ngôn, mật chú; nó va đập vào bốn giai cấp nghiệt ngã, va đập vào cái tròng nô lệ lên thân phận nhỏ nhoi, bé mọn của chiên-đà-la, thủ-đà-la... khốn khổ! Rồi, nó đi không trở lại, về biển đại đồng, mênh mông, vô lượng của sự thoát khổ, của giải thoát tâm, của giải thoát trí...

Có hôm, sau khi độ thực bằng trái cây rừng và nước suối, nhìn mặt trời bắt đầu bước qua chính ngọ; ngài nghĩ, tuổi tác ngài cũng vậy, đã qua tuổi năm mươi, cũng bắt đầu đi vào chênh xế. Dòng thời gian cứ mải miết trôi đi. Và bánh xe chuyển pháp đã có lực đẩy, và thế là nó cũng cứ việc trôi đi, lướt đi...

Cũng tại nơi này, nhiều năm về trước, đức Phật đã có những buổi pháp thoại với Đại phạm thiên Sahampati, với Đế Thích (Sakka) thiên chủ, với Tứ đại thiên vương (Catummahārājika) oai trấn bốn phương; và họ đã trở thành những vị hộ pháp đắc lực và vô cùng nhiệt tâm. Các vị

trưởng lão như Sāriputta, Moggallāna, Mahā Kassapa, Anuruddha, Puṇṇa Mantāniputta, Upāli, Ānanda... cũng đã nhiều lần hình thành những buổi pháp thoại lớn, nhỏ, liên hệ đến những điểm giáo pháp tinh yếu nhất... Bây giờ, các vị ấy ai cũng đã chững chạc, đang độ chín muồi trí tuệ, công hạnh, năng lực cũng như phương tiện giáo hóa; đều đã xứng đáng là những bậc trưởng lão, những cội tùng bách sum suê và vững chãi cho tứ chúng nương nhờ.

Cũng do hôm đó, đức Phật hỏi:

- Là một vị trưởng lão, để được xứng đáng được gọi là một bậc trưởng lão, phải có đầy đủ những đức tánh gì?

Ai cũng suy nghĩ hồi lâu.

Sau đó tôn giả Mahā Kassapa đáp:

- Ít nhất là cũng phải hội đủ năm đức tánh, bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, thì đó là năm đức tánh gì?

- Thưa. Thứ nhất là phải biết sống đời đầu-đà khổ hạnh, tam y nhất bát tùy duyên giáo hóa chúng sanh. Thứ hai là phải vừa lòng, biết đủ trong các nhu cầu về ăn, về ở, về mặc, về chỗ nghỉ ngơi. Thứ ba là giới hạnh không được khuyết thủng hay sứt mẻ; mà phải tròn trặn, sáng trong như viên ngọc mạni không tì vết. Thứ tư là phải có tâm quảng đại, rộng lượng, biết chia sẻ giáo pháp đến cho hàng tỳ-khưu hậu học cũng như đối với hai hàng cư sĩ tại gia. Thứ năm là chứng đạt vô lậu tâm, vô lậu trí, giải quyết trọn vẹn tử sinh đại sự, là lý tưởng tối hậu của những thiện gia nam tử cần cầu xuất ly thế tục!

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Được năm điều tối hảo như thế thì quả thật xứng đáng danh xưng một bậc trưởng lão trong giáo pháp của Như Lai.

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Đầy đủ năm đức tánh kia thì quả thật là tuyệt vời. Nhưng đệ tử cũng có năm điều khác, chỉ như là năm điểm sáng của năm con đom đóm thôi, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật biết sự khiêm tốn của vị đệ nhị đại đệ tử nên ngài mỉm cười:

- Ừ, thì năm cái điểm sáng đom đóm ấy ra sao?

- Thưa, thứ nhất là phải thành tựu những thắng trí để những cái thấy, cái biết được xa rộng hơn; nghĩa là nên trang bị thêm tai, mắt thượng nhân để suốt thông ba cõi, để xuyên thấu nghìn đời. Thứ hai là phải có khả năng hóa độ chư thiên, ma vương, long vương, dạ-xoa cùng các loại phi nhân khác. Thứ ba, phải biết giảng nói rành rẽ về pháp và luật cho đến bất kỳ một đối tượng học chúng nào, bất kỳ trong hoàn cảnh nào. Thứ tư là phải dẫn dắt chư đệ tử tỳ-khưu, sa-di đến quả vị cuối cùng; như người mẹ hiền nuôi con cho đến khi chúng tự đi được, tự bước những bước đi ra ngoài sinh tử. Thứ năm là phải biết vận dụng thiện xảo những phương tiện trí; thiện xảo về thân, thiện xảo về khẩu, thiện xảo về ý, cả về phương cách thể hiện...

Đức Phật gật đầu, mỉm cười:

- Đấy là những sở đắc hoàn hảo của ông. Chẳng phải là cái lập lòe của năm con đom đóm đâu! Đừng tự khiêm nữa! Bổ túc, bổ sung như vậy là tốt lắm! Xứng đáng lắm!

Tôn giả Ānanda nói:

- Hai vị tôn giả đưa ra mười điều kia thì đã lấy hết giáo pháp của đức Tôn Sư rồi. Nhưng đệ tử cũng muốn góp ý thêm, chỉ như năm hạt cát của con sông Gaṅgā thôi! Bạch đức Thế Tôn.

- Ừ, thì cứ cho Như Lai xem năm hạt cát ấy ra sao?

- Thưa, thứ nhất là phải nghe pháp cho thật nhiều, luôn luôn tầm cầu pháp như con thơ khát sữa; lập tâm ghi nhớ pháp đừng để cho quên mất một câu, một đoạn, một ví dụ, một hình tượng, một đoản ngôn; từ đó, kiến văn sẽ phong

phú, kiến thức sẽ sung mãn. Thứ hai là phải biết thuyết lại tất cả Phật ngôn, tất cả những giáo giới của chư đại trưởng lão một cách thông suốt, minh nhiên và toàn hảo. Thứ ba là phải biết sống đời phục vụ không mệt mỏi; phục vụ đức Tôn Sư, phục vụ chư tôn đức thượng thủ, phục vụ Tăng ni huynh đệ, tỉ muội, phục vụ hai hàng cận sự tại gia khi họ cần mình dẫn dắt tu tập. Thứ tư là phải biết cung kính, biết vâng lời, biết lễ nghi khuôn phép, biết học hỏi với các bậc thượng túc của Tăng đoàn. Thứ năm là phải biết chia sẻ y bát, vật thực, vật dụng đến những tu sĩ thiếu thốn hơn mình; và sau đó là sống thiện bạn hữu, thiện thân tình với Tăng ni hai chúng.

- Đẹp lắm, này Ānanda! Và ông nói như thế nào thì ông cũng đã sống đúng như vậy. Đấy chẳng phải là năm hạt cát mà chính là năm hạt ngọc sáng lấp lánh, chói ngời giáo hội của Như Lai!

Rồi đức Phật quay sang tôn giả Sāriputta:

- Còn ông thì sao, Sāriputta?

- Thưa, dường như mười lăm điều kia gộp lại, đã trở thành cái gì toàn bích trong tâm, trong trí của chư đại trưởng lão, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có nói thêm thì cũng y như những giọt nước rơi xuống biển lớn, chẳng thể nào làm cho lượng nước biển kia nhiều hơn một tí nào!

- Ừ, thì cũng được! Đức Phật gật đầu - Thêm những giọt nước, hay lắm, ví von hay lắm! Hãy cho mọi người xem những giọt nước ấy ra sao!

- Thưa, thứ nhất là phải thành tựu tuệ phân tích, tứ vô ngại giải; ở đây là nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, ngôn ngữ vô ngại và biện tài vô ngại. Thứ hai là phải thông suốt Abhidhamma, khả dĩ trình bày được những pháp tế vi, đệ nhất nghĩa của tâm, của tâm sở, của sắc pháp và của Niết-bàn. Thứ ba là không chỉ có tâm thỉnh cầu pháp, mà phải suy tư pháp, chiêm nghiệm pháp, thẩm sát pháp cả chiều sâu, chiều rộng, lớn thì như núi Sineru, nhỏ thì như mảnh lân hư

trần. Thứ tư là phải có trí, có tâm, biết lắng nghe để khả dĩ hòa giải mọi cuộc tranh chấp, bất đồng ý kiến, quan điểm giữa các tỳ-khưu và các nhóm tỳ-khưu. Thứ năm là luôn luôn có bốn vô lượng tâm để sống với Tăng ni, đệ tử cũng như các hàng cư sĩ tại gia.

Sau khi bốn vị trưởng lão đưa ra hai mươi điều, hai mươi đức tánh, như đúc kết toàn bộ hai mươi pháp cần có trong tâm trí của bậc trưởng lão – thì chẳng còn ai góp ý thêm một điều nào nữa. Nó đầy đủ chân thiện mỹ, đầy đủ thể tướng dụng, đầy đủ giới định tuệ, đầy đủ pháp và luật rồi.

Đức Phật đưa mắt một vòng nhìn mọi người:

- Vậy là toàn hảo! Vậy là cả hai mươi điều của các ông, cộng lại, sẽ trở thành kim chỉ nam giá trị cho hàng hậu học noi theo. Như Lai không cần phải thêm bớt một điều nào nữa. Tuy nhiên, nếu đọng lại, cô rút lại, tinh yếu lại, tóm tắt lại, giả dụ như chỉ còn hai điều thì chỉ cần nói tuệ vô lậu, tâm vô lượng, đầy đủ cả mặt trời và mặt trăng. Tuệ vô lậu là cứu cánh rốt ráo của sa-môn hạnh và bốn tâm vô lượng là để sống với mọi tương quan trong Tăng đoàn, học chúng cũng như nhân quần, xã hội – có phải thế chăng?

- Thưa, đúng vậy!

Tôn giả Sāriputta chợt hỏi:

- Bốn tâm vô lượng thì chư trưởng lão ai cũng thành tựu ít nhiều, đã viên mãn hoặc gần như viên mãn. Nhưng tuệ vô lậu thì vị A-la-hán nào cũng giải thoát tất thảy tham, sân, si, phiền não. Nhưng còn sự sâu cạn của tuệ thì không phải đơn giản; vậy xin đức Tôn Sư chỉ giáo thêm.

- Đúng vậy! Ông đã hỏi một câu hỏi rất chính xác. Đối với Như Lai thì tuệ ấy cần phải có thêm mười trí bổ trợ, bổ sung thì nó mới toàn hảo, viên mãn. Như Lai có đủ mười trí ấy; mà các ông hiện nay cũng đã thành tựu được mấy phần rồi. Hãy nghe, Như Lai sẽ thuyết!

- Thưa vâng, bạch đức Tôn Sư!

Rồi đức Phật cặn kẽ giảng nói như sau:

- Thứ nhất[1] là trí (ñāṇa) thấy rõ, biết rõ cái gì là xứ và cái gì không phải là xứ! Xứ (ṭhāna) là một nơi chốn, một cái chỗ nào, mà từ đó, các pháp phát sanh. Hiểu theo nghĩa rộng thì xứ ấy, có thể nó như là cái gốc, cái nguyên lý; mà cái gốc, cái nguyên lý thì bất di dịch, không thay đổi; nó luôn luôn như chân, như thật. Không phải xứ thì ngược lại, nó sái với nguyên lý, là không phải nguyên lý. Người có trí này thì biết rõ, thấy rõ sự vận hành của các pháp, quy luật của mọi vận động đúng và không đúng; trung chính, chánh hay nghiêng lệch, tà; nó diễn ra trong một quy trình, nó có một quy trình để biết cái gì xảy ra và cái gì không xảy ra...

Thứ hai[2] là trí thấy rõ, biết rõ quả nghiệp dị thục xảy ra như thế nào. Ở đây, khi một nhân, một duyên đã sanh khởi, trí này sẽ thấy biết rõ nó sẽ trổ quả dị thục[3] thiện hay bất thiện ra sao, xảy ra trong ba thời như thế nào.

---

[1] Ṭhānāṭhāna-ñāṇa: Trí biết xứ và phi xứ. Tàu dịch: Tri giác xứ phi xứ trí lực.

[2] Kammavipākañāṇa: Trí biết quả nghiệp dị thục. Tàu dịch: Tri tam thế nghiệp báo trí lực.

[3] Quả dị thục hay quả nghiệp dị thục: Dị là khác, thục là chín muồi. Khi ta gây một nhân, nhân ấy không trổ quả ngay mà còn tuỳ thuộc các duyên liên hệ. Có nhân, có duyên mới có quả. Khi quả ấy trổ, nó sẽ không giống với nhân ban đầu, mà nó khác, do quả chín muồi nên nó khác đi, gọi là dị thục. Ví dụ 1, khi ta gieo một hạt cam (nhân); hạt cam ấy cần phải có đất, nước, phân, ánh sáng, thời gian cùng công phu chăm sóc của người nông dân (tất cả điều kiện này là duyên, duyên tốt) nên 3 năm sau ta sẽ có cây cam và quả cam. Quả cam này khác với nhân (hạt cam), nhưng phải đợi đến khi quả cam chín muồi, ngọt – khi ấy mới được gọi là quả dị thục. Ví dụ 2, một người hay chưởi xéo, mắng xéo người khác - kiếp sau sinh được làm người, miệng người ấy bị méo lệch; miệng méo lệch chính là quả dị thục của nghiệp mắng xéo chưởi xéo từ kiếp trước.

Thứ ba[1] là trí thấy rõ, biết rõ nơi đến, nơi đi mọi sanh thú của chúng sanh; nghĩa là thấy biết rõ mọi pháp hành dẫn đến tái sanh trong các cõi khổ, vui. Như người không có thí, không có giới, hành mười nghiệp ác thì tái sanh vào tứ ác đạo. Như người có thí, có giới, có mười nghiệp lành thì sanh cõi người và sáu cõi trời dục giới. Như người tu thiền định thì hóa sanh cõi sắc giới hay vô sắc giới. Còn người thực hành bát chánh đạo, tu tập giới, định, tuệ thì trước sau cũng giải thoát, giác ngộ, Niết-bàn...

Thứ tư[2] là trí thấy rõ, biết rõ chủng, loại của tất thảy cảnh giới của chúng sanh. Ở đây là trí thấy biết rõ bản chất dị biệt của mỗi chủng, mỗi loại, mỗi uẩn, mỗi xứ, mỗi giới của tất cả chúng sanh một cách như thực.

Thứ năm[3] là trí thấy rõ, biết rõ khuynh hướng khác nhau, tâm tánh khác nhau của tất cả chúng sanh. Nếu trong quá khứ có tâm tánh hạ liệt, khuynh hướng hạ liệt thì hiện tại sống trong cảnh giới hạ liệt ra sao. Nếu trong quá khứ có tâm tánh thanh cao, khuynh hướng thanh cao thì hiện tại sống trong cảnh giới thanh cao như thế nào.

Thứ sáu[4] là trí thấy rõ, biết rõ tất thảy mọi căn cơ cao thấp của chúng sanh. Ở đây, toàn bộ căn cơ cao thấp ấy chúng biểu hiện nơi tâm tánh, cá tánh, khuynh hướng, trình độ, tri kiến, hành động, thói quen, những hạt giống ngủ ngầm, lanh lợi, đần độn, dễ dạy, khó dạy, nhiều phiền não, ít

---

[1] Sabbatthagāminīpaṭipadāñāṇa: Trí biết hành lộ của mọi sanh thú. Tàu dịch: Tri nhất thiết chí sở đạo trí lực.

[2] Nānādhātuñāṇa: Trí biết tất thảy mọi dị biệt cảnh giới của chúng sanh. Tàu dịch: Tri chủng chủng giới trí lực.

[3] Nānādhimuttikañāṇa: Trí biết rõ những khuynh hướng khác nhau, những tâm tánh khác nhau của chúng sanh. Tàu dịch: Tri chúng sanh tâm tánh trí lực.

[4] Indriyaparopariyattñāṇa: Trí biết rõ căn cơ cao thấp của chúng sanh. Tàu dịch: Căn thượng hạ trí lực.

phiền não, nhiều tham sân, ít tham sân, giác ngộ khó khăn hay giác ngộ dễ dàng...

Thứ bảy[1] là trí thấy rõ, biết rõ tất cả trạng thái, tính chất của các bậc thiền. Ở đây là thiền nhiễm ô do còn chấp thủ, thiền thanh tịnh do không còn chấp thủ; nói cách khác, định, nhập định, xuất ly định đều phải thấy biết rõ ràng.

Thứ tám[2] là có túc mạng thông, là trí thấy rõ, biết rõ những kiếp sống quá khứ; nghĩa là có khả năng thấy được một đời, nhiều đời, trăm ngàn đời... với chánh báo như vậy, y báo như vậy, hình dong như vậy, tâm tánh như vậy... với đại cương hoặc tất cả chi tiết của đời sống ấy.

Thứ chín[3] là có thiên nhãn thông, là trí thấy rõ, biết rõ sự sống, chết của chúng sanh trong ba cõi, sáu đường. Nếu chúng sanh có hạnh nghiệp như vậy, lành tốt hay xấu ác, thiện hoặc bất thiện thì sẽ tái sanh vào các cảnh giới tương ứng... là cao sang, là hèn hạ, giàu có hay đói nghèo, sắc thân xinh đẹp hay xấu xí, trí hoặc ngu, lạc hoặc khổ...

Thứ mười[4] là trí dập tắt, đoạn tận tất thảy mọi phiền não, tập khí, mọi lậu hoặc, kiết sử thô thiển hoặc tế vi. Nghĩa là phải tự mình thành tựu, chứng nghiệm tuệ vô lậu, giải thoát; và vị ấy thấy rõ, biết rõ mình là như vậy.

Thời pháp chấm dứt. Đúng là buổi pháp thoại ở đỉnh cao Linh Thứu. Hôm ấy chỉ có tôn giả Ānanda là đang ở đầu dòng, còn các vị khác đều ở cuối nguồn Bất Tử. Và hiện nay, thì trong mười trí lực của đức Phật, có vị đã thành tựu

---

(1) Jhānādisaṅkilesadiñāṇa: Trí biết rõ tất cả mọi trạng thái, tính chất của các bậc thiền. Tàu dịch: Tri chư thiền giải thoát tam-muội trí lực.

(2) Pubbenivāsānussatiñāṇa: Trí biết rõ tiền kiếp. Tàu dịch: Tri túc mạng trí lực.

(3) Cutūpapātañāṇa: Trí biết sự sanh tử. Tàu dịch: Tri thiên nhãn vô ngại trí lực.

(4) Āsavakkhayañāṅa: Trí đoạn tận các lậu hoặc. Tàu dịch: Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

được sáu, bảy, có vị đã thành tựu được bốn, năm – chưa sâu nhiệm và toàn diện đúng độ như một bậc Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật mỉm nụ tiếu sanh tâm, và nghĩ thầm, họ xứng đáng là những bậc đại trưởng lão thanh tịnh vậy.

Ruộng Phước

Hôm sau, hôm sau nữa thì chư vị trưởng lão từ nhiều phương xa xôi hoặc tại Veḷuvanārāma tịnh xá, vân hành lên núi đảnh lễ và vấn an sức khỏe đức Phật. Đấy chỉ là duyên cớ, vì đức Phật thường rầy la, khiển trách những cuộc thăm qua viếng lại, vừa mất thì giờ tu tập vừa phù phiếm, vô ích. Chư vị trưởng lão cũng biết vậy. Họ đến đây chỉ để cùng với đức Phật, dự định an cư mùa mưa năm nay tại Veḷuvanārāma tịnh xá do sự thỉnh cầu của đức vua Bimbisāra cùng hai học chúng tăng ni ở Vương Xá thành (Rājagaha).

Đức Phật dẫn chư vị trưởng lão đi dạo một vòng, sau đó, đứng trên ngọn đồi nhìn xuống những thung lũng với những cánh đồng lúa trải dài ngút mắt đến tận chân trời, ngài đưa tay chỉ rồi nói:

- Những mảnh ruộng với từng ô, từng ô trông đẹp mắt làm sao! Trong chư vị có ai liên tưởng gì về đám ruộng ấy với giáo pháp của Như Lai không nào?

Tôn giả Ānanda nhanh trí, trả lời liền:

- Là mảnh ruộng phước, bạch đức Tôn Sư!

- Ai là ruộng phước ấy, này Ānanda?

- Thưa, chính là Tăng Bảo, chính là chư tỳ-khưu trong giáo hội của đức Tôn Sư.

- Họ là người như thế nào nào? Họ có đúng là những mảnh ruộng phước để chư thiên và loài người gieo trồng lên đấy những hạt giống lành chăng?

- Dạ thưa, đúng vậy!

- Chư tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai ấy, họ có những ân đức gì, có những đức tánh gì mà trở thành ruộng phước vậy, này Ānanda?

Tôn giả Ānanda suy nghĩ giây lâu rồi đáp:

- Thưa, nhiều lắm, nhưng đệ tử có thể tóm tắt trong những điều sau đây:

Thứ nhất, họ thích sống nơi rừng, nghĩa địa, ngôi nhà trống, dưới cội cây; nơi những vùng, những miền xa chốn huyên náo thị thành, chọn nơi vắng vẻ, yên lặng: Cảnh thanh tịnh thì sẽ trợ duyên cho tâm thanh tịnh, bạch đức Thế Tôn.

Thứ hai, nhờ điều thứ nhất ấy, họ thích sống ẩn dật, vô danh, thích sống tĩnh cư, độc cư như tê giác giữa rừng sâu.

Thứ ba, ai cũng đang cố gắng thực hành pháp, đang cố gắng trong những đề mục chỉ tịnh hay quán minh mà họ đã học được từ đức Thế Tôn hay với chư vị đại trưởng lão.

Thứ tư, nhờ khắng khít với điều thứ ba ấy nên họ sống rất hân hoan, rất thỏa thích trong giáo pháp.

Thứ năm, họ âm thầm, lặng lẽ thực hành những pháp cao thượng để ly xuất trần cấu, những bợn nhơ phiền não.

Thứ sáu, nhờ pháp thanh cao, và nhờ an trú được những pháp thanh cao nên họ hoan hỷ với đời sống thanh cao ấy.

Thứ bảy, họ có đời sống biết giữ gìn thân khẩu ý, biết thu thúc mắt tai mũi lưỡi thân ý.

Thứ tám, họ thọ trì nghiêm túc những học giới.

Thứ chín, nhờ kết quả có từ điều bảy và điều tám nên họ sống rất chân thật: Thân chân thật, khẩu chân thật, ý chân thật.

Thứ mười, họ biết chịu đựng, nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống, mọi thời tiết; chẳng bao giờ than khổ, than đói, than nóng, than lạnh, than ăn không được, than ngủ không được, than đi bát khó khăn, than vật thực không đủ no lòng, than đau nhức, than bệnh tật, than trở ngại thế này, than chướng ngại thế kia, than cái này trái ý, cái kia nghịch lòng...

Thứ mười một là một chút việc ác xấu nhỏ họ cũng không dám làm, giữa chỗ đông người hay chỗ không có người - vì họ có tâm biết hổ thẹn với chính mình, với lương tâm mình.

Thứ mười hai, là họ ghê sợ, sợ hãi những việc làm xấu ác, sợ dư luận lên án, xã hội chê cười.

Cũng nhờ mười hai điều trên mà họ luôn luôn cố gắng tu tập, không dám buông lung, phóng dật; biết học hỏi giáo pháp, trau dồi thêm giáo pháp; hoan hỷ trong học giới của mình, tu tập bốn vô lượng tâm; khi có cơ hội, đủ nhân duyên thì thuyết giảng Phật ngôn đến người có tai để nghe, đến người có trí để tìm hiểu. Họ lại còn có đời sống dị giản, biết vừa lòng, biết đủ, không tham luyến cất chứa vật dụng, tài sản, của cải. Họ thong dong như cánh chim trời, đi đâu cũng chỉ có chiếc mỏ là bình bát, đôi cánh là ba y; tự tại và giải thoát vô cùng, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật gật đầu:

- Thế là đã đủ chưa, này Ānanda!

- Dạ thưa chưa! Đấy là đệ tử chỉ nói những điều khái quát, những đức tính khái quát; nhưng nếu đi sâu vào nữa, thêm chi tiết nữa thì trong hội chúng của đức Thế Tôn có vị đệ nhất đầu-đà, đệ nhất thần thông, đệ nhất thuyết pháp, đệ nhất thiền định, đệ nhất tứ vô ngại giải, đệ nhất ẩn cư, đệ nhất trì giới, đệ nhất khổ hạnh, đệ nhất trú xứ thâm lâm. Lại còn không biết bao nhiêu vị sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả; một thông, hai thông, ba thông, bốn thông, năm thông.

Lại còn không biết bao nhiêu vị thọ trì khổ hạnh đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ. Lại còn không biết bao nhiêu vị ngữ ngôn lưu loát, biện tài vô ngại, làu thông pháp và luật nên khi thuyết giảng thì cứ như nước chảy mây trôi. Ôi! Quả thật là quá nhiều, bạch đức Thế Tôn! Họ không phải là ruộng phước của chư thiên và loài người thì trên thế gian này, ai là người xứng đáng hơn họ? Không cần nhiều vị, mà chỉ cần một vị, thực hành trọn vẹn hạnh sa-môn thì đã là xứng đáng cho muôn người cung kính, lễ bái, cúng dường rồi, bạch đức Thế Tôn.

Đức Phật lại khen ngợi:

- Hay lắm! Đầy đủ lắm, này Ānanda!

Rồi ngài quay sang chư vị trưởng lão:

- Đúng đấy là ruộng phước. Vậy có ai bổ túc, bổ sung gì cho đoạn minh giải hùng hồn của Ānanda nữa không?

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Không cần phải bổ túc gì thêm nữa, bạch đức Tôn Sư! Đại đức Ānanda tuy chỉ nêu ra mười hai đức tính thanh cao của Tăng, nhưng nếu phân tích cho thật kỹ thì ít ra cũng có đến ba mươi hoặc bốn mươi đức tính chứa đựng ở trong đó. Đây là một bài pháp hay, có nội dung lớn, nếu biết triển khai thì vô cùng lợi ích cho Tăng ni, cho cận sự hai hàng, luôn cả cho chư thiên và phạm thiên, bạch đức Thế Tôn!

Rồi tôn giả quay sang tôn giả Ānanda, mỉm cười, chậm rãi nói:

- Đại đức Ānanda luôn luôn đi sát bên lưng đức Thế Tôn từ năm này sang năm khác, từ hạ lạp này sang hạ lạp khác, quả thật đã không uổng công học hỏi. Ngoài trí nhớ phi thường, đại đức lại vừa chứng tỏ kiến văn quảng bác, cách diễn ngôn lại rất thiện xảo, thần tình; và dường như câu cú, mệnh đề, từng phần, từng mục đã có sẵn đâu đó ở trong tâm trí rồi - thế là cứ việc mở ra cho chúng trôi, cho chúng chảy! Thật đáng khâm phục!

- Thật không dám đâu! Tôn giả Ānanda cúi đầu xuống như hổ thẹn với lời khen, nhưng rồi lại cười vui: Được bậc Tướng quân chánh pháp khen ngợi, thật là một vinh hạnh hiếm có trên đời vậy.

Ai cũng thỏa mãn. Quả thật là ân đức tăng quá lớn. Ai cúng dường đến tăng ấy, phước trổ sanh sẽ vô lượng vô biên như cát của con sông Đại Hằng.

Tôn giả Upāli chợt hỏi:

- Đại đức Ānanda chỉ nói đến chư tỳ-khưu phạm hạnh hoặc chư tỳ-khưu đang thực hành phạm hạnh; còn nếu là tỳ-khưu hư hỏng, xấu xa, dể duôi, buông lung, hành trược hạnh, ác giới... bị các vị đồng phạm hạnh chê cười thì đâu phải là ruộng phước, bạch đức Tôn Sư?

Đức Phật nói:

- Nếu vị tỳ-khưu ấy còn tăng tướng, còn trong phẩm mạo sa-môn thì vị ấy vẫn là ruộng phước đấy, này Upāli!

- Đệ tử chưa hiểu.

- Ông hãy nghe đây! Khá nhiều vị tỳ-khưu trong giáo hội hiện nay của Như Lai bị hư hỏng, khuyết tật về giới, nhưng họ vẫn đang trên con đường tu tập, vẫn ăn mỗi ngày một bữa, vẫn cắt móng tay, móng chân, vẫn cạo râu tóc, vẫn không trang điểm châu báu, vòng hoa, vẫn không thoa dầu thơm, vật thơm, vẫn xa lánh đàn ca xướng hát, vẫn không tích lũy vàng bạc, của cải, vẫn đầu trần chân đất ôm bát xin ăn, vẫn không mặc y sang trọng, vẫn không nằm giường cao, gối êm, vẫn không ở nhà cao cửa rộng, vẫn không có năm món ngũ dục xa hoa, vẫn không nằm ngủ với vợ và chơi đùa với con, vẫn làm lễ sám hối mỗi tháng hai lần, vẫn cho giới đến hai hàng cư sĩ, vẫn nói đạo, thuyết pháp, vẫn truyền giới luật cho sa-di và tỳ-khưu. Chỉ như vậy thôi thì hàng cư sĩ tại gia có ai làm được, dẫu là bậc thánh cư sĩ cũng không làm được; cho nên họ vẫn xứng đáng là ruộng phước cho chư thiên và loài người đấy, này Upāli!

- Đúng vậy, đệ tử đã hiểu rồi. Tuy nhiên, còn tội lỗi của vị ấy, nghiệp xấu ác của vị ấy thì sao, thưa Tôn Sư?

- Hãy để cho tăng xử. Ai làm nấy chịu. Quả nghiệp xấu xa của vị ấy thì hãy để cho nhân quả công minh nó làm việc, này Upāli!

- Thưa vâng!

- Không kể phàm, không kể thánh, bất cứ ai còn tăng tướng, phẩm mạo sa-môn thì tất cả đều ở trong Tăng Bảo ba đời: Hiện tại, quá khứ và vị lai. Tăng Bảo bao giờ cũng gồm chư thánh phàm tăng quá khứ, chư thánh phàm tăng hiện tại, chư thánh phàm tăng vị lai, này Upāli! Một vài vị, một vài cá nhân, một số cá nhân tỳ-khưu thì có thể hư hỏng, xấu xa, ác giới, nhơ bợn nhưng Tăng Bảo thì không, Tăng Bảo thì luôn luôn mỹ toàn, thanh tịnh, này Upāli!

- Đệ tử hiểu rồi.

Tôn giả Ānuruddha lại hỏi:

- Vậy thì khi cúng dường tứ sự đến cho một vị tỳ-khưu, hai vị tỳ-khưu, cận sự nam nữ đừng nghĩ đến cá nhân vị ấy mà cứ khởi tâm cúng dường tăng, cúng dường Tăng Bảo thì phước báu ấy sẽ rất toàn hảo, rất thanh tịnh, có phải vậy không, thưa Tôn Sư?

- Đúng vậy!

- Tăng Bảo thì luôn luôn thanh tịnh! Hay lắm! Cả một biển lớn thanh tịnh! Tôn giả Ānanda tán thán! Tuyệt vời thay! Cao thượng thay là ruộng phước cho chư thiên và loài người!

Đến đây, tôn giả Sāriputta chợt quay nhìn mảnh y vá đùm vá chụp của tôn giả Mahā Kassapa rồi nói vui:

- Tấm y của tôn huynh đệ nhất đầu-đà khổ hạnh của chúng ta, trông chẳng khác bao nhiêu so với mảnh ruộng dưới kia, nhưng có điều, có điều...

- Là xấu hơn nhiều... Tôn giả Mahā Moggallāna cũng cười rồi mau mắn tiếp lời – tuy là xấu hơn nhiều nhưng lại

vô cùng màu mỡ, là ruộng phước đệ nhất đấy, nhất là khi tôn giả ấy xả thiền sau bảy ngày diệt thọ tưởng định!

- Nhất định rồi!

- Không sai! Chỉ có ai có nhân duyên lớn mới có thể gieo hạt đúng lúc, đúng thời...

Đưa mắt nhìn cánh đồng một lần nữa, đức Phật liền khẩu lệnh như ban chỉ dụ:

- Vậy thì từ rày về sau, những tấm y cà-sa của tăng ni trong giáo hội thanh tịnh của Như Lai, chư vị trưởng lão hãy hướng dẫn cho họ cắt may đúng y như những ô ruộng ở dưới kia; không cần khéo lắm, đẹp lắm nhưng đều đặn một chút, đều đặn hơn tấm y của Mahā Kassapa một chút...

Và chỉ dụ ấy sau đó trở thành luật. Tôn giả Upāli ghi nhớ nằm lòng duyên khởi của luật ấy.

Tôn giả Mahā Kassapa đưa mắt nhìn xuống tấm y của mình, nói vui:

- Quả thật là nó xấu tệ! Nhất là so với tấm y thượng hảo hạng của đại đức Anuruddha!

- Đúng vậy! Vì đấy là tấm y do thiên nữ cúng dường. Đẹp hơn cả tấm y của đức Thế Tôn nữa.

Ai cũng cười. Đức Phật cũng mỉm cười. Ôi! Những nụ cười trong lành và thanh thoát xiết bao!

Trời đã chiều rồi, đức Phật và chư trưởng lão xuống núi. Họ hướng đến vườn xoài của thánh y Jīvaka.

Tuệ Phân Tích
Của Tôn Giả Sāriputta

Thánh y Jīvaka đi vắng, ông thường bận chăm sóc sức khỏe cho đức vua Bimbisāra và chư tăng ở Veḷuvanārāma tịnh xá. Tuy không có mặt gia chủ cư sĩ hiền thiện, nhưng đèn đuốc đây đó đã được thắp sáng lên khi chư tăng bổn xứ hay biết đức Thế Tôn cùng chư vị đại trưởng lão ghé thăm. Những ghè nước rửa chân, những chiếc khăn chùi chân, những chiếc khăn thơm lau mặt, những chỗ ngồi cũng đã được sắp đặt tươm tất đây đó.

Không cần nghỉ ngơi, sau khi an tọa, đức Phật nói:

- Bây giờ, ba vị trưởng lão Mahā Moggallāna, Ānanda, Upāli hãy thay nhau thuyết lại buổi pháp thoại ở trên đỉnh Linh Thứu, xoay quanh ba nội dung: Một, là mười trí lực của một bậc Chánh Đẳng Giác; hai là những đức tánh cần có trong tâm của một bậc trưởng lão; ba là nói đến tấm y cà-sa với từng ô, từng ô như là ruộng phước của chư thiên và loài người. Sau đó, con trai trưởng của Như Lai (Sāriputta) phải có nhiệm vụ vừa đúc kết vừa triển khai rộng thêm về những đề tài ấy.

Vâng lời đức Vô Thượng, tôn giả Mahā Moggallāna thuyết về mười Như Lai lực rất rõ ràng, mạch lạc, thỉnh

thỏang dừng lại giải thích một số thuật ngữ như uẩn, xứ, giới làm cho thính chúng rất hài lòng. Đến phiên tôn giả Ānanda, ngài nói về mười hai pháp cần có trong tâm của một bậc trưởng lão, y như lần trước. Tuy nhiên, lần này tôn giả nói lại càng trôi chảy hơn, lưu loát hơn, ai cũng hoan hỷ. Riêng tôn giả Upāli thì kể lại buổi pháp thoại trên núi Linh Thứu, nói về những mảnh ruộng với từng ô, về áo cà-sa, về ruộng phước của chư thiên và loài người. Tôn giả cũng giải thích rõ ràng, tại sao những tỳ-khưu hư hỏng, khuyết tật về giới nhưng còn tăng tướng, phẩm mạo sa-môn vẫn là mảnh ruộng phước. Tôn giả cũng giải thích rộng và chi tiết về Tăng Bảo ba đời cho hội chúng nghe nữa.

Ba vị tôn giả thuyết xong, hội chúng rần rần tán thán "sādhu, lành thay", âm ba dao động khu vườn tĩnh mịch. Một số vị tỳ-khưu còn phàm, thường hay hổ thẹn về giới của mình cảm thấy vô cùng an ủi; họ tự hứa sẽ tu tập tốt hơn, thu thúc nghiêm cẩn hơn để xứng đáng với tăng tướng, phẩm mạo sa-môn, xứng đáng ở trong Tăng Bảo ba đời.

Để kết luận, tôn giả Sāriputta nói:

- Chư vị biết không? Mười Như Lai lực mà tôn giả Mahā Moggallāna vừa thuyết lại, nó có công năng tối thắng, nó vượt trội, nó là chiếc búa kim cương đập vỡ tất cả mọi lực, mọi sức mạnh trên đời này. Nó đập vỡ quân binh lực, danh vọng lực, quyền uy lực, vua chúa lực, thế gian lực, chư thiên lực, phạm thiên lực, ma vương lực, tử thần lực, tử sanh lực, vô minh lực, ngũ dục lực, pháp hành lực, phiền não lực... Nó lại còn như tiếng rống của sư vương trên đỉnh cao Linh Thứu, lay thức tất cả giáo chủ, đạo sư, chân sư với những chủ thuyết, tư tưởng, ý hệ trên mọi ngõ ngách nhân sinh tối tăm và thống luỵ trên đời này. Đấy còn là bài ca thiên thu, mở phơi thang âm một thế giới ở ngoài, ở trên tất cả giá trị huyên náo và ồn ã của thế gian... Vậy, chư vị hãy thọ trì, phụng hành để xứng đáng là hạt bụi nhỏ bám theo

bàn chân trần của đức Đại Giác – ngài có mười trí lực thì chúng ta cũng phải ráng mà thành tựu hai, ba phần!

Chư vị biết không? Tiếp theo, mười hai pháp cần có trong tâm của một bậc trưởng lão mà tôn giả Ānanda vừa thuyết lại, nó không đơn thuần là mười hai điều nhất định như vậy đâu; nếu cộng thêm đức Tôn Sư thuyết giảng đó đây, cộng thêm góp ý của chư trưởng lão thì thành bốn mươi điều cả thảy, nhưng rất cô đọng, hãy nghe, hãy khéo tác ý và chú tâm, tôi sẽ nói đây:

Một, yêu mến nơi vắng lặng.
Hai, hạnh tĩnh cư, độc cư.
Ba, tu chỉ tịnh hay quán minh.
Bốn, thỏa thích trong giáo pháp.
Năm, hành những pháp thanh cao.
Sáu, hoan hỷ với những pháp thanh cao.
Bảy, thu thúc, giữ gìn mắt tai mũi lưỡi thân ý.
Tám, nghiêm túc học giới đã thọ trì.
Chín, hỷ hoan trong học giới.
Mười, chân thật thân khẩu ý.
Mười một, biết nhẫn nại trong mọi hoàn cảnh.
Mười hai, có tàm (biết hổ thẹn lúc làm việc xấu ác).
Mười ba, có quý (biết sợ hãi miệng tiếng chê cười).
Mười bốn, tinh cần, tinh tấn.
Mười lăm, học hỏi giáo pháp.
Mười sáu, trau dồi giáo pháp.
Mười bảy, tu tập tứ vô lượng tâm.
Mười tám, niệm, tỉnh giác ngày đêm.
Mười chín, rành thông pháp và luật.
Hai mươi, thuyết giảng Phật ngôn.
Hai mươi mốt, dị giản, dễ ăn, dễ ở.
Hai mươi hai, biết vừa lòng trong mọi hoàn cảnh.
Hai mươi ba, lúc nào cũng biết đủ, biết dừng.

Hai mươi bốn, không tư hữu, cất chứa cho dù cây kim, sợi chỉ, hạt muối.

Hai mươi lăm, chỉ dùng ba y, một bát.

Hai mươi sáu, thành tựu một thắng trí của bậc thượng nhân đến năm thắng trí của bậc thượng nhân.

Hai mươi bảy, thọ trì khổ hạnh bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ.

Hai mươi tám, chứng ngộ từ Sơ quả đến Tứ quả.

Hai mươi chín, sống lục hòa.

Ba mươi, sống theo tứ nhiếp độ.

Ba mươi mốt, có tâm giáo huấn môn đồ.

Ba mươi hai, hằng an ủi, khuyên lơn, sách tấn đệ tử.

Ba mươi ba, biết chia sẻ tứ sự.

Ba mươi bốn, giữ lễ nghi sám hối theo từng kỳ nhất định.

Ba mươi năm, thường hành Tăng sự.

Ba mươi sáu, cho giới đến hàng tại gia cư sĩ.

Ba mươi bảy, truyền giới cho sa-di, tỳ-khưu.

Ba mươi tám, hòa giải mọi cuộc xung đột trong tăng chúng.

Ba mươi chín, hằng trau dồi ngôn ngữ.

Bốn mươi, thường xuyên học hỏi phương tiện trí.

Tôn giả Sāriputta ngưng nói. Cả hội chúng rợn ngợp về tuệ phân tích kỳ vĩ, sắc bén và toàn hảo của tôn giả. Hội chúng toát mồ hôi. Tảng đá cũng toát mồ hôi. Một bậc trưởng lão thanh tịnh phải cần hội đủ bốn mươi phẩm chất ấy ư? Những phẩm chất ở đâu trên chín tầng trời cao sáng, vô trần, vô nhiễm và thanh khiết đến lạnh mình?

Khu vườn xoài, trong đêm, vốn đã yên lặng lại càng yên lặng hơn. Tôn giả Ānanda hoàn toàn tâm phục, khẩu phục vị sư huynh khả kính của mình, xứng đáng là bậc đệ nhất đại trí tuệ. Nghe xong, bốn mươi điều hoàn hảo ấy, các vị tôn giả khác mới thấy rõ khả năng thâm uyên về pháp, về ngôn

ngữ, về tuệ trạch pháp của tôn giả ấy, quả thật, không ai có thể so sánh bằng.

Những tiếng nói đâu đó thốt lên:

- Quả thật là tuyệt vời!

- Không, trên cả tuyệt vời!

Bây giờ mới nghe những lời bàn luận nhỏ nhỏ, những tiếng cười nho nhỏ hân hoan và sung sướng.

Đức Phật gật gật đầu ý nhị.

Tôn giả Sāriputta thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử mạo muội đúc kết thành bốn mươi điều, là pháp cần và đủ trong tâm trí của một bậc trưởng lão, để xứng đáng danh xưng của bậc trưởng lão thanh tịnh; xin đức Tôn Sư chỉ giáo thêm bởi kiến thức thô lậu và khuyết lõm của đệ tử!

- Ừ, được rồi, toàn mãn rồi, đại chúng cứ như vậy mà thọ trì, phụng hành; vì nếu Như Lai có thuyết thì cũng chỉ thuyết được như vậy, không hơn thế được. Thuyết ngôn của Như Lai là hải triều âm, mà thuyết ngôn của Sāriputta cũng là hải triều âm vậy.

Đức Phật mà nói như thế thì còn hơn cả triệu triệu lời khen. Hội chúng vang lên:

- Sādhu, lành thay! Sādhu, lành thay!

Sau đó, cũng không khách sáo gì, tôn giả Sāriputta đi sang phần ba, về ruộng phước:

- Này chư vị! Không dễ gì mà giữ gìn được tăng tướng và phẩm mạo sa-môn. Có tăng tướng và phẩm mạo sa-môn đúng là ruộng phước cho chư thiên và loài người. Cho dẫu hư mất giới học, hư mất tâm học, hư mất trí học nhưng còn tăng tướng và phẩm mạo sa-môn thì vẫn còn là ruộng phước cho chư thiên và loài người. Nhưng hãy dè chừng! Ôm bình bát đi khất thực thì bát ấy là lửa nóng mà vật thực cũng là lửa nóng. Mang tấm y cà-sa đi khất thực, đi đây đi đó thì tấm y ấy cũng là lửa nóng. Là lửa của địa ngục, của ngạ quỷ,

của súc sanh đấy! Tàm và quý - hổ thẹn xấu ác và sợ hãi xấu ác là hai pháp quan trọng đệ nhất, cần có trong tâm của bất cứ vị tỳ-khưu nào. Có tàm và quý là đi lên, là hướng thượng, không có tàm và quý là đi xuống, là thối đoạ. Không ai cứu được ai! Mỗi người hãy tự cứu mình!

Buổi thuyết ngôn vậy là trời đã khuya, đức Tôn Sư và chư vị trưởng lão cần phải tịnh chỉ. Tôn giả Upāli biết vậy, nhưng muốn cho đại chúng hiểu rộng hơn nhiều vấn đề liên hệ nữa, nên ngài đưa ra câu hỏi với tôn giả Sāriputta:

- Ví dụ, cúng dường cho ba vị tỳ-khưu, vị có giới đức, vị có định đức, vị có tuệ đức thì quả phước sẽ khác nhau ra sao; nói cách khác, cúng dường cho vị nào thì phước báu thù thắng hơn, thưa tôn giả Sāriputta?

- Có giới mới có định, có định mới có tuệ. Riêng người có tuệ thì họ đã có định và có giới rồi. Cứ suy luận ra khắc hiểu, thưa tôn giả quý mến!

- Như vậy là bậc Tướng quân chánh pháp xác định cúng dường cho vị tỳ-khưu có tuệ đức thì ruộng phước ấy trổ sanh thù thắng nhất, tiếp theo là định đức, tiếp đến nữa là giới đức?

- Đúng vậy!

- Riêng vị chỉ có giới đức mà chưa có định đức, có nghĩa là chưa có tuệ đức – thì ruộng phước kia không được màu mỡ cho lắm?

- Phải vậy!

- Nói tóm lại, phẩm chất tâm, phẩm chất trí cao thượng hơn sẽ xác định, quyết định phước báu thù thắng hơn?

- Không sai!

- Tôi đã thông tỏ rồi, cảm ơn tôn giả.

Ngẫm ngợi giây lâu, tôn giả lại thưa tiếp:

- Suy ra trong cảnh giới chúng sanh, khi một người cận sự bố thí đến cho một người lành, tốt thì chắc quả trổ sanh

sẽ hơn hẳn làm phước đến cho một người xấu, ác; phải vậy không, thưa tôn giả!

- Vậy là đúng nhân, đúng quả. Bố thí đến người có giới, quả phước sẽ thù thắng hơn đến người không có giới. Bố thí cho người ít tham, sân, si quả báu sẽ lớn hơn khi bố thí cho hằng trăm người nhiều tham sân si. Bố thí cho hằng chục người đói khổ không bằng cúng dường cho một tỳ-khưu, một sa-di dù giới luật khuyết thủng nhưng còn tăng tướng và phẩm mạo sa-môn.

- Thưa, tôi hiểu. Suy luận thêm một chút nữa, bố thí cho một chúng sanh có thức tánh cao, chắc hẳn phước báu sẽ lớn hơn so với bố thí cho chúng sanh có thức tánh thấp?

- Không sai! Ví dụ như bố thí đến người, dù xấu ác – nhưng phước báu cũng sẽ nhiều hơn khi bố thí cho trâu, heo, bò, gà, vịt... vì người có thức tánh cao hơn. Bố thí cho một con khỉ (có thức tánh cao) thì quả phước sẽ lớn hơn khi bố thí cho một con kiến (thức tánh thấp)... Và cứ như thế mà suy rộng ra, thưa tôn giả!

Sự triển khai chiều sâu và chiều rộng nội dung buổi pháp thoại của tôn giả Sāriputta hôm ấy làm cho ai ai cũng hân hoan, thoả mãn.

Đức Phật lặng lẽ mỉm cười, rời bảo tọa đi vào hương phòng, không nói gì, tức là ngài ngầm xác nhận thuyết ngôn của tôn giả Sāriputta không hai, không khác với Phật ngôn.

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI CHÍN
(Năm 569 trước TL)

Móc Cho Con Mắt Đẹp

Trong thời gian đức Phật ở đây, không những chư tăng ni trong kinh thành mà các vùng lân cận cũng lặn lội bộ hành về Veḷuvanārāma để nghe pháp. Cũng như lệ thường, khi nhu cầu thính pháp quá nhiều, nhiều đợt và nhiều đoàn, nhiều toán bất thường, đức Phật phải chỉ định một số vị trưởng lão thuyết thay. Hôm ấy, vào buổi chiều, khi đã vắng người, đang ở trong hương phòng, đức Phật được thị giả báo cho biết là có một tỳ-khưu-ni muốn gặp ngài, cần thiết lắm.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi hỏi:

- Một tỳ-khưu-ni bị hư một mắt phải không?

- Thưa, quả đúng vậy!

Thấy vị tỳ-khưu có vẻ ngạc nhiên, sững sờ; đức Phật bèn tiết lộ chút ít sự thật để giải trừ trí tò mò của ông ta:

- Có một chàng thanh niên con nhà giàu, ăn chơi, đàng điếm, thấy vị tỳ-khưu-ni mà y cho là đẹp quá, và đẹp nhất là đôi mắt, muốn lân la tán tỉnh và mở lời sàm sỡ. Con gái nhỏ của Như Lai, vốn đã đắc quả thánh A-na-hàm, không ngần ngại "móc con mắt đẹp" ấy đem cho chàng ta... Sợ hãi quá, chàng thanh niên hối lỗi và hứa không còn dám xúc phạm đến ai. Và bây giờ cô ta bị hư một con mắt, đến đây muốn gặp Như Lai đó...

Rồi đức Phật nói tiếp:

- Ông ra thưa với Sāriputta, Moggallāna hay Ānanda cho triệu tập tăng chúng tại giảng đường, Như Lai sẽ có một buổi pháp thoại đặc biệt.

Khi hội chúng đã tề tựu đầy đủ, đức Phật bước ra và ngồi xuống trên bảo tọa, thân tỏa ánh hào quang sáu màu, rực rỡ, đẹp đẽ, chói sáng rồi lung linh, chập chờn, như thực, như hư...

- Này, Subhā! Đức Phật nói - Này con gái! Hãy ngước một con mắt của con để nhìn Như Lai xem thử thế nào?

Vị tỳ-khưu-ni đang quỳ phía trước, ngửng đầu lên bằng một con mắt của mình, ngắm nhìn đức Thế Tôn - thấy tướng hảo quang minh của ngài, chợt nhiên, con mắt hư của cô ta rùng rùng chuyển động, tế bào, làn da, những đầu dây thần kinh ở đấy như có sự biến đổi kỳ lạ; rồi hốt nhiên, con mắt hư của cô chợt rực sáng...

Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng, căn duyên và trình độ của nàng nên ngài giáo giới:

- Này con gái! Do tâm xuất ly tối thượng của con nên con mắt hư của con nó rực sáng! Do năng lực bố thí ba-la-mật nhiều đời, dễ dàng móc đi con mắt đẹp để cho đến chàng thanh niên hư hỏng nên mắt con nó rực sáng. Do con đang ở tầng thánh quả thứ ba với trạng thái tâm xem thân xác vật chất và cõi dục giới như cục bướu, như ghẻ lở, như bệnh tật, như xác thối – nên mắt con tự động nó rực sáng. Như Lai đã trợ duyên, trả lại đôi mắt cho con rồi đó.

Trong lúc tỳ-khưu-ni hân hoan quỳ lạy đức Phật thì ngài quay sang đại chúng:

Này chư tỳ-khưu! Trong đời sống của một sa-môn, trên bước đường tu tập sẽ có rất nhiều cuộc chuyển hóa, chuyển hóa tức khắc hay chuyển hóa từ từ. Chúng đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra. Đấy là chuyển hóa từ tham sang ly tham, đạt tâm thí xả; chuyển hóa từ sân sang ly sân, nuôi dưỡng

tâm từ; chuyển hóa từ si sang ly si, được minh mẫn, sáng suốt; nói cách khác, chuyển hóa từ mê sang ngộ, chuyển hóa từ ngu sang trí, chuyển hóa từ phàm sang thánh; nói cách khác nữa, chuyển hóa từ đau khổ sang an vui, từ phiền não, buộc ràng sang tự do, giải thoát; thêm một cách nói khác nữa, chuyển hóa từ nhu cầu vật chất sang nhu cầu tinh thần, từ dục giới lên sắc giới; chuyển hóa từ sắc giới lên vô sắc giới, chuyển hóa từ vô sắc giới đến ly thoát ngoài ba cõi...

Trong lúc đức Thế Tôn giảng nói, tỳ-khưu-ni Subhā cố trấn tĩnh sự hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, rần rần các tế bào, trạng thái tâm như lơ lửng giữa mấy thượng tầng thanh khí; cô phát triển thiền quán, chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ[(1)], với hiểu biết ý nghĩa và hiểu biết về pháp[(2)].

Và cô an trú vào niềm vui siêu thế ấy.

Đức Đạo Sư biết chuyện gì xảy ra. Và còn biết đại chúng phàm tăng không rõ đầu đuôi nhân quả, tự sự sau trước ra sao nên ngài yêu cầu tôn giả Moggallāna kể lại nhân quả câu chuyện cho mọi người cùng nghe.

Vâng mệnh, tôn giả Moggallāna quay sang hội chúng:

- Này chư vị! Tỳ-khưu-ni Subhā đây vốn là con gái của một bà-la-môn danh giá nổi tiếng ở kinh thành Rājagaha của chúng ta. Nàng sinh ra trong nhung lụa, được sự chăm sóc, nuông chiều tế nhị; mọi tiện nghi vật chất đều sang trọng, xa hoa và tế nhị. Càng lớn lên, cô tiểu thư kia càng xinh đẹp, xinh đẹp tính nết, xinh đẹp mặt mũi, nước da, tóc, cả thân vóc và tay chân. Ngoài ra, từ khi cô mở mắt chào đời thì trong gia đình như thịnh vượng hơn, may mắn hơn, vui vẻ hơn, có nhiều điềm lành tốt hơn – nên ai cũng quen gọi là "subha"[(1)], từ đó, Subhā trở thành tên của cô.

---

(1) Theo " Dictionary Pāḷi Proper Names".

(2) Cách nói khác về Tứ vô ngại giải.

(1) Subha có nghia là đẹp đẽ, chói sáng, thịnh vượng, may mắn, vui vẻ... Ghi theo "Subhā ở rừng xoài Jīvaka" (Therī,150).

Mấy năm về trước, trên đường du hóa, đức Tôn Sư ghé Veḷuvanārāma tịnh xá; và nàng là người thường hay đi nghe pháp nên có đức tin và trở thành một cận sự nữ. Càng nghe pháp chừng nào, nàng càng thấm thía sự mong manh của kiếp người, thấy sự nguy hiểm trong các dục và chỉ mong sự an tịnh trong đời sống viễn ly. Do vậy, nàng đã xuất gia với trưởng lão ni Gotamī, được hướng dẫn thiền quán, không lâu sau nàng đắc quả Bất Lai. Được sự cho phép của ni đoàn, qua sự chuẩn thuận của tỳ-khưu-ni Khemā nên tỳ-khưu-ni Subhā xin được sống và tu tập ở một ngôi làng sơn cước, trong những hang động phía nam núi Linh Thứu, tinh cần thiền quán để giải quyết bài toán sinh tử cuối cùng.

Tuy nhiên, dầu nỗ lực bao nhiêu, tinh tấn cách mấy, ước nguyện chơn chánh kia vẫn không đạt được. Có lẽ do thiếu năng lực ba-la-mật? Có lẽ có nghiệp xấu nào trong quá khứ mà nàng chưa trả xong? Có lẽ phải chờ đợi một nhân, một duyên nào nữa thì cái quả kia mới chín muồi? Đấy là những câu hỏi thường luẩn quẩn hiện ra trong tâm trí của vị ni thánh hạnh...

Nói đến ngang đây, tôn giả Sāriputta quay sang tỳ-khưu-ni Subhā :

- Tôi kể chuyện lại như thế, không biết là có điểm nào sai lầm hay thiếu sót, xin cô hãy hoan hỷ mà bổ khuyết cho?

Tỳ-khưu-ni Subha, chấp tay, cúi đầu nói :

- Không dám! Xin tri ân trưởng lão! Ngài kể lại không hề thiếu sót hay nghiêng lệch một điểm nào. Ngài lại còn như thấu suốt cả tâm tư, cả những vấn nghi của đệ tử nữa.

- Trong trạng thái tâm ấy, trên đường khất thực, khi hay tin đức Chánh Đẳng Giác đã trở về an cư mùa mưa năm nay tại Veḷuvanārāma; vì hoan hỷ quá, nên cô đã lặn lội đường xa tìm đến?

- Đúng là vậy, thưa trưởng lão!

- Để mong gặp đức Thế Tôn, xin ngài một chỉ giáo hay là một lời khuyên tối hậu ?

- Đúng là vậy, thưa trưởng lão!

Đến đây, tôn giả Moggallāni chợt mỉm cười :

- Bây giờ đến phần việc của cô, cô hãy kể lại lý do đi vào vườn xoài của thánh y Jīvaka, việc gặp chàng thanh niên hư hỏng, mất nết; và rồi sau đó, chuyện cô mạnh dạn móc con mắt đẹp của mình đem cho cái cậu du thủ, du thực kia!

- Thưa vâng, thưa trưởng lão!

Nói thế xong, tỳ-khưu-ni Subhā đảnh lễ đức Phật và hội chúng tỳ-khưu rồi kể lại câu chuyện của mình.

Sau đó, các vị kết tập sư đã thuật lại.

Sáng sớm tinh sương ngày kia, từ một hang động hẻo lánh phía nam dãy núi Linh Thứu, vượt thêm mấy ngọn đồi nữa thì trời đã khá trưa, tỳ-khưu-ni Subhā bèn đi khất thực mấy xóm nhà ven đường; khi thấy vật thực đã đủ dùng, cô bèn nhắm hướng vườn xoài của thánh y Jīvaka, những mong tìm chỗ yên tĩnh để độ thực và nghỉ trưa. Vị thánh ni nghĩ thầm, từ khi vườn xoài này đã được ông Jīvaka dâng cúng cho đức Phật và tăng chúng thì chắc ở đây lúc nào cũng có mặt chư vị tỳ-khưu. Tuy nhiên, cô ta sẽ không làm phiền các ngài, chỉ cần một góc yên tĩnh trong khu vườn là được rồi. Nhưng lạ, nhìn xuyên qua khu vườn, cô không thấy bóng dáng một ai. Rất hiu quạnh. Cô đoán là tăng chúng ở đây chắc là đã về hết Veḷuvanārāma để hầu đức Thế Tôn và nghe pháp rồi.

Thế là cô vẫn đi, chậm rãi, thung dung, nhàn thoát, vô sự, nghĩ rằng, không có ai lại càng tốt. Khi bước qua một khúc quanh thì cổng vườn xoài đã ở ngay trước tầm mắt. Cô nghĩ, ôi, khu rừng xoài của thánh y Jīvaka nổi tiếng là có cây xanh, bóng mát. Có suối hát, lá reo. Có bềnh bồng hương và bồng bềnh nắng ấm. Ôi! Một trú xứ thật tuyệt vời để thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả. Bất chợt như ma quỷ hiện

hình, một bóng người đâu đó nhảy ra. Đấy là một thanh niên, con trai người thợ bạc, tướng mạo bảnh chọe, da trơn, mặt láng, ăn mặc diêm dúa, đang du gót lang thang. Y vốn là kẻ nổi tiếng điếm đàng, du côn, du đãng. Thấy nàng, một cô ni trẻ trung xinh đẹp, hắn bèn ngáng đường chận lại.

Tỳ-khưu-ni Subhā không hề sợ hãi, thụt lùi một bước, cất tiếng hỏi :

- Này này! Ngươi làm cái gì vậy? Ngươi không thấy ta là một nữ sa-môn sao?

- Thấy rõ, thấy rất rõ, thưa cô ni! Cô đẹp quá, hãy cho ta ngắm nhìn một lát cho mãn nhãn nào!

- Hỗn hào! Cô cố ý nói nặng lời, như đập thẳng vào thái độ vô lễ của chàng thanh niên - Cái bản mặt trơn tru, mày râu trau chuốt, bôi phấn thơm và da phết bóng thế kia, chứng tỏ ngươi là một chàng trai hư hỏng, quen thói trăng hoa lêu lổng! Hay xéo đi! Ta tởm lợm rồi đó!

Chàng thanh niên không giận, dù bị mắng; y vẫn đăm đắm ngắm nhìn nàng, miệng cười tươi như hoa nở, hai tay dang ra làm cho vị tỳ-khưu-ni không có đường tránh.

Biết là gặp phải một tay trân tráo, lì lợm, cô bèn thở ra, đưa đôi mắt biếc xanh, dịu hiền như mắt nai, rồi nói:

- Vậy thì này hỡi chàng thanh niên! Ta có gì sái quấy đã nào! Ta có gì lầm lỗi đã nào! Ta có gì không phải đã nào! Ta đã xúc phạm đến ngươi ở chỗ nào! Mà ngươi lại chận đường ta, một nữ ni phạm hạnh! Thật chẳng thích hợp chút nào! Thật chẳng phải lẽ chút nào! Thật chẳng ra thể thống, phép tắc, lễ nghi gì nữa, khi mà một người đàn ông, lại đụng đến một người nữ xuất gia, đã lựa chọn con đường rời xa các dục. Đấy là con đường trong sạch. Đấy là con đường thiêng liêng. Đấy là con đường không chút dơ uế, bợn nhơ[1]. Sao

[1] Những ghi chú và những phóng tác này là dựa theo " Chú giải Trưởng lão Ni kệ" của William Pruit, bản Việt ngữ của tỳ-khưu Siêu Minh - NXB tổng hợp Tp. HCM, phát hành năm 2008.

ngươi lại dám cản đường ta, kẻ đã viễn ly sắc dục. Tâm ta thật thanh tịnh. Tâm ngươi không thanh tịnh. Ngươi đầy tham, đầy uế. Ta không tham, không uế! Hãy tỏ ra hiểu biết chút nào, này hỡi chàng trai, để ta còn đi công việc của mình!”

Chàng trai con người thợ kim hoàn nghe vậy, thay vì hổ thẹn, y lại say sưa cất lời tán tỉnh, giọng lời như thơ, như tiếng chim hót trong rừng cây xanh, rì rào hoa và hương:

- Ôi! Nàng trẻ trung và xinh đẹp xiết bao!
Sao lại phải bỏ nhà ra đi
Sao lại phải bỏ tuổi xuân để ra đi
Rồi xuất gia làm gì cho uổng phí!
Hãy quẳng áo cà-sa!
Và hãy đến đây cùng ta
Vào cánh rừng trổ đầy hoa kia
Mà tha hồ vui chơi trò chơi dục lạc!
Ôi! Nàng có thấy không!
Cây cối tỏa hương thơm kìa!
Thơm ngát ngào khắp mọi nơi
Chỉ cần một cơn gió nhẹ thoảng qua
Là đất trời tràn ngập phấn hoa
Báo hiệu mùa xuân bắt đầu
Ôi! Là mùa của hạnh phúc.
Là mùa của giao hoan dục lạc!
Nàng có nghe không?
Từng mầm cây, ngọn lá, đều cất tiếng thì thầm
Hoặc hát ca vui sướng, dâng tràn bao cảm xúc
Thế mà nàng lại thui thủi một mình
Lặng lẽ đi vào rừng
Không có bạn đồng hành
Thì lấy gì làm thích thú?
Nàng có biết không?
Rừng là nơi thanh vắng

Là nơi đầy kinh sợ
Những bầy thú lấp ló rình mồi
Chúng thường xuyên lui tới
Nào cọp, nào beo, nào sư tử
Lại còn có những con voi cái động cỡn
Rống lên gọi đực
Khiếp đảm, kinh hoàng!
Nàng có biết không ?
Nàng là con búp bê vàng chói
Nàng là tiên nữ vườn trời
Độc nhất vô nhị
Tuyệt mỹ trên thế gian
Nàng đắp lụa Kāsi
Mượt mà, bóng loáng
Duyên dáng, dịu dàng
Ta sống nô lệ nàng
Ta sẽ ngoan ngoãn phục dịch nàng
Không người nữ nào trên đời
Không một sanh loại nào trên đời
Mà ta yêu hơn nàng
Hỡi nàng mắt dịu hiền
Như mắt Kinnarī đa tình, quyến rũ
Nếu nàng theo lời ta
Sẽ sống tràn đầy hạnh phúc
Nơi một trú cư lộng lẫy
Trong tòa lâu đài rực rỡ
Có sự phục vụ ân cần
Của người hầu, thị nữ
Nàng khoác lụa mịn Kāsi
Có vòng hoa, bôi sáp đỏ
Ta làm nhiều trang sức
Bằng châu báu, ngọc ngà
Nhiều kiểu dáng phong phú và sang quý

Rồi nàng leo lên giường hoa
Được kiến tạo tuyệt mỹ vô cùng
Gồm những tấm gỗ chiên đàn
Có lõi thơm lừng lựng
Khéo che màn đẹp tinh sạch
Khéo dệt chăn mềm lông ngỗng
Khéo trải nệm lông cừu dài
Nàng như một búp sen xanh vươn lên từ nước
Chưa đụng tới bởi một người đàn ông nào
Bởi lẽ chỉ để dành cho thần linh
Chẳng có ai dám thưởng ngoạn
Nếu nàng sống phạm hạnh như vậy
Một cuộc đời giới đức như thế
Cũng tương tự như búp sen xanh kia
Chưa ai được thưởng thức
Tứ chi, thân thể nàng
Thon khỏe, trẻ trung
Trắng hồng, thơm tho và mềm mượt
Rồi sẽ trải qua thời gian
Yếu đau và nhăn nhúm
Bệnh hoạn và già lão
Co ro và cụm rụm
Thì quả thật là vô ích!
Thì quả thật là uổng phí của trời
Hỡi nữ vương sắc đẹp!

Nghe chàng trai ca ngợi, tán thán sắc đẹp nàng. Câu chữ như xoa dầu. Miệng lưỡi như bôi mỡ. Nàng bèn đáp rằng:

- Này hỡi chàng trai
Ở đây là cái gì nào
Nơi cái thân thể này
Mà ngươi xem là tuyệt mỹ?
Ta chỉ thấy lông và tóc
Ta chỉ thấy đờm dãi và phẩn

Nơi cái tứ đại này đây!
Mà một mai kia
La liệt nơi bãi tha ma
Thối tha và ghê tởm
Cái xác chết tan rữa
Ruồi nhặng và sâu kiến
Vậy ngươi thấy cái gì?
Ngươi thấy đẹp chỗ nào?
Nơi cái thân thể hôi hám này?
Khi ngươi thốt ra lời
Si mê, vô ý thức
Tán dương sắc đẹp ta?

Khi được hỏi vậy. Chàng trai con người thợ bạc chú mục và đăm đăm nhìn nàng. Quả thật dù nàng không trang điểm, mái tóc thanh xuân đã cắt bỏ đi rồi, nhưng mà sao nàng lại tuyệt đẹp đến thế. Chỉ cái liếc mắt đầu tiên nhìn nàng, chàng trai đã phải lòng rồi. Và yêu một cách thiết tha. Một cách say đắm. Bây giờ, rõ ràng là chàng trai bị hớp hồn bởi đôi mắt, bởi ánh mắt. Nên hắn đáp:

- Ôi! Chính đôi mắt nàng
Trông tựa như mắt thỏ
Trông tựa như mắt nai
Trông tựa như mắt gà mái
Chỉ nhìn thấy đôi mắt ấy thôi
Dục lạc ta tăng trưởng
Ham muốn lại dâng trào!
Ôi! Con mắt nơi gương mặt nàng
Sáng chói như vàng ròng
Sánh tựa búp sen xanh
Vô uế, vô tỳ vết
Chỉ nhìn thấy con mắt nàng
Dục lạc ta tăng trưởng
Ham muốn lại dâng trào!

Cho dù nàng đi đâu xa
Ta vẫn nhớ, vẫn hình dung
Cặp lông mi đen dài
Không gì ta yêu hơn
Không gì ta si hơn
Ánh mắt tuyệt trần ấy.

Chàng thanh niên nói miên man, nói mê man ca tụng ánh mắt, con mắt, lông mi. Và có lẽ cậu ta cũng điên đảo, điên loạn, chết ngộp trong đôi mắt của vị nữ ni. Nên nàng đưa ra những lời nhắc nhở, ngôn lời dịu dàng những mong khêu lên một ngọn đèn trong tâm trí tối ám của chàng thanh niên:

- Này hỡi chàng trai!
Ngươi đã đi theo con đường xấu quấy
Ngươi lại ham muốn ta
Lại mong ước ta
Khi ta đã là con gái của đức Phật
Con gái đích thực của đấng Giác Ngộ
Sao ngươi không đi tìm
Những cô gái khác trên thế gian
Thế là ngươi đã đi vào tà đạo
Tà đạo thì nguy hiểm
Vì phủ đầy chông gai
Ngươi không sợ hãi ư?
Chánh đạo thì vững chắc
Thẳng tắp và an toàn
Nhưng ngươi lại bỏ qua
Ngươi muốn tìm mặt trăng mà chơi
Ngươi muốn nhảy qua núi Mê-ru
Đấy là cái cách mà ngươi
Do điên loạn và ngu ngốc
Muốn tìm đến ta đó!
Nhà ngươi có biết không

Trên đời này, cõi trời
Bất kỳ thế giới nào
Ta không còn ước muốn
Ta không thích tham ái
Dẫu chúng là đối tượng nào
Khi thánh đạo khởi lên
Sẽ tiêu diệt cả thảy
Giết hại tận gốc rễ
Cả dây leo, tua uốn!
Ta muốn như vậy đó!
Giống như ngọn lửa hừng
Nhảy khỏi đống than đỏ
Chỉ còn lại tàn tro
Ta muốn như vậy đó!
Tựa như bát thuốc độc
Bị ngọn lửa thiêu đốt
Khô cạn chẳng còn gì
Khi thánh đạo khởi lên
Chúng sẽ bị tống khứ
Chúng sẽ bị hủy diệt
Ta muốn như vậy đó!
Và này, hỡi chàng trai
Có thể có nữ nhân
Dầu xuất gia theo Phật
Nhưng không học giáo pháp
Không hành theo giáo pháp
Không thấy rõ ngũ uẩn
Không ghê sợ dục trần
Không am hiểu thấu đáo
Không quan sát kỹ càng
Bị ái tham chi phối
Bị dục lạc chi phối
Thì ngươi hãy quyến rũ

Hãy cám dỗ người ấy
Hãy mê hoặc người ấy
Làm hại được người ấy!
Còn ta thì sao nào
Ta đã có học tập
Ta đã có thực hành
Ta lại khéo quan sát
Thấy rõ nhân và quả
Nếu ngươi tìm cách quyến rũ ta
Thì ngươi chỉ chuốc lấy sầu khổ
Cả bây giờ và cả tương lai!
Là con gái của đức Phật
Là con gái của đức Chánh Đẳng Giác
Ta thường trực chánh niệm
Ta thường trực tỉnh giác
Thấy rõ trò múa rối
Của tưởng tri và ảo vọng
Thấy mắng nhiếc và khen thưởng
Hoặc lăng nhục, kính trọng
Thấy hạnh phúc và đau khổ
Hoặc khoái lạc, khó chịu
Chỉ là cặp phạm trù tương đãi
Hữu vi và vô thường
Là bóng chớp, bọt nổi
Trong ba cõi, bốn loài
Là cấu uế, lậu hoặc
Đều sầu bi, ưu não
Nơi những sanh hữu ấy
Thật chúng chẳng có gì
Cũng chẳng có điều gì
Để tâm ta dính mắc
Để tâm ta chấp thủ
Ta là đệ tử ni

Con gái đức Thiện Thệ
Ta đã dấn thân bước
Ta đang di chuyển theo
Trên đường đạo tám ngành
Mũi tên đã được rút ra
Vô bệnh, vô tỳ vết
Tâm tràn đầy an hỷ
Nơi trú xứ thanh tịnh
Và này chàng thanh niên
Ngươi bảo ta là búp bê vàng chói
Búp bê ấy là gì nào
Mà khéo tô, khéo vẽ
Khéo sơn quét, điểm trang
Những con rối bằng gỗ
Có những khúc cây được cột vào
Bởi những sợi dây kết buộc
Cũng có tay, có chân
Có thân thể, mặt mũi
Thế rồi, những vũ nữ
Được kéo vào, thả ra
Nó nhảy múa, lắc lư
Nhiều dáng vẻ khác nhau
Nhiều kiểu cách khác nhau
Yểu điệu và mê ly
Tất là được hình thành
Do sự kết hợp ấy
Bây giờ, này chàng trai
Nếu gỗ được tháo rời
Dây que ấy được rút
Nếu cây hết gắn, buộc
Nối kết bị loại bỏ
Búp bê sẽ không còn
Múa rối rồi cũng dứt

Chẳng còn gì nữa cả
Vậy ngươi say đắm ở chỗ nào
Thân ta đây cũng vậy
Do bốn đại kết hợp
Đến khi chúng rã tan
Chẳng còn gì nữa cả
Vậy ngươi say đắm ở chỗ nào?
Ngươi bảo ta là tiên nữ nhà trời
Là do ngươi tự vẽ
Do tâm ý say đắm
Do tâm ý mê tưởng
Chỉ là hình vẽ thôi
Như hình vẽ trên tường
Nó giống như ảo mộng
Nó giống như ảo giác
Nó giống như ảo thuật
Như cây vàng trong mộng
Như bóng nước sa mạc
Mù lòa ngươi chạy theo
Cái trống không, không thực
Chẳng có gì ở đấy cả!
Ngươi tán dương ta đẹp
Mắt gà mái, mắt nai
Cũng do ngươi vẽ ra
Vẽ ra và tưởng tượng
Đôi mắt ta ấy à!
Chỉ là cục bi tròn
Đặt vào trong hốc mắt
Một lỗ trống bộng cây
Nó rỉ ra nước mắt
Nó tiết ra cứt ghèn
Dơ uế và hôi hám
Thế mà này, chàng trai

Ngươi lại khen đôi mắt
Ngươi lại si đôi mắt
Do nó ngươi mê cuồng
Do nó ngươi say đắm
Nhưng nó, đối với ta
Chỉ để nhìn và thấy
Vậy thì đối với ta
Nếu nó đẹp, nó xinh
Đã làm ngươi mê mẩn
Vậy là, nó sinh ra tội lỗi
Giờ ta sẽ cho ngươi
Con mắt 'tuyệt vời' ấy!

Nói thế xong, vị ni phạm hạnh, với tâm không chấp trước, với tâm rất thản nhiên, bóc một con mắt đẹp, trao cho chàng thanh niên. Và nói:

- Hãy cầm lấy
Này hỡi chàng trai!
Con mắt ô uế này
Rồi đi đâu cho khuất mắt!

Chàng trai du đãng thấy vậy, toát mồ hôi, kinh hoàng. Thân tâm đều bủn rủn. Khi ấy, ái luyến liền tiêu vong, dục tham trốn đi đâu mất. Hắn khẩn cầu xin lỗi, có vẻ vô cùng hối lỗi:

- Mong rằng phạm hạnh ni
Được an ổn trở lại
Ta sẽ không còn dám
Xúc phạm thế này nữa
Tội lỗi ta đã làm
Chẳng khác ôm lửa hừng
Như thể nắm rắn độc
Ta sẽ bị quả báo
Mong người hãy tha thứ!

Thoát khỏi bị xúc phạm, như không có gì xảy ra, tỳ-khưu-ni Subhā đi vào vườn xoài, dùng định lực trấn giữ cơn đau, lấy lá mát đắp vào, cột lại vết thương cho đỡ chảy máu. Sau khi độ thực, vị thánh ni đến Veḷuvanārāma tịnh xá; và rồi chuyện gì xảy ra như chúng ta đã biết.

Tên của cô, và câu chuyện này, sau này, do liên hệ với vườn xoài của thánh y Jīvaka nên được các vị kết tập sư gọi là Subhā Jīvakambavanika[1].

[1] Xem Thig. vss. 366-399; Thig A. 245f.

Ngạ Quỷ Mình Trăn

Có một duyên sự.

Thấy Veḷuvanārāma tịnh xá đã có mặt đức Phật và cả hai vị đại đệ tử, tôn giả Mahā Kassapa xin được nghỉ ngơi bảy ngày - an trú diệt thọ tưởng định - để tịnh dưỡng thân tâm tại thạch động Pipphaliguhā, trong một hang núi không xa thành phố bao nhiêu. Đức Phật nói:

- Ừ, ông nghỉ ngơi đi! Hôm nào rảnh việc, Như Lai cũng nghỉ ngơi chút ít.

Rồi quay sang hỏi hai vị đại đệ tử, có ai mệt không, khi được trả lời là không sao, đức Phật bèn hỏi qua về "hành tung" của tôn giả Devadatta.

Tôn giả Sāriputta trình bày:

- Chắc Tôn Sư cũng rõ rồi. Từ khi vua Thiện Giác mất, bị đất rút, tôn huynh Devadatta không chịu lắng nghe bất kỳ một khuyên lơn, an ủi nào; ông ta ôm bát ra đi rồi du hóa nhiều phương. Hễ ở đâu nghe có mặt tôn sư là ông ta tìm cách di chuyển sang địa phương khác. Mới đây, tôn huynh Devadatta dường như là thường trú ở Veḷuvanārāma này, nhưng khi nghe tin Tôn Sư về đây thì ông ta lại ra đi. Có lẽ bây giờ đang ở tại dãy núi Gayāsisā, gần Nerañjarā...

Tôn giả Moggallāna chợt nói:

- Đúng vậy! Nhưng khi đức Tôn Sư từ Linh Thứu về đây thì ít hôm sau, ông ta lại lên núi Linh Thứu rồi.

Đức Phật dĩ nhiên là biết chuyện đó, nhưng ngài yên lặng một lát rồi nói:

- Thôi, bây giờ Sāriputta, Ānanda cùng một số vị trưởng lão khác, tại Veḷuvanārāma này, hay ở bên ni viện, hãy thay nhau thuyết lại nội dung những pháp thoại trên núi Linh Thứu, đồng thời, hướng dẫn cho họ cách may y với những ô, những ô như thửa ruộng cho đồng nhất.

- Thưa vâng!

- Còn Moggallāna thì chịu khó lên núi Linh Thứu, thăm Devadatta một chuyến. Chỉ thăm viếng thôi chứ không cần phải thuyết phục hay nói chuyện gì quan trọng cả.

- Thưa vâng!

Thế rồi, ai đi công việc nấy.

Hôm ấy, tôn giả Moggallāna cùng với đại đức Lakkhaṇa lên núi Linh Thứu, thấy Devadatta đang ở đây cùng với vài mươi vị tỳ-khưu khác. Tuân lệnh đức Phật, tôn giả Moggallāna chỉ làm như một cuộc nhàn vân vô sự, ghé thăm sức khoẻ nhau, hỏi han về tứ sự, xem rừng, ngắm núi rồi kiếu từ ra về.

- Tôi có một vài công việc ở đây. Cho tôi gởi lời đảnh lễ đức Đạo Sư, tôn huynh nhé!

Đấy là lời của Deadatta nói với theo.

"Bất ổn rồi! Có cái gì đó bất ổn rồi!" Tôn giả Moggallāna thầm nghĩ. Tuy nhiên, có lẽ đức Đạo Sư cũng biết, mình không nên "đa sự" làm gì!

Trên đường đi xuống, khi qua một eo núi, tự dưng, tôn giả Moggallāna dừng chân lại, yên lặng một lát, do thiên nhãn, ngài nhìn thấy một con Ngạ quỷ mình trăn đang bò, trườn trong mấy hẻm đá. Từ đầu nó, một ngọn lửa bốc lên, cháy đỏ rực lan đến đuôi; từ đuôi nó, một ngọn lửa bốc lên, cháy đỏ rực tương tự lại lan đến đầu; như vậy là, từ đầu và

đuôi, ngọn lửa từ hai phía cháy rực lan đến thân giữa. Con Ngạ quỷ mình trăn đau đớn nhận chịu cực hình thống khổ ấy nên nó vật vã, quằn quại trong biển lửa đang thiêu cháy, hủy hoại thân thể mình. Tôn giả Moggallāna còn biết rõ, là nó sẽ không chết, chỉ gần chết, hoặc chết rồi sống lại ngay tức khắc; và sẽ bị trả quả, bị chịu cực hình hoài như thế cho đến lúc chấm dứt nghiệp mới thoát nợ, mới được thai sanh kiếp khác.

Thấy vậy, tôn giả Moggallāna bất giác mỉm cười, nụ cười ấy chẳng phải do ngạc nhiên, chẳng phải do vui vẻ - mà là nụ cười của bậc thông tuệ khi thấy rõ nhân và quả của nghiệp.

Đi bên cạnh, nhìn thấy nụ cười ấy, đại đức Lakkhaṇa không hiểu, cất tiếng hỏi:

- Thưa tôn giả! Nụ cười kỳ lạ vừa rồi hẳn là có nguyên nhân gì chứ?

- Có chứ, này hiền giả!

- Tôi có thể được biết lý do ấy không, thưa tôn giả?

- Giờ là không đúng thời, này hiền giả! Khi nào về đến Veḷuvanārāma, có mặt đức Đạo Sư, có mặt đại chúng, hiền giả sẽ hỏi lại; và lúc ấy, tôi sẽ trả lời, sẽ đáp ứng yêu cầu ấy.

Về lại Veḷuvanārāma, tôn giả thuật lại chuyện lên núi thăm Devadatta cho đức Phật nghe, ngài cũng im lặng không nói gì. Buổi chiều, giờ giảng pháp, có đầy đủ đức Phật và Tăng chúng, đại đức Lakkhaṇa đưa ra câu hỏi dưới ngọn Linh Thứu thì tôn giả Moggallāna liền kể lại chuyện con Ngạ quỷ mình trăn bị lửa cháy từ đầu đến đuôi, từ đuôi đến đầu như thế nào, rồi thưa với đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Chuyện thấy ngạ quỷ như vậy, đệ tử thường không nói với ai, vì có nói cũng không ai tin, lại còn ngại một số tỳ-khưu bảo đệ tử là khoe pháp của bậc thượng nhân. Ở đây, có đức Thế Tôn, xin đức Thế Tôn chứng minh cho, sự thấy biết của đệ tử là sự thật.

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu! Sự thận trọng của ông là phải lẽ, và chuyện thấy ngạ quỷ mình trăn kia là như chơn, là như chánh. Trước đây, Như Lai cũng đã từng thấy, không những một, hai ngạ quỷ hình thù kỳ dị, bị quả báo khốc liệt mà là cả hằng trăm, hằng ngàn, hằng trăm trăm, ngàn ngàn Ngạ quỷ như thế, nhưng Như Lai cũng không nói với ai - vì không đúng thời, không đúng lúc, chẳng đem đến lợi lạc gì, lại tạo thêm những hoài nghi vô ích! Riêng con ngạ quỷ mình trăn mà Moggallāna vừa nói ấy, Như Lai cũng đã từng thấy nhiều lần ở núi Linh Thứu; ở đây, có mặt Moggallā và chư trưởng lão có thắng trí, Như Lai xác nhận sự thật!

Được đức Thế Tôn minh chứng, như là ấn son của đức tin nhân quả ba đời, tôn giả Moggallāna nói tiếp:

- Không những chỉ một mình đệ tử, mà ở đây, tôn giả Sāriputta, Anuruddha... hay nhiều vị trưởng lão khác nữa, cũng thấy trăm trăm, ngàn ngàn ngạ quỷ như thế, bạch đức Tôn Sư!

Khi đại chúng có vẻ xôn xao, nôn nóng muốn biết nguyên nhân quá khứ của ngạ quỷ mình trăn bị lửa cháy như thế nào, thấy là đã đủ duyên, đúng thời, đức Phật kể lại; và câu chuyện ấy, sau này, được ghi lác đác trong kinh điển, nhưng rõ ràng và đầy đủ nhất là ở trong chú giải kinh Pháp Cú.

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, có ông triệu phú tên là Sumaṅgala, là một đệ tử thuần thành, còn là một đại thí chủ của đức Phật và tăng-già. Vị triệu phú hiền thiện này có đức tin rất thuần khiết, hằng tâm, hằng sản tương tợ như ông Ānathapiṇḍika vậy. Triệu phú Sumaṅgala đã không tiếc công của, kiến tạo một ngôi chùa vĩ đại, hoành tráng, diệu mỹ để dâng cúng đức Phật Kassapa và tăng chúng của ngài. Trước sân chùa, có một khoảng đất rộng chừng hai

mươi usabha[1], ông cho lót gạch bằng vàng. Chi phí xây dựng tổng quy mô ngôi chùa tương đương số vàng lát sân. Và khi khánh thành, ông triệu phú đặt bát dường đức Phật và hai mươi ngàn tăng chúng suốt bảy ngày; dọn yến tiếc đãi đằng các gia chủ, trưởng giả, quan khách trong thành phố cũng suốt bảy ngày với chi phí cũng tương tợ như thế. Khi cuộc đại lễ lạt thành đã hoàn mãn, bạn bè thân tín hỏi nhà triệu phú, là toàn bộ công trình kiến trúc ấy, ông tâm đắc cái gì nhất, cái gì ở đấy làm ông hài lòng nhất?

Ông triệu phú Sumaṅgala, khuôn mặt ngời ngời hoan hỷ, vui vẻ đáp:

- Là hương thất của đức Thế Tôn! Tôi thích lắm!

- Cái gì ở đấy làm ông thích?

- Vì công trình ấy, toàn bộ vật liệu đều là gỗ, là lõi chiên đàn hương cả, thơm lừng lựng và vàng óng ánh như được dát trăng vàng!

Một hôm, ông triệu phú Sumaṅgala đi thăm viếng đức Đạo Sư từ sáng sớm, đến ngang cổng thành, thấy một kẻ du thủ, du thực[2], trùm một tấm vải vàng đang nằm ngủ ngáng lối đi, lòi hai cái chân dính đầy bùn, ông quở:

- Nằm ngủ cái kiểu này, hai chân dính đầy bùn như thế này, rõ là đi rong chơi bất chánh cả đêm hôm qua đây!

Tên du thủ, du thực giở tấm vải, chường mặt ra, thấy ông triệu phú, trừng mắt nói:

- Kệ tôi, mắc mớ gì đến ông?

- Thế ta nói thế không đúng sao?

- Đúng thì đúng, nhưng tại sao ông nguyền rủa tôi?

- Ta không nguyền rủa, ta không biết nguyền rủa ai, ta chỉ nói lên sự thật thôi!

---

[1] 01 usabha khoảng 140 cubit, 01 cubit chừng 22 ngón tay.

[2] Du thủ: Rảnh tay, không nghề nghiệp, không làm việc gì cả. Du thực: Chỉ biết rong chơi, ăn chơi.

- Thế thì tôi cũng nói lên sự thật đây! Tên du thủ du thực sừng sộ - Rồi ông sẽ biết tay tôi!

Hắn không phải chỉ doạ dẫm đâu, hắn nói thật và hắn làm thật. Hắn rình mò tìm cách trả thù! Thế là sau đó, tên du thủ, du thực lén đốt ruộng của ông triệu phú bảy lần, lén đốt nhà của ông triệu phú bảy lần, và cũng bảy lần chặt chân bò trong chuồng bò của ông triệu phú nữa.

Sau khi trả thù "động trời" như thế, hắn bèn rình xem ông triệu phú có đau khổ không, có than trời, trách đất không, có mắng con chưởi cháu không, có đi trình báo cửa quan không, có vì vậy mà hao hụt tài sản không! Không! Rõ là hắn thấy không tác dụng gì cả.

Hắn đi dò la rồi hắn biết. Ruộng cháy thì ông triệu cho nhân công cày bừa, gieo mạ lại, còn cười cười nói:

- Nhờ tro than nên có lẽ ruộng này năng suất bội thu hơn. Cảm ơn người bạn xấu tính nhé!

Về chuyện bị đốt nhà, ông kêu thợ thầy sửa sang lại, ông chẳng thù hằn ai, mà còn nói:

- Mình ăn tằn, ở tiện, cái cơ ngơi này đã cũ kỹ lắm rồi, đâu cũng đã ngót nghét ba bốn mươi năm. Nhờ bị đốt cháy nên mình, con cái và gia nhân lại được ở trong những căn nhà mới, được xây dựng kiên cố hơn. Cảm ơn người bạn xấu tính nhé!

Về chuyện bị chặt chân bò cũng không làm ông triệu phú buồn, ông cho gia nhân lấy thuốc, cột rịt vết thương, khởi tâm bi, ông nói:

- Tội nghiệp! Mang thân súc sanh để trả nghiệp nặng nề như kéo cày, thồ hàng hóa cũng đã nhiều năm rồi, những con bò này thôi thì cho nó nghỉ ngơi đi.

Rồi ông còn căn dặn gia nhân:

- Các người vẫn cho chúng ăn uống tử tế nhé! Âu cũng là nhờ người bạn xấu tính mà chúng ta làm được một việc phước thiện!

Hết cách! Tên du thủ du thực nghĩ, mình thua rồi! Phải tìm cách trả thù gì để làm cho ông ta đau lòng mới đã nư cơn giận được. Nghe mọi người trong thành phố bàn tán là ông triệu phú ưng ý cái hương thất của đức Phật, nó reo lên trong lòng: Có cách rồi, vậy là ta sẽ đốt luôn cái nhà gỗ chiên đàn của ông "sa-môn đầu trọc" ấy đi!

Nó rình, nó lén và cuối cùng nó đốt được.

Nghe tin, ông triệu phú đến nơi, thay vì buồn, ông hoan hỷ nói:

- Vậy là mình lại có cơ hội tạo thêm công đức. Mình sẽ thiết kế lại, làm lại cho tốt hơn, đẹp hơn nữa!

Dân chúng trong thành, bà con thân thuộc tìm đến chia buồn; nhưng không thấy ông buồn mà lại thấy ông vui. Không ai hiểu. Ông nghĩ, đây là duyên tốt, mình hãy thuyết pháp cho họ nghe, thuyết về những bài pháp mà mình đã học được từ đức Thế Tôn cùng chư vị trưởng lão.

Ông triệu phú nói:

- Bà con không biết đấy thôi! Tiền bạc, tài sản, của cải trên thế gian này không phải là "ta", là "của ta" đâu. Đức Chánh Đẳng Giác đã từng dạy:

- "Con tôi", "tài sản của tôi"!

Đó là ưu não của người cuồng si
Trong "ta", "ta" ấy có gì?
Tài sản, con cái – khác chi mộng trường!"[1]

Tại sao vậy? Vì chúng có thể bị nước trôi, bị lửa cháy, bị trộm cướp, bị chiến tranh tan nát, bị nạn vua quan bất chính trưng dụng. Nó còn là cái chỗ cho con cháu tranh dành, anh em ganh tỵ mà sinh ra bất hòa, nồi da xáo thịt. Do thế, mình phải biết, phải tìm cách chôn giấu chúng ở chỗ nào mà chắc

[1] Pháp cú 62: Puttā matthi dhanammatthi, iti bālo vihaññati, attā hi attano natthi, kuto puttā kuto dhanaṃ!" (Kinh lời vàng, cùng soạn giả).

bền nhất, không hư hao, không bị các nạn nước, lửa... như trên xâm hại!

Có người hỏi:

- Làm gì có chỗ chôn giấu ấy?

- Có chứ! Bố thí, làm phước, cúng dường chính là chôn của để dành đó. Của để dành ấy nó sẽ trổ phước, sanh phước cho chúng ta rất nhiều đời về sau. Tài sản để dành do bố thí, làm phước, cúng dường thì không có một năng lực nào trên thế gian hủy hoại được, chư vị hãy hiểu như vậy.

Mọi người dường như đã hiểu, họ gật gật đầu; sau đó có người đã bắt chước "chôn của để dành" theo gương của ông triệu phú vậy.

Sau khi hương thất của đức Phật được thiết kế, làm lại, trông đẹp hơn trước, ông triệu phú lại được dịp cúng dường đặc bát bảy ngày đến đức Phật và tăng chúng với tâm vô cùng hoan hỷ.

Tên du thủ du thực lại càng "ứa máu", giận sôi gan, hắn thủ kín trong lưng một con dao bén, lần này hắn quyết rình mò giết chết ông triệu phú cho bằng được.

Suốt sáu ngày len lỏi, núp chỗ này, trốn chỗ kia ở trong chùa, những chỗ đặc bát, nhưng hắn không có cơ hội ra tay.

Đến ngày thứ bảy, khi đức Phật Kassapa hỏi ông triệu phú có ước nguyện gì, có muốn hồi hướng phước báu này đến cho ai, kẻ đã mất hay người còn hiện tiền sau bảy ngày cúng dường– thì ông thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Duyên sự đệ tử làm lại hương thất và cả việc cúng dường trong suốt bảy ngày qua - đều nhờ vào tâm xấu ác của một người! Cũng nhờ y mà đệ tử chôn giấu không biết bao nhiêu là của để dành cho nhiều kiếp về sau. Vậy, việc hồi hướng phước hôm nay, người đầu tiên mà đệ tử muốn nhắm đến chính là kẻ đã đốt ruộng đệ tử bảy lần, đốt nhà đệ tử bảy lần, chặt chân bò của đệ tử bảy lần; và cuối cùng là đốt hương thất của ngài nữa. Vậy xin đức Thế

Tôn và chư tăng rải tâm từ bi, chú nguyện, hồi hướng phước báu đến cho người ấy!

Cuộc lễ thế là hoàn mãn.

Tên du thủ, du thực khi ấy đang lẩn trong đám đông nghe được lời của ông triệu phú, tâm hắn như bị lửa đốt, hắn thốt lên trong lòng:

"- Trời đất thánh thần ơi! Trên thế gian này sao lại có người có tâm địa như hư không, như biển cả vậy kìa? Hóa ra, mình đã trả thù vào cái hư không, cái hư không kia chẳng dính cái gì cả? Hóa ra, bao nhiêu việc xấu ác của mình đều được cái biển tâm của ông ta dung chứa hết? Thế mà mình lại còn là người đầu tiên được ông ta hồi hướng phước báu nữa chứ!"

Nghĩ thế xong, tên du thu du thực đi tìm nhà triệu phú, đến quỳ mọp dưới chân ông, thành khẩn nói:

- Thưa ông chủ! Xin ông chủ tha thứ cho tôi.

- Việc chi vậy?

- Bao nhiêu việc xấu ác mà ông chủ kể với đức Phật, chính tôi là người đã làm việc ấy. Xin ông chủ hãy bỏ quá lỗi lầm ấy của tôi.

Ông triệu phú nhìn "thủ phạm" một lát, ngạc nhiên hỏi:

- Dường như ta chưa từng gặp ngươi, và ngươi cũng chưa từng gặp ta; vậy tại sao ngươi lại kết hận thù với ta như vậy?

- Thưa, có một lần! Y nói - tại nơi chân cổng thành, khi tôi nằm ngủ, ông chủ đã nói: "Nằm ngủ kiểu này, hai chân dính bùn như thế này, rõ là đi rong chơi bất chánh cả đêm hôm qua đây!"

- Ờ, ta nhớ rồi! Vậy là vì câu nói ấy mà người đã thù ta, đã hận ta?

- Đúng vậy!

Ông triệu phú bèn thành khẩn nói:

- Vậy thì xin ngươi hãy tha thứ lỗi lầm ấy cho ta!

- Dạ không dám, thưa ông chủ.

- Thôi, ngươi hãy đi đi!"

Kể đến ngang đó, đức Phật kết luận:

- Vì tạo nghiệp xấu ác ấy, với tâm độc ác, hận thù ấy, tên du thủ, du thực bị sa xuống địa ngục A-tỳ, bị thiêu, bị đốt nhiều chục ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm. Hết khổ địa ngục, do quả còn dư sót, y sanh làm ngạ quỷ mình trăn, phải trườn, phải bò, phải chịu quằn quại, thống khổ trong sự đốt cháy của lửa cho đến khi nào nghiệp ác kia tự tiêu, tự hoại...

Này đại chúng! Hạng người ngu si khi làm các việc xấu ác thường không tự biết đấy là xấu ác, lại còn sung sướng, thích thú nữa chứ! Nhưng đến khi ác báo ấy chín muồi, bị trả quả, thì chúng bị nấu, bị đốt, bị thiêu, bị cháy... nếu có ăn năn, ray rứt, hối hận thì cũng đã quá muộn.

Rồi đức Vô Thương Sư đọc lên một bài kệ:

"- Người ngu ác độc, tội lầm
Vẫn không nhận thức việc làm cuồng si
Nghiệp kia cho quả tức thì
Bị thiêu, bị nấu có chi phải ngờ!"[1]

Qua câu chuyện, ai cũng ghê sợ quả báo ác độc, hận thù; đồng thời, họ vô cùng ngưỡng mộ, tôn kính ông triệu phú Sumaṅgala, đúng là sự xả ly, giải thoát ấy chỉ có ở nơi tâm của một bậc thánh cư sĩ.

[1] Pháp cú 136: "Atha pāpāni kammāni, karaṃ bālo na bujjhati, sehi kammehi dummedho, aggidaḍḍho va tappati" (Kinh lời vàng – cùng soạn giả).

Cùng Một Nguyên Lý

Hôm nọ, thánh y Jīvaka cùng một số gia nhân mang theo tràng hoa, vật thơm, dầu đèn, các loại dầu thoa chữa bệnh, các loại mật, sữa, đường... thức dùng phi thời - từ hoàng cung đến Veḷuvanārāma tịnh xá cúng dường đức Thế Tôn cùng chư tăng. Trong lúc đảnh lễ đức Đạo Sư, vị thầy thuốc hoàng gia ân cần ôm chân bụi của ngài rồi hỏi thăm về sức khỏe, hỏi thăm về tình hình hoằng pháp các nơi...

Đức Phật đưa mắt dịu dàng nhìn vị thánh y hiền thiện:

- Như Lai hoằng pháp thuận lợi. Về sức khỏe thì không có chi phải nói. Vậy còn ông thì sao, này Jīvaka?

- Đệ tử công việc bộn bề. Hết chăm sóc sức khỏe cho đức vua, hoàng hậu, quý phi, thái tử, hoàng tử, công chúa, đệ tử lại sang đây. Có một số các vị trưởng lão thọ đầu-đà khổ hạnh bậc thượng, ghé Veḷuvanārāma, họ bị nhiều bệnh; đệ tử muốn khám, muốn chữa trị nhưng các ngài nói là không cần thiết, tự mình điều chỉnh được.

- Đúng vậy đó, này Jīvaka!

- Đệ tử cũng hiểu nguyên lý ấy. Ngoại trừ ăn uống thiếu chất bổ dưỡng không đủ nuôi cơ thể; ngoại trừ không bị những tác động quá đột ngột của thời khí, của mưa nắng, của nhiệt độ thất thường; ngoại trừ những căn bệnh do

nghiệp; ngoại trừ ăn hoặc uống những vật thực nóng quá hay lạnh quá đánh mất sự quân bình hài hòa của tứ đại; ngoại trừ những oai nghi đi đứng nằm ngồi không được điều chỉnh, vận động cân phân - một vị tỳ-khưu có tu tập, có định có tuệ - không thể bị bệnh được, bạch đức Tôn Sư!

- Đúng là vậy, này Jīvaka!

- Do vậy, bạch đức Thế Tôn! Phàm tăng thì bị bệnh nhiều lắm, còn chư vị thánh tăng có có cũng như không. Các ngài, đôi khi lại mỉm cười, chế nhạo hay tiếu đùa rất thú vị nữa... Đệ tử nghe mà hỷ lạc cả người...

- Ồ, họ tiếu đùa ra sao?

- Thưa, có vị thì nói: Ồ! Bệnh hả, xem mày làm gì cái thân già này nào? Đau hả, nhức hả, hai ống chân này mày nổi loạn hả? Được rồi, cứ nổi loạn đi! Nhưng nổi loạn xong, nhớ giải tán cho lịch sự, cho đàng hoàng, nghe! Có vị lại nói, ngồi nhiều quá thì bị tản khí, đầy hơi; đó là sự thật mà sao cứ gọi là bệnh, là bệnh hả, ông thầy thuốc! Có vị lại nói, ở trong hang động, nghĩa địa, ngụ dưới cội cây, ngồi trên đá cỏ, nằm trên giường lá rác – thì không bị ẩm thấp, không bị khí này, khí kia nhiễm độc mới lạ! Đó cũng là cái gì rất tự nhiên, tất nhiên, như nhiên thôi, này ông thầy thuốc! Có vị lại nói, đừng bắt cái thân làm việc nhiều quá, đừng bắt hơi thở dồn dập, mất nhịp điệu, đừng bắt máu huyết chạy rần rật – là cái cách tự chữa trị cái thân của ta đó, này thánh y! Có vị lại nói, thú vị lắm, này Jīvaka, có đau, có bệnh, ta lại có cơ hội chiêm nghiệm, học hỏi cái đau, cái bệnh ấy ra sao? Nếu không đau, không bệnh thì hóa ra ta mang cái thân kim cương sao? Chúng chính là bài học để giác ngộ, giải thoát đó, này ông bạn!...

Đức Phật mỉm cười, hỏi:

- Các vị ấy, nói thế, có đúng với nguyên lý chữa bệnh của ông không, này Jīvaka?

- Đấy là nguyên lý tối cao của nghề thuốc, bạch đức Tôn Sư! Từ khi học hỏi được giáo pháp tuyệt vời, tối thượng của đức Tôn Sư, đệ tử hằng suy nghĩ, tự vấn, tự giải; và đệ tử cảm giác mình đã gần bước đến cái chỗ mà chư vị trưởng lão đã nói.

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu - Chữa bệnh thân, chữa bệnh tâm, chúng có cùng một nguyên lý đấy! Hãy thử chiêm nghiệm một chút nữa đi, này Jīvaka!

- Thưa, đệ tử chiêm nghiệm rồi, đã thấy rồi!

- Ừ, hãy nói cho Như Lai nghe với nào?

- Thưa, lúc phiền não, tham sân gì đó xuất hiện do duyên nội cảnh hay ngoại cảnh, cứ nhìn ngắm nó mà chơi, rất tự tại, rất thanh thản, rất dịu dàng - như ngắm nhìn cái đau nhức, ngắm nhìn cái tản khí, ngắm nhìn cái đầy hơi, ngắm nhìn cái thở dồn dập, ngắm nhìn máu huyết chảy rần rật, ngắm nhìn cái đau, cái bệnh ấy - với tâm xả ly, với tâm rỗng không, với tâm vô ngã vắng lặng, với tâm không có chấp trước, với tâm định tĩnh sáng suốt... vân vân và vân vân ... thì thân bệnh là ở đâu, tâm bệnh là ở đâu, bạch đức Tôn Sư?

- Hay lắm, này Jīvaka! Ông đã học được cái quán minh, tuệ minh trong pháp thiền bốn chỗ niệm thân, thọ, tâm, pháp của Như Lai rồi đó!

Thánh y Jīvaka hỷ lạc đầy khắp cả người khi được đức Phật khen ngợi. Cuối buổi nói chuyện, ông ta ngưỡng mong đức Phật quan tâm tế độ cho đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhī và cả hoàng tử Ajātasattu (A-xà-thế).

Đức Phật im lặng một hồi, rồi chợt hỏi:

- Ajātasattu năm nay chắc đã là một thanh niên cường tráng rồi phải không?

- Thưa, đúng vậy!

- Ừ, đã hai mươi sáu tuổi rồi! Chắc là vị hoàng tử này đang nôn nóng muốn làm thái tử đây!

- Đã được phong thái tử từ lâu rồi, thưa Tôn Sư.

Đức Phật lại mỉm cười:

- Ừ, vậy là cậu ta nôn nóng muốn làm vua đây mà!

Thánh y Jīvaka nghe lạnh mình, cái điều ông muốn nói, bây giờ thấy không cần thiết nữa rồi!

Sau đó, đức Phật như muốn giáo giới vị thánh y:

- Cũng giống như để tâm trí rỗng rang (không)[1], không làm gì cả (vô vi)[2] khi chữa trị thân bệnh, tâm bệnh vậy. Như Lai biết rất nhiều chuyện, rất nhiều việc, nhưng Như Lai cũng không làm gì cả. Hãy để tự nhiên cho nhân, cho duyên, cho quả, cho báo nó làm việc, này Jīvaka!

Đúng là sự thấy biết của một bậc Chánh Đẳng Giác.

Thánh y Jīvaka chỉ biết im lặng, cúi đầu.

[1] Không có tướng tham sân si, không chấp trước.
[2] Không trước ý, không khởi tư tác (cetanā).

"Hớt" Phước
Của Người Nghèo!

Tôn giả Mahā Kassapa sau thời gian đi vào định "lắng yên cảm giác, lắng yên tưởng tư"[1], ngài cảm nghe thân thể nhẹ nhàng, sảng khoái như sau một giấc ngủ ngon dài, không mộng mị. Nó đã nghỉ ngơi suốt cả bảy ngày rồi còn gì! Bước ra cửa động, hít thở khí trời trong lành rồi tôn giả đi kinh hành qua lại, tới lui bên triền núi có những khóm cây rừng nở hoa thơm dịu nhẹ...

Trong lúc ấy thì tại cung trời Đao Lợi, một số ngọc nữ là cung nga của Đế Thích thiên chủ, họ vốn có thiên nhãn, biết "sự kiện trọng đại, hy hữu" ấy nên bàn tính với nhau, là hãy cùng nhau xuống đặt bát cúng dường cho tôn giả, để kiếm được quả phước thù thắng. Tâm ý tương thông, cả mấy chục cô ngọc nữ, mỗi người chuẩn bị một nắm vật thực cõi trời, màu sắc lấp lánh, thấm tẩm nhiều chất bổ dưỡng, thiên hương, thiên vị; gói trong mảnh mây lụa, cài thêm những đóa hoa trời rồi như đám mây ngũ sắc, họ xuất hiện tại hang động Pipphaliguhā, nơi này cũng không xa Veḷuvanārāma tịnh xá bao nhiêu.

---

[1] Là định diêt thọ, tưởng.

Tôn giả Mahā Kassapa vừa ôm bát ra khỏi cửa động thì thấy sự xuất hiện đột ngột của cả một đám thiếu nữ sắc nước, hương trời, dung mạo và xiêm áo đều khác phàm, biết ngay họ là ai, nhưng ngài cũng điềm đạm, lịch sự hỏi:

- Quý cô là ai? Đến đây có việc gì không?

- Thưa, xin ngài hãy tế độ chúng con! Cho chúng con được đặt bát cúng dường!

- Xin chi biết lý do của sự cúng dường này?

- Để cho chúng con kiếm được một chút ít phước báu nương nhờ trong mai hậu.

- Vậy sao? Hãy xem lại mình đi! Phước báu hiện tại của quý cô hơn cả trăm ngàn lần, hơn cả triệu lần những người đang đói khổ ở xóm làng chiên-đà-la này, thế mà còn cất công từ xa xôi đến đây đòi "bòn" thêm phước nữa ư?

- Vâng! Chúng con luôn luôn thèm phước, luôn luôn thấy mình thiếu phước. Hãy cho chúng con đặt bát, thưa tôn giả quý kính!

Tôn giả Mahā Kassapa vẫn ôn tồn giải thích:

- Quý cô thử coi! Gió thường tìm vào hang trống, nước chỗ cao thì phải chảy xuống chỗ thấp. Đấy là định luật tự nhiên của đất trời. Khi mình đã có nhiều phước rồi, thì nên để dành phước này cho những người nhà cửa rách nát, thiếu cơm, thiếu áo, này hỡi chư ngọc nữ cung trời Ba Mươi Ba.

Biết là đã lộ tẩy trước đôi mắt của bậc thắng trí thượng nhân, chẳng biết sao hơn, tiu nghỉu, chư ngọc nữ tức khắc bay trở lại cung trời.

Đế Thích thiên chủ thấy biết hết mọi chuyện, ông cười cười nói với họ:

- Đi đặt bát cúng dường cho tôn giả Mahā Kassapa mà quý cô lại trang phục ăn vận cao sang như đi lễ hội nhà trời. Tôn giả ấy chỉ tế độ cho người nghèo, kẻ quần túm áo ôm, kẻ mà vá cơm có trấu lót bụng cũng thiếu thốn, nghe rõ không? Vậy thì mình phải biết giả dạng khuôn mặt méo mó,

nhăn nhiu, già khọm, nghèo khổ, run lẩy bẩy... ở trong cái chòi trống hoác, lỗ chỗ nhìn thấy ngàn sao thắp rạng ban đêm kìa, biết chưa? Ta sẽ giả dạng như vậy may ra mới "hớt" được cái phần phước thiên hạ vô song này!

Nói xong, Thiên Chủ kêu nàng thiên hậu cưng quý của mình, cả hai tức khắc hóa trang thành hai ông bà già xấu xí, đói khổ rồi mất tích!

Thấy tôn giả Mahā Kassapa đang từ từ chậm rãi đi đến xóm nghèo của các gia đình cùng đinh, nô lệ, Đế Thích bèn sử dụng thần thông nối thêm một con đường mòn ngoằn ngoèo, bò sang một hướng khác. Ở tại đầu lối nhỏ này, Đế Thích cũng sử dụng thần thông tạo một căn nhà xiêu lệch, tồi tàn mà ông là một ông lão già khọm trên trăm tuổi, tóc bạc phơ, áo vá trăm mảnh, thân tợ bộ xương khô, teo tóp da và xương đang lẩy bẩy kéo chỉ. Còn bà cũng già nua như ông vậy, tóc bạc lưa thưa, răng rụng, móm mém... cũng đang tẩn mẩn, cặm cụi làm việc nơi khung dệt.

Dừng chân trước cửa, nhìn vào bên trong, thấy rõ sinh hoạt của một gia đình già cả neo đơn, tôn giả Mahā Kassapa tự nghĩ: " Đúng là gia đình thợ dệt chăm chỉ! Cơ khổ! Chẳng có ai mà lại nghèo khó đến như hai ông bà già lão này. Dẫu không có cơm, có bánh đi nữa, dầu chỉ còn canh thừa, nước cháo chua hay cám rau... ta cũng hoan hỷ thọ nhận, độ thực để cho họ thoát kiếp khốn khổ này!"

Đế Thích biết chuyện ấy bèn dùng thiên âm rót vào tai nàng thiên hậu: "Ngài đang đứng trước cửa. Nàng cứ giả vờ không thấy, không biết, không nghe gì hết. Và ta cũng vậy. Cứ chăm chỉ, cần mẫn công việc của mình".

Tôn giả đứng hồi lâu, thấy hai ông bà vẫn không hay biết, bèn cất tiếng "tằng hắng". Vẫn không ai nghe. "Có lẽ họ điếc", tôn giả tự nghĩ rồi "tằng hắng" lần thứ hai, lần thứ ba, lớn hơn.

Đế Thích bây giờ mới nói vừa đủ nghe:

- Bà nó ạ! Hình như có ai đang đứng trước cửa, bà nó xem thử là có chuyện gì vậy?

- Tui mắt mờ hơn ông, ông hãy nhìn xem thế nào?

Đế Thích bỏ khung cửi, bước ra, che mắt, hom hem nhìn. Như thử đã thấy biết rồi, ông già quỳ mọp xuống, lạy sát đất rồi than thở:

- Thần thánh ôi! Nghiệt dữ ha! Không mấy thuở có vị sa-môn của đức Phật Cù Đàm ghé nhà, cái tệ xá rách nát này đúng là được hưởng phước trời rồi! Nhưng bà nó ơi! Nhờ coi xem mình có thứ vật thực nào thượng hảo hạng, quý giá nhất không vậy bà?

Thiên hậu cũng phụ hoạ theo, đóng cho trọn vẹn màn kịch hay, lẩm ca lẩm cẩm nói:

- Ông nó nói cái gì vậy cà? Cái gì mà thượng hạng, cái gì là đệ nhất vậy cà? À... nhà ta có đấy! Hôm qua, tôi đã âm thầm bỏ tiền mua một món ăn đặc biệt, định bất ngờ tặng ông để kỷ niệm "một trăm lẻ mười mùa xuân" của ông đó!

- Tốt quá! Tốt quá! Vậy bà hãy làm ngay cái món đặc biệt ấy đi! Chúng ta cúng dường cái món "một trăm lẻ mười mùa xuân" thì chúng ta sẽ được hưởng hằng ngàn, hằng ngàn cái mùa xuân kia lận!

Tuân lời, bà lão bước vào trong một lát, bước ra, trên tay đã có một món ăn đặt trong cái bát lớn, sứt mẻ nhưng hương thơm lại tỏa ra ngào ngạt, như thơm lan cả kinh thành Rājagaha...

Tôn giả Mahā Kassapa sau khi thọ nhận vật thực tự tay hai ông bà run rẩy thay nhau sớt vào bát, tự nghĩ: "Gia đình thợ dệt nầy quả thật là rất nghèo khổ, nhưng bát vật thực, tại sao hương thơm lại tỏa ngát lên cả bốn cõi trời thiên vương như thế? Ai đây hả?"

Hướng tâm, và khi biết đấy chính là Đế Thích cùng với thứ hậu, tôn giả Mahā Kassapa la rầy:

- Thiệt là hết nói! Hiện hình ra đi thôi, Đế Thích thiên chủ và thứ hậu thiên nương! Tại sao hai vị lại chơi có trò này, lại đang tâm "hớt" mất phần phước của người nghèo khổ vậy?

Biết không còn giấu giếm bậc Đại thánh tăng được nữa, họ trở lại nguyên dạng. Đế Thích trong thân tướng mũ miện chói ngời, quỳ mọp bên chân:

- Xin tôn giả xá tội cho. Bởi đệ tử nghèo quá nên muốn "bòn" một chút phước thôi mà!

- Thiên chủ mà lại nghèo ư? Lại than nghèo hả? Một bậc thiên chủ cao sang, oai lực trùm trời đất, cai quản cả bốn châu thiên hạ[1], cai quản cả ba mươi ba tầng trời mà lại than nghèo, than khổ? Tội nghiệp không!

- Quả thật như vậy mà, đệ tử nghèo phước lắm! Đệ tử nói thật đó!

- Vậy thì thử nói ta nghe?

- Tôn giả cứ thử hướng tâm một chút là biết ngay mà. Sở dĩ đệ tử làm vua cõi trời Ba Mươi Ba là nhờ công đức mà đệ tử đã làm trong thời kỳ không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời.

- Ừ, ta thấy rồi, biết rồi... và còn sao nữa?

- Kể từ độ ấy đến giờ, đệ tử cũng chỉ thọ hưởng phần phước xưa cũ đó thôi.

- Đúng vậy! Thiên chủ chưa làm thêm được một phước mới nào! Hãy nói tiếp đi!

- Thưa, trong kiếp hiện tại nầy, khi thấy tuổi thọ của mình sắp mãn, đệ tử đã qua trung gian ông nhạc sĩ trưởng của thiên đình, nên đã đến thăm viếng đức Thế Tôn trên núi Vediyaka, làng Ambasaṇḍā...

---

[1] Tứ Đại thiên vương là 4 vị thiên tướng của Đế Thích.

- Ừ, ta cũng thấy rồi, biết rồi. Nhưng lần ấy do phước trí nghe pháp, thiên chủ đạt được tâm bất thối với con đường, đồng thời hóa sanh trở lại thân Sakka trong nháy mắt...

- Đúng vậy! Nhưng đệ tử cũng chỉ hưởng lại phần phước cũ, phước mới cũng chưa có một chút gì!

- Ừ, ta đã hiểu.

Ngẫm nghĩ một lát, Đế Thích thưa:

- Tôn giả hãy cho biết: Làm phước, làm công đức trong thời kỳ có đức Chánh Đẳng Giác và làm phước, làm công đức trong thời kỳ không có đức Chánh Đẳng Giác thì cái nào thù thắng hơn, cái nào quả phước vượt trội hơn?

- Dĩ nhiên là thời kỳ có Phật!

- Vậy thì thưa tôn giả! Phước của đệ tử từ xưa đến nay, được làm, được tạo từ thuở không có Phật nên phước báu của đệ tử làm sao so sánh được với phước báu hiện nay của cận sự hai hàng trong giáo hội của đức Đạo Sư!

Tôn giả Mahā Kassapa gật đầu:

- Thiên chủ nói đúng!

- Vậy thì đệ tử nói đệ tử "nghèo phước" có đúng chăng?

- Đúng, nếu so sánh với những cận sự nam nữ hiện nay.

Rồi thiên chủ như tâm sự:

- Tôn giả biết không? Hiện nay trên cõi trời của đệ tử, có vị thiên vương tên là Cūḷaratha, vị thiên vương tên là Mahāratha, vị thiên vương tên là Anekavaṇṇa; họ chỉ là những thiện nam bình thường, nhưng nhờ bố thí, cúng dường đến đức Thế Tôn và tăng chúng nên mạng chung, hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi, tức khắc, họ "giàu phước" hơn đệ tử nhiều.

- Nói cụ thể hơn một chút, thiên chủ!

- Thưa! Quyền lực cai trị, cai quản thì họ cũng chỉ là thần dân của đệ tử nhưng hào quang, sắc tướng thì họ thắng xa đệ tử. Đứng bên cạnh ba vị ấy thì quang sắc của đệ tử trở nên lu mờ và đen tối. Có lần, khi đến gần các vị ấy, đệ tử

thấy thân sắc của mình trở nên u ám thảm hại; xấu hổ quá, đệ tử và cả đoàn cung nga đành phải chạy trốn vào biệt điện! Ôi! Thật là tệ hại! Ánh sáng từ nơi tướng hảo quang sắc của họ chiếu đến đệ tử thì như bao trùm cả đệ tử, dõng mãnh uy hiếp đệ tử; còn ánh sánh của đệ tử thì như sợ hãi, thập thò, thập thò... không dám bò tới, lết tới đụng đến cái chéo thiên bào của họ! Quả thật là khốn khổ, quả thật là nghèo đói phước đức quá trời trời, thưa tôn giả!

" Đúng sự thật là vậy!" Tôn giả Mahā Kassapa nghĩ! "Tuy do mưu, do mẹo nhưng dù sao, nhân và duyên đã xảy ra rồi, quả và báo không thay đổi được". Ngài bèn nhắc nhở:

- Thôi! Ta thông cảm! Nhưng một lần duy nhất này thôi đó nghe! Đừng có chơi cái trò chơi thiếu chơn, thiếu chánh như vậy nữa, thưa thiên chủ!

Như được đại xá, thiên chủ quỳ sụp, lạy lia lịa:

- Tri ân tôn giả! Tri ân tôn giả đã thông hiểu nỗi lòng!

- Được rồi!

- Nhưng đệ tử "dùng mẹo" để đặt bát cúng dường như thế thì phần phước sau này sẽ như thế nào, thưa tôn giả?

- Vẫn trả quả như thường, tuy nhiên, nó sẽ không được trọn vẹn đâu!

- Tại sao?

- Vì do thiên chủ có cái tâm hơi xiên lệch đó!

- Đệ tử hiểu!

- Phải tinh cần tu tập thêm một chút, chớ quá phóng dật! Phải hộ trì giáo pháp nhiệt tâm thêm một chút! Ta phúc chúc cho thiên chủ được tròn ước nguyện. Thôi, hãy đi đi!

- Xin ghi nhận lời dạy dỗ và tri ân tôn giả một lượt nữa!

Thế rồi, Đế Thích thiên chủ nắm tay thiên hậu, bay bổng lên không trung, tan hòa giữa mây trời, hỷ lạc dâng đầy khắp cả người, cao hứng thốt lên ba lần, âm ba vang động cả sơn hà, đại địa:

"- Ôi! Ta đã cúng dường vi diệu, thù thắng và ta sẽ được quả phước vi diệu, thù thắng!"

Đức Phật theo dõi diễn tiến câu chuyện từ đầu, đến khi thấy Đế Thích cảm hứng ngữ thốt lên sung sướng như vậy, ngài kể lại cho đại chúng tỳ-khưu nghe, sau đó thuyết giáo thêm rằng:

- Với phước báu cao sang như vậy rồi mà cái ông thiên chủ Đế Thích kia còn muốn đi "bòn" phước nữa! Cho hay, bất cứ chúng sanh nào cũng phải nương tựa phước, nhờ phước sanh, nhờ phước thành. Cho chí Như Lai cũng vậy, trong suốt bốn a-tăng-kỳ, trăm ngàn đại kiếp, Như Lai gần như toàn mãn ba-la-mật, mà những kiếp cuối cùng, như tích truyện thái tử Vessantara[1], vẫn còn tích lũy thêm năng lực của năm đại thí. Vậy, câu chuyện này các vị phải thuyết lại nơi này, nơi khác cho hai hàng cận sự nam nữ được nghe, để họ noi theo, để họ làm gương...

Ghi chú đặc biệt về hạ thứ 19:

Trong tác phẩm "Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni" của soạn giả Minh Thiện - Trần Hữu Danh; ở hạ 19 này, tại núi Linh Thứu, có kể lại câu chuyện "Niêm hoa vi tiếu" của thiền tông Đông độ. Đại lược là khi đức Phật cầm bông hoa đưa lên, đại chúng không ai hiểu chuyện gì, chỉ có tôn giả Mahā Kassapa là mỉm cười. Đức Phật bèn nói: "Nay Như Lai có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn – Như Lai trao lại cho ông đó".

Theo Tuệ Sỹ trong "Tinh hoa triết học Phật giáo" cũng nói là chuyện xảy ra tại núi Linh Thứu, và hoa là cành hoa Kumbhala.

Từ đấy, theo thiền Đông độ, ngài Mahā Kassapa được tâm ấn của Phật nên làm sơ tổ của thiền tông.

Thiền sư Nhất Hạnh cũng có kể lại chuyện này, trong tác phẩm "Đường xưa mây trắng" - cũng trong hạ 19 này, nhưng bối cảnh không gian thì xảy ra ở tại Jetavanārāma.

---

[1] Chuyện thái tử bố thí vợ, con.

Xét rằng, câu chuyện này có một số vấn nghi:

1- Mới hạ thứ 19 mà sao đức Phật vội "trao" vậy? Và cuối đời, trước khi Niết-bàn, đức Phật chỉ dạy đại chúng trong mai hậu, hãy lấy Pháp và Luật làm thầy!?

2- Thời Phật, và tại Ấn Độ, chưa có thiền được gọi là thiền của tổ? Chỉ sang Trung Hoa mới có tổ sư thiền.

3- Tôn giả Mahā Kassapa duyên gặp đức Phật tại cội cây Bahuputtaka, gần làng Mahātiṭṭha; ngài đắc quả A-la-hán vào cuối hạ thứ nhất của đức Phật, sau hai vị đại đệ tử, sau ba vị Kassapa thờ thần lửa, sau 30 vị vương tử xứ Kosala, sau 54 vị bạn hữu công tử Yasa và Yasa (55), sau nhóm 5 đạo sĩ Koṇḍañña. Như vậy, trước tôn giả Mahā Kassapa, tối thiểu cũng có 95 (60+30+3+2) vị trên đây đắc quả A-la-hán, có nghĩa là họ đều có "chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn" cả rồi (con số 95 là chưa tính đệ tử của 3 anh em Kassapa và đệ tử của hai vị thượng thủ giáo hội). Hay đây là chánh pháp nhãn tạng khác, Niết-bàn diệu tâm khác?

4- Đây "có lẽ" là ý đồ do thiền tông Trung Hoa dựng lên, họ lập tôn giả Mahā Kassapa làm sơ tổ để chứng tỏ mình được kế thừa chính thống từ đức Phật. Nhưng danh sách ba mươi ba vị tổ sư lại quá nhiều sơ hở - vì có ít nhất là 5 vị tổ không liên hệ gì với thiền tông Trung Hoa cả, đó là:

- Thế Hữu (Vasumitra): Tổ thứ 7, sống vào thời vua Kanishka II, phụ tá với Hiếp Tôn Giả chủ trì kết tập kinh điển lần thứ IV của Hữu bộ bằng tiếng Saṅskrit. Hai bộ luận của ngài là "Dị bộ tông luận" và "Giới thân túc luận" không liên hệ gì đến thiền tông cả. Ngược lại, Hữu bộ luận là nơi lập cước để các truyền thừa đi sau tranh luận với phái Không tông, Trung quán của Long Thọ.

- Hiếp Tôn Giả (Pārasava): Tổ thứ 10, chủ tọa cuộc kết tập kinh điển lần thứ IV của Hữu bộ. Cũng không liên hệ gì với thiền tông Trung Quốc (Ngay sự sắp xếp Hiếp Tôn Giả thứ 10, mà Thế Hữu thứ 7, ta đã thấy có cái gì đó bất ổn rồi.

- Mã Minh (Aśvaghoṣa): Tổ 12, chính ngài là người nhuận sắc toàn bộ Tam Tạng cho Hữu bộ, cũng không liên hệ đến Thiền Tông.

- Long Thọ (Nāgārjuna): Tổ 14, là vị triết gia kỳ vĩ, trước tác luận Trung Quán, là cơ sở của tất thảy học phái Không tông của Đại

thừa sau này. Lưu ý: Không tông là lập cước cho các kinh luận Đại thừa phát triển chứ không phải Thiền tông – là bất lập văn tự.

- Thế Thân (Vasubandhu): Tổ 21, ngài trước tác 500 bộ luận tạo giềng mối vững chắc cho Hữu bộ, đả phá Đại thừa. Sau, do Vô Trước, anh ruột, thuộc Đại thừa, buồn phiền mà sinh bệnh; thương anh, Thế Thân viết tiếp 500 bộ luận nữa để xiển dương Duy thức, phát triển tư tưởng Đại thừa. Với hành trạng như thế mà Thiền tông cũng đưa ngài vào làm tổ của mình! Tóm lại, Thiền tông cố ý đưa cả 5 vị kể trên – kế thừa tổ thiền tông cả – thì mọi tinh hoa tư tưởng đều được họ mang về phái mình ở Trung Hoa hết rồi.

5- Thời Phật, tôn giả Mahā Kassapa được tôn là đệ nhất đầu-đà; và ngài chỉ nổi bật ở hạnh này, còn các phương diện khác như trí tuệ, thần thông, trì luật, thuyết pháp... thường không bằng các vị khác.

6- Đức Phật thường nói, Như Lai chỉ là một vị đạo sư dẫn đường, không phải là người lãnh đạo giáo hội, cũng không có ý đề cử ai lãnh đạo thay ngài. Vậy việc đức Phật "trao" cho tôn giả Mahā Kassapa "cái tâm gì đó" là khả nghi lắm! Cái thấy Niết-bàn, giác ngộ, thân chứng Niết-bàn, đức Phật "trao cho tất cả những ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu" kia mà!

7- Thiền tông còn nói rằng: Sau tôn giả Mahā Kassapa, người kế thừa là tôn giả Ānanda? Xin thưa, sau khi đức Phật nhập diệt ba tháng, trong lần kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, tôn giả Ānanda đã đắc quả A-la-hán rồi. Không biết tôn giả Mahā Kassapa "trao kế thừa" cho tôn giả Ānanda cái gì đây? Lại nữa, tại Ấn Độ không có truyền thống kế thừa y bát.

(Ở đây chỉ xét về mặt lịch sử. Còn tư tưởng của Thiền tông từ ngài Đạt Ma, tư tưởng trong "Pháp bảo đàn kinh" của ngài Huệ Năng có chăng một sợi chỉ đỏ xuyên suốt từ kinh văn nguyên thuỷ - lại là chuyện khác, thuộc nghiên cứu khác).

MÙA AN CƯ THỨ HAI MƯƠI
(Năm 568 trước TL)

Phước Cho Quả Hiện Tại

Tại kinh thành Rājagaha có một nhà trồng hoa nổi tiếng, tên là Sumana ; buổi sáng nào ông cũng có bổn phận kết tám vòng hoa mang vào cung điện cho đức vua Bimbisāra, sau đó nhận được cả công và thưởng là tám đồng tiền vàng kahāpaṇa, một khoản tiền khá lớn. Công việc này ông thực hành đều đặn, ngày này sang ngày khác, không dám bỏ quên một buổi nào. Gặp lúc ốm đau, cảm mạo thất thường thì ông nhờ người thân tín mang vào rồi thưa trình lý do cặn kẽ với các quan nội thị rất đàng hoàng.

Hôm nọ, như lệ thường, ông Sumana mang hoa vào thành phố rồi quành qua hướng vào cung điện thì gặp đức Phật và tăng chúng tỳ-khưu đang đi trì bình khất thực. Vì vào sáng sớm, đức Phật đã rà soát võng lưới, thấy có nhân duyên với người bán hoa nên ngài vừa bước đi thong dong, tự tại vừa phóng hào quang sáu màu vòng quanh kim thân, biểu lộ oai lực tối thượng của một bậc Chánh Đẳng Giác.

Khi thấy tướng hảo quang minh rực rỡ, hào quang sáu màu sáng dịu, lung linh lạ thường nơi kim thân đức Phật, ông Sumana nhìn sững, vừa hân hoan vừa sợ hãi. Sau đó, ông còn nhìn thấy những tướng quý, tướng tốt hiện ra nơi thân tướng trang nghiêm của đức Phật nữa. Ông lẩm bẩm :

- Làm sao đây? Ôi! Mình có cái gì để cúng dường đức Phật đây? Ôi ! Dễ gì có một lần may mắn trong đời gặp một bậc Sa Môn Đại Nhân xuất hiện ở trên đời?

Nhìn tám vòng hoa đang quành qua cổ, quành qua cánh tay, ông nghĩ tiếp :

- Ta sẽ cúng dường tám vòng hoa này tức khắc? Tại sao vậy? Nếu mang tám vòng hoa này vào cung thì ta chỉ kiếm được tám đồng tiền vàng kahāpaṇa mà thôi. Nếu đem cúng dường tám vòng hoa này lên đức Phật thì ta sẽ được hạnh phúc, lợi lạc nhiều đời; và đồng thời, dĩ nhiên, ta sẽ bị xử phạt, bị tội tù! Vậy nên lấy cái lợi ích nhiều đời hay chọn bị xử phạt, tội tù một kiếp? Ôi! Cái kiếp sống chốc thoáng phù du, vui ít, khổ nhiều; ta sẽ chọn cái lợi ích lâu dài vậy!

Nghĩ thế xong, hân hoan, phỉ lạc phát sanh, nhanh như một sát-na tốc hành tâm, ông Sumana tung một lượt hai vòng hoa lên đầu đức Phật; bỗng nhiên, cả hai, chợt bung xòe ra như tán lọng, lơ lửng giữa hư không che đầu cho ngài. Hoan hỷ quá, ông Sumana tung thêm hai vòng hoa nữa ở bên phải của đức Đạo Sư thì tự nhiên chúng lại kết thành một bức màn hoa, che phía bên vai phải của ngài. Và rồi, cứ thế, hai vòng hoa nữa, thành màn hoa che bên trái; hai vòng hoa nữa, lại thành màn hoa che chắn phía sau lưng. Như thế là tám vòng hoa đã làm xong nhiệm vụ của mình, trang điểm quanh kim thân của đức Phật, chỉ chừa phía trước như một cánh cửa hoa để ngài bước tới, đi tới...

Hiện tượng lạ lùng vừa rồi chỉ là một chút phép mọn của đức Đạo Sư nhằm tăng trưởng đức tin và phước báu cho người trồng hoa; và đồng thời, gởi thông điệp hình tượng ấy cho cả muôn dân kinh thành Vương Xá. Quả thật vậy, dân chúng thấy chuyện lạ, ùn ùn kéo nhau đến đặt bát, ùn ùn đi sau chiêm ngưỡng một hình ảnh lạ lùng chưa từng thấy từ cổ chí kim.

Sumana xoa hai tay vào nhau, hân hoan, thoả mãn; hỷ lạc rần rần, nổi gai ốc cả người, ông từ từ, lặng lẽ đi ở phía sau xa, tâm trí như chìm sâu, lặn xuống một hồ nước thơm tho và mát mẻ dị thường. Ông đang hưởng hạnh phúc của riêng mình. Ông cười mỉm, ừ, bị xử phạt, bị tội tù, cho dẫu cái đầu này bị rơi đi thì cũng có sao đâu nào? Ôi! Ta sung sướng quá!

Đã về đến nhà. Bà vợ thấy sắc mặt quái lạ, nụ cười bí ẩn trong ánh mắt của chồng nên cất tiếng hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Ông đang cười trong mê à? Vậy tám đồng tiền vàng đâu?

Ông Sumana có mê đâu, ông rất tỉnh, ông tỉnh một cách lạ lùng, ông nói :

- Bà nó à! Tôi cúng rồi! Tôi đã cúng dường hết tám vòng hoa kia cho đức Phật Cù Đàm rồi!

- Hả? Ông nói cái gì vậy hả? Ông đã đem cúng hết cả tám vòng hoa à?

- Đúng vậy bà nó ơi! Ôi sung sướng quá!

- Sung sướng à? Sung sướng cái đầu ông! Sung sướng cái đầu sắp rơi khỏi cổ kìa! Ai đời, ông dám cả gan lấy tám vòng hoa của đức vua mà đem dâng cúng cho ông Cù Đàm! Nguy to rồi! Không thoát tội đâu!

Ông Sumana bình tĩnh nói :

- Tôi biết rồi mà! Hẵng để một mình tôi chịu. Không liên hệ gì đến bà đâu!

- Tôi dại gì mà liên can! Từ rày về sau, tôi không còn dính líu gì với ông nữa.

Nói thế xong, bà vợ nhanh chóng thu xếp một vài vật dụng cần thiết, một ít tiền bạc phòng thân, bỏ trong cái đãy rồi quày quả bỏ đi, không thèm chào hỏi ông một tiếng. Bà đi thẳng vào hoàng cung, năn nỉ quân canh, xin gặp đức vua Bimbisāra cho bằng được.

Khi được bệ kiến, đức vua hỏi :

- Nàng muốn tâu trình việc gì?

Bà kể:

- Chồng con là người trồng hoa, tên là Sumana, là người kết tám vòng hoa mỗi ngày, mang vào triều rồi nhận thưởng được tám đồng tiền vàng kahāpaṇa. Ông làm việc ấy rất siêng năng, rất cần mẫn. Đột nhiên, sáng nay, ông ấy nổi điên, nổi khùng, lấy tám vòng hoa ấy dâng cúng cho ông Cù Đàm. Hành động ngông cuồng của ông ấy, rõ là không coi luật vua, phép nước ra gì; và chắc chắn là bị xử phạt, bị tội tù, bị chặt đầu! Làm việc nghịch tặc động trời ấy mà mặt mày ông ta tỉnh bơ, tỉnh queo! Lại còn nói là rất hạnh phúc, là rất sung sướng nữa chớ! Con sợ hãi quá nên mạo muội vào đây, tâu trình cho bệ hạ rõ. Việc dâng cúng tám vòng hoa cho ông Cù Đàm, có phước báu gì đó thì ông ấy hưởng. Việc coi thường luật vua, phép nước, có tội gì đó với bệ hạ thì ông ta gánh chịu, không liên hệ gì với con cả. Sáng nay, con đã đoạn tuyệt, đã cắt đứt tình nghĩa vợ chồng với ông ta rồi. Xin đức vua anh minh, sáng suốt, chứng giám cho con sự thực nầy, lời khai thành khẩn nầy!

Đức vua Bimbisāra là một bậc thánh cư sĩ, lắng nghe hết lời thưa trình kể trên, ông nghe xót xa trong lòng, cảm thương cho đầu óc tối tăm, ngu muội của người đàn bà và của cả thế gian, nói chung, luôn sống theo bản ngã, dục vọng, tham sân si mà chúng không tự thấy, tự biết! Chúng luôn sống trong bóng tối của ích kỷ, tư kỷ, suốt đời tích luỹ hoài, tích lũy mãi chứ không chịu cho ai một xu, một cắc; chẳng bao giờ cúng dường cho sa-môn, đạo sĩ một muỗng canh, một vá cơm! Tuy nhiên, cái mặt phía bên kia của tối tăm, hôn ám ấy lại có một thế giới khác, thế giới của thí xả, thế giới của cho đi, thế giới của sáng láng, của trong sạch, của hỷ lạc thanh cao, êm đềm và yên tĩnh. Bất giác đức vua cảm thấy tôn trọng, kính trọng người bán hoa Sumana vô cùng, đã không cần tám đồng tiền vàng, coi thường cả mạng

sống của mình khi làm một phước sự hy hữu. Có thể coi đây là sự bố thí, cúng dường sanh mạng được chăng? Có thể lắm chứ? Ồ, điều này ta sẽ tìm gặp đức Tôn Sư để hỏi cho cặn kẽ.

Nghĩ thế xong, đức vua Bimbisāra nhè nhẹ gật đầu :

- Thôi được rồi! Ta nghe xong chuyện rồi. Bà đã nói đúng, phước thì ông ấy nhận, tội thì ông ấy chịu, không liên hệ gì đến bà. Là đức vua tối cao của quốc độ nầy, ta xác chứng chuyện ấy, sự thực ấy!

Khi người đàn bà đi rồi, đức vua hối hả ban lệnh cho nội cung, nội thị chuẩn bị vật thực để dâng cúng cho đức Phật và Tăng chúng. Do ở nhà trù vương cung, thượng vị loại cứng, loại mềm lúc nào cũng có sẵn nên lát sau, đức vua, tùy tùng, một số gia đình hoàng gia, với vật thực tươm tất, đầy đủ, họ đứng chờ đợi ở cổng cung điện.

Đức Phật khi ấy đang đến gần hoàng thành, ngài biết chuyện người đàn bà và cả tâm tư của đức vua nữa. Việc cúng dường tám vòng hoa coi thường sinh mạng mình của ông Sumana đã xúc động chánh pháp, xúc động tâm trí đức vua nên nó sẽ mang đến kết quả hiện tiền, là cái gương soi cho chúng sanh ba cõi.

Đức Phật đi đầu, tám vòng hoa uyển chuyển di động, uyển chuyển che chắn trên đầu, sau lưng, bên phải, bên trái như bức màn màu sắc; và phía trước, một cánh cửa hoa di động, trông đức Phật như đang bước ra từ rừng hoa... Thấy cảnh tượng huy hoàng ấy, đức vua tràn đầy hoan hỷ, bước ra đảnh lễ và dâng cúng vật thực. Những gia đình hoàng gia, quý tộc, tùy tùng theo sau đức vua, từng đoàn, từng đoàn cùng nhau ra đặt bát, không những cho đức Phật mà cho cả đoàn chư tăng như con rồng vàng kéo dài ra tận phố. Dân chúng thì càng lúc càng đông, vòng trong, vòng ngoài, trong nhà, trên mái nhà, trên cây, trên tường thành; họ chiêm ngưỡng tám vòng hoa di động như có mắt thấy, như có chân

đi, như có cánh bay chập chờn... rồi họ tán thán, rồi họ reo vui lành thay... xao động cả vùng trời...

Đức vua và tùy tùng cùng đứng lặng, không nói gì, chỉ chấp tay chiêm ngưỡng; ai cũng phát sanh niềm hỷ hoan dịu nhẹ, êm đềm và thanh khiết. Con rồng vàng dài dằng dặc, đức Phật và tám vòng hoa dẫn đầu, lại từ từ quay lưng trở lại Veḷuvanārāma tịnh xá.

Buổi chiều, đức vua Bimbisāra cho gọi người trồng hoa Sumana đến, cất tiếng hỏi, ra vẻ nghiêm khắc:

- Sao ngươi lại cả gan dám lấy tám vòng hoa của ta mà dâng cúng cho đức Phật ? Ngươi không sợ bị xử phạt, bị tội tù hay sao?

Ông Sumana khép nép, cúi đầu :

- Tâu bệ hạ! Bị xử phạt, bị tội tù, có ai mà không sợ! Nhưng vì lúc ấy cái tâm cúng dường nó lớn mạnh quá, nó ùn ùn dâng lên tràn đầy, choáng ngợp cả tâm trí của con... nên có chút sợ hãi nào thấp thoáng ở đó được đâu!

- Kể cả chém đầu, ngươi cũng không sợ sao ?

- Dạ, cũng không sợ!

Đức vua lại gặng hỏi :

- Đấy là giả dụ, còn bây giờ là sự thật. Ta cho quân chặt đầu ngươi ngay tức khắc, ngươi có sợ không?

Ông Sumnana chợt nở nụ cười tươi như hoa, từ tốn và điềm đạm nói:

- Tâu bệ hạ! Điều này thì con đã suy nghĩ chín chắn rồi, đã cân phân tính toán, lựa chọn rồi. Một bên là tám đồng tiền vàng, ổn định được đời sống phù du, trăm năm thoáng trôi. Một bên là sự nương tựa cho nhiều đời, an vui cho nhiều kiếp. Dĩ nhiên là con chọn lựa cái lợi lạc lâu dài vậy. Khi đã lựa chọn cái lợi lạc lâu dài thì kiếp này, con chấp nhận bị xử phạt, bị tội tù, hay bị chém đầu... cũng là lẽ đương nhiên vậy!

Thấy người trồng hoa ung dung, bình tĩnh, ăn nói đâu ra đó, rõ ràng, mạch lạc; lại còn dám xả bỏ thân mạng khi dâng cúng tám vòng hoa, đức vua không còn hồ nghi gì nữa: Đây là bố thí ba-la-mật, không bậc thượng thì cũng là bậc trung, cao thượng vô cùng, thế gian ít người làm được.

Đến bây giờ đức vua mới nở nụ cười:

- Những câu hỏi có vẻ nghiêm khắc của ta vừa rồi là chỉ muốn thăm dò cái tâm bố thí của ngươi đấy thôi. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, và ta tu tập theo giáo pháp thoát khổ của ngài cũng đã khá lâu, đã gần hai mươi năm về trước. Ta cũng đã từng trân trọng bố thí cúng dường, tài vật cũng lớn lắm, nhiều lắm. Nhưng bố thí cúng dường mà không sợ chết, dám coi thường sinh mạng như ngươi thì ta không bằng được. Vậy, ta vô cùng ngưỡng mộ! Ta vô cùng ngưỡng mộ cái tâm cúng dường kiên định ấy! Ngươi đúng là một bậc đại nhân, một bậc đại trượng phu (mahāpurisa) hiếm có ở trên đời. Ngươi sẽ không bị bất cứ một tội danh gì hết, dù lớn dù nhỏ; ngược lại, ngươi sẽ được ban thưởng một cách xứng đáng!

Sau đó, đức vua lệnh cho quan nội cung, thủ khố tức khắc ban thưởng cho ông Sumana tám ngàn đồng tiền vàng, tám voi, tám ngựa, tám tôi trai, tám tớ gái, tám bộ y phục cực kỳ sang quý, tám cung nữ xiêm áo lộng lẫy - được phóng thích khỏi hoàng cùng để hầu hạ Sunana. Đức vua còn cung cấp thêm lợi tức tám ngôi làng ở ngoại ô để ông ta sinh sống được nhàn tản, thảnh thơi trọn đời...

Ông Sumana quỳ lạy và nói lời tri ân.

Đức vua trang nghiêm nói :

- Không cần phải tri ân ta. Người đáng được xưng tán, tri ân chính là đức Đạo Sư, chính là giáo pháp, chính là Tăng-già. Cũng chính nhờ Tam Bảo mà ta có được cái thấy biết sáng suốt, cái tâm thanh bình, an lạc ngày hôm nay. Ta trọng thưởng cho ngươi, không chỉ là phước quả hiện tiền

của ngươi, mà còn là cái mặt trời, mặt trăng cho quốc độ này nữa. Ngươi chưa biết đấy thôi. Người có tâm bố thí cúng dường thì thường dễ có thêm giới đức, thường dễ có thêm đức tin, thường dễ có thêm cái trí xa lìa ác độc, tham sân. Nếu những điều tốt đẹp ấy được nhân rộng ra toàn xã hội thì đâu cũng biết nhường cơm xẻ áo, đâu cũng có tấm lòng, đâu cũng không có trộm cắp, tà vạy, ác hạnh; và đây chính là thiên đàng tại thế rồi còn gì?

Sumana như được mở rộng tâm, mở rộng trí do lời dạy bảo của đức vua hiền thiện, ông vui sướng nói :

- Bệ hạ lại còn cho con uống thêm một liều thần dược của giáo pháp nữa! Con vô cùng cảm kích!

Chợt đức vua cười ha hả, đứng dậy :

- Nói vậy thì nghe được! Thôi, ông về đi! Nhớ sống theo giáo pháp! Nghĩa là sống cho tốt, lợi ích cho mình, lợi ích cho người! Nghe! Đại nhân!

Chuyện người trồng hoa Sumana, cả gan lấy tám tràng hoa của đức vua đem dâng cúng đức Phật, thay vì bị xử phạt, bị tội tù, lại được đức vua trọng thưởng hậu hĩ, không mấy chốc, như hương thơm bay nhanh hơn làn gió thổi khắp kinh thành Vương Xá. Ở đâu cũng bàn tán chuyện hy hữu, lạ đời ấy. Chư phàm tăng ở Veḷuvanārāma tịnh xá cũng vậy, không những xôn xao bàn tán mà họ còn đặt những câu hỏi liên hệ đến phước quả hiện tiền, liên hệ đến quả dị thục trong tương lai là như thế nào nữa.

Đức Phật biết rõ chuyện ấy, nên chiều kia, tại chánh pháp đường, ngài đã giải minh những thắc mắc ấy:

- Này đại chúng tỳ-khưu! Đức Phật giảng giải - Sở dĩ người trồng hoa Sumana cúng dường tám vòng hoa lại được trả quả báo trong hiện tại, là do ông ta đã hội đủ bốn điều kiện sau đây.

Thứ nhất, là khi cúng dường, ông không hề nghĩ đến sự hiểm hoạ cho mình, không nghĩ đến cả sanh mạng của mình

nữa; sự cúng dường ấy được gọi là cúng dường cao thượng, cúng dường ba-la-mật!

Thứ hai là, lúc cúng dường, tâm ông nhanh nhạy, ông làm một cách tức khắc, ở sát-na tâm thứ nhất[1], không lưỡng lự, không do dự.

Thứ ba là, trước khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan, trong khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan, sau khi cúng dường, tâm ông hỷ hoan; nghĩa là hỷ hoan cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi.

Thứ tư, điều kiện cuối cùng, đối tượng cúng dường ấy là bậc vô lậu, không còn tham sân, phiền não như Như Lai, một đức Chánh Đẳng Giác.

Vậy bất cứ ai, lúc bố thí cúng dường mà hội đủ bốn điều kiện nêu trên, đều được trả quả vi diệu tức khắc ngay trong hiện tại này.

Cũng có trường hợp đặc biệt, thù thắng nữa là ai đặt bát cúng dường cho chư vị Phật Độc Giác, hai vị đại đệ tử, chư đại trưởng lão A-la-hán hay A-na-hàm sau bảy ngày xuất định diệt thọ, tưởng – thì cũng có khả năng thâu hái phước quả hiện tiền như thế

Đại chúng thở phào, nhẹ nhõm; họ đã thấy rõ được sự kỳ diệu, vi tế của tâm và cả lý do của nhân, của quả.

Về sự thắc mắc còn lại, là quả dị thục trong mai hậu, nhiều kiếp về sau, nó sẽ như thế nào, thì đức Phật lại đọc lên một bài kệ:

- Những người bố thí cúng dường

[1] Theo Abhidhamma, trong 7 sát-na tác hành tâm (javana), ai có tư tác ngay trong sát-na thứ nhất thì trả quả ngay trong hiện tại; 4 sát-na tiếp theo thì trả quả trong nhiều đời sau, chưa biết kiếp nào; 2 sát-na cuối cùng sẽ trả quả đời sau, tức đời kế tiếp (Nếu làm với sát-na tâm thứ nhất, không kể thiện hay ác. Thiện thì như tích truyện này và chuyện hai vợ chồng chỉ có một tấm áo choàng dâng cúng cho đức Phật; ác thì như tích truyện người thợ săn ác độc xua bầy chó cắn vị tỳ-khưu, ông ta bị trả quả bị chó cắn xé thân xác ngay tại chỗ).

Với tâm cao thượng, pháp hương nhiệm mầu
Lâu xa trăm kiếp địa cầu
Khỏi rơi ác đạo, khổ đau bốn miền[1]
Hằng luôn hưởng phước nhân thiên
Rồi đắc Độc Giác, thắng duyên Niết-bàn![2]

[1] Tứ ác đạo: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.
[2] Dịch từ câu Pāḷi: Kappānaṃ satahahassaṃ, duggatiṃ na gamissati, ṭhatvā devamanussesu, phalaṃ etassa kammuno, pacchāpaccekasambuddho, sumano nāma bhavissati (Chú giải kinh Pháp cú của trưởng lão Pháp Minh).

Bảy Thánh Sản

Vua trời Đế Thích trở lại thiên cung, mới nghỉ ngơi một đêm, sáng ngày, ông thấy sinh lực trong cơ thể tuôn chảy cuồn cuộn, theo đó, thân tướng của mình ngời ngời quang sắc; châu báu từ nơi thiên bào, mũ miện như cũng đồng loạt tiếp sức, thêm năng lượng, túa hắt ra ánh sáng; tất cả chúng kết dệt nên một thứ hào quang lóng lánh lan xa, chiếu xa không biết đến tận không gian biên xứ nào mà kể. Hào quang của ba vị thiên vương Cūḷaratha, Mahāratha, Anekavaṇṇa trước đây đã làm cho Đế Thích hổ thẹn, nay thì ngược lại, họ trở nên tối tăm, ỉu sìu, thảm hại.

Tự suy, tự ngẫm, Đế Thích vô cùng tri ân tôn giả Mahā Kassapa, bậc lậu tận, bậc đầu-đà đệ nhất khổ hạnh – đã cho đặt bát cúng dường nên phước báu quang sắc bây giờ mới được như thế này đây. Cảm kích vô cùng, ông nguyện từ đây sẽ hộ trì giáo pháp một cách nhiệt tình, chăm chuyên hơn trước đây.

Thế là từ đó, ông hằng chuyên để tâm theo dõi thế gian, xem ai có nhân duyên gì, xem có thể giúp đỡ được ai, sách tấn được ai trên con đường hướng thiện và hướng thượng.

Hôm nọ, quét thiên nhãn nhìn xuống kinh thành Vương Xá, thấy đức Chánh Đẳng Giác, sau khi đi trì bình khất thực,

ngài ghé vào một tu viện ở ngoại ô, ngọ trai rồi thuyết pháp cho chư tăng và hai hàng cận sự nam nữ ở đây. Bài pháp nhắc nhở mọi người, không kể tăng hay tục, phải biết gìn giữ "gia tài của bậc thánh", không để cho nó hư mất, mà ngược lại, luôn làm cho nó lớn mạnh. Cuối cùng, đức Phật đã tóm tắt "bảy thánh sản"[1] ấy là như sau:

Một, có đức tin; ở đây là có đức tin nơi Tam Bảo, tin vào lý nhân quả nghiệp báo.

Hai, có thọ trì học giới, gìn giữ, trau dồi thân khẩu ý cho trong sạch, tránh xa tà vạy, bất chánh, tội lỗi.

Ba, biết hổ thẹn với lương tâm mình khi làm những điều xấu ác.

Bốn, biết sợ hãi dư luận, miệng tiếng chê cười khi làm những việc xấu ác.

Năm, thường xuyên nghe pháp, tầm cầu pháp, học hỏi pháp, thọ trì pháp và biết tích lũy kiến thức về pháp.

Sáu, có tâm xả ly, dứt bỏ, biết bố thí, cúng dường với bàn tay rộng mở.

Bảy, có tuệ thấy rõ nhân quả, tội phước, thiện ác; thấy rõ vô thường, khổ không và vô ngã của tâm và pháp.

Bài pháp chấm dứt, tiếng "sādhu" lành thay vang lên, va động vui tươi, xôn xao cả cây lá, cả không khí vườn rừng. Nhưng Đế Thích để ý, có một người không cất tiếng tán thán hòa chung sự hân hoan ấy, đó là một người đàn ông mang bệnh phong cùi lở loét! Ông ta đang núp sau một khóm cây, cạnh cửa sổ giảng đường, chăm chú lắng nghe thời pháp từ đầu đến cuối. Lúc thời pháp chấm dứt, hỷ lạc dâng trào, ông cảm thấy rõ tâm mình an bình kỳ lạ, và sự thấy biết về con đường giáo pháp rất rõ ràng, quang minh và chơn chánh. Trọn vẹn con người ông thay đổi, chuyển hóa,

[1] Bảy thánh sản: 1- Tín (saddhā). 2- Giới (sīla). 3- Tàm (hiri). 4- Quý (ottappa). 5- Đa văn (bāhusacca) 6- Dứt bỏ, thí (cāga). 7- Tuệ (paññā).

cả thân lẫn tâm, nói theo kinh điển thì ông đã vào dòng, đã nhập lưu, đã đắc quả Tu-đà-hoàn. Ông nhắm mắt lại, lắng nghe nội tâm và rồi ông an trú vào phúc lạc ấy. Có cái gì thúc đẩy ông, ông muốn vào trình với đức Phật cái mà ông đang cảm nhận, đang chứng nghiệm; nhưng đã mấy lần tranh đấu, ông vẫn lưỡng lự, không dám. Vả chăng, ông là người cùi hủi ghê tởm, đang bị quăng vất ngoài rìa xã hội; không biết phận mình hay sao mà lại chường mặt vào chốn giảng đường tôn nghiêm? Cho đến khi, đức Phật và đại chúng đã rời đi hết mà người cùi hủi vẫn còn ngồi nguyên chỗ cũ với sự do dự của mình.

Đế Thích thiên chủ, vốn là cư sĩ bậc thánh, theo dõi tâm và biết rõ người cùi hủi sau khi nghe pháp đã đi vào dòng[1], đồng thời biết luôn tâm tư, nguyện vọng của người cùi hủi tội nghiệp kia nữa. Tự dưng, Đế Thích khởi tâm muốn thử thách người cùi hủi, xem thử cái bất động tâm, bất động trí của ông ta như thế nào!

Ý nghĩ ấy vừa khởi sanh, tức khắc, Đế Thích thiên chủ đã hiện xuống khu vườn, đứng lơ lửng giữa hư không, cách mặt đất chừng ba, bốn tầm cây thốt nốt. Để cho người cùi hủi thấy mình, Đế Thích mới cất tiếng nói:

- Này Suppabuddha[2]! Ngươi là kẻ bần cùng, là kẻ mạt hạng, đói nghèo, khốn khổ, lại mang thân cùi hủi ghê tởm; không biết thân biết phận hay sao mà lại bò lết đến đây, trốn sau khóm cây như trốn trong hang chuột mà nghe pháp? Pháp của ông Cù Đàm có gì hay ho mà lôi cuốn được ngươi, kẻ đã bị xã hội ruồng bỏ, xem như một con số đen bất hạnh? Việc ngươi phải lo trước mắt là cơm bánh, y phục và chỗ ở.

---

[1] Đế Thích đã đắc quả Nhập Lưu. Vị thánh Nhập Lưu có thiên nhãn, tha tâm thông - có thể biết tâm của vị Nhập Lưu; tương tự, vị thánh tầng quả trên có thiên nhãn, tha tâm thông, có thể biết tâm của vị thánh quả dưới – nhưng ngược lại thì không thể.

[2] Trùng tên với đức vua Thiện Giác.

Phải dẹp bỏ cái pháp của ông Cù Đàm đi để lo cho cái thân của mình trước đã, nghe rõ chưa?

- Tôi biết chớ! Nhưng pháp của đức Thế Tôn tại sao lại phải bỏ?

- Ta có một điều kiện đây. Nếu ngươi chịu nói, nói thật to lên rằng, Phật không phải Phật, Pháp không phải Pháp, Tăng không phải Tăng; ta chẳng nương tựa Phật, ta chẳng nương tựa Pháp, ta chẳng nương tựa Tăng thì ta sẽ cho ngươi đầy đủ, sung mãn thức ăn, vật uống, áo quần, chỗ ở cùng những tiện nghi sinh sống phú túc cho đến trọn đời! Ta lại còn cho ngươi thêm vàng bạc cùng châu báu nữa kìa! Ta có quyền lực đấy, và ta sẽ làm được điều ta đã hứa!

Nghe nói vậy, người cùi hủi ngước mắt lên, hỏi gắt:

- Ngài là ai?

- Ta là Đế Thích thiên chủ đây! Ta đang cai quản ba mươi ba tầng trời và cả bốn châu thiên hạ!

- Vậy là ngài có nhiều oai lực, quyền lực thật! Là một vị vua trời cao sang, sao thiên chủ lại thốt lên lời ngu si, bất kính và phạm thượng như thế mà không biết xấu hổ? Mà không sợ tội địa ngục a-tỳ? Tại sao lại bắt tôi phủ bác Phật, Pháp, Tăng khi Phật, Pháp, Tăng là tuệ sáng của nhân loại, là trái tim của nhân loại? Thiên chủ bảo tôi nghèo đói, khốn khổ ư? Không! Thiên chủ lầm rồi! Chính thiên chủ mới là kẻ đang nghèo đói, đang khốn khổ và bất hạnh!

Đế Thích cười ha hả:

- Nói nghe hay dữ! Tại sao? Giải thích cho ta nghe thử với nào, xem có lọt tai không?

- Thưa, vì tôi có một gia tài rất lớn. Cái gia tài này vô cùng quý báu, mà tài sản thế gian, những vật trân quý nhất như bảy báu, như vương vị hoặc như uy lực, quyền lực bao trùm cả quả đất này, nếu đem so sánh cũng không có nghĩa lý gì!

Đế Thích, trong bụng cảm thấy rất thú vị, nhưng ngoài mặt thì ra vẻ chế nhạo:

- Nói khoác! Nói vậy mà không biết xấu hổ ư? Gia tài vô giá của ngươi chắc là đựng ở trong cái đãy dơ dáy và hôi hám kia? Giấu trong cái lớp da sần sùi, ghẻ lở, gớm ghiếc kia ư?

Người cùi hủi không hề giận:

- Tôi cảm thương cho sự ngu ngốc, thiểu trí của thiên chủ! Thôi được rồi, tôi sẽ nói cho thiên chủ nghe! Gia tài vô giá ấy chính là bảy thánh sản, là tài sản của bậc thánh mà đức Thế Tôn vừa trao cho tôi trong thời pháp vừa rồi...

Nói thế xong, tuần tự từng điểm một, từng điểm một, người cùi hủi Suppabuddha chịu khó giảng giải lại cho trời Đế Thích nghe, khá trôi chảy, khá rõ ràng, mạch lạc... Rồi cao hứng, ông ta còn tóm tắt chúng trong một bài kệ ngôn:

“ Cầm tay tín, giới lên đường
Có thêm tàm, quý tựa nương vững vàng
Đa văn, pháp học sẵn sàng
Lại còn dứt bỏ nhẹ nhàng như không
Cuối cùng, thắp ngọn tuệ hồng
Thấy nhân, biết quả, giải thông ba thời
Nữ nam cận sự trên đời
Đủ bảy thánh sản, phúc trời sá chi
Kim cương, ngọc báu nghĩa gì
Giàu sang ‘vô lậu, vô vi’ xuất phàm!”[1]

Nghe xong, Đế Thích thiên chủ tỏ lời cảm tạ, tri ân người cùi hủi; còn lanh tay bỏ vào đãy cho Suppabuddha một số vàng bạc, không cho ông ta biết rồi biến mất giữa hư không, sau đó có mặt ngay tại Veḷuvanārāma tịnh xá.

---

[1] Dịch thoát từ câu kệ Pāḷi – trong “Chú giải kinh Pháp cú” của trưởng lão Pháp Minh: Saddhādhanaṃ sīladhanaṃ, hirī ottappiyaṃ dhanaṃ, sutadhanañca cāgo ca paññā ve sattamaṃ dhanaṃ, yassa etā dhanā atthi, ittthiyā purisassa vā, adaliddoti taṃ ahu, amoghaṃ tassa jīvitanti.

Đức Phật lắng nghe Đế Thích kể xong đầu đuôi câu chuyện về người cùi hủi, ngài gật đầu nói rằng:

- Đúng là vậy đó, này Sakka! Dẫu cho một trăm hay một ngàn người như thiên chủ, với miệng lưỡi tài giỏi, khéo ngôn, khéo thuyết hơn thiên chủ, tìm cách thuyết phục, với thêm phần thưởng bảy báu thế gian, cũng không thể nào bảo một thánh đệ tử, có đầy đủ bảy thánh sản - phủ bác Phật, phủ bác Pháp, phủ bác Tăng cho được. Thiên chủ thất bại là lẽ đương nhiên. Nhưng thất bại của thiên chủ chính lại là thành công của giáo pháp Bất Tử vậy!

Chuyện còn kể rằng, sau đó không bao lâu, người cùi hủi bị bò húc chết, nhưng do trạng thái tâm của một vị thánh Nhập Lưu, lại đang còn hoan hỷ trong thời pháp nên ông ta hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Chuyện Kể Về Cõi Trời

Tôn giả Mahā Moggallāna là người hay lên dạo chơi cung trời Ba Mươi Ba, nhất là từ hôm Đế Thích dùng mẹo đặt bát "bòn phước" nơi tôn giả Mahā Kassapa sau bảy ngày xuất định. Và sau này, tôn giả Mahā Kassapa cũng thường hay vân hành lên trên đó để xác chứng và chiêm nghiệm thêm về lẽ nhân quả mầu nhiệm. Hóa ra, chuyện Đế Thích than "nghèo phước" là đúng. Và ở trên cung trời này, không biết bao nhiêu là chuyện lạ! Đúng vậy, bất cứ cận sự nam nữ nào, hễ đặt bát cúng dường đức Phật và chư tăng hiện tiền thì phước quả vô cùng lớn, không chỉ riêng ba vị thiên vương Cūḷaratha, Mahāratha và Anekavaṇṇa mà thôi đâu. Đặc biệt, đối tượng thọ nhận là đức Phật hoặc chư thánh lậu tận, dù một vá cơm, một muỗng canh với đức tin trong sạch hoặc với tâm hoan hỷ thì họ sẽ hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi với dung sắc vô cùng mỹ lệ, ở trong những toà lâu đài chói sáng, hầu hạ xung quanh không biết bao nhiêu là tiên đồng và ngọc nữ.

Biết vậy nên sớm hôm nay tôn giả Mahā Moggallāna ôm bát đi trì bình khất thực là muốn "cứu nghiệp" và mở cánh cửa trời cho một người...

Nguyên do như sau.

Có một cô gái trước đây hay đặt bát cho tôn giả với tâm cúng dường rất trong sạch. Gia đình cha mẹ cô không dư dả gì nên khi nào cô cũng sớt phần ăn của mình ra làm hai, một phần để cúng dường và một phần cho mình. Khi gặp trưởng lão hay một vị sa-môn khả kính, cô cúng dường trước, sau đó mới ăn nửa phần còn lại. Nếu không gặp người xứng đáng, cô lại đem chia sẻ cho người nghèo đói. Vì bao giờ cũng nhường nửa phân ăn của mình nên cô gái sức khoẻ ngày càng yếu. Bà mẹ biết chuyện, lại thương con gái nên tìm cách chia sớt thức ăn thêm.

Thời gian cứ thế trôi qua, đến khi trưởng thành, nàng được gả cho một chàng trai, cũng ở trong thành phố nhưng lại gặp gia đình tà kiến mà họ không hề hay biết...

Sáng nay, do quán căn cơ, tôn giả biết là cô gái sẽ ra đặt bát, và sau đó, do nghiệp dữ từ quá khứ, cô gái sẽ chết. Tôn giả phải cứu cô ta, giúp cô ta hóa sanh lên cõi trời...

Và sau đó, chuyện xảy ra đúng y như vậy.

Khi thấy tôn giả Mahā Moggallāna ôm bát đứng trước cửa, cô gái rất vui mừng, thỉnh ngài vào nhà rồi cúng dường một món bánh đặc biệt. Sau khi thọ nhận, tôn giả nói lời tùy hỷ công đức rồi bước đi.

Cô gái với tâm hân hoan, nghĩ thầm: "Bánh ấy là bánh của mẹ chồng mới làm, đang để dành chưa dùng. Hôm nay, mình cúng dường hết rồi, chút nữa, mình sẽ chia phần phước thanh cao ấy cho mẹ chồng, chắc bà cũng sẽ hoan hỷ như mẹ của mình vậy".

Tuy nhiên, cô gái "ngây thơ" ấy đã lầm. Khi biết bánh của mình, cô con dâu chẳng xin phép lại tự tiện đem cúng cho mấy ông sa-môn, bà mẹ chồng đã chưởi rủa nàng thậm

tệ. Và trong lúc tức giận, không kềm chế được, bà đã chụp cái chày gãy rồi nện túi bụi vào vai cô gái tội nghiệp.

Do thể chất mong manh, yếu đuối bởi nhịn nửa phần ăn nhiều năm trước đây, lại không chịu nổi thương tích trầm trọng, cô gái đã qua đời mấy hôm sau đó. Trước khi chấm dứt hơi thở, do hoan hỷ nghĩ đến việc phước của mình đã làm nên cô được hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Theo dõi lộ trình tâm của cô gái, tôn giả Mahā Moggallāna biết chuyện gì đã xảy ra nên tức khắc, ngài đã có mặt tại đấy. Cô gái bây giờ đã là một thiên nữ dung sắc chói sáng ở trong một lâu đài huy hoàng, tráng lệ, xung quanh có tiên đồng, ngọc nữ hầu hạ.

Gặp lại tôn giả, cô-gái-thiên-nữ quỳ lạy bên chân ngài, vô cùng cảm kích và tri ân.

Cũng tại đây, tôn giả còn gặp rất nhiều vị thiên nữ khác nữa, tất cả đều do nhờ cúng dường đến đức Phật cùng chư vị thánh phàm tăng. Những vật cúng dường lớn như tịnh xá, thất liêu, đất vườn rừng, vườn cây, tạo dựng hồ ao, làm đường sá, bảo tháp, sàng tọa, y đẹp và quý, đặt bát một tuần lễ, đặt bát năm trăm vị, ngàn vị... thì quả phước, theo đó, chúng sẽ tương xứng với nhân lớn đã gieo. Tuy nhiên, có thể kể sơ lược ra đây những thức cúng dường, tuy rất nhỏ nhoi nhưng lại mang đến phước quả rất lớn: Như nước mía, mật mía, quả timbaru, dưa hấu, dưa bở, dưa leo, hoa phārusaka, lò sưởi tay, dầu đèn, trầm hương, nắm rau xanh, bó hoa nhỏ, bó củ sen, một bó hoa súng xanh, một bó hoa súng đỏ, tràng hoa lài, cúng dường hoa nơi bảo tháp, nắm lá thuốc, cháo sữa, món cháo với nước táo, cháo xoài, bánh mè, món cháo cua chữa bệnh, một chiếc bánh kummāsa khô cứng không có muối, dây thắt lưng, cúng hai cây kim, dây treo ở vai, vải buộc vết thương, cây quạt lá kè, dụng cụ đuổi ruồi bằng lông công, dù che nắng, đôi dép, bánh dẻo, mứt kẹo, bánh ngọt, tấm y đẹp, dâng hoa, dâng hương, dâng quả, dâng nước

uống, cúng dường một món nữ trang nhỏ để xây tháp, rải một số hoa sāla, một bó hoa sāla xung quanh bảo tọa của đức Phật... Lại còn rất nhiều vị thiên nữ khác do nhờ thọ trì một ngày bát quan giới, giữ được ngũ giới, nhớ đến tam quy và ngũ giới, đức tin trong sạch, do nhờ có tâm mát mẻ phục vụ cha mẹ chồng, phục vụ chồng, phục vụ tha nhân, quan tâm đến người giúp việc, đảnh lễ chư tăng với tâm thành kính...

Thấy sự lạ lùng và kỳ diệu của nhân quả, vì muốn mở rộng cánh cửa trời và khép bớt cánh cửa bốn đường khổ, muốn cho hai hàng cận sự nam nữ khởi phát đức tin và tăng trưởng đức tin, hôm nọ tại chánh pháp đường, đầy đủ tứ chúng, tôn giả đã kể lại toàn bộ chuyện mắt thấy tai nghe ở cung trời Ba Mươi Ba, với nhân duyên và quả như trên.

Đức Thế Tôn gật đầu xác nhận điều ấy:

- Đúng vậy! Những điều mà Mahā Moggallāna kể lại là đúng sự thực; và Mahā Kassapa cũng thuật lại tương tự như thế. Ở đây lại còn có thêm rất nhiều tăng ni có thắng trí biết rõ như vậy nữa.

Rồi đức Phật giảng giải thêm:

- Này đại chúng! Vật thí tuy nhỏ nhưng quả phước lại lớn là vì rơi vào một trong bốn trường hợp sau đây:

Một, trong lúc xảy ra đói kém, cúng dường hết phần ăn của mình – như trường hợp một cô gái cúng dường phần ăn của mình là miếng cơm cháy cho Mahā Kassapa, sau đó được sanh lên cõi trời Hóa Lạc.

Hai, cúng dường với đức tin trong sạch, với tâm hoan hỷ, nhưng bị mẹ chồng đánh chết... như trường hợp cô gái cúng dường bánh cho Mahā Moggallāna, sau được hóa sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba.

Ba, nghe pháp đắc quả Nhập Lưu, tùy nhân tùy duyên quá khứ mà được sanh lên cõi trời Đao Lợi như chuyện người cùi hủi Suppabuddha hôm nào; hoặc được sanh lên

Hóa Lạc thiên như trường hợp kỹ nữ Sirimā, em gái của Jīvaka.

Bốn, đôi khi chỉ đảnh lễ Như Lai một cách thành kính cũng được sanh thiên như chuyện bà lão chiên-đà-la hôm trước ở ngoại thành Rājagaha.... Đấy là bà cúng dường sự thành kính của mình với tâm tín thành và hoan hỷ nên được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Này đại chúng! Bất cứ ai hành trì, tu tập theo giáo pháp của Như Lai, khi chưa bước được bước chân đầu tiên vào mảnh đất Bất Tử thì hằng nên làm phước, tạo phước để được năm điều hạnh phúc nơi các cõi trời và người, đấy là: Sống lâu và tuổi thọ, diện mạo và dung sắc, an bình và yên ổn, vô bệnh và sức khoẻ, tâm thông và trí sáng.

Hãy như vậy mà thọ trì...

Hóa Độ Gia Đình Thợ Săn

Sau mùa an cư thứ hai mươi, đức Chánh Đẳng Giác còn ở lại đây một thời gian vì ngài còn chờ đợi để cứu độ cho gia đình một người thợ săn.

Đức Phật nhớ rõ, cách đây mười tám năm, có cô con gái một gia đình triệu phú đến Veḷuvanārāma nghe pháp. Do túc duyên quá khứ, cô đắc quả Tu-đà-hoàn. Tuy nhiên, cũng do nhân duyên đưa đẩy, cô lại trốn cha mẹ đi theo một chàng thanh niên thợ săn, tên là Kukkuṭamitta. Thế là cô ta quên cha, quên mẹ, hy sinh tất cả thói quen đầy đủ tiện nghi vật chất xa hoa, chấp nhận cuộc sống thiếu thốn, cơ cực với người mình yêu ở cạnh một ngôi rừng. Chàng trai chồng nàng là một thợ săn giỏi, đủ sức kiếm từng con thịt để nuôi gia đình mỗi ngày mỗi thêm đông đúc. Trong vòng hơn mươi năm mà cô đã sinh hạ cho chàng trai được bảy đứa con trai, mà đứa nào cũng mạnh khoẻ cơ bắp và dễ nuôi như nuôi heo, nuôi bò. Chúng ăn chi cũng được, mặc chi cũng được và nằm đâu cũng được, không hề đau ốm và lại lớn nhanh như thổi. Kế nghiệp nghề tổ, mới bảy tám tuổi, chúng đã phải mang bẫy, vác lưới, mang cung tên theo cha vào rừng. Họ đặt bẫy khắp nơi để bẫy những con thú nhỏ như chồn, thỏ, gà rừng... Và họ giương cung có tẩm độc để bắn

những con thú lớn như nai, hươu, lợn rừng... Cả cọp và sư tử cũng không thoát được cây cung thiện xạ của họ. Đúng là những tay sát thủ chuyên nghiệp ở rừng sâu. Thời gian sau, những cô con dâu lần lượt xuất hiện, phụ giúp công việc trong ngoài giúp mẹ. Nhà cửa cứ phải cơi nới hoặc làm thêm nhiều cái khác. Cuộc sống của cả một đại gia đình như thế, lặng lẽ và bình yên trôi qua.

Sáng sớm hôm đó, đức Phật thấy nhân duyên xưa đã chín muồi nên ngài ôm bát đi vào rừng, nơi hằng trăm cái bẫy mà gia đình thợ săn thường giăng sẵn mỗi đêm. Tại một chỗ dễ thấy, đức Phật lưu lại đấy một dấu chân rất rõ ràng rồi đến ngồi dưới một gốc cây có bóng mát cách đó không bao xa.

Theo lệ thường, sớm nào Kukkuṭamitta và mấy người con trai cũng chia ra nhiều hướng để gỡ bắt thú bị dính nơi những chiếc bẫy. Nhưng lạ lùng làm sao, sáng nay chẳng có một con nào! Kukkuṭamitta ngạc nhiên vô cùng. Bất chợt, ông ta nhìn thấy một dấu chân, tự nghĩ: "Đúng là người này! Chính hắn là người đã thả hết những con thú mắc bẫy của ta đây!" Lần theo vết khả nghi, Kukkuṭamitta thấy một người đang ngồi dưới bóng cây. Không hồ nghi gì nữa: "Chính hắn là thủ phạm! Ta sẽ giết chết hắn!" Kukkuṭamitta giận sôi gan, nhanh như cắt, lắp ngay một mũi tên có tẩm độc, giương lên nhắm bắn.

Lúc ấy, đức Phật vẫn tự tại, an nhiên, vẫn cứ để cho người thợ săn nhắm bắn, ngài chẳng phân trần, nói năng gì cả. Nhưng người thợ săn tuy đã giương cung lên mà không thể bắn được. Cánh tay và chiếc cung như bất động. Ông ta muốn buông xuống, cũng không được. Rồi cả hai chân và thân mình đều không thể nhúc nhích. Lát sau, người thợ săn cảm nghe hai sườn đau nhức, cái miệng há ra không thể ngậm lại, và nước miếng cứ nhễu ra, chảy ra ròng ròng xuống ngực, xuống bụng. Cứ đứng trân trân như trời trồng

vậy. Nó đã hóa thành bức tượng người thợ săn bằng đồng hay bằng đá mất rồi!

Những người con trai đi gỡ thú các hướng kia cũng ngạc nhiên như cha, là chẳng có một con nào mắc bẫy, một con chuột núi cũng không! Lúc trở lại hướng này thì thấy cha mình trong tư thế giương cung nhưng không nhích nhích, động đậy. Có một người ngồi dưới gốc cây, đoán là kẻ đã gỡ thú, và là tay phù thủy đang hãm hại cha mình nên họ đồng loạt giương cung nhắm bắn. Thế là họ[1] cũng biến thành bức tượng đứng trân trân như cha chúng vậy.

Theo lệ thường, Kukkuṭamitta và các con đi vào rừng, nơi những chỗ đặt bẫy, gỡ thú mang về nhà rồi các con dâu đi bán chợ sớm, sau đó, họ mới cùng nhau đi săn thú lớn. Nhưng sáng nay, thấy trời đã khá trưa mà không thấy ai trở về, nghi có việc chẳng lành nên bà và các con dâu bươn bả đi tìm. Đến nơi, bà thấy chồng và các con đang giương cung bắn một người. Liếc nhìn sang, thấy đức Phật, hoảng quá, bà la lớn lên:

- Đừng bắn! Đừng giết! Mấy người đừng giết "cha tôi"!

Nghe vậy, thợ săn Kukkuṭamitta tự nghĩ: "Ác hại thay! Té ra ông này là 'cha vợ' của mình mà mình lại không biết. Nếu vợ ta không nói thì cái nghiệp muốn giết cha vợ như thế này, cái tội tày đình ấy gánh sao cho hết!"

Các con trai của Kukkuṭamitta cũng nghĩ: "Hóa ra ông này là 'ông ngoại' của mình! Ôi! Mình giương cung bắn ông ngoại như thế này thì tội lỗi ấy trời sẽ không dung, đất sẽ không tha!"

---

[1] Pháp cú chú giải ghi là 7 người con trai, và sau đó là 7 cô con dâu. Dh.iii.24-31 cũng ghi như vậy. Và nếu chuyện ấy xảy ra, thì tối thiểu cũng vào khoảng hạ thứ 40, lúc bà gần 60 tuổi, đứa con trai út mới đủ tuổi lập gia đình! Những sử liệu thường thiếu "logic" là chuyện thường!

Sau khi Kukkuṭamitta nghĩ người kia là "cha vợ", và các con nghĩ là "ông ngoại" thì những trạng thái tâm hung dữ, ác độc của họ tự động lắng dịu xuống.

Và khi bà vợ đến gần bên, nói lớn: "Hãy mau buông cung tên xuống và đến sám hối với cha ta đi!" thì đức Phật xả thần lực, cho họ được tự nhiên cử động tay chân trở lại.

Rồi cả đại gia đình, gồm hai vợ chồng Kukkuṭamitta, các con trai và con dâu đồng đến cúi đầu, chấp tay và hối lỗi việc làm sái quấy vừa rồi bên chân đức Phật.

Khi thấy tâm ai cũng đã tắt được lửa nóng, và một trạng thái mát mẻ của tình thân thuộc, thân quyến dịu nhẹ đã lan tỏa ta, đức Phật sử dụng thêm năng lượng tâm từ bao phủ mọi người và không gian xung quanh rồi ngài bắt đầu cuộc nói chuyện.

Đầu tiên, đức Phật nói đến sự đau khổ, thống khổ của những cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la; nhân và quả nó ra sao. Thứ đến, ngài đề cập đến những cảnh giới an vui và hạnh phúc của cõi người, trời dục giới cùng nhân và quả của nó. Khi thấy tâm ai cũng đã sẵn sàng như manh vải dễ nhuộm màu, đức Phật khuyên hãy bỏ nghề thợ săn, cái nghề sát sanh hại vật sẽ bị quả báo đau khổ khôn lường. Hãy nên làm ruộng, làm vườn, làm củi gỗ, nghề mộc, nghề tre cùng nhiều việc chân tay khác. Đức Phật cũng khuyên là cả đại gia đình nên dẫn nhau về thành phố, quỳ lạy và sám tội bên chân ông bà triệu phú, vẫn đang còn khoẻ mạnh. Tâm lý xưa nay, ai cũng thương con, thương cháu; và họ sẽ tha thứ, sẽ cho thêm vốn liếng làm ăn sinh sống. Còn cả tương lai cho con cho cháu nữa, không thể chôn vùi mãi đời mình trong cái nghiệp sát ở rừng sâu, tối tăm và cơ cực lắm.

Lạ lùng làm sao, sau buổi ngôn giáo ấy, cả đại gia đình khẳng khái, quyết tâm bẻ cung tên, bỏ nghề, tìm công ăn việc làm khác. Và họ cũng có dự định về thăm cha mẹ, ông bà ngoại triệu phú nữa, sau mấy chục năm biệt tích!

Riêng đức Phật thì biết, đã an trú họ "vào dòng" nên ngài lại ôm bát trở lại thành phố, đi khất thực vừa đủ dùng rồi trở lại Veḷuvanārāma tịnh xá.

Buổi chiều, tại chánh pháp đường, do ai cũng không biết, buổi sớm, đức Tôn Sư ôm bát đi đâu, nên đức Phật kể lại chuyện đi thăm gia đình người thợ săn, và đã an trú họ vào mảnh đất Bất Tử như thế nào.

Đại chúng bèn hồ nghi:

- Có thể nào những kẻ thợ săn giết vật không gớm tay kia lại buông cung, buông tên được, từ bỏ nghiệp sát được, bạch đức Tôn Sư?

- Ừ, họ từ bỏ được đấy! Cả người cha, bảy người con trai, bảy cô con dâu đều đã có đức tin bất động, không còn hoài nghi nhân quả nữa.

- Thật là tuyệt vời! Ồ, thế còn người mẹ, thì ra sao hở đức Tôn Sư?

- Riêng bà ta thì đã " Nhập Lưu" từ thuở còn là con gái, vào năm mà Như Lai thuyết những bài pháp đầu tiên ở Veḷuvanārāma tịnh xá.

Từ đoạn đối thoại này, đại chúng tỳ-khưu lại khởi lên một hoài nghi khác: "Cô gái này, đã đắc quả Tu-đà-hoàn rồi mới về làm vợ chàng thợ săn Kukkuṭamitta. Thế là thời gian trải qua mấy chục năm, sanh hạ bảy người con trai, bà ta làm sao tránh sao khỏi những tội lỗi liên hệ? Ví dụ, này bà, đem cung, đem lao, đem dao găm, đem lưới lại đây cho tôi? Này bà, kia là thuốc độc, bà hãy khéo tay một chút, giúp tôi tẩm độc vào đầu những mũi tên bắn thú với nhé? Như vậy, bà ta đã giúp chồng khí giới để ông ta bắn thú, giết thịt mất rồi. Thế là một vị thánh Tu-đà-hoàn mà cũng còn sát sanh hay sao?"

Thấy đây là một hoài nghi hợp lý nên đức Phật đã giải thích thêm:

- Nầy chư tỳ-khưu! Một nữ thánh Dự Lưu không bao giờ còn phạm tội sát sanh, khởi ý sát sanh. Đây là bà ta chỉ vâng lời chồng chứ không xúi giục chồng. Khi chồng bảo đưa cung, đưa tên thì bà đưa cung, đưa tên. Bà không hề khởi tư tác, ví như ông hãy giết con thú này đi, hãy giết con thú khác đi! Bà cũng không nghĩ rằng, ta sẽ tẩm độc đầu mũi tên này để chồng ta giết được nhiều con thú to để bán được nhiều tiền, nhiều bạc.

Tư tác là nghiệp, có khởi ý, có chủ ý giết vật, cố gắng giết vật mới phạm giới sát sanh. Nếu không có tư tác, không có chủ ý giết vật thì không tạo nghiệp sát sanh...

Thấy đại chúng dường như vẫn đang còn thắc mắc, đức Phật nói tiếp:

- Ví như bàn tay ta lành lặn, không có thương tích thì bàn tay ấy có thể cầm nắm thuốc độc mà không ảnh hưởng gì, thuốc độc chẳng thể nào thâm nhập vào cơ thể, vào máu huyết được. Cũng như thế ấy, nếu ta không có tư tác bất thiện, không khởi ý xấu độc mà cầm cung, cầm tên trao cho người khác thì vẫn không phạm tội sát sanh, vì ác không thể xâm nhập vào tâm người lành được.

Cuối cùng, đức Phật đọc lên một bài kệ để kết luận:

"- Tay ta nếu chẳng vết thương
Dẫu cầm thuốc độc chẳng phương hại gì
Ác kia vô hiệu tức thì
Với người đức hạnh thường khi niệm lành"[1].

[1] Pháp cú 124: Pāṇimhi ce vaṇo nāssa, hareyya pāṇinā visaṃ, nābbaṇaṃ visamanveti, n'atthi pāpaṃ akubbato (Kinh lời vàng).

Nhân Duyên Quá Khứ

Câu chuyện về gia đình người thợ săn vẫn chưa chấm dứt. Tuy đại chúng đã thỏa mãn mọi câu hỏi nghi ngờ, nhưng họ cũng còn tò mò không hiểu, do nhân duyên gì mà chàng thợ săn Kukkuṭamitta, vợ và các con trai, con dâu đồng loạt đắc quả Tu-đà-hoàn như thế? Một gia đình săn thú, giết thú mấy mươi năm, sát hại không biết bao nhiêu sinh linh vô tội mà lại dễ dàng đắc quả như thế sao?

Thế là đức Bổn Sư lại phải kể lại câu chuyện xưa.

"- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, lúc ngài nhập diệt, cận sự nam nữ hai hàng bàn tính với nhau về việc xây dựng thánh tháp để tôn trí xá-lợi. Sau khi thống nhất ý kiến, họ đồng thuận là lấy hùng hoàng vàng và thạch tín đỏ làm đất, lấy dầu mè làm nước. Tiếp đến, họ nghiền thêm nhiều loại đá thành bột, trộn chung với nhau để đúc thành những viên gạch, lấy dầu có chất dính kết trộn với cát làm hồ vữa để xây. Họ còn dự định bên trong, bên ngoài tháp sẽ được dát vàng; riêng cửa ra, cửa vào thì phải lót gạch toàn bằng vàng khối, mỗi viên gạch như thế trị giá cả trăm ngàn đồng tiền vàng.

Công trình xây dựng như thế là phải phí tổn một ngân khoản rất lớn. Vị triệu phú nổi tiếng ở một ngôi làng ngoài

thành phố, cư sĩ lâu năm, phát hỷ tâm cúng dường mười triệu đồng tiền vàng rồi tuyên bố:

- Tôi muốn là người chủ trì công trình, và sau khi hoàn tất, cũng chính tôi là người chủ lễ khánh thành tòa bảo tháp này, bà con có đồng ý không?

Cận sự nam nữ bàn tán xôn xao về số tiền lớn lao ấy, và ai cũng nghĩ thầm, thế thì ông ta làm chủ trì công trình, chủ lễ khánh thành là xứng đáng. Tuy nhiên, có một số người nghe vậy lại chạm tự ái, nghĩ rằng: "Cả trong thành phố mà lại không có ai đủ sức, đủ tài của, lại để cho một ông triệu phú ngoài thành cuỗm mất danh dự!"

Trong thành có một vị triệu phú, ai cũng biết danh, bình tĩnh lắng nghe mọi dư luận, ông cười vui trong lòng, sau đó, tuyên bố với mọi người:

- Nếu chỉ mười triệu mà được cả hai danh dự kia thì không đáng, tôi xin cúng dường hai mươi triệu! Xin bà con bầu chọn tôi.

Vị triệu phú ngoài thành phố cũng không ngán, ông ta tuyên bố:

- Vậy thì tôi xin cúng dường ba mươi triệu, được chưa?

- Chưa được! Vị triệu phú trong thành cười ha hả - vậy thì đã thấm chi. Ông mà ba mươi thì tôi xin cúng dường tám mươi! Theo nổi không nào?

Nghe con số quá khủng, vị triệu phú ngoài thành phố nghĩ thầm: " Ông ta giàu hơn mình nhiều. Gia tài của mình chỉ có chín chục triệu, còn ông ta nghe đâu có đến bốn trăm triệu. Thế nếu mình cố gắng tận cùng, hô lên chín mươi, hết cả gia sản, còn ông ta hô lên một trăm thì mình sẽ rớt đài rồi. Dại chi cho họ thấy 'điểm yếu' của mình".

Sau khi suy nghĩ chín chắn, ông triệu phú ngoài thành chậm rãi, điềm đạm nói:

- Tám mươi, nghe ra cũng không nhiều! Tôi có thể lên chín mươi và ông có thể lên một trăm. Và nếu thế thì chúng

ta cứ đấu với nhau mãi. Tôi nghe đức Đạo Sư dạy rằng: Bố thí, cúng dường, phước báu cao thượng nhất là tâm ly, tâm xả, chứ không phải với tâm đấu, tâm tranh! Quý vị nghĩ có phải không?

Thấy mọi người gật gù và có vẻ đã thấm ý, ông triệu phú ngoại thành nói tiếp:

- Nói tóm lại, ở chỗ này, tại đây, về tiền bạc, thế là tôi đã thua. Tôi thua với tâm phục, khẩu phục – vì tâm thí xả tám chục triệu đồng tiền vàng, thật không dễ gì thế gian làm được. Tuy nhiên, dù thua "tiền của" nhưng tôi sẽ cố gắng bù thêm "công sức" vào, thêm mồ hôi và lao lực vào! Vậy, bắt đầu từ ngày mai, tôi, vợ tôi, bảy đứa con trai của tôi, bảy cô con dâu của tôi, cả thảy mười sáu người sẽ tự nguyện đến đây làm công quả cho đến khi hoàn tất công trình, hoàn mãn lễ lạc thành. Vậy xin bà con cận sự hai hàng, xét bình chọn, xem thử tôi có xứng đáng với hai danh dự kia hay không?

Cả ngàn người đại diện chia ra từng toán, từng nhóm, tìm cách lấy ý kiến đồng thuận là nên bầu chọn cho ai làm chủ trì kiêm chủ lễ. Cuối cùng, ông triệu phú ít tiền của nhưng nhiều công sức được mọi người bầu chọn với số phiếu nhiều hơn.

Nghe kết quả, ông triệu phú tám chục triệu đồng tiền vàng thua cuộc mỉm cười:

- Đem cả lực lượng vợ chồng con cái dâu rể mười sáu người đến làm công quả suốt thời gian công trình thì quả là tôi không bằng được. Tôi thua. Tôi thua cũng với tâm phục khẩu phục. Chính tôi cũng muốn bầu chọn ông bạn già đấy!

- Tại sao vậy? Có người hỏi.

Ông triệu phú thua cuộc ôn tồn đáp:

- Tôi chỉ cúng dường tiền vàng, tức là vật ngoại thân mà thôi. Còn gia đình kia, ngày này sang ngày khác còn cúng dường cả thân, cả khẩu, cả ý của mình nữa. Nếu đức Đạo Sư

còn hiện tiền, thì Đạo Sư cũng dạy rằng, đấy là sự cúng dường cao thượng nhất: Cúng dường ba-la-mật đó!

Quả thật vậy, ai cũng đồng ý đấy là sự cúng dường cao thượng.

Nên sau kiếp ấy, cả mười sáu người đồng hóa sanh lên thiên giới. Trong suốt thời gian dài không có Phật, họ thọ hưởng phước báu vinh quang và sang cả không kể xiết. Kiếp hiện tại, người nữ hạ sanh vào gia đình ông triệu phú tại Vương Xá, đắc quả Tu-đà-hoàn khi mới vừa mười sáu tuổi. Người nam do nghiệp quá khứ còn nặng nên hết phước cõi trời, lại rơi vào gia đình thợ săn. Tiểu thư con ông triệu phú vừa mới thấy mặt chàng thanh niên thợ săn đã đem tâm ái luyến mạnh mẽ do họ đã từng là vợ chồng thương yêu thủy chung nhiều đời rồi. Đấy là mối tình tiền kiếp. Các con trai từ thiên giới lại tìm cách đầu thai vào lòng bà mẹ cũ. Chư thiên nữ, những nàng dâu thuở trước, sinh hạ rải rác đó đây, tìm duyên trở lại với những người chồng xưa của mình. Thế là cả một đại gia đình mười sáu người từ thời đức Phật Kassapa thuở xưa, bây giờ họ đoàn tụ ở đây. Do công và của xây dựng thánh tháp tôn trí xá-lợi Phật nên họ đồng đắc quả Tu-đà-hoàn.

Đại chúng thở phào nhẹ nhõm khi thấy rõ nhân quả cùng duyên xưa lối cũ thật nhiệm mầu như vậy.

MÙA AN CƯ THỨ HAI MƯƠI MỐT
(Năm 567 trước TL)

Tối Thượng Trân Bảo

Đức Phật trở lại Jetavanārāma sau nhiều tháng du hành cùng với đại chúng tỳ-khưu. Ở đây chỉ mới mấy hôm, ngài phải sử dụng thần thông quay trở lại lộ trình cũ để " xử lý" một việc quan trọng.

Chuyện là đức vua Pukkusāti trị vì quốc độ Gandhāra, thành phố Takkasilā và đức vua Bimbisāra là đôi bạn đồng niên, rất thân thiết với nhau. Tuy hai quốc độ ở cách xa nhau vời vợi - một ở cực bắc, một ở trung nam – nhưng tình thân của họ không vì vậy mà trở nên xa cách. Trước đây, khi có cơ hội, cả hai thường gởi cho nhau, theo các đoàn thương buôn, lời thăm hỏi sức khỏe cũng như những món quà đặc sản ở địa phương mình. Vừa mới đây, đức vua Pukkusāti sai một sứ giả vượt ngựa gần hai trăm năm mươi dặm đường trường từ Takkasilā đến Rājagaha, đích thân dâng lên tận tay đức vua Bimbisāra một món quà quý giá gồm tám xấp gấm Kambala và tám thỏi trầm đỏ rất hiếm thấy trên thế gian. Loại gấm Kambala này được xem là vô giá, nhưng trầm đỏ thì lại càng quý hiếm hơn, chính đức vua cũng chỉ mới nghe nói chứ chưa hề thấy bao giờ. Loại trầm đỏ này chỉ được tìm thấy ở rừng sâu Himalaya, cây chiên đàn đỏ ngàn tuổi, được ví như hương của cõi trời, lại xua tan khí độc, thanh lọc

không gian xung quanh. Cảm động trước tấm chân tình của bạn, đức vua Bimbisāra tay nâng niu món quà mà óc thì cứ suy nghĩ miên man, lý do là ông không nghĩ ra được món quà nào có giá trị tương đương để trao tặng lại.

Trong lúc đoàn sứ giả đang còn chờ đợi sự hồi đáp của đức vua thì ông bàn với các lão thần thân tín, uyên bác, góp ý giúp ông lựa chọn một món quà nào là tương xứng. Các vị lão thần biết sự vô giá của hai món quà phương Bắc nên họ cũng sinh ra băn khoăn và nghĩ ngợi nhiều. Vàng, bạc, châu, báu thì ông vua nào cũng không thiếu, không nên bàn nữa. Đặc sản phương Nam thì dồi dào thức ăn vật uống, dù quý báu chi cũng không để lâu để dài được. Những sản vật rừng, thì có nơi nào quý hiếm bằng dãy núi Himalaya?

Đức vua chợt nói:

- Phải là "trân bảo", chư vị ạ! Nhưng nó không phải là vật chất, phải có giá trị văn hóa, tâm linh. Tuy nhiên, giá trị văn hóa, tâm linh ấy cũng phải được cân nhắc chín chắn, để khỏi bõ làm trò cười cho thiên hạ. Tại sao vậy? Vì thành phố Takkasilā là kinh đô đại học của châu Diêm-phù-đề; hằng trăm, hằng ngàn trí thức và lãnh đạo thiên hạ đều xuất thân ở kinh đô của bạn ta cả. Trí thức, kiến thức và văn hóa họ đều cao hơn chúng ta. Vậy hãy mở một cuộc hội nghị, ngoài các vị trọng thần học rộng, biết nhiều, chúng ta phải mời thêm một số trí thức, học giả trong kinh thành để thảo luận, hội ý cùng nhau xem trong cổ thư, cổ kinh – cái gì được gọi là "trân bảo" cùng giá trị cao thấp khác nhau của chúng! Rồi chúng ta sẽ lựa chọn cái "trân bảo đệ nhất" để biếu tặng đức vua Pukkusāti, bạn quý của ta.

Cuộc "hội nghị bàn tròn", thế là nhanh chóng diễn ra; và sau đó, vị quan "đại học sĩ" học rộng, biết nhiều đã đúc kết cho đức vua nghe:

- Từ xưa đến nay, trong cổ thư, cổ kinh có phân loại, đưa ra hai loại trân bảo (ratana): Một là trân bảo không có thức

tánh (aviññāṇaratana) và một là trân bảo có thức tánh (viññāṇaratana). Trân bảo không có thức tánh ví như là như vàng, bạc, kim cương, ngọc đỏ, ngọc lục, ngọc lam, ngọc tím, ngọc xanh, ngọc maṇi... Trân bảo có thức tánh ví như là ngựa quý, voi quý... Giữa hai loại ấy thì trân bảo có thức tánh được đánh giá là cao hơn, tâu bệ hạ quý kính!

- Chính xác! Đức vua gật đầu khen ngợi! Ngựa quý, voi quý đôi khi còn là linh hồn của quốc độ, đúng lắm! Hội đồng trí thức, học giả có khác, đã trình bày rõ ràng, đâu ra đấy! Ta đã được mở rộng kiến văn. Bây giờ nói tiếp đi, ta đang nôn nóng lắng nghe đây.

- Vâng! Trân bảo có thức tánh quý hơn, nhưng trân bảo có thức tánh này cũng được phân thành hai loại. Đấy là trân bảo thuộc về động vật (tiracchānaratana) và trân bảo thuộc về người (manussaratana). So sánh hai loại này thì trân bảo thuộc về người quý hơn, tâu bệ hạ!

- Hay lắm! Kể tiếp đi!

- Vâng! Về người cũng có hai loại, tâu bệ hạ! Ấy là đàn bà trân bảo (itthīratana) và đàn ông trân bảo (purisaratana). Trong hai trân bảo này thì đàn ông quý hơn, tâu bệ hạ!

Đến đây, đức vua gật gật đầu, mỉm cười góp chuyện:

- Bây giờ ta mới hiểu một chuyện xưa, chuyện xảy ra vào thời Chuyển luân Thánh vương. Khi một đức Chuyển luân vương xuất hiện thì đồng thời xuất hiện bảy báu[1]. Trong bảy báu này có hai báu là ngọc nữ báu và tướng quân báu. Ngọc nữ báu chỉ tạo thêm thiên hương, thiên xúc cho đức vua mà thôi; còn tướng quân báu còn giúp thái bình cho cả thiên hạ! Đúng vậy, cổ nhân, cổ đức xếp loại như thế thì đã nêu bật giá trị minh nhiên rồi, không ai có thể tranh bàn hơn được.

[1] Ngọc luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, tài thần báu và tướng quân báu.

- Đúng vậy, bệ hạ thật anh minh!

- Thôi, được rồi, hãy tiếp tục đi!

- Vâng, về người, về đàn ông cũng có hai loại. Đấy là đàn ông thế gian và đàn ông xuất thế gian; nói cách khác, là đàn ông thế tục trân bảo (āgāriyaratana) và đàn ông xuất gia trân bảo (anāgāriyaratana). Trong hai loại này thì đàn ông xuất gia trân bảo là quý hơn, tâu bệ hạ!

Đức vua gật đầu:

- Không sai! Hãy tiếp nữa đi!

Vị quan đại học sĩ chợt lắc đầu:

- Cuộc hội nghị bàn tròn hôm ấy, mọi người thảo luận đến ngang chỗ này là bế tắc; tuy cũng có ý kiến này, ý kiến kia nhưng họ đã tỏ ra mù mờ như đi đêm mà không có đèn soi. Thảng hoặc, họ rơi vào suy luận, luận đoán một biên, một phía nào đấy thôi. Đây là nhận xét khá chính xác của hạ thần, kẻ bề tôi không dám đa sự, lắm lời trước mặt bệ hạ đâu!

- Ừ, ta biết!

Trong lúc đức vua đang đăm chiêu, vị quan đại thần đang suy nghĩ thì duyên may làm sao, thánh y Jīvaka đi ngang, thoáng nắm bắt câu chuyện đang dang dở, lại góp ý:

- Tại sao đại vương không thử thưa hỏi điểm này với đức Đạo Sư? Ngài đang ở Rājagaha này mà!

Đức vua như chợt sáng ý, vỗ trán mình một cái:

- Sao ta lú lẫn vậy kìa! Chỗ này thì trên thế gian có ai sáng trí hơn đức Thế Tôn đã chứ?

Thánh y Jīvaka thưa tiếp:

- Đức Thế Tôn thì nói làm gì! Hai vị thượng thủ, chư đại trưởng lão, một bậc thánh vô lậu hoặc một vị tỳ-khưu đa văn cũng có thể có kiến giải rõ ràng được đấy, tâu bệ hạ!

- Ồ, ra là thế!

Đức Phật hôm ấy đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, theo dõi câu chuyện, đến ngang đây thì ngài chuyển thông tin cho tôn

giả Mahā Moggallāna, ngay tức khắc, tôn giả có mặt tại vương cung. Và sau đó, tôn giả đã giải thích tiếp cho đức vua nghe.

"- Một vị Chuyển luân Thánh vương dù trân quý thế nào cũng không bằng một xuất gia sa-di, huống hồ là tỳ-khưu, huống hồ là trưởng lão, huống hồ là bậc thánh vô lậu! Tuy nhiên, xuất gia trân bảo cũng có hai loại. Thứ nhất là bậc hữu học trân bảo (sekharatana), gồm chư phàm tăng và thánh hữu học từ Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm. Thứ hai là bậc vô học trân bảo (asekharatana), tức là chư thánh lậu tận A-la-hán. Bậc thánh vô học trân bảo cũng có hai hạng: Thanh Văn A-la-hán trân bảo (Sāvakaratana) và đức Phật trân bảo (Buddharatana); dĩ nhiên là đức Phật trân bảo cao quý hơn.

Còn nữa, đức Phật trân bảo cũng có hai thứ bậc: Đức Phật Độc Giác trân bảo (Paccekabuddharatana) và đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo (Sammāsambuddharatana); và dĩ nhiên đức Phật Chánh Đẳng Giác trân bảo cao quý hơn".

Giảng đến ngang đây, tôn giả Mahā Moggallāna cất cao giọng, kết luận:

- Tâu đại vương! Như vậy, tất cả trân bảo trên thế gian, Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng!

- Tri ân tôn giả! Đức vua cúi đầu cảm tạ - Bậc Chánh Đẳng Giác là trân bảo tối thượng, không còn bàn cãi gì nữa; nhưng không biết sẽ nên gởi tặng kinh đô Takkasilā cái gì là biểu tượng của trân bảo ấy, thưa tôn giả?

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười:

- Có đấy, tâu đại vương! Có đức Phật nghĩa là có đức Pháp, nghĩa là có đức Tăng. Đức Phật có chín hồng danh là đại biểu cho Phật, đức Pháp có sáu ân đức là đại biểu cho Pháp, đức Tăng có bốn ân đức là đại biểu cho Tăng. Vậy đại vương hãy tìm cách thế nào để biếu tặng đức vua Pukkusāti những trân bảo ấy – thì được xem là trân quý tối thượng ở trên đời này!

Sau đó, tôn giả còn phải một hồi giảng giải tỉ mỉ, rõ ràng về chín hồng danh của Phật[1], về sáu đức tính của Pháp[2], về bốn đức tính của Tăng[3]. Tôn giả còn tóm tắt cả Ba Bảo ấy, là lộ trình giác ngộ, giải thoát nó nằm nơi Tứ Niệm Xứ, nó nằm nơi Bát Thánh Đạo, nó nằm nơi Ba Mươi Bảy phẩm trợ đạo như thế nào rồi biến mất tại chỗ - vì ngài biết ông vua sáng trí kia sẽ lãnh hội được và có khả năng biết mình phải là gì!

Và đúng như vậy, sau một hồi suy nghĩ, đức vua sai nội quan chuẩn bị sai thợ dát một tấm vàng mỏng, bề ngang một gang tay, bề dài chừng bốn cùi tay cùng một cây bút bằng thép cứng. Đâu đó xong xuôi, đức vua tắm rửa, vương bào chỉnh tề, lên lầu cao, đốt trầm cùng một viên học sĩ viết chữ tốt. Rồi theo chỉ dẫn của đức vua, viên học sĩ nắn nót khắc lên bảng vàng chín hồng danh của đức Phật, tức là chín ân đức cao cả [4] ; sáu đặc tính của Pháp, tức là sáu ân đức cao cả [5]; bốn đức tính của Tăng, tức là bốn ân đức cao cả[6]. Sau đó, đức vua giải thích rõ ràng từng ân đức một, xưng tán, ca ngợi tất cả đấy là những trân bảo trân quý nhất trên đời.

Cao quý thay! Phật Bảo đã xuất hiện rồi!

---

[1] 9 hồng danh: A-la-hán-Ứng Cúng-Vô Sanh (Arahaṃ), Chánh Biến Tri (Sammā Sambuddh0), Minh Hạnh túc (Vijjā-carana-sampanno), Thiện Thệ (Sugato), Thế Gian giải (Lokavidū), Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu (Anuttaro Purisadammasārathi), Thiên Nhơn sư (Satthādevamanussānaṃ), Phật (Buddho), Thế Tôn (Bhagavā).

[2] 6 đức tính của Pháp: Pháp được khéo thuyết bởi đức Thế Tôn (Svakkhāto bhagavatā dhammo), thiết thực hiện tại (Sandiṭṭhiko), vượt thời gian (Akāliko), đến đây mà thấy (Ehipassiko), có khả năng hướng thượng (Opanāyiko), bậc trí tự mình giác hiểu (Paccattaṃ veditabbo viññūhi).

[3] 4 đức tính của Tăng: Thiện hạnh (Suppatipanno), trực hạnh (Ujupatipanno), ưng lý hạnh (Ñāyapatipanno), pháp hạnh (Sāmīcipatipanno).

[4] Arahaṃ guṇa, sammāsambuddha guṇa...

[5] Sandiṭṭhika guṇa, Akālika guṇa...

[6] Suppatipanna guṇa, Ujupatipanna guṇa...

Cao quý thay! Pháp Bảo đã xuất hiện rồi!

Cao quý thay! Tăng Bảo đã xuất hiện rồi!

Đức vua cũng tóm tắt lộ trình giác ngộ, giải thoát nằm nơi Tứ Niệm Xứ, nằm nơi Bát Thánh Đạo, nằm nơi Ba Mươi Bảy phẩm trợ đạo như thế nào, như tôn giả Mahā Moggallāna đã giảng dạy.

Cuối thư, đức vua Bimbisāra còn khuyên bạn mình là nên xuất gia, ở trong Tăng Bảo, để sống trong những ân đức ấy, giáo pháp ấy, là hạnh phúc tối thượng trên cuộc đời nầy!

Đâu đó xong xuôi, đức vua tận tay cuốn tròn tấm vàng, lấy nhiều lớp gấm kambala bó lại. Đức vua còn sai thợ kim hoàn thiết kế bảy chiếc hộp bằng đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa cừ, pha lê, ngọc thứ tự lớn nhỏ khác nhau, có thể đặt vào trong nhau; rồi đặt vật tặng trân quý ấy trong hộp ngọc, hộp ngọc đặt trong hộp pha lê, hộp pha lê đặt trong hộp xa cừ, hộp xa cừ bỏ trong hộp hổ phách, hộp hổ phách đặt trong hộp vàng, hộp vàng bỏ trong hộp bạc, hộp bạc bỏ trong hộp đồng. Xong xuôi, vật trân quý được gói bằng nhiều lớp gấm rồi được đặt trong một chiếc hộp bằng gỗ chiên đàn với nhiều hoa văn khắc chạm công phu, tinh xảo. Chiếc hộp chiên đàn này sau khi niêm triện đỏ lại còn được đặt trên một pháp tòa, có lọng trắng che, có hoa thơm, nhiều hương liệu ngát ngào, trên lưng con voi Hạnh Phúc được trang điểm châu báu long lanh, chói ngời.

Ngày tiễn đoàn sứ giả lên đường, đức vua và bá quan đi chân đất, chấp tay cung kính trong âm thanh ca nhạc rộn rã, với không gian sực nức hương thơm. Để tăng thêm sự trân trọng và thiêng liêng, đức vua Bimbisāra cùng bá quan còn hô lớn lên ba lần khi ra khỏi thành: "Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi!" – rùng rùng chấn động cả không gian!

Chuyện kể rằng, tin báo phi mã đến tai đức vua Pukkusāti kinh thành Takkasilā về vật tặng trân quý được

đức vua Bimbisāra và bá quan tổ chức nghi lễ thiêng liêng như thế làm cho ông rúng động cả châu thân. Thế là đức vua Pukkusāti cũng chuẩn bị một cuộc đón tiếp trân trọng không khác gì, khỏi kể thêm ở đây.

Khi một mình đối diện với vật trân quý trên lầu cao, đức vua từ từ, trân trọng gỡ niêm triện đỏ, lần lượt gỡ từng lớp gấm thì bảy chiếc hộp đồng, bạc, vàng, hổ phách, xa cừ, pha lê, ngọc hiện ra. Nhìn chiếc hộp ngọc xinh xắn với nghệ thuật điêu khắc tinh xảo tuyệt vời, đức vua run run mở nắp hộp, bên trong lại hiện ra một lớp gấm nữa. Lần gỡ lớp gấm cuối cùng, một tấm vàng dát mỏng có điêu khắc chữ[1] đập vào mắt đức vua. Trân trọng đặt "điêu bảng" trên bàn hương, đức vua chậm rãi đọc từng chữ, từng câu...

Không biết thời gian trải qua bao lâu, đức vua đã đọc xong; và câu còn lại để đức vua thốt lên mà cảm nghe hỷ lạc dâng trào, tẩm ướt sung mãn cả thân lẫn tâm, đó là: Đức Phật xuất hiện rồi! Đức Pháp xuất hiện rồi! Đức Tăng xuất hiện rồi! Và đức vua cũng ngồi yên như thế, một niềm vui thanh cao, nhẹ nhàng, siêu thoát ở đâu thuộc thượng tầng thanh khí choáng ngợp tâm tư ngài. Và rồi đức vua ngồi bất động suốt mấy hôm, không ăn, không uống, sống trong trạng thái hỷ lạc của thiền sắc giới.

Như đã quyết định dứt khoát, sau khi xuất định, đức vua lặng lẽ tự mình cạo đầu, choàng đơn sơ giản dị một tấm vải vàng, chấp tay niệm: "Đệ tử xin thành kính đảnh lễ bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác" rồi âm thầm rời cung, đầu trần, chân đất, không cho ai hay biết. Sau khi vượt qua một trăm chín mươi hai dặm đường[2] đến Sāvatthi thì nghe tin đức Phật đang ở Rājagaha, đức vua lại nhắm hướng xuôi Nam.

---

[1] Các nhà nghiên cứu gọi là "điêu bảng".

[2] Có thể xem Dictionary of Pāḷi proper names: "He travelled the one hundred and nine-two leagues to Sāvatthi". Kinh điển thì ghi 192 do-tuần (Dặm và do-tuần khác nhau).

Khốn khổ thay cho đức vua mà cũng tuyệt vời, kiên định thay cho ý chí xuất trần tối thượng của đức vua – vì sau khi vượt thêm bốn mươi lăm dặm đường[1] nữa, gần đến Rājagaha thì đức Thế Tôn lúc ấy đã ở tại Jetavanārāma tịnh xá – do cả hai đi hai lộ trình khác nhau.

Có lẽ chỉ có đức Thế Tôn mới biết đến lúc ấy thì nhân duyên mới chín muồi nên ngài xuất hiện đúng lúc khi đức vua gần đến Rājagaha, trời vừa tối, đang muốn tìm chỗ trọ qua đêm. Khi biết đức vua đang tá túc trong nhà của thợ làm đồ gốm thì đức Phật trong tướng mạo, y bát của một tỳ-khưu bình thường bước đến bên cửa.

- Này hiền giả! Đức Phật nói - Nếu không làm phiền thì có thể cho tôi tạm tá túc qua đêm được chăng?

- Không sao, thưa hiền giả! Đức vua mỉm cười đáp – Tôi cũng chỉ là khách lỡ đường xin ngủ nhờ qua đêm. Chẳng ai làm phiền ai cả. Nơi này yên tĩnh, sạch sẽ, không rộng quá, không hẹp quá, có thể nó đủ chỗ cho cả hai chúng ta. Xin mời hiền giả.

Đức Phật cảm ơn, bước vào. Ngọn đèn dầu lạc nơi góc tường đất dập dờn nhưng tạm đủ sáng, đức Phật lựa một chỗ khiêm tốn nhất, cất đặt y bát, lấy rơm có sẵn trải dưới, gấp làm bốn tấm y trải lên rồi ngồi xuống, nhắm mắt nghỉ ngơi; lát sau, một năng lượng an lành, thanh tĩnh tỏa ra xung quanh.

Đức vua quan sát vị sa-môn trung niên, thoáng thấy một cái gì đó rất an nhiên, tự tại, thanh bình... tỏa ra nơi hình dong, ngôn ngữ, cử chỉ, thái độ - nhưng do đức vua mệt quá, nên ông chỉ muốn nghỉ ngơi. Đức vua như thiếp đi rất lâu, như đã quá khuya, lúc tỉnh lại, thức dậy, nhìn sang bên kia, thấy vị sa-môn trung niên vẫn ngồi bất động như một bức tượng thần, như ở cõi trời siêu thoát nào!

---

[1] Cũng theo sách vừa dẫn là 45 dặm, kinh điển thì ghi 45 do tuần.

Biết đức vua đã thức giấc, đang ngồi quan sát mình, đức Phật mở mắt ra, khẽ cất tiếng:

- Hiền giả có nghỉ ngơi được không?

- Thưa, được! Cảm ơn hiền giả!

- Tôi cũng xin cảm ơn lời cảm ơn ấy! Đức Phật cười nhẹ - Thấy hiền giả với tướng mạo, phẩm hạnh của bậc xuất gia, tôi muốn hỏi vài điều, không biết có phiền lòng hiền giả chăng?

- Không phiền lòng gì đâu. Tôi đã khỏe rồi. Xin hiền giả cứ hỏi.

- Hiền giả xuất gia, vậy ai là thầy của hiền giả? Thảng hoặc, hiền giả vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của vị tôn sư, bậc chân sư nào?

- Có đấy, này hiền giả thân mến! Là đức Phật Gotama, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác; tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy!

- Này hiền giả, thế thì đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy hiện đang ở đâu vậy?

- Tôi nghe nói, đức Phật ấy hiện đang ở Veḷuvanārāma tịnh xá, thành phố Rājagaha này!

- Vậy thì hiền giả đã gặp đức Phật ấy, đã từng được nghe giáo pháp của đức Phật ấy, nên hiền giả xuất gia?

Đức vua chợt mỉm cười:

- Không, không phải vậy! Có điều kỳ lạ, là tôi vừa lòng, hoan hỷ với giáo pháp của đức Phật ấy nhưng tôi lại chưa được gặp vị ấy, đấng ấy một lần nào!

- Và nếu có gặp vị ấy, đức Phật ấy, hiền giả cũng không biết hay sao?

- Vâng, không biết! Khi xuất gia, tôi chỉ chấp tay, hướng tâm đến vị ấy, tuyên bố vị ấy là Đạo Sư của tôi mà thôi!

Yên lặng một lát rồi đức Phật nói:

- Bây giờ, hãy bỏ chuyện ấy sang một bên, hiền giả có thể nào lắng nghe, nhiếp tâm lắng nghe tôi thuyết pháp được chăng?

- Vâng, rất sẵn sàng! Tôi sẽ nhiếp tâm lắng nghe đây!

Câu chuyện quá khứ: Vào thời đức Phật Kassapa, sau khi ngài Nhập Diệt, Pukkusāti cùng sáu vị tỳ-khưu khác, đồng leo lên một ngọn núi cao phát lời nguyện, nếu không đắc quả lậu tận thì thà chết chứ không ăn, không uống, không xuống núi. Sau bảy ngày, chỉ có hai vị đắc quả, có thần thông, năm vị còn lại bị đói mà chết, sanh lên cõi trời Tusita, hiện tại, họ sanh xuống đây. Ngoài Pukkusāti ra, còn các vị khác là Kumāra-Kassapa, Dārucīriya, Dabba-Mallaputta, Sabhiya[1] trước hay sau họ đều sẽ tao ngộ chánh pháp. Do đức Phật biết về nhân duyên quá khứ như vậy nên ngài thuyết một thời pháp như lặn vào dòng tâm, dòng trí đã bị chìm mất quá lâu trong các cuộc tử sinh của vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối thuở nào. Ngài giảng về sáu giới hay sáu đại (dhātu), đó là đất, nước, lửa, gió, hư không và thức. Ngài giảng về sáu xúc mắt tai mũi lưỡi thân và ý. Từ sáu xúc này, liên hệ, tương duyên với khổ, lạc, xả liền có mười tám cảm thọ phát sanh như thế nào[2]. Là một vị tỳ-khưu thì phải tinh tấn, miên mật quán sát những cảm thọ ấy để có được trí tuệ thấy rõ như thực. Như thực gì? Như thực vô thường, như thực dukkha, như thực vô ngã...

Nghe xong thời pháp, đức vua Pukkusāti đắc quả A-na-hàm, pháp lạc dâng tràn, ông biết đây chính là đức Phật Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chứ không phải là ai khác! Ông vội đứng dậy, trật y vai phải, quỳ năm vóc sát đất, ôm chân bụi của đức Đạo Sư:

---

[1] Xem sách đã dẫn. Tuy nhiên, có nhiều sử liệu khác nhau, tên các vị này có sai khác chút ít, như thay vì tên Dārucīriya lại là Bāhiya.

[2] Dhātuvibhaṇga-Sutta có kể chuyện này và cả thời pháp này.

- Kính đức Thế Tôn! Đệ tử là người ngu muội, tăm tối, không minh mẫn nên đã dám xưng gọi đức Thế Tôn là hiền giả (āvuso), như bạn trang lứa với nhau, hoặc như người cao hạ gọi người thấp hạ. Điều ấy là phạm thượng, xin đức Tôn Sư hỷ xả tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử.

Đức Phật mỉm nụ hoa sen:

- Thôi được rồi! Ông không có lỗi lầm chi cả.

Lúc ấy trời vừa hửng sáng, đức Phật hiển hiện lại thân tướng trang nghiêm, đầy đủ ba mươi hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp; đồng thời, hào quang sáu màu dập dờn, tỏa rạng cả không gian làm cho vầng dương cũng chợt trở nên lu mờ. Đức vua Pukkusāti thành kính quỳ xuống đảnh lễ một lượt nữa:

- Xin đức Tôn Sư cho đệ tử được xuất gia.

- Ừ, Như Lai chấp thuận, nhưng ông đã có đủ ba y và một bát chưa, này Pukkusāti!

- Vâng, đệ tử thiếu bát[1], bạch đức Tôn Sư.

Trong lúc đức vua Pukkusāti vừa rời đi tìm bát thì một số cận sự nam nữ ở ven kinh thành miệng truyền miệng, tai truyền tai: "Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu gần xóm nhà của người thợ gốm!" "Tại sao biết?" "Hào quang của đức Thế Tôn thì không lầm lẫn được, nó sáng hơn cả vầng dương buổi sáng". Không những dân chúng biết mà đức vua Bimbisāra lúc ấy đang đứng trên lầu cao thấy ánh sáng kỳ lạ kia, ông cũng đoán ra. Thế là với chiếc xe bốn ngựa cùng với một số khá đông quan quân tùy tùng, đức vua nhắm hướng, trực chỉ xóm nhà sáng rực hào quang kia.

Gặp được đức Phật, đức vua Bimbisāra vui mừng khôn xiết, tuy nhiên, ông không hiểu lý do sự xuất hiện đột ngột của ngài ở nơi cái lò gốm tối tăm, chật chội này! Thế rồi,

[1] Kinh sách ghi như thế - nên không giải thích được, là suốt nhiều tháng bộ hành, mặc y, đi chân đất, đức vua kiếm vật thực đâu để ăn qua ngày?

đức Phật bèn chậm rãi, ôn tồn kể lại việc hóa độ một người bạn rất thân của đức vua như thế nào. Đức Phật còn kể thêm, sau khi đức vua Pukkusāti nhận được vật trân quý, đọc xong, ý nghĩ xuất trần tối thượng như một mũi tên vừa bật ra khỏi dây cung, không thể dừng lại, và nó tự động tìm đến đích nhắm. Rồi nào là một trăm chín mươi hai do tuần, rồi nào là bốn mươi lăm do tuần, không biết cái bàn chân trần đế vương kia đã dẫm qua không biết bao nhiêu vất vả, rướm máu, đói khát, nắng mưa để tìm đến đây? Hiện tại, đức vua ấy muốn xuất gia, nhưng còn thiếu bát, giờ ông ta đang đi tìm kiếm ở đâu đấy!

- Và này, đại vương! Đức Phật nói tiếp - Từ thời đức Phật Kassapa, đức vua Pukkusāti đã là một vị tỳ-khưu với lời nguyện bất thối; do duyên ấy nên Như Lai đã đặt đúng vị trí lại cho ông ta, đã an trí cho ông ta quả vị Bất Lai. Tuy nhiên, mỗi người đều có một dòng nghiệp. Giả dụ có chuyện gì xảy đến cho Pukkusāti trong hiện kiếp này, phải nhận chịu cái gì đó thì không phải phận việc của Như Lai!

Nghe xong, đức vua Bimbisāra ruột như lửa đốt, tức khắc cho quan quân, chia thành nhiều toán đi tìm đức vua Pukkusāti, người bạn rất thân thiết của ngài. Đức vua không ngờ bạn mình đã nghe theo lời khuyên của mình, quăng bỏ đế bào, vương vị như tấm giẻ rách, chỉ với một tấm y, không có bát, không biết ăn uống ra sao, nắng mưa ra sao mà đã vượt mấy trăm do tuần để tìm được đến đây?

Toán quan quân tìm kiếm đức vua Pukkusāti và họ đã tìm ra, nhưng ông ta đã chết rất thê thảm. Một con bò cái, tiền kiếp là một nữ dạ-xoa (yakkhinī) oan trái với đức vua, đã húc ngài chết. Tin báo hung dữ truyền đến nơi, đức vua Bimbisāra tưởng như trời nghiêng, đất sụp, ông vô cùng sầu khổ, khóc than, thương tiếc, nước mắt tuôn chảy dầm dề, không làm chủ cảm xúc được. Đức Phật xuất hiện ngay bên cạnh, nói vào tai đức vua rằng:

- Đừng sầu buồn nữa, đại vương! Chuyện này Như Lai dò theo dòng nghiệp, đã biết trước, biết rõ nhất, cả tương lai và hiện tại, nên đã tìm cách giúp cho đức vua kia an trú quả vị Bất Lai rồi! Cái thân xác của đức vua Pukkusāti đang còn nằm đó làm cho đại vương xót thương, nhưng thật sự bây giờ, ông ta đã là một vị đại phạm thiên, tại cõi trời Ngũ Tịnh Cư, nơi để dành cho các vị thánh Bất Lai, hết tuổi thọ rồi sẽ Niết-bàn luôn ở đấy!

Nghe lời đức Phật, đức vua Bimbisāra bình tĩnh trở lại, dặn bảo quan quân mang xác Pukkusāti về triều, phán truyền làm lễ quốc tang trọng thể...

Khi quay lại thì ông không còn thấy đức Phật ở đấy nữa, ngài đã trở lại Jetavanārāma tịnh xá.

Tôn Giả Ānanda
Làm Thị Giả

Tin đức Phật dự định an cư mùa mưa tại Jetavanārāma tịnh xá như một làn gió mát mẻ rì rào thổi khắp kinh thành cùng các thôn làng kế cận. Chư tăng ni tại Sāvatthi và các nơi tìm về đảnh lễ đức Phật, thăm viếng chư vị trưởng lão từ đoàn này đến đoàn khác. Gia đình trưởng giả Ānathapiṇḍika và gia đình bà Visākha lại có dịp đặt bát cúng dường, chăm lo tứ sự chu đáo, đầy đủ. Đặc biệt là đức vua Pāsenadi cùng các gia đình hoàng gia mang nhiều xe lễ phẩm, lễ vật đến cúng dường đức Phật và tăng chúng. Ngoài một số các quan cận thần thân tín, đức vua còn dẫn theo một số quý nhân như chánh hậu Mallikā, ba bà vương phi Ubbīrī, Somā, Sakulā; công chúa Vajirā[1], vương phi Vāsakhakkhattiyā[2] cùng hoàng tử Viḍūḍabba mới vừa bảy tuổi. Ý của đức vua là tất

[1] Còn có tên là Vajirakumārī hay Vajirī: Cô công chúa này, mấy năm sau, đức vua gả cho Ajātasattu (A-xà-thế), hoàng tử con vua Bimbisāra cùng với của hồi môn là cả vùng Kāsi gần Bārāṇasī.

[2] Gần 10 năm trước, vì muốn kết thân với vương quốc Sakyā, đức vua Pāsenadi xin cưới một nàng công chúa. Dòng Sakyā vốn ngã mạn nên đề nghị đức vua Mahānāma gả cô Vāsakhakkhattiyā, vốn là con riêng của đức vua với một cô gái nô lệ. Hoàng tử Viḍūḍabba là con của Vāsakhakkhattiyā và đức vua Pāsenadi, sau này vì cảm thấy bị thanh niên bên ngoại sỉ nhục nên đem quân tru diệt cả dòng Sakyā.

cả mọi người trong hoàng tộc đều phải có quy giới, biết nghe pháp và biết cúng dường. Và kể từ hôm đó, hễ có dịp rảnh là đức vua lại đến Jetavanārāma nghe pháp.

Thấy đức Phật quá nhiều công việc như đi đây, đi đó, tiếp đoàn này đoàn kia, thuyết pháp quá nhiều thời ở trong ngày; hôm kia, hai vị đại đệ tử cùng đến hầu đức Phật và xin một thỉnh nguyện, là ngài nên có một thị giả chính thức, có tuệ, có tâm, biết phụ giúp, đỡ đần mọi công việc chu đáo trong ngoài.

Im lặng một lúc rồi đức Phật nói:

- Việc ấy cũng đúng lúc, đúng thời lắm! Qua những ông thị giả trước đây đã có nhiều bất cập xảy ra. Ví như Như Lai bảo đi hướng này thì ông ta lại đi hướng kia. Ví như, ông ta không biết rõ, đối tượng này Như Lai nên tiếp, đối tượng kia thì chư vị trưởng lão tiếp cũng được. Ví như Như Lai bảo rửa bát rồi đổ nước nơi không có cỏ xanh thì ông ta lại đổ xuống suối. Ví như Như Lai bảo gấp y làm bốn rồi trải nơi phải lẽ, ông ta lại trải phía dưới các tổ chim, một lát thì phân chim rơi đầy. Ví như Như Lai bảo tụ họp chư vị trưởng lão để bàn việc Tăng, ông ta lại để cho rất nhiều tỳ-khưu sơ tu vào làm huyên náo cả giảng đường. Ví như Như Lai bảo, canh khuya tại hương phòng, Như Lai chỉ tiếp chư thiên, phạm thiên, ông ta đôi khi tùy tiện gõ cửa để một vài vị trưởng lão ở xa nào đó đi vào không đúng thời... Cuối cùng, có lẽ là điều quan trọng nhất: Người bên cạnh Như Lai, gần gũi Như Lai ngoài các đức tánh như chăm chuyên, cần mẫn, chu đáo, chịu khó, tế nhị... người ấy còn phải có trí nhớ tốt, vì như vậy, pháp và luật của Như Lai giảng khỏi phải rơi rớt dọc đường, trên các lộ trình hoằng hóa... Vậy, Như Lai đồng ý để các ông triệu tập một cuộc họp giới hạn, chỉ gồm chư vị trưởng lão uy tín để đề cử người thích hợp nhất làm thị giả.

Tuân lời đức Phật, từ hương phòng ngài đi ra, tôn giả Mahā Moggallāna cứ mỉm cười hoài làm cho tôn giả Sāriputta phải ngạc nhiên cất tiếng hỏi.

- Thì có gì đâu nào, thưa tôn huynh! Tôn giả Mahā Moggallāna đáp - Nếu có người thích hợp, đáp ứng những đức tánh đủ tiêu chuẩn như đức Tôn Sư yêu cầu thì trong giáo hội của chúng ta chỉ có hai vị mà thôi.

- Là ai vậy?

- Là chính tôn huynh hoặc là hiền giả Ānanda!

Suy nghĩ một lát, tôn giả Sāriputta nói:

- Đúng thì tạm đúng nhưng không chỉ có vậy. Mà pháp đệ, Upāli, Bhaddiya... cũng có đủ tiêu chuẩn đấy.

- Không! Đệ có nhiều nhiệm vụ khác, phải đi ngao du các cảnh giới chư thiên, phạm thiên, ngạ quỷ, dạ-xoa... nên thường hay vắng mặt. Tôn huynh Upāli nhớ luật thì giỏi, nhớ kinh không giỏi đâu. Tôn huynh Bhaddiya xử án thì được nhưng biết việc, quán xuyến mọi việc trong ngoài không bằng hiền giả Ānanda đâu.

Sự trao đổi của hai vị, như vậy, tuy được xem như là cuộc họp sơ bộ; nhưng khi đầy đủ chư vị trưởng lão, tôn giả Mahā Moggallāna trình bày mục đích "tìm kiếm một vị thị giả cần và đủ những tiêu chuẩn như thế nào" rồi muốn xin ý kiến của mọi người.

Tôn giả Mahā Kassapa góp ý trước:

- Nếu chọn đủ tiêu chuẩn thích hợp thì vị ấy phải có đủ tâm, đủ tuệ cùng rất nhiều trí thiện xảo khác nữa. Dứt khoát là không thể tìm ra vị ấy trong số chư tăng trẻ. Tất cả chúng ta đây, khả dĩ tạm đủ các yêu cầu kia thì ai tuổi tác cũng đã lớn, sức khỏe đã tổn giảm, coi chừng lại làm phiền, làm rộn đức Tôn Sư nữa đấy!

- Rất chính xác! Tôn giả Sāriputta gật đầu - Vậy thì phải đưa thêm một tiêu chuẩn nữa, là dù lớn tuổi nhưng phải có

sức khỏe tốt, không bệnh hoạn ốm đau, không nhức xương mỏi cốt.

- Đúng vậy! Tôn giả Mahā Moggallāna nói tiếp - Vậy thì chỉ còn có hai người là đủ tất thảy mọi tiêu chuẩn kia, đó là tôn huynh Sāriputta và hiền giả Ānanda mà thôi! Xin chư vị trưởng lão góp phiếu đồng thuận thôi.

Tôn giả Ānanda đưa lên một ngón tay rồi cất giọng đỉnh đạc, trầm hùng, vang vang cả giảng đường:

- Tôn huynh Sāriputta là người xứng đáng đệ nhất! Tôi xin góp một phiếu tuyệt đối cho vị ấy! Đức Tôn Sư luôn có cái nhìn hảo cảm, đặc biệt đối với vị ấy. Tôn huynh không chỉ thông minh, tài giỏi, quán xuyến mọi việc trong ngoài suốt mấy chục năm qua không có chỗ chê, không có cả một khuyết điểm nhỏ dù chỉ là một sợi tóc, dù chỉ bằng một hạt cát – mà còn là một bậc phụ tá đắc lực của đức Tôn Sư trong những thời pháp, trong hằng chục lớp giảng huấn Tăng ni đây đó nữa. Tuyệt! Vị ấy là một viên ngọc maṇi không tì vết. Khi đức Tôn Sư muốn quyết định một việc gì quan trọng, sau đó mới đưa ra cho hội đồng biểu quyết, người đầu tiên mà đức Tôn Sư muốn hỏi ý là ai? Là tôn huynh Sāriputta, là ông anh cả của chúng ta chứ còn ai vào đó nữa?

Còn về trí nhớ, tôn huynh ấy không chỉ thuyết lại trọn hảo thời pháp của đức Tôn Sư mà còn giảng giải thêm chi tiết, nới rộng chủ đề làm cho đức Tôn Sư phải khen ngợi. Ngài nói rằng, nếu Như Lai có thuyết lại cũng chỉ bằng như thế thôi, không hơn được. Ngài nói rằng, thuyết ngôn của Như Lai là hải triều âm, thuyết ngôn của Sāriputta cũng là hải triều âm, không hơn, không kém.

Nói đến đây, tôn giả Ānanda kết luận:

- Xin hội đồng trưởng lão bầu chọn tôn giả ấy! Giáo hội đức Tôn Sư không có người thứ hai sánh bằng đâu, chẳng có ai đủ tiêu chuẩn như thế đâu!

- Có đấy, hiền giả Ānanda! Tôn giả Sāriputta điềm đạm nói – Chính hiền giả là người đầy đủ tiêu chuẩn nhất. Đức Thế Tôn không chọn người thuyết pháp hay, không chọn người giảng dạy tăng ni, không chọn người không khuyết điểm một sợi tóc, một hạt cát gì đó, không chọn người thuyết như hải triều âm, không chọn người để hỏi những vấn đề quan trọng. Thế là hiền giả do nghiêng nặng cảm tính mà đã đi lạc đề rồi! Đơn giản là Tôn Sư chỉ cần một thị giả biết cách chăm sóc sức khỏe cho đức Tôn Sư; biết chu đáo, tế nhị, biết mình phải làm gì khi đức Tôn Sư đi đứng nằm ngồi hay ngủ nghỉ. Đơn giản, tế nhị như tăm xỉa răng, bát nước uống, chỗ tiểu tiện, chỗ đại tiện cho sạch sẽ. Đơn giản như ở đâu cũng phải gọn gàng, ngăn nắp từ chỗ nằm, chỗ ngồi, liêu thất, hành lang và sân vườn. Đơn giản như biết đèn trầm trong hương phòng khi nào cần đốt, khi nào nên tắt; và lâu lâu, mấy hôm thì phải chùi rửa, quét dọn dư tàn. Đơn giản, tế nhị như ngồi hướng này có ánh mặt trời, ngồi hướng kia có cả vùng cây xanh mát mẻ và có cả tiếng chim hót vui tai. Đơn giản như khi đức Tôn Sư mới đưa mắt là biết đức Tôn Sư muốn gì, cần gì... Đơn giản như liếc mắt nhìn khách một cái là biết vị này Tôn Sư nên tiếp, vị kia thì không. Đơn giản như khi quan sát một ngã ba đường thì biết đức Tôn sư sẽ đi hướng nào... vân vân và vân vân. Vậy đó, tất cả cái đơn giản, tế nhị ấy, hiền giả Ānanda có đủ và không ai có thể tranh hơn, tranh bằng được...

Tôn giả ngưng nói một lát để xem thử phản ứng trên sắc mặt của chư vị trưởng lão. Khi thấy nhiều vị mỉm cười và gật đầu nhè nhẹ - thì biết là sự thuyết minh của mình có hiệu quả; tôn giả bèn cất tiếng tiếp tục, như đóng kín vấn đề lại, để không còn ai phản bác lại được:

- Trí nhớ của hiền giả Ānanda là đệ nhất, là tuyệt vời thuở còn thơ trẻ. Trí nhớ ấy mà ghi nhớ pháp và luật thì không bỏ sót một chữ, một câu, một mệnh đề, một kệ ngôn,

một đoản ngôn, một ví dụ; phải nói là cả châu Diêm-phù-đề nầy không có người thứ hai. Đấy là tiêu chuẩn quan trọng do chính đức Tôn Sư yêu cầu. Và cũng do yêu cầu của tôn giả Mahā Kassapa, thì, sức khoẻ của hiền giả Ānanda cũng thuộc loại đệ nhất, chỉ có đứng sau tỳ-khưu Bakkula[1] mà thôi. Khi mới sinh ra, các thầy bà-la-môn uyên thâm tướng pháp đã nói rằng, vị này có tướng cách làm vua nhưng lại không phải làm vua thế tục[2]; vị này có sức khoẻ lạ đời là suốt đời không bệnh hoạn, ốm đau cho đến khi mãn tuổi thọ là một trăm hai mươi tuổi. Đức Tôn Sư đồng tuổi với hiền giả Ānanda đấy, nhưng do cái phước sức khỏe vượt trội, Ānanda có thể ở bên cạnh đức Đạo Sư để lo chu toàn mọi việc trong ngoài, giúp đỡ đức Đạo Sư rất nhiệt tình, ngày cũng như đêm. Bầu chọn hiền giả Ānanda, tôi cũng xin một lá phiếu biểu quyết tuyệt đối.

Tôn giả phát biểu xong. Chư vị trưởng lão đồng thuận chín mươi chín phần trăm vì trong đó, có tôn giả Ānanda phản đối. Nhưng khi trình bày lý do của mình, tôn giả không đưa ra điều một, điều hai một cách phân minh, chặt chẽ - mà cách nói, ngữ điệu lại như là những lời tâm sự:

- Chư vị trưởng lão hãy suy nghĩ lại mà xem. Những người trong hoàng tộc Sākya xuất gia quá đông, bao giờ đức Tôn Sư cũng cầm cái cán cân công minh để khỏi mang tiếng là nghiêng lệch tình cảm thân tộc chỉ để cho ngoại giáo chê cười. Chính lệnh bà Gotamī là di mẫu của đức Tôn Sư, trải qua bốn mươi lăm do-tuần với bàn chân rướm máu, y áo rách nát tả tơi, với quyết tâm xin xuất gia mà có dễ dàng đâu! Sau ba lần xin và xin thọ trì bát kỉnh pháp, đức Tôn Sư mới chuẩn thuận. Trong đó có cả năm trăm năm công nương Sākya nữa, đức Tôn Sư đâu có cho họ một ưu tiên, một biệt

[1] Vị tỳ-khưu trong bụng cá, tại Bārāṇasī mà chúng ta đã biết qua; ngài xuất gia năm 80 tuổi, sau này, 160 tuổi mới Niết-bàn.
[2] Sau này được gọi là "người giữ gìn kho tàng pháp bảo".

lệ nào? Rồi sau này là công nương Yasodharā nữa, đức Tôn Sư đối xử đâu có dị biệt so với những vị tỳ-khưu-ni khác? Rāhula là đứa con bé bỏng của Tôn Sư, thử hỏi có bao giờ được ngủ một đêm ở hương phòng, hay được ăn một bữa cơm thân tình với người ruột thịt? Có một lần, Rāhula ngủ trộm trong nhà xí, lúc ấy một số học giới mới được ban ra. Ôi! Pháp và luật của đức Tôn Sư không phân biệt thân hay sơ! Do biết vậy nên tôi bao giờ cũng cẩn thận từng bước đi, từng thái độ, từng lời ăn tiếng nói, bao giờ cũng giữ một khoảng cách để khỏi mang tiếng là dòng dõi Sākya, ỷ thế có đức Phật là bậc tôn trưởng trong thân tộc... Như thế đó, vậy xin chư trưởng lão xét lại, tôi mà làm thị giả chưa chắc đức Tôn Sư đã chuẩn thuận, lại còn đặt ra cho đức Tôn Sư một tình thế rất khó xử là khác nữa. Nên chọn người ngoài hoàng tộc Sākya như tôn huynh Sāriputta, thì tình lý, tướng dụng gì cũng tuyệt hảo cả. Cảm ơn chư trưởng lão đã chú tâm lắng nghe!

Những "điểm tình cảm" tôn giả Ānanda đưa ra hay quá, mà cách nói như đi vào trái tim người, trong một lúc, chưa ai biết góp ý gì thêm.

Tôn giả Bhaddiya chợt lên tiếng phụ hoạ:

- Dòng tộc Sākya như tôi, như tôn huynh Ānanda mà làm thị giả thì đúng là đặt để đức Tôn Sư lâm vào thế kẹt. Đúng vậy. Lại còn đúng nữa, là cái cớ để cho - không những ngoại đạo tiểu đàm mà còn làm cho chư phàm tăng ganh ghét, đố kỵ. Khi có vài vị nào đó bị đức Tôn Sư la rầy – thì chúng la lên rằng: Do ông Ānanda mách lẻo đó; do ông Ānanda tâu lại đó! Ồ, quả thật là rất phiền hà vậy!

Thấy tôn giả Bhaddiya không những ủng hộ quan điểm của mình, lại còn trình bày một số tâm lý thường tình, làm cho quan điểm ấy càng thêm thuyết phục nữa, tôn giả Ānanda bèn vui vẻ nói:

- Cảm ơn tôn huynh đã hiểu thấu tấm lòng.

- Vâng! Đúng vậy! Tôn giả Bhaddiya tiếp tục, lật ngược vấn đề – Vì hiểu thấu tấm lòng của tôn huynh nên tôi đề nghi tôn huynh nên đảm nhiệm vị trí thị giả thân cận đức Tôn Sư là tốt nhất, là quý nhất! Tại sao vậy? Vì tôn huynh là người cẩn thận lời ăn tiếng nói, vì tôn huynh là người chừng mực, biết giữ khoảng cách cần thiết để tránh tai tiếng cho Tôn Sư...

Mọi người tán thán.

- Hay quá!

- Đúng quá!

Có ai đó hỏi:

- Vậy thì chuyện ganh ghét, đố kỵ xung quanh thì sao?

Tôn giả Bhaddiya chợt mỉm cười:

- Vì hiểu tấm lòng của tôn huynh Ānanda nên tôn huynh ấy không thèm chấp lời tiếng thị phi phù phiếm ấy. Tấm lòng của tôn huynh Ānanda như mảnh trăng rằm!

Đúng là miệng lưỡi quan tòa có khắc, tôn giả Bhaddiya đã lật lại vấn đề dễ dàng như sấp ngửa của bàn tay vậy. Tôn giả Ānanda đành giữ sự im lặng của bậc thánh, vì không còn một kẽ hở nào để len lách vào đó được.

Tôn giả Bhaddiya còn tưới "nước pháp" thêm cho tâm Ānanda càng xanh tươi cành lá:

- Cuối cùng, tôn huynh Ānanda vẫn là đệ nhất. Tôn huynh ấy sẽ chu toàn mọi việc bên cạnh đức Đạo Sư sẽ không có một khuyết điểm nào. Tôn huynh ấy có trí nhớ tốt, lại học rộng, nghe nhiều, sẽ là kho tàng lưu giữ giáo pháp cho mai hậu. Tôn huynh ấy phục vụ đức Đạo Sư, phục vụ Tăng ni, phục vụ hai hàng cận sự một cách tế nhị và chu đáo khi cần thiết. Tôn huynh ấy sẽ dễ dàng xả buông những lời tiếng dị nghị bên ngoài do nghĩ đến sự lợi lạc của giáo pháp, lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người, lợi lạc cho chúng sanh mai hậu.

Từng lời, từng tiếng tâm não của Bhaddiya, người bạn thân thiết thuở xưa, bây giờ đã là một bậc thánh lậu tận làm cho Ānanda vô cùng cảm kích! Tôn giả thầm nghĩ: "Đúng vậy, tấm lòng của Ānanda là như vậy đó. Dẫu chỉ mới vào dòng nhưng Ānanda có sá chi lời tiếng gièm pha kia chứ. Ānanda này luôn luôn tôn kính đức Đạo Sư, tôn kính chư vị trưởng lão, tôn kính giáo pháp, yêu mến chư huynh đệ cùng hai hàng cận sự nam nữ!"

Khi thấy Ānanda có vẻ suy nghĩ lâu, tôn giả Sāriputta cất tiếng hỏi:

- Thế chắc là hiền giả đồng ý rồi chứ?

- Vâng! Tôn giả đáp – Không có chỗ nào có thể phản bác lại ông quan tòa Bhaddiya được, đành phải chấp thuận thôi, nhưng có một số điều kiện. Nếu đức Tôn Sư và hội đồng trưởng lão đồng thuận cho những điều kiện ấy thì tôi đồng ý làm thị giả.

- Hiền giả cứ nói.

- Thứ nhất là đức Tôn Sư đừng ban cho tôi y bát mà người ta đã dâng cúng đến cho ngài. Thứ hai là đức Tôn Sư đừng ban cho tôi vật thực cứng mềm mà thí chỉ dâng riêng cho ngài. Thứ ba là đức Tôn Sư đừng đặc biệt cho tôi ở chung hương phòng dù ở nơi thất liêu không đủ chỗ. Thứ tư là đức Tôn Sư đừng cho tôi đi theo trong trường hợp thí chủ thỉnh ngài đặt bát hay ngọ trai. Thứ năm là xin đức Tôn Sư sẽ hoan hỷ cùng đi với tôi khi tôi được một thí chủ nào đó đặc biệt thỉnh mời. Thứ sáu là đức Tôn Sư cho tôi được quyền tiến dẫn hoặc từ chối những người khách muốn diện kiến ngài. Thứ bảy là xin đức Tôn Sư cho tôi được hỏi những điều hoài nghi hoặc những pháp nào mà tôi chưa lãnh hội được. Thứ tám là xin đức Tôn Sư hãy lặp lại những giáo ngôn, những pháp thoại trong trường hợp tôi không có mặt để nghe tại chỗ.

- Cả tám điều đều chính đáng! Tôn giả Bhaddiya nói – Có lẽ đức Tôn Sư sẽ chấp thuận thôi. Bốn điều đầu là tránh những ưu tiên cho cá nhân mình, cũng tốt. Ba điều sau liên hệ đến pháp, rất tốt. Duy có điều thứ năm, dường như không rõ nghĩa, tại sao người ta thỉnh mời tôn huynh lại phải cần đức Tôn Sư đi theo?

- Đúng vậy, tại sao? Tôn giả Upāli góp ý – Có phải là tôn huynh muốn cho thí chủ đặc biệt kia có phước? Có phải tôn huynh muốn cho thí chủ kia nghe một bài pháp đặc biệt nào đó?

Tôn giả Ānanda gật đầu:

- Đúng vậy! Tôi chỉ là kẻ hữu học. Cúng dường và nghe pháp bậc Chánh Đẳng Giác bao giờ quả phước cũng vi diệu hơn. Ngoài ra, tôi cố tránh trường hợp cá nhân thí, muốn tránh cả trường hợp cũng dường do tình cảm cá nhân – thưa chư vị trưởng lão!

Tôn giả Mahā Kassapa khen ngợi:

- Tốt lắm! Hiền giả Ānanda tốt lắm! Chu đáo và cẩn thận từng chi tiết một, không có chỗ nào cho cá nhân mình xen vào đấy cả...

Nói thế xong, tôn giả trầm ngâm một hồi:

- Trước đây, tôi thấy hiền giả Ānanda luôn luôn có vẻ trẻ trung, vui tươi, lại hay du hành lang thang đây đó với nhóm đệ tử của mình, không hướng tâm kỹ tôi đã vội trách hiền giả Ānanda ham chơi. Hôm nay, tôi đã thấy rõ sự chín chắn của hiền giả Ānanda, cái tâm lo cho đức Đạo Sư, cho giáo pháp, cho cả tứ chúng của hiền giả Ānanda; vậy trước mặt hội đồng trưởng lão, tôi xin được sám hối với hiền giả Ānanda lời nói bất cẩn thuở trước.

Nói thế xong, tôn giả Mahā Kassapa đứng dậy, trật vai phải định quỳ lạy nhưng tôn giả Ānand đã vội bước đến, ngăn lại rồi nói:

- Không! Lời trách cứ thuở ấy của tôn huynh không phải là quá lời hay bất cẩn đâu. Cũng nhờ lời quở trách ấy mà tôi bây giờ mới khá hơn một chút đó.

Mọi người cùng nở nụ cười hoan hỷ.

Cả tám điều Ānanda đưa ra, sau đó đã được đức Phật chấp thuận. Và kể từ hạ này, tôn giả Ānanda đã trở thành thị giả chính thức trong suốt hai mươi lăm năm còn lại.

Kinh sách kể rằng, như hình với bóng, tôn giả Ānanda đi theo chân đức Phật khắp mọi nơi, không nề hà nắng mưa, đường xa dặm thẳm. Tôn giả phục vụ đức Phật, chăm sóc mọi nhu cầu cho ngài với tâm quý trọng và tôn kính đúng mực. Đêm cũng như ngày, tôn giả hầu như luôn sẵn sàng để đức Phật sai bảo bất cứ việc gì. Cứ mỗi khi đêm xuống, tôn giả như chiếc đồng hồ cát chính xác nhất, tay cầm gậy, tay cầm đuốc, rảo quanh hương phòng, vòng gần, vòng xa tất thảy chín lần để giữ mình khỏi ngủ quên và đừng để người, vật quấy rầy đức Phật để ngài còn giảng pháp cho phi nhân, thọ thần, dạ-xoa, chư thiên, đôi khi cả phạm thiên nữa.

Đông Phương Lộc Mẫu

Có một việc trọng đại và cũng là một sự kiện đặc biệt trong bổn phận "hộ pháp" của đại thí chủ, thánh nữ Visākhā, đấy là việc kiến tạo ngôi tịnh xá Pubbārāma (Đông Phương) huy hoàng và tráng lệ để dâng cúng đức Phật và đại chúng tỳ-khưu.

Khi hay tin đức Phật về an cư ở Jetavanārāma, gia đình cô Visākhā cùng với gia đình trưởng giả Ānathapiṇḍika đồng đến đảnh lễ và thăm hỏi sức khỏe của ngài. Họ đã xin phép đức Phật được thay phiên nhau đặt bát mỗi ngày; lo đầy đủ tứ sự cho cả tăng ni khách các nơi đến và đi, kể cả những vị đau ốm. Công việc bề bộn trôi qua rất nhanh mà cô Visākhā chưa có thì giờ ngồi bên chân đức Phật hoặc nghe pháp của ngài. Hôm nọ, khi mọi việc đã trôi chảy đâu ra đấy, thấy mình có chút rảnh rỗi, cô chuẩn bị đi nghe pháp. Bỗng dưng, cô lại muốn mình ăn vận thật đẹp nên đã khoác bên ngoài chiếc áo ngày cưới mà ông thân của cô đã thuê mấy trăm thợ thầy kim hoàn ra tay thiện xảo trong bốn tháng ròng. Bộ áo khoác cùng với châu báu trang sức này có tên là Mahālatāpasādhana như ta đã biết, là cả một đống kim ngân! Dĩ nhiên, lúc này cô còn rất trẻ, mới hai mươi, hai mươi mốt

tuổi - và con gái ai mà không thích chưng diện xiêm áo cùng trang sức cao sang, lộng lẫy?

Khi Visākhā và thị nữ mới bước đến cổng tịnh xá thì không ai là không liếc trông cô gái có phục sức như tiên nữ nhà trời! Nó như là cả một quầng châu báu rực rỡ di động. Đưa mắt nhìn những ngôi liêu thất thấp thoáng trong rừng cây và nhiều vị tỳ-khưu đang nhàn nhã, chánh niệm lui tới, cô Visākhā cảm giác có cái gì đó không ổn. Cô ngoảnh nhìn lại bộ áo khoác của mình và trực thức thấy rõ là nó chẳng thích hợp chút nào trong khung cảnh dị giản và yên bình của tịnh xá. Nép vào một lùm cây rậm, cô Visākhā vội cởi chiếc bào trân quý giao cho thị nữ, còn mình trở lại "diện mạo" của bộ xiêm áo bình thường như khi đang còn sinh hoạt tại tư gia. Nhìn lại mình một lượt nữa, cô tự mỉm cười và tự chế nhạo:

"- Con gái hư! Cái sở thích trang điểm, chưng diện nó đã ăn sâu ngủ kỹ trong dòng nghiệp, đã trở thành thói quen bền lâu như cố tật không chừa! Ai đời, đến tịnh xá rồi mới thấy mình là quá đỗi vô duyên!"

Thời pháp hôm ấy do đức Thế Tôn thuyết giảng. Đề tài nói đến sự "ái luyến tự ngã", tức là ái luyến bản thân sẽ đưa đến những nguy hại khôn lường. Biểu hiện thô tháo của ái luyến tự ngã là thích ăn ngon, mặc đẹp, thích trau chuốt, điểm trang, thích nằm giường êm, gối mịn, thích đánh phấn, thoa son... Biểu hiện vi tế, thâm sâu và nguy hiểm nhất của ái luyến tự ngã là thích tên tuổi mình được vang dội, thích địa vị mình được trên trước, thích quyền lực của mình được bao trùm thiên hạ, thích ý tưởng, quan điểm của mình được người khác chấp nhận, thích chủ thuyết, triết lý của mình được mọi người thực hành. Tất cả đấy nó xoay quanh bản ngã, thể hiện bản ngã, phóng đại bản ngã, củng cố bản ngã, xây tòa lâu đài cho bản ngã. Hệ quả tất yếu của nó là tham lam, dục vọng tăng trưởng; sân hận, hung dữ tăng trưởng; si

mê, u tối tăng trưởng; chúng sẽ kéo theo không biết bao nhiêu là sầu bi, ưu não cho mình và cho cuộc đời... Tuy nhiên, cái bản ngã ấy, trên lộ trình tu tập nó sẽ bị tước dần dần đi, đến quả vị A-la-hán nó mới cắt đứt trọn vẹn cái "ngã mạn" và cái "vô minh" ấy! Vì vậy, ngay từ bây giờ, hai hàng cư sĩ phải thấy rõ sự nguy hại của nó để lìa xa từng chút một; sự lìa xa ấy giúp ta bỏ bớt những nhỏ mọn, những ích kỷ, những mưu toan thủ lợi, những đặc quyền riêng tư để quan tâm chút ít đến người khác, đến chúng sanh, đến xã hội trong tương quan hoàn cảnh. Riêng tỳ-khưu Tăng ni khi học được bài học này sẽ tìm được đời sống phạm hạnh yên ổn, thanh bình; không còn chạy theo tứ sự lợi dưỡng, sẽ an vui trong giáo pháp trung đạo của Như Lai.

Chấm dứt thời pháp mà cô Visākhā còn rùng mình, lạnh gáy. Đức Phật biết hết rồi. Do ngài biết hết rồi nên ngài đã thuyết cho nàng nghe đó!

Ra ngoài cổng tịnh xá một đỗi đường đã khá xa, cô thị nữ chợt hốt hoảng la lên:

- Chết rồi! Thưa chủ! Cái áo khoác Mahālatāpasādhana, cái đống kim ngân của cô chủ, con đã bỏ quên trong đại giảng đường rồi!

Đầu óc, tâm trí của Visākhā lúc ấy vẫn đang còn chìm trong tư duy về ý nghĩa của bài pháp nên cô rất bình tĩnh, chậm rãi nói:

- Không sao đâu con! Hãy đi vào giảng đường xem lại chớ có sao đâu! Đừng lo! Đừng sợ hãi gì cả! Nó chỉ là vật ngoại thân! Nó chỉ có một chức năng là tô điểm cho cái bên ngoài thôi mà!

Cô thị nữ an tâm. Khi cô mới bước đi được năm bảy bước, cô Visākhā gọi giật lại:

- Mà này con! Khi vào tới nơi, có thể có hai trường hợp xảy ra, hãy nhớ cho kỹ. Nếu chiếc áo ấy chưa có ai cầm nắm thì con cứ tự nhiên xin phép mang về. Nếu chiếc áo ấy đã có

vị tỳ-khưu nào sờ đụng rồi thì con không được lấy, mà ra đây trình lại cho ta. Nghe rõ không? Ta ngồi đợi ở đây!

Lát sau, cô thị nữ "tay không" trở ra, thưa lại rằng:

- Tôn giả Ānanda cùng chư sa-di sau khi đi thu dọn đây đó, thấy cái áo quý, ngài đã tự tay đem cất kỹ vào kho rồi. Ngài bảo, ai để quên, họ sẽ tới lấy sau!

Chợt, cô Visākhā mỉm nụ cười nhẹ:

- Ừ, vậy là tốt! Thôi về con!

Cô thị nữ không hiểu được "ý nghĩa" nụ cười ấy!

Chiều hôm sau, sau khi nghe pháp, cô Visākhā nán lại thưa trình với đức Phật một chuyện. Cô kể lại cho đức Phật nghe sự kiện bỏ quên cái áo khoác ngày hôm qua. Và cái áo khoác ấy, tôn giả Ānanda đã sờ đụng nên được coi như là Tăng đã thọ nhận rồi. Bây giờ cô chính là thí chủ khởi tâm cúng dường, nói lời thưa bạch cúng dường, và nghiêng thân năm vóc sát đất cúng dường. Vậy xin đức Tôn Sư hoan hỷ thọ nhận vật cúng dường ấy để cho đệ tử được an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Đức Phật mỉm cười:

- Ừ, vậy là Như Lai đã thọ nhận đầy đủ thân, khẩu, ý cúng dường của con rồi đó!

Cô Visākhā vui mừng thưa tiếp:

- Cái áo ấy, bây giờ là tài sản của Tam Bảo đúng pháp và luật rồi! Nó có thể bán đi để kiến tạo một ngôi tịnh xá khang trang, cúng dường đến đức Tôn Sư và thập phương tăng có chỗ tĩnh cư để giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật rõ biết giá trị của cái áo Mahālatāpasādhana ấy nên ngài nói:

- Như Lai tùy hỷ hảo sự ấy! Vậy con cứ tùy nghi!

Thế rồi, cô Visākhā đã cùng với mấy thị nữ đi khắp kinh thành, đến tất thảy các tiệm kim hoàn hữu danh để dạm bán chiếc áo châu báu. Chủ tiệm nào cũng "kinh hoàng" về giá

trị của nó, ai cũng muốn mua nhưng không có đủ tiền vàng để chi trả. Hai ba tiệm hợp lại cũng không đủ sức mua.

Cô Visākhā nói:

- Giá thị trường hiện tại, nó là bao nhiêu?

Ông chủ già tiệm kim hoàn, săm soi từng món, tính đếm từng món một. Nghĩa là bao nhiêu viên kim cương, bao nhiêu viên trân châu, bao nhiêu viên san hô, bao nhiêu viên ngọc quý, bao nhiêu vàng, bao nhiêu bạc... rồi thở dài nói:

- Thật ra thì nó vô giá. Không tính lụa kasī thượng hạng, gấm kambala thượng hạng, không tính sợi chỉ vàng chỉ bạc, không tính công phu nghệ thuật tinh xảo, chỉ tính châu báu thôi thì giá trị của nó đã lên đến mười triệu chín trăm ngàn đồng tiền vàng[1] rồi!

Cô Visākhā cảm ơn người chủ tiệm có lòng. Cô đã tính sẵn, không ai mua nổi thì chính cô sẽ mua lại chiếc áo ấy để kiến tạo tịnh xá.

Đến ngày, cô xin đức Phật chỉ địa điểm xây dựng, ngài nói nên tìm kiếm mặt bằng trong các khu rừng về hướng Đông kinh thành Sāvatthi, vì đấy có nhiều không gian rộng thoáng, lại thuận tiện cho chư tăng từ hướng Nam, Đông Nam lui tới Jetavanārāma.

Vui mừng khôn xiết, cô Visākhā lạy tạ đức Phật rồi trở về chăm lo công việc thiêng liêng của mình.

Trong khi tìm kiếm đất đai và bắt đầu thiết kế, xây dựng thì đức Phật đang chuẩn bị vân du đâu đó. Nhưng do sự thỉnh mời, nhờ cậy của cô Visākhā nên đức Phật đã chỉ định tôn giả Moggallāna đứng ra giám sát công trình cùng với năm trăm vị tỳ-khưu giúp sức. Thế mà vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc, đôi khi tôn giả phải sử dụng thần thông để xử lý những công đoạn phức tạp. Trải qua chín tháng ròng rã, công trình mới xong, vừa kịp an cư mùa mưa

---

[1] Theo Pāḷi Proper Names tập 2 của GP. Matalalasekera - trang 628.

mà cô Visākhā dự định khánh thành để dâng cúng lên đức Phật và chư tăng. Công trình vĩ đại quá. Nó là cả một tòa lâu đài gồm hai tầng rất cao và dài đến mút mắt, mỗi tầng có năm trăm phòng với mọi tiện nghi đầy đủ. Cấu trúc vòm mái rất đặc biệt, nó nổi vọt lên những tháp nhọn bằng vàng rực rỡ, lại còn thiết kế sáu mươi vòi nước chảy xuống sáu mươi chậu gốm sứ ở nơi thích hợp để sử dụng[1].

Buổi lễ khánh thành được tổ chức cũng thật trang nghiêm và hoành tráng. Đại diện chư tăng, đức Phật thọ nhận khi đại gia đình cô Visākhā dùng bình vàng đổ nước lên tay ngài.

Sau khi đọc lời phúc chúc, đức Phật mỉm cười nói:

- Tịnh xá Jetavanārāma là do trưởng giả Ānathapiṇḍika và hoàng tử Kỳ Đà làm đại thí chủ, có con trai thứ nhất của Như Lai là Sāriputta chăm sóc công trình. Tòa lâu đài vĩ đại này là do Visākhā, mẹ của Migāra đại thí chủ, lại có con trai thứ hai của Như Lai là Moggallāna giám sát, cả thần thông và cả năm trăm tỳ-khưu giúp sức nữa. Nếu đặt tên cho đầy đủ thì trước phải gọi là " Kỳ thọ, Ānathapiṇḍika viên", và sau phải đặt tên là "Lâu đài của mẹ Migāra" (Migāramātupāsāda) hoặc "Đông Phương Lộc Mẫu tu viện" (Migāramātā-pubbārāma).

Cô Visākhā mỉm cười, lòng hân hoan không kể xiết khi nghĩ rằng, phước báu của mình dĩ nhiên là đáng kể, nhưng hoan hỷ hơn nữa là chư tăng ngày càng đông, khi đức Tôn Sư an cư ở đây, có lẽ không còn phải lo thiếu thốn chỗ tiện nghi ăn ở nữa.

Bắt đầu thời điểm này, Jetavanārāma tịnh xá và Đông Phương Lộc Mẫu tu viện là hai tòng lâm tại Sāvatthi mà đức Phật thường hay trú cư, an cư để giảng giáo pháp cho tứ chúng.

---

[1] Lấy ý từ tự điển trên.

Cảm Hóa Aṅgulimāla

Đại đức Aṅgulimāla xuất thân từ dòng dõi bà-la-môn, trong một gia đình quý tộc nhiều đời. Mẹ ngài tên là Mantanī và thân phụ là Gagga, vốn là vị quân sư tài đức, khả kính của đức vua Pāsenadi xứ Kosala.

Trong đêm ngài sinh ra đời, một hiện tượng lạ thường chưa từng có xẩy ra, là tất cả vũ khí ở trong thành phát ra ánh sáng chói lòa; ngay cả thanh gươm báu của đức vua Pāsenadi xứ Kosala nằm trong bao, đặt ở căn phòng ngủ cũng sáng lên ánh thép lấp lóa, lạnh buốt, làm cho đức vua kinh hoàng.

Ông bà-la-môn Gagga, thân phụ của ngài Aṅgulimāla nhìn thấy hiện tượng như vậy liền bước ra hiên nhìn lên trời xem thiên văn. Giữa hư không vời vợi, một ngôi sao "kẻ cướp sát nhân" vừa xuất hiện. Lẩm nhẩm tính một hồi, mặt ông bà-la-môn thoáng đổi sắc, rùng mình, sợ hãi! Ngôi sao ấy chính là biểu hiện số mạng con trai vừa mới hạ sanh của ông, sau này nó sẽ trở thành "tên cướp sát nhân khét tiếng" hay sao?

Là quân sư của đức vua, người nắm cán cân công lý và sự an nguy cho xã tắc, ông bà-la-môn không cho phép mình vì tình riêng mà giấu kín mầm mống họa hại, nên trời vừa

rạng sáng, ông đã vào hầu chầu đức vua Pāsenadi xứ Kosala, tâu rằng:

- Đêm qua bệ hạ ngủ có được yên giấc hay không?

Vua đáp:

- Thưa quân sư khả kính! Ta có ngủ yên được đâu! Không biết có điềm triệu gì mà thanh gươm báu của ta đặt ở trong bao lại phát ra ánh sáng chói lòa rất là khủng khiếp. Ta lo sợ có điều gì đó họa hại đến tính mạng của ta hoặc chuyện gì đó bất trắc xảy ra cho ngai vàng của ta chăng?

- Tâu bệ hạ! Vị quân sư mau mắn đáp – Đêm qua hạ thần có xem thiên văn, quả thật có một hung tinh vừa xuất hiện; nhưng điềm triệu ấy không liên hệ gì đến tính mạng cũng như ngai vàng của bệ hạ cả. Không những thanh gươm của bệ hạ mà tất cả các loại vũ khí ở trong thành đều phát sáng, đấy là do năng lực ác nghiệp của con trai hạ thần vừa mới sinh ra đời!

Vua ngạc nhiên, chồm người tới trước:

- Có chuyện gì vậy, quân sư hãy nói rõ cho ta nghe xem thử nào?

- Tâu! Con trai hạ thần vừa mới hạ sanh đêm qua, ứng vào vị hung tinh ấy, sau này, nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân rất nguy hiểm!

- Có chuyện vậy sao? Đức vua hỏi dồn dập – nó sẽ trở thành tên cướp sát nhân? Chỉ là một tên cướp thôi hay là thủ lãnh một nhóm trộm cướp chuyên giết người, cướp của, dã man, tàn bạo, phá xóm, phá làng... và đe dọa cả ngai vàng của ta?

- Không phải vậy, tâu bệ hạ! Nó chỉ là một tên cướp, một mình nó thôi. Tuy chẳng tổn thương gì đến bệ hạ và ngai vàng, nhưng để tránh những họa hại về sau, xin phép bệ hạ cho hạ thần được giết chết nó khi đang còn hài nhi!

Đức vua Pāsenadi, vốn là một vị vua hiền đức, nghe vậy mở lời can ngăn:

- Đừng nên như thế, thưa quân sư khả kính! Nếu chỉ là một mình nó thì không thể xảy ra tai hại lớn lao được. Ta biết rõ quân sư một đời nghiêm minh cẩn cẩn, chí công vô tư, không vì tình riêng mà che mờ phép nước. Nhưng đứa trẻ kia vừa mới mở mắt chào đời, chưa làm gì nên tội, quân sư hãy tha cho nó mạng sống. Nếu bảo là do năng lực của ác nghiệp thì quân sư nên tìm cách ngăn chặn có lẽ tốt hơn! Hãy chăm sóc nuôi nấng, dạy bảo nó nên người! Hãy rèn luyện nhân cách, phẩm chất trong môi trường giáo dục đúng đắn thì ác nghiệp xưa sẽ không có cơ hội nẩy sinh. Thanh gươm nằm trong bao, mũi tên nằm trong giỏ thì làm sao hại người được mà sợ! Vậy từ rày nên đặt tên cho trẻ là Ahimsaka (Vô Hại).

Bà-la-môn Gagga cúi đầu tuân phục, ông cảm kích và tri ân đức vua hiền minh không kể xiết.

Cậu bé Ahimsaka lớn lên, tư chất thông minh đĩnh ngộ lại có sức mạnh phi thường. Ông bà-la-môn Gagga luôn luôn bị ám ảnh bởi hung tinh "Kẻ cướp sát nhân" nên ông giữ gìn, chăm sóc và giáo dưỡng trẻ rất cẩn thận, chu đáo. Tất cả các loại vũ khí trong nhà đều được cất giấu, không cho trẻ nhìn thấy. Ngôn ngữ đàm thoại từ trên xuống dưới cấm không được nói đến gươm, đao, giáo, mác, cung, nỏ... Ngay chính những từ, những chữ liên hệ trộm cắp, giết người, cướp của, ác độc, hung dữ... cũng không được dùng đến. Một môi trường sống tốt đẹp, hiền thiện bao bọc xung quanh trẻ, tạo nhân, tạo duyên cho những phẩm chất cao cả nẩy lộc, đâm chồi; đồng thời, một hạt mầm nhỏ nhoi của ác nghiệp cũng không có cơ hội duyên cảnh mà ló đầu ra!

Khi trẻ vừa lớn, tuổi đủ hai mươi, ông bà-la-môn Gagga cho Ahimsaka du học ở thành phố Takkasīla, là nơi có những ngôi trường đại học, đào tạo nên những vị quốc vương hiền minh, những nhà lãnh đạo tài ba, những hiền

triết uyên thâm và cả những nhà ngôn ngữ, bác học, văn chương, nghệ thuật trác tuyệt!

Thanh niên Ahimsaka có thiên tư tuyệt vời nên bất cứ môn học nào, chàng cũng đều xuất sắc hơn người, vượt trội hơn người. Ngoài ra, Ahimsaka là người học trò luôn làm tròn tất cả phận sự đối với thầy, mà mọi lễ nghi, phép tắc không ai có thể chê chàng ở một điểm nhỏ nào. Tài năng và đức hạnh của Ahimsaka đều vẹn toàn. Người thầy già bà-la-môn chủ nhiệm rất hài lòng, luôn đem lòng thương yêu Ahimsaka và xem chàng như đứa con ruột của mình.

Sự việc ấy làm cho bạn bè đồng học ganh tỵ. Họ bàn bạc với nhau rằng:

- Môn học nào thầy cũng khen nức khen nở Ahimsaka! Môn học nào Ahimsaka cũng đệ nhất, cũng ở trên chúng ta một cái đầu, hai cái đầu! Các bạn nghĩ có chán chăng?

- Vâng! Người khác phụ họa – Kể từ khi có Ahimsaka chúng ta không ngóc đầu lên nổi! Nếu tình trạng này kéo dài, chúng ta còn mặt mũi nào mà nhìn thiên hạ! Mặt mũi nào nhìn cha mẹ, bà con, họ hàng quyến thuộc nữa.

- Quả đúng như thế! Không có Ahimsaka, các môn học chúng ta phân chia đồng đều, lúc người nhất môn này, lúc người nhất môn khác. Có Ahimsaka tất cả chúng ta đều trở nên hạng bét. Đành phải cúi gằm mặt xuống để nghe thầy chửi mà thôi!

- Còn nữa! Người khác lên tiếng phụ họa – người đâu mà đức hạnh, lễ nghi, phép tắc... đều hoàn hảo đến như thế? Ahimsaka vốn là người đã đẹp, tuấn tú, phi phàm... kèm thêm nết hạnh trong sáng kia nữa... thì trong lòng thầy còn có chúng ta đâu mà mong!

- Nói tóm lại! Một người học trò lớn tuổi trong bọn cất cao giọng như biểu quyết – chúng ta phải cùng nhau tìm ra phương cách để đuổi Ahimsaka ra khỏi ngôi trường này.

Mất Ahimsaka là chúng ta còn, còn Ahimsaka là chúng ta mất! Đấy là kết luận tối hậu!

Thế là sau buổi thảo luận hôm ấy, nhóm học trò đi đến quyết định là tìm cách để hãm hại Ahimsaka. Chúng biết rằng chẳng có cách gì, cách nào để nói xấu Ahimsaka được. Bảo Ahimsaka là dòng dõi thấp hèn ư? Chẳng thể nào, không những Ahimsaka là dòng dõi bà-la-môn, mà còn là dòng dõi bà-la-môn cao quý, thượng đẳng nữa! Bảo Ahimsaka thiếu tư cách, vô lễ, hỗn xược với thầy ư? Chẳng thể nào, nói vậy chẳng khác gì nói hương chiên-đàn có mùi thối hoắc và chim cộng-mạng hót không được hay! Ai mà tin! Mà có lẽ kết quả sẽ ngược lại.

Cuối cùng họ tìm ra được một kế mưu. Họ chia làm ba nhóm và nhóm nào cũng đều thưa với thầy một điều giống nhau. Ban đầu có lẽ thầy họ không tin, nhưng dần dà sẽ sinh ra hoang mang, ngờ vực, và sau rốt thì sẽ tin thôi.

Thế là kế hoạch được thực hiện từ từ. Ngày hôm sau, vào dịp thuận tiện nhất, nhóm thứ nhất kín đáo vào quỳ bạch với thầy:

- Ai cũng biết rằng, bạn Ahimsaka là người học rất giỏi, có đức hạnh, lẽ phép; từ lâu rất được thầy yêu bạn mến. Tuy nhiên, "đừng nhìn mặt mà bắt hình dong", xin thầy hãy coi chừng, đề phòng vì bạn Ahimsaka đang có âm mưu hãm hại thầy đó!

Nghe nói vậy vị thầy rất bực tức, liền quở trách họ, và cho rằng họ có ác tâm muốn làm tổn thương tình cảm giữa ông và Ahimsaka, bèn xua đuổi nhóm ấy đi.

Thời gian sau, y theo kế hoạch, nhóm thứ hai với số người đông hơn, cũng vào quỳ hầu thầy và thưa chuyện với nội dung y như lần trước. Họ cũng bị thầy quở trách rồi đuổi đi. Nhóm thứ ba cũng như thế, nhưng sau đó còn nói thêm:

- Nếu thầy không tin chúng con, thầy cứ quan sát, xem xét Ahimsaka thì biết. Ahimsaka có tài trí khác thường, nếu

hắn có âm mưu hãm hại ai thì khó mà đoán được. Ngoài ra, tại sao đối với thầy, hắn lại cung kính, lễ độ, làm tròn tất cả mọi bổn phận "một cách khả nghi" như thế?

Sau nhiều lần quá, vị thầy bắt đầu suy nghĩ: "Sao cả ba nhóm học trò này đều thưa cùng một sự việc giống nhau? Và chúng đều có ý lo lắng cho sự an nguy của ta? Không có lửa thì làm sao có khói? Vậy thì từ rày ta phải để ý, coi chừng Ahimsaka xem sao?"

Khi không ngờ vực thì không có vấn đề gì, nhưng khi đã ngờ vực rồi thì cái gì ở nơi Ahimsaka cũng khả nghi cả. Sao y lại lễ phép quá như thế? Sao y bưng ly nước một cách trịnh trọng như thế? Sao y thưa hỏi bằng thứ ngôn ngữ nghiêm túc và phát âm một cách chuẩn xác như thế? Sao khuôn mặt y bao giờ cũng nghiêm trang, từ hòa đến vậy... Những sự ngờ vực này, tuy thời gian sau vẫn không tìm ra chứng cớ, nhưng vị thầy đã cảm thấy lo sợ, bất an mơ hồ. Sự lo sợ, bất an này ban đầu chỉ khởi lên nơi ý nghĩ, nhưng lâu ngày chầy tháng, chúng chìm vào vô thức và tạo nên những cơn ác mộng. Đến lúc này thì Ahimsaka đã trở thành nỗi ám ảnh không rời, vị thầy suy nghĩ: "Quả thật kẻ có tài trí khác thường như Ahimsaka mà ám hại ta thì ta không biết đâu mà đề phòng cho được. Cách tốt nhất để gìn giữ tính mạng là phải tìm cách hạ thủ y trước. Nếu tự tay đầu độc hoặc giết chết y, bọn học trò sẽ biết, và như vậy, vua chúa, bà-la-môn quý tộc cũng sẽ biết, rồi tiếng tăm xấu ác lan truyền ra nhiều quốc độ, rằng thầy mà giết học trò thì còn đâu là uy tín của ta nữa! Khi mà thiên hạ đã mất đức tin nơi ta, họ sẽ không còn gởi con cháu đến đây học nữa; theo đó, danh vọng ta sẽ mất mà lợi lộc cũng tiêu vong! Vậy ta hãy dùng mưu để giết Ahimsaka. Giết Ahimsaka mà không phải ta tự ra tay, ấy mới là thượng sách".

Thế rồi, giữa đêm khuya thanh vắng, vị thầy bí mật cho gọi riêng Ahimsaka, dạy rằng:

- Này con! Trong lớp học chỉ có con là người tài trí phi thường, nên ta muốn truyền cho con một môn học tối cao, tuyệt đỉnh. Môn học này từ xưa đến nay, thầy chưa tìm ra người xứng đáng. Tất cả học trò của thầy không có ai đủ tư chất, bản lãnh để theo đuổi môn học bí truyền này. Nhưng có điều...

Ahimsaka cúi đầu:

- Xin thầy cứ nói!

- Muốn ứng dụng vào môn học bí truyền này con phải làm một việc "phi nhân", thầy còn ngại là con không đủ can đảm.

- Con khá can đảm, thưa thầy! Nhưng "phi nhân" thì...

- Bởi thế ta mới ngần ngại...

- Xin thầy cứ nói thử...

- Con phải cải trang thành một tên cướp hung dữ, đến những chỗ khuất vắng, lần lượt tìm giết cho đủ số một ngàn người, thiếu một cũng không được. Khi ấy ta sẽ truyền thụ bí kiếp tuyệt đỉnh cho con!

Ahimsaka sợ hãi.

- Con được sinh ra và lớn lên trong dòng dõi bà-la-môn cao quý, việc giết người là không thể, bạch thầy!

Vị thầy thở dài:

- Ta biết vậy mà! Ta biết con không đủ can đảm mà! Ta biết con còn bị ràng buộc, thiết định ở trong nền giáo dục đạo đức truyền thống nên chẳng bao giờ có thể học được cái gì cho thật đến nơi đến chốn, nhất là môn học "xuất phàm"!

Nói thế xong, vị thầy xua tay:

- Thôi, con đi đi! Thầy cũng không ép. Vả chăng, con sau này cũng chỉ thành tựu được những cái gì rất là tầm thường của một phàm nhân; còn việc hô phong hoán vũ, trên thông thiên văn, dưới thông địa lý, giữa thông nhân sự... để sau này làm một bậc thầy ưu việt, một nhà lãnh đạo tài ba, xuất chúng, khả dĩ đem đến hạnh phúc và an vui cho toàn

thể châu Diêm-phù-đề này, thì hãy để dành cho người khác vậy!

Vị thầy bỏ đi. Ahimsaka rất là khó xử. Khi chàng ra đi, cha mẹ ân cần đưa tiễn, dặn bảo là phải học hành cho đến nơi đến chốn; phải biết hy sinh cái vị kỷ để nghĩ đến lợi ích cho nhiều người; phải trở thành một người học trò xuất chúng, lỗi lạc! Nếu chàng không học được môn học bí truyền này thì chàng chỉ là kẻ học trò tầm thường, phụ lòng kỳ vọng của cha mẹ hay sao? Nhưng nếu mà chàng giết một ngàn người thì đạo đức, lương tâm cùng giáo dục truyền thống của dòng dõi bà-la-môn đều không cho phép?

Suốt mấy đêm trường trằn trọc, thao thức; lựa chọn nào cũng khổ tâm cho chàng cả, biết làm sao đây? Cuối cùng, nghĩ đến sự kỳ vọng của cha mẹ, nghĩ đến sự tài cao, xuất chúng, nghĩ đến sự lợi ích cho nhiều người, chàng đành hy sinh cái "lương tâm bé nhỏ vị kỷ" của mình!

Hôm kia, chàng tìm thầy và thưa:

- Bạch thầy! Chí con đã quyết! Phải biết hy sinh cái nhỏ để thành tựu cái lớn mà thôi vậy!

Vị thầy biết cái lưỡi câu treo lơ lửng ấy tự con cá sẽ tìm đến để móc họng vào, bèn đáp:

- Thế là con đã suy nghĩ rất chín chắn. Vậy ngày mai, trước lớp học, con phải giả vờ xin phép về thăm cha mẹ bị bệnh để việc làm bí mật của con không ai biết, không ai hay! Xong xuôi, con hóa trang, mang theo mình năm loại vũ khí. Bao giờ con giết đủ một ngàn người, hãy về đây tìm ta, cũng vào lúc đêm khuya! Tuyệt đối môn học này không để người thứ ba nhìn thấy!

Ahimsaka tuân mệnh nhưng chàng lại đắn đo:

- Bạch thầy! Con chưa hề thấy vũ khí, lại chưa hề biết cách sử dụng vũ khí bao giờ!

Nghe vậy, lòng thầy bà-la-môn đau nhói, niềm bi mẫn khởi lên đối với chàng trai hiền thiện, nhưng vì nghĩ đến tính mạng của mình, ông ta thắng lướt được.

- Cũng bắt đầu khuya đêm mai, ở đây, thầy sẽ dạy sử dụng năm loại vũ khí cho con!

Thế rồi, đêm đêm, Ahimsaka khổ công luyện tập. Vị thầy không ngờ, với võ học, Ahimsaka học một biết hai; chàng có thể thâu tóm toàn bộ sở học võ thuật của thầy trong một thời gian rất ngắn.

Không lâu sau đó, Ahimsaka đảnh lễ từ giã thầy, lặng lẽ trang bị năm loại vũ khí, xuôi về phương Nam, đi mãi. Khi vào địa giới nước Kosala, gần kinh thành Sāvatthi, có một khu rừng rậm có nhiều cây trái, Ahimsaka dừng chân. Tìm được một hang động khuất tịch để ở, Ahimsaka bắt đầu một đời sống hoang dã, giết người để thành tựu môn học tối thượng, xuất phàm!

Ahimsaka không còn nhớ rõ thời gian mình đã sống trong rừng là bao lâu, và cũng không nhớ rõ là mình đã giết được bao nhiêu người! Ban đầu, quả thật, chàng không dám giết, chàng sợ máu và sợ cả đôi mắt người đối diện. Thật là khổ sở khi phải giết người mà lòng không mảy may thù oán và tâm không hề khởi lên ác niệm! Lần đầu tiên khi kẻ bị giết run lẩy bẩy, thì mặt chàng xanh mét, cắt không có một hột máu! Đêm về, chàng sợ hãi đến độ không dám ngủ, vì hễ cứ chợp mắt là hình ảnh người bị giết hiện ra! Nhưng khi nghĩ đến niềm hy vọng của cha mẹ, sự lợi ích cho toàn thể châu Diêm-phù-đề, chàng lại lấy hết dũng khí để giết mạng người thứ hai. Ám ảnh lại tái diễn và chàng lại phải nhắc nhở mình, tự trấn an mình. Thời gian sau, khi giết người đã thành thói quen, Ahimsaka thấy mình như một cỗ máy, giết người mà không khởi lên một ý nghĩ nào cả. Nhát dao đưa lên, thế là bóng người gục xuống. Chẳng kể đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ, bình dân hay quý tộc. Những kẻ vào rừng

kiếm củi, măng giang, mộc nhĩ, tìm trầm... hoặc bộ hành lang thang là nạn nhân của chàng.

Tuy nhiên, hôm kia, Ahimsaka sực tỉnh là chàng không thể nhớ hết số người đã giết là bao nhiêu. Sau đó, hễ giết được một người là chàng cắt lấy một đầu ngón tay để làm chứng. Những ngón tay để rải rác chỗ này chỗ kia trong hang động, cái bị thối, cái bị sâu kiến rúc rỉa, cái bị thất lạc – rốt lại, chàng lại mất công toi! Cuối cùng Ahimsaka nghĩ ra một cách, là xâu những ngón tay này phơi khô rồi mang ở cổ. Từ đó chàng có biệt danh là Aṅgulimāla, có nghĩa là kẻ cướp giết người, cắt đầu ngón tay xâu thành vòng đeo ở cổ.

Việc giết người này, thời gian sau đã kinh động từ làng này sang làng khác ven khu rừng. Không ai dám đi một mình vào rừng vì việc này hay việc nọ. Nhưng vì sinh kế, họ phải rủ nhau từng toán, từng đoàn từ ba, bốn người đến năm, bảy người; nhưng rồi cũng bị tên cướp sát hại. Đến nỗi, đôi khi có những đoàn đông từ ba mươi đến bốn mươi người, nhưng cũng không thoát khỏi lưỡi đao thiện xảo của Aṅgulimāla. Võ nghệ và cách giết người của Aṅgulimāla càng ngày càng tinh luyện. Người ta đồn đãi với nhau rằng:

- Lưỡi đao của Aṅgulimāla lạnh buốt, ánh thép chớp lên là năm, bảy cái đầu cùng rơi trong một lúc!

- Không phải đao mà là kiếm, lưỡi kiếm mỏng như lá mía. Một số đông người hồn lìa khỏi xác rồi mà cái thân vẫn còn đứng trơ ra đấy!

- Là lưỡi giáo chứ! Đang đi một đoàn người như thế, bỗng nhiên ba, bốn người đứng sững lại, không ai hiểu chuyện gì. Té ra không biết lưỡi giáo từ đâu, đã xâu ba, bốn người ấy thành một xâu, như xâu ếch!

Rồi nào là lưỡi mác, là cung tên, là mã tấu, là quả chùy, tùy theo sự tưởng tượng phong phú của nhiều người. Tuy nhiên, dường như ai nói cũng đúng cả, vì Aṅgulimāla có cả

thảy năm loại vũ khí. Và có một sự thực chung: Chưa ai thoát khỏi bàn tay của Aṅgulimāla nếu gặp mặt hắn!

Khắp cả mấy cánh rừng và ven rừng, nơi Aṅgulimāla ở, một đồn mười, mười đồn trăm, thời gian sau chẳng còn ai dám lai vãng nữa.

Thế là bắt buộc Aṅgulimāla phải tảo thanh vào các xóm làng để tìm nhân mạng cho đủ túc số một ngàn. Không biết cái xâu tràng hoa ngón tay của Aṅgulimāla lúc ấy đã vòng được mấy vòng ở cổ mà dân chúng sợ hãi đã bỏ xóm làng lánh nạn, xa cách đấy hơn ba do-tuần.

Chuyện náo động đến kinh thành Sāvatthi khi một đoàn dân chúng lũ lượt tay xách, nách mang, kẻ gồng, người gánh tơi tả, hớt hãi trốn về thành phố. Một nhóm các vị bô lão đại diện dân chúng xin được bệ kiến đức vua Pāsenadi, tâu rằng:

- Xin bệ hạ hãy cứu nhân dân vô tội! Tên cướp giết người Aṅgulimāla đã ra tay giết hằng trăm mạng người, không coi pháp luật nước Kosala của bệ hạ ra cái gì nữa!

- Chúng tôi phải rời bỏ bản quán, tha phương cầu thực rất là khổ sở. Mong đại vương cử quân lính vây bắt tên cướp, để cho chúng tôi được về quê hương yên ổn làm ăn.

- Quá nhiều người chết về tay giết người hung dữ kia rồi! Đến lúc tất cả các xóm làng đều trống không thì đã muộn mất rồi, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi nước Kosala nghe chuyện hệ trọng, tức tốc cho hội triều hỏi ý kiến của bá quan. Ai cũng đồng ý mang quân diệt cướp. Tuy nhiên không có viên đại tướng nào tình nguyện dẫn đầu đoàn quân! Cái uy danh và tin đồn về võ nghệ siêu quần bạt tụy của Aṅgulimāla làm cho những viên đại tướng của đức vua sợ xanh mặt.

Đức vua Pāsenadi nổi giận:

- Giết một tên cướp mà chẳng có đại tướng nào dám ra tay, quả là khiếp nhược!

Vị bà-la-môn quân sư, là thân phụ của Aṅgulimāla, vội đứng lên:

- Tâu đại vương! Xin ngài bớt giận. Người ta thêu dệt quá nhiều về tên cướp nên ai cũng sợ hãi là chuyện bình thường! Vậy giết tên cướp kia, đại vương hãy cho hạ thần được đảm nhận!

- Không được! Đức vua xua tay – Quân sư chớ nên làm thế! Quân sư là thầy của ta, lại theo đòi văn học chớ không phải võ nghệ. Trách nhiệm này thầy khỏi phải bận tâm. Không có viên đại tướng nào đủ đởm lược thì tự tay ta sẽ dẫn quân truy bắt tên cướp.

Trong buổi hội triều ấy, sở dĩ bà-la-môn quân sư đứng ra nhận lãnh trách nhiệm là vì ông có trực giác mơ hồ: Tên cướp Aṅgulimāla ấy chính là con trai của ông, chính là Ahimsaka thân yêu của ông. Điều này quả thật là khó lý giải. Làm sao đứa con trai hiền thiện của ông lại là kẻ giết người được? Con trai của ông chưa hề biết tới một loại vũ khí nào và cũng chưa từng học qua hay sử dụng một môn võ nào! Tuy nhiên, điều đó cũng không thuyết phục được ông thay đổi ý nghĩ. Ông đoán chắc một điều mà ông không thể lầm lẫn: Con trai của ông, Ahimsaka chính là Aṅgulimāla – chính là kẻ cướp giết người! Ngôi sao "kẻ cướp sát nhân" thuở con trai ông chào đời, với kiến thức bác lãm và thông tuệ về thiên văn của ông giúp ông khẳng định những điều dường như phi lý cũng biến thành sự thực!

Bãi triều, về nhà, ông âu sầu nói chuyện với vợ:

- Này phu nhân! Ngôi sao "kẻ cướp sát nhân" thuở xưa đã ứng điềm triệu nơi con trai của chúng ta rồi đấy!

Nghe vậy, bà Mantanī quỳ lạy, xổ tóc, thổn thức, khóc lóc thảm thương, cầu xin chồng tìm biện pháp cứu con trước khi bị đức vua vây bắt. Ông bà-la-môn quân sư đứng lặng, ruột đau như cắt nhưng lý trí rất vững mạnh, ông nói:

- Tôi cũng đau xót lắm, nhưng việc cứu con, tôi không thể, xin phu nhân tha thứ cho tôi.

Bà Mantanī gào lên:

- Phu quân là thầy của vua, quyền lực nghiêng trời lệch đất! Phu quân lựa lời khôn khéo nói một tiếng còn ai dám không nghe?

Bà-la-môn quân sư nghiêm sắc mặt:

- Phu nhân không nên nói vậy! Còn có luật vua, phép nước; con trai ta giết người thì con trai ta phải đền tội, đấy là điều công bằng. Chúng ta đừng vì tình riêng mà che mờ đức lý cũng như lương năng xã hội!

Bà Mantanī im lặng.

Bà-la-môn quân sư nói tiếp:

- Vả lại, các bậc minh triết ngàn xưa có dạy rằng, có bốn hạng người không nên đặt niềm tin vào họ, bà có muốn nghe không?

- Phu quân cứ nói!

- Vâng, phu nhân hãy nghe đây! Bốn hạng người ấy là: Một là tên cướp giết người, đừng nên đặt niềm tin vào kẻ ấy, dầu trước đây hắn là người thân. Hai là bạn bè cũ, cũng không nên đặt niềm tin quá đáng dù đã từng sống chung với nhau lâu năm. Ba là đức vua, đừng nên đặt niềm tin dẫu hiện được đức vua tin cẩn. Bốn là đàn bà, không nên tin tưởng, dẫu trước đây đã từng đối xử rất tốt với họ.

Suy ngẫm bốn hạng người này thì con trai ta rơi vào điều cấm kỵ thứ nhất, nó là tên cướp giết người thì lẽ nào ta còn tin tưởng được! Vậy thì tôi từ chối chuyện đi tìm nó, khuyên giải nó, mong phu nhân thứ lỗi cho tôi. Tôi chưa bao giờ dám nghĩ rằng tôi lại có thể khôn ngoan hơn các bậc minh triết tự ngàn xưa!

Giận dỗi, bà Mantanī quay lưng đi, tự nghĩ: Cái lý lẽ của ông là lý lẽ của đầu óc, sự khôn ngoan của đầu óc; còn tôi có

lý lẽ của tôi: Là lý lẽ của con tim, sự khôn ngoan của con tim! Vậy dầu chết, tôi cũng đi tìm nó và cứu nó!

Quả vậy, Aṅgulimāla dù là kẻ cướp giết người, nhưng trong trái tim người mẹ, nó chỉ là đứa bé nhỏ dại, đáng mến, đáng yêu, đáng tha thứ xiết bao!

Thế là chẳng quản gian lao, vất vả, nguy hiểm, bà Mantanī trốn lánh bà-la-môn quốc sư, bươn bả, lặn lội ra phía ngoại ô, dò hỏi đường, đi tìm con!

Cuối canh chót đêm ấy, đức Thế Tôn nhập đại bi định, xuống cận hành định. Sau khi quán xét chúng sanh nào hữu duyên nên tế độ, đức Thế Tôn nhìn thấy Aṅgulimāla. Ngài biết rằng, duyên lành của Aṅgulimāla đã đến sau khi trải qua nhiều gian truân của nghiệp. Chỉ cần nghe xong vài câu thuyết ngôn, là Aṅgulimāla sẽ phát sanh đức tin trong sạch, từ bỏ hành động bạo ác rồi xin xuất gia. Về sau, Aṅgulimāla sẽ chứng đắc thánh đạo quả A-la-hán cùng với thắng trí.

Đức Thế Tôn còn thấy rõ rằng, nếu ngài đến chậm trễ một bước, Aṅgulimāla sẽ giết mẹ, phạm ngũ nghịch đại tội thì vô phương cứu thoát!

Thế rồi, sáng hôm sau, đức Thế Tôn đi vào thành Sāvatthi để khất thực như lệ thường. Sau khi độ ngọ, dọn dẹp cất đặt sạch sẽ xung quanh cội cây, đức Thế Tôn khoác y, ôm bát men theo con đường mòn nhỏ, nhắm hướng khu rừng, nơi Aṅgulimāla trú ngụ mà đi thẳng.

Chừng được mấy do-tuần, bắt đầu bước vào xóm làng với nhà cửa thưa thớt, dân chúng hai bên đường thấy "một sa-môn đang dấn thân vào chỗ chết", bèn bước ra can ngăn:

- Xin ngài hãy dừng chân lại! Đây là con đường dẫn vào khu rừng chết người! Bà con ở những thôn làng xung quanh đây, hễ ai còn sống sót đều dắt dìu nhau đi lánh nạn. Tên cướp sát nhân Aṅgulimāla này nó hung dữ lắm, nó sẽ giết hết không chừa một ai đâu! Kẻ tu hành nó cũng giết, nó giết cả hàng chục, hàng trăm sa-môn, bà-la-môn rồi đấy.

Nghe vậy, nhưng đức Thế Tôn vẫn chậm rãi bước đi. Kẻ khác ra ngăn nữa:

- Ông sa-môn! Không phải chuyện đùa đâu! Ông hãy nhìn trước mặt thử xem! Xóm làng ở đấy vắng vẻ, đìu hiu, không một bóng người, không một tiếng chó sủa, không một tiếng gà gáy! Kẻ cướp sát nhân Aṅgulimāla tàn sát hết, không chừa một mống!

Thấy đức Phật vẫn bước đi, một bô lão chạy ra nói lớn:

- Chỉ chúng tôi già cả, đói nghèo, lụm khụm không thể đi được nên ở lại đây; còn tất cả bà con có chân, có cẳng thì đều trốn hết rồi. Ông sa-môn không nghe lời can ngăn thì cứ đi chừng vài do-tuần nữa để nạp mạng cho tên cướp. Trước đây có những toán người đông đến hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, không biết nghe lời lão, vẫn đi thẳng theo con đường này, đều bị Aṅgulimāla sát hại cả, chẳng còn ai sống sót.

Đã ba lần thấy dân chúng có lòng tốt cản ngăn, đức Thế Tôn nghĩ là nên cảm ơn họ và trấn an họ:

- Chư vị hãy an tâm! Như Lai không phải một sa-môn tầm thường, mà Như Lai là một vị Phật, một vị A-la-hán, một bậc Chánh Đẳng Giác. Hôm nay, Như Lai đi vào khu rừng chết người này nhưng Như Lai sẽ không chết, trái lại, Như Lai sẽ tế độ cho Aṅgulimāla, giúp cho kẻ giết người hung dữ kia trở lại với cuộc sống hiền thiện. Như Lai cảm ơn chư vị đã có lòng tốt!

Thấy tướng hảo quang minh rạng ngời của đức Phật, thấy khuôn mặt và nụ cười an tĩnh, tự tin của ngài, dân chúng biết đây đúng là đức Phật; mà trí tuệ, từ bi và uy lực của ngài đã được loan truyền khắp nơi nơi, không ai là không hay biết. Chợt nhiên, họ đồng phủ phục xuống:

- Vậy xin ngài tế độ cho kẻ cướp để cho chúng con được sống trở lại cuộc đời an cư lạc nghiệp!

Đức Thế Tôn mỉm nụ hoa sen, đáp lại:

- Chư vị sẽ được như nguyện!

Thế rồi, từ giã đám dân chúng, đức Thế Tôn đi vào một con đường tắt. Ngài biết rõ rằng, nếu không đi đường tắt, mẹ của Aṅgulimāla sẽ đến trước; và như vậy, nếu muốn tế độ cho Aṅgulimāla, sẽ không còn kịp nữa![1]

Hôm ấy, Aṅgulimāla ngủ dậy muộn. Đã thức cùng với mặt trời lên cao, chàng còn nhẩn nha vào rừng kiếm trái cây ngon, ăn một bụng no! Ăn xong, chàng xuống suối tắm mát. Tắm xong, khi nhìn chiếc bóng lồ lộ, rõ nét của mình trong dòng nước trong, Aṅgulimāla bần thần suy nghĩ:

- Thế là không biết thời gian trải qua mấy xuân hạ rồi, từ một vóc dáng thư sinh trắng trẻo, đẹp đẽ nay đã biến thành một loại người rừng hoang dã, tóc tai râu ria xồm xoàm! Ta cũng không còn nhớ y áo ta đã rách mấy lớp; và cũng không biết bao lần ta lấy y áo của nạn nhân để mặc vào người? Còn nữa, và đây mới là điều hệ trọng: Vòng tràng hoa xâu ngón tay người ở nơi cổ ta đến nay đã được chín trăm chín mươi chín ngón rồi. Vậy chỉ còn một người nữa là đủ số. Ta vẫn nôn nóng làm việc này cho xong để học được môn học bí truyền. Cha mẹ ta đã già, thường ước mong cho ta trở thành người hữu dụng, mang tài học xuất chúng giúp ích cho xã hội. Bao nhiêu tháng ngày qua, bàn tay ta đã tắm nhuộm quá nhiều máu người vô tội! Ôi! Đấy là sự hy sinh quá lớn! Nhưng nếu không có sự hy sinh này thì làm sao ta có thể học được môn học tối cao?

Aṅgulimāla thở dài, đứng dậy. Núi rừng hoang vu, trùng điệp, các thôn làng vắng vẻ đìu hiu. Đã ba ngày qua, Aṅgulimāla không tìm thấy một bóng người, họ đã sợ hãi chàng mà trốn đi đâu mất hết. Cũng không sao mà, sau buổi trưa, chàng sẽ đi đến một ngôi làng xa, tìm thêm một người là đủ số! Khi đem trình cho thầy xong một ngàn ngón tay, là

[1] Chẳng rõ tại sao, khi thì đức Phật sử dụng thần thông, khi thì không!

bằng cớ của một ngàn mạng người, chàng sẽ cắt tóc cạo râu, thay đổi y phục đàng hoàng để về thăm cha mẹ trước đã.

Ăn xong một số trái cây cuối cùng, Aṅgulimāla đi vào hang động, nơi mà chàng cư ngụ bấy lâu, nhìn quanh một vòng rồi trang bị năm loại vũ khí vào người...

- "Hắn lại đến!" Aṅgulimāla thầm nghĩ – hễ cứ mỗi lần trang bị năm loại vũ khí vào người rồi là như có một luồng khí rất mạnh chạy rần rật trong cơ thể, như được tiếp thêm sinh lực của năm, bảy con ngựa nòi! Rồi, sức mạnh ấy đẩy chàng đi, bắt đầu sử dụng các loại vũ khí và giết người!

Khi bước ra khỏi bìa rừng là mắt chàng đỏ ngầu, lý trí mất hết, chàng vọt chạy theo sự điều khiển của bản năng. Cũng như mấy ngày trước, từ rừng trên đến rừng dưới, không thấy một ai, chạy sang các làng kế cận, cũng không thấy một bóng người; rảo thêm mấy vùng phụ cận nữa, vô ích! Khi men theo con đường nhỏ thì mặt trời đã ngả sau đọt cây, chợt Aṅgulimāla thấy một bóng người. Người ấy đang đi về phía chàng. Ngạc nhiên, chàng tò mò nhìn ngắm. Kẻ ấy không sợ chết sao?

Người ấy là bà Mantanī, đã bất chấp mọi hiểm nguy để đi tìm con. Thấy hình bóng của một người rừng hoang dã, bà linh tính đấy là con trai của mình, bà vô cùng mừng rỡ. Còn khi Aṅgulimāla thấy người đó đúng là mẹ mình, tự nghĩ:

- Mẹ ta thương ta lắm! Mẹ ta sẵn sàng hy sinh mạng sống để cho ta thành tựu ước nguyện. Vậy thì ta chỉ cần giết mẹ là đủ số một ngàn ngón tay rồi!

Nghĩ thế xong, Aṅgulimāla rút đao ra, chạy nhanh tới. Bất chợt lúc ấy một bóng người khác sau hẻm núi bước ra, xen vào khoảng cách giữa Aṅgulimāla và mẹ của chàng! Aṅgulimāla liền thay đổi ý định, cầm đao rượt theo người kia, một sa-môn, là con mồi vô phước từ đâu đến nạp mạng!

Vị "sa-môn vô phước" ấy là đức Phật, ngài đã xuất hiện kịp thời để cứu Aṅgulimāla khỏi tội giết mẹ. Hơn ai hết,

ngài hiểu rằng, khi cầm đao để rượt giết người, cậu con trai Ahimsaka này không còn là con người "vô hại" nữa, mà nó chính là kẻ cướp sát nhân hiện thân! Chính sức mạnh của ác nghiệp đã chi phối toàn bộ sinh hoạt thân và tâm của y! Nếu có lý lẽ, hiểu biết thì lý lẽ, hiểu biết ấy cũng chỉ biện minh cho hành động giết người mà thôi!

Khi Aṅgulimāla bỏ bà Mantanī để đuổi theo đức Phật, ngài liền rẽ sang một con đường khác, rồi sử dụng thần thông. Đấy là một loại thần thông rất lạ lùng: Vẫn những bước chân chậm rãi, khoan thai, thung dung như một kẻ nhàn du, nhưng đằng sau, Aṅgulimāla đã cố chạy đuổi theo hết sức lực vẫn không bắt kịp. Hắn thoáng nghĩ:

- Thật lạ thay, chuyện chưa từng có bao giờ! Trước đây dầu voi, ngựa, nai hay xe ngựa chạy, ta cũng đuổi theo bắt được! Nhưng bây giờ, dầu ta đã hết sức vẫn không đuổi kịp vị sa-môn với những bước chân nhàn nhã kia!

Thế rồi, chạy đuổi theo một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần... Aṅgulimāla đã huy động toàn bộ sức lực, toàn bộ sức mạnh phi thường, nên bước chân của hắn dường như bay trên đầu cỏ mà bóng vị sa-môn vẫn luôn trước mặt hắn một khoảng cách cố định.

Mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đầu váng mắt hoa, hơi thở dồn dập, tim đập như trống trận, Aṅgulimāla đã đuối sức, dừng chân lại, cất tiếng gọi lớn rằng:

- Này ông sa-môn kia, dừng lại! Hãy dừng lại!

Đức Phật biết cơ duyên điểm hóa đã đến, nên chân ngài vẫn khoan thai bước đi, cất giọng phạm âm, nói vọng lại:

- Này Aṅgulimāla! Như Lai đã dừng lại lâu rồi! Chính con! Chính con mới là người chưa chịu dừng lại!

Nghe vậy, Aṅgulimāla rất ngạc nhiên, suy nghĩ:

- Nơi nơi thiên hạ đồn rằng, những sa-môn Sākya này thường hay nói sự thật, lời nói không bao giờ trái ngược với việc làm. Nhưng tại sao, ở đây, rõ là ông sa-môn này đang đi

mà nói là mình đã dừng lại? Còn ta là kẻ đã dừng chân lại, ông sa-môn lại bảo là chưa chịu dừng? Thế là nghĩa làm sao nhỉ?

Bèn nói:

- Này ông sa-môn! Tại sao rõ ràng ông đang đi mà ông lại nói "Như Lai đã dừng lại rồi"; còn tôi thì đang dừng lại, nhưng ông lại nói "chưa chịu dừng"?

Đức Phật hiện ra thân sắc rực rỡ quang minh, hào quang sáu màu chập chờn di động, rải từ bi tâm bao phủ trọn vẹn con người của Aṅgulimāla, cất giọng nói với tám tuyệt hảo:

- Này Aṅgulimāla! Quả vậy, Như Lai là người đã dừng lại lâu rồi. Như Lai đã dừng lại đao, dừng lại trượng, dừng lại và từ bỏ tất cả mọi sự giết hại đối với chúng sanh; dừng lại con đường tội ác! Còn con, chính con mới là người chưa chịu dừng đao, trượng, chưa chịu dừng lại sự sát hại chúng sanh, chưa chịu dừng lại con đường tội ác!

Lời nói dịu ngọt với âm điệu trong vắt như giọt sương mai trên đầu núi; và ý nghĩa của lời nói ấy của đức Thế Tôn như xoáy sâu vào tâm trí Aṅgulimāla, làm lay động, thức tỉnh giấc ngủ mê man của vô minh và vọng nghiệp, trả lại cho Aṅgulimāla khoảng trời bình minh tươi sáng đầu đời. Chàng chợt mở lớn đôi mắt ra, đứng sững lại, bàng hoàng...

- Này Aṅgulimāla! Hãy dừng lại đi con!

Bây giờ thì Aṅgulimāla đã hoàn toàn thức tỉnh; chàng biết rõ rằng, vị sa-môn này chính là đức Phật, bậc đại bi đang gióng lên tiếng trống bất tử vang dội khắp đó đây, chứ không thể là ai khác nữa, liền quỳ mọp xuống:

- Kính lạy đức Thế Tôn! Con biết tội rồi! Ngài đã đích thân ngự đến khu rừng này là vì hạnh phúc an vui lâu dài cho chính con. Ngài đã từ bi giúp con bước ra khỏi chỗ tối tăm, mê lầm của ngu si và ác nghiệp. Từ đây, con xin nguyện từ bỏ vĩnh viễn đao, trượng; từ bỏ vĩnh viễn bàn tay

vấy máu tàn hại chúng sanh! Mong ngài minh chứng cho sự sám hối thành khẩn và thiết tha này!

Bạch thế xong, Aṅgulimāla đứng dậy, bẻ cung tên, giáo, ném đao, kiếm xuống vực sâu, quăng vòng hoa ngón tay người qua bên kia sườn núi, thành kính đảnh lễ dưới bàn chân bụi của đức Phật rồi xin xuất gia.

Với tâm từ bi quảng đại, đức Thế Tôn đưa bàn tay vẫy, nói rằng:

- Này tỳ-khưu! Hãy đến đây!

Tự dưng, tóc râu Aṅgulimāla được cạo sạch nhẵn, y áo lấm lem bụi đất và máu người biến mất, thay vào đó là y áo sa-môn tề chỉnh, nghiêm trang với đầy đủ tám món vật dụng của một thầy tỳ-khưu thuộc giáo hội tăng đoàn. Tiếng nói bằng phạm âm của đức Thế Tôn tiếp tục mồn một bên tai Aṅgulimāla:

- Bây giờ con đã là một thầy tỳ-khưu phạm hạnh. Điều mà con xin, Như Lai đã cho con. Sau này, con hãy y chỉ, thực hành theo giáo pháp toàn hảo ở chặng đầu, toàn hảo ở chặng giữa, toàn hảo ở chặng cuối của Như Lai; thì đấy mới đích thực là lộ trình dừng lại, chấm dứt mọi khổ ách, khổ nạn nơi trần thế!

Truyền dạy cho Aṅgulimāla xong, đức Thế Tôn dẫn vị tân tỳ-khưu theo con đường khác, không qua kinh thành Sāvatthi mà trở về Jetavanārāma tịnh xá. Nhìn vị tân tỳ-khưu với dáng dấp trang nghiêm, đạo mạo, với lục căn thu thúc, với oai nghi đĩnh đạc, đức Thế Tôn nghĩ: Đúng là tư cách của một đại đức cao hạ, không ai có thể nghĩ đấy là một tên giết người khét tiếng.

Cũng trong khoảng thời gian ấy, đức vua Pāsenadi nước Kosala thân chinh dẫn một đoàn quân gồm năm trăm binh mã ra khỏi thành, tìm diệt Aṅgulimāla. Khi đi đến gần Jetavanārāma, đức vua nghĩ là nên vào hầu thăm đức Phật

cho phải phép, trước khi sang ranh giới bên kia để vào rừng, bèn hạ lệnh dừng quân.

Thấy đức vua Pāsenadi cùng với đoàn quân trang bị vũ khí sáng ngời, với ngựa thiện chiến nai nịt oai phong, đức Thế Tôn bước ra khỏi hương phòng, ân cần hỏi.

- Đại vương gian lao vất vả cầm quân xuất chinh ắt là có vị vua láng giềng nào khiêu chiến đấy chăng?

Đức vua xứ Kosala bỏ ngựa từ xa, đến bên đức Thế Tôn, khấu đầu đảnh lễ rồi nói:

- Chẳng phải vậy, thưa đức Thế Tôn! Không phải đức vua Bimbisāra trị vì xứ Māgadha làm con bực tức. Cũng chẳng phải đức vua Licchavi trị vì xứ Vesāli chọc giận con! Vua các nước lớn, các nước nhỏ khác cũng không ai làm cho con phải khó chịu cả. Mà chỉ vì... mà chỉ vì...

Đức Thế Tôn mỉm cười tiếp lời:

- Mà chỉ vì... trong nước có nội loạn chăng?

Đức vua Pāsenadi lắc đầu:

- Cũng không phải thế, bạch đức Thế Tôn! Nói nội loạn cũng không đúng hẳn, vì chỉ có một người thôi, đó là tên cướp Aṅgulimāla. Nó là tên sát nhân rất hung ác, rất khủng khiếp. Đã có hằng trăm, hằng ngàn người bị chết về tay hắn. Kinh hãi nhất là nó giết người không phải để ăn thịt, để uống máu! Nó giết người chỉ để mà "chơi" thôi! Nó giết người, nó cắt ngón tay, nó lấy những ngón tay ấy, phơi khô, xâu thành vòng hoa mà đeo ở cổ cho đẹp! Đức Thế Tôn thấy có kinh hãi không? Xung quanh khu rừng ấy, dân chúng cả chục ngôi làng đã sợ hãi nó mà trốn đi nơi khác hết rồi. Đồng không, nhà trống, vườn hoang! Thế nên, hôm nay con mới đích thân dẫn hùng binh đi diệt tên giết người dã man, việc làm ấy có đúng chăng?

Đức Phật gật đầu:

- Đúng lắm! Tàn bạo, dã man như thế là phải giết!

Đức vua Pāsenadi ngạc nhiên:

- Hóa ra đức Thế Tôn cũng khuyến khích sự giết hại, đồng ý sự giết hại ư?

- Đồng ý chứ! Khuyến khích chứ! Như Lai cũng đồng quan điểm với đại vương rằng: Tất cả những gì là tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ... trên thế gian này thì cần phải đốn bỏ, tận diệt, phải làm cho nó không được sinh khởi trong tương lai!

- Đúng là như thế! Đức vua gật gù.

- Trái lại, những gì là tốt đẹp, là hiền lương, là vô hại... thì cần phải nâng đỡ, phải làm cho nó tăng trưởng, lớn mạnh, phải thế không đại vương?

- Nhất định như vậy rồi!

Yên lặng một lát như để cho đức vua thẩm thấu ý nghĩa ấy, đức Thế Tôn đi vào gần đề hơn:

- Này đại vương! Kẻ tàn hại, xấu xa, ác độc, hung dữ thì đại vương giết, điều ấy là theo pháp luật của nhà nước, Như Lai không xen dự vào đấy được. Nhưng nếu bây giờ kẻ ấy đã trở nên hiền thiện, tốt đẹp, vô hại... thì đại vương nhất định nâng đỡ, trưởng dưỡng, có phải thế chăng?

Đức vua Pāsenadi mơ hồ cảm thấy bị bậc thượng trí đưa vào một cái bẫy vô hình nào đó, trong một lúc không đoán được, nhưng cũng mạnh mẽ gật đầu:

- Đúng vậy!

- Này đại vương! Bây giờ Như Lai đi vào chính đề đây! Nếu đại vương nhìn thấy Aṅgulimāla cạo bỏ râu tóc, mặc y cà-sa, xuất gia làm thầy tỳ-khưu, từ bỏ ác độc, hung dữ, sống đời phạm hạnh thiêng liêng, giới đức trong sạch thì đại vương đối xử với vị tỳ-khưu ấy như thế nào?

Đức vua Pāsenadi đáp:

- Bạch đức Thế Tôn! Đối với tỳ-khưu ấy, con sẽ cung kính đón tiếp, đảnh lễ, thỉnh mời vào chỗ ngồi cao quý và xin hộ độ bốn món vật dụng thường xuyên cho vị ấy bất cứ lúc nào! Nhưng bạch đức Thế Tôn! Chuyện ấy không thể

nào xảy ra cho trường hợp của Aṅgulimāla. Vì sao vậy? Vì Aṅgulimāla là kẻ cướp sát nhân, không còn nhân tính; ác tâm, ác tánh đã thành nề; hung dữ, tàn bạo đã thành thói quen thì làm sao có thể trở thành vị tỳ-khưu sống theo phạm hạnh, giới đức trong sạch cho được!

Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi không xa chỗ đức Phật và đức vua Pāsenadi; đức Thế Tôn bèn đưa tay chỉ, rồi nói:

- Sự thật đúng là như vậy, thưa đại vương! Tỳ-khưu Aṅgulimāla đang ngồi kia, đang sống đời hướng thiện và hướng thượng vô cùng cao đẹp!

Đức vua Pāsenadi nghe đến tên Aṅgulimāla, chợt đứng phắt dậy, tóc trên đầu dựng ngược, vẻ mặt vô cùng hoảng sợ! Đức Phật lên giọng trấn an:

- Đại vương hãy bình tĩnh! Sẽ không có, sẽ không còn một tai họa nào từ Aṅgulimāla xảy đến cho đại vương đâu!

Đức vua Pāsenadi liếc mắt nhìn về chỗ đức Phật chỉ, thấy một tỳ-khưu tướng mạo trang nghiêm, đẹp đẽ, choàng chiếc y vàng sáng như có hào quang, đang tĩnh tại ngồi thiền trên một tảng đá, tự nghĩ: Đâu có nét nào là ác độc, hung dữ nơi vị tỳ-khưu này?

Đã hết sợ hãi, đức vua Pāsenadi bước gần lại. Lúc ấy, tỳ-khưu Aṅgulimāla cũng vừa xả thiền.

- Thưa đại đức! Đức vua nói - ngài chính là Aṅgulimāla phải chăng?

- Phải, tâu đại vương!

Vua vẫn chưa hết ngờ vực, hỏi tiếp:

- Thế thân phụ, thân mẫu ngài tên gì?

- Tâu đại vương! Thân phụ của bần tăng tên là Gagga, hiện làm quốc sư của đại vương, mẫu thân của bần tăng là Mantanī!

Đến đây, đức vua Pāsenadi thở ra một hơi dài như trút hết gánh nặng; một niềm hoan hỷ dâng lên ngập tràn cả tâm tư; bèn cung kính đảnh lễ tỳ-khưu Aṅgulimāla, rồi nói:

- Mừng cho người con thân yêu của quân sư Gagga và bà Mantanī được an vui!

Đức vua đảnh lễ một lượt nữa, chấp tay bạch:

- Xin đại đức cho phép con được hộ độ bốn món tứ vật dụng: Y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men cho đến trọn đời!

Tỳ-khưu Aṅgulimāla sau khi xuất gia với đức Phật đã nguyện thực hành theo pháp đầu-đà, tri túc trong vật dụng; nên cất giọng điềm đạm nói:

- Tâu đại vương! Xin đại vương đừng bận tâm! Người sa-môn khất sĩ sống hạnh đầu-đà bao giờ tứ sự cũng vừa đủ dùng, không thừa mà cũng không thiếu vậy!

Đức vua Pāsenadi thấy đức Phật hóa độ một tên sát nhân nguy hiểm, trở thành một vị tỳ-khưu hiền hòa, thanh tịnh như thế thì xiết bao cảm phục. Rõ ràng là đức Thế Tôn không cần đến bất cứ một thứ vũ khí nào, bất cứ loại quyền lực gì, ngoài trí tuệ vô thượng và lòng đại bi vô biên của ngài! Một niềm kính ngưỡng bao la khởi lên, đức vua Pāsenadi quỳ năm vóc sát đất, rồi tán dương:

- Thật là một điều phi thường chưa từng có, bạch đức Thế Tôn! Chính ngài, chỉ có ngài mới có thể tế độ được người mà thế gian này không ai có thể tế độ được! Chỉ có đức Thế Tôn, chính đức Thế Tôn mới có thể làm vắng lặng phiền não ở nơi người mà không ai có thể làm cho vắng lặng phiền não được! Với tâm đại bi, đức Thế Tôn đã đưa những người từ nơi tối tăm tìm về với ánh sáng một cách kỳ diệu chưa từng có trên thế gian. Việc làm phi thường của đức Thế Tôn khiến cho tự con phải suy nghĩ: Với quyền lực, với vũ khí, có thể nào ta bắt buộc người khác cải tà quy chánh được chăng? Câu hỏi ấy trước đây đã kết dính trong đầu con, treo lơ lửng trong giấc ngủ của con, nay thì con được đức Thế

Tôn tháo gỡ; và cũng tự nơi con, con đã tìm được câu trả lời. Xin tri ân vô thượng đức Thế Tôn!

Đức vua Pāsenadi quỳ lạy bái biệt đức Thế Tôn và Aṅgulimāla rồi dẫn quân trở lại kinh thành! Ông cũng không quên cho người truyền báo tin lành ấy cho quốc sư Gagga và bà Mantanī, người mẹ tội nghiệp!

Chuyện còn kể rằng, buổi sáng hôm kia, đại đức Aṅgulimāla mặc y mang bát đi khất thực, khi ngang qua con đường dẫn vào thành Sāvatthi, ngài thấy một người đàn bà đang đau đớn quằn quại mà không sanh con được, ngài khởi niệm tâm bi: Ôi! Chúng sanh đau khổ quá chừng, thật đáng thương vậy thay!

Thế là hình ảnh người đàn bà đau đớn ấy cứ ám ảnh suốt trên khoảng đường đi khất thực của ngài. Độ ngọ xong, trở về chùa Jetavanārāma, đại đức Aṅgulimāla liền vào hầu Phật, bạch lại sự việc đã tận mắt chứng kiến rồi tỏ lòng thương xót đến nỗi khổ của chúng sanh.

Đức Phật nói:

- Vậy này Aṅgulimāla! Con hãy đi đến chỗ người đàn bà ấy, phát nguyện bằng lời chân thật rằng: Nầy cô! Từ khi tôi sinh ra, biết mình không có tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật nầy, xin cho cô sinh đứa con dễ dàng và hài nhi của cô cũng được an toàn!

Nghe vậy, đại đức Aṅgulimāla lộ vẻ ngạc nhiên, bối rối vô cùng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu thế là con đã tự nói dối, vì trước đây con đã giết hại rất nhiều người!

Đức Thế Tôn dạy tiếp rằng:

- Nếu thế thì con phát nguyện bằng lời chân thật như thế này: Này cô! Kể từ khi tôi được sinh ra trong dòng dõi giáo pháp thánh tông, biết mình không tự ý sát hại chúng sanh; do lời chân thật này, xin cho cô sinh được dễ dàng, hài nhi của cô cũng được an toàn!

Nghe lời chỉ giáo của đức Phật, đại đức Aṅgulimāla đi trở lại chỗ người đàn bà, ngồi trước bức màn che, khởi phát tâm bi mẫn, mở lời chú nguyện! Lạ lùng thay! Lời chân thật vừa dứt, người đàn bà sinh đứa con một cách dễ dàng, như đổ nước ra khỏi bình, và hài nhi cũng được an toàn như ý nguyện!

Đại đức Aṅgulimāla sống riêng một mình nơi thanh vắng, nỗ lực, tinh cần tu tập Tứ niệm xứ. Ngày kia, ngài chứng ngộ Tứ thánh đế, đắc quả A-la-hán bằng trí tuệ siêu thế. Vậy là ngài đã hoàn thành xong phận sự của một thiện gia nam tử, từ bỏ đời sống tội lỗi, xuất gia tầm cầu giải thoát mọi ách phược. Ngài biết rõ đây kiếp chót, không còn tái sanh nữa.

Mặc dầu đã giác ngộ hoàn toàn, đứng trong hàng ngũ cao thượng của bậc thánh, nhưng do năng lực ác nghiệp, nên những khi đi khất thực, những cục đá, những khúc cây, những mảnh sành người ta ném đi đâu đó lại rơi trúng nơi đầu, nơi mặt hoặc thân hình của ngài. Lại còn những người mất thân nhân, quyến thuộc thuở trước, được kẻ mách bảo, nhận diện được ngài; họ đã ra tay nhiếc mắng, đánh đập bằng đủ vũ khí gì có sẵn nơi tay! Có đôi khi trở về hầu thăm đức Phật, đại đức Aṅgulimāla ở trong tình trạng đầu bị chảy máu, y rách, bát bể... trông rất đáng thương tâm!

Đức Thế Tôn khuyên dạy rằng:

- Này Aṅgulimāla! Con hãy cố nhẫn nại! Thay vì chịu quả khổ lâu dài ở địa ngục thì nay con chỉ chịu quả sơ sơ ở hiện tại này thôi!

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử hoan hỷ tín thọ lời dạy bảo này, ở tất cả mọi trường hợp, lúc bị đánh đập bằng tay hay bằng đá gậy, tâm con đều an tịnh!

Đại đức Aṅgulimāla thanh thản ôm bát trở lại trú xứ của mình, nhập thánh quả định, thọ hưởng hạnh phúc an lạc giải thoát. Xả định, ngài cảm ứng thuyết bài kệ này:

"- Người nào, trước kia
Thất niệm quên mình
Làm điều tội lỗi
Về sau tinh cần
Kiên trì, chánh niệm
Thấy rõ xấu ác
Người ấy làm cho
Thân tâm xán lạn
Tựa như vầng trăng
Thoát khỏi mây che!
Người nào chứng đắc
Vô lậu thánh đạo
Sẽ ngăn ác nghiệp
Đã làm, đã tạo
Người ấy làm cho
Thân tâm xán lạn
Tựa như vầng trăng
Thoát khỏi mây che!
Vị tỳ-khưu nào
Dẫu còn trẻ trung
Tinh cần thực hành
Theo giới, định, tuệ
Người ấy làm cho
Thân tâm xán lạn
Tựa như vầng trăng
Thoát khỏi mây che!"

Tiếp theo, đại đức lại rải tâm từ đến cho những người mà ngài đã lỡ gây oan trái:

"- Này hỡi tất cả
Người thù của tôi
Lắng nghe chánh pháp
Được thuyết từ Phật
Xin hãy gần gũi

Những bậc thiện trí
Người đã chứng ngộ
Các pháp siêu thế
Xin hãy thực hành
Giáo huấn của Phật
Xin hãy lắng nghe
Pháp bậc thiện trí
Là đức nhẫn nại
Là đức từ tâm
Xin hãy thực hành
Y theo chánh pháp
Đừng làm khổ mình
Làm khổ kẻ khác
Niết-bàn tối thượng
Lợi lạc hữu tình
Hãy nên thương yêu
Tất cả chúng sanh
Như mẹ thương yêu
Con một của mình!"

Ngoài ra, tùy lúc tùy khi, đại đức nói kệ chỉ dẫn cách tu hành cho người khác; và pháp mà ngài hằng tán dương, ca tụng chính là pháp chánh niệm, tức là pháp không dể duôi, không thất niệm, không quên mình!

Đời sống của đại đức từ lúc ấy cho đến cuối đời quả là thanh cao, trong sáng, đúng y như lời kệ mà ngài thường hay nhắc tới:

"- Người ấy làm cho
Thân tâm xán lạn
Tựa như vầng trăng
Thoát khỏi mây che!"

"Cái Một"

Được biết rằng nàng là một cô gái xinh đẹp tuyệt trần, con của một thương nhân giàu có ở kinh thành Vương Xá, được học hành chu đáo nhưng phải lòng một tên cướp đang bị dẫn ra xử trảm ở pháp trường. Nàng tên là Bhaddā và tướng cướp tên là Sattuka[1].

Vì thương con, cha mẹ nàng phải hối lộ một ngàn đồng tiền vàng để nhờ người ta đánh tráo tên cướp, mang về nhà và sắp đặt một cuộc hôn nhân. Tiểu thư Bhaddā và chàng trai Sattuka bắt đầu sống chung với nhau trong cảnh vinh hoa phú quý. Chẳng được bao lâu, Sattuka khởi lên ác tâm, muốn giết nàng để lấy đi tất cả đồ nữ trang quý giá. Hắn lập mưu nói là muốn làm một cuộc lễ tạ ơn đến vị thần bổn mạng hộ trì, đấy là "ngọn núi thiêng của những tên cướp"[2] Hôm kia, sau khi sắm sửa lễ vật trọng thể, hắn dẫn nàng lên núi cao. Tại đây, Sattuka lột tất cả đồ trang sức của Bhaddā rồi định giết nàng. Hắn đã nói thật dã tâm của hắn. Chán nản

[1] Chú giải Trưởng lão Ni kệ nói rằng, Sattuka vốn là con trai của quan thừa tướng đương triều, kinh thành Vương Xá, mang tật trộm cắp từ nhỏ, chịu không nổi, người cha đành phải đuổi đi.
[2] Dhp-a II 219 nói chỗ ấy có tên Coro-papāta (Vực thẳm trộm cướp).

người chồng ác đức, tương kế tựu kế, nàng giả vờ đưa mắt đắm đuối nói:

- Tôi yêu chàng lắm, chàng biết không?

- Ta biết!

- Chàng bảo chết thì thiếp sẽ chết. Nhưng xin chàng cho thiếp một đặc ân là được ôm hôn chàng lần cuối cùng!

- Được rồi! Nhanh lên!

Thế rồi, Bhadda ôm hôn Sattuka trước mặt, ôm hôn sau lưng rồi bất ngờ, nàng đẩy tên cướp xuống vực sâu tan xác.

Chư thiên, thọ thần trên núi thấy tên tướng cướp táng tận lương tâm, lại thấy trí thông minh đối trị kẻ ác một cách nhanh nhạy của nàng, họ thốt lời ca ngợi rằng:

"- Đừng có nghĩ rằng
Đàn ông khôn ngoan!
Phụ nữ thế gian
Khôn ngoan đâu kém!
Nơi này, nơi khác
Phụ nữ thế gian
Thông minh, lanh lợi
Đừng có nghĩ rằng
Đàn ông trí mưu
Hơn hàng phụ nữ
Biết rõ lợi, hại
Suy tính thiệt hơn
Phụ nữ hành động
Nhanh như sấm giật!"[1]

Đã thấm thía tình duyên phản trắc, tiểu thư Bhaddā quăng đồ nữ trang xuống vực, xé rách y phục sang trọng, khoác một mảnh vải tìm đến một nhóm nữ đạo sĩ khổ hạnh thuộc phái Niganṭha.

[1] Thoát ý từ câu kệ Pāḷi: "Na hi sabbesu ṭhānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi paṇḍitā hoti tattha tattha vicakkhaṇā" "Na hi sabbesu ṭhānesu puriso hoti paṇḍito, itthīpi hoti lahuṃ atthavicintakā!"

Các nữ đạo sĩ hỏi nàng:

- Cô muốn xuất gia khổ hạnh bậc gì?

- Thưa, bậc thượng!

Thế là thay vì cạo tóc bằng những bẹ nứa, người ta nhổ từng sợi tóc cho nàng, máu chảy thành dòng. Các nữ đạo sĩ lấy bùn đất dơ uế trát lên y áo của nàng, trao cho một cái bát bằng đất rồi dạy giáo pháp, tu tập, thiền định... Không bao lâu sau, cô gái bây giờ là nữ đạo sĩ đã chứng tỏ sự thông minh kỳ đặc, một ý chí sắt thép, một đầu óc siêu việt, một lý trí sắc bén nên sớm được đồng đạo nể phục. Người ta muốn nàng lên đường để xiển dương giáo pháp, đem chuông trống đi đánh xứ người. Từ đấy, nữ đạo sĩ sống đời ta-bà vô trú, không bao lâu đã nổi tiếng khắp nơi về tài hùng biện. Vì tóc của Bhaddā sau khi bị nhổ, mọc lên lại thì nó xoăn tít nên mọi người thường gọi nàng là Kuṇḍalakesā[1], nữ đạo sĩ "tóc quăn".

Thế rồi, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ thành phố này sang thị trấn nọ, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā lang thang không có trụ xứ, sống đời ta-bà khổ hạnh, người ta lại gọi nàng bằng một cái tên khác nữa là Jambuparibbājikā (hành giả châu Diêm-phù-đề)[2]. Có điều đặc biệt là nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đã trổ tài vô địch trong những cuộc tranh luận về các môn triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà; giương cao ngọn cờ minh triết cho một môn phái khổ hạnh, chủ trương diệt dục bằng lối sống khắc kỷ. Đến ở đâu, nữ đạo sĩ cũng cắm lên đấy một nhành liễu xanh. Nhưng rồi, đến một lúc nào đó, nhành liễu này khô đi lại được thay bằng một nhành liễu mới, chẳng có ai dám nhổ nhành liễu để tranh luận với nàng nữa!

---

[1] Theo Dictionary of Pāḷi Proper Names hoặc Dhp-a II, 225.

[2] Theo Dhp-a II, 223.

Hôm nọ, bước chân ta-bà ấy đến kinh thành Sāvatthi (Xá Vệ), nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cắm một nhành liễu ngay trước cổng thành. Một số trẻ em tò mò vây quanh...

Tôn giả Sāriputta, sau khi đi khất thực, trên đường trở về tịnh xá, thấy đám trẻ và nhành liễu, ngài dừng chân:

- Của ai đấy, các con?

- Của nữ đạo sĩ tóc quăn, thưa trưởng lão.

- Nữ đạo sĩ à?

- Dạ phải, nữ đạo sĩ tuy ăn mặc xấu xí, tóc quăn, nhưng đẹp lắm.

Tôn giả nói:

- Vậy thì các con hãy nhổ nhành liễu ấy và cắm ngược trở xuống!

- Chúng con sợ!

- Không sao, có ta đây! Khi nữ đạo sĩ hỏi, các con bảo là đệ tử của đức Thế Tôn đấy!

Đám trẻ reo hò, chúng đến, không phải là cắm xuống hay nhổ đi mà là dẫm đạp lên nhành liễu, đá tung bụi, bẻ vụn nhành liễu, và quăng vất tơi tả đó đây.

Nữ đạo sĩ tóc quăn đi khất thực trở về thấy vậy bèn quát:

- Ai cả gan như thế?

- Không phải là chúng con mà là vị trưởng lão cao quý của chúng con, ngài đang đứng kia kìa!

Quay nhìn trưởng lão, nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā thấy một sa-môn tướng mạo đoan nghiêm, thần sắc thanh thoát và trầm tĩnh. Chợt dưng nàng cảm nghe hơi chột dạ. Nàng chưa biết ai, thấy ai lại toát ra được cái tự chủ và tự tin như thế.

- Có phải ông là đệ tử của sa-môn Gotama đấy không?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông chấp nhận một cuộc tranh luận không khoan nhượng chứ?

- Vâng, thưa nữ đạo sĩ!

- Ông có biết rằng chấp nhận tranh luận như thế là một sự mạo hiểm? Ông mà thất bại thì danh dự, tiếng tăm của ông và cả sa-môn Gotama sẽ biến thành mây khói?

- Tôi biết rõ, thưa nữ đạo sĩ!

Nhìn xung quanh, nữ đạo sĩ nói với mọi người:

- Vậy thì chiều nay, tại trú xứ Jetavanārāma của ông sa-môn Gotama, sẽ có một cuộc tranh luận về giáo pháp. Thành phố này, ai là người có tai, có óc thì hãy đến đấy mà nghe!

Tôn giả Sāriputta khiêm tốn:

- Đúng vậy, chiều nay, tại cổng tịnh xá Jetavanārāma (Jetavanārāma), kẻ ngu hèn này xin được hầu đáp nữ đạo sĩ, một biện sĩ lỗi lạc!

Không mấy chốc, câu chuyện đồn đãi khắp cả thành Sāvatthi (Xá Vệ). Buổi chiều, người ta vây quanh khu đất trống trước cổng tịnh xá Jetavanārāma. Không những là dân chúng, cư sĩ các tôn giáo mà còn có bóng dáng hàng trăm đạo sĩ của nhiều giáo phái, hàng trăm vị tỳ-khưu đồng tham dự nữa.

Người ta bàn tán với nhau:

- Trên đời này, có ai tranh luận hơn vị trưởng lão đệ nhất của giáo hội đức Tôn Sư?

- Thật là một con đom đóm tí tẹo lại muốn khoe ánh sáng với mặt trời!

- Biết đâu có một kỳ nhân, dị sĩ xuất hiện?

- Eo ôi! Đúng là đem trống đánh trước cửa nhà sấm!

Đám đông chợt yên lặng khi nữ đạo sĩ tóc quăn xuất hiện. Mặc dầu y áo xộc xệch, vấy bẩn bùn đất nhưng cũng không che giấu được vẻ đẹp tuyệt trần của nàng.

Trong lúc ấy, tôn giả Sāriputta đang trình bày với đức Phật, việc nữ đạo sĩ tóc quăn đang muốn tranh luận, khiêu khích ở bên ngoài cổng Jetavanārāma tịnh xá, muốn xin sự chỉ giáo của ngài.

Đức Phật nói:

- Cô ta chính là đệ tứ công chúa Bhikkhudāyikā thời đức Phật Kassapa , ông có hướng tâm đến không?

- Vâng, có ạ!

- Ông có duyên với cô ta, hãy đưa cô ta vào dòng!

- Vâng, bạch đức Tôn Sư !

Đức Phật nói tiếp:

- Vậy thì ông đã biết rõ, trong bảy cô công chúa có duyên căn sâu dày thuở ấy, hiện tại đã có mặt tỳ-khưu-ni Khemā, tỳ-khưu-ni Uppavaṇṇā, tỳ-khưu-ni Dhammadinnā, đại thí chủ Visākhā, và cô này là Bhaddā-Kuṇḍalakesā; một thời gian ngắn tới đây sẽ xuất hiện Paṭācārā và Kisā-Gotamī nữa là đủ. Ông hãy đi làm công việc của mình đi, con trai!

- Tâu, vâng, bạch đức Tôn Sư !

Sau đó, tôn giả Sāriputta trang nghiêm, từ tốn từ trong tịnh xá bước ra.

Mọi người hồi hộp, yên lặng.

Nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā cất tiếng hỏi:

- Ngài lấy tư cách cá nhân mà tranh luận hay lấy tư cách giáo hội ông sa-môn Gotama mà tranh luận?

- Là cá nhân, thưa nữ đạo sĩ! Tư cách giáo hội thuộc về đức Tôn Sư. Không ai ở trên đời này có thể đại diện một đức Chánh Đẳng Giác, thưa nữ đạo sĩ!

- Thế cũng được. Bây giờ cho tôi được hỏi đây. Ông sa-môn cần những câu hỏi có giới hạn hay không có giới hạn?

Tôn giả Sāriputta xót thương cho sự cống cao, ngã mạn của nàng nên nói:

- Đối với tôi thì không thành vấn đề. Nhưng đối với nữ đạo sĩ thì nên đặt những câu hỏi sở trường nhất của nàng, có lợi nhất cho nàng!

- Tại sao?

- Như vậy sẽ giúp ích cho nữ đạo sĩ hơn. Vì tất cả mọi triết học, tư tưởng trong và ngoài truyền thống Vệ Đà tôi

đều biết rõ, thấy rõ; nhưng về giáo pháp của đức Tôn Sư, nữ đạo sĩ không hề hay biết, dầu là một tí chút ở ngoài da!

Đám đông cười ồ! Chỉ mới câu nói đầu tiên của trưởng lão, dường như đã minh định được sự hơn thua của cuộc tranh luận.

Nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā thấy mình bị xem thường nên tức giận quát gắt:

- Thôi đừng nhiều lời, ông sa-môn, hãy nghe ta hỏi đây!

Tôn giả ân cần nhắc nhở:

- Đừng nôn nóng, hãy bình tĩnh! Hãy đặt những câu hỏi nào mà nữ đạo sĩ cảm thấy là hóc búa nhất về Vệ Đà và không Vệ Đà, cả về thiên văn, địa lý, đạo đức, thuật số, luận lý, ngôn ngữ... thế học, đạo học... hoặc về tất cả những gì mà đầu óc uyên bác của nữ đạo sĩ đã học hỏi được, đã do tư duy và trí năng thâu lượm có vẻ tâm đắc nhất!

Kinh sách không ghi lại nội dung chi tiết của cuộc tranh luận lý thú này, chỉ nói là nữ đạo sĩ đã cật vấn tôn giả Sāriputta một ngàn câu hỏi. Và không biết thời gian trải qua mấy ngày. Thật là kinh khiếp! Từng câu hỏi một, vị đệ nhất đại đệ tử như một nhà thông thái đã giải thích, phân tích, đi từ ngoài vào trong, đi từ trong ra ngoài; không những trả lời rất đầy đủ những câu hỏi của nàng mà còn làm cho nàng thấy rõ kiến thức nông cạn, hời hợt của mình nữa.

Nữ đạo sĩ say mê lắng nghe. Tất cả những ngạo khí thảy đều tiêu tan. Mọi sự khôn ngoan, sắc bén của nàng đều thui chột. Mọi kiến thức uyên bác của nàng rõ là trò trẻ con đối với tôn giả.

Cuối cùng, tôn giả hỏi:

- Còn câu hỏi nào nữa không, thưa nữ đạo sĩ?

Nữ đạo sĩ im lặng.

Tôn giả cất lời dịu dàng:

- Một ngàn câu hỏi nữ đạo sĩ đã hỏi và tôi đã đáp; vậy bây giờ tôi hỏi nàng nhé, một câu duy nhất thôi!

- Vâng, thưa trưởng lão.

- Thưa nữ đạo sĩ! Nữ đạo sĩ hỏi huyên thuyên trên trời dưới đất. Bây giờ là câu hỏi của tôi: Gì là "Một"? Nói đi, nữ đạo sĩ! "Một" là gì nào?

Câu hỏi của tôn giả thật là lạ lùng không ai ngờ được. Đại chúng sau một hồi lặng ngắt, chợt cười reo, thú vị. Nữ đạo sĩ bàng hoàng. Thời gian trôi qua. Nữ đạo sĩ toát mồ hôi! Mà tượng đá cũng toát mồ hôi!

Tôn giả Sāriputta chậm rãi thả từng tiếng một:

- "Một" mà nữ đạo sĩ cũng không biết thì đòi biết cái gì? Thế mà nữ đạo sĩ đòi biết trên trời dưới đất, đòi học hiểu tất cả tư tưởng, triết học trên đời này? Giả dụ như bây giờ tôi hỏi dễ hiểu hơn về "Cái Một" ấy? "Cái Một" gì, chỉ "Một Pháp"[1] thôi, mà tất thảy chúng sanh đều cần đến nó, nếu không có nó thì không thể tồn tại sinh mệnh?

Thời gian trôi qua...

- Tôi cũng chịu, tôi không trả lời được.

- Thế bây giờ tôi hỏi một "Cái Một" khác nữa, dễ dàng hơn nhiều! Đấy là "Cái Một" tối thượng, "Cái Một"[2] như là thực thể cuối cùng, hay là "Một Pháp" cuối cùng, tuyệt đối, "Cái Một" ấy là gì nào, thưa nữ đạo sĩ?

- Tôi cũng chịu luôn.

- Thế tôi có thể nói rõ hơn một chút, là "Cái Một" này nó sẽ chấm dứt tất thảy đau khổ và phiền não!

- Tôi chịu thua. Tôi hoàn toàn chịu thua rồi!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Cảm ơn nữ đạo sĩ đã trả lời rất thành thật. Biết nói biết, không biết nói không biết, đấy chính là tư cách của một trí nhân, thật sự là một trí giả trên đời này. Tôi rất kính trọng và

---

[1] Một pháp là vật thực. Tất cả chúng sanh trong ba cõi sáu đường đều tồn tại nhờ vật thực. Giải thích thêm: Vật thực cõi dục giới là vật chất, thô hay tế. Vật thực cõi sắc giới, vô sắc giới là hỷ, lạc, xả, nhất tâm.

[2] Là Nibbāna.

ngưỡng mộ. Tuy nhiên, nếu nữ đạo sĩ từ bỏ giáo pháp ấy, cái giáo pháp rỗng không và phù phiếm của nàng, xuất gia dưới chân của đức Tôn Sư, rồi nàng sẽ biết cái "Một" ấy là gì.

Nghe vị sa-môn kia coi mình như trí nhân, như trí giả nữ đạo sĩ cảm nghe rất mát ruột, và cũng biết ông ta nhận xét đúng người, những vì bản tính cao ngạo cố hữu, bắt cô chưa chịu khuất phục ngay, cái tính cứng đầu chưa mềm dịu lại được. Cô nói:

- Nhưng tôi chỉ muốn biết cái "Một" ấy là gì ngay từ bây giờ thôi?

- Hãy trở thành một vị tỳ-khưu-ni, hãy học hỏi giáo pháp Thoát khổ; hãy tu tập, hành trì giáo pháp Thoát khổ, sau đó, nữ đạo sĩ sẽ tự trả lời cho mình về "Cái Một" ấy.

- Vậy hãy cho tôi gia nhập Ni chúng!

Thế là cuộc tranh luận chấm dứt. Khi được biết rằng người luận thắng nàng là đại đệ tử của đức Phật, bậc tướng quân Chánh Pháp, vị thượng thủ của giáo hội, nữ đạo sĩ không còn thấy xấu hổ nữa. Sau đó, tôn giả Sāriputta gởi nữ đạo sĩ Kuṇḍalakesā đến đức Phật[1]. Thấy duyên cơ sâu dày, lợi căn, lợi tuệ của nữ đạo sĩ, đức Phật chỉ thuyết tóm tắt nhưng cốt lõi về uẩn, về xứ, về giới, về bất tịnh, về vô thường, về dukkha, về vô ngã[2].

Nữ đạo sĩ đắc pháp nhãn, nàng quỳ gối đi đến gần đức Phật hai tay chắp lên đỉnh đầu vô cùng tôn kính để xin được xuất gia.

Đức Phật chỉ nói đơn giản:

"- Này Bhaddā! Hãy đến đây!" (Ehi Bhadde!)[3]

---

[1] Theo Dhp-a II,225 thì tôn giả Sāriputta gởi nàng đến xuất gia tại Ni viện.

[2] Kệ Pāḷi: "So me dhammamadesesi khandhāyatanadhātuyo, asubhānicca dukhāti anatā'ti nāyako".

[3] Đức Phật chỉ gọi tên cũ của nàng là Bhaddā; nhưng bhaddā cũng có nghĩa là một cô gái hiền lành, hạnh kiểm tốt - nên đôi nơi dịch là: " Này cô gái hiền thục, hãy đến đây!" cũng được. Tuy nhiên, xin lưu ý cho: "Ehi Bhadde" hoàn

Thế là nữ đạo sĩ đã trở thành tỳ-khưu-ni, bây giờ với tên gọi đầy đủ là Bhaddā-Kuṇḍalakesā, sau đó nàng về sống ở ni viện.

Cũng ngay trong ngày hôm ấy thôi, trong lúc rửa chân, nàng thấy nước tan chảy rồi thấm dần trong đất, tư duy chơn chánh phát sanh: "Rồi ra các 'hành' cũng tương tự như thế!" Tìm một chỗ yên vắng, nàng minh sát nội tâm, thấy rõ các uẩn sinh diệt ra sao, vô thường, vô ngã ra sao; và nàng đã nhanh nhạy đắc quả A-la-hán cùng với các thắng trí.

Trong không gian tịch mịch, vắng lặng cả nội tâm và ngoại cảnh, đêm ấy, tỳ-khưu-ni Bhadda-Kuṇḍalakesā soi chiếu lại từng cuộc đời, từng mảnh đời, từng cảnh giới, những hoan lạc, những đau thương, những nụ cười, những nước mắt... Trong mù sương chập chờn, bóng dáng nàng hiện ra, nửa có nửa không, kiếp thú, kiếp người, công chúa, hoàng hậu, nông dân, kẻ nô lệ đói nghèo, kiếp ngạ quỷ, kiếp thọ thần, kiếp chư thiên, phạm thiên... chúng lật ra rõ ràng trước mắt như những lượn sóng nhấp nhô vô tận giữa đại dương sinh tử.

"- Ôi! Đã từ xa xăm hằng trăm kiếp quả địa cầu, hóa ra ta là một cô gái thật xinh đẹp, là tiểu thư của một thương gia đại phú, tỏa sáng xung quanh đủ loại châu báu hiếm có trên đời. Duyên may làm sao ta lại có đức tin, và ta đã quỳ dưới chân, phủ phục dưới chân và nương tựa đời mình nơi đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara!

Hôm nọ, đức Đại Hùng tuyên dương một tỳ-khưu-ni xinh đẹp, tên là Subhā; và ngài bảo vị ấy là tối thắng trong tất cả Ni chúng có "thắng trí nhạy bén" (khippābhiññā) nhất!

Hoan hỷ vô cùng mà cũng ngưỡng mộ công hạnh của vị tỳ-khưu-ni ấy vô cùng; ta lại đặt bát lớn, cúng dường lớn cả

---

toàn khác với "Ehi Bhikkhunī, Ehi Bhikkhave!" chỉ để dành cho các vị trưởng lão!

tứ sự nữa, sau đó, ta đã phát nguyện thành lời, mong sau này tu tập để có được thành quả mỹ mãn như vị tỳ-khưu-ni Subhā kia vậy!

Đức Oai Âm mỉm cười như một vầng trăng sáng dịu, tiếng nói của ngài như rót nước ngọt của cõi trời vào tai của ta vậy:

"- Này cô gái hiền lành! Ước nguyện ấy rồi sẽ được tựu thành do công đức phước quả mà con đã cúng dường Tam Bảo với tâm tịnh tín trong sạch và sáng ngời như maṇi châu. Như Lai đọc được như thế. Rồi con sẽ được hạnh phúc, an lạc trong nhiều kiếp sống, và cuối cùng sẽ viên mãn niềm vui siêu thế Niết-bàn".

Nghỉ hơi nhắm mắt một lát rồi đức Tôn Sư lại mở mắt ra, nói tiếp:

"- Một trăm đại kiếp về sau, thời gian không dài lắm mà cũng không ngắn lắm, sẽ có một đức Chánh Đẳng Giác ra đời, vị ấy thuộc dòng dõi đức vua Okkāka, tộc Sākya, họ Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian. Và rồi con sẽ trở thành một nữ Thanh Văn, sẽ được tuyên dương là 'đệ nhất về thắng trí sắc bén' trong giáo pháp của đức Đạo Sư ấy!"

Đúng như đức Đại Giác tuyên bố. Sau kiếp sống ấy, ta không còn rơi vào bốn khổ cảnh mà cũng không còn rơi vào cõi người tầm thường hay đói khổ nữa. Các cảnh giới chư thiên, ta thường được làm hoàng hậu của vị thiên vương ở đấy. Nó kế tiếp nhau. Ban đầu, ta hóa sanh lên cõi trời Đao Lợi, sau đó là Đẩu Suất, rồi Dạ Ma, rồi Hóa Lạc Thiên, rồi Tha Hóa Tự Tại. Khi sinh xuống cõi người thì ta thường được làm hoàng hậu của các vị quốc vương danh vọng lớn và quyền lực lớn.

Nhờ nhân duyên gieo trồng nhiều phước báu, ta lại gặp được đức Chánh Đẳng Giác khác nữa, đó là đức Thế Tôn Kassapa! Thuở ấy ta lại là một vị công chúa con đức vua Kikī, kinh thành Bārāṇasī, quốc độ Kāsi; và phụ vương ta lại

là đại thí chủ của đức Phật cùng tỳ-khưu tăng ni đại chúng mấy chục ngàn vị.

Ồ! Thật là lạ lùng! Dầu là bèo dạt hoa trôi trong những dòng sông sinh tử các cõi, nhưng rồi cũng có nhân duyên hội ngộ một cách rất lạ lùng, kỳ diệu. Ta muốn nhắc đến những chị em của ta. Số là ta có bảy chị em. Tuần tự từ công chúa trưởng đến công chúa út là Samanī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāyikā, Dhammā, Sudhammā và Saṅghadāyikā. Trong đó ta là thứ tư, tên là Bhikkhudāyikā! Phụ vương ta là một đệ tử thuần thành của Tam Bảo nên đặt tên cho chị em ta thật là "kỳ cục" mà cũng thật huyền diệu. Tại sao vậy? Con gái sao lại không lấy sen, lấy sāla, lấy lài, lấy chiên đàn, lấy sắc, lấy hương hoặc lấy những đức tính dịu hiền của nữ tính mà đặt tên? Ngẫm ngữ nghĩa mà xem. Tuần tự tên gọi từ đầu đến cuối, có nghĩa là: Nữ sa-môn, Gìn giữ sa-môn (hạnh), Tỳ-khưu-ni, Nữ thí chủ (của) tỳ-khưu, Pháp, Thiện pháp và cuối cùng là Nữ thí chủ (của) Tăng-già!

Điều lạ lùng khác nữa là cả bảy chị em ta đều có đức tin vững chắc, đều nung nóng ý chí thiêng liêng muốn sống đời phạm hạnh; nhưng xin xuất gia thì phụ vương ta không cho, cương quyết không cho. Có lẽ phụ vương không có một mụn hoàng tử nào!? Có lẽ tên những người con gái là đã đầy đủ sa-môn, nữ sa-môn, giữ gìn hạnh sa-môn, nữ thí chủ, pháp, thiện pháp, hộ độ tăng-già ở trong cung điện rồi chăng!? Không sống đời xuất gia phạm hạnh được thì chị em chúng ta cũng cương quyết sống đời phạm hạnh tại gia, suốt đời thọ trì bát quan trai giới, bố thí, cúng dường, nghe pháp, học pháp và tu tập. Như vậy là suốt hai ngàn năm, chị em chúng ta đã sống độc thân, chỉ biết có việc kiến thiết, xây dựng cốc liêu cùng hộ độ đức Phật và tăng chúng mà thôi!

Sau kiếp sống ấy, cả bảy chị em chúng ta đều hóa sanh lên cõi trời Tusita[1]. Hưởng hết phước báu của cõi trời, chị em chúng ta sinh xuống châu Diêm-phù-đề và thai sinh rải rác trong các quốc độ, hiện đều đang có mặt ở đây. Và dường như ai cũng tương đối mỹ toàn về sắc đẹp nhưng phước báu vật chất thì có khác nhau do biệt nghiệp của từng người. Hiện tại, kẻ trước người sau đều thành tựu viên mãn ước nguyện xưa cũ cả. Rồi ai cũng được trả lại phẩm vị đúng như hạnh nguyện của mình.

Xem nào! Đệ nhất công chúa Samanī (Nữ sa-môn) thuở xưa, bây giờ đã là nữ Thinh Văn Khemā, đệ nhất trí tuệ trong hàng ni chúng. Đệ nhị công chúa Samaṇaguttā (Gìn giữ sa-môn hạnh) thuở xưa, bây giờ đã là nữ Thinh Văn Uppavaṇṇā, đệ nhất thần thông trong hàng Ni chúng. Đệ tam công chúa Bhikkhunī (Tỳ-khưu-ni) thuở xưa, rồi sẽ trở thành nữ Thinh Văn Paṭācārā đệ nhất về trì luật. Đệ tứ công chúa Bhikkhudāyikā (Nữ thí chủ của tỳ-khưu) thuở xưa, bây giờ là ta đây, là nữ Thinh Văn Bhaddā-Kuṇḍalakesā, đệ nhất về thắng trí nhạy bén. Đệ ngũ công chúa Dhammā (Pháp) thuở xưa, rồi sẽ trở thành nữ Thinh Văn Kisā-Gotamī, đệ nhất về hạnh mặc y thô tháo. Đệ lục công chúa Sudhammā (Thiện pháp) thuở xưa, kiếp này đã là nữ Thinh Văn Dhammadinnā, đệ nhất về thuyết pháp. Đệ thất công chúa Saṅghadāyikā (Nữ thí chủ của tăng-già) thuở xưa, đời này đã trở thành vị đại thí chủ Visākhā đúng y chang là vậy!

Ôi! Nhiệm mầu thay là sự sắp đặt của nhân, duyên, quả và báo; và cũng nhiệm mầu thay khi bụi bặm phiền não không còn nữa! Khung trời giải thoát thật là xa rộng không thấy mé bờ!"

---

[1] Cung trời Đẩu Suất là theo chú giải, còn trong Trưởng lão Ni kệ thì bảo là cung trời Đao Lợi.

Sáng ngày hôm sau, tỳ-khưu-ni Bhaddā-Kuṇḍalakesā tìm đến đảnh lễ đức Phật với một cảm xúc siêu thoát, như là một người con gái tri ân vị cha lành siêu thế.

Đức Thế Tôn biết chuyện gì xảy ra nên ngài mỉm nụ cười của pháp rồi đọc lên một bài kệ dị giản chỉ để mọi người nhắm đến cái thực mà tu tập:

"- Dẫu cho ngôn ngữ trăm ngàn
Nói lời vô ích chỉ bàn suông thôi
Tốt hơn, ít chữ, ít lời
Nghe xong tịnh lạc, sống đời vô ưu!"[1]

Tỳ-khưu-ni Bhaddā-Kuṇḍalakesā không biết nói gì, chỉ xác nhận một sự thật mà đức Phật đã giáo giới:

- Đệ tử cảm nghiệm rất rõ về điều đó, bạch đức Thế Tôn! Đệ tử đã được sinh ra trong giáo pháp vô tỷ!

Và khi đến đảnh lễ dưới chân tôn giả Sāriputta thì nàng xiết bao cảm kích, nói rằng:

- Nếu hôm ấy, đệ tử biết được trên đời có một giáo hội minh triết với những con người minh triết như thế này thì đệ tử sẽ không dám đặt ra một câu hỏi nào cả!

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Này Bhadda-Kuṇḍalakesā! "Cái một bất tử" ấy là gì nào?

Vị tân thánh ni lặng lẽ mỉm cười.

Tôn giả lại hỏi vui:

- Nó trụ chăng?
- Thưa, không phải!
- Nó trôi chăng?
- Thưa, không phải!
- Nó vừa trụ vừa trôi chăng?
- Thưa, không phải!

---

[1] Pháp cú 100: "Sahassaṃ api ce vācā anatthapadasaṃhitā; ekaṃ gāthāpadaṃ seyyo yaṃ sutvā upasammati".

- Nó không trụ, không trôi chăng?

- Thưa, không phải! Bốn phạm trù tứ cú ấy đều chẳng nhằm!

- Cảm ơn Bhadda-Kuṇḍalakesā! Cô chắc chắn sẽ trở thành là một bậc thiện thuyết trong ni chúng!

Và đúng là như vậy! Không những thắng trí sắc bén mà còn ngôn ngữ biện tài, tỳ-khưu-ni Bhaddā-Kuṇḍalakesā đã làm cho Ni giới nổi tiếng, sáng rỡ trong suốt năm mươi năm tại thế, khi gót chân của nàng lang thang từ Aṅga, qua Māgadha, Vajjī, Kāsi và Kosala... để giáo hóa quần sanh...

Nam Hóa Nữ,
Nữ Hóa Nam

Hôm ấy, tôn giả Mahā Kaccayāna y áo lấm đầy bụi đường từ phương bắc xa xôi về Jetavanārāma tịnh xá đảnh lễ đức Phật, dẫn theo một vị tỳ-khưu tên là Soreyya. Vị tỳ-khưu này trước đây là một cậu công tử, do có ý nghĩ tà vạy xúc phạm tôn giả Mahā Kaccayāna nên bị hóa nữ. Cậu đã có gia đình cùng hai đứa con trai; nhưng sau khi hóa nữ, lấy chồng mới, lại sinh được hai đứa con trai nữa. Cuối cùng, nhờ sám hối bên chân tôn giả Mahā Kaccayāna, cô gái được hoàn thân nam trở lại. Cảm nghiệm thấm thía cuộc đời éo le, khổ đau, vô minh, điên đảo, ông từ bỏ tất cả rồi xin xuất gia bên chân tôn giả Mahā Kaccayāna.

Câu chuyện thật là hy hữu, thật là ly kỳ, chỉ riêng đức Phật và chư trưởng lão có thắng trí thì biết rõ nhân, duyên và quả của nó; còn chư phàm tăng và cận sự nam nữ thì bàn tán xôn xao. Đức Phật biết rõ hôm nay có nhân vật chính là tỳ-khưu Soreyya và người làm chứng uy tín trong cuộc là tôn giả Mahā Kaccayāna nên ngài kể lại tuần tự câu chuyện.

Và sau đó đã được kinh sách thuật lại.

"- Tại thị trấn Soreyya[1], nằm về phía bắc kinh thành Sāvatthi, là nơi mà tôn giả Mahā Kaccayāna thường chọn làm trú xứ vì ở đây có những khu rừng cây cao bóng cả, yên tĩnh, trong lành, khả ái, rất thích hợp cho đời sống độc cư. Thuở ấy, tôn giả tuy tuổi đã trung niên nhưng trông vẫn còn 'phong độ trẻ trung' vì nước da vàng sáng và tướng mạo, dung sắc hơn người.

Vào mỗi buổi sáng, tôn giả Mahā Kaccayāna khoác đại y, mang bát từ ngoại ô vào thị trấn Soreyya để khất thực. Dung sắc tuấn tú như tỏa hào quang của ngài làm cho ai cũng phải trầm trồ, quay đầu nhìn ngắm. Trong đó, đặc biệt có một người, đấy là cậu công tử con nhà triệu phú trong thị trấn, mà mọi người ai cũng gọi là 'con trai của triệu phú Soreyya'[2], đã lập gia đình, hiện có một bà vợ xinh đẹp và hai cậu con trai xinh xắn. Do duyên buổi sớm hôm ấy, công tử Soreyya cùng một người bạn thân, ngồi chung một cỗ xe nhỏ, theo sau có rất đông thuộc hạ, gia nhân, dự định ra tắm ở một con sông ở ngoại thành. Trên đường, bất chợt công tử Soreyya trông thấy tôn giả Mahā Kaccayāna, cậu ta nhìn sững! Ôi! Người đâu mà đẹp lạ kỳ! Rồi một ý nghĩ tức khắc khởi sanh: 'Chà, phải chi vị sa-môn này là vợ của mình nhỉ? Nếu không như thế thì ước chi bà vợ ở nhà của mình có được mỹ tướng và nước da vàng sáng như vị sa-môn này nhỉ?' Đi liền sau ý nghĩ ấy, công tử Soreyya cảm nghe có sự thay đổi khác lạ, một sự chuyển hóa rần rần bên trong cơ thể, rất tế nhị không dám nói với ai! Nói rõ là công tử Soreyya đã biến thành 'tiểu thư' Soreyya chỉ sau một niệm phạm thượng, bất kính với vị thánh Tăng. Hổ thẹn quá không biết giấu mặt vào đâu, lợi dụng khi mọi người đang nhìn ngắm đó đây, cũng vừa khi cỗ xe đang ngừng lại vì một

[1] Nằm ở khoảng giữa Sāvatthi và Takkasilā (theo DhA.i.326).
[2] Seṭṭhiputta of Soreyya.

chướng ngại trên đường, 'tiểu thư' Soreyya nghiêng người che vùng ngực rồi nhanh chân lẻn trốn vào đám đông, không cho ai hay biết. Và rồi, không dám trở về với gia đình, tiểu thư Soreyya đi mãi lên phương Bắc theo con đường bộ hành của khách thương. Khi biết là mình đã đi một quãng khá xa, biết không còn người quen nào trông thấy mình nữa, 'tiểu thư' Soreyya mới cảm thấy yên tâm. Dừng chân nơi một bóng cây ven đường, tiểu thư tự nghĩ: 'Thế là hết rồi! Hết thật rồ! Ôi! Cả một cuộc đời giàu sang nhung lụa đành phải quẳng lại sau lưng. Ai ngờ, mình chỉ mới khởi một niệm nghiêng lệch, tà vạy, bất chánh mà đã bị trừng phạt bằng cái thân nữ nhi liễu yếu đào tơ như thế này! Tương lai mờ mịt, đường đời dặm thẳm, rồi không biết sẽ trôi giạt về đâu? Thôi, cũng đành! Không bao giờ mình có đủ can đảm để trở lại mái nhà của cha của mẹ nữa! Không bao giờ mình có đủ can đảm để trở về gặp lại người vợ yêu dấu cùng hai đứa con trai thương yêu trông như hai tiểu thiên thần nữa! Không bao giờ mình có đủ can đảm để nhìn lại bạn bè, người quen, bà con quyến thuộc nữa! Thôi, đành xin vĩnh biệt tất thảy mọi người!'

Trong lúc cô tiểu thư ruột rối như tơ vò, vừa lau nước mắt nước mũi dầm dề, đoạn tuyệt đời sống cũ, vừa cặm cụi đi mãi lên phương Bắc, chấp nhận số phận mới – thì ở tại thị trấn Soreyya, mọi người náo loạn, hớt hãi đi tìm chàng.

Nhắc lại chuyện trước. Sau khi cỗ xe vừa thoát ra khỏi chướng ngại, nhìn lại, không ai còn thấy công tử Soreyya đâu nữa! Người này nhìn người kia, người kia nhìn người nọ. Người con trai bạn thân, ngồi bên cạnh, bị mọi người vây quanh cật vấn, cũng ấp úng không nói nên lời. Vì rõ ràng, công tử đang ngồi đây, bên cạnh đây, nhưng chỉ trong một cái chớp mắt, không biết biến mất đi đâu?

Thất thểu về nhà, mọi người ấp a ấp úng trình bày sự việc lạ lùng lên ông triệu phú. Nhìn vẻ mặt ỉu xìu và thảm

não của mọi người, ông triệu phú không nỡ la rầy, cấp tốc sai từng toán gia nhân, phân chia đi tìm các nơi. Nhiều ngày cũng không tìm thấy, gia đình ông triệu phú đành đi đến kết luận đau lòng: 'Có lẽ nó đã tự ý xuống tắm ở một quãng sông nào đó, và đã bị chết chìm, chết trôi mất xác rồi!' Họ buồn rầu than khóc. Sau đó, gia đình sắm một mâm lễ vật trọng hậu, ra tại bờ sông ở ngoại ô, mời các thầy bà-la-môn tư tế tổ chức một cuộc lễ để tế cho vong linh người đã mất!

Trong thời gian ấy thì vị tiểu thư của chúng ta, trên đường lên phương Bắc lại gặp một đoàn khách thương từ một hướng nào đó xuất hiện trên lộ trình, vui mừng, cô bước theo sau.

Vị trưởng đoàn đi chiếc xe sau cùng, trông thấy một cô gái trẻ đẹp, quý phái, ra dáng tội nghiệp, bèn dừng lại, quan tâm hỏi han :

- Cô muốn đi về đâu, sao chỉ đi một mình vậy?

- Cảm ơn! Ông cứ đi đi! Không sao đâu!

- Thế cô muốn đi về đâu?

- Thưa ! Cô lắp bắp... dạ cũng chưa biết! Có lẽ phải đến tận kinh thành Takkasilā!

- Trời đất ơi! Ông ta la toáng lên - Cô có biết là nó xa chừng nào chăng? Hơn một trăm do tuần cơ đấy! Cô tưởng đi dạo mát à? Thế thì ăn uống, nghỉ ngơi ra sao? Dường như cô chẳng có hành trang, hành lý gì cả?

Nghe câu hỏi, cô tiểu thư mới nhìn ra sự thật. Thò tay lột chiếc nhẫn quý, cô tiểu thư trao cho ông trưởng đoàn khách thương, nói rằng :

- Vậy thì, với chiếc nhẫn này, nhờ ông mở lòng cho tôi đi xe nhờ, cho ăn uống dọc đường, và đến Takkasilā giúp luôn cho tôi một chỗ trọ.

Đồng ý cho cô gái đi nhờ, nhưng trong tâm ông trưởng đoàn thương buôn lại nghĩ: 'Chủ của ta, công tử con nhà triệu phú Takkasilā từ lâu muốn kén chọn một mỹ nữ để lập

gia thất. Hay đây chính là nhân duyên trời định khi có một cô gái sắc nước hương trời, không biết từ đâu xuất hiện kỳ lạ như thế này! Ồ, rồi ta sẽ tiến cử cho tiểu chủ, chắc sẽ nhận được một món tiền trọng thường hậu hĩ đây!'

Và quả như thế thật. Đến kinh thành Takkasilā, khi ông trưởng đoàn thương buôn dẫn cô gái đến ngôi biệt thự, ra mắt con trai triệu phú, giới thiệu rằng đây là một bảo nữ (itthīratana) khó kiếm ở trên đời – thì cậu tiểu chủ như chết mê, chết mệt về vẻ đẹp, về sự trẻ trung và duyên dáng hiếm có của nàng.

Thế là sau đó họ làm đám cưới. Cô gái trở thành chánh thất của con trai triệu phú kinh thành Takkasilā danh giá hơn người! Năm sau, cô gái sinh cho tiểu chủ một cậu con trai bụ bẫm; năm sau, sinh thêm một cậu con trai kháu khỉnh nữa. Cuộc sống của họ thế là rất hạnh phúc, không có chi phải phàn nàn. Riêng cô tiểu thư thì thường hay ngẫm suy, chiêm nghiệm, tự vấn, tự đáp nhưng đều không có câu trả lời nào làm cho cô thỏa mãn. Chuyện là, trước đây, cô là con trai, sinh với bà vợ hai cậu con trai! Bây giờ, lại thân nữ, mang nặng đẻ đau sinh thêm hai cậu con trai nữa. Khi là thân nam, khi là thân nữ nhưng cảm xúc, khi nam vẫn rõ là nam, khi nữ vẫn rõ là nữ. Không có một chút lẫn lộn nào ở đấy cả. Như khi làm cây cam thì sinh trái ngọt, khi làm cây chanh thì sinh trái chua! Vậy thôi! Rồi, hai đứa con trước đây, hai đứa con sau này, trước là tình thương của người cha, sau, lại là tình thương của người mẹ! Chúng cũng không hề lẫn lộn! Ồ, thật là phức tạp xiết bao! Ông thợ trời, ông thợ nghiệp, tạo ra chi cái hoàn cảnh oái ăm này?

Hôm kia, rảnh rỗi ngồi trên ban công của tòa lâu đài, đang vui chơi nô giỡn với đứa con trai thứ hai, bà chủ Soreyya nhìn xuống đường, chợt thấy một người quen. Đấy là ông thanh niên bạn thân cùng ngồi trên cỗ xe đi tắm sông thuở nào. Ông ta đang trên một cỗ xe, theo sau hàng chục cỗ

xe khác, có lẽ là một chuyến buôn bán làm ăn hay trao đổi hàng hóa giúp cho cha mẹ nàng tại kinh thành này. Ông ta có già hơn một tí những có cái gì đó vẫn không thay đổi nên nhìn ra ngay. Bổi hổi, bồi hồi, bà chủ nghe trái tim mình rộn ràng, lao xao. Kỷ niệm xưa ào ạt trở về như choáng ngợp cả tâm tư. Sau khi trấn áp cảm xúc, bà chủ cho gia nhân theo dõi rồi mời cho bằng được người đàn ông, bạn cũ, đến lâu đài với lý do là bàn công chuyện làm ăn.

Sau khi dùng qua loa cơm nước mà bà chủ đãi đằng có vẻ trọng hậu, người đàn ông dè dặt nói :

- Tôi chưa hiểu lý do bữa ăn thịnh soạn này, xin bà chủ bàn tính chuyện làm ăn như thế nào?

Bà chủ mỉm cười, nói câu khó hiểu :

- Nếu đây là bữa ăn chào đón thân tình một người bạn cũ thì sao nào?

- Dạ, không dám! Tôi không dám có được sự hân hạnh như thế!

Bà chủ như hướng sang chuyện khác :

- Từ Soreyya đến đây, chắc ông biết gia đình triệu phú Soreyya chứ?

- Thưa, phải biết chứ! Vì tôi là người trong gia đình ấy! Rồi ông kể chuyện với giọng buồn buồn - Từ khi cậu chủ đi tắm sông rồi mất, ông chủ xem tôi như người nhà và mọi việc làm ăn buôn bán đó đây đều giao cho tôi cả. Gọi tôi là gia nhân của ông triệu phú cũng được, mà gọi tôi là con trai nuôi của ông triệu phú cũng được, thưa bà chủ!

Bà Soreyya lặng người một chút, hỏi tiếp :

- Thế ông bà triệu phú có còn mạnh khỏe không? Người vợ và hai cậu con trai của công tử Soreyya giờ thế nào rồi?

Đưa mắt ngạc nhiên nhìn bà chủ trẻ, người khách hỏi :

- Thưa, họ vẫn còn khoẻ. Nhưng mà... nhưng mà... thế ra bà chủ quen biết với ông bà chủ của tôi à? Lại còn biết công tử Soreyya, phu nhân và hai vị tiểu chủ à?

Đến giờ phút này, bà chủ mới thổ lộ :

- Ôi, ông bạn thân thuở xưa ơi! Tôi chính là Soreyya, công tử Soreyya cùng bạn đi tắm sông ngày nào đây!

Người khách, bạn cũ, tưởng tai mình nghe lầm, tưởng mắt mình trông lầm, cứ há hốc, trân trân không nói được, không mở miệng được.

Cứ để cho bạn mình ở trong đám mù sương, từ từ, chạm rãi, bà chủ kể lại chuyện xưa, khi trông thấy vị sa-môn như thế nào, khởi lên ý niệm tà vạy như thế nào, hóa thành thân nữ như thế nào, rồi quãng đời lên đến kinh thành Takkasilā như thế nào, kể lại hết, không bỏ sót một chi tiết nào.

Nghe xong mà vẫn chưa tin là thực, người khách hỏi :

-Vậy có thật, hiện giờ, con trai ông triệu phú Takkasilā này là chồng của tiểu thư Soreyya ?

Bà chủ nhẹ gật đầu.

-Và hai cậu bé này là con sau của tiểu thư Soreyya thật đó chứ?

Bà chủ lại nhè nhẹ gật đầu một lượt nữa, không nói.

Người đàn ông sau khi tự véo vào đùi mình, thấy đau thì biết không phải là đang nằm mơ! Nhìn lại bà chủ, tuy trong vóc dáng nữ nhi nhưng cũng thấy phảng phất hình bóng của công tử Soreyya thuở nào - mới tin chuyện này là thật. Bèn ra giọng quở trách :

- Bạn thật là tệ! Ai cũng tin cậu đã chết rồi. Bao nhiêu năm qua, lấy chồng, lại sống hạnh phúc trong lâu đài này, cậu quên cha, quên mẹ, quên vợ, quên con, quên hết cả bạn bè, thân bằng, quyến thuộc rồi!

- Hãy thông cảm cho tôi! Tôi làm sao mà dám về đã chứ!

Hồi lâu, người đàn ông mới gật đầu:

- Ờ, phải rồi! Thật là không ai dám về cả!

Lát sau, như nghĩ ra một điều quan trọng, ông tiếp:

- Bạn nên tìm vị sa-môn thuở xưa mà sám hối đi. Sau này, bỏ công điều tra, tìm hiểu, tôi biết vị ấy là tôn giả Mahā Kaccayāna, nghe trong tăng đoàn bảo vị ấy là một bậc thánh lậu tận, ai ai cũng kính ngưỡng, quý trọng, kể cả hàng vua chúa! Tôi cũng nghe rằng, nói một lời bất kính, xúc phạm với bậc thánh là tội lỗi nặng lắm đó!

- Phải rồi, ta nên làm thế! Bà Soreyya gật đầu - Vậy bạn có biết tôn giả ấy hiện giờ ở đâu không ?

- Cũng may cho bạn đó! Sớm nay, trên đường đi, tôi thoáng thấy ngài dường như ở một khu rừng ngoại thành, cũng gần đây thôi! Ôi! Nhờ tướng mạo của vị ấy vẫn tuấn mỹ với nước da vàng sáng không lẫn lộn với ai được!

Thấy là việc hệ trọng nên bà Soreyya tình thật kể lại chuyện xưa cho chồng nghe, có người đàn ông bạn cũ làm chứng. Người chồng ban đầu bán tín bán nghi, sau phải tin là thật.

Trong lúc gia nhân bàn tính chuẩn bị cơm nước, vật thực thượng vị đặt bát thì người đàn ông và người chồng đi đến khu rừng, tìm thấy tôn giả Mahā Kaccayāna, và thưa thỉnh việc cúng dường ngày mai tại tư gia, tức là tòa lâu đài của ông triệu phú. Tôn giả im lặng nhận lời.

Sáng hôm sau, sau khi đặt bát cúng dường với vật thực thượng vị cứng mềm đến cho tôn giả, người chồng dẫn vợ mình đến quỳ lạy sát đất bên chân ngài vô cùng cung kính. Người đàn ông, bạn cũ cũng quỳ lạy một bên, thưa rằng :

- Bạch ngài ! Xin ngài mở lòng hải hà, từ bi tha tội cho người bạn của con, là cô tiểu chủ Soreyya đây !

Tôn giả Mahā Kaccayāna vì không hướng tâm nên không biết chuyện gì, ngạc nhiên nói:

- Là tội lỗi gì, ta có biết đâu?

Người đàn ông, bạn cũ, bèn kể lại chuyện xưa, nói đúng nguyên văn như ý nghĩ thuở nọ mà công tử Soreyya khi trông thấy tướng hảo tuyệt mỹ, nước da vàng sáng của ngài

đã thốt lên lời phạm thượng, sau đó bị biến thành nữ ngay tức khắc như thế nào!

Tôn giả đã nghe xong. Không những nghe xong mà ngài còn hướng tâm biết thêm những điều kỳ diệu sau này nữa nên khởi năng lượng uy lực tâm rồi nói rằng :

- Tốt rồi! Thế là tốt rồi! Ta không những tha thứ tất thảy lỗi lầm mà còn phúc chúc cho cô Soreyya đây được thắng duyên, thắng phúc nữa đó!

Nhiệm mầu thay, câu nói vừa dứt, cô Soreyya thấy cơ thể mình rần rần chuyển hóa, giống như thuở xưa, nhưng bây giờ lại biến thành thân nam, y như cũ.

Quỳ lạy với nước mắt dâng tràn, cô Soreyya, bây giờ là ông Soreyya, thốt lên :

- Tri ân tôn giả! Tri ân tôn giả!

Ông tiểu triệu phú Takkasilā đăm đăm nhìn người vợ yêu dấu của mình, bây giờ đã biến thành một người đàn ông, không biết nói sao, và cũng không biết trạng thái cảm xúc của mình như thế nào nữa.

Lát sau, như tỉnh trí lại, ông nói :

- Này... này... bạn! Ông ấp úng tìm chữ xưng hô! Hai đứa trẻ kháu khỉnh này do tôi và... bạn... sanh ra! Bạn sinh nhưng mà tôi dưỡng. Cả hai chúng ta đều có công ngang nhau. Chúng là con chung của chúng ta. Vậy, bạn cứ tự nhiên sống ở đây, đừng ngại chi cả, để chúng ta cùng chăm lo cho hai trẻ nên người!

Ông Soreyya đứng lặng một hồi để cho cảm xúc lắng xuống, ngước nhìn tôn giả Mahā Kaccayāna - vẫn an nhiên, tự tại, bất động – nhìn người đàn ông, bạn cũ, liếc nhìn hai đứa con trai rồi nói với ông tiểu triệu phú rằng:

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp nam nhân, sau đó là nữ nhân, bây giờ lại hoàn lại nam nhân như cũ. Thế là hai lần thay đổi xác thân và lại là ba kiếp sống khác nhau. Kiếp sống đầu, tôi là cha của hai đứa con trai. Kiếp kế tiếp, là mẹ

của hai cậu con trai khác nữa. Hiện tại đây, tôi đang sống kiếp thứ ba, tôi không muốn sống trở lại hai kiếp sống trước đó nữa. Tôi đã chán ngán cả hai kiếp sống. Tôi đã có sự lựa chọn rồi, hãy để cho tôi được tự do. Tôi sẽ đi theo tôn giả đây, và tôi sẽ sống đời xuất gia. Hai trẻ được sống trong một gia đình phú túc như thế này, tôi không có lý do gì để lo lắng cho chúng nữa. Bạn hãy làm trọn vẹn bổn phận mình. Tôi không có gì phải hối tiếc. Cảm ơn với tất cả.

Nói thế xong, ông Soreyya âu yếm nhìn hai đứa con trai, bồng từng đứa một lên tay, hôn lên má, lên đầu từng đứa rồi trao tận tay chúng cho chồng cũ, nói lời từ biệt mọi người rồi theo chân tôn giả Mahā Kaccayāna.

Trở lại khu rừng ngoại ô, tôn giả Mahā Kaccayāna tận tay cắt tóc và cho ông Soreyya xuất gia sa-di rồi cả hai sống đời ta bà vô trú. Thời gian sau, thấy sa-di Soreyya tiến bộ vượt bậc trong pháp học cũng như pháp hành, tôn giả lại cho ông thọ giới tỳ-khưu. Tuy nhiên, cả hai thầy trò đi đâu cũng cảm thấy phiền hà, vì cái tin nam biến nữ, nữ biến nam đã nhanh chóng lan truyền đi các nơi, đang trở thành thông tin nóng hổi trên cửa miệng của bao người. Không những chư sư trong tăng đoàn, mà là cả cận sự hai hàng, cả ngoại giáo, cả dân chúng khắp nơi nữa; hễ gặp là cứ hỏi :

- Có phải đại đức đã từng nam biến nữ, sau đó, nữ lại biến thành nam?

- Thưa, quả đúng như vậy!

- Thế bốn đứa con trai, hai đứa đầu đại đức là cha, hai đứa sau, đại đức là mẹ. Vậy đại đức yêu thương hai đứa con nào hơn?

Đại đức cứ tình thật trả lời:

- Dĩ nhiên, hai đứa con do tôi mang nặng đẻ đau, tôi thương chúng hơn chứ!

Cứ phải trả lời mãi, cứ lặp đi lặp lại mãi cái chuyện thương đứa con này, thương đứa con kia đến phát ngán; lại

phù phiếm, mất thì giờ vô ích, tỳ-khưu Soreyya tìm cách lánh xa nơi phố chợ ồn ào. Thấy học trò mình có căn duyên vững, tôn giả hướng dẫn cho Soreyya tập sống đời độc cư và tinh cần thiền quán. Hôm kia, vị đại đức này quán sự sanh diệt của danh sắc, thấy rõ sự rỗng không, vô thường của cái được gọi là tự ngã, ông đi vào lộ trình tâm thánh đạo, đắc A-la-hán quả cùng với tuệ phân tích.

Tôn giả Mahā Kaccayāna có mặt ngay bên cạnh.

- Ta mừng cho ông đã hoàn thành xong bổn phận của sa-môn hạnh rồi.

Tỳ-khưu Soreyya quỳ lạy dưới chân tôn giả:

- Đệ tử lại được sinh ra trong thánh thai, kiếp thứ tư của đời người! Tri ân thầy vô hạn vậy.

- Hãy tri ân cái tâm chánh hướng thiện của ông đấy!

- Đệ tử thấy rõ rồi!

Từ đó, thầy trò lại từ bỏ rừng cao, xuống rừng thấp... đi mãi... đi mãi về phương Nam. Trên đường, lại gặp người này, người kia với câu hỏi cũ. Lúc này, tỳ-khưu Soreyya đã là một bậc thánh lậu tận, cứ như thực mà trả lời, nên đại đức đáp:

- Cả bốn đứa con trai, với chúng sanh vạn loài, tình thương của tôi đối với họ đều bình đẳng, giống nhau, không hai, không khác!

Vì hai câu trả lời khác nhau trên đường nên lúc tôn giả Mahā Kaccayāna và tỳ-khưu Soreyya đến Jetavanārāma hầu Phật thì chư phàm tăng không chịu được, muốn vạch trần sự thật nên họ đến quỳ bên chân ngài, thưa rằng :

- Tôn giả Mahā Kaccayāna đã dẫn theo bên mình một tên nói dối! Ban đầu là vọng ngữ, sau lại trở thành đại vọng ngữ... bạch đức Thế Tôn!

- Các ông cứ nói đi!

- Trước thì ông bảo, con mình mang nặng đẻ đau thì thương hơn. Nhưng sau đó lại nói, không thương như vậy

nữa, bây giờ tình thương ấy là đồng đẳng với tất cả chúng sanh. Như thế, không những vị tỳ-khưu kia mang tội vọng ngữ, đại vọng ngữ, mà con chứng tỏ mình khoe pháp bậc cao nhân, phạm tội bị trục xuất ra khỏi tăng đoàn, bạch đức Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười, giảng dạy rằng :

- Này chư tỳ-khưu! Con trai của Như Lai lúc nào cũng nói thật, nói lên sự thật. Khi trả lời thương đứa con do mình cưu mang, sinh nở là đúng sự thật. Sau lại bảo, tình thương kia đều đồng đẳng giống nhau so với tất thảy chúng sanh, cũng đúng là sự thật luôn!

Cho hay, khi tâm xiên xẹo, xấu quấy thì sẽ dẫn ta đi theo con đường xiên xẹo, xấu quấy, đảo điên, đau khổ ; nhưng khi tâm đã hướng chân, hướng chánh rồi thì quả báo, theo đó, sẽ tốt đẹp, vẹn toàn, mỹ mãn. Việc ấy, chỉ tự ta, do ta làm, chứ cha mẹ, họ hàng, quyến thuộc chẳng thể làm được cho ta đâu.

Giảng thế xong, đức Thế Tôn tóm tắt bằng câu kệ ngôn:

"- Điều mà quyến thuộc mẹ cha
Chẳng thể làm được cho ta, cho người
Nhưng khi tâm chánh hướng rồi
Thành tựu tốt đẹp vẹn mười, vẹn trăm"[1].

[1] Pháp cú 43, Pāḷi: Na taṃ mātā pitā kayirā, aññe vāpi ca ñātakā, sammā paṇihitaṃ cittaṃ, seyyaso naṃ tato kare (Kinh lời vàng).

TỪ HẠ THỨ HAI MƯƠI HAI
ĐẾN HẠ THỨ BỐN MƯƠI BỐN
(566 đến 544 trước TL)

(Từ sau khi tôn giả Ānanda chính thức làm thị giả, không tìm thấy bất cứ một tư liệu lịch sử nào nói đến từng năm một, sau hạ thứ 21 cho đến khi đức Phật Niết-bàn. Vậy, từ thời điểm này về sau, người biên soạn không đi theo từng mùa an cư nữa, mà chỉ ghi lại những câu chuyện, những sự kiện, những chi tiết lịch sử xét ra là quan trọng trải dài trong suốt hai mươi bốn năm còn lại của đức Tôn Sư. Dù đã khổ công tìm nhiều nguồn tư liệu để so sánh, đối chiếu, chọn lọc; và dù làm việc nghiêm túc, cố gắng thế nào cũng không tránh khỏi trường hợp nhầm lẫn về không gian và thời gian; đôi nơi còn phải giả định hoặc hư cấu cho câu chuyện được liền lạc, xin độc giả thông cảm. Trân trọng).

Chính Thức Ban Bố
Giới Luật Căn Bản
Thanh Tịnh (Pātimokkha)

Trong mùa an cư lần đầu tiên tại "Lâu đài của mẹ Migāra" (Migāramātupāsāda) hoặc "Đông Phương Lộc Mẫu tu viện" (Migāramātā-pubbārāma), đột ngột đức Phật bảo tôn giả Ānanda cho triệu tập tất thảy chư vị thánh tăng từ bậc hữu học đến bậc vô học, nhất là chư đại trưởng lão đang ngụ tại kinh thành Sāvatthi để chính thức ban bố giới luật căn bản thanh tịnh (Pātimokkha) làm y chỉ cho tăng ni từ đây về sau.

Như chúng ta đã biết, sau nạn đói tại Verañjā, hạ thứ mười hai, tôn giả Sāriputta thưa thỉnh đức Phật ban bố một bộ luật hoàn chỉnh, cụ thể là những giới luật căn bản thanh tịnh để giữ gìn tăng ni trong đời sống phạm hạnh, nhưng đức Phật chưa chuẩn y.

Hồi đó, đức Phật đã nói là:

"- Giới luật căn bản và đầy đủ (cụ túc) không thể hình thành trong một hai ngày, mà phải trải qua năm tháng, thời gian khi có những trọng tội, những ô uế phát sanh ảnh hưởng đến đời sống thiêng liêng phạm hạnh. Ví dụ, cụ thể có giết người mới chế định tội để trục xuất kẻ giết người. Ví dụ, cụ thể có trộm cắp mới thiết chế tội để trục xuất kẻ trộm

cắp. Khi nào tăng ni chúng quá đông và những hiện tượng sau đây phát sanh, lúc ấy Như Lai mới chính thức ban bố giới luật căn bản (Pātimokkha):

- Lúc nào chư tăng ni không được giáo dục chu đáo, chẳng chịu tu tập một cách căn bản có hiệu quả thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh.

- Lúc nào chư tăng ni chưa đặt đúng trong tâm, chưa hướng chơn chánh đến mục đích giác ngộ, giải thoát; chỉ mong chứng đắc các định, tu tập các thắng trí, các năng lực thần thông thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh.

- Lúc nào chư tăng ni chưa đặt được bàn chân vào mảnh đất Bất Tử - mà chỉ mãi lo trau dồi kinh pháp cho làu thông, uyên bác để hy vọng làm giảng sư, pháp sư thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh.

- Lúc nào đời sống vật chất thịnh mãn, do đó, danh vọng và lợi dưỡng lại trở thành mơ ước hoặc mục đính của một số tỳ-khưu tăng ni thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh.

- Lúc nào mà của cải, tài sản, y phục vải vóc, giường nệm, tấm đắp... đa phần đều là vật trân quý nằm đầy kho lẫm các đại tịnh xá, các tu viện thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh.

Hiện tại, chư tăng các nơi đã đông đúc, phàm tăng cũng rất nhiều, những hiện tượng mà Như Lai vừa kể, theo đó, có nẩy mầm, đang nẩy mầm, có phát sanh nhưng chưa trầm trọng lắm. Có thể vài ba năm tới, từng bước, từng bước, chúng ta sẽ hình thành bộ luật căn bản này. Cứ hễ một người vi phạm cụ thể chúng ta chế định một học giới. Hai người vi phạm cụ thể chúng ta chế định hai học giới ...

Ví như ông thầy thuốc, khi thấy một người bị bệnh, ông ta phải nghiên cứu, phải nhìn, quan sát, hỏi, nghe rồi xem mạch, sau đó mới bốc thuốc chẩn trị được. Bệnh này, phương này, bệnh khác, phương khác. Tùy bệnh cho thuốc. Có vết thương mới mổ xẻ, không vết thương mổ xẻ làm gì. Có bệnh mới có thuốc, không bệnh thì bốc thuốc làm gì.

Pháp cũng y như vậy mà luật cũng phải y như vậy. Cứ thế, một trăm bệnh có một trăm toa thuốc, hai trăm bệnh hai trăm toa thuốc, dần dần nó sẽ toàn mãn, cụ túc - cụ túc giới là như thế đó, này con trai trưởng!"

Biết đức Chánh Đẳng Giác bao giờ cũng có cái thấy toàn diện, lúc tuyên bố điều gì cũng đúng lúc, đúng thời nên mở đầu buổi họp hôm ấy, tôn giả Sāriputta thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Kể từ hạ thứ mười hai tại Verañjā đến nay đã gần mười năm. Bây giờ tăng ni hai chúng quá đông, và những tệ nạn, những hoen ố phát sanh nơi này nơi kia cũng đã đến lúc phải được chấn chỉnh, ngăn ngừa hầu giữ gìn nếp sống phạm hạnh. Đây đúng là lúc xin đức Tôn Sư chính thức ban bố giới luật căn bản thanh tịnh (Pātimokkha) làm y chỉ cho mai sau.

Tôn giả Upāli thưa tiếp:

- Thật ra, trước mùa an cư tại Verañjā hai năm, tại Jetavanārāma, vào hạ thứ mười, nhân vụ xử phạt hai nhóm tỳ-khưu ở Kosambī, đức Thế Tôn cũng đã thiết chế một số giới luật tuy chưa phải là những tội lớn nhưng đã có tội danh, tội chứng rõ ràng. Bạch đức Thế Tôn! Hôm ấy, nếu đệ tử nhớ không lầm, thì đệ tử đã đúc kết được tất thảy 87 điều cho tăng và 117 điều cho ni rồi. Trải qua mười năm, những giới điều này đã có con số khá lớn. Nếu hôm nay, bổ túc thêm thì bộ luật cho cả tăng và ni càng hoàn chỉnh.

Đức Phật gật đầu:

- Đúng là vậy, này Sāriputta, này Upāli! Bao nhiêu năm qua có lẽ đã có nhiều học giới cho mỗi bên tăng, ni; nhưng đa phần là những học giới liên hệ đến cách ăn nói, đi đứng, cách mặc y, mang bát, cách ở trong tịnh thất, ra ngoài xóm, cách thu thúc, giữ gìn phẩm mạo, tăng tướng...[1] mà thôi.

---

[1] Được gọi chung trong nhóm " thu thúc lục căn", "chánh mạng thanh tịnh" và "quán tưởng vật dụng".

Đưa mắt nhìn khắp đại giảng đường, thấy có mặt khá đầy đủ chư thánh tăng từ hữu học đến vô học, nhất là chư vị đại trưởng lão các tịnh xá, tu viện kinh thành Sāvatthi - đức Phật nói tiếp:

- Thật ra, các tệ trạng hoen ố, xấu xa đã xảy ra rồi. Cách đây nhiều năm, tại Vesāli, tại Rājagaha, tại Sāvatthī hoặc tại Kosambī... có nhiều tỳ-khưu đã phạm những tội lớn, nhưng do phạm lần đầu, khi chưa có luật định nên Như Lai hoặc chư vị trưởng lão chỉ răn đe, cảnh cáo hay khuyến giáo chứ chưa trừng phạt đúng tội. Nay đã đúng thời nên phải đúc kết toàn bộ để đưa vào luật định, từ tội lớn đến tội nhỏ để làm giềng mối, kỷ cương từ rày về sau.

- Đúng vậy, thưa đức Tôn Sư.

- Bây giờ Như Lai yêu cầu chư vị trưởng lão lần lượt nhớ lại, kể lại từng trường hợp, kể từ chuyện đầu tiên xảy ra tại Vesāli, về tỳ-khưu Sudina Kalandakaputta. Cụ thể là, như mấy hôm nay, chư tăng đang bàn tán xôn xao, chê cười ông tỳ-khưu ấy; chuyện ấy ra sao, Upāli có nghe biết rõ không?

- Đệ tử theo dõi chuyện ấy khá rõ, bạch đức Tôn Sư!

- Ông hãy nói đi, cho mọi người cùng nghe!

- Vâng! Tỳ-khưu Sudina Kalandakaputta vốn là con trai của một gia đình phú hộ tại Vajjī, nhân chuyến đi công việc ở Vesāli, được nghe pháp của đức Tôn Sư ở Đại Lâm vào hạ thứ mười ba, tại Sảnh Đường Nóc Nhọn bèn xin xuất gia. Sau rất nhiều khó khăn, do ông ta phát nguyện, một là xuất gia hai là chết nên gia đình cha mẹ phải miễn cưỡng bằng lòng. Sau khi thọ đại giới, tỳ-khưu Sudina mặc y phấn tảo[(2)], tu hành rất tinh tấn. Từ Vesāli, xuống Veḷuvanārāma, sau này lên Jetavanārāma, suốt tám năm trường, ông ta noi gương tôn giả Mahā Kassapa sống đầu-đà khổ hạnh được

[(2)] Paṃsukūla: Vải bó tử thi hoặc vải lượm từng tấm, từng mảnh nơi này và nơi kia, giặt sạch, nhuộm rồi may mặc - không thọ nhận vải mới, vải lành nguyên.

mọi người kính trọng, nể phục. Năm vừa rồi, tỳ-khưu Sudina về thăm gia đình ở Vesāli, cha mẹ tha thiết khẩn cầu Sudina để lại hạt giống (bījaka) để nối dõi tông đường. Do lúc ấy chưa có chế định giới luật căn bản thanh tịnh nên Sudina nghĩ là vô hại, chẳng có tội chi nên đã ba lần làm việc "đôi lứa" với người vợ cũ...

Tôn giả Sāriputta chợt hỏi:

- Sao tôn huynh biết rõ là ba lần?

- Thưa, chính tỳ-khưu Sudina tình thật kể lại.

Có một số tiếng cười nhẹ.

- Xin tôn huynh tiếp tục.

- Vâng! Tôn giả Upāli kể tiếp – Sau kết quả ấy, một đứa trẻ ra đời, và cũng chính do Sudina thuật lại và đã bị mọi người cười nhạo gọi tên bà vợ cũ của Sudina là "mẹ của chủng tử". Chuyện xôn xao bàn tán mấy ngày hôm nay là vì vậy, bạch đức Thế Tôn.

Đức Phật nói:

- Xuất gia là ra khỏi căn nhà ái dục, phiền não. Tỳ-khưu Sudina do si mê không thấy, không biết nên làm cái việc để lại hạt giống, tưởng là vô hại. Từ rày về sau, phải chế định rõ, đấy là tội, tội trục xuất ra khỏi tăng-già (pārājikā). Chư vị hãy cùng thảo luận với nhau về các chi tiết liên hệ.

Tôn giả Sāriputta thưa hỏi:

- Thiết định, chế định một điều luật thì phải đi tuần tự từng bước một như thế nào, bạch đức Tôn Sư?

Đức Phật nói:

- Trong trường hợp này, có thể nó có thứ tự như sau: Tội thứ nhất là tội bị trục xuất khỏi tăng-già, không cho sống chung với tăng-già (pārājikā - bất cộng trụ) được chế định tại Đông Phương Lộc Mẫu tu viện[1], liên quan đến tỳ-khưu

[1] Đây cũng chỉ là giả định. Vì trong Tạng Luật, tập yếu I, bản Việt dịch của tỳ-khưu Indacanda – nói rằng điều này đã được quy định tại Vesāli. Dĩ nhiên,

Sudinna trong hành động làm việc "đôi lứa" với người vợ cũ, phạm cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Trường hợp tỳ-khưu Sudina do không biết, do vi phạm lần đầu nên chỉ răn đe, khuyến giáo mà thôi. Nhưng sau này, khi xét tội, nó có thể có thêm nhiều chi tiết. Ví dụ, tội nào liên quan cả thân khẩu ý; tội nào chỉ có thân khẩu chứ không có ý; tội nào chỉ có ý chứ không có thân khẩu; tội nào chỉ có ý và thân không có khẩu; tội nào chỉ có ý và khẩu, không có thân; sáu trường hợp ấy cũng phải được minh định rõ ràng. Còn nữa, ví dụ điều luật này được quy định cho ai? Cho tất cả? Cho cả sa-di và sa-di-ni? Hay chỉ riêng cho tăng ni tỳ-khưu thuộc giáo hội, cả hiện tại và tương lai? Điều ấy phải nói trong luật định, phần chi tiết. Và ví dụ, cái gì đã kết thành tội, và có yếu tố nào chưa kết thành tội? Ai là người làm chứng? Ai thấy tận mắt, nghe nói lại hoặc đương sự tự thú tội? Và sau khi đã thành luật, lúc các vị luật sư đại diện tăng cật vấn người phạm tội phải nắm bắt cho chính xác, rõ ràng để phân biệt cái chánh, cái phụ, cái cốt yếu, cái không cốt yếu, cái quy kết thành tội trọng, cái có thể được gia giảm hoặc giảm khinh. Yêu cầu tối quan trọng là vị luật sư xử luật phải khách quan, trung thực, nghiêm minh hơn cả những ông quan tòa thế gian... Chư vị hãy nên nhớ như vậy.

Ai cũng lạnh người. Ai cũng cảm thấy sự nghiêm trọng của vấn đề. Để bảo tồn giáo pháp, để giữ gìn quy củ phạm hạnh quả thật không đơn giản. Do nhờ chư vị thánh đa phần là thành phần trí thức tinh hoa của xã hội thời bấy giờ; do trước đây nhiều vị từng là quan tổng trấn, quan tòa, nhiều vị từng đảm trách các công việc triều chính; và còn do sự làm việc tinh minh, mẫn cán – nên từ nền tảng ban đầu đó, họ đi từng bước tiếp theo...

đó là tư liệu đáng tin cậy, tuy nhiên, có một tư liệu khác, nói là tỳ-khưu Sudina tám năm sau mới về thăm gia đình, chuyện "hạt giống" mới xảy ra.

Tôn giả Upāli sau đó, xin thưa tiếp một số trường hợp đã xảy ra liên hệ đến nhóm tội thứ nhất, cũng ở Đại Lâm, tại Vesāli, có vị tỳ-khưu dụ dỗ con khỉ cái để làm việc "lứa đôi"; có vị làm việc ấy với con nai cái, với xác chết nữ nhân ở nghĩa địa, với hàng chục trường hợp khác nữa.

Đức Phật xác nhận, chúng cùng thuộc một nhóm tội danh là bất cộng trụ.

Tôn giả Ānanda kể tiếp:

- Tiếp theo là chuyện xảy ra tại Vương Xá, liên quan đến tỳ-khưu Dhaniya, con trai người thợ gốm, ông ta đã tự ý, ngang nhiên lấy gỗ của đức vua Bimbisāra để xây cất tịnh thất cho mình. Hành động ấy đã cấu thành tội lớn, tội trộm cắp gỗ như vậy là thuộc bất cộng trụ, bạch đức Thế Tôn.

Đức Phật lại xác nhận:

- Đúng vậy!

- Cũng thuộc tội danh này, có nhóm tỳ-khưu Lục Sư lấy trộm màu nhuộm, vị tỳ-khưu lấy trộm vải choàng, lấy y của tử thi đang có ngạ quỷ gìn giữ, lấy trộm cơm trong cửa hàng, lấy trộm bánh nướng, táo, xoài...

Đức Phật lại xác nhận và nói tiếp:

- Từ rày về sau, ai phạm tội tương tự, đại diện tăng, từ bốn vị tỳ-khưu trở lên, sẽ xử phạt nghiêm minh, trục xuất khỏi tăng-già. Tuy nhiên, phải để ý, là vật trộm cắp ấy có giá trị hay không có giá trị? Vật ấy người ta đã quăng bỏ hay đang được giữ gìn? Nó khá phức tạp, đa dạng, rất nhiều hình thức khác nhau nên các vị luật sư cần thận trọng, xét hỏi chi ly, cặn kẽ khi định tội...

Tôn giả Upāli hỏi:

- Cặn kẽ, chi ly như thế nào, bạch đức Tôn Sư?

- Thứ nhất là phải xác định vật ấy là vật chưa được cho; và lấy đi nghĩa là đã di chuyển ra khỏi vị trí ấy. Thứ hai là phải xác định vật ấy là vật ở trên đất, trong đất, trên không, giữa khoảng không, ở vườn, ở rừng, ở ruộng, trong trú xá,

trong làng, khe núi, bến đò, vật ký gởi... Thứ ba là giá trị vật ấy chừng năm xu (māsaka); nếu sờ vào thì phạm tội tác ác (dukkaṭa), làm lay động vậy ấy thì phạm trọng tội (thullaccaya), dời khỏi vị trí thì phạm bất cộng trụ.

Cả đại giảng đường yên lặng, chú tâm lắng nghe không bỏ sót một chữ, một câu nào.

Tôn giả Mahā Moggallāna kể tiếp:

- Chuyện xảy ra tại Vesāli, cũng tại Đại Lâm, Sảnh Đường Nóc Nhọn (Kūṭāgāra) liên quan đến nhiều vị tỳ-khưu đã đoạt mạng sống của nhau. Nguyên do là sau khi nghe thời pháp của đức Đạo Sư, nói về sự ô trược của thân, lửa của ngũ uẩn, tội của ngũ uẩn[1]; có một số tỳ-khưu thiểu trí lại tưởng nhầm cái thân này tạo nên tội nên đã hỗ trợ cho nhau để giết nhau, dứt lìa mạng sống của nhau - có phải là thuộc tội bất cộng trụ thứ ba, bạch đức Tôn Sư?

- Phải rồi! Đức Phật nói tiếp - Nói rộng ra về nhóm tội này, là một vị tỳ-khưu cố ý giết người bằng bất kỳ lý do nào, trường hợp nào, hoàn cảnh nào đều được quy kết về tội danh bất cộng trụ. Ví dụ như bào chế thuốc cho người khác uống chết. Ví dụ chỉ cách cho người ta giết nhau. Ví dụ, đặt sẵn khí giới để người khác thuận tay giết nhau. Ví dụ, ca tụng sự chết, nói rằng sống có ích chi, sự sống là xấu xa, là đê hèn, là tội lỗi, vậy chết là tốt nhất... Tất cả đấy đều thuộc nhóm tội bất cộng trụ, nhưng còn tùy thuộc tội thân, tội khẩu, tội ý thế nào đó để gia giảm hay tăng trọng...

Tôn giả Sāriputta thưa tiếp:

- Sự việc cũng xảy ra cũng tại Vesāli, nhiều vị tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā đã khoe pháp bậc thượng nhân đến các cận sự nam nữ. Các vị tỳ-khưu ấy nói rằng, mình không còn tham sân si, mình đắc thiền sắc giới, đắc thiền vô sắc giới,

[1] Có nơi nói là đức Phật giảng về niệm đề mục tử thi, khen ngợi đề mục này... nên một số vị hiểu lầm là đức Phật ca ngợi sự chết.

mình có thần thông, mình có được ba cái giác, có tám cái giác, mình đã Nhập Lưu hoặc mình đã có mấy đạo, mấy quả... Rồi vị ấy cố ý nói cho cận sự nam nữ nghe và tin điều ấy để người ta kính trọng mình, cúng dường cho mình – trong lúc, sự thật các vị ấy chẳng đắc được gì cả dù là một thiền chứng nhỏ nhoi! Tất cả hình thức ấy, trường hợp ấy có phải thuộc nhóm tội thứ tư không, bạch đức Tôn Sư?

- Đúng vậy! Đức Phật lại gật đầu. - Tuy nhiên, có trường hợp khác, khi vị ấy có đắc pháp cao nhân thật, có đắc thiền, đắc quả thật; và vị ấy nói ra sự thật ấy nhằm giáo huấn môn đệ, đồ chúng để họ noi gương thì không phạm tội.

Tôn giả Upāli chợt mỉm cười, như nói lạc đề:

- Trong năm an cư ấy, cả vùng Vesāli, Vajjī đều lâm vào nạn đói kém, cho nên nhóm tỳ-khưu nào về đảnh lễ đức Thế Tôn trông họ cũng ốm o, xanh xao, teo tóp, mặt và tay nổi đầy gân vì thiếu vật thực. Nhưng cái nhóm tỳ-khưu ở bờ sông Vaggumudā ấy, khi về đến Đại Lâm trông ai cũng phương phi, béo tốt, đỏ hồng, da láng lẫy, sắc diện rạng rỡ, căn quyền sung mãn... Bậc trí nhìn là biết liền. Hóa ra, chúng đã tà mạng, kheo pháp bậc thượng nhân để kiếm cơm, kiếm áo! Chúng đã cướp thức ăn thượng vị cứng mềm, mồ hôi nước mắt của chị, của anh, của chồng, của cha, của mẹ những cận sự có tín tâm nhưng si cuồng và thiểu trí. Hôm ấy, đức Thế Tôn đã khiển trách chúng thật nặng nề - nhưng trông cái bản mặt của họ, lớp da nó dày quá!

Có khá nhiều tiếng cười nhỏ.

Tôn giả Sāriputta đúc kết lại:

- Vậy thì tóm lại, như đức Tôn Sư đã dạy và chư trưởng lão đã lắng nghe, đã tiếp thu – thì, cả nhóm bốn tội ấy, nói rõ là hành dâm với nhiều hình thức khác nhau, trộm cắp với nhiều đồ vật khác nhau, giết người với nhiều phương cách khác nhau, khoe pháp bậc thượng nhân bằng nhiều cách nói,

gợi ý khác nhau – chúng đều thuộc về nhóm tội bất cộng trụ (pārājikā) thì bị trục xuất khỏi tăng đoàn...

Tôn giả Upāli thắc mắc:

- Nếu luật sư sau khi xét tội, thấy có một vài chi tiết phạm tội "chưa trọn vẹn", có nghĩa là chưa cấu thành trọn vẹn ba nghiệp thân, khẩu, ý thì tội ấy phải trở thành tội danh khác, ở trong điều luật khác hay sao, bạch đức Thế Tôn?

- Đúng vây! Đấy là điều mà Như Lai sắp nói đây. Trong bốn tội lớn ở trên, cả ba nghiệp thân, khẩu và ý đều có xen dự vào đấy cả, đều phạm tội cả, sẽ cấu thành tội danh pārājikā. Nhưng nếu cả bốn tội lớn ở trên, không phạm ba nghiệp, mà chỉ phạm hai, ví dụ chỉ thân và khẩu, không có ý; hoặc chỉ ý và khẩu, không có thân... thì Như Lai quy định vào một nhóm tội khác, được gọi là Saṅghādisesa, tức là tội danh "tăng tàn". Những tội tăng tàn tức là tội mà làm cho đời sống phạm hạnh bị hư mục, tan nát, hủy hoại, làm cho tăng phải hoen ố, tàn mạt. Vậy chư vị hãy thảo luận, đưa ra từng trường hợp cụ thể, đã xảy ra, để mọi người cùng quyết nghị, thiết định nên tội danh này...

Đến đây, tôn giả Sāriputta thưa:

- Đã có xảy ra rồi, bạch đức Tôn Sư. Chính đệ tử, chư vị trưởng lão Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli đã xử lý nhưng chỉ có tính cách răn đe, khuyến giáo... hôm nay mới chế định luật.

- Ừ, ông kể lại đi!

- Đầu tiên, việc xảy ra ở Jetavanārāma mấy năm về trước, tỳ-khưu Seyyasaka phạm tội trọng thứ nhất nhưng chưa phạm trọn vẹn cả thân, khẩu và ý – nên bây giờ được ghi vào tội danh tăng tàn (saṅghādisesa) này!

Tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu:

- Đúng vậy! Hôm đó chúng ta cũng chỉ mới răn đe!

- Cũng xảy ra tại Jetavanārāma – Tôn giả Upāli thưa tiếp - Tỳ-khưu Udāyi, xảy ra trong nhiều thời gian khác nhau,

ông ta phạm tội danh này liên tiếp bốn lần. Một lần, phạm tội bằng thân, ví dụ như rờ rẫm người khác giới. Lần khác, phạm tội bằng khẩu, tức là nói lời sàm sỡ, trăng hoa hay hoa tình với nữ giới. Lần khác nữa, cũng phạm tội bằng khẩu, nói rằng, người nữ phục dịch, hầu hạ nhục dục cho mình là có phước. Lần thứ tư, cũng ông tỳ-khưu này làm "mai dong" cho nam nữ thành vợ chồng... Vậy, bạch đức Thế Tôn! Cả bốn trường hợp này có được xác nhận trong nhóm tội danh "tăng tàn" chăng?

- Như Lai xác nhận! Đức Phật gật đầu rồi nói tiếp – Kể cả chuyện tự ý xây cất tịnh thất cho mình cũng không được. Năm nọ tại Vương Xá, Như Lai đã khiển trách nhóm tỳ-khưu Āḷavi đã tự ý xây cất tịnh thất cho mình mà chưa được sự chấp thuận của tăng, nó cũng rơi vào nhóm tội danh này.

Tôn giả Mahā Kassapa thưa:

- Tương tự vậy là chuyện tỳ-khưu Channa đã tự ý làm một tịnh thất rất lớn, quá quy định của tăng, tại Kosambī - có lẽ cũng nằm trong mục tội danh saṅghādisesa.

Tôn giả Ānanda trình bày thêm:

- Kể cả tội cáo gian nữa. Tại Vương Xá, nhóm tỳ-khưu Mettiya, Kummajaka đã hai lần cáo gian vị thánh sa-di Dabba-Mallaputta phạm tội bất cộng trụ - như vậy cả hai trường hợp đều rơi xuống tội danh tăng tàn rồi...

Đức Phật lại gật đầu xác nhận.

Thế là suốt cả bảy ngày, chư thánh tăng đã đưa ra từng trường hợp một rồi đúc kết lại, trong đó có bốn nhóm tội thuộc bất cộng trụ, chín nhóm tội thuộc tăng tàn[1] cùng một số nhóm tội khác nữa.

---

[1] Các vị kết tập sư, các nhà nghiên cứu thường không để ý đến sự diễn tiến thời gian nên nói các buổi sám hối, chư Tăng thường tụng đọc Pātimokkha! Hãy lưu ý cho, ngay chính vào thời điểm này, 13 tội Tăng tàn cũng chưa hình thành đầy đủ. Ví như tội thứ 10, Devadatta chia rẽ Tăng! Xin thưa, tối thiểu

Tôn giả Upāli đã công phu, chịu khó tuyên đọc lại tất cả những học giới trải qua hai mươi năm qua rồi nhờ chư vị trưởng lão cùng sắp xếp thành từng nhóm tội. Sau đó, tất cả đã chia thành bảy nhóm tội sau đây: Bất cộng trụ (pārājikā), tăng tàn (saṅghādisesa), trọng tội (thullaccaya), ưng đối trị (pācittiya), ưng phát lộ (pātidesanīya), tác ác (dukkaṭa), ác ngữ (dubbhāsita). Nếu phạm tội bất cộng trụ thì không còn tăng tướng tỳ-khưu nữa, phải xả giới hoàn tục. Phạm tội tăng tàn thì bị phạt cấm phòng, sau đó phải có buổi sám hối có mặt từ bốn vị đến hai mươi mốt vị tỳ-khưu mới hết tội được. Còn năm tội sau, phải sám hối trước tăng, hoặc hai, ba vị tỳ-khưu.

Tất cả học giới suốt hai mươi năm qua, đa phần nằm trong hai nhóm ác ngữ và tác ác cũng đã được sắp xếp lại và thông qua.

Đức Phật, chư đại trưởng lão cũng phải để mất thêm ba ngày nữa, cho triệu tập chư trưởng lão thánh ni, dựa theo bộ luật căn bản của tăng (dẫu chưa đầy đủ), thêm, bớt cho hợp lý, cho tương thích để chính thức ban bố thêm bộ luật cho tỳ-khưu-ni nữa.

Vậy là bắt đầu từ hạ này trở về sau, trong các buổi sám hối, tháng hai lần, chư tăng ni bắt đầu có lễ tụng giới Pātimokkha, và từ từ đi vào nền nếp, kỷ cương.

vào khoảng sau hạ thứ 40 của đức Phật, khi A-xà-thế giết vua cha, tiếm ngôi thì mới xảy ra chuyện Devadatta âm mưu chia rẽ Tăng.

Bà Mẹ
Hộ Độ Tuyệt Vời

Có sáu mươi vị tỳ-khưu, sau khi xin được đề mục thiền từ đức Đạo Sư, họ bèn lìa xa thành phố ồn ào tìm đến một nơi xa xôi, vắng vẻ để công phu hành trì. Tại một ngôi làng sơn cước, có tên là Mātikagama, thấy khung cảnh yên tĩnh, sông núi tươi xanh, dân cư trù mật, họ nghĩ, nơi này tu tập thì thật là tốt.

Vị tỳ-khưu lớn tuổi nhất, được xem như là bậc trưởng lão liền dẫn đầu hội chúng, đi vào làng để trì bình khất thực. Có người mẹ của người thôn trưởng, trông thấy chư tăng, bà rất hoan hỷ, bèn thỉnh vào nhà để đặt bát cúng dường. Bà còn huy động nhà này nhà kia chung tay hùn góp vật thực cho cả sáu mươi vị đều được đầy đủ.

Trong một khu vườn, khi chư tăng đã thọ thực xong, bà mẹ người thôn trưởng tìm đến thưa hỏi để biết các vị sẽ đi đâu, về đâu thì vị trưởng lão trả lời:

- Này mẹ! Chúng tôi định kiếm một nơi yên tĩnh, một nơi khất thực vừa đủ dùng để tu tập.

Bà hỏi:

- Thế quý ngài thấy nơi này có được không?

- Nơi này khá lý tưởng, thưa mẹ!

- Vậy thì chúng tôi xin thỉnh quý ngài ở đây; và mỗi nhà, mỗi nhà sẽ cúng dường đặt bát hàng ngày cho quý ngài, khỏi cần phải đi đâu xa nữa.

Vị trưởng lão và chư tăng im lặng nhận lời.

Bà mẹ người thôn trưởng khi được biết thái độ im lặng ấy là chấp thuận, bà rất hoan hỷ rồi tỉ mỉ thăm hỏi cách thức làm nhà hội họp, các cốc liêu lác đác nơi này nơi kia như thế nào để dân chúng trong làng cùng chung tay lo liệu. Sau khi nắm bắt rõ nhu cầu cư trú, sinh hoạt của chư tăng rồi, bà còn hỏi tiếp là bà và mọi người có thể tu tập được không, bắt đầu như thế nào, tuần tự từ thấp lên cao như thế nào. Vị trưởng lão cặn kẽ nói về tam quy, ngũ giới, bát quan trai giới, bố thí cúng dường... tuy rất khái quát nhưng khá đầy đủ cho một cận sự nữ phải hành trì.

- Vậy thì một số trong chúng tôi sẽ xin thọ trì tam quy, ngũ giới, bát quan trai giới, sau đó xin quý ngài hướng dẫn tiếp cho những bước cao hơn.

Lựa chọn một khoảng đất rộng ven rừng, dân làng phụ nhau làm một căn nhà hội, rồi lác đác bên những cội cây, sườn đồi, ven suối... xa gần xung quanh nhà hội, họ làm thêm những cốc liêu, những mái lợp, những vòm che... tuy tạm bợ nhưng cũng là chỗ tu tập khá tốt trong bốn tháng an cư mùa mưa cho chư tăng.

Khi đâu đó đã xong xuôi, vị trưởng lão tụ họp chư tăng ở căn nhà hội rồi nhắc nhở rằng:

- Được bà mẹ và dân làng lo cho đầy đủ tứ sự như thế này thì chúng ta không thể biếng nhác, giải đãi được. Phải tu tập cho tốt, hành đạo cho đàng hoàng; nếu không, tám cảnh địa ngục[1] sẽ mở cửa ra, chào đón những ông chủ là chúng ta, sắp trở về nhà đấy.

---

[1] Tám cảnh địa ngục là: 1, Địa ngục Sañjīva: Chúng sanh bị gươm đao đâm chém, gậy gộc đánh đập, cối xay nghiền giã; nhưng khi có gió mát thổi tới thì tỉnh lại, sống lại như cũ nên gọi là Sañjīva (sống lại). 2, Địa ngục Kāḷasutta:

Cả hội chúng tỳ-khưu im lặng lắng nghe một cách rất nghiêm túc; vị trưởng lão chậm rãi nói tiếp:

- Không nên đứng, ngồi hay ở chung hai vị cùng một chỗ, ngoại trừ mỗi buổi sớm tụ hội ở đây để đi vào làng với y bát được chăm sóc, lục căn phải thu thúc, râu tóc trông sạch sẽ, tướng mạo cần trang nghiêm để nuôi dưỡng đức tin cho mọi người. Hãy tâm niệm ta là người không phóng dật, ta là người có chú niệm, có tinh cần, có ý chí duy trì phạm hạnh. Sau khi đi trì bình trở về, chúng ta gặp nhau ở đây, quét dọn trong ngoài, sắp đặt chỗ ngồi, ghè nước, giẻ chùi chân... đâu đó xong xuôi rồi cùng thọ thực trong yên lặng. Ngọ trai xong, dọn dẹp sạch sẽ đâu đó một lượt nữa, không bàn chuyện phiếm, không trao đổi chuyện vô ích rồi vị nào trở về liêu cốc của vị nấy, tấn tu chỉ quán. Chư huynh đệ có đồng ý như thế không?

- Thưa, hoàn toàn nhất trí.

- Khi có người bị bệnh hoặc phát giác có trường hợp cấp bách như gió bão, lửa, đạo tặc phá phách, hoặc cần họp Tăng do có khách đặc biệt, do chư vị trưởng lão ghé thăm, do thí chủ cần thưa thỉnh việc gì... thì ở đây hằng ngày sẽ có người báo trực, đánh lên ba hồi bảng gỗ, khi ấy chúng ta

---

Chúng sanh bị sợi dây thừng đen (kāḷa là đen, sutta là sợi dây) căng tứ chi ra rồi cưa, cắt chặt tứ chi, thân thể ra từng khúc. 3, Địa ngục Saṅghāta: Những tội nhân tụ họp nhau lại (saṅghāta) mà cắn xé nhau. 4, Địa ngục Roruva: Tội nhân chịu nhiều cực hình, đau khổ quá nên kêu la, khóc gào (roruva) thảm thiết 5, Địa ngục Mahā roruva:Như 4 nhưng kinh khiếp hơn nên gọi là đại (mahā). 6, Địa ngục Tāpana: Tội nhân bị lửa thiêu cháy làm cho thân thể khô héo (tāpana), lụi tàn dần dần, đau khổ không kể xiết. 7, Địa ngục Mahā tāpana: Như 6 nhưng gia bội lửa cháy kinh khiếp hơn. 8, Địa ngục Avīci: Tội nhân chịu cực hình liên tục, không gián đoạn nên còn gọi là vô gián (Vīci là khoảng cách, avīci là không khoảng cách, không gián đoạn). Tám địa ngục này trong Luận Câu Xá lần lượt ghi nghĩa tương đương là: Đẳng hoạt, hắc thằng, chúng hợp, khiếu hoán, đại khiếu hoán, viêm nhiệt, đại viêm nhiệt, vô gián (Rất nhiều tự điển Phật học có ghi và có giải thích).

mới xả thiền, yên lặng đi về nhà hội... Chuyện ấy nữa, huynh đệ có thêm ý kiến gì nữa chăng?

- Thưa, rõ rồi! Đầy đủ quá rồi!

- Đây là bản giao ước bất thành văn. Chúng ta nghiêm túc chấp hành chứ?

- Thưa vâng!

Thế rồi, ai về chỗ trú cư nấy. Họ tu hành rất tốt, rất có hiệu quả. Ai cũng thành tựu được ấn chứng này, thành quả khác.

Hôm ấy, vào buổi chiều, bà mẹ người thôn trưởng dẫn theo mấy chục người gồm con cái, dâu rể, cháu chắt rất đông cùng mang theo bơ, đường, sữa, dầu thắp, dầu thoa, thuốc ngừa bệnh đi đến căn nhà hội. Nhưng nhìn xung quanh, họ không thấy một ai. Chỉ có một vị tỳ-khưu trẻ ở đâu đó vì thấy đông người nên bước lại. Họ hỏi:

- Các ngài đi đâu cả rồi, thưa sư?

- Vị nào cũng tìm chỗ cho mình để tu tập.

- Nhưng sao các cốc liêu quanh đây cũng không có ai?

- Thấy trời tạnh ráo, mát mẻ như thế này, các vị muốn tìm một hốc đá, một cội cây nào đó trong rừng...

- Vậy nếu muốn gặp các ngài thì phải làm sao?

Vị tỳ-khưu mỉm cười trả lời:

- Hôm nay tôi trực canh. Để tôi gọi các ngài xuống.

Nói xong, vị tỳ-khưu lấy khúc cây đánh ba hồi bảng gỗ. Lát sau, từ đâu đó trong rừng, hướng này, hướng kia, lần lượt chư vị tỳ-khưu đi xuống căn nhà hội, rất lặng lẽ, riêng từng người, không ai đi chung với ai.

Thấy tình hình như vậy, một ý nghĩ khởi sanh trong tâm bà mẹ: "Thế là các con trai của ta (mamaputta) bất hòa với nhau rồi! Đã không thèm đi chung với nhau mà còn không hề nói chuyện với nhau nữa!"

Khi chư tăng đã tụ họp đầy đủ trong căn nhà hội, bà mẹ cùng mọi người đến đảnh lễ, dâng mọi thứ vật dụng mang theo.

Rồi bà mẹ nhìn vị trưởng lão cất tiếng hỏi:

- Chư tăng có chuyện bất hòa hay sao, thưa ngài?

- Không có chuyện đó đâu! Chư sư ở đây sống rất hòa hợp, thưa mẹ!

- Thế tại sao mọi người đi riêng lẽ, sống riêng lẽ, lại còn không hề nói chuyện với nhau?

- Ai cũng đang nghiêm túc, chú mục chánh niệm, tỉnh giác để thực hành sa-môn hạnh đó, thưa mẹ!

- Pháp tu sa-môn hạnh đó ra sao, thưa ngài?

Vị trưởng lão đành phải giải thích từ việc mặc y, mang bát, đi trì bình khất thực phải chánh niệm ra sao. Trên đường đi phải thu thúc làm sao, về đến căn nhà hội phải thọ thực như thế nào. Sau đó, mỗi người tự tìm chỗ riêng lẻ để tu tập các đề mục thiền định hay thiền quán... Từ tờ mờ sáng cho đến tận đêm khuya, một vị tỳ-khưu không được lơ là thất niệm, không được phóng dật, giải đãi ra sao... Tất cả, vị trưởng lão đều giải thích rất cặn kẽ.

Nghe xong, bà mẹ tán thán:

- Thật tuyệt vời làm sao là sa-môn hạnh!

Rồi bà dè dặt hỏi:

- Thế cái sa-môn hạnh ấy, tôi thực hành chút chút có được không? Chút chút ấy có đem lại lợi ích thật sự cho tôi không?

- Được chứ! Vị trưởng lão hoan hỷ nói - Mẹ cũng có thể tu tập được, cứ từ từ đi từ cạn vào sâu thì có thể thành tựu được an lạc và hạnh phúc trong đời này và nhiều đời sau nữa đó!

- Vậy thì xin ngài hãy chỉ dạy cho tôi!

Thế là vị trưởng lão hướng dẫn cho bà mẹ cách niệm ba hai thể trược, quán bất tịnh của thân. Rộng hơn một chút, nói

về các đề mục khác thuộc các định khác nhau. Sâu hơn một chút nữa, giải thích thế nào là danh tâm, sắc tướng; cái gì gọi là ngũ uẩn; cái gì được gọi là danh và sắc; và sau cùng, phải nhìn ngắm, quán chiếu ra sao để thấy rõ tam tướng vô thường, dukkha, vô ngã của chúng...

Hóa ra, bà mẹ tuy lớn tuổi mà nắm bắt rất nhanh rồi về nhà tu tập cũng tiến bộ rất nhanh như vậy. Trong vòng mới hơn bảy ngày mà bà đã xả ly, ly tham khá nhẹ nhàng rồi lần lượt đi từ các định từ cạn vào sâu. Ít hôm sau nữa, bà mẹ quán danh sắc, ngũ uẩn thấy rõ sanh diệt, thấy rõ các pháp trống không, vô ngã; bà chứng quả A-na-hàm, có tuệ phân tích, có luôn cả tha tâm thông.

Sau khi thọ hưởng an lạc của thiền, an lạc của đạo quả siêu thế, trở lại cận hành định, bà mẹ suy nghĩ: "Thật vi diệu và thù thắng thay là pháp sa-môn hạnh. Mình mới tu tập chút ít mà thu hái thành quả như thế này thì chắc các con trai của ta phải là mùa màng bội thu, sum suê trái quả!" Tò mò, bà mẹ hướng tha tâm thông rà soát một lượt tâm ý sáu mươi vị sư lác đác nơi này và nơi khác thì bà thấy rõ, hóa ra chưa ai được cái gì cả, thiền chứng cũng như đạo quả. Các trở ngại của các vị là tham nhiều, sân nhiều, phóng tâm, trạo cử nhiều, các tưởng quá khứ chi phối nhiều nên không trú tâm được. Và trên tất cả, cụ thể nhất là máu huyết, khí huyết của các vị có cái gì đó bất ổn, có cái gì đó bị xáo trộn. Thân bất an kéo theo tâm bất an. "Hóa ra là do vật thực không thích hợp mà sinh ra!" Kết luận như vậy xong, hôm sau, bà mẹ sắm sanh, nấu nướng nhiều thức ăn khác nhau, đầy đủ chất béo các loại, chất ngọt các loại, chất bùi, chất đắng, chất cay, chất xơ các loại... rồi thỉnh chư tăng độ thực ở căn nhà hội.

Quả thật, nhờ vật thực thích hợp, tối hôm ấy, bà mẹ thấy chư sư hành thiền tốt hơn, có vị đã an trú tâm, có vị đã đi vào cận hành định, có vị quán danh sắc, ngũ uẩn rất có hiệu quả.

Hôm sau, hôm sau nữa, bà cụ yêu cầu chư tăng sau khi đi trì bình khất thực quanh làng, trở về căn nhà hội thì cho bà được cúng dường thêm. Và ai cũng ngạc nhiên, không hiểu làm sao mà bà cụ thường đặt bát cho từng vị những món mà họ cần, những món mà họ thích! Có lạ gì đâu, bà mẹ đã chịu khó, âm thầm theo dõi từng vị nên biết rõ nhu cầu cơ thể của từng người.

Nhờ sự hộ độ siêu việt của bà mẹ, trải qua gần mùa an cư, cả sáu mươi vị tỳ-khưu đều đắc quả A-la-hán!

Ngày cuối cùng chư tăng tụ họp ở căn nhà hội. Vị trưởng lão nói:

- Khi đến đây, chúng ta đều là kẻ vô văn phàm phu; sau an cư mùa mưa, chúng ta đều chứng quả vô học, vô vi, giải thoát. Công lao ấy, công đức ấy, ai trong chúng ta cũng biết rõ là do nhờ bà mẹ của chúng ta: Một vị thí chủ hộ độ tuyệt vời. Vậy trước khi về Jetavanārāma yết kiến đức Đạo Sư, chúng ta hãy đi chào bà mẹ, tri ân bà mẹ và chào cả dân làng đã cưu mang, hộ độ tứ sự chu đáo bấy lâu.

Thế rồi, dẫn đầu là vị trưởng lão, chư tăng ôm bát đi vào làng. Gặp bà mẹ, và gặp cả dân làng, họ nói lời tri ân chân thành rồi xin từ giã.

Bà mẹ cười:

- Từ rày, tôi không dám gọi các ngài là "con trai của ta" nữa! Tâm các ngài ở cao hơn, tôi tìm mà không thấy. Thật là kỳ diệu. Tôi thật là hạnh phúc để được hộ độ. Tôi thật hạnh phúc khi các ngài đã cho ngôi làng này, thọ thần và thiên thần ở đây cũng được an lạc theo. Về gặp đức Đạo Sư, hãy cho tôi được gởi lời chào kính, tri ân bậc Vô Thượng Giác!

Vị trưởng lão cũng cười, thành thật khuyên bảo:

- Mẹ đừng nên quá đi sâu vào các thắng trí; chỉ cần miên mật quán những ái vi tế của sắc và vô sắc, quán những dính mắc vi tế của ngã ở nơi thọ, tưởng và tâm hành là làm xong những việc cần phải làm trên đời này!

Bà mẹ chợt quỳ sụp xuống:

- Đúng là vậy! Tri ân trưởng lão.

Khi tiễn chư tăng ra đầu làng, bà còn nói:

- Khi nào du phương hành hóa, tiện dịp, tiện đường tôi thỉnh mời quý ngài ghé qua ngôi làng sơn cước này. Ở đây lúc nào cũng sẵn sàng cung đón đệ tử của đức Thế Tôn.

Về đến đại tịnh xá Jetavanārāma, sáu mươi vị A-la-hán vào đảnh lễ đức Phật, vấn an sức khỏe của ngài. Xong, vị trưởng lão kể lại đầu đuôi tự sự, những nhân, duyên và quả tại ngôi làng Mātikagama ấy cho đức Phật nghe.

Đức Phật mỉm cười:

- Đúng là như vậy! Đúng là có chuyện hy hữu như vậy! Bà mẹ Mātikagama[1] là một nữ thí chủ hy hữu, tuyệt vời!

Cả mấy ngày hôm sau, chư tăng Jetavanārāma ai cũng nghe được câu chuyện tại ngôi làng sơn cước và sáu mươi vị đắc quả A-la-hán. Ai cũng tỏ ra hâm mộ và tán dương công hạnh của bà mẹ ấy. Nhiều vị bàn tán rộng rãi hơn:

- Trước đây, chúng ta đã có trưởng giả Ānathapiṇḍika là người thường cúng dường hỷ mãn về tứ sự, không chê vào đâu được.

- Cô Visākhā thì sao? Không hỷ mãn tứ sự sao? Thức ăn không hợp khẩu vị mọi người sao?

- Đúng vậy! Đến nữ đại thí chủ ấy thì người bệnh cũng thích hợp nữa là...

- Cận sự nam Citta cũng vậy. Cận sự nữ Suppiyā cũng vậy. Cô Sirimā cũng thế. Nhiều người lắm chứ!

- Nhưng chưa ai cúng dường hợp khẩu vị từng người, từng ngày một như cái bà mẹ Mātikagama này!

- Cái ấy thì đúng!

Có vị tỳ-khưu chợt cười xòa:

---

[1] Bây giờ đã trở thành tên của bà mẹ.

- Vậy là "nhờ ăn" mà đắc quả sao? Coi chừng nói thế là trật lấc đó nghe!

Mọi người cùng cười theo. Thật ra, ai cũng biết, đấy chỉ là duyên hỗ trợ tốt mà thôi!

Chuyện kể tiếp thêm rằng, có một vị tỳ-khưu nghe chuyện, thích quá, ông ta đến xin đức Phật, được ngài đồng ý nên hối hả thu vén vật dụng, y bát rồi lặn lội tìm đến ngôi làng có bà mẹ hộ độ hy hữu để hy vọng rằng, nhờ ăn uống hợp khẩu vị sẽ chóng đăc quả A-la-hán.

Đến căn nhà hội, để đãy ta-bà và y bát một bên, vị tỳ-khưu khởi sanh ý nghĩ:

"- Chà, đi đường xa mệt mỏi! Ước gì bà mẹ cho một cận sự nam đến quét dọn trong ngoài cùng làm đầy những lu nước thì hay quá!"

Lát sau, quả thật có một thiếu niên mang theo vật dụng cần thiết và đáp ứng ngay những yêu cầu trong tâm của vị tỳ-khưu. Thấy sự việc diễn ra quá nhiệm mầu, vị tỳ-khưu khởi tâm muốn uống nước ngọt, khởi tâm muốn ở tu tại cái cốc lá dưới gốc cây to kia, khởi tâm rằng là sáng mai, trước khi đi khất thực có món cháo béo, nấu thật nhừ để điểm tâm thì quý hóa quá...

Ước gì được nấy. Đến nỗi, vị tỳ-khưu không cần đi khất thực đâu xa, vì mới bước ra khỏi cốc lá chỉ vài chục bước chân thì đã có thí chủ đặt một bát đầy thực phẩm với những thức ăn ngon lành. Tối hôm ấy, nơi chỗ nghỉ của mình, vị tỳ-khưu chợt thấy lạt miệng, tự nghĩ: "Bây giờ trời tối rồi, lui tới khó khăn, nhưng nếu có mấy viên kẹo 'ngọt ngọt' thì thú vị biết mấy!"

Rồi mấy viên kẹo "ngọt ngọt" cũng được một thiếu niên mang đến với một cây đèn trên tay.

Vị tỳ-khưu vừa ăn kẹo vừa nghĩ tiếp:

"- Bà mẹ Mātikagama này là người như thế nào mà có khả năng thắng trí lạ lùng như thế? Ta ước ao được gặp bà

vào buổi đặt bát ngày mai. Xem nào, bà sẽ đi tay không và con cháu bà sẽ mang theo vật thực loại cứng, loại mềm!"

Sự việc ngày mai xảy ra đúng y như vậy.

Bà mẹ sau khi cúng dường đầy đủ, đảnh lễ vị tỳ-khưu rồi nói rằng:

- Này con trai! Cứ ở đây, và hãy an tâm mà tu tập đừng ngại gì cả.

Độ thực xong, vị tỳ-khưu hỏi:

- Thưa mẹ Mātikagama! Dường như mẹ có tha tâm thông phải chăng?

- Sao con trai lại hỏi vậy?

- Vì tôi ước gì thì có nấy!

- Nhiều vị tỳ-khưu họ cũng biết như vậy mà, con trai!

- Tôi không nói các vị tỳ-khưu khác. Tôi hỏi mẹ thôi!

Vì là bậc thánh, không khoe pháp bậc cao nhân nên bà mẹ vừa cười vừa đáp:

- Này con trai! Mẹ biết con cần những thứ ấy nên giúp con những thứ ấy! Con còn nhỏ nên mẹ giúp đỡ con như con trai của mẹ vậy thôi! Cũng là chuyện thường mà!

Trả lời vậy là hết hỏi. Nhưng vị tỳ-khưu đã có kết luận trong tâm: "Đích thị mẹ Mātikagama có tha tâm thông rồi! Và chưa chừng còn có nhiều thông khác nữa đấy!"

Khi bà mẹ về rồi, sực nghĩ đến một chuyện, vị tỳ-khưu hoảng kinh: "Chết rồi! Nguy hiểm rồi! Mình là kẻ phàm phu tục tử, biết bao nhiêu là ý nghĩ xấu quấy xảy ra trong ngày, trong đêm? Nếu rủi mà lúc ấy, đôi thần nhãn của mẹ Mātikagama quét tới thì những ý nghĩ ô trọc, dơ uế, bẩn thỉu của ta biết trốn vào đâu? Ối! Mẹ Mātikagama sẽ thấy rõ trái tim đen của ta? Ta sẽ giống y như tên ăn trộm, bị mẹ nắm đầu, nắm tay bắt ngay tại trận tiền? Sẽ xấu hổ quá! Xấu hổ quá đi mất!"

Nghĩ thế xong, vị tỳ-khưu hối hả thu xếp vật dụng, y bát rồi cũng hối hả rời liêu cốc, trốn đi!

Ngay lúc ấy thì bà mẹ mỉm cười, tự nghĩ: "Con trai ta sợ ta bắt ngay tại trận những ý nghĩ xấu quấy nên trốn đi rồi! Tới cũng hối hả mà đi cũng hối hả. Nhưng chạy đằng trời! Đức Đạo Sư, bậc thiên nhãn siêu việt, sẽ bắt con trai ta quay trở lại đây thôi. Và con trai ta sẽ gặt hái được lợi ích!"

Quả đúng như mẹ Mātikagama nghĩ.

Khi vị tỳ-khưu trẻ về gặp đức Phật, ngài hỏi:

- Sao ông lại quay trở lại đây?

- Nguy hiểm quá, bạch đức Thế Tôn!

- Tại sao?

- Thưa, vì bà mẹ Mātikagama có tha tâm thông, đệ tử nghĩ cái gì là bà biết cái ấy! Vì tâm đệ tử còn nhiều ý nghĩ xấu quấy nên sợ quá!

Đức Phật nghiêm khắc nói:

- Vậy thì ông lại càng cần tới nơi ấy! Những ý nghĩ xấu quấy nếu có sanh lên thì nó cũng diệt mất. Kệ nó. Ông chỉ việc giữ cái tâm, theo dõi cái tâm mà thôi!

- Đệ tử chỉ việc giữ cái tâm thôi à ?

- Đúng thế!

- Vậy thì đệ tử sẽ cố gắng!

Vâng lời đức Phật, vị tỳ-khưu trẻ trở lại ngôi làng Mātikagama, nơi cái cốc lá của mình.

Bà mẹ theo dõi mọi sự, biết rõ mọi sự nhưng xem như không có chuyện gì xảy ra, vẫn quán sở thích, nhu cầu vật thực của vị tỳ-khưu rồi cho người hộ độ chu đáo, đầy đủ. Trong lúc ấy, thì vị tỳ-khưu chăm chuyên gìn giữ cái tâm, theo dõi cái tâm, rà soát cái tâm một cách sít sao, tinh cần; ông thấy rõ sự sanh diệt, sanh diệt liên tục của các cảm giác, của các tri giác, của các tâm hành, của các ý nghĩ, nhận thức. Thế rồi, vị tỳ-khưu đắc A-la-hán quả, tuệ phân tích luôn cả các thắng trí.

Trong đêm, thọ hưởng hạnh phúc siêu thế, vị tỳ-khưu vô cùng tri ân đức Phật cùng bà mẹ. Tri ân đức Phật là chuyện

của trời, người ba cõi. Còn bà mẹ nầy mới thật là kỳ diệu. Ông nghĩ: "Không rõ do nhân duyên gì từ quá khứ mà bà đã giúp ta đến bờ siêu thế? Kiếp này thì thấy rõ rồi, còn các kiếp khác thì sao?" Vị tỳ-khưu liền sử dụng túc mạng thông hướng tâm đến bà mẹ. Thì thấy rõ rằng, kiếp thứ chín mươi chín, bà là bạn gối chăn của ông. Nhưng bà đã sanh tâm ngoại tình, với một người, và đã ra tay giết ông một cách dã man! Ông nghĩ: "Hóa ra, bà ta không những lang tâm trắc nết mà còn hung dữ, ác độc nữa!"

Trong lúc ấy thì bà mẹ cũng đang theo dõi vị tỳ-khưu xem thử tu tập ra sao. Bà thấy nhờ minh sát cái tâm mà vị tỳ-khưu đi vào đạo quả thứ nhất, đạo quả thứ hai, đạo quả thứ ba rồi sau đó bà không thấy gì được nữa. Bà nghĩ, phải chăng ông ta đã đi vào đạo quả A-la-hán rồi! Ồ! Đúng sự thật là vậy rồi!

Trong thời gian sau này, bà mẹ cũng chỉ dừng ngang nơi quả vị A-na-hàm chưa chứng rốt ráo được, nhưng bà lại có thêm một vài thắng trí khác nữa. Khi vị tỳ-khưu dùng túc mạng thông, theo dõi bà chín mươi chín kiếp thì bà cũng thấy rõ kiếp thứ chín mươi chín ấy, bà là bạn đời của ông ta, thấy rõ mình ngoại tình và giết chồng![1] Bà bèn đi thử lên kiếp thứ một trăm thì thấy mình cũng là vợ của ông ta, nhưng kiếp này mình đã hy sinh mạng sống để cứu chồng!

Lúc vị tỳ-khưu dừng lại nơi kiếp thứ chín mươi chín, bà sử dụng thiên nhĩ thông, gởi vào tai ông ta rằng: "Đi tiếp một kiếp nữa, kiếp thứ một trăm, nó sẽ khác!"

Nghe lời bà, vị tỳ-khưu xem kiếp một trăm thì thấy bà hy sinh mạng sống cho mình! Ông nghĩ: "Quả thật, kiếp ấy, bà là ân nhân thật sự của ta đó!"

---

[1] Sẽ có sự thắc mắc, tại sao ngoại tình, giết người mà vẫn sinh được làm người vào kiếp sau? Xin thưa, nếu đấy là tư tác trong sát na tâm thứ 6, 7 thì sẽ trả quả kiếp sau, chưa biết kiếp nào! Trường hợp trên có thể như vậy, hoặc do nghiệp dữ chưa đủ duyên để trả quả.

Khi bức màn tử sinh đã được vén mở. Và hai người có duyên nợ với nhau. Vị tỳ-khưu thử đưa lên bàn cân: "Nếu coi việc bà giết ta rồi cứu ta là nhân quả sòng phẳng thì mình vẫn còn mắc nợ bà trong kiếp này". Nghĩ thế xong, vị tỳ-khưu dùng tha tâm thông, thiên nhĩ thông cùng tuệ vô lậu hướng dẫn bà mẹ Mātikagama cắt đứt những sợi dây ràng buộc vi tế còn lại. Nhờ vậy, bà mẹ Mātikagama đắc đạo quả A-la-hán.

Câu cuối cùng mà vị tỳ-khưu nghe được bên tai mình:

"- Tôi xin cảm ơn ông! Mọi gánh nặng tử sinh và phiền não đã buông xuống trọn vẹn rồi. Bây giờ tôi đi trước vì tôi không còn việc gì để làm trên cuộc đời này nữa".

Thế là bà mẹ Mātikagama vô dư Niết-bàn ngay tại chỗ!

Sau này, đức Phật thuyết lại câu chuyện này, và ngài kết thúc bằng một bài kệ:

"- Tâm ta nhanh nhạy, lẹ làng
Kiếm tìm dục lạc, chạy quàng, chạy xiên
Lành thay! Chế ngự thành hiền
Tâm khéo điều phục, diệt phiền, được an!"[1]

[1] Pháp cú 35:"Dunniggahassa lahuno yattha kāmanipātino; cittassa damatho sādhu cittaṃ dantaṃ sukhāvahaṃ".

Từ Ngũ Giới Đến
Bát Quan Trai Giới

Hôm ấy, tại Đông Phương Lộc Mẫu, bà Visākhā đột ngột tìm đến gặp đức Phật và trình bày một vấn đề:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ lâu, đệ tử có thọ trì bát quan trai giới, tháng hai kỳ, nhưng chưa lãnh hội cho rõ ràng về nhân và quả của nó cho lắm. Vừa rồi, có một số cận sự nữ thọ trì bát quan trai giới, khi đệ tử hỏi về mục đích, lý do hoặc sở nguyện của họ; nói cách khác là thọ bát quan trai giới như vậy là để làm gì - thì mỗi người trả lời một cách khác nhau.

- Ừ, thì con hãy kể lại đi!

- Đệ tử đã hỏi cả ba nhóm người: Nhóm phụ nữ cao niên, nhóm phụ nữ trung niên và nhóm các cô đang còn tuổi thanh xuân thì cả ba nhóm người ấy, họ trả lời khác nhau lắm...

Bạch đức Thế Tôn! Nhóm thứ nhất, phụ nữ lớn tuổi, họ có ba câu trả lời. Câu thứ nhất, tôi chỉ muốn được đại phú, đại quý sau này thôi. Câu trả lời thứ hai, tôi chỉ muốn gia sản đầy rương, đầy bồ; con cháu đầy đàn, đầy lũ. Câu thứ ba, tôi chỉ mong được thọ hưởng phước báu sang cả của các cõi trời...

- Ừ, vậy thì nhóm thứ hai ra sao?

- Bạch đức Tôn Sư! Nhóm thứ hai cũng có ba câu trả lời. Một, để thoát khỏi cảnh khổ sở phải sống chồng chung. Hai, do chỉ sinh toàn con gái, nên tôi những mong có chút phước báu để sinh được một cậu bé trai mủm mỉm, dễ thương. Ba, mong rằng, kiếp sau kiếm được một tấm chồng tốt, biết chăm lo sự nghiệp và vợ con, không ngoại tình lăng nhăng, không cờ bạc rượu chè...

Đức Phật mỉm cười:

- Thế còn nhóm các cô thiếu nữ?

- Bạch đức Đạo Sư! Đệ tử thấy họ cũng có ba sở nguyện. Một, kiếm được một tấm chồng tài giỏi, giàu có, đẹp trai. Hai, được về làm dâu một gia đình tử tế. Ba, xin được sinh con trai đầu lòng...

Lắng nghe tất cả những sở nguyện, ước mong của nữ giới, đức Phật nhè nhẹ gậy đầu, nói rằng:

- Đúng là vậy đó, này Visākhā! Tất cả chúng sanh hằng bị sự già, sự chết rượt đuổi sau lưng, tương tự như kẻ chăn bò, tay cầm gậy lùa đi, xua đến một cánh đồng... Rồi sự chết như chiếc búa, treo cao trên đầu, không biết sẽ chặt đứt mạng sống lúc nào; nhưng họ vẫn cứ muốn đủ thứ trên đời. Ai cũng muốn thêm cái này cái kia chứ không ai muốn bớt cái gì cả. Ai cũng gây nhân sinh tử chứ không ai muốn rời xa sinh tử cả.

Rồi đức Phật đọc lên câu kệ:

"- Người chăn dùng gậy lùa dê
Lùa từng con một đi về đồng xa
Tuổi già, sự chết cũng là
Lùa từng mạng sống chúng ta xuống mồ!"[1]

Bà Visākhā sụp lạy:

[1] Pháp cú 135: " Yathā daṇḍena gopālo, gāvo pājeti gocaraṃ, evaṃ jarā ca maccu ca, āyuṃ pājenti pāṇinaṃ".

- Vậy xin đức Thế Tôn giảng nói cặn kẽ từng giới một, nhân và quả của nó để lợi ích lâu dài cho chúng sanh về sau.

- Thật ra, đức Phật nói tiếp – Khi chúng ta thọ tám giới một ngày – là ngày ấy, thân khẩu ý của chúng ta được thanh tịnh. Thân khẩu ý thanh tịnh có nghĩa là, thân không sát sanh, trôm cắp, tà hạnh. Khẩu thanh tịnh là khẩu không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói độc ác, không nói lời vô ích. Ý thanh tịnh là không tham, không sân, không tà kiến. Vậy, lợi ích của bát quan trai giới, đầu tiên, rõ ràng là chúng ta thành tựu được mười nghiệp lành – có phải vậy không, này Visākhā?

- Quả vậy, bạch đức Tôn Sư!

- Thứ hai là - đức Phật giảng tiếp - người thọ trì bát quan trai giới một ngày là được sống đời xuất gia một ngày, bỏ bên ngoài tất cả mọi chuyện về gia đình, nhà cửa, chồng con, làm ăn buôn bán, chuyện hàng xóm, chuyện quốc gia, thế sự, chuyện được mất, hơn thua, khen chê, thăng trầm, vinh nhục, thành bại... của cuộc đời, có phải vậy không, này Visākhā?

- Quả đúng là như vậy, bạch đức Thế Tôn!

- Và như thế, đức Phật nói tiếp – có hai điều lợi lạc ấy, là chúng ta có thêm điều lợi lạc thứ ba, là gieo duyên giải thoát, Niết-bàn, có phải vậy không, này Visākhā?

- Bạch, đúng vậy!

- Và nếu thực hành được như thế là gieo duyên sinh tử hay là gieo duyên rời xa sinh tử, này Visākhā?

- Bạch, là duyên rời xa sinh tử!

- Và như thế là "bớt" hay là "thêm", này Visākhā?

- Bạch, là "bớt" ạ!

Hôm ấy, thấy giảng đường Đông Phương Lộc Mẫu, có khá đông cận sự nữ nên đức Phật đã thuyết thêm một thời pháp khá dài về lợi ích của bát quan trai giới, cặn kẽ về nhân và quả của nó, cặn kẽ về tại thế và xuất thế, cặn kẽ về năng

lực chuyển hóa bản thân và chuyển hóa xã hội. Ta có thể đúc kết toàn bộ như sau:

- Này Visākhā! Theo giáo pháp của Như Lai, một thiện nam, một tín nữ sau khi thọ trì tam qui, phải biết thực hành ngũ giới, thỉnh thoảng thọ trì thêm bát quan trai giới mới được gọi là cận sự nam hay cận sự nữ tịnh tín và thuần thành.

Nói về ngũ giới hay bát giới – thì giới do Như Lai chế định, chỉ như là hàng rào ngăn ngừa, ngăn giữ những hành động và nói năng xấu ác của thân và khẩu để cho mình được tốt hơn, hiền thiện hơn, cao đẹp hơn. Giới của Như Lai khác với điều răn hay mặc khải của ngoại đạo tà giáo. Giới này hoàn toàn thọ trì một cách tự nguyện, không có tính bắt buộc, không áp đặt người khác tin và thực hành theo như giới điều của một số tôn giáo khác. Trước khi tin để thực hành theo những giới này, cận sự nam nữ có quyền hoài nghi, suy luận, nhận thức - rằng là điều nào thật sự đem đến lợi ích thiết thực cho mình và mọi người xung quanh; rằng là điều nào giúp mình tiến bộ tinh thần và rời xa những quả báo đau khổ trong mai hậu. Như vậy, giới của Như Lai còn có tính cách tự do: Tự do trong nhận thức và tự do trong sự phát nguyện!

Này Visākhā! Đầu tiên, khi nói về giới không sát sanh, và khi thọ trì giới này, Như Lai nhắc nhở, thứ nhất là ta phải kiêng cữ, tránh xa nó, thứ hai, ta phải xem nó như một bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ chứ không phải đọc mãi, đọc hoài nơi miệng, nơi tâm như những câu thần chú[1].

Người cận sự giữ giới này thì phải biết tránh xa hành động chém giết, sát hại sanh mạng các loại hữu tình; tức là những chúng sanh có hơi thở, có thức tánh, có sự sống.

[1] Pāṇātipātā veramanī sikkhā padaṃ samādiyāmi: Tôi thọ trì điều học là kiêng cử (tránh xa) giết hại các loài hữu tình.

Ngoài ra, lúc thọ trì giới này, các người phải xem nó như là một bài học. Bài học ấy phải được rút tỉa để chiêm nghiệm và cũng để lắng nghe? Chiêm nghiệm và lắng nghe như thế nào? Ví như khi ta giết một chúng hữu tình, đoạn lìa mạng sống của chúng, ta có mang tâm độc ác, hận thù và bạo tàn hay không? Khi giết, ta có cố ý, chủ ý hay không? Hay khi ấy, ta giết là nhằm để vui chơi, giải trí? Thảng hoặc, khi giết là bởi tự vệ, do cứu mình và cứu người? Cũng có thể mình hoàn toàn vô tâm, vô ý, không cố tình? Cả năm trường hợp ấy, hãy lưu ý rằng, trường hợp thứ nhất, thứ nhì và thứ ba - tội báo rất nghiêm trọng, rất nặng nề. Trường hợp thứ tư thì tôi nhẹ. Trường hợp thứ năm do không có tư tác (cetanā) nên không tạo ác nghiệp, không có tội.

Đức Phật ngưng nói một lát.

Bà Visākhā bất giác thốt lên:

- Ôi! Thật sâu rộng là giới, dù chỉ là một giới thôi - bạch đức Đạo Sư!

- Đúng là vậy đó, này Visākhā! Đức Phật dạy tiếp - Liên hệ đến giới này, có điều quan trọng khác nữa là đối tượng bị giết hại. Nếu giết hại các vị thánh nhân A-la-hán, những bậc phước trí vô lậu là tội rất nặng, thuộc về ngũ nghịch đại tội[1], chắc chắn đọa địa ngục vô gián. Giết cha, mẹ - những bậc có công ơn sinh thành dưỡng dục - tội rất nặng, thuộc ngũ nghịch đại tội như thế. Ngoài ra, giết người bình thường tội nặng hơn giết vật, vì sanh làm người rất khó, phải có rất nhiều nhân duyên và phước báu. Cuối cùng, là giết vật có thức tánh cao, tội nặng hơn là vật có thức tánh thấp.

Bà Visākhā và hội chúng nghe như uống từng lời, từng chữ, hóa ra chỉ một giới đầu tiên "không sát sanh" mà không

[1] Ngũ nghịch đại tội: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm Phật chảy máu, chia rẽ Tăng (tồn nghi: có lẽ năm tội này chế định về sau – vì ít nhất là sau thời gian Devadatta làm Phật chảy máu và chia rẽ Tăng).

đơn giản chút nào. Chỉ có bậc minh tuệ, đại trí mới phân tích rõ ràng như thế.

Đức Phật lại cất giọng phạm âm, nghe như tiếng hải triều vang ngân trong không gian:

- Và tại sao, vì lý do nào, vì nguyên nhân gì mà Như Lai cấm chế sự giết hại, này Visākhā! Vì sự sống vốn bình đẳng, ai cũng yêu quý và muốn bảo vệ sự sống của mình. Vậy tại sao ta quý trọng sự sống của ta mà đang tâm hủy diệt mạng sống của chúng sanh khác? Đấy là lý do, là nguyên nhân thứ nhất. Thứ hai là, vì sự đau khổ vốn bình đẳng, ai ai cũng sợ gươm đao, sợ bị giết hại, sợ chết, sợ đau khổ giống nhau. Tại sao ta biết tránh đau khổ lại nỡ gieo đau khổ cho chúng sanh khác? Cuối cùng, thứ ba là, gieo nhân giết hại thì phải bị quả báo giết hại. Vì muốn ngăn quả báo bị giết hại nên ta phải biết tránh xa nhân giết hại – này Visākhā!

Nghe đến ngang đây, bà Visākhā lại quỳ sụp xuống:

- Đệ tử đã hiểu thấu đáo rồi. Vậy lợi ích thù thắng của giới thứ nhất này còn là như thế nào nữa, bạch đức Tôn Sư?

Rồi sau đó đức Phât lại giảng tiếp, đại ý rằng:

- Những người giữ gìn trọn vẹn giới "không sát sanh, không đoạn lìa mạng sống của chúng hữu tình" này - được tất thảy mười một quả báo lợi lạc như sau: Một, nhờ ngăn ngừa được hành động hung dữ thuộc bản năng, thú tính - người giữ giới này không tạo quả đau khổ cho mình và cho chúng sanh khác. Hại, nuôi dưỡng được năng lượng mát mẻ của tâm từ. Ba, tránh nhân khổ địa ngục. Bốn, sống lâu, không yểu thọ, sức khoẻ, ít bệnh tật. Năm, không bị chết dữ như: Bị thắt cổ; bị xẻo từng miếng thịt, bị chém, bị giết mổ, bị cưa xẻ tay chân. Ngoài ra, không bị quả hành hạ thân xác như bị đánh đập, tra tấn... Sáu, sắc thân luôn luôn tươi tắn, vàng sáng, xinh đẹp. Bảy, người, trời, phi nhân... tất thảy đều mến ưa; mọi người ai ai cũng thích gần gũi. Tám, giấc ngủ không bị mộng dữ, luôn luôn ngủ ngon, an lành như đi

vào giấc thiền vậy. Chín, thân tâm lúc nào cũng thư thái, nhẹ nhàng. Mười, nét mặt lúc nào cũng tươi tỉnh, an hỷ, hiền hòa. Mười một, là nhân sinh cõi trời và người.

Nói khái quát, tất thảy các loài hữu tình, từ bò, bay, máy, cựa, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân cho đến chúng sanh có cánh, không cánh, có vây, không vây... ở trên mặt đất, dưới biển, ao hồ, sông rạch, trên hư không... chúng đều có sự sống, có thức tánh, biết đau đớn - thì người tu học theo giáo pháp của Như Lai phải biết tôn trọng, chẳng nên giết hại.

Tất cả các loài, các loại, các giống chúng sanh ấy, do ẩm ướt, ẩm thấp sanh, do bàng sanh (súc sanh) hay sanh từ trứng[1], chúng đều do sự chi phối, tác động của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Khi chúng trả hết ác nghiệp, chúng có thể trở lại thân người. Trái lại, nếu không tạo trữ phước lành, cứ tà kiến, ngu si, ác độc làm việc dữ thì chúng ta cũng phải bị đọa vào các cảnh giới đau khổ ấy. Để tránh khỏi sự khổ báo và trả vay nhân quả, chúng ta chẳng nên sát sanh hại vật dù sinh mạng chúng nhỏ nhiệm thế nào.

Nói rộng hơn một chút nữa, này Visākhā! Ngay chính cây cối, thảo mộc là loài vô tri, vô giác, không có thức tánh, chúng ta cũng không nên chặt phá bừa bãi vì chúng cũng có "sự sống" vậy.

Nếu biết từ bỏ sự giết hại, người tu tập sẽ tăng trưởng lòng từ; và những trạng thái tâm ác độc, hung dữ lần hồi sẽ lắng dịu. Tâm từ càng phát triển thì tâm sân, ưu, sát, hận sẽ không còn. Và khi ấy, người Phật tử sẽ cảm nghe một năng lực từ hòa, mát mẻ từ bên trong lan tỏa ra bên ngoài, thấm nhuần khắp cả không gian, người, vật, cây, cỏ... lúc ấy là lúc mà giới thứ nhất đã thành tựu, đã tuyệt hảo, trọn vẹn, viên mãn vậy.

---

[1] 4 chỗ sanh: Noãn (trứng), thai, thấp (ẩm ướt), hoá (như chư thiên).

Đến ngang đây, dường như giữa hư không vang vang hai tiếng "sādhu, sādhu – lành thay" rồi rơi xuống một bài kệ ngắn:

"- Muôn loài sự sống đều nhau
Có thân, có thức biết đau như mình
Nỡ nào giết hại hữu tình
Ruột mềm máu chảy, thương sinh não nùng".

Lúc ấy, bà Visākhā tán thán:

- Chỉ một giới bất sát mà sự lợi lạc đã thù thắng như vậy rồi, bạch đức Thế Tôn! Vậy kính xin đức Đạo Sư cho nghe tiếp với giới thứ hai, không trộm cắp!

Thế rồi, sau đó, đức Phật nói về giới không trộm cắp. Ngài nói rằng, cũng như giới bất sát, giới này ta cũng phải kiêng cữ, tránh xa nó, xem nó như một bài học để chiêm nghiệm, để giác ngộ chứ không phải chỉ với hình thức bên ngoài. Người giữ giới này - là không nên lấy bất cứ một vật gì, dù lớn, dù nhỏ, dù có giá trị hay không có giá trị mà chủ nhân chưa cho, chưa vừa lòng cho. Ngoài ra, ta cũng phải phải chiêm nghiệm: Có trường hợp được lấy, được phép lấy mà không phạm giới trộm cắp. Ví như bạn bè thâm giao, thâm tình, biết lấy mà chủ nhân không giận, không tiếc của hoặc biết rằng chủ nhân sẵn sàng biếu tặng. Trường hợp khác nữa, nếu lấy mà biết rằng chủ nhân sẽ hoan hỷ, mừng vui. Như tích thời đức Phật Kassapa: "Khi cốc của ngài bị mưa dột, ngài bảo chư tăng xuống gỡ tranh trên mái nhà của ông thợ gốm Ghāṭikāra - vốn là một vị thánh cư sĩ - lên lợp mà không hỏi, không xin, chưa được cho. Sở dĩ vậy là vì đức Phật Kassapa biết tâm của đệ tử mình, được lấy tranh như vậy là vị thánh sẽ vô cùng hoan hỷ. Mà quả đúng thế, người thợ gốm và cả cha mẹ mù lòa, hỷ lạc phát sanh cả tuần lễ. Còn ngôi nhà không mái của ông thợ gốm, chư thiên phải thường trực đứng canh, dùng thần lực ngăn mưa, đỡ nắng suốt một thời gian dài".

Ngoài hai trường hợp đó ra, thế gian này có rất nhiều hình thức lấy cắp, trộm cắp mà đức Phật khuyên hai hàng cận sự nên tránh. Ví dụ, có kẻ cậy sức mạnh, ỷ quyền thế để lấy, tước đoạt của người. Ví dụ, có kẻ bắt chẹt người trong lúc khó khăn túng quẩn để cho vay nặng lãi. Ví dụ, có kẻ cầm đồ của người ta với giá rẻ mạt. Ví dụ, có người, khi mua thì ép giá, khi bán thì cân non, đong thiếu, hét giá trên trời. Ví dụ, có người buôn bán lại trốn xâu, lậu thuế. Ví dụ, có kẻ mượn của người rồi lấy luôn. Ví dụ, có kẻ được của người mà không tìm cách trả lại.

Nói tóm lại, đức Phật xác định rằng, nếu lấy cắp bằng bất cứ hình thức nào mà do lòng tham bất chánh đều phạm giới trộm cắp cả. Nếu vì nghèo nàn, túng thiếu, vợ con đau ốm, thiếu cơm cháo, thuốc thang mà sinh tâm trộm cắp, dĩ nhiên vẫn mang tội, định luật nhân quả nghiệp báo vẫn làm việc; nhưng tội ấy mọi người có thể châm chước, thông cảm, khả dung. Trái lại, những người giàu có, ăn sung mặc sướng, của dư của để mà còn lường gạt của người, mưu mô thủ đoạn để ăn chặn, cướp giật của người; sống trên mồ hôi, nước mắt của kẻ đói nghèo thì tội ấy quả thật là bất nhân, quả báo sẽ rất nặng nề vậy. Do vậy, đức Phật giảng nói tiếp tục - Những người tu tập theo giáo của Như Lai, phải biết lý do tại sao không nên trộm cắp?

Thứ nhất là do biết tôn trọng quyền sở hữu: Bất cứ thời đại nào, xã hội nào cũng tôn trọng quyền sở hữu của mọi người bằng luật pháp hoặc bằng một hình thức, quy chế nào đó. Ai ai cũng có quyền giữ gìn và bảo vệ của cải, tài sản của mình. Vậy tại sao ta biết bảo vệ quyền sở hữu của mình mà ta lại ra tay cướp đoạt của cải, tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác? Quyền sở hữu bình đẳng là một nguyên tắc đạo lý trong bất kỳ một quốc độ nào, mà người có ý thức phải biết tôn trọng, từ xưa cho đến nay.

Lý do thứ hai là biết nuôi dưỡng tâm bi: Ai ai cũng phải đổ mồ hôi, lao tâm, lao lực mới có được của cải, tài sản. Ai mất của cải, tài sản cũng xót xa, tiếc rẻ, sầu muộn, đau khổ. Chỉ những người có trái tim sắt đá, táng tận lương tâm, thiếu nhân tính mới không rung động, không cảm thấy trắc ẩn, thương tâm trước sự đau khổ của kẻ khác khi họ mất mác tài sản, của cải. Giữ giới này là chúng ta tiêu diệt được sự tham lam, đồng thời nuôi dưỡng tâm bi nữa vậy.

Lý do thứ ba, là tránh quả báo tội tù, nghèo đói hoặc làm thân trâu ngựa. Trong một quốc độ có pháp luật, kỷ cương, tôn trọng quyền sở hữu, lẽ công bằng thì tội trộm cắp bao giờ cũng bị trừng trị, tùy theo nặng nhẹ mà xử phạt tử hình, chung thân hoặc tù ngục, bồi thường... Khi chưa bị bắt, kẻ trộm cắp luôn nơm nớp lo sợ, ăn không ngon, ngủ không yên; luôn tìm trăm phương nghìn cách để trốn tránh, nhất là tội trộm cắp lớn thuộc của cải công cộng, tài sản quốc độ dưới nhiều hình thức như thâm lạm công quỹ, tham nhũng, hối lộ, lừa đảo, gian lận... Khi bị bắt, bị tội tù, tử hình... phận mình đau khổ đã đành, mà còn liên lụy đến cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc nữa. Sự xấu hổ, tủi nhục do đánh mất tư cách đạo đức, nhân phẩm, phẩm giá, thanh danh gia đình - đối với một số người, còn đau khổ gấp trăm lần sự đau khổ thân xác. Lại nữa, nếu trốn tránh được luật pháp thế gian, người trộm cướp cũng không thoát khỏi luật nhân quả báo ứng trừng trị. Trộm cướp của người thì bị người trộm cướp lại. Nhân trộm cướp thường bị quả báo thân tàn ma dại, làm ngạ quỷ đói nhiều đời kiếp, làm người nghèo khổ, bần tiện, hèn hạ, thiếu cơm rách áo, lê lất xin ăn nơi quán chợ, góc đình. Lại rất nhiều đời kiếp nữa phải làm thân trâu ngựa để trả nợ cho người.

Nếu giữ gìn trong sạch được giới thứ hai này, sẽ thu hái được mười một quả báo tốt lành sau đây: Một, tránh xa được những nhân đau khổ cho mình và cho người khác. Hai, tránh

nhân ngạ quỷ, tù tội, đói nghèo hoặc làm thân trâu ngựa. Ba, đời sống hiện tại được an ổn, thảnh thơi. Bốn, được mọi người tin cậy, kính trọng, giao phó những chức vụ quan trọng. Năm, được tiếng tốt, danh thơm. Sáu, phước báu mai hậu giàu sang, không bị cưỡng đoạt, lường gạt. Bảy, người, trời và phi nhân mến ưa. Tám, giấc ngủ an lành. Chín, nuôi dưỡng những đức tính chân thật, liêm khiết, trong sạch, phát triển tâm bi. Mười, có tướng mạo, phong thái, ngôn ngữ, cử chỉ oai nghiêm và đoan chính. Mười một, nhân sinh cõi trời, người.

Nói rộng và khái quát hơn. Của cải, tài sản, cái ăn, cái mặc, phương tiện, nhu cầu sinh sống của mọi người trên thế gian; một phần do phước báu tạo trữ từ nhiều kiếp nên được thọ hưởng sung mãn, dư dật trọn đời; còn đa phần là do lao tâm, lao lực, đổ mồ hôi, sôi nước mắt; chịu khó làm ăn, trăm phương nghìn kế, thức khuya dậy sớm, chăm chuyên cần mẫn, biết để dành, vun quén, tiết kiệm... mới có được.

Cũng có thứ tài sản, của cải, gia tài của một số người do làm ăn phi nghĩa, phi nhân, bất chính. Nhưng chúng hoạnh phát thì hoạnh tàn, sẽ đi kèm theo định luật nhân quả trả vay ngay hiện tại hoặc kiếp sau. Và sự báo ứng, tất nhiên, không thể chạy trốn vào đâu cho khỏi được.

Như vậy, của cải, tài sản xét theo mọi lẽ, người tu tập theo đạo giác ngộ, phải tự biết, nếu khởi tâm trộm cắp đã là ý nghĩ bất chánh, đã do lòng tham khởi động, xúi giục, sai bảo rồi. Là nô lệ của vô minh, ái dục và si mê rồi. Nếu không tỉnh thức, tự chủ, tự chế... thì lòng tham kia sẽ che mờ tâm trí, bịt mắt lương tri, rồi nó sẽ dẫn chúng ta đến chỗ tội tù, lao hình thống khổ. Các tội ác khác, đôi khi cũng từ đó mà đồng loạt dấy sanh. Những mưu mô, thủ đoạn, ác độc, lường gạt, giết người, gian dối, tham nhũng, hối lộ, san đoạt tài sản... xảy ra hằng ngày hằng giờ trên thế gian, không là bài học máu xương cho chúng ta suy ngẫm hay sao? Và khi

ấy, vòng trầm luân bất định của những con đường đau khổ, một lần rơi đọa, biết mấy triệu kiếp sau mới trở lại thân người? Chỉ cần một tí liên tưởng, một chút tư duy, người tu học sẽ vĩnh viễn không dám thò tay, nạy cửa, lấy cắp tài sản, của cải của người, của thôn ấp, xóm làng. Không những hiện vật có giá trị mà những thứ ít có giá trị hoặc không có giá trị gì mấy, con người có lương tri, chơn chính cũng sẽ không lấy khi vật ấy chưa được cho, chưa được sở hữu chủ bằng lòng hoặc hoan hỷ cho.

Như thế, chỉ không khởi tâm trộm cắp, từ bỏ không lấy cắp đã là một phước lành cao cả, sẽ đem đến an vui, an toàn cho mọi người xung quanh rồi. Khi ấy, những hiện vật trưng bày ở những nơi công cộng như công viên, đường sá, vườn hoa, nhà mát, khu di tích lịch sử, văn hóa... ở đâu đều nguyên vẹn ở đó, được tất thảy mọi người bảo vệ và tôn trọng. Lúc ấy, nhà nhà không cần đóng cửa, không ai cần thiết phải kín cổng, cao tường, rào chông mấy lớp. Các loại ổ khóa không cần dùng. Của rơi dọc đường không ai thèm lượm, nếu nhặt được người ta sẽ tìm cách hoàn lại cho khổ chủ. Khung cảnh và không khí thanh bình tuyệt vời ấy quả là như thời đức Chuyển pháp Luân, mà con người không thể ước mơ được hay sao?

Thời nay, ta có thể có thơ rằng:

"- Trộm cắp, lấy cướp của người
Làm thân trâu ngựa bao đời trả xong
Lại còn đói khổ chất chồng
Thây ma, xác quỷ trôi sông, dạt bờ".

Buổi giảng hôm ấy vừa đên ngang đây thì trời đã chiều tối, nên ngày hôm sau đức Phật phải giảng tiếp. Lúc nói đến giới thứ ba, đức Phật phân tích cặn kẽ về tà dâm, tà hạnh sau đó mới đề cập đến giới không hành dâm, như là một tiêu chí phạm hạnh của những cận sự muốn xuất gia một ngày khi thọ trì bát giới.

Cũng tương tự như hai giới đầu, đức Phật dạy, thọ trì giới thứ ba này phải kiêng cữ, tránh xa tà dâm, tà hạnh, xem nó như là bài học để chiêm nghiệm. Các gia đình chỉ nên duy trì quan hệ một vợ, một chồng. Thủy chung và đức hạnh vẫn là cái đẹp muôn đời trong truyền thống gia đình ấm cúng của mọi quốc độ.

Vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là chơn chánh, không được chính thức mà phi lễ, lang chạ với vợ chồng người thì gọi là tà hạnh. Ngay cả mở lời sàm sỡ, tục tĩu, chọc ghẹo vợ con người, người tu học cũng không nên có. Ăn nói hoa tình, mắt liếc mày đưa, ưỡn ẹo vô duyên với trai, người nữ như vậy là đã thiếu đoan chính, dẫn đến phạm giới này không mấy hồi.

Sở dĩ phải giữ gìn giới này: Vì, thứ nhất, là bảo vệ hạnh phúc gia đình mình: Không có gì bất hạnh, đen tối hơn khi trong một gia đình mà người chồng hoặc vợ có dạ riêng tư, tà vạy. Hạnh phúc gia đình đâu còn khi vợ chồng mà "ông thì ăn chả, bà thì ăn nem?"[1] Sự yên ấm đâu còn khi vợ chồng không tin nhau, nghi ngờ, nghi kỵ lẫn nhau? Điều kiện thiết yếu để giữ vững nền tảng gia đình chính là sự yêu thương, chung thủy, tin cậy giữa hai vợ chồng. Những chuyện ghen tuông, cãi vã, đánh đập nhau... kéo theo biết bao nhiêu là đổ vỡ, thống khổ, vợ chồng con cái ly tán - đều do một trong hai người không kiêng cữ giới này vậy.

Thứ hai, là biết tôn trọng hạnh phúc gia đình người khác: Ai cũng muốn gia đình mình được hạnh phúc ấm êm. Ai cũng muốn vợ chồng thương yêu, chung thủy với nhau đến răng long đầu bạc. Vậy giới không tà hạnh vừa giúp ta bảo vệ hạnh phúc gia đình mình, đồng thời, biết tôn trọng hạnh phúc gia đình người khác nữa.

Thứ ba, là tránh quả báo xấu xa, oán thù và đau khổ. Vì

[1] Mượn tục ngữ thời nay.

"Kẻ bị bao trùm trong ái dục, kinh hoàng như thỏ nằm trong rọ; bị thằng thúc trói buộc, siết chặt, kẻ ấy còn phải chịu đau khổ triền miên". Xưa nay, những hậu quả thảm khốc, đen tối do sự đắm say sắc dục gây nên thật là khôn lường. Biết bao cảnh nhà tan, cửa nát, đau thương, bất hạnh xẩy ra hằng ngày trên thế gian thường do tà hạnh và bất chánh cả. Trong các sự oán thù, không có sự oán thù nào mãnh liệt do lừa dối, ngoại tình hay phụ tình gây nên. Các án mạng, thanh toán đẫm máu, hận thù dai dẳng; tội ngoại tình đóng góp nguyên nhân, viết lên những bi sử từ quốc độ này sang quốc độ khác cũng không nhỏ vậy.

Người phạm tội này, nhiều kiếp về sau còn bị quả báo trừng trị nữa: Như gia đình bị phân ly, tan nát. Sinh được làm người thì bị thiến, sinh làm thú cũng bị thiến. Mang thân nửa nam, nửa nữ. Sống đoạ đày trong cảnh giới tối tăm, đau khổ.

Người giữ trọn được giới này sẽ có được mười một lợi ích sau đây: Một, bảo vệ được hạnh phúc gia đình mình. Hai, nuôi dưỡng tâm đoan chính. Ba, tránh được nhiều quả báo họa hại, đau khổ. Bốn, tình duyên không éo le, trắc trở. Năm, gia đình trọn đời không bị ai quấy nhiễu, xâm phạm, được ấm êm, đoàn tụ. Sáu, có sắc thân cân đối, vẹn toàn, tươi sáng, xinh đẹp. Bảy, giấc ngủ an lành. Tám, thân tâm thư thái, nhẹ nhàng. Chín, không kết oán, kết thù với một ai. Mười, được người, trời, phi nhân mến ưa. Mười một, nhân sinh cõi trời và người.

Gia đình là nền tảng của quốc độ. Gia đình có hạnh phúc, an vui thì quốc độ mới hạnh phúc, an vui. Thật không thể quan niệm được khi một quốc độ thịnh mãn về vật chất, áo cơm, lại có thể đem đến hạnh phúc cho mọi nhà, khi mọi nhà ấy vợ chồng tự do ngoại tình, tự do lăng nhăng, tự do bỏ vợ, bỏ chồng để tư tình, thương yêu người khác.

Tương tư như tục ngữ thời nay nói: "Thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn". Thuận là hòa thuận. Hòa thuận là do thương yêu, hòa hợp, đùm bọc, chia sẻ ấm lạnh ngọt bùi, vui buồn gian khổ có nhau, không bao giờ phụ rẩy, hắt hủi, bạc tình, bạc nghĩa với nhau.

Giáo pháp của đức Phật là con đường xuất ly thế gian nhưng mà không đoạn tuyệt thế gian; vẫn phân biệt rõ ràng đâu là hạnh phúc thế gian đâu là hạnh phúc siêu thế. Và đối với người tại gia, hạnh phúc gia đình luôn được ngài nhắc nhở, dạy bảo tận tình và chu đáo. Lác đác trong kinh điển, đức Phật thường giáo giới đến hàng tại gia biết cách vun quén, xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình mình. Những bổn phận của vợ đối với chồng, của chồng đối với vợ, trong đó sự thương yêu và lòng chung thủy luôn được xem trọng hàng đầu. Như vậy, khi muốn gia đình mình được hạnh phúc, an vui thì người con Phật không nên phá hoại hạnh phúc và an vui của gia đình người khác.

Khi vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy; lại đem san sẻ tình yêu cho người khác; thì những gấu ó, bất hòa, lời qua tiếng lại, đưa đến phân ly, tan nát là một viễn cảnh vô cùng đen tối. Con cái, từ đó sẽ không có nơi nương tựa khi vợ chồng người mỗi nơi mỗi ngã. Chúng sẽ sinh ra hư hỏng, cướp của, giết người, hình lao, tù tội... thật không mấy xa! Thiếu vòng tay mái ấm gia đình, chúng sẽ mất niềm tin với cuộc đời, trái tim sẽ băng lạnh, nhân tính từ đó có thể biến đổi vô cùng thê thảm.

Thời nay, ta có thơ rằng:

"-Thương nhau sao nỡ phụ nhau
Bạc tình, bạc nghĩa ôm bầu trăng hoa
Thói quen ác hạnh, dâm tà
Nát tan mái ấm, chết sa khổ đồ".

Đấy là nói giới tà dâm, tà hạnh trong ngũ giới. Riêng giới "không hành dâm" trong bát quan trai thì được giữ gìn

như bậc xuất gia. Chính nó là duyên lành để cho người thọ giới này khắng khít hơn với những pháp thanh lương, cao cả đúng như đời sống sống phạm hạnh vậy, dù chỉ một ngày.

Bây giờ đến giới "không nói dối". Các vị kết tập sư còn đã để lại câu kinh văn: "Tôi thọ trì điều học là kiêng cữ (tránh xa) sự nói dối".

Người đã thọ trì giới này thì không nên nói sai sự thật mà phải nói đúng sự thật. Đừng dựng đứng câu chuyện mà nói. Đừng đặt điều, thêm thắt khác xa với sự thật. Đừng nói vu oan, vu cáo để hại người. Gặp trường hợp nói đúng sự thật có thể hại người, đưa người vào tù tội, hoặc sự thật ấy nói ra có thể gây oan trái, oán thù, gây ngộ nhận, bất mãn thì nên giữ im lặng tốt hơn. Lại còn có những sự thật có vẻ nhạt nhẽo, vô duyên, dung tục, phù phiếm thì cũng không nên nói làm gì!

Sống ở đời với công ăn việc làm, với phải trái, đục trong phức tạp, người cận sự tại gia khó giữ giới này cho trọn vẹn, nên có thể linh động chút ít. Nói dối để đùa vui, nói dối mà không hại mình, hại người thì có thể châm chước được. Tuy nhiên, nếu thiếu tỉnh giác thì sự nói dối ấy có thể đưa đến thói quen nguy hại, trở thành "thường nghiệp" thì rất nguy hiểm! Khi "nói dối mà chơi" nhiều quá, ta sẽ dần dần đánh mất sự đứng đắn, chững chạc cần thiết của một nhân cách trưởng thành; sẽ không còn ai tin cậy để giao phó những công việc quan trọng có tính mô phạm, giáo dục. Tốt nhất, có sao nói vậy, sự thật sao nói vậy, để tự rèn luyện phẩm chất đứng đắn, cao đẹp của con người.

Người xuất gia thì cần phải giữ giới này nghiêm túc hơn, vì rằng, có tội nói dối sẽ bị trục xuất khỏi Tăng đoàn. Ví dụ mình chưa đắc pháp bậc thượng nhân – như đắc thiền, đắc đạo - mà nói rằng mình đã đắc pháp bậc thượng nhân! Đây là một trong bốn tội bất cộng trụ, không cho ở cùng với Tăng nữa, bị trục xuất khỏi giáo hội. Lại nữa, lời nói chân

thật phát sanh từ suy nghĩ chơn chánh, chánh tư duy; suy nghĩ chơn chánh phát xuất từ thấy biết chơn chánh, chánh kiến. Chánh kiến và chánh tư duy thuộc về tuệ phần, quan trọng nhất trong bát chánh đạo, con đường đưa đến giác ngộ, giải thoát vậy.

Lý do ta phải giữ giới không vọng ngữ - là vì tôn trọng sự thật: Giáo pháp của đức Tôn Sư là đạo như thật, là đạo của sự thật nên hai hàng cận sự phải biết tôn trọng sự thật. Người quen có nói không, không nói có, phải nói trái, trái nói phải, điều nghe nói không nghe, điều không thấy nói thấy... lâu ngày sẽ quen với sự dối trá, đánh mất hẳn sự chân thật thì khó bước theo con đường như chân như thật, tôn trọng sự thật của đạo giác ngộ vậy.

Lý do thứ hai là bảo vệ sự trung tín: Trong một quốc độ mà ai cũng không tin ai, ai ai cũng sống trong lừa phỉnh, dối trá, thiếu chân thật thì xã hội ấy, con người ấy sẽ đen tối, sa đọa và bất hạnh như thế nào? Hạnh phúc gia đình và xã hội không thể có được khi mọi người lấy lời nói không thật để gạ gẫm, láo lường, bất tín mà đối xử, giao tiếp với nhau. Đức trung tín, chân thật đối với cuộc đời, từ xưa đến nay, như những đóa hoa tươi thắm sắc hương, nở giữa vùng sỏi đá khô cằn, hiến dâng mùa xuân cho sa mạc lòng người và nắng cháy tình đời vậy.

Lý do thứ ba là vì muốn tránh những quả báo đau khổ: Người nói dối tuỳ mức độ nặng nhẹ mà bị những quả báo sau đây: Đoạ địa ngục nếu do tâm ác độc, nói dối để hại chết người hoặc đẩy người vào chốn tội tù. Đoạ ngạ quỷ nếu lời nói dối đưa người khác đến chỗ phá sản, đói cơm rách áo. Nhiều đời kiếp đau khổ nếu lời nói dối do tâm ác độc, tham lam, khát vọng, mưu đồ đê hèn, bất chánh. Nhiều đời mặt mũi bị khuyết tật, nhất là miệng méo, miệng hôi, miệng xấu, miệng bị lở loét, sứt môi hoặc kỳ hình dị dạng. Bị mọi người khinh rẻ, xem thường; chẳng ai tin tưởng để giao phó trọng

trách, đúng như sách người đời nay nói: "Nhân vô tín, bất lập"[3] vậy. Kẻ ấy sẽ bị nghèo đói, túng thiếu, không thể có công danh, địa vị, sự ngiệp vững bền. Khi chết sẽ bị đoạ vào bốn đường khổ.

Người giữ gìn được giới "không vọng ngữ" thì có được cả thảy mười ba phước báu sau đây. Một, ngăn ngừa được rất nhiều quả báo đau khổ. Hai, được người đời nể nang, tin cậy. Ba, nuôi dưỡng đức tính chân thật, trực hạnh, thiện hạnh, ưng lý hạnh, pháp hạnh. Bốn, công danh, sự nghiệp, địa vị vững vàng và sang cả. Năm, mặt mũi đoan chính. Sáu, tránh được nhân họa hại, ly gián, vu oan. Bảy, tâm hồn thư thái, mát mẻ. Tám, giấc ngủ an lành. Chín, không có kẻ thù hiềm, ganh ghét. Mười, vào hội chúng nào cũng không sợ hãi. Mười một, tướng miệng và lưỡi đẹp đẽ. Miệng thơm tho, lưỡi dài rộng, âm thanh vang như chuông ngân, du dương, trầm bỗng. Mười hai, dễ thuyết phục mọi người, lời nói ra ai cũng nghe, cũng tin. Mười ba, là nhân sanh cõi trời và người.

Rải rác trong kinh điển, đức Phật còn giảng sâu rộng về giới này, ta có thể tóm lược khái quát:

Thế gian ai cũng ưa ăn ngay nói thật. Lời nói chơn chánh, chân thực, biểu hiện đức độ, sức mạnh nội tâm, đem đến sự tin tưởng, tin cậy, tín cẩn ngọt ngào và dễ mến giữa cuộc đời này.

Những kẻ vọng ngữ thường bóp méo sự thật, xuyên tạc lẽ phải thường đem đến nhiều nguy hại, khổ đau và bóng tối cho trần gian biết là ngần nào?

Có lời nói dối đưa đến chém giết, hận thù.

Có lời nói dối làm cho người ta tán gia, bại sản.

---

[3] Người không có chữ tín - tức là nói dối – không được đặt để vào đâu cả, có nghĩa là bỏ đi.

Có lời nói dối phá vỡ bình yên, hạnh phúc của người khác.

Có lời nói dối đưa kẻ khác đến tội tù, gia đình người ta phân ly, tan nát.

Có lời nói dối chận đứng sự tiến thân, danh vọng hoặc sự nghiệp của người khác.

Có lời nói dối làm cho người ta tức uất thổ huyết mà chết.

Có lời nói dối đưa đến ganh ghét, đố kỵ, tỵ hiềm.

Có lời nói dối làm cho người thân, huynh đệ, bạn bè suốt đời không nhìn mặt nhau...

Là người thọ trì điều học này, chỉ có việc "từ bỏ những lời nói nói dối" đã là tốt đẹp và cao cả lắm rồi. Trên phương diện lan lây ảnh hưởng, nghiệp lành này mang đến cho cuộc đời sự bình yên; hoặc ít ra là tạo được không khí trong lành, không bị ô nhiễm bởi những tác hại do những lời nói dối gây ra.

Ôi! cuộc đời này sẽ dịu dàng và tinh khiết dường bao khi xung quanh ta đều là những người không biết nói dối, không bao giờ nói dối! Trong vô số tiền kiếp của đức Phật, thuở thực hành hạnh ba-la-mật, Bồ-tát, dù có lìa bỏ sanh mạng, bị hành thân hoại thể, bị sỉ nhục đắng cay; chắc chắn không vì vậy mà ngài lại nói dối hại người! Vậy, không nói dối là phẩm chất cao thượng, là đức tính quí báu mà ai cũng có sẵn trong chính mình; cần được bảo vệ, phát huy và trưởng dưỡng cho đến độ viên mãn.

Bèn có thơ rằng:

"- Lời nói chẳng mất tiền mua
Tự tâm có sẵn, vốn xưa đầy bồ
Lìa xa dối vạy quanh co
Ngữ ngôn chân thật, thước đo đạo tràng".

Trong ngày thọ trì bát quan trai giới, ở tịnh xá, tu viện hay tư gia, hai hàng cận sự thường dành trọn thì giờ cho việc

hành thiền, niệm Phật, niệm pháp, niệm thí, niệm giới, niệm thiên... kinh hành, nghe pháp... thì giới không vọng ngữ này còn giúp ta tránh được lời nói vu oan, vu cáo; tránh được lời nói cộc cằn, thô lỗ, chửi rủa, mắng nhiếc, ác ngữ; tránh được lời nói nhảm nhí, vô ích, rỗng không, phù phiếm nữa.

Lời nói dối đã độc hại, nguy hiểm mà lời nói vu oan, vu cáo kẻ khác còn thâm hiểm, độc ác hơn nhiều. Lời nói dối, ban đầu, có thể do tham sân điều động nhưng chỉ ở mức độ vừa phải. Lên đến cấp độ vu oan, vu cáo thì tham sân ấy đã cương mãnh hơn nhiều. Đã trở nên mù quáng lý trí, đã đánh mất nhân tính, đã rời xa đạo đức, luân lý và lẽ phải ở đời. Tham sân ở đây đã trở nên tham độc và sân độc, đã biến con người đầy đủ nhân tính, thiện lương thành các loài rắn rít, bọ cạp hoặc độc trùng ghê tởm khác.

Là người con Phật chơn chánh, không những phải giữ trọn giới không nói dối mà còn biết từ bỏ lời nói vu oan, vu cáo, giá họa, đẩy người khác đến chỗ không tội mà thành tội, không làm mà thành làm, xô người khác vào vực thẳm tội tù hoặc suốt đời bị đọa đày, oan khuất, tối tăm, thống khổ.

Cho nên có thơ rằng:

"- Vu oan, vu cáo hại người
Một lời giá họa nặng mười ác tâm
Độc trùng, dã thú chớ gần
Miệng lời rắn rít, lụy thân nhiều đời".

Rồi còn tại sao chúng ta nên từ bỏ lời nói cộc cằn, thô lỗ, chửi rủa, mắng nhiếc, ác ngữ? Tuy những lời nói thuộc loại này không ác độc bằng hai cách nói trên nhưng cũng chẳng hay ho, tốt đẹp gì, đều đem đến nguy hại cả. Lời cộc cằn, thô lỗ, chửi rủa, mắng nhiếc... biểu hiện một trạng thái tâm chưa được huấn luyện. Ấy là cái tâm đang còn hoang dã, bản năng, thô xấu, thiếu văn hóa, thiếu giáo dục, thiếu gia phong, lễ giáo nề nếp con nhà! Những lời nói như thế ấy

làm đau lòng người khác, thường đưa đến sự xô xát, đánh đập tay chân hoặc đùi gậy, dao búa đến sứt đầu, mẻ trán mà thôi.

Người có học thức, hiểu biết, nội tâm đã được huấn luyện, có tu tập; thường dễ dàng tránh xa những lời nói kiểu này. Là người thọ trì bát quan trai giới, ngôn ngữ nói ra phải dịu dàng, từ ái, khiêm tốn dễ nghe. Người ta thường ví miệng thơm như hoa lan để nói đến người có lời nói chân thật, ái từ là vậy.

Bèn có thơ rằng:

"- Cộc cằn, thô lỗ ai ưa?
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau
Tâm hoa thơm ngát, thơm lâu
Từ hòa, ái ngữ một câu miệng vàng".

Rồi còn tại sao chúng ta nên từ bỏ lời nói nhảm nhí, vô ích, rỗng không, phù phiếm?

Rõ ràng ai cũng biết, những cách nói như thế ấy quả là làm mất thì giờ vô ích. Chỉ có kẻ ngồi lê đôi mách, ăn rỗi ở thì, nội tâm trống rỗng, không có việc làm, không nghe kinh pháp, nhàn cư, thiểu học... mới rơi vào trường hợp này.

Người xưa nói: Một ngày không đọc sách, một ngày hôi miệng! Thế còn những kẻ rỗng không, vô tích sự, giết thì giờ trong những câu chuyện tục tĩu, nhảm nhí thì nội tâm và trí óc họ chứa đựng những gì?!

Vậy, những cận sự nam nữ có tam qui, có ngũ giới, có bát quan trai giới, có tu tập và biết phát triển những nghiệp lành, đừng nên coi những cách nói rỗng không, nhảm nhí kia là chuyện nhỏ mọn! Một hạt bụi tí ti rơi vào mắt cũng làm cho mắt phải bị nhức nhối, xốn xang. Một chút dơ uế lấm lem vào tâm, khinh thường lâu ngày thì cái tâm kia cũng trở nên đen đúa và xấu xa! Những giọt nước rỉ từng giọt lâu ngày cũng đầy tràn sông hồ, ao biển...

Nói đến ngang đây, đức Phật lại đọc kệ:

"- Nước rơi từng giọt giọt thôi
Lâu ngày chầy tháng đến hồi tràn lu
Chút chút việc ác mặc dù
Ngày qua tháng lại, người ngu ác đầy!"[1]

Những lời nói rỗng không, nhảm nhí, tục tĩu, vô ích... lâu ngày thành thói quen, tích lũy thành nghiệp ác. Những lời nói bỡn cợt, ba lơn, ba láp, ba xàm; ban đầu tưởng là vô hại, nhưng lâu dần chúng trở thành cá tính khó rời; khiến ta thành kẻ không đứng đắn, thiếu tư cách, mất phẩm chất thật là uổng phí vậy. Khi mà đã trở thành như thế thì kẻ ấy dù có chân đứng, địa vị, danh vọng và sự nghiệp gì trên cuộc đời cũng sẽ bị người coi khinh, khi rẻ, nhạo báng, xem thường!

Cho nên có thơ rằng:

"- Rỗng không, tục tĩu, vô duyên
Miệng lời nhảm nhí, trí hiền chẳng ưa
Chẳng nên thêu dệt thiếu thừa
Đẹp ngôn, đẹp khẩu lại vừa thơm hương".

Bây giờ nói đến giới thứ năm là không dùng rượu men, rượu nấu hoặc các chất say? Tại sao? Nhân và quả của nó như thế nào?

Rượu và các chất say làm lú lẫn tâm trí, rối loạn thần kinh. Kẻ say sưa, nghiện ngập thường không làm chủ được mình, dễ bị đánh mất tư cách, nhân phẩm, mất tác phong đạo đức. Chúng là nguyên nhân của mọi bất hạnh gia đình, nhà tan cửa nát, vợ chồng, con cái bất hòa, ly tán...

Rượu và chất say tuy không trực tiếp tạo những tội ác như giết người, cướp của, tà hạnh, nói dối... nhưng nó là nguyên nhân gián tiếp. Khi không còn làm chủ được mình, đã mất nhân tính thì nó không từ nan bất cứ một hành động xấu xa, hèn hạ hoặc hung dữ, bạo tàn nào trên cuộc đời nầy.

---

[1] Kinh Pháp cú 121: "Māvamannetha pāpassa, na mantaṃ āgamissati; udabindunipātena, udakumbhopi pūrati; bālo pūrati pāpassa, thokaṃ thokampi ācinaṃ".

Vậy, người con Phật khi thọ trì năm giới, tám giới nên dứt khóat xa lìa nó vì hạnh phúc của mình và hạnh phúc của những người xung quanh mình.

Sở dĩ đức Phật cấm chế giới này, thứ nhất là nhằm bảo toàn định và tuệ: Rượu và các chất say là nguyên nhân đánh mất sự định tĩnh tâm hồn (định) và sự sáng suốt của tâm trí (tuệ). Rượu còn nguy hại hơn độc dược. Độc dược chỉ làm chết một thân, một đời; nhưng rượu có thể làm chết nhiều thân, nhiều đời. Khi say sưa, nghiện ngập, tâm trí mê muội, người ta có thể tạo nên những ác nghiệp không lường được... Nếu lỡ bị đọa một kiếp rồi, thì dòng trầm luân còn kế tục trôi chảy đau khổ cho đến nhiều đời, không biết bao giờ trở lại thân người để tiếp tục tu học.

Lý do thứ hai, là nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình cho mọi người: Kẻ đắm chìm vào rượu men, rượu nấu, các chất say thì khó bảo toàn hạnh phúc gia đình, khó gìn giữ sự nghiệp, gia sản, địa vị trong xã hội. Cha mẹ mà đắm nhiễm vào rượu và các chất gây say thì không những đánh mất hạnh phúc chồng vợ, mà đời sống con cái sẽ trở nên đen tối, bấp bênh, bất hạnh... dễ dẫn đến lêu lổng, tội phạm - là gánh nặng cho quốc độ vậy.

Lý do thứ ba là nhằm tránh hậu quả đau khổ: Một số tội ác mà người say, nghiện tạo ra, có thể phạm ngũ nghịch đại tội (giết cha, mẹ) hoặc giết cả vợ con ... Họ có thể hành động như kẻ điên nên sự tai hại của nó thật vô lường. Ta có thể đúc kết thành hai mươi điều tai hại tiêu biểu sau đây: Một, của cải rơi mất. Hai, thiếu trầm tĩnh, ổn định. Ba, tăng trưởng tâm ác hại. Bốn, trí tuệ kém dần. Năm, sự nghiệp chẳng thành. Sáu, bị thế gian khinh bỉ. Bảy, nhận chịu nhiều thống khổ. Tám, thân nhiều tật bệnh. Chín, sinh nóng nảy, dễ giận dữ. Mười, tâm sân phát triển. Mười một, tính khí bồng bột. Mười hai, phước đức tiêu mòn. Mười ba, tuổi thọ thối giảm. Mười bốn, tán gia, bại sản. Mười lăm, vợ chồng

bất hòa. Mười sáu, con cái hư hỏng. Mười bảy, thiếu thốn, đói nghèo. Mười tám, bất nhân, bất tín, bất nghĩa. Mười chín, ngu si, điên đảo. Hai mươi, mệnh chung, đoạ bốn đường dữ.

Người thọ trì giới này, vừa ngăn chặn các điều tai hại kể trên vừa thâu hái được mười một kết quả tốt lành: Một, luôn định tĩnh, sáng suốt. Hai, gia đình có hạnh phúc. Ba, dễ dạy bảo con cái. Bốn, bảo toàn được danh vọng, địa vị, sự nghiệp. Năm, người đời nể trọng. Sáu, thần sắc ôn hòa. Bảy, giữ gìn được của cải, tài sản. Tám, đời sống ấm no. Chín, sức khoẻ tốt, ít bệnh tật. Mười, tăng tuổi thọ. Mười một, nhân sanh trời, người.

Tất cả đấy là những lợi và hại, nhân và quả của ngũ giới mà đức Phật đã giảng giải rất tận tường cho bà Visākhā và hội chúng hôm ấy. Sau đó, đức Phật thuyết thêm cho những ai muốn hiểu rõ ràng, tường minh về bát giới. Người nào thọ trì ngũ giới thì giới thứ ba là không được tà dâm, tà hạnh; người nào thọ trì bát quan trai[1] thì giới thứ ba phải biết kiêng cử, tránh xa việc "đôi lứa" trong ngày hôm ấy. Ngoài ra, còn có ba giới nữa, người thọ trì bát quan cũng nên hiểu nhân và quả, lợi và hại của chúng ra sao..

Giới thứ sáu là không ăn sái giờ. Các bậc xuất gia phạm hạnh không dùng vật thực vào buổi chiều, chỉ dùng bữa ăn chính vào buổi trưa, xế ngọ hai lóng tay là không được dùng nữa. Sở dĩ đức Phật cấm chế giới này là để cho chư tỳ-khưu khỏi mất thì giờ trong việc nuôi mạng, nhờ vậy, có nhiều

[1] Bát quan trai phát xuất từ chữ uposatha - tức là ngày sám hối hay đọc tụng giới bổn của chư tỳ-khưu tháng 2 lần. Vậy, phải hiểu rằng, bát quan trai có nghĩa là "tám cửa thanh tịnh" hay là " tám cửa đưa đến thanh tịnh"; chứ không nên hiểu sai lầm, trai này là chay rồi nghĩ là ăn chay. Chữ "ngọ trai" cũng vậy; tức là không được dùng sái giờ, quá ngọ không độ thực nữa nên gọi là "trai". Hán tạng cũng nói vậy: "Trai giả, khiết giả, quá ngọ bất thực vị chi trai" – nghĩa, trai là tịnh vậy, quá ngọ không ăn, gọi là trai.

thời gian để tu tập hơn. Lại nữa, không dùng vật thực buổi chiều, thân tâm sẽ nhẹ nhàng, tránh khỏi những hôn trầm, thụy miên thường do ăn no mang đến. Những người học hành, tu tập, nhất là thiền định rất dễ thấy rõ sự lợi ích của giới này.

Người tại gia khi thọ trì bát giới, một ngày một đêm sống đời xuất gia - nên cũng phải kiêng cữ chuyện ăn uống, nấu nướng bận rộn phiền hà. Làm được vậy, thân sẽ nhẹ nhàng, tâm sẽ thanh thản. Chúng chính là môi trường thuận lợi, mát mẻ cho những trạng thái tâm tốt đẹp nẩy lộc, đâm chồi. Nếu có tu thiền định thì tâm rất dễ an trú.

Giới thứ bảy: Người xuất gia thường tránh xa những chỗ vui chơi nhảm nhí, phù phiếm, vô ích như khiêu vũ, múa hát, đờn kèn; lại cũng tránh xa sự trang điểm phấn son, dầu thơm cùng các loại trang sức như ngọc, vàng, xuyến, nhẫn...

Người thọ bát quan trai giới phải biết giữ giới này để sống một ngày, một đêm tĩnh lặng, giản dị, trong sáng; là duyên lành để cho tâm được khắng khít với các pháp thanh lương, cao cả hơn.

Giới thứ tám: Chư tăng trong giáo hội của đức Tôn Sư, rất nhiều tỳ-khưu họ sống ở rừng, nghĩa địa, cội cây, chỗ có mái che, chỗ không có mái che... Đâu cũng là giường nằm, đâu đâu cũng là bồ đoàn, tọa cụ; gối cỏ, nằm sương là chuyện bình thường. Và thật sự là kẻ xuất gia thì ai cũng thích sự ăn ở giản dị, ai cũng từ chối chỗ ngủ, nghỉ, ngồi, nằm quá kiểu cách, xa hoa. Do vậy, người cư sĩ muốn học hạnh xuất gia thì cũng phải biết tránh xa chỗ ngồi nằm cao sang, lộng lẫy, những tiện nghi quá kiểu cách của thời đại. Người có tâm tu, ai cũng giữ giới này được cả.

Nói tóm lại, giữ ngũ giới là điều kiện, là yếu tố, là nhân tố cần thiết để bảo vệ một đời sống trong lành, hiền thiện cho hai hàng cận sự. Chúng là đội quân thiện pháp để ngăn ngừa ác nghiệp và phiền não. Vì vậy, trong ngũ giới, giữ

được một giới là ngăn được một tội, trừ được một điều ác. Đối với người con Phật, ngũ giới có tính bắt buộc. Riêng bát quan trai giới thì hoàn toàn tự nguyện, và mỗi tháng mấy ngày[1] cũng tùy mỗi người. Ai giữ bát quan trai giới thì có phước báu. Ai không thọ trì bát quan trai thì không có phước báu, cũng không có tội chi cả.

Phước báu của bát quan trai giới cao thượng, thù thắng hơn ngũ giới. Nếu phước báu của ngũ giới là những hạnh phúc, an vui, sang cả ở các cõi người và trời - thì phước báu của bát quan trai cũng y như thế, nhưng thù thắng hơn, lại còn gieo duyên với đời sống xuất gia phạm hạnh sau này nữa. Nói cách khác, vừa được thọ hưởng hạnh phúc hữu vi vừa được gieo duyên với hạnh phúc vô vi (phước hữu lậu và phước vô lậu). Do vậy, những ai có lý tưởng giác ngộ, giải thoát nên tạo sẵn hạt giống lành bát giới ở trong tâm, vì nó chính là tương lai mai hậu cho lộ trình thánh quả của mình vậy.

Bèn có thơ rằng:

"- Một ngày thọ bát quan trai
Một ngày thanh thản ơi ai nhớ cùng!
Buông tay bỏ việc trần hồng
Gieo duyên giải thoát thong thong cửa thiền".

Thật là chưa có một thời pháp nào mà gồm đủ cả ngũ giới và bát quan trai giới – dành riêng cho bà đại tín nữ hiền thiện và hội chúng tại Đông Phương Lộc Mẫu vào dịp an cư mùa mưa năm ấy.

---

[1] Ngày nay, trên thế giới, có quy định những ngày thọ bát quan trai, như sau: 1- Mỗi tháng có 8 ngày nên thọ: 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30 (tháng thiếu thì 28, 29). 2- Nếu tính thêm ngày "rước" và ngày "đưa" thì có 12 ngày nữa: 1, 4, 6, 7, 9, 13, 16, 19, 21, 22, 24, 28 (nếu tháng thiếu thì 27). 3- Nếu muốn thọ một tháng hai ngày thì nên chọn ngày 14 và 30. 4- Nếu chọn 4 ngày thì 14, 30, 8, 23.

Thu Phục Rồng Chúa Nandopananda[1]

Hôm ấy, trưởng giả Ānathapiṇḍika sau khi nghe xong thời pháp tại Kỳ Viên, ông rất hoan hỷ về quả báu của sự cúng dường Tam Bảo nên cung kính đảnh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Con muốn làm phước sự không mệt mỏi, vậy thì ngày mai, kính thỉnh đức Thế Tôn cùng với Tăng chúng tỳ-khưu năm trăm vị, đến tư gia để cho gia đình con được đặt bát cúng dường!

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Vào canh chót đêm ấy, như lệ thường, đức Phật nhập đại bi định, xuống cận hành định rồi quán xét khắp thế gian, xem có chúng sanh nào hữu duyên có thể hóa độ chăng? Trong vùng ánh sáng trong suốt của tâm trí thuần tịnh, rồng chúa Nandopananda hiện ra; đức Phật biết rằng nó có đủ duyên lành, mặc dầu là loài rồng rất hung dữ, đặc đầy tà kiến, không có đức tin, lại nhiều năng lực thần thông; nhưng cuối cùng, nó cũng biết tìm về nương tựa nơi ba ngôi báu! Vậy ai là người có khả năng thu phục được rồng chúa này?

[1] Sự tích này được viết lại từ bộ chú giải Theragathā, Upādāna, chuyện đại đức Mahā Moggallāna!

Đức Phật biết rằng, Mahā Moggallāna là người có năng lực kỳ diệu đó.

Trời vừa hửng sáng, lúc chim muôn reo hót líu lo trên cành, khi sương mù ban mai lành lạnh len vào cửa sổ; đức Thế Tôn hé mở hương phòng, gọi người thị giả trung tín:

- Này Ānanda! Ông hãy cho người thông báo tập trung năm trăm vị tỳ-khưu có thần thông, đặc biệt là phải có Mahā Moggallāna để cùng với Như Lai đi chơi một cõi xa!

Đức Ānanda ngạc nhiên:

- Đức Thế Tôn đi vân du chốn nào?

- Trên đường đến Tam Thập Tam Thiên!

- Thế thì lời cung thỉnh đặt bát cúng dường trưa nay của trưởng giả Ānathapiṇḍika phải trả lời làm sao, bạch đức Tôn Sư?

Đức Phật mỉm cười:

- Như Lai có quên lời hứa ấy đâu!

Biết là mọi việc đã được sắp xếp trong vừng trán sáng ngời của bậc siêu nhân ấy, tôn giả Ānanda không dám hỏi gì nữa, cúi đầu lui ra, lặng lẽ đi lo nhiệm vụ của mình.

Cũng vào sáng hôm ấy, tại giang sơn riêng, long vương Nandopananda tổ chức cuộc vui chơi linh đình, cao sang và xa xỉ nhất. Rồng chúa ỷ thế có nhiều oai lực, đã tự biến hóa ra một cung điện nguy nga tráng lệ, ngự giữa sông nước, với lâu các điệp trùng, với lưu ly, xà cừ, hổ phách lấp lánh!

Rồng chúa ngồi trên ngai có lọng trắng che, phủ bằng diềm kim tuyến, đoanh vây xung quanh hầu thiếp, thị nữ sắc đẹp nõn nường. Xa về phía đối diện, thấp hơn là bá quan văn võ, cũng áo mũ cân đai y như một tiểu triều đình ở cõi người. Tất cả bọn chúng ở trên bửu đài kết thành hình móng ngựa. Thị vệ, thị nữ diêm dúa và lòe loẹt xiêm y lượn lờ tới lui bưng hầu thức ăn, nước uống, tất cả đều là mỹ vị, thượng phẩm của chốn long cung! Vua tôi ai nấy đều hể hả nói cười, nhai nuốt ngồm ngoàm, ngôn lời như vỡ chợ. Trong lúc ấy,

ở giữa, dựng một khán đài lộ thiên để những nghệ sĩ, nghệ nhân ưu tú trổ tài biểu diễn cho tôi chúa cùng xem. Những thanh niên rồng làm nhạc công, sử dụng những nhạc khí hình cá sấu, hình cua, hình thuồng luồng... tạo nên những âm thanh lạ lùng, quái dị! Những thiếu nữ rồng là những vũ công kỳ tài, trổ ngón nghề thiện xảo, uốn éo những vũ điệu rong rêu trao tình gì đó mà thế gian không ai có thể tưởng tượng ra được! Thế nhưng, tất cả đều say mê lắng nghe, thưởng thức đến xuất thần hồn!

Ngay lúc ấy, đức Phật cùng với năm trăm vị tỳ-khưu đầy oai lực của giáo hội, đang bay qua khoảng không gian phía trên địa phận cung điện của rồng chúa như một dải mây vàng vắt trên nền trời! Một long dân trông thấy hiện tượng lạ lùng, chỉ trỏ rồi la toáng lên:

- Coi kìa! Coi kìa! Một chúa hoàng long vĩ đại của cõi giới nào xuất hiện giữa trời kìa!

Rồng chúa Nandopananda nhiều kiến thức hơn, trông thấy, biết ngay đấy là ai! Hình ảnh ấy như chọc tức, như khiêu khích làm cho nó nổi cơn thịnh nộ, đứng dậy, hét như sấm nổ:

- Hay cho bọn sa-môn đầu trọc dám xâm phạm lãnh thổ của ta!

Rồi y hùng hổ, ngạo mạn nói với bọn bầy tôi thuộc hạ:

- Chẳng phải hoàng long, hoàng "liếc" gì đâu! Lũ sa-môn ông Gotama đấy! Không biết chúng có việc gì mà đang dùng thần thông bay đến cõi Tam Thập Tam Thiên của ông Đế Thích nhát như thỏ đế kia! Quả thật bọn hèn hạ đê tiện này như đang đâm vào mắt ta! Chúng đã dám làm rớt bụi trên đầu ta và cung điện huy hoàng của ta! Được rồi! Hãy chống mắt mà xem oai lực của ta! Ta sẽ làm cho chúng mịt mờ, chẳng thấy đâu là cõi trời ấy, chẳng thấy đâu là đường đi lối về!

Nói thế xong, rồng chúa Nandopananda bỏ dở buổi tiệc, trổ thần lực đến ngay chân núi Sineru (Tu Di), biến thân mình to lớn và dài bao quanh núi, cuộn tròn cả ngọn núi, chồng lên nhau bảy vòng; rồi phồng mang che luôn cả chóp núi, trùm luôn cả cung trời Đao Lợi ở bên trong. Thế là từ xa, chẳng ai còn nhìn thấy gì nữa, đất trời như một khoảng mông lung mây khói.

Không gian chợt nhiên như tối lại. Nhìn hiện tượng bất ngờ ấy, Tôn giả Raṭṭhapāla thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Trước kia, mỗi lần lên ngang đây, con đều nhìn thấy đỉnh Sirenu, nhìn thấy cung trời Tam Thập Tam; nhìn thấy cả cung điện Vejayañtapasāda của Sakka thiên chủ cùng lá cờ trên đỉnh tháp ấy! Nhưng nay thì không nhìn thấy gì nữa cả, trước mặt dường như bị sương khói bít lại! Nhân duyên là bởi đâu hở ngài?

Đức Phật nói:

- Này Raṭṭhapāla! Rồng chúa Nandopananda nổi giận đấy! Hắn dã dùng thần thông, hóa hình to dài bao trùm núi Sineru đến bảy vòng, bao trùm luôn cả những gì mà trước đây ngươi nhìn thấy!

Tôn giả Raṭṭhapāla tâu:

- Hắn có tài thế ư, bạch đức Thế Tôn?

- Không những ỷ mình nhiều thần lực mà hắn còn mạt sát "lũ sa-môn đầu trọc" chúng ta làm rớt bụi trên đầu hắn!

- Thế thì nên giáo hóa hắn, cho hắn biết thần thông kia chỉ là con ngáo ộp! Xin đức Thế Tôn cho phép con dạy hắn bớt cái tánh kiêu căng, ngã mạn ấy đi!

- Như Lai biết con làm được việc ấy, nhưng người đầy đủ duyên lành làm việc ấy không phải là con!

Rồi lần lượt chư vị tôn giả Mahā Kassapa, Bhaddiya, Upāli... vị nào cũng muốn ra oai trị tội rồng chúa phạm thượng, nhưng đức Thế Tôn đều không chuẩn y. Chỉ đến khi

tôn giả Mahā Moggallāna bước ra xin phép, đức Phật mới gật đầu:

- Phải rồi! Chính ông mới là người có đủ duyên với rồng chúa, ông có biết tại sao không?

- Con mong được Thế Tôn chỉ giáo!

Đức Phật nói với đại chúng:

- Trong nhiều kiếp, Mahā Moggallāna đã từng gặp gỡ rồng chúa, và rồng chúa thường kính nể, sợ oai Mahā Moggallāna. Ngoài ra, Mahā Moggallāna đã nhiều tiền kiếp làm long vương, làm ma vương nên rất hiểu tâm lý lẫn những phương pháp làm cho long vương nể phục. Đấy là chưa nói đến Mahā Moggallāna là bậc có thần thông đệ nhất trong hàng Thinh Văn đệ tử của Như Lai. Hội đủ các yếu tố ấy, dẫu ương ngạnh, kiêu mạn, hung ác, ngoan cố thế nào thì long vương cũng phải tâm phục, khẩu phục!

Chư tỳ-khưu thọ trì lời đức Thế Tôn dạy, ai ai cũng hoan hỷ về sự dụng tâm chu đáo của ngài.

Thế rồi, sau đó, tôn giả Mahā Moggallāna bèn trổ thần thông, biến thành một con rồng to lớn và dài hơn cả rồng chúa Nandopananda. Rồng này da, vảy cứng hơn cả sắt nguội, lần lượt cuộn lấy và bao quanh thân rồng chúa đến mười bốn vòng; phồng cái mang to nặng như quả núi đè lên mang của rồng chúa rồi dùng thần lực từ từ siết chặt lại! Rồng chúa cảm nghe thân thể, gân cốt của mình như sắp bị vỡ ra. Hốt hoảng, sợ hãi, đau đớn, rồng chúa hỏi:

- Ngươi là ai, vô duyên vô cớ lại đến đây hại mạng ta?

Tôn giả Mahā Moggallāna đáp:

- Chẳng phải vô duyên vô cớ đâu, này Nandopananda! Ta là Mahā Moggallāna đến đây trị tội ngươi đã vô lễ với đức Thế Tôn!

Rồng chúa Nandopananda cảm thấy xương cốt như sắp bị gãy vụn ra từng khúc, nhưng vẫn cứng đầu, ương ngạnh nói:

- Đức Thế Tôn ấy là ai, ta không biết. Ta không phục.

- Rồi ngươi phải phục thôi. Ta sẽ không nương tay cho đến khi cái tâm của ngươi mềm như bùn nhão.

Nói xong, ngài gia tăng thần lực. Rồng chúa đau đớn quá, tức giận, hóa ra một luồng khói độc, cuồn cuộn tuôn chảy ra bên ngoài cốt hại mạng ngài cho bằng được. Tôn giả Mahā Moggallāna cũng hóa ra một luồng khói độc lớn hơn, cuốn trọn luồng khói độc của rồng chúa rồi từ từ tuôn đổ vào mắt, vào mũi của nó, làm cho nó khó chịu vô cùng.

Nước mắt, nước mũi cay xè, rồng chúa thổi ra một luồng lửa nóng bỏng tan sắt, chảy đá... Tôn giả Mahā Moggallāna bèn hóa ra một luồng lửa lớn hơn, đẩy bật luồng lửa của rồng chúa, rồi cứ tìm mắt mũi của nó mà tuôn vào!

Một phần thân thể bị siết chặt đau điếng, co rúm lại, một phần thì bị lửa và khói thiêu đốt; rồng chúa thét lên be be, thở hổn hển, nước mắt nước mũi tuôn chảy dầm dề. Dùng kế, nó giả vờ cất giọng năn nỉ:

- Thôi ông sa-môn! Tôi thua rồi! Tôi phục rồi! Xin ông sa-môn từ bi hiện hình ra! Tôi không dám lếu láo thế nữa đâu. Xin ông hãy tha cho!

Biết rồng chúa mưu mô xảo quyệt, chưa thật tâm cải hối, nhưng tôn giả Mahā Moggallāna vẫn thâu thần lực. Rồng chúa đột nhiên thấy toàn thân nhẹ hẫng, khoan khoái vô cùng. Nó tự nghĩ: "Hễ vừa thấy bóng dáng của tên sa-môn đáng ghét, ta sẽ chộp nhanh lấy và nhai nuốt ngấu nghiến ngay!" Nhưng bóng vị sa-môn vừa xuất hiện đã vội mất ngay như tia chớp, rồi trong lỗ tai của rồng chúa cảm nghe đau buốt tận xương tủy.

Hóa ra, tôn giả Mahā Moggallāna biết được ý nghĩ độc ác của rồng chúa. Lại nữa, tâm địa của loài rồng này ngài không lạ lùng gì, nên đã sử dụng một loại thần thông thật cao siêu: Ngài không hề nhỏ lại mà lỗ tai của rồng chúa cũng không hề lớn ra! Thế rồi, ngài tạo một đường kinh

hành, đi xuyên qua từ tai phải qua tai trái, rồi từ tai trái qua tai phải của rồng chúa!

Rồng chúa đau đớn, giãy dụa, kêu gào nhưng ngài cũng chưa chịu tha cho! Hết đường kinh hành ấy, ngài tạo con đường khác là đi từ lỗ mũi bên trái sang lỗ mũi bên phải, rồi từ lỗ mũi bên phải sang lỗ mũi bên trái!

Đến đây thì rồng chúa dường như không còn chịu đựng được nữa, nó van vỉ:

- Xin tha cho! Xin tha cho! Tôi sợ rồi!

Và, quả thật nó đã sợ hãi tài thần thông kinh khiếp của ngài. Nhưng tôn giả Mahā Moggallāna biết rõ nó, hễ có cơ hội là bị nó ăn tươi nuốt sống ngay, nên ngài cười ha hả, nói:

- Này Nandopananda! Ta còn đọc được ý nghĩ trong óc của ngươi kìa! Đừng hòng mà qua mặt ta. Nhưng xem đây, ta sẽ đi ra đây!

Đã hết đau đớn, rồng chúa thở một hơi dài. Tuy nhiên, chỉ được một lát sau, trong bụng rồng chúa như có một mũi dùi nung đỏ đâm xuyên từ hướng này sang hướng kia! Hóa ra, khi rồng chúa vừa mở miệng, ngài đã đi thẳng vào bụng hắn, mở một đường kinh hành từ hướng tây sang hướng đông, từ hướng nam qua hướng bắc...

Đức Thế Tôn thấy rồng chúa đau đớn quá, ngài cũng động lòng, nhưng quá biết rõ sự hung ác của rồng chúa, nếu không làm vậy thì nó không sợ oai, nên ngài chỉ mở lời nhắc nhở:

- Hãy nên thận trọng, này Mahā Moggallāna! Rồng chúa Nandopananda có thần thông rất lợi hại. Hãy coi chừng tâm địa của hắn!

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Mahā Moggallāna nói vọng ra – đệ tử đã luyện iddhipāda (Tứ thần túc) đi đến chỗ tinh thục như ý muốn. Xin ngài đừng lo cho đệ tử! Còn tâm địa của hắn, đệ tử biết rất rõ như đang đi trong lục phủ ngũ tạng của hắn đây! Dẫu cho hằng trăm hằng ngàn rồng chúa

oai lực và cứng đầu, con cũng làm cho chúng mềm xương, huống hồ chỉ một rồng chúa tép riu này!

Rồng chúa vô cùng kinh sợ, không rõ ngài vào bụng hắn lúc nào! Ruột thì đau đến độ không còn chịu nổi mà tâm trí rồng chúa lại nghĩ: "Ngươi đi vô, có lúc ngươi phải đi ra ngang đường cửa miệng, và hễ chỉ một tí xíu động cựa tợ mảy lông là ta sẽ nghiền nát ngươi ra như bột mới hả được cơn giận này!"

Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng rồng chúa cất giọng rất khẩn thiết, rất chân tình:

- Bạch ngài sa-môn! Tôi đã hoàn toàn khuất phục rồi! Chính oai lực của ngài đã làm tôi tán đởm kinh hồn! Từ rày tôi không dám hỗn hào với đức Thế Tôn kia nữa, xin trời cao chứng giám cho!

Tôn giả Mahā Moggallāna hỏi:

- Ngươi biết đức Thế Tôn ư?

- Dạ biết!

- Do đâu ngươi biết?

- Danh tiếng đức Thế Tôn đã chấn động hoàn vũ, nhất là khi ngài chứng quả vị Phật!

- Sao hồi nãy ngươi nói, ngươi không biết đức Thế Tôn ấy là ai?

Rồng chúa bối rối:

- Dạ, dạ... tôi đã nói dối!

Tôn giả Mahā Moggallāna nói:

- Cái tội nói dối ấy, ta trị ngươi như vậy, ngươi đã tâm phục, khẩu phục chưa?

- Dạ phục rồi!

- Vậy ta tha cho đó. Biết phục thiện là tốt. Hãy xem, ta sẽ đi ra đây!

Rồi tức khắc, chẳng động cựa mảy lông, tôn giả Mahā Moggallāna không biết đi ra lúc nào, đã đứng ngay trước mặt hắn với tướng mạo trang nghiêm, thần oai khiếp vía!

Nhanh như điện, từ hai lỗ mũi, rồng chúa phun ra hai luồng gió độc cực kỳ uy mãnh, như sấm sét, như vũ bão để giết hại tôn giả Mahā Moggallāna! Vốn đã biết được ý định của rồng chúa nên ngài đã an nhiên trú định tứ thiền! Hai luồng gió độc hung hăng, kinh khiếp tưởng sẽ thổi ngài tan xác tận bể Đông; nhưng rồng chúa đã lầm, ngay chính đầu mảy lông của ngài cũng không hề lay động!

Rồng chúa thấy rất rõ về điều ấy, thất sắc, bàng hoàng, nhưng nó quyết chiến đấu đến cùng, không dễ gì đầu hàng được.

Đến nước này thì tôn giả Mahā Moggallāna không thể nương tay được nữa, ngài quyết tung ra đòn cân não, thật sự đe dọa tính mạng của nó, nó mới phục cho! Thế rồi, ngài biến hóa thành điểu vương Gadura to lớn, lừng lững cả một khoảng trời làm cho thiên hôn, địa ám! Điểu vương quạt hai cánh lớn rộng phành phạch giữa không gian làm cho núi Sineru dường như phải chao đảo! Từ trên cao, điểu vương lao nhanh xuống, lấy hai chân cắm phập, quặp vào đầu và thân rồng chúa, siết chặt như hai gọng kềm, rồi nhấc bổng lên cao!

Rồng chúa nghe buốt đau đến tận xương tủy, máu chảy thành suối, biết rằng mọi thần thông, phép lạ, oai lực của nó – đối với vị sa-môn này, quả thật là hạt cát mà thôi!

"- Ôi! Nó than dài! Hóa ra trời cao còn có trời cao hơn! Chỉ một đệ tử của ông sa-môn Gotama mà đã làm cho ta phải sống dở chết dở như thế này, huống nữa là chính ông ta?"

Nghĩ đến ngang đây, bao nhiêu kiêu căng, tự phụ, hống hách, ngang tàng, tự mãn, cao ngạo, hung dữ... của rồng chúa chợt tiêu tan như hạt tuyết phơi giữa nắng mặt trời! Nó gục đầu, cắn răng chịu đựng cơn đau, rồi nói:

- Bạch ngài sa-môn! Thật không còn lý do gì để tôi tỏ vẻ cứng đầu, ngoan cố được nữa. Ngài có thể dễ dàng chấm dứt

sanh mạng của tôi như phủi một hạt bụi, nhưng ngài đã không làm thế! Sự nhẹ tay của ngài cũng là vì lòng bi mẫn, ngài chỉ mong muốn tôi bỏ bớt những tánh hư, tật ác mà thôi!

Thâu thần thông lực trở lại, tôn giả Mahā Moggallāna gật đầu, chậm rãi nói:

- Quả vậy, này Nandopananda! Ngươi đã hiểu được ý ta! Việc giết ngươi, đối với ta chỉ cần thời gian một sát-na, không hơn không kém. Nhưng ta đã không làm vậy. Mới làm ngươi khổ tí chút, lòng ta đã áy náy lắm rồi! Tuy nhiên, còn biết sao hơn, khi chúa loài rồng chỉ biết tâm phục, khẩu phục những ai tài cao hơn mình? Chúa loài rồng dẫu cho đầu và thân thể sắp bị nghiền nát như cám vụn, cái tâm tranh chiến, quyết thắng vẫn chưa chịu từ bỏ! Có phải vậy không Nandopananda?

Rồng chúa hiện hình thành đứa trẻ, quì sụp xuống:

- Đúng là như thế! Cái tánh của tôi là như thế! Tôi ngạc nghiên không hiểu làm sao, ngài có thể biết được tâm địa của rồng chúa, dường như còn tường tận hơn cả tôi nữa?

- Có gì lạ đâu, này Nandopananda! Vì đã nhiều kiếp làm rồng chúa, nên ta biết! Ta cũng đã nhiều đời làm ma vương nên sự lường láo, phản trắc, tráo trở, hung ác, xảo trá, thủ đoạn... của ngươi bây giờ, thật chưa bằng một phần mười sáu của ta thuở xưa đâu!

- Hóa ra là như vậy! Hèn gì tôi không thể qua mắt ngài được, dẫu là tí chút!

Rồng chúa thốt thế xong, y lạnh mình, suy nghĩ: "Người ta như thế mà đã dụng tâm tu tập để trở thành một vị thánh hiền thiện! Còn ta là gì mà cứ mãi mải mê trên con đường độc ác, tự cao?"

Rồi rồng chúa đảnh lễ dưới chân ngài:

- Xin ngài hãy cho tôi nương tựa! Hãy cho tôi được cơ hội cải tà qui chánh. Từ rày về sau cho đến trọn đời, tôi sẽ cố gắng chừa bỏ những ác tánh, ác tật ở trong tâm!

Tôn giả Mahā Moggallāna cất giọng dịu dàng:

- Ta tin ngươi làm được việc đó. Ta cũng tin sự cải hối của ngươi bây giờ là chân thật! Nhưng này Nandopananda! đức Thế Tôn đang ở kia, ngài chính là đức Đạo Sư, là bậc thầy vĩ đại của ta và còn của cả tam giới nữa. Vì lợi ích và hạnh phúc lâu dài cho ngươi, ngươi hãy đến đấy mà qui giáo với đức Thế Tôn!

Sau đó, với vài lời vắn tắt, đức Phật nói sơ về ân đức và uy lực của ba ngôi báu; sự nguy hại, bất hạnh cùng những quả khổ dài lâu do những ác tâm, ác hạnh không chịu hối quá! Khi thấy rồng chúa đã trở nên nhu thuận, tín phục, đức Phật bèn cho rồng chúa qui y Tam Bảo làm nơi nương tựa hướng thượng cho đến trọn đời!

Duyên hóa độ rồng chúa Nandopananda thế là đã chu toàn, mỹ mãn, đức Phật cùng năm trăm vị tỳ-khưu liền vân hành trở về lại Sāvatthi, ghé nhà trưởng giả Ānathapiṇḍika để thọ nhận sự cúng dường!

Vị trưởng giả đại thí chủ hoan hỷ ra nghinh đón với nụ cười nở trên môi:

- Bạch đức Thế Tôn! Ông nói – Vì nguyên nhân nào mà đức Thế Tôn và tăng chúng đến trễ như thế này?

- Này Anāthapiṅdīka! Như Lai cùng chư tăng trên đường đến Tam Thập Tam Thiên, ngang qua cung điện của rồng chúa Nandopananda; và Như Lai đã cho phép Mahā Moggallāna, con trai của Như Lai dùng thần thông để nhiếp phục Long vương hung dữ ấy!

- Kết quả như thế nào bạch đức Thế Tôn?

- Thần thông của trưởng tử Như Lai là đệ nhất, là tuyệt hảo. Rồng chúa nhiều oai lực kia đã qui phục, đã nhu thuận, đã có đức tin và đã qui y Tam Bảo!

Nghe vậy, vị đại phú hộ vô cùng vui mừng, hớn hở chắp tay lên đỉnh trán:

- Thật là quí hóa! Thật là điều đáng hoan hỷ! Vậy đệ tử xin cung thỉnh được đặt bát cúng dường đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu tại tư gia, không phải một ngày, mà là suốt bảy ngày như thế để chia vui, cùng chúc mừng tôn giả Mahā Moggallāna đã làm nên một kỳ tích hy hữu!

MỤC LỤC

MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI LĂM 7
Chuyện Ở Sākya 8
Kinh Đại Không 16
Lửa Địa Ngục Trong Phòng 27
Đất Rút 30
Như Lai Không Tranh Luận Với Đời 36
Giảng Sư Rāhula 44
Tỳ-Khưu Rāhula Vô Dư Niết-Bàn 50
Tâm Hộ Pháp Của Hai Vị Đại Thí Chủ 60
Cậu Công Tử Hư Hỏng 63
Thương Nhiều Khổ Nhiều 71
Ta Thương Yêu Bản Thân Ta Nhất 77
Bốn Câu Hỏi Của Trời Đế Thích 83
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI SÁU 89
Hoá Độ Dạ-Xoa Āḷavaka 90
Chấn Chỉnh Chư tăng Āḷavakā 111
Độ Người Nông Dân Nghèo 116
Tu Tập Niệm Chết 120
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI BẢY 133
Cái Lõi Cây 134
Đất Hoá Vàng 137
Tấm Lòng Của Cô Gái Uttarā 147
Đần Độn Quá Trời! 157
“ Làm Bậy! Làm Bậy!” 167
Ai Mua Mỹ Nhân? 180
Tên Đồ Tể 189
Về Vải Dơ Quăng Bỏ 193
Ngỗng Trời Cất Cánh Thênh Thang 200
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI TÁM 205
Cô Gái Con Người Thợ Dệt 206
Trên Đỉnh Cao Linh Thứu 212
Ruộng Phước 222
Tuệ Phân Tích Của Tôn Giả Sāriputta 229
MÙA AN CƯ THỨ MƯỜI CHÍN 236
Móc Cho Con Mắt Đẹp 237
Ngạ Quỷ Mình Trăn 254
Cùng Một Nguyên Lý 264
“Hớt” Phước Của Người Nghèo! 268
MÙA AN CƯ THỨ HAI MƯƠI 278
Phước Cho Quả Hiện Tại 279

Bảy Thánh Sản 289
Chuyện Kể Về Cõi Trời 295
Hóa Độ Gia Đình Thợ Săn 300
Nhân Duyên Quá Khứ 306
MÙA AN CƯ THỨ HAI MƯƠI MỐT 310
Tối Thượng Trân Bảo 311
Tôn Giả Ānanda Làm Thị Giả 325
Đông Phương Lộc Mẫu 336
Cảm Hóa Aṅgulimāla 342
"Cái Một" 370
Nam Hóa Nữ, Nữ Hóa Nam 385
TỪ HẠ THỨ HAI MƯƠI HAI ĐẾN HẠ THỨ BỐN MƯƠI BỐN 397
Chính Thức Ban Bố Giới Luật Căn Bản Thanh Tịnh (Pātimokkha) 398
Bà Mẹ Hộ Độ Tuyệt Vời 410
Từ Ngũ Giới Đến Bát Quan Trai Giới 423
Thu Phục Rồng Chúa Nandopananda 449

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu ……

Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng sách Ebook PDF
từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MỘT CUỘC ĐỜI MỘT VẦNG NHẬT NGUYỆT

6

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngưỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hưởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hương chiêm bái và những người yêu thích thưởng ngoạn nghệ thuật.

Tuy nhiên, qua văn chương, thi phú, hội họa, điêu khắc… một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trương bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con người tầm thường, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mưu phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhưng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Sư Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn chương nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật.

Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn chương hư cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại được trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ.

Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm **"Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt"** đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngưỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con người lịch sử nhưng siêu việt và sáng ngời như một vầng nhật nguyệt.

Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008

Hòa thượng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Cô Gái Hạ Tiện
Yêu Tôn Giả Ānanda[1]

Một ngày kia, tôn giả Ānanda du hành ở phương xa, trên đường trở về Kỳ Viên, ngài đi trì bình khất thực quanh xóm làng ngoại ô rồi nghỉ dưới một gốc cây để độ thực. Dùng ngọ xong, tôn giả ôm bát đi theo lối mòn tìm nước uống nơi một xóm nhà nghèo nàn ven chân núi. Thấy một cô thiếu nữ bên đường đang múc nước giếng, bước đến gần, ôm bình bát trong tay, ngài lặng lẽ đứng một bên, đưa mắt nhìn xuống.

Cô gái ấy tên là Prakirti, nàng vốn là hạng tiện dân chiên-đà-la[2] thấp kém ở ngoài rìa xã hội, thấy một "vị bà-la-môn" tướng cách cao sang, quý phái đến đứng lặng lẽ gần bên thì vô cùng sợ hãi; nàng cúi đầu xuống, hỏi lí nhí trong cổ họng:

- Thưa ngài, ngài cần gì không ạ?

Tôn giả Ānanda, vẫn với tầm mắt nhìn xuống, nói rõ mục đích của mình:

---

[1] Phỏng dịch từ nguyên tác Anh ngữ: "Venerable Ānanda and outcaste maiden" của V. Weragoda Sarada Mahāthera - Chief Monk/ Chief AdmiNistrator - Singapore Buddhist Meditation Center).

[2] Chiên-đà-la là hạng người ở tận đáy xã hội - họ bị khinh bỉ, bị xua đuổi không khác gì thú vật; cả 4 giai cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la sử dụng họ như bọn nô lệ...

- Thưa cô, vui lòng cho tôi xin chút ít nước.

Nghe "người lạ" thuộc đẳng cấp thượng lưu lại nói lời "thưa cô", cô gái càng sợ hãi hơn:

- Cháu là kẻ thấp hèn.
- Tôi chỉ cần chút ít nước thôi.
- Cháu là dân thấp hèn, hạ liệt. Không có ai uống nước của chúng cháu cả.
- Tôi chỉ cần chút ít nước uống cho hết khát thôi. Nước là dùng để mà tắm rửa, giặt giũ, giải khát; nước có phân biệt giai cấp gì đâu, thưa cô!

.Nghe "người lạ" nói một câu kỳ lạ là không phân biệt giai cấp, cô gái bây giờ mới mạnh dạn ngước đầu lên, mới dám trả lời cho rõ ràng:

- Cháu là con gái giống nòi hạ đẳng chiên-đà-la. Nước giếng này vốn trong và ngọt, nhưng đối với những người ở giai cấp trên, họ xem nước của chúng cháu không sạch, nó dơ bẩn. Nước này chỉ có chúng cháu uống. Các giai cấp trên trước họ chê là ô uế, họ không uống đâu; cho chí rửa tay, họ cũng không dám!
- Tôi không hề hỏi cô thuộc giai cấp, đẳng cấp nào mà! Tôi chỉ xin nước uống thôi mà.
- Chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong xứ này, nói đại lược là có hai giai cấp, giai cấp cao sang và giai cấp hạ liệt[1]. Cháu thuộc hạng người thấp thỏi, hèn kém nhất trong xã hội loài người.
- Tôi đâu cần biết giai cấp của cô. Tôi chỉ cần nước uống thôi, thưa cô!
- Làm sao cháu có thể tùy tiện dâng nước cho ngài được? Cháu là con gái hạ tiện. Những người ở trong lâu đài to lớn, cao sang trong kinh thành, họ thuộc giai cấp trên

[1] Ý cô gái muốn nói, 4 giai cấp xã hội là cao quý, cao sang - còn cô không được phép ở trong một giai cấp nào cả, là kẻ nô lệ, là hạng thấp hèn nhất, nếu được gọi là giai cấp thì là giai cấp hạ liệt nhất.

trước[1]. Còn những người hèn hạ như cháu, chúng cháu không có được cả cái quyền nhìn họ nữa là. Ngay cả cái bóng của chúng cháu, họ[2] cũng ghê tởm không dám dẫm lên. Khi chúng cháu đến gần, họ tránh ra xa. Nếu bắt buộc phải nhìn thấy chúng cháu, họ phải rửa mặt tẩy uế với nước tẩm hương hoa, vừa cau mày vừa than: "Thần thánh ôi! Ta vừa nhìn thấy cái gì vậy kìa! Bọn dân hạ tiện!". Thế thì làm sao cháu dám dâng nước cho ngài được? Làm sao cháu dám đến gần ngài để dâng nước? Nếu chiếc bóng của cháu có dính trên người ngài, ngài cũng sẽ trở thành dân hạ tiện mất thôi!

Tôn giả Ānanda cảm thấy bất bình về định kiến tệ hại của xã hội, xót thương cho hạng tiện dân sống trong hoàn cảnh bất công, tủi nhục nên muốn nói rõ cho cô gái biết quan niệm bình đẳng giữa người và người trong giáo pháp của đức Tôn Sư:

- Tôi không để ý gì đến cái gọi là giai cấp cao và thấp ấy. Tôi chỉ biết rằng cô cũng là một con người như tôi thôi. Tôi chưa bao giờ nghe nói giai cấp có thể tạo ra sự khác biệt giữa người này với người khác. Tôi không chấp nhận ý tưởng, quan điểm cổ hủ, mọi rợ và lệch lạc ấy. Tất cả mọi người trong chúng ta, ai cũng có hai tay, hai chân, hai mắt, một miệng, một khuôn mặt và một cái mũi. Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Tây đối với người thuộc giai cấp dưới? Có thể nào mặt trời lại mọc ở phương Đông chỉ để dành cho giai cấp thượng lưu? Còn nữa, cảm nhận hạnh phúc hay đau khổ thì ai cũng giống nhau, có ai khác với ai đâu? Khi ăn, bụng ai cũng đầy, cũng nở ra; khi đói thì bụng

---

[1] Là giai cấp bà-la-môn (tu sĩ, các giáo chủ, các thầy tư tế); sát-đế-lỵ (vua chúa, tướng lãnh, chiến sĩ); vệ-xá (thương gia, chủ nghiệp đoàn, giai cấp thợ thầy các ngành nghề...); riêng thủ-đà-la là giai cấp lao động chân tay).

[2] Đa phần bà-la-môn mới kỳ thị khắc nghiệt như thế - ba giai cấp còn lại cũng chừng mực thôi.

ai cũng cồn cào và nó teo tóp lại! Vậy thì họ khác nhau ở chỗ nào, thưa cô?

"Giữa con người với con người thì ai cũng giống nhau"- Prakirti nắm bắt được ngay quan điểm vượt ngoài giai cấp rất bình đẳng, rất cởi mở, thông thoáng của "người lạ", nhưng cô cũng muốn hiểu cho rõ hơn:

- Bề ngoài thì không có gì khác nhau lắm đâu, đúng như ngài đã nói. Nhưng những người ở giai cấp trên, họ nhờ có phước báu nên mới xứng đáng sinh vào dòng dõi thượng lưu ấy được. Còn chúng cháu thì do vô phước, nhiều tội lỗi nên phải sinh vào dòng dõi thấp hèn này. Họ được diễm phúc sinh ra từ miệng, từ vai Đại Phạm Thiên (Mahā Brāhmā). Còn chúng cháu thì "bị" sinh ra từ bàn chân, gót chân của đấng ấy. Tất cả chúng cháu đều không được phép học kinh Vệ Đà. Do vậy chúng cháu ngu dốt, thấp kém, thua thiệt đủ mọi bề, mọi thứ. Chúng cháu không được đặt vào bất cứ một giai cấp nào, là hạng người ở tận cùng cái đáy của xã hội, thưa ngài.

Bây giờ thì cả hai người đã bắt đầu nói chuyện một cách khá tự nhiên. Cô gái khẽ nhìn "người lạ", thấy ông ta đẹp đẽ và oai nghiêm quá, cô lại cúi đầu xuống, tim đập thình thình, đôi má chợt đỏ lựng lên.

Tôn giả Ānanda vô tâm không để ý, tiếp tục cuộc đối thoại, giải thích cho cô gái rõ hơn một tí nữa:

- Bậc Đạo Sư của tôi không dạy như vậy, không giảng như thế đâu. Ngài dạy rằng, tất cả chúng ta đều bình đẳng, không có giai cấp trong giọt máu và trong giọt nước mắt. Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn. Cô có thể nghe tôi đọc câu này, là của Đạo Sư tôi dạy đó:

"No jaccā vasalo hoti
Na jaccā hoti brāhmaṇo
Kammanā vasalo hoti
Kammanā hoti brāhmaṇo".

Nó có nghĩa là: Không ai sinh ra đã thành hạ tiện. Không ai sinh ra đã thành bà-la-môn. Chính do hành động, do nghiệp (kamma) mới thành hạ tiện, chính do hành động, do nghiệp mới thành bà-la-môn!

Cô gái nghe như uống cả vào lòng, mát rười rượi. Cô len lén đưa mắt ngó quanh xem thử có ai thấy không. Vừa sợ hãi vừa thẹn thùa, cô cúi xuống, với bàn tay run run, đưa gàu kề miệng bát để rót nước. Khi thấy nước vừa đủ dùng, Tôn giả Ānanda bưng bát uống một hơi dài. Sau đó, ngài còn chịu khó, dịu dàng giải thích thêm cho cô gái, đại ý là: Phải biết giá trị con người trong cộng đồng loài người, đừng tự ti mặc cảm, đừng sống theo quy định, áp đặt của xã hội; phải biết tôn trọng giá trị con người trong con người của mình, để vươn lên, để đứng thẳng, để giữ vẹn phẩm chất cao quý của con người - là như thế nào! Con người vốn bình đẳng và tự do! Không luật pháp nào, định chế nào, xã hội nào, con người nào có quyền tước đoạt cái quyền bình đẳng và tự do ấy.

Thấy cô gái im lặng lắng nghe có vẻ rất chăm chú, ngài từ tốn nói lời cám ơn cô gái rồi ôm bát bước đi.

Cô thiếu nữ sững sờ đưa mắt nhìn theo cho đến khi ngài Ānanda khuất dạng phía xa xa...

Đăm đắm nhìn theo chiếc bóng của vị sa-môn, cô gái như còn nghe văng vẳng bên tai: "Vui lòng cho tôi xin chút nước!", "Vui lòng cho tôi xin chút nước!" Ôi! Lời nói sao mà ngọt ngào, mát dịu lạ lùng! "Vui lòng cho tôi xin chút nước!", "Vui lòng cho tôi xin chút nước!" Ôi! Lời nói sao mà dịu dàng, khiêm tốn đến vậy! Ồ, vị này là ai, ở đâu mà vừa cao sang quý phái, vừa đẹp đẽ, đôn hậu quá chừng chừng! Chẳng lẽ không có một giếng nước nào khác ở trong kinh đô Sāvatthi này? Chẳng lẽ chỉ có nước duy nhất ở cái giếng này thôi? Tại sao người ấy lại tìm đến ngay mình đây để xin nước? Chẳng lẽ mình là người con gái duy nhất tại

kinh đô Sāvatthi? Quả thật người ấy chỉ đến để xin nước, chẳng cần quan tâm rằng mình là hạng con gái thấp hèn? Lẽ ra người ấy phải biết chứ! Nhìn qua cách ăn mặc thì trẻ con cũng biết mình là dân bần cùng, hạ tiện. Người đàn ông đẹp đẽ, cao sang, quý phái, khiêm tốn, dịu dàng, khả ái kia là ai vậy kìa? Ông ta từ đâu đến? Cám ơn trời đất, thánh thần trên đầu trên cổ đã đưa người ấy đến cái giếng nước "định mệnh" này. Nhờ người ấy, tôi mới biết được rằng tôi cũng là một con người, lại là một thiếu nữ son trẻ như ai kia vậy. Từ trước đến nay, tôi cứ nghĩ mình không phải con người, chỉ là một động vật hạ liệt dơ dáy, là một đứa con-gái-thú-vật không hơn không kém. Ôi, gương mặt người ấy sao mà quyến rũ! Ôi, đôi mắt người ấy sao mà tràn ngập nhân từ! Ôi, dáng dấp người ấy sao mà thanh nhã, trẻ trung, sáng chói, đẹp đẽ đến vậy! Làm sao mình có thể gặp lại người ấy một lần nữa bây giờ? Làm sao mình có thể nghe lại giọng nói ngọt ngào kia một lần nữa? Sống để mà làm gì nếu không thấy lại được người ấy? Ôi, giá như ngày nào mình cũng được dâng nước cho người! Ngày nào mình cũng được nói với người ấy vài lời, vài lời thôi! Nếu người ấy lại đến, thì nhất quyết mình không để cho người ấy đi. Tôi sẽ mang người ấy về nhà và giữ rịt người ấy lại. Nếu được ngắm người ấy, mình sẽ không cần ăn, không cần uống. Cứ nhìn người ấy là đủ no rồi, đủ hạnh phúc rồi. "Vui lòng cho tôi xin chút nước!", "Vui lòng cho tôi xin chút nước!" Ôi! Tiếng lời dịu dàng ấy đã khắc sâu vào tận đáy lòng, khắc sâu vào trái tim của mình mất rồi!

Mẹ cô thiếu nữ hạ tiện thấy con mình đi múc nước quá lâu không về, sốt ruột, bà gọi ơi ới:

- Prakirti! Prakirti! Con ở đâu? Mẹ tìm con nãy giờ sao không thấy? Con gái tôi đi đâu rồi? Đã có chuyện gì xảy đến với con thế? Con đã mọc rễ bên bờ giếng rồi hay sao vậy?

Lần nào đi lấy nước cũng cứ trò chuyện mải miết với bọn con gái thôi! Prakirti! Prakirti!

- Thưa mẹ, con đây!

- Ở đâu thế?

- Ở đây! Bên giếng nước chớ đâu!

- Trời đã trưa trợt rồi. Đất đã nóng bỏng cả chân rồi đó. Tất cả con gái nhà người ta đi múc nước đều đã về cả rồi. Tại sao con còn làm gì ở đấy một mình vậy?

- Mẹ ơi, cái giọng nói kia sao mà ngọt ngào quá: "Vui lòng cho tôi xin chút nước!"

- Vui lòng xin chút nước? Cái gì vậy? Cái gì nước? Ai đã xin con nước?

- Một người đàn ông trẻ trung, đẹp đẽ vô song! Ông ta có cái đầu cạo trọc, mình khoác chiếc y màu vàng, tay thì bưng bình bát. Ấy là một chàng trai thanh niên có dáng dấp thanh cao, khả ái, thưa mẹ.

- Cạo trọc đầu? Làm sao một người đàn ông trẻ, đầu cạo trọc mà có thể gọi là đẹp được? Chẳng lẽ con không biết, họ cạo trọc đầu là để mà phá tướng? Là để mà xua đuổi cái đẹp đi?

- Con không biết điều đó. Mà con cũng không cần biết, không thèm biết. Con chỉ thấy, chỉ biết người đàn ông cạo trọc ấy đẹp tuyệt trần. Toàn thân người ấy sáng rực ánh vàng như dát vàng. Cặp mắt người ấy nhân từ, dịu dàng. Phong thái người ấy thanh cao nhưng bình dị. Là hiện thân của nhân từ và bình dị đó, mẹ ơi!

- Người ấy có cùng đẳng cấp với mình không con?

- Dạ thưa có! Người ấy nói là ở cùng một giai cấp với chúng ta!

- Giai cấp gì vậy con?

- Là con người! Đều cùng một "giai cấp con người" đấy mẹ ạ!

- Chắc con lại giở trò ma lanh che giấu cái dòng hạ tiện của mình khi nói chuyện với người ta chứ gì? Biết bao nhiêu tiện dân ở xứ này không muốn để lộ thân phận nô lệ của mình cho người khác biết. Thái độ ấy thật là nhục nhã. Nếu ai trong chúng ta cũng hãnh diện, tự hào về chỗ mình đang đứng, bằng lòng cái kiếp cỏ rác hèn mọn của mình thì làm gì, có ai dám chê chúng ta là thấp hèn, là hạ liệt nữa nào! Có lẽ con không nói cho người ta biết con là con gái hạ tiện, phải không?

- Không, con có nói! Con có nói con thuộc về hạng tiện dân. Nhưng người ấy không chịu nhận như vậy. Người ấy chỉ nói hoài, nói mãi là "chỉ xin nước uống thôi". Người ấy còn đọc một câu kệ, có lẽ là do đạo sư của người ấy dạy: "Một người trở thành bà-la-môn hay hạ tiện không phải do sinh ra mà do hành động, do nghiệp tạo thành!"

- Người ấy còn nói gì nữa không?

- Người ấy còn nói cái gì có vẻ cao siêu lắm mà con không hiểu hết ý nghĩa.

- Vậy sao? Thế con có nhớ được một câu, một đoạn nào, nói lại cho mẹ nghe xem nào!

- Không nhớ mới lạ! Nó như khắc in ở trong óc con đó!

- Vậy con nói lại đi!

- Ổng nói:"Đừng làm trái với cái bản chất tự do mà ta vốn có như là người, và là của con người. Chối bỏ bản chất người của mình, bằng cách nghĩ rằng mình có một bản chất riêng, bản chất riêng ấy là thấp thỏi, là hạ liệt, là đáng khinh miệt và không bao giờ thay đổi được. Nghĩ thế và làm thế là tai hại, là nguy hại còn hơn là giết chết bản chất thật của mình nữa. Thiếu sự tôn trọng mình là một thái độ thấp hèn còn hơn cả hủy diệt bản chất người của mình. Người ấy nói như vậy. Mọi con người sinh ra trên trái đất này đều là những con người tự do" Người ấy còn nói rằng: "Sau khi sinh ra như vậy, tự do như vậy, nhưng lần hồi tự do ấy bị thu

hẹp lại vì những hàng rào chướng ngại như chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đạo sư, giáo sĩ, cổ lệ...” Thưa mẹ! Người ấy nói thấm thía quá. Lại như thắp một ngọn đèn cho cái suy nghĩ của con. Trong đầu con, bấy lâu, con cứ nghĩ về con như là một người cam chịu thấp hèn, bị ràng buộc tất định bởi tập tục xã hội, trong giáo điều đâu đó có sẵn. Con cứ nghĩ về con, thân phận của con có khác gì con chó hoang bất hạnh, sục sạo, bới móc tìm kiếm thức ăn thừa, rơi vãi nơi đầu đường, xó chợ. Người ấy đã mang ánh sáng đến cho con, mẹ ơi! Con cảm tưởng như con từ đây bắt đầu một đời sống mới. Chỉ cho đến ngày hôm nay con mới học hiểu được rằng, con là thành viên mới, là một con người trong xã hội loài người. Người ấy là ánh sáng. Người ấy là ánh sáng của con. “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”, “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”. Lời nói ấy sao mà dịu dàng, sao mà ngọt ngào đến vậy hở mẹ!

- Mặc dù người ấy không muốn đề cập về hạng người ở ngoài rìa xã hội, nguyên nhân nghèo đói và sự bị nguyền rủa, bị khinh miệt của chúng ta; nhưng con ơi, mẹ biết. Con người ta sinh ra thế này hay thế kia, giàu hay nghèo, quý hay tiện đều là kết quả của hành động, đều là do nghiệp.

- Vậy những người ở đẳng cấp cao đã làm gì mà được sinh ra như vậy ?

- Họ cũng thế! Đó là kết quả của hành động, của nghiệp từ quá khứ vậy.

- Dù thế nào chăng nữa, người ấy nói với con rằng người ta không trở thành cấp cao hay cấp thấp vì sinh ra như thế. Người ấy nói: “Dù là vua chúa, dù là bà-la-môn, dù là đạo sĩ, dù sa-môn - nếu sát sinh hại vật, nếu trộm cắp của người, nếu tà dâm, tà hạnh nếu nói điều ác độc, điêu xảo, nếu rượu chè say sưa thì đều được coi là người thấp thỏi, hạ liệt hết”.

- Đúng vậy! Người ấy nói chí lý. Đó là điều mà mẹ vừa nói với con: Là kết quả của nghiệp!

- Mẹ ơi! Không phải bất cứ điều gì xảy ra cũng đổ vấy cho nghiệp cả. Con không tin. Mình là dân hạ tiện không phải vì nghiệp mà là vì xã hội đưa ra điều lệ, quy định ác độc và ngu ngốc như thế. Con không thể chấp nhận những áp đặt vô nghĩa lý ấy. Mà thôi mẹ ạ! Mình nói chuyện khác. Nói hoài chuyện ấy cũng không đi đến đâu, ai cũng đã chịu đựng, cúi đầu nhục nhã và đớn hèn từ lâu lắm rồi. Hãy nói chuyện về chàng trai xin nước. Chàng trai xin con chút nước kia có tên là gì vậy? Đó là điều mà con muốn biết. Người ấy làm gì? Con chỉ muốn biết chuyện ấy mà thôi.

- Mẹ không biết!

- Mẹ biết mà! Mẹ hay đi đây đi đó, mẹ biết mà! Dường như hồi nãy mẹ có nói chuyện với người hàng xóm?

- Ừ, thôi được rồi! Mẹ biết! Người hàng xóm thấy con nói chuyện với trai nên báo cho mẹ biết! Mẹ cũng thoáng thấy dáng dấp của ông ta rồi. Ông ta tên là Ānanda, là đệ tử của đức Phật, thuộc dòng dõi Sākya quý tộc.

- Người ấy làm gì vậy mẹ?

- Làm một vị tu sĩ. Ông ta đã từ bỏ đời sống thế tục và đã trở thành một vị tỳ-khưu!

- Ồ, mẹ ơi! Người ấy là một người đàn ông tốt nhất trên đời này. Con chẳng cần biết ông ta là ai. Con chỉ muốn được nhìn ngắm người ấy mãi hoài thôi. Con không thể sống mà không có người ấy. Con cần có Ānanda. Nếu con không có được người ấy, con sẽ nhịn đói cho đến chết. Mẹ ơi! Mẹ có học chú thuật, mẹ biết làm phù phép; vậy mẹ hãy dùng hết khả năng phù phép của mẹ để mang Ānanda đến với con. Nếu không, mẹ sẽ không bao giờ còn nhìn thấy đứa con gái độc nhất của mẹ nữa đâu. Con sẽ nhịn đói cho đến khi mẹ mang Ānanda lại cho con.

- Đức vua Kosala của chúng ta là người rất kỉnh mộ ông Cù Đàm. Đức vua đến hầu ông Cù Đàm mỗi ngày. Liệu hồn đấy! Nếu biết con yêu Ānanda, đức vua sẽ đốt nhà, đốt xóm

chúng ta đó. Đức vua sẽ cấm tiệt dân hạ tiện chúng ta sống trong xứ này. Lúc ấy là chết. Con làm hại mọi người trong giai cấp thấp hèn của chúng ta đấy, con có biết không?

- Con không biết! Mẹ hãy đọc thần chú (mantra) ngay bây giờ đi. Mẹ mà đọc thần chú thì Ānanda sẽ đến ngay lập tức. Con mà không có Ānanda thì con không thể sống được đâu.

- Đức Phật là người không còn dục vọng nên thần chú của ông ta ghê gớm, cao siêu lắm. Mà Ānanda thì biết thần chú của Phật, chắc hẳn vậy. Nghe nói "Phật chú" diệt hết tất thảy mọi thần chú trên đời này! Mẹ chịu thôi!

- Được mà! Thần chú của mẹ cao diệu lắm mà! Mẹ không giúp con thì con chết!

Thấy con năn nỉ và có vẻ đau khổ quá, không cam tâm được, bà mẹ bèn gật đầu:

- Thôi được! Vì thương con, mẹ sẽ cố gắng, nhất tâm đọc thần chú cho con. Còn nước thì còn tát.

Người mẹ lúi húi lượm phân bò khô, cỏ khô, thêm củi, lá rác vào và đốt lên cho lửa rực cháy. Bà kiếm thêm hoa ở đâu đó rồi từ từ từng cánh, từng cánh rứt ném vào lửa, miệng lâm râm đọc thần chú:

"Amale, vimale, kunkume sumane, yena baddhasi vidyut icchaya devo varsati, vidyotati garjati, vismayan, Maharajasya, samabhi vardhayitum, devebhyo manushyebhyo gandharvebhyah shikigraha deva, visikhigraha grahadeva, Ānandasyagamanaya, Samgamanaya, kramanaya, grahanaya juho svaha"[1].

Trong khi người mẹ đọc thần chú nhiều lần như vậy, như ma quỷ gọi hồn, Tôn giả Ānanda ở trong tịnh xá cảm thấy đầu óc bị xáo trộn, rối loạn, không còn làm chủ được tâm trí mình nữa. Như bị ai điều khiển, ngài rời tu viện và

[1] Chú Saṅskrit này không tìm thấy nguồn Pāḷi tương đương.

mê man đi thẳng đến nhà mẹ con cô thiếu nữ hạ tiện. Thấy Tôn giả từ xa đi đến, người mẹ bảo cô con gái sửa soạn giường gối. Ānanda bước vào nhà, đứng lại, lặng yên. Trong mơ hồ, ngài cũng thấy cô thiếu nữ Prakirti trang điểm duyên dáng và có vẻ gì đó rất vui sướng. Tôn giả thầm biết mình đang gặp nạn, bèn nghĩ đến đức Phật, và bằng ý tưởng, ngài cầu xin đức Phật hộ trì. Bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, đức Phật thấy Ānanda đang ở trong tình trạng nguy khốn, ngay tức khắc, sử dụng năng lực thù thắng của tâm, ngài đọc một đoạn mantra chuyển tải qua không gian một thông điệp siêu linh:

"Sthi racyutith sunitih svastih sarva pranibhyah sarah prasannam nirdosham prashantam sarvatobhayam itayo yatra shamyanti sarva siddhasca yoninani etena satya vakyena svasty Ānandaya bhiksave"[1].

Do "Phật chú" có năng lực thù thắng, thần chú của bà mẹ tan biến giữa hư không. Tôn giả Ānanda tỉnh trí lại, như vừa ra khỏi cơn mộng, thở ra một hơi thở nhẹ rồi cúi đầu cất bước, trở về lại Kỳ Viên tịnh xá...

Prakirti hoảng hốt khi thấy Tôn giả Ānanda bỏ đi, cô bảo mẹ làm sao cho "ông ta" quay lại.

Bà mẹ thở dài:

- Mẹ biết mà!"Phật chú" dẹp tan mọi thần chú trên đời này. Chắc Ānanda đã học chú thuật của ông Phật Cù Đàm rồi. Mẹ không có khả năng thắng họ được.

Tôn giả Ānanda thoát được nguy nạn phù phép của người mẹ, vào đảnh lễ Phật và cung kính đứng hầu một bên.

Đức Phật nói:

- Ānanda! Ông phải nghe và ghi nhớ bài kinh Sadaksara Vidyā này. Đây là bài kinh sẽ hộ trì cho tất cả Tăng, Ni cùng cận sự nam nữ hai hàng. Bài kinh Sadaksara Vidyā này đã

[1] Như chú thích trang trên.

được minh thuyết bởi sáu vị Phật, được hộ trì bởi Tứ Đại thiên vương, bởi Đại Phạm Thiên Sahampati, và bây giờ, bởi Như Lai là Sākya Muni. Vậy này Ānanda! Ông phải nhớ, phải suy gẫm cho thật kỹ. Nó là những mẫu tự kết dệt lên nhau có âm vang rất huyền bí - tuy nó có nghĩa nhưng không cần thiết phải giải thích. Hãy nghe:

"Andare pandare karande keyurerci haste svara grive Bandhumati, viramati, dhara vidha cilimile, vilodaya, visani loke visa cala golamati gandavile cili mile satimimena yatha samvibhaketa golamati ganda vilayai svaha"[1].

Rồi ngài dạy tiếp:

- Ānanda hãy ghi nhớ! Người nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này, người ấy sẽ được gỡ thoát, được tự do nếu bị tra tấn, hành hạ. Sẽ được miễn hình, giải phóng nếu bị ai đó ra lệnh trừng phạt. Nếu người ấy khiếp sợ thì sẽ được chấm dứt mọi khiếp sợ. Này Ānanda! Người nào được kinh Sadaksara Vidyā này che chở, bảo trợ sẽ không bao giờ bị một năng lực nào vùi dập, bức hại được - ngoại trừ kết quả của nghiệp kiếp trước đã gieo.

Tôn giả Ānanda thoát khỏi sự phù phép của mẹ cô gái. Nhưng Prakirti, cô thiếu nữ kia, vẫn cứ thầm yêu trộm nhớ ngài không nguôi khuây được.

Một ngày nọ, theo thường lệ, Tôn giả Ānanda đi trì bình khất thực, cô Prakirti cứ lẽo đẽo theo sau. Ānanda biết là nguy hiểm, không đi khất thực nữa, bèn quay về lại tịnh xá, trình bày lại với đức Phật chuyện ấy. Cô thiếu nữ theo gót chân Tôn giả cũng đã đến Kỳ Viên, tần ngần đứng ở trước cổng. Đức Phật cho gọi cô vào.

Đức Phật hỏi:

[1] Không tìm thấy đoạn kệ tương đương trong tạng Pāḷi.

- Có thật là cô cứ đi theo sát sau lưng Ānanda?

- Bạch Thế Tôn, dạ đúng thế đó! Con có đi theo bên sau vị ấy.

- Tại sao?

- Bạch Thế Tôn! Con muốn Ānanda làm chồng của con.

Đức Phật mỉm cười:

- Thế cha mẹ của cô có bằng lòng như vậy không ?

- Dạ thưa, cha mẹ con chấp thuận.

- Vậy cô hãy mời hai vị đến đây.

Prakirti về nhà, nói với cha mẹ rằng đức Phật muốn gặp hai người. Lát sau, cô đi cùng với song thân đến Kỳ Viên tịnh xá.

Đức Phật hỏi họ:

- Cô con gái rượu của hai ông bà nói là muốn có Ānanda làm chồng. Hai vị có đồng ý không?

Cha mẹ cô thiếu nữ thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con bằng lòng. Con gái chúng con nói rằng nó không sống được nếu không có Tôn giả Ānanda. Nó nói là nó sẽ nhịn ăn cho đến chết nếu không có được vị ấy.

Đức Phật gật đầu:

- Được rồi. Hai vị có thể an tâm đi về nhà, để Prakirti ở lại đây, Như Lai sẽ sắp xếp mọi chuyện.

Cha mẹ cô gái đảnh lễ Phật rồi lui ra.

Đức Phật bèn quay qua hỏi cô gái:

- Trong kinh thành Sāvatthi này cô muốn bao nhiêu chàng thanh niên cũng có. Cớ sao cô chỉ yêu thương mỗi một mình Ānanda thôi?

- Con thích Ānanda lắm lắm. Con yêu Ānanda nhiều nhiều, rất nhiều. Ôi! Lòng con sáng lấp lánh lên vì chàng. Trái tim con rất ấm áp khi có chàng. Con học được cách suy nghĩ tự do là nhờ chàng. Cũng nhờ chàng mà con hiểu rằng con là một con người, là một thành viên trong cộng đồng

nhân loại. Chính chàng đã làm cho con biết con cũng có được mọi tự do, mọi quyền lợi mà bất cứ người nào cũng phải có, Trong lúc con bị xã hội ruồng bỏ, gạt bỏ, xô đẩy xuống tận đáy xã hội, hành hạ với tùy tiện đòn roi đánh đập của bọn cấp cao trên trước, y như một con chó hoang, một con chó dại; chính chàng là người duy nhất dạy cho con hiểu rằng, ý thức được rằng, con cũng là một con người bình đẳng trong chủng tộc loài người. Bởi vậy, chàng là ánh sáng của con, cuộc đời mới của con. Con không thể sống được nếu không có chàng. Mắt con tràn đầy ơn phúc khi nhìn thấy chàng. Giọng nói chàng ấm áp bên tai của con. Ôi! Chàng nhìn con dịu dàng xiết bao! Lời nói nhân từ của chàng đã khắc sâu vào trái tim con. Con phải có chàng, bạch Thế Tôn

- Được rồi. Như Lai sẽ cho cô Ānanda. Nhưng cô phải làm theo lời Như Lai nói.

- Con làm bất cứ điều gì cũng được hết, nếu Thế Tôn cho con Ānanda.

- Nếu cô muốn Ānanda, cô cũng phải mặc cái gì như Ānanda đã mặc. Ānanda cạo trọc đầu, cô cũng phải cạo trọc đầu. Ānanda khoác y vàng, cô cũng phải khoác y vàng. Nếu cô làm được những việc đó, cô có thể có Ānanda.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ chạy về nhà và sẽ trở lại đây ngay tức khắc sau khi làm những điều mà Thế Tôn bảo.

Prakirti chạy về nhà, kể lại mọi sự việc cho bà mẹ nghe. Người mẹ mắng cô. Prakirti khóc. Cô nhịn đói.

Người mẹ la rầy cô mà lòng vô cùng thương cảm:

- Con ơi, con điên rồi sao? Con nhịn ăn cho đến khi chết hay sao?

- Xin mẹ hãy cạo đầu cho con. Mẹ không làm, con sẽ chết thôi.

- Con điên rồi! Rồi bà cố gắng khuyên lơn con gái - Con ơi! Người phụ nữ đẹp nhất là ở nơi mái tóc. Cạo trọc đầu rồi thì nhan sắc còn đâu nữa! Con đui mù rồi hay sao? Có gì

làm người phụ nữ xấu xí hơn bằng cái đầu trọc lóc? Ôi! Nếu tóc con bị cắt, nếu đầu con bị gọt, con sẽ xấu xí, dị hợm như thế nào chăng? Trong kinh thành Sāvitthi này có cô thiếu nữ nào đẹp bằng con đâu? Mẹ sẽ tìm cho con một chàng trai khác, xứng đáng hơn. Một tấm chồng đẹp hơn. Đừng nóng nảy, vội vàng con ạ. Hãy chịu đựng, kiên nhẫn thêm một thời gian nữa. Hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Còn đẹp đẽ, xinh xắn gì nữa nơi một người con gái bị gọt tóc như đầu con cá lóc! Con ơi! Đừng ngu ngốc, điên dại nữa! Hãy tỉnh cái thần hồn lại đi!

- Không! Mẹ nói gì thì nói, con không muốn bất cứ một ai khác. Con chỉ muốn Ānanda, chỉ thích Ānanda, chỉ yêu mỗi một Ānanda thôi! Đối với con, chàng là tuyệt đẹp. Chàng là đệ nhất trên trần đời này! Mặt chàng sáng rực như vàng. Con thích quá cái mắt hòa ái chàng nhìn, cái giọng ngọt ngào chàng nói, cái dáng uy nghiêm chàng đi. Trên cái cõi châu Diêm-phù-đề này, con không muốn bất kỳ một ai khác, ngoài chàng Ānanda của con.

Người mẹ gật đầu, nói:

- Thôi được rồi, con ăn đi.

- Không, con sẽ nhịn đói cho đến khi nào mẹ gọt tóc cho con.

Prakirti tuyệt thực cả mấy hôm sau đó. Sợ cô chết, mẹ cô đành phải chiều ý, cạo tóc cho con gái.

Xong xuôi, người mẹ như nói lẫy:

- Rồi đó! Hãy lấy gương trông thử xem, bây giờ con giống cái gì nào? Đúng là một ni cô xấu xí, xúi quẩy! Chắc chắn ai ai cũng sẽ thất vọng về con. Đây là mưu chước tài tình, trí xảo của ông Cù Đàm, thầy của Ānanda đó. Chẳng có ai trở về nhà sau khi bị ông Cù Đàm ấy dụ dỗ, lừa gạt. Quả là đáo để, ngoài "Phật chú", ông ta còn có cả phép thôi miên nữa đấy.

Prakirti cười khì:

- Điều đó chẳng quan hệ gì. Con bất cần tất cả nếu có được Ānanda. Con bất cần nếu phải đi xin ăn ngoài đường cùng với chàng. Mẹ ơi! Con xin cảm ơn mẹ! Con chạy vù đến tịnh xá Kỳ Viên ngay bây giờ đây! Chào mẹ! Chào mẹ yêu quý của con!

- Con đi đi! Người mẹ gắt, lớn giọng - Rồi con xem việc gì sẽ xảy ra.

Cô thiếu nữ Prakirti đầu trọc đi đến tịnh xá Kỳ Viên, mình đắp y vàng. Cô đảnh lễ Phật rồi chắp tay đứng hầu một bên. Hàng trăm vị sư, trong đó có Ānanda, đang ngồi quanh Phật.

- Kính lễ Thế Tôn! Cô gái thưa - Con đã làm y như lời Thế Tôn dạy bảo, xin ngài hãy giữ lời hứa, trao Ānanda cho con.

Đức Phật nói:

- Tốt lắm! Con bây giờ xứng đáng để nhận Ānanda. Trước khi Như Lai trao Ānanda cho con, con hãy trả lời Như Lai một vài câu hỏi.

- Xin Thế Tôn cứ hỏi.

- Cái gì nơi Ānanda làm con yêu thích? Cái vẻ bề ngoài của ông ta? Khuôn mặt của ông ta? Cặp mắt của ông ta? Cách nói của ông ta? Dáng đi của ông ta? Cái gì ở nơi ông ta vậy?

- Đối với con, khuôn mặt Ānanda là tuấn mỹ. Mũi cao thẳng, đẹp đẽ. Mắt hiền dịu, dễ thương. Tai có vành tai tròn sáng, như có lực hút, hấp dẫn. Giọng nói ngọt ngào như mật. Tư tưởng đúng đắn, cao thượng, chính đại quang minh, hợp với lẽ phải muôn đời. Toàn bộ dáng dấp bề ngoài đều gợi cảm, quyến rũ. Con gái trên đời này mà không đắm đuối nhìn Ānanda thì người ấy không có con mắt, không xao xuyến rung động bởi Ānanda thì người ấy không có trái tim! Sự thật như vậy đó! Con yêu tất cả "vẻ người" diệu mỹ của chàng.

Đức Phật chậm rãi, điềm đạm nói:

- Con xem thân hình Ānanda là đẹp, có phải thế không? Da dẻ Ānanda vàng sáng như ngọc chuốt, có phải thế không? Nhưng mà này con! Nếu da của ông ta bị thương tích, da đó sẽ chảy máu. Nếu không chữa lành thì da đó sẽ sưng tấy lên. Nó sẽ đau. Nó sẽ mưng lên. Rồi nước mủ sẽ rỉ ra. Cái mà con nói là đẹp ấy, nó chỉ là cái bề ngoài mà con thấy, giới hạn nơi cái lớp da bọc ngoài mà thôi. Như vậy, vẻ đẹp hay vẻ gợi cảm, quyến rũ chỉ đều là do cái nhìn về bề ngoài da thịt. Nhưng nếu da của một người bị lột ra thì chẳng ai thèm nhìn người đó nữa. Nếu cái gì ở bên trong thân thể bị lật ra bên ngoài thì lũ chó và lũ quạ sẽ đến tấn công, chụp giựt, cắn xé; phải cầm gậy gộc đuổi đánh chúng đi. Thân thể đó không phải được làm bằng ngọc trai, vàng hay bạc. Cũng không phải thiết kế bằng đá quý, san hô. Cái tạo nên thân thể đó được làm bằng xương, da, gân, thịt, máu, đờm, dãi, nước tiểu, nước bọt, phân... Thân thể ấy không đáng giá gì cả khi con nhìn nó. Nếu nhìn vào thực chất của nó, con sẽ thấy nó đáng ghê tởm xiết bao! Ai là người không có trí thì tưởng rằng nó là đẹp. Thực chất thì nó vô thường như bọt nước, như bong bóng, tan biến như ánh chớp, huyễn ảo như ma thuật, như giấc mộng. Thân thể là phù du, không chắc thật, xảo dối. Nó giống như một chiếc bao chứa đầy đồ phế thải dơ uế. Khi nó bệnh tật, ta trở thành kẻ thù của chính ta. Nếu ta nhịn ăn uống một ngày, nếu ta không tắm rửa một ngày, nếu ta không súc miệng một ngày, ta sẽ thấy chính ta là đáng kinh tởm xiết bao. Tất cả những gì kinh tởm chúng sẽ tứa ra ngoài thân. Thân thể là nơi nương tựa của bệnh tật, của buồn rầu, của sợ hãi, của khổn nguy. Không một ai có thể biết là mình sẽ chết hôm nay hay ngày mai. Đồ phế thải dơ uế của thân thể ta làm chính ta phải ghê sợ, tởm lợm. Thân thể ta là nhà chứa của ghê sợ, tởm lợm. Ta không thể mang cái thân này đi theo được. Ta không thể cho ai cái thân

này được. Bộ xương này gồm ba trăm đốt, không tính răng. Các đốt xương được nối kết lại với nhau nơi một trăm tám mươi khớp. Thịt được cột chùm lại nhờ chín sợi gân máu. Chín trăm mảnh thịt bám chặt vào gân. Toàn thể bộ xương được da bao quanh, cho nên ta không thấy gì bên trong. Da được đánh bóng nhờ những sợi tơ li li đan kết lại. Thân này có hàng triệu lỗ chân lông. Đồ phế thải dơ uế tứa ra ngoài thân như mỡ đọng nơi vành chảo, miệng nồi. Đó là trú cư của hàng triệu triệu con trùng. Đó là nơi than khóc, tóc tang chọn làm chỗ ẩn náu. Đó là bì da chứa đồ phế thải dơ uế qua chín lỗ thoát hơi... Khi hơi thở lìa khỏi thân này, ai cũng sợ hãi, ngay cả sờ lên đấy cũng thấy kinh! Chỉ vài ngày sau, nó bốc mùi thối hoắc bởi đồ phế thải rỉ ra. Yêu thương cái xác chết này hay yêu thương cái xác chết nọ thì nào có gì khác nhau đâu? Tình yêu là do sự thèm muốn, khao khát mà có. Ở đâu không có thèm muốn, khao khát, ở đấy không còn ham mê, đắm đuối. Ở đâu có tình yêu thân xác, ở đấy tất có sầu buồn đau khổ. Từ ngày con bắt đầu yêu thương Ānanda, con đã chứng nghiệm trong lòng mình bao nhiêu là buồn khổ, khóc lóc, thở than, bỏ ăn, bỏ ngủ, suy nhược, kiệt lả... cả thân lẫn tâm - lẽ ra con phải tự biết chứ? Tất cả những điều đó đâu có phải là hạnh phúc chân thật để cho con phải mất công tốn sức tầm cầu, cưu mang, ấp ủ? Bây giờ, con hãy suy nghĩ cho thật kỹ với trí thông minh của con, nhìn xem thử lại, quan sát kỹ lại cái thân thể của ông Ānanda có phải là cái gì đáng cho con phải mê, phải mệt, phải tương tư, thầm yêu, trộm nhớ không? Hãy nói cho Như Lai nghe thử nào?

Prakirti càng nghe đức Phật nói chừng nào, sự thật càng được phơi bày chừng nào, cô càng kinh khiếp, ghê sợ chừng đó do căn tu nhiều đời. Cứ thử tưởng tượng thôi, là cô cứ muốn nôn ọe...

Cô chợt quỳ sụp xuống:

- Ôi, bạch đấng Giác Ngộ! Quả thật là con đã thấm thía quá sức rồi! Quả thật là con đã thấy được sự thật qua lời giảng dạy cặn kẽ, sâu sắc của ngài rồi. Con đã thấy thực chất những cái gì dơ uế nơi thân thể của Tôn giả Ānanda qua lời mà ngài vừa đặc tả. Lòng con chợt nhẹ bổng, nhẹ thênh thênh sau khi nghe thời pháp vi diệu của Thế Tôn. Con đã tận tường, thông suốt mọi điều, mọi lẽ rồi; chẳng có gì có thể che giấu, dối gạt con được nữa.

Đức Phật lại mỉm cười:

- Nếu thật là như vậy, Như Lai sẽ thực hiện lời hứa trao Ānanda cho con. Bây giờ con có thể đi về nhà cùng với Ānanda!

Prakirti vái lạy lia lịa:

- Ồ không! Bạch đấng Giác Ngộ! Con không cần chàng nữa, con không cần Tôn giả Ānanda kia nữa. Lời dạy thâm sâu, cao diệu, nhất là hiện thực và cụ thể của Thế Tôn đã chữa lành tâm bệnh của con, đã chữa lành sự ngu ngốc, điên loạn của con rồi. Bây giờ, con không còn là cô thiếu nữ mê muội sống theo ước vọng điên cuồng như vậy nữa. Tất cả cơn đam mê đã lìa khỏi tâm của con rồi. Xin Thế Tôn rủ lòng bi mẫn thâu nhận con vào ni đoàn của ngài.

Đức Phật mỉm nụ "tiếu sanh tâm" nhè nhẹ gật đầu:

- Đoàn thể tăng ni của Như Lai sâu rộng như biển lớn. Bao nhiêu con sông như Gaṅgā, Yamuna, Aciravati, Sindhu, Godhavati - tất cả chúng đều chảy vào biển, trộn chung, tan hòa lại với nhau, chẳng còn phân biệt nước của con sông này với nước của con sông kia, tất cả chỉ còn một tên gọi chung là biển. Cũng vậy, Như Lai không phân biệt người thấp hèn hay cao sang, chủng tộc, giai cấp hay xứ sở, ai cũng có thể bước vào đoàn thể tăng ni của Như Lai được cả. Khi vào, tất cả những gì khác biệt trước đây đều tan biến, mọi người cùng sống với nhau như con chung một cha, là huynh đệ, là tỷ muội trong một đại gia đình yêu thương và bình đẳng. Tất

cả đều trở thành là "Con của Phật", là Phật tử hay Thích tử. Bởi vậy, không có gì cản trở con gia nhập giáo chúng ni đoàn.

Thế rồi, cô được gia nhập ni đoàn và không lâu sau đó tỳ-khưu-ni Prakirti trở thành một vị A-la-hán.

Tin đồn về đức Phật thâu nhận một cô gái hạ tiện vào ni đoàn lan rộng ra khắp nơi nhanh như gió thổi. Tất cả giới tướng lãnh, bà-la-môn, phú gia và quý tộc của kinh thành Sāvitthi thảy đều bàng hoàng, rúng động. Họ tự hỏi làm sao một phụ nữ hạ tiện, khi trở thành ni cô, có thể đi vào nhà của một người sinh ở giai cấp trên trước; làm sao một người sinh ở giai cấp trên trước có thể đến gần "cô ni" ấy, làm sao "cô ni" ấy có thể nhận thức ăn khất thực từ người sinh ở giai cấp cao hơn?

Họ đến thưa chuyện với đức vua Kosala. Đức vua khen thầm thái độ quang minh chính đại của Phật khi ngài muốn phá bỏ hàng rào các giai cấp, tôn trọng sự tự do và bình đẳng, nhưng cũng cùng với một đoàn tùy tùng gồm những người thuộc giai cấp thượng đẳng thân hành đến bái yết ngài.

Đức Phật gọi tỳ-khưu-ni Prakirti, tôn giả Ānanda và tất cả tăng ni đến quanh ngài, rồi ngài hỏi vua và mọi người có muốn nghe kể chuyện kiếp trước của Prakirti không. Ai cũng muốn nghe.

Rồi đức Phật bèn kể:

"Trong một kiếp quá khứ, bên bờ sông Gaṅgā, có một vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện tên là Trishanka. Ông ta có một người con trai tên là Shardula Karna dung mạo tuấn tú, kiến thức sâu rộng, học hết ba bộ kinh Vệ Đà. Khi thanh niên ấy đến tuổi lập gia đình, người cha đến nhà người bà-la-môn có tên là Pushkaar Shari để cầu hôn con gái ông ta cho con trai của mình. Người con gái ấy tên là Prakirti. Người bà-la-môn tức giận, cho việc cầu hôn ấy là một sự lăng mạ, sỉ nhục.

Người thủ lãnh giai cấp hạ tiện cố gắng đem hết lý lẽ ra để giải thích rằng phân biệt giai cấp như vậy là không đúng, ai cũng là con người cả. Người cha bà-la-môn Pushkaar Shari lấy làm hài lòng bởi lời giải thích có lý có tình, đúng với sự thật của vị thủ lãnh nên chấp thuận gả con gái của mình cho con trai của ông ta.

Cô thiếu nữ Prakirti xinh đẹp của người bà-la-môn giai cấp thượng lưu kia bây giờ chính là tỳ-khưu-ni Prakirti bây giờ đây. Con trai của vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện, hiện nay chính là Ānanda. Và, Như Lai chính là thủ lãnh Trishanka giai cấp hạ tiện của kiếp trước đó vậy".

Sửng sốt, ngạc nhiên và thú vị bởi câu chuyện hay, đức vua Kosala và tùy tùng lãnh hội được bài học, đảnh lễ Phật rồi ra về.

Nguyên Nhân Đức Phật
Cho Thọ Y Kaṭhina

Nhắc lại chuyện cách đây hai mươi hai năm về trước.

Sau khi thành đạo tại cội Bồ Đề, đức Phật về Vườn Nai hóa độ cho năm đạo sĩ Kiều Trần Như trở thành các bậc thánh vô lậu, thế là giáo hội Tăng-già ra đời, ban đầu chỉ có năm vị. Cũng thời gian ở đây, đức Phật tiếp độ thêm công tử Yasa cùng năm mươi lăm bạn hữu đồng đắc quả A-la-hán. Và đây chính là lực lượng sa-môn trí giả đầu tiên được đức Phật khuyên họ phân bố đi hoằng hóa nhiều phương, mỗi người một nơi, không đi chung nhau vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Thế rồi, sau khi tiễn đưa sáu mươi vị A-la-hán lên đường, đức Phật rời Lộc Uyển, theo lộ trình trở lại thăm cội cây Bồ Đề tại Uruvelā cùng ngôi làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, trong đó có bát sữa kỳ diệu của nàng Sujātā.

Đến khu rừng Kappāsīya, thấy hoa kadamba nở vàng rực, hương thơm ngào ngạt, đức Phật dừng chân, độ ngọ rồi nghỉ trưa. Tại đây, đức Phật đã tiếp độ thêm ba mươi vương tử xứ Kosala trở thành ba mươi vị tỳ-khưu[1] rồi sau đó, họ

[1] Xem lại MCĐMVNN II.

tình nguyện đi đến miền rừng núi xứ Pāvāya, biên địa phía Bắc Kosala để hành đạo, tùy duyên tiếp độ chúng sanh.

Thời gian trôi qua, ba mươi vị tỳ-khưu này đều thọ trì hạnh đầu-đà; sống đời giản dị và trong sạch, xứng đáng phẩm hạnh của những bậc thánh vô lậu trong giáo hội của đức Tôn Sư. Họ thường chia nhau ra từng nhóm hai ba vị một, đi trì bình khất thực quanh những xóm làng sơn cước, có gì dùng nấy. Họ lượm vải dơ, vải rách, vải bên vệ đường, nghĩa địa người ta quăng bỏ để vá y, may y để mặc.

Việc đức Phật cho phép thọ y Kaṭhina nguyên do bởi câu chuyện của ba mươi vị trưởng lão xứ Pāvāya này.

Thuở ấy, một vị tỳ-khưu chỉ được dùng một số y phụ như y lót ngồi, y lót nằm, y rịt ghẻ, y lau mặt, sau này còn được phép dùng thêm y tắm mưa. Gọi là y nhưng thật ra, chúng chỉ là những tấm vải lớn nhỏ tùy theo mục đích sử dụng. Cần thiết và quan trọng nhất cho một vị tỳ-khưu là tam y (ticīvara), nó gồm có một tấm y dày hai lớp để làm chăn đắp, gọi là y Tăng-già-lê (saṅghāti); một tấm y khác nữa, gọi là y ngoại, y thượng hay y vai trái để mặc ngoài (uttarasaṅgha); một tấm y để mặc như cái xiêm được gọi là y hạ hay y nội (antaravāsaka). Do tất thảy đều là vải lượm, đôi khi phải may vá nhiều lớp trông mới lành nguyên, nên tấm y Tăng-già-lê của vị tỳ-khưu nào cũng dày cộm. Nhớ lời đức Phật dạy, con chim có đôi cánh luôn dính với thân hình như thế nào thì vị tỳ-khưu có tam y cũng y như thế, không được phép rời khỏi tam y, phải luôn luôn dính tam y ở bên mình. Những khi trời nắng, hay tiết trời tạnh ráo thì y Tăng-già-lê dễ phơi phóng, mau khô, mang nhẹ; nhưng khi lỡ bị ướt nước mưa thì tấm y ấy trở thành gánh nặng trên vai!

Tình trạng như thế đã xảy ra với nhóm tỳ-khưu ba mươi vị ở Pāvāya này trong nhiều lần trước đây họ về thăm đức Thế Tôn ở Kỳ Viên tịnh xá; nhưng lần sau cùng này thì xem ra có vẻ 'thê thảm' hơn nhiều.

Chuyện là, khi hay tin đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá, rồi ở Đông Phương Lộc Mẫu trong hạ thứ hai mươi, hạ thứ hai mươi mốt, ba mươi trưởng lão xứ Pāvāya quyết định từ giã miền rừng biên địa, lặn lội về thăm ngài sau nhiều năm xa cách. Do những trận mưa xối xả bất thường, những đoạn đường qua núi, qua làng trở nên lầy lội nên họ bộ hành rất chậm; và những tấm thân già cùng với tam y ai cũng bị đẫm ướt. Khi đến thị trấn Sāketa là đã đến gần ngày an cư nên họ phải tìm chỗ trú chân, hong khô y áo. Vị trưởng lão trưởng đoàn run run vì lạnh, đăm đăm nhìn về phương nam, cất tiếng như đã quyết định:

- Đức Thế Tôn hiện ở rất gần mà chúng ta cũng không về đảnh lễ bên chân của ngài được. Thôi, chúng ta hãy tìm một khu rừng, tạm thời an cư mùa mưa ở đây. Sau hạ, chúng ta hãy lên đường.

Mọi người y lời. Rồi mùa an cư cũng qua đi, nhưng do mưa suốt mấy tháng nên việc trì bình bị trở ngại, ai cũng gầy ốm, xanh xao vì thiếu thốn vật thực. Và suốt quãng đường về Sāvatthi, ba mươi vị tôn giả lại bị đẫm nước mưa nhiều lượt nữa, tấm y Tăng-già-lê trên vai nghe nặng như quả núi.

Khi họ lầm lũi, gắng sức đến được Kỳ Viên tịnh xá, cả ba mươi vị trông rất thảm não; hình ảnh ấy kinh động đến đức Phật, kinh động đến chư tăng và kinh động đến cả hai hàng cận sự nam nữ.

Sau khi gặp mặt ba mươi vị trưởng lão, thấy sắc mặt xanh xao, hình dong tiều tuỵ, y áo vá chằm vá đụp nhưng cũng đã rách nát tả tơi của họ, đức Phật động tâm chánh pháp. Tức tốc, ngài cho triệu tập chư vị đại trưởng lão có mặt ngay tức khắc tại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá để cùng nhau xử lý vấn đề vừa phát sanh trước mắt.

Hướng tâm đến sinh hoạt tăng lữ của chư Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, đức Phật Gotama biết rằng, khi gặp trường hợp tương tự, chư Phật đã cho phép thọ y Kaṭhina

với cách thức như vậy, như vậy...[1] Người được thọ y, ví như trường hợp ba mươi vị trưởng lão này, sẽ nhận được vải lành lặn do thí chủ dâng cúng, để cắt, vá, may làm thành y mới, thay thế y áo đã quá cũ rách. Còn nữa, chưa nói chuyện thí chủ hoan hỷ cúng dường y Kaṭhina có phước báu vô song; riêng người thọ y cũng sẽ được năm quả báo hiện tiền, có được nhiều sự dễ dàng trong việc tới lui, sinh hoạt. Trong năm quả báo[2] ấy, điều thứ hai, là không mang theo y tăng-già-lê nặng nề bên mình mà cũng không phạm tội vào điều học nào cả.

Thế là trong suốt ba ngày, đức Phật cùng chư vị đại trưởng lão đã chế định những điều khoản, tuyên ngôn, cách thức thọ trì, thế nào là thành tựu, thế nào là không thành tựu... vân vân và vân vân. Từ đó đại lễ dâng y Kaṭhina bắt đầu được phổ biến rộng khắp tịnh xá, tu viện trong toàn thể châu Diêm-phù-đề.

Người được diễm phúc và vinh hạnh làm chủ lễ đại thí cúng dường y Kaṭhina đến đức Phật và chư tăng Kỳ Viên tịnh xá lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, chính là bà Visākhā vậy.

---

[1] Xem Mahāvagga II, tạng Luật; tỳ-khưu Indacanda đã có bản Việt dịch.

[2] 5 quả báo: 1- Ra đi không từ giã vị trưởng nhóm, không có tội. 2- Đi, không mang theo y Tăng-già-lê, không phạm điều học. 3- Thọ thực chung nhiều vị, cũng được. 4- Không thọ y, có thể cất giữ y hoặc không gởi y cũng không sao. 5- Y của tỳ-khưu mất hay y phát sanh như tài sản của Tăng, vị tỳ-khưu đã thọ Kaṭhina được phép sử dụng.

Cây Bồ Đề Ānanda

Từ khi kinh thành Sāvatthi có hai tu viện lớn là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên và Đông Phương Lộc Mẫu – nơi nào cũng có sức chứa hằng ngàn vị tỳ-khưu - thì đức Phật thường lui tới cả hai nơi trong những lúc họp tăng hay thuyết giảng những bài pháp quan trọng đến tứ chúng hoặc riêng cho chư tỳ-khưu tăng ni. Tuy nhiên, chỗ đức Phật hằng lưu trú nhất vẫn là Kỳ Viên tịnh xá.

Cứ mỗi độ sau mùa an cư, đức Phật lại ra đi. Chư vị đại trưởng lão như hai vị đại đệ tử, tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Upāli... đôi lúc cũng cùng với hội chúng tỳ-khưu đệ tử của mình cũng rời Kỳ Viên hay Đông Phương làm những cánh hạc du phương, thong dong vô trụ xứ.

Hôm kia, vào khoảng mùa an cư thứ hai mươi bốn của đức Phật tại Kỳ Viên tịnh xá; và có lẽ cũng đã suy nghĩ cặn kẽ, trưởng giả Cấp Cô Độc tìm gặp tôn giả Ānanda, rồi thưa:

- Thường thường, sau mỗi mùa an cư, tịnh xá Kỳ Viên trông đìu hiu và hoang vắng lắm, tôn giả có biết thế không?

Tôn giả Ānanda nhè nhẹ gật đầu:

- Đức Tôn Sư ra đi, chư vị đại trưởng lão và chúng tỳ-khưu cũng ra đi, thì có lẽ ở đây rất là trống vắng. Đó là sự thật, thưa trưởng giả!

- Cứ mỗi buổi sáng, cứ mỗi buổi chiều, cận sự nam nữ hai hàng đến Kỳ Viên tịnh xá với hoa, với đèn, với trầm, với những vòng hoa, tràng hoa... họ đi quanh một vòng, không biết đặt vào đâu - thế là họ đặt tất cả vật cúng dường ấy ngoài hương phòng của đức Thế Tôn, đảnh lễ hương phòng rồi ra về. Chúng chất thành từng đống, từng đống, ngày này sang ngày khác, đến hư mục và thối rữa. Trên mỗi khuôn mặt, dường như ai cũng có một nỗi buồn khó tả khi không có mặt đức Thế Tôn!

- Đúng là vậy rồi, thưa trưởng giả!

Ngần ngại một lát, trưởng giả thưa tiếp:

- Những mong tôn giả thưa thỉnh với đức Thế Tôn, rằng là, xem có nơi nào khác để hai hàng cận sự có thể đến lễ bái, cúng dường trong lúc đức Thế Tôn bận đi du hóa phương xa, không có mặt ở Kỳ Viên tịnh xá, nhưng vẫn được xem như là đang có sự hiện diện của ngài.

Tôn giả Ānanda nhíu mày:

- Có phải trưởng giả muốn hỏi, một nơi nào đấy, có cái biểu tượng gì đấy - được xem như là vẫn có mặt đức Đạo Sư ở Kỳ Viên?

- Đúng là vậy! Trưởng giả xoa tay, nở nụ cười hoan hỷ - Tôn giả đã nắm bắt rất chính xác ý nghĩ và ước nguyện của đệ tử vậy.

Thế là vào dịp thuận lợi nhất, tôn giả Ānanda vào hầu Phật. Và sau đó, câu chuyện đã diễn ra như sau:

- Bạch đức Thế Tôn! Có bao nhiêu vật biểu tượng - được xem như là có sự hiện diện của đức Thế Tôn - để chúng sanh có thể đến đấy để lễ bái, cúng dường (cetiyāni)?

- Tất thảy có ba, này Ānanda! Đức Phật giảng giải – Thứ nhất, những vật có liên hệ đến thân thể (sārikira) của Như Lai, như ngọc xá-lợi sau khi Như Lai nhập diệt. Thứ hai, những vật có liên quan đến những đồ dùng riêng (pāribhogika) của Như Lai, ví như y và bát... Thứ ba, những

vật như tượng trưng nhằm để tưởng nhớ (uddesika), ví như cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi chốn Như Lai chứng ngộ đạo quả vô thượng!

- Đệ tử hiểu rồi! Tôn giả Ānanda thưa tiếp - Về việc thứ nhất, khi đức Tôn Sư còn tại tiền thì đâu có xá-lợi để tôn thờ? Tuy nhiên, có thể xây dựng ngôi bảo tháp tượng trưng được không, bạch đức Tôn Sư?

- Không thể được, này Ānanda! Bảo tháp ấy chỉ được kiến tạo khi Như Lai nhập diệt rồi; và khi ấy, tất thảy thịt, xương, gân, da, tim, não, máu, mồ hôi, lông, tóc của Như Lai... sau khi thiêu đốt, chúng biến thành ngọc, được gọi là ngọc xá-lợi – thì sự lễ bái cúng dường ngọc xá-lợi ấy mới có ý nghĩa, mới có phước báu, này Ānanda!

- Thế còn đồ dùng riêng, bạch đức Tôn Sư ?

- Cũng tương tự vậy, nghĩa là sau khi Như Lai Niết-bàn rồi – mới nói lên được ý nghĩa biểu tượng của nó.

- Vậy thì chỉ còn cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi thành đạo của đức Đạo Sư, là có thể thiết lập ngay hiện tại này để mọi người có thể chiêm bái, cúng dường?

- Đúng vậy, này Ānanda! Hãy trồng đi! Làm được như vậy là xem như Như Lai luôn có mặt tại Kỳ Viên tịnh xá.

Sau cuộc hội kiến ấy, tôn giả Ānanda thuật lại câu chuyện cây Bồ Đề với trưởng giả Cấp Cô Độc, với bà Visākhā, với đức vua Pāsenadi...

Tôn giả Mahā Moggallāna tinh minh ngàn dặm, biết chuyện ấy, đã sử dụng thần thông, nhanh mắt, nhanh tay vươn chụp một hạt bồ-đề chín muồi đang rơi từ cây xuống rồi trao ngay cho tôn giả Ānanda, mỉm cười nói:

- Hãy tìm một chỗ tương thích trong khuôn viên tịnh xá để gieo ươm liền tay đi, hiền giả!

Biết được sự hệ trọng của vấn đề cùng ý nghĩa biểu tượng thiêng liêng của nó, tôn giả Ānanda lắc đầu :

- Không! Công đức này hãy để dành cho bậc nhân chủ Kosala!

Tức tốc, tôn giả Ānanda bộ hành vào cung, mang hạt bồ-đề ấy trao cho đức vua Pāsenada rồi nói :

- Chính bệ hạ mới là người xứng đáng gieo ươm hạt bồ-đề này như ngọn cờ chiến thắng tâm linh.

- Không! Không! Tôi không dám nhận cái vinh dự ấy đâu!

Nói thế xong, suy nghĩ một lát, đức vua Pāsenadi mặc đồ đại lễ, cùng với quần thần lên những cỗ xe bốn ngựa đến trao hạt bồ đề ấy cho trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng :

- Chính trưởng giả là người khởi tâm đầu tiên. Vậy công đức và phước báu này không ai có thể giành phần của trưởng giả được.

Khi mọi người có mặt đầy đủ tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn giả Ānanda chỉ chỗ gieo ươm rồi, nhưng trưởng giả Cấp Cô Độc vẫn có vẻ chần chừ - thì một giọng phạm âm từ đâu đó vẳng lại :

- Hãy đặt hạt xuống lỗ đi, này Sudatta! Mọi người nhường nhau, cuối cùng, hạt bồ-đề nằm trong tay ông! Vậy, về tình, về lý, về đạo, về đời đều trọn hảo cả!

Ai cũng biết đấy là ngôn lời động viên chính đáng của đức Thế Tôn. Trưởng giả Cấp Cô Độc không dám không nghe theo, bèn chấp tay thành kính vái giữa hư không, rồi đặt hạt xuống, khỏa đất lại, tưới nước lên - trước sự chứng kiến của hai vị đại đại đệ tử, tôn giả Ānanda, đức vua Pāsenadi và bà Visākhā... Từ đó, hạt bồ-đề nẩy mầm, phát triển xanh tốt. Cận sự hai hàng biết chuyện, ai cũng để tâm chăm bón. Một số người còn mang sữa bò, sữa dê cho cây uống nữa nên nó lớn nhanh như thổi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghĩ đến người tạo thuận duyên cho ước mơ của ông được thành tựu - chính là vị thị giả của đức Tôn Sư – nên ông đặt tên là Cây Bồ Đề Ānanda![1]

Ghi chú đặc biệt ở hạ thứ 24:

- Trong soạn phẩm "Đường xưa mây trắng" của thiền sư Nhất Hạnh, và soạn phẩm "Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni" của Minh Thiện - Trần Hữu Danh, ở hạ thứ 24 này có đề cập đến kinh "Bát đại nhân giác". Đây là kinh của hệ phái phát triển, không có trong thời Phật. Lý do, bảy điều trước là tinh thần phổ quát của giáo pháp, nhưng điều thứ tám, nguyên bổn chữ Hán, có đoạn: "Phát đại thừa tâm. Phổ tế nhất thiết. Nguyện đại chúng sanh. Thọ vô lượng khổ". Lưu ý cho: Thời Phật, không hề có từ "đại thừa"; và cũng không có tinh thần "nguyện thay chúng sanh, thọ vô lượng khổ"!

Nếu so sánh với Pāḷi văn thì Theravāda cũng có "8 pháp của bậc chân nhân", tôi ghi ra đây để chúng ta cùng tham khảo, như sau: 1-Có đủ bảy diệu pháp: tín, tàm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. 2-Thân cận bậc chân nhân. 3-Tư duy hướng thiện và hướng thượng, bất hại cho mình và tha nhân. 4-Lý luận, thảo luận chân chánh không gây hại cho mình và tha nhân. 5-Mỹ toàn bốn khẩu thiện hạnh: không vọng ngữ, không ly gián, không ác độc, không vô ích. 6-Mỹ toàn bốn thân thiện hạnh: không sát, đạo, dâm, tửu. 7-Có chánh kiến (kiến, văn, giác, tri như thật). 8-Biết 8 cách bố thí của bậc chân nhân: Vật trong sạch, vật thượng hạng, đúng thời, phù hợp, có suy nghĩ, làm thường xuyên, tâm thanh tịnh, ba thời (trước, trong và sau) đều hoan hỷ.

[1] Đây là cây bồ-đề lịch sử có tuổi thọ lớn nhất, hiện nay vẫn còn sống tại Sahet Mahet - Jetavana cũ. Sang Ấn Độ, người biên soạn có đến đảnh lễ cây Bồ Đề này.

Người Đàn Bà Đau Khổ

Do túc duyên nhiều đời, cô gái sanh ra trong một gia đình ông chủ ngân hàng[1] tại Sāvatthi, cao sang, giàu có; lại được cha mẹ rất cưng chiều, cho cô ở trên tầng bảy của một tòa lầu, có kẻ ăn người ở hầu hạ sớm hôm.

Năm cô lên mười sáu tuổi, có một gia đình môn đăng hộ đối với lễ vật trọng hậu dạm hỏi nàng cho con trai của họ, cũng là một công tử con nhà quyền quý. Cô gái lặng lẽ không nói gì, vì cô đã âm thầm yêu thương một chàng trai nô lệ đầy tớ trong nhà. Cậu ta chỉ hơn cô vài tuổi, vừa vai u thịt bắp mạnh khỏe vừa có tướng mạo là một mỹ nam tử. Mối tình này diễn ra đã được mấy tháng, như lửa gần rơm, sức cuốn hút của tuổi thanh xuân, họ đã có quan hệ mặn nồng với nhau.

Như đã quyết định, hôm kia cô gái nói với chàng trai:

- Tôi không thể lấy cái anh công tử mặt trắng ẻo lả kia được. Vả lại, tôi đã có " ri khác" với chàng rồi. Chúng ta hãy bỏ trốn thôi!

- Tôi sợ lắm! Thưa nữ chủ!

---

[1] Đây là ghi theo Dictionary of Pāḷi Proper Names, còn những nơi khác là thương gia hoặc triệu phú. Gia tài của vị này chừng khoản 400 triệu đồng tiền vàng (theo chú giải).

Cô gái cau mày:

- "Nữ chủ" cái gì nữa! Vợ chồng rồi đấy! Hãy liệu tính cho mai sau chớ không còn kịp nữa. Mau mau lên!

- Tôi phải làm sao?

- Ối! Đần đần vừa vừa thôi chứ! Hãy liệu chừng cửa ngõ, xem bọn đầy tớ đi lên đi xuống các cổng lầu, vườn hoa, tường Đông, tường Tây, xem vào khoảng canh hai chúng đã ngủ nghỉ hết chưa. Rồi còn tìm cách cuỗm một con voi rồi chúng ta cùng bỏ trốn! Rõ chưa?

- Rõ ạ! Thưa nữ chủ!

- Lại "nữ chủ"!

Chàng trai cười ngỏn ngoẻn rồi đi lo việc của mình.

Thế rồi, đúng ngày, đúng giờ, cô gái gom hết của cải, tư trang, tư dụng vào trong một cái đãy lớn rồi cùng với tên nô lệ đầy tớ cỡi trên một con voi, trốn đi. Lúc ấy vào đầu canh ba, mọi người trong nhà đang no say giấc điệp cả.

Đi được một đỗi, chàng trai hỏi:

- Nếu ông chủ bắt được, ổng có đánh chết không?

- Ổng cho người đánh chàng chết thật đấy!

- Không sợ pháp luật sao?

Cô gái cười rúc rích:

- Chàng không có biết gì cả! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

Chàng trai nghe rợn cả tóc gáy, quay lại sau, ngó tả, ngó hữu, lắng tai nghe chừng, thấy chẳng có ai chạy theo bắt, nghe chẳng có tiếng động nào, chàng mới thở một hơi dài nhẹ nhõm!

Đến một vùng nông thôn, quê cũ của chàng thanh niên, cách kinh thành Sāvatthi chừng ba bốn do-tuần thì họ dừng chân lại. Tại đây, cô gái bán con voi, bán tư trang thêm tiền tậu một mảnh vườn, thuê người làm một căn nhà, sắm sanh tiện nghi ăn ở, những vật dụng cần thiết cho mọi sinh hoạt.

Thế rồi, một thời gian sau, hai vợ chồng son trẻ đã trở thành một gia đình nông dân thực thụ. Chàng làm vườn, trồng cây ăn trái, rau cải; nàng kiếm củi, bếp núc, chăm sóc quét dọn nhà trong vườn ngoài. Cuộc sống ấy ai cũng tưởng là rất hạnh phúc, nó êm ả, nó đều đặn trôi đi! Được bốn năm tháng, khi cái bụng của nàng ngày càng lớn thì nàng bắt đầu mệt mỏi, chán nản, buồn phiền nên sinh ra cáu gắt, nóng tính vô cớ. Chuyện củi đuốc, bếp núc, quét dọn trong ngoài nàng cũng bỏ phế, chàng trai lại nhẫn nại, lặng lẽ làm hết mọi sự. Bản chất của "cô tiểu thư" ưa sai bảo, ưa chỉ tay năm ngón, nhờ tình yêu mặn nồng ban đầu nó chìm khuất đi, bây giờ nó bắt đầu hiện mặt ra, xáo trộn nếp sống gia đình, đảo lộn cái tôn ty "chồng xướng thì vợ thuận theo". Chàng trai vốn bản chất trung hậu, quen chịu đựng cũng không lấy thế làm điều khi trở lại vai trò của một tên đầy tớ! Lại còn bị cô chủ chê ỉ ôi, eo sèo nấu cho chó ăn, nấu cho bò ăn chớ có phải cho người ăn đâu!

Cái bụng càng to thì nàng càng khó chịu, càng bướng, càng chướng, thường hay quát tháo chồng, la mắng chồng một cách vô cớ. Nó cũng có lý do chủ quan của nó. Vì càng gần đến ngày sinh, nàng càng cảm thấy bất an và sợ hãi. Sinh làm sao đây? Ai là người có kinh nghiệm chăm sóc, thuốc thang? Nàng có biết gì đâu, và cái ông chồng "con nít" ba cục, ba hòn kia cũng có biết gì đâu! Con người sinh con, cô "tiểu thư" sinh con chớ có phải là con trâu, con bò, con mèo, con chó, con gà, con vịt sinh con đâu! Đến lúc này cô gái mới thật sự thấm thía nhớ đến bàn tay và trái tim của người mẹ. Ở đấy thường là quê hương ấm áp của mọi đứa con ly xứ hướng về! "Mẹ ơi!" con khổ lắm! Cô gái thốt lên nho nhỏ với hai hàng nước mắt tuôn chảy lặng lẽ, dầm dề, trong đêm, khi bên cạnh, chàng trai ngủ ngáy khò khò vô tư, vô lự! Mà cũng phải thôi, chàng đã làm việc cật lực, vất vả

suốt ngày lại còn phải lo đảm đang, quán xuyến nội trợ trong nhà nữa.

Hôm kia, như đã quyết định, cô gái nói:

- Tôi phải về nhà cha mẹ để sinh nở thôi! Ông hãy chuẩn bị dẫn tôi đi!

Chàng trai lắc đầu:

- Không thể được!

- Tại sao?

- Tôi mà đâm đầu về đó, ông chủ lớn sẽ đánh chết! Nếu không đánh chết thì cũng cho tay chân tra tấn đến chín chết một sống. Tôi không đi. Tôi chưa muốn chết!

Cô gái đưa ra lý do:

- Không đâu! Dù sao bây giờ tôi là gái đã có chồng! Cha mà đánh chết chồng của con gái để con gái cưng của cha bị ở góa hay sao? Lại nữa, còn có pháp luật mà!

Chàng trai nhẹ, lắc đầu:

- Không! Nhất định là không! Tôi chỉ là một tên nô lệ! Chủ đánh chết nô lệ là chuyện thường. Theo luật pháp, đánh chết một tên nô lệ không có tội gì cả, vì nô lệ không phải là người!

- Chà! Cô gái ngạc nhiên! Ông học ở đâu đó?

Chàng trai chợt cười lạt, trả lời:

- Của "cô tiểu thư" đấy chớ ai. Đó chính là cái câu của cô nói khi rời khỏi nhà chỉ một đỗi đường!

- Nhớ dai dữ!

- Cái mạng sống tôm tép, muỗi lằn chúng cũng muốn sống, không muốn chết. Không muốn nhớ dai thì nó cũng cứ nhớ đấy!

- Chà! Lại lý sự nữa chứ!

- Cũng học của "cô chủ" đó! Cái đầu óc "đần đần" này lần hồi nó cũng sáng ra!

- Lại nói móc nữa!

- Dạ, không dám!

Chịu. Hết cách. Đến lúc, dù nàng có năn nỉ đến khô hơi, chàng trai cứ vẫn cương quyết lắc đầu.

Không biết cách nào hơn, đợi một hôm chàng đội nông sản đi bán ở chợ xa, cô gái chuẩn bị một vài đồ dùng cần thiết, gởi gắm nhà cửa cho một người hàng xóm rồi lên đường. Khi đi, cô nhờ người nhắn lại với chồng là cô đã trở về nhà cha mẹ để sinh con.

Ngày hôm sau, chàng trai về nhà, biết cớ sự, tự nghĩ thầm: "Cũng tội, con nhà tiểu thư khuê các, chân yếu, tay mềm, vì yêu thương ta mà phải chịu đựng muôn vàn gian khổ. Bây giờ lại là thân gái dặm trường, bụng mang dạ chửa, vò võ một mình, nếu có chuyện chi xảy ra thì ai là người chăm sóc, bảo vệ?"

Không chậm một khắc nào, chàng trai đùm vội một bọc củ khoai ăn đường, tay cầm con đao - như cái rựa - rồi hối hả lên đường. Nhờ đi nhanh, đi cả ban đêm nên ba ngày sau thì gặp cô gái bên một bìa rừng. Hóa ra là cô ta đã sinh con rồi, một đứa bé trai bụ bẫm, xinh xắn. Cả hai nhìn nhau, tươi cười rạng rỡ, hạnh phúc; rồi ôm chầm nhau, trao qua đưa lại đứa bé cho nhau để cùng ẵm bồng, hôn hít.

Không tính chuyện lên đường nữa. Họ lại cùng dìu nhau trở lại gia đình, mái ấm.

Chuyện kể rằng, sinh đứa con trai thứ hai cũng tương tự vậy khi đứa con trai thứ nhất đã lững chững biết đi. Cô gái khi bồng, khi dắt đứa trẻ cùng với cái bụng lên đường về nhà cha mẹ. Cũng cỡ chừng nửa đường, cũng tại bìa rừng, cô gái lại sinh con, và chàng cũng tìm đến kịp. Tuy nhiên, lần này không còn trời yên biển lặng mà sóng gió lại nổi ba đào cuốn đi những thân những phận! Ôi! Tử tử sinh sinh! Dâu biển đoạn trường! Mịt mùng đau khổ!

Khi đứa con vừa ra khỏi lòng mẹ, một cục thịt đỏ hỏn thì đột ngột một cơn bão ập tới, cây cối vặn mình quằn quại, cây gãy răng rắc, lá rụng rào rào. Dưới một tàn cây đại thụ

rung rinh, cô gái chỉ kịp cởi cái áo khoác ngoài quấn cho con, nằm sấp xuống, chịu trận mưa như trút trên lưng, bảo vệ hài nhi bên dưới. Đứa con bên cạnh lại khóc ré lên, nó cũng ướt và lạnh. Chẳng biết sao hơn, cô gái lại phải đổi tư thế, nằm khum khum để che mưa cho cả hai đứa! Chàng trai vừa tới kịp, chưa nói được một lời nào, chưa kịp nhìn đứa con ra sao thì cô gái đã thều thào mệt mỏi, đứt quãng:

- Hãy kiếm... gấp cho tôi... cái gì đó... để che tạm cái mái ở trên lưng...

Chàng trai gật đầu, đảo mắt lướt quanh một vòng rồi vội cầm rựa lủi nhanh vào rừng. Thấy một lùm cây có lá to, chàng với dao rựa chặt được một đống. Tiện thể, lựa một số cây rừng cỡ bằng cổ tay, chàng chặt dài chừng một sải, một sải rưỡi với dự định để dựng cái chòi nhỏ. Khi thấy tạm đủ, chàng hươi rựa, kéo xuống một chùm cây mây dùng làm dây cột thì một con rắn to núp sẵn đâu đó, lao ra và cắn chết chàng tại chỗ. Có lẽ là một con rắn cực độc.

Cô gái nằm bẹp chịu trận lâu quá bèn đổi tư thế cho đỡ mỏi bằng cách quỳ hai chân, úp sấp hai tay xuống để che mưa cho con. Nhưng đợi hoài, đợi mãi không thấy chồng về, cô tự nhủ: “Một chút nữa thôi! Ông ta sắp về đó!” Lâu quá cũng không thấy, lại tự nhủ: “Sắp về rồi! Thôi nằm yên đi hai con! Ngoan nào!” Đứa trẻ lại gào khóc đến khản giọng.

Trời rạng sáng, bão tạnh, gió tan vẫn không thấy bóng dáng chồng, cô gái khởi sanh ý nghĩ: “Hay là ông ta sợ trách nhiệm, bỏ trốn đi rồi? Đồ hèn hạ!” Nhìn hài nhi nhờ bọc ấm, được che chắn tốt nên sau khi cho bú sữa, nó nằm ngủ yên; riêng đứa trẻ kia thì tái mét, run cầm cập, nàng nghe lòng như muối xát nhưng không biết làm sao. Đãy thức ăn mang theo không còn dùng được vì cái đùm vải đã nằm trong bùn nước.

Hết còn hy vọng ông chồng trở về, và nàng đã quyết chắc chàng trai vô lương tâm kia đã đành đoạn bỏ vợ bỏ con

trong cơn hoạn nạn. Hắn đã xa bay cao chạy rồi! Lảo đảo đứng lên rồi thất thểu tay bồng con, tay dắt con theo lối mòn mà ông chồng đã đi, lần từng bước một, vừa bước vừa thở. Vì nàng đã mệt quá, đã kiệt lực chống chọi suốt đêm qua, lại không có cái ăn! Đến lùm cây, nàng khựng lại. Ông chồng của nàng đã chết rồi, sắc mặt tím bầm đang nằm vô tri cạnh một gò mối, một đàn kiến đỏ, kiến đen bắt đầu đánh mùi tìm đến. Thương chồng quá. Càng nghĩ càng thương vì nàng đã nghĩ oan cho chàng! Núi rừng lạnh lùng, đường về nhà còn xa diệu vợi. Xung quanh không một bóng người, không làng mạc, không một làn khói bốc lên. Cọp, beo, thú dữ? Vừa chớm nghĩ đến điều đó, cô gái vội gạt lệ, quay mặt đi, dẫn con bước nhanh.

Đến một khúc sông hẹp, nàng dừng lại. Bình thường đây là khúc sông cạn, lội qua được nhưng trận mưa như trút đêm qua đã biến nó thành một dòng nước dữ, cuồn cuộn cây củi cùng rác bèo. Cả ba không thể cùng qua. Suy nghĩ một lúc, nàng đứng dậy, kiếm một ít cành củi khô và lá rác làm tấm đệm để đặt đứa hài nhi trên đó. Nó đang ngủ say vì vừa cho nó bú. Xong, cô gái bồng đứa trẻ lớn lội qua sông, cũng phải dọ dẫm từng bước một trong dòng nước sâu ngang ngực. Lạnh, đói và kiệt lực nhưng trước sự sống chết cùng bản năng làm mẹ, nàng đã vượt qua được bờ kia. Vừa đặt được đứa trẻ trên một đám đất khô, thở một vài hơi lấy sức rồi cô gái lại vội lội qua sông lượt nữa. Khi đã đến gần bờ thì một con chim ưng to lớn sà xuống, nhanh như cắt, hai cẳng chân thò ra, quặp đứa hài nhi bay lên cao. Cô gái cả kinh, hai tay đưa lên, vừa vẫy vẫy loạn xạ, vừa chạy đuổi, vừa la, vừa hét một cách điên cuồng. Đứa trẻ bên kia bờ, thấy mẹ vẫy vẫy, tưởng là gọi nó nên nó xuống mép sông, bì bõm lội qua. Chỉ chừng hơn mười bước chân thì gặp dòng nước xiết cuốn nó đi, chỉ còn thấy cái đầu nhấp nhô trong làn nước đỏ, xa mãi, xa mãi rồi mất hút.

Cô gái rồi cũng qua được bên kia sông, ngồi phịch xuống, lặng câm như hóa đá! Hết rồi, một chồng và hai con! Hết rồi! Chết cả rồi! Tuyệt vọng cùng cực! Không có một giọt nước mắt nào chảy ra trong cái hốc mắt đã ráo hoảnh!

Nắng đã lên cao. Rồi cũng phải lên đường. Bụng không, lòng trống. Đi, bước như mộng du. Mọi ý thức bây giờ chỉ còn trông cậy vào bản năng. Miệng lẩm bẩm trong vô thức, như điên như dại: "Ông chồng bị rắn cắn chết. Một đứa hài nhi bị chim ưng bắt. Một đứa khác bị nước cuốn trôi! Ha ha! Chết! Chết hết!"

Đến thành phố, đi vào một con đường, nàng không còn nhớ lối nào về nhà, ý thức lóe lên, cô gái bèn hỏi một người đàn ông đi ngược chiều:

- Thưa ông, ông có biết nhà của ông chủ ngân hàng không?

Người đàn ông nhìn nàng có vẻ kinh dị. Vì khi ấy tấm choàng của nàng đã rách tả tơi, dường như chỉ còn dính một vài mảnh trên người. Mặt mũi lại bơ phờ, xanh xao, dính bùn đất trông không ra dáng cô gái hay là phụ nữ, hay một mụ đàn bà điên!?

Nhưng rồi ông cũng thương hại đáp:

- Tôi biết ông chủ ấy, nhưng bà hỏi làm gì?

- Là nhà của tôi, của cha tôi, mẹ tôi!

Người đàn ông khựng lại. Im lặng một lát.

- Thôi! Đừng đến đó nữa!

- Tại sao?

Người đàn ông lại ngập ngừng rồi nói:

- Đêm qua, giông bão dữ dội. Những cái chảo lửa sấm sét tự trên trời cao đã đánh ụp xuống cái lâu đài, trang viện ấy, tan nát cả và cũng cháy tiêu tùng cả. Có lẽ hằng trăm người ở đó ra tro cả rồi! Chẳng còn gì ở đó đâu!

Người đàn ông quày quả bỏ đi.

Cô gái ngồi thụp xuống, không còn biết gì nữa!

Cô đã hóa điên thật sự rồi.

Thế là mấy ngày hôm sau, các đường phố kinh thành Sāvatthi mọi người trông thấy một cô gái điên, dường như không có cái gì che kín thân thể đi lang thang lếch thếch. Tới chỗ nào cũng bị mọi người đuổi như đuổi tà. Người nguyền rủa đồ điên khùng. Kẻ quăng cây, quăng đất, tung rác bẩn, tay xua, miệng chửi. Cô gái thì bước đi lắc lư, cười ha ha, cười hì hì, lâu lâu lại lẩm bẩm: "Chồng chết, hai con chết, cha mẹ chết, anh chị em chết, tôi trai tớ gái chết, chó mèo chết, chết hết rồi, chết hết thật rồi!"

Đức Đạo Sư lúc ấy đang ở tại đại tịnh xá Kỳ Viên, vào sáng sớm, nửa cuối canh ba, quan sát thế gian, ngài thấy biết chuyện cô gái. Họ là bảy chị em thời đức Chánh Đẳng Giác Kassapa đây mà. Trong trầm luân sinh tử, do công hạnh xưa, họ đã có mặt ở đời này rồi, nhưng cô gái này đã chịu đựng nỗi thống khổ nhất trong bảy chị em mà sức người thế là đã cùng cực rồi.

Trong vô thức, buổi chiều, cô gái lang thang bước vào cổng đại tịnh xá Kỳ Viên, sau lưng là một bầy trẻ nít la hét cười giỡn ầm ĩ, quăng đất, quăng rác cùng với những lời mắng chửi đuổi theo.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang thuyết pháp tại đại giảng đường. Một số người tạp dịch thấy cô gái điên lõa lồ đang lần bước đã gần đến chỗ tôn nghiêm, một số hổ thẹn không dám nhìn, một số khác tìm cách đuổi cô đi, đuổi luôn cả đám con nít nữa.

Đức Phật sử dụng năng lực thần thông giúp cô gái tỉnh trí lại rồi cất tiếng nói vọng ra từ giảng đường:

- Hãy để cho Paṭācārā[1] đi vào chỗ Như Lai!

---

[1] Một số người ngoài phố cũng gọi như thế - vì "Paṭācārā" có nghĩa người lõa lồ, người đi lang thang không mặc gì trên người hoặc kẻ không tự chủ được hành vi, và đạo đức hoàn toàn bị suy sụp.

Ngay lúc ấy, cô gái như tỉnh cơn mê dài, ngoảnh nhìn mình, thấy thân thể không có gì che, sợ hãi ngồi thụp xuống, rồi ngồi úp bụng, úp mặt xuống đất. Người đàn ông làm tạp dịch nghe tiếng nói của đức Phật, ông cởi tấm áo của mình, quăng cho cô gái:

- Này chị! Hãy mặc vào cho kín đáo! Đức Thế Tôn cho gọi chị đấy!

Bây giờ, mọi người mới dám đến gần bên, kẻ đưa khăn lau mặt, kẻ đưa thêm khăn quàng, người đưa thêm dải buộc... để cô ta đi vào giảng đường cho đàng hoàng.

Đã hoàn toàn tỉnh táo, tuy gầy ốm xanh xao nhưng sau khi choàng áo, buộc áo, lau mặt sạch sẽ, cô gái đã hiện ra một phần nào nét vẻ trẻ trung, xinh đẹp cũ, trông chưa đến hai mươi tuổi.

Đến chỗ đức Phật, cô gái nằm sấp năm vóc sát đất, khóc lặng lẽ, khóc như chưa bao giờ được khóc; vừa khóc vừa kể chuyện con chết, chồng chết, cha mẹ chết... với giọng nói rất là bi thương, thê thảm.

Đức Phật cứ để cho cô gái khóc "cho đã", lát sau, vừa sử dụng năng lực từ bi, vừa sử dụng pháp âm dịu dàng, ấm cúng, nói với cô gái rằng:

- Thôi đủ rồi con, Paṭācārā! Không chỉ có nay con mới khóc con, khóc chồng, khóc cha, khóc mẹ! Thật ít ỏi làm sao là những lượng nước mắt ấy. Trong ba cõi, sáu đường, trầm luân sinh tử, con cũng đã từng khóc triệu triệu người con, triệu triệu người chồng, triệu triệu người cha, triệu triệu người mẹ trong những hoàn cảnh khác nhau như: Bị bệnh tật, ốm đau, bị chặt đầu, treo cổ, bị tán gia bại sản, bị tù tội, bị vu oan, bị động đất, bị nhà tan cửa nát, bị lửa cháy, bị voi chà, bị hổ ăn thịt, bị rắn độc cắn, bị tên bắn, bị đao chém, bị phản bội, bị nước cuốn, bị phanh thây, bị lóc thịt, bị bỏ thây nơi chiến trường... mà những giọt nước mắt ấy cộng lại còn nhiều hơn nước của bốn đại dương nữa kìa!

Cô gái tên là Paṭācārā ấy đã ngưng khóc sau ý nghĩa lời nói của đức Phật, nàng lau ráo lệ, quỳ năm vóc sát đất đảnh lễ ngài một lượt nữa rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Hiện con không có chỗ nương tựa, không có chỗ bảo vệ. Xin ngài hãy giúp con!

- Này Paṭācārā! Trên cõi đời này, chẳng ai nương tựa được ai, chẳng ai bảo vệ được ai, chẳng ai có thể giúp ai! Vợ chồng, con cái, cha mẹ, thân thuộc...cuối cùng đều phải bị thần chết mang đi cả thảy!

Và này con! Chỉ có ai ở bờ bên kia của sinh tử, những ai biết vứt bỏ, lìa xa những tham, những sân, những dục vọng tầm cầu, những khát ái, những mê mờ vọng tưởng; lìa xa những thấy biết sai lầm về bản thân, về ngã ái, về ngã chấp, về ngã thủ; thấy rõ tất thảy đều rỗng không, vô thường, vô ngã; kẻ ấy mới thật sự có chỗ nương tựa vững chắc, chỗ bảo vệ an toàn trước thần chết, này Paṭācārā!

Vừa nghe xong lời pháp này của đức Thế Tôn, cô gái đắc quả Nhập Lưu, pháp nhãn phát sanh, thấy rõ lộ trình, đường đi nước bước. Cô quỳ lạy xin được xuất gia. Đức Phật bảo gởi cô sang ni viện để nhờ chư ni chăm sóc sức khỏe; sau đó cô được trưởng lão ni Gotamī cho thọ đại giới, sống đời xuất gia phạm hạnh.

Một ngày kia, tỳ-khưu-ni Paṭācārā lấy nước để rửa chân. Lần thứ nhất, nước chảy được một đoạn ngắn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ hai, nước chảy được một đoạn dài hơn rồi dừng lại, thấm xuống đất. Lần thứ ba, nước chảy một đoạn xa hơn nữa rồi dừng lại, thấm xuống đất. Cô đăm chiêu suy nghĩ: "Sinh mệnh của con người quả giống như thế này, là ba giai đoạn của cuộc sống. Lần thứ nhất, nước chỉ chảy một đoạn ngắn là cái chết của thời niên thiếu. Lần thứ hai, nước chảy dài hơn một chút, là cái chết của thời trung niên. Và lần thứ ba, nước chảy dài xa hơn một chút

nữa, là cái chết của thời lão niên! Rồi ai cũng phải chết cả, trẻ hay già mà thôi! Hóa ra cái gì có sanh thì cái ấy có diệt!"

Lúc ấy, đức Phật đang ở tại hương phòng, ngài sử dụng thần thông, với ánh sáng rực rỡ, với bóng sắc kỳ ảo, hiển hiện ngay trong tầm mắt của cô rồi ngài nói:

- Đúng vậy đó, này Paṭācārā! Tất cả mọi chúng sanh đều phải chết, đấy là điều tất yếu. Vậy quan trọng nhất là phải sống như thế nào cho có ý nghĩa, sống như thế nào để lợi mình, lợi người, đem đến an vui cho mình và cho người. Cao hơn tất thảy những điều ấy, là sống sao để thấy cho rõ sự thật, sống sao để thấy rõ sự sanh diệt của ngũ uẩn trong từng khoảnh khắc, trong từng sát-na.

Để tóm tắt ý nghĩa ấy, đức Phật đọc lên bài kệ:

"- Trăm năm sống có ích gì
Pháp đi, pháp đến vô tri chẳng tường
Một ngày quả thật khó lường
Thấy pháp sanh diệt vô thường ra sao!"[1]

Lời kệ của đức Thế Tôn vừa chấm dứt, cô đắc quả A-la-hán, có thắng trí và tứ vô ngại giải.

Quá khứ tiền kiếp của tỳ-khưu-ni Paṭācārā như sau này cô kể lại, cũng tương tự như bảy chị em công chúa thời đức Phật Kassapa, và thuở ấy cô là thứ ba, tên là Bhikkhunī.

Từ đó, cô để tâm nghiên cứu, học hỏi về luật, sống theo luật nghi và chu toàn hạnh kiểm rất nghiêm túc, gương mẫu. Cô cũng là người nổi tiếng vì những bài giảng và những câu kệ sâu sắc, thâm thúy về sự khổ trên cuộc đời; và thường ủi an, chia sẻ bằng cả tấm lòng đến với những phụ nữ có hoàn cảnh bi thương, bất hạnh. Đệ tử nữ của cô rất đông, cả tại gia và xuất gia.

---

[1] Pháp cú 113: " Yo ca vassasataṃ jīve apassaṃ udayabbayaṃ, ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo passato udayabbayaṃ!"

Sau này, tỳ-khưu-ni Paṭācārā được đức Phật tán thán, tuyên dương do nhờ đời sống mẫu mực, quy củ; là đệ nhất về thông luật và trì luật bên ni giới tương tự như tôn giả Upāli bên tăng vậy.

Vị Tỳ Khưu Mắt Mù

Chuyện kể rằng, tại kinh thành Sāvatthi có ông Mahāsuvaṇṇa là một bậc phú hào, gia tài, của cải không biết để đâu cho hết nhưng lại hiếm muộn con cái.

Một hôm, nhân đi tắm về, bên vệ đường, trông thấy một cây đại thụ, cành nhánh sum suê, ông tự nghĩ: "Nơi xanh tốt, um tùm, mát mẻ như thế này, chắc phải có một vị thần linh nhiều oai lực trấn ngự!" Ông phú hộ bèn thuê người dọn dẹp sạch sẽ quanh gốc cây, cho trải một lớp cát trắng bên trong rồi xây một tường rào bảo vệ. Xong, ông trang trí thêm cờ ngũ sắc, thắp đèn sáng, sắm sanh một mâm lễ vật, dâng lên thọ thần, khấn vái, cầu nguyện rằng: " Xin ngài hãy ban cho tôi một mụn con, trai hay gái cũng được, tôi sẽ tạ ơn lễ vật hậu hỹ, cúng tế hằng kỳ!"

Quả là có "thần linh cảm ứng" thật, vì không bao lâu, vợ ông phú hộ thọ thai. Mừng quá, ông không tiếc tiền của mua thuốc thang cho bà bảo dưỡng thai nhi. Gần mười tháng sau, bà sinh hạ một cậu con trai. Ông Mahāsuvaṇṇa tự nghĩ: " Nhờ ta chăm sóc, bảo hộ cây đại thụ, thần linh cảm kích mới cho ta đứa con cầu tự - vậy ta đặt tên nó là Pāla[1]. Thời gian sau, bà lại sinh thêm cho ông một quý tử nữa. Thế là đứa

[1] Nghĩa là bảo vệ, hộ trì, che chở.

con đầu, ông đặt tên là Mahāpāla (Đại Hộ), đứa con sau được đặt tên là Cullapāla (Tiểu Hộ).

Khi hai trẻ lớn khôn, ông bà Mahāsuvaṇṇa lựa chọn nơi xứng đáng để lập gia thất cho hai người nhưng họ chưa chịu. Tuy nhiên, trước khi mất, hai ông bà phân chia gia sản đồng đều cho cả hai để làm ăn sinh sống. Và họ đã chăm chỉ làm ăn, tài sản càng ngày càng tăng thịnh, tỏ ra xứng đáng con dòng cháu giống kế thế sự nghiệp của cha ông.

Hôm nọ, khi đức Phật an cư ở Kỳ Viên – thì hằng ngày, cận sự hai hàng thường hay đến tịnh xá để cúng dường và nghe pháp. Hôm nọ, trưởng giả Mahāpāla trông thấy từng đoàn, từng đoàn người nam nữ, già trẻ tay cầm vật dụng như trầm hoa, dầu đèn đủ loại tấp nập, đi chung một đường, chẳng rõ họ đi đâu - bèn hỏi:

- Quý vị đi đâu mà trông có vẻ vui tươi vậy?

- Chúng tôi đến Kỳ Viên tịnh xá.

- Để làm gì vậy?

Một người nói:

- Rõ khổ! Hóa ra ông không biết một đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời rồi sao?

- Quanh năm buôn bán làm ăn, tôi có biết gì đâu!

- Vậy thì hãy cùng đi, ông bạn. Hãy đến đấy để cúng dường và nghe đức Phật thuyết giảng.

- Vâng! Thế thì hãy cho tôi đi theo với!

Thời pháp hôm ấy, đức Phật thuyết tuần tự từ bố thí, trì giới, nhân quả các cảnh trời, sự cám dỗ của ngũ trần cùng phước báu cao thượng của bậc xuất gia.

Nghe xong, Mahāpāla tự nghĩ: "Khi nhắm mắt lìa bỏ cõi đời này để đến một thế giới nào đó thì vợ con đều chẳng thể đi theo mình; nhà cửa, tài sản, ruộng vườn đều phải bỏ lại; thậm chí cái xác thân này cũng không thể làm bạn đồng hành được nữa. Vậy thì có ích chi cái kiếp sống này cùng với cái gánh nặng gia đình mà ai cũng phải còng lưng mang

vác? Như thời pháp mà ta vừa nghe thì đời sống xuất gia nhẹ nhàng và khoảng khoát như mây trời..."

Khi mọi người lần lượt ra về hết, trưởng giả Mahāpāla đến quỳ bên chân Phật và xin xuất gia.

Đức Phật hỏi:

- Ông còn cha mẹ, vợ con, anh em gì không?

- Chỉ còn một người em ruột, bạch đức Thế Tôn.

- Vậy thì hãy báo cho người em biết trước khi xuất gia, này Mahāpāla!

Vâng lời đức Phật, về nhà trưởng giả Mahāpāla nới chuyện với Cullapāla:

- Này em! Tất cả tài sản của nổi, của chìm, vật có tri giác và vật không có tri giác... nghĩa là toàn bộ châu báu, nhà cửa, ruộng vườn, tôi tớ súc vật... từ rày về sau, anh giao hết cho em được trọn quyền làm chủ.

- Tại sao lại nói chuyện kỳ lạ như vậy?

- Không kỳ lạ gì đâu. Em hãy cố gắng mà kế nghiệp tổ tiên.

- Thế còn anh thì sao?

- Anh sẽ xuất gia với đức Thế Tôn.

Trưởng giả Cullapāla không chịu, cố gắng dùng tình cảm để thuyết phục:

- Từ lâu, anh chính là cha, là mẹ của em. Thân mẫu mất, với tình thương, anh đã thay thế mẹ cho em nương tựa. Thân phụ mất, với sự đùm bọc, anh đã thay thế cha che chở cho em. Nếu anh bỏ nhà ra đi thì có khác nào em lại mất cha, mất mẹ một lượt nữa. Anh à, anh là bậc phú gia, tiền bạc tuy không hơn ai nhưng cũng "có máu, có mặt" trong kinh thành; sao anh không ở nhà, lấy vợ, sinh con, đến chùa làm các công đức, bắt chước cận sự hai hàng của đức Phật cũng được vậy.

Thế là hai người nói chuyện rất lâu. Nhưng ông anh không thuyết phục được em mà ông em cũng không thuyết phục được anh. Người em bèn đấu dịu:

- Thôi, anh xuất gia cũng được; nhưng hãy lập gia đình trước đã, đợi đến già hãy đi có lẽ tốt hơn vậy!

Trưởng giả Mahāpāla mỉm cười:

- Em nói vậy là lý sự cùn rồi. Xuất gia thì phải lựa chọn lúc còn trai tráng, thanh xuân khi sinh lực còn mạnh khoẻ mới học pháp, hành pháp được. Nếu lúc tuổi già, sức yếu, đầu óc không còn minh mẫn, lý trí không còn kiểm soát được cái run rẩy, cái quờ quạng của cái chân, của cái tay... thì chỉ có việc ăn hại, làm khổ mọi người mà thôi. Chí anh đã quyết. Đừng lấy những lý lẽ tình thường của thế gian mà ràng buộc, cột trói anh nữa.

Thế là trưởng giả Mahāpāla bỏ đi, quay lưng với những giọt nước mắt của người em, sau đó, ông được thọ giới tỳ-khưu, chăm chuyên học pháp và luật, tinh cần các công việc, bổn phận mà Tăng đã giao phó. Sống tại Kỳ Viên suốt năm năm, bên chân chư vị trưởng lão, tỳ-khưu Mahāpāla được thầy thương, bạn mến về tư cách cũng như tánh hạnh.

Hôm kia, sau an cư mùa mưa, tỳ-khưu Mahāpāla mạnh dạn lên đảnh lễ đức Phật và xin đề mục tu tập. Quán căn cơ, đức Phật giảng nói rất cặn kẽ về tứ niệm xứ và khuyên nên tinh tấn, miên mật hành trì sa-môn hạnh. Vâng lời đức Phật, Mahāpāla rủ thêm sáu mươi người bạn đồng tu, vừa mới xuất gia được một vài năm, rời Kỳ Viên tịnh xá, nhắm hướng bắc, đi mãi. Từ làng này sang làng nọ, từ rừng này sang rừng khác, đoàn sa-môn này sống đời du phương. Mỗi buổi sớm, họ đi khất thực quanh vùng, có gì dùng nấy, sau đó rút về nơi khuất tịch, tĩnh cư, tu tập. Thời gian gần một năm thấm thoắt trôi đi, mặc dầu giới hạnh và thiền định của họ khá tốt nhưng vẫn chưa tìm được sự an lạc cuối cùng. Họ lại ra đi. Hôm kia, cách kinh thành Sāvatthi chừng một trăm

hai mươi do tuần, gặp một ngôi làng nhỏ gần biên giới, họ dừng chân nghỉ ngơi, sau đó đi trì bình khất thực. Dân chúng ở đây thấy một đoàn sa-môn tăng tướng trang nghiêm, lục căn thu thúc, họ rất kính trọng nên vật thực được họ cúng dường rất đầy đủ. Một người đàn ông ra dáng một phú hộ, sau khi đặt bát, cất tiếng lễ độ hỏi:

- Thưa chư tôn giả! Chẳng hay các ngài định đi đâu vậy?

Tôn giả Mahāpāla nhiều tuổi nhất, hạ lạp lớn hơn mọi người nên được xem như là trưởng đoàn, trả lời:

- Chúng tôi đang đi tìm một nơi chốn thuận duyên để hành trì sa-môn hạnh, này thí chủ!

- Thưa, một nơi chốn được gọi là thuận duyên ấy, nó gồm những điều kiện như thế nào, thưa tôn giả?

- Thứ nhất, là nơi vắng vẻ, yên tĩnh, không quá gần xóm làng mà cũng không quá xa xóm làng. Thứ hai, nơi ấy có thể có hang động, các tàn cây lớn rộng, có thể làm thêm một số mái che bằng tre lá để có chỗ đỡ mưa, tránh nắng. Thứ ba, là dân chúng quanh vùng có tâm biết bố thí, cúng dường để việc trì bình nuôi mạng không quá khó khăn. Chỉ cần có đủ ba điều kiện ấy thì được xem như là thuận duyên rồi, này thí chủ!

Người đàn ông quỳ xuống, sụp lạy rồi nói:

- Vậy thì xin thỉnh chư tôn giả ở đây với chúng con, là bóng mát nương nhờ cho chúng con. Ba điều kiện ấy, ở nơi này, xem ra là khá thuận lợi.

Tôn giả Mahāpāla sau khi hội ý với chư tăng, gật đầu ưng thuận, rồi nói:

- Cũng sắp đến kỳ an cư mùa mưa. Nói cách khác, chư tăng sẽ trú mưa ở đây ba tháng, không rõ thí chủ có biết bổn phận của mình lúc mời thỉnh chăng?

- Thưa, biết khá rõ! Vì con thường hay lên xuống, buôn bán làm ăn ở Sāvatthi, rất nhiều bạn bè, bằng hữu của con đã là đệ tử của đức Tôn Sư.

- Tốt! Tôn giả Mahāpāla mỉm cười – Đây lại thêm một yếu tố thuận duyên nữa vậy.

Nơi này có một ngôi rừng sầm uất, có nhiều hang động thiên nhiên, có hồ, có suối rất mát mẻ, thuận lợi cho môi trường sống. Càng vi diệu hơn nữa, người đàn ông phú hộ đã vận động mọi người trong làng, hùn góp công đức - nên chỉ non nửa tháng sau thì nơi đây đã có môt ngôi tịnh xá – thay cho giảng đường làm nơi họp tăng, cũng là chỗ hành thiền tập thể - tuy chỉ tranh tre nứa lá nhưng trông khá khang trang, tươm tất, rộng thoáng. Lại còn hàng chục cốc lá lác đác quanh sườn núi, bờ khe để chư tăng có chỗ tránh mưa, đụt nắng, hành trì chỉ quán. Ngoài ra, việc trang trí nội thất như ngoạ cụ, tọa cụ, chum vại, dầu đèn, thảm lót nhà, thảm chùi chân... đâu đâu cũng chu đáo. Những công trình phụ như nhà vệ sinh, hầm đốt rác, nhà tắm có mái che... cũng được dân làng quan tâm đào đắp, ráp dựng trong khả năng của mình. Khi các công trình lớn nhỏ hoàn tất, bà con dân làng với sự dẫn dắt của ông phú hộ, làm một cuộc lễ để dâng cúng tất thảy đến chư tăng. Họ tạo thuận duyên đến nỗi, chư tăng không cần phải làm bất cứ việc gì, chỉ có việc ôm bát đi trì bình, thời gian còn lại chỉ để dành cho sự tu tập. Chưa thôi, mới ở yên được một hôm thì một vị thầy thuốc giỏi tìm đến, nói là do ông phú hộ cắt cử đến để khám, bốc thuốc chữa trị tất cả bệnh cho chư tăng. Thấy không ai bệnh gì, ông thầy thuốc xin để lại tại tịnh xá một số thuốc cảm mạo thông thường, nóng sốt, đau bụng, táo bón, tháo dạ, ngăn độc trùng như rắn, rít, bò cạp... để đề phòng. Khi đi, ông hẹn là cứ khoảng nửa tuần trăng ông sẽ ghé lại một lần, hãy cho ông được chăm sóc sức khoẻ cho chư tăng, đấy là một hạnh phúc.

Cảm kích trước tấm lòng của ông phú hộ và dân làng, tôn giả Mahāpāla họp chư tăng ở tịnh xá, nói rằng:

- Tình hình này xem ra có một tốt, một xấu. Một tốt, là vì ân nghĩa này sẽ giúp ta tu tập tốt, sẽ hoàn thành cứu cánh sa-môn hạnh. Một xấu, cũng vì ân nghĩa này, nếu ta không chịu tu tập thì chắc chắn sẽ đi địa ngục. Chư vị hiền hữu nghĩ sao?

Ai cũng gật đầu nói là đúng rồi, và nên tu tập tốt để đáp trả ân nghĩa.

Tôn giả Mahāpāla nói tiếp:

- Đầu con trăng này chúng ta lại vào mùa an cư rồi. Vậy, ngoài một số pháp hạnh đầu-đà mà chư hiền hữu đã thọ trì, có ai muốn phát nguyện thêm một pháp nào nữa chăng?

Có người đáp:

- Mỗi người với các pháp đầu- đà đã thọ trì, ai cũng cảm giác là chưa trọn vẹn, còn khuyết thủng chỗ này hay chỗ khác, đâu dám phát nguyện thêm, thưa pháp huynh.

- Thấy được vậy là tốt. Còn riêng tôi sẽ phát nguyện thêm pháp đầu-đà thứ mười ba – là ngăn oai nghi nằm! Cầu chúc chư hiền hữu hoàn thành sa-môn hạnh ngay trong mùa an cư này.

Mọi người cất tiếng tán thán "sādhu, sādhu – lành thay". Tôn giả Mahāpāla sách tấn thêm:

- Sinh tử là việc lớn, chúng ta đừng buông lung, giải đãi nữa. Các cảnh của bốn đường ác sẽ hiện ra. Mà các cảnh giới cao sáng, thanh lương nó cũng hiện ra. Tùy theo tác ý, tư tưởng, sự hành trì, cái tâm dể duôi hay tinh cần của mỗi người. Hãy cố gắng lên, các bạn! Để khỏi hổ thẹn với ân nhân, thí chủ!

Thế rồi, sau cuộc lễ vào hạ, chư tăng đọc tụng, ôn tập một số giới bổn đã được ban hành, mỗi người rút về liêu cốc, hang động riêng lẻ để tu tập. Cứ mỗi nửa tháng, họ gặp nhau tại tịnh xá chung để sám hối, làm lễ uposatha, bàn một một vài việc tăng... Cuộc sống bình lặng và thanh bình như thế trôi qua. Ai cũng có thiền chứng, ai cũng tinh thục trong

nội quán. Riêng tôn giả Mahāpāla vì tinh cần quá mức mà cũng vì cả tháng ngồi thiền, ngăn oai nghi nằm, không ngủ nên đôi mắt rất xốn xang, nước mắt chảy hoài, nhức buốt vô cùng. Tuy vậy, ông vẫn không bỏ cuộc, vẫn đi bát, vẫn hành thiền chăm chuyên cần mẫn.

Hôm nọ, sáng sớm, chư tăng tụ hội ở tịnh xá trước giờ đi bát, thấy vắng mặt tôn giả Mahāpāla, có người tìm đến cốc:

- Thưa pháp huynh, đã đến thời đi khất thực.

Bên trong có tiếng vọng ra:

- Vâng, vâng, tôi sẽ đi ngay!

Khi xuống đến tận nơi, ai cũng thấy đôi mắt của tôn giả Mahāpāla đỏ hoe, nước rỉ ra ràn rụa , bèn hỏi – thì được đáp:

- Không sao đâu! Tôi chỉ đau mắt chút đỉnh.

Sau khi đi khất thực quanh làng trở về, chư tăng báo chuyện đau mắt của vị trưởng đoàn đến gia đình phú hộ - nên buổi chiều, người nhà của vị y sĩ tìm đến trao cho một loại thuốc rồi chỉ dẫn cách dùng. Đây là một loại thuốc nước rất công hiệu, chỉ cần rỏ ít giọt vào mũi[1], nằm yên một lát cho thuốc thấm, ngày vài lần là hết đỏ mắt, hết nhức mắt ngay.

Nhận thuốc quý, nhưng tôn giả Mahāpāla chần chừ, do dự. Nếu muốn rỏ thuốc vào mũi có hiệu quả là phải nằm xuống, mà nằm xuống là phá vỡ "pháp đầu-đà ngăn oai nghi nằm" đã thọ trì. Nghĩ vậy, tôn giả Mahāpāla tự nói với mình: "Ta không thể phá bỏ pháp hạnh đầu-đà đã phát nguyện!" Nên tôn giả không nằm, cứ ngồi nghiêng đầu lui sau một chút mà rỏ thuốc vào mũi.

Hôm sau, lúc đi bát, tôn giả gặp vị y sĩ, ông ta hỏi:

- Thuốc của tôi gởi, tôn giả đã dùng chưa mà trông đôi mắt vẫn còn đỏ hoe vậy?

- Tôi đã dùng rồi, thí chủ!

---

[1] Chỗ nào cũng nói rỏ vào mũi, không phải vào mắt?!

Vị y sĩ tự nghĩ: "Lạ chưa! Thuốc rỏ mắt của mình là một thần dược nổi tiếng xưa nay, mà tại sao bây giờ không công hiệu kìa!" Bèn hỏi:

- Thế khi rỏ thuốc, tôn giả ngồi hay nằm?

Hỏi ba lần, thấy vị tôn giả vẫn làm thinh, không đáp, vị y sĩ lại nghĩ: " Được rồi! Mình sẽ đến tận nơi quan sát là biết liền". Buổi chiều vị y sĩ tìm đến cốc của tôn giả khi ngài đang đi kinh hành ngoài trời. Đưa mắt nhìn quanh bên trong, vị y sĩ thấy trống trơn, chỉ có môt tấm nệm cỏ vừa vặn chỗ ngồi, không hề thấy giường nằm ở đâu cả.

Biết chuyện gì đã xảy ra, vị y sĩ gặp tôn giả, cất giọng khẩn cầu, tha thiết:

- Tôn giả ơi! Đừng làm như thế, không nên đâu! Hãy thương lấy cái thân mình một chút, tôn giả! Cái thân nó gánh cái tâm đấy! Có sức khoẻ khang kiện, đôi mắt có sáng thì việc hành đạo mới tốt, mới dễ dàng được! Hãy nằm xuống khi rỏ thuốc, lúc ấy thuốc mới ngấm vào bên trong được, tôn giả! Tôi van xin ngài đấy!

- Thôi được rồi, cảm ơn thí chủ! Để tôi suy nghĩ lại xem!

Nói thì nói thế, nhưng vị tôn giả này lại tự phản vấn: " Này, hiền hữu Pāla ơi! Hiền hữu hãy nói cho ta biết, đôi nhục nhãn này so với pháp hạnh đã phát nguyện, cái nào quý trọng hơn?" Và rồi, vị tôn giả lại tự nói với mình: "Trong mù mịt trầm luân sinh tử, trải qua vô số kiếp giạt trôi vô định trong biển luân hồi, hiền hữu có khác nào ở trong cảnh đui mù tăm tối? Trải qua thời gian ấy, biết bao nhiêu là đức Chánh Đẳng Giác đã ra đời? Biết bao nhiêu là pháp và luật của chư vị - hiền hữu có thấy, dù chỉ chút ít? Rõ là hiền hữu có mắt mà cũng như đui mù mà! Bây giờ, với nhân duyên thù thắng, hiền hữu gặp được giáo pháp của Phật, nguyện hành trì theo con đường ấy; và khi đã phát nguyện rồi, chẳng lẽ nào hiền hữu lại thối thất, ngã lòng? Nếu đôi mắt này có tối tăm vĩnh viễn, nhưng lại có được tuệ nhãn, thấy được

pháp vô thường, vô ngã để giác ngộ, giải thoát – há không là sự đánh đổi quá nhiều lợi lạc hay sao? Vậy, dù mắt có bị mù, hiền hữu cũng không nên bỏ pháp".

Nghĩ thế xong, như đã quyết định, tôn giả mỉm cười, tự ngâm lên một bài kệ để nhắc nhở mình:

"- Mắt đui thì cứ mặc
Thân tàn cũng vậy thôi
Chí ta giờ đã quyết
Pháp hạnh chẳng buông lơi
Giữ tâm, không giữ mắt
Thà chết, ngồi không nằm
Tinh cần tu niệm xứ
Minh sát, tuệ như chân!"

Hôm sau, tôn giả vẫn ngồi như thế để rỏ thuốc vào mũi rồi ôm bát đi vào làng. Vị thầy thuốc có tâm, đã đứng chờ đâu đó sẵn, thoáng nhìn rồi cất tiếng hỏi:

- Lại thế nữa rồi! Tôn giả vẫn ngồi mà rỏ thuốc ư?

- Đúng vậy, thí chủ!

- Như thế thì cứ vẫn đau nhức?

- Đúng vậy, thí chủ!

Vị y sĩ cất tiếng than:

- Thôi rồi, vậy là nghề thầy thuốc có tiếng thơm của tôi từ nay đổ sông, đổ biển. Thiên hạ sẽ nói rằng, thuốc chữa mắt của tôi từ nay không còn tác dụng. Vậy, nếu còn thương tôi, thì nếu có ai hỏi, xin quý ngài nói rằng, tôi chưa từng cho thuốc và ngài cũng chưa từng rỏ thuốc. Chúng ta chưa từng quen biết nhau. Tôi không có cách nào khác hơn.

- Xin thí chủ yên tâm. Tôi sẽ im lặng và tôi sẽ không nói gì hết.

Vị thầy thuốc với sắc mặt buồn bã, quầy quả bỏ đi.

Buổi tối, trước giờ hành thiền, tôn giả lại đọc kệ sách tấn mình:

"- Thầy thuốc bỏ đi rồi

Diêm chúa chẳng chê mồi
Mắt vô phương cứu chữa
Sao còn dám dể duôi!”

Từ đấy, tôn giả tinh cần không mỏi mệt, không còn để ý cái đau, cái nhức của đôi mắt nữa. Mọi thấy biết, quan sát cảm giác, tri giác, tâm hành và nhận thức mỗi ngày thêm tinh tế, sắc bén. Thỉnh thoảng, ngài đi sâu vào thiền, an trú lạc định, chấm dứt tất thảy cảm giác đau để nghỉ ngơi, tịnh dưỡng. Tuy nhiên, đến tháng thứ hai thì ngài thấy đôi mắt mình đã tối đen như mực. Sáng sớm, khi chư sư ở ngoài cất tiếng hỏi:

- Thưa, đã đến giờ khất thực.

Bên trong đáp:

- Chư hiền hữu hãy đi đi!

- Còn pháp huynh thì sao?

- Mắt tôi không thấy gì nữa rồi!

Sau khi biết rõ sự thật, ai cũng đau lòng và thương xót. Ai cũng hứa đi hai bát để chu cấp vật thực hằng ngày. Gia đình ông phú hộ và cả dân làng, ai cũng khởi tâm chăm lo chu đáo cho vị tôn giả mắt mù của mình không thiếu thốn thứ gì. Thỉnh thoảng, tôn giả Mahāpāla vẫn nhắc nhở mọi người đừng buông lơi đề mục, bất cứ ngày hay đêm. Nhờ dân làng hộ độ chu đáo, nhờ tinh cần, nhờ không giải đãi nên qua tháng thứ ba, tôn giả Mahāpāla đắc quả A-la-hán luôn với tuệ phân tích. Sáu mươi vị tỳ-khưu đồng đạo, lần lượt trước sau đều cùng tâm chứng và quả chứng. Chư vị thánh nhân biết tâm của nhau là ai cũng đã thành đạt cứu cánh của sa-môn hạnh.

Sau lễ ra hạ, chư vị đều muốn về Kỳ Viên đảnh lễ đức Đạo Sư. Tôn giả Mahāpāla khuyên mọi người hãy lên đường, còn ngài có thể tự lo liệu được.

- Hãy đi cùng chúng tôi, thưa pháp huynh!

- Không! Tôn giả lắc đầu – Tôi nay yếu đuối, mù loà, đường sá thì xa xôi, gian trở. Tôi mà đi thì vướng bận mọi người, tôi không làm thế được. Hãy cho tôi gởi lời đảnh lễ đức Đạo Sư, và nói rằng, chúng đệ tử nhờ hồng ân của ngài mà đã làm xong những việc cần phải làm!

Thấy họ thành tâm, khẩn thiết quá, tôn giả nói tiếp:

- Thôi, thế này vậy. Tôi có người em, trưởng giả Cullapāla, chắc chư hiền hữu đã biết. Hãy kể rõ tình trạng của tôi hiện nay cho em tôi biết, và nó sẽ tìm cách dẫn tôi về!

Chẳng biết sao hơn, họ đành chào từ giã.

Ông phú hộ và cả dân làng đều bịn rịn lúc tiễn đưa. Và họ biết, họ không thể níu kéo những cánh chim trời.

Ròng rã mấy tháng, đoàn sa-môn mới về đến Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ đức Thế Tôn, họ kể về tình trạng mù mắt của tôn giả Mahāpāla với tâm bi cảm.

Đức Phật nói:

- Cái gì xảy ra cũng có nhân, có duyên của nó. Khi phải thời, Như Lai sẽ giảng giải trước đại chúng.

Về phần trưởng giả Cullapāla, sau khi biết chuyện, ông rất đau xót. Suy nghĩ, bàn tính kỹ càng, ông trưởng giả gởi một đứa cháu trai trong họ tộc, tên là Tế Hộ, nhờ chư tôn giả cho học kinh luật rồi xuất gia sa-di. Suốt nửa tháng được chư tôn giả tận tình kềm cặp, hướng dẫn - sa-di Tế Hộ đã biết cách đi đứng, ngồi nằm, biết cách mặc y, mang bát, biết cách đi trì bình khất thực. Rồi họ chỉ đường cho sa-di Tế Hộ đến ngôi làng biên giới để đón tôn giả Mahāpāla trở về.

Trong lúc chờ đợi, trưởng giả Cullapāla chu đáo kiếm tìm một mảnh đất không xa nhà quá mà cũng không xa Kỳ Viên tịnh xá, kiến tạo một tịnh thất giản dị, với ý nghĩ: " Nếu anh ta vào sống ở tịnh xá thì sẽ phiền luỵ đến nhiều người. Vậy nên, ở chỗ này là phải lẽ, ta sẽ cho người kề cận

hộ độ chu đáo; khi cần, anh ta có thể nhờ người dẫn đến Kỳ Viên để đảnh lễ đức Thế Tôn!”

Kể chuyện về Tế Hộ. Đến nơi, sau khi cậu cháu nhận biết được nhau, vị sa-di ở lại nửa tháng, chăm lo quán xuyến mọi việc trong ngoài, đi bát trong làng, hết lòng phụng dưỡng người cậu mắt mù. Hôm kia, thấy tiết trời có vẻ tạnh ráo, mát mẻ, quang đãng, Tế Hộ thưa:

- Cậu Cullapāla ở nhà, sốt ruột, mong đợi sư cậu lắm! Vậy, ngày mai, cháu sẽ dẫn sư cậu lên đường về quê.

Tôn giả Mahāpāla im lặng, gật đầu nhẹ.

Thế là sau khi chào từ giã dân làng, Tế Hộ vai mang y bát, tay cầm đầu gậy, dẫn tôn giả Mahāpāla cầm gốc gậy theo sau. Cứ mỗi sáng sớm, thấy đúng giờ, sa-di Tế Hộ đi bát trong vùng, mang về, sớt một nửa vào bát cho sư cậu, còn một nửa mình thọ dụng. Trời chiều tối thì họ tìm một chỗ có mái che, hang động hay tàn cây nào đó để qua đêm. Ngày lại ngày qua đi như thế, hai cậu cháu chậm rãi lên đường, không có sự cố gì xảy ra.

Hôm kia, đến một ngôi làng có tên là Kaṭṭhanagara, họ dừng chân nghỉ ngơi...

Bất chợt giọng hát xuân tình của một sơn nữ từ đâu đó vẳng lại. Sa-di Tế Hộ ngây người ra, tay rời đầu gậy hồi nào không biết. Mê mẩn tâm thần, sa-di Tế Hộ cất giọng run run: “Sư cậu đợi cháu một lát, cháu trở lại ngay”. Nói thế xong, Tế Hộ nhắm hướng chạy đến chỗ cô sơn nữ.

Lát sau, tiếng hát chấm dứt. Không biết họ đã làm gì với nhau. Tôn giả Mahāpāla suy nghĩ: “Ta vừa nghe tiếng hát luyến láy, véo von, lả lơi như gọi tình, rõ ràng là của một cô con gái nào đó tuổi đang còn xuân trẻ. Tại sao khi Tế Hộ bỏ đi một lát thì âm thanh kia lại ngưng lặng một cách khả nghi như thế?” Chợt nghĩ đến lời đức Phật dạy: “Này các tỳ-khưu! Như Lai biết chắc, là trên thế gian này, không có âm thanh nào có năng lực chiếm đoạt trái tim của người nam

bằng âm thanh của người nữ”[1]. Thế là Tôn giả đoán chắc, ông sa-di đã phá giới rồi!

Ngay lúc ấy, cái gốc gậy đưa đến tay tôn giả rồi một tiếng nói thoảng bên tai:

- Sư cậu, bây giờ chúng ta lên đường thôi!

Tôn giả không nắm gậy, nghiêm sắc mặt:

- Nãy giờ ông đi đâu?

- Cháu... cháu đi một chốc thôi mà!

- Mắt ta đui nhưng tâm ta sáng! Ông đang mặc y mà vừa làm điều xấu xa, hoen ố, không thể giấu ta được đâu!

- Cháu... cháu...

- Không cậu không cháu gì nữa hết. Con người ông đã dơ uế. Ta không nắm gậy của một kẻ dơ uế như ngươi!

Sa-di Tế Hộ cũng là kẻ không quen nói dối, và ông ta cũng không hề biện bác gì cho mình, lặng lẽ cởi y, chỉ quàng sơ trên mình một tấm vải rồi nói:

- Cậu trách cháu đúng, nhưng chỉ đúng một nửa. Cháu đâu có muốn xuất gia, vì thương cậu nên cháu mới xuất gia. Xuất gia để có tăng tướng chỉ để dẫn cậu về quê mà thôi. Bây giờ cháu đã xả y rồi đó, cậu nên để cháu dẫn đi!

- Không, không bao giờ ta đi cùng ngươi nữa. Cứ để mặc ta.

Tế Hộ năn nỉ:

- Còn nhiều khoảng rừng lắm thú dữ và phi nhơn, sư cậu lại mù loà, nguy hiểm lắm!

- Đừng lo cho ta. Ta sẽ lần mò từng bước một. Phi nhơn và thú dữ có thể xé xác ta, nhưng cái tâm phạm hạnh của ta thì chúng làm gì được!

Nói thế xong, xúc động chánh pháp, tôn giả lại đọc lên liên tiếp hai bài kệ:

---

[1] Aṅguttara Nikāya I: “Nāhaṃ bhikkhave aññaṃ ekasaddampi samanupassāmi yo evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati yathayidaṃ bhikkhave ithīsaddoti”.

"- Dẫu đường xa nguy hiểm
Tối tăm, đôi mắt mù
Thà thân này nằm xuống
Không đi cùng người ngu!
Dẫu đường xa nguy hiểm
Tối tăm, đôi mắt mù
Thà thân này chết gục
Không đi cùng người ngu!"[1]

Nghe qua hai bài kệ, Tế Hộ vô cùng hoảng sợ, hối hận vô cùng, cất tiếng than dài: " Ôi! Vì đam mê nhục dục, vì bị quyến rũ nhất thời, trong cái tâm trong sáng của cậu ta, ta là kẻ xấu xa đê tiện đến như thế ư? Ta là người ngu ư?[2]" Tế Hộ ôm mặt, khóc ròng rã rồi bỏ chạy mất dạng.

Trong lúc ấy, tại cung trời Đao Lợi, Đế Thích thiên chủ thấy bảo tọa của mình nóng ran lên, ông tự nhủ: "A! Có kẻ nào dưới trần thế có dã tâm truất phế ngôi vị thiên chủ để chiếm ngai vàng của ta đây![3] " Nghĩ thế xong, Đế Thích dùng thiên nhãn rà soát nhân gian, và câu chuyện của hai cậu cháu tôn giả Mahāpāla hiện ra trong võng lưới của ông. "Ồ, ta phải giúp đỡ vị sa-môn phạm hạnh nầy - Đế Thích nghĩ tiếp - Nếu không, cái đầu của ta sẽ nứt bể thành bảy mảnh đấy!"

---

[1] Pāḷi: Handāhaṃ hatacakkhusmi, kantāraddhānamāgato, sayamāno na gacchāmi, natthi bāle sahāyatā. Handānaṃ hatacakkhusmi, kantāraddhānamāgato, marissāmi no gamissāmi, natthi bāle sahāyatā.

[2] Người "ngu" theo thuật ngữ kinh điển, khác nghĩ với tính từ ngu bây giờ. Phàm cái gì tốt đẹp, lành, hiền thiện được gọi là người trí - ngược lại các đức tính ấy gọi là người ngu!

[3] Ý nói cái tâm giữ gìn phạm hạnh của vị đại đức Mahāpāla vượt trội phước báu của Đế Thích thiên chủ. Dĩ nhiên, đúng là vậy rồi; nhưng ngay chính quả vị thiên chủ cao quý kia, đối với một bậc vô lậu – thì nó chẳng khác gì đống phân, hầm bệnh!

Thế rồi, giả dạng một thường nhân, Đế Thích hiện xuống ngay bên cạnh, dẫm mạnh bước chân trên đất nghe thành tiếng.

Tôn giả Mahāpāla hỏi:

- Ai đấy?

- Tôi, tôi đây! Chỉ là một khách lữ hành.

- Ra là một thiện nam. Vậy ông đi đâu đó?

- Tôi trên đường về kinh thành Sāvatthi.

- Vậy thì ông bạn cứ đi đi. Chúc đường xa mạnh giỏi.

- Cảm ơn! Thế tôn giả đi về đâu?

- Ta cũng đến nơi đó, ông bạn!

- Thế thì hay quá, chúng ta cùng chung đường. Ngài hãy đi cùng tôi cho vui.

- Mắt ta bị mù. Ta sẽ gây nhiều khó chịu, phiền phức cho ông bạn lắm, không nên đâu.

- Không sao mà! Tôi cũng là kẻ nhàn hạ, thảnh thơi, chẳng có việc gì phải gấp gáp. Vả lại, ngài biết không, sống giữa cuộc đời, thỉnh thoảng cũng nên làm một vài việc lành để nương tựa cho mai sau! Thôi, không lý sự nữa, hãy đi cùng tôi để tôi còn bòn được chút ít phước báu chứ!

"Hóa ra là một người tốt, một quý nhân rất hiểu biết, có tấm lòng lại còn có đức khiêm tốn nữa!" – Nghĩ thế xong, tôn giả đáp:

- Vậy thì tốt! Ta sẽ làm phiền thiện hữu đó! Hãy cầm lấy đầu gậy của ta.

Đế Thích cầm đầu gậy, dùng phép thâu ngắn đường, nên mới đi chưa được bao lâu, kinh thành Sāvatthi đã hiện ra. Tôn giả Mahāpāla nghiêng tai lắng nghe tiếng người cười nói lao xao, tiếng xe ngựa, xe bò, tiếng rao hàng, tiếng âm nhạc vọng ra từ đền tế... ngạc nhiên, cất tiếng hỏi:

- Những âm thanh này rất quen thuộc, chẳng lẽ chúng ta đã tới một thành phố?

- Đúng vậy, thưa tôn giả! Chúng ta đã về tới kinh thành Sāvatthi rồi đó.

- Lẽ nào như vậy được?

- Vâng, vì tôi biết một con đường tắt, thưa ngài sa-môn.

Tôn giả Mahāpāla tự nghĩ: " Đây đúng là việc làm của một vị trời nhiều oai lực, nhưng mà người ta muốn ẩn danh!" – bèn nói:

- Vô cùng tri ân thiện hữu!

Đế Thích dẫn Mahāpāla đến tịnh thất mà trưởng giả Cullapāla làm sẵn, vào bên trong, nắm tay dìu tôn giả ngồi xuống trên nệm cỏ rồi biến mất. Đế Thích lại biến hình thành một người bạn thân của trưởng giả Cullapāla, tìm đến nhà, kêu lớn ngoài cửa:

- Cullapāla ơi! Cullapāla ơi!

- Chi vậy, ông bạn?

- Mừng cho bạn. Thế là anh em lại được trùng phùng!

- Chuyện gì?

- Hóa ra bạn chưa biết sao? Tôi vừa thấy ông sư Mahāpāla đang ngồi nơi tịnh thất của bạn đó!

Trưởng giả hay tin như thế, tức tốc bươn bả đi đến tịnh thất, nhưng ngạc nhiên, khi quay lại thì ông bạn kia đã biến đi đâu mất. Đến nơi, thấy tôn giả Mahāpāla gầy ốm, xanh xao, hai con mắt sâu đen mà không kềm chế được cảm xúc, cứ ôm chân ông anh mà khóc ròng rã.

Tôn giả Mahāpāla mỉm cười:

- Ông đã khóc xong chưa?

- Em thương sư anh quá!

- Ngược lại, ta lại thương em còn hơn thế nữa. Mắt ta mù nhưng tâm ta sáng, ta thấy đường đi lối về, còn em thì vẫn đang con mịt mù trong đêm đen sinh tử. Hãy cố gắng sống đời một cận sự hiền thiện em nhé!

- Thưa vâng! Em sẽ không làm sư anh thất vọng đâu.

- Ừ, vậy là tốt!

Im lặng một lát, tôn giả Mahāpāla kể lại chuyện Tế Hộ rồi nói:

- Vì lý do ấy, ta đã đuổi nó đi, em có phiền lòng không?

- Không! Nó đã tỏ ra không xứng đáng. Nó phải được dạy bảo nghiêm khắc hơn nữa kìa!

- Cảm ơn em!

Sau cuộc nói chuyện ấy, trưởng giả Cullapāla thu xếp cho hai thiếu niên gia nhân được xuất gia sa-di, ở bên cạnh tôn giả để chăm lo mọi sự. Ngày ngày, cả hai đi trì bình khất thực, dành một phần để dâng lên tôn giả, thì giờ còn lại, họ làm mọi việc trong ngoài như những đầy tớ trai cần mẫn nhất. Thương tình thân phận của cả hai, tôn giả Mahāpāla thường nói pháp và luật, giảng dạy nhưng bước sơ cơ cho họ tu tập. Lâu lâu, tôn giả nhờ họ dẫn đường vào Kỳ Viên tịnh xá để đảnh lễ đức Phật và vấn an sức khỏe của ngài.

Sáu mươi vị A-la-hán bạn cũ, thỉnh thoảng ghé thăm, thấy tôn giả Mahāpāla có người em quý báu, chăm lo cho như vậy cũng yên tâm.

Hôm nọ, có một nhóm tỳ-khưu phương xa đến, nghe tiếng tôn giả tu hành tinh tấn quyết đắc quả A-la-hán đến nỗi bị mù mắt nên họ dự định ghé thăm nhân vật có ý chí sắt đá ấy. Tuy nhiên, một trận mưa lớn đã tạo nên trở ngại nên họ hẹn nhau vào sáng hôm sau.

Tôn giả Mahāpāla, theo lệ thường, do tinh tấn đã trở thành thói quên nên sáng sớm tinh sương nào, ngài cũng đi kinh hành trên lối mòn xung quanh cốc. Tuy nhiên, ngài không biết là do trận mưa đêm qua đã làm cho những con mối cả đàn cả lũ rụng cánh đầy trên đất. Lại nữa, có những vũng nước ngập làm cho giun ngộp thở nên chúng cũng bò loằn ngoằn lên những đám đất khô ráo. Tôn giả của chúng ta cứ vô tư lui tới nên dẫm đạp chúng chết la liệt trên đường kinh hành. Những vị tỳ-khưu phương xa đến nhằm lúc hai sư sa-di chưa quét dọn kịp. Họ hỏi vị sa-di:

- Ai vừa đi kinh hành trên con đường này?

- Thưa, thầy của chúng tôi, tôn giả Mahāpāla!

Họ la toáng lên:

- Coi kìa! Chư hiền giả hãy coi hành trạng của ông sư mắt mù này? Ông ta đã giết hại không biết bao nhiêu là chúng hữu tình.

Sự việc, sau đó được chư tăng phản ánh lại với đức Phật, ngài hỏi:

- Các ông có thấy tận mắt ông sư Mahāpāla giết những con mối và những con giun ấy không?

- Thưa, không thấy.

- Các ông không thấy như thế nào thì "con trai" của Như Lai không thấy cũng y như thế. Các bậc lậu tận không bao giờ còn tư tác, còn cố ý, chủ ý giết hại bất kỳ một chúng sanh nào. Ngoài ra, con trai của Như Lai còn để lại một bài học về phạm hạnh, tròn sáng, không tỳ vết như mảnh trăng trong giữa bầu trời quang rạng không mây!

Hội chúng yên lặng như để thấu hiểu sự xác định của đức Tôn Sư rằng, tư tác (cetanā) là nghiệp, không có tư tác không có nghiệp; lát sau có vị hỏi:

- Tôn giả Mahāpāla có nhân duyên sâu dày, có căn lành vi diệu mới đắc được đạo quả A-la-hán, nhưng tại sao còn bị quả mù mắt, bạch đức Thế Tôn?

- Nhân nào thì quả nấy, này chư tỳ-khưu!

Do đại chúng tò mò không biết nghiệp quá khứ của tôn giả Mahāpāla như thế nào nên đức Phật đã vén bức màn sinh tử như sau:

"- Vào một thuở xa xưa, có một ông y sĩ du phương, đi khắp các nơi từ thành thị đến thôn quê để hành nghề nuôi mạng. Hôm nọ, gặp một phụ nữ đau mắt, ông hỏi:

- Có phải mắt của bà chị có vấn đề phải không?

- Thưa phải! Tôi bị xốn xang, đau nhức, ngại rằng đến lúc nào đó tôi sẽ không còn thấy đường nữa.

Sau khi xem xét một hồi, vị y sĩ nói:

- Nếu tôi chữa trị lành mắt cho bà chị - thì vấn đề trả tiền công như thế nào?

Người đàn bà mau mắn nói:

- Ối, trời ơi! Nếu thầy mà chữa lành mắt cho tôi thì tôi tình nguyện đưa cả con gái đến làm tôi mọi cho thầy suốt đời.

- Được lắm! Cứ hứa thế nhé! Đừng thất hứa đó.

Nói thế xong, vị y sĩ liền bào chế tức khắc một loại thuốc nước rỏ mắt trao cho người đàn bà. Kỳ diệu làm sao, về nhà, bà chỉ cần rỏ vào mắt một lần thì mắt liền sáng, không còn xốn xang, đau nhức nữa. Bần thần, bà suy nghĩ: " Mình đã trót hứa đem cả con gái đến nhà ông ta làm tôi đòi, nhưng e rồi sẽ không tránh khỏi bị hành hạ, ngược đãi. Chi bằng mình kiếm lời tráo trở phủ nhận chuyện ấy là xong!"

Khi vị y sĩ đến nhà thăm bệnh tình, hỏi rằng: "Mắt bà chị hôm nay ra sao?" Người đàn bà đáp: "Lúc trước thì chỉ đau sơ sơ, nhưng khi rỏ thuốc của thầy rồi thì nó đau nhức hơn thế nữa. Thầy báo hại tôi rồi!" Vị y sĩ do biết thuốc mình bào chế là thuốc thần, lại nữa, tinh mắt quan sát thì biết ngay sự tráo trở của mụ ta, bèn nghĩ: "Ta không cần tiền công của mụ, nhưng tâm địa dối láo ấy sẽ bị trổ quả, ta sẽ làm cho đôi mắt của mụ ta đui mù luôn!" Bèn nói:

"- Nếu vậy thì tôi sẽ đổi cho bà chị một loại thuốc thần diệu hơn, loại thuốc này không những mắt sáng mà còn sáng hơn mắt của người bình thường nữa". Thế rồi, ngay tại chỗ, vị ý sĩ bào chế thuốc mới và trao cho người đàn bà với nụ cười:

"- Chịu khó rỏ vào mắt chỉ một lần thôi cũng phát sanh hiệu quả".

Và đúng là hiệu quả thật! Sau khi người đàn bà rỏ vào mắt mình loại thuốc mới ấy - thì mắt bà liền bị tối tăm vĩnh viễn.

Này chư tỳ-khưu! Vị y sĩ thuở xưa chính là Mahāpāla hiện nay đó! Cái nghiệp ác xưa làm mù mắt người, nó cứ đeo đẳng, chạy đuổi mãi theo con trai của Như Lai từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến tận bây giờ. Nó không chịu buông tha đâu. Nghiệp ác luôn chạy theo người làm ác giống như bánh xe luôn luôn lăn theo sau lưng con bò kéo xe vậy.

Rồi đức Thế Tôn kết thúc bằng bài kệ:

"- Các pháp, tư tác[1] dẫn đầu
Tư tác, chủ ý bắc cầu đưa duyên
Nói, làm xấu ác, chẳng hiền
Bánh xe bò kéo, khổ liền theo sau!"[2]

[1] Theo Abhidhamma thì ý (mano), thức (viññāṇa), tâm (citta)... đồng nghĩa; nhưng tôi chọn dịch là tư tác (cetanā) – vì tư tác mới là nghiệp. Từ trước đến nay, nhiều nơi bảo tác ý (manasikāra) là nghiệp; không phải vậy, tác ý mới chỉ là hướng tâm, như bánh lái của chiếc thuyền. Trong 7 biến hành tâm sở (Duy Thức chỉ có 5): Xúc, tác ý, thọ, tưởng, tư, nhất tâm, mạng căn – thì chính tư (tư tác-cetanā) mới quan trọng, mới tạo nghiệp; sau đó, các lộ trình tâm mới khởi theo – chúng đồng khởi. Tuy nhiên, nếu dịch là tâm hay ý đều không sai, vì ý, tâm, tư tác - được coi là tâm - và các pháp (dhammā), hai từ đầu trong câu kệ, chính là những tâm sở (theo chú giải).

[2] Pháp cú I: Manopubbaṅgamā dhammā, manoseṭṭhā manomayā, manasā ce paduṭṭhena, bhāsati vā karoti vā, tato naṃ dukkhamanveti, cakkaṃ'vā vahato padaṃ (Kinh lời vàng).

Con Ngỗng Oan Nghiệt

Suốt trong mấy ngày hôm nay, tại tịnh xá Kỳ Viên và ở trong kinh thành Sāvatthi không ngớt bàn tán xôn xao chuyện người thợ ngọc, một cận sự nam lại tra tấn vị thầy của mình là trưởng lão Tissa cho đến gần chết. Nguyên do là người thợ ngọc nghi ngờ trưởng lão Tissa đánh cắp viên ngọc mạni. Người ta vô cùng xót thương trưởng lão, và họ cũng mạt sát tên thợ ngọc tàn bạo, nhẫn tâm không hết lời.

Đầu đuôi câu chuyện là như sau:

"- Có một gia đình thợ ngọc, là đệ tử của trưởng lão Tissa, vốn hay đặt bát cho ngài suốt mười hai năm trường với tâm tịnh tín sâu xa. Cứ mỗi buổi sáng, hình bóng của trưởng lão đối với gia đình này đã trở nên thân thuộc; họ phụng dưỡng vật thực và chăm lo tứ sự cho ngài như con cái đối với cha mẹ vậy.

Hôm nọ, sau khi thọ nhận vật thực từ người vợ của gia chủ, trưởng lão không vội đi ngay mà ghé vào nhà nghỉ chân. Người thợ ngọc lúc ấy đang xắt thịt làm món ăn gì đó, thấy trưởng lão đi vào, ông vội vã đứng dậy, định rửa tay, mặc áo để nghinh tiếp.

Trưởng lão xua tay:

- Ông cứ làm việc tự nhiên đi. Tôi chỉ ngồi một lát.

Vừa nói thế xong, thì ngoài cửa một viên quan thân tín của đức vua Pāsenadi bước vào, trao cho người thợ ngọc một viên ngọc maṇi rồi nói:

- Ông hãy mài giũa viên ngọc này cho bóng loáng, sau đó, xoi một lỗ nhỏ dùng để xâu chỉ vàng. Cẩn thận làm cho khéo đó, tội chém đầu như chơi, nhớ nhé!

Ông thợ ngọc thò tay nắm viên ngọc ngắm nghía, nói với viên quan thân quen:

- Đẹp thật! Qua tay tôi thì phải biết! Làm gì mà doạ chém đầu hở ông bạn?

Viên quan cười xoà:

- Nói giỡn vậy mà! Từ khi theo Phật đến giờ, đức vua của chúng ta anh minh và hiền thiện hơn trước nhiều.

Khi từ giã, viên quan cận thần không quên quay lại xá chào trưởng lão Tissa trước khi bước ra cửa.

Người thợ ngọc do tay đang dính máu nên ông ta đặt tạm viên ngọc trên nắp hộp rồi bước vào nhà sau để rửa tay. Trưởng lão Tissa vừa dợm đứng dậy thì một con ngỗng từ đâu đó lao vụt tới. Do máu dính trên viên ngọc, con ngỗng nghe mùi, tưởng là cục thịt nên nó đớp và nuốt vào bụng ngay. Chuyện xảy ra nhanh quá, trưởng lão thấy mà không cản ngăn kịp.

Biết tình hình nghiêm trọng, trưởng lão ngồi ngay ngắn trở lại, định tâm một lát để sẵn sàng nhận chịu cái gì xảy đến cho mình.

Người thợ ngọc trở ra, không trông thấy viên ngọc trên nắp hộp nữa nên lớn tiếng hỏi mọi người trong gia đình:

- Có ai lấy viên ngọc không?

Người vợ, con cái và đám gia nhân chạy ra, ai cũng trả lời là không lấy và cũng không biết.

Sau khi cật vấn người này, người kia một hồi, biết rõ họ chưa hề thấy viên ngọc, huống nữa là lấy cắp nên ông ra sau nói nhỏ vào tai bà vợ:

- Vậy chẳng có ai lấy. Người khả nghi nhất chính là trưởng lão của chúng ta, phải không?

Người vợ sợ hãi nói:

- Không đâu! Chắc chắn là không phải đâu. Suốt mười mấy năm trường, chúng ta hộ độ cho trưởng lão, chúng ta chưa hề thấy ngài phạm một lỗi nhỏ về giới luật cũng như đức hạnh. Ngài sống thiểu dục, tri túc, chưa bao giờ gợi ý tà mạng ham muốn một vật gì!

- Ta cũng biết vậy, nhưng ta phải hỏi cho ra lẽ!

Người thợ bước ra, đến trước mặt trưởng lão, nói:

- Bạch trưởng lão! Viên ngọc hồi nãy con để trên nắp chiếc hộp này, ngài có thấy phải không?

- Đúng vậy, ta có thấy, này ông thiện nam!

- Bây giờ con không thấy nó ở đấy nữa, vậy ngài đã lấy cất đi phải không?

- Không, ta không có lấy cất, này ông thiện nam!

Người thợ bắt đầu nóng, lên giọng:

- Bạch trưởng lão! Rõ ràng ở đây không có ai khác, ngoài con, ngài và viên ngọc. Vậy, ngoài ngài ra thì ai vào đây mà lấy viên ngọc? Xin ngài hãy hoàn trả lại cho!

Trưởng lão Tissa biết là người thợ ngọc nói đúng, nhưng ngài không thể vì bảo vệ mình mà chỉ ra thủ phạm là con ngỗng được. Nói ra thì khác gì mình giết nó. Trưởng lão nghĩ thầm trong tâm thêm nữa rằng: "Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta đã bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp hành ba-la-mật bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Biết bao nhiêu kiếp ngài đã xả thân, lóc da, xẻ thịt, đôi khi hy sinh cả mạng sống để cứu độ chúng sanh... Còn ta thì sao nào? Một chút nhận chịu sự oan khuất này mà cũng không vượt qua được hay sao?"

Nghĩ thế xong, trưởng lão Tissa ôn tồn nói:

- Một cận sự nam nữ xứng đáng sống trong giáo pháp của đức Thế Tôn, họ không có sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không vọng ngữ... huống hồ gì ta là một vị tỳ-khưu, này hỡi ông thiện nam! Ta không nói dối đâu. Ta không hề lấy cắp! Các ngươi biết đấy, dù một cây kim, một sợi chỉ, đệ tử đức Tôn Sư cũng không hề khởi tâm xâm phạm...

Người thợ ngọc ruột rối như tơ vò, cứ đi lui đi tới, gãi đầu gãi tai, phân vân, bất quyết. Ông kính trọng trưởng lão nhưng việc mất viên ngọc lại là một đại họa!

Ông lui ra sau, bàn với vợ:

- Ông ấy không lấy cắp thì ai vào đấy nữa? Chắc ta phải tra khảo ông ta thôi!

Bà vợ lại cản ngăn:

- Đừng làm thế, không nên, tội chết! Hay là mình bán cả gia tài rồi đi ở đợ cho người để bồi hoàn viên ngọc ấy lại cho đức vua?

- Bà tưởng là đền được ư? Viên ngọc ấy là vô giá. Cả gia sản của ta đã là cái thá gì? Đi ở đợ cả trăm năm nữa cũng đừng mong mà trả đủ! Ta đành phải nặng tay thôi!

Rồi người thợ ngọc cắn răng bỏ qua sự cản ngăn tha thiết của người vợ, bước ra ngoài với sợi dây thừng, mạnh tay niềng đầu trưởng lão Tissa đến bảy vòng. Ngài cứ ngồi im chịu trận. Người thợ ngọc lấy cái chày gỗ gõ liên tu bất tận lên đầu trưởng lão, vừa gõ vừa hét lên:

- Có khai ra không? Lấy cắp viên ngọc để đâu?

Từ đầu và hai tai trưởng lão máu xối xả chảy ra thành dòng, hai mắt của ngài gần như là lòi tròng ra ngoài; mặc dầu thọ khổ khốc liệt, ngài vẫn im lặng chịu đựng và khởi niệm tâm từ. Trưởng lão còn nghĩ: "Người thợ ngọc không

có lỗi, ta không có lỗi, cho chí con ngỗng cũng không có lỗi; tất cả âu là do nghiệp của chúng sanh!”

Máu chảy lan thấm xuống đất, con ngỗng lại đánh mùi, chạy đến uống máu. Sẵn cơn giận như đang bốc lửa trong đầu, người thợ ngọc lấy chân đá mạnh con ngỗng rồi hét:

- Cả mày nữa! Cũng chết cho luôn thể!

Cái đá quá mạnh của người thợ ngọc làm cho con ngỗng chết tức khắc, nằm sóng soài ra đất.

Khi thấy con ngỗng nằm bất động, trưởng lão Tissa cố gắng huy động toàn bộ sức lực, cất giọng thều thào:

- Này ông thiện nam! Làm phiền ông, xin ông hãy khởi tâm bi nới lỏng mấy vòng dây đang xiết cứng trên đầu ta để ta có thể nghiêng đầu xem con ngỗng kia đã chết thật hay chưa?

Người thợ ngọc nới dây, nói chì chiết:

- Rồi ông cũng chết thê thảm như nó vậy đó!

Sau khi quan sát kỹ, biết con ngỗng đã chết, trưởng lão Tissa mới thở dài nói:

- Chính nó! Chính con ngỗng kia đã nuốt viên ngọc mạni vào trong bụng đó, này ông thiện nam! Nếu nó mà chưa chết thì ta không thể nói cho ông biết chuyện ấy đâu.

Kinh hoàng, người thợ ngọc hối hả lấy dao mổ bụng con ngỗng, và quả nhiên, viên ngọc được tìm thấy rõ ràng trong bao tử nó. Khi thấy rõ sự thật rồi, tâm thần người thợ ngọc trở nên bấn loạn, hoảng hốt; nghĩ đến cái tội của mình, ông lạnh toát cả người rồi run bần bật, quỳ sụp dưới chân trưởng lão và khóc ròng rã.

- Xin trưởng lão xá tội lỗi cho con! Tội của con là tội địa ngục khi dám xâm phạm đến thân thể của ngài.

Trưởng lão điều hòa hơi thở, mở lời trấn an:

- Đây chẳng qua là nghiệp nhân và nghiệp quả trong vòng sinh tử luân hồi của chúng sanh mà thôi. Ta tha thứ cho ông rồi đó.

Người thiện nam lại năn nỉ:

- Nếu ngài đã tha thứ cho con thì từ rày về sau, ngài cứ đến đây thọ nhận vật thực như lệ thường.

Trưởng lão Tissa lảo đảo đứng dậy, điều hòa hơi thở rồi chậm rãi nói:

- Ta tha thứ cho ông, nhưng từ rày về sau, ta sẽ không bước chân vào nhà của bất cứ một cận sự nam, cận sự nữ nào nữa. Quả thật, ta đã thấy rõ tội lỗi sẽ phát sanh do quen biết, do thân cận, do ở bên trong của từng ngôi nhà. Ta sẽ đi khất thực nếu chân còn khoẻ; và đối với ta, không có một ngôi nhà nào trong kinh thành này để ta phải chọn lựa nữa. Hãy cứ để tùy duyên, ta không hứa một điều gì hết. Rồi trưởng lão đọc lên một bài kệ:

"- Cứ mỗi nhà một ít
Cơm bánh ta xin ăn
Nuôi mạng, không lựa chọn
Sức khỏe, tùy đôi chân!"[1]

Do bị tra tấn quá sức chịu đựng của con người, do bị chấn thương sọ não, trưởng lão Tissa đi trì bình khất thực được mấy hôm, biết mình thọ và nghiệp đã chấm dứt, ngài an nhiên thị tịch Niết-bàn trước không biết bao nhiêu sự kính trọng, ngưỡng mộ cũng như thương xót của chư tăng và mọi người.

Đức Phật đúc kết câu chuyện tại Kỳ Viên tịnh xá, ngài tán thán hạnh nhẫn nhục ba-la-mật của vị thánh đệ tử, là tấm gương sáng cho các vị hữu học.

Khi đại chúng muốn biết sanh thú mai hậu của những nhân vật trong câu chuyện, đức Phật cho biết thêm:

- Con ngỗng chết, tức khắc tái sanh vào bụng của bà vợ người thợ ngọc (?). Bà vợ, cuối đời sẽ sanh lên thiên giới.

[1] Dịch thoát từ kệ Pāḷi: "Paccati munino bhattaṃ, thokaṃ thokaṃ kule kule, piṇḍikāya carissāmi, atthi jaṅghabalaṃ mamāti".

Người thợ ngọc, dù đã sám hối nhưng cũng bị trả quả địa ngục theo với tội tương ứng của ông ta.

Đúng như bài kệ sau:

"- Một số sanh thú thai bào
Bốn đường đau khổ đón chào ác nhân
Người lành, thiên giới du nhàn
Còn người vô nhiễm, Niết-bàn tĩnh cư"[1].

[1] Pháp cú 126: "Gabbhameke uppajjanti, Nirayaṃ pāpakammino, saggaṃ sugatino yanti, pariNibbanti anāsavā".

Cho Xin Hạt Cải

Vị tỳ-khưu-ni này đã có căn duyên sâu dày từ quá khứ, là cô công chúa thứ năm trong bảy chị em như đã kể trong nhiều truyện trước. Do phước báu bất đồng, cô sinh ra trong thời đức Phật Gotama, tại kinh thành Sāvatthi ở một gia đình triệu phú bị sạt nghiệp, tài sản bị khánh tận nên đời sống vật chất vô cùng khó khăn. Từ nhỏ, cô tên là Gotamī, nhưng do có một thân hình gầy gò, mảnh khảnh (kisa) nên mọi người thường gọi là Kisā-Gotamī.

Lớn lên, về nhà chồng, ngoại trừ được chồng thương yêu còn mọi người ai cũng không ưa cô, khinh ghét cô vì là con nhà nghèo. Tuy nhiên, khi cô sinh được một đứa bé trai kháu khỉnh, dễ thương thì ai cũng thay đổi thái độ.

Nhìn đứa bé biết đi, biết chạy, bụ bẫm, hồng hào, xinh đẹp, cô rất được an ủi, là niềm vui cho cô, niềm tự hào của cô. Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm tâm hồn, cô đã chớm nở một nỗi buồn: "Trước đây họ khinh ghét ta, đối xử với ta không ra gì; nhưng khi sinh cho họ một đứa bé trai mạnh khỏe, kháu khỉnh, đẹp như thiên thần thì họ thay đổi thái độ. Hóa ra, tâm địa con người là như thế sao?!"

Nhờ nuôi dưỡng chu đáo, nhờ sự chăm sóc tế nhị của người mẹ, đứa bé ngày càng ngoan ngoãn, dễ thương, được

mọi người yêu quý, nâng bồng, cưng chiều như bảo vật. Riêng nàng, nàng biết rõ, nó chính là mạng sống thứ hai của nàng vậy.

Tuy nhiên, vô thường không vị nể một ai. Hôm kia, đùng một cái, một căn bệnh cấp tính, không rõ nguyên do, tử thần lạnh lùng và tàn nhẫn lấy lưỡi hái đoạn lìa mạng sống của đứa trẻ chẳng chút xót thương. Như điên như cuồng, cô Kisā-Gotamī, ẵm bồng xác đứa nhỏ trên tay đi lang thang khắp hang cùng, ngõ hẻm nhờ người cứu chữa! Cô không tin nó đã thật sự chết. Ai cũng đưa mắt cám cảnh thương hại, nhưng thuốc nào có thể cứu được xác chết?

Có một lão trượng, một người hiền, thoáng nhìn qua đã biết rõ cô gái trẻ vì thương con nên đã bấn loạn tâm thần rồi, mọi lời khuyên đều vô ích. Trên thế gian này, có một người, có thể cảm hóa, chuyển hóa trạng thái rối loạn tâm lý của cô được, bèn nói:

- Này con gái! Hãy đi đến đại tịnh xá Kỳ Viên. Đức Thế Tôn, bậc Toàn Giác ấy có khả năng làm được những điều kỳ diệu mà thế gian này không ai sánh bằng đâu. Ngài là bậc Đại Lương Y đời nay đấy!

Nghe lời, cô gái ôm xác con hỏi đường đến đại tịnh xá.

Đức Phật đã biết rõ từ lâu lắm về cô gái đã trầm luân lưu lạc này, cho nên, hôm đó ngài đã cố ý chờ đợi.

Khi cô gái khóc lóc thảm sầu, bi thương nhờ đức Phật cho một phương thuốc thần để cứu con trai thì ngài sử dụng tâm từ rồi nói rằng:

- Này Kisā-Gotamī! Như Lai cứu được con trai của con đấy, nhưng với một điều kiện...

Cô gái nín thở, thôi khóc, đôi mắt mở lớn, chờ đợi... thì đức Phật nói tiếp:

- Như Lai chỉ cần một nhúm hạt cải thôi. Nhưng hạt cải ấy, con phải đi xin từng nhà, hạt cải nào ở trong gia đình nào không có người chết thì hạt cải ấy mới linh nghiệm, mới cứu

sống nổi con trai của con.

Chuyện kể rằng, thế là cô gái ẵm xác con trai đi gõ cửa từng nhà, xin nhúm hạt cải trong gia đình không có người chết thì bên tai cô thường nghe được những câu trả lời như sau:

- Không có người chết à? Chuyện mới lạ lùng!

- Cha tôi chết, mẹ tôi chết, cháu tôi chết! Mới đây thôi là đã năm bảy người chết trong gia đình này rồi!

- Hạt cải thì không thiếu, có thể giúp cô một nắm hạt cải giống cũng không sao! Nhưng mà này! Con cái, cháu chắt nội ngoại trong cái gia đình này thì thiêu xác cả đống ngoài nghĩa địa kìa!

Chỉ cần mấy hôm đi khắp thành phố là cô gái chợt sực tỉnh: "Đâu cũng có người chết, chẳng có gia đình nào mà không có người chết! Đức Thế Tôn đã dạy ta rất tế nhị, rất là có ý vị để ta nhận chân sự thật của đời người!" Nghĩ thế xong, cô gái lặng lẽ ôm xác con trai ra nghĩa địa, nhẹ nhàng đặt lên một mô cỏ. Tâm cô chìm lắng rất sâu. Có lẽ cánh cửa huyền mật do căn duyên sâu dày từ quá khứ đã hé mở. Cô nhìn vào bên trong. Cô nhìn ra thế gian, thế giới.

Ngay khoảnh khắc ấy, sát-na ấy, đức Phật sử dụng năng lực thần thông để giúp cô tỉnh táo hoàn toàn, sáng suốt hoàn toàn. Và cô đã thốt lên giữa hư không một bài kệ như sau:

"- Pháp này không dành riêng cho một làng, một xóm, một gia đình nào. Nó không thiên vị một ai. Là chung cho nhân loại, súc sanh, ma vương, chư thiên và cả phạm thiên. Đó là pháp vô thường vậy!"[1]

Trở lại Kỳ Viên hoàn toàn với một con người mới, rất tỉnh táo, cô quỳ sụp xuống chân đức Phật. Ngài hỏi:

- Này Kisā-Gotamī! Hạt cải đâu? Con đã tìm ra hạt cải

[1] Kệ Pāḷi: " Nagāma dhammo, nigamassa dhammo. Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo. Sabbassa lokassa sadevakassa. Eseva dhammo yad'idaṃ aniccatā".

trong gia đình không có người chết chưa?

- Bạch đức Thế Tôn! Hạt cải ấy nó đã làm xong nhiệm vụ của nó rồi. Sứ mạng ấy đã hoàn tất. Con đã thấy rõ lý vô thường của đời người. Xin đức Đạo Sư chỉ dạy tiếp cho con!

Đức Phật thuyết cho cô gái một thời pháp ngắn, ngài nói với đại ý rằng, đi trên cuộc đời, sống trên cuộc đời, trên hành trình xuôi ngược, chúng sanh thường không có một mục đích chân thực nào cả. Chỗ nào cũng hư dối, không thật. Chỗ nào cũng ảo giác, ảo vọng. Chỗ nào cũng hư vô và bóng đêm. Nên thường đau khổ trùng trùng. Là kẻ trí có con mắt sáng, khi mắt đã mở ra rồi, đã thấy một phần sự thật rồi thì chỉ còn cần tinh tấn nỗ lực để lên đường. Biết bao kẻ ngu si, thu nhặt hoa của dục lạc, thu nhặt hương của dục lạc, thu nhặt những đối tượng khả ý, khả ái, khả lạc! Nếu cứ đắm say, đam luyến, tham nhiễm trên lộ trình thì tử thần sẽ không tha lưỡi hái cho người ấy. Một lúc nào đó, sự chết, sự đau khổ, sự thống khổ sẽ như một cơn lũ lớn cuốn phăng cả một ngôi làng đang say ngủ!

Lời và ý của đoạn thuyết giảng ấy được tóm tắt trong bài kệ sau đây:

"- Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm say, tham nhiễm bên đường biết hay?
Tử thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!"[1]

Câu kệ chấm dứt, cô gái Kisā-Gotamī đắc quả Nhập Lưu và xin xuất gia. Cô đi vòng về hướng tay phải quanh đức Phật ba vòng, đảnh lễ ngài như đảnh lễ người cho nàng sự sống lần thứ hai, sống trong giáo pháp thanh tịnh.

Đức Phật gởi cô sang ni viện, cho thọ đại giới và cô đã tu tập rất tinh cần. Chỉ trong một thời gian ngắn, cô đã đi

[1] Pháp cú 47: "PupphāNi h'eva pacinantaṃ byāssattamanasaṃ naraṃ; suttaṃ gāmaṃ mahogho'va maccu ādāya gacchati".

qua các tầng thiền định; và trong lúc cô đang tinh cần thiền quán thì cô nghe được lời đức Phật bằng khả năng thắng trí đã thốt bên tai cô rằng:

"- Trăm năm sống có ích gì
Chẳng thấy bất tử, vô vi pháp hành
Một ngày quả thật trọn lành
Sống đời chứng ngộ Vô Sanh Niết-bàn!"[1]

Thế là cô đã thành tựu rốt ráo cứu cánh phạm hạnh nhẹ nhàng như dòng nước tự động trôi chảy khi lực đẩy đã có đà. Và những thắng trí dường như cũng tự động tìm đến mà không qua một kiên trì kịch liệt nào!

Cũng như các vị công chúa khác, cô thấy rõ mình có căn duyên từ thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, từ thời đức Phật Kassapa ra sao. Và hiện nay, họ đã hội ngộ một cách ngoạn mục trong giáo pháp này. Cô còn biết, cả sáu người đều đắc quả A-la-hán, thắng trí cùng những khả năng khác nhau trên lộ trình hoằng pháp; nhờ vậy, giáo hội mới trở nên phong phú, lắm hoa hương, đa sắc màu để phục vụ chúng sanh. Riêng cô công chúa út, Visākhā, chưa rốt ráo phạm hạnh, nhưng vị thế của cô, vai trò của cô, sứ mạng của cô lại càng vi diệu, thù thắng hơn, khó đo đạc và không thể tỷ lượng vậy.

Kisā-Gotanmī chỉ một lần sinh nở, chỉ một lần mất con mà cô đã cảm nhận rất sâu sắc toàn bộ cuộc tử sinh, toàn bộ sự thống khổ của trần gian nên những lời pháp của cô thường dễ tác động vào lòng người, giúp họ trở về với đức tin chơn chánh, sống với giáo pháp.

Sau này, tỳ-khưu-ni Kisā-Gotamī được biết đến như một người sống hạnh tri túc, tri chỉ quá nghiêm túc và khắc khổ, từ vật thực, sàng tọa cho đến cả ba y. Cô luôn luôn đi ra các

[1] Pháp cú 114: "Yo ca vassataṃ jīve apassaṃ amataṃ padaṃ, ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo passato amataṃ padaṃ!"

nghĩa địa, lượm tìm vải bó tử thi, dầu thô, dầu mịn không cần thiết rồi tự tay mình may cắt, tự vá, tự đắp những tấm cà-sa cho mình, trông rất xấu và thô vụng. Vị tỳ-khưu-ni này đã được đức Phật tuyên dương trước hội chúng ni là "đệ nhất về hạnh mặc y thô tháo" thì thật là chính danh vậy.

Triệu Phú Keo Kiệt

Ông triệu phú chầu vua từ hoàng cung trở về, thấy người thôn dân đang ăn một loại bánh chiên bằng bột chua. Y thèm quá, định thò tay vào túi lấy ra một vài xu lẻ; nhưng rồi y tự nghĩ: "Mua ăn như thế này thì hoang phí quá, hãy cố gắng nhịn đói cho đến nhà".

Sự thèm muốn thúc bách làm cho bụng y đói cồn cào, nước dãi chảy ra; tuy thế, bước chân lên bục cửa, ý nghĩ khác lại nảy sinh: Nếu ta nói ta muốn ăn bánh chiên thì có nhiều người cùng muốn ăn, sẽ tốn kém xiết bao về gạo, thục tô, đường..?

Thế là vị triệu phú không dám nói ra với ai. Dù đã cố dằn ép sự thèm muốn, nhưng miếng bánh chiên trong chảo cứ hiện ra ám ảnh y. Vị triệu phú đi đi lại lại, sắc da mỗi lúc một vàng chạch, mạch máu nổi lên có vồng, tim đập liên hồi, mồ hôi cả người rịn ra. Cuối cùng không chịu được, y bước vào phòng, nằm co ro trên giường. Miếng bánh chiên lại hiện ra, bây giờ lại nhảy múa với sắc vàng lóng lánh mỡ.

Vợ người triệu phú thấy chồng sắc da từ thẫm hồng sang vàng, từ vàng sang tái xanh, mồ hôi tươm ra từng giọt, nước dãi theo nhau nhểu thành dòng; bèn đến bên xoa lưng, quạt mát rồi ân cần hỏi:

- Đi đường xa nắng mệt, chắc ông bị cảm mạo rồi đây?

Vị triệu phú lắc đầu:

- Cảm mạo không làm gì nổi ta, bà biết đấy!

Người vợ cảm thấy yên tâm, hỏi tiếp:

- Thấy ông không được thoải mái. Hay đức vua đã nói một điều gì làm ông chẳng hài lòng?

- Không, không phải thế. Đức vua không có liên hệ gì ở đây cả!

Người vợ cứ chất vấn:

- Con trai, con gái có đứa nào ngỗ nghịch khó dạy đã làm ông phiền lòng hả?

- Chúng khó dạy thì đánh, thì mắng, thì đuổi cổ nó ra đường cho đỡ tốn cơm, tốn áo. Vị triệu phú cố nói một hơi dài - chúng là cái thá gì mà làm phiền tôi được?

- Nô tỳ, kẻ làm công, có ai không chu toàn công việc?

Vị triệu phú đã cảm thấy tưng tức:

- Chúng thì như là đôi dép cũ, chiếc áo rách, xài không được thì quẳng đi thôi!

- Vậy thì tôi chắc? Tôi đã có gì không phải với ông rồi?

- Không! Không phải thế! Vị triệu phú phân trần - Bà là một người biết lẽ xướng tùy phu phụ, chưa có khi nào, một điều gì mà tôi trách bà được.

Người vợ ngạc nhiên, nhăn mày suy nghĩ hồi lâu; chợt bà hỏi chỉ vừa đủ nghe:

- Hay ông có một sở thích, một ham muốn, một khát ái nào chưa thỏa mãn chăng?

Miếng bánh chiên trong chảo bằng bột chua lại hiện ra, nhảy múa như khiêu khích. Vị triệu phú nuốt một cái ực. Nhưng sợ tốn kém, ông vẫn im lặng.

Người vợ lại xoa lưng, quạt mát, giọng hờn trách:

- Vợ chồng là bạn đường dài vui khổ có nhau, tối lửa tắt đèn hộ trì nâng đỡ nhau. Là kẻ cùng nói cho nhau nghe

những điều khó nói. Nay ông có chuyện kín trong lòng mà không chịu nói ra, thì ông đã coi tôi như kẻ xa lạ mất rồi!

Thấy vợ hờn mát, vị triệu phú chống tay ngồi dậy, cố gắng nuốt một hơi rồi nói như làn gió phất qua ngọn lá:

- Ta sẽ nói. Ta sẽ nói bà ạ! Nó như thế này: Có một thèm muốn đang thúc bách ta. Ôi! Ta thèm làm sao một chiếc bánh chiên bằng bột chua mà người thôn dân kia ăn trên đường khi ta từ cung vua trở về.

Vị triệu phú kể lại chuyện. Người vợ "ồ" lên một tiếng, muốn cười mà không dám cười.

- Chỉ có thế mà không chịu nói. Ông là ngài triệu phú tiền rừng bạc bể. Nay tôi sẽ làm loại bánh chiên ngọt kia, và dọn cho toàn thể mọi người trong thị trấn Sakkhāra cùng ăn nhé?

Đại triệu phú nhíu mày:

- Bà nói cái gì ghê gớm vậy? Cho cả thị trấn Sakkhāra? Chúng cần phải làm mới có ăn.

- Tôi sẽ dọn đầy đủ cho mọi người trong cùng một đường phố vậy. Người vợ nói.

Vị triệu phú bĩu môi, nói mỉa:

- Tài sản của bà còn hơn tài sản của một ông vua giàu sang nhỉ?

- Thế thì tôi sẽ làm cho mọi người trong nhà cùng ăn.

Vị triêu phú xua xua tay:

- Thôi! Thôi! Thế là hoang phí hết sức.

- Vậy thì ta hãy làm vừa đủ cho con cái nó ăn.

Vị triệu phú lại gắt:

- Sao bà lại đem chúng vào đây?

Người vợ đấu dịu:

- Thế thì cho tôi và ông cũng được.

- Sao bà lại có ở trong đó nữa?

Vợ triệu phú ngoan ngoãn gật đầu:

- Phải rồi! Tôi sẽ làm cho một mình ông ăn thôi.

Vị triệu phú mỉm cười hài lòng. Lại nhỏ giọng:

- Nhưng mà bà này, làm ở tại đây không được đâu. Những ông sa-môn, đạo sĩ, con cái, nô tỳ, người làm công dòm ngó. Chúng sẽ chờ đợi để xin ăn. Ta sẽ làm ở một nơi kín đáo.

Người vợ gật đầu bước đi, triệu phú còn kêu lại dặn dò:

- Bà hãy đến nơi chỗ gạo thừa, để ra những hạt nguyên, chỉ lấy những hạt gạo vụn rồi đem xay. Xong rồi đừng khua động, lấy lò và chảo, một ít sữa, thục tô, đường cục.. nhớ là thứ đường để dành cho ngựa ăn - rồi chúng ta sẽ cùng lên tầng lầu thứ bảy, chiên tại đấy. Chiên xong, thế là hết phần việc của bà. Hãy để phần việc còn lại cho ta!

Người vợ làm y lời.

Vị triệu phú bước lên tầng lầu thứ nhất khóa cửa bằng chốt sắt kiên cố; leo lên lầu hai, khóa cửa bằng chốt sắt kiên cố. Bảy tầng lầu đều khóa bảy lớp như thế.

Người vợ đốt lửa trong lò, đặt chảo lên. Với đầy đủ bột, sữa, thục tô, đường, mật... bắt đầu làm bánh chiên...

Bậc Đạo Sư, vào buổi sáng ở trong hương phòng, tại Kỳ Viên tịnh xá, với thiên nhãn siêu nhân thuần tịnh, thấy rõ tất cả mọi việc xảy ra ở gia đình vị triệu phú, vào lúc đúng thời, bảo tôn giả Mahā Moggallāna:

- Cách Vương Xá thành khoảng vài do tuần về phía Bắc, có thị trấn Sakkhāra, này Mahā Moggallāna! Ở đấy có người triệu phú hà tiện, keo kiệt đệ nhất thế gian. Y thèm muốn một chiếc bánh bằng bột chua. Sợ tốn kém, sợ hao hụt tài sản, sợ người khác cùng ăn nên bảo vợ chiên bánh nơi tầng lầu thứ bảy, lối lên bằng bảy lần cửa khóa kiên cố. Này Mahā Moggallāna! Ông hãy đến đó, nhiếp phục và hóa độ người triệu phú ấy. Rồi dùng thần lực đem cả hai vợ chồng cùng với tất cả bánh, sữa, thục tô, mật, đường cục... về đây. Hôm nay, Như Lai cùng đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị,

ngồi tại Kỳ Viên, sẽ ngọ trai bằng những chiếc bánh chiên ngọt ấy.

Cúi đầu đảnh lễ đức Đạo Sư, tôn giả Mahā Moggallāna vận thần thông lực, trong nháy mắt đã đến Sakkhāra. Trước cửa sổ căn lầu thứ bảy của triệu phú hà tiện, tôn giả Mahā Moggallāna hiện ra sừng sững giữa hư không, với đại y trang nghiêm như một bức tượng vàng chói lọi.

Vị đại triệu phú giật thót mình, quả tim xúc động mạnh, mồ hôi rỏ long tong, tự nghĩ: Ta sợ như vậy nên đã lánh lên đến đây. Nhưng y cũng theo ta, đòi xin những chiếc bánh chiên, bèn nói:

- Này ông sa-môn có thần thông! Đứng giữa hư không như vậy có được gì đâu? Dẫu cho ông có đi kinh hành qua lại, ông cũng chẳng được gì! Đừng tưởng bở!

Tôn giả Mahā Moggallāna thay đổi oai nghi, vạch một con đường bằng bạch ngọc giữa không gian rồi đi kinh hành qua lại.

- Đi kinh hành như vậy mà làm gì, vô ích thôi! Vị triệu phú lắc đầu nói - dẫu ông có ngồi kiết già như phạm thiên, ông cũng chẳng được gì. Tôi chẳng cho cái gì đâu!

Đường bạch ngọc lóe lên rồi tắt, tôn giả Mahā Moggallāna an nhiên ngồi kiết già, quanh thân tỏa hào quang như mảnh trăng rằm chiếu sáng dịu dàng.

Vị triệu phú đã thấy ớn trong người nhưng vẫn cứ nói cứng:

- Kiết già giữa hư không kia ư? Cũng vậy thôi! Dẫu ông có đứng lọt trong cái lỗ thông hơi, ông cũng chẳng được gì! Tôi báo cho ông biết rõ như vậy.

Bức tượng kiết già châu báu giữa hư không biến mất, trên thành lỗ thông hơi nhỏ bằng con chim có thể bay lọt, tôn giả Mahā Moggallāna ôm bát đứng uy nghi, trong lúc lỗ hổng kia không lớn ra mà ngài cũng không nhỏ lại.

Vị triệu phú đã sợ hãi, giọng nói đã mất bình tĩnh:

- Tài... đấy! Giỏi.. giỏi... đấy! Ông sa-môn à, nhưng nếu ông có phun khói, ông cũng chẳng được gì!

Rồi nơi lỗ hổng kia, khói xông tỏa mù mịt.

Đôi mắt vị đại triệu phú cay xè, buốt đau, nước mắt, nước mũi tuôn ra; y không còn dám nói: Dẫu cho có đốt lửa, ông cũng không được gì! Rồi tự nghĩ: Chẳng có gì mà ông sa-môn này làm không được, dẫu bắt mặt trời bỏ trong lòng bàn tay. Ông ta quả thật là gan lỳ. Nếu không cho thì hắn sẽ chẳng bao giờ đi!

Đợi cho khói tan loãng, ông quay qua bảo vợ:

- Này bà, hãy chiên cho ông sa-môn gan lỳ kia một cái bánh nhỏ, thật nhỏ, rồi tống y đi.

Người vợ lấy một tí bột bỏ vào chảo. Chiếc bánh chợt phồng lên làm đầy miệng chảo. Vị triệu phú nghĩ rằng vợ mình đã bỏ nhiều bột, tức giận nhìn vợ rồi khẽ nhấc đầu chiếc muỗng, khoắng một tí bột. Lạ lùng thay, bánh lại phồng lên, to gấp đôi chiếc bánh trước.

Vị triệu phú hừ một tiếng, cho bột dính một xíu ở đầu chiếc que, búng vào trong chảo. Lạ chưa? Chiếc bánh uốn mình lên, nhúc nhích phồng ra mãi, to gấp ba lần chiếc bánh thứ nhất. Lộn ruột, sôi gan, vị triệu phú kêu ùng ục trong cổ họng, hằn học làm chiếc bánh khác. Cho đến khi bột chỉ còn bằng hạt mè, bằng một tí bụi có thể dính được trên đầu ngọn cỏ... thế mà chiếc bánh vẫn cứ ngang ngạnh phình ra, to lớn hơn mãi.

Thoát hạn dầm dề, vị triệu phú quay lại rơi phịch trên ghế, nản chí:

- Này thôi bà ơi! Lấy ngay cho ông ta một cái. Cái nào đó cũng được.

Rồi đại triệu phú than dài:

- Ôi! Cái ông sa-môn thi gan với ta mà chiếc bánh cũng muốn thi gan với ta nữa!

Vợ đại triệu phú lấy một chiếc bánh từ giỏ. Kỳ lạ chưa! Tất cả bánh đã dính liền với nhau. Bà đã cố tách ra, nhưng không được. Vị đại triệu phú thấy vậy bước tới. Cả hai người cùng dùng hết sức lực kéo bánh. Nhưng vô ích, bánh đã dính làm một!

Mồ hôi toát ra ướt đẫm cả áo. Bao nhiêu thèm muốn biến mất, vị triệu phú thở hổn hển, giọng lạc hẳn đi:

- Ta không còn muốn ăn nữa. Này bà, hãy thí hết, hãy thí tất cả bánh cho ông ta! Ôi! Cái lũ bánh trời đánh!

Người vợ làm theo, đem cả giỏ bánh bố thí. Tôn giả Mahā Moggallāna sau khi thọ nhận, rải tâm từ bi như chiếc bánh lớn hơn bao trùm cả không gian to rộng khiến cho tâm tư hai vợ chồng triệu phú lắng dịu, mát mẻ, khinh an. Rồi cất giọng Phạm thiên, ngài thuyết một thời pháp nói về công đức ba ngôi báu, kết quả rạng ngời như nhật nguyệt của sự bố thí... Do túc duyên nhiều đời kiếp, vị triệu phú nghe xong, khởi tâm tịnh tín:

- Thưa tôn giả, ngài hãy đến đây, hãy ngồi trên chiếc gường bằng bạc này mà độ thực.

Tôn giả Mahā Moggallāna:

- Này ông triệu phú, ta chưa thể ăn. Hiện giờ, đức Chánh Đẳng Giác với đại chúng năm trăm vị tỳ-khưu đang ngồi tại tịnh xá. Triệu phú và vợ có thể hoan hỷ không, khi tự mình với bánh, bột, sữa, thục tô, đường, mật... đi đến bên chân đức Đạo Sư?

Vị triệu phú nghiêng mình cung kính:

- Thưa tôn giả, bậc đại thần thông, đức Tôn Sư hiện giờ ở đâu?

- Tại Kỳ Viên tịnh xá, cách đây bốn trăm do tuần[1].

- Ôi, xa quá là xa. Thưa tôn giả, làm sao chúng ta có thể đi đến đó mà không mất nhiều thì giờ?

---

[1] Con số này e rằng không chính xác.

Tôn giả Mahā Moggallāna mỉm cười như sự hé nụ của đóa hoa vô ưu:

- Nếu các ngươi hoan hỷ, thì từ đây đến đó chỉ trong thời gian mấy cái bước chân mà thôi.

Vị triệu phú và vợ ngơ ngác.

- Với oai lực thần thông! Tôn giả Mahā Moggallāna nói tiếp - Ta sẽ làm cho đầu cầu thang vẫn nằm ở đây nhưng chân thang sẽ ở Kỳ Viên!

Triệu phú và vợ hoan hỷ bằng lòng.

Ngạc nhiên xiết bao, khi họ vừa bước chân xuống cầu thang thì cửa tịnh xá đã ở ngay trước mắt.

Đức Thế Tôn, tại trai đường lúc ấy đang ngồi trên bửu tọa với đại chúng đoanh vây. Đại triệu phú cung kính đến đổ nước rửa tay cho đức Phật và tăng chúng, cúng dường tất cả bánh, sữa, thục tô, bột, đường cục... rồi bắt đầu làm bánh.

Khi đức Thế Tôn và năm trăm vị tỳ-khưu dùng xong, triệu phú và vợ ăn cho đến thỏa thích nhưng bánh cũng không hết. Mấy trăm kẻ tàn thực ăn cho đến căng da bụng nhưng bánh vẫn còn thừa. Thấy chuyện kỳ lạ, một số vị tỳ khưu đến tâu với đức Thế Tôn, ngài dạy:

- Bánh kia là bánh của công đức. Ai không có nhân duyên với công đức này, không thể nào dùng chúng. Vậy này hỡi chư tỳ-khưu! Số bánh còn lại sẽ đổ xuống nơi cái hố hay một cái hang nào đấy (Nay bên cạnh cửa lớn chùa Kỳ Viên còn dấu tích cái hang, tên gọi là 'Cái hang bánh chiên trong chảo').

Đức Thế Tôn dạy thế xong, nói lời tùy hỷ với vợ chồng triệu phú. Cuối lời tùy hỷ, cả hai vợ chồng đều chứng quả Dự Lưu.

Từ đấy về sau, hai vợ chồng đại triệu phú tinh tấn trong giáo pháp này, như chiếc thuyền nhẹ qua bờ, và an trú vững chắc vào đích đến, họ cúng dường đến Tam Bảo những tám ức tài sản.

Cô Gái Nô Lệ Đội Nước [1]

"Thân phận chiên-đà-la
Như bọ hung đội phẩn
Như dòi trong hầm xí
Hôi hám và dơ dáy
Bị mọi người coi khinh
Bị xã hội ruồng bỏ
Làm những việc hạ tiện
Như nạo vét ống cống
Như chùi rửa cầu tiêu
Giặt vật dơ, vật uế
Lau góc nhà, xó bếp
Cạo nồi niêu, soong chảo
Đội nước và gánh phân
Chăn dê và chăn bò
Ngủ hoang giữa chuồng trại
Không tấm đắp, tấm nằm
Quen muỗi lằn, sâu kiến
Quen đất cát, bụi bẩn
Nhận chửi mắng, đánh đập
Chịu tra tấn, đòn vọt

[1] Xem " Therī Upadāna Pāḷi (38. Puṇṇāpadānaṃ)

Là sở hữu của chủ
Muốn làm gì thì làm
Như kê chân, lót thân
Như giải tỏa tình dục
Rao bán như món hàng
Chọn mông và chọn vú
Chọn săn chắc, cơ bắp
Có cả quyền giết chết
Vì chúng không phải người
Là con heo, con chó
Là con bò, con trâu
Là công cụ sản xuất
Là công cụ phục dịch
Nô lệ đến suốt đời
Đổ mồ hôi, nước mắt
Ăn cơm thừa, canh cặn
Bệnh tật và ốm đau
Mụn nhọt và lở loét
Chết thì quăng bãi cốt
Xương thịt lần rã hoại
Tứ đại trả tứ đại
Chỉ còn lại hư vô
Nỗi đau và nỗi nhục
Chỉ còn lại hư vô
Kêu than không thấu trời
Rên rỉ không đụng đất
Thượng đế cũng ngoảnh mặt
Vô cảm và vô tri
Bỏ mặc cháu con ngài
Tàn ác và bất nhân
Cho trần gian tự diệt..."

Bài thơ kệ ngũ ngôn ấy - là đặc tả thân phận của hạng người bần cùng, hạ liệt, bất hạnh nhất trong xã hội Ấn Độ

thời đức Phật. Họ bị đẩy ra khỏi bốn giai cấp, được gọi là chiên-đà-la, hạng tiện dân. Họ sống lúc nhúc như sâu, như dòi trong các mương cống, trong những cái chòi rách nát, tối tăm như hang cáo, ổ chuột... bao giờ cũng cách ly với các giai cấp khác. Có một số tiện dân sống nô lệ mãn đời trong các trại sản xuất đủ loại như chăn nuôi, trồng trọt; trong các gia đình ông chủ lớn, ông chủ nhỏ như thương gia, tiểu phú, đại phú, bà-la-môn, quý tộc...

Cô gái có tên là Puṇṇikā được nói lên ở đây là tiện dân, thuộc hạng người chiên-đà-la ấy. Nhưng cô lại được năm điều may mắn, diễm phúc hơn các cô gái khác cùng hạng. Một là cô có chút học hành, có kiến thức, tri thức. Hai là cô có sắc đẹp, tuy không hơn ai, nhưng mặn mà, duyên dáng, nổi bật hẳn trong chúng. Ba là cô được phước lành làm nô lệ trong đại gia tộc của trưởng giả Cấp Cô Độc (Āthapiṇḍika), một cận sự nam thuần thành của đức Phật, giàu tín tâm và lòng nhân ái. Bốn là cô có chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng, xiêm áo đầy đủ và ăn uống không hề thiếu thốn. Năm là cô được làm thường xuyên một công việc xem ra là nhẹ nhàng nhất, ấy là việc đội nước...

Tuy nhiên, cô buồn, cô bực, cô chán, cô ghét, cô hận, cô luôn muốn bứt thoát ra khỏi gông xiềng, bẻ gãy cái lồng sắt để bước ra thế giới bên ngoài, muốn hít thở không khí trong lành và mát mẻ của tự do.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đối xử rất công bằng, rất tốt đối với bọn nô bộc, nô lệ; ông còn khuyên mọi người sống hiền lành, tập giữ ngũ giới, bát quan trai giới. Ai mà làm được thế, ông thưởng bằng nụ cười nhân hậu cùng với gạo tiền, vải vóc, mùng mền, xiêm áo... Ông thấy ai giỏi dang, chất phác, thuần hậu, chăm công, chăm việc trong một thời gian nào đó, ông sẵn sàng xóa bỏ đời sống nô lệ, muốn đi xuất gia theo Phật hay lập gia đình, cũng được, ông sẵn sàng tạo cho công ăn việc làm như một con người tự do!

Puṇṇikā biết vậy nên cô luôn luôn cố gắng chăm chuyên, cần mẫn trong công việc đội nước và cô còn tự ý làm cả những việc ngoài bổn phận của mình. Giỏi dang thế nhưng dường như không ai thích cô bởi cái mặt luôn luôn hếch lên trời, bởi cách nói như luôn chứng tỏ sự hiểu biết của mình; bởi cái lưng làm ai cũng có cảm giác như luôn ưỡn lên, dựng thẳng lên; bởi cái nụ cười không bao giờ có vẻ tự nhiên, hồn nhiên mà là như biếm nhẽ, ngạo mạn; bởi cái giọng nói làm ai cũng cảm giác chua như dấm, đắng như trái bồ hòn! Đúng rồi, Đúng là cô quá cao ngạo, quá ngã mạn! Cô cao ngạo, ngã mạn trong khi giao tiếp, khi nói chuyện, trong việc làm, lúc ra đường và cả trong góc bếp. Đến nỗi cái cách đội nước của cô người ta ai cũng ghét - có cái gì đó chứng tỏ như: "Ừ, thì là việc của ta đấy! Ừ, ta là nô lệ đấy! Ừ, thì ta là vậy đấy!" Là nô lệ nhưng cô không bao giờ tránh mặt hay tránh bước chân các giai cấp khác. Gặp lúc phải nói chuyện với họ, cô xưng tôi và đối thoại như ngang hàng chẳng sợ gì cả. Cô chỉ kính nể có đức Phật, chư tăng ni giáo hội và ông bà chủ Cấp Cô Độc mà thôi. Vua chúa, bà-la-môn, tướng lãnh, quý tộc, đại phú gia, tiểu phú gia... cô cũng khinh khỉnh, không thèm kính trọng, hạ mình làm gì!

Puṇṇikā biết, khổ nỗi là tự biết mà cô không thể thay đổi được; cái kiêu ngạo, ngã mạn ấy nó ngủ ngầm trong dòng nghiệp rồi, tạo nên bản chất, cá tính sâu dày mất rồi. Cô không thể học được sự khiêm cung, nhún nhường, từ tốn, bao dung, rộng lượng, nhân ái như ông Cấp Cô Độc được. Đêm nằm suy nghĩ, đôi khi cô cũng tự thẹn, thấy ghét mình, căm mình... nhưng sáng ngày ra, tánh nào tật nấy, không thay đổi được. Cái cao ngạo, ngã mạn là một cái gì như năng lực ngầm, lại cuốn hút cô đi, tác động lên thân, lên khẩu, lên ý trong sinh hoạt hằng ngày...

Hôm kia, vào một ngày đông lạnh, cô lại đi đội nước như thường lệ, chuyến này rồi chuyến khác. Đầu tiên, khi thò cái hũ xuống nước, bàn tay của cô tê cóng, như bị đóng băng. Có cái gì nghe bì bõm. Khẽ nhìn ra xa. Một người đàn ông bà-la-môn tím thâm cả mặt mũi đang tắm rửa, cọ xát trong dòng nước lạnh buốt. Cô rủa thầm: "Rửa tội ư? Quả là một tin tưởng ngu nghếch! Cái đầu óc của ông đạo sĩ kia có lẽ làm bằng đất sét chăng? Bằng cái mê muội đặc sệt, trơ lì, đóng chai trong tâm thức truyền đời nên tư duy, hiểu biết không thể động cựa, nhúc nhích được chăng? Rõ thảm!"

Nâng được hũ nước lên bờ, cô rướn lưng đứng thẳng, quay sang phía ông đạo sĩ, ngửa mặt lên trời, nói lớn:

- Chà, tôi vọc nước, múc nước trong cái giá băng của dòng nước, tôi chịu khổ sở là vì công việc, là vì thân phận nô lệ, là vì sợ bị chủ rầy, chủ phạt, chủ đánh. Còn ai kia là tại làm sao vậy ha? Không biết là do sợ hãi điều gì, ai rầy, ai phạt, ai đánh mà phải chịu khổ sở, tím tái trong dòng nước lạnh buốt kinh khủng như thế - này hỡi người bà-la-môn![1]

Người bà-la-môn ấy tên là Sotthiya - cũng là một đạo sĩ hữu danh - thấy cô gái đội nước, hạng tiện dân lại nói trống không, kiêu ngạo như thế, ông giận run. Cố gắng kiềm chế cơn giận, ông nói:

- Ta nghe ông trưởng giả Cấp Cô Độc có một cô gái nô lệ, không cam chịu thân phận mình mà thường hống hách, vô lễ, cao ngạo - có tên là Puṇṇikā; với miệng lưỡi chanh chua như vậy thì đúng Puṇṇikā là cô đây rồi. Nhưng ta cũng không chấp làm gì!

Rồi ông nói tiếp:

- Này cô Puṇṇikā! Chính cô biết rõ ta tắm trong nước là ta muốn tẩy uế, muốn rửa cho sạch hết tội lỗi nơi thân, nơi

[1] Phỏng dịch từ đoạn Pāḷi: Udahārī ahaṃ sīte sadā udakamotariṃ, ayyānaṃdaṇḍa bhayabhītā vācādosabhayaṭṭitā. Kassa brāhmaṇa tvaṃ bhīto sadā udakamotari, vedhamānehi gattehi sītaṃ vedayase bhusaṃ.

tâm - là cái tín ngưỡng thiêng liêng của đạo bà-la-môn từ ngàn xưa mà! Tại sao đã biết rồi mà cô lại giả vờ muốn hỏi? Cái cách hỏi của cô dường như là muốn chất vấn, muốn chỉ trích ta đang ngăn điều ác, bằng việc làm lành tốt như thế này hay sao? Bất cứ ai dù già, dù trẻ mà trước đây đã từng tạo nghiệp bất thiện qua thân, khẩu ý - nếu được tắm rửa thường xuyên trong dòng nước mẹ thiêng liêng liêng này thì đều được giải trừ tất cả mọi ác nghiệp, mọi tội lỗi! Cô không biết thế sao?(1)

Cô gái chợt cười hì hì:

- Trâu bò tắm sông còn nhiều hơn cả các ông đạo sĩ bà-la-môn nữa. Chắc bây giờ trâu bò quanh hai bờ sông Gaṅgā đều đã thành thánh cả rồi, phải vậy không, thưa ngài?

Nghe cô gái nói "trâu bò", ông Sotthiya giận run:

- Ngươi dám...

- Phải! Tôi dám chứ! Nếu ngài rửa tội trong bao năm, chắc hẳn ngài sẽ thành thánh trước cả trâu, cả bò, thưa ngài!

Đạo sĩ Sotthiya giận run lẩy bẩy. Vừa lạnh, vừa giận - nhưng ông không đáp nổi trước cô gái quá quắt!

Cô gái cười dài như cố chọc giận thêm:

- Đạo sĩ nếu đã thành thánh thì chắc không còn giận, không còn sân, ở đây thì ngược lại. Chứng tỏ gì? Chứng tỏ quan niệm tắm nước sông Gaṅgā tẩy sạch hết tội lỗi là một tín ngưỡng sai lầm, si ngốc!

Đạo sĩ Sotthiyta im sững, không đáp được.

Cô gái tấn công tiếp:

- Nước chỉ rửa sạch thân thể, không thể rửa sạch cái tâm được, thưa đạo sĩ khả kính! Bằng chứng là cái tâm tham, sân, si của đạo sĩ vẫn còn y nguyên. Phải biết nhúc nhích cái

(1) Phỏng dịch từ đoạn Pāḷi: Yo vuḍḍho daharo vāpi pāpakammaṃ pakubbati, dakābhisiñcanā bhoti pāpakammā pamuccati. Uttarantassa akkhāsiṃ dhammatthasaṃhitaṃ padaṃ,taṃ ca ñatvā sa saṃviggo pabbajitvā 'rahā ahu.

đầu óc một chút mà tư duy cho đúng đắn, chân chính và sâu sắc hơn...

Thấy đạo sĩ có vẻ im lặng lắng nghe, cô gái chậm rãi thuyết giảng:

- Ông chủ của tôi, trưởng giả Cấp Cô Độc từ khi gặp giáo pháp của đức Phật Cù Đàm, ông cúng dường gần hết cả gia sản mà ông luôn tươi cười, vui vẻ, rộng lượng, tham sân si gì đó dường như diệt mất gần hết. Ông như ông thánh vậy đó. Tu vậy mới gọi là tu! Còn ông thì sao nào? Chẳng biết tu làm sao cả! Vậy là nhờ cái nước sông ngu ngốc kia tu giùm, nó rửa tội giùm cho! Hãy tỉnh trí lại đi! Hãy bỏ cái đạo si mê kia mà tu theo giáo pháp của ông Phật Cù Đàm đi!

Trời lạnh, nước lạnh mà "bài giảng" của cô gái "trời đánh thánh vật" càng làm cho ông bà-la-môn lạnh hơn. Nhờ lạnh hơn cho nên ông tỉnh ngộ, thời gian sau, ông bỏ tất cả xin xuất gia tỳ-khưu trong giáo pháp của đức Đạo Sư và trở thành một vị A-la-hán.

Còn cô gái? Hôm kia, trưởng giả Cấp Cô Độc kêu cô lại và nói:

- Con đã làm việc rất tốt trong bao nhiêu năm qua, hôm nay ta tuyên bố là sẽ xóa thân phận nô lệ cho con. Vậy con sẽ thu xếp đời mình từ đây về sau như thế nào, con hoàn toàn tùy nghi chọn lựa. Ta hứa sẽ giúp con.

- Thưa chủ! Cho con xin được xuất gia như thanh niên Dasaka mà trước đây chủ đã cho chàng ta thoát khỏi thân phận nô lệ.

Ông trưởng giả hoan hỷ mỉm cười gật đầu:

- Ừ! Con còn nhớ chuyện Dasaka à? Đức Thế Tôn rất khen ngợi. Bây giờ vị ấy đã là một bậc A-la-hán rồi.

- Thế à? Anh chàng Dasaka chất phác kia mà đã là một bậc vô lậu rồi à? Thật là tuyệt, thưa chủ!

- Ừ, thật là tuyệt! Thật kỳ diệu thay là giáo pháp của đức Tôn Sư!

Chuyện của nô lệ Dasaka đã được đức Phật thuyết lại tại Kỳ Viên tịnh xá như sau :

"- Có một vị tỳ-khưu tên là Dasaka xuất thân là nô lệ, ông ta là con của một nữ nô lệ trong đại gia đình trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi tịnh xá Kỳ Viên đi vào sinh hoạt, công việc tạp dịch rất bộn bề, trưởng giả Cấp Cô Độc đã sai thanh niên nô lệ Dasaka hằng ngày đến đấy để trông coi vườn tược kiêm cả việc gác cổng. Dasaka bẩm chất tháo vát, lanh lợi, chịu khó nên ai cũng mến yêu và tin cậy. Ngày qua ngày, Dasaka cảm thấy đời sống xuất gia sao mà thanh bình, an ổn và cao đẹp quá, cậu thầm ước ao trong lòng, là làm sao mình cũng sống được đời sống phạm hạnh như vậy. Hôm kia, đến Kỳ Viên có việc, trưởng giả Cấp Cô Độc tình cờ trông thấy Dasaka đứng lặng trông theo đoàn chư vị tỳ-khưu đang ôm bát vào kinh thành để khất thực. Đôi mắt của Dasaka như bị hút dính vào hình ảnh vô sự và thanh thoát ấy không chịu buông rời.

- Con đang suy nghĩ gì đấy, này Dasaka?

Trưởng giả cất tiếng hỏi, Dasaka giật mình quay lại, lắp bắp:

- Dạ... dạ...

Như đọc được tâm ý của người thanh niên, ông trưởng giả quan tâm cất tiếng hỏi:

- Con có thích đời sống ấy không, Dasaka?

- Thưa, con không dám đâu. Con là thân phận nô lệ thấp hèn...

Trưởng giả với tấm lòng bao dung, rộng lượng, nở nụ cười thơm ngát như hương hoa sen:

- Giáo hội của đức Tôn Sư không hẹp hòi thế đâu con! Máu ai cũng đỏ và nước mắt ai cũng mặn, ngài không hề phân biệt giai cấp. Nếu con sống được đời sống xuất gia cao thượng ấy, ta sẽ xóa bỏ thân phận nô lệ cho con. Khi ấy con sẽ không còn là kẻ nô lệ thấp hèn nữa. Và nếu con tu tập tốt,

ta sẽ đảnh lễ con, cúng dường những vật dụng cần thiết đến cho con với tất cả tấm lòng thành, với tất cả sự quý kính...

Thanh niên Dasaka xúc động, chảy nước mắt ràn rụa, quỳ xuống ôm chân trưởng giả, nghẹn ngào không nói được nên lời.

Thế rồi, sau đó, thanh niên Dasaka được xuất gia. Tuy tu hành định tuệ gì cũng không bằng người nhưng ông ta có đức tính phục vụ rất nổi bật. Bất cứ việc gì mà chư tăng giao phó, ông đều vâng lời chu toàn bổn phận. Đặc biệt, do trong dòng nghiệp đã tích lũy nhiều đời là phi nhân nên ông ta có đôi chân đi nhanh và dẻo dai đến lạ lùng. Bởi vậy, việc trao truyền thông tin đây đó, từ quốc độ này sang quốc độ khác, từ tịnh xá này sang tịnh xá kia thường là trách nhiệm và bổn phận của Dasaka. Cũng vì việc tăng nên hôm kia tỳ-khưu Dasaka đến Kosambī, đúng lúc, tỳ-khưu Khemaka ngã bệnh đang nằm một nơi hẻo lánh tại Badarika.

Chư tăng Kosambī từ lâu vốn đã nghe tiếng tu hành nghiêm túc của tỳ-khưu Khemaka, rất ngưỡng mộ ngài nên nhờ tỳ-khưu Dasaka đến thăm hỏi bệnh tình.

Tỳ-khưu Dasaka vốn thất học, chất phác, không biết ăn nói nên tình thật hỏi:

- Vậy phải thưa hỏi làm sao?

- Nói là chư tăng Kosambī quan tâm, lo lắng thăm hỏi bệnh tình của ngài, hiện ngài có kham nhẫn nổi với cơn đau hay không? Ngài đã xoay xở và tự chữa bệnh cho mình có hiệu quả hay không?

Đến công viên Badarika, tỳ-khưu Dasaka thấy tỳ-khưu Khemaka nằm bệnh nơi một cái chòi hoang tồi tàn, dường như chỉ còn bộ xương nhưng thần sắc rất an nhiên, tự tại. Sau khi lặp lại lời thăm hỏi của chư tăng Kosambī, đợi câu trả lời nhưng không nghe ông ta nói gì cả. Tỳ-khưu Dasaka bèn tự động đi quét dọn, chùi rửa nơi này nơi khác, tìm cách múc nước đầy nơi chỗ chứa - lặng lẽ đảnh lễ vị trưởng lão

rồi từ giã. Trước sau, tỳ-khưu Khemaka vẫn không nói một lời, ông chỉ nghĩ thầm trong bụng rằng:"Mấy ông tỳ-khưu ở Kosambī không có việc gì làm hay sao mà cho người đến thăm hỏi vớ vẩn như vậy chứ? Tu không chịu tu, cứ làm ba cái chuyện tào lao không!"

Sau khi không nhận được câu trả lời nào, tỳ-khưu Dasaka được cử đi một lần nữa, với câu hỏi của chư tăng ở Kosambī: "Ngài đã thấy tự tánh của ngũ uẩn chưa?" Lần này, tỳ-khưu Khemaka cũng chẳng ừ với chẳng hử! Tiếp tục, tỳ-khưu Dasaka được cử đi lần thứ ba với câu hỏi: "Ngài đã đắc quả A-la-hán chưa?" Nghĩ là với câu hỏi ấy thì hơi quá đáng, và cũng đã "quá tam ba bận", không đáp không được, tỳ-khưu Khemaka nói cộc lốc, cụt ngủn: "Chưa!"

Thế mà vẫn không yên, Dasaka được cử đi lần thứ tư với câu hỏi: "Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh?"

Hết chịu nổi với những câu hỏi ngu ngốc, phù phiếm của những tỳ-khưu ở Kosambī, bốn lần khó chịu dường như vón đặc lại thành một cục trong cổ họng, khạc mãi không ra, tỳ-khưu Khemaka vùng ngồi dậy. Mặc dầu sức khỏe còn yếu, ông cũng gắng gượng chống gậy, nhờ tỳ-khưu Dasaka dìu từng bước cho đến Kosambī. Và thật kỳ diệu, do đường xa lao nhọc, ông toát mồ hôi lớp này đến lớp khác và người cảm thấy rất nhẹ nhàng, rồi lành bệnh.

Và cuộc đối thoại giữa tỳ-khưu Khemaka với nhóm sáu mươi tỳ-khưu ở Kosambī đã xảy ra:

- Tại sao quý vị làm phiền tôi quá vậy?

- Nghe đồn về đời sống giới hạnh nghiêm túc và khả năng thông bác giáo pháp của ngài, nên chúng tôi chỉ muốn học hỏi thôi!

- Thế tại sao quý vị không chịu khó khởi cái tâm một chút, chịu khó nhấc cái chân một chút mà lại làm phiền đến tỳ-khưu Dasaka chất phác và hiền lành này?

- Chúng tôi thấy người bạn trẻ này rất nhiệt tình và không hề than van lấy nửa lời.

- Hóa ra, do vậy mà các vị đã lợi dụng lòng tốt của người ta?

- Chúng tôi xin sám hối!

- Không phải là với tôi!

Tỳ-khưu Dasaka vội xua xua tay, mỉm cười nói:

- Tôi có đôi chân tốt, giúp nhau một tí thôi! Không cần thiết phải nghiêm trọng sám hối như vậy đâu!

Sau đó, đoạn đối thoại được tiếp tục.

Tỳ-khưu Khemaka nghiêm sắc mặt:

- Rồi còn những câu hỏi nữa. Tại sao chư vị cứ chơi cái trò rỗng không và vô ích như thế?

Nhóm tỳ-khưu kia cúi đầu như nhận lỗi. Tỳ-khưu Khemaka nghĩ là cần phải nghiêm khắc, đưa họ từ đường biên, trở về với nẻo chánh, bèn thuyết giáo rằng:

- Chỉ những câu nói giúp nhau tiến triển giới, định, tuệ và tuệ giải thoát mới được gọi là lời nên nói, mới là chánh ngữ, đấy là pháp giáo nghiêm huấn của đức Tôn Sư. Ngoài ra, không chỉ nói và nghe suông mà còn cần phải thực hành, thường trực niệm và quán ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày. Tự tánh của ngũ uẩn là sanh diệt, là rỗng không, điều đó ai cũng biết, nhưng chỉ biết bằng tưởng tri hoặc thức tri thì có ích lợi gì, có hay hướm gì mà đặt câu hỏi? Cái biết ấy chỉ là ngoài da. Chúng phải được nhìn thấy và chứng nghiệm bởi tuệ giác do công phu hành trì miên mật, quý vị phải hiểu như thế chứ !

Thấy nhóm tỳ-khưu kia có vẻ chăm chú lắng nghe, có vẻ phục thiện nên ngài tiếp:

- Còn Khemaka có nghĩa là gì trong tự tánh ư? Câu hỏi ngốc nghếch. Chẳng có gì ráo! Nó chỉ là cái tên suông thôi! Tuy nhiên, ngay chính tôi cũng chưa hề thấy được như thực cái tên suông ấy, cái danh ấy, bao giờ tôi cũng sinh khởi cái

tôi ấy mà biết, sinh khởi cái của tôi ấy mà hành! Chưa bao giờ tôi trả được tự tánh vô thường, vô ngã lại cho vô thường và vô ngã cả! Tôi chưa làm được điều đó. Một vị thánh A-na-hàm dầu đã đoạn tận năm món kết buộc và sai sử[1] mà vẫn còn bị ràng buộc bởi cái tôi ấy, cụ thể là vẫn còn ngã mạn, phóng tâm và vô minh. Chư vị hãy biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy chứ!

Lời của tỳ-khưu Khemaka vừa chấm dứt, chợt ông lặng người, một sự kỳ diệu xảy ra trong tâm ông, ông đắc quả A-la-hán ngay tại chỗ. Và còn kỳ diệu hơn thế nữa, sáu mươi vị tỳ-khưu kia cũng đắc quả A-la-hán luôn.

Thế rồi, khi câu chuyện này được lan truyền ra, mọi người tín mộ, cả tăng và tục ùn ùn kéo đến; từ đó, Badarika mới bắt đầu được xây dựng cốc liêu ngày càng nhiều và mọi công trình chính và phụ trông cũng tươm tất. Hiện giờ được gọi là công viên Badarikārāma."

Đức Phật kể ngang đó, biết mọi người còn thắc mắc về thân phận nô lệ của tỳ-khưu Dasaka, ngài nói tiếp, và sau đó, ai cũng hiểu như sau:

- Bây giờ tỳ-khưu Dasaka đã đắc quả A-la-hán rồi. Trước đây, ông tinh tấn phục vụ thì tốt nhưng hễ cứ ngồi thiền thì hôn trầm, thụy miên lại kéo đến. Đức Phật và tôn giả Mahā Moggallāna đã khiển trách và cũng đã nhiều lần sách tấn, khuyến khích, tìm biện pháp thích nghi dìu dắt ông ta từng bước một. Do nhân duyên quá khứ, cách đây chín mươi mốt kiếp (kappa), tiền thân Dasaka gặp được đức Phật Độc Giác Ajita và có cúng dường đến vị này một quả xoài. Đến thời đức Phật Kassapa, ông ta đã là một vị tỳ-khưu. Đây là nhân và duyên giúp tỳ-khưu Dasaka đắc A-la-hán quả. Tuy nhiên, trong một kiếp quá khứ khác, ông ta sai bảo một

[1] 5 món kiết sử: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tình dục, bất bình.

vị A-la-hán làm một số việc lặt vặt cho mình nên đã nhiều đời kiếp phải mang thân nô lệ.

Nhân như vậy đó, duyên như vậy đó và quả cũng như vậy đó; hãy chiêm nghiệm mà tu tập, hãy chiêm nghiêm mà hành trì; khi nào chưa thấy rõ tự tính vô thường, vô ngã của tâm và pháp thì khi ấy còn cần phải miên mật an trú chánh niệm trước mặt tại một căn nhà trống, tại một bãi đất hoang hay tại một nghĩa địa thiêu xác... Hãy nhớ lấy!"

Thế rồi, sau đó, noi gương thanh niên Dasaka, cô gái xin được xuất gia, và thời gian sau tỳ-khưu-ni Puṇṇikā đắc quả A-la-hán, đầy đủ thắng trí thần thông và luôn cả bốn tuệ phân tích. Cô đã sử dụng sự biện tài, thông thái của mình để hàng phục chúng ngoại đạo mồm mép, đem lại lợi lạc tối thượng cho rất nhiều người.

Hôm kia, sau giờ nghỉ ngơi, thọ hưởng lạc về thiền, lạc về quả, tỳ-khưu-ni Puṇṇikā dùng thiên nhãn thông, thần túc thông, soi lại các kiếp sống xa xăm, được biết rằng, cô đã có nhân duyên với chư Chánh Đẳng Giác Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha và Koṇāgamana. Cô đã từng là một vị tỳ-khưu-ni gương mẫu, rạng ngời về giới hạnh, thu thúc nghiêm túc, nghe nhiều học rộng, giảng nói ý nghĩa về pháp và luật thâm sâu, quảng bác với ngôn ngữ biện tài, lưu loát như nước chảy mây trôi, đúng như dư âm từ quá khứ: "Do tu tập cô trở thành vị ni có đại trí tuệ, và do nghe nhiều cô trở thành vị ni thông thái"[1]. Vì coi mình có đại trí tuệ, coi mình là thông thái nên cô sinh ra cống cao ngã mạn, coi thường các vị trưởng lão ít học, khinh rẻ, mạt sát học chúng là ngu si, là đần độn. Cho nên, việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện là do ngã mạn ẩn tiềm trong dòng nghiệp không bị tiêu hoại[2]. Vì do nghiệp kiêu căng, ngã mạn ấy nên kiếp này, tại

[1] Từ câu Pāḷi trích trong ký sự: "Bhāvanāya mahāpaññā sutena ca sutāvinī".
[2] Từ câu Pāḷi trích trong ký sự: "Mānena nīcakulajā na hi kammaṃ vinassati".

thành phố Sāvatthi, trong giáo pháp của Thế Tôn Gotama, cô sinh ra làm hạng tiện dân, nô lệ. Thấy nhân duyên và quả ba đời, tỳ-khưu-ni Puṇṇikā khẽ ngâm lên một câu kệ, như mặt trăng khẽ vén lớp mây mờ để soi chiếu vạn vật, núi sông, cây cỏ:

"- Ngã mạn và kiêu căng
Cống cao và tự đại
Ỷ mình hay mình giỏi
Cậy mình thông mình tài
Chê mọi người ngu si
Khinh thế gian cỏ rác
Sinh làm người nô lệ
Phải sống kiếp tiện nhân
Gieo gì thì được nấy
Pháp như thực như chân!"

Puṇṇikā - vị tỳ-khưu-ni A-la-hán xuất thân nô lệ bất giác mỉm nụ "tiếu sanh tâm" thơm ngào ngạt của trí tuệ hương và giải thoát hương.

Ni Trưởng
Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn

Mấy năm nay, sức khoẻ của đức Phật không còn như xưa, nên ngài ít bộ hành phương xa, chỉ ở Kỳ Viên hay Đông Phương Lộc Mẫu để giáo hóa tứ chúng.

Tuy nhiên, sau hạ thứ ba mươi ba, đức Phật đã sáu mươi tám tuổi, đột ngột, ngài cho triệu tập chư vị đại trưởng lão cùng chư tăng trên một ngàn vị đồng khởi hành về Vesāli, và sau đó, trú tại Đại Lâm, ở Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn.

Hóa ra, đức Phật biết rõ nhân và duyên: Ni trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī đang chuẩn bị Niết-bàn lúc bà một trăm hai mươi tuổi. Chúng ta đều biết rằng, bà Mahāmāya hiếm muộn con cái, đến tuổi năm mươi bốn mới hạ sanh thái tử Siddhattha; và lúc ấy, bà Mahā Pajāpatī Gotamī, người em ruột, tuổi đã năm mươi hai. Thái tử lúc thành Phật là ba mươi lăm tuổi thì bà Mahā Pajāpatī Gotamī đã tám mươi bảy tuổi. Hai năm sau nữa, bà Gotamī cùng với năm trăm công nương Sākya bộ hành từ Kapilavatthu xuống Vesāli xin Phật xuất gia thì bà đã tám mươi chín tuổi. Từ bấy đến nay, trải qua ba mươi mốt năm lãnh đạo ni chúng, bà biết tuổi thọ và nghiệp đều đã mãn nên gởi tâm đến đức Phật xin Niết-bàn.

Lúc đức Phật, chư đại trưởng lão và một ngàn vị tỳ-khưu ghé Đại Lâm thì ni trưởng Gotamī đã biết, bà và ni chúng đang ở trong một khu rừng ngoại thành Vesāli. "Giờ là giờ đã phải lẽ, ta sẽ Niết-bàn trước đấng Đại Hùng – bà tự nghĩ – Ta sẽ đi trước hai vị tối thượng Thinh Văn, trước Yasodharā, trước Ānanda và cả trước Nanda nữa. Đức Tôn Sư đã thân hành vân du về đây là đại hạnh rồi!"

Có cái gì lao xao trong gió. Đồng một lúc mấy trăm vị thánh ni trong khu rừng đều đọc được ý nghĩ ấy. Họ đều muốn đi theo ni trưởng để an nghỉ Niết-bàn vô dư. Quả địa cầu dày bốn mươi do-tuần chợt rung rinh. Dường như có tiếng trống u trầm từ cõi trời vang lên, có cái gì như vừa quyến luyến vừa bi lụy. Những giọt nước mắt đâu đó từ hư không rơi xuống. Chư thiên, thọ thần quanh ni viện, quanh khu rừng đều âu sầu, buồn bã. Nếu chư vị thánh ni đều cùng Niết-bàn cả thì khu rừng này sẽ trở nên hoang vu, trống trải. Những năng lượng mát mẻ và an lành cũng không còn tỏa ra trong không gian tịch lặng này nữa. Có vị đã khóc, đã sụt sùi.

Ngước lên giữa thinh không, bà nói nho nhỏ:

"- Xin hãy thông cảm cho ta! Hỡi chư thiên và thọ thần quý mến! Đây là cái nhìn cuối cùng và lời nói cuối cùng của ta đó. Đừng nên sầu muộn làm gì. Chúng rỗng không và phù phiếm thế nào. Tại sao vậy? Tại vì ta từ nơi cái già và chết để đi đến nơi không già, không chết. Từ nơi 'yêu thương xa lìa khổ', 'gần người mình ghét khổ', 'muốn không được khổ' để đến nơi chấm dứt tất cả khổ! Từ nơi lăng xăng tạo tác, luôn luôn trở thành, luôn luôn bị điều kiện, bị phụ thuộc, bị quy định, bị buộc ràng của thời gian sinh tử để đi đến nơi bất động hành, bất tử, vô vi hành, ở ngoài mọi quy luật, mọi điều kiện và mọi phạm trù nhân quả. Như thế thì các vị phải vui lên cùng ta mới phải chứ!?"

Thế rồi, hôm sau, trời vừa rạng sáng, ni trưởng Gotamī cùng với hội chúng thánh ni trước khi bái biệt đức Tôn Sư để Niết-bàn, họ ôm bát khất thực quanh thành Vesāli như thường lệ. Có lẽ chư thiên, thọ thần báo tin cho họ hàng, thân nhân hay quyến thuộc thế nào đó mà rất đông cận sự nữ đã chận đường và quỳ lạy, khóc lóc như tế sao:

- Xin chớ lìa bỏ chúng con, hỡi chư thánh ni! Hỡi những bậc đã thủ đắc một gia sản tâm linh vĩ đại! Chúng con sẽ không có người bảo hộ và che chở nữa. Xin chư thánh ni đừng vội Niết-bàn!

Ni trưởng Gotamī cất lời an ủi mà giọng nói thì như bi hài, như chế nhạo:

- Này! Buồn cười chưa? Thật đã buồn cười chưa? Than khóc như vậy có phù phiếm và vô duyên không hả? Ta đi đến nơi vô thương, vô bi, vô sầu, vô khổ mà các người lại lấy thương, bi, sầu, khổ để cản ngăn là tại làm sao hở? Vậy thì các ngươi từ lâu đã từng tu tập giáo pháp thấy khổ và diệt khổ đến đâu rồi? Ta là ai nào? Ta chỉ là người đã thấy rõ sự khổ một cách toàn diện, thấy nguyên nhân khổ một cách toàn diện, đã diệt khổ một cách toàn diện và thực hiện con đường đi đến nơi diệt khổ cũng một cách toàn diện. Thế thôi! Đấy không là lợi ích thù thắng đáng hoan hỷ cho ta hay sao, hả?

Đám đông vẫn không chịu giải tán. Sự khóc lóc ầm ĩ của họ làm náo loạn cả con đường.

Ni trưởng đành phải thuyết giảng tiếp:

- Từ khi lìa khỏi điện ngọc, cung vàng với những công nương dòng dõi Sākya anh hùng với đôi chân trần lê thê rướm máu, xin đi theo đức Chánh Đẳng Giác, ta đã học hiểu giáo pháp nhiệm mầu, đã thực hành giáo pháp ấy một cách trọn vẹn. Hiện tại, mọi bổn phận đã làm xong, mọi gánh nặng trên vai đã được đặt xuống, sự tái sanh trầm luân đã được liễu tri và mọi đau khổ phiền não đã được bứng tận. Từ

đấy, đời sống không gia đình đã cho ta sự khoảng khoát của hư không, sự tự do của những cánh chim trời. Mục đích phạm hạnh đã được thiết lập kiên cố, mà ở đấy, chẳng có gì trói buộc ta được nữa, dù cảnh người, cảnh trời, ma vương, chư thiên vương hay phạm thiên vương. Vậy thì thử hỏi còn gì ở trần gian ba cõi này có thể làm ta phải dính chân, lưu luyến? Niết-bàn vô dư ở tuổi trăm hai mươi chẳng lẽ không hợp thời, không phải lúc hay sao?

Thôi! Đừng khóc than, đừng âu sầu, phiền muộn nữa. Đức Tôn Sư, ngôi Mặt Trời của nhân loại còn kia! Nhị vị thượng thủ, hai ngôi sao sáng của giáo hội còn đó! Và còn có cả hằng trăm hằng ngàn trưởng lão Tăng ni trí tuệ như non, đức hạnh như rừng, tha hồ mà gieo trồng ruộng phước, tha hồ được chở che và được nương tựa. Suốt mấy mươi năm gióng trống pháp chuyển luân, đức Đại Hùng đã xua vô minh và si mê đi về với bóng tối, đã đẩy ngoại đạo tà giáo đi đến chỗ diệt vong. Hiện tại, ngọn cờ chánh pháp đã liệt liệt oanh oanh giương cao che mờ cả đỉnh Sineru. Vậy thì các người hãy tinh cần đi theo lộ trình thoát khổ, con đường tuần tự tìm kiếm hạnh phúc an vui cõi người, hạnh phúc an vui cõi trời và hạnh phúc an vui siêu thế ở ngoài ba cõi phù du sinh diệt. Hãy chuẩn bị, sắm sanh hành trang, tư lương để lên đường, xem mình đã có đầy đủ bố thí, trì giới, tham thiền, đã đầy đủ tín, giới, văn, thí, tuệ hay chưa? Đấy mới là điều đáng làm! Thôi, hãy xua tan phiền muộn đi! Ta và ni chúng đi đến đức Đạo Sư đây.

Nói thế xong, ni trưởng dẫn đầu chư ni thánh đệ tử đến Sảnh Đường Năm Nóc Nhọn tại Mahāvana; tại đây, lúc này chư tăng ni và hai hàng cận sự nam nữ rất đông, bà quỳ năm vóc sát đất đảnh lễ đức Thế Tôn rồi nói:

- Thưa đức Đại Giác! Con là mẹ của ngài, người-mẹ-của-thế-gian-luân-thường-quy-ước. Và bạch đức Tôn Sư Vô Thượng! Ngài lại là cha của con, người-cha-ở-ngoài-và-ở-

trên-mọi-quy-ước-dung-thường; và con là đứa con được sanh ra trong giáo pháp vô tỷ. Rồi ngài lại còn ban cho con niềm vui siêu thế, tức là hạnh phúc vô tạo tác ở ngoài mọi hạn lượng và mọi hạn định nữa. Từ thuở nhỏ, cái-thân-thể-xác-vật-chất của ngài được trưởng dưỡng khôn lớn là bởi con, là do con bế bồng, chăm sóc, nuôi dưỡng. Cũng tương tợ như vậy, cái-thân-tinh-thần-tâm-linh của con lại được giáo pháp chăm sóc, nuôi dưỡng là bởi ngài, do ngài mà có. Nhờ con, ngài uống giọt sữa trắng được tinh lọc từ huyết đỏ để tẩm bổ hình hài sinh diệt vắn vỏi. Nhờ ngài, con uống được giọt sữa thanh tịnh được tinh lọc từ giáo pháp để nuôi dưỡng tuệ mạng dài lâu, vô sinh bất tử.

Bạch đức Thiện Thệ! Trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng ngài từ thuở ấu thơ, ngài không có nợ nần gì cả, mà ngược lại, ngài đã ban cho cha, cho mẹ những niềm vui hy hữu, lạ lùng. Cũng bởi niềm vui lạ lùng, hy hữu ấy, cầu nguyện cho tất thảy những người mẹ trên trái đất này có được những đứa con trai ưu tú và kỳ vĩ như thế.

Thưa đức Vô Thượng Điều Ngự Trượng Phu! Tất thảy những người mẹ trên thế gian, dù là mẹ của một đức vua tối thượng nào chăng nữa cũng phải bị nhấp nhô chìm nổi trong bể cả của hữu tồn sinh diệt. Và này, hỡi người con trai tối thượng! Ngài đã ban cho mẹ chiếc bè vô vi, vô hành để vượt qua bể cả hữu tồn sinh diệt ấy. Nó ở trên mọi tương đối và mọi tuyệt đối, ở ngoài ngôn và lời, ở ngoài mọi ý niệm và mọi khái niệm.

Thưa đức Thiên Nhơn Sư! Đối với phụ nữ trên thế gian, danh xưng hoàng thái hậu, "mẹ của đức vua", dù cao quý, dù họa hiếm nhưng không phải không dễ dàng có được; nhưng danh xưng "mẹ của đức Phật" thì triệu triệu, tỷ tỷ a-tăng-kỳ mới có được một người! Vậy mà con lại là người phụ nữ ấy! Đấy là diễm phúc vô khả tỷ, vô khả đối, cùng

tuyệt, tối hậu vậy. Và nhờ ngài, con đã vinh hạnh đạt danh xưng tối thượng như thế đó.

Thưa đức Chánh Biến Tri! Mọi ước nguyện, hạnh nguyện, đại nguyện giờ con đã tựu thành. Mọi hy cầu, sở cầu, pháp cầu dù nhỏ bé hay lớn lao, con đều đã tròn đủ, phú túc, viên mãn. Bởi vậy, hôm nay, ngài hãy cho con được từ bỏ xác thân bất tịnh, tế toái và nhiễm ô này để thị tịch Niết-bàn, an nghỉ vắng lặng vô dư!

Bây giờ, xin đức Tôn Sư hãy duỗi ra hai bàn chân mềm dịu như hoa sen được tô điểm bằng một ngàn căm bánh xe và một ngàn ngọn cờ chiến thắng. Xin đức Đại Giác hãy làm vậy để cho con được thể hiện sự tôn kính đến ngài với lòng yêu mến trân trọng đối với người con trai cao quý của mình. Và cũng xin đức Vô Thượng thể hiện biểu tướng rõ ràng thân thể tợ khối vàng ròng không lẫn tạp chất để cho con được chiêm ngưỡng lần cuối cùng trước khi đi về miền an tịnh tuyệt đối[1].

Đức Phật trầm tịnh lắng nghe từ đầu chí cuối lời thưa bạch của người-mẹ-thế-gian không bỏ sót một lời một chữ nào. Sau đó, đức Đại Giác trú định kim cương, trở lại cận hành, thân tỏa hào quang sáu màu chập chờn từng đôi một, với màu sắc sáng dịu như vầng dương non trẻ hiện ra trong đám mây chiều. Lát sau, ni trưởng Gotamī thấy rõ ba hai quý tướng và tám mươi vẻ đẹp của đức Thiện Thệ...

Chẳng còn gì để yêu cầu nữa, ni trưởng Gotamī đê đầu dưới lòng bàn chân ngàn căm bánh xe, ngàn ngọn cờ chiến thắng của đấng Đại Hùng trông tợ đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng mặt trời buổi bình minh rọi đến. Bà nói:

---

[1] Một số hình ảnh và ý tưởng ở đây và nơi khác nữa, có mượn trong "Trưởng lão Ni ký sự" của tỳ-khưu Indacanda (đại đức Chánh Thân).

- Con xin đảnh lễ đấng Mặt Trời của nhân loại, vị tiêu biểu của dòng dõi Thái Dương! Đây là lần tử biệt cuối cùng của con, con sẽ không còn gặp lại ngài một lần nào nữa.

Thưa đấng Cao Cả của thế gian! Hạng nữ nhân như chúng con sinh ra trong thế gian, được tiếng là mẹ của thế gian, là nhân tố tồn tại của thế gian. Cũng có thể họ là cái đẹp, là vẻ yêu kiều, dịu dàng, là bàn tay yêu thương, là trái tim nhân ái, là vầng mặt trăng trong mọi gia đình, là bóng mát cho những đứa con hư hỏng, là điểm tựa cho con cái nuôi chí hải hồ, là nơi hướng về của mọi kẻ ly hương, là suối nguồn tinh khiết của tình mẹ bao la. Và cao cả nhất, họ là huyết sữa nuôi sinh mệnh của nhân loại. Nhiều lắm! Nhiều lắm! Nhưng chính họ cũng là ái dục tình lụy, là cơn khát nóng của địa ngục, là miếng mồi bốc lửa cháy của ghen ghét, tật đố, tranh chấp và ly tán. Họ còn là cái gì phức nhiễu, tế toái. Là nguồn cơn của mọi đau khổ và tội lỗi. Là lắm chuyện và đa sự. Là đóa hoa hồng có lắm gai độc. Ôi! Cũng nhiều lắm và nhiều lắm của những cánh cửa đi xuống bốn đường xấu ác! Thế đó. Trước đây con cũng chỉ là một phụ nữ trong thế gian, vậy thì con đã lỡ lầm dù cố ý hay vô tình, đã có những xấu quấy, sai trái gì đó, vì lòng bi mẫn, xin đức Tôn Sư hỷ xả cho con!

Kính thưa đức Thế Gian Giải! Trước đây con đã năm lần bảy lửa xin cho nữ giới xuất gia; nếu bởi việc này mà giáo pháp bị giảm sút tồn tại năm ngàn năm là lỗi của con, vậy xin ngài cho con được sám hối vì điều ấy nữa.

Và cuối cùng, kính thưa đức Ứng Cúng! Con đã giáo dục, dạy dỗ chư tỳ-khưu-ni theo với sự cho phép của ngài cùng chư vị đại trưởng lão; tâm con có chừng, tuệ con có hạn, nếu có sự kém cỏi, bất cập nào đó trên phương diện giáo hóa ấy cũng xin ngài tha thứ trước khi con đi về miền an tịnh vô cấu, vô lậu...

Đức Phật bây giờ mới mở lời, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già cất giọng với thang âm vi diệu trên đỉnh Tuyết Sơn:

- Này Người-mẹ-thế-gian vĩ đại! Này vị đại ni trưởng đức hạnh như tấm gương trong! Bà đã lê bước bằng bàn chân trần rớm máu từ cõi hữu hạn sinh diệt để đi đến cõi vô cùng vô sinh bất tử thì có gì đáng nói nữa đâu. Bà đã tự trang bị cho mình những vật trang sức, trang điểm thù thắng như hổ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, đức tin, tinh cần, nhẫn nại, quyết tâm, từ, xả... thì có việc gì mà bảo lầm lỗi hay không lầm lỗi, tha thứ hay không tha thứ? Bà đã bỏ xa bụi trần và ác uế ở dưới chân núi để bước lên đỉnh đồi cao vô úy của giải thoát và tự do thì bận rộn làm chi mọi ngôn ngữ quy ước thế tục kia nữa. Không những bà, không những hội chúng tỳ-khưu-ni mà cả hội chúng tỳ-khưu-tăng thì cũng vậy. Nếu tất cả đều thanh tịnh không một chút nhiễm ô thì ai cũng đang đi ra khỏi thế gian này, ví như vầng trăng ra đi lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần dần của các vì thiên thể.

Bà và hội chúng ni chúng hãy ra đi như vậy. Hãy an nhiên tự tại như vậy mà đi vào Niết-bàn vắng lặng toàn diện, không có dư y!

Đức Phật nói xong, như ánh sáng lấp lánh vừa rời khỏi tòa kim cương thì ni trưởng Gotamī và ni chúng đồng hướng vai phải nhiễu quanh kim thân Phật ba vòng, trông giống như những vì sao vệ tinh theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi chúa Sineru. Sau đó, họ đồng quỳ xuống đê đầu sát bàn chân đức Chiến Thắng Cao Cả một lượt nữa, đứng lên chiêm ngưỡng ngài một lượt nữa.

Tôn giả Ānanda chỉ mới là vị thánh Nhập Lưu, còn nhiều phiền não, thấy bà Gotamī chào bái biệt đức Phật để Niết-bàn, chưa làm chủ được cảm xúc trước cảnh sinh ly tử biệt, ông than dài:

- Ôi! Người đi thật sao? Rồi đức Tôn Sư đến một lúc nào đó cũng tịch diệt Niết-bàn như vậy ư? Ôi! Rồi tất cả ngọn lửa sự sống đều phải cạn ráo chất đốt, và cái thân xác bốn đại, ai ai cũng chỉ còn là cát bụi hoặc tàn tro thê thảm như thế hay sao?

Tôn giả Nanda là bậc thánh vô lậu, đứng kế bên liền mở lời an ủi:

- Phải! Cái thân xác bị tạo tác, được kết hợp của tất cả chúng sanh không có cái gì chắc thật trong đó cả. Nó không có cốt, không có tinh, không có lõi tương tợ như thân cây chuối, na ná như củ hành. Bóc tách cho đến tận cùng chỉ thấy trống rỗng mà thôi. Nó là hư vô, chẳng có gì ở đấy cả. Do xảo thuật, do ảo ảnh của thợ nghiệp mà nó hiện hữu. Nó tụ rồi tan, nó có rồi không, nó sinh rồi diệt cũng là lẽ thường thôi, này tôn huynh! Mẹ của tôi, dù là bà mẹ vĩ đại, bà mẹ của bậc Chiến Thắng Đại Hùng cũng không ở ngoài các định luật hữu vi bất toàn và trống không ấy.

Ni trưởng Gotamī cũng thấy cần phải nói với tôn giả Ānanda vài lời:

- Đúng như con trai ta đã nói, hỡi vị tỳ-khưu đa văn bác học mà dung lượng sở tri còn thâm sâu và mênh mông hơn biển cả. Và đối với sự cẩn thận, nhiệt tâm, tinh cần hầu hạ đức Đạo Sư cũng cao cả như núi chúa, trong giáo hội không thể có người thứ hai được. Vậy đó! Thế thì ngay giây phút này, những học hiểu vô lượng ấy, những công phu bất khả tư nghị ấy, con cất giữ nó ở đâu mà không mang ra sử dụng, này con trai, này vị tôn giả khả kính?

Ta đi vào Niết-bàn tịch diệt là điều đáng mừng, đáng vui mới phải chứ? Ta và ni chúng, cả bây giờ và mai sau, được xuất gia trong giáo pháp tối thượng này là nhờ vào ba lần cầu khẩn của con mà được, bởi tình cảm tốt đẹp của con mà có! Công ơn ấy lớn lao như trời biển. Có cây lá rừng đại

ngàn Mahāvana ghi chép. Có mây lang thang nghìn năm trên bầu trời Vesāli ghi nhớ.

Này hỡi bậc hộ trì giáo pháp! Hãy tỉnh táo lại! Hãy hé lộ trí tuệ vô lậu mà nhìn vào cõi bất tử không đến, không đi thử xem nào! Giờ khắc này, ta nhìn vào tôn giả bằng tia mắt cuối cùng rồi đây, và sát-na này đã đi vào vĩnh cửu!

Đức Phật thấy sự trao đổi ấy là vừa đủ nên mở lời:

- Này bà mẹ vĩ đại! Này vị ni trưởng đạo hạnh! Thời điểm cuối đã đến rồi. Tất cả các "hữu"[1] đã được bứng tận. Tất thảy mọi phiền não đã bị nhổ tiệt. Mọi trói buộc đã bị cắt đứt như con voi cái đã được cởi trói. Không còn một mảy may lậu hoặc vi tế nào còn tồn tại. Mẹ là người đã thành tựu tam minh, có bốn tuệ phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí. Bây giờ, trước khi an nghỉ Niết-bàn, mẹ hãy thị hiện một chút năng lực thần thông cho chư tỳ-khưu Tăng ni, hai hàng cận sự cũng như thọ thần, chư thiên khắp núi rừng Mahāvana này cùng chiêm ngưỡng.

Được sự cho phép của đức Phật, ni trưởng đảnh lễ ngài rồi tức khắc bay lên không trung còn nhanh hơn con chim ưng vàng vỗ cánh. Đầu tiên bà biến hóa một thân thành nhiều thân rồi nhập thành một. Hiện ra rồi biến mất. Đi xuyên qua tường, qua núi. Ẩn trong đất. Đi trên nước như đi trên đất bằng. Ngồi kiết già giữa hư không. Đến cõi phạm thiên. Làm cho trời đất mù mịt khói. Sáu mặt trời mọc lên. Những tràng hoa rực lửa như vào thời hoại kiếp. Nắm trong tay những ngọn núi và những tảng đá khổng lồ trông như mấy hạt cải. Ngón tay che khuất mặt trời, mặt trăng. Bàn tay nắm một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng. Biến hóa thành đức Chuyển Luân Vương. Biến hóa thành hằng hà sa số tỳ-khưu-ni... rồi nhập lại, hòa thành một.

---

[1] Ý nói những nguyên nhân tồn tại trong ba cõi dục, sắc và vô sắc đã được bứng nhổ.

Cả khu rừng người, vô số phi nhơn, chư thiên đồng chiêm ngưỡng đại thần lực biến hóa của Ni trưởng, đăm đăm như không nháy mắt...

Lại biết là đúng thời nữa, đức Phật chợt tuyên dương:

- Ni trưởng Gotamī không những là người mẹ vĩ đại của Như Lai, không những là vị thánh ni nhiều thần thông lực, mà còn là bầu sữa mẹ cho ni giới, chăm sóc ni giới với tấm lòng bao dung, quảng đại, có kinh nghiệm đệ nhất trong việc lãnh đạo ni chúng!

Rồi ngài lại nói tiếp:

- Này người mẹ vĩ đại! Hãy kể lại lộ trình lâu xa cùng những nhân những duyên tu tập của mình cho đại chúng cùng nghe.

- Thưa vâng!

Rồi bà kể:

- Vào thời đức Chánh Đẳng Giác Padumuttara, tôi được sanh ra tại Haṃsavatī trong một gia đình quan cận thần, được thọ hưởng sung mãn tài sản cùng những tiện nghi tối ưu trong đời sống.

Một lần nọ, tôi và nhóm thị nữ cùng tùy tùng đông đảo đến chiêm bái, cúng dường, nghe pháp đức Phật Padumuttara. Nhân duyên tình cờ, là hôm ấy, đức Đại Hùng đang cho thiết lập giáo hội Ni giới, và vị đứng đầu, lãnh đạo ni giới là tỳ-khưu-ni Mātucchā. Thấy vị thế của người nữ được bình đẳng xuất gia tu tập như thế tôi đã rất hoan hỷ, bèn phát tâm cúng dường y áo, vật thực, thuốc trị bệnh đến đức Phật cùng chư tăng ni trong suốt bảy ngày rất thịnh mãn, rất chu đáo.

Đến ngày thứ bảy, tôi và thị nữ cùng tùy tùng nằm dài xuống đất, đảnh lễ bàn chân bụi của đức Vô Thượng; và phát nguyện rằng, mai hậu sẽ có duyên báo, quả báo giống y như tỳ-khưu-ni Mātucchā, xin bậc Đại Chiến Thắng chứng minh.

Đức Phật Padumuttara mỉm nụ hoa sen, cất tiếng:

- Con đã cúng dường hỷ mãn bảy ngày đến Như Lai và hội chúng với tín tâm rất tròn đầy và trong sạch. Vậy thì con sẽ được như ý sở cầu!

Hãy nghe Như Lai nói nữa đây. Vào một trăm ngàn đại kiếp về sau, có vị Thế Tôn xuất thân dòng dõi Okkāka, đức đại sĩ Gotama sẽ có mặt ở thế gian, khai sáng một giáo pháp chánh thống y như chư Phật ngàn xưa. Lúc ấy, con, là Mahā Pajāpatī Gotamī, chính là bà mẹ thứ hai chăm sóc, nuôi dưỡng vị ấy thuở còn ấu thơ. Và con cũng chính là người nữ đầu tiên thừa tự giáo pháp ấy, đạt vị thế hạng nhất trong số những tỳ-khưu-ni kỳ cựu.

Khi dấu ấn bất tử đã được đức Ứng Cúng khắc lên trán như thế, tâm tôi, sau đó dường như chỉ nghĩ đến giáo pháp. Tôi, các thị nữ và tùy tùng đã cúng dường, hộ độ đức Phật và giáo hội cho đến hết cuộc đời còn lại. Mệnh chung, tôi được hóa sanh cõi trời Đao Lợi, được thọ hưởng hỷ mãn thiên sắc, thiên hương, thiên vị, kể cả tuổi thọ, sắc đẹp, an lạc và danh tiếng đều vượt trội chư thiên nữ cùng cảnh giới nên Đế Thích thiên chủ chọn tôi làm thiên hậu.

Do một nghiệp xấu ác từ quá khứ trả quả, hưởng hết phước ở cõi trời, tôi sanh xuống cõi người, rơi vào một gia đình lao động chân tay thuộc quốc độ của đức vua nước Kāsi. Tại một ngôi làng nô lệ có năm trăm gia đình, người ta bầu một vị lãnh đạo, như là làm thôn trưởng, và tôi là phu nhân của vị ấy.

Hôm kia, có năm trăm vị Độc Giác Phật[1] đi từ Nandamūlaka tới Isipatana để khất thực. Tất thảy chúng tôi cùng quyến thuộc đều vui mừng mời thỉnh luôn hội chúng ấy an cư mùa mưa, năm trăm gia đình làm năm trăm cốc lá

[1] Trong chú giải Trưởng lão Ni kệ có chép chỉ có năm (5) vị và nói an cư chỉ có ba tháng. Và trong Pāḷi Proper Names cũng nói 5.

rồi hộ độ tứ sự suốt bốn tháng, dâng cúng đầy đủ mỗi vị ba y, ai ai cũng hoan hỷ. Sau kiếp ấy, tôi được tái sanh trong một gia đình thợ dệt cũng tại thành phố Bārāṇasī, lớn lên, nhân duyên lại được gặp năm trăm vị Độc Giác Phật (con bà Padumavatī)[1] nên lại được dịp cúng dường vật thực.

Từ bỏ cõi người, do nghiệp lành tốt ấy, tôi được chu du tái sanh nhiều cõi người và trời. Rồi kiếp cuối cùng hiện nay là thành phố Devadaha, nước Koliya. Cha của tôi là Añjana[2] thuộc dòng Sākya, mẹ của tôi là hoàng hậu Sulakkhaṇā; và sau đó tôi được làm hoàng phi của đức vua Suddhodana, kinh thành Kapilavatthu. Những người còn lại, tùy tùng và quyến thuộc kiếp trước thì được sanh trong hoàng tộc Sākya hoặc phu nhân, thân quyến của họ. Tôi là người ưu việt nhất, do lời nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara nên được làm bảo mẫu của đấng Chiến Thắng. Người con trai tuấn tú được tôi chăm sóc và nuôi dưỡng ấy ra đi và trở thành đức Chánh Đẳng Giác, bậc Hướng Đạo vô song. Tôi và năm trăm công nương dòng Sākya đều đã xuất gia và đều đã chạm tay vào cánh cửa an lạc của Niết-bàn. Cả chồng và con của họ từ nhiều kiếp trước cũng đạt được phẩm vị A-la-hán tối thượng đều nhau cả thảy.

Sau câu chuyện kể của ni trưởng Gotamī, tất thảy thánh ni cũng sử dụng thần thông, bay lên không trung và tuần tự thể hiện một số năng lực; và cuối cùng lại phủ phục bên chân đức Đại Giác, xin phép được Niết-bàn giống như ni trưởng của họ.

Ni trưởng và hội chúng thánh ni sau đó trở về ni viện, bỏ ngoài tai mọi sự than khóc sầu muộn của những cận sự nữ, họ yên lặng tìm chỗ tịch diệt Niết-bàn. Lúc ấy, trái đất rung động. Tiếng trống trời vang lên và mưa hoa rơi xuống. Thọ

---

[1] "Cô gái hoa sen", xem Thig A.140 ff.; AA. i. 185 f.; Ap. Ii. 529-43.
[2] Tên của vua cha Suppabuddha, Mahāmayā và Mahāpajāpatī.

thần, chư thiên, long vương, a-tu-la và cả cõi phạm thiên đều rúng động, bồi hồi...

Đức Phật hay biết rõ việc ấy nên ngài nói với Ānanda và Nanda:

- Hãy thông báo rộng rãi đến hai hội chúng tăng ni, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành Vesāli và vùng phụ cận về sự Niết-bàn của mẹ và các công nương thánh ni[1].

Thế rồi, lễ hỏa táng thi hài của ni trưởng Gotamī và hội chúng thánh ni diễn ra vô cùng huy hoàng và trân trọng. Những viên xá-lợi đã được thu nhặt và những bảo tháp thờ cũng được dựng lên để ngàn sau chư thiên và nhân loại chiêm bái, cung kính, cúng dường.

[1] Nhiều chỗ ghi rõ là năm trăm tỳ-khưu-ni dòng dõi Sakyā.

Miếng Giẻ Chùi Chân

Từ Vesāli, đức Phật và đại chúng trở lại phương Bắc. theo con đường thương buôn, đi mãi. Lúc này, trời đã sang xuân mát mẻ nên đức Phật bộ hành rất chậm, ngài ghé nơi này ít hôm, nơi khác ít ngày nên hơn cả ba tháng sau mới về đến Kỳ Viên tịnh xá. Có lẽ đường xa thấm mệt, lại tuổi già, sức yếu, đức Phật giao công việc lại cho hai vi đại đệ tử để ngài tịnh dưỡng nửa tháng trong hương phòng.

Rồi mùa an cư thứ ba mươi bốn lại đến. Đức Phật họp các vị trưởng lão để chế định thêm một số giới điều trong tạng luật, nhất là phần "tăng tàn" và "trọng tội" vì có một số trường hợp điển hình phạm tội cụ thể cần phải được chấn chỉnh.

Hôm nọ, cuối mùa mưa, lại có một chuyện xẩy ra cho tôn giả Sāriputta. Số là sau khi an cư mùa mưa xong, tại Kỳ Viên, một số rất đông tỳ-khưu đến chào từ giã tôn giả Sāriputta để lên đường, đi nhiều phương khác nhau để hành đạo. Theo thông lệ, tôn giả hay ưu ái gọi các vị tỳ-khưu bằng tên của gia đình họ đặt, gọi tên theo giới hạnh hoặc pháp hạnh của vị ấy. Ví dụ:

- Này hiền giả Maṅgalo! Hiền giả an vui chứ?
- Này con của bà Dhanī, có khỏe không?

- Vị Đại Hoan Hỷ đây rồi!
- Đại đức tinh thông tạng Luật đây rồi!
- Thượng tọa Độc Cư Khổ Hạnh đây rồi!...

Thấy bậc Tướng quân Chánh pháp niềm nở, vui vẻ, thân tình với tất cả mọi người như vậy, ai cũng hoan hỷ, ai cũng cảm thấy mình được biết đến, vinh hạnh được tôn giả quan tâm. Và họ hãnh diện về điều đó. Có một vị tỳ-khưu trẻ, mà hoàn toàn tôn giả Sāriputta thấy lạ hoắc, không biết gọi tên sao, nên ngài đành phải bỏ qua.

Nhưng vị tỳ-khưu ấy không bỏ qua, cảm thấy buồn, cảm thấy bực tức, bất mãn, tự nghĩ: "Tôn giả ấy khinh thường ta, coi thường ta; ngài đã thiên vị, đã không đối xử thân thiện với ta như những vị khác".

Bất đồ, lúc ấy tôn giả Sāriputta đứng dậy, bước qua, chéo y của ngài phất đụng vị tỳ-khưu trẻ nọ. Lòng bất mãn càng tăng, vị tỳ-khưu trẻ qua đại giảng đường:

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Sāriputta khi không ngài lại đánh con! Chắc hẳn tôn giả ấy nghĩ rằng mình là một Đại Đệ Tử oai phong lẫm liệt nên muốn làm gì thì làm sao! Xin đức Thế Tôn hãy phân xử cho công minh. Tôn giả Sāriputta đã đánh con một bạt tai - đến nỗi tai con như bị bỏng, bị điếc! Sau khi làm vậy rồi, ngài chẳng tỏ vẻ gì là hối lỗi, thản nhiên bước đi không thèm đếm xỉa gì con cả! Xin đức Thế Tôn hãy phân xử, oan con lắm!

Tăng chúng được tôn giả Ānanda thông báo triệu tập đại giảng đường. Câu chuyện được lan truyền rất nhanh qua miệng của nhiều người. Lúc ấy tôn giả Mahā Moggallāna và tôn giả Ānanda biết rõ là đã có một sự cáo oan xảy ra cho huynh trưởng của mình. Nhưng không sao, cả hai tôn giả đều rất vui, đã tuyên bố trước hội chúng tỳ-khưu của mình rằng:

"- Này chư hiền! Hãy cố gắng tụ họp ở đại giảng đường cho đông đủ! Hãy đến đấy và nghe! Khi sư huynh của ta, tôn

giả Sāriputta mà đối diện với câu chuyện vừa rồi, với ông tỳ-khưu ngu si kia - chư hiền mới cảm nhận và lắng nghe được tiếng gầm của con sư tử con như thế nào!”.

Trước cả hàng ngàn tỳ-khưu có mặt, đức Thế Tôn mỉm nụ cười trong tâm, tự nghĩ: “Ừ, đây là phải thời để con trai trưởng của ta giáo giới đến chư tỳ-khưu, nhất là ông sư phàm tục nọ!”, ngài bèn hỏi:

- Này Sāriputta! Có phải như vậy chăng, ông đã thô bạo đánh vị tỳ-khưu này một bạt tai làm điếc cả lỗ tai rồi bỏ đi không thèm đếm xỉa đến?

Mọi người hồi hộp trước lời chất vấn của đức Đạo Sư. Tôn giả Sāriputta tâm ý linh thông, biết ý của đức Đạo Sư nên ngài chẳng chấp nhận cũng chẳng chối từ tội, cất giọng trầm hùng vang vang như chuông ngân:

- Bạch đức Thế Tôn! Khi một thiện gia nam tử xuất ly cần cầu an ổn mọi khổ ách, đã từ bỏ gia sản, vinh hoa phú quý thì đối với vị ấy chỉ có một mục đích duy nhất là giải thoát mọi phiền não, khổ đau trên trần thế. Khi một sa-môn tấn tu phạm hạnh, đã đặt chân đứng vững chắc trong đạo quả, người ấy hoàn toàn làm chủ được chính mình, hoàn toàn với tứ vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả.

Bạch đức Thế Tôn! Những người như vậy có thể nào làm đau đớn cho đồng đạo của mình rồi bỏ đi thản nhiên không một lời xin lỗi?

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà trong tâm không còn sân hận, ác độc, hiềm hại ai; vị ấy bao giờ cũng có được đức tính trầm lặng, khiêm nhu, nhẫn nại; tâm người ấy như mặt đất, mặc cho ai chà, ai đạp, ai bước tới, bước lui, quăng lên đấy tất cả mọi dơ uế bất tịnh; ai đại tiện, tiểu tiện lên đấy cũng được hết!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như nước, thì nước ấy mặc tình ai uống, ai tắm, ai rửa đồ dơ

dáy; nước ấy cũng không vui, không buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như lửa, thì lửa ấy mặc tình người ta thắp để cúng, để thờ; mặc tình người ta lấy để đốt tử thi, nấu ăn, đốt cỏ rác, đốt đồ dơ uế; lửa ấy cũng chẳng vui, chẳng buồn, vẫn bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi mà tự coi tâm mình như gió, thì gió ấy đâu phải vì qua tha ma, mộ địa mà chồn chân; gió ấy đâu phải vì qua chỗ phú quý, cao sang mà dừng lại? Dơ, sạch gió ấy không phân biệt; buồn, vui gió ấy có biết đâu. Muôn đời nó vẫn bình lặng và an nhiên như thế!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như miếng giẻ chùi chân, thì ai chùi chân cũng được cả; nó chẳng bao giờ phàn nàn sao lau vật này mà không lau vật kia! Miếng giẻ chùi chân là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy, ở chỗ dơ uế nhất, nào dám khinh khi ai, ác ý với ai, sân hận với ai? Không! Bao giờ nó vẫn như vậy, bình lặng và an nhiên!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự coi mình như một hạng người thấp kém nhất trong xã hội, như một gã chiên-đà-la cùng đinh, hạ liệt, thì ai muốn đánh, muốn chửi; cho chí họ có giết chết cũng vô tội, người đó luôn luôn ý thức giá trị thấp hèn của mình dầu có bị đối xử thế nào, vẫn không than van bao giờ!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như một con bò rụng sừng, thì nó rất sợ đụng chạm đến vật cứng, nó không bao giờ dám gây hấn với ai, báng húc ai. Sống, nó muốn thu rút cái sừng của mình lại, đó là cái thân của vị ấy, cái tâm của vị ấy!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví mình như con rắn mang cái xác nặng nề, trườn tới trườn lui không ra khỏi cái xác. Cũng vậy, người ấy đã tự thấy rõ cái thân này

gồm ba mươi hai thể trược bất tịnh, lại chứa sẵn bao nhiêu bệnh tật ở trong, lại còn ốm đau, già chết; vị ấy chỉ mong cầu tu tập để sớm quẳng bỏ cái xác nặng nề, hôi hám ấy, có đâu còn rảnh thì giờ để cho khi mạn, ác ý phát sanh lên đem đến phiền não cho người!

Bạch đức Thế Tôn! Một người, khi đã tự ví tâm mình như chén mỡ đặc thì chén ấy còn đựng được gì? Có thể nào chén mỡ đặc lại đựng thêm được tham, nộ, si, ganh ghét và thù oán?

Bạch đức Thế Tôn! Chín điều ấy là đệ tử, đệ tử chính là chín điều ấy. Tất cả mọi phẩm hạnh, mọi đức tính của một sa-môn mà đức Tôn Sư hằng giáo giới, dẫu đệ tử chưa thành tựu vẹn toàn nhưng đệ tử vẫn đang đi từng bước một, vững chắc và ổn định. Từ khi thấy đạo, thấy quả đến nay, đệ tử chưa hề hổ thẹn một điểm nào về giới luật để đến nỗi phải tự khiển trách chính mình.

Xin đức Thế Tôn, đại giảng đường và cả đại địa vô tình này minh chứng cho đệ tử sự thật ấy".

Khi tôn giả Sāriputta nói xong, địa cầu dày bốn mươi do tuần rung chuyển như chấn động. Đại giảng đường lặng ngắt như tờ. Có rất nhiều vị tỳ-khưu cảm động quá đến chảy nước mắt. Người mà khiêm tốn đến cùng tận như vậy thì thế gian không có người thứ hai.

Chợt nhiên, vị tỳ-khưu trẻ sợ hãi, bước tới, quỳ mọp xuống dưới chân đức Đạo Sư:

- Bạch đức Thế Tôn! Chính con là kẻ nói dối! Chính con đã tự dựng nên câu chuyện để nói xấu đến bậc Tướng quân Chánh pháp. Oai đức của tôn giả ấy lớn quá, con sợ hãi đến tê điếng, lạnh ngắt cả người. Đấy là lỗi lầm quá nghiêm trọng, không thể tha thứ của con.

Đức Phật nói:

- Này Sāriputta! Ông hãy bi mẫn tha lỗi cho ông tỳ-khưu ngu si này - nếu không, cái đầu của ông ta sẽ vỡ tan thành bảy mảnh.

Tôn giả Sāriputta trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Tự nhiên là đệ tử đã tha thứ cho vị tỳ-khưu này rồi.

Rồi với hai bàn tay chấp lại, ngài hướng đến vị tỳ-khưu trẻ, nói rằng:

- Ngoài ra, cũng xin hiền giả hoan hỷ xá lỗi cho tôi nếu tôi vô tình có làm điều gì đó mếch lòng hiền giả.

Tiếng rống của con sư tử và những hành động sau đó của tôn giả Sāriputta làm cho tăng chúng ai nấy cũng đều cảm phục, kính ngưỡng vô song.

Họ bàn luận với nhau:

- Này huynh đệ,! Hãy xem những đức tính siêu việt của bậc Tướng quân Chánh pháp. Đối với vị tỳ-khưu vu khống mình, đầy ác tri, ác ngữ như thế kia mà ngài không tỏ vẻ gì là nóng giận hay oán ghét ông ta.

- Vị đại trưởng lão của chúng ta thật là tuyệt vời! Vị tỳ-khưu kia có lỗi, thay vì phải quỳ xuống ôm chân bụi của ngài mà sám hối trước; ở đây, trưởng lão của chúng ta lại chấp tay, cung kính xin lỗi mặc dầu ngài không có lỗi.

- Huynh đệ có nghe rõ tiếng rống của tiểu sư vương không? Ôi! Quả đất kia không chịu đựng nổi giới đức của ngài nên phải rung động đến từng mảy vi trần cát bụi.

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

- Này các thầy tỳ-khưu! Dĩ nhiên con trai trưởng của Như Lai đã chấm dứt trọn vẹn lòng sân hận, bực tức, bất mãn; chấm dứt trọn vẹn mọi luyến ái trên cuộc đời này. Tâm hồn con trai trưởng của Như Lai ổn định như quả đất vĩ đại, vững chắc như những trụ cột của một tòa cổ thành và yên lặng như một hồ nước trong không gợn sóng. Với một con người như vậy, giới đức thanh tịnh như vậy, định tĩnh tựa

Tu-Di sơn như vậy thì ma vương không còn tìm thấy dấu vết và vòng luân hồi tử sanh chẳng còn mảy may hiệu lực gì đối với vị ấy.

Tên Thợ Săn Độc Ác

Sau câu chuyện bị vu oan vô cớ ấy, tôn giả Sāriputta và tôn giả Mahā Moggallāna được đức Phật cho gọi vào hương phòng, nói rằng:

- Các ông cùng với đệ tử nên về Trúc Lâm một chuyến. Ở đấy cần sự có mặt của hai ông một thời gian. Lý do như thế nào rồi hai ông sẽ tự biết.

Vâng mệnh đức Phật, hai vị đại đệ tử cất bước vân hành, mỗi vị với năm trăm đệ tử thân cận. Đoàn người chia nhau đi về hướng đông nam, lâu ngày chầy tháng, vào đầu mùa lúa chín, họ đến Trúc Lâm tịnh xá – đó là nơi, từ khi một số vị trưởng lão Niết-bàn hay hành hóa phương xa, không có mặt thì tôn giả Devadatta trở về đây và điều hành tất cả mọi sinh hoạt Phật sự cũng như tăng sự.

Chúng ta cần biết rằng, sau cái chết 'địa ngục' của đức vua Suppabudda, tôn giả Devadatta buồn phiền bỏ đi, tự trong thâm tâm, có cái gì đó ông không giải thích được; nhưng hễ đức Phật ở nơi này thì ông tránh sang phương khác. Đôi khi ông rút vào rừng vắng để tu tập, không giao tiếp với một ai. Trong thời gian đức Phật thường xuyên an cư mùa mưa ở Kỳ Viên và Đông Phương Lộc Mẫu cùng chư vị đại trưởng lão, khoảng từ hạ thứ ba mươi trở đi, thì

Devadatta hầu như thường xuyên về ở Trúc Lâm tịnh xá. Cũng do tăng tướng đạo mạo, nghiêm trang, có năng lực thiền định, nói năng lưu loát, thuyết pháp hay giỏi nên rất nhiều tăng ni kính trọng, ngưỡng mộ, hai hàng cận sự nam nữ đặt để nơi ông ta đức tin trong sạch.

Nói là vì đức Phật mà vua Suppabudda chết nên Devadatta hận ngài? Nói là vì đức Phật quá uy tín với tứ chúng, với các hàng vua chúa; còn ông ta thường bị mọi người coi thường nên phát tâm ganh tỵ? Dù là vì lý do gì, Devadatta cũng không xác định được, nhưng rõ ràng là ông ta đang dần dần hình thành nhóm tỳ-khưu đệ tử cùng hai hàng cận sự của riêng mình, đang tạo uy tín cho riêng mình. Chuyện này, thật ra hai vị đại đệ tử biết đã lâu. Mà có lẽ đức Phật biết rõ hơn nên đề cử hai ngài về Trúc Lâm tịnh xá?

Thấy cả hai vị đại đệ tử cùng có mặt với một ngàn vị tỳ-khưu, tôn giả Devadatta tỏ vẻ vui mừng ra mặt, tiếp đón rất chu đáo. Ông còn cho người thông báo đến các gia chủ, hai hàng cận sự nam nữ trong kinh thành để họ thiết lễ đặt bát cúng dường cũng như đến tịnh xá để nghe pháp.

Ngay buổi chiều đầu tiên, khuôn viên Trúc Lâm đã đông nghịt người. Đấy là điều dễ hiểu vì thanh danh của hai vị đại đệ tử thơm ngát từ xưa đến nay. Tuy nhiên, tôn giả Devadatta cứ tưởng là nhờ uy tín của mình. Và thật ra, Devadatta nghĩ thế cũng không sai, vì bao năm ở đây, tôn giả ấy đã sống và hành đạo rất nghiêm túc nên ông ta cũng có danh thơm tiếng tốt nhất định.

Thời pháp do tôn giả Sāriputta đảm trách. Vì nhìn thoáng vào hội chúng có khá đông người mới tìm đến Trúc Lâm sau này, nên tôn giả thuyết giảng có tính cách sơ cơ. Ngài không triển khai một đề tài riêng biệt, chỉ nhắm đến sự sách tấn, củng cố tín tâm và khuyên mọi người tích lũy thiện pháp cho mai hậu.

Để kết luận, tôn giả nói :

- Thế nên, mỗi người hãy lượm lặt những đóa hoa để xâu kết thành những tràng hoa. Một việc thiện nhỏ, một công đức nhỏ là một đóa hoa; mỗi ngày một ít, thời gian sau, các vị sẽ có rất nhiều việc thiện đã làm, rất nhiều công đức đã làm - sẽ kết dệt nên một tràng hoa thiện pháp vĩ đại - khả dĩ trang điểm phước báu cho các vị trong các cõi trời và người, thật là vô lượng sắc hương vậy.

Nhờ ngôn ngữ lưu loát, nhờ nhiều ví dụ sống động, nhờ đã nhuần nhuyễn, thuần thục trong pháp nên buổi giảng nói của tôn giả tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng mọi người. Cái tâm nào, cái tai nào của đại chúng cũng phát sanh cảm giác an hỷ.

Cuối buổi giảng, một cận sự nam đã lớn tuổi, đứng dậy xin hỏi:

- Bạch trưởng lão! Ví dụ như tôi muốn làm một thiện sự, muốn tạo một đóa hoa phước báu, tôi thỉnh hai vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Ông bạn hàng xóm của tôi, nhờ sự nhắc nhở, khuyên bảo chân tình của tôi, ông bắt chước làm theo tôi, nhưng ông ta lại đặt bát cúng dường đến ba vị tỳ-khưu. Cả hai trường hợp như thế, hai thiện sự như thế thì phước báu của ai lớn hơn, đóa hoa nào nhiều sắc hương hơn?

Tôn giả Sāriputta mỉm cười:

- Thật là một câu hỏi khó trả lời tức khắc như một cộng một thành hai. Quả của phước báu còn tùy thuộc nhiều yếu tố, nhiều điều kiện. Ví như khi cúng dường, tâm của vị ấy ra sao? Ví như vật cúng dường là chánh mạng hay không chánh mạng? Ví dụ, đối tượng thọ thí là đức Phật, chư thánh tăng hay chỉ là một phàm tăng? Và giả thiết như cả ba điều kiện kia giống nhau – thì phước báu của người tự khởi tâm cúng dường bao giờ cũng trổ quả vi diệu hơn người nhờ khuyến khích, nhờ nhắc bảo mới làm thiện sự, này ông thiện nam!

- Hay thay, bạch trưởng lão! Chúng tôi hiểu rồi!

- Còn nữa! Tôn giả nói tiếp - Người tự khởi tâm làm rồi làm một mình, người tự khởi tâm làm rồi kêu gọi thêm nhiều người khác cùng làm với mình nữa thì quả phước sau này còn có lắm dị biệt đấy!

- Xin cho được nghe?

- Vâng! Vậy hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng rất kỹ, rất cặn kẽ tất cả mọi nhân quả cùng những chi tiết liên hệ.

Rồi tôn giả thuyết với đại ý như sau :

- Người suốt đời không hề làm phước, không giúp kẻ cơ hàn một manh áo, một vá cơm, không bao giơ biết cúng dường đến sa-môn, đạo sĩ dù một cây kim, sợi chỉ; nếu có thiện nhân sinh được làm người thường sống trong cảnh tăm tối, đói nghèo. Người ấy dù làm việc với bàn tay chai sạn, làm việc lam lũ thâu đêm mãn ngày thì cái ăn cái mặc vẫn chật vật, túng thiếu như thường. Tại sao vậy? Tại vì họ không có phước để dành từ kiếp trước, mọi kho lẫm đều cạn kiệt, trống trơn, không có phước xung quanh giúp đỡ, không có phước để tạo duyên may mắn, không có phước để có quý nhân phò trợ, không có phước để có hoàn cảnh làm ăn thuận lợi; và vì không có phước nên những hạt mầm nào khổ công gieo ươm cũng bị sâu kiến đục khoét, giả dụ cái cây có lớn lên cũng bị khô hạn, thiêu phân, thiếu nước... sẽ cằn cỗi và chết dần, chết mòn. Đấy là trường hợp thứ nhất, lý do thứ nhất mà mọi người hãy nên tích luỹ phước – này đại chúng!

Tiếp đến, khi ta thấy rõ nhân quả rồi, ta biết làm phước rồi, nhưng ta chỉ làm một mình; lặng lẽ, âm thầm cúng dường vật này, vật khác đến một vị tỳ-khưu, hai vị tỳ-khưu... Có nhân tất có quả. Phước báu trời người sang cả sẽ trổ sanh cho vị ấy, nhưng lại là cái quả riêng lẻ, đơn độc. Người ấy có thể ở một mình trong những toà lâu đài cao sang, lộng lẫy nhưng lại không có bà con, quyến thuộc, không có bạn bè, đồ chúng. Người ấy sẽ sống đời cô đơn, cô độc với phước báu của mình. Đây là trường hợp thứ hai,

nhân lẻ loi, cô độc thì quả sẽ lẻ loi, cô độc, chư vị hãy biết rõ như vậy!

Còn nữa, khi ta đã thấy rõ nhân quả trong trường hợp vừa rồi, khi làm phước cúng dường, ta rủ thêm vợ con, quyến thuộc, bạn bè cùng làm thì sau này, khi sinh vào cõi trời, cõi người nào, ngoài sự thọ hưởng sang cả, phú quý, ta cũng sẽ còn có rất đông con cháu, gia nhân, tôi tớ, bạn bè, thân bằng, quyến thuộc cùng cả một hội chúng tùy tùng, đông đảo nữa. Hãy thấy rõ như vậy để kết dệt cho mình, cùng với mọi người những tràng hoa tươi thắm sắc hương nhất, này các hàng học chúng!

Thời pháp với nhân quả quá rõ ràng làm cho ai cũng sáng mắt, sáng lòng. Người cận sự nam lớn tuổi chợt quỳ sụp xuống :

- Bạch trưởng lão! Ôi! Hy hữu làm sao mà cũng tường minh xiết bao! Thời pháp vừa rồi quả thật là huyền diệu, nó làm cho chúng tôi thấy rõ những bóng mát để nương nhờ. Nó đầy đủ cả hai nơi, mình và người, mình cùng quyến thuộc và đồ chúng. Vậy thì ngày mai, chúng tôi xin cung thỉnh nhị vị trưởng lão và một ngàn tỳ-khưu đệ tử; chúng tôi thỉnh luôn trưởng lão Devadatta cùng hai trăm tỳ-khưu trong tịnh xá - để chúng tôi, toàn thể hội chúng được đặt bát cúng dường vật thực cùng vải vóc, đồ dùng liên hệ - tại tư gia, ngay ngày mai!

Tôn giả Sāriputta im lặng nhận lời.

Rời giảng đường, người thiện nam lớn tuổi tức khắc đi từng nhà, từng nhà kêu gọi hùn phước. Ông đã cùng với gia nhân, với mấy chiếc xe bò kéo, chịu khó đi khắp mọi nơi thu nhận tiền bạc, dầu, mè, gạo, bơ, đường, mật, rau đậu, củ quả, đủ loại thượng vị cứng và mềm. Ông thiện nam mang niềm vui ăm ắp trong lòng khi đi kêu gọi hùn phước như thế. Tín nữ này thì nói: Cho tôi cúng dường hai vị tỳ-khưu. Thiện nam kia thì nói: Cho tôi cúng dường ba vị. Gia chủ kia thì

nói: Cho tôi cúng dường mười vị. Vị phú hộ kia thì nói: Cho tôi cúng dường hai mươi vị sa-môn.

Đến gia đình một vị trưởng giả có tiếng trong kinh thành, ông ta mang ra một xấp vải vàng, cất trong rương với hai lớp khóa, rồi nói:

- Đây là xấp vải vàng quý nhất của gia đình tôi, xuất xứ của nó không phải là ở xứ Kāsi nổi danh đâu, mà nó ở tận quốc độ Gandhāra, trong một gia đình quý tộc. Nay tôi hoan hỷ dâng cúng. Nghe nói có đến hơn một ngàn vị tỳ-khưu; vậy nếu vật thực một trăm người hùn góp không đủ thì hãy bán xấp vải này cho hoàng gia, sẽ có dư tiền để sửa soạn vật thực đầy đủ đó!

Ông thiện nam đưa hai tay trân trọng nhận vật quý. Rồi sau đó, đầy những chiếc xe này rồi đầy những chiếc xe khác, ông chở hết về nhà. Chưa thôi, ông thiện nam còn kêu gọi cận sự hai hàng, tối hôm ấy đến sáng hôm sau, cùng với ông và gia nhân, chăm lo kho nấu các món, chuẩn bị ghế ngồi, hoa, tràng hoa, những tấm thảm chùi chân, những ghè nước, khăn lau các loại trong trang viên rộng lớn của ông.

Sáng ngày hôm sau, dẫn đầu chư tăng trên một ngàn hai trăm vị là tôn giả Sāriputta, tôn giả Mahā Moggallāna, tôn giả Devadatta, đoàn sa-môn như một con rồng vàng vĩ đại, uốn lượn trên các con đường làm cho kinh thành chợt như tươi vui và bừng sáng lên.

Cuộc đặt bát tập thể diễn ra chu đáo, tươm tất. Sau khi chư tăng ra về hết rồi, phần vật thực còn thừa, ba trăm thí chủ hùn phước hôm đó độ thực xong cũng không hết. Đúc kết lại, người thiện nam thấy còn xấp vải quý của vị trưởng giả chưa dùng đến, bây giờ giải quyết ra sao, ông muốn xin ý kiến của mọi người.

Một người nói :

- Dâng xấp vải quý này cho một trong hai vị đại đệ tử là xứng đáng nhất.

Một người khác :

- Hai vị đại để tử, đồng ý! Nhưng thời pháp vừa rồi, phước báu đặt bát tập thể ngày hôm nay, là do từ tôn giả Sāriputta; hãy dâng cúng đến ngài là hợp lý nhất!

- Làm vậy là hợp lý, không cãi được! Người khác nữa góp ý – Nhưng còn tình thì sao? Hai vị đại đệ tử công đức cao vời, khó ai có thể so sánh được, nhưng mà hai ngài đến rồi đi, chỉ có tôn giả Devadatta là ở lại. Suốt mấy năm nay, khi không có mặt đức Thế Tôn và chư đại trưởng lão, người mà chúng ta nương nhờ là ai? Vậy, phải dâng xấp vải quý này đến tôn giả Devadatta mới hợp tình!

Thế là bên tình, bên lý, hai hàng cận sự bàn bạc, tính toán, lựa chọn mãi vẫn không thông.

Một thiện nam có lẽ đi tịnh xá nghe pháp đã nhiều năm, mỉm cười, chậm rãi lên tiếng :

- Có điều chư vị chưa biết nên cứ hoài bên tình, bên lý không phân. Còn tôi thì rõ lắm. Hai vị thượng thủ giáo hội, khi được đức Tôn Sư lựa chọn làm hai vị đại đệ tử thì hai ngài đã là bậc thánh lậu tận. Tính đến nay đã trên dưới ba mươi năm rồi làm cánh tay mặt, cánh tay trái của đức Đạo Sư. Đối với hai vị ấy thì họ xem y cũ, y mới giống nhau, y quý, y xấu không hai, không khác. Có lần, nghe nói, tôn giả Ānanda cất dành để dâng cúng tôn giả Sāriputta một tấm y mới, y quý thì ngài đáp: Thôi mà pháp đệ! Ta đã có đủ y, hãy dâng cúng cho vị khác phải lẽ hơn! Vậy thì xấp y quý này, dâng cho tôn giả Sāriputta, chưa chắc ngài đã thọ nhận. Còn nữa, tôi nghe chư vị trưởng lão nói chuyện với nhau, là tôn giả Devadatta thân mến của chúng ta chỉ đắc định, đắc thiền chứ chưa đắc quả; nếu y quý này mà dâng cúng cho ngài chắc ngài thích thú lắm đây!

Cả hội chúng bị thuyết phục bởi lý lẽ này nên họ đồng lòng dâng cúng cho tôn giả Devadatta. Và đúng như phỏng đoán của vị thiện nam lớn tuổi, tôn giả Devadatta thích thú

ra mặt, săm soi, mê mải nhìn ngắm từng đường vân, từng mũi chỉ tế vi như chỉ vàng, kết dệt nên tấm vải vàng óng. Cũng chẳng cần giấu giếm sự thỏa thích của mình, tôn giả Devadatta liền tự tay cắt may, phân ra thành y nội, y ngoại, y lót mồ hôi rất thiện xảo. Mấy ngày hôm sau, tôn giả Devadatta mặc ngay tấm y mới, đi tới đi lui trong phòng, ngắm trước, ngắm sau ra chiều thích khoái. Chưa đủ, tôn giả lại đi kinh hành, đi dạo bộ quanh cốc liêu như âm thần khoe với chư tăng Trúc Lâm vậy.

- Coi kìa! Coi kìa! Một vị tỳ-khưu cao hạ từng sống lâu năm tại đây, thốt lên! Đúng ông ta là tâm phàm phu mà!

Một vị khác :

- Trông mới tội nghiệp làm sao! Rõ là ông ta chưa xứng với tấm y vàng quý ấy!

Một vị khác nữa :

- Tiếc là chư vị thánh lậu tận không thèm nhận, chứ mà tôn giả Sāriputta mà mặc vào thì xứng đáng tăng tướng xiết bao?

Có một vị tỳ-khưu còn trẻ, khó chịu vì cái cách khoe y hời hợt, thô tháo của Devadatta, thấy ngứa mắt, chướng mắt không chịu được, ông liền bộ hành không biết mệt mỏi, chẳng quản mưa hay nắng, ngày hay đêm, từ Trúc Lâm vượt mấy trăm do tuần đường xa diệu vợi, bất kể cát bụi và mồ hôi, về Kỳ Viên, đảnh lễ đức Phật, sau thời pháp của ngài, ông thưa trình mọi chuyện, rồi kết luận :

- Trúc Lâm tịnh xá, khi không có mặt đức Thế Tôn và chư đại trưởng lão thì tôn giả Devadatta lại làm mưa, làm gió cả một vùng trời. Tôn giả ấy đóng vai đạo sư, đóng vai trưởng lão thanh tịnh, đóng vai có tâm bi mẫn với hai hàng cận sự, đóng vai giới luật nghiêm minh, đóng vai đắc định, đắc thiền, đắc các thắng trí cùng đạo, cùng quả! Đóng trò thì khéo, thì giỏi, thì hay thế đấy; nhưng bây giờ, khi có bộ y

quý giá thì tôn giả ấy đã lộ tẩy thật rồi, lộ mặt thật trá nguỵ ra rồi, bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật mỉm cười :

- Devadatta bị lộ tẩy và ông thấy thật rồi à?

- Nhiều người thấy lắm, không chỉ mình đệ tử đâu, bạch đức Thế Tôn!

- Ông Devadatta hiện nay, quả thật không xứng đáng mặc chiếc y vàng quý báu ấy, đó là sự thật. Nhưng trong một kiếp quá khứ, ông ta còn tệ hơn, là trộm tướng y vàng để giở trò lường gạt, gian xảo với kế mưu ác độc nữa kìa...

Thấy giảng đường còn khá đông người, và dường như ai cũng muốn nghe câu chuyện quá khứ của Devadatta, nên đức Phật đã kể lại như sau:

- Trong thời không có đức Chánh Đẳng Giác ra đời, trong một ngôi rừng gần thành Bārāṇasī có rất nhiều vị Độc Giác Phật ngụ cư. Và ở đây cũng có một đàn voi lớn quần tụ, sinh sống hiền hòa, chúng không sợ chư vị Độc Giác, mà quý ngài cũng không sợ đàn voi! Nói rõ là không ai xâm phạm ai! Cả người và vật sống an bình như thế trải qua một thời gian khá dài.

Ở ngoại biên thành phố có một tay thợ săn, hôm kia vào rừng để săn nai, thỏ... như lệ thường, tình cờ trông thấy đàn voi, hắn nghĩ: Bắn nai, bắn thỏ, xưa nay không đủ nuôi mạng sống, vậy ta có thể chuyển nghề săn voi vậy. Xem nào, một con voi, đắt giá nhất là cặp ngà, kế đến là móng, là thịt, ồ, là cả một đống thịt, tha hồ mà kiếm tiền! Thế là tên thợ săn về nhà sắm cung tốt, mũi tên sắt cứng có tẩm độc cùng một ngọn lao dài cực bén. Hắn nghĩ, chỉ cần một ngọn lao của ta, phóng thẳng vào chỗ cực hiểm, con voi sẽ chết ngay. Nhưng để phòng hờ, ta sẽ nhắm con cuối đàn, bắn một mũi tên độc trước cho chắc ăn!

Với cách làm như vậy, quả thật, qua nhiều ngày đêm theo dõi, rình rập rất là vất vả, tên thợ săn dùng lao giết

được một chú voi ốm bệnh đi sau cùng mà đàn voi đi phía trước không hề hay biết. Với ngà và thịt bán được, giá trị hơn cả mười con nai, tên thợ săn mừng húm! Lần thứ hai, khó khăn vất vả hơn vì đàn voi đi gần nhau quá, sợ con phía trước phát giác thì tiêu đời, hắn bèn sử dụng mũi tên tẩm độc khi con voi sau cùng khuất phía trước một lùm cây rậm. Đợi đàn voi đi xa, tên thợ săn đến chỗ xác voi, thấy mũi tên độc găm sâu vào vùng ngực, chất độc đang lan thấm thâm đen sang vùng thịt khác. Hắn nghĩ, thịt này có tẩm độc, không bán được cho ai rồi, chỉ còn cái cặp ngà cỏn con mà thôi, cũng được mớ tiền!

Lần đi rình voi khác, tên thợ săn cảm thấy dường như đàn voi có linh tính nên hắn rất khó gần. Hôm kia, cũng do tình cờ, tên thợ săn trông thấy một hình ảnh lạ lùng. Cả đàn voi, khi đi ngang qua một vị đạo sĩ quàng chiếc y vàng màu hoại sắc, chúng đều quỳ gộp bốn chân xuống, cái đầu cúi lạy mấy lần, sau đó chúng mới từ từ, đủng đỉnh bước đi! Chịu khó theo dõi, quan sát thêm mấy lần nữa, tên thợ săn kết luận: Đúng rồi, đàn voi quý trọng vị ẩn sĩ có quàng chiếc y màu vàng! Rồi hắn tự nghĩ, tự cười thầm: Vậy sao ta không ăn cắp tấm y vàng kia, giả bộ ngồi yên lặng 'một cục' như thế nọ, khi đàn voi đến quỳ lạy, đợi chúng đi hết, ta sẽ phóng lao làm thịt con cuối đàn?

Kế độc cũng lắm công phu. Hôm nọ, tên thợ săn rình trộm, thấy một vị Độc Giác Phật, xả y trên bờ đá để xuống khe tắm, hắn nhanh tay nhanh chân cuỗm mất tấm y. Rồi tên thợ săn tập mặc, tập bước tới bước lui ngắm nghía, tập ngồi yên lặng 'một cục' như chư vị Độc Giác Phật. Sau đó, tên thợ săn quàng y vào người, lựa tìm một chỗ thuận tiện nhất nơi hốc núi, cạnh con đường mòn, vừa lòng, tự nghĩ: Chỗ này, khi con voi áp cuối vừa khuất sau sườn đá, nó sẽ không thấy con cuối đàn, khi ấy ta sẽ ra tay. Rồi y ngồi xuống như cách ngồi của các vị Độc Giác Phật, ngọn giáo nằm kề tay,

được thu giấu kín đáo bên sau. Đàn voi đâu có biết gì, như lệ thường, khi đi ngang qua vị quàng tấm y vàng, lần lượt từng con cúi đầu, đảnh lễ rồi bước đi. Khi con voi cuối cùng đang quỳ xuống, cúi lạy, thấy con voi áp cuối khuất rồi, mũi giáo của y nhanh như chớp giật, phóng thẳng vào vùng tim của voi. Voi chết, máu chảy xối xả, lênh láng, không rên lên được một tiếng nào. Và rồi, với kế ấy, hắn giết voi từ con này sang con khác, đời sống của y nhờ bán ngà và thịt, càng ngày cang sung túc, giàu có...

Đức Phật kể ngang đây rồi yên lặng một lát.

Nhiều tiếng thốt lên :

- Quả thật là độc ác !

- Chẳng lẽ tiền thân Devadatta lại tệ mạt đến thế sao ?

Đức Phật kể tiếp :

- Trong thời gian ấy, tiền thân Như Lai là một thanh niên bạch tượng to lớn, có sáu ngà, vừa được cả đàn voi đề cử làm chúa đàn, do voi chúa đã già yếu, đã đi tìm chỗ tĩnh cư. Khi thấy đàn voi càng ngày càng thưa thớt, bạch tượng đâm ra nghi ngờ có gì bất trắc nên quan tâm theo dõi. Voi chúa quan sát từ bước đi đầu tiên, trên đường đi, đến khu rừng nhiều thức ăn cho đến lúc về - thì chẳng đâu có nguy hiểm, chỉ có một chỗ khả nghi là ở nơi góc khuất có vị ẩn sĩ ngồi thiền, ở nơi y có cái gì không ổn định, không được trầm tĩnh cho lắm. Có cái mùi gì đó như máu, dẫu có phi tang tài giỏi vẫn còn hơi hướm trong từng thớ đất, cọng cỏ! Chính voi của ta bị giết thịt tại chỗ này! Như đã quyết định rồi, ngày hôm ấy, voi chúa đi sau cùng để giám sát, để thử lại cái dự đoán của mình.

Và quả đúng như thế, khi tượng chúa vừa cúi đầu xuống thì kẻ kia vén y sau, chụp nhanh cây lao định phóng vào chỗ nhược... Do đã đề phòng từ trước, nên voi chúa thụt lui, dễ dàng tránh cây lao rồi lấy vòi quật mạnh vào tên thợ săn nhưng hắn ta cũng đã nhanh chân núp trốn sau gốc cây. Voi

chúa tự nghĩ: Ta có thể quấn luôn cả hắn và gốc cây rồi quật cho tan nát hết. Nhưng mà kìa, hắn ta đang quấn tấm y vàng của chư Chánh Đẳng Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thanh Văn Giác! Vậy lẽ nào, vì giết tên ác độc kia mà ta lại xâm phạm đến chiếc y thiêng liêng, là ngọn cờ chiến thắng của các bậc vô nhiễm?

Nghĩ thế xong, voi chúa nhè nhẹ hạ vòi xuống rồi nói tiếng người :

- Tại sao ngươi lại đang tâm giả mạo tấm y để tàn sát dần dần đàn voi của ta ?

Thấy con bạch tượng sáu ngà kiêu hùng sừng sững như quả núi đang trong tư thế sẵn sàng quật chết mình, không thể chạy trốn đi đâu được nên y cúi đầu, im lặng, không dám nói gì.

Voi chúa nói tiếp :

- Tội ác của người quá nặng, trời không dung, đất không tha. Tấm y vàng ấy chỉ xứng đáng với bậc vô nhiễm, còn với tâm địa dơ uế, ác độc, giả dối như ngươi mà dám quàng chiếc y ấy sao ?

Rống lên một tiếng vang động cả khu rừng, voi chúa lấy vòi quấn gốc cây, quật cho tan nát cành nhánh rồi nói với tên thợ săn :

- Vì tấm y vàng kia ta không dám xâm phạm, nên ta sẽ không giết người. Ta tha cho ngươi mạng sống. Nếu ngươi còn giả dối, ác độc nữa – thì hãy xem gốc cây kia mà làm gương.

Nói xong, voi chúa bỏ đi như ghê tởm, như muốn tránh xa kẻ mang tâm thú vật. Tên thợ săn đứng run cầm cập, da mặt tái xanh vì sợ hãi...

Rồi đức Phật kết luận :

- Tên thợ săn kiếp trước chính là Devadatta, và voi chúa đầu đàn chính là tiền thân của Như Lai vậy. Vì tội ác quá nặng, tên thợ săn đọa địa ngục. Còn Như Lai do tôn quý tấm

y vàng của bậc ẩn sĩ nên Như Lai mải miết thực hành ba-la-mật để trọn vẹn với con đường của chư Chánh Đẳng Giác tự ngàn xưa...

Vị Tỳ Khưu Ni Sinh Con

Trong thời gian ở Trúc Lâm, hai vị tôn giả có dịp bộ hành ghé thăm tịnh xá này sang tịnh xá khác, cả tăng và ni thì thấy rõ thế lực của Devadatta đã được rải khắp các nơi. Ông ta đã có một tăng chúng riêng và ni chúng riêng, và trong thâm tâm, họ coi Devadatta như vị đạo sư thứ hai sau đức Phật. Cả hai ngài có viếng thăm đức vua Bimbisāra và thấy rõ ông ta đang có một nỗi buồn về chuyện gia đình. Số là bà Videhi thì nuông chiều con mặc dù thái tử đã lớn tuổi. Tâm ý của thái tử lại nôn nóng muốn nối ngôi trong khi đức vua Bimbisāra thấy con chưa đủ tư cách. Một vài ba lần, đức vua thấy hành tung hơi mờ ám giữa thái tử Ajātasattu và Devadatta. Họ đang có một liên kết gì đó do thái tử Ajātasattu thường cung cấp vật thực rất đầy đủ cho tăng ni do Devadatta quản nhiệm!

Devadatta thấy mình có sự hậu thuẫn vững chắc từ thái tử Ajātasattu nên càng lúc, ý đồ "muốn thay thế đức Phật" càng lộ rõ. Và chuyện xẩy ra sau đây, do hai vị đại đệ tử được một vị tỳ-khưu kể lại, thì thấy ý đồ của Devadatta càng lộ rõ:

"- Có một nàng con gái của một triệu phú ở thành Vương Xá; do túc duyên nhiều đời kiếp, tâm nàng chứa đầy

thiện căn, nên từ khi lớn lên nàng không thích thú đời sống gia đình. Ý hướng xuất gia trong nàng như một ngọn đèn trong chiếc ghè không bao giờ tắt.

Nàng thưa với cha:

- Đời sống gia đình đầy những phiền não, vui ít, khổ nhiều. Hãy cho con được xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn.

Cha mẹ nàng ân cần khuyên răn, bảo rằng:

- Này con gái thân yêu! Đừng có mang ý nghĩ ngược đời. Con là con gái độc nhất trong gia đình. Là người thừa kế tài sản mai hậu, là nơi nương tựa cho cha mẹ lúc tuổi già sức yếu, là niềm vui cho cha mẹ lúc cô đơn, quạnh vắng. Con xuất gia thì ngôi nhà này sẽ như thế nào?

Biết là khó lay chuyển được những lý do mà cha mẹ nàng đưa ra. Tuy thế, nàng nghĩ: 'Tài sản dẫu là cái đem lại hạnh phúc cho trần gian nhưng lấy gì làm chắc thật? Con gái lớn thì gả chồng, vậy cha mẹ ta biết nương tựa vào đâu? Mỗi chúng sanh lăn lóc trong ba cõi sáu đường đều cô đơn với nhân, quả và nghiệp của mình, biết ai đem lại niềm vui cho ai? Trong vòng tử sinh thật là mù mịt vậy thay?'

Thời gian sau, một gia đình tương xứng đến hỏi nàng làm vợ cho con trai trưởng của họ. Nàng nghe tin với tâm tư bình thản. Một con bướm đã đến viếng đóa hoa. Cái thuận theo dòng đời đã được hiện thực. Một lần nữa, nàng lại muốn bơi ngược, nên thưa với cha mẹ:

- Con xuất gia thì cha mẹ cũng không có chỗ tựa nương. Mà con có xuất giá thì cha mẹ cũng không có chỗ nương tựa. Cả hai đều làm cho gia đình quạnh vắng. Và cha mẹ vẫn cô đơn trong tuổi già. Vậy thì xuất gia hay xuất giá của con, cha mẹ đều khổ như nhau. Nhưng riêng phần con, xuất giá không cho con niềm vui, chính xuất gia mới cho con niềm an lạc. Vậy xin cha mẹ hãy cho con cạo đầu làm ni, đi theo Ni đoàn thánh hạnh sống đời thoát khổ.

- Không được đâu, con ơi! Cha mẹ nàng thiết tha nói – xuất gia là con rời khỏi gia đình, là con đi thẳng. Xuất giá là con đi lấy chồng, có lúc còn trở lại. Sau này, con tay bế tay bồng, không là niềm vui của ông bà ngoại sao? Còn con đi theo các người ta-bà khổ hạnh, phải nằm cây, ngủ rừng. Ăn thì không đầy dạ với cơm siu, với cháo chua. Mặc thì vải dơ, vải lượm rách rưới tồi tàn. Ngủ thì chẳng giường chẳng nệm, chiếu đất màn trời. Cha mẹ dẫu thế nào cũng là phú hộ có tiếng trong kinh thành, há không mủi lòng khi thấy đứa con núm ruột của mình sống đời sống khổ cực vậy ư? Không mất mặt ư? Không muối xát ư?

Vậy là nhân duyên chưa đủ! Nàng nghĩ, khi mà nhân duyên kia chưa đủ thì đừng biến ước nguyện an lạc, thành nỗi thống khổ không rời. Hãy an tịnh và tri túc với hoàn cảnh. Có nhân chưa chắc đã thành quả, mà phải đợi duyên. Khi đủ duyên, thuận duyên, chỉ cần lay thoảng một cơn gió nhẹ, trái cây kia sẽ rụng xuống trên tay.

Thế là nàng lại an phận thủ thường với cuộc sống trước mặt. Thấy cái hoa nở cũng nghe tươi vui. Thấy chiếc lá rụng cũng bâng khuâng mơ hồ. Biết mình sắp làm vợ người, không vì vậy mà nàng trau chuốt điểm trang thêm. Nàng đã quen với cái dung dị từ thuở nhỏ. Như đóa sen trong hồ nước giữa rừng già, âm thầm lặng lẽ mà tỏa hương. Sắc đẹp và nết hạnh của nàng không được như lài, như bưởi mà nó dịu nhẹ, thanh mềm, kín đáo như sói, như lan.

Vợ chồng ông phú hộ ngạc nhiên về hình thức không thay đổi của con, bèn khuyên:

- Con ơi! Hoa một lần nở, con gái một lần đi lấy chồng. Sao con không điểm trang thêm để tôn vinh cái vẻ mặn mà cho xứng hợp với cái thời xuân sắc?

- Thưa cha mẹ! Nàng đáp – do nghiệp quá khứ mà con có được cái danh tâm và sắc tướng hôm nay. Vậy cái hiện tại là cái thật của con. Con trau chuốt điểm trang thêm thì

khác nào lấy cái giả mà phủ lên cái thật? Sợ rằng con sẽ mang tội dối người!

Vợ chồng ông phú hộ lắc đầu mà than:

- Ôi! Đẻ con, vợ chồng ta không đẻ ngược mà sao nó chỉ nói những cái ngược đời? Dẫu ngược đời mà sao cái lý cũng lọt tai?

Rồi nàng về nhà chồng. Chồng nàng là một thanh niên khả ái, có học nên tình thương yêu mà chàng dành cho nàng vượt qua đôi mắt thế tình. Không những yêu thương mà còn kỉnh trọng. Nàng không có gì xuất sắc hơn người về sắc đẹp, nhưng ngược lại là cái dịu dàng, nết na; đối xử phải lẽ và chu toàn các bổn phận không có gì để phàn nàn. Điểm nổi bật là nàng có một đời sống nội tâm lặng lẽ, thâm sâu và ổn định. Do vậy, những cái nhìn và những cái nhận thức từ đó bao giờ cũng có sức thuyết phục, tỏa sáng và có trọng lượng. Chồng nàng thường ngạc nhiên về những cái mới lạ, sắc bén và tế vi nơi những câu nói bình thường của nàng. Nó không bác học, kinh điển hoặc từ chương mà vẫn biểu hiện sự khôn ngoan của trí tuệ và tràn đầy đạo lý nhân sinh.

Có gì đáng ngạc nhiên đâu: Nàng đã tu hành từ nhiều đời kiếp rồi!

Đó là lúc mà thành phố vào ngày hội lớn. Nhà nhà rộn rịp tưng bừng. Phố chợ, công viên, lâu đài, đường sá đều được trang hoàng cực kỳ lộng lẫy. Cả hai vợ chồng trẻ cũng sửa soạn để chung vui với mọi người. Khi bước ra thềm nhà, người chồng ngạc nhiên thấy xiêm áo vợ mình không khác ngày bình thường bao nhiêu. Chỉ tươm tất một tí thôi. Đáng lẽ vào ngày hội lớn này, có gì phải mang ra chưng diện hết. Đáng lẽ nàng phải phấn sáp cho diêm dúa vào, phải đeo đồ trang sức cho mỹ lệ hơn. Và xiêm áo phải đính trân châu mã não; mái tóc kia phải tỏa mùi hương chiên đàn! Vậy mới phải lẽ. Vậy mới xứng đáng là "tiểu phú hộ phu nhơn".

Chàng nói:

- Này em! Vẻ đẹp tâm hồn là quí. Sự giản dị của nết na, đức hạnh là quí. Nhưng hôm nay là ngày hội lớn, trước hàng vạn đôi mắt của thành phố, em cũng nên phá lệ trang điểm một lần cho ta vui lòng.

Nàng mỉm cười đáp:

- Nếu vì để vui lòng chàng thì thiếp sẽ trang điểm ngay. "Phu xướng phụ tùy" vừa hợp với lòng người vừa hợp với bổn phận. Sao thiếp lại dám từ chối được!

Người chồng trẻ sung sướng. Nhưng chàng thấy nàng vẫn đứng yên, đôi mắt nhìn ra xa: Ở đó có những cánh chim bay trong nắng sớm, tung lượn dưới khoảng trời cao rộng.

Chàng vẫn một mực chờ đợi.

Lát sau, nàng nói lẩm bẩm:

- Những con chim... những con chim...

Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Em nói gì?

Chàng nghe nàng thở dài rồi nói:

- Chàng có thấy những cánh chim kia không? Những cánh chim trong nắng sớm và khoảng trời cao rộng...

Rồi lại nói tiếp:

- Chàng ơi! Thiếp có lỗi với chàng.

- Ta không tin thế. Không có chuyện đó bao giờ.

- Phải! Nàng cúi đầu – thiếp không hề giấu chàng điều gì. Nhưng có một sự thật thâm sâu tự đáy lòng thiếp chưa nói ra đấy thôi. Chưa nói ra, vậy là có lỗi. Từ khi về làm vợ chàng, sự thật kia đành phải chôn giấu vào một góc riêng biệt của tâm hồn. Dẫu chỉ là một góc nhỏ thôi, nhưng nó là cả một khoảng trời cao rộng, ở đó có những cánh chim tung bay trong nắng sớm...

Biết nàng thỉnh thoảng hay gợi ý cao xa trước khi đi vào một vấn đề quan trọng nên chàng lại dẫn nàng vào nhà.

- Em cứ nói! Chàng dịu dàng mở lời – ta mong rằng khung trời kia sẽ được mở rộng... Chàng chợt cười cho cái tế

nhị và văn hoa mà chàng đã học được từ nàng – và ta là một cánh chim cô đơn được bay về họp mặt trong khung trời riêng biệt của lòng em.

Nàng lắc đầu rồi tiếp tục dòng tư tưởng của mình, nói như phân trần:

- Từ lâu rồi, từ khi về làm vợ chàng, khung trời đó bị bít kín bằng đời sống bổn phận, bằng hiếu tình là dâu thảo, là vợ hiền. Nhưng nó cũng luôn luôn bập bùng cháy tỏ ngọn đèn ước mơ. Ước mơ đó là gì, không nói ra với chàng hôm nay, thiếp e rằng mình có lỗi.

Nàng ngước lên nhìn chàng, đôi mắt long lanh và xa vắng. Chàng linh cảm một điều gì.

- Em hãy nói nữa đi. Anh cần biết tất cả sự thực, dẫu sự thực đó thế nào.

Như được khuyến khích, nàng tiếp:

- Thiếp đã ý thức từ thuở nhỏ, có thân là có tội, có khổ. Khỏi cần phải nói với chàng rằng, thân này không phải do chư thiên hóa sanh, do phạm thiên hóa sanh, không làm bằng vàng ròng, châu báu, không làm bằng gỗ chiên đàn, không sanh từ đài sen trắng, sen hồng hay sen xanh, không đựng đầy thuốc trường sanh bất tử. Cũng không cần nói với chàng rằng, thân này đầy những uế nhiễm; do cha mẹ sanh, bị vô thường, biến hoại, bị ái chấp thủ, là nhân của sầu ưu, là căn cứ địa của than khóc, là kho tàng của bệnh tật, là chỗ dung nạp của nghiệp lực, cả một bọc ô uế, nội bộ thường phát tiết xú tanh. Cứu cánh của thân này là đi đến sự chết, đi đến nghĩa địa, là chỗ tụ hội của các côn trùng. Xin lỗi hiền phu, vì là sự thật nên thiếp đã nói lời khó nghe. Thiếp trang điểm cái thân này chẳng khác gì lấy vòng hoa mà phủ ngoài đống phân dơ uế. Biết làm sao được vì thiếp thường hằng quán niệm sự bất tịnh của thân. Đấy là lý do thứ nhất mà thiếp có lỗi với chàng!

Người chồng thấy mình bàng hoàng, nửa đớn đau nửa tự ái, tuy thế cũng bấm bụng mà nói rằng:

- Đấy là sự thật, ta trách nàng sao được? Vậy nàng hãy nói thêm lý do thứ hai?

- Cảm ơn chàng đã cho phép! Nàng nói tiếp – còn lý do thứ hai. Thiếp trộm nghĩ rằng, khi nào mà ta còn phó thác cho dòng nghiệp lực vô hình cấu tạo nên sắc tướng và danh tâm này; khi nào mà ta còn phó thác cho dòng nghiệp lôi kéo ta đi vào cõi mịt mù vô định thì ta còn phải đau khổ, thống khổ dài lâu. Vậy thì ta phải làm thế nào để thoát khỏi sự chi phối của nó? Làm thế nào tìm cho ra được căn nguyên của cuộc sinh tử nổi trôi vô định này? Nếu không có một ánh sáng nào soi rọi vào những câu hỏi đó thì vĩnh viễn ta còn ở trong tối tăm và bấp bênh thế nào! Lại nữa, những lạc thú trần gian quá ít ỏi và ngắn ngủi, biết có đền bù đủ máu và nước mắt mà chúng ta đã đổ xuống trong ba cõi sáu đường chăng? Vậy thì lạc thú trần gian kia là mật ngọt quyến dụ ta chăng? Là chiếc bẫy mịn màng êm ái của ma vương chăng?

Thưa hiền phu! Những điều đó không còn là hoài nghi nữa, mà chúng đã biến thành sự thực trong tâm tư thiếp, biến thành nỗi thao thức khôn nguôi. Chàng hỡi! Vâng lệnh mẹ cha nên thiếp phải về với chàng, nhưng ước mơ thoát ly thế tục, tâm nguyện con đường Đạo Sáng vẫn thôi thúc thiếp từng khi! Nơi cái góc tâm hồn bé nhỏ, tuyệt đối là sự thanh khiết vắng lặng, là sự chở che mà cũng là Chân Phúc ấy, thiếp thường để dành trọn vẹn cho đời sống xuất gia, đến khi nào chàng cho phép.

Nàng đã thôi nói, vầng trán chàng càng lúc càng cau lại. Thân chàng như cúi gập xuống. Lát sau như đã chiến thắng mình, chàng nói:

- Thế thì hiền thê ơi! Rất mừng cho nàng. Vậy thì nàng hãy xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn. Ta sẽ tình nguyện làm một thiện nam hộ độ chư tăng, Ni đoàn và giáo

hội. Ta không có duyên phần xuất gia, nhưng ta nguyện cầu cho nàng sớm tìm ra an lạc!

Nói thế xong, chàng như lảo đảo lắc lư một hồi mới đứng yên. Chàng đau khổ lắm. Tuy thế, hồi lâu chàng cũng nở nụ cười, cố gắng tươi tỉnh nhưng vẫn không giấu được nỗi thê lương, xa vắng.

Nàng tự nghĩ: Đức Thích Tôn từ bỏ vương phụ, xã tắc, thê nhi vào lúc mọi người đang yên ngủ, thật là hữu lý làm sao. Vậy ta hãy lặng lẽ lên đường sau khi được phép một cách khó khăn. Nhưng mà sự thai sinh nào lại không đau đớn, nhất là ta lại cưu mang 'thánh thai'[1] đã rất lâu rồi!

Để cho sự việc được quang minh, chồng nàng nói:

- Khi nàng đến nhà này, danh chính ngôn thuận, đèn treo hoa kết, hai họ đón đưa, quan khách chật đường, vui tươi và xán lạn. Đón đưa nàng về chốn buộc ràng tục lụy mà như thế; huống nay nàng ra đi trong ánh đạo vinh quang, trở về với ánh đạo vinh quang; nàng hãy cho ta được thỉnh mời tất cả chư tăng ni trong thành phố, làm một cuộc cúng dường lớn. Ta sẽ tỏ lòng tôn kính đức Tôn Sư và giáo hội. Ta muốn nàng cũng danh chính ngôn thuận mà ra đi. Như thế, nàng sẽ được nở mặt nở mày, hoan hỷ và mát mẻ. Còn ta sẽ không còn ngậm ngùi, hối hận hay luyến tiếc điều gì. Ta và nàng cùng an lạc.

Nàng cúi đầu chắp tay tỏ lòng kỉnh trọng và tri ân người chồng hiểu biết và độ lượng.

Thế là sau cuộc bố thí, cúng dường lớn, nàng xuất gia. Dĩ nhiên, hôm ấy, ở đây không có mặt đức Phật cũng như chư đại trưởng lão nên nàng phải xuất gia với ni chúng thuộc nhóm Devadatta. Một vị trưởng lão ni đích thân giáo giới và cho nàng đề mục thiền định. Không bao lâu sau, nàng sống hoan hỷ với tâm tư viên mãn.

---

[1] Ý nói là cưu mang tâm niệm xuất gia.

Thuở ở với chồng, nàng đã có thai, nhưng nàng không biết. Nên thời gian sau cái thai càng ngày càng lộ rõ. Các tỳ-khưu-ni nhận thấy các căn của nàng càng ngày càng đổi khác, tay, chân, lưng, màn da bụng lớn lên – nên hỏi nàng:

- Này hiền muội! Hình như hiền muội có thai. Sự việc này là thế nào đây?

Nàng không biết cách trả lời, chỉ nói:

- Thưa các hiền tỷ! Tôi không biết sự việc này, giới hạnh tôi đầy đủ.

Các vị tỳ-khưu-ni không biết giải quyết ra sao bèn đem nội vụ đến Trúc Lâm tịnh xá thỉnh thị ý kiến Devadatta:

- Thưa tôn giả! Thiện nữ nhơn này, với sự chấp thuận khó khăn của người chồng, được xuất gia. Nay nàng có thai. Chúng tôi không rõ nàng thọ thai khi còn là cư sĩ hay là khi đã xuất gia. Nay chúng tôi phải làm gì?

Devadatta tự mình chưa giác ngộ, không có lòng kham nhẫn, từ bi, từ mẫn; lại sống lệ thuộc nơi danh lợi, thị phi – nên nghĩ rằng:

"- Một tỳ-khưu-ni thuộc 'phái của ta' mang thai. Đấy là sự kiện hại đến uy tín và danh vọng của ta. Khi mà uy tín và danh vọng của ta đã bị dư luận chỉ trích, chê bai thì lợi dưỡng, do đó sẽ bị giảm thiểu. Ta tha cho nàng là tự làm hại ta vậy".

Nghĩ thế xong, không có điều tra, không có hỏi han tự sự sau trước mà như xô đẩy một tảng đá thoát khỏi chướng ngại, Devadatta nói:

- Để một nữ nhân như vậy tồn tại trong giáo pháp này, dầu phải dầu trái cũng có hại đến uy tín chung. Các ngươi hãy đuổi nó đi, hãy tẩn xuất nó đi, rồi lại đi bá cáo khắp nơi rằng: 'Pháp và luật của Devadatta thật nghiêm minh, đã tẩn xuất đúng pháp và luật một kẻ thiếu giới hạnh!'

Nói thế xong, nhưng tự trong thân tâm, Devadatta lại nghĩ: 'Như vậy, từ một sự việc đáng lẽ mất uy tín, danh

vọng, ta lại làm cho càng thêm uy tín, danh vọng. Phi bậc trí tuệ, không ai làm được thế!'

Chúng tỳ-khưu-ni nghe lời phán truyền của Devadatta, đứng dậy đảnh lễ rồi đi về trú xứ của mình.

Biết rõ sự việc, nàng thưa:

- Thưa các tôn giả! Trưởng lão Devadatta không phải là đức Phật, không thể có lời tuyên bố tối hậu được. Con xuất gia với ni chúng của tôn giả ấy, nhưng con sống trong giáo pháp của đức Tôn Sư, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Tối Thượng Nhân ở đời. Chớ làm rơi mất nơi con điều đã có được một cách khó khăn. Hãy đưa con đến Kỳ Viên tịnh xá, gặp đức Đạo Sư.

Một số đông tỳ-khưu-ni có tu chứng, một số đông tỳ-khưu-ni biết phàm tâm của Devadatta, họ biết rõ sự thật trong cách ăn nói của nàng, nên với lòng từ ái, bi mẫn, như đối với đứa con một, không quản ngại khó khăn, gian lao vất vả, đã dội nắng dầm mưa, dìu nàng lên đường. Trải qua sáu mươi do-tuần, đầu trần chân đất, họ từ Vương Xá, đến gặp đức Đạo Sư ở tịnh xá Kỳ Viên, cung kính đảnh lễ ngài rồi tường trình sự việc. Họ đâu biết rằng, lúc ấy, hai vị đại đệ tử và một ngàn vị tỳ-khưu đã trở về Kỳ Viên mấy hôm trước, và con người của Devadatta như thế nào, đức Phật đã biết rõ.

Đức Đạo Sư suy nghĩ:

'- Không cần có thắng trí cũng biết rằng thai của nàng ấy đã được tượng hình khi còn là gia chủ. Đấy là sự thực. Nhưng sự việc này nếu không được minh chứng trước tai mắt những người trong quốc độ, trước những đại thí chủ uy tín, lão thành trong giáo hội thì ngoại đạo, hoặc cả Devadatta sẽ nhân cơ hội này mà xuyên tạc, đặt điều, vu khống. Phải minh chứng sự thanh tịnh của nàng trước tứ chúng và dư luận vì lợi ích cho riêng nàng mà còn vì lợi ích cho phần đông'.

Ngày hôm sau, đức Thế Tôn cho thỉnh mời vua Pāsenadi nước Kosala, đại Cấp Cô Độc, tiểu Cấp Cô Độc, nữ đại thí chủ Visākhā và nhiều nhân vật gia chủ, tôn túc có uy tín khác nữa.

Rồi vào buổi chiều, khi tứ chúng đã đến tụ họp đông đủ tại giảng đường, đức Thế Tôn nói với trưởng lão Upāli, vị giáo sư luật học:

- Này Upāli! Hãy thực thi bổn phận của mình, hãy làm cho thanh tịnh sự việc của vị tỳ-khưu-ni trước bốn chúng.

Vị trưởng lão tinh thông luật học, cung kính vâng lời đức Thế Tôn, khoác đại y màu vàng chói đi đến giữa hội chúng, uy nghi của con phượng hoàng, ung dung lên ngồi trên bảo tọa thấp. Rồi với giọng minh bạch, rõ ràng, tôn giả trình bày lại sự việc của vị tỳ-khưu-ni; và mong rằng sự thanh tịnh hay không thanh tịnh của nàng sẽ được chứng kiến quang minh trước quốc độ cũng như trước giáo hội.

- Này nữ đại thí chủ Visākhā! Trưởng lão Upāli nói – đức Phật và tăng chúng tin tưởng vào trí tuệ và đức công minh của bà; vậy thì bà hãy xác định ngày xuất gia, tháng xuất gia của vị tỳ-khưu-ni này. Sau khi biết rõ rồi, hãy tìm cách xác định khi thụ thai là trước hay sau thời gian xuất gia?

Nữ đại thí chủ Visākhā vâng lời trưởng lão, cho treo một cái màn. Và trong bức màn kín đáo ấy, chỉ có hai người. Bà Visākhā quan sát thân thể của vị tỳ-khưu-ni trẻ. Do hiểu biết và kinh nghiệm, bà suy tính ngày tháng; và biết được khi thụ thai là thời kỳ còn làm nữ gia chủ. Bèn đi đến trưởng lão Upāli và báo cáo kết quả.

Trưởng lão Upāli, giữa bốn chúng, tuyên bố là vị tỳ-khưu-ni ấy là thanh tịnh.

Khi được xác minh mình là thanh tịnh, nàng đến đảnh lễ bậc Đạo Sư, đảnh lễ tôn giả Upāli với sự mừng vui ràn rụa

nước mắt; rồi sau đó nàng xin nhập chúng với chư tỳ-khưu-ni ở Sāvatthi, không trở về Vương Xá nữa.

Thời gian sau, nàng sanh hạ được một trai có uy lực lớn, do nàng trước đây đã từng cầu nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara quá khứ.

Câu chuyện này còn được kinh luật, chú giải kể tiếp. Một hôm, đức vua Pāsenadi đi qua trú xứ của chư tỳ-khưu-ni, nghe tiếng trẻ khóc, dừng chân lại hỏi, biết rằng đấy là con của vị tỳ-khưu-ni đã được đức Phật và Tăng chúng xử thuở nọ, bèn nói rằng:

- Này các khanh! Thật là trở ngại biết bao cho một vị tỳ-khưu-ni phải nuôi dưỡng con cái. Việc ấy là bổn phận của hàng cư sĩ chúng ta.

Thế rồi, đức vua mang về nuôi dưỡng như vị hoàng tử và đặt tên là Kassapa. Lên bảy tuổi, Kassapa xin xuất gia với bậc Đạo Sư. Sau này, đúng hai mươi tuổi, Kassapa thọ đại giới. Không lâu sau, ngài trở thành một nhà thuyết pháp tài giỏi giữa các nhà thuyết pháp, được đức Phật ấn chứng và tán dương là vị thuyết pháp đệ nhất. Tỳ-khưu Kassapa nhờ nghe kinh Vamūka mà chứng quả A-la-hán. Còn mẹ ngài nhờ phát triển thiền quán, chứng quả cao nhất.

Được biết rằng, trưởng lão tỳ-khưu-ni, mẹ của ngài Kassapa, trong giáo pháp của đức Tôn Sư, sau này, sáng chói như trăng rằm giữa hư không (gaganamajjha).

Như thế, nhờ sự sáng suốt của đức Thế Tôn, và túc duyên nhiều đời kiếp của hai mẹ con vị tỳ-khưu-ni mà từ chỗ đáng lẽ bị họa hại, bị tẩn xuất, lại trở thành hai bậc thánh, làm rực rỡ thêm khu rừng giáo pháp và thêm sắc thêm hương cho đạo giác ngộ vậy.

Đổi Chiếc Xe Mới

Hôm kia, đột ngột đức vua Pāsenadi một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá tìm gặp đức Phật với dáng vẻ mệt mề, thiểu não. Đức Phật đã sớm biết chuyện gì, nên đón đức vua ngay tại hương phòng, nắm tay ông, dìu vào bên trong, chỉ cho ông ngồi trên một chiếc ghế[1].

- Trẫm mập quá, quỳ xuống đảnh lễ không được, xin đức Thế Tôn xá tội.

- Không có sao! Đức Phật ân cần - Bệ hạ hãy cứ ngồi tự nhiên!

- Tâu vâng!

- Bệ hạ đã gần bảy mươi tuổi rồi, nên ăn ít lại, và cũng nên vận động tay chân một chút...

- Tâu vâng! Trẫm có tập đi kinh hành do hoàng hậu Mallikā hướng dẫn. Nhưng nay thì bà ấy đã đi rồi, bà mới đi hồi đêm, lúc vừa rạng sáng, đức Thế Tôn ơi! Trẫm buồn quá, không thiết ăn thiết uống gì cả!

- Ừ, Như Lai biết! Người mình thương yêu nhất mà lại phải lìa xa thì đau khổ lắm!

---

[1] Chiếc ghế trân quý này do hoàng hậu Mallikā dâng cúng mà đức Phật thường không sử dụng.

- Đúng là đau khổ quá! Nhớ như mới hôm nào, chỉ vừa mới đây thôi, thế mà đã cách biệt nghìn trùng...

Đức vua cúi gục đầu xuống ra chiều thương tâm không làm chủ được cảm xúc. Đức Phật biết nên trao cho đức vua một chiếc gối rồi nói:

- Bệ hạ cứ nằm nghỉ một lát, khóc được thì cứ khóc. Như Lai sẽ đi kinh hành bên ngoài. Rồi chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Trong hương phòng, đức vua sụt sùi, nước mắt ngắn dài nhớ thương hoàng hậu rồi ông đắm chìm trong hồi tưởng, suy tưởng của mình...

Còn đức Phật thì ngài biết rõ về tâm tánh của hoàng hậu, biết cả những 'bí mật' của bà mà cho chí đức vua cũng không biết.

Và câu chuyện như sau: Số là lần ấy hoàng hậu vào phòng tắm, cỡi xiêm y để tắm, không để ý con chó cưng của bà cũng vào theo. Khi khom mình cúi xuống, không ngờ, con chó thấy vậy đã làm cái chuyện "bất tịnh" với bà. Và bà lại để yên! Từ tầng trên cung điện, qua lớp cửa kính, tình cờ đức vua nhìn thấy hết. Ông đi xuống và lần đầu tiên, đã mắng nhiếc bà một cách thậm tệ. Bà vốn lanh trí nên tìm cách chối quanh, chống chế: "Đại vương đừng nghĩ oan cho thiếp. Cái phòng ấy kỳ lạ lắm. Ai ở trong đó, người khác nhìn vào đều thấy những hình ảnh quái gở!" Đức vua vốn thật thà nên hỏi lại: "Quả có thế sao?" Bà nói: "Thì đại vương cứ vào đấy thử xem?" Đức vua đi vào trong, vừa khép cửa lại thì ngoài này, bà đã la lên: "Đại vương làm cái gì xấu hổ với con dê cái như vậy?" Đức vua lại cãi: "Ta có làm gì đâu!" Bà bèn nói dối: "Chính mắt thiếp trông thấy rõ ràng mà!"

Tin chuyện ấy, đức vua bỏ qua không cật vấn lại nữa.

Tuy nhiên, hoàng hậu Mallikā luôn cảm thấy bất an. Dầu đã dối gạt được nhà vua, nhưng bà đã phạm một tội trọng.

Chuyện ấy đức Phật biết, chư vị trưởng lão tăng ni có thắng trí đều biết, do vậy bà luôn hổ thẹn ở trong lòng. Từ độ ấy, bà thầm nguyện trong lòng, phải tu tập cho tốt hơn, làm việc lành cho nhiều hơn. Trọng lượng tội lỗi dù chỉ bằng một hạt cát, nó sẽ chìm, rơi xuống bốn đường ác. Nhưng trọng lượng tội lỗi của một viên đá to, nằm trong lòng chiếc ghe thiện pháp lớn, nó không bị chìm, sẽ được nổi. Bà còn nhớ mãi nội dung một thời pháp về thiện, về ác mà đức Phật đã đưa ra hình ảnh ấn tượng ấy. Do vậy, bà đã đặt bát và cúng dường tứ sự rất nhiều đến đức Phật và Tăng chúng, ngân khoản lên đến một trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng. Riêng đức Phật thì bà đã cúng dường đến ngài bốn món bảo vật vô giá, đó là: Một chiếc lọng trắng, một chiếc giường, một ghế ngồi và một vật đỡ chân. Tất cả chúng đều bằng châu báu, và chỉ để chưng bày chứ đức Thế Tôn không bao giờ sử dụng.

Đức Phật còn biết rõ, hoàng hậu Mallikā lúc hấp hối, bao nhiêu việc làm tốt đẹp ở trong đời, bà lại quên hết, nhưng cái hình ảnh xấu xa kia nó lại hiện ra, chi phối trọn vẹn tâm thức cuối cùng, lập trình cận tử nghiệp, đưa bà đọa sanh địa ngục A-tỳ.

Đức vua Pāsenadi rất yêu thương hoàng hậu Mallikā nên đau thương, buồn khổ vô cùng. Bà vừa mới mất, chưa làm lễ hỏa táng mà đức vua đã tìm đến đức Phật, là nóng lòng muốn hỏi ngài xem sanh thú của hoàng hậu đi về đâu! Biết đức vua rất sủng ái hoàng hậu, nếu cho biết cảnh giới hiện tại của bà thì ông ta càng đau khổ hơn. Lại nữa, nếu biết bà, một người có đức tin kiên cố, bố thí cúng dường rất nhiều và rất chí thành mà rơi vào địa ngục, thì số phận của nhà vua sau này sẽ ra sao? Và như thế, mọi đức tin trong ông ta sẽ tiêu tùng hết.

Vì nghĩ vậy nên sau khi đức vua tỉnh dậy, vào hương phòng, đức Phật đã khôn khéo dùng thần lực siêu nhiên làm

cho đức vua quên hẳn lý do đi đến tịnh xá. Đức Phật lại còn thân tình nắm tay đức vua đi dạo vài vòng ngoài khu vườn, rồi nói chuyện như bình thường:

- Đại vương dự định hôm nào sẽ làm lễ hỏa táng cho lệnh bà?

- Có lẽ bảy ngày, và có lẽ phải cử quốc tang cho trân trọng, bạch Thế Tôn!

- Có cần như thế chăng, đại vương? Sao đại vương không dùng mọi phí khoản ấy để đặt bát cúng dường chư tăng ni, một trăm vị, hai trăm vị - rồi nhờ đức thanh tịnh của Tăng ni để chú nguyện phước báu cho lệnh bà?

- Trẫm xin vâng lời Thế Tôn giống như hoàng hậu sinh thời thường vâng lời Thế Tôn vậy. Cho trẫm mời thỉnh đức Thế Tôn và tăng ni hai nghìn vị, ngay ngày mai !

- Cảm ơn đại vương! Và cũng không cần phải làm lễ quốc táng nữa. Nếu muốn tăng thêm ý nghĩa, sao đại vương không tha bớt tội tù, miễn bớt thuế má cho dân thì phước đức vô biên, vô lượng đó!

- Tâu vâng! Đức vua cúi đầu xuống - Trẫm sẽ làm đúng như Thế Tôn dạy bảo để hồi hướng phước báu cho hoàng hậu.

Sau đó, đức vua cúi lạy rồi ra về. Và ngày thứ nhất, hoàng cung của đức vua như sáng rạng và vinh quang hẳn lên do hai ngàn Tăng ni có đức Phật dẫn đầu ôm bát đến thọ thực. Bên kim quan băng gỗ trầm hương được phủ đầy hoa thơm của lệnh bà, đức Phật lặng lẽ chú nguyện. Sau đó đức Phật thuyết một thời pháp có ý nghĩa về vấn đề tử sinh của đời người. Ngày thứ hai đến ngày thứ bảy là phiên hai vị đại đệ tử và chư đại trưởng lão dẫn đầu, cũng ôm bát đến hoàng cung thọ thực, rồi cũng chú nguyện lặng lẽ và thuyết những thời pháp khác nhau.

Đức vua nhớ lời dạy bảo của đức Phật, lệnh cho quan toà và quan ngục xét lại án để tha bớt tội tù; đồng thời, xá

miễn tất cả các loại thuế trong suốt bảy ngày cử hành tang lễ. Muôn dân cả nước hoan hỷ vui mừng ca tụng đức nhân ái của đức vua; và họ cũng thầm hiểu rằng, họ đã được hưởng dư phước của hoàng hậu Mallikā nữa.

Cuối ngày thứ bảy, lễ hỏa táng nhục thể của hoàng hậu, ngay tại sân hoàng cung diễn ra vô cùng trang trọng. Sực nghĩ lại, đức vua chỉ có việc bực mình, tự trách mình, tại sao trí nhớ càng lúc càng tệ mạt, kém cỏi như thế! Sao lại không nhớ để hỏi đức Phật hoặc chư đại thánh tăng cảnh giới lai sinh của hoàng hậu?

Còn hoàng hậu Mallikā, sau bảy ngày thống khổ trong địa ngục để trả quả, do năng lực phước thiện quá lớn nâng đỡ, đưa bà hóa sanh vào cung trời Tusita.

Vào ngày thứ tám, đức Phật một mình ôm bát khất thực, thong dong đi đến hoàng cung. Đức vua nghe tin, thỉnh ngài vào thượng điện, nhưng đức Phật chỉ muốn ngồi nơi nhà để xe.

Sau khi cúng dường đầy bát các thức ăn thượng vị loại cứng, loại mềm cho đức Phật, nhà vua chấp tay xá ngài rồi hỏi lại câu đã quên suốt bảy ngày qua, tức là chỗ tái sanh của hoàng hậu.

Đức Thế Tôn mỉm cười:

- Hiện tại, bà đang thọ hưởng thiên lạc tại cung trời Tusita, tâu bệ hạ!

Nghe vậy, đức vua cảm thấy được an ủi phần nào, nhưng nỗi nhớ thương hoàng hậu vẫn không nguôi:

- Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng đi về cõi khác, trẫm cảm giác như mất hẳn sự sống.

Đức Phật an ủi:

- Bệ hạ chớ nên đau lòng. Đó là quy luật bất biến cho mọi chúng sanh, không ai có thể tránh được. Nhưng trường hợp hoàng hậu thì bệ hạ nên mừng vui cho lệnh bà mới phải!

- Tại sao?

- Vì do công hạnh, phước báu của lệnh bà, lệnh bà mất đi giống như đổi mới chiếc xe khác trân quý hơn vậy thôi!

- Trẫm chưa được hiểu.

Đức Phật đưa tay chỉ vào một chiếc xe:

- Bệ hạ! Xe này của ai?

- Bạch Thế Tôn! Của nội phụ trẫm.

- Còn xe này?

- Của phụ vương trẫm, bạch Thế Tôn.

- Còn xe kia?

- Là của trẫm!

Đức Phật mỉm cười:

- Hóa ra chiếc xe của cha lại mới hơn chiếc xe của ông nội, chiếc xe của con lại mới hơn chiếc xe của cha. Hoàng hậu vừa tậu được một chiếc xe mới nhất, đẹp nhất ở cung trời Tusita đấy, tâu bệ hạ!

Thấy đức vua đã hiểu sự thật ấy rồi, đức Phật lại giảng sâu hơn về pháp:

- Nhưng những chiếc xe được trang hoàng lộng lẫy, đẹp đẽ, trân quý thế kia rồi cũng đến lúc cũ hư, tàn tạ, hoại mục mà thôi. Cái thân Như Lai cũng thế mà cái thân của đức vua cũng vậy, đã gần bảy mươi tuổi rồi, nó đang già yếu và đang lão suy đấy! Định luật hữu vi là vậy. Chỉ có giáo pháp trong tâm của bậc thiện trí[1] nó mới không bị chi phối bởi hư mục, già lão. Thấy biết được vậy, những bậc thiện trí trên đời này phải biết làm cho sáng tỏ giáo pháp ấy đến những người lành, người tốt, tâu đại vương!

Những lời giảng ấy của đức Phật được cô đọng trong bài kệ:

"- Xe vua đẹp đẽ dường bao
Trang hoàng lộng lẫy, hư hao đến kỳ
Thân này đến lúc lão suy

[1] Ý nói bậc Thánh A-la-hán.

Pháp bậc thiện trí vô vi chẳng già
Pháp của đức Gotama
Sáng tỏ chân lý, chan hòa thiện nhân!”[1]

Đức vua tín thọ lời dạy của đức Phật, đã đỡ buồn khổ và xem ngài như chỗ nương tựa tinh thần một cách vững chắc. Kết quả ấy, một phần công lao là nhờ vào bà hoàng hậu yêu quý của ông vậy.

Nhưng đức vua đâu có biết rằng, sự thương yêu sâu đậm ấy cũng do duyên luyến ái từ nhiều đời kiếp: Vì nàng Sujātā trong Sujāta-Jātaka[2], nàng Kinnarī trong Bhllāṭiya-Jātaka[3], và nàng Sambula trong Sambula-Jātaka[4]; cả ba kiếp sống ấy, ông đều là người chồng thân yêu của bà.

Hoàng hậu Mallikā được biết đến là một trong những đệ tử thuần thành, nhiệt tình và xuất sắc nhất trong hàng nữ cận sự của đức Phật vậy[5].

---

(1) Pháp cú 151: “Jiiranti ve rārathā sucittā atho sārīraṃ pi janaṃ upeti; sataṃ ca dhammo na jaraṃ upeti santo have sabbhi pavedayanti”.
(2) J.iii.22.
(3) J.iv.444.
(4) J.v. 98.
(5) A.iv.348.

Con Số Đen Bất Hạnh

Hôm ấy, có một vị tỳ-khưu Niết-bàn mà làm cho cả Kỳ Viên tịnh xá xôn xao. Ai cũng thắc mắc, nhất là chư phàm tăng, tại sao chỉ một vị tỳ-khưu bình thường mà lại đích thân đức Phật đến chứng kiến lễ hỏa táng, ngoài ra, dường như là tất cả chư đại trưởng lão đều có mặt bằng sự qua tâm và ưu ái đặc biệt? Chẳng những thế, sau khi thu nhặt xá-lợi, đức Phật còn khuyên hai hàng cận sự nam nữ nên xây dựng bảo tháp để tôn trí và tôn thờ xá-lợi?

Đức Phật biết chuyện ấy, nên trong thời pháp, ngài đã kể lại đầu đuôi tự sự nhân duyên và quả báo của vị tỳ-khưu ấy, và sau này chư vị kết tập sư thuật lại:

- Thuở Phật Kassapa còn tại thế, có một vị tỳ-khưu sống trong ngôi làng nhỏ dưới sự hộ độ của người chủ ruộng. Vị ấy tính tình bộc trực, hồn nhiên, giữ giới trong sạch và chuyên tu thiền quán. Ngài sống như vậy trong thời gian dài không có phiền lao và nhiệt não.

Hôm kia, có một vị trưởng lão lục căn thanh tịnh đi qua làng. Người chủ ruộng trông thấy, phát tâm tịnh tín, thỉnh bát, mời vào nhà, cúng dường các món ăn, nghe pháp rồi thưa:

- Thật ít khi mà ngôi làng nhỏ bé của chúng con được phước để nghinh tiếp và cúng dường đến các bậc sa-môn phương xa. Thưa tôn giả kính mến! Nay ngài đã đến đây thì xin ngài hoan hỷ dừng bước để cho chúng con thêm được phần cơ duyên tấn ích. Ở đây, có một ngôi tịnh xá, ngài sẽ gặp đầu tiên ở con đường. Thỉnh tôn giả ở lại đấy, buổi chiều, chúng con sẽ đến.

Vị trưởng lão im lặng nhận lời đi đến tịnh xá, đảnh lễ vị tỳ-khưu trụ trì và xin chỗ tạm cư.

Vị tỳ-khưu trụ trì ân cần tiếp đón, mời ngồi rồi hỏi:

- Chẳng hay hiền giả ở xa lại mà đã có gì độ thực chưa?

- Đã có rồi, thưa hiền giả.

- Ở đâu vậy, hiền giả quý mến?

- Gần đây thôi, thưa ngài, nơi gia đình người chủ ruộng ở trong làng.

Vị trụ trì sửa soạn sàng tọa, chỗ cất đặt y bát, nước rửa, khăn tắm, khăn lau mặt, chỉ chỗ vệ sinh, quét dọn đâu đấy ngăn nắp rồi mời vị khách tăng vào nghỉ ngơi.

Vị trưởng lão vốn là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã tận, sống bình đẳng hài hòa với các vị đồng phạm hạnh, hoan hỷ đến chỗ sàng tọa của mình, ngồi xuống và hưởng lạc thọ của thiền, của quả.

Buổi chiều, với hương hoa, dầu đèn, người chủ ruộng đến tịnh xá, đảnh lễ cúng dường vị trụ trì rồi thưa hỏi vị khách tăng. Người chủ ruộng vấn an sức khỏe, đảnh lễ, ngồi xuống một bên vị trưởng lão và nghe pháp. Đến lúc mát trời, người chủ ruộng xin được mời thỉnh cả hai vị về nhà mình.

Vị trụ trì tâm tư không được thoải mái, tự nghĩ: "Kẻ hộ độ cho ta tâm đã bị phân tán thành hai. Một lúc nào đó, y sẽ không còn ngó ngàng gì đến ta nữa. Vậy hãy làm thế nào cho vị khách tăng bỏ tịnh xá và ra đi?"

Đến giờ hầu thăm, khi vị trưởng lão đến, vị trụ trì tỏ thái độ im lặng một cách khó chịu.

Quán tâm, biết rõ tâm của vị trụ trì, bậc trưởng lão về chỗ sàng tọa của mình, suy nghĩ: " Ngài trụ trì này không biết, chớ ta có bao giờ làm phiền lụy, trở ngại cho ai?"

Sáng ngày, vị trụ trì lấy tay gõ nhẹ cái chuông, lấy móng tay cào nhẹ nơi cửa rồi ôm bát đến nhà thí chủ hộ độ hàng ngày. Người chủ ruộng thỉnh bát, mời ngồi rồi hỏi vị khách tăng sao không thấy đến.

Vị trụ trì tỏ vẻ ngần ngại một lát rồi mới nói:

- Tôi không biết gì về vị tỳ-khưu đáng mến ấy! Sáng ngày, tôi đã đánh chuông, gõ cửa nhưng không thể đánh thức vị ấy được. Bữa qua, sau khi dùng các món ăn thượng vị nơi nhà của thí chủ, có thể chưa tiêu hóa được, nay đang còn ngủ chăng? Tôi không rõ lắm, mà có thể vị ấy đang hoan hỷ với những việc như vậy!

Trong khi ấy, bậc trưởng lão A-la-hán biết giờ khất thực đã đến, không muốn làm phiền vị trụ trì nên đã dọn dẹp sàng tọa, cất đặt, quét tước đâu đó tươm tất, sạch sẽ, rồi đắp y, quăng bát qua hư không đi đến một trú xứ khác.

Người chủ ruộng sau khi cúng dường cơm, canh, bánh, sữa, sanh tô, mật và đường đến vị trụ trì, lại gói sẵn thêm một phần nữa rồi thưa:

- Bạch tôn giả! Ngài trưởng lão khách tăng chắc đi đường xa còn mệt, vậy nhờ tôn giả hoan hỷ mang phần vật thực mà chúng con đã có nhã ý cúng dường cho vị ấy.

Chẳng thể từ chối, vị trụ trì đi về với tâm tư phiền muộn, tự nghĩ: "Nếu y được ăn cơm với sữa, mật và sanh tô này, ai nắm cổ đuổi đi, chắc y sẽ không đi. Vậy ta phải làm sao? Đem cho người khác, việc làm của ta sẽ bị bại lộ. Nếu đổ xuống nước, sanh tô sẽ nổi lên và sẽ bị thấy. Quăng trên đất thì lũ quạ sẽ tụ họp lại, kẻ qua đường sẽ biết, và rồi sẽ đến tai người chủ ruộng. Nay ta sẽ thủ tiêu phần vật thực này ở đâu bây giờ cho mất tích?"

Đang phân vân như vậy, vị trụ trì chợt thấy một đám cây và một đám ruộng bị đốt, lửa nghi ngút bốc lên. Ý nghĩ đi liền theo, vị trụ trì khều một đống than đỏ lên, bỏ vật thực xuống rồi phủ lên đó một lớp than nữa. Làm xong công việc ấy, vị trụ trì mỉm cười hài lòng: "Sẽ không còn vật thực thượng vị, rồi tứ đại sẽ hoàn cho tứ đại".

Về tịnh xá, thấy vắng vẻ, mở cửa nhìn chỗ sàng tọa của vị khách tăng, thấy đâu đó đã được dọn dẹp ngăn nắp, sạch sẽ, vị trụ trì giật mình: "Vậy là y biết rõ tâm tư của ta, không muốn phiền nhiễu ta, quấy rầy ta nên đã lặng lẽ bỏ đi nơi khác. Đây đúng là hành trạng của một bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc rồi!".

Nghĩ vậy, một nỗi sợ hãi to lớn khởi lên thiêu đốt tâm can, vị tỳ-khưu trụ trì khốn khổ than dài: "Ôi! Vì một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà ta đã thiêu rụi vô vàn công đức và phước báu tu tập được. Ta đã ngu si làm một tội lỗi tày trời!"

Từ đấy, vị tỳ-khưu trụ trì bị dằn vặt, đau khổ, phiền muộn, ưu sầu. Ngày và đêm, vị ấy như ở trong một lò lửa lớn, đun bằng dầu sôi, đốt cháy ruột gan và óc não. Trạng thái này kéo dài cho đến khi chấm dứt thọ mạng, vị tỳ-khưu trụ trì rơi xuống địa ngục, bị đốt, bị nấu nhiều trăm nghìn năm.

Do sức mạnh của ác nghiệp, từ địa ngục, vị ấy bị sanh năm trăm kiếp liên tục làm Dạ Xoa đói, không được ăn đầy bụng dù chỉ một ngày. Chỉ có một bữa, vị ấy được no bụng bởi ăn đồ uế nhiễm của thai bào.

Hết năm trăm kiếp Dạ Xoa, năm trăm đời vị ấy sanh làm chó đói. Liên tiếp năm trăm đời, không một ngày no bụng, chỉ được một bữa no đầy do ăn vật thực ói mửa của người khác.

Khi kiếp chó mạng chung, vị ấy sinh ở nước Kāsi, tại một làng nghèo đói, trong một ngôi nhà nghèo đói nhất. Từ

khi vị ấy sinh ra, gia đình ấy trở nên nghèo đói cùng cực. Nơi cái bụng ọc ạch của vị ấy, chưa bao giờ chứa được một nửa bát nước cháo chua! Cha mẹ vị ấy không thể chịu nổi cái đói, đành đuổi vị ấy đi với lời nguyền rủa "con số đen bất hạnh!" Không nơi nương tựa, vị ấy lang thang đến thành phố Bārāṇasī.

Thuở ấy, tiền thân đức Phật Gotama là một vị giáo sư có tiếng khắp các phương. Dân thành phố Bārāṇasī trả tiền công cho ngài để ngài dạy tri thức và nghề nghiệp cho năm trăm thanh niên con em của họ. Tình cờ, Bồ Tát gặp "con số đen bất hạnh". Thấy đói khổ, tội nghiệp, ngài mang về cho cơm ăn áo mặc rồi dạy cho học. Nhưng vị ấy cứng đầu, ngang ngạnh, hay đánh bậy, không chịu nghe lời khuyên bảo. Từ khi có nó, tiền dạy của Bồ Tát bỗng dưng giảm sút, không rõ người ta cố ý không trả tiền công hay người ta quên! Tuy nhiên, mặc dù biết rõ do nghiệp của nó, Bồ Tát vẫn nhẫn nại, khoan dung, cố dạy dỗ cho nó nên người.

Cũng do nghiệp xui nên, vị ấy không thể ở yên trong hoàn cảnh tốt. Nó gây lộn, ẩu đả với nhiều thanh niên rồi trốn đi, lang thang đến một làng biên địa làm thuê sinh sống.

Tại đấy, nó chung sống với một người đàn bà nghèo khổ và sinh được hai con. Từ khi có nó ở đây, ngôi làng biên địa này bị vua xử phạt bảy lần vì săn thú trái phép, nhà cửa bị cháy bảy lần và hạn hán cũng xảy ra bảy lần. Đời sống của dân chúng vốn đã chẳng no đủ gì, lại trở nên khó khăn, nghèo đói, cơ cực không thể tưởng. Họ nghĩ: "Có lẽ tại con số đen bất hạnh kia chăng? Trước đây, chúng ta đâu có khổ cùng khổ cực đến vậy?".

Dân làng họp nhau lại rồi tẩn xuất nó đi. Với vợ và con, nó lang thang lếch thếch đến một khu rừng. Một bữa đi kiếm trái cây trở về, vợ và hai con nó chỉ còn là đống xương và máu bầy nhầy. Một phi nhân đã ăn thịt những kẻ thân yêu của nó! Sợ hãi, đau đớn, đói khát, nó ra khỏi rừng, vất

vưởng từ núi này sang núi nọ, làng này sang làng khác. Đến một vùng biển, gặp lúc một chiếc tàu vừa nhổ neo, nó xin được một chân làm thuê. Tàu đi được bảy ngày thì đột nhiên đứng yên như bị mắc cạn. Chúng rút thăm xem ai là "con số đen bất hạnh". Cả bảy lần rút thăm, "con số đen" đều rơi vào tay nó. Thế là người ta hè nhau, quăng nó xuống trên một chiếc bè. Không có nó, tàu bình yên vô sự ra đi!

Do quả giữ giới, sống đời phạm hạnh một thời gian thuở Phật Kassapa, bè tre của nó trôi đến một hòn đảo xinh đẹp. Tại đây, nó sống hưởng lạc bảy ngày trong tòa lâu đài pha lê với bốn thiếu nữ Dạ Xoa thiên. Hết bảy ngày, nó lại lên bè tre trôi đến một hòn đảo khác, gặp tám tiên nữ và sống hưởng lạc thú với họ trong một tòa lâu đài bằng ngọc. Phước báu này đẩy nó đi rồi gặp mười sáu tiên nữ, ba mươi hai tiên nữ. Hết phước, nó lạc đến một hòn đảo hoang vu. Có một con quỷ Dạ Xoa trong hình dáng một con dê đang ăn cỏ ở đấy. Vì đói, nó nhảy đến định bắt dê để ăn thịt. Với thần lực của loài quỷ, Dạ Xoa nhấc bổng nó và quăng qua hư không. Nó băng băng bay qua biển, không biết với thời gian bao lâu, nó rơi xuống trên đầu một bụi gai, lăn tròn qua một cái hào khô nước rồi đứng dậy.

Lúc bấy giờ, tại cái hào ấy, ăn trộm thường đến bắt dê của vua, và những người rình bắt trộm đang núp sẵn ở đấy. "Con số đen bất hạnh" thấy dê nhiều quá, ngu si tự nghĩ: "Khi ta chụp bắt dê ngoài hoang đảo, nó quăng ta qua biển rồi rơi xuống đây. Bây giờ, ta lại chụp bắt một con dê, như thế, nó lại quăng ta qua biển, rơi xuống nơi hòn đảo có các vì tiên nữ!"

Với tác ý bất chánh như vậy, nó nhảy tới chụp chân dê, dê kêu lên, thế là người ta đổ ra bắt nó: "Đây đúng là đứa ăn trộm dê của vua từ trước tới nay!" Người ta đánh nó, trói lại rồi dẫn về cho đức vua trị tội.

Hôm ấy, ở Bārāṇasī, Bồ Tát đang dẫn năm trăm người học trò của mình xuống sông tắm thì gặp nó đang bị lính trói dẫn đi. Hỏi tự sự đầu đuôi câu chuyện, Bồ Tát biết nó không phải là đứa ăn trộm dê, chỉ do một sự trùng hợp ngẫu nhiên nào đó thôi. Nó cũng tình thật kể lại tác ý của nó khi được hưởng lạc thú ở đảo với những tiên nữ. Bồ Tát chi trả một ít tiền thù lao công khó đêm hôm cho những người rình trộm rồi xin họ ân xá cho sự ngu si của nó. Nể tình Bồ Tát, nó được tha mạng. Bồ Tát lại mang nó về nhà nuôi dưỡng rồi tiếp tục khuyên lơn, dạy bảo. Chấm dứt thọ mạng, Bồ Tát và "con số đen bất hạnh", mỗi người đi theo nghiệp của mình.

Cái quả báo khủng khiếp của vị tỳ-khưu trụ trì thuở xưa, vì nguyên nhân một miếng ăn, một chút ganh tỵ mà đốt cháy vật thực, không phải ngang đây là chấm dứt. Cái kiếp ngu si, bần cùng, khốn khổ bất hạnh tương tự như trên còn kéo dài đến năm trăm đời sau nữa.

Kiếp cuối cùng, nó sanh thú tại Kosala, trong một làng đánh cá, tại một gia đình nghèo khổ. Từ khi nó tượng hình trong thai bào người vợ thì cả ngôi làng, gồm một ngàn gia đình rơi vào thảm họa, tổn hại, cá trong sông dường như trốn đi đâu mất hết, dân làng thường trở về tay không mỗi ngày, mỗi tuần. Họ phải đi xa hơn, ngoài ranh giới của mình, thế là bị đức vua xử phạt bảy lần! Rồi tiếp theo là ngôi làng bị cháy bảy lần! Thế rồi, cả làng chỉ còn tay trắng, nghèo đói cùng cực.

Họ bàn với nhau: "Trước kia, chúng ta không có như vậy. Làng của chúng ta chắc chắc phải có một 'con số đen' nào đây, phải tìm cho ra!".

Rồi họ phân thành hai nhóm, mỗi nhóm năm trăm gia đình. Chuyện lạ xảy ra. Nhóm nào có cha mẹ nó thì vẫn đen đủi, xui xẻo. Nhóm kia dần dần được tăng thịnh, hết đói nghèo.

Người ta lại chia hai cái nhóm năm trăm gia đình "con số đen", mỗi bên hai trăm rưỡi gia đình. Nhóm có cha mẹ nó thì nghèo đói như cũ, còn nhóm kia bắt đầu may mắn. Tuần tự chia đôi mãi như vậy, người ta tìm ra được gia đình có nó đầu thai, rồi tẩn xuất cả gia đình nó ra khỏi làng.

Người chồng biết cái "quái thai" kia nằm trong bụng vợ nên cũng sợ hãi, trốn vợ bỏ đi luôn. Thật khốn khổ cho người đàn bà bụng mang dạ chửa, lê lết tấm thân gầy đi xin ăn qua bữa. Cuối cùng, đứa bé cũng được sinh ra.

Vì là đời sống cuối cùng nên dầu có bị khốn khổ, đói rét, đứa bé vẫn không thể chết. Như ngọn đèn nằm trong chiếc ghè, điều kiện để thành A-la-hán cháy đỏ trong tim của nó.

Khi đã biết đi, biết chạy, người mẹ giao cho đứa bé một cái bát và bảo nó đi ăn xin, rồi bỏ trốn. Bà nghĩ rằng, cưu mang nó cho đến bây giờ quả là tận tình, tận nghĩa đối với nó rồi.

Từ đó, nó sống một mình, tìm đồ ăn tại chỗ này, chỗ kia, không một mảnh vải che thân, nằm ngủ đầu đình, xó chợ. Nó tìm sống một cách cực khổ như một con quỷ ăn bùn, bới trong những đống rác, lượm những hạt cơm đổ tại các cửa nhà, moi móc những đồ ăn thừa người ta rửa, thải từ các mương cống ...

Hôm nọ, bậc Tướng quân Chánh pháp đang đi khất thực ở Sāvatthi, thấy đứa bé, động tâm suy nghĩ: "Chẳng biết nó là con của ai, ở đâu mà sống một đời đáng thương hại như vậy?" Rồi khởi lòng bi mẫn, ngài gọi:

- Này con, hãy đến đây!

Đứa bé đến, thấy dung nghi của trưởng lão, một niềm kính trọng sâu xa khởi lên, nó liền chấp tay đảnh lễ rồi đứng khép nép ở một bên.

- Con ở làng nào? Cha mẹ con ở đâu?

- Thưa tôn giả, con không có nơi nương tựa. Cha mẹ con, vì con mà đời sống quá khốn khổ, quá mệt mỏi nên họ đã bỏ rơi con và trốn đi.

Tôn giả Sāriputta cất giọng ân cần:

- Này con, con có muốn sống đời xuất gia như ta không?

- Con muốn lắm! Đứa bé nói - Nhưng ai sẽ cho kẻ khốn nạn như con xuất gia?

- Ta, ta sẽ cho con xuất gia.

Tôn giả Sāriputta sau khi cho đứa bé ăn các món ăn loại cứng và mềm, dắt về tịnh xá Kỳ Viên, tự tay tắm rửa, cho y áo, rồi cho đứa bé xuất gia làm sa-di đuổi quạ. Đến tuổi trưởng thành, trao cho đại giới, từ đấy được gọi là tỳ-khưu Losaka.

Losaka do nghiệp quá khứ còn dư sót nên ít được phước báu, ít nhận được các món ăn cúng dường. Dầu cho có được bố thí lớn cách mấy, không gì sánh nổi, bụng của vị tỳ-khưu này cũng không được no, chỉ vừa đủ để duy trì mạng sống cầm chừng mà thôi! Một muỗng cháo là hình như đã tràn đầy bình bát của vị ấy. Người ta luôn luôn cảm thấy bát của vị tỳ-khưu đã đầy - dầu bên trong không có gì - nên họ lại đem dâng cúng cho vị đi sau.

Tỳ-khưu Losaka, tuy vậy, tu hành rất tinh tấn, thiền quán tăng trưởng, sau một thời gian, chứng quả A-la-hán. Tuy vậy, ngài cũng chỉ được món ăn cúng dường ít ỏi. Vì thiếu thốn vật thực nên thọ hành giảm thiểu và ngày Niết-bàn vô dư đã đến.

Bậc Tướng quân Chánh pháp, hôm ấy hướng tâm đến, biết được thọ hành của người đệ tử, bèn nghĩ rằng: "Losaka hôm nay sẽ nhập Niết-bàn không có dư y. Ta làm thế nào cho vị ấy được một bữa ăn no bụng lần cuối cùng?"

Thế rồi, tôn giả dẫn ngài Losaka vào Sāvatthi để khất thực. Dẫu cả thành phố ai cũng biết tôn giả, nhưng hôm ấy, không hiểu tại sao, cả hai không nhận được một lời chào

hỏi, huống nữa là cúng dường! Tôn giả Sāriputta bảo ngài Losaka về tịnh xá, ngồi tại giảng đường rồi tôn giả sẽ gởi vật thực về cho.

Khi không có tỳ-khưu Losaka đi bên cạnh, tôn giả liền đầy một bát, đầy hai bát. Tôn giả cẩn thận sớt ra nhiều phần, gặp vị tỳ-khưu nào, tôn giả cũng nhờ mang về cho tỳ-khưu Losaka đang đợi ở giảng đường. Rồi tôn giả lại đi bát tiếp cho mình.

Kinh kể rằng, vì nghiệp ác xui khiến nên tất cả những người tôn giả Sāriputta nhờ mang về, đều quên, không đem vật thực cho tỳ-khưu Losaka, họ ăn hết, hoặc họ sớt cho vị khác.

Đến trưa, khi về tịnh xá, ngài Losaka tìm đến đảnh lễ, Tướng quân Chánh pháp ân cần hỏi:

- Này hiền giả! Hiền giả có nhận được chút ít vật thực nào chăng?

Vì là bậc thánh, ngài Losaka trả lời nhũn nhặn:

- Thưa tôn giả! Rồi con sẽ nhận được.

"Rồi con sẽ nhận được"! Nghĩa là hiện giờ thì chưa nhận được! Tôn giả Sāriputta ngẩng đầu nhìn trời. Đã quá ngọ!

- Hãy ngồi xuống đây, hiền giả! Tôn giả Sāriputta nói nhanh - Hãy ngồi xuống đây và chỉ đợi ta trong giây lát thôi.

Xong, như cánh chim ưng vàng, tôn giả quăng bát qua hư không, vận thần thông lực, bay đến trú xứ của vua Kosala. Ở đây, sau khi nhận đầy bát bốn loại bánh ngọt và những thức ăn phi thời, tôn giả mau chóng trở về, đứng, cầm bình bát và nói:

- Này hiền giả Losaka, hãy ăn đi! Đây là những thức ăn phi thời được phép dùng. Ta cho phép hiền giả cứ lấy ăn.

Nhưng ngài Losaka vì lòng kính trọng thầy, không thể để thầy đứng cầm bát cho mình ăn, nên còn ngần ngại.

Tôn giả lại nói:

- Này hiền giả! Đáng quý thay là đức hạnh cung kính, nhưng đây là do ta cho phép chứ không phải tự ý của hiền giả. Ta cầm bát và đứng, còn hiền giả cứ lấy bánh mà ăn. Vì sao vậy? Vì ta biết rõ rằng, khi tay ta vừa rời khỏi bình bát thì sẽ không còn một vật thực nào ở đấy nữa!

Do thần thông lực của bậc Tối Thượng Thủ duy trì nên bánh đã không biến mất do nghiệp còn dư sót của tỳ-khưu Losaka, nên hôm ấy ngài được ăn một bữa ăn no bụng trong suốt một kiếp làm người!

Kể xong câu chuyện, đức Phật kết luận:

- Cái quả báo khủng khiếp chỉ do miếng ăn, chỉ do cái bụng mà phát sanh ganh tỵ, đố kỵ đưa đến sự luỵ thân, thống khổ nhiều đời. Đấy cũng là cái gương cho Tăng chúng mai hậu soi vào, xem thử cái bóng của mình có hiện ra ở đấy không? Sở dĩ Như Lai và chư vị đại trưởng lão đồng có mặt trong khi hỏa táng thi hài của vị ấy, xây bảo tháp thờ vị ấy, còn nói lên ý nghĩa: Một chút phạm hạnh tu tập được, cuối cùng, cũng đưa mình đến nơi giải thoát; vậy đại chúng hãy hành trì giáo pháp cho tinh tấn để lợi lạc cho mình về sau!

Devadatta
Muốn Chưởng Quản
Tăng Đoàn

Sau mùa an cư thứ ba mươi bảy tại Đông Phương Lộc Mẫu, đức Phật đột ngột ôm bát cùng với Ānanda, hai vị đại đệ tử và một số vị trưởng lão khác, chừng mươi vị, lên đường, xuôi hướng đông nam. Lúc này đức Phật đã bảy mươi hai sương tuyết, sức khoẻ có yếu đi nhưng trông vẫn còn dẻo dai như cỗi lão mai. Tôn giả Ānanda đi hầu bên, trông thấy bước chân thong dong khoẻ khoắn của đức Phật, ngài cảm thấy rất an lòng. Chư vị trưởng lão khác, ai đầu tóc cũng đã muối tiêu nhưng vẫn còn phương phi, xương kính như tòng, như bách. Lần này, đức Phật và phái đoàn lại lên núi Linh Thứu.

Lúc đi ngang qua vườn xoài của thánh y Jīvaka, đức Phật và chư vị trưởng lão ghé vào bên trong và dừng chân giây lát. Chư tăng nơi này du phương vắng cả. Cũng là nhân duyên lạ lùng, vị thánh y đang có mặt ở đây, ông đang hái thuốc để bào chế một số phương dược đặc biệt cho hoàng cung. Gặp đức Phật và chư đại thánh tăng, ông mừng quá, loay hoay tìm nước rửa chân, dâng nước uống và sắp xếp chỗ ngồi.

Khi đâu đó đã xong xuôi, thánh y Jīvaka ngồi bên chân, hầu Phật:

- Mấy năm đức Thế Tôn vắng mặt nơi này, tình trạng giáo đoàn tại kinh thành Rājagaha rất lộn xộn; và tại hoàng cung của đức vua Bimbisāra cũng không được yên ổn. Nơi nào lửa và khói cũng đang âm ỉ với dấu hiệu bất an...

- Ừ, ông cứ nói tiếp đi!

- Bạch Thế Tôn! Sau lần mới đây, khi hai vị tôn túc Sāriputta và Mahā Moggallāna vừa rời khỏi Trúc Lâm thì tôn giả Devadatta đã lộ rõ ý đồ lãnh đạo giáo đoàn thay đức Tôn Sư. Hiện tại, tôn giả ấy đã hình thành được một vây cánh rất lớn rộng. Có ba lực lượng được xem là khá mạnh mẽ đang ủng hộ và tiếp sức thêm tham vọng cho tôn giả ấy. Thứ nhất là thái tử Ajātasattu, không biết làm sao mà lại có đức tin rất mãnh liệt đối với tôn giả Devadatta. Nếu đức vua Bimbisāra tôn kính tuyệt đối đức Thế Tôn như thế nào thì thái tử cũng tôn kính Devadatta tuyệt đối như vậy. Vừa mới rồi, thái tử đã xây dựng cho Devadatta một tu viện lớn rộng bên kia dãy núi Gayāsīsa (Tượng Đầu sơn); và năm ba hôm lại cung cấp cả chục xe lương thực và đồ dùng đủ loại cho Tăng chúng ở đấy chừng trên dưới ba trăm vị. Thứ hai, tôn giả ấy kéo theo một số tỳ-khưu có trình độ pháp học nhưng cả tin, nhẹ dạ để tham mưu và làm tai mắt, tay chân cho mình, đó là các vị Tôn giả Kokālika, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍade-viyāputta và Samudadatta... Thứ ba, do tôn giả ấy rất thông minh và có tài hùng biện nên đã quyến dụ rất đông tín đồ, lại còn lôi cuốn về phía "giáo hội" của mình khá nhiều phú hộ, gia chủ hữu danh cung cấp tứ sự thêm cho mình nữa...

Tôn giả Sāriputta nói với vị thánh y:

- Đúng như vậy đó, này Jīvaka ! Ông đã trình bày vấn đề rất chính xác. Tôi đã thấy rõ một vài sự kiên liên hệ và đã thưa bạch lên đức Tôn Sư rồi. Lúc ở Trúc Lâm, có một số đệ

tử của tôi đã bị nhóm của Devadatta dụ dỗ. Chúng nói rằng, cách giáo huấn của đức Thế Tôn đã cũ kỹ, lạc hậu rồi, không còn thích ứng với thời đại mới nữa. Giáo pháp gì mà đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói lui, nói tới tứ niệm xứ, ngũ uẩn, thập nhị nhân duyên...! Đã trên ba mươi năm rồi mà chỉ nói tứ đế, bát chánh đạo... nghe mãi cũng nhàm tai! Quốc độ này, quốc độ kia càng ngày càng thịnh mãn về vật chất, nó đem đến những hạnh phúc cần thiết nhất định cho con người. Vậy thì giáo lý mới phải dạy cho con người cách thức tìm ra của cải xã hội, phải đi sâu vào các lãnh vực như kinh tế, nghề nghiệp đa dạng, cả hôn nhân gia đình và cả chính trị nữa... Tôn giả Devadatta rất khôn ngoan, biết rõ tâm lý của quần chúng ham giàu, chạy theo tư lợi, danh vọng nên ông ta phát triển các giá trị tại thế để đáp ứng mơ ước cho phần đông. Đấy là tà đạo biện minh cho chánh đạo! Đấy là đạo thế gian chứ không còn là xuất thế gian! Lại nữa, mấy vị tỳ-khưu thuộc nhóm Devadatta còn nói rằng: Ở Gayāsīsa, chư tăng khỏi phải lang thang buổi đói, buổi no đi trì bình khất thực; đã có thái thử Ajātasattu cúng dường đầy đủ mọi nhu cầu như vật thực, thuốc trị bệnh, sàng tọa, giường nệm, bơ, đường, sữa, mật... không thiếu thứ gì. Chư tăng nhàn hạ, thảnh thơi, chỉ còn lo pháp học , pháp hành mà thôi! Còn nữa, tôn giả ấy biết, thái tử Ajātasattu trước sau cũng làm vua nên đã tìm cách "nắm đầu" thái tử trước. Khi mà thái tử ủng hộ Devadatta thì các giới thương buôn đánh hơi giỏi nhất, cũng sẽ ủng hộ cho Devadatta để lấy lòng thái tử, sẽ có lợi cho việc kinh doanh, buôn bán làm ăn sau này!

Đức Phật nhè nhẹ gật đầu:

- Sự việc xảy ra đúng là như vậy.

Tôn giả Sāriputta lại thưa với đức Phật:

- Và có điều cuối cùng, quan trọng nhất, chúng đệ tử vừa cho biết, là Devadatta đã cố ý chia rẽ Tăng khi tổ chức tụng giới riêng trong hai kỳ uposatha - bạch đức Thế Tôn!

- Ừ, Như Lai cũng đã biết như vậy.

Thánh y Jīvaka tỏ vẻ lo lắng:

- Đức Thế Tôn biết, nhị vị thượng thủ của giáo hội biết, nhưng con vẫn bất an. Những gì xảy ra, con biết dù có động trời đi chăng nữa cũng không thể làm cho đức Tôn Sư e ngại. Ngọn núi chúa Suneru không dao động như thế nào thì đức Tôn Sư cũng an nhiên y như vậy. Do con thường hay vào trong cung chăm lo sức khoẻ cho đức vua và hoàng gia nên mới đây, con biết phong phanh một đôi điều bí mật. Đấy là thái tử Ajātasattu muốn sớm làm vua để thực thi mộng bá chủ, bá quyền của mình. Hiện Ajātasattu rất nôn nóng, thấy vua cha tại vị quá lâu, không biết thái tử có âm mưu soán đoạt ngôi vua không nữa! Tôn giả Devadatta cũng vậy, tâm ý là muốn lãnh đạo giáo đoàn thay thế đức Tôn Sư nên sớm hôm hay ra vào tư dinh của thái tử, bàn bạc thầm lén gì đó có vẻ rất ám muội. Có lẽ những ý tưởng, kế hoạch gì đó ở trong đầu thái tử là do Devadatta phác thảo, chỉ bày. Con cảm thấy sợ hãi, có cái gì đó xảy ra liên luỵ đến Tôn Sư và phương hại đến tăng đoàn. Xin đức Thế Tôn lưu ý.

- Ừ, đúng vậy! Như Lai biết nên Như Lai và chư đại trưởng lão đột ngột về đây. Cảm ơn ông đã quan tâm đến Như Lai và giáo hội nên đã cho Như Lai biết rõ tình hình. Tuy nhiên, dù đấy đều là những việc quan trọng, nhưng ông nên nhớ rằng, trên thế gian này, không có uy lực nào có thể phương hại đến Như Lai và giáo pháp của Như Lai được đâu. Chuyện có hung dữ thế nào chăng nữa thì nó cũng xảy ra đúng nhân duyên và quả của nó, ông đừng lo!

Thánh y Jīvaka cảm thấy an tâm, từ giã về hoàng cung còn đức Phật và chư trưởng lão lại bộ hành lên núi. Mặc dù bao năm nay, đường lên Linh Thứu đã được đức vua Bimbisāra cho sửa sang nhưng hễ sau mùa mưa lũ lại bị xói mòn thành khe thành rãnh trở lại. Tuy leo núi khó khăn nhưng đức Phật cứ từ từ, chậm rãi, hơi thở điều hòa, tay bát

tay gậy vẫn có vẻ thung dung. Chư vị trưởng lão cũng vậy, dốc núi thì cao mà ai cũng có vẻ thảnh thơi như đi dạo mát!

Tại đỉnh núi Linh Thứu, đức vua có xây cất cho đức Phật một hương thất, nhỏ nhắn thôi nhưng trông rất xinh xắn, hài hòa, bao năm rồi mà vẫn còn vững chãi giữa mưa nắng tuyết sương. Chư đại trưởng lão thì ai cũng có những hang đá cho riêng mình. Họ nghỉ ngơi ít hôm.

Tại đây, vào dịp thuận tiện, đức Phật nói chuyện với chư vị trưởng lão, và câu kết là như sau:

- Giáo pháp của Như Lai trên thế gian này đã sắp hoàn thành giai đoạn cuối cùng của nó trên cuộc đời này. Rồi Như Lai, rồi chư vị cũng sẽ ra đi theo định luật tự nhiên của thế giới hữu vi sinh diệt, chẳng có gì phải cưỡng cầu, chẳng có gì phải trầm tư. Pháp và Luật của Như Lai giảng thuyết đây đó suốt ba mươi bảy năm qua đã gần đủ cho mọi căn cơ và trình độ học chúng, chỉ cần một thời gian bổ túc nữa là nó sẽ toàn mãn, khả dĩ so sánh với giáo pháp của chư Chánh Đẳng Giác quá khứ!

Đưa đôi mắt bi từ nhìn chư vị "lão tăng" , đức Phật lại sách tấn:

- Hãy cùng đi với Như Lai để vượt qua một vài gian nan, trở ngại nữa, là chúng ta đã làm hết công việc phải làm trên cuộc đời này, hỡi những "chú ngựa già" uy mãnh và kiêu hùng của Như Lai!

Ai cũng mỉm nụ tiếu sanh tâm.

Rồi phái đoàn lại xuống núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Chợt đâu, nườm nượp mấy hôm sau, tăng chúng đệ tử của chư tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... từ các nơi như Sāvatthi, Kapilavatthu, Koliya, Kosambī, Vesāli... không biết do ai thông tin mà cuồn cuộn như sông suối đổ về Trúc Lâm hơn hai ngàn vị; họ âm thầm hậu thuẫn cho đức Tôn Sư và giáo hội đó chăng?

Hôm kia, có lẽ đã chuẩn bị đâu đó sẵn sàng, tôn giả Devadatta dẫn một hội chúng chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu từ tu viện Gayāsīsa về Trúc Lâm tìm gặp đức Phật, ông ta cất giọng có vẻ cao ngạo:

- Bạch đức Thế Tôn! Lúc này Thế Tôn niên trưởng đã cao, sức đã yếu[1], đệ tử thấy đức Thế Tôn nên nghỉ ngơi, tịnh dưỡng là phải lẽ. Còn công việc của giáo hội, hãy để cho con làm chưởng quản, chăm sóc và lãnh đạo chư tăng.

Đức Phật biết rõ tâm địa cùng mưu đồ bất chánh của ông, cất giọng khuyến cáo:

- Này Devadatta! Như Lai cũng chưa hề nghĩ là Như Lai sáng lập ra một giáo hội rồi làm giáo chủ giáo hội ấy. Như Lai là một đạo sư, chỉ là một người dẫn đường, tầm thường và đơn giản thế thôi. Còn trách nhiệm về việc chăm sóc Tăng-già ư? Ngay chính hai vị đại đệ tử của Như Lai, Sāriputta và Mahā Moggallāna; về trí tuệ, tư cách, phẩm hạnh của họ đều ưu việt, được coi là gần như ngang hàng với Như Lai, nhưng Như Lai cũng chưa hề nghĩ là sẽ giao phó giáo hội cho hai ông ấy chưởng quản. Còn ông là ai, ông là gì mà đòi lãnh đạo giáo hội? Ông tưởng rằng giáo hội thánh hạnh này để cho một kẻ liệt tuệ, thiếu tư cách, thiếu phẩm chất như ông chưởng quản hay sao? Tất cả mọi việc làm của ông, ngoài ánh sáng hay trong bóng tối, Như Lai đều thấy rất rõ ràng! Chẳng có gì có thể che giấu được Như Lai đâu, ông nên biết như vậy! Ông hãy đi đi! Từ rày về sau, trong giáo pháp này không có chỗ cho ông nữa - một kẻ cuồng vọng!

Do đức Phật không chấp thuận yêu cầu của Devadatta, nên ông ta cảm thấy bất mãn, căm thù ngài. Và cũng bắt đầu

---

[1] Ở tư liệu nào cũng nói như vậy, nhưng, chúng ta lưu ý: Đức Phật và Yasodharā cùng tuổi; Devadatta là anh ruột của Yasodhrā, vậy thì ông ta tối thiểu cũng lớn hơn đức Phật một hoặc hai tuổi? Thế thì câu nói, đức Thế Tôn đã già yếu – thì Devadatta lại càng già yếu hơn?!!!

từ đây, Devadatta vạch ra một chiến lược, rồi từng bước, từng bước đi theo chiến thuật, kế sách đã tính toán sẵn, hầu giết hại đức Tôn Sư.

Khi Devadatta đi rồi, đức Thế Tôn cho gọi ngay tôn giả Sāriputta, dạy rằng:

- Ông, Mahā Moggallāna cùng với chư đệ tử, hãy đi khắp thành Rājagaha công bố về tất cả những hành động bất chánh, cố ý chia rẽ tăng của Devadatta. Và xác định cho mọi người hay rằng, Devadatta đã ở ngoài giáo hội tăng đoàn; việc làm của ông ta sau này là trách nhiệm của chính ông ta, chứ không còn liên hệ gì đến Như Lai, liên hệ đến tăng chúng cũng như giáo pháp của Như Lai nữa!

Tôn giả Sāriputta ngại ngần:

- Trước đây, cũng tại kinh thành Rājagaha này, đệ tử đã từng đi công bố cho mọi người hay về phẩm hạnh trang nghiêm, trong sạch của Devadatta rồi. Lẽ nào, hôm nay đệ tử lại tuyên bố ngược lại?

- Trước đây, ông công bố về Devadatta như thế có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

- Vậy bây giờ ông đi công bố những điều Như Lai vừa nói, có đúng sự thật không?

- Thưa, đúng sự thật.

Đức Thế Tôn liền phán:

- Vậy thì các ông hãy đi công bố đi! Đệ tử của Như Lai bao giờ cũng nói đúng sự thật cả!

"Phán lệnh" của đức Phật – dù trường hợp nào cũng y cứ trên sự thật như vậy đó!

Thái Tử Ajātasattu
Hành Thích Vua Cha

Khi nghe tin đức Phật cho hai vị thượng thủ giáo hội cùng chư đệ tử đi công bố trong thành Rājagaha về hành động chia rẽ tăng của mình, dù không chính thức dùng thuật ngữ trục xuất, cũng nổi bật sự việc là Devadatta bị đuổi khỏi giáo hội tăng đoàn; hay được tin này, ông ta tức giận như điên, như cuồng...

Trước đây đã hơn một năm rồi, Devadatta đến bệ kiến thái tử Ajātasattu để tìm người có quyền lực hậu thuẫn ý đồ mờ ám của mình. Ông đã lòe bịp vị thái tử nhiều dã tâm, nhiều tham vọng nhưng ngây thơ này, bằng cách trổ một vài món pháp lực nho nhỏ.

Nghe hoàng hậu Videhi kể lại với thánh y Jīvaka khi ông sang chữa bệnh cho bà. Bà nói: Một cận sự của thái tử cho biết rằng, hôm đó, tôn giả Devadatta hóa phép một con rắn độc to lớn, dữ tợn quành quanh cổ ông ta với cái lưỡi độc thò ra, làm cho thái tử vô cùng kinh sợ. Quả nhiên, Ajātasattu hoàn toàn khiếp phục bởi pháp thuật của Devadatta nên thái tử đã tình nguyện hỗ trợ đắc lực trong khả năng quyền hạn có sẵn.

Người cận sự còn nghe rõ ràng Devadatta mở lời thuyết phục thái tử như sau:

- Người có chí lớn không câu nệ tiểu tiết cùng những đạo đức nhân nghĩa tầm thường trên thế gian. Trong tương lai, quyền lãnh đạo châu Diêm-phù-đề nầy ở trong tay thái tử và bần đạo. Chỉ có hai chúng ta thôi! Vậy thì thái tử hãy mau mau giết vua cha mà lên ngôi, sau đó, tranh đoạt thiên hạ. Tuy nước Kosala hiện giờ là bá chủ chư hầu nhưng về thực lực kho lẫm và binh bị, Sāvatthi kia không thể bì với Rājagaha của chúng ta được. Vả lại, thái tử có lợi thế, mẹ của thái tử vốn là em gái của đức vua Pāsenadi nước Kosala; chị gái của vua cha vốn là hoàng phi của đức vua Kosala. Vậy ta sẽ có mưu kế nội công, ngoại kích mà kẻ thù sẽ không ngờ tới. Như vậy, phần của thái tử sẽ rất dễ dàng chu toàn đại sự. Còn bần đạo, đầu tiên, bần đạo sẽ giết ông sa-môn Gotama để nắm trong tay quyền lãnh đạo Tăng-già. Như thái tử biết đấy, bần đạo có chút phép mọn thần thông biến hóa, biết việc quá khứ, vị lai; vậy chuyện thành công và vinh quang sau này của chúng ta là sự thật đương nhiên không cần bàn tới nữa.

Thế rồi, do danh vọng tối ám che mờ lương tri, do quá tin tưởng kẻ hoa ngôn, xảo ngữ, thái tử đã có một hành động vô cùng xấu xa, tội lỗi... Tuy việc được giữ kín, đức vua không muốn cho ai hay biết, nhưng hoàng hậu Videhi biết, và rồi thánh y Jīvaka cũng biết. Nên mấy hôm sau, thánh y Jīvaka lại ghé Trúc Lâm, dáng vẻ hối hả tìm gặp đức Phật, và thưa bạch:

- Thái tử Ajātasattu đã hành động soán nghịch thật rồi. Hôm kia, đội quân cấm vệ của đức vua phát giác thái tử lén lút vào cung trong đêm khuya, họ chận lại để lục soát thì tìm thấy một thanh gươm giấu trong áo bào. Quân cấm vệ dẫn

thái tử đến gặp vua ở tẩm phòng[1], cùng với thanh gươm và kể lại tự sự.

Đức vua nghiêm khắc hỏi:

- Con có biết mang gươm vào cung, trong đêm khuya là bị tội chém đầu không?

- Tâu phụ vương, con biết.

- Hóa ra con muốn giết phụ vương sao?

- Đúng vậy! Con muốn hành thích phụ vương, vì con muốn làm vua. Con đã lớn tuổi rồi.

Đức vua Bimbisāra lặng người giây lát:

- Muốn làm vua thì ta sẽ để cho con làm vua, cớ sao lại phải giết ta? Chỉ cần con nói ngay một tiếng thì ta sẽ thoái vị, nhường ngôi cho con liền ngay mà!

Thái tử Ajātasattu cúi đầu:

- Con không biết như vậy. Con đã ngu si, dại khờ làm việc bất hiếu, xin phụ vương tha tội cho con!

Quan sát nét mặt của thái tử, vua biết việc này có cái gì khuất tất ở đằng sau nên hỏi tiếp:

- Ai xúi giục con làm việc đại nghịch bất đạo này?

Thái tử nín lặng.

Đức vua bảo quân cấm vệ ra ngoài rồi tra xét thái tử một cách gắt gao, cuối cùng, thái tử mới tiết lộ đấy là Devadatta.

Đức vua cho thái tử hồi cung.

Sau đó, thấy việc hệ trọng nên ngay trong đêm, đức vua cho triệu tập các vị quan lão thần thân tín rồi kể lại cho họ nghe việc soán nghịch của thái tử.

Một vị tâu:

- Phép nước thì phải nghiêm, là phải chém đầu thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác:

---

[1] Phòng ngủ.

- Đồng ý là vậy! Nhưng xét về gốc tội thì phải luận đến kẻ chủ mưu! Thái tử chỉ là kẻ tòng phạm thôi, tâu bệ hạ!

Một vị khác nữa:

- Vậy thì phải giết hết để răn đe. Cả thái tử, cả Devadatta, và cả những ai liên hệ trong âm mưu này nữa, tâu bệ hạ!

Đức vua trầm ngâm, lát sau, ông nói:

- Trẫm không thể xuống tay hay ra lệnh giết con mình dù nó phạm tội không thể dung tha. Còn về Devadatta thì đức Đạo Sư và nhị vị thượng thủ giáo hội đã công bố khắp kinh thành là không còn chịu trách nhiệm gì trước những hành động của ông ta nữa. Dù Devadatta ác độc, đã xúi giục thái tử làm điều vô luân, vô đạo nhưng ông ta cũng đang quàng chiếc y vàng, biểu tượng cho ngọn cờ của bậc thánh hạnh, trẫm không dám đụng đến đâu. Lại nữa, Devadatta còn là anh ruột của vị thánh ni Yasodharā, là anh rể của thái tử Siddhattha trước đây nữa!

Một lão thần biết sự khó xử của đức vua hiền thiện nên góp ý:

- Chỉ có đức Thế Tôn là sáng suốt nhất, sao bệ hạ không đến Trúc Lâm thỉnh thị ý kiến của ngài? Biết đâu sẽ có một giải pháp lưỡng toàn, vừa nghiêm được phép nước vừa không đụng chạm đến Devadatta một cách quá đáng?

Đức vua yên lặng một lát:

- Chuyện này mà được đồn đãi ra ngoài cũng không hay ho gì. Thôi, trẫm và các khanh giấu kín chuyện này đi, coi như không có gì xảy ra. Ngay ngày mai, trẫm sẽ xuống chiếu cho trăm họ hay biết rằng, trẫm sẽ thoái vị và truyền ngôi cho thái tử, thế là yên! Các khanh về đi!

Chư vị lão thần muốn góp ý do không vừa lòng việc truyền ngôi cho thái tử nhưng đức vua đã xua tay, như đã quyết định rồi; họ thở dài, cúi đầu bước ra, lòng ai cũng nặng trĩu.

Đức Phật
Tẩy Chay Lễ Đăng Quang

Khi việc công bố đức vua Bimbisāra thoái vị, sẽ truyền ngôi cho thái tử Ajātasattu và sau đó là lễ đăng quang vương vị vừa được thông tin truyền đi khắp nơi; chỉ mới hai hôm sau là Devadatta đã có mặt tại hoàng cung. Rồi Devadatta lại thầm thì gì đó với thái tử, khi thì thái tử lắc đầu, khi thì thái tử gật đầu có vẻ rất bí mật, thánh y Jīvaka cho cho biết như vậy.

Trước ngày lễ đăng quang, phái đoàn sứ giả của thái tử đến Trúc Lâm mời thỉnh đức Phật, chư đại trưởng lão tham dự - nhưng ngài từ chối, còn nghiêm khắc nói rằng:

- Ở nơi nào có cái gì đó ám muội, ác đức và bất minh thì ở đó, Như Lai và chư đại trưởng lão sẽ không bao giờ bước chân tới, chư vị hãy về nói lại với thái tử như vậy.

Sau đó, đức Phật triệu tập chư vị đại trưởng lão, nói rằng:

- Các ông hãy cho thông tri khắp tất cả mười tám đại tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh đô Rājagaha - rằng là, trong ngày lễ đăng quang của thái tử, không một vị tăng vị ni nào trong giáo hội của Như Lai được phép vào hoàng cung dự lễ. Chúng ta là người xuất gia phạm hạnh, không

nên tham dự những công việc triều chính phức tạp với nhiều ý đồ, nhiều tham vọng bất chánh của thế gian.

Và quả đúng như câu nói khá rõ ràng của đức Phật, ngày mai đăng quang thì tối hôm ấy, thái tử cô lập vua cha ở trong một biệt điện với mấy lớp khóa; và bắt bỏ ngục một số quan lão thần khác.

Ngày lễ đăng quang rất huy hoàng và trọng thể. Đèn đuốc, cờ xí, bàn hoa được treo và bày biện khắp nơi, từ thành phố đến cung điện. Devadatta và chúng đệ tử của ông chừng ba bốn trăm vị tỳ-khưu đã phụ giúp việc này việc kia cho thái tử rất nhiệt tình. Nghiễm nhiên, Devadatta bây giờ chưa tự xưng là giáo chủ nhưng rõ ràng là đang đóng vai giáo chủ để hộ pháp cho vương triều!

Hoàng hậu Videhi và thánh y Jīvaka biết rõ việc đức vua bị giam lỏng và các lão thần bị nhốt ngục; họ rất đau lòng nhưng chỉ tâm sự với nhau rất kín đáo, nếu không, Devadatta mà biết thì ông ta cũng xúi thái tử nhốt họ luôn. Khi đã bị mê mờ về danh vọng và quyền lực thì bọn chúng đâu còn nghĩ gì về lẽ hiếu đạo và nhân nghĩa ở đời?

Hoàng hậu nói với vị thánh y:

- Tôi bị cung nữ tay chân của thái tử theo dõi nên không rời đi đâu được. Hay là ngài vì tôi đến gặp đức Thế Tôn, kể lại chuyện đức vua bị cô lập, các lão thần bị nhốt ngục, xem thử đức Tôn Sư có dạy bảo gì không?

Jīvaka nói:

- Lệnh bà hãy yên tâm, chúng ta không cần đi đến Trúc Lâm trong lúc này, nguy hiểm lắm! Hãy ẩn nhẫn cái đã. Đức Tôn Sư đã biết tất cả cái gì xảy ra ở đây, khi ngài từ chối không tham dự.

- Ừ, quả đúng vậy thật!

- Lệnh bà hãy cho người âm thầm lắng nghe những cuộc họp bàn giữa thái tử và Devadatta. Tôi còn sợ bọn người vô

lương tri kia nhốt ngục đức vua vĩnh viễn và họ thủ tiêu luôn các vị lão thần đó!

Hoàng hậu Videhi rùng mình ớn lạnh, than dài:

- Ôi! Trời ôi! Chúng đã mất hết nhân tính rồi!

Trong lúc ấy, khi cuộc lễ diễn ra, cả trăm vị quan đương triều, hằng ngàn gia chủ hữu danh, phú hộ, triệu phú; và đại diện cả hằng trăm nhân sĩ, trí thức, đạo sĩ, giáo chủ và các tôn giáo - họ không thấy đức vua cùng các vị lão thần uy tín thì bóng tối hoài nghi chợt phủ mờ trong mắt họ. Lại nữa, tại sao cuộc lễ quan trọng, lớn lao như thế này mà lại vắng mặt đại sa-môn Gotama và chư đệ tử của ngài? Họ đặt câu hỏi và quần chúng cũng đặt câu hỏi? Ngoại trừ một số người muốn ủng hộ tân quốc vương để tìm kiếm danh lợi thì ở lại tham dự, còn đa phần họ tuần tự, lặng lẽ rút lui. Họ bất phục và họ âm thầm chống đối. Và sau khi biết rõ, đức Phật và giáo hội của ngài đã tỏ thái độ bất hợp tác, tẩy chay triều đình mới thì quần chúng, cả trí thức và bình dân đều tỏ ra hả dạ. Từ đây, họ lại còn phân biệt được đâu là giáo đoàn của Devadatta sống trong tà mạng bất chính và đâu là giáo đoàn của đức Phật cùng tăng ni thánh hạnh của ngài.

Sau lễ đăng quang, đức vua Ajātasattu được tay chân báo cáo về sự âm thầm chống đối của dân chúng, họ "hùa theo" ông Gotama thì ông ta rất giận dữ. Tuy nhiên, ông ta còn bình tĩnh để suy nghĩ rằng, tuyệt đối cái ông Phật kia không thể đụng đến được! Đụng đến đức Phật và giáo hội của ngài là đụng đến đức vua Kosala hùng mạnh và cả trăm tiểu quốc châu Diêm-phù-đề này nữa. Chưa nói đến binh lực tất cả các nước hợp quần và sự trừng phạt của họ, mà chỉ cần một lệnh cô lập ngoại giao, cô lập giao thương, kinh tế... là Māgadha đã sống dở, chết dở rồi!

Cho đến lúc này thì quân sư Devadatta cũng bó tay, không còn mưu kế. Ông nghĩ, tất cả đều do ông Gotama mà ra cả. Chỉ có kế thượng sách là giết ông ta mà thôi!

Giết Phật
Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá

Sau khi cho người theo dõi, biết đức Phật vào khoảng buổi chiều thường hay tọa thiền nơi khu rừng yên vắng bên sau Trúc Lâm; Devadatta bèn nhờ tân quốc vương Ajātasattu tuyển chọn một số tay thiện xạ về cung nỏ rồi bí mật chia làm ba toán. Ông ra lệnh cho toán thứ nhất chuẩn bị cung nỏ tốt, vẽ bản đồ, lối đi, lối về, chỗ ẩn nấp, nơi đức Phật tọa thiền... rất tỉ mỉ, chu đáo; nghiêm lệnh là mỗi người một phát tên là phải trúng đích; được thì trọng thưởng, thất bại là bị chém đầu! Toán thứ hai ông cũng triệu tập bí mật, không cho toán thứ nhất biết rồi ông dặn bảo cách khác. Toán thứ ba cũng dặn riêng, không cho toán thứ hai biết.

Thế rồi, sau khi đã sắp xếp chu đáo, không còn một sơ hở nào, tuần tự ba toán thiện xạ tuân lệnh lên đường, theo bản đồ chỉ dẫn. Toán thứ nhất, đến nơi, họ hờm sẵn cung nỏ núp sau những lùm cây rậm. Sau khi đám lá được vẹt ra, họ nhìn thấy một sa-môn tướng hảo quang minh, đang ngồi tĩnh tại và uy nghiêm như một vị thần linh, khuôn mặt trong sáng, mát mẻ và từ hòa hết mực. Họ sợ hãi, nghĩ thầm: "Người này là sa-môn, có thể là đức Phật, đang được các đức vua, các vị đại bá hộ và dân chúng rất kính trọng và

ngưỡng mộ. Rõ ông ta là người hiền chứ không phải kẻ ác. Làm sao chúng ta có đủ can đảm giết ông ta?”

Đức Phật biết chuyện, từ xa, ngài cất giọng dịu dàng:

- Các con đừng sợ, hãy đến đây với Như Lai, rồi Như Lai sẽ nói chuyện cho mà nghe!

Âm hưởng từ bi của tiếng nói ấy làm cho những tay xạ thủ, vốn không phải là kẻ ác, đồng buông thõng cung nỏ; chúng đến quỳ bên chân đức Phật, thú nhận và sám hối về ý định giết đức Đạo Sư. Dùng Phật nhãn, đức Thế Tôn thấy chúng có duyên lành nên ngài đã thuyết ngắn gọn một thời pháp tế độ. Nghe xong, toán cung thủ phát khởi đức tin trong sạch, chứng đắc Nhập Lưu thánh đạo và là những cận sự nam từ đây cho đến trọn đời.

Sau đó, đức Phật nói:

- Bây giờ, muốn an toàn sanh mạng, các con đừng trở lại theo lối cũ như sự chỉ dẫn của bản đồ, vì ở đấy sẽ có toán cung thủ khác đang rình sẵn chờ giết các con để bịt miệng!

Toán cung thủ vập đầu xuống:

- Đức Thế Tôn sau khi đã mở con mắt sáng cho chúng con, lại còn cứu mạng chúng con nữa. Ơn đức ấy là vô lượng. Chúng con sẽ đi lối khác trở về thành phố, không những lối cũ đường mòn trong rừng kia chúng con không trở lại, mà lối cũ đường mòn đầu quân làm lính, sử dụng cung nỏ để giết vật, giết người... chúng con nguyện sẽ không bao giờ trở lại nữa.

Đức Phật tán thán:

- Lành thay! Thật là rất tốt vậy.

Đảnh lễ bái biệt đức Thế Tôn xong, toán thiện xạ hồi đầu hướng thiện này, bẻ gãy cung nỏ, quăng tuốt vào rừng sâu, với dáng đi chậm rãi, thanh thản khuất sau đường mòn ngược chiều.

Toán thiện xạ thứ hai, đông người hơn, được lệnh rình giết toán cung thủ thứ nhất nhằm để diệt khẩu, nhưng

Devadatta bảo với họ, chúng là tội phạm nguy hiểm của triều đình. Nhưng đợi chờ quá lâu chẳng thấy tăm hơi, nóng lòng, toán thiện xạ này bỏ chỗ đi tìm. Đức Phật biết chuyện, ngài độ họ giữa đường, nói rõ cho họ nghe mưu kế của Devadatta và vua Ajātasattu; và những kẻ mà toán này chờ giết đều là kẻ vô tội thuộc toán cung thủ thứ nhất như thế nào. Sau đó, đức Phật thuyết một thời pháp, đặt họ vào Dự Lưu quả, cho thọ trì quy giới rồi bảo đi theo lối khác mà trở về.

Toán thứ ba cũng tương tợ vậy, nhưng sau khi mở con mắt pháp cho họ, cho quy y, đức Phật lại nói:

- Riêng các con thì trở về chỗ cũ y như lời dặn. Các con cứ nói thật tất cả cho tên tỳ-khưu Devadatta xấu ác ấy biết. Các con vẫn an toàn tánh mạng.

Khi những tay thiện xạ về kể lại cho Devadatta nghe về tình hình của ba toán cung nỏ, theo lời kể của đức Phật thì y biết rằng, kế hoạch đã hoàn toàn thất bại rồi. Nếu bắt tội chúng thì quá lẽ. Chỉ có toán thứ nhất là đáng phải chặt đầu. Thế cũng không thông lắm. Khi mà con nai con gặp mặt chúa sơn lâm thì làm sao nó khỏi sợ hãi? Cũng thế, gặp mặt ông sa-môn Gotama thì có chúng sanh nào mà không sợ oai, không bị nhiếp phục?

Nghĩ thế xong, Devadatta nói:

- Thôi, ta tha tội chết cho các ngươi đó, hãy đi đi! Phải tự ta ra tay mới được!

Tuy đã cố gắng làm chủ cơn bực bội, nóng giận của mình nhưng sóng lòng của Devadatta trào lên dữ dội. Khi nhóm cung thủ đi khuất, y gầm một tiếng như thú dữ, rồi hét:

- Sa-môn Gotama! Sẽ biết tay ta!

Thế là mưu kế giết đức Phật bằng những tay thiện xạ, có kết quả trái ngược, Devadatta ôm mang thêm mối thù hận sâu sắc trong lòng.

Sau nhiều ngày cho người theo dõi, Devadatta đã biết đức Phật đã rời Trúc Lâm và chỉ một mình ôm bát để đến vườn xoài của thánh y Jīvaka. Và nhiều lần, đức Phật lại đi kinh hành gần sát chân núi Gijjhakūṭa. Trên núi ấy có rất nhiều tảng đá cao to chớn chở, nằm vào những thế rất dễ lăn xuống sườn. Nghĩ đây là cơ hội tốt nhất để giết Phật, Devadatta lần mò leo lên núi. Từ điểm cao, sau khi xác định vị trí, Devadatta sai một số tỳ-khưu trẻ dùng cây làm đòn bẫy, hì hục bật một tảng đá rất lớn xuống chỗ đức Phật đang đi kinh hành lui tới...

Tảng đá lớn lìa gốc, xuôi đà, đập vào những tảng đá nhỏ tạo nên tiếng va động dữ dội. Lực rơi rất lớn, trượt nát những vật cản rồi băng băng lao đi không đổi hướng.

Devadatta bước ra mé núi trông xuống, phủi tay, mỉm cười thỏa nguyện. Bất ngờ, phía cuối sườn dốc, có hai tảng đá lớn hơn, như có mắt hoặc bị một năng lực vô hình, đồng nghiêng đầu chụm lại, ngăn chặn và kẹp cứng tảng đá của Devadatta vào giữa. Một tiếng động như trời long đất lở, tảng đá của Devadatta bị vỡ hằng trăm mảnh, rào rào bắn đi tứ phía. Thế là có một mảnh rất nhỏ trúng nhằm bàn chân phải của đức Thế Tôn làm cho chân ngài bầm máu và sưng tấy lên.

Devadatta tức giận quá, mắt trợn lên, răng nghiến trèo trẹo, nguyền rủa trời nguyền rủa đất rồi bỏ đi. Còn vết thương nơi chân của được Phật được thánh y Jīvaka tới nơi kịp lúc, chăm sóc cẩn thận và chu đáo. Ngay tối hôm ấy, chư đại trưởng lão như Sāriputta, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda... tức khắc có mặt tại vườn xoài để thăm hỏi về vết thương của đức Phật. Và ai cũng ngán ngẫm về tâm địa độc ác của Devadatta.

An Tịnh Trong Ngục Tối

Trong thời gian đức Phật nghỉ dưỡng thương, thánh y Jīvaka dâng cúng vật thực hằng ngày. Ông còn cho đức Phật biết tin là đức vua Bimbisāra đã bị ông vua con giam vào ngục tối; và các vị lão thần thân tín của đức vua đều bị thủ tiêu một cách bí mật. Thế là tội ác của Devadatta và Ajātasattu đã không còn thuốc chữa, càng ngày càng lún sâu vào địa ngục!

Do nhờ sự chỉ dẫn và mưu kế của thánh y Jīvaka, thái hậu Videhi đã hóa trang, ngồi trong chiếc xe bít bùng đến vườn xoài hội kiến đức Phật. Đôi mắt bà sưng húp do khóc nhiều và khuôn mặt xanh xao vàng võ chưng tỏ thiếu ăn, thiếu ngủ. Vừa thấy mặt đức Phật, thái hậu quỳ sụp xuống đất và khóc ròng rã.

Đức Phật cứ để yên cho thái hậu khóc, một hồi, ngài mới nói:

- Thái hậu đã quá thương cảm, điều ấy cũng đúng thôi! Nhưng hãy tỉnh táo, kể lại cho Như Lai nghe về tình trạng của đức vua ở trong ngục hiện giờ như thế nào?

Thái hậu lau ráo lệ.

- Bạch Thế Tôn! Tình trạng ngày càng tệ. Hắn đã nghe lời xúi giục của tên ác tăng Devadatta bắt vua cha giam vào ngục tối, lại còn cho quân ngục canh gác rất cẩn thận. Ba

bốn hôm đầu, đệ tử còn được phép vào thăm và mang theo vật thực cho đức vua dùng, nhưng sau đó, hắn đã táng tận lương tâm, chỉ cho đệ tử vào thăm nhưng không được mang theo thức ăn nữa. Đệ tử bèn nghĩ cách là giấu thức ăn trong búi tóc rồi cột khăn quàng đầu lại trông rất tự nhiên nên chúng chẳng nghi ngờ gì. Được sáu bảy ngày, chúng thấy sao đức vua bị bỏ đói lâu ngày mà thần sắc vẫn tươi tỉnh nên chúng nghi ngờ, lục soát rất kỹ, bắt xõa tóc thì vắt cơm rơi ra. Và chúng còn bảo, đó là lệnh trên, chúng không dám không tuân, xin lệnh bà thứ tội!

- Vậy thì bệ hạ bị bỏ đói mấy hôm rồi?

- Thưa, đã ba hôm!

- Sau đó như thế nào nữa, thái hậu?

- Sau đó, đệ tử nghĩ kế khác. Đệ tử đã nấu cơm, tẩm thêm sữa, đề hồ, mật ong rồi nghiền chúng thật nhuyễn. Sau khi tắm rửa, kỳ cọ thân thể sạch sẽ, đệ tử phết chất nhuyễn hỗn hợp thứ ăn ấy lên người rồi mặc xiêm bào mới vào rồi tự nhiên đi đến ngục. Bọn quân ngục lại lục soát rất kỹ cũng không tìm thấy. Thế là với phương cách ấy, đệ tử cạo lột chất nhuyễn ấy cho đức vua dùng, và cũng chỉ mới được ba hôm thôi, bạch Thế Tôn!

- Cách này cũng không được lâu, khi chúng thấy đức vua nhịn đói hoài mà vẫn mạnh khoẻ, chúng sẽ không cho thái hậu vào thăm nữa!

Rồi đức Phật dịu dàng cất tiếng hỏi:

- Quan trọng nhất là tinh thần! Tình trạng tinh thần của bệ hạ ra sao, thưa thái hậu?

- Tinh thần của đức vua thì rất tốt. Khi đệ tử khóc vì không còn mang được thức ăn vào nữa thì đức vua mỉm cười, nói với đệ tử rằng: Không sao đâu bà, không ăn cũng có cái tốt của không ăn. Bây giờ, nhờ không ăn, thân tâm rỗng rang, ta đã hành thiền rất tốt đấy! Đức vua trấn an đệ tử như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Điều đó là đáng mừng nhất, thưa thái hậu. Mỗi người ai cũng có nghiệp của mình, phải bị trả quả. Nhưng cái quả dữ bị giam vào ngục tối, bị bỏ đói mà tâm trí đức vua vẫn sáng suốt và an tịnh. Cái quả dữ kia đã được đức vua vô hiệu hóa rồi đó, thái hậu đừng quá sầu não nữa.

Thái hậu như đã bình tĩnh trở lại:

- Có điều kỳ lạ là đức vua không tỏ vẻ một chút nào là thù hận Devadatta cũng như đứa con bất hiếu, ông còn thương cảm sự vô minh và si mê của chúng nữa, bạch đức Thế Tôn!

- Vâng, đấy là tâm của bậc thánh giả!

- Đức vua còn nói rằng, ta có thể nhịn đói, an tịnh như thế này mà ra đi cũng được, bà đừng lo lắng và thương cảm cho ta. Nhờ ngục tối, nhờ cô đơn, ta chiêm nghiệm sâu xa về giáo pháp của đức Tôn Sư; và bây giờ ta mới thực sự hiểu thế nào là vô thường, vô ngã và rỗng không của thế gian pháp! Ông ta đã nói như thế đó, bạch Thế Tôn!

- Đức vua nói đúng sự thực đấy, thưa thái hậu! Và dường như đức vua chỉ lo lắng một điều...

- Vâng, phải, quả vậy, bạch Thế Tôn! Đức vua nói, ta chỉ lo lắng một điều, là đứa con ngu si lại gây ra nạn chiến tranh can qua với nước này, nước nọ - sinh ra cảnh đầu rơi, máu chảy của muôn dân vô tội mà thôi!

- Đúng vậy, đấy là sự lo lắng chính đáng! Nhưng xin thái hậu hãy nói với đức vua là ngài hãy yên tâm trong lúc này – tất cả hãy để cho nhân duyên và quả nó làm việc.

Chợt thái hậu có vẻ hốt hoảng:

- Nguy rồi, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã mật truyền cho một vị quan trẻ thân tín về Sāvatthi, tâu trình sự việc lên đức vua Kosala, là nhờ ông vua anh trừng phạt thằng cháu bất hiếu! Ôi! Nguy rồi! Lệnh đi rồi làm sao rút lại được?

Đức Phật mỉm cười:

- Thái hậu an tâm! Vị quan trẻ ấy không thể có thần lực đi đến Sāvatthi nhanh hơn ông đệ nhị đại đệ tử của Như Lai đâu! Như Lai đã bảo Mahā Moggallāna nói với đức vua Kosala hãy cố gắng kềm chế cơn tức giận trong trường hợp như dầu sôi, lửa bỏng nầy! Thái hậu hãy tường trình lại với đức vua như vậy để cho ngài khỏi phải lo lắng nữa.

Thái hậu Videhi quỳ sụp xuống:

- Vô vàn tri ân đức Thế Tôn!

Sau hôm đó, đức Phật và chư vị trưởng lão trở lại Trúc Lâm được mấy hôm thì thánh y Jīvaka đến cho biết tin là đức vua Bimbisāra đã qua đời, trong tình trạng rất thanh thản và an bình.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi tuyên bố với đại chúng :

- Đức vua Bimbisāra đã ra đi! Thế là ông hưởng thọ được sáu mươi bảy năm, trị vì quốc độ thanh bình và thịnh vượng năm mươi hai năm, là một vị minh quân hiếm có trên cuộc đời, là ân nhân của bá tánh và cũng là bậc hộ pháp cho giáo hội. Hiện giờ, ông đã hóa sanh lên cõi trời Tứ Đại thiên vương, là một vị thiện yakkha[1] nhiều thần lực, có tên là Janavasabha, làm người tùy tùng thân cận đức Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn thiên vương)[2].

Chuyện đức vua hiền thiện Seniya Bimbisāra qua đời trong ngục tối, khi chư tăng biết thì toàn thể kinh đô đều biết. Muôn dân phẫn nộ và âm thầm nguyền rủa đứa con bất hiếu. Lại nữa, chuyện ác tăng Devadatta cho cung nỏ giết Phật, lăn đá hại Phật cũng đã được loan truyền đi khắp nơi. Như vậy, sự bất mãn, sự chống đối, sự căm ghét Ajātasattu và Devadatta như những cơn sóng ngầm lan tỏa trong lòng mọi người, nếu không có ai kiềm chế thì có thể biến thành trận lửa cháy nội loạn chăng?

---

[1] Yakkha: Dạ Xoa, nhưng là Dạ Xoa thiên, thiện, có thần lực.

[2] Theo Dictionary of Pāḷi Proper Names – Q.2, trang 287.

Giết Phật
Bằng Voi Dữ Nālāgiri

Đã hai lần hại Phật không được, Devadatta tìm cách nghĩ ra mưu kế khác, ông không hề biết rằng, muôn dân đang căm hận ông, nguyền rủa ông.

Hôm kia ông vào gặp đức vua Ajātasattu, nói rằng:

- Nay thái tử đã lên ngôi vua chí tôn, vậy là an ổn do vua cha đã "lên trời" rồi, còn bần đạo thì chưa tìm ra cách nào để giết ông sa-môn Gotama cả. Như vậy thì kế hoạch của chúng ta chỉ thành công được một nửa. Vì khi mà bần đạo chưa chưởng quản được giáo hội Tăng-già thì bần đạo chưa thể cung hiến thần kế giúp tân vương tranh đoạt thiên hạ được.

Đức vua Ajātasattu trầm ngâm giây lâu:

- Trẫm sẵn sàng giúp ngài cả nhân lực và tài lực, mong rằng đại sự của chúng ta chóng thành. Vậy thì có mưu kế gì hay hơn, ngài cứ bày ra, chẳng có gì phải e ngại cả.

Devadatta ưu tư nói:

- Với con người, sức của con người thì chẳng làm gì được ông sa-môn Gotama đâu!

- Tại sao? Tân vương ngạc nhiên hỏi.

- Thưa! Oai lực, thần lực cùng từ bi tâm của ông sa-môn kia làm cho ai nấy đều không dám đến gần. Nếu có ai đến gần thì cũng không dám ra tay. Và cuối cùng, bọn chúng đều bị cảm hóa cả.

- Vậy thì phải làm sao?

- Nghe nói rằng, đại vương có một con voi báu, rất hung dữ, có sức mạnh khủng khiếp. Nếu dùng voi ấy để giết ông sa-môn Gotama quả là thượng sách. Con người thì sợ năng lực của ông ta, còn loài súc sanh thì chúng đâu có biết gì!

- Đúng lắm! Tân vương ca ngợi – Ngài nghĩ vậy thì thật là chu đáo!

Nói xong, vua bèn cho gọi người quản tượng, dặn là phải tuyệt đối nghe theo lệnh của Devadatta.

Khi người quản tượng dẫn Devadatta đến chuồng nuôi voi, thấy một con voi rất to lớn, đen đúa, tướng mạo rất dữ dằn, đang bị khóa bằng mấy vòng xích sắt kiên cố; bèn hỏi:

- Con voi này có phải tên là Nālāgiri nổi danh đây chăng?

- Thưa phải!

- Tại sao khóa xích sắt kiên cố như thế?

- Thưa, chỉ để dự phòng thôi ạ!

Devadatta nhăn mày:

- Ngươi hãy nói rõ lý do tại sao?

- Thưa, cứ cách ba ngày là phải cho nó ăn một thúng cơm và uống một hũ rượu, bằng không nó sẽ phá chuồng mà đi! Được cơm và rượu xong, nó sẽ dễ bảo. Còn đúng kỳ hạn mà không bày cơm rượu, nó sẽ nổi tính điên cuồng chẳng có ai kềm giữ được!

Devadatta cười nói:

- Thế ra, xích sắt này chỉ để phòng hờ những khi quên cung cấp khẩu phần cơm rượu cho nó đây!

- Thưa vâng!

- Nuôi dưỡng tốn kém như thế thì đức vua sẽ dùng nó vào việc gì?

Người quản tượng rành rẽ đáp:

- Thưa, nuôi quân ngàn ngày đôi khi chỉ dùng có một lần. Cũng vậy, con voi này chỉ để dành những khi xung trận. Chỉ cần trước khi giáp lá cà, cho nó ăn vài thúng cơm, cho nó uống tám hũ rượu gạo là nó hung mãnh lao đi giết giặc còn lợi hại hơn cả một ngàn quân, lợi hại hơn sức của một trăm con voi khác cộng lại.

Nghe vậy, Devadatta hớn hở nói:

- Vậy thì ngươi cứ chuẩn bị cho ta ba thúng cơm và mười sáu hũ rượu gạo thật ngon, khi có lệnh là sử dụng ngay, không được chậm trễ!

Người quản tượng thất kinh, chăm chăm nhìn vị sa-môn, y trố mắt ngạc nhiên nhưng không dám hỏi, trong bụng nghĩ thầm rằng: Bậc tu hành sao lại có tâm địa ác độc, coi rẻ mạng sống của người khác đến thế? Mười sáu hũ rượu gạo mà voi uống vào thì cả hàng chục ngôi làng cũng bị nó san thành bình địa! Hay là đức vua sắp có một cuộc chiến tranh lớn? Cũng không đúng! Vì kẻ tu hành sao lại kích động chuyện giết nhau?

Riêng Devadatta thì khoan khoái trong lòng, tự nghĩ rằng, hại ông sa-môn Gotama bằng con voi Nālāgiri này, hẳn là thân xác ông ta bị dập nát như quả cà chua đỏ! Và ngôi vị bá chủ tăng chúng còn ai dám tranh đoạt với ta? Hắn hỉ hửng rồi lắp bắp thành tiếng:

- Sau khi ta làm giáo chủ giáo hội rồi, ta sẽ mở một chiến dịch, có ông vua trẻ ngu si hỗ trợ, lần lượt thanh toán hoặc ức chế sự hoạt động của tôn giáo khác. Một tương lai rất gần thôi, thiên hạ "không tín ngưỡng" là thuộc ông vua con nhưng ở dưới quyền điều khiển của ta, còn thiên hạ "có tín ngưỡng" là hoàn toàn do ta lãnh đạo. Khi ấy thì nói gì danh vọng, lợi dưỡng và quyền lực! Ta sẽ tạo ra một vương

quốc không có ngai vàng, mà uy lực của ta sẽ thống trị từ chỗ mặt trời mọc đến chỗ mặt trời lặn, rộng cho đến hải biên hoang đảo. Lúc ấy thì tha hồ mà hưởng thụ ngũ dục tối thượng. Còn ai dám nhắc nhở ta điều này đáng làm và điều kia không nên làm như ông sa-môn Gotama đạo đức giả kia chứ!

Như thỏa chí bình sinh quá, Devadatta cất tiếng cười hô hố rất ngạo mạn và lố bịch. Một chân trời khoái lạc rộng mở trước mắt hắn!

Mờ sương hôm ấy, ở Trúc Lâm, tại hương phòng, theo lệ thường, đức Phật nhập đại bi định, xuống cận hành định, dùng Phật nhãn quán xét thế gian, xem thử ai có hữu duyên nên tế độ. Sau khi thấy rõ, biết rõ chuyện gì xảy ra, đức Thế Tôn chợt mỉm cười, xả định, đi kinh hành lui tới với tâm thái hoàn toàn an nhiên, buông xả.

Trong không khí mát mẻ và vắng lặng của khu rừng tre, bỗng nhiên, rất nhiều bước chân và tiếng người xôn xao trước cổng của tịnh xá. Lát sau, tôn giả Ānanda vào quỳ bạch Phật:

- Không biết có chuyện gì mà cận sự nam nữ hai hàng thành Rājagaha, lũ lượt từng đoàn, từng đoàn muốn vào gặp mặt đức Thế Tôn?

Đức Phật dịu dàng nói:

- Này Ānanda, có chuyện đấy! Hãy cho họ tự nhiên vào gặp Như Lai!

Đoàn người được đức Thế Tôn tiếp kiến. Họ đồng quỳ đảnh lễ cả khoảng sân lớn rồi vị bô lão đại diện tâu:

- Chúng con thỉnh nguyện đức Thế Tôn sáng nay không nên đi vào thành để khất thực. Tất cả chúng con đồng đến đây để đặt bát cúng dường đức Thế Tôn và toàn thể Tăng chúng Trúc Lâm. Vì lòng bi mẫn xin đức Thế Tôn hoan hỷ nhận lời.

Đức Phật đưa mắt hiền hòa nhìn khắp hai hàng cư sĩ áo trắng rồi hỏi:

- Có chuyện gì chư vị cứ nói, Như Lai đang nghe đây!

Một tín nữ thưa:

- Sáng nay, từ rất sớm, bạch đức Thế Tôn! Vị tân quốc vương ác đức vừa mới giết cha hiền để chiếm ngôi, có ra thông báo khắp các hang cùng ngõ hẻm, rằng là toàn thể dân chúng trong thành không ai được đi ra đường, vì quản tượng sẽ cho thả voi dữ Nālāgiri uống rượu say!

Đức Phật gật đầu:

- Ừ! Thì chuyện đó Như Lai có biết!

Lời vị khác chen vào:

- Bạch! Thiên hạ đồn ầm lên rằng, Devadatta âm mưu với vua Ajātasattu thả voi say là muốn giết hại đức Thế Tôn đấy!

Đức Phật gật đầu một lần nữa:

- Ừ! Thì chuyện âm mưu giữa họ với nhau như thế, Như Lai cũng biết mà!

- Nhưng mà con voi hung dữ ấy sẽ giết ngài cùng với Tăng chúng đi theo. Voi Nālāgiri nổi tiếng vô địch vang danh khắp các tiểu quốc, khi say rượu rồi thì chẳng kể trời đất gì nữa!

Đức Phật hỏi:

- Vì chuyện ấy mà chư vị thỉnh Như Lai cùng với chư tăng thọ thực tại tịnh xá?

- Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn.

Đức Phật yên lặng một lát rồi nói:

- Chư vị nghĩ như thế nào thì cứ như vậy mà làm. Còn sáng nay, Như Lai và Tăng chúng sẽ vào thành khất thực là chuyện của Như Lai. Tại sao lại như thế? Vì Như Lai thấy rõ, biết chắc rằng trên đời nay, không một sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, ma vương, phạm thiên nào lại có khả năng làm hại Như Lai cả. Ngoài ra, chư vị biết sao không? Con

voi hung dữ Nālāgiri ấy, sẽ được Như Lai cảm hóa. Và do duyên ấy, một ngóm ngoại đạo được cải tà quy chánh và vô lượng chúng sanh người, trời, phạm thiên chứng đắc thánh đạo và thánh quả. Vì lợi ích cho phần đông như thế, chư vị nghĩ là Như Lai nên đi khất thực bình thường hay ở lại chùa vì sợ hãi voi dữ?

Toàn thể cận sự nam, cận sự nữ vốn có đức tin vững chắc nơi đức Phật nên khi nghe ngài trình bày nguyên nhân và kết quả của sự việc, họ hoan hỷ vô cùng, đồng thanh đáp:

- Nên đi! Đức Thế Tôn và chư tăng nên vào thành khất thực như lệ thường. Và chúng con cũng sẽ đặt bát cho đức Thế Tôn và chư tăng vào trưa nay, ở Trúc Lâm này!

Với niềm tin tưởng mãnh liệt là voi dữ sẽ được đức Thế Tôn cảm hóa, họ không lo sợ nữa, đảnh lễ ngài rồi ra về.

Khi họ vừa mới đi khuất, đức Phật dặn bảo tôn giả Ānanda:

- Ông hãy thông báo gấp, là sáng nay, toàn thể Tăng chúng ở khắp mười tám đại tự viện hãy cùng vào thành Rājagaha khất thực với Như Lai.

Chỉ một lát sau là tin truyền đã rì rào như gió lan đi khắp thành Rājagaha. Cận sự nam và nữ bảo nhau rằng:

- Hôm nay chúng ta sẽ tận mắt nhìn thấy đức Phật cảm hóa voi dữ Nālāgiri, và như vậy thì mưu kế ác độc của tên ác tăng Devadatta và thằng vua con bất hiếu Ajātasattu sẽ thất bại một cách thảm hại.

Thế rồi, họ ùa nhau leo lên đọt cây cao, trên mái nhà hoặc sườn núi kế cận để quán sát cho rõ.

Dân chúng thuộc nhiều giáo phái ngoại đạo, thì được giáo chủ của họ truyền miệng với nhau rằng:

- Voi Nālāgiri có sức mạnh phi thường, lại uống rượu say nữa thì phải biết! Chúng ta sẽ được mãn nhãn nhìn ngắm hung tượng chà đạp, dẫm nát sa-môn Gotama!

Họ cùng nhau leo lên lầu cao hoặc mái nhà cao để chứng kiến chuyện hy hữu.

Không bao lâu sau, trên đường chính dẫn vào kinh thành, đức Thế Tôn mặc y màu mặt trời dẫn đầu đoàn sa-môn dài dằng dặc như con rồng vàng uốn lượn, thanh thản, uy nghiêm từng bước một. Đường xá vắng tanh, nhà nhà đóng cửa im ỉm như một thành phố chết. Tuy nhiên, nếu để mắt một chút, rất nhiều dân chúng tụ tập lố nhố trên những điểm cao, mà ở đó có thể quan sát trọn con đường sắp xẩy ra một trận kinh hoàng.

Lúc ấy, ở cuối đường ngược chiều, người quản tượng theo lệnh của Devadatta, đã cho voi Nālāgiri ăn ba thúng cơm và uống hết mười sáu hũ rượu gạo ngon nhất. Voi gầm một tiếng, người quản tượng chưa kịp xua đi thì nó đã giở vòi, quạt hai lỗ tai, cong đuôi chạy thẳng về phía trước. Bóng voi sắc lông màu hung xám, cao to lừng lững như quả núi càng lúc càng nghiêng đổ về phía đức Phật.

Chư tỳ-khưu thấy vậy, e ngại nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Con voi hung ác kia say như điên đang chạy đến đây. Xin ngài hãy quay trở lại!

Đức Phật phủ dụ:

- Các thầy đừng lo ngại. Không có một ai trên đời này có thể làm hại Như Lai. Con voi điên kia, Như Lai cảm hóa nó được mà!

Tôn giả Sāriputta, đại đệ tử của đức Phật bước ra tâu:

- Bạch đức Thế Tôn! Trên đời này có thông lệ, hễ có việc gì xẩy đến cho phụ thân, trách nhiệm ấy thuộc về người con trưởng. Vậy xin đức Từ Phụ cho phép đệ tử cảm hóa con voi hung dữ ấy!

Đức Phật mỉm cười:

- Với oai lực của bậc thánh Thinh Văn đệ nhất, tuy không bằng chư Chánh Đẳng Giác, ông có khả năng cảm

thắng con voi kia một cách dễ dàng. Như Lai biết rõ như thế. Nhưng vì lợi ích cho phần đông, việc ấy cứ để cho Như Lai.

Lần lượt một số chư vị trưởng lão đều xin phép được gánh phần trách nhiệm, nhưng đức Phật thảy đều từ chối.

Tôn giả Ānanda biết mình chẳng có khả năng, uy lực gì, nhưng vì quá kính yêu đức Phật, không thể đứng yên nhìn sự nguy hiểm đang xảy ra uy hiếp tính mạng của ngài; với ý nghĩ: "Này voi Nālāgiri! Hãy giết chết ta trước, ta quyết hy sinh mạng sống để bảo vệ cho đức Thế Tôn!"; rồi vội vàng bước ra đứng chắn trước mặt đức Phật.

Đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Hãy tránh sang nơi khác, không được đứng trước Như Lai!

Tôn giả Ānanda không chịu tránh, thưa:

- Voi Nālāgiri hung hiểm và bạo tợn kia, trước khi đụng đến đức Thế Tôn, nó phải bước qua xác đệ tử!

Thế rồi, đã ba lần bảo tránh, tôn giả Ānanda cũng cương quyết chỉ muốn chết thay; bất đắc dĩ đức Phật phải sử dụng thần thông, Ānanda mới chịu lùi bước.

Lúc ấy, voi Nālāgiri đang lao tới với một tốc độ khủng khiếp. Đột ngột, từ sau ngõ hẻm, một người đàn bà bồng con xuất hiện giữa đường. Chợt thấy voi điên, bà sợ hãi quá, bỏ con dưới đất rồi bỏ chạy. Voi Nālāgiri lùi lũi xông tới, thoáng thấy bóng người, nó quặt vòi, lao theo, nhưng người đàn bà đã lẩn khuất sau bức tường. Voi quay lại đến bên đứa trẻ. Thấy voi dữ, nó khóc thét lên.

Sự việc trên xảy ra trước tầm mắt của đức Thế Tôn. Khi thấy Nālāgiri với đôi mắt đỏ ngầu như sắp chà nát một hài nhi vô tội, đức Phật liền rải tâm từ. Một luồng khí mát mẻ, an lành tuôn chảy ra không gian, bao bọc thân thể của voi Nālāgiri rồi thâm nhập vào tận tim gan, máu huyết và cả tâm trí nó. Rồi đức Thế Tôn cất giọng phạm âm dịu dàng, ngọt ngào, trìu mến như lời ru của mẹ rót vào tai của voi Nālāgiri:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Người ta đã cho con uống mười sáu hũ rượu làm cho con điên đảo, đã biến thành thú tính hung dữ. Người ta đã cố ý lợi dụng con để giết Như Lai, chớ không phải giết hại ai khác. Vậy hãy tha cho đứa trẻ kia mà đến đây với Như Lai! Hãy đến với Như Lai, này Nālāgiri yêu quý!

Như được uống một liều thuốc an thần, như vừa được tắm trong dòng suối trời, voi Nālāgiri chợt tỉnh lại. Ngẩng đầu lên, voi cảm nhận một sự mát mẻ và bình an lạ thường toát ra từ vùng ánh sáng phía trước. Một tiếng gọi sâu thẳm từ vô thức mơ hồ đánh thức nó, voi như tìm lại được hình bóng và âm điệu ru êm của đấng mẹ hiền; và nó chỉ là đứa con nhỏ cần được vuốt ve, che chở. Cơn say điên đảo tan biến, voi Nālāgiri hạ vòi xuống, hai tai buông rủ, ngoan ngoãn quỳ mọp cả bốn chân rồi lết tới, nằm phủ phục dưới chân đức Phật ra chiều quy thuận.

Giọng đức Thế Tôn cứ tiếp tục dịu dàng, ngọt ngào tuôn chảy vào tai nó:

- Này Nālāgiri! Này con yêu quý! Thân phận con là loài voi, thuộc hàng súc sanh vô phước và tội nghiệp. Như Lai là đức Phật cao thượng giữa muôn loài. Từ nay, con phải thay tâm đổi tánh, đừng nên giết hại bất kỳ một ai khác nữa. Điều ấy con phải làm vì lợi ích và an vui cho chính con!

Đức Thế Tôn vừa nói vừa tiếp tục rải tâm từ, làm cho làn khí tâm từ càng lúc càng đầy ắp, sung mãn; rồi ngài đưa bàn tay búp sen dịu dàng như tơ trời "đâu-la-miên"[1] vuốt trên đầu voi, rồi khuyên dạy:

- Này Nālāgiri! Nầy con yêu quý! Con là một con voi có vòi, con voi con bé bỏng và yếu đuối. Như Lai cũng là con voi, nhưng lại là voi chúa kiêu hùng và cao thượng. Làm thế nào con voi con lại có thể đương đầu hoặc sát hại con voi

[1] Tơ trời cung Đẩu Suất.

chúa là Như Lai? Con biết sao không? Chuyện không thể ấy, nếu con làm được, nếu con làm hại voi chúa cao thượng là nhân đem lại sự đau khổ cho con. Ai làm hại voi chúa cao thượng, người ấy không được tái sanh vào cảnh giới an vui. Con chớ nên si mê! Không nên dể duôi nữa! Vì sự giải đãi quên mình sẽ tạo nên ác nghiệp tội lỗi, phải sa đọa vào những cảnh giới tối tăm, thống khổ. Hãy nên làm việc lành, này Nālāgiri yêu quý. Ai tạo thiện nghiệp, người ấy sẽ tái sanh vào những cảnh giới hạnh phúc, huy hoàng và xán lạn!

Thế là đức Phật đã thuyết pháp tế độ cho voi Nālāgiri. Nghe xong, toàn thân tâm của voi phát sanh hỷ lạc chưa từng có. Nếu không phải là loài súc sanh, sau thời pháp ấy, chắc chắn nó đã chứng đắc thánh đạo quả.

Dân chúng từ các điểm cao trong thành Rājagaha tận mắt nhìn thấy từ đầu chí cuối đức Phật cảm thắng hung tượng Nālāgiri một cách phi thường, kỳ diệu; họ hoan hỷ vỗ tay reo mừng vang dội. Rồi họ lũ lượt leo xuống, chạy đến tận nơi, ném tất cả những đồ trang sức, vòng vàng, châu báu xuống thân mình voi, phủ cao thành đống. Voi bây giờ nằm yên, ngoan ngoãn hiền lành.

Từ thời khắc này, voi dữ Nālāgiri được dân chúng gọi tên là voi Dhānapālaka (voi giữ gìn của cải).

Trước tất cả tăng chúng và mọi người, đức Phật đặt tay lên đỉnh đầu hiền tượng Dhānapālaka cho nó thọ quy giới. Hiền tượng nằm mọp xuống, lấy vòi hút bụi ở hai bàn chân đức Phật rồi phun lên đầu mình để tỏ lòng tôn kính. Xong, nó lùi xa một khoảng, rung mình, rũ ngọc ngà, châu báu lả tả rơi xuống đất, quỳ xuống, cúc cung đảnh lễ đức Phật ba lần rồi quay đầu, chậm rãi, bỏ thành phố đi thẳng vào non sâu.

Đức Phật nhiếp tâm phát sanh năng lực thù thắng rồi chú nguyện:

- Vàng ngọc, của cải nằm rơi đầy trên đất kia, vốn là của ai, hãy hoàn về chủ cũ!

Lạ lùng làm sao, lời nguyện vừa dứt, ngọc ngà châu báu đang nằm vô tri, bất động trên đất; chợt như có chân, có mắt, đồng loạt vọt lên, bay về nơi tay, nơi cổ, trong túi, trong xách của những người chủ cũ, không hề sai trật!

Vừa chứng kiến chuyện cảm hóa voi dữ của ngài, bây giờ lại thấy năng lực phi thường này nữa của đức Thế Tôn, toàn thể dân chúng thành Rājagaha xiết bao kỉnh mộ. Cận sự nam nữ hai hàng lại được cũng cố thêm đức tin và dào dạt niềm tự hào. Ngay chính nhóm ngoại đạo thù ghét đức Phật luôn manh tâm phá hoại, khuấy rối ngài, cũng bắt đầu thay đổi cách nhìn, chuyển tâm hóa tánh. Có một số trong họ, chẳng ngại ngùng gì, đến khấu đầu đảnh lễ đức Phật rồi xin cải giáo.

Dịp này, vô số người, chư thiên, phạm thiên chứng đắc Nhập lưu thánh đạo quả.

Công việc đã xong, nhân duyên sáng nay thế là đã thành tựu, đức Phật ra dấu hiệu bảo đức Ānanda cùng với tăng chúng quay trở về Trúc Lâm. Thế là cận sự nam nữ cùng với dân chúng thành Rājagaha lũ lượt đi theo, mang rất nhiều vật thực để cúng dường đến chư tăng, có đức Phật là chủ trì.

Ai ai sắc mặt cũng hân hoan, vui sướng; tán dương năng lực thuần hóa voi dữ của đức Phật, rồi thốt lên bằng bài kệ:

"- Người ta dạy ngựa hay voi
Sử dụng móc sắt, mây roi bện thừng
Thế Tôn – khéo, lạ quá chừng
Chẳng roi, chẳng móc, chẳng trừng phạt ai
Từ bi, năng lượng thiện tài
Nhiếp hóa voi dữ, Như Lai phép mầu!"

Chiêu Bài Cuối Cùng
Của Devadatta

Ngày hoàng cung làm lễ hỏa táng nhục thân đức vua Bimbisāra, không ai mời mà đức Phật vẫn tìm đến quảng trường hoàng cung để chú nguyện cùng cả một lực lượng tăng đoàn hùng hậu ba bốn nghìn vị tỳ-khưu, vô cùng trang nghiêm và thanh tịnh. Và dân chúng cũng vòng trong, vòng ngoài nhiều lớp, ken chân không lọt; họ quý kính, tiếc thương và ngưỡng mộ vị vua hiền đức, nhân ái bị kẻ gian ác hãm hại. Vị vua trẻ Ajātasattu vừa thấy cái bóng của đức Phật liền cảm thấy bất an, sợ hãi nên ông trốn trong cung. Devadatta cũng cùng tâm trạng như đức vua nên ông và chúng đệ tử tìm cách tránh né khi thấy uy lực của đức Phật như phủ trùm thiên hạ, che mờ luôn cái "uy tín hư giả và ti tiểu" của ông.

Trước khi trở lại tu viện Trúc Lâm, đức Phật nói với đại chúng rằng:

- Ai ánh sáng thì sẽ đi theo với ánh sáng, hòa với ánh sáng; ai là bóng tối thì sẽ đi theo với bóng tối, chìm trong bóng tối. Đức vua Bimbisāra của chúng ta, suốt một đời anh minh và hiền đức nên đã hóa sanh làm một vị thiên, kề cận Tỳ-sa-môn thiên vương để hộ trì giáo pháp. Đức vua của

chúng ta đã có một đời sống mới, hạnh phúc, an vui và có nhiều oai lực hơn kiếp sống cũ. Đấy là điều mà chúng ta nên mừng vui mới phải! Chư vị hãy về đi! Chẳng có gì phải bận bịu và tiếc thương nữa!

Riêng về Devadattta. Sự việc mấy lần hãm hại đức Phật của ông đã được lan truyền khắp hang cùng ngõ hẻm dường như không còn ai là không biết. Những hành động tệ hại ấy làm cho Devadatta biến thành cái bóng của quỷ dữ; và dư luận quần chúng cũng như hai hàng cận sự đều lên án ông một cách nghiêm khắc và xa lánh ông như xa lánh cùi hủi. Chính vua Ajātasattu cũng chán nản ông, bỏ rơi ông, không nâng đỡ ông nữa. Mọi ân huệ của vua thế là mất hết. Khi lòng sân độc muốn hại Phật và lòng tham vọng đẩy ông đến chỗ xấu xa như thế thì mọi khả năng thần thông phép lạ của ông cũng tiêu tan luôn!

Thế nhưng ông chưa chịu ngừng lại. Với trí thông minh sẵn có, ông quay qua chiêu bài khác. Ông giả vờ đến sám hối đức Phật và xin đức Phật ban hành thêm năm điều vào trong quy chế cho hàng xuất gia:

- Thầy tỳ-khưu phải sống trọn đời trong rừng, vườn hoang, động vắng, núi sâu; không được ở trong thành phố, làng mạc, tu viện hay tịnh xá...

- Thầy tỳ-khưu phải trọn đời ôm bát xin ăn, không được dự lễ trai Tăng hay nhận lời mời đến tư gia đặt bát hay thọ thực của hai hàng cận sự.

- Thầy tỳ-khưu phải lượm vải rách, vải người ta quăng bỏ bên đường, vải bó xác tử thi để cắt may làm y mặc; không được phép thọ nhận vải đẹp, vải tốt, vải lành nguyên của thí chủ dâng cúng.

- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải ngủ nghỉ chỗ không có mái che, nơi khoảng trống, dưới cội cây, giữa nghĩa địa, không được ngủ nghỉ trong phòng ốc, liêu cốc.

- Thầy tỳ-khưu trọn đời phải ăn ngũ cốc, rau trái, không được dùng các loại thịt, dù là thịt động vật đã chết!

Đức Phật thấy rõ dã tâm của ông, nhưng ngài chỉ nói lên điều đáng nói:

- Hôm nay mà ông còn đến đây để giả vờ xin những điều có vẻ rất đúng đắn như vậy nữa hay sao? Ông biết Như Lai sẽ từ chối, và rồi ông sẽ đi rêu rao đây đó rằng, những điều ông đệ đạt, yêu cầu là chân chính hơn cho giáo pháp, là tốt đẹp hơn cho hàng xuất gia. Thế là một số tỳ-khưu nông nổi và quần chúng nhẹ dạ lại bị ông mê hoặc bởi chiêu bài cao thượng ấy!

Còn đệ tử của Như Lai thì năm điều kia có người thực hành là tốt hay chỉ thực hành trung đạo năm điều ấy cũng tốt không khác gì; cứ để họ tùy nghi lựa chọn theo sở thích, khả năng sức khoẻ và sở hành của mình. Ông nên nhớ rằng với ăn, mặc, ngủ... bao giờ Như Lai cũng hằng khuyên là nên thiểu dục và tri túc! Ăn, mặc, ngủ... chừng mực, vừa đủ, dị giản là điều cần yếu; và quan trọng nhất là phải có một tri kiến chơn chánh như thế nào, phải tu tập một giáo pháp như thế nào con người mới trở nên hiền thiện được!

Giáo pháp của Như Lai là giáo pháp của tự do và tự nguyện, không bắt buộc, cưỡng ép ai, bao giờ cũng tùy thuộc căn cơ và tâm tánh của mỗi người. Ví như vị này chỉ muốn sống trong rừng, trong nghĩa địa, chỗ xa nơi huyên náo để hành thiền; nhưng vị khác lại muốn ở trong tu viện hay tịnh xá để theo học pháp nơi các vị trưởng lão – thì tại sao lại không được nào? Vị này thì đi trì bình khất thực chỉ dùng trong bát, chỉ thọ trong bát, chỉ đứng một nhà hoặc hai nhà theo với pháp hạnh của họ; nhưng có vị khác thì duyên với thí chủ này, thí chủ kia, cần phải thuyết pháp, nói đạo cho nhà này, nhà nọ - thì ai có thể cấm họ không thọ bát hoặc thọ thực tại tư gia? Chuyện y áo cũng tương tự vậy, có vị thọ đầu-đà, nguyện chỉ lượm vải rách, vải người ta quăng

bỏ để may y mặc; nhưng có vị khác không theo pháp hạnh ấy, nhưng họ nhận vải lành nguyên do thí chủ dâng cúng thì vẫn đúng pháp và luật như thường. Việc ngủ nghỉ dưới cội cây, chỗ không có mái che hay ngủ nghỉ trong cốc liêu, tịnh xá cũng tùy thuộc hạnh, nguyện, tùy thuộc nhân duyên và hoàn cảnh nữa, bao giờ cũng theo lý trung đạo, không rơi vào cực này, không rơi vào cực kia! Cuối cùng là việc ăn mà ông muốn đề xuất là chỉ nên ăn ngũ cốc, hoa quả, rau củ chứ không nên dùng tam tịnh nhục[1], nghe ra thì có vẻ hay, có vẻ cao thượng nhưng sẽ không áp dụng được. Tại sao? Một vị tỳ-khưu ôm bát đi khất thực không được lựa chọn nhà sang nhà hèn, người giàu, người nghèo mà tâm vị ấy phải bình đẳng. Một người bà-la-môn hay gia chủ bà-la-môn chính thống, họ thường ăn ngũ cốc, rau quả nên họ sẽ đặt bát ngũ cốc và rau quả. Một gia đình sát-đế-lỵ, một hoàng gia, một quý tộc, một tướng quân, một chiến sĩ sát-đế lỵ, họ thường dùng các loại thịt nên họ sẽ đặt bát cúng dường các loại thịt khác nhau. Một gia đình thương gia thì thịt thà hay rau quả cũng tùy thuộc ngày hôm ấy họ dùng gì. Một gia đình thủ-đà-la với nghề nghiệp tay chân nặng nhọc thì vật thực của họ chỉ nhằm để no bụng, không biết rõ đấy là vật thực dở hay ngon. Một người chiên-đà-la đặt bát thì vật thực của họ, may ra chỉ để mà tồn tại. Như vậy đó, cái bát của vị tỳ-khưu đầy đủ bên trong vật thực của bốn giai cấp và cả nô lệ. Chẳng lẽ nào một vị tỳ-khưu ôm bát xin ăn mà bảo là tôi chỉ dùng món này mà không dùng món kia? Có quá đáng lắm không? Có kỳ thị không? Có bình đẳng không?

---

[1] Là loại thịt không thấy, không nghe, không nghi - tức là thịt từ vật đã chết rồi, không có sự sống, không còn thức tánh. Khi vị tỳ-khưu thọ dụng thịt ấy, không thấy trước mắt con vật bị giết, không nghe tiếng kêu của con vật đang bị giết, không nghi ngờ là con vật ấy chết là do người ta giết để dâng cúng cho mình. Ngoài ra, trong tạng Luật, đức Phật còn chế định thêm 10 loại thịt không được dùng: Người, voi, ngựa, chó, rắn, sư tử, cọp, báo, gấu, linh cẩu.

Này Devadatta! Chiêu bài của ông chỉ có thể lừa dối được kẻ ngu, cả tin, nhẹ dạ; không bao giờ qua mặt được người có trí, mắt sáng, có đức tin vững chắc đâu!

Thôi, ông hãy đi đi, đừng bao giờ trở lại nơi này, trở lại tăng đoàn của Như Lai nữa. Hôm nay Như Lai đã nói quá nhiều. Quả địa ngục đang chờ đón ông đấy. Hãy ghi nhớ lời ấy, và chỉ cần ghi nhớ một lời ấy mà thôi!

Đức Phật đã ân cần giải thích, đã tận tình nhắc nhở, đã từ bi cảnh tỉnh Devadatta và hội chúng như vậy rồi, nhưng cũng có chừng năm trăm tỳ-khưu bị Devadatta dụ dỗ bởi chiêu bài cao thượng đã theo chân ông ta đến tu viện ở dãy núi Gayāsīsa, chính thức hình thành một giáo đoàn riêng. Sự chia rẽ tăng-già (Saṅgha) đã đến hồi trầm trọng.

Tuy nhiên, đức Thế Tôn lại bảo hai vị đại đệ tử:

- Bây giờ, Như Lai lại làm phiền đến Sāriputta và Mahā Moggallāna một lần nữa. Cả hai ông hãy đi mau, theo chân Devadatta đến Gayāsīsa, thuyết pháp cho năm trăm tỳ-khưu nhẹ dạ. Như Lai biết rằng, khi trở về, năm trăm tỳ-khưu kia sẽ tháp tùng theo hai ông. Và từ đây cho đến cuối đời, Devadatta sẽ không còn làm gì được nữa đâu.

Và đúng như vậy thật, tôn giả Sāriputta và Mahā Moggallāna đến tu viện trên dãy núi Gayāsīsa khi Devadatta đang nghỉ ngơi, hai vị đã thuyết pháp đến cho năm trăm thầy tỳ-khưu. Sau thời pháp, cả năm trăm thầy tỳ-khưu đều đắc quả Tu-đà-hoàn! Và họ đồng theo chân hai vị trưởng lão về Trúc Lâm yết kiến đức Thế Tôn và xin sám hối cái tội dại khờ và nông nổi của mình.

Devadatta biết ra thì đã muộn, nhìn khung cảnh quạnh quẽ xung quanh, ông ta gục xuống, thổ ra một bụm máu tươi! Không ai làm hại ông cả mà bởi chính tâm cuồng vọng của ông đã đẩy ông đến tuyệt lộ!

Trưởng Giả
Cấp Cô Độc Ra Đi

Đức Phật cùng với chư đại trưởng lão trở lại Sāvatthi cho kịp trước mùa mưa. Năm nay tại đây thời tiết có vẻ bất thường, nhưng chư tăng các nơi cũng không quản ngại lộ trình vất vả về an cư tại Kỳ Viên nhiều hơn mấy năm trước. Ai cũng muốn nghe những biến cố động trời về thái tử Ajātasattu và Devadatta.

Như vậy là việc thái tử Ajātasattu định giết cha cướp ngôi, tình cảnh đức vua Bimbisāra bị chết đói trong ngục, chuyện ba lần Devadatta âm mưu giết Phật là những đề tài nóng hổi được chư tăng và hai hàng cư sĩ vây quanh chư đại trưởng lão để thăm hỏi tin tức. Sau khi biết rõ, ai cũng ngao ngán, ai cũng thở dài cho tâm địa của con người. Bi cảm, thương xót thay cho đức vua Bimbisāra hiền thiện! Khốn nạn, đáng nguyền rủa thay là thằng con Ajātasattu bất hiếu! Gian độc và điên cuồng thay là tên Devadatta ác tăng!

Đức vua Pāsenadi cũng là người tìm đến đảnh lễ đức Phật sớm nhất. Khi tôn giả Mahā Moggallāna vận thần thông lực đến gặp vua trước vị quan sứ giả mười mấy hôm, kể lại việc làm bất hiếu của thái tử Ajātasattu khi cấm cố vua cha của mình, đức vua đã cố kềm chế cơn giận dữ theo lời

dặn bảo của đức Phật, nếu không ông đã xua quân trừng trị đứa cháu vô đạo.

Sau khi nghe đức Phật kể lại tự sự, bây giờ đức vua mới biết thêm là đức vua Bimbisāra bị bỏ chết đói trong ngục tối và một số các vị lão thần bị thủ tiêu, ông lặng người đi.

Đức Phật cũng kể lại những vắt thức ăn giấu trong mái tóc, thức ăn quết nhuyễn phết lên người của hoàng hậu Videhi (Kosaladevī) cũng chỉ cứu đức vua sống được mấy hôm. Tuy nhiên, đức Phật khen ngợi tinh thần vững mạnh, xem nhẹ cái đói, cái chết và cái tâm từ bi của đức vua đối với kẻ đã hãm hại mình. Việc tẩy chay lễ đăng quang của Ajātasattu đức Phật cũng kể lại. Hôm dự lễ trà-tỳ đức Phật tự đến với hơn bốn ngàn tăng ni đã tạo vinh quang cho hương linh quá cố, ngài cũng kể lại chi tiết.

Rồi đức Phật trấn an:

- Thôi được rồi, bệ hạ! Sự việc xảy ra thường đúng với nhân, duyên, quả của nó. Đức vua hiện đã hóa sanh lên cõi trời của Tỳ-sa-môn thiên vương, không còn chịu cảnh nhiều gian truân như thế gian này nữa.

Lâu lắm, đức vua Pāsenadi mới nói:

- Đời người quả thật là bi khổ! Đến lúc này thì đệ tử mới thật sự hiểu thấm thía lời dạy của đức Tôn Sư về " khổ đế" trần gian! Quả thật, không ai có thể thoát khỏi định luật của nhân, duyên, quả, báo và nghiệp! Đức vua Bimbisāra một đời hiền đức cũng không tránh khỏi! Hoàng muội của đệ tử, Kosaladevī (tức là hoàng hậu Videhi) một đời mẫu mực, đức hạnh cũng không tránh khỏi! Không biết sau biến cố thảm nạn vừa rồi, tinh thần hiền muội của đệ tử có sa sút lắm không, bạch đức Tôn Sư?

- Bà vẫn còn khá lắm đấy, tâu bệ hạ!

- Không gục ngã, không đột quỵ mà còn đứng vững được như vậy, quả thật là nhờ thần dược của giáo pháp, phải vậy không, bạch đức Tôn Sư?

- Ừ, có lẽ vậy! Và còn nữa - đức Phật nói tiếp - Hoàng hậu Videhi ở bên cạnh đức vua Bimbisāra như thế nào thì hoàng hậu Mallikā ở bên bệ hạ như thế đó. Họ đều là những nữ nhân cao quý, nhân ái; là chiếc bóng an vui cho chư đại vương, đồng thời là người hộ trì cho tăng ni và giáo pháp nữa đó, tâu bệ hạ!

Đức vua Pāsenadi cảm thấy nhẹ lòng.

Đức Phật vừa tiễn đức vua ra về được một lúc thì tôn giả Ānanda vào thưa trình:

- Bạch đức Thế Tôn! Người quản gia của trưởng giả Cấp Cô Độc vừa đến báo tin là ông ấy bệnh rất nặng, sợ rằng không qua khỏi...

- Ừ, người quản gia có nói gì nữa không?

- Bạch, có ạ! Người quản gia nói là trưởng giả khẩn cầu tôn giả Sāriputta đến thăm ông ta lần cuối cùng.

Đức Phật hướng tâm một lát rồi nói:

- Vậy thì cả ông và Sāriputta hãy đến thăm trưởng giả ấy. Cả hai vị đều có duyên với ông ta.

Tôn giả Sāriputta và Ānanda vâng mệnh đi ngay. Đến nơi, bên giường bệnh, tôn giả Sāriputta ân cần nắm tay Cấp Cô Độc rồi cất tiếng hỏi:

- Ông có kham nhẫn cơn đau được không, Sudatta?

Trưởng giả mở mắt ra, định gượng ngồi dậy. Tôn giả Ānanda mỉm cười, ngăn lại:

- Ông cứ nằm yên vậy! Có chịu đựng nổi cơn đau không kìa, tôn giả Sāriputta hỏi đó!

- Dạ thưa! Ông thều thào! Nó đau đớn lắm! Đôi khi như lửa đốt từ trong xương. Đôi khi nó xoay, nó vặn, nó đâm, nó chích khắp lục phủ ngũ tạng. Có lẽ đệ tử không chịu đựng được nữa rồi.

- Nó cứ đau mãi thế, không có chút nào thuyên giảm à?

- Thưa, nó cứ tăng chứ không giảm, càng lúc càng thêm khốc liệt.

Nói xong, trán ông trưởng giả lấm tấm mồ hôi, như cố chịu đựng cơn đau.

Tôn giả Sāriputta kéo chiếc ghế ngồi xuống bên cạnh, dịu dàng đặt tay lên trán ông rồi nói:

- Già, rồi bệnh, rồi chết là định luật tất yếu, không ai thoát khỏi được, này Sudatta! Bây giờ ông đau đớn khốc liệt là do đất đang tan rã dần, do lửa đang nguội lạnh dần, do nước đang cạn khô dần; rồi đến khi gió ngưng hoạt động nữa, tức là hơi thở chấm dứt chính là lúc thần chết đang đứng một bên rồi đó! Ông có sợ không?

- Không, không có sợ thần chết, tôn giả! Bây giờ đệ tử đang sợ cái đau đây!

- Vậy thì cái đau ấy cũng không đáng sợ!

- Đau kinh khủng thế này làm sao mà không đáng sợ được, thưa tôn giả?

- Có chứ! Có một bài kinh của đức Tôn Sư. Nghe bài kinh này, nhập tâm vào kinh này, theo dõi từng lời, từng câu, từng đoạn bài kinh này, rồi an trú vào đó thì cái gọi là đau đớn kia tiêu tan tức thì!

- Kỳ lạ vậy kia à? Vậy thì xin cho đệ tử được thọ trì.

- Vậy thì ông hãy nhiếp tâm lắng nghe!

Sau đó, tôn giả Sāriputta liền thuyết cho ông nghe một bài pháp cao siêu, nói về lục căn, lục trần; và những cảm thọ vô thường, trống không của nó như thế nào; rồi kết luận:

- Này trưởng giả kính mến! Hãy ghi nhận theo lời ta mà niệm như thế này:

"Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta không còn dính mắc với đôi mắt, với lỗ tai, với cái lưỡi, với lỗ mũi và cả với làn da xúc cảm nữa! Ngươi cứ không ngưng nghỉ tạo ra những cảm thọ trống không vô vị, vô tích sự vậy hay sao? Ngươi không làm gì được ta đâu!

Này hỡi người thợ sinh diệt! Những ảo ảnh, mộng mị do ngươi tạo ra, ta đã nhìn thấy rõ rồi, đừng có mất công mê

hoặc, ta không thấy lầm, trông lầm nữa đâu! Những cái gọi là vừa lòng, êm ái, khoái lạc, ngon ngọt, thỏa thích, khả hỷ, khả ý từ lâu đã quyến dụ ta, thật nguy hiểm; bây giờ ta không còn dính mồi câu của ngươi nữa đâu! Tất cả, đến một lúc nào đó, chúng đều phân ly, tan rã dẫu thân này hay thân khác, dẫu thế giới này hay thế giới khác, không bao giờ có việc thường còn và bất hoại đâu. Tất cả đều là đau khổ và phiền não.

Này hỡi người thợ sinh diệt! Ta đã tu tập như vậy, ta đang tu tập như vậy, ta đã an trú như vậy thì ngươi làm gì nổi ta?"

Nghe xong thời pháp, trưởng giả Cấp Cô Độc ràn rụa nước mắt. Tôn giả Ānanda thấy vậy bèn hỏi:

- Có phải trưởng giả lo sợ tử thần nên tinh thần trở nên suy nhược không?

- Thật không phải vậy, tôn giả kính mến! Nghe xong bài kinh ấy, đệ tử không còn sợ đau, không còn sợ chết nữa. Nói rõ là, khi an trú tâm vào kinh ấy thì tinh thần đệ tử không chút giảm suy, mà ngược lại, đang phấn chấn, đang hoan hỷ là khác. Ấy chỉ vì mặc dầu đã nghe rất nhiều bài pháp do đức Tôn Sư giảng dạy, đệ tử chưa hề được nghe một thời pháp nào cao siêu như thế này!

Tôn giả Sāriputta giải thích:

- Trưởng giả quả thật là đặc biệt, ta mới thuyết cho nghe bài pháp cao siêu ấy. Ngay chính trong Tăng chúng, đức Thế Tôn cũng chỉ thuyết đến cho những tỳ-khưu tiến bộ mà thôi. Thuyết cho hàng cư sĩ, họ sẽ không thấu hiểu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cảm xúc rơi nước mắt, tri ân xiết bao về sự đối xử đặc biệt đó. Nhưng nhân cơ hội ấy, ông cũng thỉnh cầu tôn giả Sāriputta cứ truyền bá giáo pháp cao siêu kia cho hàng tại gia. Vì cũng có những cư sĩ có ít bụi cát trong mắt, có tư duy chơn chánh, có căn trí sâu dày sẽ lãnh hội được.

Tôn giả Sāriputta gật đầu hứa khả thỉnh nguyện ấy. Tôn giả Ānanda kéo lại tấm chăn đắp cho ông, nói nhỏ bên tai ông như cơn gió thoảng:

"- Không còn gì hết, không còn Sudatta, không còn cơn đau mà chỉ còn là hơi thở thôi, này ông bạn già! Nhớ nhé"

Khi hai vị đệ tử của đức Phật ra về chừng nửa khắc, ông Cấp Cô Độc nghe lời tôn giả Ānanda, trú tâm miên mật vào hơi thở, chỉ còn là hơi thở thôi, rồi ra đi một cách nhẹ nhàng. Và tức khắc, tái sanh vào cung trời Tusita.

Đêm ấy, vị trời Cấp Cô Độc từ cung trời Tusita trở về tịnh xá Kỳ Viên, hào quang của ông chiếu ngời, sáng cả khu vườn. Vị trời ấy đảnh lễ đức Phật, tán dương phẩm hạnh và tuệ đức của tôn giả Sāriputta, tấm lòng nhân ái dịu dàng của tôn giả Ānanda. Sau đó, vị trời Cấp Cô Độc bày tỏ niềm hân hoan được gặp lại đức Phật và chư tăng trong tịnh xá do ông ta kiến tạo.

Cũng trong dịp này, vị trời Cấp Cô Độc xác nhận sự thực chứng của mình:

"- Thiện ý và trí tuệ, cùng với tâm được rèn luyện đúng đắn, có phương pháp làm ta trở nên cao thượng, trong sạch chớ không phải do giai cấp hay tài sản".

Hôm sau, thông tin trưởng giả Cấp Cô Độc ra đi đã được mọi người loan báo khắp các tu viện, tịnh xá trong và ngoài kinh thành. Cả chư tăng và hai hàng cận sự ai cũng quý kính và tiếc thương một nhân cách lớn, một nhà đại thí vĩ đại. Là một mất mát lớn lao, một thiếu hụt trống vắng trong hàng cư sĩ, không ai có thể thay thế được.

Ông tiểu Cấp Cô Độc và toàn thể đại gia cung thỉnh đức Phật và chư tăng hai ngàn vị đặt bát cúng dường bảy ngày vô cùng trọng thể, trang trọng và thiêng liêng không thua gì sự ra đi của hoàng hậu Mallikā tại kinh đô này.

Sau lễ hỏa táng, chư tăng và nam nữ cận sự tụ hội đầy đặc đại giảng đường Kỳ Viên, ai cũng tò mò muốn biết sanh thú của bậc vĩ nhân hiền thiện ấy, giờ đã lạc cư phương nào?

Nhân dịp này, đức Phật cũng muốn tuyên dương công đức của vị đại thí chủ ấy, nên ngài cho biết sanh thú của ông là cảnh trời Tusita. Và vị trời Cấp Cô Độc kia với hào quang sáng rực cả Kỳ Viên xuống đảnh lễ thăm ngài và câu chuyện hôm đó ra sao! Đức Phật cũng kể lại cho đại chúng nghe một số hành trạng của vị ấy trong khoảng thời gian gần bốn mươi năm phục vụ Tam Bảo không mệt mỏi, không thối thất, với đức tin kiên cố bất động tâm như thế nào.

"- Tại tịnh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc lập nên này! Đức Phật kể - Ông hết lòng hộ trì Như Lai và tăng chúng. Sự bố thí, cúng dường của ông là vô giới hạn vậy. Cấp Cô Độc nếu không có gì bận việc thì mỗi ngày ông đến Kỳ Viên với ba lần cúng dường lớn: Một vào buổi sáng, một sau buổi sáng và một vào buổi chiều. Còn những lần bố thí và cúng dường vào các cuộc hội lớn hoặc những trường hợp bất thường thì không kể. Chưa bao giờ trưởng giả đến Kỳ Viên bằng tay không. Buổi sáng đem theo cháo; sau buổi ăn sáng đem theo thục tô, sanh tô, mật, đường mật; buổi chiều mang theo hương, vòng hoa, vải vóc các loại... Còn ở nhà, bao giờ cũng có phần vật thực sẵn cho năm trăm vị tỳ-khưu để đặt bát cúng dường. Quả thật, tất cả gia tài, ông đều muốn chi dùng cho giáo pháp. Cái ngôi nhà hữu phước đó, chư tăng thường gọi là "giống như cái hồ đào lên ở ngã tư đường cho chúng tỳ-khưu, giống như là nhà cha mẹ của tất cả tỳ-khưu". Ngoài Như Lai và hằng chục vị đại trưởng lão đều đi đến ngôi nhà ấy; còn chư tăng thập phương thì đông không kể xiết.

Do bố thí không dừng nghỉ, do nguội lạnh việc kinh doanh làm ăn, cả gia tài năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng của ông đều đã chi dùng cho việc mua đất, chi phí kiến

tạo tịnh xá và hộ trì, hộ độ tứ sự cho Tăng chúng. Dần dần ông rơi vào khánh tận và nghèo thiếu. Mặc dầu vậy, ông vẫn không ngừng bố thí, cúng dường. Và đức tin đối với Tam Bảo vẫn không hề suy giảm, mà trái lại, càng được cũng cố vững bền thêm.

Chuyện kể này sẽ xác minh điều đó.

Một hôm, Cấp Cô Độc đến hầu thăm Như Lai, và vì Như Lai đã biết rõ ông đã khánh kiệt, bèn hỏi:

- Này gia chủ! Hôm nay, tại nhà ông, ông còn có vật gì để cúng dường nữa không?

- Con còn có vật để bố thí, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Ông còn, này gia chủ, vậy là những vật gì?

- Bạch Thế Tôn! Ở nhà, con còn "cháo tấm với bột chua để lại từ ngày hôm trước".

Nghe vậy, Như Lai dạy như sau:

- Này gia chủ! Đừng bao giờ nghĩ rằng, cháo tấm và bột chua kia là ít công đức, ít phước báu. Vật bố thí, cúng dường dẫu tầm thường, thô xấu thế nào, nhưng trạng thái tâm tốt đẹp thì quả sẽ tốt đẹp. Ai có thể giữ cho trạng thái tâm tốt đẹp thì bố thí, cúng dường bất kỳ vật tầm thường, thô xấu thế nào cũng được kết quả tốt đẹp, được quả dị thục to lớn!

Nghe lời Như Lai, khuôn mặt trưởng giả Cấp Cô Độc rạng rỡ hẳn lên, ông thốt to lên rằng:

- Tâm đệ tử không bao giờ là thô xấu cả, bạch Thế Tôn!

Đại chúng biết không? Nhà đại triệu phú có bảy tầng lầu, bảy cửa gác. Tại cửa gác thứ tư có vị thiên nữ ngụ ở đấy. Từ trước đến nay vị thiên nữ ấy không được an lạc. Vì khi Như Lai vào nhà thì vị thiên nữ kia phải di chuyển chỗ ở xuống tầng trệt cuối cùng. Không những chỉ có mình Như Lai mà chư vị đại trưởng lão, chư tỳ-khưu có uy đức, khi các ngài đến, nếu thiên nữ vẫn ngự yên ở trên cửa tầng lầu thứ tư, sẽ bị lửa nung đốt.

Hôm kia, thấy tình cảnh gia đình ông Cấp Cô Độc đã sa sút, nghĩ rằng đây là cơ hội tốt để làm cho Như Lai và tăng chúng không còn đến ngôi nhà này nữa; vị thiên nữ chói sáng hào quang đến gặp viên quản lý, đứng giữa hư không.

Viên quản lý ngạc nhiên hỏi:

- Ai đó? Ngươi là ai?

- Ta là thiên nữ ở nơi cửa gác căn lầu thứ tư. Ta đến đây vì lợi ích của ngươi, của gia chủ ngươi.

- Vậy thì cứ nói đi, tôi nghe! Viên quản lý nói.

Thiên nữ tiếp:

- Ngươi làm quản lý mà ngươi không biết quản lý tài sản. Ngươi không biết việc nào lợi ích và việc nào không lợi ích. Ngươi lại càng không thấy được mối nguy cơ phát xuất từ việc làm của ông triệu phú. Ông quản lý có rõ không? Năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng đã được chi dùng vào việc vô ích. Các kho đụn tài sản, châu báu và lương thực, thực phẩm của ngôi nhà này, bây giờ chỉ còn là cháo tấm và bột chua. Vậy thì ngươi hãy khuyên gia chủ của ngươi lo làm ăn, kinh doanh buôn bán để gia tài được phát sanh, tăng bội, chứ đừng để sa-môn Gotama cùng đệ tử của ông ấy đến ăn hại tại ngôi nhà này nữa. Hãy đuổi cổ chúng đi!

Viên quản lý nghe những lời phỉ báng kia, đùng đùng nổi giận, hét toáng lên:

- Này, này! Bà thiên nữ ngu si kia! Ông triệu phú, chủ của ta, là người hiền thiện, là bậc có lòng từ quảng đại, vô song. Trọn vẹn cả gia tài này ông ta đã chi dùng đầy công đức và trí tuệ cho giáo pháp của đức Thế Tôn. Một sự chi dùng đúng đắn đem đến lợi lạc tối thượng cho nhân, thiên ba cõi. Đừng nói đến chuyện khánh tận gia sản, chỉ còn cháo tấm và bột chua; nếu ông triệu phú, chủ của ta, nắm búi tóc của ta lôi đi, đem ra giữa chợ bán như một tên nô lệ, để lấy tiền bố thí cúng dường, thì ta cũng sẵn lòng hoan hỷ! Đã

nghe rõ chưa, vị thiên nữ đầy tà kiến, tối tăm và ngu ngốc! Hãy bước đi!

Thấy không lay động được viên quản lý, thiên nữ hiện thân gặp người con trai cả, cũng nói như trên, nhưng cũng bị người con trưởng nam mắng cho xối xả. Tuy thế, vẫn không thối chí, vì thiên nữ nửa đêm hiện ra trong phòng ông Cấp Cô Độc với hào quang chiếu sáng.

- Này, đại triệu phú! Ta là thiên nữ ở cửa tầng lầu thứ tư, ta đến đây vì lợi ích của ông và gia đình ông.

- Hãy nói đi, ta nghe đây.

- Từ lâu, thiên nữ nói - ngươi đã không nghĩ đến tương lai, không nghĩ đến con cái, bỏ bê công nghiệp, phung phí tài sản cho sa-môn Gotama và tăng chúng của ông ta. Cho đến hôm nay, gia sản ngươi đã khánh tận mà các sa-môn ấy vẫn đi vào nhà. Những gì chúng lấy đi từ ngươi thì không bao giờ có thể đem về lại được. Hãy nắm chắc, biết chắc là như vậy. Bắt đầu từ nay trở đi, ngươi chớ tự mình đi đến sa-môn Gotama! Chớ cho phép những đệ tử của ông ta đi vào ngôi nhà này nữa. Hãy xoay lưng, không có nhìn sa-môn Gotama. Hãy lo kinh doanh buôn bán và xây dựng lại sản nghiệp.

Triệu phú Cấp Cô Độc nghe những lời không hợp với lỗ tai chánh giáo của mình, nhưng vẫn trầm tĩnh, hỏi:

- Vậy ra đấy là những lời khuyến giáo thiện ý của ngươi đối với ta?

- Phải như vậy!

Ông đại triệu phú cất giọng cứng rắn, đanh thép:

- Bậc Mười Lực đã làm cho ta không bị dao động bởi trăm, bởi ngàn, bởi trăm ngàn lời nói của thiên nữ ngươi. Lòng tin của ta đối với đức Phật và tăng chúng như núi Tu Di vững chắc, kiên định. Đức tin ấy ta đã khéo an trú lâu rồi. Thật uổng thay cho công sức và miệng lưỡi của ngươi. Tài sản được ta tiêu dùng cho chánh pháp, đem đến lợi lạc cho

nhân thiên và đưa đến giác ngộ, giải thoát cho người hữu trí. Như vậy, những lời ngươi nói thật là không thích hợp, phi pháp, phản động, là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư.

Nói đến đây, ông triệu phú chợt xúc động chánh pháp, nói như lưỡi búa phủ xuống đầu thiên nữ:

- Hãy bước đi, này con quỷ đen (kāla-kaṇṇī), kẻ thiếu lễ độ và đầy ác giới kia! Không có vấn đề ngươi sống chung ở đây nữa. Hãy ra khỏi ngôi nhà này mau. Hãy cút đi! Hãy xéo đi!

Lời nói của vị thánh đệ tử đã chứng quả Dự Lưu, không phải là không có oai lực nên thiên nữ không thể ở chỗ cũ được nữa, phải ra đi. Nhưng thiên nữ nghĩ rằng: 'Nếu không tìm được chỗ ở khác, ta trở về xin lỗi ông là xong. Có lẽ nào một kẻ tu hành lại thiếu lòng từ, để tâm hờn giận dài lâu!'

Trước tiên, thiên nữ đến vị thiên tử hộ trì thành phố, đảnh lễ vị này, đứng một bên rồi trình bày tự sự trước sau. Lại còn nói rằng đấy chỉ là lời vô ý (anupadhāretvā), không có chủ tâm, xin ngài, với oai đức của mình, dẫn tôi về nhà đại triệu phú, xin lỗi ông ta cho tôi được ở lại.

Vị thiên tử hộ trì thành phố phất tay đứng dậy, quát như sấm nổ:

- Ngươi cũng bước đi khỏi đây, bước ra khỏi đây cùng với những lời nói dơ uế lỗ tai và ngu si ấy! Những lời ấy là gì? Là lời không thích đáng, phi pháp, phản động; là đòn đánh mạnh vào giáo pháp của đức Tôn Sư. Ở đây không có chỗ cho ngươi!

Không nản chí, thiên nữ tìm đến các vị thiên có oai lực lớn hơn, tức là bốn vị Đại thiên vương. Các vị này sau khi nghe xong, không quát mắng, không xua đuổi, chỉ nói về lý, tình cho vị thiên nữ tội nghiệp kia hiểu.

- Ta cũng thương ngươi ngược xuôi vất vả mà không có chỗ an cư. Nhưng biết làm thế nào được. Khi mà oai lực của

ta không bằng oai lực của ông đại triệu phú. Bằng sao được khi đấy là lời nói của một thánh thiện nam, kẻ thành tựu khá hoàn hảo về tín, giới, văn, thí, tuệ? Vậy ta khuyên ngươi lên tìm gặp đức Đế Thích thiên chủ, may ra ngài ấy có biện pháp giúp đỡ ngươi.

Chẳng biết sao hơn, vì thiên nữ thất tha thất thểu đến cõi trời Đao Lợi, quỳ lạy Đế Thích và khẩn thiết yêu cầu sự giúp đỡ.

Sau khi nghe xong, ái ngại và xót thương nhìn người thiên nữ dại dột, thiên chủ nói:

- Đáng lý ra ta cũng phất tay mà đuổi ngươi đi như các vị thiên kia. Và nếu vậy, ngươi sẽ lang thang suốt đời mà không có chỗ an cư. Ta do nhờ nghe pháp của đức Đạo Sư mà thấy rõ đâu tội, đâu phước, đâu nhân, đâu quả. Ta tri ân ngài quá lớn. Thế mà ngươi, một hạt bụi, một mảy lông mà dám đánh đổ núi Tu Di? Ân đức của bậc Tôn Sư, của giáo pháp, của chư tăng thật vô lượng cho chúng sanh ba cõi vậy. Ngươi vì vô minh, vì si mê nên không thấy, không biết ân đức ấy, mới dại dột đụng chạm đến giáo pháp của bậc đại chiến thắng. Tội của ngươi quá lớn. Nhưng cũng vì sự hỷ xả, vì lòng từ mẫn, ta sẽ chỉ cho ngươi một phương pháp, trước là để chuộc tội với ông đại triệu phú, sau nữa là sám hối với đức Phật.

- Lành thay, thưa thiên chủ! Thiên nữ mừng rỡ nói - xin người từ bi chỉ dạy cho con. Ôi! Con mong được tha thứ xiết bao!

Rồi thiên chủ Đế Thích chậm rãi trình bày như sau:

- Ông đại triệu phú có một gia sản kim ngân lớn bị thất thoát. Thất thoát do người ta vay nợ, do nước trôi và do chôn của để dành bị mất dấu. Hiện giờ, ở khắp nơi trong thành Sāvatthi, các gia chủ lớn, các thương gia, do nhờ vay tiền của ông đại triệu phú mà trở thành giàu có cả. Những giấy nợ, những biên nhận kia hiện nằm trong tủ phía đầu

giường của ông. Từ khi gặp Phật và thấy được giáo pháp, con đường đi của giáo pháp, ông không hề để tâm đến những món nợ ấy nữa. Bây giờ ông đại triệu phú đang lúc nghèo túng. Ngươi hãy lấy tất cả giấy nợ và biên nhận kia, với oai lực của ngươi cùng với oai lực của một số Dạ Xoa trẻ ta cho đi theo để tháp tùng; đến các con nợ mà hăm doạ, nạt nộ thế nào đó để người ta phải trả lại. Số tiền này có thể lên đến một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng; ngươi đem đến đổ vào kho bạc trống không của ông ta. Đấy là món kim ngân thứ nhất. Ngươi có nghe rõ không?

- Dạ, con nghe rõ!

- Còn món kim ngân thứ hai, trị giá cũng chừng khoảng một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng, bỏ trong những cái ghè bằng đất nung, chôn giấu ở bờ sông Aciravatī. Khi lũ lụt đến, đất lở, nước đã cuốn trôi tất thảy về đại dương. Với oai lực của ngươi, và của một số Dạ Xoa tháp tùng, ngươi có thể tìm thấy tài sản ấy và mang về một cách dễ dàng. Ngươi có làm được thế không?

- Dạ, con làm được!

- Còn tài sản khác, chính ông đại triệu phú cũng không nhớ là đã chôn giấu ở đâu. Ngươi có thể nhờ bằng hữu, các vị thiên quản nhiệm các ngôi rừng, làng mạc, nghĩa địa, vườn tược, thung lũng, khe suối, gò đống, ao hồ... quanh kinh thành Sāvatthi tìm hộ giúp. Số kim ngân này cũng không ít hơn hai loại tài sản kia đâu.

Và như vậy, với chừng năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, ngươi làm đầy lại kho gia sản của ông triệu phú để đền tội, để chuộc tội, để sám hối. Ông triệu phú thấy ngươi có lòng thành, biết ăn năn hối lỗi, sẽ tha thứ cho ngươi. Và ngươi lại có chỗ tịnh cư an lạc, khỏi phải lang thang nữa!

Với phương pháp chỉ bày của thiên chủ Đế Thích, trong thời gian ngắn, thiên nữ đã tìm ra đủ ba loại tài sản. Nửa

đêm, rực rỡ với hào quang, đứng giữa hư không, thiên nữ nói:

- Thưa ông trưởng giả! Tôi vì ngu si, lầm lạc, mù quáng, không biết đến công đức của Phật, của giáo pháp, của tăng chúng đã có những lời nói lỗi lầm ngày trước. Ông hãy vì lòng từ ái mà tha thứ cho tôi. Theo lời chỉ giáo của thiên chủ Đế Thích, tôi đã đòi lại số nợ một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng ở rải rác trong thành phố cho ngài; đã lấy lại số tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng bị nước trôi ra biển; và tôi cũng đã tìm ra tài sản một trăm tám mươi triệu đồng tiền vàng chôn giấu giữa những bãi đất vô chủ. Với năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng, tôi đã đổ đầy kho kim ngân trống không của trưởng giả để chuộc tội. Như vậy, số kim ngân ngài tiêu dùng cho việc kiến tạo tịnh xá cùng hộ trì đức Phật và tăng chúng trong gần bốn mươi năm qua, tất cả đã thâu lại đủ. Từ khi mất chỗ trú xứ, tôi phải lang thang, buồn phiền và mệt mỏi. Tôi rất hối hận. Xin ngài miễn chấp cho việc làm vô trí của tôi. Hãy tha thứ cho tôi vì lòng bi mẫn, thưa trưởng giả!

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe vậy, suy nghĩ như sau:

"- Thiên nữ này bảo là đã lấy công chuộc tội, nghĩa là đã thấy tội của mình. Muốn cho nó thấy rõ công đức của ta cùng việc làm trước sau của nó, ta nên dẫn nó đến gặp bậc Đạo Sư. Chỉ có ngài mới biết rõ là nên giáo giới vì thiên nữ này như thế nào".

Rồi nói:

- Này thiên nữ! Sự hối lỗi của ngươi là rất tốt. Nếu muốn xin lỗi ta thì hãy xin lỗi trước mặt bậc Đạo Sư!

Sáng ngày, khi đêm đã tàn, trưởng giả Cấp Cô Độc không cần phải xem lại số tài sản đem về hư thực thế nào, dẫn thiên nữ đến hầu đức Thế Tôn.

Và đoạn cuối đã được đây đó kể lại.

Đức Phật sau khi nghe xong câu chuyện, nói cho thiên nữ nghe với ý rằng: Một người làm việc xấu ác, khi việc xấu ác ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc xấu ác ấy là lành tốt. Nhưng đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đấy là xấu ác. Ngược lại, một người làm việc lành tốt, khi việc lành tốt ấy chưa trả quả thì nghĩ rằng, việc lành tốt ấy là xấu ác. Đến khi quả báo xảy ra, người ấy mới thật sự biết đấy là lành tốt.

Rồi đức Phật cô đọng ý ấy trong mấy bài kệ sau đây:

"- Ác hạnh như mật, như đường!
Người ngu nghĩ vậy, quả thường chưa sanh
Đến khi ác báo rành rành
Than trời, trách Phật, khổ thành khổ hơn!"[(1)]

"- Ác nghiệp là nghiệp chẳng lành
Ăn năn, hối quá phát sanh lòng người
Đến khi quả dữ chín muồi
Lệ tuôn đầy mặt, lạy trời khóc mưa!"[(2)]

"- Thiện nghiệp là nghiệp tốt lành
Thỏa thích, mát mẻ phát sanh lòng người
Đến khi lạc báo chín muồi
Thọ hưởng phước quả, nói cười hân hoan!"[(3)]

Sau mấy bài kệ, thiên nữ chứng Dự-lưu quả. Nàng sung sướng đảnh lễ đôi bàn chân có tô điểm bánh xe ngàn căm của đức Chánh Đẳng Giác rồi nói:

- Bạch đức Thế Tôn! Vì bị tham ái nhiễm, bị sân kích động, bị si mờ ám, bị vô minh che phủ, con không biết

---

(1) Pháp cú 69: "Madhu'vā maññati bālo, yāva pāpaṃ na paccati, yadā ca paccati pāpaṃ, bālo dukkhaṃ Nigacchati".

(2) Pháp cú 67: Na taṃ kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā anutappati, yassa assumukho rodaṃ, vipākaṃ paṭisevati.

(3) Tañca kammaṃ kataṃ sādhu, yaṃ katvā nānutappati, yassa patīto sumano, vipākaṃ paṭisevati.

những công đức của Thế Tôn, đã nói những lới ác ngữ, hãy tha thứ cho con.

Vì thiên nữ lại quay sang xin hối lỗi với trưởng giả Cấp Cô Độc. Trước mặt đức Phật, ông trưởng giả hoan hỷ công đức của mình:

- Mặc dầu bị thiên nữ này ngăn chặn, bạch Thế Tôn! Ngăn chặn chớ có phục vụ đức Phật, ngăn chặn chớ có bố thí, cúng dường. Nhưng giống như những ngọn gió đông gió tây không lay chuyển đỉnh núi Sineru như thế nào, tâm của đệ tử vẫn kiên trì, vững chắc vào đức Thế Tôn, giáo pháp cùng tăng chúng cũng y như thế đó! Đệ tử đã an trú ở đấy với đức tin bất thối chuyển.

Mỉm nụ cười hoa sen tựa vàng ròng và hào quang sáu vòng từng đôi một, đức Phật tán thán công đức của trưởng giả và nói rằng, đấy là do nhờ sự thấy biết thanh tịnh của một thánh đệ tử, trạng thái tâm đã ổn định, đã xuôi vào dòng đưa đến cõi bất tử.

Sau đó, đức Phật kể cho trưởng giả Cấp Cô Độc và thiên nữ nghe một tiền thân của ngài trong quá khứ, vào cái thời chưa có vị Phật Chánh Đẳng. Vì muốn ngăn chặn sự bố thí của ngài đến một vị Độc Giác Phật, nên Ác Ma vương đã hóa hiện một hố sâu than hồng hừng hực lửa; tuy nhiên, ngài vẫn bước qua và chiến thắng. Rồi đức Phật tóm tắt như sau:

"- Ta bước vào địa ngục an toàn như bước vào ngôi nhà của chư thiên. Ta bước trên hố than hừng, đóa hoa sen bừng nở, nhuỵ vàng và phấn hương trải gót chân ta... Ôi! Hy hữu thay là sự bố thí bất động tâm! Ôi bất diệt thay là đức tin bất động tâm với thiện pháp".

Quả thật, trưởng giả Cấp Cô Độc cũng xứng đáng được tán thán như vậy trong suốt cuộc đời làm công đức không mệt mỏi của ông. Như ngôi sao Bắc Đẩu rỡ rỡ chiếu sáng hằng đêm với một phương hướng nhất định, cũng vậy, ông

nêu gương cho hàng cư sĩ tại gia trên con đường phước sự lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người vậy.

Cả gia đình của ông: Bà vợ, người em út, con trai, ba con gái và con dâu đều thâm tín Tam Bảo. Chuyện kể về lời nói của vị thiên nữ không lay động được tâm của người con trai và viên quản lý chứng tỏ điều đó. Có rất nhiều bài pháp đã được đức Phật đặc biệt thuyết riêng cho từng người một trong gia đình hiền thiện này.

Ngoài ra, ông còn có công dẫn rất nhiều bà con quyến thuộc, kẻ quen biết thân, sơ đến quy y với đức Phật rồi sống an lạc trong giáo pháp này. Một lần, ông đã dẫn đến năm trăm người bạn, đặt họ trên tam quy và hướng dẫn họ sống đúng với chánh pháp. Khi đức Phật rời Sāvatthi, năm trăm người này lại phá vỡ tam quy, quy y theo ngoại đạo. Lâu sau, đức Phật trở lại Kỳ Viên, ông mời năm trăm người bạn trở lại nghe pháp. Cuối bài giảng, cả năm trăm nam cư sĩ đều chứng quả Dự Lưu.

Cây Bồ Đề được tôn giả Mahā Moggallāna lấy hạt từ cây mẹ bên sông Nerañjarā, được ươm trồng giữa lối vào tịnh xá, mười mấy năm về trước, bây giờ đã cao lớn, xanh um chính là do công đức của ông bạch với tôn giả Ānanda xin đức Phật cho phép - để cho hai hàng cận sự nam nữ có nơi để đảnh lễ, cúng dường những khi ngài đi hoằng hóa phương xa.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thường được đức Phật, tăng chúng và hàng cư sĩ tin cậy nên ông thường tỏ ra làm đại diện cư sĩ một cách xứng đáng, góp ý xây dựng giáo hội và giải quyết những vấn đề thuộc lãnh vực cư sĩ. Ông và đại nữ thí chủ Visākhā là hai cánh tay đắc lực, trọng yếu trong việc làm cho toàn hảo căn nhà giáo pháp của đức Phật vậy.

Củng Cố Pháp Và Luật

Mùa mưa thứ ba mươi chín, đức Phật an cư tại Đông Phương Lộc Mẫu. Do năm nay cả hai đại tu viện tại Sāvatthi đều đông đúc do chư tăng các nơi đổ về nên đức Phật bảo hai vị đại đệ tử và chư trưởng lão tổ chức thuyết giảng nhiều lần, nhiều lớp để củng cố pháp và luật. Có một số giới luật cần phải chế định thêm. Có một số tri kiến về giáo pháp trong các cuộc tranh luận giữa chư tỳ-khưu với nhau cần phải được minh giải.

Đầu tiên, chư vị trưởng lão cùng ngồi với nhau để tuyên đọc lại tất cả những giới luật từ lớn đến nhỏ và từng trường hợp, lý do chế định, xảy ra trong hoàn cảnh, nhân vật cụ thể nào. Việc này phải mất suốt mấy buổi chiều, sau đó, tôn giả Upāli và tôn giả Ānanda thay nhau tuyên đọc lại cho đức Phật xét duyệt.

Sau khi đức Phật đồng ý, từ cơ sở giới luật đọc tụng này, chư vị trưởng lão họp đại chúng tỳ-khưu tăng, ni bắt phải học thuộc; nơi nào không có khả năng học thuộc thì tuyển chọn một số tỳ-khưu tăng ni có trí nhớ tốt, học thuộc để làm luật sư trong các buổi lễ Uposatha và tụng giới bổn Pātimokkha. Cách làm này có kết quả khả quan, được đức Phật khen ngợi.

Việc thứ hai trong hạ này nữa, là điều chỉnh một số tri kiến về giáo pháp. Quả thật, do tăng đoàn phát triển lớn mạnh, xa rộng trong nhiều quốc độ, biên cương và hải đảo nên nơi nào không có mặt thường xuyên các bậc trưởng lão vô lậu thì tri kiến về giáo pháp dễ bị nghiêng lệch.

Trong buổi hội họp riêng của chư đại trưởng lão, tôn giả Sāriputta, Mahā Moggallāna, Mahā Kassapa, Upāli, Anuruddha, Bhaddiya, Nandiya, Ānanda... đã đúc kết để đưa ra một số tri kiến có đúng, có sai nhưng cũng cần phải được giải minh cho chính xác:

- Các pháp vô tự tính nên các pháp là "không".
- Vì là "không" nên các pháp là mộng, huyễn, bào, ảnh.
- Không những "cái không", mà "cả có cả không" đều không nói lên ý nghĩa nào cả.
- Nói "không" cái kiểu "trống không" là không được, nói "không" là "cái gì không"?
- Không có cái "không" nào tự dưng biến thành "có" cả.
- "Không" là "không có cái có cũng không có cái không".
- "Không", không phải là "không có", ví dụ có cái hư không, ngoan không.
- Do các pháp vô ngã, vì Niết-bàn vô ngã nên Niết-bàn vô thường!
- Các pháp "bất sinh bất diệt".
- Không phải "bất sinh bất diệt" mà là vì "vô sinh nên bất diệt".
- Các pháp vô thường nên cái "vô thường ấy là thường".
- Cái lạc của Niết-bàn là "thường lạc".
- Sau khi thấy rõ vô ngã, cái mà vị hành giả chứng nghiệm phải là "chân ngã"...

Sau khi đưa ra một số tư tưởng thường gây nên các cuộc tranh luận đó đây, chư đại trưởng lão rùng mình. Quý ngài không ngờ, giáo pháp dị giản, như thực như chơn của đức

Phật lại rơi vào tròng những luận tri, luận thức, luận vấn, luận kiến, luận chấp phức tạp như thế.

Chư vị trưởng lão thấy vấn đề quan trọng quá nên họ đến trình bày lại toàn bộ lên đức Phật và xin ngài tùy nghi, tùy thời, tùy phương tiện giảng nói cho đại chúng.

Tôn giả Sāriputta kết luận:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chư vị giảng sư, pháp sư trong Tăng đoàn khắp cõi châu Diêm-phù-đề mà không nắm rõ, thấy rõ giáo pháp, khi họ gặp những câu hỏi tương tự, sẽ sinh ra những cuộc tranh luận; rồi không mấy chốc, phát triển thêm, nới rộng biên thì giáo pháp của đức Tôn Sư lại trở về với sáu mươi hai kiến chấp, sáu mươi hai luận điểm tư tưởng của bà-la-môn giáo muôn đời!

Đức Phật im lặng một lúc:

- Đúng vậy, ông nói đúng! Đối với những bậc vô lậu, giải thoát thì những tư tưởng như thế kia sẽ không dính vào tâm vị ấy, vì vị ấy biết rõ, thấy rõ "không" là gì, "có" là gì, "không tánh" là gì và Niết-bàn là gì! Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ, nói năng thì chúng dễ rơi vào quan điểm, luận điểm kiến chấp cũ. Do vậy, Như Lai khuyên chư vị "không sử dụng tư tưởng để giải minh tư tưởng, không dùng lý luận để đối chọi lại với lý luận, không dùng cái đúng của mình để phanh ra cái sai của đối phương!" Như Lai nói vậy, chư vị có nắm bắt được "diệu ý" mà Như Lai muốn trao gởi không?

Câu hỏi của đức Phật trọng lượng nặng hơn quả núi Sineru đặt trong tâm trí họ. Mọi người im lặng.

Lát sau, chỉ có tôn giả Sāriputta trả lời:

- Không nên tranh luận bằng bất cứ phương cách nào, mà phải nên y cứ trên cái thực, cái thực của sự sống đang diễn ra, đang xảy ra để chỉ rõ cho đối phương thấy chân lý, bạch Thế Tôn!

Đức Phật mỉm cười hài lòng:

- Như Lai khen ông có trí tuệ nhanh nhạy, sắc bén. Tuy nhiên, hãy nghe Như Lai hỏi tiếp đây!

- Đệ tử xin nghe.

- Trở lại với mệnh đề tư tưởng đầu tiên: Các pháp vô tự tính nên các pháp là "không". Câu ấy có đúng với giáo pháp của Như Lai? Và nó đúng là đúng như thế nào, nó sai là sai như thế nào? Vậy ông sẽ giải quyết vấn đề như thế nào mà không dùng tư tưởng để giải minh, không dùng lý luận để luận đối, không lấy cái đúng của mình để giải thích cho người ta?

Tôn giả Sāriputta nói:

- Với câu thứ nhất ấy, khả dĩ tránh được cả ba cách đối thoại trên, đệ tử sẽ có cuộc nói chuyện với họ, y cứ trên sự thật để trao đổi, bạch Thế Tôn!

- Ừ, ông nói chuyện với họ đi, Như Lai nghe đây.

Và đây là đoạn đối thoại ấy:

"- Bạn nói các pháp vô tự tính nên các pháp là không?

- Phải rồi!

- Một cái "đau" đến, cái đau ấy là một cảm thọ, có được xem là một pháp không?

- Nó là một pháp.

- Nó có"vô tự tính" không?

- Có, nó vô tự tính!

- Tại sao?

- Vì nó không ở lâu, và nó luôn thay đổi trạng thái!

- Đúng vậy! Bất cứ cái gì nó cũng không đứng yên, nó thay đổi luôn. Nhưng cái đau ấy nó "có" thật chứ?

- Vâng, nó có thật!

- Vô tự tính nên nó là không? Nhưng tại sao đau thì cứ vẫn là đau?

- Tôi không biết.

- Vậy thật sự là vẫn có đau?

- Vâng!

- Có đau là có khổ, là có dukkha?

- Đúng vậy!

- Bạn thấy chưa, tư tưởng của bạn không sai, nhưng nó sẽ rơi vào trò hý luận, rỗng không và vô ích nếu cứ ham nói mà không lo tu. Phải tu tập, phải chứng nghiệm, khi ấy bạn mới thực sự thấy rõ các pháp nó diễn tiến ra làm sao, mặt mũi của nó như thế nào? Phải quan sát để thấy rõ từ cái thực chứ đừng lý luận, đừng rơi vào các quan niệm, các quan điểm!"

Sau câu chuyện ấy, tôn giả Sāriputta kết luận:

- Đấy là cái cách đi từ sự thực để giải minh vấn đề của đệ tử đó, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn chỉ giáo thêm?

- Ông đã nắm được cái lõi, này con trai!

Chư vị trưởng lão đồng tán thán:

- Tuyệt vời thay là trí tuệ như thực của tôn giả!

Đức Phật đưa mắt bi từ nhìn chư vị trưởng lão rồi nói:

- Đấy được gọi là phương pháp mà không có phương pháp, hy vọng chư vị đây đều là bậc đại trí thức, sẽ tùy duyên, tùy thời, tùy căn cơ, trình độ của học chúng, của người đối thoại, của từng nạn vấn mà linh động vận dụng khi minh giải cho mọi người về cái thực, sự thực ấy.

Tôn giả Ānanda chợt hỏi:

- Cái thực, cái sự thực ấy chúng ta trông thấy được, nghe được, ngửi được, nếm được, xúc chạm được, ý thức được ngay bây giờ đây, có phải vậy không, bạch đức Tôn Sư?

- Chính xác! Nó là cái toàn bộ căn trần thức, mười tám giới đang xảy ra, đang diễn ra, đang vận hành duyên khởi đó, này con trai út!

Chư vị đại trưởng lão, ai cũng nắm bắt được cái tinh lõi cả rồi. Tuy nhiên, đức Phật chợt hỏi thêm một câu nữa:

- Vậy mười bốn câu còn lại, chư vị có thể y cứ trên sự thật mà giải minh có được không?

Họ đồng trả lời:

- Tâu, vâng, được, bạch Thế Tôn!

- Chư vị là bậc vô lậu, cứ y cứ nơi thân, nơi tâm, nơi trí mình để chỉ cho người ta, nên Như Lai biết chư vị làm được. Nhưng ở đây, có Ānanda mới vào dòng, Như Lai chỉ ngại một mình ông ta thôi!

Tôn giả Ānanda tự tin đáp:

- Xin đức Tôn Sư hãy cho đệ tử thực tập.

- Ồ, được! Vậy thì nghe Như Lai hỏi đây. Trong các câu ở trên, có câu thứ mười bốn: "Cái lạc của Niết-bàn là thường lạc!" Ông làm cách nào chỉ rõ sự thật cho người ta thấy!

Rồi tôn giả Ānanda kể câu chuyện như sau:

"- Bạn nói lạc của Niết-bàn là thường lạc?

- Phải!

- Thường lạc là lạc mãi mãi, lạc hoài hoài, tiếp diễn đến vô biên, vô cùng?

- Phải vậy.

- Cũng có nghĩa là nó mãi lạc, mãi vui?

- Đúng vậy!

- Trong cái bát khất thực của bạn, thỉnh thoảng bạn cũng bắt gặp món ăn ngon thượng vị chứ?

- Thưa có!

- Bạn thích không?

- Vâng, rất thích, rất khoái khẩu!

- Thế "cái ngon", "cái thích", "cái khoái khẩu", "cái lạc" ấy kéo dài được bao lâu?

- Thoáng lát thôi mà!

- Nếu cái ngon ấy, cái lạc ấy kéo dài một ngày thì bạn sẽ cảm thấy thế nào?

- Làm gì có chuyện đó. Mà giả dụ nó kéo dài thì ai mà chịu nổi!

- Đúng vậy! Thế là chính bạn đã phủ nhận cái mãi lạc, mãi vui, cái thường lạc của bạn rồi đấy!"

Tôn giả Ānanda vừa chấm dứt đoạn đối thoại thì chư trưởng lão đồng khen ngợi:

- Thiện xảo lắm! Đa văn hiền giả!

- Ông Ānanda cũng nắm bắt được yêu cầu của Như Lai rồi, vậy là tốt quá rồi. Sự việc như thế là tạm ổn rồi. Nhưng Như Lai nhờ chư vị tìm cách mà chỉ sự thực giùm, khi có một số đông tỳ-khưu gặp việc gì cũng nói: "Ôi, 'có có không không' thôi mà! Ôi, có, không ấy như trăng trong nước, như hoa trong gương, như mộng huyễn bào ảnh cả!" Những câu phát ngôn ấy đúng hay sai với giáo pháp? Đúng là đúng ở chỗ nào, và sai là sai ở chỗ nào? Trong chư vị, ai có thể chỉ rõ chân lý ấy?

Tôn giả Mahā Moggallāna thưa:

- Câu này để cho đệ tử nói thay chư tôn trưởng lão, bạch Thế Tôn. Và đệ tử cũng có một đoạn đối thoại như sau:

"- Bạn nói 'có có không không' là nghĩa làm sao hở?

- Thì đấy, cái nào, pháp gì nó cũng có đó rồi không đó, khi nó 'có', khi nó 'không', thế thôi!

- Tôi muốn bạn nói cái cụ thể kìa! 'Cái có cái không' nào mà chúng ta cùng thấy tận mắt kìa?

- Dễ thôi! Ví như trăng trong nước!

- Tôi thấy trăng trong nước rồi. Sao nữa?

- Nó 'có' không?

- Tôi thấy là nó 'có'.

- Bạn trật rồi. Có sao ta lại vớt lên không được?

- Thế là nó 'không' sao?

- Không sao được, tôi thấy nó bằng mắt đây này!

- Vậy, 'có' cũng trật mà 'không' cũng trật sao?

- Đấy! Các pháp đều như vậy đấy! Có có không không thật không biết thế nào mà lần! Nó không như mộng, huyễn, bào, ảnh là gì?

- Ý bạn muốn nói là nói gì cũng như nói trong mộng?

- Chính thị!

- Nghĩa là một pháp, một hiện tượng, một cái gì đó đang xảy ra đều là cái không thật?

- Chính thị!

- Bạn quả thật là một kẻ ngu ngốc!

- Sao bạn lại phỉ báng tôi?

- Đâu có! Câu nói của tôi, nó chỉ là một âm thanh thoáng qua, nó có có không không như mộng huyễn bào ảnh thôi mà!

Người đối thoại sụp lạy:

- Hóa ra là nó có thật! Xin tri ân hiền giả!

- Có thật nhưng mà nó diệt rồi!

- Thì câu phỉ báng ấy trở thành không.

- Ồ, hóa ra có, không ấy là định luật sinh diệt; đồng thời nó nằm nơi ý niệm của ta thôi!

Người đối thoại lắng nghe.

Vị kia nói tiếp:

- Xem nào! Khi ta nhìn trăng trong nước, nếu tâm ý khởi có là nó 'có', khởi không là nó 'không'! Cũng tương tợ vậy, lời phỉ báng kia mà chấp có – **có cái này thì có cái kia,** theo định luật duyên khởi – thì liền có ngay tham sân si, phiền não. Còn nếu ta khởi niệm không - **không có cái này thì không có cái kia** – thì tham sân, phiền não không sanh khởi. Trong trường hợp này, 'cả có cả không đều có cả' đấy, ông bạn!"

- Tôi thấy rõ rồi! Vậy, 'có, không' đều là 'có' cả để ta giác ngộ lý duyên khởi trong thế giới tục đế. Còn **tánh không**, không phải là cái 'không' và có này, nó là cái bản chất như thực của chư pháp; nói cách khác, do nhờ **tánh không** nên các pháp mới được thiết lập!

- Đúng vậy! Cảm ơn bạn đã thấy".

Tôn giả Mahā Moggallāna nói xong, đức Phật kết luận:

- Cách giải minh của Sāriputta có sử dụng lý luận, nhưng lý luận này lại được y cứ trên cái thực, xem ra cũng khả dụng. Đây được coi như là trường hợp thứ tư vậy.

Chư vị trưởng lão hoan hỷ thọ trì lời dạy thuộc đỉnh cao của giáo pháp nhưng lại là thiết thực hiện tại mà ai cũng có thể chiêm nghiệm, quan sát được trong đời sống tương duyên, tương quan của mỗi người, của mỗi hành giả học Phật và tu Phật.

Binh Lửa

Mùa mưa chấm dứt, đức Phật và chư đại trưởng lão lại ra đi theo tinh thần củng cố pháp và luật dành cho chư tăng ni nhiều phương, nhất là các xứ phía tây và phía bắc nước Kosala. Chỉ hơn tháng sau là ai cũng nghe tin một cuộc chiến tranh kinh hoàng đang xảy ra giữa hai vương quốc Kosala và Māgadha.

Số là đức vua Pāsenadi, trước đây có cử một phái đoàn sứ giả đến kinh đô Rājagaha, nghiêm khắc yêu cầu tân vương Ajātasattu giải thích hành vi của mình trong việc đức vua Bimbisāra bị bỏ chết đói trong ngục, nhưng họ đi mà không thấy họ về. Đợi tin suốt ba tháng trường, sau mới biết là Ajātasattu không những không trả lời rõ ràng theo lời yêu cầu của đức vua Kosala mà còn bắt giam cả phái đoàn sứ giả của ngài nữa.

"- Thật là quá đáng. Nó không coi ông cậu của nó ra gì!"

Bừng bừng lửa giận, quên cả lời dặn của đức Phật, đức vua Pāsenadi cử ngay một đội quân hùng mạnh ngày đêm xuôi nam, bờ bắc sông Gaṅgā, đến ngay thủ phủ xứ Kāsi, đánh đuổi tướng lãnh, quan quân của Ajātasattu đang đồn trú ở đây về lại Māgadha! Đây là hành động quyết liệt để dằn mặt đứa cháu bất trị! Nguyên uỷ xứ Kāsi, thành phố

Bārāṇasī cách đây hơn năm mươi năm về trước vốn là vùng đất thuộc lãnh thổ Kosala; nhưng khi gả con gái của mình - Kosaladevī (Videhi) - cho quốc vương Bimbisāra, đức vua Mahā Kosala tặng luôn thực ấp này làm của hồi môn. Bây giờ do giận đứa cháu vô đạo, đức vua Pāsenadi cho quân đánh chiếm, được xem là tối hậu thư đòi lại thực ấp.

Về phía Rājagaha, tân vương Ajātasattu khi thấy quan quân của mình tơi tả chạy về, dù không ai bỏ mạng nhưng trông cũng vô cùng thê thảm. Có kẻ thất lạc vợ con, có kẻ phải bỏ lại toàn bộ cơ ngơi, gia sản nơi xứ người. Lại nữa, mất Kāsi là mỗi năm đức vua Ajātasattu mất một trăm ngàn đồng tiền vàng lợi tức thuế khoá, chưa kể còn không biết bao nhiêu bổng lộc phát sanh từ đó nữa.

Thế là nổi giận đùng đùng, Ajātasattu huy động binh hùng tướng mạnh đầy đủ xe ngựa voi pháo rầm rộ vượt sông Gaṅgā, qua bờ bắc, tiến mãi theo con đường thương buôn lên phía thượng nguồn quyết đòi lại thực ấp Kāsi cho bằng được.

Nghe thám tử hồi báo khẩn cấp, đức vua sai vị thống soái quân đội - tức là thống tướng Bandhula - lập ngay phương án phòng vệ thủ đô; và ông tin ông bạn của mình sẽ giữ vững hoàng thành, cung điện cũng như muôn dân bá tánh được yên ổn. Đức vua nói:

- Trao kinh đô cho bạn đó! Còn trẫm phải đích thân xuất quân để trừng trị thằng cháu ngỗ nghịch.

Thống tướng Bandhula, người đã dạn dày trận mạc, nói có vẻ lo lắng:

- Hay là ngược lại, bệ hạ! Bệ hạ sẽ giữ thành, còn để hạ thần xuất chinh cho? Hạ thần đã quen ngồi ngựa, lại quen mùi binh lửa?

- Không! Có bạn oai trấn ở đây thì trẫm sẽ không còn lo lắng ở hậu phương. Còn trẫm sao cũng được, thắng thua là chuyện thường mà!

Thái tử Viḍūḍabha[1] nai nịt giáp bào, kiếm cung đầy mình cũng xin vua cha được xuất trận. Đức vua từ chối:

- Con cũng phải ở nhà mà giữ thành cùng với đại tướng quân!

Tất cả ba mươi hai thanh niên và trung niên, là con là cháu của thống soái Bandhula, tuổi từ hai mươi đến bốn mươi lăm, đều là tướng giỏi, cũng đồng quỳ bên chân đức vua Kosala, xin được ra trận.

Thấy khí thế oai phong lẫm lẫm của chư tướng trẻ, đức vua cười ha hả:

- Con và cháu của ông không giống lông thì cũng giống cánh, mai này đều là đại tướng vô địch cả đây! Nhưng các ngươi cũng phải ở lại giữ thành với thân phụ của mình cho chắc ăn, nghe!

Thế là bỏ ngoài tai mọi lời thuyết phục, đức vua Pāsenadi đích thân mang theo một đội quân lớn, cũng đầy đủ ngựa xe voi pháo rầm rầm rộ rộ nhắm hướng Kāsi xuất phát...

Một tháng sau, tin đức vua Pāsenadi bại trận lan về kinh đô làm cho nhà nhà đóng cửa, chợ không đông; ai ai cũng sợ quân binh của Ajātasattu tràn vào giết người cướp của. Tuy nhiên, hệ thống phòng thủ kinh đô của thống tướng Bandhula thật không dễ gì mà quân đội của Ajātasattu có thể phá vỡ được. Thái tử Viḍūḍabha với đội quân tuyển chọn thiện chiến của mình đứng ở tuyến đầu, bẻ gãy từng đợt tấn công. Ba mươi hai viên hổ tướng, con và cháu của thống tướng Bandhula, xuất hiện đông, tây, nam, bắc như những toán binh ma, chặt đứt bất cứ một mũi nhọn xung kích nào.

---

[1] Đức vua Mahānāma nước Sākya yêu một cô gái nô lệ, sau sinh một cô gái có tên là Vāsabha-Khattiya được phong làm công chúa. Khi vua Pāsenadi muốn cưới một công chúa nước Sakyā để kết thân, đức vua Mahānāma bèn gả cô này. Chính đức vua Pāsenadi cũng không biết thái tử Viḍūḍabha có mang dòng máu nô lệ của mẹ trong huyết quản.

Kinh thành bình chân như vại. Qua ngày thứ ba, thứ tư thì đội quân oai hùng của các vị tổng trấn gần xa, theo lệnh phi mã cấp báo của thống tướng Bandhula, đi ngày đi đêm đã về kịp kinh đô, bao vây quân đội của Ajātasattu ở giữa, không có chỗ nào có thể thoát thân được. Thế là họ đành buông vũ khí đầu hàng. Tân vương Ajātasattu bị bắt trói cùng với vài chục tướng lãnh và hơn một vạn tù binh cùng chung số phận. Số chết, số bị thương, số bỏ chạy tán loạn cũng đông không kể xiết. Bao nhiêu voi, ngựa, xe, pháo, vũ khí, giáp bào ngổn ngang trên chiến trường đều bị tịch thu. Một lần bại trận như thế, xem ra, đức vua Ajātasattu không còn gì nữa cả, sạch nghiệp, trắng tay khốn cùng!

Chiến tranh giữa hai nước thế là kéo dài hơn nửa năm. Đức vua tổ chức ăn mừng để khao thưởng tướng sĩ và ba quân. Thống tướng Bandhula đã lập được đại công. Thái tử Viḍūḍabha được đức vua đặc biệt khen ngợi về vũ dũng và tài cầm quân. Riêng ba mươi hai vị tướng, con trai và cháu của thống tướng Bandhula được đức vua tuyên dương trước ba quân vì họ có bản lãnh võ học, điều động binh mã nhanh, gọn, thần tốc, đồng thời biết phối hợp tác chiến nhịp nhàng và đồng bộ với nhau và với cả các đội quân khác nữa. Chợt dưng, đức vua rùng mình, tự nghĩ: "Nếu lực lượng hùng hậu và tinh nhuệ của cả đại gia đình này mà mưu phản thì ta sẽ không có đất để quăng thây!"

Đức vua bại trận Ajātasattu và hai mươi tướng lãnh bị cột trói, bắt quỳ giữa pháp trường, đứng sau lưng là mấy chục dũng sĩ lặng lẽ đứng ôm đao tuốt trần toát ra cái khí uy trấn chết người.

Ngồi trên bảo tọa cao, sau lưng là bá quan văn võ, đức vua Pāsenadi cất giọng nghiêm lạnh:

- Này Ajātasattu! Tại sao ngươi lại đang tâm bỏ chết đói phụ vương trong ngục tối?

Ajātasattu cúi đầu, im lặng, không trả lời.

- Hãy nói đi, Ajātasattu! Ta hỏi ngươi với tư cách là một ông cậu, chứ không phải với tư cách của một ông vua chiến thắng, hãy nói thật đi?

- Thưa cậu, cháu bị tên ác tăng Devadatta xúi giục.

- Rồi ngươi mê muội theo lời xúi gục vô đạo ấy ư?

- Khi ấy, vì tham vọng quyền lực, cháu không còn lý trí nữa.

Đức vua im lặng một lát:

- Thế tại sao ngươi bắt giam luôn đoàn sứ giả của ta?

- Cháu phóng lao thì phải theo lao luôn, thưa cậu.

- Và việc đánh chiếm Kāsi là chủ trương của ai?

- Của cháu và của cả chư tướng, vì Kāsi là nguồn lợi lớn cho Māgadha, thưa cậu.

Đức vua Pāsenadi chợt thở dài rồi nhìn tả hữu:

- Hãy cởi trói cho cháu của ta. Còn hai mươi vị tướng quân kia tạm giam vào ngục rồi sẽ xử lý sau.

Khi Ajātasattu đã được cởi trói và có chỗ ngồi, có nước uống, đức vua Pāsenadi mới mở lời dạy dỗ đứa cháu vô đạo của mình. Đại lược đức vua dạy rằng, phàm một đấng minh quân thì phải sáng suốt, biết lựa chọn các tôi thần lương đống, những người trí tài và hiền đức; phải biết xa lánh, loại bỏ những ông quan tham lam, độc ác, dua nịnh. Việc tên ác tăng Devadatta, ở đây, trẫm không bàn tới, vì ông ta có liên hệ đến giáo hội của đức Tôn Sư, phải do đức Tôn Sư xử lý. Trẫm chỉ muốn nói đến các mưu thần đang đoanh vây xung quanh quyền lực của ông. Coi chừng đó! Phượng thì đi theo phượng, gà thì thường đi theo gà!

Việc thứ hai nữa, đức vua nói tiếp, những thần tử trung kiên và những người bạn tốt, bao giờ cũng giúp ta thành tựu những việc làm hữu ích, cao cả trên cuộc đời này. Ngược lại sẽ rơi vào hố thẳm đại nạn. Còn nữa, kiêu ngạo và ngông cuồng là hai viên bạo tướng sớm đưa ta vào nơi hủy diệt. Hãy nhớ lấy!

Đức vua Ajātasattu có vẻ biết lỗi, ràn rụa nước mắt quỳ lạy đức vua Pāsenadi và xin được tha tội.

Đức vua Kosala cất giọng dịu dàng:

- Thôi được rồi! Biết là tội thì phải biết cải sửa, tu chỉnh ngay từ bây giờ. Cái tội bất hiếu lớn lắm đó. Phải làm việc thiện, việc tốt hữu ích cho muôn dân. Phải có hiếu với mẹ, chăm sóc mẹ, phụng dưỡng mẹ để chuộc lại lỗi lầm ngày trước, nghe không?

Đức vua Ajātasattu gật đầu vâng dạ rất nhu thuận.

Sau đó, đức vua Pāsenadi còn làm một nghĩa cử cao đẹp là trả lại vương bào, sắc phục, mũ miện cho Ajātasattu; làm một buổi tiệc tiễn đưa như một quốc vương đối xử với một quốc vương. Bao nhiêu tướng lãnh, tù binh, xe, ngựa, voi, pháo, binh khí, giáp bào đều được trả lại. Đức vua còn cẩn thận, chu đáo chu cấp lương thực đi đường; rộng tay giúp một ngân khoản lớn cho ông vua bại trận trở về ổn định vương quốc của mình do bị tổn phí, hao hụt kho lẫm sau chiến tranh. Thực ấp Kāsi, vua cũng trao trả lại. Cô công chúa Vajirī cưng chiều của mình, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài, mà cũng là phương pháp bảo vệ hòa bình cho hai đại cường! Ajātasattu trước đây là cháu, bây giờ lại trở thành con rể của đức vua nữa.

Là đệ tử của đức Phật, ông vua hiền thiện này đã biết áp dụng giáo pháp "dùng từ bi xóa bỏ hận thù" nên đã cảm hoá được đứa cháu ngông cuồng; đồng thời, danh thơm của ông không mấy chốc mà lan tràn khắp các tiểu quốc.

Sau khi xử lý tốt đẹp mọi việc hậu chiến tranh, đức vua Pāsenadi cảm thấy hoan hỷ, mát mẻ trong lòng, ông một mình một ngựa đến Kỳ Viên tịnh xá thăm viếng đức Phật vì nghe ngài từ miền tây bắc vừa mới trở về. Và ông đã kể lại mọi sự với đức Đạo Sư vẻ hài lòng, hỷ mãn.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười, dịu dàng nói:

- Có chiến tranh là có chém giết, máu đổ, thịt rơi. Có chiến tranh là có thắng có bại. Người chiến thắng thì huênh hoang, tự đắc, hể hả, sung sướng; còn kẻ chiến bại thì sầu khổ, luôn luôn tìm cách để phục thù rửa hận. Đứng trên vị thế, tư cách của người chiến thắng mà đại vương xử sự như thế là đã xóa tan mọi hận thù; đã vượt lên, vượt qua chuyện thắng bại thường phàm ở trên đời. Chỉ có bậc trí mới làm được như thế.

Lời và ý ấy được cô đọng bằng bài kệ sau:

"- Chiến thắng, nuôi dưỡng hận thù
Còn kẻ thua, bại - khổ sầu chẳng nguôi
Phủi tay thắng bại trên đời
An nhiên, mát mẻ ai ngoài trí nhân!"[1]

[1] Pháp cú 201: "Jayaṃ veraṃ pasavati, dukkhaṃ seti parājito, upasanto sukhaṃ seti,hitvā jayaparājayaṃ".

Tôn Giả Mahā Moggallāna
Báo Hiếu Mẹ

Hôm kia, vào sớm tinh sương, tôn giả Mahā Moggallāna đến đảnh lễ đức Phật khi ngài đang đi kinh hành giữa vườn cây. Biết là có việc quan trọng nên đức Phật dừng chân lại:

- Ông có việc gì, cứ nói đi?

- Về việc của mẹ đệ tử, bạch Thế Tôn.

- Ừ, Như Lai biết khi bà mất, ông cùng chư tăng đệ tử đã có mặt kịp thời để tụng kinh chú nguyện. Nghe nói, ông đã làm lễ hỏa táng nhục thân bà rất chu đáo, dị giản nhưng trang nghiêm. Vậy là tốt rồi. Người con trai của giống dòng sa-môn chỉ có thể làm được như thế thôi.

- Vâng! Nhưng đệ tử biết là không thể cứu được mẹ. Mong đức Tôn Sư chỉ giáo.

Đức Phật bước vào hành lang, ngồi trên tấm nệm cỏ, rồi câu chuyện được tiếp tục.

- Ông cứ nói đi!

Tôn giả Mahā Moggallāna lựa tìm chỗ ngồi phải lẽ rồi thưa rằng:

- Đệ tử biết rõ về tội phước, nhân quả, nghiệp báo. Thuở còn sanh tiền, không biết bao nhiêu lần, đệ tử đã từng khuyên răn mẹ nên có đức tin chân chánh, nên kiềm chế bớt

cơn nóng giận, nên có tấm lòng thương yêu người và vật, nên rộng lòng giúp đỡ kẻ ăn, người ở, bà con, quyến thuộc... nhưng tất thảy đều hoài công vô ích. Với tâm như vậy, nghiệp như vậy nên chắc chắn bà đã sa vào bốn đường khổ rồi...

- Cụ thể bà thường tạo những nghiệp xấu ác như thế nào, này Moggallāna?

- Thưa, thật là quá nhiều, không kể xiết đâu! Thân khẩu ý gì cũng bất chánh, bất thiện cả. Trong những ngày lễ của đạo bà-la-môn, toàn thể gia đình chỉ ăn ngũ cốc, rau trái nhưng các ngày khác thì bà thẳng tay giết vật, lựa tìm cái gì ngon mà ăn thôi, còn lại bà quăng bỏ. Lại còn cho vay nặng lãi. Lại còn buôn một bán mười. Lại còn bòn rút của thiên hạ không từ nan bất cứ thủ đoạn lường gạt nào. Lại còn rít róng, keo kiệt với kẻ ăn, người ở. Lại còn đâm thọc, chanh chua miệng lưỡi. Suốt đời chỉ biết thâu vào, không chịu cho đi dù một vá cơm, một muỗng cháo, một tấm áo, một xu, một cắc cho người cùng khổ, đói nghèo! Nói tóm lại, cả mười nghiệp ác bà đều dính cả, lại không làm được một nghiệp thiện nào. Tâm xấu ác của bà đã trở thành cố tật, nhưng nổi bật nhất vẫn là tâm tham lam vô tận, vô độ, bạch Thế Tôn!

- Trong trường hợp của bà thì không ai có thể cứu được đâu, này con trai!

- Vâng, đệ tử biết vậy. Nhưng bên lòng vẫn canh cánh hình ảnh của mẹ đang chịu cực hình thống khổ, không phải địa ngục thì cũng là ngạ quỷ thôi.

- Thế ông có tìm ra sanh thú của mẹ ông chưa?

- Hồi đêm, đệ tử đã sử dụng năng lực thần thông, tìm kiếm chỗ tái sanh của mẹ. Đệ tử đã tìm kiếm khắp các cõi người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục... nhưng không thấy. Gần sáng, khi rà soát chỗ gần biên ranh các đại địa ngục thì đệ tử chợt thấy mẹ ở trong một chỗ ẩm thấp, tối

tăm, lạnh lẽo nhưng không rõ thuộc cảnh giới nào. Tuy nhiên, quan sát cho kỹ thì đấy không phải là địa ngục băng giá hay địa ngục viêm hỏa, vì băng giá hay viêm hỏa thì sẽ chịu cực hình kinh khiếp hơn nhiều. Ở đây, tại chỗ đấy, thân xác của mẹ là một bộ xương khô, xanh xao, trông như đã bị nhịn đói cả trăm năm, cả ngàn năm vậy đó.

- Chỗ của mẹ ông được gọi là cận biên địa ngục, nó không nằm trong bát đại hàn băng[1], không nằm trong bát đại viêm hỏa[2]. Mẹ ông không thuộc địa ngục, không thuộc ngạ quỷ nên ông không biết cảnh giới nào cũng phải. Thân mẹ ông gầy ốm như bộ xương thì giống ngạ quỷ, nhưng ở chỗ ẩm thấp, tối tăm gần địa ngục hàn băng nên lạnh lẽo, rét buốt.

- Vâng, đúng là vậy, bạch Thế Tôn! Tuy đệ tử biết cảnh địa ngục thường chịu quả nghiệp đau khổ, thống khổ, bị thiêu, bị đốt, bị chặt, bị chém... chẳng ăn uống gì được. Cõi ngạ quỷ cũng vậy, đói khát cả trăm năm, đói khát cả ngàn năm để chịu quả báo, có muốn ăn, muốn uống cũng tợ như nuốt kim, nuốt lửa, nuốt mủ, nuốt máu mà thôi! Thế nhưng, thấy mẹ đói quá chịu không được, đệ tử sử dụng thần thông giúp mẹ chút cơm, chút bánh; nhưng lần thứ nhất cơm bánh ấy biến thành than lửa, lần thứ hai thì cơm bánh ấy biến thành cục băng!

- Đúng là vậy rồi, này con trai! Sức mạnh của nghiệp ấy, năng lực thần thông của ông cũng bất lực thôi.

- Đệ tử không nghĩ ra cách gì giúp mẹ thoát khỏi cảnh khổ đó được, bạch Thế Tôn.

- Ông không có gì phải canh cánh bên lòng nữa. Ông đã làm hết bổn phận và trách nhiệm của một người con hiếu rồi. Khi bà còn sống, ông đã tìm cách năm lần bảy lửa

---

[1] Tức là 8 đại địa ngục băng giá, mỗi đại địa ngục có 16 tiểu địa ngục; vậy có tất thảy 128 tiểu địa ngục băng giá.

[2] Tương tự như trên, có 128 tiểu địa ngục viêm hoả.

khuyến giáo mẹ trở về đường ngay nẻo chánh, làm lành lánh dữ rồi. Khi bà mất đi, ông tụng kinh chú nguyện, ông lo hỏa táng chu đáo, và cũng đã tìm cách cứu mẹ ra khỏi khổ đồ, tuy bất lực. Ngoài ra, suốt gần bốn mươi năm sống đời phạm hạnh thiêng liêng và gương mẫu, ông đã cứu độ cho không biết bao nhiêu dạ-xoa, rồng, trời, người các cõi. Chính công đức ấy, sức mạnh thắng trí, thắng hạnh ấy đã gánh một phần nghiệp cho mẹ ông, đã nâng đỡ bà đến bảy đời tiếp theo nữa đó, này con trai!

- Điều này đệ tử chưa hiểu tới.

- Đấy thuộc về trí của bậc Toàn Giác. Nhờ trí của bậc Toàn Giác, Như Lai còn biết rằng, mẹ của ông cũng có thể có cách cứu độ được.

- Đệ tử xin lắng nghe.

Đức Phật chợt nhìn ra sân vườn, đưa tay chỉ một ngọn lá xanh bị sâu đục trước tầm mắt.

- Ông có thấy chiếc lá bị sâu đục kia chăng?

- Đệ tử có thấy.

- Chiếc lá ấy đang xanh, ông thử dùng năng lực tâm làm cho chiếc lá ấy vàng được không?

- Thưa được!

Rồi tôn giả chỉ cần đưa tầm mắt nhìn, chú tâm một sát-na, chiếc lá đang xanh tức khắc thành màu vàng úa.

Đức Phật thong thả nói:

- Năng lực của tâm mà làm cho lá xanh thành lá vàng là chuyện nhỏ, quá nhỏ. Như Lai còn nhớ, không phải ông mà là đệ tử của ông, tỳ-khưu Piṇḍolabhāradvāja đã hút dính tảng đá lớn, to cao hơn cả cái nhà bay quanh thành Vương Xá ba vòng để lấy cái bát gỗ đàn hương đỏ rực của ông triệu phú... cái năng lực ấy lớn hơn chứ, con trai?

- Đúng vậy, quả vậy! Đệ tử chỉ cần nhiếp tâm vào định tứ thiền, xuống cận hành, khởi tưởng, trú tưởng, làm kiên cố tưởng thì có thể nhấc bổng cả núi Tu Di, bạch Thế Tôn!

- Ừ, đúng vậy! Như Lai biết rõ năng lực tâm của ông còn tối thượng hơn thế nhiều.

- Nhưng năng lực thần thông ấy, đệ tử cũng không thể cứu mẹ, bạch Thế Tôn.

- Tại sao? Tại sao không cứu được, ông có biết không?

- Thưa, năng lực ấy có thể chuyển hoá được vật chất nhưng không thể chuyển hoá được nghiệp!

- Đúng vậy! Thế thì cái gì có thể chuyển hoá được nghiệp?

- Ví như đức Thế Tôn bảo, công đức tu trì thanh tịnh của đệ tử có thể gánh một phần nghiệp của mẹ?

- Chính xác! Đức Phật gật đầu rồi nói tiếp - Nếu như dồn tụ, huân tụ năng lực tu trì thanh tịnh của trăm vị, ngàn vị, hai ngàn vị... để chú nguyện, thì với sức mạnh ấy có thể giúp mẹ ông thoát khỏi khổ đồ đấy, con trai! Nay mùa an cư cũng sắp mãn, Tăng chúng hiện nay ở Kỳ Viên và ở Lộc Mẫu có đến ba ngàn vị. Nếu bà con quyến thuộc của ông, có khả năng đặt bát cúng dường đến ba ngàn vị trong ngày lễ Kaṭhina; sau khi chư tăng thọ nhận rồi, họ sẽ chú nguyện quả phước thanh tịnh đến cho bà. Do nhờ vật thí thanh tịnh, do nhờ thân khẩu ý thanh tịnh của ông và bà con quyến thuộc, do nhờ công đức tu trì thanh tịnh của ba ngàn tỳ-khưu thánh phàm tăng sau ba tháng an cư - nhất định mẹ ông sẽ được siêu thoát, này con trai!

Nghe đến đây, tôn giả Mahā Moggallāna hoan hỷ đến tận chân tở kẽ tóc, quỳ sụp xuống bên chân đức Đạo Sư.

Thế rồi, tôn giả trình bày sự việc với bà con quyến thuộc, nội ngoại hai bên gia tộc; và họ đã hùn góp ngân khoản, mua sắm cả mười mấy chiếc xe lương thực, thực phẩm các loại, tổ chức một cuộc cúng dường lớn đến chư tăng hai ngôi đại tự trong ngày mãn hạ. Đại thí chủ Visākhā, ông trưởng giả tiểu Cấp Cô Độc, đức vua Pāsenadi, cư sĩ Citta cùng một số đại phú gia, thương gia khác trong kinh

thành, nghe vậy, họ hoan hỷ hùn góp mấy ngàn tấm y và bát cùng vật dụng phụ tùy liên hệ cho cuộc lễ thêm phần trang trọng, hỷ mãn.

Và đúng như sự thấy biết của bậc Toàn Giác, nhờ công năng thanh tịnh của Tăng, nhờ uy lực của phước báu nâng đỡ, mẹ tôn giả Mahā Moggallāna được sanh thiên, làm thuộc hạ tùy tùng Tứ đại thiên vương. Vị trưởng lão nào có thắng trí đều biết rõ, thấy rõ như vậy.

Sau cuộc lễ, tại giảng đường Lộc Mẫu, cận sự hai hàng ngồi đầy đặc, tôn giả Sāriputta thay đức Phật kể lại nhân và quả cho đại chúng nghe. Tôn giả còn giải thích thêm rằng, trong cuộc lễ Kaṭhina hằng năm, sau mùa chư tăng mãn hạ; bất cứ ai muốn hồi hướng phước báu cho cha mẹ, cho bà con quyến thuộc nhiều đời đều có thể tổ chức đặt bát, trai Tăng, hay cúng dường tứ sự tại các tịnh xá, tu viện Tăng hoặc Ni. Nếu thí chủ cúng dường với tâm thanh tịnh, người thọ nhận là Tăng ni có giới luật thanh tịnh thì kết quả sẽ như ý nguyện.

Cuối buổi giảng, tôn giả Sāriputta còn cho biết thêm rằng, một hội chúng khả dĩ đại diện cho Tăng là bốn vị tỳ-khưu hay bốn vị tỳ-khưu-ni trở lên, nhiều hơn thì càng tốt; nếu chỉ một hoặc hai vị thì không thể gọi là đại diện cho Tăng được, năng lực phước báu sẽ giảm đi.

Nguyên do tôn giả Mahā Moggallāna là người đầu tiên nhờ đức Phật chỉ bày cách tổ chức đặt bát cúng dường tứ sự đến Tăng để chú nguyện cho mẹ trong ngày lễ Kaṭhina mãn mùa an cư – nên sau này, khi nhắc đến tôn giả, ai cũng bảo ngài là bậc đại hiếu.

Tội Ác Cuối Đời
Của Đức Vua Pāsenadi

Từ khi hoàng hậu Mallikā mất, đức vua Pāsenadi cảm thấy cô đơn, hiu quạnh. Bà hậu Ubbīrī, tuy hiếm muộn cũng cho vua cô con gái Vajirī (Vajirakumarī) rồi xuất gia theo ni đoàn đã lâu. Hai bà hậu Somā, Sakulā, vốn là hai chị em, đều là chị của đức vua Bimbisāra, cũng tu theo Phật cả, sống đời giới hạnh rất nghiêm túc. Chỉ còn bà Vāsabhakkhattiyā, công chúa dòng dõi Sākya còn ấm áp chăn gối nhưng không phải là mẫu người để đức vua tâm sự hoặc chia vui, sẻ buồn. Điều đó cũng dễ hiểu vì hoàng hậu Mallikā là người luôn làm cho tâm hồn ông bình an và mát mẻ. Trong quá khứ, bà còn là ngọn đèn sáng những khi ông tối tăm, si ám. Thiếu vắng bà, tâm tánh của đức vua chợt trở nên hỷ nộ thất thường, đôi khi đánh mất luôn sự định tĩnh và sáng suốt thường ngày. Và cái sai lầm, ác độc nhất trong cuộc đời của ông mà không ai có thể thông cảm, tha thứ được - đấy là mật lệnh giết chết đại nguyên soái Bandhula cùng với ba mươi hai vị tướng trẻ là con và cháu của ông ta!

Tướng quân đại nguyên soái Bandhula là ai kia chứ? Là người bạn thân của đức vua từ hồi còn học ở đại học quốc độ Takkasilā. Là người đã từ bỏ quê hương bản quán của

mình, từ bỏ cả ngôi vua ở quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā, cùng vợ và con đến ở với ông, làm thuộc hạ của ông. Từ khi có tay thanh gươm hộ quốc của vị tướng quân này, đức vua gối cao nằm ngủ. Lãnh thổ của đế quốc Kosala từ kinh thành đến ngàn dặm biên cương luôn được vị tướng quân Bandhula chu đáo bảo vệ an ninh, an toàn...

Thế mà... thế mà... Đức vua nhớ lại. Trong trận chiến với đứa cháu Ajātasattu ngỗ nghịch bất trị của mình, ông đã thất bại thê thảm! Nhưng sau nhờ kinh đô Kosala với chiến lược phòng thủ như tường đồng, vách sắt cùng với những đội quân thiện chiến của tướng quân Bandhula mà ông vua cháu phải cởi giáo quy hàng. Quả thật, ba mươi hai con và cháu của vị tướng quân này đều là những viên hổ tướng, xuất hiện thần tốc và đúng lúc, vô hiệu hóa tất thảy mũi nhọn xung kích nào của quân đội Ajātasattu. Cuộc chiến thắng này rõ ràng là nhờ vào đại gia đình của tướng quân Bandhula!

Thế nếu họ "làm phản" thì sao? Câu hỏi ấy, hằng đêm đi sâu vào giấc ngủ của đức vua và biến thành những cơn mộng dữ. Ông thấy mình bị chặt đầu, bị róc thây, bị bốn con ngựa kéo, xác đứt thành bốn mảnh, bị lột áo mão trần truồng, bị quăng vào đống lửa, bị thảy vào chảo dầu sôi... Sự ám ảnh này làm cho đức vua bất an, lo lắng. Thêm một nguyên nhân nữa như giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Một số quan võ tướng bất tài, có dòng máu hoàng gia, thấy mọi quyền thế, quyền lực binh bị trong và ngoài triều đều nằm ở trong tay gia đình tướng quân Bandhula; vì mất quyền lợi và địa vị nên họ sanh tâm ganh ghét, đố kỵ, cho người phao tin đây đó là "tướng quân Bandhula làm phản". Chuyện rồi cũng đến tai đức vua. Còn nữa, đêm này và đêm khác, ỷ mình cùng huyết thống hoàng tộc nên người này, người kia thay nhau vào cung thì thào to nhỏ với đức vua "bí mật động trời" ấy.

"Không có lửa thì làm sao có khói?" Đức vua vô cùng sợ hãi. Phải ra tay trước thôi! Vậy là ông bèn cho năm trăm quân cấm vệ ngày đêm đi đến những vùng đất giáp ranh biên cương phía bắc, giả vờ làm loạn, đánh chiếm một vài thị trấn rồi cho phi mã, từng toán, từng toán cấp báo về triều đình.

Thế là trong buổi lâm triều hôm ấy, đức vua nói về tình hình nội loạn nguy kịch ở biên cương, sau đó cử đại nguyên soái Bandhula mang đại binh đi dẹp loạn.

Tướng quân Bandhula mỉm cười:

- Xin bệ hạ an tâm! Không cần thiết phải mang theo đại quân đâu. Chỉ mình hạ thần, ba mươi hai tướng trẻ cùng vài trăm quân là đủ dẹp yên lũ giặc cỏ ấy rồi.

Đến biên cương, thấy một vài căn nhà bị đốt cháy, đâu đó bị cướp phá sơ sài; và do nghe tin quân triều đình của vị tướng quân bách chiến, bách thắng đến - nên "bọn giặc" đã chạy trốn như chuột, không còn tăm bóng. Một dấu hỏi lớn khởi lên trong tâm trí của vị lão tướng: "Chỉ là giặc cỏ thôi mà, đâu cần phải đích thân ông dẫn đại binh? Chỉ cần một đứa con trai út của ông và một trăm quân là có thể đánh thắng một ngàn quân chính quy kia mà?" Tuy thế, ông chỉ thở dài, lệnh cho đội quân ở lại năm bảy hôm, sửa sang, ủy lạo nơi này nơi kia rồi dẫn quân trở về. Qua một hẽm núi hiểm trở, đội quân mấy trăm người bị phục kích bởi một ngàn tay cung nỏ có tẩm thuốc độc, đồng thời một trận mưa lửa bởi hằng ngàn, hằng ngàn mũi tên lửa có tẩm dầu, thiêu cháy người, ngựa và cả rừng cây. Trong một hốc đá chỉ bị lửa nung bên ngoài, tướng quân Bandhula biết rõ đức vua giết mình, không còn là nghi vấn nữa. Trong khi thuốc độc chưa ngấm sâu, ông thảo vội vài hàng chữ, với đại ý khuyên vợ và những con dâu trở lại quê nhà. Còn ông, mười sáu con trai lớn và mười sáu đứa cháu thanh niên đã đền nợ nước rồi. Lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào, sau đó được một

mã binh chưa bị tên độc, quyết tử vượt vòng vây, bất kể ngày đêm, lao về kinh thành. Ba mươi hai con và cháu của lão tướng quân, ai cũng bị dính độc và lửa đốt - nguyền cùng chết với cha cùng ông nội.

Tên mã binh quyết tử về đến kinh thành Sāvatthi, vào biệt phủ của tướng quân Bandhula – thì nơi đây, bà Mallikā (trùng tên với hoàng hậu Mallikā) phu nhân của lão tướng quân đang chuẩn bị vật thực để cúng dường năm trăm vị tỳ-khưu có trưởng lão Sāriputta là người dẫn đầu.

Nhận được thư khi đang xào nấu một món ăn bên bếp lửa, đọc xong hung tin trăn trối của chồng, bà Mallikā đứng sững giây lát, sau đó, cất thư vào túi rồi tiếp tục công việc của mình như không có gì xảy ra. Sau đó, khi bà bưng một bình sanh tô đi sót vào bát cho trưởng lão Sāriputta, vì vấp một chướng ngại dưới chân nên bình sanh tô vốn bằng gốm sứ rơi xuống nền bị vỡ nát. Một vị tỳ-khưu thấy vậy nên thuận miệng giáo giới:

- Vật vốn vô thường, có sinh có diệt, mong thí chủ đừng buồn, đừng tiếc nữa.

Đứng dậy, xá chào trưởng lão Sāriputta rồi bà đưa "lá thư máu" cho ngài xem xong rồi nói:

- Trưởng lão thấy đó, phu quân cùng ba mươi hai đứa con trai và cháu của tôi đều đã bị chết thảm. Tuy nhiên, nghe xong hung tin, tôi vẫn bình tĩnh xào nấu món ăn như thường. Cái bình gốm sứ quý báu kia, dù quý báu thế nào cũng không thể quý bằng sinh mạng phu quân và con và cháu của tôi được. Nó chỉ là hạt bụi so với núi Tu Di. Núi Tu Di mất đi, tôi chưa buồn, chưa tiếc huống hồ là cái bình gốm sứ là vật ngoại thân, vô tri vô giác kia!

Trưởng lão Sāriputta cất tiếng hỏi nhỏ nhẹ:

- Có lý do gì, có sự thấy biết nào mà phu nhân không buồn, không tiếc trước một thảm nạn kinh hoàng của người thân như vậy?

- Thưa trưởng lão! Nhờ học được giáo pháp của đức Tôn Sư và chư vị trưởng lão, nhờ chiêm nghiệm khổ và nguyên nhân khổ, nhờ thấy biết chút ít về sự rỗng không của ngã và ngã sở hữu, nhờ quán sự chết không chừa một chúng hữu tình nào – nên tôi mới có được sự định tĩnh, an nhiên như vậy.

Trưởng lão nhè nhẹ gật đầu:

- Sādhu, lành thay!

Rồi sau khi độ thực, buổi pháp thoại đặc biệt, trưởng lão nói về sự bất định của sự chết; tuổi thọ của đời người ở trong đám sương mù hỗn mang, gió nghiệp thổi qua là tắt, không biết lúc nào. Xúc động chánh pháp, tôn giả đã tóm tắt điều ấy bằng một câu kệ ngôn:

"- Tử sinh không có hạn kỳ
Tuổi thọ ai biết ra đi lúc nào
Cuộc trần bất trắc xiết bao
Đau thương, hoạn nạn, khổ lao nghìn trùng".[1]

Sau lễ đặt bát cúng dường, bà Mallikā cho họp mặt toàn thể đại gia đình, đưa lá thư máu ra cho mọi người cùng xem, rồi đưa mắt nhìn mười sáu bà con dâu, mười sáu cô cháu dâu đang còn xuân sắc, giáo giới rằng:

- Phu quân của các con, các cháu đã tử trận vì nước. Các con các cháu không nên đặt câu hỏi là chết do ai và vì ai? Tại sao vậy? Vì cái chết của tất cả chúng sanh không do lỗi của ai cả mà chúng là thừa tự của nghiệp, con sanh của nghiệp! Trong vòng nhân quả trả vay, định luật ấy rất lạnh lùng, nó không thiên vị một ai cả. Phu quân của các con các cháu bị trả quả tiền khiên do một ác nghiệp nào đó trong quá khứ, vậy là công bằng, vậy là phù hợp với chân lý, với nhân quả. Do vậy, các con, các cháu không nên sầu buồn khóc lóc

[1] Phỏng dịch từ câu kệ Pāḷi: "Animittamanaññātaṃ. Maccānaṃ idha jīvitaṃ. Kasirañca parittañca. Tañca dukkhena saṃyuttanti".

mà làm gì, cũng không nên trách trời trách đất, oán hận người này người kia. Sự việc đã xảy ra rồi, hãy xả buông nó đi, đừng tự làm tổn thương mình nữa!

Nạn nhân bị hại thì xả buông, rỗng không do trí tuệ học hỏi giáo pháp như thực của đức đạo sư, nhưng kẻ hại người - đức vua Psenadi - do si mê hôn ám, do sợ hãi bị phản nghịch, do đám vô tài bất tướng xung quanh nịnh hót: Ngày thì ruột nóng như lửa đốt, đi tới đi lui bất an, đêm thì trăn trở, thao thức, nằm thấy mộng dữ.

Câu chuyện bà Mallikā nhận được hung tin từ lá thư máu của lão tướng quân khi đang xào nấu thức ăn, sau đó vẫn an nhiên định tĩnh đặt bát cúng dường một cách chu đáo đến tôn giả Sāriputta cùng năm trăm vị tỳ-khưu – không mấy chốc, được lan truyền khắp mọi nơi, mọi chỗ. Cả kinh thành rúng động. Cả triều đình nhỏ to bàn tán xì xào. Rồi chuyện bà xử lý việc gia đình, nội dung bà nói chuyện với con dâu, cháu dâu... làm cho ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ...

Đức vua Pāsenadi được tả hữu tâu trình mọi chuyện, ông lặng người rồi chìm đắm trong nỗi đau, trái tim tê buốt. "Ôi! Đấy là cả một đại gia đình hiền thiện được tẩm mát, nuôi dưỡng bởi giáo pháp hiền thiện của đức Tôn Sư. Không biết giờ này đức Đạo Sư đang vân du hành hóa ở đâu mà bỏ lại ta trong kinh đô vắng lạnh này![1] Nếu có(giá như) ngài có mặt ở Kỳ Viên thì có lẽ ta không đến nỗi si ám, ác độc và ngu ngốc tạo nên ác nghiệp tày trời! Cả đại gia đình bị ta ám hại, họ đã không oán hận ta, lại cùng âm thầm tha thứ cho ta do có một bà mẹ đại hiền được sinh ra trong giáo pháp. Còn ta, ta có thể nào tha thứ cho mình được không? Thật không thể vậy!"

[1] Chuyện xảy ra khoảng chừng hạ 40, 41 của đức Phật; lúc này có lẽ ngài đang vân du hành hóa ở Vesāli và Rājagaha.

Nghĩ đến đức Phật, đức vua yên ổn được chút ít, như có một năng lượng mát mẻ thoảng qua tâm hồn, ông suy nghĩ tiếp: "Bậc trí nhân ở đời, mình làm mình chịu, không đổ lỗi cho ai. Ta phải đích thân đến đại gia đình ấy, nhận tội về mình rồi sau đó hãy để cho nhân duyên nó làm việc. Hãy can đảm lên nhé!".

Cả đại gia đình đang phát lễ tang thì đức vua ngự giá đến. Bên trong đại sảnh đường đã thiết lập ba mươi hai bài vị, có trầm, có hoa, có cờ rủ, có khăn tang... nhưng lại rất yên bình, lặng lẽ, không nghe "mùi" tang tóc!

Cả nhà cung đón đức vua rất phải phép. Ông kinh cảm trong lòng, bước đến trước ba mươi hai bài vị, cung kính cúi đầu, mặc niệm. Thât ra là ông đang thú tội trước những vong linh mà ông đã sát hại một cách rất tàn độc.

"Sám hối" xong, đức vua nói với cả nhà:

- Suốt bao đêm bao ngày, ta hối hận, ăn năn, ray rứt không yên. Lòng ta như bị lửa địa ngục thiêu đốt sau khi ám hại vị lão thần lương đống cùng những dũng tướng oai hùng. Ta là tên thủ phạm hèn hạ và bỉ ổi nhất! Ta không thể tha thứ cho ta được – nhưng than ôi! Cả đại gia đình hiền thiện này lại tha thứ cho ta! Đúng là tâm địa của những bậc thánh!

Đức vua rưng rưng nước mắt.

Phu nhân Mallikā lấy khăn lau lệ rồi nói:

- Xin bệ hạ hãy bình tâm. Bệ hạ không có lỗi mà chỉ có nghiệp là có lỗi!

- Cảm ơn phu nhân với tâm đại lượng - đức vua nói – Ta được xin tạ tội một cách chân tình nhất, là hãy cho ta đáp trả một đặc ân. Phu nhân có ước nguyện gì thì ta sẽ hoàn thành ước nguyện ấy cho phu nhân, ngay từ hôm nay!

Suốt bảy ngày sau đó, phu nhân Mallikā, ba mươi hai góa phụ cùng gia nhân tổ chức đặt bát cúng dường cho chư tăng năm trăm vị mỗi ngày ở tư gia có tôn giả Sāriputta và một số vị trưởng lão khác. Tôn giả Sāriputta biết rõ nhân

quả câu chuyện thương tâm và biết rõ nỗi đau lặng lẽ bên trong của lão phu nhân cũng như tất cả góa phụ nên ngài đã thuyết những thời pháp thích hợp. Ngài nói về nỗi đau bi thống của kiếp người. Ngài nói về nỗi đau kinh khiếp hơn nữa là ở trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la. Ngài nói trong ba cõi sáu đường, nước mắt của chúng sanh khóc chồng, khóc cha, khóc vợ, khóc con, khóc khi tử biệt sinh ly, khóc khi xa rời người mình thương, khóc khi bị hành hạ, trấn bức xác thân, khóc khi bị nghịch cảnh, tội tù, khóc khi bị vu oan, giá họa... có thể đổ đầy bốn đại dương... Vậy thì hãy thấy rõ "sự thật khổ" của đời người, kiếp người... Nó là sự thật, là chân lý hiển nhiên. Hãy mở con mắt pháp mà thấy, đừng nên sống bởi ám thị, ảo tưởng, vọng tưởng mơ hồ nữa. Có thấy khổ mới tìm ra nguyên nhân khổ, căn nguyên khổ. Đức Tôn Sư là bậc Toàn Giác, ngài cũng chỉ là người thấy rõ sự khổ nên thóat khổ đó thôi!

Những bài pháp của tôn giả quả là liều thần dược làm cho tất thảy các cô con dâu như chạm tay được vào ly nước cam lồ bất tử. Những nỗi đau lặng lẽ bên trong của họ, quả thật là đã được xoa dịu một phần nào!

Hôm kia, cả đại gia đình vào triều yết kiến đức vua và xin nhận đặc ân của hoàng triều. Bà Mallikā nói:

- Tâu đại vương! Danh vọng, địa vị, tài sản... cho chí chồng con... tất thảy chúng đều tạm bợ, duyên sanh duyên diệt. Chẳng có gì chắc thật, vững bền trên thế gian này! Đại vương đã mở rộng tấm lòng cho những góa phụ chúng tôi thỏa nguyện một đặc ân – thì đặc ân ấy là cùng được trở về quê hương xứ sở để sống những ngày còn lại!

Đức vua nhíu mày:

- Đấy đâu phải là đặc ân!

- Đấy đúng là đặc ân, tâu đại vương! Vì đấy cũng chính là ước nguyện cuối cùng của tệ phu quân trong lá thư viết bằng máu trên mảnh chiến bào!

Thẫn thờ giây lâu, đức vua thở dài:

- Châu báu, của cải, tài sản... phu nhân muốn bao nhiêu ta cũng đáp ứng được kia mà! Hay là tự ta làm vậy...

Nói thế xong, đức vua quát gọi quan thủ khố... nhưng phu nhân Mallikā đã từ chối:

- Cảm ơn tấm lòng của đại vương! Nhưng chúng tôi chỉ xin được về quê thôi!

Chẳng biết sao hơn, đức vua đành phải gật đầu ưng thuận.

Về lại biệt phủ, bà Mallikā cho mở kho vàng bạc, châu báu, tư trang làm ba mươi hai phần rồi chia đều cho con dâu và cháu dâu rồi khuyên họ trở về gia đình cha mẹ mà sinh sống và được tự do lấy chồng, lập gia thất mới. Riêng bà thì trở về quốc độ Mallā, kinh thành Kusinārā để di dưỡng tuổi già, tinh cần tu tập để tìm chỗ nương tựa thực sự cho đời mình.

Câu chuyện của gia đình bất hạnh này, khắp cả kinh thành Kosala cùng miền phụ cận không ai là không biết, và mọi người ai cũng tán dương, tôn trọng và quý mến cái tuệ sáng và cái tâm đại lượng của bà Mallikā.

Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi

Trong lúc tại kinh thành Sāvatthi xảy ra biến cố bi thương cho gia đình đại nguyên soái Bandhula như vậy thì đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đang ngự tại vườn xoài của thần y Jīvaka, ở đây ngài chờ đợi nhân duyên để tế độ thái hậu Videhi và đức vua Ajātasattu.

Số là sau khi đức vua Bimbisāra bị đứa con nghịch tặc giết hại, bà Videhi vô cùng sầu não, không thiết đến việc ăn uống, hình dong ngày càng tiều tụy. Đêm nằm vắt tay lên trán, trăn trở, nghĩ suy: "Tại sao cái thế gian này lại phát sanh những con người tàn độc đến như vậy? Vì danh vọng, địa vị và quyền lực, người ta đã không từ nan những hành động xấu ác, sái quấy nhất. Devadatta mù quáng vì muốn lãnh đạo giáo hội, đã ba lần tìm cách giết hại đức Đạo Sư. Ajātasattu, con ta, với tham vọng đế vương đã đành tâm bắt bỏ ngục cha mình, rồi còn năm lần bảy lửa ngăn cấm ta mang (tiếp cứu) vật thực nữa. Cuối cùng, vua cha bị chết đói trong ngục tối! Ôi! Con người thật là xấu xa! Không biết có một cảnh giới nào mát mẻ an lành, người và người đối xử với nhau nhu thuận, từ hòa, hướng thiện và hướng thượng chăng? Ta đã chán ngán cái cõi trần thế này rồi!"

Trong lúc bà Videhi than thở như vậy xong – thì đâu giữa hư không, tiếng nói của đức Phật vọng mồn một vào tai bà:

"- Có đấy! Còn có rất nhiều cảnh giới an lành, mát mẻ, không đao, không trượng, không chém giết hận thù; họ sống với nhau với tâm an, tâm phỉ, tâm lạc - thọ hưởng phước báu từ thấp lên cao, từ cạn vào sâu, rất thanh lương và rất yên bình, này thái hậu!"

Bà Videhi phủ phục xuống thảm, lạy ba lạy, ngước mắt lên, nói rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin cho đệ tử được thấy rõ những cảnh giới ấy!

Đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cảnh trời Đao Lợi với ba mươi ba tòa bảo tháp bằng bảy báu, thấy đời sống của Đế Thích, của chư thiên nam và nữ. Họ bay giữa không gian, thân tỏa hào quang nhiều màu, múa hát, tiệc tùng, đàn ca, sáo vũ... với phục sức muôn màu, muôn vẻ. Thân thể họ nhẹ nhàng như mây, như lụa... Họ dùng những vật thực vi tế, ngon thơm hơn triệu triệu lần cõi người. Họ yêu đương, tình tự cũng thanh lương, vi tế như vậy, không có thô tháo, phàm tục, dơ uế như nhân gian. Họ suốt đời không làm việc tay chân hoặc đầu óc để tạo ra của cải. Ở đây không có cơ quan chính quyền, các cơ sở kinh tế, ngân hàng thương mại, các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ... Tất cả lâu đài, sàng tọa, y phục, nhu cầu, phương tiện đời sống đều do phước báu hóa sanh...

Giọng đức Phật lại rót vào tai bà:

- Đấy là cảnh trời Đao Lợi, một trong sáu cảnh trời dục giới - ở đó không thể nào có những con người xấu ác như Devadatta hoặc Ajātasattu đâu!

Thái hậu Videhi ngắm cảnh, ngắm người, ngắm đời sống với lạc thú thanh cao, nhẹ nhàng, vi tế như thế, tâm bà như

mê mẩn. Tiếng nói của đức Phật đưa bà trở về với hiện thực. Bà nói:

- Đệ tử có thể nguyện sanh về đấy được không, bạch đức Đạo Sư?

- Không thể nguyện sanh về đấy là được sanh về đấy đâu, thưa thái hậu!

- Vậy thì phải làm sao, bạch đức Thế Tôn?

- Phải tu tập! Phải phát triển những hạnh lành. Cụ thể hơn là phải có đức tin vững chắc với thiện pháp, có năm giới, có mười lành, có tâm từ ái biết san sẻ vật chất, của cải đến cho bao người đói khổ, biết phục vụ những công ích từ thiện xã hội. Cái tâm ấy, cái công đức ấy là nhân, và quả của nó – là sẽ được hóa sanh vào cảnh trời Đao Lợi ấy!

- Đệ tử hiểu rồi! Và việc ấy, đệ tử làm được!

- Lành thay! Và Như Lai cũng biết là thái hậu thực hiện được.

- Thế có cảnh giới nào cao sang, tốt đẹp hơn thế chăng, bạch đức Tôn Sư?

- Có chứ, có nhiều lắm, này thái hậu!

Nói thế xong, đức Phật sử dụng thần thông cho thái hậu thấy rõ cõi trời Đẩu Suất. Lâu đài, người, cảnh ở đấy còn cao sang, hoàng tráng gấp bội cảnh trời Đao Lợi. Lại còn những biển châu báu, núi châu báu, sông suối châu báu, rừng cây châu báu rực rỡ muôn màu... ngoài tầm tưởng tượng của thế gian. Đặc biệt nhất ở cảnh giới này là bất kỳ bậc đại bồ-tát nào hoàn thành viên mãn ba mươi ba-la-mật đều ngự ở đây trước khi hạ sanh xuống cõi trần để thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Cảnh giới này thanh tịnh hơn cõi trời Đao Lợi vì chư thiên ở đây ai cũng tu tập, cho đến nỗi tiếng gió thổi, nhạc reo, chim ca... cũng vọng lên âm thanh nói về ngũ căn, ngũ lực, tứ chánh cần, tứ như ý túc, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo... Sau này, thời vị lại, khi bồ-tát Metteyya (Di Lặc) tròn đủ công hạnh ba-la-mật cũng ngự

ở cảnh trời này, đợi chờ nhân duyên xuống nhân gian để thành tựu quả vị Chánh Đảng Giác đấy, thưa thái hậu!

- Cảnh trời Đao Lợi hưởng thụ ngũ dục vi tế, vi diệu thật, nhưng có vẻ họ còn ham rong chơi, du hí nhiều quá; cõi trời Đẩu Suất thanh tịnh hơn, cao sáng hơn! Nếu đệ tử muốn sanh về đấy thì phải làm thế nào, bạch đức Đạo Sư?

- Phải tu tập khá hơn một chút nữa, thưa thái hậu! Muốn tròn đủ thì phải có đức tin vững chắc, năm giới mười lành vững chắc, nghe pháp và học pháp một cách vững chắc, tâm (thiện sự) bố thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng một cách vững chắc và trí thấy rõ tà chánh, xấu tốt, đúng sai cũng một cách vững chắc[1] như thế... thưa thái hậu!

- Tâu vâng! Đệ tử hiểu được bốn điều. Duy có điều thứ ba: Tâm bố thí, cúng dường với tâm quảng đại, rộng lượng một cách vững chắc... thì đệ tử chưa rõ lắm!

- Khi cúng dường tứ sự đến Như Lai, đến tăng-già, tâm vị ấy luôn luôn biết cung kính, trân trọng, ước mong quý ngài đầy đủ nhu cầu, phương tiện nuôi thân (mạng) để độ sinh, ước mong hệ hệ tăng-già kế thừa giáo pháp mai hậu vì lợi ích cho chư thiên và loài người - chứ vị ấy không nghĩ đến quả báo gì cho riêng mình cả! Đấy được gọi là cúng dường vững chắc! Còn nữa, đối với chúng sanh nghèo đói, cơ cực, bất hạnh... vị ấy san sẻ của cải, giúp đỡ áo cơm... chỉ với tâm quảng đại, bao dung, tế độ họ với tâm bi mẫn xót thương, không vì danh, vì lợi, không vì quảng cáo tên tuổi, hoặc bất kỳ sự lợi lạc nào cho cá nhân mình cả. Đây chính là nhân, là duyên, hỗ trợ cho tín, cho giới, cho văn, cho tuệ tròn đủ để hóa sanh vào cảnh trời Đẩu Suất đấy, thưa thái hậu!

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử đã được mở tâm, mở trí. Đệ tử không dám biết đến những cảnh giới

[1] Cách nói rộng của đức tin, học giới, nghe pháp, bố thí và trí tuệ thế gian.

thanh lương, vi tế nào khác nữa. Chỉ riêng hai cảnh giới mà đức Tôn Sư vừa diễn giải về nhân, về quả ấy, đệ tử đã cảm thấy khó tu tập cho vẹn toàn rồi. Đệ tử tuổi tác đã cao, thân thể đã suy kiệt vì sầu buồn, sợ không còn kham nổi những pháp môn cao hơn. Được về sống nơi hai cõi trời ấy thôi cũng cần quá nhiều nỗ lực và tinh cần rồi. Đệ tử sẽ cố gắng, bạch Thế Tôn...

- Phải vậy! Thái hậu đã biết tự lượng sức mình! Đấy là một suy nghĩ chơn chánh, đúng đắn! Không nói đến những cảnh giới tinh thần sáng láng của sắc giới và vô sắc giới – thì hai cõi trời mà thái hậu vừa trông thấy nhân và quả ấy – chính là hai cảnh giới tốt đẹp nhất trong sáu cảnh trời dục giới đấy, này thái hậu!

Cảm thấy thế là đã an trú cho bà Videhi một nơi chốn khả dĩ tốt đẹp rồi, đức Phật thâu lại thần thông, trả không gian trở về với yên lặng. Bà Videhi quỳ xuống lạy như tế sao, nỗi sầu khổ đã lắng xuống!

Ghi chú đặc biệt:

Cảnh giới Tịnh độ của A-di-đà được xây dựng cũng từ tích bà thái hậu Videhi như sau – chúng ta cùng tham khảo:

Quán Vô Lượng Thọ kinh (觀無量壽經, Amitāyurdhyāna Sūtra) là một trong ba bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh độ tông. Kinh miêu tả thế giới phương Tây của Phật A-di-đà và dạy cách hành trì: sống thanh tịnh, giữ giới luật và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hành giả thoát khỏi các nghiệp bất thiện và được tái sinh nơi Tịnh độ của A-di-đà.

Kinh này chỉ rõ quá trình phát sinh giáo pháp của Tịnh độ tông và thật ra đã được đức Phật lịch sử Thích-ca trình bày. Tương truyền rằng, hoàng hậu Vi-đề-hi, mẹ của vua A-xà-thế, bị con mình bắt hạ ngục cùng với chồng là vua Tần-bà-sa-la (sa., pi. bimbisāra). Bà nhất tâm cầu nguyện Phật và khi Phật hiện đến, bà xin tái sinh nơi một cõi yên lành hạnh phúc. Phật dùng thần lực cho bà thấy mọi thế giới tịnh độ, cuối cùng bà chọn cõi Cực lạc của A-di-đà. Phật

dạy cho bà phép thiền định để được tái sinh nơi cõi đó. Phép thiền định này gồm 16 phép quán tưởng, và tuỳ theo nghiệp lực của chúng sinh, các phép này có thể giúp tái sinh vào một trong chín cấp bậc của Tịnh độ.

Mười sáu phép quán tưởng đó là: quán mặt trời lặn; quán nước; quán đáy sông; quán cây cối; quán nước cam lộ; quán thế giới thực vật; quán nước và đáy nước; quán toà sen; quán ba báo thân của ba vị thánh A-di-đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; quán ba ứng thân của Phật A-di-đà; của Quán Thế Âm; của Đại Thế Chí; quán A-di-đà trong Tịnh độ; quán ba vị thánh trong Tịnh độ; quán cấp thượng căn trong Tịnh độ; quán cấp trung căn và hạ căn trong Tịnh độ. Các phép quán này giúp hành giả có thể thấy được A-di-đà và hai vị Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ngay trong đời này và đó là dấu hiệu chắc chắn hành giả sẽ được tái sinh về Tịnh độ.

Lưu ý: Chúng ta thấy 16 phép quán tưởng ở trên rất lạ lùng, chưa hề biết đến trong Tam Tạng Pāḷi văn, kể cả những học phái thuộc Đại chúng bộ.

Tình Phụ Tử Thiêng Liêng

Sau cuộc chiến thiệt hại thê thảm tại kinh đô Sāvatthi, đức vua Pāsenadi không những không hạ nhục mà tỏ thái độ cao đẹp "như là quốc vương với quốc vương" đối với kẻ chiến bại làm cho tân vương Ajātasattu rất cảm kích. Tất cả voi ngựa, giáp bào, đao kiếm, quân nhu, quân dụng... không những được ông vua "cậu" cho trả lại mà còn phụ cấp thêm lương thực, thực phẩm, bạc vàng, châu báu hầu mong trở về tái thiết lại xứ sở sau cuộc can qua đã cạn kiệt tất cả tiềm lực. Đất Kāsi cũng được đức vua Kosala trả lại để cho Rājagaha thu thuế, phụ thêm thu nhập hằng năm. Cô công chúa Vajirī cưng yêu, đức vua cũng gả cho Ajātasattu làm sự kết nối thân tộc lâu dài! Đức vua còn khuyên cháu tránh xa, loại bỏ dần bọn quan tham, cúi luồn, dua nịnh, biết gần gũi người trí tài và hiền đức. Ông vua cậu còn nói cái tội giết cha là đại bất hiếu, là đại nghịch bất đạo - thế gian nguyền rủa; nhưng chuyện đã rồi, hãy thành tâm cải sửa, lo chăm sóc mẹ cho chu đáo, hiếu thuận với mẹ để chuộc lại một phần nào lỗi lầm trong quá khứ.

Trở về lại cung điện, suốt mấy ngày đức vua Ajātasattu không tiếp ai, không lâm triều, đóng cửa cung, chỉ muốn cô độc với riêng mình. Sau đó mấy hôm thì tâm tánh của

Ajātasattu hoàn toàn thay đổi. Việc đầu tiên, đức vua đi tìm thái hậu, ôm chầm bà rồi khóc ròng rã, lắp bắp, lắp bắp nhiều lần: "Xin mẹ tha thứ cái tội bất hiếu của con!" Thái hậu Videhi cảm nhận những giọt nước mắt chân thật của con, nhưng bà cũng nghẹn ngào không nói được...

Từ hôm đó, Ajātasattu luôn để ý chăm lo cái ăn, cái ngủ và hằng sai thần y Jīvaka thang thuốc cho thái hậu. Nhờ được đức Phật giáo giới, nhờ đứa con ngỗ nghịch đã thay tâm đổi tánh, nhờ sầu buồn đã được nguôi khuây, và cũng nhờ những thang thuốc đúng căn đúng bệnh của thần y nên không bao lâu sau, thái hậu hoàn toàn bình phục, sức khỏe trở nên khang kiện. Thế là nơi này sóng gió không còn nữa, một làn khí thanh bình và mát mẻ như tràn ngập cả cung điện, cảnh và người.

Thỉnh thoảng, đức vua Ajātasattu bỏ hậu, bỏ phi, bỏ cung nga thể nữ để dùng cơm với mẹ cùng tiểu thái tử Udāyibhadda (Udāyibhaddaka)[1] như là với những người thân nhất còn lại trong gia đình. Trẻ Udāyibhadda rất cứng đầu, hoang nghịch, nhưng do được Ajātasattu nuông chiều nên nó lại càng trở tính, trở nết, đôi khi lì lợm, khó dạy bảo, không biết nghe lời bất cứ ai!

Hôm nọ, thái hậu nói:

- Con đừng nên cưng chiều tiểu thái tử quá đáng như vậy! Nó sẽ hư đấy!

- Vì con thương yêu nó quá, thưa mẹ!

- Thương thì có nhiều kiểu thương kia mà!

- Con không hiểu!

Đôi mắt thái hậu chợt xa xăm:

- Tiên đế thương yêu con kiểu khác, con có biết không! Mẹ nghĩ, trên đời này, khó có ai thương yêu con bằng phụ hoàng của con!

---

[1] Xem Dictionary of Pāḷi proper names - quyển 1, trang 374.

Đức vua Ajātasattu chợt động lòng, trái tim như bị chùng xuống, một vết thương đâu đó chợt thốn đau, nhức buốt...

- Mẹ hãy kể cho con nghe đi!

Thái hậu liền nói:

- Khi mẹ đang mang thai con - bỗng dưng có một thèm muốn rất lạ lùng, là muốn uống máu phụ hoàng con! Sự thèm muốn này càng ngày càng mãnh liệt mà không được đáp ứng, thỏa mãn nên mẹ càng ngày càng xanh xao, vàng võ. Phụ hoàng con ân cần săn sóc, han hỏi, cố tìm hiểu nguồn cơn, nhưng mẹ nào có dám nói! Hôm ấy, phụ hoàng con cầm dao gọt trái cây cho mẹ ăn, vô tình, lưỡi dao cắt xâm phạm vào ngón tay nên máu chảy dầm dề. Thấy vậy, mẹ cầm ngón tay máu của phụ hoàng con mà nuốt lấy nuốt để rất là say mê! Từ đó, mẹ bắt đầu ăn được, ngủ được, thần sắc trở lại như xưa. Sau đó, phụ hoàng con thắc mắc, mẹ mới kể thật - kể thật cái chuyện thèm máu ấy! Một số quan đại thần chiêm tinh nghe được chuyện ấy, khuyên phụ hoàng con nên phá bỏ (thai nhi là con) khi đang còn trong thai bào, nếu không, sau này, nó sẽ "uống máu" của đức vua cách này hay cách khác, là đại họa cho vương triều đó! Phụ hoàng con khăng khăng không chịu, nói rằng: "Dầu sao thì nó đã hình thành một sự sống. Ta là đệ tử của đức Thế Tôn, ta không thể nào tước đoạt mạng sống của chúng sanh!" Ngay chính mẹ, mẹ cũng thấy đây là hiểm họa mai này cho phụ vương con, mong phụ vương con quyết định, nhưng phụ vương con nói rằng: "Nếu ta đã gây nhân nào đó trong quá khứ thì ta phải chịu trả quả, chứ trẻ trong thai bào kia, nó đã có tội tình gì!"

Nghe kể lại chuyện xưa, đức vua Ajātasattu gục khóc nức nở!

- Còn nữa, con có biết không! Bà Videhi kể tiếp – Khi con mới chừng ba, bốn tuổi, trên ngón tay trỏ của con có

một mụt nhọt, mưng mủ, sưng tấy lên, rất đau, nên con khóc hoài, khóc hủy, khóc ngày, khóc đêm. Phụ hoàng con thương con quá nên bế lên đùi, hôn hít, nựng nịu, lấy miệng thổi nhè nhẹ lên vết thương... Thấy con nín khóc, phụ hoàng con bèn dùng miệng ngậm ngón tay của con, vừa ngậm vừa hít hà nhè nhẹ - thì quả nhiên, nhìn sắc mặt của con thì biết sự đau nhức đã đỡ đi nhiều. Thế rồi, phụ hoàng con không dám bỏ miệng ra khi con đang thiu thiu ngủ. Do hơi ấm ngậm mụt nhọt lâu, cái nhọt vỡ, máu và mủ chảy ra. Phụ hoàng con sợ con tỉnh giấc, ông nuốt luôn cả máu và mủ độc ấy vào bụng mà không nhờm gớm chút nào!

Thái hậu Videhi kể đến ngang đây thì đức vua quăng chén bát, hối hả đứng bật dậy, chạy lao ra khỏi phòng, tiếng nói vọng lại: "Mẹ đừng kể nữa, mẹ đừng kể nữa, con chịu hết nổi rồi!"

Thần y Jīvaka chứng kiến câu chuyện của hai mẹ con từ đầu chí đuôi, ông thở dài: "Nếu Ajātasattu nghe được chuyện này sớm hơn, thì cái 'quả nghiệp' của tiên hoàng chắc sẽ xảy ra cách khác chăng? Ôi! Người ta nói rằng tình mẫu tử thiêng liêng, mà ở đây, tình phụ tử cũng thiêng liêng nào có khác gì!"

Cái Gốc Của Ghẻ Lở, Mụn Nhọt

Do hối hận, do ăn năn, do ray rứt, sau một đêm trằn trọc không yên, không ngủ được, sáng ngày đức vua Ajātasattu nổi ghẻ lở, mụn nhọt cả hạ phần, lưng, bụng và cổ, vừa ngứa ngáy, vừa đau nhức rất khó chịu.

Thần y Jīvaka được triệu đến.

Sau khi xem bệnh, ông nói:

- Đây chỉ là cái bệnh ngoài da, sẽ có thuốc để chữa trị. Hạ thần sẽ đặc chế một loại thuốc bột, bôi xoa lên vài lần thì nó sẽ lành, xin đại vương an tâm.

Quả đúng như vậy, mấy hôm sau là da dẻ đức vua trở lại bình thường, ông vui mừng nói:

- Cảm ơn ông nhiều lắm! Quả là thần y! Quả là danh bất hư truyền!

Thần y Jīvaka không tỏ vẻ vui mừng, lại cất giọng có vẻ lo ngại:

- Tuy đã lành bệnh, lành cái bệnh ngoài da nhưng cái gốc bệnh bên trong vẫn còn, đại vương chớ vội lạc quan, xem chừng nó sẽ còn tái phát đấy!

- Ta chưa hiểu!

Thần y Jīvaka gật đầu:

- Phải! Đại vương chưa hiểu mà đa phần mọi người cũng không ai hiểu. Trên thế gian này, chỉ có đức Toàn Giác mới biết rõ, thấy rõ cả gốc lẫn ngọn!

Thừ người, đăm chiêu giây lát, đức vua nói:

- Ông là thầy thuốc giỏi đệ nhất thiên hạ, ông chữa được ngoài da thì chắc ông có cách chữa trị tận gốc chứ?

- Hạ thần chỉ biết chút ít!

- Vậy ông hãy nói rõ cái gốc ấy cho ta nghe!

- Đấy là "cái tâm", tâu đại vương!

- Ta vẫn chưa hiểu!

- Tâu đại vương! Cái thân nó chỉ là một cỗ máy, còn vận hành cái cỗ máy ấy là do ý chí, do tư tưởng, tức là do cái tâm quyết định. Tâm an thì thân an. Tâm mát mẻ, vô bệnh thì thân sẽ mát mẻ, vô bệnh. Tâm là chủ. Tâm tạo tác nên tất cả. Nếu đại vương giữ được cái tâm vắng lặng, an bình, hơi thở điều hòa, nhịp tim điều hòa thì khí huyết sẽ điều hòa. Khi mà khí huyết điều hòa thì các sinh thể vi bào sẽ không bị nhiễm độc. Và khi máu huyết trong lành, các sinh thể vi bào trong lành thì thân hoàn toàn vô bệnh!

Đức vua Ajātasattu nhíu mày:

- Ta hiểu còn rất mơ hồ! Ông cũng chưa nói ra cái gốc? Cái gốc sanh ghẻ lở, mụn nhọt?

- Tâu đại vương! Khi khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc thì nó sẽ phát sanh ghẻ lở, mụn nhọt lên thân!

Đức vua lại cau mày:

- Vậy cái gì làm cho khí huyết và các sinh thể vi bào bị nhiễm độc?

- Xin đại vương tha tội! Hạ thần chỉ hiểu ngang đó thôi, chỉ nên nói ngang đó thôi!

Đức vua Ajātasattu chợt như với niềm vui vỡ òa trong lòng, đứng bật dậy, cất tiếng cười ha hả, hào sảng rất ít nghe, rất ít thấy:

- Ông giỏi lắm! Ông khôn lắm! Ông kín đáo và tế nhị lắm! Ông bắt ta suy nghĩ để tìm ra cái gốc, còn ông thì không chịu nói. Ông sợ ta nổi giận. Không sao đâu. Ta hiểu rồi! Sở dĩ máu huyết, vi thể tế bào bị nhiễm độc là do tâm sân. Sân là lửa, là độc chất. Những trạng thái ray rứt, ăn năn, hối hận, sầu buồn, ưu lự, chán nản - gốc của tâm sân - lâu ngày làm máu huyết bị nhiễm độc nên sinh ra ghẻ lở, mụn nhọt. Ta hiểu rồi.

Thần y Jīvaka quỳ sụp xuống:

- Cảm ơn đại vương! Đại vương là bậc trí tuệ! Đại vương đã tự chữa trị cái gốc bệnh cho mình được rồi!

Đêm Thanh, Trăng Sáng

Hôm ấy, do chữ hiếu đã tạm thời khuây khỏa, do mụn ghẻ ngứa ngáy không còn nữa nên đức vua Ajātasattu thấy thân tâm thư thái vô cùng. Tại ngự viên, ông ngồi yên, lặng lẽ thọ hưởng một niềm an lạc nhẹ nhàng ít có trong đời. Đêm nay là đêm trăng thanh, gió mát, đúng tháng Hoa Súng (Komudi) nên trời đất êm dịu lạ thường. Ông chợt nghĩ đến đức Phật và giáo pháp của ngài. Không biết pháp và luật ấy có sự nhiệm mầu nào mà "hóa sanh" được hai vị đế vương Pāsenadi và Bimbisāra quy đầu, phục thiện, cung kính hết mực mà chăm lo cho Tam Bảo cũng hết mực. Cả hai vị đại hoàng hậu Mallikā và Videhi, mẹ ta, cũng thế! Cả cái ông thần y cũng được hóa sanh từ "cái lò" ấy nữa!

Vậy thì chỉ có đức Thế Tôn và giáo pháp của ngài là đáng nói; còn trên thế gian này, các giáo phái chủ, giáo phái sư, ai kiến thức cũng hủ lậu, nông cạn, phù phiếm... đến đáng tức cười, đáng giận!

Lát sau, một số đại thần thân tín cũng đến vườn ngự để uống rượu bổ và thưởng trăng cùng đức vua, ông ướm hỏi:

- Xem nào, tại kinh đô Rājagaha này, vị giáo chủ nào đáng để cho ta đi đến để chiêm bái, cúng dường và nghe pháp, các vị có biết không?t

- Tâu đại vương! Một vị nói - Có Pūraṇa Kassapa là vị hội chủ, là vị giáo trưởng, là vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng; là khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng. Mong đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái vị ấy có thể khiến tâm đại vương được tịnh tín.[1]

Do đức vua đã biết về cái vị giáo chủ ấy nên ông không nói gì, vị quan khác lại giới thiệu Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī... Khi đức vua cũng im lặng thì lần lượt các vị giáo chủ khác như Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Belaṭṭhiputta lại được nêu danh nhưng ông cũng không trả lời.

Thấy thần y Jīvaka ngồi ở đằng xa, có vẻ cô độc, đức vua cất tiếng hỏi:

- Còn ông, Jīvaka, sao lại yên lặng như vậy?

- Tâu đại vương! Hiện tại, ở vườn xoài của hạ thần, có đức Thế Tôn và một ngàn hai trăm vị tỳ-khưu đang tịnh cư. Đấy mới chính thực là vị đại sư vương trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc toàn thiện trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc đại giác trên đời này. Đấy mới chính thực là bậc thầy của chư thiên và nhân loại. Đấy mới chính thực là người đáng để cho đại vương đi đến để chiêm bái, cúng dường và nghe pháp! Sau khi nghe pháp rồi, chắc hẳn đại vương sẽ sanh tâm tịnh tín!

Thấy Jīvaka nói đúng ý mình, đức vua hồ hởi bảo quan hầu sai lính cho thắng con vương tượng, cùng một số quan lại, thị nữ, tùy tùng cầm đuốc sáng trưng, lên voi và ngựa khởi hành.

Đến vườn xoài của thần y Jīvaka thì trăng lên đã cao, sáng vằng vặc. Đêm như đang ngủ yên mà cả con đường,

[1] Kinh sa-môn quả - Trung bộ.

rừng cây trầm mặc cũng như đang ngủ yên. Đến chỗ voi và ngựa không còn đi được, vua và phái đoàn đồng xuống đi bộ. Gần đến cổng vườn xoài thì đức vua chợt rởn tóc gáy, sợ hãi, lông tóc dựng ngược, bước thối lui rồi nói rằng:

- Này Jīvaka! Ông phản ta chăng? Ông lường gạt ta chăng? Ông muốn nạp ta cho kẻ thù chăng? Tại sao trong một đại chúng lớn, theo lời ông nói là một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đằng hắng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

Jīvaka đáp:

- Tâu đại vương! Đức Thế Tôn và đại chúng tỳ-khưu khi nghỉ ngơi, tinh dưỡng thì hằng yên lặng như một rừng đại định. Đại vương hãy bước tới, hãy đi thẳng tới. Tại chỗ có căn nhà tròn, có những ngọn đèn sáng, đức Thế Tôn đang ở đấy, và có lẽ cũng đang cố ý chờ đợi đại vương.

Đến nơi, nhìn vào bên trong, quả là đức Phật đang ngồi quay mặt về hướng nam, đoanh vây xung quanh là một số các vị trưởng lão. Thấy đâu đâu cũng yên lặng như tờ, yên lặng như mặt nước hồ thu không gợn sóng, tức cảnh, so sánh với tâm tánh hiếu động không yên của đứa con cưng, đức vua Ajātasattu nói nho nhỏ trong tâm mình rằng:

"- Mong rằng, tiểu thái tử Udāyibhadda, con ta, cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị tỳ-khưu này vậy!"

Đức Phật chợt mỉm cười, hỏi mà như đã trả lời:

- Hình như tâm trí của đại vương hiện đang vướng nặng về tình thương thì phải?

Chột dạ vì thấy đức Phật biết được cả ý nghĩ của mình, đức vua đành phải thú nhận:

- Quả vậy, bạch Thế Tôn! Con thương tiểu thái tử Udāyibhadda rất nhiều! Con ao ước nó có được một phần nào sự trầm lặng như sự trầm lặng của đại chúng tỳ-khưu tại khu vườn xoài này!

Nói xong, đức vua lễ phép xá chào, lựa tìm một chỗ ngồi phải lẽ.

Đức Phật mở lời:

- Đường sá xa xôi, đêm hôm khuya khoắt, chắc hẳn trong tâm tư của đại vương có điều gì khúc mắc mới chịu khó tìm đến vườn rừng hẻo lánh này?

- Phải vậy, bạch Thế Tôn! Có một câu hỏi mà con đã đi hỏi nhiều nơi vẫn chưa được thỏa mãn. Hôm nay đêm thanh, trăng tỏ, không khí mát lành, con đến đây chỉ mong được trí tuệ của Thế Tôn dọi sáng cho!

- Lành thay! Đại vương cứ hỏi.

- Thưa vâng! Con đi thẳng vào vấn đề đây. Cũng như các công nghệ, các nghề nghiệp, những công việc đa dạng trong thế gian này: Ví như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dõng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh, giới nô lệ, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công việc của chúng. Nhờ thâu hái được kết quả của các công việc, chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho sa-môn, bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn! Ngài có thể chỉ cho con biết kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn chăng? Nói cách khác, trên đời này, việc làm của mọi người, đâu đâu, ai ai cũng nhằm đạt đến những kết quả thiết thực trong hiện tại – còn

hạnh sa-môn của Thế Tôn cùng đại chúng tỳ-khưu – thì sự thâu hái thiết thực, cụ thể ấy là như thế nào?

- Câu hỏi hay lắm! Đức Phật khen ngợi rồi nói – Tuy nhiên, câu hỏi ấy, trước đây, có ai đã trả lời cho đại vương hay chưa? Nếu không trở ngại gì, thì đại vương có thể cho Như Lai biết với không?

- Không, không trở ngại. Độ ấy, câu hỏi ấy được hỏi với giáo chủ Pūraṇa Kassapa nhưng ông ta tránh né, tránh né bằng cách con hỏi một đường thì ông ta trả lời một nẻo. Con còn nhớ rõ như sau:

"- Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chận đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đống thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo".

Bạch Thế Tôn! Thế đấy! Khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh sa-môn, thì vị giáo chủ Pūraṇa Kassapa lại trả lời với thuyết "vô nghiệp". Thuyết vô nghiệp là tung bóng tối, u mê và phi đạo đức cho cuộc đời, con chưa hỏi tội. Ở đây, cái cách trả lời lại còn như, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài! Con tự nghĩ: "Thôi! Bỏ qua đi! Ta kế thừa chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của phụ vương ta – thì làm

sao ta lại có thể làm cho một vị sa-môn hay bà-la-môn ở trong nước ta không được vui lòng?" Vì vậy, bạch Thế Tôn! Con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của ông ta. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

- Hay lắm! Đức Phật lại tán thán – Thái độ của đại vương rất chín chắn, là thái độ của bậc trí!

- Con không dám!

- Thế còn vị giáo chủ khác, họ trả lời ra sao cũng một câu hỏi ấy?

- Bạch Thế Tôn! Tiếp đến là giáo chủ Makkhali Gosāla, ông ta đã trả lời: "Này đại vương! Không có nhơn, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng. Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thể sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa. Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp theo năm căn, lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý), lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp, sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Nāgā, hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tưởng thai, bảy vô tưởng thai, bảy tiết thai (sanh từ

đốt), bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas, bảy vực thẳm, bảy trăm papatas (vực thẳm), bảy mộng, bảy trăm mộng, có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau. Không có lời nguyện: Với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thục, hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thục bởi những nhẫn thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn. Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau".

Bạch Thế Tôn! Thế đấy! Ông ta đã thao thao bất tuyệt cái gì đâu không, con nghe lùng bùng cả lỗ tai. Nhưng rốt lại, con cũng nắm bắt được cái thuyết "luân hồi tịnh hóa" của ông ta, chỉ có người không biết nhận thức, không có đầu óc hay là kẻ tâm thần mới chạy theo cái tư tưởng với cái đám rừng hỗn mang ấy! Cuối cùng, con cũng lặng lẽ bỏ về như trường hợp ông giáo chủ thứ nhất.

Rồi lần lượt, đức vua kể về câu trả lời của giáo chủ Pakudha Kaccāyana, ông này lại rơi vào thuyết "hư vô đoạn diệt kiến". Ông ta say sưa giảng: "Có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc. Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này khômg bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không

xâm lăng, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc. Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tước đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi".

Bạch thế Tôn! Cái đoạn diệt kiến của ông ta tương đồng với bọn hư vô duy vật luận thô thiển làm cho bậc trí phải chau mày, thở dài, thế mà chúng huyên thuyên giảng nói từ nơi này sang nơi khác. Con rất giận nhưng mà cũng phải bỏ qua, nhẫn xả nó đi.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Giáo chủ Nigaṇṭha Nātaputta lại nói về bốn loại cấm giới: "Một người nigaṇṭha (ni-kiền-tử) sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Thứ nhất, là sống gìn giữ đối với tất cả loại nước. Thứ hai, là sống gìn giữ đối với mọi ác pháp. Thứ ba, là sống tẩy sạch tất cả ác pháp. Thứ tư, là sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp. Vì một nigaṇṭha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới, nên vị ấy được gọi là gotatto (một vị đã đi đến đích), yatatto (một vị đã điều phục tự tâm) và thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)".

Bạch Thế Tôn! Bốn loại cấm giới nghe thì lọt tai, có đạo đức, có tu tập nhưng sống gìn giữ các loại nước là sao? Đâu cũng có sanh mạng của chúng sanh cả, trong nước, trong đất, trong không khí, trong cây cỏ... thì phải gìn giữ như thế nào, không nghe nói tới? Còn ba điều sau nó chỉ là một thôi! Giới bổn gì mà nghèo nàn đến như vậy?

Còn giáo chủ Sañjaya Belaṭṭhiputta thì say sưa về "ngụy biện luận" của mình. Ví dụ có người hỏi: "Có một thế giới khác hay không?" Thế là ông ta và đệ tử của ông ta sẽ trả lời loanh quanh luẩn quẩn, không xác định, không phủ nhận, trườn tới trườn lui, bò qua bò lại nơi bốn phạm trù: "Có,

không, vừa có vừa không, không có không không" rất bực mình, rất khó chịu.

Khi được hỏi: "Có loại hữu tình hóa sanh không?" thì cũng bốn phạm trù kia mà nói như con vẹt. Với câu hỏi: "Có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác hay không" – thì cũng y như vậy...

Kể đến ngang đây, đức vua thở dài:

- Con đã ớn đến tận cổ tất cả lý thuyết, tư tưởng của họ, bạch Thế Tôn! Nên hôm nay, con đến đây chỉ muốn nghe cái lợi ích thiết thực hiện tại của sa môn hạnh mà thôi!

- Hay lắm! Vậy Đại vương hãy khéo chú tâm, Như Lai sẽ nói đây.

- Thưa vâng!

Rồi đức Phật thuyết:

- Đại vương nghĩ sao trong trường hợp như thế này? Nếu đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt của đại vương. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thục của các công đức. Đức vua Ajātasattu, con bà Videhi, nước Māgadha, là người, tôi đây cũng là người. Vị vua Ajātasattu ấy sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần; còn tôi sao lại sống trong cảnh bần cùng, khốn khổ, thân phận nô lệ há không giống như con ngạ quỷ tìm kiếm thức ăn trong đống rác hay sao? Vậy ta hãy làm các công đức để thay đổi thân phận! Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống đời xuất gia phạm hạnh". Và người nô lệ ấy, một thời gian sau, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, sống trong giáo đoàn của Như Lai. Sau khi xuất gia, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỉ sống an tịnh. Có người đi ra ngoài, trở lại hoàng cung, biết người ấy, việc ấy, về kể lại

cho đại vương nghe. Trong trường hợp ấy, đại vương có kêu gọi người ấy trở lại mà nói rằng: "Này, tên nô bộc! Hãy trở lại đây với ta, làm mọi công việc tay chân để hầu hạ ta như trước đây ngươi đã làm?"

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Con sẽ không nói vậy, sẽ không làm như vậy?

- Thế đại vương đối xử ra sao?

- Bạch Thế Tôn! Tôn trọng, cung kính, cúng dường sa-môn, đạo sĩ là pháp truyền thống của vương triều, cho nên con sẽ kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các vật dụng như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu – Như Lai biết là đại vương Ajātasattu, con bà Videhi, nước Māgadha sẽ làm như thế. Và như vậy, đại vương nghĩ thế nào, đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của sa-môn hạnh?

- Đúng vậy! Đức vua mỉm cười – Không có gì rõ ràng hơn thế nữa. Rồi ông tiếp – Có thể có kết quả thiết thực hiện tại nào khác, cũng cụ thể như vậy nữa không, bạch Thế Tôn!

- Này đại vương, có thể được. Đại vương nghĩ sao? Nếu đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khố. Người ấy nghĩ đến thân phận hèn mọn của mình khi so sánh với ngũ dục công đức tối thượng của đại vương – nên y đã xuất gia. Và khi y đã xuất gia, sống đời không gia đình, tri túc trong tứ sự, tinh cần sa-môn hạnh – thì đại vương cũng sẽ đối xử phải phép như đối với người nô bộc ở trên?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Và đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn chăng?

- Thưa vâng! Im lặng giây lát, đức vua hỏi tiếp - Có thể Thế Tôn cho biết thêm một kết quả thiết thực hiện tại khác

nữa, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn vừa kể trên?

- Này đại vương, có thể được! Hãy lắng tai nghe và khéo hướng tâm, tác ý, Như Lai sẽ giảng.

- Thưa vâng!

- Này đại vương! Nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với sa-môn, bà-la-môn, thiên nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Thế rồi, người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hoặc một người sanh ở giai cấp hạ tiện nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường thế gian đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn pātimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sanh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác và biết tri túc.

Đại vương! Thế nào là tỳ-khưu giới hạnh cụ túc? Ở đây, vị tỳ-khưu từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Tỳ-khưu từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy tỳ-khưu ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh.

Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị.

Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu,

đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh.

Còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đống thẻ, chơi xúc xắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu.

Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ.

Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay

chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gươm, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phất trần, vải trắng có viền tua dài.

Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện nghe đến hãi hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm phào kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn bàn luận tranh chấp như nói: Ngươi không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao ngươi có thể biết pháp và luật này? Ngươi đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng. Những điều đáng nói trước, ngươi lại nói sau. Những điều

đáng nói sau, ngươi lại nói trước. Chủ kiến của ngươi đã bị bài bác, câu nói của ngươi đã bị thách đấu. Ngươi đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí.

Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị sát-đế-lỵ, cho các vị bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia.

Còn vị ấy thì từ bỏ đưa các tin tức và đứng làm môi giới.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, gièm pha, cầu lợi.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế muỗng, dùng miệng phun hạt cải... vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thục tô, tế máu, khoa xem chi tiết thân thể, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngừa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con cắc kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thối, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia.

Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi có một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao bằng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời, mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các

tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng mờ sẽ có kết quả như thế này.

Còn vị ấy thì tránh xa không tự nuôi sống bằng tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cóng lưỡi, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Trong khi một số sa-môn, bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mửa, làm cho xổ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Và như vậy, đại vương! Vị tỳ-khưu ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Như một vị sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vị ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẩn đục.

Như vậy, này đại vương! Ấy là tỳ-khưu đầy đủ giới luật.

Còn thế nào là tỳ-khưu hộ trì các căn? Này đại vương! Khi mắt thấy sắc, tỳ-khưu không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tỳ-khưu tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được

chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẩn đục.

Như vậy là tỳ-khưu hộ trì các căn.

Đại vương! Thế nào là tỳ-khưu chánh niệm, tỉnh giác? Ở đây, tỳ-khưu khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Như vậy là vị tỳ-khưu chánh niệm, tỉnh giác.

Thế nào là tỳ-khưu biết đủ? Ở đây tỳ-khưu bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo y và bình bát. Đại vương! cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị tỳ-khưu bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo.

Như vậy là vị tỳ-khưu sống đời biết đủ.

Vị ấy, với giới uẩn cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng

hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Này đại vương! Như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ con. Người ấy nghĩ: Ta trước kia mắc công, mắc nợ, khốn khổ, lo nghĩ trăm bề, nay nhờ nghề nghiệp được phát đạt, không những đã trả được nợ nần, cất gánh nặng trên vai xuống, mà lại còn dư dã để nuôi dưỡng vợ con.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người bị bệnh, đau đớn trầm kha, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm kha, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại. Người ấy nghĩ: Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta

thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Này đại vương! Như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm. Người ấy nghĩ: Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.

Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

Như vậy, này đại vương! Tỳ-khưu tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc. Này đại vương! Cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn.

Như vậy là vị tỳ-khưu quán năm triền cái khi đã diệt trừ chúng.

Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tỳ-khưu ly dục, ly ác pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Tỳ-khưu thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung

mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; tỳ-khưu ấy thấm nhuần, tẩm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương đông không có lỗ nước chảy ra, phương tây không có lỗ nước chảy ra, phương bắc không có lỗ nước chảy ra, phương nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú thiền thứ ba. Tỳ-khưu thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tẩm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Còn nữa, này đại vương! Tỳ-khưu xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỳ-khưu ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy bao bọc. Cũng vậy, này đại vương! Tỳ-khưu thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại

thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Này đại vương! Ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi dây được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi dây này được xâu qua hòn ngọc ấy, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến. Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu và thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này đại vương! Ví như mọt người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra. Này đại vương! Ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao

kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra. Này đại vương! Ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi phạm thiên.

Này đại vương! Ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Này đại vương! Ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Này đại vương! Ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích. Cũng vậy này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm,

không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm hướng tâm đến các thần thông. Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư không; độn thổ trồi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như còn chim; với bàn tay chạm và rờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi phạm thiên.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỳ-khưu với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần.

Này đại vương! Ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng". Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỳ-khưu với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư thiên và người, xa và gần.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản

như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỳ-khưu sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng, Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy tỳ-khưu nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này đại vương! Ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người ấy nghĩ: Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta. Như vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ: Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây. Như vậy, tỳ-khưu nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của

chúng: Này các hiền giả! Những chúng sanh này làm những điều ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các hiền giả! Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này đại vương! Ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng: Này các hiền giả! Những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các hiền giả! Còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không

phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này. Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật "đây là khổ", biết như thật "đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật "đây là khổ diệt", biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật "đây là những lậu hoặc", biết như thật "đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát. Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này đại vương! Ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ. Vị ấy nghĩ: Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ. Cũng vậy, này đại vương! Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không

cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tỳ-khưu dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí ấy như kể ở trên. Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này đại vương! Đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn trước.

Này đại vương! Không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh sa-môn này.

Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Māgadha bạch Thế Tôn:

- Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y tỳ-khưu Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đạt vương quyền. Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con có cơ hội cải hối, ngăn chặn về tương lai.

- Đại vương! Đấy thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, hiền thiện để đoạt vương quyền. Vì đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với chánh

pháp, Như Lai nhận tội ấy cho đại vương. Đó là một sự tiến bộ, này đại vương! Trong pháp và luật của bậc thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với chánh pháp, có cơ hội cải sửa và ngăn chận ở tương lai.

Được nghe nói vậy, đức vua Ajātasattu xúc động:

- Tri ân đức Thế Tôn! Nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bổn phận, nhiều việc phải làm.

- Đại vương hãy làm những gì là phải thời.

Lúc bấy giờ, đức vua Ajātasattu hoan hỷ tán thán lời dạy của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ rất phải phép, thân phía hữu hướng về ngài rồi từ biệt.

Khi Ajātasattu rời chân đi rồi, đức Phật liền bảo các vị trưởng lão ở xung quanh:

- Ông ta rất ăn năn, rất hối lỗi. Nếu ông ta không hại mạng phụ vương mình - một vị vua chân chánh, hiền thiện - thì ngay tại chỗ ngồi này, ông ta đã chứng được pháp nhãn, mở được cánh cửa đi vào dòng giải thoát.

- Đáng xót thương thay cho ông ta, bạch đức Tôn Sư!

Đấy là lời bi thán như làn gió thoảng của tôn giả Ānanda!

Trưởng lão Moggallāna cất giọng lạnh lùng:

- Kiếp trước, vừa mới đây, đức vua Bimbasāra vay nợ mạng sống của Ajātasattu nên quả báo phải trả, đấy là định luật tất nhiên thôi, hiền giả!

Tiễn Chư Trưởng Lão Lần Lượt Ra Đi

Sau khi đã "cứu độ" thái hậu Videhi, đức vua Ajātasattu, đặt họ vào miền an ổn, đức Phật và đại chúng tỳ-khưu rời vườn xoài của Jīvaka, xuôi bắc, ghé Trúc Lâm tịnh xá.

Đây là thời gian vào khoảng hạ bốn mươi hai của Thế Tôn. Lúc này, tại Veḷuvana chỉ còn có hai vị trưởng lão là tôn giả Bhaddiya và Anuruddha được xem như thường trú để hướng dẫn đồ chúng. Vài hôm sau thì từ các vùng ngoại ô, chư tỳ-khưu tăng ni tìm đến để đảnh lễ và vấn an sức khỏe đức Phật. Nhìn nhóm hội chúng nào cũng thấy thành phần trung niên và thanh niên do một số cội đại thụ đã thay nhau bật rễ, lìa khỏi rừng tòng mà tịch tịnh Niết-bàn. Hơn mười hôm ở đây, có hai vị sa-môn tướng mạo uy nghiêm, xương kính, ấy là tôn giả Vappa và Assaji, do đã quá già lão, đã hơn trăm tuổi; họ chống chiếc gậy lê, bước đi đã run chân... viếng thăm đức Đạo Sư.

Đức Phật đứng dậy, dìu họ vào ngồi trên nệm cỏ rồi nói:

- Chắc hai vị lại muốn an nghỉ đây mà!

Ngài Vappa nói:

- Xin phép đức Thế Tôn! Đúng vậy! Cái thân tứ đại này nó đã hư mục, không còn dùng được nữa.

Ngài Assaji nói:

- Các hàng hậu học đã như tùng, như bách cả rồi.

- Thôi thì hai vị cứ tùy nghi, tùy thời vậy!

Lát sau, đức Phật không đưa tiễn nhưng họ đã xá chào ngài rồi mất bóng. Họ đã sử dụng thần thông để lên Hymalaya trong chớp mắt.

Ai cũng biết là tôn giả Koṇḍañña nhập diệt đã lâu, gần hồ Mandākinī trên Tuyết sơn, vậy thì trong nhóm năm vị hiền triết ở Isipatana, Vườn Nai thuở nọ chỉ còn có hai tôn giả Bhaddiya mà Mahānāma[1] thuộc vào hàng đại trưởng lão. Rồi họ cũng sắp từ giã bổn phận của mình.

Hôm kia, đức Phật lại lên đường, có chư tôn giả Mahā-Mogallāna, Ānanda, Upāli và chừng năm trăm vị tỳ-khưu tháp tùng.

Đức Thế Tôn bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, sang xuân thì ngài đã bảy tám, do sức khỏe đã giảm sút nên đại chúng bộ hành rất chậm. Đến bờ nam sông Gaṇgā, đức Phật dừng chân tại Pāṭaligamma mấy hôm rồi mới vượt sông. Thế là hơn một tháng trường, đức Phật và hội chúng mới tới Vesāli, rừng Mahāvana.

Quang cảnh nơi đây cũng có khác xưa vì rừng cây dường như cao dày hơn, rậm rịt hơn. Cũng giống như Trúc Lâm tịnh xá, ở Mahāvana này, nói chung là Vesāli, các bậc lão trượng tăng ni lần hồi thưa bóng. Tre già thì măng mọc, nên nhìn đâu cũng thấy sinh lực trẻ trung cuồn cuộn trong những vóc dáng, những bước đi của hội chúng tăng ni.

Nghe tin đức Phật về, suốt cả bảy ngày, rừng Mahāvana như lễ hội. Hết vua chúa, tướng quân dòng dõi Licchavi đặt bát cúng dường, lại đến phiên các trưởng giả, các gia chủ. Đức Phật thường tịnh cốc, nghỉ ngơi, việc thuyết pháp cho đại chúng là bổn phận của tôn giả Upāli và Ānanda. Tôn giả

[1] Bhaddiya trùng tên người trong nhóm 5 ông hoàng xuất gia; Mahānāma trùng tên với đức vua Sākya.

Upāli hằng thuyết về luật cho đại chúng tỳ-khưu. Tôn giả Ānanda thì thuyết về kinh pháp cho chư tăng ni trẻ cùng hai hàng cư sĩ áo trắng. Riêng tôn giả Mahā-Moggallāna thì có việc của riêng mình nên trong ba cõi sáu đường, khi cần thiết, có ai đó hữu duyên là ngài có mặt.

Tại hương phòng, đức Phật lại tiếp một vị già nua, gầy guộc, nước da sậm nâu phong trần, ấy là tôn giả Gayā-Kassapa, thờ thần lửa thuở trước tại Uruvelā. Sau khi vấn an sức khỏe Thế Tôn, vị đại trưởng lão này cũng xin được Niết-bàn, vì hai vị huynh đệ Uruvelā-Kassapa và Nadī-Kassapa của ngài nhập diệt cũng đã lâu.

Đức Phật nói:

- Ở Veḷuvana là hai vị lão tăng trượng Vappa và Assaji. Ở Mahāvana này là ông, ai cũng muốn đi trước Như Lai, nhưng Như Lai cũng không còn bao lâu. Chúng ta sắp hết việc làm trên cuộc đời này rồi.

Khi tôn giả Gayā-Kassapa vừa khuất bóng thì tôn giả Ānanda bạch Phật là có chư vị trưởng lão ni Khemā, Uppalavaṇṇā, Dhammadinnā... cùng với chư tỳ-khưu-ni tìm đến. Thấy hội chúng khá đông, đức Phật tiếp họ giữa rừng cây.

Đức Thế Tôn mỉm cười nói:

- Một vị thì đệ nhất trí tuệ, một vị thì đệ nhất thần thông, một vị thì đệ nhất thuyết pháp... không biết Như Lai còn có gì để giáo giới nữa đây?

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn khang kiện.

Một vị nói:

- Mong đức Thế Tôn vô bệnh – vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

Đức Phật trầm ngâm một lát:

- Từ khi trưởng lão ni Gotamī và hội chúng công nương Sākya Niết-bàn, tại Vesāli này dường như cũng còn khá đông chư vị lão ni đó chứ?

Trưởng lão ni Khemā đáp:

- Bạch Thế Tôn! Riêng trưởng lão ni Yasodharā thường ẩn cư trên núi cao, trong động vắng, ít khi lui tới nơi này, nơi kia – nhưng chư vị Paṭācārā - bậc đệ nhất thông luật, Kisā-Gotamī - bậc đệ nhất mặc y thô tháo, Bhadda-Kuṇḍalakesā - bậc đệ nhất thắng trí nhạy bén - thì ở loanh quanh tại các tiểu bang cộng hòa quanh đây mà thôi!

Trưởng lão ni Uppalavaṇṇā chợt nói:

- Lão ni Kisā-Gotamī đã Niết-bàn hôm qua rồi, bạch Thế Tôn!

- Đúng vậy - đức Phật gật đầu - vị ấy, qua không gian, đã xin phép Như Lai rồi, cũng như trước đây, tỳ-khưu-ni Ambapālī vậy!

Dường như sau câu nói của đức Phật thì có tiếng gió lạ xạc xào giữa không gian, hay là những hơi thở nhẹ, sự tiếc thương mơ hồ của chư thiên, thọ thần quanh núi rừng Mahāvana – vì càng lúc họ càng thấy thiếu vắng những bóng mát chở che, nương tựa?

Hôm kia, nhân một buổi chiều vắng lặng, có một vị lão ni rất già, dẫn theo chừng mươi vị ni đã lớn tuổi đến hầu thăm đức Phật khi ngài đang ngồi trước hương phòng.

Sau khi đảnh lễ, vị lão ni nở nụ cười như đóa tuyết sương rồi cất giọng dịu dàng:

- Trông Thế Tôn cũng còn vững chắc như đỉnh núi!

- Lão ni trông cũng rắn rỏi đâu có thua gì!

- Lão ni lại muốn Niết-bàn à?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Vị ấy là ai? Là ai mà đối thoại với đức Tôn Sư không sử dụng ngôn ngữ khách sáo thường phàm?

Mấy hôm trước, một vị lão ni đã chớm già trông mỏng manh như cành liễu nhưng thần sắc tinh anh, dáng dấp sang trọng, dung nghi cao quý như mệnh phụ với những bước chân vững chãi, thảnh thơi đang từ từ theo con đường mòn ruột dê đi dần xuống núi... Đấy là trưởng lão ni Yasodharā, năm ấy bà đã bảy mươi bảy tuổi.[1]

Mấy năm nay, bà trú ngụ nơi một hang đá đáng yêu có dây leo tua uốn nở những đóa hoa dại thơm hương; có mấy con sóc nâu vằn cắn hạt vui tai; có chú chuột núi thập thò, thập thò nhưng chẳng tìm ra vật gì để mài răng gặm nhắm cho đỡ buồn; có mây gió lang thang sớm, có sương mù lãng đãng chiều, có trăng khuya thênh thênh vô ngại tới lui thăm viếng, bầu bạn... Thật là viên mãn thanh tịnh, viên mãn độc cư, viên mãn yêu thương và viên mãn niềm vui siêu thế. Trong không khí, trong cây rừng và cả trong từng tâm niệm, ý nghĩ đều thanh trong, vô nhiễm, không dính một hạt bụi phiền lao vi tế! Tuy nhiên, sáng nay, bà thấy rõ ngọn đèn sinh mệnh sắp cạn dầu, lụn bấc. Giờ Niết-bàn đã đến rồi. "Thọ hành" đã đánh trống, đã thổi kèn báo động trong từng tế bào, trong từng vi thể tủy xương. Mặc dầu tử thần không dám ngông nghênh cầm lưỡi hái đến gõ cửa để dọa nạt, khủng bố ai, nhưng bà tự biết là bà sẽ ra đi và tự làm chủ hơi thở cuối cùng, thông tỏ sát-na tâm niệm cuối cùng. Và khi mà thần thức đã tìm chỗ "chẳng bị sanh, chẳng bị diệt" thì ma vương, cả năm loại ma vương kia chẳng thể làm gì được[2], chẳng lần ra manh mối của cây đèn tắt, ngọn lửa sẽ đi về đâu!?

Trưởng lão ni Yasodharā nở nụ cười tiêu sái, vô sự rồi tự nghĩ: "Ai rồi cũng vậy thôi. Ta ra đi rồi đức Đạo Sư cũng ra đi. Như Ni trưởng Gotamī đã ra đi hơn mười năm về trước.

---

[1] Cũng có thể là 78 tuổi.

[2] Năm loại ma: Phiền não ma vương, pháp hành ma vương, ngũ uẩn ma vương, tử thần ma vương, chư thiên ma vương.

Giáo hội càng ngày càng trống không. Mang cái thân cát bụi phải trả về cho cát bụi. Ta phải đi xin phép đức Thế Tôn để cho cái thân này được vĩnh viễn yên nghỉ. Ta đã liễu tri trọn vẹn cái trò chơi ảo ảnh, ảo giác của các định luật hữu vi kia rồi. Và cả cái căn nhà bản ngã thường bày đặt nhiều lời, lắm chuyện này nữa!"

Bà lại mỉm cười một lượt nữa, dịu dàng như mảnh trăng buổi sơ thu rồi vừa đi vừa nghĩ tiếp. Từng hình ảnh đứt nối hiện ra.

Đây là thuở đức Phật về thăm quê nhà sau hai năm đắc quả tam minh với hình ảnh ấn tượng nhất là chiếc y vàng sáng và đỉnh đầu như tỏa hào quang của Người. Đây là hình ảnh dễ thương của trẻ Rāhula chạy theo đức Thế Tôn để nương nhờ bóng mát và xin gia tài. Đây là hình ảnh đức Thế Tôn kể lại câu chuyện duyên xưa từ thuở đức Phật Dīpaṅkara, và hình ảnh của chàng đạo sĩ Sumedha trẻ trung và cô gái Sumittā hiền thục cũng sáng ngời trong tâm khảm. Tám đóa hoa sen cũng hiện ra nữa. Ôi! Lạ lùng! Cả hằng trăm kiếp quả địa cầu rồi mà chúng còn hiển hiện như thực như hư!

Còn lời nguyện? Nguyện đi theo Người một cách vô danh như chiếc bóng? Đúng vậy!

Thế rồi, tại Vesāli, sau khi từ giã đức Phật, từ giã tôn giả Moggallāna, tôn giả Ānanda, tôn giả Upāli, từ giã sảnh đường Năm Nóc Nhọn tại rừng Mahāvana, trưởng lão ni Yasodharā trở lại ni viện để an nghỉ Niết-bàn. Bà ta là vị trưởng lão ni thầm lặng, thành đạt trọn vẹn tuệ phân tích, vô ngại giải nhưng ít khi muốn giảng thuyết đó đây. Lại là một trong bốn vị có đại thần thông mà chẳng lúc nào hiển thần ra oai để giáo hóa đồ chúng[1]. Đúng là bà chỉ muốn là chiếc

[1] Theo chú giải bộ Anguttara Nikāya thì, trong thời Phật chỉ có 4 vị có đại thần thông (Mahā Abhiñña), đấy là hai vị đại đệ tử, tỳ-khưu vị tằng hữu Bakkula và đức Bhadda Kaccānā (tức Yasodharā).

bóng như lời nguyện thuở xưa. Bà là người vợ hiền mẫu mực theo thế gian quy ước, nhưng lại được sinh ra trong giáo pháp bất tử, là một trong những người con hy hữu của đức Tôn Sư vô thượng.

Biết những việc cần làm ở đây đã xong, đức Phật và hội chúng lại lên đường. Cũng theo lộ trình hướng bắc, đức Phật ghé Videha, Moriya, Mallā... và nơi nào cũng dừng nghỉ năm bảy hôm. Rời Mallā, đức Phật lại lên Koliya, sau đó đi lần về Sākya, ở tại thị trấn Medataḷumpa rồi ngài tuyên bố:

- Như Lai ở lại nơi phong cảnh xinh tươi này một thời gian. Nó có duyên sự. Các vị Moggallāna, Ānanda, Upāli hãy tùy nghi công việc của mình!

"Pháp Truyền Thống"
Của Đức Vua Pāsenadi

Mặc dầu đã "sám hối", mặc dầu cả đại gia đình người ta đã tha thứ nhưng tâm của đức vua Pāsenadi cũng không được yên ổn do tội ác mà ông đã làm. Giá như có mặt đức Phật ở Kỳ Viên? Giá như hoàng hậu Mallikā còn ở bên ông? Ôi! Dẫu có bao nhiêu "giá như" ấy thì sự việc cũng đã rồi, những sát-na tâm bất thiện ấy đã chảy trong dòng nghiệp – thì ăn năn, hối hận cũng không ích gì! Chỉ mang đến sầu muộn làm vẩn đục tâm thức mà thôi!

Mấy ngày hôm sau, cho các quan đi tra xét dòng họ bà con thân quyến của lão tướng quân Bandhula, biết vị nguyên soái này còn có một đứa cháu kêu ông ta bằng cậu đang làm quan ở một thị trấn cách kinh thành không bao xa, có tên là Dīgha-Kārāyaṇa. Tức tốc, đức vua cho gọi Dīgha-Kārāyaṇa đến rồi phong cho ông ta chức Đô thống đại nguyên soái thống lãnh tất cả binh quyền.

Được cất đặt vào vị trí quá cao, ngoài cả mong ước, ngoài mặt, Dīgha-Kārāyaṇa tỏ vẻ vui mừng, lạy tạ đức vua nhưng trong lòng ông ta thì ngược lại. Từ khi cậu mình bị ám hạ một cách tàn độc, Dīgha-Kārāyaṇa vô cùng căm hận đức vua, ý nghĩ trả thù luôn lởn vởn trong đầu óc của ông.

Bây giờ có binh quyền trong tay, Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ, là trước sau mình cũng có cơ hội để báo oán, rửa thù.

Hôm kia, đức vua Pāsenadi nghe tin đức Phật và hội chúng tỳ-khưu sau nhiều tháng hoằng hóa ở Rājagaha, Vesāli... đã theo lộ trình thương mãi ghé Koliya và bây giờ đang ngụ đâu đó ở vương quốc Sākya, ông tự nghĩ: "Chuyện xảy ra ở đây, có lẽ đức Thế Tôn cũng đã biết rồi. Vả lại, tâm hồn ta bây giờ cũng đã yên lắng lại, Dīgha-Kārāyaṇa, tân Đô thống, có lẽ cũng hiểu nỗi lòng của ta nên ông ta luôn tận tụy trong mọi nhiệm vụ, giao việc gì là hoàn thành việc ấy. Là một con người có nhân cách tốt, rất đáng tin tưởng. Đây là lúc ta nên từ bỏ kinh thành một thời gian, xa rời cung đình, là nơi quá nhiều kỷ niệm với hoàng hậu, dẫn một đội quân lớn đi kinh lý nơi này nơi kia để lắng nghe dân tình cũng là phải lẽ vậy".

Xong, đức vua cho gọi thái tử Viḍūḍabha và tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa rồi ra lệnh:

- Ông Viḍūḍabha hãy dẫn một đội quân cấm vệ, ông Dīgha-Kārāyaṇa hãy dẫn một đội quân hùng hậu đi sau hộ giá, sớm mai ta sẽ lên đường.

Thế rồi đức vua rời khỏi kinh thành, đi thăm chơi những miền thắng cảnh, khi đến vườn rừng Naṅgaraka[1], thấy cảnh trí xinh đẹp lạ thường, đức vua cho dừng ngựa lại. Trong khi tản bộ, dạo chơi đây đó, đức vua trông thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, là nơi lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp cho việc trầm tư mặc tưởng.[2]

Thấy vậy, đức vua cảm khái trong lòng:"Chà! Khung cảnh thanh bình, tĩnh lặng, thiên nhiên trong lành, tươi đẹp này đâu phải là nơi cho phàm phu tục tử thưởng ngoạn một

[1] Xem Dictionnary of Pāḷi proper names - quyển 2, trang 6.
[2] Xem kinh Dhammacetiya (Trung bộ).

cách vô ích và rỗng không! Đây phải là nơi thích hợp để học đạo, luận đạo hoặc để trầm tư, quán tưởng".

Rồi vua chợt nhớ đến đức Đạo Sư, bèn quay lại hỏi thuộc hạ:

- Đức Thế Tôn sau bao tháng vân du phương xa, nghe đâu đã về đến Sākya! Các ngươi có ai biết, ngài hiện đang an ngự ở đâu không?

- Tâu đại vương! Nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa mau mắn đáp – Có một thị trấn tên là Medataḷumpa, thuộc vương quốc Sākya, ngài và hội chúng tỳ-khưu đang dừng chân ở đấy.

- Thị trấn Medataḷumpa ấy, cách Naṅgaraka chúng ta đang đứng đây, khoảng chừng bao xa?

- Tâu! Không xa! Chỉ chừng ba do tuần, có thể đi thong thả đến đấy vào lúc chiều tối.

- Vậy này Dīgha-Kārāyaṇa! Chúng ta hãy lên đường, ta đang rất nôn nóng yết kiến đức Đạo Sư.

Đến Medataḷumpa lúc mặt trời vừa gác núi, khói và sương như những dải lụa vắt ngang những sườn cây xanh biếc. Đâu cũng thanh u và tịch lặng. Chỉ có tiếng lá rơi, gió thoảng, suối chảy, vượn kêu, chim hót... là ngôn ngữ của đất trời! Đến chỗ xe không còn đi được, đức vua rảo bộ, cho người hỏi thăm – thì biết đức Phật và hội chúng tỳ-khưu đang ẩn cư trong những cốc lá trong rừng đại thụ, sát bên một con suối xanh trong.

Lúc bấy giờ một số đông tỳ-khưu đang đi kinh hành ngoài trời. Bước đến gần, đức vua lễ phép cung tay hỏi:

- Thưa chư tôn giả! Đức Thế Tôn hiện đang ở đâu?

Biết người hỏi là đức vua Kosala, một vị tỳ-khưu đáp:

- Tâu đại vương! Đi thẳng theo lối hàng cây đại thụ nầy, gặp một tảng đá lớn, một ngôi nhà sàn lợp bằng lá kè hiện ra, đức Tôn Sư đang thiền duyệt ở đấy. Đại vương nhè nhẹ bước lên, tại hành lang, bên cánh cửa khép hờ, ngài cất tiếng

đằng hắng rồi lấy ngón tay gõ nhẹ ba lần, đức Đạo Sư sẽ tiếp đại vương!

Để tỏ lòng tôn kính hết mực, đức vua cởi đế bào, mũ miện, hốt, ấn, kiếm, hia... giao tất cả chúng cho Dīgha-Kārāyaṇa rồi nói:

- Các ngươi hãy đi ra ngoài bìa rừng! Ta cần yên tĩnh một mình để "đàm đạo" với đức Chánh Đẳng Giác!

Theo cách chỉ dẫn tận tình và chính xác của vị tỳ-khưu, đức vua đi bằng đôi chân trần theo hàng đại thụ... Và sau đó được đức Phật mở cửa đón tiếp. Vừa bước vào, đức vua Pāsenadi oai hùng, hiển hách của quốc độ Kosala đã vội quỳ sụp xuống, cúi đầu ôm đôi chân bụi của đức Đạo Sư, rờ rẫm và xoa xoa vào cổ chân, gót chân của ngài rồi thốt lên:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala! Đệ tử là Pāsenadi, nước Kosala!

Đức Phật khởi từ bi tâm, nắm tay đức vua dẫn đến một tấm nệm cỏ, mời ông ngồi ở đấy rồi nói:

- Không biết vì duyên sự gì, nguyên do gì mà đấng chí tôn của Kosala lại hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Như Lai như vậy?

- Từ khi hoàng hậu mất đi, đệ tử không có chỗ nương tựa; vì không có chỗ nương tựa nên đệ tử đã có những hành động lầm lỗi không thể tha thứ được. Đệ tử hằng đêm, hằng đêm đã suy nghĩ rất nhiều. Đức Thế Tôn là hiện thân cho những giá trị cao quý trên đời này, là hiện thân cho những phẩm giá tốt đẹp của con người. Thật hạnh phúc cho những ai được thân cận với Người, được học hỏi giáo pháp của Người, được ôm hôn bàn chân bụi của Người. Sau khi tư duy chín chắn như vậy, đối với đức Thế Tôn, đệ tử đã có những "pháp truyền thống" cho riêng mình y chỉ, bạch đức Đạo Sư!

Đức Phật mỉm cười:

- Pháp truyền thống cho riêng mình y chỉ? Hay lắm! Vậy thì đại vương hãy kể ra một vài nội dung của truyền thống ấy cho Như Lai nghe với nào?

- Xin vâng, bạch đức Thế Tôn!

Rồi đức vua nói:

- Đệ tử có pháp truyền thống (Dhammanvaya) này đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập hành trì". Sở dĩ nói như vậy là vì đệ tử thấy nhiều vị sa-môn, bà-la-môn hành trì phạm hạnh có giới hạn trong mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm rửa, khéo phấn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách đầy đủ, sung mãn năm dục trưởng dưỡng! Nhưng ở đây, trong giáo pháp của ngài, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống hành trì phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Đệ tử xác tín rằng, ngoài giáo hội này ra, không có và không thể ở đâu, tôn giáo nào có được một phạm hạnh viên mãn và thanh tịnh đến như vậy. Đấy chính là nội dung, là pháp truyền thống thứ nhất của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

- Hay lắm! Đức Phật tán thán – Và đấy cũng là sự thực mà đại vương đã diễn đạt rất chính xác! Thế còn nội dung thứ hai?

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy rằng, từ ngàn xưa đến nay, vua chúa cãi lộn với vua chúa, sát-đế-lỵ cãi lộn với sát-đế-lỵ, bà-la-môn cãi lộn với bà-la-môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, đệ tử thấy các tỳ-khưu sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước

với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính[1]. Đệ tử không thấy, ngoài giáo hội của đức Tôn Sư, giáo đoàn thanh tịnh của đức Tôn Sư ra, lại có thể có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh được như vậy! Đấy là pháp truyền thống thứ hai, luôn lưu một dấu ấn tốt đẹp vào tâm khảm của đệ tử!

- Đúng vậy! Đức Phật gật đầu – Đại vương đã nhận xét rất đúng! Sáu pháp hòa kỉnh là nền tảng của thiện bạn hữu, thiện thân tình trong đời sống của tăng-già

- Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đức vua nói tiếp - Đệ tử đi du hành, kinh lý từ nơi này đến nơi kia, từ xứ sở này sang xứ sở khác. Ở đấy, đệ tử thấy một số sa-môn, bà-la-môn gầy còm, ăn mặc lôi thôi, lếch thếch, nước da xanh xao, bạc nhợt, tay chân gân nổi; hình như không có một nét hảo tướng tương đối nào để người ta có thể nhìn với đôi mắt thiện cảm! Đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này sống phạm hạnh không được hoan hỷ hay có những ác nghiệp được giấu kín, bị sân tham thiêu đốt nên mới sinh ra như vậy? Đệ tử mang hoài nghi ấy đi đến hỏi các vị ấy thì được trả lời: Tâu đại vương! Chúng tôi dường như là bị bệnh lây truyền từ các giáo phái chủ, giáo phái sư... trong và ngoài truyền thống bà-la-môn vậy. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu hân hoan, phấn khởi, hỷ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự tự nguyện hỷ cúng của nhiều người, với tâm tư tự do như muông thú ở rừng sâu. Bạch Thế Tôn, đệ tử suy nghĩ như sau: Thật sự các bậc tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự từ cạn vào sâu, từ thớ vỏ ngoài đến xương tủy ở phía bên trong - nên các bậc tôn giả này mới có được tăng tướng như vậy, các được các trạng thái tâm thanh lương, thù thắng

[1] Trung bộ, kinh Dhammacetiya.

tỏ lộ ra bên ngoài dung sắc như vậy. Bạch Thế Tôn! Đấy là pháp truyền thống thứ ba của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, đệ tử là một vị vua sát-đế-lỵ, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn! Khi đệ tử ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của đệ tử. Và đệ tử hễ có dịp là nói với họ rằng: Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong. Thế nhưng, có người vẫn ngắt lời nói của đệ tử như thường. Còn ở đây, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy các tỳ-khưu, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, không hề có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho nào khởi lên. Nếu có một tiếng động thô tháo nào đó xảy ra từ người bên cạnh thì một bạn đạo đồng phạm hạnh sẽ vỗ nhẹ vào đầu gối người ấy rồi nói vào tai y như cơn gió thoảng: Tôn giả hãy giữ yên lặng, tôn giả chớ có làm ồn! Thế Tôn, bậc Đạo Sư của chúng ta đang thuyết pháp! Bạch Thế Tôn, đệ tử khởi lên ý nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện mà không có gậy, không có kiếm, không có bất kỳ một hình phạt hay cưỡng bức nào! Ngoài hội chúng của đức Tôn Sư, đệ tử không thấy có một hội chúng nào khác lại được khéo huấn luyện như vậy. Bạch Thế Tôn! Và đấy chính là pháp truyền thống thứ tư của đệ tử đối với đức Đạo Sư.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số sát-đế-lỵ bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc làm tư, làm bảy. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: Sa-môn Gotama sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn kia! Thế là họ sắp đặt trước những câu hỏi: Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi sa-môn Gotama câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế này, thì

chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu sa-môn Gotama trả lời như thế kia, thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia! Vậy là khi nghe tin Thế Tôn du hóa đến một nơi, những vị này đến chỗ Thế Tôn đang trú cư. Rồi sau đó, Thế Tôn với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Được đức Thế Tôn với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Như vậy, đấy là pháp truyền thống thứ năm của đệ tử đối với ngài.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Đệ tử thấy ở đây một số bà-la-môn bác học, gia chủ bác học, sa-môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến... Họ không hỏi Thế Tôn câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của phạm hạnh mà những thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải sa-môn lại tự xem là sa-môn, không phải bà-la-môn lại tự xem là bà-la-môn, không phải bậc A-la-hán lại tự xem là bậc A-la-hán. Nay chúng ta mới thật sự là sa-môn. Nay chúng ta mới thật sự là bà-la-môn. Nay chúng ta mới thật sự là A-la-hán! Bạch Thế Tôn! Đây là pháp truyền thống thứ sáu của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Isidatta và Purāṇa là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của đệ tử, đi xe của đệ tử, sinh sống do đệ

tử cho, và chính đệ tử đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kỉnh đối với đệ tử như họ đã hạ mình, cung kỉnh đối với Thế Tôn. Thuở nọ, bạch Thế Tôn! Trong khi hành quân chống với đội quân đối nghịch, và muốn thử thách Isidatta và Purāṇa, hai quan giữ ngựa, đệ tử đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn! Hai quan giữ ngựa, Isidatta và Purāṇa, sau khi cùng nhau đàm luận về chánh pháp hơn nửa đêm rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ thì hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở, còn chân của họ lại hướng về chỗ đệ tử nằm. Bạch Thế Tôn! Đệ tử suy nghĩ như sau: Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Hai quan giữ ngựa Isidatta và Purāṇa này ăn cơm của đệ tử, đi xe của đệ tử, sự sinh sống do đệ tử cho, và chính đệ tử đem danh vọng đến cho họ. Nhưng họ không hạ mình, cung kỉnh đối với đệ như họ đã hạ mình, cung kỉnh đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lý của Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự... Bạch Thế Tôn! Đấy là pháp truyền thống thứ bảy của đệ tử đối với Thế Tôn.

Còn nữa, bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuộc dòng sát-đế-lỵ, đệ tử cũng thuộc dòng sát-đế-lỵ. Thế Tôn là người nước Kosala, đệ tử cũng thuộc người nước Kosala. Thế Tôn được tám mươi tuổi[1], đệ tử cũng được tám mươi tuổi. Cho dù

[1] Đây là theo kinh Dhammacetiya – Trung bộ. Nhưng theo tôi, thời điểm này, với số tuổi tám mươi e không đúng. Vì rằng, sau đó, đức vua bị tiếm quyền rồi mất ngoài cổng thành kinh đô Rājagaha. Quan nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tôn Vidūḍabha lên làm vua. Sau khi làm vua Kosala, Vidūḍabha ba lần dẫn binh muốn tiêu diệt dòng Sākya nhưng đều bị đức Phật ngăn cản. Cho đến lần thứ tư, đức Phật mới để tự nhiên cho nhân quả làm việc. Diệt xong dòng Sākya, trên đường dẫn quân về, Vidūḍabha, chu tướng, binh linh bị dòng nước lũ cuốn chết. Thời gian trải qua những biến cố này, tối thiểu cũng trải qua hơn một năm đến một năm rưởi. Còn nữa, còn thời gian hai vị thượng thủ giáo hội Niết-bàn, thời gian diễn tiến cả bộ kinh Đại bát Niết-bàn nữa... Do vậy, theo người biên soạn, số tuổi lúc này của đức Phật và đức vua Kosala chỉ mới 77, 78 - chừng hạ thứ 42 – 43 là hợp lý hơn chăng?

Thế Tôn và đệ tử có ba điểm giống nhau như vậy, nhưng Thế Tôn lại là bậc Chánh Đẳng Giác, còn đệ tử chỉ là một con người phàm còn rất nhiều lầm lỗi, còn rất nhiều bụi cát trong mắt – nên đệ tử sẵn sàng hạ mình tột bực và biểu lộ sự quý kính tột bực đối với Thế Tôn – cũng phù hợp pháp và luật vậy! Bạch Thế Tôn! Nay đệ tử phải đi, đệ tử có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm!

Đưa đôi mắt bi mẫn nhìn đức vua, đức Phật nói:

- Đại vương hãy làm những gì mà đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pāsenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Đạo Sư, thân phía hữu hướng về ngài rồi ra đi.

Nhìn vị cao sang vương giả đầu trần, chân đất, đến một thị trấn xa xôi, hạ mình tột bực, cung kính tột bực hết lời tán thán những "pháp truyền thống", sau đó nhẹ nhàng từ giã, không hề thỉnh cầu điều gì cho riêng mình cả - đức Phật do biết rất nhiều việc nên ngài nghĩ thầm: "Nếu vị đại vương này mang theo tri kiến chơn chánh với những pháp được gọi là truyền thống này mà ra đi – thì nghiệp ác sát hại kẻ trung thần kia sẽ không chạy theo kịp mà trổ quả đâu!"

Hai vị tôn giả Mahā-Moggallāna và Upāli ở bên cạnh, do có nhiều thắng trí nên họ cũng có đồng ý nghĩ như đức Thế Tôn. Chuyện xảy ra sẽ phải xảy ra.

"Cái Thấy Sự Thực"
Hóa Giải Hận Thù

Nhìn chiếc bóng đầu trần, chân đất của đức vua Pāsenadi vừa khuất sau những hàng cây, rồi nhìn vào đế bào, mũ miện, hốt, hia... cùng ấn kiếm quốc bảo đế quyền trên tay mình, quan tân đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa chợt động tâm: "Đây quả là trời, đất, thánh, thần muốn bàn giao đế quyền lại cho ta đây? Hay là do uy linh hiển hách của hương hồn bá phụ Bandhula xui khiến mà nên? Ta đâu cần phải âm mưu chiếm đoạt? Cờ đến tay là ta phất thôi!" Niềm vui vừa thoáng qua, một ý nghĩ khác lại nẩy sanh: "Không được! Không được! Dầu sao, nếu ta làm vua thì danh bất chánh, ngôn bất thuận, ta gặp phải cả một thế lực hoàng gia chống đối. Ta đang thân đơn, thế cô. Phải nên khôn ngoan, sáng suốt hơn một tí mới được! Hãy để cho thằng ranh con Viḍūḍabha làm vua và ta sẽ nắm toàn bộ binh quyền, binh lực, ta sẽ sai khiến tên này như một con rối!"

Nói là làm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa cho thỉnh mời Viḍūḍabha ra xa ngoài rừng cây, trao toàn bộ ấn kiếm đế quyền cho thái tử, rồi đột ngột, ông quỳ xuống, hô lớn:

- Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn tuế! Đại vương vạn vạn tuế!

Thế là quân lính hộ giá tháp tùng đành phải hô theo!

Đối với Viḍūḍabha lại bất ngờ hơn nữa, tự dưng lại được đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa tấn phong làm vua, ngoài cả mơ ước, ông ta cũng chẳng cần khách sáo đưa đẩy làm gì nữa.

Lễ đăng quang vương vị được thực hiện ngay tại chỗ, chỉ đơn giản là bá cáo trời đất cùng với lời nguyện mang đến vinh quang, giàu mạnh và hùng cường cho đất nước Kosala!

Chỉ để lại hai con ngựa già yếu và một thị nữ trung niên cho đức vua Pāsenadi, tân vương Viḍūḍabha và đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa dẫn toàn bộ quân lính tùy tùng tức tốc trở lại kinh đô Sāvatthi. Họ bàn với nhau là sẽ tổ chức một lễ đăng quang cho hoành tráng, phải mời tất cả vị vua chư hầu, bố cáo cho tất cả thiên hạ cùng được biết. Trong thâm tâm, đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa nghĩ rằng: "Phải làm vậy để trả thù, nhưng dẫu sao, đây là cuộc trả thù không đổ máu! Ta đã trả được mối đại thù rồi!"

Trong lúc đó, khi đức vua Pāsenadi bước ra rừng thì xung quanh đều quạnh vắng. Dưới gốc cây chỉ còn một thị nữ và hai con ngựa.

Không hỏi lý do, đức vua cũng đã biết chuyện gì xảy ra, ông cất giọng trầm tĩnh:

- Là việc làm của ai?

- Đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa, tâu đại vương!

- Rồi sau đó?

- Ông ta trao ấn kiếm cho thái tử Viḍūḍabha rồi tôn phong lên ngôi vương ngay tại chỗ!

Ngẫm nghĩ một lát, đức vua suy nghĩ: "Dīgha-Kārāyaṇa trả mối đại thù đây mà! Bây giờ ta không còn gì nữa cả. Chỉ có cách duy nhất là đến Rājagaha, mượn quân binh của Ajātasattu, về Savatthi để lấy lại quốc độ mà thôi!"

Thế rồi, họ lên đường, không hành lý, không lương thực, không cả nước uống. Từ thị trấn Medataḷumpa của vương

quốc Sākya, đức vua quay ngựa trở lại Koliya, sang Malla, qua lãnh thổ các nước liên bang cộng hòa Videha, Moriya... rồi xuống Vesāli, vượt sông Gaṇgā... Là một đấng quân vương uy danh hiển hách, thọ hưởng ngũ dục tối thượng, thế mà trong thoáng chốc trở thành kẻ lữ hành mình trần thân trụi, ngủ đường, ngủ rừng, không màn che trên đầu, không một tấm lót dưới thân. May nhờ người thị nữ có chút tư trang nên cô đã bán dần để mua thức ăn trên dặm đường thiên lý. Đức vua bây giờ đã bảy mươi bảy tuổi, thân thể suy kiệt già lão, đã mòn khô sinh lực, không chịu đựng được nắng mưa, sương gió nên khi đến cổng thành ngoài kinh thành Rājagaha, người ông lên cơn sốt, chợt nóng như lò lửa, chợt lạnh như giá băng. Nhìn dãy tường đá cao, dày, kiên cố bao quanh triền núi, ông thở dài:

- Ta sức cùng lực kiệt rồi!

Người thị nữ trấn an:

- Còn có thị nữ đây, tâu đại vương!

Nói thế xong, cô xuống ngựa, dẫn ngựa của mình cùng ngựa của đức vua từng bước một tiến vào cổng thành trong. Nhưng đến đây trời đã quá khuya, nhìn các vọng gác, đuốc thì sáng nhưng không thấy quân canh, cửa thành đóng chặt, ông biết, giờ này là "nội bất xuất, ngoại bất nhập".

Đêm ấy, đức vua và thị nữ nằm nghỉ tạm trên nền đất của một lưu xá dành cho khách bộ hành, đợi sáng ngày vào cung. Nhưng mặt trời lên đã lâu, thấy vua không động tịnh, rời chỗ nằm đến xem thì hóa ra ông đã qua đời! Nghĩ đến thân thế của một đấng quân vương, chúa thiên hạ, oai trùm thiên hạ, mà bỗng chốc, lại nằm chết trên nền đất bụi, cô quạnh, lạnh lùng – cô thị nữ khóc thương, vật vã, đấm ngực, vò đầu, than trời, trách đất... rất là thê lương.

Một vài người đi ngang nghe thấy, rồi thị vệ trên cổng thành biết được cái chết thê thảm của đức vua Pāsenadi, không mấy chốc đến tai đức vua Ajātasattu.

Tức tốc cùng một vài thị vệ lên ngựa đến nơi, thấy thảm trạng của người quá cố, đức vua Ajātasattu chạy tới, ôm cái xác lạnh mà khóc ròng. Chưa nói đến sự liên hệ bên mẹ, chưa nói đến sự liên hệ bên vợ mà thái độ đối xử đại lượng trong lần đức vua thất trận, khiến ông vô cùng quý kính, thương cảm và nuối tiếc.

Về triều, đức vua Ajātasattu cho tổ chức đại tang trọng thể như là "đại tang của một quốc vương", rồi mới hỏi cặn kẽ người thị nữ chuyện xảy ra tại thị trấn Medataḷumpa. Cô ta kể lại mọi chi tiết. Biết được thủ phạm chính là đại nguyên soái Dīgha-Kārāyaṇa và kẻ tòng phạm vui mừng nhận ấn kiếm, mặc nhiên tiếm đế vị là thái tử Viḍūḍabha - đức vua họp triều thần, tuyên bố cử đại hùng binh trừng phạt kẻ phản nghịch!

Nghĩ đến ân đức của đức vua Kosala đối với Māgadha trong lần bại trận năm trước, các quan đại thần ai ai cũng bừng bừng tức giận, đồng ý cử binh với khí thế như trời nghiêng, đất sập để hỏi tội kẻ đã gây ra cái chết bi thương...

Trong đám đại thần có một người im lặng, thần sắc an bình như mặt nước, không bị xao động bởi cái lao xao ở xung quanh, đấy là thần y Jīvaka. Cũng như mọi lần, đức vua trông thấy, bèn hỏi:

- Này Jīvaka! Ý kiến ông thế nào, hãy cho ta biết!

- Thần không có ý kiến, tâu đại vương!

- Vậy thì thái độ, hành động? Ta nên có thái độ, hành động ra ra sao?

- Thần cũng không có thái độ, hành động – mà chỉ "thấy sự việc như thật". Còn thái độ, hành động là ở nơi đại vương, tùy thuộc nơi đại vương.

Biết vị thần y này tâm bình, hạnh trực, thấy biết giáo pháp rất sâu xa – nên đức vua thở một vài hơi thở cho khí huyết an bình rồi ôn tồn cất tiếng hỏi:

- Cái "thấy sự việc như thực" ấy là như thế nào, này Jīvaka?

Câu chuyện "lạ lùng" của hai vị lôi cuốn mọi người lắng nghe, làm cho không gian triều đường đột ngột lắng xuống, rất yên lặng.

- Cái sự thật thứ nhất, tâu đại vương! Là sự thật về nhân, về quả. Nếu đức vua Kosala không giết oan đại nguyên soái Bandhula cùng ba mươi hai viên tướng con cháu của ông ta thì sẽ không xảy ra cái quả báo oán thù hôm nay!

Đức vua chau mày, nhưng lại gật đầu:

- Đúng vậy! Đó là một sự thực.

- Cái sự thât thứ hai, tâu đại vương! Là sự thật về can qua, về chém giết... chắc hẳn sẽ có hằng trăm, hằng ngàn kẻ vô tội phải bị đầu rơi, máu chảy, đứt lìa mạng sống. Rồi gia đình, rồi cha mẹ, rồi vợ, rồi con những người bị chết trận ấy sẽ ra sao? Tất thảy những giọt nước mắt đau thương ấy có thể đổ đầy một lu nước, hai lu nước, một hồ nước, tâu đại vương!

Đức vua thở dài:

- Đúng vậy! Cái đau thương và nước mắt ấy cũng là sự thực liên hệ.

Giọng Jīvaka vẫn đều đều:

- Cái sự thật thứ ba, tâu đại vương! Là sự thật cạn kiệt các kho lẫm lương thực, thực phẩm của vương triều. Tuy nhiên, vẫn phải nuôi binh, phải mua lại số thóc lúa của dân, rồi thuế má các loại lại lên cao để bù vào ngân sách thiếu hụt, rồi dân lại thêm một lần nghèo đói, rồi đại vương lại phải thao thức, trăn trở kế sách làm sao cho dân được ăn no, mặc ấm, tâu đại vương!

- Phải! Phải! Không sai được!

- Cái sự thực thứ tư, tâu đại vương! Là sự thực, dẫu xuất thân mẹ là nô lệ, nhưng Viḍūḍabha là cháu ngoại của đức vua Mahānāma, cùng dòng dõi Sākya với đức Thế Tôn! Cái

sự thực thứ năm, tâu đại vương! Là đại vương quyết định sự việc bởi cảm tính sân nộ nhất thời chứ không phải là bởi tâm bình, khí hòa! Bậc trí với tâm bình, khí hòa sẽ có chiến lược, kế sách dài lâu hơn. Ấy là đem lại an bình và thịnh vượng không chỉ cho một nước, mà cả cho châu Diêm-phù-đề như chư vị Chuyển luân Thánh vương xưa thường thực hiện...

Đến ngang đây, đức vua chợt xua xua tay:

- Thôi, ông đừng nói nữa! Chỉ một sự thực trong năm sự thực mà ông vừa nêu, ta đã biết là ta phải làm gì rồi.

Jīvaka hoan hỷ nói:

- Vì đại vương là bậc trí! Cảm ơn đại vương!

Đức vua Ajātasattu sắc mặt đã khoan hòa:

- Chỉ có hiểu biết và trái tim từ ái, cảm thông mới hóa giải được oán thù! Này Jīvaka! Thay vì cử quân chinh phạt, nay ta cử một phái đoàn sứ giả sang Kosala với lễ phẩm chúc mừng tân vương, bang giao hòa hiếu giữa hai quốc độ, ông thấy có được không? Đấy có phải là "sự thực" tốt đẹp chăng?

Cả triều phòng vang rền như sấm dậy:

- Đấy là sự thực tuyệt vời!

- Tuyệt vời! Đại đại tuyệt vời!

- Minh quân vạn tuế! Minh quân vạn vạn tuế!

Riêng đức vua Ajātasattu thì thì thầm trong lòng: "Đệ tử tri ân đức Thế Tôn đã ban cho sự sáng suốt qua vị thần y cư sĩ thầm lặng, minh triết này!"

Riêng thần y thì suy nghĩ: "Ta an tâm rồi. Thứ nhất là y đã biết nghe lời phải. Thứ hai là y đã cải hối tùng thiện thật sự rồi. Việc hộ trì Tam Bảo trong mai hậu, xem ra y sẽ biết noi gương tiên đế đấy!"

Ngọn Lửa Thù

Đăng quang tức vị chưa được bao lâu, vua Viḍūḍabha, con bà Vāsabhakkhattiyā chợt nghĩ đến mối hận xưa nên khí huyết như sôi trào trong huyết quản. Ông ức hận dòng tộc Sākya đã khinh khi, sỉ nhục mình hồi còn nhỏ.

Thuở ấy, lúc bảy tám tuổi, nô đùa vui chơi với lũ trẻ hoàng gia trong nội cung, có lần Viḍūḍabha trông thấy chúng đứa nào cũng có những đồ chơi xinh xinh như con voi đi, con ngựa nhảy, con vụ quay, con rối múa... Khi Viḍūḍabha hỏi những thứ đó ở đâu vậy thì chúng đáp:

- Cái này, bà ngoại tao mừng ngày sinh của tao.

- Cái này thì quà của ông ngoại tao gởi cho...

Về đến nội cung, Viḍūḍabha buồn bã chẳng thiết ăn uống. Thương con, bà Vāsabhakkhattiyā vặn hỏi lý do mới biết là vì không có quà như chúng bạn.

Nó hỏi:

- Mẹ! Ông ngoại, bà ngoại của con ở đâu?

- Ông ngoại của con là vua nước Sākya, dòng dõi Sākya kinh thành Kapilavatthu đó con!

- Hãy cho con đi thăm ông vua ngoại nghe mẹ!

- Xa lắm con à! Con đi không nổi đâu!

Dầu Viḍūḍabha năn nỉ thế nào, bà cũng không thể cho trẻ đi được. Dẫu là công chúa, hơn ai hết, bà biết thân phận có dòng máu nô lệ của mình. Bà nghĩ: "Nếu Viḍūḍabha sang bên đó, một sơ suất nhỏ, những viên tùy tướng đi theo mà biết rõ gốc gác nô lệ ấy thì nguy hại như thế nào! Dòng dõi Sākya vốn kiêu ngạo với tập cấp sát-đế-lỵ cao sang, nên thuở xưa, họ cũng đã chẳng từng khinh miệt mẹ ta đó sao! Họ không coi ta ra gì thì con ta họ cũng chỉ xem như là miếng giẻ chùi chân! Bao nhiêu năm ta giấu biệt tung tích gốc gác, mà cha ta, đức vua Mahānāma cũng vậy. Đại vương Kosala mà biết chuyện ấy thì ông sẽ phẫn nộ lôi đình, giáng đại họa cho Kapilavatthu không sai!"

Tuy nhiên, thấy con khóc ngày, khóc đêm, đòi hoài, đòi hủy, chẳng biết sao hơn, bà Vāsabhakkhattiyā biên một lá thư mật, cho vị quan thân tín, cấp tốc phi mã mang sang trình lên đức vua Mahānāma, với nội dung: "Thưa phụ hoàng! Con vẫn khỏe, an bình và vô sự. Chúc cha mẹ sống lâu muôn tuổi. Bé Viḍūḍabha cứ đòi thăm quê ngoại, ngăn cản mãi không được. Mong phụ hoàng quan tâm thu xếp yên ổn việc này. Bé Viḍūḍabha hoặc tùy tướng theo hầu mà biết gốc gác của con và mẹ con – thì đại họa cho cả đất nước Sākya. Lạy cha mẹ trăm lạy với nước mắt tuôn rơi".

Đọc thư xong, đức vua Mahānāma rưng lệ, ông thương con, thương cả thân phận nô lệ của con. "Ôi! Nó rất thầm lặng, và nó rất hiền thục. Đức Thế Tôn từng dạy rằng, người tốt, kẻ xấu là do hành nghiệp của họ, không liên hệ gì đến dòng máu và giai cấp". Ông thở dài, lắc đầu ngao ngán cho cái cổ lệ truyền thống cay nghiệt. Và bây giờ, ông chờ đợi chuyện gì sẽ xẩy ra. Cái gốc của vấn đề là sự cao ngạo quá đáng của dòng dõi hoàng gia Sākya này, nhưng ông là kẻ gánh chịu.

Sự việc nó nhỏ mà không phải nhỏ nên ông phải họp kín với một số vị trưởng lão trong thân tộc, xin mọi người phải

giấu kín chuyện xưa, chuyện đã rồi! Họ hiểu. Tuy nhiên, "chuyện kín" kia cả hoàng tộc đều biết, và họ đã âm thầm cho tất cả những người có vai vế nhỏ hơn đều vắng mặt trong ngày đón tiếp trẻ Viḍūḍabha cùng tùy tướng và thuộc hạ theo hầu.

Tiểu hoàng tử Viḍūḍabha được ông bà ngoại đón tiếp rất nồng ấm, sự thương yêu và trìu mến ấy làm ấm áp trái tim của trẻ không biết bao nhiêu. Khi tiểu hoàng tử được người dẫn đi thăm chư vị trưởng thượng và bà con thân quyến trong hoàng tộc thì mọi người ai cũng rất trân trọng, niềm nở; ở đâu cũng được đãi đằng trân tu, mỹ vị và rất nhiều quà tặng. Tuy nhiên, bên ngoài thì vui mà trong lòng trẻ rất hậm hực. Vì gặp ai, già cả, trung niên, thanh niên, thiếu niên, thậm chí dù bé lên ba, lên bốn – "vai vế" họ cũng đều lớn hơn tiểu hoàng tử cả, nên Viḍūḍabha phải cúi đầu thưa chào, mỏi cả miệng, mỏi cả tay, mỏi cả cổ!

Chuyện ấy, tiểu hoàng tử giấu kín trong lòng, về trở lại cố cung, Viḍūḍabha mới thắc mắc hỏi mẹ. Bà Vāsabhakkhattiyā hiểu cái gì xẩy ra, hiểu cái cao ngạo, trịch thượng đã thâm căn cố đế trong dòng máu của họ nhưng chỉ cười xòa và đáp cho qua chuyện: "Vì con còn nhỏ thật mà!"

Nhỏ vốn chóng quên nên cũng yên.

Khi hoàng tử Viḍūḍabha được mười sáu tuổi, do trẻ thông minh, trí tài, và cũng do sự đòi hỏi của tập tục vương triều, nên Viḍūḍabha được vua cha tấn phong thái tử. Và bà Vāsabhakkhattiyā nghiễm nhiên được lên ngôi hoàng hậu.

Một năm sau, thái tử lại xin phép về thăm quê ngoại. Lần này, do vai vế là một thái tử của một đại cường nên vua chư hầu phải cung đón trọng thị hơn. Cả triều đình Sākya nghinh rước với nghi vệ rất phải phép. Nhưng khi về cung với ông bà ngoại, thái tử mới thật sự thấy được sự thân thuộc và yên bình. Hôm sau, khi ghé thăm bà con quyến thuộc hoàng gia, dĩ nhiên là khác với cung cách xã giao tại

vương triều, thái tử lại phải thưa chào tất cả mọi người y như hồi còn trẻ.

Lần này, do đã hiểu biết, có nhận thức nên thái tử đọc được trong tiếng cười của họ, ánh mắt của họ, thái độ của họ có cái gì đó gượng gạo không thật. Thái tử biết nhưng chỉ để bụng mà thôi, tạo sự bất hòa trong lúc này không tốt.

Buổi tiệc tiễn đưa rất trọng hậu, không có gì đáng phàn nàn, chê trách, thái tử chào mọi người từ biệt. Xe ngựa đi một đỗi đường, có viên tùy tướng quên thanh kiếm báu, trở lại phòng khánh tiết. Các thị nữ của hoàng gia đang quét dọn đó đây. Vừa đứng nơi ngưỡng cửa, viên tùy tướng thấy một thị nữ đang lấy sữa tươi để rửa cẩm đôn, chỗ thái tử Viḍūḍabha ngồi; cô ta vừa rửa vừa mắng to lên rằng: "Đây là chỗ ngồi của con trai bà nô lệ đây! Quả thật là gớm ghiếc!" Viên tùy tướng bình tĩnh, bước vào lấy thanh kiếm của mình xong, ôn tồn cất tiếng hỏi: "Cô nương lầm chăng? Đây là chỗ ngồi của thái tử Viḍūḍabha cao quý của chúng tôi mà!" Cô thị nữ tên là Kapilā - bèn nhỏ giọng, nói như thầm thì: "Tướng quân không biết cũng phải, bà Vāsabhakkhattiyā quả thật là công chúa ở đây, được hầu khăn áo cho đại vương Kosala, nhưng bà ta vốn là con một nữ nô lệ, vợ lẽ của đức vua Mahānāma của chúng tôi đấy!" Viên tùy tướng nghe chuyện động trời, y lại không kín miệng, nên câu chuyện sau đó lan tràn, sinh ra bàn tán xầm xì trong giới cấp tướng sĩ cũng như binh lính. Thái tử nghe được, máu sôi trào trong cổ họng, đôi mắt long lên như lửa cháy, ông nghiến răng ken két: "Được rồi! Được rồi! Chúng nó dám lấy sữa tươi để rửa chỗ ngồi của ta – thì sau này, ta sẽ lấy máu của chúng để rửa chân vậy!"

Lời Của Bậc Trí

Đức vua Pāsenadi nghe được cũng nổi trận lôi đình, quát lớn: "Giỏi thay cái dòng Sākya ngạo mạn, dám đánh tráo con một nữ nô lệ làm công chúa để bán gả cho ta. Vậy chúng có coi ta ra cái thá gì đâu!"

Hôm sau, việc đầu tiên, đức vua xuống chiếu phế truất ngôi vị hoàng hậu của bà Vāsabhakkhattiyā và phế truất luôn ngôi vị thái tử của Viḍūḍabha. Việc thứ hai, là do không dằn được khí tức của mình, ông ra lệnh chuẩn bị binh mã để hỏi tội đức vua Mahānāma và triều đình Sākya. Tuy nhiên, khi vừa ngồi lên con vương tượng, chợt dưng, đức vua nghĩ đến đức Phật. Rồi sau một hồi đăm chiêu, thay vì xuất quân, đức vua lại ghé Kỳ Viên tịnh xá với một ít quân hộ giá.

Đức Phật đã biết chuyện gì, ngài tiếp đức vua một cách thân tình tại hương phòng. Đức vua Pāsenadi bình tĩnh kể lại mọi chuyện cho đức Phật nghe rồi xin ngài một lời khuyên!

Đức Phật nhập đề:

- Khá khen cho đại vương đã rất trầm tĩnh khi ghé thăm Như Lai. Sự sáng suốt của một bậc minh quân rất cần thiết trước bất kỳ một tình huống khó xử nào, trước bất kỳ một

quyết định trọng đại nào – vì nó liên hệ đến mạng sống con người!

- Tri ân Thế Tôn!

Rồi đức Phật ôn tồn nói:

- Việc này rất oan uổng cho họ, tâu đại vương! Cô gái Vāsabhakkhattiyā trước khi bán gả cho đại vương đã được triều đình Sākya chuẩn phong là công chúa, chứ không phải mạo danh công chúa đâu. Như Lai xác nhận sự thực này!

Đức vua nhè nhẹ gật đầu:

- Thế Tôn đã xác nhận sự thực thì việc kia đúng là sự thực rồi. Nhưng còn việc khác, việc thứ hai, Vāsabhakkhattiyā vẫn là con gái của Mahānāma với nữ nô lệ Nāgamuṇḍā[1], giai cấp hạ tiện – thì sao, thưa Thế Tôn! Họ đã coi thường trẫm một cách quá đáng!

Đức Phật không trả lời câu hỏi, mà lại đặt câu hỏi:

- Một nữ nô lệ lấy một nam sát-đế-lỵ, sau đó, con trai, con gái được sinh ra, theo pháp luật của đại vương thì chúng là sát-đế-lỵ hay là nô lệ, tâu đại vương?

- Là sát-đế-lỵ, vì bao giờ cũng lấy họ trai!

- Vậy là đại vương đã tự trả lời – Đã tự trả lời rằng, công chúa Vāsabhakkhattiyā trước khi về hầu đại vương thì cô ta đã là một nữ sát-đế-lỵ rồi – do từ dòng máu sát-đế-lỵ của đức vua Mahānāma, dù bà mẹ Nāgamuṇḍā là nữ nô lệ.

Đức vua Pāsenadi nín họng, không mở miệng được trước lý luận chặt chẽ của đức Phật.

Ngài còn nói tiếp:

- Nếu Vāsabhakkhattiyā là một nữ sát-đế-lỵ, đại vương là chúa của sát-đế-lỵ, một hoàng nam được sanh ra - thì rõ ràng Viḍūḍabha là một sát-đế-lỵ chính thống rồi!

Đức vua lại phải nín lặng nữa.

Đức Phật vẫn chưa chịu dừng:

---

[1] Xem Dictionary of pāḷi proper names, trang 972, quyển 2.

- Thuở xưa có một vị đại vương oai danh hiển hách, thương yêu một thiếu nữ bần hàn, một cô gái rách rưới hằng đi mót củi khô trên núi; ông ta thản nhiên trước sự phản đối của triều đình, tấn phong cô ta làm hoàng hậu. Từ mối "nghịch duyên" này, họ hạ sanh một trai tuấn tú, phi phàm, về sau, nối ngôi vua và thống trị cả một quốc độ mênh mông, tất thảy chư hầu đều triều phục – tâu đại vương!

- Trẫm rõ rồi, bạch Thế Tôn! Quan trọng nhất, quyết định nhất là dòng máu của vua, trẫm hiểu rồi!

Đức Phật mỉm cười:

- Còn nữa, tâu đại vương! Người mà đại vương thương yêu nhất, nể trọng nhất hiện nay, thuộc giai cấp thủ-đà-la; vậy nếu một tiểu hoàng tử, một tiểu công chúa được sinh ra, chẳng lẽ lại không mang dòng máu của đại vương? Đại vương giả vờ quên hay sao đó chứ?

Thật không còn lời nào để nói nữa, đức vua nghĩ: "Ồ, hậu của ta, Mallikā, con của người làm tràng hoa, là giai cấp thủ-đà-la mà! Tại sao ta lại tối tăm đến vậy!"

Lạy tạ đức Phật với cái tâm vô cùng tôn kính, đức vua Pāsenadi về triều, xóa bỏ lệnh phế truất, phục lại ngôi vị cho hoàng hậu Vāsabhakkhattiyā và thái tử Viḍūḍabha.

Quả thật là lời của bậc trí giải tan được cả một trận binh đao máu lửa!

Quả Báo Của Devadatta

Bao tháng bao ngày sống trong cô độc, cô quạnh,[1] nhất là bị sự ruồng bỏ, sự sỉ nhục âm thầm của nhiều người, Devadatta cảm nhận thấm thía ác báo như lò lửa đang âm ỉ đốt cháy thân thể và tâm trí của mình. Quả thật là Devadatta đang hối hận, ăn năn, ray rứt không yên.

Tu viện tại sườn núi Gayāsīsa một thời huy hoàng, thạnh mậu, với sự cúng dường hào sảng hàng ngàn xe lương thực, thực phẩm của đức vua Ajātasattu như là giấc mộng đêm qua! Những vị tỳ-khưu có trí tài như Kokalikā, Kaṭamoraka-tissa, Khaṇḍade-viyāputta, Samuddadatta... từ thuở chung tay thành lập giáo hội mới đều đã lần lượt bỏ ông mà đi! Chuyện cảm động nhất là giờ phút cuối cùng của Kokalikā, lúc bệnh hoạn ghẻ lở, người bên cạnh giúp đỡ tận tình, lau rửa mình mẩy hôi hám của ông ta lúc lâm tử, lại là hai vị đại đệ tử của đức Tôn Sư! Ôi! Là tấm lòng của họ!

Hiện giờ đây, tại tu viện hoành tráng, mênh mông, đầy đủ tiện nghi này chỉ còn sót lại năm bảy ông tỳ-khưu thiểu trí, thiểu tài, thiểu hạnh... là còn nương tựa ông, như muốn bòn rút chút mật nhụy cuối cùng của đóa hoa đang rửa tàn phước báu, bởi ông, nhờ ông mà có!

---

[1] Dictionary of pāḷi proper names – nói là chín tháng sau khi hai vị đại đệ tử của Phật đến tu viện Gayāsīsa thuyết pháp thức tỉnh 500 vị tỳ-khưu trở về với Phật, Devadatta tức uất đến thổ huyết.

Ngày nào cũng vậy, trên giường bệnh, câu đầu tiên mà Devadatta cất tiếng hỏi các vị tỳ-khưu còn sót lại quanh ông:

"- Đức Thế Tôn giờ ở đâu, ta muốn đến ôm bàn chân bụi của ngài mà sám hối, các ngươi hãy giúp ta!"

Thế rồi, câu trả lời thường là:

"- Ồ, thưa tôn giả! Đức Phật đang ở xa lắm! Chúng ta không thể đến đó được trên cái cáng, cái võng, khi tôn giả đang nằm bệnh như thế này!"

Lần khác, thì Devadatta, nghe được:

"- Tôn giả còn mơ ngủ ư? Tôn giả đã mưu sâu, kế độc hãm hại đức Thế Tôn, mà bây giờ còn mong đức Thế Tôn xá tội cho, có hão huyền không chứ?"

Devadatta đáp:

"- Các ông mà biết gì! Đức Thế Tôn không phải là con người nhỏ mọn như vậy! Tâm của một bậc Chánh Đẳng Giác, các ông làm sao có thể lấy hạt bụi mà so sánh với ngọn núi Sineru?"

Khi được bọn họ hỏi:

"- Cái tâm ư? Cái tâm ấy như thế nào?"

Thì Devadatta đáp:

"- Cái tâm ấy là mênh mông, là vô lượng, các ông với trí óc hạt cải, không hiểu nổi hư không và biển cả là gì đâu!"

"- Có thể ví dụ cụ thể được chứ?"

"- Ừ! Đức Thế Tôn với tâm đại bi vô lượng. Các ngươi chắc đã biết rồi! Và ta cũng biết rằng, với ta là tên xấu ác, âm mưu sát hại Phật, với tên cướp sát nhân Aṅgulimālā cầm đao rượt Phật, với con voi dữ Dhānapāla[1], với con trai của mình là Rāhula – tâm đại bi của đức Thế Tôn đều bình đẳng ngang nhau, đều tìm cách giúp họ đến nơi an vui hoặc giải thoát khổ đau cả thảy!"

[1] Tên khác của voi - Dhānapālaka "voi giữ gìn của cải" trong câu chuyện đức Phật cảm thắng voi Nālagiri.

Nói thế xong, Devadatta tóm tắt câu nói trên bằng bài kệ:

"- Vadhake devadattaṃhi
Core aṅgulimālake
Dhānapāle rahule ca
Sabbattha samamānato".

Năn nỉ cả hằng chục lần dìu đến gặp đức Phật để sám hối đều bị nhóm tỳ-khưu từ chối, nhưng đến khi Devadatta đọc xong câu kệ thì họ liền động tâm, đặt ông ta lên chiếc giường tre rồi khiêng ông lên đường.

Ngàn dặm nhiêu khê, sông núi chập chùng, họ đã không nệ hà gian khổ, thay nhau cõng chiếc giường tre, mang ông tỳ-khưu một thuở đội đá vá trời, thương luân bại lý, bây giờ chi còn cái xác khô, thoi thóp thở. Nghe đức Phật đang ở Đông Phương lộc mẫu hoặc Kỳ Viên tịnh xá gì đó, thế là họ nhắm hướng tây bắc, nước Kosala, kinh thành Sāvatthi ngày đêm đội nắng dầm sương, lầm lũi như những bóng ma giữa nghĩa địa.

Cuối cùng, trải qua bao núi bao sông, họ cũng gần đến nơi. Devadatta chưa đến mà chư tỳ-khưu bộ hành đây đó đã biết, họ bạch Phật tâu trình tự sự.

Yên lặng một lát rồi đức Thế Tôn nói:

- Các ông biết không? Kiếp này, trong đời sống hiện tại này, Devadatta không thể gặp Như Lai được.[1]

Cho đến khi được báo là Devadatta đến gần cổng Kỳ Viên rồi, đức Phật vẫn nói:

- Dầu vậy, Devadatta cũng không có cơ hội diện kiến Như Lai được đâu!

Bây giờ thì Devadatta đã vào đến Kỳ Viên, ông ta yêu cầu cho nghỉ ngơi bên hồ nước, ông muốn tắm rửa sạch sẽ trước khi vào lạy đức Thế Tôn để sám hối tội lỗi của mình.

---

[1] Dictionary of pāḷi proper names cũng nói như vậy, trang 1110, quyển 1.

Khi Ānanda bạch Phật với tâm ý tốt của Devadatta thì đức Phật vẫn bảo:

- Nơi đó, nơi chỗ bờ hồ ấy, quả báo ác nghiệp sẽ làm việc với ông ta! Như Lai không cứu được! May ra thì ông ta tự cứu!

Và quả đúng như thế. Khi chiếc giường chạm đất, Devadatta ngồi dậy, thò hai chân xuống đất thì đất tự động lún xuống. Thế là trong lòng đất như có lực hút, nó hút dần dần, hút từ từ, nó nuốt hai chân dần đến đầu gối, nuốt đến thân bụng, đến cằm... Lạ lùng làm sao, là cho đến lúc ấy, Devadatha rất tỉnh táo, ông huy động toàn bộ sức lực, đưa hai cánh tay lên cao, chắp lên trán rồi nói to lên rằng:

- Đức Thế Tôn là bậc đại phước. Đức Thế Tôn là bậc Điều Ngự Trượng Phu. Đức Thế Tôn là bậc Thiên Nhân Sư. Đức Thế Tôn là bậc cao thượng nhất trong ba giới, bốn loài. Đệ tử còn chút xương cốt và hơi thở cuối cùng, xin được nương tựa nơi đức Thế Tôn![1]

Sau khi tán dương đức Phật xong, Devadatta bị rút vào lòng đất sâu thẳm, không còn một dấu vết nào, các bậc có thắng trí cho biết, là ông ta đã tức khắc bị đọa vào địa ngục a-tỳ (acivī). Cả Kỳ Viên, cả tăng chúng đều kinh hoàng.

Sau đó, đức Phật dạy:

- Do ông ta đã biết tự cứu. Trong hơi thở cuối cùng, ông ta đã tự sám, đã tự biết nương nhờ, lại có đức tin trong sạch nên sau khi ở địa ngục một trăm ngàn đại kiếp, cuối cùng, ông ta cũng thành tựu quả vị Phật Độc Giác với tên hiệu là Aṭṭhisara!

---

[1] Dịch thoát ý từ bài kệ: "- Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ. Devātidevaṃ naradammasārathini. Samantacakkhuṃ. satapuññalakkhaṇaṃ. Pānehi buddhaṃ saranaṃ upemi!"

Dòng Sākya Tiêu Vong

Sau khi đã chuẩn bị xong lương thực, tướng tráng, binh hùng, voi ngựa sung sức, khỏe khoắn nhất, đức vua Viḍūḍabha thân chinh dẫn đại quân rầm rộ nhắm hướng kinh thành Kapilavatthu trực chỉ. Voi ngựa đi rung rinh như địa chấn. Quân lính đi phăng phăng như gió bão.

Bao nhiêu năm với mối hận trong lòng, và lời thề "lấy máu của dòng tộc Sākya để rửa chân" như mải còn văng vẳng bên tai của mình, đức vua Viḍūḍabha thúc hối đại quân tiến nhanh cho bọn địch không kịp trở tay. Ông lẩm bẩm: "Phải đánh mạnh như chẻ tre. Phải đột ngột tập kích như trên trời rơi xuống!"

Đức Phật cứ nấn ná mãi tại thị trấn Medataḷumpa, thuộc quốc độ Sākya mà chưa chịu rời chân đi, nhiều vị tỳ-khưu không hiểu lý do tại sao. Riêng chư tôn giả có thắng trí thì tường tận nguồn cơn sự việc hơn. Chuyện đức vua Pāsenadi và cái chết bi thương của ông, đức Phật biết; và ngài lại khá an tâm trong cuộc hội thoại cuối cùng của đức vua về cái gọi là "pháp truyền thống" đã ăn sâu vào tâm trí ông.

Mấy hôm sau, trời đang nắng nóng, đại quân của Viḍūḍabha đã đến biên giới hai nước, ông chậm rãi xuống voi nghỉ ngơi giây lát dưới một cội đa to, tàn nhánh rậm rạp,

xanh um mát mẻ. Một vị tướng từ xa bước lại, tâu báo với Viḍūḍabha là có đức Phật ngồi bên kia biên giới, dưới một cội cây cành lá thưa thớt. Viḍūḍabha vốn rất tôn kính đức Phật, nhất là sau khi nghe vài lời của ngài, đức vua Pāsenadi đã vội cho phục chức ngôi vị của hoàng hậu và của thái tử.

Vội vã bước sang biên giới thuộc địa phận Kapilavatthu, đức vua Viḍūḍabha thành kính đảnh lễ đức Phật rồi thưa rằng:

- Trời nắng to như thế này, sao đức Thế Tôn không qua bên kia biên giới, ngồi dưới bóng cây râm mát, mà lại ngồi ở chỗ trơ trọi, trống không trên đầu như thế này?

Đức Phật trang nghiêm đáp:

- Bóng râm của cây lá, không mát mẻ đâu, tâu đại vương!

- Trẫm không hiểu!

- Phải! Đại vương phải suy nghĩ mới hiểu được! "Bóng râm của thân tộc" mới thật sự là mát mẻ, tâu đại vương!

Nghe câu "bóng râm của thân tộc", đức vua hiểu ngay: "Đức Thế Tôn là dòng dõi Sākya, ngay chúa của dòng dõi Sākya anh hùng, ông ngoại ta, cũng phải ôm hôn chân bụi của ngài!" Nghĩ thế xong, Viḍūḍabha thẩn thờ giây lát rồi tức khắc ra lệnh lui quân. Quả vậy, ông là ai mà lại dám tiến quân sang Kapilavatthu khi đức Thế Tôn đã ngồi ở đấy trong "bóng râm của thân tộc, bảo vệ dòng dõi Sākya"?

Về triều chỉ hơn tháng là đức vua lại hậm hực không yên. Do sợ đức Phật nên ông cho quân thám báo dò la để biết ngài đang ở đâu. Hôm nọ, khi hay tin đức Phật đã trở về Kỳ Viên tịnh xá rồi, mừng quá, Viḍūḍabha lại dẫn đại quân đi. Đến biên giới, quân tiền trạm báo là đức Phật vẫn ngồi ở cội cây cũ, thế là Viḍūḍabha lại lủi thủi dẫn quân về. Rồi mấy tháng sau, lần thứ ba, cũng vậy.

Kiên nhẫn đến lần thứ tư thì không còn thấy đức Phật dưới cội cây trơ trọi ngán đường họ nữa, Viḍūḍabha vui mừng, tiến quân như vũ bão.

Sở dĩ đức Phật không ngăn cản, bảo vệ cho Sākya nữa, là vì ngài biết, cộng nghiệp của dòng tộc Sākya sắp tận tuyệt rồi. Mọi hỗ trợ của thiện nghiệp, duy trì đời sống của họ bây giờ đã đến hồi yếu ớt, không còn phát huy năng lực, dẫu là chút ít. Họ gây nhân, bây giờ cái quả đã chín muồi. Thuở xưa, một kiếp nọ, cả dòng tộc Sākya sinh sống tại một ngôi làng chài, do tham lam thu nhập, họ đã đồng tâm hiệp sức cả già trẻ nam nữ cùng bỏ thuốc độc cả một dòng sông, thế là cá mẹ, cá con, cá to, cá nhỏ chết nổi lềnh bềnh trắng hếu cả mặt nước. Do ác nghiệp ấy nên mối hận thù của Viḍūḍabha chỉ như là sứ giả của quả báo đến đòi lại sinh mệnh mà thôi!

Đức vua Viḍūḍabha không gặp một lực cản nào, từ biên giới cũng như đến gần kinh thành. Hoàng tộc Sākya đã biết tin từ lâu, và họ cũng đang cố ý chờ đợi sự diệt vong này! Chuyện cô thị nữ Kapilā lấy sữa rửa chỗ ngồi của Viḍūḍabha là một sự sỉ nhục thái tử quá đáng, cô đã bị đức vua Mahānāma cho cạo đầu và bắt sống đời nô lệ. Tuy nhiên, đức vua Sākya còn suy nghĩ sâu xa hơn. Tại sao những năm tháng trở lại đây, đức Thê Tôn không giảng cho hội chúng con em hoàng gia những pháp cao hơn, lui tới chỉ là những pháp sơ cơ nhân thiên mà thôi? Và tại sao, đức Thế Tôn giảng nói cặn kẽ cả bề rộng, bề sâu về ngũ giới, mà tôn giả Ānanda cũng vậy? Phải chăng, đức Thế Tôn biết cái gì đó sắp xảy ra, và ngũ giới chính là chiếc phao sinh mệnh và phước báu mai hậu cho họ? Và nhờ vậy mà dòng họ Sākya ai cũng giữ giới rất tốt; tướng sĩ, quân lính, thị vệ đều thế cả.

Đại quân của Viḍūḍabha quả thật là hùng hậu, họ bao vây kinh thành mấy lớp, một con chuột cũng không thoát ra ngoài được.

Do quyết tâm tận diệt Sākya để lấy máu rửa chân mình nên Viḍūḍabha cho bắn mấy trăm tên thư vào thành: "Không cho bỏ chạy, không cho đầu hàng; giỏi thì cứ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, mũi tên cuối cùng. Ta sẽ tru diệt Sākya để trả mối hận xưa!"

Viḍūḍabha chờ đợi. Buổi chiều, mấy chục mũi tên thư hồi âm: "Bà ngoại cháu mất rồi, còn ông ngoại đây, ngoại thương cháu vô cùng, cháu muốn giết cả ngoại nữa ư?"

Viḍūḍabha cho tên thư hồi đáp: "Ngoại thì được tha! Nhưng tất thảy Sākya thì diệt hết!"

Đợi thêm một ngày nữa không thấy tin tức gì, Viḍūḍabha phất cờ lệnh tấn công. Thế là voi, ngựa đạp rào, đạp chông gai, bắt thang qua hầm chông, quân lính dậy đất vang trời hô xung phong, tiến đến gần thành. Tuy nhiên, một trận mưa tên kinh hoàng phủ chụp xuống, đội quân tiên phong chững lại. Quyết không lùi bước, Viḍūḍabha cho tiến quân đợt hai, đợt ba, nhưng đều bị bật ngược ra phía sau vì hằng ngàn mũi thần tiễn bắn chính xác mục tiêu nơi thân người, nơi voi, nơi ngựa không hề sai trật.

Viḍūḍabha thật không ngờ sự chống trả mãnh liệt của Sākya, và cái tài thần tiễn bách phát bách trúng của họ. Bây giờ ông mới nhớ đến cái dòng dõi vốn nức tiếng anh hùng từ thời lập quốc, đúng là danh bất hư truyền!

Thấy sự "tổn thất" quá lớn, Viḍūḍabha sợ hãi ra lệnh tạm lui quân. Một viên tướng từ mé gần thành chạy ra, thưa:

- Tại sao đại vương lại cho lui quân?

- Vì ta tổn thất quá lớn!

- Không phải vậy! Tướng lãnh, voi ngựa, binh lính không ai bị thương cả.

- Tại sao?

- Vì tất cả tên đều không có tẩm độc, lại được lấy đi mũi sắc nhọn, ai cũng chỉ bị đau chút ít, sưng tấy đỏ lên mà thôi.

Do giữ ngũ giới tốt, thà mình bị giết chứ không thể giết người, đấy là cái lệnh nhân đức của đức vua Mahānāma. Tuy nhiên, cái tâm nhân đức ấy không làm cho Viḍūḍabha rung động, mà ngược lại, ông càng cho quân tiến lên, vì biết tiến lên cũng không chết.

Thế rồi, cổng thành bị phá, quân của Viḍūḍabha tràn vào như nước vỡ bờ, không còn đội quân nào, mũi tên nào ngăn chặn bước tiến của họ nữa.

Không phải ai trong thành này cũng là Sākya sát-đế-lỵ nên Viḍūḍabha ra lệnh chỉ tìm giết tộc Sākya mà thôi. Thế là một cuộc tàn sát kinh hoàng xảy ra trong lịch sử châu Diêm-phù-đề. Không kể già trẻ lớn bé, hễ xác định qua khí giới, qua trang phục, qua diện mạo, sắc tướng quý tộc là họ giết, chỉ chừa lại các giai cấp khác.

Có một số người thuộc dòng dõi Sākya không cam tâm chịu chết một cách oan uổng nên họ đã dùng mưu, người thì cầm một cọng cỏ, người thì cầm một cành lau.

Biết kinh đô này ai ai cũng có ngũ giới nên không giết người như vừa rồi, quân của Viḍūḍabha khi gặp một người nghi ngờ là họ hỏi, do họ biết chiến sĩ Sākya không nói dối:

- Ngươi có phải là Sākya không?

Nếu là người nắm cọng cỏ thì họ đưa cọng cỏ lên, trả lời:

- Không phải sākya, tôi là cọng cỏ!

Nếu là người cầm cành lau, khi được hỏi, họ trả lời:

- Không phải sākya, tôi là cành lau!

Câu thứ nhất, nguyên văn pāḷi là "Na sāko, tiṇnanti"; câu thứ hai là "Na sāko, naḷoti". Do âm "sāko" na ná như "sākya" nên quân lính Viḍūḍabha dù sao cũng là người nước khác, phát âm hơi khác, cứ tưởng là kẻ kia phủ nhận mình là Sākya nên họ không giết. Thế là có hai nhóm người bảo toàn được mạng sống. Nhóm thứ nhất, nhóm cọng cỏ, sau này được gọi là Cỏ thích-ca (Tiṇasākiya); nhóm thứ hai, sau này

được gọi là Lau thích-ca (Naḷasākiya).[1] Ngoài hai nhóm người này được sống, còn nhóm thứ ba cũng không bị giết đấy là đức vua Mahānāma, con cháu của gia đình và thuộc hạ tùy tùng.[2]

Trận tru diệt ấy, máu đổ khắp nơi, Viḍūḍabha đắc thắng, hể hả dẫm chân lên từng vũng máu – coi như là đã lấy máu Sākya để rửa chân mình; sau đó, đem theo cả đại gia đình, tùy tùng của đức vua Mahānāma rồi rút quân về.

Đại quân dừng chân nghỉ ngơi nơi một vùng sông nước.

Viḍūḍabha quát bảo thị nữ và tùy tùng chuẩn bị một buổi tiệc để ông đãi đằng ông ngoại.

Đức vua Mahānāma tự nghĩ: "Cháu ta vì hận thù mà trở thành kẻ đại ác, nói với nó về đạo lý, về lẽ phải thì chỉ như nước đổ đầu vịt! Ta không cùng chết với những chiến sĩ giữ giới 'thà bị người giết chứ không thể giết người' là ta đã có lỗi với họ. Bữa tiệc mà cháu ta đãi, chỉ như một món 'vinh quang thừa', có lẫn lộn máu của dòng dõi Sākya, nuốt nó thì có khác gì nuốt cục sắt nóng ở địa ngục?" Như đã có lời giải, ông ôn tồn nói với Viḍūḍabha:

- Hãy để cho ta tắm một chút, người lấm láp khó chịu quá!

Thế rồi, ông ra xa ngoài triền sông, lấy tảng đá cột vào búi tóc rồi từ từ đi xuống nước cho đến ngập đầu: Đức vua

---

[1] Chỗ này viết phòng theo Chú giải kinh Pháp cú (q.2, trang 128) của Trưởng lão Pháp Minh – có thay đổi từ "no" ra "na" và thêm dấu phẩy. Thay vì "No sāko tiṇnanti" – thành "Na sāko, tiṇnanti", và "No sāko naḷoti" thành "Na sāko, naḷoti". Người biên soạn rất dè dặt khi sửa như vậy, chưa có thì giờ kiểm chứng. Xin thông cảm.

[2] Theo Sử Phật giáo Ấn Độ, dòng Sākya không tuyệt hẳn. Những người Sākya sống sót, sau quy tụ tại vùng đất có nhiều chim công, nên họ lấy tên là Khổng Tước (Moriya). Do dòng máu anh hùng, bất khuất, tộc Moriya lại đông đúc, phú cường, hùng mạnh; tiên tổ của họ đánh chiếm nhiều lãnh thổ. Đại đế Asoka chính là hậu duệ của Moriya, cũng chính là cháu con nhiều đời của Sākya vậy.

đã tự xử mình cho tâm hồn được yên ổn – vì ông không thể sống chung với kẻ ác![1]

Đợi hoài cả canh giờ không thấy đức vua Mahānām trở lại, Viḍūḍabha nghi là ông ngoại đã tìm cách tẩu thoát rồi, tuy nhiên, ông cũng không bận tâm lắm, ăn vội qua quýt rồi ra lệnh lên đường.

Tối hôm sau, đại quân lại hạ trại bên bờ sông Aciravatī, chia làm hai đội, một đội nghỉ giữa bờ cát, một đội ở trên sườn núi để khi có biến, ứng cứu lẫn nhau. Những người không bị quả báo ác nghiệp, do kiến, do côn trùng, hoặc do khó ngủ, xui khiến họ bỏ bãi cát lên ngủ trên cao. Những người bị quả báo ác nghiệp, cũng do kiến, côn trùng hoặc khó ngủ, xui khiến họ bỏ sườn núi, xuống ngủ giữa bãi cát. Thế rồi, chừng nửa đêm, mây đen mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, cộng với dòng nước cuồn cuộn từ thượng nguồn đổ về. Cả đội quân trong đó có Viḍūḍabha chưa kịp hiểu chuyện gì, chưa kịp bỏ chạy – thì dòng lũ như những con thuồng luồng hung hãn, cuốn phăng tất cả lều trại, người vật, khí giới, vật dụng băng băng về hạ lưu. Chỉ còn những người ở bờ cao, sườn núi thì được sống sót.

Sau này, khi kể lại tích truyện này, chư vị kết tập sư đã ghi lại bài kệ của đức Thế Tôn:

"- Ai còn thu nhặt hoa hương
Đắm si, tham nhiễm bên đường, biết hay?
Tử Thần mang kẻ ấy ngay
Như cơn lũ cuốn ngủ say cả làng!"[2]

Rồi giảng rộng rằng: Cũng tương tự như vậy, tử thần chính là những dòng nước lũ, nó cuốn phăng tất cả chúng

---

[1] Theo Pháp cú chú giải (nt), sau khi đức vua trầm mình dưới nước, Long vương quán thấy nguyên nhân nên cho rước về thủy cung, và ông đã lưu trú ở đây mười hai năm.

[2] Pháp cú 47: "Pupphāni heva pacinantaṃ,byāsattamanasaṃ naraṃ, suttaṃ gāmaṃ mahogho'va, maccu ādāya gacchati".

sanh dầu là phạm thiên, chư thiên, ma quân, vua chúa, người vật... không sót một ai. Tử thần cũng đang cất tiếng gọi báo động cho những ai đang say ngủ, đang với tham vọng quyền lực, công danh, địa vị, tài sản, đang khát khao say đắm ngũ trần, mê luyến hoa hương, phải mau mau tỉnh thức, nếu không, nó sẽ cuốn phăng kẻ ấy đi, nhấn chìm họ xuống biển tứ ác đạo, ngàn đời tối tăm, thống khổ không lối thoát.

Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch

Sau hạ thứ bốn mươi ba[1] của tôn giả Sāriputta tại làng Beḷuvā gần Vesāli, ngài và đại chúng tỳ-khưu về Kỳ Viên tịnh xá để đảnh lễ đức Đạo Sư. Câu chuyện về quả ác báo của Devadatta, đã lan truyền đi khắp nơi, nhiều vị tỳ-khưu phàm tăng tò mò muốn xem tận mắt chỗ đất rút ấy nó như thế nào.

Trải qua bốn mươi lăm do tuần, tôn giả Sāriputta cảm thấy cơ thể rã rời, dường như không còn chút hơi sức nào. Ngài biết rằng, tấm thân này đã như một cỗ xe quá cũ, các trục đã hao mòn, các căm đã lỏng lẻo hoặc hư mục. Rõ ràng đây là lúc phải thời để tính chuyện ra đi!

Thế rồi, tôn giả xin phép đức Phật trở về tịnh thất, cất đặt y bát, quét dọn phòng, trải tọa cụ rồi đi vào định diệt thọ tưởng để nghỉ ngơi. Khi xả thiền thì trời đã vào khuya, lúc đứng dậy, ngài nghe các khớp xương đau nhức và trong đầu như có cái gì bén nhọn đâm vào rồi lại kéo ra. Tuy thế, đi kinh hành một lát, tôn giả lại trở về chỗ tọa cụ, chậm rãi ngồi xuống, một ý nghĩ khởi sanh: "Ta sẽ nhập diệt trước đức Thế Tôn hay là sau ngài?

[1] Tức là hạ thứ 44 của đức Phật.

Tôn giả hướng tâm đến, biết rằng, bao giờ vị đại đệ tử cũng nhập diệt trước vị Phật. "Còn Mahā Moggallāna thì sao?" Ngài lại tự hỏi, rồi biết rằng tôn giả Mahā Moggallāna sẽ nhập diệt sau ngài nửa tháng. Và hiện tại, thọ hành của tôn giả Sāriputta chỉ còn duy trì được hai mươi mốt ngày. Vậy thì trong thời gian này, tôn giả còn bổn phận gì trên đời cần phải thực hiện? Và dĩ nhiên, tôn giả lại tưởng nghĩ đến mẹ. Mẹ ngài vẫn là cái gì cứ mãi canh cánh ở bên lòng.

Mặc dầu cả thảy bảy người con (bốn trai ba gái) trong gia đình đều đắc quả A-la-hán nhưng bà Sārī không tin Tam Bảo, vẫn xem thường đức Phật và tăng chúng, vẫn đặt niềm tin mù quáng theo ngoại đạo.

Tại sao tôn giả lại không thể cứu độ mẹ được? Cả hàng ngàn vị trời, ngài đã từng an trú cho họ vào các tầng thánh quả. Cả hàng ngàn gia đình cư sĩ, tôn giả đã mở những cánh cửa trời cho họ bước lên, đôi khi là đưa họ vào dòng giải thoát. Cũng đã hàng ngàn tỳ-khưu và sa-di đã nhờ tôn giả mà họ bước vào các đạo lộ siêu thế. Kể cả các giáo phái chủ, giáo phái sư, bà-la-môn trưởng giáo, bà-la-môn trí thức hữu danh, vua chúa, đại thần, tướng quân, thương gia... dẫu kiêu căng, cứng đầu, trịch thượng nhưng sau khi nghe pháp họ đã trở nên nhu thuận, dễ dạy! Thế thì tại sao tôn giả lại bất lực trước mẹ ngài? Có lẽ vì thiếu trí tuệ hoặc vì nhân duyên của bà chưa chín muồi?

Tôn giả Sāriputta lại trở nên trầm ngâm, ngài đang hướng tâm quan sát căn duyên của mẹ. Chợt tôn giả hoan hỷ thốt lên:

- "Hay thay! Tuyệt diệu thay! Mẹ ta sẵn đủ căn duyên bước vào thánh đạo!"

Rồi tôn giả lại nghĩ tiếp:

-"Vậy ai là người có duyên để cứu độ mẹ ta?"

Sau khi biết rõ kẻ đó chính là mình, tôn giả quyết định:

- "Vậy thì ta sẽ nhập diệt ở chốn cố hương, nơi chỗ mà ta chào đời để cứu độ mẹ ta!"

Sáng hôm sau, tôn giả Sāriputta trình bày quyết định của mình cho tôn giả Mahā Moggallāna hay. Cả hai ngồi yên lặng một hồi lâu.

- Tôn huynh tính như vậy thì tình, lý, đều trọn vẹn! Đức Mahā Moggallāna nói - Thôi, tôn huynh đi trước, đệ sẽ tùy thời mà đi sau!

Tôn giả Sāriputta đứng lên, nắm tay Mahā Moggallāna:

- Vậy là từ nay, chúng ta sẽ không có cơ hội gặp nhau, đây là lần cuối cùng, chẳng còn cái cuối cùng nào nữa cả!

- Cũng vừa đủ, tôn huynh! Mahā Moggallāna cất giọng chậm rãi - Đã kinh qua suốt cuộc đời, duyên lành gặp được đạo mầu bất tử, chẳng còn một mảy may đau khổ, phiền não nào dính mắc ở trong tâm! Và, chúng ta cũng đã làm được nhiều điều hữu ích, lợi lạc cho chúng sanh! Chúng ta cũng đã làm việc hết sức mình, cơ thể chúng ta đã không còn chịu đựng được nữa rồi!

- Đúng là vậy, pháp đệ! Chúng ta làm bạn với nhau suốt trong tuổi thơ ấu, thanh niên, và hơn bốn mươi năm trong giáo pháp của đức Tôn Sư. Chúng ta đã hợp tác chặt chẽ với nhau trong mọi công việc được đức Thế Tôn giao phó, chưa lần nào chúng ta tranh cãi một lời, luôn luôn thuận thảo, tương kính, luôn luôn từ hòa, hỷ hoan, mát mẻ...

Ôi! Thật là tốt đẹp thay khi chung ta đã sống trọn vẹn một cuộc đời giác ngộ!

Tôn giả Mahā Moggallāna nắm tay tôn giả Sāriputta, xiết chặt, mỉm cười:

- Không biết mấy triệu năm mới có một cuộc tương ngộ và một cuộc vĩnh biệt như thế này? Hãy cho đệ đảnh lễ lần cuối cùng, một người anh duy nhất, cao cả và siêu việt!

Tôn giả Mahā Moggallāna quỳ xuống đảnh lễ. Tôn giả Sāriputta cũng quỳ xuống đảnh lễ theo. Cả hai đều rất chân tình và rất trân trọng.

Tôn giả Sāriputta nói:

- Từ khi thấy được giáo pháp Bất Tử, ta không tìm thấy chỗ nào là huynh, chỗ nào là đệ ở trong hai chúng ta cả. Đây chỉ là sự tương kính pháp. Ta cũng xin được đảnh lễ một vị sư đệ duy nhất, cao cả và siêu việt!

Cả hai vị tôn giả tối thượng từ giã nhau như vậy, vĩnh biệt nhau như vậy. Thật là thân thiết mà xa xôi, đậm đà mà nhạt đạm, chẳng vướng bận gì, chẳng dính mắc gì. Như mây bay, như gió thoảng. Không rỗng như hư không.

Sau đó, tôn giả Sāriputta đi khất thực. Ngài muốn đi một vòng quanh kinh thành Sāvatthi thăm viếng một lần cuối cùng nơi mà ngài đã từng sống với chư tăng và mọi người trong bao nhiêu năm, nơi mà ngài được bao người kỉnh mộ dâng cúng vật thực đầy đủ để nuôi thân và hành đạo. Ngài phải biết tri ân điều đó.

Về lại tịnh xá Kỳ Viên, tôn giả cũng đi thăm một vòng như thế. Độ ngọ xong, tôn giả cho gọi trưởng lão Mahā Cunda, là em của ngài đến bên rồi nói:

- Này Mahā Cunda! Hãy chuẩn bị, cùng với ta, về quê thăm mẹ nhé!

- Dạ, thưa vâng!

- Hãy sử dụng khả năng của đệ để thông báo cho Upāsena, Revata và các vị tỳ-khưu-ni Cālā, Upacālā, Sīsupacālā cùng về luôn thể.

- Dạ, thưa vâng!

- Hãy bảo rằng là ý của ta, cho tụ họp năm trăm tỳ-khưu môn đệ, cùng bộ hành với chúng ta về Nāḷāka để hỗ trợ uy lực cho mẹ.

- Dạ, thưa vâng!

Khi trưởng lão Mahā Cunda quay lưng bước đi, tôn giả Sāriputta chợt kêu lại:

- Này Mahā Cunda! Trong bao năm sống với pháp huynh, pháp huynh có làm điều gì phiền rộn đến em không?

- Dạ thưa không! Pháp huynh trắng bạch như vỏ ốc. Bảo làm phiền rộn thì chẳng khác nào là đệ không có tai, không có mắt, không có tim, không có óc!

Tôn giả lại ân cần:

- Đệ đã là một trưởng lão cao hạ rồi. Ta hỏi thế thôi chứ ta biết đệ an vui, tinh tấn, sống rất hài hòa với mọi người, lại được hạnh phúc vững chắc trong giáo pháp nữa.

Trưởng lão Mahā Cunda ngần ngừ một lúc:

- Lần này có thể dắt mẹ qua bờ được không?

- Báo tin vui cho đệ hay là chắc chắn được! Mẹ chúng ta sẽ đến được bến bờ bình an!

Trưởng lão Mahā Cunda cảm thấy hoan hỷ trong lòng, chào tôn giả rồi đi ngay.

Hôm sau, tôn giả Sāriputta lấy chổi quét dọn tịnh thất, cất đặt mọi thứ đâu đó cho ngăn nắp. Dọn dẹp bên trong rồi tôn giả ra quét dọn xung quanh hành lang. Xong xuôi, đắp y, mang bát – tôn giả bước ra bên ngoài, khép cửa lại. Ngài đi quanh ba vòng rồi bước ra xa, nhìn ngắm lại tịnh thất. Tôn giả nói thầm trong tâm rằng:

- "Cảm ơn ngươi đã che mưa đỡ nắng cho ta bao ngày. Đây là cái nhìn cuối cùng của ta, ngươi biết không? Nhưng khi ta đi rồi, thì hy vọng rằng, sau ta, nhiều vị A-la-hán khác nữa sẽ ở trong vòng tay ấm cúng của ngươi".

Lát sau, hai vị Tôn giả Upāsena, Revata tìm đến; rồi lần lượt các vị tỳ-khưu-ni Cālā, Upacālā, Sīsupacālā ở phương xa cũng vân hành đến nơi. Vậy là những em ruột của ngài đều tề tựu đầy đủ. Tôn giả rất hoan hỷ, báo với các em mục đích chuyến thăm viếng mẹ lần cuối cùng. Ngay lúc ấy,

trưởng lão Mahā Cunda cùng năm trăm tỳ-khưu đi đến. Họ đều đảnh lễ tôn giả và chờ lệnh.

Tôn giả nói:

- Các thầy sẽ vất vả bộ hành đường xa, nhưng rồi sẽ thâu hái được nhiều điều hữu ích. Bây giờ hãy cùng ta đến đảnh lễ đức Tôn Sư!

Đức Thế Tôn đã biết, lúc ấy, ngài đang chờ họ ở đại giảng đường. Sau khi đảnh lễ, tôn giả quỳ xuống bên chân đức Đạo Sư:

- Hôm nay, đệ tử đến đây để chào đức Tôn Sư lần cuối cùng. Đệ tử sắp từ bỏ huyễn thân và từ bỏ cõi đời trần tục này. Thọ hành của đệ tử như ngọn đèn leo lét. Xin đức Tôn Sư cho phép đệ tử được nhập diệt.

Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả lại cất giọng khẩn thiết:

- Ôi! Đệ tử biết nói lời gì khi vĩnh biệt một bậc vĩ nhân siêu quần bạt tụy? Chính nhờ hồng ân của đức Đạo Sư mà đệ tử bước ra khỏi bể khổ trầm luân để đi theo dấu chân giải thoát của ngài. Từ đây, đệ tử sẽ không còn lang thang vô định, tới lui giữa sáu cõi khổ vui sinh diệt nữa. Đây là lời phụng bái thứ nhất của đệ tử!

Tôn giả cung kính đảnh lễ.

- Giờ đây, thân xác tứ đại của đệ tử bắt đầu rã tan, sắp trả về cho tứ đại. Chỉ vài mươi hôm nữa, thọ hành của đệ tử sẽ chấm dứt vĩnh viễn, kể cả ngũ uẩn này cũng không còn tiếp tục chồng chất, rối loạn, lòe bịp ai được nữa. Thế là gánh nặng muôn đời đã được buông bỏ xuống. Đệ tử sẽ hoàn toàn giải thoát, không còn bất kỳ một hạt bụi phiền não nào còn tồn tại. Ân đức ấy thuộc về đức Tôn Sư, triệu triệu năm không đền đáp được. Hãy cho đệ tử thêm một phụng bái thứ hai nầy!

Tôn giả cung kính đảnh lễ.

- Ôi! Hồng ân của đức Tôn Sư là đời đời bất diệt. Từ khi bước chân vào giáo pháp Bất Tử, đệ tử đã biết sống một cuộc đời có lợi ích thiết thực, biết phục vụ và biết phát huy, tăng trưởng sung mãn những phẩm chất cao đẹp của con người. Thế nên biết bao chúng sinh đã được lìa xa khổ não? Biết bao chư thiên và nhân loại đã được nếm hương vị của pháp mầu? Giờ đây, đệ tử đi vào Niết-bàn với tâm tư hoàn toàn thanh thản và mãn nguyện. Xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nghỉ ngơi vì cái cỗ xe thân xác này đã đến lúc rã mục. Cho đệ tử được phụng bái một lần nữa, lần thứ ba, thay mặt chúng sinh, tri ân bậc Vô Thượng Giác!

Cả hội trường im lặng như tờ. Đâu đó dường như có tiếng khóc nho nhỏ. Rất nhiều vị tỳ-khưu trong hàng ngũ chư tăng không ngăn được giọt lệ.

Đức Thế Tôn cất giọng an nhiên, điềm đạm:

- Này Sāriputta! Ông sẽ nhập diệt ở đâu?

- Tại quê hương của đệ tử, làng Nāḷāka, tại chỗ mà đệ tử được chào đời!

Đức Phật hỏi tiếp:

- Thời gian chỉ còn hai mươi ngày, từ đây về quê có kịp không?

- Dạ thưa, vừa đủ.

- Vậy thì đây là việc cần thiết, sau lần từ giã này, chư tăng và huynh đệ sẽ không còn cơ hội được gặp mặt ông nữa; ông hãy ưu ái đến hội chúng, thuyết cho họ nghe thời pháp cuối cùng.

Vâng lời đức Phật, tôn giả bước lên một bảo tọa thấp hơn, ngồi ngay ngắn, đoan nghiêm, nhiếp tâm thanh tịnh rồi ban một thời pháp chưa từng được nghe...

Thời pháp như tiếng gió rì rào bất tận, như hải triều âm xa mù đại dương, từng đợt sóng cuộn trào va đập vào ghềnh đá. Liên miên. Bất tuyệt. Gió lại lặng, sóng lại tan... Cử tọa thính chúng chợt như thấy trước mắt mình một bình minh

tươi sáng, một mùa xuân mát mẻ an lành hiện ra sau đêm đông lạnh lẽo. Tuyết tan, tiếng chim reo vui, muôn hoa đua nở, hương trời bàng bạc, dịu dàng như xoa dịu tất cả những tâm hồn khổ đau...

Tôn giả nói về đời ngài bị bít bùng bởi truyền thống, bởi tâm thức ngoại giáo, sống trong bóng tối nô lệ của thần quyền; bước đi trong mê lộ của những thứ triết học rối rắm, tơ vò, hợm hĩnh và cao đại. Có những lời, những chữ được dệt gấm thêu hoa, kết nên tư tưởng được đóng khung, được mạ vàng, được quảng cáo rầm rộ là chân lý bất diệt nhưng thực chất là rỗng không, không có linh hồn, không có sự sống. Tất cả đấy chỉ là lớp ngụy trang, là cái vỏ hào nhoáng bao che bên ngoài các bản ngã với những dục vọng thô thiển cũng như tế vi! Thế rồi từ đời này sang đời nọ, cha ông, cháu con, hệ hệ được nối tiếp, kế thừa; hình thành một tập cấp buôn thần bán thánh, rêu rao vì đại bi, vì phương tiện tối thượng thừa, vì lòng từ của thượng đế! Chúng nắm độc quyền về tinh thần, miệng lưỡi trả giá như con buôn, thao túng bọn dân ngu khu đen, chụp bàn tay lông lá vào những đặc quyền đặc lợi, ăn trên ngồi trước, no nê phè phỡn, nhảy múa bên bờ vực thẳm của tử ma...

Thế rồi, tiếng trống bất tử có mặt giữa đời, xóa tan mây mù hôn ám; như một sinh khí mới, làn sóng Pháp Bảo uy dũng và dịu dàng cuốn đi tất cả mọi rác rưởi xú uế của thần linh và con người ngu si để lại. Đấng Vô Thượng Tôn ngự giữa tầng mây, gióng lên tiếng sấm, thức tỉnh mọi loài; một cơn mưa hoa nhân ái, sáng rỡ trí tuệ, mênh mông giải thoát; chỉ ra một lộ trình hướng thượng, mở ra một cánh cửa đã đóng kín tự ngàn xưa, đem chúng sanh đến các cõi chân phúc và xán lạn...

Ôi! Con đường ấy là gì? Cánh cửa ấy là gì? Hỡi ai có chân để bước, có tay thì gõ mà vào! Một vị Chánh Đẳng Giác đã xuất thế, qua hằng triệu tỷ năm tu tập công hạnh,

thăng hoa phẩm chất, kết đài trí tuệ! Từ đỉnh Himalaya bước xuống, dòng sông Gaṅgā mở ra, quả địa cầu cúi mình xuống thấp, nghênh đón bước chân nở bảy hoa sen. Ngài đi giữa chốn loài người đã bốn mươi bốn năm không mệt mỏi vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại. Đức Thế Tôn ấy là thầy của tôn giả, cho ngài uống được giọt nước trong mát tận đầu nguồn thánh hạnh...

Ôi! Đầu nguồn thánh hạnh ấy là gì? Hỡi ai có tai để nghe, có trí để tìm hiểu!...

Vốn làu thông cả pháp và luật, tôn giả Sāriputta đã đi từ những pháp cao siêu nhất xuống những pháp gần gũi và giản dị nhất. Rộng thì rộng đến vô biên, mà nhỏ thì có thể đựng đầu hạt cải. Và cuối cùng, lộ trình hướng thượng ấy, cánh cửa Bất Tử ấy chỉ còn là đứng đi nằm ngồi, mặc áo, ăn cơm, quét tịnh thất, tôn kính bậc trưởng thượng, giác tỉnh, nhu thuận, lặng lẽ, ôn hòa, thuần tịnh, nội tâm trong sạch không có cáu bợn phiền não...!

Cả đại giảng đường mênh mông như vừa được tắm mát bởi thời pháp của tôn giả. Chư thiên, phạm thiên, rồng, dạ-xoa, cưu-bàn-trà, càn-thát-bà... ngự đầy đặc cả không gian rải hoa ca ngợi.

Tôn giả bước xuống pháp tòa, quỳ ôm đôi chân của đức Thế Tôn rồi cất lên tiếng lời uy dũng của sư vương:

- Kính lạy bậc Thiên Nhân Sư! Hãy cho đệ tử lễ bái đôi chân này! Cũng chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được hoàn toàn giác ngộ, hoàn toàn giải thoát. Chính nhờ lễ bái đôi chân này mà đệ tử được sống giữa thời gian vô cùng và không gian vô tận, được sống vĩnh cửu trong mỗi chớp mắt thoáng trôi. Tất cả mọi nguyện vọng, hy cầu của đệ tử giờ đây đã được cụ túc, viên dung, trọn vẹn. Từ đây, đệ tử sẽ không còn được gặp đức Thế Tôn để đảnh lễ đôi chân này nữa. Đây là giờ phút nghiêm trọng, thiêng liêng mà đệ tử có thể sờ được đôi chân của đấng Toàn Giác, đồng thời thấy rõ

được cảnh giới Niết-bàn, không chết, không sinh, an nhiên, tự tại, tịch mặc. Đệ tử đảnh lễ đôi chân này vì đôi chân này cũng chính là đôi chân của vô lượng vị Phật quá khứ đã bước vào cảnh giới ấy; và hiện giờ đây, đệ tử cũng đang lần bước theo...

Đảnh lễ đôi chân một ngàn căm bánh xe của đức Phật xong, tôn giả đứng lên rồi quỳ xuống lại.

- Bạch đức Thế Tôn! Từ trước đến nay, suốt hơn bốn mươi ba năm sống trong giáo pháp, nếu đệ tử có hành vi hay lời nói nào phật ý đức Thế Tôn, không được vừa lòng đức Thế Tôn vì trí tuệ non kém của đệ tử, ngưỡng mong đức Thế Tôn hỷ xả, tha thứ lỗi lầm ấy cho đệ tử.

Đức Phật cất giọng chậm rãi, ôn nhu, từ hòa:

- Này Sāriputta! Ông là một tỳ-khưu uyên bác, thông minh, có đạo hạnh cao cả, khiêm nhu, một trí tuệ vượt bậc, sắc bén và sáng sủa, lẽ nào ông có thể có hành vi hay cử chỉ tạo ra lỗi lầm với Như Lai? Ông đúng là một sa-môn ưu tú, mẫu mực, giềng mối cho giáo hội; gia dĩ có sự quở trách nào đó cũng chỉ vì muốn viên toàn bổn phận cho ông, hoặc ông sẽ tăng trưởng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chư tăng thay mặt Như Lai mà thôi.

Rồi đức Thế Tôn lại nói tiếp:

- Dầu ông có lỗi lầm hay không lỗi lầm Như Lai cũng đã tha thứ cho ông rồi. Mà thật ra, ông có lỗi lầm gì đâu, trọn cả cuộc đời, dầu là một hạt bụi nhỏ, ông cũng không để dính trên sợi lông chân của mình! Thôi, thì giờ cũng đã phải lẽ, ông hãy làm những gì mà ông nghĩ là đúng thời!

Đức Phật đứng dậy. Tôn giả Sāriputta rời khỏi bàn chân của đức Thế Tôn.

Ngay lúc ấy, đại địa cầu rung chuyển, nước trong bốn đại dương dâng cao. Cả tầng mây, cả hư không dường như cũng dao động không ngớt! Nếu đại địa cầu biết nói thì nó sẽ nghẹn ngào, xúc động mà khởi lên tiếng nói như sau:

"- Ôi! Hỡi những hiện thân kỳ mỹ, vĩ đại và siêu việt! Mặc dầu thân thể tôi đây có thể chịu đựng được những vết chém ngang dọc của những con sông to, sông nhỏ; mặc dầu thân thể tôi đây có thể chở mang, gánh nặng những ngọn Meru hùng vĩ, những thần sơn Cakkavāla cao ngất và đỉnh Himavantu, vua của loài núi, ngút mây! Thế nhưng, tôi đã không chịu đựng nổi ngày hôm nay, một ngày mà giới đức, định đức, tuệ đức cùng vô lượng phẩm chất cao đẹp khác của con người, của thế gian đồng quy tụ ở đại giảng đường Kỳ Viên tịnh xá tại kinh thành Sāvatthi, nước Kosala này!"

Chợt một tiếng sấm đầy uy vũ vang tận các tầng trời và không biết từ đâu, một đám mây khổng lồ che kín cả không gian, tối đen; rồi một trận mưa kinh hoàng, xối xả tuôn xuống mặt đất như thác đổ.

Đức Thế Tôn nhìn trời, tự nghĩ:

- "Giờ đây, một vị Chưởng Pháp vô song sắp đi vào Tịch Diệt, trời đất đã khởi lên những hiện tượng của trăm ngàn đại kiếp mới có một lần. Thôi! Ngài ngước nhìn trời - mưa như vậy là vừa đủ để còn nhiều người đưa tiễn con trai ưu tú của Như Lai!"

Dường như giữa hư không biết được ý nghĩ của đức Phật nên trời lại quang, mây lại lặng.

Đức Thế Tôn rời đại giảng đường, bước về hương phòng, ngài đứng trên tấm thảm nhìn ra. Tôn giả Sāriputta đi theo, chấp tay rồi đi quanh hương phòng ba vòng về bên mặt, bốn góc, đảnh lễ bốn phương; đến khung cửa chính, chấp hai tay lên quá đầu, đảnh lễ đức Thế Tôn một lần nữa. Với tư thế lặng lẽ như vậy, tôn giả nói ở trong tâm:

- "Giờ phút này, giữa không-thời-gian-vĩnh-cửu-bất-diệt; không biết đã trải qua bao trăm ngàn đại kiếp, khi ta quỳ mọp dưới chân đức Phật Anomadassi và phát nguyện được gặp đấng Như Lai này? Nguyện vọng ấy giờ đã hoàn toàn viên mãn. Lần gặp gỡ đầu tiên với vị Cổ Phật là sự kiện

lớn nhất đối với ta. Còn đây là lần gặp gỡ sau chót, ta chiêm ngưỡng đức Phật hiện tại, để sau này chẳng còn cơ hội nào nữa cả".

Thế rồi, tôn giả đứng dậy, vẫn giữ nguyên tư thế hai tay trên đỉnh đầu, ngài thụt lùi từng bước một chậm rãi, thụt lùi cho đến lúc không còn thấy đức Thế Tôn nữa.

Đại địa cầu một lần nữa lại rung chuyển dữ dội, sóng nước từ bốn đại dương dâng cao, ì ầm, va đập giữa hư không!

Đức Phật nói với chư tăng, lúc ấy họ đang đứng yên lặng đầy đặc cả Kỳ Viên tịnh xá:

- Các ông có nghe, có thấy con trai trưởng của Như Lai đã để lại bài học huy hoàng, cao cả và xán lạn cho muôn đời sau hay chưa? Thôi, bây giờ các ông hãy đi đi ! Hãy đi đi! Hãy đi tiễn ông anh cả của các ông đi!

Nói xong, đức Thế Tôn quay lưng, khép cửa hương phòng lại. Chư tăng cả hàng ngàn vị, hàng chục đại trưởng lão đồng theo chân đưa tiễn bậc Tướng quân Chánh pháp về nơi an nghỉ cuối cùng. Dân chúng thành Sāvatthi hay tin, họ khóc lóc kéo nhau thành từng đoàn, lũ lượt như từng dòng suối chảy cuồn cuộn, đổ ra từ các hang cùng ngõ hẻm. Chợ không đông, nhà nhà đóng cửa lại. Họ tỏ dấu chịu tang bằng cách tẩm ướt nước lên tóc, tay cầm tràng hoa, vật thơm đặt lên tất cả các lối đi.

Tôn giả Sāriputta và chư tăng bị bít kín giữa rừng người, giữa rừng tiếng khóc than và biển nước mắt.

Ngài phải đứng lên cao, nói lời an ủi, phủ dụ:

- Hỡi các hàng cận sự nam nữ và muôn dân kinh thành Sāvatthi yêu mến! Các người đã có lòng thương xót đến ta, kính mến ta thì hãy trở về. Đưa tiễn ta như vậy là vừa đủ. Ai rồi cũng phải một lần vĩnh biệt. Nhưng ta ra đi không phải là về nơi đau khổ, ta đi về chốn giải thoát, chân phúc và tịch

lặng. Ta ghi nhận tấm lòng tri ân của các người, rồi phước báu sẽ hộ trì cho các người được hạnh phúc và an ổn!

Tôn giả lại nói chuyện với chư tăng cùng chư vị trưởng lão:

- Tôi cũng rất biết ơn chư tăng cùng các vị trưởng lão đã tận tình tiễn đưa. Trong bao năm chung sống trong giáo pháp thiêng liêng, cao cả, chư tôn hiền giả đã giúp đỡ tôi hết lòng, nhờ vậy giáo hội mới có được ngày hôm nay. Giờ phút cuối cùng này, và không bao giờ còn sự gặp gỡ nào khác, xin chư tăng và chư vị trưởng lão xá tội cho tôi nếu tôi đã có gì lầm lỡ. Mong chư tôn hiền giả thay mặt tôi mà chăm sóc, hầu hạ sức khỏe cho đức Đạo Sư. Tôi xin thành kính đa tạ.

Chư tăng lặng lẽ hơn nhưng không tránh khỏi còn nhiều tiếng khóc. Họ cũng không nói gì, đưa đôi mắt nhìn tôn giả thật lâu, kính cẩn đảnh lễ, chào rồi từ từ quay gót. Tuy thế còn rất đông vị bịn rịn không chịu đi, tôn giả ân cần nói mãi, họ vẫn khóc lóc, kể lể:

- Này các thầy! Hãy đứng lại một lát đã. Trước đây người anh cả của chúng ta đi bao nhiêu lần rồi cũng trở về, còn đây là chuyến đi không có ngày trở lại!

- Chúng ta sẽ không bao giờ được nghe những lời pháp êm ái, ngọt ngào được tuôn chảy ra từ tấm lòng từ ái bao la của người mẹ hiền nữa.

- Chúng ta sẽ không còn được nhìn ngắm khuôn mặt tuấn tú, đoan nghiêm; tác phong ôn nhu, khiêm tốn; nụ cười rực sáng hồn hậu của vị đại huynh trưởng kia nữa!

Tôn giả lại phải khuyên nhủ:

- Này các thầy! Ly hợp là thường tình, luyến thương là phiền não. Tất cả mọi cái được cấu tạo, do nhân duyên, do điều kiện đều bị chi phối bởi định luật tất yếu của sanh diệt, vô thường. Các thầy biết rõ điều ấy rồi thì đừng nên chuốc lấy đau khổ cho mình mới phải!

- Thưa vâng, bạch tôn giả! Chúng tôi sẽ khắc cốt, ghi tâm những lời vàng ngọc ấy.

Lúc đó họ mới chịu bước đi.

Trong giờ phút tiễn đưa này, tôn giả Sāriputta được gặp hầu hết các vị trưởng lão. Chỉ có một số tôn giả tránh gặp mặt, rút vào rừng sâu. Tôn giả Mahā Moggallāna viện cớ đi xa. Tôn giả Ānanda được đức Phật sai đi công việc ở nơi khác.

Tôn giả Anuruddha xin được đưa tiễn đến nơi đến chốn, tôn giả Sāriputta đồng ý. Thế rồi, ngài, tôn giả Anuruddha, sáu vị A-la-hán em ngài cùng với năm trăm vị tỳ-khưu môn đệ nhắm hướng Nāḷāka cất bước.

Ôi! Thật là một cuộc từ giã vĩ đại mà trong giáo pháp của đức Tôn Sư chỉ xảy ra một lần! Quả địa cầu đã không chịu đựng nổi. Thiên chúng, phạm thiên chúng, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, cưu-bàn-trà đưa mắt nhìn lặng lẽ, ngậm ngùi. Riêng phạm thiên Sāhampati và Đế Thích biết mình còn một bổn phận cuối cùng tại ngôi làng Nāḷāka nhỏ bé ấy.

Thế rồi, ngày đi đêm nghỉ, bộ hành vất vả suốt mười chín ngày đường, họ mới về được đầu làng Nāḷāka. Trong thời gian ấy, tôn giả Sāriputta rất mệt mỏi, đôi khi phải sử dụng thiền định để làm cho yên lặng cơn đau. Và ngài cũng không tránh khỏi sự gặp gỡ chư tăng cùng cận sự nam nữ hai hàng. Dường như tôn giả chẳng có sự nghỉ ngơi nào, ngài đã cố gắng giáo huấn, dạy dỗ tại mỗi nơi dừng chân. Và số người được nếm hương vị thánh quả không phải là ít.

Ngôi làng Nāḷāka cũng được gọi tên là Upatissa, trước đây bà-la-môn giáo rất thịnh hành, bây giờ đã đến lúc suy tàn. Cả hàng trăm chỗ thờ cúng, lễ lạy nơi đền thiêng, bảo tháp, cội cây giờ đã trở nên hoang lạnh. Rất nhiều gia đình đã quy giáo đức Thế Tôn. Rất nhiều tỳ-khưu, sa-di xuất thân từ những gia đình danh giá, cao sang ở đây. Chỉ riêng bà

Sārī là khư khư bất động theo với đức tin tôn giáo cũ mà thôi.

Dừng chân dưới những tàn cây cừa cổ thụ, chư tăng tìm nước rửa mặt, tay chân. Trời đã về chiều, khói hoàng hôn bãng lãng xa gần giữa những vườn xanh trùng điệp. Làng quê trông thật yên ả, thanh bình. Nơi đây đã một thời tôn giả lớn lên, học hành, suy tư, chiêm nghiệm và trưởng thành. Tất cả trở nên mồn một trong ký ức. Bây giờ, tôn giả đã là một con người khác, rất gần mà cũng rất xa con người cũ ấy. Dường như ngài không còn dính bất kỳ một quê hương nào nữa cả, không lý lịch mà tên tuổi cũng không, đã bước ra ngoài tất cả mọi hiện tượng, mọi quy ước trên trần thế.

Có một đứa trẻ dừng lại nhìn ngắm chư tăng với đôi mắt đầy thân thiện. Khi hỏi ra mới biết đó là cháu trai của ngài, bà nội nó là em của mẹ ngài. Tôn giả kêu lại và nói:

- Cháu đoán ra ta là ai không?

- Cháu đoán ngài là con của bà dì nội cháu!

- Thế là giỏi! À, này cháu! Cháu có biết bà dì nội cháu có nhà không?

- Dạ có ạ!

- Vậy thì ta nhờ cháu làm giúp một việc nhé?

- Dạ vâng ạ!

- Cháu vào làng, nói với bà dì nội như thế này: "Con trai trưởng của bà dì nội, sa-môn Sāriputta cùng với anh chị em, con của bà dì nội đang về đến đầu làng". Cháu nói thế có được không?

- Dạ được!

- Hãy nói như thế này nữa: "Sa-môn Sāriputta sẽ xin ở trong nhà bà dì nội một ngày. Vậy xin bà dì nội sửa soạn, sắp xếp căn phòng mà thuở xưa con trai trưởng của bà dì nội chào đời. Ông ta sẽ xin được ở lại đấy! Ba con trai, ba con gái của bà dì nội nhớ thương bà dì nội lắm! Ngoài ra, xin bà

dì nội hoan hỷ sắp xếp chỗ ở cho năm trăm vị tỳ-khưu nữa! Năm trăm vị, cháu nhớ không?”

Y lời, trẻ tên là Uparevāta, chạy vụt đi, đến nhà bà Sārī:

- Thưa bà dì nội, con trai trưởng của bà dì nội đã về đến đầu làng.

Lòng người mẹ rất thương nhớ con, nghe vậy rất vui, nhưng lời lại rất xẵng:

- Nó về đây làm gì?

- Thưa, ngài không về một mình mà có cả ba con trai, ba con gái của bà dì nội nữa; họ nhớ thương bà dì nội lắm!

Trái tim của người mẹ già nua xúc động bồi hồi, cảm nghe như máu đang chảy loạn trong lồng ngực vì vui mừng, nhưng giọng bà vẫn lạnh tanh:

- Chúng nó nói dối đấy! Đi biền biệt còn nói thương với nhớ!

Đứa bé cười hì hì, chưa đưa hết thông tin:

- Mà còn có cả năm trăm vị tỳ-khưu nữa đấy!

- Làm gì mà đông dữ vậy! Bắt “con mọi già” này hầu hạ chúng chăng?

Đứa bé vẫn vô tư:

- Bà dì nội phải sửa soạn căn phòng thuở xưa, chỗ mà con trai trưởng của bà dì nội chào đời, cho ngài ấy ở. Rồi lại còn phải sửa soạn hơn năm trăm chỗ ở khác nữa đấy. Có ba cô ni, cháu đoán được nên nhìn ra; còn ba người con trai khác lẫn lộn giữa rừng áo vàng, cháu không biết! Ôi! Đông lắm! Vui lắm nha!

Khi đứa bé đi rồi, bà Sārī tự nghĩ:

- Đúng thật là cái thằng ngu! Đã ngu rồi còn dẫn theo các em nó đi theo con đường ngu nữa! Bây giờ, lại kéo theo cả bầy, cả lũ cùng đến đây! Cái gia đình này giàu lắm mà! Nó đã không cần, sao còn về đây mà báo hại? Mà sao lạ? Có bao giờ nó thèm xin ở lại một đêm đâu? À, hay là nó đã chán cái đời sống không cửa không nhà, muốn về đây trong

những ngày tháng cuối cùng để ngủ cho đã, ăn cho sướng, mặc cho ấm? Rõ là đã quá muộn rồi con ơi, con cũng đã bảy mươi mấy tuổi đầu rồi, còn "cá mú" gì được nữa? Rồi còn tụi kia, hà cớ chi mà cùng nhau dẫn về đây một lần?

Bà Sārī thở dài nhưng cũng sai gia nhân sắp đặt đâu đó tươm tất, đàng hoàng. Trời đã tối, bà còn sai gia nhân đốt hàng chục cây đuốc sáng rực, đến đầu làng dẫn tôn giả và chư tăng về nhà.

Lát sau, tôn giả và chư tăng bước qua sân gạch rộng thênh thang. Gia nhân đứng lố nhố, thắp đèn sáng rực như ban ngày. Ai cũng muốn nhìn mặt những người con trai, con gái của chủ sau mấy chục năm xa cách.

Tôn giả bước đến bên bà Sārī, cúi đầu xuống:

- Thưa mẹ! Con, Sāriputta đã về!

Các con trai đều vòng tay, khép nép:

- Thưa mẹ! chúng con là Cunda, Upāsena, Revata - các con trai của mẹ cũng đã có đủ mặt ở đây rồi!

Các vị tỳ-khưu-ni liến thoắng, cười vui cùng đến ôm vai bà:

- Còn chúng con là con gái của mẹ, là Cālā, Upacālā, Sīsupacālā cũng đồng có mặt.

Bà Sārī hom hem căng mắt nhìn. Tim bà đập như trống làng. Mừng quá, bà muốn khóc, nhưng cố trấn tĩnh, chống gậy lui vào phòng, nói mà không hề ngoái lại:

- Có gì mai hãy nói! Chỗ ở của ông Sāriputta yêu cầu, đã được dọn sẵn. Tụi con trai, con gái bọn bây thì cứ tìm là thấy, phòng đứa nào còn nguyên phòng đứa đó. Chỗ ở cho hơn năm trăm vị tỳ-khưu đều đâu đó cả rồi, có gì sai bảo, nước nôi, giặt giũ thì đã có gia nhân sẵn sàng túc trực hẳn hoi!

- Chúng con cám ơn mẹ.

- Đừng khách sáo! Bà nói – đã về đến đây rồi thì các người là chủ, vậy, cứ tùy nghi!

Rồi bà Sārī đóng phòng lại.

Trưởng lão Mahā Cunda, tìm chỗ quý trọng cho tôn giả Anuruddha. Còn Upāsena, Revata thì hướng dẫn chư tăng tìm các chỗ ở, phòng ngủ, nước uống, chỉ cầu tiêu, phòng tắm...

Quả đúng là một cơ ngơi vĩ đại, không thiếu bất cứ một tiện nghi gì. Chư tăng rất thán phục anh chị em của tôn giả, dám khẳng khái từ bỏ một cơ ngơi như cung điện của vua chúa thế này. Nếu chư tăng còn biết rõ gia sản hiện kim của gia đình ngài lên đến chín trăm triệu đồng tiền vàng thì họ còn phải ngạc nhiên, kính phục đến chừng nào nữa![1]

Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán đến gõ cửa phòng bà Sārī, định trò chuyện với mẹ nhưng bà không mở cửa, nói vọng ra:

- Tụi bây là con gái hư! Có chồng giàu có, có con trai nối dõi đàng hoàng thế mà ưa thích ôm bát đi ăn xin! Thật là chẳng còn thể thống gì nữa!

Cả ba vị mỉm nụ cười ở trong tâm, tìm về căn phòng cũ của mình, nói nhỏ với nhau: "Mẹ chỉ còn chấp thủ, cứng đầu đêm nay nữa thôi!"

Tôn giả Sāriputta bước vào căn phòng xưa, vừa ngồi vào giường là một căn bệnh trầm trọng phát sanh. Trưởng lão Mahā Cunda thấy huynh trưởng có vẻ đau đớn, ái ngại hỏi:

- Đệ có giúp gì được cho pháp huynh không?

- Có lẽ đêm nay phải làm phiền các em đây!

- Được giúp pháp huynh lần cuối này, không dễ gì ai cũng có được cái may mắn, hạnh phúc ấy!

- Ta bị bệnh tả lỵ đấy các em ạ! Hãy chuẩn bị giúp mấy cái "bô".

---

[1] Ghi chú: So sánh để biết – là gia sản của trưởng giả Cấp Cô Độc trước là năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, sau tìm thấy thêm năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng nữa.

Thế rồi, sau đó tôn giả đi tả liên hồi. Trưởng lão Mahā Cunda đi vào đi ra hoài với cái bô trên tay. Lát sau, trưởng lão Upāsena và Tôn giả Revata sắp đặt chỗ ở cho chư tăng xong xuôi, tìm đến, họ thay công việc cho anh.

Bà Sārī thấy phòng con trai trưởng còn thắp sáng, lịch kịch có tiếng động, bà hé cửa nhìn sang. Thấy Cunda rồi sau đó là Upāsena, Revata tất tả vào ra, bà biết chuyện. Cho đến gần nửa khuya, bệnh mới giảm bớt. Bà nghĩ:

"- Con trai của ta đi tả liên tục, chắc là đau đớn lắm, nhưng nó không hề rên la lấy một tiếng. Thiệt lạ đời! Cả các ông Cunda, Upāsena, Revata cũng vậy, cũng lặng lẽ! Ồ! Mà cả năm trăm con người ta cũng đều lặng lẽ như thế, không một tiếng ho, tiếng khạc nhổ, không cả tiếng nói chuyện rầm rì! Sao họ giống nhau đến thế? Ôi! Người mẹ này lo lắng cho ông con trai trưởng mà dường như không dính líu gì đến chúng nó cả".

Bà không thể ngủ được, bên ngoài thì có vẻ lạnh lùng mà bên trong lại bồn chồn không yên; bà cứ dỏng tai lắng nghe, dóng mắt để nhìn.

Lúc ấy, Tứ Trấn Thiên Vương gặp nhau, nghĩ rằng họ phải có bổn phận đi thăm lần chót bậc thượng thủ A-la-hán trưởng lão nên đã với thời gian như viên lực sĩ duỗi cánh tay, hào quang sáng rực, họ hiện trong phòng ngài, cung kính lễ bái rồi đứng hầu một bên. Tôn giả biết chuyện này nên dùng thần thông để cho bà Sārī nghe thấy quang cảnh và cuộc đàm thoại.

Tôn giả hỏi lớn:

- Các vị là ai?

- Bạch tôn giả, chúng đệ tử là Tứ Đại Thiên Vương cai quản bốn châu thiên hạ.

- Các vị đến đây có việc gì?

- Thưa, thứ nhất là để chiêm ngưỡng, thăm viếng tôn giả lần cuối cùng, thứ hai là đến đây để tôn giả tùy nghi sai bảo.

Tôn giả nói bằng âm thanh của phạm thiên:

- Vậy thì cảm ơn các vị trời đầy oai đức đã bỏ công thăm viếng. Bệnh tình tôi đã thuyên giảm, lại có các trưởng lão và Tôn giả ở đây, khỏi phiền đến các vị. Thời cũng đã phải lẽ, các vị hãy về đi thôi!

Họ vâng lời, đảnh lễ tôn giả, rồi như vầng trăng sáng, họ mất hút giữa hư không.

Thiên chủ Đế Thích, thiên vương cõi trời Đao Lợi nghĩ mình phải có bổn phận đưa tiễn bậc Đại Chưởng Pháp nên với oai nghi, hào quang, thần lực hiện bên giường tôn giả trong chớp mắt. Cũng qua một hồi đối thoại ngắn, trời Đế Thích cung kính đảnh lễ rồi xin rút lui.

Trời đã khuya, không những trong vườn bà Sārī mà dường như cả làng Nāḷāka đồng trở nên sáng rực. Đó là các vị phạm thiên, đại phạm thiên Sāhampati xuống hầu tôn giả Sāriputta, cũng cung kính nghiêng lưng thi lễ và muốn săn sóc bệnh tình cho ngài. Tôn giả cảm ơn và rồi họ cũng cáo biệt.

Bà Sārī chứng kiến từ đầu, thấy rõ quang cảnh và nghe không sót một lời nào, bà nghĩ rằng:

"- Không biết những vị nào như các đấng Thiên Thần oai lực và cao sang như thế lại đến thăm con ta, đảnh lễ con ta rồi nói gì rằng là... hầu hạ... sai bảo nữa? Mà cũng kỳ lạ, là con trai ta có vẻ lớn hơn họ, là bậc thầy của họ?"

Bà Sārī rời phòng, rón rén đến tận cửa phòng của tôn giả, muốn gặp các ông con trai để thăm hỏi bệnh tình. Tôn giả đã biết chuyện này nên bảo các em mở cửa để bà Sārī vào.

Tôn giả Sāriputta dựa lưng trên chiếc gối, ngồi dậy:

- Đã khuya rồi mẹ chưa đi ngủ sao?

- Mẹ ngủ sao được khi tả lỵ nó hành hạ con như thế!

- Con đã khỏe rồi mẹ ạ!

Bà Sārī lặng lẽ quan sát thần sắc của tôn giả, thấy có hư hao nhưng vẫn toát ra cái an nhiên, thanh thản đến lạ kỳ! Các ông con trai kia cũng thế, đứa nào cũng rất trầm tĩnh và dường như đối với chúng, chẳng có gì xẩy ra? Rồi căn phòng bệnh của tả ly, mà sao lại thanh sạch và lại còn tỏa hương thơm kỳ diệu như thế - một loại hương thơm không có trên trần gian! Bà đâu có biết rằng đấy là các vị trời đã âm thầm bỏ lại hương trời để tẩy xú khí!

- Này con! Bà Sārī hỏi - Tại sao đã khuya rồi mà có những người đến thăm con như vậy? Các vị đầu tiên là ai mà oai phong lẫm liệt, oai gấp trăm lần vua loài người, mà chung quanh họ lại sáng rực như có hào quang? Họ là những ai vậy con?

Chưa trả lời vội, tôn giả bảo trưởng lão Cunda lấy cho mẹ một cái ghế, còn tôn giả sửa lại oai nghi, ngồi kiết già rồi mới nói chuyện:

- Thưa mẹ! Đấy là bốn vị vua trời, còn gọi là Tứ Đại Thiên Vương oai trấn bốn châu thiên hạ đấy mẹ ạ!

Bà Sārī rùng mình, nổi gai ốc: "Hèn gì!" Rồi bà bồn chồn hỏi tiếp:

- Họ oai đức như vậy, cao sang như vậy, sao họ lại đến thăm con, cung kính đảnh lễ con? Có lẽ nào con lại cao hơn họ sao?

- Thưa mẹ! Tôn giả mỉm cười, cất giọng ôn nhu, dịu dàng - Những vị trời ấy có tâm rất cao thượng, họ hằng hộ trì Phật Pháp. Khi đức Đạo Sư đản sanh, chính họ tiếp bồng hoàng tử bằng tấm da mịn. Họ luôn luôn bảo vệ đức Đạo Sư, như bốn vì Thiên Tướng cặp kè với gươm giáo sáng lòe làm người hầu cận vậy. Con cũng hay giảng đạo, dạy đạo cho họ nên họ cung kính con, coi con như bậc thầy! Các em con đây cũng thế, đều là vai vế bậc thầy bốn ông Thiên Vương oai vệ ấy!

Bà Sārī nghe vậy, hoan hỷ đến tận chân tơ kẽ tóc. Móm mém cười, bà hỏi tiếp:

- Còn vị đến sau? Vị đó ngó bộ oai sang hơn bốn vị trước! Cái thân như tạc bằng ngọc ngà châu báu, hào quang đã sáng mà lại còn rất đẹp nữa. Ôi, lại đẹp một cách lạ lùng! Vị ấy là ai?

- Thưa mẹ! Vị đó là vua cõi trời Ba Mươi Ba, là vua cõi trời Đao Lợi mà người ta hay gọi ngài là Đế Thích Thiên Vương. Vị này còn là vua của bốn vị đến trước nữa. Thế gian hay gọi vị này là Ngọc Hoàng Thượng Đế, vì ngài có rất nhiều oai lực, nhiều thần lực kinh khiếp lắm!

- Vị như vậy mà còn thua cả con sao?

- Thưa mẹ! Đối với tỳ-khưu, đối với chúng con thì vị trời ấy cũng như một chú sa-di, một người hầu để sai bảo việc vặt thế thôi!

- Khiếp! Nghe ông con nói mà khiếp!

Tôn giả cười cười trong ánh mắt:

- Mẹ không tin sao? Để con gọi ông Đế Thích ấy xuống đây, sai bảo cho mẹ xem nhé?

Bà Sārī chối đây đẩy, xua tay lia lịa:

- Thôi! Thôi! Mẹ tin rồi! Thấy oai tướng của ông trời ấy mẹ đã khiếp rồi! Mẹ đã run rồi! Mẹ thiếu đức, thiếu phước nên sẽ cúi đầu, run rẩy trước ông ta mà thôi!

Tôn giả chậm rãi, giải thích tiếp:

- Có một mùa an cư, đức Thế Tôn nhập hạ ở cõi trời ấy về. Chính vị trời Đế Thích cao sang ấy đã mang y bát cho đức Thế Tôn, tiễn đưa đức Thế Tôn đến tận quả đất với lòng thương kính và trân trọng vô hạn.

- Thật vậy sao?

- Còn nữa mẹ ạ! Vị vua trời ấy rất cao sang, rất nhiều thần lực mà cũng khá cứng đầu, khó dạy! Có lần, bạn của con là Mahā Moggallāna - chắc mẹ nhớ Mahā Moggallāna là ai rồi - do nhắc nhở, dạy bảo ông ta, đã dùng một ngón chân

làm cho cả Ba Mươi Ba tòa cung điện của ông ta rung rinh, chao đảo, ông ta sợ hãi lắm! Vị vua trời ấy, là đệ tử của đức Tôn Sư, cũng là học trò của con; không những ông ta kính trọng con mà còn rất sợ con khiển trách đấy mẹ ạ!

- Khiếp! Khiếp! Không ai ngờ con lại oai lực đến thế!

Tôn giả mỉm cười. Các ông con trai A-la-hán cũng mỉm cười!

Trưởng lão Mahā Cunda nói:

- Mẹ chưa biết đấy! Oai lực con trai trưởng của mẹ, mười lần mà chưa nói được một đấy!

Trưởng lão Upāsena rắc thêm hương:

- Mẹ ơi! Không những các anh trai của con mà ngay chính Revata bé bỏng thuở xưa của mẹ, cái ông Đế Thích ghê gớm kia cũng phải cúi đầu đảnh lễ đó!

Tôn giả Revata nhũn nhặn, khôn ngoan tiếp thêm lời:

- Điều ấy là đúng sự thật đấy mẹ ạ! Nhưng chính mẹ mới là người vĩ đại, cao quý nhất, vì nếu không có mẹ thì chúng con ở đâu ra? Ân đức của mẹ còn to lớn hơn mấy ông trời ấy không biết chừng nào mà kể!

Bà Sārī hoan hỷ đến nổi da gà cả toàn thân. Trấn tĩnh một lát, bà tiếp:

- Rồi còn mấy vị đến sau, hào quang sáng cả vùng trông rõ mồn một như ban ngày? Ôi! Các vị này thân thể như ánh sáng, nhẹ nhàng, thanh cao và tinh khiết làm sao! Mới thấy họ thôi mà tâm hồn mẹ đã lâng lâng, mát mẻ vô cùng. Họ là những ai vậy con?

Tôn giả đáp:

- Thưa mẹ! Đấy chính là những vị phạm thiên, đại phạm thiên là những bậc Thần Linh Cao Cả mà cha mẹ cũng như dòng họ chúng ta hằng tôn thờ từ đời này sang đời kia đấy!

- Hả?!!!

Bà Sārī tròn xoe đôi mắt, ngạc nhiên quá, miệng dường như không còn ngậm lại được.

Biết mẹ đã khởi tâm tịnh tín, tôn giả nói tiếp:

- Vào ngày đức Đạo Sư xuất thế, có bốn vị ở cõi trời Ngũ Tịnh Cư, bốn người bốn góc đã căng một tấm lưới bằng vàng mịn tiếp bồng hoàng tử. Thường thường vào buổi khuya, đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe. Không những họ coi đức Thế Tôn là bậc thầy vô thượng mà họ cũng xem chúng con như bậc thầy mà họ hằng ngưỡng mộ, tôn sùng! Vừa rồi, có vị đại phạm thiên Sāhampati, là bạn thân của đức Đạo Sư từ thời Phật Kassapa cũng đến đảnh lễ, thăm viếng con đấy mẹ ạ! Vị ấy hằng hộ trì đức Thế Tôn, tăng chúng cũng như giáo pháp!

Bà Sārī tâm tư đã hoàn toàn đổi khác, bà nghĩ:

- " Ôi! Ai ngờ rằng con trai ta mà cao siêu, cao cả đến thế, cho đến các vị phạm thiên, đại phạm thiên mà dòng tộc ta tôn thờ, lễ lạy, cúng kiếng từ đời này sang kiếp nọ cũng ở dưới con ta không biết bao nhiêu bực? Còn nói là đến đây để con trai ta tùy nghi sai bảo nữa? Ồ! Nếu vậy, con ta đã là bậc Đại Thánh trên đời sao?! Và dường như mấy ông con kia, oai lực cũng không kém gì! Ôi! Nếu con trai trưởng của ta, các ông con kia đã là vậy thì oai đức của đức Thế Tôn kia cao lớn biết dường nào?"

Một sự thỏa thích, hoan hỷ tràn ngập tâm tư bà; một niềm mát mẻ, trong lành tỏa khắp cả châu thân bà. Tôn giả Sāriputta ghi nhận được sự diễn biến ấy; và đây là thời tốt đẹp nhất để thuyết cho bà rõ về ân đức của Tam Bảo.

Tôn giả bèn hỏi:

- Thưa mẹ! Mẹ nghĩ gì mà khuôn mặt mẹ rạng sáng đến như vậy?

- Này con! Không rạng sáng sao được khi không những con, mà các con trai của mẹ đều cao cả hơn các ngài đại phạm thiên? Và chắc chắn rằng thầy của con, đức Thế Tôn lạ lùng ấy, rõ đúng là vô biên vô lượng ân đức nhất dưới gầm trời này!

Tôn giả gật đầu:

- Đúng vậy mẹ ạ! Mẹ đã suy nghĩ rất đúng. Ân đức của một vị Phật thì chính ngay hư không hay biển cả kia cũng không thể so sánh được. Mẹ biết không? Dễ gì có một đức Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên đời này? Phải kể đến hằng trăm đại kiếp mới tượng ra được một nhân cách chí thiện, chí mỹ và đại toàn như thế. Ngày đức Đạo Sư ra đời, quả địa cầu dày bốn mươi do tuần này rung chuyển ba lần. Ngày đức Thế Tôn thành đạo cũng thế. Không những địa đại rung chuyển mà cả hằng vạn cõi trên khắp đại thiên thế giới cũng chao đảo, chấn động như sóng dội!

Thưa mẹ! Con thì đã có nghĩa gì, mặc dầu giữa thế gian này, con đứng hàng thứ hai sau đức Phật! Về phước đức, về định lực, về trí tuệ, về giải thoát, về kiến thức hiểu biết quảng đại, về phẩm hạnh, về công hạnh, về các tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả thì con cũng đã thành tựu khá nhiều; nhưng so với đức Phật, một vị Chánh Đẳng Giác thì có thể ví như hạt cát so với biển cát của con sông Gaṅgā, như một hạt bụi so với ngọn Himalaya!

Rồi tuần tự, từ từ, chậm rãi, tôn giả nói cho bà Sārī nghe về ân đức của Phật, ân đức của pháp, ân đức của tăng... làm cho bà Sārī như rơi vào vùng biển trời bao la, lạ lùng, choáng ngợp, hùng vĩ, huy hoàng... Thời pháp chưa chấm dứt mà bà đã đắc quả Tu-đà-hoàn, nhập vào dòng thánh.

Bà Sārī hoan hỷ quá, hân hoan quá, bà thốt ra lời trong những giọt lệ mừng vui, lần thứ nhất và cuối cùng ở trong đời:

- Này Upatissa! Này các con! Từ nay mẹ không dám gọi xách mé nữa, mà mẹ sẽ gọi ông là tỳ-khưu Upatissa, là sa-môn Sāriputta! Mẹ sẽ gọi các con trai, con gái mẹ đều tương tợ như thế! Các người đã có ân đức vô lượng vô biên, đã cho mẹ uống được những giọt nước ngọt ngào, đã cho mẹ thấy rõ đường đi nước bước, biết đặt đức tin đâu là đúng, đâu là

sai. Ôi! Quý hóa thay! Này sa-môn Upatissa! Này các con trai yêu quý của mẹ! Sao từ trước đến nay các vị không chịu dẫn dắt mẹ? Tại sao trong suốt những năm tháng qua, các người đã không cho mẹ một sự hiểu biết Chơn Chánh và Bất Tử này?

Tôn giả Sāriputta hân hoan, tự nghĩ:

"- Thế là ta đã báo đáp được trong muôn một ân sinh thành dưỡng dục cho mẹ. Và đấy chính là điều phải làm duy nhất còn lại đối với ta. Vậy mọi bổn phận trên đời này ta đã hoàn tất, đã chu toàn, ta ra đi là phải lẽ, đúng thời".

Khi bà Sārī rời khỏi phòng, tôn giả quay qua hỏi các em:

- Giờ là canh mấy rồi?

- Thưa, đã quá canh ba, trời đã rạng sáng.

- Ta muốn nói chuyện với chư tăng lần cuối cùng, các em triệu tập giúp ta nhé!

- Thưa vâng!

- Ta đã tập trung tất cả mọi sức lực còn lại để nói chuyện với mẹ, giờ ta yếu lắm! Các em hãy bảo người khiêng ta ra Nhà Hội, chư tăng cũng sẽ tụ họp ở đấy! Các vị thánh tỳ-khưu-ni thì chắc họ biết rồi!

- Thưa vâng!

Khi đã an vị đâu đó xong xuôi, nhìn chư tăng hội chúng đệ tử một cách rất ân cần, tôn giả nói:

- Tất cả mọi điều đáng nói, ta đã nói hết rồi. Bây giờ ta chỉ xin các thầy hoan hỷ bỏ lỗi cho ta vì một vài hành vi hay lời nói nào đó mà làm cho các thầy buồn lòng. Trên con đường tấn tu phạm hạnh, ai cũng có những sai lầm, không nhiều thì ít. Đây là giây phút cuối cùng, các thầy hỷ xả bỏ qua cho ta nhé?

Chư tăng đệ tử của tôn giả đồng trả lời:

- Ngài đừng nói như thế mà tội nghiệp cho chúng con. Ôi! Quả thật một sự mếch lòng nhỏ như hạt bụi giữa ngài đối với chúng con cũng không có! Với chúng con, ngài là

một viên ngọc mạni không tỳ vết, là mặt trăng, là mặt trời lồng lộng giữa không trung! Dù ngài có ra đi, có khuất bóng, dấu chân Bất Diệt và Cao Cả của ngài vẫn còn đó. Chúng con nguyện đi theo dấu chân ấy và ghi khắc hình ảnh của ngài vào tâm khảm. Phải nói ngược lại mới đúng: Xin ngài hoan hỷ xá tội cho những lầm lỡ của chúng con!

- Lành thay - Tôn giả nói, giọng đã yếu lắm - Hãy lấy Phật làm ngọn đèn, hãy lấy pháp làm chân lý lên đường, hãy lấy tăng làm áo giáp ngăn che. Vậy là các thầy sẽ được bình an về nơi cõi miền giác ngộ. "Hãy tinh tấn, gia công chuyên niệm, kiên trì chăm chú, giác niệm đừng có xao lãng, đấy là lời dạy cuối cùng của ta".

Lát sau, tôn giả nói:

- Thôi, vừa rồi, đủ rồi! Các thầy hãy lui ra!

Cả năm trăm vị tỳ-khưu, rất nhiều vị đỏ lệ ngậm ngùi nhưng đều vâng dạ, bước ra ngoài, vòng tay cúi đầu hoặc đưa mắt nhìn vào bên trong. Bên cạnh tôn giả chỉ còn trưởng lão Anuruddha và sáu vị thánh A-la-hán em trai và em gái ngài!

Tôn giả ngước nhìn tất cả mọi người rồi nói nho nhỏ:

- Giờ là phải thời, cho phép tôi ra đi trước chư hiền!

Các vị lặng lẽ chấp tay, cúi đầu. Tôn giả xoay người nằm nghiêng về bên phải, chân phải duỗi thẳng, chân trái co lên, đầu gối lên cánh tay phải, tay trái bỏ dọc theo thân mình. Trưởng lão Mahā Cunda kéo y ngoại phủ chân và phủ đầu ngài. Lát sau, nhiếp tâm, tôn giả nhập sơ thiền, từ sơ thiền ngài đi vào nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không vô biên thiền, thức vô biên, vô sở hữu, phi phi tưởng rồi đi vào diệt thọ tưởng định. Từ diệt thọ tưởng định, một lượt nữa, ngài xuống lại sơ thiền. Từ sơ thiền ngài lên lại tứ thiền. Dừng lại ở tứ thiền, ngài trú sâu viên mãn vào đại định rồi hoàn toàn đi vào Đại Bát Niết-bàn Tịch Diệt.

Lúc ấy, vầng thái dương cũng bắt đầu ló dạng ở chân trời như chào đón một bậc Vĩ Nhân, một ngôi Sao Sáng đã đi vào vĩnh cửu.

Hôm đó là ngày trăng tròn tháng Kattika ở Ấn Độ, vào khoảng giữa tháng 10 và 11 Dương lịch.

Bà Sārī nằm nghỉ một lát thì trời đã sáng bừng, bà vội vã trở dậy với ý nghĩ: "Không biết bệnh tình của ông con của ta giờ ra sao?" Bà bước sang phòng, vắng tanh. Các phòng khác cũng thế. Thấy mọi người trang nghiêm đứng trong Nhà Hội, bà bước vào. Tới nơi chỗ nằm, bà lần lượt sờ chân, sờ mũi, sờ đầu mới biết rằng tôn giả đã tịch! Bà liền quỳ dưới sàn phòng, than khóc, nước mắt, nước mũi nghẹn ngào.

- Ôi! Ông con trai cao quý của mẹ đã đi rồi! Ôi! Ông con trai suốt đời hiền lành, dịu dàng, nết na, mẫu mực... giờ không còn nữa! Trước khi mất, mẹ mới biết rằng ông là người cao cả, oai đức lớn còn hơn cả đại phạm thiên! Thế nhưng đã muộn rồi, ông con ơi! Gần suốt một trăm năm, mẹ đã không tạo được, không tích lũy được một công đức nào cả trong cái tòa trang viện đồ sộ này! Mẹ đã không biết cung kính, cúng dường cho hằng trăm sa-môn, hằng ngàn sa-môn chân chánh và cao thượng. Mẹ đã không xây cất được một tịnh xá, không dâng được một mảnh đất, chưa thật sự phát tâm hoan hỷ dâng một chút ít vật thực cho đức Phật cao cả và tăng chúng thánh hạnh! Ôi! Than ôi! Của cải chất đầy rương, đầy hòm mà mẹ chưa có một chút phước báu nào cả ông con ơi!

Bà Sārī kể lể cho đến khi mặt trời lên cao. Bảy vị A-la-hán ngồi đại định ở xung quanh nhục thể của tôn giả, an nhiên, bất động như bảy bức tượng đồng! Nhìn sự yên tĩnh ấy, yên tĩnh một cách lạ lùng, một hồi, tâm bà thanh thản hơn. Chư tăng lần lượt bước vào đảnh lễ.

Tôn giả Anuruddha xuất thiền, khẽ nói nhỏ vào tai bà Sārī:

- Không nên khóc nữa, thưa mẹ! Con trai của mẹ đã nhập Niết-bàn, nghĩa là đã đi vào chốn an vui bất tử, từ rày không còn dính một tí đau khổ nào nữa, dầu chỉ là đầu ngọn cỏ kusa! Mẹ hãy tỉnh táo, lau ráo nước mắt, lo hậu sự cho con trai mẹ, với tất cả tấm lòng của mẹ, rồi mẹ sẽ cảm thấy yên vui và mát mẻ lạ lùng!

Thưa mẹ! Mẹ chỉ mất đi một người con đức hạnh, nhưng chúng con lại mất đi cả một Kho Tàng Pháp Bảo, mất đi một ngôi Sao Sáng bên cạnh đức Tôn Sư; mất đi một người cha, một người mẹ, một người anh cả trong giáo hội và tăng đoàn. Chúng con mất mát lớn hơn cả mẹ nữa đấy! Mẹ hãy nhìn xem chư tăng kìa! Anh trai trưởng của chúng con ra đi, cả năm trăm đứa con kia, mới chỉ là số ít thôi, đã cảm thấy bơ vơ không có nơi nương tựa! Nhưng định luật của tự nhiên là vậy, có sinh thì có diệt, có tụ thì có tan!

Còn vấn đề tạo công quả thì không có gì phải muộn màng! Chư tăng còn nhiều lắm, đức Phật còn tại thế, giáo hội còn trường tồn. Mẹ hãy chứng tỏ cho các thôn làng xung quanh đây, những ngôi làng bà-la-môn kỳ cựu biết rằng mẹ là mẹ của bảy vị A-la-hán cao cả, mẹ đã đứng vững trong Chánh Pháp, mẹ có Đức Tin Bất Động với Tam Bảo, mẹ đã nếm được hương vị của Đạo Bất Diệt. Thưa mẹ! Những lời con đã mạo muội nói ra như vậy, mẹ nghĩ có đúng không?

Bà Sārī gật đầu mạnh mẽ:

- Rất đúng, hoàn toàn đúng, thưa tôn giả! Các ngài và ông con trai của tôi nói lời nào là đúng lời ấy mà trước đây tôi vì quá mê muội nên không thấy. Hãy cho tôi được sám hối đức Phật, đức Pháp và đức Tăng.

Bà quỳ xuống đảnh lễ, cả bảy vị A-la-hán đều lặng lẽ chứng minh cho lời sám tội ấy.

Sau đó, bà Sārī rộng tay mở kho tàng, lấy ra những rương to, rương nhỏ vàng ngọc, nữ trang trông đến chóa mắt. Thế rồi hằng trăm gia nhân chạy tới chạy lui xuôi

ngược. Hằng chục trưởng lão trong thân quyến ăn vận nghiêm trang đến nhà theo lời mời của bà Sārī. Hằng trăm thợ thầy danh tiếng, hằng trăm người phụ việc tuân lệnh răm rắp theo lời chỉ dẫn của bà. Từng núi lương thực được chở đến. Vật liệu, hương liệu, tràng hoa, vật thơm, vải vóc... ngựa xe nườm nượp. Gỗ chiên đàn, gỗ thơm hương vàng theo thuyền trên nguồn tải về.

Thế là chỉ trong ba ngày, một ngôi nhà Hội Tế được dựng ngay chính trung tâm làng Nāḷāka. Tất cả cột và vòng khung toàn bằng gỗ quý, thếp vàng, thếp bạc. Chính giữa ngôi nhà Hội Tế có hai mái che phủ rộng rãi, có bao lơn, có trường bản được khắc chạm tinh vi với những trụ cột cũng được bọc vàng bên ngoài. Tất cả khí cụ thờ tế hoặc trang hoàng khác cũng bằng vàng, bằng bạc hoặc những khí vật đắc tiền.

Thật là tài tổ chức, sự khéo léo sắp đặt, chỉ huy của bà Sārī vẫn còn hiệu năng, đắc dụng như thuở nào! Cả mấy làng trầm trồ thán phục một bà lão trên trăm tuổi. Chưa thôi, hằng ngày, gia nhân chăm lo vật thực đầy đủ, sung mãn, thượng vị cúng dường cho năm trăm thầy tỳ-khưu. Hằng ngày, số người ăn, cả quan khách, thầy thợ và gia nhân bao giờ cũng trên ngàn người. Một mình bà Sārī quán xuyến tất cả.

Đến ngày thứ tư, quan khách đông hơn, và tôn giả Anuruddha nói với bà Sārī là rất nhiều vị thiên, địa tiên, thọ thần, rồng, da-xoa... cũng trà trộn xen lẫn vào đấy để cùng tham dự. Có điều hay là mặc dầu đã ở trong hàng ngũ chánh đạo, bà Sārī vẫn để cho các trưởng giáo bà-la-môn và quan khách tổ chức hội tế theo truyền thống, tập tục của dân làng. Khi số người đông đảo ấy đã hành lễ suốt mấy ngày theo nghi thức tang lễ cổ truyền đã xong, bà cho dựng ngay một dàn hỏa thiêu cao trọng bằng tất cả các loại gỗ quý nhất, củi đốt cũng bằng gỗ trầm hương. Nhục thể của tôn giả

Sāriputta được quấn bằng hằng trăm mét lụa Kāsi quý báu, tẩm dầu hương; rồi được phủ bằng hàng chục loại hoa tươi, hương liệu thơm như đinh hương, hồi hương, nước hoa ngát ngào đủ loại; và được tôn trí trên cao...

Thế rồi, chư tăng đứng quanh mấy vòng quanh, tụng những biến kinh về vô thường, khổ không, vô ngã. Ba vị tỳ-khưu-ni A-la-hán, em của ngài, ngồi quỳ lặng lẽ bên linh cữu. Bốn vị A-la-hán, dẫn đầu là tôn giả Anuruddha, cầm những bó mồi bằng rễ cây usīva thơm hương, châm lửa đốt. Lời kinh của năm trăm người đọc quả có uy lực kinh thiên động địa, dào dạt, ùn ùn như sóng lượn giữa không gian. Lửa bốc cháy, thơm ngào ngạt, lan xa cả mấy ngôi làng...

Trong đêm hỏa thiêu ấy, có mấy ngàn người tham dự cùng vô số chư thiên, phạm thiên chứng kiến. Tôn giả Anuruddha và ba vị thánh tăng em trai ngài thay nhau thuyết pháp không nghỉ. Khi lửa tàn chỉ mới cuối canh hai, tôn giả Anuruddha và Mahā Cunda lấy những thùng nước hoa rưới tắt những cục than âm ỉ khói. Trưởng lão Mahā Cunda đến góp nhặt xá-lợi vào vuông vải lọc.

Bà Sārī đưa ra một cái hộp bằng vàng để đựng di cốt nhưng trưởng lão Mahā Cunda nói:

- Không, thưa mẹ! Chỉ vuông vải lọc của thầy tỳ-khưu như thế này là đẹp lắm rồi. Con sẽ đi ngay, kịp thời về trình báo với đức Thế Tôn. Con không thể lưu lại đêm hay lưu lại một giây khắc nào nữa cả.

Nói xong, trưởng lão Mahā Cunda chào mẹ, chào tôn giả Anuruddha, chào các em; sửa lại y bát, buộc vuông vải lọc chứa đầy xá-lợi, đồng thời cầm luôn y tăng-già-lê và bình bát, là di vật tùy thân của tôn giả Sāriputta, cấp tốc lên đường về Sāvatthi.

Bà Sārī đưa mắt lặng lẽ, ngậm ngùi nói:

- Chẳng lẽ con đành đoạn mang đi hết sao? Con chẳng để lại một chút xíu gì di vật của anh trai con cho mẹ và ngôi làng Nāḷāka này tưởng niệm hay sao?

- Có đây rồi mẹ! Trưởng lão Upāsena nói – Anh trai con chu đáo lắm, có để lại cho mẹ đây.

Rồi tôn giả trao cho bà Sārī vuông vải lọc của thầy tỳ-khưu, trong đó có mấy ngôi xá-lợi sáng lấp lánh. Tiếp theo sau đó, Revata, Cālā, Upacālā, Sīsupacālā đều đưa những vuông vải lọc ra cho bà Sārī xem. Hóa ra vị nào cũng có một ít xá-lợi của tôn giả cả.

Tôn giả Anuruddha bèn giải thích cho bà Sārī hiểu:

- Vì ân đức của tôn giả - con trai trưởng của mẹ quá lớn, nên chúng tôi đã đồng chia nhau mỗi vị một ít, mang về nơi trú xứ, xây dựng bảo tháp để cho chư tăng và hai hàng cư sĩ áo trắng các nơi có cơ hội chiêm bái, phụng thờ!

Bà Sārī mừng đến chảy nước mắt. Những giọt nước mắt hân hoan, thanh khiết.

Ít hôm sau, bà đã bỏ tiền của ra không tiếc, hết lòng kiến tạo một ngôi bảo tháp để tôn thờ xá-lợi của tôn giả Sāriputta, một hiện thân siêu việt đã làm thơm lây ngôi làng Nāḷāka nhỏ bé này.

Trưởng lão Mahā Cunda sử dụng thần thông tức tốc về Kỳ Viên tịnh xá, tìm gặp tôn giả Ānanda, đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên:

- Thưa tôn giả! Sa-môn Sāriputta, anh trai trưởng của con đã nhập diệt rồi. Đây là di cốt, đây là bình bát và y tăng-già-lê của vị ấy.

Tôn giả Ānanda lặng ngắt, im sững một hồi lâu rồi thò tay sờ vuông vải lọc, sờ y, sờ bát... miệng nói như một cái máy:

- Vâng, vâng thưa hiền giả! Vâng, thưa hiền giả! Chúng ta sẽ ra mắt... chúng ta hãy cùng ra mắt đức Tôn Sư!

Thế rồi cả hai vị đến đảnh lễ đức Đạo Sư.

- Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Ānanda lắp bắp - Hiền giả... hiền giả Mahā Cunda vừa từ Nāḷāka đến đây, có đưa tin rằng, đại huynh trưởng của tất cả chúng con, là tôn giả Sāriputta đã Niết-bàn rồi. Và đây là xá-lợi và di vật của Con Người Cao Cả ấy!

Nói thế xong, tôn giả Ānanda đôi mắt ứa ra hai hàng lệ, nghẹn ngào:

- Khi đệ tử nghe tin ấy, tâm tư đệ tử trở nên bàng hoàng và cơ thể cảm nghe như yếu ớt, suy nhược đi. Mọi vật chung quanh như quay cuồng, mờ nhạt. Và tâm trí của đệ tử như rơi vào trạng thái mơ hồ, mông lung, không còn phân biệt cái gì ra cái gì nữa cả. Ôi! Đệ tử rất đau đớn!

Đức Phật biết tâm tư của người đệ tử giàu xúc cảm, ngài cất giọng từ hòa:

- Này Ānanda! Sao ông lại nói như vậy? Sāriputta nhập diệt có lấy đi của ông phần nào giới hoặc định hay không? Hay Sāriputta đã mang đi tất cả trí tuệ và giải thoát của ông mất rồi?

- Anh Cả của đệ tử không lấy đi cái gì cả! Rồi tôn giả Ānanda sụt sùi nói - Nhưng người là cố vấn trí tuệ cho đệ tử, đã giảng giải Pháp Bảo cho đệ tử một cách trọn vẹn, rõ ràng và chân thực. Người đã dẫn dắt hàng ngàn tỳ-khưu vào thánh đạo. Đã hào sảng rộng tay mở toang cánh cửa trời người cho hằng vạn chúng sanh. Những huấn pháp, dụ pháp của tôn giả ấy linh động, ngát ngào, mát mẻ, ấm cúng và thâm diệu dường bao! Ôi! Vĩnh viễn đệ tử sẽ không còn nghe được những thời pháp đậm đà, sâu sắc và thắm thiết kia nữa!

Đức Phật lại phải an ủi, dạy bảo:

- Này Ānanda! Đừng sầu thương thái quá! Như Lai biết rõ tình cảm của ông đối với Sāriputta, nên trong buổi tiễn đưa, Như Lai đã cố ý không cho ông gặp mặt là vì vậy. Tất cả mọi pháp hữu vi nó sinh diệt hoại thành ra sao ông đã biết

rồi. Tất cả mọi cái gọi là yêu thích, yêu mến, luyến thương... chúng tạo ra ràng buộc, đau khổ như thế nào ông cũng biết rồi. Và ông còn thuyết pháp rất hay về điều đó nữa là khác. Như Lai chỉ nhắc nhở ông một điều thôi: "Hãy tự tạo cho mình một hòn đảo để nương tựa, một hòn đảo không sinh diệt, Bất Tử, một hòn đảo thoát ra ngoài mọi định luật vô thường, một hòn đảo ở trên mọi trạng thái và các điều kiện". Ông là bậc bác học, đa văn, quảng tuệ, Như Lai nói ít nhưng ông hiểu nhiều!

Tôn giả Ānanda cúi đầu ghi nhận nhưng dòng sóng cảm xúc trong tâm tư vẫn cứ tuôn trào.

Thấy vậy, đức Phật đưa tôn giả Ānanda vào công việc:

- Hãy tụ tập tất cả tăng chúng trong Kỳ Viên tịnh xá đến ngay đại giảng đường để Như Lai nói thêm về người Anh Cả của họ.

Đức Thế Tôn ngồi lên pháp tòa, phóng hào quang sáu màu trộn lẫn từng đôi một, duỗi thẳng cánh tay nhận vuông vải lọc đựng di cốt của tôn giả Sāriputta, mở ra, đưa lên cao rồi đặt vào lòng tay trái, nhìn hội chúng chư tăng đầy cả đại giảng đường rồi nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Đây là di cốt có màu sắc sáng trắng như ngọc trai của một vị tỳ-khưu có phẩm hạnh trinh bạch tựa vỏ ốc. Đấy là Anh Cả của các ngươi! Ông ấy đã nhập diệt rồi. Và đây là xá-lợi còn lại!

Đức Thế Tôn đưa tay chỉ y, bát nằm bên cạnh pháp tòa, mở lời tán dương công đức:

- Này các thầy tỳ-khưu! Sāriputta đã tu tập rất lâu, kể từ khi phát nguyện dưới chân đức Phật Anomadassi đến nay với thời gian không thể tính được. Ông ta đã tích lũy ba-la-mật như cát của con sông Gaṅgā, như lá cây trên đại ngàn Himalaya! Quả vị mà ông ta đạt được rất gần với Như Lai. Là một tỳ-khưu xứng đáng được tứ chúng tôn trọng và ngưỡng mộ, vinh hạnh cho thế gian chiêm bái, phụng thờ!

Trí tuệ của ông ta không ai bì kịp. Trí tuệ ấy sáng suốt, quảng bác, rực chói như hàng triệu ngôi sao tụ lại. Ông ấy là một người sống đời biết đủ, ít ham muốn, điềm đạm, không dính bụi trần, ưa tĩnh cư, ưa tạo sự hòa hợp giữa tăng chúng, không mệt mỏi trong phật sự, không chán nản trong việc giáo huấn môn đồ, cư sĩ đệ tử. Là người bạn khả kính, khả ái của mọi người. Là một thiện trí thức vĩ đại!

Nầy các thầy tỳ-khưu! Từ bỏ một gia sản và hiện kim không thua gì gia sản và hiện kim của trưởng giả Cấp Cô Độc; Sāriputta đã nhẹ nhàng ra đi như một cánh chim trời tự do để sống đời sa-môn vô sản bần hàn, quyết tầm cầu đạo quả tối thượng chưa có trên trần gian này!

Các thầy có biết không? Trải qua vô lượng kiếp huân tu và tích lũy công hạnh, ông ấy là người luôn luôn thân cận với Như Lai; khi là thân phụ, khi là nội tổ, là chú, là bác, anh em, con cái, cháu chắt hoặc bạn của Như Lai. Ông ấy kiên định như đá tảng, khiêm nhu tựa lụa mềm, kham nhẫn giống đại địa, tĩnh lặng tợ bể sâu! Ông ấy sống đời vô hại và hữu ích cho mọi người. Với bè bạn, người thân, môn đệ, ông như con linh ngưu chúa đàn với đôi sừng bằng sắt sẵn sàng bảo vệ và ngăn chặn kẻ ác, điều ác, việc ác không cho đến gần mọi người. Ông ấy đã từng tự ví mình như đất, nước, lửa, gió, như miếng giẻ chùi chân, như chén mỡ đặc, như một người chiên-đà-la tôi tớ, nô lệ, thấp kém, thấp hèn nhất trong xã hội; thế nhưng ông ta lại là một Con Người Cao Cả, Vĩ Đại Nhất trên đời này!

Đức Phật một lượt nữa lại đưa di cốt lên:

- Nầy các thầy tỳ-khưu! Đây là xá-lợi của vị tỳ-khưu ấy, có sắc trong sáng, trắng sáng như ngọc trai, là vị thánh tăng duy nhất khi ra đi có cuộc tiễn đưa vĩ đại, quả đất phải rung động và sấm gióng đầy uy vũ giữa trời cao!

Trong trăm trăm ngàn ngàn kiếp qua, ông ta đã biết bao lần bứt xiềng đời sống ngục tù, ràng buộc của gia đình. Đã

biết bao lần ông ta đã khẳng khái chối bỏ ngọc vàng, tước lộc, thê nhi vì lý tưởng vô thượng của đời mình. Vị tỳ-khưu ấy giờ đây mãi mãi được chư thiên, phạm thiên, nhân loại cung kính, phụng thờ. Các thầy hãy bước theo gót chân của Sāriputta. Một gót chân dù ở giữa đô thị hay rừng sâu cũng không làm hại đến một chúng hữu tình, một chúng vô tình; gót chân in dấu sự tịch lặng và vô nhiễm đến muôn đời!

Sāriputta là người chiến thắng vĩ đại! Một vị tỳ-khưu phẩm hạnh trong trắng như vỏ ốc, thanh sạch như pha ly châu! Ông ta là người xứng đáng nhất để xây dựng một bảo tháp để chư thiên, phạm thiên và nhân loại cung kính, lễ bái, chiêm ngưỡng, dâng đèn hoa, trầm hương để tôn kính, thờ phụng đến ngàn sau.

Sau khi xá-lợi, y, bát của tôn giả Sāriputta được chính đức Thế Tôn ca ngợi như vậy, tán thán như vậy; hai hàng cận sự nam nữ, vua chúa, đại thần, phú hộ, dân chúng quanh thành Sāvatthi hùn góp tiền bạc, của cải, công sức; kiến tạo một bảo tháp quý trọng để tôn trí xá-lợi, y bát của ngài, được chọn địa điểm trên một ngọn đồi cao, sâu trong rừng cây của hoàng tử Jeta (Kỳ-đà).

Tôn giả Sāriputta ra đi - ai cũng xúc động và đau thương trước sự mất mát lớn lao của giáo hội. Nhưng xúc động và có vẻ đau thương nhất là tôn giả Ānanda, ông khóc lóc, than thở với nước mắt dầm dề, như người vô hồn, lặp đi lặp lại mãi:

- Ôi! Người bạn cao thượng của tôi, ông Anh Cả của tôi đã đi rồi thì đối với tôi, cuộc đời này sẽ chìm sâu trong đêm đen lạnh lẽo.

Thấy vậy, đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Thấy cảnh ông lại nhớ người. Vậy hãy tập họp chư tăng, ngay ngày mai, ông cùng với đại chúng bộ hành về Trúc Lâm tịnh xá trước. Như Lai và chư vị trưởng lão khác sẽ đến sau.

Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn

Thế rồi, trong lúc công trình bảo tháp ở Kỳ Viên đang xây dựng được mấy hôm thì đức Phật hướng tâm, biết là tôn giả Mahā Moggallāna cũng sắp Niết-bàn. Và ngài cũng biết diễn tiến của sự việc nó xẩy ra làm sao.

Số là trước đây, do có năng lực siêu nhiên, tôn giả Mahā Moggallāna thường vân du hành hóa khắp ba cõi, sáu đường, trong đó các cảnh trời, địa ngục, ngạ quỷ ngài thường ghé thăm nhất. Điều tôn giả thấy rõ sự thực là tăng sĩ hay tục gia đệ tử của đức Phật đa phần hóa sanh lên các cảnh trời, còn môn đệ của ngoại đạo, xuất gia hay tại gia đa phần thác sanh vào các cảnh khổ như địa ngục hay ngạ quỷ. Trước hội chúng tại các đại giảng đường đó đây, tôn giả thường trình lại với đức Phật chuyện nghe thấy của mình, sau đó được đức Thế Tôn xác chứng đó là sự thực. Hai hàng cư sĩ áo trắng biết được sự việc ấy, họ lại càng tăng trưởng thêm đức tin, đồng thời lôi kéo luôn một số tín đồ ngoại giáo từ bỏ giáo phái cũ để theo giáo hội của đức Phật. Trước hiện trạng ấy, quần chúng theo Phật ngày càng đông và tín đồ của ngoại giáo ngày càng ít; và như vậy thì lợi đắc, cung kính, uy tín, danh vọng, lợi dưỡng của họ ngày càng bị tổn giảm, ngược lại, bên phía đức Phật và giáo hội ngày càng tăng.

Sau khi truy cứu tìm biết người tiết lộ sự thực về chuyện cõi trời và địa ngục ấy là tôn giả Mahā Moggallāna thì ngoại đạo rất căm ghét ngài. Và chuyện mà ngoại giáo bị sút giảm cả tín đồ và tứ sự thì "thủ phạm" không ai khác hơn là tôn giả Mahā Moggallāna.

Một số ngoại đạo họp bàn với nhau, chủ chốt là nhóm đạo sĩ thuộc phái Niganṭha Natāputta (Ni-kiền-tử) đã bỏ ra một ngàn đồng tiền vàng thuê mướn một toán côn đồ, cầm đầu là Samaṇagutta tìm cách giết chết tôn giả Mahā Moggallāna.

Khi biết được tôn giả đang ở tại Kāḷasilāvihāra, núi Isigilī, chúng mang đao kiếm vây quanh liêu thất của ngài. Cả sáu lần, sáu ngày như vậy, chúng xông vào bên trong nhưng đều không tìm thấy tôn giả. Hóa ra, do biết ý đồ của chúng nên tôn giả đã sử dụng thần thông, bay đi mất. Ngày thứ bảy, biết chắc là tôn giả đang ở bên trong thất, chúng xông vào thì ngài ngồi yên vì ngài biết ác nghiệp quá khứ giết cha mẹ còn dư sót đã đến hồi trổ quả. Và ngài còn biết rằng, khả năng thần thông có thể thu phục rồng chúa Nandopananda, nhiếp phục rắn chúa Ahichatta, chỉ với ngón chân có thể làm rung chuyển lâu đài Vejayañta ở cõi trời Đao Lợi, nhưng khi nghiệp ác đến thì thần lực ấy cũng bất lực.

Khi đang định ngồi yên cho chúng giết thì tôn giả suy nghĩ: "Đức Thế Tôn đang ở tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn huynh của ta cũng vừa Niết-bàn, hiện tại ở đấy đang xây dựng bảo tháp. Ta chưa xin phép đức Thế Tôn để nhập diệt, vậy thì ta cần phải duy trì ý căn (sắc ý vật), cho dù năm căn mắt tai mũi lưỡi thân có bị hủy diệt nhưng ý căn vẫn còn thì ta cũng có thể hoàn nguyên lại thân xác như thường". Nghĩ thế xong, tôn giả huy động thần lực, đưa ý căn ra ngoài thân

xác, ví như người ta rút đi tim của cọng bấc, chỉ còn vỏ bấc, rồi ngài trú vào "tim của ý căn" ấy.[1]

Bọn côn đồ tha hồ đánh đập, đâm chém tôn giả. Chúng còn chặt đầu, tay, chân rồi lấy xương bể, thịt vụn lẫn lộn máu quăng vất khắp nơi!

Đợi chúng đi khỏi, tôn giả dùng thần thông từ "tim của ý căn", thu gom lại thân xác y như cũ rồi bay về Kỳ Viên tịnh xá, ngài đảnh lễ đức Phật tại hương phòng.

Tôn giả thưa:

- Hôm nay, đệ tử sẽ từ bỏ thọ hành (āyusaṇkhāra), kính mong đức Đạo Sư cho phép đệ tử an nghỉ Niết-bàn vô dư.

Đức Phật yên lặng một lát.

- Ông muốn nhập diệt ở đâu?

- Xá-lợi tôn huynh của đệ tử được đức Thế Tôn tuyên dương ở Kỳ Viên tịnh xá, kinh thành Sāvatthi thì đệ tử nên an nghỉ tại núi Isigilī gần Trúc Lâm tịnh xá, kinh thành Rājagaha!

- Ông thật là chu đáo! Thôi, hãy làm những gì mà ông nghĩ là phải thời![2]

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Nhưng mà! Đức Phật nói tiếp - Trước khi thị tịch Niết-bàn, ông cũng nên thị hiện thần thông và thuyết một thời pháp cuối cùng để từ biệt chư tăng cũng như các hàng môn đệ.

Thế rồi, sau khi làm theo lời dạy bảo của đức Phật, tôn giả bay qua không gian về Kāḷasilāvihāra, núi Isigilī để nhập diệt. Isigilī là một trong năm ngọn núi bao quanh kinh thành Rājagaha, bốn núi kia là Vebhāra, Paṇḍava, Vepulla và Gijhakuṭā.[3] Sở dĩ tôn giả chọn ngọn núi này là vì không

---

[1] Một số đoạn trong truyện này có lấy ý từ "Đức Phật và 45 năm..." của tỳ-khưu Chánh Minh.

[2] Là chấm dứt "tuổi thọ" chứ không phải thọ, hành.

[3] 5 ngọn núi này có nhiều ghi chú không được đồng nhất.

những nó nổi tiếng là đẹp mà còn là ngọn núi thiêng nữa. Trong quá khứ, ở đây đã có năm vị Độc Giác Phật ngụ cư.[1] Còn nữa, tôn giả còn biết rằng, chư thiên, phạm thiên, long vương... vốn rất có duyên với ngài, sẽ làm hỏa đài, sẽ làm lễ thiêu nhục thân ngài - chứ không phải vua chúa, các gia chủ hay cư sĩ kinh thành Rājagaha.

Bởi vậy, khi tôn giả đi lên đi xuống các tầng thiền, dừng lại ở tứ thiền rồi chấm dứt nghiệp và thọ hành thì ngay lúc ấy, quả địa cầu rung chuyển dữ dội như một hiện tượng phi thường ở ngoài các định luật tự nhiên. Trong lòng đất chợt khởi lên những tiếng động ì ầm, ì ầm không ngớt. Trong rừng cây như có những âm thanh lạ lùng xé gió bay vút vào không gian vô tận. Phạm thiên, thiên vương Đế Thích, chư thiên như nhận được tín hiệu của đất trời báo tin sự ra đi của vị đại đệ tử nên họ đã cùng nhạu tụ hội tại núi Isigilī. Họ mang theo hương chiên đàn, hoa trời cùng những hương liệu của cõi trời đến cúng dường lên nhục thân của tôn giả. Sau đó, một hỏa đài bằng gỗ trầm hương cao chín mươi chín cubit[2] được chư thiên mau chóng dựng lên, đặt nhục thân ngài rồi phủ đầy hoa.

Lúc đức Đế Thích vừa đặt viên ngọc lửa, lửa thơm vừa bốc cháy thì đức Phật cùng chư vị trưởng lão có thắng trí sử dụng thần thông đã có mặt ngay tại chỗ ấy để chứng kiến lễ trà tì! Lửa cháy thì cứ cháy, và một trận mưa hoa từ trời cao rơi xuống phủ rộng cả một do tuần thì vẫn cứ rơi; đồng thời khắp bốn phương tám hướng xuất hiện vô số phạm thiên, thiên nhân, rồng, nhân điểu, dạ-xoa, càn-thát-bà... đến cúng dường hỏa đài.

---

[1] Theo Dictionary of Pāḷi... có dẫn nhiều ở trong sách này.
[2] Theo "Đức Phật và 45 năm..." của tỳ-khưu Chánh Minh, tập 7, trang 459.

Ngọn lửa hỏa thiêu kéo dài đến bảy ngày mới tàn rụi. Chư vị trưởng lão thu gom xá-lợi các loại rồi cùng đức Phật bay qua không gian về Trúc Lâm tịnh xá.

Tin tôn giả Sāriputta nhập diệt được báo truyền về kinh thành Rājagaha và Trúc Lâm tịnh xá chưa được bao lâu thì nay lại thêm tin tôn giả Mahā Moggallāna Niết-bàn làm cho chư tăng, cư sĩ, các hàng gia chủ càng thêm bi thương khóc lóc, sầu muộn. Hai vị ra đi chỉ cách nhau nửa tháng.

Buổi chiều, đức Thế Tôn triệu tập riêng chư vị thánh tăng trưởng lão, ngài dạy:

- Chư vị nên bố cáo rộng rãi chuyện này đến với các hội chúng tăng, ni nơi này và nơi khác; đến cho hai hàng cư sĩ áo trắng trong hàng vua chúa, tướng lãnh, đại phú gia, thương gia cùng các giới khác. Ân đức của vị đệ nhị đại đệ tử cũng cần phải được ca ngợi, tán dương; là ngôi sao sáng cho tứ chúng hướng về! Mahā Moggallāna là một Sāriputta thứ hai, muôn triệu năm mới tượng hình được một nhân cách kỳ vĩ như thế. Chỉ có oai lực Mahā Moggallāna mới có khả năng nhiếp hóa được những chúa rồng, chúa quỷ, chúa ma hung dữ nhất! Chỉ có Mahā Moggallāna, chỉ ấn một ngón chân mà làm cho Đế Thích phải sợ hãi, không dám sống đời dể duôi, phóng dật nữa! Chỉ có Mahā Moggallāna mới dám xin Như Lai cho ông ta bóc vỏ quả đất, lật ngược nó lên cho ruộng đồng nhân gian thêm màu mỡ!

Này, chư vị trưởng lão! Các vị trưởng lão uy tín của giáo hội phải giáo giới chư tăng ni, cận sự nam nữ hai hàng những điều Như Lai vừa nói. Hai vị đại đệ tử, hai ngôi sao sáng của giáo hội cần phải có hai bảo tháp tương đương, cần phải tổ chức nghi lễ như nhau, có Như Lai đi đầu và đích thân Như Lai sẽ tôn trí y, bát, xá-lợi của Mahā Moggallāna lên bảo tháp.

Thôi, các vị hãy đi đi. Vị nào sức khỏe còn tốt thì hãy bắt tay lo tất cả việc hậu sự thay mặt Như Lai. Hãy bố cáo

rộng rãi việc xây dựng bảo tháp. Hiện tại, Như Lai khá mệt. Như Lai muốn cho cái thân tâm già yếu này ngơi nghỉ một thời gian. Đừng cho ai quấy rầy Như Lai!

Hôm ấy có mặt khá đông chư đại trưởng lão tầm vóc lớn lao nhất của giáo hội, đấy là tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Upāli, tôn giả Anuruddha, tôn giả Kāḷudāyi, tôn giả Bhaddiya, tôn giả Nandiya, tôn giả Kimbila... và hai vị trưởng lão, em của tôn giả Sāriputta là Mahā Cunda và Riveta...

Thế là sau đó, đức Thế Tôn đóng hương phòng, an trú vào diệt thọ tưởng định là chỗ tĩnh cư của bậc thánh. Khi xuất định thì bảo tháp xây cũng đã gần xong, sâu trong Rừng Trúc, chỗ cao ráo, thoáng đãng và đẹp đẽ nhất.

Như cùng hội ý ngầm với chư vị trưởng lão, đức Phật và các ngài lại bay về Kỳ Viên tịnh xá. Và mấy hôm ở đây, do bảo tháp đã xây xong nên tứ chúng tổ chức một cuộc rước xá-lợi, y, bát trang nghiêm và trọng thể. Đức Thế Tôn đi trước với kiệu, với lọng và tràng hoa; sau là hội chúng tăng, ni cùng cận sự nam nữ cả hàng ngàn người. Rồi ngài tự tay đặt xá-lợi, y, bát của tôn giả Sāriputta lên bảo tháp.

Trở về lại Trúc Lâm, cuộc rước y, bát, xá-lợi của tôn giả Mahā Moggallāna cũng diễn ra trọng thể và trang nghiêm tương tự. Đức Phật lại đích thân đặt di cốt, di vật của người học trò yêu thứ hai của mình lên bảo tháp.

Lúc này thì tôn giả Ānanda và chừng năm trăm vị tỳ-khưu mới vừa bộ hành về đến Trúc Lâm tịnh xá. Nghe tin tôn giả Mahā Moggallāna đã nhập diệt và xá-lợi, y, bát đều đã được tôn trí lên bảo tháp, tôn giả Ānanda lại càng vô cùng sầu khổ.

Lần này, thì tôn giả than thở, kể lể:

- Ôi! Vậy là hai ngôi sao sáng của giáo hội đã cùng tắt cả rồi. Trong tâm trí của tôi đã một lần đen tối, bây giờ là hai lần đen tối hơn!

Công việc xong xuôi, và cũng để giải tan sự sầu muộn của tôn giả Ānanda, đức Thế Tôn lại rời Trúc Lâm tịnh xá cùng với đại chúng lên đường. Ngài lại đi ngược phía bắc, qua bờ bên kia sông Gaṇgā, đến xứ Vajjī, tại Ukkacala. Ở đây, tại một bãi cỏ trống, với đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn nhìn ra sông Gaṇgā sóng vỗ cuồn cuộn, rồi nói:

- Này các thầy tỳ-khưu! Các thầy có thấy không? Con sông Gaṇgā nước lũ cuồn cuộn, nó sẽ cuốn theo trong lòng mình bao nhiêu rác bèo, đất cát về với biển cả. Dòng sông Sinh Tử cũng vậy, nó cuốn đi tất thảy chúng hữu tình, dẫu là chư thiên, phạm vương, ma quân hay vua chúa, chúng sanh vạn loài. Giờ đây nó đã cuốn đi hai vị đại đệ tử ưu tú của Như Lai!

Các ông có biết không? Các bậc Thế Tôn, các đấng Toàn Giác từ ngàn xưa, ai cũng có hai ngôi sao xuất chúng bên cạnh mình, và bao giờ họ cũng ra đi trước đấng Đạo Sư. Hai vị đại đệ tử ấy bao giờ cũng được tứ chúng kính yêu, nể phục do trí tuệ, do phẩm chất, do công hạnh cùng phước báu ba-la-mật của họ. Hai vị đại đệ tử ấy là những người hoàn toàn về mọi phương diện. Sāriputta và Mahā Moggallāna là hai nhân cách ưu việt khó tìm thấy trên thế gian này hay thế gian khác. Không những các ông thương tiếc, ông Ānanda thương tiếc, mà Như Lai cũng thương tiếc. Nhưng Như Lai và rất đông chư vị đại trưởng lão đã thấy rõ, đã an trú vững chắc vào Tâm Bất Động, vào Tuệ Bất Động khi nhìn ngắm các pháp hữu vi vốn chịu tác động bởi những định luật tất yếu. Nhờ thế mới nói đến giải thoát, nhờ thế mới nói đến chấm dứt Tử Sinh.

Này các thầy tỳ-khưu! Các ông hãy nỗ lực tinh cần, kiên định không mệt mỏi để bước lên Con Đường. Người bước lên trước dẫn người bước lên sau, phải lên đến đỉnh đồi cao Bất Tử ấy để ca bài ca Chiến Thắng và Tự Do!

Đưa mắt lặng lẽ nhìn đại chúng, đức Thế Tôn nói thầm trong tâm rằng:

"- Khi Sāriputta và Mahā Moggallāna đi rồi thì đối với Như Lai, hội chúng này hoàn toàn trống rỗng!"

Nhân Quả Công Minh

Do cái chết của vị đệ nhị đại đệ tử bị bọn côn đồ chặt ra từng khúc, từng đoạn rồi quăng thịt xương vương vãi khắp nơi làm xúc động nhiều người nên tại giảng đường Trúc Lâm, đức Phật phải vén bức màn quá khứ, kể lại một đại ác nghiệp của tôn giả Mahā Moggallāna. Rồi sau đó, ai cũng biết tình tiết câu chuyển xẩy ra như sau:

Trong một kiếp quá khứ rất lâu xưa, Mahā Moggallāna là một thanh niên con nhà tử tế, có gia giáo, có hiếu hạnh, hằng ngày chăm chuyên, tận tụy với nghề nghiệp, không kể sớm hôm, để kiếm tiền hầu chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ bị mù lòa.

Cha mẹ thấy chàng vất vả quá, bèn khuyên con nên tìm một người vợ để đỡ đần công việc, nhưng chàng cương quyết từ chối. Sau nhiều lần gạn hỏi lý do tại sao, chàng nói với cha mẹ rằng:

- Có vợ, con người con sẽ bị chia làm hai, ngại rằng khi ấy con đối xử với cha mẹ không trọn vẹn được nữa.

Cha mẹ chàng lại thuyết phục:

- Có vợ, con lại có thêm hai tay, hai chân thì công việc bên ngoài, bên trong không trôi chảy hơn sao? Ngoài ra, cha

mẹ cũng muốn có cháu để bế bồng, hôn hít. Ngôi nhà có tiếng trẻ khóc cười là ấm cúng, hạnh phúc lắm đó con!

Vậy là xuôi tai, chàng cưới vợ. Thời gian đầu, cô vợ cũng săn sóc cha mẹ chồng khá tốt đẹp, nhưng dần dà, cô thấy mệt, thấy chán cái công việc chẳng khác gì con ở ấy.

Hôm kia, cô than vãn với chồng:

- Cha mẹ đổ chướng, khó tính, khó nết quá, tôi không sống nổi với họ đâu.

Chàng không để lọt vào tai, chỉ khuyên lơn vợ vài câu cho qua chuyện. Cô vợ này bắt đầu ghét cha mẹ chồng nên cô nêu ra những tính xấu của cha mẹ cho có đầu có đuôi, có nhân có quả rõ ràng rồi khóc lóc, kể lể cho chồng nghe.

Thấy chàng vẫn không tin, cô bèn ngụy tạo cụ thể hơn. Cô lấy cháo bôi bẩn khắp nhà, khắp tường, khi chồng về hỏi, cô đáp:

- Cha mẹ cứ mò mẫm, đi tới, đi lui, đi đâu thì vấy bẩn tới đó!

- Vậy thì em chịu khó quét dọn, lau chùi đi!

Ngày này qua ngày nọ, tháng này sang tháng kia, như nước mưa lâu cũng thấm đất, người thanh niên kia không kiểm tra sự việc, cuối cùng phải tin theo vợ rồi cũng đâm ra ghét cay ghét đắng cha mẹ mình!

Hôm kia, họ bàn nhau, làm một chiếc xe đẩy, bỏ một ít lương thực lên đấy, chàng giả vờ mời cha mẹ về thăm bà con ở một ngôi làng xa.

Khi xe vào rừng sâu, chàng giả lấy đao kiếm khua lên rồi la í ới:

- Cướp cướp... cha mẹ ơi! Con gặp lũ cướp giết người rồi!

Rồi chàng chạy đến lấy đùi, lấy gậy, đánh đập vào cha vào mẹ mẹ rất tàn nhẫn. Ngay lúc ấy, cha mẹ chàng không nghĩ đến thân phận mù lòa của mình, cái đau đớn của mình, thương con, la lên đến khản giọng:

- Con chạy đi, con chạy đi, cha mẹ già rồi, không còn sợ chết đâu. Con chạy thoát lấy thân đi!

Nghe vậy, thanh niên rất xúc động, tự nghĩ: "Tuy bị hành thân hoại thể như vậy, hai vị chẳng kể đến mình, chỉ lo cho con thôi! Ôi, cái tình cha mẹ thật là mênh mông vô lượng. Ta thật xấu hổ khi đã làm một việc ác đức, tệ hại, không phải là giống người!"

Sau đó, chàng giả vờ khua đao kiếm, đập đá, đánh cây cho vang tiếng như chống trả bọn cướp một cách mãnh liệt rồi đến bên cha mẹ:

- Con đuổi được bọn cướp đi rồi! Cha mẹ an toàn rồi, không còn sợ hãi gì nữa!

Trở lại nhà, chàng đuổi bà vợ đi, môt mình chăm lo phụng dưỡng cha mẹ cho chu đáo.

Mặc dầu chàng đã hối hận việc ác của mình nhưng khi nghiệp đã tạo rồi, nó đâu có buông tha? Tuy nó chưa có cơ hội trổ quả nhưng nó vẫn chờ đợi như ngọn lửa âm thầm dưới đống tàn tro. Thế là đợi khi đủ duyên, nó bùng lên, nó tóm lấy tôn giả Mahā Moggallāna vào kiếp cuối cùng, nên tôn giả bị đánh cho tan xương, nát thịt là rất đúng với sự công minh của nhân quả vậy".[1]

Và cũng công minh không kém gì - về những tên côn đồ giết hại tôn giả Mahā Moggallāna!

Khi thần y Jīvaka đi dự lễ an trí xá-lợi, y và bát của tôn giả Mahā Moggallāna lên bảo tháp, về cung, ông kể lại mọi việc cho đức vua Ajātasattu nghe. Cả chuyện do nhân ác

[1] Chú giải Pháp cú, đoạn trên có hơi khác: Tuy cha mẹ thương mình, lo cho mình như vậy nhưng chàng thanh niên chẳng động tâm, ra tay đánh chết cha mẹ rồi quăng xác giữa rừng sâu. Mệnh chung, chàng rơi vào địa ngục, bị quả báo địa ngục đao kiếm, địa ngục đồng sôi, bị đâm, bị chém, bị thiêu bị nấu cả hằng triệu năm như thế! Hiện tại, dẫu là một bậc thượng thủ A-la-hán, đệ nhất đại thần thông, nhưng dư nghiệp tội báo chút ít còn sót lại, nó vẫn đến đòi nợ quả như thường!

nghiệp trong quá khứ nên kiếp này ngài bị bọn côn đồ chặt chém thân thể như thế nào nữa.

Đức vua Ajātasattu nổi giận:

- Bọn chúng dám coi đất nước này không còn có pháp luật nữa sao? Chúng nó dám chặt chém vị đại đệ tử đức Tôn Sư. Rồi chúng sẽ bị trả quả hiện tiền cho mà xem!

Thế rồi, đức vua cho quân thám tử trà trộn vào các chỗ cờ bạc, rượu chè ăn chơi để điều tra thủ phạm. Hôm kia, trong một quán rượu, mấy tên côn đồ chưởi mắng nhau, rượu vào lời ra:

- Mày là tên hèn nhát.

- Tao chỉ có một ít tiền, mày nhiều tiền hơn.

- Tao là can đảm nhất.

- Tao chém đao đầu tiên vào ông ta, nghe nói là bậc có nhiều thần lực, đại oai lực ấy.

Rồi chúng xô xát, ấu đả nhau.

Thám tử hô lính vào bắt trói hết cả bọn, có tên côn đồ Samaṇagutta cầm đầu, dẫn về triều đình. Sau khi tra hỏi gắt gao, chúng nó thú thật là có nhóm đạo sĩ Nigaṇṭha Nātaputta thuê một ngàn đồng tiền vàng để giết tôn giả Mahā Moggallāna – và chính các đạo sĩ ấy mới là kẻ chủ mưu.

Đức vua Ajātasattu cho lệnh bắt hết, cả bọn côn đồ và bọn đạo sĩ, chừng một trăm người. Tại pháp trường, vua cho đào một trăm cái hố, chôn từng tên đến ngang bụng, phủ đầy rơm rồi châm lửa đốt. Lửa rơm tàn, có kẻ chết, có người còn ngắc ngư; theo lệnh của đức vua, những tên lính thi hành án mang những chiếc cày sắt cày qua cày lại, cho đến khi xác của bọn côn đồ, đạo sĩ tan nát, bầy nhầy thịt máu mới thôi.

Từ sự trừng phạt đích đáng này, khi giảng pháp, chư đại trưởng lão nói tội báo giết một bậc thánh tội rất nặng và thọ khổ cũng rất nhiều, như các câu kệ sau đây:

Dùng đao hại kẻ "không đao"[1]
Trượng hại "không trượng"[2] khác nào tự thiêu!
Ai kia thọ khổ mười điều
Chịu quả khốc liệt cùng nhiều tai ương![3]
Một là nhức nhối đau thương
Hai là họa biến, khôn đường trở xoay
Ba là thương tích mặt mày
Bốn là trọng bệnh, thuốc thầy chẳng xong![4]
Năm là tâm trí loạn cuồng
Sáu, bị hại bởi lực quyền vua quan
Bảy, chịu trọng tội cáo oan
Tám là gia quyến các hàng phân ly![5]
Chín là tài sản ra đi
Mười là nhà cửa, lắm kỳ hỏa tai
Đến khi thọ mạng hết rồi
Chung thân địa ngục đồng sôi, chảo dầu![6]

---

[1] Hàm chỉ bậc Thánh.
[2] Hàm chỉ bậc Thánh.
[3])Pháp cú 137: Yo daṇḍena adaṇḍesu, appaduṭṭhesu dussati, dasannamaññataraṃ ṭhānaṃ, khippameva nigacchati.
[4] Pháp cú 138: Vedanaṃ pharusaṃ jāniṃ, sarīrassa ca bhedanaṃ, garukaṃ vā pi ābādhaṃ, cittakkhepaṃ ca pāpuṇe.
[5] Pháp cú 139: Rājato vā upasaggaṃ, abbhakkhānañca dāruṇaṃ, parikkhayaṃ va ñātīnaṃ, bhogānaṃ va pabhaṅguraṃ.
[6] Pháp cú 140: Atha vāssa agārāni, aggi ḍahati pāvako, kāyassa bhedā duppañño, nirayaṃ so'papajjati.

Hạ Thứ 45 Của Đức Thế Tôn

Có Đủ Bảy Pháp Này,[1]
Đất Nước Không Thể Bại Vong!

Mùa an cư năm thứ bốn mươi lăm, đức Phật an cư tại Trúc Lâm tịnh xá, gồm khá đông chư vị đại trưởng lão và chúng tỳ-khưu. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, đức Phật và một số ít vị tỳ-khưu lại ghé vườn xoài của thần y Jīvaka hoặc lên đỉnh núi Linh Thứu (Gijjhakūṭa), tại đây ngài thường ở lại lâu hơn.

Hôm kia, tại triều đình đức vua Ajātasattu xẩy ra một buổi họp bàn về quốc phòng khá nghiêm trọng. Số là tại Vesāli, các nước cộng hòa Videha, Moriya, Vajjīī... đã liên minh quân sự với nhau rất hùng mạnh. Các tướng quân và chiến sĩ Licchavī, vốn nổi tiếng kỷ luật nghiêm minh, bây giờ họ lại cùng liên kết với nhau sẽ tạo nên một sức mạnh đáng sợ. Triều đình lại vừa được nghe thám mã báo tin là bên kia sông Gaṇgā, quân đội Vajjī đã rục rịch triển khai lực lượng, kế hoạch quân sự gì đấy!

Triều đình họp bàn đã ba hôm, đến hôm nay họ đều nhất trí là phải huy động toàn bộ sức mạnh quân sự để tấn công trước khi Vajjī chưa kịp trở tay.

- Chúng ta quyết chinh phạt quân Vajjī hỗn láo!

[1] Bảy pháp bất thối.

- Phải làm cỏ, trừ tuyệt hậu họa đi!

- Chúng ta phải làm cho Vajjī tiêu vong!

Đấy là những phát biểu phẫn nộ của các quan đại thần.

Đức vua Ajātasattu chợt khoát tay:

- Các vị hãy yên lặng. Ta đồng ý kế hoạch tấn công sớm, tấn công chớp nhoáng như thiên tướng nhà trời. Nhưng chậm đã. Việc này ta nên hỏi ý kiến đức Tôn Sư!

Nói thế xong, đức vua quay sang viên đại thần Vassakāra:

- Ông hãy tìm xem đức Thế Tôn đang ở vườn xoài của Jīvaka hay ở đỉnh Gijjhakūṭa. Biết chắc ở đâu, ông hãy đi đến Thế Tôn, và nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân ngài, vấn an ngài có thiểu bệnh, thiểu não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú không, rồi nói: "Bạch Thế Tôn! Con, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Māgadha muốn chinh phạt nước Vajjī, và các đại thần cũng vậy. Mong đức Thế Tôn cho lời khuyên vàng ngọc". Sau đó, Thế Tôn trả lời như thế nào, ông hãy ghi nhớ kỹ và nói lại cho ta biết. Các bậc Thế Tôn không bao giờ nói lời hư vọng.

Viên đại thần Vassakāra tuân mệnh. Khi biết đức Phật đang ở tại Gijjhakūṭa, ông cho thắng một cỗ xe sứ giả cùng một số tùy tùng tức khắc đi ngay. Đến chỗ cuối đường, khi xe không còn đi được, đại thần Vassakāra và tùy tùng bộ hành lên núi để bái yết đức Tôn Sư.

Tại hương phòng, đức Phật tiếp phái bộ sứ giả của đức vua. Sau khi nghe xong những lời thưa gởi phải phép của đức vua qua miệng sứ giả, và cái quyết tâm trừng phạt dân chúng Vajjī của vua quan triều đình, đức Phật im lặng.

Khi ấy, sau lưng đức Phật chỉ có tôn giả Ānanda đang đứng quạt hầu, ngài bèn nói:

- Này Ānanda! Ông là người có kiến văn rộng rãi, thế ông có biết, dân chúng Vajjī có thường hay hội họp, và hội

họp đông đảo khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của phần đông dân chúng?

Tôn giả Ānanda đáp:

- Bạch Thế Tôn! Ở thôn xóm, ở làng xã, ở phố phường – khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên quan đến quyền lợi hoặc nghĩa vụ của người dân, chính quyền các nước cộng hòa, nhất là Vajjī, họ cho hội họp dân chúng, và hội họp đông đảo để nghe ý kiến của phần đông!

- Thế thì, này Ānanda! Nếu có trường hợp Vajjī biết tôn trọng người dân, biết lắng nghe ý kiến của người dân trong các cuộc hộp họp đông đảo như thế - thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng! Quả đúng như thế thật, bạch Tôn Sư!

- Vậy thì, đức Phật hỏi tiếp – Ông có nghe dân chúng Vajjī họ hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ không?

- Quả đúng họ là như vậy, bạch đức Đạo Sư!

- Vậy này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ cả ba thời, trước khi, trong khi và sau khi như thế - thì Vajjī sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Tâu vâng, bạch Thế Tôn!

Rồi đức Phật vẫn nói chuyện tiếp với tôn giả Ānanda như không hề biết sự có mặt của viên quan đại thần sứ giả.

- Ông có nghe chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội; và chính quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại không, này Ānanda!

- Đúng là vậy thật, bạch đức Đạo Sư.

- Nếu được vậy, thì này Ānanda! Đất nước Vajjī sẽ mãi hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu!

- Quả vậy, không sai được.

- Ông có nghe dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng; và họ biết nghe theo lời dạy bảo của những vị này không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Nếu được vậy – thì Vajjī không thể suy yếu và bại vong được.

- Tâu vâng! Họ sẽ hùng cường, giàu mạnh và tốt đẹp!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình; cũng không trấn bức, hãm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới không?

- Bạch Thế Tôn! Không có trường hợp đó xẩy ra. Dân chúng Vajjī có lẽ ảnh hưởng khá sâu đậm bởi những giáo đoàn ni chúng ở Vesāli nên có thể nói, họ biết tôn trọng nữ giới, đối xử với nữ giới phải lẽ lắm!

- Nếu vậy thì đất nước ấy không thể suy yếu và bại vong được, này Ānanda!

- Tâu vâng! Nhất định thế rồi, bạch Thế Tôn!

- Ông có nghe dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phế việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn?

- Đúng là họ còn biết bảo vệ, giữ gìn tông miếu cùng những đạo lý tốt đẹp từ ngàn xưa.

- Thế thì họ còn mãi hùng cường và giàu mạnh, không thể suy yếu và bại vong đâu.

- Chắc chắn như vậy, bạch Tôn Sư!

- Ông có nghe chính quyền và dân chúng Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã

đến đều được tự do cư trú, tự do trì bình khất thực, tự do hành đạo và giảng pháp không?

- Đất nước Vajjī và các tiểu bang cộng hòa bên kia sông Gaṇgā không những tôn trọng tự do tín ngưỡng mà còn biết chở che, bảo vệ truyền thống tốt đẹp ấy nữa, như quốc độ Kosala, quốc độ Māgadha không khác - bạch Thế Tôn!

- Lành thay! Nếu vậy thì đấy là một đất nước hùng cường, giàu mạnh đang noi gương và sống đúng theo những vương pháp của đức Chuyển luân Thánh vương đấy!

Và này Ānanda! Khi nào dân chúng Vajjī thường hay hội họp, và hội họp đông đảo khi có việc gì liên hệ đến công ích, liên hệ đến ý kiến của phần đông dân chúng; khi nào dân chúng Vajjī hội họp trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ, làm việc trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ và giải tán trong tinh thần đoàn kết, vui vẻ; khi nào chính quyền Vajjī không ban hành những luật lệ mới mà chưa được dân đồng thuận, không hủy bỏ những luật lệ đã tạo nên sự chuẩn mực an lành, an toàn cho xã hội, và chính quyền tôn trọng truyền thống của người Vajjī như là những giá trị tinh thần tốt đẹp từ ngàn xưa để lại; khi nào dân chúng Vajjī tôn trọng, kính trọng các bậc già lão, trưởng thượng, và họ biết nghe theo lời dạy bảo của những vị ấy; khi nào dân chúng Vajjī không có bắt cóc và không cưỡng ép những phụ nữ phải sống với mình, cũng không trấn bức, hãm hiếp hay có những hành động vũ phu hay kỳ thị quá đáng đối với nữ giới; khi nào dân chúng Vajjī còn biết giữ gìn tông miếu, dòng họ, tổ tiên và không bỏ phế việc cúng lễ hương đăng tại những nơi thờ cúng như một nghĩa cử đạo lý đối với những người đã khuất mà họ mang ơn; khi nào dân chúng Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A-la-hán đã đến đều được tự do cư trú, tự do trì bình khất thực, tự do hành đạo và giảng pháp. Nầy Ānanda! Đầy đủ cả bảy pháp ấy, bảy điều

kiện tất yếu ấy thì đất nước ấy, quốc độ ấy sẽ hùng cường và giàu mạnh, không một thế lực, một dũng lực hữu vi nào có thể làm cho nó suy yếu, bại vong, tiêu hoại được!

Nói thế xong, bây giờ đức Phật mới quay qua nhìn viên đại thần sứ giả:

- Này Vassakāra! Một thời, tại Vesāli, ở tự miếu Sārandada, Như Lai đã giảng dạy cho tướng quân, chiến sĩ và dân chúng Vajjī bảy pháp bất thối này. Và khi nào bảy pháp bất thối này còn được duy trì, thực hành, y chỉ thì đất nước ấy sẽ được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong, tiêu hoại được.

Nghe đến đây, Vassakāra, viên đại thần nước Māgadha cúi gập người xuống:

- Thưa tôn giả Gotama! Nếu dân chúng Vajjī chỉ hội đủ một pháp bất thối này, thì họ nhất định được hùng cường, giàu mạnh, không thể suy yếu, bại vong được - huống nữa là bảy pháp. Và nếu sự tình là như vậy, sự thực là như vậy - thì Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Māgadha không thể đánh bại dân Vajjī ở chiến trận trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián.

Thưa tôn giả Gotama! Nay chúng tôi phải đi, chúng tôi còn có nhiều việc và nhiều bổn phận phải làm!

- Ừ, Ông hãy tùy nghi thời gian và công việc.

Vassakāra, viên đại thần nước Māgadha hoan hỷ, tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và từ biệt.

Bảy pháp bất thối khác

Khi viên đại thần Vassakāra đi chưa bao lâu, đức Phật nói với tôn giả Ānanda:

- Hãy tập họp tại núi Gijjhakūṭa tất cả những vị tỳ-khưu sống trong kinh thành Rājagaha cùng vùng phụ cận, Như Lai cần nói một bài pháp quan trọng.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, hôm ấy và mấy hôm sau, chư vị tỳ-khưu cả hằng ngàn người như từng đám mây vàng quy tụ tại đỉnh núi Gijjhakūṭa; và họ đảnh lễ đức Phật từ xa rồi ngồi rải rác đầy khắp khoảng đất trống, sườn núi, triền khe, bờ đá... Họ im lặng như rừng cây đại định để chờ đợi lắng nghe thời pháp của đức Phật.

Đến lúc phải thời, tại một chỗ ngồi phải lẽ, đức Phật đã thuyết giảng bằng giọng phạm âm với tám tuyệt hảo, vang ngân rất xa:

- Này các thầy tỳ-khưu! Như Lai sẽ sẽ giảng bảy pháp bất thối, như là yếu quyết để gìn giữ giáo pháp và tăng đoàn. Hãy nghe và suy nghiệm cho thật kỹ.

- Thưa vâng, bạch đức Đạo Sư!

Cả rừng người đáp lại xong, đức Phật giảng nói trực tiếp, đi thẳng ngay vào chủ đề:

- Khi nào chúng tỳ-khưu thường hoan hỷ hội họp khi có việc tăng và hội họp đông đủ để học hỏi, luận bàn giáo pháp - thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu thường đến với nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và chia tay nhau trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết - thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu cùng chấp hành, cùng tôn trọng những học giới, những pháp quy đã được ban hành, và không tự ý đặt ra những giới luật mới khi chưa được sự đồng thuận của tăng - thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu còn biết tôn trọng, kính trọng, đảnh lễ, và biết nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng lão đạo hạnh, những bậc thượng tôn tăng đoàn nhiều kinh nghiệm – thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu không bị chi phối bởi dục vọng, tham ái, và bởi do tham ái và dục vọng này họ biến mình thành con người khác, đời sống khác, lăng xăng với bụi bặm của thế tục – thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu thích sống những chỗ xa vắng, tĩnh lặng – thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Khi nào chúng tỳ-khưu tự thân an trú chánh niệm, sống đời an lạc, giải thoát làm chỗ nương tựa cho bạn đồng phạm hạnh – thì chúng tỳ-khưu ấy sẽ được lớn mạnh, tăng thịnh, không bị tổn giảm, suy thoái.

Giảng đến ngang đây, đức Phật nhấn mạnh, kết luận:

- Này các thầy tỳ-khưu! Chừng nào mà bảy pháp bất thối này còn được các vị xem trọng, biết thực hành theo, lại còn

biết phổ cập rộng rãi trong các hội chúng tăng đoàn quốc độ này và quốc độ khác – thì chắc chắn giáo pháp sẽ được hưng thịnh và giáo hội tăng đoàn không thể nào bị suy thoái được.

Còn nữa, bảy pháp bất thối này còn như một năng lực tâm linh tối thượng, vừa tại thế, vừa xuất thế, không một sức mạnh nào ở bên ngoài, dù thế gian lực, chư thiên lực, ma vương lực, phạm thiên lực... cũng không thể nào làm nó suy yếu, tổn giảm được. Tuy nhiên, nó lại rất sợ năng lực bên trong.

Này các thầy tỳ-khưu! Năng lực bên trong ấy là gì?

Ví như loài sư tử, nó là chúa của rừng sâu, nó bất bại trước các dã thú, hoang thú nhưng nó lại bất lực trước các con trùng li ti bé nhỏ sống tầm gởi nơi thân xác nó. Khi sư tử suy yếu, già bệnh, chính loài trùng này sẽ gặm nhắm nó, rúc rỉa nó lần hồi cho đến lúc chỉ còn là bộ xương trắng hếu. Chính trùng sư tử mới ăn thịt được sư tử. Cũng vậy, kẻ làm cho giáo pháp suy tàn và giáo hội tiêu vong là chính các vị, chính là những tỳ-khưu, những sa-di sống trong giáo hội, tăng đoàn chớ không ai khác. Vậy hãy gìn giữ, phụng hành bảy pháp bất thối, đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Hãy nhớ lấy![1]

Hôm ấy, cả hơn hai ngàn vị tỳ-khưu, đa phần là thành phần thanh niên và trung niên xuất gia mươi năm trở lại; họ rợn ngợp, rùng mình, lạnh gáy vì thời pháp. Một làn gió vô hình buốt lạnh thổi qua tâm não họ, nhất là câu: Đừng bao giờ biến mình thành những con trùng ăn thịt sư tử, ăn thịt giáo hội và tăng đoàn! Rõ ràng là thời pháp này dành cho họ - chứ không phải với chư vị trưởng lão và đại trưởng lão.

Sáng mờ sương hôm sau, từng đoàn, từng toán sa-môn lại rời núi, đi trì bình khất thực các nơi. Vừa đi, họ vừa ôn

[1] Chuyện sư tử này lấy ý từ " Đường xưa mây trắng" của TS Nhất Hạnh.

gẫm lại thời pháp. Đức Phật và chư vị đại trưởng lão cũng ôm bát vào các thôn lành kế cận.

Rồi suốt ba buổi chiều kế tiếp, đức Phật nhắc nhở chư vị tỳ-khưu hãy xa lánh việc đời, chuyện đời, đừng để chuyện đời, việc đời lôi cuốn. Đừng nên tán gẫu vô ích, không nên say sưa chuyện phiếm. Đừng giải đãi, biếng nhác, ưa thích ăn uống, ngủ nghỉ. Phải biết xa lánh đám đông, đừng quần tụ, la cà với đám đông. Đừng để những dục vọng tầm thường chi phối để làm những việc mà người đời cười chê. Hãy xa lánh bạn bè xấu ác, đừng thân cận với họ và cũng đừng cộng hành với họ. Trong sự tu tập thì chớ dừng lại nửa chừng, không nên bằng lòng với những chứng đắc thấp thỏi, đừng tự mãn kiêu căng về kiến thức cũng như những sở đắc mà mình có được.

Và cũng để củng cố thêm tư cách, phẩm hạnh, lộ trình tu tập cho chúng tỳ-khưu sơ tu, đức Phật giảng thêm bảy pháp căn bản là: Tín, tàm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. Ngài cũng nhắc lại bảy yếu tố trên lộ trình giác ngộ, giải thoát ấy là niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, an, định và xả. Bảy pháp quán tưởng là vô thường tưởng, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng, nguy hiểm tưởng, xả ly tưởng, vô tham tưởng, diệt tưởng - đức Phật cũng giảng dạy rất chi ly, cặn kẽ.

Cuối buổi còn lại ở trên núi Gijjhakūṭa, đức Phật lại nhắc nhở chư tỳ-khưu thực hành sáu phép hòa kỉnh – là căn bản để các hội chúng nơi nay nơi kia đưa đến thuận hòa, yên ấm khi chung sống với nhau, không đưa đến ly tan, đổ vỡ.

Trời đã gần tối, mây mù bàng bạc. Đức Phật khẽ đưa mắt nhìn trời rồi nói với tôn giả Ānanda bên cạnh:

- Sớm mai, chúng ta rời núi, về Trúc Lâm tịnh xá. Trời sắp mưa lớn và mưa nhiều ngày.

Lại Lên Đường, Lại Ra Đi!

Ở tại Trúc Lâm, thấy trời quang, mây tạnh, đức Phật lại ôm bát lên đường, với đại chúng chừng năm trăm vị trong đó chỉ có chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha... là đi theo, còn tất cả ở lại tịnh xá.

Lúc này đức Phật đã tám mươi tuổi, sức khỏe đã giảm sút nhưng ngài muốn đi, đi khá chậm rãi, lộ trình lên phía bắc. Dường như ngài muốn thăm nơi này nơi kia một ít ngày. Đầu tiên, đức Phật ghé thăm ngôi vườn Ambalatthikā, vốn là nơi nghỉ mát của đức vua Bimbisāra trước đây đã dâng cúng cho giáo hội. Tại đây, đức Phật nhắc nhở chư tỳ-khưu về giới, về định, về tuệ; định cùng tu với giới sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn; tuệ cùng tu với định sẽ đưa đến quả vị lớn, lợi ích lớn. Nhưng tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc, phiền não.

Rời Ambalatthikā, đức Phật ghé Nalandā rồi đi thẳng lên Pāṭaligāma, là một thị trấn bên bờ sông Gaṇgā. Tại đây, đức Phật giảng dạy cho một nhóm cư sĩ về "năm sự nguy hiểm cho những ai phạm giới, sống trái giới luật". Thứ nhất là bị tiêu hao tiền của khi sống phóng dật. Thứ hai là tiếng dữ bị đồn xa. Thứ ba là sống với sự sợ hãi thường xuyên. Thứ tư

là tâm trí bị rối loạn, bất an. Thứ năm, mệnh chung rơi vào tứ ác đạo.

Ngược lại, những ai có giới, sống đúng với giới luật mà mình đã thọ trì thì tiền của không bị tiêu pha vô ích, tiếng lành được đồn xa, đi đâu cũng không bối rối, sợ hãi, tâm luôn ổn định, bình tĩnh, và cuối cùng, khi chết đi vào con đường người, trời.

Rời nhóm hội chúng cư sĩ, đức Phật về chỗ nghỉ ngơi lúc trời đã khuya. Hướng tâm, ngài biết một việc: Số là sau khi viên đại thần Vassakāra về nói lại bảy pháp bất thối mà đức Phật đã giảng, đức vua Ajātasattu biết là ngài đã tinh tế khuyên vua không nên gây can qua với Vajjī vì họ rất hùng mạnh. Bây giờ chỉ có một cách là phòng thủ, nên đức vua cử viên đại thần Vassakāra và Sunidha đến tại thị trấn Pāṭaligāma nghiên cứu công trình phòng thủ.

Đức Phật còn biết, trong nay mai, thị trấn Pāṭaligāma này sẽ trở thành một thành phố lớn quan trọng, là nơi phát triển kinh tế, thương mãi phồn thịnh nhất trong khu vực – vì ngài thấy rất nhiều thiên thần có oai lực đang trấn ngự ở đây.

Hôm sau, đức Phật nhận lời mời buổi đặt bát cúng dường của hai viên đại thần. Tại trú xứ của hai vị, đức Phật nói một thời pháp rồi kết luận bằng một bài kệ với ý nghĩa như sau:

"- Chỗ nào mà người sáng suốt, có trí tuệ chọn làm trú xứ của mình – thì chỗ ấy phải biết nuôi dưỡng, chăm sóc người có giới và bậc phạm hạnh. Ngoài ra, khi làm được công đức, phước báu gì thì phải biết hồi hướng, chia sẻ với chư thiên, thọ thần. Nếu được tôn kính đúng mức thì họ sẽ tôn kính lại. Nếu được trọng vọng, họ sẽ trọng vọng lại. Nếu được mến thương, họ sẽ mến thương lại. Ai được thọ thần, chư thiên tôn kính, trọng vọng, mến thương thì kẻ ấy luôn được mọi sự hanh thông, an vui và nhiều may mắn!"

Lúc đức Phật và đại chúng từ giã, hai vị đại thần đi sau cùng, nói với nhau rằng: "Hôm nay sa-môn Gotama đi ra cửa nào cửa ấy sẽ được đặt tên là cửa Gotama; sa-môn Gotama lội qua sông từ bến nào, bến ấy sẽ được đặt tên là bến Gotama".

Cũng ngay chiều hôm ấy, đức Phật và đại chúng đi đến bến sông. Lúc bấy giờ, sông Gaṇgā tràn ngập nước đến bờ đến nỗi con quạ có thể uống được. Có người đang đi tìm thuyền, có người đang đi tìm phao, có người cột bè để qua bờ bên kia. Đức Phật mau lẹ như viên lực sĩ co hay duỗi cánh tay, biến mất từ bờ bên này và hiện ra bờ bên kia với chúng tỳ-khưu. Nhìn lại cái cảnh người thì tìm thuyền, kẻ tìm phao, người cột bè, cảm khái, đức Phật thốt lên: "Ai dễ dàng vượt qua biển ngàn trùng dương, bỏ lại đất sũng đầm ao, trong khi chúng phàm phu đang loay hoay tìm thuyền, cột bè... Người ấy là bậc trí tuệ, giải thoát".

Đức Phật lại bộ hành, lại đi. Đến Kotigāma lại giảng Tứ Thánh Đế cho chúng tỳ-khưu. Đến Nādika, nhân nghe có nhiều tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, cận sự nam, cận sư nữ ở đây, tử thần vừa mới gõ cửa – nên tôn giả Ānanda bạch hỏi sanh thú của họ. Đức Phật sau khi nói rõ cảnh giới thai sanh, hóa sanh của từng người, ngài có ý la rầy tôn giả Ānanda, là nếu ai chết cũng hỏi thì làm phiền nhiễu ngài quá đấy! Quan trọng là tu tập làm sao để biết chắc mình không con bị đọa vào bốn con đường khổ là được rồi. Muốn khỏi bị đọa vào tứ ác đạo, một tỳ-khưu hay cư sĩ phải chứng quả Dự Lưu, có chánh tín với đức Phật, đức Pháp, đức Tăng. Đơn giản vậy thôi.

Rời Nādikā, đức Phật đến Vesāli. Chư tăng bổn xứ tề tựu đón tiếp ngài rất đông. Tại đây, đức Phật dạy đại chúng tỳ-khưu thế nào chánh niệm, tỉnh giác đối với thân, thọ, tâm, pháp rồi ngài lên đường, ghé làng Baḷuvā và trú trong một ngôi nhà bằng gạch được gọi là Giñjakāvasatha.

Thấy thời tiết xấu đi, mưa tầm tã, đức Phật khuyên chư tăng nên tìm chỗ trú cư, riêng ngài thì ở tạm Baḷuvā này. Chỉ hôm sau là một cơn bệnh trầm trọng phát sanh, đau đớn vô cùng; đức Phật xua tay cho mọi người đi hết rồi nằm yên, không hề rên xiết, không hề tỏ một dấu hiệu nào là cơn bệnh như đang đục khoét xương tủy, chẳng có ai đủ sức chịu đựng. Tuy nhiên, nghĩ là phải vượt qua nó, đức Phật đã sử dụng thiền định để làm lắng dịu cơn đau. Do ngài nghĩ: "Cái cỗ máy thân xác này đã đến hồi rã mục rồi. Nhưng thật là không phải lẽ khi ta nhập diệt ở đây mà chưa có những giáo giới cuối cùng đến đệ tử các hàng. Vậy ta phải duy trì thọ hành, duy trì mạng căn đến lúc đúng thời, phải lẽ nhất!"

Thấy đức Phật khỏe mạnh trở lại, tôn giả Ānanda rất vui mừng, nói rằng:

- Khi thấy Thế Tôn cơn bệnh phát sanh, phải chịu đựng nó, kham nhẫn nó, đệ tử cảm thấy yếu mềm như lau cói, vật vờ như người mất phương hướng, nhưng cũng tự an ủi rằng: Chắc chắn Thế Tôn chưa diệt độ vì Thế Tôn chưa có lời "di giáo" đến chư tỳ-khưu tăng.

Đức Phật trả lời:

- Này Ānanda! Chư tăng còn mong mỏi gì ở Như Lai nữa? Chánh pháp, Như Lai đã cặn kẽ giảng nói hết rồi không phân biệt trong ngoài, mật hay hiển. Trong bàn tay của Như Lai không còn nắm giữ hay giấu giếm bất kỳ một pháp nào. Chẳng còn gì mà Như Lai chưa hề giảng dạy.

Này Ānanda! Nay Như Lai đã tám mươi tuổi, đã già, đúng lúc phải ra đi rồi. Như cái cỗ xe đã cỗi mòn, sở dĩ còn chạy được là nhờ vào những đai, trục, vành, thắng kết cấu lại, cũng vậy, cái thân Như Lai còn duy trì được chút ít sự sống là nhờ vào sự chống đỡ của xương gân, dây chằng đan kết lại.

Này Ānanda! Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình. Hãy tự mình nương tựa nơi chính mình, chớ nương tựa bất kỳ một nơi nào khác.

Này Ānanda! Những ai sau khi Như Lai diệt độ, biết tự mình là hòn đảo của chính mình, biết tự mình nương nhờ chính mình; nói cách khác, biết dùng chánh pháp làm ngọn đèn, biết lấy chánh pháp làm chỗ nương tựa – thì họ là những bậc tối thượng trong hàng tỳ-khưu!

Phật Hứa Với Ma Vương

Hôm ấy, sau khi đi khất thực quanh thành Vesāli, độ ngọ xong, trên đường trở về, đức Phật nói với tôn giả Ānanda là đến điện thờ Cāpāla để nghỉ trưa.

Đến đây, tôn giả Ānanda lựa tìm một chỗ sạch sẽ, mát mẻ trải tấm tọa cụ cho đức Phật an ngự, còn mình thì ngồi xuống một nơi phải lẽ.

Chợt đức Phật đưa mắt nhìn quanh, cảm hứng ngữ thốt lên:

- Khả ái thay Vesāli! Khả ái thay điện thờ Udena! Khả ái thay điện thờ Gotamaka! Khả ái thay điện thờ Sattambaka! Khả ái thay điện thờ Bahuputta! Khả ái thay điện thờ Sārandada! Khả ái thay điện thờ Cāpāla!

Vào đề thế xong, đức Phật nói tiếp:

- Này Ānanda! Những ai đã tu bốn thần túc, tu tập nhiều lần, thật lão luyện, thật chắc chắn, thật bền vững, điêu luyện, thiện xảo - thì nếu người ấy muốn, có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Nay Như Lai đã tu bốn thần túc đã đến độ toàn diện, viên mãn, nếu muốn Như Lai có thể duy trì mạng căn, thọ hành sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Mặc dầu đức Phật đã nói ba lần về khả năng tứ thần túc của ngài nhưng tôn giả Ānanda không hề hiểu sự gợi ý ấy. Nếu hiểu thì chắc tôn giả phải quỳ bạch rồi thỉnh cầu rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp. Xin đức Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên vì loài người!"

Thật ra, lúc ấy tôn giả Ānanda đang mơ mơ màng màng, nửa như cái tâm đang ngủ, nửa như bị ma ám – nên không nghe không biết lời gợi ý của đức Thế Tôn.

Khi đức Phật bảo ngài Ānanda tìm chỗ nghỉ ngơi, tôn giả đi chưa được bao lâu thì Ma vương tìm đến, nó nói:

- Trước đây, tại Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới gốc cây Ajapālanigrodha, khi sa-môn Gotama vừa thành đạo, tôi mời thỉnh sa-môn Gotama hãy diệt độ thì ông đã có nói với tôi rằng: "Như Lai sẽ không diệt độ khi nào chúng đệ tử chưa trở thành những con người chân chánh, sáng suốt, có kỷ luật, nghe nhiều học rộng, biết duy trì chánh pháp, thành tựu pháp học, pháp hành, sống theo chánh pháp, có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích, và giải thích rõ ràng chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo, truyền bá chánh pháp một cách mỹ toàn và thần diệu". Thì nay đệ tử của sa-môn Gotama thành tựu đã còn hơn thế nhiều. Cả hai giáo hội tăng ni cả hàng ngàn tỳ-khưu bác học, đa văn, thành tựu trí tuệ, thiền định, giới luật, thuyết pháp, cụ túc pháp học, pháp hành và đang thiện xảo xiển dương giáo pháp khắp cả châu Diêm-phù-đề rồi! Vậy nay tôi yêu cầu sa-môn Gotama thực hiện lời hứa thuở trước!

Yên lặng một lát, sau khi xác nhận điều mà Ma vương nói là hoàn toàn đúng với sự thực, đức Phật nói:

- Thôi được rồi, này Ma vương! Ngươi yên tâm, Như Lai sẽ thực hiện lời hứa. Đúng ba tháng kể từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ![1]

Rồi ngay tại thời khắc ấy, đức Phật chánh niệm, tỉnh giác, nguyện từ bỏ thọ hành (āyusaṇkhāra), chỉ duy trì mạng căn trong ba tháng nữa thôi, thì cũng chính ngay lúc đó, địa đại chấn động kinh hoàng, sấm trời vang dậy, những âm thanh ghê rợn nổi lên, ai lông tóc cũng dựng ngược, sợ hãi... không hiểu là chuyện gì!

Tôn giả Ānanda nghe thấy trời đất như vậy cũng rất kinh sợ, đến bên Phật muốn hiểu căn do thì ngài đáp:

- Này Ānanda! Có tám nhân, có tám duyên khiến đại địa chấn động. Ông biết không? Đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở tại hư không. Đến thời đại phong khởi lên, gió lớn khi thổi làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả đất rung động.

Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Có vị sa-môn hay bà-la-môn có thần thông, tâm được chế ngự, hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này quán địa tánh có hạn, quán thủy tánh vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động mạnh.

Đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát ở cõi Tusita từ bỏ thân, chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba khiến đại địa chấn động.

---

[1] Hôm ấy đúng ngày rằm tháng giêng ta.

Còn nữa, này Ānanda! Khi vị bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy quả đất rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, lúc lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh.

Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

Còn nữa, này Ānanda! Khi Như Lai nhập vô dư y Niết-bàn, lúc ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ānanda! Do tám nhân này, tám duyên này, khiến đại địa chấn động, không có một nhân, một duyên nào khác nữa.

Khi đức Phật tuyên bố là đã từ bỏ thọ hành, đã hứa với Ma vương là chỉ duy trì mạng căn ba tháng nữa thôi - tôn giả Ānanda vô cùng sầu não.

Thế Tôn lại phải ân cần nhắc nhở:

- Phải chăng ngay từ ban đầu, Như Lai đã từng tuyên bố rằng: Mọi vật mình ưu ái, luyến thương, thân sắc và hình

dong này đều phải bị thay đổi, biến dịch, đều phải trả về cho hư không, cho cát bụi?

Này Ānanda! Làm sao những cấu tạo hữu vi, những gì sanh khởi, tồn tại, chịu sự vô thường, thay đổi mà không đưa đến biến diệt cho được?

Này Ānanda! Những gì Như Lai đã từ bỏ, xả ly, khước từ, chính là thọ hành. Như Lai đã tuyên bố và đã tuyên bố một cách dứt khoát như vậy. Vậy cầu mong Như Lai muốn sống, duy trì thọ hành - thì chẳng khác gì phản lại lời tuyên bố của Như Lai?

Đừng khóc thương, sầu muộn một cách vô ích nữa. Hãy chuẩn bị để cùng Như Lai ghé Kūṭagāra, rừng Mahāvana.

Hôm sau, muốn đưa Ānanda vào công việc, đức Phật bảo tôn giả tìm cách thông báo, mời thỉnh tất cả chư tăng ni tại Vesāli và vùng phụ cận đến tại giảng đường Đại Lâm để Thế Tôn giáo giới.

Và rồi tại đây, trước vài ngàn thính chúng tăng ni, đức Phật giảng tới giảng lui cặn kẽ, chi li về ba mươi bảy trợ đạo phẩm, như là tóm gọn toàn bộ giáo pháp mà đức Phật chứng ngộ và giảng nói suốt bốn mươi lăm năm qua. Đó là là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ thần túc, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ-đề phần, bát chánh đạo phần.

Đưa mắt nhìn khắp hội chúng tăng ni, đức Phật khởi tâm đại bi tạo một năng lượng đổ tràn ra không gian rồi lớn giọng, chẳng khác gì là lời di giáo:

"- Này đại chúng tăng ni! Đây là lời nhắn nhủ quan trọng nhất của Như Lai để các vị làm kim chỉ nam tu tập: Các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát".

Hôm sau, đức Thế Tôn lại ôm y bát vào thành để khất thực, trên đường trở về, ngài đưa mắt nhìn bao quát Vesāli bằng cái nhìn của con voi chúa rồi nói với tôn giả Ānanda:

- Đây là cái nhìn Vesāli lần cuối cùng của Như Lai, không còn một lần nào khác nữa.

Và rồi, ngài tiếp:

- Chúng ta hãy cùng đi đến ngôi làng Bhandagāma. Sau Bhandagāma là Hatthigam, rồi Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagara...

Và cứ thế, từng bước đi, đức Phật với từng bước đi như đi chỉ để mà đi, trọn vẹn trong mỗi bước đi, chứ không phải đi là để tìm kiếm cái gì phía trước, nhân và quả đủ đầy trong mỗi bước đi, trong mỗi hơi thở! Không biết tôn giả Ānanda và chư tỳ-khưu đi theo đức Phât, họ có học được bài học đó không? Hay chỉ có chư trưởng lão như Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... là họ cũng đang thực hiện điều ấy trong mỗi bước đi của mình? Gần suốt ba tháng như vậy, mỗi địa danh đức Phật dừng lại năm bảy hôm, mỗi nơi, đức Phật giảng một bài pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất, được lặp đi lặp lại nhiều lần nhất là nói về thánh giới, thánh định, thánh tuệ và thánh giải thoát.

Đức Phật cũng ân cần nhắc nhở chư tăng ni phải nên kiểm chứng thế nào là pháp và luật. Khi nghe một vị niên cao, lạp lớn hoặc vị có nhiều uy tín trong hàng tăng lữ - nói thế này là pháp, thế kia là luật – chư vị chớ vội tin tưởng mà cũng đừng nên bài bác. Hãy suy tư, chiêm nghiệm. Hãy so sánh với cái thực trong nội tâm và trong đời sống. Giáo pháp không ở khô chết nơi lý thuyết, nơi bài giảng – mà chính là ở nơi hơi thở, nơi bước chân tu tập; ở nơi tĩnh lặng và sáng suốt của tâm và tuệ. Nói tóm lại là ở nơi thực hành và thân chứng. Vậy muốn so sánh để tin tưởng, y chỉ, thực hành theo thì nó là ở đấy. Pháp và luật chân chính là ở đấy. Và nó sẽ tương hợp với giáo pháp chân chính của Như Lai.

Rời Bhoganagara, đức Phật đến Pāvā.

Tại đây, đức Phật ngự tại vườn xoài của người thợ rèn Cunda. Nghe đức Thế Tôn đang ngự tại vườn xoài của mình, người thợ rèn rất hạnh phúc, tìm đến để nghe pháp. Ông hoan hỷ quá. Hôm sau, ông xin thỉnh đức Phật và tăng

chúng đến cúng dường đặt bát tại tư gia. Ông đã công phu chuẩn bị những món ăn thượng vị cứng mềm rất chu đáo, đặc biệt là có món được gọi là Sūkara-maddava[1] là chỉ để dâng riêng cho đức Phật.

Độ xong, đức Phật nói với Cunda:

- Món ăn Sūkara-maddava còn lại, ngươi hãy đem chôn vào một hố nào đấy. Này Cunda! Như Lai không thấy một ai ở cõi trời, cõi người, ma giới; không một ai trong chúng sa-môn, bà-la-môn hoặc bất kỳ một ai khác, ăn món ăn này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

Người thợ rèn Cunda vâng theo Thế Tôn.

Chừng nửa canh giờ sau khi độ thực món ăn ấy, đức Phật bị bệnh nặng, có triệu chứng lỵ huyết, đau đớn khốc liệt. Tuy nhiên, lát sau, trấn tĩnh cơn đau, đức Phật nói:

- Này Ānanda! Chúng ta hãy đi đến Kusinārā.

Tuy vâng lời nhưng tôn giả áy náy không yên. Và người áy náy không yên, đau khổ, dằn vặt nhất lại chính là Cunda! Người thợ rèn này cảm thấy mình có tội, mình là thủ phạm dâng cúng món ăn Sūkara-maddava nên đức Phật bị đau tả lỵ, có lẽ là có máu bị rỉ ra từ dạ dày, từ đường ruột! Ông gục đầu xuống, khóc nức nở:

- Con chỉ có thành ý, tâm niệm trong sáng và tốt lành khi dâng cúng món ăn ấy, nó non mềm, thơm ngon... con cũng không ngờ...

Đức Phật mỉm cười:

- Không phải tội là do ông đâu. Trong quá khứ, thuở còn là bồ-tát, trong các kiếp sống sinh tử, Như Lai có gây một ác nghiệp nên quả báo dư sót hôm nay nó đến đúng thời, đúng

[1] Tên Pāḷi này, hòa thượng Minh Châu dịch là "một loại mộc nhĩ". Thiền sư Nhất Hạnh dịch là "nấm chiên đàn". Người biên soạn tra trong Pāḷi-English Dictionary, thì ghi là "Soft (tender) boar's flesh" – nghĩa là "thịt heo rừng non mềm". Tôi ghi ra đây tất cả để độc giả cùng tham khảo.

lúc, mà món ăn chỉ là duyên cuối cùng cho giọt nước tràn ly vậy thôi.

Người thợ rèn lắng nghe. Đức Phật tiếp:

- Đây là bữa ăn cuối cùng của Như Lai, và sẽ không còn một bữa ăn nào khác nữa. Ông phải phát tâm hoan hỷ khi biết rằng: Hiện thân của một đức Phật trên đời này, có hai bữa ăn phước báu nhiều nhất, thù thắng nhất là bữa ăn trước khi đắc quả vị Chánh Đẳng Giác và bữa ăn trước khi Niết-bàn. Bữa ăn trước, phước báu tối thượng để dành nữ thí chủ Sujātā ở rừng khổ hạnh, bữa ăn cuối là phần của thí chủ Cunda tại thị trấn Pāvā, vườn xoài này. Cả hai bữa ăn ấy, phước giống nhau, quả báo thù thắng giống hệt nhau, bằng nhau.

Cunda cúi đầu lắng nghe.

Đức Phật tiếp:

- Như Lai lặp lại, là cả hai bữa ăn ấy đồng một quả báo, đồng một dị thục quả, phước báu lớn hơn, lợi ích lớn hơn những sự cúng dường ăn uống khác. Và này Cunda! Tuổi thọ, sắc đẹp, sống lâu, an lạc, danh tiếng, quyền uy, ngũ dục công đức cõi trời đang chờ đợi ông trong mai hậu đó!

Rồi đức Phật quay sang vị thị giả:

- Nay Ānanda! Sau này, có ai thắc mắc về bữa ăn "có vấn đề" này của Cunda, ông phải cặn kẽ giải thích giống như Như Lai vừa nói ở trên để giải tỏa "mối oan" cho Cunda và mối nghi cho tứ chúng!

Khi thấy người thợ rèn an tâm rồi, đức Phật mới từ giã.

Cơn đau lại tái hiện, âm ỉ, thốn nhức, Thế Tôn lại điều hòa hơi thở, bước đi trong chánh niệm, tỉnh giác. Được mấy đỗi đường, cơn đau đã giảm nhưng đức Phật thấy khát và mệt. Đến một gốc cây, ngài ngồi nghỉ rồi bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước uống.

Lát sau, tôn giả về thưa:

- Người ta nói là vừa có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua, con suối đã bị bánh xe khuấy đục ngầu, nước không thể uống được. Cách đây không bao xa, một người kiếm củi nói, là có con sông Kakutthā nước trong xanh, mát mẻ. Chúng ta có thể đến đấy uống để dịu cơn khát, đồng thời, rửa mặt, rửa tay chân cho dễ chịu - bạch Thế Tôn!

Tuy nhiên, lần thứ hai, lần thứ ba, đức Phật vẫn bảo tôn giả Ānanda đi kiếm nước.

Thế rồi, lần thứ ba, tôn giả Ānanda mang bát trở lại con suối cũ ấy - thì thấy nước lại trong trẻo, không vẩn đục nữa.

Mang nước về, tôn giả reo lên với đức Phật:

- Thật là kỳ diệu quá sức! Thật là lạ lùng quá sức! Nước suối bị bánh xe khuấy động, đục ngầu, thế nhưng Thế Tôn lại cứ bảo lấy nước, lấy nước! Quả nhiên, lần thứ ba, nước đục ngầu ấy đã thay tên đổi họ, đã biến thành khuôn mặt trắng trẻo, trong xanh, mát lịm - bạch Thế Tôn!

Đức Phật không nói gì, im lặng uống nước.

Lúc bấy giờ, Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma mang hàng trên những cỗ xe, cùng với tùy tùng, đang trên con đường từ Kusināra đến Pāvā, thấy đức Phật đang ngồi tĩnh tại, trầm lặng dưới gốc cây, ông cảm nhận được cái gì đó nên đã đến gần bên, tán thán:

- Ôi! Thật kỳ diệu xiết bao là trạng thái trầm tĩnh, ổn định của bậc xuất gia! Nó định tĩnh như ngọn núi.

Đức Phật chỉ lắng nghe, và ông ta nói tiếp:

- Thuở xưa, ngài Alāra Kālāma, đạo sư của con, đang đi trên đường, ngồi xuống một gốc cây để nghỉ trưa. Đạo sư của con cũng ngồi với trạng thái trầm tĩnh, ổn định như ngọn núi vậy đó. Lát sau, có khách lữ hành đi ngang qua, cất tiếng hỏi đạo sư Alāra Kālāma rằng:

“ - Tôn giả có thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua đây không?”

Đạo sư đáp:

"- Ta không thấy!"

Ngạc nhiên, người kia hỏi tiếp:

"- Tôn giả có nghe tiếng đàn ngựa chuyển động, bánh xe sắt trì nghiến trên đất không?"

"- Ta cũng không nghe!"

"- Thế tôn giả có phải đang ngủ không?"

"- Không, ta không ngủ!"

" - Thế tôn giả có thức không?"

"- Có, ta đang thức, ta luôn luôn tỉnh thức!"

"- Tôn giả đang tỉnh thức nhưng không thấy khoảng năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe thấy một tiếng động nào. Nhưng bạch tôn giả! Cái áo của tôn giả rõ ràng là đang lấm bụi!"

"- Phải! Cái áo, trên đầu, trên cổ gì cũng lấm bụi cả"

Người khách lữ hành tự nghĩ:

"- Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu sự trầm tĩnh như đỉnh núi của một bậc xuất gia. Trong khi giác tỉnh, còn thức nhưng không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào".

Do cảm phục đức trầm tĩnh ấy, khách lữ hành tỏ lòng thâm tín đối với đạo sư Alāra Kālāma rồi chào từ giã.

Pukkusa, dòng họ Mallā, đệ tử của ngài Alāra Kālāma nói với đức Thế Tôn như vậy, cũng chỉ để tỏ lòng tôn kính và cảm phục đức trầm tĩnh của bậc xuât gia.

Đức Phật chợt hỏi:

- Này Pukkusa! Nhà ngươi nghĩ thế nào? Cái gì khó làm hơn, cái gì khó thực hiện hơn? Một người trong khi giác tỉnh, còn thức mà không thấy năm trăm cỗ xe vừa đi ngang qua gần một bên, cũng không nghe một tiếng động nào. Và một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, mà không thấy, cũng không nghe tiếng?

- Bạch Thế Tôn! Nói gì đến năm trăm cỗ xe này, cho đến sáu trăm, bảy trăm, tám trăm, chín trăm hoặc một ngàn, cho đến trăm ngàn cỗ xe, cũng không thể so sánh được. Thật khó làm hơn, khó thực hiện hơn – trong trường hợp một người đang giác tỉnh, còn thức, trong khi trời đang mưa, mưa tầm tã ào ào, trong khi điện quang chớp lòa, sấm sét vang động mà không thấy cũng không nghe tiếng.

Đức Phật lại tiếp tục:

- Này Pukkusa! Một thời, Như Lai ở Atumā, tại nhà đập lúa. Lúc bấy giờ trời mưa, mưa tầm tã ào ào, điện quang chớp lòa, sấm sét vang động, có hai anh em nông phu và bốn con bò đực bị sét đánh chết.

Tình cờ, Như Lai từ nhà đập lúa đi ra, vừa bước qua sân thì thấy một đám đông bèn cất tiếng hỏi:

"- Có việc gì ở đây mà quý vị tụ họp đông vậy?

Một người đáp:

"- Có hai nông dân và bốn con bò đực bị sét đánh chết, mọi người tụ hội để xem.

"- Thế à!

"- Vậy thì lúc ấy sa-môn ở đâu mà không thấy, không biết?

"- Ta đang ở đây, trong nhà đập lúa này.

"- Ngài không nghe thấy gì cả sao?

"- Vâng, không nghe thấy gì cả.

"- Vậy thì ngài đang ngủ?

"- Không, ta không ngủ.

"- Vậy ngài đang thức.

"- Vâng, ta đang thức.

Người kia ngạc nhiên, la lên:

" - Sa-môn không ngủ, đang thức - vậy thì ngài đang làm cái gì mà cho chí mưa tầm tã ào ào như thác đổ, sét đánh rầm rầm tung trời dậy đất, đến nỗi hai nông dân tiêu mạng,

bốn con bò đực nằm chết chỏng cọng – mà ngài lại không thấy, không nghe, không biết gì hết. Có lạ lùng không chứ!”

Nghe xong, Pukkusa tự nghĩ:

“- Đạo sư Alāra Kālāma của ta, đạo hạnh và trí tuệ nổi tiếng một thời, nhưng mà ngài tạ thế rồi. Sa-môn Gotama này, ta nghe tên từ hồi ở tu viện của thầy ta. Hôm nay, nghe câu chuyện này, ta biết ‘nội lực tịnh tu’của ông ta còn là bậc thầy đạo sư của ta nữa!”

Nghĩ thế xong, ông quỳ sụp người xuống, trổ miệng văn chương:

- Ôi! Trước đây, đạo sư của con, Alāra Kālāma, là bậc thầy mà con tin tưởng, giao phó sinh mạng. Thì nay, bạch Thế Tôn! Con đem “sự tin tưởng và việc giao phó sinh mạng ấy” về đạo sư của con đem rải rắc trước luồng gió mạnh, đem thả trôi vào dòng nước cuồn cuộn ngàn trùng! Xin cho con được quy y Thế Tôn, quy y pháp và quy y tỳ-khưu tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, trọn đời quy ngưỡng.

Nói thế xong, Pukkusa quát bảo viên quản lý thuộc hạ:

- Hãy tức khắc vào thùng xe của ta, lấy ngay một cặp áo màu kim sắc, vàng chói để ta dâng cúng đến đức đại Đạo sư của ta!

Sau đó, nâng cặp y quý giá lên ngang đầu, Pukkusa tác bạch:

- Mong đức Thế Tôn bi mẫn thọ dụng cặp áo này, là vật quý trọng nhất hiện thời của con. Vật quý trọng được dâng cho người quý trọng là hạnh phúc nhất đời của con vậy.

Đức Phật im lặng nhận lời, rồi bảo:

- Này Pukkusa! Hãy đắp cho Như Lai một tấm và đắp cho vị thị giả đặc biệt này một tấm.

Pukkusa làm theo lời của Thế Tôn. Sau đó, Pukkusa được đức Phật giáo giới ít lời làm cho tăng trưởng đức tin, ông hoan hỷ, và thấy cũng đã phải thời nên xin từ giã.

Sau khi Pukkusa đi rồi, tôn giả Ānanda ngắm nhìn đức Phật mãi, lát sau ông thốt lên:

- Thật là lạ lùng quá sức. Chiếc y kim sắc, vàng chói như mặt trời hừng đông của Pukkusa lại chợt như lu mờ trước nước da của Thế Tôn, có hy hữu không chứ!

Đức Phật gật đầu:

- Thật vậy, này Ānanda! Có hai trường hợp màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và hết sức sáng chói. Ấy là trong lần Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong lần Như Lai sắp diệt độ Niết-bàn... Và khắc ấy cũng cận kề, nội trong đêm nay đó thôi!

Nghe vậy, tôn giả Ānanda rơm rớm nước mắt.

Đức Phật lại bảo:

- Thôi, hãy đi! Hãy lên đường! Trời đã chiều rồi, chúng ta còn lội qua vài con sông nhỏ nữa.

Lúc dừng chân nơi con sông Kakutthā nước trong vắt, đức Phật xuống tắm, xong, ngài từ từ, chậm rãi lội bộ sang bờ bên kia. Đại chúng có người tắm rửa, uống nước, có người không.

Đức Phật trao lại y tắm cho tôn giả Ānanda giặt phơi, mặc lại tấm y khô ráo, khoác thêm tấm kim sắc, ngài đi vào một khu rừng xoài. Tại đây, đức Phật bảo tôn giả Mahā Cunda trải tấm y tăng-già-lê làm bốn rồi ngài ngồi nghỉ.[1]

---

[1] Chỗ này, kinh Đại bát-niết-bàn ghi kệ như sau: "Đức Phật tự đi đến.Con sông Kakutthā. Con sông chảy trong sáng. Mát lạnh và thanh tịnh. Vị Đạo Sư mỏi mệt. Đi dần xuống mé sông. Như Lai đấng Vô Thượng. Ngự trị ở trên đời. Tắm xong, uống nước xong. Lội qua bên kia sông. Bậc Đạo Sư đi trước. Giữa Tăng chúng Tỳ-khưu. Vừa đi vừa diễn giảng. Chánh pháp thật vi diệu. Rồi bậc Đại Sĩ đến. Tại khu vực rừng xoài. Cho gọi vị Tỳ-khưu. Tên họ Cundaka: "Hãy gấp tư áo lại. Trải áo cho ta nằm. Nghe dạy, Cundaka. Lập tức vâng lời dạy. Gấp tư và trải áo. Một cách thật mau lẹ. Bậc Đạo Sư nằm xuống. Thân mình thật mệt mỏi. Tại đây Cundaka. Ngồi ngay phía trước mặt.

Lúc tôn giả Ānanda làm công việc xong, vừa đến nơi, đức Phật ngồi dậy rồi bảo:

- Hãy đi, chúng ta còn đi qua con sông Hiraññavatī nữa mới tới Upavattana, thành phố Kusinnārā, rừng sālā của dòng họ Mallā.

Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ

Thế là đến chiều tối, đức Phật và chúng tỳ-khưu mới tới được nơi dự định. Trăng vừa lên, sương mù bàng bạc, không gian như trải một màn lụa mỏng. Đất trời thanh sạch như không nhiễm một chút bụi trần, có lẽ là do có sự hiện thân của một nhân cách siêu việt chăng? Cái đó để thiên nhiên và siêu nhiên trả lời. Tuy ai cũng cảm nhận có một cái gì đó rất lạ lùng, nó ở ngoài tế bào não và lý trí suy nghiệm.

Sau một hồi tới lui hít thở không khí trong lành, đức Phật bảo tôn giả Ānanda chuẩn bị chỗ nằm giữa hai cội cây sālā hùng vĩ. Ấy là lấy cành lá quét dọn xung quanh hai cội cây, gấp tấm tăng-già-lê làm hai, tôn giả chọn hướng rồi trải dài theo như thân người. Đức Thế Tôn nằm xuống trong tư thế nghiêng về bên vai phải, đầu hướng về bắc, mặt hướng về tây, lưng ở phía đông và chân thì duỗi về nam. Chư tỳ-khưu chừng mấy trăm vị thì ngồi rải rác cả rừng cây, bao quanh đức Thế Tôn. Gần đức Phật nhất là chư tôn giả Ānanda, Upāli, Anuruddha, Mahā Cunda, Upavāna... Và chư vị trưởng lão ai cũng biết là Thế Tôn chọn chỗ này, giữa hai cội cây sālā này, và ngay đêm nay, đức Chánh Đẳng Giác sẽ Niết-bàn.

Cả rừng cây sālā cũng trở nên trầm mặc, dường như chúng cũng cảm nhận được thời khắc linh thiêng, trọng đại. Rồi đột nhiên, có cái gì rùng rùng chuyển động và có cái gì siêu nhiên tác động mà cả rừng cây sālā bỗng trổ hoa trái mùa, từng chồi, từng nhánh vươn dài ra, đầy gốc, đầy thân, hoa bung nở, ngào ngạt hương. Lát sau, cánh hoa rơi rụng trên y áo của đức Phật và phủ nhẹ lên thân ngài. Cả mấy trăm vị tỳ-khưu ngơ ngác ngắm nhìn hoa rơi, đầy người, đầy rừng. Lát sau nữa, nhạc trời réo rắt, bay bổng như hằng ngàn giai điệu cùng hợp tấu từ hư không đổ tràn xuống. Lại có một loại hoa lạ lùng nhiều sắc màu, lấp lánh sắc màu, từng đợt, từng đợt, nhẹ nhàng chao lượn giữa rừng cây rồi như đồng loạt phủ quanh chỗ nằm của đức Tôn Sư. Và rồi, bột hương không biết từ đâu, lấp lánh bụi vàng thơm nồng nàn cũng đồng rơi xuống, rải vàng khắp nơi... Dường như người, trời, thiên nhiên, ai cũng muốn cúng dường đức Phật trong giờ khắc nghiêm kính linh thiêng này...

Tôn giả Anuruddha chợt cất tiếng nói:

- Tiếng nhạc kia là của chúng Càn-thát-bà muốn cúng dường đức Phật. Hoa trời kia tên là Mandārava[1], là chúng thiên nữ của thiên chủ Đế Thích cúng dường; bột hương chiên đàn kia là của chúng dạ-xoa nữ của Tứ Trấn thiên vương cúng dường... Thế là Phạm thiên, Đế Thích, thiên vương, Tứ Đại thiên vương, chúng chư thiên, càn-thát-bà, dạ-xoa... đồng vân tập đến rừng cây này rồi - bạch đức Tôn Sư!

Đức Phật nói:

- Ừ, Như Lai thấy rồi!

Tôn giả Ānanda cảm khái:

- Ôi! Hoa vi diệu, hương vi diệu, nhạc trời vi diệu đều muốn cúng dường đức Thế Tôn cả!

---

[1] Kinh điển dịch âm là hoa Mạn-thù hay hoa Mạn-đà-la.

Đức Phật bảo:

- Này Ānanda! Họ cúng dường tùy theo tâm ý của họ, sở thích của họ; nhưng như vậy cũng chưa thật sự biết cách cúng dường Như Lai đâu!

- Xin đức Đạo Sư hãy cho đệ tử hiểu sâu về tôn ý? Thế nào là biết cách cúng dường, bạch Thế Tôn?

- Nếu có tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni nào, cận sự nam, cận sự nữ nào biết thành tựu chánh pháp và tùy pháp, sống chơn chánh trong chánh pháp và hành trì đúng chánh pháp; làm được như vậy mới thật sự biết kính trọng, kính lễ, biết cúng dường Như Lai. Ông phải học tập như vậy, hành trì như vậy và sau này cũng phổ cập rộng rãi cho tứ chúng hiểu cách cúng dường chơn chánh, đúng pháp và luật như vậy, này Ānanda!

Tôn giả Ānanda khẽ cúi đầu, ghi nhận.

Lúc ấy, tôn giả Upavāna đang đứng hướng phía trước mặt đức Phật nên ngài khẽ bảo:

- Này Upavāna! Ông hãy đứng sang một bên!

Tôn giả Ānanda nghe vậy, tự nghĩ trong lòng: "Tôn giả Upavāna là bậc thánh vô lậu, trước đây đã từng nhiều năm làm thị giả khá chu đáo, hết lòng với đức Đạo Sư! Không biết, tôn giả đứng hầu một bên như vậy mà lại bị đức Đạo Sư quở trách: Hãy đứng sang một bên!? Không biết có nhân, có duyên gì không nhỉ?!"

Đức Phật đọc được tâm ý ấy, ngài mỉm cười:

- Rất đông chư vị thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Cho đến mười hai do tuần xung quanh Kusinārā, Upavattana, rừng sālā thuộc dòng họ Mallā, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc, một hạt cải mà không đứng đầy những thiên thần có uy lực tụ họp. Một số chư vị thiên thần ở hướng mà tỳ-khưu Upavāna đang đứng, họ than phiền rằng: "Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Thế Tôn. Thật là hy hữu, chư vị Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; và tối hôm

nay, trong canh cuối cùng, Thế Tôn sẽ nhập diệt. Nhưng nay, vị tỳ-khưu có oai lực (vì ngài đã đắc tứ thánh quả) này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng ngài trong giờ phút cuối cùng". Đấy là nhân, đấy là duyên, này Ānanda!

- Thế thì hạng chư thiên nào tâm còn phàm tục mà "than phiền" như vậy, thưa Tôn Sư?

- Đấy đúng là hạng chư thiên có tâm tư phàm tục. Và còn có hạng chư thiên ở giữa hư không, ở trên đất còn nhiều phàm tâm hơn thế nữa. Những vị này khóc than, với đầu bù tóc rối, với cánh tay duỗi cao, thân bổ nhoài, lăn lộn qua lại: "Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, vậy là con mắt pháp biến mất giữa thế gian tối tăm này rồi!"

- Có hạng chư thiên nào không than phiền, không khóc than sầu muộn không, thưa Tôn Sư!

- Có chứ, và có rất nhiều! Do những vị này đã làm nhẹ đi, rỗng đi, diệt ba phần, diệt bốn phần vô minh và ái dục – thì họ biết quán như thực tướng: "Các hành là vô thường, làm sao sự kết hợp hữu vi lại có thể khác được!" Họ tự hỏi như vậy, mà thực ra họ đã thấy như vậy.

- Thật là kỳ diệu, bạch đức Tôn Sư!

Ngẫm nghĩ một lát, tôn giả lại thưa:

- Thuở trước, sau mỗi mùa an cư, chư tăng các phương về hầu thăm Thế Tôn. Trong số họ có những vị trưởng lão, đại trưởng lão với công hạnh tu tập vững chắc; vững chắc về trí tuệ, vững chắc về thiền định, vững chắc về tri túc biết đủ, vững chắc về thần thông, vững chắc về trì luật, vững chắc về kinh pháp... Nay Thế Tôn nhập diệt rồi, đệ tử không còn có dịp tiếp dẫn họ, giao du với họ, thân cận với họ để học hỏi, để tôn trọng, để cung kính những đức lớn, tâm lớn, tuệ lớn kia nữa rồi!

- Ông còn đấy, này Ānanda! Ông hãy cung kính, tôn trọng kho tàng kinh pháp ở trong tâm trí, cộng với sở văn,

kiến văn của ông do tư duy mà có, chiêm nghiệm mà có, thẩm sát mà có, kia mà!

Tôn giả cúi đầu, lại nói nữa:

- Đấy là thiệt thòi nhỏ, có tính cách cá nhân, còn một thiệt thòi lớn hơn, là cả châu Diêm-phù-đề này, khi Thế Tôn diệt độ rồi, chẳng còn đâu là nơi chốn để chư thiên, nhân loại, tứ chúng cung kính, đảnh lễ, chiêm ngưỡng và cúng dường nữa, bạch Thế Tôn!

- Cũng còn đấy, cũng có đấy, này Ānanda! Là bốn thánh tích còn lại. Chỗ "Như Lai đản sanh" là một thánh tích. Chỗ "Như Lai chứng ngộ dưới cội bồ-đề" là một thánh tích. Chỗ "Như Lai chuyển pháp tại Vườn Nai" là một thánh tích. Chỗ " Như Lai diệt độ giữa hai gốc cây sālā" này là một thánh tích.

Sau này, những ai trong thời gian đi hành hương chiêm bái bốn thánh tích ấy với tâm thâm tín, với tâm hoan hỷ - mà từ trần, mà trút hơi thở - thì người ấy, vị ấy sẽ được hóa sanh vào cõi thiện thú, cảnh giới chư thiên ngay tức khắc. Đấy không là lợi lạc tối thượng cho chúng sanh hay sao, này Ānanda!

Dường như ngại rằng không còn cơ hội để học hỏi nữa, tôn giả lại thưa tiếp:

- Chúng đệ tử sẽ xử lý thân xá-lợi của đức Tôn Sư như thế nào?

- Các ông đừng có lo lắng, để tâm về xá-lợi của Như Lai! Là một tỳ-khưu, một sa-môn hữu học, mỗi người hãy tự nỗ lực, tinh tấn để tự cứu độ mình, sống không phóng dật, cần mẫn trên con đường giác ngộ, giải thoát - đấy là mục đích cần yếu và tối thượng. Có những học giả sát-đế-lỵ, những học giả bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Tam Bảo, những vị này họ sẽ lo chu đáo về thân xá-lợi của Như Lai.

- Thế còn cái kim thân của Thế Tôn hiện giờ đây, chúng đệ tử phải làm sao?

Đức Phật lại phải ân cần giải thích:

- Xử sự thân Chuyển luân Thánh Vương như thế nào thì hãy xử sự thân Như Lai như vậy.

- Vậy "pháp táng thân" của đức Chuyển luân Thánh vương ấy như thế nào, bạch Thế Tôn!

- Theo cổ lệ từ ngàn xưa, thân của Chuyển luân Thánh vương được vấn tròn bằng năm trăm lớp vải quý, vải thơm các loại. Rồi được đặt trong một hòm dầu bằng sắt, hòm sắt này được một hòm sắt khác đậy kín. Một giàn hỏa gồm mọi loại trầm hương được xây dựng lên, thân của đức Chuyển Luân được đem thiêu. Và tại ngã tư đường, bảo tháp của vị ấy được xây dựng lên để tôn trí xá-lợi cho dân chúng lễ bái, cung kính, cúng dường. Đấy là cách "pháp táng thân" của vị Chuyển luân Thánh vương còn lưu lại trong cổ sử.

Vậy, thân của Như Lai cũng nên thực hiện như thế. Và sau này, những ai đem hoa, vòng hoa, trầm hương, các loại hương liệu đến cúng dường, đảnh lễ bảo tháp với tâm thâm tín và hoan hỷ thì những người ấy sẽ được lợi ích, hạnh phúc dài lâu, này Ānanda!

- Thế những ai trên đời này được vinh hạnh xây dựng bảo tháp để cho thế gian cung kính, lễ bái, cúng dường, bạch Thế Tôn!

- Chỉ có bốn hạng người là được phép xây dựng bảo tháp. Phật Chánh Đẳng Giác là một. Phật Độc Giác là hai. Phật Thanh Văn Giác là ba. Đức Chuyển Luân Vương là bốn, này Ānanda!

- Vì lý do gì, nhân gì, duyên gì mà bốn vị ấy được xây dựng bảo tháp còn những vị khác thì không, bạch Thế Tôn?

- Vì họ có công đức lớn với thế gian. Và vì những ai, sau này, cung kính, lễ bái, cúng dường bảo tháp với tâm thâm

tín, hoan hỷ thì họ sẽ được an vui, lợi lạc lâu dài. Đấy là nhân, đấy là duyên, này Ānanda!

Hỏi xong những câu hỏi quan trọng về hậu sự của đức Phật, tôn giả Ānanda đi khuất ra phía xa, lặng lẽ khóc, tự nghĩ mà tủi thân: "Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư sắp diệt độ rồi, còn ai trên đời này thương tưởng ta nữa!"

Thấy Ānanda vắng mặt lâu, đức Phật hỏi:

- Ông Ānanda đi đâu, không thấy.

Tôn giả Anuruddha trả lời:

- Vị ấy tủi thân, đang đứng khóc, bạch Tôn Sư.

Đức Phật lại gọi vào rồi dạy:

- Như Lai đã nói tại đền miếu Cāpāla rồi, rằng là "không thể có một sự kiện, một hiện tồn sanh, trú, hữu vi, biến hoại nào mà không diệt mất". Vậy, buồn rầu, khóc than, bi lụy thì có ích gì đâu, có đi ngược lại được với định luật hữu vi đâu – hãy nói cho Như Lai xem với nào?

- Đệ tử biết nhưng vẫn sầu não!

- Trước sau ông cũng vào dòng Bất Tử thôi, vì công đức của ông quá lớn, nó sẽ huân tụ một năng lực vĩ đại để chuyển ông vào dòng mà!

- Đệ tử tự xét có công đức nào đâu, nội tâm vẫn cứ trào vọt cảm xúc, không tự chủ được.

Đức Phật cất giọng trầm ấm:

- Đã lâu ngày, ông đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai; vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai. Tác thành được ba công đức lớn lao ấy, sao lại gọi là không có công đức? Thôi đừng tự khiêm nữa! Đừng tủi thân nữa! Hãy cố gắng tinh tấn lên, ông sẽ chứng bậc vô lậu, một thời gian ngắn nữa thôi!

Rồi Thế Tôn lại nói với đại chúng:

- Chư vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quá khứ hay vị lai - những bậc Thế Tôn ấy đều có những thị giả tối thắng như Ānanda của Như Lai hiện nay vậy.

Sao được gọi là thị giả tối thắng? Vị tỳ-khưu thị giả tối thắng là người có trí và hiểu rõ: Lúc này là đúng thời để vị tỳ-khưu này, vị tỳ-khưu-ni này, vị cận sự nam này, vị cận sự nữ này, vua chúa này, quan đại thần này, gia chủ này, giáo chủ ngoại đạo này... yết kiến Như Lai!

Và ngoài ra, vị tỳ-khưu thị giả như Ānanda còn thu hút tứ chúng bởi khả năng kỳ lạ của mình. Ấy là khi một tỳ-khưu, một tỳ-khưu-ni, một cận sự nam, một cận sự nữ... được diện kiến Ānanda, được nghe Ānanda thuyết pháp - họ đều hết sức mừng vui, hoan hỷ, tươi rạng nét mặt. Nếu gặp được Ānanda, diện kiến Ānanda nhưng Ānanda lặng thinh, không nói gì, và pháp cũng không thuyết thì họ vô cùng buồn bã, nét thất vọng hiện rõ trên từng khuôn mặt. Đấy không là điều kỳ diệu, lạ lùng, hy hữu của vị thị giả tối thắng này hay sao?

Có rất nhiều tiếng cười vui lan nhẹ giữa rừng cây. Và tôn giả Ānanda của chúng ta, nhờ năng lượng mát mẻ, vô phiền xung quanh tác động, nên đã cảm thấy thân tâm thư thái.

Tôn giả quay sang một yêu cầu:

- Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé, hoang vu và vắng lạnh này. Có những nơi khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagaha (Vương Xá), Sāvatthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambī (Kiều-thưởng-di), Bārāṇasī (Ba-la-nại) – là những kinh đô, những thành phố đông đúc, phú cường, thạnh mậu. Tại chỗ ấy, có đại chúng sát-đế-lỵ, có đại chúng bà-la-môn, có đại chúng gia chủ rất thâm tín Tam Bảo, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.

- Chớ có nói như vậy, này Ānanda! Chớ nói rằng đô thị này nhỏ bé, hoang vu, vắng lạnh. Thuở xưa có vị vua tên là

Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến), là một đức Chuyển Luân Vương, là vị pháp vương, trị vì như pháp, thống lãnh bốn thiên hạ, chinh phục, hộ trì quốc dân, đầy đủ bảy báu. Cũng tại đây, tại Kusinārā này là kinh đô của vua Mahā Sudassana, với tên gọi là Kusāvatī (Câu-xá-bà-đề); phía đông và phía tây rộng đến mười hai do tuần, phía bắc và phía nam rộng đến bảy do tuần. Kinh đô Kusāvatī này rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, dân chúng sung mãn, thực phẩm phong phú – không thua gì thành phố Āḷakāmandā của chư thiên đâu. Suốt ngày, suốt đêm, kinh đô Kusāvatī này, vang dậy chín loại tiếng: Là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng tỳ bà, tiếng hát, tiếng xập xõa, tiếng chuông. Và tiếng thứ mười là lời mời gọi mọi người, bạn hữu xung quanh: "Hãy uống đi, hãy ăn đi" do ai cũng hào sảng, do ai cũng sung mãn tài lộc ,vật thực!

Nói đến đây, đức Phật thấp giọng xuống:

- Các ông có biết vị vua tên là Mahā Sudassana (Đại Thiện Kiến) là ai không? Chính ông ta là một tiền thân của Như Lai vậy. Sở dĩ Như Lai chọn diệt độ ở đây, còn để lại một bài học về tồn vong, thịnh suy của hữu vi pháp, của thế gian pháp nữa đó. Một bậc giác ngộ, xuất trần, rốt lại phải kinh qua tất cả, chiêm nghiệm tất cả, và cuối cùng, xả ly tất cả!

Thấy đại chúng yên lặng, có vẻ lãnh hội bài học, đức Phật nói tiếp:

- Này Ānanda! Trời đang sáng trăng, ông và thêm vài vị tỳ-khưu hãy đi vào Kusinārā, thông báo với dân chúng dòng Mallā, nói rằng, đêm nay, vào canh ba, Như Lai sẽ diệt độ tại rừng cây sālā, phía đông, giáp ranh thành phố. Ông chỉ

nói thế thôi. Còn mọi việc khác, hãy để dành cho các Vāseṭṭhā![1]

Không lâu sau, từng đoàn người, từng toán người, với đèn đuốc kéo dài trên những con đường đi về rừng cây sālā. Một số trong họ khóc lóc sầu muộn, tiếc thương với những cảm xúc khó nói nên lời. Một số thì lặng lẽ, trầm mặc nhưng dáng bước đi có vẻ không được tự chủ cảm xúc. Và ai ai cũng muốn đảnh lễ đức Tôn Sư lần cuối.

Tôn giả Ānanda tự nghĩ: "Nếu ta để dân Mallā ở Kusinārā đảnh lễ Thế Tôn từng người một, thì suốt đêm cũng không xong. Ta nên để cho họ đảnh lễ theo từng gia tộc".

Và quả vậy, theo cách sắp xếp ấy, chừng đầu canh hai, mọi người đã thỏa nguyện. Sau đó, lác đác có ít người về còn đa phần thì ở lại, họ ngồi đầy những nơi có thể ngồi được.

Tuy nhiên, đêm ấy vẫn có một du sĩ ngoại đạo từ xa, tên là Subhadda cứ khăng khăng muốn gặp đức Phật cho bằng được. Sợ đức Phật mệt, tôn giả Ānanda nói nhỏ mọi người tìm cách ngăn cản.

Đọc thấy tâm ý của Subhadda là thành khẩn, đức Phật bảo cho ông ta vào. Và câu hỏi của Subhadda là như sau:

- Bạch Thế Tôn! Hiện tại trên toàn cõi châu Diêm-phù-đề này, có sáu giáo phái, sáu vị giáo chủ nổi danh cùng đệ tử của họ đang hoằng hóa, giảng nói khắp nơi. Họ là những vị hội chủ, giáo trưởng, sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, ngưỡng mộ như các ngài Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī, Pakudha Kaccāyana, Nigaṇṭha Nātaputta và Sañjaya Belaṭṭhiputta. Tôi muốn hỏi Thế Tôn, là trong các vị ấy, ai là người đạt đạo, ai là người đã giác ngộ như

[1] Tên gọi chung của tộc người Mallā của Kusinarā, cũng gọi Mallā của Pāvā.

các vị đã tự cho như vậy; hay một số họ đã giác ngộ, đạt A-la-hán quả còn số khác thì chưa?

Đức Phật nói:

- Thôi này Subhadda! Hãy để vấn đề ấy sang một bên vì chúng thật vô ích và phù phiếm. Nếu ông có biết rõ điều ấy, thì phiền não, khổ đau ở trong ông vẫn không giải quyết được, có phải vậy không?

- Bạch, đúng như thế!

- Bây giờ ông hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ những điều Như Lai sắp nói đây! Những điều đơn giản thôi, nhưng nó là trọng tâm của con đường thoát khổ.

- Tâu vâng!

Khi biết ông du sĩ đã sẵn sàng, đức Phật nói đến những pháp căn bản nhất mà cũng rốt ráo nhất. Ngài không thuyết giảng cao xa, dài dòng mà chỉ nói vắn tắt, giản đơn. Ngài không nhắc đến khổ đế, tập đế, diệt đế mà chỉ nói đạo đế là con đường diệt tận khổ đau phiền não - đấy là bát chánh đạo. Ngài nói rằng, trong pháp và luật nào không có bát chánh đạo là không có đệ nhất sa-môn, đệ nhị sa-môn, đệ tam sa-môn, đệ tứ sa-môn. Ngược lại, pháp và luật nào có bát chánh đạo, có người thực hành bát chánh đạo, có người thành tựu bát chánh đạo thì bốn loại sa-môn kia thật không kể xiết, không thể đếm hết được. Và ông nên lưu ý rằng, sáu giáo phái, sáu giáo chủ mà ông vừa kể tên, trong hệ thống tư tưởng của họ, pháp và luật của họ, không hề có bát chánh đạo, không biết gì về bát chánh đạo. Vậy thì chứng đắc, giác ngộ, giải thoát, quả vị A-la-hán có hay không thì ông có thể tự trả lời được rồi đấy!

Như một tấm vải trắng dễ nhuộm màu, thời pháp ngắn gọn của đức Phật đã thấm nhuận tức khắc vào tâm trí Subhadda. Vui mừng xiết bao, hoan hỷ xiết bao khi ông đã thấy được con đường, ông bèn quỳ gập xuống xin nhận đức Phật làm Đạo Sư. Và ông lại còn muốn xuất gia nữa.

Đức Phật nói:

- Trước kia, ông sống và tu với ngoại đạo. Theo pháp và luật của Như Lai – thì trường hợp của ông, muốn xuất gia, muốn thọ đại giới thì phải sống biệt trú bốn tháng, sau đó mới được tăng-già xem xét.

- Đệ tử sẵn sàng biệt trú bốn năm, bạch Thế Tôn!

- Thế là tốt! Bây giờ ông đã là cư sĩ áo trắng của Như Lai rồi đó.[1]

Du sĩ Subhadda này được xem là đệ tử cuối cùng của đức Phật vậy.

Trong không gian và cả núi rừng đều yên lặng, sau câu chuyện của Subhadda, đức Phật nhìn trời nói:

- Bây giờ đã sang canh ba, Như Lai sắp ra đi rồi đấy. Vậy trong chúng tỳ-khưu có ai muốn hỏi gì không? Có thắc mắc gì, có vấn nghi gì về pháp và luật thì đây là lúc nên đem ra hỏi nhất.

Thấy ai ai cũng im lặng, ngài nói tiếp:

- Nếu ai đó ngại ngùng không dám hỏi thẳng Như Lai thì có thể nhờ bạn đồng phạm hạnh hỏi hộ? Nếu không hỏi thì sau này đừng có hối hận. Và nếu không hỏi thì sau này đừng than van rằng: Ôi, ta không còn đạo sư, ta không còn được nghe lời giáo huấn của đạo sư nữa!

Cả rừng người thảy đều yên lặng.

Đức Phật lại nói:

- Pháp và luật - Như Lai đã trăm phương ngàn cách khéo giảng, khéo thuyết. Như Lai cũng đã vận dụng thiện xảo thuyết ngôn, trình bày, phân tích chi ly, cặn kẽ. Mai này, pháp và luật ấy là thầy của các ông, là đạo sư của các ông đó!

---

[1] Sau này, đúng bốn năm, tôn giả Ānanda cho ông thọ đại giới, và nhờ tu tập, nhờ tinh cần, nhờ hướng tâm đúng, ông đắc quả vị A-la-hán.

Thấy sự yên lặng kỳ lạ của chúng tỳ-khưu, tôn giả Ānanda thốt lên:

- Thật kỳ diệu và hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Đệ tử tin rằng trong chúng tỳ-khưu này, không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về pháp và luật; cũng không có ai nghi ngờ, phân vân, thắc mắc gì về đức Phật, đức Pháp, đức Tăng cả.

Đức Phật gật đầu, mỉm cười:

- Ông nói đúng! Ông và cả đại chúng có niềm tin như vậy là đúng. Ông và đại chúng không phân vân, nghi ngờ, thắc mắc gì là đúng. Tại sao vậy? Vì Như Lai vừa hướng tâm, và vừa thấy biết rõ ràng, cả mấy trăm vị tỳ-khưu hôm nay, tại rừng sālā hoa nở ngạt ngào hương này, người thấp nhất thì cũng đã đi vào dòng, chắc chắn không còn rơi vào bốn đường khổ, và trong mai hậu, năm bảy kiếp sau, sẽ đặt bàn chân trên đỉnh đồi cao của giải thoát và tự do.

Nói đến ngang đây, đức Phật sửa lại dáng nằm sư tử, tay phải làm gối kê cao hơn một chút, thoảng giọng lời rất nhẹ:

- Này Ānanda! Ông còn sống bốn mươi năm nữa trong giáo hội, vậy sau này, nếu xét thấy có những giới điều nào xem ra là quá tiểu tiết, nhỏ nhặt thì tăng-già có thể bỏ bớt đi, không ảnh hưởng đến định và tuệ giải thoát đâu.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Còn nữa, hãy ghi nhớ cho kỹ, đây là lời nhắn gởi, khuyên nhủ đến hàng hậu học sa-môn: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".

Đó là lời cuối cùng của đức Đạo Sư.

Rồi Thế Tôn chánh niệm, an trú hơi thở, tức khắc đi vào sơ thiền. Xuất sơ thiền, vào nhị thiền. Xuất nhị thiền, vào tam thiền. Xuất tam thiền, vào tứ thiền. Xuất tứ thiền, vào định không vô biên xứ. Xuất không vô biên xứ, vào định thức vô biên xứ. Xuất thức vô biên xứ, vào định vô sở hữu xứ. Xuất vô sở hữu xứ, vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ. Xuất phi tưởng phi phi tưởng xứ, vào diệt thọ tưởng định...

Tôn giả Ānanda chăm chú quan sát, đến ngang đây, tôn giả nói với tôn giả Anuruddha:

- Thế Tôn đã diệt độ rồi, thưa tôn giả.

- Chưa! Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới đi vào diệt thọ tưởng định thôi, này hiền giả!

Rồi đức Phật xuất diệt thọ tưởng định, xuống phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Xuất phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuống vô sở hữu xứ định. Xuất vô sở hữu xứ, xuống thức vô biên xứ định. Xuất thức vô biên xứ, xuống hư không vô biên xứ định. Xuất hư không vô biên xứ, xuống định tứ thiền. Xuất tứ thiền, xuống định tam thiền. Xuất tam thiền, xuống định nhị thiền. Xuất nhị thiền, xuống định sơ thiền. Xuất sơ thiền, lên định nhị thiền. Xuất nhị thiền, lên định tam thiền. Xuất tam thiền, lên định tứ thiền. Từ trong tứ thiền thâm sâu tịch mặc, không thấy một dấu hiệu gì, như một làn gió nhẹ đi qua, biệt tăm, ngài đi vào vô dư y, tịch diệt Niết-bàn.

Ngay giây khắc ấy, đại địa chấn động, rung động, sấm trời chớp giật điện quang, hoa sālā bỗng dưng rơi rụng đầy đất, đầy rừng. Chư vị tỳ-khưu đa văn đã được nghe giảng nói, rằng là, đây là điềm báo triệu khi một đức Chánh Đẳng Giác ra đi, là một trong tám nhân, tám duyên, là hiện tượng tự nhiên liên hệ với định luật tâm, định luật pháp.

Thấy biết như thế nào thì mặc dầu, nhưng khi bậc Đại Giác chợt nhiên vắng bóng trên thế gian, có người bàng hoàng, ngơ ngác, có người an tĩnh, điềm nhiên cũng là lẽ thường.

Đại phạm thiên Sahampati có vẻ thấy rõ sự thật khi thốt lên bài kệ:"Chúng sanh ở trên đời. Từ bỏ thân ngũ uẩn. Bậc Đạo Sư cũng vậy. Đấng Tuyệt Luân trên đời. Bậc Đại Hùng Giác Ngộ. Như Lai đã diệt độ".

Còn thiên chủ Sakka, là môt thánh đệ tử:"Các hành là vô thường. Có sanh phải có diệt. Đã sanh, chúng phải diệt. Nhiếp chúng là an lạc".

Tôn giả Anuruddha là bậc thánh vô lậu:"Không phải thở ra vào. Chính tâm trú chánh định. Không tham ái tịch tịnh. Sa-môn hướng diệt độ. Chính tâm tịnh bất động. Nhẫn chịu mọi cảm thọ. Như đèn sáng bị tắt. Tâm giải thoát hoàn toàn".

Tôn giả Ānanda do chỉ mới vào dòng:"Thật kinh khủng bàng hoàng. Thật râu tóc dựng ngược. Khi bậc Thiện Toàn Năng. Bậc Giác Ngộ nhập diệt".

Thế là cả rừng cây sālā, người, gió, cành lá... chợt trở nên lao xao không còn yên tĩnh nữa. Dù nhiều vị tỳ-khưu đã Nhập Lưu rồi nhưng vẫn tuôn trào cảm xúc, không làm chủ được mình. Có vị la to lên, hét to lên ai cũng nghe: "Mặt trời mặt trăng tắt rồi. Con mắt thế gian tối đen rồi!" Có vị lặng lẽ sụt sùi, lẩm bẩm: "Hai vị thượng thủ ra đi, bây giờ lại thêm Tôn Sư ra đi nữa, có sự trống vắng thê lương nào hơn hoàn cảnh hiện nay chứ! Ôi! buồn quá!"

Tôn giả Anuruddha thấy khu rừng như nhuốm màu tang tóc, ngài đứng lên, nói giọng lớn, khuyên nhủ mọi người:

- Thôi, chư hiền giả cùng cận sự hai hàng! Chư vị chớ có sầu não, chớ có khóc than nữa. Phải chăng chư vị không biết, nghe lời dạy bảo của đức Thế Tôn? Và câu nói cuối cùng của đức Đạo Sư là gì? Là "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật". Chư hiền giả có còn nhớ không?

Đại chúng nghe lời, quan cảnh yên lặng và trang nghiêm trở lại. Tôn giả Anuruddha đã quen với công việc trong cuộc ra đi vĩ đại của tôn giả Sāriputta nên cắt đặt ngay phận sự cho các vị trưởng lão:

- Tôn giả Upāli và tôi sẽ thay nhau thuyết pháp cho đại chúng để giữ sự thanh tịnh và trang nghiêm bên kim thân của đức Đạo Sư. Chư tôn giả Ānanda, Upavāna, Mahā Cunda thì hãy đi vào thành Kusinārā, thông báo rộng rãi cho các tộc Mallā là đức Thế Tôn đã tịch diệt Niết-bàn. Cứ

thông báo vậy thôi là các Vāseṭṭhā họ tự biết phải làm những gì.

Rồi sự việc diễn tiến, thời gian như ngưng lại. Trời đã sáng. Trong không gian tĩnh lắng và rừng cây sālā trầm mặc chỉ còn nghe vọng pháp âm của nhị vị tôn giả như những hồi chuông tỉnh thức cho kẻ ở lại thấy rõ định luật như thực của lẽ sống chết, tụ tan, sinh diệt của hữu vi pháp. Ngàn xưa cũng vậy và ngàn sau cũng vậy. Và đấng Siêu Việt ra đi, đã khéo xuất ly, như làn khói ngang trời mất tích giữa không gian vô tận; như cánh gió qua rừng cây, tan vào non xanh, không hề lưu dấu. Vô hành, vô trú, vô vi, vô tạo tác chính là chỗ về, là nơi an nghỉ tuyệt đối của các bậc xuất trần đã làm xong mọi bổn phận tại thế. Vô ngôn, vô đối, vô khả tỷ.

Bụi Tan Thành Ngọc

Các vị tộc trưởng Mallā do đã có cuộc hội kiến với chư tôn trưởng lão nên họ biết sẽ mang theo những gì từ thành phố. Thế là nhiều chiếc xe ngựa kéo chở đủ mọi thứ vật dụng, vật liệu, hòm chiên đàn, gỗ trầm hương, vải quý, lụa quý các loại, bông gòn, bột hương, dầu hương, dầu đốt, đuốc, hương, tràng hoa, nhạc khí, nhạc cụ... kể cả vũ công và nhạc công nữa. Tuy nhiên, các vị tộc trưởng còn cho người tức tốc đến gặp đức vua Mallā và triều đình, sợ rằng tài lực không đủ để làm lễ pháp táng kim thân đức Phật như là pháp táng một đức Chuyển Luân Vương. Thế là sự yêu cầu giúp đỡ trên được triều đình hoan hỷ đáp ứng.

Khi mặt trời vừa lên ngang ngọn cây thì các tộc dân Mallā, nam nữ, già trẻ đã từng đoàn, từng đoàn, trước sau quy tụ về rừng cây sālā, người đông như hội. Xế trưa và chiều thì từng chiếc xe ngựa, voi tải chở thêm vật liệu, dụng cụ... lại tiếp tục đổ về. Giờ thì xe chen xe, người chen người có vẻ ồn ào, hỗn loạn. Tuy nhiên, khi những lều trại to rộng đây đó, xa phía ngoài rừng cây được dựng lên thì xung quanh hai cội cây sālā đã thưa giãn người. Chư tăng mấy trăm vị được sự sắp xếp của tôn giả Anuruddha, ngồi thiền định thành năm bảy vòng lớn nhỏ bao quanh chỗ Niết-bàn

của đức Đạo Sư. Chúng chư thiên, thiên thần cũng đã hội tụ đầy đặc cả không gian. Nhạc trời vẫn vọng xuống cúng dường. Bột chiên đàn như phấn vàng vẫn rải xuống cúng dường. Hoa Mandārava cũng còn rơi xuống cúng dường. Cả rừng cây đều đã được lót thảm hoa và hương.

Khoảng chiều tối, khi đã mang đến đầy đủ tất thảy những vật dụng cần thiết, các vị tộc trưởng đến trình chư trưởng lão chương trình làm việc của họ. Ngày thứ nhất và thứ hai, bó kim thân Thế Tôn và dựng hỏa đài tại điện thờ Makuṭabandhana của tộc người Mallā, một ngọn đồi thật đẹp trong thành phố. Ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu - cận sự hai hàng cúng dường lễ phẩm, hương hoa; cúng dường ca, vũ, nhạc. Ngày thứ bảy (có chương trình riêng), khiêng kim quan đức Đạo Sư từ rừng sālā đến nơi hỏa táng. Họ còn chu đáo đến nỗi thỉnh đặt bát cúng dường cho chư trưởng lão cùng chư tăng ba bốn trăm vị hoặc cả ngàn vị trong thời gian pháp táng Thế Tôn.

Chư tôn trưởng lão chấp thuận mọi khoản, cả công đức đặt bát nhưng các ngài nói thêm ý kiến rằng: Ban đêm, vào canh giữa, là chương trình thuyết pháp đến cho đại chúng, trong suốt sáu ngày – là phần của chúng tôi.

Mọi người ai cũng hoan hỷ.

Thế rồi công việc được tuần tự tiến hành trôi chảy. Chư tăng bây giờ phải dạt ra ngoài rừng cây để các vị tộc trưởng hướng dẫn đoàn lễ táng của hoàng gia làm việc. Đèn đuốc sáng trưng cả khu rừng. Họ quấn quanh kim thân đức đạo sư hằng chục loại vải quý tẩm hương, bông gòn tẩm hương và lụa quý tẩm hương, với tuần tự từng lớp, từng lớp như thế. Rồi bốn lực sĩ nâng toàn bộ giá thể ấy đặt vào hòm chiên đàn, loại hòm thường chỉ để dùng cho vua chúa. Khoảng hở, khoảng trống còn lại trong hòm đều được phủ đầy xác hương và bột hương. Xong đâu đấy, chiếc hòm trân quý này lại được đặt vào hòm chiên đàn khác, lớn hơn đã được dát

vàng, dát bạc, dát châu báu; và các khoảng trống xung quanh, trên dưới đều được lót bằng, phủ đầy xác hương và bột hương như thế. Chưa thôi! Những dây cột kim quan đều bằng những sợi chỉ vàng, chỉ bạc được bện dày, đang xoắn lại. Xung quanh kim quan, mười sáu trụ đầy dầu lạc được thắp sáng suốt bảy ngày bảy đêm không cạn bấc. Và khắp cả khu rừng và rừng kế cận, đèn đuốc cũng sáng rực cả vùng trời.

Quan sát cách làm, cách chọn lựa và sử dụng vật liệu của họ, tôn giả Ānanda nói khẽ với tôn giả Anuruddha:

- Xem ra, cách bó tẩm và vật liệu bó tẩm kia – thì nó còn quý trọng, trân trọng hơn cả đức vua Chuyển Luân đấy.

Tôn giả Anuruddha khẽ mỉm cười:

- Đúng vậy! Nhưng nếu hiền giả biết thêm, là chư thiên cũng đang làm, họ hòa trộn vào các vật liệu kia không biết bao nhiêu là hương, là phấn hương và xác hương của cõi trời nữa đấy. Nó thơm đến tận cung trời Đao Lợi.

- Chà! Đúng là họ thương kính, quý kính đức Đạo Sư của chúng ta vô cùng!

- Cũng là Đạo Sư của họ.

Mỗi ngày, từ sáng đến trưa là chương trình lễ bái, cung kính, cúng dường của các tộc trong kinh thành. Từng đoàn, từng toán... một gia đình, hai gia đình... nam nữ trẻ già... họ vận xiêm áo lễ hội, đẹp đẽ và lịch sự nhất, đi quanh kim quan ba vòng về phía hữu, vừa đi họ vừa tung hoa vừa tỏ cảm xúc của mình. Người thì khóc, người thì ca hát, người thì cung kính đọc tụng câu "đảnh lễ đức A-la-hán, Chánh Đẳng Giác". Bên cạnh kim quan cách xa chừng hai mươi đòn gánh, tộc Mallā cho dựng một khán đài lộ thiên và buổi chiều nào cũng có phụng diễn ca, vũ, nhạc. Những đoàn nhạc công, ca nhi, vũ công nam nữ với hằng chục nhạc khí, nhạc cụ... với những tiết mục đặc sắc nhất, nội dung tôn giáo tín ngưỡng thiêng liêng nhất để cúng dường Thế Tôn. Họ là

những nghệ nhân, nghệ sĩ cung đình, dân gian, các đền tế được thỉnh mời trân trọng với lễ phẩm hậu hĩ nên họ đã biểu diễn hết lòng, hết tài nghệ của mình. Các tiểu gia chủ, các đại gia chủ... đã hoan hỷ mở rộng hầu bao không tiếc tiền của, công sức để cúng dường trong dịp ngàn năm hy hữu, triệu năm hy hữu.

Tôn giả Anuruddha khẽ nói vào tai tôn giả Ānanda:

- Tráng lệ và huy hoàng lắm, nhưng xem ra, những nghệ sĩ này cùng với nhạc khí của họ, so với chúng nghệ sĩ càn-thát-bà ở cung trời Đao Lợi – thì tương tự như hai nắp sắt gõ vào nhau và bên kia là cây đàn ngàn dây, hợp tấu muôn ngàn giọng chim trong rừng Himalaya!

- Nhưng cái tâm cung kính, cúng dường thì giống nhau cả chứ?

- Vâng, cả thâm tín cũng vậy.

Mỗi đêm, vào canh giữa, tôn giả Anuruddha, Upāli, Ānanda thay nhau thuyết pháp cho đại chúng, đặc biệt dành cho cận sự nam nữ hai hàng.

Suốt hai đêm, hai thời, tôn giả Upāli nói về đạo hạnh, giới hạnh, đức hạnh tròn đầy, viên dung của đức Toàn Giác. Cuối cùng, tôn giả nhấn mạnh, là trong cõi người, ai lấy giới hạnh làm chiếc gậy đi đường, ai lấy giới hạnh làm kim chỉ nam dẫn lối, ai lấy giới hạnh làm chiếc áo giáp ngăn che, ai lấy giới hạnh làm chiếc thuyền qua sông, ai lấy giới hạnh làm đôi mắt sáng thì chắc chắn người ấy, khó rơi vào bốn con đường khổ, luôn làm bạn với cõi người sang quý, hạnh phúc và chúng chư thiên an lạc, thanh nhàn.

Và cũng hai thời, hai đêm, tôn giả Anuruddha chọn đề tài về thiền định. Tôn giả nói, thiền định có rất nhiều lợi ích, nhưng đây là năm lợi ích quan trọng nhất, từ cạn vào sâu mà người cư sĩ tại gia có thể tu tập được. Người có tu thiền định sẽ luôn luôn trầm tĩnh, bình tỉnh

trước mọi công việc, trước mọi tình huống bất ngờ của cuộc đời. Thứ hai là thiền định giúp mình làm chủ được những cảm xúc nhất thời, nông nổi, sẽ không có những giận dữ, nóng nảy dễ gây ra lầm lỗi. Thứ ba, người có thiền định thường ổn định được không khí gia đình, khó xảy ra bất hòa với vợ chồng, con cái. Thứ tư, người có thiền định luôn giữ được yên lặng nội tâm, điều hòa hơi thở, khí huyết nên sẽ trường thọ. Thứ năm, nếu tu tập được cận hành định thôi thì sẽ hóa sanh cõi trời, đôi khi còn là trời Đao Lợi hay trời Đẩu Suất nữa.

Hai đêm, hai thời của tôn giả Ānanda nói về kinh pháp. Đặc biệt, là bậc đa văn, bác học mà tôn giả lại nói là nên học ít mà thực hành nhiều, nói ít, làm nhiều; đôi khi chỉ cần thuộc một câu kinh văn, một kệ pháp cú cũng thể tu tập đến nơi giác ngộ, giải thoát được. Tôn giả cũng lặp đi lặp lại, ngoài việc có tịnh tín Tam Bảo, có giới, có thí là tốt đẹp nhất rồi, đừng nên lập tâm lập nguyện quá cao xa. Để kết luận, tôn giả nói, mọi người chỉ cần học thuộc câu kệ ngôn này của đức Đạo Sư thôi, là có thể làm bản đồ tâm linh tu tập cho đời mình: "Vui thay, điều ác không làm. Vui thay, việc thiện lại chăm làm hoài. Tự tâm trong sạch trong ngoài. Đấy là giáo pháp trọn đời Tôn Sư!"

Thời pháp nào cũng ngắn gọn, giản dị, tinh lọc. Thời pháp nào cũng như giọt mật ngọt ngào, giọt trăng lấp lánh và giọt nước trong lành. Thời pháp nào cũng dễ hiểu, dễ thuộc, dễ hành và dễ thành tựu. Như vậy là suốt sáu đêm, cận sự nam nữ hai hàng như chìm ngập trong niềm vui tinh thần thanh cao, xán lạn. Ai ai cũng tỉnh thức. Và núi rừng cũng tỉnh thức.

Sáng ngày thứ bảy, theo chương trình, là khiêng gánh kim quan đến lễ đài hỏa táng. Theo dự định thì họ sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quành về phía đông để đến đài hỏa táng. Để chuẩn bị, tám vị tộc trưởng đại diện tám tộc

của Mallā gội đầu bằng nước thơm, tắm rửa sạch sẽ cũng bằng nước thơm, mặc áo mới có tẩm dầu thơm, có thêm tám lực sĩ triều đình phụ giúp để khiêng kim quan. Nhưng cả ba lần đặt tay nâng đòn kim quan thì họ nhấc không nổi, có cảm giác nó nặng như một ngọn núi.

Vị tộc trưởng hỏi tôn giả Ānanda:

- Không biết do nhân gì, duyên gì mà chúng tôi, có cả tám lực sĩ phụ giúp vẫn không nhấc nổi kim quan!

Tôn giả Anuruddha đáp:

- Này các Vāseṭṭhā! Vì ý muốn của chư vị khác mà ý muốn của chư thiên khác.

- Vậy ý chư thiên làm sao, thưa tôn giả!

- Này các Vāseṭṭhā! Họ muốn rải hoa hương cúng dường, ca nhạc vũ cúng dường kim quan Phật suốt trên một lộ trình dài hơn.

- Cụ thể là lộ trình nào, thưa tôn giả?

- Này các Vāseṭṭhā! Theo chư vị sẽ đi về phía nam, qua thành phố rồi quành về phía đông để đến đài hỏa táng. Còn họ thì muốn bắt đầu đi thẳng về phía bắc. Đến cửa bắc thì đi vào trung tâm thành phố. Từ trung tâm thành phố mới đi đến phía đông. Từ cửa đông thành phố mới đi tới ngọn đồi có điện thờ Makuṭabandhana của tộc người Mallā, sau đó mới tôn trí kim quan lên giàn hỏa thiêu.

Chư lão trượng gật đầu:

- Ý chư thiên thế nào, ý chúng tôi là vậy, thưa chư tôn giả!

Quả nhiên, sau đó họ khiêng nhẹ hẫng như khiêng một khối bông gòn. Trên lộ trình, người người đầy đặc hai bên kim quan và phía sau kim quan kéo dài cả do tuần. Lúc này chư tăng các vùng phụ cận, cận sự nam nữ hai hàng ở xa nghe tin nên cùng vân tập về. Và theo đó, hoa rơi đầy trước kim quan, trên kim quan và sau kim quan. Đặc biệt là hoa trời Mandārava rơi ngập các lối đi, ngập cả bàn chân người.

Do đường xa, đi chậm, gần trưa, kim quan mới đến nơi hỏa đài. Chư tăng, bây giờ đã trên năm trăm vị cùng chư vị trưởng lão, họ tụng một thời kinh nói về vô thường, khổ không, vô ngã vang lên âm thanh trầm hùng, ùn ùn chao động cả không gian. Sau thời kinh, do oai lực của thời kinh mà cả một vùng xa rộng đều trở nên yên lặng, thanh tịnh.

Chư trưởng lão ra dấu hiệu có thể châm lửa được rồi. Và chư tôn giả muốn giao việc trân trọng và vinh dự ấy cho tám vị tộc trưởng Mallā.

Thế rồi, tám bó đuốc hương đều đồng loạt châm vào (cả một lễ đài dầu hương), nhưng không thấy bốc cháy. Lần thứ hai cũng vậy mà lần thứ ba cũng vậy. Lửa đều không bén được vào giàn hỏa.

Họ thưa với tôn giả Anuruddha:

- Do nhân gì, do duyên gì mà lửa châm vào dầu lại không cháy, thưa tôn giả!

- Này các Vāseṭṭhā! Vì có ý muốn khác của chư thiên nên lửa không bén được.

- Ý chư thiên thế nào, thưa tôn giả?

- Này các Vāseṭṭhā! Ý định của chư thiên như sau: "Tôn giả Mahā Kassapa nay đang đi trên đường, khoảng giữa Pāvā và Kusinārā cùng với đại chúng tỳ-khưu khoảng năm trăm vị. Giàn hỏa chỉ được đốt cháy khi tôn giả Mahā Kassapa cúi đầu đảnh lễ bàn chân Thế Tôn".

- Chúng tôi xin nghe theo ý định của chư thiên.

Và quả đúng như vậy, lúc bấy giờ, tôn giả Mahā Kassapa cùng với đại chúng tỳ-khưu năm trăm vị đang đi trên đường, khoảng giữa thị trấn Pāvā và thành phố Kusinārā.

Chuyện là, hôm kia, tôn giả từ rừng về, ghé Vesāli, biết rằng đức Phật và chừng mấy trăm vị tỳ-khưu đi lên phương bắc, và Thế Tôn sẽ nhập diệt, sau ba tháng kể từ hôm hứa với ma vương ở điện thờ Cāpāla. Do dẫn theo một hội chúng

đông đúc nên tôn giả bộ hành chậm, vả lại, ngài cũng đã quá già yếu, mỗi đi, mỗi nghỉ.[1] Rời thị trấn Pāvā, đang trên đường đến thành phố Kusinārā thì tôn giả thấy một tà mạng ngoại đạo trên đường ngược chiều đang cầm đóa hoa Mandārava lạ lùng trên tay.

Tôn giả nghĩ: "Đây là hoa trời, và hoa trời thù thắng, kỳ diệu này thế gian không có, thường chư thiên chỉ cúng dường đức Đạo Sư mà thôi, vậy sao ông đạo sĩ tầm thường này lại có được?"

Bèn hỏi:

- Sao ông lại có được đóa hoa Mandārava này, hở đạo sĩ?

Ông ta mau mắn đáp:

- Ối trời, tha hồ, nó rơi đầy đất tại rừng cây sālā tại Kusinārā đó. Tôi chỉ nhặt một đóa kỷ niệm thôi!

- Kỷ niệm gì vậy, này đạo sĩ?

- Tôn giả không biết sao? Là kỷ niệm ngày đại sa-môn Gotama tịch diệt mà! Đã sáu bảy hôm rồi đấy!

Khi nghe tin đức Phật đã Niết-bàn, một số tỳ-khưu còn phàm thì khóc than, bi lụy, cũng vật vã, cũng sầu buồn như những nơi khác. Một số vị đã vững chắc trên đạo lộ thì trầm lặng và an nhiên hơn, cũng có buồn nhưng nỗi buồn ấy như lao xao gợn sóng rồi yên tĩnh trở lại.

Trong hội chúng đệ tử của tôn giả Mahā Kassapa có một vị tỳ-khưu đã già, xuất gia khi đã lớn tuổi, tên là Subhadda, lại tỏ ra vui mừng, ông lớn giọng rằng:

- Thôi các hiền giả, tôn giả! Khóc than, sầu buồn như vậy thì được tích sự gì. Chuyện nên vui mừng là khác. Từ rày, chúng ta đã thoát khỏi sự phiền nhiễu của Đại Sa-môn ấy rồi. Chúng ta không còn bị quấy rầy bởi những lời giáo

[1] Ngài có thần thông, nhưng khi không hướng tâm thì không biết. Lại nữa, thần thông của ngài chưa đủ năng lực dẫn theo cả 500 tỳ-khưu bay qua hư không được.

giới như: " Không được làm như thế này, như thế kia! Nên làm như thế này, như thế kia". Đại Sa-môn Gotama Niết-bàn thì từ nay chúng ta muốn làm gì thì làm, hoàn toàn tự do, phải vậy không, thưa các ngài?

Nghe những lời quấy quá của tỳ-khưu Subhadda, tôn giả Mahā Kassapa thoáng chau mày nhưng rồi lại nghĩ: "Đây không phải thời để rầy trách ông ta, nghiêm dạy ông ta! Chuyện này ta sẽ tính sau, sẽ có biện pháp xử lý thích đáng đối với những tỳ-khưu phát ngôn bừa bãi, coi thường giới luật, có nguy hại cho giáo hội trong mai hậu! Đây là thời nên trấn an chư tỳ-khưu trước sự ra đi mất mát lớn lao của Tôn Sư mà ai cũng cảm thấy hụt hẫng, trống vắng".[1]

Thế rồi tôn giả cho hội họp chúng tỳ-khưu dưới rừng cây, nhắc nhở những điều cần thiết, dạy một vài pháp đối trị, đặt tâm họ trở lại trạng thái bình thường rồi lên đường.

Thế rồi, hướng tâm một lát, tôn giả biết mọi người đang chờ đợi ngài tại điện thờ Makuṭābandhana mà chư thiên chưa cho phép họ châm lửa hỏa đài. Dù đi khá nhanh nhưng đến nơi mặt trời cũng đã ngã xế. Từng đám đông, từng đám đông vẹt chỗ cho tôn giả và chúng tỳ-khưu bước vào. Chư vị đại trưởng lão, trưởng lão chào nhau theo giới phẩm, hạ lạp rất ấm cúng, thâm tình và đạo vị.

Không để mất thì giờ, tôn giả Mahā Kassapa trật y vai phải, chúng tỳ-khưu cũng vậy rồi họ nhiễu quanh kim quan đức Phật ba vòng. Dừng lại phía bàn chân Phật, tôn giả nhắm mắt, định thần một lát, đột nhiên, từ trong hàng chục lớp vải bó, hai bàn chân đức Phật thò ra.

---

[1] Vì lý do này nên ba tháng sau khi đức Phật Niết-bàn, tôn giả Mahā Kassapa vận động tổ chức đại hội kết tập Phật ngôn lần thứ nhất, tuyên đọc lại toàn bộ pháp và luật, có năm trăm vị A-la-hán tham dự. Tôn giả Mahā Kassapa chủ trì. Tôn giả Upāli phụ trách luật. Tôn giả Ānanda phụ trách kinh (Chưa có Abhidhamma, vì nó lẫn trong kinh và luật; sau này, đến kỳ kết tập thứ ba, thời vua Asoka mới phân ra ba tạng).

Sau khi tôn giả Mahā Kassapa cúi xuống ba lần hôn bàn chân Thế Tôn xong, hai bàn chân thụt vào – thì hỏa đài tự động bốc cháy. Người phàm thì không hiểu nhưng tôn giả Anuruddha và những bậc có thiên nhãn thì biết đấy là do viên hỏa ngọc của trời Đế Thích.

Lửa cháy rần rần, bốc ngọn lên cao, tỏa hương thơm ngào ngạt giữa không gian. Cả rừng người yên lặng như tờ. Đôi nơi là những bài kinh pháp cú hoặc những kệ ngôn vọng lại nói về vô thường, khổ không, vô ngã. Nơi khác thì một nhóm người ngước mắt về hỏa đài tỏ vẻ trang nghiêm, thành kính hết mực.

Tôn giả Anuruddha đứng nhập định, vào tứ thiền, xuống cận hành, sử dụng nhãn lực quan sát ngọn lửa và kim quan từ khi lửa cháy đến lúc lửa tàn; sau đó, ngài cho biết rằng: Nó cháy từng lớp, từng lớp vải bó, bông gòn bó, lụa bó... tạo ra sức nóng kinh khiếp. Hai hòm chiên đàn lớn nhỏ, bốc cháy với thời gian nhanh hơn, sau đó mới đến những lớp y và nhục thân của Thế Tôn, và nó cũng cháy nhanh da, thịt rồi xương. Như sanh tô hay dầu bị cháy, tất cả đều bị cháy sạch không có tro than. Cũng vậy, cái gì nơi thân Thế Tôn, tất cả bị cháy tiêu hết mà không có một hạt bụi tro, bụi than nào. Cái còn lại là xương xá-lợi lấp lánh như kim cương, như bảo châu.

Lúc lửa tàn, một dòng nước thơm hương từ hư không tuôn đổ xuống tưới tắt giàn hỏa Thế Tôn. Những người có phận sự của tộc người Mallā lấy thêm nước thơm để làm nguội nơi này và nơi khác. Họ đã chuẩn bị sẵn những tháp nhỏ, hòm nhỏ bằng vàng, bằng bạc rồi thu gom hết tất cả xá lợi không để cho bất cứ ai lấy đi cái gì. Sau đó, tất cả tháp, hòm đựng xá-lợi được tộc người Mallā tôn trí tại chỗ quý trọng nhất trong một hội trường bên cạnh núi, cho người canh giữ cẩn thận. Rồi suốt cả bảy ngày sau đó, tám tộc trưởng của tám dòng họ ở Mallā cho cận sự nam nữ và cả

dân chúng, cả ngoại đạo đến chiêm bái, cúng dường xá-lợi của đức Tôn Sư. Và ngày cũng như đêm, hội trường ấy đèn đuốc được thắp sáng trong ngoài và những toán, những đoàn nghệ nhân, nghệ sĩ lại cúng dường ca, vũ, nhạc...

Tin đức Phật Niết-bàn tại rừng cây sālā, thành phố Kusināra bay nhanh hơn gió thổi, tràn qua các quốc độ, lên phía bắc, xuống phía đông, phía nam cùng hai bên thung lũng sông Gaṇgā. Sứ giả các nước leo lên những con ngựa thuần chủng, phi nhanh như gió cuốn đến kinh thành Kusinārā, kẻ trước người sau đều đòi chia phần xá-lợi. Nhanh nhất, sớm nhất không phải là tộc Mallā ở thị trấn Pāvā bên cạnh – mà chính là đoàn sứ giả của đức vua Ajātasattu nước Māgadha cách xa hơn bốn mươi lăm do tuần. Tiếp đến là đoàn sứ giả của vua và tướng quân Licchavī tại Vesāli. Sau đó, lần lượt là tộc người Sākya ở Kapilavatthu,[1] tộc người Bulī ở thành phố Allakappa; tộc người Koliya ở Rāmagāma[2], bà-la-môn Vethadīpaka tại Vethadīpa, tộc người Moriyā ở tại Pipphalivana, tộc người Mallā ở thị trấn Pāvā.

Tất cả tám phái đoàn sứ giả nói trên đều tuyên bố trước tám tộc trưởng của tám tộc Mallā ở Kusināra rằng:

- Đức Thế Tôn là giai cấp sát-đế-lỵ, chúng tôi cũng giai cấp sát-đế-lỵ (có một bà-la-môn) nên hãy chia cho chúng tôi một phần. Chúng tôi sẽ xây dựng bảo tháp tôn nghiêm thờ xá-lợi Thế Tôn để cho dân chúng chiêm bái, hương đăng lễ phẩm cúng dường.

Một vị tộc trưởng đại diện đáp lời:

---

[1] Kinh Đại bát-niết-bàn ghi vậy – nhưng chúng ta đã biết rõ, thì Sākya đã diệt vong rồi?

[2] Dictionary of pāḷi proper names cho biết là tên một ngôi làng nằm trên bờ sông Gaṇgā (trang 734, q.2), trong lúc theo sử thì Koliya ở cạnh Sākya, làm gì có sông Gaṇgā ở đây?

- Không, chúng tôi không thể chia cho ai được cả. Đức Thế Tôn nhập diệt trên đất chúng tôi, rừng chúng tôi, thành phố chúng tôi. Lại nữa, cả hàng ngàn người của chúng tôi đã khổ công, đã rất nhiều tài vật, đã rất nhiều công sức từ khi đức Tôn Sư an nghỉ giữa hai cội cây sālā đến khi hỏa thiêu tại điện thờ Makuṭābandhana này. Các vị không công, không sức, không tài, không vật, tự dưng đâu đó lại đến đòi chia phần hay sao, có hữu lý không chứ?

Bị tự chối. Lý lẽ các tộc trưởng đưa ra không ai phản bác được. Có nhiều tiếng lời thảo luận lao xao, sự bất bình đâu đó đã hiện ra trên một số khuôn mặt. Một vị sứ giả trong phái đoàn nước Vesāli, có vẻ là một tướng quân Licchavī, vốn nóng nảy, cất giọng xẵng:

- Coi chừng sẽ có chiến tranh, thưa ngài tộc trưởng!

Một giọng khác thốt lên:

- Phải! Có thể xẩy ra tranh giành hay sao?

Chợt một vị bà-la-môn tóc trắng như cước, thần sắc trang nghiêm, từ hòa, xin được nói vài lời. Mọi người yên lặng, đưa mắt, chờ đợi.

Vị bà-la-môn ấy tên là Doṇa, ông nói:

- Cho tôi nói hơi dài. Thuở trước, tôi gặp đức Thế Tôn trên con đường nằm giữa Ukkaṭṭhā và Setavyā, thấy dấu bàn chân của ngài tôi liền đi theo. Đến một khóm tre, Thế Tôn ngồi xuống nghỉ ngơi, sau đó có dịp tôi xin được hỏi ngài vài câu, cũng giải tỏa cho tôi được một số vấn đề nội tâm. Lần gặp cuối cùng, sau pháp thoại của ngài, tôi như được uống một liều thần dược, mọi khổ đau phiền não nó nhẹ hẫng.[1] Tôi có làm một bài thơ lên đến mười hai ngàn chữ để dâng lên Thế Tôn vừa tỏ lòng tri ân, tôn kính cùng nói về sự thấy biết giác ngộ của mình.

[1] Theo Dictionary of pāḷi proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1 – ông ta đắc quả A-na-hàm.

Nói tóm lại, Thế Tôn là bậc vô thượng, tối thượng, trên đời này ai cũng muốn có xá-lợi của ngài để đảnh lễ, chiêm bái, cúng dường. Muôn triệu lần đừng nên để xẩy ra việc tranh giành, tranh chấp xá-lợi. Thế Tôn là hiện thân của hoà bình, an lành, an toàn, an lạc. Vậy tôi rất tri ân, nếu chư vị tộc trưởng, lấy cái đức, cái hạnh, cái tâm, cái tuệ trong muôn một của Thế Tôn để xử lý, để chia phần đồng đều cho chư vị sứ giả thì may mắn, hạnh phúc cho thế gian này lắm vậy.[1]

Lời "hùng biện" của bà-la-môn Doṇa như một là gió rì rào mát mẻ thổi qua tâm trí mọi người. Tám vị tộc trưởng hoàn toàn bị thuyết phục, không những là thuyết phục mà nói là bị nhiếp phục.

- Xin vâng! Xin vâng! Họ như cùng nói - Vậy xin tôn giả hãy chủ trì để phân chia đồng đều xá-lợi cho các phái đoàn.

Bà-la-môn Doṇa hoan hỷ đảm nhận công việc chia phần xá-lợi môt cách phân minh, không ai than phiền được cả.

Thế là gió yên, sóng lặng. Chư thiên cũng vô cùng hoan hỷ. Sau này khi xá-lợi được mang về bốn xứ, họ đều xây dựng bảo tháp để cho không những nam nữ cận sự mà cả dân chúng cũng được đảnh lễ, chiêm bái, cúng dường xá-lợi.

Chư vị trưởng lão, chúng tỳ-khưu cũng giải tán, bộ hành đi các nơi. Tôn giả Anuruddha, tôn giả Ānanda ôm y (tăng-già-lê trải chỗ nằm) bát cùng chừng vài trăm vị tỳ-khưu trở lại Trúc Lâm tịnh xá.

Vậy là chư trưởng lão, chúng tỳ-khưu không ai được chia cho một ngôi xá-lợi nào! Cũng phải. Vậy là đúng. Và do các ngài đã có xá-lợi "vô vi" của Phật trong tâm mình rồi. Việc xây dựng bảo tháp thờ xá-lợi, cúng dường xá-lợi "hữu vi" kia là việc của cư sĩ áo trắng như đức Tôn Sư đã từng

[1] Đoạn này không có trong kinh Đại bát-niết-bàn – mà phỏng dựa theo Dictionary of pāḷi proper names, về tên Doṇa, trang 1122, q.1.

giảng dạy. Vả lại, tất cả xương cốt Thế Tôn chỉ còn bụi tro, và triệu triệu li ti bụi tro ấy đã tan thành ngọc, nó lấp lánh trên mọi lộ trình đi về của thế gian chư hành giả, lấp lánh trên mọi ngõ ngách của đời sống nhân sinh, của ai đó biết tầm cầu và hướng thiện, hướng thượng; và nó còn huy hoàng và tráng lệ hơn nữa khi ngọc ấy được trang điểm nơi công, nơi hạnh, nơi nguyện, nơi tâm, nơi trí, nơi tuệ của vô lượng con người khắp năm châu bốn biển học Phật và tu Phật vậy.

Namo Buddhāya
(Trọn bộ - Chung)

CẢM BẠT
Một Cuộc Đời
Một Vầng Nhật Nguyệt

Viết xong cuộc đời ngài
Tôi bần thần, dã dượi
Sinh lực tổn hao
Như thân cây không còn nhựa luyện
Như sức ngựa đường dài
Hoàn tất cuộc lữ trình lên đến đỉnh đồi cao
Ôi! Tôi đã chạy đuổi chiêm bao
Muốn vói bắt mảnh trăng trời nguyên thuỷ
Tôi đã gục khóc
Trên từng viên gạch vỡ
Nơi những dấu tích điêu tàn, hoang phế cổ xưa
Trên những di chỉ bia văn rêu phủ, gió lùa
Nơi điện đài còn trơ trầm hương tín mộ
Trên những trang kinh kiến sâu loang lổ
Lửa vô thường cháy xém chữ câu
Tôi đã đi theo từng đốm nắng không màu
Mong vẽ lại ánh triêu dương chánh pháp
Tôi bất lực đi qua nhiều hoang mạc
Khói bụi thời gian, phế tích tàn tro
Tôi đứng bên này sông hớt hãi gọi đò

Đồng vọng hai bờ, hư vô xào xạc
Bút mỏi
Tay run
Tứ cùn
Chữ nhạt
Cô liêu tháng ngày góc núi ánh trăng suông
Gió phủi qua song trăm chuyện vui buồn
Để từng hơi thở theo dấu chân Từ Phụ
Người đã như cánh chim thiêng tiêu dao du ngoài ba cõi
Rơi rớt nhụy vàng để lại thế gian hương
Vô tích, vô tăm sinh tử mộng thường
Vô khứ, vô lai - hiện thân tuyệt đối
Tôi cúi xuống
Nghe thức tri già cỗi
Chắp vá từng trang, thêu dệt một chân dung
Đất Ấn linh thiêng, lưu bóng đức Đại Hùng
Mỗi cọng cỏ vàng
Mỗi cành cây khô
Cũng trở nên thân thuộc
Dốc đá xám
Cổng rêu đen - dấu khói sương thuở trước
Cũng là hóa thân của sử lịch ngàn năm
Ôi từng đêm, từng đêm
Từng câu chữ âm thầm
Chợt hiện linh hồn biết vui, biết khổ
Biết hỷ hoan, biết suy tư, trăn trở
Biết lội ngược dòng tìm giọt nước nguồn xanh
Nó cũng biết chán chê dục vọng xây thành
Nhốt kín nhân tâm, bủa tròng nô lệ
Dấu lửng, dấu than hàng hàng kể lể
Nói với chúng sanh nguyên nhân khổ vì đâu
Tái hiện con sông, bắt những nhịp cầu

Bằng cọng lau mềm hôm qua sương đọng
Một thoáng tinh anh, một trời viễn mộng
Hiu hắt cõi miền cánh vạc vỗ tịch liêu
Tuyết đổ non cao, lạnh buốt chợ chiều
Nhân thế căm căm lối về vô định
Sống chết trầm kha, sinh luân lão bệnh
Ngơ ngác tầm cầu, bầy cú rúc thâu canh
Huyền sử đi đêm đội bóng lữ hành
Bên vực thẳm đốm lửa người leo lét
Tuyệt vọng
Gọi nhau
Hãi hùng
Bi thiết
Có ai nghe tiếng trống pháp còn vang
Bao lời kinh thiêng, ma quỷ bàng hoàng
Vọng ba cõi, xuyên sâu vào địa ngục
Địa ngục của lòng người
Địa ngục của thức tri tối tăm
Và của sân tham, ngu dốt
Đang đốt cháy bình nguyên, sông núi, ao hồ
Đốt cháy nương vườn, cổ tích, tuổi thơ
Nhân ái, nhân văn không còn ô-xy để thở
Đức lý tan hoang, phận người xiêu đổ
Lây lất đi về trong bóng vô minh
Vì đại bi mà đức Phật dặm trình
Suốt bốn mươi lăm năm đầu trần chân đất
Lộc Giả chuyển luân, tuyên ngôn sự thật
Độ năm thầy Kiều-trần-như, Thích tử đầu tiên
Rồi Yasa cùng năm mươi bốn thân hữu thiện hiền
Giáo hội ra đời gồm sáu mươi Như Lai sứ giả
Mỗi người hãy đi mỗi phương, đừng đi chung ngã
Vì an lạc, hạnh phúc cho nhân loại, chư thiên
Đập vỡ tín lý khắt khe, tín ngưỡng cổ truyền

Hạ bệ thượng đế, thần linh khói hương nghi ngút
Phá bỏ kỳ thị giai cấp, hàng rào tủi nhục
Mang thông điệp tự do, giải thoát cho đời
Tuệ quang minh chiếu tỏ trần khơi
Nguồn thánh thuỷ chảy tràn miền cỏ cây khô khát
Cái kiến, con sâu mừng vui rức hạt
Đất cỗi cằn nức nhựa uyên nguyên
Phố thị, làng quê, đền miếu, chợ triền
Quý tộc, nô tỳ uống chung bầu sữa pháp
Hoa nở
Chim reo
Rừng ca
Suối hát
Triệu triệu năm duyên phúc một lần
Triệu triệu tử sinh, đại ngộ sát-na tâm
Khoảnh khắc bất diệt
Vô lượng a-tăng-kỳ không bao giờ trở lại...
Lạy Phật
Bút của con cùng với văn chương ngu dại
Dám đặc tả đời ngài cùng với công hạnh trăng sao
Câu chữ phàm phu, cảm xúc tuôn trào
Theo dấu bụi mờ, nhặt sử kinh lưu lạc
Đốt trái tim làm đèn soi bờ giác
Khái niệm chất chồng, "đất thực" tuyết sương che
Hướng tâm sai là phiền não kết bè
Một niệm khởi trùng trùng duyên sanh khởi
Đã thấy rõ sự thật
Nhưng vẫn còn lầm lỗi
Bởi kiết sử sâu dày
Từ vô thức bước ra
Đã bao nhiêu năm
Lăng xăng đọc sách, uống trà
Làm chuyện thanh cao giảng kinh, dạy pháp

Viết truyện, làm thơ, triết văn uyên bác
Đại sự càng nhiều, bản ngã càng to
Vô tác, vô hành giảng nói hay ho
Vô cấu, vô vi cao ngôn thiện thuyết
Dao hai lưỡi ẩn sau "cái biết"
Đại dụng mơ hồ, chệch hướng vạn trùng mê
Chỉ hai nẻo thôi: Một phiền não, một bồ-đề
Đâu dám thõng tay mà ngao du giữa chợ
Nào khoác áo vị tha
Nào đóng trò cứu độ
Chốn ngũ trần đâu dễ gót thong dong
Tôi đã từng thấy
Viện lớn, tượng to bôi đỏ, phết hồng
Tín ngưỡng bán mua, thần linh đổi chác
Thiện tín chợ đông, trầm hương thơm ngát
Mặc cả thiệt hơn, lạy lục, cầu xin
Quán hàng bày ra, quảng cáo đức tin
Ma quỷ vỗ tay, ăn mừng mở tiệc
Chiêu phát triển, chiêu văn minh, hội nhập
Tiếp thị, tuyên truyền, kỷ lục thi đua
Bắc nam đông tây hí hửng tiền chùa
Xả rác bụi dục tham
Xả kiêu căng, hợm hĩ
nh
Ô nhiễm tinh thần, ô nhiễm sử kinh
Đức Phật ngồi cao
Thương xót sinh linh
Tứ đế thắp đèn
Giữa đêm đen thảm nạn
"Sự sống đang là..."
Dành cho người mắt sáng
Tự thức, tự tri gậy chống lên đường
Tuệ giác tinh minh xóa lớp khói sương

Trả chân thực
Cho tự mình muôn thuở
Vọng tưởng, si mê
Không làm gì được nữa
Phiền não, khổ đau tự diệt, tự tan
"Thấy rõ" rồi mới biết sống đàng hoàng
Điều chỉnh đúng từng hành vi, cử chỉ
Mỗi niệm khởi không ở ngoài thiện mỹ
Mỗi tác duyên
Chân lý vận hành theo
Nặng nề vô cùng là bản ngã buộc đeo
Phải thấy chúng trong từng thức tri, cảm thọ
Mặt nạ "cái ta" đánh lừa bao độ
Giác ngộ thì "nguyên con" nhưng kiết sử phải đoạn dần
Thường trực lắng nghe như thực như chân
Thì phiền não không phan duyên dấy khởi
Niệm niệm bèo rong bập bềnh trôi nổi
Thả theo dòng
Nhìn ngắm đốm hoa xao
"Thấy pháp" rồi mới lên bến, chống sào
Mới tu tập nhẹ nhàng
Mới như thực kiến và tư duy chơn chánh
Nếu chưa thấy pháp
Dù nghiêm tu công hạnh
Cũng tựa như nấu sạn muốn thành cơm
Cũng tựa như dã tràng xe cát biển đông
Muốn nhặt bóng mình
Muốn lưu dấu huân tu
Giữa dòng cuồng lưu chảy xiết
Cát vỡ
Đá tan
Hư vô

Hủy diệt
Mộng trùng trùng
Ngộp chết giữa bờ mê
Quanh quẩn trả vay, nhân quả ê chề
Lượm phước báu nhân thiên
Ủi an đời bèo bọt
Thật sự giải thoát thì "không có ta-giải-thoát"
Tự không rỗng trong ngoài
Chẳng dính mắc tế vi
Gọi là người, là thánh, cứ tuỳ
Sát-na một, pháp thung dung tự tại
Đại dụng trong tay, nụ cười tiêu sái
Muôn việc như không, quyền biến như không
Và đến lúc này mới nói chuyện vào dòng
Pháp cứu độ cũng là duyên cứu độ
Tứ vô lượng tâm bèn tuỳ nghi dạo phố
Thăm xóm làng, bình bát xin ăn
Đến lúc này mới dám gọi sa-môn
Là Thích tử, là tỳ-khưu không thấy lòng hổ thẹn
Kính lạy Phật
Từ chân dung thánh điển
Nghĩa lý, chữ câu đã mã hóa không môn
Gần ba nghìn năm chẳng có lối mòn
Giác niệm là bước đi
Giác niệm là cõi về không khác
Trọn vẹn từng hơi thở
Trọn vẹn từng thức tri, buồn vui, khổ lạc
Cùng với bốn mùa mưa nắng, gió sương
Định luật tâm, định luật pháp thị thường
Nhật nguyệt, tinh hà cùng chung vận hoá
Li ti tế bào, diệt sinh vô ngã
Tất thảy đều chu toàn trong mỗi khắc phục sinh
Mỗi mỗi khí, thời, vận, số quân bình

Là vĩnh cửu đủ đầy trong từng vi trần dịch biến
Kính lạy Phật
Tự ngàn xưa hiển hiện
Đang ở trong con vô tận phút giây này
Pháp huy hoàng
Nhật nguyệt rạng trời mây
Soi bóng chữ
Qua sông
Hy vọng
Vẫn còn nguyên chân diện mục!

Colombo – Sri Lanka
12/2013
Minh Đức Triều Tâm Ảnh

MỤC LỤC

Cô Gái Hạ Tiện Yêu Tôn Giả Ānanda 7
Nguyên Nhân Đức Phật Cho Thọ Y Kaṭhina 29
Cây Bồ Đề Ānanda 33
Người Đàn Bà Đau Khổ 38
Vị Tỳ Khưu Mắt Mù 51
Con Ngỗng Oan Nghiệt 72
Cho Xin Hạt Cải 79
Triệu Phú Keo Kiệt 85
Cô Gái Nô Lệ Đội Nước 93
Ni Trưởng Mahā Pajāpatī Gotamī Niết-bàn 107
Miếng Giẻ Chùi Chân 121
Tên Thợ Săn Độc Ác 128
Vị Tỳ Khưu Ni Sinh Con 141
Đổi Chiếc Xe Mới 153
Con Số Đen Bất Hạnh 160
Devadatta Muốn Chưởng Quản Tăng Đoàn 171
Thái Tử Ajātasattu Hành Thích Vua Cha 178
Đức Phật Tẩy Chay Lễ Đăng Quang 182
Giết Phật Bằng Cung Nỏ Và Lăn Đá 185
An Tịnh Trong Ngục Tối 189
Giết Phật Bằng Voi Dữ Nālāgiri 193
Chiêu Bài Cuối Cùng Của Devadatta 204
Trưởng Giả Cấp Cô Độc Ra Đi 209
Củng Cố Pháp Và Luật 226
Binh Lửa 235
Tôn Giả Mahā Moggallāna Báo Hiếu Mẹ 242
Tội Ác Cuối Đời Của Đức Vua Pāsenadi 248
Cảnh Giới Cho Thái Hậu Videhi 257
Tình Phụ Tử Thiêng Liêng 263
Cái Gốc Của Ghẻ Lở, Mụn Nhọt 267
Đêm Thanh, Trăng Sáng 270
Tiễn Chư Trưởng Lão Lần Lượt Ra Đi 303
"Pháp Truyền Thống" Của Đức Vua Pāsenadi 310
"Cái Thấy Sự Thực" Hóa Giải Hận Thù 320
Ngọn Lửa Thù 326
Lời Của Bậc Trí 330
Quả Báo Của Devadatta 333
Dòng Sākya Tiêu Vong 337
Tôn Giả Sāriputta Viên Tịch 345
Tôn Giả Mahā Moggallāna Niết-bàn 381

Nhân Quả Công Minh 389
Hạ Thứ 45 Của Đức Thế Tôn..... 394
Có Đủ Bảy Pháp Này Đất Nước Không Thể Bại Vong! 395
Bảy pháp bất thối khác 401
Lại Lên Đường, Lại Ra Đi! 405
Phật Hứa Với Ma Vương 410
Cả Đêm, Rừng Sālā Không Ngủ 424
Bụi Tan Thành Ngọc 440
CẢM BẠT 454

NHÀ XUẤT BẢN....

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Biên tập :
Vi tính, bìa, trình bày : Thiện Niệm, Chơn Quán
Sửa bản in :

In ..... quyển, khổ 14 x 20.5 cm tại .....Số đăng ký KHXB: …….. Quyết định xuất bản số: ……., cấp ngày ……. In xong và nộp lưu chiểu ……